

TRẦN
THO

THỰC
CHÍ

桃園結義圖
丁丑年仲夏呂秋月畫



TAM
QUỐC
CHÍ





GIỚI THIỆU

Tam quốc chí là một sử liệu chính thức và có căn cứ về thời đại Tam Quốc của Trung Quốc từ năm 189 đến năm 280, do Trần Thọ biên soạn vào thế kỉ thứ 3. Tác phẩm này hình thành từ các mẫu chuyện nhỏ kể về các nước Ngụy, Thục và Ngô của thời đại này, đồng thời là nền tảng cho cuốn tiểu thuyết lịch sử rất phổ biến là Tam quốc diễn nghĩa được viết vào thế kỉ 14.

Trần Thọ từng làm quan cho nhà Thục Hán, sau khi Thục Hán diệt vong đến Lạc Dương làm quan cho nhà Tây Tấn. Trần Thọ đã dựa vào các sử liệu cơ bản như Ngụy thư của Vương Thâm, Ngụy lược của Ngưu Hoán, Ngô thư của Vi Chiêu... để viết Tam quốc chí, thuật lại lịch sử Trung Quốc từ khởi nghĩa Khăn Vàng vào cuối thời Đông Hán đến khi Tây Tấn thống nhất Trung Quốc, tức từ năm Trung Bình thứ nhất đời Hán Linh Đế (184) đến năm Thái Khang thứ nhất đời Tấn Vũ Đế (280). Tam quốc chí được chia làm 4 phần gồm 66 quyển: Ngụy quốc chí 30 quyển, Thục quốc chí 15 quyển, Ngô quốc chí 20 quyển, ngoài ra còn có 1 quyển Tự lục (lời tựa) nhưng đến nay đã bị thất truyền. Lúc đầu ba tác phẩm Ngụy chí, Thục chí và Ngô chí tồn tại riêng rẽ, đến năm Hàm Bình thứ 6 thời Bắc Tống (1003) hợp nhất đổi tên thành Tam quốc chí.

Trần Thọ là quan nhà Tấn, do đó phải lấy triều đại đã nhường ngôi cho Tấn là Tào Ngụy làm chính thống.

Ngụy chí xếp các Hoàng đế nhà Ngụy vào bản kỷ, Tào Tháo tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi Hoàng đế nhưng cũng được xếp vào bản kỷ. Có 4 quyển bản kỷ là Vũ Đế kỷ (Tào Tháo), Văn Đế kỷ (Tào Phi), Minh Đế kỷ (Tào Duệ) và Tam Thiếu Đế kỷ (Tào Phương, Tào Mao và Tào Hoán). Các văn thư nói về việc các vua Ngụy xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đầu không chép (ngoại trừ chiếu nhường ngôi của Hán

Hiển Đế - Hán Hiến Đế thiện nhượng sách văn, các văn thư khác chỉ do Bùi Tùng Chi chú thích).

Thực chí xếp Lưu Bị vào liệt truyện tức Tiên chủ truyện (mặc dù Lưu Bị xưng đế), không gọi trực tiếp tên húy, khi chết dùng chữ bằng ngang địa vị với chữ t ồ. Các văn thư nói về việc Lưu Bị xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đầu chếp đầy đủ (có thể do tình lưu luyện với cố quốc). Hoàng đế thứ hai nhà Thục Hán là Lưu Thiện được xếp vào Hậu chủ truyện.

Ngô chí trong nguyên bản gọi thẳng tên húy các vua Đông Ngô như Tôn Quyền truyện, Tôn Lượng Tôn Hưu Tôn Hạo truyện; cách gọi hiện nay Ngô chủ truyện, Tam tự chủ truyện là do người đời sau sửa lại. Trong phần Ngô chủ truyện có chếp Nam giao tức Hoàng đế vị nói về việc Tôn Quyền tuyên bố xưng đế, còn văn thư đăng đàn tế cáo trời đất thì không chếp, chỉ có trong phần chú thích của Bùi Tùng Chi.

Đồng thời để tôn trọng sự thống trị của nhà Tấn, Tam quốc chí không viết liệt truyện về các nhân vật Tư Mã Ý, Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu (do được Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm truy đặt thụy hiệu). Ngoài ra, tác giả cũng lược bỏ nguyên nhân Tào Tháo xử tử nhân vật Khổng Dung.

Vào thời Đông Hán, sử học tiếp nhận ảnh hưởng từ trào lưu đơn giản hóa của kinh học nên xuất hiện trào lưu giản lược hóa các tài liệu lịch sử. Trong bối cảnh đó, đã xuất hiện Tam quốc chí của Trần Thọ với nội dung giản lược về thời đại Tam quốc. Sau khi Trần Thọ mất hơn trăm năm, nhiều sử liệu về thời Tam quốc xuất hiện, Tống Văn Đế thời Nam-Bắc triều thấy nội dung của Tam quốc chí quá sơ lược nên đã ra lệnh cho Bùi Tùng Chi chú thích. Bùi Tùng Chi đã tập hợp các sử liệu để bổ sung các phần mà Tam quốc chí không chếp hoặc chếp thiếu bằng 6 phương pháp:

1. Dẫn lời bàn luận của nhiều tác gia khác nhau để phân định phải trái.
2. Tham khảo ý kiến của nhiều tác gia khác nhau để xét chân giả, thực hư.
3. Sự việc trong các truyện đầu kể rõ mọi đầu đuôi, uẩn khúc.
4. Bổ sung các sự việc còn thiếu cho các truyện.
5. Kể rõ cuộc đời của các nhân vật trong các truyện.
6. Phụ thêm các nhân vật còn thiếu cho các truyện.

Theo thống kê của một số học giả, thì số tư liệu mà Bùi Tùng Chi dùng để chú giải Tam quốc chí là khoảng 240 loại, gấp 3 lần so với nguyên bản Tam quốc chí. Mã Niệm Tổ trong tác phẩm Thủy kinh chú đẳng bát chủng cổ tịch dẫn dụng thư mục vị biên cho rằng số tư liệu mà Bùi Tùng Chi sử dụng là 203 loại. Hiện nay, theo thống kê bản hiệu đính Tam quốc chí tại Trung Hoa thư cục đã phát hiện phần chính văn của Trần Thọ có 366657 chữ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi có 320799 chữ. Tống Văn Đễ đương thời gọi công việc chú thích của Bùi Tùng Chi là “bất hủ”. Các sử gia đời sau như Tư Mã Quang (thời Bắc Tống) khi biên soạn Tư trị thông giám đã tổng hợp các truyện ký trong Tam quốc chí của Trần Thọ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi để miêu tả trận chiến Xích Bích.

Bản Tam quốc chí do Bùi Tùng Chi chú thích là bản thông dụng nhất hiện nay, còn gọi là **Trần chí, Bùi chú**.

Không thể phủ nhận được rằng, những sự kiện lịch sử thời Tam Quốc cùng với các nhân vật của nó trở nên sống động, lưu truyền rộng rãi và có ảnh hưởng sâu đậm ở khu vực châu Á một phần là nhờ ở bộ tiểu thuyết Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung. Tuy nhiên cũng phải công nhận là thời đại Tam Quốc với những biến cố long trời lở đất giống như một cái bản lề, xoay chuyển xã hội Trung Quốc từ thịnh trị của đời Hán sang hỗn loạn của những Bát vương chi loạn, Ngũ Hồ loạn Hoa, Thập Lục quốc. Rất nhiều nguyên nhân của cả thịnh trị lẫn loạn lạc này để lại dấu vết trong thời đại Tam Quốc và được ghi lại trong Tam Quốc chí chú. Như vậy có thể nói Tam Quốc chí chú là một sử liệu hiếm hoi có cả sức cuốn hút lẫn giá trị khảo cứu cao.

QUYỂN 1 - LƯU NHỊ MỤC TRUYỆN

Lưu Yên, Lưu Chương

LƯU CHƯƠNG TRUYỆN

Chương, tự Quý Ngọc, được nối ngôi vị của Yên, mà Trương Lỗ có chút kiêu căng phóng túng, không chịu thuận theo Chương, Chương giết mẹ cùng với em trai Lỗ, vì thế mới thành thù địch. Chương lại sai bọn Bàng Hi đánh Lỗ, mấy lần bị Lỗ đánh tan. Bộ khúc của Lỗ đa phần ở tại Ba Tây, cho nên Chương lấy Hi làm Thái thú Ba Tây, càn binh ngăn Lỗ.

***Anh hùng ký chép :** Bàng Hi cùng với Chương là chỗ quen biết cũ, lại cứu thoát các con của Chương lúc hiểm nguy, cho nên Chương chịu hậu ân của Hi, lấy Hi làm Thái thú Ba Tây, Hi được thế chuyên quyền.*

Sau này Hi và Chương đang giao hảo lại có hiềm khích, Triệu Vĩ dấy binh trong cõi, lòng người chia lìa, đầu bởi Chương thiếu sáng suốt lại nghe lời người ngoài mà ra vậy.

***Anh hùng ký chép :** Hồi trước, có mấy vạn nhà ở Nam Dương-Tam Phụ chạy vào Ích châu, Chương thu lấy làm binh sĩ, gọi là binh Đông Châu. Chương cá tính hoà hoãn nhu nhược, không có uy lực, người Đông Châu dân làm hại dân bản địa, Chương chẳng thể nào cấm đoán nổi, chính lệnh có nhiều khiếm khuyết, người ở Ích châu đều oán. Triệu Vĩ có phẩm hạnh rất được lòng người, Chương uỷ thác cho gánh vác việc vỗ yên dân. Vĩ nhân việc dân chúng oán thán mới mưu phản, lại đem nhiều của cải đốt lột cho Kinh Châu xin hoà, âm thầm cấu kết với các họ lớn ở trong châu, để cùng khởi binh, quay lại đánh Chương. Người ở Thục Quận, Quảng Hán, Kiện Vĩ đều hưởng ứng Vĩ. Chương vội chạy về Thành Đô giữ thành trì, người Đông Châu lo sợ, hết thảy đông lòng hợp sức giúp đỡ Chương, đều hết sức tử chiến, đánh tan quân làm phản, lại tiến đánh Vĩ ở Giang Châu. Tướng của Vĩ là Bàng Nhạ, Lý Dị làm phản giết quân của Vĩ, chém chết Vĩ.*

***Hán Hiến Đế xuân thu chép :** Hán triều nghe tin ở Ích châu có loạn, phái Ngũ quan Trung lang tướng Ngưu Đản đến làm Ích châu Thứ sử; cho vời Chương về làm công khanh, Chương không tới.*

Chương nghe tin Tào Công đánh Kinh Châu, có ý muốn yên việc ở Hán Trung, mới sai người ở Hà Nội là Âm Phổ đưa lễ vật đến chỗ Tào Công.

Tào Công ban thêm cho Chương chức Chấn uy tướng quân, anh Chương là Mạo làm Bình khấu tướng quân. Mạo có bệnh cu ồng vật cố.

Thần Tùng Chi : xét: Ngụy Đài hỏi nghĩa “vật cố”, Cao Đường Long đáp rằng: “Nghe người trước dạy: vật, là không có bệnh gì; cố là có bệnh vậy, nói không có bệnh gì lại là có bệnh vậy.”

Chương lại phái quan Biệt giá Tòng sự Thục quận là Trương Túc đưa đám binh sĩ già cả hơn ba trăm người mang các thứ cống vật đến chỗ Tào Công, Tào Công phong Túc làm Thái thú Quảng Hán. Chương lại sai Biệt giá Trương Tùng đến chỗ Tào Công, bấy giờ Tào Công đã định Kinh Châu, Tiên chủ chạy trốn, Tào Công chẳng để mắt đến Tùng, Tùng vì thế oán hận. Lúc quân của Tào Công gặp bất lợi ở Xích Bích, lại gặp ôn dịch chết rất nhiều. Tùng quay về, trách móc huỷ báng Tào Công, khuyên Chương nên cự tuyệt,

Hán Thư xuân thu chép : Trương Tùng yết kiến Tào Công, Tào Công tự khoe khoang tài chinh phạt, chẳng để mắt đến Tùng. Tùng trở về, bèn khuyên Chương nên cự tuyệt.

Tập Tục Xì⁽¹⁾ nói: Xưa Tề Hoàn một lần khoe khoang công lao mà chín nước làm phản, Tào Tháo bỗng chốc kêu căng ngạo mạn mà thiên hạ chia ba, đều là mấy chục năm chuyên cần mà chót quên trong chốc lát vênh vang với kẻ dưới, há chẳng đáng tiếc ru! Thế nên bậc quân tử phải lao khổ khiêm cung đến xế trưa, toan lo vì kẻ dưới, công cao lại càng phải giữ lấy sự nhún nhường, ở thế được tôn kính phải giữ nghĩa với kẻ thấp hèn. Cái tình gần với vật, cho nên dầu quý hiển mà người ta coi trọng chẳng hề chán ghét; đức thiện hoà với quần sinh, nên công nghiệp lớn lao mà thiên hạ càng hớn hở vui mừng. Người như thế, có thể được ở ngôi phú quý, giữ được công nghiệp, lúc đương thời được hiển hách vẻ vang, phúc truyền đến trăm đời, sao lại kêu căng vậy thay! Thế nên bậc quân tử biết Tào Tháo chẳng thể kiêm gồm thiên hạ được vậy.

Tùng nhân đó thuyết Chương rằng: “Lưu Dự Châu, sứ quân là người có tấm lòng, có thể kết giao.” Chương liền ưng theo, phái Pháp Chính đến giao kết với Tiên chủ, lại lệnh cho Chính cùng với Đát đem mấy ngàn binh đến đón rước Tiên chủ, Chính quay lại Kinh châu. Sau Tùng lại thuyết Chương rằng: “Nay chư tướng trong Châu là bọn Bàng Hi-Lý Dị đều cậy công lên mặt kêu căng, muốn có ý khác, không hợp tác với Dự Châu, nếu địch đánh ở ngoài, dân phá ở trong, ấy là cái đạo thất bại vậy”. Chương lại nghe theo, sai Pháp Chính đi mời Tiên chủ. Chủ bộ của Chương là Hoàng Quyên bày tỏ lẽ lợi hại, Tòng sự ở Quảng Hán là Vương Lữ tự treo ngược mình ở cổng thành môn để can ngăn, Chương nhất định không

nghe, mệnh cho mọi người cung đón Tiên chủ, Tiên chủ vào tới biên cảnh thấy như ở nhà mình.

Tiên chủ đến phía bắc Giang Châu, từ Điểm Giang theo đường thủy tới Phù Thành, còn cách Thành đô hơn ba trăm sáu mươi dặm, bấy giờ là năm Kiến An thứ mười sáu. Chương dẫn quân bộ kỵ hơn ba vạn người, giống xe buông trướng, tinh kỳ sáng choang như ban ngày, kéo tới hội họp; Tiên chủ dẫn hết tướng sĩ ở đó đến gặp gỡ, cùng nhau yến ẩm mừng vui hơn trăm ngày. Chương chu cấp của cải cho Tiên chủ, phái đi đánh dẹp Trương Lỗ, rồi mới chia tay.

Ngô thư chép : Chương lấy hai mươi vạn斛 gạo, một nghìn quân kỵ, xe cộ một nghìn chiếc, gấm lụa các loại, cùng tư trang đem đến cho Lưu Bị.

Năm sau, Tiên chủ đến Hà Manh, rồi quay binh về hướng Nam, các nơi đều quy phục. Năm thứ mười chín, tiến vây Thành Đô mấy chục ngày, trong thành còn ba vạn tinh binh, lương thực vải vóc chỉ dùng đủ một năm, quan dân đều muốn tử chiến. Chương nói: “Cha con ta ở Ích châu hơn hai mươi năm, không có ân đức gì với bách tính. Ba năm nay bách tính chinh chiến triền miên, xương thịt phơi đầy đồng, ấy là vì Chương vậy, sao ta có thể an lòng đây!” Bèn mở cửa thành ra hàng, quỳ thần chẳng ai không sa nước mắt. Tiên chủ dời Chương đến Công An ở Nam Quận, được đem theo tất cả tài vật cùng ấn thụ Chấn uy tướng quân. Tôn Quyền giết Quan Vũ, chiếm Kinh Châu, lấy Chương làm Ích châu mục, cho đóng ở Tỉ Quy. Chương chết, đầu lĩnh vùng Nam Trung là Ung Khải làm phản chiếm giữ quận Ích châu, nương cậy vào nước Ngô. Quyền lại lấy con của Chương là Xiển làm Ích châu Thứ sử, là thủ lĩnh vùng biên cảnh xứ Giao-Ích. Thừa tướng Gia Cát Lượng bình phương Nam, Xiển lại quay về Ngô, làm Ngự sử Trung thừa.

Ngô thư chép : Xiển có một tên là Vĩ, là người rất khiêm cung, khinh tài trọng nghĩa, có lòng nhân được người đời ca ngợi, sau bị bệnh chết tại nhà.

Khi trước, vợ của Tuân, con trưởng của Chương, là con gái của Bàng Hi. Tiên chủ bình định Thục, Hi làm Tư mã Tả tướng quân, bấy giờ Chương nghe theo Hi để Tuân ở lại Ích châu, Tiên chủ lấy Tuân làm Phụng xa Trung lang tướng. Thế là sau này hai con của Chương, người ở Ngô, kẻ ở Thục.

Bình rằng : Xưa kia Ngụy Báo nghe lời của Hứa Phụ mà cưới Bạc Cơ về làm vợ,

Hán Ngụy Xuân Thu của Không Diễn chép : Hứa Phụ, là người ở huyện Ôn quận Hà Nội, Hán Cao Tổ phong là Minh thư Đình hầu.

Thần Tùg Chi : cho rằng ngày nay người ở phương đông gọi mẹ là Phụ, vì thế Diễn nói rằng Hứa Phụ là người phụ nữ, nói như thế có vẻ phù hợp, nhưng vào thời Hán Cao Tổ đều phong tước là Liệt hầu⁽²⁾, chưa có những tước Hương, Đình⁽³⁾, nên ngờ rằng việc phong hiệu này chẳng đúng.

Lưu Hâm nhìn thấy hoa văn của sấm đồ mà thay tên đổi tuổi, cuối cùng thân chẳng thoát hoạ, mà phúc phận thì tập trung vào hai vị quân vương⁽⁴⁾. Thế mới hay thần minh chẳng thể giả dối cầu xin, thiên mệnh chẳng thể mong cầu bầy bạ được, sự ứng nghiệm là tất nhiên vậy⁽⁵⁾. Mà Lưu Yên nghe lời Đồng Phù quyết chiếm lấy đất Ích châu, nghe theo lời tướng số mà cầu hôn với Ngô thị, vội vàng chế tạo xe cộ và y phục, mưu đồ trộm cắp thần khí⁽⁶⁾, thật là mê muội quá lắm vậy. Cái tài của Chương chẳng phải cái tài của người hùng, mà chiếm giữ đất đai thời loạn, khác gì đeo của báu mời quân cường khấu, ấy là lẽ tự nhiên, bị người khác đoạt lấy, chẳng có gì là bất hạnh vậy.

Trương Phan⁽⁷⁾ chép : Lưu Chương ngu dốt nhu nhược mà biết giữ lấy lời hay, thì chỉ như lũ Tổng Tương Công, Từ Yển Vương mà thôi, chưa phải là người chủ vô đạo vậy. Trương Tùg-Pháp Chính, tuy có nghĩa quân thần mà bất chính, nhưng xét về danh phận của quan chức, thì tiến chẳng bày rõ hình thế sự việc, như Hàn Tung-Lưu Quang (Lưu Tiên) khuyên Lưu Biểu, lui chẳng dứt khoát bỏ đi⁽⁸⁾, như Trần Bình-Hàn Tín⁽⁹⁾ rời bỏ Hạng Vũ, mà hai môi lưỡng lự, ấy là toan tính bất trung, tội chỉ dưới Chương mà thôi.

LƯU YÊN TRUYỆN

Lưu Yên tự Quân Lang, người huyện Cánh Lăng⁽¹⁰⁾ quận Giang Hạ, là hậu duệ Lỗ Cung vương nhà Hán, năm Nguyên Hoà trung đời Chương Đế dời đến đất phong ở Cánh Lăng, nên mới có một chi thứ ở đây. Yên khi còn trẻ ra làm quan ở châu quận, bởi là người trong tông thất nên được bái làm Trung lang, sau được giao việc tang lễ cúng tế mới bỏ chức quan.

Thần Tùg Chi : xét: Lo việc cúng tế, là quan Tư đồ Chúc Diêm vậy.

Yên ẩn cư ở núi Dương Thành, tích lũy học vấn dạy dỗ môn đồ, được cử là Hiên lương phương chính⁽¹¹⁾, rồi được vời vào phủ Tư đồ, trải qua các chức Lạc Dương lệnh, Ký châu Thứ sử, Nam dương Thái thú, Tông chánh, Thái thường⁽¹²⁾. Yên thấy chính trị thời Linh Đế suy kém thiếu sót, vương thất có lắm việc, bèn đưa lời kiến nghị: “Bọn Thứ sử, Thái thú hồi lộ để làm quan, bóc lột làm hại trăm họ, khiến phản loạn triền miên. Nên tuyển chọn những trọng thần có thanh danh cho làm chức Mục, để trấn an Hoa Hạ.”

Yên ở trong triều cầu lấy chức Mục ở Giao Chỉ, muốn lánh thời loạn lạc. Việc bàn định còn chưa xong, quan Thị trung ở Quảng Hán là Đồng Phù bảo riêng với Yên rằng: “Kinh sư sắp loạn, Ích châu sẽ tách riêng ra, nơi ấy có khí thiên tử vậy.” Yên nghe Phù nói, mới đổi ý muốn tới Ích châu. Gặp lúc Ích châu Thứ sử là Khước Kiệm làm rối loạn việc thuế khoá, dân tình đên đại bóng gió xa xôi,

Kiệm, là tổ phụ của Khước Chính vậy.

ở Tinh châu Thứ sử Trương Nhất bị giết, ở Lương châu Thứ sử Cảnh Bì bị giết, mưu kế của Yên được thi hành. Yên ra ngoài làm Giám quân sứ giả, lĩnh Ích châu Thứ sử, được phong là Thành Dương hầu, Yên liền bắt Kiệm trị tội; Phù lại xin được tới Thục quận ở phía tây làm Chúc quốc Đô úy, cùng với Thái thường lệnh Ba Tây là Triệu Vỹ đã từ quan, cùng đi theo Yên.

Sách Tục Hán thư chép : Lúc ấy lấy Lưu Ngu ở U châu, Lưu Yên ở Ích châu, Lưu Biểu ở Kinh châu, Giả Tông ở Ký châu. Bọn Ngu đều nổi danh là kẻ sỹ khắp hải nội, hoặc lại tuyển các bậc công khanh, Thượng thư làm chức Mục, đều có phẩm trật lớn lao. Theo phép cũ: Truyền cho được đi xe vào hầu, được dùng màn trướng sắc đỏ.

Thần Tòng Chi : xét: Sau khi Linh Đế chết, nghĩa quân nổi dậy, Tôn Kiên giết Thứ sử Kinh châu là Vương Duệ, rồi sau này Lưu Biểu mới làm Kinh châu mục, chẳng phải là cùng thời với Yên vậy.

Hán Linh Đế kỷ chép : Đế gọi Yên vào hầu, bảo rõ phương lược, lại ban thưởng thêm cho, rồi sắc mệnh cho Yên làm Ích châu Thứ sử. Vì các Thứ sử lúc trước là Lưu Tuyền, Khước Kiêm đều tham tàn phóng túng, vợ vét bừa phứa, trăm họ mất nhờ, tiếng ta thán đây đông nội, Yên đến nơi được bắt giữ theo luật mà xử, rồi vỗ yên muôn dân ở đấy, lại nghiêm cấm tiết lộ các việc, khiến những ung nhọt ấy vỡ lở ra, lan rộng khắp cả nước. Yên cứ theo mệnh hành sự, khiến việc đi lại và tin tức bất thông, lại ngăn giữ địa giới với Kinh châu ở phía Đông.

Sách Ích bộ kỳ cựu truyện của Trần Thọ chép : Đồng Phù tự Mậu An. Khi còn trẻ theo học ở kinh sư, thông hiểu mấy loại kinh sách, chơi với Âu Dương Thượng Thư, lại thờ kẻ sỹ ở đất Sính là Dương Hậu, nghiên ngẫm lễ huyền diệu của sâm ký. Khi tới kinh sư, đến thăm nhà Thái học, lúc trở về nhà dạy học, đệ tử từ nơi xa cũng theo đến. Năm Vĩnh Khang nguyên niên, vào ngày có nhật thực, có chiếu chỉ cho các kẻ sỹ làm Hiên lương Phương chính, sách mệnh hỏi chuyện được mất. Bọn Triệu Khiêm ở Tả Phùng Dực tiến cử Phù, Phù cáo ốm không tới, ở mãi Trường An dâng thư về, rồi xưng có bệnh nặng được về nhà. Tể phủ⁽¹³⁾ trước sau cho đòi đến mười lần, công xa⁽¹⁴⁾ ba lần đến đón, lần nữa tiến cử làm Hiên lương Phương chính, Bác sỹ, Hữu đạo đều không chịu tới, danh tiếng lại càng nổi. Đại tướng quân Hà Tiến dâng biểu tiến cử Phù rằng: “Phù có cái đức của Du-Hạ, tiếp nối phong cách của họ Khổng, tinh thông cái thuật trị quốc của Tiêu-Đổng⁽¹⁵⁾. Đương lúc Tinh-Lương nhiễu loạn, người Nhung ở phía Tây nổi lên làm phản, nên sắc mệnh cho công xa đặc cách đến triệu, ban cho lễ đón tiếp khác thường, để cầu lấy mưu kế lạ”. Vì thế Linh Đế cho triệu Phù, lập tức bái làm Thị trung. Phù ở triều đình được khen là bậc Nho tông, khi gặp gỡ rất lấy làm kính trọng. Phù xin ra làm Chúc quốc Đô úy ở Thục quận. Phù đi được một năm thì Linh Đế băng hà, thiên hạ đại loạn. Về sau Phù từ quan, năm tám mươi hai tuổi chết tại gia. Ban đầu ngôn từ nghị luận của Phù rất khác thường, có một không hai ở Ích quận. Bởi thế có biệt hiệu là ‘Chí chỉ’, những lời ấy người đời chẳng ai bác bỏ được, học vấn ấy chẳng ai theo kịp được. Sau này Thừa tướng Gia Cát Lượng hỏi Tân Mật về sở trường của Phù, Mật nói: “Đổng Phù có cái hay là khen cả những điều nhỏ bé, có cái dở là chê những thứ mồn mọn.”

Bấy giờ bọn nghịch tặc trong Châu là Mã Tương-Triệu Chi ở huyện Miên Trúc tự xưng là giặc Khăn vàng, tụ họp những dân khốn khổ vì lao dịch, trong một hai ngày dụ được mấy ngàn người, trước tiên giết chết huyện lệnh Miên Trúc là Lý Thăng, đám lại dân đầu hùa theo, tụ họp đến hơn một vạn người, tiến đà đánh Lạc huyện, tấn công quận Ích châu giết chết Kiệm, lại đến tận Thục Quận-Kiên Vi, trong khoảng một tuần⁽¹⁶⁾ phá tan ba quận. Tương tự xưng là Thiên tử, quân có đến mấy vạn. Viên Tông sự ở trong châu là Giả Long (Tô) đốc xuất mấy trăm binh lính ngăn chặn ở phía đông Kiên Vi, thu gom đám đám lại dân, được hơn ngàn người, đánh lại bọn Tương, có mấy ngày giặc bỏ chạy, trong châu được yên bình. Long bèn chọn đám lại tốt đến nghênh đón Yên. Yên dõng sĩ quan đến Miên Trúc, phủ dụ thu nạp những kẻ phản loạn còn ly tán, thi hành việc khoan dung, ngầm ngầm có âm mưu khác.

Người mẹ của Trương Lỗ mới học được cái đạo của quỷ, lại có chút dung nhan, vẫn thường qua lại nhà Yên, nên Yên cho Lỗ làm Đốc nghĩa Tư mã, đóng ở Hán Trung, cắt đứt sạn đạo, giết hại sứ giả của nhà Hán. Yên dâng thư về triều nói rằng Mễ tặc⁽¹⁷⁾ cắt đứt sạn đạo, việc đi lại không thông, lại mượn cớ này khác để giết đám cường hào ở trong châu là bọn Vương Hàm-Lý Quyên hơn chục mạng người, nhằm lập uy tạo phép. Vì thế nên Thái thú Kiên Vi là Nhiệm Kỳ cùng với Giả Long quay lại đánh Chương, Yên tập kích giết chết Kỳ và Long.

Ích châu kỳ cựu tạp ký chép : Lý Quyên tự Bá Dự, làm trưởng huyện Lâm Cung⁽¹⁸⁾. Con là Phúc. Chuyện này thấy chép ở biểu văn Phụ thần tán của người Kiên Vi là Dương Hí⁽¹⁹⁾.

Anh hùng ký chép : Lưu Yên khởi binh, không cùng với thiên hạ đánh dẹp Đồng Trác, mà giữ lấy Ích châu tự thủ. Thái thú Kiên Vi là Nhiệm Kỳ tự xưng là tướng quân, cùng với viên Tông sự là Trần Siêu cất binh đánh Yên, Yên đánh phá được. Đồng Trác phái quan Tư đồ là Triệu Khiêm dẫn binh tới Ích châu, thuyết Hiệu uý Giả Long, sai dẫn binh quay lại đánh Yên, Yên tới Thanh Khương cùng giao chiến, ra sức đánh phá giết được. Kỳ-Long đều là người Thục quận.

Yên có ý thu vén dần dần, cho chế tạo rất nhiều xe kiệu khí cụ của thiên tử⁽²⁰⁾. Kinh châu mục Lưu Biểu dâng biểu về triều ngỏ rằng Yên có vẻ định tự lập ở Tây Hà đúng như lời bàn của thánh nhân. Bấy giờ con của Yên là Phạm làm Tả Trung lang tướng, Đản làm Trì thư Ngự sử, Chương làm Phụng xa Đô uý, đều đi theo Hiến Đế ở Trường An, chỉ có người con

của nàng hầu tên là Mạo làm Biệt bộ Tư mã đi theo Yên. Hiến Đế sai Chương về thuyết phục Yên, Yên giữ Chương lại không cho đi nữa.

***Anh hùng ký chép :** Cha của Phạm là Yên làm Ích châu mục, Đồng Trác cho đòi, không chịu tới. Trác liền bắt ba anh em Phạm, lấy gông cùm xích lại giải về My Ổ, giam hết vào trong ngục tối.*

***Diễn lược chép :** Lúc ấy Chương làm Phụng xa Đô úy, ở tại kinh sư. Yên thác rằng có bệnh triệu Chương về, Chương tự dâng biểu xin về thăm hỏi Yên, Yên bèn giữ Chương lại không cho về kinh nữa.*

Khi ấy Chinh Tây tướng quân Mã Đằng làm phản đóng binh ở Mi huyện, Yên phái Phạm cùng với Đằng kết mưu, dẫn binh tập kích Trường An. Mưu của Phạm bị tiết lộ, Phạm vội chạy về Hoè Lý, Đằng bại trận, phải lui về Lương Châu, Phạm bị giết tức thì, Trác lại bắt Đản đem hành hình.

***Anh hùng ký chép :** Phạm từ Trường An trốn đến doanh trại của Mã Đằng, lại tới chỗ Yên xin binh. Yên phái Hiệu úy Tôn Triệu dẫn binh đến trợ giúp, bị đánh bại ở Trường An.*

Viên Nghị Lang ở Hà Nam là Bàng Hi cùng với Yên kết thông gia, bèn xin với Yên cho các cháu vào Thục. Đúng lúc Yên bị lửa trời thiêu rụi cả thành trì, xe cộ khí cụ hư hỏng hết cả, cháy lan đến cả nhà dân. Yên bèn dời đến đóng ở Thành Đô, bởi quá đau đớn vì các con, lại cảm khái vì bị vạ lửa, năm Hưng Bình nguyên niên, phát ung nhọt ở lưng mà chết. Trưởng quan trong châu là Triệu Vĩ thấy Lưu Chương là người nhân đức ôn hoà, bèn tôn Chương lên làm Ích châu Thứ sử, lại gửi chiếu thư xin cho Chương làm Giám quân sứ giả, lĩnh chức Ích châu mục, lấy Vĩ là Chinh đông Trung lang tướng, lĩnh binh đánh Lưu Biều.

***Anh hùng ký chép :** Yên chết, con là Chương lên thay làm Thứ sử. Gặp lúc Trường An⁽²¹⁾ phong cho người ở Dĩnh Xuyên là Hồ Mạo làm Thứ sử⁽²²⁾, vào ở Hán Trung. Quan Biệt giá ở Kinh châu là Lưu Hạp, cùng phản tướng của Chương là bọn Thảm Di, Lâu Phát, Cam Ninh, tập kích Chương nhưng không thắng được, liền bỏ chạy vào Kinh châu. Chương phái Triệu Vĩ tấn công Kinh châu, đóng quân ở Cù⁽²³⁾. Cũng vì kẻ ở trên ngu xuẩn, người dưới mới phản phúc vậy*

[CHÚ THÍCH]

- (1) Tác giả cuốn sách *Tương Dương kỳ cựu ký*, còn gọi là *Tương dương ký*.
- (2) *Tước Liệt hầu* này là *tước hầu* không gắn với tên đất như các *tước Đình hầu, Hương hầu, Huyện hầu*.
- (3) *Tức* những *tước Hương hầu, Đình hầu*. Đây là những *tước* có gắn với địa danh.
- (4) *Tức* hai vị chúa của *Ngụy Bão* và *Lưu Hâm* vậy.
- (5) Kết cục cuộc đời của *Ngụy Bão* và *Lưu Hâm* phải xảy ra như thế.
- (6) Ý nói *Lưu Yên* nhòm ngó ngôi vị đế vương.
- (7) Tác giả cuốn sách *Hán kỷ*.
- (8) Ý chê rằng *Trương Tùng Pháp Chính* lúc ở bên *Chương* thì chẳng bày rõ thế sự, sau lại chẳng đường hoàng bỏ *Chương* mà đi như *Trần Bình, Hàn Tín* bỏ *Hạng Vũ* theo về *Lưu Bang*, lại trá ngụy làm tay trong cho *Lưu Bị* mà phản phúc với *Chương*.
- (9) Những *tướng tài* của *Hán Cao Tổ*, trước đều là bộ hạ cũ của *Hạng Vũ*.
- (10) Nay thuộc *Thiên Môn, Hà Bắc*.
- (11) Người hiền tài đứng đắn.
- (12) *Tông chính* là chức quan cai quản gia quy của hoàng tộc, *Thái thường* là chức quan quản việc tế tự, thiên văn và giáo dục.
- (13) Người đứng đầu phủ.
- (14) Người đánh xe của quan phủ.
- (15) *Tức Tỉ Du, Tỉ Hạ, Tiêu Diên Thọ, Đồng Trọng Thư*, đều là những nhân vật *Nho đạo* nổi tiếng đời *Tân Hán*.
- (16) Một tuần của *Trung Quốc* xưa tính bằng 10 ngày.

(17) *Tức giặc gạo, còn gọi là Ngũ đấu mễ. Nguyên đây là một tổ chức tôn giáo do Trương Lăng sáng lập vào thời Hán mạt. Ai muốn vào tổ chức này đều phải nộp năm đấu gạo làm lệ phí.*

(18) *Lâm Cung là địa danh một xứ thuộc Tây Nam tỉnh Tứ Xuyên bây giờ, thuộc đất Thục ngày ấy.*

(19) *Phụ thần tán là biểu văn ca tụng công đức của các danh thần Thục Hán do Dương Hí người ở Kiện Vi soạn ra vào năm Diên Hi thứ tư nhà Thục.*

(20) *Ý đồ cát cứ xưng vương.*

(21) *Hán Hiến Đế lúc ấy ở Trường An với董卓.*

(22) *Tức là Thứ sử Ích châu.*

(23) *Bản gốc khuyết mất một chữ, nên không rõ địa danh này tên gọi là gì?*

QUYỀN 2 – LƯU TIÊN CHỦ

LƯU TIÊN CHỦ TRUYỆN

Tiên Chủ họ Lưu, huý Bị, tự là Huyền Đức, người ở Trác huyện thuộc Trác quận, vốn là dòng dõi Trung sơn Tĩnh vương Thảng là con của Hán Cảnh Đế. Con Thảng là Trinh, năm Nguyên Thứ⁽¹⁾ thứ sáu được phong làm Lục thành Đình hầu ở Trác huyện. Một lần dâng rượu tế, bởi vàng sắc xấu nên bị mất tước hầu⁽²⁾.

Diễn lược chép : Lưu Bị vốn là dòng dõi Lâm Ấp hầu.

Tổ phụ⁽³⁾ của Tiên Chủ là Hùng, cha là Hoảng nối đời làm quan ở châu quận. Hùng được cử làm Hiếu liêm, làm quan đến chức Lệnh ở huyện Phạm thuộc Đông Quận.

Tiên Chủ mồ côi từ nhỏ, cùng với mẹ đan giầy dệt chiếu đem bán làm kế sinh nhai.

Ở góc đông nam vườn nhà Tiên Chủ có cây dâu cao hơn năm trượng, xa trông thấy tán sum xuê như cái xe nhỏ, ai đi ngang đầu cho là cái cây ấy quái lạ phi phàm, ngờ rằng nhà này sẽ sinh ra bậc quý nhân.

Hán Tấn Xuân Thu chép : Lí Định, người Trác Quận, nói: “Nhà ấy tất sẽ sinh bậc quý nhân.”

Thời Tiên Chủ còn nhỏ, cùng chơi đùa với lũ trẻ dưới gốc cây, nói: “Taắt hẳn có ngày phải ngồi lên chiếc xe có lọng thế này”. Người chú nghiêm mặt bảo rằng: “Mày chớ có nói xằng, kẻo cả họ nhà ta bị diệt đó”. Năm mười lăm tuổi, được mẹ gửi đi học, cùng với người đồng tông là Lưu Đức Nhiên, và Công Tôn Toàn người Liêu Tây đầu thờ cố Thái thú Cửu Giang người cùng quận là Lư Thực. Cha của Đức Nhiên là Nguyên Khởi thường chu cấp cho Tiên Chủ, cũng như bọn Đức Nhiên. Vợ của Nguyên Khởi hỏi: “Mỗi nhà mỗi cảnh, sao ta có thể mãi chu cấp cho nó!” Khởi đáp: “Đứa trẻ ấy có cùng họ với ta, thật là người phi thường vậy”.

Mà Toàn với Tiên Chủ là bạn rất thân thiết. Toàn nhiều tuổi hơn, nên Tiên Chủ coi như anh trai. Tiên Chủ rất không thích đọc sách, chỉ khoái chó ngựa, hát xướng, quần áo đẹp. Tiên Chủ người cao bảy thước năm tấc, tay

dài quá gối, mắt nhìn được thấy tai. Lại ít nói, mừng giận không lộ ra mặt. Thích giao kết với kẻ hào kiệt, được nhiều người trẻ tuổi vây quanh.

Bọn đại thương nhân người Trung sơn là Trương Thế Bình-Tô Song gom được ngàn nén vàng, đi buôn ngựa ở khắp vùng Trác quận, thấy Tiên Chủ khác thường, bèn giúp cho Tiên Chủ rất nhiều kim ngân tài vật. Nhờ thế Tiên Chủ tập hợp một số quân lính.

Cuối đời Linh đế, quân Khăn vàng nổi dậy, các châu quận đều cất nghĩa binh. Tiên Chủ dẫn bộ thuộc hạ theo quan Hiệu úy Trâu Tĩnh đánh dẹp giặc Khăn vàng có công, được thăng làm Úy⁽⁴⁾ ở huyện An Hỉ.

Diễn lược chép : Người ở Bình nguyên là Lưu Tử Bình biết Lưu Bị là người mạnh bạo lại có uy, bấy giờ Trương Thuần làm loạn, Thanh Châu bị giáng chiếu chỉ phái quan Tòng sự đưa binh đánh dẹp Thuần, khi đi qua Bình Nguyên, Tử Bình tiến cử Bị với quan Tòng sự, Tòng sự bèn cho đi theo, gặp quân giặc ở nơi cánh đồng, Bị trúng thương suýt chết, sau giặc bỏ đi, nhờ có người dùng xe chở đi, mới được thoát. Sau vì có công đánh giặc, được làm Úy ở huyện An Hỉ nước Trung sơn.

Viên quan Đốc bưu nhân việc công đến huyện, Tiên Chủ xin vào yết kiến, không được, liền xông thẳng vào trối cổ viên Đốc Bưu lại, đánh cho hai trăm trượng, lại cởi dây thao đở⁽⁵⁾ buộc vào trước cổ ngựa rồi bỏ quan trốn đi.

Diễn lược chép : Sau này triều đình có chiếu thư xuống các châu quận, rằng những người có quân công được làm trưởng lại, đều bị sa thải. Bị ngờ rằng mình ở trong đám ấy. Viên Đốc Bưu đến huyện, đương nhiên sẽ phái người gọi Bị tới, Bị cũng biết việc ấy. Lại nghe tin viên Đốc Bưu nghỉ ở quán dịch, Bị liền đến xin ra mắt viên Đốc Bưu, Đốc Bưu xưng có bệnh không cho Bị tiếp kiến, Bị nổi giận, liền quay về sở quan, dẫn bọn lại tốt đi thẳng đến quán dịch, xông vào tận cửa, nói: “Ta được quan phủ mật sai đến bắt Đốc Bưu.” Rồi tới bên giường trối cổ viên Đốc Bưu lại, lôi ra khỏi quán dịch, cởi dây thao đở ra để trối cổ viên Đốc Bưu, cột vào gốc cây, đánh cho hơn trăm trượng, dọa giết. Đốc Bưu phải van xin, Bị bèn phóng thích đuổi đi.

Không lâu sau đó, Đại tướng quân Hà Tiến phái Đô úy Quán Khâu Nghị đến Đan Dương mộ binh, Tiên Chủ cũng đi cùng, đến Hạ Bi⁽⁶⁾ gặp giặc, Bị gắng sức chiến đấu có công, được phong làm Hạ Mật thừa⁽⁷⁾. Rồi lại bỏ chức quan. Sau được làm chức Úy ở huyện Cao Đường.

Anh hùng ký chép : Năm cuối đời Linh đế, Bị từng ở kinh đô, sau cùng với Tào Công quay về nước Bái, chiêu mộ tập hợp quân chúng. Khi Linh Đế băng hà, thiên hạ đại loạn, Bị cũng khởi binh theo đánh董卓 Trác.

Tiên Chủ bị giặc phá ở đó, vội chạy đến chỗ Trung lang tướng Công Tôn Toàn. Toàn dâng biểu xin cho làm Biệt bộ Tư mã, sai Tiên Chủ giúp Thứ sử Thanh Châu là Diên Khải chống cự Ký Châu mục Viên Thiệu. Tiên Chủ mấy lần lập chiến công, được tạm giữ chức Bình Nguyên lệnh, sau lĩnh chức Bình Nguyên tướng. Người ở trong quận là Lưu Bình bị Tiên Chủ khinh rẻ, lấy làm hổ thẹn với người dưới, mới thuê thích khách giết Tiên Chủ. Thích khách không nỡ ra tay, lại nói cho Tiên Chủ biết rồi bỏ đi. Tiên Chủ được lòng người đến như thế.

Ngụy thư chép : Lưu Bình câu kết với thích khách để giết Bì, Bì chẳng hay biết lại dãi thích khách rất hậu, thích khách vì thế kể rõ mọi sự với Bì rồi bỏ đi. Thời ấy dân chúng gặp năm mất mùa đói kém, tụ tập nhau đi cướp bóc. Bì bên ngoài phòng ngừa giặc cướp, bên trong rộng rãi giúp đỡ tiên của, từ binh sĩ tới thủ hạ, đều cho ngồi cùng chiếu, ăn cùng mâm, chẳng phân biệt gì cả. Bởi thế người theo về rất đông.

Viên Thiệu vây đánh Công Tôn Toàn, Tiên Chủ cùng với Diên Khải đóng quân ở phía đông đất Tề Tào Công đánh Từ Châu, Từ Châu mục Đào Khiêm sai sứ đến cáo cấp với Diên Khải, Khải và Tiên Chủ đều tới cứu Khiêm. Bấy giờ Tiên Chủ có hơn ngàn quân cùng đám quân kỵ tập nhạp người Ô Hoàn ở U Châu, lại thu nhặt được mấy ngàn dân đói kém đi kiếm ăn. Khi đến nơi, Khiêm lấy bốn ngàn quân ở Đan Dương cấp thêm cho Tiên Chủ. Tiên Chủ liền bỏ Khải theo về với Khiêm. Khiêm dâng biểu lên tiến cử Tiên Chủ làm Thứ sử Dự Châu, đóng ở Tiều Bái.

Khiêm ốm nặng, bảo với quan Biệt giá là My Trúc rằng: “Phi Lưu Bì chẳng thể giữ yên được Châu này vậy.” Khiêm chết, Trúc dẫn người trong Châu đi nghênh đón Tiên Chủ, Tiên Chủ không dám nhận. người ở Hạ Bì là Trần Đăng bảo Tiên Chủ rằng: “Nay lắng tâm Hán thất đồ nát, trong ngoài nghiêng ngửa, gây dựng công lao làm nên sự nghiệp, là ở hôm nay. Từ Châu giàu có, hộ khẩu trăm vạn, mong rằng sứ quân khuất thân tới cai quản việc trong châu”. Tiên Chủ đáp: “Viên Công Lộ⁽⁸⁾ gần đây ở Thọ Xuân, nhà ông ấy bốn đời có năm người giữ tước công⁽⁹⁾, trong ngoài đều quy phục, ông ấy có thể giúp được châu này.” Đăng nói: “Công Lộ là vị chúa kiêu căng, chẳng thể làm chủ để dẹp loạn được. Nay sứ quân gộp cả chục vạn quân mã bộ, trên có thể giúp chúa cứu dân, làm nên cơ nghiệp của Ngũ bá⁽¹⁰⁾, dưới có thể cắt đất giữ biên cảnh, công lao ghi vào tre lụa. Nếu như sứ quân chẳng nghe theo, Đăng này cũng không dám nghe lời sứ quân vậy”. Bắc Hải tướng là Khổng Dung bảo Tiên Chủ rằng: “Công Lộ há lo

cho nước mà quên nhà ru? Năm xương khô trong mả, sao đáng để ý. Việc hôm nay, trăm họ đều thuận theo, nếu chẳng chịu nhận, lúc hối cũng chẳng kịp nữa.” Tiên Chủ bèn nắm việc ở Từ Châu.

***Hiển Đế xuân thu chép :** Bọn Trần Đăng sai sứ giả đến báo với Viên Thiệu rằng: “Trời giáng tai ương, hoạ đến bĩ châu, tướng cầm quyền trong châu mới chết, chúng tôi sợ rằng kẻ gian thần một mai thừa cơ nhòm ngó, để cho mình chủ phải lo lắng từng ngày, vội cùng nhau tôn cố Bình Nguyên tướng Lưu Bị phủ quân lên làm tông chủ, khiến cho bách tính biết chỗ mà quy thuận. Giờ đang là lúc giặc cướp tung hoành, chẳng kịp bẩm báo rõ ràng, nay kính cẩn sai người dưới tới bẩm báo với ngài Chấp sự⁽¹¹⁾”. Thiệu đáp rằng: “Lưu Huyền Đức là bậc tín nghĩa cao cả, nay Từ Châu tôn người ấy lên làm chủ, thật xứng với lòng mong mỏi của mọi người”.*

Viên Thuật lại đến vây đánh Tiên Chủ, Tiên Chủ dàn quân chống cự ở Hu Di-Hoài Âm. Tào Công dâng biểu cử Tiên Chủ làm Trấn đông Tướng quân, phong làm Nghi thành Đình hầu, năm ấy là năm Kiến An thứ nhất. Tiên Chủ cùng với Thuật cậ̀n giữ nhau hơn một tháng trời, Lã Bố thừa hư tập kích Hạ Bi. Tướng giữ Hạ Bi là Tào Báo làm phản, mở cửa thành nghênh đón Lã Bố. Bố bắt được vợ con của Tiên Chủ, Tiên Chủ kéo quân tới Hải Tây.

***Anh hùng ký chép :** Bị lưu Trương Phi ở lại giữ Hạ Bi, còn mình cầm binh giao chiến với Viên Thuật ở Thạch Đình xứ Hoài Âm, chưa phân thắng phụ. Tướng cũ của Đào Khiêm ở Hạ Bi là Tào Báo, Trương Phi muốn giết đi. Báo giữ chặt quân doanh tự thủ, rồi sai người tới vời Lã Bố. Bố tiến lấy Hạ Bi, Trương Phi thua trận bỏ chạy. Bị nghe tin ấy, dẫn binh trở về, đi gần đến Hạ Bi, thì quân nhà đã tan tác. Bị bèn thu nhặt những binh sĩ tản mát kéo về đông lấy Quảng Lăng, cùng với Viên Thuật giao chiến, lại bị thua.*

Dương Phụng-Hàn Tiêm cướp bóc ở khoảng giữa Từ-Dương⁽¹²⁾, Tiên Chủ đón đánh, chém được cả. Tiên Chủ xin hòa với Lã Bố, Bố trả lại vợ con cho Tiên Chủ. Tiên Chủ bèn sai Quan Vũ giữ Hạ Bi.

Tiên Chủ trở về Tiều Bái, lại tập hợp được hơn vạn binh lính. Lã Bố lo sợ, thân dẫn quân đến đánh Tiên Chủ, Tiên Chủ thua trận chạy tới hàng Tào Công.

***Anh hùng ký chép :** Quân của Bị ở Quảng Lăng, đói khổ khốn quẫn, quan lại lớn nhỏ hết sạch lương ăn, bị cái đói bức bách đến cùng cực, muốn kéo về Tiều Bái, bèn sai người đến xin hàng Lã Bố. Bố lệnh cho Bị quay về Từ Châu, hợp sức đánh Thuật. Lại gọi Thứ sử Xa Mã Đồng đến, sai đem vợ con Bị cùng bộ khúc và gia thuộc tới trả ở bờ sông Tứ, rồi bảo rõ cho Bị biết.*

Nguy thư chép : Chư tướng bảo với Bối rằng: “Bị đã mấy lần phản phúc khó dung, nên sớm liệu đi”. Bối không nghe, lại nói riêng cho Bị biết. Bị trong lòng bất an bèn tìm cách thoát thân, sai người đến thuyết Bối, xin đóng quân ở Tiểu Bái, Bối liền phái Bị tới đó.

Tào Công đãi ngộ Tiên Chủ rất tử tế, cho làm Dự Châu mục. Rồi phái tới Tiểu Bái thu nhặt sĩ tốt tản mát, cấp lương cho quân lính, lại giúp thêm binh lính sai đánh Bối ở phía Đông. Lã Bối phái Cao Thuận đến đánh Tiên Chủ, Tào Công sai Hạ Hầu Đôn đến cứu, không cứu nổi, bị Thuận đánh tan ở đó, lại bắt được vợ con Lưu Bị đưa đến chỗ Bối. Tào Công thân xuất quân đông chinh, giúp Tiên Chủ vây Bối ở Hạ Bi, bắt sống được Bối.

Anh hùng ký chép : Năm Kiến An thứ ba, mùa xuân, Bối sai người mang vàng bạc đến Hà Nội mua ngựa, nhưng bị lính của Bị cướp đi. Vì thế Bối mới sai bọn Trung lang tướng Cao Thuận-Bắc địa Thái thú Trương Liêu vây đánh Bị. Tháng chín, phá được Bái thành, Bị đơn thân trốn chạy, bỏ cả vợ con. Tháng mười, Tào Công thân đến đánh Lã Bối, Bị tương ngộ Tào Công ở địa giới nước Lương, rồi theo Công cùng đông chinh.

Tiên Chủ lấy lại được vợ con, rồi theo Tào công về đất Hứa. Công dâng biểu tiến cử Tiên Chủ làm Tả tướng quân, lễ nghĩa càng trọng hơn, ra ngoài thì cùng xe, ngồi thì cùng chiếu. Viên Thuật muốn vượt Kinh Châu về bắc tới chỗ Viên Thiệu, Tào Công phái Tiên Chủ đốc xuất Chu Linh-Lộ Chiêu đón đánh Thuật. Chưa đến nơi, Thuật đã bị bệnh chết.

Lúc Tiên Chủ chưa đi, cậu của Hiến Đế là Xa kỵ tướng quân Đồng Thừa,

Thần Tùg Chi : xét: Đồng Thừa, là cháu Đồng Thái hậu mẹ của Hán Linh Đế, Hiến Đế gọi là Trương Nhân⁽¹³⁾. Từ xưa không có danh tự Trương Nhân, nên gọi là cậu vậy.

nhận cái đai áo của Đế bên trong có mặt chiếu, chịu gánh vác việc tru diệt Tào Công. Tiên Chủ còn chưa khởi hành. Lúc ấy Tào Công thung dung bảo Tiên Chủ rằng: “Ngày nay anh hùng trong thiên hạ, chỉ có sứ quân và Tháo này vậy. Lữ Bản Sơ⁽¹⁴⁾ chẳng đáng kể đến.” Tiên Chủ đang ăn, đánh rơi cả thìa đĩa.

Hoa Dương quốc chí chép rằng: Ngay lúc bấy giờ có tiếng sấm nổ vang, Bị nhân đó bảo Tháo rằng: “Thánh nhân đã nói ‘sét găm gió thét hẳn phải biến sắc’, tin rằng là vậy. Một tiếng sấm ra uy, mà có thể đến thế!”

Tiên Chủ cùng với bọn Trường thủy Hiệu úy Chung Tập-Tướng quân Ngô Tử Lan-Vương Tử Phục cùng bàn mưu. Mới hội họp, còn chưa thi

hành. Việc bị phát giác, bọn Thừa đầu bị tru diệt.

Hiển Đế khởi cư trú chép : Mưu kế của bọn Thừa cùng với Bị còn chưa thi hành, thì Bị được ra ngoài. Thừa bảo Phục rằng: “Quách Đa có mấy trăm quân binh, chịu thua Lý Thôi⁽¹⁵⁾ có mấy vạn người, chỉ có túc hạ với ta thôi chẳng như thế! Xưa dưới cửa nhà Lã Bất Vi, Tử Sở⁽¹⁶⁾ được đổi xử rất hậu, nay ta và túc hạ cũng vậy.” Phục nói: “Tôi sợ hãi chẳng dám nhận, vả lại binh của ta ít quá.” Thừa nói: “Cử sự xong, thu được hết binh của Tào Công, xem thế chẳng đủ ru?” Phục nói: “Nay ở kinh sư há có ai tin chúng ta?” Thừa nói: “Trường thủy Hiệu úy Chủng Tập, Nghị lang Ngô Thạc có lòng cùng mưu việc với ta.” Bèn cùng sắp đặt kế sách.

Tiên Chủ giữ Hạ Bì, Bọn Linh trở về, Tiên Chủ bèn giết Thứ sử Từ Châu Xa Trụ, để Quan Vũ trấn thủ Hạ Bì, còn mình thân về Tiểu Bái.

Ngô lục của Hồ Xung chép : Tào Công mấy lần phái người thân cận ngầm dò xét chư tướng và tân khách đến ăn uống, muốn nhân việc đó hại Bị. Bấy giờ Bị đóng cửa, cùng người nhà trồng rau cải, Tào Công sai người chọc lỗ cửa dòm ngó. Đã quyết bỏ đi, Bị bảo với Trương Phi-Quan Vũ rằng: “Sao ta phải giả vờ trồng rau vậy? Hẳn là vì Tào Công đã có ý ngờ ta, ta chẳng thể ở lại được.” Trong đêm ấy xé hàng rào ở phía sau, cùng với bọn Phi lên ngựa bỏ đi, những y phục được ban cho, đều gói ghém để lại cả, rồi đến Tiểu Bái thu nhặt tập hợp binh lính.

Thần Tùng Chi : xét: Ngụy Vũ Đế sai Tiên Chủ thống lĩnh chư tướng đón đánh Viên Thuật, Bọn Quách Gia đều can gián, việc ấy là hiển nhiên, chẳng phải nhân việc trồng rau mà trốn tránh bỏ đi. Lời Xung nói ra như thế, sao lại trái lẽ đến quá quỉ quỷ như vậy được!

Xương Bá ở Đông Hải làm phản, nhiều quận huyện vì Tiên Chủ phản lại Tào Công, đông tới mấy vạn người, Bị sai Tôn Càn hứa với Viên Thiệu cùng liên hoà, Tào Công sai Lưu Đại-Vương Trung đánh Bị, không thắng nổi. Năm thứ năm, Tào Công đông chinh đánh Tiên Chủ, Tiên Chủ thua trận. Tào Công thu thập được hết binh lính, lại bắt được vợ con Tiên Chủ, bắt giữ được cả Quan Vũ đem về.

Ngụy thư chép : Bấy giờ, Công đương có việc gấp ở Quan Độ, bèn chia binh để chư tướng đóng ở Quan Độ, tự mình dẫn tinh binh đi đánh Bị. Bị lúc trước cho rằng Công cùng với đại địch đối trận, chẳng sang đông được, mà sau quân kỵ tới, nói Tào Công thân đến. Bị kinh hoảng, nhưng còn chưa tin. Bèn thân dẫn mấy chục quân kỵ ra xem quân lính của Công, nhìn thấy cờ chỉ huy, vội bỏ cả quân sĩ mà chạy.

Tiên Chủ chạy đến Thanh Châu. Thứ sử Thanh Châu là Viên Đàm, trước đây được Tiên Chủ tiến cử làm Mậu tài, dẫn quân bộ kỵ đến nghênh đón

Tiên Chủ. Tiên Chủ theo Đàm đến Bình Nguyên, Đàm vội sai sứ đến bạch với Thiệu. Thiệu phái tướng sĩ các lộ quân đến đón, lại thân ra khỏi Nghiệp Thành hai mươi dặm, cùng với Tiên Chủ tương kiến.

Nguy thư chép : Bị về với Thiệu, cha con Thiệu dốc lòng cung kính trọng vọng.

Lưu lại đó hơn một tháng, số ít sĩ tốt thất lạc quanh đó lại kéo tới. Tào Công cùng với Viên Thiệu kinh chống nhau ở Quan Độ, bọn Lưu Tích là giặc Khăn vàng ở Nhữ Nam phản Tào Công hưởng ứng Thiệu. Thiệu sai Tiên Chủ dẫn binh cùng với bọn Tích cướp bóc ở đất Hứa. Quan Vũ trốn đi tìm Tiên Chủ. Tào Công sai Tào Nhân dẫn binh đánh Tiên Chủ, Tiên chủ lại về bên quân Thiệu, lại ngầm có ý rời bỏ Thiệu, bèn thuyết Thiệu liên kết với Kinh Châu mục Lưu Biểu ở phía Nam. Thiệu sai Tiên Chủ dẫn số binh lúc trước đến Nhữ Nam, hội hợp cùng với bọn giặc là Cung Đô, binh chúng đông đến mấy ngàn người. Tào Công sai Thái Dương đánh Bị, Thái Dương bị Tiên Chủ giết chết ở đó.

Tào Công phá xong Viên Thiệu, từ phía Nam tấn công Tiên Chủ. Tiên Chủ sai Mi Trúc-Tôn Càn tới báo tin với Lưu Biểu, Biểu thân ra ngoài thành đón tiếp, lấy lễ thượng tôn đối đãi Tiên Chủ, giúp thêm binh lính, sai đóng quân ở Tân Dã. Hào kiệt ở Kinh Châu theo về với Tiên Chủ ngày một đông, Biểu có lòng nghi kỵ, ngầm kiêu chể Tiên Chủ.

Sách Cửu Châu xuân thu chép : Bị ở Kinh Châu mấy năm, có lần ngồi dự tiệc ở chỗ Biểu, lúc đứng lên đi ra nhà xí, thấy thịt bắp vế mập ra, thì bùi ngùi chảy nước mắt. Khi về chỗ ngồi, Biểu lấy làm lạ hỏi Bị, Bị đáp: “Tôi thân thường chẳng rời yên ngựa, thịt ở bắp vế đều tiêu đi. Nay chẳng ngồi trên ngựa nữa, bắp vế lại mập ra. Ngày tháng trôi qua, già lão đến nơi rồi, mà chẳng làm nên công trạng gì, bởi thế nên thương cảm vậy.”

Thế Ngữ chép : Bị đóng ở Phàn Thành, Lưu Biểu muốn hành lễ, sợ những người ở bên mình, chẳng ai tin dùng được. Bèn mời Bị đến hội yến, Khoái Việt-Sái Mạo muốn nhân lúc hội họp bắt giữ Bị, Bị phát giác được việc ấy, giả vờ ra nhà xí, rồi ngầm trốn đi. Con ngựa của Bị có tên là Địch Lư, Bị cưỡi ngựa Địch Lư đi trốn, bị rơi xuống khe Đàn Khê ở phía tây thành Tương Dương, ngựa chìm xuống không thoát lên bờ được. Bị nóng nảy mà rằng: “Địch Lư: Hôm nay nguy khốn lắm rồi, hãy cố sức lên!” Địch Lư bèn hết sức nhảy vọt lên cao ba trượng, vượt được qua khe, bơi sang bờ bên kia, quân đuổi theo đến bờ khe, lấy ý của Biểu tạ Bị, rằng: “Sao vội bỏ đi vậy!”

Tôn Thịnh chép : Chẳng thể như lời ấy được. Bấy giờ Bị là khách ở nhờ, cái thể khách chủ khác nhau, nếu có biến như thế, há được vô sự cho đến trọn đời

Biểu mà chẳng có lúc mắc tội hay sao? Thế đều là lời nói xằng của người đời, chẳng phải là sự thật vậy.

Biểu sai Bị chống cự bọn Hạ Hầu Đôn-Vu Cấm ở Bắc Vọng. Được ít lâu, Tiên Chủ đặt phục binh, một sớm tự đốt bỏ quân doanh vờ trốn chạy, bọn Đôn đuổi theo, bị phục binh của Bị đánh tan ở đấy.

Năm thứ mười hai, Tào Công bắc chinh Ô Hoàn, Tiên Chủ khuyên Biểu tập kích Hứa Xương, Biểu không dùng kế ấy.

Hán Tấn xuân thu chép : Tào Công từ Liễu Thành trở về, Biểu bảo Bị rằng: “*Tô chẳng theo lời ngài, nên bỏ lỡ mất cơ hội lớn ấy.*” Bị đáp: “*Nay thiên hạ chia lìa, việc binh đao diễn ra hàng ngày, cơ hội sẽ lại tới, há đã hết được hay sao? Nếu sau này biết ứng phó, tất việc ấy chưa đủ để tiếc hận vậy.*”

Tào Công nam chinh Biểu, gặp lúc Biểu chết, con là Tông lên thay, sai sứ đến xin hàng.

Anh hùng ký chép : Biểu ốm, Bị lên lĩnh chức Thứ sử Kinh Châu.

Ngụy thư chép : Biểu ốm nặng, phó thác việc nước cho Bị, nhìn Bị nói rằng: “*Con ta bất tài, mà chưa tưởng mỗi người một ý, sau khi ta chết, Khanh hãy thay ta nắm lấy Kinh Châu.*” Bị thưa: “*Các cháu đều là bậc hiền tài, chủ công cứ yên lòng dưỡng bệnh.*” Có người khuyên Bị nên theo lời Biểu, Bị nói: “*Người ấy hậu đãi ta, nay theo lời ấy, người ta hẳn cho tôi là kẻ bạc bẽo, tôi chẳng nhẫn tâm được vậy.*”

Thần Tòng Chi : cho rằng vợ chồng Biểu vốn yêu Tông, bỏ con đích lập con thứ, ý định đã có từ lâu, không duyên cớ gì lúc lâm chung lại trao Kinh Châu cho Bị, lời như thế cũng là chẳng đúng.

Tiên Chủ đóng ở Phàn Thành, không hay biết binh Tào Công tới, lúc nghe tin quân đã đến Uyển Thành, bèn dẫn binh sĩ ở đấy bỏ đi. Qua Tương Dương, Gia Cát Lượng khuyên Tiên Chủ đánh Tông, Kinh Châu có thể lấy được. Tiên Chủ nói: “*Ta chẳng nhẫn tâm làm vậy.*”

Sách Hán Ngụy xuân thu của Không Diễn chép : Lưu Tông xin hàng, không dám báo tin cho Bị. Bị cũng không biết, mãi sau mới phát giác ra, sai người đến căn vặn Tông. Tông sai Tổng Trung đến chỗ Bị tuyên chỉ. Bấy giờ Tào Công ở Uyển Thành, Bị giật mình kinh hoảng, bảo Trung rằng: “*Mấy người bọn Khanh làm việc như thế, chẳng sớm nói ra, nay hoạ đến nơi mới báo ta, chẳng quá lắm ư!*” Rồi rút đao trở vào Trung bảo: “*Nay ta chém đầu Khanh, chẳng đủ để tan môi hận, cũng lấy làm hổ thẹn là bậc đại trượng phu mà đến lúc sắp chia ly lại giết bọn Khanh!*” Bèn sai đuổi Trung đi, rồi gọi bộ khúc đến họp bàn. Có người khuyên Bị đoạt lấy binh tướng của Tông cùng quan lại ở Kinh Châu rồi theo lối tắt đi về Nam đến Giang Lăng, Bị đáp rằng: “*Lưu Kinh Châu lúc sắp mất phó*

thác con coi cho ta, nếu bội tín tự lên làm chúa, ta quyết chẳng làm, lúc chết đi sao dám đối mặt với Lưu Kinh Châu đây!”

Rồi gióng ngựa đến gọi Tông, Tông sợ không dám ra. Tả hữu của Tông cùng với rất nhiều người ở Kinh Châu theo đi với Tiên Chủ.

Diễn lược chép : Bị đi qua vào tạ nơi mộ của Biểu, rồi rửa nước mắt mà đi.

Đi gần đến Tương Dương, dân chúng kéo theo hơn chục vạn người, xe chở đồ nặng mấy ngàn chiếc, mỗi ngày đi được hơn chục dặm đường, Tiên Chủ liê biệt phái Quan Vũ lĩnh mấy trăm thuyền bè, hẹn gặp nhau ở Giang Lăng. Có người bảo Tiên Chủ rằng: “Nên gấp rút tới giữ Giang Lăng, nay dầu ta có nhiều người ủng hộ, nhưng binh sĩ mặc giáp ít ỏi, nếu binh của Tào Công đến, sao cự nổi đây?” Tiên Chủ đáp: “Kẻ chúa tể làm nên đại sự hẳn phải lấy dân làm gốc, nay mọi người đi theo, sao ta nỡ bỏ đi được!”

Tập Tạc Xi chép : Tiên Chủ tuy diên đảo gian nan mà tín nghĩa càng sáng tỏ, tình thế bức bách hành sự hung hiểm mà lời nói chẳng dối đạo. Nhớ ân nghĩa của Cảnh Thắng, cái tình cảm động ba quân; mến yêu nghĩa khí của kẻ sĩ, mà cam lòng cùng chịu thất bại. Xét cái nguyên nhân thu được lòng người, há chỉ vì đông cam cộng khổ với quân dân, vớ về người già yếu mà thôi đâu! Sau này làm nên đại nghiệp, chẳng phải là lý đương nhiên sao!

Tào Công thấy Giang Lăng là nơi lăm quân lương, sợ Tiên Chủ chiếm được, bèn cho bỏ các xe chở đồ nặng, đem quân nhẹ đến Tương Dương. Nghe tin Tiên Chủ đã đi qua, Tào Công dẫn năm nghìn quân khinh kỵ gấp rút đuổi theo, một ngày một đêm đi được hơn ba trăm dặm, đuổi kịp ở Đương Dương Trường Bản. Tiên Chủ bỏ cả vợ con, cùng với bọn Gia Cát Lượng-Trương Phi-Triệu Vân và mấy chục quân kỵ bỏ trốn, Tào Công bắt được vô số quân lính và các xe chở đồ Tiên Chủ vội chạy rẽ sang Hán Tân, vừa hay gặp được chiến thuyền của Quan Vũ, qua được sông Miện, hội với con trưởng của Biểu là Kỳ làm Thái thú Giang Hạ nắm hơn vạn quân lính, rồi cùng nhau đến Hạ Khẩu. Tiên chủ phái Gia Cát Lượng thân đến giao kết với Tôn Quyền.

Giang Biểu truyện chép : Tôn Quyền phái Lỗ Túc đến viếng tang Lưu Biểu, lại yêu cầu kết giao với Bị. Túc chưa đến nơi mà Tào Công đã qua bến Hán Tân. Túc cố tiến về phía trước, gặp được với Bị ở Đương Dương. Nhân đó truyền đạt ý chỉ của Quyền, rồi bàn luận chuyện thiên hạ, tình ý hết sức ân cần. Lại hỏi Bị rằng: “Nay Dự Châu muốn tới nơi nào?” Bị đáp: “Ta cùng với Thái thú Thương Ngô là Ngô Thân (Ngô Cự) là chỗ quen biết cũ, muốn qua đó nương nhờ.” Túc nói: “Tôn Thảo Lỗ⁽¹⁷⁾ là người thông minh nhân ái, yêu kính hiền tài

giữ lễ với kẻ sĩ, những bậc anh hào ở Giang Biều⁽¹⁸⁾ đều quy phục cả, đã nắm giữ sáu quận, binh mạnh lương nhiều, đủ để lập đại sự. Nay như mưu tính của tướng quân, chẳng bằng sai kẻ tâm phúc đi sứ giao kết với phương đông, kết tình hoà hảo, cùng giúp đời dựng nghiệp, còn nói rằng muốn đến nương nhờ Ngô Thần (Ngô Cự), thì Thần chỉ là kẻ tầm thường, lại ở tít tận quận xa xôi, làm tướng cho người ta ở đất ấy, há đủ để ký thác hay sao?” Bị mừng lắm, lúc tiễn đến huyện Ngạc, lập tức phái Gia Cát Lượng đi theo Túc đến chỗ Tôn Quyền, thề ước kết làm đồng minh.

Quyền phái bọn Chu Du-Trình Phổ cầnn ba vạn quân thuỷ, cùng với Tiên Chủ hợp sức.

Giang Biều truyện chép : Bị theo kế của Lỗ Túc, tiến đến giữ Phàn Khâu ở huyện Ngạc. Gia Cát Lượng đến đất Ngô chưa về, Bị nghe tin quân của Tào Công tiến xuống, rất sợ hãi, hàng ngày phái quân tuần tiễu trên sông dò ngóng tin tức quân của Quyền. Quân lính trông thấy thuyền của Du, vội đến bám với Bị, Bị nói: “Sao biết rằng đây chẳng phải là quân Thanh Từ⁽¹⁹⁾?” Quân lính thưa rằng: “Nhìn thuyền mà biết được vậy.” Bị sai người đến ướm lạo Du. Du nói: “Tướng quân đã tin tôi, chẳng thể uỷ thác cho người khác đến được, hoặc giả có thể chịu bỏ cái uy mà tới, tôi thành thực mong được gặp gỡ.” Bị bảo Quan Vũ-Trương Phi rằng: “Bên kia muốn ta thân tới đó, nay ta liên kết với Đông Ngô mà chẳng chịu qua đó, không phải với tình đồng minh vậy.” Bèn cưỡi một chiếc thuyền lớn đến diện kiến Du, hỏi rằng: “Nay ngài chống cự Tào Công, có kế sách gì hay chăng. Quân sĩ chiến đấu có được bao nhiêu?” Du nói: “Ba vạn người.” Bị nói: “Tiếc là hơi ít.” Du nói: “Thế là đủ dùng, Dục Châu hãy chờ xem Du phá Tào Công.” Bị muốn gọi Lỗ Túc đến để cùng bàn bạc, Du nói: “Tôi vâng mệnh phá giặc chẳng dám nói bừa, nhược bằng muốn gặp Tử Kính, nên đợi khi khác. Túc cùng với Khổng Minh đều ở phía sau, chừng đôi ba ngày nữa sẽ tới đây.” Bị dẫu rất thẹn với Du, mà trong lòng không tin rằng Du có thể phá được quân bắc, nên sai sắp đặt các việc về sau, đem hai nghìn quân chia đều cho Vũ-Phi, không bằng lòng trao cả cho Du, để tính bề tiến thủ.

Tôn Thính chép : Lưu Bị là kẻ hùng tài, đất đai mất cả hẳn phải đắn đo, đã cáo cấp với Ngô, chạy đến cầu giúp đỡ, không duyên cớ gì đã mong ngóng nơi bãi Trường Giang mà lại toan tính chuyện về sau. Lời Giang biều truyện nói, đương thời chỉ là những lời duy mĩ của người Ngô đấy thôi.

Liên quân cùng với Tào Công đánh nhau ở Xích Bích, đại phá quân ấy, đốt hết thuyền chiến. Tiên Chủ cùng với quân Ngô thuỷ lục cùng tiến, đuổi đến tận Nam Quận, bấy giờ lại có bệnh dịch, quân bắc chết rất nhiều, Tào Công dẫn quân trở về.

Giang biều truyện chép : Chu Du làm Thái thú Nam Quận, chia đất ở Nam Ngạn cho Bị. Bị lập quân doanh ở Du Giang Khẩu, đổi tên thành Công An. Quan lại

tướng sĩ của Lưu Biểu từng theo quân bắc, đa phần làm phản về hàng Bì. Bì thấy Du cấp cho mình quá ít đất đai, chẳng đủ để an dân, về sau mới tòng quyền mượn mấy quận Kinh Châu.

Tiên Chủ dâng biểu xin cho Kỳ làm Thứ sử Kinh Châu, lại nam chinh bốn quận. Thái thú Vũ Lăng là Kim Toàn, Thái thú Trường Sa là Hàn Huy ền, Thái thú Quế Dương là Triệu Phạm, Thái thú Linh Lăng là Lưu Độ đầu quy hàng.

Tam Phụ quyết lược chú chép : Kim Toàn tự Nguyên Kỳ, người ở Kinh Triệu, đã từng làm Hoàng môn Thị Lang, Thái thú Hán Dương, được bá làm Nghị Lang, thăng chức Trung lang tướng, lĩnh chức Thái thú Vũ Lăng, vì bị Lưu Bì đánh cướp ở đây, chết. Con là Y, việc này thấy chép ở Ngụy Vũ bản kỷ.

Người ở Lư Giang là Lôi Tự dẫn bộ khúc mấy vạn nhân khẩu đến hàng. Kỳ bị bệnh chết, những người dưới suy tôn Tiên Chủ lên làm Kinh Châu mục, dinh sở đóng ở Công An. Quy ền có chút uý kỵ về việc ấy, mới tiến dâng em gái mình cho Bì để giữ tình hoà hiếu. Tiên Chủ đến kinh sư⁽²⁰⁾ diện kiến Quy ền, hai bên thắt chặt ân tình.

Sơn Dương công tái ký chép : Bì lúc trở về, bảo với tả hữu rằng: “Tôn Xa kỳ lưng dài chân ngắn, người ấy khó để kẻ dưới thuyết phục, ta chẳng thể gặp lại được.” Bèn bỏ chạy suốt ngày đêm.

Thần Tùg Chi : xét: Ngụy thư chép lại những lời Lưu Bì nói với Tôn Quyền, cùng với Thục chí thuật truyện Gia Cát Lượng nói với Tôn Quyền giống nhau. Lưu Bì khi trước chưa phá được quân Ngụy, còn chưa cùng với Tôn Quyền tương kiến, chẳng đúng như lời nói ấy. Cho nên biết Thục chí nói đúng.

Quy ền sai sứ đến bàn rằng muốn được chung sức cùng vào lấy đất Thục, có người cho rằng nên nghe ngóng tin tức ở huyện Hứa, Ngô rút cục chẳng thể vượt Kinh Châu để lấy Thục được, xứ Thục có thể tự bảo vệ. Quan chủ bộ ở Kinh Châu là Ân Quan tiến lên nói rằng: “Nếu bị Ngô tiến đánh, tiến chưa thể thắng được Thục, lui bị quân Ngô thừa cơ lấn, mọi việc sẽ hỏng mất. Nay chỉ nên tán thành việc đánh Thục, nhưng nói rằng các quận ta mới lấy được, chưa thể vọng động, Ngô hẳn không dám vượt qua ta một mình vào lấy Thục. Cái kế tiến lui như thế, có thể giữ được lợi ích của cả Ngô và Thục.” Tiên Chủ theo lời ấy, Quy ền quả nhiên bỏ kế hoạch ấy. Tiên chủ thăng Ân Quan lên làm Biệt giá Tòng sự.

Hiển Đế xuân thu chép : Tôn Quyền muốn cùng với Bì chung sức lấy Thục, sai sứ đến bảo Bì rằng: “Mẽ tặc⁽²¹⁾ Trương Lỗ chiếm cứ đất Ba-Hán xưng vương, là tai mắt của Tào Tháo, mưu toan dòm dò Ích Châu. Lưu Chương không có uy vũ, chẳng thể tự giữ. Nếu Tháo lấy được Thục, ắt Kinh châu sẽ nguy ngập vậy.

Nay ta muốn đánh Chương trước, rồi tiến lên dẹp Trương Lỗ, đầu đuôi nối liền với nhau, nhất thống Ngô-Sở, dẫu có mười Tào Tháo, cũng không cần phải lo lắng vậy.” Bị muốn tự mình lấy Thục, cự tuyệt không nghe theo, nói rằng: “Ích Châu nhân dân giàu mạnh, đất đai hiểm trở, Lưu Chương dẫu yếu nhược, cũng đủ giữ mình. Trương Lỗ là kẻ xảo trá, chưa hẳn đã tận tâm với Tháo. Nay vội vã đưa quân vào Thục-Hán, chuyển quân lương ngàn dặm, mà muốn thu được toàn công, lấy được chẳng gặp điều bất lợi, chắc Ngô Khởi cũng chẳng thể vạch nổi quy mô, Tôn Vũ cũng chẳng thể khéo léo mà làm được. Tào Tháo dẫu trong bụng không có chứa nữa, nhưng lại có danh nghĩa vâng mệnh bậc quân vương, đừng nên bàn rằng Tháo bị thất lợi ở Xích Bích, mà bảo rằng lực đã khuất, không còn có chí xa xôi nữa. Nay thiên hạ chia ba Tháo đã có hai phần, vẫn muốn cho ngựa uống nước Thương Hải, xem binh ở Ngô Hội, sao chịu bằng lòng ngồi đợi lên lão ư? Nay đã là đồng minh lại vơ cớ công phạt lẫn nhau, giúp không cho Tào Tháo, khiến địch được thể nhòm ngó, chẳng phải là cái kế lâu dài vậy.” Quyền không chịu, sai Tôn Du đốc xuất thủy quân đóng ở Hạ Khẩu. Bị không chờ quân ấy đến, bảo Du rằng: “Người muốn lấy Thục, ta sẽ cắt tóc đi vào ở trong núi, chẳng chịu thất tín với thiên hạ vậy.” Rồi sai Quan Vũ đóng binh ở Giang Lăng, Trương Phi đóng quân ở Tỷ Quy, Gia Cát Lượng giữ Nam Quận, Bị thân ở Sànlăng. Quyền biết ý của Bị, nên cho triệu Du trở về.

Năm thứ mười sáu, Ích Châu mục Lưu Chương ở nơi xa nghe tin Tào Công sai tướng là bọn Chung Do nhằm hướng Hán Trung đánh dẹp Trương Lỗ, trong lòng lấy làm kinh sợ. Quan Biệt giá Tòng sự Thục Quận là Trương Tùng thuyết Chương rằng: “Tào Công binh khỏe vô địch trong thiên hạ, nếu nhân việc Trương Lỗ mà đánh lấy đất Thục, ai có thể ngăn được đây?” Chương nói: “Việc này ta đã nghĩ lâu rồi mà vẫn chưa có kế sách gì.” Tùng nói: “Lưu Dự Châu, sứ quân là người trong tông thất lại có mối thâm thù với Tào Công, khéo việc dùng binh, nếu sai đi đánh dẹp Lỗ, Lỗ tất bị đánh tan. Lỗ đã bị phá, thì Ích Châu sẽ mạnh lên, Tào Công dẫu có đến, cũng chẳng thể làm gì.” Chương ưng theo, sai Pháp Chính dẫn bốn ngàn người đi nghênh đón Tiên Chủ, đem số của cải làm quà trước sau kẻ đến ước vạ. Chính nhân đó bày tỏ kế sách rằng Ích Châu có thể lấy được.

Ngô thư chép : Bị trước đó gặp Trương Tùng, sau gặp Pháp Chính, đều có hậu ý thu nhận lấy, hết sức hoan hỉ ân cần. Nhân đó hỏi xem Thục trung rộng hẹp thế nào, binh khí trong khủ phố và nhân mã đông ít ra sao, cùng những nơi trọng yếu đường đất xa gần, bọn Tùng đều nói rành mạch cả, lại vẽ hết địa đồ sông núi ở xứ đó, bởi thế Bị biết được tường tận tình hình ở Ích Châu.

Tiên Chủ lưu Gia Cát Lượng và bọn Quan Vũ giữ Kinh Châu, dẫn mấy vạn bộ tốt vào Ích Châu. Đến Phù thành, Chương thân tới nghênh đón, hai

bên gặp nhau rất lấy làm hoan hỉ. Trương Tùng lệnh cho Pháp Chính thừa với Tiên Chủ, cùng với mưu thần Bàng Thống đưa lời khuyên Bị rằng, tiện dịp gặp gỡ nên tập kích Chương. Tiên Chủ nói: “Đây là việc lớn, chẳng nên vội vàng.” Chương cử Tiên Chủ làm Hành Đại tư mã⁽²²⁾, lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy; Tiên Chủ cũng tiến cử Chương làm Hành Trấn tây Đại tướng quân, lĩnh chức Ích Châu mục. Chương cấp thêm binh cho Tiên Chủ, sai đánh Chương Lỗ, lại mệnh cho làm Đốc quân ở Bạch Thủy. Tiên Chủ hợp quân được hơn ba vạn người, xe cộ áo giáp khí giới của cải rất nhiều. Năm ấy, Chương trở về Thành Đô. Tiên Chủ lên Bắc đến Hà Manh, chưa đánh Trương Lỗ ngay, lo vun trồng ân đức, để thu lấy nhân tâm.

Năm sau, Tào Công đi đánh Tôn Quyền, Quyền gọi Tiên Chủ đến cứu. Tiên Chủ sai sứ báo với Lưu Chương rằng: “Tào Công đánh Ngô, sợ Ngô nguy cấp. Họ Tôn với Cô vốn là quan hệ môi rặng, lại nữa Nhạc Tiến ở Thanh Nê cùng với Quan Vũ đối trận, nay chẳng đi cứu Vũ, Tiến hẳn thắng trận, lại chuyển sang xâm phạm địa giới Ích Châu, mối lo ấy lớn hơn so với Lỗ. Lỗ chỉ là đám giặc tự giữ mình, chẳng đủ để lo lắng.” Bèn theo đó xin Chương cấp cho một vạn binh cùng của cải, muốn đi về phía đông. Chương chỉ hứa cấp cho bốn ngàn binh, những thứ khác đều giảm đi phân nửa.

Ngụy thư chép : Bị nhân thế nổi giận nói với chúng rằng: “Ta vì Ích Châu mà đi xa đánh cường địch, quân lính nhọc mệt, chẳng được yên ổn thư nhàn; Nay tích trữ kho tàng tài vật mà thưởng công bunn xnn, lại mong bậc đại phu cùng quân sĩ bỏ sức chiến đấu, có thể được chăng!”

Trương Tùng gửi thư cho Tiên Chủ và Pháp Chính rằng: “Nay đại sự sắp làm nên, sao lại bỏ đi như thế?” Anh của Tùng là Túc làm Thái thú Quảng Hán, sợ họa đến mình, bèn bẩm bạch với Chương tố giác mưu ấy. Vì thế Chương bắt chém Tùng, hiềm khích mới nở ra.

Ích bộ kỳ cựu tạp ký chép : Trương Túc dáng dấp trang nghiêm, dung mạo cao lớn. Tùng là người thấp bé, phóng túng chẳng giữ tiết tháo, nhưng kiến thức rất tinh tế quả quyết, có tài cán. Lưu Chương sai đến chỗ Tào Công, Tào Công không đón tiếp đủ lễ; Chủ bộ của Công là Dương Tu rất trọng tài năng của Tùng, bạch với Công cho vời Tùng, Công không nghe. Tu lấy cuốn binh thư Tào Công soạn ra cho Tùng xem, Tùng trong khoảng bữa ăn xem qua một lượt rồi gấp lại đọc rành rọt cả. Tu cho việc ấy là kỳ lạ.

Chương mệnh cho chư tướng đóng cửa biên ải cấm được để cho Tiên chủ đi qua cửa quan. Tiên Chủ nổi giận, cho triệu đốc quân ở Bạch Thủy là

Dương Hoài đến, trách mắng là đã vô lễ, đem chém đi. Rồi sai Hoàng Trung-Trác Ứng ngấn dẫn binh quay về đánh Chương. Tiên Chủ đến thẳng Quan Trung⁽²³⁾, giữ vợ con chư tướng và sĩ tốt làm con tin, rồi dẫn binh cùng với bọn Trung-Ứng tiến đến Phù thành, định chiếm lấy thành ấy. Chương sai bọn Lưu Kỳ⁽²⁴⁾-Lãnh Bào-Trương Nhiệm-Đặng Hiên đến chống cự Tiên chủ ở Phù Thành, đầu bị đánh tan, phải lui về giữ Miên Trúc.

Ích bộ kỳ cựu tạp ký chép : Trương Nhiệm, người Thục Quận, gia thế nghèo khó. Thuở nhỏ can đảm dũng lược, có khí tiết, làm quan Tòng sự ở trong Châu.

Chương lại sai Lý Nghiêm làm Đô đốc ba quân ở Miên Trúc, Nghiêm dẫn mọi người đến hàng Tiên Chủ. Quân của Tiên Chủ càng mạnh hơn, bèn chia chư tướng đi bình định các huyện quanh đó, bọn Gia Cát Lượng-Trương Phi-Triệu Vân dẫn binh ngược sông bình định Bạch Đế-Giang Châu-Giang Dương, chỉ có Quan Vũ ở lại trấn thủ Kinh Châu. Tiên Chủ tiến quân vây Lạc Thành; bấy giờ con của Chương là Tuần giữ thành, Bị vây đánh gần một năm trời.

Năm thứ mười chín mùa hạ, Lạc Thành bị phá, Tiên Chủ tiến binh vây Thành Đô mấy chục ngày, Chương ra hàng.

Ích bộ kỳ cựu tạp ký chép : Lưu Chương sai Trương Nhiệm-Lưu Kỳ dẫn tinh binh hăng hái chống cự Tiên Chủ ở Phù Thành, bị Tiên Chủ đánh tan, phải lui về cùng với con của Chương là Tuần cố thủ ở Lạc Thành. Nhiệm ém binh tiến ra Nhạn Kiều, đánh nhau lại bị thua. Nhiệm bị bắt. Tiên Chủ nghe nói Nhiệm là người trung dũng, cho quân dụ hàng, Nhiệm cứng cỏi nói lớn rằng: “Lão thân trọn đời chẳng phụng sự hai chủ vậy.” Đành phải cho giết đi. Tiên Chủ cảm thán thương tiếc mãi.

Phó tử chép : Khi trước, Lưu Bị tập kích Thục, Thừa tướng Duyệt là Triệu Tiễn nói: “Người như Lưu Bị nên việc được sao? dùng binh thì vụng về, mỗi lần chiến đấu thường thất bại, bôn ba chạy vạy chẳng được yên, sao đánh được người ta? Thục dẫu nhỏ bé nơi biên bìa, song tứ bề đây rầy hiểm trở, một mình giữ đất, vội vã khó mà lấy được.” Trưng sĩ là Phó Cán nói: “Lưu Bị có độ lượng rộng rãi với người, có thể khiến người ta dốc sức đến chết. Gia Cát Lượng hiểu biết lẽ quyền biến, chính là người có mưu kế, mà làm tướng văn; Trương Phi-Quan Vũ dũng mãnh mà có nghĩa, đều là vạn người khó địch, mà làm tướng võ: Ba người ấy, đều là bạch nhân kiệt vậy. Với thao lược của Bị, được ba người ấy giúp đỡ, sao chẳng xong việc?”

Diễn lược chép : Triệu Tiễn, tự Thúc Mậu, là người quận Kinh Triệu huyện Trường Lăng. Bản tính hiếu học, thích nói chuyện thi thư, hay thương xót người

khác, chẳng mấy khi bàn luận điều cơ mật. Công phủ cho đòi vào làm *Thượng thư Bộ Lang*. Đồng Trác muốn lấy để bổ sung vào nội ác của mình, Tiễn không nghe. Trác giận, dọa giết Triệu Tiễn, ý chừng khiến Tiễn sợ hãi, mà Tiễn vẫn cứ tự nhiên. Lúc gặp Trác, Tiễn vẫn đưa lời chính đáng, bày tỏ rõ điều phải trái, Trác tuy hung ác ngang ngược, cũng phải khuất mà cảm tạ rồi thăng Tiễn làm *Bình Lăng lệnh*. Cho nên lúc *Vương Doãn* bị hại, chẳng ai dám đến gần, Tiễn bỏ chức quan đi thu nhật thi thễ. Tam Phụ loạn lạc, Tiễn ở trọ tại *Kinh Châu*, Lưu Biểu đãi làm tân khách. Tào Công bình định *Kinh Châu*, cầm tay Tiễn nói rằng: “Sao ta gặp nhau muộn vậy!” Rồi cho vời đến làm *Duyện*. Về sau làm *Ngũ quan tướng Tư mã*, làm *Trưởng sử* cho tướng quốc *Chung Do*, mất lúc hơn sáu mươi tuổi.

Thục trung vốn giàu có thịnh vượng yên vui, Tiên Chủ bày tiệc rượu cực lớn thết đãi sĩ tốt, lấy kim ngân ở trong thành nước Thục ban thưởng cho tướng sĩ, cùng với nhiều lương thực vải vóc. Tiên Chủ lại lĩnh chức *Ích Châu mục*, *Gia Cát Lượng* làm bày tôi tay chân, *Pháp Chính* làm mưu sĩ, *Quan Vũ-Trương Phi-Mã Siêu* làm nanh vuốt, *Hứa Tĩnh-My Trúc-Giản Ung* làm Tân hữu⁽²⁵⁾. Đến bọn *Đổng Hoà-Hoàng Quyên-Lý Nghiêm* là bày tôi cũ của *Chương* đều được thu dụng cả, bọn *Ngô Nhất*⁽²⁶⁾-*Phí Quan* là thông gia với *Chương*, *Bành Dạng* là người bị *Chương* ruồng bỏ đuổi đi, *Lưu Ba* trước đây bị Tiên Chủ căm ghét, đều được dùng tin dùng ở vị trí xứng đáng, tận dụng hết được tài năng. Những kẻ sĩ có chí, chẳng ai không tranh đua cố gắng.

Năm thứ hai mươi, *Tôn Quyên* nhân vì Tiên Chủ lấy được *Ích Châu*, sai sứ đến bảo rằng muốn lấy lại *Kinh Châu*. Tiên Chủ nói: “Đợi khi ta lấy được *Lương Châu*, đương nhiên sẽ trả lại *Kinh Châu* cho.” *Quyên* giận, bèn sai *Lã Mông* tập kích đoạt lấy ba quận *Trường Sa-Linh Lăng-Quế Dương*. Tiên Chủ dẫn năm vạn binh cuốn đất đến *Công An*, lệnh cho *Quan Vũ* thâm nhập *Ích Dương*. Năm ấy, *Tào Công* bình định *Hán Trung*, *Trương Lỗ* trốn chạy vào *Ba Tây*, Tiên chủ hay tin, cùng với *Quyên* liên hoà, phân chia *Kinh Châu*, các quận *Giang Hạ-Trường Sa-Quế Dương* thuộc phía đông, *Nam Quận, Linh Lăng, Vũ Lăng* thuộc phương Tây⁽²⁷⁾, rồi dẫn quân về *Giang Châu*. *Phái Hoàng Quyên* dẫn binh đến nghênh đón *Trương Lỗ*, song *Trương Lỗ* đã hàng *Tào Công*. *Tào Công* sai *Hạ Hầu Uyên-Trương Cáp* đóng quân ở *Hán Trung*, mấy lần xâm phạm vào địa giới đất *Ba*. Tiên Chủ lệnh cho *Trương Phi* tiến binh đến *Đãng Cừ*, cùng

với bọn Cáp giao chiến ở Ngõa Khẩu, đánh tan được bọn Cáp, rồi thu binh về Nam Trịnh. Tiên Chủ cũng trở về Thành Đô.

Năm thứ hai mươi ba, Tiên Chủ đốc xuất chư tướng tiến binh đến Hán Trung. Chia quân sai bọn Ngô Lan-Lôi Đồng thâm nhập Vũ Đô, đều bị quân Tào Công đánh giết tan tành ở đó. Tiên Chủ đóng ở cửa ải Dương Bình, cùng với bọn Uyên-Cáp càn giữ nhau.

Năm thứ hai mươi bốn mùa xuân, Tiên Chủ từ phía nam Dương Bình qua sông Miện, men núi tiến lên, dựa vào địa thế Định Quân sơn lập quân doanh. Uyên dẫn binh đến tranh giành địa thế. Tiên Chủ lệnh cho Hoàng Trung thừa thế ở trên cao thúc trống đánh xuống, đại phá quân Uyên, chém Uyên cùng tam quý tộc Thứ sử Ích Châu của Tào Công là Triệu Ngung. Tào Công từ Trường An cất đại binh nam chinh. Tiên Chủ ở nơi xa nghe được nói rằng: “Tào Công dẫu có lại, chẳng thể làm được gì, ta tất có được Hán Xuyên vậy.” Lúc Tào Công đến, Tiên Chủ thu đại binh giữ đất hiểm, thủy chung không chịu giao phong, hơn tháng không đánh chác gì, quân sĩ bỏ trốn ngày một nhiều. Mùa hạ, Tào Công dẫn quân quay về, Tiên Chủ lấy được Hán Trung. Lại phái bọn Lưu Phong-Mạnh Đạt-Lý Bình⁽²⁸⁾ vây đánh Thân Đàm ở Thượng Dung.

Mùa thu, quần thần tôn Tiên Chủ lên làm Hán Trung Vương, dâng biểu lên Hán Hiến Đế rằng: “Bọn thần là Bình Tây tướng quân Đô Đình hầu Mã Siêu, Tả tướng quân Trưởng sử Trấn quân tướng quân Hứa Tĩnh, Doanh tư mã Bàng Hi, Nghị tào Tông sự Trung lang quân nghị Trung lang tướng Xạ Viên,

***Tam quyết phụ lục chú chép :** Viên tự Văn Hùng, người quận Phù Phong. Họ ấy vốn gốc họ Tạ, cùng với các họ Tạ ở đất Bắc là đồng tộc⁽²⁹⁾. Thủy tổ là Tạ Phục làm tướng quân đi đánh dẹp nơi xa, Thiên tử thấy Tạ Phục chẳng phải là danh tự hay, đổi ra là Xạ, nên con cháu mang họ ấy. Anh Viên là Kiên, tự Văn Cố, thuở nhỏ có danh tiếng tốt, công phủ vờ vào làm Hoàng môn Thị lang, Hiến Đế còn nhỏ, Tam Phụ có nạn đói, Kiên bỏ quan, cùng với em là Viên đi về Nam vào Thục nương nhờ Lưu Chương, Chương lấy Kiên làm Trưởng sử. Lưu Bị lên thay Chương, lấy Kiên làm Thái thú Quảng Hán-Thục Quận. Viên thuở nhỏ cũng có danh, Thái úy Hoàng Phủ Tung yêu tài gả con gái cho, Thừa tướng Gia Cát Lượng lấy Viên làm Tế tửu, rồi thăng làm Tông sự, đang làm quan thì chết.*

Quân sự tướng quân Gia Cát Lượng, Đãng Khẩu tướng quân Hán Thọ Đình hầu Quan Vũ, Chinh Lỗ tướng quân Tân Đình hầu Trương Phi, Chinh Tây tướng quân Hoàng Trung, Trấn Viễn tướng quân Lại Cung, Dương Vũ

tướng quân Pháp Chính, Hưng Nghiệp tướng quân Lý Nghiêm tất cả một trăm hai mươi người dâng lời rằng :

“Xưa Đường Nghiêu là bậc chí thánh mà tứ hung ở trong triều, Chu Thành là hiền tài nhân đức mà tứ quốc làm khó, Cao Hậu xưng chế mà họ Lã trộm mệnh, Hiêu Chiêu nhỏ dại mà Thượng Quan mưu toan thoán nghịch, đầu là cây thế ân sủng, mượn lý lẽ để nắm quyền quân quốc, cùng hung cực loạn, xã tắc nguy nan. Chẳng phải Đại Thuấn, Chu Công, Chu Hư, Bác Lục, ắt chẳng thể lưu đầy kẻ có tội giam cầm kẻ nghịch tặc, yên định an nguy.

Nghĩ đến thánh đức to lớn của Bệ hạ, nắm quyền cai trị muôn bang, nhưng gặp lúc vận hạn khốn khó gian nan. Đồng Trác cầm đầu làm loạn, khuấy động kinh sư, Tào Tháo nổi theo gây vạ, trộm giữ mệnh trời; hoàng hậu thái tử, phải uống rượu độc mà chết, thiên hạ nhiễu loạn, muôn dân bị tàn hại. Bệ hạ phải chịu nỗi phong trần lo buồn khốn khổ đã lâu, ẩn mình ở ngôi hư hão. Chúng thần vô chủ, vương mệnh bị lấn áp, ngôi đế vương bị đè nén, thần khí bị cướp đoạt. Tả tướng quân Nghi thành Đình hầu lĩnh chức Tư lệ Hiệu uý ba châu Dự-Kinh-Ích là Bị, đã nhận phẩm trật của triều đình, nghĩ mình phải ra sức, dẫu có chết vì quốc nạn. Bởi thế nên khi thấy được thời cơ, nổi giận bùng phát, mới cùng với Xa kỵ tướng quân Đồng Thừa mưu toan tru diệt Tháo, để an định quốc gia, đưa vua về cựa đô. Gặp lúc Thừa lo việc không kín, khiến Tháo mặc ý được dịp làm điếu đại ác, tàn hại trong ngoài. Bọn thần vẫn thường sợ vương thất lớn thì có cái họa Diêm Nhạc⁽³⁰⁾, nhỏ thì có cái biến An Định⁽³¹⁾.

Triệu Cao sai Diêm Nhạc giết Nhị Thế. Vương Mãng phế Nhụ Tử làm Định An Công.

Thần đêm ngày lo ngay ngáy, run sợ chẳng dám nghỉ ngơi.

Việc xưa ở Ngu thư, chín đời theo thứ tự, xét đến hai đời nhà Chu, phong tước chia đất cho người cùng họ, Kinh Thi nêu rõ việc ấy là nghĩa, truyền mãi đến muôn đời. Hán triều mới hưng thịnh, cắt chia cương thổ, tôn con em làm vương, bởi thế về sau diệt được cái họa mấy người họ Lã, mà dựng nên nghiệp lớn họ Lưu.

Chúng thần thấy rằng Bị có lòng vì vương thất, là con cháu công hầu, tấm lòng gửi ở quốc gia, luôn nghĩ đến việc dẹp loạn. Mới đây phá được Tào Tháo ở Hán Trung, kẻ anh hùng khắp hải nội ngóng gió mà nường cây,

thế mà tước hiệu chẳng rõ ràng, ngôi cửu tích chưa được thêm, chẳng phải là việc hay để giữ yên xã tắc, là gương sáng cho vạn đời vậy.

Chúng thần kính vâng mệnh ở bên ngoài, lễ chế vương mệnh bị đứt đoạn. Xưa kia Thái thú Hà Tây là Lương Thống đang lúc nhà Hán hưng vượng, ở trong cõi, địa vị quyền thế nào có hơn ai, chẳng thể làm tướng soái, mà được chọn làm nguyên suý thay cho Đậu Dung, rút cục lập lên công lao, dẹp tan được Ngỗi Hiêu. Nay xã tắc gặp nguy nan, Lũng-Thục khốn khó. Tháo ở ngoài nuốt thiên hạ, bên trong hại đồng liêu, triêu đình có mối nguy tường vách, mà kẻ lấn áp chưa thể ngăn chặn, khiến cho y phải run sợ. Chúng thần nương theo điển cũ, phong Bị làm Hán Trung Vương, bái làm Đại tư mã, đốc trách hết lục quân, tập hợp đồng minh, quét sạch kẻ hung nghịch. Lấy Hán Trung-Ba-Thục-Quảng Hán-Kiên Vi lập quốc, tạm chiếu theo phép cũ như chư hầu thời Hán sơ. Đã là phép quyền nghi, ví như có lợi cho xã tắc, chuyên quyền có thể được vậy. Rồi sau này công thành nghiệp dựng, chúng thần xin chịu tội, đầu chết không hề hối hận.”

Rồi cho lập đàn tràng ở Miện Dương, bày đủ các đồ nghi trượng, quần thần đến đông đủ, đọc tấu chương xong, dâng mũ áo lên cho Tiên chủ.

Tiên chủ dâng biểu lên Hán Hiến đế rằng: “Thần nghĩ rằng mình chẳng có tài cán, tự đảm đương gánh vác ngôi thượng tướng, tổng đốc ba quân, phụng mệnh ở bên ngoài, chẳng quét sạch được nạn giặc, ra sức khuông phò vương thất, khiến cho thánh giáo của bệ hạ bị lấn áp đã lâu, trong sáu cõi, bế tắc chưa thông, thần trong lòng lo lắng trần trọc không yên, vạ như có bệnh ở trong đầu.

Ngày trước bởi Đông Trác gây nên loạn lạc, thế nên sau này, bè lũ hung nghịch tung hoành, tàn hại trong ngoài. Nhờ vào thánh đức uy linh của Bệ hạ, nhân thần cùng hưởng ứng, hoặc kẻ trung nghĩa phấn chấn đánh dẹp, hoặc trời cao giáng phạt, kẻ bạo nghịch đều bị giết, dần dần bị tiêu diệt cả. Chỉ còn một Tào Tháo, đã lâu chưa trừ được, dần dà chiếm đoạt quốc quyền, mặc lòng phóng túng gây loạn.

Thần trước đây cùng với Xa kỵ tướng quân Đồng Thừa vạch mưu kế đánh dẹp Tháo, liệu việc chẳng kín, Thừa bị hãm hại, thần trốn tránh không nơi cư trú, có lòng trung nghĩa mà chẳng nên công. Khiến cho Tháo được thể hung hăng cực nghịch, tru lục giết hại cả chủ hậu, mà hoàng tử phải uống rượu độc. Thần dầu tụ họp nghĩa binh, đã cố hết sức mình, song thế

còn yếu kém, năm tháng trôi qua việc cũng chưa thành. Vẫn sợ tâm sức mai một, phụ lại quốc ân, khi thức lúc ngủ mãi thở than, sớm khuya kính sợ mà gắng gỏi.

Nay bọn liêu thuộc của thần cho rằng việc xưa chép ở Ngũ thư chín đời theo thứ tự, mọi người gắng gỏi hết lòng, Ngũ đế thêm bớt, đạo ấy chẳng thể phế bỏ.

Trịnh Huyền chú rằng: Thứ, là mọi người; lệ, là làm nên; tự là thứ tự vậy. Chín dòng theo thứ tự là họ hàng thân thích, mà những kẻ thần tử hết lòng giúp đỡ vậy.

Xét hai đời nhà Chu, chia đất cho những người họ Cơ, thế nên được cậy nhờ Tấn-Trịnh giúp cho hưởng phúc. Cao Tổ nổi lên, tôn ngôi vương cho con em, mở ra chín nước, về sau giết được những người họ Lã, để yên định họ Lưu. Nay Tháo ghét người cương trực trung trinh, bè lũ rất đông, che giấu ác tâm, mưu soán đoạt đã rõ ràng. Tông thất đã suy vi, dòng dõi Đế không ngôi, muốn châm chước phép cổ, tạm mượn quyền nghi, tôn thần lên làm Đại tư mã Hán Trung vương.

Thần suy đi tính lại hai ba lần, đã chịu hậu ân của quốc gia, tự gánh vác việc ở một phương, hết sức mà việc chưa thành, ớn ấy đã là quá, chẳng nên nhọc chiếm ngôi cao để bị người đời mỉa mai mang tội lớn. Nhưng qu ân thần bức bách, lấy nghĩa ép thần. Thần gặt bỏ đi lại nghĩ rằng quân giặc cướp chẳng hết hung hăng, nạn nước chưa qua, tông miếu lâm nguy, xã tắc ngửa nghiêng, nên thần lo lắng nghĩ mình phải gánh vác lấy ngôi đầu. Thuận ứng theo lẽ quyền nghi thông biến, để yên định thánh triều, dẫu xông vào nơi nước lửa, chẳng thể chối từ, mạnh dạn mà lo lắng cái đạo đáng làm, để phòng sau này không hối tiếc. Thế nên thuận theo lời bàn của qu ân thần, bái nhận ấn tể, để tôn cái uy của quốc gia.

Ngẩng lên nghĩ tới tước hiệu, ngôi cao ân hậu, cúi xuống nghĩ rằng phải báo đáp đến cùng, mối lo sâu xa thì trách nhiệm nặng nề, nỗi sợ hãi chất chùng, như dấn thân vào lũng hiểm. Nguyên hết sức hết lòng, để tưởng lệ sáu quân, đốc suất nghĩa binh, ứng trời thuận thời, đánh dẹp kẻ hung nghịch, để yên xã tắc, mong báo ơn muôn một, kính cẩn thảo tấu chương sai dịch thừa dâng lên chúa thượng, xin trao trả chúa thượng chức Tả tướng quân cùng ấn thụ Nghi thành Đình hầu.”

Liền đó về đóng dinh sở ở Thành Đô. Lại đề bạt Ngụy Diên làm Đô đốc, trấn thủ Hán Trung.

Diễn lược chép : Bị liên cho xây dựng quán dịch, chòi canh, từ Thành Đô đến Bạch Thủy quan, hơn bốn trăm chỗ.

Bấy giờ Quan Vũ đánh tướng của Tào Công là Tào Nhân, bắt được Vu Cấm ở Phàn Thành. Ít lâu sau Tôn Quyền tập kích giết chết Vũ, chiếm lấy Kinh Châu.

Năm thứ hai mươi lăm, Ngụy Văn Đế xưng tôn hào, cải niên hiệu là Hoàng Sơ. Có người đưa tin Hán Đế bị hại, Tiên Chủ bèn mặc áo trắng cử tang, truy thụy hiệu là Hiếu Mẫn Hoàng Đế. Sau đó qu ân thần nói rằng gần đây có đi ền lành, nhật nguyệt nổi theo nhau, cho nên các quan Nghị lang Dương Tuyền hầu Lưu Báo, Thanh Y hầu Hướng Cử, Thiên tướng quân Trương Duệ-Hoàng Quy ền, Đại tư mã Chúc Ân Thu ần, Ích châu Biệt giá Tròng sự Triệu Tộ, Trị trung Tòng sự Dương H ồng, Tòng sự Tế tửu Hà Tông, Nghị tào Tòng sự Đỗ Quỳnh, Khuyến học Tòng sự Trương Sảng-Doãn Mặc-Tiểu Chu cùng dâng lời rằng:

“Thần nghe rằng Hà Đ ồ-Lạc Thư, Ngũ kinh Sấm-Vĩ⁽³²⁾, đều do Khổng Tử xét soi sáng tỏ, đã chứng nghiệm từ lâu. Cần trọng tra xét Lạc Thư Chân Diệu Độ có ghi: ‘Đời vua chuộng màu đỏ thứ ba, đức vận xương thịnh⁽³³⁾, sau chín đời đến người tên Bị, hợp với ngôi Đế.’ Lạc Thư Bảo Hào Mệnh có ghi: ‘Trời cai quản đạo đế vương cho người tên Bị xưng làm hoàng đế, lấy chính thống thu lấy đế vị, trăm việc đều nên chẳng thể thất bại.’ Lạc Thư Lục Kỳ Vận có ghi: ‘Cửu hầu thất kiệt tranh nhau, dân chúng róc xương làm củi đun, đều người dẫm đạp trên đường lộ, ai khiến vị chúa tên Huy ền⁽³⁴⁾ sang.’ Hiếu Kinh Câu Mệnh Quyết Lục có ghi: ‘Đế vương ba người hưng khởi, chín đời đến Bị’. Cha thần là Qu ần lúc chưa mất, nói rằng phía tây nam mấy lần có hoàng khí, bốc cao vài trượng, xuất hiện đã lâu năm, lại thường gió tốt mây lành từ sao Thiên Tuyền⁽³⁵⁾ hạ xuống quấn quýt, ấy là đi ền lành phi thường. Lại nữa, giữa năm Kiến An thứ hai mươi hai, mấy lần có đám mây như tinh kỳ, bay từ tây sang đông, lơ lửng giữa trời, Đ ồ-Thư nói rằng ‘Ắt có thiên tử xuất hiện ở phương ấy’. Lại thêm năm ấy sao Thái Bạch-Huỳnh Hoắc-Trấn tinh, thường đi theo Tuế tinh⁽³⁶⁾. Gần đây nhà Hán mới hưng khởi, ngũ tinh cùng tuế tinh hội hợp; tuế tinh chủ nghĩa, ngôi nhà Hán ở phía tây, chính là phương vị chủ nghĩa, cho nên phép chế của nhà Hán là lấy Tuế tinh để chiêm nghiệm bậc nhân chủ. Đương khi thánh chủ nổi dậy ở châu ấy, có ý trung hưng. Bấy giờ Đế⁽³⁷⁾ còn ở Hứa Đô, cho nên qu ân thần không dám tiết lộ. Mới đây Huỳnh Hoắc

lại xâm phạm Tuế tinh, ở khu vực Vị-Mão-Tất⁽³⁸⁾; Sao Mão sao Tất là lưới trời, kinh sách nói rằng ‘Đế tinh lu mờ⁽³⁹⁾, bọn tà nghịch tiêu vong.’ Huý của thánh thượng đã sớm thấy⁽⁴⁰⁾, suy xét thời kỳ ứng nghiệm, phù hợp mấy điềm, chẳng phải chỉ có một mà thôi. Thần nghe bậc thánh vương hành sự trước ý trời mà trời chẳng lìa bỏ, hành sự thuận ý trời thì được thiên thời, cho nên ứng thời vận mà sinh, để tương hợp với thần linh. Mong đại vương ứng lòng trời thuận lòng người, mau chóng dựng nghiệp đế vương, để yên định quốc gia.”

Bọn Thái phó Hứa Tĩnh, An Hán tướng quân Mi Trúc, quân sư tướng quân Gia Cát Lượng, Thái thường Lại Cung, Quang lộc huân Hoàng Quyên, Thiệu phủ Vương Mưu dâng lời rằng:

“Tào Phi thí chúa soán ngôi, chôn vùi ngôi Hán thất, cướp lấy thần khí, bức hiếp kẻ trung lương, tàn ác vô đạo. Quý thần căm giận, đều nghĩ đến họ Lưu. Nay ở trên không có thiên tử, hải nội bàng hoàng, không có chỗ ngóng trông. Quần hạ trước sau dâng sớ hơn tám trăm người, đều nói rõ có điềm lành, và những lời đồ sấm làm chứng có rõ ràng. Gần đây có rồng vàng hiện ra ở Xích Thủy núi Vũ Dương, suốt chín ngày mới tan. Hiếu kinh⁽⁴¹⁾ dẫn lời của Thần Tiệt⁽⁴²⁾ rằng ‘Ân đức đến cùng cực ắt có rồng vàng hiện ra’, rồng, là hình tượng của vua vậy. Hào thứ chín mươi lăm trong quẻ Càn ở sách Chu Dịch⁽⁴³⁾ nói ‘rồng bay ở trên trời’, mà đại vương đang như rồng bay lên, xứng nhận lấy ngôi đế vậy.

Mới đây Quan Vũ vây Phàn Thành-Tương Dương, con trai của Trương Gia-Vương Hưu ở Tương Dương dâng biểu ngọc tử, ngọc tử ấy ẩn dưới sông Hán, nằm ở nơi đáy sâu, ánh sáng rực rỡ chói chang, thần khí sáng rọi đến tận trời. Nhà Hán ta, trước kia Cao Tổ nổi dậy yên định thiên hạ mà xưng quốc hiệu, giờ đại vương noi theo phép xưa của Tiên đế, cũng dấy lên ở Hán Trung. Nay ngọc tử của Thiên tử trước đây lại sáng tỏ, mà ngọc tử ấy hiện ra ở Tương Dương, cuối dòng Hán thủy, minh đại vương nhận ngọc tử ấy ở hạ lưu, ấy là ngôi vị Thiên tử được trao cho đại vương, điềm lành ứng với thiên mệnh, chẳng phải sức người làm được vậy.

Xưa kia nhà Chu có điềm Ô Ngưu⁽⁴⁴⁾, mọi người nói rằng đó là việc tốt lành. Chúa thượng vâng mệnh hai tô⁽⁴⁵⁾, Đồ Thư báo trước, đã chứng nghiệm rồi vậy. Nay trời cao báo điềm lành, quần nho anh tuấn, đều dẫn sách Hà Đồ-Lạc Thư, cùng lời sấm ký của Khổng Tử, hết thảy đều đủ cả.

Chúng thần quỳ xuống kính cẩn suy ngẫm rằng Đại vương là dòng dõi của Trung Sơn Tĩnh Vương Hiếu Cảnh Hoàng Đế, dòng chính dòng phụ trăm đời⁽⁴⁶⁾, thiên địa giáng phúc, đại vương tư thái thần thánh kì vĩ, uy vũ như thiên thần, nhân đức chông chất trùm đời, ưu ái dân chúng tôn kính kẻ sĩ, vì thế bốn phương dốc lòng theo về Chúng thần khảo sát linh đồ, suy nghĩ sấm vĩ, trăm triệu của thần minh, huý danh sáng tỏ. Vậy nên đại vương sớm lên ngôi đế, để tế lễ nhị tổ, nối nghiệp tổ tiên, thì thiên hạ may mắn. Chúng thần kính cẩn giao cho Bác sĩ Hứa Từ, Nghị lang Mạnh Quang, kiến lập lễ nghi, chọn giờ lành, để chúa thượng xưng tôn hiệu.”

Tiên Chủ bèn lên ngôi đế ở núi Vũ Đam phía nam Thành Đô.

*Thực bản kỷ chép : Ở Vũ Đô có kẻ trượng phu hoá làm người con gái, nhan sắc rất đẹp, như giống tinh ở trong núi vậy. Thục vương lấy làm vợ, vì không quen thủy thổ, bị ốm chết muốn được đưa về nước, Thục vương giữ lại, chẳng kể gì đến việc người ấy đã chết. Sau Thục vương cho binh lính đào huyệt ở đất Đam thuộc Vũ Đô, rồi an táng ở ngay trong Thành Đô, đắp mộ rộng mấy mẫu đất, cao mười trượng, gọi là Vũ Đam. **Thần Tùg Chi** : xét, Vũ Đam, là tên núi, ở tây bắc Thành Đô, quê Càn phương vị ở phía tây bắc, cho nên mới đến đó lên ngôi đế.*

Lại làm bài văn tế rằng: “Duy năm Kiến An thứ hai mươi sáu tháng tư ngày Bính Ngọ, Hoàng đế là Bị tiến dụng ngôi huyên mẫu, cáo rõ với Hoàng thiên Thượng đế hậu thổ thần kỳ: Nhà Hán có thiên hạ, số vận dài đến vô cùng. Xưa kia Vương Mãng soán đạo, Quang Vũ hoàng đế nổi giận lôi đình tru diệt đi, xã tắc lại còn. Nay Tào Tháo cậy quyền binh làm chuyện tàn nhẫn, tru lục cả chủ hậu, đầy trời ngập đất, tội trạng đã rõ ràng. Con Tháo là Phi, lại làm chuyện hung nghịch, cướp giữ ngôi thần khí. Quần thần tướng sĩ cho rằng xã tắc đã đổ nát, nên Bị phải kế vào, tiếp nối cơ nghiệp của hai tổ, tuân kính mệnh trời đánh kẻ có tội.

Bị nghĩ mình vô đức, sợ làm nhục đến ngôi Đế. Hỏi đến thứ dân, cùng các trưởng quan Man Di ngoài cõi, mọi người đều nói rằng ‘thiên mệnh chẳng thể bỏ ngôi không, cơ nghiệp của tổ tiên chớ nên để suy đồi, bốn bề chẳng thể không có chủ’. Cả thiên hạ trông ngóng, chỉ còn có một mình Bị. Bị sợ mệnh sáng của trời, lại sợ ngôi Hán sẽ bị chôn vùi xuống đất, cần trọng chọn ngày lành, cùng trăm quan đảng đàn, nhận tử thụ Hoàng đế. Cho sửa sang đồ lễ, cáo tế với thiên thần, mong thần linh hưởng lộc giúp cho nhà Hán, bốn bề được vĩnh viễn yên vui!”

Ngụy thư chép : Bị nghe tin Tào Công chết, sai phó quan là Hàn Nhiễm dâng điều thư, lại gửi đồ lễ phúng viếng. Văn Đế ghét cái việc nhân lễ tang cầu thân, mệnh cho Thứ sử Kinh Châu chém Nhiễm, tuyệt đường sứ mệ nh.

Diễn lược chép : Bị phái tham mưu duyện Hàn Nhiễm mang điều thư, lại dâng gấm vóc. Nhiễm xưng có bệnh, ở lại Thượng Dung. Từ Thượng Dung dâng thư lên, gặp lúc thọ chung⁽⁴⁷⁾, có chiếu thư hồi đáp cho Nhiễm được vào châu. Bị được thư hồi đáp, bèn xưng chế.

Năm Chương Vũ nguyên niên mùa hạ tháng tư, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu. Lấy Gia Cát Lượng làm Thừa tướng, Hứa Tĩnh làm Tư đồ. Đặt ra trăm quan, xây dựng tông miếu, hợp tế ở miếu Cao Hoàng đế.

Thần Tùng Chi : cho rằng Tiên Chủ dẫu rằng xuất thân từ dòng dõi Hiếu Cảnh, nhưng bao nhiêu đời đã quá xa, chiêu mục khó rõ ràng⁽⁴⁸⁾, đã nối ngôi Hán, chẳng biết vì sao Đế lấy ông tổ mới để lập tông miếu. Mà lúc bấy giờ có hiền tài phụ giúp, các bậc nho sinh ở trong cung, chế độ tông miếu, hẳn có chương pháp, mà lại ghi chép thiếu sót qua loa, thật đáng giận thay.

Tháng năm, lập Ngô thị làm Hoàng hậu, con là Thiệu làm Hoàng Thái tử. Tháng sáu, lập con là Vĩnh làm Lỗ vương, Lý là Lương vương. Xa kỵ tướng quân Trương Phi bị tả hữu hại. Khi trước, Tiên Chủ hận Tôn Quyền tập kích Quan Vũ, sắp đông chinh, đến mùa thu tháng bảy, bèn thống suất ba quân phạt Ngô. Tôn Quyền gửi thư xin hoà, Tiên Chủ nổi giận dùng dùng không nghe, Ngô tướng là bọn Lục Nghị⁽⁴⁹⁾-Lý Dị-Lưu A đóng quân ở Vu huyện-Tỷ Quy; tướng quân Ngô Ban-Phùng Tập ở Vu huyện tấn công đánh tan bọn Dị, rồi dừng quân ở Tỷ Quy, các tộc Man Di ở Ngũ Khê quận Vũ Lăng sai sứ đến cầu bình.

Năm thứ hai mùa xuân rằm tháng giêng, quân của Tiên chủ về lại Tỷ Quy, thủy quân của các tướng Ngô Ban-Trần Thúc đóng ở Di Lăng, giáp với bờ tây xứ Giang Đông. Tháng hai, Tiên Chủ từ Tỷ Quy dẫn chư tướng tiến quân, men theo núi Tiệt Lĩnh, ở Di Đạo xứ Hào Đình đóng doanh trại, men núi Giáp thông sang Vũ Lăng, phái Thị Trung là Mã Lương yên ủi rợ Man Di ở Ngũ Khê, các tù trưởng đều hưởng ứng. Trấn bắc Tướng quân Hoàng Quyên làm Đô đốc các quân ở Giang Bắc, cùng với quân Ngô cự nhau ở Di Lăng đạo. Mùa hạ tháng sáu, có luồng khí màu vàng hiện ra ở Tỷ Quy trong vòng mấy chục dặm, rộng đến mấy chục trượng. Hơn chục ngày sau, Lục Nghị đại phá quân Tiên Chủ ở Hào Đình, tướng quân Phùng Tập-Trương Nam đều bị chết. Tiên Chủ từ Hào Đình chạy về Tỷ Quy, thu hợp binh sĩ li tán, rồi bỏ thuyền, theo đường bộ chạy về Ngự Phúc, đổi

huyện Ngự Phúc thành Vĩnh An. Ngô sai tướng quân Lý Di-Lưu A ngấm bám theo quân của Tiên Chủ, đóng binh ở Nam Sơn. Mùa thu tháng tám, thu binh trở về Tư đồ Hứa Tĩnh chết. Mùa đông tháng mười, chiếu cho Thừa tướng Lượng lập quân doanh suốt từ nam lên Bắc tới Thành Đô. Tôn Quyền hay tin Tiên Chủ đóng ở Bạch Đế, rất sợ, sai sứ đến xin hoà. Tiên Chủ đồng ý, sai Thái trung đại phu Tông Vĩ đến đáp mệnh. Mùa đông tháng mười hai, Hán gia Thái thú Hoàng Nguyên nghe tin Tiên Chủ ốm không đến thăm, cất binh chống lại.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, Thừa tướng Lượng từ Thành Đô đến Vĩnh An. Tháng ba, Hoàng Nguyên tiến binh đánh huyện Lâm Cung. Triều đình phái tướng quân Trần Hốt đánh dẹp Nguyên, quân Nguyên bị thua, thuận theo sông xuống hạ lưu, bị thân binh bắt trời lại, đem về Thành Đô, bị chém. Tiên Chủ ốm nặng, phó thác con côi cho Thừa tướng Lượng, Thượng thư lệnh Lý Nghiêm làm phó. Tháng tư mùa hạ ngày Quý Tỵ, Tiên Chủ băng ở Vĩnh An cung, bấy giờ sáu mươi ba tuổi.

Gia Cát Lượng tập chếp lại di chiếu của Tiên Chủ sắc mệnh cho Hậu Chủ rằng: “Trẫm lúc mới ốm chỉ mắc bệnh lị mà thôi, sau chuyển sang tạp bệnh, sợ rằng chẳng qua khỏi. Người ta năm mươi tuổi chẳng nói là yếu, ta đã hơn sáu mươi tuổi, sao phải ân hận nữa, chẳng đau xót gì cho mình, chỉ nghĩ đến anh em khanh. Quan Bộc xạ tới đây, nói rằng Thừa tướng khen khanh sáng suốt hiểu biết, tiến bộ rất mau, vượt quá ước vọng của y, nếu thực được như thế, ta sao còn phải lo lắng nữa! Gắng lên, gắng lên! Chớ vì điếu ác nhỏ mà làm, chớ vì điếu thiện nhỏ mà không làm. Chỉ có hiên chỉ có đức, mới có thể thu phục được người. Cha các người đức bạc, chớ nên bắt chước. Người nên đọc sách Hán thư-Lễ ký, những lúc nhàn nhã nên xem các sách của Chư tử cùng với Lục Thao-Thương quân thư⁽⁵⁰⁾, cũng giúp tăng thêm ý chí và trí tuệ. Nghe nói Thừa tướng chỉnh lý các sách Thân-Hàn-Quản tử-Lục Thao⁽⁵¹⁾ đều thông suốt hết cả, chưa đưa ra ngoài, e rằng lỗi đạo, người nên phải tự thân đến cầu học lấy.”

Lúc lâm chung, Tiên Chủ cho gọi Lỗ vương đến dặn nhỏ rằng: “Sau khi ta mất, anh em chúng mày phải coi Thừa tướng như cha, lệnh cho người làm cộng sự giúp cho Thừa tướng mà thôi.”

Lượng dâng biểu lên Hậu Chủ rằng: “Thần quỳ xuống kính cẩn nghĩ rằng Đại hành Hoàng đế có lòng nhân hơn người gây dựng đức chính, phúc đến cỗi vô cùng, trời xanh chẳng xót thương, bệnh tật cứ ngấm dần, hôm

nay ngày mười bốn tháng hai đã chợt vội đi xa, thần thiếp kêu gào, như cha mẹ mất. Nghĩ đến di chiếu, là việc lớn tổ tông, trên dưới phải động lòng; trăm qua cử ai, trừ phục hết ba ngày, đến khi an táng lại theo như lễ; Thái thú các quận quốc, những bậc quan tướng, Đô úy, Trưởng huyện lệnh, ba ngày mới được bỏ áo tang. Thần là Lượng thân chịu sắc giới, kính sợ thần linh, chẳng dám phạm lỗi lầm. Thần xin tuyên rõ để người dưới phụng mệnh thi hành.”

Tháng năm, đem áo quan từ Vĩnh An cung về Thành Đô, đặt thuy là Chiêu Liệt Hoàng Đế. Mùa thu, tháng tám, an táng ở Huệ lăng.

Cát Hồng thân tiên truyện chép : Vị tiên nhân Lý Ý, là người Thục. Người đời kể lại, rằng người ấy sống vào thời Hán Văn Đế⁽⁵²⁾. Tiên chủ muốn phạt Ngô, sai người nghênh đón Ý. Ý đến nơi, Tiên chủ lấy lễ đón tiếp rất cung kính, hỏi việc lành dữ. Ý không đáp mà xin giấy bút, vẽ ra binh mã khí tượng vào mây chực tờ giấy, xong rồi lấy tay nhất nhất xé nát hết đi, lại vẽ ra một người to lớn, đào đất chôn cất người chết, xong bỏ đi thẳng. Tiên chủ rất không vui. Từ khi xuất quân đánh Ngô, đại bại trở về, lấy làm hổ thẹn phần hận rồi phát bệnh chết, mọi người mới hiểu được ý tứ của Ý. Vẽ một người to lớn chôn cất người chết, tức là ý nói rằng Tiên Chủ chết vậy.

Bình rằng : Tiên Chủ là người cương nghị khoan hoà nhân hậu, hiểu lòng người kính kẻ sĩ, có phong độ của Hán Cao Tổ, có khí chất của bậc anh hùng. Đến lúc trao việc nước thác con côi cho Gia Cát Lượng, mà lòng không ngờ vực, tin rằng vua tôi đều chí công, là điều chưa từng thấy xưa nay vậy. Cơ mưu quyền biến tài cán thao lược, chẳng theo kịp Ngụy Vũ⁽⁵³⁾, bởi thế cơ nghiệp gây dựng được cũng hạn hẹp. Nhưng vấp ngã mà chẳng sòn lòng, sau cùng chẳng chịu ở dưới người, có lẽ là suy đoán rằng sự độ lượng của kẻ kia⁽⁵⁴⁾ ắt hẳn chẳng dung được mình, nên chẳng những tranh cái lợi, mà còn tránh hoạ cho mình vậy.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Niên hiệu đời Hán Vũ đế.
- (2) Đời Hán Vũ đế, khi tế tự tông miếu thì những người trong tông thất ở trước hầu phải rót rượu dâng vàng làm lễ.
- (3) Túc là ông nội.
- (4) Úy là chức quan quản việc quân sự, khác với chức Lệnh là chuyên lo việc dân sự.
- (5) Túc là dây thắt lưng trong y phục của tầng lớp quan chức thời ấy.
- (6) Sách Tam Quốc diễn nghĩa dịch địa danh này là Hạ Phì.
- (7) Đây là chức huyện thừa, tức giúp việc cho quan huyện.
- (8) Túc Viên Thuật.
- (9) Túc là những chức quan Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Đây là ba ngôi vị đứng đầu triều chính. Gia đình nhà Viên Thiệu bốn đời có năm người giữ ngôi Tam công.
- (10) Đó là Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Sở Trang Vương, Tống Tương Công và Tần Mục Công.
- (11) Lỗi xưng hô của người dưới với người có danh vị ở trên, cũng như ta gọi lãnh đạo của mình là sếp vậy.
- (12) Từ Châu và Dương Châu.
- (13) Túc là người già cả.
- (14) Chỉ Viên Thiệu.
- (15) Quách Đa tức là Quách Á Đa là tên tự của Quách Dĩ. Lý Thôi và Quách Dĩ đều là bộ tướng của董卓 Trác, từng bức hiếp Hiến Đế ở Trường An ngày trước.
- (16) Chi tiết này rất thú vị đáng để ý. Xưa kia Vương Tử Sở là con của Hiếu Văn Vương nước Tần làm con tin ở nước Triệu, Lã Bất Vi dùng tiên

mua chuộc người nước Triệu đưa Tử Sở về Tần, sau xếp đặt để Tử Sở lên làm vua nước Tần. Tại sao Đồng Thừa lại nói chuyện như vậy với Vương Tử Phục? Liệu có phải Thừa nói đến việc lật đổ Tháo để sau này làm vua Hán thay Hiến Đế? Vậy thì Vương Tử Phục này là một vị hoàng tử, con của Linh Đế? Hoàn Đế? là những vị vua Hán ngay trước thời Hiến Đế đó chăng?

(17) Tức Tôn Quyền, Quyền lúc đó giữ chức Thảo Lỗ tướng quân.

(18) Trỏ vùng đất ở quanh Trường Giang.

(19) Tức là quân Thanh Châu, Từ Châu. Ý nói đến quân của Tào Tháo vậy.

(20) Đây là kinh sư nước Ngô.

(21) Giặc gao.

(22) Coi việc của Đại tư mã, tức là tạm nắm quyền chỉ huy quân đội.

(23) Bạch Thuỷ vốn thuộc vùng Quan Trung, ý ở đây nói rõ ra là sau khi Bị giết Đô đốc Bạch Thuỷ thì đến đó thu hàng quân sĩ cùng vợ con họ ở nơi ấy.

(24) Truyện Tam Quốc diễn nghĩa dịch tên nhân vật này là Lưu Hội.

(25) Không rõ phải dịch thế nào, từ điển chú thích rằng ‘Tân hữu’ tức là ‘vừa là khách vừa là bạn’.

(26) Nguyên người này tên thật là Ngô Ý, song Trần Thọ viết sử vào đời Tấn phải tránh tên huý của Tư Mã Ý nên viết chệch tên thành Ngô Nhất.

(27) Đông thuộc Ngô, Tây thuộc Thục.

(28) Tức Lý Nghiêm, lúc này Nghiêm đổi tên thành Bình.

(29) Cùng một họ.

(30) Nhị Thế tức Hồ Hợ, chuyện này xảy ra sau khi Tân Thuỷ Hoàng tạ thế mấy năm.

(31) Nhụ Tử tức Nhụ Tử Anh, chuyện này xảy ra vào cuối thời Tây Hán.

(32) Hà đồ, Lạc thư, Sấm vĩ là những sách cổ chuyên về thiên văn bói toán và lời sấm.

(33) Nguyên văn ‘Xích tam nhật đức xương’. Xưa Hán Cao Tổ Lưu Bang chém rắn trắng khởi nghĩa lập nên nhà Hán, gọi là Xích Đế (đời thứ nhất). Đến khi Quang Vũ Đế Lưu Tú diệt Vương

Mãng trung hưng nhà Hán (đời thứ hai). Nay đến Lưu Bị là đời thứ ba vậy.

(34) *Huyền Đức.*

(35) *Sao Bắc đẩu, đây là ngôi sao luôn đứng yên ở phía Bắc bầu trời, người ta thường lấy nó để định phương hướng.*

(36) *Chỗ này nhắc đến một loạt các ngôi sao trong Nhị thập bát tú, hai mươi tám ngôi sao này chia ra bốn phương, mỗi phương gồm bảy ngôi, có ý nghĩa rất quan trọng đối với thiên văn cổ xưa của Trung Hoa, đặc biệt với các bậc đế vương, theo quan niệm thiên tử chịu mệnh trời.*

(37) *Chỗ này nhắc đến việc Bị đang ở đất Hứa với Tào Tháo, có mưu toan với Đồng Thừa việc diệt Tháo, Đế ở đây là nhắc đến Hiến Đế vậy.*

(38) *Là ba ngôi sao trong Nhị thập bát tú, các sao này nằm ở trung khu của các thiên thể.*

(39) *Nguyên văn câu này là ‘đế tinh xử chi, chúng tà tiêu vong’, chữ xử có nghĩa là ở ẩn, tức là không thấy nữa, ở đây theo nghĩa dịch là lu mờ. Nguyên lai sao Huỳnh Hoắc tức Hoả tinh, đây không phải một ngôi sao, chỉ là một hành tinh như trái đất của chúng ta, vì nó ở gần trái đất nên nó rất sáng, sáng nhất trên bầu trời đêm, chỉ kém mỗi mặt trăng và sao Kim (tức sao Thái Bạch), nó chạy trên đường hoàng đạo, vậy nên khi nó đi vào địa phận lưới trời (tức vị trí Mão, Tuất) sẽ làm các sao khác bên cạnh lu mờ vì độ sáng của nó. Người xưa coi Huỳnh Hoắc là ngôi sao chủ việc hung nghịch càn dỡ vậy. Người Hy Lạp gọi nó là Ares, vị thần chiến tranh.*

(40) *Thấy ở các sách Ngũ kinh, Sấm Vĩ, Lạc Thư, Hà Đồ kẻ trên.*

(41) *Hiếu Kinh là bộ sách chép lời của Khổng Tử nói với Tăng Tử về đạo hiếu.*

(42) *Ông Tiết là thuỷ tổ của nhà Thương, khi trước là bày tôi hiền tài của vua Thuấn.*

(43) *Chu Dịch là sách bói toán, nghe nói do Chu Công Đán soạn ra, sau này Khổng Tử soạn lại, chính là bộ Kinh Dịch nổi tiếng hiện nay.*

(44) *Ô Ngưu là con cá đen, không rõ đây là điển tích gì.*

(45) *Nhị tổ ở đây tức là Hán Cao Tổ Lưu Bang dựng nghiệp Tây Hán và Hán Quang Vũ Lưu Tú dựng nghiệp Đông Hán.*

(46) Nguyên văn là ‘bồn chi bách thể’, bồn là ngành trưởng, chi là ngành thứ, dịch thoát ý.

(47) Thọ chung là nói Tháo mới chết.

(48) Theo thứ tự lễ nghi tông miếu thời cổ thì một đời là hàng chiêu, hai đời là hàng mục, bên tả là hàng chiêu, bên hữu là hàng mục.

(49) Tức Lục Tốn.

(50) Hán Thư là bộ sử do Ban Cố đời Hán soạn ra, Lễ ký là bộ sách cổ nói về lễ nghĩa do Khổng Tử chỉnh lý, Lục Thao là sách binh thư do Khương Tử Nha soạn ra, Thương quân thư là sách dạy về quyền thuật của Thương Ưởng người nhà Tần soạn.

(51) Chỉ các cuốn sách của Thân Bất Hại, Hàn Phi Tử, Quản Trọng, Khương Tử Nha soạn ra, đều là những sách nói về cái thuật trị quốc và binh pháp.

(52) Hán Văn Đế là vua nhà Tây Hán, lên nối ngôi Hán Vũ Đế, thời ấy cách thời của Lưu Bị chừng ba trăm năm.

(53) Tức Tào Tháo.

(54) Kẻ kia tức là Tào Tháo vậy.

QUYỂN 3 - HẬU CHỦ

HẬU CHỦ TRUYỆN

Hậu Chủ huý Thiện, tự Công Tự, con trai Tiên Chủ. Năm Kiến An thứ hai mươi tư, Tiên Chủ lên làm Hán Trung vương, lập (Hậu Chủ) làm vương Thái Tử. Đến khi xưng tôn hiệu ⁽¹⁾ có sắc⁽²⁾ phong rằng: "Duy ngay Tân Tị tháng năm năm Chương Vũ thứ nhất. Hoàng Đế thuận nói: Thái Tử Thiện, trầm gập lúc vận mệnh nhà Hán lâm nguy, bọn phản thần tặc tử tiếm đoạt. Xã tắc không người làm chủ, định ra khuôn phép cho mọi người, tu hợp chính đạo. Thuận theo mệnh trời, trầm nổi ngôi báu. Nay lấy Thiện làm Hoàng Thái Tử, kế thừa tông miếu, cung kính xã tắc. Lệnh cho người phụng mệnh cần cù tiết là Thừa tướng Lượng khoan hãy trao ấn tín (Thái Tử cho Thiện). Cung kính lắng nghe các bậc sự phụ (xem Thiện) mọi việc có đâu đạt được "hành nhất vật nhi tam thiện"⁽³⁾ hay chưa. Có thể không cần gượng ép (mà trao chức) vậy!"

Lễ ký phần bàn về sự học nói: Người "hành nhất vật nhi tam thiện" duy chỉ có bậc Thế Tử mà thôi. Trịnh Huyền⁽⁴⁾ sau này nói: chữ "vật" giống như "sự" vậy.

Tháng tư mùa hạ năm Chương Vũ thứ ba, Tiên Chủ hoẵng ở Vĩnh An cung.

Tháng năm (cùng năm), Hậu Chủ lên nối ngôi ở Thành Đô, lúc đó mười bảy tuổi. Tôn Hoàng Hậu làm Hoàng Thái Hậu, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu.

Ngụy lược chép : Trước Bị ở Tiểu Bái, không ngờ quân Tào Công (đánh) tới, kinh hoảng bỏ cả gia quyến, sau chạy vào Kinh Châu. Thiện lúc đó mới vài tuổi, thay đổi tên họ bỏ trốn, theo người ta chạy sang phía tây vào địa phận Hán Trung rồi bị họ đem bán. Đến năm Kiến An thứ mười sáu, Quan Trung loạn lạc, một người Phù Phong lưu tán chạy nạn vào Hán Trung mua được Thiện. (Người ấy) hỏi ra, biết Thiện là con nhà tử tế bèn nuôi như con, còn giúp (Thiện) lấy vợ, sinh được một con. Lúc trước Thiện với Bị lạc nhau, còn biết được cha mình tự là Huyền Đức. (Bị) có người thân cận mang họ Giản. Khi Bị chiếm Ích Châu liền dùng Giản làm tướng quân. Giản được Bị sai đến Hán Trung, nghỉ tại phòng trọ

dành cho sứ tiết trong đô thành. Thiện bèn đến bái phỏng Giản. Giản tra vấn thẩm định, thấy mọi sự việc bằng chứng đều tương hợp, mừng rỡ nói lại chuyện với Trương Lỗ. Lỗ bèn sai tầy trần tắm gội (cho Thiện) rồi đưa vào Ích Châu. Bị lập (Thiện) làm Thái Tử, lúc đầu lấy Gia Cát Lượng làm Thái Tử Thái Phó. (Sau) đến khi Thiện lên ngôi, dùng Lượng làm Thừa tướng, uỷ thác mọi việc. Lại nói với Lượng: "Chính là họ Cát đã cứu Quả nhân". Lượng cũng vì Thiện chưa thông thuộc chính sự bèn tổng quản công việc trong ngoài.

Thần Tòng Chi : bàn rằng: Nhị Chủ Phi Tử truyện chép 'Hậu Chủ sinh ở Kinh Châu'. Hậu Chủ truyện chép 'khi lên nối ngôi mười bảy tuổi'. Như vậy (Hậu Chủ) sinh vào năm Kiến An thứ mười hai. Năm (Kiến An) thứ mười ba thua ở Trường Bản, Bị chạy bỏ cả vợ con. Triệu Vân truyện chép 'Vân tự mình ôm con nhỏ chạy thoát' chính là Hậu Chủ vậy. Như thế Bị cùng Thiện chưa từng thất lạc. Lại có Gia Cát Lượng sau khi Thiện lên ngôi một năm lĩnh chức Ích Châu Mục, trong năm đó bút đàm với Chủ Bộ Đỗ Vi viết 'Triều Đình⁽⁵⁾ nay mười tám tuổi', cùng vợ truyện về Thiện là phù hợp, thứ tự không có gì sai lạc. Cho nên, Ngụy lược nói Bị bại ở Tiểu Bái, Thiện lúc ấy tuổi vừa mới sinh, đến khi chạy vào Kinh Châu, có thể biết cha tự là Huyền Đức, đại khái khoảng năm sáu tuổi. Bị bại ở Tiểu Bái vào năm Kiến An thứ năm, tính đến khi Thiện lên ngôi, trước sau là hai mươi tư năm. Thiên tượng ứng phải quá hai mươi tuổi. Lấy sự việc so sánh với nhau lý lẽ là không đúng. Như vậy tất thuyết ở Ngụy lược là xằng bậy vậy mà đến hai trăm năm sau vẫn còn được đem ra đàm luận, thật là lạ vậy. Lại xét các sách vở ghi lại cùng Gia Cát Lượng tập cũng không thấy nói Lượng từng làm Thái Tử Thái Phó.

Mùa hạ năm Kiến Hưng nguyên niên, Tang Ca Thái Thú Chu Bao chiếm quận làm phản.

Ngụy Thị Xuân Thu chép : Ban đầu, Ích Châu Tòng Sự Thường Phòng đi xếp đặt công việc, nghe tin Bao có lòng khác, bèn bắt Chủ Bộ (của Bao) tra khảo xét hỏi rồi giết đi. Bao phẫn nộ tấn công giết chết Phòng, vu (cho Phòng) tội mưu phản. Gia Cát Lượng giết các con Phòng, lại đây bốn người em Phòng đi Việt Tuyền, muốn làm yên lòng (Bao). Bao vẫn không chừa mà sửa đổi, dấy quân trong quân làm phản hưởng ứng Ung Khải.

Thần Tòng Chi : bàn rằng: Phòng là bị Bao vu hãm, người chấp chính nên gạt bỏ xét đoán, sao lại có chuyện vì an định mà tùy tiện giết người vô tội để làm đẹp lòng kẻ gian tặc được, chỗ này chắc không đúng vậy.

Từ trước, quận Ích Châu có họ lớn của Ung Khải làm phản, bắt Thái Thú Trương Duệ giải sang Ngô, chiếm quận không theo mệnh lệnh. Di vương ở Việt Tuyền là Cao Định cũng dấy loạn. Năm ấy (Hậu Chủ) cưới Hoàng Hậu Trương thị. Lại sai Thượng Thư lang Đặng Chi sang sứ kết thân với

Ngô. Ngô vương sai sứ đáp lễ giảng hoà với Thục. Cùng năm (hai bên) qua lại hoà hảo.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ hai, chuyên cần cấy cấy trồng tọt lương thực, đóng cửa an dân.

Tháng ba, mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ ba, Thừa tướng Lượng đi đánh bốn quận phía nam. Bốn quận đều bình định được. Đổi tên quận Ích Châu thành quận Kiến Ninh. Chia (một phần) quận Kiến Ninh và (một phần) quận Vĩnh Xương lập ra quận Vân Nam. Lại chia (một phần) quận Kiến Ninh và (một phần) quận Tang Ca lập ra quận Hưng Cổ. Tháng mười hai (năm đó) Lượng quay về Thành Đô.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ tư. Đô Hộ Lý Nghiêm từ Vĩnh An trở về đóng ở Giang Châu, xây một thành lớn.

Nay là thành cũ của Ba Quận.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ năm, Thừa tướng Lượng dẫn quân ra đóng đồn ở Hán Trung, lập doanh trại trên sông Miện, phía bắc đường lớn Dương Bình.

Gia Cát Lượng tập chép : Tháng ba Thiện hạ chiếu rằng: "Trẫm nghe đạo của đất trời, phúc ở lòng nhân mà hoạ do buông thả. Gom góp điều nhân là hưng thịnh, tích góp điều ác là huỷ diệt, đây là chuyện cổ kim thường thấy vậy. Như Thang, Vũ sửa đức mà thành vua; Kiệt, Trụ bạo tàn mà bị diệt. Xưa kia gặp lúc phúc khí nhà Hán suy vi, lưới trời bỏ sót kẻ gian ác hung tàn. Đồng Trác gây ra tai hoạ làm hư hoại chấn động kinh đô. Tào Tháo là duyên do của tội ác, lén giữ quyền lực chí cao, tàn hại khắp cả nước, trong lòng không biết đến quân vương. Đứa trẻ mồ côi đứng một mình, lại dám đảo lộn ngôi thứ, cướp đoạt thần khí, thay họ đổi việc, làm nên sự tích xấu xa một thời. Vào lúc bấy giờ, đất trời tằm tối, thiên hạ vô chủ, chính là lúc vận khí của vua ta trải qua cơn suy biến. Chiêu Liệt Hoàng Đế⁽⁶⁾ riêng mình tỏ rõ đức sáng, quang minh xiển dương văn vũ, ứng với vận khí đất trời, ra tay dẹp loạn, mưu tính chuyện khắp bốn phương, thân người đều phò trợ, trăm họ cùng chung lo. Muôn dân hớn hở tôn phò. Kính vâng theo diêm triệu tốt lành, lập nên tôn hiệu, kế thừa thứ tự trời ban, sửa chữa hình thế khó khăn, hưng thịnh thời buổi suy bại, khôi phục lại sự nghiệp của tổ tông, gánh vác giếng môi lớn lao, không để tán thất rụng rơi xuống đất. Nhưng nhiều vùng còn chưa an định, (Tiên Đế) đã vội sớm xa lìa nhân thế. Trẫm còn thơ dại, nối theo nắm giữ cơ đồ, chưa quen huấn thị dạy dỗ, nhưng lấy ràng buộc của tổ tông làm trọng. Sáu cõi chưa vun đắp được, xã tắc chưa dựng xây xong, là điều (trẫm) luôn ưu tư mãi, mong được nâng đỡ cứu vớt làm rạng rỡ sự nghiệp trước kia. Chưa làm nên việc, trẫm rất lấy làm sợ hãi. Do đó thức khuya dậy

sớm, không dám nghỉ ngơi, luôn theo một đường cần kiệm mong làm lợi cho việc nước. Khích lệ người có thân phận chuyên tâm vào việc trồng cấy để mau giàu mạnh sức dân, giao cho bậc hiền năng ngay thẳng đảm đương chức vị để có thể nghe lời can gián đàn hặc. Đoạn tuyệt hàng ý riêng tư mà nuôi tước sĩ. Những mong vùng kiếm bốn tâu đường xa, trở đánh kẻ loạn tặc, hồng kỳ chưa vội phất, thì Phi sớm là đời, thật là củi ta chưa đốt mà đã tự cháy. Nhưng loài tàn ác có thừa như nhuốc vẫn nghênh ngang phóng túng ở vùng Hà, Lạc⁽⁷⁾, ngăn trở chẳng để việc binh được nghỉ ngơi. Gia Cát thừa tướng cương nghị trung trinh, dốc lòng vì nước, (vì thế) Tiên đế trao việc thiên hạ, phù trợ quả nhân. Nay ban cho mao việt, cùng với phó thác trọng quyền, thống lĩnh bộ kỵ hai mươi vạn binh, nắm giữ nguyên nhung, thay trời tru phạt, trừ hoạn dẹp loạn, chiếm lại kinh đô, chính là dịp này. Ngày xưa, Hạng Tịch⁽⁸⁾ binh tướng hùng mạnh, chiếm đất nuốt châu, công nghiệp lớn lao, cuối cùng binh bại Cai Hạ, chết tại thành đông. Tông tộc giết nhau, bêu xấu ngàn năm. Nguyên do là vì không theo đạo nghĩa, lấn hiếp người trên, ngược đãi kẻ dưới vậy. Ngày nay kẻ giặc bức vua, trời người đều oán. Nay được lệnh rồi, việc quân nên chóng, nhờ hồng phúc tông tông tương trợ, đánh đâu thắng đó. Ngô vương Tôn Quyền đông lòng thương xót dân chúng tao loạn, giấu quân cùng mưu, lập thế ỷ giốc phía sau. Quốc quân các tộc vùng Lương châu ra lệnh cho chư hầu người Hồ nước Nhục Chi, Khang Cư đóng góp tiền của, hơn hai mươi người nước Khang Trục nhận chức Tiết Độ, đại quân bắc tiến, thống xuất binh mã, giương giáo đi đâu. Thiên mệnh đã đây, nhân sự lại đủ, binh hùng thế mạnh, ắt phải vô địch. Phàm đao quân vương đạo, đã xuất chinh ắt chiến thắng, tôn phù chính nghĩa, ai dám đương cự. Xưa, sự biến Minh Diêu⁽⁹⁾, quân binh vũ khí không lấm máu, trận chiến Mục Dã⁽¹⁰⁾, người Thương trở giáo quy hàng. Nay cớ soái đi đâu, nơi nào đã qua, thật không muốn cùng binh độc vũ. Người dân nào biết bỏ tà quy chánh, mang giỏ cơm bầu nước nghênh đón vương sư, chiếu theo phép nước, mỗi người phong thưởng, lớn nhỏ khác nhau. Người trong tông thất nhà Ngụy, bất kể trực hệ bàng chi, cân nhắc lợi hại, biết lẽ thuận nghịch, đến quy thuận ta, đều được phong tước. Ngày xưa, Phụ Quả⁽¹¹⁾ đổi họ từ họ Trĩ, chỉ mong tông tộc khởi tuyệt diệt; Vi Tử⁽¹²⁾ bỏ nhà Ân, Hạng Bá⁽¹³⁾ hàng nhà Hán, đều được vinh dự phong vương hầu. Đó là những gương sáng đời trước. Còn bọn mê lâm không tỉnh, trợ giúp giặc loạn, không phục vương mệnh, giết cả vợ con, không hề khoan xá. Tuyên cáo ân uy, nguyên soái ra uy, chấn cứu nạn dân. Còn như chiếu thư luật lệnh, thừa tướng phát hịch khắp nơi. Làm rõ ý trẫm.”

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ sáu, Lượng ra đánh Kỳ Sơn, không thắng được. Mùa đông (năm ấy) lại ra Tấn Quan, vây Trần Thương, hết lương phải rút lui. Ngụy tướng Vương Song mang quân đuổi theo Lượng.

Lượng giao chiến (với Song) đánh bại, chém chết Song rồi trở về Hán Trung.

Mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ bảy, Lượng sai Trần Thúc tấn công Vũ Đô, Âm Bình cuối cùng thắng trận, an định được hai quận. Mùa đông (năm ấy), Lượng dời đại bản doanh ở nam sơn đến vùng bình nguyên, lại xây Hán - Nhạc hai thành. Cùng năm Tôn Quyền xưng đế, kết giao với Thục thề ước cùng chia thiên hạ.

Mùa thu năm (Kiến Hưng) thứ tám. Ngụy sai Tư Mã Ý từ Tây Thành, Trương Cáp từ Tí Ngộ, Tào Chân từ Tà Cốc theo đường núi rất khoa trương tiến lại, muốn đánh Hán Trung. Thừa tướng Lượng phòng bị bằng cách bện thành và làm kế thanh dã ở các dốc núi. Trời mưa lớn cắt đứt đường xá, bọn Chân đầu quay về Cùng năm, Ngụy Diên đánh bại Ung Châu Thứ Sử nước Ngụy là Quách Hoài ở Dương Khê. Chuyển phong Lỗ Vương (Lưu) Vĩnh làm Cam Lăng Vương; Lượng Vương (Lưu) Lý làm An Bình Vương đều vì Lỗ Lượng nằm tại biên giới với Ngô.

Tháng hai mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ chín, Lượng lại ra quân vây Kỳ Sơn, lần đầu tiên dùng trâu gỗ vận tải. Ngụy tướng Tư Mã Ý, Trương Cáp ra cứu Kỳ Sơn. Tháng sáu, mùa hạ (năm ấy), Lượng lương hết phải chuyển quân, Cáp đuổi theo đến chỗ núi hoang, giao chiến với Lượng, bị trúng tên chết. Tháng tám, mùa thu (cùng năm), phế đô hộ Lý Bình đưa ra quận Tử Đông.

Hán Tấn xuân thu chép : mùa đông tháng mười, từ Giang Dương đến Giang Châu có chim từ bờ nam vượt sông bay sang bờ bắc mà không đến nơi rơi xuống nước chết có đến hàng nghìn.

Năm (Kiến Hưng) thứ mười, Lượng cho quân sĩ nghỉ ngơi, khích lệ việc trồng cấy ở vùng đất cát, chế tác hoàn tất trâu gỗ ngựa máy, luyện binh giảng võ.

Năm (Kiến Hưng) thứ mười một, Lượng ra lệnh cho các đơn vị chuyển lương, tập kết ở cửa Tà Cốc, sắp xếp các kho lẫm (chứa lương) ở đó. Cùng năm, Nam Di Lưu Trụ làm phản. Tướng quân Mã Trung đánh bại (Lưu Trụ) bình định vùng ấy.

Tháng hai, mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, Lượng từ Tà Cốc xuất chinh, lần đầu tiên dùng ngựa máy vận chuyển. Tháng tám mùa thu (năm ấy) Lượng chết ở Vị Tân. Chinh Tây Đại tướng quân Ngụy Diên cùng Trưởng Sử phủ Thừa tướng Trương Nghi bất hoà đem quân đánh lẫn

nhau. Diên thất bại bỏ chạy. Chém đầu Diên, Nghi thông suất ba quân quay về Thành Đô. Đại xá thiên hạ. Lấy Tả tướng quân Ngô Nhất⁽¹⁴⁾ làm Xa Ky tướng quân, ban cho giả tiết đốc lĩnh Hán Trung. Lấy Trưởng Sử lưu thủ phủ Thừa tướng Tưởng Uyển làm Thượng Thư Lệnh nắm giữ toàn bộ quốc sự.

Tháng giêng, mùa xuân năm (Kiến Hưng) thứ mười ba, phế Trung Quân sư Dương Nghi, đày đến quận Tử Đông. Tháng tư mùa hạ (năm ấy), thăng Tưởng Uyển làm Đại tướng quân.

Tháng tư năm (Kiến Hưng) thứ mười bốn, Hậu Chủ đến Tiễn,

Thần Tông Chi : xét: Tiễn là tên huyện, thuộc Thục Quận.

Trèo lên dốc núi quan sát, ngắm nước sông Vĩn chảy qua, sau mười ngày quay về Thành Đô. Dời quốc quân người Đê là Phù Kiện cùng hơn bốn trăm hộ người Đê từ Vũ Đô về Quảng Đô.

Tháng sáu mùa hạ năm (Kiến Hưng) thứ mười lăm, Hoàng Hậu Trương thị hoăng.

Tháng giêng mùa xuân năm Diên Hi thứ nhất, lập Hoàng Hậu Trương thị. Đại xá, đổi niên hiệu. Lập con là Tuy nhiên làm Thái tử, Dao làm An Định Vương. Mùa đông tháng mười một (năm ấy), Đại tướng quân Tưởng Uyển ra đóng quân ở Hán Trung.

Tháng ba mùa xuân năm (Diên Hi) thứ hai, đề cử Tưởng Uyển làm Đại Tư mã.

Mùa xuân năm (Diên Hi) thứ ba, sai Việt Tuyền Thái Thú Trương Nghi bình định quận Việt Tuyền

Tháng mười, mùa đông năm (Diên Hi) thứ tư, Thượng Thư lệnh Phí Y đến Hán Trung, cùng Tưởng Uyển thương lượng bàn luận kế sách mưu lược, cuối năm quay về

Tháng giêng mùa xuân năm (Diên Hi) thứ năm, Giám quân Khương Duy đi giám sát các đạo quân bên ngoài từ Hán Trung về đóng đồn ở Phù huyện.

Tháng mười mùa đông năm (Diên Hi) thứ sáu, Đại Tư mã Tưởng Uyển từ Hán Trung quay về đóng quân ở Phù (huyện). Tháng mười một (năm ấy) đại xá. Lấy Thượng Thư lệnh Phí Y làm Đại tướng quân.

Tháng nhuận năm (Diên Hi) thứ bảy, Ngụy Đại tướng quân Tào Sảng, Hạ Hầu Huyền tiến vào Hán Trung. Trấn Bắc Đại tướng quân Vương Bình

cự địch ở quanh Hưng Thế (Sơn). Đại tướng quân Phí Y thống lĩnh chư quân ra cứu viện. Quân Ngụy rút lui. Tháng tư mùa hạ (năm ấy), An Bình Vương (Lư) Lý chết. Tháng chín mùa thu, Y trở về Thành Đô.

Tháng tám mùa thu năm (Diên Hi) thứ tám, Hoàng Thái Hậu hoẵng. Tháng mười hai (năm ấy) Đại tướng quân Phí Y đến Hán Trung, tiến hành phòng vệ.

Tháng sáu, mùa hạ năm (Diên Hi) thứ chín, Phí Y trở về Thành Đô. Mùa thu, đại xá. Tháng mười một mùa đông, Đại Tư mã Tưởng Uyển chết.

Ngụy lược chép : Uyển chết, Thiện bèn tự năm giữ quốc sự.

Năm (Diên Hi) thứ mười, các Hồ Vương vùng Lương Châu là Bạch Hồ Văn, Trì Vô Đái dẫn bộ thuộc đến hàng. Vệ tướng quân Khương Duy đón tiếp phủ dụ, đưa về trú tại Phần guyễn. Năm ấy người Di Bình Khang ở Văn Sơn làm phản, Duy đến đánh, phá được giặc, bình định vùng ấy.

Tháng năm mùa hạ năm (Diên Hi) thứ mười một, Đại tướng quân Phí Y ra đóng đồn ở Hán Trung. Mùa thu (cùng năm) dân thuộc quốc Phù Lăng làm loạn, Xa Kỳ tướng quân Đặng Chi đến thảo phạt, đầu phá được giặc, bình định được hết cả.

Tháng giêng năm (Diên Hi) thứ mười hai, Ngụy giết bọn Đại tướng quân Tào Sảng. Hữu tướng quân (nước Ngụy) Hạ Hài Bá đến hàng. Tháng tư mùa hạ (cùng năm), đại xá. Mùa thu (năm ấy), Vệ tướng quân Khương Duy xuất quân đánh Ung Châu, không thắng được bèn quay về Tướng quân Cú An, Lý Thiệu hàng Ngụy.

Năm (Diên Hi) thứ mười ba, Khương Duy lại dẫn quân ra Tây Bình, không thu được kết quả lại quay về.

Năm (Diên Hi) thứ mười bốn, mùa hạ, Đại tướng quân Phí Y trở về Thành Đô. Mùa đông (cùng năm) lại đi lên phía bắc, lưu lại ở Hán Thọ. Đại xá.

Năm (Diên Hi) thứ mười lăm, Ngô Vương Tôn Quyền hoẵng. (Hậu Chủ) Lập con là Tông làm Tây Hà Vương.

Tháng giêng mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười sáu, Đại tướng quân Phí Y bị hàng tướng Quách Tuân giết hại ở Hán Thọ. Tháng tư mùa hạ (năm ấy), Vệ tướng quân Khương Duy lại xuất quân ra Nam An, không thắng được phải trở về.

Tháng giêng mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười bảy, Khương Duy trở về Thành Đô. Đại xá. Tháng sáu mùa hạ (năm ấy), duy lại dẫn quân ra Lũng Tây. Mùa đông, dời dân ba huyện Dịch Đạo, (Hà Gian) (Hà Quan), Lâm Thao vào sống ở Miên Trúc và Phồn huyện.

Mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười tám, Khương Duy về Thành Đô. Mùa Hạ (năm ấy) lại dẫn quân ra Dịch Đạo, cùng Ung Châu Thứ Sử nước Ngụy là Vương Kinh giao chiến ở Thao Tây, đại thắng. Kinh chạy về giữ thành Dịch Đạo, Duy lui lại đóng ở Chung Đê.

Mùa xuân năm (Diên Hi) thứ mười chín, đề cử Khương Duy lên địa vị Đại tướng quân, cai quản binh mã. Duy cùng Trấn Tây tướng quân Hồ Tề ước hẹn hội quân ở Thương Nhai. Tề thất hẹn không đến. Tháng tám mùa thu (năm ấy), Duy bị Ngụy Đại tướng quân Đặng Ngải đánh bại ở Thương Nhai. Duy rút quân trở lại Thành Đô. Cùng năm, lập con là Toàn làm Tân Bình Vương. Đại xá.

Năm (Diên Hi) thứ hai mươi, nghe tin Ngụy Đại tướng quân Gia Cát Đản ở Thọ Xuân làm phản, Khương Duy lại dẫn quân ra Lạc Cốc, đánh đến Mang Thuỷ. Năm ấy đại xá.

Đổi niên hiệu thành Cảnh Diêu nguyên niên. Khương Duy quay về Thành Đô. Sử quan nói Cảnh tinh hiển hiện, vì vậy đại xá, đổi niên hiệu. Hoạn quan Hoàng Hạo bắt đầu nắm hết quyền chính. Ngô Đại tướng quân Tôn Lâm phế chúa là (Tôn) Lượng, lập Lang Nha Vương Tôn Hưu (làm vua)

Năm (Cảnh Diêu) thứ hai, tháng sáu mùa hạ, lập con là Kham làm Bắc Địa Vương, Tuấn làm Tân Hưng Vương, Kiền làm Thượng Đảng Vương.

Tháng chín mùa thu năm (Cảnh Diêu) thứ ba, truy thụy cố tướng quân Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Bàn Thố, Hoàng Trung.

Tháng ba mùa xuân năm (Cảnh Diêu) thứ tư, truy thụy cố tướng quân Triệu Vân.

Tháng giêng mùa xuân năm (Cảnh Diêu) thứ năm, Tây Hà Vương Tông chết. Cùng năm, Khương Duy lại dẫn quân ra Hầu Hoà, bị Đặng Ngải đánh bại, quay về đóng ở Đạp Trung.

Mùa hạ năm (Cảnh Diêu) thứ sáu, Ngụy cất đại quân, lệnh cho Chinh Tây tướng quân Đặng Ngải, Trấn Tây tướng quân Chung Hội, Ung Châu Thứ Sử Gia Cát Tự mấy đường cùng tấn công. Vì thế (Hậu Chủ) sai Tả Hữu Xa Ky tướng quân Trương Dực, Liêu Hoá; Phụ Quốc tướng quân

Đồng Quyết ra chống địch. Đại xá, đổi niên hiệu thành Viêm Hưng. Mùa đông năm ấy, Đặng Ngải đánh bại Vệ tướng quân Gia Cát Chiêm ở Miên Trúc. (Hậu Chủ) dùng kế sách của Quang Lộc Đại phu Tiều Chu, ra hàng Ngải, dâng thư rằng: "Giới hạn phân chia Giang - Hán, nhìn rõ mới thấu thâm sâu. Đất Thục đẳng bậc ở ngoài rìa, nhỏ bé riêng một góc, lỗ mãng trái với mệnh trời, một thời dầm dề đã trôi qua, cùng với kinh kỳ cách xa hàng vạn dặm. Thường nghĩ đến những năm Hoàng Sơ⁽¹⁵⁾ Văn Hoàng Đế⁽¹⁶⁾ chọn lấy Hồ Nha tướng quân là tiên phụ mà ban lệnh, tuyên bố mật chiếu, trình bày ân điển, (cho) thiết lập đất đai môn hộ, tỏ rõ đại nghĩa. Chỉ vì đức bậc tài hèn, tham việc tư riêng bỏ sót sự nghiệp, cúi xuống ngẩng lên làm hại phép nước, chưa thuận theo được kỷ cương. Thiên oai chấn động khắp nơi, thần người đều vì thuận với số mệnh mà theo về, việc khiếp hãi vương sư thần vũ chỉ là thứ yếu. Mạo muội cũng chẳng dám vắng mặt, xin quy phụ mà nghe theo mạng lệnh! Nay lập tức răn bảo các tướng quảng thương cõi giáp; quan lại gắng sức gìn giữ kho tàng, một thứ cũng không huỷ hoại. Áo vải bình dân lương thực có dư cho phép nghỉ ruộng để đợi ân trạch sau này mà bảo toàn tính mạng cho trăm họ. Cúi mong Đại Ngụy ban bố ân đức, thiết trí giáo hoá. Như bậc tể phụ Y, Chu⁽¹⁷⁾ bao dung người thua cuộc, chứa chấp kẻ khốn cùng. Kính sai bọn bọn liêu thuộc ở tư gia là Thi Trung Trương Thiệu, Quang Lộc Đại phu Tiều Chu, Phụ Mã Đô Úy Đặng Lương mang ấn tín đến dâng lên, thỉnh cầu mệnh lệnh, trình báo lòng thành, dâng nộp điếu trung. Sống chết ban cho, chỉ tùy phán xét. Xe áo quan đang ở sát bên, không dám rườm lời mà phân bua cặn kẽ." Hôm đó, Bắc Địa Vương Kham đau đớn vì mất nước mà chết. Trước giết vợ con, sau tự ả chết.

Hán Tấn Xuân Thu chép : Hậu Chủ thuận theo kế sách của Tiều Chu. Bắc Địa Vương Kham giận nói: "Nếu như lý đầu lực tàn, hoạ hoạn khó tránh, dù cho cha con vua tôi dựa lưng vào tường thành mà đánh một trận, chết cùng xã tắc, cũng có thể gặp mặt Tiên Đế vậy." Hậu Chủ không chấp thuận, rút cuộc sai đưa ấn tín đi (dâng nộp). Hôm ấy, Kham khóc trong Chiêu Liệt miếu, rồi trước giết vợ con sau tự sát chết. Tả hữu không ai không rơi lệ khóc.

Thiệu, Lương cùng Ngải gặp nhau ở Lạc huyện. Ngải nhận được thư (hàng) rất mừng, lập tức viết thư hồi đáp,

Vương Ân Thục Ký chép : Thư hồi báo của Ngải nói: "Phép tắc vương giả để lạc phương hướng, quân hùng trở dậy, long hổ chiến tranh, cuối cùng thuộc về chân chủ, đó đại khái là cái đạo đi về của thiên mệnh vậy. Từ xưa thánh đế rồi

đến Hán Ngụy, nhận mệnh trời làm vua tuyet chẳng có ai không ở tại Trung thổ. Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư⁽¹⁸⁾ đều là khuôn phép của thánh nhân, hưng thịnh nghiệp lớn mà không có nguồn gốc từ đó, chưa có ai là không đảo điên nghiêng đổ. Ngỗi Hiêu⁽¹⁹⁾ nương tựa vào đất Lũng mà bị bại vong, Công Tôn Thuật⁽²⁰⁾ chiếm cứ đất Thục mà bị tiêu diệt là vết xe đổ làm gương từ đời trước vậy. Thánh Thượng anh minh, tể thần lương đồng, sánh vai cùng nhau hưng khởi nhà vàng, lập nên huân lao to lớn một thời. (Tôi) Vâng mệnh lai chinh, vẫn nghĩ đến âm hưởng tốt lành nghe được, quả nhiên chỉ phiên sứ giả lại qua, thông báo phúc tin, đây chẳng phải việc của người, há là trời mở cửa hay sao! Xưa Vi Tử theo Chu, đích xác làm thượng khách. Bậc quân tử biết ứng phó, bảo tôn đạo nghĩa trong biến động, tới với lời lẽ ôn hoà khiêm cung, lấy lễ mà vác quan tài, đều là điển cố theo mệnh trời mà người sáng suốt đời trước đã làm. Nay bảo toàn quốc gia là thượng sách, huỷ hoại quốc gia là tâm thường. Tự mình không thấu hiểu thông suốt lý sự này, sao có thể tỏ rõ đạo nghĩa của bậc vương giả được!” Thiện lại sai Thái Thường Trương Tuấn, Ích Châu Biệt Giá Nhữ Siêu nhận lấy phù tiết. Sai Thái Phó Trương Hiến đem mệnh lệnh ra răn bảo Khương Duy. Lại sai Thượng Thư lang Lý Hổ đem hộ khẩu sổ dân đến nộp. Tổng cộng hai mươi tám vạn hộ, nam nữ chín mươi tư vạn người, giáp binh tướng sĩ mười vạn hai nghìn, quan chức bốn vạn người. Gạo hơn bốn mươi vạn斛; vàng bạc các loại hai nghìn cân; gấm, lụa hoa, lụa màu, lụa sống các loại hơn mười vạn thếp và nhiều thứ khác.

sai Thiệu Lương về trước. Ngải đến cửa bắc thành, Hậu Chủ khiêng quan tài, tự trói đến cửa quân môn. Ngải đốt quan tài, cởi trói (cho Hậu Chủ) mời vào gặp mặt.

Tấn Chư Công Tấn chép : Lưu Thiện cưỡi xe la đến yết kiến Ngải không kể đến lễ số của kẻ vong quốc.

(Ngải) Nhân đó thuận theo quy chế phong Hậu Chủ làm Phiêu Kỵ tướng quân. Những người tiết tháo xung quanh, gặp phải lời răn bảo của Hậu Chủ, về sau phải chịu khuất phục. Ngải an trí Hậu Chủ trong cung cũ, tự mình qua lại thăm hỏi, chỗ nương nhờ chưa có gì khe khát. Tháng giêng năm sau, Ngải bị bắt. Chung Hội từ Phù đến Thành Đô gây loạn. Chẳng được bao lâu Hội chết, trong Thục quân binh cướp bóc giết tróc, người chết ngổn ngang mất vài ngày mới an ổn lại.

Cả nhà Hậu Chủ bị chuyển sang đông, không lâu đến được Lạc Dương.

Sách mệnh viết rằng: ”Duy tháng ba năm Đinh Hợi, niên hiệu Cảnh Nguyên thứ năm. Hoàng Đế ngự ra bên ngoài chính điện. Sai quan Thái Thường gia mệnh Lưu Thiện làm An Lạc huyện công. Trong lúc nhà trò hát

xướng, lên nghe lệnh trăm! Ôi! Nổi tiếp trời cao, nâng đỡ vạn vật, lấy đi đâu hết thảy cùng trông ngóng làm trọng yếu, an định thiên hạ, theo thời thế ôn hoà làm nên hưng vượng. Tự mình dưỡng dục chúng sinh ấy là cái đạo của bậc quân vương. Mà thuận theo ý trời ấy là cái nghĩa làm mẹ của muôn dân. Trên dưới quan lại thuận hoà, vạn vật nhờ thế rỗi mới tốt tươi, bách tính được hưởng thụ thái bình. Nếu như Hán thị mất người nối vào tông thống, sáu cõi sẽ đều nhiễu loạn chấn động. Bản Thái Tổ⁽²¹⁾ thuận theo vận mệnh, hưng khởi nghiệp rộng, cứu giúp rộng rãi khắp tám phương, là bởi dùng lễ hoà theo đạo trời, thuận lòng lẽ dân, có tâm an ủi vỗ về lớn nhỏ. Đương thời cha người nhân khi quần kiệt mạnh mẽ tương tranh nhiều lần chẳng chịu an định. Lợi dụng trời đất xa xôi cách trở, chiếm giữ thành trì xứ Thục, nên khiến một góc phía tây biên giới thành ra khu biệt, cương vực bên ngoài ách tắc cách ngăn. Từ đó, chinh chiến không ngừng, bách tính lẽ dân không được bảo an tính mạng, đến nay đã được gần năm kỷ⁽²²⁾. Di chí tổ tông để lại trăm luôn hằng nhớ, tâm tư mãi để vào việc vỗ về phủ dụ, tập hợp cả bốn bề, thống lĩnh quốc thổ cùng đi một đường, cho nên tu sửa lục quân, tỏ rõ oai phong ở vùng Lương Ích. Công⁽²³⁾ đức độ cao vời, nghiêm ngặt kiên trì đạo chính, chẳng sợ uỷ khuất đem thân làm tin, lấy tình thương dân toàn quốc làm trọng, nén lòng sửa đổi lo toan, biến báo cập thời, hành vi lời nói đều theo thứ tự, đáng được nhận phúc lộc vô cùng dành cho kẻ tử hũ, há có thể xa rời hay sao! Trẫm rất đẹp lòng, vua tôi chung hưởng an bình rạng rỡ dài lâu, để tham cứu lời răn dạy của tiên nhân, đáp đền công lao cho người khai quốc. Noi theo tích cũ, này con bò đen, kia gói cỏ trắng, mãi mãi là phụ thần nước Ngụy, luôn luôn tôn kính vậy. Công nếu quả cung kính mà phục tùng lệnh trăm, có thể mở rộng đức tâm, cuối cùng rỗi sẽ vẻ vang hiển hách.”

Thục ấp vạn hộ, lựa được ban vạn thếp, nô tì một trăm người, ngoài ra các vật đều xứng đáng. Con cháu có ba người làm Đô Úy, được phong Hầu hơn năm mươi người. Bọn Thượng Thư Lệnh Phàn Kiến, Thị Trung Trương Thiệu, Quang Lộc Đại phu Tiếu Chu, Bí Thư Lệnh Khích Chánh, Điện Trung Đốc Trương Thông thảy đều được phong làm Liệt Hầu.

Hán Tấn Xuân Thu chép : ‘Tư Mã Văn Vương⁽²⁵⁾ cùng Thiện dự yến, trong tiệc cử hành nhạc điệu có nguồn gốc từ đất Thục. Người xung quanh đều động lòng cảm thương chưa xót, nhưng Thiện vẫn cười nói như thường. Vương nói với Giả Sung rằng: “Người vô tình có thể đến thế này sao! Ví phỏng dù Gia Cát

Lượng còn tại thế, cũng không thể giúp đỡ dài lâu chu chu toàn cho nổi, huống chi là Khương Duy?" Giả Sung đáp: "Nếu không phải vậy, Điện hạ vì cớ gì mà gờm thâu được." Ngày khác, Vương hỏi Thiện rằng: "Có nhớ đất Thục lắm không?" Thiện đáp: "Chỗ này vui lắm, không nhớ gì Thục cả." Khích Chánh nghe được, xin gặp Thiện nói: "Nếu Vương lại hỏi đến, nên khóc mà đáp rằng: 'Phần mộ tổ tiên nằm ở đất Lũng Thục xa xôi, bởi vậy trong lòng thương nhớ miền tây, không ngày nào không không hoài niệm', nhân đó mà nhắm mắt." Đến khi Vương hỏi lại, (Thiện) đáp như trên. Vương nói: "sao chỉ giống như lời Khích Chánh vậy!" Thiện kinh hãi nói: "Quả đúng như lời ngài." Tả Hữu đều bật cười.

Công hoẵng ⁽²⁴⁾ năm Thái Thuỷ⁽²⁵⁾ thứ bảy ở Lạc Dương.

Thục ký chép : Thuỷ là Tư Công Tử Tuân Tự.

Bình rằng : Hậu Chủ lúc uỷ nhiệm cho trung thân hiền tướng thì là bậc quân vương biết theo lý lẽ, đến khi bị mê hoặc bởi hoạn quan, người hầu thì thành ra hôn quân ám chúa. Sách nói rằng "tơ sống không bền chắc, được cái dễ bị nhuộm" quả nhiên là vậy! Lễ nói, quốc quân kế tục thế chế, vượt san năm mồi thì thay niên hiệu, nhưng ngay năm Chương Vũ thứ ba liền chuyển sang gọi là Kiến Hưng. Tham cứu ý nghĩa từ cổ đại, thấy (việc này) trái với đạo lý. Lại thêm quốc gia không thiết lập cơ quan chuyên về sử sách, sự kiện không có người biên chép, do đó việc làm phân lớn bị bỏ sót, tai hoạ kỳ sự cũng chẳng được ghi lại. Gia Cát Lượng tuy thông đạt ở mặt sách lược pháp lệnh, song cũng là loại tâm thường, vì vậy trải qua nhiều năm mà chưa chu toàn được việc này. Nhưng coi sóc sửa sang công việc mười hai năm niên hiệu không xê dịch, việc quân luôn phát động mà không tùy tiện ban bố đại xá, cũng không phải là trác tuyệt hay sao. Từ khi Lượng chết về sau, quy chế dần suy sụp, hơn kém rõ rệt vậy.

Hoa Dương Quốc Chí chép : Thời Lượng làm Thừa tướng, có lời bàn rằng tiếc không có công đại xá. Lượng đáp: "Trị nước cần đức lớn chứ không dùng ơn nhỏ. Xưa Khuông Hành⁽²⁷⁾, Ngô Hán⁽²⁸⁾ không đồng ý thì hành đại xá. Tiên Đế cũng từng có lời sai ta chu toàn nhà của cho Trần Nguyên Phương, Trịnh Khang Thành⁽²⁹⁾, mỗi lần gặp gỡ thì bầm bạch báo lại. Cái đạo lý trị loạn tất phải là như vậy mà không cần bàn chuyện đại xá. Cứ như Lưu Cảnh Thăng⁽³⁰⁾ hay cha con Quý Ngạc⁽³¹⁾ mỗi năm lại đại xá mà có giúp ích gì cho việc trị nước."

Thần Tùng Chi : thấy rằng: "Không tùy tiện ban bố đại xá" quả thật có thể tán dương. Còn như "niên hiệu không xê dịch" thì vẫn chưa đạt đến. Xét niên hiệu như Kiến Vũ⁽³²⁾, Kiến An⁽³³⁾ đều rất lâu không thay đổi mà chưa nghe sử sách xưa kia đàm luận ngợi khen gì. "Coi sóc sửa sang công việc mười hai năm" không thể coi là trác tuyệt. Tách biệt (giai đoạn trước và sau khi Lượng chết) vốn là có ý khác, mà lập luận chẳng đến nơi. Sau khi Lượng chết là những năm

niên hiệu Diên Hi có đến hơn hai mươi năm sung mãn, (cho nên) nói đến "quy chế dân dân suy sụp" lại là chẳng đúng.

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Lên làm Hoàng Đế.*
- (2) *Chiếu vua ban dùng riêng cho việc phong chức ban tước.*
- (3) *Làm một việc đạt được ba điều thiện*
- (4) *Đại nho đời Hán.*
- (5) *Đỗ Vi tự nhận mình điếc nên giao thiệp bằng cách viết ra giấy, xem thêm Đỗ Vi truyện, Thục thư quyển 12.*
- (6) *Chiêu Liệt là miếu hiệu của Lưu Bị.*
- (7) *Hoàng Hà, Lạc Thủy*
- (8) *Hạng Tích là tên thật của Hạng Vũ.*
- (9) *Thành Thang nhà Ân Thương đánh bại vua cuối cùng nhà Hạ là Kiệt ở Minh Diêu nhưng không giết mà chỉ bắt kẻ thua trận đi đày ở Nam Sào.*
- (10) *Văn Vương đánh Trụ Vương nhà Ân Thương để lập nên nhà Chu, trận chiến quyết định diễn ra ở Mục Dã. Quân nhà Thương đông hơn nhưng không muốn chiến đấu vì hôn quân nên phần lớn buông giáo đầu hàng.*
- (11) *Phụ Quả vốn là Trí Quả của Trí thị - cường thần nước Tấn thời Xuân Thu Chiến Quốc. Trí Tử giao quyền điều hành Trí thị cho Trí Bá, Trí Quả không bằng lòng bèn đổi sang họ Phụ, tuyệt giao với Trí thị nhờ đó tránh được họa diệt tộc khi Trí thị bị Triệu thị, Ngụy thị, Hàn thị liên kết lật đổ.*
- (12) *Vi Tử (Khải) là em cùng mẹ của Trụ Vương, đầu hàng nhà Chu, lúc đầu giữ địa vị khách khanh, sau khi Chu Công Đán dẹp tan cuộc nổi dậy của Vũ Canh - con trai Trụ Vương ở đất Ân, nhà Chu phong tước Công (lớn nhất trong các chư hầu) ở đất Ấy để giữ hương hỏa nhà Ân Thương. Là người sáng lập nước Tống thời Xuân Thu Chiến Quốc.*

(13) *Hạng Bá là người tiết lộ âm mưu thích sát Lưu Bang tại Hồng Môn yến của Hạng Vũ cho Trương Lương về sau hàng Hán, được phong hầu.*

(14) *Ngô Ý.*

(15) *Tào Phi lên làm vua niên hiệu là Hoàng Sơ.*

(16) *Ngụy Văn Đế Tào Phi.*

(17) *Y Doãn nhà Thương và Chu Công Đán nhà Chu cả hai đều nổi danh hiền thân phụ chính.*

(18) *Theo truyền thuyết xưa của Trung Quốc, trên sông Hoàng Hà đã từng xuất hiện con long mã trên mình có đồ (Đường vẽ ngoằn ngoèo) gọi là Hà đồ và trên sông Lạc Thủy xuất hiện con thần qui, trên lưng có thư gọi là Lạc thư. Được coi là nguồn gốc của văn hóa Trung Quốc.*

(19) *Thủ lĩnh cát cứ khu vực Lũng Hữu đầu thời Đông Hán, bị Hán Quang Vũ đánh bại.*

(20) *Thủ lĩnh cát cứ đất Thục đầu thời Đông Hán, từng xưng đế, bị Hán Quang Vũ đánh bại.*

(21) *Chỉ Tào Tháo, Tào Phi xưng đế truy thụy cho cha là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.*

(22) *Mỗi kỷ là 12 năm.*

(23) *Lúc này Lưu Thiện được phong An Lạc huyện công nên Công ở đây là chỉ Lưu Thiện.*

(24) *Ở đây Trần Thọ dùng chữ "hoảng" như bậc quân vương thay cho chữ "tử" hoặc "tốt".*

(25) *Tư mã Chiêu.*

(26) *Thái Thủy là niên hiệu của Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm, Thái Thủy thứ bảy là năm 271.*

(27) *Đại nho đời Hán.*

(28) *Khai quốc công thần thời Hán Quang Vũ.*

(29) *Không rõ là ai.*

(30) *Lưu Biểu tự là Cảnh Thăng.*

(31) *Lưu Chương tự là Quý Ngọc.*

(32) *Kiến Vũ là niên hiệu của Hán Quang Vũ, kéo dài 32 năm từ 25 đến 56.*

[\(33\)](#) *Kiến An là niên hiệu của Hán Hiển Đế, kéo dài 25 năm từ 196 đến 220.*

QUYỂN 4 - NHỊ CHỦ PHI TỬ TRUYỆN

*Cam Hoàng hậu, Mục Hoàng hậu, Kính Ai Hoàng hậu, Trương
Hoàng hậu, Lưu Vĩnh, Lưu Lý, Lưu Tuyên*

NHỊ CHỦ PHI TỬ TRUYỆN

Cam Hoàng Hậu vợ Tiên Chủ là người đất Bái. Tiên Chủ tới Dự Châu, đóng quân ở Tiểu Bái, tùy tiện thu nạp. (Từ khi) Tiên Chủ mất vợ chính, (Hậu) thường cai quản công việc trong nội phủ. (Hậu) theo Tiên Chủ tới Kinh Châu rồi sinh Hậu Chủ. Gặp lúc quân Tào Công (đánh) đến, đuổi kịp Tiên Chủ ở Đương Đương Trường Bản, trong lúc khốn quẫn, (Hậu) bị bỏ lại sau cùng với Hậu Chủ. Nhờ có Triệu Vân bảo vệ mới thoát khỏi nguy nan. Sau (Hậu) mất, táng ở Nam Quận. Năm Chương Vũ thứ hai, được truy thụy là Hoàng Tư Phu Nhân, chuyển về an táng trong đất Thục, nhưng (linh cữu Hậu) chưa đưa về đến nơi thì Tiên Chủ đã qua đời. Thừa tướng Lương dâng lời rằng: "Hoàng Tư Phu Nhân sự tích hành vi đều rõ lòng nhân, một đời hiên thực cung thuận. Đại Hành Hoàng Đế ⁽¹⁾ xưa còn tại thượng nhận làm phi tần, lại sinh ra Thánh thượng, nhưng số mệnh chẳng được lâu dài. Khi Đại Hành Hoàng Đế còn sống, lưu luyến nghĩa tình, thương phần mộ Hoàng Tư Phu Nhân để mãi ở chốn xa vời, riêng sai sứ giả đặc biệt đi đón đem về Gặp ngay lúc Đại Hành Hoàng Đế băng. Nay linh cữu Hoàng Tư Phu Nhân đã về tới, mà tử cung ⁽²⁾ còn ở trên đường, lăng tẩm sắp hoàn thành, an táng nhập thổ đã có kỳ hạn. Thần thường cùng bọn Thái Thường Lại Cung bàn luận rằng: 'Lễ Ký chép: 'Dựng nên tình thương mến với mẹ cha mình trước thì dạy được dân tính hiếu thảo, dựng nên lòng tôn kính với bậc tôn trưởng của mình trước thì dạy được dân biết thuận tòng.' Đừng quên cha mẹ, thân ta do họ sinh ra. Theo khuôn mẫu của sách Xuân Thu thì mẹ vì con mà được quý hiển. Xưa Cao Hoàng Đế truy tôn Thái Thượng Chiêu Linh Phu Nhân làm Chiêu Linh Hoàng Hậu; Hiếu Hoà Hoàng Đế cải táng cho mẹ ngài là Lương Quý Nhân, tôn hiệu là Cung Hoài Hoàng Hậu; Hiếu Mẫn Hoàng Đế cũng cải táng cho mẹ ngài là Vương Phu Nhân, tôn hiệu là Linh Hoài Hoàng Hậu. Nay Hoàng Tư Phu Nhân nên có tôn hiệu, để an ủi tâm tư chốn hàn tuyền. (Thần) thường cùng bọn Cung xét chuẩn mực việc đặt thụy thụy nên đặt hiệu là Chiêu Liệt

Hoàng Hậu. Kinh Thi chép: ‘Cốc theo phép nên khác nhà, chết theo phép nên cùng huyệt’,

Lễ Ký chép : Thời thượng cổ không có hợp táng, từ trung cổ về sau tùy theo thời thế và địa phương mới có.

cho nên Chiêu Liệt Hoàng Hậu nên cùng hợp táng với Đại Hành Hoàng Đế. Thần khẩn cầu Thái Uy trình với tông miếu, tuyên cáo với thiên hạ, sửa soạn nghi lễ riêng để dâng lên”. (Hậu Chủ) phê đáp chuẩn thuận cho.

Tiên chủ Mục Hoàng Hậu người ở Trần Lưu, anh là Ngô Nhất⁽³⁾. Mồ côi từ thuở nhỏ. Cha Nhất cùng Lưu Yên là chỗ thâm giao, vì thế toàn gia theo Yên vào đất Thục. Yên có chí khác⁽⁴⁾, mà lại nghe người giỏi tướng thuật nói Hậu có tướng đại quý, bèn khiến con trưởng là Mạo lúc ấy vẫn đi theo nạp Hậu làm vợ. Mạo chết⁽⁵⁾, Hậu sống một mình. Tiên Chủ chẳng bao lâu sau an định được Ích Châu, mà Tôn Phu Nhân thì lại quay về Ngô.

Hán Tấn Xuân Thu chép : Tiên Chủ đi vào Ích Châu, Ngô sai người đón Tôn Phu Nhân, Phu Nhân muốn cùng Thái Tử⁽⁶⁾ về Ngô. Gia Cát Lượng sai Triệu Vân dẫn quân chặn sông giữ Thái Tử lại mới ngăn cản được.

Thuộc hạ khuyên Tiên Chủ đón cưới Hậu. Tiên Chủ do dự vì Mạo là người cùng họ. Pháp Chính tiến lên nói rằng: ”luận đến chuyện thân sơ, sao so được với Tấn Văn và Tử Ngã⁽⁷⁾”. Vì thế (Tiên Chủ) nạp Hậu làm Phu Nhân.

Tập Tục Xỉ bàn rằng: Chuyên hôn nhân của con người là đầu mối của nhân luân, gốc rễ của vương hoá. Vì thế dẫu là thất phu cũng không thể không theo lễ hướng hồ là bậc nhân quân. Tấn Văn bỏ lễ tông quyền vốn là để cứu vãn sự nghiệp. Trước Tử Phạm nói: ‘Có việc cầu người, tất phải thuận theo người’. (Tấn Văn Công và Tử Ngã) cùng nhau tranh đoạt quốc gia chứ không phải chỉ là người vợ mà thôi. Thật chẳng phải vô cớ mà làm chuyện trái lễ vậy. Nay Tiên Chủ không có quyền hành sự việc chi bức bách mà lại dẫn cái thất thổ của tiên nhân làm ví dụ, thật không phải là cách mở đường cho bậc quân vương đi vào cái đạo của Nghiêu, Thuấn vậy. Tiên Chủ thuận theo, còn sai hơn.

Năm Kiến An thứ hai mươi tư, (Tiên Chủ) lập (Hậu) làm Hán Trung Vương Hậu. Tháng năm mùa hạ năm Chương Vũ nguyên niên, phong rằng: ” Trẫm vâng mệnh trời, lên ngôi chí tôn, cai trị vạn quốc. Nay lấy Hậu làm Hoàng Hậu. Sai Thừa tướng Lượng làm sứ giả đến trao ấn thụ (cho Hậu), kế thừa tông miếu, làm mẫu nghi thiên hạ. Hậu cung kính mà nhận lấy!” Tháng năm năm Kiến Hưng nguyên niên, Hậu chủ nối ngôi, tôn Hậu làm Hoàng Thái Hậu, hiệu là Trường Lạc Cung. Nhất quan đến Xa Kỳ tướng

quân, tước phong đến Huyện hầu. Năm Diên Hi thứ tám, Hậu hoẵng, được hợp táng (với Chiêu Liệt Đế Lưu Bị) ở Huệ Lăng.

Tôn Thịnh viết trong Thục thế phở rằng: Một người đẹp cung thuận, đắm chìm trong dòng họ người nam trong ba mươi năm, cũng không có gì là uỷ khuất cho người nam cả.

Hậu Chủ Kính Ai Hoàng Hậu, là con gái quan Xa Kỳ tướng quân Trương Phi. Năm Chương Vũ nguyên niên, được lấy làm Thái Tử Phi. Năm Kiến Hưng nguyên niên lập làm Hoàng Hậu. Năm (Kiến Hưng) thứ mười lăm hoẵng, táng ở Nam lăng.

Hậu Chủ Trương Hoàng Hậu⁽⁸⁾, em gái Kính Ai Hoàng Hậu lúc trước. Năm Kiến Hưng thứ mười lăm, nhập cung làm Quý Nhân. Năm Diên Hi thứ nhất, phong rằng: "Trẫm đảm đương kế tục nghiệp lớn, làm quân vương trị vì thiên hạ, thờ phụng giao miếu xã tắc. Nay lấy Quý Nhân làm Hoàng Hậu, lệnh cho người đảm nhiệm công việc của Thừa tướng là Tả tướng quân Hứa Lãng làm sứ giả cầncờ tiêđến trao ấn thụ. Khuyến khích tu sửa việc trong cung, hết lòng kính cẩn nghiêm trang mà thờ phụng. Hoàng Hậu cung kính mà nhận lấy!" Năm Hàm Hi nguyên niên, theo Hậu Chủ sang định cư ở Lạc Dương.

Hán Tấn Xuân Thu chép : Ngụy đem cung nhân nước Thục ban thưởng cho chúng tướng chưa có vợ, Lý Chiêu Nghi nói: "Ta không thể đôi ba lần chịu nhục", bèn tự sát.

Lưu Vĩnh tự Công Thọ, con trai Tiên Chủ, em của Hậu Chủ. Tháng sáu năm Chương Vũ nguyên niên, (Tiên Chủ) sai Tư Đồ Hứa) Tĩnh lập làm Lỗ Vương, phong rằng: "Tiểu tử Vĩnh, nhận chăm sóc lấy đất đen. Trẫm vâng thứ tự trời ban, kế tục thống lĩnh đại nghiệp, noi theo chuẩn mực từ xưa, lập nên (cho con) quốc gia này, ở vùng đất phía đông, ơnhuê ban cho đầy đủ, đời đời phụ thuộc. Ôhô. Tuân lời trẫm dạy! Chỉ một nước lỗ này, mỗi lần biến đổi đều theo đường thích hợp, phong hoá được bảo tồn. Dân tình yêu đạo đức, nhân thế vẫn ngợi khen. Làm vương xứ ấy phải vững lòng theo lễ nghĩa, phủ dụ lấy học sĩ cùng lê dân, cùng hưởng cùng nên. Hãy cẩn thận mà gánh vác!" Năm Kiến Hưng thứ tám, (Hậu Chủ) cải phong (Vĩnh) làm Cam Lăng Vương. Buổi đầu, Vĩnh ghét Hoạn quan Hoàng Hạo, không lâu sau Hạo được tín nhiệm giao cho xử lý công việc, bèn vu cáo hãm hại Vĩnh. Hậu Chủ dần dần xa lánh Vĩnh, đến mức hàng chục năm (Vĩnh) không được vào triều kiến. Năm Hàm Hi nguyên niên, Vĩnh chuyển

sang sống ở Lạc Dương, được bái làm Phụng Xa Đô Úy, tước phong Hương Hầu.

Lưu Lý tự Phụng Hiếu, cũng là con trai Tiên Chủ, em của Hậu Chủ, song không cùng mẹ với Vĩnh. Tháng sáu năm Chương Vũ nguyên niên, (Tiên Chủ) sai Tư Đồ (Hứa) Tĩnh lập (Lý) làm Lương Vương, phong rằng: "Tiểu tử Lý, trầm kế thừa thứ tự Hán triều, thuận với thiên mệnh, noi theo quy tắc thứ tự dài lâu, ban cho người vùng đất ở phía đông, làm thuộc quốc của Hán đình. Chỉ một đất Lương này, đất đai cương vực đều là đồng ruộng, dân quen giáo hoá, lấy đường hoà nhã mà theo phép tắc. Đến nơi tất thấy đều có tâm tình bao dung bảo vệ cho lê thứ. Đây vĩnh viễn là đất phong của người. Hãy kính cẩn làm vương xứ ấy!" Năm Kiến Hưng thứ tám, (Hậu Chủ) cải phong (Lý) làm An Bình Vương. Năm Diên Hi thứ bảy chết. Con là Ai Vương Dận thừa kế, đến năm (Diên Hi) thứ mười chín thì chết. Con (của Dận) là Thương Vương Thừa nối tự, đến năm (Diên Hi) thứ hai mươi chết. Năm Cảnh Diệu thứ tư (Hậu Chủ) hạ chiếu rằng: "An Bình Vương do Tiên Đế sắc phong, ba đời đều yếu mệnh, việc kế thừa của quốc gia rơi rụng cạn kiệt. Trẫm lấy làm cảm thương đau đớn, nay lấy Vũ Ân Hầu Tập tiếp nhận vương vị." Tập là con của Lý, năm Hàm Hi nguyên niên chuyển sang sống ở Lạc Dương, được bái Phụng Xa Đô Úy, tước phong Hương Hầu.

Hậu Chủ Thái Tử Tuyên, tự là Văn Thành. Mẹ là Vương Quý Nhân, vốn là người hầu của Kính Ai Trương Hoàng Hậu. Tháng giêng năm Diên Hi nguyên niên sắc phong rằng: "Xét từ xưa, các bậc đế vương thuận theo thể chế lập người kế tục, làm phó phù trợ quốc thống chính là đạo thường cố kim. Nay lấy Tuyên làm Hoàng Thái Tử, làm rực rỡ vẻ vang oai nghi của tổ tông. Lệnh cho người đảm nhiệm công việc của Thừa tướng là Tả tướng quân Hướng Lăng mang cờ tiết ra trao ấn tín. Nên gắng gỏi rèn luyện bản tính lương thiện trời ban, cung kính đạo nghĩa, học hỏi tin theo kinh điển lễ nghi, làm thêm nhiều điều thiện, tự giúp mình hoàn thiện phẩm hạnh, có thể không chuyên tâm tu chính mà tự gắng sức vậy!" Lúc ấy (Tuyên) mười lăm tuổi. Mùa đông năm Cảnh Diệu thứ sáu, Thục mất. Tháng giêng năm Hàm Hi nguyên niên, Chung Hội gây loạn ở Thành Đô, Tuyên bị loạn quân làm hại.

Tôn Thỉnh viết Thục thế phổ rằng: Các em của Tuyên là Dao, Tông, Toản, Kham, Tuân, Cừ sáu người. Thục bại, Kham Tự sát, những người còn lại đều chấp

thuận thay đổi chỗ ở. Gặp cơn đại loạn thời Vĩnh Gia⁽⁹⁾, con cháu đều chết cả. Riêng cháu Vĩnh là Huyền chạy vào Thục, giữ một mạch nam đình kế thừa An Lạc công nhà Ngụy sau (Lư) Thiện. Vào năm Vĩnh Hòa thứ ba, thảo phát Lý Thế, (Tôn) Thịnh tham dự việc quân, có gặp Huyền ở Thành Đô.

Bình rằng: Dịch nói: Có vợ chồng rồi mới có cha con, đây là đầu mối nhân luân của con người, ân tình hội hợp thật sâu dày, tuyệt không có gì hơn được. Đó là việc quan yếu phải ghi chép để nghiên ngẫm xét tìm hình trạng một quốc gia.

[CHÚ THÍCH]

(1) Vua chết chưa truy thụy và tôn miếu hiệu gọi chung là Đại Hành Hoàng Đế, trong trường hợp này là Lưu Bị.

(2) Quan tài của vua gọi là tử cung

(3) Ngô Ý, Trần Thọ viết Tam Quốc Chí vào thời Tấn vì kỵ húy của Tư Mã Ý nên viết thành Ngô Nhất.

(4) Ý nói Yên muốn tự lập làm vua.

(5) Mạo bị Đồng Trác giết, xem thêm Lưu Yên truyện, Thục thư quyển 1

(6) Ở đây chỉ Lưu Thiện, có điều lạ là vào thời điểm đó Lưu Bị thậm chí chưa lên ngôi Hán Trung Vương mà Thiện đã được gọi là Thái Tử.

(7) Tấn Văn chỉ Tấn Văn công còn Tử Ngữ là Tấn Hoài công con của Di Ngô Tấn Huệ công, cháu ruột Tấn Văn công. Tấn Văn công lưu lạc mấy chục năm ở nước ngoài, chớp cơ hội Tử Ngữ Tấn Hoài công mất lòng người, mượn thế lực nước Tần về nước làm vua, phải chấp nhận cưới con gái Tần Mục công vốn là vợ Tử Ngữ làm vợ.

(8) Bà này chết sau khi Thục mất nước nên không được đặt miếu hiệu, chỉ gọi là Trương Hoàng Hậu.

(9) Vĩnh Gia là niên hiệu của Tấn Huệ đế, trong những năm Vĩnh Gia các vương công nhà Tấn tranh chấp đánh lẫn nhau tạo ra một giai đoạn loạn lạc gọi là Vĩnh Gia chi loạn hay loạn Bát Vương.

QUYỂN 5 - GIA CÁT LƯỢNG TRUYỆN

Gia Cát Lượng.

GIA CÁT LƯỢNG TRUYỆN

諸葛亮



Gia Cát Lượng tự Khổng Minh, người quận Lang Nha huyện Dương Đô, là hậu duệ của quan Tư lệ Hiệu úy là Gia Cát Phong nhà Hán. Cha là Khuê, tự Quân Cống, thời Hán mạt làm Quận thừa ở Thái Sơn. Lượng mồ côi sớm, theo chú là Huyền tạm làm thái thú Dự Chương cho Viên Thuật. Huyền dẫn Lượng cùng em Lượng là Quân đến nhậm chức. Gặp lúc Hán tri châu cử Chu Hạo đến thay Huyền. Huyền vốn cùng Kinh Châu mục Lưu Biểu là chỗ quen biết cũ, nên qua đó nương nhờ.

***Hiển đề Xuân Thu chép :** Lúc trước, Dự Chương thái thú là Chu Thuật bị bệnh chết, Lưu Biểu đưa Gia Cát Huyền lên làm Dự Chương thái thú, cai trị ở Nam Xương. Nhà Hán nghe tin Chu Thuật chết, phái Chu Hạo đến thay Huyền. Hạo theo Dương Châu thái thú là Lưu Do mượn binh đánh Huyền, Huyền lui về đóng ở Tây thành, Hạo lấy được Nam Xương. Năm Kiến An thứ hai tháng giêng, dân ở Tây thành làm phản, giết Huyền, mang đầu đến chỗ Lưu Do. Những lời ở sách ấy, cùng với bốn truyện⁽¹⁾ bất đồng.*

Huyền mất, Lượng tự mình cày ruộng, thường ca Lương phụ ngâm⁽²⁾

***Hán Tấn xuân thu chép :** Nhà Lượng ở huyện Đặng thuộc Nam Dương, cách thành Tương Dương 20 dặm về phía Tây, xứ ấy gọi là Long Trung.*

Lượng cao tám thước, thường tự ví mình với Quản Trọng-Nhạc Nghị, người bấy giờ chẳng mấy ai cho là vậy. Duy chỉ có Thôi Châu Bình ở Bắc Lăng và Từ Thúc tự Nguyên Trực ở Dĩnh Xuyên có giao hiếu với Lượng, lại tin là vậy.

Xét gia phả họ Thôi: Châu Bình, là con của Thái úy Thôi Liệt, em của Thôi Quân.

***Ngụy lược chép :** Lượng ở Kinh Châu, năm Kiến An sơ, cùng với Thạch Quảng Nguyên và Từ Nguyên Trực ở Dĩnh Xuyên, Mạnh Công Uy ở Nhữ Nam đều là bạn học. Ba người kia đều chuyên cần học tập đến lễ tinh thực, riêng Lượng chỉ xem xét đại lược mà thôi. Mỗi lúc sớm tối thông dung, thường ôm gối cười dài, mà bảo ba người kia rằng: “Ba người mai sau làm quan, xem tài cán chắc sẽ làm đến Thứ sử hoặc Quận thú vậy.” Ba người hỏi chí của Lượng, Lượng chỉ cười không đáp. Sau Mạnh Công Uy nhớ quê muốn quay về Bắc, Lượng nói: “Trung Quốc nhiều đại sỹ phu, ngao du hà tất phải nhớ cố hương!”.*

***Thần Tòng Chi :** cho rằng những lời ấy của Ngụy lược, nói Gia Cát Lượng vì Công Uy mà toan tính có thể đúng, nếu bảo đó là lời riêng của Lượng về mình, có thể nói chưa biểu đạt tâm ý của Lượng vậy. Lão tử nói rằng biết người là trí, tự biết mình là minh, phàm là những người tài đức, bên lòng sẽ có tất cả vậy. Cứ như hiểu biết của Gia Cát Lượng, há chẳng tự xét rõ phận mình ư? Cao giọng ngâm nga đợi thời cơ đến, ý nguyện biểu hiện giữa ngôn từ, chí khí chất chồng, đã định rõ từ lúc ban đầu. Nếu để Lượng dạo bước Trung Hoa, như rồng bay*

lên, há đông đảo kẻ sỹ Trung nguyên có thể nhún chìm Lượng được sao! Quy phục Ngụy thị, thi triển tài năng, tin rằng chẳng phải Trần Trường Văn, Tư mã Trọng Đạt⁽³⁾ có thể bay liệng được, huống chi là kẻ khác ư! Không lo sự cầu thả ắt nghiệp chẳng nên, đạo sao có thể thi hành, dầu có chí nuốt cả vũ trụ nhưng kết cục vẫn chẳng thể ngoảnh mặt về Bắc được, bởi Lượng biết đại quyền đã chuyển, Hán thất nghiêng đổ, nên mới phụ giúp cho người hào kiệt trong tông thất, lấy việc hưng vi để nối cái ngôi đã tuyệt là trách nhiệm về mình. Há đâu chỉ vì cái lợi nhỏ mọn nơi biên ải thôi ư! Có khác gì Tương Như⁽⁴⁾ đã nói rằng “Côn bằng bay lượn ở nơi xa thăm, mà kẻ bầy chim còn chăm chú vào bờ lau sậy” hay sao.

Công Uy lập danh ở Ngụy, cũng là bậc quý hiền.

Thời Tiên chủ đóng ở Tân Dã, Từ Thứ ra mắt Tiên chủ, được Tiên chủ rất kính trọng, Thứ muốn giúp Tiên chủ mới bảo: “Gia Cát Khổng Minh là bậc trí giả, được gọi là “con rồng nằm”, tướng quân há chẳng mong được gặp ư?”

Tương dương ký chép : Lưu Bị bàn chuyện thế sự với Tư Mã Đức Tháo⁽⁵⁾, Đức Tháo nói: “Đám nho sinh tục sỹ, há biết được thời thế ư? Biết thời vụ mới là tuân kiệt. Tất chỉ có một trong hai người Phục Long, Phượng Sồ”. Bị hỏi là ai? Đáp: “Là Gia Cát Khổng Minh và Bàng Sỹ Nguyên đó”. Tiên chủ nói: “Tiên sinh hãy đưa y đến gặp ta.” Thứ nói: “Người này chỉ có thể tới gặp, chứ chẳng thể vờ, tướng quân nên khuất giá tới đó”.

Bởi thế Tiên Chủ đến chỗ Lượng, tất cả ba lần, được gặp, cho đuổi hết người đi rồi nói: “Hán thất nghiêng ngửa suy đổ, gian thần tiếm quyền, chúa thượng chịu nổi phong trần. Cô chẳng tự lượng đức lượng lực, muốn đem tín nghĩa tỏ rõ cùng thiên hạ, nhưng trí thuật kém cỏi, để giặc thoả sức tung hoành, cho đến tận hôm nay. Hiên vì ý riêng vẫn còn chưa dứt, tiên sinh hãy mách bảo cho kế sách lâu dài được chăng?”. Lượng đáp rằng : “Từ thời Đông Trác tới đây, hào kiệt cùng nổi dậy, vượt châu chiếm quận nhai đâu không kể xiết. Tào Tháo so với Viên Thiệu, danh tiếng nhỏ chẳng bằng, binh lực chênh lệch, nhưng Tháo lại thắng được Thiệu, lấy yếu thắng mạnh, chẳng phải chỉ có thiên thời, mà còn bởi mưu người nữa. Nay Tháo cần quân trăm vạn, bức hiếp thiên tử sai khiến chư hầu, bởi thế chẳng thể cùng tranh phong được. Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đông, đã trải ba đời, nước hiểm dân thuận, dùng được người hiền tài, như thế chỉ có thể làm ngoại viện chứ chẳng thể thôn tính. Kinh Châu phía Bắc có sông Hán, sông Miện, phía Nam có mối lợi Nam Hải, phía Đông liền với Ngô Hội, phía Tây thông với đất Ba, đất Thục, đó là đất dụng võ, không phải chúa giỏi

tất chẳng giữ được, ấy là trời dành cho tướng quân đó, tướng quân có ý gì chẳng?

Ích Châu hiểm trở đầy dẫy, đất đai ngàn dặm phì nhiêu, là kho của trời cho, Cao Tổ nhờ nơi đó mà thành đế nghiệp. Lưu Chương hôn ám nhu nhược, Trương Lỗ đe dọa ở phía Bắc, dân đông nước giàu mà chẳng biết trông coi, kẻ sỹ tài trí chỉ mong gặp đấng minh quân. Tướng quân là dòng dõi tông thất, tín nghĩa sáng rõ bốn bề, đứng đầu những kẻ anh hùng, mong người hiền như khát nước, nếu gộp được cả Kinh-Ích, giữ vững nơi hiểm trở, Tây hoà với các tộc Nhung, Nam phủ dụ Di Việt, ngoài giao hảo với Tôn Quyền, trong sửa sang chính trị; Khi thiên hạ có biến, mệnh cho một viên thượng tướng đưa quân Kinh Châu nhằm hướng Uyển-Lạc, tướng quân đích thân đốc xuất đại binh Ích Châu tiến ra Tần Xuyên, trăm họ ai dám không đem giỏ cơm bầu nước nghênh đón tướng quân? Được như vậy, ắt nghiệp bá có thể thành, Hán thất có thể hưng được vậy.”

Tiên Chủ khen “Hay!” Từ đó đối với Lượng tình nghĩa ngày càng thâm thiết. Quan Vũ-Trương Phi rất không hài lòng. Tiên Chủ giải thích rằng: “Cô được Khổng Minh, như cá gặp nước vậy. Các em chớ nên nhiều lời”. Vũ-Phi phải chịu.

***Ngụy lược chép :** Lưu Bị đóng quân ở Phàn Thành. Ngày ấy Tào công đã định xong Hà Bắc, Lượng biết Kinh Châu là nơi thụ địch, mà Lưu Biểu vốn tính tri trệ, không hiểu việc quân. Lượng bèn đi về Bắc ra mắt Bị, do Bị với Lượng chưa từng quen biết, lại thấy Lượng ít tuổi, mới tỏ ý tiếp đãi như đối với học trò. Sau buổi họp, khách khứa đã về hết, chỉ còn lại mình Lượng, Bị vẫn không hỏi han gì cả. Tính Bị thích kết lông mao, gặp lúc có người mới dâng cho Bị một cái đuôi trâu, Bị tự tay ngồi tết. Lượng bèn tiến đến nói: “Minh tướng quân nuôi chí cao xa, mà chỉ ngồi tết đám lông trâu thôi ư!”. Bị biết Lượng tất chẳng phải người tầm thường, liền quẳng cái đuôi trâu đi, bảo: “Sao lại nói vậy? Là ta đang muốn quên đi sự lo lắng buồn phiền đấy thôi!” Lượng nhân đó nói tiếp: “Tướng quân nghĩ Lưu trấn Nam⁽⁶⁾ có bằng được Tào công chăng?” Bị đáp: “Không bằng”, Lượng lại hỏi: “Tướng quân tự xét mình thì thế nào?”. Bị đáp: “Cũng chẳng bằng.” Lượng bảo: “Mọi thứ đều chẳng bằng, mà binh sỹ của tướng quân bất quá chỉ mấy ngàn người, lấy quân ấy để đợi địch, có kẻ cũng chẳng làm gì được!” Bị nói: “Ta đang lo lắng việc ấy, bây giờ nên làm thế nào?”. Lượng nói: “Nay Kinh Châu dân số chẳng phải ít, nhưng số biên trong sở tịch quá ít ỏi, cứ theo sở tịch trưng binh, tất nhân tâm không phục; nên nói riêng với Trấn Nam , lệnh cho hết thảy dân di cư trong vùng, đều phải tới chứng thực, nhân đó có thể tuyển thêm người”. Bị theo kế đó, nên được đông quân cường mạnh. Bởi thế Bị*

biết Lượng thao lược hơn người, bèn lấy lễ thượng khách tiếp đãi. Sách Cửu châu xuân thu cũng chép như vậy.

Thần Tùng Chi : *xét biểu văn của Lượng viết rằng: “Tiên đế không xem thân là kẻ hèn mọn, đem lòng chiếu cố, ba lần đến nơi lều cỏ của thân, cùng bàn việc thế sự”, tất chẳng phải Lượng đến tìm Bị trước, rõ là vậy. Dẫu rằng trong văn hay có những câu khác nhau, nảy sinh sự so sánh, nhưng trái ngược đến như thế, cũng là quái lạ vậy.*

Con trưởng của Lưu Biểu tên Kỳ, rất kính trọng Lượng. Biểu lại nghe lời vợ thứ, yêu con nhỏ là Tông, nhạt tình với Kỳ. Kỳ thường hỏi Lượng kế giữ mình, Lượng bèn từ chối, không chịu can dự vào việc ấy. Kỳ bèn đưa Lượng đến chơi hậu viên, cùng lên lầu cao, yến ẩm ở trên đó, sai người cất thang, rồi bảo Lượng rằng: “Nơi này trên không tới trời, dưới không đến đất, lời ra khỏi miệng ngài, đến thẳng tai tôi, ngài có thể nói được chưa?” Lượng đáp rằng: “Công tử chẳng thấy Thân Sinh ở trong thì nguy, Trùng Nhĩ⁽⁷⁾ ra ngoài thì yên hay sao?” Kỳ tỉnh ngộ, ngậm tấc kế trốn ra ngoài. Gặp dịp Hoàng Tổ mới chết, Kỳ được ra ngoài, làm Thái thú Giang Hạ. Không lâu sau Biểu chết, Tông nghe tin Tào công tới đánh, sai sứ đến xin hàng. Tiên Chủ ở Phàn thành hay được tin ấy, đem binh xuống phía nam, Lượng và Từ Thúc cùng đi theo, Tào Công truy đuổi đánh phá, bắt được mẹ của Thúc. Thúc từ biệt Tiên Chủ, trở vào ngực mình nói: “Tôi vốn muốn giúp tướng quân mưu đồ nghiệp vương bá, cho trọn tấc lòng. Nay vì mẹ già thất tán, tấc lòng đã loạn, chẳng giúp được việc gì, xin đành từ biệt.” Rồi đến chỗ Tào công.

Nguy lược chép : *Trước Thúc có tên là Đan Phúc, vốn là con cháu họ Đan, thừa nhỏ muốn theo nghề kiếm kích. Năm Trung Bình mạt, từng vì người khác báo thù, rồi trát bùn lên mặt, cắt tóc trốn đi, bị nha lại bắt được, hỏi tên họ, ngậm miệng không nói. Nha lại bèn trói lại đem rong trên xe, đánh trống ngoài chợ⁽⁸⁾, chẳng ai dám nói ra, sau nhờ bạn bè đánh tháo, thoát được. Vì thế cảm kích, bỏ nghề đao kiếm, mặc khăn thưa áo mỏng, chuyển sang học hành. Lúc mới tới trường, các học sinh ở đó nghe rằng Phúc khi trước làm bậy, chẳng ai chơi cùng. Phúc bèn chịu khó dậy sớm, thường một mình quét sân, đoán trước động tĩnh, nghe luyện kinh sách, để tinh thực nghĩa lý. Lại cùng với người đồng quận là Thạch Thao kết tình thân ái. Năm Sơ Bình trung, Trung Châu dậy binh, bèn cùng với Thao xuôi nam đến đất Kinh Châu, tới nơi, lại đặc biệt giao kết với Gia Cát Lượng. Gặp lúc Kinh Châu phụ thuộc bên ngoài⁽⁹⁾, Khổng Minh theo về với Lưu Bị, Phúc và Thao cùng về Bắc. Đến năm Hoàng Sơ trung, Thao làm quan đến chức Quận thú, Diên nông Hiệu úy, Phúc làm đến Hữu Trung lang tướng, Ngự sử trung thừa. Tới năm Đại Hoà trung, Gia Cát Lượng ra Lũng Hữu nghe*

tin Nguyên Trực-Quảng Nguyên quan chức chỉ như thế, cảm thán nói: “Nước Ngụy nhiều kẻ sĩ vậy! hai người ấy cũng chẳng được dùng ư?” Sau đó vài năm Thứ bị bệnh mất, bia mộ đặt tại Bành Thành, nay vẫn còn ở đó.

Tiên Chủ đến Hạ Khâu, Lợng nói: “Nay việc cấp bách, xin được phụng mệnh đến cầu cứu Tôn tướng quân”. Bấy giờ Quyên đang hội quân ở Sài Tang, ngóng xem việc thành bại, Lợng thuyết Quyên rằng: “Thiên hạ đại loạn, tướng quân khởi binh nắm giữ Giang Đông, Lưu Dự Châu⁽¹⁰⁾ thu quân ở Hán Nam⁽¹¹⁾, cùng Tào Tháo tranh thiên hạ. Nay Tháo đã trừ được đại nạn⁽¹²⁾, các xứ đã yên, mới đây lại phá được Kinh Châu, uy chấn bốn bể. Kẻ anh hùng không chồn dưng võ, cho nên Dự Châu phải lần trốn là vậy. Xin tướng quân hãy lợng sức mình mà định liệu: Nếu có thể lấy quân sĩ Ngô-Việt kháng cự được Trung Quốc, chi bằng sớm đoạn tuyệt ngay; nếu không thể đương, sao chẳng thu binh cời giáp, ngoảnh mặt về Bắc mà thờ Tào! Nay tướng quân ngoài mặt tỏ ý phục tùng, trong lòng lại toan tính do dự, việc khẩn cấp mà không quyết, hoạ sẽ đến ngay đó!” Quyên hỏi: “Ví quả như lời ngài, sao Lưu Dự Châu không thờ Tào đi?” Lợng nói: “Điền Hoàn, chỉ là một tráng sỹ nước Tề, còn giữ nghĩa không chịu nhục, huống chi Lưu Dự Châu vốn là dòng vương thất, anh tài cái thế, hết thấy kẻ sỹ đều ngưỡng mộ, nếu nước chẳng về biển, khiến việc chẳng xong, ấy là bởi trời vậy, sao có thể quy phục ở yên dưới họ Tào!”. Quyên bưng bưng nói: “Ta chẳng thể dâng cả đất Ngô, với mười vạn quân binh, chịu phép của người. Kế ta đã quyết! Phi Lưu Dự Châu chẳng ai đương nổi Tào Tháo, song Dự Châu mới đây thua trận, chẳng hay có thể chống nổi nạn này?” Lợng nói: “Dự Châu tuy thua ở Trường Bản, nhưng quân sỹ đã tụ về cùng một vạn thủy quân tinh giáp của Quan Vũ, Lưu Kỳ ở Giang Hạ cũng còn không dưới vạn binh. Tào Tháo đông quân, từ xa tới đã mỏi mệt, lúc truy kích Dự Châu, quân khinh kỵ một ngày đêm đi hơn ba trăm dặm, ấy chính là ‘nỗ mạnh đã bắn xa hết sức, sức chẳng thể xuyên thủng tấm lụa mỏng’ vậy. Cho nên binh pháp kỵ việc ấy, nói rằng ‘Kể cả Thượng tướng quân cũng ngã nhào vậy.’ Vả lại người phương Bắc vốn không quen thủy chiến; dân chúng Kinh Châu theo Tháo, chỉ vì việc binh bức bách, mà nhân tâm bất phục. Tin chắc rằng nếu tướng quân sai mãnh tướng thống lĩnh mấy vạn binh, cùng Lưu Dự Châu đồng tâm hiệp lực, tất phá được quân của Tháo vậy. Quân Tháo bị phá, ắt hẳn quay về Bắc, như vậy thế Kinh-Ngô sẽ cường, chân đỉnh hình thành. Cơ hội thành bại, là ở hôm nay vậy.” Quyên rất hài lòng, lập tức phái Chu Du-Trình Phổ-Lỗ Túc

năm ba vạn thủy quân, theo Lượng đến gặp Tiên chủ, cùng hợp sức cự Tào công.

*Viên tử chép : Trương Tử Bô⁽¹³⁾tiên cử Lượng với Tôn Quyền, Lượng quyết không lưu lại. Có người hỏi nguyên do, bèn rằng: “Tôn tướng quân có thể là vị chúa tốt, nhưng xem độ lượng người ấy, có thể yêu mến Lượng mà chẳng dùng hết tài của Lượng được, thế nên ta chẳng lưu lại”. **Thần Tùng Chi** : xem kỹ lời lập luận của Viên Hiếu Ni⁽¹⁴⁾, rất kính trọng con người Gia Cát Lượng, nhưng lời nói đến thế lại khác xa sự thật. Xem Lượng với Bị quân thân tương ngộ, có thể nói là đời này hiếm thấy, chung thủy chẳng lìa, ai có thể xen vào? Quyết không có việc giữa đường lìa bỏ tình tri ngộ, mang lòng đổi chủ, ví bằng Quyền dùng được Lượng, việc đổi thay lại dễ dàng đến thế? Cứ như cách hành xử của Gia Cát tiên sinh, sao như thế được! Quan Vũ bị Tào công bắt được, đãi ngộ rất hậu, có thể nói là dùng hết tài của Vũ, song Vũ vì nghĩa chẳng bỏ gốc, như thế Khổng Minh chẳng bằng được Vân Trường ư!*

Tào công thua trận Xích Bích, dẫn quân chạy về Nghiệp quận. Tiên chủ lấy được các quận phía Nam sông, thăng Lượng làm quân sư Trung lang tướng, cai quản ba quận, Linh Lăng, Trường Sa, Quế Dương, đi đầu hoà thuế khoá, bổ sung quân lương.

Linh Lăng tiên hiên truyện chép rằng: Bấy giờ Lượng ở Lâm Trung⁽¹⁵⁾.

Năm Kiến An thứ mười sáu, Ích Châu mục Lưu Chương, sai Pháp Chính nghênh đón Tiên chủ, nhờ đánh Trương Lỗ. Lượng cùng Quan Vũ trấn thủ Kinh Châu. Tiên chủ từ Hà Manh quay về đánh Chương, Lượng cùng bọn Trương Phi-Triệu Vân thống suất binh sỹ ngược sông, chia nhau đánh lấy các quận huyện, cùng Tiên Chủ hợp sức vây đánh Thành Đô. Thành Đô bình định, Lượng lĩnh chức quân sư tướng quân, tạm coi việc ở phủ Tả tướng quân⁽¹⁶⁾. Tiên Chủ đánh dẹp bên ngoài, Lượng thường trấn giữ Thành Đô, quân lương đầy đủ. Năm thứ hai mươi sáu⁽¹⁷⁾, quần thần khuyên Tiên Chủ xưng đế, Tiên Chủ không nghe, Lượng thuyết rằng: “Xưa Ngô Hán-Cảnh Yểm lúc đầu khuyên Thế Tổ lên ngôi đế, Thế Tổ từ chối, trước sau bốn lần, Cảnh Thuần⁽¹⁸⁾mới dẫn lời rằng: ‘Anh hùng trong thiên hạ đều ngưỡng vọng mong ngóng. Nếu chẳng theo lời bàn luận, sĩ đại phu sẽ đều đi tìm chủ khác, chẳng ai theo chúa công nữa’. Thế Tổ rất cảm kích vì lời của Thuần, liền ưng thuận. Nay họ Tào soán ngôi nhà Hán, thiên hạ vô chủ, đại vương là dòng dõi họ Lưu, kế thừa cơ nghiệp, nay lên ngôi hoàng đế, là việc rất nên làm. Các sĩ đại phu theo đại vương đã lâu, đắng cay trải đủ, nay cũng mong muốn được chút công danh như lời Thuần nói

vậy.” Bởi thế Tiên chủ lên ngôi hoàng đế, sách mệnh cho Lượng làm thừa tướng rằng: “Trẫm trong nhà bất hạnh, phụng mệnh kế thừa đại nghiệp, lòng đau đáu sợ hãi, đâu dám hưởng yên vui, thường lo lắng cho trăm họ, vẫn sợ tài đức mình chẳng đủ. Than ôi! Thừa tướng của trẫm là Lượng hiểu rõ bụng trẫm, không lười biếng giúp trẫm sửa bớt lỗi lầm, lấy nghiệp lớn làm trọng, nay tuyên chiếu bố cáo cùng thiên hạ! mong người hãy gắng sức.” Rồi lấy Lượng làm thừa Tướng kiêm Lục Thượng thư sự, ban cho Giả tiết. Sau này Trương Phi mất, Lượng lĩnh thêm chức Tư lệ hiệu úy.

***Thực ký chép :** Thời Tần sơ, Phù Phong vương là Tuấn trấn thủ Quan Trung, từ mã Cao Bình Lưu Bảo, trưởng sử Huỳnh Dương là Hoàn Thập cùng các sĩ đại phu luận bàn về Gia Cát Lượng, lúc đó kẻ bàn phần nhiều chê Lượng, gửi thân không đúng chỗ, làm Thực dân khốn khổ, thế yếu mưu lớn, chẳng biết lượng sức mình. Quách Xung ở Kim Thành cho rằng Lượng quyền trí, mưu lược hơn Quán-Án, mà công nghiệp chẳng thành, kẻ bàn luận còn lấy làm ngờ, Xung liền dẫn ra năm việc của Lượng mà người đời chưa từng nghe, bọn Bảo cũng chẳng thể làm nổi. Phù Phong vương cho rằng lời của Xung là đúng.*

***Thần Tòng Chi :** cho rằng đây là những lời khen kỳ lạ về Lượng, tuy nghe chân thành, nhưng cái thuyết ấy của Xung, thật rất đáng ngờ, xin cẩn trọng theo từng việc để vạch rõ những điều sai trái:*

Việc thứ nhất nói rằng: Lượng dùng hình pháp khắc nghiệt, bóc lột trăm họ, từ kẻ quân tử đến tiểu nhân đều oán thán, Pháp Chính can rằng: “Khi xưa Cao Tổ vào quan ải, giản ước luật pháp chỉ có ba điều, dân Tần chịu ơn đức ấy, nay ngài mượn vũ lực, chiếm cứ Ích châu, mới lập nước, ân huệ chưa rủ xuống; Vả lại theo cái nghĩa chủ khách, nên giảm nhẹ đi, hãy khoan hoãn hình phạt nói lỏng các điều cấm, để đáp ứng kỳ vọng của người dân vậy”. Lượng đáp rằng: “Ngài chỉ biết một mà chẳng biết hai. Nhà Tần vô đạo, hình pháp hà khắc nên dân ai oán, kẻ thất phu gần thét thị oai, thiên hạ băng hoại. Cao Tổ nhân việc ấy, mới có thể nói lỏng để cứu vớt người ta. Nay Lưu Chương hôn ám nhu nhược, từ thời Lưu Yên đến nay mỗi đời lại thi ân thêm, lấy văn tự hình pháp ràng buộc người ta, cùng đắp đổi hỗ trợ cho nhau, mà đức chính chẳng được nêu, hình phạt không nghiêm túc. Nhân sỹ đất Thực được riêng quyền phóng túng, đạo quân thần dần bại hoại; Yêu thì ban cho ngôi vị, ngôi vị cao thì sinh ra khinh nhờn, thuận thì ban ân, ân tốt đỉnh thì sinh ngạo mạn. Sở dĩ tệ hại đến thế, thật bởi từ đó vậy. Nay ta nêu cao hình pháp, có phép tắc rồi mới biết ân, hạn chế tước lộc, ban cho tước mới thấy vinh; vinh ân gấm đủ, trên dưới có trật tự, làm được như thế, mới là phân minh rõ ràng”

Luận rằng: Xét Pháp Chính ở thời Lưu chủ còn sống, bấy giờ Pháp Chính đưa lời can, tất Lưu chủ còn vậy. Gia Cát là bày tôi chân tay, nhưng mọi việc đều phải qua chủ, Lưu chủ còn đó, Lượng lại chưa đốc xuất việc ở Ích châu, muốn thường phạt có phép tắc, chẳng thể theo ý riêng của mình. Xung lại kẻ Lượng đáp như vậy, ấy là chuyên quyền tự quyết, có phải là cách hành xử nên có của kẻ bày tôi. Như Lượng vốn là người khiêm nhường, ngờ rằng chẳng phải vậy. Lại nói rằng Lượng dùng hình pháp khắc nghiệt, bóc lột trăm họ, quả chưa nghe thấy khéo dùng luật lại khen là bóc lột.

Việc thứ hai là: Tào công phái thích khách đến gặp Lưu Bị, mới được đón tiếp, thoát luận về cái thế phạt Ngụy, rất hợp ý Bị. Sau hòng tiếp cận, thích khách còn chưa tiện dịp, thì Lượng đã vào, khách nước Ngụy thần sắc hoảng hốt. Lượng nhân đó coi xét y, đoán rằng đó chẳng phải người thường. Bỗng chốc, khách đi ra nhà xí, bị Bảo Lượng rằng: “Sắp được bậc kỳ sỹ, đủ để giúp ích cho tiên sinh”. Lượng hỏi ở đâu, Bị đáp: “Là vừa đứng lên vậy.” Lượng chậm rãi than rằng: “Quan khách sắc mặt động mà thần hải, ánh mắt thấp mà né tránh, gian tướng lộ ra ngoài, tà tâm ẩn bên trong, ắt là thích khách của họ Tào vậy.” Đoạn đuổi theo, thấy đã vượt tường chạy mất.

Luận rằng: Phàm là thích khách, đều là kẻ như hổ dữ rập rình, chết mà không hối. Lưu chúa có gương nhìn người, lại bị mê hoặc bởi thích khách, ắt hẳn khách ấy là bậc kỳ sỹ một thời; lại bảo Gia Cát rằng “đủ giúp ích cho tiên sinh”, tất cũng chẳng kém Gia Cát mấy nổi. Phàm những bày tôi như Gia Cát, hiếm có kẻ làm thích khách cho người ta, đương thời người bá chủ tiếc kẻ tài ba, tất không đẩy họ vào chỗ chết. Vả lại người này không chết, sau sẽ hiển đạt cho Ngụy, rốt cục là ai đây? Sao im hơi bật tiếng là vậy!

Năm Chương Vũ thứ ba mùa xuân, Tiên Chủ lâm trọng bệnh ở Vĩnh An, triệu Lượng từ Thành Đô tới, phó thác hậu sự, bảo Lượng rằng: “Tài của người gấp mười lần Tào Phi, tất yên được nước, làm nên đại sự. Nếu có thể giúp được con trăm, hãy giúp. Ví như nó bất tài, quân sư hãy tự mình làm chủ”. Lượng ứa nước mắt khóc nói: “Thần nguyện dốc hết tâm lực phụ chính, một lòng trung trinh, tới chết mới thôi”. Tiên Chủ lại viết chiếu gửi Hậu Chủ, rằng: “Mọi việc phải theo lời thừa tướng mà làm, coi như cha vậy”.

Tôn Thỉnh nói: Kẻ trượng đạo phù nghĩa, làm ra thể chế để người khác tín phục, rồi mới có thể giúp chủ nên công, sau cùng mới yên định được đại nghiệp. Ngạn ngữ nói rằng kẻ đánh cờ đã cất tay mà còn do dự bất định thì chẳng thể thắng được đối thủ, phương chi phải cân nhắc cái tài của bậc

quân vương mà dè dặt đến hai ba lần, sao có thể diệt hết kẻ địch hùng mạnh lân bang để thu g òm bốn bề? Bị di mệnh cho Lượng, việc ấy rắc rối làm sao! Đời sau có người bảo rằng Bị muốn nhấn mạnh sự thành thực ủy thác, lại muốn thống nhất lòng dân Thục. Bậc quân tử nói rằng: Không đúng vậy; Ví như phó thác cho bậc hiền nhân trung th ần, hẳn không nên dạy bảo rõ ràng như thế, bằng như không phải người như vậy, chẳng nên khơi dậy mưu đồ soán nghịch làm chi. Thế nên việc cố mệnh đời xưa, hẳn lưu lại lời răn; lời nói dối trá quỷ quyệt, chẳng phải là lời thác cô vậy. May mắn gặp phải Lưu Thiện tâm tối nhu nhược, không có tính hiểm độc nghi ngờ, mà Gia Cát lại uy vũ thao lược, đủ để không chế m ặt mống tranh chấp, bởi thế khiến những kẻ không cùng lòng chẳng thể nào trỗi dậy được. Nếu không, sợ rằng đã phát sinh nghi kỵ hi ền khích chẳng được thoả ý mình. Nói rằng đây là quy ền thuật, chẳng phải sai l ần ư!

Kiến Hưng năm đầu, phong Lượng làm Vũ Hương H ầu, được mở phủ sự, không lâu sau, lại lĩnh thêm chức Ích Châu mục. Việc chính sự chẳng kể lớn nhỏ, đầu do Lượng quyết. Các quận xứ Nam Trung, cùng nổi lên làm loạn. Lượng nhân trong nước đang có đại tang, không tiện xuất binh, lại sai sứ sang Ngô, kết tình hòa hiếu, cùng làm nước đ ồng minh.

Gia Cát Lượng tập chép : Năm ấy, Ngụy tư đồ Hoa Hâm, Tư không Vương Lãng, Thượng thư lệnh Trần Quân, Thái sử lệnh Hứa Chi, Yết giả Phó xạ Gia Cát Chương đều gửi thư riêng cho Lượng, bày đặt mệnh trời việc người, muốn Lượng dâng cả nước xưng thần. Lượng không đáp thư, lại viết một bức chính luận rằng: “Khi xưa Hạng Vũ khởi lên mà chẳng có đức, dẫu lấy được Hoa Hạ, giữ thanh thế như hoàng đế, rốt cục vẫn phải thân bại danh liệt⁽¹⁹⁾, ấy là lời răn cho hậu thế. Nước Ngụy chẳng xem đó là tấm gương, lại theo vết chân ấy; thoát thân đã là may, lấy làm điều răn cho con cháu. Các vị đều là những bậc nguyên lão, vâng mệnh Ngụy chúa mà tiến thư, khác chi Sùng-Tửng xưng tụng công lao của Mãng⁽²⁰⁾, cũng là bức bách cầu may cầu thả tránh hoạ thôi. Xưa Thế Tổ⁽²¹⁾ chấn hưng cơ nghiệp cũ, có mấy nghìn binh lính gắng sức giằng co, bẻ gãy hơn bốn mươi vạn cường binh của Mãng ở gần Cồn Dương, mới hay thảo phạt kẻ tà đạo cứ đầu quân ít hay nhiều. Kìa như Mạnh Đức⁽²²⁾, vẫn lấy sự lừa lọc quỷ quyệt hơn thế lực, đem vài chục vạn quân đến cứu Trương Cáp ở Dương Bình, thế cùng ngồi lo lắng hồi tiếc, cầu mong thoát nạn, làm nhục khí thế của ba quân, đành cam bề chịu mất đất Hán Trung, trong bụng biết rõ thân khi⁽²³⁾ chẳng thể làm xương mà có được, nên quay về chưa lâu, đã trúng độc mà chết. Từ Hoàn⁽²⁴⁾ dâm dặt, làm việc cướp ngôi. Các ngài lại buông tuồng dùng những lời

quỷ biến hoa mỹ của Tô-Trương⁽²⁵⁾, vâng mệnh bề trên mà dâng lên Hoan Châu⁽²⁶⁾ những lời lẽ khí thế ngút trời, muốn huỷ hoại ngôi Đường đế, ngâm nga biện giải chuyện Vũ-Tắc⁽²⁷⁾, cũng chỉ là chôn vùi văn thơ làm buồn lòng kẻ hàn mặc⁽²⁸⁾ mà thôi. Kẻ đại nhân quân tử tất chẳng bao giờ làm thế. Thiên Quân giới lại viết: “Vạn quân liêu chết, xưng hùng thiên hạ”. Xưa Hiên Viên sửa sang mây vạn binh sỹ, mà không chế bốn phương, yên việc trong cõi, huống chi ta dùng mấy chục vạn quân, nương theo chính đạo soi xét kẻ có tội, cứ theo lẽ ấy mà suy thì có thể cầu mà được vậy!

Năm thứ ba mùa xuân, Lượng xuất quân nam chinh, Đến mùa thu bình định được hết cả. Quân nhu đầy đủ, nước mạnh dân giầu, bèn cho sửa sang khí giới thao luyện binh sỹ, chờ thời khởi sự.

Hậu chủ ban cho Lượng phủ việt bằng vàng một bộ, lọng cán cong một chiếc, trước sau còn có mũ lông chim, trống, sáo mỗi thứ một bộ, quân hồ bốn sáu chục người. Việc chép ở Lượng tập.

Hán Tấn xuân thu chép : Lượng đến Nam Trung, thắng trận ở đó. Nghe tin Mạnh Hoạch, được người Di-Hán ở đó phục tùng, mới yết bảng cho người bắt sống đưa tới. Bắt được rồi, sai người dẫn Hoạch đi xem các nơi bày doanh trại, hỏi rằng: “Quân của ta thế nào?”, Hoạch thưa rằng: “Trước không rõ hư thực, nên bại. Nay được coi xét rõ doanh trại, cũng chỉ đến thế, thắng cũng chẳng khó gì”. Lượng cười, thả ra cho đấu lại, bảy lần bắt bảy lần thả, mà Lượng vẫn sai thả Hoạch. Hoạch không bỏ đi nữa, nói: “Công, uy danh của ông như trời vậy, người Nam không phản lại nữa!”, rồi đến Điền Trì. Nam Trung bình định, đều dùng lại những thủ lĩnh ở đây. Có người can Lượng, Lượng nói: “Ví như để người ở lại, ắt phải lưu quân, lưu quân lại chẳng có lương ăn, đó là một điều không nên; xừ Di mới bị tàn phá, cha anh mất con em, lưu quan mà không lưu binh, tất thành hoạ hoạn, đó là hai điều không nên; người Di mới lụy mà phế bỏ hết đi là sai lầm, tự gây ra hiểu lầm lẫn nhau, nếu lưu người ở lại, chẳng tin được nhau, là ba điều không nên; nay ta chẳng lưu binh, không phải chuyển lương, như thế kỷ cương tạm ổn định, Hán-Di cùng yên ổn vậy.”

Năm thứ năm, cất đại quân ra bắc đóng ở Hán Trung, trước khi đi, dâng biểu tâu lên Hậu Chủ rằng:

“Tiên đế sáng nghiệp chưa lâu nửa đường đã băng hà, nay thiên hạ chia ba, Ích châu mỗi một, quả là sự nguy cấp tột cùng đã ở ngay trước mắt. Thế nên kẻ bày tôi chầu chực chẳng dám lười nhác ở bên trong, kẻ sỹ có chí trung thành vong thân ngoài cõi, là vì nhớ đến cái ơn tri ngộ của Tiên đế, muốn đáp đền cùng Bệ hạ vậy. Bệ hạ nên rộng rãi thánh minh, để sáng đức tốt của Tiên đế, thúc đẩy chí khí của kẻ sỹ, chẳng nên làm bữa mà tự

coi rẻ mình, dẫn dụ đi đầu thất nghĩa, lấp con đường trung thực của kẻ can gián. Trong cung phủ đầu là một thế, tướng thiện phạt ác, chẳng nên phân biệt. Nếu như có đi đầu sai phạm hoặc trung thiện, nên giao cho sở ty luận rõ mà thưởng phạt, để làm sáng tỏ đạo lý công bằng sáng suốt của Bệ hạ, không nên riêng tư nghiêng lệch, khiến cho khuôn phép trong ngoài sai khác.

Bọn Thị trung, Thị lang như Quách Du Chi-Phí Y-Đồng Doãn đầu là những lương thần, biết toan tính mà trung thuận, ấy là tiên đế đã lựa chọn và để lại cho bệ hạ. Ngu ý cho rằng việc ở trong cung, chẳng kể lớn nhỏ, đầu phải bàn kỹ với họ, sau mới thi hành, như thế có thể bổ thiếu sót, có ích rộng rãi. Tướng quân Hướng Sùng tính hạnh thuần thực, hiểu rõ việc quân, được thử dùng ngày trước, Tiên đế khen là có tài cán, thế nên mọi người bàn luận và tiến cử làm Đô đốc. Ngu ý cho rằng việc ở trong doanh trại, ắt phải bàn bạc kỹ với ông ấy, ắt có thể khiến hàng ngũ hoà thuận, định rõ hơn kém.

Thân với hiên thần, xa lánh tiểu nhân, ấy là lễ nhà Tiền Hán đã hưng; thân với tiểu nhân, xa lánh hiên thần, ấy là lễ nhà Hậu Hán đã nghiêng đổ vậy. Thời Tiên đế còn sống, mỗi lần cùng với thần đàm luận về việc ấy, không lần nào không than thở đau xót oán giận cho Hoàn-Linh⁽²⁹⁾. Các Thị trung, Thượng thư, Trưởng sử, Tham quân đầu là những bề tôi trung trinh đến chết, xin Bệ hạ thân thiết và tin dùng họ, được thế tất nhà Hán hưng vượng, đi đầu đó có thể tính ngày mà đợi được vậy.

Thần vốn là kẻ áo vải, đem thân cày ruộng ở Nam Dương, mong toàn tính mệnh ở đời loạn, chẳng cần nổi tiếng với chư hầu. Tiên đế không coi thần là kẻ hèn mọn, đem lòng chiêu cố, ba lần tìm đến kiếm thần nơi lâu cỏ, hỏi thần về việc đương thời, bởi thế thần rất cảm kích, nguyện theo Tiên đế ruổi rong. Sau gặp lúc nghiêng ngả, nhận việc giữa lúc quân thua tướng bại, phụng mệnh lúc gian nguy, tính đến nay đã trải hai mươi một năm.

***Thần Tùng Chi** : xét rằng: Lưu Bị thua chạy vào năm Kiến An thứ mười ba, sai Lượng đi sứ sang Ngô. Đến năm Kiến Hưng thứ năm Lượng dâng biểu Bắc phạt, tính rõ chỉ có hai mươi năm. Như vậy Bị cùng Lượng tương ngộ, trước lúc bại quân một năm vậy.*

Tiên đế biết thần cẩn thận, trước lúc lâm chung đã phó thác đại sự cho thần. Từ lúc phụng mệnh đến nay, sớm khuya lo lắng, sợ phụ lại sự uỷ

thác, làm tổn hại đến đức sáng suốt của tiên đế, nên tháng năm vượt Lô giang, vào sâu nơi đất không cây.

Hán thư địa lý chí chép : Dòng Lô giang bắt đầu ở quận Tang ca huyện Câu Đình. Nay phương Nam đã định, binh giáp đầy đủ, đương lúc cần khích lệ ba quân, bắc định Trung nguyên, dốc hết tài mọn, diệt trừ kẻ gian hung, trừng hưng Hán thất, trở lại cố đô. Như thế thần mới báo đáp được Tiên đế, mà trung thành với chức phận mà bệ hạ đã giao phó.

Còn như việc châm chước lợi hại, bày tỏ lời trung, đã có Du Chi-Y-Doãn đảm nhiệm vậy. Những mong bệ hạ uỷ thác để thần được đánh kẻ nghịch tặc phục hưng nhà Hán; nếu chẳng thành công, xin bắt tội thần, để báo cáo cùng vong linh Tiên đế. Còn như chẳng tiến dẫn được lời trung khiến cho đức không được hưng thịnh tất phải trách lỗi của Du Chi-Y-Doãn; Bệ hạ nên tự mình toan tính, hỏi han đạo phải, xét nạp lời ngay, tuân theo di chiếu của Tiên đế. Thần thụ ân mà cảm kích khôn cùng, nay đương ở nơi xa, dâng biểu mà khóc, chẳng thể nói hết lời”.

Liền đó, Lượng đem quân ra đóng ở Miện Dương.

Việc thứ ba Quách Xung nói rằng: Lượng đóng ở Dương Bình, sai Ngụy Diên dẫn binh Đông hạ, Lượng chỉ lưu một vạn quân giữ thành. Tấn Tuyên Đế⁽³⁰⁾thống xuất hai mươi vạn binh chống Lượng, mà quân Diên bị lạc đường, Tuyên Đế theo lối tắt mà đến, còn cách Lượng chừng sáu mươi dặm, quân do thám báo với Tuyên Đế rằng Lượng ở trong thành binh đơn lực bạc. Lượng cũng biết Tuyên Đế sắp đến, tình thế bức bách, muốn chạy tới chỗ quân của Diên, nhưng khoảng cách quá xa, địch theo vết mà truy đuổi, tất không chạy kịp, tướng sỹ đều thất sắc, chẳng biết làm sao. Lượng tỏ ý thần nhiên, lệnh cho trong quân đều ngả cò im trống, không được ra khỏi lều trại, lại sai mở toang bốn cửa thành, quét đất dọn rửa. Tuyên Đế thường nói Lượng là người cẩn trọng, mà giờ thấy thế bên kia yếu nhược, nghi có phục binh, bèn dẫn quân về phía bắc Thụ Sơn. Hôm sau vào giờ ăn cơm, Lượng cười lớn bảo với các vị Tham tá thủ hạ rằng: “Tư Mã Ý tất bảo là ta khiếp nhược, chắc rằng có phục binh, ắt men theo núi mà chạy”. Quân do thám về báo lại, quả như lời Lượng nói. Tuyên Đế sau biết việc đó, rất lấy làm tiếc hận.

Luận rằng: Xét thấy Dương Bình ở Hán Trung. Khi Lượng mới đóng quân ở Dương Bình, Tuyên Đế còn làm đô đốc ở Kinh Châu, trấn giữ Uyển Thành, đến khi Tào Chân chết đi mới nắm quyền ở Quan Trung chống giữ với Lượng. Ngụy từng sai Tuyên Đế từ Uyển Thành đến Tây Thành phạt Thục, gặp mưa dầm,

chẳng nên công. Trước sau là thế, chẳng thế nào đến Dương Bình giao chiến được. Nếu quả như lời Xung nói, Tuyên Đế có hai vạn quân, lại biết Lượng binh ít lực yếu, dẫu nghi có quân mai phục, đứng ra phải bày đặt bố phòng cẩn trọng, sao lại bỏ chạy ngay? Lại xét Ngụy Diên truyền rằng: “Diên thường theo Lượng ra quân, muốn xin riêng một vạn tinh binh, cùng với Lượng theo đường khác hội quân ở Đồng Quan, Lượng kiên chế không cho; Diên vẫn thường nói Lượng nhút nhát, than thở rằng tài của mình chẳng được dùng hết”. Lượng còn chẳng cho Diên riêng một vạn quân, sao được như lời Xung nói, là đang nắm giữ trọng binh ở phía trước, mà tự thủ lại khinh xuất vậy? Vả lại Xung nói với Phù Phong vương như thế, rõ ràng Tuyên Đế quá kém cỏi, nói chuyện với con lại chê bai cha, lý chẳng thế dung, bảo rằng: “Phù Phong vương cho rằng lời của Xung là đúng”, thế nên biết sách ấy dẫn toàn chuyện hão vậy.

Năm thứ sáu mùa xuân, Lượng tung tin theo lối Tà Cốc ra lấy Mi thành, sai Triệu Vân-Đặng Chi làm nghi binh, chiếm giữ Cơ Cốc. Đại tướng quân Tào Chân nhà Ngụy cất quân chống cự. Lượng thân cầm quân ra đóng ở Kỳ Sơn, quân nhung chỉnh tề, thưởng phạt đầy đủ mà hiệu lệnh nghiêm minh. Ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định phản Ngụy hưởng ứng Lượng. Quan Trung rung động.

Ngụy lược chép : Lúc trước, quốc gia cho là Thục trung chỉ có một mình Lưu Bị. Bị đã chết, mấy năm chẳng có động tĩnh gì, bởi thế cũng không tính chuyện phòng bị; Chợt nghe tin Lượng xuất binh, trong triều ngoài dã đều kinh hãi, ở Lũng Hữu-Kỳ Sơn lại càng đáng ngại, ba quận ấy cùng hưởng ứng Lượng.

Ngụy Minh Đế⁽³¹⁾ sang Tây trấn thủ Trường An, mệnh cho Trương Cáp chống cự Lượng. Lượng cử Mã Tắc đốc suất ba quân ở trước trận cùng với Cáp đại chiến ở Nhai Đình. Tốc trái phép của Lượng, hành động thất thố, bị Trương Cáp đánh tan. Lượng dời hơn một ngàn hộ dân từ Tây Thành vào Hán Trung.

Việc thứ tư Quách Xung nói rằng: Lượng ra Kỳ Sơn, hai quận Lũng Tây-Nam An hưởng ứng ra hàng, Lượng lại vây Thiên Thủy, phá Ký Thành, bắt được Khương Duy, đuổi mấy ngàn trai gái vào đất Thục. Mọi người đều đến mừng Lượng, Lượng cau mặt không vui tỏ vẻ thương xót, tạ rằng: “Khắp trong thiên hạ, chẳng ai không phải dân Hán, uy lực của quốc gia còn chưa dấy lên được, khiến cho bách tính phải khốn đốn trong miệng sài lang. Mỗi người chết đi, đều là tội của Lượng, lấy việc ấy là mừng, ta không thẹn sao được”. Bởi thế người Thục đều biết Lượng nuôi chí diệt Ngụy, chẳng phải chỉ là nói thác ra thế thôi vậy.

Lượng rằng: “Lượng nuôi chí diệt Ngụy từ lâu, chẳng phải lúc ấy mọi người mới biết, vả lại bấy giờ ra quân chẳng thành, bị tổn thất phải quay về, ba quân theo hàng chẳng thể lấy được. Còn Khương Duy, chỉ là một kẻ thất phu ở Thiên Thủy, bắt được là tổn hại cho nước Ngụy sao? Được một nghìn nhà ở xứ Tây thành, chẳng bù nổi mất mát ở Nhai Đình, coi đó là công lao, mà người Thục đều đến chúc mừng ư?”

Lượng đem giết Tắc rỗi phanh thây để tạ tội với ba quân. Rồi viết sớ tâu lên Hậu Chủ rằng: “Thần vốn tài hèn, trộm giữ ngôi cao, thân cầy mao việt thống soái ba quân, mà chẳng thể nêu cao minh pháp, lâm việc sợ hãi, đến nỗi có việc trái mệnh lầm lỗi ở Nhai Đình, ở phía Cơ Cốc cũng không sao phòng thủ được, những lỗi ấy đều là bởi thần xét việc không đến nơi. Thần đã không sáng suốt nhìn người, làm việc u minh, nghĩa Xuân Thu trách tại thống soái, chức phận của thần phải đảm đương lỗi ấy. Xin tự biếm quan ba bậc, để phạt lỗi lầm”. Hậu chủ theo đó giáng Lượng làm Hữu tướng quân, coi việc thừa tướng, vẫn nắm quyền thống soái như trước.

Hán Tấn Xuân thu chép : Có kẻ khuyên Lượng tăng cường binh lực để đánh Ngụy, Lượng nói: “Đại quân của ta ở Kỳ Sơn-Cơ cốc đều nhiều hơn địch, thế mà chẳng thể phá giặc lại bị quân giặc đánh tan, thế tất chẳng phải bởi binh lực yếu kém, mà bởi tại người cầm đầu vậy. Nay ta muốn giảm binh xét tướng, sáng phép tỏ lỗi, tính đến cái đạo biến thông mai sau; nếu chẳng làm được như thế, dẫu nhiều binh cũng chẳng ích gì! Từ nay về sau, những người trung tín lo lắng vì quốc gia, nên chuyên cần sửa lỗi cho ta, tất việc có thể nên, giặc sẽ bị tiêu diệt, cái công có thể nhón chân mà đợi vậy.” Rồi xét kỹ từng việc nhỏ, nêu rõ những điểm mạnh, chỉ ra những lỗi lầm, cáo rõ với thiên hạ, rồi luyện quân giảng võ, mưu toan việc về sau, lại kén chọn binh sĩ để rèn luyện, để dân chúng quên đi thất bại đã qua. Lượng nghe tin Quyền phá Tào Hưu, quân Ngụy phải kéo về phía đông, Quan Trung suy yếu, tháng mười một năm ấy, dâng biểu lên Hậu chủ rằng:

“Tiên đế lo Hán-tặc không thể chung ngôi, vương nghiệp chẳng thể yên một nửa, nên uỷ thác cho thần thảo phạt giặc giã. Bởi Tiên đế sáng suốt, lượng được tài mọn của thần, nên biết rằng thần thảo phạt là lấy yếu đánh mạnh; nhưng nếu không đánh giặc nghiệp vương sẽ mất; chỉ nghĩ mà đợi mất, ai sẽ chịu đánh giặc? Đó là cái có để Tiên đế uỷ thác lại cho thần mà không nghi ngại. Từ ngày thần lĩnh mệnh, ăn không ngon, ngủ không yên, chỉ nghĩ đến việc Bắc chinh, nên trước dẫn quân xuống phương Nam, tháng năm vượt Lô giang, vào sâu nơi đất không cây, nhiều ngày đói khát. Thần chẳng phải không tiếc thân mình, bởi vương nghiệp chẳng được toàn vẹn ở Thục đô, nên phải xông pha vào chốn nguy nan để khỏi phụ lòng

Tiên đế, mà kẻ nghị luận bảo rằng chẳng phải kế hay. Nay kẻ địch đang mỗi một ở phía tây, lại lo lắng ở phía Đông, binh pháp dạy rằng phải thừa lúc địch đang mệt nhọc mà đánh tới. Thần cẩn trọng xin tấu trình mọi nhẽ:

Cao Đế⁽³²⁾ sáng tựa nhật nguyệt, mưu thần uyên bác, thế mà phải vượt mọi hiểm nguy chịu thương, bị nguy rồi sau mới được an. Nay bệ hạ chưa thể sánh bằng Cao Đế, mưu thần chẳng được như Lương-Bình⁽³³⁾ mà lại muốn lấy kế lâu dài để thủ thắng, ngỗ ý yên ổn an định thiên hạ, đó là đi đầu thứ nhất thần không hiểu nổi.

Lưu Do-Vương Lăng⁽³⁴⁾ chiếm cứ châu quận, lập kế sách vỗ yên, dẫn dụ lời thánh nhân, mọi người còn mang lòng ngờ vực, khó nói ra lời, năm này không ra đánh, năm sau chẳng cất quân, khiến cho Tôn Sách ngày càng mạnh mẽ, thôn tóm cả xứ Giang Đông, đó là đi đầu thứ hai thần không hiểu nổi.

Tào Tháo mưu kế kỳ tuyệt hơn người, dùng binh phẳng phất như Tôn-Ngô⁽³⁵⁾, thế mà vẫn bị khốn ở Nam Dương, gặp hiểm ở Ô Sào, nguy nan ở Kỳ Liên, bị bức ở Lê Dương, mấy lần thua trận ở Bắc Sơn, suýt chết ở Đồng Quan, sau mới tạm yên định được một thời, hưởng chi thần tài mọn, lại muốn không trải nguy nan mà yên định được, đó là đi đầu thứ ba thần không hiểu nổi.

Tào Tháo năm lần đánh Xương Bá mà không xong, bốn lần vượt Sào Hồ mà không thành, tin dùng Lý Phục mà Lý Phục mưu mô, uỷ thác cho Hạ Hầu mà Hạ Hầu bại trận, Tiên đế thường khen Tào Tháo là người tài giỏi, còn có chỗ kém ấy, hưởng hột thần là kẻ kém cỏi, lẽ nào lại nắm chắc phần thắng? Đó là đi đầu thứ tư mà thần không hiểu nổi.

Từ lúc thần đến Hán Trung, trong khoảng một năm, đã mất Triệu Vân⁽³⁶⁾, Dương Quân, Mã Ngọc, Diễm Chi, Đinh Lập, Bạch Thọ, Lưu Cáp, Đặng Đổng, cùng hơn bảy chục tướng giữ đồn, là những mãnh tướng ít thấy. Những Tán kỵ, Vũ kỵ người Tung-Tẩu-Thanh Khương cũng mất hơn một nghìn người, những người ấy đều là tinh hoa thu thập trong vài chục năm, từ bốn phương, chẳng phải từ một châu mà có được, thế mà chỉ vài năm, đã mất đến hai phần ba, biết lấy gì để đánh giặc? Đó là đi đầu thứ năm thần không hiểu nổi.

Nay dân nghèo quân mỏi, việc lại chẳng thể dừng, việc chẳng thể dừng, tất phải chạy ngược chạy xuôi tổn tâm hao trí, mà nay chẳng sớm liệu,

muốn lấy một châu để mưu toan đánh giặc lâu dài, đó là đi đầu thứ sáu thên không hiểu nổi.

Việc khó bàn định, chính là việc ấy vậy. Xưa kia Tiên Đế thua quân ở Sở, lúc bấy giờ, Tào Tháo vỗ tay, bảo là thiên hạ đã định. Sau này Tiên đế liên minh với Ngô-Việt ở phía đông, giữ Ba-Thục ở phía tây, cất quân bắc chinh, Hạ Hầu mất đầu, ấy là Tháo thất kế mà nghiệp Hán sắp thành vậy. Về sau Đông Ngô phản bội minh ước, Quan Vũ bị diệt, rồi sai lầm vấp ngã ở Tỷ Quy, Tào Phi xưng đế. Phàm những việc như thế, khó mà biết đến được. Thần lúc cung tặn tụy, đến chết mới thôi, đến như việc thành bại được mất, chẳng phải thần sáng suốt hay đủ tài năng mà biết trước được”.

Liền đó có chiến dịch Tán Quan. Biểu này không có trong Gia Cát Lượng tập, mà thấy được ở sách Mặc ký của Trương Nghiễm⁽³⁷⁾.

Mùa đông, Lượng lại ra Tán Quan, vây Trăn Thương, Tào Chân chống cự, Lượng hết lương phải quay về Ngụy tướng Vương Song dẫn kỵ binh truy đuổi Lượng, Lượng giao chiến, phá được, chém chết Song. Năm thứ bảy, Lượng sai Trăn Thức tiến công Vũ Đô-Âm Bình. Thứ sử Ung Châu nhà Ngụy là Quách Hoài dẫn quân muốn tập kích Thức, Lượng tự mình dẫn quân ra Kiến Uy, Hoài phải lui binh, Lượng lấy được hai quận ấy. Hậu chủ viết chiếu gửi Lượng, rằng: “Chiến dịch Nhai Đình, lỗi bởi Mã Tắc, khanh lại lấy làm lỗi của mình, tự xin biếm chức, bởi tôn trọng ý kiến của khanh, trăm miễn cưỡng thuận theo. Song năm trước khanh đã làm rạng danh quân ta, chém chết Vương Song mang tai trái về dưng; năm nay viễn chinh, Quách Hoài phải trốn chạy, hàng phục được các bộ tộc Đê-Khương, thu về hai quận, uy trấn kẻ hung nghịch, công trạng đã rõ rệt. Nay thiên hạ đang nhiều loạn, kẻ địch đầu sỏ chưa bị tiêu diệt, khanh vâng mệnh gánh vác việc lớn, là rường cột quan trọng của quốc gia, mà ở địa vị uỷ khuất đã lâu, chẳng phải là đi đầu hay để biểu dương kẻ sỹ. Nay phục chức Thừa tướng cho khanh, xin chớ chối từ”.

Hán Tẩn xuân thu chép : Năm ấy, Tôn Quyền xưng tôn hào⁽³⁸⁾, cùng quần thần suy tôn nhị đế⁽³⁹⁾ bá cáo thiên hạ. Mọi người bàn luận cho rằng việc giao hiếu là vô ích, mà danh bất thuận, nên sáng rõ chính nghĩa⁽⁴⁰⁾, cắt đứt minh ước. Lượng nói: “Quyền có tâm ý tiếm nghịch đã lâu, quốc gia sở dĩ bỏ qua ý đồ gây hấn ấy, cầu lấy thế ỷ giốc cứu giúp nhau. Nay nếu công nhiên tuyệt giao với họ, ắt thù hận của họ với ta rất sâu sắc, đương nhiên chúng ta phải dời quân sang đông, cùng với họ đấu lực, thôn tính đất đai của họ, rồi mới tính đến chuyện

Trung nguyên. Hiềm vì bên ấy hiền tài đông đúc, đông lòng nhất ý, chưa thể một sớm đẹp yên. Dừng binh giăng co, ngồi mà đợi già, khiến kẻ địch ở phương bắc được lợi, chẳng phải là thượng sách. Xưa Hiếu Văn phải nhún nhường với Hung Nô⁽⁴¹⁾, Tiên đế cùng với Ngô kết minh, đều là ứng với cái lẽ quyền mưu biến thông vậy, cần phải nghĩ tới lợi ích sâu xa, chớ nên làm việc lỗ mãng gây chia rẽ. Nay bàn định đều cho rằng Quyền được lợi ở thế ba chân鼎力, chẳng ngang sức với người, ước vọng đã được mãn nguyện, mà chẳng có ý muốn lên bờ nữa, xét điều ấy, tưởng rằng đúng mà lại sai. Sao vậy? Bởi vì Quyền trí lực chẳng đủ, nên chỉ giới hạn ở Trường Giang tự thủ; Quyền chẳng đủ sức vượt Trường Giang, cũng như giặc Ngụy chẳng thể vượt qua Hán Thủy, đều chẳng phải lực có thừa mà thấy lợi chẳng làm. Nếu nay ta mang đại quân thảo phạt, trên thì cùng với họ phân chia đất đai⁽⁴²⁾, mưu tính về sau, dưới thì thu lấy dân mở rộng bờ cõi, bày ra uy vũ bên trong, họ chẳng ngồi yên vậy. Ví bằng họ án binh bất động giữ tình hoà hảo, khi ta Bắc phạt, chẳng phải lo nghĩ về phía Đông, mà địch quân ở Hà Nam chẳng dám về hết phía Tây, cái lợi ấy, cũng đã là to lớn lắm rồi. Cái tội tiềm xưng của Quyền, chưa nên làm rõ vậy”. Rồi sai Vệ úy Trần Chấn đến chúc mừng Quyền lên ngôi đế.

Năm thứ chín, Lượng lại ra Kỳ Sơn, lấy trâu gổ vận chuyển lương thảo.

Hán Tấn xuân thu chép : Lượng vây Kỳ Sơn, cho vò vua rợ Tiên Ti là Kha Bỉ Năng, Bỉ Năng đến phía bắc Thạch Thành hưởng ứng Lượng. Bởi Đại tư mã Tào Chân nhà Ngụy đang ốm, Tư mã Tuyên Vương từ Kinh Châu về triều, Ngụy Minh nói: “Phương Tây có việc trọng đại, phi tướng quân không còn ai để phó thác nữa”. Rồi sai Tuyên Vương đi về Tây đến Trường An, đôn đốc bọn Trương Cáp, Phí Diêu, Đới Lăng, Quách Hoài. Tuyên Vương sai Diêu-Lăng giữ bốn nghìn tinh binh phòng thủ Thượng Nhai, còn lại đều sang tây cứu Kỳ Sơn. Cáp muốn chia binh đóng ở Ung-My, Tuyên Vương nói: “Ta đồ rằng để độc lập đảm đương việc nơi tiền tuyến, chỉ còn mỗi tướng quân vậy; nếu tướng quân chẳng gánh vác mà phân binh làm tiền hậu, lại giống như nước Sở chia quân làm ba cánh rồi bị Kinh Bô đánh bại ngày trước⁽⁴³⁾.” Rồi tiến binh. Lượng chia vây đánh, lại thân chinh đón đánh Tuyên Vương ở Thượng Nhai. Quách Hoài-Phí Diêu tập kích Lượng, bị Lượng đánh tan, nhân đó gặt hết lúa mạch ở ngoài đồng, gặp Tuyên Vương ở phía đông Thượng Nhai, Tuyên Vương thu binh cậy hiểm mà giữ, hai bên không giao chiến, Lượng đành dẫn quân quay về. Tuyên Vương bám theo Lượng đến Lỗ Thành. Trương Cáp nói: “Bên kia từ xa đến đánh ta, muốn đánh không được, ấy là ta không đánh mà có lợi, muốn dụng kế lâu dài để kiềm chế họ. Vả lại Kỳ Sơn biết rằng đại quân ở gần đây, cũng yên tâm cố thủ, ta có thể dừng viện đóng binh giữ vững thế này, nên chia một đội kỳ binh, bất ngờ vòng phía sau đánh tập hậu, chứ chẳng nên tiến quân mà không dám quyết đấu, ngồi yên một chỗ khiến người dân mất cả hy vọng. Nay Lượng ít quân thiếu lương, cũng phải rút vậy.” Tuyên Vương không nghe, vẫn bám theo

Lượng. Đã vậy, lại lên núi lập doanh trại, nhất định không giao chiến. Giá Hủ-Nguy Bình mấy lần xin đánh, nhân đó nói: “Công sợ Thục như cọp, làm trò cười cho thiên hạ sao!” Tuyên vương lấy làm tức giận. Chư tướng đều xin đánh. Tháng năm ngày Tân Tị, mới sai Trương Cáp tấn công Hà Bình khi ấy đang canh giữ vòng vây phía Nam, còn tự mình ở trung quân đối đầu với Lượng. Lượng sai Ngụy Diên-Cao Tường-Ngô Ban đến đánh, thắng lớn một trận, thu được ba ngàn thủ cấp cùng áo dây, giáp đen năm ngàn bộ, cung cứng ba ngàn chiếc, Tuyên Vương quay về giữ vững doanh trại.

Sau Lượng hết lương phải lui quân, cùng Ngụy tướng Trương Cáp giao chiến, bắn chết Cáp.

Việc thứ năm Quách Xung kể rằng: Ngụy Minh đế thân chinh chống Thục, đóng ở Tràn An, sai Tuyên Vương đốc suất Trương Cáp cùng chư quân ở các xứ Ung-Lương hơn ba mươi vạn, ba quân ngàn tiến, nhằm hướng Kiếm Các. Lượng bấy giờ ở Kỳ Sơn, cò quạu nghiêm chỉnh khí giới sắc bén, giữ vững những nơi hiểm yếu, cứ mười binh được thay hai, tại đó đang có tám vạn binh⁽⁴⁴⁾. Bấy giờ quân Ngụy dàn trận, đúng lúc đổi binh, các Tham tá đều cho rằng thế giặc cường thịnh, không có binh lực chẳng thể đối địch, nên quyên biến đình binh lại thêm một tháng, để giữ thanh thế. Lượng nói: “Ta là thống soái càn quân, lấy đại tín làm gốc, nay lại thất tín, đó là việc người xưa lấy làm tiếc; quân lính được về đã thu xếp hành trang chờ đợi, vợ con ở nhà vợ chồng hạc trông ngóng từng ngày, dầu gặp chinh chiến gian nguy, tín nghĩa chẳng thể bỏ”. Rồi cứ truyền lệnh cho quân lính được đi. Bởi thế kẻ được đi đều cảm động, xin ở lại đánh một trận, kẻ ở lại phẫn chấn, dầu chết cũng cam lòng. Chúng đều nói rằng: “Ân của Gia Cát công, chết cũng chẳng thể báo đáp được.” Đến ngày lâm trận, chẳng ai không rút đao tranh nhau xông lên, một địch nổi mười, giết Trương Cáp, đánh lui Tuyên Vương, đại thắng một trận, ấy chỉ bởi giữ vững chữ tín mà nên công vậy.

Thần Tùng Chi : *xét: Lần trước Lượng ra Kỳ Sơn, Ngụy Minh Đế đích thân dẫn quân đến Tràn An, năm ấy chẳng trở lại nữa. Vả lại đại quân của Lượng đang ở Quan-Lũng, người Ngụy sao có thể vượt qua quân của Lượng để thẳng hướng Kiếm Các mà tới? Lượng ở chiến trường, vốn không tính ở lâu dài, sao lại cho quân Thục về nghỉ ngơi, đều là nói những lời trái với lẽ thường vậy. Tôn Thịnh-Tập Tạc Xỉ đã tìm kiếm những điểm dị đồng, không bỏ sót điều gì, mà đều không ghi chép lời Xung nói, biết lời ấy đa phần là ngang trái vậy.*

Năm thứ mười hai, Lượng đem hết ba quân theo lối Tà Cốc tiến ra, lấy ngựa máy để vận chuyển, chiếm núi Võ Công trên Ngũ Trượng nguyên,

cùng với Tư mã Tuyên vương đối trận ở bờ nam sông Vị. Lượng thường lo lắng việc lương thảo chẳng chuyển kịp, khiến chí của mình chẳng tỏ, bởi thế chia binh lập đồn đi đến, muốn làm kế ở lâu dài. Quân lính làm ruộng lẫn với dân nơi bãi sông Vị, mà trăm họ an cư, quân lính không có chút riêng tư.

Hán Tấn xuân thu chép : Lượng từ lúc đến, mấy lần dụ chiến. Tuyên Vương cũng dâng biểu về triều cố xin được đánh. Ngụy sai Vệ úy Tân Bì cầm cờ tiết đến không cho đánh. Khương Duy nói với Lượng rằng: “Tân Tá Trị mang cờ tiết đến, quân giặc tất không ra đánh vậy.” Lượng nói: “Bên ấy vốn không muốn đánh, sở dĩ cố xin được đánh, cốt để yên bụng quân đây thôi. Tướng ở trong quân, mệnh vua có chỗ không theo, ví như có thể thắng ta, há phải đi xa nghìn dặm để xin đánh sao!”

Ngụy thị Xuân thu chép : Sứ của Lượng đến, Vương chỉ hỏi chuyện ăn ngủ và những việc làm hàng ngày, chẳng hỏi han gì đến việc binh. Sứ thưa rằng: “Gia Cát công thức khuya dậy sớm, án phạt từ hai mươi gậy trở lên, đều tự mình xét hỏi; mà mỗi bữa ăn chẳng được mấy thưng⁽⁴⁵⁾.” Tuyên Vương nói: “Lượng sắp chết rồi vậy!”

Cần giữ nhau hơn trăm ngày. Tháng tám năm ấy, Lượng ốm nặng, mất ở trong quân, lúc ấy được năm mươi tư tuổi.

Ngụy thư chép : Lượng thế cùng hết lương, lo buồn tức giận đến thổ huyết, một đêm đốt nhang trong doanh rồi xua binh trốn chạy, vào tới cốc, đã phát bệnh mà chết.

Hán Tấn Xuân thu chép : “Lượng chết ở Quách thị ố”.

Tấn Dương thu⁽⁴⁶⁾ chép : “Có ngôi sao màu đỏ có sừng nhọn, từ phía đông bắc bay về tây nam, rơi xuống doanh trại của Lượng, ba lần rơi xuống rồi lại bay lên, loé sáng rồi vụt tắt⁽⁴⁷⁾. Lát sau Lượng chết”.

Thần Tùg Chi : cho rằng Lượng mất ở bãi sông Vị, người Ngụy lần theo dấu vết lên đuổi theo, cái hình thế được thua, chưa thể lường được, mà bảo rằng Lượng bị thổ huyết, chỉ là nhân việc Lượng chết mà tự khoa trương vậy. Người như Khổng Minh là bậc mưu lược, há vì Trọng Đạt mà thổ huyết hay sao? Sau này Lưu Côn thua quân, có tấu lên Tấn Nguyên đế⁽⁴⁸⁾ rằng: “Lượng thua quân thổ huyết”, ấy là bởi tin theo những ghi chép hư hao mà nói vậy. Còn nói rằng vào cốc rồi chết, là bởi người Thục vào đến cốc mới phát tang vậy.

Đến khi quân Thục đã bỏ đi, Tuyên Vương đến xem xét quân doanh lũy ở đó, nói: “Thật là kỳ tài thiên hạ vậy!”

Hán Tấn Xuân thu chép : Bọn Dương Nghi chỉnh đốn quân sĩ rút về, bách tính cấp báo Tuyên Vương, Tuyên Vương đuổi theo, Khương Duy vâng lệnh Nghi

quay cò gióng trống, nhằm hướng Tuyên Vương đón đánh, Tuyên Vương bèn lui binh, không dám bức bách. Bọn Nghi lại nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi, về đến cốc mới cho phát tang. Nhân chuyện Tuyên Vương sợ phải lui binh, trăm họ vì chuyện ấy có câu ngạn ngữ rằng: “Tử Gia Cát năng tẩu sinh Trọng Đạt⁽⁴⁹⁾”. Có người mách chuyện ấy với Tuyên Vương, Tuyên Vương bảo: “Ta chỉ có thể liệu được việc sống, chẳng liệu được việc chết vậy!”

Lượng di mệnh được táng tại Định Quân Sơn thuộc Hán Trung, mộ phần tựa vào núi, mả chỉ đủ chứa quan tài, liệm bằng quần áo bình thường, không chôn theo tài vật. Chiếu viết rằng: “Chỉ ngài văn võ kiêm toàn, sáng suốt thành thực, chịu mệnh thác cô, đem thân phò trẫm, hưng dòng đã tuyệt, chí mưu dẹp loạn; sửa việc binh cơ, chinh chiến liên năm, thần vũ hiển hách, uy trấn tám phương, lập công lớn vào thời cuối Hán, công lao sánh tựa Y-Chu⁽⁵⁰⁾. Sao chẳng xót thương, việc lớn chưa thành, gặp bệnh mà thác! Lòng trẫm đón đau, tim gan tan nát. Trọng người đức lớn công đầu, tên hiệu khắc sâu, danh còn sáng mãi về sau, tiếng thơm bất hủ. Nay sai sứ là Tả trung lang tướng Đỗ Quỳnh cầm cờ tiết, truy tặng ngài ấn thụ Thừa tướng Võ Hương Hầu, thụy hiệu Trung Vũ Hầu. Hồn thiêng có linh, xin về thượng hưởng. Than ôi thương thay! Than ôi thương thay!”

Lúc trước, Lượng tự viết biểu tâu lên Hậu chủ rằng: “Nhà thần ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, ruộng xấu mười lăm khoảnh, cái ăn mặc của con cái xem ra đầy đủ. Đến như thần gánh vác việc ở bên ngoài, cũng chẳng có gì khác người, cái ăn cái mặc đều trông vào cửa quan, chẳng chút tơ hào cho riêng mình, ấy là để lâu dài thước tắc vậy. Đến ngày thần mất, trong nhà chẳng để thừa gấm vóc, bên ngoài không có điền sản dư dôi, chính là để khỏi phụ lại lòng tin tưởng của Bệ hạ vậy”. Sau này Lượng chết, quả đúng như lời đã nói.

[CHÚ THÍCH]

(1) Là Gia Cát Lượng truyện do Trần Thọ viết.

(2) Lương Phụ Ngâm nguyên là khúc ca cổ của nước Tề thời Chiến Quốc, kể về sự tích tể tướng nước Tề là Án Anh, dùng hai quả đào giết ba dũng sĩ. Án Anh thấy ba người kiêu ngạo, sợ rằng nếu họ hợp sức sẽ nguy hại tới quốc gia, mới bày kế để ba dũng sĩ tranh nhau hai quả đào, cuối cùng cả ba người vì sĩ diện mà tự sát cả.

(3) Tức Trần Quân và Tư Mã Ý.

(4) Tư Mã Tương Như, một danh thần nhà Hán.

(5) Tức Tư Mã Huy còn gọi là Thuỷ Kính tiên sinh.

(6) Tức Lưu Biểu.

(7) Thân Sinh, Trùng Nhĩ là hai con cùng cha khác mẹ của vua Tấn là Hiến Công. Ái thiếp của vua Tấn là Ly Cơ, có con trai là Hê Tê, vì muốn con mình được kế vị mới dèm pha với vua Tấn nhằm giết Thân Sinh và Trùng Nhĩ. Thân Sinh ở lại triều đình bị mắc mưu phải tự sát, Trùng Nhĩ trốn ở bên ngoài nên thoát nạn, sau này lên làm vua Tấn.

(8) Xưa khi bắt được phạm nhân thường để dong trên xe tù, đi khắp đường chợ, gõ trống để dân tình đến xem và nhận mặt hung thủ.

(9) Sái Mạo là anh vợ Biểu nắm quyền to, Biểu yêu Tông (con thứ do Sái thị đẻ ra), ghét Kỳ (con vợ cả), Biểu đang ngả về phe họ Sái.

(10) Lưu Bị từng nhận chức Dự châu mục nên được gọi là Lưu Dự châu.

(11) Vùng Hán Nam tức là khu vực phía Nam sông Hán, tức đất Kinh châu.

(12) Ở đây ý nói rằng Tháo đã phá được Thiệu.

(13) Tức Trương Chiêu.

(14) Hiếu Ni tức là Viên Từ vậ.

(15) Lâm Trung nay thuộc tỉnh Hồ Nam, nằm giữa 3 quận kể trên, rất thuận tiện giao thông, có thể điều hành hậu cần rất hợp lý cho cả vùng.

(16) *Tả tướng quân là chức của Lưu Bị do Hán Hiến đế phong cho. Lượng tạm coi việc ở phủ sự của Lưu Bị, khi ấy Bị thường đi chinh chiến ở bên ngoài.*

(17) *Ý là năm Kiến An thứ hai mươi sáu. Trên thực tế, năm Kiến An thứ hai mươi lăm, tháng 10, Hán Hiến Đế bị Tào Phi truất ngôi, tháng 4 năm sau Bị xưng đế kế tục nhà Hán.*

(18) *Ngô Hán, Cảnh Yểm và Cảnh Thuần đều là bày tôi của Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú. Thế Tổ tức là Quang Vũ Đế, đã đánh dẹp Vương Mãng, theo lời khuyên của quần thần lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Đông Hán.*

(19) *Nguyên văn: Phải nằm trong chảo nước nóng, không hiểu vì sao lại có câu này. Theo Sử ký của Tư Mã Tử Trường, Hạng Vũ bản kỷ thì Hạng Vũ tự tử bên bờ sông.*

(20) *Trần Sùng, Trương Tung là người thời nhà Tân xưng tụng Vương Mãng giúp Mãng cướp ngôi nhà Tây Hán.*

(21) *Tức Hán Quang Vũ đế.*

(22) *Mạnh Đức tức Tào Tháo.*

(23) *Thần khí ở đây trở vào ngôi Hoàng đế vậy.*

(24) *Tức Tào Phi.*

(25) *Tô Tân và Trương Nghi, những biện sỹ nổi danh đời Chiến quốc.*

(26) *Hoan Đâu là một trong tam đại thủ lĩnh của Miêu Tộc, vì bất phục Thuần nên gây loạn, sau bị Thuần dẹp được.*

(27) *Hai trong năm người bề tôi của vua Thuần khi xưa rất được ca ngợi, đó là: Vũ, Tắc, Tiết, Cao Dao, Bá Ích.*

(28) *Hàn mặc là bút mực, ý chỉ những người theo nghiệp văn chương.*

(29) *Tức Hoàn Đế, Linh Đế nhà Đông Hán.*

(30) *Tư Mã Ý.*

(31) *Tức Tào Tuấn.*

(32) *Tức Hán Cao Tổ, người lập ra vương triều Tây Hán.*

(33) *Trương Lương, Trần Bình đều là những mưu thần nổi danh giúp Hán Cao tổ hưng vương nghiệp.*

(34) *Lưu Do là thứ sử Dương Châu, Vương Lãng là thái thú Côi Kê thuộc Giang Đông. Hai người này đều bị Tôn Sách đánh tan cả.*

(35) Tôn Vũ, Ngô Khởi là những nhà quân sự tài giỏi đời Chiến quốc.

(36) Có một chi tiết đáng ngờ là Triệu Vân, một mãnh tướng hàng đầu của Thục Hán, ông mất sau khi Lượng ra quân phạt Ngụy lần thứ hai, mà bài biểu này lại có trước đó? Vì sao Gia Cát Lượng có nhầm lẫn vô lý như thế? Đây là một chi tiết mà học giả đời sau suy luận rằng trước tác này không phải do Gia Cát Lượng viết ra.

(37) Trương Nghiễm tác giả sách Mặc Ký là người xứ Đông Ngô.

(38) Xưng đế.

(39) Tức là truy tôn Tôn Kiên, Tôn Sách.

(40) Nhà Thục Hán nối hương hoả nhà Hán, tự coi mình là chính thống. Ý các quan lại Thục Hán cho rằng Ngô xưng đế tức là tiếm xưng vậy.

(41) Nhà Hán thời Hiếu Văn Đế bị quân Hung Nô vào cướp phá, Hiếu Văn Đế phải cầu hoà với Hung Nô, gả công chúa cho vua Hung Nô.

(42) Tổ ý đem quân Bắc phạt và cùng phân chia giang sơn của Tào Ngụy.

(43) Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ, Kinh Bối làm phản, đem quân đánh nước Sở. Tướng Sở muốn chia làm ba đạo quân, hòng cứu lẫn nhau, cho là hay. Có người nói: “Bối rất thạo việc dùng binh. Nay ta tách quân làm ba cánh, nếu một cánh quân bị bại tất hai cánh quân kia đều bỏ chạy, làm sao cứu được nhau?”. Tướng Sở không nghe, quả nhiên khi Bối đánh tan một cánh quân, hai cánh quân kia đều bỏ chạy cả.

(44) Tạm luận theo ý của sách Hán Tấn Xuân Thu như sau, Lượng xuất mười vạn quân bắc phạt, muốn cho quân sĩ được nghỉ ngơi, vậy nên mười vạn binh thì cho hai vạn binh được nghỉ ở tuyến sau, như vậy ở tiền tuyến luôn có tám vạn binh.

(45) Thương tức là một lưng bát vậy.

(46) Sách của Tôn Thỉnh, người nước Ngô.

(47) Nguyên văn: Vãng đại hoàn tiểu tức là lúc lớn lúc nhỏ, dịch thoát ý.

(48) Tấn Nguyên Đế là Tư Mã Duệ vua nhà Đông Tấn. Tư Mã Viêm lập nhà Tấn được mấy chục năm thì xảy loạn bát vương, Tấn Nguyên Đế sau chỉ làm chủ được vùng Giang Nam. Lưu Côn là bày tôi của Tấn Nguyên Đế.

(49) Tức là “Gia Cát chết còn đuổi được Trọng Đạt sống”.

[\(50\)](#) *Y Doãn, Chu Công là những hiền thần nổi tiếng đời nhà Thương, Chu.*

QUYỂN 6 - QUAN TRƯỞNG MÃ HOÀNG TRIỆU TRUYỆN

Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung, Triệu Vân.

HOÀNG TRUNG TRUYỆN

Hoàng Trung tự Hán Thăng, người Nam Dương. Kinh Châu mục Lưu Biểu lấy làm Trung lang tướng, để Trung cùng người cháu là Bàn trấn giữ Du huyện, Trường Sa. Tào Công chiếm được Kinh Châu, cho Trung kiêm chức Tỳ tướng, vẫn theo trách nhiệm cũ, lệ thuộc Trường Sa thái thú Hàn Huyền. Tiên chủ định các quận phía nam⁽¹⁾, Trung quy phục, theo Tiên chủ vào Thục. Tại ải Hà Manh nhận lệnh, kéo quân quay về tấn công Lưu Chương, Trung thường đi đầu xung trận, dũng cảm, cương nghị trù ba quân. Ích Châu bình định, Trung được phong làm Thảo Lão tướng quân. Năm Kiến An thứ 24, (Trung) từ Định Quân Sơn ở Hán Trung tấn công Hạ Hầu Uyên. Quân Uyên rất tinh nhuệ, Trung xua quân tiên phong, chỉ tiến không lùi, khuyến khích sĩ tốt, trống chiêng vang trời, quân reo động cốc, nhất chiến trăm Uyên, quân Uyên đại bại. Được thăng làm Chinh tây tướng quân. Cùng năm đó, Tiên chủ làm Hán Trung Vương, muốn dùng Trung làm hậu tướng quân. Gia Cát Lượng thuyết Tiên chủ rằng: “Danh tiếng của Trung, không thể so với Quan, Mã⁽²⁾. Mà nay lại được liệt ngang hàng. Mã, Trương⁽³⁾ ở gần, chứng kiến công lao của Trung, còn có thể khuyên bảo được; Quan⁽⁴⁾ chỉ nghe từ xa, sợ tất chẳng bằng lòng, e rằng không thể khuyên bảo được”. Tiên chủ nói: “ta tự có cách phân giải”. Rồi phong Trung ngang hàng những người ấy, tước quan nội hầu. Năm sau Trung mất, được truy tặng thụy hiệu là Cương Hầu. Con là Tự chết sớm, không có người nối dõi.

QUAN VŨ TRUYỆN

Quan Vũ tự Vân Trường, trước có tự là Trường Sinh, người ở huyện Giải Lương quận Hà Đông. Sau (có tội) bỏ xứ lưu lạc đến Trác Quận. Tiên chủ tập hợp mọi người trong vùng (5), Vũ với Phi cũng theo hầu. Tiên chủ làm Bình Nguyên tướng, lấy Vũ-Phi làm Biệt bộ tư mã, chia nhau thống lĩnh bộ khúc (6). Tiên chủ cùng với hai người ngủ cùng giường, tình thân thiết như huynh đệ. Khi có việc công, hai người đứng hầu trọn ngày, mọi thứ đều do Tiên chủ chu toàn, chẳng tị hiềm gian khổ.

Thực ký chép : Tào công cùng với Lưu Bị vây Lã Bố ở Hạ Bi (Phi), Bố sai Tân Nghi Lộc đến cầu cứu, Quan Vũ bày tỏ với Tào công, xin được lấy người ấy làm vợ, Công ưng cho. Bố bị phá, Vũ lại tỏ ý với Công. Công ngờ rằng người ấy hẳn có nhan sắc, mới sai đón trước về xem, thăm tính giữ lại không cho đi, Vũ trong lòng bất an. Việc ấy sách Ngụy thị Xuân Thu cũng không nói khác

Tiên chủ đánh úp Từ châu của Thử sữ Xa Trụ, sai Vũ giữ thành Hạ Bi, coi việc Thái thú,

Ngụy thư chép :lấy Vũ đốc xuất việc ở Từ châu, Bị thân đến Bái huyện.

Năm Kiến An thứ năm, Tào công Đông chinh, Tiên chủ thua chạy sang với Viên Thiệu, Tào công bắt được Vũ đem về, bái làm Thiên tướng quân, ban cho lễ cực hậu. Thiệu sai Đại tướng quân (7) Nhan Lương đánh Đông quận Thái thú Lưu Diên ở Bạch Mã thành, Tào công sai Trương Liêu cùng với Vũ làm tiên phong đánh lại. Vũ trông xa thấy Lương ở dưới lọng chỉ huy, liền ra roi quất ngựa xông tới đâm chết Lương giữa vạn quân, chém lấy thủ cấp rồi quay về, chư tướng của Thiệu chẳng ai dám làm gì, Bạch Mã được giải vây. Tào công liền phong cho Vũ làm Hán Thọ đình hầu. Lúc trước, Tào công thấy Vũ là người hùng tráng, muốn tỏ ý lưu lại lâu dài, mới bảo Trương Liêu rằng: “Khanh hãy lấy cái tình của ta đếnướm hỏi ý xem.” Liêu liền lấy ý ấy ra hỏi Vũ, Vũ thở dài nói: “Ta biết Tào công đãi ta rất hậu, nhưng ta đã chịu hậu ân của Lưu tướng quân, thề cùng sống

chết, chẳng thể bội ước. Ta thà chết chứ chẳng ở lại được, ý ta muốn lập công để báo ơn Tào công rồi sẽ ra đi”. Liâu đem lời của Vũ về báo lại với Tào công, Tào công cảm nghĩa ấy.

Phó Tử chép : Liâu muốn bãm với Thái tổ, lại sợ Thái tổ giết Vũ, không bãm, lại sợ trái đạo quân thân, bèn than thở rằng: “Tào công, là chúa ta; Vũ, là anh em của ta.” Đành phải báo lại. Thái tổ nói: “Thờ chúa không quên gốc, thật là nghĩa sĩ thiên hạ vậy. Khi nào thì người ấy sẽ đi?” Liâu đáp: “Vũ chịu ơn sâu của chúa công, nhất định lập công báo đáp rồi mới ra đi.”

Tới khi Vũ giết Nhan Lương, Tào công biết Vũ tất bỏ đi, bèn tặng thưởng thêm rất hậu. Vũ liền gói ghém hết những đồ thưởng để lại, viết thư cáo từ, rồi đi đến chỗ Tiên chủ ở bên quân Viên. Tả hữu muốn đuổi theo, Tào công nói: “Người ấy bỏ đi vì chủ, chớ nên đuổi theo.”

Thần Tùng Chi : cho rằng Tào công biết Vũ chẳng ở lại mà khen ngợi chí khí ấy, khi Vũ bỏ đi mà chẳng sai người đuổi theo ấy là nghĩa, lại tự cho rằng mình chưa đủ sự rộng lượng của bậc bá vương, ai có thể làm được như vậy? ấy thật sự là Tào công đã xử sự cao đẹp vậy.

Vũ theo Tiên chủ tới chỗ Lưu Biểu. Biểu chết, Tào công bình định Kinh châu, Tiên chủ từ Tương Phàn vượt sông chạy về phương Nam, sai Vũ lĩnh thủy quân đốc xuất mấy trăm thuyền chiến hẹn gặp nhau ở Giang Lăng. Tào công đuổi kịp (Bị) ở Dương Dương Tràng Bản, Tiên chủ chạy rẽ sang bến Hán Tân, vừa hay gặp chiến thuyền của Vũ ở đó, mới cùng nhau đến Hạ Khẩu.

Thực ký chép : Lúc trước, Lưu Bị ở đất Hứa cùng với Tào công đi săn. Trong khi săn bắn, mọi người tản mát, Vũ khuyên Bị giết Công, Bị không nghe. Khi ở Hạ khẩu, lúc phiêu dạt trên sông, Vũ giận nói: “Ngày trước lúc đi săn, ví như theo lời Vũ này, thì ngày nay có đâu khốn cùng như thế.” Bị nói: “Ấy bởi bấy giờ cũng vì việc quốc gia mà tiếc (Tháo) dấy thôi; thuận đạo trời mà phụ chính, ấy là muốn yên ổn nên chẳng gây việc thị phi ⁽⁸⁾ vậy.”

Thần Tùng Chi : thấy sau này Bị với Đồng Thừa cùng kết mưu ⁽⁹⁾, chỉ khi việc bị tiết lộ chẳng nên việc, mới nói rằng vì việc quốc gia mà tiếc Tào công, nói như thế sao được! Vũ quả thực khuyên Bị như thế mà Bị chẳng bằng lòng, bởi bên cạnh Tào công có kẻ tâm phúc thân thích, quân sỹ đông đảo, việc đề phòng dẫu chẳng nghiêm ngặt, nhưng việc cũng chẳng dễ làm vậy; Tào dù có bị giết, nhưng bản thân cũng khó thoát chết, tính ra thì có chỉ thế, sao nói là đau tiếc vậy! Việc đã qua rồi, mới nói thác ra để tỏ vẻ chính đáng vậy.

Tôn Quyền phát binh giúp Tiên chủ cự Tào công, Tào công dẫn binh lui về Tiên chủ thu được các quận Giang Nam, bèn phong thưởng cho những

người có công, lấy Vũ làm Tương dương Thái thú, Đãng khấu tướng quân, đóng giữ Giang Bắc. Tiên chủ sang Tây bình định Ích châu, trao cho Vũ đốc trách mọi việc ở Kinh châu. Vũ nghe tin Mã Siêu theo hàng, chẳng phải người cũ ⁽¹⁰⁾, lại nắm tước vị cao. Vũ gửi thư cho Gia Cát Lượng, hỏi Siêu là nhân tài thế nào mà được đứng vào hạng ấy. Lượng đã hiểu Vũ từ trước, bèn phúc đáp thư rằng: “Mạnh Khởi kiêm tài văn võ, hùng liệt hơn người, là hào kiệt một đời, ví như Kinh-Bành ⁽¹¹⁾, xứng đáng tranh tài cao thấp với Dục Đức, chẳng thể so sánh được với ông Râu dài tuyệt luân siêu quần ⁽¹²⁾ vậy”. Vũ vốn có bộ râu dài rất đẹp, nên khi thấy Lượng khen vậy rất lấy làm thích thú. Vũ xem thư xong vô cùng đắc ý ⁽¹³⁾, lại đưa thư cho các tân khách cùng xem.

Vũ từng bị trúng tên, bắn xuyên cánh tay trái, sau vết thương tuy đã khỏi, mà mỗi lúc mưa dầm trở gió, xương cốt vẫn thường đau nhức, thầy thuốc chẩn đoán rằng: “Mũi tên có thuốc độc, chất độc ấy thấm vào xương cốt, giờ phải khoét thịt ở cánh tay bị thương, nạo xương trừ bỏ chất độc, rồi sau mới đi điều trị được gốc bệnh.” Vũ liền đuổi tay sai thầy thuốc chữa trị. Lúc ấy Vũ đang cùng chư tướng uống rượu nói chuyện, huyết trên cánh tay chảy đầm đìa như rót, cơ hồ đầy cả chậu, mà Vũ vẫn cất thịt nướng uống rượu, cười nói như không.

Năm thứ hai mươi bốn (Kiến An), Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, phong Vũ làm Tiền tướng quân, ban cho tiết việt. Năm ấy, Vũ xuất binh đánh Tào Nhân ở Phàn thành. Tào công sai Vu Cấm đến giúp Nhân. Đến mùa thu, có mưa lớn, nước sông Hán ngập mênh mông, bầy cánh quân do Cấm đốc suất đều bị chìm trong nước. Vu Cấm hàng Vũ, Vũ lại chém chết được tướng quân Bàng Đức. Các xứ Lương, Giáp, Lục ⁽¹⁴⁾ đều có ý ngấm ngầm hưởng ứng Vũ, kết lập bè đảng, Vũ oai chấn cả Hoa Hạ. Tào công tính chuyện dời về Hứa Đô để tránh mũi nhọn của địch, song Tư mã Tuyên vương và Tể tướng Tể cho rằng Quan Vũ nếu đắc chí, Tôn Quyền ắt hẳn chẳng chịu yên. Nên sai người khéo léo khuyên nhủ Quyền đánh tập hậu, hứa hẹn rằng sẽ cắt hẳn Giang Nam phong cho Quyền, như thế tự nhiên Phàn thành sẽ được giải vây. Tào công nghe theo. Nguyên khi trước, Quyền sai sứ đến tác thành ⁽¹⁵⁾ cho con trai của mình và con gái Vũ, Vũ chửi mắng nhục mạ sứ giả, không đồng ý hôn sự, Quyền rất tức giận.

Diễn lược chép : Vũ vây Phàn thành, Quyền sai sứ đến xin xuất binh giúp đỡ, song Quyền chẳng vội vã tiến binh, chỉ phái quan chủ bạ đến báo cho Vũ biết. Vũ

giận vì đợi lâu, lại bởi lúc ấy mới bắt được bọn Vu Cấm, bèn mắng rằng: “Tặc tử sao dám vậy, ví như lấy xong Phần thành, ta chẳng thể diệt hẳn ư!” Quyền nghe nói vậy, biết Vũ coi rẻ mình, mới vờ viết thư tạ lỗi với Vũ, hứa sẽ xuất binh.

Thần Tùng Chi : cho rằng Kinh-Ngô dẫu ngoài mặt hoà nhau, mà bên trong có ý nghi ngờ phòng bị lẫn nhau, việc Quyền đánh lén Vũ, tất giấu kín chẳng hở ra. Lại xét Lã Mông truyện rằng: “Giấu tinh binh trong khoang kín, sai mặc áo trắng cầm mái chèo, giả dạng làm khách buôn”, nói ra như thế, thì Vũ chẳng cầu sự giúp đỡ của Quyền, Quyền ắt hẳn chẳng nói với Vũ là bấy giờ sẽ xuất binh. Nếu hứa rằng bấy giờ xuất binh viện trợ, hà cớ gì phải giấu kín hình tích như vậy?

Lại nói Nam Quận Thái thú My Phương ở Giang Lăng, tướng quân Phó Sỹ Nhân đóng binh ở Công An, vốn có hiềm khích với Vũ bị coi rẻ. Vũ xuất quân, Phương-Nhân cung cấp quân tư trang, chẳng đầy đủ kịp thời. Vũ nói rằng “khi trở về sẽ trừng trị”, Phương-Nhân trong lòng lo sợ không yên. Bởi thế khi Quyền ngầm dụ hàng Phương-Nhân, Phương-Nhân sai người nghênh đón Quyền. Tào công bèn sai Từ Hoảng đến cứu Tào Nhân,

Thực ký chép : Vũ cùng Hoảng khi xưa rất quý trọng nhau ⁽¹⁶⁾, lúc ấy trông xa nói chuyện, chỉ nhắc đến những việc thường ngày, không bàn bạc gì đến việc quân. Chốc lát, Hoảng quay đầu ngựa truyền lệnh: “Ai lấy được thủ cấp Vân Trường, sẽ thưởng 1.000 cân vàng”. Vũ lo sợ cuống cuống, hỏi Hoảng rằng: “Đại huynh, sao lại nói như vậy?” Hoảng đáp: “Ấy chỉ bởi việc nước mà thôi.”

Vũ không đánh được, phải dẫn quân lui về Quyền chiếm được Giang Lăng, bắt sống hết được vợ con tướng sỹ, quân của Vũ tản mát hết cả. Quyền sai tướng đón đường đánh lén Vũ, chém chết Vũ cùng con của Vũ là Bình ở Lâm Thụ.

Thực ký chép : Quyền sai tướng sỹ đánh lén Vũ, bắt được Vũ cùng con là Bình. Quyền muốn chiêu hàng Vũ dùng để đối địch với Lưu-Tào, tả hữu nói rằng: “Hồ dũ chẳng thể nuôi, sau tất bị nó hại. Tào công chẳng trừ bỏ người ấy, đã rước hoạ lớn, phải bàn đến việc dời đô. Nay há nên để cho sống!” Quyền bèn sai đem chém. Ngô Lịch viết: Quy

Thần Tùng Chi : xét Ngô thư rằng: Tôn Quyền sai tướng là Phan Chương đón bắt được Vũ lúc trốn chạy, Vũ bị chém chết, vả lại Lâm Thụ cách Giang Lăng hai ba trăm dặm, sao lại dung tha chẳng giết Vũ ngay lúc ấy, còn bàn đến chuyện sống chết vậy? Lại nói rằng: “Quyền muốn chiêu hàng Vũ để đối địch với Lưu-Tào”, thế là chẳng đúng, như vậy tuyệt trí chỉ là lời cửa miệng hay sao ⁽¹⁷⁾.

Ngô Lịch chép : Quyền đem đầu của Vũ đến chỗ Tào công, Tào công lấy lễ chầu hầu mà an táng cho Vũ”.

Sau này Vũ được truy tặng thụy hiệu là Tráng mâu hầu.

Thực ký chép : *Vũ ban đầu xuất quân vây Phàn thành, mộng thấy có đàn lợn cắn vào chân, mới nói nhỏ với Bình rằng: “Ta nay tuổi đã cao, như thế ắt nay đi chẳng thể trở về!” Giang Biều truyện viết: Vũ thích xem Tả truyện, thường đọc ngâm nga những chỗ mưu lược đây vẻ thích thú.*

Con nối dõi của Vũ là Hưng. Hưng tên tự là An Quốc, lúc còn ít tuổi được làm lệnh ở huyện Vãn, được Thừa tướng Gia Cát Lượng quý trọng khác thường. Sau làm quan Thị trung, Trung giám quân. Được mấy năm thì chết. Con Hưng là Thống nối tự, lấy công chúa (con Hậu chúa), làm quan đến Hồ bôn Trung lang tướng. Khi chết, không có con nối dõi, mới lấy con thứ của Hưng là Di kế tục tước .

Thực ký chép : *Con Bàn Đức là Hội, theo Chung-Đặng phạt Thục, Thục bị diệt, đã cho giết sạch gia tộc Quan Vũ.*

TRƯƠNG PHI TRUYỆN

Trương Phi tự Dục Đức, là người ở Trác quận, lúc còn trẻ cùng với Quan Vũ theo Lưu Bị khởi sự. Vũ lớn hơn Phi mấy tuổi, Phi nhận làm anh. Tiên chủ theo Tào công phá Lã Bố, lúc xét công lao, Tào công phong Phi làm Trung lang tướng. Tiên chủ bỏ Tào công sang nương nhờ Viên Thiệu, Lưu Biểu. Lúc Biểu chết, Tào công vào được Kinh châu, Tiên chủ thua chạy xuống Giang Nam. Tào công đuổi theo, một ngày một đêm, đuổi kịp ở Dương Dương Tràng Bản. Tiên chủ hay tin binh của Tào công đuổi đến, liền bỏ cả vợ con mà chạy, sai Phi cầ 20 kỵ binh chống cự ở phía sau. Phi chặt cầ giữ bên kia sông, trợn mắt cầ ngang ngọn mâu quát rằng: “Ta là Trương Dục Đức đây, ai dám cùng ta tử chiến!” Quân địch không ai dám tiến đến gần, vì thế Tiên chủ được thoát. Khi Tiên chủ đã yên định được Giang Nam, lấy Phi làm Nghi Đô thái thú, Chinh Lỗ tướng quân, phong làm Tân đình hầu, sau lại chuyển đến ở Nam Quận.

Tiên chủ vào Ích châu, rồi vây đánh Lưu Chương, Phi cùng với Gia Cát Lượng ngược sông tiến lên, chia nhau đánh lấy các quận huyện. Tới Giang Châu, đánh được tướng của Chương là Thái thú Ba quận Nghiêm Nhan, bắt sống Nhan. Phi bảo Nhan rằng: “Đại quân đã đến, sao không hàng ngay mà dám chống cự?” Nhan đáp rằng: “Bọn người vô cớ, xâm đoạt châu quận của ta, Ích châu ta chỉ có tướng quân rơi đầu, không có tướng quân xin hàng.” Phi nổi giận, lệnh cho tả hữu lôi đi chém đầu, Nhan thần sắc không đổi, nói rằng: “Chém thì cứ việc chém, có sao phải nổi giận?” Phi vội vàng sai cởi trói, dẫn vào đãi như tân khách. (Hoa Dương quốc chí chép: Lúc trước, khi Tiên chủ vào Thục, đến Ba quận, Nhan vỗ bụng than thở: “Thế gọi là ngã một mình trong chốn thâm sơn, gọi hồ đến giúp mình vậy!”) Phi nhờ thế tiến được nhanh, cùng với Tiên chủ hội quân ở Thành đô. Ích châu đã bình, Tiên chủ ban tặng cho Gia Cát Lượng, Pháp Chính, Trương Phi cùng với Quan Vũ 500 cân vàng, 1.000 cân bạc, 5 vạn quan

tiền, gấm lụa 1.000 tấm, cùng nhiều vật phẩm khác, Phi được lĩnh chức Ba Tây thái thú.

Tào công phá Trương Lỗ, để Hạ Hầu Uyên-Trương Cáp trấn giữ Hán Xuyên. Cáp đốc xuất ba quân hạ Ba Tây, liền di dời dân ở đó vào đất Hán Trung, tiến binh đến Đãng cừ-Mông đầu-Đãng thạch, cùng với Phi cầm giữ nhau hơn 50 ngày. Phi dẫn hơn vạn quân tinh nhuệ theo đường nhỏ đón đánh quân của Cáp, đường núi nhỏ hẹp, đầu đuôi không thể cứu ứng được nhau, Phi phá được Cáp, Cáp liền bỏ ngựa trèo lên núi, cùng hơn chục quân tướng theo đường hẻm trốn về rồi dẫn quân chạy tuốt đến Nam Trịnh, đất Ba yên định được. Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, bái Phi làm Hữu tướng quân, ban cho giả tiết.

Năm Chương Vũ nguyên niên, đổi Phi làm Xa kỵ tướng quân, lĩnh Tư mã Thái úy, lại phong thêm tước Tây Hương hầu, chiếu rằng: “Trẫm vâng theo mệnh trời, kế thống đại nghiệp, trừ hung dẹp loạn, đức lớn chưa rơi khắp bốn phương. Nay quân giặc hung đồ, muôn dân bị tàn hại, kẻ sỹ hướng về nhà Hán, vượn cỏ hạc ngóng trông. Trẫm lấy làm đau xót, chẳng thể ngủ yên, ăn chẳng thấy ngon, chinh chiến quân binh bá cáo cùng thiên hạ, thay trời đánh kẻ nghịch tặc. Nay cất nhắc người trung liệt, tài theo kịp Triệu-Hỗ, danh vang khắp xa gần, mệnh lệnh đã rõ rệt, ban cho được tước lộc cao, kiêm quản nơi kinh sư. Nắm giữ quyên uy, lấy nhu thuận để gây dựng đại đức, đánh dẹp kẻ phản loạn, thoả lòng mong mỏi của trẫm. Kinh Thi chẳng đã nói rằng, ‘Không có loạn chẳng phải gấp gáp, vua được yên vị ở trên cao. Lúc có biến phải khéo việc binh nhưng, dùng ân điển được ban mà tạo phúc.’ Vậy nên chẳng thể không hết sức!”.

Xưa, Phi hùng tráng uy mãnh, chẳng kém gì Quan Vũ, mưu thần nước Ngụy là Trình Dục khen Vũ và Phi là vạn người khó địch. Vũ khéo đối xử với sỹ tốt mà kiêu ngạo với đại sỹ phu, Phi yêu kính người quân tử mà không thương xót kẻ tiểu nhân. Tiên chủ thường khuyên bảo Phi rằng: “Khanh dùng hình phạt quá mức, lại hay đánh đập người dưới, xử phạt xong mà vẫn giữ bên mình, ấy là chuốc lấy tai vạ vậy.” Phi vẫn không chịu sửa đổi. Tiên chủ phạt Ngô, lúc ấy Phi thống lĩnh hơn vạn quân lính, từ Lãng Trung kéo về Giang châu. Khi mới khởi quân, bộ hạ dưới trướng là Trương Đạt - Phạm Cương giết Phi, cắt lấy thủ cấp, xuôi theo sông lớn chạy sang xin hàng với Tôn Quyền. Tướng lĩnh ở doanh trại của Phi dâng biểu báo tin đến Tiên chủ, Tiên chủ hay tin có biểu từ doanh trại của Phi

báo về, than: “Ôi! Phi hồng mất rồi.” Liền đó truy tặng Phi thụy hiệu là Hoàn hầu. Con trưởng của Phi là Bào, chết sớm. Con thứ là Thiệu nối dõi, làm quan đến chức Thị trung Thượng thư Phó xạ. Con Bào là Tuân làm đến chức Thượng thư, theo Gia Cát Chiêm ra Miên Trúc, đánh nhau với Đặng Ngải, bị chết.

MÃ SIÊU TRUYỆN

Mã Siêu tự Mạnh Khởi, người ở quận Phù Phong huyện Mậu Lăng. Cha là Đằng, cuối đời Linh Đế cùng với Biên Chương, Hàn Toại khởi sự ở các châu quận phía Tây. Năm Sơ Bình thứ ba, Toại - Đằng lĩnh binh đến Tràng An. Nhà Hán lấy Toại làm Trấn Tây tướng quân sai đóng binh ở Kim Thành, Đằng được làm Chinh Tây tướng quân, sai đóng binh ở My huyện. Sau Đằng đánh úp Trường An, bị thua trận phải trốn chạy, lui binh về giữ Lương Châu. Tư mã Thái úy Chung Do trấn Quan Trung gửi thư cho Đằng-Toại, nói rõ việc lợi hại. Đằng sai Siêu theo Do đánh dẹp Quách Viên - Cao Cán ở Bình Dương, Siêu cùng với Bàng Đức chém chết Quách Viên cắt lấy thủ cấp. Sau Đằng với Hàn Toại có mối bất hoà, mới xin về kinh sư. Đằng được bổ làm Vệ úy, lại lấy Siêu làm Thiên tướng quân [\(18\)](#), phong tước Đô Đình hầu, nắm giữ những binh lính cũ của Đằng.

Diễn lược chép : Đằng tự Thọ Thành, vốn là hậu duệ của danh tướng Mã Viện [\(19\)](#) ngày trước. Vào thời vua Hoàn Đế, cha Đằng là Túc tự Tử Thạc, từng làm Thiên Thuỷ Lan kiên úy. Sau bị mất chức quan, mới lưu lạc ở Lũng Tây, sống cùng với vợ Khương ở đó. Gia cảnh bần hàn chẳng có vợ con gì cả, nhân thế mới lấy con gái vợ Khương, sinh ra Đằng. Đằng thừa nhỏ nghèo hèn chẳng có chút sản nghiệp nào, thường theo Chương vào núi lấy củi, mang đến bán ở chốn thị thành, lấy đó làm kế sinh nhai. Đằng thân cao hơn tám thước, thân thể vạm vỡ, mặt mũi kỳ dị khác thường, song tính nết hiền hậu, được mọi người kính nể.

Cuối đời Linh Đế, Lương châu thứ sử Cảnh Bử dụng kẻ gian hoạt làm lại, dân trong vùng [\(20\)](#) cùng các bộ tộc người Đê-Khương đứng lên làm phản. Châu quận bèn chiêu mộ những người mạnh khoẻ xung vào quân ngũ, đánh dẹp, Đằng ra ứng mộ. Ở các châu quận, có đặt ra chức Tông sự, để cai quản binh lính. Bởi có công đánh dẹp, Đằng được thăng làm Quân Tư mã [\(21\)](#), sau luận công lao lại thêm chức Thiên tướng quân, rồi thăng lên đến Chinh Tây tướng quân, sai đóng binh ở miền Hữu-Lũng. Giữa năm Sơ Bình, được phong làm Chinh Đông tướng quân. Lúc bấy giờ, các châu quận phía Tây thiếu lương, Đằng dâng biểu nói rằng binh lương rất thiếu

thốn, muốn lấy lương thảo ở Trì dương, và chuyển đến đóng binh ở phía trước thành Trường Bình. Tướng quân Vương Thừa sợ Đằng hại mình, bèn tấn công doanh lũy của Đằng. Khi ấy Đằng ở ngay trong dinh không có phòng bị, nên thua trận bỏ chạy, về phía Tây. Rồi hợp quân ở xứ Tam Phụ (22) làm loạn, không phục tùng phương Đông nữa, lại cùng với Trấn Tây tướng quân Hàn Toại câu kết với nhau kết tình huynh đệ, ban đầu rất thân thiết, sau này mới chuyển sang ngấm ngầm thù ghét nhau, đổi thành thù địch. Đằng đánh Toại, Toại bỏ chạy, lại hợp quân lính thuộc hạ quay lại đánh Đằng, giết vợ con Đằng, liên quân không thể hoà giải được.

Kiến An năm đầu, kỷ cương quốc gia được nói lỏng, triều đình bèn sai Tư đãi Giáo úy Chung Do, Lương châu mục Vi Đoan đến hoà giải hai bên. Trưng tập Đằng về đóng binh ở Hoè Lý, đổi làm Tiền tướng quân, ban cho giả tiết, phong tước Hoè Lý hầu. Đằng phía Bắc liên hệ với rợ Hồ, phía Đông kết với quân Bạch ky, đãi kẻ sỹ tiến người hiền, cứu giúp dân chúng, đất Tam Phụ được yên ổn nên rất lấy làm kính trọng Đằng. Năm Kiến An thứ mười (23) (năm), Đằng được vời về kinh làm Vệ úy (24), Đằng nghĩ mình tuổi đã cao, mới vào triều làm Túc vệ (25).

Khi trước, Tào công làm Thừa tướng, cho vời con trưởng của Đằng là Siêu đến, Siêu không chịu. Sau này Siêu được làm Tư đãi Giáo úy đốc xuất việc quân, đánh dẹp Quách Viên, Siêu có tài bắn tên, khi đánh trận thường đeo túi ở chân, phá được địch, chém lấy thủ cấp của Quách Viên. Vua xuống chiếu phong cho Siêu làm Từ châu thứ sử, sau lại bái làm Giám nghị đại phu. Đến khi Đằng về kinh, nhân việc ấy mới xuống chiếu ban cho Siêu làm Thiên tướng quân, sai nắm quân sỹ trong doanh của Đằng. Lại phong cho em trai Siêu là Hưu làm Phụng xa Đô úy, em trai Hưu là Thiết làm Kỵ Đô úy, dời cả gia thuộc khỏi xứ ấy đến ở huyện Nghiệp, chỉ còn mình Siêu ở lại mà thôi.

Siêu đã nắm được đại binh, bèn cùng với Hàn Toại hợp quân, lại gặp được bọn Dương Thu, Lý Kham, Thành Nghi mới cùng câu kết với nhau, tiến quân đến Đông Quan. Tào công cùng với Toại - Siêu một mình ngồi trên mình ngựa nói chuyện, Siêu cây quân đông, ngấm ngầm định bắt Tào công trước trận, Hứa Chử đứng cạnh Tào công nổi giận quắc mắt nhìn, Siêu chẳng dám vọng động. Tào Công dùng mưu của Giả Hủ, ly gián Siêu-Toại, khiến tướng lĩnh bên ấy nghi ngờ lẫn nhau, quân ấy đại bại.

Sơn dương công tái ký chép : Ban đầu, Tào công đóng quân ở Bồ Bản, muốn sang phía Tây, Siêu bảo Hàn Toại rằng: “Ta nên giữ Bắc sông Vị cự địch, bất quá chỉ chừng mười ngày, vùng Hà Đông hết lương, bên kia tất bỏ chạy.” Toại nói: “Mặc kệ địch qua sông, ta tràn ra chặn đánh giữa chừng, chẳng hay hơn ư?”. Bởi thế kế của Siêu chẳng được thi hành. Tào công nghe việc ấy nói: “Thằng ranh họ Mã chẳng chết, ta chết không có đất mà chôn.”

Siêu chạy trốn đến chỗ người Nhung, Tào công đuổi đến tận An Định, hội quân bàn việc phương Bắc, rồi dẫn quân về phía Đông. Dương Phụ nói với Tào công rằng: “Siêu có cái dũng của Lã Bố, rất được lòng người Khương, Hồ. Khi đại quân quay về,ắt không có đủ lực lượng giữ vững xứ này, các quận Lũng thượng sẽ chẳng còn của quốc gia nữa.” Quả nhiên Siêu đốc xuất người Nhung tấn công các quận huyện ở Lũng thượng, các quận huyện Lũng thượng hưởng ứng theo, giết chết Lương châu thứ sử Vi Khang, chiếm cứ Ký thành, thu hết binh sỹ ở đấy. Siêu tự xưng là Chinh Tây tướng quân, lĩnh chức Tinh Châu mục, đốc xuất việc quân ở Lương châu. Khang chết rồi, đám đề lại là Dương Phụ, Khương Tự, Lương Khoan, Triệu Cù cùng bàn mưu đánh Siêu. Phụ-Tự cất binh ở Lỗ Thành, Siêu ra đánh, không hạ được; Khoan-Cù đóng cửa Ký Thành, Siêu không vào thành được. Tiến thoái lưỡng nan, đành phải chạy vào Hán Trung nương nhờ Trương Lỗ (26). Lỗ chẳng biết xét việc, không dùng Siêu, cho ở ngoài, Siêu nghe tin Tiên chủ đang vây Lưu Chương ở Thành Đô mới gửi thư xin hàng.

Diễn lược chép : Năm Kiến An thứ mười sáu, Siêu cùng với các tướng ở Quan Trung là bọn Hâu Tuyền, Trình Ngân, Lý Kham, Trương Hoàn, Dương Thu, Hàn Toại, gồm 10 lộ quân, cùng làm phản, quân lính đông đến 10 vạn người, chiếm giữ vùng Hà-Đông (27), đóng trại lũy giăng thành hàng. Năm ấy, Tào công Tây chinh, cùng với lũ Siêu đánh nhau ở vùng Hà-Vị (28), bọn Siêu thua trận bỏ chạy. Siêu tới An Định, Toại chạy về Lương Châu. Triều đình xuống chiếu bắt giết hết gia tộc Siêu. Siêu lại thua lớn ở Lũng Thượng. Sau phải chạy vào Hán Trung, Trương Lỗ lấy làm Đô giảng Tế tửu, muốn gả con gái cho, có kẻ can Lỗ rằng: “Người như thế chẳng nên yêu mến thân gần, sao có thể cầu thân được?” Lỗ bèn bỏ ý ấy.

Mới đầu, lúc Siêu chưa làm phản, vợ lẽ là Đệ Chung ở lại Tam Phụ, đến khi Siêu thua trận, Chung chạy vào Hán Trung trước. Một sớm, Chung chết ở chỗ Siêu, Siêu đâm ngực đến thổ huyết than rằng: “Cầm lòng sao được (29), một sớm cùng nhau, nay hai ta cách biệt rồi sao?” Siêu mấy lần đến gặp Lỗ xin binh, muốn về Bắc lấy lại Lương châu, Lỗ cho đi, không được

việc. Khi ấy tướng của Lỗ là Dương Bách muốn hại Siêu, Siêu bèn chạy vào với rợ Đê ở Vũ Đô, rồi bỏ sang đất Thục. Bấy giờ là năm Kiến An thứ mười chín.

Tiên chủ sai người nghênh đón Siêu, Siêu tiến binh thẳng đến Thành Đô. Dân chúng ở Thành đô hoang mang sợ hãi, Chương lập tức ra hàng,

Diễn lược chép : Bị nghe tin Siêu đến, cười rằng: “Ta tất lấy được Ích châu vậy.” Bèn sai người bảo Siêu không vội tiến binh, lại ngầm lấy binh của mình giao cho Siêu. Siêu đến nơi, hạ lệnh đóng quân ở phía Bắc Thành Đô, Siêu đến chưa đầy một tuần ⁽³⁰⁾ mà lòng người ở Thành Đô tan vỡ cả.

Tiên chủ lấy Siêu làm Bình Tây tướng quân, Đốc Lâm Tự, nhận tước Đô đình hầu ⁽³¹⁾.

Sơn dương công tái ký chép : Siêu nhân thấy Bị hậu đãi mình, khi nói chuyện với Bị, thường gọi tên tự của Bị, Quan Vũ nổi giận, đòi giết. Bị nói: “Người ta cùng quần mới theo về với ta, các khanh phần nộ vì việc người ấy gọi tên tự của ta mà đòi giết đi, sao yên được lòng người thiên hạ vậy!” Trương Phi nói: “N như thế, cần phải làm cho hắn giữ lễ mới được.” Hôm sau mọi người gặp mặt, Bị gọi Siêu vào, Vũ-Phi đều chống gậy cầm đao kính cẩn đứng hầu, Siêu tìm chỗ để ngồi, chẳng để ý gì đến Phi-Vũ, chợt thấy hai người nghiêm trang đứng đó, Siêu thất kinh, nhân vì thế chẳng dám gọi tên tự của Bị lần nào nữa. Hôm sau than rằng: “Ta nay mới biết mình kém cõi vậy. Gọi hử tên tự của chủ nhân ra, khiến cho Quan Vũ-Trương Phi cứ một mực đòi giết.” Từ đấy về sau rất lấy làm tôn kính Bị. **Thần Tòng Chi :** xét rằng, bởi Siêu thế cùng mới theo về với Bị, chịu nhận tước vị, sao dám ngạo mạn mà gọi thẳng tên tự của Bị ra? Vả lại khi Bị vào Thục, lưu Quan Vũ trấn thủ kinh châu, Vũ chưa từng tới đất Ích châu. Việc Vũ nghe tin Mã Siêu quy hàng, đã gửi thư hỏi Gia Cát Lượng rằng: “Siêu là nhân tài thế nào mà được đứng vào hạng ấy”, chẳng đúng như việc chép ở chỗ này. Sao Vũ lại cùng với Phi cung kính đứng hầu được? Phàm là người hành sự, đều là người khá cả, biết việc không thể làm, tất chẳng dám làm vậy. Siêu nếu quả có gọi tên tự của Bị, cũng nên phải sửa lại ngay. Đến mức khiến cho Vũ đòi giết Siêu, Siêu vẫn chẳng hay biết gì, chỉ thấy hai người đứng hầu ở đó, sao vì thế mà biết vì việc mình gọi tên tự của Bị, mà khiến cho Quan-Trương cứ một mực đòi giết? Nói không theo lẽ thường, thật khiến người ta tức giận. Bọn Viên ⁽³²⁾, Nhạc Tự ⁽³³⁾ chép đây rầy những điều xằng bậy hão huyền, đại loại như vậy, ngờ rằng chẳng thể lấy để bàn luận vậy.

Tiên chủ xưng Hán Trung vương, phong cho Siêu làm Tả tướng quân, ban cho giả tiết. Năm Chương Vũ nguyên niên, đổi thẳng làm Phiêu kỵ tướng quân, lĩnh chức Lương châu mục, lại phong thêm tước Uy Hương hầu, chiếu rằng: “Trẫm chẳng có đức, trộm kế ngôi chí tôn, phụng thừa

tông miếu. Cha con Tào Tháo, tội lỗi chất chồng, gây tai vạ ngập đầu, trăm lấy làm xót xa đau đớn. Người trong nước đều oán giận, theo về chính nghĩa, đánh kẻ nghịch tặc, nay các tộc Đê-Khương đã quy thuận, người Huân (34) mến mộ chính nghĩa. Tướng quân tín nghĩa lan toả đất Bắc, uy vũ sáng rõ tận Tinh châu, nay uỷ thác cho tướng quân trách nhiệm lớn lao, chống giữ địch ở Dương Bình, kiêm quản việc đốc trách trong vạn dặm, sao cho dân được yên vui, khiến cho đức lớn của vương triều lan đến nơi xa, hãy nhớ giữ vững biên cương, việc thưởng phạt phải thận trọng, vững tin vào nghiệp Hán, để ứng phó với cả thiên hạ”. Hai năm sau Siêu chết, khi ấy mới có 40 tuổi. Lúc chết, dâng sớ lên bên trên rằng: “Trong cửa nhà thần có 200 nhân khẩu, đã bị Mạnh Đức giết sạch, chỉ còn người em là Đại, gánh vác việc nối dòng huyết thống ăn lộc nối đời, xin ký thác nơi Bệ hạ, dẫu nói cũng chẳng thể hết lời”. Truy tặng thụy hiệu cho Siêu là Uy hầu, con là Thừa nối dõi. Đại làm quan đến chức Bình Bắc tướng quân, lĩnh tước Trăn Thương hầu. Con gái Siêu lấy An Bình vương Lý.

***Diễn lược chép :** Lúc Siêu mới chạy vào Thục, vợ lẽ của Siêu là Đồng cùng với con là Thu, lưu lại nhờ vả Trương Lỗ. Lỗ bại binh, Tào công bắt được vợ con Siêu, mới lấy Đồng ban cho Diêm Phổ, giao Thu cho Lỗ, Lỗ tự tay giết đi.*

TRIỆU VÂN TRUYỆN

Triệu Vân tự Tử Long, người ở quận Thường Sơn huyện Chân Định. Trước theo hầu Công Tôn Toàn, Toàn sai Tiên chủ giúp Điền Khải chống Viên Thiệu, Vân liền đi theo, đốc xuất quân kỵ cho Tiên chủ.

Vân Biệt truyện (35) viết rằng: “Vân mình cao tám thước, tư nhan (36) hùng vĩ, dân trong quận nổi dậy, Vân vì nghĩa mộ binh theo về với Công Tôn Toàn. Bấy giờ Viên Thiệu xưng là Ký Châu mục, Toàn rất lo lắng người trong châu ấy sẽ theo về với Thiệu, vừa hay lúc Vân đến trợ giúp, Toàn mới cao hứng bảo Vân rằng: “Nghe tin người ở quý châu đều tới với họ Viên, sao một mình ngươi về với ta, chẳng là bỏ lối mê mà phản tỉnh đấy ư?” Vân đáp rằng: “Thiên hạ loạn lạc, chưa biết ai thế nào, dân chúng chao đảo thống khổ vì chiến loạn, người ở bỉ châu nghị luận, mong theo về bậc chính nhân, chẳng phải vì xa rời Viên công mà thân gần với tướng quân vậy.” Rồi cùng với Toàn đi đánh dẹp. Thời ấy Tiên chủ cũng nương nhờ Toàn, vẫn thường gặp Vân, Vân rất muốn gửi thân kết tình theo Bị. Sau Vân nhân vì có tang anh trai, bèn từ giã Toàn tạm thời về quê, Tiên chủ biết Vân không trở lại, nắm chặt tay không nỡ rời xa, Vân từ tạ rằng: “Sau này chẳng thể quên ơn đức vậy.” Tiên chủ tới chỗ Viên Thiệu, Vân biết nên đến Nghiệp quận. Tiên chủ với Vân ngủ cùng giường, bí mật sai Vân chiêu mộ được mấy trăm người, đều xưng là bộ hạ của Lưu Tả tướng quân, Thiệu không hề hay biết. Rồi Vân theo Tiên chủ đến Kinh châu.

Lúc Tiên chủ bị Tào công truy đuổi ở Đương Dương Trường Bản, bỏ cả vợ con chạy trốn về phía Nam, Vân tự thân bồng ấu chủ, tức hậu chủ, bảo hộ Cam phu nhân, là mẹ hậu chủ, đều thoát được về Nam. Vân được thăng làm Nha môn tướng quân. Tiên chủ vào Thục, Vân ở lại Kinh châu.

Vân Biệt truyện chép : “Lúc trước, Tiên chủ thua trận, có người nói Vân đã bỏ về Bắc, Tiên chủ trở tay vào người ấy nói rằng: “Tử Long chẳng khi nào bỏ ta mà trốn đi vậy.” Chốc lát, Vân đã đến nơi. Khi bình định Giang Nam, lấy Vân làm Thiên tướng quân, lĩnh chức Quế Dương thái thú, thay Triệu Phạm. Phạm có người chị dâu goá chồng là Phàn thị, là bậc quốc sắc, Phạm muốn đem gả

cho Vân. Vân từ chối rằng: “Ta với người vốn cùng họ, anh người cũng là anh ta”. Rồi cô từ tạ không nhận. Bấy giờ có người khuyên Vân thu nhận người ấy, vân nói: “Phạm bị bức mà theo hàng, tâm địa chưa biết thế nào; đàn bà con gái trong thiên hạ đâu có thiếu gì.” Nhất định không chịu. Sau này Phạm quả nhiên bỏ trốn, Vân chỉ lặng lẽ cười thầm. Trước đây, Vân cùng Hạ Hầu Đôn đánh nhau ở gò Bác Vọng, bắt sống được Hạ Hầu Lan. Lan với Vân vốn là người cùng làng, lúc nhỏ có quen biết nhau, Vân bạch ⁽³⁷⁾ với Tiên chủ tha chết cho, lại tiến cử Lan quản việc pháp luật, lấy làm Quân chính ⁽³⁸⁾. Vân chẳng bao giờ nhờ vả người thân gần, mưu tính thận trọng tùy từng việc như thế. Tiên chủ vào Ích châu, Vân lĩnh chức Tư mã đốc trách việc giữ quân doanh. Thời ấy Tiên chủ Tôn phu nhân là em gái Quyền vốn kiêu căng, có nhiều binh tướng Ngô là thủ hạ, thao túng ngang ngược chẳng có phép tắc. Tiên chủ thấy Vân nghiêm nghị cẩn trọng, tác phong đường hoàng, mới giao cho đặc trách chưởng quản nội sự. Quyền nghe tin Bị Tây chinh, liền sai mang thuyền tới đón em gái về, phu nhân lại muốn mang Hậu chủ về Ngô, Vân cùng với Trương Phi giăng binh chặn sông, mang được Hậu chủ về.

Tiên chủ từ Hà Manh quay về đánh Lưu Chương, triệu gọi Gia Cát Lượng. Lượng đốc Vân cùng với Trương Phi ngược sông tiến về phía Tây, bình định các quận huyện. Đến Giang châu, chia quân sai Vân tiến ngược sông Giang, cùng với Lượng hẹn gặp nhau ở Thành đô. Thành đô đã định được, Tiên chủ lấy Vân làm Dực quân tướng quân.

Vân biệt truyện chép : Ích châu đã định, bấy giờ có người bàn nên lấy nhà cửa ở Thành đô cùng những đất đai vườn tược quanh đó ban cho chư tướng. Vân bác đi nói rằng: “Xưa kia Hoắc Khứ Bệnh ⁽³⁹⁾ từng nói rằng Hung Nô chưa bị diệt, sao nghĩ đến việc nhà, nay quốc tặc chẳng phải chỉ như Hung Nô, chưa thể cầu an được vậy. Nên đợi lúc thiên hạ yên định, mọi người đều trở về quê, cấy cấy nơi ruộng cũ, việc ấy mới nên làm. Nay dân chúng Ích châu, mới mắc nạn binh đao, nhà cửa ruộng vườn rất nên trả về cho họ, để dân được an cư lạc nghiệp, sau này mới có binh lương quân dịch, như thế dân sẽ hoan hỉ vui mừng vậy.” Tiên chủ liền nghe theo.

Hạ Hầu Uyên bại trận, Tào công tranh chiếm đất Hán Trung, vận lương ở dưới chân núi Bắc Sơn, mấy ngàn vạn斛 ⁽⁴⁰⁾, Hoàng Trung cho rằng có thể cướp được, Vân dẫn binh theo sau Trung đi lấy lương. Quá hẹn mà Trung chưa về, Vân dẫn mấy chục quân khinh kỵ phá vây, đón được Trung. Tào công ở Dương Bình xuất đại quân vây hãm, Vân đi tiên phong đánh lại, kịch chiến trong vòng vây, quân địch rất đông, thế mạnh, Vân xông pha trước trận, vừa đánh vừa lui. Quân Tào thua trận, lại họp nhau đuổi, Vân phá tan quân địch, xông thẳng vào vòng vây. Khi ấy tướng quân Trương

Trứ bị thương, Vân lại cứu được rồi đỡ lên ngựa ruỗi chạy về doanh. Tào công dẫn quân truy bức đến tận nơi, lúc ấy tướng giữ trại Miện Dương (41) là Trương Dực muốn đóng cửa doanh chống cự địch, Vân vào trong dinh, sai mở toang cổng trại, hạ cờ im trống. Tào công nghi Vân có phục binh, dẫn quân quay về (42). Vân mới sai thúc trống vang trời, lệnh cho quân cung nỏ bắn loạn xạ vào sau lưng quân Tào, quân Tào kinh hãi, dẫm lên nhau mà chạy, rơi xuống sông Hán Thủy chết rất nhiều. Hôm sau Tiên chủ tự mình đến doanh quân của Vân xem xét chiến địa, khen rằng: “Tử Long quả thật một thân toàn là đảm (43) vậy.” Rồi cho tấu nhạc uống rượu đến tận đêm khuya, từ đấy trong quân gọi Vân là Hổ oai tướng quân.

Tôn Quyền đánh úp Kinh châu, Tiên chủ giận lắm, muốn sang đánh Quyền. Vân can rằng: “Quốc tặc chính là Tào Tháo, không phải Tôn Quyền, ví bằng đã diệt được Ngụy, tất Ngô phải phục tùng. Tháo tuy đã chết, con là Phi làm chuyện soán đoạt, nhân tâm bất phục, nếu ta sớm đi được Quan Trung, chiếm giữ thượng lưu hai sông Hà-Vị để thảo phạt kẻ hung nghịch, các nghĩa sỹ ở Quan Đông tất gói lương dắt ngựa nghênh đón vua tôi chúng ta. Nếu quên việc đánh Ngụy, mà đánh Ngô trước; việc binh đã xảy ra, chẳng thể nào dứt ngay được.” Tiên chủ không nghe, dẫn quân đông chinh, lưu Vân ở lại đốc trách Giang châu. Tiên chủ thua trận ở Tỷ Quy, Vân tiến binh đến Vĩnh An, Quân Ngô bèn lui về

Năm Kiến Hưng nguyên niên, lấy Vân làm trung hộ quân, chức Chinh Nam tướng quân, tước Đô đình hầu, sau đổi làm Trấn Đông tướng quân. Năm Kiến Hưng thứ năm, theo Gia Cát Lượng ra Hán Trung. Năm sau, Lượng xuất quân, phô trương thanh thế ở đường Tà Cốc, Tào Chân phải đại quân chống giữ. Lượng sai Triệu Vân và Đổng Chi cự địch, còn Lượng thân tấn công Kỳ Sơn. Vân-Chi binh yếu địch mạnh, gặp thất lợi ở Cơ Cốc, mới làm nghi binh cố thủ, chẳng chịu thua trận. Sau phải lui binh, biếm chức xuống Trấn quân tướng quân.

Vân biệt truyện chép : Lượng nói: “Việc rút quân ở Nhai Đình, binh tướng ta chẳng ai không bị thiệt hại, việc lui quân ở Cơ Cốc, binh tướng ở đấy chẳng mấy tổn thất, sao vậy?” Chi thưa rằng: “Vân tự thân đi đoạn hậu, quân tư trang vật dụng, đều không bỏ sót, binh tướng được vô sự nên không tổn thất gì.” Vân lấy được nhiều quân tư trang và vải lụa thừa, Lượng sai đem những vật ấy ban cho tướng sỹ của Vân, Vân nói rằng: “Việc quân đã bất lợi, sao có thể nhận phần thưởng được? Xin đưa hết những vật phẩm ấy vào phủ kho (44) ở Xích

ngạn, đợi đến tháng 10 sang Đông giá rét mà ban thưởng” Lượng rất lấy làm phải và nghe theo.

Năm 70 tuổi Vân chết, truy thụy hiệu là Thuận Bình hầu.

Khi trước, thời Tiên chủ còn sống, chỉ có mình Pháp Chính được ban thụy hiệu; sang thời Hậu chủ, Gia Cát Lượng công đức cái thế, Tể tướng Uyển-Phí Vỹ gánh vác việc lớn quốc gia, mới được đặt thụy; sau nữa đến Trần Chi (45) mới cho sủng đãi, việc tể tướng lệ đã khác hẳn, Hạ Hầu Bá ở nơi xa theo hàng với Thục, chết cũng được ban thụy; khi Quan Vũ, Trương Phi, Mã Siêu, Hoàng Trung cùng với Vân được truy thụy hiệu, bấy giờ bàn xét lấy đó làm vinh dự.

Vân biệt truyện chép Hậu chủ viết chiếu rằng: “Xưa kia Vân theo Tiên đế, trải nhiều khó nhọc. Khi trẻ còn nhỏ dại, bước đường gian nan, nhờ cậy lòng trung, vượt được nổi hiểm nguy. Ban cho thụy hiệu để tỏ rõ công trạng lớn lao, người ngoài chớ bàn bạc mà dị nghị.” Đại tướng quân Khương Duy bàn rằng, Vân trước theo Tiên đế, trải nhiều lao khó, sửa sang thiên hạ, tuân thủ phép tắc, công trạng đáng ghi vào sách vở. Trận chiến Đương Dương, nghĩa như vàng đá, tận trung với chúa, vua tướng nhớ ban thưởng, lễ nghĩa đủ đầy, đến kẻ bày tôi đã quên cả thân mình. Chết vẫn biết rằng, thân danh chẳng nát; sống cảm ân đức, danh chẳng phai mờ. Kính cẩn theo khuôn phép mà xét thụy, nhu thuận hiền hậu ấy là Thuận, làm việc thuận ngôi thứ, khắc chế được tai họa, ấy là Bình, ứng theo phép đặt cho thụy là Thuận Bình hầu.

Con của Vân là Thống nối tự, làm quan đến Hồ bôn Trung lang tướng, Đốc hành lĩnh quân. Con thứ là Nghiễm (Quảng), làm Nha môn tướng, theo Khương Duy ra Đạp Trung, chết khi lâm trận.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Gồm 4 quận Võ Lăng, Linh Lăng, Quế Dương và Trường Sa.
- (2) Chỉ Quan Vũ, Mã Siêu.
- (3) Mã Siêu, Trương Phi.
- (4) Quan Vũ.
- (5) Đánh giặc khăn vàng.
- (6) Tướng tá binh sĩ dưới trướng.
- (7) Đại tướng quân ở đây chỉ ý rằng Nhan Lương là đại tướng cầm quân của Viên Thiệu chứ không phải mang hàm Đại tướng quân của nhà Hán.
- (8) Nguyên văn là ‘phúc tà’, phúc là tốt lành, tà là cong queo - dịch thoát.
- (9) Bị với Thừa ký vào ‘chiếu đai áo’ của Hán Hiến đế ước thề giết Tào Tháo.
- (10) Siêu mới theo hàng được thăng quan tước ngang hàng với Quan Vũ, Vũ giận cho rằng Siêu chưa có công lao gì, sao được đứng ngang hàng với Vũ nên gửi thư hỏi Gia Cát Lượng.
- (11) Kinh Bô, Bành Việt là những dũng tướng của Hán Cao Tổ.
- (12) Tài giỏi kỳ tuyệt hơn đời.
- (13) Nguyên văn ‘đại duyệt’ tức là rất hài lòng, thái độ của Vũ rất ngạo mạn nên dịch rõ nghĩa là rất đắc ý.
- (14) Không rõ những địa danh nào, có lẽ là mấy vùng đất ở gần Hứa huyện của Tào Tháo.
- (15) Cầu hôn, kết thông gia.
- (16) Nhắc lại chuyện ngày Vũ còn ở với Tào Tháo. Hoảng, Liêu và Vũ đều có nghĩa khí nên rất quý trọng nhau.
- (17) Ý rằng người ta vẫn khen Quan Vũ là bậc tuyệt trí siêu quần, Vũ chẳng thể nào hàng Ngô được. Bùi Tùng nói vậy có hàm ý là việc nói rằng

Quyền muốn chiêu hàng Vũ là không có thật, tức là Thục ký nói sai việc ấy.

(18) Chữ Thiên này là ‘một bên’, không phải Thiên là trời.

(19) Mã Viện tức Phục Ba tướng quân, là danh tướng nhà Đông Hán, từng sang đánh nước Việt ta thừa Bà Trưng, Bà Triệu.

(20) Nguyên văn: dân vương quốc, tức là người trong nước, ý chỉ vào vùng biên ải nên dịch là người trong vùng.

(21) Một chức quan nhỏ.

(22) Địa danh này có lẽ ở đâu đó thuộc vùng Lũng Tây.

(23) Không hiểu Trần Thọ viết thêm chữ (năm) sau chữ ‘thập’ là nghĩa gì? Chiêu theo các sự kiện xảy ra ở các thiên truyện về những nhân vật khác có liên quan thì việc này xảy ra vào năm Kiến An thứ 10. Có lẽ Trần Thọ nghi ngờ việc này nên ý là có thể việc Đổng vào kinh là năm Kiến An thứ 5 chẳng? Như vậy thì có vẻ không đúng.

(24) Vệ úy là một chức quan lớn trong triều, dự vào hàng Cửu khanh.

(25) Tuổi cao, chinh chiến vất vả, nên về triều làm chức quan hộ vệ cho Vua.

(26) Siêu lấy các quận Lũng Thượng, Dương Phụ-Lương Tự ở Lô Thành cất quân đánh Siêu, Lương Khoan-Triệu Cù giữ Ký thành, Siêu xuất binh ra khỏi Ký Thành đánh đuổi, khi quay về bị Khoan-Cù đóng cửa không cho vào, phải chạy sang Hán Trung.

(27) Vị Thủy, Đồng Quan.

(28) Vị Thủy, Đồng Quan.

(29) Nguyên văn: ‘hạp môn bách khẩu’, tức là ‘đóng cửa trăm miệng’, dịch ý.

(30) Một tuần thời xưa ở Trung Quốc tính bằng 10 ngày.

(31) Trước đây triều đình nhà Hán đã phong cho Siêu tước này. Lúc ấy tước của Mã Siêu cao nhất, hơn cả Phi, Vũ, chỉ kém mỗi Lưu Bị mà thôi.

(32) Một chữ tên người không dịch được, không biết họ Viên ấy tên là gì. ND tìm đọc một số điển tích trên các trang web tiếng Hán thì thấy có đoạn bổ chú là Trần Thọ cho rằng Viên-Nhạc Tự làm sách ghi chép những điều nhằm nhí, có rất nhiều chuyện xằng bậy, hình tượng ấy chỉ việc nói mà không suy nghĩ thấu đáo, chép việc dẫu nhiều nhưng chẳng hiểu biết gì.

(33) Một bộ tộc rợ ở phương Bắc Trung Quốc.

(34) Theo phép ‘chủ - khách’ thì khi Trần Thọ viết Tam Quốc chí đã lấy nước Ngụy là chủ để lập kỷ cương đế vương, mà Ngụy-Ngô là khách. Rõ nét nhất là việc bộ sử này có phần ‘đế kỷ’ dành cho các vua nhà Ngụy, còn các đế nhà Thục thì chỉ ‘Thục chủ, Ngô chủ’ mà thôi, đều là liệt truyện, không có bản kỷ. Câu viết này cũng thể hiện phần nào việc ấy. Rõ ràng là câu nói của Siêu, mà Siêu hận Tháo đến thấu xương, nhưng vẫn gọi Tháo rất kính trọng là Mạnh Đức quả là lạ. Có lẽ Siêu đã viết là ‘đã bị giặc Tháo giết sạch’ chứ không phải viết rõ tên tự của Tháo là Mạnh Đức như thế.

(35) Tác giả cuốn Biệt truyện là Trương Thức, phần viết về Triệu Vân gọi là Vân Biệt truyện.

(36) Có lẽ diện mạo Vân có nét con gái nên sách viết là tư nhan, thường khi tả dáng người sắc mặt đàn ông phải viết là dung mạo.

(37) Bạch nghĩa là lời kẻ dưới thưa với người trên, cũng có nghĩa như chữ ‘bẩm’ vậy.

(38) Một chức quan coi xét việc hình luật.

(39) Hoắc Khứ Bệnh là danh tướng nhà Hán thời Hán Vũ đế từng đánh dẹp quân Hung Nô.

(40) Nguyên văn là ‘nang’ có nghĩa là túi, bị, bọc. Tạm dịch là ‘hộc’.

(41) Vân đi cứu Trung, phó tướng Trương Dực giữ trại.

(42) Trại tựa lưng xuống sông, chính là đất chết vậy. Tháo nghi ngờ rằng Vân bày binh theo lối Hàn Tín trước kia nên sợ có phục binh mà lui về.

(43) Chữ ‘đảm’ có nghĩa là Quả mật, ý nói Vân lớn mật, dũng cảm.

(44) Kho tàng của doanh trại.

(45) Khi Trần Chi coi việc Thượng thư thì nước Thục đã sắp bị diệt.

QUYỂN 7 - BÀNG THỐNG PHÁP CHÍNH TRUYỆN

Bàng Thống, Pháp Chính

BÀNG THỐNG TRUYỆN

Bàng Thống, tự Sĩ Nguyên, người ở Tương Dương. Thuở nhỏ chất phác ngu độn, kiến thức thiếu sót. Tư Mã Huy ⁽¹⁾ ở Dĩnh Xuyên là người thanh nhã, có mắt nhìn người, năm Thống vừa trưởng thành tới gặp Huy, Huy hái lá dâu trên cây, Thống ng ẩ dưới gốc cây, hai người nói chuyện từ sáng tới đêm. Huy rất kì lạ, gọi Thống là kẻ sĩ hàng đầu của các châu phía nam bấy giờ, bởi thế danh tiếng Thống d ần vang xa.

Tương Dương kí chép : Gia Cát Khổng Minh là Ngọa Long, Bàng Sĩ Nguyên là Phượng Sồ, Tư Mã Đức Tháo là Thủy Kính, đều là lời của Bàng Đức Công cả. Đức Công là người ở Tương Dương. Khổng Minh thường hay tới nhà, một mình lạy ở dưới giường, Đức Công ban đầu chẳng chỉ bảo gì. Đức Tháo từng tới chỗ Đức Công, gặp lúc Đức Công qua sông Miện, lên tế mộ tổ tiên, Đức Tháo bèn vào thẳng nhà, gọi vợ con Đức Công, bảo nhanh chóng chuẩn bị cơm nước, “Từ Nguyên Trục hướng vào nhà nói có khách lại để cùng Bàng Công đàm luận”. Vợ con Đức Công đều ra lạy chào, quỳ khắp cả nhà, rồi vội vã chạy đi bày tiệc. Chốc lát, Đức Công về, vào thẳng nhà gặp gỡ, chẳng biết sao lại có khách. Đức Tháo nhỏ hơn Đức Công mười tuổi, tôn Đức Công làm anh, gọi là Bàng Công, bởi thế người đời bèn bảo Bàng Công chính là tên của Đức Công, chẳng phải như vậy. Con Đức Công là Sơn Dân, cũng có danh tiếng, lấy chị gái nhỏ của Gia Cát Khổng Minh, làm Hoàng môn lại bộ thị lang của Ngụy, mất sớm. Con Dân là Hoán, tự Thế Văn, những năm giữa niên hiệu Thái Khang nhà Tấn làm thái thú Tang Ca. Thống là cháu gọi Đức Công bằng chú (bác), tuổi nhỏ kiến thức thiếu sót, chỉ có Đức Công coi trọng Thống, năm Thống mười tám tuổi, sai đến gặp Đức Tháo. Đức Tháo cùng trò chuyện, lát sau than rằng: Đức Công thật biết nhìn người, người ấy quá giỏi vậy.

Sau quận cho Thống làm Công tào. Tính Thống yêu thích đạo lý làm người, siêng năng phụng dưỡng người cao tuổi. Nói chuyện thường hay bày tỏ quá mức, nhiều đi ều vượt cả chức phận, người đương thời lấy làm lạ hỏi Thống, Thống đáp: Hiện nay thiên hạ đại loạn, chính đạo suy đ ể, thiện nhân thì ít mà ác nhân thì nhiều. Ý tôi muốn chấn hưng phong tục, nâng cao đạo nghiệp, đàm luận mà không hay tức thanh danh chưa đủ

ngưỡng vọng, chưa đủ ngưỡng vọng thì đi đâu thiện sẽ ít vậy. Nay tôi nêu lên mười đi đâu chắc rơi rụng mất năm, cũng còn được một nửa, có thể truyền bá sự giáo hóa, khiến kẻ có chí được khích lệ, cũng không nên hay sao? Tướng Ngô là Chu Du giúp Tiên chủ lấy Kinh Châu, nhưng lại làm thái thú Nam Quận. Du chết, Thống đưa tang về Ngô, người Ngô đa phần đều nghe danh Thống. Đến lúc quay về phía tây, mọi người tụ họp ở Xương Môn, Lục Tích, Cỗ Thiệu, Toàn Tông đều tới. Thống nói: Lục tiên sinh ví như con ngựa chạy chậm mà có sức chân nhanh, Cỗ tiên sinh ví như con trâu hèn mà có thể kéo nặng đi xa vậy.

Trương Bột ngô lục chép : Có người hỏi Thống rằng: Cứ như tôi thấy, Lục tiên sinh có vẻ giỏi hơn ông? Thống nói: Ngựa chạy chậm tuy tinh, nhưng cái tài ấy chỉ đủ cho một mình vậy. Trâu hèn ngày đi ba trăm dặm, nhưng cũng chỉ đủ mang một mình mà thôi. Thiệu tới chỗ Thống ngủ lại một đêm, trò chuyện, nhân đó hỏi: Ngài có tiếng là biết nhìn người, xin hỏi tôi với ngài ai hơn? Thống đáp: đào tạo thế tục, kén chọn nhân tài, tôi không bằng ngài; bàn luận kế sách đế vương, nắm hết cái thiết yếu nhất của chính trị, tôi hơn hẳn ngài. Thiệu phục những lời ấy mà thân thiết với Thống.

Thống bảo Toàn Tông rằng: Ngài là người mẫu mực, yêu danh, có thể ví với Phàn Tử Chiêu ở Nhữ Nam,

Tướng Tế vạn cơ luận nói Hứa Tử Tương khen chê không công bằng, đề nâng Phàn Tử Chiêu mà dìm Hứa Văn Hưu. Lưu Diệp nói: Tử Chiêu thành đạt từ việc buôn bán, tuổi đã sáu mươi, lui có thể giữ được cái tĩnh, tiến có thể không cầu thả. Tế đáp: Tử Chiêu từ trẻ tới già giữ trọn tiết tháo, nhưng quan sát lời ăn tiếng nói, phong thái đàm luận, thì chẳng sánh bằng Văn Hưu vậy.

tuy trí lực không nhiều, song cũng là kẻ có danh một thời vậy. Tích, Thiệu bảo Thống rằng: Nếu thiên hạ thái bình, xin cùng ngài liệu đoán kẻ sĩ bốn biển. Hai người cùng Thống kết bạn thâm giao rồi quay về

Tiên chủ nắm Kinh Châu, Thống làm tòng sự, giữ chức huyện lệnh Lỗi Dương, nhưng chẳng ngó ngang tới huyện, bị miễn chức. Tướng Ngô là Lỗ Túc để lại thư cho Tiên chủ nói rằng: Cái tài của Bàng Sĩ Nguyên chẳng phải chỉ trong vòng trăm dặm, nên cho làm Trị trung biệt giá, mới phát huy hết sức chân của con ngựa Kí (2) vậy. Gia Cát Lượng cũng nói với Tiên chủ về Thống, Tiên chủ bèn gập, cùng đàm luận tâm đắc, vô cùng coi trọng Thống, lấy làm Trị trung tòng sự.

Giang biểu truyện chép : Tiên chủ cùng Thống ung dung ăn tiệc, trò chuyện, hỏi Thống rằng: Khanh làm Công tào chỗ Chu Công Cẩn, Cô (3) tới Ngô, nghe thấy người ấy bí mật tâu trình, khuyên Trọng Mưu (4) lưu ta lại đó, có việc ấy không? Theo chủ nên vì chủ, Khanh đừng giấu ta. Thống đáp: Có việc ấy. Bị than rằng: Cô đương lúc nguy cấp, phải tới cầu cạnh, không được không đi, sợ chẳng thoát được khỏi tay Chu Du! Kẻ mưu trí trong thiên hạ, cách nhìn giống nhau vậy ư. Lúc đó Khổng Minh can Cô đừng đi, vốn chỉ có ý như vậy, Khổng Minh hẳn cũng lo nghĩ việc ấy. Cô dùng Trọng Mưu để phòng phương bắc, Trọng Mưu lại nhờ Cô làm viện trợ, việc ấy quyết định chẳng có chút nghi ngờ. Ấy thật là đi vào chỗ nguy hiểm, chẳng phải kể vạ toàn vậy.

Tiên chủ thân thiết tiếp đãi Thống chẳng khác gì Gia Cát Lượng, cho cùng Lượng làm Quân sư trung lang tướng.

Cửu Châu xuân thu chép : Thống thuyết Bị rằng: Kinh Châu hoang tàn, nhân tài điêu tán, đông có Tôn Ngô, bắc có họ Tào, cái kế tạo thành chân vạc, khó mà như ý được. Nay Ích Châu nước giàu dân mạnh, hộ khẩu trăm vạn, binh mã bốn bộ, đều đầy đủ cả, kinh tế chẳng cần tới bên ngoài, nên quyền biển mượn lấy mà định đại sự. Bị nói: Nay ta với Tào Tháo như nước với lửa, Tháo cấp bách, ta khoan thai; Tháo tàn bạo, ta nhân từ; Tháo xảo quyệt, ta trung hậu; cái gì cũng ngược với Tháo cả, việc mới thành được vậy. Nay được cái nhỏ mà mất đi tín nghĩa với thiên hạ, ta không làm đâu. Thống nói: Bây giờ là lúc quyền biển, yên định thiên hạ chẳng phải chỉ có một lối vậy. Sát nhập những nước nhỏ yếu, chính là việc của ngũ bá ngày xưa. Nghịch chiếm mà thuận trị, báo đáp ấy là nghĩa, sau này mọi việc đã định, phong cho (Lưu Chương) một nước lớn, sao lại phụ tín được? Nay không lấy Ích Châu, cuối cùng kẻ khác được lợi mà thôi. Bị nghe theo.

Lượng ở lại trấn giữ Kinh Châu, Thống theo Tiên chủ vào Thục.

Ích châu mục Lưu Chương cùng Tiên chủ gặp mặt ở Phù huyện, Thống dâng kế rằng: Nay kẻ ấy đến hội họp, ta tiện thể bắt lấy, thời tướng quân chẳng mất một binh một tốt, ng ẫ một chỗ mà định Ích Châu vậy. Tiên chủ nói: Mới vào nước người ta, ân, tín đâu chưa đủ, cách ấy không được. Chương về Thành Đô r ẫ, Tiên chủ gánh vác việc bắc chinh Hán Trung giúp Chương, Thống lại thuyết rằng: Ng ần tuyển tinh binh, bất kể ngày đêm, tập kích thẳng vào Thành Đô; Chương vốn bất vũ, lại là chỗ quen biết không phòng bị, đại quân chợt tới, tất chỉ một trận là định được, ấy là thượng sách. Dương Hoài, Cao Bái, hai danh tướng của Chương cậy binh cường thủ nơi cửa khẩu hiểm yếu, nghe nói đã mấy lần dâng biểu can gián Chương, xin đuổi tướng quân về Kinh Châu. Nay tướng quân tới đó, sai người báo trước cho họ biết, nói Kinh Châu có việc gấp, muốn quay về

cứu viện, lại cho binh lính đầu sắp xếp hành trang, bên ngoài làm ra vẻ quay về hai người ấy đã nghe tiếng anh hùng của tướng quân, lại mừng rỡ vì tướng quân bỏ đi, tất sẽ cưỡi khinh kị lại đón, tướng quân nhân đó bắt lấy, rồi mạnh dạn xuất binh, nhắm hướng Thành Đô, đó là trung sách. Quay về Bạch Đế, rồi dẫn binh về Kinh Châu, thông thả tính kế quay lại lấy Ích Châu, đó là hạ sách. Nếu do dự chẳng đi, tất sẽ nguy to, không thể đợi thế được. Tiên chủ chọn theo trung sách, chém ngay được Hoài, Bái, hướng về Thành Đô, đi tới đâu đánh được tới đó. Tiên chủ mở hội ở Phù huyện, bày tửu yến ăn mừng, bảo Thống rằng: Hội hôm nay, có thể nói là vui vậy. Thống nói: Đánh nước người ta mà lấy đó làm vui, thật không đáng là quân của bậc nhân giả. Tiên chủ say rượu, nổi giận mà rằng: Vũ Vương phạt Trụ, trước ca sau múa, cũng không phải là bậc nhân giả ư? Khanh nói chẳng hợp lẽ, nên đứng lên mà bước ngay đi! Bởi thế Thống dẫn đo từ chức. Tiên chủ hối hận, thỉnh Thống trở lại. Thống phục chức cũ, cũng chẳng nghĩ tới việc tạ lỗi trước, cứ ăn uống tự nhiên. Tiên chủ bảo rằng: Bàn luận bữa trước, là ai thất thố vậy? Thống đáp: Vua tôi cùng thất thố cả. Tiên chủ cười ầm lên, lại vui vẻ như trước.

Tập Tạc Xỉ (5) nói: Kẻ bá vương tất lấy nhân, nghĩa làm gốc, cậy tín, thuận làm chủ, một điều không đủ, thì đạo sẽ không hòa. Nay Lưu Bị đánh úp, đoạt lấy đất của Chương, tuy quyền biến để nên nghiệp lớn, song phụ tín là tình, đức, nghĩa đều sai, tuy công có lớn, song cái mất cũng nhiều, chẳng khác gì chặt tay để giữ lấy thân thể, sao vui được đây? Bàng Thống sợ lời nói ấy lan ra ngoài, biết chắc rằng quân chủ sẽ thấu hiểu, cho nên công khai chỉnh sửa lỗi lầm (của Bị) mà chẳng quan tâm đến đạo lý khiêm cung. Lời trách mắng tuy quá kịch liệt nhưng đã biểu lộ tác phong cương trực, khẩu phong lạnh lẽo. Quân chủ lầm lỗi nhưng biết cải sửa là nhờ bày tôi biết can gián vậy. Dung nạp ý kiến chính đáng mà không chấp vào ý kiến cá nhân là thuận theo lý vậy. Có bày tôi giỏi thì vương quyền hưng thịnh; theo lý thì mọi chính sách đều được thi hành. Một lời mà thu đủ ba điều lợi; (lời) khuyên ngăn mà sáng soi ngàn đời. Có thể nói đã đạt được đại thể (của đạo trị quốc) Nếu chỉ chăm chăm cái thua thiệt nhỏ thì đánh mất lợi ích quốc gia. Nếu bo bo giữ ý kiến sai lầm mà phớt bỏ rường mối dài lâu, (quân vương) như vậy mà mong hoàn thành đại nghiệp, chưa từng có vậy.

Thần Tòng Chi : cho rằng mưu tập kích Lưu Chương, tuy là kế của Thống, nhưng trái với nghĩa để nên công, vốn là cái đạo dối trá, lòng Thống đã áy náy, tất cái vui vẻ tự tắt, bởi thế nghe Bị nói là vui, bất giác buột miệng mà đáp lại vậy. Bị thỏa thuê yến tiệc chẳng đúng lúc, việc ấy giống như cười trên nỗi đau kẻ khác, tự so mình với Vũ Vương mà chẳng hề xấu hổ, ấy là Bị không đúng chứ Thống chẳng sai, Thống nói: “Vua tôi cùng thất thố cả”, chỉ là lời che đậy, cùng

chia sẻ cái lỗi vậy. Lời bàn của họ Tập, tuy đại ý không sai, nhưng những lời suy diễn như thế, cũng có chút phóng túng vậy.

Quân vây Lạc huyện, Thống suất binh công thành, bị trúng tên lạc mà chết, năm ấy Thống ba mươi sáu tuổi. Tiên chủ thương tiếc Thống, nhắc tới là rơi nước mắt. Phong cho phụ thân của Thống làm Nghị lang, sau thăng làm Giám nghị đại phu, do Gia Cát Lượng đích thân bổ nhiệm. Thống được truy tặng tước quan nội hầu, tên thụy là Tĩnh hầu. Con Thống là Hoàn, tự Cự Sư, tính cương trực giản dị, dám khen dám chê, vì ngạo mạn coi thường Thượng thư lệnh Trần Chi, bị Chi đề nén, khi chết cũng chỉ làm tới Thái thú Phù Lăng. Em Thống là Lâm, làm Trị trung tòng sự ở Kinh Châu, theo Trấn bắc tướng quân Hoàng Quyền chinh Ngô, thua trận, theo Quyền hàng Ngụy, Ngụy phong làm Liệt hầu, quan tới Thái thú Cự Lộc.

Tương Dương ký chép : Vợ của Lâm là em gái Tập Trinh ⁽⁶⁾, người cùng quận. Sự tích của Trinh được chép trong Phụ thần tán của Dương Hí. Tào Công đánh phá Kinh Châu, vợ Lâm cùng Lâm chia cách, trông coi nuôi dưỡng đứa con gái nhỏ mới hơn mười tuổi, sau Lâm theo Hoàng Quyền hàng Ngụy, mới được đoàn tụ. Ngụy Văn Đế ⁽⁷⁾ nghe vợ Lâm hiền, ban cho màn chiếu y phục, để nghỉ tiết được vẻ vang.

PHÁP CHÍNH TRUYỆN

Pháp Chính tự Hiếu Trực, người quận Phù Phong, Mi huyện. Tổ phụ là Chân, nổi tiếng thanh khiết.

Tam phụ quyết lược chú chép : Chân tự Cao Khanh, thuở nhỏ đã hiểu rõ Ngũ Kinh, lại rành việc đoán lành dữ, không học lâu ở một thầy nào, nổi tiếng là tài cao. Thường quần khăn xếp gặp quan trấn thủ Phù Phong, quan trấn thủ nói: Ai Công ⁽⁸⁾ tuy bất tài, nhưng kẻ thần tử Trọng Ni ⁽⁹⁾, Liễu Hạ Huệ ⁽¹⁰⁾ cũng chẳng bỏ quê cha đất mẹ mà đi, ý tôi muốn ngài khuất thân làm Công tào được không? Chân nói: Minh phủ ⁽¹¹⁾ tiếp đãi hữu lễ, cho nên Chân đã bốn lần bái yết, nhưng bằng muốn Chân làm quan lại, Chân sẽ ở phía bắc Bắc Sơn, phía nam Nam Sơn vậy ⁽¹²⁾. Sau quan trấn thủ Phù Phong không dám lấy Chân làm lại. Trước, khi Chân chưa đầy hai mươi tuổi, phụ thân ở Nam Quận, Chân đi bộ tới ngóng, phụ thân bèn giữ lại ăn mừng một tết, cho xem các quan tụ hội lúc sáng sớm. Hội có mấy trăm người, Chân chọc cái lỗ trên cửa sổ dòm ngó rồi thì thâm với phụ thân. Hết hội, mới hỏi Chân: Ai là người hiền? Chân đáp: Tào duyện Hồ Quảng có độ lượng của bậc công khanh. Sau quả nhiên Quảng có làm tới ngôi tam công cửu khanh, người đời bởi thế phục tài nhìn người của Chân. Trước sau mấy lần Chân được vời làm quan, nhưng đều không tới, nhóm bạn Quách Chính đều khen ngợi, gọi Chân là Huyền Đức tiên sinh. Chân mất vào năm Trung Bình ngũ niên, được tám mươi chín tuổi. Phụ thân Pháp Chính là Diễn, tự Quý Mưu, làm Tư đồ duyện, Đình úy tả giám.

Kiến An sơ, thiên hạ mất mùa, Chính cùng với người đồng quận là Mạnh Đạt cùng vào Thục nương nhờ Lưu Chương, mãi về sau mới được làm Tân Đô lệnh, rồi được gọi về tạm làm Quân nghị hiệu úy. Chính đã không được dùng, lại bị lũ khách ở nhờ châu ấp chê bai là thiếu đức hạnh, nên bất đắc chí. Ích Châu biệt giá Trương Tùng chơi thân với Chính, nghĩ Chương chẳng có tương lai, thường than thở riêng với nhau. Tùng ở Kinh Châu thấy Tào Công về (bắc), khuyên Chương đoạn tuyệt với Tào Công mà liên kết với Tiên chủ. Chương nói: Ai có thể làm sứ giả? Tùng bèn tiến cử Chính, Chính từ tạ không được đành đi. Chính quay về, cùng Tùng kể Tiên chủ anh hùng thao lược, hai người bí mật mưu tính kế hoạch hiệp lực,

muốn cùng phụng sự (Tiên chủ), mà chưa có dịp. Sau Chương nghe tin Tào Công muốn sai tướng đánh Trương Lỗ, trong lòng sợ hãi, nhân đó Tùng bèn thuyết Chương nên nghênh đón Tiên chủ, khiến đi đánh Lỗ, Chương lại sai Chính đi. Chính truy ý chỉ xong, ngầm hiến kế cho Tiên chủ rằng: Tướng quân là người anh tài, nên thừa cơ Lưu mục (13) nhu nhược (mà lấy Ích Châu); Trương Tùng, cánh tay đắc lực của châu Ích, sẽ làm nội ứng bên trong; sau đó nhờ cái giàu có của Ích Châu, cậy cái hiểm trở trời cho, nên nghiệp lớn như trở bàn tay vậy. Tiên chủ tán đồng, theo sông về tây, hội hợp với Chương ở Phù huyện. (Tiên chủ) bắc tiến trấn ải Hà Manh, rồi hoàn nam tấn công Chương.

Trịnh Độ khuyên Chương rằng:

Hoa dương quốc chí chép : Độ là người Quảng Hán, làm tòng sự ở châu.

Tả tướng quân (14) dẫn một đám quân cô độc tập kích ta, binh chẳng tới vạn người, tướng sĩ chưa phục, lại chỉ trông vào thóc lúa ngoài đồng, chứ không có lương thực. Chi bằng rời hết dân ở Ba Tây, Tử Đông về tây Phù Thủy, còn bao nhiêu kho lương đồng lúa đốt hết một lượt, giữ thành cao hào sâu, lấy tĩnh mà cự địch. Bên kia tới khiêu chiến, ta chẳng ra, địch chẳng trông cậy vào đâu được, chẳng quá trăm ngày tất phải rút chạy. Họ chạy, ta bèn đuổi đánh, tất bắt được (Bị) thôi. Tiên chủ nghe được kế ấy, lo lắng không yên, bèn hỏi Chính. Chính nói: (Chương) không dùng đâu, chẳng nên lo vậy (15). Quả nhiên như lời Chính nói, Chương bảo với quần thần rằng: Ta chỉ nghe cự địch để an dân, chứ chưa nghe phiến dân để tránh địch vậy. Rồi bãi quan của Độ, không dùng kế ấy.

Đến lúc quân vây Lạc thành, Chính thư cho Chương trước, viết rằng: Chính vốn buông thả vô thuật, mà nay minh hảo giữa hai nước đã tổn hại, sợ quần thần không rõ đầu đuôi, tất đều quy tội cho tôi, khiến tôi hổ thẹn tới chết, còn làm nhục tới ngài, bởi vậy đành bỏ thân ở ngoài, chứ không dám trái lệnh. Lại sợ ngài nghe thấy những lời dơ bẩn, chẳng dám kính thư vấn an, lòng hoài niệm cái tình tiếp đãi khi xưa, mà chỉ dám trông xa nhớ nhung không dứt. Trước sau duy có Chính dám biểu lộ tim gan, từ thuở ban đầu tới tận bây giờ, thật chẳng dám giấu giếm ý riêng, hay có lòng không hết sức, chỉ hiềm Chính ngu tối kế mông, tấm lòng thành chẳng đủ cảm động ngài, mới đến nông nổi như bây giờ vậy. Nay quốc gia lâm nguy, tai vạ ập đến, tuy Chính đã vứt thân buông thả bên ngoài, chịu những lời oán ghét, nhưng vẫn tham lam hết lòng lo nghĩ, lấy đó để biểu lộ sự trung

thành. Bồn ý của tướng quân Chính hiểu rõ, thật không muốn đánh mất cái ý viện trợ của Tả tướng quân, sở dĩ cuối cùng tới nỗi này, cũng bởi tả hữu bên ngài vốn chẳng thông suốt cái đạo hành sự của kẻ anh hùng, có thể nói đã trái lời thề ước, lại thêm lấy tình cảm để kết giao, nhật nguyệt cùng lặn (16), xu nịnh mong cầu lợi tai vừa mắt, a dua ý chỉ, mà chẳng màng tới kẻ sách trị quốc sâu xa vậy. Nay biến cố phát sinh, chẳng biết cân nhắc cái thế cường nhược, lại cho là Tả tướng quân binh ít viễn chinh, không có lương thực, hòng lấy nhiều đánh ít, lôi thôi kéo dài. Nhưng (Tả tướng quân) theo cửa quan tới đây, đi đến đâu đánh được đến đó, binh của tướng quân trấn ở hành cung, chỉ trong một ngày đã tự suy bại. Dưới Lạc thành binh tuy tới vạn, nhưng chết cả trong trận chiến, tướng đã bại quân, còn muốn tranh thắng trận chiến trong chốc lát, xét thế, lực binh tướng hai bên, thật chẳng tương đương vậy. Bên tướng quân muốn dùng kế tiêu thổ lâu dài, nhưng bên này doanh trại thủ giữ bền chắc, lương thực chất đống, mà tướng quân đất đai mỗi ngày một mất, bách tính mỗi ngày một khổn, đối phương đã nhiều, mà bên tướng quân cũng ứng lại rộng tuếch. Cứ như ngu ý, tất bên tướng quân kiệt lương trước, chẳng kéo dài lâu hơn được vậy. Cứ thủ chẳng chiến, còn chẳng kham nổi, nay Trương Dực Đức mang quân mấy vạn, đã lấy Ba Đông, vào tới ranh giới Kiên Vi, lại chia binh lấy Tư Trung, Đức Dương, ba đường tiến tới, tướng quân lấy gì để ngăn được? Trước người ta bày mưu cho tướng quân, tất bảo bên này quân cô độc đi đánh nơi xa, đã chẳng có lương, lại cung vận không kịp, quân đã ít lại chẳng có bổ sung vậy. Nay lộ Kinh Châu đã thông, quân đã gấp mấy chục lần, lại thêm Tôn Xa kị (17) sai em cùng Lí Dị, Cam Ninh làm hậu viện. Nhược bằng muốn tranh cái thế chủ khách, cày đất nhà để giành chiến thắng, thì nay bên họ đã chiếm được Ba Đông, Quảng Hán, Kiên Vi, hơn nửa đã định, một quận Ba Tây, cũng chẳng còn là của tướng quân nữa. Tính ra Ích Châu chỉ dựa vào đất Thục, thì nay Thục cũng tổn hại, ba phần mất hai, dân chúng mỗi một, nghĩ rằng mười hộ có tới tám hộ làm loạn vậy. Nếu như địch cách xa thì bách tính chẳng kham nổi việc nô dịch, địch ở gần thì đất đổi chủ chẳng phải chỉ trong chốc lát sao. Các huyện Quảng Hán, là một ví dụ rõ ràng vậy. Lại như Ngư Phục với cửa khẩu thật là “phúc họa chi môn” của Ích Châu, mà nay hai cửa này tất thủng, thành kiên cố mấy cũng mất, quân lính tan vỡ, binh, tướng đâu hết, mà địch theo mấy lộ cùng tiến, đã vào tới nơi yếu địa, chỉ ngửi mà thủ Thành Đô, Lạc Thành, cái thế tồn

vong, thật rõ ràng vậy. Chính chỉ bàn đại lược, còn như chi tiết, thật khó mà nói hết bằng lời. Như Chính vốn ngu dốt, còn biết việc ấy (18) chẳng thể làm được, huống chi những mưu sĩ thông minh sáng suốt bên cạnh tướng quân, há chẳng thấy được số mệnh như thế ư? Những kẻ ấy chỉ là phường sáng tối tranh giành sung hạnh, cầu chốn dung thân để xu nịnh bề trên, mà chẳng biết lo tính mưu xa, chẳng tận tâm hiến dâng lương kế vậy. Ví như tình thế cấp thiết, các tướng liền mạnh ai nấy tìm đường sống, cầu xin được qua cửa ngõ, trăm trở trăm trọc, ngày trước so với bây giờ xét ra khác xa, họ thật khó vì tướng quân mà tận tâm tới chết. Nhà tướng quân đành tự gánh vác nỗi ưu tư mà thôi. Chính tuy chịu những lời phỉ báng bất trung, nhưng tự vấn tâm chẳng phụ thánh đức, lòng hoài niệm cái nghĩa chúa tôi mà đau đớn thảm thiết. Tả tướng quân từ trước tới nay, tấm lòng cũ chẳng hề thay đổi, thật chẳng có ý bạc bẽo. Ngu ý cho rằng có thể tính chuyện quyên biến, chính là để bảo toàn gia đình tướng quân đó.

Năm Kiến An thứ mười chín, (Tiên chủ) tiến binh vây Thành Đô, thái thú Thục Quận của Chương là Hứa Tính định trèo tường ra hàng, việc bị phát giác, không thành. Chương bởi nguy vong gần kề nên không giết Tính. Lúc Chương đầu hàng, Tiên chủ vì việc ấy mà bạc đãi, không dùng Tính. Chính khuyên rằng: Thiên hạ có những kẻ hữu danh vô thực, Hứa Tính chính là như vậy. Nhưng nay chúa công mới tạo dựng đại nghiệp, chẳng thể giải thích rõ ràng cho từng người trong thiên hạ, cái hư danh của Tính đã lan rộng bốn bể, nếu như thiếu lễ, thiên hạ tất cho chúa công là khinh rẻ người hiền. Chẳng bằng càng nên kính trọng, làm mê hoặc xa gần, như ngày xưa Yên Vương đãi Quách Ngỗi (19) vậy. Do vậy Tiên chủ bèn hậu đãi Tính.

***Tôn Thỉnh** nói: Hạ mình cầu hiền, tôn trọng cái đức, là đạo lý quan trọng của quốc gia; phong tặng phần mộ, đi qua cửa (của bậc tiên hiền) là cách các bậc tiên vương lập ra khuôn thước (cho thiên hạ biết mình tôn trọng người hiền). Do đó ắt phải thể nghiệm và thực hành đạo lý nhìn xa trông rộng, nghĩa cao ngút trời, mai sau có thể nhìn xa khắp bốn bể, chấn phục lê dân. Nếu chẳng phải người như thế, thì đại đạo chẳng được thực thi vậy. Hứa Tính, ở nhà thì huynh đệ bất hòa, xuất sĩ thì quan không xứng chức, xét về tín nghĩa thì thời thế vừa đổi gan ruột cũng đổi, luận về kiến thức thì là đâu môi họa hoạn. Thì làm sao có thể khiến người hiền tài căn cứ vào kẻ sĩ được trọng dụng mà đâu phục được? Nếu như chỉ chuộng cái danh hảo huyền mà khinh thường vinh nhục cá nhân, thì những kẻ sĩ chính trực trọng nghĩa dựa vào cái gì để phục đây? Chính chỉ*

chuyên dùng thuật mê hoặc, đánh mất phong thái của người cao quý, lại ví Hứa Tĩnh như Quách Ngỗi, thật bất bình thường vậy.

Thần Tùng Chi : cho rằng Quách Ngỗi chẳng phải người hiền, chỉ bởi kẻ quyền biến mà được hưởng ân sủng, hưởng hồ Văn Hưu danh tiếng vang xa, thiên hạ đều bảo là người tài năng khác thường, tuy cuối đời có lâm lỗi, song việc ấy chẳng dễ hiểu rõ được, nếu không dùng lễ mà đãi, làm sao giải thích những nghi hoặc xa gần? Pháp Chính lấy Tĩnh so với Ngỗi, vị tất đã không đúng, mà Thịnh lại lấy việc các bậc tiên vương phong mộ, qua cửa (bậc tiên hiền) để bắt bẻ, thật là quá lắm! Thế thì Yên Vương cũng sai, sao chỉ có mình Lưu ông (20) được? Xét việc bất hòa trong nhà, sai ở Tử Tương, cứ theo lời Tử Tương thì chẳng phải lỗi của Văn Hưu vậy. Còn việc Tôn Thanh mải mai Tĩnh làm quan không xứng chức, ắt chỉ việc Tĩnh làm quan với Đồng Trác, Trác lúc vừa chấp chính, hết lòng đề bạt nhân tài, người được Trác tuyển chọn, nhiều không kể xiết. Nhưng Hứa Tĩnh bước vào hoạn lộ, trước khi Đồng Trác chuyên quyền. Sau thăng làm Trung Thừa, không thể nói (nhờ Trác) mà vượt cấp. Lấy việc này mà bêu riếu thì danh sĩ như Tuân Sảng, Trần Kỳ đều bị đời ghét bỏ hay sao?

(Tiên chủ) lấy Chính làm Thái thú Thục Quận, Dương Vũ tướng quân, bên ngoài thống lĩnh cả kinh kỳ, bên trong làm tham mưu trưởng. Một bữa cơm ân đức hay một cái trừng mắt oán giận, Chính cũng chẳng bỏ sót, lại chuyên quyền bắt giết, phá hoại mấy người cho thỏa lòng riêng. Có người nói với Gia Cát Lượng rằng: Pháp Chính ở Thục Quận tung hoành quá mức, tướng quân nên bãm với chúa công, hạn chế bớt quyền hành của ông ta đi. Lượng đáp: “Chúa công khi ở Công An, phía bắc úy kị Tào công cường mạnh, phía đông lo lắng Tôn Quyền bức bách, ở gần lại sợ Tôn phu nhân (21) sinh biến ngay sát nách. Tình thế lúc ấy, thật là tiến thoái lưỡng nan, may nhờ Pháp Hiếu Trực giúp cho, chúa công mới cất cánh bay liệng tự do được, chẳng sợ ai kiềm chế mình nữa. Nay ta lòng nào cấm đoán Pháp Chính, khiến ông ấy chẳng thỏa được ý riêng sao?”. Nguyên trước Tôn Quyền gả em gái cho Tiên chủ, Tôn phu nhân vốn là người tài giỏi, nhanh nhẹn cương mãnh, có phong thái của các anh, thị tì hơn trăm người đều quen cầm đao đứng hầu, Tiên chủ mỗi lần vào đều thấy lạnh cả người. Lượng lại biết Tiên chủ rất quý trọng tin tưởng Chính, nên mới nói như thế.

Tôn Thịnh nói: *Thượng phạt tùy tiện, là cái đạo mất nhà hại nước; bắt thả theo yêu ghét, là nguồn gốc của việc phá khuôn phép, loạn đạo lý. Chẳng phải (Chính) cậy mình là công thần mà phóng túng cùng cực, cậy ân huệ mà lợi dụng quyền lực sao? Xưa Diên Hiệt (22) tuy cần cù, cũng chẳng thoát được hình phạt vì trái*

lệnh; Dương Can (23) tuy thân thiết, cũng bởi làm loạn mà suýt bị phanh thây, vương pháp xưa chẳng nể tình thân vậy. Cứ như lời Gia Cát, chẳng lẽ bỏ qua việc phạt Chính hay sao?

Năm Kiến An thứ hai mươi hai, Chính thuyết Tiên chủ rằng: Tào Tháo chỉ một trận mà hàng phục Trương Lỗ, bình định Hán Trung, lại chẳng nhân đà ấy mà lấy Ba, Thục, chỉ lưu Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp trấn thủ, rồi quay về bắc, chẳng phải bất trí mà do lực không đủ vậy, hiển nhiên trong nước có đi đâu lo nghĩ bức bách. Nay Uyên, Cáp thao lược chẳng bằng chủ soái (Tào Tháo), ta khởi binh thảo phạt tất được. Sau khi thành công, ta tích cực trờng trọt, tích trữ lương thực, chờ đợi sơ hở của địch, hay nhất là có thể đánh đổ quân giặc, tôn trợ vương thất, thứ đến có thể chiếm dần hai châu Ung, Lương, mở rộng bờ cõi, hoặc ít ra cũng có thể cố thủ nơi hiểm yếu, tính kế lâu dài. Đó là cơ hội trời cao ban cho chúng ta, không thể đánh mất được. Tiên chủ nghe kế ấy, suất chư tướng tiến binh lấy Hán Trung, Chính cũng đi theo. Năm Kiến An thứ hai mươi tư, Tiên chủ từ ải Dương Bình qua sông Miện Thủy ở phía nam, men theo mặt trước núi, lập trại ở Định Quân sơn. Hạ Hầu Uyên đưa quân tới tranh địa thế. Chính nói: Có thể đánh. Tiên chủ ra lệnh cho Hoàng Trung từ trên cao gõ trống reo hò đánh xuống, đại phá quân của Uyên, Uyên cùng các tướng đều phải nộp đầu. Tào công dẫn binh tây chinh, nghe kế sách (24) của Chính, bèn rằng: Ta vẫn biết Huyền Đức chẳng đủ sức, kế ấy tất có người chỉ cho vậy.

***Thần Tùg Chi** : cho rằng Thục với Hán Trung, như môi với răng vậy. Sao Lưu chủ lại không biết tới điều đó được? Sách lược chưa kịp triển khai, thì Chính đã nói trước mà thôi. Vả lại biết nghe, dùng mưu hay để thành công nghiệp, bá vương chỉ chủ có ai không như thế? Ngụy Vũ (25) cũng cho việc có người chỉ dạy là kém ư! Những lời thừa thãi đây sự sỉ nhục oán giận ấy, chưa chắc đã là lời của Ngụy Vũ vậy.*

Tiên chủ lên ngôi Hán Trung Vương, lấy Chính làm Thượng thư lệnh, Hộ quân tướng quân. Năm sau Chính mất, lúc ấy bốn mươi lăm tuổi. Tiên chủ thương tiếc Chính, rơi lệ nhiều ngày. Chính được đặt thụy là Dục Hài. Con Chính được ban tước quan nội hầu, làm quan tới Phụng xạ đô úy, Thái thú Hán Dương. Gia Cát Lượng với Chính tuy không cùng sở thích, nhưng đều lấy việc công làm trọng. Lượng thường ngạc nhiên với trí thuật của Chính. Tiên chủ vừa xưng đế xong, lập tức tính việc đông chinh Tôn Quyền để rửa nhục cho Quan Vũ, quần thần can gián rất nhiều, nhưng Tiên chủ chẳng nghe ai. Năm Chương Vũ nhị niên, đại quân bại trận, lui về

Bạch Đế. Lượng than rằng: Nếu còn Pháp Hiếu Trực, hẳn có thể ngăn cản chúa thượng không đi sang đông; hoặc có sang đông, tất cũng không nguy hiểm vậy. Tiên chủ giao chiến với Tào công, ở thế không lợi, nên lui binh, mà Tiên chủ tức giận vô cùng không chịu lùi về, chẳng ai dám can. Tên bay như mưa, Chính bèn tới chặn trước Tiên chủ, Tiên chủ rằng: Hiếu Trực đừng lên. Chính nói: Minh công còn tự mình đứng trước mũi tên hòn đá, huống chi là tiểu nhân. Tiên chủ bèn nói: Hiếu Trực, ta với người cùng đi. Rồi lui về

***Bình rằng :** Bàng Thống là người chính trực hòa nhã, học nhiều, suy nghĩ sâu xa, là tuấn kiệt đất Kinh, Sở đương thời. Pháp Chính thấu rõ thành bại, có mưu kế lạ, nhưng không được khen về phẩm hạnh. So với các đại thần nước Ngụy, Thống với Tuân Úc gần như một cặp, Chính và Trình, Quách ([26](#)) cũng tương đương vậy?*

[CHÚ THÍCH]

- (1) Tư Mã Huy tự là Đức Tháo.
- (2) Ngựa Kí là con ngựa hay, ngày đi được nghìn dặm. Ý ở đây là nên cho Thống làm Trị trung biệt giá, mới xứng với tài năng của Thống.
- (3) Lưu Bị tự xưng mình là Cô.
- (4) Trọng Mưu là tên tự của Tôn Quyền.
- (5) Tập Tạc Xỉ là tác giả của Hán Tấn xuân thu. Những lời trên Bùi Tùng Chi trích từ Hán Tấn xuân thu.
- (6) Tập Trinh là người nổi tiếng ở đất Kinh Châu. Họ Tập là một trong những họ lớn, có ảnh hưởng ở đất đó. Khi Lưu Bị lấy được Kinh Châu, Tập Trinh cũng hỗ trợ việc ổn định chính quyền rất nhiều.
- (7) Tào Phi.
- (8) Lỗ Ai Công, vua nước Lỗ thời Chiến quốc, cùng thời với vua Phù Sai nước Ngô và Câu Tiễn nước Việt.
- (9) Trọng Ni là tên tự của Khổng Khâu, thường gọi là Khổng Tử, ông tổ của đạo nho, tác giả (hoặc người chỉnh lý) nhiều bộ kinh sách quý của Trung Quốc như Kinh Thi, Thư, Lễ, Dịch và Kinh Xuân Thu. Khổng Tử sinh tại ấp Trâu, làng Xương Bình, nước Lỗ. Khổng Tử từng làm tể tướng nước Lỗ, giúp Lỗ trở nên cường thịnh, nhưng bị ly gián, dèm pha nên ra đi. Sau đó ông vẫn quay về Lỗ và mất ở đó.
- (10) Liễu Hạ Huệ tên thật là Triễn Hoạch, người đất Liễu Hạ, nước Lỗ thời Chiến quốc, trong lịch sử nổi tiếng là một chính nhân quân tử. Ông làm quan ba lần bị truất mà không bỏ nước. Tuy nhiên ông không sống ở thời Lỗ Ai Công mà sống vào thời Lỗ Hi Công trước đó hơn một trăm năm. Không rõ vì sao quan trấn thủ Phù Phong lại đưa cả Liễu Hạ Huệ vào câu nói về Lỗ Ai Công.

(11) *Phủ ở đây chỉ quan phủ quận Phù Phong, minh là cách xưng hô tôn kính. Ví dụ như Minh công, Minh phủ.*

(12) *Không rõ ý Pháp Chân là gì. Có lẽ Chân muốn nói: Chân phiêu du bất định, không muốn làm quan.*

(13) *Chỉ Lưu Chương. Do Chương làm chức Ích Châu mục nên gọi là Lưu mục.*

(14) *Chỉ Lưu Bị. Chức của Bị lúc này là Tả tướng quân nhà Hán.*

(15) *Ý Pháp Chính nói bày tôi của Lưu Chương toàn những kẻ giao du với nhau bằng tình cảm, xu nịnh bề trên, mặt trời (Lưu Chương) xuống thì mặt trăng (bầy tôi) cũng xuống theo, thế là trái với lẽ thường.*

(16) *Chỉ Tôn Quyền. Theo Ngô chủ truyện, Tam Quốc Chí, thì vào thời điểm này Tôn Quyền giữ chức Xa kỵ tướng quân, do Lưu Bị biểu tấu lên triều đình.*

(17) *Việc chống cự quân của Lưu Bị.*

(18) *Yên Vương thời chiến quốc muốn cầu người hiền, hỏi kế Quách Ngỗi. Ngỗi nói: Đại vương nên trọng dụng ngay tôi đây. Ngỗi tôi vốn bất tài còn được ngài trọng dụng, kẻ hiền khác thấy vậy tất lại với đại vương.*

(19) *Chỉ Lưu Bị. Lưu ông là cách gọi lịch sự.*

(20) *Tử Tương là tên tự của Hứa Thiệu, anh Hứa Tĩnh.*

(21) *Tôn phu nhân là vợ Lưu Bị, em gái Tôn Quyền, có sách nói tên là Tôn Thượng Hương.*

(22) *Điền Hiệt là tướng của Tấn Văn Công, ghen tị với Hỷ Phụ Cơ là người có ơn với Tấn Văn Công nên đốt nhà Hỷ Phụ Cơ. Việc bại lộ, bị xử chết.*

(23) *Dương Can là em Tấn Diệu Công. Làm trái quân pháp, suýt bị nguyên soái nước Tấn là Ngụy Giáng giết.*

(24) *Ở đây chỉ ý kiến của Pháp Chính về tầm quan trọng của Hán Trung.*

(25) *Chỉ Tào Tháo. Ngụy Văn Đế Tào Phi cướp ngôi nhà Hán, đặt thụy cho cha là Ngụy Vũ Đế.*

(26) *Trình Dục, Quách Gia.*

QUYỂN 8 - HỨA MY TÔN GIẢN Y TẦN TRUYỆN

Hứa Tĩnh, My Chúc, Tôn Càn, Giản Ung, Y Tịch, Tân Bật

GIẢN UNG TRUYỆN

Giản Ung tự Hiến Hoà, người quận Trác, kết bạn với Tiên Chủ từ thuở nhỏ, tùy tùng (Tiên Chủ) đi khắp nơi. Tiên Chủ đến Kinh Châu, Ung cùng Mi Trúc, Tôn Càn cùng là Tòng Sự Trung Lang, thường làm thuyết khách, vâng mệnh qua lại (các nơi) như sứ giả. Tiên Chủ vào Ích Châu, Lưu Chương gặp Ung, rất mến mộ. Sau Tiên Chủ vây Thành Đô, sai Ung đến thuyết phục Chương. Chương thuận cùng Ung ng ỗ chung một xe ra thành nghe lệnh. Tiên Chủ bái Ung làm Chiêu Đức tướng quân⁽¹⁾. (Ung) ưa đùa bỡn rong chơi, thích chỉ trích châm biếm, tính cách cứng cỏi khinh mạn chẳng chịu đ ề nén, ở chỗ ng ỗ của Tiên Chủ mà vẫn còn xoạc chân ng ỗ dựa nghiêng vào, chẳng biết cung kính uy nghi, cứ buông lung ý mình. (Ung) sai thuộc hạ của Gia Cát Lượng) kê một chiếc giường nhỏ, nằm gối đầu cao mà bàn việc, không gì khuất phục nổi. Vào lúc hạn hán có lệnh cấm nấu rượu, ở nhà người kia tìm được đ ồ nấu rượu, mọi người bàn bạc muốn ra lệnh xử phạt (người ấy) cùng tội với những người nấu rượu. Ung cùng Tiên Chủ ra ngoài du ngoạn, gặp một đôi nam nữ trên đường, bèn nói với Tiên Chủ rằng: "Người kia muốn hành dâm, sao không bắt mà trói lại?" Tiên Chủ hỏi: "Sao khanh biết vậy?" Ung đáp: "Bọn họ có dâm cụ, với người muốn nấu rượu là cùng tình huống." Tiên Chủ cười lớn, li ền tha cho người muốn nấu rượu kia. Tính Ung khôi hài, đại loại là như vậy.

Ngờ rằng: Ung vốn họ Cảnh. Người U Châu nói chữ Cảnh ra thành chữ Giản nên thuận theo mà thay đổi.

Y TỊCH TRUYỆN

Y Tịch tự Cơ Bá, người Sơn Dương. Từ nhỏ nương nhờ người đồng hương Trần Nam tướng quân Lưu Biểu⁽²⁾. Khi Tiên Chủ ở Kinh Châu, Tịch thường qua lại cậy nhờ. Biểu chết, (Tịch) theo Tiên Chủ vượt sông chạy về phía nam, rồi theo Tiên Chủ vào Thục. Sau khi an định Ích Châu, Tiên Chủ lấy Tịch làm Tả tướng quân Tòng Sự Trung Lang, trọng đãi gần như bọn Tôn Càn, Giản Ung. Lại sai (Tịch) sang sứ Đông Ngô, Tôn Quyền nghe danh (Tịch) có tài biện luận, muốn lấy lời lẽ đối đáp mà bắt bẻ. Tịch vừa vào bái lạy, Quyền nói: "Hầu hạ hôn quân có mặt mỗi chẳng?" Tịch đáp ngay rằng: "Lạy một lạy rồi đứng dậy chưa đủ để nói là vất vả gì." Tài tình tế mẫn tiếp của Tịch đại khái là như vậy, Quyền rất lấy làm lạ. Sau (Tiên Chủ) thăng (Tịch) làm Chiêu Văn tướng quân, (Tịch) với bọn Gia Cát Lượng, Pháp Chính, Lưu Ba, Lý Nghiêm cùng viết nên pháp luật nước Thục. Pháp luật nước Thục được đặt ra là nhờ năm người đó.

MY TRÚC TRUYỆN

Mi Trúc tự Tử Trọng, người đất Cù vùng Đông Hải. Tổ tiên nhiều đời giàu có, nô bộc tân khách hàng vạn người, tiền của tài sản cực lớn.

***Sưu Thần Ký⁽³⁾ chép :** Có lần Trúc đi Lạc Dương về, còn cách nhà chừng mười dặm, bên đường thấy một người đàn bà xin Trúc cho đi nhờ. Đi được mấy dặm, người đàn bà ấy cảm ơn mà đi, bảo Trúc rằng: "Ta được trời sai xuống, đến đốt nhà My Trúc ở Đông Hải, cảm ơn ngài thấy mà trở giúp cho nên báo để ông biết." Trúc nhân đó xin riêng (cho mình). Người đàn bà nói: "Không thể không đốt được. Như thế này, ngài có thể nhanh chóng trở về, tôi đi chậm lại, trong ngày lửa sẽ cháy." Trúc bèn về nhà, gấp rút chuyển tài sản ra ngoài, quả nhiên trong ngày lửa cháy lớn.*

Sau Từ Châu Mục Đào Khiêm mời (Trúc) làm Biệt Giá Tòng Sự. Khiêm chết, Trúc theo di mệnh của Khiêm đến đón Tiên Chủ ở Tiều Bái. Năm Kiến An thứ nhất, Lữ Bố thừa lúc Tiên Chủ ra chống Viên Thuật, tập kích Hạ Bì, cướp cả vợ con Tiên Chủ. Tiên Chủ chuyển quân về đóng ở Hải Tây thuộc Quảng Lăng. Ở đó Trúc dâng em gái cho Tiên Chủ thu làm vợ, (ngoài ra còn) nô tỳ gia khách hai nghìn người, (lại đem) vàng bạc tiền của ra giúp việc chi dùng trong quân. Giữa lúc khốn khổ thiếu thốn, (Tiên Chủ) nhờ vào đó lại chấn hưng (được sự nghiệp). Sau Tào Công dâng biểu (tiến cử) Trúc nhận chức Doanh Quận Thái Thú.

***Tào Công tập tái công biểu chép :** Quận Thái Sơn phạm vi rộng lớn xa xôi, dân phần lớn khinh mạn hung hãn, hiện tại nên quyền biến, có thể tách năm huyện tạo thành Doanh Quận, lại kén chọn tuyển lựa người thanh liêm làm Thái Thú. Thiên Tướng quân Mi Trúc hành vi cao khiết, trung liệt khẳng khái, văn võ rõ ràng hiển hách, xin lấy Trúc làm Doanh Quận Thái Thú, chiêu dụ vỗ về dân tình quan lại.*

Em Trúc là Phương, làm Bình Thành tướng, cùng bỏ quan, theo Tiên Chủ đi khắp nơi. Tiên Chủ sắp tới Kinh Châu, sai Trúc đưa tin tức qua lại với Lưu Biểu, lấy Trúc làm Tả Tướng quân Tòng Sự Trung Lang⁽⁴⁾. Ích Châu được bình định, bái (Trúc) làm An Hán Tướng quân⁽⁵⁾, ngôi thứ ở

trên Quân Sư Tướng quân. Trúc là người ung dung thành khẩn thanh cao, song không có sở trường của kẻ phụ tá rường cột. Vì thế (Tiên Chủ) lấy lễ thượng khách mà khoản đãi, chưa từng giao cho quyền bính, nhưng ban thưởng ân sủng thì không ai bì kịp.

Phương làm Thái Thú Nam Quận, cộng sự với Quan Vũ, nhưng ngầm có hai lòng, làm phản ngầm đón Tôn Quyền. Do đó Vũ thất bại nghiêng ngả. Trúc tự trối xin chịu tội. Tiên Chủ truyề dạy an ủi rằng anh em không phải chịu tội lẫn cho nhau, vẫn trọng đãi như lúc ban đầu. Trúc uất giận hổ thẹn sinh bệnh, hơn một năm sau thì chết. Con (Trúc) là Uy, quan tới Hồ Bôn Trung Lang tướng. Con Uy là Chiêu làm Hồ Kỵ Giám. Từ Trúc tới Uy đều giỏi nghề cung ngựa, quen bắn tên dong xe.

TÔN CÀN TRUYỆN

Tôn Càn tự Công Hữu, người Bắc Hải. Tiên Chủ nhận chức (Mục) ở Từ Châu, lấy (Càn) làm Tông Sự,

Trình Huyền truyện chép : Huyền tiến cử Càn với châu. Càn được lệnh mời là do Huyền đề xuất.

Sau (Càn) tùy tùng (Tiên Chủ) đi khắp nơi. Tiên Chủ bỏ Tào Công, sai Càn chủ động liên kết với Viên Thiệu. Khi sắp đến Kinh Châu, Càn lại theo Mi Trúc cùng đi sứ (đến chỗ) Lưu Biểu. Mỗi lần (đi ngoại giao) đều hoàn thành nhiệm vụ. Sau Lưu Biểu cùng Viên Thượn⁽⁶⁾ trao đổi thư từ, đàm luận chuyện anh em (Thượn) tranh chấp với nhau có chép: "Thường cùng Lưu Tả tướng quân⁽⁷⁾, Tôn Công Hựu nhắc đến việc này, lần nào cũng đau đớn tận tâm can, rất lấy làm buồn thương." Như vậy (Càn) rất được xem trọng. Tiên Chủ bình định Ích Châu, thăng (Càn) từ Tông Sự Trung Lang lên làm Bình Trung tướng quân⁽⁸⁾, cùng Giản Ung được hậu đãi gần bằng Mi Trúc. Chẳng được bao lâu thì mất.

TẦN MẬT TRUYỆN

Tần Mật tự Tử Sắc, người Miên Trúc quận Quảng Hán. Từ nhỏ đã có tài học, châu quận cho lệnh đòi thường cáo bệnh không tới. Dâng thư cho châu Mục Lưu Biểu, tiến cử nho sĩ Nhậm Định Tổ⁽⁹⁾ rằng: "Xưa Bách Lý⁽¹⁰⁾, Kiển Thúc⁽¹¹⁾ lấy kinh nghiệm tuổi già mà hoạch định sách lược. Cam La⁽¹²⁾, Tử Kỳ⁽¹³⁾ là tiểu đồng chưa đội mũ mà lập được công lao, cho nên Thư tán tụng người cao tuổi mà Dịch khen ngợi Nhan Uyên⁽¹⁴⁾. Cố nhiên đã rõ rằng chọn lựa kẻ sĩ năng lực là cần nhất, không phân già trẻ mới sáng suốt vậy. Từ đó đến nay, việc xem xét đề cử trong nước đại khái coi trong anh tài mà bỏ xót người cao tuổi, nhiều cách bình luận không giống nhau, phản bác và đồng tình mỗi bên một nửa. Ấy là thuận theo hình thế tốt lành an ổn, không phải sự vụ cấp bách của thời loạn thế. Kẻ muốn cứu giúp nguy nan vỗ an loạn lạc, (tự) sửa mình mà định (lòng) người, có lẽ là bậc siêu quần trác việt, với đương thời đoạn tuyệt mọi thú vui, làm lân bang chấn động kinh hãi, bốn phương hoảng sợ rung động, trên thuận thiên ý, dưới hợp lòng người. Trời người cùng yên ổn, chẳng hổ thẹn trong lòng, dù gặp loạn lạc hiểm nguy, há có đi đâu gì lo sợ! Xưa Sở Diệp Công⁽¹⁵⁾ thích rờn rờn, rờn rờn thần giáng hạ. Cái yêu thích chưa chính đính còn thấu đến trời, huống chi lòng thành thật? Nay ẩn sĩ Nhậm An giữ đạo nhân nghĩa, nổi danh khắp bốn phương, theo đúng như lệnh xem xét tuyển chọn thì một châu được vui lòng. Xưa Thang đề cử Y Doãn⁽¹⁶⁾ không phải là người nào xa xôi cả, Hà Vũ⁽¹⁷⁾ tiến cử Nhị Cung⁽¹⁸⁾ danh tự sống đôi trên tre lụa. Cố tham cái tài giỏi của đám tầm thường mà lơ là với chỗ chót vót cao vạn nhận, thích trang điểm bên ngoài mà quên sự an vui của thiên hạ (là) cách xa lòng chân thành cẩn thận từ cổ vậy. Đục đá tìm ngọc, mỗi trai lấy châu là Tuỳ hay Hoà⁽¹⁹⁾ đã rõ ràng như ban ngày vậy, há còn hồ nghi gì nữa! Lòng thành nghĩ rằng giữa trưa thì không cần cần đuốc, mặt trời đã thừa chiếu sáng rồi. Nho nhỏ một chút ý riêng ngu đại mê mãi tỏ bày để (ngài) hiểu rõ."

Ích Bộ kỳ cựu truyện chép⁽²⁰⁾: An, người Quảng Hán, lúc nhỏ tham gia mời đón Dương Hậu⁽²¹⁾ nghiên cứu đến tận cùng các thư tịch, bản vẽ. Từng đến chơi kinh đô⁽²²⁾ sau về nhà dạy học, nổi danh ngang với Đồng Phu⁽²³⁾ về chuyện học hành. Quận vòì làm Công Tào⁽²⁴⁾, châu mời làm Trị Trung Biệt Giá⁽²⁵⁾ song không giữ chân được bao lâu. Được đề cử làm Hiếu Liêm, Mậu Tài; Thái Uý lại vòì làm Bác Sĩ⁽²⁶⁾ cho xe đến đón nhưng đều thác bệnh không ra. Châu Mục Lưu Yên dâng biểu tiến cử An (là người) nghiên ngẫm lâu thông tiêu chuẩn đạo lý, khí tiết nghiêm trang siêu việt, tài năng cao thâm khó dò, là báu vật của quốc gia, nên dùng làm phụ tá rường cột để hoá giải tai hoạ phi thường, đáng dùng lễ huyền huân mà đón rước. Nhưng đường lớn bị ngăn trở nên không có lệnh tìm đòi. Thọ bảy mươi chín tuổi, mất vào năm Kiến An thứ bảy. Học trò mến mộ kính ngưỡng, lập bia ghi nhớ. Sau Thừa tướng Lượng có hỏi Tân Mật về sở trường của An, Mật đáp: "Nhớ tài của người, quên lỗi của người."

Thời Lưu Chương, người cùng quận với Mật là Vương Thường làm Trị Trung Tông Sự gửi thư cho Mật nói: "Nghèo hèn khốn khổ thời nào cũng có thể trọn đời. (Nhưng) Biện Hoà khoe ngọc là để chiếu sáng cho thiên hạ. Nên tới một lần, cùng quan châu gặp gỡ." Mật viết thư đáp rằng: "Xưa Nghiêu ưu đãi Hứa Do, không gì không phát dương, mà (Do) rửa cả hai tai. Sở mời Trang Chu, không gì không rộng rãi, mà (Chu) giữ sào chẳng tới. Dịch ghi: 'bền chắc biết bao, không gì thay đổi nổi' nào ai có khoe gì? Vả chẳng quốc quân là người đức hạnh, con cháu đâu là trợ thủ tài năng, không lấy được chỗ (hay) đó để dựng lên kế sách Tiêu, Trương⁽²⁷⁾ của bây giờ thì còn tài trí nào mà chưa đủ dùng. Kẻ hèn này được ở trên bờ ruộng dơ lưng mà phơi nắng, ngâm câu giở cơm bầu nước họ Nhan⁽²⁸⁾, ngân nga thú cửu cở lâu tranh của Nguyên Hiến⁽²⁹⁾, thường bay lượn nơi rừng chằm, cùng ủ ê, trằn mê kết bạn, nghe tiếng huyên viên hú than van, coi tiếng hạc kêu trên chơi vơi. Lấy an phận làm vui, lấy vô lo làm phúc, coi danh như hão huyền trống rỗng, giữ mình như con rùa không thông tỏ sự đời chỉ mong hiểu lấy chính mình, coi bản thân là quý. Xa cách là thứ khiến kẻ hèn này thoả chí đó, sao lại buồn rầu khốn khổ được!" Sau Thường lập đền thờ Nghiêm Quân Bình⁽³⁰⁾, Lý Hoằng⁽³¹⁾. Mật gửi thư rằng: "Đau ốm lại lui, vừa mới biết tức hạ lập đền thờ cho Nghiêm, Lý có thể nói là kẻ siêng năng vậy. Xem xét văn chương của họ Nghiêm đáng cho là đứng đầu trong thiên hạ. (Như) Do, Di⁽³²⁾ ẩn tránh sự vụ, đỉnh ninh chốn núi cao, khiến người xưng tụng chẳng thở than. Còn như Lý Trọng Nguyên không gặp lời lẽ đúng phép, tiếng tăm tốt đẹp ắt đắm chìm, e rằng cũng không có vân vân

như hổ báo, có thể nói là người nương rặng dựa phượng vậy. Hay như Dương Tử Vân⁽³³⁾ bên lòng biên soạn học thuật, có chỗ giúp ích cho đời, bùn đất không vấy bẩn, trải qua tham cứu thánh sư, ngày nay trong cả nước (vẫn) đàm luận ngâm vịnh lời lẽ (của ông) ấy. Vùng ta có những người này, đã đủ rạng rỡ với bốn phương kỳ lạ là cháu con đời sau đối với họ lại không lập đền thờ. Thục vốn không có sẵn học sĩ, Văn Ông⁽³⁴⁾ sai Trương Như⁽³⁵⁾ sang đông nhận Thất kinh⁽³⁶⁾ về truyền lại cho quan lại và thứ dân, nhờ đó sự học ở Thục mới sánh được với Tề, Lỗ. Vì vậy Địa Lý chí⁽³⁷⁾ chép: ‘Văn Ông đờ ra giáo hoá, Trương Như là bậc tôn sư’. Từ đời Hán, (Thục) có được kẻ sĩ trở nên hưng hưng vượng, học trò của Trọng Thu⁽³⁸⁾ không thông suốt việc tế lễ phong thiện, Trương Như chế ra lễ ấy. Người ta có thể định ra lễ nhạc qua đó thay đổi phong tục. Không thứ gì hữu ích với sự ngăn nắp của thế gian hơn lễ! Bởi vậy có được ràng buộc đi đâu cung thuận cho vương thất là nhờ ở Khổng Tử hơn là nghiệp bá của Tề Hoàn⁽³⁹⁾, nhờ ở cái hiên của Công Dương⁽⁴⁰⁾ hơn cái nhượng của Thúc Thuật⁽⁴¹⁾. Kẻ hèn này cũng thích giáo hóa của Trường Khanh, (thấy rằng) nên lập đền thờ, mau ước định mà định liệu.”

Lúc trước Lý Quyên theo Mật khen ngợi Chiến Quốc sách⁽⁴²⁾. Mật nói: “Chiến Quốc tung hoành thì có tác dụng gì?” Quyên nói: “Trọng Ni, Nghiêm Bình tụ tập các loại thư tịch, làm thành Kinh Xuân Thu, Sách Chỉ Quy. Biển vì hội tụ các sông mà hoá ra vĩ đại, người quân tử vì kiến thức sâu rộng mà thành cao cả.” Mật đáp rằng: “Thư tịch không phải sử ký đời Chu, Trọng Ni không ngó đến; Đạo mà trái với lẽ hư vô của tự nhiên, Nghiêm Bình chẳng xiển dương. Biển vì hưởng được sự ứ đọng mỗi năm một bát ngát xanh trong. Bậc quân tử kiến thức quảng bác thì đi đâu phi lễ không nhìn. Nay Chiến Quốc Sách (chỉ có) phương kế phản phúc của Nghi, Tần⁽⁴³⁾ giết người để mình sống, bỏ người để mình còn, đồ kỹ tặc thường. Trước đây Khổng Tử phát giận lên soạn ra Kinh Xuân Thu, quan trọng nhất là để giữ lễ phải, lại soạn Hiếu Kinh, quảng bá trình bày những việc làm đạo đức. Ngăn chặn dần dần, đề phòng sự việc (xấu) phát sinh, dự đoán trước cách đề nén, nhờ đó các ngành họ cổ cắt đứt hoạ hoạn ở lúc chưa thành hình, há không tin tưởng được chăng. Thành Thang là bậc thánh minh, nhìn thấy con cá ngoài đồng hoang mà biết việc săn bắt có được mất. Định Công là người hiên đức, thấy nữ nhạc mà quên công việc triêu chính,

Thần Tùng Chi : xét: *Thư tịch chép truyện Lỗ Định công không có chỗ nào có thể gọi là hiền đức. Mật nói (Định Công) hiền, (thần) sở học nông cạn chưa lấy làm thông suốt.*

hoặc là (những chuyện) giống như vậy, nhờ đó có thể tuyên dương những điều tốt đẹp. Đạo gia pháp⁽⁴⁴⁾ viết rằng: Không thấy sự ham muốn, khiến cho lòng không loạn! Ấy là cố lấy chính đỉnh xét soi trời đất, lấy ngay thẳng làm rạng rỡ nhật nguyệt. Thẳng như tên bắn mới là hành vi của người quân tử. Khuôn mẫu ghi lại tai họa chủ yếu phát sinh từ lời lẽ vô ngoài, hà hưởng cái quý quyết ở bên trong của Chiến quốc sách vậy thay!”

Có người nghi hoặc bảo Mật rằng: ”Túc hạ muốn tự sánh mình với Sào, Hứa, Tứ Hạo⁽⁴⁵⁾, vì có gì mà cứ phô bày văn chương ra đầu ngọn bút vậy?” Mật đáp rằng: ”Kẻ hèn này văn chương không thể nói hết lời, lời không thể tỏ hết ý, làm gì có văn chương mà phô bày! Xưa Khổng Tử ba lần yết kiến Ai công, lời nói ghi thành bảy quyển, sự việc đại khái không ai có thể cười cợt được,

Sách Thất Lược của Lưu Hưởng chép : *Khổng Tử ba lần yết kiến Ai công, ba lần làm lễ triều kiến, ghi lại trong bảy thiên sách ngày nay dựa vào đó để cử hành các đại lễ quan trọng.*

Thần Tùng Chi : bàn: *Trong các bộ Kinh có tám thiên sách chép việc Khổng Tử ba lần lên triều, một thiên là mục lục, còn lại gọi là bảy quyển.*

Tiếp Dư⁽⁴⁶⁾ vừa đi vừa hát, bàn luận chuyện nhà mà làm sáng tỏ chính sự; Ngư Phụ⁽⁴⁷⁾ tả làn sóng trong xanh mà soi rõ văn chương người hi hiền đức. Hai người này cũng có mong cầu gì với thế thời đâu. Con hổ để ra đã có vằn lốm lổ. Con phượng sinh ra cũng có sẵn năm màu. (Con hổ) há lấy được năm màu (của con phượng) mà che đậy được tai họa hay sao? Đó là thiên tính tự nhiên thôi. Dấu ấn Lạc, Hà⁽⁴⁸⁾ nhờ văn mà hiện lên, Lục Kinh do văn mà phát xuất, người quân tử bởi văn đức mà được ngợi khen, sao phải hao tổn (trí lực) mà chọn lọc trang điểm! Kẻ hèn này vốn dốt nát nhưng cũng lấy làm xấu hổ với lấm lẩn của Cách Tử Thành, có lẽ nào lại đi tôn sùng chính mình!”

Thần Tùng Chi : bàn: *Nay Luận Ngữ dựng lên truyện Cách Tử Thành⁽⁴⁹⁾ nói: ”Quân tử bản tính mộc mạc sao phải lấy văn tự mà ràng buộc!” Bể cong lời của Tử Cống⁽⁵⁰⁾ nên cho là lấm lẩn vậy.*

Tiên Chủ an định Ích Châu, Quảng Hán Thái Thú Hạ Hầu Toàn mời Mật làm Sư Hữu Tể Tुरू⁽⁵¹⁾, đốc xuất Ngũ quan Duyệt, gọi là Trọng Phụ. Mật

cáo bệnh nằm ở công quán. Toản cùng Công Tào⁽⁵²⁾ Cổ Phác, Chủ Bộ⁽⁵³⁾ Vương Phổ (sai) nấu nướng chuẩn bị đồ ăn, ở gần nơi Mật nằm mà bày tiệc đàm luận, Mật vẫn nằm như cũ. Toản hỏi Phác rằng: "Cho đến chuyện dưỡng sinh quý châu cũng đầy đủ, thật lạ so với các châu khác, không rõ có nhân sĩ như các châu khác không?" Phác đáp rằng: "Từ trước thời Hán đến nay, nói về những người có tước vị hoặc giả (Ích Châu) không được bằng các châu khác, còn nói về những người soạn văn viết sách làm khuôn mẫu phép tắc cho đời thì (Ích Châu) không kém. Nghiêm Quân Bình xem Hoàng, Lão soạn ra Chỉ Quy. Dương Hùng⁽⁵⁴⁾ xem Dịch soạn ra Thái Huyền, xem Luận Ngữ sáng tác Pháp Ngôn. Tư Mã Tương Như vì Vũ Đế chế ra nghi thức Phong Thiệu. Đến bây giờ thiên hạ đều nghe danh vậy." Toản nói: "Trọng Phụ thì như thế nào?" Mật lấy cái hốt đánh vào mặt nói: "Mong Minh Phủ chớ lấy chữ Trọng Phụ ra mà giả trá với lão nhà quê tằm thường này. Xin Minh Phủ để lão dân trình bày sử sách căn bản. Thực có núi Vắn Phụ, sông từ lòng núi chảy ra, là chỗ hưng thịnh nghiệp đế vương, nơi thần linh dựng phúc lành, cho nên có thể tưới tắm vạn dặm ruộng đồng."

Hà Đồ quát địa tượng chép : Mân Sơn nằm ở phía đông (đất Thục), là nơi đế vương hưng vượng, thần linh tạo phúc, trên có giếng trời.

Tả Tư Thục Đô Phú⁽⁵⁵⁾ chép : Phía xa là núi thần Mân Sơn, trên có giếng trời là nơi linh khí đất trời xoay chuyển tụ hội, phúc lớn thần minh đầy mãi lên.

Hoài, Tề Tứ Độc⁽⁵⁶⁾, đứng đầu các sông. Đó là một vậy. Núi đá nơi vua Vũ sinh ra nay là quận Vắn Sơn,

Đế vương thế kỷ chép : Cỗn thu thị nữ ở đất Hữu Sần tên là Chí, khen rằng biết sửa lỗi mình. Đi lên núi, thấy sao Mão rơi, cảm tưởng như đang trong mộng, lại nuốt thần châu, đoán rằng hoài bão trong lòng sẽ đổ nát thất bại nhưng sinh ra Vũ ở núi đá.

Tiểu Chu Thục bản kỷ chép : Vũ người huyện Quang Nhu quận Vắn Sơn, sinh ra ở núi đá, đất ấy người đời sau moi móc thành ra bằng phẳng, Thế Đế Kỷ viết như vậy.

Đời Nghiêu xưa gặp cơn hồng thủy, Cỗn không thể lo liệu trị lý được, Vũ bèn khơi sông tháo nước dẫn đổ về đông ra tận biển khơi, vì dân mà trừ hại, đối với đời sống của bách tính đến nay không có ai công đức lớn hơn được. Đó là hai vậy. Thượng Đế sắp đặt khuôn phép đàn hặc trị tội, khuôn phép đàn hặc trị tội ấy là địa phận Ích Châu. Tam Hoàng⁽⁵⁷⁾ nhân lúc ngẫu nhiên cưỡi xe ra khỏi cốc khâu, (cốc khâu ấy) nay là Tà Cốc.

Thục Ký chép : Tam Hoàng nhân lúc ngẫu nhiên cười xe ra khỏi cốc khẩu, chưa rõ vì đâu Mật lại biết đó là Tà Cốc.

Như vậy há phải châu tằm thường này là nơi bờ ruộng. Minh phủ lấy ý cao nhả thử luận xem có theo kịp với các châu khác chẳng?” Khi ấy Toàn ngẩng lên cười chẳng biết đáp lại thế nào.

Ích Châu lấy Mật làm Tòng Sự Tế Tửu. Tiên Chủ vừa xưng tôn hiệu lại sang đông đánh Ngô, Mật trình bày rằng thiên thời không có lợi, bị buộc tội giam vào ngục tối sau được khoan hồng thả ra. Năm Kiến Hưng thứ hai, Thừa tướng Lượng nhận chức Ích Châu Mục, chọn đón Mật làm Biệt Giá, lại bái (Mật) làm Trường Thủy Hiệu Uý. Ngô Sai Trương Ôn sang Sứ thăm hỏi, (lúc Ôn về) trăm quan cùng đến tiễn chân, mọi người đều đã đến cả mà Mật vẫn chưa lại, Lượng lệnh cho người đi thúc giục. Ôn nói: ”Người ấy là ai vậy?” Lượng nói: ”Là Học sĩ đất Ích Châu.” Đến khi (Mật) tới, Ôn hỏi rằng: ”Ngài có học chẳng?” Mật nói: ”Đổng tử cao năm xích còn có học huống chi tiểu nhân!” Ôn lại hỏi rằng: ”Trời có đâu không?” Mật nói: ”Có chứ.” Ôn hỏi: ”Ở phương nào?” Mật nói: ”Ở phương tây. (Kinh) Thi nói: ‘Lại ngoảnh về tây’. Từ đó suy ra, đâu ở phương tây.” Ôn nói: ”Trời có tai không?” Mật đáp: ”Trở lên cao mà nghe được dưới thấp. (Kinh) Thi nói: ‘Hạc kêu ở chín tầng cao, tiếng thấu đến trời.’ Nếu không có tai, sao lại nghe được?” Ôn nói: ”Trời có chân chẳng?” Mật nói: ”Có. (Kinh) Thi nói: ‘Trời bước khó khăn, giống như trẻ thơ.’ Nếu không có chân sao lại bước được?” Ôn hỏi: ”Trời có họ không?” Mật đáp: ”Có.” Ôn hỏi: ”Họ gì?” Mật đáp: ”Họ Lưu.” Ôn hỏi: ”Sao biết thế?” Mật đáp: ”Thiên tử họ Lưu cho nên biết vậy.” Ôn nói: ”Mật trời xuất hiện ở phương đông đúng chẳng?” Mật đáp: ”Tuy xuất hiện ở phương đông mà ẩn nấu ở phương tây.” (Mật) trả lời câu hỏi như tiếng vọng, theo thanh âm mà phát xuất, vì vậy Ôn rất kính phục. Lý luận văn chương của Mật đại loại đều như vậy. (Mật) được thăng làm Đại Tư Nông⁽⁵⁸⁾, năm (Kiến Hưng) thứ tư chết. Khi trước Mật xem sách Đế Hệ thấy chép Ngũ Đế⁽⁵⁹⁾ đều là người cùng một tộc, Mật phân tích vốn dĩ chẳng phải là như vậy. Lại giải thích chuyện Hoàng Đế, bá vương nuôi rừng rất rành rẽ mạch lạc. Tiêu Duẩn Nam⁽⁶⁰⁾ lúc nhỏ mấy lần đến bái phỏng hỏi han, (muốn) ghi chép lại lời (Mật) bàn về Kinh Xuân Thu nhưng không được đồng ý, văn chương (của Mật) phần lớn vì thế mà không biên chép lại.

Bình rằng : *Hứa Tĩnh vốn có tiếng tốt, đã vì trung hậu mà được tán dương, lại bởi chuyện người mà bị nghi ngờ. Tưởng Tế coi như ”đại giác lang miếu khí”*

Vạn Cơ Luận luận Hứa Tử Tương⁽⁶¹⁾ chép : *Hứa Văn Hưu đại giác lang miếu khí mà Tử Tương chê bai. Nếu quả thật không biết tôn trọng như vậy thì thật là không sáng suốt. (Tĩnh) là người chân thành tốt bụng biết việc, đại để là lương thiện.*

Mi Trúc, Tôn Càn, Giản Ung, Y Tịch đều chứa chất phong độ ung dung, thấy được lẽ nghĩa trên đời. Tần Mật lúc đầu ưa chuộng lẽ cao quý tránh đời mà không phải thật thà như kẻ ngu hèn, sau cách đối đáp đặc biệt còn để lại, văn chương hào tráng mỹ lệ, có thể gọi là bậc tài danh một thời vậy.

HỨA TỈNH TRUYỆN

Hứa Tỉnh tự Văn Hưu, người Bình Dư quận Nhữ Nam, từ nhỏ đã cùng nổi danh với người em họ tên là Thiệu. Cả hai đều được khen ngợi ở chỗ có tài luận cái hay dở của người nhưng tình riêng chẳng hoà thuận được với nhau. Thiệu làm Công Tào ở quận, ruồng rẫy bài xích Tỉnh không kể đến tuổi tác thứ tự. Tỉnh phải làm nghề chăn ngựa⁽⁶²⁾ nuôi thân. Đến khi Lưu Dực ở Dĩnh Xuyên làm Thái Thú Nhữ Nam mới cử Tỉnh làm Kế Lại⁽⁶³⁾, xét cho làm Hiếu Liêm, rồi được bổ nhiệm làm Thượng Thư Lang lo đề bạt tuyển chọn. Linh Đế băng, Đồng Trách nắm chính sự, lấy Chu Bí ở Hán Dương làm Lại Bộ Thượng Thư, cùng với Tỉnh trừ hoạch lựa chọn đường tiến thoái cho kẻ sĩ trong thiên hạ, gạt bỏ những kẻ xấu xa gian ác, vinh danh đề bạt ẩn sĩ hiền năng. Tiến cử bọn Tuân Sảng, Hàn Dung, Trần Kỳ ở Dĩnh Xuyên dùng và các chức Công, Khanh, Quận Thú. Lại bãi Thượng Thư Hàn Phức làm Ký Châu Mục, bãi Thị Trung Lưu Đại làm Duyệt Châu Thứ Sử, bãi Trương Tư ở Dĩnh Xuyên làm Nam Dương Thái Thú, bãi Khổng Trụ ở Trần Lưu làm Dự Châu Thứ Sử, bãi Trương Mạc ở Đông Quận làm Trần Lưu Thái Thú. Đến lúc đổi Tỉnh làm Ba Quận Thái Thú, Tỉnh không theo nên sung vào chức Ngự Sử Trung Thừa⁽⁶⁴⁾. Bọn Phức đến nhiệm sở, mỗi người đều cất quân đánh về Kinh Đô muốn tiêu diệt Trác. Trác giận, bảo Bí rằng: "Các vị nói nay là lúc đề bạt tuyển dụng kẻ sĩ tài ba. Trác nay nghe theo lời các vị, chẳng muốn làm trái lòng người trong thiên hạ. Nhưng những người các vị dùng, ngay trong ngày nhậm chức đã quay lại định giết ta. Trác này há có thể dùng những kẻ phụ mình sao!" Quát đuổi Bí ra chém ở bên ngoài. Anh họ Tỉnh là Trần Tương Sướng lại hợp mưu với (Khổng) Trụ. Tỉnh sợ bị giết, bèn bỏ chạy đến chỗ Trụ.

***Thực Ký chép :** Ngày sau Tỉnh tự thổ lộ rằng: "Giặc cướp xin tha mạng, tình cũng có chỗ bất nhẫn. Làm quan giữ chức trước để rước tai hoạ, dầu chết cũng*

không nên nghĩa. Trộm nghĩ đến cô nhân dùng lễ thường để gánh vác nguy nan cho nên mới quyền biến mà cứu lấy đạo.”

Trụ chết, (Tĩnh) nương tựa vào Dương Châu Thứ Sử Trần Y. (Sau khi) Y chết, Ngô Quận Đô Úy là Hứa Cống, Cối Kê Thái Thú là Vương Lăng đầu vốn là bạn cũ của Tĩnh nên Tĩnh đến chỗ họ giữ thân. Tĩnh lại thu nhận cứu giúp họ hàng làng xóm, gánh vác việc an ủi cấp dưỡng, tỏ ra là người nhân hậu.

Tôn Sách vượt sông đông tiến, mọi người đều chạy xuống Giao Châu tránh nạn. Tĩnh tự nghĩ giữ ở bến sông, trước tiên nâng đỡ những người nương tựa cùng theo, thân sơ hết thảy lên đã lên đường rồi mới đi. Đường thời ai trông thấy cũng thở than khen ngợi. Khi đến Giao Chỉ, Giao Chỉ Thái Thú Sĩ Nhiếp đối đãi càng thêm nồng hậu kính trọng. Viên Huy người nước Trần (lúc ấy) gửi thân ở Giao Châu, gửi thư cho Thượng Thư Lệnh Tuân Úc rằng: "Hứa Văn Hưu là kẻ sĩ tài năng kỳ vĩ, mưu kế thao lược đủ để trù liệu sự nghiệp. Từ khi trôi dạt lưu lạc đến nay thường kết giao với nhân sĩ các nơi, mỗi khi có hoạn nạn nguy cấp thường trước lo cho người saumới nghĩ đến thân, cùng trăm họ trong ngoài chung chịu đói rét. Phép tắc (của Tĩnh) lúc nào cũng giống nhau, là nhân hậu khoan dung thành khẩn thương xót, tất cả công việc đều đạt hiệu quả rõ ràng, không thể kể lại chi tiết riêng một hai chuyện được." Trương Tường người Cự Lộc Vạn Cơ Luận chép: Tường tự Nguyên Phụng nhận lệnh vua đi sứ Giao Châu, nhân đó chiêu mộ Tĩnh, muốn cũng Tĩnh theo hèn ước nhưng Tĩnh khước từ không đồng ý. Tĩnh lại viết thư gửi Tào Công rằng:

"Ngày nay đường lối binh nhung đặc thế, họa hại nguy nan vì vậy nảy ra, (tôi đây) yếu hèn khiếp nhược mà trộm sống, tự ẩn tránh nơi đất man mọi, thoáng chốc đã được mười năm, bỏ lễ tiết để tránh tai họa. Xưa ở Cối Kê, được thư gửi tới, lời lẽ ý tứ khẩn khoản gần gũi, hèn cũ nào có dám quên. Ngặt nỗi Viên Thuật trái lệnh làm hại thân thuộc, kích động nghịch tặc, làm đường lối bốn phương đều bị ngăn trở. Vì vậy dù tắc lòng treo lơ lửng ở cảnh tượng nơi miền bắc, muốn lên đường mà chẳng có cơ duyên. Quan Chánh Lễ vừa đi, binh của Thuật đã đến. Cối Kê nguy ngập ngã nghiêng, Cảnh Hưng mất nơi nương tựa, tam giang ngũ hồ⁽⁶⁵⁾ đều là đất địch. Ở vào cảnh gian nan khốn quẫn không có cách gì biện bác cho được, liền cùng Viên Bá, Đặng Tử Hiếu các người bơi ra ngoài bể, đi xuống phía nam đến tận Giao Châu. Vượt qua các nước Đông Âu, Mân, Việt, trải đến

vạn dặm đường, không còn nhìn thấy đất Trung Quốc, trôi dạt giữa sóng gió, lương thảo cạn kiệt, chịu đói nhai phen, chết mất quá nửa. Đến khi qua được Nam Hải, gặp gỡ được người có đức hiệu thảo lĩnh chức quận thú ở đó, mới biết tức hạ nổi lòng trung nghĩa, sắp đặt chinh đồn binh nhung, đi sang phía tây tiếp đón thánh giá, kiểm soát Trung Nhạc⁽⁶⁶⁾. Nhận được tin ấy mới ngừng thăm hỏi, nửa buồn nửa vui, liền cùng Viên Bái và Từ Nguyên Hiền lại khẩn cấp sửa soạn hành trang, định đi lên phía bắc trở lại Kinh Châu. Đúng lúc ấy, dân Di Việt ở các huyện thuộc Thương Ngô cùng nhau nổi dậy, châu sở nguy ngập nghiêng ngả, đường xá ngăn cách đứt đoạn, Nguyên Hiền bị hại, người già kẻ yếu đều chết. Tính tìm dọc theo bờ bãi bên sông đến hơn năm nghìn dặm, lại thêm mắc bệnh nặng, cả bá mẫu⁽⁶⁷⁾ cũng qua đời. Lúc gặp lại được những người cùng đi thì vợ con đột nhiên đã bị chiếm mất. Lại cố nâng đỡ săn sóc lẫn nhau, tiến đến trị sở quận ấy. Tính ra những người bị quân binh giết hại cùng mắc bệnh mà chết mười phần chỉ còn lại một hai. Sinh ra làm người trong thời gian khổ thật cay đắng khôn cùng, há có thể kể hết cho được.

Thần Tùng Chi : từng nghe Khổng Tử nói: "Hiên nhân tránh đời, thứ nhân chạy loạn". Cái quan trọng là tri thức nhận ra điều an việc nguy, trốn lánh thì đạt được điều gì. Hứa Tĩnh làm khách trọ ở Côi Kê, là nhân sĩ giữa dân gian. Tôn Sách dù đến, với Tĩnh nào có chuyện gì? Mà bèn trôi nổi vạn dặm xa ngoài biển, đi tới xứ sở của bệnh tật, đến nỗi khiến cho bậc tôn trưởng, người yếu đuối lâm cảnh lâm than, chịu đựng trăm điều sâu khổ, có thể nói tự mình gây nên vậy. Mưu thần mà như thế ấy khó gọi là tài trí. Nếu như suy nghĩ kỹ càng, lo liệu thuận theo thời thế yên ổn, ngay ngắn thôi thúc Ngô Việt, cùng Trương Chiêu Trương Hoàn kết bạn, bảo hộ trăm họ thì có tốt hơn không?

Sợ rằng cuối cùng điên đảo ngã nghiêng, vĩnh viễn thành kẻ nô lệ, một mối âu sầu bị thương u ám quên cả ăn ngủ. Mong nương tựa vào sứ đoàn dâng cống về triều, tự trừ hoạch đường lối đi về, dầu chết cũng quay lại nơi cung khuyết. Nhưng đi sang Kinh Châu thủy bnộ đầu không có lối, giao thông bằng dịch trạm của sứ đoàn bị ngăn chặn. Muốn đi lên Ích Châu lại mắc tuần phòng nghiêm ngặt. Quan chức cũ, nha lại xưa, một người cũng không qua được. Trước đã có mệnh lệnh của Giao Chỉ Thái Thú Sĩ Uy Ngạn hết lòng gửi gắm phân tách với anh em ở Ích Châu. Tĩnh lại cũng tự gửi thư cực nhọc van cầu. Song hồi đáp chỉ là im lặng, chưa thấy kết quả. (Vì thế) dù ngưỡng vọng quang cảnh tốt lành mà đành kiễng chân ghe cõ chứ không phải vì giả dối mà cố che đậy đến cùng đâu?

Biết rằng Thánh Chúa anh minh, giao cho túc hạ trách nhiệm về vang toàn quyền đi đánh dẹp. Phạm những kẻ làm trái tiết nghĩa phần lớn đã bị thảo phạt tru diệt. Ước gì được một lòng hết sức tranh đua, cùng quay về làm kẻ thuận tòng. Lại có Trương Tử Vân xưa ở kinh sư, có chí khuông phò vương thất, nay dù ở chốn xa xôi, không được tham dự vào công việc triều ta nhưng cũng là căn bản của quốc gia, ngoại viện của túc hạ đó.

Tử Vân tên là Tân, người Nam Dương, làm Giao Châu Thứ Sử, được nhắc đến ở Ngô Chí⁽⁶⁸⁾.

Hán Thư Hoắc Quang truyện chép : "Quang rời kinh sư học theo các quan Vũ Lâm, lúc lên đường xướng to Cảnh Tất." Còn chữ Hồ Bôn chưa rõ từ đâu xuất hiện.

Giả sử Kinh Sở yên ổn êm đềm, hoàng ân thấu đến phương nam, túc hạ bỗng có tin tức mạng lệnh hướng đến Tử Vân, ân cần tỏ lộ thái độ phó thác bảo hộ thì người được lệnh nên theo đường Kinh Châu xuất phát. Bằng không lại phải chịu qua lại giới thiệu với anh em ở Ích Châu, thu nhận sứ giả lẫn của nhau. Nếu như trời đợi cho một vài năm, người hoãn được hạn kỳ gây họa, (để tôi) được về chết ở quê nhà, xóa đi cái lỗi lầm chốn chạy thì dầu phải nát thân chôn cửu tuyền cũng chẳng có gì ân hận nữa! Còn như thời thế đổi thay trắc chở, sự việc có chỗ nhanh chậm khác nhau, số mạng con người khó đoán trước, chết đi vẫn chưa hoàn thành tâm nguyện thì đành ôm mối nợ lỗi lầm chôn theo xuống đất biên thủy vậy.

Xưa Doanh Khâu⁽⁶⁹⁾ giúp rập nhà Chu, cần phủ việt nắm đại quân, rộng đường phù trợ giống Hán, hùng dũng mạnh mẽ phòng bị lối đường. Ngày nay túc hạ cứu nguy đỡ nghiêng, là cột đá của nước nhà, đã giữ trách nhiệm của Sư Vọng⁽⁷⁰⁾ lại nắm quyền thế của Hoắc Quang⁽⁷¹⁾. Ngũ hầu cử bá⁽⁷²⁾ túc hạ đều cai quản trong tay. Từ cổ đến nay, kẻ thần tử địa vị chí cao chỉ có túc hạ. Người tước vị cao thì lo lắng nhiều, bỗng lộc lắm thì trách nhiệm nặng. Túc hạ chiếm chức vị có ngôi thứ cao, giữ địa vị gánh trách nhiệm có trách nhiệm lớn, mỗi lời nói ra lập tức thành lẽ thưởng phạt, mỗi ý niệm trong lòng lập tức thành chuyện họa phúc. Làm việc đúng đường thì xã tắc yên ổn. Làm việc sai trái thì bốn phương tan tác. An nguy quốc gia đặt hết trên người túc hạ; Sinh mạng của bách tính treo ở người chấp chính. Từ Hoa tới Di, ai cũng chăm chăm ngưỡng vọng. Túc hạ nhận công việc ấy, há có thể không xem kỹ trong thư tịch, hiểu rõ duyên do của hưng phế, then chốt của vinh nhục, bài trừ xóa bỏ lầm lỗi cũ, khoan dung

hoà hợp với bá quan, thăm định ngũ tài ⁽⁷³⁾, vì công việc lựa tính cách? Ví thử được người trúng cách, dầu là kẻ thù cũng đề cử; Ví thử được người không hợp, dù thân cũng không trao chức. Vì an ninh xã tắc, vì cứu vớt lê dân, lập công tạo nghiệp, nối tiếp tiếng đàn điếu sáo, ghi tạc huân lao vào vàng đá, mong ngài gắng sức thêm! Vì quốc gia tự bảo trọng. Vì lê dân tự thương thân.”

Tường hận Tĩnh không chấp thuận, lục tìm trước tác thư từ Tĩnh gửi khi trước vớt tất cả xuống nước.

Sau Lưu Chương sai sứ đón rước Tĩnh, Tĩnh bèn vào Thục. Chương dùng Tĩnh làm Ba Quận, rồi Quảng Hán Thái Thú. Tống Trọng Tử người Nam Dương đang ở Kinh Châu gửi thư cho Thái Thú Thục Quận là Chương Thương rằng: ”Văn Hưu ài giỏi lạ lùng, có bản lĩnh gánh vác thời thế, tức hạ nên dùng làm người hướng dẫn.”

***Ích Châu Kỳ Cựu Truyện chép :** Thương tự Văn Biểu, người Quảng Hán, nổi danh học thức tài ba, tiếng tăm rực rỡ trong châu, được Lưu Chương mời làm Trị Trung Tông Sự. Lúc bấy giờ đường lớn bị ngăn cách đứt đoạn, những người giữ chức Mục làm bá ở các châu cũng giống như chư hầu thời Thất Quốc⁽⁷⁴⁾. Riêng Chương yếu hèn lười biếng lại đa nghi không dùng được đại thần ngay thẳng trung thực. Thương dâng lời can Chương. Chương có phần động lòng hiểu ra. Trước, Hàn Toại và Mã Đằng khởi loạn ở Quan Trung mấy lần cùng cha Chương là Yên trao đổi tin tức qua lại. Đến con Đằng là Siêu lại cùng Chương gửi thư cho nhau, có ý muốn liên hợp với Thục. Thương bảo Chương rằng: ”Siêu dũng mãnh mà bất nhân, thấy lợi không kể đến tình nghĩa, không thể kết làm môi răng được. Lão Tử nói: ‘Thế mạnh của quốc gia, không thể đem cho người.’ Nay Ích Châu này, dân nhiều tướng giỏi, sản vật đầy đủ, lại xa cách những kẻ hiểm ác có lòng khuynh đảo phản phúc. Bọn Siêu vì thế mà nhòm ngó phía tây. Giả sử lôi kéo thân gần bọn chúng, thì cũng như nuôi hổ, chẳng khác nào tự gieo mầm hoạ.” Chương theo lời Thương, cự tuyệt Siêu. Kinh Châu Mục Lưu Biểu và danh nho Tống Trung thấy đều nghe danh Thương, gửi thư bày tỏ tình cảm ân cần. Hứa Tĩnh được xưng tụng giỏi xem người, đến Thục, gặp Thương mà còn khen rằng: ”Giả sử Thương sinh ở Hoa Hạ thì dù Vương Cảnh Hưng⁽⁷⁵⁾ cũng không hơn được.” Chương dùng Thương làm Thái Thú Thục Quận. Ở Thành Đô có Cam Kiên làm việc chí hiếu, Thương đến dựng bia trên mộ lại truy tặng chức Hiếu Liêm. Lại cùng Nghiêm Quân Bình, Lý Hoảng dựng đền lập minh⁽⁷⁶⁾ tuyên dương các bậc tiên hiền. Ngoài ra tu sửa việc học, khuyến khích nghề nông, làm lợi cho bách tính. Giữ chức mười năm, chết ở công môn. Hứa Tĩnh kế nhiệm.*

Năm Kiến An thứ mười sáu, Tĩnh được chuyển làm Thái Thú Thục Quận.

Sơn Dương Công Tái Ký chép : Năm Kiến An thứ mười bảy, Hán lập Hoàng Tử Hi làm Tể Âm Vương, Ý làm Sơn Dương Vương, Đôn làm Đông Hải Vương. Tĩnh nghe tin nói: " Sắp muốn thu lại tất cố thả ra, sắp muốn lấy về tất cố trao cho. Ấy là Mạnh Đức vậy!"

Năm Kiến An thứ mười bảy, Tiên Chủ thu được đất Thục, dùng Tĩnh làm Tả Tướng Quân Trưởng sử. Lúc Tiên Chủ làm Hán Trung Vương, lấy Tĩnh làm Thái Phó. Đến khi xưng tôn hiệu, phong Tĩnh rằng: "Trâm được suy tôn kế thừa nghiệp lớn, cai trị vạn quốc, sớm tối bàng hoàng, sợ chẳng thể yên, chưa gần gũi với trăm họ, chưa khiêm nhượng với quần thần. Lập người làm Tư Đồ, kính bày ra Ngũ Giáo⁽⁷⁷⁾, xem xét việc khoan thứ, vì vua mà gắng sức. Người giữ đức chó lười biếng, cho xứng với ý của trăm."

Tĩnh dù tuổi đã quá bảy mươi vẫn yêu quý các nhân sĩ, thường khuyên bảo thu nhân hậu tiến, cùng nhau đàm luận không biết mệt. Thừa Tướng Lượng đầu bái phục. Năm Chương Vũ thứ hai Tĩnh chết. Con là Khâm, chết trước Tĩnh. Con Khâm là Du, trong những năm Cảnh Diêu làm Thượng Thư. Trước kia anh Tĩnh phụng sự cho Trần Kỳ ở Dĩnh Xuyên, cùng với bọn Viên Hoán ở Trần Quận, Hoa Hâm ở Bình Nguyên, Vương Lăng ở Đông Hải rất thân thiết. Hâm , Lang và con của Kỳ là Quân vào thời Ngụy sơ đầu làm phụ chính đại thần, thấy đều gửi thư cho Tĩnh, tỏ bày tình cũ, ân nghĩa thành khẩn, văn thư đa phần không được ghi chép lại.

Ngụy Lược chép : Vương Lăng viết thư cho Văn Hưu rằng: "Văn Hưu túc hạ. Nghe tin vẫn được bình an. Thật mừng thật mừng. Có nhớ chẳng thấm thoát chia tay đã hơn ba mươi năm chưa có duyên gặp gỡ! Thi nhân so một ngày xa cách với năm với tháng, huống chi đằng đặc trải qua đã bao năm. Từ khi cùng anh ly biệt, tính chi xiết những chìm rồi lại nổi, tính chi xiết nổi dứt rồi lại nổi. Nhưng nay đến sau cùng sống ở Thăng Bình trong Kinh Đô⁽⁷⁸⁾ nương tựa dưới cánh rồng bay Thánh Chúa. Bạn hữu cùng bối phận dân vắng bóng, may còn được lên lão cùng anh liệt vào hàng tuổi cao còn sót lại, chỉ ngặt nỗi phải chịu cách xa nhau tính đến hàng nghìn dặm lại thêm khác biệt khó đổi thay. Giờ nghe thấy tin tức âm hao, tình hoài niệm gửi gắm vào nhung nhớ, chăm chăm gửi đến chốn xa xăm, thật với thời thế lạ kỳ này cũng không phải chuyện gì kỳ lạ lắm. Trước đây theo quân tới Kinh Châu, gặp Đặng Tử Hiếu và Hoàn Nguyên Tương bước đầu nghe thấu tình hình túc hạ. Biết rằng Túc Hạ hiện đã giữ chức đứng đầu một quận ở Ích Châu, khuôn phép đức độ vốn có tuy tuổi đã cao mà không

hề rơi rụng. Thời ấy, phụng sự Vũ Hoàng Đế⁽⁷⁹⁾ với Giang Lăng Lưu Cảnh Thăng trên sảnh đường bàn đại sự, cùng túc hạ đàm luận thâu đêm, thiết tha thành khẩn, thật chẳng nở rời. Từ khi Thái Tử còn ở Đông Cung cho đến sau khi tức vị, mỗi lúc cùng các bậc hiền tài thảo luận về những người tài tuấn còn tại thế, đâu phải người người ai cũng dễ dàng thành kẻ anh tài mà giới sĩ phu lại khó lòng chọn được tay tuấn kiệt, do đó lo ngại không muốn lấy chất hủ bại của Nguyên Nhượng mà cảm động đến sự quan tâm của Phu tử; Mỗi khi nhắc đến túc hạ, cho là người mưu trí hàng đầu, từ đó thường lưu tâm, lại còn hơn so với thời trước. Thư nói: ‘Người chỉ tìm bạn cũ’; Dịch viết: ‘Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu’. Lưu Tướng Quân⁽⁸⁰⁾ với Đại Ngụy đôi bên cùng đứng, tính lại cũng là hai nghĩa ấy. Những gặp gỡ trong quá khứ, muốn đồng nhất mà ra khác biệt thật không phải là ý định của Vũ Hoàng Đế. Sai lầm lầm lỡ đã qua đi, thuận lợi bỗng hoá thành không cũng chẳng phải mong muốn của túc hạ. (Hoàng Thượng) hiểu rõ ý nghĩa Thư và Dịch, biết rằng kết giao quý ở chỗ phân lý song vẫn giữ được tình hữu hảo. Vì vậy (tôi) sai những người mới đến hàng đưa tới đất Ngô dâng biểu ngựa hay, lông điều, áo ấm cũng chẳng bị hiềm nghi. Đường xá mới khai thông, vội tỏ bày tình cũ để cốt thể hiện lời thăm hỏi. Nhớ nhung tích tụ sau lâu dài xa cách không phải bút mực tâm thường có thể viết ra cho hết được, cũng là mong túc hạ có cùng ý niệm. Nay, trai gái túc hạ sinh ra được mấy người? Tuổi tác đã được bao nhiêu? Tôi đây liên tiếp mất một trai một gái, giờ chỉ còn có hai trai. Đứa lớn tên là Túc, được hai mươi chín tuổi, sinh ở Côi Kê. Đứa nhỏ mới hơn một tuổi. Viết thư mà buồn lòng đau xót, nhưng nhớ trên miền.”

Lại chép : ”Từng nghe: ‘Thụ chung ư Văn Tổ’⁽⁸¹⁾ là lời ở Thượng Thư. Lại nghe: ‘Lịch sở tại cung, duẩn chấp kỳ trung’⁽⁸²⁾ là lời ở Luận Ngữ. Đấy há phải là câu chuyện hạng già lão tự nghĩ được ra. Ngay bây giờ là lúc chúng ta gặp dịp Thánh Chúa nhận mệnh trời, tự hiểu rõ ba lần thoái thác khiêm nhượng rành rành, xem xét thấu mọi điềm triệu tốt lành cùng hội tụ, thấy đại lễ nghiêm cần đoan trang, ngấm khối xanh từ đuốc tế bốc lên rực rỡ. Đến bây giờ bỗng có tự có vận hội của thời Đường Ngu⁽⁸³⁾, ấy là số mạng ở cung Tử Vi trên Thiên Đình. Lại thương cảm chẳng được dắt tay anh, cùng thế thời được liệt danh là có hai người được nghe câu ‘Khâm Thử’ của Đường triều. Anh tuy ở đất xa xôi ngoài biên ải, nghĩ cũng mút mắt ngóng trông về, nghiêng tai xa lắng nghe, dài cổ như hạc đứng. Xưa Trần Công ở Nhữ Nam mới được thăng quan, không cư xử theo thói thường, nhường chức Thượng Khanh cho Lý Nguyên Lễ. Nhìn việc từ nhượng ấy, ta nên tự lui mà tránh chỗ cho anh. Ví thử được tránh anh mà trộm nhường tên rồi sau ẩn thụ dây thao gửi gắm lại, ngao du đàm luận vùng Bình Bột. Cùng kẻ lẽ với anh nổi gian lao cực khổ trên đường trốn lánh thời gian qua. Say chén rượu, vui bữa tiệc, cao giọng luận bàn, lớn tiếng bật cười, đủ để quên nỗi lo tuổi già. Giữ chặt ngọn bút bày tỏ tâm tình thuận theo nỗi mừng vui.”

Lại chép : "Mùa hè trước có gửi thư mà chưa đến (tay anh) được. Nay lại có thư mà hết lòng thăm hỏi y như trước. Hoàng Đế rất đổi tiếc thương Lưu Tướng Quân sớm qua đời, lại lo lắng con cô của người không biết đường thay đổi, mà cũng đau tiếc cho nhân sĩ bấy tôi như Túc hạ, Khổng Minh phải chịu đắm chìm ở vùng Khương Di dị chủng, vĩnh viễn bất hoà đoạn tuyệt với Hoa Hạ, không có duyên được đón vào châu ở Trung Quốc mà chiêm ngưỡng đất cũ quê xưa đã trông ngóng ước mong. Cho nên lại dùng tình yêu thương từ ái để uly lạo nhân tâm. Trình trọng ban minh chiếu mà hiển lộ ân tình, nói rõ lời răn dạy, bày tỏ nỗi đợi chờ. Đặc biệt sai (tôi) gửi thư đến bọn túc hạ. Túc hạ vốn thông minh chắc đo lường được sự ân cần trong thánh ý, nhận ra được núi Thái bễ sâu vẫn luôn còn đó, hiểu ra được trăm sông nên trút nước về đâu. Xưa Y Doãn bỏ Hạ theo Ân, Trần Bình bội Sở đầu Hán, đều vì đức sáng soi tỏ người chấp chánh, huân lao ghi tạc bậc công thần. Nếu túc hạ có thể giúp đỡ đưa con cô, an định lòng người đang do dự, bỏ nguy hiệu trái lẽ thường, theo về phụng thờ nhận mệnh từ Đại Ngụy thì nơi chủ khách tên tuổi sẽ hiển đạt phi thường, cả trên dưới cùng được cậy nhờ sáng soi vĩnh viễn. Công lao sự nghiệp sánh kề nhau, thanh danh thành tựu đều ghi khắc. Xét công tích cống hiến đủ để vượt qua Y, Lữ. Vừa vâng theo chiếu chỉ vừa khôi phục tình xưa, tình bạn cũ thương nhờ chẳng hề ngưng. Nếu không bàn bạc nhưng việc túc hạ có thể làm, những điều túc hạ có thể thấy, thì không thể ban bố rõ chiếu chỉ mệnh lệnh, thể hiện ân huệ rực rỡ lớn lao, sắp đặt trước mong mỗi trong mộng tưởng ngày xưa. Giả sử trời mở lòng người, anh có ý rời nước Thục, thì quả thật bây giờ tôi đã mong ngày nắm tay nhau. Còn giả sử, đường đi trắc trở chữa bình yên, không theo như điều anh định liệu, thì nên theo tin tức dò hỏi có đáng sợ hay không để xét kỹ đường lối rời đi. Trước sau hai thư, mỗi khi viết đến chỗ này, ít khi không động đến nỗi tha thiết trong lòng. Túc hạ chu du khắp giang hồ, đã tới Nam Hải, quan sát trải nghiệm tập tục người Di, có thể nói là đi khắp nơi vậy. Nhưng đoán chắc lòng túc hạ vẫn động lại nỗi nhớ về Hoa Hạ vô cùng sâu sắc vậy. Vì mình mà chọn chỗ an cư vẫn có gốc rễ là Trung Thổ. Vì chủ mà lựa điều yên ổn, há có thể không nhớ về Kinh Sư mà cứ do dự mãi ở nơi hoang ải? Mong anh xét rõ lời ngu dại của tôi rồi sớm ngày báo lại."

[CHÚ THÍCH]

(1) *Chiêu Đức tướng quân: Quan hàm ngũ phẩm, (Ở Thục bao gồm: phụ hán, an hán, đẳng hầu, thảo nghịch, thảo hầu, thảo lỗ, chiêu đức, chiêu văn, bình trung, kiến nghĩa, phụng nghĩa, trung tiết, kiến tín, quân sư, chấp thân, phủ nhung, tuy vũ, dực quân, hưng nghiệp, phó quân, dực vũ, phụ quân, tuy quân, nha môn.)*

(2) *Lưu Biếu quê ở Sơn Dương, trước khi được giao chức Mục ở Kinh Châu là Trấn Nam tướng quân.*

(3) *Sưu Thần Ký: Do Giản Giới đời Tấn soạn, chép nhưng việc thần kỳ quái dị trong dân gian.*

(4) *Tòng Sự Trung Lang: Chức danh, vào thời Hán Ngụy tương đương tham mưu. Lưu Bị lúc ấy mang quan hàm Tả Tướng quân, Tả Tướng quân Tòng Sự Trung Lang điển nôm là tham mưu của quan Tả Tướng.*

(5) *An Hán Tướng quân: Chức danh, hàm ngũ phẩm, cùng hàm nhưng về trật đứng cao hơn Quân Sư Tướng quân là chức danh của Gia Cát Lượng.*

(6) *Viên Thượng: Con Viên Thiệu, sau khi Viên Thiệu chết các con là Đàm và Thượng đánh lẫn nhau.*

(7) *Lưu Tả Tướng quân: Lưu Bị.*

(8) *Bình Trung tướng quân: Quan hàm ngũ phẩm, về trật đứng ngay dưới Chiêu Văn của Y Tịch.*

(9) *Nhậm Định Tổ: Nhậm An tự Định Tổ, đại nho thời Tây Hán thầy học của Đỗ Vi, Đỗ Quỳnh. Xem thêm Đỗ Vi, Đỗ Quỳnh truyện - Thục thư quyển 12.*

(10) *Bách Lý: Ngũ Cỗ Đại Phu Bách Lý Hê. Tuổi trẻ có tài mà không được dùng lưu lạc khắp nơi, được Tân Mục công dùng năm bộ da dê chuộc về dùng làm Đại Phu lúc bảy mươi tuổi.*

(11) *Kiểm Thúc: Anh kết nghĩa của Bách Lý Hê. Sau khi Bách Lý Hê làm Đại Phu tiến cử Kiểm húc cho Tân Mục công.*

(12) *Cam La: Cam La năm mười hai tuổi xin vua Tân cho sang sứ nước Triệu, bằng ba tác lược thuyết phục vua Triệu giao năm thành vùng Hà Gian cho Tân.*

(13) *Tử Kỳ: Dẫn Tử Kỳ, mười tuổi hiền kế an định thành Đông A nước Tê. Được Tê Tuyên vương phong làm thành chủ, thống lĩnh quân dân Đông A đánh bại quân Ngụy.*

(14) *Nhan Uyên: Nhan Hồi tự Tử Uyên cũng gọi là Nhan Uyên người nước Lỗ thời Xuân Thu đệ tử đặc ý và nhỏ tuổi nhất của Khổng Tử.*

(15) *Sở Diệp Công: Chưa biết ai.*

(16) *Vua Thành Thang đề cử Y Doãn làm Tể tướng phò trợ mình lập ra nhà Thương lúc ông này đang đi cày ở đất Hữu Sần.*

(17) *Hà Vũ: Danh thần Tây Hán.*

(18) *Nhị Cung: Cung Hoà, Cung Thắng hai anh em nổi danh tài ba cao khiết thời Hán Ai Đế được Cát Hồng đời Tân ca ngợi rằng: "Tư hung dữ sao, do đông thì; Vương Mãng dữ Nhị Cung cộng thế, nhi bất năng hiệu dã."*

(19) *Tuỳ, Hoà: Đoạn trên nhắc đến việc đục đá tìm ngọc nên Hoà chắc thợ đá Biện Hoà nước Sở nhìn ra khối ngọc trong tảng đá còn Tuỳ thì chưa rõ là ai.*

(20) *Ích Bộ kỳ cựu truyện: Do Trần Thọ tác giả Tam Quốc Chí soạn, chép sự tích các nhân vật nổi tiếng ở Ích Châu.*

(21) *Dương Hậu: Dương Hậu tự Trọng Hoàn, người Quảng Hán đại nho đời Hán, giỏi đoán Đồ Sấm.*

(22) *Kinh đô: Chỉ Lạc Dương.*

(23) *Đồng Phù: Danh nho cuối thời Đông Hán, xem thêm Lưu Yên truyện - Thực thư quyển 01.*

(24) *Công Tào: Chức danh, được đặt ra từ thời Tây Hán, là thư lại chính của người đứng đầu Quận, Huyện.*

(25) *Trị Trung Biệt Giá: Cấp phó quan trọng nhất trong Châu.*

(26) *Bác Sĩ: Chức danh, chủ yếu chưởng quản thư tịch, thường cũng làm cố vấn cấp cao.*

(27) *Tiêu, Trương: Tiêu Hà, Trương Lương hai mưu thần hàng đầu của Hán Cao Tổ.*

(28) *Họ Nhan: Nhan Hôi (cũng là Nhan Uyên) lấy từ một câu trong Luận Ngữ: "Hiên thay, anh Hôi! một giỏ cơm, một bầu nước, ở ngõ hẻm, người khác u sầu không chịu nổi cảnh khốn khổ đó, anh Hôi thì vẫn không đổi niềm vui."*

(29) *Nguyên Hiễn: Học trò Khổng Tử, tính cách đạm bạc, trọn đời vui cảnh thanh bần.*

(30) *Nghiêm Quân Bình: Tây Hán học giả, người Thành Đô, giỏi bói toán.*

(31) *Lý Hoằng: Chưa rõ là ai.*

(32) *Do, Di: Hứa Do, Bá Di đã chú bên Tiêu Chú truyện.*

(33) *Dương Tử Vân: Dương Hùng tự Tử Vân đã chú bên Tiêu Chu truyện.*

(34) *Văn Ông: Văn Đẳng tự Trọng Ông (156tcn - 101tcn) người Lư Giang, làm Thục Quận Thái Thú dưới triều Hán Cảnh Đế, cử học trò về Trường An học học hỏi, chấn hưng học phong đất Thục.*

(35) *Trương Như: Tư Mã Tương Như(179TCN - 117TCN) nổi tiếng với khúc Phụng Câu Hoàng và truyện tình cùng nàng Trác Văn Quân, tự là Trường Khanh, người Thành đô rời quê hương đi Trường An trong thời Hán Cảnh Đế khi trở về mang theo kiến thức thu lượm được, có ảnh hưởng lớn đến văn hoá đất Thục thời kỳ đó. Tuy nhiên em không tìm thấy tài liệu nào nói ông ta ra đi theo sự sắp đặt của Văn Ông.*

(36) *Thất Kinh: Các sách chỉ nói đến Ngũ Kinh không rồi Thất Kinh ở đây là những thư tịch gì.*

(37) *Địa lý chí: Tức phần Địa lý chí trong Hán Thư của Ban Cố.*

(38) *Trọng Thư: Đồng Trọng Thư danh nho đời Hán.*

(39) *Tê Hoàn: Hoàn Công nước Tê thống lĩnh chư hầu, tôn phù thiên tử nhà Chu một trong các vị bá chủ thời Chiến quốc.*

(40) *Công Dương: Công Dương Cao người nước Tê, tác giả cuốn sách diễn giải nghĩa lý Kinh Xuân Thu mà ngày nay người ta vẫn quen gọi là Xuân Thu Công Dương truyện.*

(41) *Thúc Thuật: Anh trai của Thúc Thuật là Di Phụ Nhan bị kết tội chết, Thúc Thuật được chỉ định kế vị nhưng không nhận, chỉ quản lý quốc sự, sau khi Di Phụ Nhan được giải oan, Thúc Thuật lại nhường quyền cho con của anh.*

(42) *Chiến Quốc Sách: Do Lưu Hưởng đời Đông Hán soạn.*

(43) *Nghi, Tân: Trương Nghi, Tô Tân hai thuyết khách lớn thời Chiến quốc.*

(44) *Đạo Gia Pháp: Chưa rõ nói đến thư tịch nào.*

(45) *Sào, Hứa, Tứ Hạo: Sào Phủ, Hứa Do hai người hiền thời vua Thuấn và Thương Sơn Tứ Hạo bốn người hiền sống vào thời Tân mạt Hán sơ không muốn làm quan ở ẩn trong núi Thương Sơn.*

(46) *Tiếp Dư: Lục Thông tự Tiếp Dư người nước Sở thời Chiến quốc thường giả điên cuồng ca hát để nói chuyện đạo lý thường được nhắc đến với danh xưng Sở Cuồng Tiếp Dư.*

(47) *Ngư Phụ: Tên một thiên trong Sở từ của Khuất Nguyên, kể chuyện một ông lão đánh cá thấy Khuất Nguyên tiêu tụy khổ khổ thì khuyên nên tuý theo dòng đời chìm nổi mà sông nhưng bị Khuất Nguyên cự tuyệt. Thể hiện ý chí thanh cao của Khuất Nguyên.*

(48) *Lạc, Hà: Chỉ Lạc thư, Hà đồ.*

(49) *Cách Tử Thành: Em chưa rõ là ai.*

(50) *Tử Cống: Học trò Khổng Tử.*

(51) *Sư Hữu Tể Tửu: Chức danh, là người có địa vị tối cao trong đám thư lại hoặc tham mưu trong phủ trưởng quan ở địa phương.*

(52) *Công Tào: Thư lại chủ yếu trong quận hoặc huyện.*

(53) *Chủ Bộ: Người chưởng quản văn thư tá lại trong quận.*

(54) *Dương Hùng: Danh nho thời Hán, nhẩy lâu tự tử (nhưng không chết) để tỏ ý bất hợp tác với Vương Mãng.*

(55) *Hà Đồ quát địa tượng: Chưa rõ là thư tịch nào do ai viết.*

(56) *Tả Tư Thục Đô Phú: Bài Thục đô Phú của Tả Tư thời Tây Tấn.*

(57) *Hoài, Tể Tứ Độc: Vương chế trong Lễ Ký chép Hoàng Đế (Trung Hoa) cổ đại tế núi cao sông lớn là Ngũ Nhạc và Tứ Độc. Trong đó Tứ Độc gồm: Đông Độc - Đại Hoài, Nam Độc - Đại Giang, Tây Độc - Đại Hà, Bắc*

Độc - Đại Tể là bốn con sông lớn chảy ra biển. Vào thời Đông Hán, Hoàng Hà chuyển dòng ở vùng Vũ Trác, Tu Vũ chảy vào chảy vào sông Tể Thuỷ nên ngày nay Tể Thuỷ là đoạn hạ lưu của Hoàng Hà còn Hoài Hà thì đoạn hạ lưu bị tắc ngẽn nên chảy vào Trường Giang. Hoài Hà, Tể Thuỷ đều xuất phát từ địa phận Hà Nam.

(58) Đại Tư Nông: Chức danh, được đặt từ đời Tần, lúc đầu quản lý kinh tế tài chính quốc gia sau là người cai quan quốc khố hoặc khuyến khích nông nghiệp.

(59) Tam Hoàng: Ba vị tổ đầu tiên của các tộc người Hán, tuy theo từng thư tịch mà danh tự ba vị này biến đổi khác nhau.

(60) Ngũ Đế: Năm vị minh quân đầu tiên của người Hán.

Tiêu Duẩn Nam: Tiêu Chu, xem thêm Tiêu Chu truyền - Thực thư quyển 12

(61) Vạn Cơ Luận là bài biểu Tướng Tể dâng cho Tào Phi, Hứa Tể Trương là Hứa Thiệu anh họ Hứa Tĩnh người đã xem tướng cho Tào Tháo lúc còn hàn vi.

(62) Nguyên văn: 马磨

(63) Kế Lại: Quan chức cấp quận, phụ trách bộ tịch và kế hoạch.

(64) Ngự Sử Trung Thừa: Là một chức danh được đặt ra từ thời Tần. Trong đời Hán quản lý thư tịch sách vở, kiểm soát văn chương biểu tấu của công khanh.

(65) Tam Giang: Trường Giang, Ngô Tùng, Tiên Đường; Ngũ Hồ: Động Đình hồ, Phiên Dương hồ, Thái hồ, Sào hồ, Hồng Trạch hồ.

(66) Trung Nhạc: Trung Sơn, nằm chỉ khu vực Hà Nam, Lạc Dương.

(67) Bá mẫu ở đây có lẽ chỉ mẹ của Từ Nguyên Hiên.

(68) Ngô Chí: Ở đây là phần Ngô thư của Tam Quốc Chí.

(69) Doanh Khâu: Là đất phong cho con cháu Khương Thái Công từng giúp Chu Vũ Vương diệt Trụ.

(70) Sư Vọng: Nguyên văn: 师望

(71) Hoắc Quang: Phụ chính đại thần thời

(72) Ngũ Hâu: Công, Hâu, Bá, Tử, Nam năm tước hiệu dùng để phong cho chư hầu; Cửu Bá: Trưởng quan tại chín châu lớn của Trung Hoa cổ.

(73) Ngũ Tài: Sách Lục Đạo, thiên Long Thao, phần Luận Tướng cho ngũ tài là Dũng, Trí, Nhân, Tín, Trung.

(74) Thất Quốc: Tân, Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Yên bảy nước thời Chiến Quốc.

(75) Vương Cảnh Hưng: Vương Lăng danh thân Tào Ngụy làm đến Tam Công.

(76) Minh: Một lại văn bài ghi lại công đức hoặc răn bảo chép vào bia, chuông, bình phong hay quạt.

(77) Ngũ Giáo: Phụ nghĩa, Mẫu từ, Huynh hữu, Đệ cung, Tử hiếu.

(78) Nguyên văn: 居升平之京师

(79) Vũ Hoàng Đế: Chỉ Tào Tháo

(80) Lưu Tương Quân: Chỉ Lưu Bị.

(81) Thụ chung ư Văn Tổ: 受終於文祖: Nhận hết từ Văn Tổ. Văn Tổ là tổ của vua Nghiêu. Nghiêu nhường hiên, nhường ngôi cho Thuấn. Thuấn được nhận cơ nghiệp truyền lại từ Văn Tổ.

(82) Lịch số tại cung, duẫn chấp kỳ trung: 历数在躬, 允执其中: Liệt kê công việc bên mình, chấp thuận cho người nắm giữ. Nghiêu nhường ngôi, liệt kê hết công việc trong ngoài, giao cho Thuấn nắm. Thư này viết vào lúc Tào Phi mới soạn ngôi nhà Hán. Vương Lăng làm quan tới Tam Công ở Ngụy, viết thư cho Hứa Tĩnh không chỉ đơn thuần là tình cảm bè bạn riêng tư mà còn muốn trình bày lập trường chính trị của phe mình và tỏ ý chiêu hồi.

(83) Đường: Triều đại của vua Nghiêu, họ là Đào Đường; Ngụ: Triều đại của vua Thuấn.

QUYỂN 9 - ĐỒNG LƯU MÃ TRẦN ĐỒNG LÃ TRUYỆN

Đồng Hòa, Lưu Ba, Mã Lương, Trần Chân, Đồng Doãn, Lã Nghệ

ĐỒNG DOÃN TRUYỆN

Đồng Doãn tự Hưu Chiêu, con trai quan Chưởng Quân Trung Lang tướng Đồng Hoà. Tiên Chủ lập Thái tử, Doãn được tuyển làm Xá nhân, theo hầu dấy ngựa. Hậu Chủ kế vị, phong (Doãn) làm Hoàng Môn Thị lang. Thừa tướng Lượng huy quân bắc chinh, đóng ở Hán Trung, lo Hậu Chủ phú quý liền năm, khó phân vàng đá, lại thấy Doãn lòng dạ kiên cường công minh liêm chính, muốn uỷ thác sự vụ trong cung. Dâng sớ tâu rằng: “Bọn Thị Trung Quách Du Chi, Phí Y, Thị Lang Đồng Doãn, đều do Tiên Đế tuyển chọn đề bạt để lại cho Bệ hạ, đến lúc suy xét nguyên tắc lợi hại, dâng hết lời trung chính là nhiệm vụ của họ. Ví như trong cung có việc, bất kể lớn nhỏ, tất cả cùng thương nghị ắt có thể sửa chữa, bổ khuyết lỗ lã thu được lợi ích. Còn như không có lời lẽ bày tỏ được đức sáng, thì phải trách phạt bọn Doãn, để làm rõ sự lười biếng của họ.” Lượng lại mời Y làm Tham Quân, Doãn lên làm Thị Trung lĩnh Hồ Bôn Trung lang tướng, chỉ huy Túc vệ thân binh.

Du Chi tính tình cao khiết hiên hoà, là người chu đáo.

Sở Quốc tiên hiền truyện chép : Du Chi người Nam Dương, tài danh nổi tiếng đương thời.

Nhận trách nhiệm dâng lời can gián, Doãn chuyên tâm làm việc. Lấy ngăn ngừa đề phòng mà giải quyết sự vụ, dốc lòng hết sức không phò nê cao đạo lý. Hậu Chủ thường muốn tuyển thêm mỹ nữ sung vào hậu cung, Doãn dẫn sự tích các vị cổ đại thiên tử hậu phi không quá mười hai người, nay cung tần đã đủ, không nên tăng thêm, cuối cùng cố giữ không nghe theo. Hậu Chủ càng thêm tôn trọng nể vì. Thượng Thư Lệnh Tường Uyển lĩnh Ích Châu Thứ Sử, dâng sớ nhường cho Y và Doãn, lại có biểu rằng: “Doãn phục vụ trong cung đã nhiều năm, phò tá vương thất, nên ban danh vị đất đai để tán dương công lao khó nhọc.” Doãn cố từ không nhận. Hậu Chủ trưởng thành dần, tuổi cao quý hoạn quan Hoàng Hạo. Hạo có tài xu nịnh, thuận theo ý vua, muốn tham dự triều chính. Doãn thường trước

nghiêm mặt khuyên chủ, sau trách mắng cất vấn Hạo. Hạo sợ Doãn, không dám làm trái. Doãn còn tại thế, chức vị của Hạo chỉ là Hoàng Môn thừa.

Doãn từng hẹn hò ngao du yến ẩm cùng bọn Thượng Thư Lệnh Phí Y, Trung Điện quân Hồ Tề, cùng nghiêm cẩn phụng giá hành sự, nhưng Lang Trung Trương Dương Đồng Khôi đến nhà sửa đạo chính cho Doãn. Khôi tuổi trẻ chức thấp, đề nghị Doãn huỷ bỏ cuộc vui, quay ngựa trở về. Doãn không đồng ý nói: “Ta sở dĩ ra ngoài chỉ là muốn cùng bạn tốt dạo chơi đàm luận, nay ngài cố ý bẻ cong lý lẽ, thôi phờng sự việc, bỏ cuộc đàm luận này, dự buổi yến tiệc kia, chẳng có ý nghĩa gì cả.” Bèn ra lệnh cỡi xe, cùng bọn Y bỏ cuộc không đi nữa. (Doãn) giữ đạo chính với kẻ dưới thường là như thế vậy.

Trương Dương ký chép : Đồng Khôi tự Hưu Tư, người Trương Dương. Vào Thục, làm Tuyên Tín Trung Lang theo Phí Y sang sứ nước Ngô. Tôn Quyền từng say rượu hỏi Y rằng: “ Dương Nghi, Ngụy Diên đều là loại trẻ trâu nhỏ mọn, tuy tùy nơi tùy lúc làm được điều họ hứa kia hữu ích , song khi giao cho trọng nhiệm, tất không thể xem thường, nếu một mai không còn Gia Cát Lượng, tất họ sẽ gây họa làm loạn vậy. Các ông bồi rỗi, sao không biết đề phòng nỗi lo này, đã để lại mưu lược quyết sách cho cháu con chưa?” Y ngạc nhiên ngoài lại nhìn, không thể đáp ngay được. Khôi nhìn Y nói: “ Ngắn gọn có thể đáp rằng, lâu dài không hoà hợp cùng nhau được tất sinh ra những thù hận riêng tư, nhưng chưa có dấu vết biểu hiện gì cũng khó dự đoán tường mà chế ngự ý niệm của người ta. Nay đang lúc đánh dẹp cường địch, công lao do năng lực mà có, sự nghiệp nhờ tài trí mà thành, nếu thôi không dùng những người ấy để phòng hậu hoạn thì cũng như dùng sách lược đục thuyền bẻ chèo mà phòng sóng to gió ngược, không phải là kế lâu dài vậy.” Quyền vừa ý cười lớn. Gia Cát Lượng nghe chuyện, cho là lời hiểu biết. (Khôi) trở về chức cũ được ba ngày, vội vào Thừa tướng phủ dận dò, thăng làm Ba Tây Thái Thú.

Thần Tùng Chi : xét: Hán Tấn xuân thu cũng chép câu này, song không nói là lời của Đồng Khôi, ngôn từ cũng hơi khác biệt. Vậy xem ra hai sách chép hai chuyện bất đồng. Bỗn truyện viết: “ Khôi tuổi nhỏ chức thấp”, nếu như từng vào Thừa tướng phủ nghe dận bảo, ra làm Ba Quận Thái Thú, tất chức vị không phải như đã chép. Có thể thấy sách này có lời đáng ngờ chưa thể thẩm định rõ ràng được vậy.

Năm Diên Hi thứ sáu, thăng thêm chức Phụ Quốc tướng quân. Năm (Diên Hi) thứ bảy làm Thị Trung thủ Thượng Thư Lệnh làm phó cho Đại Tướng quân Phí Y. Năm (Diên Hi) thứ chín, chết.

Hoa Dương quốc chí chép : Dương thời người Thục gọi Gia Cát Lượng, Trương Uyển, Phí Y cùng Doãn bốn tướng là Tứ Anh đệ nhất hào kiệt.

Trần Chi kế nhiệm Doãn làm Thị Trung, cùng Hoàng Hạo trong ngoài hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau, Hạo bắt đầu được tham dự vào chính sự. Sau khi Chi chết, Hạo từ Hoàng Môn lệnh lên làm đến Trung Thường thị, Phụng Xa Đô Úy, nắm giữ quyền bính, thao động triều cương cho đến khi mất nước. Người Thục không ai không tưởng nhớ Doãn. Đến khi Đặng Ngải đến Thục, nghe tiếng Hạo gian ác, bèn bắt giữ, muốn đem giết, nhưng Hạo hối lộ nhiều cho bộ hạ của Ngải, được tha.

Chi tự Phụng Tông, người Nhữ Nam, cháu ngoại của anh trai Hứa Tĩnh. Thờ nhỏ mồ côi, lớn lên trong nhà Tĩnh. Tuổi trẻ đã nổi tiếng, dần dần được tuyển vào chức Tào Lang, diện mạo thần thái rất uy vũ nghiêm trang. Nhiều tài năng, giỏi toán thuật, Phí Y rất lấy làm lạ, cố đưa lên kế tục Doãn làm nội thị. Lữ Nghiê chết, Chi lại lên làm Thị Trung thủ Thượng Thư Lệnh, thêm Trấn Quân tướng quân, Đại tướng quân Khương Duy tuy ngôi vị ở trên Chi, song luôn thống lĩnh tướng sĩ bên ngoài, hiếm khi đích thân vào chầu tham dự chính sự. Chi trên phụng mệnh vua, dưới thân hoạn thị, quan hệ mật thiết, tình cảm sâu xa, quyền lớn hơn Duy. Năm Cảnh Diêu nguyên niên chết, Hậu Chủ đau tiếc, khóc thương rơi lệ, bèn hạ chiếu rằng: “ Chi giữ chức một kỷ, ôn hoà giữ phép, cung kính hữu lễ, thuận nghĩa ích dân, công nghiệp huy hoàng rạng rỡ. Mạng chẳng dài lâu, trăm lấy làm thương tiếc. Người sống để tiếng tốt, tất chết thêm mỹ thụy, thụy là Trung Hào.”. Ban cho con là Xán tước Nội Hào, đề bạt con thứ là Dự vào chức Hoàng Môn thị lang.

Từ khi Chi được sủng ái, Hậu Chủ nhớ lại rất giận Doãn ngày xưa, địa vị (của Doãn) từ đó bị xem thường, cũng bởi Chi là người xu nịnh, cùng Hạo ở bên trong cấu kết dần dần thêm bớt xúc siểm chuyện cũ mà ly gián. Cháu Doãn là Hoàn, thăng làm Ba Tây Thái Thú.

Thần Tùng Chi : lấy con Trần Quân là Thái, con Lục Tồn là Kháng, đời trước truyền lại đời sau, con nối theo cha tính cách tái hiện không khác biệt, cùng Vương Túc, Đỗ Thứ, Trương Thừa, Cố Thiệu một dòng, tuyệt chẳng khác nhau, duy chỉ có Doãn một mình sai trái, kiến giải chưa được rõ ràng, so với đương thời Doãn có tiếng tăm địa vị tốt đẹp cao sang, sự tích lại càng sai lạc. Cùng với Hạ Hào Huyền, áo cũ đều có sừng thú sắc đỏ trang hoàng, cũng là người xa xỉ, Ngụy thư đề danh tự trong quyển Chư Hạ Hào Tào truyện, vậy mà đến lúc chết không mặc thêm chút đồ hoa lệ; Hay Trần Vũ với biểu cùng tận Thiên Tướng Quân, đều là những việc đã qua không xét rõ được vậy.

ĐỒNG HOÀ TRUYỆN

Đồng Hoà tự Ấu Tề, người Nam Quận, tổ tiên gốc làm nghề chài lưới ở Ba Quận. Thời Hán mạt, Hoà dẫn người trong họ đi sang phía tây (vào đất Thục). Ích Châu Mục Lưu Chương lấy làm huyện trưởng ở Ngưu Bử, rồi huyện trưởng Giang Nguyên, sau làm Thành Đô Lệnh.

Khi ấy đất Thục giàu có mà nhiễm thói xa xỉ, những nhà quyền quý ăn uống tốn kém, phục sức hoa lệ, ma chay cưới hỏi linh đình đến khuynh gia bại sản. Hoà dẫn dắt lối sống giản dị, tự mặc áo thô ăn cơm rau, ngăn chặn hoang phí bừa bãi, tạo ra nền nếp, làm phong tục nơi ấy biến chuyển tốt lên, người kính mà theo. Nhưng bọn cường hào trong vùng sợ pháp chế nghiêm minh của Hoà, thuyết phục Chương đổi làm Đô úy thuộc quận Ba Đông. Quan viên, dân nghèo, phụ lão cầu khẩn lưu Hoà lại kể đến hàng nghìn. Chương nghe dân xin suốt hai năm, lại chuyển Hoà về làm Ích Châu Thái thú, thực hiện sự giản kiệm tốt đẹp như trước. Hoà làm việc với người Man chân thành nhường nhịn, dân phương nam yêu mà tin theo.

Tiên Chủ vỗ yên đất Thục, lấy Hoà làm Chương quân Trung Lang tướng, cùng Quân sư Tướng quân Gia-cát Lượng cộng sự tạm lo việc ở phủ Tả Tướng quân, Đại Tư mã, phân biệt lợi hại, quan hệ thân mật. Hoà ăn lộc quan hơn hai chục năm, ngoài thì tự chăn nuôi, trong thì tự dệt vải, đến lúc chết gia sản chẳng có gì đáng giá.

Lượng sau làm Thừa tướng, dạy thuộc hạ rằng: ” Kẻ đảm đương việc nước phải biết tập hợp những ý kiến thẳng thắn, xuất phát từ trí tuệ của số đông. Nếu vì những hiềm khích nhỏ mà xa lánh mọi người sẽ khó được biết các cách nhìn khác biệt, không tránh khỏi thiệt hại. Có quan điểm bất đồng để đánh giá sự việc, mới chặn được điều xấu thu được điều tốt. Phải nổi người ta rất khó hết lòng, chỉ riêng Từ Nguyên Trực ngày ấy giao thiệp chẳng nghi ngờ, lại thêm Đồng Ấu Tề tham chính bảy năm, mỗi khi xảy việc chưa nghĩ đến tận cùng, dù có mười cách nhìn khác nhau cũng không

ngại mà nói hết. Mong người người đầu chuyên tâm như Nguyên Trực, ân cần như Ấu Tề, tận trung báo quốc, giúp ta tránh khỏi sai lầm”.

Lại nói: ” Ta lúc xưa quen biết với Châu Bình, thường được học hỏi lễ mất còn, rồi khi qua lại với Nguyên Trực, hay được mở mang thêm kiến thức; trước có Tham mưu Ấu Tề, mỗi lời đều cẩn thận, tận lý, Sau có Tổng sự Vĩ Độ, can ngăn góp ý rất thẳng thắn. Tuy ta thiên bẩm tối tăm, không thể hoàn toàn hiểu hết ý họ, song ta với bốn vị tiên sinh ấy thủy chung vẫn là bạn tốt, tuyệt đối chẳng vì lời lẽ chân thành của họ mà chẳng vừa lòng”.

Lượng hoài niệm Hoà thể hiện ra đến thế vậy.

Vĩ Độ họ Hồ tên là Tề, nghĩa khí hơn người. Khi Lượng làm chủ bộ, trung thành hết sức giúp việc, rất được khen ngợi. Lượng chết, làm Trung Diễn quân, thống lĩnh binh mã, phong tước Thành Dương Đình hầu, sau đổi làm Trung Giám quân Tiễn tướng quân, được ban giả tiết lĩnh chức Duyệt Châu Thứ sử. Em Tề là Bác làm Thượng thư, Trường Thủy hiệu úy.

LỮ NGHỆ TRUYỆN

Lữ Nghệ tự Quý Dương, người Nam Dương. Cha (Nghệ) là Thường, trước đưa tướng cũ Lưu Yên vào Thục, gặp lúc đường lớn bị ngăn trở nên không quay về được. Nghệ mồ côi từ thuở nhỏ, thích đọc sách gầy đàn. Tiên Chủ bình định Ích Châu, đặt ra chức Diêm phủ Giáo Uy, coi sóc ngu ồn lợi từ muối và sắt. Dưới Giáo Uy Vương Liên mời Nghệ cùng bọn Nam Dương Đỗ Kỳ, Nam Hương Lưu Cán cùng làm Điển Tào Đô Uy. Nghệ được thăng làm Tân Đô, rồi Miên Trúc Lệnh, bởi có lòng thương xót cứu giúp người nghèo khổ nên được bách tính khen ngợi tán dương, trở thành người đứng đầu các thành trong vùng. Và được thăng lên làm Ba Tây Thái Thú. Thừa tướng Gia Cát Lượng xuất quân nhiều năm, phân phối sai phái các quận (mộ binh), đa phần (các quận) không giúp được (Lượng việc này). Nghệ lựa chọn tổ chức được năm nghìn người cho Lượng. Lại an ủi vỗ về cai quản kiểm soát họ khiến cho không có một người nào đào ngũ. (Nghệ) Được dời đến làm Hán Trung Thái Thú, kiêm chức Đốc Nông, sắp đặt cung cấp quân lương. Lượng chết, Nghệ chuyển đến làm Quảng Hán, rồi Thục Quận Thái Thú. Thục Quận là thành lớn, nhân khẩu rất nhiều mà sau khi Lượng chết binh đội lười biếng, trốn bước gian nan trì trệ giả dối gian xảo bất nhất. Nghệ đến nhậm chức, vừa cấm đoán ngăn ngừa, vừa hướng dẫn khuyến khích, chỉ trong vài năm những người trốn tránh tự ra đăng ký có đến hàng vạn. Sau (Nghệ) về làm Thượng Thư, lại kế tục Đồng Doãn làm Thượng Thư Lệnh, việc của dân không để chừa lại, tân khách chẳng giữ trong nhà. Nghệ trải qua chức vụ trong ngoài, tự mình cần kiệm, khiêm tốn thanh tĩnh chẳng nhiều lời lo liệu việc nước đơn giản tiện lợi không gây phiền nhiễu đáng kể vào hàng trong sạch tài năng; Nhưng giữ luật cứng nhắc thích dung điển chương như kẻ thư lại tằm thường lại cố nắm đại quyền nên thanh danh giảm sút ở các quận huyện. Năm Diên Hi thứ mười bốn chết. Con là Thần, trong những năm Cảnh Diệu làm Thành

Đô Lệnh. Em Th ần là Nh ấ, rất có tài năng. Nh ấ thanh bạch nghiêm trang có văn tài, sáng tác ra mười lăm thiên Khuôn phép luận.

Đỗ Kì từng làm Quận Th ứ, Giám Quân, Đại Tướng quân, Tư Mã. Lưu Cán quan chức đến Ba Tây Thái Th ứ đều là người thân thiết với Nghệ, đương thời cũng là những người nổi tiếng nhưng c ần kiệm giữ khuôn phép không bằng được Nghệ.

Ba lí bình rằng: Đồng Hoà hành vi mộc mạc cao khiết. Lưu Ba khí tiết thanh bạch cao thượng. Mã Lương trung trinh thành thật đáng gọi là kẻ sĩ. Tr ần Chấn trung thành kính cẩn , tuổi cao càng đặc dụng. Đồng Doãn giúp chủ, đạo nghĩa hiển lộ ra nét mặt. Th ảy đều là lương th ần đất Thục. Lữ Nghệ cai quản các quận để tiếng thơm, song coi sóc tri ều chính gặp phải lời chê trách, cũng coi như thất bại, xếp vào hạng thấp hơn.

LƯU BA TRUYỆN

Lưu Ba tự Tử Sơ, người ở nam Linh Lăng. Nổi tiếng từ thuở nhỏ,

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Tổ phụ của Ba là Diêu, từng làm Thái Thú Thương Ngô. Cha Ba là Tường, nguyên là Giang Hạ Thái Thú, Đãng Khấu tướng quân. Khi Tôn Kiên cử binh đánh Đông Trác, Nam Dương Thái Thú Trương Tư không chịu cấp quân lương nên (bị Kiên) giết chết. Tường cũng đồng lòng (với Kiên), Nam Dương nhân sĩ vì vậy oán hận tường, cử binh đến đánh, trong lúc giao tranh (Tường) bại trận, chết. Lưu Biểu vốn cũng không có quan hệ tốt với Tường nên giam lỏng Ba, muốn giết, song lại cân nhắc, sai người thân tín cũ của Tường giả mật báo với Ba rằng: "Lưu Mục⁽¹⁾ muốn hại tôi, có thể cho tôi cùng chạy trốn chẳng." Ba lân như thế, Ba đều không đáp ứng. Biểu được thuật lại việc này, bèn bỏ ý định giết Ba. Năm mười tám tuổi, (Ba) làm Tào Sứ Chủ ký chủ bộ ở quận⁽²⁾. Lưu Tiên Chủ muốn sai Chu Bất Nghi⁽³⁾ theo Ba học tập. Ba đáp rằng: "(Tôi) trước lãng du đất Kinh Bắc, nay lặn lội chốn quan trường, hỏi đến sự học, chẳng có đủ phép tắc của bậc danh gia, trong đã không có thủ thuật trầm ổn của Dương Chu⁽⁴⁾, ngoài lại thiếu phong độ giúp đời của Mặc Dịch⁽⁵⁾, giống như sao Cơ ở trời nam, hảo huyền vô dụng. (Ngài) viết thư muốn (tôi dạy) cháu ngài từ chỗ có vẻ đẹp của loài loan loài phượng thành ra biết múa điệu vũ của chim yến chim sẻ, sao có thể gọi là chỉ rõ đạo sáng (cho cháu ngài) được. (Tôi) tự thẹn rằng (học vấn) có mà như không, tưởng đây đủ hoá ra trống rỗng, sao dám tuân lời."

Kinh Châu Mục Lưu Biểu liên tục gọi mời, tiến cử làm Mậu Tài, (Ba) đều không tới. Biểu chết. Tào Công đánh Kinh Châu. Tiên Chủ chạy xuống Giang Nam, kẻ sĩ vùng Kinh Sở đều chạy theo về phía đó, riêng Ba đi lên phía bắc bái phỏng Tào Công. Tào Công lấy làm Duyệt, sai đi chiêu nạp Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Khi Tào Công bại ở Ô Lâm, trở về phía bắc, muốn dùng Hoàn Giai. Lữ Giai không giống với Ba. Ba nói với Tào Công rằng: "Không thể để Lưu Bị chiếm lấy Kinh Châu được." (Tào) Công đáp: "Bị nếu có tham vọng ấy, Cô đã có sẵn kế sách bộ binh."

Khi Tiên Chủ thu được ba quận, Ba không thể trở về (với Tào Tháo) nữa, rút cuộc tránh đến Giao Chỉ.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Ba đến Linh Lăng, nhiệm vụ không thành, muốn qua Giao Châu mượn đường trở về kinh sư. Khi Gia Cát Lượng ở Lâm Chung, Ba gửi thư cho Lượng nói: "Nhân khi khốn đốn, trải lúc nguy nan đến cai quản những người dân biết hướng về đạo nghĩa, tự mình giúp đỡ chúng sinh, nương theo ý trời, thuận với vạn vật, chẳng phải ta tự mình có khả năng mưu toan mà khuyến khích được⁽⁶⁾. Còn nếu bàn đến cùng xét đến hết thì lời uỷ thác lúc lâm chung như biển rộng không thể quay lại coi sóc Kinh Châu nữa." Lượng đáp lại rằng: "Lưu Công hùng tài cái thế, thu phục đất Kinh Châu, chẳng ai không cảm đức mà quy phục, trời người cùng theo về là việc có thể thấy vậy, túc hạ còn muốn gì nữa?" Ba nói: "Thụ mệnh mà làm, việc không thành thì trả lại, đó mới là đúng lý, lời của túc hạ sao không ngay thẳng vậy!" Tiên Chủ rất cảm hận.

Ba theo đường Giao Chỉ đến Thục.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Ba tới Giao Chỉ, đổi thành họ Trương. Cùng Thái Thù Giao Chỉ Sĩ Khê⁽⁷⁾ thương thảo kế sách không hợp, bèn theo đường Tang Ca trở về. Bị giam giữ ở quận sở quận Ích Châu, Thái Thù (Ích Châu) muốn giết Ba. Người Chủ Bộ can rằng: "Đây là kẻ phi thường, không thể giết được." Viên Chủ Bộ lại xin tự giải Ba lên trụ sở châu, yết kiến Ích Châu Mục Lưu Chương. Cha Chương là Yên khi xưa do cha Ba là Trường tiến cử làm Hiếu Liêm, (Chương) gặp lại Ba vô cùng xúc động, mỗi khi có việc lớn đều đến hỏi han thương lượng. **Thần Tùng Chi :** bàn rằng: Lưu Yên vào thời Hán Linh đế làm Kinh Tông chánh Thái Thường, rồi ra nhận chức Ích Châu mục. Trường thì khi Tôn Kiên quật khởi ở Trường Sa mới bắt đầu làm Giang Hạ Thái Thù, không thể tiến cử Yên làm Hiếu Liêm. Nay xét rõ vậy.

Ít lâu sau Tiên Chủ bình định Ích Châu. Ba có lời tạ tội trái lệnh lúc trước, Tiên Chủ không trách.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Chương sai Pháp Chính đón Lưu Bị, Ba can rằng: "Bị là người mạnh mẽ, vào (Thục) tất gây hoạ hoạn, không thể dung nạp được." (Bị) vào Thục, Ba lại can rằng: "Nếu dùng Bị để đánh Trương Lỗ, ấy là thả hổ về rừng núi vậy." Chương không nghe, Ba đóng cửa cáo bệnh. Bị đánh Thành Đô, ra lệnh trong quân rằng: "Ai làm hại Lưu Ba, sẽ tru di đến ba họ." Thu phục được Ba, (Bị) rất mừng.

(Lưu Ba) được Gia Cát Khổng Minh tán dương cân nhắc tiến cử, Tiên Chủ dùng làm Tả Tướng quân Tây Tào duyện.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Trương Phi từng đến chỗ Ba ở, song Ba không cùng bàn luận (với Phi), Phi lấy làm tức giận. Gia Cát Lượng nói với Ba

rằng: "Trương Phi tuy đúng là võ tướng nhưng rất kính trọng quý mến túc hạ. Nay Chúa công muốn hội tụ văn võ để xây đại nghiệp, túc hạ tuy tính tình cao khiết, trung trực giỏi giang nhưng sao thiếu thành ý hạ cố cùng hoà hợp vậy." Ba đáp rằng: "Đại trượng phu ở trên đời, hướng đến anh hùng bốn bề mà quan hệ, còn như với mấy gã nhà binh thì có chuyện gì mà nói." Bị nghe chuyện, giận nói: "Cô muốn yên định thiên hạ, nhưng Tử Sở cứ một mình gây rối. Lẽ nào muốn quay về phía bắc, nếu chí hướng như vậy đâu có phải muốn giúp Cô xây thành đại nghiệp." Bị lại nói: "Tử Sở tài trí hơn người, như ta, có thể dùng được, ngoài ta ra khó ai dùng nổi." Lượng cũng nói: "Ngồi trong màn trướng trừ liệu kế sách, tôi còn kém Tử Sở xa lắm! Còn như so đo ở chỗ cầm dùi trống ra trước trăm quân, khiến bách tính vui vẻ mà liều chết thì cũng còn phải nghe xem mọi người nghị luận thế nào." Lúc đầu đánh Lưu Chương, Bị hẹn với quân sĩ rằng: "Nếu xong việc, vạn vật trong kho đụn, Cô không can thiệp đến." Khi chiếm được Thành Đô, quân sĩ đều bỏ vũ khí chạy đến các kho tàng mà đua nhau lấy tài vật. Quân dụng chi dùng không đủ, Bị rất lo buồn. Ba nói: "Dễ thôi, nếu đúc ngay tiền trị giá một trăm, điều hoà giá trị mọi vật, dùng thư lại làm quan kiểm soát." Bị nghe theo, chỉ khoảng vài tháng, kho tàng lại đầy đủ sung túc..

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Tiên Chủ xưng Hán Trung vương, Ba làm Thượng Thư, sau kế tục Pháp Chính làm Thượng Thư Lệnh. Giữ hành vi khiêm hoà liêm khiết, không lo đến sản nghiệp cá nhân, lại tự nghĩ việc quy phục của mình không trong sáng, sợ mắc hiềm nghi nên cung kính trăn mặc, từ chối quan hệ riêng tư, không phải việc công thì không lên tiếng.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Thời bấy giờ ở Trung Nguyên lòng người chưa định, nghe Bị ở Thục, bốn phương dài cổ ngóng chờ. Mà Bị cũng có ý muốn mau chóng lên ngôi, Ba cho rằng (vội vàng) như vậy chưa yên được thiên hạ, hãy tạm hoãn lại. Cùng Chủ bộ Ung Mậu can Bị, Bị mượn cớ khác giết Mậu, những người ở xa vì thế không quy phục nữa..

Tiên Chủ xưng tôn hào, bố cáo trời đất thần minh, đại khái các loại văn cáo sách mệnh đều do Ba chấp bút. Năm Chương Vũ thứ hai chết. Sau khi Ba chết, quan Thượng Thư phó xạ nước Ngụy là Trần Quân có viết thư gửi Thừa Tướng Gia Cát Lượng hỏi thăm tin tức của Ba, gọi Ba là Lưu quân Tử Sở, vô cùng kính trọng.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép : Phụ Ngô tướng quân Trương Chiêu nói với Tôn Quyền về tính khí hẹp hòi làm nên tai hoạ của Ba, cho rằng chẳng đáng phải cự tuyệt Trương Phi quá thế. Quyền nói: "Nếu Tử Sở theo đời chìm nổi, rộng rãi làm đẹp lòng Huyền Đức, sao đủ để xưng là cao sĩ?"

MÃ LƯƠNG TRUYỆN

Mã Lương tự Quý Thường, người đất Nghi Thành thuộc Tương Dương. Nhà Lương có năm anh em đều là bậc anh tài, riêng Lương lông mày có sắc trắng, người trong vùng thường nói: “Họ Mã năm người, mày trắng tài nhất.” Tiên Chủ thu được đất Kinh Châu, vời Lương làm Tòng sự. Lúc Tiên Chủ vào Thục, rồi Gia Cát Lượng sau cũng theo vào, Lương ở lại Kinh Châu gửi thư cho Lượng nói: “Nghe Lạc Thành đã đổ, đúng là vận hạnh trời ban. Tôn huynh gánh vác kỳ vọng giúp đời, sắp xếp sự nghiệp quang quốc hẳn thấy đi đâu này.

Thần Tòng Chi : nghĩ Lương cùng Lượng kết nghĩa anh em, hoặc thành bạn bè thân thiết; Lượng tuổi cao hơn, Lương quen gọi Lượng là ‘tôn huynh’.

Nam nhi thời loạn thế nhờ vào suy nghĩ sâu xa, xét đoán rõ ràng sau trước, dầu chẳng tài ba, vẫn mong tương hợp cùng thời thế. Thuận theo phong độ từ hoà nhã đạm, ý chí cao cả lớn lao, cần cù gieo đức với đất trời, khiến cho ngay nay lại được nghe rõ phép tắc, thế sự lại được phục hồi chính đạo, như âm điệu cao điệu của khúc nhạc nước Tề, lời lẽ chánh trực của nước Trịnh, nước Vệ. Giống như tâm tư của ống sáo cây đàn mong bàn tay thư thái của Bá Nha⁽⁸⁾ sai sử, dầu chẳng có Chung Kỳ⁽⁹⁾ mà không bị bỏ quên!” Tiên Chủ dùng Lương làm Tả Tướng quân duyện.

Sau (Tiên Chủ) sai (Lương) sang sứ nước Ngô. Lương nói với Lượng rằng: “Nay phụng quốc mệnh, bàn việc hoà hảo hai nước, mừng thay cho Lương được làm trung gian với Tôn Tướng quân.” Lượng nói: “Xin ngài tự viết điệp văn.” Lương liền viết rằng: “Vua chúng tôi sai văn thần Mã Lương ở vào hàng hậu bối, còn chưa có công danh qua thăm nổi tình hữu ái. Thỉnh các vị nhân sĩ hào kiệt, quan chức anh tài hai xứ Kinh Sở tận sức giúp cho để người thường làm nổi việc hay, đảm đương công chuyện tốt đẹp đến tận cùng. Lòng thành mong được xét xoi mà chấp thuận, cung kính mà nghe lệnh.” (Tôn) Quyền rất kính trọng.

Khi Tiên Chủ xưng tôn hào, lấy Lương làm Thị Trung. Lúc sang đông đánh Ngô, sai Lương đến Vũ Lăng chiêu nạp người Man ở Ngũ Khê, thủ lĩnh người Man đều nhận ấn tín, nghe theo mệnh lệnh. Tiên Chủ bại ở Di Lăng, Lương cũng bị hại. Tiên chủ dùng con Lương là Bình làm Kị Đô úy.

Em Lương là Tắc, tự Ấu Thường, vốn làm Tổng Sự ở Kinh Châu theo Tiên Chủ vào Thục, được phong Miên Trúc, rồi Thành Đô lệnh, sau làm Việt Tuyền Thái Thú. Tài chí hơn người, giỏi bàn kế sách, Thừa Tướng Gia Cát Lượng trọng đãi khác thường. Tiên Chủ khi sắp mất bảo Lượng rằng: “Mã Tắc nói lời quá sự thật, không thể đảm đương việc lớn, người nên cẩn thận đánh giá người này!” Lượng còn không cho lời ấy là phải, dùng Tắc làm Tham Quân, thường cùng đàm luận từ sáng đến tối.

Tương Dương ký chép : “Năm Kiến Hưng thứ ba, Lượng đi đánh Nam Trung, Tắc tiễn hơn mười dặm. Lượng hỏi: “Tuy cùng bàn thảo suốt năm qua, nay còn có đổi thay sang suốt nào đáng nói ra chăng?” Tắc đáp: “Người Nam Trung dựa vào địa thế xa xôi hiểm trở, lâu nay không chịu phục tùng. Tuy hôm nay dẹp tan, ngày mai lại làm phản. Nay ngài đang muốn tiến ra phương bắc thảo phạt cường tặc. Bọn họ nếu biết được binh lực trong nước suy giảm sẽ lại tức khắc làm loạn. Còn như giết sạch người Di để trừ hậu hoạn thật không phải việc làm của người có lòng nhân, mà dẫu có muốn cũng không phải là việc có thể làm ngay được. Kẻ biết cầm quân tất phải lấy công tâm làm đầu, phá thành là phụ, thu tóm lòng người là chính, cử binh quyết chiến là thứ yếu, xin Thừa Tướng xét kỹ mà thu phục nhân tâm của người Di.” Lượng nghe lời ấy, tha Mạnh Hoạch, bình định phương nam. Đương thời khi Lượng còn sống, người nam không dám làm phản.

Năm Kiến Hưng thứ sáu, Lượng dẫn quân ra hướng Kỳ Sơn, tướng tài như bọn Ngụy Diên, Ngô Nhất⁽¹⁰⁾ khi ấy đều ra trận. Trong quân đàm luận mọi người đều muốn lấy (Trương) Nghi⁽¹¹⁾ chấp chưởng quân tiên phong. Nhưng Lượng không nghe, đề bạt Tắc thống lĩnh đạo tiền quân, giao chiến với Ngụy tướng Trương Cáp tại Nhai Đình, bị Cáp đánh bại, quân sĩ tan tác hết. Lượng ra quân không thu được chút công nào, phải rút về Hán Trung. Tắc bị giam trong ngục rồi chết, Lượng xót thương rơi lệ. Lượng chết năm ba mươi sáu tuổi, Tắc chết năm ba mươi chín tuổi.

Tương Dương ký chép : “Tắc sắp chết gửi thư cho Lượng viết: “Minh công coi Tắc như con, Tắc coi Minh công như cha. Mong Minh công nhớ đến phong thái giết Cồn mà dùng Vũ, để quan hệ bình sinh giữa chúng ta không vì việc này mà đứt đoạn, Tắc chết xuống hoàng tuyền cũng không ân hận.” Đương thời ai cũng rơi lệ xót thương. Lượng thân đến bái tế, lại đãi con cô của Tắc như khi Tắc

còn sống. Tưởng Uyển khi ấy phụng mệnh đến Hán Trung thăm hỏi có can Lượng rằng: "Xưa nước Sở giết Đắc Thân⁽¹²⁾ mà Tần vẫn công⁽¹³⁾ lấy làm mừng rỡ. Nay thiên hạ chưa định đã vội bỏ người tài chí, há chẳng đáng tiếc lắm sao." Lượng sa lệ đáp: "Tôn Vũ sở dĩ có thể khắc chế người trong thiên hạ là nhờ có pháp luật nghiêm minh. Ấy là chuyện Dương Can⁽¹⁴⁾ làm trái phép, Ngụy Giáng⁽¹⁵⁾ giết tùy tùng. Nay bốn bề chia lìa, chính là lúc việc binh đao vừa mới bắt đầu, nếu không thi hành pháp luật thì biết lấy gì để thảo phạt giặc giã." Tập Tạc Xỉ luận rằng: "Gia Cát Lượng chẳng có tài lo toan hết mọi việc quốc gia, há chẳng phải thế sao. Người làm tể phụ cần nghe lời can gián mà giúp nước sao nỡ cố làm sai để thu xếp việc công; Sở Thành Vương khi xưa hôn ám mà Đắc Thân chỉ biết nghĩ đến mình, cố đánh nên suy bại nặng nề. Nay nước Thục ở nơi xa xôi nhỏ hẹp, nhân tài ít ỏi, lại giết người tuấn kiệt, trở lại chọn dùng kẻ tầm thường, lấy pháp kỷ nghiêm minh thay cho năng lực, ấy là cái lẽ không đánh mà bại vậy, dẫu có thành đại sự cũng khó lắm thay. Vả lại Tiên Chủ từng răn bảo, Tắc không thể cho đảm đương việc lớn, há chẳng phải nói hấn bất tài sao. Lượng nghe lời nhắc nhở mà chẳng vâng theo, không xét ra Tắc là kẻ không dùng được. Làm Tể Tướng một nước, muốn tận dụng hết tài lực trong thiên hạ nhưng không xét tài trao quyền, tùy chí giao việc. Hiều ra cơ sự thôi đã muộn, lại trái lời khuyên răn của chủ, xét việc trong thất bại liền giết người hữu ích, thật khó gọi là trí giả vậy."

TRẦN CHẤN TRUYỆN

Trần Chấn tự Hiếu Khởi, người Nam Dương. Tiên Chủ lên làm Kinh Châu Mục, lấy (Chấn) làm Tòng Sự, xếp đặt công việc các quận, sau theo Tiên Chủ vào Thục. Đất Thục bình định xong, (Tiên Chủ) dùng (Chấn) làm Thục Quận Bắc Bộ Đô Uý, nhân khi đổi tên các quận, sang làm Vấn Sơn Thái Thú rồi chuyển về Kiện Vi. Năm Kiến Hưng thứ ba, được thăng Thượng Thư sau lên Thượng Thư Lệnh, phụng mệnh sang sứ nước Ngô. Năm (Kiến Hưng) thứ bảy, Tôn Quyền xưng tôn hiệu, (Hậu Chủ) lấy Chấn làm Vệ Uý, sang chúc mừng Quyền lên ngôi. Gia Cát Lượng gửi thư cho anh là Cầm⁽¹⁶⁾ nói: “ Hiếu Khởi tính tình trung hậu, tuổi cao lại càng thuần phác, gặp lúc ngời ca quan hệ Đông Tây, cùng vui khúc ca hoà hiếu, chính là người tôn quý thích hợp. “

Chấn vào đất Ngô, nói với quan viên tiếp đón rằng: “ Đông cùng với Tây, tín sứ vẫn thường qua lại, mũ đội che đỡ lẫn nhau, thể hiện tín ước tốt đẹp từ thưở trước, ngày nay lại có tình hình mới. Đông thuận theo suy cử lên ngôi đại bảo, thông cáo khắp nơi, tiếp nhận mệnh trời, phân định cương thổ, người người hưởng ứng, chỗ chỗ theo về Nếu vào lúc này, đồng lòng đánh giặc, liệu có kẻ địch nào mà đương cự nổi. Triều đình phía Tây, vua tôi tất thấy đều mừng đón tin lành tới. Chấn vốn bất tài, được làm sứ giả sang chúc hạ, phụng mệnh bày tỏ tình giao hảo, bước qua cương giới vui muốn nhảy lên, vào (nước Ngô) mà như trở về nhà. Phấn khích phát tiết ra có chỗ lỗ lã, phạm đi đâu kiêng kị, thật đáng chê cười mãi. Tâm nguyện mong được bẩm bạch rõ lên trên, cũng là việc người đi sứ kết tình hoà mục phải làm vậy. Nay lập tức bố cáo với mọi nơi, hai nước nguyện ý kết minh. Theo dòng xét việc, thấy quốc pháp hai bên có chỗ bất đồng nên sinh ra những đi đầu nghi ngờ lo sợ, mong lấy việc mừng mà khuyên răn dậy bảo, làm cho rõ lẽ giao hoà. “ Chấn đến Vũ Xương, Tôn Quyền cùng Chấn dâng đàn thề ước, giao kết cùng chia thiên hạ: các châu Từ, Dự, U, Thanh thuộc Ngô; các châu Tinh, Lương, Kí, Duyện thuộc Thục, còn đất châu Tư

Lệ lấy của Hàm Cốc làm ranh giới phân chia. Chấn về nước được phong Thành Dương đình hầu. Năm (Kiến Hưng) thứ chín, Đô Hộ Lý Bình⁽¹⁷⁾ phạm tội vu khống dối lừa bị bãi chức; Gia Cát Lượng viết thư cho Trưởng Sử Tưởng Uyên, Thị Trung Đồng Duẫn nói: “ Hiếu Khởi lúc trước sang Ngô, cùng ta đàm luận biện pháp thích đáng trong bụng chứa đầy binh giáp, không phải là người đồng hương phe phái có thể thân gần lợi dụng được⁽¹⁸⁾. Hiếu Khởi vẫn là tâm phúc của ta song chưa được nghe biết việc phạm pháp xấu xa kia chứ không có liên quan gì đến mưu đồ phản phúc. Việc canh tân sửa đổi nếu có chuyện gì, có thể cho Hiếu Khởi cùng biết. “ Năm (Kiến Hưng) thứ mười ba, Chấn chết. Con nối nghiệp.

[CHÚ THÍCH]

(1) Lưu Biểu giữ chức Kinh Châu mục nên gọi là Lưu Mục. Cũng có khi gọi là Lưu Kinh Châu để phân biệt với Lưu Dự Châu Lưu Bị, Lưu Ích Châu Lưu Yên, Lưu U Châu Lưu Ngu.

(2) Quân Linh Lăng.

(3) Cháu họ về bên ngoại của Lưu Bị.

(4) Chưa biết ai.

(5) Hiệp sĩ, triết gia Trung quốc sáng lập ra Mặc phái một trong cửu lưu của Trung Hoa cổ đại.

(6) 非余身谋所能劝动 không biết dịch đã sát chưa.

(7) Các sách khác để là Sĩ Nhiếp.

(8) Bá Nha: Cao thủ âm nhạc Trung Hoa cổ đại.

(9) Tử Kỳ: Còn gọi là Chung Tử Kỳ rất hiểu âm luật tri âm của Bá Nha.

(10) Ngô Nhất: Vốn là Ngô Ý, Trần Thọ ký húy Tư Mã Ý viết thành Ngô Nhất

(11) Trương Nghi: Thục tướng, xem thêm Trương Nghi truyện

(12) Đắc Thần: Thành Đắc Thần mãnh tướng nước Sở dưới triều Sở Thành vương thời Xuân Thu. Được ban miễn tử bài. Tiên nhiệm Lệnh doãn Đấu Tử Văn tiến cử làm người kế nhiệm. Lúc Thần dẫn quân Sở đi tranh bá ở Trung Nguyên, Sở Thành vương ra lệnh, chắc thắng mới đánh, bằng không phải xử hòa để bảo tồn thực lực và vị thế nước Sở. Thần quyết giao chiến, đại bại ở Thành Bộc. Bị Sở vương xử chết. Vi Giã nhắc chuyện miễn tử bài, cho rằng Thần kiêu dũng nếu có người trầm tĩnh giúp đỡ tất có ngày khôi phục được uy danh quốc gia. Sở Vương vội ban lệnh ân xá nhưng Thần đã chết.

(13) Tấn Văn Công: Một trong Ngũ Bá thời Xuân Thu, đối thủ của Thành Đắc Thần.

[\(14\)](#) [\(15\)](#) *Dương Can, Ngụy Giáng: chưa biết là ai.*

[\(16\)](#) *Gia Cát Căn anh ruột Gia Cát Lượng, đại thần Đông Ngô.*

[\(17\)](#) *Lý Nghiêm, lúc Lưu Bị chết, lấy Lý Nghiêm là cố mệnh đại thần, phong làm Trung Đô hộ lưu thủ Vĩnh An cung. Lý Nghiêm đổi tên là Lý Bình.*

[\(18\)](#) *Lý Nghiêm vốn người Nam Dương, đồng hương với Trần Chân.*

QUYỂN 10 - LƯU BÀNH LIÊU LÝ LƯU NGUY DƯƠNG TRUYỆN

*Lưu Phong, Bành Dạng, Liêu Lập, Lý Nghiêm, Lưu Diễm, Nguy
Diên, Dương Nghi.*

BÀNH DẠNG TRUYỀN

Bành Dạng tự Vĩnh Niên, người Quảng Hán, mình cao tám thước, dung mạo rất tuấn tú, tính cách kiêu ngạo, coi thường phần lớn mọi người, riêng chỉ kính trọng Tần Tử Sắc ở cùng quận. Viết thư tiến cử (Tần Mật) với Thái Thú Hứa Tĩnh rằng: "Xưa Cao Tông mơ Phó Thuyết⁽¹⁾, Chu Văn cầu Lữ Thượng⁽²⁾. Do vậy đến thời Hán Tổ mới thu nạp những người ăn lộc cả từ trong đám người áo vải. Nhờ đó mà khởi xướng được nghiệp đế vương truyền lại cho đời sau chấp nối chấn hưng huân nghiệp của mình. Nay Minh Công nghiêm trang khảo sát cổ học đến tận cùng, lại được thần linh thuận cho nắm giữ quyên hành. Làm việc công lưu lại đức sáng, cư xử chớ dứt đường ân trạch. Miếu thiêng xây từ chỗ ban đầu, đạo nghĩa phẩm bình ngay từ thưở mới dựng lên. Chỉ có đi đầu lông cánh còn chưa đủ vậy⁽³⁾. Kính xem đến ẩn sĩ Tần Mật ở Miên Trúc, trong lòng có chứa đức lớn của Trọng Sơn⁽⁴⁾, việc làm có tính chính trực của Tuyền Sanh⁽⁵⁾. (Ông ta) Gõ đầu lên đá, uống nước dưới sông, ngâm vịnh giữa cảnh cơ hàn, giữ yên đường lối nhân nghĩa, an nhiên thấp sáng vùng khí hạo nhiên, khí phách cao thượng, hành sự tiết tháo, giữ lòng không suy suyễn, dù là ẩn sĩ thời xưa cũng không hơn được vậy. Nếu Minh Công có thể vờn được người này thì tất có được người danh dự lỗi lạc biết nói lời trung trực. Công nghiệp to lớn, lợi ích sâu dày, tạo nên thành tích lập được huân lao, rồi mới được ghi lại thành truởng Vượng Phủ, thanh danh truyền đến đời sau, cũng chẳng phải tốt lắm sao!"

Dạng ra làm quan ở châu, chức vị chẳng qua Thư Tá. Sau lại bị mọi người dèm pha chê bai với Châu Mục Lưu Chương. Chương cắt tóc đóng gông Dạng như tội đồ bị bắt. Lúc ấy Tiên Chủ vào Thục, ngược sông đi lên phía bắc. Dạng muốn dâng lời thuyết phục Tiên Chủ, bèn đến yết kiến Bàn Thống. Thống với Dạng không quen biết nhau từ trước, lại đúng lúc có khách đến, Dạng đi thẳng lên giường Thống mà nằm, bảo Thống rằng: "Chờ hết khách rồi cùng ngài đàm luận hay hơn." Khi khách của Thống về

hết, Thống đến gần chỗ Dạng ngồi, Dạng lại đòi Thống cho ăn, rồi mới đàm luận. Lại nhân đó ngủ lại trong nhà Thống đến hôm sau. Thống rất quý Dạng mà Pháp Chính vốn trước cũng đã biết Dạng. Hai người bèn cùng chiêu dụ Dạng cho Tiên Chủ. Tiên Chủ cũng lấy làm lạ, mấy lần ra lệnh cho Dạng giảng giải thuyết minh việc quân cơ, chỉ bảo cho các tướng. Những người nhận lệnh sai khiến đều khen ngợi, hiểu biết mỗi ngày một tăng thêm. Sau khi bình định Thành Đô, Tiên Chủ lĩnh chức Ích Châu Mục, đề bạt Dạng làm Trị Trung Tòng Sự. Dạng bước đầu thăng tiến, một sớm đã thành ra bậc trên của người trong châu, đáng vẻ ngạo mạn phóng túng, rất hay tỏ thái độ vênh vang tự mãn. Gia Cát Lượng bên ngoài qua lại chào mời Dạng nhưng bên trong không hoà hợp thân thiện, thương mật nói với Tiên Chủ, Dạng lòng lớn chí cao, khó có thể gìn giữ yên ổn được. Tiên Chủ đã kính trọng tin tưởng Lượng bèn tăng cường kiểm tra hành vi của Dạng, tình cảm dần dần thưa thớt, cuối cùng giáng chức Dạng làm Giang Dương Thái Thú.

Dạng nghe tin phải ra ngoài đảm đương công việc, trong lòng không vui, bèn đến thăm Mã Siêu. Siêu hỏi Dạng rằng: "Ông tài năng đầy đủ, ưu tú hơn người. Chúa Công đối đãi rất đặc biệt. Địa vị đang cùng với Khổng Minh, Hiếu Trục các người đầu chân ngang hàng cùng bước, lẽ nào lại phải ra ngoài nhận một quận nhỏ, làm lỡ làng niềm trông ngóng của mọi người ngày nay vậy?" Dạng nói: "Lão Cách lú lẫn ngang ngược, đáng để lại bàn đến chăng!"

*Dương Hùng⁽⁶⁾ phương ngôn nói: Kê, Tai, Can, Đô, Câu, Cách ấy là già (lão) đó. Quách Phác⁽⁷⁾ chú giải rằng: Người già da và lông trên cơ thể đều khô héo, tiêu tụy. **Thần Tùng Chi** : thấy da bỏ hết lông gọi là Cách (da thuộc). Người xưa thường dùng Cách (da thuộc) để dùng trong việc binh, vì vậy mới có chữ Binh Cách (chỉ áo giáp hoặc việc quân). Chữ Cách dùng giống như chữ Binh. Dạng chữ Bị là Lão Cách giống như nói Lão Binh (tên lính già).*

Lại bảo Siêu rằng: "Ngài ở ngoài, tôi ở trong, thiên hạ không đủ để an định hay sao." Siêu bị bó buộc lúc xa nhà mới theo về, vẫn thường có ý lo sợ, nghe lời Dạng rất kinh hoảng, lặng im không đáp. Dạng đi về Siêu làm biểu kể rõ lời Dạng. Dựa vào đó bắt Dạng giao cho Hữu ti.

Dạng ở trong ngục viết thư gửi Gia Cát Lượng rằng: "Kẻ hèn này trước từng phụng sự cho các chư hầu. Chỉ vì Tào Tháo bạo ngược, Tôn Quyền vô đạo, Chấn Uy⁽⁸⁾ u mê hèn yếu, đương thời chỉ mình Chúa Công có khi

độ vương bá cho nên tôi bèn máu chóng thay đổi, coi khinh việc tiến thân. Khi Chúa Công sang tây, kẻ hèn này nhờ Pháp Hiếu Trực khoe khoang hộ cho, lại được Bàng Thống ở giữa châm chước, cuối cùng được tới bái phỏng Chúa Công, khoa chân múa tay bàn bạc, Phân tích công việc thời thế, giảng giải đạo nghĩa vương bá, xây dựng kế hoạch giành lấy Ích Châu. Chúa Công cũng dự tính già dặn, suy nghĩ sáng suốt, liền đồng ý ngay rồi khởi sự. Kẻ hèn này ở châu quê đây không tránh được thói thường, vẫn buồn rầu vì nỗi khổ bị vu hãm, nay bỗng được gặp hội gió mây, bắn tên trúng đích, cầu mình chúa được mình chúa, thực hiện được nguyện vọng, hiển lộ được tiếng tăm. Từ trong đám áo vải cất mình thành quốc sĩ, riêng trộm nghĩ lần mình là kẻ tài ba. Phận làm con được đối đãi nồng hậu như thế, ai lại còn hơn được nữa.

Thần Tùng Chi : nghĩ: "Phận làm con được đối đãi nồng hậu" câu này là Dạng nói Lưu Chủ lấy ân tình sâu nặng dành cho con cái mà đối xử với mình. Vì vậy đoạn sau của thư này có chỗ viết rằng: "Phụ bạc người cha từ ái của mình, tội đáng trăm lần chết".

Dạng một sớm điên rồ bội bạc, tự mong bị băm vằm làm con quỷ bất trung bất nghĩa. Tổ tiên ta có câu rằng tai trai giữ bản đồ thiên hạ, tay phải tự đâm vào yết hầu, dù là thằng ngu cũng không làm. Hống chi kẻ hèn này còn hơi biết phân biệt đâu là gạo, đâu là đồ! Sở dĩ có ý dường như oán vọng, không tự do lường lấy thân, cầu thả nghĩ mình là người quan trọng trong cuộc trung hưng mà có lời đàm luận lúc sắp đến Giang Dương, là vì không hiểu ý của Chúa Công, tình cảm đột nhiên kích động, lại có phần ngấm hơi men, thật đã lỡ lời nói ra chữ "lão". Đây là chỗ nông cạn dốt nát thấp kém trong suy nghĩ của kẻ hèn này vậy. Chúa Công thật ra chưa già. Vả chẳng người xây đại nghiệp há ở chỗ già hay trẻ. Tây Bá⁽⁹⁾ tuổi đến chín mươi, trong khoảng ấy có lúc chờ ý chí suy sứt hay sao. Phụ bạc người cha từ ái của mình, tội đáng trăm lần chết vậy. Đến như lời nội ngoại⁽¹⁰⁾, chỉ là mong khiến cho Mạnh Khởi lập được công lao nơi các châu phương bắc, chung sức với Chúa Công, cùng đánh Tào Tháo mà thôi, há dám có ý gì khác đâu? Mạnh Khởi giảng giải câu ấy nhưng mà không phân biệt ý nghĩa bên trong, thật làm cho người ta phải đau lòng vậy. Xưa tôi với Bàng Thống thường cùng thề ước, gần như theo sau dấu chân túc hạ, tận tâm với sự nghiệp của Chúa Công, đuổi theo thanh danh người đời trước, ghi lại công tích vào tre lụa. Thống bất hạnh đã mất, kẻ hèn nay hư hỏng tự chuốc lấy tai họa. Đây là do mình huỷ hoại lấy mình, lại còn oán

trách được ai! Túc hạ là Y, Lữ thời nay nên cùng Chúa Công mưu tính công việc cho thật tốt, làm nên đại sự. Trời soi tỏ đất chứng minh, thần linh có thiêng liêng, xét kỹ lời tôi nói lúc này! Kính khiến cho túc hạ hiểu rõ chân tình của kẻ hèn này mà nỗ lực hành sự vậy. Bảo trọng! Bảo trọng!”

Dạng bị tội chết, lúc ấy mới ba mươi bảy tuổi.

LƯU PHONG TRUYỆN

Lưu Phong, vốn là con của La hầu họ Khấu, là cháu ngoại của Lưu thị ở Trường Sa. Tiên chủ đến Kinh châu, bởi chưa có người kế tự, mới nhận Phong làm con nuôi. Khi Tiên chủ vào Thục, từ Hà Manh quay về tấn công Lưu Chương, bấy giờ Phong mới ngoài hai mươi tuổi, có võ nghệ, khí lực hơn người, được cầm binh cùng với bọn Gia Cát Lượng-Trương Phi ngược sông tiến về phía Tây, thắng trận ở xứ ấy. Ích châu đã định, Tiên chủ lấy Phong làm Phó quân Trung lang tướng.

Khi trước, Lưu Chương phái người ở Phù Phong là Mạnh Đạt làm phó cho Pháp Chính, mỗi người mang theo hai nghìn người, sai đến nghênh đón Tiên chủ⁽¹¹⁾, Tiên chủ nhân đó lệnh cho Đạt lĩnh số binh ấy, lưu lại đóng ở Giang Lăng. Sau khi bình Thục, lấy Đạt làm Thái thú Nghi Đô. Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, lệnh cho Đạt từ phía Bắc Tỳ Quy tấn công Phòng Lăng, Thái thú Phòng Lăng là Khoái Kỳ bị quân của Đạt giết tại chỗ, Đạt lại tiến công Thượng Dung, Tiên chủ sợ một mình Đạt khó nên việc, bèn sai Phong từ Hán Trung xuôi theo Miện Thủy hợp với quân của Đạt, cùng với Đạt hội quân ở Thượng Dung. Thái thú Thượng Dung là Thân Đàm dẫn binh sỹ ra hàng, đưa vợ con cùng họ tộc đến ở Thành Đô⁽¹²⁾. Tiên chủ thăng Đàm làm Chinh Bắc tướng quân, lĩnh chức Thái thú Thượng Dung tước Viên hương hầu như cũ, lấy em của Đàm là Nghi làm Kiến tín tướng quân, Thái thú Tây Thành, đổi Phong làm Phó quân tướng quân.

Bởi Quan Vũ vây Phàn Thành-Tương Dương, liên tục gọi Phong-Dạt, lệnh phải phát binh trợ giúp. Phong-Dạt từ chối rằng sơn quận mới theo về, chưa dám kinh động, không theo lệnh Vũ. Đến khi Vũ bại trận, Tiên chủ oán giận hai người. Gặp lúc Phong với Đạt giận nhau bất hoà, Phong định cướp cờ và trống của Đạt⁽¹³⁾. Đạt đã sợ tội, lại căm giận Phong, bèn dâng biểu từ biệt Tiên chủ, dẫn binh ở đó tới hàng Ngụy.

Ngụy lược chép lại bài biểu từ giã Tiên chủ của Đát rằng: “Cúi mong điện hạ sớm dựng nghiệp Y-Lã, theo được công nghiệp của Hoàn-Văn⁽¹⁴⁾, khởi đầu đại sự, mượn thế Ngô-Sở, bởi thế được những kẻ sỹ nhìn xa hiểu rộng theo về⁽¹⁵⁾. Thần từ lúc theo về đến nay, tội lỗi chất chồng như núi, thần còn tự biết như thế, huống hồ bậc quân vương! Nay vương triêu hưng thịnh, anh tài đầy rẫy, mà thần thì trong không có tài phò tá, ngoài không đủ tài làm tướng, thế mà được xếp vào hạng công thần, tự lấy làm hổ thẹn lắm vậy. Thần nghe rằng Phạm Lãi biết lui về ở ẩn, chu du nơi Ngũ Hồ Cửu Phạm tạ tội, quanh quẩn trên sông⁽¹⁶⁾. Ôi, khi gặp gỡ xum họp, cũng là lúc xin khất thân bái biệt. Là có vì sao? Ấy bởi đã biết sâu sắc đến cái lẽ tiến lui tan hợp vậy. Phương chi thần là kẻ ti bỉ, chẳng có công lao to lớn, đem thân vương vào việc đời, trộm ái mộ các bậc tiên hiền, nghĩ sâu xa lại càng thêm xấu hổ. Xưa Thân Sinh chí hiếu mà bị người thân ngờ vực, Tử Tư chí trung mà bị quân vương tru diệt, Mông Di hiền mở mang bờ cõi mà chịu đại hình, Nhạc Nghị phá Tề mà vô cớ bị kẻ nịnh thần xúc xiểm dèm pha⁽¹⁷⁾, thần mỗi khi đọc sách ấy, không khỏi cảm khái bùi ngùi rơi lệ, mà nay thân mình cũng như vậy, lại càng cảm thấy xa xót thương đau. Vì sao đây? Việc Kinh châu nghiêng đổ, đại thần thất tiết, trăm người không về được một. Thần nghĩ rằng, tự trả lại đất Phòng Lăng-Thượng Dung, mà giữ lấy tấm thân, buông mình tại ngoại. Cúi mong điện hạ rửa thánh ân, xót thương tâm cảnh của thần, mà đoái thương cho việc thần đã làm vậy. Thần là kẻ tiểu nhân, chẳng thể thủy chung, biết sai mà vẫn làm, đâu dám chối mình không có tội! Thần thường nghe rằng tuyệt giao thì không nói xấu nhau, kẻ bầy tôi bỏ đi cũng chẳng nên ta oán, thần nhớ lời người quân tử dạy thế, mong quân vương hãy cố gắng lên.”

Ngụy Văn đế khen Đát có phong tư tài mạo, lấy làm Tán kỵ Thường thị, Kiến vũ tướng quân, phong làm Bình Dương Đình hầu. Lại gộp ba quận Phòng Lăng-Thượng Dung-Tây Thành làm quận Tân Thành, lấy Đát làm Thái thú Tân thành. Rồi phái Chinh nam Tướng quân Hạ Hầu Thượng, Hữu tướng quân Từ Hoảng cùng với Đát đánh Phong.

Đát gửi thư cho Phong rằng: “Cổ nhân có câu: ‘Sơ bất gián thân, tân bất gia cữu’⁽¹⁸⁾. Thế nên người trên sáng suốt mà kẻ dưới chính trực, thì lời dèm pha nhằm nhí chẳng thể được thi hành. Còn như bậc quân chủ quyên biến quỹ quyết, dù là cha hiền yêu con, thì dầu có là trung thần có công cũng lo mắc họa, hiếu tử có lòng nhân cũng gặp nguy nan, Chủng-Thương-

Bạch Khởi-Hiếu Kỳ-Bá Kỳ, đầu là hạng ấy vậy⁽¹⁹⁾. Những việc như thế, chẳng phải cốt nhục dính liền, chung vui chung lo trong hoạn nạn hay sao. Ngờ rằng khi lòng yêu đã hết thì tình thân sẽ đổi thay, cũng là lúc có lời gièm pha ly gián, dầu biết trung thân chẳng thể rời bỏ chúa, hiếu tử chẳng thể lìa cha. Song vì cái lợi hơn người, thân thích còn biến ra thù nghịch, huống chi chẳng phải là kẻ thân gần! Xưa kia Thân Sinh-Vệ Cấp-Ngự Khấu- Sở Kiến ở cái thế nhận ngôi kế thừa, đang được lập làm nối tự chính thống, mà còn như thế⁽²⁰⁾. Nay túc hạ cùng Hán Trung Vương, về đạo lý chỉ là kẻ qua đường mà thôi, thân chẳng phải cốt nhục mà nắm giữ thế nắm quyền, nghĩa chẳng phải vua tôi mà ở ngôi cao, chinh chiến lập uy ở xa thì bị đối xử thiên lệch, ở gần chỉ giữ danh hiệu Phó quân, xa gần đều nghe được như thế. Bởi đã lập A Đâu làm Thái tử, những kẻ có trí thức đều thấy lạnh lòng. Nếu như Thân Sinh theo lời Tử Dư, hẳn đã làm thái bá; Vệ Cấp nghe mưu của em, chẳng phụ thân nào có thể trách chê⁽²¹⁾. Lại như Tiểu Bạch bôn tẩu ra ngoài, khi trở về được làm Bá; Trùng Nhĩ vượt tường, mà sau này phục nghiệp⁽²²⁾. Tự xưa đã thế, chẳng phải chỉ bây giờ mới có vậy. Kẻ có trí quý ở chỗ tránh được họa, sáng suốt hơn người ở chỗ sớm thấu hiểu lý lẽ; kẻ hèn này liệu rằng Hán Trung Vương lo việc yên định bên trong, mà ngờ vực kẻ ở bên ngoài; lo việc yên định thì trong lòng cố chấp, ngờ vực kẻ khác thì sinh lòng sợ hãi; họa loạn dấy lên, chưa bao giờ không phải là ở lúc phế lập vậy. Cái tình đời oán giận riêng tư, chẳng thể nào không thấy, sợ rằng tả hữu tất có kẻ dèm pha với Hán Trung Vương vậy. Thế thì vì nghi ngờ nên khi nghe lời oán giận, lời ấy tự nhiên sẽ như rót vào tai. Nay túc hạ ở xa, bề trên có thể giả vờ vỗ về nhất thời; nhược bằng đại quân tiến tới, túc hạ quay về mà chẳng có chỗ dựa, thiết tưởng cái nguy đã cận kề Xưa Vi Tử bỏ nhà Ân, Trí Quả là tông tộc, là là mối nguy tránh tai vạ, cũng đều là như thế đấy⁽²³⁾. Nay túc hạ quên bỏ cha mẹ mà theo người khác, là phi lễ vậy; biết họa sắp tới mà vẫn lưu lại, là bất trí vậy; thấy lẽ phải chẳng theo mà còn ngờ vực, là phi nghĩa vậy. Tự hào là kẻ trượng phu, mà phạm ba điều ấy, sao còn đáng trọng đây? Cứ như cái tài của túc hạ, nếu liêu thân sang đông, kế nghiệp La hâu, ấy là không bội bạc với người thân; ngoảnh mặt về bắc thờ vua, là đúng với kỷ cương, đó là không quên gốc cũ vậy; giận mà không loạn, để tránh nguy vong, đó là không phạm tội vậy. Lại thêm bề hạ mới nhận ngôi trời⁽²⁴⁾, khiêm tốn bao dung, lấy đức phủ khắp nơi xa, nếu túc hạ mau chóng hướng về, chẳng

phải chỉ ngang bằng với kẻ hèn này, được nhận phong ba trăm hộ, nối theo cai trị La quốc mà thôi, mà còn chẻ phù với đại bang, làm một tân vương⁽²⁵⁾. Bệ hạ là đại hoàng đế, chấn động cổ kim, nay đương chuyển quân ra vùng Uyển-Đặng; nếu hai kẻ địch kia chẳng chịu khuất phục⁽²⁶⁾, binh sĩ sẽ chẳng quay về Túc hạ nên nhân lúc này sớm định kế hay. Kinh Dịch có câu: ‘Lợi kiến đại nhân⁽²⁷⁾’; Kinh Thi có câu: ‘Tự cầu đa phúc⁽²⁸⁾’, chính là như vậy đó. Nay túc hạ gắng theo đường đúng, chớ nên bắt chước Hòe Đột đóng cửa không ra đến bên ngoài.”

Phong không nghe lời Đạt.

Quốc Ngữ chép : *Trí Tuyên tử sắp lập Dao làm con nối tự, Trí Quả nói: “Chẳng bằng lập Tiêu vậy”. Tuyên tử nói: “Tiêu vốn ngang ngược”. Đáp rằng: “Tiêu chỉ ngang ngược ngoài mặt mà thôi, Dao có năm điều hơn người, lại có một điều chẳng bằng người ta vậy. Râu đẹp mà dài là hơn người, đánh xe bắn cung đều tài là hơn người, nhiều kỹ nghệ gồm đủ là hơn người, xảo trá biện bác lanh lẹ là hơn người, mạnh mẽ cương nghị quả cảm là hơn người, đã thế lại vô cùng bất nhân. Đã có năm điều lấn áp người ta, mà lại hành động bất nhân, thế thì còn ai mong đợi được gì nữa! Nếu quả quyết lập Dao, tông tộc họ Trí tất bị diệt!” Tuyên tử không nghe. Trí Quả bỏ tộc, đến quan Thái sử xin đổi làm họ Phụ. Lúc họ Trí diệt vong, duy chỉ có Phụ Quả được yên.*

Thân Nghi làm phản Phong, Phong thua trận chạy về Thành đô. Thân Đàm ra hàng Ngụy, Ngụy tạm phong Đàm làm Hoài Tập tướng quân, rồi đến Nam Dương, Nghi làm Thái thú Ngụy Hưng, tấn phong Chân hươu hầu (Viên hươu hầu), đóng quân ở Tuân Khẩu.

Ngụy lược chép : *Anh của Thân Nghi tên là Đàm, tự Nghĩa Cử. Khi trước ở Tây Bình-Thượng Dung tự tập được mấy nghìn binh, sau cùng với Trương Lỗ thông đồng, lại sai sứ đến chỗ Tào công, Tào công ban thêm cho danh hiệu Tướng quân, nhân đó sai lĩnh chức Đô úy Thượng Dung. Đến năm Kiến An mạt, vì bị Thục vây đánh, mới đem quận ấy lệ thuộc phương Tây⁽²⁹⁾. Năm Hoàng Sơ trung, Nghi lại về hàng⁽³⁰⁾, lập tức có chiếu ban cho Nghi tôn hiệu cũ của anh, nhân đó cho làm Thái thú Ngụy Hưng, phong tước Liệt hầu. Năm Thái Hòa trung, Nghi cùng với Mạnh Đạt bất hòa, mấy lần dâng tấu rằng Đạt có nhệ tâm định về Thục, lúc Đạt làm phản, Nghi cắt đứt đường sang Thục, khiến quân cứu không tới được. Sau khi Đạt chết, Nghi đến Uyển Thành diện kiến Tư Mã Tuyên Vương, Tuyên Vương khuyên Nghi vào triều. Nghi đến kinh sư, có chiếu thăng Nghi lên làm Lâu thuyền tướng quân, việc ấy thuận lễ thuận tình.*

Phong về tới Thành Đô, Tiên chủ trách Phong đã xâm lấn Đạt, lại không cứu Vũ. Gia Cát Lượng lo rằng Phong vốn cương cường dũng mãnh, sau

này thời thế đổi thay rút cục khó mà chế ngự nổi, khuyên Tiên chủ nhân việc ấy trừ bỏ đi. Bởi thế Tiên Chủ ban cho Phong cái chết, được tự xử. Phong than rằng: “Ta hận rằng không theo lời của Mạnh Tử Độ”. Tiên chủ vì lời ấy mà sa lệ. Đạt trước có tự là Tử Kính, vì kiêng tên chú của chú ruột Tiên chủ là Kính, mới đổi đi.

Con Phong là Lâm làm Nha môn tướng, năm Hàm Hi nguyên niên dời về Hà Đông. Con Đạt là Hưng làm Nghị đốc quân, năm ấy dời về Phù Phong.

LƯU DIỄM TRUYỆN

Lưu Diễm tự Uy Thạc, người nước Lỗ. Khi Tiên Chủ ở Dự Châu lấy Diễm làm Tông Sự, lại coi là người cùng họ. Diễm tính cách phong lưu, giỏi đàm luận, được đối đãi nồng hậu như người thân cận. Sau tuý tùng Tiên Chủ đi khắp nơi giữ địa vị tân khách. Tiên Chủ bình định xong Ích Châu, lấy Diễm làm Cố Lăng Thái Thú. Khi Hậu Chủ lên ngôi, phong Diễm làm Đô Hương Hầu, ngôi vị thường sát dưới Lý Nghiêm, lĩnh chức Vệ Úy Trung Quân Sư Hậu Tướng Quân. Sau lại được phong làm Xa Kỵ Tướng Quân, nhưng không tham gia dự bàn việc nước, chỉ thống lĩnh hơn một nghìn quân, theo quan Thừa Tướng Lượng trào phúng những việc phải luận bàn. Xệ cộ, quần áo, ăn uống sử dụng thứ xa xỉ hoa lệ. Thị tỳ tính đến mười người, đều có tài tấu nhạc hát ca, tất cả lại còn được dạy dỗ ngâm ngợi Lỗ Linh Quang Điện Phú⁽³¹⁾. Năm Kiến Hưng thứ mười, Diễm bất hoà với Tiễn Quân Sư Ngụy Diên, lời nói ngôn từ càn bậy hỗn hào vì thế bị Lượng trách mắng. Diễm gửi thư cho Lượng tạ lỗi rằng: "Diễm tôi bẩm sinh tính cách hảo huyền trống rỗng, thao lược trong công việc lại mỏng manh, hơn nữa mắc thói chìm đắm trong rượu chè. Từ thời Tiên Đế tới nay vẫn cứ đàm luận lung tung gần như sắp làm nghiêng ngả sự nghiệp. May nhờ Minh Công vốn cứ một lòng vì nước, nguyên lượng cho tỳ vết khiếm khuyết của tôi, dặt dùi giúp đỡ tôi vượt qua mọi sự, lại cấp cho bổng lộc địa vị thì mới có được ngày nay. Trong lúc say sưa mù mị, lời nói của tôi nhiều chỗ sai trái lỗi lầm. Nhờ ơn Minh Công bao dung kiên nhẫn với tôi, không đem ra xử phạt khiến cho tôi hoàn toàn giữ nguyên vẹn được mọi thứ, bảo toàn sinh mệnh. Tôi nay mong kiên chế bản thân, tự trách lấy mình, sửa chữa lỗi lầm đến tận cùng. Xin thề với thần minh, nếu không thi hành được lời này thì không còn mặt mũi nào nhìn ai nữa." Do đó Lượng sai Diễm quay về Thành Đô, giữ nguyên chức vụ cũ.

Diễm mất hết ý chí thành ra cư xử mơ hồ. Năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, vợ Diễm là Hồ thị vào cung chúc mừng Thái Hậu. Thái Hậu ra lệnh

đặc cách lưu H ồ thị ở lại trong cung, trải qua một tháng mới xuất cung về nhà. H ồ thị có chút nhan sắc, Diễm ngò (vợ mình) có tư tình với Hậu Chủ, gọi năm trăm người lính đến đánh H ồ. Sai lính dùng giày đập vào mặt vợ, rồi đuổi bỏ. H ồ kể lại mọi chuyện tố cáo Diễm. Diễm bị hạ ngục. Hữu Ti luận tội rằng: "Lính không phải để đánh vợ, mặt không phải là chỗ để giày xéo." Cuối cùng Diễm bị giết, phơi thây ngoài chợ. Cũng từ đó vợ, mẹ đại thần bị cấm vào triều chúc hạ.

LÝ NGHIÊM TRUYỆN

Lý Nghiêm tự Chính Phương, người ở Nam Dương. Khi còn trẻ làm chức lại ở quận, được khen là người có tài cán. Kinh châu mục Lưu Biểu liện sai Nghiêm đi kinh lý các quận huyện. Thời Tào công đến Kinh châu, Nghiêm coi việc ở Tỷ Quy, liện bỏ về phía Tây đến xứ Thục, Lưu Chương lấy làm Thành đô lệnh, xét ra cũng có danh vọng. Năm Kiến An thứ 18, tạm cất Nghiêm làm Hộ quân, để chống cự Tiên chủ ở Miên Trúc. Nghiêm dẫn binh sỹ đến hàng Tiên chủ, Tiên chủ phong Nghiêm làm Bì tướng quân. Thành đô đã định, lấy Nghiêm làm Kiện Vi thái thú, Hưng nghiệp tướng quân. Năm Kiến An thứ 23, bọn đạo tặc là Mã Tậ̀n-Cao Thắng cùng khởi sự ở Âm Thê. Tụ họp bộ tốt được hơn năm vạn người, tới thẳng huyện Tư Trung. Thời ấy Tiên chủ đang ở Hán Trung, Nghiêm chẳng cần thêm quân, chỉ cần tướng sỹ trong quận có hơn 5.000 người đến thảo phạt, chém được thủ cấp bọn Tậ̀n-Thắng. Dư đảng của giặc tan rã, thu phục được dân ở vùng ấy. Về sau Cao Định lại suất lĩnh các tộc người Di-Việt bao vây huyện Tân Đạo, Nghiêm lại đến cứu ứng, bọn giặc đầu bị phá. Được ban thêm tước Phụ hán tướng quân, thống lĩnh các quận huyện như trước.

Năm Chương Vũ thứ hai, Tiên Chủ cho vời Nghiêm đến Vĩnh An cung, bái làm Thượng thư lệnh. Năm Chương Vũ thứ ba, tiên chủ bị bệnh nặng, Nghiêm cùng với Gia Cát Lượng đầu nhận di chiếu phụ giúp ấu chủ; lấy Nghiêm làm Trung đô hộ, thống lĩnh việc quân sự trong ngoài, lưu binh giữ Vĩnh An. Năm Kiến Hưng nguyên Niên, phong làm Đô hượng hầu, ban cho giả tiết, thêm tước Quang lộc huân. Năm Kiến Hưng thứ tư, đổi phong làm Tậ̀n tướng quân. Gia Cát Lượng dẫn binh ra Hán Trung, Nghiêm đảm đương việc hậu cần, đổi đến đóng binh ở Giang Châu, giao cho Hộ quân Trần Đáo trấn thủ Vĩnh An, thay cho việc của Nghiêm. Nghiêm gửi thư cho Mạnh Đạt rằng: “Ta với Khổng Minh đầu vâng mệnh nhận sự ký thác, trách nhiệm nặng nề, mong mỗi có được một người bạn tốt”. Lượng cũng

gửi thư cho Đạt nói: “Xử lý công việc trôi chảy, không hề ứ đọng, đó là Chính Phương.”

Trong Gia Cát Lượng tập có chép việc Nghiêm gửi thư cho Lượng, khuyên Lượng nên nhận cửu tích, tiến tước xưng vương. Lượng viết thư trả lời rằng: “Ta với túc hạ vốn biết nhau đã lâu, chẳng lẽ còn chưa thấu hiểu nhau! Túc hạ thẳng thắn dạy bảo việc chấn hưng đất nước, khuyên răn ta chớ câu nệ đạo lý, như thế thật chưa được phải lắm. Ta vốn là kẻ hèn sĩ ở phương Đông, bởi Tiên đế lăm dùng, cho ngôi vị nhân thần cực cao, ơn lộc kể hơn trăm vạn, nay việc thảo phạt quân giặc chưa thành, ơn tri ngộ chưa báo đáp được, sao miến cưỡng so sánh được với những bậc tôn quý đời Tề-Tấn, lẽ ấy trái nghĩa vậy. Ví bằng đã diệt được Ngụy chém được Duệ (32), vua được trở về cố đô, khi ấy các vị tiến cử, dầu thập tích cũng xin nhận, huống chi chỉ là cửu tích!”

Năm Kiến Hưng thứ 8, thăng chức Nghiêm lên Phiêu kỵ tướng quân. Năm ấy Tào Chân cất ba đạo quân nhằm vào hướng Hán Xuyên, Lượng sai Nghiêm dẫn 2 vạn quân đến Hán Trung chi viện. Lại viết biểu sai con của Nghiêm là Phong giữ chức Đô đốc Giang Châu đốc xuất quân mã xứ ấy, lo việc ở phía sau thay Nghiêm. Lượng định năm sau xuất quân, mới dâng biểu để Nghiêm coi việc trong phủ Trung đô hộ. Nghiêm đổi tên thành Bình.

Năm Kiến Hưng thứ chín, quân Lượng lại ra Kỳ Sơn, Bình đốc trách việc vận chuyển lương thực. Đến cuối hạ đầu thu, trời đổ mưa dầm, việc vận lương không được đầu đặn, Bình phái Tham quân Hồ Trung, Đốc quân Thành Phan truyền dụ chỉ (33), gọi Lượng trở về. Lượng vâng mệnh lui binh. Bình nghe tin đại quân đã lui, bèn tỏ ra kinh hãi, nói rằng “quân lương vẫn đầy đủ, sao lại rút quân về” những muốn bày tỏ rằng mình chẳng có lỗi gì, như thế Lượng tất chẳng thể ắt tội mình. Lại viết biểu tâu Hậu chủ, nói rằng: “Quân ta lui binh là mưu kế, ấy là muốn dụ địch để quyết chiến”. Lượng về đem hết cả những thư từ có thủ bút của Bình trước sau về việc ấy xem xét, Bình trái mệnh có lỗi thế nào đâu được phân tỏ rõ ràng. Bình hết đường chối cãi, phải cúi đầu nhận tội.

Lượng viết biểu kể tội Bình rằng: “Từ khi Tiên đế qua đời đến nay, Bình luôn quản việc ở gần nhà, cho rằng ở ngôi cao mà được ơn huệ nhỏ, mới an thân cầu danh, không chăm lo việc nước. Đương khi thần xuất quân Bắc phạt, muốn để Bình nắm quân giữ Hán Trung, Bình thấy khó khăn liền

bỏ ngang, nghĩ rằng việc không như ý mình, yêu cầu được làm Ba châu thứ sử cai quản năm quận. Năm trước thần muốn Tây chinh, mới vời Bình chủ đến đốc xuất việc ở Hán Trung, Bình lại nói rằng bọn Tư Mã Ý đã mở chiêu phủ (34). Thần biết Bình ty bỉ hẹp hòi, muốn nhân việc ấy để bức bách thần hông thủ lợi riêng, bởi thế thần đã dâng biểu phong cho con Bình làm đô đốc Giang Châu, khoản đãi hậu hĩnh, muốn nhân đó để được việc lúc nhất thời. Ngày Bình đến, thần đã uỷ thác mọi việc, qu ân thần trên dưới đều lấy làm lạ sao thần lại đối đãi với Bình quá hậu. Chính bởi đại sự chưa định, Hán thất còn nghiêng lệch nguy nan, nếu phạt Bình vì lỗi nhỏ, chẳng bằng khen ngợi Bình ở chỗ hơn người (35). Như vậy thì cái tình của thần với Bình còn hơn cả vinh lợi (36) nữa, ngờ đâu được tâm trí Bình đảo điên đến thế. Mọi sự trì trệ, cầu thả gây họa, như thế thần quả chẳng biết sáng suốt nhìn người, nói nhiều càng thêm xấu hổ.”

Hậu chủ bèn phế Bình làm thứ dân, đày ra quận Tử Đông.

Năm Kiến An thứ 12, Bình hay tin Lượng mất, phát bệnh mà chết. Bình vẫn mong mỗi Lượng còn sống tất sẽ lại bổ dụng mình, nghĩ rằng người sau chẳng làm việc ấy, cho nên bi phẫn vậy. Con Bình là Phong làm quan đến chức Thái thú Chu Đề.

(Trong bản dịch bỏ đi một đoạn chú dẫn của cụ Tùng Chi dẫn lời ông Tập Tạc Xỉ khen ngợi Lượng và bài chiếu xin xử tội Bình, bởi lời lẽ gần giống với ý văn mà cụ Trần Thọ đã dẫn)

NGUY DIÊN TRUYỆN

Nguy Diên tự Văn Trường, người ở Nghĩa Dương. Từng làm bộ tướng đã theo Tiên chủ vào Thục, lập nhiều chiến công, được thăng làm Nha môn tướng. Khi Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, đóng dinh ở Thành Đô. Lúc bấy giờ cần một tướng giỏi trấn giữ Hán Xuyên, mọi người đều bàn luận cho rằng tất sẽ là Trương Phi, Phi cũng nghĩ như vậy. Tiên chủ lại đề bạt Diên làm đô đốc Hán Trung, tước Trấn Viễn tướng quân, Hán Trung thái thú, mọi người đều kinh ngạc. Tiên chủ họp quần thần, hỏi Diên rằng: “Nay uỷ thác cho khanh giữ trọng trách này, khanh cảm thấy thế nào?” Diên đáp rằng: “Nếu Tào Tháo cử quân thiên hạ đến, thần sẽ vì đại vương mà kháng cự; nếu cử một viên thượng tướng dẫn 10 vạn quân đến, thần sẽ vì đại vương mà nuốt gọn” Tiên chủ khen hay, mọi người đều cho rằng lời ấy là hùng tráng. Tiên chủ xưng đế hiệu, tiến cử Diên làm Trấn Bắc tướng quân. Năm Kiến Hưng nguyên niên, Diên được phong làm Đô đình hầu. Năm Kiến Hưng thứ năm, Gia Cát Lượng đóng quân ở Hán Trung, đổi Diên làm đô đốc quân tiên phong, lĩnh chức tư mã, Lương châu thứ sử. Năm Kiến Hưng thứ tám, sai Diên đi về phía Tây vào sâu xứ Khương, Hậu tướng quân nhà Ngụy là Phí Dao (Diệu) cùng Ung châu thứ sử Quách Hoài cùng với Diên đại chiến ở Dương Khê, Diên đại phá Quách Hoài, được bổ thêm chức tiền quân sư Chinh tây đại tướng quân, được thêm tước Nam Trịnh hầu.

Diên thường theo Lượng ra quân, muốn xin riêng một vạn tinh binh, men theo đường để hẻm hội quân (với Lượng) ở Đổng Quan, như việc năm xưa của Hàn Tín, Lượng nhất định không cho, Diên vẫn thường nói Lượng nhút nhát, than thở rằng tài của mình chẳng được dùng hết”.

Ngụy lược viết rằng: Hạ Hầu Mậu làm An Tây tướng quân, giữ ở Trảng An, Lượng ở Nam Trịnh cùng các tướng bàn định kế sách, Diên nói rằng: “Nghe nói Hạ Hầu Mậu còn ít tuổi, là con rể của chủ, hèn nhát mà vô mưu. Nay cấp cho tôi 5.000 tinh binh, 5.000 quân tải lương, tôi thẳng theo lối

Bao Trung tiến ra, men theo Tàn Lĩnh nhằm hướng Đông mà đến, lại theo hướng Tý Ngọ mà tiến về Bắc, bất quá chỉ 10 ngày có thể đến được Trảng An. Mậu thấy Diên tới đến bất ngờ tất giống ngựa bơi thuyền bỏ chạy. Như thế trong thành Trảng An chỉ còn bọn ngựa sử, kinh triệu, thái thủ coi giữ, ở Hoàn môn, Đều các dân tất chạy náo loạn, tất ta chiếm được hết cả lương thực vậy. Định quân từ phía Đông tiến lại cũng phải mất 20 ngày, khi ấy tướng quân đã theo lối Tà Cốc mà đến, tất cũng kịp vậy. Như thế, chỉ một lần vòng động mà từ Hàm Dương về phía Tây có thể định được vậy”. Lượng lo rằng kế ấy nguy hiểm, chẳng bằng cứ yên ổn theo đường thẳng mà tiến, có thể lấy Lũng Hữu, thập toàn có thể khắc địch mà chẳng phải lo lắng gì, bởi thế không dùng kế của Diên.

Diên khéo dưỡng sĩ tốt, dũng mãnh hơn người, lại có tính kiêu căng, lúc bấy giờ người dưới đâu có ý kiêng dè. Chỉ có Dương Nghi không theo ý của Diên, Diên rất lấy làm tức giận, hai người ấy thường như nước với lửa. Năm Kiến Hưng thứ 12, Lượng xuất quân theo lối Tà Cốc, lấy Diên làm tiên phong. Diên ở cách xa quân doanh của Lượng chừng 20 dặm, Diên mộng thấy trên đầu mọc sừng, nhân thế mới hỏi quan chiêm bói là Triệu Trực, Trực nói dối Diên rằng: “Giống Kỳ Lân trên đầu cũng có sừng mà đại dụng, ấy là đi lên chẳng cần phải đánh mà giặc tự tan vậy.” Rồi cáo lui về nói với người khác rằng: “Chữ Giốc chiết tự, là dùng ở dưới đao, trên đầu có đao, ấy là đi lên rất dữ.”

Mùa thu, Lượng bị bệnh nặng, bí mật cùng Trưởng sử Dương Nghi, Tư mã Phí Vĩ, Hộ quân Khương Duy rằng sau khi mình chết sẽ lui quân, sai Ngụy Diên đoạn hậu, tiếp nữa là Khương Duy, nhược bằng Diên không vâng mệnh, cứ tự dẫn quân rút về. Lúc Lượng mới mất, các tướng bí mật không phát tang, Nghi lệnh cho Phí Vĩ tới thăm dò ý tứ Diên. Diên nói: “Thừa tướng tuy mất đi, nhưng ta vẫn còn đây. Vậy chỉ nên phải phủ quan lo việc tang lễ đưa thi thể thừa tướng về chôn cất, ta sẽ thống suất ba quân đánh giặc, hà cớ gì vì một người chết đi mà phải phế bỏ việc lớn thiên hạ nhỉ? Và lại Diên ta là người thế nào, sao có thể chịu sự chỉ huy của Dương Nghi, để nhận việc đi đoạn hậu như vậy sao!” Thế rồi cùng với Vĩ bàn chuyện theo về hay ở lại, sai Vĩ viết thư cùng với mình ký tên, thông báo với chư tướng. Vĩ nói dối Diên rằng: “Bây giờ tôi trở về nói lại với Dương Trưởng sử, Trưởng sử nghe thấy như thế, vốn ít trải việc quân, tất

chẳng theo mệnh trước nữa vậy.” Lúc Vỹ ra khỏi cửa vội vã ruỗi ngựa trở về Diên mới hối hận, đuổi theo thì đã không kịp.

Diên sai người dò xét bọn Nghi, thấy mọi người vẫn theo mệnh trước của Lượng, các tướng trong doanh lần lượt dẫn quân trở về Diên giận lắm, thấy Nghi mới đi chưa xa, mới khinh suất đốc quân theo lối tắt trở về Nam Cốc trước, đóng quân chặn đường đốt sạn đạo. Cả Diên và Nghi đều cùng dâng biểu kể tội phản nghịch của nhau, trong vòng một ngày, biểu văn khẩn cấp đưa về liên tiếp. Hậu chủ đem việc ấy hỏi Thị trung Đồng Doãn, Lưu phủ Trưởng sử Tưởng Uyển, Uyển-Doãn đều bảo đảm cho Nghi mà ngờ vực Diên.

Bọn Dương Nghi phạt cây thông đường sạn đạo, hành quân đêm ngày, theo sau Diên. Diên đến trước, đóng ở Nam Cốc khẩu, phái binh đón đánh bọn Nghi, Nghi bèn lệnh cho Hà (Vương) Bình đến trước trận đánh Diên. Bình tiến lên mắng Diên rằng: “Thừa tướng mới mất, thi thể còn chưa lạnh, bọn người sao dám như vậy?” Binh sỹ của Diên nghe thấy biết lỗi đều ở Diên, chẳng ai theo mệnh nữa, quân sỹ đều tan đi cả. Diên bị cô lập mới dẫn con cái cùng mấy kẻ tay chân đào tẩu, chạy vào Hán Trung. Nghi sai Mã Đại đuổi theo chém được, đem thủ cấp dâng cho Nghi, Nghi đạp chân lên đầu Diên mắng: “Đồ nô tài, người còn làm ác được nữa chăng?”. Lại muốn giết cả ba họ nhà Diên.

Khi trước, Tưởng Uyển dẫn quân tức vộ đi nhanh về Bắc tới doanh quân, còn cách hơn 20 dặm, hỏi thăm thì biết Diên đã chết, bèn lui về Nguyên ý Diên chẳng phải về Bắc hàng Ngụy mà lại chạy về Nam, chỉ những muốn giết bọn Nghi mà thôi. Bình nhật Diên cùng chư tướng vốn có bất đồng, đương thời bàn luận rằng Diên tất là người thay Lượng. Việc vốn chỉ có như thế, chẳng phải là làm phản vậy.

Ngụy lược chép : Gia Cát Lượng bị bệnh, bảo bọn Diên rằng: “Sau khi ta chết, phải hết sức thận trọng, chớ có như thế nữa”. Lại sai Diên thay mình điều hành mọi việc, bí mật làm lễ tang và lui về. Diên nhân thế bèn giấu việc ấy, lui binh về đến Bao khẩu mới phát tang. Trưởng sử Dương Nghi với Diên vốn bất hoà, thấy Diên nắm quyền quân sự, sợ bị hại, bèn nói phao lên rằng Diên muốn dẫn quân theo về phương Bắc, nhân đó dẫn quân đánh Diên. Diên vốn không có bụng dạ ấy, không đánh mà dẫn quân bỏ chạy, bị quân đuổi theo giết chết.

DƯƠNG NGHI TRUYỆN

Dương Nghi tự Uy Công, người ở quận Tương Dương, giữa thời Kiến An, làm Kinh Châu thứ sử giữ chức Phó quân chủ bộ, sau đến Tương Dương làm Thái thú cho Quan Vũ. Vũ đánh quân Tào, Nghi phụng mệnh đi sứ vào Tây Thục đến chỗ Tiên chủ. Tiên chủ cùng Nghi bàn luận quân quốc kế sách, phép tắc trị dân những đi đầu được mất, rất hài lòng, nhân đó cho làm Tả tướng quân Bình tào duệ. Khi Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, đề bạt Nghi làm Thượng thư. Tiên chủ xưng tôn hào (đề), đồng chinh phạt Ngô, Nghi cùng với Thượng thư lệnh Lưu Ba bất hoà, bị giáng chức đi đầu đến nơi xa làm Hoảng nông Thái thú.

Năm Kiến Hưng thứ ba, Thừa tướng Lượng lấy Nghi làm Tham quân, cho ở phủ sự, cùng tiến về Nam (Bình Man). Năm Kiến Hưng thứ năm, theo Lượng đến Hán Trung. Năm Kiến Hưng thứ tám, Nghi được thăng làm Trưởng sử, thêm chức Tùy quân Tương quân. Lượng mấy lần xuất quân, Nghi thường bày kế hoạch rõ ràng mạch lạc, lo liệu việc lương thảo, Lượng chẳng cần phải chỉ bảo nhiều, lại rất nhanh chóng và tiện lợi. Việc quân nhưng có khuôn phép, Nghi lo liệu rất khéo léo. Lượng rất tiếc tài cán của Nghi, cũng như sự kiêu dũng của Ngụy Diên, thường hận hai người ấy bất hoà, chẳng nỡ trách cứ thiên lệch để phế bỏ ai.

Năm Kiến Hưng thứ 12, Nghi theo Lượng đóng binh ở Tà Cốc. Lượng chết ở nơi đóng quân. Nghi dẫn binh lui về, giết chết Diên, tự cho rằng mình có công to, nên bấy giờ nghĩ rằng được thay Lượng nắm giữ đại quyền, mới sai Đô úy Triệu Chính lấy sách Chu Dịch ra bói cỏ thì, được quẻ Gia Nhân, thì yên lặng không hài lòng. Khi Lượng còn sống đã ngầm biết, Nghi có tính nhỏ nhen, có ý giao việc cho Tưởng Uyển, Uyển được làm Thượng thư lệnh, Ích châu thứ sử. Nghi về đến nơi, được phong làm Trung quân sự, không được thống lĩnh quân, rất nhàn hạ.”

Khi trước, thời Tiên chủ còn sống Nghi được làm Thượng thư, Tưởng Uyển chỉ làm Thượng thư lang, sau này Nghi đi theo Thừa tướng làm

Tham quân Trưởng sử, mỗi khi theo trong quân, nhận việc lao khổ, tự nghĩ mình làm quan trước Uyển, tài năng hơn hẳn, mới phần chí oán hận thể hiện rõ ra bên ngoài, than thở quát mắng ra lời. Bấy giờ mọi người sợ ngôn ngữ bất tiết, chẳng ai dám hòa theo, chỉ có Hậu quân Phí Vỹ tới thăm nom an ủi. Vỹ đến Nghi nói rằng rất oán hận, trước sau không thay đổi, lại bảo Vỹ rằng: “Lúc Thừa tướng mới mất, nếu ta dẫn quân theo về với họ Ngụy, có đâu chìm đắm như bây giờ, nay có hối hận cũng không kịp nữa rồi”. Y mặt dưng biểu kể rõ lời ấy. Năm Kiến Hưng thứ 13, phế Nghi làm dân thường, bắt dời đến ở quận Hán Gia. Nghi đến đó, lại gửi thư phỉ báng lên bề trên, lời lẽ gay gắt không phục, triều đình sai người đến bắt Nghi. Nghi tự sát, vợ con Nghi trở về Thục.

LIÊU LẬP TRUYỆN

Liêu Lập tự Công Uyên, người ở quận Vũ Lăng huyện Lâm Nguyên. Khi Tiên chủ lĩnh chức Kinh châu mục mới cho vời về làm tòng sự, khi ấy Lập chưa đến 30 tuổi, sau cất lên làm Trường Sa thái thú. Tiên chủ vào Thục, Gia Cát Lượng trấn giữ đất Kinh châu, Tôn Quyền sai sứ đến giao hảo với Lượng, nhân đó hỏi thăm những kẻ sỹ dọc ngang khắp xứ ấy là ai, Lượng thưa rằng: “Bàng Thống, Liêu Lập là lương tài ở đất Sở, gánh vác việc giúp chúa hưng nghiệp.” Năm Kiến An thứ 20, Quyền sai Lã Mông đánh lén ba quận phía Nam, Lập bỏ quan mà chạy, quay về chỗ Tiên chủ. Tiên chủ biết việc ấy song vẫn tiếp đãi ân cần, chẳng trách cứ gì, lấy làm Thái thú Ba quận. Năm Kiến An thứ 24, tiên chủ xưng làm Hán Trung vương, vời Lập về làm Thị trung. Hậu chủ kế vị, đổi Lập làm Trường thủy Thái uý.

Lập vốn nghĩ, mình có tài danh đáng làm phó cho Gia Cát Lượng, lại đổi xuống xếp bên dưới cả bọn Lý Nghiêm [\(37\)](#), vẫn thường tỏ ra ấm ức. Sau Thừa tướng muốn chọn người phó trợ giúp mình, (Lý Cáp), (Lý Thiệu), Tưởng Uyển đến, Lập phán rằng: “Thừa tướng đang ở nơi xa, người và mọi người hãy xét kỹ việc này. Trước kia Tiên chủ chẳng chịu lấy Hán Trung, lại cùng với người Ngô tranh giành ba quận phía Nam, rút cục ba quận ấy lại về với người Ngô, khiến việc lao dịch quan sai rất khó nhọc, vô ích lại phải về tay không. Đất Hán Trung mất đi [\(38\)](#), lại khiến cho Hạ Hầu Uyên, Trương Cáp thâm nhập vào đất Ba, chỉ còn trông mong vào có một châu. Rồi mất cả Hán Trung, khiến Quan hầu một thân đơn chiếc chết đi chẳng còn gì, Thượng Dong cũng mất nốt, chỉ còn mỗi một phương. Ấy cũng vì Vũ cật danh tiếng oai dũng, làm việc quân vô pháp, lỗ mãng xúc phạm người ta, việc trước sau gì cũng như nhau vậy. Như Hướng Lăng, Văn Cung, là những kẻ phạm tục. Cung làm Trị trung chẳng có cương kỷ gì; Lăng trước tôn sùng anh em Mã Lương, bảo là thánh nhân, giờ làm Trưởng sử, không được hợp đạo lý cho lắm. Trung lang Quách Diễn tuổi

đã cao, theo hùa với người, chẳng đủ để dự vào việc lớn nhà nước, thế mà lại được nhắc lên làm Thị trung. Nay thế nước suy yếu, ta muốn gánh vác việc cho ba người ấy, mà chẳng được vậy. Lại còn Vương Liên là kẻ tục tằn, làm việc cầu thả bòn mót của dân, khiến bách tính mỗi một, hết thấy việc ngày nay là như thế đấy.” Cáp, Uyển thừa lại hết những lời ấy với Gia Cát Lượng. Lượng viết biểu (39) kể tội Lập rằng: “Trường thủy Thái úy Liêu Lập tự cho mình là quý hiển, phỉ báng chúng sỹ, công nhiên nói rằng quốc gia chẳng biết dùng kẻ hiền tài mà trọng dụng những kẻ tục lại, lại cho rằng hết thấy muôn người đều là bậc tiểu tử; phỉ báng cả Tiên đế, soi bới lỗi lầm huỷ hoại danh tiết chúng thần. Người ta nói vì quốc gia mà kén chọn binh sỹ, bộ ngũ phải phân minh, Lập tự tiến cử mình ở ngôi đầu, thế mà lại tức giận nói năng xằng bậy, phàm người như thế chẳng thể dùng được. Con dê chạy bừa bãi còn có hại, huống chi Lập gánh vác công việc ở ngôi cao, dùng người như thế thì người dưới làm sao phân biệt được thật giả thế nào?”

Trong Gia Cát Lượng tập có biểu của Lượng viết rằng: “Lập đi theo Tiên đế mà chẳng trung hiếu hết lòng, trấn giữ Trường Sa lại mở cửa đón giặc (40), cai quản Ba Quận làm việc ám muội khiến mọi sự rối ren, đối với bậc Đại tướng quân thì phỉ báng chê bai, với kẻ hầu cận trong cung lại kèn cựa ghét bỏ, với người cai quản chốn cung vi thì cho là kẻ hèn hạ. Sau này Bê hạ tước vị (41), ban cho thêm chức hào, Lập lại suy bì với các tướng trong quân, đến gặp nói riêng với thần rằng: ‘Cớ gì mà ta phải cùng với chư tướng ở trong quân! Sao chẳng dâng biểu sai ta giúp công khanh, ở trên coi xét năm việc!’ Thần đáp: ‘Tướng quân, chớ so sánh như vậy. Đến bậc công khanh cũng thế thôi, Chính Phương cũng đâu hẳn là bậc công khanh. Vả lại cũng nên phân định rõ năm việc vậy.’ Bởi thế về sau, Lập tấm tức oán hận mãi.” Hậu chủ bèn giáng chiếu rằng: “Đến ba lần làm loạn phép nước, mắc lỗi liên tiếp, Liêu Lập thật ngông cuồng, trăm chẳng thể nhẫn nhịn phải ra hình, ngay lập tức đầy ải đến xứ cây không mọc được”.

Hậu chủ liền phế Lập làm dân thường, dời đến ở quận Vấn Sơn. Lập thân dẫn vợ con tự mình cày ruộng, lúc nghe tin Gia Cát Lượng chết, liền phục xuống khóc than rằng: “Ta trọn đời làm kẻ mọi rợ ở với bọn cái vạt áo qua trái (42) mà thôi.” Sau này quân đội của Khương Duy hành quân qua Vấn Sơn, đến thăm Lập, có khen rằng Lập chí khí chẳng hề suy giảm, nói năng bàn xét rất tự nhiên. Sau Lập chết ở đất ấy. Vợ con trở về đất Thục.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Phó Thuyết: Đại thần phò tá vua Cao Tông nhà Ân Thương.
- (2) Lữ Thượng: Thượng Phụ Khương Thái Công vẫn quen gọi là ông Lã Vọng phò tá cha con Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương dựng lên nhà Chu.
- (3) Dịch thoát: Nguyên văn: 然而六翻未之备也: Nhiên nhi lục cách vị chi bị dã. Lục Cách là sáu chiếc lông cánh, trong văn học Việt cũng từng được nhắc đến trong câu nói của Trần Quốc Tuấn: "...Chim hồng chim học bay cao bay xa là nhờ có sáu chiếc lông cánh cứng..."
- (4) Trọng Sơn: Trọng Sơn Phủ phò tá vua Tuyên Vương nhà Chu.
- (5) Tuyển Sanh: Em chưa rõ là ai.
- (6) Dương Hùng: Học giả Tây Hán.
- (7) Quách Phách: Học giả Đông Tấn.
- (8) Chấn Uy: Lưu Chương vốn được phong Chấn Uy tướng quân.
- (9) Tây Bá: Tây Bá Cơ Xương tức Chu Văn Vương nhà Chu.
- (10) Nội ngoại: Chỉ câu Bàng Dạng bảo Mã Siêu: "Ông ở ngoài, tôi ở trong".
- (11) Đây là lúc Chương đến cầu thân với Bị, mời Bị vào Thục.
- (12) Gửi vợ con, người thân làm con tin.
- (13) Cướp cò trống tức là cướp ấn tướng quân vậy, có lẽ là theo lệnh của Bị.
- (14) Y Doãn, Lã Vọng là những khai quốc công thần nổi tiếng đời nhà Thương, nhà Chu. Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, đều là những vị vua nổi danh đời Xuân Thu, dựng được nghiệp bá, sai khiến chư hầu.
- (15) Nguyên văn: 'thâm đồ quy thú' tức là thấy lẽ sâu xa quy thuận.

(16) Phạm Lãi là công thần của nước Việt cuối thời Xuân Thu, giúp Câu Tiễn phục quốc đánh diệt nước Ngô, sau đi chơi Ngũ Hồ để tránh vạ sát thân. Cữu Phạm tức Hồ Yễn, người nước Tấn thời Xuân Thu, từng theo công tử Trùng Nhĩ bốn ba lưu lạc mấy mươi năm, rồi giúp đỡ Trùng Nhĩ trở về Tấn lên ngôi vua, sau tránh tội, bỏ đi.

(17) Thân Sinh là công tử nước Tấn thời Xuân Thu, rất có hiếu, vì bị mẹ kế ghét bỏ, sau bị cha ngờ vực phải chết. Ngũ Tử Tư, người nước Sở thời Chiến Quốc, sau là trung thần giúp vua nước Ngô là Phù Sai diệt nước Sở, thế mà về sau bị vua nước Ngô giết chết. Mông Địch là con trưởng của Tân Thủy Hoàng, có công xây đắp Vạn Lý trường thành, đánh rợ Hồ để bảo vệ và mở mang bờ cõi nước Tân, bị gian thần Triệu Cao và Lý Tư hại chết. Nhạc Nghị là người thời Chiến Quốc, có công giúp vua nước Yên đang suy yếu mà đánh hạ được bảy mươi hai thành của nước Tề, sau bị gian thần sàm tấu hãm hại.

(18) Người sơ chẳng bon chen được với người thân, người mới chẳng tranh hơn được với người cũ.

(19) Văn Chủng người cuối thời Xuân Thu, thờ vua Việt, giúp Việt Vương đánh bại Phù Sai, nên nghiệp lớn, bị vua Việt bức chết; Thương Ưởng người nước Vệ thời Chiến Quốc, thờ vua Tân, đưa nước Tân lên hàng Bá chủ hầu, sau bị vua Tân giết; Bạch Khởi là danh tướng bậc nhất nước Tân, lập vô số chiến công giúp vua Tân, sau cũng bị vua Tân hại chết; Hiếu Kỳ là con vua Vũ Đinh thời nhà Thương, rất có hiếu, bị dèm pha, chịu kiếp lưu đày mà chết; Bá Kỳ là đại quan nhà Chu, thờ mẹ kế rất hiếu, cha nghe lời mẹ kế vu hãm mà đày ải Bá Kỳ.

(20) Thân Sinh, xem chú ở trên; Vệ Cáp là thế tử nước Vệ, bị thiếp yêu của Vệ Tuyên Công dèm pha phải chết; Ngự Khấu là thế tử nước Trần, bị Trần Tuyên Công nghi có âm mưu cướp ngôi, bị giết; Sở Kiến là thế tử nước Sở, bị Phái Vô Cực dèm pha, sau bị Sở Bình Vương giết. Đều là các tích cổ thời Xuân Thu.

(21) Thân Sinh, xem chú trên; Tử Dư là tị của Triệu Thôi, đại thần nước Tấn; Vệ Cáp, xem chú ở trên; Em của Vệ Cáp là công tử Thọ, biết được anh mình sắp bị vua cha giết, khuyên anh trốn đi, Vệ Cáp không nghe, Thọ đi chết thay anh, Vệ Cáp sau vẫn bị giết.

(22) *Tiểu Bạch tức là Tê Hoàn Công, xem chú trên; Trùng Nhĩ tức Tấn Văn Công xem chú trên.*

(23) *Vi Tử là quan nhà Ân, Trụ Vương tàn ác, Vi Tử can không được nên đóng cửa bỏ đi, tránh được nạn. Trí Quả là người nhà Trí Bá, đòi Chiến Quốc, vì lừa bỏ Trí Bá nên khi họ Trí bị ba nhà Hàn, Ngụy, Triệu diệt, Trí Quả thoát khỏi hoạ hoạn.*

(24) *Tào Tháo chết, Tào Phi lên thay, xưng Đế thay Hán Hiến đế, lúc ấy Mạnh Đạt đến hàng.*

(25) *Đạt dỗ dành Phong rằng nếu như Phong theo Ngụy sẽ được phong vương ở quê cha đất tổ, nổi nghiệp La hầu.*

(26) *Đạt ý nói hai nhà Tôn-Lưu.*

(27) *Câu này khó hiểu, Dịch giảng là Rồng bay trên trời, ấy là điềm có người lên ngôi chí tôn.*

(28) *Tự cầu lấy phúc lộc cho mình.*

(29) *Thục lấy được Hán Trung, đánh lấy Thượng Dung, Nghi theo về với Thục.*

(30) *Thục mất Kinh châu, đánh mất Thượng Dung, Nghi lại hàng Ngụy.*

(31) *Lỗ Linh Quang Điện Phú: Bài phú của nhà thơ lớn thời Đông Hán Vương Diên Thọ.*

(32) *Tức Tào Tuấn.*

(33) *Một dạng đạo chiếu của Vua.*

(34) *Phủ Tích Triệu, có lẽ là phủ chiêu hiên. Ý bấy giờ đóng ở phía Đông coi việc bố phòng ở Đông chiến tuyến, Ý mở phủ ở phía ấy tức là chiến tuyến phía Đông, nơi quân Thục do Lý Nghiêm quản (Giang Châu) bị ảnh hưởng. Lượng muốn kể tội Nghiêm lấy lý do trốn việc phải ra Hán Trung.*

(35) *Nguyên văn: Phạt Bình chỗ ngắn, không bằng khen chỗ dài, dịch thoát ý.*

(36) *Danh vọng, lợi lộc.*

(37) *Bị lúc ‘thác cô’ đã trao cho Lý Nghiêm quyền hành gần như Gia Cát Lượng. Liêu Lập cho rằng mình có tài, xứng vào chức ấy.*

(38) *Đây là Lập nói đến việc lúc Bị mới lấy được Ích châu, không đánh Hán Trung mà lại dẫn quân về tranh giành ba quận với người Ngô. Tháo*

lấy được Hán Trung của Lỗ, Bị lại phải cắt ba quận ở Kinh châu trả cho Ngô.

(39) Biều văn gửi Hậu chủ.

(40) Chính là việc bỏ chức quan ở Kinh nam mà chạy khi bị quân Ngô đánh đã nói ở trên.

(41) Hậu chủ lên ngôi.

(42) Đất Vãn Sơn khi ấy là nơi bộ lạc người Phiên sinh sống. Y phục của dân tộc này có nét đặc trưng là vạt áo vắt qua bên trái.

QUYÊN 11 - HOẮC, VƯƠNG, HƯỚNG, TRƯƠNG, DƯƠNG, PHÍ TRUYỆN

HOẮC TUẤN TRUYỆN

Hoắc Tuấn tự Trọng Mạc, người Chi Giang, Nam Quận. Anh là Đốc, từng ở trong thôn chiêu tập mấy trăm người làm bộ hạ. Sau khi Đốc chết, Kinh Châu mục Lưu Biểu lệnh cho Tuấn thống lĩnh đám người này. Biểu chết, Tuấn dẫn quân đi theo Tiên Chủ, Tiên Chủ phong Tuấn làm Trung lang tướng. Tiên Chủ từ ải Hà Manh tiến xuống phía nam tập kích Lưu Chương, giữ Tuấn ở lại thủ Hà Manh. Trương Lỗ sai tướng Dương Bạch dụ Tuấn đầu hàng, Tuấn nói: “Lấy được đầu (Tuấn), không lấy được thành.” Bạch đành lui đi. Sau Chương sai tướng Phù Cấm, Hứa Tồn dẫn hơn vạn người từ trên Lăng Thủy vây công Tuấn, hơn một năm vẫn không thể hạ. Trong thành của Tuấn quân sỹ chỉ có mấy trăm người, chờ lúc sơ hở, lựa quân tinh nhuệ xuất kích, đại phá địch, chém đầu Tồn. Tiên Chủ bình định được đất Thục, khen thưởng công Tuấn, phân Quảng Hán thành Tứ Đồng quận, phong Tuấn làm Thái thú Tứ Đồng, Tì tướng quân. Làm quan ba năm, bốn mươi tuổi chết, táng tại Thành Đô. Tiên Chủ vô cùng thương tiếc, bèn hạ chiếu bảo Gia Cát Lượng: “Tuấn là tướng tốt, có công với nước, cần tới bái tế.” Sau đó đích thân dẫn quần thần tới điều tế, vì (Tiên Chủ) ngủ lại mộ, đương thời rất là vinh hiển.

Con Tuấn là Dục, tự Thiệu Tiên, làm Thái tử Xá Nhân⁽¹⁾ những năm cuối đời Tiên Chủ. Sau Hậu Chủ đăng cơ, phong làm Yết Giả. Thừa tướng Gia Cát Lượng bắc phạt đóng quân ở Hán Trung, mời đến làm Ký thất, cho ở chung với con trai mình là Gia Cát Kiêu để hai người qua lại với nhau. Lượng chết, được phong Hoàng Môn Thị lang. Hậu Chủ lập thái tử Toàn, phong Dục làm Trung Thứ Tử⁽²⁾, Toàn ham săn bắn, ra vào vô độ, Dục viện dẫn tích cổ, hết lời khuyên can, mãi dũa đưa vào quy củ. Sau được phong làm Tham Quân tại phủ Đôn Phó Nhị Đô Đốc tại Lai Hàng⁽³⁾, lại chuyển làm Hộ Quân, quản việc như trước. Lúc đó Di Liêu⁽⁴⁾ ở quận Vĩnh Xương không phục nổi dậy, mấy lần xâm phạm vào cõi, Dục kiêm nhiệm chức thái thú Vĩnh Xương, dẫn quân đi đánh, chém được đầu thủ

lĩnh giặc, phá tan nhà ấp, quận biên được yên ổn. Được thăng làm Tham quân, Dục Quân tướng quân, kiêm chức thái thú Kiến Ninh, còn quản việc Nam Quận. Năm Cảnh Diêu thứ sáu, được thăng làm An Nam tướng quân. Năm đó, Thục bị Ngụy chiếm, Dục ở Ba Đông và La Hiễn ở Tương Dương lĩnh quân bảo toàn một phương, giữ nguyên quân bản bộ xin hàng, do đó được giữ nguyên chức, lại được vua Ngụy sủng ái.

Sách Hán Tấn Xuân Thu chép : “Hoắc Dục nghe Ngụy quân tới, muốn trở về Thành Đô, nhưng Hậu Chủ đã định kế hoạch đầu hàng, không nghe theo. Thành Đô không hề thủ giữ, Dục mặc áo tang gào khóc, cả ba ngày trời không thôi. Các tướng đều khuyên nên mau chóng hàng, Dục nói: “Hiện giờ đường đi cách trở, chưa biết chúa an nguy thế nào, đại địch không biết ra sao, không thể tùy tiện. Nếu chúa thương và Ngụy hòa, lấy lễ mà đãi, ta sẽ bảo toàn biên cảnh mà hàng, khi đó cũng không muộn. Nếu vạn nhất có điều gì nguy nhục, ta sẽ lấy cái chết cự tuyệt, quan tâm chi đến nhanh chậm!” Sau khi được tin của Hậu Chủ mới dẫn tướng thủ ở sáu quận dâng biểu nói: “Thần nghe nói đời người có ba mối⁽⁵⁾ mà phụng sự cả ba chỉ một (nguyên tắc thôi). Gặp lúc nguy nan, ắt phải (cống hiến) sinh mệnh. Nay thần nước thua chủ hàng, chẳng thể thủ nữa, chỉ đành dâng lễ tỏ lòng, không dám phản bội.” Tấn Văn Vương nghe vậy, liền phong làm Đô đốc Nam Trung, giữ nguyên đất cũ. Sau này sai binh tướng tới cứu viện Lữ Hưng, bình định ba quận Giao Chỉ, Nhật Nam, Cửu Chân, được phong làm Liệt hầu, tiến hiệu thăng chức. Cháu Dục là Bưu, Thái thú Việt Tây đời Tấn.

Sách Tương Dương Ký có chép : La Hiễn tự Lệnh Tắc. Cha là Mông, tránh loạn mà tới Thục, quan làm tới thái thú Quảng Hán. Hiễn từ nhỏ đã học giỏi nổi tiếng, năm mười ba tuổi đã có thể viết văn. Hậu Chủ lập thái tử, phong cho làm Thái Tử Xá Nhân, sau thăng lên Thứ Tử⁽⁶⁾, Thượng Thư Sứ bộ lang, lĩnh chức chức Tuyên Tín Hiệu Úy sang sứ đất Ngô, người Ngô rất tán tụng. Lúc đó Hoàng Hạo can dự vào chính sự, mọi người đều hòa theo, Hiễn một mình không theo, Hạo ghét, đẩy đi làm Thái Thú Ba Đông. Lúc ấy Hữu đại tướng quân Diêm Vũ là đô đốc Ba Đông, Hậu Chủ phong Hiễn làm phó cho Vũ. Ngụy đi đánh Thục, (Hậu Chủ) gọi Vũ về tây⁽⁷⁾, lưu lại hai ngàn người của Vũ, lệnh Hiễn đi thủ thành Vĩnh An. Nghe tin Thành Đô thất bại, trong thành náo động, các Trưởng Sứ ở bên sông đều bỏ thành mà chạy, Hiễn chém chết một người nói Thành Đô đã loạn, bách tính mới ổn định. Được tin Hậu Chủ gọi về, Hiễn vẫn dẫn quân đóng lại đó. Ngô nghe tin Thục bại, khởi binh tiến về phía tây (Thục), nói dối là cứu viện, thực ra muốn đánh lén Hiễn. Hiễn nói: “Bản triều sụp đổ, Ngô là mối rầy, không những không cứu giúp mà còn nhân loạn đi kiếm lợi, phản bội mình ước. Mà Hán đã vong, Ngô liệu còn được bao lâu, sao có thể đi hàng Ngô chứ!” Bảo vệ thành trì, chĩnh đón trang bị, thề cùng tướng sĩ, thà mất mạng cũng phải giữ

tiết nghĩa. Ngô nghe tin Chung, Đặng⁽⁸⁾ thất bại, Thành Đô vô chủ, liền có lòng chiếm Thục, mà Ba Đông cố thủ, binh không thể vượt qua, liền dẫn binh tướng tiến về phía tây. Hiến thấy nơi đó gần sông, không thể phòng thủ, sai Tham Quân Dương Tông đột vây lên phía bắc, cáo cấp với An Đông tướng quân Trần Khiên, lại đưa cả ấn tín văn võ, tỏ lòng muốn hàng Tấn. Hai bên cùng nhau giao chiến, Hiến ra thành ứng chiến, đại phá quân Ngô. Tôn Hưu tức giận, liền sai Lục Kháng dẫn ba vạn quân đi vây đánh Hiến. Bị đánh tới sáu tháng mà viện quân không tới, trong thành bệnh tật quá nửa. Có người hiến kế nên bỏ chạy, Hiến nói: “Kẻ sĩ phải lấy nhân làm chủ, bách tính mong ngóng, đã không thể làm an cái nguy, vội vã bỏ chạy, quân tử há đâu lại làm như vậy, dù mất mạng cũng phải thủ lại nơi này.” Trần Khiên tấu lên Tấn vương, Tấn vương liền sai Thứ sử Kinh Châu là Hồ Liệt đi cứu Hiến, Kháng đành phải lui. Tấn Vương cho Hiến giữ nguyên việc cũ, phong làm Giang Lăng tướng quân, Vạn Niên đình hầu. Về sau bốn huyện ở Võ Lăng phản Ngô hàng Ngụy, Hiến liền được phong làm Thái thú Giang Lăng, Giám quân Ba Đông. Năm Thái Thủy nguyên niên cải phong làm Tây Ngạc huyện hầu. Hiến đưa vợ con về ở Lạc Dương, Vũ đế⁽⁹⁾ phong con Hiến là Tập làm Chấp Sự. Tháng ba năm (Thái Thủy) thứ tư, trong tiệc rượu của nhà vua tại Hoa Lâm viên, vua hỏi về các đại thần của nhà Thục, những ai có thể dùng, Hiến tiến cử Thường Kị, Đỗ Chấn, Thọ Lương ở Thục Quận, Trần Thọ ở Ba Đông, Cao Quĩ ở Nam quận, Lữ Nhã, Hứa Quốc ở Nam Dương, Phí Cung ở Giang Hạ, Gia Cát Kinh ở Lang Tà, Trần Dự ở Nhữ Nam, tất cả đều được dùng, công danh đủ cả. Khi Hiến vẫn còn, Tập lấy được Vu Thành của Ngô, nhân đó còn dăng kế đánh Ngô. Hiến sống nghiêm chỉnh, đãi binh sĩ không tệ, không ham tiền tài thích làm việc thiện, không để lại nhiều sản nghiệp. Năm (Thái Thủy) thứ sáu thì chết, được ban chức An Nam tướng quân, thụy là Liệt hầu. Con là Tập, làm Lăng Giang tướng quân thống lĩnh bộ thuộc cũ của cha, chết sớm, được truy phong làm Thái thú Quảng Hán. Con Tập là Huy, làm Nội sử ở Thuận Dương, năm Vĩnh Gia thứ năm chết vì loạn các vương. Những công hiến này, đồn đại khác nhau, cũng không được rõ ràng cho lắm.

VƯƠNG LIÊN TRUYỆN

Vương Liên tự Văn Nghi, người Nam Dương. Thời Lưu Chương, vào Thục làm huyện lệnh ở Tử Đông. Tiên Chủ khởi sự ở Hà Manh, tiến quân về nam, Liên đóng cửa thành không hàng, Tiên Chủ cho rằng là người nghĩa khí nên không bức bách. Khi (Tiên Chủ) bình định Thành Đô, phong Liên làm huyện lệnh Thập Phương, sau lại chuyển đến Quảng Đô, do làm việc có thành tích, được thăng làm Diêm ti Hiệu úy (10), nghiên cứu cái lợi của sắt muối, thu được rất nhiều lợi nhuận về cho nhà nước, vì vậy tuyển chọn được nhiều hiền tài về làm quan, như Lữ Nghiê, Đỗ Kỳ, Lưu Can (11), cuối cùng đều làm quan to, tất cả đều do Liên đề bạt. Sau được thăng làm Thái thú Thục Quận, Hưng Nghiệp tướng quân, vẫn quản việc muối như trước. Kiến Hưng nguyên niên (12), được thăng làm Truân kỵ Hiệu úy (13), lĩnh chức Thừa tướng Trưởng sử (14), phong làm Bình Dương đình hầu. Khi các quận ở phương Nam dấy binh làm phản, Gia Cát Lượng đích thân đi đánh dẹp, Liên can rằng: “Đó là đất nghèo túng, ôn dịch lại nhiều, không xứng để một người được cả nước kính ngưỡng như Thừa tướng phải đích thân đi”. Lượng nghĩ các tướng tài năng không bằng mình, nhất ý muốn đi, nhưng lời của Liên rất thành khẩn, đành tạm dừng lại rất lâu. Sau Liên chết, con là Sơn kế chức, làm quan tới Thái thú Giang Dương.

HƯỚNG LĂNG TRUYỆN

Hướng Lăng tự Cự Đạt, người huyện Nghi Thành, quận Tương Dương.

***Tương Dương ký chép :** sự phụ hồi nhỏ của Lăng là Tư Mã Đức Tháo, cùng Từ Nguyên Trực, Hàn Đức Cao, Bàng Sĩ Nguyên rất thân thiết.*

Kinh Châu mục Lưu Biểu dùng làm huyện trưởng huyện Lâm Tự. Biểu chết, theo Tiên Chủ. Tiên Chủ bình định khu vực bờ phía nam sông Trường Giang, cho Lăng quản việc quân dân bốn huyện Tỷ Quy, Di Đạo, Vu (Sơn), Di Lăng. Sau khi bình định Thục, sai Lăng làm Thái thú Ba Tây, không lâu sau thì chuyển đến Tường Kha, về sau lại rời tới Phòng Lăng. Hậu Chủ đăng cơ, Lăng được phong làm Bộ binh Hiệu úy, thay Vương Liên giữ chức Thừa tướng Trưởng sử. Thừa tướng Lượng nam chinh, Lăng ở lại lo chuyện hậu phương. Năm Kiến Hưng thứ năm, theo Lượng vào Hán Trung. Thường ngày quan hệ giữa Lăng và Mã Tắc rất tốt, Tắc chạy trốn, Lăng biết nhưng không báo, Lượng giận lắm, bãi chức quan đuổi về Thành Đô. Mấy năm sau, nhậm chức Quang lộc huân⁽¹⁵⁾, sau khi Lượng chết, được phong làm Tả tướng quân, khi luận đến công lao cũ, lại được phong làm Hiến Minh đình hầu, tước quan Đặc tiến⁽¹⁶⁾. Lúc xưa, khi Lăng còn trẻ tuy có xem qua văn học, nhưng không nghiên cứu tìm tòi điển tịch, ông vì tài làm quan mà được mọi người khen ngợi. Từ sau khi bị bãi chức Trưởng sử, nhàn nhã vô sự gần ba mươi năm,

***Thần Tùg Chi :** xét: Lăng vướng vào vụ Mã Tắc mà mất chức Trưởng sử là vào năm Kiến Hưng thứ sáu. Đến năm Diên Hi thứ mười thì chết, tất cả chỉ hai mươi năm mà thôi, ở đây viết “ba mươi”, chữ nghĩa có sai lầm.*

vì thế mà chuyên tâm nghiên cứu sách vở, cần mẫn không ngơi nghỉ. Khi qua tám mươi tuổi, còn chính tay hiệu đính sách, sửa chữa lỗi sai, thư tịch mà ông cất giữ là nhiều nhất hễ bấy giờ. Ông còn mở cửa tiếp khách, hướng dẫn chiêu nạp hậu bối, chỉ bàn luận việc xưa, không để ý đến chuyện thời sự, vì thế mà được khen ngợi. Trên cho đến quan viên chấp

chính, dưới cho tới trẻ con để chòm, ai cũng đều kính trọng. Năm Diên Hi thứ mười tám chết.

Tương Dương ký chép : Lãng để lại lời răn dạy con mình: “Thường nghe rằng đánh thắng trận quan trọng ở chỗ đoàn kết hòa hảo, nhất chí chống địch, chứ không phải dựa vào số đông. Lời này ý rằng trời đất yên bình thì vạn vật sinh ra, vua tôi hòa thuận thì quốc gia vững vàng, cửu tộc hòa hảo thì ai cũng thỏa nguyện, có được bình yên, cho nên thánh nhân giữ vững cái sự hòa thuận, tôn hay vong cũng đều do đó cả. Ta, chỉ là một tên tiểu tử của Sở quốc, từ sớm đã mồ côi, được nhị huynh nuôi dạy, tính tình cũng không đến nỗi theo lợi lộc mà sa đọa. Nay tuy rằng nghèo, nhưng nghèo không phải cái họa của người ta, hòa thuận mới là điều đáng quý nhất, con hãy cố gắng nhớ lấy lời này!”

Con là Điêu thừa kế, giữa năm Cảnh Diệu nhậm chức Ngự sử Trung thừa.

Tương Dương Ký chép : Điêu tự là Văn Báo, cũng học nhiều hiểu rộng, đến đời nhà Tấn làm Thái thú Giang Dương, Nam trung quân Tư mã.

Con của anh Lãng là Sủng, làm Nha môn tướng thời Tiên Chủ. Trong thất bại ở Tỷ Quy, chỉ có đội quân của Sủng là còn được nguyên vẹn trở về Kiến Hưng nguyên niên được phong làm Đô Đình hầu, sau lại làm Trung bộ đốc, cai quản quân Túc vệ. Khi Gia Cát Lượng sắp đi lên phía Bắc, ông dâng biểu tâu với Hậu Chủ rằng: “Tướng quân Hướng Sủng, phẩm chất lương thiện, hành vi nghiêm túc, hiểu biết việc quân. Trước đây khi dùng thử Tiên đế đã từng khen là người có tài, do đó mọi người tiến cử Sủng nhậm chức Trung bộ đốc. Theo ý thần, chuyện trong quân đều có thể đến hỏi người này, như thế nhất định có thể làm cho quân đội được hòa thuận và ăn ý, người giỏi kẻ kém được phân định rõ ràng.” Sau được thăng làm Trung lĩnh quân. Năm Duyên Hi thứ ba, đi đánh quân Ma Di ở quận Hán Gia, gặp nạn. Em của Sủng là Sung, từng làm những chức như Xạ Thanh Hiệu úy, Thượng thư...

Tương Dương ký chép : Tháng sáu Hàm Hi nguyên niên của Ngụy, Trần Tây tướng quân Vệ Quán tới Thành Đô, lấy được một viên Bích ngọc ẩn, hoa văn bên trên dường như là hai chữ “THÀNH TÍN”, sau khi đem nó ra khoe với các quan liền cất vào trong phủ Tướng quốc. Sung nghe thế bèn nói: “Ta từng nghe Tiêu Chu nói rằng, Tiên Đế tên húy là Bị, chữ “bị” ý rằng là cụ bị (có đủ) , Hậu Chủ tên húy là Thiện, chữ thiện trong thiện nhượng (nhường ngôi). Điều này ý rằng vương triều nhà Lưu đã có đủ cả rồi, giờ nên nhường cho người khác. Mà nay Trung phủ quân tên là Viêm, niên hiệu cuối cùng của nhà Hán lại dùng ở Viêm Hưng, Thành Đô có đêm lạnh, lại được thu về phủ Tướng quốc, đây chắc

đúng là ý trời rồi.” Năm ấy Sung được phong làm Thái thú Tử đông, tháng mười hai năm sau Tấn Vũ Đế lên ngôi, từ Viêm Hưng quả đã ứng nghiệm.

Tôn Thịnh viết: Khi xưa Công Tôn khởi nghiệp từ Thành Đô, hiệu là Thành Thị, hai chữ trên viên ngọc chắc là nói đến sự tích của ông ta.

TRƯƠNG DUỆ TRUYỆN

Trương Duệ tự Quân Tự, người Thục Quận, Thành Đô. Nghiên cứu sách “Công Dương Xuân Thu”⁽¹⁷⁾, tinh thông cả Sử, Hán⁽¹⁸⁾. Hứa Văn Hưu⁽¹⁹⁾ ở Nhữ Nam sau khi vào Thục, cho rằng Duệ làm việc chính xác hẳn tiếp, là loại người tựa như Chung Nguyên Thường⁽²⁰⁾ ở Trung Nguyên. Thời Lưu Chương, được cử là Hiếu liêm, huyện trưởng huyện Ngự Phục, khi về trong châu tạm thời làm Tùng sự, kiêm cả chức Tư mã trong quân. Trương Phi từ Kinh Châu vào Thục qua Điểm Giang, Chương sai Duệ càn quân, bày trận ngăn cản Trương Phi ở Mạch Hạ thuộc Đức Dương, quân thua, trở về Thành Đô, làm sứ giả cho Chương đến chỗ Tiên Chủ. Tiên Chủ hứa rằng sẽ dùng lễ quân chủ để đãi Chương, sắp xếp thỏa đáng cho dân chúng trong thành, Duệ trở về, cửa thành được mở ra. Tiên Chủ cho Duệ làm Thái thú Ba Quận, sau khi trở về được phong chức Tư kim Trung lang tướng, chưởng quản việc chế tạo nông cụ và vũ khí chiến tranh. Trước việc này, người dân Ích châu nổi lên, giết Thái thú Chính Ngang, lão tướng tại bản địa là Ung Khải nổi tiếng ân đức lễ nghĩa ở phía nam phái sứ giả đi bốn phương, thông đờng với Tôn Quyền ở xa. Tiên Chủ cho Duệ làm Thái thú Ích Châu, Duệ trực tiếp đi thẳng tới châu quận. Khải nông cu cũng không chịu quy phục, sau khi bắt lấy Duệ liền giả lời Quỷ giáo nói: “Trương phủ doãn như chiếc hồ lô, bên ngoài tuy bóng nhưng trong thực ra lại thô ráp, không đáng để giết, sai người trói lại đem đưa tới Ngô.” Vì thế liền đưa Duệ đến chỗ Quyền.

Gặp lúc Tiên Chủ qua đời, Gia Cát Lượng sai Đặng Chi đi sứ Ngô, Lượng bảo Chi sau khi nói xong những chuyện chủ yếu thì xin thả Duệ về. Duệ đến Đông Ngô đã được mấy năm, lưu vong ẩn nấp khắp nơi, Quyền không biết đến, do đó đáp ứng Chi cho Duệ về. Lúc Duệ sắp đi, Quyền triệu kiến Duệ đến, hỏi rằng: “Đất Thục có vị nữ tử ở góa họ Trác, tư bọn theo Tư Mã Trương Như, phong tục của quý thổ sao lại có thể như vậy?” Duệ đáp rằng: “Theo ngu ý của thần thì góa phụ họ Trác so với vợ của Chu

Mãi Thần còn hiền đức hơn.” Quyên lại nói với Duệ rằng: “Sau khi ngài trở về, nhất định sẽ được làm quan trong triều đình Tây Thục, cuối cùng cũng chẳng cần làm lão nông ở nơi đồng ruộng nữa rồi, ngài sẽ báo đáp ta như thế nào đây?” Duệ đáp rằng: “Duệ mang tội mà trở về, tính mạng này sẽ phải giao cho quan chấp pháp xử trí, nếu may mắn được miễn tội mà toàn thân, năm mươi tám năm trước là của phụ mẫu ban cho, từ đó về sau là ân điển của đại vương.” Quyên nghe vậy thì vui vẻ cười lên, tỏ vẻ coi trọng Duệ. Duệ sau khi ra khỏi cửa ngạch, vô cùng hối hận vì đã không giả vờ ngu ngốc, ngay sau đó liền lập tức lên thuyền, gia tăng tốc độ gấp rút khởi hành. Tôn Quyên quả nhiên phái người đuổi theo, Duệ đã vào trong cảnh giới Vĩnh An được mấy chục dặm, kẻ đuổi theo không thể đuổi kịp.

Đến đất Thục, Thừa tướng Lượng dùng làm Tham quân, thay quyên giải quyết những việc trong phủ Thừa tướng, lại kiêm nhiệm cả chức Trị trung Tùng sự⁽²¹⁾ Ích Châu. Lượng xuất binh đóng ở Hán Trung, Duệ dùng thân phận Xạ thanh Hiệu úy kiêm nhiệm chức Lưu phủ Trưởng lại⁽²²⁾. Thường khen Gia Cát Lượng rằng: “Thường công không bỏ sót người ở xa, phạt tội không ngại kẻ thân cận bên cạnh, tước vị không thể không có công lao mà lấy được, hình phạt không thể vì người phú quý mà miễn bỏ, đây chính mà nguyên nhân khiến cả người hiền lẫn kẻ ngu đều quên mình nỗ lực.” Năm thứ hai, đi lên phía bắc để bàn chuyện với Lượng, người đưa tiễn có mấy trăm, xe chật cả đường. Duệ viết thư cho người thân tín của mình rằng: “Gần đây phải đi đường xa, ngày đêm ngheh đón khách khứa, không được ngủ ngon. Mọi người tự nhiên là đều tôn kính Thừa tướng Trưởng lại, (thế nhưng) con trai Trương Quên chỉ là phụ giúp về mặt này mà cũng mệt mỏi muốn chết.” Giọng điệu của ông vẫn luôn khôi hài và trôi chảy như vậy.

***Thần Tùng Chi** : xét: nói năng khôi hài quý là ở chỗ tâm cơ mẫn tiệp, sách có sơ sót thì cần phải lưu ý. Nay thấy sách viết rằng là nói chuyện khôi hài, thực không đúng với đạo lý.*

Thuở nhỏ thân thiết với Dương Cung ở Kiên Vi, Cung chết sớm, để lại đứa con côi còn chưa được mấy tuổi, Duệ đón về và giữ lại, chia phòng cho cùng ở. Duệ còn hầu hạ mẹ Cung như với mẹ mình. Con của Cung là Tức lớn lên, Duệ lấy vợ, mua nhà cửa ruộng vườn cho, để Tức tách hộ ra riêng. Duệ giúp đỡ bạn cũ, cứu tế cho những người nghèo đói trong tông tộc, những nghĩa cử như vậy rất nhiều. Sau lại được gia phong là Phụ Hán

Tướng quân, kiêm cả chức Trưởng lại như cũ. Năm Kiến Hưng thứ tám chết. Con là Mạo kế nghiệp, nhiều lần đảm nhiệm chức Quận thú Giám quân ở ba quận. Em Mạo là Đô, giữ chức Trung thứ tử hầu hạ cho Thái tử.

DƯƠNG HỒNG TRUYỆN

Dương Hồng tự Quý Hưu, người Vũ Dương quận Kiện Vi, thời Lưu Chương đã từng làm quan ở các quận. Tiên Chủ bình định Thục, Thái thú Lý Nghiêm lệnh cho Dương Hồng làm Công tào. Nghiêm muốn di chuyển quận nha, Hồng kiên quyết ngăn cản nhưng Nghiêm không chịu nghe theo, vì thế bèn bỏ chức Công tào, xin từ quan. Nghiêm tiến cử Hồng đến châu phủ, Hồng được nhậm chức Thục Bộ tòng sự. Lúc Tiên Chủ tranh đoạt Hán Trung, gửi thư khẩn cấp về muốn phái thêm binh, Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng hỏi Hồng về chuyện này, Hồng đáp: “Hán Trung là yết hầu của Ích Châu, là nơi quan trọng liên quan đến chuyện tồn vong, nếu không có Hán Trung thì sẽ không có Thục nữa, đó là cái tai họa ở trước cửa nhà. Trận chiến này, đàn ông phải tham gia chiến đấu, đàn bà phải tham gia vận chuyển, chuyện phát binh thì có gì phải nghi ngại nữa?” Khi ấy Thái thú Thục Quận là Pháp Chính theo Tiên Chủ lên phía Bắc, vì thế Lượng dâng biểu xin cho Hồng lĩnh chức Thái thú Thục Quận. Mọi chuyện Dương Hồng đều làm rất tốt, vì thế đã chính thức để Hồng nhậm chức đó. Không lâu sau, được đi đầu làm Trị trung tòng sự Ích Châu.

Sau khi Tiên Chủ xưng tôn hiệu, đánh Đông Ngô không giành được thắng lợi, khi trở về lưu lại ở Vĩnh An. Thái thú Hán Gia là Hoàng Nguyên vì trước nay luôn bị Gia Cát Lượng cho rằng là người không tốt, nghe tin Tiên Chủ bị bệnh, sợ có tai họa, do đó liền dẫn quân toàn quận tạo phản, thiêu hủy thành Lâm Củng. Khi ấy Lượng đang đi về phía Đông thăm hỏi bệnh tình Tiên Chủ, Thành Đô trống rỗng, cho nên Nguyên càng thêm không hề sợ hãi đi đầu gì. Hồng lập tức khởi tấu với Thái tử, xin phái thân binh của thái tử, để tướng quân Trần Hốt, Trịnh Xước đi đánh Nguyên. Mọi người đều cho rằng nếu Nguyên không thể bao vây Thành Đô, nhất định sẽ đi qua Việt Tây tới chiếm Nam Trung, Hồng nói: “Trước nay Nguyên vốn tính tình hung bạo, không hề có ân tình tín nghĩa với ai, sao có thể làm được như thế chứ? Chắc chắn là hắn sẽ ngỗ ngược đi xuống phía

Đông, hi vọng chúa thượng có thể bình an, hần sẽ đầu hàng và trở về chịu chết; nếu có đi đâu gì dị thường, hần sẽ chạy đến nước Ngô để mong được sống.” Hốt, Xước theo lời H ồng, quả nhiên bắt sống được Nguyên. Kiến Hưng nguyên niên, H ồng được ban tước Quan nội hầu, lại trở lại nhậm chức Thái thú Thục Quận, Trung Tiết tướng quân, sau lại làm Việt Kỳ hiệu úy, cai quản quận như cũ.

Năm Kiến Hưng thứ năm, Thừa tướng Lượng lên phía Bắc đóng ở Hán Trung, muốn dùng Trương Duệ làm Lưu phủ Trưởng sử, hỏi H ồng xem thế nào? H ồng đáp rằng: “Duệ trời sinh thông minh cẩn thận có thể biết được thị phi, sở trường là xử lý những sự vụ khẩn cấp, tài của Duệ có thể đảm đương được chức này. Thế nhưng tính Duệ không công bình, sợ rằng không thể chuyên cần với chức vụ, không bằng lưu Hướng Lăng lại. Lăng có ít tật, hợp với việc ấy hơn. Còn Duệ nên để theo hầu dưới trướng ngài, để y có thể cống hiến tài năng, như thế là tiện cả đôi đường.” Lúc xưa, Duệ và H ồng thân thiện với nhau. Khi Duệ bị đày ở Ngô, H ồng cai quản quận mà Duệ ở lúc trước. Con Duệ là Uất làm Quận lại, vì phạm phải lỗi nhỏ mà bị xử phạt, không hề được đặc cách. Sau khi Duệ trở về nghe thế, vô cùng căm hận, tình cảm với H ồng giảm bớt rất nhiều. H ồng sau khi thấy Lượng đi ra liền đến chỗ Duệ, thuật lại những lời mà mình đã nói với Lượng. Duệ trả lời H ồng rằng: “Ý Thừa tướng muốn để ta ở lại đã rất rõ ràng, Thái thú sao có thể ngăn cản nổi.” Khi ấy mọi người đều hoài nghi H ồng muốn tự mình làm Trưởng sử, có người thì nghi H ồng biết Duệ ghét mình, không muốn để Duệ nhậm chức quan trọng, quản việc ở hậu phương. Sau này Duệ bất hòa với Tỳ Diêm Hiệu Úy ⁽²³⁾ là Sầm Thuật, hai người căm hận lẫn nhau. Lượng gửi thư cho Duệ rằng: “Ngài trước đây ở Mịch Hạ bị bại trận, doanh trại bị hủy hoại, ta vì ngài mà lo lắng, cơm ăn không biết ngon; sau ngài lại lưu vong đến Nam Hải, ta vì ngài mà cảm thấy buồn rầu, ngủ không được an giấc; đợi lúc ngài trở về, ta ủy thác cho ngài nhiệm vụ quan trọng, cùng phò tá vương thất, ta vốn cho rằng ta và ngài đã là giống như ‘thạch giao’ mà cổ nhân nói rồi. Ý của ‘thạch giao’ chính là đề cử cho kẻ thù để cho hai bên cùng đạt được lợi ích, cắt xương cắt thịt để biểu thị tấm lòng, còn không được khước từ lời nhờ vả, huống chi ta còn phải dựa vào Nguyên Kiệm ⁽²⁴⁾, vậy mà ngài không thể nhin sao?” Người bình luận vì vậy mà cho rằng H ồng không có tư tâm.

Thuở nhỏ Hồng không hiểu học, nhưng trung hậu trong sáng và thật thà bộc trực, coi việc công như việc nhà, phụng dưỡng mẹ kế rất hiếu thuận. Năm Kiến Hưng thứ sáu, chết khi đang làm quan. Ban đầu Hồng làm Công tào cho Lý Nghiêm, sau này Nghiêm còn chưa rời khỏi Kiên Vi để đi nhậm chức thì Hồng đã được làm Thái thú Thục Quận rồi. Hồng cất nhắc môn hạ là thư tá Hà Chi, Chi rất có tài năng và mưu lược, tiến cử làm Quận lại, mấy năm sau Chi đã được thăng làm Thái thú Quảng Hán, khi ấy Hồng vẫn còn ở Thục Quận. Vì thế những người ở vùng phía Tây đều khâm phục Gia Cát Lượng có thể để người ta phát huy được hết tài năng của bản thân.

Ích Bộ Kỳ Cựu truyện tạp ký chép : Mỗi lần triều hội Chi đều ngồi sau Hồng. Một lần hai người gặp nhau, Hồng đùa rằng: “Ngựa của ngài đi như thế nào?” Chi đáp: “Ngựa của kẻ dưới không dám đi, nhưng Thái thú cũng đâu có đánh.” Mọi người biết được chuyện này đều cảm thấy tức cười. Chi tự là Quân Túc, thuở nhỏ nghèo khó, là người độ lượng rộng rãi, hình thể to lớn, lại năng ăn uống, thích thanh sắc, không chủ trương tiết kiệm, vì thế không được nhiều người coi trọng. Có lần Chi mơ thấy cây dâu mọc trong giếng, Chi đem chuyện này đi hỏi người coi mộng Triệu Trực, Trực đáp: “Dâu không phải là vật trong giếng, ắt phải trồng nơi khác; bốn mươi thêm tám là bốn tám, tuổi ngài e không qua nổi con số đó.” Chi cười nói: “Được vậy là đã tốt rồi.” Chi làm Thái thú, sau kiêm thêm Đốc quân từng sự. Khi ấy Gia Cát Lượng dùng pháp luật rất nghiêm khắc, thăm nghe Chi vui chơi buông thả, không chuyên cần với chức trách, muốn bắt Chi bỏ ngục. Mọi người đều sợ thay cho Chi. Chi nghe thấy tin này thì rất sợ hãi, nửa đêm thấp đèn đi gặp tù phạm, đọc hết các cáo trạng. Gia Cát đến nơi, Chi đã ngâm học thuộc lòng hết, đối đáp giải thích đều rất ổn thỏa, Lượng vô cùng kinh ngạc. Sau này được bổ nhiệm chức Huyện lệnh Thành Đô, khi ấy Bì Huyện thiếu chức Huyện lệnh, cho Chi kiêm luôn hai huyện. Nhân khẩu hai huyện rất nhiều, lại gần sát với kinh đô, cho nên kẻ gian cũng lắm. Mỗi lần thăm vấn phạm nhân Hà Chi đều ngủ gật. Nhưng sau khi tỉnh lại là có thể nói rõ hết những chuyện tốt xấu mà người khác đã làm ra, mọi người đều sợ Hà Chi nhắc lộ ra chuyện xấu của mình, lại cho rằng Chi có phép thuật lợi hại gì đó, không có ai dám làm chuyện xấu. Lại có lần bảo người đếm một dãy các số, Chi chỉ nghe liền có thể nhớ được, không sai chút nào, sự tinh minh của Chi có thể thấy qua đó. Người Di ở quận Vãn Sơn không yên, Chi được cử làm Thái thú Vãn Sơn, người Di đều tin phục. Sau này Chi dời đến Quảng Hán, người Di liền tạo phản, họ nói: “Các người tìm được người nào như Thái thú tiên nhiệm thì mới có thể khiến chúng ta khuất phục!” Khi ấy Hà Chi thân mang nhiệm vụ nặng nề, triều đình chỉ đánh phái người trong tộc của Chi đảm nhiệm chức ấy, nhờ thế mà Vãn Sơn lại được yên ổn. Sau này Chi lại chuyển đến làm Thái thú Kiên Vi.

Năm bốn mươi tám tuổi thì chết, đúng như lời Trưc từng nói. Sau này lại có Vương Ly ở Quảng Hán cũng rất có tài năng, được bổ làm Đốc quân tòng sự, làm việc chắc chắn, cẩn trọng, sau khi Chi chết thì thay thì làm Thái thú Kiên Vi, cai trị rất tốt, tuy không thông minh bằng Chi nhưng tài hoa thì lại hơn hẳn.

PHÍ THI TRUYỆN

Phí Thi tự Công Cử, người quận Kiến Vi huyện Nam An. Thời Lưu Chương lấy Thi làm huyện lệnh huyện Miên Trúc, lúc Tiên chủ đánh Miên Trúc, Thi sớm đầu hàng. Thành Đô đã định, Tiên chủ lĩnh chức Ích châu mục, lấy Thi làm Đốc quân Tòng sự, rồi đổi ra ngoài làm Tang Ca thái thú, khi về lại Ích châu được làm Tiễn bộ Tư mã.

Tiên chủ xưng làm Hán Trung Vương, phái Thi đến phong Quan Vũ làm Tiễn tướng quân, Vũ nghe tin Hoàng Trung được thăng làm Hậu tướng quân, bèn nổi giận nói: “Bậc đại trượng phu sao có thể cùng đứng ngang hàng với tên lính già!” Rồi nhất quyết không nhận thụ phong. Phi nói với Vũ rằng: “Kẻ lập vương nghiệp, phải biết dụng hết nhân tài. Xưa Tiêu (Hàn) - Tào (Tham) cùng với Cao Tổ thân thiết từ thuở nhỏ, mà Trần (Bình) - Hàn (Tấn) là kẻ vong mệnh đến sau, khi luận công ban tước, Hàn được ngôi cao nhất, cũng chưa nghe thấy Tiêu - Tào buông lời oán giận. Nay Hán Vương xét công lao, sùng kính Hán Thăng, chẳng có ý gì khinh trọng giữa quân hầu và Hoàng tướng quân vậy! Vả lại Hán Vương và quân hầu cũng giống như một thể, cùng hưởng yên vui cùng chung lo lắng, họa phúc cùng chia, theo ngụ ý của tôi thì quân hầu chẳng nên so đo quan hiệu cao thấp, tước lộc ít hay nhiều vậy. Kẻ hèn này chỉ là viên sứ giả, vâng mệnh người khác mà đến, nếu quân hầu chẳng nhận thụ phong, tôi cũng phải trở về thôi, song tôi thực sự tiếc về hành vi của tướng quân, sợ rằng sau này tướng quân phải hối hận.” Vũ tỉnh ngộ ra, vội vàng cúi nhận ấn thụ.

Sau này quần thần bàn luận muốn Hán Trung Vương xưng tôn hào, Thi tâu rằng: “Điện hạ nhân vì cha con Tào Tháo bức vua (Hiển Đế) cướp lấy ngôi cao nên mới phải đi xa vạn dặm, tập hợp quần sỹ, thảo phạt phản tặc. Nay đại địch chưa diệt được, đã muốn tự lập làm vua, sợ rằng nhân tâm nghi hoặc. Xưa Cao Tổ cùng với Sở (Hạng Vũ) ước hẹn, ai phá được Tần trước thì làm vương. Thế mà khi vào được Hàm Dương, bắt sống được Tử Anh, còn lo lắng nhún nhường mà từ chối, huống chi Điện hạ còn chưa ra

khỏi môn đình, đã muốn tự lập làm đế sao! Ngu thần thành thật xin Điện hạ chẳng nên”. Bởi thế nên bị cho rằng đã nói lời ngỗ ngược, mới giáng chức xuống làm Tòng sự quận Vĩnh Xương.

Năm Kiến Hưng thứ ba, theo Gia Cát Lượng xuôi Nam, khi về đến huyện Hán Dương, hàng tướng Lý Hống (Ngụy tướng) đến gặp Lượng, Lượng tiếp kiến Hống ở đó, bấy giờ Tưởng Uyển cùng với Phí Thi cũng ngời đây. Hống nói: “Khi trước tôi từng gặp Mạnh Đạt, lúc tôi sắp về Nam lại gặp được Vương Xung ở đó, ông ta nói rằng lúc Mạnh Đạt bỏ đi, mình công giận rằng tức giận, muốn tru lục hết vợ con Đạt, may mà Tiên đế không nghe theo. Đạt nói: ‘Gia Cát Lượng xét việc có ngu ần có ngọn, thủy chung chẳng thể như vậy được’. Nhất định chẳng tin lời Xung, vẫn tỏ lòng kính ngưỡng mình công, song vẫn chưa dám quay về” Lượng bảo với Uyển và Thi rằng: “Khi về Thành Đô nên gửi thư cho y để nghe ngóng tin tức”. Thi dưng lời rằng: “Mạnh Đạt là kẻ nhỏ nhen, khi trước làm việc giúp chúa (Chương) mà bất trung, sau này lại phản bội Tiên đế, thật là kẻ phản phúc, sao đáng thư từ hứa hẹn đây!” Lượng chỉ lặng yên suy nghĩ mà không đáp.

Lượng muốn dụ Đạt làm ngoại viện, mới gửi thư cho Đạt rằng: “Năm ngoái tôi Nam chinh, lúc trở về, mới cùng Lý Hống ở gặp gỡ Hán Dương, nhờ đó biết được tin tức của ngài, cứ cảm thán bụi ngùi mãi, xét chí hướng cao khiết của túc hạ, (nguyên văn câu này là ‘bình tố chi chí’ mà ‘tố’ chỉ cái mộc mạc, trắng trong - chẳng phải là nói rằng chí hướng của Đạt là cao khiết sao? Cơ mà lão Đạt này cao khiết cái quái gì, phản phúc vô thường bỏ mịa đi ấy chứ, hay anh Khổng ‘nịnh thơ’ đấy nhỉ?) há phải bậc cầ lấy chút danh phận vinh hoa hư hão, bám lấy sự quý hiển trái lẽ như thế! Hỡi ôi ngài Mạnh, thật chỉ bởi Lưu Phong ngấm ngầm bức hiếp túc hạ, làm phương hại đến cái nghĩa đãi ngộ kẻ sĩ của Tiên đế. Lại nghe Lý Hống nói Vương Xung cố ý nói xằng bậy, mà túc hạ vẫn hiểu được lòng ta, chẳng nghe theo lời Xung. Để trải tấc lòng mình cùng túc hạ, tỏ rõ cái tình ngày trước, đoái trông về phía Đông, sai gửi thư này”.

Đạt nhận được thư của Lượng, rất đổi vui mừng, mới phản lại nước Ngụy. Ngụy sai Tư mã Tuyên Vương đến đó (Tân Thành), tức khắc chém được Đạt. Lượng cũng vì Đạt không thành tâm nên chẳng đến cứu trợ.

Khi Tưởng Uyển nắm việc chính sự, lấy Thi làm Giám Nghị đại phu, sau Thi chết tại gia.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Tên chức quan thời Tần Hán, là người thân cận chuyên ở cạnh Thái tử.
- (2) Chức quan tương đương với Thị trung, chuyên đi theo hầu Quốc quân, Thái tử, Tướng quốc.
- (3) Nhà Thục Hán đặt ra phép quận đồn, Lai Hàn đồn hiện ở khu vực huyện Khúc Tĩnh, tỉnh Vân Nam. Chức Tham Quân giống như cố vấn.
- (4) Ý chỉ các dân tộc thiểu số.
- (5) Túc quân, sư, phụ.
- (6) Tên chức quan, người đi theo sát Thái Tử.
- (7) Chỉ Tây Thục.
- (8) Chung Hội, Đặng Ngải.
- (9) Tư Mã Viêm.
- (10) Tên chức quan, Lưu Bị đặt ra khi bình định Ích Châu, quản việc khai thác sắt và muối.
- (11) Lữ Nghệ tự Quý Dương, xem quyển 39, Lữ Nghệ truyện. Đỗ Kỳ: người Nam Dương, từng nhậm chức Diển tào đô úy. Lưu Can: người Nam Hương.
- (12) Năm 223 sau công nguyên. Kiến Hưng: niên hiệu đầu tiên của Hậu Chủ Lưu Thiện.
- (13) Tên chức quan, chuyên quản bộ đội đặc chủng.
- (14) Tên chức quan, quản các việc trong phủ Thừa tướng, tương đương với thư ký trưởng.
- (15) Chức quan thời Tần Hán, phụ trách canh giữ cửa cung điện.
- (16) Không phải chức quan chính thức, phong cho người có địa vị đặc thù, khi ngồi trong triều chỉ dưới Tam công.

(17). Còn gọi là “Công Dương Xuân Thu truyện” hay “Công Dương truyện”, một trong những tác phẩm kinh điển của nho gia, do Công Dương Cao thời Chiến Quốc viết.

(18). Sử chỉ “Sử Ký” do Tư Mã Thiên Viết, Hán chỉ “Hán Thư” do Ban Cố thời Đông Hán viết.

(19). Hứa Tĩnh, tự Văn Hưu, quyển 38.

(20). Chung Do, tự Nguyên Trùng, quyển 13.

(21). Một trong các chức Tòng sự.

(22). Lưu phủ Trưởng lại: tên chức quan, là vị Trưởng lại lưu lại phủ Thừa tướng để xử lý các việc trong phủ.

(23). Tỳ Diêm Hiệu Úy: Chức danh do Lưu Bị đặt ra khi mới vào Thục, chuyên lo sản xuất và kinh doanh muối.

(24). Tên tự của Sâm Thuật

**QUYỂN 12 - ĐỒ, CHU, ĐỒ, HỨA, MẠNH, LAI, DUẨN,
LÝ, TIỂU, KHÍCH TRUYỆN.**

ĐỖ VI TRUYỆN

Đỗ Vi tự Quốc Phụ, người huyện Phù quận Tử Đằng, khi còn nhỏ theo học Nhậm An người Quảng Hán. Lưu Chương dùng làm Tòng Sự, (Vi) cáo bệnh từ quan. Khi Tiên Chủ an định Ích Châu, Vi thường tự nhận bị điếc, đóng cửa không ra ngoài. Năm Kiến Hưng thứ ba, Thừa Tướng Lượng nhậm chức Ích Châu mục, khéo léo giản ước việc tuyển chọn nghề đón tất cả những người phẩm hạnh nổi tiếng lâu nay. Lấy Tần Mật làm Biệt Giá, Ngũ Lương làm Công Tào, Vi làm Chủ Bộ. Vi một mực từ chối mà kiêu cửu đưa đi. Đến nơi, Lượng dắt Vi vào giới thiệu, Vi vẫn tỏ ý chối từ. Lớn tiếng mà Vi không nghe thấy, bèn mời (Vi) ngồi, trao cho giấy viết rằng: "Từng nghe, việc thi hành chính đức đã trải qua cơn khao khát, trong đục đôi dòng, không thể gặp nhau. Các vị Vương Nguyên Thái, Lý Bá Nhân, Vương Văn Nghi, Dương Quý Hưu, Đinh Quân Cán, anh em Lý Vĩnh Nam, Văn Trọng Bảo thường khen ngợi cao chí (của ngài, làm tôi) chưa gặp mặt mà ngỡ như bạn cũ. (Tôi nay) thấp kém chỉ có hư danh, thống lĩnh quý châu thật là đức bạc mà phải gánh trọng trách nên lo nghĩ ưu tư. Chúa Công nay tuổi mới vừa mười tám, tính cách nhân từ tư chất thông tuệ, lại có lòng kính đức nhường sĩ. Người trong thiên hạ đều tưởng nhớ Hán thất, (tôi) muốn cùng ngài nhân khi trời thuận lòng dân, phù trì minh chúa, kiến lập công lao hưng thịnh sâu dày, ghi lại huân nghiệp vào tre lụa. Còn như ngài cho rằng kẻ hiền người ngu không thể cùng mưu sự, cố tình dứt bỏ, tự giữ lấy mình chính là tự mình chịu uỷ khuất vậy." Vi vẫn kêu xin già yếu đòi về Lượng lại lấy giấy viết rằng: "Tào Phi tiếm ngôi, thí chúa, tự lập làm vua, có cái tiếng tăm gian trá của loài rắn đất chó rơm. (Tôi) Muốn cùng chư vị hiền giả nhân lúc sự tà ác sai trái của nó đã rõ ràng, dùng chính đạo mà tiêu diệt. Ngài (tính cách) đặc biệt chưa có lời gì chỉ bảo cho nhau đã muốn quay về nơi sơn dã. (Tôi) Tuân phụng lại phải đại hưng lao dịch đi về Ngô, Sở. Nay người đầu bận rộn, hãy tạm đóng cửa chăm lo việc ruộng đồng, dưỡng sức dân nuôi sản vật, lại sửa sang quân đội, đợi

chờ cơ hội rồi sau mới ra đánh. Có thể khiến cho lính không phải đánh nhau, dân không phải lao dịch mà an định được thiên hạ. (Tôi chỉ mong) Ngài gánh vác việc lấy đức giúp đời mà thôi, không đòi hỏi ngài phải tham dự việc quân. Sao ngài máu mủn đòi về làm vậy!” (Lượng) Kính Vi như vậy. Bái Vi làm Giám Nghị đại phu, cũng là theo nguyện vọng (của Vi).

Ngũ Lương tự Đức sơn, Người đất Nam An quận Kiện Vi. Nổi tiếng tiết tháo, giỏi Nho học. Làm Tòng Nghị Lang, được thăng Giám Nghị đại phu, Ngũ Quan Trung lang tướng.

CHU QUẦN TRUYỆN

Chu Quần tự Trọng Thực, người Lăng Trung quận Ba Tây. Cha (Quần) là Thư tự Thúc Bối, lúc nhỏ theo học Dương Hậu người Quảng Hán, danh tiếng ngang với Đồng Phù, Nhậm An. Vài ba lần được gọi (ra làm quan) nhưng cuối cùng đều không tới. Người đương thời hỏi rằng: Sách “Xuân Thu Sấm” có nói: ‘Thay thế nhà Hán là ‘Đương Đột Cao’, lời này nghĩa là sao? Quần nói: “Đương Đột Cao là (nhà) Ngụy đấy.” Kẻ có học trong vùng ngầm truyền nhau lời này (của Thư). Quần được Thư dạy dỗ từ thuở bé, chuyên tâm vào việc xét thời tiết. Nhà (Quần) giàu nhiều nô bộc, trong sân dựng một ngôi lầu nhỏ, thường sai gia nhân luân phiên túc trực quan sát thiên tượng bất kể ngày đêm, vừa thấy một biểu hiện nào lập tức báo với Quần để Quần tự thân ra xem xét. Vì vậy hề có thay đổi thời tiết, không có gì (Quần) không trông thấy, do đó lời (Quần nói về khí hậu, điếm triệu) đa phần chính xác. Châu Mục Lưu Chương mời làm Sư Hữu Tông Sự.

Tục Hán thư chép : ”Năm Kiến An thứ bảy, Việt Tây có nam tử hoá thành nữ nhân. lúc ấy Quần nói thời Ai Đế đã từng có chuyện này, đây là điềm sắp có việc thay triều đổi đại. Đến năm Kiến An thứ hai mươi lăm, Hiến Đế quả nhiên nhận phong về Sơn Dương⁽¹⁾. Tháng mười năm (Kiến An) thứ mười hai, có sao chổi với đuôi chim thuần xuất hiện ở địa phận Kinh Châu. Quần nói ấy là điềm Kinh Châu Mục chết và mất đất. Mùa thu năm sau, Lưu Biểu chết, Tào Công dẹp yên Kinh Châu. Tháng mười hai năm (Kiến An) thứ mười bảy, có sao chổi với năm quầng. Quần nói ấy là điềm các thổ hào địa phương cát cứ miền tây đều mất đất. Lúc bấy giờ, Lưu Chương chiếm Ích Châu, Trương Lỗ chiếm Hán Trung, Hàn Toại chiếm Lương Châu, Tống Kiến chiếm Phú Hãn. Mùa đông năm sau, Tào Công sai Thiên Tướng đánh Lương Châu. Năm (Kiến An) thứ mười chín, (Tào Công) bắt được Tống Kiến; Hàn Toại chạy vào Khương Trung rồi bị giết. Mùa thu cùng năm, Chương mất Ích Châu. Mùa thu năm (Kiến An) thứ hai mươi, Tào Công tấn công Hán Trung, Trương Lỗ ra hàng.

Tiên Chủ bình định đất Thục, an bài (Quần) làm Nho Lâm Hiệu úy. Tiên Chủ muốn cùng Tào Công tranh đoạt Hán Trung, hỏi Quần. Quần đáp rằng: ”Được đất mà không được dân. Nếu tiến quân vào chỗ hẻo lánh xa xôi, tất

gặp bất lợi, phải cẩn thận đề phòng!” Thời ấy Châu Hậu bộ Tư mã Thục Quận Trương Dự cũng hiểu việc chiêm bốc, tài vượt quá Qu ần, Dự tự Nam Hoà, can Tiên Chủ rằng: ”Không nên tranh chiến Hán Trung, ra quân tất bất lợi.” Tiên Chủ không dùng lời Dự. Quả nhiên được đất mà không được dân. (Tiên Chủ) sai bọn tướng quân Ngô Lan Lôi Đông tiến quân vào Vũ Đô, đầu chết chẳng quay về, đúng như lời Qu ần nói. Vì thế cử Qu ần làm Mậu Tài.

Dự lại nói riêng với người rằng: ”Sao Thái Tuế ở phương Canh Tí, thiên hạ có việc đổi tri ều. Khí số họ Lưu đã hết. Chúa Công được Ích Châu, sau chín năm, vào khoảng Dần Mão thì mất.” Người ấy mật trình (với Tiên Chủ) lời ấy. Trước Tiên Chủ cũng Lưu Chương gặp gỡ ở Phù Thành⁽²⁾, Dự làm Tòng Sự cho Chương, ngồi hầu bên cạnh. Tiên Chủ nói vui rằng: ”Xưa tôi ở huyện Trác⁽³⁾, (huyện ấy) đặc biệt có nhiều người rậm râu. Đông tây nam bắc đều là các loại râu. Trác Lệnh gọi là Chư mao nhiều Trác⁽⁴⁾”. Dự liền đáp rằng: ”Khi trước có người làm Trưởng ở vùng Lộ đất Thượng Đảng, được thăng làm Lệnh ở huyện Trác. Sau từ quan về nhà, người đương thời nêu viết ra, ghi là Lộ tất thiếu Trác, ghi Trác lại thiếu Lộ bèn viết là Lộ Trác quân.⁽⁵⁾” Tiên Chủ vốn không râu, vì vậy Dự mới đem chuyện này ra nói. Tiên Chủ (đối với truyện ngày ấy) vẫn ôm giữ trong lòng chẳng bỏ qua. Nay lại càng thêm giận vì lời nói (Dự) mới tiết lộ ra, bèn (lấy cớ rằng) Dự can tranh chiến Hán Trung không chính xác, giam Dự vào ngục, rồi đem giết. Gia Cát Lượng dâng biểu xin tội cho. Tiên Chủ đáp rằng: Hoa lan thơm ngát nảy nở cửa ngoài, không thể không bẻ”. Dem (xác) Dự bên ngoài chợ. Sau này, nước Ngụy được lập nên, Tiên Chủ qua đời đầu như Dự đã đoán. Dự hiểu tướng thuật, mỗi lần giơ gương lên soi đầu tự biết mình sẽ phải tội tử hình, vì thế thường đánh rơi gương xuống đất.

Qu ần chết, con là Cự không truy ền được thuật (chiêm bốc).

ĐỖ QUỲNH TRUYỆN

Đỗ Quỳnh tự Bá Du, người Thành Đô thuộc Thục Quận. Thưở nhỏ theo học Nhậm An, chuyên nghiên cứu thuật an định. Lưu Chương mời làm Tòng Sự. Tiên Chủ thu được Ích Châu, lĩnh chức Mục, dùng Quỳnh làm Nghị Tào Tòng Sự. Hậu Chủ lên ngôi, bái (Quỳnh) làm Giám Nghị Đại Phu, sau thăng lên Tả Trung Lang Tướng, Đại Hông Lư, Thái Thường. (Quỳnh) Là người trầm tĩnh ít lời, đóng cửa giữ mình không màng thế sự. Tưởng Uyển, Phí Vi đều trọng tài năng. Tuy kiến thức ở vào bậc thâm sâu, lúc đầu không dựa vào thiên văn để đưa ra luận thuyết của mình. Bậc danh nho đời sau là Tiểu Chu từng hỏi kiến giải (của Quỳnh) về chuyện này. Quỳnh đáp rằng: „Muốn hiểu thuật (xem thiên văn) này là rất khó. Cần phải gánh vác những gì mình nhìn ra, phân biệt rõ hình thái của nó, lại không thể thông báo cho mọi người cùng biết được. Ngày đêm khổ sở, rồi sau mới biết rõ sự tình, lại sợ việc bị tiết lộ ra. Không như (người) không biết (xem chiêm bosc) nhìn thấy mà lại là không nhìn ra vậy.” Chu nhân đó hỏi: „Xưa Chu Trưng Quân⁽⁶⁾ cho rằng đờng đồ cao là Nguy⁽⁷⁾, sao câu ấy lại có nghĩa này?” Quỳnh đáp: „Nguy vốn chưa có tên. Đờng đồ nhi cao là phép tắc thánh nhân dùng lời mà nói cho ta nghe vậy.” Lại hỏi Chu rằng: „Có thấy lại có điềugì kỳ quái chẳng?” Chu đáp: „Còn chưa thông suốt là chuyện gì.” Quỳnh lại nói: „Từ cổ quan danh, chức vị không có chữ Tào. Bắt đầu từ đời Hán đến nay, quan danh, chức vị tận cùng bằng chữ Tào. Sử quan gọi là Chúc Tào, người hầu gọi là Thi Tào. Đây chắc là thiên ý vậy.” Quỳnh thọ hơn tám mươi tuổi, chết vào năm Diên Hi thứ mười ba. Sáng tác Hàn Thi văn chương hơn mười vạn chữ, không dạy học trò, tài học không có người thừa kế. Chu được nhờ lời tinh mỷ, lâu sau mới bèn cảm xúc nói rõ phép tắc: „Xuân Thu truyện ghi Thái tử con trai Tấn Mục Hầu tên gọi là Cừ⁽⁸⁾, em tên là Thành Sư⁽⁹⁾. Thậy (Đỗ Quỳnh) lại nói: Lạ thay chuyện cái tên của con bậc quân vương! Vợ hiên gọi là Phi, vợ chờng oán hận nhau gọi là Cừ. Nay vua đặt tên con là Cừ, em là Thành Sư. Đấy

phải chăng là triệu chứng đầu tiên của thời loạn lạc, em thay thế anh? Sau này quả nhiên như lời (thầy - Đỗ Quỳnh) giải thích. Đến thời Hán Linh Đế đặt tên hai con là Sử Hâu, Đồng Hâu⁽¹⁰⁾ rồi lập làm vua, sau tất cả đều bị truất xuống làm chư hầu, cùng với lời giải thích của thầy là tương tự đó. Tiên Chủ húy "Bị", nghĩa là "đủ". Hậu Chủ húy Thiện, nghĩa là "trao cho". Ý là họ Lưu đã hoàn bị nay trao cho người khác. Ý nghĩa vượt xa việc Mục Hâu, Linh Đế (đặt tên cho con cháu). Ngày sau hoạn quan Hoàng Hạo lộng quyền trong cung đình. Năm Cảnh Diệu thứ năm, một cây đại thụ trong cung bỗng rụng vô cớ bị gãy. Chu rất lo buồn, không biết ngỏ cùng ai, bèn viết lên gốc cây rằng: "Đông đúc mà to lớn, đến kỳ hạn mà hội tụ lại, đã hoàn bị thì trao lại, sao có thể hồi phục được?" Đông đúc (chúng) nghĩa là "Tào" (đông đúc) vậy. Ngụy nghĩa là to lớn vậy. Đông đúc mà to lớn. Thiên hạ hội tụ ở đó (ở chỗ Tào Ngụy). Hoàn bị rồi trao cho người khác, thì làm sao kế lập được nữa? Thục mất nước, tất cả những lời Chu nói đều ứng nghiệm. Chu nói: „Điều này tuy tự do ta tìm tòi suy nghĩ đoán ra nhưng cũng có nguyên nhân là do lời của Chu Quân truyền mãi trong tai, tuyệt không có thần thánh gì mà một mình tự nghĩ ra việc kỳ lạ đến như vậy.”

HỨA TỪ TRUYỆN

Hứa Từ tự Nhâm Đốc, người Nam Dương. Thờ Lưu Hi làm thầy, giỏi cái học của Trịnh thị, nghiên cứu Dịch, Thượng thư, Tam lễ, Mao thi, Luận ngữ. Trong những năm Kiến An cùng bọn Hứa Tĩnh theo đường Giao Châu vào Thục. Đương thời lại có Thục Quân Hồ Tiềm, Từ là Công Hưng không rõ quê ở vùng nào trong đất Ích. Tiềm tuy học thuật không sâu rộng nhưng kiến thức trách viết hơn người, khuôn mẫu chế độ của tổ tông, phép tắc tiêu chuẩn của tang lễ tất cả chỉ cần vạch vẽ dưới đất, cất tay có thể chỉ rõ ra được. Tiên Chủ an định đất Thục, (thấy) trải qua tháng năm chịu nhiều tao loạn, việc học cày cấy kém lụn bại bèn gom góp tụ tập kinh điển thư tịch, chọn lọc học sinh. Lấy Từ, Tiềm đầu làm Học Sĩ, cùng bọn Mạnh Quang, Lai Mẫn quản lý coi sóc việc san cải luật cũ. Gặp nhiều chuyện vì công việc mới bắt đầu thường phải bàn bạc thảo luận những chỗ chưa minh bạch. Từ, Tiềm luân lưu mâu thuẫn với nhau. Bỏ bai độc địa, phần nộ tranh hành, bộc lộ ra hết trong lời nói sắc mặt; Thư tịch có cũng như không, chẳng hề chung sức giúp đỡ lẫn nhau, thường chỉ tìm chỗ công kích bài bác, làm cả hai đều chấn động. Tâm chí để mãi ở chỗ khen mình chê người. Tiên Chủ lấy làm lo lắng muốn tách (hai người) ra, tụ tập bách quan, sai con hát giả dung mạo hai người. Bắt chước tình cảnh hai người tranh biện cãi lộn, tấu nhạc uống rượu, lấy đó làm vui. Lúc đầu (con hát đóng giả) đôi bên cất vấn nhau bằng lời lẽ đạo lý, sau là (thể hiện song phương) gây gổ với nhau bằng gậy bằng dao. Có công dụng làm mọi người cảm động thiết tha. Tiềm chết trước. Từ dưới thời Hậu chủ dần dần thăng lên đến Đại trường thu, rồi chết.

Tôn Thỉnh nói: Thục ít nhân tài, xưa chỉ có bọn Từ Tiềm là đều thông hiểu cái lễ tài đạo vậy.

Con (Từ) là Huân kế thừa sự nghiệp của cha, lại làm Bác Sĩ.

MẠNH QUANG TRUYỆN

Mạnh Quang tự Hiếu Dụ, Người Lạc Dương thuộc Hà Nam. Đồng tộc của Thái Uý nhà Hán Mạnh Úc.

Tục Hán Thư chép : Úc, em của Trung Thường Thị Mạnh Bì.

Vào Cuối thời Linh Đế (Mạnh Quang) làm Giảng ở bộ Lại. Khi Hiến Đế thiên đô về Trường An bèn bỏ trốn vào Thục. Cha con Lưu Yên lấy lễ tân khách mà đối đãi. (Mạnh Quang) thông tỏ vạn vật, hiểu rõ thế sự, không sách nào chưa đọc, kiến giải về tam sử cực kỳ sắc bén, sở trường ở các điển cố Hán tri ều. Giỏi dùng nghĩa lý Công Dương Xuân Thu châm biếm móc máy Tả Thị, mỗi lần cùng Lai Mẫn tranh luận ý tứ của hai sách này thường cướp lời mà nói ần ần ào. Tiên Chủ an định Ích Châu, (Mạnh Quang được) bái làm Nghị Lang cùng bọn Hứa Từ chương quản việc thiết lập pháp độ. Hậu Chủ lên ngôi, (Mạnh Quang) làm Phù Tiết lệnh, Truân Kỵ hiệu uý, Trưởng Nhạc Thiếu phủ, rồi thăng làm Đại Tư Nông. Năm Diên Hi thứ chín, có lệnh đại xá, Quang ở giữa đám đông trách Đại tướng quân Phí Y rằng: „Người ta đại xá thiên hạ, (là vào lúc) vạn vật khô héo, không phải là đi ều thích hợp mà mình quân thịnh thế nên làm. (Khi) Suy bại khốn đốn cùng cực, bất đắc dĩ mới phải làm, rồi sau bèn có thể quy ền biến mà hành sự. Nay Chúa thượng nhân từ hi ền đức, trăm quan xứng đáng với chức vụ, có mối nguy nào hiện ra trong sớm tối hay chuyện nghiêm trọng nào treo lơ lửng mà lại cân nhắc việc thực hành ân điển thi hành, ban ơn cho ác nhân gian đảng như vậy? Lại như chim ưng chim cắt từ đầu đã đi sẵn bắt mà bằng qua cánh ồng lại được tha tội, trên phạm thiên đạo, dưới trái nhân tình. Lão phu già yếu, không hiểu quy cách pháp trị, riêng nói về tư pháp khó theo kinh điển từ xưa, đành vui vẻ sửa soạn ngắm xem tài ba đẹp ẽ, ước mong tựa nhờ đức sáng.“ Y chỉ lật đật cung kính cố nhận lỗi mà thôi. Quang chê trách phê phán đến đau xót phần lớn là như vậy, cố tình nói với đại thần phụ chính, không nghĩ đến chuyện làm đẹp lòng hay

nể nang tước vị của ai. Vì thường nói thẳng không tránh né, (cùng thời) có nhiều người không bằng lòng. Bọn Thái Thường Quang Hán Đàm Thừa,

Hoa Dương Quốc Chí chép : Thừa tự Công Văn, từng giữ chức Quận thủ Thiệu phủ.

Quang Lộc Huân Hà Đông Bùi Tuấn tuổi tác tư cách đều ở dưới Quang nhưng leo lên chiếm hàng trên, được đối đãi hơn Quang, đại để là vì thế.

Phó sứ Bối thị gia ký chép : Tuấn tự Phụng Tiên, Em của Ngụy Thợng Thư lệnh (Bùi) Tiêm. Anh rể Tuấn làm Trưởng Sử trong đất Thục, Tuấn đi tiền, lúc ấy mới hơn mười tuổi, nhân gặp thời Hán mất đại loạn, không quay lại được. Chẳng bao lâu trưởng thành nổi danh, được người Thục tiến cử vào chức vị quan trọng. Con (Tuấn) là Việt làm Đốc quân nước Thục, Thục mất nước chuyển về Lạc Dương, được bái làm Nghị Lang.

Văn sĩ hậu tiến là Khước Chính thường theo Quang học hỏi thương lượng. Quang hỏi Chính Thái Tử học sách bao gồm được những đức tính gì thì là tốt nhất. Chính đáp rằng: „Thờ cha mẹ thành khẩn cung kính, sớm tối không lười biếng, đó là phong độ của Thế tử. Khi tiếp đãi bách quan cử chỉ hiển lộ ra vẻ khoan dung nhân ái.“ Quang nói: „Như lý lẽ của ngài nghe mọi gia đình đều phải có, nay câu hỏi của tôi là muốn biết cần nhắc mưu lược tài trí đi đâu hoà theo cách ra sao.“ Chánh nói: „Cái đạo của bậc Thế tử là ở chỗ có chí vui lòng tận lực kế thừa đại thống, rồi không được tùy tiện làm theo ý mình mà lại hoài bão tài ba đi đâu bát ở trong lòng. Quyên biến mưu lược tùy thời mà hiển lộ, như có như không, thì mới có thể yên định được những việc cần thiết chăng?“ Quang thấy Chính cẩn thận phù hợp không phải là kẻ bàn luận buông tuồng, bèn nói: „Tôi hay nói thẳng, không hề né tránh. Mỗi lần bắt tên là có ích cho khuyết khâu, làm cho người đời mỉa mai oán ghét. Mà xem ý tứ của ngài cũng là rất không ưa lời lẽ của tôi nên bàn luận có chỗ hấp tấp. Nay thiên hạ chưa định, mưu kế sách lược là quan trọng nhất. Mưu kế sách lược dù tự nhiên mà có nhưng không có khả năng cưỡng ép mà nghĩ ra được. Bây giờ Trù quân đọc sách, coi như đứng bắt chước chúng ta kiệt lực học hỏi thật nhiều kiến thức để đối phó với câu hỏi. Giống như anh học trò tra cứu đường lối trình bày bài thi để cầu tước vị! Đây là việc gấp đó.“ Chánh cho lời Quang là rất đúng. Sau Quang mắc tội bị cách chức. Hơn chín mươi tuổi chết.

LAI MẪN TRUYỆN

Lai Mẫn tự Kính Đạt, người Nghĩa Dương thuộc Tân Dã, là hậu nhân của Lai Hấp⁽¹¹⁾. Cha (Lai Mẫn) là Diễm từng làm chức Tư Không dưới thời nhà Hán. Hoa Kiệu Hậu Hán thư chép: Diễm học giỏi khiên nhượng, mở trường nuôi học sinh, tuổi trẻ đã địa vị hiển hách, thời Linh Đế làm đến chức Tư Không. Thời Hán mạt đại loạn, Mẫn theo anh rể chạy vào Kinh Châu. Anh rể (Mẫn) tên Hoàng Uyển là cháu của bà Lưu Chương. Vì vậy Chương sai người đón vợ (ch'ông) Uyển. Mẫn bèn cùng chị vào Thục, thường làm tân khách của Chương. (Mẫn) bao quát thư tịch, thích đọc Xuân Thu Tả Thị, đặc biệt tinh thông ý nghĩa cổ thư Thương, Nhã; giỏi văn chương chính đạo. Tiên Chủ an định Ích Châu, an bài Mẫn làm Diễm Học Hiệu úy. Đến khi lập Thái Tử dùng Mẫn làm (Thái Tử) Gia Lệnh. Hậu Chủ nối ngôi, dùng (Mẫn) làm Hồ Bôn Trung lang tướng. Thừa tướng Lượng đóng ở Hán Trung, mời Mẫn làm Quân Tể Tửu, Phụ Quân tướng quân. (Mẫn) phạm pháp phải rời chức vụ.

Lượng tập có truyền lại rằng: "Tướng quân Lai Mẫn nói với thượng quan rằng: Tân nhân có công đức gì mà tranh dành vinh diệu ta được ban cho? Mọi người cùng ghét ta là vì có gì vậy"? Mẫn tuổi cao ngạo mạn làm trái, sinh ra lời oán thán này. Khi xưa Thành Do mới an định đã có người chỉ trích Mẫn làm loạn qu'ân th'ần, Tiên Đế lấy lễ tế nhị khi việc mới yên, vì vậy bèn nhẫn nại mà thu nạp. Sau Lưu Tử Sơ⁽¹²⁾ chọn Mẫn làm Thái Tử Gia Lệnh, Tiên Đế chẳng đẹp lòng nhưng (nữ Lưu Ba) không nỡ cự tuyệt. Hậu Chủ kế vị, ta u mê không hiểu được người, bèn lại đề bạt làm Tướng Quân Tể Tửu, (thật) ngược với ý kiến thâm sâu của người trước đã bình luận, làm trái chỗ bài trừ xa lánh (Mẫn) của Tiên Đế, vốn là để có thể thành khẩn khuyến khích người hèn mọn kẻ bình thường theo đạo nghĩa tuân theo đạo nghĩa. Nay đã không thể, dâng biểu (cho Mẫn) thôi chức, sai đóng cửa tự ngấm lỗi lầm."

Sau khi Lượng chết, (Mẫn) trở về Thành Đô làm Đại Trường Thu, lại bị miễn chức. Sau lại được thăng thêm lần nữa làm Quang Lộc Đại phu, lại phạm lỗi bị cách chức. Trước sau bị trách mắng biếm truất tước chức đều vì lời lẽ không giữ lễ tiết, hành vi trái với đạo lý. Đương thời Mạnh Quang cũng vì những chỗ then chốt tinh tế không thận trọng mà tạo thành nghị luận một thời, nhưng vẫn còn hơn Mẫn, cùng các bậc kỳ túc học sĩ trong triều kính lễ (lẫn nhau). Mẫn vốn dòng dõi danh gia đất Kinh Sở, lại là thuộc hạ cũ của (Hậu Chủ lúc còn làm) Đông cung, được hưởng ân huệ đặc biệt nên mấy lần giáng rỗi lại thăng. Sau lấy Mẫn làm Chấp Thận tướng quân, muốn lệnh (cho Mẫn) giữ địa vị quan trọng mà tự biết giới hạn bản thân. (Mẫn) thọ bảy mươi tuổi, chết trong những năm Cảnh Diêu. Con Mẫn là Trung, cũng bác lãm cổ kim, kế thừa tước phong của Mẫn, cùng bọn Thượng Thư Hướng Sung hết lòng nghiệp trợ Đại tướng quân Khương Duy. Duy rất yêu quý, dùng làm Tham Quân.

DUẨN MẶC TRUYỆN

Duẩn Mặc tự Tư Điền, người huyện Phù quận Tử Đông. Ích Châu phần lớn thích lối hành văn mới mà không coi trọng từ chương điển cố. Mặc hiểu (văn mới) là không sâu sắc, bèn viễn du đến Kinh Châu, theo học cổ văn ở các vị Tư Mã Đức Tháo⁽¹³⁾, Tống Trọng Tử⁽¹⁴⁾. Các loại kinh sách thấy đâu hiểu biết, lại tập trung học hỏi tỉ mỉ Tả Thị Xuân Thu. Từ Lưu Hâm đi đầu lệ, Trịnh Chúng, cha con Cổ Quý, Trần Nguyên, Phục Kiền chú thuyết tất cả đại lược đều noi theo mà học thuộc không cần xem lại bản gốc. Tiên Chủ lấy Ích Châu, lĩnh chức Mục, dùng (Mặc) làm Khuyển Học Tông Sự. Đến khi lập Thái Tử, (Tiên Chủ) lấy Mặc làm Bộc, giảng (Xuân Thu) Tả Thị truyện cho Hậu Chủ. Hậu Chủ lên nối ngôi, bái (Mặc) làm Giám Nghị Đại phu. Thừa Tướng Lượng đóng ở Hán Trung, mời (Mặc) làm quân Tế Tửu. Lượng chết, (Mặc) trở về Thành Đô được bái làm Thái Trung Đại phu rồi chết. Con là Tông nối nghiệp, làm Bác Sĩ. Tống Trọng Tử về sau ở nước Ngụy.

Ngụy Lượng chép rằng: "Con (của Tống Trọng Tử) cùng Ngụy Phúng mưu phản, nhận tội chết. Ngụy Thái Tử viết thư trả lời Vương Lăng rằng: Xưa Thạch Hậu cùng Chu Hu⁽¹⁵⁾ qua lại, cha là (Thạch) Thước biết trước rằng chúng sẽ làm loạn. Hàn Tử thân với Điền Tô, Mục Tử nhận ra là người nhân hậu. Từ trước quân tử ngao du tất có chốn có nơi, ở đâu ắt cũng thành kẻ tử, chuyện đó là có thật. Chao ôi! Tống Trung không có cái sáng suốt để hiểu con mình như họ Thạch, rất lo buồn trước cái họa này. Nay dầu vậy vẫn thành thật mong cầu làm việc tru diệt người thân, giữ vững lễ tiết của kẻ thần tử, có thể cho là cao thượng vậy."

LÝ SOẠN TRUYỆN

Lý Soạn tự Khâm Trọng, người huyện Phù quận Tử Đông. Cha là Nhân, tự Đức Hiên, với người cùng huyện là Duẩn Mặc đi Kinh Châu theo học các vị Tư Mã Huy, Tống Trung. Soạn kế thừa đầy đủ sự nghiệp (của cha) lại theo Mặc giảng giải phân tích nghĩa lý Ngũ Kinh, Chư tử. Không có sách nào không đọc qua. Lại thêm hiểu biết sâu rộng nhiều môn. Số học, bói toán, chữa bệnh bốc thuốc, cung nỏ, cơ giới⁽¹⁶⁾ đều suy ngẫm đến cùng cực, đầu vào đó. Lúc đầu làm thư tá ở Châu sau làm Thượng Thư lệnh sử⁽¹⁷⁾. Năm Diên Hi thứ nhất, Hậu Chủ lập Thái tử lấy Soạn làm Thứ Tử⁽¹⁸⁾ thăng làm Bộc⁽¹⁹⁾, sau chuyển làm Trung Tán Trung Đại phu, Hữu Trung lang tướng vẫn phụng thị Thái Tử. Thái Tử mến mộ (Soạn có) kiến văn quảng bác, rất yêu quý. Nhưng (Soạn) thân thể gầy nhỏ, thích cười nói đùa cợt, vì thế không đạt được sự kính trọng của người đời. Soạn (lại) cô vẫn như Dịch, Thượng Thư, Mao Thi, Tam Lễ, Tả Thị truyện, Thái Huyền chỉ quy đều dựa vào mẫu mực của Giả, Mã⁽²⁰⁾ mà khác với Trịnh Huyền⁽²¹⁾. Cùng Vương thị⁽²²⁾ ngăn cách khu biệt chưa từng gặp gỡ trao đổi với nhau song ý tứ kiến giải góp lại phần lớn tương đồng. Chết trong những năm Cảnh Diêu. Đương thời còn có Hán Trung Trăn Thuật, tự là Thân Bá cũng bác học đa tài soạn Thích Văn bảy thiên được nhắc đến trong Ích bộ kỳ cựu truyện, từng trải qua địa vị Thái thú ở ba quận.

TIÊU CHU TRUYỆN

Tiêu Chu tự Duẩn Nam, người ở thuộc quốc Tây Sung vùng Ba Tây. Cha (của Chu) là Tịnh, tự Vinh Thuỷ, nghiên cứu kỹ Thượng Thư⁽²³⁾, đồng thời hiểu biết sâu xa nhiều liệu kinh sách và Đồ, Vĩ⁽²⁴⁾. Châu quận thỉnh mời, đều không chịu nhận. Châu lại đặt làm Giả Sư Hữu Tông Sư. Chu lúc nhỏ mồ côi, sống với mẹ và anh, đến khi trưởng thành đam mê cổ sự kiên trì học tập, nhà nghèo mà chưa từng hỏi đến chuyện tài sản. Thường tụng đọc sách vở điển tịch, mừng rỡ cười một mình quên cả ăn ngủ. Tham cứu tinh tường lục kinh, văn thơ càng giỏi. Hơi hiểu thiên văn, nhưng không chuyên tâm vào đó. Văn chương chưa từng có lòng nghĩ tới, không noi theo bất cứ một ai. Minh cao tám thước, tướng mạo mộc mạc giản dị, tính cách khiêm nhường thành khẩn không giả dối, chẳng có tài biện bác nhanh nhạy nhưng ẩn tàng kiến thức thông tuệ.

Trong những năm Kiến Hưng, Thừa tướng Lương lĩnh Ích Châu Mục, lệnh cho Chu làm Khuyển Học Tông Sư.

Thực Ký chép : Lần đầu Chu yết kiến Lương, tả hữu (của Lương) đều cười. Khi (Chu) đã đi ra, có viên quan đề nghị không cười nữa, Lương nói: "Ta ngồi trên còn không nhìn nổi, huống chi tả hữu."

Lương chết nơi đất địch, Chu ở nhà nghe được tin tức liền hoả tốc chạy đến. Lúc đó có chiếu thư ngăn chặn cấm đoán, chỉ một mình Chu nhờ nhanh chân mà đi được tới nơi. Đại tướng quân Trương Uyển lĩnh Thứ Sử (Ích Châu), dời (Chu) làm Điển Học Tông Sư, đứng đầu việc học trong châu.

Hậu Chủ lập Thái Tử, lấy Chu làm Bộc⁽²⁵⁾, rồi chuyển làm Gia Lệnh. Đương thời Hậu Chủ rất hay ra ngoài, đi chơi các nơi, tiếng xấu hưởng lạc càng thêm lan rộng. Chu dâng sớ can rằng: "Xưa Vương Mãng⁽²⁶⁾ bại vong, anh hào cùng quật khởi, chiếm cứ châu quận, muốn đoạt thiên khí⁽²⁷⁾. Lúc đó hiên tài chí sĩ suy nghĩ mong mỗi có chỗ để theo về Chư hân là (cân nhắc) ở điểm thế lực lớn hay nhỏ mà chỉ ở chỗ đức dày hay mỏng.

Canh Thuỷ⁽²⁸⁾, Công Tôn Thuật⁽²⁹⁾ thời bấy giờ đều có vây cánh rất nhiều, thế lực mạnh mẽ, tuyệt chẳng kiêng chế ham muốn phóng đảng, lười làm việc thiện, sẵn tìm đồ ăn uống, không biết quan tâm đến dân tình. Khi Thê Tô⁽³⁰⁾ mới đến Hà Bắc, bọn Phùng Di⁽³¹⁾ khuyên rằng: ‘Hành vi của người (cần quyên) đương thời là không thể theo được.’ (Thê Tô) bèn xét lại các vụ án oan, tiết kiệm chi dùng, luôn tuân theo pháp độ. Bởi vậy bắc châu ca ngợi, thanh danh vang xa khắp bốn phương. Vì thế Đặng Vũ⁽³²⁾ từ Nam Dương đuổi theo; Ngô Hán⁽³³⁾, Khấu Tuân⁽³⁴⁾ chưa biết Thê Tô mà ở xa đã nghe về đức độ việc làm nên dung mưu kế quyên biến khỏi sự ở Ngư Dương, Thương Cốc, dùng kỵ binh đến đón (Thê Tô) về Nghiễm A. Ngoài ra xem lễ lối phong thái mà hâm mộ phẩm hạnh đến mức mắc bệnh vẫn mang theo áo quan cố đến để nương nhờ như bọn Bi Dung, Cảnh Thuần, Lưu Thực đếm không hết được. Nhờ đó có thể từ yếu hoá mạnh, giết Vương Lang⁽³⁵⁾, nuốt Đông Mã⁽³⁶⁾, bẻ Xích Mi⁽³⁷⁾ làm thành đế nghiệp vậy. Đến khi đóng tại Lạc Dương, thường muốn khinh xuất ra ngoài, xa giá đã được đánh ra, Diêu Kỳ⁽³⁸⁾ can rằng: ‘Thiên hạ chưa được yên bình, thần quả thật không chịu được thấy bệ hạ vì những việc nhỏ nhặt mà tính chuyện ra ngoài.’ (Thê Tô) lập tức quay xe về Đến lúc đánh Ngỗi Hiêu⁽³⁹⁾, giặc cướp ở Dĩnh Xuyên nổi dậy. Thê Tô đã về đến Lạc Dương, chỉ sai Khấu Tuân đến (Dĩnh Xuyên đánh dẹp). Tuân nói: ‘Dĩnh Xuyên vì bệ hạ đi đánh giặc nơi xa, cho nên gian tặc làm phản, chưa biết bệ hạ đã về tới, sợ không có cơ hội mà đầu hàng. Bệ hạ tự thân đến nơi, phản tặc Dĩnh Xuyên tất sẽ lập tức quy phục.’ (Thê Tô) bèn tới Dĩnh Xuyên, rốt cục như lời Tuân nói. Cố sự không có việc gì gấp, không tham mạo muội ra thành; khi chuyện khẩn yếu đến, không theo ham muốn tự cầu an, của bậc đế vương có lòng mong cầu đi đầu thiện xưa là như vậy. Truyện cũ chép: ‘Trăm họ không tính trước bước cây nhờ’, thành (được đại nghiệp) là vì lấy đức lớn làm đầu mà thôi. Nay nhà Hán gặp vận khí gian nan, thiên hạ chia ba, đúng là lúc kẻ sĩ mong mỏi chờ trông bậc anh hùng sáng suốt vậy. Bệ hạ là người chí hiếu, để tang quá ba năm, hể nhắc đến (tiên đế) là rơi lệ, dù chôn cất xót thương mà không quá độ. Lại kính người hiền, dùng người tài, khiến cho họ tận hết khả năng, đã đầy đủ lại càng thêm yên ổn. Vì thế trong nước hoà hợp thống nhất, lớn nhỏ cùng chung sức. Thần không thể dải bày gì được nữa. Song thần không dám đương nổi một nguyện vọng lớn lao, nguyện vọng mà quảng đại lê dân không làm nổi. Người gánh vác

sự nghiệp quan yếu trọng đại, phải dùng tài sức vất vả khác với người thường, vượt qua vô vàn gian khó, giỏi đi con đường khổ ải chẳng ai hay, mà lại kế thừa sự nghiệp nơi tông miếu chứ không phải kẻ truy cầu hạnh phúc. Vì thế mới được muôn dân tuân theo mà suy tôn là chúa thượng vậy. Cho đến lúc bốn mùa tế tự, bệ hạ hoặc có việc không tới, còn bận đi thưởng ngoạn thượng uyển long trì, hoặc đã xuất cung ở bên ngoài. Thân vốn dốt nát trì trệ, lòng riêng không sao tự an ổn được. Người lo nghĩ đến trách vụ bản thân mình gánh vác, không có lúc rảnh rang mà tận tình vui vẻ. Chí nguyện của Tiên Đế, sự nghiệp vẫn chưa thành, quả thật không phải lúc tận tình hoan lạc. Mong bệ hạm xét giảm bớt quan chức lo việc nhạc nhã và kiến thiết cung sở chốn hậu cung. Tu sửa suy tôn ân trạch của Tiên đế, dưới lại dạy dỗ cháu con tục hành tiết kiệm.” (Hậu Chủ) dõng Chu làm Trung Tán Đại Phu, vẫn trông nom Thái Tử.

Vào thời ấy, quân binh (Thục Hán) nhiều lần xuất chiến, trăm họ tàn tạ mệt mỏi. Chu cùng Thượng Thư Lệnh Trần Chi⁽⁴⁰⁾ bàn lẽ lợi hại của việc ấy, bác bỏ hết (luận điệu của Chi) bằng bài luận quốc thù. Bài luận ấy chép : "Nhân vì ta ở nơi tiểu quốc, nhưng bắt đầu xây dựng quốc gia lớn mạnh lên, cùng tranh giành thế cục với cừu địch. Trong nước lại có bậc cao hiền hỏi Phục Ngụ Tử rằng: 'Nay việc nước chưa yên, trên dưới đều nhọc lòng, trong những biến cố thời cổ đại đã qua, có những chuyện yếu có thể thắng mạnh, phương pháp (của nhưng việc đó) là thế nào?' Phục Ngụ Tử đáp: 'Tôi thường nghe, kẻ coi sóc chỗ lớn mà không biết lo âu thường bị người coi khinh, kẻ lo liệu chỗ nhỏ mà biết toan tính luôn được nhiều người yêu thích. Nhiều người coi khinh tất sinh loạn, nhiều người yêu thích tất bình an, đây là đạo lý thông thường vậy. Xưa Chu Văn⁽⁴¹⁾ nuôi dân, lấy ít làm nhiều; Câu Tiễn⁽⁴²⁾ an ủi trăm họ, dùng yếu hạ mạnh, chính là phương pháp này.' Bậc công khanh cao hiền nói: 'Trước kia Hạng mạnh Hán yếu, giao chiến với nhau, không có ngày nào an ổn, mà Hạng Vũ cùng nhà Hán hẹn ước lấy Hồng Câu phân định giới tuyến, mỗi bên cùng muốn trở về an ủi dân mình; Trương Lương cho rằng lòng dân đã định thì khó lòng cử sự được, bèn tìm thống soái để đuổi Vũ, cuối cùng diệt được Hạng thị, há là mong dùng cách của Văn vương mà lo việc hay sao? Bất đầu kiến lập quốc gia, phương pháp là địch có hoạ hoạ, ta nhân sơ hở ấy, vây hãm chốn biên thủy, mong gán thêm tai vạ cho chúng rồi nhân đó mà trừ diệt nó đi.' Phục Ngụ Tử nói: 'Trong khoảng Ân Chu giao thời, vương hầu nhiều đời hưởng tôn kính, lễ quân thân dài lâu bền chắc, dân đã chuyên chú thành quen, gốc rễ thâm sâu khó nhổ lên, nền tảng vững chắc khó đổi dời. Còn vào lúc bấy giờ, há chỉ một Hán Tổ có ý vung kiếm quét ngang dành thiên hạ hay sao? Khi ấy là buổi sau khi nhà Tần bãi bỏ lệ phân phong, chấm dứt đặt quận thú. Dân chúng mỗi một vì lao

dịch cho Tần triều, nếp tốt trong thiên hạ bằng hoại sụp lở, khi ngò sao Tuế đổi ngôi, lúc nghĩ mặt trăng mất quân bình, chim thú cũng sợ hãi, không biết theo về nơi đâu. Hào kiệt thì nhau tranh đấu, hùm sói giằng co, nhanh chóng chiếm lấy thì thu hoạch nhiều, chậm rãi đi sau thì bị nuốt gọn. Nay ta đem so sánh với chuyện kiến lập quốc gia thì đều có khác biệt về thời thế, đã không phải lúc Tần mạt giữa cơn náo loạn mà quả thực có hình thế của khi sáu nước cùng cát cứ. Cho nên có thể theo Văn vương, khó theo Hán Tổ. Lê dân mệt nhọc là điềm báo trước sinh ra bất mãn, rối loạn. Trên phóng tung, dưới buông tuồng thì tình huống tan vỡ bắt đầu phát lộ. Ngạn ngữ nói: ‘Vừa bắn cầu may vừa lo ngã, không bằng nhắm kỹ’, là vì kẻ sĩ chẳng đưa mắt nhìn theo điều lợi nhỏ, không để bị thành kiến biến đổi suy tính. Cơ hội thích hợp sau mới xuất hiện thì tính toán đúng đắn sau mới đưa ra. Trước đây quân của Thang, Vũ⁽⁴³⁾ không cần nhiều lần chinh chiến mà thắng địch, thật đã coi trọng sức dân mà tính toán thời cuộc kỹ càng vậy. Ví thử gấp dùng vũ lực, lạm dụng chiến tranh, đất tan thể lạ, bất hạnh gặp phải nguy nan, đâu có bậc trí giả phù trở cũng không thể trừ hoạch hết được. Còn như hấp tấp xoá trộn loạn xạ lớn lao, xuất nhập không có lúc yên bình, để sóng tran nước cuốn hết con đường cũ, qua núi vượt sông không cần chèo lái mà vẫn sang được bờ bến mới, ta là kẻ ngu xuẩn thật nghĩ rằng không làm được.”

Sau (Chu) được thăng Quang Lộc Đại Phu⁽⁴⁴⁾, ngôi vị chỉ dưới Cữu Khanh. Tuy vậy Chu không tham dự chính sự chỉ lấy việc thực hành nề nếp mà xây phép tắc. Người đương thời có hỏi han bàn luận việc lớn (Chu) thường y theo kinh sách mà ứng đối nhưng sau sinh ra sự việc tốt lành cũng là nhờ ở tư vấn (của Chu) thích hợp vậy.

Mùa đông năm Cảnh Diệu thứ sáu, Ngụy Đại tướng quân Đặng Ngải hạ được thành Giang Do, ruổi dài mà tiến, nhưng trong Thục tấu sớ nói rằng địch quân không tiến được nữa nên không gấp xếp phòng thủ các thành. Đến khi nghe tin Ngải theo đường Âm Bình thâm nhập, bách tính hoảng loạn, tất cả nháo nhác chạy vào nơi sơn dã, không thể ngăn cấm nổi. Hậu Chủ khiến qu ân thần họp bàn, song không ai nghĩ được kế sách gì. Hoặc bàn Thục với Ngô vốn là đồng minh nên có thể chạy sang Ngô. Hoặc nghĩ đất Nam Trung có bảy quận nên có thể chạy xuống phía nam. Riêng Chu nói rằng: ”Tự cổ đến nay, không có bậc thiên tử bỏ nước mà đi sống nhờ. Nay nếu vào đất Ngô, tất nhiên phải thần phục (Ngô). Mà chính lý chẳng khác được là lớn có thể thôn tính được nhỏ, đó cũng là quy luật tự nhiên thôi. Từ đó mà nói, Ngụy có thể gặm thâu Ngô còn Ngô không thể thôn tính Ngụy là chuyện dễ hiểu vậy. Cùng nhỏ bé phải xưng thần, aiganf gũi

hơn thì lớn, nhiều lần chịu nhục phải đầu hàng sao so được với một lần chịu khuất? Còn như mong chạy xuống phía nam, thì phải là kế sách được chuẩn bị từ lâu rồi sau mới có thể thi hành nổi. Nay đại địch đã đến nơi, hiểm họa thất bại ngay trước mắt, mỗi người đều giữ lòng riêng, không một ai có thể nương tựa được. Ngay lên đường nổi sợ hãi bùng lên, tình thế biến hóa khôn lường, sao đi được đến tận phía nam!” Quên thân có người căn vặn Chu rằng: ”Nay Ngải ở cách chẳng xa, sợ rằng không nhận đầu hàng, nếu vậy phải làm sao?” Chu nói: ”Nay Đông Ngô chưa chịu khuất, tình thế không thể không cho (hàng) được. Sau khi đã nhận (cho hàng) không thể không dùng lễ (mà đối đãi). Nếu Bệ Hạ hàng Ngụy, Ngụy không cắt đất để phong cho Bệ Hạ, Chu xin đem thân tới kinh đô, dùng cổ nghĩa mà tranh đấu.” Mọi người không thay đổi được lý lẽ của Chu.

Hậu Chủ đối với việc chạy về phía nam còn do dự, Chu dâng sớ rằng: ”Có người nói với Bệ Hạ rằng bắc binh tiến đã sâu, mong dùng kế chạy về phương nam, thân ngu muội lấy làm bất an. Sao vậy? Nam phương xa xôi vốn là đất của người Di, bình thường không hề nghe theo sắp đặt cho nên đã mấy lần phản loạn. Từ khi Thừa tướng Lượng nam chinh, lấy sức mạnh quân sự mà bức bách, cuối cùng mới may mắn buộc được họ phải phục tùng. Sau đó (họ) cung ứng cho việc trưng thu của nhà nước, chủ yếu dùng vào việc binh, vẫn lấy làm oán hận. Đó là những người gây lo lắng cho quốc gia vậy. Nay vì quần bách, muốn đến nương nhờ (họ), sợ rằng tất lại phản loạn, ấy là một. Bắc binh đánh tới, tất chẳng phải chỉ lấy Thục mà thôi, nếu chạy về nam, tất nhân khi thế lực của người suy giảm, thừa cơ đuổi theo, ấy là hai. Nếu đến được nam phương, ngoài phải chống chọi kẻ địch, trong phải cung ứng chi dùng, phí tổn tăng cao mà không có chỗ để thu lại, (vật chất của) người Di sẽ hao tổn rất lớn. (Hao tổn) lớn tất nhanh làm loạn, ấy là ba. Xưa Vương Lang ở Hàm Đan tiếm hiệu, lúc ấy Thê Tô ở Tín Đô, sợ bức bách của Lang, muốn bỏ về Quan Trung. Bì Dung can rằng: ‘Minh công trở về phía tây thì dân thành Hàm Đan không nguyện quên bỏ cha mẹ, quay lưng lại với thành chủ mà ngàn dặm tiến đưa nữa, như vậy có thể mong tránh được nghịch tặc hay sao.’ Thê Tô nghe theo, cuối cùng phá được Hàm Đan. Nay quân bắc đến nơi, Bệ Hạ muốn chạy về phía nam, thật sợ là lời xưa của Bì Dung lại ứng vào việc bây giờ, ấy là bốn. Mong Bệ Hạ sớm định liệu, có thể thu được chức tước đất đai; nếu đi xuống phía nam, tình thế khốn cùng mới chịu quy thuận, tai họa sẽ rất sâu

sắc. Dịch⁽⁴⁵⁾ chép: ‘Cương trực là ở lời lẽ. Biết được mà không biết mất, biết giữ mà không biết bỏ. Biết được mất t ờn vong mà không làm trái lẽ, chỉ bậc thánh nhân mới làm nổi!’ Lời thánh nhân khi hiểu số mệnh mà không cầu thả tất là như vậy. Cho nên Nghiêu, Thuấn⁽⁴⁶⁾ thấy con không tài giỏi, biết trời có người để trao cho mà tìm người để nhường ngôi. Con tuy không được như cha, nhưng hoạ chẳng nảy m ầm, mà hướng đến việc trao ngôi giúp đỡ cho người hoạ sao đến được. Xưa Tử Vi là con cháu Ân Thương tự trối c ần ngọc theo về Vũ Vương, há lấy làm vui sao, là bất đắc dĩ thôi.” (Hậu Chủ) vì thế bèn theo kế của Chu. Họ Lưu khỏi phải ưu tư, một nước được nhờ, đều do mưu của Chu cả.

Tôn Xước⁽⁴⁷⁾ bình rằng: "Tiêu Chu khuyên Hậu Chủ ra hàng. Có thích hợp chăng? Rằng: ‘Thân làm Thiên tử mà phải xin hàng cầu mạng, còn nhục nào hơn? Ôi nếu xã tắc chết thì chết, nếu xã tắc mất thì mất. Tiên nhân sửa sang lại việc tiếm đoạt của Ngụy quốc, cùng Ngụy chẳng đội chung trời. Mà đổ lỗi cho cha, cúi đầu thờ kẻ nghịch, có thể nói là cầu thả mà trộm sống. Sao lại khoa trương là giữ chính đạo được.

Tôn Thịnh⁽⁴⁸⁾ nói: " Nghĩa lý Xuân Thu là quốc quân chết theo xã tắc, khanh đại phu chết cùng chức phận, huống chi Thiên tử, sao có thể chịu nhục với người! Chu khiến đấng quân vương cao vạn bậc sống trộm tránh tạm, bỏ lẽ cầu lợi, rút lại trông mong tí chút vẻ vang, thật đáng ngờ vậy. Vả chẳng lời (Chu bàn) thế sự, vẫn còn chưa tận lý. Sao vậy? Thiện tuy là chúa tâm thường, song thật chưa tàn ác như Kiệt, Trụ; Chiên tranh tuy thường xảy ra mạn bắc nhưng còn chưa đến mức tan lở. Cho dù vua tôi không thể dựa lưng vào tường thành cùng nhau quyết một trận tử chiến vẫn còn có thể lui về phía đông mà nghĩ kế về sau. Lúc ấy La Hiễn⁽⁴⁹⁾ nắm đại quân giữ Bạch Đẽ, Hoắc Doãn lĩnh tinh binh thủ Dạ Lang. Đất Thục hẹp mà hiểm trở, sông sâu núi cao, sóng dữ đỉnh nhọn cách ngăn, không bước nào đi trót lọt mà qua được. Giả sử lấy hết thuyền bè, thủ giữ Giang Châu, mộ binh Nam Trung, cầu viện Đông Quốc⁽⁵⁰⁾ thì Khương, Liêu⁽⁵¹⁾ năm tướng tự nhiên là thuận theo, ba quân nước Ngô vâng mệnh cũng nhanh chóng kéo tới. Sao không nghĩ đến những lẽ đó mà gửi thân vào chỗ tất mất nước vậy? Quân Ngụy đánh tới, đã dốc toàn lực, muốn đuổi theo thì phải dựa vào thuyền bè lướt theo ngọn sóng, muốn ở lại thì quân binh hết hạn nhiều lo lắng. Vả chẳng co duỗi có thời, tình thế biến động lớn lao, từ từ dựa vào lòng dân mà nghĩ mưu gắng sức; lấy sức quân để đánh kẻ tự mãn biếng lười, ấy là cách Việt Vương đánh bại Hạp Lư, Điền Đan⁽⁵²⁾ bẻ gãy Kỵ Kiếp đó. Sao phải vội vã đích thân đi làm tù binh vậy, cứ xuống giữ vững tường thành với địch nhân, đến hết lòng chém đá dành ôm hận chứ. Cát Sanh⁽⁵³⁾ hát rằng: ‘Không giúp gì cho công việc thì đừng nghe, lúc yên ổn có thể xét kỹ về kẻ dưới!’ Lời lẽ hào hùng có thể dựng

nên ý chí của người lười biếng. Xem xét thất bại ngày xưa của Yên, Tề, Kinh, Việt, hoặc là nước tan chúa mất hoặc lắc treo chim chạy, cuối cùng khả dĩ kiến công dựng nghiệp, khôi phục xã tắc, há rằng trời giúp hay cũng nhờ ở mưu người. Ngả theo cách dùng kế mòng cầu thả mà tồn tại, nhận lời của Tiểu Chu, có thể xây dựng nền móng của đất phong nào, thu được tiếng tăm tốt đẹp gì? Thiện đã là chúa hôn ám, Chu cũng thật là đũa nô thần. Phương lược của Thân Bao⁽⁵⁴⁾, Điền Đan, Phạm Lãi⁽⁵⁵⁾, Đại Phu Chung⁽⁵⁶⁾ thật cũng còn xa mới nghĩ ra!”

Đương thời, Tấn Văn Vương làm tướng quốc nước Ngụy, vì Chu có công bảo toàn cho quốc gia, nên phong (cho Chu) làm Dương Thành Đình Hầu, lại hạ thư vờn Chu. Chu lên đường đi đến Hán Trung thì ốm nặng không đi được nữa. Mùa hạ năm Hàm Hi thứ hai, Ba Quận Văn Lập theo đường Lạc Dương về Thục, đến bái phỏng Chu. Chu mời Lập nghỉ ngơi, nhân đó viết vào tấm ván bảo Lập rằng: “Điện Ngộ thành lĩnh a, Nguyệt Dậu kết thúc a.” Điện Ngộ là chỉ Tư Mã, Nguyệt Dậu thì chỉ tháng tám. Đến tháng tám quả nhiên Văn Vương băng.

***Hoa Dương Quốc Chí⁽⁵⁷⁾ chép :** Văn Lập tự Nghiễm Hưu, thưở nhỏ nghiên cứu Mao Thi, Tam Lễ⁽⁵⁸⁾, các sách đều lâu thông. Thứ sử Phí Y chọn lấy làm Tông Sự, rồi vào (cung) làm Thượng Thư Lang⁽⁵⁹⁾ sau lại được mời làm Đại tướng quân Đông Tào Duyệt⁽⁶⁰⁾. Ngụy gồm thu Thục, đặt ra Lương Châu, trước tiên lấy Lập làm Biệt Giá Tông Sự⁽⁶¹⁾, tuyển chọn tú tài. Năm Thái Thủy thứ ba nhà Tấn được bái làm Tể Âm Thái Thụ, thăng làm Thái Tử Trung Thứ Tử. Lập tâu lên rằng: “Con cháu các đại quan đã tận trung chết vì chức vụ của nước Thục cũ, dù là kẻ sĩ trong quận trong nước hay là người bất tài đều sống như thường dân. Lại có bọn con cháu của Gia Cát Lượng, Tưởng Uyển, Phí Y lưu lạc trôi dạt trong cương giới. Mỗi người đều nên được cân nhắc tài năng sắp xếp thu dụng để an ủi vỗ về lòng người đất Ba, đất Thục, (đồng thời) làm sụp đổ tham vọng của người Ngô”. Công việc được thi hành, (Lập) được chuyển làm Tán Kỵ Thường Thị⁽⁶²⁾, dâng lời thay đổi phủ quyết phần lớn được chấp thuận. Dân dân thăng lên chức Vệ Uy⁽⁶³⁾, người trong triều đều bội phục là kẻ tài năng cao thượng, nổi danh hiền thân đương thời. Tâu chương thơ phú đàm luận ca tụng của Lập tổng cộng có mười thiên.*

Nhà Tấn lên ngôi, lại hạ chiếu sai địa phương giục Chu khởi hành. Chu (đành) ng ẫ xe nhanh chóng đến Lạc Dương, năm Thái Thủy thứ ba thì tới nơi. Vì bệnh chưa thuyên giảm mà lại được bái làm Kỵ Đô Uy⁽⁶⁴⁾ bèn tự trình bày (rằng) không có công lao gì mà được phong, xin trả lại chức tước đất đai nhưng đều không được phép.

Năm (Thái Thủy) thứ năm, Dữ Thường vốn là người trung chính trong châu, làm xong công việc đã định, xin về nhà nghỉ ngơi, qua từ biệt Chu. Chu nói (với Thường): "Xưa Khổng Tử thọ bảy mươi hai tuổi; Lưu Hưởng⁽⁶⁵⁾, Dương Hùng⁽⁶⁶⁾ bảy mươi một tuổi chết. Nay ta tuổi qua bảy mươi, vẫn hâm mộ phong độ Khổng Tử còn lưu lại, có thể cùng kết cục với Lưu, Dương. Sợ rằng chẳng sống được bao lâu nữa, chưa chắc đã qua nổi năm sau, không có dịp nào tái kiến. Chu biết thuật dự tính nên mới có lời này. Mùa thu năm(Thái Thủy) thứ sáu, làm Tán Kỵ Thường Thị, vì bệnh nặng không nhận chức, đến mùa đông thì chết.

Tấn Dương Thu tái chiếu chép : "Trẫm rất cảm thương, ban triều phục một bộ, áo một thếp, tiền năm mươi vạn." Con cháu Chu thuận thảo tâu lên: "Lúc Chu lâm chung bình tĩnh trôi lại rằng: '(Ta) ốm bệnh đã lâu, chưa từng triều kiến, nêu quốc gia ban ân tặng cho triều phục, áo quần đồ đạc đừng mặc cho ta. Khi đem về mã cũ, đường xá hiểm trở đi lại khó khăn, (nên) làm sẵn ra chiếc áo quan thật nhẹ'. Việc tắm liệm đã xong, xin gửi lên những thứ được ban tặng." Chiếu ban đem y phục trở lại, cấp ngay cho áo quan.

Tổng cộng sáng tác học thuật của Chu như Soạn Định Pháp Huấn, Ngũ Kinh luận, Cổ Sử Khảo còn để lại hơn một trăm thiên.

Ích Bộ Kỳ Cựu truyện chép : Ích Châu Thứ Sử Đồng Vinh vẽ tranh Chu treo trong trường học của châu. Lệnh cho Tòng Sự Lý Thông viết bài tán rằng: "Thâm sâu Tiêu Hâu, giỏi cổ nho học, nhắc nhở chân tính, là báu vật của đạo làm người, chiếu soi cõi thế ngập tràn đôi gian, tên tuổi thanh cao, công nghiệp rạng rỡ, ghi tạc trước sau. Hậu học vẫn sinh khâm phục tài đức, không lời nào không tán thưởng, nương vào các vị tiên nhân, lấy nét đan thanh làm nên bức hoạ. Chao ôi, ngài vẽ trên trang giấy, rõ ràng khuôn mẫu gương soi."

Chu có ba con trai là Hi ền, Hi, Đ ồng. Con út là Đ ồng rất yêu thích sự nghiệp của Chu, cũng lấy trung hậu thành thật, chất phác mộc mạc làm đường lối, được cử làm Hiếu Liêm, rồi phong Tích Lệnh, được triệu làm Đông Cung Tể Mã⁽⁶⁷⁾ song không tới.

Con Trưởng của Chu là Hi, con Hi là Tú tự Nguyên Ngạn. Tấn Dương Thu chép: Tú tính tình thanh cao đi ền đạm, không quan hệ với thế nhân, biết sắp có đại loạn, dự định cắt đứt mọi liên quan với người đời, theo huynh đệ xa lánh cả những người hàng xóm thân cận nhất. Châu quân đòi mời, đến khi Lý Hùng⁽⁶⁸⁾ chiếm Thục có an bài xe đến đón Tú, lại có chú của Hùng là Tương, con của Tương là Thọ đầu ra lệnh đòi, (Tú) đầu không đến. Năm Vĩnh Hoà⁽⁶⁹⁾ thứ ba, An Tây tướng quân Hoàn Ôn⁽⁷⁰⁾ bình định

đất Thục, dâng biểu tiến cử Tú như sau:”Thần nghe chất phác quá thì thiệt thòi nhưng là tiêu chí biểu lộ lòng cao thượng, (chẳng những thế) vào lúc tắm tối đạo bị đắm chìm còn là cách tuyên dương phép tắc trung trinh. Cho nên có người xuống chỗ nước sâu mà rửa tai⁽⁷¹⁾ để chấn chỉnh tập tục tối tăm ở chốn xa xôi; lại có người vững lòng sửa nghiệp để liên tục khuyến khích tiết nghĩa trên đời. Bậc quân vương của một thời không ai là không coi trọng sự nghiệp riêng, lấy đó mà kiên trì thói tục để dạy dân, an định một dòng cầu thẳng. Cúi nghĩ Đại Tấn ta ứng vào điềm lành cai quản thiên hạ, vận số không thường thuận lợi, đương thời gặp phải gian nan, thần châu gò đở hoang phế, tam phương ly tan đổ nát, rừng sâu vắng thanh âm lưới săn thỏ rung lên, hang núi bật tiếng vó câu rộn rã. Những người hiểu biết lấy thế làm đau lòng, bậc nhà sĩ cũng vì điềm ấy mà thán tiếc. Bệ Hạ kế thừa hưng khởi thánh đức, sẵn mang phương lược khôi phục nghiệp trời. Thần phụng mệnh đi tuần thú, bắt hết kinh nghệ, tuyên dương giáo hoá, thăm hỏi các bậc kỳ lão, tìm kiếm những người tài hoa ẩn dật; như là Vũ La vùng đất hoang Nghê, Trác, lại nhớ đến Vương Thục⁽⁷²⁾ còn giữ lòng trung lúc nước Tề sắp mất. Riêng nghe Ba Tây Tiêu Tú chăm lo tiết tháo, ngay thẳng vững vàng, ôm đức lớn mà ở ẩn, tiếng thanh cao truyền trên sóng Vị Hà. Ở vào thời hoàng gia gặp đường mòn mỏi, Trung Hoa người người ngoảnh nhìn mà đau xót, núi sông nào ai cải biến để chờ mong. Mọi người xông pha nghiêng ngả gian nan; mệnh khổ thường chốc lấy, quyên thế gian tà bức bách luôn, phải đành gửi thân nơi miệng hổ, mỗi nguy chung đã sớm phô bày, mà vẫn đứng dâng cao khí tiết, thế không khuất nhục đầu hàng. Đóng cửa dấu thân, không ra mặt vì nguy triêu không chính thống. Tiên chẳng chịu tuân theo, vượt lên hiểm hoạ diệt thân; lui không tiếc mưu kế lạ, ứng phó kẻ tuần tra. Dù Viên, Ý⁽⁷³⁾ lưu lại vùng Thang, Lạc hay Mặc Trữ⁽⁷⁴⁾ giữ yên biên Liêu Đông, phương sách nào cũng là trác việt. (Thần) mệt mỏi cũng chẳng dám bỏ không không bãi phòng, (thấy) ở phía tây ngày nay (Tú) rất được mọi người ca tụng. Ôi tuyên dương đức độ, kính lễ hiền sĩ là đầu mối của giáo hoá; tôn sùng gương sáng, phân biệt lễ tiết là sự vụ cao cả của thánh minh. Nay sáu cõi chưa an định, sài lang vẫn chắn đường cầu thả bạc béo bở lê dân, làm cho lời đạo nghĩa chẳng vang vọng. Lại càng nên chấn chỉnh đắp xây nghi lễ để sửa sang cái tệ lưu lạc ẩn lánh. Nếu kẻ tài ba được mang ơn triệu tập bằng lụa trắng cũng đủ ngăn chặn phong hoá đổ nát, đưa thói phóng túng trở lại

quỹ đạo phép tắc, về với trào lưu kính ngưỡng sâu xa, phục tùng vương hoá lâu dài vậy.” Đến khi Tiêu Kính làm phản gây loạn, (Tú) tị nạn ở Đãng Cừ thuộc Xuyên Trung. Tông tộc và người cùng quê đến nương nhờ tính đến hơn trăm người. Năm Tú tam mươi tuổi, mọi người làm lễ thọ lên lão, muôn luân phiên gánh vác (chăm sóc). Tú khước từ rằng: ”Các vị đều có người già yếu (phải trông nom), nay trước hết phải mưu cứu giúp họ. Tôi còn đủ khoẻ để lo lấy mình, thật không muốn những năm cuối đời phải phiền quý vị.” Sau hơn mười năm, chết tại nhà.

KHÍCH CHÁNH TRUYỆN

Khích Chánh tự Lệnh Tiên, người Yên Sư thuộc Hà Nam. Tổ phụ Chánh là Kiệm, cuối thời Linh Đế làm Ích Châu Thứ Sử, bị giặc cướp sát hại. Lúc ấy thiên hạ đại loạn nên cha Chánh là Ấp phải lưu lại đất Thục. Ấp làm Doanh Đô Đốc dưới trướng Tướng Quân Mạnh Đạt, theo Đạt hàng Ngụy rồi làm đến Trung Lệnh Sử. Chánh vốn tên là Toàn. Lúc nhỏ cha chết, mẹ đi lấy chồng khác, lẻ loi trơ trọi cô độc một mình nhưng chăm học thư thái với cảnh thanh bần, đọc hết các thư tịch cổ. Năm hai mươi tuổi đã có thể sáng tác văn chương, được vào triều làm Bí Thư, sau đổi làm Lệnh Sử rồi thăng thành (Thượng Thư) Lang sau lên đến (Thượng Thư) Lệnh. Tính Chánh không ham danh lợi chỉ đặc biệt say mê ý vị văn chương, từ Tư Mã, Vương, Dương, Ban, Phó, Trương, Thái các loại văn sách để lại cho đến sách hay, bài luận đẹp đương thời, nếu Ích bộ mà có là cây cục tìm tòi, những điểm chính yếu đều có xem qua. Từ lúc làm việc trong nội cung bắt đầu ở cạnh nhà hoạn quan Hoàng Hạo. Trải qua ba mươi năm, Hạo lên đến mức tôn quý, thao túng quyền hành, vũ lộng uy thế. Chánh không đến nỗi bị Hạo ghét mà cũng không được Hạo ưa. Vì vậy chức quan không quá sáu trăm thạch nhưng tránh được lo lắng ưu tư.

Chánh dựa vào khuôn phép tiên hiên, mượn lời văn giải bày tâm sự, đặt tên là Thích Cơ, bài văn này kế tiếp được ý tứ thông đạt của Thôi Nhân⁽⁷⁵⁾. Văn viết rằng:

Có người mang ý mỉa mai nói với tôi rằng: "Nghe chuyện xưa ghi chép lại, kẻ mưu sự ví thử bao gồm được cả thời thế thì thanh danh và sự nghiệp sẽ vẹn toàn. Thứ nữa là đến kẻ tiếng tăm tạo dựng nhờ hành động, các bậc hiên minh thời trước cho là cư xử hấp tấp vội vàng. Ấy thế cho nên sáng tác quy chế, xây dựng khuôn phép không phải đúng thời thì không thành tựu được. Người có danh thơm để lại, tiếng khen lưu truyền mà chẳng xây nên huân nghiệp thì cũng không được sách vở ghi chép. Công lao rõ rệt thì danh vọng tất thành. Còn như mưu sự cũng lại đợi chờ thì thế xem nên làm

hay bỏ thì thân chết danh mất, vốn là nỗi hổ thẹn của người quân tử vậy. Vì thế người thấu triệt sự đời phải nghiên cứu phương pháp, tìm tòi sâu xa đến hết những đi ầu ẩn giấu, xem xét dấu hiệu xoay v ần của đất trời, kiểm tra lẽ thịnh suy của loài người. Kể thuyết khách thì rong ruổi đàm luận. Bậc tài trí thì ứng phó biến báo. Mưu thần thì tính toán kế sách. Võ sĩ thì gắng sức ra uy. Sương tụ mây hợp, gió bay chớp phóng. Xét đoán cho thích hợp, cân nhắc lấy cơ hội, lựa chọn sử dụng đặc điểm của thế cuộc. Gặp nhỏ thời co, gặp lớn thời duỗi, chăm lo việc công, sao nhang việc riêng. Tuy tuy chỗ bị uốn cong nhưng chẳng bao lâu lại thẳng, cuối cùng hiển lộ được quang huy. Nay chân vạc chia ba, đã lâu chưa được thái bình, bốn bể ầ u âu s ầ u phi ền muộn, trẻ trai ầ u mắc hoạ suy tàn. Thương cho đạo nghĩa bị vùi lấp chìm đắm, xót cho lê dân phải nghiêng ngửa hoang hoá. Quả thật đúng là lúc thánh hiền ra tay cứu vớt, là buổi liệt sĩ hết sức lập công vậy. Tôi đây⁽⁷⁶⁾ vốn tài cao rực rỡ, khí chất ngọc châu, xem rộng biết nhi ều, để tâm tới đạo thuật, không có chỗ sâu xa nào không nghĩ đến cùng cực, không có chỗ kin đao nào không suy đến tường tận; Đứng thẳng người mà nhận lệnh, chủ yếu chăm lo chỗ thâm u bí mật⁽⁷⁷⁾, thoả mãn với dây thao đồ cánh cửa con, đúng là nắm giữ chỗ yết h ầu ầ u l ầ u, chín l ầ u tra xét không d ầ i đổi, chỉ có vào mà chẳng có ra,

Thượng Thư chép : Ba lần ghi chép thì tra xét được sự tích, ba lần tra xét thì cầm nắm được sự thẳng giáng của u minh. Chín lần tra xét là hai mươi bảy năm.

tìm tòi chỗ thật giả từ trước đến nay, toan tính cho lẽ được mất công việc thời thế. Dù có lúc hiển một kế, ngẫu nhiên dâng một lời, coi nói trách nhiệm làm quan nọ, an ủi miếng cơm đạm bạc kia nhưng vẫn chưa có thể dâng nạp hết lòng trung, tưới trơn ruột gan, xếp đặt phương lược, dùng không thiên lệch, ra ân cho đám lê dân, khiến cho những văn bản hèn mọn vô ích của tôi có được chút anh danh. Mà cũng là nói lỏng dây cương, cân nhắc ồ n thoả, quay về nẻo cũ. Thay đổi đường lối cũng phải giữ vững xe kiệu. Mặc tình điều khiển càng nên thương cho ngựa kéo. Đi lại nhi ều l ầ n rất c ầ n thâm định nghiêm ngặt. Niêm yết rõ ràng có lợi cho đường lối đi về Quan trọng là soi tỏ con đường bình an, gieo vãi giống lan thu để lại tiếng thơm cho đời. Dù cho đường lối của tôi là đường lối t ầ m thường cũng không theo đó hưng thịnh hay sao!”

Tôi nghe mà than rằng: ”Hỡi ôi! Lại có lời sai trái đến thế này sao! Con người ta lòng dạ chẳng giống nhau. Sự thật nếu như chỉ nhìn ở bên ngoài

dù là sáng sủa đẹp dễ, đã tốt lại xinh cũng chỉ như nhìn qua ống nhỏ, chọn lấy giỏ con. Giữ mãi đi đâu mình thấy chưa thể nói là đã hình dung được giới hạn của tám phương, hiểu biết rộng rãi thì mới được vạn sự”

Lại có người nóng nảy hấp tấp, cố kiêu chể mà dương mắt nói: ”Thế là thế nào! Thế là thế nào!”

Tôi đáp lời rằng: ”Ngu Đê⁽⁷⁸⁾ dùng chuyện ngoài mặt tuân theo đề khuyển răn⁽⁷⁹⁾, Khổng Thánh lấy việc tự thảo mãn chinh mình làm lầm lỗi. Nếu lời của anh đúng với đi đâu tôi nghĩ sẽ giảng giải được lời tôi đàm luận cùng anh. Xưa vào thời hồng hoang, ban đầu là mông muội, Tam Hoàng⁽⁸⁰⁾ ứng vào Đồ Lục⁽⁸¹⁾, Ngũ Đế nhận được điềm lành, rồi thì đến nhà Hạ, nhà Thương, đấy là điển tích trong sách vở. Sau họ Cơ⁽⁸²⁾ suy bại đạo lý khiếm khuyết, nhưng được các vị bá vương phò tá giúp đỡ. Rồi họ Doanh⁽⁸³⁾ hung ác tàn bạo, nhai nuốt tám cõi. Lúc ấy dọc ngang mây nổi, nhưng kẻ gian ác xảo trá nhiều như sao trên trời, những chuyện xấu xa quái lạ nổi lên tựa đàn ong. Vì vậy mưu kế tài khéo mới bắt đầu manh nha nảy mầm, hoặc dùng để tô điểm sự thật mà đối đáp với giả dối, hoặc dùng để ỷ vào cái xấu mà cầu mong hiển đạt, hoặc dùng để làm trái đạo lý mà bức bách người trên, hoặc dùng để nuôi dưỡng tài nghệ mà kiêu ngạo lấy thân. Quay lưng với lẽ phải mà tôn sùng đi đâu gian trá, bỏ quên sự chính trực mà về theo thói xu nịnh. Lòng trung không được rõ ràng chắc chắn, đạo nghĩa không đâu đặn sửa sang. Cho nên Uổng⁽⁸⁴⁾ tận hết phương pháp mà chỉ thành sai lầm, Tư⁽⁸⁵⁾ làm hỏng đạo nghĩa mà xây nên gian trá, Lữ⁽⁸⁶⁾ ngôi vị cao sang mà tông tộc bị diệt, Hàn⁽⁸⁷⁾ lập ra lý luận mà phải chịu gia hình chứ có ai cố tình đâu? Đi đâu lợi làm người ta thay lòng, ân sủng khiến người ta loá mắt. Lấy lòng cò biển vẽ rồng, xinh xinh áo quần xe cộ, cầu thả mà gặp may, tạm bợ mà thành sự, hoặc trái hoặc nghiêng, dâm tà chìm đắm, tự mình buông thả, ngang ngược cùng cực. Nhạc ngựa chưa treo đã ra đứng giữ càn xe, nhà chính chưa vào đã lật kèo bẻ cột. Thế là trời thu ánh sáng lại, đất rút ân trạch về người xót lấy thân, quý bỏ hạn định. Lúc đầu lên tới núi cao cuối cũng rơi xuống rãnh tối. Sáng mạnh vinh hiển tốt tươi, tối thành hèn hạ tiều tụy. Cũng chỉ bởi các bậc hiền nhân quân tử mưu tính sâu suy nghĩ xa, sợ hãi trước tội lỗi này, đề cử những thứ quá cao siêu, dấu đuôi trong chỗ bùn lầy⁽⁸⁸⁾, tránh xa cõi đời ô trọc vậy. Đấy há chẳng phải là khinh nhờn chủ, coi thường dân mà chênh lệch với thế sự hay sao? Sao

chẳng thay đổi trước tác, tạo nên lời dạy bảo ngăn cấm, vịnh tụng khen ngợi chỗ khiêm hoà thân lặng để thân mình nghe thấu mà sử dụng thấp sáng đường lối cho đời.

Từ nhà Đại Hán ta, ứng với đi ầm trời, thuận theo lòng dân, pháp lệnh lo liệu sâu dày, sáng tựa mặt trời mùa xuân. Cúi xuống bắt chước phép tắc của đất, ngẩng lên làm theo chuẩn mực của trời, gieo rắc ân điển lớn lao để chấn hưng thời thế, ban bố giao hoá tốt đẹp mà chuyên nhất, vua tôi bước vào quy phạm, mọi người giữ lấy lòng thành, chiêm được niềm tin rộng rãi truyền mãi mãi, biểu dương trách nhiệm cứu giúp cho đời. Kẻ sĩ không chuộng vẽ vang hào huỳnh giả dối, người dân có công cũng sẽ khắc ghi, rõ ràng minh bạch không mỗi mội, những mong tạo phúc đến hết lòng. Nhưng đạo có lúc hay lúc dở, vật có lúc dùng lúc bỏ, lúc âm vang, lúc câm lặng, lúc chói sáng, lúc mịt mờ. Như Chu Dương không có giữa mùa thu, Huy ền Âm⁽⁸⁹⁾ bị chặn lúc đầu xuân. Cho nên cái yên hoà thời Phục Hi đã trôi đi mà ước vọng thông dong còn treo đó, vận khí đã ẩn tránh mà tinh anh thần diệu vẽ vang vẫn còn mãi được tuyên dương. Xung, Chất không được lâu dài; Hoàn, Linh⁽⁹⁰⁾ đồ ngã suy sụp. Anh hùng phân tán khắp nơi, hào kiệt chùng lợp cõi đời. Nhà nhà lén lút luận bàn đoạn tuyệt, người người chất chứa toan tính chia lìa. Vì vậy khách tung hoành thành linh phôi bày hoài bão, kẻ xảo trá đột nhiên thổ lộ miệng mồm.

Nay lưới trời đã nối liền, ân trạch dựng lên phía trời tây. Tuân theo khuôn phép bao la của tổ tiên, ràng buộc nhân sĩ bằng tước vị đường hoàng. Chấn hưng Ngũ Giáo để sửa sang phong tục, tăng cường Cửu Đức⁽⁹¹⁾ để cứu vớt lê dân. Cung kính soi sáng chuyện thờ tự để tế xuân⁽⁹²⁾, tính toán đường Hoàng Đạo để giúp sự thật. Tuy kẻ đối lập chưa chịu theo về, người sai trái chưa được minh bạch, nhưng thánh nhân đã để lại lời khuyên dạy, đại khái không cần tham lam. Vì vậy vua tôi hai lòng hoà hợp chốn triều đình, muôn dân hơn hởi tôn kính nơi sơn dã. Động theo nguyên tắc nghiêm cẩn, tĩnh theo quy củ đời đời. Uy nghiêm tài giỏi hơn đời, thế thư như thời Nguyên Khải⁽⁹³⁾; Có lỗi lầm tất hiểu ra, nhân đức khác gì Nhan Tử; Khuôn phép vì dân cứng cỏi, thái bình giống thưở Nhiễm, Quý⁽⁹⁴⁾; Ứng Dương⁽⁹⁵⁾ tung cánh oai hùng, mưu sư như là Y, Vọng⁽⁹⁶⁾. Tổng hợp lương sách của anh hào, dung nạp ba kế của nhà họ Tiết⁽⁹⁷⁾. Xếp đặt mưu kế của Trương Tr ần⁽⁹⁸⁾, dốc sức chinh phạt để cứu đời. Ấy là năm

giữ tài ba mà không gấp gáp chứ nào phải rảnh rang ngồi bóc bẹ măng khô trong bụi cỏ um tùm hay sao.

Riêng tôi đây bất tài, bị trói buộc bởi chuẩn mực triêu cương, phó thác sinh mệnh nơi trời, tâm can nhờ cây vào lẽ phải. Vui cùng chỗ sâu rộng của biển xanh, tán thán cái vút cao của Trung Nhạc⁽⁹⁹⁾, nghe Trọng Ni⁽¹⁰⁰⁾ khen nhà Thương, cảm cái tình xóm làng giáo dưỡng giúp ích cho bản thân, ấy là cách nấu canh trong lúc bình thời, cũng có chút nỗ lực để bỏ đi điều sai trái. Vì vậy tôi chỉ mù mờ mà nói bừa, đương thời có quan hệ với văn hiến là những lúc hội họp với bạn văn ở chỗ chợ làng, cùng nhau ngơ ngẩn rong chơi nơi bờ ruộng, mong mỗi tăng thêm may mắn cát tường, nỗ lực tích cóp lời khuyên bảo. Nếu như phù hợp thì lấy chỗ u tối của mình hoà lẫn vào cái sáng láng của người, tiến lên nhận lấy dấu hiệu chở che. Còn như trái ngược thì là do chính mình thân phận tầm thường, lại tự lui về giữ cái dốt nát của bản thân. Tiến lui mặc lòng tính toán, không giả dối, chẳng hão huyền, tuân theo bản chất vui vẻ cùng trời. Làm người như thế còn gì phải ân hận nữa? Thế là chỉ nhập mà không xuất, có mà dường như không. Hẹp hòi ở chỗ thường tình tảo như Khuất Nguyên⁽¹⁰¹⁾, dung tục ở chỗ mong say sưa như Ngư Phủ⁽¹⁰²⁾. Rầy rà ở chỗ xem thường hành vi đáng xấu hổ như Liễu Quý⁽¹⁰³⁾, nóng nảy ở chỗ cao giọng giận dữ như Di, Thúc⁽¹⁰⁴⁾. Phù hợp không cho là được, trái ngược không coi là mất. Được không hạn chế sự bài xích, mất chẳng u sầu vì sợ hãi. Không vui vì người đi trước hạ cố tăng bốc, không theo đuôi người đi sau mưu tính chê bai. Không bán danh dự để cầu ân trạch, không chối tội danh để tránh biếm truất. Thế thì còn phận sự nào phải cởi bỏ? Còn có miếng cơm nào phải quan tâm? Còn có sách lược nào phải phản bác? Còn có lời trung nào phải dự phần? Cừu khảo không đổi thay, vững chắc mà nắm giữ đi đâu ấy vậy.

Nay kẻ sĩ hằng say chất chùng như núi, người tài xuất chúng hiện có rất nhiều, giống như loài có vảy ẩn mình trong biển lớn, chẳng khác loài có lông tụ hội ở Đặng Lâm⁽¹⁰⁵⁾. Loài chim bay qua không thể gọi là ít, loài cá mè nổi không kịp gọi là nhiều. Vả chẳng dương thần ẩn kín giữa thời Đường⁽¹⁰⁶⁾, âm tính lính ứng ở thời Thương, cầu khẩn Dương Hu thì biết được tin tức hòng thủy, tế lễ ở Tang Lâm thì nước ngọt thấm nhuần.

Hoài Nam Tử chép⁽¹⁰⁷⁾: Vua Vũ trị thủy, đích thân cầu khẩn ở sông Dương Hu. Thời Thang đại hạn, vua tự mình cầu đảo trong rừng Tang Lâm. Thánh nhân lo cho dân, làm như thế là sáng suốt vậy.

Lã Thị Xuân Thu chép⁽¹⁰⁸⁾: Xưa vua Thành Thang nhà Ân thắng vua Kiệt nhà Hạ mà thiên hạ đại hạn, ba năm không dứt. Thang bèn tự mình cầu đảo ở Tang Lâm rằng: "Tôi là một người có tội, không liên quan gì đến vận phương. Vận phương có tội, là do một mình tôi. Không thể vì một người chưa gắng gỏi mà khiến thượng đế huy đi đại vận mệnh của dân Thương." Thang ở đó cắt tóc, bẻ móng tay, định tự mình hy sinh, để cầu phúc ở thượng đế. Dân rất đẹp lòng, mưa lớn rơi xuống.

Làm hay nghĩ vốn có đạo lý. Mở hay đóng vốn có kỳ hạn. Thầy ta đã đề lại lời dạy dỗ, không có giận dữ thì không có lỗi lầm, giao phó sinh mệnh mà tỏ lòng cung kính thì sao ta lại từ nan? Lời nói đã tận hết, đường chỉ một mình đi. Quay lại đoạn ban đầu, tổng hợp tiếng thơm nơi thư tịch cổ, tìm kiếm văn chương họ Khổng còn lưu lại, trang điểm lời lẽ diệu kỳ để xét tới đạo lý, noi theo phép tắc tổ tiên mà đưa vào pháp chế. Phải lẽ như Thúc Hật⁽¹⁰⁹⁾ lúc nhàn tâng giao du, đáng khen như họ Sở⁽¹¹⁰⁾ đi ra chốn xa xôi. Thu lấy lẽ biết dừng biết đủ mà trở về đàm luận, thể hiện cái chính khi hạo nhiên mà tu sửa biên thuỳ. Mừng có tường vách xung quanh mà an nhiên vui vẻ, bỏ bớt việc trách móc hối hận ở thói đời hiện tại. Xét đến lòng này chuyên tịnh thư thái để biết sợ cại đoạn cuối đường lấm bùn nhơ. Luôn thẳng thắn tìm tòi mà tăng thêm hiểu biết, phôi bày hoài bão bên trong mà răn bảo khuyên nhủ. Xưa Cửu Phương xem xét lấy tinh chất là quý nhất, Tần Nha lắng lặng suy tư ở hình thái đặc thù.

Hoài Nam Tử chép : Tân Mục Công bảo Bá Nhạc rằng: "Ông tuổi đã cao rồi, trong họ nhà ông có ai có thể dùng để tìm ngựa hay được chăng?" Đáp rằng: "Tướng ngựa hay có thể từ hình dáng gân cốt mà biết được. Tướng ngựa tốt nhất thiên hạ thì hoặc chìm, hoặc mất, hoặc trái ngược, hoặc chẳng lộ ra. Một trong những chỗ hoặc ấy là tướng của con ngựa hay nhất thiên hạ đó, trên đời khó có cách nhìn ra. Con của thần đều vào hàng kém cỏi, có thể chỉ ra được con ngựa hay mà không thể chỉ ra con ngựa tốt nhất trong thiên hạ. Với ngựa tốt nhất thiên hạ, thần vốn có lòng kính trọng người đàn giở kiếm củi là Cửu Phương Nhân. Người nay xem tướng ngựa không hề kém thần. Xin hãy sai người đó." Mục Công gặp người này, sai đi tìm ngựa. Ba tháng sau, người ấy trở về, bảo rằng: "Đã tìm ra ngựa, hiện ở Sa Khâu⁽¹¹¹⁾." Mục Công nói: "Ngựa thế nào?" Đáp rằng: "Ngựa cái sắc vàng." (Mục Công) Sai người đến lấy thì lại là con ngựa đực sắc đen. Mục Công không vui, triệu Bá Nhạc đến hỏi rằng: "Hổng rồi! Cái người ông tiền cử đi tìm ngựa đó! Đến màu lông và đực cái còn không không thể phân biệt nổi, lại còn có thể biết được loại ngựa nào?" Bá Nhạc bùi ngùi thở dài than: "Đến mức chuyên chú là như thế đấy! Chính vì vậy

mà nghìn vạn người khác thần không kể tới. Giả sử Nhân quan sát thiên cơ thì chỉ cần chỗ tinh chất mà bỏ qua chỗ thô hào, dựa vào bên trong mà quên mất bên ngoài, xem cái cần xem mà không xem chỗ không cần xem, nhìn chỗ cần nhìn mà bỏ sót chỗ không cần nhìn. Nếu như ông ấy lấy cách làm ấy mà xem tướng ngựa thì đấy sẽ là con ngựa quý vậy.” Ngựa đem về đến nơi, quả nhiên là ngựa tốt nhất thiên hạ. Hoài Nam Tử lại chép: Bá Nhạc, Tân Nha, Hàn Phong, Cát Thanh mỗi người xem tướng ngựa theo một cách song đều là những người hiểu ngựa; Đại đế là Cửu Phương quan sát tinh thần, Tân Nha kiểm tra hình dáng.

Tiết Trúc phân biệt bảo vật mà thanh dự trải dài

Việt Tuyệt Thư ⁽¹¹²⁾ chép : Xưa Việt Vương Câu Tiễn có năm thanh bảo kiếm, nổi danh khắp thiên hạ. Có người khách có tài xem kiếm tên là Tiết Trúc. Vương bèn vời đến hỏi: "Ta có năm thanh kiếm bảo kiếm, mời ông chỉ bảo cho." Rồi lấy ra (hai thanh) Hào Tào, Thần Khuyết. Tiết Chúc nói: "Đều không phải (là bảo kiếm)." Lại lấy ra Thần Câu, Trạ Lư. Chúc nói: "Xem kiếm sao, thấy nhuần nhuyễn như việc làm của hàng lão luyện. Xem độ sáng, thấy vẫn vẫn như nước mới tràn đê. Xem đường vân, thấy đứt gãy như băng sắp tan lở. Cây nay gọi là Thần Câu chăng?" Vương nói: "Đúng vậy." Lại hỏi rằng: "Có người nếu lấy giá trị ba làng có chợ, tuần mã nghìn con, hai thành nghìn nhà ra đổi, có nên chăng?" Tiết Chúc nói: "Không nên! Vào thời tạo kiếm này phải phá núi Xích Cạn ⁽¹¹³⁾ để lấy thiếc chôn vùi trong đó, làm cạn khe Nhược Tà ⁽¹¹⁴⁾ để chọn đồng dưới đáy sâu. Thần mưa đổ nước quét dọn, thần sấm đánh trống, Thái Ất xuống xem, thiên thần giáng hạ. Âu Dã Tư noi theo tinh khí của trời, gom hết kỹ xảo mà làm. Kiếm đầu gọi là Thần Câu, kiếm sau gọi là Trạ Lư. Nay núi Xích Cạn đã đóng, khe Nhược Tà sâu chẳng thể dò. Âu Dã Tử thì đã chết. Dù cho nghiêng thành đồng vàng, đổ ngọc lấp suối cũng không đổi được một vật như thế. Ba làng có chợ, tuần mã nghìn con, hai thành nghìn hộ cũng chẳng đủ để nói lời đồng ý!"

Hồ Lương gửi gắm tiếng đàn mà tiếng tăm để lại.

Hoài Nam Tử chép : "Hồ Ba đánh đàn sắt mà cá Tầm nghe được. Lại viết rằng: Tiếng hát của Hồ Lương có thể làm giống thế nhưng người khác hát thì không thể.

Tề Khách vỗ đùi mà giúp đỡ Diên Văn.

Thần Tùng Chi : **chép** : Xét chỗ này nói tân khách dưới trướng Mạnh Thường Quân Diên Văn có thể làm tiếng gà gáy sang để giúp ông nay vượt tai ách. Thường thì khi làm giả tiếng gà gáy sáng tất nhiên đầu tiên phải vỗ đùi để làm hiệu như con gà vỗ cánh.

Sở Khách ăn trộm để bảo vệ Kinh Sở.

Hoài Nam Tử chép : Tướng nước Sở là Tử Phát thích tìm tòi kẻ sĩ có tài nghệ kỹ xảo. Nước Sở có người giỏi nghề ăn trộm, đến báỉ phỏng (Tử Phát) mà nói:

"Nghe nói ngài tìm kẻ sĩ có tài nghề kỹ xảo, tôi có nghề ăn trộm, vốn cũng là kỹ xảo đủ để làm một tên người lính vậy." Tử Phát nghe được, áo không kịp thắt đai, mũ không kịp đội thẳng vội ra ngoài lấy lễ mà tiếp đãi. Tả hữu can rằng: "Ăn trộm là đạo tặc trong thiên hạ, sao lại lấy lễ mà đãi?" Tử Phát đáp: "Điều này không phải là cái các người hiểu được đâu." Chẳng bao lâu, nước Tề xuất quân đánh Sở. Tử Phát cầm quân ra địch, ba lần thua trận. Các quan Đại phu được coi trọng ở nước Sở tất cả đều hết cách. Quân Tề càng lúc càng mạnh. Vào lúc ấy người lính vốn là ăn trộm tiến lên thưa: "Thần có nghề mọn, xin vì ngài mà ra sức." Tử Phát đáp: "Ừ." Người ăn trộm ngay đêm ấy ra đi, tháo trướng của tướng nước Tề đem về dâng cho Tử Phát. Tử Phát sai người đem trả, nói rằng: "Có người lính đi kiếm củi, thu được trướng của tướng quân. Sai sứ trả lại để lấy chỗ làm việc." Hôm sau (người ăn trộm) lại đến lấy cái gôi. Tử Phát lại sai đem trả. Hôm sau nữa lấy cái trâm. Tử Phát lại sai đem trả. Quân Tề biết chuyện cả sợ. Tướng Tề nói với thư lại, mưu sĩ rằng: "Hôm nay không quay về, sợ rằng quân Sở lấy đầu ta." Tức thì toàn quân rút lui.

Ung Môn cậ̀n đàn mà giảng giải thông suốt.

Hoàn Đàm Tân Luận⁽¹¹⁵⁾ chép : Ung Môn Chu lấy tiếng đàn mà yết kiến. Mạnh Thường Quân nói: "Tiên sinh gảy đàn, có thể khiến Văn này buồn thương chăng?" Đáp rằng: "Những người bị tiếng đàn của tôi khiến cho nẩy dạ u buồn là những người trước được kính trọng mà sau bị khinh khi, xưa giàu sang mà nay bần hàn, bị ruồng bỏ đề nén nơi hang cùng ngõ chật, không giao tiếp được với hàng xóm bốn bên. Hoặc là những người tài năng vượt bậc, giữ khí chất mang lòng thành mà bị gièm pha gặp mai mỉa, tạo thành thù oán mà chẳng có người tin. Hoặc là người kẻ cận tình nhân sinh ra ân ai, chẳng có hận sâu đã phải chia ly, đi đến tận góc trời mà chẳng hẹn ngày tái hội. Hoặc là người lúc nhỏ không có mẹ cha, lớn lên không có thê tử, ra ngoài lấy đồng hoang làm xóm giềng, trở về lấy hang hốc làm nơi ở, khốn khó từ sáng đến chiều không ai xót thương chiều cố. Nếu là những người ấy, chỉ nghe quạ lượn kêu vang, gió thu thổi khẽ là đã đau lòng. Thân chuyên chú đưa ra điệu đàn như tiếng thở dài, chưa có ai không bi thống mà rơi lệ khóc. Còn như túc hạ thì ở nơi lầu cao nhà lớn, buông sâu cửa liền, trướng là buông rủ, gió mát lượn qua, xướng ca cười nói ngay trước mặt, nịnh nọt hầu hạ ở kê bên. Hễ vỗ tay gõ nhịp, Trịnh thiếp liền ca múa. Lấy âm thanh réo rắt làm vui tai, sắc đẹp tịnh tế làm say mắt. Đua trên mặt nước thì cưỡi thuyền rồng, dựng cờ lông chim, khua cần câu cá chẳng đo vực có sâu. Chơi ngoài cánh đồng thì dẫm lên chỗ phẳng, rong ruổi nơi rộng rãi, dùng nỏ cứng bắn chim bay trên cao, lấy dũng sĩ cản mãnh thú. Đặt rượu, tấu nhạc, say đắm quên về. Vào lúc bấy giờ, dù trời đất có sập xuống cũng chẳng bằng một chút trông mong. Dù tôi có thảo gảy đàn vẫn chưa thể lay động được túc hạ." Mạnh Thường Quân nói: "Cố nhiên!" Ung Môn Chu nói: "Nhưng tôi trộm nghi túc hạ cũng có chuyện buồn. Vua trong xó nhà mà khiến nước Tân

khốn đốn chính là ngài, Liên hợp năm nước mà đánh Sở lại cũng là ngài. Thiên hạ ngày nay chưa được vô sự, không hợp tung thì liên hoành. Hợp tung tất Sở làm vương. Liên hoành tất Tần xưng đế. Người người đều biết hễ Tần Sở mà mạnh tất đến báo thù nơi đất Tiết⁽¹¹⁶⁾ cỏn con. Tình thế giống như mài rìu mà chặt cây nấm vậy. Bậc thức giả trong thiên hạ không ai không vì tức hạ mà lạnh lòng. Đạo trời không phải luôn luôn thịnh, nóng lạnh luân phiên nhau tiến lùi. Thiên thu vạn tải về sau, tông miếu tất không được tể tự, lâu cao cũng sụp rồi, sông cong hoá ra thẳng. Một phần cỏ gai mọc ,cho cây cáo trú thân. Mục đồng tuổi nhỏ lững thững bước chân qua cao giọng ca rằng: "Tôn quý thay Mạnh Thường Quân, cũng là giống như thế này thôi!" Mạnh Thường Quân nghe mà bùi ngùi than thở, lệ tràn mi vẫn chưa rơi. Ung Môn Chu lấy đàn ra đánh, từ từ lay động Cung Chuỷ, vỗ gõ Giốc Vũ⁽¹¹⁷⁾ cuối cùng thành giai điệu. Mạnh Thường Quân liền sụt sùi nói: "Tiên sinh gảy đàn khiến Văn thành ra như kẻ vong quốc vậy."

Hàn Ai giữ cương nên nức tiếng.

Lữ Thị Xuân Thu chép : Hàn An làm nghe đánh xe ngựa.

Vương Bao Thánh Chúa Đắc Hiên Thần Tụng⁽¹¹⁸⁾ chép : Kíp đến khi đóng ngựa vào cho khuyết thì co gối, sớm đứng xen vào giữa đám xe, Vương Lương⁽¹¹⁹⁾ cầm dây cương, Hàn Ai bám thành xe, phóng mình rong ruổi, nhanh như ánh sáng lướt đi, qua thành vượt quốc tựa đạp trên chỗ đất bằng, đuổi theo tia chớp, truy tìm gió bay, chuyển động khắp tám phương, một hơi đi vạn dặm, sao khoảng khoát vậy thay! Nhờ người ngựa tương đắc đó.

Lô Ngao⁽¹²⁰⁾ bay lượn nơi Huyền Khuyết⁽¹²¹⁾, Nhượng Sĩ đứng thẳng giữa mây xanh.

Hoài Nam Tử chép : Lô Ngao du ngoạn ở Bắc Hải, đi qua Thái Âm, vào nơi Huyền Khuyết, đến tận Mông Cốc thì gặp ở đó một người. Người này mắt sâu mà mũi đen, cổ cong, vai điều hâu, trán rộng mà mặt gầy thanh thoai đứng giữa trời đón gió nhảy múa. Người ấy ngoai lại nhìn thấy Lô Ngao thì thông thả hạ tay xuống, ẩn mình dưới khôi đá. Lô Ngao cúi xuống xem, thấy người ấy cuộn mình như xác rùa mà ăn trái Hợp Lê⁽¹²²⁾. Lô Ngao nói với người ấy rằng: "Chỉ có Ngao là người bỏ bè lìa bạn, xem đến tận cùng ngoài sáu cõi ở đây ngoài Ngao thì chẳng có ai! Ngao từ nhỏ đã thích lang thang, lớn lên cũng không hiểu biết mà thay đổi được nên đã đi khắp bốn phương. Riêng có núi non cực bắc là chưa được ngắm nhìn. Nay rốt cuộc gặp được ngài ở đây. Chắc là ngài có thể kết giao với Ngao chứ!" Nhượng Sĩ ấy cười mà nói rằng: "Ha ha! Người là người Trung Châu, bằng vào đâu mà khẳng định đây đã là xa? Chỗ này thuận theo ánh sáng nhật nguyệt mà đeo tinh tú, làm nên âm dương, sinh ra bốn mùa, là chỗ thường nhân cho là vùng đất vô danh, vì vậy mà chất ngất thâm ảo vậy. Nếu ta ở đây đi về phía nam đến đông Vọng Lượng thì sẽ nghỉ tại làng Trầm Mặc

ở phía bắc, đến tận xóm Minh Minh ở phía tây, thông với ánh sáng Hồng Mông⁽¹²³⁾ ở phía đông. Nơi này dưới không có đất, trên không có trời, tai nghe không rõ, mắt nhìn tất hoa, bên ngoài giống như có dòng nước rẽ ngang luân lạc đắm chìm, tất cả còn lại đều xa ngoài ngàn dặm. Vì thế ta cũng chưa thể ở. Nay người vừa du ngoạn đã đến tận đây, rồi lại nói đã xem tất cả mọi nơi, há cũng chẳng phải nơi này không còn là xa nữa hay sao! Như thế thì người ở lại đây, ta hẹn với mệnh mang mịt mù ở xa xôi hoang vu khác, không thể ở đây lâu được.”

Nhược Sĩ nói đoạn vung tay thẳng người đứng lên thì đã tiến vào giữa đám mây. Lô Ngao ngửa cổ nhìn theo thì không thấy đâu nữa, bèn than: ”Ta so sánh với người này như con trùng dưới đất so với chim Hồng Hộc, đi cả ngày chưa nổi một ly một tấc đã nghĩ rằng xa, thật chẳng đáng buồn sao!”

Tôi thật không có tài nghệ như những người vừa kể cho nên bèn bình tĩnh tại chỗ mà chờ đợi.

Năm Cảnh Diệu thứ sáu, Hậu Chủ theo kế của Tiểu Chu, sai sứ xin hàng Đặng Ngải. Thư hàng do Chánh viết ra. Tháng giêng năm sau, Chung Hội dấy loạn ở Thành Đô, Hậu Chủ chuyển sang đông đến Lạc Dương. Lúc bấy giờ rối loạn vội vã, đại thần nước Thục không có ai đi theo giúp đỡ. Chỉ có Chánh cùng Điện Trung Đốc là Trương Thông người ở Nhữ Nam bỏ vợ con đơn độc theo hầu. Hậu Chủ nhờ Chánh giúp đỡ phương lược rất vừa ý, hành động không lầm lỡ, bèn than thở bùi ngùi, hận hiệu Chánh quá muộn. Người đời nghị luận đều khen ngợi (Chánh). (Chánh) được ban tước quan Nội Hầu. Trong những năm Thái Thủy được bổ dụng làm An Dương Lệnh, sau thăng làm Ba Tây Thái Thái Thú. Năm Thái Thủy thứ tám có chiếu ban rằng: ”Chánh xưa ở Thành Đô, gian nan giữ nghĩa, không trái lòng trung. Đến khi được bổ dụng, hết lòng với chức vụ, có công lao sửa sang việc nước, vì thế lấy Chánh làm Thái Thú ở Ba Tây.” Năm Hàm Trữ thứ tư Chánh chết, thơ phú từ luận còn để lại hơn trăm thiên.

Bình rằng : Đỗ Vi tu thân đêm đêm, không xu phụ người đương thế. Chu Quần bói toán việc trời có bằng cớ. Đỗ Quỳnh trầm mặc tỉ mỉ cẩn thận, mọi việc làm ra đều thông thạo. Hứa, Mạnh, Lai, Lý kinh lịch sâu rộng, hiểu biết rất nhiều. Duẩn Mặc tinh thông Tả Thị. Tuy họ chẳng được tán dương về đạo đức cùng sự nghiệp nhưng chắc chắn đều là học sĩ một thời. Tiểu Chu biện luận lo liệu uyên bác lưu loát, là bậc đại nho một thời, có được phong phạm của Đông, Dương. Khích Chánh văn từ tươi sáng, có thần thái của Trương, Thái lại được ngợi khen ở việc làm, là bậc quân tử biết chọn vậy. Hai người sau cùng ở Tấn không có tích trạng gì, phần lớn là ở Thục, vì vậy chép vào thiên này.

Trương Phan xét Tiêu Chu trình bày kế sách hàng Ngụy, đại khái vốn đã dự liệu Lưu Thiện yếu hèn nhu nhược, không có lòng dạ cong queo mà gây ra tai họa, cho nên mới có thể làm như vậy. Nếu gặp phải người khác, đang lúc phần hận, dù (Chu) không có ý làm hại người ta, nhưng người ta chuộng cái chết vì hồ thẹn nhục nhã hoặc nổi giận muốn giết người để lập uy trong một lúc thì dầu không gặp họa sát thân cũng bị nghi ngờ vậy.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Hán Hiến đế bị ép nhường ngôi cho Tào Phi và được triều đình mới phong làm Sơn Dương Công.
- (2) Lưu Bị vào Thục với danh nghĩa giúp Lưu Chương đánh Trương Lỗ, Chương tiếp Bị ở Phù Thành.
- (3) Lưu Bị quê ở Trác huyện.
- (4) Râu vảy lấy Trác.
- (5) Có thể hiểu là : Chàng Trác không râu.
- (6) Là Chu Thụ bố Chu Quân (xem Chu Quân truyện) ông này mấy lần bị trưng tập ra làm quan nên gọi là Chu Trưng Quân.
- (7) Xem Chu Quân truyện.
- (8) Là Tấn Văn Hầu nước Tấn thời Xuân Thu.
- (9) Ông này được phong ở thành Khúc Ốc, bản thân ông ta và con cháu mười mấy đời tranh ngôi với chi trưởng, là tổ 15 đời của Tấn Văn Công.
- (10) Là Hán Thiệu Đế và Hán Hiến Đế. Thiệu Đế bị Đồng Trác phế làm Hoàng Nông vương, Hiến Đế bị Tào Phi soán ngôi phong làm Sơn Dương Công.
- (11) Khai quốc công thần thời Hán Vũ Đế
- (12) Lưu Ba.
- (13) Là Tư Mã Huy, Thủy Kính tiên sinh trong Tam Quốc Diễn nghĩa.
- (14) Ông này là Tống Trung, Trọng Tử là tên tự
- (15) Ông này là Vệ Xuất công thờ Chiến quốc tranh ngôi với cha là Vệ Hạo Trang công. Thạch Thước là hiền thần nước Vệ biết trước và khắc phục cuộc nội loạn này.
- (16) Ở vào thời đó là rèn, đúc, chế tạo khung cửi dệt vải.
- (17) Làm văn thư trong phủ Thượng Thư lệnh.

(18) Là một chức danh, đời Chu là thuộc quan của quan Tư Mã, trông coi việc giáo dưỡng thứ tử (con người thiếp, không phải là dòng đích) của chư hầu và các khanh đại phu. Đời Tần vẫn giữ, lập thêm chức Trung Thứ Tử, Thứ Tử Viên. Đời Hán trở về sau, cải làm thuộc quan của Thái Tử. Lương Tấn, Nam Bắc Triều gọi là Trung Thứ Tử, Thứ Tử. Tùy, Đường về sau, đổi thành Tả Hữu Thứ Tử, cứ thế không đổi, Thanh mạt vẫn còn.

(19) Là một chức danh (Bộc Xạ) đứng trong nhóm năm người Thượng thư.

(20) Giả, Mã: Giả Quỳ tự Lương Đạo - danh tướng kiêm lương thần Tào Ngụy, Mã Dung tự Quý Trường - Đông Hán kinh học gia.

(21) Danh nho cuối đời Hán.

(22) Vương thị: Chỉ Vương Túc, danh nho sống sau Trịnh Huyền một thế hệ, là họ hàng bên ngoại của Tấn Vũ đế, cùng Giả Quỳ, Mã Dung, Trịnh Huyền đều là danh gia chuyên về "khảo thuận cổ học". Thời Tam Quốc, học thuật của Trịnh Huyền rất hưng thịnh. Đến đời Tấn, Vương Túc cải cách lại các cải cách của Trịnh Huyền ở nhiều mặt, nhất là nghi lễ, tế tự...

(23) Thượng Thư: Bộ cổ sử tương truyền do Khổng Tử biên soạn, gọi là Thư, từ thời Hán gọi là Thượng Thư.

(24) Tên gọi tắt của vĩ thư. Tức là sách mượn nghĩa kinh để luận về phù phép chiêm ứng, gồm có thất vĩ bảy bộ: Dịch vĩ, Thư vĩ, Thi vĩ, Lễ vĩ, Nhạc vĩ, Xuân thu vĩ, Hiếu Kinh vĩ. Tương truyền là chỉ lưu của kinh, cũng do tay đức Khổng Tử làm cả. Người sau thấy trong sách có nhiều câu nói về âm dương ngũ hành nên mới gọi sự chiêm nghiệm xấu tốt là đồ vĩ hay sấm vĩ.

(25) Gia Lệnh: Tức Thái Tử Gia Lệnh một chức quan thuộc phủ Thái tử, được đặt ra từ đời Tần, vào hàng ngũ phẩm hưởng lương nghìn thạch.

(26) Vương Mãng: Quyền thần nhà Tây Hán, sau lật nhà Hán lập ra vương triều Tân.

(27) Ý nói muốn xưng vương xưng đế.

(28) Canh Thuỷ: Tức Hán Canh Thuỷ Đế tên là Lưu Huyền, thủ lĩnh quân Lục Lâm, sau khi triều Tân của Vương Mãng bị quân Xích Mi đập tan, lên làm vua nối tiếp nhà Hán, sau đầu hàng quân Xích Mi.

(29) Công Tôn Thuật: Thủ lĩnh cát cứ vùng Ích Châu cuối thời nhà Tân đầu thời Tây Hán, bị Hán Quang Vũ đánh bại.

(30) Thế Tổ: Hán Quang Vũ Đế.

(31), (32), (33), (34) Khai quốc công thần thời Đông Hán.

(35) Vương Lang: Nguyên là một thầy bói, vào cuối thời Tân đầu thời Tây Hán tự xưng con cháu Hán Thành Đế nhà Tây Hán, xưng vương ở Hàm Đan bị Hán Quang Vũ đánh bại, chết.

(36) Đồng Mã: Nhóm nghĩa quân phát triển lớn mạnh nhất vùng Hà Bắc cuối thời Tân đầu thời Tây Hán.

(37) Xích Mi: Đạo nghĩa quân mạnh nhất đông Trung quốc cuối thời Tân đầu thời Tây Hán, thủ lĩnh là Phan Sùng, bị Hán Quang Vũ đánh bại.

(38) Diêu Kỳ: Khai quốc công thần thời Hán Quang Vũ, vào thời điểm được nhắc tới đang chỉ huy quân cấm vệ.

(39) Ngỗi Hiêu: Thủ lĩnh cát cứ vùng Hữu Lũng cuối thời nhà Tân đầu thời Tây Hán, bị Hán Quang Vũ đánh bại.

(40) Trần Chi: Sủng thần nước Thục giai đoạn hậu kỳ Tam Quốc. Kế nhiệm Lã Nghệ làm Thượng Thư Lệnh. Xem thêm Đồng Hoà truyện.

(41) Chu Văn: Tức Chu Văn vương, vốn là vua một nước chư hầu nhỏ của nhà Thương, nhờ khoan hậu và giảm tô thuế mà phát triển được lực lượng, tạo ra cơ sở cho sự hình thành của nhà Chu.

(42) Câu Tiễn: Vua nước Việt thời chiến quốc, sau khi thua nước Ngô, khéo an ủi động viên dân chúng cuối cùng diệt được kẻ địch.

(43) Thang vương đánh Kiệt lập ra nhà Thương, Chu Vũ vương đánh Trụ lập ra nhà Chu đều chỉ quyết chiến một trận mà định thiên hạ.

(44) Quang Lộc Đại Phu: Chức danh đứng đầu hàng Đại Phu, chuyên lo việc nghị luận, lương hai nghìn thạch.

(45) Dịch: Tên gọi tắt của Kinh Dịch.

(46) Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn; Thuấn nhường ngôi cho Vũ đều theo phép chọn người tài chứ không theo huyết thống.

(47) Tôn Xước: Tác giả "Du Thiên Sơn phú", danh sĩ đại thần thời Đông Tấn.

(48) *Tôn Thịnh: Sử gia Đông Tấn, tác giả "Ngụy thị xuân thu", Tấn dương thu".*

(49) *, Thục tướng xem thêm Thục thư quyển 11 Hoắc Tuấn truyện.*

(50) *Chỉ Đông Ngô.*

(51) *Khương Duy, Liêu Hoá. Trong chiến cuộc năm 263 phía Thục chỉ có bốn tướng chủ chốt thường được nhắc đến là Khương Duy, Liêu Hoá, Trương Dực, Đồng Quyết. Không biết ở đây nói năm tướng thì người cuối là ai, Thượng Thư Lệnh Phàn Kiến chăng hay Hữu tướng quân Diêm Vũ*

(52) *Điền Đan: Danh tướng nước Tê thời Chiến quốc, có công đánh bại tướng nước Yên là Kỵ Kiếp khôi phục nước Tê.*

(53) *Cát Sanh: Một điệu hát trong Kinh Thi.*

(54) *Thân Bao: Thân Bao Tư trung thần nước Sở thời chiến quốc. Sở bị Ngô đánh bại sắp diệt vong, Thân Bao Tư sang Tần cầu viện, đứng khóc ở sân rồng nước Tần mấy ngày đêm làm vua Tần động lòng mà phát quân cứu viện.*

(55) (56) *Trung thần nước Việt thời chiến quốc, phò tá Câu Tiễn quang phục quốc gia đánh bại kẻ thù.*

(57) *Hoa Dương Quốc Chí: Bộ sách chép về lịch sử ba châu Lương, Ich, Trữ do Thương Cừ đời Đông Tấn biên soạn.*

(58) *Tam Lễ: Nghi lễ, Chu lễ, Lễ ký.*

(59) *Thượng Thư Lang: Quan chế đời Hán, những người được địa phương cử làm Hiếu Liêm mà có tài năng thì tuyển vào phòng Thượng Thư giúp Hoàng đế xử lý việc nước, mới vào gọi là Thủ Thương Thư lang trung", sau một năm gọi là Thượng Thư Lang, sau ba năm là Thị Lang.*

(60) *Đông Tào Duyệt: Như chủ nhiệm văn phòng ngày nay.*

(61) *Biệt Giá Tòng Sự: Chức quan đứng đầu hàng thư lại trong châu, mỗi khi Thứ Sử xuất tuần đặc biệt đi theo lo việc công.*

(62) *Tán kỵ thường thị: Chức danh, đời Tấn là cố vấn tùy tùng Hoàng Đế.*

(63) *Vệ Úy: Chức quan, đời Tân chương quản quân khí, nghi trượng, màn trướng của Hoàng Đế.*

(64) *Kỵ Đô Úy: Một trong ba chức Đô Úy đời Tấn, thường chỉ được phong cho ngoại thích.*

(65) Lưu Hưóng: Danh nho, nhà văn hoá lớn đời Hán.

(66) Dương Hùng: Danh nho Đông Hán, khi Vương Mãng lập triều Tân từng nhảy lầu tự sát để tỏ thái độ bất hợp tác (nhưng không chết)

(67) Đông Cung Tẩy Mã: Tuỳ tùng đôi khi là bạn học của Thái Tử.

(68) Lý Hùng: Người tộc Ba thuộc Đãng Cừ quận Ba Tây, khai quốc Hoàng Đế nước Hán Thành thời thập lục quốc.

(69) Vĩnh Hoà: Niên hiệu của Tấn Mục Đế, Vĩnh Hoà thứ ba là năm 347.

(70) Hoàn Ôn: Đại tướng, danh thần Đông Tấn.

(71) Hứa Do được tiếng là người hiền, vua Nghiêu vờ vào để truyền ngôi. Do từ chối, cười mà về rồi ra suối rửa tai. Sào Phủ mới dắt trâu tới suối uống nước, thấy Do rửa tai, bèn hỏi tại sao. Do trả lời: “Ông Nghiêu đòi tôi, biểu tôi thì làm vua.” Phủ bèn dắt trâu bỏ lên trên giong nước cho uống. Do hỏi tại sao, Phủ đáp: “Anh rửa tai anh xuống đó tôi sợ trâu tôi uống nhầm.”

(72) Vương Thục: Trung thần nước Tề thời chiến quốc, lúc Yên đánh Tề, muốn phong quan chức cho Vương Thục thì ông ta nói “ Trung thần bất sự nhị quân, trình nữ bất cánh nhị phu’.

(73) Viên, Ý: Chưa rõ là ai.

(74) Mặc Trữ: Được nhắc đến trong Tam Quốc diễn nghĩa như bạn của Hoa Hâm, đại nho đương thời, ẩn cư ở Liêu Đông khi quay về Trung Quốc theo lệnh đòi của Tấn Vũ đế bằng đường biển gặp bão các thuyền trong đoàn đều đắm chỉ riêng thuyền Mặc Trữ thoát nạn, được cho là có thần linh phù hộ.

(75) Thôi Nhân: Văn học gia thời Hán.

(76) Tôi đây: Khích Chánh tự xưng.

(77) Chỉ công việc chức vụ của Khích Chánh là Bí Thư.

(78) Ngu Đế: Chỉ vua Thuấn, được vua Nghiêu nhường ngôi cho mà lập nên nhà Ngu.

(79) Ngoài mặt tuân theo: Nguyên văn: 面从 diện tòng, lấy từ câu ”Nhữ vô diện tòng, thối hữu hậu ngôn” trong Thượng Thư

(80) Tam Hoàng, Ngũ Đế: Là những vị vua đầu tiên trong thời kỳ huyền thoại của dân tộc Hán, có công đưa dân tộc này thoát khỏi tình trạng sơ

khai. Ngày nay các học giả bên Tàu không thống nhất được với nhau về danh tự của các vị vua này.

(81) *Đồ Lục*: Sách mệnh của các thiên thần ban cho.

(82) *Họ Cơ*: Họ của các vua nhà Chu, bắt đầu bằng Chu Văn Vương Cơ Phát, là triều đại trị vì nước Tàu kế tiếp sau nhà Thương.

(83) *Họ Doanh*: Họ của các vua nước Tân diệt nhà Chu, thôn tính chư hầu

(84) *Ưởng*: Thương Ưởng.

(85) *Tư*: Lý Tư.

(86) *Lữ*: Lữ Bất Vi.

(87) *Hàn*: Hàn Phi Tử. Cả bốn người đều là những nhân vật chủ chốt đề xướng hình thức quản lý

Pháp trị ở nước Tần và đều có kết cục xấu.

(88) *Dấu đuôi trong chỗ bùn lầy*: Lấy tích vua nước Sở sai người mời Trang Tử. Trang Tử hỏi rằng: Có con rùa sống ngàn năm, xác khô được vua Sở cất giữ trong tay áo. Liệu con rùa ấy muốn sống mà kéo lê cái đuôi trong bùn hay muốn chết để người ta giữ xác. Viên quan đi mời nói: Muốn sống để lê đuôi trong bùn. Trang Tử bảo: Người về đi, ta cũng muốn lê đuôi trong bùn thôi.

(89) *Chu Dương, Huyền Âm*: Theo quan niệm của Đạo gia, Chu Dương là dương khí của trời đất thịnh vào mùa xuân tán vào mùa thu; Huyền Âm ngược lại, đại diện cho âm khí, thịnh vào mùa thu tán vào mùa xuân.

(90) *Xung, Chât, Hoàn, Linh*: Xung Đế, Chât Đế, Hoàn Đế, Linh Đế bốn vị vua nhà Hán lần lượt trị vì trước khi Đông Trác tiến vào Lạc Dương phế lập Hiến Đế. Xung Đế, Chât Đế chết từ lúc còn rất trẻ. Hoàn Đế, Linh Đế trị vì gặp nhiều loạn lạc như Hoạn Thị, Đãng Cỗ, Hoàng Cân.

(91) *Cửu Đức*: Thượng Thư chép Cao Dao danh thần của vua Vũ nói Thiên Tử cần có Cửu Đức. Em chưa rõ Cửu Đức là những đức gì.

(92) *Tế Xuân*: Nguyên văn: 祫祭: Được Tế: Chỉ ngày tế xuân thời nhà Hạ và nhà Thương.

(93) *Nguyên Khải*: Đời Nghiêu họ Cao Tân có tám người tài gọi là Bát Nguyên, họ Cao Dương cũng có tám người gọi là Bát Khải. Nguyên Khải chỉ nhân tài đông đúc, thứ hạng rõ rệt.

- (94) *Nhiễm, Quý: Em chưa rõ là ai.*
- (95) *Ứng Dương: Một loại chim dữ thường được thêu trên cờ trận.*
- (96) *Y, Vọng: Y Doãn, Lã Vọng.*
- (97) *Ba kế nhà họ Tiết: Không rõ có phải là ba mức thiết đãi tân khách của Mạnh Thường Quân ở đất Tiết chăng?*
- (98) *Trương, Trần: Trương Lương, Trần Bình.*
- (99) *Trung Nhạc: Trung Sơn thuộc tỉnh Hà Nam.*
- (100) *Trọng Ni: Khổng Tử.*
- (101) *Khuất Nguyên: Người nước Sở thời Chiến Quốc, tác giả Ly Tao, Thiên Vấn.*
- (102) *Ngư Phủ: Nhân vật trong bài văn cùng tên của Khuất Nguyên.*
- (103) *Liễu Quý: Người nước Lỗ thời Chiến Quốc, nổi danh trung tín thành thực.*
- (104) *Di, Thúc: Bá Di, Thúc Tề.*
- (105) **Đặng Lâm: Sơn Hải Kinh chép :** Khoa Phụ đuổi theo mặt trời, khát uống nước Vị Hà mà không đủ, muốn lên phía bắc uống nước ở đại hồ nhưng chưa đi đến nơi thì đã chết khát. Gậy trong tay rơi xuống hoá thành Đặng Lâm. Rừng này nằm ở phía bắc nước Sở, trong truyền thuyết là khu rừng lớn và bí hiểm.
- (106) *Đường: Nhà Đường Ngu của vua Thuấn.*
- (107) *Hoài Nam Tử: Cuốn sách do Hoài Nam Vương Lưu An và tân khách soạn vào thời Cảnh Đế nhà Tây Hán, thuộc loại tạp thư mang tư tưởng đạo gia thời tiền Tần kết hợp với bách gia chư tử, có giá trị trong nghiên cứu văn hoá Tân Hán.*
- (108) *Lữ Thị Xuân Thu: Cuốn sách do Lữ Bất Vi trước tác vào giai đoạn cuối thời Chiến Quốc.*
- (109) *Thúc Hật: Thúc Hường Dương Thiết Hật, đại phu nước Tấn thời Chiến Quốc, ủng hộ nhân hạ giúp quân Tấn làm bá chủ hầu.*
- (110) *Họ Sở: Cháu tằng tôn của Sở Nghiễm là Sở Mạnh Đạt dẫn cả họ chạy đi tị nạn ở Sa Lộc Sơn ngoài Đông Hải khi Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán.*
- (111) *Sa Khâu: Nay thuộc Hà Bắc.*

(112) *Việt Tuyệt Thư*: Thư tịch cổ chép về lịch sử hai nước Ngô Việt thời Chiến Quốc. Xuất xứ, niên đại, tác giả hiện đã thất truyền không tra cứu rõ ràng được.

(113) *Xích Cạn*: Còn gọi là núi Cạn, thời Xuân Thu nằm ở huyện Ngân thuộc nước Việt.

(114) *Khe Nhượng Tà*: Là dòng suối chảy ra từ núi Nhượng Tà, lúc hàn vi Tây Thi giặt lụa ở suối này nên còn có tên khác là suối Hoán Sa.

(115) *Hoàn Đàm Tân Luận*: Bài luận do Hàn Đàm viết vào thời Hán.

(116) *Đất Tiệt*: Đất phong của Mạnh Thường Quân.

(117) *Cung, Thủy, Giốc, Vũ*: Cùng với Thương hợp thành năm cung của nhạc cụ đồng Á.

(118) *Vương Bao Thánh Chúa Đắc Hiên Thần Tụng*: Bài Tụng của Vương Bao.

(119) *Vương Lương*: Người nước Tấn, đánh xe cho đại phu Triệu Giản Tử, nổi tiếng giỏi dong xe.

(120) *Lô Ngao*: Còn gọi là Lô Sanh, thuật sĩ người nước Tề (cùng có thuyết nói ông ta vốn là người nước Yên), từng vì Tân Thuỷ Hoàng cầu tiên được trường sinh của tiên nhân. Sau thấy Tân Thuỷ Hoàng không nghe lời khuyên can, làm việc trái đạo nên trốn đi đi lánh nạn ở Cỗ Sơn. Tân Thuỷ Hoàng ra lệnh truy bắt mà không tìm thấy.

(121) *Huyền Khuyết, Bắc Hải, Thái Âm, Mông Cốc*: Đều là những địa danh nằm ở cực bắc trong huyền thoại của đạo gia.

(122) *Hợp Lê*: Chắc là tiên quả.

(123) *Võng Lượng, Trầm Mặc, Minh Minh, Hồng Mông*: Đều là địa danh trong huyền thoại.

QUYỂN 13 - HOÀNG LÝ LÃ MÃ VƯƠNG TRƯỞNG TRUYỆN

*Hoàng Quyên, Lý Khôi, Lã Khải, Mã Trung, Vương Bình, Trương
Nghị*

HOÀNG QUYỀN TRUYỆN

Hoàng Quyền tự Công Hành, người quận Ba Tây, huyện Lăng Trung. Khi còn nhỏ làm quận lại, Châu mục Lưu Chương triệu làm Chủ bộ. Lúc Biệt giá Trương Tùng kiến nghị nên nghênh đón, khiến Tiên chủ đánh Trương Lỗ, Quyền can rằng: Tả tướng quân (1) có tiếng là kiêu dũng, nay mời tới, nếu muốn đãi như kẻ dưới, tất gây bất mãn, muốn đãi như tân khách, lại thành một nước chẳng chứa nổi hai vua. Khách mà an như Thái Sơn, tất chủ nguy như trứng để đầu đàng. Chỉ nên đóng cửa biên giới, ng ời chờ thiên hạ thái bình thôi. Chương không nghe, sai sứ đón Tiên chủ, đuổi Quyền ra Quảng Hán làm trưởng quận. Sau Tiên chủ tập kích Ích Châu, sai các tướng chia ra đánh lấy các quận huyện, các nơi chỉ nghe phong thanh là hàng cả, chỉ có Quyền đóng cửa thành cố thủ, đến lúc Chương ra hàng Tiên chủ, Quyền mới chịu hàng. Tiên chủ phong Quyền làm Thiên tướng quân.

Từ Chúng bình rằng: Quyền dốc lòng can gián chủ, lại bề thành chống cự, đã đủ lễ thờ vua. Vũ Vương (2) xuống xe, đắp mộ Tả Can, nêu tỏ quê hương của Thương Dung (3), biểu dương rõ rệt hiền thần trung thành, chính là nói rõ cái ý quý trọng của mình vậy. Tiên chủ phong Quyền làm tướng quân là đúng, nhưng như vậy hãy còn ít, chưa làm sáng rõ được cái tiết tháo trung nghĩa để đại khuyến khích tấm lòng kẻ thiện giả vậy.

Lúc Tào công phá Trương Lỗ, Lỗ chạy vào Ba Trung, Quyền tiến lên nói rằng: Nếu mất Hán Trung, thì chẳng thể cứu được Tam Ba (4), việc ấy cũng như cắt mất chân tay của Thục vậy. Bởi thế Tiên chủ lấy Quyền làm Hộ quân, đưa các tướng đi đón Lỗ. Lỗ lại trở về Nam Trịnh, đầu hàng Tào công. Sau phá được Đỗ Hoạch, Phác Hồ (5), giết Hạ Hầu Uyên, chiếm được Hán Trung, đầu là mưu của Quyền cả.

Tiên chủ làm Hán Trung Vương, lĩnh chức Ích Châu mục, lấy Quyền làm Trị trung tòng sự. Đến lúc Tiên chủ xưng đế, muốn sang đông đánh Ngô, Quyền can rằng: Người Ngô chiến đấu hung tợn, thủy quân ta lại

thuận dòng, dễ tiến khó lui, thần xin làm tiên khu thăm dò giặc, bệ hạ nên tọa trấn phía sau. Tiên chủ không nghe, lấy Quyên làm Trấn bắc tướng quân, cấn quân phía bắc sông đề phòng binh Ngụy, còn Tiên chủ tự mình ở phía nam sông. Tướng Ngô là Lục Nghị (Lục Tốn) (陆议) thuận dòng chặn vây, quân phía nam bại trận, Tiên chủ rút binh. Đường về bị cắt đứt, Quyên chẳng thể về được, mới đưa các tướng dưới quyên cùng hàng Ngụy. Quan chấp pháp xin bắt vợ con Quyên. Tiên chủ nói: Cô phụ Hoàng Quyên, chẳng phải Quyên phụ cô vậy. Rồi đổi đãi vợ con Quyên như trước.

Thần Tòng Chi : xét việc Hán Vũ (6) dựa vào lời vu khống dối trá, giết cả nhà Lý Lăng (7), và việc Lưu chủ không cho Hiến ti chấp pháp, tha thứ cho cả nhà Hoàng Quyền, cái tốt cái xấu của hai vị chúa thật khác nhau quá xa vậy. Kinh Thi nói: “Quân tử thật khoái hoạt, tử tôn được bảo hộ”, chính là lời nói về Lưu chủ vậy.

Ngụy Văn Đế bảo Quyên rằng: Ông bỏ nghịch theo thuận, phải chăng muốn học theo Trần, Hàn (8) khi xưa? Quyên đáp: Thần chịu hậu ân của Lưu chủ, hàng Ngô thì không thể, đường về lại chẳng có lối, nên đành theo về với bệ hạ. Vả lại tướng bại quân, được thoát chết đã là may, sao còn dám học đòi cổ nhân vậy. Văn Đế mến Quyên, phong làm Trấn nam tướng quân, Dục Dương hầu, sau lại cho làm Thị trung, giữ ở bên mình. Có vài hàng nhân nước Thục nói vợ con Quyên đầu bị giết, Quyên biết đó là lời giả dối, nên không phát tang.

Hán Ngụy xuân thu chép : Văn Đế xuống chiếu cho phát tang, Quyền đáp: Thần với Lưu, Cát (9) đối đãi nhau bằng tấm lòng thành, họ hiểu rõ bốn ý của thần. Thần ngờ việc này không thật, xin để hỏi thêm.

Sau hỏi kỹ ra, quả như lời Quyên nói.

Tin Tiên chủ mất bay tới Ngụy, quàn thần đều chúc mừng, chỉ có Quyên là không. Văn Đế xét thấy Quyên có sự khoan dung, muốn thử dọa Quyên, bèn sai tả hữu tuyên triệu Quyên, người còn chưa tới, đã liên tiếp mấy lần thúc dục, ngựa sứ giả chạy băng băng đan xen trên đường, quan lại, người hầu của Quyên chẳng ai không bỏ vía, mà Quyên cử chỉ nét mặt vẫn như thường. Sau Quyên nhận chức Ích Châu thứ sử, dời tới ở Hà Nam. Đại tướng quân Tư Mã Tuyên Vương (10) rất tán thưởng Quyên, hỏi Quyên rằng: Thục trung còn có những người như khanh không? Quyên cười đáp: Không ngờ Minh công lại đoái hoài coi trọng tôi như vậy. Tư Mã Tuyên Vương thư cho Gia Cát Lượng rằng: Hoàng Công Hành, là một kẻ sĩ hào

sảng, thường ng ỡ cảm thán bày tỏ về túc hạ, trước sau như một. Năm Cảnh Sơ thứ ba đời Ngụy Minh Đế, ở Thục là năm Diên Hi thứ hai, Quyên được thăng làm Xa kỵ tướng quân, đối đãi cũng như Tam Tư [\(11\)](#).

***Thục ký chép :** Ngụy Minh Đế hỏi Quyên: Thiên hạ chia ba, đương thời lấy nơi nào làm chính? Quyên đáp: Nên lấy thiên tượng mà luận chính thống. Trước đây sao Hỏa phạm vào sao Tâm thì Văn Hoàng Đế mất, Ngô, Thục nhị chủ lại bình an, ấy là chứng cứ vậy.*

Năm sau Quyên mất, được đặt thụy là Cảnh H ầu. Con là Ung nối dõi. Ung không có con, đến đời này là tuyệt tự.

Con Quyên là Sùng ở lại Thục, làm Thượng thư lang, theo Vệ tướng quân Gia Cát Chiêm chống cự Đặng Ngải. Tới Phù huyện, Gia Cát Chiêm bàn chuyện quay về, Sùng luôn miệng khuyên Chiêm cấp tốc chiếm giữ nơi hiểm yếu, không cho địch vào được đất bằng. Chiêm do dự không nghe, Sùng nói tới rơi lệ. Lúc Ngải thăng đường tiến binh tới, Chiêm phải lùi về giao chiến ở Miên Trúc, Sùng khích lệ quân sĩ quyết tử, sau chết trong trận chiến.

LÝ KHÔI TRUYỆN

Lý Khôi tự Đức Ngang, là người ở quận Kiến Ninh, huyện Du Nguyên. Trước làm quan đốc bưu của quận, dựng là Thoán Tập làm Kiến Linh lệnh, có vi phạm, Khôi xét tội Tập rồi miễn quan chức. Thái thú Đồng Hòa thấy Tập là người thuộc họ lớn ở địa phương, nên bỏ qua việc đó không nghe Khôi.

Hoa dương quốc chí chép : Tập sau làm quan tới Lĩnh quân.

Sau Đồng Hòa tiến cử Khôi lên châu, Khôi đang lặn lội trên đường thì nghe tiên chủ từ ải Hà Manh hễ binh tấn công Lưu Chương. Khôi biết Chương tất thua, mà Tiên chủ tất thắng, bèn thoái thác chức Quận sử, lên bắc gặp Tiên chủ ở Miên Trúc. Tiên chủ khen Khôi, đưa theo tới Lạc Thành, sai Khôi tới Hán Trung giao hảo với Mã Siêu, Siêu bèn vâng lệnh. Thành Đô đã định, Tiên chủ lĩnh chức Ích Châu mục, lấy Khôi làm Công tào thư tá chủ bộ. Sau có tù binh vu cáo Khôi làm phản, quan lại muốn bắt giải đi, Tiên chủ biết rõ chẳng phải như thế, lại thăng Khôi làm Biệt giá tòng sự. Năm Chương Vũ nguyên niên, Lai Hàng đô đốc Đặng Phương chết, Tiên chủ hỏi Khôi: Ai có thể thay được? Khôi đáp: Mỗi người đều có sở trường sở đoản, bởi thế Khổng Tử mới nói: Có dùng mới biết tài. Và lại Minh chủ ở trên cao, kẻ bày tôi phải thật lòng, giống như chiến dịch Tiên Linh, Triệu Sung Quốc [\(12\)](#) nói: Chẳng ai ngoài lão thần. Nay thần chẳng dám đo lường việc chọn lựa, chỉ xin bệ hạ xét cho rõ việc ấy. Tiên chủ cười nói: Bồn ý của Cô là nhắm Khanh vậy. Rồi lấy Khôi làm Lai Hàng đô đốc, cho giữ cờ tiết, lĩnh chức Giao Châu thứ sử, đóng tại huyện Bình Di.

Thần Tùg Chi : hỏi thăm người đất Thục, họ nói Lai Hàng cách Thục hơn hai nghìn dặm, lúc ấy chưa có Ninh Châu (寧州), gọi là Nam Trung, mới lập chức Trù Hàng đô đốc để cai trị cả xứ ấy. Đến thời nhà Tấn mới phân làm Ninh Châu.

Tiên chủ mất, Cao Định làm bày ở Việt Huê, Ung Khải ngang ngược ở Kiến Ninh, Chu Bao nổi loạn ở Tang Ca. Thừa tướng Lượng nam chinh,

bắt đầu từ Việt Huê, còn Khôi giữ đường Kiến Ninh. Tướng các huyện tụ tập làm loạn, vây quân Khôi ở Côn Minh. Lúc ấy binh Khôi ít mà địch nhiều, lại không nghe được tin về Lượng, mới bảo người Nam rằng: Quan quân đã hết lương, muốn rút lui, tôi xa quê đã lâu, nay được trở về, chẳng lên bắc nữa, mà muốn cùng các ông bàn mưu tính kế, bởi thế mới chân thành tương cáo. Người Nam tin Khôi, bởi thế vòng vây lợi lỏng. Khôi nhân đó ra đánh, đại phá quân Nam, đuổi giết tàn quân địch, phía nam tới Bàn Giang, phía đông thông với Tang Ca, cùng với Lượng thanh thế tương liên. Đất Nam đã bình xong, Khôi có nhiều quân công, được phong làm Hán Hưng Đình hầu, An Hán tướng quân. Sau quan quân quay về, người Di ở phía nam lại phản loạn, giết chết quan cai trị ở đấy. Khôi tự mình đem quân thảo phạt, trừ sạch kẻ ác, dời hết những nhà có ảnh hưởng ở đó về Thành Đô, cho thu thuế, trừ người già không phải nộp, trâu cày, chiến mã, vàng bạc, da tê giác của người rợ sung vào quân, bởi thế phí dụng đầy đủ.

Năm Kiến Hưng thứ bảy, bởi Giao Châu thuộc về Ngô, Khôi được cho thôi chức Thứ sử Giao Châu, đổi làm Thái thú Kiến Ninh, về ở quận nhà. Sau dời tới Hán Trung, năm Kiến Hưng thứ chín thì mất. Con là Di nối dõi. Con của em Khôi là Cầu, làm Hữu bộ đốc của Ngự lâm quân, theo Gia Cát Chiêm chống cự Đặng Ngải, chết tại trận chiến ở Miên Trúc.

LÃ KHẢI TRUYỆN

Lã Khải tự Quý Bình, người quận Vĩnh Xương, huyện Bất Vi.

Tôn Thịnh Thục thế phổ chép : Trước, nhà Tần dời hết con cháu họ hàng của Lã Bất Vi vào Thục Hán. Thời Hán Vũ Đế khai phá phía tây Nam Di, lập các quận huyện, dời nhà họ Lã tới đó, nhân thế mới gọi là huyện Bất Vi.

Lã Khải làm Ngũ quan duệ và Công tào ở quận. Bọn Ung Khải nghe tin Tiên chủ mất ở Vĩnh An, lại càng thêm kiêu căng ngạo mạn. Quan Đô hộ Lý Nghiêm sáu lần viết thư cho Ung Khải, phân tích lợi hại, Ung Khải chỉ trả lời có một lần rằng: Người ta nói trên cao chẳng có hai mặt trời, dưới đất chẳng có hai vua, nay thiên hạ chia ba, phương nào cũng nói mình chính thức, bởi thế người ở nơi xa xôi lo sợ nghi ngờ, chẳng biết theo ai vậy. Rồi vẫn phóng túng kiêu ngạo như trước. Ung Khải lại hàng Ngô, Ngô từ xa đặt Ung Khải làm Thái thú Vĩnh Xương. Vĩnh Xương nằm ở phía tây quận Ích Châu, đường giao thông tắc nghẽn, ngăn cách hoàn toàn với Thục, Thái thú quận (Ung Khải?) sửa chữa đường đi, Lã Khải cùng Phủ thừa của Thục quận là Vương Kháng đốc suất, khích lệ dân chúng, đóng cửa biên giới cự Ung Khải. Ung Khải mấy lần truyền hịch khắp Vĩnh Xương, tuyên truyền đủ thứ. Lã Khải đáp lại hịch rằng: Trời giáng xuống loạn lạc, gian hùng thừa cơ, thiên hạ đều nghiêng rãng căm hận, vạn quốc đều thương tiếc, từ kẻ bầy tôi cho tới nàng hầu chẳng ai không dốc hết gân sức, gan óc lầy đất, để trừ quốc nạn. Phục duy tướng quân một đời thụ Hán ân, tôi cho rằng đây chính là lúc tướng quân tụ tập binh tướng, xông lên phía trước, trên có thể báo quốc ân, dưới chẳng phụ tì nhân, công ghi vào sử sách, danh để tới nghìn thu. Sao lại đi làm kẻ nô bộc cho Ngô Việt, bỏ gốc lấy ngọn vậy ư? Xưa vua Thuấn chuyên cần việc dân đến nỗi chết ở Thương Ngô (13), thư tịch đều khen ngợi Thuấn, tiếng lưu tới vô cùng. Vua băng hà ở bến sông, thật đáng thương thay! Văn, võ đều nghe lệnh, thịnh vượng khắp nơi nơi. Tiên đế như con rồng bay lên, hải nội đều nghe tiếng, thừa tướng sáng suốt, tự nhiên trời ban an khang. Mà tướng quân lại chẳng thấy

giường mỗi của thịnh suy, cái đi ền của thành bại, ví như lửa cháy nơi cánh đ ồng, d ắm đ ập nơi sông băng, lửa tắt băng tan, biết dựa vào đ ầu? Ngày xưa tiên tổ của tướng quân là Ung h ầu (14) vốn gây oán nghiệt còn đ ược phong chức, Đ ậu Dung (15) hiểu biết thế thịnh hưng, trở về với cội ngu ần, đ ầu lưu danh tới mai sau, hậu thế ca ngợi. Nay Gia Cát thừa tướng tài trí siêu qu ần, thấu rõ tương lai, nhận mệnh thác cô của Tiên đế, phò trợ ấu chúa, chẳng ghen ghét ai, chỉ ghi công mà bỏ qua l ầm lỗi. Tướng quân nếu có thể triệt để thay đổi ý định, dừng chân lùi bước, thì chẳng khó theo kịp cổ nhân, đáng là người đứng đ ầu cõi biên thùy vậy! Xưa nước Sở chẳng cung kính, Tề Hoàn Công (16) trách mắng thật phải, Phù Sai tiếm xưng (17), người Tấn chẳng đ ược lâu bền, huống chi kẻ th ần tử l ầm lỗi với chúa, có ai mong muốn theo không (18)? Thiết nghĩ chuyện xưa, kẻ bày tôi không kết giao vượt biên giới, bởi thế trước sau có đi mà không có lại (19). Nhận đ ược cáo thị của tướng quân, nỗ lực quên ăn quên ngủ, cho nên lược bày những suy nghĩ cá nhân, mong tướng quân xét rõ vậy. Lã Khải ân uy g ồm đủ, trong quận tin cậy, bởi thế giữ đ ược trật tự ở đó.

Đến lúc Thừa tướng Gia Cát Lượng nam chinh thảo phạt Ung Khải, đã lên đ ường, thì Ung Khải bị tướng tá của Cao Định giết chết. Lượng tới phương nam, dâng biểu rằng: Quận lại ở Vĩnh Xương là Lã Khải cùng Phủ thừa Vương Kháng ở nơi xa xôi vẫn giữ vững lòng trung, hơn mười năm trời; Ung Khải, Cao Định áp bức phía đ ông bắc, mà Lã Khải, Vương Kháng vẫn giữ trọn tiết nghĩa chẳng chịu cầu kết. Th ần chẳng ngờ phong tục ở Vĩnh Xương lại chính trực vô cùng như vậy! R ồi cho Lã Khải làm Thái thú Vân Nam, phong tước Dương Thiên Đ ình h ầu. Sau Lã Khải bị người Di phản loạn hại chết, con là Lã Tường nối dõi. Còn Vương Kháng cũng đ ược phong làm Đ ình h ầu, nhậm chức Thái thú Vĩnh Xương.

Thực thế phổ chép : Lã Tường sau làm Nam Di hiệu úy đòi nhà Tấn, con Tường cùng cháu làm Thái thú Vĩnh Xương. Lí Hùng đánh phá Ninh Châu, họ Lã không theo, cố thủ ở quận. Vương Kháng cũng giữ trọn đ ược tiết tháo.

MÃ TRUNG TRUYỆN

Mã Trung tự Đức Tín, người quận Ba Tây, huyện Lăng Trung. Thuở nhỏ được nhà ngoại nuôi dưỡng, mang họ Hồ tên Đốc, sau mới lấy lại họ Mã, đổi tên là Trung. Trung làm quận lại, thời Kiến An mặt được tiến cử làm Hiếu liêm, rồi làm trưởng huyện Hán Xương. Tiên chủ đông chinh, bại trận ở Hồ Đình, Thái thú Ba Tây Diêm Chi lấy năm nghìn quân ở các huyện để bổ khuyết, sai Trung đưa đi. Tiên chủ lúc ấy đã về Vĩnh An, gặp Trung cùng trò chuyện, bảo Thượng thư lệnh Lưu Ba rằng: Tuy mất Hoàng Quyên, lại có Hồ Đốc, khá thấy đời chẳng thiếu kẻ hiền tài vậy. Năm Kiến Hưng nguyên niên, Thừa tướng Gia Cát Lượng mở phủ, lấy Trung làm môn hạ đốc. Năm Kiến Hưng thứ ba, Lượng vào nam, phong Trung làm Thái thú Tang Ca. Quận thừa Chu Bao làm phản. Sau cơn bạo loạn, Trung vỗ về sửa trị, rất có ân uy. Năm Kiến Hưng thứ tám, Trung được triệu về làm Tham quân phủ Thừa tướng, phụ Trường sử Trương Uyên tạm coi sự vụ ở phủ. Sau lại nhậm chức Trì trung tông sự ở châu. Năm sau, Lượng ra Kỳ Sơn, Trung theo Lượng, lo việc doanh trại quân nhung. Đại quân quay về, Trung lại dẫn tướng quân Trương Nghi thảo phạt người Khương làm loạn ở Vĩn Sơn. Năm Kiến Hưng thứ mười một, cường hào ở Nam Di là Lưu Trụ làm phản, nhiễu loạn các quận. Lai Hàng đô đốc Trương Dực được gọi về, Trung thay chức của Dực. Trung chém được Trụ, bình định đất nam, được phong làm Giám quân, Phấn uy tướng quân, tước Bác Dương Đình hầu. Trước, quận Kiến Ninh giết Thái thú Chính Ngang, trối Thái thú Trương Duệ đưa tới Ngô, bởi thế Đô đốc thường ở huyện Bình Di. Tới thời Trung, mới chuyển tới ở huyện Vị, sống giữa người Di. Lại thấy quận Việt Hồ mất đất đai đã từ lâu, Trung cùng Thái thú Trương Nghi mở mang, phục hồi quận cũ, bởi thế lại được gia quan làm An nam tướng quân, tấn phong Bành Hương Đình hầu. Năm Diên Hi thứ năm Trung về triều, tới Hán Trung gặp Đại tư mã Trương Uyên tuyên truyền chiếu chỉ, rồi được thăng chức làm Trấn nam đại tướng quân. Mùa xuân

năm Diên Hi thứ bảy, Đại tướng quân Phí Y cự Ngụy địch ở phương bắc, lưu Trung ở Thành Đô quản việc thượng thư. Y về triều, Trung lại về nam. Năm Diên Hi thứ mười hai Trung mất, con là Tu nối dõi. Em Tu là Khôi. Con của Khôi là Nghĩa, đời nhà Tấn làm Thái thú Kiến Ninh.

Trung là người khoan dung, rất có độ lượng, hay nói đùa cười lớn, bức tức không lộ ra mặt, xử sự quyết đoán, ân uy gồm đủ, bởi thế man di kính sợ mà yêu. Lúc Trung mất, người người đều để tang, rơi lệ xót thương, lại vì Trung mà lập miếu thờ, đến nay vẫn còn.

Trương Biểu là danh sĩ đương thời, thanh vọng còn hơn Trung. Diêm Vũ làm việc hiệu quả, tinh tế chuyên cần. Hai người tiếp bước Trung, uy phong thành tích đều không kịp Trung.

Ích bộ kì cựu truyện chép : Trương Biểu là con của Trương Túc (20). Hoa Dương quốc chí nói: Biểu là con Trương Tùng. Việc này không rõ. Diêm Vũ tự Văn Bình, người Nam Quận.

TRƯƠNG NGHI TRUYỆN

Trương Nghi tự Bá Kỳ, người nước Nam Sung, Ba Quận.

Ích bộ kì cựu truyện chép : Nghi xuất thân nghèo hèn, mà tuổi nhỏ đã thông tuệ mạnh mẽ.

Năm hai mươi tuổi làm Công tào ở huyện. Đúng lúc Tiên chủ định Thục thì giặc núi tấn công huyện, trưởng huyện bỏ nhà chạy trốn, Nghi xông pha trong gươm đao, công phu nhân (của trưởng huyện) mang theo, phu nhân được thoát. Bởi thế nổi danh, được châu gọi làm Tông sự. Kể sĩ trong quận Cung Lộc, Diêu Trụ làm quan hưởng lộc hai nghìn thạch, có danh tiếng lúc bấy giờ, đầu cùng Nghi có giao tình. Năm Kiến Hưng thứ năm, Thừa tướng Lượng lên bắc đóng quân ở Hán Trung, bọn sơn tặc Trương Mộ ở Quảng Hán, Miên Trúc đánh lén trộm quân tư, cướp bóc lê dân, Nghi làm Đô úy đưa binh thảo phạt. Nghi nghĩ giặc giống như đàn chim tản mát, thật khó để đánh, bèn giả bộ hòa hoãn làm quen, rồi tổ chức tiệc rượu mời. Rượu say, Nghi thân dẫn tả hữu chém hơn năm mươi đầu mục giặc Mộ, những kẻ càn đầu chết sạch. Rồi lại tằm nã dư đảng, mười ngày đã dẹp yên. Sau Nghi bị bệnh rất nặng, gia cảnh nghèo hèn, Thái thú Quảng Hán là Hà Chi ở Thục quận có tiếng là người rộng rãi hiên hậu, Nghi với Chi vốn không thân, nhưng vẫn ngỏ xe nhỏ đến gặp Chi, xin giúp chữa bệnh. Chi dốc hết tài sản chữa bệnh cho Nghi, vài năm thì khỏi hẳn. Đạo lý, tín nghĩa của những người ấy đều như vậy. Nghi làm Nha môn tướng, theo Mã Trung lên bắc thảo phạt người Khương làm phản ở Vãn Sơn, xuống nam bình định bốn quận man di, luôn có công trừ định kế hoạch, khắc địch chiến thắng.

Ích bộ kì cựu truyện chép : Nghi lĩnh ba trăm binh mã, theo Mã Trung đánh người Khương phản loạn. Nghi đốc suất mấy doanh trại tới đó trước. Ấp ấy vừa cao vừa dốc, Nghi theo thế núi lập bốn, năm làng ở trên. Người Khương dựng cửa đá ở chỗ yếu hiểm, trên cửa lấp các giá đỡ, chắt đầy đá, người qua là đẩy đá xuống, chẳng thoát khỏi cảnh nát như người. Nghi tính chẳng thể công được, bèn sai người dịch cáo thị cho người Khương rằng: Những chủng tộc Vãn Sơn

các người phản loạn, làm hại đến người lương thiện, Thiên tử sai tướng đến thảo phạt ác đảng. Các người nếu chịu khấu đầu trước quân, chuẩn bị lương thực, sẽ hưởng phúc lộc mãi mãi, báo đáp gấp trăm lần. Nhược bằng không theo, đại binh tới tru diệt, sấm vang chớp giạt, lúc ấy dù hối hận cũng vô ích vậy. Mấy người Khương đứng đầu nghe lệnh, lập tức tới chỗ Nghi, cung cấp lương thực cho quân. Binh mã tiến lên đánh bắt dư đảng, dư đảng nghe tin làng ấy đã bị hạ, hết thấy đều bỏ vợ trẻ trợ, sợ hãi cuống quit, kẻ thì ra hàng trước quân, kẻ thì chạy tán loạn vào sơn cốc, Nghi thả quân tấn công, đánh tan bọn ấy. Sau ở chỗ người Di phía nam Lưu Tru lại phản, Mã Trung làm Lai Hàng đô đốc đánh Tru, Nghi lại theo, khi giao chiến luôn đi đầu ba quân, chém được Tru. Việc bình nam đã xong, rợ Liêu ở Tang Ca, Hưng Cổ lại phản, Trung sai Nghi đưa quân tới đánh, Nghi chiêu hàng được hai nghìn người, đưa cả tới Hán Trung.

Năm Kiến Hưng thứ mười bốn, Đê Vương ở Vũ Đô là Phù Kiện xin hàng, Thục sai tướng quân Trương Úy lại nghênh đón, quá thời hạn vẫn không tới, Đại tướng quân Tưởng Uyển trong lòng rất nghĩ ngợi. Nghi trấn an Uyển rằng: Phù Kiện cầu hàng rất thành khẩn, tất không biến đổi, trước nghe em Kiện là người xảo quyết, chẳng thể cùng chung sức với rợ Địch do có mâu thuẫn, người ấy tất lưu lại không đến. Vài ngày sau, tin tới, em Kiện quả nhiên đưa bốn trăm hộ theo Ngụy, chỉ có Kiện tới theo Thục.

Trước, ở quận Việt Tây từ sau khi Thừa tướng Lượng thảo phạt Cao Định, người Tàu Di mấy lần làm phản, giết chết Thái thú Cung Lộc, Tiêu Hoàng, Thái thú sau đó chẳng dám tới quận Việt Hồ chỉ ở lại huyện An Định (An Thượng), cách quận hơn tám trăm dặm, quận ấy chỉ có cái tên mà thôi. Đương thời nhà Thục Hán muốn phục hồi quận cũ, Nghi được phong làm Thái thú Việt Hồ Nghi đưa quân mã của mình tới quận, lấy ân, tín để dỗ dành, người man di đều phục, tất cả lại hàng. Ở phía bắc biên giới tây nam có bộ lạc Tróc Mã rất kiêu căng hung tợn, không theo cai quản, Nghi bèn tới đánh, bắt sống được thủ lĩnh Ngụy Lang, rồi lại phóng thích, bảo rõ lẽ lợi hại, sai đi chiêu hàng đờng đảng. Rồi biểu tấu cho Lang làm Hầu ở đất ấy, bộ lạc hơn ba nghìn hộ đều an cư lạc nghiệp. Các bộ lạc khác nghe tin, đa phần dần dần hàng phục, Nghi có công được tấn tước Quan nội hầu.

Vua của đất Tô Kỳ là Đông Phùng, em của Phùng là Ngỗi Cừ, bọn ấy đã hàng sau lại phản loạn. Nghi xét tội, giết Phùng. Vợ Phùng là con gái của Mao ngư Vương được Nghi vì đại cục mà tha tội cho. Cừ chạy trốn về phía tây biên giới tây nam. Cừ nhanh nhẹn hung tợn, làm các bộ tộc ở đó

rất sợ hãi, Cừ sai hai người thân tín trá hàng Nghi, thu thập tin tức. Nghi biết, hứa sẽ trọng thưởng, lại sai làm phản gián, hai người ấy cùng hợp mưu giết Cừ. Cừ chết rồi, các bộ lạc đều yên ổn. Lại có tù trưởng đất Tư Đồ Lý Cầm Thừa, khi trước đã giết Cung Lộc, Nghi yết bằng truy nã, lòng bắt được, kể rõ tội trạng rồi chém.

Trước Nghi thấy bốn phương tường thành ngoài của quận sụt lở, mới xây một cái ụ nhỏ. Nghi làm quan ba năm, dời về quận cũ, sửa sang thành quách, người Di nam nữ chẳng ai không dốc sức.

Ba huyện Định Tạc, Đài Đăng, Ti Thủy cách quận hơn ba trăm dặm, lâu nay sản xuất muối, sắt và sơn, mà người Di lại chặn các lộ để lũng đoạn. Nghi dẫn thân binh giành lấy quyền kiểm soát, đặt quan lại trông nom. Nghi tới Định Dâu, thủ lĩnh người man di ở đó là Lang Sầm, cậu của Bàn Mộc Vương, rất được người man di tín nhiệm, giận Nghi vô cớ xâm phạm, không đến chỗ Nghi. Nghi sai vài chục tráng sĩ tới thẳng nhà bắt về, đánh đòn tới chết, mang thân về bộ lạc, ban thưởng rất hậu, kể rõ tội ác của Sầm, lại nói: Không được làm xằng, hễ làm giết ngay! Cả bộ lạc đều tự trói tội, Nghi giết trâu mở tiệc khoản đãi, trình trọng bày tỏ ân, tín, từ đó thu muối, sắt, đồ dùng rất đầy đủ.

Ở ranh giới quận Hán Gia có giống rợ Mao Ngưu hơn bốn nghìn hộ, thủ lĩnh là Lang Lộ, muốn báo thù cho dựng (chồng cô ruột) Đông Phùng, mới sai chú là Li cùng bộ hạ cũ của Phùng dò xét tình thế. Nghi liệu trước tình hình, đã sai thân tín mang tê, ngưu và rượu úy lạo, lại lệnh cho chị Li là vợ của Phùng tuyên rõ ý định. Li chịu nhận đồ thưởng, lại được gặp chị, chị em đều vui mừng, bèn đưa hết người của mình tới gặp Nghi, Nghi lại thưởng thêm, thiết đãi rất hậu rồi cho về Người Mao Ngưu bởi thế tuyệt không gây loạn nữa.

Quận Việt Tây trước có một con đường, xuyên qua đất Mao Ngưu tới thẳng Thành Đô, bằng phẳng mà lại gần. Do người Mao Ngưu chặn con đường đó đã hơn trăm năm, nên phải đổi đi đường An Thượng, vừa hiểm trở vừa xa. Nghi sai tả hữu mang lễ vật ban cho Lộ, lại trình trọng lệnh cho cô của Lộ (vợ Đông Phùng) nói rõ ý định, Lộ bèn đưa hết anh em vợ con tới chỗ Nghi, cùng Nghi lập minh ước, khai thông đường ấy, nghìn dặm đều yên bình, những đình, trạm cũ trên đường đều được khôi phục. Nghi biểu tấu cho Lộ làm Mao Ngưu Tì Vương, lại sai sứ đưa Lộ vào triều

cống. Bởi thế Hậu chủ thăng Nghi làm Vũ Nhung tướng quân, vẫn trông coi quận như cũ.

Trước Nghi gặp Đại tướng quân Phí Y, tính Y nhân hậu, tiếp đãi tin tưởng những người mới theo về thái quá, Nghi viết thư khuyên rằng: Trước Sầm Bành (21) thống lĩnh đại quân, lại hay vỗ về gần gũi mà chẳng giữ mình, bị thích khách giết hại, ai cũng thấy việc ấy. Nay tướng quân quyền cao chức trọng, nên trông vào chuyện xưa, cảnh giác một chút. Sau Y quả nhiên bị hàng tướng Ngụy là Quách Tu (22) hại.

Thái phó nước Ngô là Gia Cát Khác mới phá được quân Ngụy, đã rầm rộ hưng binh tính đánh tiếp. Thị trung Gia Cát Chiêm, con của Thừa tướng Lượng, là anh em con chú con bác với Khác, Nghi thư cho Chiêm rằng: Đông chủ (23) mới băng hà, ấu chúa (24) còn non dại, Thái phó nhận trọng mệnh thác cô, sao có thể dễ dàng được! Tài cao như Chu Công (25), mà còn có biến cố Quản, Sái (26) tung tin xằng bậy; Hoắc Quang (27) gánh vác việc lớn, mà Yên, Cái, Thượng Quan (28) còn âm mưu nghịch loạn; nhờ có Thành, Chiêu (29) sáng suốt, mới thoát được nạn vậy. Trước thường nghe Đông chủ giết, tha, thưởng phạt, không giao cho kẻ dưới, lúc biết mạng mình chỉ còn trong sớm tối, vội vàng triệu Thái phó, di chúc hậu sự, suy nghĩ thật là đúng đắn. Thêm nữa người Ngô, Sở vốn nhanh nhẹn nóng nảy, từ xưa đã có ghi chép, mà Thái phó lại rời Thiếu chủ, xông vào đất địch, sợ rằng chẳng phải kế hay, cái phép trọn vẹn lâu dài vậy. Tuy nói Đông Ngô kỷ cương nghiêm chỉnh, trên dưới hòa kính, nhưng tính trăm đi đầu thế nào chẳng sót một, làm thế chẳng giống suy nghĩ của kẻ sáng suốt. Lấy xưa làm khuôn phép cho nay, nay học theo xưa, phi ngài góp ý trung thực với Thái phó thật chẳng còn ai dám hết lời vậy! Đưa quân về mở rộng nghề nông, chăm chỉ thi hành đức huệ trong vòng vài năm, rồi đông, tây (30) đều cử sự cũng chưa muộn. Xin ngài xét rõ và lựa chọn. Sau đúng như Nghi nói, Khác bị giết cả họ. Hiểu biết, tận tâm nhìn của Nghi đa phần đều cao minh như vậy.

Nghi làm quan ở quận mười lăm năm, bờ cõi đều an hòa. Nghi nhiều lần xin về triều đình cho về Thành Đô. Người Di quyến luyện không rời, rời nước mắt, khóc không ra tiếng bên bánh xe, đi qua đất Mao Ngưu, vua đất ấy đợi con sau lưng tới nghênh đón, đi theo tới biên giới Thục Quận, lại đưa hơn trăm người lũ lượt theo Nghi vào triều cống. Nghi về được phong làm Đãng khấu tướng quân. Tính Nghi khảng khái hào hùng, kẻ sĩ nhiều

người yêu mến, nhưng lại phóng đảng khiếm lễ, người ta cũng lấy đi đầu ấy mà chê bai vậy.

Ích bộ kì cựu truyện chép : *Xa kỵ tướng quân Hạ Hầu Bá bảo Nghi rằng: Tôi với túc hạ tuy xa lạ, nhưng lại thấy hiểu nhau như bạn cũ, túc hạ nên hiểu ý tôi. Nghi đáp: Tôi chưa biết ngài, ngài chưa biết tôi, đao lớn (quyền thế, lý lẽ) trong tay ngài, hà tất phải nói hiểu nhau! Xin thông thả ba năm sau hãy xét tới lời đó. Kẻ sĩ có kiến thức đều khen ngợi những lời ấy.*

Năm ấy là năm Diên Hi thứ mười bảy. Trưởng thành Dịch Đạo của Ngụy là Lý Giản gửi mật thư xin hàng, Vệ tướng quân Khương Duy dẫn Nghi xuất binh ra Lũng Tây nhân có Giản làm viện trợ.

Ích bộ kì cựu truyện chép : *Nghi có cố tật phong thấp, khi tới Thành Đô dân trở nặng, sau phải chống gậy mới đứng lên được. Lý Giản xin hàng, chư tướng thảo luận đều thấy hồ nghi, chỉ có Nghi bảo chắc chắn đúng. Khương Duy xuất binh, triều đình bàn rằng Nghi vừa mới về, thêm chân có tật không tiện ở tại trung quân, Nghi lại xin tận lực vì Trung Nguyên, dẫn thân trước trận tiền. Lúc xuất phát, Nghi từ biệt Hậu chủ, nói: Thân dưới thánh minh, chịu ân không kể xiết, lại thêm thân mang bệnh tật, thường sợ nhờ một sớm chết đi, cô phụ ơn đãi ngộ. May trời không phụ tâm nguyện, nay thân được tham gia việc quân. Nếu định được Lương Châu, thần xin trấn thủ nơi đó, nhược bằng không được, xin liêu mình báo đáp thánh ân. Hậu chủ xúc động, rơi lệ.*

Tới Dịch Đạo, Giản đưa hết quan dân trong thành ra nghênh đón. Tiễn quân Thục giao phong với tướng Ngụy Từ Chặt, Nghi ngã xuống trong trận chiến, nhưng cũng giết được vô số. Nghi chết rồi, con cả là Anh được phong làm Tây Hương hầu, con thứ là Hộ Hùng kế tục của cha. Người Di ở Việt Huê đất nam nghe tin Nghi chết, bi thương khóc đến khản tiếng, lập miếu thờ Nghi, bốn mùa cúng tế xin trừ thủy tai, hạn hán.

Ích bộ kì cựu truyện chép : *Ta xem Trương Nghi đáng mạo hiên từ, chẳng làm người sợ hãi, mà sách lược tính toán sâu xa, quả cảm mạnh mẽ đủ để lập uy, là người bấy tôi có tiết tháo, trung thành, xử sự có phong thái độ lượng, chính trực, hành động mẫu mực, Hậu chủ vô cùng tôn trọng. Những danh sĩ ngày xưa cũng chẳng hơn được vậy!*

Thục thế phổ chép : *Cháu Nghi là Dịch, đời nhà Tấn làm Thứ sử Lương Châu.*

Bình rằng : *Hoàng Quyền bụng dạ rộng rãi thuần chính, độ lượng bao la; Lý Khôi chính trực thanh cao, có hoài bão; Lã Khải tiết tháo kiên định; Mã Trung thuần hậu mà nghị lực ⁽³¹⁾, Vương Bình trung dũng mà nghiêm chỉnh, Trương Nghi hiểu biết, quyết đoán, sáng suốt, quả cảm; tất cả đều có sở trường, dương danh phát tích, gặp được thời vậy.*

VƯƠNG BÌNH TRUYỆN

Vương Bình tự Tử Quân, người ở huyện Đãng Cừ quận Ba Tây. Nguyên trước vốn là con nuôi họ Hà, sau mới đổi lấy lại họ Vương. Từng theo Đỗ Hoạch - Phác Hồ đến Lạc Dương, được làm Giả Thái úy, theo Tào Công đánh Hán Trung, nhân đó theo hàng Tiên chủ, được bái làm Nha môn tướng, Bì tướng quân.

Năm Kiến Hưng thứ 6, theo giúp Tham quân Mã Tắc làm tiên phong. Tắc bỏ ngu ồn nước đóng quân trên núi, làm việc tùy tiện. Bình cố sức khuyên can Tắc, Tắc không theo kế, nên đại bại ở Nhai Đình, binh sỹ tan tác hết cả, Bình chỉ có hơn 1.000 quân, sai thúc trống giữ trận, Ngụy tướng Trương Cáp nghi có phục binh, không dám tiến quân truy đuổi. Thế rồi Bình từ từ thu gom binh sỹ tan tác ở khắp nơi, đốc suất tướng sỹ lui về Thừa tướng Gia Cát Lượng giết Mã Tắc cùng với tướng quân Trương Hưu - Lý Thịnh, tước binh quyền cùng quân sỹ của tướng quân Hoàng Tập, riêng Bình bởi có công lao hiển hách, được phong chức làm Tham quân, thống quản ngũ bộ kiêm chức Đương doanh bộ, sau lại được thăng làm Thảo khấu tướng quân, Phong đình hầu.

Năm Kiến Hưng thứ 9, Lượng vây Kỳ Sơn, Bình được giữ riêng một cánh quân ở phía Nam. Ngụy Đại tướng quân Tư mã Tuyên Vương tấn công Lượng, Trương Cáp đánh quân của Vương Bình, Bình kiên quyết cố thủ không vọng động, Cáp không thắng được. Năm Kiến Hưng thứ 12, Lượng chết ở Vũ Công, trong lúc rút quân, Ngụy Diên làm loạn, chỉ một trận đã bị bại, chính bởi công lao của Bình vậy. Bình được thăng làm Hậu diễn quân, An hán tướng quân, làm phó cho Xa kỵ tướng quân Ngô Nhất (tay này là Ngô Ý đây - cụ Luộc sợ phạm húy nên viết chệch tên tay này đi) trấn thủ Hán Trung. Năm Kiến Hưng thứ 15, Bình được tiến phong làm An hán hầu, thay Nhất làm Đốc quân Hán Trung.

Năm Diên Hi nguyên niên, Đại tướng quân Tưởng Uyển đóng quân ở Miện Dương, Bình được đổi làm Tiền hộ quân, được đặt sở thự ở ngay

phủ sự của Uyển. Năm Diên Hi thứ 6, Uyển dẫn quân về đóng ở Phù Thành, bái Bình làm Tiễn giám quân, Trấn Bắc Đại tướng quân, thống lĩnh quân sự ở Hán Trung.

Năm Diên Hi thứ 7 mùa xuân, Đại tướng quân nhà Ngụy là Tào Sảng dẫn quân bộ kỵ binh hơn 10 vạn người tiến đánh Hán Xuyên, quân tiên phong đã đóng ở Lạc Cốc. Bấy giờ binh sỹ giữ Hán Trung chưa đến 3 vạn người, chư tướng đều kinh hoảng. Ai cũng nói rằng: “Nay binh lực của chúng ta không đủ để cự giặc, nên lui quân chống giữ hai thành Hán - Lạc, phòng ngộ lỗ quân địch xâm nhập vào được, sau đấy, ta lấy quân ở Phù Thành đến cứu quan ải mới được”. Bình nói: “Không nên. Từ Hán Trung đến Phù thành xa ngàn dặm. Ví như kẻ địch lấy được cửa quan, ấy mới là hoạ vậy. Nay nên phái Lưu hộ quân, Đỗ tham quân giữ vững ở Hưng Thê sơn, Bình tôi ở phía sau cự địch; ví bằng quân địch chia binh mà tiến vào sâu, Bình tôi sẽ lĩnh hơn ngàn quân đến đánh, đến lúc ấy, quân ở Phù Thành mới đến cứu kịp, thế mới là thượng sách vậy”. Chỉ có Hộ quân Lưu Mẫn đồng ý với Bình, Bình lập tức thi hành. Sau đấy ba quân ở Phù Thành cùng Đại tướng quân Phí Vỹ từ Thành Đô đến chi viện, quân Ngụy phải lui về quả đúng như dự liệu của Bình.

Lúc bấy giờ Đặng Chi ở phía Đông, Mã Trung ở phía Nam, Vương Bình ở cõi Bắc, đều là danh tài lương tướng rõ rệt vậy.

Vương Bình vốn xuất thân từ quân ngũ, không biết đọc viết, chẳng biết quá 10 chữ, mà nói năng nhận mệnh nghe thư giao việc, đều hợp đạo cả. Bình lệnh cho người khác đọc các truyện ở Sử ký-Hán thư, chỉ nghe đọc mà hiểu rõ đại nghĩa, thường xuyên luận bàn nói năng chẳng sai đạo lý chút nào. Lại tuân thủ pháp độ, chẳng hề bốn cột hài hước, ngày nào làm việc suốt ngày, từ sớm đến tối, rất nhẩn nại không giống với những viên võ tướng khác, tuy nhiên tâm nhìn hạn hẹp, thiếu phong thái của bậc đại tướng, ấy cũng bởi vì thiếu học thức vậy. Năm Diên Hi thứ 11 Bình chết, con là Huấn nối tự.

Khi trước, cùng thời với Bình có một người ở quận Hán Xương là Cú Phù vốn trung dũng mà khoan hậu, người ấy cũng có chút công lao, công danh tước vị kém sút hơn Bình, sau làm quan đến Tả tướng quân, được phong làm Đãng Cừ hầu.

Hoa Dương quốc chí chép : Sau này Trương Dực, Liêu Hoá đều làm Đại tướng quân, người thời bấy giờ thường nói rằng: Trước đây có Vương, Cú; sau này

có Trương, Liêu”

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Chỉ Lưu Bị. Chức của Lưu Bị lúc này là Tả tướng quân nhà Hán.*
- (2) *Vũ Vương là vua khai sáng nhà Chu, nổi tiếng là một vị vua hiền đức. Ông được Khương Tử Nha phò tá lật đổ được nhà Ân hung bạo.*
- (3) *Thương Dung, Tể Can đều là đại thần nhà Thương. Thương Dung làm thừa tướng ba triều, quỳ nơi cửa cung can gián Trụ Vương làm ác không được, đành cáo lão hồi hương. Tể Can can gián Trụ Vương quyết liệt tới mức bị mổ bụng moi tim.*
- (4) *Tam Ba là Ba Đông, Ba Tây và Ba Trung.*
- (5) *Theo quyển Khổng Minh Gia Cát Lượng của Trần Văn Đức thì Đồ Hoạch là Thái thú Ba Tây, Phác Hồ là Thái thú Ba Đông.*
- (6) *Hán Vũ là Hán Vũ Đế.*
- (7) *Lý Lăng là tướng quân dưới triều Hán Vũ Đế, con cháu của danh tướng Lý Quảng. Lăng đem binh đánh Hung Nô, binh ít mà bị Hung Nô vây chặt, Lăng chiến đấu anh dũng tới khi sức cùng lực kiệt đành hàng Hung Nô chờ thời. Có người vu cáo Lăng đem binh hàng giặc, vua Hán Vũ Đế giết cả nhà Lăng. Tư Mã Thiên, tác giả cuốn Sử ký cùng tên nổi tiếng, vì can vua đừng giết nhà Lăng mà phải chịu cái nhục cung hình.*
- (8) *Trần Bình, Hàn Tín. Hai người trước đều là tướng Sở, nhưng không được trọng dụng, mới về với Lưu Bang, lập nhiều đại công giúp Lưu Bang lấy được thiên hạ. Đoạn này có vẻ hơi mỉa mai, vì chính Ngụy Văn Đế Tào Phi đã cướp ngôi nhà Hán, rồi lại lấy hai đại thần nhà Hán ra để ví dụ cho việc bỏ tôi theo sáng.*
- (9) ***Chỉ Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Ngô thư của Vi Chiêu có chép : tổ tiên của Gia Cát Lượng trước mang họ Cát, vốn ở huyện Gia thuộc quận Lang Nha, về sau rời tới huyện Dương Đô, để phân biệt với mấy họ Cát ở đó mới gọi là Gia Cát.***
- (10) *Chỉ Tư Mã Ý.*

(11) Tư Đồ, Tư Mã, Tư Không, ba chức quan đầu triều.

(12) Triệu Sung Quốc là danh tướng nhà Hán. Đời Hán Tuyên Đế, ông đã già vẫn hăng hái xung phong xin đi đánh giặc Khương và nói như trên.

(13) Vua Thuấn mất tại bên sông Tương trong lúc đi tuần thú ở Thương Ngô.

(14) Theo sách Khổng Minh Gia Cát Lượng của Trần Văn Đức thì Ung Khải là hậu duệ của Hợp Hương hầu Ung Sĩ.

(15) Đâu Dung là quan trấn thủ đất Hà Tây thời Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán. Sau ông mang đất Hà Tây quy phục Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú, được phong thưởng rất nhiều.

(16) Tê Hoàn Công là vị vua giỏi của nước Tê thời Chiến quốc, nước Tê lúc ấy được sự phò tá của Quản Trọng trở thành bá chủ chư hầu.

(17) Phù Sai là vua nước Ngô thời Chiến quốc. Ban đầu ông dùng hai đại thần là Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ khiến nước Ngô rất cường thịnh, đánh bại nước Việt. Sau ông tham tranh giành quyền bá chủ với nước Tấn mà không nghe lời Ngũ Tử Tư đề phòng tai vạ phía sau (nước Việt) nên cuối cùng bị Việt Vương Câu Tiễn tiêu diệt.

(18) Ý Lã Khải đoạn này là: Đến làm vua một nước mạnh còn chẳng được các nước khác theo, nữa là một kẻ bầy tôi phản chúa, tất chẳng có ai theo.

(19) Ý Lã Khải là: bầy tôi không thể đổi xử với người ngoài nước mình theo kiểu bạn bè có đi có lại được. Đây hàm ý chuyện Ung Khải vốn là quan của Hán triều lại theo Ngô.

(20) Trương Túc là anh Trương Tùng.

(21) Sầm Bành là đại tướng nhà Đông Hán thời Quang Vũ Đế. Ông thiếu đề phòng nên lúc đưa quân vào đất Thục bị thích khách giết chết.

(22) Trong Phí Y truyện chép là Quách Tuân (郭循) giết Phí Y. Ở đây lại chép là Quách Tu (郭脩) giết.

(23) Chỉ Tôn Quyền.

(24) Tôn Lượng, con Tôn Quyền.

(25) Chu Công tên thật là Cơ Đán, là một đại hiền thần nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Ông là con vua Văn Vương, giúp đỡ vua Vũ Vương nhà Chu điều hành chính sự, rồi lại tiếp tục coi sóc việc nước giúp con Vũ

Vương là Thành Vương. Người ta hay so sánh hiền thần với Chu Công – Y Doãn.

(26) *Quản, Sái là Quản Thúc, Sái Thúc. Hai người đều là con Văn Vương, vì mưu đồ riêng mà tung tin Chu Công muốn tiếm quyền đoạt vị, nhưng thất bại, sau dấy binh nổi loạn, bị tiêu diệt.*

(27) *Hoắc Quang là đại thần phụ chính thời Hán Chiêu Đế. Ông cũng là một danh thần nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.*

(28) *Yên là Yên Vương Lưu Đán, Đán với Hán Chiêu Đế đều là con của Hán Vũ Đế. Cái là Cái Trường công chúa. Thượng Quan là Thượng Quan Kiệt, một quan trong triều Hán. Ba người này âm mưu phản loạn, giết Hoắc Quang, lập Yên Vương làm vua, nhưng việc không thành.*

(29) *Thành là vua Thành Vương nhà Chu. Chiêu là Chiêu Đế nhà Hán. Hai vị vua này đều sáng suốt nhận thức được những lời dèm pha đại thần, bởi thế Chu Công và Hoắc Quang đều được yên ổn.*

(30) *Chỉ Đông Ngô và Tây Thục.*

(31) *Đoạn này còn một chú thích ngắn của Bùi Tùng Chi, để giải thích cho đoạn Trần Thọ bình về Mã Trung. Nguyên văn đoạn chú thích của Bùi Tùng Chi là : 尚書曰: 擾而毅. 鄭玄注曰: 扰, 馴也. 致果 曰毅. ạm dịch là Thượng Thư ghi: Nhiễu nhi nghị. xuất xứ từ 【書·皐陶謨】擾而毅。*

【註】 馴擾而 果毅 Cao Dao Mô của kinh Thư.

Trình Huyền chú thích: Nhiễu là tuần phục. Quả cảm gọi là nghị.

QUYỂN 14 - TƯỚNG UYÊN PHÍ Y KHƯƠNG DUY TRUYỆN

Tướng Uyên, Phí Y, Khương Duy

KHƯƠNG DUY TRUYỆN

Khương Duy tự Bá Ước, người quận Thiên Thủy, mồ côi cha từ thuở nhỏ, ở với mẹ, hiểu thấu đạo học của Trịnh Huyền.

Phó Tử chép : Duy thích lập công danh, kết giao với kẻ sĩ, chẳng nề vì mình chỉ là kẻ áo vải.

Từng giữ chức Thượng kế duyệt trong quận, rồi được vời làm Tòng sự ở trong Châu. Khi trước phụ thân của Duy từng làm chức Công tào trong quận, gặp lúc người Khương-Nhung làm loạn, Duật thân đem quân chống giữ, chết khi lâm trận, vì thế Duy được ban chức quan Trung lang, được tham dự việc quân ở bản quận.

Năm Kiến Hưng thứ 6, quân của thừa tướng Gia Cát Lượng đóng ở Kỳ Sơn, bấy giờ Thái thú Thiên Thủy thân hành ra ngoài dò xét, Duy cùng với bọn Công tào Lương Tự, Chủ bộ Doãn Thượng, Chủ ký Lương Kiền đi theo. Thái thú nghe tin Thục quân sắp đến nơi, mà các huyện đều hưởng ứng theo (quân Thục), ngờ rằng bọn Duy đều có lòng kia khác, mới nhân lúc đêm tối bỏ trốn về giữ Thượng Nhai. Bọn Duy biết Thái thú đã bỏ đi, liền đuổi theo, đến cổng thành, cửa thành đã đóng, không vào được. Bọn Duy liền trở về Ký thành, Ký thành cũng không cho Duy vào. Duy thế cùng bèn đến hàng Gia Cát Lượng. Lúc Mã Tắc bại trận ở Nhai Đình, Lượng di dời hơn 1.000 hộ dân ở Tây Thành cùng Duy về (Thục), bởi thế mà Duy cùng với mẫu thân lý tán.

Nguy lược chép : Thái thú Thiên Thủy là Mã Tuân dẫn Duy cùng với các quan theo Thứ sử Ung Châu Quách Hoài đi về phía Tây đến Lạc Môn xem xét, nghe tin đại quân của Lượng đã tới Kỳ Sơn, Hoài ngoảnh sang Tuân bảo: “Quả là việc chẳng lành!” Rồi vội quay ngựa ruổi về Đông tới Thượng Nhai. Tuân nghĩ rằng Ký Huyện là biên trấn ở phía Tây, lại sợ rằng quân dân ở đó náo loạn, muốn Hoài trở về đó. Bấy giờ Duy nói với Tuân rằng: “Phủ quân nên trở về Ký Châu”. Tuân bảo Duy: “Khanh cùng với mọi người hãy trở về đó, cùng chống địch”. Mọi người miễn cưỡng quay về. Thế nên Duy không ở cùng Tuân, mà về nhà ở Ký thành, bởi thế quan lại ở quận ấy đều trở về Ký huyện. Quân dân ở Ký

huyện thấy Duy về hết sức vui mừng, bèn tiến cử Duy đến diện kiến Lượng, Duy không biết làm sao, đành cùng mọi người đến hàng Lượng. Lượng đón tiếp, rất hài lòng. Còn chưa kịp sai người đi đón thân nhân (của Duy) ở Ký thành, thì gặp lúc quân tiên phong của Lượng bị bọn Trương Cáp, Phí Diêu đánh tan, nên thân nhân của Duy phải ngậm ngùi ở lại đó. Duy bất đắc dĩ phải lui về, rồi chạy vào Thục. Chư quân tấn công Ký thành, bắt được vợ con Duy cùng mẹ già, nguyên Duy vốn không có ý lìa bỏ người thân, cũng bởi vì việc công tư chẳng thể toàn vẹn mọi bề được vậy.

Sau này Lượng lấy Duy làm Thương tào duyện ⁽¹⁾, thêm tước Phụ Hán tướng quân, phong làm Đương dương Đình hầu, ấy là đến năm Kiến Hưng thứ 12. Lượng từng gửi thư cho Lưu phủ Trưởng sử Trương Duệ, Tham quân Tưởng Uyển nói rằng: “Khương Bá Ước hết sức chuyên cần với công việc, lo toan cẩn thận mà tinh tế, xét đoán đầy đủ mọi nhẽ, ở Vĩnh Nam, Quý Thường dễ mấy ai được như thế. Người ấy, chính là kẻ sỹ đại tài ở Lương châu vậy.” Lại bảo: “Trước hãy tạm giao cho cai quản bên mình năm sáu ngàn hồ bộ binh. Khương Bá Ước vốn sáng suốt việc quân sự, rất có can đảm, hiểu sâu binh pháp. Tâm nguyện người ấy hướng về nhà Hán, mà tài năng hơn người, tất sau này sẽ coi sóc việc quân, giờ nên phái ngay đến cung đình, cho diện kiến chủ thượng.”

Sách Tap ký của Tôn Thịnh chép : “Khi trước, Khương Duy đến gặp Lượng, lúc chia lìa mẫu thân, thì nhận được thư của mẹ già, muốn gọi Duy trở về. Duy than rằng: “Ruộng tốt trăm khoảnh, sao bằng tìm lấy một vùng, chỉ cần có chí cao xa, há đâu cứ phải trở về quê quán.”

Sau này Duy được thăng làm Trung giám quân, Chinh Tây tướng quân.

Năm Kiến An thứ 12, Lượng mất, Duy trở về Thành Đô, làm Hữu Giám quân-Phụ Hán tướng quân ⁽²⁾, thống lĩnh ba quân ⁽³⁾, rồi được tiến phong làm Bình tướng hầu. Năm Diên Hi nguyên niên, theo Đại tướng quân Tưởng Uyển coi sóc công việc ở Hán Trung. Khi Uyển được thăng làm Đại Tư mã, lại lấy Duy là Tư mã, được cầm mấy cánh quân tiến về phía Tây ⁽⁴⁾. Năm Diên Hi thứ sáu, Duy lại được đổi làm Trấn Tây Đại tướng quân, lĩnh chức Lương Châu thứ sử. Năm Diên Hi thứ mười, Duy được thăng làm Vệ tướng quân, cùng với Đại tướng quân Phí Vĩ quản việc Thương thư ⁽⁵⁾. Năm ấy, người Khương-Di ở vùng Vấn Sơn nổi lên làm phản, Duy dẫn binh đến thảo phạt bình được. Lại tiến ra địa giới các xứ Lũng Tây-Nam An-Kim Thành, cùng với Ngụy Đại tướng quân Quách Hoài-Hạ Hầu Bá đánh nhau ở Thao Tây. Vua rợ Hồ kính sợ đem cả bộ lạc đến hàng, Duy vỗ

yên được xứ ấy. Năm Diên Hi thứ 12, Duy được ban Giả tiết, lại ra xứ Tây Bình, không được lợi phải trở về. Bởi Duy ở phía Tây đã lâu nên am hiểu phong tục xứ ấy, lại có uy vũ, muốn dẫn dụ các tộc Khương-Hồ theo về, lại lấy quân ấy làm quân Vũ dục, bởi thế từ đất Lũng về phía Tây đều hướng về cả. Mỗi khi Duy muốn khởi quân (đánh Ngụy), Phí Vĩ thường không đồng ý mà cắt giảm số quân đem theo, số binh chẳng quá một vạn người.

Hán Tấn Xuân Thu chép : Phí Vĩ bảo Duy rằng: “Bọn ta chẳng bằng được Thừa tướng lại muốn làm được quá thế ư; Đến như Thừa tướng còn chẳng yên định được Trung Nguyên, hưởng hồ là bọn ta; Vậy nên chẳng gì bằng giữ yên nước mà trị dân, thận trọng coi giữ xã tắc, bảo trì công nghiệp, thu dụng kẻ sỹ, chẳng nên mong cầu sự may mắn mà quyết sự thành bại ở một lần vọng động. Ví bằng chẳng được như ý, có hối cũng không kịp nữa vậy”

Năm Diên Hi thứ 16, Vĩ chết. Mùa hè năm ấy, Duy dẫn mấy vạn quân tiến ra Thạch Doanh (Thao), theo lối Đồng Đình, tiến đến Nam An, Ngụy thứ sử Ung Châu là Trần Thái đoán biết nên đóng quân giữ vững Lạc Môn, Duy hết lương phải lui về Năm sau, Duy nắm hết việc quân sự trong ngoài. Lại tiến quân ra Lũng Tây, tướng giữ Dịch Đạo là Lý Giản dâng thành đầu hàng. Duy tiến quân vây Tương Vũ, cùng với Ngụy tướng là Từ Chất giao phong, chém được Chất phá tan quân ấy, Ngụy quân thua to lui về Duy thừa thắng thu phục cả vùng đất rộng lớn, vây hãm Hà Gian, Dịch Đạo, Lâm Thao, đem dân chúng ba huyện ấy về Thục, cuối năm Diên Hi thứ 18, lại cùng với Xa kỵ tướng quân Hạ Hầu Bá tiến ra Dịch Đạo, đại phá quân Ngụy của Ung châu Thứ sử Vương Kinh ở Thao Tây, giết chết hơn một vạn quân của Kinh. Kinh lui quân giữ chặt thành Dịch Đạo, Duy vây hãm Kinh ở đó. Chinh Tây tướng quân nhà Ngụy là Trần Thái tiến binh giải vây, Duy lui quân về đóng giữ Chung Đô.

Mùa xuân năm Diên Hi thứ 19, Duy được thăng làm Đại tướng quân. Bèn chỉnh đốn binh mã, cùng với Trấn Tây Đại tướng quân Hồ Tế hẹn nhau hội quân ở Thượng Nhai, bởi Tế bị lạc đường không đến kịp, nên Duy bị Ngụy tướng là Đặng Ngải đánh tan ở Đoạn Cốc, binh mã ly tán hết cả, quân sỹ bị chết rất nhiều. Bởi thế nên số đông binh sỹ đều oán hận Duy, từ xứ Lũng trở về Tây đều dao động chẳng yên, Duy tạ tội với Hậu chúa, xin tự biếm tước xuống làm Hậu tướng quân, coi việc Đại tướng quân.

Năm Diên Hi thứ 20, Chinh Đông Đại tướng quân nhà Ngụy là Gia Cát Đản làm phản ở Hoài Nam, Ngụy phải chia binh ở Quan Trung kéo về

Đông. Duy muốn thừa cơ lại tiến ra Tần Xuyên, mới đốc xuất mấy vạn nhân mã kéo ra Lạc Cốc, theo lối tắt đến Trầ Lĩnh. Bấy giờ ở Trường Thành (của Ngụy) lương thảo tích trữ rất nhiều mà binh lính trấn giữ lại rất ít, nghe tin Duy đã đến, mọi người đều kinh hoảng. Ngụy Đại tướng quân Tư Mã Vọng hết sức chống cự, Đặng Ngải cũng từ Lũng Hữu kéo đến, ba quân đều tụ tập ở Trường Thành. Duy thúc quân tới Mang Thủy, tựa vào núi lập doanh trại. Vọng-Ngải dựa sông Vị kiên trì cố thủ, Duy hạ chiến thư khiêu chiến, Vọng - Ngải quyết không ứng chiến. Năm Cảnh Diêu nguyên niên, Duy nghe tin Đản bị thua trận, bèn trở về Thành Đô. Được phục hồi chức Đại tướng quân.

Khi trước, Tiên chủ lưu Ngụy Diên trấn thủ Hán Trung, đầu là đặt binh khoả ở vòng ngoài đón địch, nếu như địch đánh tới, ắt không được thể xâm nhập. Đến trận Hưng Thế cự địch, Vương Bình chống lại Tào Sảng cũng là dựa theo phép này. Duy xét lại rằng, thế trận thủ ở một nơi như thế, tuy về nghĩa lý rất hợp với quẻ “Trọng Môn” trong Chu Dịch, có thể chế ngự được địch, song chẳng thu được đại lợi. Chẳng bằng nên dẫn dụ kẻ địch kéo đến, lại giấu kín binh sỹ ở nơi hẻm núi, lui quân giữ hai thành Hán-Lạc, khiến kẻ địch không thể tiến vào nơi bình địa, lại đặt binh giữ vững trọng quan. Nếu một ngày có địch, sẽ cất quân nhân hạ tiến đến lấy hư binh mà khắc địch, địch đánh cửa quan không xong, chẳng vượt được Tán Cốc, phải tải lương nghìn dặm xa xôi, tất sinh mệt mỏi. Đến một ngày nào đó ắt phải lui binh, bấy giờ binh ở các thành đều tiến ra, quân nhân tấn đánh quân mệt mỏi, ấy là phép thuật tối cao để đánh địch vậy. Liền đó lệnh cho Đề đốc Hán Trung Hồ Tế lui binh giữ đất Hán Thọ, Giám quân Vương Hàm trấn giữ Lạc Thành, Hộ quân Tưởng Ân trấn giữ Hán Thành, lại đến Tây An - Kiến Uy - Vũ Vệ - Thạch Môn - Vũ Thành - Kiến Xương - Lâm Viên lập đồn thú trấn giữ.

Năm Cảnh Diêu thứ năm, Duy đốc xuất binh sỹ ra Hán Xuyên tiến đến lấy thành Hâu Hà, bị Đặng Ngải đại phá ở đó, mới lui quân về giữ Đạp Trung. Duy vốn nắm việc binh trong nước, nhiều năm chinh chiến, không lập được chiến công, mà bè lũ hoạn quan Hoàng Hạo lộng quyền ở trong cung, Hữu đại tướng quân Diêm Vũ cùng với Hạo cấu kết với nhau, bởi Hạo có âm mưu phế bỏ Duy lập Vũ lên thay vào đó. Duy cũng nghi ngờ việc ấy. Cho nên rất lo lắng, mới không chịu trở về Thành Đô.

Sách Hoa Dương quốc chí chép : Duy ghét Hoàng Hạo phóng túng chuyên quyền, mới bầm với Hậu chủ muốn giết đi. Hậu chủ nói: “Hạo chẳng qua là kẻ hầu mọn để sai bảo việc vặt mà thôi, xưa kia Đồng Doãn vẫn nghiến răng căm giận, ta vẫn hận việc ấy, người sao phải hậm hực để ý làm gì”. Duy biết Hạo nương cậy vào Hậu chủ ⁽⁶⁾, sợ có lời thất thố, mới nhún nhường từ tạ lui ra ngoài. Hậu chủ lệnh cho Hạo đến gặp Duy tạ tội. Duy nói với Hạo rằng muốn ra Đạp Trung lập đồn điền trồng lúa, nhân đó tránh tai vạ.

Năm Cảnh Diệu thứ sáu, Duy dâng biểu lên Hậu chủ rằng: “Thần nghe tin Chung Hội đang dõn binh ở Quan Trung, ắt có mưu toan tiến thủ, nên sớm sai Trương Dực, Liêu Hoá đốc xuất ba quân chia nhau bảo vệ cửa ải Dương An và đầu cầu Âm Bình để đề phòng nghiêm cẩn”. Hạo lại cho vời đồng cốt đến, nói rằng chẳng phải kẻ địch sẽ đến, bầm với Hậu chủ cứ gối đầu ngủ cao, thế nên quân thần chẳng ai hay biết gì cả. Đến khi Chung Hội tiến đến Lạc Cốc, Đặng Ngải xâm nhập vào Đạp Trung, bấy giờ Hậu chủ vội sai Hữu Xa kỵ tướng quân Liêu Hoá đến Đạp Trung giúp đỡ Duy, Tả Xa kỵ tướng quân Trương Dực, Phụ quốc Đại tướng quân Đồng Quyết đến Dương An làm ngoại viện cho quân ở đấy. Khi gần tới Âm Bình, nghe tin Ngụy tướng là Gia Cát Tự đang ở Kiến Uy, chiếm giữ được nơi ấy. Đến cuối tháng, Duy bị Đặng Ngải đánh bại, phải lui binh giữ Âm Bình. Chung Hội tấn công hai thành Hán-Lạc, phái biệt tướng tiến đánh cửa ải, Tướng Thục mở cửa thành ra hàng, Phó Thiêm đánh giết trong đám loạn quân tử trận.

Hán Tấn Xuân Thu chép : Tướng Thục muốn ra hàng, lấy lời dối trá bảo với Phó Thiêm rằng: “Nay kẻ địch đến đây chẳng nên đóng chặt cửa thành tự thủ, chẳng phải là bậc lương tướng vậy.” Thiêm nói: “Nhận mệnh giữ thành, ấy là làm trọn việc công, nay trái mệnh ra đánh, ví như lỡ đánh mất chỗ này là làm mất chỗ dựa của quốc gia, chết như thế là vô ích vậy”. Thục nói: “Ông coi việc giữ vững thành trì là công lao, ta nghĩ ra thành đánh địch ấy là công, ấy là mỗi người một chí hướng vậy.” Rồi lĩnh binh muốn ra ngoài thành. Thiêm cùng ra đánh theo, đến Âm Bình, Thục ra hàng Hồ Liệt. Liệt nhân đó mới đánh úp thành trì, Thiêm đánh giết trong đám loạn quân mà chết, người Ngụy cho là người trung nghĩa.

Thục ký chép : “Tướng Thục làm Vũ Hưng đốc, cho rằng không xứng chức. Thục cho người khác đến thay vào đó, nhưng vẫn giữ Thục để trợ giúp cho việc giữ Hán Trung. Thục hận vì việc ấy, nên mới có việc mở cửa thành đầu hàng

Hội tấn công Lạc Thành, không hạ được, nghe tin Quan khẩu đã lấy xong, mới ruổi ngựa tiến về phía trước. Trương Dực-Đồng Quyết vừa đến

Hán Thọ, Duy-Hoá cũng lui về đóng quân ở Âm Bình, bởi thế cùng với Dục-Quyết hợp binh làm một, cùng lui về giữ Kiếm Các chống cự Hội. Hội gửi thư cho Duy viết rằng: “Ngài là bậc công hầu kiêm gươm văn võ uy đức, trong bụng tàng chứa mưu lược, có công giúp Ba - Hán, tiếng tăm trùm Hoa Hạ, xa gần đều nức danh. Nghĩ chuyện ngày trước, từng cùng ở một nơi, như Ngô Trát-Trịnh Kiêu, ngài nên hiểu ý tốt của ta.” Duy không đáp thư, giữ vững doanh trại cây hiểm cố thủ. Hội không đánh được, bởi lương thảo vận chuyển khó khăn, muốn bàn chuyện quay về.

Còn Đặng Ngải từ Âm Bình theo đường nhỏ Cảnh Cốc tiến vào, đánh tan được quân của Gia Cát Chiêm ở Miên Trúc. Hậu chủ xin hàng Ngải, Ngải tiến vào đóng giữ Thành Đô. Bọn Duy mới hay tin Chiêm bị thua trận, dờ rằng Hậu chủ có thể cố thủ Thành Đô, hoặc chạy sang Đông Ngô, hoặc xuôi Nam đến quận Kiến Ninh, bởi thế dẫn quân kéo về Quảng Hán, sai người đi tra xét rõ thực hư. Chợt thấy Hậu chủ gửi sắc mệnh đến, yêu cầu bỏ gươm cởi giáp, đem toàn quân đến Phù Thành, tướng sỹ đều tức giận, tuốt đao chém xuống đá.

Tấn Kỵ của Kiền Bảo chép rằng: Hội bảo với Duy: “Sao ông đến chậm thế?” Duy nghiêm mặt chảy nước mắt nói: “Hôm nay đến đây cũng là quá sớm vậy!” Hội rất lấy làm kinh ngạc.

Hội đãi Duy rất hậu, trả lại hết tước hiệu, binh quyền tướng ấn. Hội cùng với Duy ra ngoài cùng xe, ngựa thì cùng chiểu, lại bảo với Trưởng sử là Đỗ Dự rằng: “Dem Bá Ước với so với các danh sỹ Trung Thổ thì Công Hưu – Thái Sơ không sao bằng được vậy (7)”.

Sách Thế Ngữ chép : “Bấy giờ quan chức xứ Thục đều là bậc anh tài thiên hạ cả, mà chẳng ai có tài hơn Duy được.

Hội lại vu tội cho Đặng Ngải, bắt nhốt Ngải vào xe tù, rồi cùng với Duy thẳng tới Thành Đô, làm phản rồi tự xưng là Ích châu mục.

Hán Tấn Xuân Thu chép : Hội ngầm ngầm có mưu toan kia khác, Duy biết được tâm ý ấy, muốn gây nên sự nhiễu loạn để mưu đồ khôi phục lại (Thục), bèn lấy lời trá nguy bảo Hội rằng: “Tôi nghe từ khi tướng quân đánh ở Hoài Nam đến nay, mưu việc chẳng hề sai sót, Tấn công được cường thịnh như hôm nay, đều là sức lực của tướng quân cả. Mới đây ngài lại bình định được đất Thục, uy đức vang dội khắp nơi, làm thân dân thì công quá cao, khiến chủ công phải lo lắng mưu toan, thế mà lại muốn yên lành trở về sao! Xưa kia Hàn Tín chẳng chịu trái lời thề với Hán lúc nhiễu nhương, để rồi bị nghi ngờ mà gặp họa, Đại phu Văn Chung chẳng theo lời Phạm Lãi rong chơi Ngũ Hồ, mà chịu chết dưới lưỡi

guom, ấy há chẳng phải là chủ tối tăm mà quần thần ngu dốt hay sao? Cái lợi hại đã rõ ràng lắm vậy. Nay tướng quân công lớn đã thành, đại đức đã rõ rệt, sao chẳng theo ông Đào Chu Công bơi thuyền đi tuyệt tích, giữ vẹn công lao mà an thân, hay lên đỉnh núi Nga Mi, theo ông Xích Tùng Tử tiêu dao ngày tháng?” Hội đáp: “Ngài nói xa xôi quá, tôi chẳng thể theo, vả lại theo đạo lý bây giờ, tôi chưa thể dừng lại như thế được”. Duy nói: “Việc ấy thì trí lực của tướng quân hẳn có thừa, chẳng phiền đến lão phu phải nói nữa.” Bởi thế mối giao tình giữa hai bên càng sâu đậm.

Hoa Dương quốc chí chép : Duy bàn với Hội muốn giết hết các tướng phương Bắc, sau khi thành việc, sẽ từ từ giết nốt Hội, sau cùng là chôn sống Ngụy bình, lấy lại ngôi vị nhà Thục, lại gửi mật thư cho Hậu chủ rằng: “Xin Bệ hạ chịu nhục vài ngày, thần sẽ khiến cho xã tắc nguy rồi lại an, Nhật Nguyệt tối rồi lại sáng.”

Sách Tấn Dương thu của Tôn Thỉnh chép : Năm Vĩnh Hoà sơ, Thỉnh tôi theo An Tây tướng quân đi bình Thục, tham kiến các bậc bô lão, kể rằng Khương Duy khi ấy đã ra hàng, rồi sau lại gửi mật biểu cho Lưu Thiện, nói rằng việc theo về với Chung Hội chỉ là trá nguy, muốn nhân đó sẽ giết Hội đi hòng lấy lại đất Thục, bởi việc của Hội chẳng thành ⁽⁸⁾, nên đều chết cả, người Thục đến nay vẫn còn thương cảm. Thỉnh tôi nghe cổ nhân nói rằng, không phải chỗ đáng bị khốn mà mình bị khốn danh ắt nhục, không phải chỗ đáng dựa mà mình dựa vào thân tất nguy, đã bị nhục lại bị nguy, thì sắp chết tới nơi, sao Khương Duy được gọi là chí đây! Đặng Ngải đã vào tới Giang Du, binh sỹ ít ỏi, Duy lại chẳng dám tiến đánh, lòng lo sợ khi thành Miên Trúc bị hạ, tổng xuất binh quyền lại chẳng dám lui về, để giữ ngôi cho Thục chủ, tính kế lập mưu về sau, mà lấy việc phản phúc điên đảo dối gian, mong chờ chút tình trong lúc khó khăn với Hội, hòng lấy lại quốc gia vong đồ, định triệt lũ quan binh Tam Tân, rồi diệt bỏ kẻ giao tình, muốn nhờ ngoại lực mà cất lên, chẳng phải u ám lắm thay!

Thần Tùng Chi : coi lời Thỉnh quả trách Duy, thật là chẳng đáng. Lúc bấy giờ đại binh của Chung Hội đang ở Kiếm Các, Duy cùng với chư tướng vẫn cạy hiểm cố thủ, Hội chẳng tiến được, đã định lui về, ấy là đã vẹn công với Thục, chẳng phải đã tạo được chỗ dựa (cho Thục) rồi ư? Còn Đặng Ngải quả quyết men núi mà vào, theo lối phía sau, Gia Cát Chiêm bại trận, mà Thành Đô tan lở. Nhược bằng Duy hồi quân cứu ở phía trong, tất Hội sẽ thừa cơ tiến vào ngay. Cái thế bấy giờ là vậy, sao được toàn vẹn mọi bề? mà trách rằng Duy lo sợ khi Miên Trúc mất chẳng dám tiến về, để giữ ngôi chủ Thục chủ, chê như thế chẳng hợp đạo lý vậy. Hội muốn chôn sống khanh tướng nước Ngụy để lập đại sự, trao cho Duy nắm trọng binh, sai làm tiên khu. Ví bằng Ngụy tướng đều bị chết cả, việc binh trong tay Duy, giết Hội lấy lại Thục, chẳng phải là khó vậy. Thành công nhờ ngoại lực, rồi sau làm được việc kỳ lạ, không thể vì như vậy, mà dè bủ rằng chẳng nên như thế. Cũng ví như Điền Đan đã lập kế, việc không hên mà cùng, làm được vậy mà bảo rằng ngu ám hay sao!

Hội trao cho Duy 5 vạn quân, sai làm tiền khu. Tướng sỹ Ngụy đầu phần nô, giết chết Hội và Duy, vợ con cũng Duy đầu bị chém cả.

Sách Thê ngữ chép : Khi Duy chết, quân sỹ mở bụng Duy ra, thấy quả mật lớn bằng cái đầu ⁽⁹⁾

Khước Chính làm bài trứ luận bàn về Duy rằng: “Khương Bá Ước nắm quyền cao ngôi trọng, đối xử với công bằng với quân thần, nhà cửa sơ sài, gia tư chẳng có gì dư giả, vợ lẽ hầu thiếp thiếu cả áo lót mình, hậu đình tịnh không nghe tiếng nhạc, y phục tự may vá lấy, xe ngựa chỉ đủ dùng, đồ ăn thức uống đều giản dị, không xa hoa cũng chẳng ước lệ, chi dụng trong mức cấp phát ở cửa quan, cũng chỉ đủ dùng; xét từ những lẽ ấy, thấy chẳng phải bậc tham lam ô trọc, lại còn biết tự kiềm chế bản thân, ngay thẳng đến như thế là đủ, chẳng thể mong cầu nhiều hơn được nữa. Phàm con người ta khi đàm luận, thường khen kẻ thành chê kẻ bại, phù kẻ trên dìm kẻ dưới, đều xem việc Khương Duy đầu hàng là không đúng, khiến thân chết mà tông tộc bị diệt sạch, lấy sự ấy để chê bai dè bủ, là chẳng biết toan tính liệu lường, vậy thì những điều khen chê khác ở kinh Xuân Thu có nghĩa lý chẳng. Mà Khương Duy còn ham học không biết mệt mỏi, thanh bạch giản dị, quả là nghi biểu một thời vậy.”

Tôn Thịnh viết: Họ Khích luận như vậy thật lạ lùng sao! Làm kẻ sỹ đầu có trăm lỗi, nên nghiệp cũng có vạn đường, lấy trung nghĩa hiếu tiết để làm quan cũng có trăm đường vậy. Khương Duy sáng danh ở nước Ngụy, mà chạy đến làm quan ở xứ Thục, lìa bỏ quân vương chạy theo danh lợi, chẳng thể bảo là trung; bỏ rơi người thân cầu thả chạy thoát thân, không thể nói là hiếu; lại thêm tàn hại nước cũ, chẳng thể bảo là nghĩa; nước mất không dám chết, sao dám bảo rằng tiết; vả lại đức chính chưa đủ mà làm dân mỗi một để buông tuồng theo ý mình, nắm giữ việc chống kẻ địch mà sau bị địch không chế, ôi người có trí dũng chẳng ai lại nói rằng: Khắp cả sáu cõi, chẳng có một ai. Xem ở nước Ngụy không có kẻ thân tử đi trốn, nước mất tướng loạn, mà nói rằng người ấy là bậc nghi biểu, lời ấy thật đáng ngờ vậy. Buông lời khen rằng Duy là hay để nói rằng đó là vi diệu cao khiết, há lấy làm lạ cho kẻ trộm cắp rõ ràng như thế, mà Trình-Trịnh ⁽¹⁰⁾ kia đều là bậc khéo léo sao?

Thần Tông Chi : cho rằng Khước Chính luận như thế, ấy mới thật đáng khen, chẳng thể bảo rằng Duy trước sau làm việc đều được chuẩn mực cả. Nói rằng “nghi biểu một thời”, ấy là chỉ ở việc hiếu học và thanh bạch thôi vậy. Nguyên uỷ truyện này ⁽¹¹⁾ và sách Ngụy lược đều nói rằng Duy vốn không có ý phản bội, chỉ vì bị bức bách mới phải theo về Thục. Thịnh lấy điều ấy để chê trách, nghĩ rằng chỉ nên trách Duy đã trái lời mẹ già. Thế đã là quá lắm rồi, sao lại còn chê trách cả Khước Chính vậy.

Khi xưa Duy chạy đến xứ Thục, Lương Tự giữ chức Đại hòng lư, Doãn Thưởng làm Chấp kim ngô, Lương Kiền làm Đại trường thu, đầu chết

trước khi nước Thục mất.

Bình rằng: Khương Duy kiêm tài văn vũ, chí hướng lập công danh, song chỉ có một mình, dầu sáng suốt quyết đoán cũng chẳng thể kiêm toàn, kết cục đã hết sức mình rồi phải chết. Lão Tử nói rằng: “Cai trị một nước lớn giống như nấu con cá nhỏ”, huống chi ở nơi mồn mọn, lại luôn muốn quấy rối được sao?

Kiên Bảo viết: Khương Duy làm tướng nước Thục, nước mất chủ nhục mà thân chẳng chết, lại chết cùng Chung Hội trong lúc rối ren, thương thay! Chẳng chết đã là khó, biết chết lại càng khó hơn vậy. Kẻ sỹ cứng cỏi như thế xưa nay hiếm, biết nguy nan vẫn chịu mệnh, biết kiêm chế mình mà quy phục kẻ khác, không phải chẳng biết trọng việc chết, cố giữ lấy mạng không phải là muốn sống lâu dài mà sợ rằng chết rồi thì mọi việc sẽ chẳng còn ai liệu việc nữa vậy”.

TƯỚNG UYỄN TRUYỆN

Tướng Uyễn tự Công Diễm, người ở quận Linh Lăng, huyện Tương Hương. Năm hai mươi tuổi cùng với người em bên ngoại ở Tuyên Lăng là Lưu Mẫn cùng nổi danh. Uyễn làm thư tá ở châu, theo Tiên chủ vào Thục, sau được phong làm trưởng huyện Quảng Đô. Có lần Tiên chủ đi thị sát đột ngột ở Quảng Đô, thấy Uyễn bỏ bê việc công, lại chìm đắm say sưa, Tiên chủ vô cùng tức giận, muốn luận tội xử trảm. Quân sư tướng quân Gia Cát Lượng xin rằng: Tướng Uyễn là khí chất của xã tắc, chẳng phải người chỉ có tài trong vòng trăm dặm. (Uyễn) nghĩ việc quan lấy yên dân làm gốc, mà chưa biết thể hiện sự sửa sang, xin chúa công xét lại thật kỹ. Tiên chủ rất kính trọng Lượng, bèn không trị tội, nhưng lập tức bãi miễn quan chức của Uyễn. Uyễn suy nghĩ việc mai sau, nằm mơ thấy một cái đầu trâu, máu chảy chan hòa, cảm thấy rất chán ghét giấc mơ ấy, mới nhờ Triệu Trực đoán mộng. Trực nói: Thấy máu, tức là mọi việc sắp rõ ràng phân minh. Sừng trâu ghép với mũi, thành hình chữ Công, ngài tất được sự công bằng, sẽ được thăng chức. Sau đó không lâu (Uyễn) được làm huyện lệnh Thập Phương. Tiên chủ làm Hán Trung vương, cho Uyễn làm thượng thư lang. Kiến Hưng nguyên niên, thừa tướng Lượng mở phủ thừa tướng, lấy Uyễn làm đông tào duyện. Sau được tiến cử làm Mậu tài (12), Uyễn cố nhường cho Lưu Ung, Âm Hóa, Bàng Duyệt, Liêu Thuần, Lượng mới dạy rằng: Tướng nếu chỉ vì sợ mất tình giao hảo mà vứt bỏ không dùng người có đức, là hại đến trăm họ, lòng người tất không yên, nơi xa gần tất không hiểu được đạo lý, bởi thế ông nên khuyến khích tiến cử, lấy việc tuyển chọn sáng suốt trong sạch làm trọng mới là phải. Sau Uyễn được thăng làm Tham quân. Năm Kiến Hưng thứ năm, Lượng ở Hán Trung, Uyễn cùng trưởng sử Trương Duệ xử lý mọi việc ở phủ thừa tướng. Năm thứ tám, thay Duệ làm trưởng sử, thăng hàm phủ quân tướng quân. Lượng mấy lần ra ngoài (13), Uyễn đầu cung cấp binh lương đầy đủ. Lượng thường nói: Công Diễm trung thành, một lòng với công việc, cùng chung sức với ta gây

dựng được vương nghiệp vậy. (Lượng) mật tâu với Hậu chủ rằng: Nếu thần bất hạnh, việc sau này nên giao phó cho Uyển.

Lượng mất, Uyển được thăng làm thượng thư lệnh, không lâu sau kiêm chức Đô hộ, có cờ tiết, thứ sử Ích châu, rồi lại thăng làm Đại tướng quân, quản việc sáu bộ, tước An Dương Đình Hầu. Nguyên soái (14) mới mất, xa gần đều lo lắng sợ hãi. Uyển giữa quần thần bộc lộ tài năng vượt trội, đảm đương vị trí đứng đầu bá quan, không lộ vẻ buồn rầu cũng chẳng tỏ ra vui vẻ, vẻ mặt cử chỉ vẫn như mọi ngày, bởi thế các quan ngày càng khâm phục. Duyên Hi nguyên niên, (Hậu chủ) hạ chiếu cho Uyển rằng: Giặc vốn khó trừ, nay Tào Duệ kiêu căng hung bạo, ba quận Liêu Đông khổ vì bạo ngược, đã liên kết khởi sự, muốn thoát li thống trị. Duệ rầm rộ xuất binh, hai bên công phạt lẫn nhau. Xưa nhà Tần diệt vong, cũng bởi Thắng, Quảng (15) khởi nghĩa, nay (nhà Ngụy) có biến, chính là dịp may trời cho. Khanh hãy chuẩn bị đầy đủ, thống suất các quân đóng tại Hán Trung, liên kết với Ngô khởi binh, hai lộ cùng tiến, thừa cơ hội này. Uyển thừa lệnh rời phủ, năm sau được thăng làm đại tư mã.

Đông tào duyệt Dương Hí bản tính thuần phác, Uyển cùng bàn luận, ông ta chẳng trả lời. Có người muốn gièm pha Hí, nói với Uyển rằng: Ngài với Hí bàn chuyện mà ông ta chẳng trả lời, Hí khinh thường bề trên, chẳng phải đã quá phận mình ư? Uyển đáp: Lòng người khác nhau, cũng như mặt mũi vậy. Trước mặt thuận theo mà sau lưng phê phán, việc đó cổ nhân đã răn đe. Nếu Hí tán thành ý tôi, thì trái với ý ông ta, mà nếu phản bác lời tôi, tất làm hiện rõ cái sai của tôi, bởi vậy mặc nhiên không đáp, đó chẳng phải chỗ hay của ông ta ư? Đốc nông Dương Mẫn từng phê phán Uyển rằng: Làm việc mờ hồ, không thể sánh với tiên nhân. Có kẻ mách với Uyển, người chấp pháp xin trừng trị Mẫn, Uyển nói: Ta thật không bằng tiên nhân, chẳng thể trách phạt người ta vậy. Người chấp pháp vẫn một mực xin truy cứu tội trạng, Uyển nói: Nếu ta cầu thả không được như tiên nhân, tất xử lý công việc không thỏa đáng, việc không thỏa đáng, tất sẽ mờ hồ, hà tất phải truy vấn? Sau Mẫn bị tội phải vào ngục, mọi người đều cho rằng Mẫn chắc chết, Uyển lại chẳng giữ thành kiến, miễn cho trọng tội. Các việc đều như vậy, Uyển chẳng tư tâm, cứ đúng phép mà làm.

Uyển cho rằng trước Gia Cát Lượng hay ra Tần Xuyên, đường đi hiểm trở vận chuyển khó khăn, không thể khắc phục, không bằng theo đường thủy xuống phía đông (16). Bèn chế tạo thuyền bè, muốn theo đường Hán,

Miễn (17) đánh vào Ngụy Hưng, Thượng Dung. Song bởi bệnh cũ tái phát, chẳng thể tiến hành. Qu ân thần luận bàn đều cho rằng ví như không đánh được, sẽ rất khó quay về, đó chẳng phải kế lâu dài. Do vậy (Hậu chủ) mới sai thượng thư lệnh Phí Y, trung giám quân Khương Duy cùng tới truy ý chỉ. Uyển nhận lệnh, dâng sớ rằng: Trừ diệt phản tặc, là chức trách của thần. Thần ở Hán Trung đã được sáu năm, thân thể vốn đã yếu nhược, lại thêm bệnh tật, chẳng lập được công lao, thần sớm khuya lo lắng không yên. Nay Ngụy có được chín châu, gốc rễ ngày càng bám chặt, thật khó bình định. Nếu đông tây cùng hợp lực, giữ thế đầu đuôi nương tựa lẫn nhau, tuy không thể nhanh chóng đạt được ý nguyện, cũng có thể từ từ lấn chiếm như tầm ăn lá, trước hết diệt trừ bè đảng phản nghịch. Nhưng Ngô và ta đã hai, ba lần liên hợp mà chẳng có kết quả, nay rất khó để họ xuất binh, thần thật mất ăn mất ngủ. Thần cùng Phí Y bàn bạc, đều cho rằng Lương Châu chính là nơi cổ họng hiểm yếu, tiến thoái đều thuận lợi, quân giặc rất coi trọng. Vả lại lòng dân Khương, Hồ mong chờ nhà Hán như khát nước, trước đây thiên quân vào đất Khương, Quách Hoài phải thua trận bỏ chạy, tính toán lợi hại, thần cho rằng việc này (18) quan trọng hàng đầu, nên lấy Khương Duy làm Lương Châu thứ sử. Ví như Duy xuất binh, không chế được hữu ngạn sông, thần sẽ đưa quân làm hậu ứng cho Duy. Nay Phù Huyện thủy bộ thông nhau, nếu vùng đông bắc có nguy hiểm, ứng phó chẳng phải là việc khó vậy. Bởi thế Uyển quay về ở tại Phù Huyện. Nhưng bệnh tật chuyển biến xấu đi, tới năm thứ chín (Duyên Hi) Uyển mất, được đặt thụy là Cung.

Con Uyển là Bân nối dõi, làm Tuy Vũ tướng quân, hộ quân ở Hán Thành. Khi đại tướng Ngụy là Chung Hội tới Hán Thành, thư cho Bân rằng: Đất Ba Thục người hiền tài văn võ thật nhiều không kể xiết. Đến như túc hạ, Gia Cát Tư Viễn (19), cũng ví như cỏ cây, tôi cũng chỉ là loại đó vậy. Việc yêu kính tổ tiên, xưa nay đều được coi trọng. Đến phía tây, tôi muốn kính cẩn thăm mộ lệnh tôn đại nhân, xin được quét dọn mộ phần, khẩn bái tỏ lòng tôn kính. Mong túc hạ chỉ cho nơi chốn! Bân thư trả lời rằng: Tôi cảm kích hậu ý của ngài đoái tới kẻ hèn này mà chịu kết giao, thật chẳng thể cự tuyệt. Tiên phụ khi xưa bị bệnh, mất ở Phù Huyện, lời bói nói rằng chôn tại đó được tốt, nên tạm táng ở nơi ấy. Được biết ngài từ xa tới phương tây, mong ngài hạ cố đến tu sửa thắp hương mộ phần giúp cho. Ngài xem phụ thân của tôi như của ngài, thật là cái nhân của Nhan Tử

vậy (20), tôi nghe mà cảm kích xót xa, càng thêm tưởng nhớ tiên phụ. Hội nhận thư của Bân, cảm thán không thôi, đến khi tới Phù Huyện, làm đúng như thư Bân nói.

Sau này Hậu chủ hàng Đặng Ngải, Bân tới chỗ Hội ở Phù Huyện, Hội lấy lễ bằng hữu mà đãi. Bân theo Hội tới Thành Đô, bị loạn binh giết chết. Em Bân là Hiên, làm Thái tử phó, Hội cũng rất yêu tài học, cùng chết với Bân.

Lưu Mẫn làm tả hộ quân, Dương Uy tướng quân, cùng với Trấn bắc đại tướng quân là Vương Bình trấn thủ Hán Trung. Ngụy sai đại tướng quân Tào Sảng đánh Thục, khi bàn bạc có người nói chỉ nên thủ thành, không ra cự địch, tất địch phải tự lui. Mẫn cho rằng trong cốc kẻ nam người nữ cày cấy làm ruộng, nghe địch tới, tất bỏ đi hết. Bèn suất lĩnh bộ hạ cùng Bình giữ Hưng Thế, cấm cò xí trải dài hơn trăm dặm. Đại tướng quân Phí Y từ Thành Đô đem quân chi viện, Ngụy quân lập tức phải lui, Mẫn có công được phong là Vân Đình hầu.

PHÍ Y TRUYỆN

Phí Y tự Văn Vĩ, người ở Giang Hạ, Mãnh huyện. Y mồ côi sớm, sống nương tựa vào người chú là Bá Nhân. Cô của Bá Nhân là mẹ của Ích châu mục Lưu Chương. Chương cho người đón Nhân về, Nhân cùng Y vào Thục du học. Gặp lúc Tiên chủ bình định đất Thục, Y phải ở lại Ích châu, cùng với Hứa Thục Long ở Nhữ Nam, Đồng Duẩn (21) ở Nam Quận đều nổi tiếng lúc bấy giờ. Con Hứa Tĩnh chết, Duẩn và Y hẹn nhau tới đám tang ấy. Duẩn thưa với bố là Hòa xin một chiếc xe, Hòa sai mở cửa sau cấp cho một cái xe hươu kéo. Duẩn tỏ vẻ chẳng muốn ngồi xe ấy, Y cứ thản nhiên leo lên trước ngồi. Ở đám tang, Gia Cát Lượng và các tôn khách đều tới, ngồi xe rất đẹp, Duẩn càng lộ vẻ ngại ngùng, mà Y vẫn tự nhiên như thường. Xa phu quay về, Hòa hỏi chuyện, biết việc ấy, bèn bảo Duẩn rằng: Ta vẫn chẳng biết người và Văn Vĩ ai hơn ai kém, nhưng từ nay về sau, ta đã rõ vậy.

Tiên chủ lập thái tử, Phí Y và Đồng Duẩn đều được làm xá nhân bên cạnh thái tử, sau lại sang với con kế (của Tiên chủ). Hậu chủ kế vị, cho Phí Y làm hoàng môn thị lang. Thừa tướng Gia Cát Lượng nam chinh quay về, quan viên đều ra xa mấy chục dặm nghênh đón, so tuổi đời, chức vị nhiều người hơn Y, mà Lượng lại đặc cách cho mình Y ngồi cùng xe, từ đó mọi người đều nhìn Y bằng con mắt khác. Lượng vừa từ phương nam về lấy Y làm Chiêu tín hiệu úy, sai đi sứ sang Ngô. Tôn Quyền cá tính khôi hài, hay trêu chọc không có chừng mực, Gia Cát Khác, Dương Bội học rộng biết nhiều, lại giỏi biện bác, đàm luận sắc bén, nhưng Y lời lẽ ôn hòa, lập trường kiên định, đối đáp hữu lý, chẳng chịu khuất phục.

***Y biệt truyện chép :** Tôn Quyền thường rót rượu ngon cho Y, chuốc tới say sưa, rồi hỏi quốc sự, cùng đàm luận việc đương thời, hết câu này tới câu khác. Y mượn cơ say rượu từ chối đáp lại, khi về chép lại lần lượt các câu hỏi, nhất nhất trả lời, chẳng bỏ sót điều gì.*

Quyền rất tán thưởng, bảo Y rằng: Ngài thật là hiền tài của thiên hạ, tất sẽ là cánh tay đắc lực của Thục triêu, chỉ sợ không thường đến với ta nữa.

***Y biệt truyện chép :** Quyền rút bảo đao vẫn thường đeo bên người tặng cho Y, Y nói: Thân vốn bất tài, chẳng thể kham nổi vinh dự này. Bảo đao vốn để thảo phạt kẻ nghịch tặc, diệt trừ bạo loạn, chỉ mong đại vương gắng dựng nghiệp lớn, cùng hưng Hán thất, thân tuy ngu muội yếu nhược, song chết cũng chẳng dám phụ Đông Ngô.*

Y về nước, được thăng làm thị trung. Lượng ở phương bắc đóng quân tại Hán Trung, xin cho Y làm tham quân. Bởi đi sứ không nhục mệnh vua, Y vẫn thường được làm sứ giả sang Ngô giao hảo. Năm Kiến Hưng thứ tám, chuyển làm Trung hộ quân, sau lại làm Tư mã. Tướng quân Ngụy Diên và Trưởng sử Dương Nghi vốn căm ghét nhau. Mỗi lúc ng ồi bàn bạc xảy ra tranh cãi, Diên giơ đao dọa giết Nghi, còn Nghi cũng tức giận phát khóc. Y thường ng ồi vào giữa hai người, khuyên can phân tích, suốt thời Lượng còn sống khiến Diên, Nghi đều tận sức mà chẳng xâm phạm nhau, là công Y khuyên giải vậy. Lượng mất, Y làm hậu quân sư. Sau đó không lâu, Đại tướng Uyển lấy Y làm thượng thư lệnh.

***Y biệt truyện chép :** Dù việc nước việc quân bề bộn, công vụ chất chồng, nhưng Y thức ngộ hơn người, đọc sách vở, ghi chép, chỉ đưa mắt liếc qua là nắm được nội dung, nhanh hơn nhiều so với người bình thường, lại ghi nhớ không quên. Thường chỉ xét việc từ sáng sớm tới quá trưa, trong lúc ấy vẫn có thể tiếp đãi tân khách, ăn uống vui đùa, còn có thể chơi cờ, vui vẻ với từng người một, mà chẳng hề bỏ sót việc công. Đồng Duẩn thay Y làm Thượng thư lệnh, muốn học cách làm của Y, chỉ trong một tuần, công việc trở nên chất chồng. Duẩn bèn than: Năng lực con người sao cách nhau xa vậy, ta chẳng thể bằng Y được. Ta xét việc cả ngày, mà chẳng rảnh được chút nào ư.*

Uyển từ Hán Trung về Phù Huyện, Y được thăng làm Đại tướng quân, coi việc sáu bộ (22).

Năm Duyên Hi thứ bảy, quân Ngụy xâm phạm Hưng Thê, Y được ban cờ tiết, đưa binh chống cự. Quang Lộc đại phu Lai Mẫn tới từ biệt Y, mời chơi một ván cờ vây. Lúc ấy công văn khẩn cấp chuyển đi chuyển lại, người ngựa đóng sẵn giáp trụ, chỉ đợi xuất quân, Y vẫn đánh cờ tập trung với Mẫn, mặt chẳng hề lộ vẻ căng thẳng mỗi một. Mẫn nói: Tôi chỉ thử ngài đó thôi! Ngài là người tự tin, tất sẽ đánh đuổi được phản tặc. Y tới, địch phải rút lui, Y được phong là Thành Hươg hầu.

***Ân Cơ thông ngữ chép :** Tư Mã Ý kẻ tội, giết Tào Sảng, Y đặt Giáp Ất (23) để bình luận thị phi việc ấy. Giáp cho rằng, anh em Tào Sảng vốn là người tâm*

thường, phẩm chất thấp kém, nhờ có họ với Vua nên được di chiếu phò ấu chúa (24), vậy mà lại kiêu căng ngạo mạn, xa hoa dâm dật, lộng chức lộng quyền, kết giao với những người bất chính, thu thập bè đảng, âm mưu loạn quốc. Ý hăng hái diệt trừ, chỉ một sớm một chiều là xong, vừa xứng với trọng nhiệm (25), lại thỏa lòng trông mong của kẻ sĩ, người dân vậy. Ất cho rằng, Ý giận Tào chẳng phó thác cho riêng Ý đại quyền, sao để Sảng cùng tham dự? Đã chẳng thể chuyên quyền, ngọc sẽ có vết (26) vậy. Chẳng một lời cảnh báo giáo huấn, chỉ một buổi sáng tiến hành đô lục, xuất kỳ bất ý, há là việc của đại thần kinh quốc (27) ư! Ví như Sảng thật có lòng mưu tính, muốn làm việc đại nghịch, chỉ trong ngày khởi sự, tất Phương (28) lọt vào tay huynh đệ Sảng. Phụ tử Ý đóng cửa xuất binh, kính cẩn mà hướng tới Phương (29), tất chẳng có sơ hở, đó chẳng phải là việc của kẻ trung thần nên vì Vua mà làm ư? Cứ đó mà xét, Sảng chẳng phải là kẻ đại ác vậy. Nếu Ý thấy Sảng xa hoa tiếm quyền, có thể phế đi, xử theo phép nước. Nhưng Ý giết cả trẻ thơ, lại đội cho cái tiếng bất nghĩa mà giết cả họ Tử Đan (30), đến như con Hà Yến vốn là cháu ngoại vua Ngụy, cũng bị chém cùng, thực là tiếm quyền lạm dụng quá đáng vậy. (31)

Uyển cố nhượng chức cho Y, Y lên làm thứ sử Ích châu. Y gánh vác quốc gia, công lao danh tiếng, chẳng kém gì Uyển.

Y biệt truyện chép : Y tính tình hòa nhã, khiêm cung trong sạch, trong nhà chẳng tích của cải. Y cho Con cái đều mặc áo vải, ăn cơm thường, ra vào chẳng có xe ngựa tùy tùng, chẳng khác gì người bình thường.

Năm (Duyên Hi) thứ mười một, ra ở Hán Trung. Từ Uyển tới Y, tuy ở ngoài tri ầu, nhưng mọi việc lễ, khen thưởng trừng phạt, đều ra xa xin xét đoán trước, rồi mới thi hành, hai người đều được tin tưởng như thế. Mùa hè năm (Duyên Hi) thứ mười bốn, Y về Thành Đô, các quan chiêm tinh xem thiên văn nói kinh thành chưa nên có ngôi tể tướng, bởi thế đến mùa đông Y lại về phương bắc trấn thủ Hán Thọ. Năm Duyên Hi thứ mười lăm, (Hậu chủ) cho Y mở phủ. Tại lễ mừng thọ Y sáu mươi tuổi, hàng tướng Ngụy là Quách Tu ần cũng ở đó. Y vui vẻ uống rượu say sưa, bị Tu ần đâm chết, được đặt thụy là Kính H ầu. Con nối dõi Y là Thừa, làm Hoàng môn thị lang. Em Thừa là Cung, được lấy công chúa.

Y biệt truyện chép : Cung làm Thượng thư lang, nổi danh đương thời, nhưng mê sớm. Con gái lớn của Y lấy thái tử Tuyên, làm phi.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Một chức quan trong Phủ thừa tướng - chức này Lượng phong.
- (2) Chức này do Hậu chủ phong cho.
- (3) Ba quân ở đây chỉ là quân ở Thành Đô thôi.
- (4) Ra khu vực của người Khương - thuộc phần đất của Ngụy.
- (5) Nguyên văn là ‘lục thượng thư sự’ - lục là ghi chép, coi xét, thượng thư là chức quan lớn, sự là việc – nghĩa là coi xét việc Thượng thư.
- (6) Nguyên văn là ‘phụ điệp liên’ chữ điệp lấy nghĩa từ chữ ‘kim chi ngọc điệp’ - trở bậc cao quý, ở đây là Hậu chúa - dịch thoát ý.
- (7) Công Hưu tức tự của Gia Cát Đản, Thái Sơ là tự của Hạ Hầu Huyền
- (8) Việc của Duy không thành bởi việc làm phản Hội chẳng xong.
- (9) Cái đầu xưa kích cỡ và hình dáng như cái chén vại.
- (10) Chưa hiểu là tích gì, bác nào biết thì giúp nhé!
- (11) Ý nói những lời của Trần Thọ viết về Khương Duy.
- (12) Mậu tài là chức quan chuyên lo việc tiến cử, tuyển dụng nhân tài.
- (13) Xuất chinh đánh Ngụy.
- (14) Chỉ Gia Cát Lượng. Người đứng đầu mới mất tất mọi việc thiếu ổn định.
- (15) Trần Thắng, Ngô Quảng, hai lãnh tụ khởi nghĩa nông dân cuối đời nhà Tần.
- (16) Tức là xuôi dòng sông đánh về phía đông của Thục Hán.
- (17) Sông Hán, sông Miện.
- (18) Tức là việc lấy Lương Châu.
- (19) Gia Cát Chiêm, con của Gia Cát Lượng.
- (20) Chỉ Nhan Hồi, học trò giỏi của Khổng Tử. Xưa Nhan Hồi xem Khổng Tử như cha, Tưởng Bân muốn ví Chung Hội với Nhan Hồi.

(21) Tức là Đồng Doãn theo bản dịch Tam Quốc diễn nghĩa của các cụ Phan Kế Bính, Bùi Kỷ. Trong Tam Quốc Chí của Trần Thọ tên ông là Đồng Duẫn.

(22) Đoạn này nói về lúc Uyển bệnh nặng, Hậu chủ thăng Y lên chức của Uyển để chuẩn bị tiếp nhiệm đại quyền.

(23) Đặt Giáp Ất nghĩa là đặt ra các giả thuyết, góc nhìn khác nhau. Ví dụ Giáp là góc nhìn thứ nhất thì Ất là góc nhìn thứ hai .v.v.

(24) Quốc tính nhà Ngụy là Tào. Tào Sảng vốn là con của Tào Chân, tài năng tâm thường nhưng có họ hàng thân thích với nhà vua, nên khi Tào Duệ (con Tào Phi) mất, thác cô con nhỏ là Tào Phương cho đại tướng quân Tào Sảng và Thái úy Tư Mã Ý.

(25) Chỉ việc Tư Mã Ý được di mệnh phò ấu chúa.

(26) Ý nói quyền lực phải chia sẻ, chẳng khác gì ngọc có tì vết không được trọn vẹn.

(27) Ý nói Tư Mã Ý là đại thần được di mệnh, lẽ ra phải lo việc sửa trị quốc gia, lại đi đấu đá diệt trừ đối thủ mà chẳng một lời nhắc nhở giáo huấn trước.

(28) Tào Phương, Ngụy Minh Đế, con nuôi của Tào Duệ.

(29) Ý nói bí mật đưa binh bảo vệ Tào Phương.

(30) Tử Đan là tên tự của Tào Chân, phụ thân Tào Sảng.

(31) Đoạn này phê phán Tư Mã Ý một cách nặng nề. Đây là chú giải của Bùi Tùng Chi sau này thêm vào, nên nói tới Tư Mã Ý một cách thẳng thắn, không như Trần Thọ ở đời Tấn viết Tam Quốc Chí phải tránh nói về Tư Mã Ý. Trong đoạn này Phí Y nêu các quan điểm khác nhau về việc Tư Mã Ý diệt Tào Sảng, rồi bình luận các quan điểm đó, cho rằng Ý mới chính là người lộng quyền tham chức.

QUYỂN 15 - ĐẶNG TRƯỞNG TÔNG DƯƠNG TRUYỆN

Đặng Chi, Trương Dực, Tông Dự, Dương Hý

ĐẶNG CHI TRUYỆN

Đặng Chi tự Bá Miêu, người Nghĩa Dương đất Tân Dã, là hậu duệ quan Tư Đồ Đặng Vũ⁽¹⁾ nhà Tây Hán. Thờ Hán mạt (Chi) vào Thục, chưa ai biết đến mà tiếp đãi. Đương thời Ích Châu Tòng Sự Trương Dự giỏi xem tướng, Chi tới thăm, Dự nói với Chi rằng: „Ngài thọ quá bảy mươi, chức đến Đại tướng quân, được phong hầu.” Chi nghe nói Ba Tây Thái Thú Bàng Nghĩa⁽²⁾ trọng đãi kẻ sĩ, đến đó nương nhờ. Tiên Chủ bình định Ích Châu, Chi làm người coi sóc nhà cửa ở huyện Bì. Tiên Chủ tuần du qua huyện Bì, cùng (Chi) trò chuyện, rất lấy làm lạ, đề bạt (Chi) làm lệnh huyện Bì, rồi thăng làm Quảng Hán Thái Thú. Ở đó thanh liêm nghiêm cẩn trị dân có thành tích tốt, được gọi vào triều làm Thượng Thư.

Tiên Chủ băng ở Vĩnh An. Trước đó Ngô Vương Tôn Quyền cầu hoà, Tiên Chủ mệt mỏi sai bọn Tống Vĩ, Phí Y đưa tin đáp lại. Thừa tướng Gia Cát Lượng rất lo Quyền nghe tin Tiên Chủ đã mất, sợ có kế khác, chưa biết làm thế nào cho thích hợp. Chi đến gặp Lượng nói: „Nay Chúa thượng còn nhỏ tuổi, vừa mới lên ngôi, nên sai trọng thần sang sứ nghiêm túc nối lại quan hệ hoà hảo với Ngô” Lượng trả lời Chi rằng: „Ta cân nhắc đã lâu, chưa tìm được người đi sứ, nay đã thấy rồi.” Chi hỏi người này là ai? Lượng đáp: „Thì là sứ quân⁽³⁾ đó.” (Lượng) Bèn sai Chi tu sửa lại quan hệ với Quyền. Quyền quả nhiên vẫn còn hồ nghi, không gặp gỡ tiếp đón Chi. Chi bèn chủ động dâng biểu xin yết kiến Quyền rằng: „Nay thần tới cũng có ý vì nước nước Ngô, không phải chỉ vì Thục vậy.” Quyền bèn triệu kiến Chi, bảo Chi rằng: „Cô thành tâm nguyện ý cùng Thục kết thân, nhưng sợ Thục Chủ còn bé dại, nước nhỏ thế nguy, nếu bị Ngụy đánh, khó tự bảo toàn, vì vậy vẫn còn do dự.” Chi đáp rằng: „Ngô, Thục hai nước có đất bốn châu⁽⁴⁾, đại vương là bậc anh hùng đương thế, Gia Cát Lượng cũng là kẻ hào kiệt thời nay, Thục có hiểm địa vững bền, Ngô có ba sông⁽⁵⁾ che trở, kết hợp hai thế mạnh, cộng tác như răng môi, tiến có thể cùng lấy thiên hạ, thoái có thể giữ được thế chân vạc, đây chính là đạo lý tự nhiên tự nhiên

vậy. Nay nếu đại vương thực muốn nương tựa vào nước Ngụy, Ngụy ắt trên muốn đại vương vào chầu, dưới đòi Thái tử làm nội thị⁽⁶⁾, bằng chẳng tuân theo, liền lấy lý do phản nghịch mà tiêu phạt, (lúc ấy) Thục tất nhân dịp thuận dòng mà tiến, như vậy, đất đai Giang Nam không còn thuộc về đại vương nữa. Quyền im lặng một lúc lâu sau mới nói: „Ông nói phải lắm.” Rồi từ đó tuyệt giao với Ngụy, cùng Thục kết liên minh, sai Trương Ôn sang sứ Thục đáp lễ. Thục lại lệnh cho Chi đến Ngô, Quyền bảo Chi rằng: „Nếu thiên hạ thái bình, hai vua phân chia cai trị, chẳng phải vui sao!” Chi đáp rằng: „Trời không có hai mặt trời, đất không có hai vua, nếu đến sau khi diệt Ngụy đại vương còn chưa biết rõ mệnh trời cho ai, mỗi vị vua đều vun trồng đức tốt, mỗi thần tử đều ra sức tận trung, tướng sĩ đều cần dùng, tất là lúc bắt đầu một cuộc chiến tranh vậy.” Quyền cười lớn nói: „Ông thật là thành khẩn, quả là như vậy!” Quyền viết thư cho Lượng nói: „Đình Quảng thêm trưng, thêm tiếng di, nghĩa là phản hoặc là diễm.

***Thần Tùg Chi :** xét Hán Thư lễ nhạc chí có câu: „trường ly tiên thiêm quang diệu minh”. Trong Tư Thục đô phú có câu: „si tảo thiêm thiên đình”. Tôn Quyền có lẽ nói Đình Quảng lời lẽ quá phù phiếm câu kỳ. Âm Hoá không đủ kiến thức; hoà hợp được hai nước, chỉ có Đặng Chi vậy.” Khi Lượng tiến quân lên phía bắc đóng ở Hán Trung, lấy Chi làm Trung Giám quân, Dương Vũ tướng quân. Lương chết, (Chi) được thăng làm Tiên Quân sứ, Tiên tướng quân, lĩnh Cồn Châu Thứ Sử, phong Dương Vũ đình hầu, coi sóc công việc Giang Châu. Quyền thường cùng Chi thăm hỏi qua lại, quà cáp biếu tặng quan hệ rất tốt đẹp. Năm Diên Hi thứ sáu, được thăng Xa Kị tướng quân, ban giả tiết. Năm Diên Hi thứ mười một, người vùng Phù Lăng giết Đô Úy làm phản, Chi dẫn quân chinh phạt, chém ngay được thủ lĩnh (của loạn quân), an ủi yên định lê dân trăm họ.*

***Hoa Dương quốc chí chép :** Chi đi đánh Phù Lăng, gặp con vượn đen leo trên sườn núi. Chi vốn thích dùng nỏ, liền tự tay bắn, trúng con vượn. Vượn nhổ mũi tên, cuộn lá cây đắp vào vết thương. Chi than: „Hỡi ôi, ta làm trái đạo vạn vật, chắc sắp chết rồi!” Lại có chỗ viết: Chi thấy con vượn ôm con ở trên cây, dương nỏ lên bắn, trúng vào vượn mẹ, Vượn con nhổ mũi tên, lấy lá cây đắp vào vết thương (cho mẹ). Chi liền than thở, vứt nỏ xuống nước, tự biết sắp chết.*

Năm (Diên Hi) thứ mười bốn chết.

Chi làm (Đại) tướng quân hơn hai mươi năm, thường phạt quyết đoán sáng suốt rõ ràng, giỏi an ủi động viên sĩ tốt, bản thân ăn uống y phục trông cậy vào nhà nước, cẩn thận trong sáng cần kiệm, cuối cùng cũng không lo đến tài sản của mình, vợ con không tránh khỏi đói rét cơ hàn, ngày chết

trong nhà chẳng còn lại bao nhiêu tiền bạc. (Chi) Tính cách ngay thẳng giản dị, không thêm che giấu ý nghĩ thầm sắc, không hoà mình với giới sĩ phu. Đương thời ít kính trọng quý mến người nào, chỉ đặc biệt tôn trọng Khương Duy. Con là Lương, kế thừa danh vị, trong những năm Cảnh Diệu làm Thượng Thư Tả tuyển lang, sau làm Quảng Hán Thái Thú dưới triều nhà Tấn.

TÔNG DỰ TRUYỆN

Tông Dự tự Đức Diễm, người An Chúng quận Nam Dương. Giữa những năm Kiến An (Dự) theo Trương Phi vào Thục. Đầu những năm Kiến Hưng, Thừa tướng Lượng dùng (Dự) làm Chủ bộ, rồi thăng lên Tham quân Hữu Trung lang tướng. Khi Lượng chết, Ngô lo Nguy có thể thừa lúc Thục suy sụp mà đánh chiếm, bèn đi đầu thêm hơn vạn quân ra trấn giữ Ba Khâu, một phần muốn sẵn sàng cứu viện (cho Thục), phần khác muốn tính đường xâm lấn chia cắt Thục. Thục nghe tin, cũng tăng cường phòng ngự ở Vĩnh An, thủ giữ cẩn thận khác thường. Dự sang sứ nước Ngô. Tôn Quyền hỏi Dự rằng: "Đông cùng với Tây, giống như một nhà, nhưng ta nghe tin, Tây tăng cường phòng ngự ở Vĩnh An. Sao lại thế?" Dự đáp rằng: ""Thần nghĩ Đông thêm quân trấn thủ ở Ba Khâu, Tây tăng cường phòng ngự thành Bạch Đế, cùng là sự thế tự nhiên, đâu không phải hỏi gì nhau cả."" Quyền cười lớn, khen là cương trực, tiếp đãi (Dự) rất thân mật, xem trọng không khác gì Đặng Chi, Phí Y. (Dự về nước) được thăng làm Thị Trung, rồi chuyển làm Thượng Thư. Năm Diên Hi thứ mười được dùng làm Đôn Kỵ Hiệu úy. Gặp lúc Xa kỵ Tướng quân Đặng Chi từ Giang Châu trở về, lên triều báo Dự rằng: "Theo Lễ mà nói, sáu mươi tuổi không mặc giáp trụ nữa, nhưng nay ngài lại phụng mệnh cầm quân, sao lại thế?" Dự đáp: "Ngài bảy mươi tuổi chưa trả lại binh giáp, sao tôi sáu mươi tuổi lại không nhận được."

Thần Tùng Chi : bàn rằng: Chi tuổi cao hơn Dự, đúng là không biết tự xét mình. Nhưng Dự đáp như vậy cũng là phạm vào điều người ta kiêng kỵ. Mà ghi chép đến cả chuyện này thì đã gần với loại văn chương rườm rà nhàm chán vậy.

Chi tính cách kiêu căng, từ Đại Tướng quân Phí Y trở đi đầu nhún nhường tránh nể, chỉ có Dự là là mọi mình không chịu phục. Dự lại phục mệnh sang đông thông sứ với Ngô, Tôn Quyền nắm chặt tay Dự, lúc chia tay rơi lệ nói: "Ông thường vâng mệnh sang kết thân tình hai nước. Nay

ông tuổi đã cao, Cô cũng già yếu, sợ không thể lại cùng nhau tương hội nữa.” tặng lại Dự một hộp chân châu thượng hạng⁽⁷⁾.

Ngô lịch chép : Dự sắp chia tay, nói với Tôn Quyền: ”Đất Thục hẻo lánh bé nhỏ, dầu thế vẫn là lân quốc, Đông - Tây nương tựa lẫn nhau, Ngô không thể không có Thục, Thục không thể không có Ngô, vua tôi nhờ cậy, riêng có bề hạ coi trọng suy nghĩ của thần.” Lại tự nói: ”Tuổi già lắm bệnh, sợ không còn được trở lại để phụng sự bề hạ .”

Tôn Thỉnh bình rằng: ”Người gánh vác trách nhiệm đế vương, chỉ (cần có) đạo lý và tín nghĩa. Đạo nghĩa đã dựng xây đầy đủ, dù nhỏ cũng có thể thành lớn, như nhà Ân⁽⁸⁾, nhà Chu⁽⁹⁾ vậy. Cầu thủ đảm đương thứ quyền thế hư nguy, dầu mạnh mà tất bại, như Tần⁽¹⁰⁾, Hạng⁽¹¹⁾ vậy. Huống hồ chiếm vài thành nhỏ ở chốn biên thủy hẻo lánh, cậy vào núi sông bên vững mà muốn nổi lên vạn dặm, mãi mãi nương tựa vào nhau sao? Xưa chín nước theo kế tụ hội liên minh, mà cuối cùng người Tần⁽¹²⁾ gồm thiên hạ; Hiêu⁽¹³⁾, Thuật⁽¹⁴⁾ tính kế dựng quân doanh nương tựa vào nhau, mà cuối cùng Quang Vũ⁽¹⁵⁾ kiêm tính cả Lũng Thục. Người ta bằng vào cái mạnh của chín nước, cái lớn của vùng Lũng, Hán còn tuyệt chẳng tương cứu nổi nhau, (huống hồ) ngồi mà xét đoán chuyện nghiêng đổ cơ đồ, hỏi ai có thể làm được. Cái căn bản đạo đức vốn không vững chắc nên việc mạnh yếu trong lòng cũng khó mà vững chắc theo. Nói rằng: ”Ngô không thể không có Thục, Thục không thể không có Ngô” há chẳng phải là siểm nịnh vậy thay.

(Dự) trở về, được thăng Hậu Tể tướng quân, coi sóc công việc ở Vĩnh An, sau được bái làm Chinh Tây Đại Tể tướng quân, ban tước Quan Nội hầu. Năm Cảnh Diêu thứ nhất vì có bệnh phải trở về Thành Đô. Sau lại được dùng làm Trấn Nam Đại Tể tướng quân, lĩnh Duyện Châu Thứ Sử. Khi Đô Hộ Gia Cát Chiêm mới lên nắm đại sự trong triều, Liêu Hoá đến thăm Dự, muốn cùng Dự tới bái phỏng hứa hẹn phụng sự cho Chiêm. Dự nói: ”Bọn ta tuổi đã bảy mươi, thời đã qua rồi, chỉ một chút nữa là chết thôi, hà tất phải phải cầu cạnh ở người trẻ tuổi để ý tới mà xây đắp mối manh cho.” Rồi không qua lại (với Chiêm).

Liêu Hóa tự Nguyên Kiệm, vốn tên là Thuần, người Tương Dương. Vốn làm Chủ Bộ cho Tiể Tể tướng quân Quan Vũ. Vũ bại, (đất Kinh Châu) thuộc Ngô. (Hoá) muốn theo về với Tiên Chủ, bèn giả chết, đương thời mọi người đều tin là thật, (Hoá) nhân thế đang đêm cùng mẹ già chạy về phía tây. Khi Tiên Chủ Đông chinh, gặp Hoá ở Tỉ Quy, rất mừng, lấy Hoá làm Nghi Đô Thái Thứ. Tiên Chủ băng, (Hoá) làm Tham Quân phủ Thừa tướng, sau làm Đốc ở Quảng Vũ, rồi được thăng làm Hữu Xa Kỵ Tể tướng quân,

ban giả tiết, lĩnh Tịnh Châu Thứ Sử, phong Trung Hương Hầu, nổi tiếng cương liệt. Địa vị ngang hàng với Trương Dự nhưng rất thân thiết với Tông Dự.

Hán Tấn Xuân thu chép : Năm Cảnh Diệu thứ năm, Khương Duy dẫn quân ra Địch Đạo, Liêu Hoá can: "Việc dùng binh không kết thúc, tất tự thiêu mình", Bá Ước có biết ý nghĩa của câu ấy chẳng. Trí không hơn giặc, lực kém hơn thù, dụng (binh) không biết đủ, sao có thể thành nghiệp lớn được. Kinh Thi viết: "Cái gì trước không phải của mình, sau cũng không phải của mình" chính là việc ngày hôm nay vậy.

Năm Hàm Hi thứ nhất, Hoá Dự đầu bị bắt chuyển đến Lạc Dương, rồi mắc bệnh chết.

DƯƠNG HÝ TRUYỆN

Dương Hí tự Văn Nhiên, người đất Vũ Dương quận Kiện Vĩ. Tuổi nhỏ cùng Trình Kỳ (tự) Công Hoảng⁽¹⁶⁾ ở Ba Tây, Dương Thái (tự) Quý Nho⁽¹⁷⁾ ở Ba Quận, Trương Biểu (tự) Bá Đạt ở Thục Quận đều sớm nổi danh. Hí thường được xem là người tài ba nhất, Thừa tướng Lượng rất thưởng thức. Khi Hí hơn hai mươi tuổi, làm Đốc Quân Tòng Sự tham dự công việc trong Châu giữ chức Điển Hình Ngục. (Hí) Phân xử hình luật xem xét t ãn nghi, được gọi là Bình Dương⁽¹⁸⁾, quan trên thăng làm Chủ Bộ⁽¹⁹⁾. Khi Lượng chết, (Hí) đang làm Thượng Thư Hữu Tuyển Bộ Lang⁽²⁰⁾, Thứ Sử Tưởng Uyển mời làm Thị Trung Tòng Sự Sử. Khi Uyển lập phủ Đại Tướng Quân lại lấy (Hí) làm Đông Tào Duyệt, rồi thăng làm Tham Quân Nam Trung Lang, phụ tá Trù Hàng Đô Đốc, lĩnh Kiến Trữ Thái Thú. (Hí) mắc bệnh được triệu về Thành Đô làm Hộ Giám Quân sau ra nhận chức Tử Đông Thái Thú, rồi lại trở về tri ều làm Xạ Thanh Hiệu Úy. Địa phương (Hí từng cai quản) đều được thái bình, dân tình giữ phép không có việc lỗi thôi. Năm Diên Hi tứ hai mươi, (Hí) theo Đại Tướng Quân Khương Duy dẫn quân đến Mang Thủy. Hí vốn trong lòng chẳng phục Duy, những khi uống rượu thường có lời lẽ châm chọc khinh nhờn. Duy ngoài khoan dung trong kiêng dè, thành kiến không cởi bỏ. Đại quân trở về có người vâng lệnh (Duy) tâu trình sự việc lên. Hí bị bãi chức thành thường dân. Sau chết vào năm Cảnh Diêu thứ tư.

Tính Hí giản dị lười biếng không quan cách, ít khi lấy lời lẽ ngọt nhạt đối xử với người chỉ qua chân tình mà gần gũi sự việc. Viết phù lệnh chỉ đạo sự vụ không mấy khi đầy đủ giấy tờ. Nhưng đối với bạn cũ rất chân tình, giữ lòng thành quan tâm sâu nặng đến nhau. (Hí) với người ở Ba Tây là Hàn Nghiễm và Lê Thao chơi với nhau từ thưở nhỏ. Sau Nghiễm mắc bệnh ra người tàn phế, Thao không có sự nghiệp gì, muốn tự vẫn. Hí lo liệu gánh vác giúp đỡ an ủi, tình thân khăng khít như lúc ban đầu. Lại thêm bấy giờ người đời đàm luận, cho rằng Tiếu Chu chẳng phải đương thế nhân tài,

ít người coi trọng. Riêng Hí đánh giá (Chu) rất cao, từng khen rằng: "Con cháu bọn ta cuối cùng vẫn không bằng được người trẻ tuổi tài ba này." Kể sử đương thời vì vậy mà quý mến Hí.

Trương Biểu dáng dấp phong đô uy nghiêm, lúc đầu danh vị ngang bằng với Hí, sau làm đến Thượng Thư, nhận chức Trù Hàng Hậu tướng quân, chết trước Hí. (Trình) Kỳ, (Dương) Thái đều mất sớm.

Hí cùng người trong huyện có tiền cử một người là Lý Mật. Tổ phụ Mật là Quang từng làm Thái Thú Chu Đê, cha (Mật) mất sớm, mẹ họ Hà, cải giá theo người khác. Mật nhờ tổ mẫu nuôi dưỡng cho đến lớn, nghiên cứu Xuân Thu Tả truyện, đọc nhiều hiểu rộng, kiến thức uyên bác lại nhanh nhẹn mẫn tiệp giỏi biện luận. Thờ tổ mẫu rất có hiếu, khi trông nom (tổ mẫu) đau ốm thì lén thò dài rơi lệ, đêm ngày không cởi áo⁽²¹⁾, ăn uống thuốc thang nhất nhất đều tự nếm trước. Mệnh lệnh và lễ lạt ở bản quận (Mật) đều không đáp ứng. Châu mời làm Tòng Sự Thượng Thư Lang, sau làm Đại tướng quân Chủ Bộ, rồi Thái Tử Tây Mã, được sai sang sứ nước Ngô. Ngô Chủ hỏi Thực ngựa nhiều hay ít, (Mật) đáp: "Của công có thừa, dân gian tự đủ." Ngô Chủ cùng quần thần bàn luận chuyện đạo nghĩa, cho rằng địa vị của lợn là em người. Mật nói: "Đúng ra phải là anh người." Ngô Chủ nói: "Sao có thể là anh?" Mật đáp: "Là anh nên cung đón nuôi dưỡng người ta đã bao ngày." Ngô Chủ cùng quần thần đều khen hay. Sau khi Thực mất, Chinh Tây tướng quân Đặng Ngải, nghe danh, mời (Mật) làm Chủ Bộ, gửi thư gọi, muốn cùng gặp mặt mà Mật không chịu tới. Vì tổ mẫu tuổi cao, lòng dạ chỉ chuyên chú vào việc chăm lo phụng dưỡng. Tấn Vũ Đế lập Thái Tử, gọi Mật làm Thái Tử Tây Mã. Chiếu thư hạ xuống, quận huyện liền bức bách sai bảo (Mật lên đường). Mật dâng thư rằng: "Thân mang đi ền triệu nguy nan, sớm gặp ưu phiền hoạn nạn. Sanh vừa được sáu tháng, từ phụ đã qua đời. Sống mới được bốn năm, dựng lại đoạt lòng mẹ. Tổ mẫu già nua, thương thân mồ côi non nớt đem về nuôi. Thân lúc nhỏ ốm bệnh tật, chín tuổi chưa cứng cáp, cô khổ linh đình. Đến khi trưởng thành đã không còn chú bác, cũng chẳng có anh em. Của nhà sa sút, phúc khí mong manh, muộn con thiếu cháu. Ngoài không có họ hàng gần gũi làm nên huân nghiệp, trong thiếu cả thư đằng sau của đáp lời. Ấu sầu cô độc, bóng treo vào hình. Hơn nữa (tổ mẫu thân) vốn xác xơ sớm đeo bệnh tật, luôn ở trên giường, lệ thuộc vào thuốc thang, chưa từng tách rời trừ bỏ được. Kịp đến khi thờ phụng thánh tri ều, tấm gọi giáo hoá sáng

trong, trước có Thái Thú của thần xem xét mở đường cho thần lên chức Hiếu Liêm, sau có Thứ Sử bản châu tiến cử cho thần giữ chức Tú Tài. Thần vì không có người chăm nuôi (tổ mẫu) đã tạ từ không dám nhận. Chiếu thư đặc cách ban xuống, trao cho thần chức Lang Trung, lại nhờ quốc ân, phong thần làm (Thái Tử) Tây Mã, không chê là hèn mọn bần tiện cho thần đảm đương hầu hạ Đông Cung. Nếu không có thần thì lấy đâu người lo công việc ở địa phương về hồi báo. Thần đã soạn biểu văn, tạ không nhận chức. Nhưng chiếu thư uy nghiêm, cất vắn thần lười biếng vô lễ. Quan lại ở quận huyện cũng bức hiếp ép buộc, dục thần sớm lên đường. Ti sở địa phương đến tận cửa, nóng nảy như lửa cháy. Thần những muốn tuấn chiếu ruổi rong (tới Kinh Sư) thì bệnh (của tổ mẫu) hôm ấy liền trở nặng. Thần đành cầu thả thuận theo tư tình, kêu xin thỉnh cầu cho được không theo lời hứa. Việc tiến thoái của thần thật là khốn khó vậy. Cúi nghĩ rằng thánh triều ta lấy đức hiếu mà trị thiên hạ, phạm người già lão đều được đội ơn trên thương xót đến, huống chi thần cô đơn khổ sở, tình cảnh càng thêm đặc biệt. Vả chăng, thần chỉ là kẻ sĩ kém cỏi của giả triều⁽²²⁾, trải qua một chức quan nhỏ, trên đường hoạn lộ chẳng giữ được danh tiết. Nay chỉ như một kẻ vong quốc tằm thường, nhỏ bé đến thấp hèn, mong ơn đột nhiên cất nhắc đề bạt, được ưu ái mà lo sợ, rất đối bàng hoàng, há còn quanh co mà mong ngóng điều gì khác? Chỉ có đi đầu ngày dài mà vâng dương đã chiếu chốn non tây, (tổ mẫu thần) hơi thở trầm trầm, mệnh người nhỏ nhoi ngắn ngủi, sớm chẳng lo được đến chi đâu. Thần không có tổ mẫu sao có được ngày hôm nay. Tổ mẫu vắng thần, tất cũng chẳng còn gì trong những tháng năm sau cuối. Bà cháu hai người số phận gắn kết vào nhau, vì thế chút chút chẳng dám bỏ đi xa. Thần năm nay bốn mươi bốn tuổi, tổ mẫu già nua tuổi đã chín mươi sáu. Thế là ngày tháng để thần tận hết lòng trung với bộ hạ còn dài mà thời gian để thần báo ơn dưỡng dục chẳng còn bao lâu nữa. Chim quạ tư tình⁽²³⁾, thần xin được bộ hạ khoan thứ mà săn sóc tổ mẫu cho trọn vẹn. Nổi đắng cay khổ sở của thần, nhị vị châu mục bá chủ cùng nhân sĩ đất Thục đều sáng suốt hiểu rõ, hoàng thiên hậu thổ cũng cùng chứng giám không sai. Mong bộ hạ thương xót phận ngu hèn, thành toàn cho chí nguyện làm kẻ thảo dân, gánh vác đạo hiếu trong những năm tháng cuối của thần. Thần không hơn khuyến mã nguyện sống dâng đầu, chết kết cỏ báo ơn!” Vũ Đế xem biểu nói: ”Mật không phải là người chỉ có danh mà thôi”, lại khen là người chân thật thành khẩn, ban

cho nô tì hai người, truyền cho quân huyện lo lắng sẵn sóc đến việc ăn uống của tổ mẫu Mật. Khi tổ mẫu Mật chết, đoạn tang, Mật giữ hàm Thượng Thư Lang, đảm nhiệm chức lệnh ở Ôn huyện thuộc Hà Nội, dạy dỗ dân tình pháp luật rất nghiêm minh. Các vương hầu ở Trung Sơn mỗi khi đi qua Ôn huyện tất đòi hỏi được cung phụng, là nỗi ưu tư của dân chúng và quan lại địa phương. Kịp khi Mật đến, Trung Sơn Vương đi qua huyện muốn đòi hỏi rơm cỏ củi đuốc. Mật trước dẫn tích (Hán) Cao Tổ về đất Bái, lấy lễ đối xử với già trẻ, cung đón cho quê hương, không chút phiền nhiễu, "cúi nghĩ các vị minh vương đều suy xét rõ khuôn phép của đạo hiếu, trước đã hiểu được lời khuyên răn của tổ tiên, nhìn ra lẽ lỗi của nước ta. Nay đang ca lại múa, yêu sách đòi hỏi từ những thứ nhỏ nhất, tôi chưa từng thấy mạng lệnh nào như vậy." Từ đó về sau, các vương đi qua (Ôn huyện) không dám phiền nhiễu nữa. Lũng Tây Vương Tư Mã Tử Thư rất kính trọng Mật nhưng các nhà quyền quý khác thì rất sợ sự công trực (của Mật). Mật rời chức vụ, về làm Đại Trung Chính⁽²⁴⁾ ở châu, tính cách ngay thẳng trung thực, không hề né tránh kiêng kỵ kẻ có quyền lực địa vị. Sau làm trái phương lược của Tuân Úc⁽²⁵⁾, Trương Hoa⁽²⁶⁾ bị chuyển làm Hán Trung Thái Thú, các vương phần lớn rất căm ghét. Được một năm Mật từ quan, lúc sáu mươi tư tuổi thì mất. Để lại trước tác mười thiên lý luận, An Đông tướng quân Hồ Hùng cùng Hoàng Phủ Sĩ An đều khen ngợi.

Vào năm Diên Hi thứ tư, Hí soạn ra Quý Hán Phụ Thần Tán⁽²⁷⁾ theo lối văn xưng tụng. Nay phần lớn những điều chép trong Thực Thư đều được nhắc đến ở đó. Do vậy công hầu chết nếu chưa được truy thụy, sự việc còn hoài nghi có chỗ xem xét rõ đầu mối mà không còn nghi ngờ vào thư tịch nữa. Những người được Hí ngợi ca song không được chép thành truyện tôi⁽²⁸⁾ đều chú thích trần thuật rõ đầu cuối ở bên dưới, để khả dĩ phảng phất biết được sự tích.

Xưa Văn Vương được ngợi ca nhờ đức sáng, Vũ Vương được ngợi ca nhờ nghiệp dựng lên. Người làm chủ số mạng trong đời, lập thân hành đạo không phải chỉ ở trong một lúc mà lại bởi mở mang nền móng, vun trồng sự nghiệp rực rỡ đến mai sau. Trung hoa ta từ thời Hán mật giềng mỗi vương đạo bỏ mất gốc rễ, anh hùng hào kiệt cùng nhau quật khởi, đường lối thịnh vượng không thể hình thành, mạng người như bùn đất. Ở vào thời thế ấy chủ ta vốn có lòng lo nghĩ xót thương. Ban đầu từ Yên, Đại nêu gương nhân hiệp tiếng tăm rõ ràng. Đường đi tự Tề, Lỗ phong độ anh

hùng khắp chốn lưu truyền. Sự nghiệp tạm gửi nơi Kinh, Dĩnh lòng dân theo chủ hướng về Trông nom cứu giúp đất Ngô, Việt kẻ hiên ngu nương nhờ tin tức. Uy nghiêm phần chấn vùng Ba, Thục vạn nhà rung động đón mời. Quân binh hùng mạnh gồm Dong, Hán đầu giặc thu về tích còn đây. Cho nên có thể kế tục diêm triệu ứng vào Cao Tổ, khôi phục hương hoá hoàng triều nhà Hán. Nhưng kẻ ác hung tàn gian hiểm, nhiều lần chinh phạt chưa xong. Bởi vậy quân chính nghĩa bến Mạnh Tân⁽²⁹⁾ lại đợi chờ bày trận trên đất Minh Diêu⁽³⁰⁾. Khó đoán việc bất ngờ, lộc trời có lúc tận. Dù thu hút nhân tâm quy tụ về một mối, vạn quốc đều có kẻ theo về, đương thời tuần kiệt diu dặt an định giang sơn, tận tâm sức mang trong mình đức sáng, song những bậc uy nghi trác việt có thể thẩm xét (mà nêu danh) được. Nhân đó bèn bày tỏ hết phong độ tốt lành để đời sau được rõ. Lời ấy nói:

Gốc rễ Hoàng Đế còn để lại, thắm nhuần khắp bốn phương, đặc biệt ở Trung Sơn⁽³¹⁾, anh linh chung đúc lại, theo kỳ vọng sinh ra, như rặng cất mình vút cao lên vượt đời thường. Trước lấy đất Yên đất Đại, làm bá đất Dự, làm chủ đất Kinh. Ngô Việt phải nương nhờ, xa trông phong thái khăn cời kết minh. Giữ Ba, chiếm Thục, Dong Hán cùng theo. Khôi phục thứ tự của đất trời, mưu nghị an định việc tế tự. Bước theo nền tảng, tiếp tục việc xưa, gieo đức tốt, để tiếng thơm. Hoa Hạ cùng xưng tụng, làm bá trời tây, mở mang diêm lành cho thời thế tới, trải qua chuyển vận đi đến chấn hưng - Tán Chiêu Liệt Hoàng Đế.

Trung Vũ xuất chúng tài ba. Dâng kế chỗ bến sông, dựa vào Ngô, nắm lấy Thục, quyên biến của bản thân xác đáng với thời cuộc. Nhận di chiếu làm chấp chính, sửa sang võ bị, sắp đặt điển chương, bày ra giáo hoá phẩm hạnh, lo liệu đổi thay lề lối khiến kẻ hiên ngu đều hết lòng đến quên cả thân mình. Giữ yên khắp trong nước, luôn luôn vào đất giặc, làm rạng rỡ uy phong. Một lòng vì việc nước, hận chưa thoả ước mong - Tán Gia Cát Thừa Tướng.

Tư Đồ phong thái thanh cao, khi đàm luận khi bàn bạc, mở lòng thương đến nhân quần, âm vang như tiếng ngọc khua - Tán Hứa Tư Đồ.

Quan, Trương hùng dũng, xuất thân giúp đời, diu dặt vương sư, mạnh mẽ oai hùng, che trở cho tả hữu, chuyển thân bay bổng như điện chớp. Vượt gian nan giúp chúa thành đại nghiệp, công tích ngang Hàn, Cảnh, thanh danh đức độ kề nhau. Đối với người không kể lễ, xét rõ được kẻ

gian, thương nỗi coi nhẹ đi đâu lo nghĩ mà vì nước bỏ mình - Tán Quan Vân Trường, Trương Ích Đức.

Phiêu Kỵ quật khởi, liên kết các nơi, tập hợp thủ hạ, đứng đầu Tam Tần⁽³²⁾, giữ vùng Đông, Hà⁽³³⁾. Tổ tông mưu tính cho triều đình mà bị nghi ngờ này nọ, để kẻ thù thừa cơ xích mích nên ra nổi binh bại nhà tan. Ngược đường về với đức, gởi gắm vào phượng, nương tựa vào rồng - Tán Mã Mạnh Khởi.

Dực Hải cao mưu, lo liệu thời thế hưng suy, phó thác chí lớn vào chân chủ, lúc thuận tòng khi thương thảo, vừa toan tính đã định ra sách lược, nhìn sự việc biết huyênh cơ - Tán Pháp Hiếu Trực.

Quân Sư tài giỏi, ngời ngời phong độ thanh cao, dốc hết vận số vì mình chủ, trung thành từ tận trong tâm, chỉ nghĩa ấy đã đủ để tôn sùng, hưởng hơ báo đức quên mình - Tán Bàng Sĩ Nguyên.

Tướng Quân đồn hậu hào hùng, bẻ núi cao, vượt gian khó, dựng lên huân lao lập thành sự nghiệp, chính là cốt cán của một thời - Tán Hoàng Hán Thăng.

Chưởng Quân thanh thao cần kiệm, chẳng theo lẽ lối ngày thường, lời thẳng thắn chỉ lo cho việc nước, dân vẫn nhớ đến phép tắc của ngài - Tán Đồng Ấu Tể.

An Viễn ý chí cương cường, nghi ngại vẫn còn hiên hách, coi nhẹ tài vật thành tích lớn lao, gấp khó khăn chẳng sờn lòng, lấy ít thắng nhiều, giữ tròn sự nghiệp một phương xa - Tán Đặng Khổng Sơn.

Khổng Sơn tên là Phương, người Nam Quận. Làm Kinh Châu Tòng Sự rồi theo Tiên Chủ vào Thục. Đất Thục được bình định, ra làm Kiện Vị Chúc Quốc Đô Úy, nhân khi đổi tên các quận chuyển làm Chu Đề Thái Thú rồi được chọn làm An Viễn Tướng Quân, Trù Hàng Đô Đốc đóng ở huyện Nam Xương. Chết năm Chương Vũ thứ hai. Việc làm bị thất truyền nên không viết thành truyện.

Dương Uy là bậc tài năng, thở than văn vũ, gánh vác quốc sự, sửa sang chức trách, vui vầy đặt ra lẽ lối luận đàm, mưu toan việc kinh thương lại có tài thực hiện, có nghĩa lý, biết thứ tự - Tán Phí Tân Bá.

Tân Bá tên là Quan, người huyện Minh quận Giang Hạ. Mẹ Lưu Chương là cô họ Quan. Chương lại gả con gái cho Quan. Vào năm Kiến An thứ mười tám, Quan theo quân Lý Nghiêm ra chống Tiên Chủ ở Miên Trúc, rồi

theo Nghiêm cùng ra hàng. Tiên Chủ bình định Ích Châu, bái Quan làm Tỳ Tướng Quân, sau làm Ba Quận Thái Thú, rồi Giang Châu Đô Đốc. Năm Kiến Hưng nguyên niên (Quan) được phong Đô Đình Hầu, thêm chức Chấn Uy tướng Quân. Quan giỏi giao tiếp. Đô Hộ Lý Nghiêm tính cách kiêu ngạo tự cao. Hộ Quân Phụ Khuông tuổi tác chức vị ngang hàng với Nghiêm mà Nghiêm không chịu thân gần. Quan kém Nghiêm hơn hai mươi tuổi nhưng thường cùng Nghiêm thân cận như người cùng bối phận. Năm ba mươi bảy tuổi chết. Việc làm bị thất truyền nên không viết thành truyện.

Truân Kỵ giữ vững lòng xưa, khi tiết bền chắc chẳng đổi dời. Tới lúc theo về nghe mệnh lệnh tận tâm trừ liệu cho thế nhân, chỉ dùng trong quân được cậy nhờ, giỏi biện bác, giỏi lo toan - Tán Vương Nghi Văn.

Thượng Thư ưa chuộng thanh cao, sửa việc làm tự tu thân, nâng ý chí giữ đạo nghĩ, thường thức văn học điển chương, hoà theo phong độ cao cao cũ, tranh đua tiếng hiên với cổ nhân - Tán Lưu Tử Sơ.

An Hán chứa chất thuận hoà, vừa là thân nhân vừa là khanh khách, đương thời được kính lễ chính vì địa vị lương thần đó - Tán My Tử Trọng.

Thiếu Phủ cẩn trọng sửa mình, Hồng Lư sáng trong chân thật, Gián Nghi ẩn thân hành sự, Nho Lâm hiểu rõ thiên văn. Tuy nhiên truyền bày ra giáo hoá, người góp công kẻ dẫn đầu - Tán Vương Nguyên Thái, Hà Ngạn Anh, Đỗ Phụ Quốc⁽³⁴⁾, Chu Trọng Thực.

Vương Nguyên Thái tên là Mưu, người Hán Gia, đầy đủ dung mạo tiết tháo tài năng. Thời Lưu Chương làm Ba Quận Thái Thú rồi về châu làm Trị Trung Tông Sự. Tiên Chủ bình định Ích Châu, lĩnh chức Mục, dùng (Mưu) làm Biệt Giá. Đến Khi Tiên Chủ lên làm Hán Trung Vương lấy những kẻ sĩ đất lão luyện đất Kinh Sở là Lại Cung ở Linh Lăng làm Thái Thường, Hoàng Trụ ở Nam Dương làm Quang Lộc Huân, Mưu làm Thiếu Phủ. Đầu những năm Kiến Hưng, (Mưu) được ban tước Quan Nội Hầu, sau kế nhiệm Lại Cung làm Thái Thường. Cung, Trụ, Mưu việc làm trong đời đều thất truyền nên không chép thành truyện. Con trai Cung là Quảng làm Tây Tào Lệnh Sử phủ Thừa Tướng, theo Gia Cát Lượng ra Hán Trung, chết khi còn trẻ. Lượng rất tiếc thương, viết thư cho Trương Sở Tham Quân lưu lại phủ Thừa Tướng là Trương Dự, Tưởng Uyển rằng: "Lệnh Sử Lại Quảng chết, Duyện Chúc Dương Ngung mất đầu là tổn hại to lớn của triều đình." Ngung cũng là người Kinh Châu. Về sau Đại Tướng Quân

Tướng Uyển hỏi Trương Hưu rằng: "Quận Hán Gia thời trước có Vương Nguyên Thái, nay có ai kế tục chẳng?" Hưu đáp: "Đạt đến như Vương Nguyên Thái, trong cả châu không tìm được người kế tục, huống gì một quận nhỏ bé này!" Xem thế đủ thấy Mưu được kính trọng lắm lắm vậy.

Trương Dương Ký chép : Dương Ngung tự Tử Chiêu, là bà con đồng tộc với Dương Nghi, vào Thục làm Ba Quận Thái Thú rồi Chủ Bộ cho Thừa Tướng Gia Cát Lượng. Lượng thường tự mình tra xét sổ sách. Ngung thẳng thắn vào can rằng: "Thiết lập việc cai trị cần có quy chế, trên dưới không thể lẫn lộn nhau. Xin Minh Công lấy việc sắp đặt trong một gia đình làm thí dụ mà xem. Nay có người sai khiến đây tớ lo liệu việc cày cấy, tỳ nữ coi sóc thổi nấu, con gà phụ trách báo sáng, con chó trông coi canh trộm, con trâu đảm nhiệm chở hàng, con ngựa lặn lội đường xa. Việc nhà không có gì bỏ phứt, mọi sự cần thiết đều đủ cả. Ung dung kê cao gối mà nằm, ăn uống thông thả đường hoàng. Bỗng một ngày, (người đó) muốn tự mình làm hết tất cả mọi chuyện trong nhà, không chịu suy xét mà giao phó công việc. Tất toàn thân mệt mỏi vì những chuyện nhỏ nhặt, đáng vẻ nhọc nhằn, thần trí suy nhược mà cuối cùng cũng không hoàn thành được việc nào. Nào phải vì tài năng người ấy không bằng đây tớ, nô tỳ, gà chó mà bởi sai lầm ở phương thức làm chủ gia đình vậy. Vì thế cổ nhân có câu rằng ngồi mà luận đạo ấy là Tam Công, đứng ra làm việc ấy là Sĩ Đại Phu. Xưa Bích Cát⁽³⁵⁾ không lo đạo lý ngang ngược gây chết người mà đi lo trâu thả dõc. Còn Trần Bình⁽³⁶⁾ không nguyên xem đến sổ sách lương thảo tiền bạc mà bảo rằng vốn sẵn đã có người trông coi. Như thế quả thật là đã thông suốt ở chỗ phân chia cấp bậc trong quy chế vậy. Nay Minh Công lo việc nước mà tự mình tra xét từ sổ sách trở đi, mờ hơi đờ cả ngày, không phải cũng là giá vật vả sao!" Lượng nhận lỗi, sau đề cử Ngung làm Đông Tào Chúc Điển. Ngung chết, Lượng rơi lệ khóc ba ngày.

Hà Anh Ngạn tên là Tông, người huyện Bì thuộc Thục Quận. Thờ Nhậm An ở Quảng Hán làm thầy, nghiên cứu tinh tường cái học của An. Học chung một thầy với Đỗ Quỳnh mà danh tiếng thì hơn hẳn. Thời Lưu Chương làm Kiến Vi Thái Thú. Tiên Chủ bình định Ích Châu, lĩnh chức Mục, mời (Tông) làm Tòng Sự Tể Tửu, sau (Tông) viện dẫn Đồ, Sầm khuyên Tiên Chủ mau chóng xưng tôn hiệu. Tiên Chủ lên ngôi xong, thăng (Tông) làm Đại Hềng Lư. (Tông) chết trong những năm Kiến Hưng, việc làm bị thất truyền nên không viết thành truyện. Con Tông là Song tự Hán Ngẫu, cười nói lanh lẹ khôi hài, có phong độ của Thuần Vu Khôn, Đông Phương Sóc. Làm Trưởng ở huyện Song Bách, mất sớm.

Xa Kỵ cứng cỏi giỏi giang mà chỉ hiển lộ tình thân thiết, lấy yếu quản mạnh, chẳng chịu thua cảnh nguy nan - Tán Ngô Tử Viễn.

Tử Viễn tên là Nhất, người Trần Lưu. Theo Lưu Yên vào Thục. Thời Lưu Chương làm Trung Lang Tướng, thống lĩnh quân binh ra chống Tiên Chủ ở Phù Thành rồi ra hàng. Tiên Chủ bình định được Ích Châu, lấy Nhất làm Hộ Quân Thảo Nhịch Tướng Quân, lại thu em gái Nhất làm phu nhân. Năm Chương Vũ nguyên niên, Nhất làm Quan Trung Đô Đốc. Năm Kiến Hưng thứ tám cùng Ngụy Diên xâm nhập địa phận Nam An, đánh bại tướng Ngụy Phí Dao⁽³⁷⁾, được chuyển làm Đình Hâu rồi phong thăng lên thành Cao Dương Hâu, Tả Tướng Quân. Năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, Thừa Tướng Lượng chết, (Hậu Chủ) sai Nhất cai quản Hán Trung, chức Xa Kỵ Tướng Quân, ban cho giả tiết, lĩnh chức Ung Châu Thứ Sử, phong lên Tả Dương Hâu. Năm (Kiến Hưng) thứ mười lăm chết. Việc làm bị thất truyền vì thế không chép thành truyện. Em họ Nhất là Ban, tự Nguyên Hùng, con trai viên phó quan của Đại Tướng Quân Hà Tiến năm xưa là Ngô Khuông. Nổi tiếng vì hào hiệp, địa vị quan chức thường tương đương với Nhất. Thời Tiên Chủ làm Lĩnh Quân. Đến thời Hậu Chủ dần dần thăng lên đến Phiêu Kỵ Tướng Quân, được ban giả tiết, tước phong Miên Trúc Hâu.

An Hán đứng đầu cõi nam, đánh giặc chấn động quê xưa, dẹp sạch cỏ dại um tùm, duy chỉ phô bày phép tắc. Biến đổi khắp vùng Man, Bộc⁽³⁸⁾, giúp cho quốc dụng hùng cường - Tán Lý Đức Ngang.

Phụ Hán suy đoán mẫn tiệp, đã khéo léo lại thông minh, qua lời nói xét sâu xa, hỏi đúng chỗ đáp rõ ràng, giúp đời phúc lộc tốt lành - Tán Trương Quân Tự.

Trấn Bắc nghĩ suy thấu đáo, trù tính vạch vẽ đúng đường, dẫn dắt vương sư tránh đi đầu ô uế, thuận thế sự mà thành thứ tự. Hết lòng gánh vác mặt đông, vận số cuối cùng chẳng hanh thông, thương thay chí lớn chịu đầy cõi xa - Tán Hoàng Công Hoàng.

Việt Kỵ chỉ biết lòng trung, ý khí nghiêm trang trong lòng cung kính, lĩnh chức nội ngoại chỉ nhớ việc công chẳng nhớ chuyện riêng - Tán Dương Quý Hưu.

Chinh Nam khoan dung thận trọng, Chinh Tây gánh vác trung trinh, là kẻ sĩ tinh tuyền một thời, là mãnh tướng mạnh mẽ cương liệt - Tán Triệu Tử Long, Trần Thúc Chí.

Thúc Chí tên là Đáo, người Nhữ Nam, đi theo Tiên Chủ từ ở Dự Châu. Danh vị thường dưới Triệu Vân song cũng được khen là người trung dũng.

Đầu những năm Kiến Hưng quan chức đến Vĩnh An Đô Đốc, Chinh Tây Tướng Quân, được phong Đình Hầu.

Trần Nam thô Hào ngay thẳng, Giám Quân trung hậu hơn đời, cùng nhau gánh vác việc quân, đảm đương từ ngoài biên giới - Tán Phụ Nguyên Bát, Lưu Nam Hoà.

Phụ Nguyên Bát tên là Khuông, người Tương Dương, theo Tiên Chủ vào Thục. Khi Ích Châu đã bình định, làm Ba Quận Thái Thú. Trong những năm Kiến Hưng đổi thành Trần Nam, Hữu Tướng Quân, phong Trung Hương Hầu.

Lưu Nam Hoà tên là Ung, người ở Nghĩa Dương, theo Tiên Chủ vào Thục. Khi Ích Châu đã bình định, làm Giang Dương Thái Thú. Trong những năm Kiến Hưng dần dần được thăng làm Giám Quân, Hậu Tướng Quân, ban tước Quan Nội Hầu rồi chết. Con là Thúc nối nghiệp. Con thứ là Vũ, giỏi văn học, danh tiếng ngang với Phàn Kiến, quan cũng đến Thượng Thư.

Tư Nông bản chất tài ba, tỏ bày điển chương đúng phép, mài giũa văn từ diễm lệ rạng rỡ vinh diệu lời lời - Tán Tần Tử Sắc.

Chánh Phương vâng theo di mệnh, dự nghe phép tắc mai sau, chẳng tuyên dương không cùng nói, riêng dựng tâm tư, đương thời người ruồng bỏ, sự nghiệp gánh vác để dở dang - Tán Lý Chánh Phương.

Văn Trường cứng cỏi vụng về, nhận lệnh giữa lúc nguy nan, phán đoán chỗ quan yếu, chế ngự mặt bên ngoài, canh giữ biên giới bảo vệ quốc thổ. Khổ vì không hoà hợp chẳng thuận thảo, quên lễ tiết nói lời xằng. Ghét cái kết cục mà thương cho thối bại ban đầu - Tán Ngụy Văn Tràng.

Uy Công nóng nảy hẹp hòi, việc làm khác với thường nhân. Thông dong tất kế tục được thế thứ, bức bách ắt tổn hại đến bản thân. Bỏ thuận tông nên thu tai hoạ, đổi thay lớn chính vì như thế - Tán Dương Uy Công.

Quý Thường lương thiện thành thật, Văn Kinh siêng năng hiền lành, Sĩ Nguyên nói lời khuyên răn, Xử Nhiên hiểu biết sách lược, Khổng Hưu, Văn Trường có trí tuệ có tài ba, chí hướng rõ ràng khắp nơi, thanh dự lưu truyền đất Sở - Tán Mã Quý Thường, Vệ Văn Kinh, Hàn Sĩ Nguyên, Trương Xử Nhân, Ân Khổng Lâm, Tập Văn Trường.

Văn Kinh, Sĩ Nguyên tên thật, việc làm cùng quê quán đầu đã bị thất truyền.

Xử Nhân vốn tên là Tồn, người Nam Dương. Làm Kinh Châu Tòng Sự rồi tâu tòng Tiên Chủ vào Thục, theo quân đi về phía nam đến tận Lạc Thành, được lấy làm Quảng Hán Thái Thú. Tồn vốn không phục Bàng Thống. Thống trúng tên chết, Tiên Chủ cất lời khê ngợi than tiếc. Tồn nói: "Thông tuy tận trung đáng tiếc thương, nhưng (khóc thương đến thê) là trái với phép tắc đạo nghĩa." Tiên Chủ giận nói: "Thông bỏ mình để làm trọn đạo, đổi thay (lễ tiết) một chút thì có sai gì?" Bèn miễn quan chức của Tồn, chẳng bao lâu sau, Tồn mắc bệnh chết. Việc làm bị thất truyền vì thế không chép truyện.

Khổng Hưu tên là Quan, làm Kinh Châu Chủ Bộ, Biệt Giá Tòng Sự thấy chép ở Tiên Chủ truyện nhưng không rõ quê quán ở đâu.

Văn Tường tên là Trinh, người Tương Dương, theo Tiên Chủ vào Thục, trải qua chức Lệnh ở các huyện Lạc, Bì rồi làm Quảng Hán Thái Thú. Việc làm bị thất truyền. Con là Trung, làm quan đến chức Thượng Thư Lang.

***Tương Dương Ký chép :** Tập Trinh phong độ khoáng đạt, giỏi đàm luận, danh tiếng gần như Bàng Thống mà lại là người thân của Mã Lương. Con là Trung cũng là người nổi tiếng. Con Trung là Long, làm Bộ Binh Hiệu Úy, Chưởng Hiệu Bí Thư.*

Quốc Sơn dáng dấp tốt lành, Vinh Nam tâm tình chìm đắm; Thịnh Hành, Thừa Bá nói lời tâm phế hợp thời; Tôn Đức cương quyết mạnh mẽ, Vĩnh Nam lòng luôn chuyên nhất; Đức Tự, Nghĩa Cường chí hùng khí mạnh. Chinh tề uy nghi tu chí, đất Thục ngát ngát hương bay - Tán Vượng Quốc Sơn, Lý Vĩnh Nam, Mã Thịnh Hành, Mã Thừa Bá, Lý Tồn Đức, Lý Vĩnh Nam, Cung Đức Tự, Vương Nghĩa Cường.

Quốc Sơn tên là Phủ, người đất Quỳ thuộc Quảng Hán, để lại lời nghị luận rằng có lòng nhân. Thời Lưu Chương, làm Thư Tá ở châu, Sau khi Tiên Chủ bình định đất Thục, ra làm Lệnh ở Miên Trúc rồi trở về Kinh Châu làm Nghị Tào Tòng Sự. Theo Tiên Chủ đi đánh Ngô, gặp nạn khi quân thua ở Tỷ Quy. Con Phủ là Hữu, có phong thái của cha, làm đến Thượng Thư Hữu Tuyên Lang.

Vĩnh Nam tên là Thiệu, cũng là người ở đất Quỳ quận Quảng Hán. Sau khi Tiên Chủ bình định đất Thục, làm Thư Tá Tòng Sự ở châu. Năm Kiến Hưng nguyên niên được Thừa Tướng Lượng mời làm Tây Tào Duyệt. Khi Lượng đi đánh phương Nam, để Thiệu lưu lại làm Trị Trung Tòng Sự, Thiệu chết cùng năm ấy.

Hoa Dương Quốc Chí chép : Anh Thiệu là Mạc, tự Hán Nam. Thời Lưu Chương làm Trưởng ở Ngưu Bính. Khi Tiêu Chủ lĩnh chức Mục, (Mạc) làm Tông Sự. Vào tiết Nguyên Đán có lệnh bày tiệc rượu. Mạc được lên yết kiến, bèn trách Tiêu Chủ rằng: "Chấn Uy⁽³⁹⁾ nghĩ Tướng Quân là họ hàng gan ruột mới uỷ nhiệm việc đánh giặc cho. Công việc cơ bản chưa có kết quả, kẻ thù đâu sở chưa bị diệt trừ. Vậy mà Tướng Quân vượt lên giành lấy châu này, rất là không thích hợp vậy." Tiêu Chủ nói: "Biết rằng ta không thích hợp, sao không giúp (Lưu Chương)?" Mạc đáp: "Chẳng phải là không dám đâu, chỉ vì lực không đủ đẩy thôi." Các quan muốn giết (Mạc) nhưng Gia Cát Lượng xin cho, được miễn tội. Rất lâu sau lại làm Kiện Vi Thái Thú, Tham Quân phủ Thừa Tướng rồi làm An Hán Tướng Quân. Năm Kiến Hưng thứ sáu, Lượng dẫn quân tây chinh. Mã Tắc ở tiền tuyến bại trận. Lượng muốn đem giết. Mạc can rằng: "Tân tha Mạnh Minh thì làm Bá ở Tây Nhung. Sở giết Tử Ngạc thì hai đời không tranh đua nổi", làm trái ý Lượng, phải quay về Thục. Năm (Kiến Hưng) thứ mười hai, Lượng chết. Hậu Chủ mặc áo trắng lộ ý đau thương suốt ba ngày. Mạc dâng sớ rằng: "Trọng thần như Lộc, Hoắc, Vũ⁽⁴⁰⁾ chưa chắc ôm lòng làm phản tặc. Hiếu Tuyên⁽⁴¹⁾ cũng không thích làm bậc quân chủ sát hại công thần. Bất quá thần tử thì sợ bị ức hiếp, quân vương thì ngại (bày tội) có oai thế, vì vậy mầm mống gian dối mới phát sinh. Lượng tự nắm giữ hùng binh, như hổ chực sói rình. Ngũ đại⁽⁴²⁾ lại không có ai ở ngoài biên giới, thần vẫn thêm lo. Nay Lượng chết, tông tộc được bảo toàn, vùng Tây Nhung tin tức lại yên bình, trên dưới đều nên mừng mới phải." Hậu Chủ giận, sai hạ ngục rồi giết.

Thịnh Hành tên là Huân, thừa Bá tên là Tể, đều là người Lăng Trung quận Ba Tây. Huân vào thời Lưu Chương làm Thư Tá ở châu. Khi Tiêu Chủ bình định xong đất Thục, (Huân) được mời làm Tả Tướng Quân Chúc, sau chuyên sang làm Biệt Giá Tông Sự ở châu rồi chết. Tể làm Công Tào cho Thái Thú Trương Phi, được Phi tiến cử với Tiêu Chủ, làm Thượng Thư Lang. Trong những năm Kiến Hưng làm Tông Sự Duyệt ở phủ Thừa Tướng, sau được thăng làm Quảng Hán Thái Thú rồi lại về (phủ Thừa Tướng) làm Tham Quân. Sau khi Lượng chết, (Tể) lên làm Thượng Thư. Huân, Tể đều là người nhờ tài năng mà vinh hiển, nhưng khiến người trong xóm trong châu tin phục thì không bằng Diêu Trụ. Trụ tự Tử Tự, cũng là người Lăng Trung. Khi Tiêu Chủ bình định Ích Châu, (Thường) làm Công Tào Thư Tá. Năm Kiến Hưng nguyên niên làm Quảng Hán Thái Thú. Thừa Tướng Lượng đi lên phía bắc giữ Hán Trung, lấy Thường làm Duyệt, coi là kẻ sĩ văn võ gồm tài, khen ngợi rằng: "Việc trung thành lợi nước không gì bằng tiến cử hiền tài, tiến cử hiền tài là việc quan trọng

nhất trong mọi sự vụ. Nay Diêu Duyệt chứa chất mạnh mẽ lẫn ôn hoà, có thể rộng dùng ở cả hai ban văn võ, đủ để nói là người uyên bác cao thượng vậy. Trong các bậc phó quan hiếm gặp chuyện thế này, đúng là chỗ để gửi gắm ký thác niềm mong đợi.” Thăng Thường làm Tham Quân. Sau khi Lượng chết, Thường dần dần được thăng lên Thượng Thư Bộc Xạ. Đương thời mọi người kính trọng là bậc chân thành trung hậu mà chín chắn. Chết vào năm Diên Hi thứ năm, sau khi bài Tán này được viết ra.

Tôn Đức tên là Phúc, người huyện Phù quận Tử Đông. Sau khi Tiên Chủ bình định Ích Châu làm Thư Tá, rồi Tây Sung Quốc Trưởng, sau chuyển làm Thành Đô Lệnh. Năm Kiến Hưng nguyên niên được thăng thành Ba Tây Thái Thú, giữ chức Giang Châu Đốc, Dương Uy Tướng Quân. Sau về triều làm Thượng Thư Bộc Xạ, phong Bình Dương Hầu. Đầu những năm Diên Hi, Đại Tướng Quân Tưởng Uyển đem quân ra Hán Trung, (Phúc) lại được dùng làm Tiền Giám Quân lĩnh hàm Tư Mã rồi chết.

Ích Bộ Kỳ Cựu Tạp Ký chép : Gia Cát Lượng bệnh nặng ở Vũ Công. Hậu Chủ sai Phúc ra thăm nom phục thị, nhân đó hỏi đại kế của nhà nước. Phúc đến, tuyên đọc mọi thánh chỉ, nghe lời Lượng dặn bảo, đến khi từ biệt đi được mấy ngày bỗng nhớ lại vẫn chưa hết chỗ hoài nghi, bèn lại cưỡi ngựa rong ruổi trở về yết kiến Lượng. Lượng bảo Phúc rằng: "Cô biết ngài quay lại là có ý gì. Mấy hôm trò chuyện vừa rồi, tuy trao đổi suốt ngày song vẫn có chỗ chưa nói tới. Ngài đi rồi nhất định sẽ quay lại để nghe. Điều ngài muốn hỏi, Công Diễm là thích hợp vậy." Phúc tạ rằng: "Lúc trước đúng là sơ sót không khấn cầu hỏi ý Công, ví thử sau khi Công trăm tuổi, ai có thể gánh vác được đại sự? Vì thế phải vội vàng trở lại. Xin lại được hỏi, sau Tưởng Uyển, ai có thể đảm đương được?" Lượng đáp: "Văn Vũ có thể nối tiếp vào." Lại hỏi thêm sau đấy đến ai. Lượng không trả lời. Phúc trở về theo ý (Lượng) sai khiến mà tâm lên. Phúc là người tinh thông kiên thức, quyết đoán mạnh mẽ, gắng gỏi làm việc. Con Phúc là Trương, tự Thúc Long, cũng nổi tiếng, làm quan đến chức Thượng Thư Lang, Quảng Hán Thái Thú.

Vĩ Nam tên là Triều, là anh của Vĩnh Nam. Làm Công Tào ở quận rồi được đề cử làm Hiếu Liêm, sau ra làm Lệnh ở Lâm Cung. Được gọi về triều lĩnh chức Biệt Giá Tòng Sự. Theo Tiên Chủ sang đông đánh Ngô, chết năm Chương Vũ thứ hai ở Vĩnh An.

Ích Bộ Kỳ Cựu Tạp Ký chép : Triều lại còn có một người em khác, mất sớm. Ba anh em đều có danh vọng tài năng, người đương thời gọi là Lý Thị Tam Long.

Hoa Dương Quốc Chí chép : Quân hạ đang sợ tôn Tiên Chủ làm Hán Trung Vương, bài sớ là do Triều viết.

Thần Tùg Chi : xét: (Ích Bộ) Kỳ Cự Ký lấy Triều, Thiệu và người mất sớm nọ làm Tam Long, thật ngạo mạn khinh nhờn quá lắm, không thể coi là thật được.

Đức Tự tên là Lộc, người An Hán quận Ba Tây. Tiên Chủ bình định Ích Châu, lấy (Lộc) làm Quận Tòng Sự Nha Môn Tướng. Năm Kiến Hưng thứ ba làm Việt Tuyền Thái Thú, theo Thừa Tướng Lượng đi đánh phương nam, bị người Man hai chết, lúc ấy mới ba mươi một tuổi. Em là Hành, trong những năm Cảnh Diệu làm Lĩnh Quân.

Nghĩa Cường tên là Sĩ, người huyện Thê quận Quảng Hán, là anh họ của Quốc Sơn. Khi Tiên Chủ vào Thục, (Sĩ) được đề cử làm Hiếu Liêm, sau làm Trưởng ở Phù Tiết rồi được thăng Nha Môn Tướng, ra làm Đãng Cù Thái Thú, rồi lại đổi làm Kiện Vi Thái Thú. Thừa Tướng Lượng nam chinh, lấy Sĩ làm Ích Châu Thái Thú, cùng đi đánh mặt nam, bị người Man hai chết.

Hưu Nguyên khinh địch, hoạ hại vô cùng huỷ hoại thời thế, Văn Tiến phẩm cách kiên cường, cùng nhau trong cơn nghiêng ngả, hoạn nạn lại sinh người, chí lớn càng rực rỡ - Tán Phùng Hưu Nguyên, Trương Văn Tiến.

Hưu Nguyên tên là Tập, người Nam Quận, theo Tiên Chủ vào Thục. Khi Tiên Chủ sang đông đánh Ngô, Tập làm Lĩnh Quân, chỉ huy tướng sĩ, đại bại ở Hào Đình.

Văn Tiến tên là Nam, cũng từ Kinh Châu theo Tiên Chủ vào Thục. Làm Lĩnh Quân theo Tiên Chủ đi đánh Ngô, chết chung với Tập. Lúc ấy còn có Phó Dung, người ở Nghĩa Dương. Tiên Chủ lui binh, Dung ở lại đoạn hậu cự địch, binh sĩ chết hết, tướng Ngô gọi bảo Dung hàng. Dung chửi: "Chó Ngô. Lam gì có tướng nhà Hán đầu hàng!" Rồi chiến đấu cho đến chết. Con (Dung) là Thiêm được bá làm Tả Trung Lang, sau làm Quan Trung Đô Đốc, vào năm Cảnh Diệu thứ sáu lại nhận lệnh giữa lúc nguy nan. Người đời bàn luận khen rằng cha con nối đời trung nghĩa.

Thục Ký chép Tấn Vũ Đế chiếu viết rằng: "Tướng Quân nước Thục là Phó Thiêm, lúc xưa trước của thành chống cự quan quân, đến chết đầu không ngoảnh lại. Cha Thiêm là Dung lại vì Lưu Bị mà chết trận. Thiêm hạ đầu khen giỏi, há phải vì phân chia đây đó mà đánh giá khác đâu." Con Thiêm là Trứ Và Mộ, sau chìm đắm vào Hê Quan⁽⁴³⁾ bị miễn làm thứ dân.

Giang Dương cương cường chính đỉnh, dựng nên tiết nghĩa sáng trong. Tướng sĩ cùng gặp giặc, giữ thân chẳng chịu khuất, một mình đánh một trận, bỏ mạng giữa trận tiền - Tán Trình Quý Nhiên.

Quý Nhiên tên là Kỳ, người Lãng Trung quận Ba Tây. Thời Lưu Chương làm Trưởng ở Hán Xương. Trong huyện có tộc người Tung, dong giống mạnh mẽ cứng cỏi, xưa vốn được Cao Tổ an định ở Quan Trung. Ba Tây Thái Thú Bàng Hi thấy thiên hạ đang lúc phiêu phức nhiễu loạn, các quận nên có quân đội để phòng vệ bèn tập hợp phần nhiều (người tộc Tung) làm Bộ Khúc⁽⁴⁴⁾. Có người đem pha chuyện ấy với Chương, kể rằng Hi muốn làm phản. Chương thản nhiên hoặc. Hi biết tin, rất sợ, toan tính kế sách tự giữ mình. Sai con Kỳ là Úc ban bố mệnh lệnh, cất quân tự cứu. Kỳ bảo rằng: "Quận tập hợp Bộ Khúc, vốn không phải là làm phản, tuy có kẻ vu cáo hãm hại nhưng quan trọng yếu nhất vẫn là hết lòng thành thực; Nếu như tỏ ra sợ hãi, nhân đó mang lòng khác thì có sai gì với tin tức ở kinh kỳ." Lại cũng bảo Úc rằng: "Ta chịu ơn của châu, nên vì Châu Mục tận hết tiết nghĩa. May là quan chức trong quận, nên vì Thái Thú dốc toàn sức lực. Không nên vì ta mà mang lòng này khác." Hi sai người bảo Kỳ rằng: "Con người đang ở trong quận, nếu không chịu nghe theo Thái Thú, gia đình sẽ gặp tai họa." Kỳ nói: "Xưa Nhạc Dương⁽⁴⁵⁾ làm tướng, uống canh thịt con, không phải là không có tình phụ tử mà vì đại nghĩa đấy thôi. Nay dù đem canh thịt con ta đến, tất ta cũng uống thôi." Hi biết Kỳ ắt chẳng vì mình, sau kể lễ tạ tội sâu sắc với Chương nên không bị bắt lỗi. Chương nghe biết chuyện, thăng Kỳ làm Giang Dương Thái Thú. Tiên Chủ lĩnh chức Ích Châu Mục, vời (Kỳ) làm Tổng Sự Tế Tửu. Sau Kỳ theo Tiên Chủ đi đánh Ngô. Gặp lúc đại quân công nghiệp thất bại, (Kỳ) đi ngược sông mà quay về, có người bảo rằng: "Quân đuổi theo đã tới, bỏ thuyền mà đi cho mau thì mới có thể thoát được." Kỳ nói: "Ta ở trong quân, chưa từng gặp địch mà bỏ chạy, huống chi giữa lúc theo Thiên Tử gặp nguy nan!" Quân đuổi theo bắt kịp thuyền Kỳ. Kỳ tự cầm kích ra chiến đấu, thuyền địch vây kín xung quanh cùng đến đánh. Kỳ tử trận.

Công Hoảng sinh sau, trác tuyệt hơn đời ở đi đầu tinh tế, tuổi mới hai mươi sao đành yếu mạng, chẳng lộ tài năng lộ buồn thương - Tán Trình Công Hoảng

Công Hoảng tên là Kỳ⁽⁴⁶⁾, con của Quý Nhiên.

Tự cố thần tử chốn đi, người bị bức bách thì có lễ, người vì chức quan thì bị khinh, song đều không phải bậc có đức lớn. Làm tan nát đương cứu giúp, bội phản rồi bỏ chạy, tự cắt đứt với người, gây cười khắp hai nước - Tán My Phương, Sĩ Nhân, Hác Phổ, Phan Tuấn.

My Phương tự Tử Phương, người Đông Hải, làm Nam Quân Thái Thú. Sĩ Nhân tự Quân Nghĩa người Quang Dương, làm Tướng Quân, đóng ở Công An, là bộ thuộc của Quan Vũ, cùng Vũ có thù oán, làm phản đón Tôn Quyền. Hác Phổ tự Tử Thái, người Nghĩa Dương. Tiên Chủ từ Kinh Châu vào Thục, lấy Phổ làm Thái Thú Linh Lăng, mắc mưu tướng Ngô Lã Mông, mở thành ra bái yết Mông. Phan Tuấn tự Thừa Minh, người Vũ Lăng. Tiên Chủ vào Thục, dùng Tuấn làm Kinh Châu Trị Trung, lưu lại coi sóc công việc trong châu, cũng có bất hoà với Quan Vũ. Tôn Quyền đánh úp Vũ, Tuấn bèn hàng Ngô. Phổ làm quan (ở nước Ngô) đến Đình Uý, Tuấn đến Thái Thường, được phong Hầi.

Ích Bộ Kỳ Cựu Tạp Ký chép : Vương Tự, Thường Bá, Vệ Kế đều là người của họ Lưu thời Thục còn thịnh vượng nên chép vào thiên này. Vương Tự tự Thừa Tông, người Tư Trung quận Kiến Vi. Tổ tiên (của Tự) vào những năm Diên Hi nhờ công đức mà tiếng tăm rực rỡ. (Tự) được cử làm Hiếu Liêm dân dân được chuyển sang Tây An làm Đốc, rồi Văn Sơn Thái Thú, thêm chức An Viễn Tướng Quân. (Tự) vỗ về tập hợp dân Khương, Hồ tất thấy đều quy phục. Các tộc vốn hung bạo dữ tợn đến xin hàng, Tự đối xử bằng ân huệ tín nghĩa, làm cho biên giới phía bắc một thời yên tĩnh hẳn. Mỗi lần Đại Tướng Quân Khương Duy xuất quân bắc chinh, các tộc Khương Hồ đem ngựa trâu dê cừu lông thú đến Nghĩa Cốc giúp đỡ quân lương, nhờ đó giảm nhẹ chi dùng trong nước. Tự được thăng làm Trấn Quân, vì vậy đốc xuất công việc trong quận. Sau theo Khương Duy chinh chiến mạn bắc, trúng tên lạc bị thương, qua mấy tháng thì chết. Người Nhung, người Di tự tập mai tang, đưa tiễn tính đến nghìn người, ai cũng gào thét kêu khóc. Tự đối với người nông hậu chân thành, mọi người đều tin yêu. Con cháu Tự được người Khương, Hồ coi như ruột thịt hoặc kết làm anh em. Ân tình đến như vậy.

Thường Bá tự Văn Bình, người Giang Nguyên thộc Thục Quận. Bá làm Chủ Bộ Công Tào ở huyện. Huyện trưởng là Chu Du người Quảng Đô, trong năm Kiến Hưng thứ mười lăm bị quan trên đàn hặc vu cáo vì tội giấu bỏ quân lương, phán xét xử vào tội nặng. Bá đến ngục tranh cãi biên luận, tự thân nhận đến nghìn gậy, da thịt rách nát, đau đớn thê thảm cùng cực. Bị cầm cố có đến hơn hai năm, trải qua ba nhà giam. Mỗi lần sắp đánh đập tra khảo, ngục quan trước đầu cật vấn vặn hỏi. Bá không đáp, chỉ nói: "Mau dùng hình đi, không cần hỏi nữa!" Lời khai giữ nguyên xuyên suốt không thay đổi, cuối cùng sự việc được rõ ràng. Được vĩnh viễn miễn tội. Lúc bấy giờ chỉ có Chủ Bộ là Dương Ngạo cũng làm chứng cho vụ kiện là có lời khai giống với Bá. Mọi người khen Bá quên mình vì chủ, tiết

nghĩa cương trực lắm liệt, đề cử làm Hiếu Liêm. Sau được bổ nhiệm làm Trưởng ở huyện Thê. Năm hơn năm mươi tuổi thì chết, Theo ghi chép ở Cự Đức truyện thì ngày sau huyện Lệnh Dĩnh Xuyên là Triệu Đôn có cho vẽ lại hình Bá, khen ngợi tán tụng.

Vệ Kế tự là Tử Nghiệp, người huyện Nghiêm Đạo quận Hán Gia. Nhà có năm anh em, cha làm Công Tào ở huyện. Lúc Kế còn nhỏ, thường cùng anh em theo cha đến chơi đùa trong dinh sở huyện quan. Huyện Trưởng là Trương quân người ở Thành Đô vốn không có con, mấy lần lệnh cho Công Tào gọi con đến quan sát ngắm nhìn, tỏ ra rất thương yêu. Trương bèn sai bày tiệc trong nhà, nói với Công Tào muốn xin Kế. Công Tào đồng ý ngay. Rồi (Trương) nuôi Kế như con. Kế thông minh sáng láng sớm trưởng thành, học thức sâu rộng uyên bác, lên làm quan trên quan trên châu, trải qua nhiều chức vụ càng tỏ rõ thanh cao. Bốn người anh em còn lại đều không chịu nổi thời thế. Cha (Kế) nhắc mãi rằng mình sắp lụn bại, quan huyện Trương sáng suốt sắp hưng thịnh. Thời ấy pháp chế cấm người khác họ kế thừa, vì vậy Kế lại lấy lại họ Vệ. Kế luôn được chuyển làm Phụng Xa Đô Úy, rất trung hậu thành thật, được mọi người coi trọng. Trong loạn Chung Hội, chết ở Thành Đô.

***Bình rằng :** Đặng Chi cứng cỏi trung thành, thanh cao giản dị, làm việc công quên gia đình. Trương Dực cự lại cái mạnh mẽ của Khương Duy. Tông Dực chống lại cái uy nghiêm của Tôn Quyền. Đều là bậc có thể ngợi khen. Dương Hỉ bàn bạc sách lược, kiến giải khác người nhưng tài ba khí độ có chỗ khiếm khuyết, e là không hợp với thời loạn thế.*

TRƯƠNG DỤC TRUYỆN

Trương Dục tự Bá Cung, người ở Vũ Dương quận Kiện Vi. Cao tổ là Hạo làm đến Tư Không. Tằng tổ là Cương nguyên làm Quảng Lăng Thái Thú, đều có danh tiếng.

Ích Bộ kỳ cựu truyện chép : Hạo tự Thúc Minh, quản lý luật pháp, thưở xưa du học kinh sư, cùng Đàm Xán người Quảng Hán, Lý Cáp người Hán Trung, Trương Bá người Thục Quận kết thân giao. Đại Tướng quân Đặng Chất thích Hạo, dần dần thăng lên đến Thượng Thư phó xạ, rồi ra làm Bình Thành tướng. (Hạo) tiến cử được ẩn sĩ Lư Khâu là người tài ba xuất chúng nên được vời về làm Đình Uý. Năm Diên Quang thứ ba, An Đế bàn việc phế Thái Tử, chỉ có Hạo cùng Thái Thường Hoàn Yên, Thái Phó Lai Lịch luận rằng không nên. Thuận Đế mới lên ngôi, mời Hạo làm Tư Không. (Hạo) sống đến tám mươi ba tuổi. Tục Hán Thư viết: Cương tự Văn Kỳ, tuổi trẻ là con của bậc Tam Công lại hành sự trong sạch đúng đạo được cử làm Hiếu Liêm. Tuy (triều đình) không vời làm Tư Đồ, song vì là con cháu cao môn nên bổ dụng vào chức Ngự Sử. Năm Hán An nguyên niên, nhận chức Quang Lộc đại phu, cùng bọn Thị Trung Đỗ Kiêu cả bảy tám người cùng vâng chiếu một ngày, giữ gìn lễ tiết phân minh rành rẽ, tra xét việc làm tham nhũng thanh liêm (của quan chức) trong thiên hạ. Ở lại phạm tội có thể tự tiện thu chức, Thứ Sử Nhị Thiên Thạch có lỗi cũng dâng biểu theo dịch trạm báo về. Uy nghiêm nhân ái, trong sạch trung thành, tiếng tăm lừng lẫy trong ngoài, hiệu xưng là Bát tuyển. Thời ấy, Đại tướng quân Lương Ký gây rối làm hại bách tính. Bọn Kiêu bảy người đều phụng mệnh đi bốn phương, riêng Cương vui bánh xe ngay giữa đô thành Lạc Dương, nói: „Sài lang ngay trước mặt, sao còn đi hỏi hồ ly.” Rồi dâng thư rằng: „Đại Tướng quân, Hà Nam Doãn Lương Ký là kẻ vô nghi. (Ký vốn) nhờ ngoại thích nâng đỡ, chịu đại ân của quốc gia, chí khí như cành cây ngọn cỏ, an ổn làm kẻ cận thân, chẳng đủ tài tuyên dương Ngũ giáo hồ phó tá tán trợ hoàng gia, nhưng đặc biệt là kẻ xấu xa độc ác, phóng túng tham tàn vô độ, cam lòng hủ hoá, buông thả không biết thoả mãn, nhiều lần a dua nịnh hót làm hại trung lương. Quả thật thiên uy khó dung tha, phải trị tội thích đáng. Nay kính cẩn rành mạch trình lên mười lăm việc làm sai trái không để quân vương ở trong lòng của y, đều là những việc làm kẻ trung thân nghiêng rảnh cảm hận vậy.” Thư được dâng lên, kinh sư chấn động (mọi người) kinh hãi. Đương thời, em gái Ký là Hoàng Hậu, trong cung rất được yêu

chiêu, anh em nhà Ký quyền cao hơn chủ. Thuận để tuy biết lời Cung không phải là vu khống nhưng không có lòng trừng phạt Ký. Ký hận Cương lắm. Gặp lúc bọn giặc Trương Anh ở Quảng Lăng tụ tập hàng vạn người giết Thứ Sử Nhị Thiên Thạch, Ký muốn hại Cương, bèn khuyên Thương Thư lấy Cương làm Quảng Lăng Thái Thú; nếu (Cương) không bị Anh giết thì sẽ lấy quân pháp ra hãm hại. Tiên nhiệm Thái Thú trước đây thường xin thêm quân, khi Cương nhậm chức, vua hạ chiếu hỏi hiện tại binh mã có đủ hay không. Cương đáp rằng binh mã không dùng đến, rồi một mình một xe ra trấn nhậm, đến thẳng cửa trại của Anh, giảng giải (cho Anh) chuyện hoạ phúc. Anh lấy làm kinh hoảng, đóng cửa trại muốn bỏ chạy. Cương lại ở ngoài cửa trại sai giải tán hết quan binh, chỉ lưu lại bên mình hơn chục người thân tín, còn gửi thư báo với các vị trưởng lão là chỗ quen biết cũ đáng tin cậy của Anh, mời ra gặp mặt, để thăm hỏi về sự biến (ở địa phương) và nhân dịp chiêu an họ, rồi sai về mời Anh (ra gặp mặt). Anh thấy Cương có thành ý liền ra ngoài yết kiến Cương. Cương mời vào ngồi ghế trên, thăm hỏi những nỗi khổ đau phải chịu, nghi thức trọn vẹn rồi mới nói rằng: „Trước sau (đều do) Nhị Thiên Thạch làm nhiều điều sai trái với dân, ngăn cản ân huệ của nhà nước, mặc ý thoả mãn lòng riêng. Quận ta ở chốn xa xôi, Thiên Tử chẳng thể trong sớm tối mà biết chuyện, vì thế dân chúng phải tụ hội mà tránh hoạ. Nhị Thiên Thạch đúng là có tội lại làm cho các vị thành ra người bất nghĩa. Nay trung thần không làm việc khi quân để mưu lấy vẻ vang, hiếu tử chẳng mong làm hại cha để cầu lợi lộc. Thiên tử là bậc thánh nhân, những mong lấy ân tình hoà nhã phán xét vụ này, bởi vậy mới sai Thái Thú đến đây, có ý ban cho tước lộc để cùng an hưởng, không nghĩ đến việc phải dụng hình. Nay quả thật chuyện hoạ phúc quyết định chính ở lúc này đây; nếu các vị không chịu nghe lời phải trái, thiên oai nổi trận lôi đình, đại quân tụ hội, sao tránh được nguy nan! Nên nghĩ kỹ lẽ hoạ phúc vậy.” Anh nghe rồi khóc rằng: „(Tôi là) kẻ ngu dân ở chốn biên thùy hoang hoá xa xôi, bị Nhị Thiên Thạch hại oan, không chịu nổi khổ nạn tụ tập nên đành lén tụ tập mà sống trộm. Minh công khoan hậu thương đến cả cỏ cây, ân đức này ban cho bọn Anh một đời sống nữa, song chỉ sợ đến ngày đem binh về quy phục, không tránh khỏi tội lây đến vợ con.” Cương nói: „Sao lại như thế được! Hẹn trước đất trời, thề cùng nhật nguyệt, từ nay ngài đảm đương tước vị vẻ vang, làm gì có hoạ hoạ nào?” Anh nói: „Nếu được xá tội, giữ vững cái đầu trên cổ, trở thành người làm ruộng đã là hoài bão đời trên đời. Tước lộc không phải là ước mơ nguyện vọng của tôi vậy.” Anh tuy là đại tặc, nổi dậy trong bạo tàn hung dữ, vẫn tự nghĩ là phải chết, đến khi nghe được lời Cương hốt nhiên tỉnh ngộ. Bèn từ biệt trở về doanh trại. Hôm sau, liền đem bộ thuộc hơn vạn người, cùng vợ con đích thân chịu trời đến hàng Cương. Cương dẫn vào an ủi, lại cởi trói cả cho rồi nói với Anh rằng: „Ngài một sớm giải tán hết mọi người, cõi biên thùy thế là yên ả, đáng liệt danh tấu lên chúa thượng. Tất sẽ được phong thưởng.” Anh đáp: „(Tôi) xin trở về nghiệp cũ, chẳng muốn đem danh tiếng xấu xa làm vấy bẩn thời thịnh thế đâu.” Cương thấy

(Anh) có ý chân thành thì cũng thuận cho, tự mình coi sóc việc ổn định nhà cửa (cho Anh). Đệ tử (của Anh) ai muốn ra giúp việc quan thì tùy tài mà bổ dụng, ai muốn về làm dân thì khuyến khích theo nghề cày cấy. Nghiệp nông tang vườn ruộng đều thịnh vượng, một dải phía nam bình an vô sự. Luận công, Cương hy vọng kết liễu sự việc ở địa phương nên dấu kín công sức của mình, không muốn nhận phong hầu. Thiên tử khen ngợi thành tích, muốn vời về triều để sai khiến. Cương mang chức Thượng Thư, xin lưu lại quận hai năm. Năm Kiến Khang thứ nhất bị bệnh mất tại nhiệm sở, lúc ấy mới ba mươi sáu tuổi. Bọn Anh hơn ba trăm người đều chống gậy đưa linh cữu Cương đến tận Lạc Dương. Mai táng Cương xong còn xây đền trước mộ, bốn mùa cúng tế, tưởng niệm không khác gì cha mẹ qua đời. Thiên tử nhớ tiếc khôn nguôi, hạ chiếu ngợi khen, lại phong quan cho một con là Lang.

Tiên Chủ bình định Ích Châu, lĩnh chức Mục, Dục làm Thư tá. Cuối những năm Kiến An được cử làm Hiếu Liêm, huyện trưởng Giang Dương, sau chuyển làm Phù Lăng Lệnh rồi thăng làm Tử Đông Thái Thú lại chuyển sang Quảng Hán, Thục Quân làm Thái Thú. Năm Kiến Hưng thứ chín, làm Trù Hàng Đô đốc, Tuy Nam Trung lang tướng. Dục bản tính nghiêm trang giữ đúng pháp luật, không biết thân ái với phong tục tập quán địa phương, (để xảy ra việc) kỳ lão Lưu Trụ bội phản làm loạn. Dục cử binh phạt Trụ, chưa dẹp được thì gặp lúc bị triệu về triều. Thuộc hạ (của Dục) đầu nghĩ hay là tiện dịp ngay tức khắc nhanh chóng trở về để tránh gian khổ. Dục nói: "Không được. Ta làm Man di bạo động, không xứng giữ chức vụ nên bị triệu về. Song người kế nhiệm chưa tới, ta đang ở nơi chiến trường phải gánh vác lấy trách nhiệm, tích trữ vận trù lương thảo nghĩ cách phá giặc, sao có thể vì việc bị thu chức mà làm hỏng công vụ của quốc gia." Bèn cứ ở đó thống lĩnh chức vụ không hề trễ nải, người kế nhiệm đến nơi mới khởi hành. Mã Trung ngày sau nhờ vào cơ sở sẵn có (mà Dục chuẩn bị) dễ dàng tận phá được Trụ. Thừa Tướng Lượng nghe chuyện khen Dục là hay. Lượng ra đánh trận lấy Dục làm Tiền quân Đô đốc, lĩnh Phù Phong Thái Thú. Lượng chết, Dục được bái làm Tiền Lĩnh quân, lại luận công lao trong vụ phá Lưu Trụ khi trước mà được ban thêm tước Quan Nội hầu. Năm Diên Hi thứ nhất về triều làm Thượng Thư, dần dần chuyển đi giám sát quận Kiến Uy, được ban giả tiết, phong Đô Đình hầu, Chinh Tây đại tướng quân.

Năm Kiến Hưng thứ mười tám, theo Vệ tướng quân Khương Duy về Thành Đô. Duy bàn lại xuất quân, trên triều chỉ có Dục phản đối, cho rằng nước nhỏ dân mệt không nên lạm dụng chiến tranh nữa. Duy không nghe,

sai Dục cùng đi (đánh Ngụy), lại tiến cử Dục làm Trấn Nam Đại tướng quân. Duy đến Địch Đạo, đại phá Ung Châu Thứ Sử nước Ngụy là Vương Kinh. Quân Kinh chết ở Thao Thủy có đến hàng vạn. Dục bàn: "Nên dừng lại không tiến nữa, tiến thêm có thể phá mất công lớn vừa rồi." Duy vô cùng tức giận. Nói: "Vẽ rắn thêm chân." rồi lại vây Địch Đạo nhưng không phá nổi thành. Từ khi Dục có kiến giải khác, trong lòng Duy không thân thiết với Dục, nhưng luôn co kéo dẫn dắt Dục cùng hành sự. Dục cũng bất đắc dĩ mà qua lại. Năm Cảnh Diệu thứ hai, (Dục) thăng lên làm Tả Xa kị tướng quân, lĩnh Kị Châu Thứ Sử. Năm Cảnh Diệu thứ sáu, phụ giúp Khương Duy ở Kiếm Các, cùng đến hàng Chung Hội ở Phù Thành. Năm sau theo Chung Hội về đến Thành Đô, bị loạn quân giết chết.

***Hoa Dương quốc chí chép :** "Con Dục là Vi, đỗ chỉ hiệu học, quan đến Quảng Hán Thái Thú."*

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Đặng Vũ là khai quốc công thần thời Hán Quang Vũ.*
- (2) *Bàng Nghĩa người Nam Dương thủ lĩnh Đông Châu quân dưới trướng Lưu Chương, xem Lưu Chương thêm truyện.*
- (3) *Chi từng làm Thái Thú Quảng Hán nên gọi là sứ quân.*
- (4) *Kinh Châu, Dương Châu, Ích Châu và (một phần) Lương Châu.*
- (5) *Trường Giang, Ngô Tùng, Tiên Đường.*
- (6) *Ý nói bắt làm con tin.*
- (7) *Nguyên văn: 遺預大珠一斛: di dự đại châu nhất hộc.*
- (8) *Ân: Nhà Ân là triều đại đầu tiên được công nhận về mặt lịch sử của Trung quốc, khởi đầu là một chư hầu nhỏ nằm ở phía tây sông Vị của nhà Hạ, sau kiêm tính cả nước.*
- (9) *Chu: Nhà Chu, triều đại tiếp sau nhà Ân, khởi đầu cũng là một chư hầu nhỏ nằm ở phía tây của nhà Ân.*
- (10) *Tân: Chỉ nhà Tân, gồm thâu thiên hạ nhưng chẳng bao lâu bị diệt vong.*
- (11) *Hạng: Chỉ Hạng Võ.*
- (12) *Nước Tân phá vỡ các liên minh cuối thời Đông Chu thống nhất Trung Quốc.*
- (13) *Hiêu: Thủ lĩnh cát cứ khu vực Lũng Tây, đông nam Cam Túc thời Vương Mãng, liên minh với Công Tôn Thuật ở Thục.*
- (14) *Thuật: Công Tôn Thuật thủ lĩnh cát cứ đất Thục cuối thời Vương Mãng.*
- (15) *Quang Vũ: Hán Quang Vũ đế sáng tổ Hoàng đế nhà Đông Hán.*
- (16) *Trình Kỳ: Thời Lưu Chương làm huyện trưởng ở Hán Xương, thời Lưu Bị làm Tòng Sự Tể Tể, theo Lưu Bị đông chinh đánh Ngô, chết trong*

trận Hào Đình.

(17). *Dương Thái: Chưa tra được sự tích nhân vật này.*

(18). *Bình Dương (): Lấy ý Công Bình Duẩn Dương nghĩa là phán xét công bằng.*

(19). *Chức Chủ Bộ: Phó Chủ Bộ, chưởng quản văn thư.*

(20). *Thượng Thư Hữu Tuyển Bộ Lang: Quan viên lo văn thư trong phủ Thượng Thư đảm nhiệm chức vụ được một năm gọi là (Thượng Thư) Lang. Hữu Tuyển Bộ tương đương Bộ Lại, chuyên về tuyển dụng, bộ nhiệm quan chức.*

(21). *Ý nói đi nghỉ*

(22). *Gia triều: Chỉ nước Thục đã bị diệt.*

(23). *Chim quạ tư tình: Ô điều tư tình, quạ non biết mớm mồi cho quạ già, vì vậy đạo hiếu được nói đến một cách tự khiêm là tình nghĩa của loài chim quạ.*

(24). *Đại Trung Chính: Chức danh, thời Ngũ Tắc đặt ra ở các châu, có trách nhiệm phát hiện nhân tài.*

(25). *Tuân Úc: Tự Công Tăng, người Dĩnh Xuyên, danh thần Tây Tấn. Trước làm Đại tướng quân Duyệt cho Tào Sảng. Sau cùng Bùi Tú, Dương Hổ trở thành thân tín của Tự Mã Chiêu. Sau khi nhà Tấn thành lập, cùng Giả Sung xây dựng hình pháp, lại cùng Trương Hoa, Lưu Hương chính lý tàng thư trong nội cung.*

(26). *Trương Hoa: (232 - 300) Tự Mâu Thiên, người ở Phương Thành thuộc Phạm Dương, danh thần Tây Tấn, đứng đầu phe chủ chiến, có công khuyên nhủ Tấn Vũ Đế hạ quyết tâm phạt Ngô. Được coi là người cùng Dương Hổ phác thảo kế hoạch để thống nhất Trung Quốc thời bấy giờ, sau bị các đại thần phe chủ hoà (tiêu biểu là Giả Sung) dèm pha, thất sủng, chết trong Bát Vương chi loạn.*

(27). *Quý Hán Phụ Thân Tán: Quý ở đây có nghĩa là cuối, như Quý Thu, Quý Xuân.*

(28). *Ở đây là tác giả Trần Thọ.*

(29). *Mạnh Tân: Bến Mạnh Tân là nơi Chu Vũ Vương dựng cờ nghĩa tụ hội tám trăm chư hầu đi đánh Trụ.*

(30) Minh Điều: Đồng Minh Điều là nơi diễn ra trận đánh quyết định để vua Thành Thang nhà Thương lật đổ Hạ Kiệt. Cả câu này ý nói quân nhân nghĩa của Thục Hán vẫn chưa hoàn thành công nghiệp.

(31) Lưu Bị được coi là dòng dõi Trung Sơn Tĩnh Vương.

(32) Tam Tân: Hạng Vũ diệt Tân, phong Chương Hàm làm Ung Vương, Tư Mã Hân làm Tắc Vương, Đổng Ế làm Định Vương, gọi chung là Tam Tân. Đời sau thay đổi gọi Thiểm Bắc, Quan Trung, Thiểm Nam là Tam Tân đây là địa bàn của Mã Siêu.

(33) Đồng, Hà: Đồng Quan, Hoàng Hà.

(34) Đỗ Phụ Quốc: Thục thư quyển 10 có truyện của nhân vật Đỗ Vi, làm Giám Nghị Đại Phu nhưng tự là Quốc Phụ, chắc là do chép nhầm từ nguyên bản.

(35) Bích Cát: Tể Tướng thời Hán Tuyên Đế.

(36) Trần Bình: Khai quốc công thần thời Hán Cao Tổ, Tể Tướng thời Hán Văn Đế.

(37) Phí Dao: Trong Tam Quốc diễn nghĩa nhân vật này được dịch tên là Phí Diệu.

(38) Bộc: Một dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, sống ở vùng Hồ Nam ngày nay.

(39) Chấn Uy: Chỉ Lưu Chương, lúc trước được Tào Tháo phong Chấn Uy tướng quân.

(40) Lộc, Hoắc, Vũ: Hoắc chắc là Hoắc Quang, còn hai vị kia chưa biết là ai.

(41) Hiếu Tuyên: Em chưa rõ là ai.

(42) Ngũ Đại: Lấy từ tích Ngũ Đại bất tại biên, ngũ Tể bất tại đình trong Tả Truyện. Trong đó Ngũ Đại gồm Thái Tử, em mẹ, quý sủng công tử, công tôn, chánh khanh đại thần. Ý cả câu nói không có người thân thuộc tin cậy để phòng Lượng.

(43) Hê Quan: Nguyên văn cả câu: 后没入奚官 Hậu một nhập hê quan, không rõ có phải là nghề ca hát làm hê không?

(44) Bộ Khúc: Một hình thức quân đội thời Tam Quốc được hình thành từ họ hàng, môn khách, nông nô. Thời bình canh tác, bảo đảm trị an. Thời

chiến đi đánh trận. Tương tự như gia binh. Đôi khi hoạt động độc lập với quân đội chính quy của trung ương.

(45) Nhạc Dương: Người nước Trung Sơn, làm tướng nước Ngụy, con vẫn ở quê nhà. Nước Trung Sơn đánh nước Ngụy, Nhạc Dương được cử ra chống cự. Vua Trung Sơn đem tính mạng con Nhạc Dương ra uy hiếp không được, bèn giết con Nhạc Dương, nấu canh gửi đến. Nhạc Dương uông canh thịt con tỏ lòng trung rồi đánh bại quân Trung Sơn.

(46) Hai bố con ông này cùng tên là Kỳ. Bố là Kỳ với nghĩa Kỳ trong Kinh Kỳ, con là Kỳ với nghĩa Kỳ trong Kỳ Hàn - rét lớn.



GIỚI THIỆU

Tam quốc chí là một sử liệu chính thức và có căn cứ về thời đại Tam Quốc của Trung Quốc từ năm 189 đến năm 280, do Trần Thọ biên soạn vào thế kỷ thứ 3. Tác phẩm này hình thành từ các mẫu chuyện nhỏ kể về các nước Ngụy, Thục và Ngô của thời đại này, đồng thời là nền tảng cho cuốn tiểu thuyết lịch sử rất phổ biến là Tam quốc diễn nghĩa được viết vào thế kỷ 14.

Trần Thọ từng làm quan cho nhà Thục Hán, sau khi Thục Hán diệt vong đến Lạc Dương làm quan cho nhà Tây Tấn. Trần Thọ đã dựa vào các sử liệu cơ bản như Ngụy thư của Vương Thâm, Ngụy lược của Ngự Hoạn, Ngô thư của Vi Chiêu... để viết Tam quốc chí, thuật lại lịch sử Trung Quốc từ khởi nghĩa Khăn Vàng vào cuối thời Đông Hán đến khi Tây Tấn thống nhất Trung Quốc, tức từ năm Trung Bình thứ nhất đời Hán Linh Đế (184) đến năm Thái Khang thứ nhất đời Tấn Vũ Đế (280). Tam quốc chí được chia làm 4 phần gồm 66 quyển: Ngụy quốc chí 30 quyển, Thục quốc chí 15 quyển, Ngô quốc chí 20 quyển, ngoài ra còn có 1 quyển Tự lục (lời tựa) nhưng đến nay đã bị thất truyền. Lúc đầu ba tác phẩm Ngụy chí, Thục chí và Ngô chí tồn tại riêng rẽ, đến năm Hàm Bình thứ 6 thời Bắc Tống (1003) hợp nhất đổi tên thành Tam quốc chí.

Trần Thọ là quan nhà Tấn, do đó phải lấy triều đại đã nhường ngôi cho Tấn là Tào Ngụy làm chính thống.

Ngụy chí xếp các Hoàng đế nhà Ngụy vào bản kỷ, Tào Tháo tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi Hoàng đế nhưng cũng được xếp vào bản kỷ. Có 4 quyển bản kỷ là Vũ Đế kỷ (Tào Tháo), Văn Đế kỷ (Tào Phi), Minh Đế kỷ (Tào Duệ) và Tam Thiếu Đế kỷ (Tào Phương, Tào Mao và Tào Hoán). Các văn thư nói về việc các vua Ngụy xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đầu không chép (ngoại trừ chiếu nhường ngôi của Hán

Hiển Đế - Hán Hiến Đế thiện nhượng sách văn, các văn thư khác chỉ do Bùi Tùng Chi chú thích).

Thực chí xếp Lưu Bị vào liệt truyện tức Tiên chủ truyện (mặc dù Lưu Bị xưng đế), không gọi trực tiếp tên húy, khi chết dùng chữ bằng ngang địa vị với chữ t ồ. Các văn thư nói về việc Lưu Bị xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đầu chếp đầy đủ (có thể do tình lưu luyện với cố quốc). Hoàng đế thứ hai nhà Thục Hán là Lưu Thiện được xếp vào Hậu chủ truyện.

Ngô chí trong nguyên bản gọi thẳng tên húy các vua Đông Ngô như Tôn Quyền truyện, Tôn Lượng Tôn Hưu Tôn Hạo truyện; cách gọi hiện nay Ngô chủ truyện, Tam tự chủ truyện là do người đời sau sửa lại. Trong phần Ngô chủ truyện có chếp Nam giao tức Hoàng đế vị nói về việc Tôn Quyền tuyên bố xưng đế, còn văn thư đăng đàn tế cáo trời đất thì không chếp, chỉ có trong phần chú thích của Bùi Tùng Chi.

Đồng thời để tôn trọng sự thống trị của nhà Tấn, Tam quốc chí không viết liệt truyện về các nhân vật Tư Mã Ý, Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu (do được Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm truy đặt thụy hiệu). Ngoài ra, tác giả cũng lược bỏ nguyên nhân Tào Tháo xử tử nhân vật Khổng Dung.

Vào thời Đông Hán, sử học tiếp nhận ảnh hưởng từ trào lưu đơn giản hóa của kinh học nên xuất hiện trào lưu giản lược hóa các tài liệu lịch sử. Trong bối cảnh đó, đã xuất hiện Tam quốc chí của Trần Thọ với nội dung giản lược về thời đại Tam quốc. Sau khi Trần Thọ mất hơn trăm năm, nhiều sử liệu về thời Tam quốc xuất hiện, Tống Văn Đế thời Nam-Bắc triều thấy nội dung của Tam quốc chí quá sơ lược nên đã ra lệnh cho Bùi Tùng Chi chú thích. Bùi Tùng Chi đã tập hợp các sử liệu để bổ sung các phần mà Tam quốc chí không chếp hoặc chếp thiếu bằng 6 phương pháp:

1. Dẫn lời bàn luận của nhiều tác gia khác nhau để phân định phải trái.
2. Tham khảo ý kiến của nhiều tác gia khác nhau để xét chân giả, thực hư.
3. Sự việc trong các truyện đầu kể rõ mọi đầu đuôi, uẩn khúc.
4. Bổ sung các sự việc còn thiếu cho các truyện.
5. Kể rõ cuộc đời của các nhân vật trong các truyện.
6. Phụ thêm các nhân vật còn thiếu cho các truyện.

Theo thống kê của một số học giả, thì số tư liệu mà Bùi Tùng Chi dùng để chú giải Tam quốc chí là khoảng 240 loại, gấp 3 lần so với nguyên bản Tam quốc chí. Mã Niệm Tổ trong tác phẩm Thủy kinh chú đăng bát chủng cổ tịch dẫn dụng thư mục vị biên cho rằng số tư liệu mà Bùi Tùng Chi sử dụng là 203 loại. Hiện nay, theo thống kê bản hiệu đính Tam quốc chí tại Trung Hoa thư cục đã phát hiện phần chính văn của Trần Thọ có 366657 chữ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi có 320799 chữ. Tống Văn Đê đương thời gọi công việc chú thích của Bùi Tùng Chi là “bất hủ”. Các sử gia đời sau như Tư Mã Quang (thời Bắc Tống) khi biên soạn Tư trị thông giám đã tổng hợp các truyện ký trong Tam quốc chí của Trần Thọ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi để miêu tả trận chiến Xích Bích.

Bản Tam quốc chí do Bùi Tùng Chi chú thích là bản thông dụng nhất hiện nay, còn gọi là **Trần chí, Bùi chú**.

Không thể phủ nhận được rằng, những sự kiện lịch sử thời Tam Quốc cùng với các nhân vật của nó trở nên sống động, lưu truyền rộng rãi và có ảnh hưởng sâu đậm ở khu vực châu Á một phần là nhờ ở bộ tiểu thuyết Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung. Tuy nhiên cũng phải công nhận là thời đại Tam Quốc với những biến cố long trời lở đất giống như một cái bản lề, xoay chuyển xã hội Trung Quốc từ thịnh trị của đời Hán sang hỗn loạn của những Bát vương chi loạn, Ngũ Hồ loạn Hoa, Thập Lục quốc. Rất nhiều nguyên nhân của cả thịnh trị lẫn loạn lạc này để lại dấu vết trong thời đại Tam Quốc và được ghi lại trong Tam Quốc chí chú. Như vậy có thể nói Tam Quốc chí chú là một sử liệu hiếm hoi có cả sức cuốn hút lẫn giá trị khảo cứu cao.

NGÔ THƯ QUYÊN 1 - TÔN PHÁ LỖ THẢO NGHỊCH TRUYỆN

TRUYỆN PHÁ LỖ TÔN KIÊN

Tôn Kiên tự Văn Đài, người huyện Phú Xuân thuộc Ngô Quận, đại khái là dòng dõi Tôn Vũ vậy.

Ngô thư viết: Kiên nhận chức ở đất Ngô, nhà ở Phú Xuân, táng ở Đông Thành, trên mộ có ánh sáng lạ, dải mây năm màu bay lên liên trời, dài đến mấy dặm. Dân đều đứng trông xem. Phụ lão bảo nhau nói: “Không phải là khí tâm thường, họ Tôn tất nổi dậy”! Lúc mẹ Kiên mang thai Kiên, nằm mơ thấy ruột xổ ra vây quanh cửa Ngô Xương, thức dậy mà sợ hãi, đem việc này nói với người mẹ xung quanh. Người mẹ xung quanh nói: “Sao biết không phải điềm lành”.

Kiên sinh, dáng vẻ không phải tầm thường, tính khí rộng rãi, có khí tiết kì lạ. Lúc nhỏ làm quan huyện. Năm mười bảy tuổi, cùng cha đi thuyền đến Tiền Đường, gặp giặc biển là bọn Hồ Ngọc từ trên Bào Lí cướp tài vật của nhà buôn, sắp đến trên bờ chia ra, người đi đường đều dừng lại, thuyền không dám đi. Kiên bảo cha nói: “Giặc này đánh được, xin đánh chúng”. Cha nói: “Không phải việc của người làm”. Kiên liền cầm đao lên bờ, lấy tay chỉ trở sang đông sang tây rồi chia người đem lưới để trùm bọn giặc. Giặc từ xa thấy, cho là quan quân đến bắt chúng, liền vứt bỏ tài vật tan chạy. Kiên đuổi, chém được một thủ cấp đem về cha cả kinh. Do đó tiếng tăm vang dội, gọi đến làm Giả úy. Giặc yêu quận Cối Kê là Hứa Xương nổi dậy ở huyện Câu Chương, tự xưng là Âm Minh Hoàng Đế,

Linh Đế kỉ viết: Xương dùng cha mình làm Việt Vương.

cùng con mình là Chiêu làm loạn các huyện, quân đến mấy vạn. Kiên làm Tư mã của quận chiêu nạp kẻ dũng mãnh được hơn nghìn người, cùng châu quận hợp đánh phá chúng. Năm đó là năm Hi Bình thứ nhất vậy. Thứ sử Tang Mân xét công hàng đầu, chiếu thư phong Kiên làm Diêm Độc Thừa, được mấy năm chuyển làm Hu Di Thừa, lại chuyển làm Hạ Bì Thừa.

Giang Biều truyện viết: Kiên qua giúp ba huyện, chỗ đi qua đều có tiếng tốt, quan dân nường dựa. Người quen cũ trong làng, người nhỏ tuổi ham việc, qua lại thường đến mấy trăm người, Kiên vỗ về thu nạp xem như con em.

Năm Trung Bình thứ nhất, tướng giặc Khăn vàng là Trương Giác nổi dậy ở Ngụy Quận, mượn tiếng thần linh, sai tám sứ giả giỏi đạo để giáo hóa thiên hạ, lại ngậm liên kết cùng nhau, tự xưng là Hoàng Thiên Thái Bình. Ngày giáp tí tháng ba, ba mươi sáu vùng cùng phát động trong một ngày, thiên hạ hưởng ứng, thiêu đốt quận huyện, giết hại trưởng lại.

Hiển Đế Xuân thu viết: Giác xưng là Thiên công Tướng quân, em Giác là Bảo xưng là Địa công Tướng quân, em Bảo là Lương xưng là Nhân công Tướng quân.

Nhà Hán sai Xa kị Tướng quân Hoàng Phủ Tung, Trung lang tướng Chu Tuấn đem quân đánh dẹp chúng. Tuấn dâng biểu xin lấy Kiên làm Tá quân Tư mã, bọn trẻ trong làng tại Hạ Bì đều nguyện đi theo. Kiên lại mộ bọn khách buôn cùng quân tinh nhuệ của vùng Hoài, Tứ, hợp lại hơn nghìn người, cùng Tuấn gắng sức đánh, có chỗ không tiến được.

Ngô thư viết: Kiên thừa thắng vào sâu, ở Tây Hoa không được lợi, Kiên bị thương rơi xuống ngựa, nằm trong đồng cỏ, quân sĩ tan rã, không biết Kiên ở đâu. Con ngựa xám mà Kiên cưỡi chạy nhanh về trại, dẫm đất hí vang, tướng sĩ theo ngựa đến trong đồng cỏ thấy Kiên. Kiên về trại mấy chục ngày, vết thương khỏi dần, bèn lại ra đánh.

Giặc Nhữ Nam, Dĩnh Xuyên khốn bức, chạy về giữ Uyển Thành. Kiên tự thân đánh một mặt, trèo thành vào trước, quân đi theo sau, bèn đại phá giặc. Tuấn đem kể hết công báo lên Nhà vua, bái Kiên làm Biệt bộ Tư mã.

Tục Hán thư viết: Tuấn tự Công Vĩ, người Cối Kê, thuở nhỏ ham học, làm Công tào trong quận, xét hiệu liêm, chọn dâng kẻ sĩ. Nhà Hán đánh giặc Khăn vàng bái làm Xa kị Tướng quân, lại chuyển làm Hà Nam Doãn. Đồng Trác gặp Tuấn, bề ngoài rất thân thiết nhưng lòng nghi kị Tuấn, Tuấn cũng ngầm phòng bị. Quan Quan Đông nổi dậy, Trác bàn dời đô, Tuấn liền ngăn Trác. Trác dẫu e dè Tuấn nhưng ham sự trọng vọng của Tuấn, bèn dâng biểu xin bái làm Thái phó để tự giúp nhau. Tuấn được mời nhưng không chịu nhận phong, nhân đó khuyên nói: “Nước không nên dời đô, tất phụ lòng trông đợi của thiên hạ, khiến cho vùng Sơn Đông liên kết, thần không cho là nên làm”. Quan Hữu ti gạn hỏi nói: “Gọi ông nhận phong mà ông chống lại, không hỏi việc dời đô mà ông tự kể ra, sao vậy”? Tuấn nói: “Giúp Tướng quốc là việc mà thần không làm được. Không bày kế dời đô là việc gấp của thần vậy. Nói rõ điều mà thần không làm, là điều mà thần làm gấp, đây là điều mà thần cần làm”. Quan Hữu ti nói: “Việc dời đô, lúc đầu không tính đến, nếu có thì chưa để lộ, nghe được từ đâu”? Tuấn nói: “Tướng quốc Đồng Trác nói với thần, thần nghe được từ Tướng quốc”. Quan Hữu ti không bắt bẻ được, triều đình khen ngợi Tuấn. Sau làm Thái úy. Lí Thôi,

Quách Dĩ đánh nhau, cướp bắt Thiên tử và Công khanh làm tin, tính Tuấn ngay thẳng, liền phát bệnh mà chết.

Biên Chương, Hàn Toại làm loạn ở Lương Châu. Trung lang tướng Đồng Trác đánh ngăn không được. Năm Trung Bình thứ ba, sai Tư không Trương Ôn làm Xa kị Tướng quân đến phía tây đánh bọn Chương. Ôn dâng biểu xin dùng Kiên cùng tham dựa việc quân, đóng quân ở Trường An. Ôn lấy chiếu thư gọi Trác, Trác rất lâu sau mới đến chỗ Ôn. Ôn trách mắng Trác, Trác đối đáp không được. Bấy giờ Kiên đang ngủ, đến bảo nhỏ bên tai Ôn nói: “Trác không sợ tội lại như cú kêu tiếng to cho nên gọi mà không đến đúng lúc, nên dùng luật quân mà chém hắn”. Ôn nói: “Trác vốn có tiếng tốt ở vùng Lũng Thục, ngày nay giết hắn, đi về phía tây không có chỗ dựa”. Kiên nói: “Minh công tự thân thống lĩnh quân sĩ, uy trù thiên hạ, sao chỉ cậy vào Trác? Xem lời mà Trác nói thì không dựa vào mình công mà lại khinh Nhà vua, không có lễ phép, là một tội. Chương, Toại dày xéo nhiều năm, nên hẹn đúng lúc đến đánh mà Trác nói là chưa nên, ngăn quân cản lính, là hai tội. Trác chịu mệnh mà không chịu lập công, được gọi đến mà ngưng trệ, lại ngang ngạnh kiêu ngạo, là ba tội. Tướng giỏi thời xưa, cần kích búa xua quân, chưa có ai không dám chém để ra oai, cho nên Nhượng Tư chém Trang Cổ, Ngụy Chung giết Dương Can vậy, nay minh công tha cho Trác, nếu không giết hắn, đó là tổn hại hình luật oai nghiêm”. Ôn không nỡ ra tay, lại nói: “Ông sắp về, Trác sẽ là người nghi ngờ”. Kiên nhân đó đi ra. Chương, Toại nghe đại quân hướng đến, quân đảng tan rã, đều xin hàng. Quân về, người bàn cho là quân chưa gặp địch, không được thưởng công, nhưng nghe nói Kiên kể ba tội của Trác, khuyên Ôn chém hắn, không ai không than thở. Bái Kiên làm Nghị lang. Bấy giờ giặc Trương An là Khu Tinh tự xưng là Tướng quân, quân hơn vạn người, đánh vây thành ấp, bèn lấy Kiên làm Trường Sa Thái thú, đến quận tự thống lĩnh tướng sĩ, sắp đặt sách lược, trong vòng một tháng đánh thắng bọn Tinh.

Ngụy lược viết: Kiên đến quận, trong quân sợ phục, chọn dùng quan tốt. Lệnh bọn quan nói: “Phải chăm làm việc thiện, sửa lại văn thư của phủ quan tất sẽ trị tốt, bắt được giặc cướp nạp cho Thái thú”.

Chu Trì ầu, Quách Thạch cũng đem quân đảng nổi dậy ở Linh Lăng, Quế Dương, cùng Tinh giúp nhau. Bèn ra quận đến đánh, ba quận được yên. Nhà Hán ghi công trước sau, phong Kiên làm Ô Trình Hầu.

Ngô lục viết: Bấy giờ Lư Giang Thái thú Lục Khang sai con làm Nghi Xuân Trưởng, bị giặc đánh, sai sứ cầu cứu với Kiên. Kiên nhanh chóng cứu hấn. Chủ bạ can ngăn, Kiên đáp nói: “Thái thú không phải dùng văn trị, mà là lấy việc đánh dẹp lập công, ra quận đánh dẹp là để giữ vững quận khác. Lấy đó mà bắt tội thì có gì thẹn với trong nước”? Bèn đem quân đến cứu, giặc nghe tin mà chạy trốn.

Linh Đế băng, Trác tự ý nắm triều chính, làm loạn kinh thành. Các châu quận cùng dấy quân nghĩa, muốn đến đánh Trác.

Giang Biều truyện viết: Kiên nghe tin, vỗ ngực than nói: “Trương Công trước nghe theo lời ta thì triều đình nay không có nạn này”.

Kiên cũng dấy binh, Kinh Châu Thứ sử Vương Duệ vốn đối đãi Kiên không có lễ phép, Kiên đi qua giết hấn.

Xét Vương thị phổ nói rằng Duệ tự Thông Diệu, là bác của Thái bảo Vương Phù nhà Tấn vậy.

Ngô lục viết: Duệ trước cùng Kiên đi đánh giặc ở Linh Lăng, Quế Dương, vì Kiên là quan võ, nói lời khinh thường Kiên. Lúc Duệ dấy binh muốn đánh Trác, vốn không cùng Vũ Lăng Thái thú Tào Dân làm việc được với nhau, nói rằng nên giết Dân trước. Dân sợ, làm giả hịch của sứ giả là Quang lộc Đại phu Ôn Nghị đem đến cho Kiên, nói rằng Duệ làm lỗi, lệnh bắt lấy, xử phạt xong thì đem việc kể lên Nhà vua. Kiên liền theo hịch đem quân đánh úp Duệ. Duệ nghe tin quân đến, trèo lên lầu nhìn từ xa, sai người muốn đến hỏi vì sao, tiền bộ của Kiên đáp nói: “Quân đánh lâu ngày mệt mỏi, vật tặng thưởng không đủ để làm quân áo, đến gặp Sứ quân để xin thêm tài vật thôi”. Duệ nói: “Thứ sử há hẹp hòi sao”? Sai mở kho tàng, sai tự vào xem, biết rằng không có cái viết đi, quân đến kịp dưới lầu, Duệ thấy Kiên, sợ nói: “Quân tự xin thưởng, Tôn Phủ quân sao lại ở trong đó”? Kiên nói: “Nghe theo hịch của sứ giả đến đánh ông”. Duệ nói: “Ta có tội gì”? Kiên nói: “Không biết tội gì”. Duệ bị ép cùng, cắt vàng ngâm trong miệng mà chết.

Sắp đến Nam Dương, quân vài vạn người. Nam Dương Thái thú Trương Tư nghe tin quân đến, rất lấy làm vui.

Anh hùng kí viết: Tư tự Tử Nghị, người Dĩnh Xuyên, cũng nổi danh.

Hiển Đế Xuân thu viết: Viên Thuật dâng biểu cử Kiên làm Trung lang tướng. Kiên đến Nam Dương, đem hịch đến chỗ Thái thú xin lương quân. Tư hỏi kế Cương Kỉ, Cương Kỉ nói: “Kiên có hai nghìn thạch lương của các quân quanh quanh, không nên cấp phát”. Tư bèn không cho.

Kiên đem trâu rượu đãi Tư, hôm sau Tư cũng gửi thư đến chỗ Kiên. Rượu xong, Trương Sa Chủ bạ vào bảo Kiên nói: “Trước gửi thư đến Nam Dương, nhưng không sửa đường lối, đồ dùng quân sĩ không đủ, xin bắt lấy

quan Chủ bạ xét hỏi nguyên nhân”. Tư cả sợ muốn bỏ đi, quân bày trận bốn phía không ra được. Chốc lát, Chủ bạ lại vào bảo Kiên nói: “Nam Dương Thái thú ngưng trễ quân nghĩa, khiến cho không đánh giặc đúng lúc, xin bắt lấy xét theo luật quân xử phạt”. Bèn bắt Tư đến cửa quân chém Tư. Trong quận sợ phục, không có gì xin là không được.

Ngô lịch viết: Lúc trước Kiên đến Nam Dương, Tư đã không cấp lương quân, lại không chịu gặp Kiên. Kiên muốn tiến quân, sợ có hại mặt sau, bèn giả làm bệnh nặng, toàn quân lo lắng, đi gọi thầy thuốc, cúng tế sông núi. Sai người thân thuyết phục Tư, nói là bệnh khốn, muốn đem quân đánh Tư. Tư nghe tin, lòng nghĩ quân mình được lợi, liền đem năm trăm quân bộ kỵ đến trại thăm Kiên. Kiên nằm cùng gặp nhau. Không lâu, chợt nhiên vùng dậy, cầm kiếm mắng Tư, rồi bắt chém Tư, lời này so với truyện gốc không giống.

Đi trước đến Lỗ Dương, gặp nhau với Viên Thuật. Thuật dâng biểu xin lấy Kiên làm Phá lỗ Tướng quân, lĩnh chức Duyệt Châu Thứ sử. Rồi luyện quân ở thành Lỗ Dương. Lúc ấy đem quân đánh Trác, sai Trưởng sử Công Cừu Xưng đem quân cùng Tông sự về châu thúc dục lương quân. Bày màn trướng ở ngoài cửa đông thành, giữa đường tiến tổng Xưng, tụ hội quan thuộc. Trác sai mấy vạn quân bộ kỵ chặn Kiên, mấy chục quân khinh kỵ đến trước. Kiên đang uống rượu cười nói, sai thuộc hạ sửa sang thế trận, không được đánh bừa. Quân kỵ theo sau thêm dần, Kiên thông thả rời chỗ ngồi, dẫn quân vào thành, bèn bảo tả hữu nói: “Lúc đầu Kiên này không nghĩ ngay dậy là vì sợ quân ta xô lẫn nhau, các ông không được vào”. Quân của Trác thấy quân sĩ của Kiên rất nghiêm, không dám đánh thành, lại dẫn quân về.

Anh hùng kí viết: Lúc đầu Kiên đánh Đồng Trác, đến phía nam đây Dương Nhân thuộc huyện Lương. Trác cũng sai năm nghìn quân bộ kỵ chặn Kiên. Trần Quận Thái thú Hồ Chấn làm Đại đốc hộ, Lữ Bố làm Kỵ đốc, quân kỵ bộ còn lại đều theo Đô đốc rất đông. Chấn tự Văn Tài, tính nóng nảy, cùng mưu tính nói: “Lân đi này phải chém được một tên đeo dải xanh mới sửa sang được”. Các tướng nghe nói mà sợ Chấn. Quân đến Quảng Thành, cách thành Dương Nhân mấy chục dặm. Chiều tối, quân mã mỗi mệt, phải nghỉ lại, lại nhận lệnh của Trác nghỉ ở Quảng Thành, cho ngựa ăn uống, đến đêm tiến quân, sắp sửa đánh thành. Các tướng sợ hãi Chấn, muốn làm hồng mưu của Chấn, bọn Lữ Bố truyền nói: “Giặc trong thành Dương Nhân đã chạy, nên đuổi bắt chúng; không được để mất chúng”, liền buổi đêm tiến quân. Trong thành phòng giữ đã vững, không thể đánh úp. Do đó quan quân đói khát, người ngựa mỗi mệt, đến giữa đêm, lại không có hào lũy, cởi giáp nghỉ ngơi, mà Bố lại nói lời kinh đông, nói: “Giặc trong thành lại đến”. Quân sĩ tan vỡ trốn chạy, đều vứt giáp, cung tên, yên

ngựa. Chạy được hơn mười dặm, dừng lại không thấy giặc. Lúc trời sáng, quay về, thu thập binh khí, muốn đến đánh thành. Trong thành giữ đã vững, hào lũy đã sâu, bọn Chấn không đánh được mà về.

Kiên đến đóng quân ở phía đông huyện Lương, nhiều lần bị quân Trác đánh, Kiên cùng mấy chục quân kị phá vây mà ra. Kiên thường đội khăn len đỏ, bèn bỏ khăn đỏ lệnh tướng thân cận là Tổ Mậu đội khăn. Quân kị của Trác tranh đuổi theo Mậu, cho nên Kiên nhân đó mở đường chạy thoát. Mậu bị khốn bức, xuống ngựa, lấy khăn treo lên giữa cây cột cháy giữa gò đất, rồi nấp trong đồng cỏ. Quân kị của Trác từ xa thấy, vây quanh mấy vòng, đến gần thấy là cây cột, bèn bỏ đi. Kiên lại thu lại quân sĩ, cùng đánh ở Dương Nhân, đại phá quân của Trác, treo đầu bọn Bộ đốc Hoa Hùng. Bấy giờ, có người li gián Kiên với Thuật, Thuật sinh nghi, không chở lương quân.

Giang Biều truyện viết : Có người báo Thuật nói: “Nếu Kiên chiếm lấy đất Lạc thì không thể ngăn được nữa. Đây là giúp sói mà gắp hổ vậy”. Cho nên Thuật ngờ Kiên.

Dương Nhân cách Lỗ Dương hơn trăm dặm, Kiên buổi đêm ruổi ngựa đến gặp Thuật, vẽ thế đất bày kế nói: “Dẫn thân mình không tiếc, trên vì nước nhà mà đánh giặc, dưới cảm kích người nhà của Tướng quân mà đền đáp. Kiên với Trác không có tình máu thịt, nhưng Tướng quân lại nghe theo lời gièm pha, vẫn còn hiềm nghi sao”!

Giang Biều truyện chép lời của Kiên nói: “Dẫu công lớn bao trùm nhưng lương quân không được cấp liên, đó đó Ngô Khởi phải kêu khóc ở Tây Hà, Nhạc Nghị phải đói hận ở Thùy Thành vậy. Mong Tướng quân xét kỹ việc này”.

Thuật nghĩ ra, liềm chuyển chở lương quân. Kiên về trại. Trác sợ sự khỏe mạnh của Kiên, lại sai tướng là bọn Lí Thôi đến xin hòa thân, sắp đặt con em của Kiên giữ chức Thứ sử, Quận thú, hứa sẽ dâng biểu xin dùng họ. Kiên nói: “Trác trái trời vô đạo, làm đổ nhà vua, nay không giết ba họ nhà ngươi, treo đầu cho bốn cõi biết, thì ta chết không nhắm được mắt, há lại cùng người hòa thân ư”? Lại đem quân đến Đại Cốc, cách đất Lạc chín mươi dặm.

Sơn Âm Công tái kí viết: “Trác bảo Trưởng sử Lưu Ngải nói: “Quân Quan Đông thua nhiều lần rồi, đều sợ ta, không làm được gì đâu. Chỉ có Tôn Kiên cứng mạnh, lại biết dùng người, phải bảo các tướng, sai phải e dè hắn. Xưa ta cùng Chu Thận đánh phương tây, Thận vây Biên, Hàn ở Kim Thành. Ta bảo Trương Ôn xin dẫn quân tướng trú ở sau của Thận. Ôn không nghe. Ta bấy giờ

dâng thư lên Nhà vua kể rõ hình thế, biết rằng Thận không đánh thắng được. Xưa nay đầu đuôi. Việc chưa nói rõ, Ôn lại sai ta đánh giặc Khương làm phản ở huyện Tiên Linh, cho rằng một trận là dẹp bằng phương tây. Ta đều biết là không được nhưng không thể ngăn, bèn đi, lưu Biệt bộ Tư mã Lưu Tịnh ở lại đem bốn nghìn quân kị đóng trại ở An Định để làm thanh viện. Bọn giặc Khương chạy về, muốn chặn đường cũ, ta lên đánh mới mở được, sợ rằng An Định có việc quân vậy. Giặc nói là An Định đang có mấy vạn người, không chỉ có Tịnh vậy. Bấy giờ lại gửi thư tấu sự việc, mà Tôn Kiên lại đi theo Chu Thận, bảo Thận xin đem vạn quân đến Kim Thành, sai Thận đem hai vạn quân trú ở sau. Biên, Hàn ở trong thành không đủ lương, phải trông ngoài chờ vào, sợ đại quân của Thận, lại không dám khinh địch đánh với Kiên, nhưng quân của Kiên đủ để cắt đứt đường vận lương, mà bọn trẻ con đem hết vào trong Khương Cốc, Lương Châu tất định được. Ôn đã không dùng ta, Thận lại không dùng Kiên, tự đánh Kim Thành, phá tường thành ngoài của giặc, ta ruổi ngựa đến nói với Ôn, tự cho là có thể đánh thắng trong sớm tối, bấy giờ Ôn cũng tự mưu tính. Lại vượt qua Liêu Nhi cắt đứt Thái Viên, Quỳ Viên, do đó Thận bỏ đồ xe nặng chạy trốn, đúng như kế của ta. Do đó phong ta làm Đô Hương Hầu. Kiên được phong làm Tá quân Tư mã, có thể thấy cùng giống nhau, tự cho là đúng vậy”. Ngải nói: “Kiên dẫu bấy giờ được kế, vốn không bằng Lí Thôi, Quách Dĩ. Nghe nói tại phía bắc đình Mĩ Dương đem nghìn quân bộ kị gặp giặc, suýt chết, làm rơi mất ấn thao, đây là không có tài vậy”. Trác nói: “Bấy giờ Kiên mang theo quân ô hợp, quân không được tinh nhuệ, vả lại đánh cũng chậm chạp. Nhưng bàn về thế lớn của quân Sơn Đông, rút cuộc chẳng ai mạnh lắm”. Ngải nói: “Bọn trẻ con Sơn Đông đuổi cướp trăm họ, mũi nhọn không bằng người ta, các đồ nổ cứng binh khỏe giáp chắc của Kiên lại không bằng người ta, sao lại trụ lâu như vậy”? Trác nói: “Phải, nhưng giết được hai họ Viên, Lưu Biểu, Tôn Kiên thì thiên hạ tự phục theo ta thôi”.

Trác bèn dời đô đến phía tây vào cửa quan, đốt cháy đất Lạc. Kiên bèn đi trước đến đất Lạc, sửa các lăng mộ, san bằng các chướng ngại mà Trác đào lên.

Giang Biều truyện viết: “Đô cũ trống không, trong vùng mấy trăm dặm không có khói lửa, Kiên vào thành trước, đau xót khóc lóc.

Ngô thư viết: Kiên vào đất Lạc, sửa đắp tông miếu nhà Hán, đem đồ thái lao cúng tế, Kiên đem quân đến đến phía nam thành xem xét giếng trong cung, lại có khí năm màu bay lên, toàn quân kinh hãi, chẳng ai dám múc. Kiên sai người xuống giếng, mò được ấn truyền quốc của nhà Hán, chữ khắc nói: “Nhận mệnh từ trời, được thọ lành dài”. Vuông rộng bốn tấc, núm ấn có khắc hình năm con rồng, trên có một góc khuyết. Trước đây, bọn Hoàng môn Trương Nhượng làm loạn, cướp Thiên tử trốn ra ngoài, tả hữu tan rã, có người cầm ấn ném xuống giếng.

Sơn Âm Công kí tái viết: Viện Thuật muốn tiếm hiệu, nghe nói Kiên lấy được ấn truyền quốc, bèn bắt phu nhân của Kiên cướp đi.

Giang Biều truyện viết: Xét Hiên Đế khởi cư chú viết là “Ấn của Hoàng đế”, “Ấn dùng của Hoàng Đế”, “Ấn tín của Hoàng đế”, “Ấn của Thiên tử”, “Ấn dùng của Thiên tử”, “Ấn tín của Thiên tử”. Đây là sáu ấn khác nhau, cho nên chữ khắc không giống.

Hiên Đế khởi cư chú viết rằng: “Từ trên sông Hà về, lấy được sáu cái ấn ngọc ở trên gác”. Gọi như thế vậy. Ấn truyền quốc là ấn mà Hán Cao Tổ đeo của Tần Hoàng Đế., đòi đòi truyền nhận, gọi là ấn truyền quốc.

Xét ấn truyền quốc không nằm trong sáu cái ấn kia, sao lại nói là cộng vào? Theo Hán cung của họ Ứng, Thế kỉ của họ Hoàng Phủ, đều nói là sáu cái ấn, lời văn đều phù hợp. Hán cung viết là ấn truyền quốc, lời văn nói: “Nhận mệnh từ trời, đã thọ lại khỏe”. “Lại khỏe”, “lành dài”, hai chữ là nhâm, không biết hai nhà nói thế nào. Cái đẹp của vàng ngọc là đều có khí sáng, lại nữa là vật thần bảo mật, sáng bóng rực rỡ, đại khái là kì quan một thời, sau này truyền nhau đã nói khác đi, lại không giải thích được nguyên nhân, nói quá lên là giả, cũng không xứng bầy sao! Trần Thọ viết Phá lỗ truyện cũng từ thuyết đó, lại xét Khởi cư chú, cũng không biết tên khác nhau của sáu cái ấn, cùng ấn truyền quốc nữa là bảy cái vậy. Bấy giờ đất Ngô không thể khắc ngọc, cho nên Thiên tử lấy vàng làm ấn, ấn dấu làm bằng vàng, nhưng chữ khắc không khác. Nước Ngô hàng thì người chở ấn đem sáu cái ấn cho Thiên tử, trước kia lấy được ấn ngọc, đây là ấn truyền lại của người xưa, không được đem dùng. Ấn của Thiên tử nay làm không khó, chỉ là không rõ nghĩa mà thôi. Thần Tùng Chi cho rằng: Tôn Kiên thời trước trong lúc dấy nghĩa binh rất có tiếng là trung liệt, nếu lấy được vật thần của nhà Hán mà giấu nhem không nói ra, đây là ngầm mang chí khác, há gọi là kẻ trung thân sao? Ngô sử muốn cho rằng nước mình đẹp, mà không không biết rằng làm tổn hại đến văn đức của Kiên. Nếu đúng như thế, đem truyền cho con cháu, không phải chỉ có sáu cái ấn, nếu không phải người phi thường nắm giữ, vậy thì khi Tôn Hạo hàng, cũng không được chuyển sáu cái ấn, nhưng ngọc giấu truyền quốc vậy. Nhận mệnh từ trời, sao lại nhận nơi theo lệnh, nếu nói lời hay thì ấn ấy nay vẫn còn tại cửa nhà họ Tôn. Kẻ tâm thường mang ngọc còn nói là có tội, huống chi là ấn này!

Xong rồi dẫn quân về trú ở Lỗ Dương.

Ngô lục viết: Bấy giờ các quận vùng Quan Đông đều tự chiếm lấy để tự làm mạnh. Viên Thiệu sai người Côi Kê là Chu Ngung làm Dự Châu Thứ sử, đến đánh chiếm lấy châu. Kiên nghe tin than nói: “Cùng dấy nghĩa binh, cứu giúp xã tắc. Giặc phản đánh phá đều như thế, ta nên cùng ai đánh giết đây!” Nói xong thì rơi nước mắt.

Ngung tự Nhân Minh, là em của Chu Hân vậy.

Côi Kê diễn lược viết: *Lúc trước Tào Công dấy nghĩa binh, sai người gọi Ngung, Ngung liền thu lấy quân sĩ, được hai nghìn người, theo Công đánh dẹp, lấy làm Quân sư. Sau cùng Kiên tranh Dục Châu, thường đánh không được lợi. Gặp lúc anh thứ là Cửu Giang Thái thú Ngang bị Viên Thuật đánh, Ngung đến giúp Ngang. Quân thua, về quê, bị Hứa Cống hại.*

Năm Sơ Bình thứ ba, Thuật sai Kiên dẹp Kinh Châu, đánh Lưu Biểu. Biểu sai Hoàng Tổ chặn ở giữa đất Phàn, đất Đặng. Kiên đánh phá Hoàng Tổ, đuổi qua sông Hán, rồi vây Tương Dương, một mình cưỡi ngựa đi qua núi Hiên, bị quân của Tổ bắn chết.

Diễn lược viết: *Kiên đem hết quân đánh Biểu, Biểu đóng cửa, buổi đêm sai tướng là Hoàng Tổ ngầm đem quân ra. Tổ đem quân muốn về, Kiên quay lại đánh nhau. Tổ thua chạy, trốn vào giữa núi Hiên. Kiên thừa thắng buổi đêm đuổi Tổ. Quân bản bộ của Tổ từ trong cây tre lén bắn Kiên, giết Kiên.*

Ngô lục viết: *Kiên bảy giờ ba mươi bảy tuổi.*

Anh hùng kí viết: *Kiên chết vào ngày bảy tháng giêng năm Sơ Bình thứ tư. Lại viết: Tướng của Lưu Biểu là Lữ Công đem quân men núi đến chỗ Kiên, Kiên đem kinh kị theo núi đánh Công. Quân của Công ném đá xuống, trúng đầu Kiên, bấy giờ não lòi ra mà chết. Việc này chép không giống nhau như vậy.*

Con của anh là Bôn, đem quân tướng đến chỗ Thuật, Thuật lại dâng biểu cử Bôn làm Dục Châu Thứ sử.

Kiên có bốn con là Sách, Quyên, Dục, Khuông. Quyên sau đó xưng tôn hiệu, đặt tên thụy cho Kiên là Vũ Liệt Hoàng Đế.

Ngô lục viết: *Tôn miếu hiệu của Kiên là Thủy Tổ, mộ là Cao Lăng.*

Chí lâm viết: *Kiên có năm con: Sách, Quyên, Dục, Khuông là do vợ họ Ngô sinh; con út là*

Lang, sinh về sau, còn có tên là Nhân.

TRUYỆN THẢO NGHỊCH TƯỚNG QUÂN TÔN SÁCH

Sách tự Bá Phù. Kiên mới dấy nghĩa binh, Sách đem mẹ dời đến trú ở đất Thụ, làm bạn với Chu Du, thu nạp kẻ sĩ đại phu, người vùng Giang Hoài đều theo Sách.

Giang Biểu truyện viết: Kiên được Chu Tuấn dâng biểu tiến cử, làm Tá quân, lưu người nhà trú ở Thọ Xuân. Sách bấy giờ hơn mười tuổi đã biết giao kết mà được nổi danh, tiếng tăm truyền xa. Có Chu Du là người cùng tuổi với Sách, cũng là bậc anh hùng lão thành, nghe nói Sách có tiếng tăm, từ đất Thụ đến giúp. Rồi kết làm bạn thân, cùng chặt vàng làm tín nghĩa, khuyên Sách dời đến trú ở đất Thụ, Sách nghe theo.

Kiên chết, đem vùi táng ở Khúc A. Lại bèn vượt sông Giang trú ở Giang Đô.

Ngụy thư viết: Sách được thừa kế tước Hầu, nhường cho Khuông.

Từ Châu Mục Đào Khiêm thù oán Sách. Cậu của Sách là Ngô Cảnh bấy giờ làm Đan Dương Thái thú, Sách bèn chở mẹ đến Khúc An, cùng Lữ Phạm, Tôn Hà đều đến nhờ Cảnh, nhân đó dãn chiêu mộ được mấy trăm người. Năm Hưng Bình thứ nhất, theo Viên Thuật, Thuật rất thích Sách, đem bộ khúc của Kiên trả Sách.

Ngô lịch viết: Lúc Sách mới ở tại Giang Đô, Trương Hoàn có tang mẹ. Sách nhiều lần đến chỗ Hoàn, mưu hoạch thời thế, nói: “Nay lộc nhà Hán bị suy yếu, thiên hạ nhiễu động, bọn anh hùng tuấn kiệt đều dấy quân mưu riêng, chưa ai có thể cứu nguy trị loạn. Tiên quân cùng họ Viên phá Đông Trác, công nghiệp chưa xong, rút cuộc bị Hoàng Tổ hại. Sách dẫu thơ trẻ, nhưng có chí lớn, muốn theo Viên Dương Châu xin lại quân còn sót của tiên quân, đến nhờ nhà cậu ở Đan Dương, thu nạp kẻ lưu tán, rồi đến phía đông chiếm lấy đất Ngô Cối để trả mối thù nhục, làm ngoại phiên của triều đình. Ông thấy thế nào”? Hoàn đáp nói: “Ta vốn tài kém, đang giữa buổi chịu tang, không thể bày được kế lớn”. Sách nói: “Ông có tiếng cao vượt trội, xa gần đều mong về. Ngày nay mưu việc, quyết hỏi ở ông, sao không nói ra suy nghĩ, giúp ta có được chỗ nhìn xa ở núi cao? Nếu chí lớn được làm thì mối nợ máu được trả, đây là công lao của ông, là điều mong mỏi trong lòng Sách vậy”. Nhân đó khóc lóc rơi nước mắt, vẻ mặt không

đổi. Hoành thấy Sách trung tráng mạnh mẽ, lời lẽ khẳng khái, cảm động chí khí của Sách, bèn đáp nói: “Ngày xưa đạo nhà Chu suy yếu, nước Tề, nước Tân cùng nổi dậy; Nhà vua được yên, chư hầu theo công chức. Nay ông lại muốn báo thù cho Tiên hầu, đã có tiếng cứng mạnh, nếu thu binh vùng Ngô Cô, thì vùng Kinh, Dương có thể hợp làm một, mỗi thù có thể trả. Dựa vào sông dài, nêu cao uy đức, đánh diệt bọn xấu, giúp đỡ nhà Hán, thì công lao sánh với Hoàn, Văn, há chỉ có làm ngoại phiên thôi sao? Nay thế cục đang nhiều khó khăn, nếu công thành việc xong, nên cùng bọn bạn tốt đều vượt về phương nam vậy”. Sách nói: “Ta với ông hoàn toàn hợp nhau, cùng có gắn bó, nay sắp đi rồi, xin đem mẹ già em nhỏ nhờ cậy ở ông thì Sách không còn lo lắng ngoảnh đầu lại”.

Giang Biều truyện viết: Sách liền đến Thọ Xuân gặp Viên Thuật, khóc lóc mà nói rằng: “Cha mất xưa từ Trường Sa vào đánh Đông Trác, cùng sứ quân hội ở Nam Dương, cùng thề kết bạn, nhưng không may gặp nạn, công nghiệp không xong. Sách cảm kích ân cũ của người trước, muốn tự liên kết, mong sứ quân xem xét lòng thành”. Thuật rất yêu quý Sách, nhưng chưa chịu trả lại quân cũ của cha Sách. Thuật bảo Sách nói: “Ta vừa dùng cậu người làm Đan Dương Thái thú, cho người đến Bá Dương làm Đô úy, đây là đất có quân tinh nhuệ, có thể về đó mà chiêu mộ”. Sách bèn đến Đan Dương nhờ cậu, thu được mấy trăm người, nhưng bị Kinh Huyện Thái sư Tổ Lang đánh úp, dẫn đến nguy ngập, do đó lại đến gặp Thuật, Thuật đem quân còn sót của Kiên trả lại cho Sách.

Thái phó Mã Nhật Đê giữ khí tiết võ yên Quan Đông, tại Phú Xuân lấy lễ mà đối đãi Sách, dâng biểu tiến cử làm Hoài Nghĩa Hiệu úy. Đại tướng của Thuật là Kiều Ngụy, Trương Huân đều tỏ lòng kính phục Sách. Thuật thường than nói: “Cho Thuật có con như Tôn lang, chết còn tiếc gì”! Quân kị của Sách có tội, trốn vào trại của Thuật, nấp ở trong chuồng ngựa, Sách liền sai người đến chém tên quân kị ấy, xong, vào tạ lỗi với Thuật. Thuật nói: “Quân sĩ hay phản, ta nên cùng lo lắng, sao lại tạ lỗi”? Do đó trong quân thêm sợ phục Sách. Thuật lúc đầu hứa cho Sách làm Cửu Giang Thái thú, rồi đổi người Đan Dương là Trần Kỉ. Sau đó Thuật muốn đánh Từ Châu, đến chỗ Lư Giang Thái thú Lục Khang xin ba vạn斛 gạo. Khang không cho, Thuật cả giận. Sách trước đây từng đến chỗ Khang, Khang không gặp, chỉ sai Chủ bạ gặp Sách. Sách từng oán ghét. Thuật sai Sách đánh Khang, bảo nói: “Trước dùng làm Trần Kỉ, thường hối hận ý trước chẳng xong. Nay nếu bắt được Khang, xin trao chức Lư Giang Thái thú cho người”. Sách đánh Khang, thắng Khang, Thuật lại dùng quan cũ của mình là Lưu Huân làm Thái thú, Sách thêm mất lòng trông mong. Lúc trước, Lưu Do làm Dương Châu Thứ sử, sở trị cũ ở Thọ Xuân. Mà nay Thuật đã chiếm Thọ Xuân, Do lại vượt sông Giang trị ở Khúc A. Bấy giờ Ngô Cảnh

còn tại Nam Dương, anh họ của Sách là Bôn lại làm Đan Dương Đô úy, Do đến, đầu ép đuổi họ. Cảnh, Bôn lui về trú ở Lịch Dương. Do sai Phàn Năng, Vu Mi, Trần Hoành đóng quân ở bến Hoành Giang, Trương Anh đóng quân ở cửa Dương Lợi để chống Thuật. Thuật tự dùng quan lại cũ là Huệ Cù người Lang Da làm Dương Châu Thứ sử, lại lấy Cảnh làm Đốc quân Trung lang tướng, cùng Bôn đem quân đánh bọn Anh, nhiều năm không thắng. Sách bèn bảo với Thuật xin giúp bọn Cảnh dẹp bằng vùng Giang Đông.

Giang Biều truyện viết: “Sách khuyên Thuật nói: “Nhà ta có ân cũ ở phương đông, nguyện giúp cậu đánh Hoành Giang; chiếm được Hoành Giang thì ở đất này mà chiêu mộ, có thể được ba vạn quân để giúp sứ quân cứu giúp nhà Hán”. Thuật biết mối thù của Sách, lại vì Lưu Do chiếm Khúc A, Vương Lang chiếm Côi Kê, bảo Sách là chưa thể được, do đó hứa cho Sách.

Thuật dâng biểu cử Sách làm Chiết Xung Hiệu úy, lĩnh chức Diên khấu Tướng quân, đồ dùng của quân hơn nghìn chiếc, mấy chục quân kị, bọn tân khách nguyện đi theo mấy trăm người. Sắp đến Lịch Dương, quân có năm sáu nghìn người. Mẹ của Sách trước từ Khúc A dời đến ở Lịch Dương, Sách lại dời mẹ đến Phụ Lăng, qua sông Giang bèn đánh, chỗ đi qua đều phá được, chẳng ai dám chống thế mạnh của Sách, lại lệnh quân nghiêm túc, trăm họ theo Sách.

Giang Biều truyện viết: Sách vượt sông Giang đánh trại Ngưu Chử của Do, thu hết nhà gác lương gạo, binh khí, năm đó là năm Hưng Bình thứ hai vậy. Bấy giờ Thừa tướng của nước Bành Thành là Tiết Lễ, Thừa tướng của nước Hạ Bì là Tác Dung tôn Do làm minh chủ, Lễ chiếm thành Mạt Lăng, Dung đóng quân ở phía nam huyện. Sách đánh Dung trước, Dung đem quân ra đánh, chém hơn năm trăm đầu, Dung bèn đóng cửa không dám đánh. Nhân đó vượt sông Giang đánh Lễ, Lễ trốn chạy, mà bọn Phàn Năng, Vu Mi lại tụ quân đáp chiếm trại Ngưu Chử. Sách nghe tin, về đánh phá bọn Năng, bắt được hơn vạn trai gái, lại xuống đánh Dung, bị tên lạc đâm trúng, bị thương ở đùi, không cưỡi ngựa được, do đó tự ngồi xe về trại Ngưu Chử. Có kẻ làm phản báo cho Dung nói: “Tôn Lang bị trúng tên đã chết”. Dung cả mừng, liền sai tướng là Vu Tì đến chỗ Sách. Sách sai mấy trăm quân bộ kị dụ đánh, đặt phục binh ở sau, giặc ra thì đánh chúng, đao nhọn chưa chạm thì giả rút chạy, giặc đuổi vào giữa chỗ ẩn phục, bèn đại phá chúng, chém hơn năm nghìn đầu. Sách nhân đó đến dưới trại của Dung, lệnh tả hữu kêu to nói: “Tôn Lang lại đến đây”! Do đó giặc kinh hoàng buổi đêm chạy trốn. Dung nghe tin Sách còn sống, lại đắp lũy cao đào rãnh sâu, sửa sang phòng giữ. Sách thấy chỗ đóng đồn của Dung vững hiểm, bèn bỏ đi, đánh phá

Biệt tướng của Do ở Hải Lăng, lại đánh các đất Hồ Thục, Giang Thặng, đều chiếm được.

Sách là người có râu tóc đẹp, thích nói cười, tính rộng rãi chịu nghe, giỏi dùng người, do đó quân dân gặp, chẳng ai không hết lòng, đến chết cũng vui. Lưu Do bỏ quân chạy trốn, các Quận thú đều bỏ thành quách lén trốn.

Giang Biều truyện viết: Sách bấy giờ tuổi nhỏ, dẫu có vị hiệu, nhưng quân dân đều gọi là Tôn Lang. Trăm họ nghe tin Tôn Lang đến đều hồn phách thất lạc, trông lại giao nạp thành quách, ẩn nấp trong rừng núi. Lúc đến, quân sĩ nhận lệnh, không dám cướp bóc, các thứ rau, củ, gà, chó, một con cũng không phạm vào, dân bèn vui mừng, đem trâu rượu đến khao quân. Lưu Do đã chạy, Sách vào Khúc A vỗ về tướng sĩ, sai tướng là Trần Bảo đến Phụ Lăng đón mẹ và em. Phát lệnh ban ân, bảo các huyện nói: “Như các quân bản bộ quê cũ của Lưu Do, Tác Dung đến hàng, không cần xét hỏi, kẻ vui lòng theo quân, cả đời đi theo, miễn thuế cho người nhà, kẻ không đi theo cũng không ép”. Trong vòng một tuần, bốn mặt tụ tập, thu được hơn hai vạn quân, hơn nghìn con ngựa, oai trùm Giang Đông, thế lực thêm mạnh.

Người quận Ngô là bọn Nghiêm Bạch Hổ đều có hơn vạn quân, các chỗ đều đóng trại. Bọn Ngô Cảnh muốn đánh phá bọn Hổ trước, bèn đến Cối Kê. Sách nói: “Bọn Hổ tụ cướp, không có chí lớn, tất bắt được thôi”. Rồi dẫn quân vượt sông Chiết, chiếm Cối Kê, làm cỏ Đông Dã, lại đến đánh phá bọn Hổ.

Ngô lục viết: Bấy giờ có bọn Trâu Tha, Tiên Đông người Ô Trình cùng Hợp Phố Thái thú Vương Thịnh người Gia Hưng đều tụ quân hơn một vạn hoặc mấy nghìn. Dẫn quân đánh dẹp, đều phá chúng. Mẹ của Sách là họ Ngô nói: “Thịnh với cha người có duyên lên nhà lấy vợ, nay các con, anh em của hắn đã treo đầu, chỉ còn một người già, sao đủ e ngại”? Bèn tha cho người già, còn lại đều giết. Sách tự đánh Hổ, Hổ đắp lũy cao giữ vững, sai em của Hổ là Dư xin hòa, hứa theo. Dư xin chỉ một mình gặp mặt với Sách. Đã gặp, sách dẫn đao trắng phá chiêu, thân Dư run rẩy, Sách cười nói: “Nghe nói người có thể ngồi nhảy, bắt chước khác thường, liêu cùng đùa với người vậy”? Dư nói: “Ta thấy đao là run”. Sách biết hắn không có tài, bèn lấy tay cầm kích đâm hắn, chết đứng. Dư có sức mạnh, quân của Hổ thấy hắn chết, rất sợ hãi, đến đánh phá chúng. Hổ chạy đến Dư Hàng, nhờ Hứa Chiêu ở Lỗ Trung. Trình Phổ xin đánh Chiêu, Sách nói: “Chiêu có nghĩa với cha ta, có lòng thành với bạn cũ, đây là chí của bậc trượng phu vậy”. Bèn tha Chiêu.

Thần Tòng Chi xét: Hứa Chiêu có nghĩa với cha cũ, việc thấy ở phần chú sau. Có lòng thành với bạn cũ thì thu nạp Nghiêm Bạch Hổ vậy.

Đổi đặt hết trưởng lại, Sách tự lĩnh chức Cối Kê Thái thú, lại lấy Ngô Cảnh làm Đan Dương Thái thú, lấy Tôn Bôn làm Dự Chương Thái thú; chia Dự Chương làm quận Lư Lăng, lấy em của Bôn là Phụ làm Lư Lăng Thái thú, Chu Trị người Đan Dương làm Ngô Quận Thái thú. Trương Chiêu người Bành Thành, bọn Trương Hoàn, Tần Tùng, Trần Doan người Quảng Lăng làm mưu sĩ.

Giang Biều truyện viết: Sách sai Phụng Chính Đô úy Lưu Do, Ngũ Quan Duyệt Cao Thừa đem thư đến đất Hứa, dâng nạp phương vật.

Bấy giờ Viên Thuật tiếm hiệu, Sách gửi thư mắng mà dứt tình.

Ngô lục chép Sách sai Trương Hoàn viết thư nói: “Trời cao rủ xuống sao họa hại, vua thánh dựng nghiệp dám đánh trống sửa đổi, sắp đặt mà không nói xằng, nhanh chóng khuyên răn, vì sao? Hễ có điểm mạnh, tất có điểm yếu. Mùa đông năm ngoái mưu kế lớn, không có ai không sợ hãi; lại biết chuẩn bị cống nạp, vạ người nghi ngờ. Trông nghe lời bàn, lại muốn mưu tôn hiệu trước, đã hẹn làm việc, lại đã định ngày tháng. Càng thêm lo lắng, cho rằng là xằng tiện, nay đã bày việc xong rồi, dân chúng há trông mong sao? Ngày trước dấy nghĩa binh, kẻ sĩ trong thiên hạ theo về là vì Đồng Trác tự ý đặt, bỏ, giết hại Thái hậu, Hoàng Nông Vương, cướp hiếp cung nhân, đào bới Viên Lăng, rất là bạo ngược, cho nên anh hào của các châu nghe tin mà mộ nghĩa, thân vũ ở ngoài ngoài cùng giúp, Trác bèn bị kẻ tay trong giết. Kẻ ác đã diệt, vua nhỏ đến phương đông, sai các quan Bảo, Phó truyền lệnh, muốn lệnh chư hầu dấy quân, ở Hà Bắc thông mưu với giặc núi Hắc, Tào Tháo gây hại ở Từ Châu phương đông, Lưu Biểu chiếm Kinh Châu phương nam, Công Tôn Toản cứng mạnh ở U Châu phương bắc, Lưu Do sức khỏe ở Giang Hử, Lưu Bị tranh minh chủ ở đất Hoài, cho nên chưa thể cất cung tên thu qua kích vậy. Nay Bị, Do đã phá, bọn Tháo đối rét, cho nên cùng thiên hạ hợp mưu để đánh diệt bọn xấu. Nếu tha mà không đánh, có chí tự giữ lấy mình, đây không phải là điều mà trong nước mong mỏi, là một. Xưa Thành Thang đánh Kiệt, nói là nhà Hạ nhiều tội; Vũ Vương đánh Trụ, nói là nhà Ân có lỗi nhiều lắm. Hai vua ấy, dẫu có đức thánh, phải nên làm vua thiên hạ; nếu không gặp thời cũng không thể nổi dậy được vậy. Vua nhỏ không có làm ác với thiên hạ, chỉ vì tuổi còn nhỏ, bị bọn bày tôi mạnh uy hiếp, nếu không có tội mà bắt lấy, e rằng không hợp với việc của Thang, Vũ, là hai. Trác dẫu cuồng xảo, đến như phế vua tự lập, cũng còn chưa làm, thế mà thiên hạ mới nghe nói sự bạo ngược của hắn đã giơ tay cùng lòng ghét hắn, đem quân ít của Trung Quốc để chống giặc mạnh nơi biên giới, đây là việc phải làm vậy. Nay người của bốn cõi đều coi khinh kẻ địch mà tự đấu đá nhau, người có thể đánh thắng thì cho là bên kia làm loạn thì bên ta sửa trị, bên kia phản nghịch thì bên ta kính thuận. Thấy được cái khó nhọc của thời nay, đều muốn nổi dậy để nắm lấy, cũng là lúc đem họa đến, là ba. Vật thân của thiên hạ, không thể phạm vào, cần phải

có trời giúp và sức người làm vậy. Vua Thang nhà Ân có điềm lành của chim câu trắng, vua Vũ nhà Chu có điềm lành của chim quạ đỏ, Cao Đế nhà Hán có điềm báo của sao sáng, Thế Tổ có điềm báo của thân quang, đều vì dân bị khốn khổ vì chính sự của Kiệt, Trụ, khổ hại vì việc của Tân, Mãng, cho nên mới có thể diệt trừ kẻ vô đạo, làm xong ý nguyện. Nay thiên hạ không bị vua nhỏ làm hại, chưa thấy sự ứng nghiệm của kẻ nhận mệnh trời, mà muốn một ngày là lên ngôi vị tôn hiệu, không thể muốn là có, là bốn. Cái mà Thiên tử quý là cái giàu có của bốn cõi, ai mà chẳng muốn như thế? Về nghĩa là không được, về thế cũng chẳng xong. Bọn Trần Thắng, Hạng Tịch, Vương Mãng, Công Tôn Thuật đều ngoảnh mặt về phía nam xưng vương, thế mà chẳng ai giúp họ. Ngôi vị của Đế vương không nên làm trái, là năm. Vua nhỏ tài trí, nếu trừ bọn ép buộc vua, đuổi bọn a dua vua thì tất làm nên nghiệp trung hưng. Ôi làm cho vua trở nên cái thịnh trị của Chu Thành, tự nhận cái hay của Hán, Thích, đây là điều mong mỏi của bậc tôn quý vậy. Nếu khiến vua nhỏ có đổi chí khác thì còn trông mong họ hàng của tông thất, xem xét kẻ hiền lương trong bọn thân cận để nối lại mối tơ của họ Lưu, giữ vững nhà Hán. Đều đem thư bằng vàng đá, vẽ hình bằng mực xanh đỏ, lưu phúc không hết, tiếng tăm rộng lớn. Nếu bỏ mà không làm là kẻ gây nạn, xưa nay rõ ràng như thế, tất không chịu đựng được, là sáu. Năm đời làm Thừa tướng, quyền cao, thế mạnh, thiên hạ chẳng ai sánh được. Kẻ trung kinh tất nói là nên sớm thôi mưu nghĩ để cứu giúp cái hư hỏng của nhà nước, nên trừ cái nguy hại của xã tắc để vâng theo chí nguyện của tổ tiên, để báo đền ân huệ của nhà Hán. Nếu sao coi thường khí tiết sửa đạo mà muốn cưỡng bách chiếm lấy, sẽ nói là người trong thiên hạ, không phải quan lại thì học trò, ai không theo ta? Kẻ địch trong bốn cõi không phải xứng với ta thì cũng là kẻ hầu của ta, ai có thể làm trái ta? Tự thế của của nhiều đời, nổi dậy mà chiếm lấy được sao? Hai bên khác vận, không thể không xét rõ, là bảy. Cái quý của kẻ thánh triết là xét rõ ở việc nên làm, cẩn thận ở việc nổi dậy. Như việc khó làm, thế khó giữ, để khích chí của bọn địch, để yên lòng của dân chúng, nghĩa của ông không làm được, mưu kế lại không sắc bén, không phải bậc minh triết, là tám. Người đời phần nhiều nghi ngờ việc đánh nhau và vướng vào kẻ khác, nếu giữ chữ viết để vui lòng làm việc, nếu lấy ngôi trên mà làm dân chúng nghi ngờ, tất để hối hận về sau, từ xưa đến nay, không phải không có việc này, không thể không xét kỹ và nghĩ kỹ, là chín. Điều thứ chín, mình công thấy đã nhiều rồi, gần như đủ làm rõ ý, chỉ giúp nhớ điều bỏ quên. Lời trung nghịch tai, mong nghe lời thần”!

Diễn lược chép là lời văn của Trương Chiêu. Thần Tùng Chi cho rằng: Trương Chiêu dẫu có tiếng cao, nhưng văn tài không bằng của Hoành. Lời văn này tất là do Hoành viết.

Tào Công dâng biểu cử Sách làm Thảo nghịch Tướng quân, phong làm Ngô Hầu.

Giang Biều truyện viết: Mùa hạ năm Kiến An thứ hai, triều đình sai Nghị lang Vương Phổ viết chiếu ngày mậu thìn nói: “Đồng Trác loạn nghịch, phá nước hại dân, trước đây Tướng quân Kiên mưu tính đánh dẹp, ý tốt chưa xong, nhưng tiếng tăm tốt lành. Sách tôn đạo hay, cầu phúc không ngoảnh lại. Nay lấy Sách làm Kị Đô úy, nối tước Ô Trình Hầu, lĩnh chức Cối Kê Thái thú”. Lại hạ chiếu lệnh nói: “Trước đây Tả tướng quân Viên Thuật không nghĩ đến ân của triều đình, làm việc ác nghịch, làm điều hão trá, muốn nhân loạn quân, lừa dối trăm họ. Nghe lời của hấn cho là không đúng. Rồi nhận được Sứ tri tiết Bình đông Tướng quân lĩnh Từ Châu Mục Ôn Hầu Bồ kế Thuật xằng tiện dôi gạt dân chúng, biết rằng Thuật có tính cú vọ, làm điều vô đạo, đắp dựng cung thất, sắp đặt công khanh, tế trời cúng đất, tàn dân hại vật, gây họa rất sâu. Bồ trước sau dâng thư nói Sách lo nghĩ cho triều đình, muốn quay lại đánh Thuật, giữ khí tiết với nhà nước, xin thêm vinh hiển. Ôi treo thưởng đợi công, chỉ có kẻ chăm chỉ mới cho, cho nên càng thêm yêu thích, kế thừa ấp trước, ban thêm quận lớn, cùng thêm vinh hiển, là lúc Sách gắng sức nhận lệnh vậy. Phải gấp cùng Bồ và Ngô Quận Thái thú An đông Tướng quân Trần Vũ hợp sức cùng lòng, cùng lúc đến đánh”. Sách tự đem lĩnh binh mã, nhưng thấy chức Kị Đô úy lĩnh quận là nhỏ, muốn được phong làm Tướng quân, liền sai người khuyên Phổ, Phổ lại thừa lệnh phong Sách làm Minh Hán Tướng quân. Bấy giờ, Trần Vũ đóng quân ở Hải Tây, Sách nhận chiếu sửa sang, gấp cùng Bồ, Vũ xem xét hình thế. Đi đến Tiên Đường, Vũ ngầm mưu đánh úp Sách, sai bọn Đô úy Vạn Diễn ngầm vượt sông, sai đem hơn ba mươi nỏ cái ẩn cấp cho bọn Đại sứ Tổ Lang, Tiêu Kỉ của các huyện hiểm yếu Nghi Thành, Kinh, Lăng Dương, Thủy An, Y, Thiệp của quận Đan Dương cùng bọn Nghiêm Bạch Hổ của Ngô Quận, sai làm nội ứng, dò xét quân của Sách, muốn đánh lấy các quận, Sách biết được, sai Lữ Phạm, Từ Dật đánh Vũ ở Hải Tây, đại phá Vũ, bắt được bốn nghìn người quan quân, vợ con của hấn.

Sơn Âm Công tái kí viết: Vũ một ngựa chạy đến Kí Châu, tự theo Viên Thiệu, Thiệu lấy làm Cố An Đô úy.

Ngô lục chép biểu tạ của Sách nói: “Thần làm vưng một góc, giữ nơi biên thùy, Bệ hạ mở rộng ân cao, không quên khí tiết, cho thần nối tước, thu luôn cả quận to. Được hưởng vinh sủng, dám không nhận lấy. Ngày hai mươi tháng mười hai năm Hưng Bình thứ hai, tại Khúc A thuộc Ngô Quận thu được biểu mà Viên Thuật dâng, lấy thần làm Diễn khấu Tướng quân; như chiếu thư này, biết là tùy tiện. Dẫu đã phá bỏ, vẫn còn lo sợ. Thần đang mười bảy tuổi, sợ rằng làm mất chỗ dựa, sợ không được nhận sở quan của mình thì làm nhục vật chết củi, thì không được như Khứ Bệnh mười tám tuổi đã lập công, như các tướng giỏi nhược quán của Thái Tổ. Thần lúc đầu lĩnh binh, tuổi chưa đến nhược quán, dẫu yếu ớt không khỏe, nhưng gánh vác mệnh lớn. Chỉ có Thuật cuồng mê, làm

việc ác sâu nặng. Thân dựa vào uy linh, nhận lệnh mà đánh kẻ có tội, tất báo tin thắng trận để đền ân ban cấp”.

Thần Tùg Chi xét: Truyện này nói Tôn Kiên chết vào năm Sơ Bình thứ ba, Sách chết vào năm Kiến An thứ năm, Sách chết bấy giờ hai mươi sáu tuổi. Tính ta Kiên chết thì Sách phải mười tám tuổi, mà lời biểu này nói là mười bảy thì là không hợp. Hán kĩ của Trương Phan và Ngô lịch đều cho rằng Kiên chết vào năm Sơ Bình thứ hai, đây là truyện này lầm vậy.

Giang Biểu truyện viết: Năm Kiến An thứ ba, Sách lại sai sứ đem công phương vật, nhiều hơn vật cống năm trước. Năm đó, ban chiếu thư bái làm Thảo nghịch Tướng quân, đổi phong làm Ngô Hầu.

Sau Thuật chết, bọn Trưởng sử Dương Hoàng, Đại tướng Trương Huân đem quân của mình muốn đến theo Sách. Lư Giang Thái thú Lưu Huân chặn đánh, bắt hết bọn họ, thu lấy vật trên bảo đem về Sách nghe tin, giả làm thân với Huân. Huân vừa thu được quân của Thuật, bấy giờ có hơn vạn nhà dân họ hàng của huyện Thượng Liêu quận Dự Chương ở tại Giang Đông, Sách khuyên Huân đánh lấy họ. Huân đã đi, Sách đem quân ngày đêm đánh úp chiếm Lư Giang, quân của Huân đầu hàng, Huân một mình cùng mấy trăm thuộc hạ tự theo Tào Công.

Giang Biểu truyện viết: Sách nhận chiếu lệnh, cùng bọn Tư không Tào Công, Vệ Tướng quân Đồng Thừa, Ích Châu Mục Lưu Chương hợp sức đánh Viên Thuật, Lưu Biểu. Quân đang đi gặp, vừa lúc Thuật chết. Bọn em họ của Thuật là Dận, con rể là bọn Hoàng Y sợ hãi Tào Công, không dám giữ Thọ Xuân, bèn cùng đem áo quan của Thuật, giúp vợ con của Thuật cùng trai gái của bộ khúc đến theo Lưu Huân ở Hoãn Thành. Huân thiếu lương ăn, không thể giúp nhau, bèn sai em họ là Khải cáo cấp với Dự Chương Thái thú Hoa Hâm. Quận của Hâm vốn thiếu gạo, sai quan giúp Khải đến Hải Hôn, Thượng Liêu, sai các tông sù cùng đem ba vạn斛 gạo để cấp cho Khải. Khải ở lại hơn một tháng mới thu được mấy nghìn斛. Khải bèn báo cho Huân, nói rõ tình trạng, sai Huân đến đánh úp. Huân nhận được thư của Khải, sai quân ngầm đến dưới ấp Hải Hôn. Tông sù biết được, làm tường không ẩn trốn, Huân không bắt được, Bấy giờ Sách đến phía tây đánh Hoàng Tổ, đi đến Thạch Thành, nghe tin Huân vừa tự mình đến Hải Hôn, bèn chia sai anh họ là Bôn, Phủ đem tám nghìn người đến Bành Trạch đợi Huân, tự mình cùng Chu Du đem hai vạn quân bộ đánh úp Hoãn Thành, liền chiếm được, thu được trăm thợ cùng hơn ba vạn bộ khúc đánh trống của Thuật cùng vợ con của Thuật, Huân. Dâng biểu dùng dùng Lí Thuật người Nhữ Nam làm Lư Giang Thái thú, cấp cho ba nghìn quân giữ Hoãn Thành, đều dõng người bắt được về phía đông đến đất Ngô. Bọn Bôn, Phủ lại phá Huân ở Bành Trạch. Huân chạy vào Sở Giang, từ Tâm Dương đi bộ lên đến đình Trí Mã, nghe tin bọn Sách đã phá Hoãn Thành, bèn hướng đến miền tây, đến đất Nghi, đắp lũy tự giữ,

cáo cấp với Lưu Biểu, cầu cứu với Hoàng Tổ. Tổ sai năm nghìn quân thuyền của Thái Tử Tạ giúp Huân. Sách lại đến đánh, đại phá Huân. Huân cùng Khải lên phía bắc theo Tào Công, Tạ cũng chạy trốn. Sách thu được hơn hai nghìn quân của Huân, nghìn chiếc thuyền, rồi tiến đến Hạ Khẩu đánh Hoàng Tổ. Bấy giờ Lưu Biểu sai con trong họ là Hổ, người Nam Dương là Hàn Hi đem năm quân cầm mâu dài, đến làm tiên phong cho Hoàng Tổ. Sách đánh nhau, đại phá chúng. **Ngô lục chép biểu của Sách nói:** “Thần đánh Hoàng Tổ, đến ngày tám tháng mười hai thì đến trại của Tổ ở huyện Sa Tiệp. Lưu Biểu sai tướng giúp Tổ, đều đến ép thân. Thần đến sáng sớm ngày mười một lĩnh bọn Giang Hạ Thái thú hành Kiến uy Trung lang tướng Chu Du, lĩnh Quế Dương Thái thú hành Chinh lỗ Trung lang tướng Lữ Phạm, lĩnh Linh Lăng Thái thú hành Đãng khấu Trung lang tướng Trình Phổ, hành Phụng Nghiệp Hiệu úy Tôn Quyền, hành Tiên đảng Hiệu úy Hàn Đương, hành Vũ phong Hiệu úy Hoàng Cái cùng lúc cùng tiến. Thần cưỡi ngựa vào trận, tay gập đánh trống để giúp thế trận. Quan quân hăng hái, chạy nhảy gấp trăm lần, lòng rõ ý nhanh, đều tranh nghe lệnh. Vượt qua lũy cao, nhanh nhẹn như bay, lửa phóng theo gió, quân dữ dưới khói, cung nỏ cùng bắn, tên bay như mưa, càng thêm lấy lòng, Tổ bèn tan vỡ, đao nhọn được chặt, lửa mạnh được đốt, đến chẳng cướp bóc, chỉ có Tổ chạy trốn. Bắt được bảy người vợ con của hắn, chém hơn hai vạn đầu thuộc hạ của Hổ, Hàn Hi, bọn rơi xuống nước chết đuối hơn vạn người, thu được hơn sáu nghìn chiếc thuyền, tài vật chất cao như núi. Dầu chưa bắt được Biểu, Tổ vốn giảo hoạt, là tìm bụng của Biểu, ra làm nanh vuốt, là cú vọ của Biểu, lấy Tổ làm hơi thở, nhưng người nhà bộ khúc của Tổ, gục dưới đất không còn sót, bọn giặc lẻ loi của Tổ đều thành quỷ lìa thân. Thực đều là do thần vũ của thánh triều lấy lòng, thần đánh kẻ có tội, được đem hết lòng”.

Bấy giờ Viên Thiệu đang mạnh, mà Sách chiếm Giang Đông, sức Tào Công chưa thể vươn tới, bèn muốn vỗ về Sách.

Ngô lịch viết: Tào Công nghe tin Sách bình định Giang Nam, ý cho là kẻ thù, thường kêu “Thằng cuồng này khó mà cùng tranh giành”.

Bèn đem con gái của em gả cho em nhỏ của Sách là Khuông, lại sai con là Chương lấy con gái của Bôn, đầu lấy lễ đối đãi em của Sách là Quyên, Dục, lại lệnh Dương Châu Thứ sử Nghiêm Tượng cử Quyên làm Mậu tài.

Năm Kiến An thứ năm, Tào Công chống nhau với Viên Thiệu ở Quan Độ, Sách ngầm muốn đánh úp đất Hứa, đón Hán Đế,

Ngô lục viết: Bấy giờ có Cao Đại ẩn nấu ở Dư Diêu, Sách lệnh sứ giả là Côi Kê Thừa Lục Chiêu đến đón Cao Đại, Sách thấp thỏm chờ. Nghe nói Đại giỏi đọc Tả truyện, bèn tự ngắm đọc, muốn cùng bàn giảng. Có người bảo Sách nói: “Cao Đại làm Tướng quân nhưng là kẻ anh vũ mà thôi, không có tài văn học, nếu cùng bàn truyện mà có người nói là kẻ hiểu biết thì mưu kế hợp vậy”. Lại

bảo Đại nói: “Tôn Tướng quân là người ghét ai giỏi hơn mình, nếu có gan hỏi thì nên nói không biết mới vừa ý. Nếu đều tranh lý là tất nguy hại”. Đại cho là phải, lúc bàn chuyện, có chỗ đáp là không biết. Sách liền giận, cho là khinh mình, bèn bắt giam Đại. Bạn bè cùng người bấy giờ đều tỏ ý cầu xin. Sách lên lầu, nghìn từ xa thấy trong mây dậm đều có tiếng trống kêu xin. Sách ghét Đại thu được lòng dân, bèn giết Đại. Đại tự Khổng Văn, người Ngô Quận vậy. Bản tính thông minh, khinh tài vật trọng lễ nghĩa. Là kẻ sĩ xuất chúng kì lạ, không thích tiếng tăm lừng lẫy, có tám người bạn đều là kẻ anh hào trong đời vậy. Thái thú Thịnh Hiến kể lên Nhà vua, cử hiều liêm. Hứa Cống đến lĩnh quận, Đại đem Hiến tránh nạn đến nhà Hứa Chiêu, cầu cứu với Đào Khiêm, Khiêm không đến cứu, Đại đau xót khóc chảy máu mắt, chất nhầy không vào miệng. Khiêm cảm kích sự trung tráng của Đại, có nghĩa của Thân Bao Tư, hứa sẽ đem quân đi, gửi thư cho Cống. Đại nhận được thư của Khiêm đem về, nhưng Cống đã bắt giam mẹ của Đại, người Ngô lớn nhỏ đều sợ hãi, cho là Cống hiểm ác, đến sẽ bị hại. Đại nói ở theo chủ thì vì chủ, vả lại mẹ còn trong nhà ngục, phải nên đến đó, nếu được vào gặp, việc tự cởi bỏ. Bèn viết thư tự kể, Cống liền gặp nhau. Lời lẽ miễn tiếp, ưa tự bày tỏ. Cống liền thả mẹ của Đại ra. Đại muốn gặp Cống, bảo với người bạn là Trương Sung, Thảm Mẫn chuẩn bị thuyền, vì Cống xấu liền xua đuổi Đại. Ra bèn đem mẹ lên thuyền cướp đường mà trốn. Cống liền sai người đuổi theo, lệnh người đuổi theo là nếu đuổi kịp thuyền thì giết ngay trên sông, đã qua sông thì thôi, nhưng bị lâm đường, Đại bèn thoát. Lúc bị giết mới hơn ba mươi tuổi.

Giang Biều truyện viết: Bấy giờ có đạo sĩ người Lang Da là Vu Cát, lúc đầu cư trú ở phương đông, qua lại vùng Ngô Cối, dựng nhà đẹp, đốt nhang đọc sách đạo, làm ra nước bùa để chữa bệnh. Người Ngô Cối phần nhiều thờ Vu Cát. Sách thường lên lầu nơi cửa thành quận, tụ hội các tướng, tân khách, Cát lại mặc áo đẹp cầm gậy bọc mũi nhỏ, sơn vẽ lên gậy, đặt tên là gậy tiên nhân, đi qua dưới cửa. Hai phần ba các tướng, tân khách xuống lầu đón lạy Vu Cát, nắm lấy khách cầm xuống không được. Sách liền lệnh bắt lấy Vu Cát, Những người tin theo đều sai đàn bà con gái vào gặp mẹ Sách, xin cứu Cát. Mẹ bảo Sách nói: “Vu tiên sinh cũng giúp quân làm phúc, giúp đỡ tướng sĩ, không nên giết hắn”. Sách nói: “Người này xằng bậy, có thể mê hoặc lòng quân, khiến cho các tướng không biết theo lẽ vua tôi, đều bỏ Sách xuống lầu lạy hắn, không thể không giết”. Các tướng lại thay nhau bày tỏ xin tha Cát, Sách nói: “Xưa Trương Tân người Nam Dương làm Giao Châu Thứ sử, vứt điển huấn của thánh hiền ngày trước, bỏ pháp luật của nhà Hán, thường đội khăn đỏ, đánh đàn trống, đốt hương, đọc sách đạo tà tục, nói là sửa phong tục, rút cuộc bị người Nam Di giết. Điều đó rất không có ích, các ông còn chưa hiểu thôi. Nay người này đã ở trong sở quý, đừng tổn thêm giấy bút”. Liền lôi ra chém Cát, treo đầu ở chợ. Những người tin theo còn không nói là Cát đã chết mà nói rằng thầy tan ra, lại cúng tế cầu phúc.

Chí lâm viết: Lúc trước vào thời Thuận Đế, người Lang Da là Cung Sùng đến đến cửa khuyết dâng sách thần mà thầy mình là Vu Cát thu được ở trên nước suối huyện Khúc Dương, sách trắng viền đỏ, gọi là Thái Bình Thanh Lĩnh Đạo, cả thấy hơn trăm quyển. Từ thời Thuận Đế đến giữa năm Kiến An là năm, sáu mươi năm, Vu Cát bấy giờ đã hơn trăm tuổi, tuổi đã già cả, về lễ không nên phạt. Lại nữa Thiên tử đi tuần thú, hỏi người trăm tuổi, liền đến gặp họ, lấy thân ái để kính người già là đạo lớn của vua thánh vậy. Tội của Cát không đáng chết, nhưng bị thêm hình phạt tàn khốc, đấy là phạt lâm, không phải là điều hay. Giới suy đoán mộ của Hoàn Vương. Ngày bốn tháng tư năm Kiến An thứ năm, bấy giờ Tào, Viên đánh nhau, chưa có thắng thua. Xét Hạ Hầu Nguyên gửi thư cho Thạch Uy Tắc là sau khi Viên Thiệu phá, thư nói: “Lấy Trường Sa trao cho Tôn Bôn, lấy Linh, Quế để giúp Trương Tân dựng nghiệp”. Đây là Hoàn Vương chết trước, Trương Tân chết sau, không thể nhường nhau, nói rõ cái chết của Tân vậy.

Thần Tùng Chi xét: Năm Thái Khang thứ tám, Quảng Châu Đại trung chính Vương Phạm dâng sách Giao Quảng nhị châu Xuân thu. Năm Kiến An thứ sáu, Trương Tân được làm Giao Châu Mục. Cái sự hảo lâm của Giang Biểu truyện giống lời của Chí lâm.

Sưu thân kí viết: Sách muốn vượt sông đánh úp đất Hứa, cùng đi với Cát. Bấy giờ trời hạn to, chỗ ở nóng nực. Sách thúc các tướng sĩ sai phải nhanh dẫn thuyền, có khi từ sớm đã tự thân đốc thúc, thấy quan quân phần nhiều đang ở chỗ Cát, Sách do đó giận dữ, nói: “Ta làm không bằng Vu Cát sao, mà lại theo hẩn trước”? Liền sai bắt lấy Cát. Đến, gạn hỏi Cát nói: “Trời hạn không mưa, đường đi gian trở, không biết lúc nào qua được, cho nên tự sáng ra đốc thúc, mà người không cùng lo liệu, ngồi yên trong thuyền làm vẻ quý quái, phá đội ngũ của ta, nay phải giúp ta”. Sai người trói Cát đặt trên đất, sai cầu mưa, nếu có thể cảm kích trời cao trong ngày đó có mưa thì được thả, không thì đem giết. Chốc lát mây khí kéo đến kín trời, lớn nhỏ tụ lại, sắp đến giữa ngày, mưa to xả xuống, khe suối tràn đầy. Tướng sĩ vui mừng, cho rằng Cát tất được thả, đều đến an ủi. Sách bèn giết Cát. Tướng sĩ đau xót, cùng giấu thân của Cát. Buổi đêm, bỗng lại sống dậy; ngày sau đến xem thì không biết ở đâu.

Xét việc về Vu Cát trong Giang Biểu truyện, Sưu thân kí không giống, không rõ đúng hay sai.

ngần luyện quân, sắp đặt các tướng. Chưa đi, bị khách của Ngô Quận Thái thú Hứa Cống ngày trước giết. Lúc trước, Sách giết Cống, con nhỏ của Cống cùng người khách trốn nấu ở bờ sông. Sách một mình cưỡi ngựa đi ra, rồi gặp với người khách, người khách đâm thương Sách.

Giang Biểu truyện viết: Quảng Lăng Thái thú Trần Đăng trị ở Tạ Dương, Đăng là con của anh họ của Vũ vậy. Sách lúc trước đánh phương tây, Đăng ngầm sai

sứ li gián, đem ân thao cấp cho đảng quân của Nghiêm Bạch Hổ, mưu gây hại ở sau để trả mối nhục Vũ bị phá. Sách về, lại đánh Đãng. Quân đến Đan Đồ, dừng lại đợi chuyển lương. Tính Sách ưa sẵn bắn, đếm mấy quân kỵ bộ ra. Sách ruổi ngựa đuổi hươu, con ngựa cưỡi rất nhanh nhẹn, quân kỵ đi theo chẳng ai theo kịp. Lúc trước, Ngô Quận Thái thú Hứa Công dâng biểu lên Hán Đế nói: “Tôn Sách kiêu hùng sánh ngang với Hạng Tịch, nên thêm quý trọng, gọi về kinh sư. Nếu nhận chiếu thì không thể không về, nếu thả ở ngoài tất gây họa cho đời”. Quan lại của Sách rình chờ lấy được biểu của Công, đem cho Sách xem. Sách xin gặp Công để trách mắng Công. Công chột là không dâng biểu, Sách liền sai võ sĩ thắt cổ giết Công. Bọn nô khách của Công trốn trong dân, muốn trả thù cho Công. Lúc đi săn, có ba tên lính là khách của Công vậy. Sách hỏi: “Các người là người nào”? Đáp nói: “Là quân của Hàn Đương, ở đây bắn hươu thôi”. Sách nói: “Quân của Đương thì ta đều biết, chưa từng thấy các người”. Nhân đó bắn một người, nghe tiếng cung lộn tránh, hai người còn lại vội vàng dương cung bắn Sách, trúng má. Sau quân kỵ đi đến, đều đâm chết chúng.

Cửu châu Xuân thu viết: Sách nghe tin Tào Công lên phía bắc đánh Liễu Thành, đem hết quân Giang Nam, tự xưng là Đại Tư mã, muốn lên phía bắc đánh úp đất Hứa. Tính Sách dũng mãnh, đi không phòng bị cho nên gặp nạn.

Dị đồng bình của Tôn Thịnh viết: Mấy sách này đều có sai lầm. Tôn Sách dẫn ra oai ở ngoài sông Giang, chiếm được sáu quân, nhưng Hoàng Tổ chiếm ở đầu nguồn, Trần Đãng li gián kẻ tim bụng của Sách, lại có họ hàng lớn mạnh ở nơi sâu hiểm, nhưng chưa quy phục hết. Tào, Viên tranh giành, thế rung núi biển, Sách há dễ đem quân đi xa đến Nhữ, Dĩnh, dòi Đế về đất Ngô, Việt chăng? Dẫn kẻ ngu dân cũng soi thấy, huống chi Sách có phải là kẻ biết sức mình? Lại xét Viên Thiệu vào năm Kiến An thứ năm đến Lê Dương, mà Sách đến tháng tư bị hại, mà sách chép Sách nghe tin Tào Công chống nhau với Viên Thiệu ở Quan Độ, là lầm vậy. Lờn nói về việc đánh Đãng, là chứng cứ vậy. Lại nữa Giang Biếu truyện nói rằng Sách biết hết quân sĩ của Hàn Đương, nghi rằng đây là giả, lại bắn chết một người. Ôi ba quân tướng sĩ cũng có kẻ mới vào, Sách là Đại tướng, có thể biết hết sao? Cho nên không biết mà lại giết chúng, không phải là cách đối xử của Sách vậy. Lại còn Sách bị giết vào năm thứ năm, mà trận Liễu Thành xảy ra vào năm thứ mười hai, do đó thấy Cửu châu Xuân thu chép rất sai lầm.

Thần Tòng Chi xét: Phó Tử cũng nói Tào Công đánh Liễu Thành, muốn đánh úp đất Hứa. Ghi chép như thế, sao lại sơ sài vậy! Nhưng sự chệch bại của Tôn Thịnh, không phải là đều đúng. Hoàng Tổ lúc trước bị Sách phá, sức mạnh chưa phục, nhưng tôi chủ Lưu Biếu vốn không cùng chí. Dẫn tại đầu nguồn, sao có thể uy hiếp được đất Ngô Côi? Cuộc dậy binh của Sách, phải là đánh Trần Đãng trước, nhưng nơi dậy binh, không chỉ đánh Trần Đãng mà thôi. Bấy giờ, họ hàng mạnh mẽ, tướng sùỵ cứng mạnh, bọn Tổ Lang, Nghiêm Hổ bắt diệt đã hết, bọn còn lại

như giặc Sơn Việt, sao đủ thành mối lo? Vậy thì điều mà Sách mưu tính, không thể nói là không dễ vậy. Nếu khiến cho chí Sách thành đạt được, quyền lớn trong tay thì vùng sông Hoài, sông Tứ đều có thể đánh được, sao phải chỉ có chí thu lấy vùng ngoài sông Giang, dòir Để đến vùng Ngô, Việt? Xét Ngụy Vũ tử, Vũ Đế vào năm Kiến An thứ tư đã ra đóng quân ở Quan Độ, trước khi Sách chưa chết, gây binh với Viên Thiệu lâu ngày, vậy thì điều mà Quốc chí ghi chép không phải là sai lầm. Còn như tên khách của Hứa Công, không nghe nói kẻ tiểu nhân, vậy mà cảm kích ân tri ngộ, vì nghĩa mà quên mạng sống, rút cuộc ra tay mạnh mẽ, có cái oanh liệt sánh với thời xưa vậy. Kinh Thi nói: “Quân tử có mưu lớn, tiểu nhân cùng gần gũi”. Khách của Công là người như thế.

Vết thương rất nặng, gọi bọn Trương Chiêu bảo nói: “Trung Quốc đang loạn, ta dựa vào quân Ngô, Việt, cái vững của Tam Giang, đủ để xem thành bại. Các ông giúp em ta cho tốt”! Gọi Quyên đến cho đeo ấn thao, bảo nói: “Dấy quân Giang Đông, quyết mưu ở vùng Lương Trăn, tranh đua với thiên hạ thì người không bằng ta; nhưng cử người hiền, dùng người tài, bọn chúng đâu hết lòng để giữ Giang Đông thì ta không bằng người”. Đến đêm thì chết, bấy giờ hai mươi sáu tuổi.

Ngô lịch viết: Sách đã bị thương, Khuông nói là chữa được, phải tự giữ gìn, trong trăm ngày không được động. Sách đem gương tự soi, bảo tả hữu nói: “Mặt như thế, còn làm việc lập công được sao”? Đáp bàn rung chuyển, vết thương vỡ ra, đến đêm thì chết.

Sưu thần ký viết: “Sách đã giết Vu Cát, hề ngồi một mình, thấy Cát vất vưởng ở tả hữu, trong lòng chán ghét, có phần không bình thường. Sau chữa vết thương sắp khỏi, lại đem gương tự soi, thấy Cát ở trong gương, ngoảnh lại thì không thấy, như thế ba lần, do đó vết gương kêu lớn, vết thương bèn vỡ lở, chốc lát thì chết.

Tôn Quyên xưng tôn hiệu, truy tặng thụy cho Sách là Trường Sa Hoàn Vương, phong con là Chiêu làm Ngô Hài, sau đổi phong làm Thượng Ngu Hài. Chiêu chết, con là Phụng thừa tự. Thời Tôn Hạo, nói xằng là Phụng nên lập, giết chết.

Bàn nói: Tôn Kiên dũng cảm cứng cỏi, sớm đã nổi dậy, khuyên Ôn giết Trác, dòir non bạt gò, có chí trung tráng. Sách có khí anh hùng cứu dân, dũng mãnh hơn đời, xem cái kì mà lấy đi đầu lạ, có chí lấn Trung Quốc. Nhưng khinh mạn hấp tấp, dẫn đến hại thân tan vỡ. Lại cắt chiếm Giang Đông là cái nền móng của Sách vậy, mà Quyên tôn quý chưa hết mức, con chỉ nhận tước Hài, nghĩa cũng kém thay.

Tôn Thịnh nói: Anh em họ Tôn đều có kế hay hơn đời. Dựng nên cơ nghiệp là do ở Sách vậy. Từ ngày bị chết, đem lệnh trao cho Quyền. Nói về chí khí, vẫn có chí đâm cổ, nói chí cái ưu ái của trời cao, cái rõ ràng của bậc anh hào, há tham tiếng tăm với người trước mà làm trái cái thật thà của bản tính sao? Há cúi nghĩ xa về số trời đầy vơi mà lại e dè tiếng tăm, vật thân sao? Làm rõ danh phận thì mới làm người phòng giữ của nhà nước; Đỗ Tuyết do dự mà làm lỡ kế hay, cho nên Lỗ Ẩn Công kiêu căng, rút cuộc dẫn đến môi họa Vũ Phủ; Tống Tuyên Công mang lòng nhân, rút cuộc có nỗi đau của Thương Công. Đều là rủi lòng chứa điều tốt nhỏ, mà không làm nên được mưu đồ giúp đỡ. Nếu câu tiếng tốt cho mình mà không nghĩ mưu cho con cháu thì có thể nói là nước có nghìn cỗ xe nhẹ, xéo đường cũng không được. Họ Tôn nhân lúc nhiễu loạn, được dịp phân chí ngang dọc, cơ nghiệp không phải do ban đức mà có, nước không phải vững như bàn đá. Sức có một phần thì lộc cũng có thể hết. Tính yếu mềm thì loạn họa nổi lên, sao không phòng giữ lúc chưa có điềm báo, lo cái khó cho mai sau? Tráng thay! Sách là người đứng đầu lo việc là chủ mở mang nước Ngô, bọn Thừa tướng, Tướng quân theo sau, đều là bạn cũ vậy, nhưng con thừa tự hèn kém, chể cể cũng chẳng xong, Phụng giúp thì như Lỗ Hoàn Công, Điền Thị gây khó, Sùng thì như Dữ Di, Tử Phùng chước họa. Cho nên làm rõ danh phận, phải làm cho thấp, hèn khác xa nhau, rồi mới làm cho nước không có lỗi buông thả, người kế thừa đời sau hiềm khích nghi ngờ, bấy tôi thôi bàn kế hay, không dốc lòng trông mong; tình dầu trái, việc dầu kém, nhưng đến như không lo mưu tính xa, giữ vững thành trì, có thể nói là chưa có, trị cũng chưa loạn vậy. Lời bàn của họ Trần, có chỗ chưa đạt!

QUYỂN 2 - NGÔ CHỦ TRUYỆN

TÔN QUYỀN TRUYỆN

Tôn Quyền tự Trọng Mưu. Anh là Sách đã định các quận, bấy giờ Quyền mười lăm tuổi, lấy làm Dương Tiễn Trưởng.

Giang Biều truyện chép: Vào thời Kiên làm Hạ Bì Thừa thì Quyền sinh, má vuông miệng lớn, mắt có ánh sáng, Kiên thấy lạ, cho là có tướng quý. Đến lúc Kiên chết, Sách nổi dậy ở Giang Đông, Quyền thường đi theo. Suy nghĩ sáng suốt, có nhân lại quyết đoán, ưa hiệp khách, nuôi kẻ sĩ, bắt đầu được biết tiếng, sánh ngang với cha anh. Hễ cùng tham gia mưu tính, Sách rất cho là kì, tự cho mình không theo kịp. Hễ mời họp tân khách, thường ngoảnh bảo Quyền rằng: “Các vị ấy là tướng của người đấy”.

Quận xét làm hiệu liêm, châu cử làm mậu tài, làm Phụng nghĩa hiệu úy. Nhà Hán thấy Sách ở xa chức cống, sai sứ giả là Lưu Uyển ban lễ cử tích. Uyển bảo người khác rằng: “Ta xem anh em họ Tôn đều có tài tăng sáng suốt, nhưng đều không được hưởng lộc trọn vẹn, chỉ có em giữa làm hiệu liêm là có đáng về kì vĩ, cốt cách không phải tầm thường, có tướng đại quý, tuổi thọ lại dài nhất, người thử nghĩ mà xem”.

Năm Kiến An thứ tư, theo Sách đánh Lư Giang Thái thú Lưu Huân. Huân bị phá, đến đánh Hoàng Tổ ở Sa Tiễn.

Năm thứ năm, Sách hoẵng, trao việc cho Quyền, Quyền khóc mãi không thôi. Trưởng sử của Sách là Trương Chiêu bảo Quyền rằng: “Hiếu liêm, lúc này là lúc khóc sao? Ngày xưa Chu Công lập ra phép tắc nhưng Bá Li không theo, đấy không phải là trái lệnh cha, mà là bấy giờ không vâng theo được.

Thần là Tùng Chi xét: Lễ kí chép: Tăng Tử hỏi Tử Hạ rằng: “Để tang ba năm, không tránh việc can qua, là lễ ư? Trước đây có việc này ư? Khổng Tử nói: “Ta nghe những người già nói rằng ngày xưa Lỗ Công là Bá Li có làm việc ấy”. Trịnh Huyền chú giải rằng: “Người nhà Chu ngừng khóc thì làm việc ấy. Bấy giờ có người Nhung ở nước Từ làm loạn, Bá Li ngừng khóc mà đánh chúng, đấy là việc gấp của nhà vua vậy”. Lời mà Chiêu nói là “Bá Li không theo”, có lẽ chỉ về việc này.

Huống chi ngày nay kẻ gian ác rong ruổi, bọn lang sói đầy đường; vậy mà lại thương khóc người thân, ngoảnh theo lễ chế, đấy là mở cửa mà rước giặc vào nhà. Không phải là có nhân vậy”. Bèn đổi sửa áo cho Quyên, đỡ lên ngựa cho đi coi xét các quân. Bây giờ chỉ có các quận Cối Kê, Ngô, Đan Dương, Dự Chương, Lư Lăng, nhưng các chỗ hiểm trở vẫn chưa theo về hết, mà anh hào trong thiên hạ ở khắp châu quận, bọn tân khách kẻ sĩ ở trọ có ý nguy thì bỏ đi, yên thì ở lại, chưa có cái vững chắc của đạo vua tôi. Bọn Trương Chiêu, Chu Du bảo Quyên nên cùng họ dựng nghiệp lớn, cho nên họ dốc lòng theo giúp. Tào Công dâng biểu cử Quyên làm Thảo lỗ tướng quân, lĩnh chức Cối Kê Thái thú, đóng quân ở Ngô Quận, sai đến quận coi các việc văn thư. Dùng lễ sư phó để đãi Trương Chiêu, lại dùng bọn Chu Du, Trình Phổ, Lữ Phạm làm tướng súy. Mời gọi bọn tuấn tú, tìm cầu danh sĩ, bọn Lỗ Túc, Gia Cát Cẩn bắt đầu làm tân khách. Chia phân các tướng, võ vè người Sơn Việt, đánh kẻ không theo lệnh.

Giang Biểu truyện chép: Trước đây Sách dâng biểu dùng Lí Thuật làm Lư Giang Thái thú, sau khi Sách hoẵng, Thuật không chịu theo Quyền, lại thu nạp nhiều kẻ phản loạn trốn tránh. Quyền gửi thư đòi bắt, Thuật báo rằng: “Có đức thì được kẻ khác theo về, không có đức thì bị kẻ khác chống lại, không cho thả về”. Quyền cả giận, bèn kể việc này cho Tào Công rằng: “Khi xưa Nghiêm Thứ sử được ngài chọn dùng, lại là tướng được châu cử, vậy mà Lí Thuật hung ác, khinh thường phép tắc của nhà Hán, làm hại quan lại của châu, dung chứa kẻ vô đạo, nên nhanh đến đánh diệt để cắt bỏ bọn xấu. Nay muốn đánh hắn, tiến thì vì nhà nước mà tiểu trù kinh nghệ, lùi thì vì tướng được châu cử mà báo trả thù hận, đây việc đạt nghĩa với thiên hạ, là điều mà ta ngày đêm dốc lòng. Thuật tất sợ bị giết mà nói dối để cầu cứu. Ngồi vị của mình công là chức phận của quan A hành, là điều mà người trong nước trông ngóng, xin ra lệnh cho ta nắm việc này, đừng làm lỡ hiệu lệnh”. Năm đó, đem quân đánh Thuật ở Hoàn Thành. Thuật đóng cửa tự giữ, cầu cứu với Tào Công. Tào Công không cứu. Lương thực thiếu hết, đàn bà có người phải vo bùn mà nuốt. Cuối cùng làm cỏ thành này, treo đầu Thuật, dòi hơn ba vạn bộ khúc của Thuật đi chỗ khác.

Năm thứ bảy, mẹ của Quyên là Ngô thị hoẵng.

Năm thứ tám, Quyên đến phía tây đánh Hoàng Tổ, phá quân thuyên của hắn, riêng thành là chưa hạ được, mà bọn cướp trong núi lại động. Về qua quận Dự Chương, sai Lữ Phạm bình huyện Bà Dương, sai Trình Phổ đánh huyện Nhạc An, sai Thái Sử Từ trông coi huyện Hải Hôn, bọn Hàn Dương, Chu Thái, Lữ Mông chia ra làm trưởng lại của các huyện.

Năm thứ chín, em của Quyên là Đan Dương Thái thú Dục bị tả hữu hại, lấy anh họ là Du thay Dục.

Ngô lục chép: Bấy giờ Quyên tự hội quan lại, Thẩm Hữu có chỗ đứng sai, sai người lôi ra, bảo rằng: “Người ta nói khanh muốn phản”. Hữu biết không thoát được, bèn nói: “Nhà vua tại đất Hứa, người có lòng không thờ ngài, có thể gọi là không phản sao”? Rồi giết Hữu. Hữu tự Tử Chính, người quận Ngô. Lúc mười một tuổi vừa lúc Hoa Hâm sửa phong tục, thấy Hữu thì cho là lạ, nhân đó gọi lại nói: “Chàng họ Thẩm kia, trèo lên xe nói chuyện được không”? Hữu liền lùi lại chối rằng: “Quân tử giảng đều hay, phải lấy lễ mở hội yến, ngày nay việc nhân nghĩa rũ bỏ, thánh đạo vỡ lở, tiên sinh nhận lệnh, sắp sửa sang lễ giáo của Tiên vương, uốn nắn phong tục, vậy mà khinh thường uy nghi, ví như vác củi đập lửa, chẳng phải là làm cho lửa càng cháy mạnh sao”? Hâm then nói: “Từ thời Hoàn, Linh đến nay, đâu có nhiều kẻ anh hào, nhưng chưa có ai trẻ nhỏ mà được như thế này”. Đến tuổi đội mũ thì học rộng, nhiều chỗ thấu suốt, giỏi việc văn thư. Lại ưa việc quân, chú sách binh pháp của Tôn Tử. Lại có miệng lưỡi biện luận, hễ đến chỗ nào thì mọi người đều im lặng chịu nghe, chẳng ai cùng đôi đáp được, mọi người đều cho là cái kì diệu của bút sách, cái kì diệu của miệng lưỡi, cái kì diệu của sức khỏe, ba cái đều vượt qua người khác. Quyên dùng lễ vật tìm hỏi, đã đến, bàn về kế sách dựng nghiệp Vương bá, hỏi việc của thời bấy giờ, Quyên thu nạp kính trọng Hữu. Bày kế nên chiếm Kinh Châu, bèn nghe theo. Đứng châu nghiêm cẩn, bàn việc hăng hái, bị bọn bày tôi tâm thường gièm pha, vu cho tội mưu phản. Quyên cũng cho là Hữu không giúp mình được trọn vẹn, cho nên giết Hữu, bấy giờ hai mươi chín tuổi.

Năm thứ mười, Quyên sai Hạ Tề đánh huyện Thượng Nghiêu, chia lập thành huyện Kiến Bình. Năm thứ mười hai, đến phía tây đánh Hoàng Tổ, bắt dân chúng của hắn rồi về.

Mùa xuân năm thứ mười ba, Quyên lại đánh Hoàng Tổ, Tổ sai quân thủy chống quân trước, Đô úy Lữ Mông phá quân tiên phong của hắn, còn bọn Lăng Thống, Đồng Tập đem hết quân tinh nhuệ đánh Tổ, bèn làm cỏ thành của hắn. Tổ giữ thân chạy trốn, quân kị là Phùng Tắc đuổi theo chém treo đầu hắn, bắt được mấy vạn trai gái của hắn. Năm đó, sai Hạ Tề đánh huyện Y, huyện Thiệp,

Y, đọc là âm ‘y’.

Thiệp, đọc là ‘nhiếp’. chia huyện Thiệp lập ra các huyện Thủy Tân, Tân Định,

Ngô lục chép: Nhà Tấn đổi tên Tân Định thành Toại An.

Lê Dương, Hưu Dương,

Ngô lục chép: Nhà Tấn đổi tên Hưu Dương thành Hải Ninh.

lấy huyện Lục lập thành quận Tân Đô. Kinh Châu Mục là Lưu Biểu chết, Lỗ Túc xin vâng lệnh đến thăm hỏi hai con của Biểu, lại để xem sự biến. Túc chưa đến thì Tào Công đã vào đất của họ, con của Biểu là Tông đem quân ra hàng. Lưu Bị muốn vượt sông xuống phía nam, Túc gặp nhau với Bị, nhân đó truyền ý của Quyên, nói rõ thành bại. Bị đến đóng quân ở Hạ Khẩu, sai Gia Cát Lượng đến chỗ Quyên, Quyên sai bọn Chu Du, Trình Phổ đi theo. Bấy giờ Tào Công vừa thu được quân của Biểu, thế lực rất mạnh, những người bàn đầu thấy qua đã sợ hãi, nhiều người khuyên Quyên đón Tào Công.

Giang Biểu truyện chép thư của Tào Công gửi Quyên rằng: “Gần đây ta nhận lệnh đánh kẻ có tội, dương cờ về phía nam, Lưu Tông phải trối tay. Nay luyện tám mươi vạn quân thủy, sắp cùng quân tướng hội sẵn ở đất Ngô’. Quyên nhận thư, đem ra cho bày tôi xem, chẳng ai không sợ hãi thất sắc.

Chỉ có Du, Túc là giữ ý chống lại, giống ý với Quyên. Du, Phổ làm Tả, Hữu đô đốc, đều lĩnh vạn quân, cùng đi với Bị, gặp quân của Tào Công ở Xích Bích, đại phá quân của Tào Công. Tào Công đốt thuyền còn lại rồi rút lui, quân sĩ đói bệnh, chết đến quá nửa. Bọn Bị, Du lại đuổi đến Nam Quận, Tào Công bèn về phía bắc, để Tào Nhân, Từ Hoảng ở lại Giang Lăng, sai Nhạc Tiến giữ Tương Dương. Bấy giờ Cam Ninh tại Giang Lăng bị quân của Nhân vây, bèn dùng kế của Lữ Mông, để Lăng Thống ở lại chống Nhân, đem nửa quân của Thống đến cứu Ninh, quân do đó thắng lại. Quyên tự đem quân vây Hợp Phì, sai Trương Chiêu đánh huyện Đương Đô thuộc quận Cửu Giang. Quân của Chiêu không được lợi, Quyên đánh thành hơn một tháng không hạ được. Tào Công từ Kinh Châu về, sai Trương Hỉ đem quân kị đến Hợp Phì. Chưa đến, Quyên lui.

Năm thứ mười bốn, bọn Du, Nhân chống nhau hơn một năm, người bị chết thương rất nhiều. Nhân bỏ thành chạy. Quyên lấy Du làm Nam Quận Thái thú. Lưu Bị dâng biểu cử Quyên làm Xa kị tướng quân, lĩnh chức Từ Châu Mục. Bị lĩnh chức Kinh Châu Mục, đóng quân ở Công An.

Năm thứ mười lăm, chia quận Dự Chương lập ra quận Bà Dương; chia quận Trường Sa lập ra quận Hán Xương, lấy Lỗ Túc làm Thái thú, đóng quân ở Lục Khẩu.

Năm thứ mười sáu, Quyên dời sở trị đến huyện Mạt Lăng. Năm sau, đắp thành ở huyện Thạch Đài, đổi tên Mạt Lăng thành Kiến Nghiệp. Nghe tin Tào Công sắp đến lấn, đắp lũy Nhu Tu.

Tháng giêng năm thứ mười tám, Tào Công đánh Nhu Tu, Quyên chống nhau với Tào Công hơn một tháng, Tào Công từ xa nhìn quân của Quyên, than rằng quân của Quyên nghiêm túc, bèn lui.

***Ngô lịch chép:** Tào Công đến Nhu Tu, làm thuyền dẫu, buổi đêm vượt lên bãi sông. Quyên đem quân thủy vây lại, bắt được hơn ba nghìn người, kẻ bị chết đuối cũng đến mấy nghìn người. Quyên nhiều lần dụ đánh, Tào Công giữ vững không ra. Quyên bèn tự đến, cưỡi thuyền nhẹ, từ cửa Bá Tu đi vào chỗ đóng quân của Tào Công. Các tướng đều cho là quân dụ đánh, muốn ra đánh. Công nói: “Đây tất là Tôn Quyên muốn tự thân xem đội ngũ của quân ta vậy”. Hạ lệnh trong quân đều nghiêm chỉnh, cung nỏ không được bắn bừa. Quyên đi năm, sáu dặm, rồi đi về, đánh trống vang lừng. Tào Công thấy thuyền bè vũ khí nghiêm chỉnh, tấm tắc than thở rằng: “Sinh con phải như Tôn Trọng Mưu, con của Lưu Cảnh Lưu chỉ như chó lợn thôi!”. Quyên soạn thư gửi Tào Công rằng: “Mùa xuân đang rộ, ông nên rút nhanh”. Lại viết trên giấy riêng rằng: “Túc hạ không chết thì ta không yên được”. Tào Công bảo các tướng rằng: “Tôn Quyên không dối ta”. Bèn đem quân về.*

***Ngụy lược chép:** Quyên cưỡi thuyền lớn đến xem quân của Tào Công, Tào Công phát cung nỏ bắn loạn, tên cắm đầy thuyền, thuyền nghiêng nặng sắp lật, Quyên do đó quay thuyền lại, lại lấy xoay mặt khác để đón mũi tên, mũi tên cắm đều vào thuyền, rồi về.*

Trước đây, Tào Công sợ các quận huyện bên bờ sông Giang bị Quyên cướp lấy, ra lệnh dời vào trong. Dân truy nhau kinh động, hơn mười vạn hộ của các quận Lư Giang, Cửu Giang, Kỳ Xuân, Quảng Lăng đều vượt sông về phía đông, do đó miền tây sông Giang trống rỗng, từ Hợp Phì về phía nam chỉ có Hoàn Thành.

Tháng năm năm thứ mười chín, Quyên đánh Hoàn Thành. Tháng nhuận, hạ thành này, bắt được Lư Giang Thái thú Chu Quang cùng Tham quân Đồng Hòa, mấy vạn người trai gái. Năm đó Lưu Bị định đất Thục. Quyên thấy Bị đã có được Ích Châu, sai Gia Cát Cẩn đến xin lại các quận của Kinh Châu. Bị không ưng, nói: “Ta đang đánh Lương Châu, khi Lương Châu định mới đem Kinh Châu cho Ngô vậy”. Quyên nói: “Đây là mượn mà không trả, lại muốn nói lời sáo rỗng để kéo dài năm tháng”. Bèn đặt trưởng lại của ba quận phía nam, Quan Vũ đầu đuôi hết họ đi. Quyên cả giận, bèn sai Lữ Mông đem bọn Tiên Vu Đan, Từ Trung, Tôn Quy phát quân đánh lấy ba quận Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương, sai Lỗ Túc đem vạn quân đóng trại ở Ba Khâu

Ba Khâu là Ba Lăng ngày nay.

để chống Quan Vũ. Quyên đóng quân ở Lục Khẩu, để trông coi các quân. Mông đến, hai quận đầu phục, riêng Linh Lăng Thái thú Hách Phổ chưa theo. Vừa lúc Bị đến Công An, sai Quan Vũ đem ba vạn quân đến Ích Dương, Quyên bèn gọi bọn Mông về giúp Túc. Mông sai người dụ Phổ, Phổ hàng, thu được quan tướng của ba quận, do đó dẫn quân về, cùng Tôn Giao, Phan Chương lấy quân của Lỗ Túc cùng đi, chống Quan Vũ ở Ích Dương. Chưa đánh, gặp lúc Tào Công vào Hán Trung, Bị sợ mất Ích Châu, sai sứ xin hòa. Quyên sai Gia Cát Cẩn đến báo, rồi lại kết thân, bèn chia từ các quận Trường Sa, Giang Hạ, Quế Dương đến phía đông của Kinh Châu thuộc về Quyên, từ các quận Nam Quận, Linh Lăng, Vũ Lăng đến phía tây thuộc về Bị. Bị về, vừa lúc Tào Công đã về Quyên từ Lục Khẩu về, rồi đánh Hợp Phì. Không hạ được Hợp Phì, rút quân về Quân đầu trên đường, Quyên cùng bọn Lăng Thống, Cam Ninh tại phía bắc bờ sông bị tướng Ngụy là Trương Liêu đánh úp, bọn Thống liền chết cứu Quyên, Quyên cưỡi ngựa khỏe vượt cầu qua bờ sông thoát được.

***Hiển Đế xuân thu chép:** Trương Liêu hỏi quân hàng người Ngô rằng: “Phía trước có vị Tướng quân râu đỏ, trên dài dưới ngắn, cưỡi ngựa nhanh bắn tên giỏi kia là ai”? Quân hàng đáp nói: “Là Tôn Côi Kê”. Liêu gặp nhau với Nhạc Tiến, nói là không biết sớm, liền nhanh đuổi theo, toàn quân than tiếc.*

***Giang Biều truyện chép:** Quyên cưỡi ngựa khỏe lên cầu qua bờ sông, phía nam cầu đã bị gãy, hơn một trượng không có tấm ván nào. Cốc Lợi ở sau ngựa, cho Quyên giữ dây cương yên ngựa. Lợi ở sau quất roi để giúp sức ngựa, bèn qua cầu được. Quyên đã được thoát, bèn bái Lợi làm Đô đình hầu. Cốc Lợi vốn là quan Tả hữu Cấp sứ, vì cẩn thận mà được làm Thái giám thân cận, tính trung trinh cứng cỏi, lời nói không cầu thả, Quyên tin yêu người này.*

Mùa đông năm thứ hai mươi một, Tào Công đến ở Cư Sào, rồi đánh Nhu Tu.

Mùa xuân năm thứ hai mươi hai, Quyên sai Đô úy Từ Tường đến chỗ Tào Công xin hàng, Công sai sứ kết hòa, thề cùng kết hôn.

Tháng mười năm thứ hai mươi ba, Quyên sắp đến quận Ngô, tự cưỡi ngựa bắn hổ ở Thăng Đình. Ngựa bị hổ đánh thương, Quyên dùng hai cây kích đánh, hổ liền thương, có người thường đi theo là Trương Thế lấy qua để đánh, bắt được nó.

Năm thứ hai mươi tư, Quan Vũ vây Tào Nhân ở Tương Dương, Tào Công sai Tả Tướng quân Vu Cấm cứu Nhân. Gặp lúc nước sông Hán dâng cao, Vũ đem quân thuyền bắt hết ba vạn quân kỵ bộ của Cấm đem về

Giang Lăng, riêng thành chưa hạ. Quyên trong lòng sợ Vũ, ngoài muốn đánh để lập công cho mình, gửi thư cho Tào Công, xin được đánh Vũ để chuộc tội. Tào Công lại muốn cho Vũ chống nhau với Quyên để ngăn chặn, sai người theo trạm dịch gửi thư cho Quyên, sai Tào Nhân đem nỏ bắn ra để báo cho Vũ biết. Vũ chần chừ không bỏ đi. Tháng nhuận, Quyên đánh Vũ, sai Lữ Mông đánh úp huyện Công An trước, bắt được Tướng quân Sĩ Nhân. Mông đến Nam Quận, Nam Quận Thái thú Mi Phương đem thành hàng. Mông chiếm Giang Lăng, vỗ về người già yếu ở đấy, cời trói cho Vu Cấm. Lục Tốn đi riêng chiếm Nghi Đô, đánh lấy các huyện Tỉ Quy, Chi Giang, Di Đạo, về đóng quân ở Di Lăng, giữ ở Hiệp Khẩu để chặn quân Thục. Quan Vũ về Dương Dương, rút đến phía tây giữ Mạch Thành, Quyên sai người dụ Vũ. Vũ giả hàng, dựng cờ hiệu làm người tượng ở trên thành, nhân đó chạy trốn, quân đầu tan rã, chỉ còn hơn mười quân kị. Quyên sai bọn Chu Nhiên, Phan Chương chặn đường rút của Vũ trước. Tháng mười hai, viên Tư mã của Chương là Mã Trung bắt được Vũ cùng bọn con của Vũ là Bình, Đô đốc của Vũ là Triệu Lũy ở Chương Hương, bèn định Kinh Châu. Năm đó có bệnh dịch lớn, miễn hết tô thuế cho dân của Kinh Châu. Tào Công dâng biểu cử Quyên làm Phiêu kỵ tướng quân, ban cờ tiết, lĩnh chức Kinh Châu Mục, phong Nam Xương Hầu. Quyên sai Hiệu úy Lương Ngụ đem cống vật cho nhà Hán, cùng sai Vương Đôn mua ngựa, lại sai bọn Chu Quang về

***Ngụy lược chép:** Lương Ngụ tự Khổng Nho, người quận Ngô. Quyền sai Ngụ dò xét Tào Công, Tào Công nhân đó cho làm Quyền thuộc, rồi sai về miền nam.*

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai mươi lăm, Tào Công hoẵng, Thái tử Phi thay làm Thừa tướng Ngụy Vương, đổi niên hiệu là Diên Khang. Mùa thu, Tướng Ngụy là Mai Phu sai Trương Kiêm đến xin được thu nạp. Năm nghìn hộ dân của năm huyện Âm, Tấn, Trúc Dương, Trúc âm trực. Sơn Đô, Trung Lư thuộc quận Nam Dương đến nương dựa. Mùa đông, Vương nối tự của nhà Ngụy xưng tôn hiệu, đổi niên hiệu là Hoàng Sơ. Tháng tư năm thứ hai, Lưu Bị xưng Đế ở đất Thục.

***Ngụy lược chép:** Quyền nghe tin Ngụy Văn Đế nhận truyền ngôi và Lưu Bị xưng Đế bèn gọi hỏi người biết xem sao, khí sao giữa vùng phận của mình thế nào, bèn có ý tiếm hiếp. Lại cho rằng ngôi của mình còn nhỏ, không đủ để ra oai với dân chúng, lại muốn nhún nhường trước rồi lên ngôi sau, nhún nhường thì có thể mượn có để được ban ân sủng, lên ngôi sau thì nhà Ngụy tất đến đánh dẹp, đến đánh dẹp thì mới làm cho dân chúng hăng hái, dân chúng hăng hái thì mới*

có thể tự đại, cho nên ngăm cất tuyệt Thục mà chuyển sang theo thờ Ngụy. Quyền từ Công An đến đóng đô ở huyện Ngạc, đổi tên là Vũ Xương, lấy sáu huyện Vũ Xương, Hạ Trĩ, Tâm Dương, Dương Tân, Sài Tang, Sa Tiệp lập thành quận Vũ Xương.

Tháng năm, người thành Kiến Nghiệp nói là có sương ngọt giáng. Tháng tám, đắp thành ở Vũ Xương, hạ lệnh các tướng rằng: “Người còn sống không quên người mất, lúc yên thì lo lúc nguy, đấy là phép hay của người xưa. Ngày xưa Tuấn Bất Nghi là danh thần của nhà Hán, vào thời yên bình mà còn đeo đao kiếm không rời khỏi thân, đấy là vũ khí phòng bị của người quân tử, không nên vứt bỏ. Huống chi ngày nay dẫn thân ở biên giới, gần kề với bọn lang sói, vậy mà có thể coi thường mà không lo biến nạn sao? Nghe nói rằng các tướng ra vào, đâu còn nhún nhường, không đem quân sĩ theo, đấy rất không phải là phòng bị lo nghĩ cho thân mình. Giữ cho được thân mình truyền tên tuổi cho đời sau, để giữ yên người thân của các ông, thì sao nguy khốn được? Nên phòng bị nghiêm ngặt, cho đó là việc lớn, đúng ý của ta vậy”.

Từ thời Ngụy Văn Đế lên ngôi vị, Quyền vâng lệnh xưng thần, lại sai bọn Vu Cấm về Tháng mười một, ra lệnh cho Quyền nói: “Phép tắc của vua hiền là xét đức để ban chức tước, xét công để thưởng bổng lộc. Người có công lớn thì thưởng bổng lộc nhiều, người đức dày thì ban lễ hậu. Cho nên Thúc Đán có công giúp đỡ, Thái Công có công gây dựng, đều được ban cho đất đai, đấy là để khen ngợi công to, tỏ cái khác lạ của bậc hiền triết vậy. Gần đây vào đầu thời Hán Cao Tổ nhận lệnh, chia đất màu mỡ phong Vương cho tám họ, đấy là cái hay của đời trước, là tấm gương cho bậc Vương đời sau vậy. Trẫm là kẻ không có đức, theo vận mà sửa đổi, trông coi muôn nước, vâng giữ mệnh trời, suy nghĩ việc đời trước, nghĩ mà sợ sáng. Chỉ có ông bản tính trung trinh, có tài giúp đời, hiểu sâu lịch số, soi thấu thịnh suy, ở xa mà sai khiến được người khác, qua cả vùng sông Tiềm sông Hán,

Vũ công chép: Đà, Tiềm đã đào. Chú rằng: “Xuất từ sông Giang là sông Đà, xuất từ sông Hán là sông Tiềm”.

kẻ nghe qua đều đến nương dựa, dâng sớ xưng thần, thu nạp tơ lụa, vật cống của phương nam, đều sai các tướng đến cống cho triều đình. Trong lòng trung trinh thì kẻ ngoài thành thật, tin khắc lên vàng đá, nghĩa trùm cả sông núi, trẫm rất khen ngợi. Nay phong ông làm Ngô Vương, sai Sử tri tiết Thái thường Cao Bình Hầu là Trình đến trao cho ông các đồ ấn thao

chiếu thư, hồ phù từ hạng nhất đến hạng năm, tả trúc sứ phù từ hạng nhất đến hạng mười, cho làm Đại Tướng quân, cần cò tiết trông coi Giao Châu, lĩnh việc Kinh Châu Mục, ban cho ông đất xanh, cò mao trắng, nêu rõ lệnh của trăm, để coi xét miên đông của Hoa Hạ. Trao lại ấn thao chiếu thư Phiếu kị tướng quân Nam Xương Hải trước đây. Nay lại ban thêm cho ông mệnh cửu tích, nên kính nghe lệnh của trăm. Cho ông võ về miên đông nam, lập phép tắc ở vùng Giang Ngoại, khiến cho dân vui vẻ dựng nghiệp, không có ai mang hai lòng, ban cho ông một cỗ xe lớn, một cỗ xe binh, bốn con ngựa đực đen. Ông làm ra của cải khuyến việc trờng trọt, kho tàng chất đầy, cho nên ban cho ông dùng áo cổn miện, kèm theo dày đỏ. Ông dùng đức dạy dân, lễ giáo trôi chảy, cho nên ban ông dùng lễ nhạc hiên huyên. Ông nêu cao phong tục tốt đẹp, võ về người Bách Việt, cho nên ban cho ông dùng nhà cửa đỏ. Ông dùng mưu hay của mình, dùng quan hiên tài, cho nên ban cho ông được dùng bệ cao. Ông trung dũng hăng hái, dẹp trừ kẻ gian ác, cho nên ban cho ông dùng trăm người dũng sĩ. Ông điều oai nơi biên giới, tỏ sức đến miên Kinh Nam, diệt trừ kẻ xấu xa, kẻ có tội bị phạt, cho nên trao ông dùng một lưỡi phủ việt. Ông được quan văn ở trong hòa mục, tướng võ ở ngoài tin cậy, cho nên cho ông một cây cung đỏ, trăm cây tên đỏ, mười cây cung đen, nghìn cây tên đen. Ông lấy trung trinh làm nền, cung kính làm đức, cho nên cho ông một hũ rượu nếp đen, kèm theo ngọc khuê. Gắng lên! Kinh bày huấn điển để theo lệnh của trăm, để giúp đỡ nhà nước ta, để người mãi được rạng rỡ”.

Giang Biều truyện chép: Bầy tôi của Quyền bàn là nên xưng làm Thượng tướng quân làm Bá của chín châu, không nhận tước phong của nhà Ngụy. Quyền nói: “Làm Bá của chín châu thì từ xưa chưa nghe nói đến vậy. Ngày xưa Bái Công cũng nhận phong của Hạng Vũ mà làm Hán Vương, đấy là tùy từng thời mà thôi, há lại mất gì sao”? Bèn chịu nhận. Tôn Thịnh nói: “Ngày xưa Bái Di, Thúc Tề không theo nhà Chu, Lỗ Trọng Liên không chịu làm dân của nhà Tần. Là chí của kẻ thất phu còn giữ nghĩa không chịu nhục. Huống chi là vua của nước chia ba thiên hạ? Vậy mà có thể giữ hai, ba khí tiết, hoặc thân phục hoặc không thân phục sao? Ta xem người Ngô, người Thục đều nói là thờ nhà Hán, đến như thời Hán, cũng chẳng ai giữ vững được khí tiết của bầy tôi, cho nên bậc quân tử biết không giữ yên được dòng dõi, rút cuộc bị nước lớn thôn tính. Nếu Quyền theo lời bàn của bầy tôi, cả đời xưng là tướng của nhà Hán, há không có nghĩa thâu cả sáu cõi, nhân cảm cả trăm đời sau sao”!

Năm đó, Lưu Bị đem quân đến đánh, đến huyện Vu Sơn, Tỉ Quy, sai sứ giả dụ dỗ người Man Di ở quận Vũ Lăng, trao cho ấn tín, hứa sẽ phong

thường cho họ. Do đó các huyện cùng dân ở miền Ngũ Khê đều phản Ngô theo Thục. Quyền lấy Lục Tốn làm Đô đốc, sai bọn Chu Nhiên, Phan Chương đến chống quân Thục. Sai Đô úy Triệu Tư đi sứ đến nhà Ngụy. Ngụy Đế hỏi rằng: “Ngô Vương là chủ thế nào”? Tư đáp rằng: “Thông minh, có nhân, có trí, là vị vua hùng lược vậy”. Đế hỏi tình trạng, Tư nói: “Nạp Lỗ Lúc ở chỗ bọn phàm tục, đấy là cái thông đạt của Vương vậy; cử Lữ Mông ở chỗ đánh trận, đấy là cái sáng suốt của Vương vậy; bắt được Vu Cấm mà không làm hại, đấy là cái nhân của Vương vậy; lấy Kinh Châu mà mũi dao không vấy máu, đấy là cái trí của Vương vậy; dựa vào ba châu như hổ ngẩng xem thiên hạ, đấy là cái hùng của Vương vậy; nhún nhường với bệ hạ, đấy là cái tài lược của Vương vậy”.

Ngô thư chép: Tư tự Đức Độ, người quận Nam Dương. nghe rộng hiểu nhiều, đối đáp nhanh nhẹn, lúc Quyền làm Ngô Vương, bái làm Trung đại phu, đi sứ nước Ngụy. Ngụy Văn Đế khen là hay, giễu Tư rằng: “Ngô Vương có vẻ biết học chẳng”? Tư nói: “Ngô Vương có vạn chiếc thuyền bơi sông, trăm vạn quân mặc giáp, dùng người hiền, chọn người tài, chỉ muốn đánh dẹp, đâu có chút rối nhưng vẫn xem qua sách sử kinh truyện, chọn nhặt cái kì dị, không chỉ bắt chước câu chữ của các nhà mà thôi”. Đế nói: “Có nên đánh nước Ngô không”? Tư đáp nói: “Nước lớn đâu có quân đánh dẹp, nhưng nước nhỏ cũng có chỗ vững để phòng bị”. Lại nói: “Cái nạn của nước Ngô là nước Ngụy chẳng”? Tư nói: “Có trăm vạn quân mặc giáp, có chỗ lây lợi của sông Giang, sông Hán, sao lại cho là nạn”? Lại nói: “Người Ngô như Đại phu có mấy người”? Tư nói: “Có tám, chín mươi người thông minh thấu suốt, như kẻ sánh với thần thì dùng xe chở đâu đông không thể kể hết”. Tư nhiều lần đi sứ phương bắc, người phương bắc kính phục Tư. Quyền nghe nói thì khen Tư, bái làm Kị đô úy. Tư nói rằng: “Xem phương bắc rút cuộc không thể giữ thế ước; tính kể ngày nay, triều đình nên nối theo sau bốn trăm năm của nhà Hán, ứng vận ở miền đông nam, nên đổi niên hiệu, dùng áo chính sắc để thuận ý trời theo lòng dân”. Quyền nghe theo.

Đế muốn phong cho con của Quyền là Đăng, Quyền cho rằng Đăng tuổi nhỏ, dâng thư chối phong, lại sai Tây tào duyện Thẩm Hành đến bày tạ, cùng dâng phương vật.

Ngô thư chép: Hành tự Trọng Sơn, người quận Ngô. Lúc nhỏ học rộng kinh nghệ, giỏi đọc Xuân thu nội ngoại truyện. Quyền thấy Hành có mưu trí, đối đáp hay, bèn sai đi sứ đến Ngụy. Ngụy Văn Đế hỏi rằng: “Ngô lo Ngụy hướng về phía đông chặn”? Hành nói: “Không lo”. Nói: “Vì sao”? Đáp nói: “Tin vào thế ước, theo việc kết thân, cho nên không ngại. Nếu Ngụy trái thế ước thì cũng tự có phòng bị”. Lại hỏi nói: “Nghe nói Thái tử sắp đến, đúng vậy không”? Hành nói: “Thần tại miền đông, châu không ngồi cùng, ăn tiệc không cùng dự, như lời

này, là điều mà thần không được nghe vậy”. Văn Đế cho là hay, bèn dẫn Hành đến gần, nói chuyện cả ngày. Hành tùy việc mà đối đáp, không có gì khuất phục. Hành về nói rằng: “Thần ngầm dò xét Thị trung Lưu Diệp nhiều lần bày kế gian cho giặc, cuối cùng chẳng được tin được lâu. Thần nghe nói phép dùng binh của người xưa là không nên tự dựa vào ý địch không đến xâm lấn ta, không nên dựa vào ý ta không xâm lấn địch. Nay vì triều đình mà lo việc này. Vả lại nên giảm bớt lao dịch, chăm chỉ trồng trọt để mở rộng đồ quân lương, luyện tập xe thuyền, sửa sang vũ khí, khiến cho đều đầy đủ, nuôi dưỡng quân dân, làm cho đâu ra đấy; tuyển chọn anh hào, khen thưởng tướng sĩ thì có thể chiếm được thiên hạ vậy”. Vì đi sứ có tiếng tốt, phong làm Vĩnh An Hương Hầu, làm đến chức Thiệu phủ. Lập Đăng làm Vương thái tử.

Giang Biều truyện chép: Năm đó Ngụy Văn Đế sai sứ đòi tước hầu hương, đại bôi, ngọc châu, ngựa voi, sừng tê, đồi mồi, khổng tước, trĩ thúy, vịt chọi, gà gáy lớn. Bầy tôi tấu nói: “Việc cống nạp của hai châu Kinh, Dương là có phép thường, vật báu mà nhà Ngụy đòi là trái lễ vậy, không nên cống”. Quyền nói: “Ngày xưa Huệ Thi tôn người Tề làm Vương, có người khách hỏi vặn Huệ Thi rằng: ‘Cái mà ông học là bỏ tôn hiệu, nay lại phong Vương cho người Tề, sao lại đảo ngược vậy?’ Huệ Tử nói: ‘Có người dựa vào đó, muốn gở đâu con yêu của ta, vậy thì có thể dùng đá để thay, đâu con thì quý mà đá thì rẻ vậy, lấy cái rẻ thay cái quý, sao lại không được?’ Nay đang có việc ở phía tây bắc, dân chúng vùng Giang Biều dựa vào vua ra lệnh, không phải là con yêu của ta sao? Cái mà bên ấy đòi, với ta chỉ là đá vậy, ta há tiếc sao? Bên kia ở giữa vùng đen ám, mà vật đòi như thế, nên nói lễ với họ chẳng”! Đều chuẩn bị cống vật trao cho.

Tháng giêng mùa xuân năm Hoàng Vũ thứ nhất, bộ tướng của Lục Tốn là bọn Tống Khiêm đánh năm đồn của quân Thục, đều phá được, chém tướng của chúng. Tháng ba, người quận Bà Dương nói là có rặng vàng xuất hiện. Quân Thục chia ra giữ các chỗ hiểm, trước sau dựng hơn năm mươi trại, Tốn tùy từng trại lớn hay nhỏ mà đem quân chống giữ, từ tháng giêng đến tháng nhuận, đại phá chúng, chém mấy vạn đầu lúc đánh trận và quân đến hàng. Lưu Bị chạy trốn, chỉ thoát thân được.

Ngô lịch chép: Quyền sai sứ đến thăm Ngụy, đem ấn thao và thủ cấp trong trận phá quân của Lưu Bị, đem các đất đai của Bị cùng dâng biểu tỏ ý muốn phong thưởng cho quan tướng. Văn Đế sai sứ đến, trao cho áo lông chồn, áo giáp sáng, ngựa phi, lại đem thơ phú, luận điển của mình làm trao cho Quyền.

Ngụy thư chép lời đáp của Trương Chiêu rằng: “Hổ già làm ổ ở biên giới, vượt chỗ hiểm vào sâu, chống giữ lâu ngày, trong thì mỗi một gò bó, ngoài thì trí sức khôn quẩn, cho nên tự đến núi Kê Đầu, chia quân mưu giữ Tây Lăng. Kế của nó chẳng qua chỉ là bước chân theo vết trước để gây nhiễu động miền Giang Đông. Nhưng rẽ chưa cắm sâu xuống đất thì ta đã bẻ gãy cành của nó, dẫu chưa

mọi được ngũ tạng nhưng cũng khiến cho thân đâu rời rã, quân bị bắt giết cũng đủ khiến cho giấc sợ hãi rời. Ngày xưa Ngô Hán đốt cửa Kinh Môn trước, sau mới đem quân đến Di Lăng mà khiến cho Tử Dương không còn cách tránh khỏi cái chết; Lai Thiệp mới đánh úp đất Lạc Dương thì Văn Thúc mừng việc này, cho nên biết Ngòi Hiêu không có chỗ bày kế hay. Nay tính về con hổ này, đúng như việc ấy, Tướng quân gắng bày mưu lược, đánh trận chỉ thắng”.

Trước đây, Quyên mượn tiếng là thờ nhà Ngụy nhưng thực ra trong lòng không theo. Nhà Ngụy bèn sai Thị trung Tân Bì, Thượng thư Hoàn Giai đến cùng thề ước, cùng mời con đến nhận chức, Quyên từ chối không nhận. Tháng chín mùa thu, nhà Ngụy lại lệnh Tào Hưu, Trương Liêu, Tang Bá ra Đông Khẩu; Tào Chân ra Nhu Tu; Tào Chân, Hạ Hầu Thượng, Trương Cáp, Từ Hoảng vây Nam Quận. Quyên sai bọn Lữ Phạm lĩnh năm quân, đem quân thuyền chống bọn Tào Hưu; sai Gia Cát Cẩn, Phan Chương, Dương Xán cứu Nam Quận; Chu Hoàn ở Nhu Tu coi việc chống Tào Nhân. Bấy giờ người Man Di ở miền Dương Việt phần nhiều chưa hợp yên, nạn trong chưa thôi, cho nên Quyên dùng lời lẽ nhún nhường gửi thư, xin tự sửa lỗi rằng “Nếu tội này khó tha, tất không được tự sắp đặt, sẽ dâng trả dân chúng đất đai, xin được gửi thân ở Giao Châu để sống trọn tuổi còn thừa”. Văn Đế đáp thư nói: “Ông sinh vào thời nhiễu nhương, vốn có chí ngang dọc, cúi mình thờ nhà nước mới được hưởng lộc ngày nay. Từ thời anh của ông là Sách đã có tiếng tăm đến nay, cống nạp nhiều đủ. Lại có công đánh Lưu Bị, nhà nước trông vào lòng thành ấy. Táng rồi lại đào lên là mối nhục của người xưa.

Quốc ngữ chép: Chôn con li rồi lại bới có lên, cho nên không thành công.

Trẫm đã phong cho ông, nghĩa lớn đã định, há vui lòng đem quân mới đi xa đến miền Giang Hán? Lời bàn nơi đình miếu, là cái mà bậc làm Vương không được thay; các quan Tam công kể tội lỗi của ông, đều có gốc ngọn. Trẫm không sáng suốt, đâu có mối ngờ ‘ném máng của mẹ Tăng Tử’, vẫn mong rằng người nói lời kia là không đáng tin, cho rằng là phúc của nhà nước. Cho nên sai sứ giả đến an ủi trước, lại sai các quan Thượng thư, Thị trung nhanh đến nói lời của ta, đem việc trao chức cho con ông. Ông lại từ chối, không muốn sai sứ đến, người bàn đều lấy làm lạ.

Ngụy lược chép lời tấu của Tam công nhà Ngụy rằng: “Bọn thần nghe nói cảnh lớn thì che lòng, đui to thì không dễ vậy. Là cái nên cẩn thận của bậc có nhà có nước vậy. Xưa nhà Hán học theo thói xấu của nhà Tần, thiên hạ mới định, trong những vua của các nước lớn còn chưa dốc hết lòng trung tiết, mà mưu lược của bọn Tiêu Hà, Trương Lương không đề phòng họ; dẫn đến sáu vua

trước sau đều phản loạn, rồi đến đánh họ, chở xe đồ không ngừng. Lại đến thời Văn Đế, Cảnh Đế giữ lòng thành, bỏ quên việc đánh trận lao dịch, khiến cho các vua Ngô, Sở kiêu ngạo nuôi rết thành rắn, trở thành nỗi lo lớn của xã tắc. Xét khắp việc trước là điều không nên quên, là thầy dạy của đời sau vậy. Như Ngô Vương Tôn Quyền là con út của Tôn Kiên, không có công một thước một tấc, gặp phải thời loạn quân, dựa vào nền móng của cha anh, thuở nhỏ được nhận ân ôm ấp trứng, lớn lên lại mang lòng phản nghịch điều hâu, quay lưng lại với mệnh trời, tội lỗi chất lớn. Lại cùng nhóm ngó với Quan Vũ, mưu lợi tìm ích, lúc bị ép thì dùng lời nhún nhường. Tiên đế biết Quyền lừa xin được dùng, bấy giờ Vu Cấm thua vì nạn nước lụt, cùng lúc đến đánh Vũ, nhân đó giao lệnh cho Quyền. Tiên đế chọn dùng kẻ chiếu dưới nhưng Quyền không dốc hết lòng, thực còn lo xa. Lại nhân lúc tang lớn, nhà vua còn lẻ loi, mong mượn tiếng Đồng Đào truyền lệnh của Tiên đế, thừa lúc chưa báo về đất Hứa bèn tự ý đánh úp đất Tương Dương. Đến lúc bị xua đuổi, lại đổi ý thần phục, tỏ rõ vẻ tà xấu, lời gian xảo như nước chảy. Dẫu nhiều lần qua trạm dịch sai sứ đến, sai trả bọn Vu Cấm về, nhưng vẫn mang lòng gian ngưỡng trông cửa Ngôi Hiêu, ngoài muốn hoãn bị ta đánh, trong lại mong cứu giúp từ giặc Thục. Triều đình rộng lượng, đã còn không nỡ đánh, lại ưu đãi tha tội, cùng đổi lại từ đầu, cất thêm đất phong Vương cho Quyền, sai phải ngoảnh mặt về phía nam xưng thần, cùng ban thêm chức quan, tăng thêm ngôi vị, ban lễ cửu tích, cho trăm con ngựa tứ để tạo thế cho Quyền, thực là ân sủng rực rỡ, xưa nay không có hai. Quyền có dáng dê chó, lại có vẻ hổ báo bao bọc, không nghĩ đến khí tiết dốc hết sức đến chết mới thôi, để đền đáp cái ân không kể xiết và cái ân không có trên đời. Bọn thần hễ thấy biểu thư nhún nhường mà Quyền gửi lại xét trộm ý của Quyền, tự cho rằng ngăn trở ở sông hồ, dựa chỗ hiểm không phục đã thành thói nhiều đời rồi, lừa dối lập công, trên có cái kế sách của Úy Đà, Anh Bố, dưới có cái lời lẽ nhún nhường kẻ mạnh của Ngũ Bí, đây không phải là không bày tôi không xâm không phản vậy. Cho nên Triều Thố không bày mưu làm Vương Hâu yếu kém thì bày nước cùng phản, để lại mối họa lâu dài và to lớn; Khoái Thông không quyết theo kế đánh úp đất Lịch Hạ thì Điền Hoàn tự mưu tính, tội càng thêm nặng. Bọn thần mưu xét phép tắc ‘cửu phạt’ trong sách Chu lễ thì Quyền đã hung ác, lòng phản mọc mầm, bị mười lăm tội rồi. Xưa người Cửu Lê gây loạn thì Hoàng Đế đến đánh; Hạng Vũ có mười tội thì Hán Cao Tổ không tha. Cái tội lỗi của Quyền đã rõ ràng, không được cái nuôi dưỡng của lòng nhân ái, không được lòng bao che của xã tắc. Bọn thần xin bãi chức Quyền, sai phủ Hồng lư bỏ tước phong, bắt trói trị tội. Nếu dám có ý không theo thì đem quân đến đánh để tỏ rõ phép thường khen tốt phạt xấu của nhà nước, dẹp cái khổ của dân chúng ở ba châu”.

Mười lăm tội trong lời tấu, lời văn nhiều cho nên không chép.

Lại có Đô úy Hạo Chu trước đây khuyên ông nên sai con đến mới tỏ thực ý giao kết của bày tôi, cho nên báo cho ông biết, ông lại từ chối, ngoài

thì như việc muốn Ngôi Hiêu sai con đi không có gì khác, trong thì như việc dụ Đậu Dung giữ lòng trung mà thôi. Thế khác thời khác, người ta đâu có ý riêng. Hạo Chu trở về nói rõ ý đồ, khiến cho người bàn thêm ý nghi ngờ. Gốc của trước sau, không có chỗ dựa được, cho nên bèn trông vào lời bàn của bầy tôi vậy. Nay lại xét thờ vua trên, lòng thành rất sâu, tỏ ý khẳng khái, thương cảm chất chứa. Cho nên liền hạ chiếu, lệnh các quân sớm đào hào sâu đắp lũy cao, không được đánh bừa. Nếu ông theo giữ lòng trung để cởi bỏ nỗi nghi ngờ thì nên tự thân đến chầu, sớm gọi quân rút về. Lời này thành thật như sông lớn vậy”!

Ngụy lược chép: Hạo Chu tự Khổng Di, người quận Thượng Đảng. Giữa năm Kiến An làm Tiêu Lệnh, làm đến Từ Châu Thứ sử. Sau đem quân giúp Vu Cấm, quân chìm, bị Quan Vũ bắt. Quyền đánh úp Vũ, cùng bắt được Chu, dùng lễ đãi rất hậu. Lúc Văn Vương lên ngôi Vương, Quyền mới sai Chu về, viết thư cho Ngụy Vương nói: “Trước đây đánh Quan Vũ, bắt được Vu Tể tướng quân, liền báo cho Tiên vương, sẽ sai trở về. Đây là có lòng kính thờ, không cần nói mà sai về. Tiên vương chưa có ý sâu xa mới cho rằng Quyền trong lòng có mưu khác. Kể ngu này cung kính, chưa từng quyết mưu khác. Bèn nhận lộc phong đất của Tiên vương trao, điện hạ nối dõi, tình kẻ hèn này mới thông. Công dẫu mang lòng bao bọc, nhưng chưa được dấy lên, đây là khiến cho lời thề cũ chưa được sáng rõ. Lương Ngụ truyền lệnh, giáo cho Khúc Chu đến, biết rõ điện hạ cho rằng là trông mong. Tấm lòng son của Quyền không dám có lòng khác, nguyện theo ý bao bọc, giữ cái mà Quyền đang có. Kính sai Hạo Chu, Đông Lí Cồn về, lòng rất thành thật, cứ để bọn Chu nói rõ”. Lại nói: “Tính Quyền vốn vụng về, văn võ không rõ, dựa vào cơ nghiệp cha anh dấy quân, được Tiên vương khen ngợi, bèn dựa vào ân điển của nhà nước mà vỗ về miền đông. Lại trong lòng mưu tính, làm việc khác được rõ, sợ oai quên đức, do đó làm việc ngang trái. Tiên Vương tỏ lòng nhân, không nỡ xua đuổi, lại tha tội lỗi, lại mở rõ thề tín. Dẫu trao lệnh ở chỗ Man Di nhưng đã treo đầu Quan Vũ, công chỉ nhỏ nhoi không đến đáp được phần nhỏ ân điển. Cơ nghiệp chưa xong thì Tiên vương lia đời. Điện hạ lên ngôi, oai phong đến miền biên giới, trong lòng sợ hãi bày tỏ việc đầu cuối. Lương Ngụ đi đến, biết điện hạ không muốn xa lánh, chắc muốn vỗ về, là vì nhớ đến cơ nghiệp của tổ tiên vậy. Quyền thấy được ý đó, hớn hở nhảy nhót, lòng mở mắt sáng, không kịp mừng nữa. Quyền mấy đời nhận ân sủng, dốc lòng tín nghĩa. Việc ngày nay, mãi giữ một lòng, chỉ có ý cung kính, chan chứa trong bụng”. Lại nói: “Tiên vương vì Quyền đã rõ thành thật, liền đem quân về, cho nên bỏ quân giữ đất Hợp Phì, giữ tín hai miền nam bắc, sai Quyền rong ruổi không được ngoảnh lại. Chỉ được sai các tướng giữ đất là bọn Chu Thái, Toàn Tông coi việc. Qua sáu ngày một tháng, có bảy trăm quân kỵ bộ đi tể đến huyện Hoàn Giang, lại có Độc tướng Mã Hòa lại đem bốn trăm người đi đến Cư Sào, bọn Toàn

Tông nghe tin có quân bị bộ vượt sông, ra xem, bị quân kị bộ đánh, vào lúc giao tranh, giết hại lẫn nhau, rút cuộc bị hỏi việc này, trong lòng sợ hãi. Quyền thực ở chỗ xa, không được nghe biết, lời thề không dám coi thường, xin dám tạ lỗi này. Lại nghe nói Trương Chinh đông, Chu Hoàn hải nay được về Hợp Phì. Lời thề của Tiên vương đến nay còn chưa lâu, vả lại Quyền tự nghĩ rằng mình chưa mắc tội lỗi, không vướng phải việc ngày, nay sao lại phát động dẫn quân đến nơi xa? Cơ nghiệp chưa xong, lại vừa vì nước đánh dẹp giặc Bì, nghe nói câu hỏi ấy, thật không ngờ tới. Cái nà kẻ ở xa trông đợi là ở thề tín rõ ràng, mong điện hạ nhớ đến ý trước, tỏ rõ thông thả, khiến cho Quyền giữ lời thề, được sửa theo thói cũ. Những lời mong mỏi của Quyền cứ để bọn Chu truyền lại”. Lúc trước, Đông Lí Cồn làm Tư mã của quân Vu Cấm, lúc trước thua cùng Chu, lại cùng trở về, có chiếu đều gọi vào gặp. Để hỏi bọn Chu, Chu cho rằng Quyền chắc thân phục, rồi Đông Lí Cồn cho là Quyền không phải là phục hản. Để theo lời Chu, cho rằng có biết Quyền. Mùa đông năm đó, Ngụy Vương nhận ngôi của nhà Hán, sai sứ giả phong Quyền làm Ngô Vương, chiếu sai Chu và sứ giả cùng đến. Chu đã đem chiếu lệnh đến, bấy giờ ăn tiệc tiệc riêng với Quyền, bảo Quyền nói: “Bệ hạ chưa tin Vương sai con đến hầu, Chu sẽ đem trăm người nhà để làm rõ”. Quyền nhân đó tự bảo Chu nói: “Hạo Khổng Dị, nếu khanh đem trăm người nhà giúp ta, ta còn nói gì nữa”? Bèn khóc nước mắt đầm cả vạt áo. Lúc từ biệt với Chu, lại chỉ lên trời mà thề. Sau khi Chu về, Quyền không sai con đi lại từ chối, để bèn giữ sứ giả của Quyền ở lại. Đến tháng tám, Quyền gửi thư tạ lỗi, lại gửi thư cho Chu nói: “Từ khi đường lối mở thông, không quên ý của ông. Vừa mới nhận lệnh của nhà nước, lại biết đang dựng nhà, dựa vào miền Hà Bắc, cho nên trong lòng không dám quả quyết. Lại nghĩ đến cái khó nhọc, sao cho đi ngay. Ta là kẻ tội tày, chức phận không rõ, trong còn mang tội, chịu bị ruồng bỏ, may nhờ ân của nhà nước, lại được tha tội, vui lòng báo cho ông biết ý trước, còn không được sao. Dẫu không có khởi đầu, nhưng cuối có thể được vậy”. Lại nói: “Trước ông đến đây, muốn sai con vào hầu, bấy giờ dộc lòng vui để nhận lệnh, nhưng con đang tuổi nhỏ, muốn đợi đến năm sau vậy. Vả lại tâm lòng son này chưa nhận được lòng tin, lại bị trách mắng, thường thấy sợ hãi. Từ khi chịu ân điển của nhà nước, mới được dẫn dắt, quên lỗi lầm trước đây, sau này sẽ chuộc lỗi, vui được ghi nhớ lời thề trước. Trước đây đã có ý khuyên bảo sai con đến, nghĩ rằng ông trở về đã biết ý ấy rồi”. Lại nói: “Nay con nên vào hầu, nhưng chưa được lấy vợ, trước đây quân nghĩ cho nó, cho là có thể khuyên Nhà vua dẫn dắt vào họ hàng như họ Hạ Hầu, dẫu trong lòng tự bỏ, nhưng trong tim thường vâng theo. Nay đêm nằm lo nghĩ, sao cho tốt trước sau, khiến cho được vịn vào rồng dựa vào ngựa kị, mãi được yên ổn. Nó được theo chức phận, há có lo gì nữa! Như thế muốn sai Tôn Trường Tự và con nhỏ cùng vào, đem lễ thăm hỏi, thực nhờ vào ông”. Lại nói: “Con nhỏ tuổi trẻ, còn chưa dạy dỗ đủ, lo nếu chia rời, làm nó nhớ nghĩ, ân tình cha con há như thế! Lại muốn sai sai Trương Tử Bối đi theo giúp đỡ nó. Tính ta không khác, hễ cái gì muốn làm, đến nay đã

nói rõ hết. Chỉ sợ tâm lòng son này không được thỏa thích, cho nên đem hết việc nói nói ra cho ông, kể rõ nguyên nhân”. Do đó hạ chiếu nói: “Quyền trước đây đáp lời Hạo Chu, tự kể không dám rời xa, vui vẻ đem con làm tin, mãi làm phiên thân, sau lại trước sau từ chối, đầu đuôi chạm đất, đây là con chuột tự biết không thể giữ được đất đai của nó vậy. Nay lại gửi thư cho Chu, xin đến tháng mười hai sai con đi, lại muốn sai Tôn Trửơng Tự, Trương Tử Bô theo con cùng đến, hai người này đều là tim bụng của Quyền vậy. Lại muốn cho con ở kinh sư tìm vợ, đây rõ là Quyền không có lòng khác”. Đế đã tin lời ngon ngọt của Quyền, lại cho rằng Chu nói là thật. Nhưng Quyền vẫn nói lời hão, rút cuộc không có ý sai con đi. Từ đó về sau, Đế đã ghi tội của Quyền, Chu cũng bị xa lánh, cả đời không được dùng.

Quyền bèn đổi niên hiệu, đến sông chống giữ. Tháng mười một mùa đông, có gió lớn, quân của bọn Lữ Phạm chết đuối mấy nghìn người, quân còn lại về phía nam sông. Tào Hưu sai Tang Bá đem năm trăm chiếc thuyền nhẹ, vạn quân liêu chết đánh úp thành Từ Lăng, đánh đốt xe trong thành, giết cướp mấy nghìn người. Tướng quân Toàn Tông, Từ Thịnh đuổi chém tướng Ngụy là Doãn Lư, bắt giết mấy trăm người. Tháng mười hai, Quyền sai Thái trung đại phu Trịnh Tuyên đến thăm Lưu Bị ở thành Bạch Đế, bắt đầu kết thân trở lại.

Giang Biều truyện chép: Quyền nói: “Gần đây nhận được thư của Huyền Đức, đã tự trách lỗi nặng, xin được kết thân như trước. Trước đây nói phía tây là đất Thục, từ khi nhà Hán vẫn còn vậy. Nay nhà Hán đã bỏ, tự lấy tên là Hán Trung Vương”.

Ngô thư chép: Trịnh Tuyên tự Văn Uyên, người quận Trần. Học rộng, có chí lạ, lại có tính thích uống rượu, ở trong nhà thường nói: “Muốn lấy được rượu ngon chất đây năm trăm chiếc thuyền để bốn mùa đặt món ngon ở hai đầu, trùm lại cho chìm vào mà uống rượu, mỗi thì đứng lên ăn món ngon. Rượu có giảm dần thăng, tùy đó mà thêm vào, cũng chẳng khoái sao”? Quyền cho làm Lang trung. Thường cùng Tuyên nói: “Khanh ư can ngăn trước mặt mọi người, có chỗ làm mất lễ kính, há dọ lân rồng sao”? Đáp nói: “Thần nghe nói vua sáng thì tôi thẳng, nay đúng là lúc triều đình trên dưới không có lỗi, thực là nhờ vào ân lớn, không sợ lân rồng”. Sau dự yến, Quyền lại dọ Tuyên, sai lời ra cho quan Hữu ti vội vàng trị tội. Tuyên ra đến lâu thì cúi xuống, Quyền gọi lại, cười nói: “Khanh nói không sợ lân rồng, sao lại đi ra rồi cúi xuống”? Đáp nói: “Thực là được nhờ ân sủng, biết không sợ chết, đến thì nên ra lâu, được mang uy linh, không thể không cúi mình vậy”. Đi sứ Thục, Lưu Bị hỏi nói: “Ngô Vương sao lại không đáp lại thư ta, vì ta không có danh chính nên không đáp sao”? Tuyên nói: “Cha con Tào Tháo dầy xéo nhà Hán, cuối cùng đoạt ngôi vị. Điện hạ đã là họ hàng của nhà vua phải có trách nhiệm giữ thành, vậy mà không vác qua cầm kích

làm kẻ đứng đầu trong nước, lại tự khen mình, là chưa hợp với lời bàn của thiên hạ, cho nên vua ta chưa đáp lại thư vậy”. Bị rất hổ thẹn. Tuyền sắp chết, bảo người nhà nói: “Phải táng ta ở bên lò gốm, để sau trăm năm nữa hóa thành đất, may ra được lấy đất ấy làm bầu rượu, đấy đúng ý ta vậy”.

Nhưng vẫn kết thân với Ngụy Văn Đế, đến năm sau mới dứt. Năm đó đổi tên Di Lăng thành Tây Lăng.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai, Tào Chân chia quân giữ bãi đất giữa quận Giang Lăng. Tháng đó, đắp thành ở núi Giang Hạ. Đổi lịch Tứ phân, dùng lịch Càn tượng.

Giang Biều truyện chép: *Quyền nghĩ vận của ngũ đức, cho rằng hành thổ chi mùi làm đầu, chi thìn làm chạp.*

Chí lâm chép: *Hành thổ lấy chi thìn làm chạp, được số của nó vậy. Hành thổ thịnh ở can mậu, lại lấy chi mùi làm đầu, nghĩa này là sai vậy. Hành thổ sinh ở chi mùi, cho nên chi mùi là khôn sơ. Cho nên chương Nguyệt lệnh chép: ‘Tháng kiến mùi, tế sao Hoàng ở ngoài thành, lấy cốc đựng tế tổ’. Nay nay tế tổ đầu tiên, há ứng vận sao?*

Tháng ba, Tào Nhân sai bọn Tướng quân Thường Điều đem năm nghìn quân cưỡi thuyền dầu buổi sớm vượt bãi đất giữa lũy Nhu Tu. Con của Nhân là Thái nhân đó dẫn quân gấp đánh Chu Hoàn, quân của Hoàn chống lại, sai bọn Tướng quân Nghiêm Khuê đánh phá bọn Điều. Tháng đó, quân Ngụy đầu lui. Tháng tư mùa hạ, bày tội của Quyền khuyên nên xưng tôn hiệu, Quyền không ưng.

Giang Biều truyện chép: *Quyền từ chối nói: “Nhà Hán đổ vỡ, không cứu được nữa, sao lại còn có ý thế”? Bầy tôi nói là mệnh trời báo điềm lành, cố xin nhiều lần. Quyền vẫn chưa ưng tranh nữa”? Bầy tôi nói là mệnh trời báo điềm lành, cố xin nhiều lần. Quyền vẫn chưa ưng, lại bảo các quan văn võ nói: “Năm trước ta vừa vì Huyền Đức mà đến miền tây, cho nên sai Lục Tốn chọn quân để đợi họ trước. Nghe tin miền bắc sắp đặt, muốn đến giúp ta. Ta trong lo có thể kìm kẹp, không bằng nhận phong của họ, đấy là chịu nhún nhục để làm nhanh việc gấp, lại lúc quân miền tây cùng đến, ta hai phía gặp địch, do đó ta làm trò, liền tự đón rước, nhận phong Vương của họ. Ta cúi mình đón nhận nhưng các ông vẫn chưa hiểu hết, nay đem việc cũ ra giải thích vậy”.*

Lưu Bị chết ở thành Bạch Đế.

Ngô lịch chép: *Quyền sai Lập tín đô úy Phùng Hi đến thăm Thục, điều tang Bị vậy. Hi tự Tử Nhu, người quận Dĩnh Xuyên, là dòng dõi của Phùng Dị vậy. Thời Quyền làm Xa kị tướng quân, Hi đến phía đông làm Tào duệ, đi sứ Thục về, dùng làm Trung đại phu. Sau đi sứ Ngụy. Ngụy Văn Đế hỏi nói: “Ngô Vương muốn sửa lại việc kết thân, nên đem quân mạnh đến Giang Quan, treo cờ tình ở*

đất Ba Thục, nhưng nghe nói lại sai đến sửa việc kết thân, tất có thay đổi”. Hi nói: “Thần nghe nói sứ giả phương tây đến thăm hỏi, tạm để xem kẽ hở, không có mưu vậy”. Lại nói: “Nghe nói nước Ngô năm nay gặp khô hạn, muôn vật tổn hại, dựa vào cái sáng suốt của Đại phu, xem nó thế nào”? Hi Đáp nói: “Ngô Vương tính vốn thông minh, giỏi ở việc sai sứ giả, các việc thu thuế lao dịch, mỗi việc đều tất lo liệu, nuôi dạy quân lính, gần người hiền, yêu kẻ sĩ, thường không phân biệt kẻ thù, mà phạt tất không thêm tội, bày tôi đều mang ân cảm đức, chỉ có lòng trung nghĩa. Vạn quân mang giáp, lúa vải chất cao như núi, lúa mọc ở đồng lầy, dân không có năm đói, đây gọi là thành vàng đầm thuốc, là nước giàu mạnh vậy. Do đó thần xem thấy, chúc phận nặng nhẹ, chưa thể đo hết”. Để không vui, vì Trần Quân là người cùng quận với Hi, sai Quân dụ Hi, đem nhiều lợi lộc để dụ. Hi không lấy về. Kịp đến Ma Bản, muốn nhân đó gây khó Hi. Sau lại gọi về, chưa đến, Hi sợ bị ép mà ý chẳng muốn, bèn rút đao tự đâm cổ. Người đánh xe thấy, ngăn không được chết. Quyền nghe tin, rơi nước mắt nói: “Đây có khác gì với Tô Vũ sao”? Rút cuộc chết ở nước Ngụy.

Tháng năm, người huyện Khúc A nói là có sương ngọt giáng. Lúc đầu tướng giữ thành Hí Khâu là Tấn Tông giết tướng là Vương Trực, đem quân đến hàng Ngụy. Nhà Ngụy lấy làm Kỳ Xuân Thái thú, nhiều lần phạm cõi biên. Tháng sáu, Quyền sai Tướng quân Hạ Tề đem bọn Mi Phương, Lưu Thiệu đánh úp quận Kỳ Xuân, bọn Thiệu bắt sống Tông. Tháng mười một mùa đông, sứ Thục là Trung lang tướng Đặng Chi đến thăm.

Ngô lịch chép: Người Thục đem hai trăm con ngựa, nghìn đoạn gấm cùng phương vật. Từ đó về sau, sứ giả thăm hỏi qua lại bình thường. Người Ngô cũng đem sản vật địa phương đến để đáp ý tốt ấy.

Mùa hạ năm thứ ba, sai Phụ nghĩa Trung lang tướng Trương Ôn đến thăm nước Thục. Tháng tám mùa thu, tha tử tội. Tháng chín, Ngụy Văn Đế đến quận Quảng Lăng, đứng nhìn sông lớn từ xa, nói: “Bên ấy có người, chưa đánh lấy được vậy”. Rồi về.

Tấn kỉ của Can Bảo chép: Ngụy Văn Đế đến ở Quảng Lăng, người Ngô kinh hãi, bèn đến sông đắp Nghi Thành, từ huyện Thạch Đầu đến huyện Giang Thặng, lấy cây gỗ làm xe, lấy chiếu cỏ làm áo, thêm hoa văn. Một chiếu là xong. Người Ngụy từ phía tây sông nhìn, rất e ngại, bèn rút quân. Quyền sai Triệu Đạt tính đoán, nói: “Tào Phi chạy rồi, nước Ngô suy vào năm canh tí”? Quyền nói: “Được mấy năm”? Đạt cúi xuống chỉ tay mà tính, nói: “Năm mười tám năm”. Quyền nói: “Ta có nỗi lo của ngày nay, không rồi mà lo xa, đây là việc của con cháu vậy”.

Ngô lục chép: Năm đó vua Thục lại sai Đặng Chi đến thăm, kết thêm thề hiếu. Quyền bảo Chi nói: “Người miên núi làm loạn, quân giữ bên sông bày nhiều là sợ Tào Phi thừa lúc trống rỗng mà gây rối, cho nên quay lại xin hòa. Người bàn

cho rằng trong có việc không rồi mới mong đến xin hòa, với ta thì có lợi, nên cùng qua lại để tự phân định. Sợ miền tây không rõ lòng son của ta, dẫn đến nghi ngờ. Ngoài biên đất đai của ta có vạn chỗ rộng, mà từ Trường Giang đến biển, đều phải phòng giữ. Tào Phi dòm ngó thì động binh, chỉ lo không được yên, há quên điều này, mà có ý khác sao”?

Tháng năm mùa hạ năm thứ năm, Thừa tướng Tôn Thiệu chết.

Ngô lục chép: Thiệu tự Trường Tự, người quận Bắc Hải, thân cao tám thước. Làm Công tào của Khổng Dung, Dung khen nói: “Người tài trong đình miếu vậy”. Theo Lưu Do ở Giang Đông. Lúc Quyền coi việc, nhiều lần bày kế nên làm, cho là nên đến nạp cống, Quyền liền nghe theo. Bái làm Lưu Giang Thái thú, chuyển làm Xa kị trưởng sử. Đầu năm Hoàng Vũ làm Thừa tướng, Uy viễn tướng quân, phong Dương Tiễn Hâu. Trương Ôn, Kị Diễm tâu việc của Thiệu, Thiệu từ chức xin chịu tội, Quyền tha cho rồi lệnh làm chức cũ, sáu mươi ba tuổi thì chết.

Chí lâm chép: Ngô dựng cơ nghiệp thì Thiệu là Thừa tướng đầu tiên, sử không có truyện về người này, trộm nghĩ cũng lạ. Ta từng hỏi Lưu Thanh Thúc. Thanh Thúc là người quân tử học rộng, nói: “Nghĩ về chức vị của người này đáng phải viết truyện. Nhưng bọn Hạng Tuấn, Ngô Phu, Đinh Phu bấy giờ đã có ghi chép, cho là người này không hợp với Trương Huệ Thúc. Sau đó họ Vi soạn sử, có lẽ cũng là cùng bọn của Huệ Thúc cho nên không được chép vào sách.

Tháng sáu, lấy Thái thường Cỗ Ung làm Thừa tướng.

Ngô thư chép: Lấy Thượng thư lệnh Trần Hóa làm Thái thường. Hóa tự Nguyên Diệu, người quận Nhữ Nam. Xem rộng các sách, cứng cỏi khí khái, thân dài bảy thước chín tấc, nhả nhận lại có vẻ uy phong. Làm Lang trung lệnh đi sứ Ngụy. Ngụy Văn Đế nhân đó rót rượu, hỏi cợt rằng: “Ngô, Ngụy đứng đôi, ai sẽ một ngày bình định được trong nước vậy”? Hóa đáp nói: “Kinh Dịch chép nói Đê xuất ở cung chấn, lại nghe nói người hiền biết mệnh trời, người xưa nói rằng ô đồ cờ vàng, ứng vận tại miền đông nam”. Đế nói: “Ngày xưa Văn Vương làm bá miền tây mà làm vua của thiên hạ, há lại tại phương đông sao”? Hóa nói: “Nhà Chu mới đầu dựng nghiệp làm bá ở miền đông, cho nên Văn Vương nổi lên được ở phương tây”. Đế cười, không cho là khó, trong lòng khen lời biện ấy. Đi sứ xong phải về, dùng lễ tống tiễn rất hậu. Quyền thấy Hóa nhận lệnh làm nhà nước rạng rỡ, bái làm Kiên Vi Thái thú, đặt quan thuộc. Chốt lát, chuyển làm Thái thường, kiêm chức Thượng thư lệnh. Cả quận nghiêm túc, rắn con em bỏ ruộng vườn, dứt bỏ của cải, chỉ trông vào bổng lộc của chức quan, không tranh lợi với trăm họ. Vợ mất sớm, Hóa lấy việc xưa mà soi, bèn không lấy vợ nữa. Quyền nghe nói mà quý Hóa, thấy Hóa còn khỏe, khuyên lấy con gái của tông thất làm vợ dòng chính, Hóa xưng bệnh cố từ, Quyền không làm trái ý của Hóa. Đến bảy mươi tuổi mới dâng sớ xin từ quan, bèn được về ở huyện Chương An, chết ở nhà. Con cả là Sí, tự Công Hi, thuở nhỏ có chí cao, giỏi tính toán. Về

tướng quân Toàn Tông cử Sĩ làm Đại tướng quân, đến gọi, trên đường đi thì chết.

Người huyện Hoàn Khâu nói là có cây gỗ khác rể. Tháng mười hai mùa đông. Giặc ở quận Bà Dương là Bành Ý tự xưng Tướng quân, đánh diệt các huyện, có mấy vạn quân. Năm đó đất động liên tiếp.

Ngô lục chép: Mùa đông năm đó, Ngụy Văn Đế đến Quảng Lăng, đến sông xem quân, có hơn mười vạn quân, cò tinh kéo dài mấy trăm dặm, có ý vượt sông. Quyền đặt quân cố giữ chắc. Bấy giờ có băng tuyết lớn, thuyền không thể vào sông. Đế thấy sóng vỗ ầm ầm, than rằng: “Ô hô! Là chỗ mà trời cố ngăn nam bắc vậy”! Rồi về. Tôn Thiệu lại sai tướng là bọn Cao Thạ đem năm trăm quân liêu chột buổi đêm đi đường tắt chặn đường, Đế kinh hãi, bọn Thạ thu được xe ngựa, long lông đem về.

Mùa xuân năm thứ năm, lệnh nói: “Dấy quân lâu ngày, dân bỏ việc cày cấy, cha con vợ chồng không được gặp nhau, ta rất thương xót. Nay giặc bắc rút lui, cõi ngoài không có việc, hạ lệnh cho các châu quân phải được nghỉ ngơi”. Bấy giờ Lục Tốn ở chỗ mình thiếu lúa, dâng biểu xin lệnh các tướng tăng thêm ruộng cày. Quyền báo nói: “Rất hay. Nay cha con ta tự thân nhận ruộng, lấy bốn con trâu của tám con trâu trong xe để cày bừa. Dẫu không bằng người xưa, cũng muốn cùng dân chúng làm việc vậy”. Tháng bảy mùa thu, Quyền nghe tin Ngụy Văn Đế băng, liền đánh quận Giang Hạ, vây huyện Thạch Dương, không thắng mà về. Người quận Thương Ngô nói là có chim phượng hoàng xuất hiện. Chia mười huyện đất xấu của ba quận lập ra quận Đông An,

Ngô lục chép: Sở trị của quận ở huyện Phú Xuân.

lấy Toàn Tông làm Thái thú, đánh dẹp người Sơn Việt. Tháng mười mùa đông, Lục Tốn bày kế nên làm, khuyên nên ban đức nói hình phạt, giảm tô bớt thuế. Lại nói: “Lời nói trung thẳng, không thể kể hết, xin nghe lời tôi thần, sẽ kể lợi truy ền lên”. Quyền báo nói: “Pháp lệnh đặt ra, muốn để trừ ác ngừa xấu, ngăn chặn cái chưa tốt vậy. Há không có hình phạt để ra uy với kẻ tiểu nhân sao? Đây là lệnh trước phạt sau, không muốn khiến cho có kẻ phạm cấm mà thôi. Ông là người chức rất cao, ta cũng được lợi vậy, nhưng chỉ là buộc phải làm thôi. Nay nhận ý người, nên hỏi mưu nhiều người, phải theo việc nào nên làm. Vả lại cận thần ra sức can ngăn, họ hàng cũng có ý khuyên răn, là vì giúp ông làm rõ trung tín với vua vậy. Kinh Thư chép: ‘Ta làm trái thì người phải giúp sửa, người không được làm theo. Ta há không vui khi nghe lời trung để tự bù đắp cái dở sao’? Lại chép: ‘Không

dám nói hết, đây là lời trung thẳng sao'? Như trong bọn tôi thần, có kẻ đáng dùng được, há bỏ lời người ta mà không chọn lấy lời hay sao? Nhưng lời nịnh bợ cầu yên thân, dầu che dấu nhưng ta cũng biết rõ vậy. Đến như việc thu thuế, vì thiên hạ chưa định, việc cần dân giúp. Như chỉ giữ miền Giang Đông, tu sửa nói lỏng chính lệnh thì quân chỉ tự đủ dùng. Miễn thuế thì dùng được bao nhiêu? Cố ngỗ tự giữ là thấp. Nếu không dự sẵn tô thuế, sợ rằng lúc gặp việc thì không không lợi vậy. Lại nữa ta và ông chức phận có khác, nhưng cùng chung vui lo, biểu đến nói là không dám theo nhiều người lo yên thân mà cầu thả, đây thực là cái mà ta mong ông vui lòng vậy". Do đó sai quan coi việc ghi hết các việc, sai Lang trung Trữ Phùng đem đến chỗ Lục Tốn và Gia Cát Cẩn, xét chỗ không yên thì lệnh thêm hoặc bớt đi. Năm đó chia Giao Châu đặt ra Quảng Châu, chóc lát đặt lại như cũ.

Giang Biều truyện chép: Quyền sửa mới thuyền lớn ở Vũ Xương, đặt tên là 'thuyền Trường an', thử chèo ra ở chỗ câu cá. Bấy giờ có gió to mạnh, Cốc Lợi sai người lái thuyền giữ lấy cửa rào. Quyền nói: "Nên dương đầu đến lấy La Châu". Lợi rút đao hướng về người lái thuyền nói: "Ai không giữ lấy rào thì chém". Người lái thuyền chuyển bánh lái vào cửa rào, gió bèn đổi mạnh không đi được, lại về. Quyền nói: "A Lợi sợ nước sao mà khiếp thê"? Lợi quỳ nói: "Đại vương là vua của nước vạn cổ xe, vậy mà coi rẻ chỗ vực sâu không đo được, chơi đùa ở giữa sóng lớn, thuyền lâu dựng cao, lỡ bị nghiêng nguy thì xã tắc sẽ ra sao? Cho nên Lợi liên liều chết can ngăn". Do đó Quyền quý trọng Lợi, từ đó về sau không còn gọi tên, thường gọi là 'Cốc'.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ sáu, các tướng bắt được Bành Y. Tháng nhuận, con của Hàn Đương là Tống đem quân của mình hàng nhà Ngụy.

Tháng ba mùa xuân năm thứ bảy, phong con là Lự làm Kiến Xương Hầu. Bãi quận Đông An. Tháng năm mùa hạ, Bà Dương Thái thú Chu Phưởng giả phản, dụ tướng Ngụy là Tào Hưu. Tháng tám mùa thu, Quyền đến Hoãn Khâu, sai Tướng quân Lục Tốn đem các tướng đại phá quân của Tào Hưu ở Thạch Đình. Đại tư mã Lữ Phạm chết. Năm đó, đổi tên quận Hợp Phố thành quận Châu Quan.

Giang Biều truyện chép: Năm đó, Tướng quân Trạch Đan phản đến nước Ngụy. Quyền sợ các tướng sợ tội mà bỏ trốn, bèn hạ lệnh nói: "Từ nay nếu các tướng mắc ba tội nặng thì mới bị xét tội".

Mùa xuân năm Hoàng Long thứ nhất, trăm quan công khanh đều khuyên Quyền xưng tôn hiệu. Tháng tư mùa hạ, người huyện Hạ Khâu, huyện Vũ

Xương đầu nói là có r ồng vàng, chim phượng hoàng xuất hiện. Ngày bính thân, lên ngôi Hoàng đế ở đàn nam giao.

Ngô lục chép lời văn cáo trời rằng: “Hoàng đế, thân là Quyền dám dùng ngựa đen báo rõ cho Hoàng Hoàng Hậu Đế: Nhà Hán giữ nước hơn hai mươi tư đời, trải qua hơn bốn trăm ba mươi tư năm, khí số đã hết, phúc lộc đã cạn, trời cao buông bỏ, đất đai chia vỡ. Bọn nghịch thần là Tào Phi bèn cướp lấy vật thân, con của Phi là Duệ nối thay làm việc ác, làm loạn chế lệnh. Quyền sinh ở miền đông nam, ینگ gặp thời vận, nắm giữ binh quyền, có chí dẹp đời, nhận lệnh đánh kẻ có tội, nhắc chân giúp dân. Bọn bày tôi là các tướng văn, tướng võ, người coi việc của các thành trong châu quận đều cho rằng ý trời bỏ nhà Hán, nhà Hán đã đứt tẽ với trời, Hoàng đế chỉ là ngôi hão, không có chủ cúng tế. Đón lấy điềm lành, trước sau đều hợp, khí vận tại mình, không thể không nhận. Quyền sợ mệnh trời, không dám không theo, kính chọn ngày tốt, lên đàn đốt tế, lên ngôi Hoàng đế. Chỉ có thể để thân hưởng lấy, để giúp đỡ nước Ngô, mãi được trọn lộc trời”.

Hôm đó đại xá, đổi niên hiệu. Truy tôn cha là Phá lỗ tướng quân Kiên làm Vũ Liệt Hoàng Đế, mẹ là Ngô thị làm Vũ Liệt Hoàng hậu, anh là Thảo nghịch tướng quân Sách làm Trường Sa Hoàn Vương. Ngô Vương Thái tử Đăng làm Hoàng thái tử. Các tướng lại đều được thưởng thêm.

Trước đây, giữa năm Hưng Bình, trẻ con ở quận Ngô hát rằng: “Xe hoàng kim, quai ban lan, mở cửa Xương, sinh thiên tử”.

Cửa Xương là cửa thành phía tây quận Ngô, do Phù Sai làm.

Tháng năm, sai Hiệu úy Trương Cương, Quản Đốc đến quận Liêu Đông. Tháng sáu, nước Thục sai Vệ úy Trần Chấn đến mừng Quy ền lên ngôi. Quy ền bèn phân chia thiên hạ, các châu Dự, Thanh, Từ, U thuộc Ngô, các châu Duyện, Kí, Tinh, Lương thuộc Thục. Các đất mình quản thì lấy cửa Hàm Cốc làm ranh giới, làm văn th ề rằng: “Thiên hạ vỡ lở, rường mối đứt gãy, nghịch thần phản loạn, cướp lấy quy ền bính, bắt đầu từ Đồng Trác, cuối cùng về tay Tào Tháo, ác cùng hung cực, bốn cõi chao đảo, đến nay chín châu rách xé, trời cao không có chính thống, thần người đau đầu, không có ở yên. Đến lúc con của Tháo là Phi làm việc trái để lại cái xấu, khơi dẫn gian ác, dám đổi ngôi trời, r ể thẳng nhóc Duệ đi theo vết xấu của Phi, ngầm đem quân cướp đất, còn chưa bị đánh dẹp. Ngày xưa Cộng Công làm loạn thì Cao Tân dùng quân, Tam Miêu phạm pháp thì Ngu Thuấn đến đánh. Ngày nay diệt Duệ, bắt sống bọn chúng, không phải Hán và Ngô thì ai sẽ làm được? Như việc trừ nghịch dẹp bạo, phải kể rõ tội của chúng, nên phân chia trước, sau đó lấy đất đai của chúng, khiến cho lòng

quân dân đều biết chỗ nên quay về. Cho nên thời Xuân thu có Tấn Hầu đánh nước Vệ, chia ruộng của nước ấy để cấp cho nước Tống, đấy là nghĩa của Tấn Hầu vậy. Và lại thời xưa làm việc lớn tất thề ước trước, cho nên sách Chu lễ chép quan coi việc thề ước, sách Thượng thư chép có lời văn cáo thề, Hán và Ngô, dầu tin ở trong lòng nhưng chia cắt đất đai vẫn phải có thề ước. Gia Cát Thừa tướng uy đức lan xa, che chở cho nước ấy, coi việc quân ở ngoài, lòng tín cảm âm dương, ý thành động trời đất, lập lại kết thân, mở rộng thề ước, khiến cho dân chúng đông tây đều cùng nghe biết. Cho nên lên đàn giết vật tế, cáo rõ cho thần minh, lại thêm thư máu, trao cho nhà trời. Trời cao nghe người dưới, uy linh bao trùm, các vị thần tư thận, tư mình được cúng tế, chẳng ai không đến. Từ nay sau khi Hán và Ngô đã thề ước, phải hợp sức một lòng, cùng đánh giặc Ngụy, cứu nguy trừ nạn, chia buồn xẻ vui, trị kẻ gây ác, khiến cho người dân không có lòng khác. Nếu có kẻ hại nhà Hán thì nước Ngô đánh kẻ đó. Nếu có kẻ hại nước Ngô thì nhà Hán đánh kẻ đó. Đầu giữa đất đai, không xâm lấn nhau. Truyền cho đời sau, trồn vẹn trước sau, như trăm đi đầu ước, đầu như sách chép. Lời viết không đẹp nhưng thực là cốt ở hòa thân. Nếu có đổi lời thề, gây họa chước loạn, làm trái không giúp, coi thường mệnh trời thì thần minh Thượng Đế đánh phạt kẻ đó, trăm thần sông núi sẽ trị tội kẻ đó, khiến cho kẻ đó vỡ đổ, không được hưởng lộc. Các vị thần lớn, soi xét việc này”! Tháng chín mùa thu, Quyên dời đô đến thành Kiến Nghiệp, nhân đó phủ cũ không đổi quán, gọi Thượng đại tướng quân Lục Tốn đến giúp Thái tử Đăng, ở lại coi việc ở Vũ Xương.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai, nhà Ngụy đắp Tân Thành ở quận Hợp Phì. Chiếu lập quan Đô giảng tế tửu để dạy các con học. Sai Tướng quân Vệ Ôn, Gia Cát Trục đem vạn quân giáp sĩ vượt biển tìm Di Châu và Đản Châu. Đản Châu ở giữa biển, người già nói rằng Tần Thủy Hoàng sai phương sĩ là Tử Phúc đem mấy nghìn trẻ con trai gái vào biển, tìm thuốc tiên và núi thần Bồng Lai, bèn ở lại đó không về. Đến nay dòng dõi có mấy vạn nhà, bấy giờ người dân trên đó có người đến quận Cối Kê mua vải, người huyện Đông Dã quận Cối Kê đi biển cũng có người gặp gió lớn trôi lạc vào Đản Châu. Chỗ này xa cách, rút cuộc không đến được, nhưng bắt được mấy nghìn người ở Di Châu đem về.

Tháng hai mùa xuân năm thứ ba, sai Thái thường Phan Tuấn đem năm vạn quân đánh người Man Di ở quận Vũ Lăng. Bọn Vệ Ôn, Gia Cát Trục

đầu làm trái chiếu lệnh mà không lập công, bắt vào ngục. Mùa hạ, có con tằm hoang làm thành kén, lớn như quả trứng. Vì có cây lúa hoang tự mọc, đổi thành huyện Hòa Hưng. Trung lang tướng Tôn Bô giả hàng để dụ tướng Ngụy là Vương Lăng. Lăng đem quân đón Bô. Tháng mười mùa đông, Quyên đem đại quân ầm ځ ځ ở gò Phụ Lăng ځ ځ, Lăng biết bèn lui. Người huyện Nam Thủy Bình quận Cối Kê nói là có lúa tốt mọc. Ngày đ ځ ځ tháng mười hai, đại xá, đổi niên hiệu năm sau.

Tháng giêng mùa xuân năm Gia Hòa thứ nhất, Kiến Xương H ầ ầ là Lự chết. Tháng ba, sai Tướng quân Chu Hạ, Hiệu úy Bùi Ti ề ề vượt biển đến quận Liêu Đông. Tháng chín mùa thu, tướng Ngụy là Di ề ề Dự chặn đánh, chém bọn Hạ ở núi Thành Sơn. Tháng mười mùa đông, Liêu Đông Thái thú Công Tôn Uyên của nhà Ngụy sai Hiệu úy Túc Thư, L ầ ầ Trung Lệnh là Tôn Tổng xưng thần với Quy ề ề, cùng dâng ngựa, điều. Quy ề ề rất mừng, phong tước vị cho Uyên.

Giang Bi ề ề truyện chép: Mùa đông năm đó, bầy tôi vì Quy ề ề chưa tể giao, tấu bàn rằng: “G ầ ầ đây có đ ề ề lạnh thường đến, nước xa mộ ầ ầ, ý trời lòng dân trước sau tụ tập, nên sửa soạn tể giao để theo ý trời”. Quy ề ề nói: “Tể giao phải ở Trung Th ỗ ỗ, nay không có chỗ ấy, sao mà làm được”? Lại tấu nói: “Dưới vòm trời này không đâu là không phải đất của vua; vua lấy thiên hạ làm nhà. Ngày xưa Văn Vương, Vũ Vương nhà Chu tể giao ở ấp Phong, ấp Cảo, không phải là Trung Th ỗ ỗ”. Quy ề ề nói: “Vũ Vương đánh Trụ, lên ngôi vua ở ấp Cảo, cho nên tể giao ở đây. Văn Vương chưa làm thiên tử, lập đàn tể giao ở ấp Phong, thấy ở kinh điển nào”? Lại tấu nói: “Coi thấy trong Hán thư - Giao tự chỉ có chép Khuông Hành tấu xin dời đàn tể trời ở miền Cam Tuyền quận Hà Đông đến ở thành Tr ầ ầ An, nói rằng Văn Vương tể giao ở đất Phong”. Quy ề ề nói: “Văn Vương tính khiêm nhường, đặt chức vị của chư hầu, rõ là chưa lập đàn tể giao vậy. Kinh truyện không có chép rõ. Khuông Hành là nhà Nho phạm tục, không được chép thẳng trong điển tịch, không dùng được”. Chí lâm chép: Ngô Vương xét bỏ lời tấu tể giao, chê bai Khuông Hành, gọi là nhà Nho phạm tục. Những cái ta được thấy, không ai không cảm khái cho rằng là thấu hết lí lẽ, đúng với sự việc. Đến như nói là xem trong điển tịch, lại càng không thông. Lời của họ Mao nói: “Vua Nghiêu thấy thiên văn ứng vào đất Cáp mà sinh ra Hậu Tắc, cho nên dựng nước ở đất Cáp, sai phải thờ trời”. Cho nên kinh Thi chép: “Hậu Tắc cúng tể, g ầ ầ như không mắc lỗi, đã truyền đến nay”. Nói rằng từ thời Hậu Tắc về sau đều phải tể trời, giống việc người nước L ỗ ỗ tể giao vậy. Cho nên trong bài Vực phác có chép là ‘chất củi đốt tể’. Văn Vương tể giao ở ấp Phong, kinh truyện có chép rõ. Khuông Hành mà phạm tục, nói oan chăng? Văn Vương d ầ ầ chưa làm thiên tử nhưng đã có hai phần ba thiên hạ rồi. Lúc đánh người

Sùng Kham Lê thì Tổ Y đến báo. Trờì đã bỏ nhà Ân, bèn giữ lấy miền tây, Thái Bá ba lần nhường, do đó có thiên hạ. Văn Vương làm Vương, còn nghi ngờ gì? Vậy thì lời bàn về Khuông Hành có chỗ chưa phải. Xét Thế Tông dựng miếu thờ ở Cam Tuyền, Phần Âm, đều theo lời của bọn phương sĩ, không dựa vào điển tịch vậy. Bọn phương sĩ cho rằng Cam Tuyền, Phần Âm là chỗ Hoàng Đế tế trời đất, cho nên Hiếu Vũ Đế làm theo, bèn dựng hai đàn tế. Nhà Hán trị ở Trường An, mà Cam Tuyền ở phía bắc, ứng với vị trí của quẻ càn, cho nên Khuông Hành nói: “Vũ Đế trú ở cung Cam Tuyền, tế ở Nam cung”. Đây là lầm vậy. Đàn tế tại Phần Dương là ở bãi bên sông, gọi là bãi Trạch Trung. Mà Khuông Hành nói: “Thiếu dương thuộc phía đông” là sai ý gốc. Đây là việc nước Ngô, chép ở truyện là không sai, tiếc là không có lời nói sửa cho đúng, cho nên dẫn ra sửa lại chỗ này. Thùì âm thùì, thấy ở Hán thư âm nghĩa.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai, chiếu rằng: “Trẫm vì không có đức, vừa nhận mệnh lớn, ngày đêm nơm nớp, không dám nghỉ ngơi. Nghĩ dẹp nạn đời, cứu giúp dân thứ, trên đền thần minh, dưới yên lòng dân. Cho nên trông ngóng, cúi mình cầu hào kiệt, chung nhau hợp sức, cùng định trong nước, nếu có chung lòng, cùng hưởng đến già. Nay Sứ trì tiết Đốc U Châu lĩnh Dự Châu Mục Liêu Đông Thái thú Yên Vương lâu ngày bên sườn bọn giặc, ngăn giữ một vùng, dẫu hết lòng vì nước, nhưng đường lối chẳng thông. Nay theo mệnh trời, sai hai sứ giả đi xa, sai phải nêu lòng thành, tỏ rõ lòng ân cần, nếu trẫm được như thế, có gì vui bằng! Dẫu vua Thang gặp được Y Doãn, Chu Vương nạp được Lữ Vọng, Thế Tổ chưa định mà có được đất Hà Hữu, đến như ngày nay há hơn được sao? Thiên hạ một mối, do đó yên vậy. Kinh Thư không chép: ‘Một người được vui, triệu dân được nhờ’ sao? Nay đại xá thiên hạ, cùng nhau thay đổi, nói rõ cho châu quận đều được nghe biết. Ban riêng nước Yên, phải tuyên ân chiếu, lệnh trong nước chuẩn bị báo tin mừng”. Tháng ba, sai bọn Thư, Tống về, sai bọn Thái thường Trương Di, Chấp kim ngô Hứa Yến, Tướng quân Hạ Đạt đem một vạn quân, vàng ngọc hàng báu, các vật lễ cử tích vượt biển đi cứu Uyên.

Giang Biều truyện chép lời chiếu của Quyền rằng: “Báo cho Sứ trì tiết Xa kị tướng quân Liêu Đông Thái thú Bình Lạc Hâu của nhà Ngụy trước đây rằng: Trờì đất mất thứ bậc, ngôi Hoàng đế chưa lập, kẻ ác hung hăng, làm hại muôn dân, trong nước chia vỡ, muôn vật chìm diệt, dẫu dân thứ còn sót, cũng chẳng còn một mống, đang buổi ngày nay, càng thêm nhiễu loạn. Trẫm ứng số vận, trông coi muôn nước, ngày đêm đánh dẹp, nghĩ cái nạn của thời nay như lợi qua nước sâu mà không có chỗ qua được. Cho nên cầm cò mao búa viết, tiểu trừ giặc ác, từ đông sang tây, chẳng chỗ nào yên, nếu dùng đúng sức thì dân không

bị tai hại. Dẫu dòng dõi bọn giặc chưa bị đánh dẹp nhưng bắt trời như buộc gỗ khô, đợi lúc mà chôn thôi. Nghĩ Tướng quân bản tính thông đạt, gồm đủ văn vũ, đứng xem sự biến, xét kĩ được mất, vượt qua chỗ hiểm, tỏ rõ lòng son, sắp đặt kế lớn đứng đầu trong thiên hạ, công lao to lớn, sánh với người xưa. Dẫu Đậu Dung xưa kia chạy đến miền Lũng Hữu, rồi chiêm miền Hà Tây để giúp Quang Vũ, lập nên tiếng tốt, há hơn được sao? Ông mang lòng cao thượng, trầm thực vui mừng. Từ xưa vua hiền để giỏi, dựng nên chính thống, đem chức tước phong cho người có đức, dùng bổng lộc đền đáp cho người có công; người có công lớn thì lộc dày, người đức cao thì lễ trọng. Cho nên Chu Công có công giúp đỡ, Thái Sư Phỉ có công nêu cao, đều được phong đất cùng được nhận lễ vật. Nay Tướng quân xem kế vạn năm trước, bày mưu không có trên đời, dứt qua lại với bọn giặc phản nghịch, thuận theo trời người, giúp thành nghiệp lớn, công không ai sánh kịp, việc của Tê Lỗ, há đủ nói đến sao! Kinh Thi không chép: ‘Không nói lời hay thì không đền, không có đức thì không báo’ sao? Nay đem bảy mươi huyện, bảy quận thuộc hai châu U, Thanh phong ông làm Yên Vương, sai Trì tiết Thái thường Trương Di trao cho ông ấn thao chiếu thư, hồ phù vàng hạng một đến hạng năm, phù sứ tre hạng một đến hạng mười. Ban cho ông đất đen, cò bạch mao, đốt mai rùa bói, ban dùng xã tắc. Nếu có việc quân thì thống lĩnh quân mã, dùng màn trướng ô khức Đại Tướng quân, coi việc U Châu, Thanh Châu Mục, Liêu Đông Thái thú như cũ. Nay phong ông thêm vị cửu tích, ông nên kính theo lệnh trẫm. Vì ba đời nhà ông nối nhau giữ vững một vùng, tụ tập bốn quận, giáo hóa đến dân tục khác, không ai hai lòng, cho nên trao ông dùng xe lớn, xe quân, hai cỗ xe ngựa đen. Ông chăm khuyến nông, người biên giới nên công, kho lẫm chất đầy, quan dân đều đủ, cho nên trao ông dùng áo cổn miện, kèm theo dày đỏ. Ông dùng đức giáo hóa, dùng lễ kính kẻ dưới, chuộng nghĩa, ưa nhường, trong ngoài đều hòa hợp, cho nên trao ông dùng nhạc hiên huyền. Ông dẫn phong tục tốt, vỗ về biên giới, người phương xa ngưỡng trông, chẳng ai không nương dựa, cho nên trao ông dùng nhà cửa đỏ. Ông dựa tài lược của mình, phong quan kẻ sĩ, dùng người hiền, xét rõ người thẳng thắn, kẻ luôn cúi, tiến cử người hiền, cho nên trao ông dùng trăm quân hồ bồn. Ông sửa sang quân mã, oai động phương xa, kính theo mệnh trời, làm rõ kẻ có tội, cho nên trao ông dùng một bữa phủ việt. Ông văn hòa với người trong, vũ tín với người ngoài, đánh bắt kẻ phản nghịch, chém kẻ xác xược, bắt kẻ gây nạn, cho nên trao ông dùng một cây cung đỏ, trăm cây tên đỏ, mười cây cung đen, nghìn cây cung đen. Ông kính giữa lòng trung, lấy ôn hòa làm đức, tỏ rõ lòng thành, khiến lòng trẫm cảm động, cho nên trao ông dùng một vò rượu nếp, kèm theo ngọc khuê. Gắng lên! Noi theo huấn điển, xét rõ ý trời, giúp nước nhà ta, giữ mãi tốt đẹp cho người”.

Gọi đại thần lên chầu, từ Thừa tướng Ung trở xuống đều can ngăn, cho rằng Uyên chưa tin được mà đãi sủng quá trọng, vẫn nên sai mấy trăm quan quân hộ tống bọn Thư, Tống, nhưng Quyên rút cuộc không nghe.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Quyền làm trái lời can ngăn của mọi người, giữ ý tin theo Uyên, không có phép tắc đánh dẹp, chẳng có kế sách khôi phục. Ban mệnh cứu tích, lại dùng vạn người, đẩy há không phải yêu dân, rất hèn ngược sao? Ở trận ấy, không chỉ mê thôi đâu, thực cũng là vô đạo.

Uyên quả nhiên chém bọn Di, đem đầu họ đến nhà Ngụy, thu hết đồ quân. Quyên cả giận, muốn tự đánh Uyên,

Giang Biều truyện chép lời Quyên giận nói: “Trẫm đã sáu mươi tuổi, việc khó dễ trong đời, chưa từng không trải qua, gần đây bị con chuột từ chối, khiến khí tức giận bốc lên như núi. Không tự đem con chuột này ném xuống biển thì không còn mặt mũi nhìn muôn nước. Nếu có nghiêng lật thì cũng không cho là tiếc”.

Bọn Thượng thư bộc xạ Tiết Tống ra sức can ngăn mới thôi. Năm đó, Quyên đến Tân Thành quận Hợp Phì, sai Tướng quân Toàn Tông đánh huyện Lục An, đầu không thắng mà về

Ngô thư chép: Trước đây, bọn Trương Di, Hứa Yến cùng đến Tương Bình, có hơn bốn trăm quan thuộc đi theo. Uyên muốn đánh bọn Di, Yến, chia dân chúng của họ trước, đặt ở các huyện của quận Liêu Đông, lấy bọn Trung sứ Tân Đán, Trương Quân, Đỗ Đức, Hoàng Cương cùng hơn sáu mươi quan quân, đặt ở quận Huyền Thố. Quận Huyền Thố ở phía bắc quận Liêu Đông, cách nhau hai trăm dặm, Thái thú Vương Tán lĩnh hai trăm hộ cùng trông cả ba bốn trăm người. Bọn Đán đều ở trong nhà dân, trong mong vào ăn uống trong dân. Đợi được hơn bốn mươi ngày, Đán cùng Cương bàn nói: “Ta ở xa làm nhục mệnh nước, tự trốn ở đây, khác gì với chết mất? Nay xem quận này, thế lực rất yếu. Nếu cùng sớm chung lòng, thiêu đốt thành quách, giết trưởng lại ở đây, vì nước rửa nhục, dẫu sau này bị giết, cũng không lấy làm tiếc. Ai lại cùng bọn xấu sống lâu mà bị bắt giam thế này”? Bọn Cương cho là phải. Do đó ngầm hẹn ước với nhau, hẹn buổi đêm ngày mười chín tháng tám thì phát động. Giữa hôm đó, thuộc hạ là Trương Tùng tố cáo, Tán bèn hội quân sĩ đóng cửa thành. Bọn Đán, Quân, Đức, Cương đều trèo thành chạy được. Bấy giờ Quân bị thương ở đầu gối, không theo kịp bọn, Đức thường giúp đi cùng. Hang núi cao vút, đi được sáu bảy dặm, vết thương thêm nặng, không đi được nữa, nằm trong đồng cỏ, ôm nhau khóc lóc. Quân nói: “Ta không may thương nặng, chết cũng không còn lâu, các ông nên nhanh đi đường, may mới thoát được. Nếu giữ nhau, cùng chết ở trong hang tận này thì ích gì”? Đức nói: “Trôi dạt vạn dặm, sống chết cùng nhau, không nỡ bỏ nhau”. Do đó dục Đán, Cương đi trước, riêng Đức ở lại giữ Quân, hái lấy quả để ăn. Đán, Cương chia tay được mấy ngày, đến được chỗ của vua Cao Câu Li là Cung, nhân đó tuyên chiếu cho vua Cao Câu Li là Cung và Chủ hạ, chiếu nói là đô ban tặng bị người quận Liêu Đông đánh cướp. Bọn Cung cả mừng, liền nhận chiếu, lệnh sai người theo Đán đi đón bọn Quân, Đức. Năm đó, Cung sai hai mươi lăm quan Tào y hộ tống bọn Đán về, tấu biểu xưng

thần, công nghìn tâm da chồn, mười tám da chim hạt kê. Bọn Đán gặp Quyền, không kìm nổi vui buồn. Quyền khen họ, đều bái làm Hiệu úy. Được một năm, sai sứ giả là Tạ Hoàn, Trung thư Trần Tuân đến bái Cung làm Thiên vu, ban thêm đồ trân bảo áo mặc. Bọn Tuân đến cửa An Bình, sai Hiệu úy Trần Phụng gặp Cung trước, nhưng Cung đã nhận ý chỉ của U Châu Thứ sử của nhà Ngụy rồi, sai đem sứ Ngô đến chuộc tội. Phụng nghe tin, quay về. Cung sai bọn Chủ bạ Tạc Tư, Đái Cỗ ra cửa An Bình gặp với bọn Hoàn. Hoàn liền bắt trói hơn ba mươi người làm con tin, Cung do đó tạ tội, dâng mấy trăm con ngựa. Hoàn mới sai Tư, Cỗ nhận chiếu thư, vật ban trao cho Cung. Bấy giờ thuyền của Hoàn nhỏ, chở tám mươi con ngựa mà về.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ ba, chiếu rằng: “Dùng quân lâu ngày không nghỉ, dân khổ vì lao dịch, có năm không được mùa. Nay nói tha cho bọn trốn tránh, không cần hạch tội”.

Tháng năm mùa hạ, Quyền sai bọn Lục Tốn, Gia Cát Cẩn đóng quân ở Giang Hạ, Miện Khẩu; bọn Tôn Thiệu, Trương Thặng hướng đến Quảng Lăng, Hoài Dương; Quyền đem đại quân vây Tân Thành quận Hợp Phì. Bấy giờ Thừa tướng của nước Thục là Gia Cát Lượng ra huyện Vũ Công; Quyền cho là Ngụy Minh Đế không thể đi xa, nhưng Đế sai quân giúp Tư Mã Tuyên Vương chống Lượng, tự đem quân thủy đánh phương đông. Chưa đến Thọ Xuân, Quyền rút về, Tôn Thiệu cũng bãi binh. Tháng tám mùa thu, lấy Gia Cát Khác làm Đan Dương Thái thú, đánh người Sơn Việt. Đầu tháng chín, sương nổi hại lúa. Tháng mười một mùa đông, Thái thường Phan Tuấn bình người Man Di ở quận Vũ Lăng, việc xong, về Vũ Xương. Chiếu lập lại tên huyện Khúc A thành huyện Vân Dương, tên huyện Đan Đông thành huyện Vũ Tiến. Giặc ở quận Lư Lăng là bọn Lí Hoàn, La Lệ làm loạn.

Mùa hạ năm thứ tư, sai Lữ Đại đánh bọn Hoàn. Tháng bảy mùa thu, có mưa đá. Nhà Ngụy sai người đem ngựa xin đổi lấy châu cơ, phỉ thúy, đồ mĩ, Quyền nói: “Đây là cái mà ta không dùng, vả lại có ngựa, sao lại lo mà không cho trao đổi”?

Mùa xuân năm thứ năm, đúc tiền lớn, một thoi tiền giá năm trăm tiền cũ. Hạ chiếu sai quan dân chuyển đồng, tính giá trị của đồng. Đặt phép tắc cấm tự đúc tiền. Tháng hai, người quận Vũ Xương nói là có sương ngọt giáng xuống ở điện Lễ Tân. Phụ Ngô tướng quân Trương Chiêu chết. Trung lang tướng Ngô Xán bắt được bọn Lí Hoàn; Tướng quân Đường Tư bắt được bọn La Lệ. Từ tháng mười không có mưa như mùa hạ. Tháng

mười mùa đông, sao chổi xuất hiện ở phương đông. Giặc ở quận Bà Dương là bọn Bành Đán làm loạn.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ sáu, hạ chiếu rằng: “Đế tang ba năm là phép thường của thiên hạ, là lúc đau xót nhất của tình người vậy; người hiên theo lễ mà đế tang, kẻ không tốt cũng bắt phải làm theo. Thời bình đạo chính, trên dưới không rời, quân tử không ép lòng người, cho nên ba năm không đến nhà của người đế tang. Đến như lúc có việc thì bỏ lễ đế theo việc cần làm, nhưng vẫn phải mặc đồ tang mà làm việc. Cho nên phép tắc của thánh nhân là có lễ không phải lúc nào cũng làm theo. Gặp tang cũng không bỏ lễ không phải phép xưa vậy, đại khái là nên theo từng lúc, được nghĩa thì mất ân vậy. Ngày trước đặt phép tắc, trưởng lại giữ chức thì chốc lát phải giao lại, nếu cố phạm cấm, dầu theo từng tội mà vẫn bị trừ bỏ. Nay đang lúc việc lớn, nhà nước có nhiều nạn, hễ là quan lại đang coi việc đầu phải dốc hết lòng, làm việc công trước mà làm việc riêng sau, nếu không vâng theo là rất sai vậy. Các quan trong ngoài phải thay nhau bàn bạc, các việc phải đúng, làm rõ phép độ”. Cỗ Đàm bàn, cho rằng: “Bỏ tang mà làm việc, nhẹ thì không đủ để cấm cái tình của con hiếu, nặng thì không bị tội phải chết. Dầu hình pháp thêm nghiêm, nhưng thì kẻ làm trái tất ít. Nếu có kẻ phạm pháp, nếu tăng hình phạt thì về tình lại không nỡ, nếu giảm hình phạt thì hình pháp không dùng được. Kẻ ngu này cho rằng trưởng lại ở xa nếu không báo tin thì không biết được sự tình. Như việc chọn người thay, nếu người làm sai thì phải tăng hình phạt, vậy thì trưởng lại không phạm lỗi bãi chức, con hiếu không phạm tội nặng”. Tướng quân Hồ Tống bàn cho rằng: “Phép tắc đế tang dầu đã có phép thường, nhưng nếu không đúng lúc thì cũng không làm được. Nay đang có việc quân thì nhà nước dễ bỏ qua, nhưng trưởng lại gặp tang, biết có hình cấm, nhưng vì việc công cũng dám phá bỏ được, nếu nghĩ đến nỗi nhục không tránh được thì không mưu tính việc làm kẻ phạm pháp, đây là vì cái tính coi khinh hình pháp nên như thế. Lòng trung với nước, tình hiếu với nhà, đã là bày tôi, há trọn được hết? Cho nên làm tôi trung thì không được con hiếu. Nên đặt rõ đi đâu mục, nêu rõ đó là tội chết, nếu mắc lỗi thì không tha, giết để ngăn giết. Làm gương ở một người thì sau đó tất hết”. Thừa tướng Cỗ Ung cũng tấu nên thêm tội nặng. Sau đó có Ngô Lệnh là Mạnh Tông gặp tang mẹ mà bỏ tang, rồi bị bắt đến Vũ Xương chịu tội. Lục Tồn tấu là Tông là người đức hạnh,

nhân đó xin tha, Quyên mới giảm một tội. Sau không ai dám làm theo, do đó bèn dứt.

Tháng hai, Lục Tồn đánh bọn Bành Đán, năm đó đều phá chúng. Tháng mười mùa đông, sai Vệ tướng quân Toàn Tông đánh úp huyện Lục An, không thắng. Gia Cát Khác dẹp người Sơn Việt xong việc, lên phía bắc đóng quân ở quận Lư Giang.

Mùa xuân năm Xích Ô thứ nhất, đức tiên lớn đáng nghìn tiên cũ. Mùa hạ, Lữ Đại đánh giặc ở quận Lư Lăng, xong, về Lục Khẩu. Tháng tám mùa thu, người quận Vũ Xương nói là có kì lân xuất hiện. Quan coi việc nói rằng kì lân là điềm ứng thái bình, nên đổi niên hiệu. Chiếu nói: “Mới đây có chim đỏ đậu ở trước điện, trăm tự thân thấy, nếu thần linh báo điềm lành thì nên đổi niên hiệu thành năm Xích Ô thứ nhất”. Bầy tôi tấu rằng: “Ngày xưa Vũ Vương đánh Trụ có điềm báo quạ đỏ, vua tôi cùng xem, rút cuộc có thiên hạ, sách vở của thánh nhân ghi chép đầy là điềm lành nhất, cho rằng vì gần đây việc đã tốt, mà tự thân thấy thì đã rõ rồi vậy”. Do đó đổi niên hiệu. Bộ phụ nhân chết, truy tặng là Hoàng hậu. Trước đây, Quyên tin dùng Hiệu sự Lữ Nhất, Nhất tính tàn ác, dùng hình pháp khắc nghiệt. Thái tử Đăng nhiều lần can gián, Quyên không nghe. Các đại thần do đó chẳng ai dám nói. Sau này Nhất phạm tội gian, việc phát lộ, bắt giết; Quyên nhận lỗi trách mình, rồi sai Trung thư lang Viên Lễ báo lỗi với các Đại tướng, nhân đó hỏi việc được mất thời ấy. Lễ về lại hạ chiếu trách mắng bọn Gia Cát Cẩn, Bộ Chất, Chu Nhiên, Lữ Đại rằng: “Viên Lễ về nói là gặp nhau với Tử Du, Tử Sơn, Nghĩa Phong, Định Công, cùng nói các việc trước sau thời nay, đều không tự coi việc của dân, không chịu bày tỏ liền ngay, lại đùn đẩy cho Bá Ngôn, Thặng Minh. Bá Ngôn, Thặng Minh gặp Lễ, khóc lóc tha thiết, lời lẽ cay đắng, đến nỗi mang lòng sợ hãi, không có ý tự yên. Nghe đến đây thì ta buồn bã, trong lòng tự thấy lạ. Sao vậy? Xét nghĩ thánh nhân không làm việc có lỗi, người sáng suốt là tự thấy mình vậy. Người ta nâng đặt, sao cho vừa đúng, nếu chỉ muốn vì mình mà làm trái với ý dân, sao nhãng không tự nghĩ, cho nên các ông nghi ngờ thôi; nếu không thế thì sao lại dẫn đến như thế? Từ khi ta dấy binh năm mười năm nay, trăm việc thuế khóa lao dịch đều lấy ở dân. Thiên hạ chưa định, bọn xấu vẫn còn, quân dân chăm chỉ, thực là đi đâu các ông biết rõ. Nhưng làm khổ trăm họ, chỉ là bất đắc dĩ mà thôi. Cùng các ông làm việc, từ nhỏ đến lớn, nay tóc đã hai màu, để nói trong ngoài đủ để lộ rõ, việc công tư

phân chia, đủ cùng giúp nhau. Hết lời can gián là đi đâu mà ta mong ở các ông; cứu vớt lỗi sai, ta cũng mong vậy. Ngày xưa Vệ Vũ Công đã qua tuổi khỏe mạnh mà vẫn chăm tìm người giúp đỡ, thường tự than trách.

Giang Biều truyện chép: *Quyền lại nói: “Thiên hạ không có con cáo trong trắng, mà có cái áo lông cừu trong trắng, đây là cái mà dân làm nên vậy. Người làm lẫn tạp thành thuần nhất, há chẳng làm được? Cho nên dùng được sức dân thì không ai địch nổi ở thiên hạ, dùng được trí dân thì không sợ lỗi với thánh nhân vậy”.*

Vả lại kẻ áo vải buộc dải da kết bạn với nhau, trở thành hòa hợp, nhờ bản vẫn không khác. Ngày nay xác ông cùng ta làm việc. Dẫu còn nghĩa vua tôi, nhưng gọi là cốt nhục thì cũng không là sai. Phúc lộc vui buồn cùng hưởng với nhau. Tỏ lòng không dấu, mưu kế không khác, coi việc đúng sai, các ông há được thành thời mà thôi sao! Cùng thuyền vượt sông, ai lại cùng khác? Tề Hoàn Công làm Bá của chư hầu, có đi đâu hay thì Quản Tử chưa từng không khen ngợi, có đi đâu sai thì Quản Tử chưa từng không can ngăn, không cho can ngăn cũng không ngừng can ngăn. Nay ta tự xét không có cái đức của Hoàn Công, mà các ông can ngăn chưa ra khỏi miệng, vẫn giữ lấy nghi ngờ. Do đó nói rằng, ta so với cái tốt lành của Tề Hoàn Công, không biết các ông so với Quản Tử thì thế nào? Lâu ngày không gặp nhau, nhân việc đáng cười này mà cùng bàn nghiệp lớn, sửa sang thiên hạ, nay còn có ai? Như trăm việc quan trọng được mất thời nay, ta vui nghe kế lạ để sửa đi đâu không được”.

Tháng ba mùa xuân

Giang Biều truyện chép chiếu tháng giêng của Quyền rằng: *“Quan Lang là bày tôi túc vệ, là kẻ sĩ vâng mệnh từ thời xưa vậy; vậy mà gần đây có vẻ không dùng quan này. Từ nay chọn ba người đều dựa vào bốn phép thử, không được dựa vào lời lẽ sáo rỗng”.*

năm thứ hai, sai sứ giả là Dương Đạo, Trịnh Trụ, Tướng quân Tôn Di đến quận Liêu Đông, đánh tướng giữ thành của nước Ngụy là bọn Trương Trì, Cao Lự, bắt được trai gái của chúng.

Văn sĩ truyện chép: *Trụ tự Kính Tiên, người nước Bái. Cha là Lễ, học thức sâu rộng. Vào lúc Quyền làm Phiếu kị tướng quân, lấy Lễ làm Tông sự Trung lang, cùng Trương Chiêu, Tôn Thiệu sắp đặt lễ nghi. Trụ là con út của Lễ, có tài cả văn võ, lúc nhỏ được biết tên, cử hiên lương, dân dân chuyển làm Kiến An Thái thú. Bọn tân khách của Lữ Nhất ở quận phạm pháp, Trụ bắt giam ngục, xét tội. Nhất mang giận, sau đó ngầm vu vạ Trụ. Quyền cả giận, gọi Trụ về, bọn Phan Tuấn dâng biểu cầu xin, được thả. Sau Bái làm Tuyên tín hiệu úy, đến cứu Công*

Tôn Uyên, đã bị quân Ngụy phá, trở về làm Chấp kim ngô. Con là Phong, tự Mạn Quý. Có tài văn lại đức hạnh, thân với Lục Vân, cùng làm thơ qua lại với Vân. Tư không Trương Hoa mời gọi, chưa đến thì chết.

Thần là Tùng Chi nghe nói Tôn Di là người miên đông, không phải họ hàng của Quyền vậy.

Người quận Linh Lăng nói là có sương ngọt giáng. Tháng năm mùa hạ, đắp thành ở huyện Sa Tiện. Tháng mười mùa đông, Tướng quân Tưởng Bí xuống phía nam đánh giặc người Di. Bộ đốc Liêu Thức mà Bí lĩnh giết bọn Lâm Hạ Thái thú Nghiêm Cương, tự xưng là Bình nam tướng quân, cùng em là Tiền cùng đánh các quận Linh Lăng, Quế Dương; các quận Uất Lâm, Thương Ngô thuộc Giao Châu nhiễu động, có mấy vạn quân. Sai Tướng quân Lữ Đại, Đường Tư đánh chúng, hơn một năm đều phá được.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ ba, chiếu nói: “Vua không có dân thì không lập được, dân không có lúa thì không sống được. Gần đây đến nay, dân phân nhiều bị bắt lao dịch, có năm lại khô hạn, lúa trong năm bị giảm, mà quan lại có kẻ không tốt, có lúc cướp đoạt của dân, dẫn đến đói khổ. Từ nay về sau, các quan Thái thú, Bộ đốc phải xem xét kẻ nào không theo hình pháp, vào lúc cày bừa mà dùng lao dịch để quấy nhiễu dân, phải bắt tước áo mũ”. Tháng tư mùa hạ, đại xá, hạ chiếu lệnh các quận huyện sửa thành quách, dựng lầu gác, đào hố vét kênh để phòng giặc cướp. Tháng mười một mùa đông, dân đói, hạ chiếu mở kho thóc để cứu giúp dân nghèo khó.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ tư, có tuyết lớn, mặt đất lấp sâu đến ba thước, chim thú chết quá nửa. Tháng tư mùa hạ, sai Vệ tướng quân Toàn Tông cướp miền Hoài Nam, khơi đê Thước Bi, đốt lầu gác ở huyện An Thành, thu bắt dân chúng huyện ấy. Uy bắc tướng quân Gia Cát Khác đánh huyện Lục An. Tông đánh với tướng Ngụy là Vương Lăng ở Thước Bi, hơn vạn người bọn Trung lang tướng Tần Hoảng chết trận. Xa kỵ tướng quân Chu Nhiên vây thành Phàn, Đại tướng quân Gia Cát Cẩn đánh lấy huyện Tổ Trung.

Hán Tấn xuân thu chép: Linh Lăng Thái thú Ân Lễ nói với Quyền rằng: “Nay trời bỏ họ Tào, càng thêm võ lỗ, đang lúc tranh giành mà cho trẻ con nắm việc. Bệ hạ tự thân cầm quân, nhân lúc loạn mà đánh lấy, nên quét sạch miền Kinh Dương, phát cả bọn khỏe gây, sai bọn khỏe cầm kích, bọn gây chuyển chở, phía tây sai người Ích Châu đem quân đến miền Lũng Hữu, cấp đại quân cho bọn Gia Cát Cẩn, Chu Nhiên coi việc ở Tương Dương; sai bọn Lục Tồn, Chu Hoàn đi riêng đánh Thọ Xuân, đem xe lớn vào miền Hoài Dương, Lệ Thanh, Từ Châu. Nếu vùng Tương Dương, Thọ Xuân khôn vì bị đánh, từ miền Trường An về phía

tây phải chống quân Thục thì dân miền Hứa, Lạc tất bị rời rã; tự nhau dao động, dân tất làm nội ứng, tướng súy bỏ chạy, làm mất thế lợi; một quân thua võ thì ba quân lìa ý, rồi nên ruổi ngựa kéo xe đến dẫm xéo thành ấp, thừa thắng mà đuổi lên phương bắc, đến đỉnh miền Hoa Hạ. Nếu không đem hết quân đi, chỉ đem ít ỏi thì không đủ dùng cho việc lớn, dễ phải rút lui về; lúc ấy dân một uy giảm thì bấy giờ lực kiệt, đây không phải là kế phát binh vậy”. Quyền không theo lời này.

Tháng năm, Thái tử Đăng chết. Tháng đó, Thái phó của nước Ngụy là Tư Mã Tuyên Vương đến cứu thành Phàn. Tháng sáu, đem quân về Thảng nhuận, Đại tướng quân Cẩn chết. Tháng tám mùa thu, Lục Tốn đắp thành ở huyện Chu.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ năm, lập con là Hòa làm Thái tử, đại xá, đổi niên hiệu Hòa Hưng thành Gia Hưng. Trăm quan tấu xin lập Hoàng hậu và bốn vị Vương, chiếu nói: “Nay thiên hạ chưa định, muôn dân mệt mỏi, lại nữa người có công có kẻ chưa được ghi chép, kẻ đói rét vẫn chưa được cứu giúp, vậy mà cắt xét đất đai phong cho con em, ban tước vị cho thế thiếp, ta rất không nên làm. Nên bỏ lời bàn này”. Tháng ba, người huyện Hải Diêm nói là có rồng vàng xuất hiện. Tháng tư mùa hạ, cấm dâng nạp cho vua, sai Thái quan giảm món ăn ngon. Tháng bảy mùa thu, sai Tướng quân Niếp Hữu, Hiệu úy Lục Khải đem ba vạn quân đánh quận Châu Nhai, Đàm Nhĩ. Năm đó có bệnh dịch lớn, quan coi việc lại tấu xin lập Hoàng hậu và các vị Vương. Tháng tám, lập con là Bá làm Lỗ Vương.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ sáu, người huyện Tân Đô nói là có hồ trắng xuất hiện. Gia Cát Khác đánh huyện Lục An, phá trại của tướng Ngụy là Tạ Thuận, bắt lấy người dân huyện ấy. Tháng mười một mùa đông, Thừa tướng Cố Ung chết. Tháng mười hai, vua nước Phù Nam là Phạm Chiên sai sứ dâng nhạc kị và phương vật. Năm đó, Tư Mã Tuyên Vương đem quân vào huyện Thư, Gia Cát Khác từ huyện Hoàn dời đến huyện Sài Tang.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ bảy, lấy Thượng đại tướng quân Lục Tốn làm Thừa tướng. Mùa thu, người huyện Uyển Lăng nói là có lúa tốt mọc. Năm đó, bọn Bộ Chất, Chu Nhiên dâng sớ rằng: “Người từ đất Thục về đều nói họ muốn trái thề ước và giao thông với Ngụy, làm nhiều thuyền bè, sửa đắp thành quách. Lại sai Tướng Uyển giữ Hán Trung, lúc nghe tin Tư Mã Ý xuống phía nam mà không đem quân ra chỗ trống mà hai mặt đánh phá, trái lại còn bỏ Hán Trung, về gần Thành Đô, việc đã rõ ràng, không còn nghi ngờ nữa, nên nhanh phòng bị”. Quyền xét không cho là

phải, nói: “Ta đãi Thục không bạc, thăm hỏi thề ước, không có chỗ nào sai, sao lại như thế? Lại nữa Tư Mã Ý trước đây vào huyện Thục, một tuần thì rút, đất Thục ở xa vạn dặm, người Thục há biết được nguy cấp mà đem quân đi sao? Xưa kia người Ngụy muốn vào miền Hán Xuyên, vùng này mới giữ nghiêm, cũng không phát động, lúc nghe quân Ngụy về mới thôi. Đối với Thục há lại vì đi đầu này mà ngờ sao? Vả lại người ta trị nước, thuyền bè thành quách, sao không phải là để giữ? Nay vùng ấy luyện quân, há lại muốn để chống người Thục sao? Người ta nói là không đáng tin, trăm vì các ông dẫu phá nhà cũng giữ ý mình”. Người Thục rút cuộc không có mưu khác như ý mà Quyên xét.

Giang Biều truyện chép chiếu của Quyên rằng: “Tướng súy phản trốn mà giết vợ con của họ là khiến cho vợ mất chồng, con mất cha, rất tổn hại lễ giáo, từ nay không được giết”.

Tháng hai mùa xuân năm thứ tám, Thừa tướng Lục Tốn chết. Mùa hạ, sấm sét đánh vào cột cửa cung, lại đánh vào cột cầu lớn bờ nam sông. Nước lớn tràn ngập ở huyện Trà Lăng, cuốn trôi hơn hai trăm nhà dân. Tháng bảy mùa thu, bọn Tướng quân Mã Mậu mưu phản, giết ba họ. Tháng tám, đại xá. Sai Hiệu úy Trần Huân đem quân đóng đồn làm ruộng và đem ba vạn quân làm đường giữa huyện Câu Dung, từ huyện Tiểu Kỳ đến thành phía tây huyện Vân Dương, mở hội chợ, làm lâu gác.

Ngô lịch chép: Mậu vốn làm Chung Li Trường ở quận Hoài Nam, nhưng bị Vương Lăng ruộng bỏ, phản theo nước Ngô, nước Ngô dùng làm Chinh tây tướng quân, Cửu Giang Thái thú, Ngoại bộ đốc, phong tước Hầu, lĩnh nghìn quân. Quyên nhiều lần ra giữa vườn thú, cùng các tướng công khanh săn bắn. Mậu cùng bọn Kiêm Phù Tiết Lệnh là Chu Trinh, Vô Nạn Lệnh là Ngưu Hâm, Nha môn tướng Chu Chí hợp mưu, đợi Quyên ở giữa vườn thú, các tướng công khanh ở ngoài cửa chưa vào, sai Trinh cầm cờ tiết đọc chiếu, bắt trói hết họ; Mậu dẫn quân vào đánh Quyên, chia giữ giữa cung và lũy Thạch Đầu, sai người báo cho nhà Ngụy. Việc lộ, đều giết cả họ.

Tháng hai mùa xuân năm thứ chín, Xa kị tướng quân Chu Nhiên đánh huyện Tổ Trung của nước Ngụy, bắt chém hơn nghìn người. Tháng tư mùa hạ, người quận Vũ Xương nói là có sương ngọt giáng. Tháng chín mùa thu, lấy Phiêu kị tướng quân Bộ Chất làm Thừa tướng, Xa kị tướng quân Chu Nhiên làm Tả đại tư mã, Vệ tướng quân Toàn Tông làm Hữu đại tư mã, Trấn nam tướng quân Lữ Đại làm Thượng đại tướng quân, Uy bắc tướng quân Gia Cát Khác làm Đại tướng quân.

Giang Biều truyện chép: Năm đó, Quyền hạ chiếu rằng: “Ngày trước Tạ Hoàn bày kế đức tiên lớn, nói là để mở rộng mua bán, cho nên ta nghe theo. Nay nghe dân nói không cho là tiện, nên giảm bớt đi, đúc thành đồ vật, quan lại chớ đem ra dùng nữa. Nhà nào có riêng phải đem vào kho tàng để tính đếm giá của nó, không được làm trái vậy”.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười, Hữu đại tư mã Toàn Tông chết.

Giang Biều truyện chép: Năm đó Quyền sai Gia Cát Nhất giả phản để dụ Gia Cát Đản, Đản đem vạn quân bộ kỵ đón Nhất ở núi Cao Sơn, Quyền ra huyện Đồ Trung, rồi đến núi Cao Sơn, nấu quân để đợi. Đản biết, bèn lui.

Tháng hai, Quyền đến Nam cung. Tháng ba, đổi dựng cung Thái Sơ, các tướng và châu quận đều cùng làm.

Giang Biều truyện chép chiếu của Quyền rằng: “‘Cung Kiến Nghiệp là dinh phủ Tướng quân mà trăm từ kinh đến dựng, cột chống hơi nhỏ, lại đều đã mục nát, thường sợ vỡ đổ. Nay chưa về lại miền tây, nên dời ngói gỗ của cung Vũ Xương đến để sửa lại’. Quan coi việc tâu nói: ‘Cung Vũ Xương đã dựng hai mươi tám năm, sợ cũng không dùng được, nên hạ lệnh chỗ ấy đập dỡ ra’. Quyền nói: ‘Đại Vũ cho rằng cung nhỏ là đẹp, nay việc quân chưa thôi, chỗ ấy nhiều thuế, nếu lại dỡ bỏ thì tổn hại đến việc cày bừa trồng dâu. Dời ngói gỗ của cung Vũ Xương đến là tự dùng được vậy’.

Tháng năm mùa hạ, Thừa tướng Bộ Chất chết. Tháng mười mùa đông, tha người tử tội.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười một, Chu Nhiên đắp thành ở Giang Lăng. Tháng hai, đất vẫn rung.

Giang Biều truyện chép chiếu của Quyền rằng: “Trẫm vì đức kém, làm sai việc tế tổ, làm việc không tốt, mắc tội với thần minh, ngày đêm cầu đảo, không có lúc dừng. Các quan đều có cái tài giỏi gì phải xem xét lỗi lầm của trẫm, chớ được e ngại”.

Tháng ba, cung được dựng xong. Tháng tư mà hạ, có mưa đá; người huyện Vân Dương nói là có rồng vàng xuất hiện. Tháng năm, người quận Bà Dương nói là có hổ trắng nhân từ.

Thụy Ứng đô chép: Hổ trắng nhân từ là điềm báo vua không bạo ngược, đấy là hổ nhân từ thì không làm hại vậy.

Chiếu nói: “Vua hiên thời trước sửa đức tích thiện, tu thân hành đạo để có thiên hạ, cho nên có điềm lành ứng báo là để tỏ rõ công đức vậy. Trẫm vì không sáng suốt, làm sao sánh được? Kinh Thư chép: ‘Dầu là điềm lành nhưng chẳng lành’, trăm quan công khanh phải gắng sửa việc mà mình làm để uốn nắn đi đâu không tốt”.

Tháng ba mùa xuân năm thứ mười hai, Tả đại tư mã Chu Nhiên chết. Tháng tư, có hai con quạ ngậm chim thước rơi ở Đông quán. Ngày bính dầ, Phiếu kị tướng quân Chu Cự lĩnh chức Thừa tướng, đốt chim thước để tế.

Ngô lục chép: Ngày mậu tuất tháng sáu, có cái vạc quý xuất lộ ở hồ Lâm Bình.

Ngày quý Sửu tháng tám, có chim câu trắng xuất hiện ở huyện Chương An.

Ngày hạ chí tháng năm mùa hạ năm thứ mười ba, sao Huỳnh hoặc chuyển vào chòm sao Nam đầu. Tháng bảy mùa thu, phạm vào ngôi sao thứ hai là sao Khôi rồi chuyển về phía đông. Tháng tám, các núi của huyện Câu Dung quận Đan Dương, huyện Ninh Quốc quận Cỗ Chương lở, nước lớn ngập. Hạ chiếu tha cho người mang nợ, cấp lương thực cho người nghèo. Phế Thái tử Hòa, đuổi đến quận Cỗ Chương. Hạ lệnh ép Lỗ Vương là Bá phải chết. Tháng mười mùa đông, tướng Ngụy là Văn Khâm giả phản để dụ Chu Di, Quyên sai Lữ Cự đến chỗ Di đón Khâm. Bọn Di giữ chỗ hiểm, Khâm không dám đến. Tháng mười một, lập con là Lượng làm Thái tử. Sai mười vạn quân làm bờ đê ở huyện Thường Ấp để chặn đường phía bắc. Tháng mười hai, Đại tướng Ngụy là Vương Sưởng vây Nam Quận, Kinh Châu Thứ sử Vương Cơ đánh Tây Lăng, sai Tướng quân Đái Liệt, Lục Khải đến chống, do đó đều dẫn về.

Dương đô phú chú của Dữu Xiển chép: Dùng đuốc lửa làm hiệu đặt ở núi Hồ Đầu, đều men sông mà nhìn nhau, hoặc trăm dặm, hoặc năm mươi dặm, ba mươi dặm, giặc đến thì giơ lên để báo cho nhau, một đêm có thể đi vạn dặm. Bấy giờ Tôn Quyền vào lúc chiều giơ đuốc lửa ở Tây Lăng, kịp lúc tiếng trống canh ba thì đến huyện Nam Sa quận Ngô.

Năm đó người thần trao sách, nói là nên đổi niên hiệu, lập Hoàng hậu.

Tháng năm mùa hạ năm Thái Nguyên thứ nhất, lập Hoàng hậu Phan thị, đại xá, đổi niên hiệu. Lúc trước ở huyện La Dương quận Lâm Hải có thần, tự xưng tên là Vương Biếu,

Ngô lục chép: Huyện La Dương là huyện An Cỗ ngày nay.

đi khắp trong dân, tiếng nói ăn uống không khác với người thường, chỉ không thấy hình dáng. Lại có một người hầu gái tên là Phưởng Tích. Tháng đó, sai Trung thư lang Lí Sùng đem theo ấn thao Phụ quốc tướng quân La Dương Vương đến đón Biếu. Biếu theo Sùng cùng đi, nói chuyện với Sùng và các quan lệnh trưởng, Quận thú của các quận, bọn Sùng không dễ đối đáp. Đi qua sông núi nào liền sai người hầu gái nói chuyện với các vị thần của sông núi ấy. Tháng bảy mùa thu, Sùng và Biếu đến, Quyên ở

ngoài cửa Thương Long dựng quá xá, nhiều lần sai cận thần đem rượu thịt đến. Biểu nói về các việc nhỏ như nước khô hạn, nơi nơi đều ứng nghiệm.

Tôn Thịnh nói: “Thịnh nghe nói rằng nước sắp hưng thì được dân nói cho nghe, nước sắp mất thì được thần nói cho nghe. Quyền tuổi già chỉ kém, bọn gièm pha ở bên, bỏ con cả mà lập con thứ, lấy vợ lẽ làm vợ cả, có thể nói là nhiều đức mỏng vậy. Lại trá đặt bùa chú, cầu phúc ở bọn yêu tà, đây là điềm báo sắp mất, cũng chẳng rõ sao”!

Đầu tháng sáu mùa thu, có gió lớn, sông biển tràn ngập, đất bằng chìm sâu đến tám thước, cây tùng bách ở Cao Lăng thuộc Ngô Quận nứt bật, chim ở cửa phía nam thành quận rơi xuống. Tháng mười một mùa đông, đại xá. Quyên tể đàn nam giao về, mắc bệnh.

Ngô lục chép: Quyên bị bệnh trúng gió.

Tháng mười hai, sai người gọi Đại tướng quân Khác về bái làm Thái tử thái phó. Hạ chiếu giảm lao dịch, bớt thu thuế, trừ cái khổ nhọc của dân.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai, lập Thái tử Hòa ngày trước làm Nam Dương Vương, trú ở quận Trường Sa; lập con là Phấn làm Tề Vương, trú ở Vũ Xương; lập con là Hưu là Lang Da Vương, trú ở Hồ Lâm. Tháng hai, đại xá, đổi niên hiệu là Thần Phong. Hoàng hậu Phan thị hoẵng. Các quan tướng nhiều lần đến chỗ Vương Biểu cầu phúc, Biểu bỏ đi. Tháng tư mùa hạ, Quyên hoẵng, bảy giờ bảy mươi một tuổi, thụy là Đại Hoàng Đế. Tháng bảy mùa thu, táng ở Trường Lăng.

Phó Tử nói: “Tôn Sách là người sáng suốt quyết đoán, dũng trù thiên hạ, vì cha là Kiên chết trận cho nên từ nhỏ đã tụ quân tướng để trả thù, ruổi đánh nghìn dặm, chiếm hết miền Giang Nam, đánh hào sục của miền ấy, oai lừng các quận. Đến lúc Quyên thay nghiệp, có Trương Tử Bố lấy làm tim bụng, có Lục Nghị, Gia Cát Cẩn, Bộ Chật lấy làm đùi tay, có Lữ Phạm, Chu Nhiên lấy làm nanh vuốt, trao quan ban chức, rình chờ chỗ hở, quân không dùng bừa, do đó đánh ít thua mà miền Giang Nam được yên”.

Bình rằng Tôn Quyên cúi mình nhẫn nhục, ưa tài chuộng kẻ, có cái anh hào của Câu Tiễn, là bậc hùng kiệt trong muôn người vậy. Cho nên tự nắm giữ được miền Giang Biểu, lập nên nghiệp chân vạc. Nhưng tính hay nghi ngờ, vội vàng giết chóc, cho đến năm cuối đời lại càng thêm xấu. Đến như tin lời gièm mà làm mất đức, phớt bỏ người nối dõi,

Mã Dung chú Thượn thư rằng: “Điển là cắt đứt, cắt đứt cái đức của người quân tử”.

há gọi là mưu nghĩ giúp đỡ cho con cháu được yên sao? Dòng dõi sau này suy yếu, bèn dẫn đến mất nước, không hẳn là không do từ đó vậy.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Tôn Quyền phế bỏ người con không có tội, dẫu chuốc lấy mầm loạn, nhưng nước nghiêng đổ là tự do ở Hạo bạo. Nếu Quyền không phế Hòa, nhưng Hạo vẫn nổi ngôi, cuối cùng mất nước, cũng có khác gì? Đó là mất nước do ở bạo ngược, không ở tại phế bỏ vậy. Nếu Lượng giữ được lộc nước, Hưu không chết sớm thì Hạo không được lập. Hạo không được lập thì nước Ngô không mất vậy.

QUYỂN 3 - TAM TỰ CHỦ TRUYỆN

Tôn Lượng, Tôn Hưu, Tôn Hạo

TÔN LƯỢNG TRUYỆN

Tôn Lượng tự Tử Minh, là con út của Quyên vậy. Tuổi Quyên đã cao, mà Lượng là con nhỏ nhất, do đó rất được chú ý. Chị là Toàn công chúa từng gièm pha mẹ con Thái tử Hòa, lòng chẳng tự yên, nhân đó có ý dựa vào Quyên, muốn tự lập mưu, nhiều lần khen ngợi con gái của Toàn Thượng, khuyên Lượng lấy làm vợ. Năm Xích Ô thứ mười ba, Hòa bị phế, Quyên bèn lập Lượng làm Thái tử, cho lấy Toàn thị làm vợ.

Mùa hạ năm Thái Nguyên thứ nhất, mẹ Lượng là Phan thị được lập làm Hoàng hậu. Mùa đông, Quyên mắc bệnh, gọi Đại Tướng quân Gia Cát Khác đến làm Thái tử Thái phó, Cối Kê Thái thú Đằng Dận làm Thái thường, cùng nhận chiếu giúp Thái tử. Tháng tư năm sau, Quyên hoẵng, Thái tử lên ngôi vị, đại xá⁽¹⁾, đổi niên hiệu. Năm đó ứng với năm Gia Bình thứ tư của nhà Ngụy vậy.

Tháng nhuận năm Kiến Hưng thứ nhất, lấy Khác làm Thái phó, Dận làm Vệ Tướng quân, lĩnh chức Thượng thư, Thượng đại Tướng quân Lữ Đại làm Đại Tư mã, các quan văn võ đang giữ chức đều được phong tước ban thưởng, bọn quan nhàn rỗi đều được thêm chức. Tháng mười mùa đông, Thái phó Khác đem quân đến Sào Hồ, đắp thành ở Đông Hưng, sai Tướng quân Toàn Đoan giữ Tây Thành, Đô úy Lưu Lực giữ Đông Thành. Ngày bính thân đầu tháng mười hai, có gió lớn sấm sét, Ngụy sai bọn Tướng quân Gia Cát Đản, Hồ Tôn đem bảy vạn quân kị bộ vây Đông Hưng, Tướng quân Vương Sưởng đánh Nam Quận, Quán Khâu Kiêm đến Vũ Xương. Ngày giáp dần, Khác dẫn đại quân đến chống. Ngày mậu ngọ, quân đến Đông Hưng, giao tranh, đại phá quân Ngụy, giết bọn Tướng quân Hàn Tổng, Hoàn Gia. Tháng đó, có mưa sấm, sét đánh vào cửa ngoài thành Vũ Xương, làm lại cửa Đoan Môn, lại dựng điện Tai Nội.

Thần là Tòng Chi xét: Năm Xích Ô thứ mười, Quyên hạ chiếu dời gạch ngói của cung Vũ Xương để dựng sửa cung Kiến Khang, như thế vẫn còn điện trong cửa Đoan Môn.

Ngô lục viết: Gia Cát Khác có ý dờn đô, liền dựng cung Vũ Xương. Điện Nội Tai ngày nay là điện mới mà Khác dựng vậy.

Ngày bính dần tháng giêng mùa xuân năm thứ hai, lập Toàn thị làm Hoàng hậu, đại xá. Ngày canh ngọ, bọn Vương Sưởng đều rút quân. Tháng hai, đem quân từ Đông Hưng trở về, phong thưởng to lớn. Tháng ba, Khác đem quân đánh Ngụy. Tháng tư mùa hạ, vây Tân Thành, mắc bệnh dịch lớn, quân sĩ chết đến quá nửa. Tháng tám mùa thu, Khác dẫn quân về. Tháng mười mùa đông, mở hội yến lớn. Vũ vệ Tướng quân Tôn Tuấn ém quân giết Khác ở sảnh điện. Đại xá, lấy Tuấn làm Thặng tướng, phong Phú Xuân Hầi. Tháng mười một, có năm con chim xuất hiện ở huyện Xuân Thân, năm sau đổi niên hiệu.

Mùa hạ năm Ngũ Phượng thứ nhất, có nước lớn. Mùa thu, Ngô Hầi là Anh mưu giết Tuấn, biết được, Anh tự sát. Tháng mười một mùa đông, có sao chổi xẹt qua vùng sao Ngưu, sao Đẩu.

Giang Biều truyện viết: Năm đó có cây cỏ dại ở quận Giao Chỉ hóa thành cây lúa.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai, Trấn tây Tướng quân Quán Khâu Kiêm, Tiền Tướng quân Văn Khâm của nước Ngụy đem quân vùng Hoài Nam⁽²⁾ vào phía tây, đánh ở huyện Lạc Gia. Ngày nhâm thìn tháng nhuận, Tuấn cùng Phiếu kị Tướng quân Lữ Cự, Tả Tướng quân Lưu Tán đem quân đánh úp Thọ Xuân, đem quân đến Đông Hưng, nghe tin quân bọn Khâm thua. Ngày nhâm dần, đem quân đến ở Thác Cao, Khâm đến gặp Tuấn hàng, mấy vạn quân vùng Hoài Nam con lại bỏ chạy. Tướng Ngụy là Gia Cát Đản vào Thọ Xuân, Tuấn dẫn quân về. Tháng hai, kịp lúc Tướng quân Tào Trân của Ngụy gặp ở Cao Đình, giao tranh, Trân thua vỡ. Lưu Tán bị Biệt tướng của Đản là Tưởng Ban đánh bại ở Cô Bi, Tán cùng bọn Tướng quân Tôn Lăng, Tưởng Tu đều bị hại. Tháng ba, sai Tướng quân Chu Dị đánh úp An Phong, không thắng. Tháng bảy mùa thu, bọn Tướng quân Tôn Nghi, Trương Di, Lâm Tuân mưu giết Tuấn, biết được, Nghi tự sát, bọn Tuân chịu tội. Có tảng đá lớn trên núi Li Lí thuộc huyện Dương Tiễn tự đứng được. Sai Vệ úy Phùng Triêu đắp thành ở Quảng Lăng, bái Tướng quân Ngô Nhượng làm Quảng Lăng Thái thú, Lưu Lược làm Đông Hải Thái thú. Năm đó khô hạn, dựng Thái Miếu. Lấy Phùng Triêu làm Giám quân Sứ giả, trông coi việc quân của Từ Châu. Dân đói, quân sĩ oán giận.

Đầu tháng hai mùa xuân năm Thái Nguyên thứ nhất,

Ngô lịch viết: Tháng giêng, lập miếu thờ Quyền, gọi là miếu Thái Tổ.

thành Kiến Nghiệp bị cháy. Tuấn dùng kế của Chinh bắc Tướng quân Văn Khâm, sắp đánh Ngụy. Tháng tám, chọn sai Khâm cùng Phiêu kỵ Tướng quân Lữ Cự, Xa kỵ Tướng quân Lưu Toàn, Trấn nam Tướng quân Chu Dị, Tiễn Tướng quân Đường Tư từ Giang Đô vào vùng Hoài, Tứ. Ngày đình hội tháng chín, Tuấn chết, lấy em họ là Thiên Tướng quân Sâm làm Thị trung, Vũ vệ Tướng quân, lĩnh các việc quân trong ngoài, gọi bọn Cự về Nghe tin Sâm thay Tuấn, cả giận. Ngày kỉ sửu, Đại Tư mã Lữ Đại chết. Ngày nhâm thìn, sao Thái bạch phạm vào vùng sao Nam đầu. Bọn Cự, Khâm, Tư tiến cử Vệ Tướng quân Đằng Dận làm Thặng tướng, Sâm không nghe theo. Ngày quý mao, lại lấy Dận làm Đại Tư mã, thay Lữ Đại đóng quân ở Vũ Xương. Cự dẫn quân về, muốn đánh Sâm. Sâm sai sứ giả đem chiếu thư cáo dụ bọn Khâm, Tư, sai bắt Cự. Ngày đình mùi tháng mười mùa đông, sai Tôn Hiến và bọn Đinh Phụng, Thi Khoan đem quân thuyền chặn đánh Cự ở Giang Đô, sai Tướng quân Lưu Thặng đem quân kỵ bộ đánh Dận. Quân Dận thua bị giết cả. Ngày kỉ dậu, đại xá, đổi niên hiệu. Ngày tân hợi, bắt được Lữ Cự ở Tân Châu. Tháng mười một, lấy Sâm làm Đại Tướng quân, Giả tiết, phong Vĩnh Khang Hầu. Tôn Hiến cùng Tướng quân Vương Đôn mưu giết Sâm, việc lộ, Sâm giết Đôn, ép sai Hiến tự sát. Tháng mười hai, sai Ngũ quan Trung lang tướng Tập Huyền báo loạn cho nước Thục biết.

Ngày giáp dần tháng hai mùa xuân năm thứ hai, có mưa to, sấm sét. Ngày ất mao, có tuyết, rét đậm. Cắt phía đông quận Trường Sa lập thành quận Tương Đông, phía tây lập thành quận Hành Dương, cắt phía đông quận Cối Kê lập thành quận Lâm Hải, cắt phía đông quận Dự Chương lập thành quận Lâm Xuyên. Tháng tư mùa hạ, Lượng đến điện giữa, đại xá, bắt đầu coi chính sự. Tấu biểu mà Sâm dâng lên, nhiều lần bị xét hỏi, lại chọn con em của Đại tướng quân tuổi còn nhỏ mà có sức khỏe cho làm tướng súy. Lượng nói: “Ta lập quân này, muốn cùng họ lớn lên”. Hằng ngày luyện tập ở trong vườn.

Ngô lịch viết: Lượng nhiều lần đem sách ra xem việc cũ của Tôn Quyền, hỏi cận thần tả hữu rằng: “Tiên đế có nhiều phép tắc lạ, nay Đại Tướng quân hỏi việc, chỉ sai ta đọc sách mà biết được sao”? Sau đó Lượng ra mé tây vườn, đang ăn quả mai tươi, sai quan Hoàng môn đến kho Trung Tàng lấy quả mai tẩm mật, trong mật có phân chuột, gọi quan coi kho đến hỏi, quan coi kho rập đầu. Lượng

hỏi quan rằng: “Quan Hoàng môn theo người lấy mật chăng”? Quan nói: “Nếu lấy, thật không dám cho”. Quan Hoàng môn không chịu nhận, Thị trung Tập Huyền, Trương Bân nói: “Lời nói của quan Hoàng môn, quan coi kho không giống nhau, xin bắt vào ngục để xét kỹ”. Lượng nói: “Việc này dễ biết thôi”. Sai cắt phân chuột ra, trong phân khô. Lượng cười lớn bảo Huyền, Bân rằng: “Nếu phân ở trong mật trước, trong ngoài phải cùng ướt, nay ngoài ướt mà trong khô, đây tất do quan Hoàng môn làm”. Quan Hoàng môn cúi đầu chịu tội, tả hữu chẳng ai không kinh ngạc.

Giang Biều truyện viết: Lượng sai quan Hoàng môn lấy chén bạc và nắp đặt đến chỗ quan coi kho lấy kẹo mật mía mà người Giao Châu dâng. Quan Hoàng môn lúc trước giận quan coi kho, lấy phân chuột bỏ vào trong kẹo mật, nói là quan coi kho không cẩn thận. Lượng gọi quan lại cầm hộp kẹo mật vào, hỏi rằng: “Hộp này đã đặt nắp, lại có che trùm, không biết vì sao lại như thế, quan Hoàng môn có giận gì với người chăng”? Quan coi kho rạp đầu nói: “Từng đến chỗ thần xin chiếu cỏi trong cung, chiếu cỏi trong cung có nhiều, nhưng không dám cho”. Lượng nói: “Chắc là thế rồi”. Xét hỏi quan Hoàng môn, cúi đầu chịu tội. Liền phạt đánh roi cắt tóc trước mắt, đuổi ra ngoài phủ.

Thần là Tòng Chi cho rằng: Phân chuột mới thì trong ngoài đều ướt. Quan Hoàng môn lấy phân mới thì chẳng ai biết được cái gian của mình vậy, nhưng dùng phân khô, cho nên Lượng được dịp trở cái tài trí. Vậy thì Ngô lịch viết như thế, không thật bằng Giang Biều truyện vậy.

Tháng năm, Chinh tây Đại Tướng quân của Ngụy là Gia Cát Đản đem quân vùng Hoài Nam giữ thành Thọ Xuân, sai Tướng quân Chu Thành dâng sớ xưng thần, lại sai con là Tịnh và các con em trong nhà của Trưởng sử Ngô Cương làm tin. Tháng sáu, sai bọn Văn Khâm, Đường Tư, Toàn Đoan đem ba vạn quân kị cứu Đản. Chu Dị từ Hồ Lâm đem quân đánh úp Hạ Khẩu, Hạ Khẩu Đốc là Tôn Nhất chạy sang Ngụy. Tháng bảy mùa thu, Sâm đem quân cứu Thọ Xuân, đến ở Hoạch Lí, Chu Dị bèn từ Hạ Khẩu đến đấy, Sâm sai Dị làm Tiền bộ đốc, cùng bọn Đinh Phụng đem năm vạn quân mang giáp giải vây. Tháng tám, người phía nam quận Cối Kê làm phản, giết quan Đô úy. Người quận Bà Dương, quận Tân Đô cũng làm loạn, Đinh úy Đinh Mật, Bộ kị Hiệu úy Trịnh Trụ, Tướng quân Chung Li Mục đem quân đánh chúng. Chu Dị vì quân sĩ thiếu lương bèn rút về Lâm cả giận, ngày kị tị đầu tháng chín, giết Dị ở Hoạch Lí. Ngày tân mùi, Sâm từ Hoạch Lí về Kiến Nghiệp. Ngày giáp thân, đại xá. Tháng mười một, con của Toàn Tự là Y, Nghi đem mẹ của mình trốn sang Ngụy. Tháng mười hai, bọn Toàn Đoan, Toàn Dịch từ thành Phú Xuân đến chỗ Tư Mã Văn Vương.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ ba, Gia Cát Đản giết Văn Khâm. Tháng ba, Tư Mã Văn Vương chiếm Thọ Xuân, Đản cùng tả hữu chết trận, các quan tướng thuộc hạ đều hàng. Tháng bảy mùa thu, phong Tề Vương là Phấn làm Chương An Hầu. Hạ chiếu sai quận huyện chặt gỗ để làm cung điện. Từ tháng tám trời đen tối nhưng không mưa hơn bốn mươi ngày. Lượng thấy Sâm chuyên quyền, bèn cùng Thái thường Toàn Thượng, Tướng quân Lưu Thặng mưu giết Sâm. Ngày mậu ngọ tháng chín, Sâm đem quân bắt Thượng, sai em là Ân giết Thặng ở ngoài cửa Thương Long, gọi các đại thần đến hội ở cửa cung, phế Lượng làm Cối Kê Vương, bấy giờ mười sáu tuổi.

TÔN HỮU TRUYỆN

Tôn Hưu tự Tử Liệt, là con thứ sáu của Quyên vậy. Năm mười ba tuổi theo Trung thư lang Xạ Ý, Lang trung Thịnh Xung chịu học. Tháng giêng năm Thái Nguyên thứ hai, phong Lang Nha Vương, trú ở Hồ Lâm. Tháng tư, Quyên hoẵng, em Hưu là Lượng nối tự, Gia Cát Khác nắm quyền, không muốn các Vương ở tại vùng có quân mã nơi bên sông⁽³⁾, bèn dời Hưu đến ở quận Đan Dương. Thái thú Lí Hành nhiều lần làm việc lấn áp Hưu, Hưu dâng thư xin dời đến quận khác, hạ chiếu sai dời đến quận Cối Kê. Ở được mấy năm, năm mơ cười r òng lên trời, ngoảnh lại không thấy đuôi, thức dậy mà cho là lạ. Tôn Lượng bị phế, ngày kỉ mùi, Tôn Sâm sai Tông chính Tôn Khải cùng Trung thư lang Đồng Triêu đón Hưu. Hưu lúc đầu nghe tin, có ý ngờ, Khải, Triêu kể rõ ý mà vì sao mà Sâm muốn đến đón Hưu, ở lại một ngày hai đêm, rồi đi. Ngày mậu dần tháng mười, đi đến Khúc A, có ông già gặp Hưu rập đầu nói: “Việc để lâu tất sinh biến, thiên hạ đang trông đợi, mong Bệ hạ đi nhanh”. Hưu khen hay, hôm đó kịp đến đình Bỗ Tắc. Vũ vệ Tướng quân Ân tạm làn việc quan Thặng tướng, dẫn trăm quan lấy xe kiệu đi theo đón ở đình Vĩnh Xương, dựng cung, lấy trướng võ làm điện tạm, đặt chỗ ngủ. Ngày kỉ mao, Hưu đến, từ xa thấy điện mới bèn dừng lại, sai Tôn Khải gặp Ân trước. Khải về, Hưu ngồi xe đến, bày t ỗ cúi lạy xưng th ần. Hưu lên điện tạm, nhún nhường không ngồi vào ngay, dừng lại ở gian phía đông. Hộ tào Thượng thư liền đến dưới thềm tấu biểu, quan Thặng tướng dâng ấn phù. Hưu ba lần nhường, bày t ỏ ba lần xin. Hưu nói: “Các quan lớn chư hầu đều bày quả nhân, quả nhân dám không nhận lấy ấn phù sao”? Sau đó bày t ỏ dẫn vào, rồi Hưu ngồi xe, trăm quan đi theo, Sâm đem nghìn quân đón ở Bán Dã, bãi ở bên đường, Hưu xuống xe bãi lại. Liền hôm đó ngồi ở điện chính, đại xá, đổi niên hiệu. Năm đó ứng với năm Cam Lộ thứ ba của nhà Ngụy vậy.

Ngày nhâm ngọ tháng mười mùa đông năm Vĩnh An thứ nhất, hạ chiếu nói: “Khen người có đức thưởng người có công là việc đúng nghĩa xưa

nay. Nay lấy Đại Tướng quân Sâm làm Thặng tướng, Kinh Châu Mục, tăng thực ấp năm huyện. Vũ vệ Tướng quân Ân làm Ngự sử Đại phu, Vệ Tướng quân, Trung quân đốc, tước Huyện hầu. Uy viễn Tướng quân Viện làm Hữu Tướng quân, tước Huyện hầu. Thiên Tướng quân Cán làm Tập hiệu Tướng quân, tước Đình hầu. Trường thủy Hiệu úy Trương Bố chăm chỉ giúp đỡ, lấy Bố làm Phụ nghĩa Tướng quân, phong Vĩnh Khanh Hầu. Đồng Tri châu tự đến đón, phong tước Hương hầu”. Lại hạ chiếu nói: “Đan Dương Thái thú Lí Hành ngày trước làm việc có hiềm khích, nhưng tự trối nơi sở quan. ‘Móc câu chặt áo’⁽⁴⁾, cũng vì thời vua nào thì giúp vua ấy thôi. Nay sai Hành về kinh, chớ làm việc đáng ngờ nữa”.

Tương Dương kí viết: Hành tự Thúc Bình, vốn là con nhà lính ở Tương Dương vậy. Cuối thời Hán vào đất Ngô làm dân thường ở huyện Vũ Xương. Nghe nói Dương Đạo có tài xem xét người khác, đến hỏi Đạo, Đạo nói: “Trong đời nhiều việc, người có cái tài của quan Thượng thư, Nghị tào lang vậy”. Bấy giờ Hiệu sự Lữ Nhất chuyên quyền nắm việc, đại thân sợ bị ép hại, chẳng ai dám nói, Đạo nói: “Không phải Lí Hành thì chẳng ai làm khó hắn được”. Bèn cùng tiến cử làm Tào lang. Quyền sai đến gặp, Hành nói mấy nghìn lời kể tội gian của Nhất, Quyền lấy làm then. Được mấy tháng, Nhất bị giết, do đó danh tiếng Hành được rạng rỡ. Sau thường làm quan Tư mã cho Gia Cát Khác, làm việc trong phủ của Khác, Khác bị giết, xin làm Đan Dương Thái thú. Bấy giờ Tôn Hưu ở tại sở trị của quận, Hành nhiều lần dùng hình phép ép buộc Hưu. Vợ là Tập thị thường can ngăn Hành, Hành không nghe. Lúc Hưu lập, Hành lo sợ, bảo vợ nói: “Không nghe lời nàng mới đến thế này”. Bèn muốn trốn sang Ngụy. Vợ nói: “Không nên. Ông vốn là dân thường, Tiên đế coi trọng chọn dùng, đã nhiều lần làm việc vô lễ, lại làm trái tự gây hiềm khích, nếu chạy trốn tìm đường sống, đi về miền bắc, há còn mặt mà gặp người Trung Quốc sao”? Hành nói: “Có kế gì chẳng”? Vợ nói: “Lang Nha Vương vốn là người ưa tiếng tốt, nay đang muốn rạng rỡ với thiên hạ, rút cuộc không vì thù riêng mà giết ông đâu. Nên tự trối đến nhà ngục, kể rõ lỗi trước, xin được chịu tội. Như thế mới là đáng được tha thứ, không chỉ được sống mà thôi”. Hành nghe lời, quả nhiên không bị họa, lại được bái làm Uy viễn Tướng quân, trao cho kích gậy. Hành hề muốn giúp nhà, vợ liền không nghe, sau ngầm sai hai mươi người khách lên bãi bồi ở huyện Long Dương quận Vũ Lăng làm nhà ở, trồng nghìn cây quất. Sắp chết, bảo con nhỏ rằng: “Mẹ người ngăn ta giúp nhà, cho nên mới nghèo thế này. Nhưng trong châu ta có nghìn cây quất, không làm ra áo cơm cho người được, nhưng mỗi vụ một cây đổi được bốn thất lụa, cũng đủ dùng được rồi”. Sau khi Hành chết hơn hai mươi ngày, con nhỏ nói với mẹ, mẹ nói: “Đấy đúng là trồng cây quất vậy, nhà ta lạc mất mười hộ khác đã bấy, tám năm, chắc là cha người sai họ đi làm nhà ở. Cha người thường khen Thái sử công nói: ‘Nghìn cây quất ở Giang Lăng

cũng đủ làm giàu cho nhà ông’. Ta đáp nói: ‘Người ta lo không có đức nghĩa, không lo không giàu. Nếu giàu có mà ăn ở nghèo khổ, đấy là việc tốt, cần dùng gì nữa’! Cuối thời nhà Ngô, cây quýt của Hành lớn, mỗi vụ đổi được mấy nghìn thất lụa, nhà được đầy đủ. Giữa năm Hàm Khang thời nhà Tấn, cây khô nền nhà của Hành vẫn còn.

Ngày kỉ sửu, phong Tôn Hạo làm Ô Trình H`ầu, em Hạo là Đức làm Ti`ên Đường H`ầu, Khiêm làm Vĩnh An H`ầu.

Giang Biều truyện viết: *Bây tôi tấu xin lập Hoàng hậu, Thái tử, hạ chiếu nói: “Trẫm vì đức kém, thay lập nghiệp lớn, chính trị ngày càng nông cạn, ân đức chưa đủ, như việc phong Hậu, lập người nối tự, không phải là việc cần gấp vậy”. Trẫm quan lại cố xin, Hưu từ chối không nghe.*

Ngày giáp ngọ tháng mười một, gió thổi qua bay lại, sương mù liên ngày. Nhà cửa l`ầu gác của Sâm đều có quân vệ, oai l`ấn cả vua, có người tấu lên, Hưu kính mà không làm trái ý, do đó thêm chuyên quyền. Hưu sợ việc có biến, nhiều lần ban thưởng thêm. Ngày bính thân, hạ chiếu nói: “Đại Tướng quân giữ ý trung trinh, đứng đầu lập kế để làm yên xã tắc, các quan trong ngoài đều khen lời kế ấy, đều có công lao. Ngày xưa Hoắc Quang định kế, trăm quan cùng lòng, không lập lại lỗi trước. Xét ngày trước cùng bàn định việc ghi tên nơi tông miếu, dựa vào việc cũ nên phong thêm tước vị, phải mau làm theo”. Ngày mậu tuất, hạ chiếu nói: “Đại Tướng quân nắm các việc quân trong ngoài, công việc rất nhiều, nay bái thêm Vệ tướng quân Ngự sử Đại phu Ân làm Thị trung, chia ra làm các việc với Đại Tướng quân”. Ngày nhâm tí, hạ chiếu nói: “Nhà các quan lại có năm người thì ba người phải thay nhau lao dịch, cha anh ở tại kinh đô, con em giao cho quan lại ở quận huyện, đã phải nạp thuế gạo, lại quân đi đánh dẹp cũng phải đi theo, đến như việc nhà chẳng có ai trông nom, trẫm r`ấy thương xót. Như năm người thì ba người lao dịch, nay nghe theo ý cha anh họ muốn giữ ở lại, cho giữ lại một người, miễn nạp thuế gạo, quân đi đánh dẹp không phải đi theo”. Lại nói: “Các quan tướng vâng lệnh theo đi đón tại đình Vĩnh Xương đều được tăng chức một bậc”. Phút chốc, Hưu nghe tin Sâm mưu phản, bèn ngầm mưu tính với Trương Bố. Ngày mậu thìn tháng mười hai, tế chạp⁽⁵⁾, trăm quan hội ch`ầu chúc mừng, công khanh lên điện, hạ chiếu sai võ sĩ trói Sâm, li`ền hôm đó kẻ tội mà giết đi. Ngày kỉ tị, hạ chiếu sau Tả Tướng quân Trương Bố đánh gian thần, bái Bố làm Trung quân đốc, phong em là Đôn làm Đô Đình H`ầu, cấp cho ba trăm quân, em Đôn là Tuân làm Hiệu úy.

Hạ chiếu nói: “Ngày xưa dựng nước lấy việc dạy học làm đầu, cho nên phải tu sửa đạo đức, nuôi dưỡng người tài. Từ năm Kiến Hưng đến nay, việc nước rối ren, quan dân có phần theo việc ở trước mắt, bỏ gốc làm ngọn, không theo phép cũ. Không xem trọng việc trung hậu thì phong tục vỡ hoại. Trẫm xét thời xưa đặt chức quan coi việc học, lập chức Ngũ kinh Bác sĩ, chọn lấy người tài, ban cho bổng lộc, xét thấy con em của bọn tướng lĩnh và quan lại có người chí lớn thì cho vào làm việc. Mỗi năm mở khoa thi, chọn theo thứ bậc, lại thêm ban thưởng. Khiến cho người được chọn vui vẻ vì được vinh hiển, người được dùng ham thích vì được nổi danh, để sửa giáo hóa, để tu phong tục”.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai, có sấm sét. Tháng ba, hội đủ quan cửu khanh, hạ chiếu nói: “Trẫm đã không có đức, lại đứng trên các Vương công, ngày đêm run rẩy, quên ăn quên ngủ. Nay muốn xếp võ tu văn để nêu cao giáo hóa. Xét cái đạo ấy, phải làm cho quân dân no đủ, nên chăm chỉ trù trừ. Quán Tử có nói: ‘Kho lúa đầy thì biết lễ nghĩa. Cơm áo đủ thì biết vinh nhục’. Một người không cày cấy thì có kẻ bị đói, một người không dệt vải thì có kẻ bị rét. Nếu cùng bị đói rét mà dân không làm việc sai trái, đấy là đi đầu chưa có vậy. Từ năm ngoải đến nay, quan dân và quân sĩ các đồn ở châu quân phần nhiều làm trái việc ấy, đầu cưỡi thuyền trên sông lớn, mua bán trên bờ dưới sông, do đó ruộng tốt dần dần bỏ hoang, thóc lúa ngày càng ít, như thế muốn yên ổn, há có được sao? Cũng vì tô thuế quá nặng, người cày cấy ít lợi khiến nên như thế chẳng! Nay trẫm muốn mở rộng ruộng cày, giảm nhẹ tô thuế, xem xét giàu nghèo mà thu thuế ruộng đất, khiến cho cân bằng, quan lại cũng được lợi, nhà cửa được cấp đầy đủ, vừa giúp nuôi lẫn nhau, vậy thì thân nhận mệnh lớn, không phạm phép cấm, do đó không cần dùng hình phạt mà phong tục cũng được sửa. Nếu quan lại hiên lương, dốc hết lòng giúp đời, dầu là giáo hóa thời xưa cũng không bằng, sự yên bình thời Hán Văn Đế⁽⁶⁾ cũng chẳng theo kịp. Nếu được thế thì vua tôi cùng vinh hiển, nếu không được thế thì cùng bị tổn hại hổ nhục, há được thông thả ngẩng cao đầu mà thôi? Các quan Thượng thư nên cùng chăm lo, chọn làm việc hay. Ruộng vườn đã đến mùa, không nên chậm trễ. Việc này phải làm ngay, để làm đẹp ý trẫm”.

Tháng ba mùa xuân năm thứ ba, người quận Tây Lăng nói là có con qua đở xuất hiện. Mùa thu, theo lời bàn của Đô úy Nghiêm Mật, làm ruộng đê ven bờ sông. Người quận Cối Kê nói phao Vương là Lượng sắp về làm

Thiên tử, rồi cung nhân của Lượng báo là Lượng sai người cầu đảo ở miếu thờ, có lời nói xấu. Quan coi việc tấu lên, liền giáng làm Hầu Quan Hầu, sai đến đất ấy. Trên đường đi Lượng tự sát, người đi theo hộ tống đều bị kẻ tội.

Ngô lục viết: Có người nói Hưu dùng rượu độc giết Lượng. Đến giữa năm Thái Khang thời nhà Tấn, quan Thiệu phủ cũ của nước Ngô người quận Đan Dương là Đái Ngung đón tang Lượng, táng ở Lại Hương.

Cắt phía nam quận Cối Kê lập thành quận Kiến An, chia quận Nghi Đô lập ra quận Kiến Bình.

Ngô lịch viết: Năm đó đào được cái vạc lớn ở huyện Kiến Đức.

Tháng năm mùa hạ năm thứ tư, có mưa to, nước suối cuộn cuộn. Tháng tám mùa thu, sai Quang lộc Đại phu Chu Dịch, Thạch Vĩ đi tuần tra phong tục, xem xét các quan tướng trong sạch hay nhờn bẩn, xem đi đâu mà dân khổ sở, do đó hạ chiếu bãi truất và cất nhắc quan lại.

Sở quốc tiên hiền truyện viết: Thạch Vĩ tự Công Tháo, người Nam Quận, tu đức không nhác, tự mình răn giới, có chí không thể đổi. Triều đình cử Mậu tài, Hiền lương phương chính, đều không đến. Tôn Hưu lên ngôi, cho gọi Vĩ, trải các chức làm đến Quang lộc huân. Lúc Hạo lên ngôi, triều đình rối loạn, Vĩ liền nói là già cả đau bệnh xin về, liền bãi làm Quang lộc Đại phu. Ngô đã bình, Kiến uy Tướng quân Vương Nhung tự thân đến chỗ Vĩ. Năm Thái Khang thứ hai, hạ chiếu nói: “Quan Quang lộc Đại phu của nước Ngô cũ là Thạch Vĩ giữ chí trong sạch, đến đâu bạc cũng không đổi, đất nước nguy loạn, giữ tiết ngay thẳng. Tuổi đã già cả, không chịu được đi xa, nay bãi Vĩ làm Nghị lang, thêm bổng hai nghìn thạch để hưởng tuổi còn lại”. Vĩ lại giả điên và mù, không nhận chức quan của nhà Tấn. Năm tám mươi ba tuổi ứng với năm Thái Hi thứ nhất thì chết.

Tháng chín, người huyện Bồ Sơn nói có rồng trắng xuất hiện. Năm đó, người huyện An Ngô là Trần Tiêu chết, chôn táng, sáu ngày sau sống lại, chui xuyên trong đất mà ra.

Tháng hai mùa xuân năm thứ năm, lũ phía bắc cửa Bạch Hồ bị cháy. Tháng bảy mùa thu, người huyện Thủy Tân nói có rồng vàng xuất hiện. Ngày nhâm ngọ tháng tám, có mưa to sấm sét, nước suối cuộn cuộn. Ngày ất dậu, lập Chu thị làm Hoàng hậu. Ngày mậu tí, lập con là Loan làm Thái tử, đại xá.

Ngô lục chép chiếu của Hưu nói: Người ta có tên để phân biệt nhau, lớn lên thì đặt tên chữ để kiêng kị tên gốc của mình vậy. Về lễ, đặt tên gốc và tên chữ muốn làm sao cho khó phạm để tránh húy, năm mươi tuổi gọi là bá trọng, thời xưa hoặc có một tên chữ. Người thời nay lại đặt tên gốc hay tên chữ đẹp, lại cho

phối nhau, dùng không được hợp, đây là tên chữ mù mờ mà cho là sáng suốt. Ta từng chê cười việc này. Hoặc do cha anh thầy bạn đặt tên cho, hoặc tự mình đặt tên; thầy bạn đặt tên cho còn được, cha anh đặt tên cho vẫn không nên, tự mình đặt tên cho mình là rất không nên. Nay ta giúp bốn con trai đặt tên gốc và tên chữ rằng: Thái tử có tên là Loan, chữ ‘loan’ đọc như chữ ‘loan’ trong từ ‘hồ thủy loan áo’, tên chữ là Hât, chữ ‘hât’ đọc như chữ ‘hât’ trong từ ‘hât kim’; con thứ có tên là Quang, chữ ‘quang’ đọc như chữ ‘quang’ trong từ ‘hủy quang’, tên chữ là Hân, chữ ‘hân’ đọc như chữ ‘hân’ trong từ ‘huyền hân’; con thứ có tên là Mãng, chữ ‘mãng’ đọc như ‘mãng’ trong từ ‘thảo mãng’; con thứ có tên là Bao, chữ ‘bao’ đọc như chữ ‘bao’ trong từ ‘bao y hạ khoan đại’, tên chữ là Ứng, chữ ‘ứng’ đọc như chữ ‘ứng’ trong từ ‘hữu sở ứng tri’. Đây đều không giống với chữ mà người đương thường dùng, cho nên ta xem chữ xưa mà tổng hợp đặt nên. Cắt vá tám loại chữ, dựa vào từng việc mà tạo ra, nay tạo thành tên gốc và tên chữ, đã không phối nhau, chữ lại chỉ có một, lại dễ bỏ kiêng húy, nay báo khắp thiên hạ, phải đều nghe biết”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Tả truyện viết: “Tên để lập nghĩa, nghĩa để làm lễ, lễ để coi chính⁽⁷⁾, chính để giúp dân. Cho nên chính thành thì dân nghe theo, nếu dễ dãi thì sinh loạn”. Nói ra lời này, há cũng sáo rỗng chẳng! Hưu muốn khó phạm tên húy, sao lại lo không biết đặt tên mà lại tạo nên tên chữ không cùng, đọc âm không theo phép tắc, làm trái với sách xưa, để bị người đời sau chê cười, cũng chẳng lạ sao! Cho nên phần mộ chưa khô mà vợ con mất diệt. Lời của Sư Phục⁽⁸⁾, do đó mà ứng nghiệm vậy.

Tháng mười mùa đông, lấy Vệ Tướng quân Bộc Dương Hưng làm Thặng tướng, Đình úy Đình Mật, Quang lộc huân Mạnh Tông làm Tả, Hữu Ngự sử Đại phu. Hưu vì Thặng tướng Hưng và Tả Tướng quân Trương Bô có ân cũ, trao việc cho họ, Bô coi việc trong cung, Hưng nắm việc quân cả nước. Hưu thông ý nơi sách vở, muốn chép lại lời nói của trăm nhà, lại ưa bắn chim, vào mùa xuân mùa hạ thường đi từ sớm đến tối mới về, chỉ lúc ấy mới rời sách. Hưu muốn bàn luận đạo nghệ với Bác sĩ Tế tửu Vi Diệu, Bác sĩ Mạnh Xung; Diệu, Xung vốn đều là người thẳng thắn, Bô sợ vào hầu thì sinh chuyện lời thôi, liền sai không được vào, nhân đó nói giấu bừa để ngăn chặn họ. Hưu đáp nói: “Ta đã học qua, xem khắp các sách, cái mà ta thấy không phải ít vậy; những vua áng vua tôi, thần gian tôi giặc trong đó, xưa nay việc hiền ngu thành bại, không gì không đọc. Nay bọn Diệu vào, chỉ muốn cùng bàn luận các việc trong sách mà thôi, không phải là theo bọn Diệu bắt đầu chịu học. buông rồi như thế, cũng có hại gì? Ông chỉ là vì sợ bọn Diệu gây việc gian biến của bấy tôi, cho nên không muốn cho vào mà thôi. Việc đã như thế, ta đã có phòng bị. Không cần bọn Diệu đến rồi mới làm vậy. Đây không có gì tổn hại, là vì ý ông vẫn nghi ngờ nên như thế”. Bô nghe lời bèn tạ lỗi, tự mình bày kế, lại nói là sợ trở ngại đến chính trị. Hưu đáp nói: “Việc trong sách vở, chỉ hại người không tốt, người tốt

thì không có hại. Đây là không làm việc sai, mà ông cho là không nên, do đó ta có mới nói đến vậy. Việc học và chính trị, điều loại đều khác, không thể trở ngại nhau được. Không ngờ ngày nay ông làm việc lại làm việc này với ta vậy, đây là điều mà người giỏi không làm”. Bối cúi đầu bái tạ, Hưu đáp nói: “Khanh nên tự hiểu ra, sao lại cúi đầu vậy! Như lòng trung thực của ông, là điều mà gần xa đều biết. Ngày trước giúp nhau là vì nghiệp lớn ngày nay vậy. Kinh Thi viết : ‘Chẳng ai không có công, nhưng ít người được trọn vẹn’. Trọn vẹn thật là khó, nhưng ông là trọn vẹn”. Lúc đầu vào thời Hưu làm Vương, Bối làm tướng đốc tả hữu, vốn được tin yêu, đến lúc lên ngôi Đế, lại được sủng kính nhưng chuyên quyền làm việc, nhiều lần vô lễ, tự thấy lỗi lầm, sợ Diệu, Xung nói ra cho nên rất lo lắng. Hưu dẫu cười bỏ ý ấy, nhưng trong lòng không vui, lại sợ Bối lo lắng, lại an ủi Bối, bỏ việc bàn luận ấy, không gọi vọn Xung vào nữa. Năm đó sai quan Sát chiến đến quận Giao Chỉ thu chim khổng tước, heo lớn.

Thần là Tùng Chi xét: Sát chiến là tên quan của nước Ngô, ở Giang Đô ngày nay có cảng của quan Sát chiến.

Tháng tư mùa hạ năm thứ sáu, người huyện Tuyên Lăng nói là có rồng vàng xuất hiện. Tháng năm, quan lại của quận Giao Chỉ là bọn Lữ Hưng làm phản, giết Thái thú Tôn Tư. Lúc đầu Tư bắt hơn nghìn thợ khéo trong quận đưa đến Kiến Nghiệp, vừa lúc quan Sát chiến đến, sợ lại bị bắt, cho nên bọn Hưng nhân đó phát động quân dân, chiêu dụ người rợ vậy. Tháng mười mùa đông, Thục đem việc bị Ngụy đánh đến báo. Ngày quý mùi, thành nhỏ Thạch Đầu ở Kiến Nghiệp bị cháy, đốt sạch tám trăm mười trượng ở góc tây nam. Ngày giáp thân, sai Đại Tướng quân Đinh Phụng đem các quân hướng đến thành Thọ Xuân của nước Ngụy, Tướng quân Lưu Bình sai riêng Thi Tích đến ở Nam Quận, bàn bạc chỗ mà quân đi đến, Tướng quân Đinh Phụng, Tôn Dị đến Miện Trung, đầu cứu Thục. Vua Thục là Lưu Thiện sai người đem việc hàng Ngụy đến báo, do đó rút quân. Lữ Hưng đã giết Tôn Tư, sai sứ đến nước Ngụy, xin Thái thú và quân sĩ đến. Thặng tướng Hưng dâng tấu chọn vạn người làm ruộng cho làm quân sĩ. Chia quận Vũ Lăng lập ra quận Thiên Môn.

Ngô lịch viết: Năm đó có rồng xanh xuất hiện ở Trường Sa, chim én trắng xuất hiện ở Từ Hồ, chim khổng tước đỏ xuất hiện ở Dự Chương.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ bảy, đại xá. Tháng hai, Trấn quân Tướng quân Lục Kháng, Phủ quân Tướng quân Bộ Hiệp, Chinh tây Tướng quân Lưu Bình, Kiến bình Tướng quân Thịnh Mạn đem quân vây tướng giữ thành Ba Đông của đất Thục⁽⁹⁾ là La Hiễn. Tháng tư mùa hạ, tướng vừa hàng phục nước Ngụy là Vương Trĩ vượt biển vào Câu Chương, đánh

cướp trưởng lại là Thường Lâm cùng hơn hai trăm trai gái. Tướng quân Tôn Việt chặn đánh thu được một chiếc thuyền, bắt ba mươi người. Tháng bảy mùa thu, giặc biển phá bãi làm muối biển, giết Tư diêm Hiệu úy Lạc Tú. Sai Trung thư lang Lưu Xuyên phát quân ở Lư Lăng đi đánh. Người quận Dự Chương là bọn Trương Tiết làm loạn, có hơn vạn người. Ngụy sai Tướng quân Hồ Liệt đem hai vạn quân kỵ bộ vào Tây Lăng để cứu La Hiến, do đó bọn Lục Kháng dẫn quân rút về Lại chia Giao Châu đặt ra Quảng Châu. Ngày nhâm ngọ, đại xá. Ngày quý mùi, Hưu hoẵng,

Giang Biều truyện viết: Hưu mắc bệnh, miệng không nói được lời, bèn tự tay viết thư gọi Thặng tướng Bộc Dương Hưng vào, sai con là Loan ra bái đón. Hưu nắm tay Hưng, chỉ tay vào Loan để trao gửi.

bấy giờ ba mươi tuổi, thụy là Cảnh Hoàng Đế.

Bảo Phác Tử của Cát Hồng viết: Vào thời Cảnh Đế của nước Ngô, có tướng giữ thành ở Quảng Lăng đào được các ngôi mộ, lấy ván để sửa thành, những tấm ván đó bị mục rất nhiều. Lại đào một ngôi mộ lớn, trong có tảng gác, cánh cửa đều xoay chuyển đóng mở được, bốn phía là đường hào vừa xe, cửa cao có cưỡi ngựa qua được. Lại đúc đồng làm mấy chục tượng người, cao năm thước, đều đội mũ lớn mặc áo đỏ, cầm kiếm đứng bên quan quách, tượng người đồng đều khắc chữ nạm ngọc xanh ở sau lưng tượng người đồng, nói là Điện trung Tướng quân, có tượng khắc chữ là Thị lang, Thường thị. Giống mộ của công chúa. Phá quan, trong quan có người, tóc đã bạc trắng, mũ áo sáng đẹp, vẻ mặt như người sống, trong quan có chất bám kết dày khoảng một thước, lấy ba chục tấm ngọc xanh trắng bọc thây. Bọn quân lính cùng đưa người chết ra, cho dựa vào ngọc trong mộ. Có một tấm ngọc dài khoảng một thước, hình giống quả dưa mát, từ trong bụng người chết lòi ra xuống đất. Trong hai tai và lỗ mũi đều có vàng ròng lớn như quả táo. Đây chắc là xương cốt có vật che giữ nên không mục vậy.

TÔN HẠO TRUYỆN

Tôn Hạo tự Nguyên Tông, là cháu của Quyên, con của Hòa vậy. Còn có tên là Bành Tổ, tự Hạo Tông. Tôn Hưu lập, phong Hạo làm Ô Trình Hầu, sai đến nước. Người huyện Tây Hồ là Cảnh Dường xem tướng nói là Hạo sẽ được quý hiển, Hạo ngẩn mừng mà không dám nói lộ ra. Hưu hoảng, bấy giờ nước Thục vừa mất, lại nữa quận Giao Chỉ phản loạn, người trong nước lo lắng, mong có được vua giỏi. Tả điện quân Vạn Úc lúc trước làm Ô Trình Lệnh, kết thân với Hạo, khen Hạo hiểu biết quyết đoán như bọn Trường Sa Hoàn Vương⁽¹⁰⁾, lại khen thêm là ham học, vâng lệnh vua theo phép cấm, thường nói với Thặng tướng Bộc Dương Hưng, Tả Tướng quân Trương Bố. Hưng, Bố nói với vợ Hưu là Thái hậu Chu thị, muốn lấy Hạo làm người nối tự. Chu thị nói: “Ta là người đàn bà góa, sao biết lo việc của xã tắc? Nếu nước Ngô không tồn tại, tông miếu có chỗ dựa là được”. Do đó bèn đón lập Hạo, bấy giờ hai mươi ba tuổi. Đổi niên hiệu, đại xá. Năm đó ứng với năm Hàm Hi thứ nhất của nhà Ngụy vậy.

Tháng tám năm Nguyên Hưng thứ nhất, lấy Thượng Đại Tướng quân Thi Tích, Đại Tướng quân Đinh Phụng làm Tả, Hữu Đại Tư mã, Trương Bố làm Phiếu kị Tướng quân, thêm chức Thị trung, các quan lại đều được tăng chức ban thưởng, đều như lệ cũ. Tháng chín, giáng Thái hậu Chu thị làm Cảnh Hoàng hậu, truy tên thụy cho cha là Hòa là Văn Hoàng Đế, tôn mẹ là Hà thị làm Thái hậu. Tháng mười, phong Thái tử Loan của Hưu làm Dự Chương Vương, con thứ làm Nhữ Nam Vương, con thứ làm Lương Vương, con thứ làm Trần Vương, lập Đằng thị làm Hoàng hậu.

Giang Biều truyện viết: Hạo vừa lập, ban chiếu lệnh cấp phát cho quân dân, mở kho thóc, cứu chẩn người nghèo thiếu, lại cho cung nữ ra gả cho người không có vợ, chim thú bị bắt nhốt trong vườn đều thả ra. Người bấy giờ đều xem là vua sáng.

Hạo đã được chí, bèn sinh kiêu ngạo tàn bạo, làm nhiều việc sai trái, ưa rượu và gái đẹp, lớn nhỏ đều thất vọng. Hưng, Bố lặng lẽ hối tiếc, có kẻ

gièm pha lên Hạo, tháng mười một, giết Hưng, BỐ. Tháng mười hai, táng Tôn Hưu ở Định Lăng. Phong cha của Hoàng hậu là Đằng Mục làm Cao Mật Hài,

Ngô lịch viết: Mục vốn có tên là Mật, tránh tên húy của Đinh Mật mà đổi tên là Mục, Đinh Mật cũng tránh tên húy của Mục mà đổi tên là Cố.

cậu là ba người bọn Hà Hềng đều được phong tước Liệt hầu. Năm đó, nhà Ngụy đặt quan Giao Chỉ Thái thú sai đến quận. Tấn Văn Đế⁽¹¹⁾ làm Tướng quốc của nhà Ngụy, sai tướng Ngô hàng Ngụy ở thành Thọ Xuân ngày trước là Từ Thiệu, Tôn Úc vâng mệnh đem thư đến bày kế tình thế lợi hại để khuyên dụ Hạo.

Hán Tấn Xuân thu chép thư của Tấn Văn Vương gửi cho Hạo rằng: “Thánh nhân nói rằng có vua tôi rồi mới có lễ nghĩa trên dưới, cho nên kẻ lớn phải yêu kẻ nhỏ, kẻ nhỏ phải thờ kẻ lớn, rồi mới trên dưới yên ổn, vạn vật được đâu vào đấy. Kịp đến cuối đời, đức lành đã hủy, vứt bỏ mạng dân để tranh mạnh với thiên hạ, làm trái lễ nghĩa kính thuận, đây là điều người có lòng nhân không làm vậy. Ngày nay vua trên sáng suốt, bao trùm khắp cõi, báai quan tể phụ, nắm giữ việc nước. Nghĩ rằng Hoa Hạ biến loạn, bốn phương chia cắt, đã hơn sáu mươi năm, binh đao phát động, không năm nào không đánh, gây hại dân chúng, buồn khổ không yên, thường mang lòng đau, ngồi đợi đến sáng. Nay muốn xếp bỏ binh đao mà làm việc nhân ái để cứu giúp trăm họ, cho nên chia sai quân nhỏ, bình định Ba Thục, trận chưa qua năm, toàn quân đã thắng. Bấy giờ tướng sủy, mưu thần, quân sĩ, dân chúng đều dựa vào thiên thời mà phát quân đánh dẹp, dựa vào thế mạnh mà phá địch, do đó sẽ quay cò chỉ về phía đông đi vào nước Ngô. Quân thuyền trôi sông, thuận dòng mà xuống, quân bộ xuống phía nam, đến lấy bốn quận, đem máy nổ vùng Thành Đô, chở thóc vùng Ba Hán, rồi mới sửa sang đem quân đi, quân ba miền tụ hội, không đến mười hai ngày có thể dẹp bằng miền Giang Đông, khiến cho miền nam thần phục. Nhưng triều đình nghĩ kỹ trận đánh nước Thục, dẫu có công dẹp nạn, cũng thương xót dân Thục gặp nạn khổ sở. Đánh trận ở Miền Trúc, từ tướng sủy trở xuống đều bị chém giết, thân phơi đây đông, máu chảy đỏ bãi. Nghĩ đến lúc trước, vẫn thương tiếc không nổi, huống chi là việc sau này? Cho nên rút quân cất giáp, mưu cùng nước nam giữ trọn tính mạng của trăm họ. Xét kỹ thế sức, đo đếm chỗ hiểm, nghĩ kỹ cái lợi hưng phế ngày xưa, xem cái gương an nguy của Tây Thục gần đây, tu đức giữ lộc, bỏ nguy theo thuận, cúi mình để yên bốn cõi, đây mới là người có nhân có trí cao xa vậy. Giữ nguy để được yên, phá đức cất lộc, đây là người không được đời sau khen ngợi, không phải điều mà người có trí nên làm vậy. Nay triều đình sai Từ Thiệu, Tôn Úc mang thư qua dụ, nếu đọc hơn trước, phải rất chú ý, chuyển ý sửa đổi, kết hiệu dừng quân, ban ân miền Ngô Cối cho cả Trung Quốc, há chẳng tốt sao! Đây là ý sáng rộng rãi vậy, dám không vâng lệnh sao? Nếu không vâng

lệnh thì bốn cỡi trong thiên hạ cùng hợp lại, động thêm binh đao chỉ là bất đắc dĩ vậy”.

Tháng ba năm Cam Lộ thứ nhất, Hạo sai sứ theo Thiệu, Úc đến báo thư rằng: “Biết ông có tài hơn người thường, nắm chức hàng tể phụ, có công dẫn đường, rất là chăm chỉ vậy. Ta vì không có đức, vâng lệnh nổi nghiệp, mưu nghĩ giúp đời sửa đạo với người hiền lương, nhưng vì đường đất ngăn cách chưa có duyên gặp. Nay thấy ông có ý tốt tràn đầy, thấy trong lòng phơi phới, sai Quang lộc Đại phu Kỉ Trắc, Ngũ quan Trung lang tướng Hoàng Cầu tỏ rõ lòng ta”.

Giang Biều truyện viết: *Hạo gửi thư nói kể hai đầu, xưng tên mà không ghi họ.*

Ngô lục viết: *Trắc tự Tử Thượng, người quận Đan Dương. Lúc trước làm Trung thư lang, Tôn Tuấn sai đến báo cho Nam Dương Vương là Hòa, sai phải tự sát. Trắc ngậm sai người nói thẳng từ chối, Tuấn giận, Trắc sợ, đóng cửa không ra. Vào thời Tôn Hưu, cha là Lượng làm Thượng thư lệnh, và Trắc làm Trung thư lệnh, hễ hội châu, lại lấy tấm bảng ngang che chỗ ngồi mình. Ra làm Dự Chương Thái thú.*

Tấn kỉ của Can Bảo viết: *Trắc, Câu đi sứ đến Ngụy, vào cỡi thì hỏi tên húy, vào triều thì hỏi phong tục. Tướng giữ thành Thọ Xuân là Vương Bô cưỡi ngựa bắn tên thị uy, rồi lại hỏi Trắc rằng: “Vua tôi nước Ngô cũng được như thế không”? Trắc nói: “Đây là việc mà quân lính cưỡi ngựa phải làm, kẻ sĩ đại phu quân tử không cần làm việc ấy vậy”. Bô cả thẹn. Rồi đến, Ngụy Đế gặp Trắc, sai người hỏi nói: “Ngày nay Ngô Vương thế nào”? Trắc đáp nói: “Ngày nay Hoàng đế coi việc, trăm quan đứng quanh, cùng ngồi ăn cũng chẳng sao”. Tấn Văn Vương mời ăn, trăm quan hội đủ, sai người kể báo rằng: “Vị kia là An Lạc Công, vị nọ là Thiên vu Hung Nô vậy”. Trắc nói: “Vua phía tây mất nước, được ông lấy lễ đổi dãi, ban tước vị cho cả ba đời, chẳng ai không cảm kích lễ nghĩa ấy. Hung Nô là nước ở ngoài biên khó trị mà ông lại vỗ về họ, cho ngồi ở ghế chiếu, thật là ân uy vang xa”. Lại nói: “Quân phòng giữ của nước Ngô thế nào”? Đáp nói: “Từ Tây Lăng cho đến Giang Đô dài năm nghìn bảy trăm dặm”. Lại hỏi rằng: “Đường đất rất xa, khó mà giữ vững”? Đáp nói: “Bờ đất dẫu xa nhưng đất hiểm yếu đáng giữ lại không quá ba bốn chỗ, như người ta dẫu có tâm thân cao tám thước cũng không có gì là không có chỗ yếu hại, như đáng phòng giữ gió lạnh cũng chỉ có vài chỗ mà thôi”. Văn Vương khen hay, lấy lễ rất hậu.*

Thần là Tùng Chi cho rằng: *Người ta có tâm thân cao tám thước cũng không có gì là không có chỗ yếu hại, phòng giữ gió lạnh há chỉ có vài chỗ? Nói ví như thế, chưa đủ là hay. Nếu nói: ‘Ví như thành vững có vạn đoạn, đoạn đáng phòng giữ nghiêm ngặt là bốn cái cửa mà thôi’. Nếu Trắc đáp như thế, cũng chẳng hay hơn sao!*

Ngô lục viết: Hạo vì các quan lớn liên kết với Hòa, bèn dời người nhà của họ đến huyện Đông Dã, chỉ có Trắc vì có lệnh kín, phong riêng con là Phu làm Đô Đình Hâu. Em Phu là Chiêm, tự Tư Viễn, vào làm quan Phiếu kị Tướng quân cho nhà Tấn. Hoàng Câu là người huyện Khúc A, là cháu của Hoàng Tư, con rể bên ngoại của Quyền vậy. Câu sau này làm đến Trung thư lệnh, Thái tử Thiệu phó.

Thiệu đi đến Nhu Tu, gọi về giết Thiệu, dời người nhà đến ở Kiến An, vì lúc trước có người nói Thiệu khen ngợi Trung Quốc vậy. Tháng tư mùa hạ, người huyện Tường Lăng nói là có sương ngọt giáng, do đó đổi niên hiệu, đại xá. Tháng bảy mùa thu, Hạo ép giết Cảnh Hoàng hậu Chu thị, không chết tại điện chính, chết ở ngôi nhà nhỏ trong vườn, mọi người biết chết không phải vì bệnh tật, chẳng ai không đau xót. Lại đem bốn con của Hưu đến ở thành nhỏ thuộc quận Ngô, rồi lại ép giết hai con lớn của Hưu. Tháng chín, theo lời Tây Lăng Đốc là Bộ Xiển, dời đô đến Vũ Xương, sai Ngự sử Đại phu Đinh Cố, Hữu Tướng quân Gia Cát Tịnh giữ Kiến Nghiệp. Trắc, Câu đến Lạc Dương, vừa lúc Tấn Văn Đế băng. Tháng mười một, lại sai về Hạo đến Vũ Xương, lại đại xá. Lấy phía nam quận Linh Lăng đặt quận Thủy An, lấy phía nam quận Quế Dương đặt quận Thủy Hưng. Tháng mười hai, nhà Tấn nhận ngôi.

Tháng giêng năm Bảo Định thứ nhất, sai Đại hồng lư Trương Nghiễm, Ngũ quan Trung lang tướng Đinh Trung điều tể Tấn Văn Đế. Lúc về, Nghiễm bệnh chết trên đường.

Ngô lục viết: Nghiễm tự Tử Tiết, người quận Ngô. Thuở trẻ được biết tên, làm các chức quan to, vì hiểu rộng biết nhiều mà được bá làm Đại hồng lư. Đi sứ đến nước Tấn, Hạo bảo Nghiễm rằng: “Nay nam bắc thông hiếu, vì thấy ông có tài ra ngoài nước cho nên chọn sai đi”. Đáp nói: “Bông hoa rực rỡ, được về tươi tốt⁽¹²⁾, thần dầu không có tài giỏi tiếng đẹp, xông vào nơi đao nhọn, cũng chẳng làm nhục mệnh vua”. Đã đến, bọn Xa kị Tướng quân Giả Sung, Thượng thư lệnh Bùi Tú, Thị trung Tuân Úc muốn lấy việc mà Nghiễm không biết để dìm nhân nhưng không bắt bẻ được. Thượng thư Bộc xạ Dương Hổ, Thượng thư Hà Trinh cùng trao dải lụa kết bạn.

Trung khuyên Hạo nói: “Phương bắc không sắm các đồ đánh giử, nên đánh úp mà lấy đất Dặc Dương”. Hạo hỏi bầy tôi, Trấn tây Đại Tướng quân Lục Khải nói: “Bất đắc dĩ mới dùng quân mà thôi, vả lại từ lúc ba nước lập thế chân vạc đến nay, đánh đấu nhau liên miên, không có năm ở yên. Nay địch mạnh mới chiếm cả đất Ba Thục, có cái đầy đủ của đất mới chiếm, lại sai sứ cầu hòa, đây là muốn ngừng binh trận, không phải là họ xin ta cứu giúp. Nay thế lực của địch đang mạnh, mà muốn mong tìm thắng

trận, đấy là chưa thấy được lợi vậy”. Xa kị Tướng quân Lưu Toàn nói: “Trời sinh ngũ tài⁽¹³⁾, bỏ quân sao được? Thay nhau tranh giành, đã có xưa nay rồi. Nếu địch có thiếu sót, há nên bỏ lỡ sao? Nên sai người dò ngóng để xem hình thế”. Hạo ngầm theo lời Toàn, lại vì Thục vừa bình, cho nên không làm, rồi bèn dứt hẳn. Tháng tám, người kinh đô nói đào được cái vạc lớn, do đó đổi niên hiệu, đại xá. Lấy Lục Khải làm Tả Thặng tướng, Thường thị Vạn Úc làm Hữu Thặng tướng. Tháng mười mùa đông, giặc núi ở huyện Vĩnh An là bọn Thi Dân tụ mấy nghìn quân,

Ngô lục viết: Vĩnh An là huyện Vũ Khang ngày nay.

cướp em thứ của Hạo là Vĩnh An Hầu Khiêm đến huyện Ô Trình, lấy các đồ trống sao ô lọng trên lăng Tôn Hòa. Lại đến Kiến Nghiệp, có hơn vạn quân. Đinh Cố, Gia Cát Tịnh chặn ở Ngưu Đôn, đánh lớn, bọn Dân thua chạy. Bắt Khiêm đi, Khiêm tự sát.

Hán Tấn Xuân thu viết: Lúc đầu có người xem khí gió nói rằng miền Kinh Châu có khí Đế Vương phá khí Đế Vương của miền Dương Châu thì cung Kiến Nghiệp không được lợi, do đó Hạo dời đến Vũ Xương, sai sứ giả điều dân đào bới gò mộ của các danh thần và gò núi liên tiếp ở miền Kinh Châu để yểm đất ấy. Rồi nghe tin Dân làm phản, tự cho rằng kế bới đất đã thành vậy. Sai mấy trăm người gõ trống vào Kiến Nghiệp, giết vợ con của Dân, nói là Thiên tử sai quân Kinh Châu đến phá giặc Dương Châu để yểm khí lúc trước.

Chia quận Cối Kê đặt quận Đông Dương, chia quận Ngô, quận Đan Dương lập quận Ngô Hưng.

Hạo hạ chiếu nói: “Thời xưa chia đất lập nước là để khen thưởng người tài năng, mở rộng bờ cõi. Nhà Tần hủy năm bậc tước ấp mà lập thành ba mươi sáu quận. Nhà Hán mới dựng, lại lập đến mấy trăm vị Vương, tùy việc mà làm, đại khái là vô thường vậy. Nay vì các huyện Dương Tiễn, Vĩnh An, Dư Hàng, Lâm Thủy của quận Ngô và các huyện Cối Chương, An Cát, Nguyên Hương, U Tiêm của quận Đan Dương, địa thế có cái lợi là dòng nước đều chảy vào huyện Ô Trình, vậy nên lập quận để phòng bị người Sơn Việt, lại làm phen dậu giữ Minh Lăng, vâng lệnh cúng tế, cũng chẳng nên sao! Nay gấp chia chín huyện ấy lập quận Ngô Hưng, trị ở huyện Ô Trình”.

Lấy phía bắc quận Linh Lăng lập quận Thiệu Lăng. Tháng mười hai, Hạo lại dời đô về Kiến Nghiệp, sai Vệ Tướng quân Đằng Mục ở lại giữ Vũ Xương.

Mùa xuân năm thứ hai, đại xá. Sai Hữu Thặng tướng Vạn Úc đi giữ Ba Khâu. Tháng sáu mùa hạ, dựng cung Hiến Minh,

Thái Khang tam niên địa kí viết: Nước Ngô có cung Thái Sơ, vuông ba trăm trượng, là cung mà Quyền dựng vậy. Cung Chiêu Minh vuông năm trăm trượng, là cung mà Hạo dựng vậy. Tránh húy của nhà Tấn cho nên gọi là cung Hiên Minh.

Ngô lịch viết: Cung Hiên Minh tại phía đông cung Thái Sơ.

Giang Biểu truyện viết: Hạo dựng cung mới, các quan bổng hai nghìn thạch trở xuống đều phải tạc vào trong núi đôn đốc chặt gỗ. Lại phá vỡ các cung khác, mở ruộng vườn cây, dựng lâu quán đắp gò núi, rất là đẹp đẽ, phí tổn của việc xây dựng đến vạn ức. Lục Khải cố can gián, không theo.

đến tháng mười hai mùa đông, Hạo dời đến ở đấy. Năm đó, chia quận Dự Chương, Lư Lăng, Trường Sa lập quận An Thành.

Tháng hai mùa xuân năm thứ ba, lấy Tả, Hữu Ngự sử Đại phu Đinh Cố, Mạnh Nhân làm Tư đồ, Tư Không.

Ngô thư viết: Lúc đầu, Cố làm Thượng thư, năm mơ có cây tùng mọc trên bụng mình, bảo người khác nói: “Chữ tùng như chữ ‘thập’ ghép với chữ ‘bát’ và chữ ‘công’⁽¹⁴⁾ vậy. Mười tám năm sau, ta sẽ làm đến vị Công khanh chẳng!” Đúng như mơ vậy.

Tháng chín mùa thu, Hạo ra Đông Quan, Đinh Phụng đến Hợp Phì. Năm đó, sai bọn Giao Châu Thứ sử Lưu Tuấn, Tiền bộ đốc Tu Tắc vào đánh quận Giao Chỉ, bị tướng Tấn là bọn Mao Quynh phá, đầu chết, quân tan về quận Hợp Phố.

Tháng giêng năm Kiến Hành thứ nhất, lập con là Cẩn làm Thái tử, phong làm Hoài Dương, Đông Bình Vương. Tháng mười mùa đông, đổi niên hiệu, đại xá. Tháng mười một, Tả Thặng tướng Lục Khải chết. Sai Giám quân Ngụ Tỉ, Uy nam Tướng quân Tiết Hủ, Thương Ngô Thái thú Đào Hoàng đi từ đường Kinh Châu, Giám quân Lí Úc, Đốc quân Từ Tồn đi từ đường biển Kiến An, đầu đến quận Hợp Phố đánh quận Giao Chỉ.

Mùa xuân tháng hai, Vạn Úc về Kiến Nghiệp. Lí Úc theo đường Kiến An không được lợi, giết tướng dẫn đường là Phùng Phỉ, dẫn quân về. Tháng ba, trời gây cháy đốt hơn vạn ngôi nhà, chết đến bảy trăm người. Tháng tư mùa hạ, Tả Đại Tư mã Thi Tích chết. Điện trung Liệt tướng Hà Định nói: “Thiếu phủ Lí Úc giết bừa Phùng Phỉ, tự ý đem quân rút về”. Người nhà Úc và Từ Tồn đều bị giết. Tháng chín mùa thu, Hà Định đem năm nghìn quân lên Hạ Khẩu săn bắn. Đô đốc Tôn Tú hàng nhà Tấn. Năm đó đại xá.

Cuối tháng giêng mùa xuân năm thứ ba, Hạo đem đại quân ra Hoa Lí, mẹ Hạo cùng vợ thiếp đều đi, bọn Đông Quan Lệnh là Hoa Hạch cố can ngăn, lại về

Giang Biều truyện viết: Lúc trước, người quận Đan Dương là Tập Huyền đi sứ đến nước Thục, lấy được thư Tư Mã Huy luận bàn vận số với Lưu Dặc ngày trước. Huyền dõ nói thêm lời văn ấy để lừa người trong nước rằng: “Cờ vàng long đỏ xuất hiện ở miền đông nam, rút cuộc người có được thiên hạ là chúa của miền Kinh, Dương chăng”! Lại bắt được kẻ hàng là người Trung Quốc, nói rằng dưới thành Thọ Xuân có lời hát của bọn trẻ con rằng: “Thiên tử sẽ nổi lên ở nước Ngô”. Hạo nghe tin, mừng nói: “Đây là mệnh trời vậy”. Liên chở mẹ, vợ con, cùng mấy nghìn cung nhân từ đường bộ Ngưu Chử đi về phía tây, nói phao lên là vào Lạc Dương để thuận mệnh trời, Đi đường gặp tuyết lớn, đường đất vỡ lở, quân sĩ mặc giáp cầm gậy, trăm người cùng kéo một xe, bị băng lạnh mà chết. Quân sĩ không chịu nổi, đều nói: “Nếu gặp địch thì đành cầm ngược cây qua mà thôi”. Hạo nghe nói, bèn về.

Năm đó, bọn Tỉ, Hoàng phá quận Giao Chỉ, bắt giết tướng giữ thành mà nhà Tấn đặt, do đó các quận Cửu Chân, Nhật Nam đều thu về

Hán Tấn Xuân thu viết: Lúc trước, Hoắc Dặc sai bọn Dương Tắc, Mao Quýnh đến giữ, cùng thề với họ rằng: “Nếu giặc vây thành, kẻ chưa đến trăm ngày mà hàng thì người nhà bị giết; nếu quá trăm ngày mà thành vỡ thì quan Thứ sử phải chịu tội ấy”. Bọn Tắc chưa đến ngày thì lương hết, xin hàng với Hoàng. Hoàng không cho, lại cấp lương sai giữ thành. Người Ngô đều can ngăn, Hoàng nói: “Hoắc Dặc đã chết, không có ai đến được, nên đợi họ hết lương, rồi mới chịu cho hàng, khiến cho bên ấy không có tội mà ta lại có nghĩa, trong khuyên bảo dân ta, ngoài vỗ về nước địch, chẳng chẳng nên sao”! Tắc, Quýnh hết lương, quân cứu không đến, bèn thu hàng.

Hoa Dương quốc chí viết: Tắc là người quận Kiên Vi. Quýnh là người quận Kiến Ninh. Bọn Tắc ở trong thành hết lương, người chết đến quá nửa, Tướng quân Vương Ước làm phản ra hàng, người Ngô vào được thành, bắt Tắc, Quýnh, đều giam ngục. Tôn Hạo sai người đem Tắc đến kinh, Tắc đến Hợp Phố, thổ máu mà chết. Nhà Tấn truy tặng Tắc chức Giao Châu Thứ sử. Lúc trước, Mao Quýnh đánh nhau với quân Ngô, giết Tiên bộ đốc Tu Tắc. Bọn Đào Hoàng thấy Quýnh tráng dũng, muốn tha cho, nhưng con Tắc là Doãn cố xin giết Quýnh, Quýnh cũng chẳng chịu cúi mình trước bọn Hoàng, bọn Hoàng giận, dõ mặt Hoảng mắng Quýnh rằng: “Giặc Tấn”! Quýnh lớn tiếng nói: “Chớ Ngô, bọn nào là giặc”? Người Ngô mở bụng sống Quýnh, Doãn cắt tim gan của Quýnh, mắng nói: “Còn làm giặc nữa không”? Quýnh vẫn mắng không ngớt, nói: “Còn muốn chém Tôn Hạo của các người, vua các người là con chó chết nào vậy”! Bèn chém Quýnh. Tấn Vũ Đế nghe tin mà thương xót, liền hạ chiếu sai con cả

của Quynh thay tước, ba con khác đều được phong Quan nội hầu. Lời trong sách này không giống với lời mà sách Hán Tấn Xuân thu chép.

Đại xá, chia quận Giao Chỉ lập quận Tân Xương. Các tướng phá động Phù Nghiêm, đặt quận Vũ Bình. Lấy Vũ Xương Đốc là Phạm Thận làm Thái úy. Hữu đại Tư mã Đinh Phụng, Tư không Mạnh Nhân chết.

Ngô lục viết: Nhân tự Cung Vũ, người quận Giang Hạ. Vốn tên là Tông, tránh tên chữ của Hạo mới đổi tên vậy. Lúc trẻ theo học người quận Nam Dương là Lí Túc. Mẹ Nhân làm đệm dày chần lớn, có người hỏi vì sao, mẹ Nhân nói: “Thằng nhỏ không có đức gì mà được làm khách, những người theo học phần nhiều nghèo khó, cho nên làm chần lớn để được giao tiếp với bọn cùng tình cảnh vậy”. Nhân đọc sách ngày đêm không chán, Túc cho là lạ, nói: “Người có khí chất của Tể tướng vậy”. Lúc đầu làm quan trong quân của Phiêu kỵ Tướng quân Chu Cú, đưa mẹ vào ở trong trại. Rồi chẳng được chí, lại đêm mưa nhà giột, do đó đứng dậy khóc lóc để tạ lỗi mẹ, mẹ nói: “Chỉ nên cố gắng, khóc làm được gì”? Cú rồi cũng biết được, cho làm Giám trì Tư mã. Tư đan được lược, dùng tay bắt cá, làm cá ướp gửi cho mẹ, mẹ nhân đó gửi lại, nói: “Người làm quan coi việc bắt cá mà lại gửi cá ướp cho ta, không tránh khỏi nghi ngờ vậy”. Chuyển làm Ngô Lệnh, bấy giờ đều không được đem người nhà đến sở quan, hễ có được vật gì đều đem gửi cho mẹ, thường không ăn trước. Lúc nghe tin mẹ mất, phạm cấm rời khỏi sở quan, việc này chép tại Tôn Quyền truyện. Được giảm tội chết một bậc, lại sai làm quan, đại khái là đãi hậu Nhân vậy.

Sở quốc tiên hiền truyện viết: Mẹ Tông ưa ăn măng, mùa đông sắp đến, bấy giờ măng còn chưa mọc, Tông bèn vào trong rừng tre than thở, do đó măng vì Tông mà mọc ra, lấy được cho mẹ, đều cho là vì Nhân rất có hiếu mới được như thế. Sau chuyển làm Quang lộc huân, rồi làm đến vị Công khanh vậy.

Người huyện Tây Uyển nói là có chim phượng hoàng đến đậu, năm sau đổi niên hiệu.

Tháng tám mùa thu năm Phụng Hoàng thứ nhất, gọi Tây Lăng Đốc là Bộ Xiển về Xiển không theo, giữ thành hàng nhà Tấn. Sai Lạc Hương Đô đốc Lục Kháng vây bắt Xiển, quân Xiển hàng cả. Xiển cùng mấy trăm người cùng mưu đầu bị giết cả ba họ. Đại xá. Năm đó, Hữu Thặng tướng Vạn Úc bị gièm, lo lắng mà chết, dời con em đến ở quận Lư Lăng.

Giang Biều truyện viết: Lúc trước, Hạo đến Hoa Lí, Úc mưu kín với Đinh Phụng, Lưu Bình rằng: “Chuyển đi này không cần gấp, nếu đến Hoa Lí mà không về thì việc xã tắc nặng nề, không nên không tự về”. Lời này bị lộ, Hạo nghe biết, vì bọn Úc là bấy tôi cũ, lại vì nhịn mà ngầm tha cho. Sau đó nhân có hội yến, bỏ thuốc độc vào rượu cho Úc uống, sai người mang rượu giảm bớt

thuốc đi. Lại cho Lưu Bình uống, Bình cảnh giác, uống thuốc khác để giải độc, không chết được. Úc bèn tự sát, Bình lo buồn, hơn tháng sau cũng chết.

Hà Định gian tà càng rõ, bắt giết. Hạo thấy tội ác của Định như Trương Bối, bèn đổi tên Định là Bối.

Giang Biều truyện viết: Định là người quận Nhữ Nam, vốn là quan Cấp sự của Tôn Quyền, sau ra làm quan ở ngoài. Định gian tà siểm nịnh, tự dâng biểu là người cũ của Tiên đế, xin về làm quan trong cung, Hạo cho làm Lâu hạ Đô úy, coi các việc thu mua gạo rượu, chuyên gây uy ban phúc, nhưng Hạo vẫn tin dùng, giao cho mọi việc. Định giúp con trai lấy con gái của Thiệu phủ Lí Úc, không được. Định mang hận gièm Úc với Hạo, Hạo tin lời mà giết Úc, đốt thân Úc. Định lại sai các tướng đều dâng con chó đẹp, đều đi đến nơi vạn dặm mà tìm, một con chó đổi mấy nghìn thất lụa. Chó dâng lên vua đều đeo vòng cổ, gá đến một vạn tiền. Mỗi con chó giao cho một tên lính giữ, nuôi để bắt chuột giữ kho tàng. Nhưng bắt được không được mấy. Người Ngô đều đổ tội cho Định, nhưng Hạo lại cho là chăm chỉ, ban tước Liệt hầu.

Ngô lịch viết: Trung thư lang Hê Hi gièm Uyển Lăng Lệnh là Hạ Huệ. Huệ là em của Hạ Thiệu vậy. Sai sứ giả là Từ Xán đến trị tội. Hi lại gièm Xán cố giữ không chịu định tội. Hạo sai sứ giả đến Uyển Lăng chém Xán, bắt Huệ vào ngục. Gặp lúc đại xá được tha.

Tháng ba mùa xuân năm thứ hai, lấy Lục Kháng làm Đại Tư mã. Tư đồ Đinh Cố chết. Tháng chín mùa thu, đổi phong Hoài Dương Vương làm Lỗ Vương, Đông Bình Vương làm Tề Vương, lại phong chín vị Vương là bọn Trần Lưu Vương, Chương Lăng Vương, cả thảy là mười một vị Vương, mỗi vị Vương cấp cho ba nghìn quân. Đại xá. Vợ yêu của Hạo có kẻ sai người đến chợ cướp hàng hóa của trăm họ, Tư thị Trung lang tướng Trần Thanh vốn là bầy tôi được Hạo tin sủng, cậy được Hạo sủng ái, dùng hình pháp bắt trói. Vợ đem việc này gièm với Hạo, Hạo cả giận, mượn việc khác mà bắt chém đầu Thanh, treo thân Thanh ở dưới bốn cửa. Năm đó Thái úy Phạm Thận chết.

Năm thứ ba, người quận Cối Kê nói ngoa Chương An Hài là Phấn sắp làm Thiên tử. Lâm Hải Thái thú Hê Hi gửi thư cho Cối Kê Thái thú Quách Đản, không bàn việc nước. Đản chỉ kể thư của Hi, không nói là có lời ngoa, bắt đến Đản đến làm thuyên ở quận Kiến An.

Cối Kê Thiệu thị gia truyện viết: Thiệu Trù tự Ôn Bá, bấy giờ làm Công tào của Đản. Đản bị bắt, kinh hoàng không biết làm cách gì nói rõ. Trù đến nói: “Nay Trù vẫn còn, việc của Trù, phủ quân lo gì”? Bèn đến phủ quan tự bày kể, nói là không có lời ngoa, việc này là do mình, không phải là lỗi của phủ quân. Quan lại tâu lời Trù lên. Hạo vẫn cả giận. Trù lo Đản chết không được tha, bèn tự sát để

chứng thật. Sắp chết, viết thư nói: “Trù lớn lên nơi biên thùy, không thuộc giáo hóa, được gọi vào cửa quan, gửi thân nơi quận, chức hơn bọn cùng làm quan, làm đến quan lớn, vậy mà không thể nêu cao giáo hóa, nuôi dưỡng phúc lành để cho bọn yêu ngoa ngang dọc, làm loạn phép nước. Trù cho rằng lời nói xằng bậy, vốn không phải là sự thật, dẫu người ta ngâm đọc, cũng không cần lo lắng. Người có khí tiết trong thiên hạ mà nghe lời xằng bậy của kẻ thất phu thì rất ghét lời ấy, không thèm nghe đến, dẫu ngâm bụi chứa bẩn, cũng không dùng bút lông mà viết ra, bỏ nóng giữ nguội, khiến cho mình tự yên. Trong lòng đau đớn, thường vò tay mình, cho nên Đản cúi mình cho là phải, ngậm ngậm nghe theo. Gây ta lỗi này, thật là do Trù. Thân kính theo không dám tránh tội chết, đổ lỗi cho người khác. Chỉ xem gương trời soi xét cho rõ”. Quan lại thu thấy Trù, đem thư dâng lên, Hạo mới tha tội chết cho Đản, bắt đến Kiến An làm thuyền. Lúc Trù chết, bấy giờ bốn mươi tuổi. Hạo khen tiết nghĩa của Trù, hạ chiếu quận huyện vẽ hình ở miếu thờ.

Sai Đô đốc của ba quận là Hà Thực bắt Hi, Hi phát quân tự giữ, cắt đứt đường biển. Bộ khúc của Hi giết Hi, đem đầu đến Kiến Nghiệp, giết ba họ. Tháng bảy mùa thu, sai hai mươi lăm sứ giả chia nhau đến châu quận, dò xét kẻ phản loạn. Đại Tư mã Lục Kháng chết. Từ lúc đổi niên hiệu đến năm đó, liễn năm có bệnh dịch lớn. Chia quận Uất Lâm lập quận Quế Lâm.

Năm Thiên Sách thứ nhất, người quận Ngô nói là đào đất lấy được đồ bạc, dài một thước, rộng ba phân, trên có khắc chữ năm tháng, do đó đại xá, đổi niên hiệu.

Năm Thiên Tỉ thứ nhất, người quận Ngô nói là hồ Lâm Bình từ cuối thời Hán cỏ dại ngăn tắc, đến nay lại thông. Người già cả truyền nhau là hồ này tắc thì thiên hạ loạn, hồ này thông thì thiên hạ yên. Lại ở bên hồ thu được cái hộp đá màu xanh trắng, dài bốn tấc, rộng hơn hai tấc, trên khắc chữ ‘Hoàng đế’, do đó đổi niên hiệu, đại xá. Cối Kê Thái thú Xa Tuấn, Tương Đông Thái thú Trương Vĩnh không nạp thuế lụa, bèn đến tại sở quan chém họ, treo đầu cáo thị các quận.

Giang Biều truyện viết: Tuấn làm việc công trong sạch, gặp lúc quận khô hạn, dân không có lương ăn, dâng biểu xin cấp chẩn. Hạo nói là Tuấn muốn nhận ân riêng, sai người đến chém bêu đầu. Lại nữa Thượng thư Hùng Mục thấy Hạo bạo ngược, ít khi can gián, Hạo sai người lấy dao cắt xẻo giết Mục, thân chẳng còn thịt.

Tháng tám mùa thu, Kinh Hạ Đốc là Tôn Khải hàng nhà Tấn. Người huyện Bà Dương nói có tảng đá trên núi Lịch Dương có hoả văn hình chữ,

cả thầy hai mươi chữ là: “Chín thành của đất Sở, chín đô của đất Ngô, miền Dương Châu, làm Thiên tử, bốn đời trị, mới thái bình”.

Giang Biều truyện viết: Huyện Lịch Dương có núi đá sát bờ nước, cao trăm trượng, đoạn ba mươi trượng có bảy xuyên sánh đôi giếng bày, trong chỗ xuyên có màu vàng đỏ, không giống với tảng đá gốc, người đời bảo rằng đây là ấn đá, lại nói ấn đá phát ra thì thiên hạ sẽ thái bình. Dưới có nhà thờ, thầy mo nói là thần của ấn đá là ba chàng trai. Bấy giờ Lịch Dương Trưởng dân biểu nói là ấn đá phát ra, Hạo sai sứ lấy đồ thái lao tế ở núi Lịch Dương. Thầy mo nói: “Ba chàng trai của ấn đá nói: ‘Thiên hạ sắp thái bình’”. Sứ giả làm thang cao, lên xem chữ ấn, lừa lấy mực đỏ viết hai mươi chữ, trở về báo cho Hạo. Hạo cả mừng nói: “Nước Ngô sắp dựng đô, thành của chín châu sao! Từ thời Đại Hoàng Đế đến ta là bốn đời, vua của thời thái bình, không phải ta thì còn ai”? Liên sai sứ giả đến, lấy ấn trao bái ba chàng trai làm Vương, lại đeo đá khắc chữ, khen thưởng công đức của thần linh để báo đáp đêm lành.

Lại nữa núi Dương Tiễn ở huyện Ngô Hưng có tảng đá rồng, dài hơn mười trượng, tên là ‘nhà đá’, quan địa phương dân biểu nói là đi yên lành, bèn sai Kiêm Tư đô Đồng Trì ầu, Kiêm Thái thương Chu Xứ đến huyện Dương Tiễn, phong thần cho núi ấy. Năm sau đổi niên hiệu, đại xá để hợp với lời văn trên ấn đá.

Mùa hạ năm Thiên Kỉ thứ nhất, Hạ Khẩu Đốc là Tôn Thận ra Giang Hạ, Nhữ Nam, cướp đốt nhà dân. Lúc trước, người huyện Sô Tử là Trương Thục nhiều lần nói gièm, dần chuyển làm Tư trực Trung lang tướng, phong tước Hầu, rất được yêu sủng, năm đó việc gian phát lộ, bắt giết.

Giang Biều truyện viết: Cha của Thục là lính của huyện Sơn Âm quận Côi Kê vậy, biết Thục không tốt, dân biểu nói: “Nếu dùng Thục làm Tư trực Hiệu úy, nếu hắn có tội thì xin không bị bắt theo”. Hạo nghe theo. Thục dân biểu cử hai mươi người bọn Đàn Khúc, chuyên làm việc không theo phép cấm, do đó yêu ghét đánh nhau, gièm vu lẫn nhau. Đàn Khúc tranh cãi, bị bắt trói trong vườn, nghe nói không được lí lẽ, bèn hối lộ cho quan coi ngục. Người dân khốn cùng, không có chỗ dựa tay chân. Thục lại dâm dật vô độ, lấy hơn ba mươi vợ nhỏ, tự ý giết người không có tội, nhiều việc xấu bị lộ, cha con đều bị tội lấy xe phanh thây.

Tháng bảy mùa thu năm thứ hai, lập mười một vị Vương là bọn Thành Kỉ Vương, Tuyên Uy Vương, mỗi vị Vương cấp cho ba nghìn quân, đại xá.

Mùa hạ năm thứ ba, Quách Mã làm phản. Mã vốn là bộ khúc của Hợp Phố Thái thú Tu Doãn. Doãn chuyển làm Quế Lâm Thái thú, bệnh tật, trú ở Quảng Châu, sai Mã đem năm trăm quân đến quận võ về người rợ trước.

Doãn chết, quân phải chia phát, nhưng bọn Mã là quân cũ nhiều đời, không nỡ rời xa. Bấy giờ Hạo tính đem đi mở mang sở hộ Quảng Châu, do đó Mã cùng tướng bộ khúc là bọn Hà Diễn, Vương Tộc, Ngô Thuật, Ân Hưng sợ làm kinh động quân dân, bèn tụ tập quân sĩ, đánh giết Quảng Châu Đốc là Ngu Viện. Mã tự hiệu là Đô đốc việc quân miền Giao, Quảng, An nam. Tướng quân, Hưng làm Quảng Châu Thứ sử, Thuật làm Nam Hải Thái thú. Diễn đánh quận Thương Ngô, Tộc đánh quận Thủy Hưng.

Hán Tấn Xuân thu viết: Trước đây, nước Ngô có lời sấm nói rằng: “Nước Ngô võ lược, quân sĩ nổi lên miền nam, người diệt nước Ngô là họ Công Tôn”. Hạo nghe nói, bèn xét các quan văn võ cho đến quân sĩ có họ Công Tôn đều dời đến Quảng Châu, không cho dừng ở ven sông. Lúc nghe tin Mã làm phản, sợ hãi nói: “Đây là trời diệt vậy”.

Tháng tám, lấy Quân sư Trương Đế làm Thặng tướng, Ngưu Chử Đốc là Hà Thực làm Tư đồ. Chấp kim ngô Đằng Tuân làm Tư không, chưa bái, chuyển làm Trấn nam Tướng quân, Giả tiết, lĩnh chức Quảng Châu Mục, đem vạn quân từ đường phía đông đến đánh Mã, gặp Tộc ở Thủy Hưng, chưa đi được. Mã giết Nam Hải Thái thú Lưu Lược, đuổi Quảng Châu Thứ sử Từ Kỳ. Hạo lại sai Từ Lăng Đốc là Đào Tuấn đem bảy nghìn quân từ đường phía tây đến, sai Giao Châu Mục là Đào Hoàng đem quân bản bộ cùng quân của các quận Hợp Phố, Uất Lâm và quân đường phía tây cùng đi đánh Mã.

Có cây rau ‘quỷ mục’ mọc thành hình người ở nhà Hoàng Cầu, dựa leo vào cây táo, dài hơn một trượng, thân rộng bốn tấc, dài ba phân. Lại có cây rau ‘mại’ mọc thành hình người ở nhà Ngô Bình, cao bốn thước, dày ba phân, như hình cây tì bà, trên cây rộng một thước tám tấc, dưới cây rộng năm tấc, hai bên mọc lá màu xanh. Đông Quán vẽ hình, đặt tên rau ‘quỷ mục’ là cỏ ‘chi thảo’, rau ‘mại’ là cỏ ‘bình lưu thảo’, bèn lấy Cầu làm Thị chi lang, Bình làm Bình lưu lang, đều cho ấn bạc thao xanh.

Mùa đông, nhà Tấn sai Trấn đông Tướng quân Tư Mã Trữ hướng đến Đồ Trung, An đông Tướng quân Vương Hân, Dương Châu Thứ sử Chu Tuấn hướng đến Ngưu Chử, Kiến uy Tướng quân Vương Nhung hướng đến Vũ Xương, Bình nam Tướng quân Hồ Phấn hướng đến Hạ Khẩu, Trấn nam Tướng quân Đỗ Dự hướng đến Giang Lăng, Long tướng Tướng quân Vương Tuấn, Quảng vũ Tướng quân Đường Bân theo sông Giang đi xuống phía đông, Thái úy Giả Sung làm Đại Đô đốc, tùy thế mà xử đoán,

nắm hết việc quân sĩ. Đào Tuấn đến Vũ Xương, nghe tin đại quân bắc đi ra, đóng lại không đi.

Lúc đầu, Hạo hề hội yến với bầy tôi, không hôm nào không sai uống rượu say. Đặt mười hai quan Hoàng môn lang ở bên, riêng không cho uống rượu, đứng hầu suốt ngày để xét lỗi sai của quan lại. Sau khi bãi hội yến, đầu tấu báo lỗi sai của quan lại, lỗi sai mà mình xem được, nói ra lỗi của họ, không được không nói ra. Tội nặng thì liền ra oai phạt, tội nhỏ cũng liền khép tội. Cung nữ có mấy nghìn người mà vẫn chọn lựa không ngừng. Lại dẫn nước vào cung, cung nhân có ý không thích thì liền giết bỏ trôi trong nước. Có người bị rạch mặt hoặc đục mắt. Sầm Hôn là kẻ hiểm ác mà được quý sủng, làm quan đến bậc cửu khanh, ưa bày lao dịch, quân dân khổ sở. Cho nên trên dưới mất lòng, chẳng ai gắng sức giúp Hạo, đại khái là vì Hạo góp việc ác đã quá nhiều, không ai chịu nổi được nữa vậy.

Sau khi bình nước Ngô, bọn Thị trung Dữu Tuấn của nhà Tấn hỏi quan Thị trung Lí Nhân của Hạo rằng: “Nghe nói vua Ngô rạch mặt người ta, chặt chân người ta, có thể chăng”? Nhân nói: “Người báo việc ấy đã quá lời vậy. Nếu quân tử ác ở dòng dưới thì kẻ ác trong thiên hạ đều đổ về. Còn như việc ấy, nếu tin là có, cũng chẳng phải là lạ. Ngày xưa nhà Đường, Ngu lập ra năm hình phạt, thời Tam đại lập ra bảy tội phạt, lập ra phép nhục hình, cũng không gọi là bạo ngược. Hạo là vua của một nước, cầm chuỗi kiếm giết người, kẻ có tội phạm pháp, thêm hình để trừng phạt, sao gọi là nhiều phạt tội! Kẻ bị vua Nghiêu giết không thể không oán giận, kẻ được vua Kiệt thưởng không thể không ngưỡng mộ, đây là tính người vậy”. Lại hỏi nói: “Nghe nói Quy Mệnh Hầu ⁽¹⁵⁾ là người ác, có kẻ đảo mắt xem ngược, đều đục mắt của họ, có thể chăng”? Nhân nói: “Cũng không có việc ấy, người truyền tin nói ngoa mà thôi. Khúc lễ viết: ‘Nhìn Thiên tử từ cổ trở xuống, nhìn chư hầu từ má trở xuống, nhìn Đại phu từ mày trở xuống, nhìn kẻ sĩ từ trán trở xuống, được đảo mắt nhìn trong vòng năm bước; nhìn người trên qua mày là hỗn láo, nhìn dưới quá eo là thờ ơ, nhìn bên cạnh là xấu xa. Theo lễ, nhìn ngẩng thì cao thấp không thể không cẩn thận, huống chi là vua đây? Nhìn vua mà trái nhau, theo lễ đây là hỗn láo; hỗn láo là không có lễ, không có lễ là không thần phục, không thần phục là phạm tội, phạm tội là vùi hãm khó lường, sử sách có ghi, sao gọi là lỗi”? Những điều mà Nhân đáp, bọn Tuấn đều khen hay, lời văn nhiều không chép hết được.

Mùa xuân năm thứ tư, lập mười một vị Vương là bọn Trung Sơn Vương, Đại Vương, đại xá. Chỗ mà Tuấn, Bân đến thì tan chạy vỡ lở, không ai ngăn được. Dư lại chém Giang Lăng Đốc là Ngũ Diên, Hồn cũng chém bọn Thặng tướng Trương Đế, Đan Dương Thái thú Thẩm Oánh, các chỗ ấy đều đánh thắng.

Tấn kĩ của Can Bảo viết: Thặng tướng Quân sư Trương Đễ, Hộ quân Tôn Chấn, Đan Dương Thái thú Thẩm Oánh của nước Ngô đem ba vạn quân vượt sông, vây Thành Dương Đô úy Trương Kiêu ở cầu Dương Hà, quân có bảy nghìn người, đóng rào tự giữ, kéo cò trắng xin hàng. Phó tướng Quân sư Gia Cát Tịnh của nước Ngô muốn giết cả quân ấy, Đễ nói: “Địch mạnh ở phía trước, không nên theo đánh quân nhỏ, vả lại giết quân hàng là không hay”. Tịnh nói: “Bọn này vì quân cứu chưa đến lại sức yếu cho nên tạm giả hàng để kéo dài thời gian quân ta, không có ý hàng phục vậy. Nhân lúc chúng không có ý đánh mà chôn sống hết chúng, có thể tạo khí thế của ba quân. Nếu tha chúng mà đi phía trước, tất gây hại ở sau lưng”. Đễ không nghe, vỗ về quân ấy rồi đi lên. Trận chống với Thảo Ngô Hộ quân Trương Hàn, Dương Châu Thứ sử Chu Tuấn. Thẩm Oánh lĩnh năm nghìn quân tinh nhuệ mang đao khiên của quận Đan Dương, gọi là ‘quân khăn xanh’, trước sau thường vào đánh vỡ trận vững, do đó đến đuổi quân của vùng Hoài Nam, ba lần xông vào đều không động. Bèn rút, tan toạc, Tiết Thắng, Trương Ban nhân loạn mà đuổi đánh, sau đó quân Ngô vỡ lở, tướng súy không ngăn được, Trương Kiêu lại ra ở phía sau, đại phá quân Ngô ở Bản Kiêu, bắt được bọn Đễ, Chấn, Oánh.

Tương Dương kí viết: Đễ tự Cự Tiên, người quận Tương Dương. Thời trẻ có tiếng tăm, thời Tôn Hưu làm Đôn kị Hiệu úy. Ngụy đánh Thục, người Ngô hỏi Đễ rằng: “Từ khi họ Tư Mã nắm việc đến nay, thường gây nạn lớn, trí lực dẫu đủ nhưng trăm họ chưa phục vậy. Nay lại vắt kiệt tiên sức của dân, đi xa đánh miền Ba Thục, quân mỗi dân mệt mà không biết thương xót, thua vì không được nghỉ ngơi, lấy gì cứu được? Ngày xưa Phù Sai đánh nước Tề, không trận nào là không đánh thắng, nhưng lại nguy vong là vì không lo đến nền gốc vậy, huống chi đây là đất tranh giành”! Đễ nói: “Không đúng. Tào Tháo dẫu có công trùm Hoa Hạ, oai lừng bốn cõi, ưa dùng quân trận, đánh dẹp không ngừng, dân đều sợ oai mà không nhớ đức vậy. Phi, Duệ nối theo, lại thêm tàn bạo, trong dựng cung điện, ngoài sợ anh hùng, đông tây rong ruổi, không năm nào yên, bên ấy mất lòng dân đã lâu ngày rồi. Cha con Tư Mã Ý tự nắm quyền cao, lập được công to, dẹp bỏ phiến nhiễu mà ban bố yên ổn, giúp mưu cho chủ mà cứu chữa bệnh tật, lòng dân theo về họ cũng đã lâu rồi. Cho nên miền Hoài Nam ba lần làm phản mà tim bụng không lo, Tào Mao bị giết mà bốn phương không động, bề địch mạnh như chặt củi khô, dẹp trong ngoài như trở bàn tay, tin dùng người hiền, đều dốc hết lòng, nếu không phải người có đủ trí dũng thì ai làm được như vậy? Oai vũ của họ lớn rồi, cái gốc rễ đã vững rồi, bây tôi đều thần phục rồi, kẻ hay được bày rồi vậy. Nay hoạn quan của nước Thục chuyên quyền, nước không có phép lệnh mà vẫn tham dùng quân, dân mệt quân mỏi, tranh lợi ở ngoài mà không phòng bị ở trong. Bên ấy mạnh yếu không giống, dẫu chỉ dùng trí thôi cũng thắng, nhân lúc nguy mà đánh, chắc rằng sẽ phá được! Nếu không phá được, cũng chỉ không có công, cuối cùng không dứt được nỗi lo đuổi được quân bắc, không bỏ được nỗi sợ quân vỡ, sao lại không được như thế? Ngày xưa

kiếm nước Sở sắc bén thì Tần Chiêu Vương sợ hãi, dùng Mạnh Minh thì người Tần lo lắng, bên ấy được chí là nỗi lo lớn của nước ta vậy”. Người Ngô cười lời ấy, sau người Thục quả nhiên hàng nhà Tần. Quân Tần đến đánh Ngô, Hạo sai Đễ đem bọn Thẩm Oánh, Gia Cát Tịnh lĩnh ba vạn quân vượt sông chặn đánh. Đến Ngưu Chử, Thẩm Oánh nói: “Nhà Tần luyện quân thủy ở đất Thục lâu rồi, nay dốc đại quân cả nước, vạn dặm cùng dốc sức, tất đem hết quân Ích Châu theo sông mà xuống. Các cánh quân ở đâu nguồn của ta không có phòng giữ, các tướng đều chết, phải dùng bọn trẻ dại, sợ rằng các thành lũy bên sông chẳng chống được. Quân thủy của nhà Tần tất đến đây rồi! Nên nuôi sức quân, đợi đến đánh một trận. Nếu có ngày thắng thì miền phía tây sông tự yên, phía trên dầu võ cũng có thể lấy lại được. Nay qua sông đón đánh, nếu thắng cũng không giữ được, còn nếu thua trận thì việc lớn hỏng cả”. Đễ nói: “Nước Ngô sắp mất, đây là điều mà kẻ ngu người hiền đều biết, không phải đợi đến ngày nay vậy. Ta sợ nếu quân Thục đi đến đây, lòng quân ta tất kinh sợ, không cứu sửa được nữa. Nay nên vượt sông, phải dùng sức quyết đánh lớn. Nếu thua trận vỡ lở thì cùng chết với xã tắc, không có gì ân hận. Nếu đánh thắng được thì quân bắc chạy trốn, thế quân sẽ tăng lên, rồi nên thừa thắng mà từ phía nam đánh lên, chặn giặc ở đường giữa, không lo không phá được giặc vậy. Nếu theo kế ông, sợ rằng quân tan hết, nếu cùng nhau ngồi đợi giặc đến, vua tôi cùng hàng, không có một người chết vì nạn, cũng chẳng nhục sao”? Rồi vượt sông chặn đánh, quân Ngô thua to. Gia Cát Tịnh chạy trốn cùng năm, sáu trăm người, sai qua đón Đễ, Đễ không chịu đi, Tịnh tự đến dất Đễ, bảo rằng: Cự Tiên, thiên hạ được mất đều có vận lớn, há đây là điều mà chỉ có riêng ông biết, sao lại cố tự tìm lấy cái chết vậy”? Đễ khóc lóc nói: “Trọng Tư, ngày nay là ngày ta chết vậy. Vả lại vào thời ta còn trẻ nhỏ, lại được Thặng tướng cứu giúp, thường sợ không được lấy cái chết báo đền, phụ lại danh tiếng hiền lương. Nay ta đem thân chết với xã tắc, còn trốn làm gì? Chớ dẫn dắt ta như thế nữa”. Tịnh khóc lóc mà thả ra, đi được hơn trăm bước đã thấy Đễ bị quân Tần giết.

Ngô lục viết: Đễ thuở nhỏ được biết tên, đến lúc được tin dùng, ít khi hòa theo, chỉ làm tả hữu hộ vệ, có người bàn chê cười Đễ.

Sưu thần kí viết: Người huyện Tùng Dương quận Lâm Hải là Liễu Vinh theo Đễ đến phủ Dương Châu, Vinh bệnh chết ở trong thuyền được hai ngày, bấy giờ quân đã lên bờ, không có ai chôn Vinh, bỗng nhiên hô lớn, nói: “Có người trối Quân sư! Có người trối Quân sư”? Tiếng kêu vang, rồi sống lại. Có người hỏi Vinh, Vinh nói: “Có tên lính giữ cửa Bắc Đẩu ở trên trời thấy có người trối Trương Đễ, trong lòng kinh ngạc, không ngờ kêu to, nói: “Sao lại trối Trương Quân sư’. Tên lính giữ cửa giận Vinh, quát đuổi đi ra. Vinh liền đi, sợ hãi, miệng còn phát tiếng kêu vậy”. Ngày đó, Đễ chết trận. Vinh đến thời Tấn Nguyên Đế còn sống.

Ngày bính dần tháng ba, mấy trăm người thân cận trong điện rập đầu xin Hạo giết Sầm Hôn, Hạo rồi bởi đành nghe theo.

Tấn kỉ của Can Bảo viết: Mấy trăm người thân cận trong điện rập đầu xin Hạo nói: “Quân bắc ngày càng đến gần mà quân ta không cử đao, Bệ hạ sẽ thế nào”? Hạo nói: “Làm gì”? Đáp nói: “Giết Sầm Hôn”. Hạo nói rằng: “Như các người, nên đem giết để tạ lỗi trăm họ”. Mọi người do đó nói: “Dạ”! Bèn cùng đứng dậy đi bắt Hôn. Hạo đi nhanh đuổi theo, rồi giết Hôn vậy.

Ngày mậu thìn, Đào Tuấn từ Vũ Xương về liền dẫn đến gặp, hỏi tin tức của quân thủy, đáp nói: “Thuyền của đất Thục đầu nhỏ, nay chỉ cần hai vạn quân cưỡi thuyền lớn mà đánh, tự đủ phá chúng”. Do đó tỵ quân, trao tiết việt cho Tuấn. Ngày sau sắp đi, đêm ấy quân sĩ chạy trốn cả. Thế rồi Vương Tuấn thuận dòng sắp đến, bọn Tư Mã Trụ, Vương Hôn đầu đến gần cỡi. Hạo dùng kế của bọn Quang lộc huân Tiết Oánh, Trung thư lệnh Hồ Xung, chia sai đem thư đến chỗ bọn Tuấn, Trụ, Hôn nói: “Ngày xưa nhà Hán làm mất đại thống, chín châu đầu chia cắt, Tiên đế được thời mà chiếm được miền Giang Nam, bèn chia giữ sông núi, ngăn cách với nước Ngụy. Nay nhà Đại Tấn nổi lên, đức trùm bốn cõi, tạm ổn qua ngày, chưa báo mệnh trời. Nhưng đến ngày nay, sáu quân đông đảo, chặn giữ đường đất, đi xa đến bến sông, khiến cho cả nước sợ hãi, yên ổn chỉ còn phút chốc. Dám mong thiên triêu phát tỏa ánh sáng. Nay kính sai bọn Tư thư Thái thường Trương Quỳnh mang theo ấn thao đến làm tin xin lệnh, mong được thu nạp để giúp dân chúng”.

Giang Biều truyện chép thư Hạo sắp thua gửi cho cậu là Hà Thục nói: “Ngày xưa Đại Hoàng Đế dùng mưu thần vũ, phát ba nghìn quân sĩ, cắt chiếm Giang Nam, cuốn thu Giao, Quảng, mở mang nghiệp lớn, muốn truyền cho vạn đời. Đến thời ta thì đức kém, tự giữ thành quả, không thể vỗ yên dân chúng, phần nhiều sai lầm, làm trái mệnh trời. Việc u tối xảy ra, điềm xấu báo đến, khiến cho người rợ miền nam làm loạn, đánh dẹp chẳng xong. Nay nghe tin đại quân Tấn, từ xa đến đã đến bờ sông Giang, vậy mà quân dân ta mệt mỏi, đều đã thu lui, rồi Trương Đế không trở về, quân chết quá nửa. Ta rất đau lòng, đến nay không vui. Lại được biểu của Đào Tuấn nói rằng từ Vũ Xương đến phía tây đều vỡ không giữ được. Không giữ được không phải vì lương không đủ, không phải vì thành không vững, mà là vì tướng sĩ không đánh mà thôi. Quân đã không đánh, há lại giận quân sao? Đây là tội của ta vậy. Thiên văn biến đổi ở trên, quân dân kêu than ở dưới, xem hình thế ấy, nguy như quả trứng mỏng, vận nước Ngô đã hết, làm sao tránh được? Trời chẳng diệt nước Ngô, chỉ là do ta tự chuốc lấy vậy. Nhắm mắt xuống xuôi vàng, còn mặt mũi nào nhìn bốn vị Đế đây! Ông hãy cố gắng bày mưu lạ, viết ra báo cho ta”. Hạo lại gửi thư cho bày tôi nói: “Ta vì

không có đức, kính nô nghiệp lớn, làm việc ác bạo, mới khiến cho trăm họ lâu ngày khốn trong tro bùn, dẫn đến một sớm phải phải tự dứt mệnh, xã tắc nghiêng lật, tông miếu không có chủ, hổ thẹn chât cao như núi, chết rồi vẫn còn tội. Tự nghĩ đức mỏng, trộm nắm quyền lớn, tài hèn tính xấu, gánh vác ngôi cao, cho nên Chu dịch có lời răn bề chân vạc, thì nhân có lời chê bản thân. Lại tự giữ cung điện, ôm lấy bệnh tật, kế đã không đủ, suy nghĩ cũng sai, phần nhiều lâm lẫn. Tiểu nhân ở bên, do đó sinh tàn bạo, kẻ ác dọc ngang, người trung bị hại. U mê không tỉnh, dẫn đến tắc nghẽn. Ta phụ lại các ông, việc đã khó xử như nước hắt đi không thể thu lại vậy. Nay nhà Đại Tấn dẹp bằng bốn cõi, dốc lòng làm việc với người hiền lương, thành thực giữ tiết với người anh tuấn. Quản Trọng là kẻ thù mà Hoàn Công vẫn dùng, Lương, Bình bỏ nước Sở mà làm tôi nhà Hán, bỏ chỗ loạn đến chỗ yên, không phải là không có lòng trung vậy. Chớ vì thay đổi triều đại mà hao tổn chí khí. Gắng theo cái đẹp, kính theo thời thế. Biết nói gì nữa, quẳng bút mà thôi”.

Ngày nhâm thân, Vương Tuấn đến trước nhất, do đó nhận lễ hàng của Hạo, cởi trói đốt quách, mời vào gặp nhau.

Tấn Dương thu viết: Tuấn thu được bản đồ sổ hộ, lĩnh bốn châu, bốn mươi ba quận, ba trăm mười ba huyện, năm hai hai vạn ba nghìn hộ, ba vạn hai nghìn quan lại, hai mươi ba vạn quân, hai trăm ba mươi trai gái, hai trăm tám mươi vạn học thóc gạo, hơn năm nghìn chiếc thuyền, hơn năm nghìn cung nhân.

Trụ vì Hạo đem ẩn thao đến cho mình, sai sứ giả đem Hạo đi. Hạo đem người nhà về phía tây, đến ngày đình hội tháng năm năm Thái Khang thứ nhất hội ở kinh sư. Ngày giáp thân tháng tư, hạ chiếu nói: “Tôn Hạo thế cùng theo hàng, trước đây hạ chiếu cho không chết, nay Hạo đã đến, ý vẫn thương xót, phong cho hiệu là Quy Mệnh Hầu, cấp cho áo mặc xe ngựa, ba mươi khoảnh ruộng, mỗi năm cấp năm nghìn斛 lúa, năm mươi vạn tiền, năm trăm thất lụa, năm trăm cân gấm”. Thái tử Cẩn của Hạo được bá làm Trung lang, các con lúc trước làm Vương đều bá làm Lang trung.

Sưu thần kí viết: Sự dựng lập nước của người Ngô, tín chẳng vững vàng, các tướng giữ đồn biên ải đều phải đem vợ con làm tin, gọi là ‘giữ con tin’. Trẻ con chưa lớn có đứa cùng tuổi chơi đùa với nhau, hằng ngày có đến mấy chục đứa. Tháng ba năm Vĩnh An thứ hai, có một đứa trẻ lạ, cao hơn bốn thước, khoảng sáu, bảy tuổi, mặc áo màu xanh, đến chỗ bọn trẻ chơi nhưng bọn trẻ chẳng ai biết. Đều hỏi nói: “Mi là con nhà ai mà ngày nay bỗng đến đây”? Đáp nói: “Thấy bọn mi chơi vui, cho nên đến thôi”. Lạ mà nhìn xem, mắt có ánh sáng, rực rỡ tỏa ra ngoài. Bọn trẻ đều sợ, lại hỏi vì sao. Đứa trẻ liền đáp nói: “Bọn mi sợ ta sao? Ta không phải người, là sao Huỳnh hoặc⁽¹⁶⁾ vậy. Ta có lời báo cho bọn mi rằng: ‘Tam công trừ, Tư Mã tới’”⁽¹⁷⁾. Bọn trẻ cả kinh, có đứa chạy đi báo

người lớn, người lớn đi nhanh đến xem. Đứa trẻ nói: “Ta bỏ bọn mi đi thôi”! Thắng người mà nhảy, liền đó hóa thân. Mọi người ngưỡng mắt xem, như có một dải lụa đang bay lên trời. Người lớn đến xem, vẫn còn thấy được. Phập phồng dần dần lên cao, chốc lát mất hút. Bấy giờ chính trị nước Ngô tàn ngược, chẳng ai dám nói. Năm năm sau thì nước Thục mất, sáu năm nữa thì nhà Tấn lập, đến đây thì nước Ngô diệt, tức ‘Tư Mã tới’ vậy.

Tấn kỉ của Can Bảo viết: Vương Tuấn sửa thuyền ở đất Thục, Ngô Nhan lấy tấm gỗ viết chữ lên cho trôi sông đến báo cho Hạo rằng: “Tấn tất có kế đánh Ngô, nên tăng quân ở quận Kiến Bình. Nếu không hạ được quận Kiến Bình thì rút cuộc không dám vượt sông đâu”. Hạo không nghe. Lục Kháng đánh thắng Bộ Xiển, ý Hạo càng kiêu căng, bèn sai Thượng Quảng bói xem khi nào chiếm cả thiên hạ, gieo được quẻ ‘đông nhân’ và quẻ ‘di’⁽¹⁸⁾ đáp nói: “Tốt. Vào năm canh tí sẽ ngồi dưới lòng xanh mà vào thành Lạc Dương”. Do đó Hạo không sửa chính trị mà thường có ý nhóm ngó phương bắc. Năm đó cũng đúng là năm canh tí.

Năm thứ năm, Hạo chết ở Lạc Dương.

Ngô lục viết: Hạo đến tháng mười hai năm thứ tư thì chết, bấy giờ bốn mươi hai tuổi, táng ở đất huyện Hà Nam.

Bình rằng Tôn Lượng trẻ nhỏ mà không có người hiền giúp đỡ, do đó giữ ngôi không được trọn vẹn, đây là thế chắc chắn vậy. Hưu vì có ân dày với người quen cũ, tin dùng bọn Hưng, Bối, nhưng không biết tiền cử người tài năng, không sửa chính trị, dẫu có ý tốt ham học thì có ích gì cho việc trị loạn đây? Lại đã phế rồi mà còn khiến cho Lượng không được hưởng trọn tuổi đời, về nghĩa là bạc bẽo vậy. Hạo dùng hình pháp bừa bãi, kẻ bị giết bị đuổi có lẽ không thể kể hết. Cho nên bày tôi người người đều sợ hãi, đều ngày ngày trông mong đến sớm không đến tối. Lại còn mê hoặc, bói toán, tìm kiếm điềm lành thì rất nhiều. Ngày xưa vua Thuấn, vua Vũ chăm chỉ trông trọt, là bậc thánh tài đức, có vị vẫn thế ước với bày tôi, mong bày tôi sửa lỗi sai của mình, có vị vẫn nghe lời hay, thường nghe không mệt. Huống chi Hạo ngang bướng, làm việc tàn bạo, người trung can ngăn thì giết, kẻ ác giếm nịnh thì dùng, gây hại cho dân, dân dật xa xỉ, thật là đáng chém đầu phanh thây để tạ lỗi trăm họ. Nhưng được mệnh không giết chết, lại còn được ban cho ân sủng, đây há chẳng phải là ân rất lớn, đức rất dày sao⁽¹⁹⁾!

Tôn Thỉnh nói: “Ngày xưa lập vua là để dẫn dắt dân chúng, cho nên phải kính theo càn khôn⁽²⁰⁾, bao bọc vạn vật; nếu kẻ nào phóng túng tàn ngược, tàn hại vật sống thì trời diệt kẻ đó, cắt đứt bổng lộc, tước bỏ ngôi cao ngoảnh mặt về phía nam, lại thêm hình phạt giết chết thảm khốc. Cho nên Thang, Vũ vung rìu, không bị chê cười là không kính thuận; Hán Cao Tổ vung kiếm mà không bị bàn tán là làm mất khí tiết⁽²¹⁾. Vì sao? Là vì kẻ ác bạo trong bốn cõi là kẻ mà bị thần người

gạt bỏ vậy. Huống chi tội của Hạo như kẻ giặc cướp, tàn ngược hơn cả Tân, Quý⁽²²⁾, dẫu treo đầu trên cờ trắng cũng không đủ để tạ lỗi với người bị chết oan, phời thầy nơi tông miếu cũng không đủ đền hết được tội ác, vậy mà vẫn được vinh hiển, thêm được ban sủng, đẩy mà là nêu cao ý trời, khen ngợi cái nghĩa thương dân phạt kẻ có tội sao? Đây là biết là tàn nghịch mà không phạt, biết là ác bạo mà chẳng răn bảo vậy. Kinh Thi viết: ‘Bắt lấy kẻ siểm nịnh ném vào cho hổ sói’. Kẻ siểm nịnh còn bị thế, huống chi là kẻ tàn ngược? Vả lại cờ thần pháp phới, quân đến hang ổ, sức cùng thế tận rồi mới xin hàng, tội không đáng tha đã rõ, nghĩa ‘tam xu’⁽²³⁾ lại tắc, đạo quyền biến cũng quá⁽²⁴⁾, không thể dùng vậy”.

Lục Cơ viết bài Biện vong luận nói nguyên nhân nước Ngô mất, chương đầu viết rằng: “Ngày xưa nhà Hán mất ngôi, gian thần nắm quyền, họa xảy ra ở kinh đô, hại thâm ngấm ở triều đình, kỉ cương mục ruỗng, nhà vua hèn kém. Do đó bọn anh hùng nổi lên như ong, nghĩa quân bốn phương tụ họp, Vũ Liệt Hoàng Đế⁽²⁵⁾ của nước Ngô ta khẳng khái lập nước, sét động miền Kinh Nam⁽²⁶⁾, chiếm cả bọn hỗn tạp, trung dũng hơn đời. Oai nghiêm thì lấy lòng như Di Nghi⁽²⁷⁾, ra quân thì giặc xấu bị cắt tai, bèn quét sạch tông miếu, cúng tế tổ tiên. Bấy giờ tướng đến mây bay trùm châu quận, quân đi như gió lốc cuốn thôn ấp, gầm gừ rong ruổi như hổ gấu họp bầy, dẫu quân hội tụ vì nghĩa, cùng thể hợp sức, nhưng đều mang ý nghi ngờ, đem binh gây loạn, có kẻ không có mưu lược, có kẻ sợ oai giặc mạnh, còn như kẻ trung trinh giữ tiết, chưa có ai được như thế. Vũ Liệt Hoàng Đế đã mất, Trường Sa Hoàn Vương lại trở tài hơn đời, tuổi trẻ anh hùng, dẫn dắt người già, cùng họ lập nghiệp. Quân mạnh ruổi sang miền đông, đem quân ít phá giặc nhiều, đánh tướng không cần thành vững, phá giặc không cần giao tranh, bắt giết kẻ phản võ về kẻ phục thì Giang Nam định yên, lập hình pháp luyện quân sĩ thì uy đức vang dội, đôi đũa kẻ sĩ thì Trương Chiêu trở thành người hiền, giao kết người giỏi thì Chu Du thành người hùng. Hai vị quân tử ấy đều chăm chỉ mà mưu lạ, nhã nhặn mà lại thông minh, cho nên người cùng chí đến nương dựa, bọn bạn bè đến tụ hội, đây là Giang Đông có nhiều kẻ sĩ vậy. Muốn lên phía bắc đánh Hoa Hạ, đánh dẹp kẻ phạm cấm, kéo xe vua đi đứng đường bằng, lập ngôi Đế đứng nơi cung đỏ, kẹp Thiên tử để lệnh chư hầu, sửa vận trời mà đặt lại ngôi báu. Xe quân đã đi, bọn xấu dôi theo, nghiệp lớn chưa xong, giữa đời mất sớm. Dùng Đại Hoàng Đế ta nổi nghiệp, dùng mưu lạ mà noi theo phép hay, dốc chí lớn mà mưu tính kế sâu xa, nắm chính trị mà làm theo việc cũ, vâng mệnh mà xem xét tục xưa, lại thêm chăm chỉ vững vàng, tự thân mình tiết kiệm, tính kế nghĩ đầy đủ, mưu lược hay giỏi, phất cờ đến nơi gò vườn, ban lệnh đến nơi phố xá. Cho nên anh hào nghe tiếng mà theo đến, kẻ sĩ mong tin mà chạy sang, người tài xôm tụ, dũng sĩ như rừng. Do đó Trương Chiêu làm thầy dạy, bọn Chu Du, Lục Công⁽²⁸⁾, Lỗ Túc, Lữ Mông vào làm tim bụng, ra làm đôi tay; bọn Cam Ninh, Lãng Thống, Trình Phổ, Hạ Tê, Chu Hoàn, Chu Nhiên

giữ oai phong, bọn Hàn Dương, Phan Chương, Hoàng Cái, Tưởng Khâm, Chu Thái tổ sức khỏe; phong nhĩ thì có bọn Gia Cát Cẩn, Trương Thặng, Bộ Chất gây tiếng vang giúp nước rạng rỡ, coi việc thì bọn Cỗ Ung, Phan Tuấn, Lữ Phạm, Lữ Đại trở tài làm quan, kì dị thì có bọn Ngụ Phiên, Lục Tích, Trương Ôn, Trương Đôn lấy giễu cợt mà sửa nắn, đi sứ thì có bọn Triệu Tư, Thẩm Hành tỏ tài trí mà giữ danh tiếng, thuật số thì có bọn Ngô Phạm, Triệu Đạt đoán điềm lành mà khen đức, có bọn Đồng Tập, Trần Vũ giết thân mà giúp chủ, có bọn Lạc Thống, Lưu Cơ cố gắng can gián để sửa lỗi, mưu chẳng sai kế, làm chẳng lâm mưu. Do đó bèn cắt chiếm sông núi, ngăn giữ miền Kinh, Ngô mà tranh đua với thiên hạ vậy. Nhà Ngụy từng dựa vào oai thắng trận, đem quân đến trăm vạn, chèo thuyền vào đường Đặng Tắc, xua quân xuống miền Hán Âm, hàng vạn tay chèo như rồng cuốn dòng thuận, nghìn đội quân kị như hổ nhảy đất bằng, mưu thần đầy trướng, tướng võ liên hợp, có chí nuốt trọn miền Giang Đông, bao trùm cả vũ trụ. Thế nhưng Chu Du xua quân ít của nước ta mà đuổi chúng ở Xích Bích, cò đỡ xe hồng chỉ may được thoát, cong chân chạy xa. Hán Vương dựa vào ngôi hiệu Hoàng Đế, đem quân miền Ba Hán mà rong ruổi chỗ nguy, kết lũy vạn dặm, có chí trả thù trận thua của Quan Vũ, mưu lấy lại đất Tương Tây⁽²⁹⁾. Thế nhưng Lục Công ta cũng bẻ gãy chúng ở Tây Lăng, quân thua vỡ lở, khốn cùng vượt sông, chết ở Vĩnh An. Rồi đến cướp cửa Bá Tu, đến gần sông bẻ quân mạnh, ở trận Bông Lung, xe ngựa cũng chẳng còn. Do đó các tướng của hai nước kia sợ oai mà giảm sức, thế mất tiền hết, mà nước Ngô ta vẫn coi thường không nhân lúc chúng yếu mà đánh tới. Cho nên người Ngụy hòa thân, nhà Hán⁽³⁰⁾ xin thề, rồi lên ngôi Thiên tử, lập thế chân vạc. Phía tây đánh miền quanh đất Dung Thục⁽³¹⁾, phía bắc cắt chiếm miền ven sông đất Hoài Hán, phía đông bao trùm đất Bách Việt, phía nam chứa bọc đất của người rợ. Do đó giáng lễ ‘tám đời’, cử nhạc ‘tam vương’, tuyên cáo Thượng đế, dẫn dắt bày tôi. Quân hùng tướng hổ, men sông mà giữ, kích dãi dáo cứng, xen gió mà vung. Trăm quan dốc lòng ở trên, bốn dân vui nghiệp ở dưới, ân đức ban xa, giáo hóa phát rộng. Bèn sai một quan Hành nhân đi xem xét, vỗ về nước ngoài, voi thuần ngựa khỏe buộc ở ngoài cửa, châu sáng ngọc đẹp đeo ở trong phủ, vật đẹp theo chân mà nạp, đô lạ nghe tiếng mà dâng, xe nhẹ ruổi ở miền nam, xe lớn nghỉ ở bãi bắc⁽³²⁾, giúp dân tránh nạn binh đao, răn quân tránh nổi lo đánh dẹp, do đó nghiệp Đế vững vậy. Đại Hoàng Đế đã băng, vua nhỏ lên ngôi, kẻ gian làm bừa. Cảnh Đế lại lên, sửa lại phép cũ, việc chẳng có lỗi lớn, là vua giỏi giữ nghiệp vậy. Đến thời đầu Quy Mệnh Hầu, phép cũ chưa mất, là vì người cũ vẫn còn vậy. Đại Tư mã Lục Công đem tài văn võ giúp đỡ, Tả Thặng tướng Lục Khải tỏ tính thẳng thắn can gián, bọn Thi Tích, Phạm Thận đem uy chiếu sáng, bọn Đinh Phụng, Chung Li Phỉ đem sức chống đỡ, bọn Mạnh Tông, Đinh Cỗ làm công khanh, bọn Lôu Huyền, Hạ Thiệu nắm việc lớn, vua trên dầu xấu nhưng bày tôi còn tốt. Cho đến đời cuối, bày tôi cũ đã hết, do đó dân đen có chí tan rã, nhà vua

có nạn thua võ, vận số đến lúc suy yếu, quân Tần theo đó mà đánh, quân ta tan khỏi trận, dân ta trốn khỏi ấp, thành ao chẳng có rào lũy vững vàng, sông núi không có gò đất chắc chắn, không có đồ thang mây của Công Du Ban cho nên Trí Bá bị hại ở rãnh ao, Sở Tử phải đắp thành để vây, Yên Tử phải dẫn quân vượt sông về phía tây⁽³³⁾, quân đánh chưa được mười hai ngày mà xã tắc đã diệt vậy. Dẫu trung thần hăng hái, liệt sĩ giữ tiết, cũng giúp gì được? Tướng của họ Tào, họ Lưu không phải chọn ở một thời, quân thời này không phải là quân thời xưa, vậy mà phép đánh giữ vẫn học theo phép xưa, cái lợi của đất hiểm thì vẫn không đổi, nhưng đạo lý được thua thì xưa nay trái ngược. Vì sao? Đây là phong tục khác nhau, dùng người tài cũng khác nhau vậy”. Chương cuối viết rằng: “Vào thời vua của ba nước, người Ngụy chiếm vùng Hoa Hạ, người Hán chiếm miền Mân, Ích, người Ngô giữ miền Kinh, Dương trùm cả miền Giao, Quảng. Họ Tào dẫu có công giúp Hoa Hạ nhưng tàn ngược cũng nhiều, dân chúng oán giận vậy. Họ Lưu dựa vào đất hiểm mà tổ trí, công cũng ít thôi, phong tục lại thấp kém vậy. Hoàn Vương của nước Ngô thì dùng võ, Thái Tổ⁽³⁴⁾ dựng nghiệp lại dùng đức, thông minh rộng rãi, mưu nghĩ sâu xa vậy. Tìm người hiền không biết mỏi, thương dân như thương con nhỏ, dốc hết ân đức để đãi kẻ sĩ, đem lòng son để yêu thương người thân. Cho nên cử Lữ Mông ở lúc hành quân, biết Phan Tuấn ở lúc bắt tù binh, Thành thực mà tin dùng kẻ sĩ, không vướng bận đến kẻ làm phản mình; chọn người tài mà cho làm quan, không lo lắng người khác lấn quyền mình. Chăm chỉ luyện quân, biết oai của Lục Công mà trao cho quân vệ để giúp quân của Chu Du. Ở cung nhỏ ăn cơm thô để thưởng nhiều cho công thân. Giữ ý nhún nhường để hỏi mưu của kẻ sĩ. Cho nên Lỗ Túc ngưỡng mặt mà gửi thân, Sĩ Tiếp chịu ân mà vâng mệnh. Khen đức của Trương Công là cao thượng mà giảm cuộc vui săn bắn, khen lời của Gia Cát là hiền lành mà vứt cuộc vui dâm dật, khen lời của Lục Công là cảm động mà bỏ hình pháp rườm rà, khen ý của Lưu Cơ là hay lạ mà lập lời thề ‘ba chén rượu’, than thở rầu rĩ để xem bệnh của Tử Minh, chia ngọt xẻ bùi để nuôi con của Lăng Thống, lên đàn còn khẳng khái khen công của Lỗ Túc, vứt bỏ lời xấu mà tin khí tiết của Tử Du. Cho nên trung thần dốc hết trí khôn bày mưu, kẻ sĩ đều được trở hết tài năng, nhìn xa trông rộng, không sai dù là việc nhỏ nhoi vậy. Cho nên trăm quan hòa hợp, các việc chẳng gấp. Lúc đầu đóng đô ở Kiến Nghiệp, bấy tôi xin sửa sửa nghi lễ, Thiên tử từ chối mà không theo, nói: ‘Thiên hạ sẽ nói trăm ra sao’! Cung điện xe ngựa đều nhỏ bé vậy. Cho đến thời giữa, phận Thiên tử đã định, cái lỗi của trăm việc đã được sửa qua, dẫu giáo hóa không tốt đẹp bằng thời đầu nhưng việc giúp nước yên dân cũng đủ cho là được vậy. Đất vuông mấy vạn dặm, quân mang giáp trăm vạn, đông ruộng lây ướt, người dân chăm chỉ, đất nước giàu đủ, vũ khí sắc bén, phía đông dựa vào biển, phía tây chặn chỗ hiểm, sông dài ngăn bờ cõi, núi cao giữ phen dậu. Cái lợi của nhà nước, chưa có nước nào hơn được thế. Nếu người tài bậc thường giữ đạo hay, người giỏi bày được mưu cao,

noi theo phép cũ, dân chăm chỉ làm việc, theo phép cấm, giữ đạo thường thì có thể kéo dài năm tháng, không có nỗi lo nguy vong vậy. Có kẻ nói rằng Ngô, Thục là nước răng môi, Thục mất thì Ngô diệt, lẽ ấy đúng vậy. Thục là nước phen đậu giúp đỡ nhưng không hẳn là nước quyết định sự còn mất của nước Ngô. Vì sao? Bờ cõi nước ấy liên kê, núi nhiều chỗ hiểm, đường bộ không có đường bằng vừa xe đi, sông suối chảy xiết, nước có cái hại của sóng lớn. Dẫu có trăm vạn quân mạnh, kẻ đi được cũng không quá nghìn người, thuyền xe dài nghìn dặm, đi trước cũng không quá trăm chiếc. Cho nên họ Lưu đi đánh, Lục Công dụ phải lập trại dài, cái thế ấy là chắc chắn. Ngày xưa nước Thục sắp mất, triều đình bàn mưu, có người muốn chặt đá ở ngăm dòng nước, có người muốn sắm máy nổ để phòng bị có biến. Thiên tử xét lời bàn của bầy tôi mà hỏi với Đại Tư mã Lục Công, Lục Công cho rằng sông suối vốn là do trời đất bày ra để điều hòa khí gió, cho nên không thể ngăn chặn, mà máy nổ thì ta và địch đều có đủ, nếu địch bỏ để theo sửa máy nổ, đến đất Kinh, Dương mà tranh các đô thuyền chèo, đây là trời giúp ta vậy, chỉ nên giữ Giáp Khẩu để đợi chặn địch thôi. Đến thời loạn Bộ Xiển, dựa vào việc giữ thành để dây dưa giặc mạnh, đem tiên của để dẫn dụ người rợ. Bấy giờ quân của nước lớn như mây vờn điện xẹt, treo cờ bên sông, đắp lũy ven bờ, giữ nơi hiểm yếu để ngăn phía tây của người Ngô, rồi đem quân thuyền từ miền Ba Hán men sông mà xuống phía đông. Lục Công đem ba vạn quân mạnh lên phía bắc giữ đồn Đông Hàng, đắp lũy cao đào hào sâu, sửa giáp nuôi quân. Giặc phản đồn ứ đợi diệt mà không dám nhòm con đường sông ở phía bắc, giặc mạnh thua vỡ tan chạy, chết đến quá nửa, do đó sai năm nghìn quân khỏe đến phía tây chống quân thủy, đông tây cùng thắng, bắt được vạn tên. Mưu của người hiền đáng tin thay, há lừa ta sao! Từ đó được lửa hiểm đốt, bờ cõi ít lo. Lục Công chết thì kẻ mưu phản càng nhiều, nạn của nước Ngô đã thấm sâu vào sáu quân. Vào trận năm Thái Khang, quân chẳng đông bằng quân ngày xưa, cuộc loạn ở Quảng Châu thì mỗi họa này còn hơn cả mỗi họa ngày ấy, cho nên nhà nước nghiêng đổ, tông miếu trở thành gò hoang. Ô hô! Người hiền mất đi, nhà nước nan nguy, không đúng thế ư! Kinh Dịch viết: ‘Thang, Vũ đổi mệnh thuận với trời’, kinh Thái huyền viết: ‘Nếu loạn chưa đến tận cùng thì chưa nên sửa trị’, ý nói bậc Đế Vương phải dựa vào thiên thời vậy. Người xưa có nói: ‘Thiên thời không bằng địa lợi’, kinh Dịch viết: ‘Vương Hâu đóng quân chỗ hiểm để giữ nước của mình’, ý nói là đất nước cậy dựa vào chỗ hiểm vậy. Lại viết: ‘Địa lợi không bằng nhân hòa, do đức không do đất hiểm’, ý nói là do người giữ chỗ hiểm vậy. Nước Ngô nổi lên là do ở đây, như họ Tôn vốn là hợp với nguyên nhân ấy vậy. Đến lúc diệt vong, vì chỉ cậy vào đất hiểm mà thôi. Lại nữa như họ Tôn là khác nguyên nhân ấy vậy. Dân của bốn châu⁽³⁵⁾ không phải không có quân, phía nam sông lớn không phải thiếu người giỏi. Sông núi hiểm yếu thì dễ giữ, vũ khí sắc bén cũng dễ dùng vậy, cái hại của phép xưa cũng dễ noi theo vậy. Chưa đánh trận mà gặp họa. Vì sao? Là vì dùng người sai lầm vậy.

Cho nên Tiên đế lập phép tắc giữ nước lâu dài, xét kỹ vận số được mất, tự mình vỗ về trăm họ, ban ân đức để được nhân hòa, rộng rãi để tìm mưu của người tài giỏi, khiêm nhường để được sự tin yêu của quân dân. Cho nên yên thì cùng vui với dân chúng, đến lúc nguy thì cùng lo với dân chúng. Nếu yên mà cùng vui với dân thì chẳng bị nguy; nếu nguy mà cùng lo với dân thì nạn chẳng đáng lo. Như thế, cho nên dựng được xã tắc mà giữ được đất đai, như vậy không bài hát Mịch tú nhớ nhà Ân, chẳng có bài hát Thử li thương nhà Chu⁽³⁶⁾ vậy”.

[CHÚ THÍCH]

(1) Đại xá: tha tội chết hoặc giảm tội cho tội nhân.

(2) Vùng Hoài Nam: vùng phía nam sông Hoài cho đến phía bắc sông Trường Giang.

(3) Vùng có quân mã nơi bến sông: ý nói các vùng trọng yếu của nước Ngô ở ven sông Trường Giang.

(4) ‘Móc câu chặt áo’: ‘Móc câu’ chỉ việc Quản Trọng bắn móc câu vào Tê Hoàn Công. Tê Tương Công hôn ám, em là Kiêu trốn đến nước Lỗ, dùng Quản Trọng làm thầy; Tiều Bạch trốn đến nước Cử, dùng Bão Thúc Nha làm thầy. Sau khi Tê Tương Công chết, Kiêu và Tiều Bạch tranh nhau về nước Tê làm vua. Quản Trọng đem quân chặn đường Tiều Bạch, lấy móc câu trong áo ra bắn, Tiều Bạch giả chết, cuối cùng vào nước Tê làm vua, đây là Tê Hoàn Công. Sau khi lên ngôi vua, Tê Hoàn Công không nhớ thù cũ, dùng Quản Trọng làm Tướng quốc. ‘Chặt áo’ chỉ việc Tấn Hiến Công (theo Sử kí - Tấn thế gia thì Tấn Huệ Công sai hoạn quan là Lí Đề đi giết Trùng Nhĩ) làm vua sợ Công tử Trùng Nhĩ tranh ngôi vua, bèn sai hoạn quan là Phi đi giết Trùng Nhĩ, suýt giết chết, chỉ chặt đứt được vạt áo của Trùng Nhĩ. Trùng Nhĩ chạy thoát, sau này về nước Tấn làm vua, đây là Tấn Văn Công, không nhớ oán cũ, vẫn bàn việc nước với hoạn quan Phi. Đều chỉ việc không nhớ oán cũ. Ở đây nói Tôn Hưu bắt chước Tê Hoàn Công và Tấn Văn Công mà tha và vẫn dùng cho Lí Hành.

(5) Tế chạp: tế cuối năm.

(6) Hán Văn Đế: vị vua thứ ba của nhà Hán, thời Hán Văn Đế là thời thiên hạ yên bình.

(7) Chính: chính trị, việc quan trọng của nhà nước.

(8) Sư Phục: người nước Tấn, làm quan Đại phu của nước Tấn, nói với Tấn Mục Công rằng: “Tên để lập nghĩa, nghĩa để làm lễ, lễ để coi chính,

chính để giúp dân. Cho nên chính thành thì dân nghe theo, nếu dễ dãi thì sinh loạn”.

(9) Thành Ba Đông của đất Thục: bấy giờ nước Thục đã thuộc vào nước Tấn.

(10) Trường Sa Hoàn Vương: tức Tôn Sách, được Tôn Quyền truy tặng thụy là Trường Sa Hoàn Vương.

(11) Tấn Văn Đế: tức Tư Mã Chiêu, được Tấn Vũ Đế phong làm Văn Đế, sử sách lại thường gọi là Tư Mã Văn Vương, Tấn Văn Vương.

(12) Bông hoa rực rỡ, được vẻ tươi tốt: câu này có trong kinh Thi, ý nói sứ thần được nhà vua sai đi giúp dân ở các địa phương.

(13) Ngũ tài: ý chỉ năm đức tính, theo Lục thao - Long thao thì ngũ tài là dũng, trí, nhân, tín, trung.

(14) Chữ từng như chữ ‘thập’ ghép với chữ ‘bát’ và chữ ‘công’: chữ từng như chữ thập ghép với chữ bát và chữ công.

(15) Quy Mệnh Hầu: tức Tôn Hạo, sau khi hàng, được nhà Tấn phong làm Quy Mệnh Hầu.

(16) Sao Huỳnh hoặc: sao Huỳnh hoặc là một tên gọi khác của sao Hỏa.

(17) ‘Tam công trù, Tư Mã tới’: ‘Tam công’ là bà họ Tào, Lưu, Tôn của ba nhà Ngụy, Thục Ngô. Tư Mã là họ Tư Mã của nhà Tấn. Ba nhà Ngụy, Thục, Ngô bị trù thì nhà Tấn nổi lên thay vậy.

(18) Quả ‘đông nhân’ và quả ‘di’: Quả ‘đông nhân’ là quả thứ mười ba, quả ‘di’ là quả thứ hai mươi bảy trong sáu mươi tư quả của kinh Dịch.

(19) Nhưng được nhận chiếu không giết chết, lại còn được ban cho ân sủng, đây há chẳng phải là ân rất lớn, đức rất dày sao!: câu này có ý khen ngợi ân đức của Tấn, ý nói tội Tôn Hạo đáng giết chết nhưng nhà Tấn tha cho lại còn ban ân sủng, như vậy là ‘ân rất lớn, đức rất dày’ vậy.

(20) Càn khôn: theo kinh Dịch thì càn là trời, khôn là đất, do đó người ta vẫn gọi trời đất là càn khôn.

(21) Thang, Vũ vung rìu, không bị chê cười là không kính thuận; Hán Cao Tổ vung kiếm mà không bị bàn tán là làm mất khí tiết: ý nói vua Thang là bầy tôi của nhà Hạ mà nổi dậy diệt nhà Hạ lập nhà Ân, vua Vũ Vương là bầy tôi của nhà Ân mà nổi dậy diệt nhà Ân lập nhà Chu là đúng đạo, không

bị chê cười là không kính thuận, Hán Cao Tổ là bầy tôi của nhà Tần mà nổi dậy diệt nhà Tần thì không bị bàn tán là làm mất khí tiết.

(22) Tân, Quý: Tân là vua Trụ của nhà Ân, Quý là vua Kiệt của nhà Hạ, là vua tàn bạo thời xưa.

(23) Nghĩa ‘tam xu’: tức nghĩa tha chết, ngày xưa vua đi săn bắn, bao vây ba phía mà đuổi con thú, để một phía còn lại cho nó chạy, biểu thị lòng nhân không nỡ bắt giết, ‘tam xu’ là ‘đuổi ba phía’ vậy.

(24) Đạo quyền biến cũng quá: mọi việc đều tùy lúc mà làm, nhưng lúc này không thể tùy lúc nữa, ý nói tội của Tôn Hạo không thể quyền biến mà tha được.

(25) Vũ Liệt Hoàng Đế: chỉ Tôn Kiên, được Tôn Quyền truy tặng thụy là Vũ Liệt Hoàng Đế.

(26) Miên Kinh Nam: tức vùng phía nam của Kinh Châu.

(27) Di Nghệ: tức Hậu Nghệ, là vua chư hầu thời nhà Hạ, nổi tiếng thiên hạ thời ấy, bắn tên rất giỏi.

(28) Lục Công: tức Lục Tốn.

(29) Đất Tương Tây: đất phía tây sông Tương thuộc Kinh Châu.

(30) Nhà Hán: ý chỉ nhà Thục Hán. Lưu Bị xưng Đế ở đất Thục, đặt hiệu là Hán có ý thay nhà Hán, không xưng là Thục vậy.

(31) Đất Dung Thục: tức đất Dung, đất Thục ở phía tây Kinh Châu, ý nói vùng Hán Trung, Ích Châu.

(32) Xe nhẹ ruồi ở miên nam, xe lớn nghỉ ở bãi bắc: xe nhẹ cho sứ giả ngồi, xe lớn cho tướng sĩ ngồi. Ý nói phía nam vô về người rợ, phía bắc đóng quân phòng bị quân Ngụy, ở yên không có giao tranh.

(33) Không có đồ thang mây của Công Du Ban cho nên Trí Bá bị hại ở rãnh ao, Sở Tử phải đắp thành để vây, Yên Tử phải dẫn quân vượt sông về phía tây: Công Du Ban là thợ giỏi thời Xuân thu làm ra các đồ dùng có ích, cho nên Trí Bá, Sở Tử, Yên Tử không có đồ dùng có ích thì gặp khó khăn khi đánh trận.

(34) Thái Tổ: tức Tôn Quyền, truy tặng thụy là Thái Tổ, người Ngô gọi là Đại Hoàng Đế.

(35) Bốn châu: tức bốn châu Kinh, Dương, Giao, Quảng của nước Ngô.

(36) Không bài hát Mạch tú nhớ nhà Ân, chẳng có bài hát Thử li thương nhà Chu: sau khi nhà Chu diệt nhà Ân, Cơ Tử đi qua thành nhà Ân thấy cung điện đổ nát, có cây lúa mạch mọc lên đó mà thương xót, khóc lóc mà hát bài Mạch tú; sau khi nhà Tây Chu mất, có một quan Đại phu của nhà Chu đi qua tông miếu cũ, thấy đều cây kê mọc đây, nhìn cảnh ấy mà thương cảm, bèn làm hát bài Thử li. Người đời sau xem đấy để chỉ bài hát của kẻ mất nước.

QUYỂN 4 - LƯU DO THÁI SỬ TỪ SĨ NHIỆP TRUYỆN

Lưu Do, Thái Sử Từ, Sĩ Nhiếp

SỸ TIẾP TRUYỆN

Sĩ Tiếp⁽¹⁾ tự là Uy Ngạn, người quận Thương Ngô huyện Quảng Tín. Tổ tiên Tiếp vốn là người huyện Văn Dương nước Lỗ, đến loạn Vương Mãng, tránh nạn đến đất Giao Châu. Qua sáu đời đến cha Tiếp là Tứ, vào thời Hoàn Đế⁽²⁾ làm Thái thú Nhật Nam. Tiếp lúc còn trẻ đi du học ở kinh sư, thờ người ở Dĩnh Xuyên là Lưu Tử Kỳ, hiệu đính sách Tả thị Xuân Thu. Được xét làm Hiếu liêm, bổ nhiệm chức Thượng thư lang, vì việc công bị bãi chức. Sau khi hết tang cha là Tứ, lại được đề cử làm Mậu tài, được phong chức Vu lệnh, rồi đổi làm Thái thú Giao Chỉ.

Em Tiếp là Nhất, ban đầu làm Đốc bưu ở quận. Thứ sử Đinh Cung được vời về kinh đô, Nhất theo hầu rất cung kính, Cung cảm cái tình ấy, lúc sắp ly biệt nói: “Thứ sử nếu ở lại thì sẽ mắc ba tội, nên ta phải giúp vua vậy”. Về sau Cung làm Tư đồ, cho vời Nhất. Nhất sắp đến, thì Cung đã bị miễn chức, Hoàng Uyển lên thay làm Tư đồ, lấy hậu lễ đãi Nhất. Đồng Trác làm loạn, Nhất bỏ trốn về quê.

Ngô thư chép: Uyển và Trác căm ghét nhau, nhưng Nhất tận tâm với Uyển, rất đáng khen ngợi. Trác ghét Uyển, bèn truyền mệnh rằng: “Quan Tư đồ Duyệt là Nhất, không được đổi chức quan.” Cho nên hết năm không được thăng chức. Đến khi Trác về quan ải, Nhất bèn trốn về.

Thứ sử Giao Châu là Chu Phù bị giặc người Di giết hại, châu quận nhiều loạn. Tiếp bèn dâng biểu cho Nhất lĩnh chức Thái thú Hợp Phố, em thứ đang làm Tư Văn lệnh là Sĩ Hoàng Hữu làm Thái thú Cửu Chân, em của Sĩ Hoàng Hữu là Vũ, lĩnh chức Nam Hải Thái thú.

Tiếp vốn độ lượng khoan hòa mà nể nang hậu, lại nhún nhường với kẻ sĩ, sĩ nhân Trung Quốc đi tránh nạn đến nương dựa tới mấy trăm người. Tiếp thích đọc kinh Xuân thu, tự chú giải sách ấy. Người nước Trần là Viên Huy cùng với Thượng thư lệnh là Tuân Úc dâng thư rằng: “Ở Giao Chỉ có Sĩ phủ quân là người học văn uyên bác, lại thấu hiểu việc chính trị, ở giữa thời loạn, giữ toàn vẹn một quận, hơn hai mươi năm bờ cõi được vô sự,

dân không mất nghiệp, bọn khách trọ ở đó, đâu được nhờ mông ân che chở, dẫu như Đậu Dung gánh vác việc ở Hà Tây, sao hơn được đây? Lúc hết việc quan, Tiếp thường nghỉ ngơi ngâm sách truyện, các sai lẫn ở Xuân thu Tả thị truyện được Tiếp sửa lại mạch lạc chu đáo, tôi mấy lần hỏi về những đi đầu còn ngờ vực trong truyện, đâu nhận được các lời lí giải của bậc thầy, ý tứ rất sâu xa. Tiếp lại còn đọc hết các sách kim cổ, hiểu đầy đủ và tường tận được đại nghĩa. Nghe nói những người có học xưa nay ở kinh sư, lẽ phải trái không tranh giành, nay muốn giải nghĩa các đi đầu lý ở sách Tả thị-Thượng thư để dâng lên chúa thượng”. Việc thấy được là như thế.

Anh em của Tiếp đều giữ các quận, làm hùng trưởng một châu, ở nơi xa vạn dặm, uy quyền không ai hơn được. Khi ra vào thì gõ chuông khánh, đầy đủ về uy nghi, kèn tiêu trống sáo, xe ngựa đầy đường, người Hồ đi gần bánh xe đốt hương thường có mấy chục. Vợ cả nàng hầu ngẫ xe truy bình⁽³⁾, con em có quân kỵ theo hầu, người đương thời rất quý trọng, trăm bộ tộc người Man kính sợ phục tùng, Uy Đà⁽⁴⁾ cũng không hơn được. Vũ bị bệnh chết trước tiên.

Thần tiên truyện của Cát Hồng chép: Tiếp từng bị bệnh chết, qua ba ngày, có vị tiên nhân là Đồng Phụng đem một viên thuốc cho uống, lấy nước đổ vào miệng, nâng đầu Tiếp dậy để trôi thuốc, uống xong được một lát, Tiếp lập tức mở mắt, chân tay động dậy, sắc diện dần dần thay đổi, nửa ngày có thể ngồi dậy được, bốn ngày sau lại có thể nói năng, sau bình phục như thường. Phụng tự Quân Di, là người ở huyện Hâu Quan.

Sau khi Chu Phù chết, nhà Hán phái Trương Tân tới làm Thứ sử Giao Châu, Tân sau lại bị tướng của mình là Khu Cảnh giết hại ở đó, nên Kinh châu mục Lưu Biểu phái người ở Linh Lăng là Lại Cung đến thay Tân. Bấy giờ quan Thái thú Thương Ngô là Sử Hoàng chết, Biểu lại phái Ngô Cự thay chức Hoàng, Cự với Cung cùng đi nhậm chức. Nhà Hán nghe tin Trương Tân chết, ban ấn thư cho Tiếp nói: “Đất Giao Châu ở tận cùng bờ cõi, phía nam liền với sông biển, ân trên chẳng tỏ hết được, đạo nghĩa ở dưới tắc nghẽn, biết kẻ nghịch tặc là Lưu Biểu vừa phái Lại Cung dòm ngó đất phương nam, nay cho Tiếp làm Tuy nam Trung lang tướng, đốc trách bảy quận, lĩnh chức Thái thú Giao Chỉ như cũ”. Sau Tiếp phái Trương Mân dâng cống vật đến kinh đô, bấy giờ thiên hạ nhiễu loạn, đường lớn cách tuyệt, nhưng Tiếp không bỏ chức phận tiến cống, nên được đặc cách ban chiếu bái làm An viễn Tướng quân, phong tước Long Độ Đình hầu.

Về sau Cự và Cung mất lòng nhau, Cự cất quân đuổi Cung, Cung chạy về Linh Lăng. Năm Kiến An thứ mười lăm, Tôn Quyền phái Bộ Chặt tới làm Thứ sử Giao Châu. Chặt đến nơi, Tiếp thống suất anh em vâng mệnh nhận chức Tiết độ. Nhưng Ngô Cự mang dị tâm, Chặt chém đi. Quyền thêm cho Tiếp chức Tả Tướng quân. Năm Kiến An mạt, Tiếp phái con là Hâm về làm con tin, Quyền cho Hâm làm Thái thú Vũ Xương, các con của Tiếp và Nhất ở phương nam, đều được bái làm Trung lang tướng. Tiếp lại dụ dỗ các hào trưởng ở quận Ích châu là bọn Ung Khải, thống suất nhân dân trong quận từ xa theo hàng phương đông, Quyền càng khen Tiếp, thăng làm Vệ Tướng quân, phong tước Long Biên hầu, em trai là Nhất làm Thiên tướng quân, tước Đô Hương hầu. Tiếp thường phái sứ giả đến chỗ Quyền, dâng cống các loại gỗ thơm, vải tốt, thường đến hàng nghìn tấm, các đồ quý báu như ngọc trai, vỏ sò lớn, lưu li, chim phỉ thúy, đồ mỹ nghệ, tê giác, voi, các vật quý quả lạ như chuối, dừa, long nhãn, không năm nào không đưa tới. Có lúc cống cả thảy mấy trăm con ngựa. Quyền lập tức viết thư, ban cho ân sủng hậu hơn nữa, nhằm đáp lễ và uy lạo Tiếp. Tiếp ở quận hơn bốn chục năm, năm Hoàng Vũ thứ năm, lúc chín mươi tuổi thì chết.

Quyền vì thấy quận Giao Chỉ ở nơi xa, bèn tách từ Hợp Phố về bắc đặt làm Quảng châu, lấy Lã Đại làm Thứ sử; từ Giao Chỉ về nam đặt làm Giao châu, lấy Đái Lương làm Thứ sử. Lại phái Trần Thời thay Tiếp làm Thái thú Giao Chỉ. Đại ở lại quận Nam Hải, Lương và Thời đầu trước tiên đến Hợp Phố, nhưng con của Tiếp là Huy tự nhậm chức Thái thú Giao Chỉ, phái binh sĩ trong tông tộc chống cự Lương. Lương lưu lại Hợp Phố. Người quận Giao Chỉ là Hoàn Lân, từng được Tiếp cử làm quan, khẫu đầu can gián Huy khuyên nên sai người nghênh đón Lương, Huy giận, dùng bàn vả đánh chết Lân. Anh của Lân là Trị và con là Phát lại tập hợp binh sĩ trong họ mạc đánh Huy, Huy đóng cửa thành cố thủ, bọn Trị đánh đến mấy tháng không sao hạ được, bèn hẹn ước giảng hòa kết thân, các bên đều bãi binh trở về. Nhưng Lã Đại nhận chiếu đi tru diệt Huy, từ Quảng Châu đem binh rong ruổi ngày đêm tiến vào, đi qua Hợp Phố, hợp quân với Lương cùng tiến. Con của Nhất là Khuông làm Trung lang tướng cùng với Đại là chỗ quen biết cũ, Đại tạm lấy Khuông làm Sư hữu Tòng sự, trước hết gửi thư đến Giao Chỉ, bảo rõ việc họa phúc, lại phái Khuông đến gặp Huy, khuyên bảo phục tội, dẫu có mất chức Quận thú, nhưng vẫn được toàn vẹn không phải lo lắng gì. Đại theo Khuông đến sau, anh của Huy là Chi, em

của Huy là bọn Cán-Tụng cả thầy sáu người cời trầ cúi rạp nghênh đón. Đại từ tạ sai mặc áo lại, rồi trước hết đến dưới quận. Sáng sớm hôm sau cho bày màn trướng, mời anh em của Huy lần lượt bước vào, tân khách ngồi đông đủ. Đại đứng dậy, tay cầm cờ tiết miệng đọc chiếu lệnh, trách mắng kể rõ tội của Huy, tả hữu bèn bắt lấy trói lại dẫn ra ngoài, lập tức đem giết hết một loạt, gửi thủ cấp đến thẳng Vũ Xương.

***Tôn Thỉnh nói:** Khiến cho kẻ ở xa quy phục về gần, chẳng ai không khéo ở chữ tín; gánh vác trách nhiệm yên định việc lớn, chẳng ai không khéo ở nghĩa. Trước kia Tê Hoàn gây dựng cơ nghiệp, đức sáng rõ ở Kha Hội, Tấn Văn mới làm bá, nghĩa hiển hiện ở Phạt Nguyên⁽⁵⁾. Bởi tất cả bọn Khuông đã thuận tình tụ tập, kẻ có quyền thế ở đời nên giữ ước thề, để được tiếng khen lâu dài. Sự hữu của Lã Đại là Sĩ Khuông, được sai đi ước thề làm tin, anh em Huy cời trầ phục tội, uy thác sinh mệnh cho người, Đại lại nhân đó diệt bọn họ đi, để cầu lấy cái lợi trước mắt, bậc quân tử vì thế mà biết rằng Tôn Quyền chẳng có mưu lược sâu xa, mà phúc lộc của họ Lã chẳng thể kéo dài được vậy.*

Nhất, Hoàng Hữu, Khuông sau đó được thả ra, Quyền tha tội cho bọn họ, còn đích tử của Tiếp là Hâm, bị phế truất làm dân thường. Được mấy năm, Nhất, Hoàng Hữu mắc tội bị tru diệt. Hâm bị bệnh chết, không có con, vợ Hâm ở góa, triêu đình hạ chiếu cho quan lại sở tại hàng tháng cấp cho lương bổng thóc gạo, ban cho tiền bốn chục vạn.

LƯU DO TRUYỆN

Lưu Do tự Chính Lễ, người quận Đông Lai huyện Mâu Bình. Người con nhỏ của Tề Hiếu Vương⁽⁶⁾ được phong tước Mâu Bình hầu, con cháu về sau ở đất ấy. Bá phụ của Do là Sùng, làm quan Thái úy nhà Hán.

Tục Hán thư chép: Tổ phụ của Do là Bản, sở trường về kinh truyện, học rộng các sách, nổi tiếng là bậc thông nho⁽⁷⁾. Được tiến cử là Hiên lương phương chính, làm trưởng huyện Bân, chết khi đang làm quan. Sùng tự Tổ Vinh, nổi nghiệp cha, làm Kinh minh hành tu, được cử làm Hiếu liêm, giữ chức Quang lộc đại phu trông coi việc tứ hạnh⁽⁸⁾, rồi đổi làm Đông Bình Lăng lệnh. Coi việc được mấy năm, Sùng vì mẫu thân bị bệnh nặng phải từ quan, sĩ dân trăm họ nín bính xe giữ lại, đường xá tắt nghẽn, xe không tiến được, đành dừng lại, Sùng phải mặc thường phục ngậm bồ hòn, về quê phụng dưỡng mẫu thân. Sau này Sùng được vời vào phủ Đại tướng quân, không lâu lại thăng làm Thái thú Cối Kê, Sùng lấy sự ngay thẳng làm gương cho kẻ dưới, được người trong quận khen ngợi. Triều đình vời Sùng về kinh làm Tương tác đại tượng⁽⁹⁾. Ở trong vùng sơn cốc Nhược Tà huyện Sơn Âm cách sở quan mấy chục dặm, có năm sáu ông già đã bảy tám chục tuổi, nghe tin Sùng chuyển đi, bèn rủ nhau tới đưa tiễn, tặng cho Sùng trăm đồng tiền, Sùng thấy thế, an ủi rằng: “Các cụ phụ lão sao phải tự làm khổ mình lặn lội từ xa tới đây làm gì!” Bọn họ đều nói: “Bọn già thấp hèn chúng tôi ở sơn cốc này, bình sinh chưa từng đến quận huyện. Các quan lại trước đây liên tục những nhiều, dân gian ngờ sợ, ban đêm tiếng chó sủa không dứt, dân chúng hết đêm chẳng được ngủ yên. Từ ngày mình phủ dừng xe nơi đây, đêm không còn tiếng chó sủa, quan lại hiếm khi phiền nhiễu dân gian, bọn già này không ngờ gặp được thánh hóa, nay nghe tin ngài chuyển đi, nên cố sức tới tiễn đưa ngài.” Sùng cảm ơn họ, rồi chỉ chịu nhận một đồng tiền lớn, bởi thế người ở Cối Kê gọi Sùng là Nhất tiền Thái thú⁽¹⁰⁾. Sùng thanh liêm như thế. Sùng trước sau trải việc ở hai quận, tám lần giữ cửu liệt, bốn lần làm được ba việc quan trọng⁽¹¹⁾. Trong nhà chẳng chứa chấp của dư thừa, không có đồ vật châu báu gì, thường ăn uống đạm bạc, y phục sơ sài, đi xe xấu ngựa gầy, chi tiêu hạn hẹp. Sùng ba lần đi làm quan ở xa, thường muốn quay về bản địa. Mỗi khi qua lại kinh sư, Sùng hay xuống xe đi bộ, mọi người chẳng ai biết. Sùng có lần muốn vào nghỉ ở dịch đình, viên đình lại ngăn cản nói: “Nhà trạm đang sắp xếp

lại, để đón Lưu công⁽¹²⁾, ngài không thể vào nghỉ được.” Sủng bèn bỏ đi. Đại loại là Sủng liêm khiết tận tụy như thế. Lúc già Sủng bị bệnh chết ở nhà.

Anh cả của Do là Đại, tự Công Sơn, từng giữ chức Thị trung, Thứ lại Duyệt châu.

Tục Hán thư chép: Cha Do là Dư, nổi danh ở một phương, làm Thái thú Sơn Dương. Đại và Do đều có tiếng là tài tuấn. Sách Anh hùng ký khen Đại là người hiếu thuận và có lòng nhân, lấy sự khiêm tốn để đãi người.

Năm Do mười chín tuổi, chú của Do là Vĩ bị giặc cướp bắt làm con tin, Do cướp chú về, bởi thế nổi danh. Được đề cử Hiếu liêm, làm Lang trung, sau thăng làm trưởng huyện Hạ Ấp. Thời ấy Quận thú đem người thân của mình phó thác cho Do⁽¹³⁾, Do bèn bỏ quan mà đi. Châu phủ lại cho triệu Do bố trí làm quan ở Tể Nam, Tể Nam tướng là con của Trung thường thị, tham ô không tuân vương pháp, Do dâng tấu xin cách chức hắn. Người ở Bình Nguyên là Đào Khâu Hề tiến cử Do, muốn quan châu cất Do lên làm Mậu tài. Thứ sử nói: “Năm ngoái người đã tiến cử Công Sơn, sao giờ lại đề cử Chính Lễ nhỉ?” Hề nói: “Nếu trước kia sứ quân đã sáng suốt dùng Công Sơn, sau lại cất nhắc Chính Lễ, có thể nói là ngựa hai con rùng đi trên quãng đường dài, phóng con ngựa Ký⁽¹⁴⁾ phi ngàn dặm, chẳng cũng sướng sao!” Vừa lúc tri châu đình cho vời Do về làm Tư không duyệt, rồi phong làm Thị ngự sử, Do không tới. Rồi đi tránh loạn ở Hoài Phố, tri châu đình lại xuống chiếu cho Do làm Thứ sử Dương Châu. Bấy giờ Viên Thuật ở Hoài Nam, Do kiêng sợ, không dám tới Dương Châu. Bèn xuôi nam qua sông Trường Giang, Ngô Cảnh-Tôn Bí nghênh đón bố trí cho Do ở Khúc A. Thuật có mưu đồ tiếm nghịch, vây đánh các quận huyện. Do phái Phàn Năng-Trương Anh đóng quân ở ven sông để cự Thuật. Vì Cảnh-Bí đầu do Thuật cất nhắc, nên Do cưỡng bức đuổi họ đi. Bởi thế Thuật tự giữ chức Thứ sử Dương Châu, cùng với Cảnh-Bí hợp sức đánh bọn Anh-Năng, hơn năm không hạ nổi. Nhà Hán ra sắc mệnh thăng Do làm chức mục, Chấn vũ tướng quân, binh chúng có mấy vạn, Tôn Sách qua sông từ phía đông, phá tan bọn Anh-Năng. Do chạy về Đan Đồi, sau ngược sông về nam giữ Dự Chương, trú ở Bành Trạch.

Hán ký của Viên Hoành chép: Lưu Do sắp chạy sang Côi Kê, Hứa Tử Tương nói: “Côi Kê là nơi giàu có, Sách thêm muốn chỗ ấy, vì gặp khó ở ven biển, không thể lấy được. Chẳng bằng ở Dự Chương, phía bắc giáp đất Dự, phía tây nối liền với Kinh Châu. Nếu thu nhặt tập hợp được quan dân ở đó, khiến cho họ ra sức cống hiến, cùng với Tào Duyệt châu⁽¹⁵⁾ cứu giúp nhau, dù có Viên Công

Lộ gần cách ở giữa, nhưng người ấy là giống sài lang, chẳng thể tồn tại lâu được. Túc hạ đã nhận vương mệnh, Mạnh Đức-Cảnh Thăng hẳn sẽ cứu giúp cho.” Do nghe theo lời ấy.

Trích Dung tới Dự Chương trước, giết chết Thái thú Chu Hạo, kéo vào chiếm đóng trong quận.

Hiển Đế Xuân Thu chép: Năm ấy, Do đóng quân ở Bành Trạch, lại sai Dung giúp Hạo đánh Thái thú Gia Cát Huyền do Lưu Biểu bổ dụng. Hứa Tể Tương bảo Do rằng: “Trách Dung ra quân, chẳng có chiếu mệnh hay danh nghĩa gì. Chu Văn Minh⁽¹⁶⁾ có thiện tâm thành thật mà tin người, ta nên cho người bí mật canh chừng hắn.” Dung đến nơi, quả nhiên trá lừa giết Hạo, thay thế Hạo thống lĩnh các việc trong quận.

Do tiến đánh Dung, bị Dung đánh bại, Do lại tập hợp binh mã ở các huyện trực thuộc, đánh phá Dung. Dung thua trận chạy trốn vào trong núi, bị dân ở đó giết. Do bỗng nhiên bị bệnh chết, bấy giờ mới bốn mươi hai tuổi.

Trích Dung, người quận Đan Dương, ban đầu tụ tập được mấy trăm quân, qua nương nhờ Từ châu mục là Đào Khiêm. Khiêm sai đi đốc suất việc vận lương bằng đường thủy ở Quảng Lăng-Bành Thành, Dung phóng túng thiên tiện giết người, ng ẫ một chỗ quyết đoán việc bỏ hay thu lương thực ở ba quận về cho mình. Lại đại tu xây dựng phủ ở⁽¹⁷⁾, lấy đồng chế tượng như người thật, thân tượng dát vàng, y phục bằng gấm ngũ sắc, rồi đặt tượng trên mâm đồng cao chín tầng, bên dưới làm lầu đôi có hành lang, trong có thể chứa hơn ba ngàn người, tất cả các buổi đọc kinh của nhà Phật, Dung lệnh cho mọi người trong cõi và các quận bên có ai thích Phật giáo thì đến theo học đạo, lại tha cho họ việc phu dịch để lôi kéo họ, bởi thế người ở xa gần trước sau có đến hơn năm nghìn hộ theo về Mỗ Lễ támm Phật, cho sửa soạn rất nhiều cơm rượu, trải chiếu ở trên đường, dài mấy chục dặm, người dân tới xem và ăn uống đến cả vạn người, phí tổn tính kể ức vạn. Tào công vây đánh Đào Khiêm, đất Từ chao đảo, Dung đem trai gái một vạn khẩu, ngựa ba nghìn con, chạy trốn tới Quảng Lăng, Thái thú Quảng Lăng là Triệu Dục lấy khách lễ đối đãi Dung. Trước đó, Bành Thành tướng là Tiết Lễ bị Đào Khiêm bức bách, đóng quân ở Mạt Lăng. Dung lợi dụng dân chúng Quảng Lăng, nhân lúc tử hứng giết chết Dục, thả cho binh lính cướp bóc, đem thuyền chở của cải đi. Lại qua giết Lễ, rồi sau giết Hạo.”

Về sau Sách sang tây đánh Giang Hạ, khi về qua Dự Chương, thu nhặt thi thể làm tang cho Do, vừa hay gặp được gia quyến của Do ở đấy. Vương Lăng gửi thư cho Sách nói: “Trước đây Lưu Chính Lễ vừa đến Lâm Châu, chưa thể tự lập, quả thật là trước sau nhờ cả vào nhà Tôn huynh giúp đỡ, nhờ đó mới có thể vượt sông xây dựng trị sở, có được cơ sở an định. Lễ nghi giúp Lưu vượt biên cảnh, lòng cảm kích khắc sâu trong tim, tình bạn gìn giữ thủy chung. Sau vì họ Viên hiềm nghi, tình cảm đổi thành ngang trái. Lại thêm việc ngài đờng minh với Thuật, nên mới hoàn toàn biến thành thù địch, xét bản tâm của Do, thật không thích thú gì. Sau khi sức khỏe hồi phục, Do thường muốn ném bỏ oán hiềm, khôi phục tình bạn ngày trước. Một độ chia li, tâm ý chưa biểu lộ được, Lưu đột nhiên mắc bệnh mà chết, thật bi thương thống hận! Biết rằng ngài lấy đôn hậu để đối đãi kẻ khắc bạc, lấy đức để báo đáp kẻ gây oán, thu hồi di cốt dưỡng dục cô nhi, ai điều kẻ chết xót thương người sống, quên bỏ hiềm nghi ngày trước, giúp đỡ cho trẻ nhỏ được cậy nhờ⁽¹⁸⁾, thật là ân sâu nghĩa nặng, danh tốt vang lừng, tình cảm trọng hậu. Xưa kia người Lỗ oán giận người Tề, cũng chẳng phế bỏ tang lễ của người ta, kinh Xuân Thu khen việc ấy, bảo rằng đúng lễ, tin rằng bậc lương sử nên noi theo việc đó, trường học ở hương thôn nên tán tụng truyền bá. Con trưởng của Chính Lễ, là người chí khí tiết tháo, nghĩ rằng ắt sẽ được ngài đối đãi khác thường. Ngài thi hành hình pháp, uy danh đủ đầy, nếu thi hành để lấy ân, há chẳng tốt đẹp hơn sao!

Con trai trưởng của Do là Cơ, tự Kính Dư, năm mười bốn tuổi, để tang Do rất có lễ, các quan lại cũ của Do đưa tặng quà, Cơ đều không nhận chút gì.

Ngô thư chép: Cơ gặp nhiều nỗi gian lao, từ nhỏ phải cư tang khôn khổ, âm thầm chịu đựng mọi đắng cay, chẳng có ai là người thân thích. Ở cùng với các em, lúc nghỉ ban đêm thường dậy sớm, thê thiếp hiếm khi thấy mặt. Các em đều kính sợ, phụng sự Cơ như cha. Cơ không giao du bừa bãi, trong nhà không có khách tạp nham.

Cơ có tư chất khí độ tốt đẹp, Tôn Quyền rất yêu quý và kính trọng. Quyền làm Phiêu kỵ tướng quân, cho vờ Cơ tới làm Đông tào duệ, bái làm Phụ nghĩa hiệu úy, Kiến trung Trung lang tướng. Lúc Quyền làm Ngô vương, thăng Cơ lên làm Đại tư nông. Quyền từng mở hội yến, Kỵ đô úy Ngu Phiên say rượu ngỗ nghịch xúc phạm Quyền, Quyền muốn giết Phiên, lại vô cùng tức giận, nhờ có Cơ hết lòng can gián, Phiên được miễn tội.

Vào những ngày ngày nóng nực, Quyên thường ở trên thuyền yến tiệc, có lần đang ở trên thuyền thì gặp mưa dông, Quyên lấy một cái ô che cho mình, lại sai người lấy ô che cho Cơ, những người khác thì không ai được như vậy. Cơ được đãi ngộ đến như thế. Về sau Cơ được đổi làm Lang trung lệnh. Lúc Tôn Quyên xưng tôn hào, Cơ được chuyển làm Quang lộc huân, giữ danh phận Bình thượng thư sự. Đến năm bốn mươi chín tuổi thì chết. Sau này Quyên cho con mình là Bá lấy con gái Cơ, lại cấp cho nhà cửa hạng nhất, bốn mùa được ăn sủng, ngang với hai họ Toàn-Trương. Cơ có hai em là Thước-Thượng đều làm Kỵ đô úy.

THÁI SỬ TỪ TRUYỆN

Thái Sử Từ tự Tử Nghĩa, người quận Đông Lai huyện Hoàng. Thuở nhỏ hiếu học, ra làm quan ở quận giữ chức Tấu tào sử. Gặp lúc Quận thú và Châu mục có hiềm khích, phải trái khó phân biệt, vì thế trên có lệnh rằng, ai gửi bản tấu về triều trước thì bên đó đúng. Bấy giờ tấu chương của châu mục đã gửi đi, quận thú sợ tấu chương của mình tới sau, liền cho tìm người có thể đi sứ. Từ mới hai mươi một tuổi, được tuyển đi, bèn gấp rút ngày đêm, đến Lạc Dương, Từ đến Công môn, thấy viên châu lại đang muốn trình văn tự. Từ hỏi: “Ngài muốn trình báo tấu chương chăng?” Viên lại nói: “Đúng thế.” Từ lại hỏi: “Tấu chương để ở đâu?” Đáp: “Ở trên xe.” Từ nói: “Chữ ký trên tấu chương có lấm lẩn gì đó? Ngài đưa tôi xem lại cho.” Viên lại không biết Từ là người của quận Đông Lai, vì thế đưa tấu chương ra. Từ đã thủ sẵn dao trong bụng, liền lấy ra rạch nát tấu chương đi. Viên lại nhảy lên hô lớn, rằng: “Có người phá huỷ tấu chương của tôi!” Từ liền kéo người ấy vào trong xe, nói nhỏ rằng: “Nếu ông không đưa tấu chương cho tôi, tôi cũng không có cách nào hủy hoại nó, cái việc cát hung họa phúc cũng thế mà thôi, tôi không muốn một ai trong hai ta chịu tội một mình. Sao bằng chúng ta im lặng rồi cùng trốn đi, có thể bảo tồn được mạng sống, không việc gì phải cùng chịu hình phạt.” Viên lại nói: “Ngài vì quận thú hủy tấu chương của tôi, đã được như ý rồi, lại muốn bỏ trốn làm gì?” Từ đáp rằng: “Ban đầu tôi vâng mệnh quận thú phái đi, chỉ là muốn xem ông có trình báo tấu chương không thôi. Tôi dụng ý thái quá, thành ra hủy hoại tấu chương của ngài. Nay trở về, cũng sợ vì việc ấy mà bị trách tội, cho nên muốn chúng ta cùng trốn đi.” Viên lại cho rằng Từ nói đúng, ngay hôm ấy cùng nhau bỏ đi. Từ đã cùng viên lại ra khỏi thành, mượn cớ lên quay lại trình tấu chương của Quận. Châu mục biết chuyện, lại phái viên lại khác đi trình tấu chương, hữu ti vì thấy việc thay đổi tấu chương nên không thụ lý, châu mục vì thế bị thua. Từ nhờ thế nổi danh, nhưng bị châu mục ghét, Từ sợ bị ta vạ, bèn tránh nạn đến Liêu Đông.

Tướng ở Bắc Hải là Khổng Dung nghe chuyện cho là Từ có tài, mấy lần phái người tới thăm hỏi mẹ Từ, mỗi lần đến đều tặng quà. Bấy giờ vì bị Hoàng Cân đến cướp bóc, Dung đem binh ra đồn trú ở Đô Xương, bị giặc là Quân Hối vây ở đó. Từ từ Liêu Đông trở về, người mẹ bảo Từ rằng: “Mày và Khổng Bắc Hải chưa từng tương kiến, sau khi mày đi, ông ấy giúp đỡ mẹ rất ân cần, còn hơn cả bạn bè cũ, nay ông ấy đang bị giặc vây, mày nên đến chỗ ông ấy.” Từ ở lại ba ngày, rồi một mình đi bộ theo đường tắt tới Đô Xương. Bấy giờ vòng vây còn chưa kín, trong đêm Từ rình lúc địch sơ hở, đột nhập vào diện kiến Dung, nhân đó xin binh ra chém giặc. Dung không nghe, có ý đợi quân ngoài tới cứu. Chờ mãi không thấy ai đến, mà vòng vây ngày càng chặt. Dung muốn cáo cấp với Bình Nguyên tướng Lưu Bị, trong thành không có ai biết cách ra khỏi thành, Từ tự mình xin đi. Dung nói: “Nay giặc vây rất chặt, chúng nhân đều nói không thể đi được, dũng khí của khanh tuy mạnh, nhưng không phải quá mạo hiểm sao?” Từ thưa rằng: “Trước đây phủ quân dốc lòng với mẹ tôi, mẹ tôi rất cảm kích sự hậu đãi ấy, sai Từ mau chóng đến chỗ phủ quân, cố nhiên vì cho rằng Từ có chỗ hữu dụng, mà đến hản sẽ có ích vậy. Nay chúng nhân đều nói không thể đi, Từ tôi cũng nói không thể, há để cái ân nghĩa phủ quân đã đoái hoài, cái ý phái Từ đi của lão mẫu là bỏ đi sao? việc đã gấp lắm rồi, xin phủ quân không nên ngờ sợ nữa.” Dung mới đồng ý. Từ liền chuẩn bị hành trang, ăn uống no nê, chờ đến sáng, đeo túi cung tên lên ngựa, dẫn theo hai tên lính kỵ đi theo, mỗi tên cầm một tấm bia, mở cửa thành xông thẳng ra ngoài. Bọn giặc vây ở bên ngoài đều kinh hãi, lập tức hỗ trợ nhau phòng bị. Từ dẫn ngựa đến hào lũy dưới thành, hai tên lính nhất loạt cầm bia, Từ bắn tên vào bia, bắn xong, bèn quay vào thành. Sớm hôm sau lại làm như thế, giặc vây thành kẻ đứng người nằm, Từ lại dựng bia, bắn xong, lại quay vào thành. Sớm hôm sau nữa lại ra làm như thế, quân giặc không ai đứng dậy cả, đột nhiên Từ vung roi ngựa xông thẳng vào vòng vây chạy đi. Quân giặc bên kia hiểu ra, Từ đã vượt đi rồi, lại còn bắn giết mấy người, chúng đều ngã lộn nhào, cho nên không kẻ nào dám đuổi theo. Từ đến Bình Nguyên, nói với Bị rằng: “Từ, là kẻ thô鄙 ở Đông Lai, cùng với Khổng Bắc Hải vốn chẳng phải là cốt nhục, cũng chẳng cùng quê quán, chỉ vì chí khí tương hợp, nên vì nghĩa mà chia tai vạ chung hoạn nạn. Nay Quân Hối làm loạn, Bắc Hải bị vây, cô độc khốn cùng, không quân cứu viện, nguy hiểm một sớm một chiều. Bởi ngài có tiếng là người nhân nghĩa, có thể cứu giúp nguy nan cho người khác, cho nên Bắc Hải

thành tâm thành ý, nghễnh cổ ngóng ngài, sai Từ này mạo hiểm tay không, đột phá vòng vây, từ trong muôn chết tới phó thác nơi ngài, mong ngài xoi xét.” Bị nghe xong cung kính nói: “Khổng Bắc Hải biết trên thế gian này có Lưu Bị sao?” Rồi lập tức phái ba nghìn tinh binh đi theo Từ. Quân giặc nghe tin có quân tới, giải vây bỏ chạy tứ tung. Dung được cứu, lại càng quý trọng tài của Từ hơn, nói: “Khanh là người bạn trẻ của ta vậy.” Xong việc, Từ quay về bẩm báo với mẹ mình, mẹ Từ nói: “Ta mừng là mày báo đáp được Khổng Bắc Hải vậy.”

Thứ sử Dương châu là Lưu Do và Thái Sử Từ là người cùng quận, Từ từ Liêu Đông trở về chưa cùng tương kiến, không lâu sau Từ qua sông tới Khúc A gặp mặt Do, lúc chưa rời đi, vừa gặp Tôn Sách đến. Có kẻ khuyên Do có thể cho Từ làm Đại tướng quân, Do nói: “Ta nếu dùng Tử Nghĩa, chẳng phải là Hứa Tử Tương sẽ cười ta sao?” Rồi chỉ phái Từ đi trình thám xem địch nặng nhẹ thế nào. Có lần Từ và một lính kỵ đột nhiên gặp Sách. Đi theo Sách có ba chục quân kỵ, gồm bọn Hàn Đường, Tống Khiêm, Hoàng Cái. Từ liền tiến lên giao đấu, đối diện thắng với Sách. Sách đâm ngựa của Từ, chụp được đầu ngọn kích của Từ, Từ cũng đoạt được mũ trụ của Sách. Lúc quân kỵ của cả hai bên đều kéo đến, hai người mới buông nhau ra.

Từ và Do cùng chạy trốn về Dự Chương, rồi lánh đến Vu Hồ, trốn ở trong núi, tự xưng là Thái thú Đan Dương. Bây giờ, Sách đã bình định được phía đông Tuyên Thành, duy chỉ còn sáu huyện ở phía tây Kinh huyện là chưa chịu phục. Từ nhân đó tiến đến giữ Kinh huyện, lập đồn phủ, phần lớn dân chúng Sơn Việt đến nương nhờ. Sách thân chinh đến đánh dẹp, bắt giữ được Từ. Sách lập tức cho cởi trói, nắm tay Từ nói: “Người có nhớ cái lúc ở Thần Đình chẳng? Nếu người bắt được ta lúc ấy người sẽ làm gì?” Từ đáp: “Cũng chưa biết thế nào.” Sách cả cười nói: “Việc thiên hạ hôm nay, ta cần phải cùng với khanh chung sức.”

Ngô Lịch chép rằng: Từ thua trận ở Thần Đình, bị Sách bắt giữ. Sách vốn nghe danh của Từ, lập tức cởi trói xin ý kiến, tư vấn cho cái thuật đánh giữ. Từ thưa rằng: “Phá quân bắt tướng, chưa phải là đã xong việc.” Sách nói: “Xưa kia Hàn Tín dùng kế sách của Quảng Vũ quân, nay Sách tôi muốn dứt bỏ điều nghi hoặc của bậc nhân giả, ngài có ý gì chăng ⁽¹⁹⁾?” Từ nói: “Quân sĩ ở châu này mới bị phá, lòng quân li tán, nếu đã chia lìa, khó mà tập hợp lại được; tôi xin đi tuyên rõ ân đức để yên bụng chúng, sợ rằng chẳng hợp tôn ý.” Sách quỳ dài đáp rằng: “Thực đúng với lòng mong ước của ta vậy. Giữa trưa ngày mai, mong

ngài về đây cho.” Chư tướng đều nghi hoặc, Sách nói: “Thái Sử Tử Nghĩa, là danh sĩ ở Thanh châu, lấy tín nghĩa làm đầu, nhất định không lừa dối Sách.” Sáng hôm sau, Sách cho mời hết chư tướng đến, bày sẵn rượu thịt, sai dựng một cây tre để coi bóng. Đúng giữa trưa thì Từ đến, Sách cả mừng, từ đó thường cùng nhau tham luận mọi việc quân cơ.

Thần Tòng Chi xét : Ngô Lịch nói Từ thua trận ở Thân Đình, bị Sách bắt được, cùng với bốn truyện quá khác thường, ngờ là lầm lẫn nói xằng.

Giang Biều truyện chép: Sách hỏi Từ rằng: “Nghe nói trước kia khanh vì quan Thái thú mà cướp tấu chương của quan châu, rồi chạy đến chỗ Văn Cử⁽²⁰⁾, mời được Huyền Đức, đều là những việc nghĩa sáng ngời, là trí sĩ thiên hạ vậy, chỉ vì chưa gặp được người để thác thân. Bỗng trúng thất lưng rách áo người ta, người xưa chẳng hềm nghi⁽²¹⁾. Cô nhận khanh là tri kỷ, chớ lo không được như ý nhé.” Rồi đi ra truyền rằng: “Rồng muốn bay lên cao, trên đầu cần phải có ‘xích mọc’⁽²²⁾.”

Rồi Sách lập cho ngay Từ tạm giữ chức Môn hạ đốc, quay về đến Ngô quận giao cho Từ cầm binh, bái làm Chiết xung Trung lang tướng. Về sau Lưu Do mất ở Dự Chương, sĩ chúng hơn vạn người chưa có chỗ nương tựa, Sách lệnh cho Từ tới vỗ yên.

Giang Biều truyện chép: Sách bảo Từ rằng: “Lưu mục trước đây trách Cô vì họ Viên tấn công Lư Giang, ý tứ rất khinh bỉ, suy luận chẳng thiếu thứ gì. Sao nhỉ? Binh sĩ thủ hạ của tiên quân⁽²³⁾ có mấy nghìn người, ở hết chỗ Công Lộ. Cái chí của cô ở chỗ lập sự, chẳng thể nào không khuất thân với Công Lộ, cầu cạnh lấy số binh cũ, đi lại mãi mới được có hơn nghìn người thôi. Nhân lúc Công Lộ lệnh cho Cô tấn công Lư Giang, việc lúc ấy là tình thế, không thể không đi được. Chỉ vì Công Lộ sau này không tuân theo tiết tháo của kẻ bầy tôi, tự vứt bỏ thân phận thân tử làm việc gian tà tiếm hiệu, Cô can gián không nghe. Bậc trượng phu giao kết với nhau vì nghĩa khí, đã cầu thả với việc lớn, chẳng thể không chia lìa, việc giao kết, cầu cạnh và tuyệt tình của Cô với Công Lộ ngọn ngành là như thế. Nay Lưu Do đã chết mất rồi, Cô hận chẳng kịp cùng với ông ấy tranh luận biện bác lúc sinh thời. Bây giờ con nhỏ của ông ấy còn ở Dự Chương, chẳng biết Hoa Tử Ngư⁽²⁴⁾ đãi ngộ chúng ra sao, việc này Cô lại miễn cưỡng trông cậy vào khanh được không? Khanh là người ở châu này, trước lại làm Tông sự, Cô nhờ khanh qua đó trông nom con nhỏ của ông ấy, kết hợp với việc tuyên bảo rõ ý của Cô với bộ khúc của ông ấy. Đám bộ khúc ấy ai thích thì đến giúp ta, ai không thích đến thì vỗ yên họ. Lại quan sát xem Tử Ngư ở đó làm chức mục cai trị địa phương như thế nào, xem nhân dân ở Lư Lăng, Bà Dương có thân gần giúp đỡ ông ấy không? Binh sĩ thủ hạ của khanh, nên đem theo nhiều hay ít, xin cứ tùy ý.” Từ thưa rằng: “Từ có tội không thể tha được, tướng quân độ lượng giống như Hoàn, Văn, đãi ngộ quá với lòng mong mỏi. Cổ nhân nói được sống thì lấy cái

chết để báo ơn, ắt là nói đến việc báo đáp hết lòng, đến chết mới thôi. Nay tất cả binh sĩ đang nghỉ ngơi, binh lính chẳng nên dùng nhiều, Từ chỉ đem mấy chục người, là đủ để qua đó rồi quay về.

Tả hữu của Sách đầu nói: “Từ tất sẽ đi lên bắc không quay về nữa.” Sách nói: “Từ Nghĩa mà bỏ ta, còn quy phục ai được?” Rồi tiến đưa Từ ở Xương Môn, nắm tay chia biệt, nói: “Khi nào khanh quay về?” Từ đáp: “Chẳng quá sáu mươi ngày.” Quả nhiên Từ trở về đúng kỳ hẹn.

Giang Biều truyện chép: Sách mới phái Từ đi, kẻ bàn luận phân vân, bảo rằng Từ chưa đáng tin, có kẻ cho rằng Từ với Hoa Tử Ngư là đồng hương, sợ Từ lưu lại bên đó trù liệu kế sách, hoặc ngờ là Từ sang Tây thác thân theo Hoàng Tổ, mượn đường lên Bắc, đa phần nói phái Từ đi không phải là kế hay. Sách nói: “Các ông nói đều không phải cả, Cô xét đã rõ ràng rồi. Thái sử Tử Nghĩa dù là người có khí phách, dũng cảm, can đảm, cứng cỏi, nhưng chẳng phải là người thủ đoạn⁽²⁵⁾. Trong lòng ông ấy đã có toan tính, hiểu rõ đạo nghĩa, quý trọng lời hứa, một lời đã hứa với tri kỷ, có chết cũng chẳng phụ nhau, các ông chớ có lo lắng nữa.” Từ từ Dự Chương trở về, những người bàn luận mới phục Sách. Từ diện kiến Sách, nói: “Hoa Tử Ngư là người hiền đức, nhưng không phải là người có tài toan tính, dân chúng ở địa phương không quy phục, chỉ tự thủ mà thôi. Lại có người ở Đan Dương là Đồng Chi tự chuyên ở Lư Lăng, nói dối là chịu chiếu thư làm Thái thú. Hắn thống suất dân chúng ở Bà Dương lập riêng một giáo phái, ngăn cản binh lính giữ địa giới, không vâng lệnh Tử Ngư sai khiến làm trưởng lại, nói rằng ‘Ta lập một quận riêng, đợi khi nhà Hán phái chân Thái thú⁽²⁶⁾ đến, ta mới chịu ra nghênh đón.’ Tử Ngư không những không dàn xếp xong việc ở Lư Lăng, Bà Dương, mà ở bên cạnh huyện Hải Hôn có đốc Thượng Liễu, ở đó có năm sáu nghìn nhà kết hợp với nhau thành đội ngũ, chỉ nộp tô thuế cho quận thôi, phát lệnh triệu gọi mọi người thì không thể được, Tử Ngư cũng chỉ đứng nhìn mà thôi.” Sách vỗ tay cười lớn, vì thế có ý định thu tóm vùng ấy. Không lâu sau đó, Sách bình định Dự Chương.

Cháu của Biều là Bàn, là người kiêu dũng, mấy lần vào cướp ở các huyện Ngải, Tây An. Sách liền phân binh tới sáu huyện bên phải và bên trái Hải Hôn, Kiến Xương, lấy Từ làm Đô úy Kiến Xương, đóng sở trị ở Hải Hôn, đồn đốc chư tướng chống cự Bàn. Bàn tuyệt tích không quay lại cướp nữa.

Từ mình cao bảy thước bảy tấc, có bộ râu rất đẹp, tay dài như vượn lại có tài thiện xạ, bắn cung không trượt phát nào. Từ thường theo Sách đi đánh dẹp bọn giặc ở Ma Bảo, quân giặc trong đồn trèo lên lâu cao mắng chửi, tay bám vào xà nhà, Từ giương cung bắn chúng, tên xuyên qua tay ghim vào xà nhà, vạn người vây quanh chẳng ai không khen giỏi. Kỳ diệu

đến như thế. Tào công nghe cái tiếng ấy, liền gửi thư cho Từ, bỏ thư trong tráp phong kín, Từ mở ra xem không thấy viết gì, mà chỉ thấy có vị thuốc Đương quy⁽²⁷⁾. Lúc Tôn Quyên thống quản chính sự, thấy Từ có thể khắc chế Bàn, bèn uỷ thác cho Từ việc ở phía nam. Năm bốn mươi một tuổi, là năm Kiến An thứ mười một, Từ mất.

Ngô thư chép: Lúc Từ sắp mất, than thở rằng: “Bậc trượng phu sinh ra ở đời, đáng phải đeo kiếm bảy thước, được trèo lên bậc thêm của bậc thiên tử. Nay chí nguyện của ta còn chưa đạt, sao đã chết rồi ư!” Quyên thương tiếc Từ vô cùng.

Con trai Từ là Hưởng, làm quan tới chức Việt kỵ hiệu úy.

Hưởng tự Nguyên Phục, trải qua các chức Thượng thư, Thái thú Ngô quận.

[CHÚ THÍCH :]

(1) Các bản dịch sử trước nay vẫn thấy dịch là Sĩ Nhiếp, không rõ vì sao?

(2) Hán Hoàn đế nhà Đông Hán.

(3) Xe truy bình là cái xe có buông màn từ mui xe rủ xuống che phủ kín bốn phía xung quanh.

(4) Uý Đà tức là Việt kỳ Hiệu uý Triệu Đà. Tiếp cai quản Giao Chỉ, Triệu cũng từng cai quản Giao Chỉ, Trần Thọ có ý so rằng Triệu Đà dù là vua Nam Việt cũng không hơn Sĩ Tiếp được.

(5) Không rõ chỗ này nên cắt nghĩa là thế nào?

(6) Con cháu họ Lưu, được phong hầu ở các nơi.

(7) Tức là khen rằng người đó có tài học, nổi tiếng uyên bác giỏi giang.

(8) Các việc đức hạnh, nết na, nếu còn ở trong tâm là đức, thi hành ra là hạnh.

(9) Không hiểu chức này là thế nào?

(10) Tức là vị Thái thú một đông tiền.

(11) Nguyên văn câu này là ‘bát cư cửu liệt, tứ đẳng tam sự’, không biết dịch thế nào, đành phải tạm dịch gượng gạo như vậy.

(12) Tức là Lưu Sủng vậy.

(13) Câu này rất tối nghĩa, nguyên văn là ‘Quận thú dĩ quý Tam quốc chí quyền thích thác chi’, không biết phải dịch thế nào, đành phải cắt bớt mấy chữ đi mà dịch gượng. Chẳng hiểu vì sao Trần Thọ lại nói đến sách Tam quốc chí (nguyên là sách của chính tác giả soạn ra) ở chỗ này?

(14) Ngựa Ký là một thứ ngựa hay nổi tiếng, ngày phi ngàn dặm, lại rất thuần.

(15) Bấy giờ Tào Tháo giữ Duyện châu nên cũng gọi là Tào Duyện châu.

(16) *Chu Hạo tự Văn Minh.*

(17) *Là toà tháp của nhà Phật.*

(18) *Nguyên văn là ‘bảo lục xích chi thác’, dịch thoát nghĩa.*

(19) *Hán Sở tranh thiên hạ, Lưu Bang, Hạng Vũ thế giằng co nhau, Hạng Vũ đóng quân ở Bành Thành, Lý Tả Xa, tức Quảng Vũ quân là mưu sĩ của Hàn Tín xin đi trá hàng Hạng Vũ, lừa Hạng Vũ rằng: “Quân Hán đông, quân Sở ít, quân Hán thiếu lương, nên đến đánh.” Hạng Vũ nghe theo, tụ quân ở núi Cữu Lý giao chiến với quân Hán do Hàn Tín chỉ huy, bị thua trận, sau phải tự vẫn.*

(20) *Tức Khổng Dung, Văn Cử là tên tự của Dung.*

(21) *Chỗ này Tôn Sách nhắc đến cái tích Quản Trọng người thời Xuân Thu, lúc trước thờ Công tử Bạch, bắn trúng Tề Hoàn Công, sau này Tề Hoàn Công làm vua nước Tề, lại dùng Quản Trọng mà thành bá chủ hầu. Đây Sách muốn nói rằng lúc trước đánh nhau ở Thần Đình, chỉ là ai vì chủ này, không có gì phải lo lắng cả.*

(22) *Nguyên văn câu này là: “tiên xích giai mộc giả dã”. Rất khó hiểu, ND không hiểu lắm, tra cứu trên zdic thấy trích dẫn một câu trên tấm bia của đạo nhân Thiết Công Thần do Lưu Tích Vũ người đời Đường chép và giảng rằng ‘xích mộc’ là một vật có hình dáng như quả núi nằm ở trên đầu của con rồng. Có lẽ chỗ này Sách muốn nói nếu muốn thành bá nghiệp thì cần có được người như Thái Sử Từ.*

(23) *Tức Tôn Kiên.*

(24) *Tức Hoa Hâm, sau này Hoa Hâm làm đại quan nhà Ngụy.*

(25) *Nguyên văn: ‘tung hoành chi nhân’.*

(26) *Vì Hoa Hâm thay quyền Do cai quản quận, Đồng Chi không chịu, tuyên bố rằng chỉ theo lệnh nhà Hán, chờ nhà chiếu chỉ của nhà Hán phái Thái thú đến, không theo lệnh của Hoa Hâm.*

(27) *Đương quy là một vị thuốc bắc, chỗ này không hiểu ý của Tào Tháo thế nào? Là chơi chữ chăng?*

QUYỂN 5 - PHI TÂN TRUYỆN

Ngô phu nhân, Tạ phu nhân, Từ phu nhân, Vương phu nhân (hai người), Phan phu nhân, Toàn phu nhân, Chu phu nhân, Hà Cơ, Đổng phu nhân

Ngô phu nhân của Tôn Phá lỗ, là mẹ của Ngô chủ Quyển vậy. Vốn là người huyện Ngô, sau dời đến huyện Tiễn Đường, cha mẹ mất sớm, ở với em trai là Cảnh. Tôn Kiên nghe nói về tài sắc của phu nhân, muốn lấy phu nhân. Người thân nhà họ Ngô ghét sự khinh nhờn của Kiên, ngăn chống lại, Kiên rất lấy làm tiếc giận. Phu nhân bảo người thân nói: “Sao lại yêu một đứa con gái mà rước họa vào thân? Nếu không được hấn đãi tốt thì đây là mệnh trời vậy”. Do đó bèn hứa làm vợ, sinh bốn con trai, một con gái.

Sưu thần kí chép: Lúc trước, phu nhân mang thai thì nằm mơ thấy Mặt trăng rơi vào bụng, rồi mới sinh ra Sách. Đến lúc mang thai Quyển, lại nằm mơ thấy Mặt trời rơi vào bụng, kể việc này cho Kiên nói: “Lúc trước mang thai Sách, nằm mơ thấy Mặt trăng rơi vào bụng ta, nay cũng lại nằm mơ thấy Mặt trời rơi vào bụng ta, sao vậy”? Kiên nói: “Mặt trăng, Mặt trời là thần của âm dương, biểu tượng rất tôn quý, chẳng lẽ con cháu ta sẽ nổi lên sao”!

Cảnh thường theo Kiên đánh dẹp có công, bái làm Kị đô úy, Viên Thuật cử Cảnh làm Đan Dương Thái thú, đánh Thái thú Chu Hân lúc trước, bèn chiếm quận ấy. Tôn Sách cùng Tôn Hà, Lữ Phạm dựa vào Cảnh, hợp quân cùng đánh giặc trong núi ở huyện Kính là Tổ Lang, Lang thua chạy. Gặp lúc bị Lưu Do ép, Cảnh lại về phía bắc nương nhờ Thuật, Thuật cho làm Đốc quân trung lang tướng, cùng với Tôn Bôn đánh Phàn Năng, Vu Mi ở Hoành Giang, lại đánh Trách Dung, Tiết Lễ ở Mạt Lăng. Bây giờ Sách bị thương ở Ngưu Chử, quân giặc đã hàng lại phản, Cảnh đánh dẹp, bắt hết

chúng. Theo đi đánh Lưu Do, Do trốn đến quận Dự Chương, Sách lại sai Cảnh-Bôn đến Thọ Xuân báo cho Thuật. Thuật đang tranh Từ Châu với Lưu Bị, lấy Cảnh làm Quảng Lăng Thái thú. Sau đó Thuật tiếm hiệu, Sách gửi thư khuyên Thuật, Thuật không nghe, lại chặn bến sông, không qua lại với nhau nữa, sai người báo cho Cảnh, Cảnh liền bỏ quận về phía đông, Sách lại lấy Cảnh làm Đan Dương Thái thú. Nhà Hán sai Nghị lang Vương Phổ Đọc là ‘phô’ vâng lệnh đi về phía nam, bái Cảnh làm Dương vũ tướng quân, lĩnh quận như cũ.

Đến lúc Quyên tuổi nhỏ nổi nghiệp, phu nhân giúp trị việc quân, rất có bổ ích.

***Côi Kê diễn lược chép:** Quan Công tào của Sách là Ngụy Đằng vì trái ý mà bị phạt, Sách muốn giết đi, các quan sĩ đại phu lo sợ, không bày được kế gì. Phu nhân bèn dựa vào giếng lớn mà bảo Sách nói: “Mi vừa lấy đất Giang Nam, việc còn chưa yên, nay đang trọng người hiền dùng kẻ sĩ, tha lỗi ghi công. Ngụy Công tào dốc hết mưu làm việc công, mà ngày nay mi giết hắn thì ngày sau người khác sẽ đều phản mi. Ta không nỡ thấy họa đến thân, nên lao xuống giếng này trước đây”. Sách cả kinh, bèn tha cho Đằng. Mưu trí quyền biến của phu nhân đều đại loại như thế.*

Năm Kiến An thứ bảy, sắp hoảng, sai bọn Trương Chiêu đến gặp, trao cho việc sau này, hợp táng ở Cao Lăng.

***Chí lâm chép:** Xét thấy quận Côi Kê cử chọn ít, từ năm Kiến An thứ mười hai đến năm thứ mười ba thì cử chọn thiếu, cũng cử chọn, nói rằng quan phủ gặp việc buồn, như thế Ngô Hậu hoảng vào năm thứ mười hai vậy⁽¹⁾. Năm thứ tám, năm thứ chín đều có cử chọn, việc này rất rõ ràng.*

Năm thứ tám, Cảnh chết ở sở quan, con là Phấn được trao quân làm tướng, phong Tân Đình Hầu, rồi chết.

***Ngô lục chép:** Quyền đánh Kinh Châu, bái Phấn làm Ngô Quận Đô đốc để giữ miền đông.*

***Ngô thư chép:** Kì kết thân với Trương Ôn, Cố Đàm, Quyền sai xét công bằng việc kiện tụng.*

Con là An nối tự, An bị khếp tội làm cùng phe đảng với Lỗ Vương là Bá mà bị giết chết. Em của Phấn là Kì nối tự, phong Đô Đình Hầu, rồi chết. Con là Toàn nối tự. Vợ của Toàn là con gái của Đằng Dân vậy, Dân bị giết, cùng bị hại.

Tạ phu nhân của Ngô chủ Quyên, người huyện Sơn Âm quận Cối Kê. Cha là Cảnh, làm Thượng thư lang, Tù Lệnh của nhà Hán.

Con của Cảnh là Thừa soạn sách Hậu Hán thư, khen Cảnh thuở nhỏ lấy nhân hiếu làm đức, sáng suốt có tài năng. Em của Cảnh là Trinh, làm theo khuôn phép, chăm học trọng nghĩa, cử hiếu liêm, làm Kiến Xương Trưởng, chết lúc giữ chức.

Mẹ của Quyên là Ngô phu nhân giúp Quyên đem vật lễ đến đón về làm vợ, yêu mến sủng ái. Sau này Quyên lấy cháu của cô là Từ thị, muốn giáng Tạ phu nhân, Tạ phu nhân không chịu, do đó không còn ý chí, chết sớm. Hơn mười năm sau, em là Thừa được bái làm Ngũ quan tang trung, lại chuyển làm Trường Sa đông bộ đô úy, Vũ Lăng Thái thú, soạn sách Hậu Hán thư có hơn trăm quyển.

Cối Kê điển lục chép: Thừa tự Vĩ Bình, học rộng nghe nhiều, đã biết được điều gì thì suốt đời không quên. Con là Sùng làm Dương uy tướng quân, em của Sùng là Úc làm Ngô Quận Thái thú, đều nổi tiếng.

Từ phu nhân của Ngô chủ Quyên, người huyện Phú Xuân quận Ngô. Ông nội là Chân, kết thân với cha Quyên là Kiên, Kiên gả em gái cho Chân, sinh ra Côn. Côn thừa nhỏ làm quan trong châu quận, cuối thời Hán nhiều loạn, bỏ quan, theo Kiên đánh dẹp có công, bái Thiên tướng quân. Kiên hoảng, theo Tôn Sách đánh bọn Phàn Năng, Vu Mi ở Hoành Giang, đánh Trương Anh ở cửa Đương Lợi, mà thuyền ít, muốn đóng quân lại, vè xin thêm quân. Bấy giờ mẹ của Côn ở trong quân, bảo Côn rằng: “Chỉ sợ người trong châu đem nhiều quân thủy đến chặn ta thì không được lợi, sao lại đóng quân lại? Nên chặt lau sậy để làm thuyền bè để chở quân qua sông”.

Phụ, đọc là ‘phu’. Quách Phác chú Phương ngôn chép: Phụ là tấm bè để đi trên nước vậy.

Côn kể cho Sách, Sách liền làm theo, quân đàu qua sông hết, liền phá Anh, đánh đuổi Trách Dung-Lưu Do, cơ nghiệp được lập. Sách cho Côn làm Đan Dương Thái thú, gặp lúc Ngô Cảnh bỏ quận Quảng Lăng đến miền đông, lại làm Đan Dương Thái thú,

Giang Biều truyện chép: Lúc trước, Viên Thuật sai em họ là Dận làm Đan Dương Thái thú, Sách sai Côn đánh mà thay Dận. Gặp lúc Cảnh về, vì Cảnh lúc trước làm Đan Dương Thái thú, nhân hòa được lòng người, quan dân yêu mến, mà quân thuộc hạ của Côn lại nhiều, Sách ngờ sự lớn mạnh của Côn, vả lại đang

buổi đánh dẹp, nên thu lấy quân của Côn, liền lại dùng Cảnh, gọi Côn về quận Ngô.

Côn lĩnh quân, làm Đốc quân trung lang tướng, theo đi phá Lư Giang Thái thú Lí Thuật, phong Quảng Đức Hầu, chuyển làm Bình lỗ tướng quân, sau lại theo đi đánh Hoàng Tổ, trúng tên lạc chết.

Côn sinh ra Từ phu nhân, lúc đầu gả cho người cùng quận là Lục Thượng. Thượng chết, Quyên làm Thảo lỗ tướng quân tại quận Ngô, đón về làm vợ, sai nuôi dưỡng con là Đăng. Sau Quyên dời đô, vì phu nhân hay ganh ghét, cho ở lại quận Ngô. Được hơn mười năm, Quyên làm Ngô Vương rồi xưng tôn hiệu, Đăng làm Thái tử, bấy tôi xin lập phu nhân làm Hậu, ý Quyên muốn lập Bộ thị, rút cuộc không nghe. Sau bị bệnh chết. Anh là Kiêu, nối tước Hầu của cha là Côn, đánh dẹp người Sơn Việt, bái Thiên tướng quân, chết trước phu nhân, không có con. Em là Tộ nối tước, cũng vì đánh trận có công mà được bái làm Vu Hồ Đốc, Bình Ngụy tướng quân.

Bộ phu nhân của Ngô chủ Quyên, người huyện Hoài Âm quận Lâm Hoài, là người cùng họ với Thừa tướng Bộ Chất. Cuối thời Hán, mẹ của phu nhân đem theo người trong họ dời đến quận Lư Giang, khi Lư Giang bị Tôn Sách phá, đầu vượt sông về phía đông, vì xinh đẹp mà được Quyên yêu mến, được sủng ái đứng đầu hậu cung. Sinh ra hai con gái, cả là Lỗ Ban, tự Đại Hồ, lúc đầu gả cho con của Chu Du là Tuân, sau lại gả cho Toàn Tông; út là Lỗ Dục, tự Tiểu Hồ, lúc đầu gả cho Chu Cứ, sau lại gả cho Lưu Toàn.

Ngô lịch chép: Lúc đầu Toàn lấy con giữa của Quyên, chết sớm, cho nên lại lấy Tiểu Hồ làm vợ kế.

Tính phu nhân không ganh ghét, hay tiến cử người khác, cho nên được yêu mến rất lâu. Lúc Quyên làm Vương rồi làm Đế, ý muốn lập làm Hậu, nhưng bấy tôi bàn lập Từ thị, Quyên trái ý hơn mười năm, người trong cung đều gọi là Hoàng hậu, người thân dân só gọi là ‘Trung cung’. Lúc hoẵng, bấy tôi theo ý Quyên, xin truy đặt danh hiệu, bèn tặng ấn thao, hạ lệnh nói: “Vào ngày mậu tí tháng nhuận năm Xích Ô thứ nhất, Hoàng đế nói: Than ôi Hoàng hậu! Hoàng hậu giúp vua, cùng vâng mệnh trời, ngày

đêm kính thuận, vất vả cùng trăm. Trong dạy con em, chẳng bỏ lễ nghĩa . Rộng rãi nhân ái, có đức hay đẹp. Vạn dân trông mong, gần xa theo về Trẫm vì gặp thời nạn chưa trừ, đại thống chưa nối làm một, ý đẹp của Hậu là hay nhún nhường, cho nên bấy giờ chưa ban danh hiệu, cũng mong là Hậu được trời ban tuổi thọ lâu dài, cùng trăm kính nhận lộc trời. Không may mất đi, mệnh lớn phải dừng. Trẫm tiếc vì ý trước không sớm sáng suốt, làm cho Hậu đau buồn mà lìa đời, không được hưởng trọn lộc trời. Rất là thương yêu, lòng này đau xót. Nay sai Sứ trì tiết Thừa tướng Lễ Lăng Hầu là Ung vâng lệnh ban cho danh hiệu, cúng tế cho Hậu. Hồn mà có linh, nhận lấy vinh sủng. Than ôi thương thay"! Táng ở Lăng Lăng.

Vương phu nhân của Ngô chủ Quyên, người quận Lang Da.

Ngô thư chép: Cha của phu nhân có tên là Lô Cửu.

Phu nhân được chọn vào cung, giữa năm Hoàng Vũ được sủng ái, sinh con là Hòa, được sủng ái chỉ sau Bộ thị. Sau khi Bộ thị hoẵng, Hòa được lập làm Thái tử, Quyên muốn lập phu nhân làm Hậu, nhưng Toàn công chúa⁽²⁾ vốn ghét phu nhân, rồi bị vu hãm. Vào lúc Quyên bệnh nặng, phu nhân nói có vẻ mặt vui mừng, do đó Quyên trách giận lắm, bèn lo lắng mà chết. Con của Hòa là Hạo lập, truy tôn phu nhân là Đại Ý Hoàng Hậu, phong ba người em đều làm Liệt hầu.

Vương phu nhân của Ngô chủ Quyên, người quận Nam Dương, được chọn vào cung, giữa năm Gia Hòa được sủng ái, sinh con là Hưu. Vào lúc Hòa làm Thái tử, mẹ của Hòa được tôn quý, các phu nhân khác từng được sủng ái đều bị đày ra ở bên ngoài. Phu nhân ra tại huyện Công An, chết, táng ở đấy. Hưu lên ngôi, sai sứ đến truy tôn là Kính Hoài Hoàng Hậu, đổi tên lăng là Kính Lăng. Họ Vương không có dòng dõi, phong người em cùng mẹ là Văn Ung làm Đình hầu.

Phan phu nhân của Ngô chủ Quyên, người huyện Câu Chương quận Cối Kê. Cha làm quan, bị khép tội chết. Phu nhân và chị cùng ở nhà dệt vải, Quyên thấy mà cho là lạ, gọi vào hậu cung. Được sủng ái, mang thai, nằm mơ có một con rồng bay vào gần mình, rồi lấy mảnh quần ôm lấy,

bèn sinh con là Lượng. Năm Xích Ô thứ mười ba, Lượng được lập làm Thái tử, xin gả chồng cho chị của phu nhân, Quyên nghe ưng theo. Năm sau, lập phu nhân làm Hậu. Tính ganh ghét nịnh bợ, từ đầu đến cuối, rất nhiều lần vu hại bọn Viên phu nhân.

Ngô lục chép: Viên phu nhân là con gái của Viên Thuật, có tiết hạnh nhưng không có con. Quyên mấy lần muốn đem con của các phu nhân khác giao cho phu nhân nuôi dưỡng, nhưng không chịu. Vào lúc Bộ phu nhân hoẵng, Quyên muốn lập phu nhân làm Hậu. Phu nhân tự thấy mình không có con, cố từ chối không nhận.

Quyên không vui, phu nhân sai người hỏi Trung thư lệnh Tôn Hoảng xét việc cũ chuyên quyền của Lữ Hậu. Nhân lúc mắc bệnh, do đó chữa bệnh, các cung nhân rình chờ phu nhân nằm ngủ mà cùng thắt cổ giết đi, nói dối là bị trúng độc. Sau đó việc bị lộ, bắt giết sáu- bảy người. Quyên sau đó hoẵng, hợp táng phu nhân ở Trường Lăng. Tôn Lượng lên ngôi, lấy chồng của chị phu nhân là Đàm Thiệu làm Kị đô úy, trao cho quân sĩ. Lượng bị phế, Thiệu cùng người nhà bị đày về quận cũ Lư Lăng.

Toàn phu nhân của Tôn Lượng là con gái của Toàn Thượng vậy. Bà nội của Thượng là chúa thích phu nhân, hễ đến gặp thường đi cùng. Lúc mẹ con Phan phu nhân được sủng ái, Toàn công chúa tự thấy có hiềm khích với mẹ của Tôn Hòa, bèn khuyên Quyên cho con trai của Phan phu nhân là Lượng lấy phu nhân, Lượng bèn được nối tự. Phu nhân được lập làm Hoàng Hậu, lấy Thượng làm Thành môn hiệu úy, phong Đô đình hầu, thay Đổng Dận làm Thái thường, Vệ tướng quân, tiến phong Vĩnh Bình Hầu, Lục thượng thư sự. Bấy giờ họ Toàn có năm người được phong tước Hầu, cùng lĩnh quân mã, còn lại đều làm Thị lang, Kị đô úy, Túc vệ tả hữu, từ lúc nước Ngô nổi lên, ngoại thích tôn quý chẳng ai bằng. Đại tướng Ngụy là Gia Cát Đản đem quân Thục Xuân đến nương dựa, nhưng bọn Toàn Dịch, Toàn Đoan, Toàn Y, Toàn Nghi đều nhân việc ấy mà hàng Ngụy, Toàn Hi mưu lộ, bị giết, do đó họ Toàn suy yếu. Vào lúc Tôn Sâm phế Lượng làm Cối Kê Vương, sau lại giáng làm Hầu Quan Hầu, phu nhân theo đến ấp, ở tại Hầu Quan, Thượng đem người nhà dời đến quận Linh Lăng, rồi giết.

Ngô lục chép: Vợ của Lượng là Huệ Giải, có sắc đẹp, ở tại Hầu Quan, lúc Ngô bình lại về, giữa năm Vĩnh Ninh thì chết.

Chu phu nhân của Tôn Hưu là con gái của Chu Cứ. Do chị của Hưu là công chúa sinh ra.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Hưu lấy cháu của mình làm vợ, việc này giống việc Hán Huệ Đế. Tuân Thuyết chê việc này là quá đáng, cho nên không nói nhiều nữa.

Cuối năm Xích Ô, Quyên cho Hưu lấy phu nhân làm vợ, Hưu làm Lang Da Vương, theo đến ở tại quận Đan Dương. Giữa năm Kiến Hưng, Tôn Tuấn chuyên quyên, tông thất đều lo lắng. Vợ của Toàn Thượng là chị của Tuấn, cho nên được Toàn công chúa giúp đỡ. Lúc đầu, vào lúc Tôn Hòa làm Thái tử, Toàn công chúa vu hại Vương phu nhân, muốn phế Thái tử, lập Lỗ Vương, Chu công chúa⁽³⁾ không nghe theo, do đó có hiềm khích. Giữa năm Ngũ Phụng, Tôn Nghi mưu giết Tuấn, việc lộ mà bị giết. Toàn công chúa nhân đó nói Chu công chúa cùng mưu với Nghi, do đó Tuấn giết oan Chu công chúa. Hưu sợ, sai phu nhân về Kiến Nghiệp, cầm tay khóc chia tay. Đã đến, Tuấn sai phu nhân về chỗ Hưu. Giữa năm Thái Bình, Tôn Lượng biết Chu công chúa bị Toàn công chúa hại, dò hỏi rằng: “Chu công chúa chết chưa”? Toàn công chúa sợ, nói: “Ta thật không biết, đều là do hai con của Cứ là Hùng-Tồn ép”. Lượng bèn giết Hùng-Tồn. Vợ của Tồn là em gái của Tuấn vậy, do đó Tôn Sâm càng ghét Lượng, bèn phế Lượng, lập Hưu. Năm Vĩnh An thứ năm, lập phu nhân làm Hoàng hậu. Hưu chết, bày tôn phu nhân làm Hoàng thái hậu. Tôn Hạo lên ngôi vừa hơn một tháng, giáng làm Cảnh Hoàng Hậu, gọi là An Định Cung. Tháng bảy năm Cam Lộ thứ nhất, bị ép chết, hợp táng ở Định Lăng.

Sưu thần ký chép: Tôn Tuấn giết Chu công chúa, táng ở đồi Thạch Tử. Tôn Hạo lên ngôi, sắp muốn đổi chỗ táng Chu công chúa, nhưng gò mộ liền nhau, không phân biệt được, mà cung nhân lại biết lúc công chúa chết thì mặc quần áo gì, bèn sai hai thầy mo đều trú ở một góc để cầu hồn, sai soi xét mộ, không được gần nhau. Lâu sau, hai thầy mo cùng nói rằng: “Thấy một người đàn bà khoảng hơn ba mươi tuổi, mặc áo gấm màu xanh bó đầu, váy áo màu đỏ nhạt, đi giày lụa màu đỏ, từ góc nửa đồi trên đồi Thạch Tử lấy tay ôm đầu gối than thở, chốc lát lại bước nhẹ, đến trên một ngôi mộ thì dừng lại, hồi hồi rất lâu, rồi ẩn mất không thấy nữa”. Lời của hai người, không mưu mà giống, do đó đào mộ, thấy áo quần như thầy mo nói.

Hà cơ của Tôn Hòa là người huyện Câu Dung quận Đan Dương. Cha là Toại, vốn là quân kị. Tôn Quyên từng đi tuần các trại mà gặp cơ ở giữa

đường, Quyên đứng xem mà cho là lạ, sai hoạn quan gọi vào, gả cho con là Hòa. Sinh con trai, Quyên mừng, đặt tên là Bành Tổ, tức Tôn Hạo vậy. Thái tử Hòa bị phế, sau đó làm Nam Dương Vương, trú ở quận Trường Sa. Tôn Lượng lên ngôi, Tôn Tuấn phụ chính, Tuấn vốn yêu mến Toàn công chúa, mà Toàn công chúa lại có hiềm khích với mẹ của Hòa, bèn khuyên Tuấn dời Hòa đến ở tại huyện Tân Đô, sai sứ giả đến bắt chết, vợ cả là Trương thị cũng tự sát. Hà cơ nói: “Nếu đâu chết theo, ai sẽ nuôi con cô”. Bèn nương dựa nhau mà nuôi Hạo cùng ba em của Hạo. Hạo lên ngôi, tôn Hòa làm Chiêu Hiến Hoàng Đế.

Ngô lục chép: Lúc đầu Hạo tôn Hòa làm Chiêu Hiến Hoàng Đế, chẳng bao lâu lại đổi là Văn Hoàng Đế.

Hà cơ làm Chiêu Hiến Hoàng Hậu, xưng là Thăng Bình Cung, hơn một tháng, tiến phong làm Hoàng thái hậu. Phong em là Hồng làm Vĩnh Bình Hầu, em là Tường làm Lật Dương Hầu, em là Thực làm Tuyên Thành Hầu. Hồng chết, con là Mạc nối tự, làm Vũ Lăng Giám quân, bị nhà Tấn giết. Thực làm đến Đại tư đồ. Cuối thời nhà Ngô suy kém, họ Hà chuyên quyền, con em ngang ngược, trăm họ lo sợ. Cho nên dân chúng nói phao rằng: “Hạo chết lâu rồi, lập con của họ Hà thôi”.

Giang Biều truyện chép: Hạo thấy con gái của Trương Bối làm mỹ nhân⁽⁴⁾, bèn sủng ái, Hạo hỏi nói: “Cha mi ở đâu”? Đáp nói: “Giặc đã giết cha ta”. Hạo cả giận, lấy gậy đánh chết⁽⁵⁾. Sau lại nhớ sắc đẹp của người con gái này, sai thợ khéo chạm gỗ thành tượng của người đẹp, thường đặt ở bên ghế. Hỏi tả hữu nói: “Bố còn có con gái không”? Đáp nói: “Con gái cả của Bố gả cho con trai của Vệ úy Phùng Triêu ngày trước là Thuần”. Liên đoạt vợ của Thuần đem vào cung, rất sủng ái, bái làm Tả phu nhân, ngày đem ăn yến với phu nhân, không coi chính sự, sai phủ Thượng phương lấy vàng đúc đến hàng nghìn chiếc trâm đuốc hoa⁽⁶⁾, dây buộc, kẹp tóc, sai cung nhân cầm để đùa nhau, sớm đùa chiều nghỉ, rồi làm việc khác, thợ đúc nhân đó cấp xén, do đó kho tàng trống rỗng. Vào lúc phu nhân chết, Hạo đau buồn thương nhớ, táng ở trong vườn, đắp mộ lớn, sai thợ đeo gỗ bách làm tượng người, đặt ở trong mộ để làm quân vệ. Lấy các đồ vàng bạc vật báu táng theo, nhiều không kể hết. Sau khi đã táng, Hạo cử tang trong cung, nửa năm mới thôi. Người trong nước thấy rất xa xỉ, đều nói là Hạo đã chết nên mới táng như thế. Con cậu của Hạo là Hà Đô cũng có vẻ mặt như Hạo, người ta nói bịa là Đô thay lập Hạo. Lâm Hải Thái thú Hê Hi tin lời bịa đó, đem quân muốn về giết Đô; bấy giờ chú ruột của Đô là Thực làm Bị Hải Đốc, đánh giết Hi, giết ba họ, lời bịa mới thôi, nhưng lòng người vẫn nghi ngờ.

Đằng phu nhân của Tôn Hạo là con gái trong họ của Thái thường Đăng Dận ngày trước vậy. Dận bị giết, cha của phu nhân là Mục, li ền bị dời đến quận nơi biên giới. Tôn Hạo lên ngôi, đại xá, được về lấy Mục làm Ngũ quan trung lang. Hạo đã được phong Ô Trình Hài, lấy con gái của Mục làm vợ. Hạo lên ngôi, lập làm Hoàng hậu, phong Mục làm Cao Mật Hài, bái Vệ tướng quân, Lục thượng thư sự. Sau đó quan lại thấy Mục là ngoại thích được tôn quý, bèn có ý can gián. Mà phu nhân được sủng ái ngày càng giảm. Hạo càng không vui, mẹ của Hạo là Hà thị thường giúp đỡ phu nhân. Lại có quan Thái sử nói là theo lịch số, không nên thay Hậu, Hạo tin theo lời bói toán, cho nên không phế, phu nhân thường chăm sóc Thăng Bình Cung. Mục dẫu không trừ tước vị, nhưng bị sai đến ở tại quận Thương Ngô, là nơi xa xôi vậy, bèn trên đường lo lắng mà chết. Các quan Trưởng thu chỉ dự bị mà thôi, được đến chầu mừng dâng sớ như cũ. Nhưng các phu nhân được sủng ái của Hạo có nhiều người đeo ấn thao của Hoàng hậu cấp cho.

***Giang Biều truyện chép:** Hạo lại sai quan Hoàng môn đi khắp châu quận, chọn lấy con gái của nhà quan tướng. Những con gái của đại thần ăn lộc hai nghìn thạch đều phải nói rõ tên tuổi, đủ tuổi mười lăm-mười sáu mới xét chọn, nếu xét chọn không trúng, lại cho đi lấy chồng. Hậu cung đã có mấy nghìn người, mà vẫn chọn lấy không ngừng.*

Năm Thiên Khải thứ tư, theo Hạo chuyển đến Lạc Dương.

***Bình rằng** Kinh Dịch chép: “Nhà yên thì thiên hạ định”. Kinh Thi chép “Lập phép tắc cho vợ con, rồi đến anh em, để trông coi nhà nước”. Lời này thật là đúng lắm! Xưa thì xem ở Hoàn Công, gần đây thì xét ở Tôn Quyền, họ đều biết cái sáng suốt của kẻ sĩ, hiểu cái chí của hào kiệt, nhưng trưởng thứ không phân biệt, hậu cung rối loạn, để lại việc đáng cười xưa nay, diệt dòng nối tự. Do đó mà nói rằng: Chỉ nên lấy đạo nghĩa làm đức, lấy thống nhất làm chủ, rồi mới dẹp bỏ được cái lo ấy chẳng!*

[CHÚ THÍCH]

(1) *Chí lâm chép: Xét thấy quận Côi Kê cử chọn ít, từ năm Kiến An thứ mười hai đến năm thứ mười ba thì cử chọn thiếu, cũng cử chọn, nói rằng quan phủ gặp việc buồn, như thế Ngô Hậu hoăng vào năm thứ mười hai vậy: truyện gốc (Ngô phu nhân truyện) chép là Ngô phu nhân chết vào năm Kiến An thứ bảy, nhưng ở đây Chí lâm xét đoán là Ngô phu nhân chết vào năm Kiến An thứ mười hai vậy.*

(2) *Toàn công chúa: tức con gái cả của Bộ phu nhân và Ngô chủ Tôn Quyền, tên là Tôn Lỗ Ban, tự Đại Hổ, gả cho Toàn Tông cho nên gọi là Toàn công chúa; xem ở phần Bộ phu nhân truyện.*

(3) *Chu công chúa: tức tức con gái út của Bộ phu nhân và Ngô chủ Tôn Quyền, tên là Tôn Lỗ Dục, tự Tiểu Hổ, là em gái của Toàn công chúa, gả cho Chu Cừ cho nên gọi là Chu công chúa; xem ở phần Bộ phu nhân truyện.*

(4) *Mĩ nhân: một trong các danh xưng vợ của vua có từ thời Đông Hán, thứ bậc đứng sau Hoàng hậu.*

(5) *Giang Biểu truyện chép: Hạo thấy con gái của Trương Bử là người đẹp, bèn sủng ái, Hạo hỏi nói: “Cha mi ở đâu”? Đáp nói: “Giặc đã giết cha ta”. Hạo cả giận, lấy gậy đánh chết: theo Tam tự phủ truyện, Trương Bử đón Tôn Hạo về làm vua, sau bị Hạo giết, do đó con gái của Bử mới gọi Hạo là ‘giặc’, Hạo giận bèn đánh chết.*

(6) *Trâm đuốc hoa: trâm có đính trang sức giống đuốc hoa của phụ nữ thời xưa.*

QUYỂN 6 - TÔNG THẤT TRUYỆN

*Tôn Tĩnh, Tôn Bí, Tôn Phụ, Tôn Dực, Tôn Khuông, Tôn Thiệu,
Tôn Hoàn*

Tôn Tĩnh tự Ấu Đài, là em út của Kiên vậy. Kiên mới làm việc, Tĩnh thu tập bộ khúc trong thôn ấp và họ hàng được năm, sáu trăm người để tự giữ gìn, mọi người đều nương dựa. Sách phá Lưu Do, bình các huyện, đến đánh quận Cối Kê, sai người mời Tĩnh, Tĩnh đem người nhà hội với Sách ở huyện Tiền Đường. Bấy giờ Thái thú Vương Lăng chống Sách ở huyện Cối Lãng; Sách nhiều lần vượt sông đến đánh, không thắng được. Tĩnh bảo Sách rằng: “Lãng cậy hiểm giữ thành, khó mà đánh được, phía nam Tra Độc

Tra, âm tô gia phiên cách đấy mấy chục dặm, là lối tắt trọng yếu; nên đến đấy giữ ở mé trong của chúng, đấy gọi là đánh chỗ không phòng bị, ra chỗ không ngờ vậy. Ta sẽ tự đem quân làm đội tiên phong, tất phá được chúng”. Sách nói: “Hay”. Bèn vờ lệnh trong quân rằng: “Vừa rồi mưa nhiều nước đục, quân uống nước phần nhiều bị đau bụng, nay lệnh phải sắm mấy trăm cái bình sứ để lọc nước”. Đến chiều tối, chợt lấy lửa đốt để lừa Lăng, lại chia quân nhân buổi đêm xuống đường Tra Độc, đánh úp đồn Cao Thiên.

Thần là Tùng Chi xét: Ở huyện Vĩnh Hưng ngày nay có cầu Cao Thiên.

Lăng cả kinh, sai bọn Đan Dương Thái thú Chu Hân đem quân đánh trước; Sách phá bọn Hân, chém chúng, rồi định Cối Kê.

Cối Kê điền lục chép: Hân tự Đại Minh. Thừa trẻ đến kinh sư, theo học Thái phó Trần Phiên, xem rộng các sách, giỏi ở việc xem khí gió, xét đoán tai họa. Theo lời của phủ Thái úy, được xếp vào hàng cao, dần dần chuyển làm Đan Dương Thái thú. Tào Công dấy nghĩa binh, Hân trước sau sai hơn vạn quân đến giúp Tào Công đánh dẹp. Viên Thuật ở tại miền Hoài Nam, Hân ghét tính phản nghịch của hắn, quyết không qua lại với hắn.

Hiển Đế xuân thu chép: Viên Thuật sai Ngô Cảnh đánh Hân, không thắng, Cảnh bèn dọa trăm họ rằng nếu ai dám theo Chu Hân thì giết không tha. Hân nói: “Tại ta không có đức, trăm họ có tội gì”? Bèn bỏ quân, về bản quận.

Cử báai Tĩnh làm Phấn vũ hiệu úy, muốn trao cho chức cao, nhưng Tĩnh nhớ họ hàng phần mộ, không thích làm quan, xin ở lại giữ; Sách nghe theo. Kịp lúc Quyên nắm việc, liền chuyển làm Chiêu nghĩa trung lang tướng, chết ở nhà. Có năm con là Cảo, Du, Giao, Hoán, Khiêm. Cảo có ba con là Xước, Siêu, Cung. Cung sinh Tuấn, Xước sinh Sâm.

Du tự Trọng Dị, làm Cung nghĩa hiệu úy, bắt đầu lĩnh quân sĩ. Bấy giờ các tướng tân khách phần nhiều là người miền Giang Tây⁽¹⁾; Du khiêm

nhường võ vờ, rất được lòng họ. Năm Kiến An thứ chín, lĩnh chức Đan Dương Thái thú, được mọi người theo phục, có đến hơn vạn người. Bái thêm chức Tuy viễn tướng quân. Năm thứ mười một, cùng với Chu Du đánh hai đồn Ma-Bảo, phá được. Sau lại theo Quyên chống Tào Công ở Nhu Tu, Quyên muốn giao chiến, Du khuyên Quyên nên giữ vững, nhưng Quyên không nghe, quả nhiên quân không lập được công. Chuyển làm Phấn uy tướng quân, trị quận như cũ, từ Lật Dương đến đóng đồn ở Ngưu Chử. Du lấy người huyện Vĩnh An là Nhiêu Trợ làm Tương An Trưởng, người huyện Vô Tích là Nhan Liên làm Cư Sào Trưởng, sai đi chiêu nạp người ở hai quận Lư-Giang⁽²⁾, được họ theo phục. Người huyện Tể Âm là Mã Phổ chăm học ưa cũ, Du lấy lễ đãi hậu người này, sai mấy trăm con em của quan tướng ở hai phủ đến chịu học, bèn lập Học quan⁽³⁾, đến xem giảng dạy. Bấy giờ các tướng đều theo việc quân mà làm, mà Du lại ưa thích sách vở, dẫu tại quân lữ nhưng tiếng ngâm không dứt. Năm Kiến An thứ hai mươi thì chết, lúc ba mươi chín tuổi. Du có năm con là Di, Hi, Diêu, Mạn, Hoàn. Mạn làm đến Tướng quân, phong tước hầu.

Tôn Giao tự Thúc Lãng, lúc đầu bái làm Hộ quân hiệu úy, lĩnh hơn hai nghìn quân sĩ. Bấy giờ Tào Công mấy lần ra Nhu Tu, Giao hể đến chống, tự gọi là quân tinh nhuệ. Chuyển làm Đô hộ chinh lỗ tướng quân, thay Trình Phổ giữ Hạ Khẩu. Hoàng Cái và anh là Du chết, lại lĩnh quân của họ. Ban các huyện Sa Tiện, Vân Đổ, Nam Tân Thị, Cánh Lăng làm phụng ấp, tự đặt trưởng lại. Khinh ti tiện của, ưa bố thí, giỏi ở việc giao kết, rất nể hậu với Gia Cát Cẩn, giao việc được mất cho người quận Lư Giang là Lưu Tĩnh; giao các việc cho người quận Giang Hạ là Lí Doãn; giao việc quân cho người quận Quảng Lăng là Ngô Thạc, người quận Hà Nam là Trương Lương, lại dốc lòng thân thiết, chẳng ai không đem hết sức. Giao từng sai quân dò ngóng, bắt được gái đẹp của quan tướng nước Ngụy ở biên giới đem cho Giao, Giao liền mặc quần áo cho họ mà trả về, hạ lệnh rằng: “Ngày nay kẻ đáng đánh là họ Tào, trăm họ bên ấy có tội gì? Từ nay về sau, không được đánh kẻ già yếu của bên ấy”. Do đó người vùng Giang-Hoài phần nhiều đến nương dựa. Từng vì việc nhỏ mà tranh hiềm với Cam Ninh, có kẻ can Ninh, Ninh nói: “Bầy tôi là cùng bậc, Chinh lỗ tướng quân dẫu là tông thất, há được chuyên quyền ép người khác chẳng! Ta gặp được vua sáng, gắng sức gánh vác công việc để báo ân, thực là không thể tùy ý

mà chịu khuất vậy”. Quyên nghe tin, gửi thư trách Giao rằng: “Từ khi ta chống với phương bắc, đã được mười năm, lúc đầu chống nhau còn ít tuổi, ngày nay cũng gần ba mươi tuổi rồi. Khổng Tử nói: ‘Ba mươi tuổi thì tự lập thân’, không chỉ đọc ở ngũ kinh vậy. Lấy quân khỏe trao cho khanh, lấy việc lớn giao cho khanh, trông coi các tướng ở ngoài cõi nghìn dặm, muốn như vua Sở dùng Chiêu Hề Tuất⁽⁴⁾, giấu oai miềm bắc, không chỉ chọn sai đi để tỏ cái ý riêng mà thôi. Gần đây nghe nói khanh uống rượu với Cam Hưng Bá, nhân say rượu mà làm việc lấn ép người ta, người ta xin sai Lữ Mông đến trông coi. Người ấy dẫu thô bạo, có lúc không hợp ý người khác, nhưng đại khái cũng là bậc đại trượng phu. Ta thân thiện với người ấy, không phải là vì tình riêng vậy. Ta ưa thích người ấy, vậy mà khanh lại ghét bỏ người ấy; nếu khanh thường trái ý với ta thì có được lâu sao? Cung kính mà giản dị thì gần được dân, yêu người mà rộng lượng thì được lòng người; hai điều này mà vẫn không biết được, sao trông coi ở phương xa, trừ giặc cứu nạn được? Khanh có thứ bậc cao, chịu nhận việc lớn, trên có cái nhìn ngó của người phương xa, dưới có bộ khúc ngày đêm theo việc, há đáng tự ý tỏ cái cá giận sao? Người nào mà chẳng có lỗi, quý ở chỗ biết sửa đổi, nên nghĩ về lỗi cũ, phải tự trách mình. Nay làm phiền Gia Cát Tử Du đến truyền ý lớn của ta. Gửi thư cảm xót, bùi ngùi rơi lệ”. Giao nhận thư, dâng sớ tạ lỗi, bèn thân thiện với Ninh. Sau đó Lữ Mông sắp đánh úp Nam Quận, Quyên muốn sai Giao và Mông làm Tả-hữu bộ đại đốc, Mông bảo Quyên riêng: “Nếu bậc chí tôn cho là Chinh lỗ làm được thì nên dùng Chinh lỗ; nếu cho là Mông làm được thì nên dùng Mông. Ngày xưa Chu Du, Trình Phổ làm Tả-hữu bộ đốc, cùng đánh Giang Lăng, dẫu việc được Du quyết, nhưng Phổ tự cậy làm tướng lâu ngày, lại cùng làm Bộ đốc, bèn không cùng hòa mục, suýt hỏng việc nước, đấy là cái răn trước mắt vậy”. Quyên hiểu ra, tạ Mông rằng: “Lấy khanh làm Đại đốc, sai Giao làm hậu quân”. Bất Quan Vũ, định Kinh Châu, Giao cũng có công vậy. Năm Kiến An thứ hai mươi tư thì chết, Quyên ghi nhớ công lao, phong con là Dận làm Đan Dương Hài. Dận chết, không có con, em là Hi nối tự, lĩnh binh, có tội mà tự sát, tước mất. Em là Tư, Di, Nghi đầu làm Tướng quân, phong tước hầu. Tư làm Vũ lâm đốc, Nghi làm Vô Nạn Đốc. Tư bị Đổng Dận giết, Nghi bị Tôn Tuấn hại.

Tôn Hoán tự Quý Minh. Anh là Giao đã chết, thay lĩnh quân sĩ, làm Dương vũ trung lang tướng, lĩnh chức Giang Hạ Thái thú. Làm việc một năm, tôn kính người quen cũ của Giao, đối đãi bọn Lưu Tĩnh, Lí Doãn, Ngô Thạc, Trương Lương và người quận Giang Hạ là Lư Cử, cùng thân với họ. Hoán nói lấp bắp mà làm việc nhanh nhẹn, quân dân khen ngợi. Năm Hoàng Vũ thứ năm, Quyên đánh huyện Thạch Dương, Hoán coi đất là quý, sai Tướng quân bản bộ là Tiên Vu Đan đem năm trăm quân chặn đường vào miền sông Hoài, lại tự lĩnh năm nghìn người bọn Ngô Thạc, Trương Lương làm quân tiền phong, hạ thành cao, bắt được ba tướng. Đem đại quân về, Quyên hạ chiếu sai đi trước, qua quân của Hoán, thấy quân lữ chinh tề, Quyên than rằng: “Lúc đầu ta lo hấn chậm chạp, nay hấn trị quân, các tướng ít người theo kịp vậy. Ta chẳng lo nữa”. Bái làm Dương uy tướng quân, phong Sa Tiễn Hài. Ngô Thạc, Trương Lương đều được bái làm Bì tướng quân, ban tước Quan nội hầu.

Giang Biều truyện chép: Lúc trước Quyên ở Vũ Xương, muốn dời đô về Kiến Nghiệp, nhưng nghĩ rằng đi đường sông phải ngược dòng hai nghìn dặm, nếu một sớm có biến thì không cứu nhau được, do đó do dự. Kịp lúc đến Hạ Khẩu, ở trong lũy mở hội lớn gọi trăm quan bàn định, hạ chiếu rằng: “Các quan tướng không kể vị thứ ra sao, phải bày kế sách, vì nước mà nói”. Các quan tướng có người bày kế nên dựng đóng rào gỗ ở Hạ Khẩu, có kẻ lại nói nên bày xích sắt, Quyên đều không cho là kế hay. Bấy giờ Lương là viên quan nhỏ, chưa có danh tiếng, liền rờn chiếu mà đến nói rằng: “Thần nghe nói mối ngon mới dụ được cá trong ao, tiên nhiều mới mua được dưng sĩ. Nay nên làm rõ cái tín của việc thưởng phạt, sai tướng vào miền sông Miện, tranh lợi với địch, nếu hình thế đã thành thì bên kia không dám phạm vậy. Nếu ở Vũ Xương có vạn quân tinh nhuệ, giao cho người mưu lược làm tướng, phải thường giữ nghiêm túc, vậy thì một sớm có biến, hô gọi mà cứu nhau. Lại đắp thành men sông Cam, làm mấy nghìn chiếc thuyền nhẹ, các đô nên dùng phải được sắm đủ. Như thế dầu mở cửa mà đợi địch thì địch cũng không dám tự đến vậy”. Quyên cho rằng kế của Lương là hay nhất, liền bái thêm chức cho Lương. Sau dần dần có công mà làm đến Miện Trung Đốc.

Hoán cũng yêu thích đạo Nho, lại sai con em của bộ khúc theo học, sau có mấy chục người làm quan ở triều đình. Năm Gia Hòa thứ ba thì chết, lúc bốn mươi tuổi. Con là Thặng nối tự, làm Chiêu vũ trung lang tướng, thay lĩnh quân, coi quận. Năm Xích Ô thứ sáu thì chết, không có con, phong em thứ của Thặng là Nhất làm dòng dõi của Hoán, nối nghiệp làm tướng. Vào lúc Tôn Tuấn giết Gia Cát Khác; Nhất cùng Toàn Hi, Thi Tích

đánh em của Khác là Công An Đốc tên là Dung, Dung tự sát. Nhất từ chức Trấn nam tướng quân chuyển làm Trấn quân tướng quân, ban giả tiết, giữ ở Hạ Khẩu. Kịp lúc Tôn Sâm giết Đằng Dận, Lữ Cữ; Cừ-Dận đầu là chồng của em gái Nhất⁽⁵⁾ vậy, em Nhất là Phong lại biết mưu của Cừ-Dận, bèn tự sát. Sâm sai Chu Dị lên đánh Nhất; Dị đến Vũ Xương, Nhất biết hấn đánh mình, liền lĩnh hơn nghìn bộ khúc qua đem vợ của Dận bỏ sang nhà Ngụy. Nhà Ngụy lấy Nhất làm Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti, phong Ngô Hầu, vua Ngụy là Phương lấy quý nhân Hình thị gả cho. Hình thị sắc đẹp mà hay ganh ghét, người hầu dưới không chịu được, bèn cùng giết Nhất và Hình thị. Từ khi Nhất vào nước Ngụy đến năm Hoàng Sơ thứ ba thì chết.

Tôn Bôn tự Bá Dương. Cha là Khương, tự Thánh Đài, là anh cùng sinh ⁽¹⁾ của Kiên vậy. Bôn sớm mất cha mẹ, em là Phụ còn nhỏ, Bôn tự chăm sóc, rất có tình cảm. Làm quan Đốc bưu, Thú trưởng trong quận. Kiên dấy nghĩa binh ở quận Trường Sa, Bôn bỏ quan mà theo đánh dẹp. Kiên hoẵng, Bôn thống lĩnh quân còn lại, chở linh cữu về Sau đó Viên Thuật dời đến Thọ Xuân, Bôn lại theo hấn. Anh họ của Thuật là Thiệu dùng người quận Cối Kê là Chu Ngang làm Cửu Giang Thái thú, Thiệu không hợp với Thuật; Thuật sai Bôn đánh Ngang ở Âm Lăng, lại cử Bôn lĩnh chức Dự Châu Thứ sử, chuyển làm Đan Dương Đô úy, làm Chinh lỗ tướng quân, đánh dẹp người Sơn Việt, bị Dương Châu Thứ sử Lưu Do xua đuổi, nhân đó đem tướng sĩ về trú ở Lịch Dương. Chốc lát, Thuật lại sai Bôn cùng với Ngô Cảnh đánh bọn Phàn Năng, Trương Anh, không thắng được. Kịp lúc Sách qua miền đông, giúp Bôn-Cảnh phá bọn Năng-Anh, rồi đến đánh Lưu Do; Do chạy đến Dự Chương. Sách sai Bôn-Cảnh về Thọ Xuân báo cho Thuật; vừa lúc Thuật tiến hiệu, sắp đặt trăm quan, bái Bôn làm Cửu Giang Thái thú. Bôn không nhận, đem vợ con về miền Giang Nam.

Giang Biểu truyện chép: Viên Thuật lấy Ngô Cảnh giữ Quảng Lăng, anh họ của Sách là Hương cũng được Thuật dùng làm Nhữ Nam Thái thú, lại bái Bôn làm Tướng quân, lĩnh binh ở Thọ Xuân. Sách gửi thư cho Cảnh rằng: “Nay ta đánh miền Giang Đông, chưa biết ý của ba ông ⁽²⁾ thế nào”? Cảnh liền bỏ chức quay về Bôn nhân đó mà bị bãi quan, riêng Hương vì đường xa mà không về được. Ngô thư chép: Hương tự Văn Dương. Cha là Nhụ, tự Trọng Nhụ, cũng là em họ của Kiên vậy, làm quan Chủ bạ công tào

trong quận; Hương theo Kiên đánh dẹp có công, bái làm Lang trung. Sau được Viên Thuật mời gọi, bái thêm chức Chinh nam tướng quân, chết ở Thọ Xuân.

Bấy giờ Sách đã bình hai quận Ngô-Cối, ⁽³⁾ Bôn cùng Sách đánh Lư Giang Thái thú Lưu Huân, Giang Hạ Thái thú Hoàng Tổ, quân đang đi, nghe tin Do bệnh chết, bèn đánh dẹp Dự Chương, cho Bôn lĩnh chức Thái thú.

Giang Biều truyện chép: Bấy giờ người quận Đan Dương là Đồng Chi tự làm Lư Lăng Thái thú, Sách để em của Bôn là Phụ lĩnh binh ở Nam Xương, Sách bảo Bôn rằng: “Nay anh giữ Dự Chương, nên kẹp yết hầu của Đồng Chi mà chiếm lấy nhà cửa của hắn. Vẫn nên đợi thời buổi thuận tiện, nhân đó sai Quốc Nghi đem quân đánh lấy, cũng nên sai Công Cẩn làm thanh viện, chỉ một trận là định được vậy”. Sau đó Bôn nghe tin Chi bị bệnh, liền theo kế của Sách. Chu Du đến Ba Khâu, lúc ấy Phụ bèn đến chiếm được Lư Lăng.

Sau đó phong làm Đô đình hầu. Năm Kiến An thứ mười ba, sứ giả là Lưu Ân cầm chiếu lệnh bái Bôn làm Chinh lỗ tướng quân, coi quận như cũ. Làm quan mười một năm thì chết. Con là Lân nối tự. Lân lúc chín tuổi thì thay lĩnh quận Dự Chương, tiến phong Đô hương hầu.

Ngô thư chép: Lân tự Công Đạt, tính nhã nhặn thông minh, thừa nhỏ có danh tiếng.

Tại quận ngót hai mươi năm, đánh dẹp bốn giặc phản, lập được công lao; gọi về Vũ Xương làm Nhiêu trưởng đốc. Bấy giờ Thái thường Phan Tuấn coi việc quân ở Kinh Châu, viên Trùng An Trưởng người quận Trăn Lưu là Thư Tiếp có tội bị giam ngục, Tuấn từng gặp lúc Tiếp làm sai, muốn xét định tội hắn. Người bàn phần nhiều có lời xin tha, Tuấn vẫn không nghe. Lân bảo Tuấn rằng: “Em em Thư Bá Ứng tranh chết, cả nước khen nghĩa, bàn nghị cho là hay; Trọng Ứng lại có ý theo mệnh. Nay ngài giết con em họ, nếu thiên hạ thống nhất, che lọng xanh lên phía bắc, kẻ sĩ Trung Quốc tất hỏi người nối tự của Trọng Ứng, đáp là Phan Thặng Minh giết Tiếp, lúc ấy thế nào”? Tuấn liền hiểu ý, Tiếp được cứu sống.

Bác vật chí chép: Trọng Ứng tên là Thiệu. Lúc trước bạn thân của Bá Ứng bị người khác giết, Trọng Ứng vì thế mà báo thù. Việc lộ, anh em tranh chết, bèn được tha. Vào thời Viên Thuật, Thiệu làm Phụ Lăng Trưởng. Cũng được chép ở Giang Biều truyện.

Lân chuyển làm Hạ Khẩu-Miền Trung Đốc, Uy viễn tướng quân, trú ở chỗ nhận chức. Năm Xích Ô thứ mười hai thì chết. Con là Miêu nối tự. Em của Miêu là Lữ và chú ruột là An, Hi, Tích đều được làm quan.

Ngô lịch chép: Lân lại có con là Thuật làm Vũ Xương Đốc, Bình Kinh Châu sự. Chấn làm Vô Nạn Đốc. Khải làm Thành môn hiệu úy. Hâm làm Nhạc Hương Đốc. Chấn sau đó chống quân Tấn, cùng chết với Trương Đế. Cháu ba đời của Bôn là Huệ, tự Đức Thi. Huệ biệt truyện chép: Huệ ham học có tài trí, vào năm Vĩnh Ninh thứ nhất thời nhà Tấn, theo nghĩa của Tề Vương là Quýnh, xét công phong Tấn Hưng Hầu, gọi làm Đại tư mã tặc tào thuộc. Quýnh kiêu căng chuyên quyền, thiên hạ thất vọng. Huệ tấu nói với Quýnh, nêu năm cái nạn, bốn điều không nên để nói, khuyên răn khiêm nhường, giữ phận phận thần, lời lẽ sâu sắc. Quýnh không nghe theo, chốc lát quả nhiên bại. Thành Đô Vương là Dĩnh gọi làm Đại tướng quân tham quân. Bấy giờ Dĩnh muốn dấy binh đến Trường Sa, lấy Lục Cơ làm Tiền phong đô đốc. Huệ với Cơ là người quen ở quê nhà, lo Cơ bị họa, bảo Cơ rằng “Tử Hạp nhường chức Đô đốc cho Vương Túy sao”? Cơ nói: “Muốn ta do dự mà tránh bọn giặc, lại khiến cho nhanh bị hại vậy”. Rồi Cơ bị hại, hai em là Vân-Đam cũng bị giết, Huệ rất thương xót họ. Năm Vĩnh An thứ nhất, ngẩng xe đến đất Nghiệp, Tư không Đông Hải Vương là Việt trị quân ở Hạ Bì, Huệ gửi thư can ngăn Việt, nói dối họ tên, tự xưng là người dân ẩn dật ở núi Nam Nhạc (4) là Tần Bí Chi, khuyên bày con đường giúp vua cứu đời, lời lẽ rất hay. Việt xem thư ấy, treo dán ở bên đường, cầu tìm người soạn thư này. Huệ bèn ra gặp, Việt liền lấy làm Kí thất tham quân, coi xét văn thư, tham gia mưu việc. Huệ soạn thư hịch, Vì liễn sai ruổi ngựa đến thúc dục, bèn vâng lệnh mà soạn thành, đều có lí lẽ. Chuyển làm các chức cao, sau đó làm Quảng vũ tướng quân, An Phong Nội sử. Bốn mươi bảy tuổi thì chết. Huệ soạn văn thư có mấy chục quyển.

Tôn Phụ tự Quốc Nghi, là em của Bôn vậy. Làm Dương vũ tướng quân, giúp Tôn Sách bình ba quận. Sách đánh bảy huyện của quận Đan Dương, sai Phụ sang phía tây đóng đồn ở Lịch Dương để chống Viên Thuật và chiêu dụ người cô lẻ, tụ họp dân li tán. Lại theo Sách đánh huyện Lăng Dương, bắt sống bọn Tổ Lang.

Giang Biểu truyện chép: Sách đã bình định Giang Đông, đuổi Viên Dận. Viên Thuật rất giận Sách, bèn ngầm sai sứ giả lên đem ấn thao trao cho cừ súy ở Đan Dương người huyện Lăng Dương là bọn Tổ Lang, sai phát động người Sơn Việt, tụ đại quân, mưu cùng đánh Sách. Sách tự lĩnh tướng sĩ đánh Lang, bắt sống hẳn. Sách bảo Lang rằng: “Lúc trước mi đánh úp ta, chặt yên ngựa của ta; nay ta lĩnh quân dựng nghiệp, trừ bỏ uất hận, chỉ chọn dùng người, thông tình với thiên hạ mà thôi. Không hại mi đâu, mi đừng sợ hãi”. Lang rạp đầu tạ tội. Liền phá công, ban cho quần áo, bái làm Môn hạ tặc tào. Kịp lúc quân về, Lang cùng với Thái Sử Tử cùng đi trước dẫn đường, mọi người cho là vinh dự.

Sách sang phía tây đánh úp Lư Giang Thái thú Lưu Huân, Phụ đi theo, tự đi trước quân sĩ, có công. Sách cho Phụ làm Lư Lăng Thái thú, vỗ yên các thành, chia đặt trưởng lại, chuyển làm Bình nam tướng quân, Giả tiết, lĩnh chức Giao Châu Thứ sử. Sai sứ giả qua lại với Tào Công, việc lộ, Quyên ngầm bắt Phụ.

Diễn lược chép: Phụ lo Quyên không giữ được Giang Đông, nhân lúc Quyên ra đến huyện Đông Dã, bèn sai người đưa thư gọi Tào Công. Người đi đường đến báo, Quyên liền về, vờ như không biết, cùng với Trương Chiêu gặp Phụ; Quyên bảo Phụ rằng: “Anh có vui vẻ gì chẳng, sao lại gọi người khác”? Phụ nói là không phải vậy, Quyên nhân đó ném thư cho Chiêu, Chiêu đưa cho Phụ xem, Phụ then không nói được gì. Bèn chém hết người thân cận của Phụ, chia bộ khúc của Phụ ra, đày Phụ đến miền đông.

Mấy năm sau thì chết. Con là Hưng, Chiêu, Vĩ, Hân, đều cho làm quan.

Tôn Dực tự Thúc Bật, là em của Quyên vậy. Kiêu hùng tráng liệt, có phong thái của anh là Sách. Thái thú Chu Trị cử hiệu liêm, quan Tư không mời.

Diễn lược chép: Dực còn có tên là Nghiễm, tính giống Sách. Sách sắp mất, bọn Trương Chiêu bảo Sách nên đem quân trao cho Nghiễm, nhưng Sách gọi Quyên đến đeo lấy ấn thao.

Năm Kiến An thứ sáu, làm Thiên tướng quân, lĩnh chức Đan Dương Thái thú, bấy giờ hai mươi tuổi. Sau rút cuộc bị tả hữu là Biên Hòng giết, Hòng cũng liền bị giết.

Ngô lịch chép: Vợ của Dực là Từ thị, có tiết hạnh, nên xếp tiếp nhau với bọn Quy Lãm, cho nên chép sau, ở trong Tôn Thi ầu truyện.

Con là Tùng làm Xạ thanh hiệu úy, phong Đô hương hầu.

Ngô lục chép: Tùng giỏi giao thiệp với người khác, khinh ti ền của, ưa bố thí. Giữ Ba Khâu, nhiều lần mưu tính được mất với Lục Tốn. Tùng có lỗi nhỏ, Tốn đối mặt trách Tùng, Tùng có vẻ không bằng lòng, Tốn thấy Tùng chưa hiểu, bảo Tùng rằng: “Ngài nghe qua không đến nỗi thô lậu, nhiều lần bị xét đến, cho nên theo ý mà nói hết ra, lại đổi sắc mặt, là sao”? Tùng cười rằng: “Ta cũng tự gắng mà làm việc như thế, há có mong gì”!

Năm Hoàng Long thứ ba thì chết. Thừa tướng của nước Thục là Gia Cát Lượng gửi thư cho anh là Cẩn rằng: “Đã nhận đối đãi nồng hậu của mi ền đông, truyền trao cho con em. Lại nữa con là Ki ều có tính tốt vì người ấy mà thương xót. Thấy người ấy có lúc trao đồ vật cho Lượng, cảm kích rơi lệ”. Tiếc xót Tùng như thế, vì con nuôi của Lượng là Ki ều kể lại cho nên thế.

Tôn Khuông tự Quý Tá, là em của Dực vậy. Cử hiệu liêm, mạo tài, chưa được dùng thì chết vào lúc hơn hai mươi tuổi.

Giang Biều truyện chép: Tào Hưu ra Động Khẩu; Lữ Phạm đem quân chống lại. Bấy giờ Khuông làm Định vũ trung lang tướng, sai Phạm phóng lửa, đốt cháy cỏ lúa để làm thiếu lương thực, Phạm liền tâu xin đưa Khuông về quận Ngô. Quy ền liền sai Khuông lập thành họ Đinh, ngăn cấm suốt đời. Th ần là Tùng Chi xét truyện gốc chép rằng “Khuông chưa được dùng thì chết vào lúc hơn hai mươi tuổi”, vậy mà Giang Biều truyện chép là Lữ Phạm ở Động Khẩu, Khuông làm Định vũ trung lang tướng. Nếu đã làm Định vũ thì không phải là chưa được dùng. Vả lại Tôn Kiên chết vào năm Sơ Bình thứ hai; trận Động Khẩu xảy ra vào nào Hoàng Sơ thứ ba, từ lúc Kiên chết đến đây là ba mươi một năm, nếu bấy giờ Khuông vẫn còn sống thì truyện gốc không nên chép là chết vào lúc hơn hai mươi tuổi vậy. Đây có lẽ là Quy ền có người em khác là Lãng, nhưng Giang Biều truyện chép nhầm cho là Khuông vậy. Danh vị của Lãng thấy chép ở Tam tri ầu lục và Chí lâm của Ngưu Hỉ.

Con là Thái, là rể của họ Tào vậy, làm Trường thủy hiệu úy. Năm Gia Hòa thứ ba, theo Quy ền vây Tân Thành, trúng tên bay chết. Con của Thái

là Tú, làm Tiền tướng quân. Tú là tông thất rất thân thiết, lĩnh binh ở ngoài, Hạo chẳng bằng lòng. Năm Kiến Hành thứ hai, Hạo sai Hà Định đem năm nghìn người đi săn ở Hạ Khẩu. Lúc đầu, trong dân đều nói là Tú sắp bị mưu giết, mà Định đi săn nơi xa, Tú bèn sợ, buổi đêm đem vợ con và mấy trăm thuộc hạ trốn sang nhà Tấn. Nhà Tấn lấy Tú làm Phiêu kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti, phong Cối Kê Công.

Giang Biểu truyện chép: Hạo cả giận, đổi họ của Tú thành họ Lệ. Tấn kỉ của Can Bảo chép: Tú ở tại nhà Tấn, mới nghe tin Hạo hàng, bầy tôi cùng chúc mừng, Tú xưng bệnh không cùng chúc, hướng mặt về phía nam rơi lệ, nói: “Ngày xưa Thảo nghịch tướng quân vào tuổi đội mũ làm một chức Hiệu úy mà dựng nghiệp, nay vua đời sau đem cả miền Giang Nam mà vứt đi, lãng mộ tông miếu ở đây thành gò hoang. Trời xanh thăm thăm hỏi, đây là loại người gì”! Triều đình khen ngợi. Tấn chư công tán chép: Ngô bình, giáng làm Phục ba tướng quân, lĩnh vị Khai phủ như cũ. Giữa năm Vĩnh Ninh thì chết, truy tặng chức Phiêu kỵ tướng quân, Khai phủ. Con là Kiêm, tự Trọng Tiết, làm Cấp sự trung.

Tôn Thiệu tự Công Lễ; bác ruột là Hà, tự Bá Hải, vốn là họ Du, cũng là người quận Ngô. Tôn Sách yêu thích, ban họ là Tôn, xếp vào họ hàng.

Ngô thư chép: Hà là con trong họ của Kiên, sinh từ người cô họ Du, sau đó lại lập thành họ Tôn. Hà tính tình thẳng thắn, nói lắp bắp mà làm nhanh nhẹn, có khí tiết, rất chăm chỉ. Thừa trẻ theo Kiên đánh dẹp, thường làm tiền phong, sau đó lĩnh quân tả hữu, trông coi việc trong phủ, đối đãi làm người tim bụng, lại theo Sách bình miền Ngô-Cối, theo Quyên đánh Lí Thuật, phá Thuật, bái làm Uy khấu trung lang tướng, lĩnh chức Lư Giang Thái thú.

Sau đó làm Tướng quân, đóng ở kinh thành. Lúc trước, Tôn Quyên giết Ngô Quận Thái thú Thịnh Hiến,

Cối Kê diên lục chép: Hiến tự Hiếu Chương, tính khí nhã nhặn, cử hiếu liêm, bái làm Thượng thư lang, rồi chuyển làm Ngô Quận Thái thú, vì bệnh mà bỏ quan. Tôn Sách đã bình định miền Ngô-Cối, giết kẻ anh hào của miền ấy, Hiến vốn có tiếng cao, Sách rất ganh Hiến. Lúc trước, Hiếu thân thiện với Thiệu phủ Khổng Dung, Dung lo Hiến không tránh được họa, bèn gửi thư cho Tào Công rằng: “Năm tháng không dừng, thời tiết trôi đưa,

vật đến hôm nay đã được năm mươi tuổi. Ngài vừa tròn đầy, Dung tròn lẻ hai. (5) Những người hiểu biết trong thiên hạ rơi rụng gần hết, riêng người quận Cối Kê là Thịnh Hiếu Chương vẫn còn. Người này bị họ Tôn gây khó, vợ con chết mất, riêng mình còn sống, lẻ loi buồn khổ, nếu để cho bên ấy làm hại người thì người này không được sống trọn tuổi đời vậy. Xuân thu truyện chép: ‘Chư hầu có kẻ đánh diệt nhau, nếu Tề Hoàn Công không cứu được thì Hoàn Công cho là thẹn’. Ngày nay Hiếu Chương thực là anh hùng trong đám trượng phu, kẻ sĩ trong thiên hạ khen là có danh tiếng, vậy mà thân không tránh khỏi bị giam tù, tính mạng không được trọn ở sớm tối, do đó tổ của ta (6) không còn được luận bàn việc được mất với bạn bè, Chu Mục cũng vì ghế mà soạn bài Tuyệt giao vậy. Nếu ngài sai một sử giả đến, mang một lá thư thước tắc thì Hiếu Chương được cứu, cái đạo giúp bạn cũng được nêu rõ vậy. Ngày nay bọn sinh sau vui dựa theo bậc sinh trước, có người được bàn luận phải trái với Hiếu Chương; Hiếu Chương là có tiếng nổi trong thiên hạ, dân khắp chín cõi cùng khen ngợi. Vua Yên mua xương của ngựa khỏe, không phải là để vớt ở giữa đường, mà là để dụ gọi con ngựa khỏe khác vậy. (7) Riêng ngài giúp đỡ nhà Hán, xả tắc sắp mất mà cứu vớt được; cái thuật giúp đỡ, thực là vì được lòng người hiền. Ngọc châu không có chân mà tự đến được, là vì người ta thích nó vậy. Huống chi người hiền lại có chân! Yên Chiêu Vương đắp đài để tôn Quách Ngôi, Ngôi dầu tài ít mà còn được đãi hậu như thế, rút cuộc dốc hết lòng để báo đền vua sáng, cho nên Nhạc Nghị từ nước Ngụy đi đến, Kịch Tân từ nước Triệu bỏ sang, Trâu Diễn từ nước Tề chạy lại. Trước kia nếu Quách Ngôi nguy khốn mà Chiêu Vương không cứu, sắp chìm đắm mà Chiêu Vương không vớt thì kẻ sĩ có cánh muốn bay cao cũng chẳng ai ngoảnh về phía bắc sang nước Yên vậy. Nói như thế, tự ngài đã biết, nay ta nói lại là muốn ngài thêm kính cái nghĩa ấy, thực là không nói hết được”. Do đó gọi làm Kị đô úy; chế lệnh chưa đến, quả nhiên đã bị Quyên hại. Con là Khuông trốn sang Ngụy, làm đến Chinh đông tư mã.

Viên hiếu liêm cũ của Hiến là Quy Lãm, Đái Viên trốn nấp trong núi; vào lúc Tôn Dực làm Đan Dương Thái thú, đầu lấy lễ mời ra, bá Lãm làm Đại đô đốc lĩnh quân, Viên làm Quận thừa. Kịp lúc Dực bị hại, Hà đến chịu tang ở Uyển Lăng, trách oán Lãm-Viên, cho là không giữ gìn được, để cho bọn gian gây họa; hai người bàn rằng: “Bá Hải dầu xa cách với Tướng quân mà còn trách bọn ta như thế. Nếu Thảo lỗ đến thì bọn ta không thoát

được tội”. Bèn giết Hà, sai người lên phía bắc đón Dương Châu Thứ sử Lưu Phúc, sai đóng quân ở Lịch Dương, lấy quân ở Đan Dương theo về. Vừa lúc đó thuộc hạ của Dục là bọn Từ Nguyên, Tôn Cao, Phó Anh giết Lãm-Viên.

Ngô lịch chép: Người thân cận của Quy Lãm, Đái Viên là bọn Biên Hồng nhiều lần bị Dục gây khó, thường muốn làm phản; nhân lúc vua Ngô đi đánh, bèn cùng mưu kế. Bấy giờ các quan huyện trưởng đều hội gặp Dục, Dục vì vợ là Từ thị có biết bói đoán, Dục vào bảo Từ thị rằng: “Hôm nay ta muốn vì các trưởng lại mà làm chủ hội, Khanh thử bói xem”. Từ thị nói: “Quẻ không được lành, nên đợi hôm khác”. Dục vì các trưởng lại đã đến lâu rồi, liền sai về nhanh, rồi mời gặp tân khách. Dục ra vào thường cầm đao, bấy giờ đã say rượu, tay không tiễn khách, Hồng từ phía sau chém Dục, người trong quân hỗn loạn, chẳng ai cứu Dục, bèn bị Hồng giết, chạy trốn trong núi. Từ thị treo thưởng người đuổi bắt, giữa đêm thì bắt được, Lãm-Viên xét tội giết Hồng. Các tướng đều biết việc mà Lãm-Viên làm, nhưng sức không mưu được. Lãm vào ở trong phủ quân, lấy hết vợ thiếp của Dục cùng người hầu tả hữu, lại muốn lấy Từ thị. Từ thị sợ trái ý hấn thì bị hại, bèn gặp hấn nói: “Xin đợi cuối tháng cúng tế để tang xong”. Bấy giờ đã tròn tháng, Lãm nghe theo đã tế xong. Từ thị ngầm sai người thân tín báo với tướng thân cận của Dục là bọn Tôn Cao, Phó Anh, nói rằng: “Lãm đã bắt cướp tì thiếp, nay lại muốn ép ta, do đó ta ngoài mặt hứa theo là để tạm tránh mối họa thôi. Ta muốn bày kế nhỏ, mong hai ngày cứu giúp”. Cao-Anh khóc lóc đáp nói: “Bọn ta chịu ân của chủ tướng, không chết vì nạn ngay là vì cho là chết thì không có ích, muốn mưu nghĩ kế sách, mưu kế chưa bày nên chưa dám bẩm phụ nhân. Cái việc hôm nay, thực là canh cánh ngày đêm vậy”. Liền ngầm gọi hơn hai mươi người từng được Dục nuôi dưỡng đến, đem ý của Từ thị kể cho, cùng thề ước hợp mưu. Đến cuối tháng, bày lễ tế, Từ thị khóc lóc rất đau xót xong, rồi cởi áo tang, tô son bôi phấn, đến ở phòng khác, bày màn đặt rèm, cười nói vui vẻ, tỏ ý không thương đau. Kẻ hầu lớn nhỏ đều thương đau, thấy thế thì cho là lạ. Lãm ngầm ngó xem, không còn nghi ngờ. Từ thị gọi Cao-Anh cùng các người hầu gái đặt bầy trong cửa, sai người báo cho Lãm, nói là đã trừ tang đón đi đầu tốt, theo lệnh của phủ quân. Lãm vui lòng đi vào, Từ ra cửa bái, Lãm vừa bái một lượt xong, Từ thị liền hô lớn: “Hai ngài ra được rồi”! Cao-Anh cùng xô ra, cùng giết được Lãm, những người khác liền ra

ngoài giết Viên. Từ phu nhân liền về mặc áo tang, đem đầu Lãm-Viên đến tế ở mộ Dục. Toàn quân chấn động, cho là thần kì. Vua Ngô đến sau, giết hết phe đảng của Lãm-Viên, bái Cao-Anh làm Nha môn tướng, những người khác đều ban cho vàng lụa, thưởng cho người nhà.

Bấy giờ Thiệu mười bảy tuổi, thu quân còn lại của Hà, đắp sửa kinh thành, dựng làm lầu gác, sửa vũ khí để phòng địch. Quyên nghe tin có loạn, từ Tiêu Khâu về, qua bình quận Đan Dương, dẫn quân về quận Ngô, buổi đêm đến doanh trại dưới kinh thành, thử đánh để gây động họ, quân sĩ đều lên thành cầm khiên chuẩn bị, hô to dậy đất, muốn bắn người ngoài; Quyên sai người dụ hiểu mới thôi. Hôm sau gặp Thiệu, rất coi trọng, liền bái làm Thừa liệt hiệu úy, lĩnh bộ khúc của Hà, ăn lộc hai huyện Khúc A, Đan Đồ, tự đặt trưởng lại, đầu như việc cũ của Hà. Sau đó làm Quảng Lăng Thái thú, Thiên tướng quân. Quyên làm Ngô Vương, chuyển làm Dương uy tướng quân, phong Kiến Đức Hầu. Quyên xưng tôn hiệu, làm Trấn bắc tướng quân. Thiệu làm tướng ở biên giới mấy chục năm, giỏi nuôi quân sĩ, được lòng của họ; thường việc cảnh giác dò xét từ xa làm đầu, biết trước động tĩnh mà phong giữ, cho nên ít khi thua võ. Người miền Thanh-Từ-Nhữ-Bái (8) thường đến theo dựa, các đôn canh ven bờ sông ở miền Hoài Nam đều bày binh đi khắp miền Từ-Tứ-Giang-Hoài, (9) mấy trăm dặm không có nhà ở. Từ lúc Quyên đánh miền tây cho đến khi dời đô về Vũ Xương, hơn mười năm Thiệu không đến gặp. Quyên về Kiến Nghiệp, mới được chầu gặp. Quyên hỏi các chỗ yếu hại đôn canh, người gần xa, ngựa nhai ít, tên họ của tướng Ngụy ở miền Thanh-Từ ra sao, đầu cùng biết cả, hỏi đầu đáp rõ. Thân dài tám thước, dáng vẻ uy nghi, Quyên vui mừng nói: “Ta lâu rồi không gặp khanh, không mưu đánh Ích Châu mới thôi”. Bái thêm làm U Châu Mục, Giả tiết. Năm Xích Ô thứ tư thì chết. Con là Việt nối tự, làm đến Hữu tướng quân. Anh của Việt là Khải, làm Vũ vệ đại tướng quân, tước Lâm Thành Hầu, thay Việt làm Kinh hạ đốc. Em của Khải là Dị, làm đến Lĩnh quân tướng quân, Dịch làm Tông chính khanh, Khôi làm Vũ Lăng Thái thú. Năm Thiên Tỉ thứ nhất, bái Khải làm Cung hạ trấn phiêu kỵ tướng quân. Lúc trước giặc ở quận Vĩnh An là bọn Thi Đán bắt cướp em của Hạo là Khiêm, đánh úp Kiến Nghiệp; có người nói Khải mang hai ý không đến đánh cứu ngay, Hạo nhiều lần sai người trách hỏi Khải. Khải thường sợ hãi, rút cuộc bị gọi, bèn đem vợ con

và mấy trăm quân thân cận theo nhà Tấn, nhà Tấn lấy làm Xa kị tướng quân, phong Đan Dương Hầu.

Tấn chư công tán chép: Ngô bình, giáng làm Độ liêu tướng quân, năm Vĩnh An thứ nhất thì chết. Ngô lục chép: Khải làm việc nghiêm túc không bằng Tôn Tú, nhưng được người đời biết tên thì lại hơn vậy.

Tôn Hoàn tự Thúc Vũ, là con của Hà vậy.

Ngô thư chép: Hà có bốn con: cả là Trợ, làm Khúc A Trưởng; thứ là Nghị, làm Hải Diêm Trưởng, đều chết sớm; con thứ nữa là Hoàn, dáng vẻ đẹp đẽ, tính khí thông minh, học rộng biết nhiều, giỏi bàn luận đối đáp, Quyên thường khen là Nhan Uyên của tông thất, bái làm Vũ vệ đô úy. Theo đánh Quan Vũ ở Hoa Dung, dụ phe đảng của Vũ được năm nghìn người, thu được trâu ngựa vũ khí rất nhiều.

Hai mươi lăm tuổi được bái làm An đông trung lang tướng, cùng với Lục Tốn chống Lưu Bị. Quân sĩ của Bị rất đông, đầy núi tràn hang, Hoàn cầm đao liều đánh, gắng sức với Tốn; Bị bèn thua chạy, Hoàn chặn đường Thượng Đầu, cắt đường then chốt, Bị trèo núi vượt hiểm mới thoát được thân, tức giận than rằng: “Khi xưa ta đến kinh thành, Hoàn còn trẻ con, mà hôm nay đuổi ta đến thế này đây”! Hoàn vì có công mà được bái làm Kiến vũ tướng quân, coi giữ ở Ngưu Chử, đắp lũy Hoành Giang, vừa lúc đó thì chết.

Ngô thư chép: Em của Hoàn là Tuấn, tự Thúc Anh, tính khí rộng rãi, tài cả văn võ, làm Định vũ trung lang tướng, đóng giữ lỏng lẻo; năm Xích Ô thứ mười ba thì chết. Con cả là Kiến nối tước, làm Bình lỗ tướng quân. Con út là Thận, làm Trấn nam tướng quân. Con của Thận là Chung, tự Hiên Thế. Văn Sĩ truyện chép: Chung ham học, có tài văn, làm bài Huỳnh hỏa phú truyền ở đời. Làm Hoàng môn thị lang, cùng với Cố Vinh làm thị thần. Vào thời Quy Mệnh, [\(10\)](#) nội quan phần nhiều bị tội, riêng Vinh-Chung được trọn vẹn. Thường sai hai người chép việc, Chung đối đáp đầu ra đây, bèn hạ chiếu rằng: “Từ nay về sau, dùng quan Thị lang phải đều như tông thất Chung và Cố Vinh vậy”. Ngô bình, đến Lạc Dương, làm Phạm Dương, Trác Lệnh, rất được khen ngợi. Giữa năm Vĩnh An, Lục Cơ làm Đại đô đốc của Thành Đô Vương, mời Chung làm Tư mã, cùng bị hại với Cơ.

Bình rằng Ân nghĩa của người thân là việc thường xưa nay. Tông thất giữ nước là điều mà nhà thơ khen ngợi. Huống chi những người họ Tôn, hoặc dựng lập nền móng, hoặc đóng giữ biên thùy, gánh vác chỗ thiếu, không làm thẹn cái vinh sủng của mình! Cho nên chép rõ vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Giang Tây*: chỉ vùng đất phía tây sông Trường Giang, đối với miền Giang Đông.

(2) *Hai quận Lư-Giang*: chỉ hai quận Lư Lăng và Giang Hạ.

(3) *Học quan*: quan lại coi việc dạy học

(4) *Chiêu Hê Tuất*: người nước Sở thời Chiến quốc, làm Tướng quốc thời vua Sở Tuyên Vương, các chư hầu miền bắc sợ người này hơn cả vua Sở.

(5) *Cứ-Dận đều* là chồng của em gái Nhất: tức Lữ Cứ và Đằng Dận đều là em rể của Tôn Nhất.

(1) *Cùng sinh*: tức sinh đôi, cha của Bôn là Khương sinh trước là anh, Kiên sinh sau là em.

(2) *Ba ông*: chỉ ba người là Tôn Bôn, Tôn Hương và Ngô Cảnh.

(3) *Hai quận Ngô-Cối*: chỉ hai quận Ngô và Cối Kê, cũng gọi là vùng Ngô-Cối.

(4) *Nam Nhạc*: tức núi Hành Sơn, một trong năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc.

(5) *Ngài vừa tròn đây, Dung tròn lẻ hai*: ý nói Tào Công vừa năm mươi tuổi, Khổng Dung tròn năm mươi hai tuổi.

(6) *Tổ của ta*: chỉ Khổng Tử, vì Khổng Dung là dòng dõi của Khổng Tử cho nên nói thế.

(7) *Vua Yên mua xương của ngựa khỏe*, không phải là để vớt ở giữa đường, mà là để dụ gọi con ngựa khỏe khác vậy: vua Yên là Yên Chiêu Vương. Theo Chiến quốc sách chép: Yên Chiêu Vương muốn tìm người hiền, Quách Ngôi nói rằng: “Thần nghe nói có một vị vua thời xưa dùng nghìn vàng để tìm mua ngựa nghìn dặm (chỉ ngựa khỏe, mỗi ngày chạy được nghìn dặm), ba năm không mua được, cận thần bảo vua rằng: ‘Xin đi

tìm’. Vua sai đi. Ba tháng sau, tìm được ngựa nghìn dặm nhưng ngựa đã chết, chỉ mua được xương ngựa mất năm trăm vàng, quay về báo vua, vua cả giận nói: ‘Ta muốn tìm mua ngựa sống, sao lại mua ngựa chết hết mất năm trăm vàng’? Cận thần nói: ‘Ngựa chết mà mua phải mất năm trăm vàng, huống chi là ngựa sống! Lòng thiên hạ tất biết vua biết mua ngựa, nay ngựa tất đến’. Do đó không cần đi tìm nữa, có ba con ngựa nghìn dặm tự đến. Nay vương muốn cầu kẻ sĩ, trước là Ngôi, nếu Ngôi được tin dùng thì huống chi những người hiền hơn Ngôi”! Chiêu Vương dựng đài mà bái Ngôi làm thầy. Do đó kẻ sinh ranh nhau đến nước Yên. Nhạc Nghị từ nước Ngụy đi đến, Kịch Tân từ nước Triệu bỏ sang, Trâu Diễn từ nước Tề chạy lại.

(8) Thanh-Từ-Nhữ-Bái: chỉ vùng Thanh Châu, Từ Châu, quận Nhữ Nam, nước Bái.

(9) Từ-Tứ-Giang-Hoài: chỉ vùng Từ Châu, sông Tứ, sông Giang, sông Hoài.

(10) Quy Mệnh: chỉ vua Ngô là Tôn Hạo, sau khi hàng nhà Tấn được phong làm Quy Mệnh Hầu, sử nhà Tấn thường gọi là Hạo là Quy Mệnh Hầu hoặc Quy Mệnh.

QUYỂN 7 - TRƯỞNG CỖ GIA CÁT BỘ TRUYỆN

Trương Chiêu, Cỗ Ung, Gia Cát Cẩn, Bộ Chắt

GIA CÁT CẦN TRUYỆN

Gia Cát Cần tự Tử Du, người huyện Dương Đô quận Lang Nha.

Ngô thư chép: Tổ tiên là người họ Cát, vốn là người huyện Gia quận Lang Nha, sau dời đến huyện Dương Đô. Huyện Dương Đô có người họ Cát ở đây trước rồi, người thời ấy gọi họ là Gia Cát, (1) nhân đây đặt làm họ. Cần thừa trẻ đến kinh sư, đọc sách Mao thi, Thượng thư, Tả thị xuân thu. Lúc mẹ mất, để tang rất có hiếu, thờ mẹ kế cũng rất cung kính, rất có đạo của người con. Phong tục thông chép: Cát Anh làm tướng quân của Trần Thiệp, có công mà bị giết, Hiếu Văn Đế truy tặng, phong con cháu tước Hầu ở huyện Gia, nhân đó đặt tên họ ấy. Sách này không giống so với lời mà Ngô thư chép.

Cuối thời Hán tránh loạn đến Giang Đông. Gặp lúc Tôn Sách chết, anh rể của Tôn Quyền người huyện Khúc A là Hoảng Tư gặp Cần mà khen lạ, tiến cử cho Quyền, cùng bọn Lỗ Túc đầu được đãi làm khách, sau làm Trưởng sử của Quyền, chuyển làm Trung tư mã. Năm Kiến An thứ hai mươi, Quyền sai Cần đi sứ đến nước Thục kết thân với Lưu Bị, gặp nhau bàn việc công với em là Lượng, lúc lui hội không gặp mặt riêng. Nói chuyện can gián Quyền chưa từng nói thẳng, ít thấy được phong thái, chỉ nói sơ qua để tỏ ý; nếu có lời chưa hợp ý thì bỏ ra mà nói riêng, thông thả mượn việc khác mà nói lại, lấy vật khác mà so sánh, do đó Quyền từ từ hiểu ra. Ngô Quận Thái thú Chu Trị là tướng được Quyền tiến cử, Quyền từng có ý trông mong vào người ấy, lại vốn đã kính trọng, nhưng người ấy lại tự nhún nhường, do đó giận dữ không thôi. Cần đoán biết việc ấy nhưng không dám nói rõ, bèn mượn lấy ý riêng để tự hỏi, rồi viết thư trước mặt Quyền, bàn qua lí lẽ, dõi theo lòng ý Quyền mà cân nhắc. Viết xong, đem trình Quyền, Quyền mừng, cười rằng: “Ý ta rõ rồi. Cái đức của họ Nhan (2) khiến cho người khác cũng thấy gần gũi, là nói về việc này chăng”? Quyền lại trách mắng Hiệu úy Ân Mô, không biết định tội ra sao, bày tôi phần nhiều khuyên can, Quyền lại càng giận, nói lí lẽ với họ, riêng Cần im lặng, Quyền nói: “Sao chỉ Tử Du không nói”? Cần rồi chiếu nói: “Cần với bọn Ân Mô gặp buổi châu quận nghiêng lạt, vật sống chết cả, bỏ

phần mộ tổ tiên mà mang già trẻ đi cắt cỏ lau, theo về giáo hóa, ở giữa buổi lưu li, gặp được phúc nuôi chứa, vậy mà không tự thân gắng sức, không báo đáp được một phần nhỏ, lại còn khiến cho Mô riêng mình phụ bội ân huệ, tự hãm vào tội lỗi. Thần tạ lỗi cũng không kịp, thật là không dám nói nữa”. Quyên nghe thế mà thương cảm, bèn nói: “Vì riêng ông mà tha cho hần”.

Sau đó theo đi đánh Quan Vũ, phong Nghi Thành Hầu, làm Tuy nam Tướng quân thay Lữ Mông lĩnh chức Nam Quận Thái thú, trú ở Công An. Lưu Bị sang đông đánh Ngô, Ngô Vương xin hòa, Cấn gửi thư cho Bị rằng: “Trộm nghe cò trống đã đến thành Bạch Đế, chỉ lo có bầy tôi bên ấy bàn nghị cho rằng Ngô Vương đánh lấy châu này, bức hại Quan Vũ, lúc ấy oán sâu họa lớn, không được hòa thân, đấy là dốc ý vào việc nhỏ mà không chú ý đến việc lớn vậy. Xin thử vì Bệ hạ mà luận việc nặng nhẹ và việc lớn nhỏ rằng: Nếu Bệ hạ nén giận giảm oai, soi xét lời Cấn nói thì kế có thể lập xong, không cần đáp lại với bầy tôi vậy. Bệ hạ cho rằng Quan Vũ là người thân nhưng sao bằng được Tiên đế? (3) Những việc lớn nhỏ của Kinh Châu sao bằng được việc của cả nước? Nếu cùng gây oán thì ai sẽ gánh vác trước sau? Nếu xét đạo lý thì dễ như trở bàn tay vậy”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Lưu Bị lấy miền Dung Thục làm cửa sông, miền Kinh Châu làm cột cán, Quan Vũ điều binh ở miền Miện, Hán, chí lẫn nước lớn, dẫu giúp vua dựng nghiệp bá nhưng công chưa hần đã thành, chỉ là điều oai nơi xa, cướp chiếm sơ lược. Tôn Quyền ngầm mang lòng ác, giúp nhà Ngụy trừ hại, đấy là cắt bỏ quân giúp vua của tông tử, (4) hoãn kế dời đô của Tào Công, (5) phá kế cứu vớt khuôn phép nhà Hán, đến thế mới thôi. Nơi mà cò nghĩa (6) phát đến là đến tại chỗ họ Tôn vậy. Cấn nói nghĩa lớn để trách Bị, chỉ là trút họa cho người mà chẳng nói rõ lý lẽ; vả lại Bị, Vũ đôi với nhau như tứ thế, (7) lúc đuôi tay bị hại thì căm giận đã sâu, há dùng lời văn sáo rỗng mà làm chuyển ý được chẳng! Chép thư này vào truyện, thật là hao phí giấy mực vậy.

Bấy giờ có người nói rằng Cấn sai người thân đi riêng qua lại với Bị, Quyên nói: “Ta với Tử Du có lời thề sống chết không đổi, Tử Du không phụ lại ta cũng như ta không phụ lại Tử Du vậy”.

Giang Biểu truyện chép: Cấn đến tại Nam Quận, có người ngầm vu vạ cho Cấn. Lời ấy có đồn thổi ra ngoài, Lục Tồn dâng biểu nói rõ là Cấn không có việc ấy, nên đến làm yên lòng Cấn; Quyền đáp thư nói: “Tử Du theo ta giúp việc nhiều năm, ân như cốt nhục, hiểu rõ về nhau, người này nếu không phải đạo thì không làm, không phải nghĩa thì không nói. Ngày trước Huyền Đức sai Khổng Minh

đến đất Ngô, ta từng bảo Tử Du rằng: ‘Khanh với Khổng Minh cùng cha mẹ sinh ra, vả lại em theo anh, về nghĩa cũng thuận, sao lại không giữ Khổng Minh ở lại? Nếu Khổng Minh ở lại theo khanh thì cô sẽ gửi thư gửi Huyền Đức nói là Khổng Minh tự theo ta rồi’. Tử Du đáp ra rằng: ‘Em thân là Lượng đem thân theo người ta, chức phận đã định, về nghĩa chẳng có hai lòng. Em thân không ở lại cũng như thân không sang bên kia vậy’. Lời này đủ thấu ý thân mình. Nay há có việc như thế? Ta lúc đâu nhận được thư xằng bậy ấy, liền bọc lại đưa cho Tử Du xem, lại tự tay viết thư trao cho Tử Du, liền được đáp lại, bàn về khí tiết của vua tôi trong thiên hạ, đều đã định rõ. Ta với Tử Du có thể nói là có thân mình giao tiếp, người ngoài không thể xen ngăn được vậy. Biết khanh báo ý đến, ta liền đóng kín để trao cho Tử Du, khiến cho khanh biết ý ta”.

Năm Hoàng Vũ thứ nhất, chuyển làm Tả tướng quân, coi việc quân ở Công An, ban Giả tiết, phong Uyển Lăng Hầu.

Ngô lục chép: Bọn Tào Chân, Hạ Hầu Thượng vây Chu Nhiên ở Giang Lăng, lại chia quân chiếm Trung Châu, sai Cấn đem đại quân đến cứu giúp. Tính Cấn thông thả, biết đạo lý, bày kế sách, nhưng không biết ứng biến lúc gấp vội, dùng binh lâu ngày không nghỉ, Quyền do đó mà trông ngóng. Kịp đến mùa xuân nước sông dâng, bọn Phan Chương lấy thuyền bè làm hàng rào ở trên sông, Cấn đến đánh cầu nổi, do đó bọn Chân rút chạy. Dẫu không có công lớn nhưng lấy việc trợn quân giữ cõi làm công.

Ngư Phiên vì nói thẳng mà bị bắt đi đầy, riêng Cấn thường xin tha cho hắn. Phiên gửi thư cho người thân rằng: “Gia Cát nhân ái, theo trời giúp người, lời bàn hay đẹp của người ấy là để cứu ta vậy. Nhưng ta ác sâu tội lớn, bị ghét nặng nề, dẫu có Kì Lão ⁽⁸⁾ xin giúp, nhưng ta lại không có cái đức của Dương Thiệt, ⁽⁹⁾ khó mong được cời trời”.

Cấn là người có vẻ mặt suy tư, người bấy giờ phục sự nhã nhặn của Cấn. Quyền cũng coi trọng Cấn, các việc lớn đều hỏi qua, lại đáp riêng cho Cấn nói: “Gần đây nhận được tờ biểu của Bá Ngôn nói rằng Tào Phi đã chết, bọn dân gây hại đang chia rẽ nhưng rồi lại yên ổn. Nghe nói bên ấy đều chọn dùng người tài, nói hình phạt, ban ân đức, bớt thuế giảm dịch để làm cho dân vui lòng, bên ấy gây hại cho ta còn sâu hơn thời Tháo. Ta cho cho rằng là không phải. Vì việc mà Tháo làm, chỗ có đánh giết kẻ yếu là sai lầm, lại chia cắt cốt nhục của người ta để gây ra việc tàn khốc vậy. Còn như dùng tướng thì từ xưa ít thấy. Phi so với Tháo vạn lần cũng chẳng bằng. Ngày nay Duệ lại không bằng Phi như Phi không bằng Tháo vậy. Bên ấy chăm ban bố ân nhỏ là vì cha mình vừa chết, tự nghĩ mình suy yếu, sợ dân khổ một sớm bị vỡ lở, cho nên uốn nắn để vỗ về lòng người, muốn để

tự ở yên mà thôi, há phải đang bày mưu trối dậy! Nghe nói bên kia dùng bọn Trầ Trường Văn, Tào Tử Đan, (10) có kẻ là nhà Nho nhã nhặn, có người là bầy tôi thân thích, há biết dùng tướng khỏe hùng tài để ngăn chế thiên hạ chăng? Oai quyền chẳng rõ thì việc làm sai l'ần, như Trương Nhĩ, Trầ Dư ngày xưa không gì là không hòa mục nhưng việc nắm quyền lại tự đánh phá nhau, đấy là thời thế khiến nên như vậy. Lại nữa bọn Trường Văn khi xưa giữ việc thiện là vì Tháo nắm lấy đầu, sợ cái oai nghiêm của Tháo cho nên dốc lòng hết ý, không dám làm sai mà thôi. Kịp lúc Phi nổi nghiệp, tuổi cũng đã lớn, nối theo cách của Tháo, ban thêm ân tình, dùng nghĩa để vỗ về. Ngày nay Duệ nhỏ dại, theo người sang đông sang tây, như bọn này tất nhân đấy mà chuyên quyền gây hại, a dua vây quanh, đều theo phe đảng. Nếu đến ngày ấy, kẻ gian nổi dậy, lại vu hãm lẫn nhau, gây ra nghi ngờ. Như thế về sau, bầy tôi tranh lợi, vua nhỏ không ngăn được, bên ấy thua vỡ há còn lâu sao? Biết được như thế là vì từ xưa đến nay, há có bốn, năm người cùng nắm quyền thế mà có kẻ không chia rẽ đấu đá lẫn nhau sao! Kẻ mạnh tất lấn kẻ yếu, kẻ yếu sẽ xin cứu, đấy là cái đạo ở thời loạn vậy. Tử Du, khanh chỉ vĩnh tai mà nghe thôi, Bá Ngôn thường bày hay kế lâu dài, nhưng e đây là một kế kém mọn vậy”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Ngụy Minh Đế là vua sáng một thời, tự mình xét việc, Tôn Quyền luận như thế là chẳng đúng, nhưng sử sách vẫn chép vào là vì rằng vua nhỏ thì nhà nước lung lay, oai quyền chẳng rõ, là thế loạn vong đúng như lời của Quyền, nên chép lời ấy vào để mà soi xét vậy. Có người cho rằng dẫu chính trị suy kém từ thời Minh Đế, nhưng việc xảy rõ ở vào thời Tê Vương, vào thời Tê Vương không phải ứng nghiệm sao! Không cần nói rõ cũng đủ để bác bỏ lời lẽ ấy rồi.

Quyền xưng tôn hiệu, bái Đại tướng quân, Tả đô hộ, lĩnh chức Dự Châu Mục. Đến lúc Lữ Nhất bị giết, Quyền bèn hạ chiếu an ủi bọn Cầm, chép tại Tôn Quyền truyện. Cầm liề nhân đó mà đối đáp, lời lẽ kính thuận. Con Cầm là Khác, nổi danh thời ấy, Quyền rất coi trọng Khác nhưng Cầm thường ngờ vực, bảo rằng Khác không phải là con giữ được cơ nghiệp, thường vì thế mà lo lắng.

Ngô thư chép: Trước đây, Cầm làm Đại tướng quân, còn em là Lượng làm Thừa tướng của nước Thục, hai con là Khác, Dung đều nắm giữ quân mã, thống lĩnh tướng súy, em họ là Đản lại nổi danh ở nước Ngụy, một nhà mà tiếng trum cả ba nước, thiên hạ cho là vinh hiển. Cầm dẫu tài năng không bằng em nhưng đức hạnh rõ hơn, vợ chết mà không lấy người khác, có thiếp yếu sinh con nhưng không tiến cử, Cầm thận trọng đều như thế.

Năm Xích Ô thứ tư thì chết, bấy giờ sáu mươi tám tuổi, truyềnlệnh dùng quan sơ sài dùng áo thường mà liệm, các đồ phải tiết kiệm. Khác đã được phong Hầi, cho nên em là Dung nổi tước, lĩnh quân sĩ trú ở Công An,

Ngô thư chép: Dung tự Thúc Trưởng, sinh vào lúc được quý sủng, thừa trẻ ham vui, học làm câu thơ, học rộng nhưng không giỏi, tính rộng rãi, có nhiều tài nghệ, nhiều lần đội khăn vải lên châu gập, sau được báilàm Kị đô úy. Giữa năm Xích Ô, sai các quận phát bộ ngũ, Tân Đô Đô úy Trần Biếu, Ngô Quận Đô úy Cồ Thặng đều lĩnh quân bản bộ tụ hội làm ruộng ở Bì Lăng, trai gái đều có mấy vạn người. Biếu bệnh chết, Quyền lấy Dung thay Biếu, sau lại thay cha là Cẩn lĩnh việc.

quan quân bộ khúc đầu nương dựa. Ngoài cỗi không có việc, mùa thu mùa đông thì săn bắt giảng võ, mùa xuân mùa hạ thì mở hội gập khách, cho quan quân nghỉ ngơi, có kẻ ở chỗ không xa nghìn dặm cũng đến gập. Hễ hội tụ liền đến hỏi thăm tân khách, đầu nói tài năng của mình, lại bày sàng trải chiếu, thi sức đối vật tay, có khi đánh cờ, có lúc đồ xúc xắc, ném mũi tên vào bầu, chia ra mà chơi, do đó quả ngọt cấp không ngừng, thông thả uống rượu ngon, Dung đi khắp ngắm xem, suốt ngày không chán. Cha anh Dung vốn chất phác, dẫu tại quân ngũ nhưng thân không đeo trang sức; còn Dung lại mặc gấm lụa vải thêu, riêng mình xa xỉ. Tôn Quyền hoăng, chuyển làm Phấn uy tướng quân. Sau đó Khác đánh miền Hoài Nam, ban Giả tiết cho Dung, sai dẫn quân vào vùng sông Miện để đánh quân phương tây. Khác đã bị giết, sai Vô Nạn Đốc là Thi Khoan đến chỗ bọn Tướng quân Thi Tích, Tôn Nhất, Toàn Hi bắt Dung. Dung chợt nghe tin quân sĩ đến, sợ hãi do dự, không quyết kế được, quân đến vây thành, uống thuốc độc mà chết, ba người con đầu bị giết.

Giang Biếu truyện chép: Trước đây, ở Công An có con linh đà (11) kêu, trẻ con hát rằng: “Con đà trắng kêu vang, lưng rùa bằng phẳng, trong thành Nam Quận có thể sống lâu, nếu cố ý bỏ nghĩa thì chẳng thành”. Kịp lúc Khác bị giết, Dung quả đúng cạo ấn hình con rùa bằng vàng rồi uống thuốc độc mà chết.

TRƯƠNG CHIÊU TRUYỆN

Trương Chiêu tự Tử Bối, người quận Bành Thành. Thừa trẻ ham học, giỏi viết chữ lệ, theo Bạch Hâu tự Tử An học đọc truyện Tả thị xuân thu, xem rộng các sách, thân thiện nổi danh với người quận Lang Nha là Triệu Dục, người quận Đông Hải là Vương Lang. Tuổi đội mũ xét hiếu liêm, không đến, luận vệtên húy của các vị vua thời xưa với Lang, kẻ sĩ tài năng trong châu là bọn Trần Lâm đều khen là hay.

Bấy giờ Nhữ Nam Chủ bạ là Ứng Thiệu bàn nên tránh húy của các vị vua thời xưa, người bàn có khác có giống, chép tại sách Phong tục thông. Chiêu viết bài luận rằng: “Khách có kẻ bày lời bàn cho nước lớn, bài luận cho kẻ sĩ quân tử, từ thời năm Kiến Vũ đến nay, tên húy của những vị vua thời trước có năm mươi sáu vị, cho rằng người đời sau không được đặt giống vậy. Chon ở kinh truyện, xét ở các việc, nghĩa cao lời hay, rất đáng khen ngợi. Nhưng kẻ ngu này nông cạn, vẫn có ý nghi ngờ. Đại khái càn khôn phân biệt thì vạn vật định hình, lúc ấy nói đạo của cha con vua tôi. Cho nên thánh nhân thuận theo tính của trời đất, đặt ra lễ nghi chuộng ở việc kính thuận, theo nghĩa ‘tại tam’ [\(12\)](#) thì vua ban cho lộc, vào lúc tang ai thì vua đến điếu, lễ nào nặng bằng, ân nào lớn bằng? Người mà tôi thần kính ngưỡng cũng là người mà vạn người theo dựa vậy, há nên được đặt tên giống vua sao? Nếu vậy thì làm sai lễ g ân gũ, làm trái lễ tôn kính, cho nên theo kinh Lễ trên để tang không đến hết thời cao tổ, dưới không ép hết cả huyên tôn. Lại nữa Truyện chép đời thứ tư thì mặc áo gai là để tang là cùng r ấ; đời thứ năm thì mặc áo tr ầy vai, bắt đầu dứt bỏ quan hệ cùng họ vậy; đời thứ sáu thì đã hết thân thuộc r ấ. Lại nữa theo Khúc lễ, nếu không phải thờ cha mẹ thì không cần tránh húy; không tránh húy đại khái là gọi thẳng tên vậy, về nghĩa đã dứt thân thuộc thì không cần phải theo phép thường, huống chi là đối với năm mươi sáu vị vua thời xưa! Chu Tử hội thê, Quý Hữu đến gặp không xưng tên, chỉ chép tên chữ, bấy giờ người nước Lỗ khen việc ấy. Sao phải tránh việc tôi con đặt tên giống tên húy của

vua cha? Chu Mục Vương tên húy là Mẫn, đến thời Định Vương có cháu vua tên là Mẫn, người này làm Đại phu, đây là vua tôi đặt tên húy giống vua vậy. Lại nữa, Lệ Vương tên húy là Hồ, đến thời con của Trang Vương cũng có tên húy là Hồ, như thế cũng nhiều lắm. Những việc bàn nghị phải có kinh điển soi rõ, sách truyện xét kỹ, rồi mới chọn dùng hay rút bỏ, lúc ấy muôn đời không sai trái, truyền cho trăm đời, mãi không có sai lầm. Ngày nay Ứng Thiệu dấu trên kính tên húy của các vị vua thời xưa, mà dưới không lại không rành mạch, cho nên ta vẫn nghi ngờ vậy. Theo sách Khúc lễ, việc đáng ngờ không thật, xét qua trên dưới, ý ấy đã tự rõ. Lời văn đáng xem mà lí lẽ không hợp thì sau này xem sao? Nói tiếng cùng phát mà ý vẫn nhỏ nhất, ý sai ở trước mắt, hối còn sao kịp”!

Thứ sử Đào Khiêm cử mậu tài, không theo, Khiêm cho là khinh mình, bèn bị bắt giam. Dục phải cúi mình cứu giúp mới được thoát. Cuối thời Hán đại loạn, quan dân miền Từ Châu phần nhiều tránh nạn đến Dương Châu, bọn Chiêu đầu vượt sông về phía nam. Tôn Sách dựng nghiệp, sai Chiêu làm Trưởng sử, Phủ quân trung lang tướng; lên nhà bái mẹ của Sách, sánh ngang hàng với Sách, những việc văn võ đều giao cho Chiêu.

Ngô thư chép: Sách gặp được Chiêu, rất mừng, bảo rằng: “Ta đang theo việc ở bốn phương, dùng kẻ sĩ hiền tài là hàng đầu, ta đối với ngài không dám khinh thường vậy”. Bèn coi trọng làm Hiệu úy, dùng lễ thầy bạn mà đối đãi.

Chiêu hề nhận được thư sớ của kẻ sĩ đại phu phương bắc khen Chiêu là người hiền, Chiêu bèn giữ kín mà không nói ra vì sợ nghi có ý riêng, nếu nói ra lại sợ không hay, tiến lùi chẳng yên. Sách nghe tin, cười đùa nói: “Ngày xưa Quản Trọng làm Tướng quốc ở nước Tề, Hoàn Công một lời cũng hỏi Trọng Phủ, [\(13\)](#) hai lời cũng hỏi Trọng Phủ thì làm bá chủ hầu. Ngày nay Tử Bõ hiền năng, ta dùng được ngài, công danh há chỉ riêng về ta chẳng”!

Sách sắp mất, lấy em là Quyên gửi Chiêu, Chiêu đem bày tôi lập mà giúp Quyên.

Ngô lịch chép: Sách bảo Chiêu rằng: “Nếu Trọng Mưu không nắm được việc thì ngài nên tự nắm lấy. Nếu lại không thắng lợi thì nên thông thả về phía tây cũng chẳng có gì đáng lo”.

Dâng biểu lên nhà Hán, lại gửi thư xuống các quận thành, các quan tướng trong ngoài đều sai giữ chức vụ. Quyên đau buồn chưa xem được việc, Chiêu bảo Quyên rằng: “Là người sinh sau cốt ở việc gánh vác cơ nghiệp của đời trước, nắm vững miếu đường để tạo nên công nghiệp vậy.

Ngày nay thiên hạ sôi sục, bọn cướp đầy núi, ngài hiếu liêm sao lại nằm yên thương buồn, tỏ ý của kẻ thất phu”? Bèn tự đỡ Quyên lên ngựa, bày binh đi ra, sau đó lòng người biết được nơi mà mình theo về Chiêu lại làm Trưởng sử của Quyên, trao việc như trước.

Ngô thư chép: Bấy giờ thiên hạ chia cắt, nhiều người tự giữ lấy mình. Tôn Sách nắm quyền ngày càng ít, ân trạch chưa thấm sâu, chợt một sớm mất mạng, quan dân cùng nương dựa nhưng cũng có kẻ khác giống. Đến lúc Chiêu giúp Quyên, vỗ về trăm họ, kẻ sĩ chưa hầu tân khách ở trọ đều được yên lòng. Quyên hề đánh dẹp thì để Chiêu ở lại coi giữ, nắm việc trong phủ trưởng. Sau đó giặc Khăn vàng nổi dậy, Chiêu đánh dẹp chúng. Quyên đánh quận Hợp Phì, sai Chiêu đi riêng đánh Khuông Kì, lại đem các tướng đánh phá tướng giặc ở quận Dự Chương là bọn Chu Phượng ở Nam Thành. Tứ đẩy ít khi tự làm tướng sếp, thường ở bên tả hữu, làm người bày mưu. Quyên thấy Chiêu là bày tôi cũ, đối đãi rất trọng hậu.

Sau đó Lưu Bị tiến cử Quyên làm Xa kị tướng quân, Chiêu làm Quân sư. Quyên hề đi săn, thường cưỡi ngựa bắn hổ, hổ thường nhảy đến vồ lấy yên ngựa. Chiêu biến sắc mặt mà đến trước mặt nói: “Tướng quân sao lại làm thế? Là người đứng đầu, gọi là người thống lĩnh anh hùng, dẫn dưng người hiền, há phải là xua đuổi ở đồng nội, tỏ cái dưng với thú dữ đâu? Nếu có cái hại một sớm, chẳng phải bị thiên hạ chê cười sao”? Quyên tạ lỗi Chiêu nói: “Ta tuổi trẻ suy nghĩ không xa, vì thế mà thẹn với ngài”. Nhưng vẫn không dừng được, lại làm xe đi bắn hổ, làm gian xe vuông, giữa không che lọng, chỉ có một người ngồi ở trong mà bắn ra. Bấy giờ có con thú ròi bày liền phạm vào xe, Quyên thường lấy tay đánh để làm vui. Chiêu dẫu can ngăn nhưng thường cười mà không đáp. Năm Hoàng Sơ thứ hai thời nhà Ngụy, sai sứ giả là Hình Trinh bái Quyên làm Ngô Vương. Trinh vào cửa, không xuống xe, Chiêu bảo Trinh rằng: “Về lễ nghi thì không được không kính, về phép tắc thì không thể không làm theo. Vậy mà ngài dám tự kiêu tự đại, há thấy Giang Nam nhỏ yếu không có một mũi đao dài thước tắc nào chẳng”? Trinh liền vội xuống xe. Bái Chiêu làm Tuy viễn tướng quân, phong Do Quyên Hài.

Ngô lục chép: Chiêu cùng bọn Tôn Thiệu, Đằng Dận, Trịnh Lễ chọn lễ nghi của nhà Chu, nhà Hán mà soạn định lễ nghi của triều đình.

Quyên ở tại Vũ Xương, đến đài câu cá, uống rượu say sưa. Quyên sai người lấy nước làm rượu mời bày tôi, nói: “Hôm nay uống rượu đến lúc say ngã trong đài mới được nghỉ ngơi”. Chiêu nghiêm mặt không nói, ra ngồi trong xe ở ngoài. Quyên sai người gọi Chiêu lại, bảo rằng: “Chỉ là

cùng làm vui thôi, ngài há giận làm gì”? Chiêu đáp nói: “Ngày xưa vua Trụ làm gò hèm ao rượu ăn uống thâu đêm, lúc ấy cũng để làm vui, không cho là xấu vậy”. Quyên im ỉm, có ý then, bèn bãi hội rượu. Lúc trước, Quyên muốn đặt chức Thừa tướng, mọi người bàn cử Chiêu. Quyên nói: “Ngày nay nhiều việc, gánh việc nặng nề, nhưng không được đãi hậu vậy”. Sau đó Tôn Thiệu chết, trăm quan lại chọn Chiêu. Quyên nói: “Ta há chẳng trọng Tử Bô sao? Nhưng lĩnh việc quan Thừa tướng rườm rồi, mà tính ngài ấy lại cứng rắn, có chỗ nói không nghe thì sinh ra oán giận, không ích được gì vậy”. Bèn dùng Cố Ung.

Quyên đã xưng tôn hiệu, Chiêu lấy có già bệnh, dâng trả chức vị và quan quân mà mình thống lĩnh.

Giang Biếu truyện chép: Quyên đã lên ngôi quý, mời hội trăm quan, kể công cho Chu Du. Chiêu cử hốt ⁽¹⁴⁾ muốn khen tụng công đức, chưa kịp nói, Quyên nói: “Nếu theo kế của Trương Công thì nay đã thành kẻ xin ăn rồi”. Chiêu cả thẹn, nép xuống đất rơi mồ hôi. Chiêu trung trinh thẳng thắn, có khí tiết của bậc đại thần, Quyên kính trọng Chiêu nhưng không dùng Chiêu làm Thừa tướng có lẽ là vì Chiêu từng cho rằng lời bàn của bọn Chu Du, Lỗ Túc là sai vậy. Thân là Tòng Chi cho rằng: Trương Chiêu khuyên đón Tào Công, cái chí ấy há không sâu xa chẳng? Người này giữ vẻ nghiêm nghị, trao thân cho họ Tôn, nhưng thật là vào buổi nguy nan, mới gặp thời khôn cùng. Từ thời Sách đến thời Quyên, tài lược đủ để giúp, cho nên dốc lòng trợ tá để tạo nên công nghiệp, trên thì xưng thân với nhà Hán, dưới thì giữ gìn trăm họ. Cái kế đứng chân vạc vốn không phải là chí của người này vậy. Tào Công theo lẽ thuận mà nổi dậy, lấy nghĩa mà lập công, mong đó mà quét sạch miền Hoa Hạ, dẹp bằng miền Kinh Dĩnh, cơ trời vững bền là ở vào buổi ấy. Nếu mà nghe theo lời bàn của Chiêu thì sáu cõi hợp một, há có cảnh quân loạn liên miên để tạo thành cái tệ hại của buổi Chiến quốc ⁽¹⁵⁾ sao! Dẫu không có công với họ Tôn nhưng có nghĩa lớn với thiên hạ vậy. Ngày xưa Đâu Dung theo nhà Hán, cùng chìm nổi với nhà nước; Trương Lỗ hàng nhà Ngụy, truyền lộc nhiều đời. Huống chi nếu Quyên đem cả nước Ngô mà trông mong theo phục thì vinh sướng dày lớn thì đo đếm sao hết được! Vậy thì Chiêu bày mưu ấy, há không trung lại chính đáng sao!

Chuyển bá làm Phụ Ngô tướng quân, Ban á tam ti, đổi phong làm Lâu Hầu, thực ấp vạn hộ. Ở cửa nhà mình không có việc gì, bèn soạn sách Xuân thu Tả thị truyện giải và sách Luận ngữ chú. Quyên từng hỏi Vệ úy Nghiêm Tuấn rằng: “Khanh đọc câu tối nghĩa trong sách được không”? Tuấn nhân đó đọc câu “Trọng Ni ngữ ỡ” trong sách Hiếu kinh. Chiêu nói: “Nghiêm Tuấn thô lậu, thần xin giúp Bệ hạ tụng đọc”. Bèn tụng câu

“Những việc mà quân tử ưa làm”. Mọi người đều cho là Chiêu biết cách ngâm tụng.

Chiêu hề chầu gặp, nói lời hùng tráng, ý tỏ ra mặt, từng vì nói thẳng mà trái ý vua, quan Thị trung không cho vào gặp. Sau có sứ Thục đến, khen vua Thục có đức tốt mà bày tội chẳng ai chống, Quyên than rằng: “Nếu Trương Công ngãi đây thì bên ấy nếu không bị bắt bẻ thì cũng bị dỡ bỏ, há được tự khoát lác sao”? Hôm sau, sai quan Trung sứ đến thăm hỏi, nhân đó mời gặp Chiêu. Chiêu rồi chiều tạ ơn, Quyên đến quỳ ngăn lại. Chiêu đã ngãi yên, ngẩng mặt nói: “Ngày xưa Thái hậu, Hoàn Vương không đem lão thần gửi cho Bệ hạ mà lấy Bệ hạ gửi cho lão thần, cho nên thần dốc hết khí tiết để báo ơn dày, khiến cho sau khi chết mất vẫn có người khen tụng. Nhưng ý nghĩ nông cạn, làm trái ý vua, tự bỏ mình chìm trong bóng tối, vút mình trong hang sâu, không nghĩ là được mời gặp lại, được vâng mệnh nơi màn trướng. Nhưng kẻ ngu này mong giúp nước, chí vẫn trung trinh, đến chết mới thôi. Còn như thay lòng đổi tính, tìm cầu vinh hoa là đi đầu mà thần không làm được vậy”. Quyên bèn tạ lỗi.

Quyên vì Công Tôn Uyên xưng thần, sai Trương Di, Hứa Yến đến Liêu Đông bái Uyên làm Yên Vương, Chiêu can ngăn nói: “Uyên phản Ngụy sợ bị đánh mới đi xa đến xin giúp, vốn không có chí theo ta vậy. Nếu Uyên đổi ý, muốn tự nêu rõ với Ngụy, khi ấy hai vị sứ giả không được quay về, lại cũng bị thiên hạ cười chê vậy”. Quyên vốn trái ý Chiêu, ý Chiêu lại gặp vội, Quyên không chịu được, lấy dao chém bàn mà giận rằng: “Kẻ sĩ ở nước Ngô vào cung thì bái ta, ra cung thì bái ngài, ta kính ngài như thế là cùng lắm rồi. Vậy mà ngài ở giữa mọi người bắt bẻ ý ta, ta chỉ sợ hồng kê”. Chiêu nhìn kỹ Quyên, nói: “Thần đâu biết lời mình chẳng được nghe theo, nhưng thần dốc hết lòng trung, thực là vì Thái hậu sắp mất có gọi lão thần đến bên giường, truyền lệnh gửi gắm cho nên mới thế”. Nhân đó lệ rơi ròng ròng. Quyên vút đao xuống đất, đối mặt Chiêu mà khóc. Nhưng vẫn sai Di, Yên đi. Chiêu giận vì lời mình không được nghe, xưng bệnh không chầu. Quyên cũng giận, lấy đất che cửa, Chiêu cũng ở trong nhà lấy đất lấp cửa. Quả nhiên Uyên giết Di, Yến. Quyên nhiều lần an ủi Chiêu, Chiêu không ngãi dậy, Quyên do đó đi qua cửa nhà Chiêu mà gọi, Chiêu lấy có bệnh nặng. Quyên lại đốt cửa nhà Chiêu, muốn để Chiêu sợ, Chiêu vẫn đóng cửa. Quyên lại sai người đốt cháy, đứng ở ngoài cửa hồi lâu, các

con Chiêu cùng đỡ Chiêu dậy, Quyên chở đưa về cung, tự trách móc mình. Chiêu sau đó bất đắc dĩ đi chầu hội.

Tập Tạc Xỉ nói: “Trương Chiêu như thế là không phải đạo của tôi thân vậy! Là kẻ tôi thân mà ba lần can ngăn thì giữ thân mà lui, vậy mà thân không bị hại thì sao lại oán giận như thế? Vả lại Tân Mục Công làm trái lời can ngăn mà rút cuộc làm bá ở cõi tây, Tấn Văn Công chột giận mà lập nên nghiệp lớn. (16) Can ngăn để nêu tỏ lỗi sai mà chép vào sách sử, cho nên Hồ Yển (17) không có lời oán giận vậy. Nếu vua tôi hiền năng thì trên dưới cùng vinh hiển. Ngày nay Quyên hối lỗi trước mà cầu xin Chiêu, sau đó thêm tỏ ý nhún nhường, không rời bỏ mà lại đến gần, đây là cái tốt của Quyên vậy. Chiêu là tôi thân mà không giúp cho Quyên làm đúng, trù bỏ cái sai, ngày đêm chẳng nhác, vậy mà lại giận đối vì lời mình không được dùng, đổ lỗi cho vua, đóng cửa chống lệnh, ngồi đợi lửa cháy, há chẳng lắm sao”!

Chiêu vẻ mặt nghiêm nghị, có oai phong, Quyên thường nói: “Ta nói chuyện với Trương Công thì không dám nói xằng”. Cả nước cũng sợ Chiêu. Vào năm tám mươi một tuổi, ứng năm Gia Hòa thứ năm thì chết. Truy mệnh quàng khăn vải quan sơ, dùng áo thường mà liệm. Quyên mặc áo trắng đến điếu, tặng thụy là Văn Hài.

Diễn lược chép: Ta ngày trước nghe nói Lưu Kinh Châu (18) từng tự viết sách muốn trao cho Tôn Bá Phù muốn gửi cho Nhĩ Chính Bình (19) xem qua, Chính Bình cười nhạo rằng: “Nếu là muốn cho trẻ con dưới trướng Tôn Sách đọc xem hay là cho Trương Tử Bô đọc xem chẳng”? Như lời Chính Bình cho rằng Tử Bô là người tài cao chẳng? Dẫu vậy vẫn tự chứa sách đọc truyện, không thể nói là không có tài bút vậy. Lại nghe nói người miền Ngô Trung gọi Chiêu là Trọng Phủ, như thế người này đúng là cột cán một thời, chỉ tiếc là không đến ở tại miền Tung Nhạc mà lại cắm rễ ở quận Cối Kê.

Con cả là Thặng đã được phong Hài, con út là Hưu nối tước.

Con em của Chiêu là Phấn vào lúc hai mươi tuổi biết làm ra xe lớn đánh thành, được Bộ Chất tiến cử. Chiêu không muốn, nói: “Hắn tuổi còn nhỏ, sao tự giao cho việc trong quân được”? Phấn đáp nói: “Ngày xưa Đổng Uông chết vì nạn, Tử Kỳ trị ở ấp A; (20) Phấn này thực là không có tài nhưng về tuổi không phải là nhỏ nữa”. Bèn lĩnh binh làm tướng quân, liên tiếp lập công, làm đến Bán Châu Đô đốc, phong Lạc Hương Đình Hài.

Thặng tự Trọng Tự, thừa kế vì học giỏi mà nổi danh, cùng thân thiện với Gia Cát Cẩn, Bộ Chất, Nghiêm Tuấn. Quyên làm Phiếu kị tướng quân, gọi làm Tây tào duệ, cho ra làm Trường Sa tây bộ Đô úy. Đánh dẹp giặc trên

núi, thu được một vạn năm nghìn quân tinh nhuệ. Sau làm Nhu Tu Đô đốc, Phấn uy tướng quân, phong Đô hương hầu, lĩnh năm nghìn quân bộ khúc. Thặng là người hùng tráng trung trinh, biết phân biệt tính người, tiến cử người quận Bành Thành là Sái Khoản, người quận Nam Dương là Tạ Cảnh từ khi họ còn nhỏ bé, sau đều trở thành kẻ sĩ nổi danh cả nước; Khoản làm đến Vệ úy, Cảnh làm Dự Chương Thái thú.

Ngô lục chép: Khoản tự Văn Chí, làm qua các chức trong ngoài, giữ tính trong sạch mà nổi danh. Sau làm Vệ úy, lĩnh chức Trung thư lệnh, phong Lưu Hầu. Có hai con là Điều, Cơ. Điều vào thời Tôn Hạo làm đến chức Thượng thư lệnh, Thái tử Thiệu bảo. Cơ làm Lâm Xuyên Thái thú. Việc về Tôn Cảnh chép tại Tôn Đăng truyện.

Lại nữa Gia Cát Khác thừa trẻ mọi người đều khen là tài lạ, riêng Thặng nói là người cuối cùng làm bại họ Gia Cát là Nguyên Tốn. Chăm chỉ tiến cử, thật thà với người, đến cả những bọn tằm thường, không ai không đến nhà hỏi thăm. Năm sáu mươi bảy tuổi, ứng năm Xích Ô thứ bảy thì chết, tặng thụy là Định Hầu. Con là Chấn nối tự. Lúc trước, Thặng gặp lúc vợ mất, Chiêu muốn giúp hỏi con gái của Gia Cát Cẩn, Thặng vì bạn thân với nhau, ngăn thôi, nhưng Quyên nghe tin lại khuyên bảo, bèn làm con rể.

Thần là Tùng Chi xét: Thặng cùng Gia Cát Cẩn vào giữa năm Xích Ô thì chết, tính ra Thặng kém Cẩn bốn tuổi vậy.

Sinh con gái, Quyên cho con là Hòa lấy làm vợ. Quyên nhiều lần sai Hòa kính trọng Thặng, giữ lễ của con rể. Chấn vào lúc Gia Cát Khác bị giết cũng chết.

Hưu tự Thúc Tự, tuổi đội mũ cùng bọn Gia Cát Khác, Cố Đàm làm bạn bè của Thái tử Đăng, giảng sách Hán thư cho Đăng.

Ngô thư chép: Hưu đến giảng, chọn lựa lời văn, phân biệt sự vật, đều có điều mục. Hễ lên triều ăn uống, rót rượu bày nhạc, Đăng liền nhún nhường cùng uống vui. Hưu là người thông đạt, Đăng rất coi trọng, thường ở bên tả hữu.

Từ chức Trung thư tử chuyển làm Hữu bật đô úy. Quyên thường đi săn đến chiêu mới về, Hưu dâng sớ can ngăn, Quyên rất khen hay, đem cho Chiêu xem. Sau khi Đăng chết, làm Thị trung, bá làm Vũ lâm đô đốc, coi việc của hai quân tả, hữu, chuyển làm Dương vũ tướng quân. Bị phe đảng của Lỗ Vương là Bá vu cho lỗi là khi cùng với Cố Đàm, Thặng luận công ở trận Thục Bi, nói rằng Hưu, Thặng cùng Diên quân Trần Tuân qua lại, giả tăng công lao, bèn đều bị đày đến Giao Châu. Trung thư lệnh Tôn Hoảng nịnh nọt giả dối, Hưu vốn ghét hẳn,

Ngô lục chép: Hoằng là người quận Cối Kê.

Hoằng nhân đó vu hãm, hạ chiếu ban Hưu phải chết, bấy giờ bốn mươi một tuổi.

CỐ UNG TRUYỆN

Cố Ung tự Nguyên Thán, người huyện Ngô quận Ngô,

Ngô lục chép: Tổ ba đời của Ung là Phụng, tự Quý Hồng, làm Đình Xuyên Thái thú.

Sái Bá Giai [\(21\)](#) từ miền Sóc Phương về, từng tránh nạn ở huyện Ngô, Ung theo học đánh đàn viết chữ.

Giang Biều truyện chép: Ung theo học Bá Giai, chăm chú trong lặng, thông đạt dễ dạy. Bá Giai quý mà khen lạ, nói: “Khanh tất thành danh, nay lấy tên ta đặt cho khanh”. Cho nên Ung cùng tên với Bá Giai là do đây. Ngô lục chép: Tên tự của Ung là Nguyên Thán, ý nói là người mà Sái Ung thán phục vậy. Nhân đó đặt tên tự ấy.

Châu quận tiến cử, tuổi đội mũ làm Hợp Phì Trưởng, sau chuyển làm quan Lệnh qua các huyện Lâu, Khúc A, Thượng Ngu, đều có công tích. Tôn Quyên lĩnh chức Cối Kê Thái thú, không đến quận, lấy Ung làm Quận thừa, làm việc quan Thái thú, đánh dẹp giặc cướp, trong quận yên ổn, quan dân theo phục. Được mấy năm, vào làm Tả tư mã. Quyên làm Ngô Vương, chuyển làm Đại lý phụng thường, lĩnh chức Thượng thư lệnh, phong Dương Toại Hương Hầu, nhận tước Hầu về phủ mà người nhà không biết, sau đó nghe tin mới kinh ngạc.

Năm Hoàng Vũ thứ tư, đón mẹ ở huyện Ngô. Đã đến, Quyên đến chúc mừng, tự bái mẹ Ung ở đình, công khanh đại thần hội cả, sau Thái tử cũng lại đến chúc. Ung là người không uống rượu, ít nói chuyện, hành động chừng mực. Quyên từng than rằng: “Cố Quân không nói, nhưng nói tất đúng”. Vào buổi ăn uống vui vẻ, tả hữu sợ có uống rượu sai sót thì Ung tất thấy được, do đó không dám tự ý. Quyên cũng nói: “Cố Công ngã cùng, người ta không vui”. Người này bị e ngại như thế. Năm đó, đổi làm Thái thường, tiến phong Lễ Lăng Hầu, thay Tôn Thiệu làm Thừa tướng, Bình thượng thư sự. Các quan tướng văn võ mà Ung chọn đều tùy theo năng lực, ý chẳng riêng tư. Bấy giờ xét hỏi những người đáng cất nhắc trong dân và hàng quan lại, liền ngấm tấu lên. Nếu được chọn dùng thì kể công cho vua,

nếu không thì rút cuộc không tiết lộ. Quyên do đó coi trọng Ung. Nhưng ở triêu đình có lúc bày kế, lời lẽ dẫu thuận mà giữ vững ý mình. Quyên từng hỏi bàn việc được mất, Trương Chiêu nhân đấy kể đi đâu nghe biết, đại khái cho là pháp lệnh rườm rà, hình phạt nặng nề nên được giảm bớt. Quyên im lặng, ngoảnh bảo Ung rằng: “Khanh cho là thế nào”? Ung đáp nói: “Đi đâu mà thần nghe, cũng như đi đâu mà Chiêu kể”. Do đó Quyên bèn bàn việc giảm hình phạt.

Giang Biều truyện chép: Quyên thường sai quan Trung thư lang đến chỗ Ung, có chỗ hỏi ý. Nếu hợp ý Ung thì việc được ra dùng, liền cùng nhau bàn bạc, xét kỹ mà luận, bày đặt ăn uống. Nếu không hợp ý, Ung liền nghiêm mặt đổi sắc, im lặng không nói, không ra dùng được, liền lui về. Quyên nói: “Cố Công vui mừng là việc đáng làm vậy. Nếu không nói là việc chưa đúng vậy. Ta phải nghĩ kỹ việc ấy”. Người này được kính tín như thế. Các tướng ở ven sông đều muốn lập công tự gắng, nhiều người bày kế nên làm, có người bày kế đánh úp. Quyên đem việc hỏi Ung, Ung nói: “Thần nghe nói phép dùng binh là giới hạn việc mưu lợi nhỏ, bọn họ bày mưu ấy chỉ là muốn lập công danh cho thân mình, không phải vì nhà nước vậy. Bệ hạ nên ngăn cấm. Nếu không đủ để giấu oai phá địch thì không nên nghe theo”. Quyên theo lời, việc quân được mất, đáng hay không làm, nếu chẳng gặp thấy thì miệng chưa từng nói ra.

Lâu sau, Lữ Nhất, Tầ Bác làm Trung thư, coi xét văn thư của phủ quan và châu quận. Bọn Nhất nhân đó dần dần ra oai tác phúc, bèn tạo việc đoạt lấy cái lợi thu thuế bán rượu, kể gian xét tội, lỗi nhỏ cũng tấu, vu hãm gièm pha, nói xấu đại thần, đè ép kẻ vô tội, bọn Ung đầu bị hạch xét, lại bị trách mắng. Sau đó tội gian của Nhất phát lộ, bắt trói đến sở quan Đình úy. Ung đến xét tội, Nhất bị trói đến gặp, Ung tỏ vẻ hòa nhã, hỏi tội trạng của hắn, sắp ra, lại bảo Nhất rằng: “Ý ông không muốn nói gì chẳng”? Nhất cúi đầu không nói. Bấy giờ Thượng thư lang Hoài Tự đối mặt mắng nhục Nhất. Ung trách Tự rằng: “Quan có phép thường, sao lại như thế”!

Giang Biều truyện chép: Quyên muốn lấy người con gái trong họ, cô gái ấy là cháu ngoại của họ Cố, cho nên xin cha con Ung và Tôn Đàm, bấy giờ Đàm làm Tuyền tào thượng thư, rất được tin dùng. Hôm đó, Quyên bày rượu rất nhiều. Đàm say rượu, ba lần đứng dậy múa, múa không biết dừng. Ung trong lòng giận Đàm. Hôm sau, gọi Đàm đến, trách mắng Đàm rằng: “Nhà vua lấy việc bao chứa cả kẻ xấu làm đức, bày tôi lấy việc cung kính làm tiết. Ngày xưa Tiêu Hà, Ngô Hán đều có công lớn, nhưng Hà hễ gặp Cao Đế thì không dám nói; Hán thờ Quang Vũ cũng nói kính cẩn. Mi đối với nhà nước mà có công của hắn mã, đáng ghi vào sách sử chẳng? Chỉ nên làm chỗ dựa cho người nhà, làm sao cho cuối cùng được vinh sủng mà thôi. Sao lại múa không biết dừng lại? Dẫu rằng là vì

sau khi uống rượu, cũng do dựa vào ân sủng mà quên cung kính, không đủ khiêm nhường. Kẻ làm tổn hại nhà ta chắc là mi vậy”. Do đó ngoảnh hướng vào vách mà nằm. Đàm có lúc làm sai, bèn bị trách phạt. Từ Chúng bình rằng: “Ung không màng việc từng bị Lữ Nhất vu hãm, mà vẫn vẻ hòa thuận, thực là bậc quân tử. Nhưng dẫn ý của hắn, hỏi điều mà hắn muốn nói là sai vậy. Lữ Nhất gian hiểm phạm pháp, vu hãm trung hiền, nước Ngô đau lòng, từ Thái tử Đăng, Lục Tồn trở xuống đều can ngăn mà không được, cho nên Phan Tuấn muốn nhân lúc hội họp mà cầm kiếm đâm hắn để trừ họa cho nước, ghét ác giúp vua, nghĩa tỏ ra mặt. Vậy mà nay nói ra lời ấy. Nếu Nhất nói là oan uổng, không hợp lí, thì chẳng bị bắt giam nữa; nếu nghe ấy mà tấu lên, vua Ngô chột kính theo lời mà Thừa tướng nói, rồi lại tha cho, vậy thì Bá Ngôn, Thặng Minh chẳng phải đáng cảm khái chẳng! Hoài Tụ vốn chẳng hận riêng, chẳng gì là hiềm, cho nên mắng nhiếc hắn chỉ là có ý ghét kẻ ác thôi. Người ghét kẻ bất nhân là người có nhân vậy. Quý Vũ Tử chết thì Tăng Diễm đến cửa nhà người ấy mà hát; Tử Triệt gây nạn thì Tử Sản tự suy xét luận nghị. (22) Do đó mà nói, Ung không nên trách Hoài Tụ vậy.

Ung làm Thừa tướng mười chín năm, năm Xích Ô thứ sáu thì chết, vào lúc bảy mươi sáu tuổi. Khi trước mắc bệnh, Quyên sai thầy thuốc là Triệu Tuyên đến xem, bái con út là Tế làm Kị đô úy. Ung nghe tin, buồn nói: “Tuyên giỏi phân biệt sống chết, ta tất chẳng khỏi được cho nên nhà vua muốn mất ta thấy Tế được bái chức vậy”. Quyên mặc áo trắng đến điều, tặng thụy là Tiêu Hài. Con trưởng là Thiệu chết sớm, con thứ là Dụ mắc bệnh nặng, con út là Tế nổi tự, không có dòng dõi, trước đứt. Năm Vĩnh An thứ nhất, hạ chiếu rằng: “Thừa tướng Ung tỏ đức rất trung hiền, giữ lễ để giúp nước, vậy mà dòng dõi bị ruồng bỏ, trăm rất thương cảm. Nay phong con thứ của Ung là Dụ làm Lễ Lăng Hài để nêu rõ công lao ngày trước”.

Ngô lục chép: Dụ còn có tên là Mục, cuối cùng làm Nghi Đô Thái thú. Con Dụ là Vinh. Tấn thư chép: Vinh tự Ngạn Tiên, là kẻ sĩ nổi tiếng ở miền đông nam, làm quan Hoàng môn lang của nước Ngô, thời nhà Tấn trải qua các chức cao. Đầu thời Nguyên Đế giữ miền Giang Đông, lấy Vinh làm Quân tư mã, đôi đũa rất trọng hậu. Lúc chết, ban tặng chức Thị trung, Phiêu kỵ tướng quân. Con anh của Vinh là Ngu, tự Mạnh Trí, thừa kế có danh tiếng, làm Tấn kị thị lang, chết sớm. Ngô thư chép: Em mẹ của Ung là Huy, tự Tử Thán, thừa kế du học, có mồm mép. Tôn Quyền nắm việc, nghe nói Huy có tài biện luận, gọi làm Chủ bạ. Từng theo đi ra, thấy một tên lính của Doanh quân tướng bị đưa ra chợ xử tội, hỏi phạm tội gì, nói là trộm trăm quan tiền, Huy bảo sai đứng lại. Chốc lát, đi đến cửa khuyết bẩm rằng: “Ngày nay đang nuôi dưỡng quân sĩ để mưu đánh miền bắc, xem tên lính ấy là đứa khỏe mạnh, vả lại trộm ít, kẻ ngu này xin tha cho hắn”. Quyền ưng theo mà khen Huy. Chuyển làm Đông tào duyện. Có kẻ nói rằng Tào Công muốn

đánh sang đông, Quyền bảo Huy rằng: “Khanh là tim bụng của cô, nay có người nói Mạnh Đức có ý xấu, nhưng chẳng có ai đủ để đi sứ để xem xét, khanh giúp ta đi nhé”. Bái làm Phụ nghĩa đô úy, lên miên bắc gặp nhau với Tào Công. Tào Công hỏi kĩ tin tức trong nước. Huy đôi đáp kính thuận, nhân đó nói miên Giang Đông giàu có, núi rừng hiểm trở, đều giữ thiện theo đạo hóa, vì nghĩa mà giúp quân. Tào Công cười nói: “Cô với Tôn tướng quân đã kết hôn nhân, cùng giúp nhà Hán, nghĩa như một nhà, ông cần gì nói thế”? Huy nói: “Là vì mình công và chủ tướng có nghĩa vững như đá tảng, cùng chung vui lo, lại muốn biết tin tức ở miên Giang Biểu, cho nên mới nói vậy”. Tào Công đãi hậu rồi sai về. Quyền hỏi nên làm sao, Huy nói: “Nước địch kín ý, rất khó suy xét, nhưng Huy này lén nghe ngóng biết được đang giao tranh với Viên Đàm, chưa có ý khác”. Bèn bái Huy làm Ba Đông Thái thú, muốn dùng làm việc lớn, vừa lúc ấy thì mất. Con là Dụ, tự Quý Tắc, thừa trẻ nổi danh, làm đến quan Trấn đông tướng quân. Người trong họ của Ung là Đễ, tự Tử Thông, vì hiếu thuận ngay thẳng mà nổi danh trong thôn ấp. Năm mười lăm tuổi làm quan trong quận, bái làm Lang trung, dần dần chuyển làm Thiên tướng quân. Cuối thời Quyền, trưởng thứ không chia, Đễ nhiều lần với Phiêu kỵ tướng quân Chu Cừ cùng bày kế họa phúc, nói lời thẳng thắn, triều đình phải e ngại. Giữ lễ với vợ, thường buổi đêm vào gặp rồi hững hờ đi ra, ít khi nhìn mặt vợ. Từng bệnh nặng, vợ ra chăm sóc, Đễ sai tả hữu đỡ dậy, mặc thêm mũ áo, ra bảo sai vợ quay đi, người này trong sạch không đổi như thế. Cha Đễ là Thượng, làm quan Lệnh qua bốn huyện, tuổi già về nghỉ, Đễ hề nhận được thư của cha thì thường bỏ uống rượu, sửa sang quần áo, lại bày ghế chiếu, đặt thư trên đấy, quỳ bái mà đọc, đọc đến đâu thì vâng dạ, xong lại quỳ bái. Nếu cha có bệnh tật thì thăm hỏi, viết thư rơi lệ, nước mắt ghen ngào. Cha đến lúc mất, Đễ năm ngày không ăn uống gì vào miệng. Quyền giúp Đễ làm một bộ áo vải đều thêu dệt bông, ép sai Đễ cởi áo. Đễ dẫu vì việc công mà tự cởi nhưng vẫn cho rằng là không tỏ được việc để tang cha, bèn thường vẽ hình quan cữu lên vách, đặt thân tọa ⁽²³⁾ ở dưới, hề đôi mắt lại khóc lóc, để tang chưa xong thì chết. Bốn con của Đễ là Ngạn, Lễ, Khiêm, Bí. Bí vào thời Tấn làm Giao Châu Thứ sử. Con Bí là Chúng, làm Thượng thư bộc xạ.

Thiệu tự Hiếu Tắc, xem rộng các sách, ưa bàn làm cho người vui. Thừa trẻ cùng nổi tiếng với cậu là Lục Tích, còn bọn Lục Tốn, Trương Đôn, Bốc Tĩnh đều đứng hàng sau.

Ngô lục chép: Đôn tự Thúc Phương, Tĩnh tự Huyền Phong, đều là người quận Ngô. Đôn rộng lượng sâu sắc, trong sạch đậm bạc, lại giỏi văn thư. Tôn Quyền làm Xa kỵ tướng quân, gọi làm Tây tào duyện, chuyển làm Chủ bạ, ra làm Hải Hôn Lệnh, rất có đức hóa, năm ba mươi hai tuổi thì chết, Bốc Tĩnh cuối cùng làm Diêm Lệnh.

Từ dân thường trong châu quận cho đến kẻ sĩ bốn phương đều qua lại gặp nhau, hoặc nói chuyện xong thì đi, hoặc kết giao rồi lại chia tay, danh tiếng lan truyền, gần xa khen ngợi. Quyên lấy con gái của Sách gả cho. Năm hai mươi bảy tuổi, rời nhà đến làm Dự Chương Thái thú. Xuống xe tế mộ của người hiên thời trước là Từ Nhụ Tử, đãi hậu dòng dõi của người ấy; cấm những kẻ cúng tế say mê không theo lễ nghi. Những viên quan nhỏ mà có đức lành thì sai đến theo học, chọn kẻ tài năng cho làm quan huyện, dạy dỗ nêu thiện, do đó giáo hóa trở bày. Lúc trước, người huyện Tiền Đường là Đinh Tư xuất thân từ quân lính, người huyện Dương Tiễn là Trương Bình sinh từ nhà dân thường, người huyện Ô Trình là Ngô Xán, người huyện Vân Dương là Ân Lễ nổi lên từ nhà thấp hèn, Thiệu đều tiến cử mà kết bạn với họ, giúp họ lập danh tiếng. Bình gặp lúc tang, bèn tự giúp kết áo buộc dây tang. Thiệu vào lúc đến quận Dự Chương, lên đường sắp đi, vừa lúc Bình bệnh tật, bấy giờ có mấy trăm người hộ tống, Thiệu bèn bảo tân khách rằng: “Trương Trọng Tiết có bệnh, nếu không đến chia tay thì sợ rằng không còn gặp nữa. Ta tạm quay về nói lời cáo biệt, các ông đợi nhau đây chốc lát”. Người này chú ý đến kẻ sĩ, chỉ tỏ đi đâu tốt đâu đại khái như thế. Từ làm đến Diển quân trung lang, Bình làm Vân Dương Thái thú, Lễ làm Linh Lăng Thái thú,

Con Lễ là Cơ soạn sách Thông ngữ chép: Lễ tự Đức Tự, sức yếu nên không ham chơi, hiểu biết hơn người. Thừa trẻ làm quan trong quận, mười chín tuổi làm Ngô Huyện thừa. Tôn Quyên làm Vương, gọi làm Lang trung. Sau cùng Trương Ôn làm sứ đến nước Thục, Gia Cát Lượng rất khen ngợi. Dần dần chuyển làm Linh Lăng Thái thú, chết ở sở quan. Văn Sĩ truyện chép: Con Lễ là Cơ, làm Vô Nạn Đốc, vì tài học mà nổi danh. Soạn sách Thông ngữ có mấy chục chương. Có ba con: Cự tự Nguyên Đại, có tài đức. Lúc đầu làm Thiên tướng quân của nước Ngô, lĩnh bộ khúc của nhà mình đi đắp thành ở Hạ Khẩu, sau khi bình Ngô, làm Thương Ngô Thái thú. Con út là Hựu, tự Khánh Nguyên, làm Ngô Quận Thái thú.

Xán làm Thái tử thiếu bảo. Người đời cho là Thiệu biết nhìn người. Tại quận năm năm, chết ở sở quan, con là Đàm, Thặng vậy.

Đàm tự Tử Mặc, tuổi đội mũ cùng bọn Gia Cát Khác là bốn người bạn của Thái tử, từ chức Trung thứ tử chuyển làm Phụ chính đô úy.

Lục Cơ chép truyện về Đàm rằng: Ban lệnh Thái tử giữ ở Đông cung, Thiên tử đang nêu ý dạy bảo, chọn dùng anh tài giảng dạy làm tả hữu. Bấy

giờ người tài bốn phương tụ cả, bọn Thái phó Gia Cát Khác hùng tài hơn người, mà Đàm lại hiểu biết hơn đời, rất được kính trọng. Từ bọn Thái úy Phạm Thận, Tạ Cảnh, Dương Huy đầu kẻ tài năng mà được khen, nhưng đầu đứng dưới Đàm.

Giữa năm Xích Ô, thay Khác làm Tả tiết độ.

Ngô thư chép: Đàm mới vào phủ quan, dâng sớ kể việc, Quyền dưng ăn khen hay, cho là hơn cả Từ Tử Lăng. Tình nhà nhận cao thượng, không màng khí khái, có kẻ vì thế mà chê trách, nhưng Quyền xét tài năng của người này, được đôi đũa rất hậu, nhiều lần ban thưởng, rồi được gọi đến.

Hễ xem sổ sách chưa từng ghi chép, chỉ ghi nhớ trong lòng, biết hết sai lầm, quan lại cấp dưới do đó mà chịu phục. Bái thêm làm Phụng xa đô úy. Tiết Tống làm Tuyên tào thượng thư, cố nhường Đàm rằng: “Đàm tính cẩn thận, thấu đạo đạt lí, tài chiếu muôn vật, đức thỏa lòng người, thật là kẻ ngu này không hơn được vậy”. Sau bèn thay Tống. Ông nội là Ung chết được mấy tháng, bái làm Thái thường, thay Ung làm Bình thượng thư sự. Bấy giờ Lỗ Vương là Bá được quý sủng ngang hàng với Thái tử Hòa, Đàm dâng sớ nói: “Thần nghe nói bậc có nước có nhà phải làm rõ dòng nhánh trưởng thứ, phân biệt lễ nghi trên dưới, khiến có cao thấp có khác, bậc thần xa cách, như thế thì mới cắt đứt được nỗi lo cốt nhục nhờ ân, dòm ngó. Ngày xưa Giả Nghị bày kế trị an, luận thế của chư hầu, cho rằng thế mạnh thì dầu thân cận nhưng tất có ý phản nghịch; thế mỏng thì dầu xa cách nhưng tất giữ được lộc trọn vẹn. Cho nên Hoài Nam Vương là em trong họ, không hưởng lộc trọn đời, mất là do ở thế mạnh vậy; Ngô Nhuê là bề tôi xa cách, chuyển ban phong ở nước Trường Sa, được là vì thế mỏng vậy. Ngày xưa Hán Văn Đế sai Thận phu nhân và Hoàng hậu ngồi cùng chiếu, Viên Áng rút chỗ ngồi của phu nhân, Đế có ý giận, đến lúc Áng kể lễ nghi trên và dưới, nêu giới hạn của người và heo, lúc ấy Đế mới vui lòng, phu nhân cũng hiểu ra. Nay đi đâu mà thần nói là không có gì thiên lệch, chỉ là muốn giữ yên ngôi vị Thái tử mà phân biệt vị thứ của Lỗ Vương vậy”. Do đó Bá có hiềm khích với Đàm. Bấy giờ con rể của Trương công chúa là con của Vệ tướng quân Toàn Tông là Kí làm tân khách của Bá. Kí vốn là kẻ hùa theo đi đâu xấu, Đàm không tin dùng. Lúc đầu, em Đàm là Thặng cùng với Trương Hưu đánh miền bắc đến thành Thọ Xuân, bấy giờ Toàn Tông làm Đại đô đốc, đánh với tướng Ngụy là Vương Lăng ở Thục Bi, quân không lợi, quân Ngụy thừa thắng đánh hãm quân của Ngũ doanh tướng Tần Nghiê; Hưu, Thặng gánh đánh chống, bèn

chặn được quân Ngụy. Lúc ấy các con của Tông là Tự, Đoan cũng làm tướng, nhân lúc địch đã bị chặn, bèn đến đánh chúng, quân của Lăng rút lui. Lúc luận công ban thưởng, cho rằng ngăn địch là công lớn, đánh lui địch là công nhỏ, do đó Hưu, Thặng đều được bái làm Táp hiệu tướng quân, Tự, Đoan được bái làm Thiên tướng, Bì tướng mà thôi. Cha con Kí thêm hận, cùng vu vạ Đàm.

Ngô lục chép: Cha con Toàn Tông thường nói ở trận Thục Bì thì Diên quân Trần Tuân giả tăng công của Trương Hưu, Cố Thặng, lại cho là Hưu, Thặng thông tình với Tuân. Hưu bị kẻ tội giam ngục, Quyền vì Đàm là người cũ, trầm ngâm không quyết, muốn sai Đàm tạ lỗi rồi tha cho. Lúc mở hội lớn, đem việc hỏi Đàm, Đàm không tạ lỗi, lại nói: “Bệ hạ để lời gièm nôi lên sao”! Giang Biểu truyện chép: Quan coi việc tấu là Đàm xằng bậy không cung kính, xét đáng tội nặng. Quyền vì Ung mà không xử tội ấy, chỉ đều bắt đi đây.

Đàm bị đầy đi Giao Châu, lạng lẽ mà phát giận, soạn sách Tân ngôn có hai mươi chương. Trong chương Tri nạn có lẽ là tự thương xót mình vậy. Bị đầy xa hai năm, vào lúc bốn mươi hai tuổi chết ở quận Giao Chỉ.

Thặng tự Tử Trực, giữa năm Gia Hòa cùng với cậu là Lục Mạo vì có lễ mà được gọi. Quyền gửi thư cho Thừa tướng Ung rằng: “Cháu quý là Tử Trực, danh tiếng hay đẹp, đến khi gặp nhau mới biết hơn cả đi đâu mà ta nghe nói. Vì khanh mà khen”. Bái làm Kị đô úy, lĩnh quân Vũ lâm. Sau làm Ngô Quận Tây bộ đô úy, cùng với bọn Gia Cát Khác bình người Sơn Việt, thu riêng được tám nghìn quân khỏe, về đóng quân ở Chương Khanh, bái Chiêu nghĩa trung lang tướng, vào làm Thị trung. Sau trận Thục Bì, bái Phấn uy tướng quân, ra làm Kinh Hạ Đốc. Được mấy năm, cùng với anh là Đàm, bọn Trương Hưu bị đầy đi Giao Châu, chết vào năm ba mươi bảy tuổi.

BỘ CHẤT TRUYỆN

Bộ Chất tự Tử Sơn, người huyện Hoài Âm quận Lâm Hoài.

Ngô thư chép: Nước Tấn có viên Đại phu tên là Dương được ban thực ấp ở đất Bộ, dòng dõi có người tên là Bộ Thúc, cùng bảy mươi một người khác theo học Trọng Ni. (24) Vào thời nhà Tấn, nhà Hán có người làm Tướng quân, xét công phong làm Hoài Âm Hầu, Chất là dòng dõi của người ấy vậy.

Thời loạn, tránh nạn đến Giang Đông, một thân khốn khó, thân thiện với kẻ cùng tuổi người quận Quảng Lăng là Vệ Tinh, cùng lấy việc trồng dưa mà tự sinh sống, ngày thì chăm chỉ chân tay, đêm thì xem đọc kinh truyện.

Ngô thư chép: Chất xét rộng đạo thuật, chẳng gì không xem qua, tính nhã nhặn thâm trầm, biết ẩn chỉ nhẫn nhịn.

Người quận Cối Kê là Tiêu Chinh Khương, là hào tộc trong quận,

Ngô thư chép: Chinh Khương tên là Kiêu, từng làm Chinh Khương Lệnh.

mặc cho tân khách phóng túng. Vào lúc Chất và Tinh xin được sinh sống ở đất ấy, sợ bị họ xâm lấn, bèn hái dưa để đưa tặng cho Chinh Khương, lúc ấy Chinh Khương đang nằm ở trong nhà, bèn đứng ngoài rỗi đi vào, Tinh muốn bỏ đi, Chất ngăn lại nói: “Ta đến đây là vì sợ thế mạnh của hân vậy. Nếu nay bỏ đi để muốn giữ chí cao thì chỉ kết oán thôi”. Hễ lâu, Chinh Khương mở cửa sổ gọi vào gặp, thân nấu trong màn ng ẩ trên ghế, bày chiếu dưới đất mời Chất, còn Tinh ở ngoài cửa sổ, càng cho là thẹn nhưng Chất tỏ vẻ như thường. Chinh Khương mời ăn, thân ng ẩ chỗ bàn lớn, món ngon xếp đầy, lấy bàn ăn nhỏ cho Chất, Tinh, chỉ có rau nhạt mà thôi. Tinh không ăn được, Chất ăn đến no bụng r ỗi từ biệt đi ra. Tinh giận Chất nói: “Sao lại nhẫn nhịn như thế”? Chất nói: “Bọn ta nghèo hèn, cho nên chủ nhà lấy lễ nghèo hèn để đãi bọn ta, đấy là phải r ỗi, có chỗ nào thẹn”?

Ngô lục chép: Vệ Tinh tự Tử Kỳ, làm đến chức Thượng thư.

Tôn Quyền làm Tháo lỗ tướng quân, gọi Chất làm Chủ kí,

Ngô thư chép: Hơn một năm, Chắt vì bệnh mà bỏ quan, cùng với người quận Lang Nha là Gia Cát Cẩn, người quận Bành Thành là Nghiêm Tuấn đi vào miền Ngô Trung, đều nổi rõ danh tiếng, là bậc anh tuấn thời ấy.

bái làm Hải Giám Trưởng, gọi về làm Xa kị tướng quân Đông tào duyện.

Ngô thư chép: Quyền làm Từ Châu Mục, lấy Chắt làm Trị trung tòng sự, cử mậu tài.

Năm Kiến An thứ mười lăm, ra làm Bà Dương Thái thú. Trong năm đó, chuyển làm Giao Châu Thứ sử, Lập vũ trung lang tướng, đem hơn nghìn quân Vũ xạ lại (25) tiến đường đi xuống phía nam. Năm sau, bái thêm chức Sứ trì tiết, Chinh nam Trung lang tướng; quan Thương Ngô Thái thú Ngô Cự mà Lưu Biểu sắp đặt ngầm mang lòng khác, ngoài thì theo mà trong thì phản. Chắt nhún ý vỗ về, xin được gặp nhau, nhân đó chém đầu để thị chúng, do đó oai danh lừng lẫy. Anh em Sĩ Tiếp dất nhau vâng lệnh, miền nam thần phục bắt đầu từ đây vậy. Hào tộc ở quận Ích Châu là bọn Ung Khải giết quan Thái thú Chính Ngang mà nước Thục sắp đặt, truyền tin với Tiếp, xin được nương dựa, Chắt nhân đây thừa lệnh sai sứ giả ban ân thu nạp, do đó được bái thêm chức Bình Khương tướng quân, phong Quảng Tín Hầu.

Năm Diên Khang thứ nhất, Quyền sai Lữ Đại thay Chắt, Chắt đem vạn nghĩa sĩ ở Giao Châu lên quận Trường Sa. Gặp lúc Lưu Bị sang miền đông, người Man Di ở quận Vũ Lăng lại quấy rối, Quyền bèn sai Chắt đến huyện Ích Dương. Sau khi Bị đã thua vỡ, mà các người ở quận Linh Lăng, Quế Dương vẫn kèn cựa nhau, các chỗ đầu ngầm dấy binh; Chắt bèn đi khắp đánh dẹp, đều bình được. Năm Hoàng Vũ thứ hai, chuyển làm Hữu tướng quân Tả hộ quân, đổi phong Lâm Tương Hầu. Năm thứ năm, ban Giả tiết, chuyển đóng đồn ở Ấu Khẩu.

齋苑

Quyền xưng tôn hiệu, bái Phiếu kị tướng quân, lĩnh chức Kí Châu Mục. Năm đó, trông coi việc quân ở Tây Lăng, thay Lục Tốn vỗ về hai miền, (26) chốc lát vì Kí Châu chia vào nước Thục, bèn bỏ chức Châu mục. Bấy giờ Thái tử Đăng của Quyền trú ở Vũ Xương, thương người ưa thiện, gửi thư cho Chắt rằng: “Bậc quân tử hiên tài là người nêu bày giáo hóa, giúp đỡ việc đời vậy. Tính ta vốn ngu tối, không thông đạo số, dầu là nhỏ nhoi nhưng vẫn muốn dốc lòng để đạt đức sáng, noi theo bậc quân tử; đến như kẻ sĩ gần xa, người nào nên dùng trước sau thì còn vướng mắc, chưa được

rõ ràng. Kinh truyện có chép: ‘Ta yêu người mà không dốc sức giúp người được sao? Ta trung với người mà không khuyên bảo người được sao’? Nghĩa của câu này há chẳng phải là trông mong vào bậc quân tử ư’! Do đó Chắt bày kể những người làm việc ở Kinh Châu thời ấy là mười người bọn Gia Cát Cẩn, Lục Tốn, Chu Nhiên, Trình Phổ, Phan Tuấn, Bùi Huyền, Hạ Hầu Thặng, Vệ Tinh, Lí Túc,

Ngô thư chép: Túc tặc Vĩ Cung, người quận Nam Dương. Thừa trẻ vì có tài mà nổi tiếng, giỏi bàn luận, việc tốt xấu đều đúng, soi xét người tài, kể rõ mà tiến cử, nêu bật cái hay của từng người đều trôi chảy, do đó mọi người chịu phục. Quyền chọn làm Tuyển tào Thượng thư, gọi người được cử chọn là ‘đắc tài’. Xin ra ngoài làm quan, báí Quế Dương Thái thú, quan dân vui mừng. Lại gọi về làm khanh. Lúc chết, kẻ biết hay không biết đều thương tiếc.

Chu Đìêu, Thạch Cán, phân biệt hành trạng từng người, rồi nhân đó dâng sớ khuyên bảo rằng: “Thần nghe nói vua không tự làm việc nhỏ mà để cho trăm quan chức trách đầu lo làm đúng chức phận của mình. Cho nên vua Thuấn sai chín người hiền (27) làm việc thì không có gì bận lòng, chỉ gảy đàn năm dây, ngâm bài thơ ‘Nam phong’, không phải ra khỏi miếu đường mà thiên hạ được yên vậy. Ngày xưa Tề Hoàn Công dùng Quản Trọng, tự búi tóc ngồi xe mà nước Tề được trị lại còn tụ họp chư hầu. Gần đây Hán Cao Tổ dùng ba người tài để dựng nghiệp đế, Tây Sở (28) bỏ người hùng tuấn mới làm mất công lao. Cấp Ấm ở tại triều đình thì Hoài Nam (29) dẹp mưu phản; Chắt Đô (30) giữ biên giới thì người Hung Nô rút chân. Cho nên người hiền ở đâu thì nơi đó được giữ gìn khắp vùng vạn dặm, thật là binh khí sắc bén của nhà nước, là gốc của sự suy vậy. Ngày nay giáo hóa của nước ta chưa trùm miền bắc sông Hán, ở miền Hà Lạc còn có kẻ xấu tiếm nghịch, đây là lúc nên chọn người anh hùng dùng bậc hiền tài vậy. Mong Thái tử soi xét ý mọn này thì thiên hạ may lắm”.

Sau đó Trung thư Lữ Nhất làm Diển hiệu văn thư, bị nhiều người hạch tội, Chắt cũng dâng sớ nói: “Thần được nghe các quan Diển hiệu chỉ xét nét nhỏ nhất, bới lông tìm vết, trọng việc gièm pha, lại muốn hãm người ta để ra oai tác phúc; kẻ vô tội vô và mà bị xử tội nặng, cho nên dân chúng kêu trời than đất, ai chẳng run sợ? Như quan coi ngục thời xưa thì chỉ có người hiền mới được làm chức ấy, cho nên Cao Dao làm quan coi ngục, Lữ Hưu (31) bày ra phép chuộc tội, Trương, Vu (32) làm Đình úy thì dân chẳng bị oan uổng, thực là do đó mà thiên hạ yên ổn. Những viên quan nhỏ ngày nay làm việc khác với người xưa, ở tù ngục lấy việc hối lộ mà xét xử,

coi rẻ mạng người, dối lổi cho người trên, khiến cho dân chúng oán giận nhà nước. Nếu có một người kêu than thì phép vua có chỗ xấu, rất đáng ghét bỏ r ồi. Tu đức giảm phạt là phép hay của người sáng suốt, là đi ều mà sách truyện xưa khen ngợi vậy. Từ nay xét ngục, ở kinh đô thì nên hỏi Cố Ung, ở Vũ Xương thì hỏi Lục Tốn, Phan Tuấn, như thế mới yên lòng dõc ý, các việc được đúng sự tình. Chắt noi theo th ần minh, dẫu bị tội cũng há giận”? Lại nói: “Thiên tử coi trời đất như cha mẹ, cho nên cung thất trăm quan đ ều phải đặt theo thứ bậc. Nếu ban bố chiếu lệnh thì phải kính theo lễ tiết, làm theo chức phận thì âm dương đi ều hòa, thất tinh đúng quỹ. Còn như ngày nay, quan lại nhi ều lổi, dẫu có đại th ần nhưng lại không được tin dùng, như thế trời đất chẳng biến đổi sao được? Do đó những năm gần đây trời khô hạn là ứng việc quá cứng bạo vậy. Lại nữa vào ngày mười bốn tháng năm năm Gia Hòa thứ sáu, ngày mừng một và ngày hai mươi bảy tháng giêng năm Xích Ô thứ hai, mặt đất đ ều chấn động; đất thuộc khí âm, là tượng trưng cho b ầy tôi, khí âm mạnh thì sinh động đất, là do b ầy tôi chuyên quyền vậy. Trời đất xuất lộ hiện tượng lạ là để cảnh báo cho nhà vua, không đáng không xét kỹ ý ấy sao”? Lại nói: “Thừa tướng Cố Ung, Thượng đại tướng quân Lục Tốn, Thái thường Phan Tuấn lo nghĩ việc công, ý chí thành thật, ngày đêm suy tính, ăn ngủ không yên, chỉ muốn giúp nước yên dân, bày kế lâu dài, có thể nói là người tim bụng đ ều tay, là tôi th ần chủ chốt của xã tắc vậy. Nên đ ều chọn dùng họ, không cần sai các quan khác xem xét việc mà họ làm, chỉ cần đòi hỏi công lao của họ, xét xem việc tốt của họ thôi. Ba vị tôi th ần ấy lo nghĩ đến cùng mới thôi, há dám tự ý ra oai tác phúc mà làm trái cái tính trời của mình sao”? Lại nói: “Treo thưởng để nêu việc hay, đặt phạt để ngừa kẻ gian, sai dùng người hi ền tài, xét rõ ở phép tắc thì công nào mà chẳng lập, việc nào mà chẳng xong, tiếng nào mà chẳng nghe, hình nào mà chẳng rõ? Nếu ngày nay các quận huyện ở nơi trăm dặm mà đ ều có những người ấy, cùng nhau coi việc, thì dân chúng há chẳng yên vui sao? Trộm nghe các huyện đ ều đặt sẵn quan lại, mà quan lại phần nhi ều những nhiều dân chúng, do đó mà phong tục xấu kém. Là vì kẻ xấu nhân được trao lệnh mà không lo làm việc công, chỉ ra oai tác phúc, những kẻ đó không có ích cho chính trị, lại gây hại cho dân. Kẻ ngu này cho rằng nên bãi bỏ hết thầy họ đi”. Quy ền cũng hiểu ra, bèn giết Lữ Nhất. Chắt trước sau bày kế các việc còn vướng mắc, cởi bỏ hoạn nạn, hơn mười l ần dân số lên. Quy ền dẫu không thu nạp hết nhưng vẫn chọn nghe lời, do đó mà được nhờ cậy.

Ngô lục chép: Chắt dâng biểu nói: “Người phương bắc hàng phục là bọn Vương Tiêm nói rằng phương bắc chọn bộ ngũ mưu đánh đến phương đông, lại làm nhiều túi vải đựng đất cát muốn ngăn sông để hướng đến Kinh Châu. Nếu không phòng giữ sẵn thì nạn đến khó chống, nên nhanh phòng bị”. Quyền nói: “Bọn ấy suy kém, mưu đánh sao được? Tất chẳng dám đến. Không bằng như lời ta, nên đem năm nghìn con trâu đến để cho ông làm chủ”. (33). Sau có bọn Lữ Phạm, Gia Cát Khác bàn về lời mà Chắt nói, cho rằng: “Hễ đọc tờ biểu của Bộ Chắt thì không nhìn được cười. Sông ấy từ thời mở mang đến nay, há lấy túi đựng đất mà lấp vùi được sao”!

Năm Xích Ô thứ chín, thay Lục Tốn làm Thừa tướng, vẫn khuyên dạy học trò, tay chẳng bỏ sách, mặc áo ở nhà như bậc nhà Nho, nhưng vợ con trong nhà thì ăn mặc xa xỉ, vì thế mà bị người đời giễu cợt. Ở tại Tây Lăng hai mươi năm, người nước địch kính uy tín của Chắt. Tính lại rộng rãi được lòng quân, vui giận chẳng lộ ra sắc mặt mà trong ngoài yên ổn.

Năm thứ mười một thì chết, con là Hiệp nối tự, lĩnh quân bản bộ của Chắt, bái thêm chức Phủ quân tướng quân. Hiệp chết, con là Ki nối tước Hầu. Em Hiệp là Xiển, thay chức làm Tây Lăng Đốc, bái thêm chức Chiêu vũ tướng quân, phong Tây đình hầu. Năm Phụng Hoàng thứ nhất, gọi về làm Thống trưởng đốc. Xiển vì tổ tiên nhiều đời trước ở tại Tây Lăng, mà chợt bị gọi về tự cho là bị cất bỏ chức vị, lại sợ bị vu vạ, do đó giữ thành hàng nhà Tấn. Nhà Tấn sai Ki và em là Tuyền đến Lạc Dương làm quan, cho Xiển trông coi việc quân ở Tây Lăng, bái Vệ tướng quân, Nghi đồng tam ti, thêm chức Thị trung, ban Giả tiết, lĩnh chức Giao Châu Mục, phong Nghi Đô Công; Ki coi xét việc quân ở Giang Lăng, bái Tả tướng quân, thêm chức Tấn kỵ thường thị, lĩnh chức Lữ Lăng Thái thú, đổi phong Giang Lăng Hầu; bái Tuyền làm Cấp sự trung, Tuyên uy tướng quân, phong Đô hương hầu. Sai Xa kỵ tướng quân Dương Hổ, Kinh Châu Thứ sử Dương Triệu đến cứu giúp Xiển. Tôn Hạo sai Lục Kháng sang tây, bọn Hổ rút lui, Kháng hãm thành, chém bọn Xiển, họ Bộ bị di diệt, riêng Tuyền còn có người nối dõi.

Người quận Dĩnh Xuyên là Chu Chiêu viết thư khen Bộ Chắt và bọn Nghiêm Tuấn rằng: “Nguyên nhân bậc đại phu kẻ sĩ hiên năng xưa nay bị mất danh diệt thân lật nhà hại nước không phải chỉ có một, nhưng nói đại khái, tóm lại thì cái hại thường gặp chỉ có bốn mà thôi: Một là bàn luận vội vàng, hai là tranh đua danh thế, ba là kết nhiều bè đảng, bốn là muốn làm việc nhanh. Bàn luận vội vàng thì làm thương tổn người khác, tranh đua

danh thế thì làm mất bạn, kết nhiều bè đảng thì lấn người trên, muốn làm việc nhanh thì bỏ đức, nếu bốn điều ấy không trừ thì chẳng được trọn vẹn vậy. Bậc quân tử ngày nay nếu không như thế thì cũng như vậy, há chỉ có người xưa chẳng! Bàn về điều ấy thì không bằng cái hay của Cố Dư Chương, Gia Cát sứ quân, Bộ Thừa tướng, Nghiêm Vệ úy, Trương Phấn uy vậy.

Luận ngữ chép: ‘Phu tử nghiêm túc nhưng giỏi khuyên bảo người khác’, lại chép: ‘Làm việc tốt cho người, không làm việc xấu cho người’, nói về Cố Dư Chương vậy. Chép: ‘Đứng xa nhìn thì nghiêm túc, đến gần mới thấy ôn hòa, nghe lời nói thôi cũng đã hăng hái’, nói về Gia Cát sứ quân vậy. Chép: ‘Cung kính mà yên lành, uy nghiêm mà không hung tợn’, nói về cách làm việc của Bộ Thừa tướng vậy. Chép: ‘Học chẳng cầu lộc, ý chẳng phóng túng’ là cách học của Nghiêm Vệ úy, Trương Phấn uy vậy. Năm vị quân tử ấy, dầu đức có khác nhau, nặng nhẹ không giống nhau, đến như làm quan lại tiết kiệm, không phạm đến bốn điều kia, đều là một nhóm vậy. Ngày xưa Đinh Tư xuất từ nhà cô lẽ, Ngô Xán xuất từ trẻ chăn trâu, nhưng Cố Dư Chương lại nêu rõ cái hay của họ, xếp cùng hàng với Lục, Toàn, ⁽³⁴⁾ cho nên dân chúng không kém tột mà phong tục lại trọng hậu vậy. Ba vị Gia Cát sứ quân, Bộ Thừa tướng, Nghiêm Vệ úy, lúc trước đều xuất thân từ kẻ áo vải mà cùng thân thiện với nhau, người bàn luận đều khen tài năng của họ. Trước đây, người ta cho rằng Nghiêm Vệ úy là hàng đầu, thứ là Bộ Thừa tướng, sau đó là Gia Cát sứ quân vậy. Sau đó họ đều theo giúp vua sáng, cứu vớt việc đời, cái tài làm quan có chỗ không giống nhau nhưng danh tiếng trước sau đều ngược với lúc trước, đây là người bình thường thời ấy bàn luận sơ qua vậy. Đến như tình bạn của ba vị, đến chết cũng chẳng vỡ mục, há chẳng sánh được với người xưa sao! Lại nữa khi xưa Lỗ Hoàn giang ⁽³⁵⁾ lĩnh vạn quân đóng giữ ở Lục Khẩu, lập công to ở đời vậy, dầu là kẻ có tài hay không có tài, ai không muốn vậy? Rồi Lỗ Hoàn giang đã mất, Nghiêm Vệ úy nối thay chức, tự cho là chẳng có tài làm tướng sếp, cố gắng từ chối, rồi chẳng giữ chức. Sau làm đến bậc cửu khanh, chuyển đến hàng Bát tọa, vinh hiển không đủ để rạng rỡ, bổng lộc không đủ để tự cấp. Con như hai vị kia, đều làm đến bậc Thượng tướng, rất là giàu có. Nghiêm Vệ úy đã không mong cầu, hai vị kia lại không tiến cử, đều giữ chí mà mình theo đuổi, giữ tiếng tốt của mình. Khổng Tử nói: ‘Quân tử kiêu căng mà không tranh đua, họp nhóm mà không kết đảng’, ấy là nói phong thái của ba vị vậy. Lại nữa danh tiếng của Trương Phấn uy cũng đứng sau ba vị ấy, là mục thú của một vùng, nhận chức việc Thượng tướng, chức việc khác với Gia Cát sứ quân, Bộ Thừa tướng, nhưng gắng giúp việc nước, luận về công lao thì đều có đủ trước sau, cho nên tước vị vinh hiển hơn người. Lại nữa Trương Phấn uy trông coi việc quân, xét rõ được bộ ngũ của mình, lòng chẳng muốn làm mất phép tắc, việc chẳng tỏ vẻ kiêu căng, hễ lên triều

đường thì theo lễ nghi mà đi, nói lời thẳng thắn, chẳng gì không trung. Thúc Tụ (36) dẫu là tôn quý, nói về người ấy cho là tất thua, Sái Văn Chí (37) dẫu thấp hèn nhưng bàn luận lại khen người ấy là hiền. Con gái được gả cho Thái tử, lúc nhận lễ cưới hỏi, ý chí khẳng khái, lại xét đoán mọi người, được thua còn mất, đều như mình nghĩ, có thể nói là biết giữ phép tắc mà có cơ trí, là kẻ sĩ ưa việc cũ vậy. Còn như giúp nhà nước, gánh vác việc quân, vào lúc rong ruổi để lập nên công Bá vương thì năm vị ấy không hơn được người khác. Như đạo hạnh lại chất phác, không tự ý cầu thả, vào buổi bấp bênh mà giữ trọn tiết tháo, hơn hẳn người khác. Cho nên bàn qua việc này để nêu rõ cho bậc quân tử đời sau”. Chu Chiêu tự Cung Viễn, cùng với bọn Vi Diệu, Tiết Oánh, Hoa Hạch soạn Ngô thư, sau làm Trung thư lang, bị tội giam ngục, Hạch dâng biểu xin tha nhưng Tôn Hưu không nghe, bèn vẫn chịu tội.

[CHÚ THÍCH]

(1) Gia Cát: Gia Cát (诸葛) nghĩa là họ Cát (葛氏) ở huyện Gia (诸县).

(2) Họ Nhan: chỉ Nhan Uyên, học trò của Khổng Tử.

(3) Tiên đế: chỉ Hán Hiến Đế.

(4) Tôn Quyền ngầm mang lòng ác, giúp nhà Ngụy trừ hại, đây là cắt bỏ quân giúp vua của tông tử: tông tử (宗) là họ hàng của nhà vua, ở đây là Lưu Bị. Câu này có ý nói Tôn Quyền đánh diệt Quan Vũ như cắt bỏ quân giúp vua Hán của Lưu Bị.

(5) Hoãn kế dời đô của Tào Công: ý nói Quan Vũ đánh miền Miện, Hán, oai lừng Hoa Hạ khiến cho Tháo sợ hãi, muốn dời khỏi Hứa Đô về miền Hà Bắc. Tôn Quyền cho đây là kém, sợ Tháo dời đô thì Kinh Châu thêm vững, khó mà lấy được, do đó phản Thục theo Ngụy mà đánh Quan Vũ để Tào Công yên lòng không dời đô nữa.

(6) Cờ nghĩa: chỉ Lưu Bị lấy danh tiếng nhà Hán mà phát cờ nghĩa đến đánh trả thù cho Quan Vũ, như thế là đúng nghĩa.

(7) Tứ thế: chỉ hay tay và hai chân.

(8) Kì Lão: chỉ Kì Hê (祁奚), là họ hàng của vua nước Tấn thời Xuân thu. Làm quan qua bốn đời vua của nước Tấn. Tấn Trác Công hỏi ai nên thay chức Trung quân úy, có người tên Giải Hô là kẻ thù đã giết cha của Kì Hê, không vì thù riêng, bèn tiến cử cho Trác Công, hỏi vì sao, Kì Hê nói: “Vua đã hỏi, thì không hỏi kẻ thù của thần vậy”.

(9) Dương Thiệt: chỉ Dương Thiệt Hật (羊舌肸), tự Thúc Hướng, là đại thần của nước Tấn thời Xuân thu, làm quan qua các đời vua Trác Công, Bình Công của nước Tấn, có tài năng, tính thần thần được khen.

(10) Trần Trường Văn, Tào Tử Đan: chỉ Trần Quân tự Trường Văn và Tào Chân tự Tử Đan, đều là đại thần của nhà Ngụy.

(11) *Linh đà: linh đà (灵鼉) là một loài đà (鼉) giống cá sấu, da có thể làm bịt trống.*

(12) *Nghĩa ‘tại tam’: chỉ đạo lí của con người thời xưa là thờ cha, kính thầy, tôn vua.*

(13) *Trọng Phủ: chỉ tên gọi tôn trọng của Tề Hoàn Công đối với Quản Trọng*

(14) *Hốt: chỉ cái thẻ làm bằng ngọc hoặc tre gỗ mà các quan lại thường cầm khi châu hội ở triều đình.*

(15) *Chiến quốc: chỉ thời loạn lạc các nước đánh chiếm lẫn nhau vào cuối thời Tây Chu.*

(16) *Tần Mục Công làm trái lời can ngăn mà rút cuộc làm bá ở cõi tây, Tấn Văn Công giận trong chốc lát mà lập nên nghiệp lớn: chỉ việc Tần Mục Công không nghe lời can gián của sứ giả người Nhung là Do Dư mà quyết bày mưu đánh người Nhung, rút cuộc làm bá miền tây. Tấn Văn Công giận quân sở ép bức mà đánh ở Thành Bộc, đại phá quân Sở, làm bá chư hầu.*

(17) *Hồ Yển: còn gọi là Cữu Phạm (咎犯) là đại thần của Tấn Văn Công.*

(18) *Lưu Kinh Châu: chỉ Lưu Biểu tự Cảnh Thăng, làm Kinh Châu Mục, cho nên gọi là Lưu Kinh Châu.*

(19) *Nữ Chính Bình: chỉ Nữ Hành tự Chính Bình, người quận Bình Nguyên cuối thời Đông Hán, tính kiêu ngạo thẳng thắn. Tào Tháo gọi nhưng không đến, Tháo giận nhưng không nỡ giết, phạt làm quan đánh trống, bèn cỡi truồng đứng giữa mọi người đánh trống để làm nhục Tháo, Tháo giận đầy Hành đến Kinh Châu. Cuối cùng bị Hoàng Tổ giết.*

(20) *Đồng Uông chết vì nạn, Tử Kỳ trị ở ấp A: Đồng Uông (童汪) tức Đồng Uông Kỳ (童汪錡) là người nước Lỗ. Bấy giờ còn trẻ tuổi, gặp lúc quân nước Tề vào đánh nước Lỗ, Đồng Uông ra trận bị chết. Khổng Tử khen là có nghĩa. Tử Kỳ (子奇) là người nước Lỗ, vào lúc mới mười sáu tuổi, vua Tề sai đi trị ấp A, chốc lát lại hối hận, sai người đuổi theo gọi về, người đi theo về báo là Tử Kỳ tất trị được ấp A. Rút cuộc đến ấp A, huy vũ khí để làm nông cụ cày ruộng, mở kho lúa để cứu chẩn người nghèo cùng, do đó ấp A được sửa trị.*

(21) *Sái Bá Giai: chỉ Sái Ung tự Bá Giai, người quận Trần Lưu cuối thời Đông Hán, thông hiểu kinh truyện, thiên văn, âm luật, giỏi làm thơ phú,*

từng hạch tội hoạn quan mà bị đày lên miền Sóc Phương. Sau đó Đồng Trác nắm chính sự, ép về làm quan, Trác chết, bèn bị Đồng Doãn ép chết ở trong ngục.

(22) Quý Vũ Tử chết thì Tăng Diễm đến cửa nhà người ấy mà hát; Tử Triết gây nạn thì Tử Sản tự suy xét luận nghị.: Quý Vũ Tử là đại thần của nước Lỗ, chuyên quyền vun vén riêng khiến cho nước Lỗ suy yếu, sau khi chết thì kẻ sĩ trong nước là Tăng Diễm vui mừng, đến trước cửa nhà Quý Vũ Tử mà hát.

(23) Thần tọa: tấm bài vị khắc họ tên người đã mất để thờ cúng thời xưa.

(24) Trọng Ni: chỉ Khổng Khâu tự Trọng Ni, tức Khổng Tử, Khổng Phu tử, Phu tử.

(25) Vũ xạ lại: Vũ xạ lại (武射吏) là quân giỏi võ nghệ bắn tên được chọn từ các quận huyện của nước Ngô.

(26) Hai miền: chỉ hai miền Kí Châu và Tây Lăng của nước Ngô. Kí Châu của nước Ngô ở gần nước Thục, khác Kí Châu của nước Ngụy.

(27) Chín người hiền: theo truyền thuyết, vua Thuấn có chín viên quan tài năng giúp việc là: Vũ (禹) coi việc trị thủy; Khí (弃) coi việc trồng lúa; Cao Dao (皋陶) coi việc hình pháp; Thùy (垂) coi việc chế tạo công cụ; Quỳ (夔) coi việc âm nhạc, Bá Di (伯夷) coi việc lễ nghi cúng tế, Bá Ích (伯益) coi việc chăn nuôi chim thú, Long (龙) coi việc can gián; Tiệt (契) coi việc dạy dỗ dân chúng.

(28) Tây Sở: chỉ Tây Sở Bá Vương là Hạng Vũ.

(29) Hoài Nam: chỉ Hoài Nam Vương là Lưu An. Thời Hán Vũ Đế mưu phản, sợ ý chí cứng cỏi của Cáp Âm, nói rằng: “Ưa nói thẳng, giữ tiết tháo mà liều chết vì nghĩa, khó mà bị mê hoặc. Đến như khuyên can Thừa tướng Công Tôn Hoảng thì như vật tóc rơi rụng”.

(30) Chât Đô: Chât Đô (郅都), người huyện Dương quận Đông, thời Hán Cảnh Đế làm Nhạn Môn Thái thú, người Hung Nô sợ oai mà không dám vào xâm phạm biên ải.

(31) Lữ Hâu: Lữ Hâu (吕侯) là đại thần của Chu Mục Vương, soạn thành sách hình pháp gọi là Lữ hình (吕刑) hoặc gọi là Phủ hình (甫刑), trong đó có luật dùng tiền để chuộc tội chết.

(32) Trương, Vu: chỉ Trương Thích Chi (张释之) và Vu Định Quốc (于定国) là người thời Tây Hán, từng làm quan Đình úy coi việc xét xử tù ngục, nổi danh là công bằng, dân không bị xử oan.

(33) Không bằng như lời ta nên đem năm nghìn con trâu đến để cho ông làm chủ: câu này Quyền cợt ý của Chât, cho rằng quân Ngụy bên kia sông đang suy yếu, lại không thể dùng túi đựng bao cát lấp sông được, chỉ cần sai Chât đem năm nghìn con trâu để chống giữ cũng được!

(34) Lục, Toàn: chỉ Lục Tốn và Toàn Tông.

(35) Lỗ Hoành giang: chỉ Lỗ Túc, tự Tử Kính, từng được bái làm Hoành giang tướng quân, cho nên gọi là Lỗ Hoành giang.

(36) Thúc Tự: chỉ Trương Hưu tự Thúc Tự, là con thứ của Trương Chiêu.

(37) Sái Văn Chí: tức Sái Khoản, tự Văn Đức, người quận Bành Thành, xem Bùi Tùng Chi chú Trương Chiêu truyện có dẫn Ngô lục chép về người này.

QUYỂN 8 - TRƯỞNG NGHIỆM TRÌNH HÁM TIẾT TRUYỆN

Trương Hoàn, Nghiêm Tuấn, Trình Bình, Hám Trạch, Tiết Tống

TIẾT TỔNG TRUYỆN

Tiết Tổng tự Kính Văn, người huyện Trúc Ấp nước Bái.

Ngô lục viết: Tổ tiên là Mạnh Thường Quân (1) được phong ở ấp Tiệt. Tân diệt sáu nước thì mất lộc tự, con cháu tản mát. Hán Cao Tổ định thiên hạ, qua đất Tê, tìm dòng dõi của Mạnh Thường Quân, tìm được hai người cháu là Lăng, Quốc, muốn phong tước cho họ. Anh em Lăng, Quốc nhường nhau, chẳng ai chịu nhận, bèn bỏ đến huyện Trúc Ấp, nhân đó làm nhà ở đấy, đặt họ là Tiệt. Từ đời Quốc đến đời Tổng, nối nhau làm quan trong châu quận, là một họ lớn. Tổng thừa nhỏ hiểu rõ kinh truyện, giỏi viết văn, có tài năng.

Thừa trẻ nương dựa người trong họ tránh loạn đến Giao Châu, theo học Lưu Hi. (2) Sĩ Tiếp đã dựa theo Tôn Quyên, gọi Tổng đến làm Ngũ quan Trung lang, bái làm Hợp Phổ, Nam Hải Thái thú. Bấy giờ Giao Châu mới mở, Thứ sử Lữ Đại đem quân đánh dẹp, Tổng cùng đi theo, vượt biển xuống phía nam, kịp đến Cửu Chân. Xong việc về kinh, làm Yết giả Bộc xạ. Sứ giả miên tây (3) là Trương Phụng ở trước mặt Quyên giải họ tên của Hám Trạch để cợt Trạch, Trạch không đáp được. Tổng đến uống rượu, nhân đó mời rượu, nói: “Chữ ‘thực’ là gì? Có ‘chó’ là ‘độc’, không có ‘chó’ là ‘thực’, ‘mắt’ ngang ‘thân’ uốn, ‘trùng’ vào trong bụng”. (4)

Thân là Tùng Chi thấy các sách vốn chép là ‘câu thân’ hoặc ‘câu thân’, cho rằng đã ‘mắt ngang’ thì nên chép là ‘câu thân’.

Phụng nói: “Không nên giải chữ ‘ngô’ của ông chẳng”? Tổng đối đáp rằng: “Không ‘miệng’ là ‘trời’, có miệng là ‘ngô’, (5) vua trị vạn nước, đô của Thiên tử”. Do đó mọi người ngẫm đầu cười vui, mà Phụng không đáp được. Cái nhanh nhẹn quyết đoán của Tổng đầu đại loại như thế.

Giang Biều truyện viết: Phí Y đi sứ Ngô, lên thêm gặp, các công khanh cận thân đều đang ngồi. Lúc uống rượu, Y và Gia Cát Khác giễu cợt lẫn nhau, nói đến chữ ‘ngô’, ‘thực’. Y hỏi nói: “Chữ ‘thực’ giải thế nào”? Khác nói: “Có ‘nước’ thì ‘độc’, không ‘nước’ thì ‘thực’. ‘Mắt’ ngang ‘thân’ uốn, ‘trùng’ vào trong bụng”. Y lại hỏi rằng: “Chữ ‘ngô’ giải thế nào”? Khác nói: “Không ‘miệng’ là

‘trời’, có miệng là ‘ngô’, lan man biển lớn, đô của Thiên tử’’. So với truyện gốc không giống.

Lữ Đại từ Giao Châu được gọi về, Tống lo không có ai thay được Đại, dâng sớ nói: “Ngày xưa vua Thuấn đi tuần phía nam, chết ở quận Thương Ngô. Nhà Tần đặt các quận Quế Lâm, Nam Hải, Tượng Quận, vậy thì bốn quân ấy đã nổi thuộc rồi, truy đến ngày nay. Triệu Đà nổi dậy ở Phiên Ngung, (6) vỗ về quân trưởng của người Bách Việt ở tại phía nam quận Châu Quan (7) vậy. Vũ Đế của nhà Hán giết Lữ Gia, lập chín quận, đặt quan Giao Chỉ Thứ sử để trông coi chỗ ấy. Sông sâu núi cao, phong tục không lành, tiếng nói đầu khác, phiên dịch mới hiểu, dân như càn thú, già trẻ không chia, tóc búi chân trần, đầu quấn cúc trái, (8) dẫu đặt quan lại, dẫu có như không. Từ đấy đến nay, có đời tội nhân Trung Quốc đến ở lẫn chỗ ấy, dần dần đọc sách, biết qua tiếng nói, xe ngựa qua lại, hiểu biết lễ nghĩa. Sau đó Tích Quang làm Giao Chỉ Thái thú, Nhậm Diêm làm Cửu Chân Thái thú, bèn dạy dân ấy cày bừa, đội mũ đi giày, sắp đặt mai mối, mới biết cưới hỏi, dựng lập trường học, giảng dạy kinh truyện. Do đó chịu phục, hơn bốn trăm năm, có phần chuyển hóa. Từ thời trước thần làm khách đến đấy, người quận Châu Nhai bỏ phép cưới hỏi của châu huyện, đầu hẹn đến tháng tám thì mở cửa, vào lúc người dân tụ tập, trai gái tự kén chọn nhau, nếu vừa ý thì làm vợ chồng, cha mẹ không cấm được. Ở hai huyện Mi Linh quận Giao Chỉ, huyện Đô Lung quận Cửu Chân, có tục anh chết thì em lấy chị dâu, nhiều đời cho đấy là thói thường, quan lại nghe biết cũng không ngăn được. Trai gái quận Nhật Nam cởi trần, không cho là thẹn. Do đó mà nói, có thể ví như sâu bọ có tai mắt mũi vậy. Vậy nhưng đất rộng người đông, hiểm trở độc hại, dễ gây phản loạn, khó đến đánh dẹp. Quan lại chỉ ràng buộc, điều oai vỗ về mà thôi, còn như tô thuế của ruộng nhà, chuyển chở cung cấp, chỉ thích các đồ ngọc trai, thuốc thơm, ngà voi, sừng tê, đồi mồi, san hô, ngọc sáng, chim vẹt, phỉ thúy, khổng tước, vật lạ, vật báu chất đầy, không chỉ có tô thuế để làm giàu cho Trung Quốc vậy. Lại ở ngoài chín điện, phép chọn quan lại không được kĩ càng. Phép tắc thời Hán rộng lượng, nhiều chỗ nói lỏng, cho nên nhiều lần làm trái phép cấm. Phê quận Châu Nhai là do quan lại ở đấy thấy tóc đẹp thì cắt tóc của dân để làm tóc giả. Lúc thần đến đấy, người quận Nam Hải là Hoàng Cái làm Nhật Nam Thái thú, xuống xe mà người hầu đỡ không đủ, liền đánh chết quan Chủ bạ, nhưng rồi cũng bị xua đuổi. Cửu Chân Thái thú Đàm

Manh giúp cha vợ là Chu Kinh bày hội tiệc, cùng mời các quan lại đến, rót rượu hát nhạc, quan Công tào Phan Hâm đứng dậy mời Kinh múa cùng, Kinh không chịu đứng dậy, Hâm vẫn ép buộc, do đó Manh giận đánh chết Hâm ở trong quận. Em Hâm là Miêu đem quân đánh phủ, lấy tên độc bắn Manh, Manh cũng bị chết. Giao Chỉ Thái thú Sĩ Tiếp sai quân đến đánh, rút cuộc chẳng thắng được. Lại nữa quan Thứ sử ngày trước người quận Cối Kê là Chu Phù nhiều lần dùng người cùng quê là bọn Ngu Bao, Lưu Ngạn chia nhau làm trưởng lại, xâm lấn trăm họ, đánh thuế nặng với dân, một con cá vàng dài một trượng mà thu một học lúa, do đó trăm họ oán giận mà làm phản, bọn giặc núi cùng kéo ra, đánh châu phá quận. Phù chạy vào biển, trôi nổi chết chìm. Sau đó người quận Nam Dương là Trương Tân, vốn có hiềm khích với Kinh Châu Mục là Lưu Biều, quân yếu địch mạnh mà vẫn hằng năm phát binh, các tướng lo sợ, bỏ trốn hết cả. Tân nắm quyền trông coi nhưng uy vũ không đủ, bị kẻ dưới lấn lướt, bèn bị giết chết. Sau lại có người quận Linh Lăng là Lại Cung, nhân hậu cẩn thận nhưng không hiểu thời thế, Biều lại sau người quận Trường Sa là Ngô Cự làm Thường Ngô Thái thú. Cự là kẻ vũ dũng cứng khỏe, không chịu kính phục, do đó oán giận nhau, xua đuổi Cung, xin cứu với Bộ Chất. Bấy giờ tướng cũ của Tân là bọn Di Liệu, Tiền Bác còn nhiều, do đó Chất đến sửa trị, lập lại phép tắc, vừa lúc lại gọi về Rã đó Lữ Đại đến, có cuộc biến của họ Sĩ, đem quân đánh phía nam, đến ngày dẹp xong, đặt lại quan lại, nêu rõ kỷ cương, điều oai vạn dặm, lớn nhỏ cúi phục. Do đó mà nói, võ về biên giới, thực là người ấy. Làm quan ở phương xa phải nên trong sạch, ở ngoài cõi hoang phục thì họa phúc rất lắm. Ngày nay Giao Châu dẫu mới định nhưng ở huyện Cao Lương còn có giặc ẩn nấp; bốn quận Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Châu Quan vẫn chưa yên, dựa vào đó mà cướp bóc, trở thành nơi ẩn nấp của bọn phản loạn trốn tránh. Nếu Lữ Đại không còn ở phương nam, quan Thứ sử mới đến phải cẩn thận, trông coi tám quận, mưu lược phải rõ ràng mới dần dần dẹp được giặc ở Cao Lương, phải dựa vào oai súng, cậy vào hình thế, noi theo phép tắc của Đại mới mong sửa sang được. Nếu chỉ dùng người tầm thường, chọn lấy phép tắc sơ qua, không có mưu hay kế lạ thì bọn giặc càng thêm đông, lâu ngày gây hại. Cho nên sự an nguy của nhà nước trông chờ vào việc dùng người, không thể không xét kỹ vậy. Thần lo triều đình coi thường việc kén chọn, cho nên dám bày tỏ ý ngu để nêu rõ đức thánh”.

Năm Hoàng Long thứ ba, Kiến Xương Hài là Lự làm Trấn quân Đại tướng quân, đóng đồn ở Bán Châu, lấy Tống làm Trưởng sử, ngoài xét việc quân, trong coi sách vở. Lự chết, vào làm Tặc tào Thượng thư, chuyển làm Thượng thư Bộc xạ. Bấy giờ Công Tôn Uyên hàng rồi lại phản, Quyên cả giận, muốn tự đi đánh. Tống dâng sớ can ngăn rằng: “Đế vương là bậc đứng đầu vạn nước, có quan hệ đến vận mệnh của thiên hạ vậy. Cho nên ở trong chỗ nhiều vòng tường canh gác để đề phòng việc không may, đức thì phải trong sạch thẳng thắn để dưỡng oai nghiêm, đại khái là để giữ cái phúc lành trọn vẹn, vỗ về lòng dạ của người bốn cõi vậy. Ngày xưa Khổng Tử mắc bệnh, mượn lời nói về việc cưới bề vượt biển, Quý Do dẫu vui nhưng không biết lấy gỗ ở đâu làm làm bè ⁽⁹⁾ Nguyên Đế của nhà Hán muốn ng ỗ thuy ền l ầu, Tiết Quang Đức xin được cắt cổ để lấy máu nhuộm xe. ⁽¹⁰⁾ Vì sao? Cái hiểm của nước lửa thì rất lắm, không phải là chỗ mà Đế Vương nên bơi lội vậy. Ngạn ngữ nói: ‘Đưa con ngàn vàng không ng ỗ gần vách’. ⁽¹¹⁾ Huống chi là vua của nước vạn cổ xe đây? Ngày nay người Nhung, Mịch ở Liêu Đông là rợ nhỏ, không có cái vững của thành ao, không biết phép chống giữ, khí giới cùn nhứt, chẳng dám được chó dê, nếu đến tất thắng được, đấy là đi ầu rõ ràng. Nhưng đất đai cằn cỗi, chẳng tr ờng được lúa gạo, dân quen với yên ngựa, d ời chuyển vô thường. Nếu nghe tin đại quân ta đến, tự biết khó địch, tất dáo dạt kinh hoàng, ru ổi chạy trốn nấp, dẫu mỗi người một ngựa cũng không thấy được. Dẫu chiếm được đất trống nhưng giữ chẳng ích gì, đấy là một đi ầu không nên vậy. Lại nữa dòng nước sâu thăm, có cái hiểm của núi Thành Sơn, đi biển khôn lường, khó tránh sóng gió, trong chốn trôi nổi, thuy ền người khác thế. Dẫu có cái đức trí của Nghiêu, Thuấn cũng chẳng đánh được, dẫu có sức khỏe của Bôn, Dục cũng không làm được, đấy là hai đi ầu không nên vậy. Thêm có nắng nóng sương mù ở trên, nước sôi sục ở dưới, dễ gây ra bệnh tật, lây nhiễm lẫn nhau, hễ là người đi biển, ít ai không lo cái nạn ấy, đấy là ba đi ầu không nên vậy. Trời sinh th ần thánh, tỏ rõ đi ềm lành, nhân đó mà dẹp loạn, vỗ yên vạn vật; việc lành hẹn đến, trong nước bình định, giặc ác hung nghịch, diệt vong sớm thôi. Một khi Trung Quốc thống nhất thì Liêu Đông tự v ỡ, chỉ cần nắm tay ng ỗ đợi vậy. Nếu ngày nay làm trái phép thường, đi đến chỗ nguy nan, bỏ cái vững của chín châu, phát cái giận một sớm thì không phải là kế lớn của xã tắc, lại là việc từ khi mở nước đến nay chưa từng có vậy, đấy là đi ầu mà trăm quan lo lắng trần trọc, ăn không ngon,

ngủ không yên giấc vậy. Mong Bệ hạ nén bỏ cái giận thùng thùng, giảm bớt cái oai sấm sét, men theo cái yên của cầi xe, rời xa cái hiểm của nước sâu, vậy thì bọn thần được phúc, thiên hạ may lắm”. Bấy giờ nhiều bầy tôi can ngăn, Quyên rút cuộc không đi.

Ngày kỉ mùi tháng giêng, Quyên sai Tống làm bài văn chúc tế tổ tiên mà không dùng lời văn bình thường, Tống vâng lệnh, liền viết bài, ý tứ sáng sủa. Quyên nói: “Làm thêm hai bài nữa cho đủ ba bài”. Tống lại làm tiếp, lời văn đều mới, mọi người đều khen hay. Năm Xích Ô thứ ba, chuyển làm Tuyển tào Thượng thư. Năm thứ năm, làm Thái tử Thiệu phó, lĩnh chức Tuyên tào như cũ.

Ngô thư viết: Sau đó Quyên ban túi thao đỏ cho Tống, Tống nói là màu đỏ không phải là thứ mà mình nên mặc, Quyên nói: “Thái tử nhỏ tuổi mà học đạo lại kém, ông nên dùng văn để dạy dỗ, lấy lễ để ràng buộc, được mặc áo của Vương hầu, không phải ông thì ai”? Bấy giờ Tống vì có tiếng là nhà Nho nổi tiếng mà làm thầy dạy, lại lĩnh cả việc kén chọn, rất được kính trọng.

Mùa xuân năm thứ sáu thì chết. Viết thơ, phú, số luận cả thảy có mấy vạn chữ, đặt tên là Tư tái, soạn Ngũ tông đồ thuật, Nhị kinh giải, đều truyền cho đời.

Con là Hủ, làm đến Uy nam Tướng quân, đánh Giao Chỉ về, trên đường bệnh chết.

Hán Tấn Xuân thu viết: Vào thời Tôn Hưu, Hủ làm Ngũ quan Trung lang tướng, được sai đến nước Thục xin ngựa. Lúc về, Hưu hỏi cái được mất của chính trị nước Thục, đáp nói: “Vua u tối lại không biết lỗi của mình, bây tôi giữ thân để mong tránh tội, vào triều đình không nghe được lời nói đúng đắn, qua đông ruộng thấy vẻ mặt người dân nhợt nhạt. Thân nghe rằng chim én làm tổ ở trong nhà, mẹ con nhà chim cùng vui, tự cho là yên ổn, bỗng chốc cột chống gãy đổ mà chim én vẫn ung dung không biết họa sắp đến, là nói về việc ấy chẳng”!

Em Hủ là Oánh, tự Đạo Ngôn, lúc đầu làm Bí phủ Trung thư lang. Tôn Hưu lên ngôi, làm Tán kị Thường thị. Được mấy năm, mắc bệnh mà bỏ chức. Đầu thời Tôn Hạo, làm Tá chấp pháp, chuyển làm Tuyển tào Thượng thư. Lúc lập Thái tử, lại lĩnh chức Thiệu phó. Năm Kiến Hành thứ ba, Hạo nghĩ xét lời văn để lại của cha Oánh là Tống, lại sai Oánh tiếp nối. Oánh dâng thư rằng:

“Tổ tiên của thần, trước giúp nhà Hán,
Thời thế miên man, làm nơi đài quán.
Cha thần là Tống, gặp phải thời loạn,

Kỉ cương gãy đổ, nhà nước vỡ tan.
Chọn đất yên lành, giữ gìn dòng dõi,
Trời giúp người tốt, về miền đông nam,
Mới đầu nương dựa, khốn ở cõi rợ.
Đại Đế mở nền, ân đức vược xa,
Vâng theo chiếu lệnh, rũ xóa bụi bặm.
Vứt bỏ áo thô, nhận chức chẻ phù,
Ra giữ Hợp Phố, ở tại góc biển.
Rồi về kinh đô, bước vào triều đình,
Hèn mà lại quý, dứt mà lại nối.
Tối lại được sáng, không phải do gốc,
Cũng vì được sủng, ý lòng vừa thỏa.
Văn Đế tôn quý, lập hiệu Đông cung,
Bền làm Thiếu phó, vinh hiển thêm lòng.
Thái tử sáng suốt, đức cao khiêm nhường,
Gồm cả lễ nghĩa, đầy đủ thắm nhuần.
Coi trọng bề tôi, ghi nhớ lòng trung,
Ân lớn chưa đền, cuối đời đã mất.
Ôi thân hèn kém, nghĩ đến anh em,
May được sinh dưỡng, dựa tiếng của Tống.
Vào triều được bảo, ngu dốt khó hiểu,
Chẳng nối nghiệp cha, chí muốn cày bừa.
Nào biết triều đình, nhân đức tràn trề,
Ghi nhớ tôi cũ, tiếc việc không thành.
Do đó giúp đỡ, trao cho vinh hiển,
Hủ ở nơi xa, đi đánh miền nam.
Phất cờ sắm giáp, diễu oai quân mạnh,
Như thần thô lậu, thực là yếu kém.
Đi theo vết cũ, học theo người hiền,
Lại giúp Đông cung, nối tiếp vinh hoa.
Tài chẳng bằng cha, làm nhục làm trái.
Đức cao tài rộng, văn chương hay đẹp,

Xét nghĩ tôi cũ, mong truy ền đời sau.
Cớ sao dòng dõi, há chẳng giống thế!
Xem nghĩ ân cũ, ngoảnh xét tài ngu,
Ai bớt thẹn được, th ần thực như thế.
Ngày đêm trần trọc, nhọc lòng tự xét,
Cha con anh em, nổi đợi chịu ân,
Chết cũng báo đáp, sống th ề quên thân.
Dầu thân tan nát, cũng chẳng đ ền hết”.

Năm đó, Hà Định bàn kế đào kênh Thánh Khê để thông vào mi ền Giang Hoài, Hạo sai Oánh đem vạn người đến, nhưng vì nhi ều đá tảng mà khó làm, bỏ v ề ra làm Vũ Xương Tả bộ đốc. Sau đó Định bị giết, Hạo xét lại việc kênh Thánh Khê, bắt Oánh vào ngục, đầy đi Quảng Châu. Hữu quốc sử Hoa Hạch dâng sớ nói: “Th ần nghe rằng Tam vương Ngũ đế đ ầu đặt quan chép sử, ghi chép việc hay, xét sâu mọi việc. Thời Hán có Tư Mã Thiên, Ban Cố (12) đ ầu tài lớn hơn đời, soạn sử hay đẹp, cùng truy ền với lục kinh. Đại Ngô ta vâng mệnh, lập nước ở mi ền nam, cuối thời Đại Hoàng Đế, sai Thái sử lệnh Đinh Phu, Lang trung Hạng Tuấn bắt đ ầu soạn Ngô thư. Phu, Tuấn không có tài chép sử, việc mà họ chép không đáng để ghi lại. Đến thời Thiếu Đế, lại sai Vi Diệu, Chu Chiêu, Lương Quảng cùng năm người bọn th ần, tìm xét việc xưa, cùng nhau soạn chép, đ ầu có gốc ngọn. Chiêu, Quảng chết sớm, Diệu phụ ân mắc tội, Oánh ra làm tướng, lại bị đi đầy, sách sử ấy bèn d ần động, đến nay chưa soạn xong. Th ần ngu muội nông cạn, chỉ hợp giúp bọn Oánh ghi chép thôi, nếu sai cùng soạn chép, tất thay được việc cũ của Phu, Tuấn. Sợ rằng rúng cái công lớn của Đại Hoàng Đế, tổn cái đẹp đẽ của thời nay, Oánh tài học đã rộng, văn chương rõ ràng, trong bọn quan lại, Oánh đứng hàng đ ầu. Ngày nay quan lại học rộng dầu nhi ều, nhưng tài ghi chép như Oánh lại ít, cho nên lo lắng vì nước mà tiếc cho Oánh. Th ần thực là muốn lập công sắp thành, ghi tên vào cuối sách sử trước. Sau khi tấu lên, lui v ề vùi vào hang rãnh cũng không hối tiếc”. Hạo bèn gọi Oánh v ề, giúp nước chép sử. Chốc lát, quan Tuyển tào Thượng thư người cùng quận là Mậu Y vì giữ chí không đổi, bị bọn tiểu nhân ghen ghét, đ ổi ra làm Hành Dương Thái thú. Đã nhận chức, lại vì việc quan mà bị xét hỏi, viết thư bái tạ. Nhân đó qua chỗ Oánh, lại bị người khác báo lên, nói là Y không sợ bị tội, đem nhi ều tân khác tự hội ở nhà Oánh, r ồi bắt Y vào ngục, đầy đi Quế Dương. Oánh cũng bị đầy v ề

Quảng Châu, chưa đến, lại gọi Oánh về, trao lại chức. Bấy giờ chính trị nhieu lỗi, chọn cử rồi bời, Oánh hể dâng biểu bày mưu đầu xin giảm hình phạt bớt lao dịch để giúp đỡ trăm họ, có việc được làm. Chuyển làm Quang lộc huân.

Năm Thiên Kỉ thứ tư, quân Tấn đánh Hạo, Hạo gửi thư đến chỗ Tư Mã Trữ, Vương Hân, Vương Tuấn xin hàng, lời thư là do Oánh viết vậy. Oánh đã đến Lạc Dương, được đãi hậu trước, làm Tấn kị Thường thị, đối đáp đúng phải, đầu có đạo lí.

Tấn kỉ của Can Bảo viết: Vũ Đế ung dung hỏi Oánh rằng: “Tôn Hạo vì sao lại bị mất nước vậy”? Oánh đáp nói: “Quy Mệnh Hâu Hạo là vua Ngô vậy, nhưng lại gần gũi kẻ tiểu nhân, hình pháp bừa bãi, đại thần đại tướng đều chẳng ai thân cận, người người lo sợ, đều tự giữ mình, cái nạn nguy vong, thực là do đây”. Đế lại hỏi về sự hiền ngu của kẻ sĩ nước Ngô, Oánh đều tùy người mà đối đáp.

Năm Thái Khang thứ ba thì chết. Soạn sách có tám chương, đặt tên là Tân nghị.

Tấn thư của Vương Ân viết: Con Oánh là Kiêm, tự Lệnh Trưởng, trong sạch có tài năng, có phong độ như người Trung Quốc, không như người Ngô. Làm qua Thặng tướng Trưởng sử của hai cung. Nguyên Đế lên ngôi, chuyển làm Đan Dương Doãn, Thượng thư, lại làm Thái tử Thiếu phó. Từ đời Tống đến đời Kiêm là ba đời, đều dạy Thái tử.

TRÌNH BÌNH TRUYỆN

Trình Bình tự Đức Xu, người huyện Nam Đốn quận Nhữ Nam. Theo học Trịnh Huyên, ⁽¹³⁾ sau đó tránh loạn đến Giao Châu, luận bàn đạo học với Lưu Hi, bèn thông hiểu ngũ kinh. ⁽¹⁴⁾ Sĩ Tiếp cho làm Trưởng sử. Quyên nghe nói Bình là nhà Nho giỏi, lấy lễ mà mời Bình. Đã đến, bái Thái tử Thái phó. Năm Hoàng Vũ thứ tư, Quyên cho Thái tử Đăng lấy con gái của Chu Du, Bình làm Thái thường, đón phi ở quận Ngô, Quyên tự đến thuyên của Bình, dùng lễ rất hậu. Đã về, Bình ung dung khuyên Đăng rằng: “Hôn nhân là cái gốc của đạo làm người, là cái nền của giáo hóa, cho nên vua hiên coi trọng việc ấy, do đó mới đứng đầu vạn dân, dạy dỗ thiên hạ vậy. Bởi thế kinh Thi khen bài hát Quan sư, ⁽¹⁵⁾ lấy làm bài đầu. Mong Thái tử tôn trọng lễ giáo với người vợ, giữ đi đầu mà Chu nam ⁽¹⁶⁾ khen tụng thì đạo hóa nổi rõ ở trên, tiếng khen vang vọng ở dưới vậy”. Đăng cười nói: “Chọn theo cái đẹp ấy, sửa nắn cái xấu ấy, thực là nhờ vào thầy dạy vậy”.

Bệnh chết tại sở quan, viết sách Dịch trích, Thượng thư bác, Luận ngữ bát, cả thầy hơn ba vạn chữ. Vào thời Bình làm thầy, quan Luật canh lệnh ⁽¹⁷⁾ người quận Hà Nam là Trưng Sùng cũng chăm học tu đức vậy.

Ngô lục viết: Sùng tự Tử Hòa, chú giải kinh Dịch, Xuân thu Tả thị truyện, lại giỏi thuật trị nhà. Vốn là họ Lí, gặp loạn mà đổi họ, rồi ẩn náu ở Cối Kê, tự thân cày bừa để lập chí. Những người tài năng theo học, chỉ dạy mấy người mà thôi, nhưng đã dạy tất thành công vậy. Giao kết với người như bọn Thặng tướng Bộ Chât, đều thân thiện. Nghiêm Tuấn tiến cử Sùng cho rằng là người có đức đủ để sửa tục, có tài học đủ để là thầy. Lúc trước gặp Thái tử Đăng, vì ốm đau nên không dạy. Các quan lại của Thái tử đều học hỏi. Thái tử cũng đem những việc lạ đến hỏi. Bảy mươi tuổi thì chết.

Khám Trạch tự Đức Nhuận, người huyện Sơn Âm quận Cối Kê. Nhà nhiều đời làm ruộng, đến đời Trạch ham học, nhà nghèo không có tiền, thường viết chữ thuê cho người khác để có bút giấy, đã viết chữ xong, nhằm đọc khắp cả. Tìm thầy luận giảng, xét kĩ các sách, hiểu cả lịch số, do đó nổi tiếng. Xét Hiếu liêm, làm Tiễn Đường Trưởng, chuyên làm Sâm

Lệnh. Tôn Quyên làm Phiếu kị Tướng quân, gọi đến làm Tây tào duyệt; đến lúc xưng tôn hiệu, lấy Trạch làm Thượng thư. Giữa năm Gia Hòa, làm Trung thư lệnh, bái thêm chức Thị trung. Năm Xích Ô thứ năm, bái Thái tử Thái phó, lĩnh chức Trung thư lệnh như cũ.

Trạch cho rằng lời văn trong kinh truyện nhiều, khó mà dùng hết, liền xem xét các nhà, tóm gọi lời văn mà chú giải các sách để trao cho hai cung, soạn lễ nghi đi ra và gặp tân khách, lại viết lời chú giải lịch Càn tượng (18) để phân rõ ngày tháng. Hễ triều đình bàn nghị, kinh truyện có chỗ hồ nghi, lại liền hỏi Trạch. Vì chăm chỉ học đạo Nho mà được phong làm Đô Hương Hầu. Tính khiêm nhường cẩn thận, các quan nhỏ trong cung phủ gọi đến hỏi, đều tỏ ý chống lại. Người ta có lỗi sai, miệng chưa từng nói đến, vẻ mặt như chẳng giỏi, nhưng hiểu biết sâu xa. Quyên từng hỏi rằng: “Sách truyện văn chương, bài nào là hay”? Trạch muốn mượn đây để nêu rõ việc trị loạn, nhân đó nói bài Quá Tồn luận của Giả Nghị là hay nhất, Quyên bèn xem đọc.

Lúc trước, Lữ Nhất tội ác phát rõ, quan coi việc xét tội nặng, tấu xin xử tội chết, có người cho là nên dùng hình phạt xắt xẻo để kể rõ tội ác. Quyên lại hỏi Trạch, Trạch nói: “Vào thời bình thịnh, không nên dùng hình phạt ấy”. Quyên nghe theo. Lại nữa các quan lại có chỗ lo lắng, muốn hỏi thêm để phòng ngừa, xem xét bọn cấp dưới, Trạch liền nói: “Nên theo lễ, luật”. Khám hòa thuận lại thẳng thắn, đều đại loại như thế.

Ngô lục viết: Ngụ Phiên khen Trạch nói: “Cái tài hoa của Khám tiên sinh như Dương Hùng (19) đất Thục”. Lại nói: “Đức hạnh đạo Nho của Khám Tử cũng như Trọng Thụ (20) ngày nay vậy”. Lúc trước, Văn Đế của nhà Ngụy lên ngôi, Quyền từng ung dung hỏi bày tỏ rằng: “Tào Phi đã lớn tuổi mà lên ngôi, ta sợ không bằng được hắn, các khanh thấy thế nào”? Bày tỏ không đáp, Trạch nói: “Chẳng đến mười năm, Phi tất chết vậy, Đại vương chớ lo”. Quyền nói: “Sao lại biết vậy”? Trạch nói: “Xét chữ mà nói, ‘bất thập’ là ‘phi’, (21) đây là số của hắn vậy”. Văn Đế quả nhiên làm vua được bảy năm thì băng. Thân là Tùng Chi tính ra tuổi Quyền lớn hơn Văn Đế năm tuổi, vậy thì già trẻ ít biệt vậy.

Mùa đông năm thứ sáu thì chết. Quyên đau lòng thương tiếc, mấy ngày chẳng chịu ăn cơm.

Bậc sinh trước trong châu của Trạch người quận Đan Dương là Đường Cố cũng tu thân chăm học, được khen là nhà Nho, viết Quốc ngữ chú, Công Dương truyện chú, Cốc Lương truyện chú, thường giảng dạy mấy

chục người. Quyên làm Ngô Vương, báí Cỗ làm Nghị lang, từ Lục Tốn đến bọn Trương Ôn, Lạc Thốđng đều kính phục Cỗ. Năm Hoàng Vũ thứ tư làm Thượng thư Bộc xạ, rồi chết.

Ngô lục viết: Cỗ tự Tử Chính, chết vào lúc hơn bảy mươi tuổi.

TRƯƠNG HOÀNH TRUYỆN

Trương Hoành tự Tử Cương, người quận Quảng Lăng. Du học ở kinh đô.

Ngô thư viết : Hoành vào trường học, giúp Bác sĩ Hàn Tông, chú giải Dịch truyện của họ Kinh, sách Thượng thư của họ Âu Dương, lại đến huyện Ngoại Hoàng theo Bộc Dương Khải chịu học Hàn thi, Lễ kí, Tả thị Xuân thu.

Về quận cũ, cử Mậu tài, quan phủ gọi, đầu không đến,

Ngô thư viết : Ba phủ của Đại tướng quân Hà Tiến, Thái úy Chu Tuấn, Tư không Tuấn Sảng gọi làm Duyệt thuộc, đều xưng bệnh không đến.

tránh nạn đến mi ền Giang Đông. Tôn Sách lập nghiệp, bèn đến gửi thân, cử làm Chính nghị Hiệu úy.

Ngô thư viết : Hoành cùng Trương Chiêu cùng bày mưu kế, thường sai một người ở lại giữ, một người theo đi đánh dẹp, sau đó Lữ Bố đánh lấy Từ Châu, nhân đó làm Châu mục, không muốn sai Hoành và Sách giúp việc. Xét từng cử Mậu tài, bèn gửi thư đến gọi Hoành. Trong lòng Hoành ghét Bố, coi cúi thân là nhục. Sách cũng quý tiếc Hoành, muốn Hoành tự giúp mình, đáp thư là không nghe, nói: “Biển sinh ngọc châu, ở đấy là vật báu. Dầu nước Sở có gỗ tốt nhưng nước Tấn mới dùng được. ⁽²²⁾ Bậc quân tử anh hào, đi đâu cũng được xem như vật báu, há chỉ ở quê mình mà thôi”?

Theo đi đánh quận Đan Dương, Sách tự thân xông trận, Hoành can ngăn, nói: “Chủ tướng là người tự mình bày ra mưu kế, quan hệ đến vận mệnh của ba quân, không nên coi nhẹ thân mình mà tự địch giặc nhỏ. Mong túc hạ coi trọng cái thân trời ban, giúp lòng mong mỏi của thiên hạ, chớ khiến người trong nước lo lắng”.

Năm Kiến An thứ tư, Sách sai Hoành đem thư đến đất Hứa, ở lại làm Thị ngự sử. Bọn Thiệu phủ Khổng Dung đều cùng thân thiện.

Ngô thư viết : Hoành đến, nơi triều đình cùng công khanh và quan lại cũ bày kê cái tài năng kì lạ của Sách, đẹp bằng ba quận, ⁽²³⁾ thổi gió rạp cỏ, lại thêm trung trình thành kính, theo thờ triều đình. Bấy giờ Tào Công làm Tư không, muốn ban ân dày để làm vui lòng người phương xa, liền rất xuýt xoa khen ngợi, đổi hiệu

phong tước, cho Hoành làm Duyện thuộc, dựng nhà cao, bái Thị ngự sử, sau đó lấy Hoành làm Cửu Giang Thái thú. Trong lòng Hoành vẫn nhớ ân cũ, muốn trái lệnh mà quay về, xưng bệnh cố từ chối.

Tào Công nghe tin Sách hoẵng, muốn nhân lúc tang mà đánh Ngô. Hoành can ngăn, cho rằng: “Nhân lúc người ta có tang mà đánh, đã không đúng phép xưa, vả lại nếu đánh không thắng thì gây thù bỏ thân, không bằng nhân đó mà đãi hậu”. Tào Công theo lời ấy, liễn cử Quyên làm Thảo lộ Tướng quân, lĩnh chức Cối Kê Thái thú. Tào Công muốn sau Hoành đến khuyên Quyên theo phục, cho Hoành ra làm Cối Kê đông bộ Đô úy.

Ngô thư viết : Quyên mới nối nghiệp, tuổi trẻ đang khỏe, thái phu nhân (24) thấy ngoài cõi nhiều nạn, bèn vỗ về an ủi, nhiều lần sai người đến thăm hỏi, tỏ ý để muốn giúp đỡ. Hoành liền viết thư đáp tạ, suy xét giúp sửa. Hễ có việc lớn mưu kín và các biểu chương thư từ gửi đi giao kết bốn phương, thường sai Hoành và Trương Chiêu soạn viết chép ra. Hoành thấy Phá lộ Tướng quân có công đánh đuổi Đông Trác, cứu giúp nhà Hán; Thảo nghịch Tướng quân dẹp bằng miền Giang Biểu, dựng nên nghiệp lớn, nên ghi chép lại để nêu rõ nghĩa lớn. Đã chép xong, trình cho Quyên, Quyên xem đọc mà cảm khái, nói: “Ông thực là biết công lao của nhà ta vậy”. Rồi sai Hoành đến bộ. Có kẻ cho rằng Hoành vốn nhận chức quan ở phía bắc, sợ Hoành có chí không dừng lại ở đây, nhưng Quyên không vì thế mà vương bận. Lúc trước, người quận Lang Nha là Triệu Dục làm Quảng Lăng Thái thú, xét Hoành cử Hiếu liêm, sau đó Dục bị Trách Dung giết, Hoành rất căm giận, nhưng sức chẳng đánh lại được. Con cái Dục chết cả, lúc Hoành đến tại Đông bộ, sai quan Chủ bạ đến quận Lang Nha cúng tế, lại tìm người thân thích cho làm dòng dõi của Dục, gửi thư cho Lang Nha Tướng là Tang Tuyên, Tuyên lấy đứa trẻ tròn năm tuổi là Triệu Tông làm người nối tự của Dục, Quyên nghe tin mà khen Hoành. Lúc đánh quận Giang Hạ, vì Đông bộ ít việc, sai Hoành về giữ, coi việc từ xa. Khổng Dung gửi thư cho Hoành rằng: “Nghe nói đại quân đánh sang phía tây, Túc hạ ở lại giữ. Nếu không có người ở lại thì ai giữ xã tắc? Hết sức gìn giữ cũng là công lớn vậy. Chẳng phải là cái chí của Lí Quảng, phấn nộ dựng tóc, vui một mình đánh chống Thiên vu (25) để tỏ hết cái khí mạnh chẳng? Nay nam bắc đều tự lập, việc đòi chẳng có việc, Tôn Quyên xếp qua, Giáng, Quán thô kệch, (26) ngày nay cũng có, chỉ dùng bắt bẻ, không cần gặp mặt, gây sâu thán thôi. Nay đường thẳng lối sạch, gặp nhau há lại khó sao”? Quyên vì công ở lại giữ của Hoành, muốn bàn công phong thưởng. Hoành cố tự nhún nhường, không dám nhận ân, Quyên không nỡ trái ý ấy. Thường ung dung dự hội yến, nói lời kín kẽ, thường để trào phúng.

Giang Biểu truyện viết : Lúc trước, Quyên ở trước mặt bày tôi thường gọi tên tự của họ, chỉ gọi Trương Chiêu là Trương Công, Hoành là Đông bộ, là vì trọng hai người vậy.

Sau đó Quyên lấy Hoành làm Trưởng sử, theo đi đánh quận Hợp Phì.

Ngô thư viết : *Lâu ngày không chiếm được thành Hợp Phì, Hoành bày kế nói: “Phép vây thành của người xưa là mở ra một phía để khiến cho quân địch nghi ngờ. Nay vây thành kín bưng, đánh thành lại gấp, e rằng quân địch sẽ dốc hết sức chống giữ. Quân địch lại liều chết mà đánh, cho nên khó hạ được. Nay nhân lúc quân cứu chưa đến, nên nói lỏng chút ít để xem sự biến”. Mọi người bàn không giống nhau. Gặp lúc quân kị đến cứu, nhiều lần đến vòng vây, rong ruổi dụ đánh.*

Quyên đem quân kị nhẹ muốn đến phá địch, Hoành can rằng: “Đao kiếm là vật xấu, đánh trận là việc nguy vậy. Nay túc hạ chỉ dựa vào cái khí thế vững mạnh mà lơ là quân định cường bạo, trong khắp ba quân, chẳng ai không lo lắng. Dẫu chém tướng chặt cờ, oai lừng trận giặc, nhưng đấy chỉ là cái sức của tướng khỏe, không phải là cái mưu của chủ帥 vậy. Mong tạm dừng cái sức của Bôn, Dục ⁽²⁷⁾ mà bày nghĩ cái mưu của bậc Bá vương”. Quyên nghe lời Hoành mà dừng. Đã về, năm sau lại muốn xuất quân, Hoành lại can rằng: “Từ xưa Đế Vương chịu mệnh, dẫu có anh linh tổ tiên giúp ở trên, người hiền đức ở dưới, cũng phải cậy vào võ công để nêu rõ công lao của mình. Nhưng chỉ gặp thời mới phát động, sau đó mới ra oai. Nay túc hạ chỉ gặp buổi loạn bốn trăm năm mới có một lần mà lập công cứu nguy mà thôi. Nên tạm dừng nghỉ việc quân, mở rộng cây cày, dùng người hiền tài, chăm ban ân đức, nếu thuận mệnh trời để đánh dẹp thì chẳng cần vất vả mà tự định vậy”. Do đó bèn dừng không đi. Hoành bày kế nên ra đóng đô ở Mạt Lăng, Quyên nghe theo.

Giang Biều truyện viết : *Hoành khuyên Quyền rằng: “Mạt Lăng là huyện mà Sở Vũ Vương lập vậy, có tên là Kim Lăng. Địa thế cao vững liền với Thạch Đầu, ta hỏi thăm người già có nói rằng: ‘Vào thời trước Tân Thủy Hoàng đi tuần thú phía đông đến quận Côi Kê có qua huyện ấy’. Người xem phong khí nói rằng: ‘Địa hình của đất Kim Lăng có khí kinh đô của bậc Đế Vương, cho nên Tân Thủy Hoàng đào chặn thế cao vững của đất ấy, lại đặt tên là Mạt Lăng. Nay chỗ ấy vẫn còn, đất có khí ấy, đấy là trời tạo ra vậy’. Nên lập kinh đô ở đấy”. Quyền khen lời bàn ấy nhưng chưa làm theo được. Sau đó Lưu Bị đến miền đông, trú ở Mạt Lăng, đi xem hình thế, cũng khuyên Quyền đóng đô ở đấy. Quyền nói: “Ý của người có trí thì giống nhau”. Bèn đóng đô ở đấy.*

Hiển Đế Xuân thu viết : *Lưu Bị đến kinh, bảo Tôn Quyền rằng: “Đất Ngô cách chỗ ấy mấy trăm dặm, nếu có nguy cấp thì có thể đến cứu nạn, Tướng quân không có ý đóng đô ở đấy sao”? Quyền nói: “Mạt Lăng có sông nhỏ dài hơn trăm dặm, dùng thuyền lớn đi được. Ta đang luyện quân thủy, sẽ đến giữ chỗ ấy”. Bị nói: “Vu Hồ gần Nhu Tu, cũng là đất lành”. Quyền nói: “Ta muốn đánh*

Từ Châu, nên dời đến gần đây”. Thân là Tùng Chi cho rằng: Mặt Lãng so với Vu Hồ, về đường lối cũng chẳng khác mấy, với việc xâm lấn miền bắc, cũng có khác gì? Vậy mà muốn dòm ngó Từ Châu, lại tham cái thế gần của Mặt Lãng, lí lẽ này là sai. Các sách đều chép Lưu Bị khuyên Quyền đóng đô ở Mặt Lãng, mà riêng sách này chép Quyền muốn đóng đô ở đây, lại càng lầm lẫn.

Sai về đất Ngô đón người nhà, trên đường đi bệnh chết. Lúc bệnh khốn, trao thư cho con là Tĩnh rằng: “Từ xưa người dựng nước lập nhà, đều nên tu đức ngay thẳng để gây dựng thời cường thịnh. Đến như việc chính trị ngày nay, phần nhiều chẳng lấy lòng. Nếu không có người trung hiền giúp đỡ thì chính trị đen tối, đây là do vua không kìm nén được lòng ham muốn riêng, chẳng dùng được người hiền vậy. Lòng người sợ việc khó lại thích việc dễ, ưa người cùng giống lại ghét kẻ khác giống, so với phép làm chính trị thì có trái ngược nhau. Truyện viết : ‘Làm việc việc thiện thì như leo núi, làm việc ác thì như núi lở’. Đây là nói về cái khó của làm việc làm điều thiện vậy. Nhà vua nối cơ nghiệp thời loạn, dựa vào hình thế của sông núi, tỏ cái oai ‘bát bính’, [\(28\)](#) vui cái trò ‘dễ theo’, [\(29\)](#)

Chu lễ - Thái tử chức viết : Dùng ‘bát bính’ để ngăn ngừa bảy tội của vua. Một là ban tước để ngăn ngừa sự tôn quý của họ. Hai là ban lộc để ngăn ngừa cái giàu có của họ. Ba là ban cấp để ngăn cái sung ái của họ, bốn là sắp đặt để ngăn ngừa việc làm của họ. Năm là ban cho sống để ngăn ngừa cái phúc của họ. Sáu bỏ thu tiền của để ngăn ngừa lòng tham của họ. Bảy là bãi chức để ngăn ngừa lỗi sai của họ. Tám là phạt tội để ngăn ngừa tội lỗi của họ.

không chịu bị người khác lấn lướt; nhưng trung thần nên dâng bày mưu kế cứu nạn, nói lời hay khó lọt tai nghe, những lời ấy dẫu không hợp ý vua vậy, nhưng cũng chẳng nên sao! Nếu có lỗi sai, nói lời giả dối, tỏ lòng trung nhỏ nhen để được ân sủng, nguyên nhân là kẻ hiền ngu lẫn lộn, người già trẻ trật lối, do đó gây ra rối loạn. Cho nên vua sáng phải biết được việc ấy, cầu người hiền như đói ăn khát nước, nghe lời can ngăn mà không chán mệt, nén bỏ ham muốn riêng để nêu rõ lẽ phải. Nếu vua trên chẳng nghe theo lời xấu thì kẻ tiểu nhân không mong được tin dùng vậy. Nên ban ân rộng rãi, bao bọc tha thứ, để tỏ lòng nhân lo lớn”. Bấy giờ chết vào lúc sáu mươi tuổi. Quyền xem thư mà chảy nước mắt.

Hoành viết thư, phú, minh, lự [\(30\)](#) có mấy chục quyển.

Ngô thư viết : Hoành thấy cái gồi làm bằng cái u của cây gỗ nam, [\(31\)](#) thích hoa văn trên ấy, bèn làm bài phú. Có người ở miền bắc là Trần Lâm thấy bài ấy, đem cho mọi người xem, nói: “Đây là bài phú mà người cùng quê của ta là Trương Tử Cương viết ra vậy”. Sau đó Hoành thấy Trần Lâm viết bài Vũ khố phú, Ứng cơ luận, gửi thư cho Lâm rất khen ngợi các bài ấy. Lâm đáp rằng: “Kẻ ngu này ở tại miền bắc sông Hoàng Hà, cách trở với thiên hạ, ở đây đại khái ít ưa với

người giỏi văn chương, nhưng dễ xưng hùng làm bá, cho nên kẻ hèn này được nhận lời khen hay đẹp, nhưng không phải là thật vậy”. Ngày nay Cảnh Hưng (32) ở đây, tức hạ và Tử Bõ (33) lại ở chỗ kia, đây gọi là kẻ ngu sánh với người giỏi, khí thần rất lắm vậy”. Hoành đã hay văn chương, lại giỏi viết chữ khải triện, (34) gửi thư cho Khổng Dung, tự viết chữ ấy. Dung gửi thư cho Hoành nói: “Trước tự tay viết chữ, phần nhiều là chữ triện. Hễ nâng sách xem chữ, vẫn vui cười mừng rỡ, như được thấy lại người vậy”.

Con là Huy ền, làm đến Nam Quận Thái thú, Thượng thư.

Giang Biều truyện viết : Hoành trong sạch có đức cao, nhưng tài không bằng Hoành.

Con Huy ền là Thượng,

Giang Biều truyện viết : Thượng có tài năng.

thời Tôn Hạo làm Thị lang, vì ăn nói nhanh nhẹn mà được biết tiếng, bá làm Thị trung, Trung thư lệnh. Hạo sai Thượng đánh trống gảy đàn, Thượng đáp rằng: “Thần vốn không biết”. Sai phải học đánh gảy. Sau đó có hội yến nói về cái tinh diệu của tiếng đàn, Thượng nhân đó nói: “Vua Bình Công của nước Tấn sai Sư Khoáng (35) gảy tiếng đàn trong triều, Khoáng nói là: ‘Vua ta đức mỏng, không đáng được nghe tiếng đàn ấy’”. Hạo trong lòng cho rằng Thượng nói thế để giấu mình, không vui. Sau mượn việc khác mà bắt Thượng vào ngục, đầu đem việc ấy mà xét hỏi.

Ngô kỉ của họ Hoàn viết : Hạo từng hỏi rằng: “Kinh Thi viết: ‘Chèo thuyền gỗ bách’, chỉ có gỗ bách làm thuyền chẵn”? Thượng đáp rằng: “Kinh Thi viết: ‘Thuyền gỗ từng chèo gối cối’, vậy thì gỗ từng cũng dùng để làm thuyền vậy”. Lại hỏi rằng: “Trong các loài chim lớn chỉ có chim hạc, (36) chim nhỏ chỉ có chim tước (37) chẵn”? Thượng đáp nói: “Chim lớn thì có chim bằng thu, (38) chim nhỏ thì có chim tiêu liêu”. (39) Tính Hạo ghét những ai hơn mình, mà Thượng bàn luận thường tỏ ra trước mặt mình, do đó càng thêm ghét. Sau lại hỏi rằng: “Ta uống rượu đến cỡ nào”? Thượng đáp nói: “Bệ hạ uống được trăm cốc”. Hạo nói: “Thượng biết Khổng Khâu không làm vua, mà lại sánh với ta”? (40) Nhân đó cả giận sai người bắt lấy Thượng. Thượng thư Sâm Hôn đem hơn trăm người từ bọn Công khanh trở xuống đến cung rạp đầu xin tha, đó đó Thượng được giảm tội chết.

Sai đến quận Kiến An làm thuy ền. Lâu sau, lại đến ban giết.

Lúc trước, người cùng quận với Hoành là Tần Tùng tự Văn Biều, Trần Đoan tự Tử Chính, đầu cùng Hoành được Sách đối đãi, tham dự bày mưu, nhưng đầu chết sớm.

NGHIÊM TUẤN TRUYỆN

Nghiêm Tuấn tự Mạn Tài, người quận Bành Thành. Thừa trể ham học, giỏi đọc kinh Thi, kinh Thư, Tam lễ, (41) lại ưa xem sách Thuyết văn. (42) Tránh loạn đến miền Giang Đông, cùng thân thiện với Gia Cát Cẩn, Bộ Chất. Tính thẳng thắn thật thà, đối với mọi người đều nói rõ lẽ phải, có ý giúp đỡ. Trương Chiêu tiến cử với Tôn Quyền, Quyền cho làm Kị Đô úy, Tòng sự Trung lang. Lúc Hoàn giang Tướng quân Lỗ Túc chết, Quyền lấy Tuấn thay Túc, đốc lĩnh vạn quân, đóng giữ Lục Khẩu. Mọi người đều mừng cho Tuấn, Tuấn trước sau cố từ chối rằng: “Ta vốn là người đọc sách, không thạo việc quân, chẳng có tài mà giữ chức ấy, tất dẫn đến lỗi lầm”. Nói lời khảng khái đến chảy nước mắt.

Chí lâm viết : Quyền lại thử Tuấn cưỡi ngựa, lên ngựa làm rơi cả yên.

Quyền đành nghe theo. Người đời khen Tuấn biết được cái tài của mình mà nhún nhường. Quyền làm Ngô Vương, rồi xưng tôn hiệu, Tuấn từng làm Vệ úy, đi sứ đến nước Thục, Thặng tướng của nước Thục là Gia Cát Lượng rất khen Tuấn. Không chứa bồng lộc, đều chia ra cho họ hàng bạn bè, nhà thường không đủ. Người quận Quảng Lăng là Lưu Dĩnh có quen biết với Tuấn, Dĩnh học giỏi mà ở quê nhà, Quyền nghe tin liền gọi đến, lấy cớ bệnh không đến. Em Dĩnh là Lược làm Linh Lăng Thái thú, chết ở sở quan, Dĩnh đến dự tang, Quyền biết Dĩnh giả bệnh, sai người ruổi nhanh đến bắt lấy. Tuấn cũng nhanh đến khuyên Dĩnh, sai về tạ lỗi với Quyền. Quyền giận mà bãi chức Tuấn, rồi Dĩnh cũng được thoát tội. Lâu sau, lấy Tuấn làm Thượng thư lệnh, rồi đó thì chết.

Ngô lục viết : Bấy giờ Tuấn bảy mươi tám tuổi. Hai con là Khải, Sảng. Sảng làm đến Thặng bình Thiệu phủ,

Tuấn soạn sách Hiếu kinh truyện, Triêu thủy luận, lại cùng Bùi Huyên, Trương Thặng (43) bàn về Quản Trọng, Quý Lộ, (44) đều truyền cho đời. Huyên tự Ngạn Hoàng, người quận Hạ Bì, cũng có tài học, làm đến Thái trung Đại phu. Hối con là Khâm về sự tài giỏi của bốn người Tề Hoàn,

Tấn Văn, Di, Huệ, [\(45\)](#) Khâm đáp đi ầu mà mình được thấy, trái ngược nhau với Huy ền, nhưng ầu có lí lẽ. Khâm giao kết với Thái tử Đ ăng, Đ ăng khen văn chương của Khâm.

Bình rằng Trương Hoàn có văn chương hay đẹp, người ời xem trọng, được Tôn Sách ối ối chỉ sau Trương Chiêu, thực là vì lẽ ấy. Bọn Nghiêm, Trình, Khâm là nhà Nho một thời vậy. Đến như Tuấn từ chối vinh hiển để giúp người quen cũ, cũng chẳng phải là người cao cả sao! Tiết Tống hiểu biết phép tắc, là tôi giỏi của nước Ngô, rồi Oánh nối theo, có đủ phong thái của tổ tiên, dẫu gặp triều đình tàn bạo mà vẫn được rạng rỡ, đại khái là bậc quân tử vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Mạnh Thường Quân: tên là Điền Văn (田文), người nước Tề thời Chiến quốc, nối tục cha là Điền An được phong ở ấp Tiệt, đặt hiệu là Mạnh Thường Quân, tính hào hiệp rộng rãi, trong nhà nuôi mấy nghìn tân khách, nổi tiếng chư hầu.*

(2) *Lưu Hi: Lưu Hi tự Thành Quốc, người quận Bắc Hải, giữa những năm Kiến An thời Hiến Đế của nhà Hán tránh nạn đến Giao Châu, viết sách Thích danh, Mạnh Tử chú*

(3) *Miền tây: tức nước Thục ở phía tây.*

(4) *Có ‘chó’ là ‘độc’, không có ‘chó’ là ‘thực’, ‘mắt’ ngang ‘thân’ uốn, ‘trùng’ vào trong bụng”: chữ thực (蜀) là tên nước Thục, gồm chữ mục (𠂔) nằm ngang và chữ trùng (虫) ở trong chữ bao (勹). Thêm chữ khuyên (犛) thì thành chữ độc (獨) nghĩa là một loài vượn lớn.*

(5) *Không ‘miệng’ là ‘trời’, có miệng là ‘ngô’: chữ ngô (吳) là tên nước Ngô, gồm chữ khẩu (口) ở trên và chữ thiên (天) ở dưới. Bỏ chữ khẩu thì thành chữ thiên (天) nghĩa là trời vậy. Còn viết là ngô (吳) gồm chữ khẩu (口) ở trên và chữ thi (矢) ở dưới.*

(6) *Triệu Đà nổi dậy ở Phiên Ngung: Triệu Đà là người huyện Chân Định, thời Tần làm Nam Hải Úy. Lúc nhà Tần diệt, liền đem quân đánh chiếm cả quận Quế Lâm, Tượng quận, tự lập làm Nam Việt Vương, đóng đô ở Phiên Ngung, truyền nước năm đời chín mươi ba năm thì bị Vũ Đế của nhà Hán đánh diệt, chia nước lập ra chín quận.*

(7) *Quận Châu Quan: vốn tên là quận Hợp Phố, năm Hoàng Vũ thứ bảy thời Tôn Quyền đổi tên là quận Châu Quan vậy.*

(8) *Tóc búi chân trần, đầu quấn cúc trái: tức tục búi tóc, đi chân trần, đầu quấn khăn, cài cúc áo bên trái, là tục của người Giao Châu thời xưa.*

(9) *Ngày xưa Khổng Tử mắc bệnh, mượn lời nói về việc cưỡi bè vượt biển, Quý Do dẫu vui nhưng không biết lấy gỗ ở đâu làm bè: ngày xưa*

Khổng Tử buồn bực vì đạo pháp của mình không được tin dùng, muốn vượt biển Bột Hải để đến đất Đông Di, hỏi rằng: “Đạo ta chẳng được dùng, muốn cưỡi thuyền bè vượt biển, ai muốn cùng ta đi không”? Quý Do (tức Tử Lộ) nghe nói vậy mà vui mừng xin đi cùng. Nhưng Khổng Tử lại nói: “Quý Do cũng dũng cảm hơn cả ta vậy, nhưng không biết lấy gỗ ở đâu mà làm bè”. Đại khái là Khổng Tử chỉ nói đùa thôi, dẫu muốn đến ở đất Đông Di (tức nước Triều Tiên, Tam Hàn ngày xưa) nhưng việc tự làm bè vượt biển Bột Hải (biển Hoàng Hải ngày nay) là việc xa vời khó làm được.

(10) Nguyên Đế của nhà Hán muốn ngồi thuyền lâu, Tiết Quang Đức xin được cắt cổ để lấy máu nhuộm xe: theo Hán thư - Tiết Quang Đức truyện chép rằng: Nguyên Đế của nhà Hán đi tế tông miếu, muốn thuyền lâu, Tiết Quang Đức bấy giờ làm quan Ngự sử Đại phu can ngăn khuyên nên đi trên cầu, vua không nghe, bèn nói rằng: “Nếu Bệ hạ không nghe lời thần thì thần tự cắt cổ lấy máu nhuộm xe để Bệ hạ không vào tế tông miếu được vậy”! Do đó Nguyên Đế sợ, bèn đi trên cầu. Ý nói đi cầu thì yên, đi thuyền thì nguy.

(11) ‘Đứa con ngàn vàng không ngồi gần vách’: ý nói đứa con nhà giàu có nghìn vàng không ngồi ở gần vách vì sợ bị gạch ngói bên hiên đổ xuống gây nguy hại thương tật hoặc uống mạng.

(12) Tư Mã Thiên, Ban Cố: Tư Mã Thiên tự Tử Trường, thời Vũ Đế của nhà Hán, làm Thái sử lệnh, soạn Sử kí. Ban Cố tự Mạnh Kiên, thời Minh Đế của nhà Hán soạn Hán thư.

(13) Trịnh Huyền: Trịnh Huyền tự Khang Thành, người quận Bắc Hải thời Đông Hán, học rộng biết nhiều, chú giải các sách Chu dịch, Thượng thư, Mao thi, Lễ kí, Luận ngữ...

(14) Ngũ kinh: chỉ năm kinh Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân thu, tương truyền do Khổng Tử soạn, còn có kinh Nhạc cho nên có khi gọi là ‘lục kinh’, nhưng kinh Nhạc đã mất.

(15) Quan sư: là một bài hát trong kinh Thi, nói về người chồng nhớ vợ.

(16) Chu nam: là một chương trong kinh Thi, có cả thấy mười một bài hát, nói về vợ chồng, con cái.

(17) Luật canh lệnh: Luật canh lệnh là tên chức quan có từ thời Tần, nhà Hán noi theo, là một chức giúp việc của Thái tử.

(18) *Lịch Càn tượng*: là một cách tính lịch do người quận Thái Sơn là Lưu Hồng (劉洪) cuối thời Đông Hán tính ra, được nước Ngô dùng từ năm Hoàng Vũ thứ hai thời Tôn Quyền đến lúc nhà Ngô diệt.

(19) *Dương Hùng*: Dương Hùng tự Tử Vân, người huyện Thành Đô quận Thục thời Tây Hán, học rộng biết nhiều, viết sách Thái huyền, Phương ngôn.

(20) *Trọng Thư*: tức Đồng Trọng Thư, người huyện Quảng Xuyên thời Tây Hán, học rộng đạo Nho.

(21) ‘Bất thập’ là ‘phi’: chữ phi (丕) là tên của Ngụy Văn Đế là Tào Phi, gồm chữ bất (丕) và chữ thập (十), ‘bất thập’ nghĩa là ‘không đến mười’. Ý nói Tào Phi làm vua không đến mười năm. Chữ phi (丕) đúng ra là gồm chữ chữ bất (丕) và chữ nhất (一).

(22) *Dẫu nước Sở có gỗ tốt nhưng nước Tấn mới dùng được*: theo Xuân thu Tả truyện chép: “Quan Đại phu của nước Sở là Ngũ Cử (伍舉) có tài năng nhưng bị người Sở ruồng bỏ, chạy sang ở nhờ nước Tấn. Quan Lệnh doãn của nước Sở là Tử Mộc bấy giờ đi sứ nước Tấn, hỏi quan Đại phu của nước Thái là Thanh Tử (聲子) cũng đang ở đấy rằng: ‘Quan Đại phu của nước Tấn so với quan Đại phu của Sở, ai hiền hơn?’ Tử Thanh nói: ‘Quan Đại phu của Tấn không bằng Đại phu của nước Sở, quan Đại phu của nước Sở thì hiền tài, như gỗ tốt vậy. Dẫu nước Sở có gỗ tốt ấy, nhưng nước Tấn mới dùng được’”. Ý nói rằng Trương Hoàn là người quận Quảng Lăng thuộc Từ Châu nhưng không được quan phủ Từ Châu dùng được, chỉ có quan ở đất Ngô thuộc Dương Châu là Tôn Sách dùng được thôi.

(23) *Đẹp bằng ba quận*: ý chỉ đánh chiếm được ba quận Ngô, Cối Kê, Đan Dương ở miền Giang Đông.

(24) *Thái phu nhân*: chỉ phu nhân Ngô thị, là vợ của Tôn Kiên, mẹ của Tôn Quyền.

(25) *Lí Quảng kết tóc hăng hái, vui một mình đánh chống với Thiên vu*: theo Sử kí - Lí Tưong quân liệt truyện chép: “Lí Quảng là tướng giỏi ở nơi biên giới phía bắc thời Vũ Đế của nhà Hán, bấy giờ tuổi già, theo Đại tướng quân Vệ Thanh đi đánh người Hung Nô, Vệ Thanh ngầm nghe lời vua dặn chớ để Quảng địch với Thiên vu của người Hung Nô vì sợ lâm lãn. Quảng nói: ‘Thần từ khi kết tóc mà đánh với người Hung Nô, nay mới

được đánh với Thiên vu. Thần xin đi đâu đánh với Thiên vu trước'. Nhưng Vệ Thanh không nghe, sau đó Quảng giận mà tự đâm cổ chết.

(26) *Giáng, Quán thô kệch*: Giáng chỉ Giáng Hâu là Chu Bột, Quán chỉ Dĩnh Âm Hâu là Quán Anh, là người vũ dũng thô kệch, công thần của nhà Hán. Vào thời Văn Đế dùng người trẻ tuổi có tài văn chương là Giả Nghị làm chức cao, nhưng bị Giáng, Quán ghen tài mà chê bai, Giáng Nghị đi làm Thái phó của nước Trường Sa.

(27) *Bôn, Dục*: tức Mạnh Bôn (孟賁) và Hạ Dục (夏育), là dũng sĩ người nước Vệ thời Xuân thu, có sức khỏe hơn người.

(28) *'Bát bính'*: chỉ tám cách ngăn ngừa trông coi bảy tội của Đế vương thời xưa.

(29) *'Dễ theo'*: ý nói vui cái vui sướng, ham muốn thường ngày.

(30) *Thơ, phú, minh, lụy*: thơ (诗) là thể văn có vần điệu, phú (赋) là thể văn có vần điệu tả cảnh hoặc tự thuật, minh (铭) là thể văn ghi chép công đức hoặc tự răn mình, lụy (诔) là thể văn có vần điệu để viếng và ca ngợi công đức của người đã mất.

(31) *Cái u của cây gỗ nam*: tức cái bướu trên thân cây nam, dùng để làm các đồ vật có hoa văn đẹp.

(32) *Cảnh Hưng*: tức Vương Lang (王朗) tự Cảnh Hưng, người quận Đông Hải.

(33) *Tử Bối*: tức Trương Chiêu (张昭) tự Tử Bối, người quận Bành Thành.

(34) *Chữ khai triện*: tức chữ khai và chữ triện.

(35) *Sư Khoáng*: Sư Khoáng (师旷) tự Tử Dã, người ấp Dương nước Tấn thời Xuân thu, giỏi âm nhạc, thời vua Bình Công của nước Tấn làm thầy nhạc.

(36) *Chim hạc*: hạc (鹤) là một loài chim lớn, đầu nhỏ, chân dài, cổ dài, đầu và đuôi có lông xám, lông giữa thân màu trắng, ăn cá, sò hến, hoặc rêu cỏ ở bên hồ nước, biểu tượng cho sự sống lâu.

(37) *Chim tước*: tước (雀) là một loài chim nhỏ, đuôi ngắn, ăn hạt cây hoặc con trùng.

(38) *Chim bằng thu*: bằng thu (秃鹫) là loài chim giống hạc, nhưng to hơn, đầu và cổ không có lông, lông thân màu xanh đen, ưa ăn cá, rắn, tính

hung tợn.

(39) Chim tiêu liêu: tiêu liêu (鸛鷀) là một loài chim nhỏ, lông màu xám hoặc màu đen, thường ăn côn trùng hoặc nhện.

(40) Thượng đáp nói: “Bệ hạ uống được trăm cốc”. Hạo nói: “Thượng biết Khổng Khâu không làm vua, mà lại sánh với ta”!: theo sách Khổng Tử người nước Tân thời Chiến quốc là Khổng Phụ (孔鮒) chép: “Ngạn ngữ nói: ‘Vua Nghiêu, vua Thuấn uống được nghìn vò rượu, Khổng Tử uống được trăm cốc rượu, Tử Lộ nhấm nháp, chỉ uống mười chén’”. Ý nói Hạo giận vì Thượng không sánh với vua Nghiêu, vua Thuấn uống được nghìn vò rượu mà lại sánh với Khổng Tử chỉ uống được trăm cốc, có ý không xem Hạo là vua mà chỉ xem là tôi thân.

(41) Tam lễ: chỉ ba sách Chu lễ, Nghi lễ do Chu Công là Cơ Đán soạn, Lễ kí tương truyền là do nhiều nhà Nho từ thời Chiến quốc đến thời Tân, Hán soạn, được ấn định vào thời Hán.

(42) Thuyết văn: còn gọi là Thuyết văn giải tự do người quận Nhữ Nam là Hứa Thận (许慎) thời Đông Hán soạn.

(43) Trương Thặng: Trương Thặng (张承) tự Trọng Tự, là con của Trương Chiêu vậy.

(44) Quản Trọng, Quý Lộ: Quản Trọng (管仲) còn có tên là Quản Di Ngô, làm Tướng quốc của vua Hoàn Công của nước Tề thời Xuân thu, xưng bá chư hầu. Quý Lộ (季路) tự Tử Lộ, họ Trọng, tên Do, còn gọi là Quý Do, từng làm người nhà của họ Quý cho nên được gọi là Quý Lộ, là học trò giỏi của Khổng Tử.

(45) Tề Hoàn, Tấn Văn, Di, Huệ: Tề Hoàn chỉ vua Hoàn Công của Tề, Tấn Văn chỉ vua Văn Công của nước Tấn thời Xuân thu, đều một thời xưng bá. Di chỉ Bá Di (伯夷), họ Mặc Thai, cùng Thúc Tề là hai anh em của vua nước Cô Trúc thời vua Trụ của nhà Thương, khi vua Vũ Vương của nhà Chu đánh vua Trụ, diệt nhà Thương, hai anh em bỏ lên núi Thử Dương ăn rau cỏ, không chịu ăn thóc của nhà Chu, cuối cùng chết đói trên núi. Huệ chỉ Liễu Hạ Huệ (柳下惠), họ Triễn, tên Hoạch, tự Cầm, người nước Lỗ thời Xuân thu, được phong ở ấp Liễu Hạ, thụy là Huệ, do đó gọi là Liễu Hạ Huệ, tính thẳng thắn, giữ đạo tốt.

QUYỂN 9 - CHU DU LỖ TÚC LÃ MÔNG TRUYỆN

Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông

CHU DU TRUYỆN

Chu Du tự Công Cẩn, người huyện Thục quận Lư Giang. Tổ phụ là Cảnh, con Cảnh là Trung, đầu làm quan Thái Úy nhà Hán. Cha Du là Dị, làm Lạc Dương lệnh.

Hậu Hán thư của Tạ Thừa viết : Cảnh tự Trọng Hương, thời trẻ làm quan ngay thẳng được ca tụng, thường dùng những người có học làm Hiếu Liêm, cho vờ đến công phủ. Sau Cảnh làm Thứ sử Dự Châu, dùng người ở Nhữ Nam là Trần Phồn làm Biệt Giá, người ở Dĩnh Xuyên là Lý Ứng-Tuân Cỗn-Đỗ Mật, người ở nước Bái là Chu Ngụ làm Tòng sự, đều là kẻ sĩ anh tuấn trong thiên hạ cả. Ít lâu sau Cảnh được thăng đến chức Thượng thư lệnh, rồi thăng lên làm Thái Úy.

Hán kỷ của Trương Phan viết : Cha Cảnh là Vinh, đời Chương đế-Hoà đế làm Thượng thư lệnh.

Du cao lớn cường tráng có tư nhan. Ban đầu, Tôn Kiên hưng nghĩa binh đánh Đổng Trác, dời gia quyến đến huyện Thục. Con của Kiên là Sách cùng bằng tuổi với Du, kết bạn thân thiết, Du nhường gian nhà phía Nam cho Sách làm chỗ trọ, lại lên nhà lạy mẹ Sách, có đồ đạc gì cùng dùng chung.

Chú của Du là Thượng làm Thái thú Đan Dương, Du thường đến chơi. Gặp lúc Sách sắp sang sông về Đông, tới Lịch Dương, bèn viết thư cho Du, Du đem binh đến nghênh đón Sách. Sách rất mừng nói: “Ta gặp được khanh, việc vừa ta xong rồi vậy.” Rồi theo đi đánh Hoàn Giang-Đương Lợi, đầu lấy được. Lại qua sông đánh Mạt Lăng, phá Trích Dung-Tiết Lễ, vòng sang đánh Hồ Thục-Giang Thừa, tiến vào Khúc A, Lưu Do phải bỏ chạy, lúc ấy quân của Sách đã có đến mấy vạn. Sách nhân đó bảo Du rằng: “Ta dùng quân số này đủ để lấy Ngô Hội, bình Sơn Việt, khanh hãy về trấn thủ Đan Dương.” Du bèn quay về. Ít lâu sau, Viên Thuật phái em họ là Dận tới thay Thượng làm Thái thú, Du và Thượng cùng về Thọ Xuân. Thuật muốn lấy Du làm tướng, Du xem chừng Thuật sau này không làm nên trò trống gì, mới cố xin làm trưởng huyện Cư Sào, muốn nhờ đó quay về phía đông, Thuật nghe theo. Du từ Cư Sào quay về Ngô quận. Năm ấy, là năm

Kiến An thứ ba. Sách thân đến đón Du, trao cho chức Kiện uy trung lang tướng, lập tức cấp cho hai ngàn bộ binh, năm mươi kỵ binh.

Giang Biều truyện viết : Sách lại cấp cho Du một toán quân nhạc, sửa sang nhà cửa, ban tặng cho nhiều thứ khác. Sách hạ lệnh rằng: “Chu Công Cẩn anh tuấn có tài lạ, cùng với Cô là bạn hữu từ thuở còn ở chòm, thân như cốt nhục. Lúc trước ở Đan Dương, phát binh cùng với thuyền tải lương giúp ta lập nên đại sự, luận ơn đức để bồi đắp công lao, như thế cũng chưa đủ để báo đáp vậy.”

Năm ấy Du hai mươi bốn tuổi, người ở Ngô quận đều gọi Du là Chu lang. Bởi Du ân uy tín nghĩa rõ rệt ở Lư Giang, được cho đi phòng giữ ở Ngưu Chử, sau Du làm trưởng huyện Xuân Cốc. Ít lâu sau, Sách muốn chiếm châu Kinh, mới lấy Du làm Trung hộ quân, lĩnh chức Thái thú Giang Hạ, theo đánh Hoãn thành, lấy được. Bấy giờ gặp được hai người con gái của Kiều Công, đều là bậc quốc sắc cả, Sách cưới Đại Kiều, Du cưới Tiểu Kiều.

Giang Biều truyện viết : Sách coi dung nhan xong đùa cợt Du rằng: “Hai cô con gái của Kiều Công tuy phải chia xa, nhưng được hai chàng rể ở đất Ngô, tưởng cũng đủ vui sướng vậy.”

Lại tiến đến Tâm Dương, phá Lưu Huân, đánh dẹp ở Giang Hạ, rồi quay binh về bình định Dự Chương-Lư Lăng, lưu Du ở lại trấn thủ Ba Khâu.

Thần Tòng Chi xét: Tôn Sách lúc mới lấy được Dự Chương-Lư Lăng, còn chưa bình định được Giang Hạ. Du đến trấn thủ nơi đó, ứng với huyện Ba Khâu bấy giờ, rồi sau này lại kể là bình định Ba Khâu xem ra có sự bất đồng.

Năm thứ năm, Sách mất, Quyển nắm giữ chính sự. Du đưa binh tới dự tang, rồi ở lại Ngô quận, làm Trung hộ quân cùng với Trưởng sử Trương Chiêu chung sức chấp chưởng chính sự.

Giang Biều truyện viết : Tào Công mới phá được Viên Thiệu, binh lực ngày một thịnh, năm Kiến An thứ bảy, hạ chiếu thư yêu cầu Quyển gửi con tin. Quyển triệu tập quần thần thương nghị, bọn Trương Chiêu-Tân Tòng đều do dự không quyết, bản ý Quyển không muốn gửi con tin, bèn dẫn riêng Du đến trước mặt mẫu thân bàn định, Du nói: “Xưa kia nước Sở ban đầu được phong ở một góc Kinh Sơn, đất đai chỉ chừng trăm dặm, người kẻ tự là bậc hiền tài, khai đất mở cõi, gây dựng cơ nghiệp ở đất Dĩnh, rồi chiếm cứ vùng Kinh Dương, kéo đến tận Nam Hải, cơ nghiệp truyền đời, đã hơn chín trăm năm. Nay tướng quân lên nối nghiệp cha anh, kiêm gồm dân chúng ở sáu quận, binh mạnh lương nhiều, tướng sĩ theo lệnh, đào núi thì lấy được đồng, nấu nước biển làm được muối, trong cõi giàu có, lòng dân không loạn, ta cũng buồm bơi thuyền, sớm đi tối đến, quân sĩ dũng mãnh, hướng về đâu là không ai chống được, có gì bức bách, mà phải gửi con làm tin? Một khi đã gửi con tin vào triều, chẳng thể không cùng với họ Tào

cứu giúp lẫn nhau, đã cứu giúp lẫn nhau, thì lúc có mệnh triệu chẳng thể không đến, thế là bị người ta kiềm chế vậy. Ngồi cao bất quá được một tước hầu, quân tùy tùng hơn chục người, xe mây cỗ, ngựa vài đôi, há có thể ngoảnh mặt về nam xưng cô được nữa chăng? Chẳng bằng không chịu để người ta sai khiến, nên quyền biến từ quan. Nếu họ Tào có thể giương cao chính nghĩa để chấp chính thiên hạ, tướng quân hãy theo về cũng chưa muộn. Nếu họ mưu toan gây loạn, việc binh như lửa cháy, chẳng nên để mình bị thiêu được. Tướng quân nên gắng sức kháng cự, để đợi mệnh trời, sao phải đưa gửi con tin làm chi!” Mẹ Quyền nói: “Lời bàn của Công Căn đúng lắm. Công Căn cùng với Bá Phù cùng tuổi, nhỏ hơn một tháng, ta coi như con ta, mà phải thờ như anh trai vậy.” Quyền bèn không đưa con đến làm tin.

Năm thứ mười một, Du đốc suất bọn Tôn Du đánh dẹp hai đôn Ma-Bảo, chém bêu đầu bọn thủ lĩnh, bắt sống hơn vạn người, rồi quay về phòng bị Quan Đình (Cung Đình).

Thái thú Giang Hạ là Hoàng Tổ phái tướng là Đặng Long đem mấy ngàn binh xâm nhập Sài Tang, Du đem binh truy kích, bắt sống Đặng Long đưa về Ngô quận. Năm Kiến An thứ mười ba mùa xuân, Quyền chinh phạt Giang Hạ, Du được làm Tiền bộ đại đốc.

Tháng chín năm ấy, Tào công thâm nhập Kinh châu, Lưu Tông dẫn chúng ra hàng, Tào công thu được hết thủy quân, thuyền bè và mấy chục vạn quân bộ, tướng sĩ hay tin đầu kinh hãi. Quyền mời quần hạ đến, hỏi kế sách. Hết thấy kẻ bàn luận đầu nói: “Tào công là kẻ sài lang, nhưng giả danh là tướng nhà Hán, ép thiên tử để chinh phạt bốn phương, nói là làm việc vì triều đình, nay chúng ta chống cự lại, là việc chẳng thuận lẽ. Vả lại cái ưu thế lớn của tướng quân, có thể lấy đó để cự với Tháo, là Trường Giang vậy. Nay Tháo lấy được Kinh Châu, chiếm hết đất ấy, nắm giữ được thủy quân của Lưu Biểu, chiến hạm che kín mặt sông, có đến mấy nghìn chiếc, toàn bộ quân Tháo men theo sông, kèm gồm bộ binh, thủy lục cùng tràn xuống, thế là cái hiểm của Trường Giang, địch đã chia xẻ cùng với chúng ta vậy. Mà thế lực đông ít khác nhau, chẳng cần phải bàn đến nữa. Ngụ ý cho rằng đại kế chẳng gì bằng nghênh đón Tháo.” Du nói: “Không đúng. Tháo tuy giả danh là tướng nhà Hán, kỳ thật là giặc nhà Hán vậy. Tướng quân là bậc thần vũ hùng tài, kiêm quân cơ nghiệp của cha anh, chiếm cứ Giang Đông, đất đai vuông mấy ngàn dặm, binh mạnh đủ dùng, kẻ anh hùng vui nghiệp, còn phải tung hoành thiên hạ, vì nhà Hán trừ đũa bạo tàn diệt bỏ kẻ ô uế. Huống chi Tháo tự đem cái chết đến, mà lại ưng chịu nghênh đón y sao? Tôi xin vì tướng quân mà trừ tính: Nay ví như đất

Bắc đã yên, Tháo trong bụng không có gì phải lo lắng, có thể phí phạm ngày giờ để lâu không xong việc, đến tranh giành ở đất ngoài, đâu đã dễ tranh thắng phụ với chúng ta bằng thuyền chiến đây? Nay đất Bắc đã không yên bình, hơn nữa Mã Siêu-Hàn Toại còn ở cửa ngõ phía Tây, là mối lo sau lưng Tháo vậy. Lại cỡi bỏ yên ngựa, khua động mái chèo, cùng với Ngô Việt đua tranh, vốn chẳng phải là sở trường của quân Trung Quốc. Lại nữa là hiện nay trời rất lạnh, ngựa không có cỏ khô ăn, binh sĩ Trung Quốc ruỗi ngựa lặn lội đến nơi sông hồ, không quen thủy thổ, tất sẽ sinh bệnh tật. Bốn đi đầu ấy, chính là mối lo lắng của kẻ dùng binh vậy, thế mà Tháo vẫn mạo hiểm hành binh. Tướng quân bắt được Tháo, xong việc là ở hôm nay vậy. Du này xin được cấp ba vạn tinh binh, tiến đến đóng giữ Hạ Khâu, bảo đảm sẽ vì tướng quân mà phá tan quân giặc.” Quyền nói: “Lão tặc muốn phễ Hán tự lập đã lâu rồi, còn ỷ kỵ có hai nhà họ Viên-Lã Bố-Lưu Biểu và cô này thôi. Nay mấy kẻ anh hùng kia đã bị diệt, duy có cô vẫn còn đây, cô cùng với lão tặc, thế chẳng cùng đứng. Người nói nên đánh, rất hợp ý cô, ấy thực là trời đem người đến cho ta vậy.”

Giang Biểu truyện viết : Quyền chụp thanh đao phạt đứt góc bàn ở trước mặt nói: ” Chưa tướng còn ai dám nói đến việc đón rước Tháo, sẽ giống như cái bàn này!” Đến đêm tan hội, Du vào gặp Quyền nói: “Mọi người thấy thư của Tháo, nói rằng quân thủy bộ có tám mươi vạn, đều kinh sợ mất vía, chẳng suy xét rõ thực hư, đưa ra lời bàn luận như thế, thật là vô vị vậy. Nay cứ thật mà tính, số người Trung Quốc đem theo, bất quá chừng mười lăm mười sáu vạn, vả lại quân ấy đã mệt mỏi rồi, quân số thu được của Biểu, nhiều lắm cũng chỉ bảy tám vạn thôi, nhưng còn mang lòng nghi hoặc. Lấy đám quân lính mỗi một, chế ngự số đông quân sĩ hồ nghi, binh kia đâu có đông, chẳng có gì phải sợ. Có được năm vạn binh, là đủ để khắc chế địch rồi, xin tướng quân chớ lo lắng.” Quyền vỗ vào vai Du nói: “Công Căn, khanh nói như thế, rất hợp với bụng cô. Những kẻ như Tử Bô-Văn Biểu, đều chỉ nghĩ đến vợ con, để ta phải ôm mối lo, khiến ta rất thất vọng, chỉ có khanh cùng Tử Kính và cô là cùng ý mà thôi, thật là trời đem hai người bọn khanh tới giúp cô vậy. Nhưng năm vạn quân thì khó mà tập hợp ngay được, giờ đã tuyển được ba vạn người, thuyền lương chiến cụ đều đủ cả, khanh hãy cùng với Tử Kính-Trình công cú thiện tiện khởi hành trước, cô sẽ dẫn mọi người theo sau ngay, chớ theo nhiều tư trang lương thảo, để làm hậu viện cho khanh. Khanh có thể hoàn toàn tự tin mà hành sự, lỡ ra gặp chuyện bất như ý, cứ yên trí quay lại với cô, cô sẽ cùng Mạnh Đức quyết chiến.”

Thần Tùng Chi cho rằng khởi xướng cái kế cự Tào công, ban đầu thực bởi Lỗ Túc vậy. Vào lúc ấy Du còn ở Bà Dương, Túc khuyên Quyền gọi Du, Du từ Bà Dương trở về, chỉ là cùng với Túc không hẹn mà cùng ý, cho nên có thể nói là

hai người cùng lập được đại công. Bản truyện nói ngay rằng, Quyền mời quân hạ đến, hỏi kế sách, Du bác bỏ lời bàn của chúng nhân, một mình bày kế kháng cự địch, xong cũng chẳng bảo rằng Túc đã bày mưu từ trước, sợ là đã bỏ mất đi cái khéo của Túc vậy.

Bấy giờ Lưu Bị đã bị Tào công đánh tan, định dẫn quân qua sông rút về Nam, thốt nhiên gặp Lỗ Túc ở Đương Dương, bèn cùng nhau toan tính, vì thế mới tiến đến giữ Hạ Khẩu, phái Gia Cát Lượng đến chỗ Quyên, Quyên bèn phái Du cùng với bọn Trình Phổ giúp đỡ Bị hợp lực chống Tào Công, đối địch nhau ở Xích Bích. Bấy giờ rất nhiều quân lính của Tào công bị bệnh, mới giao chiến một trận, Công thua binh thối lui, dẫn quân về Giang Bắc. Bọn Du ở bờ nam. Bộ tướng của Du là Hoàng Cái nói: “Nay địch đông ta ít, khó c̣ần giữ được lâu. Nhưng tôi quan sát thấy chiến thuyền của quân Tháo đầu đuôi liên tiếp nhau, có thể dùng kế hoả công để chúng phải bỏ chạy vậy.” Lập tức chọn lấy mấy chục chiến thuyền, che trùm kín mít, chứa đầy cỏ khô, trong tấm dầu mỡ, ngoài dùng vải che kín, trên cắm cờ xí, trước hết gửi thư báo với Tào công, trá rằng muốn đến hàng.

Giang Biều truyện chép lại lá thư của Cái rằng: “Cái chịu hậu ân của họ Tôn, thường làm tướng soái, biết mình chẳng bị bạc đãi. Nhưng nghĩ đến cái đại thế thiên hạ, dùng người Sơn Việt ở sáu quận Giang Đông, để đương cự với trăm vạn binh Trung Quốc, đông ít chẳng thể đối địch, người thiên hạ đều biết vậy. Quan lại tướng sĩ ở phương đông, chẳng kẻ hiền ngu, đều biết chẳng thể chống nổi, chỉ có Chu Du-Lỗ Túc ôm hoài bão nông nổi ngu dân, tâm ý chưa tỉnh ngộ. Hôm nay theo mệnh ngài, ấy là toan tính thật lòng. Du đốc xuất tướng soái ở đây, Cái tự thấy rất dễ bị bại lộ. Đến ngày giao tranh, Cái làm tiên bộ, đương lúc thay đổi nhân sự, xin ở gần để đợi mệnh.” Tào công cho gọi riêng người đi cùng tới gặp, bí mật thăm vấn, miệng cảnh tỉnh rằng: “Ta chỉ sợ mày trá hàng. Cái nếu quả thật không sai hẹn, mày đáng được thưởng tước, vượt hẳn người trước kẻ sau vậy.”

Cái lại chuẩn bị thuyền con để trốn, các thuyền lớn đầu buộc chặt với nhau ở phía sau, sắp bày chỉnh tề hướng cả về phía trước. Quan binh sĩ tốt của Tào công đều ngoảnh cổ ngóng xem, chỉ trở nói là Cái đến hàng. Cái phóng đội thuyền tràn tới, đúng lúc ấy lửa bốc cao. Bấy giờ gió thổi rất mạnh, ngọn lửa bốc tới thiêu cháy doanh trại lớn ở trên bờ. Chốc lát, khói lửa mù trời, nhân mã bị thiêu đốt, chết chìm rất nhiều, quân Tào quay đầu chạy, kéo về giữ Nam quận.

Giang Biều truyện viết : Đến ngày giao chiến, Cái trước hết chọn lấy mười chiếc thuyền nhẹ, đem cỏ lau khô và củi nỏ chứa vào trong thuyền, tưới mỡ cá

lên, dùng màn đỏ trùm kín lại, cắm cờ xí vẽ rồng làm hiệu ở trên thuyền. Lúc gió đông nam thổi mạnh, Cái cho mười thuyền chiến tiến về phía trước, đến giữa sông giương buồm lên, Cái giờ ngọn đuốc sáng trắng lên cao, sai quân lính đồng thanh kêu to rằng: “Hàng thì được yên!” Quân binh của Tháo đều ra khỏi quân doanh đứng ngậy người mà xem. Còn cách quân bắc hơn hai dặm, đồng thời nổi lửa, lửa dữ gió mạnh, thuyền trôi vùn vụt như tên, bụi bay mù mịt, thiêu sạch chiến thuyền phương bắc, rồi kéo đến doanh trại ở ven bờ. Bọn Du cuờn thuyền nhẹ theo ngay sau, trống thúc như sấm rền, quân bắc tan vỡ, Tào công lui quân trốn chạy.

Bị với bọn Du lại hợp sức truy kích. Tào công để bọn Tào Nhân trấn giữ thành Giang Lăng, còn mình theo lối tắt chạy về Bắc.

Du cùng với Trình Phổ lại tiến đến Nam Quận, cùng với tướng của Nhân đối trận, hai bên cách sông lớn cự nhau. Binh còn chưa giao phong, Du liền phái Cam Ninh tiến chiếm Di Lăng.

Ngô lục viết : Bị bảo Du rằng: “Nhân giữ thành Giang Lăng, trong thành lương thảo rất nhiều, đủ để chống giữ. Tôi sai Trương Dực Đức dẫn một nghìn người đi theo ngài, ngài chia hai nghìn quân đi theo tôi, tôi theo dòng Hạ Thủy xuống cắt đứt hậu phương của Nhân, Nhân hay tin tôi đến tất bỏ chạy.” Du đưa thêm hai nghìn người cho Bị.

Nhân chia kỵ binh bao vây Ninh. Ninh cáo cấp với Du. Du dùng kế của Lã Mông, để Lăng Thống giữ hậu phương, đích thân cùng với Mông đến cứu Ninh. Ninh được giải vây, bèn qua sông đóng ở bờ Bắc sông, chuẩn bị hẹn ngày đại chiến. Du thân chinh cưỡi ngựa đi trước trận, bỗng đâu bị cung tên bắn trúng sườn, bị thương rất nặng, phải lui về Sau Nhân hay tin Du thụ thương phải nằm không đứng dậy được, liền đem binh đến vây trận. Du bèn tự ngẫ dậy, đi xem xét doanh quân, khích lệ binh sĩ. Nhân thấy thế lại lui về.

Quyền bái Du làm Thiên tướng quân, lĩnh chức Thái thú Nam Quận. Lấy các huyện Hạ Tuyển-Hán Xương-Lưu Dương-Châu Lăng cho làm phụng ấp, dinh sở đóng tại Giang Lăng. Lưu Bị làm Tả tướng quân lĩnh chức Kinh châu mục, đóng ở Công An. Bị đến kinh sư gặp Quyền, Du dâng sớ rằng: “Lưu Bị có tư thế kiêu hùng, lại có Quan Vũ-Trương Phi như hùm như gấu làm tướng, tất chẳng khuất thân để người khác sai khiến mãi. Ngu ý cho rằng đại kế là nên đưa Bị vào đất Ngô, xây cho cung thất lớn, ban cho nhiều mỹ nữ để nô đùa, vui tai no con mắt, chia rẽ người ấy với với hai người kia, mỗi người ở một nơi, khiến cho Du tôi riêng lập được chiến công, đại sự có thể định được vậy. Nay chia nhiều đất đai để

cho họ nương nhờ, ba người ấy tụ họp lại, ở ngay ngoài bờ cõi, sợ rằng giao long gặp được mây mưa, cuối cùng chẳng chịu làm con vật ở trong ao nữa.” Quyên vì Tào công ở phương bắc, đang rộng tay thu tóm kẻ anh hùng, lại sợ rằng Bị khó có thể vội vàng không chế được, nên không nghe lời Du.

Bấy giờ Lưu Chương làm Ích châu mục, ở bên ngoài có Trương Lỗ vào cướp, Du bèn đến kinh đô gặp Quyên nói: “Nay Tào Tháo mới bị đánh giập đầu, đang có mối lo gan ruột, chưa thể cùng với tướng quân giao tranh tiếp. Tôi xin cùng với Phấn uy tiến vào lấy xứ Thục, lấy được Thục rồi sẽ thu thập Trương Lỗ, để Phấn uy cố thủ đất ấy, liên kết với Mã Siêu làm viện trợ. Du trở về cùng với tướng quân chiếm lấy Tương Dương để cự Tháo, phương Bắc có thể yên được.” Quyên nghe theo. Du về Giang Lăng, chuẩn bị hành trang, nhưng trên đường tới Ba Khâu thì bị bệnh chết, bấy giờ mới có ba mươi sáu tuổi.

Thần Tùng Chi xét, Du muốn lấy Thục, quay về Giang Lăng chuẩn bị hành trang, chết ở cái chỗ, ứng với Ba Lăng bây giờ, là ở trước sở trấn Ba Khâu, cùng tên địa danh mà khác về vị trí vậy.

Quyên mặc áo trắng cử ai, tả hữu đều cảm động. Đám tang sắp về đến Ngô quận, lại rước sang Vu Hồ, mọi việc phí tổn, hết thảy đều do địa phương chu cấp. Lại ban rõ sắc lệnh rằng: “Cố tướng quân Chu Du-Trình Phổ, là những người có nhân cách, mọi người không được phép hời hợt lời.” Ban đầu Du kết bạn với Sách, Thái phi lại yêu cầu Quyên cung phụng Du như anh trai. Bấy giờ Quyên còn chưa làm Tướng quân, chứ tướng tân khách làm lễ cho phải phép, riêng Du tiến lên hành lễ hết sức cung kính, kẻ thuộc hạ cũng theo quy củ ấy. Du tính tình độ lượng rộng rãi, vì thế rất được lòng người, duy chỉ cùng với Trình Phổ bất hòa.

Giang biểu truyện viết : *Phổ vốn đã cao tuổi, mấy lần lần ắt khinh thị Du. Du nhún mình với người dưới, nhất định không tranh giành. Về sau Phổ tự phải kính phục quý trọng Du, còn bảo với người khác rằng: “Ta giao tiếp với Chu Công Cẩn, như uống rượu nồng, chẳng biết say lúc nào nữa.” Người bấy giờ cho là Du khiêm nhường mà thu phục được người khác như thế. Khi trước Tào công ở Kinh châu nghe nói Du tuổi trẻ tài cao, cho là có thể thuyết phục được Du, bèn mật sai thủ hạ ở Dương Châu, phái Tưởng Cán người huyện Cửu Giang qua gặp Du. Cán vốn dung mạo uy nghi, được khen là có tài biện bác, ở khắp vùng Giang-Hoài, chẳng có ai là đối thủ. Cán mặc áo vải, đội khăn luân cân, một thân một mình đến gặp Du. Du ra ngoài đón, bảo ngay với Cán rằng: “Tử Dực chịu khổ cực, từ xa lặn lội sông hồ tới đây là vì Tào thị mà làm*

thuyết khách ư?” Cán nói: “Ta cùng với túc hạ là đồng hương, trong thời gian chia cách, xa nghe tiếng thorn vang vọng, cho nên tự lao khổ tìm đến, để tỏ nỗi quan hoài, lại nói là thuyết khách, không định đón tiếp ta nữa sao?” Du nói: “Ta dẫu chẳng bằng Quỳ-Khoáng, nhưng lắng nghe tiếng đàn, cũng đủ biết khúc nhã nhạc vậy.” Rồi dắt Cán vào, cho bày tiệc rượu. Xong, đi ra bảo Cán rằng: “Tôi đang có việc kín, ngài hãy tới quán trọ, xong việc, tôi xin đến gặp riêng ngài.” Ba ngày sau, Du mời Cán đi vòng quanh doanh trại của Du, xem kỹ hết cả kho lương và quân tư trang khí trượng, rồi quay về yến ẩm, lại bảo kẻ hầu cận mặc các quần áo đẹp và các đeo đồ châu báu, nhân tiện bảo Cán rằng: “Kẻ trượng phu ở đời, gặp được bậc minh chủ tri kỷ, bên ngoài tiếng là nghĩa quân thần, bên trong có mối ân tình cốt nhục, lời nói thì làm mưu kế thì theo, hoạ phúc cùng chịu, ví như Tô Trương phục sinh, Lịch Tẩu xuất hiện, tôi cũng vổ vai mà đưa lời bắt bẻ, há kẻ hậu sinh như túc hạ có thể làm đổi dời chí của ta hay sao?” Cán chỉ cười, rút cục chẳng nói được gì. Cán trở về, khen rằng Du tao nhã rộng lượng có chí khí lớn, chẳng phải có thể dùng ngôn từ mà ly gián được.” Kẻ sĩ ở Trung châu, đa phần đều như thế cả. Lưu Bị từ kinh sư quay về, Quyền cưới chiếc Phi vân đại thuyền, cùng bọn Trương Chiêu-Tân Tùng-Lỗ Túc và hơn chục người đưa tiễn, buổi tiệc lớn đến lúc tàn. Bọn Chiêu-Túc ra trước, chỉ còn mình Quyền và Bị ở lại nói chuyện, nhân nói đến ngôi thứ, Bị khen Du rằng: “Công Cẩn văn võ thao lược, là anh tài trong đám vạn người, xem người có khí độ rộng rãi như thế, sợ rằng chẳng làm kẻ bấy tôi tâm thường lâu vậy.” Du phá được quân Ngụy, Tào công nói: “Cô chẳng xấu hổ vì chạy.” Sau lại gửi thư cho Quyền nói: “Chiến dịch Xích Bích, gặp lúc có dịch bệnh, Cô đốt thuyền rồi tự lui quân, thành thử Chu Du thu được cái hư danh ấy.” Cái oai danh của Du vang xa, cho nên Tào công, Lưu Bị đều sợ mà gièm pha. Lúc Du chết, Quyền sa nước mắt nói: “Công Cẩn có tài vương tá, nay hốt nhiên đoản mệnh, Cô biết nhờ cậy vào ai đây!” Sau này Quyền xưng tôn hào, bảo với các công khanh rằng: “Cô không có Chu Công Cẩn, chẳng thể có ngôi Hoàng đế này vậy.”

Du còn trẻ đã rất hiểu âm nhạc, dù sau khi uống ba chén rượu, có người đánh sai một nốt nhạc, Du tất biết ngay, cho nên người bấy giờ có câu rằng: “Khúc nhạc lỡ sai, Chu lang ngoảnh lại.”

LỖ TÚC TRUYỆN

Lỗ Túc tự Tử Kính, người huyện Đông Thành quận Lâm Hoài. Lúc sinh thì mất cha, ở với bà nội. Nhà rất nhiều tiền của, tính lại ưa bố thí. Bấy giờ thiên hạ đã loạn, Túc không lo việc nhà, chỉ phân chia tiền của, bán bỏ ruộng đất để cấp chân cho người nghèo cùng, giao kết với kẻ sĩ, rất được lòng người trong thôn ấp.

Chu Du làm Cư Sào Trưởng, đem mấy trăm người cõ qua thăm Túc, và xin lương tiền. Nhà Túc có hai vợ lúa, mỗi vợ có ba nghìn hộ, Túc bèn đem một vợ trao cho Du, do đó Du thêm coi trọng Túc, bèn giao kết với nhau, làm bạn Kì ầu, Trát⁽¹⁾. Viên Thuật nghe danh Túc, li ền cho làm Đông Thành Trưởng. Túc thấy Thuật không có phép tắc, không đủ cùng mưu việc, bèn đem hơn trăm người già yếu, người trẻ hào hiệp đi về phía nam, đến Cư Sào gặp Du. Lúc Du vượt sông về phía đông, nhân đó cùng đi.

Ngô thư viết: Túc có dáng vẻ khôi kị, thuở trẻ có chí lớn, ưa bày mưu lạ. Bấy giờ thiên hạ sắp loạn, bèn học đánh kiếm, bắn cung, cưỡi ngựa, chiêu tụ người trẻ tuổi, cấp cơm áo cho họ, qua lại núi Nam Sơn săn bắn, ngâm chọn bộ khúc, giảng võ luyện quân. Người già cả đều nói: “Nhà họ Lỗ suy kém mới sinh ra thằng cuồng ấy”! Sau đó hào kiệt cùng nổi dậy, Trung Châu rối loạn, túc bèn lệnh thuộc hạ nói: “Trung Quốc mất phép tắc, giặc cướp làm càn, vùng Hoài Tư⁽²⁾ không phải là đất sinh sôi, ta nghe nói miền Giang Đông có đông tây vạn dặm, dân giàu quân mạnh, có thể tránh nạn, ai chịu cùng theo ta đến miền đông để đợi xem sự biến không”? Thuộc hạ đều nghe lệnh, bèn sai người nhỏ yếu đi trước, kẻ khỏe mạnh đi sau, cả thấy hơn ba trăm trai gái cùng đi. Quân kị trong châu đuổi theo, bọn Túc đi chậm, xua quân chống lại, bảo chúng nói: “Bọn khanh là trượng phu nên biết thế lớn. Nay thiên hạ quân loạn, có công chẳng được thưởng, chớ đuổi theo người không có tội, sao lại ức ép nhau thế”? Lại tự dựng khiên, lấy cung bắn chúng, tên đều xuyên thấu. Quân kị đã khen lời Túc, lại không chống được, bèn dắt nhau chạy về. Túc vượt sông đến gặp Sách, Sách cũng khen là kị khôi.

Lưu người nhà ở Khúc A. Gặp lúc bà nội chết, đem về táng ở Đông Thành.

Lưu Tử Dương làm bạn tốt với Túc, gửi thư cho Túc nói: “Ngày nay hào kiệt trong thiên hạ cùng nổi dậy, ta nhờ vào tài năng của ông mới được như ngày nay. Vì việc gấp mà về đón mẹ già, rồi không có việc gì đành ở lại tại Khúc A. Gần đây có người tên là Trịnh Bảo đang ở tại Sào Hồ, tụ họp hơn vạn người, đất đai màu mỡ, người quận Lư Giang phần lớn đến nương nhờ ở đây, hưởng chi bọn ta đây” Xem hình thế đất ấy có thể tụ tập đông đảo, thời cơ không nên để mất, tức hạ mau đến đi”. Túc đáp thư theo kế ấy. Táng xong, về Khúc A, muốn đi về phía bắc. Vừa lúc Du đã dời mẹ Túc đến đất Ngô, tức kể tình trạng cho Du. Bấy giờ Sách đã hoẵng, Quyên vẫn ở tại đất Ngô. Du bảo Túc nói: “Ngày xưa Mã Viện đáp Quang Vũ Đế nói: ‘Vào thời ngày nay, không chỉ vua chọn tôi, mà còn tôi cũng chọn vua’. Nay ông chủ kính người hiền yêu kẻ sĩ, thu mưu kế, nạp kế lạ, vả lại ta nghe nói có lời sấm của bậc hiền thánh ngày trước nói rằng người thay vận họ Lưu ứng tại miền đông nam. Suy xét thế cuộc, nay đang là buổi ấy vậy. Xoay dứt ngôi Đế để hợp mệnh trời, đây là lúc kẻ sĩ nhanh chóng nương rờng dựa phượng. Ta sắp làm thế, tức hạ chớ nên vướng vịn vào lời của Tử Dương”. Túc nghe lời này, Du nhân đó tiến cử Túc là người tài giúp đời được, lại tìm nhiều người như thế để lập nên nghiệp lớn, không nên khiến họ bỏ đi.

Quyên đã gặp Túc, cùng nói chuyện rất vui. Bọn khách đã bãi hội, Túc cũng từ tạ đi ra, bèn dẫn riêng Túc về, cùng ngồi trên giường uống rượu, nhân đó bàn bạc rằng: “Nay nhà Hán nghiêng nguy, bốn phương rối loạn, ta nối nê nghiệp của cha anh, mưu lập công của Hoàn, Văn. Ông đã chịu theo, làm sao để giúp”? Túc đáp nói: “Ngày xưa Cao Đế khăng khăng muốn tôn thờ Nghĩa Đế⁽³⁾ mà không cướp ngôi, để cho Hạng Vũ gây hại. Tào Tháo ngày nay như Hạng Vũ ngày xưa, Tướng quân sao lại chỉ làm Hoàn Công mà thôi? Túc đã nghĩ kỹ rồi, nhà Hán không thể dựng lại, không thể không trừ Tào Tháo, bày kế cho Tướng quân, chỉ có làm thế chân vạc ở Giang Đông, đợi xem sự biến của thiên hạ. Khuôn phép như thế, cũng chẳng bị ghét. Vì sao? Phương bắc đang có nhiều việc, nhân lúc phương bắc có nhiều việc mà diệt trừ Hoàng Tổ, đến đánh Lưu Biểu, đi ngược chỗ cùng của sông dài mà chiếm lấy đất ấy, sau đó xưng hiệu Đế Vương mà mưu tranh thiên hạ, đấy là nghiệp lớn của Cao Tổ vậy”. Quyên nói: “Nay gắng sức lấy một vùng, như thế là giúp nhà Hán rồi, lời này không thể làm được”. Trương Chiêu cho là Túc không có chí nhún nhường, liềm chê bai

Túc, nói rằng Túc tuổi còn trẻ dại, chưa nên dùng. Quyên không vì thế mà vương bận, lại càng coi trọng Túc. Ban áo quần màn trướng cho mẹ Túc, cho ở nhà nhiều tiện của như ở nhà cũ.

Lưu Biểu chết, Túc đến nói rằng: “Kinh Sở liên kề với ta, dòng nước thuận lên phía bắc, ngoài liên dải với miền Giang Hán, trong bao bọc gò, có cái vững của thành vàng, đồng này vạn dặm, dân chúng giàu có, niều chiếm lấy đất ấy, đây là cái của cải của Đế Vương vậy. Nay Biểu mới chết, hai người con vốn không hòa mục, các tướng trong quân lại đều mỗi người mỗi ý. Lại thêm Lưu Bị kiêu hùng, có hiềm khích với Tháo mà ở nhờ chỗ Biểu, Biểu ghét tài Bị mà không được dùng vậy. Nếu Bị hợp lòng với bên ấy, trên dưới cùng giúp, thì nên vỗ về cùng kết thề ước; nếu có trái nghịch, nên chia rẽ mà đánh lấy để mưu việc lớn. Túc xin được vâng lệnh sang thăm hai con Biểu, nhân đó an ủi những người coi việc trong quân của bên ấy, cùng khuyên Bị vỗ về quân của Biểu, một lòng một ý, cùng chống Tào Tháo, Bị tất mừng mà vâng lệnh. Nếu bên ấy theo về, mới định được thiên hạ. Nay nếu không đến sớm, sợ rằng Tháo sẽ đến trước”. Quyên liên sai Túc đi. Đến Hạ Khẩu, nghe tin Tào Công đã hướng về Kinh Châu, đi gấp ngày đêm, kịp đến Nam Quận, lại nữa con Biểu là Tông đã hàng Tào Công, Bị kinh hoàng vội bỏ chạy, muốn vượt sông về phía nam. Túc bèn đi thẳng đón Bị, đến Trường Bản huyện Đường Dương, gặp với Bị, nói rõ lệnh của Quyên, đến lúc bày trận vững mạnh ở Giang Đông, khuyên Bị hợp sức với Quyên. Bị rất vui mừng. Bấy giờ Gia Cát Lượng đi theo với Bị, Túc bảo Lượng nói: “Ta là bạn của Tử Du”⁽⁴⁾. Liên cùng giao kết. Bị bèn đến Hạ Khẩu, sai Lượng làm sứ giả đến chỗ Quyên, Túc cũng quay về

Thần là Tùng Chi xét: Lưu Bị hợp sức với Quyền cùng chống Trung Quốc, đều là mưu ý của Túc. Lại bảo Gia Cát Lượng rằng: “Ta là bạn của Tử Du”, vậy thì Lượng thường nghe nói đến Túc rồi. Mà truyện về Lượng trong Thục thư nói: “Lượng bày mưu liên hoành mà khuyên Quyền, Quyền bèn cả mừng”, cứ như là kẻ ấy bắt đầu có từ Lượng. Như quan chép sử của hai nước đều chép những điều mà mình được nghe nói đến, lại muốn nêu cao cái hay đẹp của nước mình, cùng lấy công về nước mình. Nay chép hai sách ấy làm chứng rằng kẻ ấy cùng xuất từ một người, vậy mà lẫn lộn như thế, đây không phải là phép tắc của việc chép sử vậy.

Gặp lúc Quyên biết được tin Tào Công muốn đánh phía đông, bàn với các tướng, đều khuyên Quyên đón Tào Công, nhưng riêng Túc không nói.

Quyền đứng dậy thay áo, Túc theo vào sau nhà, Quyền biết ý ấy, cầm tay Túc nói: “Khanh muốn nói gì”? Túc đáp nói: “Nếu xét ý của mọi người, chỉ muốn làm cho Tướng quân lẫm lữ, không đủ để cùng mưu việc lớn. Nay Túc đón Tháo được thôi, còn Tướng quân thì không nên vậy. Vì sao nói thế? Là vì nay Túc đón Tháo, Tháo tất đem Túc về trao cho thôn ấp, ban cho chức tước, vẫn không mất chức Hạ tào Tòng sự, ngõ xe bò, đi theo quan quân, giao du với kẻ sĩ, làm quan chẳng dưới châu quận vậy. Tướng quân đón Tháo, muốn được chỗ yên? Mong sớm định kế lớn, chớ dùng lời bàn của mọi người”. Quyền than thở nói: “Đấy là mọi người cố giữ lời bàn ấy, rất làm mất sự trông đợi của ta; nay khanh bày mở kế lớn, thật giống với ta, đấy là trời đem khanh cho ta vậy”.

Ngụy thư và Cửu Châu Xuân thu viết: Tào Công đánh Kinh Châu, Tôn Quyền kinh hãi, Lỗ Túc thật muốn khuyên Quyền chống Tào Công, bèn nói khích Quyền nói: “Tào Công bên ấy thật là địch mạnh, vừa chiếm đất của Viên Thiệu, quân mã rất khỏe, thừa oai thắng trận mà đánh nước tang loạn, tất chiếm được vậy. Không bằng sai quân giúp Tào Công, lại chờ người nhà Tướng quân đến đất Nghiệp luôn; nếu không, nguy đến nơi”. Quyền cả giận, muốn chém Túc, Túc nhân đó nói: “Nay việc đã gấp, phải có mưu khác, sao không sai quân giúp Lưu Bị mà lại muốn chém ta”? Quyền cho là phải, bèn sai Chu Du giúp Bị. Tôn Thịnh nói: “Ngô thư và Giang Biểu truyện cho rằng Lỗ Túc một lần gặp Tôn Quyền liền nói ra kế chống Tào Công và bàn về việc Đế Vương, cái chết của Lưu Biểu, lại xin đi sứ để xem sự biến, như thế là không có dịp để quay về nói khích Quyền đón Tào Công vậy. Lại nữa, bấy giờ nhiều người khuyên đón Tào Công, lại nói chỉ muốn chém Túc, lại càng chứng tỏ không có lời nói khích ấy.

Bấy giờ Chu Du được sai đến tại Bà Dương, Túc khuyên Quyền đến gọi Du về Bèn dùng Du làm việc, lấy Túc làm Tán quân Hiệu úy, giúp bày mưu kế. Tào Công thua chạy, Túc liền về trước, Quyền sai các tướng đón Túc. Túc sắp vào cửa bái, Quyền đã ra tiếp Túc, nhân đó bảo nói: “Từ Kính, ta cần yên xuống ngựa mà đón khanh, đủ để làm khanh rạng rỡ chưa”? Túc đi nhanh đến đáp nói: “Chưa vậy”. Mọi người nghe nói thế, chẳng ai không sửng sốt. Đến ngõ, thông thả cần roi nói rằng: “Mong hãy đem oai đức ban khắp bốn cõi, thổi bay chín châu, làm nên nghiệp Đế, lúc đó lấy xe êm bánh mềm mà đón Túc, như thế mới rạng rỡ”. Quyền vỗ tay cười vui.

Sau đó Bị đến kinh gặp Quyền, xin trông coi Kinh Châu, chỉ có Túc khuyên Quyền cho Bị mượn đất ấy để cùng chống Tào Công.

Hán Tấn Xuân thu viết: Lữ Phạm khuyên giữ Bì ở lại, Túc nói: “Không nên. Oai thần của Tướng quân dẫu hơn đời, nhưng thế lực của Tào Công rất mạnh, mới vào Kinh Châu, ân tín chưa rõ, nên cho Bì mượn, sai võ về đất ấy, khiến Tháo có nhiều kẻ địch, rồi tự lập phe đảng riêng, đấy là kế hay hơn cả”. Quyền liền nghe theo.

Tào Công nghe tin Quyền đem đất đai cho Bì dựng nghiệp, đang viết thư mà quảng bút xuống đất.

Chu Du bệnh khốn, dẫu sợ nói: “Ngày nay thiên hạ sắp có việc quân, đấy là đi đầu mà Du ngày đêm lo lắng, mong bậc chí tôn⁽⁵⁾ mưu nghĩ trước khi có việc, rồi mới vui vẻ sau. Nay đã thành kẻ địch với Tào Tháo, mà Lưu Bì gần ở Công An, bờ cõi gần kề, nhưng trăm họ chưa theo, nên chọn tướng giỏi để đánh dẹp hấn đi. Lỗ Túc có mưu trí nên dùng, xin lấy Túc thay Du. Nay Du sắp lìa đời, đấy là đi đầu mà Du mong mỗi lần cuối vậy”.

Giang Biều truyện viết: Lúc trước Du bệnh khốn, gửi thư cho Quyền nói: “Du vì tài kém, ngày trước may mắn được nhận lệnh đánh giặc, làm người tim bụng, bèn làm giữ chức cao, thống lĩnh quân mã, chí cầm cung roi, tự xét việc quân. Tự muốn định yên Ba Thục, sau đó lấy Tương Dương, cậy nhờ vào oai linh của tổ tiên, vẫn tự vất tóc suy nghĩ. Nhưng lại không cẩn thận, trên đường mắc bệnh nặng, trước đã mắc bệnh, ngày càng nặng không giảm. Người ta tất bị chết, chỉ là sớm hay muộn thôi, thật là không đáng tiếc, nhưng hận nỗi chí nhỏ ấy chưa thành, không được vâng mệnh giúp vua nữa. Nay Tào Công tại phía bắc, bờ cõi chưa yên. Lưu Bì ở nhờ, như có nuôi hổ. Việc trong thiên hạ, chia biết kết cuộc ra sao, đây là lúc bấy tôi nên nếm mật⁽⁶⁾, bậc chí tôn phải xét nghĩ vậy. Lỗ Túc trung liệt, làm việc chẳng lậm, nên cho thay Du. Người ta sắp chết, lời nói cũng hay, nếu nghe lời này, thân Du chết cũng không mục”. Xét lời văn này so với lời văn của truyện gốc, ý nghĩa dẫu giống, nhưng lời lẽ khác hơn vậy.

Liền bái Phấn vũ Tướng quân, thay Du lĩnh quân. Du lĩnh hơn bốn nghìn quân sĩ, phụng ếp có bốn huyện, đầu giao cho Túc. Lệnh Trình Phổ lĩnh chức Nam Quận Thái thú. Túc lúc đầu đến Giang Lăng, sau lại xuống đóng quân ở Lục Khẩu, ân uy lên cao, thu nạp thêm hơn vạn quân, bái Hán Xương Thái thú, Thiên Tướng quân. Năm thứ mười chín, theo Quyền phá Hoàn Thành, chuyển làm Hoàn giang Tướng quân.

Lúc đầu, Ích Châu Mục là Lưu Chương làm phép tắc rơi rụng, Chu Du, Cam Ninh cùng khuyên Quyền lấy đất Thục, Quyền giao cho Bì, Bì trong muốn tự định, vẫn vờ báo thư nói: “Bì mượn có là họ hàng với Chương, cậy dựa anh linh của tổ tiên để giúp nhà Hán. Nay Chương gây tội cho tả hữu, riêng Bì kính sợ, không dám báo tin, mong đấng tha thứ. Nếu không

được tha, Bị sẽ bỏ đi vào rừng núi”. Sau Bị về phía tây đánh Chương, để Quan Vũ ở lại giữ, Quyên nói: “Con hổ ranh lại dám lừa dối ta”! Đến lúc chỗ Vũ liền cỡi với chỗ Túc, mấy lần gây nghi ngờ, tranh chia bờ cõi, Túc thường vui vẻ về về Vũ. Bị đã định Ích Châu, Quyên xin lấy lại các quận Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương, nhưng Bị không theo lệnh, Quyên sai Lữ Mong đem quân đến lấy. Bị nghe tin, tự về Công An, sai Vũ tranh ba quận. Túc trú ở Ích Dương, chống nhau với Vũ. Túc mời Vũ gặp nhau, đầu phục quân mã trên bờ cách trăm bước, chỉ xin đem quân cần một thanh đao đến gặp. Túc nhân đó trách mắng Vũ nói: “Nhà nước nhún nhường vốn là đem đất đai cho các ông mượn, các ông vốn thua trận từ xa đến, không có gì làm đất riêng vậy. Nay đã lấy Ích Châu, vậy mà không có ý trả về, nhà nước chỉ xin lại ba quận, lại không chịu nghe”. Lời nói chưa xong, có một người ngẩng nói: “Đất đai chỉ thuộc về người có đức mà thôi, muốn có dễ sao”! Túc lớn tiếng mắng người đó, lời lẽ rất khắt thiết, Vũ cần đao đứng dậy nói: “Đây là việc của nhà nước, ta sao biết được”! Liếc mắt sai người ấy đi ra.

Ngô thư viết: Túc muốn gặp nói chuyện với Vũ, các tướng nghi sợ có biến, bàn không nên đến. Túc nói: “Việc của ngày nay nên cùng nói cho rõ. Lưu Bị quên ơn, việc đúng hay sai còn chưa quyết, Vũ cũng dám muốn làm trái lệnh sao”! Bèn liền đến chỗ Vũ. Vũ nói: “Ở trận Ô Lâm, thân Tả Tướng quân⁽⁷⁾ ở trong trận, ngủ chẳng cỡi giáp, gắng sức phá quân Ngụy, há không vất vả, không được phong một mảnh đất nhỏ sao, mà sao túc hạ đến muốn thu lại đất vậy”! Túc nói: “Không phải. Lúc trước mới cùng Lưu Dị Châu đứng xem sự biến ở Trường Bản, quân của Lưu Dị Châu không đủ một đội, kể cùng lo lắng, chỉ khí suy yếu, chỉ mong muốn đi xa tránh nạn, chẳng mong được như thế. Chủ ta thương xót Lưu Dị Châu không có chỗ ở, không yêu lấy công lao của quân sĩ mở đất, sai các chỗ che chở cứu giúp nạn, vậy mà Lưu Dị Châu mưu muốn chiếm riêng, đức hạnh lâm lỗi, tiếng tốt hủy hoại. Nay đã lấy được Tây Châu⁽⁸⁾ rồi, lại muốn cắt chiếm cả Kinh Châu, việc này dẫu kẻ thất phu cũng không nỡ làm sai, huống chi là người chủ đứng đầu của vạn người! Túc nghe nói rằng tham của mà vứt đạo nghĩa, tất bị họa đến thân. Ta thấy ông gánh vác việc lớn, đã không làm rõ đạo lý, chia rành chức phận để giữ lễ nghĩa, mà lại cậy dựa quân gây yếu để mưu tính tranh giành, đem quân già yếu, sao mà giành lấy được”? Vũ không đáp được.

Bị bèn chia sông Tương làm ranh giới, do đó bãi quân.

Túc chết vào năm bốn mươi sáu tuổi, bấy giờ là năm Kiến An thứ hai mươi hai. Quyên bày lễ cử tang, lại đến thăm mộ Túc. Gia Cát Lượng cũng

lấy lễ cử tang.

Ngô thư viết: Túc là người thẳng thắn, ít dùng ngọc báu, trong ngoài đều tiết kiệm, không kết giao với kẻ tâm thường. Trị quân nghiêm chỉnh, đề ra phép cấm, dẫu lúc vào trận, tay không bỏ sách vở. Lại giỏi bàn luận, thông thạo văn từ, ý tứ sâu xa, sáng suốt hơn người. Sau Chu Du, đứng đầu là Túc vậy. Quyền xưng tôn hiệu, lên đàn, ngoảnh bảo công khanh nói: “Ngày trước Lỗ Tử Kính từng xét việc này, có thể nói là biết rất rõ thời thế vậy”.

Túc có người con còn trong bụng mẹ⁽⁹⁾ là Thục, Nhu Tu Đốc là Trương Thừa nói là tất sẽ làm chức cao. Giữa năm Vĩnh An, làm Chiêu Vũ Tướng quân, Đô Hương Hầu, Vũ Xương Đốc. Giữa năm Kiến Hành, ban Giả tiết, chuyển làm Hạ Khẩu Đốc. Chỗ làm quan nghiêm chỉnh, có tài lược. Năm Phụng Hoàng thứ ba thì chết. Con là Mục thay tước, lĩnh quân mã.

LỮ MÔNG TRUYỆN

Lữ Mông tự Tử Minh, người huyện Phú Bi quận Nhữ Nam. Thuở trẻ vượt sông về phía nam, nương nhờ chông của chị là Đặng Dương. Dương làm tướng của Sách, nhiều lần đánh người Sơn Việt. Bấy giờ Mông mới mười lăm, mười sáu tuổi, lén đi theo Dương đánh giặc, Dương ngoảnh nhìn mà kinh ngạc, quát mắng cũng không ngăn cấm được. Trở về báo cho mẹ Mông, mẹ giận muốn phạt tội Mông, Mông nói: “Nghèo hèn khó sống yên được, nếu sửa lần mà gắng lập công, tất sẽ giàu có. Vả lại không vào hang hổ, sao bắt được hổ con”? Mẹ thương mà tha cho. Bấy giờ bọn quan lại của Dương thấy Mông tuổi nhỏ mà coi thường Mông, nói: “Thằng nhóc ấy làm được gì? Chỉ muốn lấy thịt mà nuôi hổ thôi”. Ngày sau gặp với Mông, lại làm nhục Mông, Mông cả giận, cầm dao giết bọn quan lại rồi chạy ra, trốn đến nhà của viên tước Ấp Tử⁽¹⁰⁾ là Trịnh Trường. Lại ra chỗ Hiệu úy Viên Hùng để tự thú tội, nhân đó báo lên trên, Sách gọi đến gặp cho là lạ, bèn cho làm tả hữu.

Được vài năm, Đặng Dương chết, Trương Chiêu cử Mông thay Dương, bá Biệt bộ Tư mã. Quyên coi việc, thấy các tướng sĩ trẻ đã ít lại dùng kém, muốn thu hợp lại. Mông bèn ngấm vay tiền, mua vải làm áo quần cho quân sĩ, đến ngày kén chọn, bày trận sáng rõ, luyện tập quân sĩ, Quyên thấy mà vui mừng, tăng quân cho Mông. Theo đi đánh quận Đan Dương, chỗ đi qua đầu lập công, bá Bình bắc Đô úy, lĩnh chức Quảng Đức Trưởng.

Lúc đánh Hoảng Tổ, Tổ sai Đô đốc Trần Tự đem quân thủy ra đón đánh. Mông xua quân đi trước, tự chém đầu Tự, tướng sĩ thừa thắng đến đánh thành của Tổ. Tổ nghe tin Tự chết, bỏ thành chạy, đem quân đuổi bắt Tổ. Quyên nói: “Thắng trận này là do bắt được Trần Tự trước vậy”. Lấy Mông làm Hoàn dã Trung lang tướng, ban cho nghìn vạn thoi tiền.

Năm đó, lại cùng bọn Chu Du, Trình Phổ đi về phía tây phá Tào Công ở Ô Lâm, vây Tào Nhân ở Nam Quận. Tướng của Ích Châu là Tập Túc đem quân đến hàng, Du xin lấy quân của Túc tăng cho Mông. Mông rất khen

Túc có đảm dũng, lại ngưỡng mộ mà từ xa đến, về nghĩa thì nên tăng cho quân mà không nên đoạt lấy quân vậy. Quyên khen lời ấy, trả quân cho Túc. Du sai Cam Ninh đến chiếm Di Lăng, Tào Nhân chia quân đánh Ninh, Ninh nguy cấp, sai sứ đến xin cứu. Các tướng cho là quân ít không đủ chia, Mông bảo Du và Phổ rằng: “Đề Lăng Công Tích⁽¹¹⁾ ở lại, Mông cùng ông đi giải bỏ nguy cấp, tình thế ấy cũng không lâu nữa, Mông tin chắc Công Tích giữ được mười ngày vậy”. Lại khuyên Du chia sai ba trăm người lấy củi gỗ chặn ở đường hiểm, giặc chạy qua sẽ lấy được ngựa của giặc. Du nghe theo. Đem quân đến Di Lăng, liền hôm đó giao chiến, giết đến quá nửa. Địch đuổi đêm bỏ trốn, đi đường gặp củi gỗ, quân kỵ đều bỏ ngựa mà chạy bộ, quân đuổi gấp đến đánh, bắt được ba trăm con ngựa, dùng thuyền chở về. Do đó khí thế của tướng sĩ tăng lên gấp đôi, liền qua sông đóng trại, cùng đánh nhau với địch, Tào Nhân phải rút chạy, bèn chiếm Nam Quận, về Kinh Châu. Trở về, bái Thiên Tướng quân, lĩnh chức Tân Dương Lệnh.

Lỗ Túc thay Chu Du, đang đi đến Lục Khẩu, qua dưới trại của Mông. Ý Túc còn coi thường Mông, có người khuyên Túc nói: “Công danh của Lữ Tướng quân ngày càng rạng rỡ, không nên giữ ý ganh chống, ông nên vào thăm”. Bèn đến chỗ Mông. Lúc uống rượu, Mông hỏi Túc nói: “Ông nhận trách nhiệm nặng nề ở chỗ gần cõi với Quan Vũ, sắp có mưu kế gì để phòng bị đi đâu không may”? Túc do dự đáp nói: “Tùy lúc mà làm”. Mông nói: “Nay đông tây dẫu là một nhà⁽¹²⁾, nhưng Quan Vũ thật là hổ gấu vậy, sao lại không phòng bị trước”? Nhân đó giúp Túc bày năm kế. Túc do đó rồi chiếu đến võ lực Mông nói: “Lữ Tử Minh, ta không biết tài lược của ông lại thấu suốt như thế”. Bèn bái tạ mẹ Mông, kết làm bạn rồi đi.

Giang Biều truyện viết: Lúc trước, Quyên bảo Mông và Tưởng Khâm nói: “Nay các ông cùng gánh vác việc công, nên học hỏi để tự mở mang hiểu biết thêm”. Mông nói: “Trong quân thường có nhiều việc, e rằng không có lúc rảnh rỗi đọc sách”. Quyên nói: “Ta há muốn các khanh đọc sách để làm kẻ sĩ học rộng sao? Chỉ muốn sai làm các việc lặn lội sẵn sẵn thôi. Các khanh nói có nhiều việc nhưng sao bằng ta? Ta thuở trẻ đọc qua Thi, Thư, Lễ kí, Tả truyện, Quốc ngữ, chỉ không đọc Dịch. Đến lúc nắm việc đến nay, đọc thêm Tam sử⁽¹³⁾, các sách nhà binh, tự cho là có ích nhiều. Như hai người khanh, tính ý sáng suốt, học tất hiểu được, sao lại không đọc đi? Nên nhanh đọc Tôn Tử, Lục thao, Tả truyện, Quốc ngữ và Tam sử. Khổng Tử nói: ‘Cả ngày không ăn, cả đêm không ngủ mà nghĩ, là không có ích vậy, không bằng học vậy’. Quan Vũ coi việc binh mã, tay

không rời sách. Mạnh Đức cũng tự nói là dẫu già nhưng ham học. Các khanh sao lại không tự cố gắng thế? Mông bắt đầu theo học, dốc chí không ngừng, xem qua các sách, dẫu nhà Nho cũng chẳng hơn được. Sau Lỗ Túc được thay Chu Du, qua chỗ Mông bàn bạc, thường muốn chịu nhún. Túc vỗ lưng Mông nói: “Ta từng nói em lớn có tài vô thời, nhưng kẻ học rộng thời nay, chẳng ai bằng anh Mông của đất Ngô”. Mông nói: “Kẻ sĩ sau ba ngày lại trở mặt mà nhìn⁽¹⁴⁾. Lời bàn ngày nay của anh lớn, cũng xứng bằng Nhưông Hầu⁽¹⁵⁾ chăng? Nay anh thay Công Cẩn, liên tiếp gặp khó, lại ở gần với Quan Vũ. Người này làm chức lớn mà vẫn ham học, xem qua Tả truyện mà đều nói ra miệng được, lại sáng dạ có chí hùng, nhưng tính ngang bướng tự kiêu, ưa lấn áp người khác. Nay đối địch với người này, nên bày kế lạ để chống đỡ mới được”. Ngâm giúp Túc bày ba kế, Túc kính nghe theo, giữ kín không nói ra. Quyền thường than rằng: “Người ta làm chức cao mà vẫn học thêm, như Lữ Mông, Tưởng Khâm, có lẽ chẳng ai theo kịp. Giàu có rạng rỡ, lại giữ tiết tháo ham học, hiểu thấu sách truyện, khinh tiên trọng nghĩa, đi đến đâu lập công đến đó, được phong đất đai, cũng chẳng tốt sao”!

Bấy giờ Mông ở gần kề với đồn trại của Thành Dương, Tống Định, Từ Cỗ, lúc ba tướng chết, con em nhỏ dại, Quyền đem hết quân của họ trao cho Mông, Mông cố từ chối, kể rõ bọn Cỗ chăm chỉ giúp nước, con em dẫu nhỏ, nhưng không nên bỏ. Ba lần dâng thư, Quyền mới nghe. Do đó Mông lại giúp chọn thầy, sai giúp dạy họ, lòng tốt của Mông đại khái như thế.

Ngụy sai người quận Lư Giang là Tạ Kỳ làm Kỳ Xuân Diển nông, đóng trại làm ruộng ở huyện Hoàn. Mông sai người đến dụ, không theo, liền rình chờ đánh úp, Kỳ bèn rút lui, bộ khúc của Kỳ là bọn Tôn Tử Tài, Tống Hòa đầu mang công người già yếu đến hàng Mông. Sau theo Quyền chống Tào Công ở Nhu Tu, mấy lần dâng kế lạ, lại khuyên Quyền men theo cửa sông mà dựng ụ, do đó phòng giữ rất vững.

Ngô lục viết: Quyền muốn dựng ụ, các tướng đều nói: “Lên bờ mà đánh giặc, chân trần mà lên thuyền, dựng ụ làm gì”? Lữ Mông nói: “Quân không có đồn vững, đánh không thắng trăm trận, nếu lúc gặp giặc, chống cả kị bộ, không may bị xuống sông, lúc đó còn vào thuyền được không”? Quyền nói: “Hay”. Bèn làm ụ.

Tào Công không chiếm được mà rút quân.

Tào Công sai Chu Quang làm Lư Giang Thái thú, đóng quân ở huyện Hoàn, mở rộng ruộng lúa, lại sai người lên đi chiêu dụ tướng giặc ở Bà Dương, sai làm nội ứng. Mông nói: “Ruộng lúa ở huyện Hoàn màu mỡ,

nếu gặp vào vụ chín, quân bên ấy tất được tăng, cứ được vài năm, thế của Tháo tất lên, nên sớm trừ đi”. Bèn kể rõ tình trạng, do đó Quyên tự đi đánh huyện Hoãn, gọi các tướng đến hỏi bày kế sách.

Ngô thư viết: Các tướng đều khuyên đắp gò đất, sửa chữa binh khí, Mông bước ra nói: “Đắp sửa gò đất và binh khí thì phải mất nhiều ngày mới xong, đắp xong gò đất thì quân cứu ở ngoài tất đến, lúc ấy khó mà đánh được. Vả lại đang lúc nước mưa ngấm vào, nếu ở lại lâu ngày, nước tất ngấm hết, đường về lại khó khăn, Mông cho rằng đây là thế nguy. Nay xem thành này không được vững lắm, nếu lấy khí mạnh của ba quân, cùng đánh bốn mặt, thì chiếm được không lâu nữa, vừa kịp lúc nước đã rút, đây là kế hơn cả vậy”. Quyên nghe theo.

Mông lại cử Cam Ninh đốc quân lên thành, đánh ở phía trước, Mông đem quân tinh nhuệ theo sau. Gần sáng đến đánh, Mông tự đánh trống, quân sĩ đầu treo thang mà lên, đến giờ ăn thì phá thành. Sau đó Trương Liêu đến Giáp Thạch, nghe tin thành đã bị phá, liền rút về Quyên khen công ấy, liền bái Lư Giang Thái thú. Bắt được người ngựa ở trận ấy đều ban cho Mông, lại ban riêng sáu trăm người làm ruộng, ba mươi quan thuộc ở Tầm Dương. Mông về Tầm Dương, chưa lâu thì giặc ở Lư Lăng nổi dậy, các tướng đánh dẹp không bắt được, Quyên nói: “Cả bảy trăm con chim lợn, không bằng một con chim ngạ”(16). Lại lệnh Mông đánh giặc. Mông đến, giết kẻ đứng đầu của giặc, bọn còn lại đầu thả ra, cho làm dân thường.

Bấy giờ Lưu Bị sai Quan Vũ đóng giữ, chiếm cả đất Kinh, Quyên sai Mông đến phía tây lấy ba quận Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương. Mông gửi thư đến hai quận, lướt theo thần phục, chỉ có Linh Lăng Thái thú Hách Phổ giữ thành không hàng. Do đó Bị từ đất Thục tự đến Công An, sai Vũ tranh ba quận. Bấy giờ Quyên đóng quân ở Lục Khẩu, sai Lỗ Túc đem vạn quân đóng đồn ở Ích Dương chống Vũ, lại gửi thư đến gọi Mông, sai bỏ Linh Lăng, nhanh về giúp Túc. Lúc đầu, Mông đã bình Trường Sa, đang đến Linh Lăng, qua huyện Linh, đem theo người quận Nam Dương là Đặng Huyền Chi, Huyền Chi là bạn cũ của Hách Phổ, muốn sai dụ Phổ. Lúc nhận thư gọi về Mông giữ kín, buổi đêm gọi các tướng đến, trao cho kế sách, lệnh đến sớm đánh thành, ngoảnh bảo Huyền Chi nói: “Nghe nói Hách Thái thú là người trung nghĩa trong đời, cũng mong là làm như vậy, nhưng không biết thời thế. Tả Tướng quân tại Hán Trung, bị Hạ Hầu Uyên vây. Quan Vũ tại Nam Quận, nay bậc chí tôn tự đến đây. Gần đây phá trại gốc ở đất Phàn, cứu huyện Linh, lại bị Tôn Quy phá. Đây đều là việc ở

trước mắt, là việc mà ông tự thấy vậy. Bên ấy đầu đuôi treo ngược, tránh chết chẳng được, há có sức thừa mà giữ ở đấy được sao? Nay quân sĩ của ta tinh nhuệ, một lòng vâng mệnh, bậc chí tôn cũng sai quân đến, theo nhau trên đường. Nay Tử Thái⁽¹⁷⁾ đem tính mạng treo trong sớm tối để đợi quân cứu không trông mong được, như cá trong vết chân trâu⁽¹⁸⁾, muốn dựa vào miềng Giang Hán, biết là không thể cứu cũng rõ rồi vậy. Nếu Tử Thái được quân sĩ dốc lòng, chống giữ ở thành lẻ, vẫn kéo dài được trong sớm tối, để đợi ta quay về, như thế cũng được. Nhưng nay kế sức ta đã nghĩ kĩ, lúc đến đánh thành, chẳng được mấy ngày thì sẽ phá được, sau khi phá thành, thân chết có ích gì không? Khiến cho mẹ già trăm tuổi tóc bạc bị giết, há chẳng đau xót sao? Xét thấy người này không được nghe tin bên ngoài, vẫn mong chờ quân cứu, cho nên mới như thế, ông nên gặp hần, nói rõ họa phúc”. Huyên Chi gặp Phổ, cùng truyền ý của Mông. Phổ sợ mà nghe theo. Huyên Chi về báo cho Mông trước, sau đó Phổ liền đến. Mông sai bốn tướng chuẩn bị, đều chọn trăm người. Phổ đi ra, lại vào giữ thành. Chốc lát Phổ ra, Mông đón cầm tay Phổ, cùng nhau xuống thuyền. Nói xong, đem thư ra cho Phổ xem, nhân đó vỗ tay cười lớn, Phổ thấy thư, biết Bị tại Công An, mà Vũ tại Ích Dương, tiếc giận đành trao thành. Mông để Tôn Hà ở lại, giao cho việc trông coi. Liền hôm đó, dẫn quân đến Ích Dương. Lưu Bị xin kết thề, Quyên mới trả bọn Phổ về, chia sông Tương làm ranh giới, đem trả quận Linh Lăng. Lấy các huyện Tần Dương, Dương Tân làm phụng ấp của Mông.

Quân về lại đánh Hợp Phì, đã rút quân, bị bọn Trương Liêu đánh úp, Mông cùng Lăng Thống liền chết để bảo vệ. Sau Tào Công lại phát quân đến Nhu Tu, Quyên lấy Mông làm Đô đốc, giữ ụ ở phía trước, đặt vạn chiếc nỏ cứng ở trên ụ để chống Tào Công. Quân tiên phong của Tào Công chưa lập xong đên, Mông đến đánh phá, Tào Công dẫn quân rút về Bái Mông làm Tả Hộ quân, Hổ uy Tướng quân.

Lỗ Túc chết, Mông đi về phía tây đóng quân ở Lục Khẩu, đem hết hơn vạn quân mã của Túc cho Mông. Lại bái Hán Xương Thái thú, ăn lộc các huyện Tạ Tuyền, Lưu Dương, Hán Xương, Châu Lăng. Chia đất biên giới với Quan Vũ, biết Vũ kiêu hùng, có ý chiếm lấy, lại trú ở đầu nguồn của đất nước, hình thế khó giữ lâu. Lúc trước, bọn Lỗ Túc cho rằng Tào Công vẫn còn, vừa gây họa nạn, nên cùng giúp đỡ, cùng nhau chống địch, không nên làm mất lòng, Mông lại ngầm bày kế sách nói: “Nên sai Chinh lỗ

Tướng quân⁽¹⁹⁾ giữ Nam Quận, Phan Chương đóng quân ở thành Bạch Đê, Tưởng Khâm đem vạn quân đi xa, men theo sông lên đầu ngu ồn, đến chỗ định ở. Mông vì nhà nước sẽ đến chiếm Tương Dương, như thế mới lo vì Tháo, cần gì nhờ Vũ chống nữa? Vả lại Vũ là bày tôi lớn, chỉ khoe sức giả, làm việc phản nghịch. Nay Vũ chưa tiện hướng về phía đông là vì bậc chí tôn sáng suốt, bọn Mông vẫn còn thôi. Nay nhân lúc hấn không vững mạnh mà đánh đi, một sớm ngã nhào, muốn bày kế lấy lại, lúc đó còn lấy được không”? Quyên thu nạp kế ấy, lại bèn cùng bàn kế lấy Từ Châu, Mông đáp nói: “Nay Tháo ở xa tại phía bắc ông Hà, vừa phá quân họ Viên, vỗ về miền U, Kí, chưa rảnh ngoảnh về phía đông. Nghe nói quân giữ Từ Châu không đáng ngại, nếu quân ta đến tất chiếm được. Nhưng thế đất ấy bằng phẳng, là chỗ mà quân kỵ xông xáo, ngày nay bậc chí tôn lấy được Từ Châu, sau đó Tháo tất đến tranh ngay, dầu có bảy, tám vạn quân giữ đất ấy, vẫn phải lo lắng. Không bằng bắt lấy Quan Vũ, chiếm cả miền sông dài, hình thế sẽ thêm lớn”. Quyên cho rằng lời này là đúng. Lúc Mông thay Túc, vừa đến Lục Khâu, liền ban bố ân tín, kết thân với Vũ.

Sau Quan Vũ đánh đất Phàn, để quân tướng ở lại giữ Công An, Nam Quận. Mông dưng sớ nói: “Vũ đánh đất Phàn mà để nhiều quân ở lại phòng giữ, chỉ là sợ Mông đánh úp mặt sau mà thôi. Mông thường mắc bệnh, xin chia quân sĩ về Kiến Nghiệp, lấy cớ là chữa bệnh. Vũ nghe tin, tất rút quân phòng giữ đem hết đến Tương Dương. Đại quân đi ngược sông, ngày đêm lên đầu ngu ồn, đánh úp đất vắng thì Nam Quận tất chiếm được, lại bắt được Vũ vậy”. Bèn xưng bệnh nặng, Quyên lại phát hịch gọi Mông về ngầm cùng mưu kế. Vũ quả nhiên tin thật, liền đem quân đi đến đất Phàn. Ngụy sai Vu Cấm cứu đất Phàn, Vũ bắt hết bọn Cấm, thu mấy vạn người ngựa, lại vì lương thiếu bèn tự đến lấy gạo ở Tương Quan. Quyên nghe tin, đi ngay, sai Mông đi phía trước. Mông đến Tầm Dương, giấu hết quân tinh nhuệ ở trong khoang thuyền, sai mặc áo trắng chèo thuyền, mặc áo của người buôn bán, đi gấp ngày đêm, đến đên cạnh phòng mà Vũ đặt ở bên sông, bèn bắt trói hết quân ở đên ấy, cho nên Vũ không hay biết. Liền đến Nam Quận, bọn Phó Sĩ Nhân, Mi Phương đầu hàng.

Ngô thư viết: Tướng quân Phó Sĩ Nhân chống giữ tại Công An, Mông sai Ngưu Phiên dụ Nhân. Phiên đến cửa thành, bảo quân giữ thành nói: “Ta muốn nói chuyện với Tướng quân của các người”. Nhân không chịu gặp nhau, bèn gửi thư rằng: “Người sáng suốt thì phòng họa lúc chưa nảy mầm, người có trí thì trừ hại lúc chưa đến, biết được biết mất, mới làm người được. Biết còn sống

biết chết, đủ phân biệt được tốt, xấu. Đại quân ta đi, quân canh không kịp phòng bị, đuốc lửa không kịp đốt, đây không chỉ là mệnh trời, mà còn có nội ứng vậy. Tướng quân không biết thời trước, đến nay lại không phòng bị, chỉ giữ thành dải quanh này mà không hàng, nếu liều chết đánh giữa thì hủy diệt cả họ hàng tông miếu, bị thiên hạ chê cười. Lữ Hồ uy muốn đến thẳng Nam Quận, cắt chặn đường bộ, như thế con đường sống bị nghẽn, xét hình thế của đất ấy, là tai miệng của Tướng quân vậy, lúc ấy chạy trốn cũng khó thoát. Nếu hàng thì bỏ mất nghĩa, ta chỉ sợ Tướng quân không yên nên vất vả mưu nghĩ giúp”. Nhân được thư, khóc lóc mà hàng. Phiên bảo Mông nói: “Đây là quân giả hàng vậy, nên đến Nhân đi, để quân ta lại giữ thành”. Bèn đem Nhân đến Nam Quận. Nam Quận Thái thú Mi Phương giữ thành, Mông đem Nhân ra cho xem, bèn hàng.

Ngô lục viết: Trước đây, trong thành Nam Quận dẫn lửa, liên đốt cháy vũ khí. Vũ trách tội Phương, Phương trong lòng sợ hãi, Quyền nghe tin mà dụ Phương, Phương ngầm hòa thân. Lúc Mông đến đánh, bèn đem trâu rượu ra hàng.

Mông vào chiếm thành, bắt hết người nhà của Vũ và tướng sĩ, đầu võ về họ, hạ lệnh trong quân không được lấn ép người nhà của họ, không được cướp đoạt. Có một tên lính thuộc hạ của Mông là người quận Nhữ Nam lấy một cái nón của nhà dân để làm áo giáp, áo giáp dẫu là của công, nhưng Mông vẫn cho là làm trái lệnh cấm, không thể vì người cùng làng ấp mà bỏ lệnh cấm được, bèn khóc lóc mà chém người ấy. Do đó trong quân nghiêm túc, đi đường không dám nhặt của rơi. Mông sớm tối sai người thân cận đi chăm sóc người già cả, thăm hỏi những nhà không đầy đủ, cấp thuốc chữa cho người bệnh tật, ban cơm áo cho người đói rét. Các tiều của kho tàng của Vũ đều đóng kín để đợi Quyền đến. Vũ về tại đường đi, nhiều lần sai người hỏi tin của Mông, Mông liền đãi hậu sứ giả của Vũ, cho đi khắp trong thành, đến hỏi các nhà, có kẻ tự tay viết thư để làm tin. Sứ giả của Vũ về bàn riêng với nhau, có người biết người nhà không bị gì, được đối đãi tốt hơn lúc trước, cho nên quan quân của Vũ không còn lòng dạ chiến đấu nữa. Lúc Quyền vừa đến, Vũ tự biết thế cùng, bèn chạy đến Mạch Thành, lại về phía tây đến Chương Hương, quân đầu bỏ Vũ mà hàng. Quyền sai Chu Nhiên, Phan Chương chặn đường đi của Vũ, cha con liền cùng bị bắt, thế là Kinh Châu bèn định.

Lấy Mông làm Nam Quận Thái thú, phong Sằn Lăng Hầu,

Giang Biều truyện viết: Quyền mở hội lớn ở Công An, Lữ Mông lấy có bệnh từ chối không đến, Quyền cười rằng: “Công bắt được Vũ là do mưu của Tử Minh vậy. Nay công lớn đã thành, chưa được khen thưởng, há lại u uất sao”? Bèn ban thêm quân bộ kỵ, trống sáo, sai chọn quan thuộc của Hồ uy Tướng quân, cùng

được uy nghi cả hai quận Lư Giang, Nam Quận. Bái xong về trại, quân mã đi theo, trước sau đánh trống thổi sáo, rạng rỡ trên đường.

ban một ức tiền, năm trăm cân vàng ròng. Mông cố từ chối tiền vàng, nhưng Quyên không nghe. Chưa hạ lệnh phong tước, vừa lúc Mông phát bệnh, bấy giờ Quyên ở tại Công An, đón vào trong điện, tìm vạn phương thuốc để chữa bệnh, chiêu mộ người nào chữa khỏi bệnh cho Mông sẽ ban cho nghìn vàng. Bấy giờ có thầy thuốc châm chữa, Quyên vì Mông mà đau xót, muốn mấy lần thấy vẻ mặt của Mông, lại sợ Mông động dấy, thường xuyên lỗ qua tường để xem, thấy Mông đứng dậy ăn được thì nói cười, nếu không thì than thở, đêm không ngủ được. Bệnh được khỏi, liền hạ lệnh sai bày tiệc đến chúc mừng. Sau lại thêm nặng, Quyên tự đến thăm, sai đạo sĩ vì Mông mà cầu đảo ở đàn tế sao. Lúc bốn mươi hai tuổi, bấy giờ chết ở trong điện. Quyên rất đau buồn, vì Mông mà rũ mồn. Vào thời Mông chưa chết, được ban các đồ vàng ngọc đều đem hết vào kho phủ, sai người coi kho rằng đến ngày mình hết mạng thì đều trả về cho Nhà vua, việc tang phải tiết kiệm. Quyên nghe tin, lại càng thương cảm.

Mông thuở trẻ không lo đọc sách truyện, hễ bày kế lớn, thường nói ra miệng làm lời bàn. Thường làm bộ khúc, bị Giang Hạ Thái thú Sái Di khinh thường, Mông không lấy làm giận. Lúc Dự Chương Thái thú Cố Thiệu chết, Quyên hỏi ai dùng được, nhân đó khen Di làm quan tốt đẹp, Quyên cười nói: “Ông muốn làm Kì Hề⁽²⁰⁾ chăng”? Do đó dùng Mông. Cam Ninh cục cằn hay giết người, đã làm mất lòng Mông, bấy giờ lại làm trái lệnh của Quyên, Quyên giận Ninh, Mông liền xin rằng: “Thiên hạ chưa định, tướng khỏe như Ninh khó tìm, nên tha cho hắn”. Quyên bèn tha Ninh, rút cuộc lại dùng.

Con Mông là Bá thay tước, cho ba trăm nhà giữ mộ, lại ban năm mươi khoảnh ruộng. Bá chết, anh là Tông thay tước. Tông chết, em là Mục nối tự.

Tôn Quyên cùng Lục Tốn bàn về Chu Du, Lỗ Túc và Mông rằng: “Công Cẩn hùng tráng, mưu lược hơn người, bèn phá Mạnh Đức, mở mang Kinh Châu, công to dường như khó ai thay được, nhưng nay ông tiếp nối Du. Ngày xưa Công Cẩn mời Tử Kính đến miên đông, muốn cho đến gặp ta, ta cùng Tử Kính nói chuyện, lại bày mưu lược dựng nghiệp Đế Vương, đấy là một cái vui vậy. Sau đó Mạnh Đức nhân có thể bắt được Lưu Tông, nói phao sắp đem mấy chục vạn quân thủy bộ cùng xuống. Ta lên họp các

tướng, hỏi nên làm thế nào, chẳng ai bàn chống, đến như Tử Bô, Văn Biếu⁽²¹⁾ đều nói nên sai sứ đem hịch đón hàng, Tử Kính liền gạt đi mà nói là không nên, khuyên ta nhanh gọi Công Căn về, đem quân trao lệnh, đón mà đánh Mạnh Đức, đấy là hai cái vui vậy. Lại quyết định kế sách, ý sâu xa như kế của Trương, Tô⁽²²⁾; sau đó khuyên ta cho Huyền Đức mượn đất, đấy là một chỗ kém, nhưng không đủ để làm tổn đến hai điều tốt kia vậy. Chu Công không cầu tìm phòng bị ở một người, cho nên ý của ta là quên cái kém mà trọng cái giỏi của người đó, thường sánh Túc ngang với Đặng Vũ⁽²³⁾. Lại còn Tử Minh tuổi trẻ, ta nói là hắn không có biện luận, chỉ là dũng cảm có khí đảm mà thôi; đến lúc lớn lên, tài học càng thêm, bày mưu kế lạ, có thể đứng sau Công Căn, chỉ là lời lẽ không hay đẹp bằng mà thôi. Mưu bắt lấy Quan Vũ, lại hơn Tử Kính. Tử Kính đáp thư ta nói: ‘Dựng nghiệp Đế Vương, đâu có kẻ phải tiểu trừ, nhưng Vũ không đáng lo’. Đấy là trong lòng Tử Kính không có cách đánh, cho nên mượn lời nói ở ngoài thôi, ta cũng giận nhưng không nổi trách mắng vậy. Nhưng lại luyện quân, đóng trại không lãn, đề ra pháp lệnh ngăn cấm, nơi biên giới không bị bỏ hoang, người đi đường không nhát của rơi, pháp lệnh cũng tốt đẹp”.

Bình nói: Tào Công nhân lúc làm Thừa tướng của nhà Hán, kẹp Thiên tử để quét sạch bọn hào kiệt, vừa đẹp yên đất Kinh, diễu oai đến miền đông, bấy giờ người bàn chẳng ai không nao núng. Riêng có Chu Du, Lỗ Túc bày kế hay, làm gương cho mọi người, thật là có tài lạ. Lữ Mông dũng cảm lại có mưu lược, biết kế dùng quân, lừa Hách Phổ, bắt Quan Vũ, rất là giỏi vậy. Lúc trước đều bị khinh thường mà giết bừa, nhưng cuối cùng thành công, có phong thái của kẻ sĩ, há chỉ là tướng võ mà thôi chẳng! Lời bàn của Tôn Quyền đúng đắn vừa phải, cho nên chép vào đây.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Kiều, Trát: Kiêu là Tử Sản, cháu của vua Trịnh. Trát là Quý Trát, em của vua Ngô là Chư Phàn, đều là người thời Xuân thu. Vua Ngô sai Quý Trát đi sứ nước Trịnh, mới gặp Tử Sản lần đầu mà thân ái như gặp người quen cũ, hai người làm bạn với nhau, Quý Trát tặng một dải lụa mộc cho Tử Sản, Tử Sản lại tặng một cái áo sợi gai cho Quý Trát. Người đời sau gọi là “bạn Kiêu, Trát”.*

(2) *Vùng Hoài Tứ: là vùng đất giữa sông Hoài và sông Tứ.*

(3) *Nghĩa Đế: tức Sở Nghĩa Đế, dòng dõi vua cuối cùng của nước Sở. Khi Tần diệt nước Sở phải làm dân thường, sau khi Hạng Vũ cùng chư hầu diệt Tần, tôn làm Nghĩa Đế, sai bị Hạng Vũ sai người giết chết ở trên sông Trường Giang.*

(4) *Tử Du: tức Gia Cát Cẩn tự Tử Du, anh của Gia Cát Lượng.*

(5) *Bách chí tôn: người được tôn kính nhất, tức Hoàng Đế, ý chỉ Tôn Quyền.*

(6) *Nếm mật: chuyện xưa Việt Vương Câu Tiễn nằm gai nếm mật để mưu dựng nghiệp lớn, ý nói phải làm việc chăm chỉ.*

(7) *Tả Tướng quân: chỉ Lưu Bị bấy giờ làm Tả Tướng quân.*

(8) *Tây Châu: tức Ích Châu, Lương Châu, là đất Ba Thục ở phía tây.*

(9) *Túc có người con còn trong bụng mẹ: ý nói lúc Túc chết thì vợ đang mang thai một người con.*

(10) *Ấp Tử: người được phong ấp, ban tước Tử.*

(11) *Lăng Công Tích: tức Lăng Thống tự Công Tích.*

(12) *Đông tây dấu là một nhà: ý nói Lưu Bị chiếm Kinh Châu ở phía tây, trên danh nghĩa là cùng một nhà với Tôn Quyền chiếm đất Ngô ở phía đông.*

(13) *Tam sử: tức ba bộ sử là Sử kí của Tư Mã Thiên, Tiền Hán thư của Ban Cố và Hậu Hán thư của Tạ Thừa, viết sử từ thời kì Đông Hán, Tây Hán trở về trước.*

(14) *Kẻ sĩ sau ba ngày lại trở mắt mà nhìn: ý nói kẻ sĩ đọc sách, tăng thêm hiểu biết từng ngày, ba ngày sau mới gặp phải trở mắt mà nhìn kinh ngạc.*

(15) *Nhưõng Hâu: tức Ngụy Nhiễm, đại thần của nước Tấn thời Chiến quốc, có công nên được phong ở đất Nhưõng, gọi là Nhưõng Hâu.*

(16) *Chim ngạc: một loài chim săn mồi ăn thịt, móng nhọn, mỏ sắc.*

(17) *Tử Thái: tức Hách Phổ tự Tử Thái.*

(18) *Cá trong vết chân trâu: trâu đi qua để lại vết lõm, nước đọng vào, ý nói cá ở trong vết lõm ấy như trong chậu, tình thế rất nguy hiểm.*

(19) *Chinh lỗ Tướng quân: tức Tôn Giao, được báii Chinh lỗ Tướng quân.*

(20) *Kì Hê: Kì Hê là họ hàng của vua nước Tấn thời Xuân thu. Làm quan qua bốn đời vua của nước Tấn. Tấn Trác Công hỏi ai nên thay chức Trung quân úy, có người tên Giải Hô là kẻ thù đã giết cha của Kì Hê, không vì thù riêng, bèn tiến cử cho Trác Công, hỏi vì sao, Kì Hê nói: “Vua đã hỏi, thì không hỏi kẻ thù của thân vậy”.*

(21) *Tử Bõ, Văn Biếu: tức Trương Chiêu tự Tử Bõ và Tân Tùng tự Văn Biếu, đều là bầy tôi chức cao của Tôn Quyền.*

(22) *Trương, Tô: tức Trương Nghi và Tô Tân thời Chiến quốc.*

(23) *Đặng Vũ: danh tướng thời Đông Hán, giúp Quang Vũ Đế nhà Hán dẹp loạn cát cứ.*

QUYỂN 10 - TRÌNH HOÀNG HÀN TƯỚNG CHU TRẦN ĐỒNG CAM LĂNG TỬ PHAN ĐÌNH TRUYỆN

*Trình Phổ, Hoàng Cái, Hàn Dương, Tưởng Khâm, Chu Thái,
Trần Vũ, Đồng Tập, Cam Ninh, Lăng Thống, Từ Thịnh, Phan
Chương, Đình Phụng*

CHU THÁI TRUYỆN

Chu Thái tự Áú Bình, người vùng Hạ Thái⁽¹⁾ thuộc Cửu Giang. Thái cùng Tưởng Khâm theo làm tả hữu cho Tôn Sách, hành sự nghiêm trang cẩn thận, mấy lần lập được chiến công. Quyên thích cách làm việc của Thái, xin Sách cho Thái theo mình. Sách đi thảo phạt sơn tặc ở Lục huyện. Quyên ở lại Tuyên Thành, dùng giáp sĩ để phòng thủ, binh lực không đến nghìn người, trong lòng vẫn có ý lo là chênh mảng, không sửa soạn bảo vệ chỗ ở, mà sơn tặc đột nhiên kéo đến mấy nghìn tên xông vào. Quyên vừa mới lên ngựa thì đao sắc của giặc đã kề sát hai bên phải trái, có nhát chém trúng yên ngựa. Tả hữu xung quanh chẳng có ai tự trấn tĩnh được, riêng mình Thái gắng sức đánh tới, liều thân bảo vệ cho Quyên, dũng khí vượt bậc. Mọi người noi theo Thái đều có thể cự địch. Sau khi sau khi sơn tặc phân tán rã đám, Thái bị mười hai vết thương, rất lâu sau mới bình phục. Hôm ấy không có Thái, Quyên sẽ gặp hiểm nguy. Sách cảm ơn ấy, bổ dụng Thái làm Trưởng ở Xuân Cốc. Sau Thái lại theo đi đánh đất Hoàn⁽²⁾, Khi Sách chinh phạt Giang Hạ về qua Dự Chương lại bổ dụng Thái làm Trưởng ở Nghi Xuân. Bổ nhiệm Thái ở đâu đều cho thu thuế ăn lộc ở đó.

Thái theo đi đánh Hoàng Tổ lập được chiến công. Sau lại cùng Chu Du, Trình Phổ chống cự Tào Công⁽³⁾ ở Xích Bích, đánh Tào Nhân ở Nam Quận. Kinh Châu được bình định, Thái dẫn quân đóng đồn ở đất Sầm. Tào Công tấn công Nhu Tu⁽⁴⁾, Thái lại đến ứng chiến, Tào Công rút lui, Thái được phong Bình Lỗ Tướng Quân. Lúc ấy bọn Chu Nhiên, Từ Thịnh đều ở dưới quyên Thái mà đều không phục. Quyên đặc biệt ra tra xét đến tận lũy Nhu Tu, nhân đó hội họp các tướng mở hiệc lớn vui say. Quyên tự cầm chén rượu đến trước mặt Thái, lệnh cho Thái cởi áo. Tay Quyên chỉ vào từng vết thương trên người Thái, miệng hỏi vì sao nên nổi. Thái liều nhớ lại việc chiến đấu xưa kia đáp lời. Xong, Quyên bảo Thái mặc lại áo, vui vẻ dự yến đến hết đêm. Hôm sau, Quyên sai sứ ban cho Thái chiếc lưng của mình.

Giang Biều truyện⁽⁵⁾ chép: *Quyền cầm tay Thái, nước mắt chảy thành dòng, thân thiết nói: "Ấu Bình, khanh vì anh em Cô chiến đấu như hổ dữ, chẳng tiếc gì thân thể tính mạng, bị thương hơn mười chỗ, da như bị chạm khắc vào. Cô cũng lòng nào mà không đôi đũa với khanh như ruột thịt, uỷ thác đại quyền binh mã cho khanh! Khanh là công thần của ta. Ta với khanh cùng chung vinh nhục, chia sẻ vui buồn. Ấu Bình, khanh vốn tính cách hào sảng, chớ tự coi mình là hàn môn mà rụt rè ngần ngại nhé." Liên lấy cái khăn xanh bịt đầu thương dùng và cái lọng ban cho. Tiệc tan, Quyền ngồi lại, sai Thái dẫn binh mã lên đường, đánh trống thổi tù và gậy đàn mà xuất quân.*

Vì thế bọn Thịnh đều chịu phục.

Sau Quyền đánh bại Quan Vũ, muốn tiến vào chiếm lấy Thục, dùng Thái làm Hán Trung Thái Thú, phong Phấn Uy Tướng Quân, tước Lăng Dương Hầu. Thái chết trong những năm Hoàng Vũ⁽⁶⁾.

Con Thái là Thiệu làm Kỵ Đô Úy thống lĩnh quân binh, khi Tào Nhân đánh Nhu Tu chiến đấu lập được công tích, lại tham gia phá Tào Hưu, được phong Bì Tướng Quân, chết năm Hoàng Long⁽⁷⁾ thứ hai. Em là Thừa thống lĩnh quân binh kế thừa tước hầu.

TRẦN VÕ TRUYỆN

Trần Võ tự Tử Liệt, người ở Tùng Tư thuộc Lư Giang⁽⁸⁾. Khi Tôn Sách ở Thọ Xuân, Võ đến báỉ yết, lúc bấy giờ mới mười tám tuổi, người cao bảy thước bảy tấc. Võ nhân đó theo Sách vượt sông đi đánh dẹp lập được công lao, được Sách báỉ làm Biệt Bộ Tư Mã. Sách đánh bại Lưu Huân thu được phần lớn dân Lư Giang, thấy họ là những người mạnh mẽ giỏi giang bèn giao cho Võ thống suất. Ấy là việc từ trước chưa từng có tiền lệ. Đến khi Quyên lên thống lĩnh công việc, chuyển Võ sang coi sóc quân Ngũ Giáo⁽⁹⁾. Võ nhân hậu thích giúp người, đồng hương hay khách viên phương nhiều kẻ đến nương tựa dựa dẫm vào Võ. Quyên lại càng đặc biệt thân thiết yêu quý, mấy lần đến ban thưởng cho. Võ nhiều phen lập nên chiến công, được thăng lên làm Thiên Tướng Quân. Năm Kiến An thứ hai mươi, theo đi đánh trận ở Hợp Phì, gắng sức nghe lệnh chiến đấu mà chết trận. Quyên xót thương thân đến dự tang lễ.

Giang Biều truyện chép: Quyên ra lệnh bắt ái thiếp của Võ tuần táng, lại chôn theo cả gia khách hai trăm người.

Tôn Thỉnh nói: Xưa Tam Lương chết theo Mục Công⁽¹⁰⁾, quân Tần vì thế mà không ra trận nổi. Ngụy Thiếp đã được phóng thích, Đỗ Hôi vì vậy phải ngã nhào⁽¹¹⁾. Chuyện họa phúc như vậy đã hiệu nghiệm rõ ràng. Quyên dờ mờ dùng kế, bắt người sống đi theo người chết, gấp gáp cầu phúc trên đời, chẳng phải là không nên sao!

Con trai Võ là Tu, có phong thái của Võ, khi mười chín tuổi được Quyên triệu kiến báỉ yết ban lời khích lệ, phong làm Biệt Bộ Tư Mã, giao cho quân binh năm trăm người. Bấy giờ tân binh các nơi phần nhiều có việc bỏ trốn, nhưng Tu phủ dụ vỗ về rất đúng cách, không bị mất một người nào. Quyên lấy làm lạ, phong làm Hiệu Úy, sau khi truy phong xem xét công thần, phong Tu làm Đô Đình Hầu, giữ chức Giải Phiên Đốc⁽¹²⁾. Năm Hoàng Long⁽¹³⁾ nguyên niên thì chết.

Em trai Tu là Biều tự Văn Áo, con thứ của Võ. Biều từ nhỏ đã nổi danh, cùng bọn Gia Cát Khắc, Cỗ Đàm, Trương Hưu đầu theo phụng thị Thái Tử, kết bạn thân thiết bên nhau. Có quan Thượng Thư là Kỵ Diễm cũng quý mến Biều. Sau Diễm mắc tội, người đương thời đầu nghĩ cách tự che đậy cho mình, tin cậy càng nòng hậu lời lẽ càng khắc bạc. Riêng có Biều không cư xử như vậy, kẻ sĩ vì thế mà coi trọng Biều. Biều được dời làm Thái Tử Trung Thứ Tử, lĩnh chức Dực Chánh Đô Úy.

Sau khi anh Biều là Tu chết, mẹ Biều không vui lòng phụng dưỡng mẹ Tu. Biều nói với mẹ rằng: "Anh con bất hạnh mất sớm, Biều con này đứng đầu mọi việc trong nhà, gánh vác trách nhiệm phụng dưỡng mẹ cả. Mẹ nếu như có thể vì Biều mà ép lòng thuận thảo, chịu theo mẹ cả, thì đây là đi đầu tâm nguyện con mong mỏi; Còn nếu mẹ không thể, chính nên ra ở riêng phía bên ngoài." Biều vì đại nghĩa mà công chính như vậy, hai mẹ thấy thế cũng cảm động tỉnh ngộ mà hoà hợp với nhau. Biều lại lấy cố cha chết trên đất địch, khẩn cầu xin được bổ dụng làm tướng, chỉ huy năm trăm quân. Vì muốn chiến sĩ tận sức cho mình nên dốc lòng tiếp đãi họ. Thuộc hạ đầu yêu thương tuân phục, vui vẻ nghe theo mệnh lệnh. Bấy giờ có kẻ lấy trộm đồ vật của công, nghi cho tên lính ở doanh Vô Nan là Thi Minh. Minh vốn khoẻ mạnh ương ngạnh, nhận lấy đòn roi vô cùng gay gắt, chỉ một chết không nhận. Sự việc đến cả Đình Úy⁽¹⁴⁾ cũng nghe tin. Quyên thấy Biều có tài thu phục tâm can dũng sĩ, ban chiếu ra lệnh giao Minh cho Biều. Sai Biều tự theo ý mình tìm lấy sự thật. Biều liền phá bỏ gông cùm, đưa Minh đi tắm gội, thay đổi quần áo, bày đặt đồ ăn rượu uống thịnh soạn, thân ái mà khuyên bảo. Minh rút cuộc cúi đầu, trình bày đầy đủ phe đảng bè lũ. Biều làm đơn tố cáo lên. Quyên lấy làm lạ, muốn bảo toàn danh tiếng nên đặc biệt xá tội cho Minh, chỉ tru diệt hết phe đảng. Lại chuyển Biều làm Vô Nan Hữu Bộ Đốc, phong tước Đô Đình Hầu, kế tục tước vị cũ của cha anh. Tất cả Biều đều xin nhường lại, truyền cho con của Tu là Diên nhưng Quyên không đồng ý. Năm Gia Hoà⁽¹⁵⁾ thứ ba, Gia Cát Khắc lĩnh chức Thái Thú ở Đan Dương, thảo phạt vùng Sơn Việt, lấy Biều làm Đô Úy Tân An, cùng Khắc xem xét hình thế. Lúc trước, Biều được ban tứ người phục dịch hai trăm nhà ở huyện Tân An thuộc Cối Kê. Biều quan sát kiểm tra thấy đám người này đều có thể làm lính giỏi, bèn dâng sớ trăn trối xin từ chối, muốn đưa họ trở lại quân đội, sung tất cả vào lính tinh nhuệ. Quyên ban chiếu rằng: "Tiên Tướng Quân⁽¹⁶⁾ có công với quốc gia, nay nhà nước

vì thế mà đến đây, sao Khanh được chối từ.” Biểu bèn thưa rằng: ”Nay diệt quốc tặc, bao mối thù cha, cần phải lấy người làm gốc. Dùng những người hăng hái mạnh mẽ làm nô tỳ gia bộc thật phí phạm thiếu thiết thực, đó không phải là chí của Biểu vậy.” Rồi liền coi sóc bổ xung họ vào đội ngũ. Từ địa phương tin tức truyền đi, Quyển rất ngợi khen, lại ban lệnh cho các quận huyện kiểm điểm các hộ dân phiêu dạt rằng buộc lấy người để giúp ích cho địa phương. Biểu giữ chức ba năm, mở rộng việc khẩn hoang, thu nạp lấy kẻ khuất phục, có quân hơn vạn người. Lại mưu sự nhanh nhẹn khẩn tiếp, gánh vác cả bên ngoài. Khi ở Bà Dương dân các huyện Ngô Cự làm loạn, đánh lấy thành quách khiến các huyện liên quan dao động, Biểu lập tức vượt qua cương giới sang đánh dẹp, nhanh chóng phá được loạn đảng cuối cùng hàng phục được. Lục Tốn phong Biểu làm Thiên Tướng Quân, tiến cử xin phong Biểu làm Đô Hương Hầu, dẫn quân lên phía bắc đóng đồn ở Chương Khanh. Biểu chết năm ba mươi tư tuổi, tài sản trong nhà dùng hết để nuôi tướng sĩ. Ngày Biểu chết vợ con ra đứng ngoài đường. Thái Tử Đăng phải xây dựng nhà cửa cho. Con Biểu là Ngao, mới mười bảy tuổi được bái làm Biệt Bộ Tư Mã, nhận quân bốn trăm người. Ngao chết, con Tu là Diên lại làm Tư Mã kế nhiệm. Em Diên là Vĩnh làm đến tướng quân, được phong Hầu. Thi Minh lúc trước cảm ơn Biểu, tự thay đổi làm việc tốt trở thành tướng giỏi, cũng lên đến địa vị tướng quân.

ĐỒNG TẬP TRUYỆN

Đồng Tập tự Nguyên Đại người vùng Dư Diêu thuộc Cối Kê⁽¹⁷⁾, mình cao tám thước, oai phong mạnh mẽ hơn người

Hậu Hán Thư của Tạ Thừa⁽¹⁸⁾ khen Tập ý chí khí tiết khảng khái hiên ngang, oai vũ mạnh mẽ phong độ hào hùng.

Tôn Sách tới Cối Kê, Tập ra nghênh đón tận Cao Thiên Đình. Sách thấy là người kỳ vĩ, khi đến nơi xếp đặt làm Tắc Tào⁽¹⁹⁾ ở dưới trướng. Đương thời núi Âm Sơn vốn là nơi bọn giặc cướp Hoàng Long La, Chu Bột tụ tập, bè lũ có đến nghìn người. Sách tự mình ra đánh dẹp. Tập đi theo, chém được đầu La và Bột, khi về được bái làm Biệt Bộ Tư Mã, thống lĩnh hàng nghìn quân, sau chuyển làm Dương Vũ Đô Úy. Rồi Tập lại theo Sách đi đánh đất Hoàn, lại theo thảo phạt Lưu Huân ở Tầm Dương, đánh Hoàng Tổ ở Giang Hạ.

Sách hoẵng. Quyên còn ít tuổi, vừa mới thống lĩnh công việc. Thái Phi⁽²⁰⁾ lấy làm lo lắng, gọi Trương Chiêu cùng bọn Tập đến gặp, hỏi Giang Đông có thể giữ yên chăng. Tập đáp rằng: "Giang Đông có núi sông bền vững mà Thảo Nghịch Tướng Quân⁽²¹⁾ sáng suốt, tạo ra ơn đức cho dân. Thảo Lỗ Tướng Quân⁽²²⁾ kế thừa cơ nghiệp, lớn nhỏ dùng mệnh lệnh để sai khiến. Có Trương Chiêu giữ vững công việc, dùng bọn Tập làm nhanh làm vượt. Địa lợi nhân hoà ấy vào buổi bây giờ nghìn vạn lần không phải lo gì." Mọi người đều khâm phục lời Tập nói.

Bọn giặc ở Bà Dương là Bành Hồđông đến vạn người. Tập cùng Lăng Thống, Bộ Chất, Tưởng Khâm các người chia đường thảo phạt. Hương của Tập đánh luôn luôn thắng, bọn Hồ trông thấy kỳ hiệu từ xa đã lập tức bỏ chạy tan rã, trong vòng mười ngày đã bình định xong hết. Tập được làm Uy Việt Hiệu Úy rồi đổi thành Thiên Tướng Quân.

Năm Kiến An thứ mười ba, Quyên đánh Hoàng Tổ. Tổ xoay ngang mấy chiếc Mông Trùng⁽²³⁾ hợp lại với nhau để phòng thủ Miên Khâu⁽²⁴⁾, lấy

thùng lớn kết từ cây cọ buộc đá làm neo. Trên Mông Trùng xếp đặt nghìn người cầ nỏ cứng cùng lúc bắn xuống, tên bay như mưa. Quân của Quyên không tiến lên được. Tập với Lăng Thống cùng đi tiên phong, tướng tá tùy tùng cảm tử mà đánh có trăm người, thân đầu mặc hai lần giáp, cưỡi trên thuyền mảnh, đột nhập vào bên trong dãy Mông Trùng. Tập tự dùng đao chém đứt dây neo, Mông Trùng cứ xoay ngang thế mà trôi xuôi theo dòng. Đại quân của Quyên nhân đó tiến lên. Tổ liền mở của thành mà chạy, bị quân đuổi theo chém chết. Trong bữa tiệc lớn hôm sau, Quyên nâng chén bảo Tập rằng: "Yến hội hôm nay là để mừng công chém dây neo đó."

Tào Công ra đánh Nhu Tu, Tập theo Quyên đến chống cự. Quyên sai Tập đốc xuất Ngũ Lô Thuần ở Nhu Tu Khẩu. Đang đêm bỗng có gió lớn, Ngũ Lô Thuần nghiêng ngả, tả hữu tan tác chạy sang thuyền nhỏ, xin Tập rời Ngũ Lô Thuần. Tập giận nói: "Ta nhận trách nhiệm làm tướng quân, nay gặp lúc có giặc, sao có thể là loại bỏ sự uỷ thác mà đi. Ai dám nói lời như thế nữa thì chém!" Vì vậy không ai dám khuyên can nữa. Đêm ấy thuyền sụp. Tập chết. Quyên thay đổi trang phục đến điếu tang, lại chu cấp rất hậu cho người nhà Tập.

ĐÌNH PHỤNG TRUYỆN

Đình Phụng tự Thừa Uyên, người ở An Phong⁽²⁵⁾ thuộc quận Lư Giang. Lúc thiếu niên nhờ gan dạ mạnh khoẻ mà thành tiểu tướng, làm thuộc hạ của Cam Ninh, Lục Tồn, Phan Chương các người. Mấy lần theo họ đi đánh trận, thường chiến đấu trong quân ngũ, từng chém tướng đoạt cờ thân mang vết thương. Tôn Lượng lên nối ngôi, Phụng được làm Quan Quân Tướng Quân, tước phong Đô Đình Hầu.

Nguy sai bọn Gia Cát Đản, Hồ Tuân đánh vào Đông Hưng. Gia Cát Khắc thống lĩnh quân binh ra cự địch. Các tướng đều nói: "Địch nghe tin Thái Phó tự thân đến nơi, bên bờ bên kia tất bỏ chạy trốn." Riêng Phụng nói: "Không phải thế. Bên kia mà bị lay động đến các vùng trong cương giới, tất sẽ từ Hứa Lạc cất đại quân mà đến. Nếu quả đã thành phép tắc như thế, há lại bỏ không mà quay về sao? Chớ chờ đợi rằng địch quân không đến mà hãy trông cậy vào chúng ta có cách thắng địch thôi." Đến khi Khắc lên bờ, Phụng cùng với các tướng Đường Tư, Lữ Cư, Lưu Tán đều theo đường núi tiến sang phía tây. Phụng nói: "Nay các đạo vừa mới đi đường, nếu như địch đóng ở chỗ địa thế thuận lợi thì khó có thể cùng bọn chúng tranh phong được." Bèn rời bỏ con đường các đạo quân đang dùng, chỉ huy thuộc hạ ba nghìn người theo lối tắt tiến lên. Lúc ấy đang có gió bắc, Phụng dương buồm mà đi, sau hai ngày đã tới nơi, đóng quân ở Từ Đường. Trời tuyết lạnh, các tướng địch bày rượu quý mở hội. Phụng thấy đạo tiên quân của địch binh ít, nói với thuộc hạ rằng: "Lấy được phong hầu thưởng tước, chính là ở hôm nay!" Bèn sai quan cỡi giáp sắt, bỏ mũ trụ, cầm binh khí ngắn. Địch ung dung cười nói không sắp đặt phòng bị, Phụng tung quân ra chém giết, đại phá tiên đồn của chúng. Khi bọn Cư đến nơi, Nguy quân đã tan vỡ. Phụng được chuyển làm Diệt Khẩu Tướng Quân, thăng phong Đô Đình Hầu.

Nguy tướng là Văn Khâm tới hàng. Lấy Phụng làm Hồ Uy tướng quân theo Tôn Tuấn đến tận Thọ Xương nghênh đón, giao chiến với quân Nguy

đuổi theo Văn Khâm ở Cao Đình. Phụng cưỡi ngựa càn mâu xông vào giữa trận địch, chém hơn trăm đầu, đoạt hết quân khí của chúng, được phong làm An Phong Hầu.

Năm Thái Bình⁽²⁶⁾ thứ hai, Đại Tướng Quân nước Ngụy là Gia Cát Đản ở Thọ Xuân lại hàng, bị người Ngụy vây. Ngô sai các tướng Chu Di, Đường Tư đến cứu, lại sai Phụng cùng Lê Phỉ phá vòng vây. Phụng đến trước tiên, đóng đồn ở Lê Tương, cố gắng chiến đấu có công, được phong Tả Tướng Quân.

Tôn Hưu lên ngôi, cùng Trương Bố mưu tính, muốn tru diệt Tôn Lâm. Bố nói: "Đinh Phụng tuy không có tài đọc sách như thư lại nhưng mưu kế sách lược hơn người, có thể quyết định đại sự." Hưu vời Phụng đến bảo rằng: "Lâm giữ quyền lực quốc gia, sắp sửa làm việc trái phép, muốn cùng tướng quân trừ đi." Phụng nói: "Anh em Thừa Tướng có bạn hữu phe đang rất mạnh, sợ rằng lòng người chẳng giống nhau, không thể chế phục hết được, nếu nhân dịp lễ hội cuối năm, có đủ quân của Bộ Hạ thì giết được." Hưu dùng kế ấy, nhân khi lễ hội mời Lâm. Phụng và Trương Bố càn đầu tả hữu chém đi. Phụng (và Bố) được thăng Đại Tướng Quân, thêm chức Tả Hữu Đô Hộ. Năm Vĩnh An⁽²⁷⁾ thứ ba, ban cho Phụng giả tiết, giao chức Mục ở Từ Châu. Năm Vĩnh An thứ sáu, Ngụy đánh Thục. Phụng chỉ huy các đạo quân tiến vào Thọ Xuân, tạo ra hình thế cứu Thục. Thục mất, lại dẫn quân quay về.

Hưu hoảng. Phụng và bọn Thừa Tướng Bộc Dương Hưng nghe theo lời Vạn Úc, cùng đón Tôn Hạo về lập làm vua, được thăng chức Hữu Đại Tư Mã, Tả Quân Sư. Năm Bảo Định⁽²⁸⁾ thứ ba, Hạo lệnh cho Phụng và Gia Cát Tịnh đánh Hợp Phì. Phụng gửi thư cho Đại Tướng nước Tấn là Thạch Bao, tạo ra sự ly gián làm Bao bị triệu về.

Năm Kiến Hành⁽²⁹⁾ nguyên niên, Phụng lại dẫn tướng sĩ sửa sang khu vực Từ Đường, nhân đó đánh vào Cốc Dương trên đất Tấn. Dân Cốc Dương biết trước, rời đất ấy bỏ đi, Phụng không thu hoạch được gì. Hạo giận, chém quân dẫn đường của Phụng. Năm Kiến Hành thứ ba, Phụng chết. Phụng vinh hiển mà lại có công, dần dần trở nên kiêu căng, có người mỉa mai bỉ báng. Hạo xét lại việc xuất quân năm trước, dòi gia đình Phụng đến Lâm Xuyên. Em Phụng là Phong, làm quan đến chức Hậu Tướng Quân, chết trước Phụng.

Bình rằng: Nói chung các tướng này đều là hổ tướng vùng Giang Biểu. Họ Tôn vì thế mà hậu đãi. Lấy như Phan Chương không biết sửa mình, Quyền có thể quên công lao ghi nhớ đã qua nhưng vẫn để cho được sinh sống yên ổn một góc đông nam, đó là thích hợp vậy! Trần Biểu chỉ là ngành thứ của con nhà tướng mà cùng con trưởng danh nhân sánh vai ngang bằng, vượt trội hơn đời, cũng không phải là tốt đẹp lắm sao!

LĂNG THỐNG TRUYỆN

Lăng Thống tự Công Tích người Dư Hàng thuộc Ngô Quận⁽³⁰⁾. Cha Thống là Tháo, nghĩa hiệp lại can đảm có khí phách. Khi Tôn Sách vừa mới khởi sự, Tháo luôn theo đi chinh phạt, thường đi trước quan quân. Tháo giữ chức Trưởng ở Vĩnh Bình, sắp xếp dẹp yên đất Sơn Việt, làm cho kẻ gian tà phải chùn tay, được phong làm Phá Tặc Hiệu Úy. Đến khi Quyên chỉ huy công việc, Tháo theo đi đánh Giang Hạ. Đại quân tiến vào Hạ Khâu, Tháo xông pha đi trước, đánh bại tiên quân của địch, một mình cười thuyềnh nhẹ xông lên, bị trúng tên lạc mà chết.

Thống lúc ấy mới mười lăm tuổi, tả hữu phần lớn cho rằng có thể kế tục được sự nghiệp của cha. Quyên nhớ đến Tháo chết vì việc nước nên phong cho Thống làm Biệt Bộ Tư Mã, đảm đương công việc Phá Tặc Đô Úy, sai cai quản quân lính của cha. Sau Thống theo Quyên đi đánh sơn tặc. Quyên dẹp tan trại trại Bảo Truân rồi trở về trước, còn lại trại Ma Truân hàng vạn người, Thống cùng bốn tướng Trương Di ở lại vây đánh, hẹn ngày tấn công. Trước ngày hẹn, Thống và tướng Trần Cần gặp mặt uống rượu. Cần cứng cỏi mạnh mẽ, có khí độ trách nhiệm do đó đảm đương việc dâng rượu tế, nhưng lại chèn ép hiếp đáp người trong tiệc, nâng lên đặt xuống không theo phép tắc nào. Thống ghét thói khinh bạc vô lễ ấy, ngay mặt nói thẳng không chịu tuân theo. Cần giận mắg Thống cùng cha Thống là Tháo. Thống rơi lệ không đáp. Mọi người vì thế bỏ ra về Cần nhân lúc rượu vào càng trái lễ tợn, lại ở giữa đường nhục mạ Thống. Thống không nhịn được rút đao chém Cần. Được vài hôm Cần chết. Lúc đó đang tấn công vào trại giặc, Thống nói: "Ngoài cái chết ra không biết lấy gì tạ tội." Bèn thống suất khích lệ sĩ tốt, tự mình xông pha tên đạn, đánh vào một mặt, nhận lấy cơ hội phá tan tường hào. Các tướng cũng thừa thắng mà đánh, cuối cùng đại phá trại giặc. (Khi trở về) Thống tự trói đến nơi quân pháp. Quyên khen là quả quyết cứng cỏi, cho lấy công chuộc tội.

Sau Quyên lại đánh Giang Hạ. Thống làm tiên phong, thường cùng dũng sĩ thân cận mấy chục người ng ẫ chung một thuyền, đi trước đại quân mấy chục dặm. Tiến vào phía tây Trường Giang, chém tướng của Hoàng Tổ là Trương Thạc, thu hết thủy quân của Thạc r ẫ quay về báo với Quyên, dẫn quân gấp lên đường, thủy bộ cùng tụ hội. Bấy giờ, Lã Mông đánh bại được thủy quân Giang Hạ mà Thống trước đã đánh thành vì vậy thắng to. Quyên lấy Thống làm Thừa Liệt Đô Úy, cùng bọn Chu Du chống cự, đánh bại Tào Công ở Ô Lâm, r ẫ lại đi đánh Tào Nhân, được thắng làm Đô Úy. Thống tuy ở trong quân ngũ nhưng biết yêu quý người hi ền, xem trọng đạo nghĩa có phong độ của bậc quốc sĩ.

Thống theo Quyên đi đánh đất Hoàn, được phong Đãng Khẩu Trung Lang Tướng, thống suất Phái Tương. Thống lại cùng bọn Lã Mông đánh sang phía tây lấy đất ba quận, r ẫ quay về từ Ích Dương theo Quyên đến Hợp Phì, làm Hữu Bộ Đốc. Đương thời Quyên lui binh, đội tiên phong đã lên đường thì bọn Trương Liêu tướng nước Ngụy sấn đến bờ bắc bên sông. Quyên sai đuổi theo gọi tiên quân quay lại, nhưng tiên quân đã đi xa không cứu giúp kịp. Thống chỉ huy bộ tướng hơn ba trăm người phá vây, hộ tống bảo vệ Quyên đi ra. Dịch quân đã phá cầu, hai tấm ván cầu chấp vá, Quyên quất ngựa chạy qua, Thống quay về chiến đấu. Đến khi tả hữu chết hết, Thống cũng bị thương, chém giết mấy chục người, ước chừng Quyên đã chạy thoát bèn chạy trở lại nhưng cầu đã sập, đường hết. Thống khoác áo giáp mà lặn đi. Quyên đã ng ẫ trên thuyền, nhìn thấy vừa sợ vừa mừng. Thống thương người thân cận không ai trở về đau buồn không ki ền chế được. Quyên lấy tay áo lau cho bảo rằng: "Công Tích, người đã chết vậy thay, ví phỏng khanh còn sống đây, sao phải lo không có người?"

Ngô Thù chép: Thống bị thương nặng. Quyên bèn giữ Thống trong thuyền, thay đổi hết y phục. Vết thương lại gặp được thuốc quý nhà họ Trác cho nên mới không chết.

Được phong làm Thiên Tướng Quân, cấp cho binh lính nhiều gấp bội.

Bấy giờ có kẻ tiến cử người đồng hương với Thống là Thinh Xiêm với Quyên, cho là bậc ngay thẳng khí khái cực kỳ tiết tháo, có chỗ còn hơn Thống. Quyên nói: "Hãy cứ tốt đẹp như Thông là đủ r ẫ." Sau Xiêm được đưa đến vào ban đêm, Thông đã đi nằm, nghe tin bèn mặc áo ra ngoài cửa nắm tay đưa vào. Thống yêu quý người tài không hề ghen ghét là như thế.

Thống thấy người Trung Sơn phần lớn là mạnh mẽ ương ngạnh, có thể lấy ân uy mà khuyên bảo dẫn dắt nên Quyên lệnh cho Thống sang phía đông thôn tính lấy thử dò xét xem. Lại ban lệnh cho các thành liêu đầy nếu Thông có yêu cầu gì thì trước đầu cung cấp đủ rồi sau mới báo về Thống vốn yêu quý kẻ sĩ. Kẻ sĩ cũng yêu quý Thống. Vì vậy thu được hơn vạn quân tinh tráng. Khi Thống trở về đi qua quê cũ, đi bộ vào cửa dinh, gặp gỡ quan lại hoai niệm tam bản⁽³¹⁾, hết lòng cung kính giữ lễ. Đối với bạn bè quen biết cũ tình cảm lại càng nồng hậu. Công việc hoàn thành đang lúc lên đường thì mắc bệnh chết, tuổi mới bốn mươi chín. Quyên nghe tin đập tay xuống giường ngất dậy, tiếc thương không kìm nổi, bỏ ăn mấy ngày liền, hễ nói đến là rơi lệ, sai Trương Thừa làm bài minh kể lại công đức của Thống.

Hai con Thống là Liệt và Phong, mỗi người lúc ấy chỉ được mấy tuổi, Quyên đem vào nuôi trong cung, yêu thương đối đãi giống như con mình. Mỗi khi có khách vào yết kiến thường bảo rằng: "Đây là những đứa con hồ báo của ta." Đến khi tám chín tuổi, sai Cát Quang dạy đọc sách, mười ngày một lần lệnh cho đi cưỡi ngựa. Sau lại truy xét công lao của Lăng Thông khi xưa, phong làm Liệt Đình Hầu, trao lại binh lính cũ. Về sau Liệt phạm tội bị bãi chức, Phong lại kế thừa chức tước thống lĩnh quân binh.

Tôn Thịnh viết: Xem cách Tôn Quyền săn sóc cho kẻ sĩ thật đã hết dạ dốc lòng để mong họ tận trung. Như khóc cho vết thương của Chu Thái, chôn sông ái thiếp của Trần Vĩ, khẩn cầu lựa chọn của Lã Mông, nuôi nấng con côi của Lăng Thông, tất cả đều khiêm nhường chu đáo hết lòng chẳng quên, thành khẩn đến điều vậy. Vì thế cho nên đâu tiếng tốt chẳng đồn xa, nhân hậu khoan dung lại sáng tỏ ở trong nước, mới có thể hàng phục kẻ mạnh ở Kinh Ngô, suy nghĩ đến việc tiếm hiệu nhiều năm, cùng là có lý do cả. Nhưng đạo bá vương chỉ chờ trông ở chỗ lớn lao lâu dài. Do đó các bậc tiên vương đắp xây nền móng của phẩm hạnh phép tắc; thu phục lòng tin thuận thành trong hải nội; đặt ra trật tự của khuôn mẫu sách lược; làm rõ thứ tự giữa cao quý, thấp hèn. Thay đổi tuyển lựa mà thân thiết có thể bền lâu. Thực hành trọn vẹn mà huân nghiệp đầy đủ lớn lao. Há lại quanh co nhỏ nhặt, chuyên chú vào vào chỗ thân gần, đón mời lấy cái lợi ở thời hiện tại hay sao? Tục ngữ nói: "Dù là việc nhỏ, tất có thể từ đó mà xem xét, suy đến sâu xa mà lo sợ bần nhơ." Chính là nói chuyện ấy vậy!

PHAN CHƯƠNG TRUYỆN

Phan Chương tự Văn Khuê, người ở Phách Can thuộc Đông Quận⁽³²⁾. Khi Tôn Quyên làm Trưởng ở Dương Tiễn, Chương bắt đầu đến theo Quyên. Tính cách Chương rộng rãi phóng túng, sống ngheo nàn mà hay mua chịu rượu. Khi những người cho nợ đến tận cửa đòi, thường nói ngày sau giàu có sẽ trả. Quyên lấy làm yêu thích nhân đó sai đi chiêu mộ, được hơn trăm người, bèn dùng làm đầu lĩnh. Chương đánh dẹp sơn tặc có công, được sắp xếp làm Biệt Bộ Tư Mã. Sau Chương làm Đại Phất ở Ngô Quận bắt giữ tội phạm, làm cho trộm cướp dứt hẳn nhờ đó mà nổi danh, được chuyển đến dự Chương làm Trưởng ở Tây An. Lưu Biểu ở Kinh Châu, dân tình nhiều lần bị cướp, từ khi Chương đến nhận công vụ, trộm cướp không xuất hiện ở địa phương nữa. Huyện Kiến Xương ở liền kề nổi lên bọn cướp làm loạn. Chương chuyển sang đốc suất Kiến Xương thăng thêm chức Vũ Mãnh Hiệu Úy, đánh dẹp trừng trị đám dân có tội, tròn một tháng bình định hết sạch, lại kêu gọi chiêu tập kẻ li tán, được tám trăm người, chỉ huy trở về Kiến Nghiệp.

Chiến dịch Hợp Phì, Trương Liêu bất ngờ xông đến, các tướng không kịp phòng bị. Trần Vũ chết trận. Tống Khiêm, Từ Thịnh đều phân tán bỏ chạy. Chương tự mình ở đội phía sau, lập tức gióng ruổi tiến lên, giật ngựa lại chém hai người đào binh trong đội của Khiêm và Thịnh, làm toàn quân quay lại chiến đấu. Quyên rất khen ngợi, phong Chương làm Thiên Tướng Quân, nhân đó thống lĩnh đội Bách Giáo⁽³³⁾, đóng quân ở Bán Châu.

Quyên đánh Quan Vũ. Chương với Chu Nhiên chặn đường chạy của Vũ, đến đóng ở Lâm Thu, trú quân ở Giáp Thạch. Bộ tướng của Chương là Tư Mã Trung bắt được Vũ cùng con của Vũ là Bình và bọn Đô Đốc Triệu Lũy. Quyên liền cắt đất hai huyện Nghi Đô, Tả Quy lập nên quận Cỗ Lăng, phong Chương làm Thái Thú ở đấy, giữ chức Chấn Uy Tướng Quân, tước Lật Dương Hầu. Sau khi Cam Ninh chết, Chương lại thông lĩnh bộ tốt của Ninh. Lưu Bị đánh vào Di Lăng, Chương cùng Lăng Tồn⁽³⁴⁾

đầu hết sức chống trả. Bộ hạ của Chương chém chết Hộ Quân của Bị là bọn Phùng Tập, đánh giết rất nhiều. Chương được phong Bình Bắc Tướng Quân, làm Thái Thú ở Tương Dương.

Bọn Hạ Hầu Thượng tướng nước Ngụy vây Nam Quận, chia ra ba vạn quân làm cầu nổi, vượt qua trăm dặm bãi sông. Gia Cát Cẩn, Dương Xán đầu hội quân đến cứu nhưng chưa biết lúc nào mới đến nơi mà quân Ngụy hàng ngày vượt sông không nghỉ. Chương nói: "Quân Ngụy thế mạnh mà nước sông lại nông, chưa thể đánh nhau với chúng được." Liền thống suất các tướng đi lên phía thượng du quân Ngụy năm chục dặm, chặt lấy cỏ lau vạn bó, kết thành những bè lớn, muốn thuận theo dòng nước phóng hoả đốt cháy cầu nổi. Bè lau vừa vãn làm xong, đang chờ thủy triều rút xuống thì Thượng đã mau chóng dẫn quân rút lui. Chương đi xuống phòng bị Lục Khâu⁽³⁵⁾. Tôn Quyền xưng tôn hiệu, phong Chương làm Hữu Tướng Quân.

Chương là người thô hào can đảm, nhưng biết sợ lệnh cấm, lại thích lập công danh sự nghiệp. Thượng thống suất binh mã không đến nghìn người nhưng ở chiến trường oai thế thường như vạn người. Đến khi chinh phạt kết thúc lại mau chóng đặt quân công, các quân hiệu khác không có đi đầu này đều kính trọng bộ hạ của Chương. Nhưng Chương có tính xa hoa, tuổi già lại càng tệ hại, quần áo đồ vật mô phỏng giả mạo trái phép địa vị của người trên. Quan lại binh sĩ giàu có mấy người bị Chương giết để đoạt của. Các quan giám sát tâu lên nhưng Quyền nhớ công lao mà thường tha thứ không hỏi đến. Năm Gia Hoà⁽³⁶⁾ thứ ba chết. Con là Bình làm việc vô pháp bị chuyển đến Cối Kê. Vợ Chương ở lại Kiến Nghiệp, được ban nhà của ruộng đất và người phục dịch năm mươi hộ.

TRÌNH PHỔ TRUYỆN

Trình Phổ tự Đức Mưu, người quận Hữu Bắc Bình huyện Thổ Ngân, ban đầu làm Lại ở châu quận, dung mạo thoát tục lại có mưu kế, khéo đối đáp. Theo Tôn Kiên đi chinh phạt, đánh Hoàng Cân ở Uyển-Đặng⁽³⁷⁾, phá Đồng Trác ở Dương Nhân, đánh thành chiếm đất, thân bị thương tật.

Kiên chết, Phổ lại đi theo Tôn Sách ở Hoài Nam, tới đánh quận Lư Giang, lấy được, rồi cùng đi về phía Đông. Sách về đến Hoàn Giang-Đương Lợi, phá được bọn Trương Anh-Vu Mi, rồi chuyển xuống lấy Mạt Lăng-Hồ Thục-Cú Dung-Khúc A, Phổ đầu lập được công, được giao thêm 2.000 quân binh và 50 quân kỵ. Lại tiến phá Ô Trình-Thạch Mộc-Ba Môn-Lăng Truyền-Dư Kháng, phần nhiều là công của Phổ. Sách lấy được Cối Kê, cho Phổ làm Đô úy Ngô Quận, đóng dinh sở ở huyện Tiền Đường. Về sau Phổ được chuyển làm Đô úy Đan Dương, đóng giữ Thạch Thành. Lại đánh dẹp bọn giặc ở Tuyên Thành, Kính, An Ngô, Lăng Dương, Xuân Cốc, đều phá được. Sách từng tấn công Tổ Lang, bị vây chặt ở đó, Phổ cùng với một quân kỵ đến che đỡ cho Sách, lại ruổi ngựa đi trước quát thét, khuê mâu xông xáo trong đám giặc, địch phải rẽ ra, Sách nhờ thế mới thoát được. Sau này Phổ được bái làm Đãng khấu Trung lang tướng, lĩnh chức Thái thú Linh Lăng, theo đi đánh dẹp Lưu Huân ở Tần Dương, tấn công Hoàng Tổ ở Sa Tiễn, rồi quay về trấn giữ Thạch Thành.

Sách chết, Phổ cùng với bọn Trương Chiêu phụ giúp Tôn Quyền, thu xếp các việc ở ba quận, dẹp yên những kẻ bất phục. Lại theo đi chinh chiến ở Giang Hạ, rồi quay về Dự Chương, chia quân đánh dẹp ở Nhạc An. Nhạc An bình định, thay Thái Sử Từ phòng bị ở Hải Hôn, cùng với Chu Du làm Tả Hữu đô đốc, phá Tào Công ở Ô Lâm, lại tiến công Nam Quận, bức Tào Nhân phải bỏ chạy. Phổ được bái làm Bì tướng quân, lĩnh chức Thái thú Giang Hạ, dinh sở đóng ở Sa Tiễn, được ăn lộc bốn huyện.

Phổ nhiều tuổi hơn các tướng, lúc tuổi đã cao, người bấy giờ đều gọi là Trình Công. Tính Phổ hay giúp đỡ người, quý trọng sỹ đại phu. Chu Du

chết, Phỗ lên thay lĩnh chức Thái thú Nam Quận. Quyền phân chia Kinh Châu với Lưu Bị, Phỗ lại về nhận chức ở Giang Hạ, được thăng lên làm Đãng khấu Tướng quân, rồi mất.

Ngô thư chép: Phỗ bắt được những kẻ làm phản đến mấy trăm người, sai đem ném hết vào đồng lửa, ngay hôm ấy đổ bệnh, được hơn trăm ngày thì chết.

TƯỚNG KHÂM TRUYỆN

Tướng Khâm tự Công Dịch, người quận Cửu Giang huyện Thọ Xuân. Tôn Sách theo về với Viên Thuật, Khâm đi theo làm Cấp sự. Lúc Sách vượt sông về Đông, bái Khâm làm Biệt bộ Tư mã, cho nắm binh sĩ. Khâm cùng với Sách đi khắp nơi, bình định ba quận, lại đi theo bình định Dự Chương. Rồi đi đầu đến làm Đô úy ở Cát Dương, trải qua ba lần làm huyện trưởng, đánh dẹp bình đạo tặc, được thăng làm Tây bộ Đô úy. Bọn giặc cỏ ở Cối Kê là Lã Cáp-Tần Lang làm loạn, Khâm dẫn binh tới đánh dẹp, bắt được Cáp-Lang, bình định xong năm huyện, được đổi làm Thảo Việt Trung lang tướng, lấy đất Kinh Câu-Chiêu Dương cho làm thực ấp⁽³⁸⁾.

Hạ Tề đi đánh dẹp Y tặc, Khâm đốc suất một vạn binh, cùng với Tề hợp sức, bình định được Y tặc. Lại đến chinh chiến ở Hợp Phì, Ngụy tướng Trương Liêu tập kích Quyên ở Tân Bắc, Khâm hết sức chiến đấu có công, được thăng Đãng khấu Tướng quân, lĩnh chức Đô đốc Nhu Tu. Sau được triệu về kinh đô, bái làm Hữu Hộ quân, coi sóc việc tổ tụng⁽³⁹⁾.

Quyên từng đến chỗ mẫu thân Khâm, thấy màn trướng của bà rất sơ sài, quần áo của thê thiếp đều bằng vải bố. Quyên than rằng Khâm ở nơi tôn quý mà quá tiết kiệm, lập tức mệnh cho ngự phủ may áo gấm cho mẹ Khâm, thay đổi màn trướng, y phục của thê thiếp tất cả đều là gấm 5 màu.

Khi trước, Khâm đóng ở Tuyên Thành, từng đánh dẹp bọn giặc ở Dự Chương. Vu Hồ lệnh là Từ Thịnh lệnh bắt giam quan lại của Khâm, dâng biểu xin chém, Quyên cho rằng Khâm ở xa không nghe theo, bởi thế Thịnh có hiềm khích với Khâm. Tào Công tiến đến Nhu Tu, Khâm cùng với Lã Mông nắm ba quân chủ trì giữ vững. Thịnh thường sợ Khâm nhân đó hại mình, mà Khâm vẫn thường khen Thịnh. Thịnh bội phục đức hạnh của Khâm, người bàn luận cũng ca ngợi.

Giang biểu truyện chép: Quyên bảo Khâm rằng: “Trước đây Thịnh bầm bạch về khanh, nay khanh lại bảo cử cho Thịnh, muốn bắt chước Kỳ Hê đó ư?” Khâm thưa rằng: “Thần nghe rằng việc tiến cử cho người thì chẳng nên xử tệ với họ vì

tư oán, Thịnh trung dũng chuyên cần mà cứng cỏi, có đởm lược có dũng khí, là người tài giữa vạn người. Nay đại sự chưa định, thần đang cầu lấy bậc hiền tài giúp nước, há dám hẹp hòi vì tư hận để che lấp mất kẻ hiền tài ư!” Quyền khen lời ấy

Quyền đánh Quan Vũ, Khâm đốc thuỷ quân tiến vào sông Miện, khi về bị bệnh chết ở trên đường. Quyền mặc áo trắng cử tang, lấy 200 hộ dân ở Vu Hồ cùng 200 khoảnh ruộng, cấp cho vợ con Khâm. Con Khâm là Nhất được phong làm Tuyên Thành hầu, lĩnh binh cự Lưu Bị có công, lúc về tới Nam Quận, cùng với người Ngụy giao chiến, chết khi lâm trận. Nhất không có con, em là Hưu lĩnh binh ấy, sau bị tội đánh mất cơ nghiệp.

HÀN ĐƯƠNG TRUYỆN

Hàn Đương tự Nghĩa Công, người quận Liêu Tây huyện Lệnh Chi. Giỏi nghề cung ngựa, có sức khỏe, được Tôn Kiên yêu mến, theo đi đánh dẹp khắp nơi, mấy lần xông vào chốn nguy nan, vây hãm bắt sống địch quân, được làm Biệt bộ tư mã.

Ngô thư chép: Đương cần mẫn lo lập công, những thứ được cấp thêm ở trong quân, đem chia cả cho tướng sĩ, nên tước vị chẳng có gì hơn người. Cho đến hết thời Kiên, Đương chỉ làm Biệt bộ Tư mã.

Khi Tôn Sách vượt sông về Đông, Đương đi theo đánh dẹp ba quận, được thăng làm Tiên Đăng hiệu úy, trao cho 2.000 binh, 50 quân kỵ. Theo đi đánh Lưu Huân, phá Hoàng Tổ, quay về đánh dẹp ở Bà Dương, lĩnh chức trưởng huyện Nhạc An, Sơn Việt hiệu úy. Sau lấy làm Trung lang tướng cùng với bọn Chu Du kháng cự phá Tào công, lại cùng với Lã Mông đánh úp lấy được Nam Quận, được thăng làm Thiên tướng quân, lĩnh chức Vĩnh xương Thái thú. Chiến dịch Nghi Đô, cùng với bọn Lục Tốn, Chu Nhiên vây đánh quân Thục ở Trác Hương, thắng lớn ở đó, được chuyển làm Uy liệt Tướng quân, phong tước Đô Đình hầu. Tào Chân đánh Nam Quận, Đương giữ ở phía Đông Nam. Ở bên ngoài lấy mình làm gương, khích lệ tướng sĩ đồng lòng cố thủ, lại kính trọng Đốc ti, vâng theo pháp lệnh, Quyên khen ngợi việc ấy. Năm Hoàng Vũ thứ hai, được phong Thạch Thành hầu, thăng lên làm Chiêu Vũ tướng quân, nhận chức Quán quân Thái thú, sau lại thêm danh hiệu Đô đốc. Đương dẫn một vạn quân cảm tử đến Giới Phiên, đánh dẹp bọn giặc cỏ ở Đan Dương, phá được. Lúc bị bệnh chết, con là Tống nối tước hầu năm binh sĩ đó.

Năm ấy, Quyên đi đánh Thạch Dương, vì Tống có tang, mới sai giữ Vũ Xương, mà Tống dâm loạn chẳng có phép tắc gì. Quyên dẫu vì cha Tống mới mất bỏ qua không bắt tội, Tống trong bụng lo sợ,

Ngô thư chép: Tống muốn làm phản, sợ tử hữu không theo, mới giả sai người đi cướp bóc, lại ngầm bảo sẽ tha cho, quân sĩ bảo nhau nhất mực thi hành, làm cản trở việc hành binh. Sau lại nói trá rằng bị vua hạ chiếu trách mắng, bởi việc để

bộ khúc cướp bóc bị cắt vắn, rằng ” Từ tướng lại trở xuống, đều phải bị trừng trị”, Tống lại sợ tội đến mình. Tả hữu nói rằng: “Giờ chỉ còn cách bỏ chạy mà thôi.” Tống bèn dùng kế ấy, mới nhân đám tang của cha, cho gọi hết những chị em thân thích, đem gả cho các quan, những tì thiếp yêu, đều ban cho những người thân cận, rồi giết trâu uống rượu sát huyết cùng chung thề ước. Bèn đem thuyền chở xác cha, rồi dẫn mẹ và cả gia quyến cùng bộ khúc nam nữ mấy nghìn người chạy sang Ngụy. Ngụy lấy làm tướng quân, phong làm Quảng Dương hầu. Tống đã mấy lần xâm phạm biên cảnh, giết hại dân chúng, Quyền thường nghiến răng căm giận. Chiến dịch Đông Hưng, Tống làm tiên phong, thua quân thiết thân, Gia Cát Khác chém chết Tống cắt lấy đầu, đem cáo tế ở miếu thờ của Quyền.

HOÀNG CÁI TRUYỆN

Hoàng Cái tự Công Phúc, người quận Linh Lăng huyện Tuyên Lăng.

Ngô thư chép: Cái vốn là hậu duệ của Nam Dương Thái Thú là Hoàng Tử Liêm, tách ra từ một chi nhánh thuộc họ nhà vua, bởi tổ tiên dời đến ở Linh Lăng, mới lưu trú ở đó. Cái mồ côi từ thuở nhỏ, gặp cảnh tang gia khốn khó, nếm đủ mùi cay đắng, nhưng có chí lớn, dẫu ở nơi bần tiện, cũng chẳng vì thế mà giống như những kẻ tầm thường khác, những lúc rảnh rỗi thường ngả mình trên đám cỏ, học chút ít chữ nghĩa, bàn chuyện binh nhung. Ban đầu Cái làm Lại ở quận, đến kỳ xét Hiếu Liêm, được vời vào công phủ. Tôn Kiên khởi nghĩa binh, Cái đi theo. Kiên ở phía Nam phá sơn tặc⁽⁴⁰⁾, phía Bắc đuổi Đông Trác, lấy Cái làm Biệt bộ Tư mã. Kiên chết, Cái theo Sách và Quyền. Thường mặc giáp che kín toàn thân, xông pha tên đạn đánh phá thành trì.

Bọn người ở Sơn Việt không phục, quấy phá gây vạ trong huyện, Quyên liền dùng Cái làm huyện trưởng. Các viên lại ở huyện Thạch Thành, triều đình rất khó kiểm tra, Cái bèn đặt ra hai chức Duyệt⁽⁴¹⁾, phân định rõ quyên hạn của từng vị quan. Dạy rằng: “Lệnh trưởng⁽⁴²⁾ chẳng có tài, ta chỉ lấy võ để làm việc công với các quan, không lấy việc văn để cân nhắc. Nay quân giặc cướp chưa bình được, quân lữ rất bận rộn, những việc văn thư ta uỷ thác cho hai viên Duyệt, nhận trách nhiệm tra xét các vị quan, chỉ ra những việc sai lầm. Hai vị tạm coi các việc ở đây, xem xét các văn kiện gửi đến gửi đi, ví bằng có sự gian dối, ta tuyệt đối không dùng đến roi gậy đâu, thế nên mọi người đều phải tận tâm, không được làm việc như trước nữa.”

Lệnh mới ban ra, mọi người ngày đêm cung cúc với chức phận; được ít lâu, đám quan lại thấy Cái không coi xét việc văn thư, nên có người dần dần biếng nhác. Cái bên ngoài cũng ngờ có kẻ lười biếng, bấy giờ mới coi xét đầy đủ, biết được hai viên Duyệt mấy lần làm việc không theo quy củ. Cái bèn mời tất cả các viên Duyệt đến, cho ăn uống, nhân đó đem các việc ra căn vặn. Hai viên Duyệt trình bày quanh co, rồi đều phải khầu đầu tạ tội. Cái nói: “Ta đã có mệnh từ trước, tuyệt đối không dùng đến roi gậy, chẳng phải là nói dối vậy.” Bèn cho giết đi. Người trong huyện kinh hoàng

rung động. Về sau Cái chuyển đến làm trưởng huyện Xuân Cốc, rồi Tần Dương lệnh. Cả thấy coi việc ở chín huyện, ở những nơi đó đều bình định. Cái được thăng lên làm Đô úy Đan Dương, đề nén kẻ mạnh, nâng đỡ kẻ yếu, người ở Sơn Viêt mến mà theo.

Cái ngoài mặt nghiêm nghị, nhưng khéo dưỡng sĩ tốt, mỗi khi đi đánh dẹp, sĩ tốt đều tranh nhau xông lên. Năm Kiến An trung, Cái theo Chu Du cự Tào Công ở Xích Bích, hiến kế hoả công, việc đã nói ở Chu Du truyện.

Ngô thư chép: Việc đánh nhau ở Xích Bích, Cái bị lạc tên bắn trúng, ngã xuống sông giữa lúc trời rét, có người lính Ngô ở đấy vớt lên, không biết đó là Cái, mới vớt ở giữa sàn thuyền. Cái còn khoẻ lấy hết sức gọi Hàn Đương, Đương nghe tiếng kêu, nói: “Đấy là tiếng của Công Phúc vậy.” Rồi hướng vào Cái mà chảy nước mắt, cởi áo của mình mặc cho, Cái mới sống sót được.” Cái được bái làm Vũ phong Trung lang tướng. Người Man-Di ở Vũ Lăng làm phản gây loạn, đánh chiếm thành ấp, Quyền lên cho Cái lĩnh chức Thái thú ở đó. Bấy giờ quân binh trong quận có chừng 500 người, Cái tự biết không thể đối địch, vì thế mới cho mở toang cửa thành, địch vào đến nửa chừng, Cái bèn tập kích, chém được mấy trăm thủ cấp, đám còn lại đều cuống quýt chạy trốn, các ấp lạc đều quy phục cả. Cái cho kẻ tội rồi giết những kẻ đầu sỏ, những kẻ theo về thì được tha tội. Từ xuân sang hạ, loạn lạc cướp bóc bình được hết, những ấp hầu là trưởng quân ở các vùng hẻo lánh như Ba, Lễ, Do, Đản⁽⁴³⁾ đều thay đổi thái độ, dâng lễ vật xin vào hầu, các cõi trong quận được thanh bình. Sau này các huyện Trường Sa, Ích Dương bị sơn tặc vây đánh, Cái lại đi đánh dẹp bình định. Được thêm chức Thiên tướng quân, bị bệnh chết lúc còn làm quan.

Cái đang làm việc quan thì mất, mà công việc không hề bỏ sót, người trong nước đều thương cảm.

Ngô thư chép: Lại cho vẽ hình của Cái, để ở trong đền bốn mùa cúng tế. Lúc Quyền lên ngôi Đế, đoái xét đến công lao của Cái, ban cho con của Cái là Bính tước Quan nội hầu.

TỪ THỊNH TRUYỆN

Từ Thịnh tự Văn Hương, người đất Cử vùng Lang Da, gặp thời loạn thế phiêu dạt xa quê đến ở đất Ngô, nhờ gan dạ dũng cảm mà nổi danh. Tôn quyền thống lĩnh công việc, dùng Thịnh làm Biệt Bộ Tư Mã, nhận năm trăm quân, thường trụ giữ Sài Tang, chống lại Hoàng Tổ. Con Tổ là Xạ, từng chỉ huy mấy nghìn quân đến đánh Thịnh. Lúc ấy tướng sĩ của Thịnh chưa đủ hai trăm, phòng thủ Xạ đánh đến, hạ quân của Thịnh hơn nghìn người, rồi mở cửa đánh ra, đại phá quân của Xạ. Xạ rút cuộc tuyệt hẳn không dám quay lại cướp phá nữa. Quyền lấy Thịnh làm Hiệu Úy, giữ chức Lệnh ở Vu Hồ. Thịnh lại thảo phạt sơn tặc ở vùng núi Nam A thuộc Lâm Thành lập nên chiến công, được chuyển làm Trung Lang Tướng, chỉ huy hiệu quân.

Tào Công đến đánh Nhu Tu, Thịnh theo Quyền tới chống cự. Quân Ngụy từng kéo ra đông đảo đầy cả mặt sông, Thịnh cùng các tướng đều xuất chiến. Lúc ấy quân Ngô xuôi thuyền Mông Trùng gặp phải gió thốc, thuyền trôi về bờ bên địch. Các tướng hoảng sợ, chưa có kế gì. Thịnh một mình dẫn quân bất ngờ xông lên chém giết. Địch lùi rẽ ra mà chạy, nhiều kẻ bị quân Thịnh đánh hạ giết chết. Kịp lúc gió ngưng toàn quân thuận lợi quay về Quyền vô cùng khen ngợi.

Đến khi Quyền nhận làm phiên thân của Ngụy. Ngụy sai Hình Trinh đến phong cho Quyền tước Ngô Vương. Quyền rời cung đình ra chờ đón Hình Trinh. Trinh lộ vẻ ngạo mạn. Trương Chiêu đã giận mà Thịnh thì uất ức tức hận, ngoảnh lại bảo các tướng cùng hàng rằng: "Bọn Thịnh này chẳng thể gắng hết sức mình tuân theo mệnh lệnh, vì quốc gia gồm thâu Hứa, Lạc; nuốt gọn Ba, Thục khiến cho chủ của chúng ta thế ước với Trinh, cũng chẳng phải là nhục nhã lắm sao!" Vì vậy rơi lệ khóc ở ngang đường. Trinh nghe chuyện, bảo với người cùng đi rằng: "Tướng sĩ Giang Đông khí chất thế này, chẳng chịu mãi làm kẻ dưới người người ta vậy."

Sau Thịnh đổi sang chức Kiến Vũ Tướng Quân, tước phong Đô Đình Hầu, làm Thái Thú ở Lư Giang, được cho ăn lộc huyện Lâm Thành. Lưu Bị đến Tây Lăng, Thịnh đánh giữ các đồn trại, lập được công lao trên hướng của mình. Tào Hưu tấn công Động Khẩu. Thịnh cùng Lã Phạm, Toàn Tông vượt sông phòng thủ chống cự. Gặp cơn gió lớn, thuyền phần lớn đều chìm, Thịnh thu thập quân binh còn lại, cùng với Tào Hưu cầm cự bên sông. Hưu sai quân tụ tập đánh Thịnh. Thịnh lấy ít chọi nhiều, địch không thắng nổi, hai bên đều dẫn quân về. Thịnh được phong An Đông Tướng Quân, tước Vu Hồ Hầu.

Sau Ngụy Văn Đế dẫn đại quân đến, có chí muốn vượt sông. Thịnh hiến kế từ Kiến Nghiệp xây tường bao, làm thành hàng rào, trên tường bao dựng các lầu giả, ngoài bãi sông thả nổi chiến thuyền. Các tướng cho là vô ích nhưng Thịnh không nghe, kiên quyết dựng lên. Văn Đế đến Quảng Lăng, nhìn thấy tường bao tràn khắp mấy trăm dặm rất ngạc nhiên, mà nước sông rất lớn, liền dẫn quân về. Các tướng đều phục kế của Thịnh..

Can Bảo Tồn Ký⁽⁴⁴⁾ gọi thành ấy là thành mơ, đã chú ở Tôn Quyền truyện.

Nguy Thị Xuân Thu⁽⁴⁵⁾ chép: Văn Đế than rằng: Nước Ngụy có vũ sĩ kỳ binh nghìn đội mà không có chỗ dùng.

Thịnh chết trong những năm Hoàng Vũ⁽⁴⁶⁾. Con là Giai kế thừa tước vị, thống lĩnh binh sĩ.

CAM NINH TRUYỆN

Cam Ninh tự Hưng Bá, người ở Lâm Giang thuộc Ba Quận⁽⁴⁷⁾.

Ngô Thu⁽⁴⁸⁾ chép: Ninh quê gốc ở Nam Dương, tổ tiên phiêu dạt đến Ba Quận. Quan lại đề cử Ninh làm Kế Duyện, rồi lại bổ dụng làm Quận Thừa ở Thục Quận, nhưng chẳng bao lâu Ninh bỏ quan về nhà.

Ninh từ lúc nhỏ đã có sức mạnh, thích dao du hành động vì nghĩa, chiêu nạp tụ tập đám thiếu niên nhanh nhẹn hư hỏng để làm thủ lĩnh của chúng. Thường cùng nhau tụ hội thành bè, giữ cung cầ nỏ, đội lông thú đeo chuông nhỏ. Dân nghe tiếng chuống li ền biết là Ninh.

Ngô Thu chép: Ninh làm việc nghĩa mà giết người, phải trốn lánh giữ mạng, tiếng tăm vang dội trong quận.

Mỗi khi Ninh ra vào, trên bộ thường sắp đặt ngựa xe, dưới nước liên tiếp ng ỗ thuyền nhẹ, người hầu đi theo được ăn mặc hoa lệ, giống như ánh sáng vút qua trên đường. Dừng nghỉ ở đâu luôn lấy gấm lụa buộc thuyền, rồi đi có người cắt bỏ, lấy thế làm xa hoa. Thường dân và quan lại các thành gặp gỡ Ninh, hễ ai đón tiếp đãi đằng trọng hậu thì Ninh cũng người đó giao hảo vui vẻ; Nếu không li ền buông thả cho bộ hạ cướp đoạt tài sản của người ta. Trong giới trưởng lại cũng có người bị cướp đoạt làm hại, làm cho tiếng tăm của Ninh dựa vào đó càng hưng thịnh đến hơn hai mươi năm. Ninh thôi không đánh cướp nữa, hơi đọc sách vở của chư tử, bèn đến nương tựa vào Lưu Biểu, nhân đó định cư ở Nam Dương, nhưng không được nhận ra mà tiến cử sử dụng. Sau chuyển sang gửi gắm vào Hoàng Tổ. Tổ lại coi như kẻ tầm thường mà lưu lại.

Ngô Thu chép: Ninh đem gia đông trang khách tám trăm người về theo Lưu Biểu. Biểu là người văn vẻ, không thạo việc quân. Bấy giờ các lộ anh hùng mỗi người mỗi khởi binh. Ninh xem cách Lưu Biểu tham dự vào thời cuộc, biết rằng cuối cùng Biểu tất không làm nên sự nghiệp gì. Lại sợ rằng một ngày cương vực của Biểu tan tành, sẽ phải chịu chung tai họa, nên muốn đi sang đất Ngô. Hoàng Tổ lúc ấy đóng ở Giang Hạ, quân của Ninh không đi qua được nên ở lại nương nhờ vào Tổ, trải qua ba năm mà Tổ không hậu đãi. Quyền đánh Tổ. Tổ thua quân

bỏ chạy, bị đuổi theo rất gấp. Ninh vốn bắn giỏi, cầm quân đi sau, bắn chết Hiệu Úy Lăng Tháo. Tổ đã được thoát, cho quân về trại nghỉ ngơi, lại đôi xử với Ninh như lúc ban đầu. Đô Đốc của Tổ là Tô Phi mấy lần tiến cử Ninh nhưng Tổ không dùng, lại sai người dùng lời cảm dỗ gia khách của Ninh. Gia khách dần dần bỏ trốn. Ninh muốn rời đi, lại sợ không thoát được, một mình lo lắng buồn rầu. Phi hiểu lòng Ninh, bèn hẹn gặp Ninh, bày tiệc rượu, bảo Ninh rằng: "Tôi đã mấy lần tiến cử ông nhưng chúa công không chịu dùng. Ngày tháng trôi qua, đời người mấy độ, nên tự lo xa, sau sẽ gặp người tri kỷ." Ninh im lặng hồi lâu rồi nói: "Tuy tôi có ý đó, nhưng chưa biết có cơ hội nào không." Phi nói: "Tôi muốn thưa lên để ông làm Trưởng ở huyện Chu. Ở nơi ấy có ai cùng nhìn để soi xét việc dặt dẹo thành tròn được đâu." Ninh nói: "Thật là rất may mắn vậy." Phi trình với Tổ, thuận cho Ninh đến huyện ấy. Ninh chiêu mộ gọi về gia khách đã bỏ đi cùng những người vì nghĩa mà theo được mấy trăm người.

Vì vậy Ninh theo về với Ngô. Chu Du và Lã Mông đều cùng tiến cử. Tôn Quyền lấy làm lạ, đối xử giống như cựu thần. Ninh trình bày kế sách rằng: "Nay phúc khí nhà Hán mỗi ngày một suy vi. Tào Tháo càng thêm ngạo mạn, cuối cùng sẽ làm việc soán đoạt. Vùng đất phía nam Kinh Châu núi đồi địa hình thuận lợi, sông ngòi vận động linh hoạt, quả thật là có hình thế một quốc gia. Ninh đã quan sát thế lực của Lưu Biểu. Ông ta nghĩ đã chẳng xa mà các con lại kém cỏi, không phải là người đủ tài gánh vác nên móng, đảm đương cơ nghiệp. Chí Tôn nên sớm trừ liệu việc này, không thể tính toán chậm trễ. Kế sách chiếm đoạt đất ấy, trước tiên nên chọn lấy Hoàng Tổ. Tổ nay tuổi già, đã rất u mê tầm tối. Tiền của lương thực đều thiếu thốn, bộ hạ thì trí trá khinh nhờn. Lại chỉ biết chăm chú vào việc thủ lợi từ quan chức và tướng sĩ. Quan chức và tướng sĩ đã đem lòng thông hận, thuyền bè chiến cụ hư hỏng không sửa chữa, ruộng cấy nông tang bỏ bê lười nhác, quân binh không giữ pháp độ hàng ngũ. Chí Tôn nay đến, nhất định có khả năng đánh bại được. Một khi phá tan quân Hoàng Tổ, lại đánh trống tiến sang phía tây, chiếm giữ ải quan nước Sở. Khi ấy đại thế càng tăng, liền có khả năng dần dần thôn tính Ba Thục." Quyền rất tán thành. Trương Chiêu nghĩ một bên căn vặn rằng: "Đất Ngô nguy cơ trùng điệp, nếu ngài nhất quyết tiến hành, sợ rằng tất xảy ra loạn lạc." Ninh bảo Chiêu rằng: "Quốc gia đem trách nhiệm của Tiêu Hà⁽⁴⁹⁾ giao phó cho ngài. Ngày lưu thủ mà lo loạn lạc, lấy gì mà tưởng nhớ đến cổ nhân đây?" Quyền nâng chén rượu dặn Ninh rằng: "Hưng Bá, năm nay tiến hành thảo phạt, bằng chén rượu này quyết định phó thác cho khanh. Khanh nếu gắng gỏi đảm đương xây dựng phương kế sách lược. Mệnh lệnh ban ra tất khắc

chế được Tổ, ấy là công của Khanh. Khanh hà tất phải không bằng lòng với lời của Trương Trưởng Sử.” Quyên tiến sang phía tây, quả nhiên bắt được Tổ, thu hết tướng sĩ của hắn, rồi giao quân cho Ninh, đóng đồn cai quản quan ải.

Ngô Thu chép: Lúc đầu khi Quyền đánh bại Tổ, trước tiên làm hai cái hộp, muốn đựng đầu Tổ và Tô Phi. Phi sai người cấp báo với Ninh. Ninh nói: "Dù Tô Phi không nói, ta há lại quên sao?" Quyền vì các tướng đặt tiệc rượu, Ninh rời chỗ ngồi xuống dập đầu, huyết lệ chảy lẫn vào nhau, nói với Quyền: "Phi ngày xưa có ơn đức cũ với thân. Ninh này không gặp được Phi nhất định đã vùi xương trong ngôi trong rãnh, không được hiển dương tính mạng dưới cờ. Nay tội của Phi đáng bị chém giết. Ninh đặc biệt theo tướng quân xin được nhận đầu Phi." Quyền thương cảm cho lời ấy, bảo rằng: "Nay khiến cho người hết lòng như vậy nhưng nếu Phi bỏ chạy thì sao?" Ninh nói: "Phi tránh được cái hoạ bị cắt chém, nhận lấy ơn đức sinh ra thêm lần nữa, đã hơn chỗ mong cầu tất sẽ không bỏ chạy, há còn dám mưu tính trốn tránh làm gì! Nếu là như thế xin lấy đầu Ninh thay thế bỏ vào hòm." Quyền bèn tha cho.

Sau Ninh theo Chu Du chống cự đánh bại Tào Công ở Ô Lâm. Khi đánh Tào Nhân ở Nam Quận vẫn chưa hạ được, Ninh hiến kế trước theo đường tắt ra lấy Di Lăng. Tới nơi liền đoạt ngay được thành này, nhân đó bèn vào trong thành phòng giữ. Lúc ấy thủ hạ của Ninh có mấy trăm người, cộng với lính mới mộ ở địa phương chưa đầy một nghìn quân. Tào Nhân bèn sai năm sáu nghìn người đến vây Ninh. Ninh bị tấn công ngày này qua ngày khác. Địch dựng lầu cao ở bên ngoài bắn như mưa vào trong thành. Quân sĩ đều sợ hãi, riêng Ninh vẫn cười nói như thường lại sai sứ đến báo với Du. Du dùng kế của Lã Mông, chỉ huy các tướng đến giải vây. Sau Ninh lại theo Lỗ Túc đến trấn phủ canh giữ Ích Dương, chống lại Quan Vũ. Vũ huyênh hoang có ba vạn quân, đích thân tuyển chọn ra lấy dũng sĩ năm nghìn người, đưa đến chỗ nước cạn trên thượng du cách huyện hơn mười dặm, bảo rằng muốn đương đêm vượt sông sang. Túc với các tướng cùng nhau bàn luận. Ninh lúc ấy có ba trăm quân, bèn nói: "Có thể lại đem thêm năm trăm quân nữa cấp cho tôi. Tôi đến đó chống chọi. Đảm bảo Vũ nghe tiếng tôi ho hắng khạc nhõ không dám lợi xuống nước, mà nếu có lợi xuống tất bị tôi bắt." Túc lập tức chọn lấy nghìn quân trao thêm cho Ninh. Ninh trong đêm đến nơi. Vũ nghe tin, thôi không vượt sông nữa mà dựng trại gỗ đóng quân. Nhân đó ngày nay tên xứ ấy là khe Quan Vũ. Quyên khen công lao của Ninh, bái làm Tây Lăng Thái Thú, thống suất hai huyện Dương Tân và Hạ Trĩ.

Sau đó Ninh theo đi đánh đất Hoàn, chỉ huy đội Thăng Thành. Tay Ninh cần lựa trắng thân dẫn đầu tướng sĩ trèo lên thành, cuối cùng đánh bại bắt được Chu Quang. Tính toán công lao, Lã Mông thứ nhất, Ninh thứ hai. Ninh được phong Chiết Xung Tướng Quân. Sau Tào Công đánh Nhu Tu. Ninh chỉ huy quân tiên phong nhận lệnh xuất trận đánh đội tiên quân của địch. Quyên đặc biệt ban Mễ Tửu làm đồ ăn cho mọi người. Ninh bèn đem chia cho thủ hạ hơn trăm người. Ăn xong, Ninh lấy chén bạc rót rượu, tự mình uống trước hai chén rồi mới rót cho viên đô đốc đám thủ hạ. Đô đốc phục xuống không nguyên nắm lấy thời cơ. Ninh rút Bạch Tước⁽⁵⁰⁾ đặt trên đùi, quát bảo rằng: "Người hiểu biết hơn Chí Tôn, thành thực hơn Cam Ninh chăng? Cam Ninh ở trên không tiếc cái chết, sao người một mình tiếc cái chết đến thế?" Đô đốc thấy Ninh thần sắc nghiêm trang đứng ngay dậy vái lạy đón lấy chén rượu, lại rót cho quân binh mỗi người một chén. Đến lúc canh hai, cưỡi ngựa ngậm hàm thiếc ra đánh địch. Địch chấn động bèn lui lại. Ninh càng được kính trọng hơn, quân được cấp thêm hai nghìn người.

Giang Biều truyện chép: "Tào Công đánh Nhu Tu, lệnh cho bốn chục vạn bộ kỵ dắt ngựa xuống uống nước Trường Giang. Quyên thống suất bộ tốt bảy vạn người ra ứng chiến. Sai Ninh chỉ huy ba nghìn quân đốc suất đội tiên phong. Quyên mật ra lệnh cho Ninh, sai đang đêm tập kích vào trại quân Ngụy. Ninh bèn lựa chọn lấy thủ hạ dũng mãnh hơn trăm người, theo lối tắt đến chỗ Tào Công hạ trại, sai nhổ chông chà, vượt lũy vào trại, chém được mấy chục đầu. Bắc quân chấn động đánh trống ầm ỹ, đốt đuốc sáng như sao. Ninh quay trở về trại, đánh trống kéo đàn tấu khúc quân ca, hô vang vạn tuế. Ngay trong đêm đó đến yết kiến Quyên. Quyên mừng nói: "Đủ để làm lão già kinh hãi hay chăng? Nhờ ở chỗ được thưởng thức lòng can đảm của khanh đó." Lập tức ban cho lựa nghìn xấp, đao trăm thanh. Quyên lại nói: "Mạnh Đức có Trương Liêu, cô có Hưng Bá, đủ để đôi chọi với nhau vậy." Đóng quân không giữ hơn một tháng, bắc quân liền lui.

Ninh tuy thô hào mạnh mẽ thích giết chóc nhưng hào sảng khoáng đạt có mưu kế thao lược, lại biết coi nhẹ tiền tài, kính trọng kẻ sĩ, hơn nữa có tài hậu đãi nuôi dưỡng sĩ tốt. Sĩ tốt cũng vui vẻ tuân theo lệnh Ninh. Năm Kiến An thứ hai mươi, Ninh theo đi đánh Hợp Phì, gặp lúc có dịch bệnh, các cánh quân đều dừng tiến phát, chỉ có đội Hồ Sĩ hơn nghìn người ở dưới xe cùng bọn Lã Mông, Tưởng Khâm, Lăng Thống và Ninh tùy tùng Quyên đi lên bờ bắc bến Tiêu Diêu. Trương Liêu dò xét dòm dờ biết được, liền chỉ huy bộ kỵ đột ngột sẵn đến. Ninh dương cung bắn giặc, cùng bọn

Thống tận lực chiến đấu, nghiêm giọng hỏi quân nhạc sao chẳng tấu lên, khi phách hào hùng kiên cường quả cảm. Quyên lại càng khen ngợi.

Ngô Thu chép: Lãng Thống oán Ninh giết cha Thống là Tháo. Ninh luôn đề phòng Thống, không cùng gặp gỡ. Quyên cũng lệnh cho Thống không được hận thù. Có lần yến hội ở nhà Lã Mông, vui rượu, Thống bèn múa đao. Ninh đứng dậy nói: "Ninh có tài múa song kích." Mông bảo: "Ninh tuy tài nhưng chưa được khéo bằng Mông." rồi cầm đao giữ mộc, tự mình đứng giữa hai người. Sau Quyên biết ý Thống bèn lệnh cho Ninh cầm quân chuyển đến đóng đồn ở Bán Châu.

Thuộc hạ đầu bếp nhỏ tuổi của Ninh từng có tội, bỏ chạy đến nương nhờ Lã Mông. Mông sợ Ninh giết nó nên không lập tức trả về. Sau Ninh đem lễ vật đến hiếu kính mẹ Mông. Gặp lúc cùng nhau lên công đường, Mông bèn đem đứa đầu bếp nhỏ tuổi nọ ra trả về cho Ninh. Ninh hứa với Mông sẽ không giết nó, rã chờ tới khi về đến thuyền thì trói vào cây dâu, tự mình dương cung bắn chết. Xong, Ninh bảo người trong thuyền thả thêm neo, tự mình cởi áo vào nằm bên trong. Mông rất giận, đánh trống hội quân, muốn đến thuyền đánh Ninh. Ninh nghe biết, vẫn nằm như cũ không dậy. Mẹ Mông chân trần đi bộ ra can Mông rằng: "Chí Tôn đãi Ninh như ruột thịt, lại phó thác việc lớn cho con. Sao lại có việc vì nổi tức hận riêng tư mà muốn đánh giết Cam Ninh? Ngày Ninh chết, cho dù Chí Tôn không hỏi đến, con vẫn là thân tử làm trái pháp luật." Mông vốn chí hiếu, nghe mẹ nói đột nhiên thông suốt tiêu tan ý định, tự mình đến thuyền Ninh gọi to: "Hưng Bá, mẹ ta chờ ông đến ăn cơm, mau dậy!" Ninh rơi nước mắt khóc sụt sùi: "Tôi đã phụ ông." rã cùng Mông về gặp mẹ, vui vẻ ăn uống trọn ngày.

Ninh chết, Quyên rất thương tiếc. Con Ninh là Khiết, mắc tội bị chuyển đến Cối Kê, chẳng bao lâu thì chết.

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Hạ Thái: Nay là huyện Phượng Thái tỉnh An Huy, Trung Quốc.*
- (2) *Hoàn; Nay là phía bắc huyện Tiêm Sơn tỉnh An Huy, Trung Quốc.*
- (3) *Tào Công: Chỉ Tào Tháo.*
- (4) *Nhu Tu: Nay là phía bắc huyện Vô vi tỉnh An Huy Trung Quốc.*
- (5) *Giang Biểu Truyện: Do Ngụ Phổ đời Đông Tấn soạn, đề cao nhân vật Đông Ngô, hạ thấp nhân vật hai phe Ngụy và Thục.*
- (6) *Hoàng Vũ: Niên hiệu của Tôn Quyền từ 222 đến 229.*
- (7) *Hoàng Long: Niên hiệu của Tôn Quyền từ 229 đến 232.*
- (8) *Tùng Tư: Nay là huyện Túc Tùng thuộc tỉnh An Huy, Trung Quốc.*
- (9) *Ngũ Giáo: Tên một doanh quân Đông Ngô.*
- (10) *Tam Lương: La ba anh em Yển Tử, Tương Hành, Châm Hồ. Tân Mục Công mở tiệc, lúc rượu say nói với ba anh em rằng "sống thì cùng vui, chết cùng buồn". Mục Công chết, ba anh em đều chết theo.*
- (11) *Ngụy thiếp, Đỗ Hôi: Chính là sự tích Kết cỏ nổi tiếng.*
- (12) *Giải Phiên: Tên một quân doanh Đông Ngô.*
- (13) *Hoàng Long: Niên hiệu của Ngô Đại Đế Tôn Quyền, bắt đầu từ năm 229 đến 232.*
- (14) *Vô Nan: Tên quân doanh cấm vệ Đông Ngô.*
- (15) *Gia Hòa: Niên hiệu của Ngô Đại Đế Tôn Quyền, bắt đầu từ năm 232 đến 238.*
- (16) *Tiên Tương Quân: Chỉ Trần Võ.*
- (17) *Dư Diêu: Nay là huyện Dư Diêu tỉnh Triết Giang, Trung Quốc.*
- (18) *Hậu Hán Thư của Tạ Thừa: Bộ này do Tạ Thừa em rể Tôn Quyền soạn, nay đã thất truyền khác với bộ do Phạm Diệp đời Lưu Tống soạn.*

(19) Tặc Tào: Chức danh, phụ trách việc đánh bắt trộm cướp trong quân huyện.

(20) Thái Phi: Vợ Tôn Kiên.

(21) Thảo Nghịch Tướng Quân: Chỉ Tôn Sách.

(22) Thảo Lỗ Tướng Quân: Chỉ Tôn Quyền, đây là danh hiệu chính thức được triều đình phong của hai anh em Sách và Quyền.

(23) Mông Trùng: Chiến thuyền di chuyển rất nhanh, thân bọc da trâu, trên đặt nỏ lớn tiện dụng cả tấn công và phòng thủ, rất được ưa chuộng trong thủy chiến ở khu vực trường Giang giai đoạn Tam Quốc.

(24) Miện Khẩu: Cũng là Hạ Khẩu, Hán Khẩu, Lỗ Khẩu là nơi Hán Thủy chảy vào Trường Giang.

(25) An Phong: Nay là thị trấn An Phong, huyện Đông Thai tỉnh An Huy, Trung Quốc.

(26) Thái Bình: Niên hiệu của Tôn Lượng, bắt đầu từ năm 256 đến năm 258.

(27) Vĩnh An: Niên hiệu của Tôn Hưu, bắt đầu từ năm 258 đến năm 264.

(28) Bảo Định: Niên hiệu của Tôn Hạo, bắt đầu từ năm 266 đến năm 269.

(29) Kiến Hành: Niên hiệu của Tôn Hạo, bắt đầu từ năm 269 đến năm 271.

(30) Dư Hàng: Nay là Dư Hàng thuộc tỉnh Triết Giang, Trung Quốc.

(31) Tam Bản: Nguyên văn: Kiến trưởng lại hoài tam bản.

(32) Phách Can: Nay thuộc Bộc Dương tỉnh Hà Nam Trung Quốc.

(33) Bách Giáo: Tên một hiệu quân Đông Ngô.

(34) Lãng Tồn: Chưa rõ ai.

(35) Lục Khẩu: Nay là thị trấn Lục Khê huyện Gia Ngự Tỉnh Hồ Bắc.

(36) Gia Hoà: Niên hiệu của

(37) Hai địa danh tên huyện ngày xưa.

(38) Ăn lộc ở đất ấy.

(39) Các việc liên quan đến đơn từ kiện cáo.

(40) Giặc núi.

(41) Duyệt là chức phó giúp việc.

(42) Ý nói đến bản thân mình.

(43) Quận Vũ Lăng là đất có nhiều bộ tộc người Man, người Di. Ấp hầu trưởng quân là trở những đầu mục của các bộ lạc hẻo lánh ở những nơi ấy.

(44) Can Bảo Tấn Kỷ: Do Can Bảo đời Tấn soạn

(45) Ngụy Thị Xuân Thu: Do Tôn Thịnh đời Tấn soạn.

(46) Hoàng Long: Niên hiệu của Ngô Vương Tôn Quyền, bắt đầu từ năm 222 đến 229.

(47) Lâm Giang: Nay là huyện Trung tỉnh Trùng Khánh, Trung Quốc.

(48) Ngô Thư: Do Vi Chiêu người Đông Ngô soạn.

(49) Tiêu Hà: Khai quốc công thần của Hán Cao Tổ. Trong chiến tranh Hán Sở, Tiêu Hà có công giữ vững hậu phương, đảm bảo hậu cần cho quân viễn chinh.

(50) Bạch Tước: Chưa rõ là vũ khí gì.

QUYỂN 11 - CHU TRỊ CHU NHIÊN LÃ PHẠM CHU HOÀN TRUYỆN

Chu Trị, Chu Nhiên, Lã Phạm, Chu Hoàn.

CHU TRỊ TRUYỆN

Chu Trị tự Quân Lý, người quận Đan Dương huyện Cỗ Chưởng. Ban đầu làm Huyện lại, sau trúng cử Hiếu liêm, quan châu vò đến làm Tổng sự, theo Tôn Kiên chinh phạt. Năm Trung Bình thứ năm, được bái làm Tư mã, theo đi đánh dẹp giặc ở ba quận Trường Sa, Linh, Quế là bọn Chu Trì đầu, Tô Mã, có công, Kiên dâng biểu xin cho Trị làm Hành đô úy⁽¹⁾. Trị theo đi phá Đồng Trác ở Dương Nhân, vào Lạc Dương. Kiên lại dâng biểu xin cho Trị làm Hành đốc quân hiệu úy⁽²⁾, riêng nắm quân bộ kỵ, rồi sang đông giúp Từ châu mục Đào Khiêm đánh dẹp Hoàng Cân.

Lúc Kiên chết, Trị giúp đỡ Sách, tới nương nhờ Viên Thuật. Sau đó Trị biết Thuật chẳng lập nổi đức chính, bèn khuyên Sách quay về bình định Giang Đông. Thôi Thái phó Mã Nhật Đê ở Thọ Xuân, cho vò đến làm Huyện lại, rồi thăng làm Đô úy Ngô Quận. Bấy giờ Ngô Cảnh đang ở Đan Dương, còn Sách vì Thuật mà tấn công Lư Giang, vì thế Lưu Do sợ Viên, Tôn hợp sức với nhau, nên mới sinh ra hiềm khích. Nhưng gia đình Sách đầu ở trong châu ấy, Trị liền sai người đến Khúc A nghênh đón Thái phi và anh em Quyên, từ đó cung phụng, giúp đỡ che chở cho họ, rất chu đáo lễ phép. Trị từ Tiển Đường định đi đến huyện Ngô, Thái thú Ngô Quận là Hứa Cống dàn quân giữ ở Do Quyên, Trị cùng giao chiến, đại phá Cống. Cống xuôi nam tới chỗ sơn tặc là Nghiêm Bạch Hồ, Trị liền vào trong quận, tự giữ công việc của Thái thú. Sách đã Lưu Do bỏ chạy, rồi sang Đông bình định Cối Kê.

Năm Quyên mười lăm tuổi, Trị đề cử làm Hiếu liêm. Sau khi Sách mất, Trị và bọn Trương Chiêu cùng tôn phù phò tá Quyên. Năm Kiến An thứ bảy, Quyên dâng biểu xin cho Trị làm Thái thú Cửu Chân (Ngô Quận), giữ chức Hành phụ nghĩa tướng quân⁽³⁾, lấy Cát Lâu, Do Quyên, Vô Tích, Bì Lăng làm phụng ấp, đặt ra chức Trưởng lại. Trị đi đánh dẹp các tộc Di Việt, giúp cho vùng Đông Nam yên định, bắt hết dư đảng của Hoàng Cân là bọn Trần Bại, Vạn Bình. Năm Hoàng Vũ nguyên niên, Trị được phong tước Bì

Lăng hầu, cai quản quận như cũ. Năm thứ hai, được bái làm An Quốc tướng quân, có kim ấn và dây thao tía, dời đất phong về Cỗ Chương⁽⁴⁾.

Quyền từ lúc ở ngôi vị Thượng tướng, cho đến lúc làm Ngô Vương, Trị mỗi khi vào yết kiến, Quyền thường thân ra đón tiếp, tay cầm hốt giao bái, thiết yến tặng đồ, ân sủng kính trọng đặc biệt, đến cả những quan lại đi theo Trị, đều được tặng lễ vật riêng, Trị được trọng vọng khác thường như thế.

Khi trước, em của Quyền là Dục, bản tính rất nóng nảy, mừng giận mặc ý, Trị mấy lần trách mắng, lấy đại nghĩa khuyên giải. Anh họ của Quyền là Thái thú Dự Chương Tôn Bôn, có con gái là vợ của Tào công tử, lúc Tào công phá Kinh Châu, uy chấn nam thổ, Bôn sợ hãi, muốn phái con đến làm con tin⁽⁵⁾. Trị nghe tin ấy, xin tới gặp Bôn, bày tỏ việc an nguy, Bôn vì thế mới cho dừng chuyện ấy lại.

Giang Biều truyền chép lại lời Trị thuyết Bôn rằng: “Phá lỗ tướng quân trước kia thống suất nghĩa binh vào đánh dẹp Đồng Trác, tiếng tăm vang dội Quan Trung, nghĩa sĩ ngời khen. Thảo Nghị kế tiếp, mở mang yên định sáu quận, riêng có quân hầu là cốt nhục chí thân, tài năng sinh đúng thời, nên đã dâng biểu lên Hán triều, cho làm phiên trấn ở Đại Quận, kiêm quản việc gây dựng tướng giáo, luôn giữ quan hệ mật thiết với lưỡng phủ, vinh dự đứng đầu tông thất, hết thấy xa gần ngưỡng vọng. Lại thêm Thảo Lỗ là bậc thông minh thần vũ, kế thừa hồng nghiệp, thu dụng giao kết với các bậc anh hào, chăm lo giúp đỡ, binh chúng ngày một thịnh, sự nghiệp ngày càng hưng vượng, dù là Tiêu vương trước kia ở Hà Bắc, không hơn được vậy⁽⁶⁾, thế tất sẽ gây dựng được vương nghiệp, ứng thời vận ở phía Đông Nam. Việc Lưu Huyền Đức ở xa bày tỏ tấm lòng, cầu kiến xin cứu giúp, đó là thiên hạ cùng biết vậy. Hôm trước tôi ở phía Đông nghe được lời người qua đường, nói rằng tướng quân có ý lạ, thật khiến cho người ta phải bùi ngùi. Nay Tào công cậy binh lực, làm nghiêng ngả nhà Hán, ấu chúa phải lưu ly, bách tính trăm họ chưa biết quay đâu về đâu. Còn Trung Quốc thì tiêu điều, ngờ là bách tính không yên, thành ấp rỗng không, người chết đói ở trên đường ngóng trông nhau, kẻ sĩ than thở bên ngoài, phụ nữ trong nhà ai oán, lại thêm việc binh lửa, dẫn đến cảnh mất mùa đói kém, lấy đó mà suy tính, há họ có thể vượt Trường Giang cùng với ta tranh mỗi lợi chăng? Tướng quân đang lúc như thế này, nên bỏ tình thân cốt nhục, là cái kế vạn an, còn dứt bỏ cái tình đồng khí da thịt, theo lời dụ dỗ của hổ lang, vì một người con gái, mà đổi môi ưu tư bằng toan tính, lỡ cơ một hào một ly, sai lầm vạn dặm, há chẳng tiếc ru? “

Quyền thường khen Trị chuyên cần lo lắng cho vương sự. Bản tính cần kiệm giản dị, dấu ở chỗ phú quý, xe cộ y phục chỉ dùng cho công việc. Quyền cho Trị là người rất đặc biệt, bởi thế cho Trị đảm nhiệm chức vụ

Đốc quân ngự sử chuyên ghi chép văn thư ở kinh thành, Trị chỉ tiếp nhận tô thuế ở bốn huyện mà thôi. Những con em trong công tộc và bốn họ lớn ở đất Ngô đa phần ra làm quan ở quận, quan lại ở quận thường có mấy nghìn người, Trị thống quản công việc mấy năm, tất cả bọn họ đều phái người đến vương phủ, mỗi nơi mấy trăm người, hàng năm đúng mùa dâng cống vật, Quyên báo đáp lại còn hậu hĩnh hơn. Thời ấy Đan Dương là vùng đất ở xa, luôn có phản loạn, Trị cũng vì tuổi sắp lên lão, lưu luyến đất phong, tự dâng biểu lên xin về đóng quân ở Cỗ Chướng, trấn thủ vũ vè người ở Sơn Việt⁽⁷⁾. Các vị phụ lão là người quen cũ, chẳng ai không đến nhà Trị, Trị đều cho dẫn vào, cùng yến tiệc, làng xóm cho thế là vinh dự. Trị ở Cỗ Chướng hơn một năm, lại quay về Ngô Quận. Năm Hoàng Vũ thứ ba thì chết, Trị ở quận ba mươi một năm, thọ sáu mươi chín tuổi.

Con của Trị là Tài, vì phẩm hạnh cao khiết được làm Hiệu úy cai quản binh lính, rồi nối tước của cha, được thăng làm Thiên tướng quân.

Ngô thư chép: Tài tự Quân Nghiệp, là người tinh nhanh, giỏi cưỡi ngựa bắn cung, Quyên yêu mến khác thường, thường cho đùa bốn với kẻ hầu. Lúc trẻ vì cha được nhậm chức Vũ vệ hiệu úy, lĩnh binh làm tùy tùng đi theo chinh phạt, luôn thắng trận lập công. Người ở bản quận chê là Tài còn trẻ được ở chỗ vinh hiển phú quý, không lưu ý đến xóm làng, Tài bèn than rằng: “Ta mới làm tướng, nói về việc cưỡi ngựa gây xéo địch, đem thân dẫm vào chốn giương đao, là đủ để dương danh, chẳng biết sao người trong thôn xóm lại truy xét cử chỉ đó của ta là thất thủy?” Vì thế mới thay đổi chuyển sang nhún mình cung kính, lưu ý đến tân khách, khinh tài trọng nghĩa, giúp người khác chẳng mong báo đáp, lại học binh pháp, thanh danh vang dậy xa gần. Được ít lâu thì ốm chết.

Em của Tài là Kỷ, Quyên đem con gái của Sách gả cho, cũng cho làm Hiệu úy cai quản binh lính. Em Kỷ là Vĩ, Vạn tuổi nhỏ, đều chết yếu. Con của Tài là Tuyền, được tập tước làm tướng, làm quan đến chức Trấn Tây tướng quân.

CHU NHIÊN TRUYỆN

Chu Nhiên tự Nghĩa Phong, là con trai người chị gái của Trị, vốn gốc họ Thi. Khi trước Trị chưa có con trai, năm Nhiên được mười ba tuổi, Trị bèn bầm với Tôn Sách xin lấy Nhiên làm con nối dõi. Sách lệnh cho Quận thú quận Đan Dương đem dương tửu tới triệu Nhiên, Nhiên đến Ngô quận, Sách đưa hậu lễ chúc mừng.

Nhiên từng cùng với Quyên học chung sách, kết tình thân ái. Đến lúc Quyên thống quản công việc, lấy Nhiên làm Trưởng huyện Dư Diêu, bấy giờ Nhiên mười chín tuổi. Sau lại đổi Nhiên làm Sơn Âm lệnh, gia thêm chức Chiết xung Hiệu úy, thống đốc năm huyện. Quyên lấy làm lạ về tài năng của Nhiên, bèn tách quận Đan Dương lập quận Lâm Xuyên, lấy Nhiên làm Thái thú, trao cho giữ hai nghìn binh.

Thần Tùng Chi xét: Đây là quận Tâm Bã, không phải là quận Lâm Xuyên hiện nay⁽⁸⁾.

Gặp lúc sơn tặc đồng loạt nổi dậy, Nhiên bình định đánh dẹp, trong khoảng tuần trăng thì yên định được cả. Tào công tiến ra Nhu Tu, Nhiên đóng trại ở Đại Ô và Tam Quan phòng bị, được bá làm Thiên tướng quân.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, theo đi đánh Quan Vũ, được biệt phái cùng với Phan Chương đến Lâm Tự bắt sống Vũ, Nhiên được thăng làm Chiêu Vũ tướng quân, phong tước Tây An hương hầu.

Hỗ uy tướng quân Lã Mông bị bệnh nặng, Quyên hỏi rằng: “Khanh nếu như chẳng đứng dậy nổi, ai có thể thay được?” Mông thưa rằng: “Chu Nhiên cam đảm tiết nghĩa có thừa, ngu ý cho rằng có thể đảm nhiệm được.” Mông chết, Quyên cho Nhiên tạm được cưỡi phù tiết, trấn thủ Giang Lăng. Năm Hoàng Long nguyên niên, Lưu Bị cất binh tấn công Nghi Đô, Nhiên đốc suất năm nghìn quân cùng Lục Tốn hợp sức chống cự Bị. Nhiên được biệt phái đánh phá quân tiên phong của Bị, cắt đứt đường lui của Bị, Bị sau bị đánh tan bỏ chạy. Nhiên được bá làm Chinh bắc tướng quân, phong tước Vĩnh An hầu.

Nước Ngụy phái bọn Tào Chân, Hạ Hầu Thượng, Trương Cáp tấn công Giang Lăng, Ngụy Văn đế tự đóng giữ Uyển thành, làm hình thế viện trợ, đóng trại liền nhau vây thành. Quyên phái Tướng quân Tôn Thịnh đốc suất một vạn người phòng bị ở Châu Thượng, xây dựng Vi Ổ, làm thế cứu viện ở vòng ngoài cho Nhiên. Trương Cáp đưa binh qua sông tấn công Thịnh, Thịnh không thể kháng cự, tức thì lui binh về, Cáp chiếm cứ Châu Thượng bao vây quân phòng bị, Nhiên trong ngoài bị cắt đứt. Quyên phái bọn Phan Chương, Dương Sán tới giải vây nhưng không được. Bấy giờ binh sĩ của Nhiên ở trong thành đa phần bị bệnh phù thũng, quân có khả năng chiến đấu chỉ chừng năm nghìn người. Bọn Chân đắp núi đất, đào địa đạo, lập lầu gỗ, ở trên cao bắn tên như rót vào thành, tướng sĩ đều thất sắc, Nhiên lặng yên không có ý sợ hãi, khích lệ sĩ tốt, dò xét lúc chúng sơ hở tấn công phá hai trại địch. Ngụy quân vây đánh Nhiên cả thấy là sáu tháng ròng, không lui. Giang Lăng lệnh là Diêu Thái lĩnh binh phòng thủ ở cửa bắc thành, thấy bên ngoài binh đông, trong thành thì ít người, lương thực sắp hết, nhân đó cùng với địch thông đồng, toan mưu làm nội ứng. Lúc sắp phát động, việc bị phát giác, Nhiên trừng trị phanh thây Thái. Bọn Thượng không đánh được, bèn triệt quân tấn công lui về. Bởi thế Nhiên danh chấn địch quốc, được đổi phong làm Đương Dương hầu.

Năm thứ sáu, Quyên tự mình thống suất binh sĩ tấn công Thạch Dương, đến lúc binh sư quay về, Phan Chương đi đoạn hậu. Ban đêm quân sinh thác loạn, địch đuổi theo đánh Chương, Chương không thể ngăn cản. Nhiên lập tức quay lại cự địch, lệnh cho thuyền quân ở phía trước lui về thật xa, rồi Nhiên thông thả tiến phát sau. Năm Hoàng Long⁽⁹⁾ nguyên niên, Nhiên được bái làm Xa kỵ tướng quân, Hữu hộ quân, lĩnh chức Duyện châu mục. Ít lâu sau, vì Duyện châu là địa phận của nước Thục, nên bãi chức Mục ấy.

Năm Gia Hòa thứ ba, Quyên giúp Thục hện cùng cất đại quân đánh Ngụy, Quyên tự sang hướng Tân Thành, Nhiên cùng Toàn Tông đều được nhận Phủ việt⁽¹⁰⁾, làm tả hữu đốc. Gặp lúc quân sĩ bị bệnh tật, cho nên chưa đánh mà lui về.

Năm Xích Ô thứ năm, Nhiên đi đánh Tô Trung, tướng nước Ngụy là Bồ Trung, Hồ Chát, mỗi tướng có mấy nghìn người, Trung chặn giữ chỗ hiểm yếu, toan cắt đứt đường phía sau của Nhiên, Chát đi sau làm cứu viện cho Trung.

Tương Dương ký chép: Chữ Tô này phát âm như chữ Tô trong từ ‘tô thuê’. Tô Trung nằm ở địa giới Thượng Hoàng, cách thành Tương Dương một trăm năm mươi dặm. Thời Ngụy Di Vương là Mai Phu có ba người anh em, bộ khúc tụ tập ở chỗ ấy có hơn vạn nhà, phân bố tại Trung Lư ở phía tây Nghi Thành vùng Sơn Yên và trong hai thung lũng ven sông Miện, đất đai bằng phẳng rộng rãi, có nhiều cây tang ma⁽¹¹⁾, giao thông thủy bộ dễ dàng, phía nam sông Miện đất đai màu mỡ, mọi ấy gọi là Tô Trung.

Bấy giờ Nhiên đốc suất binh tướng tiến ra bốn phía, nghe được tin địch chưa kịp tập hợp, Nhiên liền dẫn tám trăm thủ hạ dưới trướng ngấm đón đánh. Trung giao chiến bất lợi, bọn Chắt đều lui về.

Dị đồng bình của Tôn Thỉnh chép: Ngụy chí (Ngụy thư) cùng Giang Biểu truyện nói rằng Nhiên vào năm Cảnh Sơ nguyên niên, năm Chính Thủy nhị niên mấy lần tiến ra cửa khẩu, phá Hồ Chắt, Bồ Trung vào năm Cảnh Sơ nguyên niên. Ngụy chí nối theo Ngụy thư, không đưa lời khẳng định là bọn Chắt bị Nhiên đánh tan ở đó, mà nói thẳng là Nhiên lui quân về vậy. Ngô chí nói là năm Xích Ô thứ năm, ở nước Ngụy là năm Chính Thủy thứ ba, tướng nước Ngụy là Bồ Trung cùng với Chu Nhiên giao chiến, Trung gặp bất lợi, bọn Chắt đều lui. Xét Ngụy Thiệu Đế kỷ cùng Tôn Quyền truyện⁽¹²⁾, thì năm ấy là vô sự, đích thị là Trần Thọ nhầm lẫn năm Gia Hòa thứ sáu nhà Ngô là năm Xích Ô thứ năm vậy.

Năm thứ chín, lại đi đánh Tô Trung, tướng nước Ngụy là bọn Lý Hưng nghe tin Nhiên xâm nhập, đốc suất sáu nghìn quân bộ kỵ cắt đứt đường phía sau của Nhiên, Nhiên trong đêm xuất binh đón đánh Hưng, sau khi thắng trận liền kéo về Trước đây, Mã Mậu ở Quy Nghĩa mang lòng gian, việc phát giác bị giết, Quyên rất cảm phẫn Mậu. Nhiên lúc sắp hành quân dâng sớ rằng: “Tên tiểu tử Mã Mậu, dám phụ cái ơn dưỡng dục. Thần nay phụng thiên uy, hi vọng có thể đưa tin thắng trận, bắt sống được giặc, uy danh vang dội soi sáng xa gần, thuyền bè đã xếp hàng ngay ngắn phủ kín Trường Giang, đáng để ngắm xem, làm tiêu tan nỗi cảm phẫn với kẻ dưới của hoàng thượng. Hi vọng Bệ hạ nhớ lời nói trước của thần, trách mắng thần để sau này thần nỗ lực đến cùng.” Quyên bấy giờ cất tờ biểu đi không đưa ra. Nhiên thắng trận trở về, quần thần dâng biểu chúc mừng, Quyên bèn nâng chén rượu cho tấu nhạc, rồi đưa tờ biểu của Nhiên ra nói: “Nhiên trước khi đi sớm dâng biểu, Cô cho là việc khó mà xong, nay quả như lời của Nhiên, có thể nói là sáng suốt ở chỗ biết việc vậy.” Rồi phái sứ giả bái Nhiên làm Tả tư mã, Hữu quân sư.

Nhiên mình cao chẳng đầy bảy thước, nóng lạnh phân minh rõ ràng, bên trong sửa mình trong sạch, những thứ tốt đẹp của mình, chỉ dùng vào việc

trang bị trong quân, bản thân dùng toàn đồ mộc mạc. Suốt ngày kính cẩn chăm chỉ, thường ở chiến trường, nguy cấp ở gần kề thì bình tĩnh xếp đặt, kỳ tuyệt hơn đứt người thường, dẫu việc đời vô sự, thường sớm tối đánh trống nghiêm cẩn, binh lính ở doanh trại, đều xếp hàng trang gọn gàng, vì thế có thể đùa bỡn với địch, khiến chúng không biết đâu mà phòng bị, cho nên xuất binh luôn lập được công lao. Con của Gia Cát Cẩn là Dung, con của Bộ Chắt là Hiệp, dù đều nối việc của cha, Quyên đặc biệt cho Nhiên cần đầu làm Đại đốc. Lại nữa là sau khi Lục Tốn chết, công thần danh tướng còn lại duy có Nhiên, sự đãi ngộ tuyệt chẳng ai so sánh được. Nhiên nằm bệnh hai năm, sau càng nặng dần, Quyên ban ngày giảm bớt cỗ bàn, ban đêm ngủ không say giấc, đích thân phái người đưa thuốc men và đồ ăn cho Nhiên, và đứng trông theo ở trên đường. Nhiên mỗi lần phái sứ giả dâng biểu rằng bệnh tật đã tiêu tan, Quyên lập tức cho triệu kiến, miệng hỏi han bệnh tật, khi đến thì ban cho đồ ăn thức uống, lúc ra về thì đưa tặng vải lụa. Từ khi các công thần sáng nghiệp ốm bệnh, tất cả như ý Quyên, thì Lã Mông, Lăng Thống là rất nặng, thứ nữa là đến Nhiên. Nhiên được sáu mươi tám tuổi, là năm Xích Ô thứ mười thì chết, Quyên mặc áo trắng cử ai, rất bi thống. Con của Nhiên là Tích nối tự.

Tích tự Công Tự, nhờ cha được đảm nhiệm chức Lang, sau được bái làm Kiến Trung đô úy. Người chú là Tài chết, Tích được lĩnh binh của Tài, theo Thái thường Phan Tuấn đi đánh dẹp ở Ngũ Khê, vì can đảm và có sức khoẻ được khen ngợi. Rồi thăng làm Thiên tướng quân Doanh hạ đốc, coi việc đánh đạo tặc, giữ phép tắc không hề nghiêng ngả. Lỗ Vương Bá để ý và giao du với Tích, từng đến dinh sở của Tích, khi đến nơi ngồi chơi, muốn cùng giao kết, Tích ngồi xuống đất không dậy, khước từ không nhận. Nhiên chết, Tích nối nghiệp, được bái làm Bình Ngụy tướng quân, Lạc Hương đốc. Năm sau, Chinh nam tướng quân nước Ngụy là Vương Sưởng đốc xuất quân lính tấn công thành Giang Lăng, không thắng phải lui về. Tích gửi thư cho Phấn uy tướng quân Gia Cát Dung nói: “Sưởng từ xa đến đây mỗi một khốn khó, ngựa không có lương ăn, lực khuất phải bỏ chạy, đó trời giúp ta vậy. Nay ta đuổi theo thì binh lực ít, tức hạ nên dẫn binh theo giúp ta, ta sẽ phá chúng ở phía trước, tức hạ ngồi xe ở phía sau, há đâu là cái công của một người, chúng ta nên cùng vì nghĩa chặt vàng.” Dung đáp thư hứa theo Tích. Tích liền dẫn binh đuổi kịp Sưởng ở Kỳ Nam, Kỳ Nam ở cách thành trì ba mươi dặm, Tích ban đầu chiến thắng, nhưng

Dung không tiến binh, Tích về sau mất lợi thế. Quyên rất khen ngợi Tích, nổi giận trách Dung, anh của Dung là Đại tướng quân Gia Cát Khác được quý trọng, cho nên Dung không bị phế truất. Khi trước Tích cùng với Dung và Khác đã bất bình, lúc xảy ra việc này, nên hiềm khích càng nặng.

Năm Kiến Hưng nguyên niên, Tích được thăng làm Trấn đông tướng quân. Năm thứ hai mùa xuân, Khác ra hướng Tân Thành, yêu cầu Tích hợp sức, nhưng lưu lại ở Bán Châu, sai Dung kiêm quản việc ấy. Mùa đông, Khác và Dung bị hại, Tích lại quay về Lạc Hương, được ban Giả tiết.

Năm Thái Bình thứ hai, Tích được bái làm Phiêu kỵ tướng quân. Tôn Lâm nắm quyền chính, đại thần nghi ngờ, Tích sợ rằng nước Ngô tất nhiều loạn, rồi Trung Quốc thừa cơ gây hấn, bèn bí mật gửi thư giao kết với nước Thục, để cả hai bên cùng lo toan. Thục phái Hữu tướng quân Diêm Vũ đưa năm nghìn quân, tăng cường giữ thành Bạch Đế, để đợi hiệu lệnh của Tích. Năm Vĩnh An sơ, Tích được thăng làm Thượng đại tướng quân, Đô hộ đốc, từ Ba Khâu lên đến Tây Lăng. Năm Nguyên Hưng nguyên niên, triều đình cho người tới bái làm Tả đại tư mã.

Khi trước, Nhiên vì chịu tang Trị xong, xin khôi phục lại họ gốc, Quyên không đồng ý, Tích đem năm con chim phượng về dâng biểu và xin trả lại họ Thi, năm Kiến Hành thứ hai thì chết.

LÃ PHẠM TRUYỆN

Lã Phạm tự Tử Hành, người quận Nhữ Nam huyện Tế Dương. Thời trẻ làm huyện lại, có dáng dấp, nghi dung đẹp đẽ. Người họ Lưu trong ấp, gia đình giàu có lại có người con gái rất đẹp, Phạm đến cầu thân. Mẹ người con gái không thích, muốn cấm giao du, Lưu thị nói: “Con xem Lữ Tử Hành há lại chịu nghèo hèn mãi sao?” Bèn hứa hôn. Về sau Phạm tránh loạn ở Thọ Xuân, Tôn Sách gặp được lấy làm lạ, Phạm bèn tự uốn mình thân gần, đem trăm người khách riêng của mình quy phục Sách. Bấy giờ Thái phi⁽¹³⁾ ở Giang Đô, Sách phái Phạm đến nghênh đón. Từ châu mục Đào Khiêm bảo Phạm là Viên thị đang dò xét, khuyên quan huyện bắt lấy Phạm để tra khảo, Phạm chọn những thân cận trẻ khỏe cướp phu nhân đưa về Bấy giờ chỉ có Phạm và Tôn Hà thường đi theo Sách, lặn lội đắng cay khổ ải, nguy nan chẳng nề hà, Sách cũng đãi Phạm như người thân thích.

Sau Phạm theo Sách đi công phá Lư Giang, cùng về đông qua sông, đến Hoàn Giang, Dương Lợi, đánh tan Trương Anh, Vu Mi, hạ Tiểu Đan Dương, Hồ Thục, Phạm được lĩnh chức Hồ Thục tướng. Sách bình định Mạt Lăng, Khúc A, bắt Trích Dung, Lưu Do và bộ hạ của chúng, lại tăng thêm cho Phạm hai nghìn binh, năm mươi quân kỵ. Sau Phạm lĩnh chức Uyển Lăng lệnh, đánh dẹp phá giặc cướp ở Đan Dương, khi về Ngô, được thăng làm Đô đốc.

Giang Biều truyện chép: Sách thông dong một mình cùng với Phạm đánh cò, Phạm nói: “Nay tướng quân sự nghiệp ngày một lớn, quân sĩ ngày càng đông, Phạm ở nơi xa, nghe nói cương kỷ còn có chỗ chưa nghiêm chỉnh, Phạm tình nguyện tạm lĩnh chức Đô đốc, gánh giúp một bộ phận quân đội cho tướng quân.” Sách nói: “Tử Hành, khanh đã là sĩ đại phu, hơn nữa thủ hạ cũng có đại quân, lập công ở bên ngoài, há nên khuất thân nhận một chức vụ nhỏ, khanh có biết những việc ở nhỏ mọn ở trong quân chăng?” Phạm nói: “Không đúng. Nay tôi bỏ cố hương mà thác thân theo tướng quân, không vì vợ con, là muốn chuyên chú vào việc giúp đời. Cũng như cùng thuyền lợi bể, mọi việc chẳng phải lo lắng, tức là cùng cam chịu thất bại. Ấy cũng là toan tính của Phạm này, chẳng phải chỉ

vì tướng quân vậy.” Sách cười, không đáp. Phạm ra ngoài, đổi áo ngắn, mặc khố kép, cầm roi, đến cửa nách phía dưới bày giải công việc, tự xưng là đã lĩnh chức Đô đốc, Sách bèn trao cho quyền bính, uỷ thác cho việc quân. Bởi thế hiệu lệnh trong quân nghiêm chỉnh, pháp lệnh được thi hành rộng rãi.

Bấy giờ người ở Hạ Bi là Trần Vũ tự xưng là Thái thú Ngô quận, trú ở Hải Tây, cùng với cường tộc⁽¹⁴⁾ là Nghiêm Bạch Hổ thông đồng. Sách thân đến đánh dẹp Hổ, biệt phái Phạm cùng Từ Dật đánh Vũ ở Hải Tây, đánh thắng, chém bêu đầu đại tướng của Vũ là Trần Mục.

Cửu Châu Xuân Thu chép: Năm Sơ Bình tam niên, Thứ sử Dương Châu là Trần Y⁽¹⁵⁾ chết, Viên Thuật sai Vũ lĩnh chức Dương Châu mục. Sau Thuật bị Tào công đánh bại ở Phong Khâu, xuôi nam định phản Vũ, Vũ cự Thuật. Thuật chạy trốn tới Âm Lăng, xong đưa thư trách Vũ, Vũ không hiểu quyền nghi, lại khiếp nhược, không lập tức đánh Thuật. Thuật ở Hoài Bắc tụ tập binh lính hướng đến Thọ Xuân. Vũ sợ, sai em mình là Công Diễm tới xin hoà với Thuật. Thuật bắt Diễm rồi tiến lên, Vũ chạy trốn về Hạ Bi.

Phạm lại theo đi đánh Tổ Lang ở Lăng Dương, Thái Sử Từ ở Dũng Lý. Bấy huyệ bình định, Phạm được bái làm Chinh lỗ Trung lang tướng, đi chinh chiến ở Giang Hạ, rồi về bình định Bà Dương.

Sách chết, Phạm đưa về táng ở Ngô quận. Sau Quyên lại đi đánh Giang Hạ, Phạm cùng với Trương Chiêu ở lại giữ Ngô quận.

Tào công đến Xích Bích, Phạm giúp bọn Chu Du cùng chống cự phá được, Phạm được bái là Bi tướng quân, lĩnh chức Thái thú Bành Trạch, lấy Bành Trạch, Sài Tang, Lịch Dương làm phụng ấp⁽¹⁶⁾. Lưu Bị đến kinh đô gặp Quyên, Phạm bí mật xin giữ Bị lại. Sau Phạm được thăng làm Bình nam tướng quân, đóng trại ở Sài Tang.

Quyên đánh Quan Vũ, đi qua công quán của Phạm, bảo rằng: “Xưa kia ta sớm theo lời khanh, thì không phải nhọc nhằn thế này. Nay ta đang ngược dòng bắt hấn, khanh hãy vì ta mà giữ Kiến Nghiệp.” Quyên phá Vũ trở về, bái Phạm làm Kiến uy tướng quân, phong tước Uyển Lăng hầu, lĩnh chức Thái thú Đan Dương, trị sở ở Kiến Nghiệp, đốc trách từ Phù Châu ra đến biển, chuyển lấy Lật Dương, Hoài An, Ninh Quốc làm phụng ấp.

Bọn Tào Hưu, Trương Liêu, Tang Bá đến đánh, Phạm đốc suất bọn Từ Thịnh, Toàn Tông, Tôn Thiệu, đem thuyền binh chống cự bọn Hưu ở Đồng Khẩu. Phạm được thăng làm Tiển tướng quân, ban cho Giả tiết, đổi phong làm Nam Xương hầu. Lúc ấy bất ngờ gặp gió lớn, thuyền nhân bị lật chìm, chết mấy nghìn người, quân kéo về, Phạm được bái làm Dương châu mục.

Phạm tính thích uy vũ và nghi thức, người trong châu như Lục Tốn, Toàn Tông cùng là công tử quý tộc, đối với Phạm đều sửa mình cung kính trang nghiêm, chẳng dám khinh mạn. Phục sức của Phạm ở xứ mình thì xa hoa mỹ miều, nhưng lại chuyên cần việc tuân theo phép nước, cho nên Quyên vui mừng với cái trung của Phạm, chẳng quái lạ về việc xa xỉ của Phạm.

Giang Biều truyện chép: Có người bẩm rằng Phạm cùng với Hạ Tê dùng lụa đẹp xa xỉ, phục sức bắt chước như bậc vương giả, Quyên nói: “Xưa kia Quân Trọng vượt cả lễ giáo, Hoàn Công vẫn bao dung cho, không tổn hại tới ngôi bá, Nay Tử Hành, Công Miêu, bản thân không có cái lỗi của Di Ngô, chỉ là khí giới của họ tinh xảo, xe thuyền nghiêm chỉnh mà thôi, thế là vừa đủ cho nghi dung của quân đội, có tổn hại gì đến việc trị quân nhĩ?” Người mách bảo bèn không dám nói lại nữa.

Khi trước Sách sai Phạm giữ chức Chủ tài kê⁽¹⁷⁾, Quyên bấy giờ ít tuổi, tới xin tiền để dùng riêng, Phạm quả là vị quan thanh bạch, không dám tự tiện đồng ý, vì thế được người đương thời ngưỡng vọng. Quyên giữ chức trưởng huyện Dương Tiễn, có lấy ở đó ít của riêng, Sách ngờ hoặc cho tra xét, viên Công tào là Chu Cốc liền giúp Quyên sửa sổ sách giấy tờ, khiến Sách không hỏi han trách móc gì. Quyên ngay lúc bấy giờ rất hài lòng về Cốc, đến sau này khi thống quản công việc, vì Phạm trung thành, được hậu đãi tín nhiệm, còn Cốc có thể dối lừa sửa đổi sổ sách giấy tờ, không được dùng vậy.

Năm Hoàng Vũ thất niên, Phạm được thăng làm Đại tư mã, ấn thụ chưa ban xuống, Phạm đã bị bệnh chết. Quyên mặc áo trắng cử ai, phái sứ giả truy tặng ấn thụ. Lúc trở về kinh đô Kiến Nghiệp, Quyên đi qua mộ Phạm gọi to rằng: “Tử Hành!” Gọi xong rơi nước mắt, rồi tự mình làm cỗ thái lao để tế.

Giang Biều truyện chép: Khi trước, Quyên dòi dò về Kiến Nghiệp, đại hội tướng văn tướng võ, bấy giờ bảo Nghiêm Tuấn rằng: “Cô trước đây khen Lỗ Tử Kính sánh được với Đặng Vũ, Lã Tử Hành so được với Ngô Hán⁽¹⁸⁾, Khanh là một trong những người không đồng ý với lời ấy, hôm nay định nói gì đây?” Tuấn lui về chỗ ngồi nói: “Thần chưa hiểu rõ đại ý, nhưng Túc, Phạm nhận được nhiều lời tán dương như thế, tiếng khen là quá với sự thực vậy.” Quyên nói: “Xưa kia giữa lúc Đặng mới gặp được Quang Vũ, Quang Vũ bấy giờ vâng mệnh Canh Thuý⁽¹⁹⁾ đi sứ, phủ dụ Hà Bắc, tạm giữ công việc của Đại tư mã thôi, chưa có cái chí của bậc đế vương vậy. Vũ khuyên Quang Vũ đừng khôi phục lại nghiệp Hán, thế là Vũ là người đầu tiên bàn định là đầu mối việc khai quốc vậy. Tử

Kính là người anh vũ hào sảng có mưu lược khác thường, Cô mới cùng nói mọi chuyện, nhân tiện đề cập đến đại kế, so với Vũ cũng tương tự, cho nên Cô mới so sánh vậy. Lã Tử Hành dốc lòng trung sáng suốt thẳng thắn, bản tính dẫu ưa xa xỉ, nhưng trước tiên là vì lo lắng đến việc công, chẳng đủ để tổn hại, là Viên Thuật tự theo về với anh Cô, anh Cô nhắc lên làm đại tướng, riêng lĩnh bộ khúc, bởi lo lắng cho công việc của anh Cô, mới xin làm Đô đốc, làm việc sửa sang chỉnh đốn quân đội, hơn nữa lại kính cẩn siêng năng, so với Ngô Hán cũng tương tự, cho nên Cô mới so sánh với ông ta. Đều là có căn cứ cả, chẳng phải là ý của riêng cô vậy.” Tuấn mới phục.

Con trưởng của Phạm chết sớm, con thứ là Cự nổi tự. Cự tự Thê Nghi, nhờ cha được nhận chức Lang, sau Phạm ốm nặng, Cự được bá làm Phó quân Hiệu úy, giúp cai quản việc quân. Phạm chết, Cự được thăng làm An quân Trung lang tướng. Mấy lần đi đánh dẹp sơn tặc, những nơi thâm ác kịch địa⁽²⁰⁾, đánh ở đâu cũng đều phá được. Cự theo Thái thường Phan Tuấn đi đánh dẹp Ngũ Khê, lại lập công. Chu Nhiên tấn công Phàn thành, Cự cùng Chu Dị đánh phá các thành ngoại vi, khi về được bá làm Thiên tướng quân, vào triều được bá làm Mã Nhàn hữu bộ đốc, rồi thăng làm Việt kỵ Hiệu úy. Năm Thái Nguyên nguyên niên, có gió lớn, nước sông Giang tràn mênh mông, ngấm đọng ở cửa thành, Quyên sai người xem kỹ thế nước, chỉ thấy mình Cự sai người dùng thuyền lớn để phòng hại. Quyên khen ngợi, bá Cự làm Đãng Ngụy tướng quân. Quyên ốm nặng, lấy Cự làm Thái tử Hữu bộ đốc. Thái tử lên tức vị, bá Cự làm Hữu tướng quân. Nước Ngụy xuất binh ra Đông Hưng, Cự đến đánh dẹp có công. Năm sau, Tôn Tuấn giết Gia Cát Khác, thăng Cự làm Phiêu kỵ tướng quân, coi việc ở cung Bình Tây. Năm Ngũ Phượng nhị niên, được ban Giả tiết, cùng với bọn Tuấn tập kích Thọ Xuân, khi quay về bất ngờ gặp tướng nước Ngụy là Tào Trân, phá Trân ở Cao Đình. Năm Thái Bình nguyên niên, Cự thống suất binh sự xâm lấn nước Ngụy, chưa đến sông Hoài, nghe tin Tôn Tuấn chết, em họ là Lâm tự lên thay, Cự cả giận, dẫn quân về muốn phẫn Lâm. Lâm nghe được tin ấy, sai quan Trung thư vâng chiếu chỉ, chiếu lệnh sai bọn Văn Khâm, Lưu Toản, Đường Tư bắt lấy Cự, lại phái anh họ là Lữ đem Đô hạ binh⁽²¹⁾ đón đánh Cự ở Giang Đô. Tả hữu khuyên Cự hàng Ngụy, Cự nói: “Ta hổ thẹn vì kẻ phản thần.” Bèn tự sát. Bị tru di tam tộc.

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Tạm coi việc của Đô úy.*
- (2) *Coi việc Đốc quân hiệu úy.*
- (3) *Tạm giữ chức Phụ nghĩa tướng quân.*
- (4) *Cho đất phong ở quê quán.*
- (5) *Con gái Tôn Bôn là vợ của con trai Tào Tháo, Tháo đánh Kinh Châu, phương nam chấn động, Dực sợ, muốn gửi con làm tin.*
- (6) *Không rõ nhân vật này lai lịch thế nào, sống ở đời nào, sự tích ra sao.*
- (7) *Đan Dương là quận trị, có huyện Cổ Chưong là đất phong của Chu Trị, Trị xin về đất phong, võ về dân Sơn Việt ở đó, nhất cử lưỡng tiện.*
- (8) *Hai chữ ‘hiện nay’ ở đây tức là thời điểm mà Bùi Tùng Chi bỏ chú cuốn Tam Quốc chí của Trần Thọ.*
- (9) *Chỗ này hẳn sách chép lầm hoặc Trần Thọ ghi lầm, chiếu theo đúng sự kiện thì phải là năm Hoàng Vũ thứ nhất, chứ không phải Hoàng Long.*
- (10) *Cái búa lớn tượng trưng cho uy quyền của vua.*
- (11) *Là một loại cây giống cây dâu nhưng có gai.*
- (12) *Nguyên ủy tên ban đầu của quyển 47, Ngô chủ truyện là Tôn Quyền truyện, người sau chép sách mới đổi tên đi vậy.*
- (13) *Tức mẹ của Tôn Sách.*
- (14) *Cường tộc là cường hào địa phương, có lực lượng quân binh trong họ tộc rất mạnh, tụ tập nhau lại đóng trại tụ giữ.*
- (15) *Có sách dịch là Trần Ôn.*
- (16) *Ấp được thu thuế, ăn lộc.*
- (17) *Tức là chủ quản về tài chính, nắm giữ tiền bạc trong quân.*

(18) Đặng Vũ là công thần của Hán Quang Vũ đế Lưu Tú, giữ chức Tư Mã, sau này Ngô Hán lên thay Đặng Vũ giữ chức ấy.

(19) Canh Thuỷ đế Lưu Huyền do Quang Vũ lập nên, đế giương cờ khởi nghĩa đánh lại Vương Mãng, người cướp ngôi Hán.

(20) Những khu vực đất đai cực kỳ hiểm trở.

(21) Không rõ những binh này là thế nào? Là tên một doanh quân của Đông Ngô chăng?

QUYỂN 12 - NGU LỤC TRƯỞNG LẠC LỤC NGÔ CHU TRUYỆN

*Ngũ Phiên, Lục Tích, Trương Ôn, Lạc Thống, Lục Mạo, Ngô Xán,
Chu Cứ*

TRUYỆN LỤC MẠO

Lục Mạo tự Tử Chương, là em của Thừa tướng Tôn vậy. Thừa trẻ ham học lại ưa việc nghĩa. Người nước Trần là Trần Dung, người quận Trần Lưu là Bộc Dương Dật, người nước Bái là Trương Toàn, người quận Quảng Lăng là Viên Định đều nghèo hèn mà có chí, đến chỗ Mạo giao du,

Cháu của Định là Diệp, tự Tư Quang, soạn sách Hiến Đế xuân thu, chép là Định cùng với bọn Trương Hoàn vượt sông, cha của Trụ là Tuy, làm Thái phó duyện; vào lúc Trương Siêu đi đánh Đồng Trác, lấy Tuy coi việc ở quận Quảng Lăng.

Mạo chia ngọt xẻ bùi, cùng nhau giao kết. Vào lúc người cùng quận là Từ Nguyên chuyển đến ở quận Cối Kê, vốn không biết nhau, nhưng sắp chết gửi thư xin gửi gắm con nhỏ, Mạo vì người ấy mà đắp dựng phần mộ, nhận nuôi dạy con của người ấy. Lại nữa chú ruột là Tích chết sớm, để lại hai con trai một con gái đều mới vài tuổi, liền đem về nuôi dưỡng, đến lớn mới thôi. Châu quận cử gọi, đều không đến.

Bấy giờ Thượng thư Kị Diễm soi xét tốt xấu, xử đoán tam thư, (1) nêu kể cái ám muội để bày rõ cái lỗi sai của họ. Mạo gửi thư rằng: “Thánh nhân yêu thiện ghét ác, quên tội ghi công để lập giáo hóa tốt đẹp. Nay nghiệp vương mới dựng, sắp thống nhất chính thống, đây là buổi Hán Cao Tổ bỏ lỗi chọn dùng vậy. Như việc khiến cho thiện ác khác biệt, quý lời bình nguyệt đán của người miền Nhữ-Dĩnh, (2) thực là có thể khuyến khích phong tục, nhưng sợ rằng chưa dễ làm vậy. Chỉ nên xa thì bắt chước tấm lòng rộng lượng của Trọng Ni, giữa thì học theo việc giúp đỡ của Quách Thái, (3) gần thì tăng thêm đạo lớn thôi”. Diễm không làm theo được, rút cuộc thất bại.

Năm Gia Hòa thứ nhất, xe công mời Mạo, bái làm Nghị lang, Tuyền tào thượng thư. Tôn Quyền giận cái tính xảo trá phản phúc của Công Tôn Uyên, muốn tự đánh hấn, Mạo dâng sớ can rằng: “Thần nghe nói vua hiền ngăn giữ người rợ phương xa chỉ lỏng lẻo mà thôi, không thường giữ

được, cho nên người xưa chia đất, gọi đấy là miền hoang phục, ý nói là miền xa xôi vô thường, không giữ được vậy. Ngày nay Uyên là rợ Đông Di nhỏ nhoi, lánh tại bờ biển, dẫu mang mặt người nhưng không khác với càn thú. Nhà nước không thích hàng hóa của hần mà đi xa tặng cho hần, đấy không phải là khen đức nghĩa của hần vậy, chỉ là muốn khuyên răn cái tính phóng túng để thu lấy ngựa của hần mà thôi. Uyên là kẻ kiêu căng, cậy ở xa mà chống lệnh, đấy là thói thường của rợ Mạch ở nơi xa lánh, há đáng xem là lạ? Ngày xưa nhà Hán cũng từng chú ý theo đuổi người rợ ngoài nước, sai sứ giả đem hàng hóa đi tặng cho người miền Tây Vực, họ dẫu có lúc theo phục nhưng sứ giả lại bị họ làm hại, hàng hóa cũng bị cướp mất, không kể hết được. Nay bệ hạ không nhin cái giận đùng đùng, muốn vượt biển lớn mà tự giẫm lên đất ấy, bọn thần bàn nghị cho là không yên. Vì sao? Giặc bắc liền tiếp bờ cõi với nước ta, nếu có kế hỏ thì thừa cơ mà đến vậy. Vả lại vượt biển tìm ngựa vốn do từ ý của Uyên, đấy chỉ là tìm cái thuốc chữa trước mắt để trừ cái bệnh ở tim bụng, lại là vứt gốc mà tìm ngọn, bỏ gần mà theo xa. Nổi giận mà đổi phép tắc, nóng nảy mà phát quân, đấy là ý mồn của con hổ dữ, không phải là kế hay của nước Đại Ngô vậy. Theo phép tắc của nhà binh, đem quân đánh nhau, lấy nhân đạo mỗi, trong lúc được mất, lại càng phải biết đi đâu này. Vả lại bến Đạp cách chỗ Uyên đường đi còn xa; nay đến bờ ấy, thế quân phải chia ba, sai quân khỏe đi đánh, thứ nữa phải giữ thủy quân, lại còn chuyển lương, người đi dẫu nhiều nhưng khó mà dùng hết được; lại nữa phải đi bộ mà chở lương, đường xa vào sâu, đất giặc lại nhiều ngựa, gập ghềnh vô thường; nếu Uyên xảo trá, chưa dứt qua lại với giặc bắc thì vào ngày ta phát quân tất rằng môi giúp nhau. Còn nếu hần thực không có chỗ dựa cậy thì tất sợ hãi mà trốn xa, lúc ấy cũng khó mà diệt được. Nếu quân ta ngưng trệ ở bãi bắc thì bọn giặc trong núi lại thừa cơ mà nổi lên, sợ rằng đấy không phải là kế hay vẹn toàn vậy”. Quyên không nghe.

Mạo lại dâng sớ rằng: “Bình đao là thứ để đánh dẹp bạo loạn, uy hiếp người rợ ở bốn phương vậy. Nhưng trận này ở thời kẻ gian hùng đã bị trừ, thiên hạ không có việc gì, chỉ nên ung dung trở trên triều đình mà nghe lời bàn nghị mà thôi. Đến như thời Trung Quốc rối loạn, chín cõi tranh giành vẫn phải chờ đợi rễ sâu gốc bền, giữ sức tiếc của, chăm chỉ nuôi dưỡng để đợi kế hỏ của nước địch; nếu chưa đúng vào thời cơ mà bỏ gần đánh xa, đấy là tự phá vỡ quân mình vậy. Ngày xưa Úy Đà phản nghịch, tiếm hiệu

xung Đế, bấy giờ thiên hạ yên ổn, trăm họ no đủ, áo giáp xếp rộng, lương thực chứa đầy, có thể nói là nhiều, nhưng Hán Văn Đế vẫn cho là đánh phương xa không dễ, chỉ nêu oai giễu quân để khuyên dụ mà thôi. Nay kẻ hung nghịch chưa diệt, bờ cõi vẫn có hấn, dẫu có loạn của Xi Vưu-Quỷ Phương thì vẫn nên vỗ về chúng, chớ nên xem việc đánh Uyên là việc dễ. Mong bề hạ nhện oai mà dùng kế, tạm dùng sáu quân, bỏ giận mà theo phép để mưu tính về sau, vậy thì thiên hạ may lắm”. Quyên lại xem thư của Mạo, khen lời lẽ thẳng thắn, bèn không đi.

Trước đây, người cùng quận của Mạo thường có danh tiếng được phong tước thì tặng cấp cho họ hàng, riêng Mạo cho là không đúng, sau đó quả như lời ấy.

Năm Xích Ô thứ hai, Mạo chết. Con là Hỉ cũng học sách vở, có đức hạnh tốt; vào thời Tôn Hạo làm Tuyển tào thượng thư.

Ngô lục chép: Hỉ tự Văn Trọng, là con thứ hai của Mạo; vào thời Tấn làm Tấn kị thường thị. Cháu của Mạo là Diệp, tự Sĩ Quang, làm đến Xa kị tướng quân, Nghi đông tam ti. Em của Diệp là Ngoạn, tự Sĩ Dao. Tấn Dương thu chép: Ngoạn khí độ nhã nhặn, làm đến Tư không, truy tặng chức Thái úy.

TRUYỆN CHU CỨ

Chu Cứ tự Tử Cứ, người huyện Ngô quận Ngô. Có dáng vẻ khỏe mạnh, lại biết luận nghị. Đầu năm Hoàng Sơ, gọi đến bá làm Ngũ quan lang trung, lĩnh chức Thị ngự sử. Bấy giờ Tuyền tào thượng thư Kị Diễm ghét kẻ làm quan mà tham ô, muốn bãi bỏ chúng; Cứ cho là thiên hạ chưa định, nên lấy công chuộc tội, xóa lỗi chọn dùng, (4) cử người trong sạch, khơi trong gạn đục, đủ để khuyên răn, nếu một chốc phế bỏ thì sợ có lỗi về sau. Diễm không nghe, rút cuộc bại.

Quyền tiếm nuôi quân tướng, buồn bã than thở, nghĩ nhớ bọn Lữ Mông, Trương Ôn, cho là Cứ có tài cả văn võ, thay thế được họ, từ đấy bá làm Kiến nghĩa hiệu úy, đem quân đóng đồn ở Hồ Thục. Năm Hoàng Long thứ nhất, Quyền dời đô đến Kiến Nghiệp, gọi Cứ về lấy công chúa, bá Tả tướng quân, phong Vân Dương Hầu. Khiêm nhường đối đãi kẻ sĩ, khinh tiếm của, ưa bố thí, bổng lộc dầu nhiều mà thường không đủ dùng. Giữa năm Gia Hòa, bắt đầu đúc tiền lớn, một tiền ngang năm trăm tiền cũ; sau đó bộ khúc của Cứ được nhận ba vạn sáu trăm tiền, nhưng có người thợ là Vương Toại lừa mà nhận lấy, Diễm hiệu Lữ Nhất nghi rằng Cứ chiếm lấy, xét hỏi người coi việc, chết ở dưới gậy, Cứ thương quan coi việc không có tội, thu liệm mà táng hậu. Nhất lại tấu là quan thuộc của Cứ giúp Cứ che giấu cho nên táng hậu. Quyền mắng trách hỏi Cứ, Cứ không biết lấy gì làm để tự làm rõ, quỳ trên chiếu đợi tội. Được mấy tháng, Diễm quân Lưu Trạ biết được, nói là do Vương Toại lấy, Quyền mới rất cảm thương, nói: “Chu Cứ mà còn bị oan, huống chi là quan dân khác đây”! Bèn xét trị tội của Nhất, thưởng trăm vạn tiền cho Trạ.

Năm Xích Ô thứ chín, chuyển làm Phiếu kị tướng quân. Gặp lúc hai cung tranh giành, (5) Cứ giúp đỡ Thái tử, nói rất thông thiết, nghĩa tỏ ra mặt, giữ ý dầu chết, bèn bị chuyển làm Tân Đô Quận thừa.

Thông ngữ của Ân Cơ chép lời bàn của Cứ rằng: “Thần nghe nói Thái tử là gốc rễ của nhà nước, tính tình nhân hiếu, thiên hạ ngóng theo, nay chợt trách

mắng, đây là sắp có nỗi lo một sớm vậy. Ngày xưa Tấn Hiến Công dùng Li Cơ thì Thân Sinh chẳng còn, Hán Vũ Đế tin Giang Sung thì Lệ thái tử chết oan. (6) Thân sợ rằng Thái tử không gánh nổi nỗi lo này. Dẫu dựng cung Tư Tử (7) thì hồi cũng chẳng kịp nữa vậy”.

Chưa đến nhận chức, Trung thư lệnh Tôn Hoằng gièm vu Cứ, nhân lúc Quyên nằm bệnh, Hoằng soạn chiếu lệnh đuổi theo bắt chết, bấy giờ năm mươi bảy tuổi.

Vào thời Tôn Lượng, hai con là Hùng, Tồn đều được lĩnh binh, bị Toàn công chúa gièm pha, đều chết. Giữa năm Vĩnh An, ghi nhớ công cũ, dùng con của Hùng là Tuyên nhận tước Vân Dương Hầu, lấy công chúa. Vào thời Tôn Hạo, Tuyên làm đến Phiếu kị tướng quân.

TRUYỆN NGÔ XÁN

Ngô Xán tự Khổng Hưu, người huyện Ô Trình quận Ngô.

Ngô lục chép: Xán sinh được mấy tuổi, có người đàn bà ở huyện Cô Thành [\(8\)](#) thấy Xán, bảo mẹ Xán rằng: “Thằng này có cốt của khanh tướng”.

Vào lúc Tôn Hà làm huyện trưởng, Xán làm viên quan nhỏ, Hà rất cho là lạ. Sau đó Hà làm Tướng quân, được tự chọn trưởng lại, cử Xán làm Khúc A Thừa, chuyển làm Trưởng sử, làm việc có công tích. Dẫn xuất thân hèn kém nhưng cùng sánh vai nổi danh với người cùng quận là bọn Lục Tồn, Bốc Tĩnh. Tôn Quyên làm Xa kị tướng quân, gọi làm Chủ bạ, ra làm Sơn Âm Lệnh, lại về làm Tham quân hiệu úy.

Năm Hoàng Vũ thứ nhất, cùng với bọn Ngô Phạm, Hạ Tề đem quân thuyền chống tướng Ngụy là Tào Hưu ở Động Khẩu. Gặp lúc trời có gió lớn, các thuyền đứt mất dây buộc, trôi nổi vào bờ, bị quân Ngụy thu được, có cái nghiêng lật chìm đắm, riêng thuyền lớn là vẫn còn, quân sĩ giữa nước níu dây kêu cứu, các quan tướng khác sợ thuyền chìm lật, đều lấy qua mâu chạt đứt không chịu cứu. Riêng Xán cùng Hoàng Uyên sai người trên thuyền đến cứu họ, tỏ hữu cho là thuyền nặng tất chìm vỡ, Xán nói: “Thuyền chìm thì nên cùng chết thôi! Người ta khốn cùng, sao lại bỏ mặc được”! Hơn trăm người được Xán, Uyên cứu sống.

Về chuyển làm Cối Kê Thái thú, gọi kẻ sĩ ở ẩn là Tạ Đàm làm Công tào, Đàm lấy có bệnh không đến, Xán bảo rằng: “Ứng long [\(9\)](#) vì ưỡn bay mà thành thần, phượng hoàng vì kêu hay mà thành quý, sao phải ẩn hình ở ngoài trời, giấu thân ở vực sâu như thế”? Xán chiêu tập dân chúng, bái làm Chiêu nghĩa trung lang tướng, cùng Lữ Đại đánh dẹp người Sơn Việt, vào làm Đôn kị hiệu úy, Thiếu phủ, lại chuyển làm Thái tử thái phó. Gặp lúc hai cung sinh biến, nói lời thẳng thắn, chia rõ phận trưởng thứ, muốn sai Lỗ Vương là Bá ra đóng đồn ở Hạ Khẩu, lệnh Dương Lan không được làm quan Lệnh tại vùng kinh đô. Lại nhiều lần đưa tin tức nói với Lục Tồn, bấy

giờ Tốn đóng đ̣n ở Vũ Xương cũng liên tiếp dâng biểu can gián. Do đó bị bọn Bá, Lan vu hại, bắt giam ngục giết chết.

QUYỀN 13 - LỤC TỐN TRUYỆN

LỤC TỐN

Lục Tốn tự Bá Ngôn, người huyện Ngô quận Ngô. Vốn có tên là Nghị, nổi đời làm họ lớn của miền Giang Đông.

Lục thị thế tụng viết: Tổ tiên của Tốn là Hu, tự Thúc Bàn, hiền lành lại chăm học, làm Thành môn Hiệu úy. Cha là Tuấn, tự Quý Tài, thật thà chất phác, được họ hàng kính trọng, làm đến Cửu Giang Đô úy.

Tốn thuở nhỏ cô, theo chú họ là Lư Giang Thái thú Khang ở tại sở quan. Viên Thuật có hiềm khích với Khang, muốn đánh Khang, Khanh sai Tốn cùng họ hàng về huyện Ngô. Tốn lớn hơn con Khang là Tích mấy tuổi, cho làm Cương kỉ Môn hộ.

Tôn Quyền làm Tướng quân, bấy giờ Tốn hai mươi một tuổi, bắt đầu vào phủ trưởng, làm Đông tây tào Lệnh sử, ra làm Hải Xương đồn điên Đô úy, lĩnh hết các việc của huyện.

Lục thị từ đường tượng tán viết: Hải Xương là huyện Diêm Quan ngày nay.

Huyện nhiều năm khô hạn, Tốn mở kho lúa để cứu dân nghèo, khuyến khích làm ruộng, trăm họ được nhờ. Bấy giờ các quận Ngô, Cối Kê, Đan Dương có nhiều giặc ẩn náu. Tốn bày kế nên làm, xin cho đi chiêu mộ. Thủ lĩnh giặc núi ở Cối Kê là Phan Lâm lúc trước gây hại ở quận, nhiều năm không bắt được, Tốn sai quan thuộc tuyển quân, đánh dẹp nơi sâu hiểm, đến đâu đều theo phục, bộ khúc đã có hơn hai nghìn người. Tướng giặc ở huyện Bà Dương là Vưu Đột làm loạn, lại đến đánh hấn, bái làm Định uy Hiệu úy, đóng quân ở Lợi Phố. Quyền đem con gái của anh Sách gả cho Tốn, nhiều lần hỏi việc đời, Tốn bày kế nói: “Ngày nay anh hùng kèn cựa, hổ sói dòm ngó, phá địch dẹp loạn, nếu không dùng quân thì không làm được. Lại thêm giặc núi gây hại, dựa vào nơi sâu hiểm. Tim bụng chưa yên, khó mà mưu việc nơi xa. Nên tăng thêm đội ngũ, chọn lấy quân cứng khỏe”. Quyền nghe lời ấy, cho làm Hữu bộ đốc dưới trưởng. Gặp lúc tướng giặc ở Đan Dương là Phí Sạn nhận ấn thao của Tào Công, lôi kéo người Sơn Việt, giúp làm nội ứng, Quyền sai Tốn đánh Sạn. Bè

đảng của Sạn đông mà quân đến đánh lại ít, Tồn bèn tăng thêm cò phướn, bày đặt chiêng trống, buổi đêm ngấm vào hang núi, gõ trống mà tiến, quân giặc tan vỡ. Rồi chọn quân ở ba quận, kẻ mạnh thì làm lính, kẻ yếu thì cho vào sổ hộ, thu được mấy vạn quân khỏe, dẹp trừ kẻ ác, qua đâu đâu yên ổn, về đóng đồn ở Vu Hồ.

Gặp lúc Cối Kê Thái thú Thuần Vu Thức kể việc Tồn chọn bừa người dân, nhiễu loạn ở quận. Sau đó Tồn đến kinh, lại nói khen Thức là quan giỏi, Quyển nói: “Thức xét tội ông mà ông lại tiến cử hắn, vì sao”? Tồn đáp nói: “Ý Thức muốn nuôi dân cho nên xét tội Tồn. Nếu Tồn lại chê Thức để làm loạn tai thánh thì không được hay vậy”.

Lữ Mông xưng bệnh về Kiến Nghiệp, Tồn đến gặp Mông, bảo rằng: “Quan Vũ gần cõi, sao lại quay về, sau lưng không chống được là việc đáng lo sao”? Mông nói: “Đúng như lời ông, nhưng ta bệnh nặng”. Tồn nói: “Vũ tỏ ý kiêu ngạo, chèn ép người khác. Lập được công lớn, lòng càng phóng túng, nhưng chỉ mưu đánh miên bắc, không ngờ gì ta. Nghe tin ông bệnh tất không phòng bị thêm. Nay ra chỗ hắn không ngờ thì có thể bắt giữ được. Về gặp chúa công, nên bày kế hay”.

Mông nói: “Vũ vốn dũng mãnh, khó mà địch nổi, lại đã giữ Kinh Châu, ân tín trùm khắp, thêm có công lớn, thế lực thêm mạnh, không dễ đánh vậy”. Mông đến kinh, Quyển hỏi rằng: “Người nào thay khanh được”? Mông đáp nói: “Lục Tồn suy nghĩ sâu xa, có tài gánh vác việc lớn, xem mưu lược của hắn, có thể cho giữ chức cao. Lại chưa có tiếng xa, không bị Vũ nghi ngờ, không ai hợp hơn. Nếu dùng hắn, nên sai tự che dấy ở ngoài, xét sửa ở trong rồi mới thắng được”. Quyển bèn gọi Tồn về, bãi Thiên Tướng quân, Hữu bộ đốc thay Mông.

Tồn đến Lục Khâu, gửi thư cho Quan Vũ nói: “Lúc trước nhân thấy kẻ hờ mà động, đem quân đúng lúc, đánh ít thắng lớn, công lao lớn thay! Nước địch thua vỡ, lợi cho nước bạn, tin mừng vang reo, mong hãy thừa thắng, cùng giúp Nhà vua. Ta kém cỏi không giỏi, được dùng đến miên tây, ngưỡng mộ ánh sáng, thừa với người giỏi”. Lại nói: “Bọn Vu Cấm bị bắt, ta ở xa mà hờn hở, cho rằng công lao của Tướng quân đủ để truyền cho nhiều đời, dẫu quân của Tấn Văn Công đánh trận Thành Bộc, mưu của Hoài Âm Hầu phá quân Triệu⁽¹⁰⁾ ngày xưa cũng không hơn được. Nghe nói bọn Từ Hoảng đem ít quân kị đến đóng giữ, dòm ngó cò trướng. Tào Tháo gian dối, chắc cầm giận không ngại khó, e rằng ngấm tăng quân để mưu

thỏa lòng. Dầu ông đã già nhưng vẫn dũng mãnh, vả lại sau trận thắng thường tỏ ý khinh địch, người xưa khuyên rằng quân thắng phải càng cảnh giác. Mong Tướng quân mưu bày kế lớn để giữ trọn trận thắng. Ta là kẻ đọc sách quê kệch, thẹn không gánh vác được việc, nhưng vui nghe oai đức của nước bên, mừng mà tự kính phục, dầu chưa có kế hợp nhưng vẫn nên giữ ý. Mong liếc mắt nhìn, chú ý xét rõ”. Vũ xem thư của Tồn có ý nhún nhường tự gửi gắm, lòng bèn rất vui, không còn nghi ngờ. Tồn tấu báo tình trạng, bày kế kế nên đánh lấy. Quyên liền ngần đem quân mà đi lên, sai Tồn cùng Lữ Mông làm Tiền bộ, đến liền chiếm Công An, Nam Quận. Tồn đi thẳng, lĩnh chức Nghi Đô Thái thú, bái Phủ biên Tướng quân, phong Hoa Đình Hầu. Nghi Đô Thái thú Phần Hữu của Bị bỏ quận chạy, trưởng lại các thành cùng tù trưởng của người rợ đầu hàng. Tồn xin đem ấn đồng vàng bạc để trao cho những người mới theo hàng. Năm đó là tháng mười một năm Kiến An thứ hai mươi tư vậy.

Tồn sai bọn Tướng quân Lí Dị, Tạ Tinh đem ba nghìn quân đánh tướng Thục là bọn Đàm Yến, Trần Phụng. Dị lĩnh quân thủy, Tinh lĩnh quân bộ, chặn giữ chỗ hiểm, liền phá bọn Yến, bắt sống được Phong. Lại đánh Phòng Lăng Thái thú Đặng Phụ, Nam Hương Thái thú Quách Mục, đại phá chúng. Họ lớn huyện Tỉ Quy là bọn Văn Bố, Đặng Khải đem hơn nghìn quân rợ liên kết ở miền tây, Tồn lại sai bộ tướng Tạ Tinh đánh phá Bố, Khải. Bố, Khải chạy thoát, người Thục cho làm tướng, Tồn sai người dụ chúng, Bố đem quân về hàng, trước sau bắt chém và thu nạp đến mấy vạn người. Quyên lấy Tồn làm Hữu Hộ quân, Trấn tây Tướng quân, tiến phong Lô Hầu.

Ngô thư viết: Quyên khen công đức của Tồn, muốn ban vinh hiển, dầu làm Thượng Tướng quân, Liệt hầu nhưng vẫn sai trông coi châu cũ, bèn sai Dương Châu Mục là Lữ Phạm đến gọi về làm Biệt giá Tòng sự, cử Mậu tài.

Bấy giờ kẻ sĩ Kinh Châu mới theo về, có người đến làm quan, có kẻ còn chưa làm, Tồn dâng sớ nói: “Ngày xưa Hán Cao Tổ nhận lệnh, mời gọi người tài, Quang Vũ Đế trung hưng, bọn giỏi đầu đến, nếu có người nêu cao được đạo hóa thì không kể gần hay xa. Nay Kinh Châu mới định, lòng người chưa vững, thần thường lo lắng, xin ban thêm ân đức kén chọn rộng rãi, lại lệnh cho tự tiến cử, sau đó người bốn cõi nghênh cổ mà theo về giáo hóa thôi”. Quyên nghe theo lời ấy.

Năm Hoàng Vũ thứ nhất, Lưu Bị đem đại quân hướng đến biên giới phía tây, Quyên sai Tồn làm Đại bộ đốc, Giả tiết, lĩnh năm vạn quân cùng bọn Chu Nhiên, Phan Chương, Tống Khiêm, Hàn Dương, Từ Thịnh, Tiên Vu Đan, Tôn Hoàn chống Bị. Bị đi đường vòng từ Vu Hiệp, Kiến Bình đến đất Di Lăng, dựng mấy chục đồn, đem vàng gấm ban tước dụ dỗ người rợ, sai bọn Tướng quân Phùng Tập làm Đại đốc, Trương Nam làm Tiền bộ, bọn Phụ Khuông, Triệu Dung, Liệu Thuần, Phó Dung làm Biệt đốc, sai Ngô Ban đem mấy nghìn quân dựng đồn ở đất bằng trước, muốn đến dụ đánh. Các tướng đều muốn đánh chúng, Tồn nói: “Đây tất có mưu lừa, tạm đứng xem”.

Ngô thư viết: Các tướng đều muốn đón đánh Bị, Tồn cho là không nên, nói: “Bị đem quân xuống miền đông, khí mạnh đang vững, lại men chỗ cao giữ nơi hiểm, khó mà đánh được, dẫu đánh gấp ngay cũng khó mà thắng hết. Nếu có gì không lợi tất làm tổn hại thế lớn của quân ta, đây chẳng phải là việc nhỏ đâu. Nay chịu nên khuyến khích tướng sĩ, bày rõ kế sách, đợi xem sự biến. Nếu chỗ ấy là đất bằng bãi rộng thì sợ có nổi lo ruồi chạy dẫm đạp. Nay nên men núi mà đem quân đi thì thế giặc không thi triển được, tự sẽ mệt mỏi ở giữa vùng cây núi, thông thả mà ngăn chống giặc mệt mỏi vậy”. Các tướng không hiểu, cho rằng Tồn sợ giặc, đều mang ý giận.

Bị biết kế mình không xong, lại dẫn tám nghìn quân ẩn nấp từ trong hang núi đi ra. Tồn nói: “Ta không nghe lời các ông đánh bọn Ban là vì đoán được chúng có kế gian vậy”. Tồn dưng sớ nói: “Di Lăng là chỗ yếu hại, là then chốt của nước ta, dẫu là dễ lấy nhưng cũng dễ mất. Nếu mất chỗ ấy thì không chỉ là mất đi một quận mà còn khiến cho miền Kinh Châu sẽ đáng lo. Ngày nay tranh chỗ ấy, việc này tất xong. Bị làm trái phép thường, không giữ hang núi mà lại chia ra tự giữ. Thần dẫu không có tài, nhưng dựa vào oai linh của tổ tiên để đánh dẹp giặc ngược, sắp phá được thôi. Lại thấy Bị trước sau đem quân đi, thua nhiều thắng ít, do đó mà xét, hẳn không đủ gây lo lắng. Thần lúc đầu e ngại hẳn là vì hắn đem quân thủy bộ cùng tiến, nay lại bỏ thuyền mà đi bộ, đóng trại các chỗ, xét cách sắp đặt của hắn, chắc không có thay đổi. Kính mong bậc chí tôn kê gối cao, không cần lo nghĩ vậy”. Các tướng đều nói: “Lúc đầu nên đánh Bị, nay hắn đã vào năm, sáu trăm dặm, kèn cựa dây dưa bảy, tám tháng, bên ấy đã giữ vững các chỗ yếu hại, nếu lại đánh tất không được lợi”. Tồn nói: “Bị là người giáo hoạt, trải nghiệm nhiều việc, vả lại quân ấy mới tụ, ta lo quân ấy còn khỏe, cho nên chưa đánh vậy. Nay đến đã lâu, không đánh được ta,

quân mỗi kế cùng, chẳng có mưu nữa, phá tan giặc ấy, vào lúc này đây”. Bèn sai đánh một đồn trước, không lợi, các tướng đều nói: “Giết uổng quân thôi”. Tồn nói: “Ta đã hiểu cách phá được giặc”. Lại sai các quân đều nắm một bó cỏ, dùng kế phóng lửa mà đánh. Chốc lát kế thành, liền đem các quân cùng lúc đến đánh, chém đầu bọn Trương Nam, Phùng Tập cùng vua của người rợ là Sa Ma Kha, phá hơn bốn mươi đồn giặc. Tướng của Bì là bọn Đỗ Lộ, Lưu Ninh khốn cùng xin hàng. Bì lên núi Mã Yên, bày binh tự giữ. Tồn đốc lĩnh các quân vây ép bốn phía, quân sĩ vỡ lở, chết đến mấy vạn người, Bì nhân buổi đêm chạy trốn, người ngựa mang công, vút các đồ áo giáp chặn ở sau, chỉ vào được thành Bạch Đế. Các đồ vũ khí thuyền bè, đồ dùng của quân thủy bộ đều bị cướp sạch, thân chết trôi nổi tấp nghẽn dưới sông. Bì rất thẹn giận, nói: “Ta mà bị Tồn làm nhục, há chẳng phải là do trời chăng”!

Lúc đầu, Tôn Hoàn đi riêng đánh quân tiên phong của Bì ở Di Đạo, bị quân Bì vây, xin cứu với Tồn, Tồn nói: “Không được”. Các tướng nói: “Tôn An đông là họ hàng của chúa công, bị vây đã gấp, sao lại không cứu”? Tồn nói: “An đông được lòng quân sĩ, thành vững lương đủ, không cần lo lắng. Đợi kế ta thành, chưa đến cứu An đông thì An đông đã tự giải vây rồi”. Lúc kế sách đã sắp đặt xong, Bì quả nhiên tan vỡ. Sau đó Hoàn gặp Tồn nói: “Lúc trước thật là ta giận vì không được cứu, đến ngày nay mới biết suy nghĩ tự bày mưu lược vậy”.

Vào lúc chống Bì, trong các Tướng quân có người là tướng cũ của Tôn Sách, có người là họ hàng tông thất, đều tự kiêu ngạo, không chịu nghe lệnh. Tồn rút kiếm nói: “Lưu Bì nổi tiếng thiên hạ, Tào Tháo còn sợ, nay đến tại biên giới, đây là địch mạnh vậy. Các ông đều chịu ân của nhà nước, phải nên hòa mục cùng dẹp tên giặc ấy, trên báo ân vua mà lại không theo lệnh, không nên thế vậy. Ta dẫu là trẻ tuổi, vâng lệnh chủ trên, nhà nước đem các ông sai cùng trông xét việc này là vì ta cũng có chút ít tài giỏi, lại biết nhẫn nhịn chịu nhục vậy. Đều trao việc ấy, há còn từ chối! Phép quân có thường, không được phạm cấm”. Đến lúc phá Bì, phần nhiều là kế của Tồn. Quyên nghe tin, nói: “Lúc trước khanh sao lại không báo kẻ tội trái lệnh của các tướng vậy”? Tồn đáp nói: “Thần chịu ân sâu, việc quá tài năng. Lại vì các tướng có người là tim bụng, có kẻ là nanh vuốt, có ông là công thần, đều là những người sẽ cùng làm nên việc lớn. Thần dẫu hèn kém, vẫn ngưỡng mộ nghĩa nhún nhường nhau của Trương Như, Khấu

Tuân⁽¹¹⁾ để giúp việc nước”. Quyên cười lớn khen hay, bái Tồn làm Phụ quốc Tướng quân, lĩnh chức Kinh Châu Mục, lại đổi phong làm Giang Lăng Hầu.

Lại nữa Bị đã vào giữ thành Bạch Đế, bọn Từ Thịnh, Phan Chương, Tống Khiêm đều dâng biểu nói tất bắt được Bị, xin lại đến đánh. Quyên đem việc hỏi Tồn, Tồn cùng Chu Nhiên, Lạc Thống cho rằng Tào Phi tự hợp quân sĩ, ngoài mượn tiếng là giúp nước đánh Bị, trong thực là có ý gian, xét kĩ kế rồi về Không lâu, quân Ngụy quả nhiên đi ra, ba phía gặp địch vậy.

Ngô lục viết: Lưu Bị nghe tin quân Ngụy ra đánh, gửi thư cho Tồn rằng: “Nay giặc đã đến tại Giang Lăng, tướng của ta lại đến phía đông, Tướng quân nói xem có được không”? Tồn đáp nói: “Chỉ sợ quân vừa bị phá, vết thương chưa lành, nên cùng kết thân, tạm hãy tu sửa, không rồi mà động binh nữa vậy. Nếu không tính kĩ mà muốn đem quân vừa bị nghiêng lật đi đường xa đến nữa thì không còn chỗ trốn vậy”.

Sau đó Bị bệnh chết, con là Thiện nối ngôi, Gia Cát Lượng nắm việc, liên hòa với Quyên. Bấy giờ việc hợp, Quyên liề sai Tồn bảo với Lượng, cùng khắc ấn của Quyên để trao cho Tồn. Quyên hể gửi thư cho Thiện, Lượng thường đưa cho Tồn xem qua, nặng nhẹ đáng lo hay có chỗ không ổn liề sai sửa đổi, lấy ấn đóng dấu gửi đi.

Năm thứ bảy, Quyên sai Bà Dương Thái thú Chu Phường lừa quan Đại tư mã của nhà Ngụy là Tào Hưu, Hưu quả nhiên đem quân vào huyện Hoản, lại gọi Tồn đến trao lưỡi búa vàng, bái Đại Đô đốc, đón đánh Hưu.

Lục Cơ khắc văn nói về Tồn rằng: “Đại Tư mã Tào Hưu của nước Ngụy xâm cõi bắc của nước ta, bèn ban cho ông lưỡi búa vàng, đem lĩnh sáu quân cùng trung quân cấm vệ mà nắm giữ việc quân, Nhà vua cầm roi, trăm quan quỳ gối”.

Ngô lục viết: Ban lưỡi búa vàng cho Tồn, vua Ngô tự tay cầm roi để gặp Tồn.

Hưu đã biết được, then vì bị lừa, nhưng tự cậy vào quân mã đông khỏe, bèn giao chiến. Tồn tự làm trung quân, sai Chu Hoàn, Toàn Tông làm hai cánh tả hữu, ba đường cùng đánh, liề xông vào quân nép phục của Hưu, nhân đó xua đuổi chúng, đuổi chạy về phía bắc, thẳng đến Giáp Thạch, bắt chém hơn vạn người, cướp sạch vạn cỗ xe cùng lừa la ngựa trâu, đồ dùng vũ khí. Hưu về, mọc nhọt trên lưng mà chết. Các quân kéo về qua Vũ Xương, Quyên sai tả hữu đem lọng vua cho Tồn để ra vào cửa điện, ban cho Tồn đều là những đồ vật của vua dùng, bấy giờ chẳng ai sánh được. Lại sai về Tây Lăng.

Năm Hoàng Long thứ nhất, báí Thượng đại Tướng quân, Hữu đô hộ. Năm đó, Quyền đi tu ần phía đông đến Kiến Nghiệp, lưu Thái tử, Hoàng tử cùng chín quan Thượng thư ở lại, gọi Tồn về giúp Thái tử, nắm hết việc ba quận Dự Chương và Kinh Châu, coi xét việc quân cả nước. Bấy giờ Kiến Xương Hầu là Lự làm lan can hình đầu vịt ở trước nhà, có vẻ tinh xảo, Tồn nghiêm mặt nói: “Quân hầu mau dỡ bỏ đi. Xạ thanh Hiệu úy Tùng là người gần gũi nhất trong các vị Hoàng tử, đem quân làm trò vui không chịu tu thân, Tồn cắt tóc quan lại của hắn. Người quận Nam Dương là Tạ Cảnh thích bàn về phép tắc dùng hình trước đáp lễ sau của Lưu Dặc, Tồn lại mắng Cảnh rằng: ‘Lễ lớn hơn hình đã lâu rồi, Dặc dùng lời lẽ thấp kém mà đối gạt đạo lý của thánh nhân, đâu là sai trái vậy. Nay ông hầu Thái tử, phải nên theo việc nhân nghĩa để gây dựng đức hạnh, như lời bàn ấy, không được giảng dạy nữa’”.

Tồn dẫu gửi thân ở ngoài nhưng lòng vẫn hướng về triêu đình, dẫu sợ bày kể việc thời ấy rằng: “Thần cho rằng hình pháp nghiêm ngặt phần nhiều làm hại kẻ dưới. Từ năm trước đến nay, quan tướng mắc tội, dẫu không không thể không phạt, nhưng thiên hạ chưa hợp một, đang mưu đánh lấy, nên ban ân tha lỗi để làm yên lòng người. Vả lại việc đời ngày càng nhiều lên, chọn người tài là việc đầu, từ kẻ gian xấu hay người lỗi khó chịu, vẫn nên cho sửa lại, gắng sức chuộc tội. Đây là vua sáng quên lỗi ghi công để lập nên nền móng vậy. Ngày xưa Hán Cao Tổ tha lỗi của Trần Bình, dùng tài lại của người đó, rút cuộc lập nên nghiệp lớn, ghi công nghìn năm. Hình pháp nghiêm ngặt không phải là cách Đế Vương dựng nghiệp; có hình phạt mà không có tha thứ không phải là cách vỗ về phương xa vậy”.

Quyền muốn sai quân mạnh đánh lấy Di Châu và quận Chu Nhai, đều đem việc hỏi Tồn, Tồn dẫu sợ nói: “Kẻ ngu này cho rằng bốn cõi chưa định, đang tu sức dân để giúp việc đời. Nay dấy binh nhiều năm, thấy dân tổn giảm, Bệ hạ suy nghĩ vất vả, quên ăn quên ngủ, muốn đem quân đi xa lấy Di Châu để lập việc lớn. Thần lại nghĩ xét kỹ, chưa thấy lợi đâu, mà vạn dặm đánh lấy, sóng gió khó lường, dân lạ thủy thổ, tất bị bệnh tật. Nay xua quân đi, lợi vào đất hoang vắng, muốn ích mà lại tổn, muốn lợi mà lại hại vậy. Lại còn quận Chu Nhai ngăn trở, dân như cừu thú, thu được dân ấy không đủ để giúp việc, không có quân ấy không làm cho quân ta yếu kém. Nay quân sĩ Giang Đông tự đủ để mưu việc, chỉ nên nuôi sức trước

mà đánh sau thôi. Ngày xưa Hoàn Vương⁽¹²⁾ lập nên, quân không một đội mà mở được nghiệp lớn. Do đó Bệ hạ nổi nghiệp, mở mang Giang Biều. Thần nghe nói dẹp loạn đánh phản phải đem quân làm oai, cày ruộng trồng trọt là nghề gốc của dân, vậy mà can qua không ngừng, dân đã có đói rét. Kẻ ngu này cho rằng nên nuôi dưỡng quân dân, nói lòng tô thuế, hòa thuận với dân, lấy nghĩa để khuyến khích kẻ dũng cảm, như thế miên Hà Vĩ⁽¹³⁾ mới bình được, nghiệp thống nhất đã được chín phần rồi vậy”. Quyên bèn đánh Di Châu, không được sửa lỗi.

Gặp lúc Công Tôn Uyên trái ước, Quyên muốn đến đánh, Tốn dưng sớ nói: “Uyên cậy hiểm dựa vững, bắt giữ sứ giả, không dâng ngựa tốt, thực đáng căm giận. Nhưng người mọi rợ xâm phạm Hoa Hạ, chưa theo giáo hóa, ẩn nấu nơi xa, chống lại quân vua, khiến cho Bệ hạ nổi giận dùng binh, muốn đem vạn quân coi thường trôi sông vượt biển mà không nghĩ đến nguy hại khó đoán. Ngày nay thiên hạ nhiễu loạn, bọn anh hùng tranh giành, liếc mắt dòm ngó. Bệ hạ dựa vào cái oai thần vũ, chụp lấy thời cơ, phá Tào Tháo ở Ô Lâm, đánh Lưu Bị ở Tây Lăng, bắt Quan Vũ ở Kinh Châu, ba tên giặc ấy là hào kiệt thời nay, đầu bẻ mũi nhọn của chúng. Giáo hóa ban truyền, đến nơi vạn dặm, sắp dẹp yên Hoa Hạ, thống nhất vào một vua. Nay nếu không nhìn cái giận nhỏ mà mà phát cái giận sấm sét thì là trái với cái răn bảo của bậc chí tôn, coi nhẹ cái tôn quý của một nước có vạn cỗ xe vậy. Thần nghe nói người có chí trùm khắp vạn dặm thì không đi được giữa đường thì dừng chân; người mưu chiếm cả bốn cõi thì không giữ ý giận nhỏ để chuốc cái hại lớn. Nay giặc mạnh tại biên giới, miên hoang phục chưa về, Bệ hạ sai quân bơi thuyền đi đánh phương xa, bọn giặc tất dòm ngó, dẫn đến lo lắng, lúc đó hối hận cũng không kịp. Nếu việc lớn thành công thì Uyên không cần đánh cũng tự thần phục vậy; nay lại vì tiếc quân và ngựa của miên Đông, sao lại chỉ muốn làm tổn hại đến nghiệp lớn yên dân của miên Giang Đông mà không tiếc sao? Xin đừng sáu quân, chỉ nên ra oai với giặc mạnh, nên dẹp yên Hoa Hạ trước, làm rạng rỡ mai sau”. Quyên nghe lời này.

Năm Gia Hòa thứ sáu, Quyên đánh miên bắc, sai Tốn cùng Gia Cát Cẩn đánh Tương Dương. Tốn sai người thân là Hàn Biền đem biểu đến tấu báo, lúc về gặp địch ở Miện Trung, bắt giữ được Biền. Cẩn nghe tin rất lo lắng, gửi thư cho Tốn rằng: “Xe vua đã về, giặc bắt được Hà Biền, biết cả đường đi của quân ta. Vả lại nước sông khô cạn, nên nhanh đi thôi”. Tốn

chưa đáp, đang sai người trồng rau phúng, cùng các tướng đánh cờ làm vui như thường. Cầm nói: “Bá Ngôn nhiều mưu trí, đang làm gì chẳng”? Tự đến gặp Tồn, Tồn nói: “Giặc biết xe vua đã về, không biết làm gì, lại chuyển sức đánh sang ta. Ta lại đã giữ chỗ yếu hại, quân tướng muốn đánh, lại đã tự định kế để làm yên lòng chúng. Bày đặt kế hay, rồi mới ra đánh. Nay ta tỏ vẻ rút lui, giặc tất bảo ta sợ, tất đến vội vã, đấy là thế tất phá được giặc vậy”. Bèn ngầm bày kế với Cầm, sai Cầm đem thuyền bè, Tồn đem hết quân mã đi lên hướng đến thành Tương Dương. Định vốn sợ Tồn, vội vàng vào thành. Cầm lại dẫn thuyền ra, Tồn thông thả sửa sang đội ngũ, khuếch trương thanh thế, đi bộ lên thuyền, địch không dám đánh. Đem quân đến Bạch Vi, nói dối là đi săn, ngầm sai bọn Tướng quân Chu Tuấn, Trương Lương đánh các huyện Thạch Dương, An Lục, Tân Thị của quận Giang Hạ, huyện Thạch Dương có chợ búa tập nập, bọn Tuấn chột đến, người dân đều bỏ hàng hóa mà chạy vào thành. Cửa thành mắc kẹt không đóng được, địch bèn tự giết hại dân mình, rồi mới đóng được cửa. Chém đầu bắt sống đến hơn nghìn người.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Tồn lo Quyền đã rút thì quân Ngụy chuyển sức đánh với mình, rồi bèn khuếch trương thanh thế, khiến cho địch không dám đánh, đang đi thuyền thuận dòng, nên không ngừng phòng bị, sao lại còn ngầm sai các tướng đánh úp các huyện nhỏ, làm cho người dân ở chợ búa sợ hãi bỏ chạy, tự làm thương hại? Bắt chém được nghìn người, chưa đủ làm nước Ngụy tổn hại, chỉ làm cho người dân không có tội bị tai vạ chết chóc, so với quân ở nơi bến sông của Gia Cát Cầm, há khác gì sao! Cái đạo dùng binh của đã sai, lại làm mất phép tắc thì bị bị họa, bỗng lộc chẳng truyền được đến ba đời, đến đời cháu thì đứt, đấy là cái vạ để lại vậy!

Những người bị bắt đầu cho vào doanh quân, không sai quân sĩ quấy rối xâm lấn. Kẻ đem người nhà đến thì sai người chăm sóc. Kẻ bị lạc mất vợ con liền cấp cho cơm áo, lại thêm an ủi, sai phải đi về, cũng có người cảm kích dắt nhau mà đi theo. Người biên giới yên lòng,

Thần là Tùng Chi cho rằng: Đấy chẳng khác gì làm vỡ lật tổ trên cây mà giữ lại trứng chim, huệ ít ân nhỏ, sao đền bù được cái ác lớn?

bọn Giang Hạ Công tào Triệu Trạc, Dặc Dương Bị tướng Bùi Sinh và vua của người rợ là Mai Di cùng đem phe đảng đến nương dựa Tồn. Tồn cấp tiền lụa, cứu giúp xung quanh.

Lại có Giang Hạ Thái thú Lục Thức lĩnh hết quân mã gây hại biên biên giới nhưng không vốn hợp với tướng cũ miền bắc là con của Văn Sính là

Hưu. Tồn nghe tin ấy, liền viết thư đối đáp Thúc rằng: “Nhận được thư mà thương xót, biết ông hiềm khích với Hữu đã lâu, hai người chẳng thể cùng sống, muốn đến theo dựa, liền đem thư kín đến báo lên, đem quân đón nghênh. Nên ngấn đi nhanh đến kịp ngày hẹn”. Dem thư để trên biên giới, quân của Thúc lấy được thư đưa cho Thúc xem, Thúc sợ hãi, bèn tự đem vợ con về Lạc Dương. Do đó quan lại không còn được thân thiết, Thúc bèn bị bãi chức.

Thần là Tòng Chi cho rằng: Tướng ngoài biên giới gây hại là việc thường thấy, khiến cho Thúc mắc tội, nhưng người khác thay cũng như thế. Nếu bên kia chẳng phải giảo quyết phóng túng sắp gây họa lớn thì cần gì suy nghĩ vất vả, bày ra cái mưu gian kia? Lại cho đây là hay, lại chẳng phải vậy.

Năm thứ sáu, Trung lang tướng Chu Chi xin chiêu mộ quân dân ở Bà Dương, đem việc hỏi Tồn. Tồn cho rằng dân quận ấy dễ loạn khó yên, không nên cho đi chiêu mộ, sợ rằng dẫn giặc cướp đến. Nhưng Chi vẫn cố bày tỏ xin làm, quả nhiên người trong quận ấy là bọn Ngô Cự làm giặc giết Chi, đánh diệt các huyện, dân ác của các quận Dự Chương, Lư Lăng cùng ứng theo Cự làm cướp. Quyên nghe tin, liền đánh phá được, bọn Cự dạt nhau hàng, Tồn chọn được hơn tám nghìn quân khỏe, ba quận đều bình.

Bấy giờ Trung thư Diển hiệu Lữ Nhất chuyên quyền càng rõ, ra oai tác phúc, Tồn cùng Thái thường Phan Tuấn cùng lòng lo lắng, nói đến rớt nước mắt. Sau đó Quyên giết Nhất, rất tự trách mình, lời nói tại Tôn Quyên truyen.

Bấy giờ bọn Tạ Uyên, Tạ Hoành đều tấu bày việc nên làm, muốn làm lợi sửa đổi,

Côi Kê diển lục viết: Tạ Uyên tự Hữu Đức, thuở nhỏ tu đức hạnh, chăm chỉ cày bừa mà không buồn chán, lại chẳng lo lắng, do đó mà nổi tiếng. Cử Hiếu liêm, dân dân làm đến Kiến vũ Tướng quân, dẫu tại quân ngũ nhưng vẫn nghĩ đến việc đời. Con của Lạc Thống là Tú bị gièm pha ở triều đình, mọi người đều nghi ngờ, chẳng ai làm rõ được, Uyên nghe tin mà than thở rằng: “Công Tục chết sớm, trăm quan đều thương. Nay nghe nói con hắn có chí lớn hiểu rộng mà bị nói xấu mờ ám, trông xem các quan phán xét rõ ràng, nếu còn nghi ngờ thì ta chẳng mong vậy”. Rút cuộc Tú được xét rõ, không có lỗi lầm, rồi trở thành kẻ sĩ nổi tiếng, đây là do công của Uyên vậy.

Ngô lịch nói tóm lại rằng Tạ Hoành có tài biện bác mưu lược.

dem việc hỏi Tồn, Tồn bàn rằng: “Nước lấy dân làm gốc, mạnh là do sức dân, tiển cũng do dân làm ra. Chưa từng có việc dân giàu mà nước yếu,

dân nghèo mà nước mạnh vậy. Cho nên người lập nước, được sức dân thì yên, mất sức dân thì loạn. Nếu không được lợi mà lại sai dốc sức làm, cũng là khó vậy. Cho nên kinh Thi viết rằng: ‘Hợp với người dân thì được trời ban lộc’. Xin ban ân đức, vỗ yên trăm họ, lúc đó trong vòng mấy năm, đất nước đầy đủ, rồi mới mưu được”.

Năm Xích Ô thứ bảy, thay Cỗ Ung làm Thặng tướng, hạ chiếu nói: “Trẫm vì không có đức, gặp thời chuyển vận, phép vua chưa thống nhất, kẻ gian ác đầy đường, do đó ngày đêm lo lắng, ngủ không cởi mũ. Nghĩ ông vốn tính thông suốt, đức sáng mưu hay, nắm chức Thượng tướng, giúp nước trừ nạn. Người lập được công hơn đời tất được ban thưởng nhiều lớn; kẻ có tài cả văn võ phải được gánh vác chức cao của xã tắc. Ngày xưa Y Doãn theo dựa vua Shang, Lữ Thượng⁽¹⁴⁾ giúp đỡ nhà Chu, trông coi trong ngoài, như ông thực xứng đáng. Nay lấy ông làm Thặng tướng, Sứ tri tiết, sai Thái thường Phó Thường trao ấn thao. Ông hãy làm rạng đức cao, lập thêm công lớn, kính theo mệnh vua, dẹp yên bốn cõi. Ô hô! Nắm giữ các việc, dạy bảo quan lại, không nên làm sao! Ông hãy gắng sức. Lĩnh chức Châu mục Đô hộ, coi các việc ở Vũ Xương như cũ”.

Lúc đầu, hai cung⁽¹⁵⁾ đầu thiếu người, nhiều quan lại coi việc trong ngoài sai con em vào hầu. Toàn Tông báo cho Tồn, Tồn cho rằng: “Nếu con em có tài thì không lo không dùng được, nhưng không nên dựa vào đó để mưu cầu vinh lợi; nếu làm không tốt thì rút cuộc lại chuốc lấy tai vạ. Vả lại nghe nói hai cung đấu đá, tất có việc ấy, đấy là điều kị lớn của người xưa vậy”. Con Tông là Kí quả nhiên a dua theo Lỗ Vương, dốc lòng giao kết. Tồn gửi thư cho Tông nói: “Ông không noi gương Nhật Đê mà lại để thằng Kí ở đấy, rút cuộc nhà cửa tước hạ dẫn đến họa thôi”. Nhưng Tông không nghe, lại còn hiềm khích. Đến lúc Thái tử có lời bàn không yên, Tồn dưng sớ nói: “Thái tử là người nối ngôi chính, nên có chí vững như bàn đá. Lỗ Vương chỉ là phiên thần, nên ban nhiều sủng ái mà thôi, nếu đâu vào đấy thì trên dưới yên ổn. Kính rập đầu chảy máu báo lên”. Gửi thư ba, bốn lần, lại xin về kinh, muốn tự miệng bàn về thân phận trưởng, thứ để sửa nắn sai lầm. Nhưng lại không được nghe theo, rồi học trò của Tồn là bọn Cỗ Đàm, Cỗ Thặng, Diêu Tín cùng đến theo dựa Thái tử, làm việc sai trái mà bị bắt đi đầy. Thái tử Thái phó Ngô Xán bị bắt tội gửi thư qua lại với Tồn, cũng bắt bỏ ngục mà chết. Quyên bèn sai quan Trung sứ đến trách

mắng Tồn, do đó Tồn buồn bực mà chết, bấy giờ sáu mươi ba tuổi. Nhà không có của thừa.

Trước đây, Kị Diễm bàn việc dựng doanh phủ, Tồn can ngăn hẳn, cho rằng tất gây họa. Lại bảo Gia Cát Khắc nói: “Người trên ta, ta phải vâng theo với người đó; người dưới ta thì ta nên giúp đỡ người đó. Nay thấy ông chí lấn lướt cả người trên, ý khinh thường cả người dưới, đây không phải là cái nền của yên ổn vậy”. Lại nữa người quận Quảng Lăng là Dương Lan trẻ tuổi mà đã nổi tiếng, nhưng Tồn nói là hẳn tất thua, khuyên anh Lan là Mục nên đem người nhà chia dờ đi. Tồn biết trước được như thế. Con trưởng là Diên chết sớm, con thứ là Kháng nối tước. Vào thời Tôn Hưu, truy thụy Tồn là Chiêu Hài.

Kháng tự Ấu Tiết, là cháu ngoại của Tôn Sách vậy. Lúc Tồn chết, Kháng vừa hai mươi tuổi, bá Kiến vũ Hiệu úy, lĩnh năm nghìn quân của Tồn, đem tang về miền đông, đến kinh tạ ân. Tôn Quyên đem mười việc mà Tồn nói về Dương Lan để hỏi Kháng, lại ngăn cấm tân khách, quan Trung sử đến báo, Kháng không cần xét hỏi đến họ mà tự đối đáp các việc, ý Quyên dần dần hiểu ra. Năm Xích Ô thứ chín, chuyển làm Lập tiết Trung lang tướng, cùng Gia Cát Khắc thay nhau đóng đồn ở Sài Tang. Kháng sắp đi, đầu đắp vòng lũy của Hoàn Thành, sửa lại tường nhà, trồng thêm cây dâu bên nhà ở, không bị sụt lở. Khác vào đồn, thấy ngăn nắp như mới, mà đồn cũ của Khác ở Sài Tang có vẻ vỡ lở, rất lấy làm thẹn. Năm Thái Nguyên thứ nhất, đến kinh chữa bệnh, bệnh khỏi lại về, Quyên khóc lóc chia tay, nói: “Ta lúc trước nghe lời gièm mà không màng đến nghĩa lớn của cha người, do đó mà đổ lỗi cho người. Nay trước sau xét hỏi, đầu đã xóa bỏ, chẳng ai thấy nữa vậy”. Năm Kiến Nguyên thứ nhất, bá Phấn vũ Tướng quân. Năm Thái Bình thứ hai, tướng Ngụy là Gia Cát Đản đem quân Thọ Xuân hàng, bá Kháng làm Sài Tang Đốc, đến Thọ Xuân, phá Nha môn tướng, Thiên Tướng quân của nhà Ngụy, chuyển làm Chinh bắc Tướng quân. Năm Vĩnh An thứ hai, bá Trấn quân Tướng quân, trông coi các quân ở Tây Lăng, từ bến Quan Vũ đến thành Bạch Đế. Năm thứ ba, ban Giả tiết. Tôn Hạo lên ngôi, thêm chức Trấn quân Đại Tướng quân, lĩnh chức Ích Châu Mục. Năm Kiến Hành thứ hai, Đại Tư mã Thi Tích chết, bá Kháng trông coi các quân ở Tín Lăng, Tây Lăng, Di Đạo, Lạc Hương, Công An, trị ở Lạc Hương.

Kháng nghe nói chính trị ở kinh đô có nhiều thiếu sót, lo nghĩ sâu sắc, bèn dâng sớ rằng: “Thần nghe nói đức ngang thì nhiều thắng ít, sức ngang

thì yên thẳng nguy, cho nên sáu nước bị nước Tần mạnh chiếm lấy, người Tây Sở ngoảnh mặt về phía bắc theo Hán Cao Tổ⁽¹⁶⁾ vậy. Nay kẻ địch ngăn chặn chín cõi, không chỉ có đất Quan Hữu; lại còn chiếm giữ chín châu, há chỉ có từ Hồng Câu đến phía tây mà thôi? Nay nhà nước ngoài không có cái cứu viện của nước bạn, trong không có cái mạnh của miền Tây Sở, chính trị suy kém, dân đen chẳng yên, cái mà người bàn dựa chỉ là miền sông dài núi cao, bờ cõi ngăn cách, đây là cái thứ yếu của việc giữ nước, không phải là cái trước tiên của người có trí vậy. Thần thường nghĩ kĩ cái đi đến còn mất của các nước Chiến quốc, gần thì xem xét cái họa sụp đổ của họ Lưu, tra cứu sách vở, theo đó mà làm việc. Nửa đêm vỗ gối, đến bữa quên ăn. Ngày xưa Hung Nô chưa diệt, Khứ Bệnh bỏ nhà; đạo nhà Hán chưa tốt, Giả Sinh thương khóc⁽¹⁷⁾. Huống chi thần là cháu của nhà vua, nối đời nhận ân sủng, thân cùng tốt xấu, cùng buồn với nước, hèn thì sống chết, nghĩa chẳng sơ qua, ngày đêm lo lắng, nghĩ đến thảm thương. Cái nghĩa thờ vua là dầu phạm lẩn nhưng không lừa dối, cái tiết tháo của bầy tôi là chăm chỉ đến chết mới thôi. Kính bày mười bảy điều nên làm như dưới đây”. Mười bảy điều đã lạc mất, cho nên không chép.

Bấy giờ Hà Định chuyên quyền, hoạn quan nắm việc, Kháng dâng sớ rằng: “Thần nghe nói dựng nước lập nhà, chớ dùng kẻ tiểu nhân, nói ngoa làm sai, Đường thư⁽¹⁸⁾ đã răn bảo, đây là nguyên nhân làm người giỏi oán giận, Trọng Ni than thở vậy. Cái tai vạ từ thời Xuân thu về sau, qua thời Tần, Hán chưa có gì là không do từ kẻ ấy vậy. Kẻ tiểu nhân không rõ đạo lí, hiểu biết nông cạn, dầu có tình thân dốc hết khí tiết nhưng vẫn không đáng tin dùng, huống chi là kẻ vốn có lòng ác lại yêu ghét dễ đổi sao? Nếu chúng lo mất chức thì không gì không làm. Nay nên trao chức cho người hiểu biết, dựa vào oai làm việc của họ, không nên mong dựa vào cái tiếng hảo của Hề Hi, cái đạo hóa của Túc Thanh vậy. Quan lại ngày nay dầu ít người có tài lạ, nhưng nếu kẻ đội mũ miện, dần dần hiểu đạo hóa, nếu chăm chỉ tự lập, như thế cũng dùng được, nên tùy vào tài năng mà trao chức. Nếu bãi bỏ bọn tiểu nhân thì giáo hóa mới trong sạch, chính trị mới không như bây giờ vậy”.

Năm Phụng Hoàng thứ nhất, Tây Lăng Đốc là Bộ Xiển chiếm thành làm phản, sai sứ giả hàng nhà Tấn. Kháng nghe tin, hôm đó phân chia các quân, sai bọn Tướng quân Tả Dịch, Ngô Ngạn, Sái Cống đến thẳng Tây Lăng, lệnh quân lập trại dựng lũy vững vàng, rồi từ Xích Khê đến Cỗ Thị,

trong thì vây Xiển, ngoài thì ngăn giặc, ngày đêm đánh gấp như là địch đã đến, quân rất vất vả. Các tướng đều can ngăn nói: “Nay đem hết thế mạnh của ba quân để gấp đánh Xiển, nếu quân Tấn đến, Xiển tất phá vây được. Sao lại cứ vây mà khiến cho sức quân dân mệt mỏi”? Kháng nói: “Chỗ thành này có thể đã vững, lương gạo lại đủ, vả lại thành ấy sẵn đủ các đồ phòng giữ, đầy đủ có đủ đồ dùng để chống giữ. Nay nếu đem quân đánh thành, tất không làm cho quân thắng trận, lại khiến cho quân bắc kéo đến, đến thì thành ấy không phòng bị, trong ngoài bị nạn, lấy gì mà ngăn được”. Các tướng đều muốn đánh Xiển, Kháng đều không cho. Nghi Đô Thái thú Lô Đàm nói rất khẩn thiết, Kháng muốn cho quân tin phục, bèn cho đánh một trận, quả nhiên đánh không lợi, thành giữ càng chặt. Xa kỵ Tướng quân Dương Hổ của nhà Tấn đem quân hướng đến Giang Lăng, các tướng đều cho rằng Kháng không nên lên chống, Kháng nói: “Giang Lăng thành vững quân đủ, không cần lo lắng. Nếu để cho địch đánh Giang Lăng, tất không giữ được, nhưng tổn thất lại ít. Nếu để cho Tây Lăng liên kết thì người rợ ở núi Nam Sơn đều sẽ nhiễu động, lúc đó càng lo lắng, khó mà nói hết vậy. Ta nên bỏ Giang Lăng mà đánh Tây Lăng, hướng chỉ Giang Lăng bên vững”? Lúc trước, Giang Lăng bằng phẳng, đường đi thông suốt, Kháng sai Giang Lăng Đốc là Trương Hàm đắp đập lớn chứa nước, chứa nước vào chỗ bằng để ngăn chặn giặc phản. Hổ muốn nhân có nước chứa ấy mà chèo thuyền chở lương, nói phao lên là sắp phá đập để đi xe đường bộ. Kháng nghe tin, sai Hàm nhanh phá đập. Các tướng đều tiếc, thường can ngăn nhưng không nghe. Hổ đến Dương Dương, nghe tin đập vỡ, lại bỏ thuyền để dùng xe chở, tốn công hao phí rất nhiều. Nhà Tấn sai Ba Đông Giám quân Từ Dận đem quân thủy đến Kiến Bình, Kinh Châu Thứ sử Dương Triệu đến Tây Lăng. Kháng sai Trương Hàm giữ vững thành ấy; Công An Đốc là Tôn Tuân đi tuần tra bờ nam để chống Hổ; Thủy quân đốc là Lưu Lự, Trấn tây Tướng quân là Chu Uyển chống Dận; tự mình đem ba quân, dựa vào lũy mà đối trận với Triệu. Tướng quân Chu Kiêu, Doanh Đô đốc Du Tán trốn đến chỗ Triệu. Kháng nói: “Tán là quan lại cũ trong quân, biết được thật giả của quân ta, ta thường lo quân rợ vốn không được luyện tập, nếu địch đánh lũy, tất đánh chỗ ấy trước”. Liền đêm đó đổi quân rợ, đều lấy tướng giỏi thêm vào. Hôm sau, Triệu quả nhiên đánh chỗ mà quân rợ đóng giữ, Kháng sai đem quân đánh chúng, tên đá như mưa, quân của Triệu chết chồng lên nhau. Triệu vì đã hơn một tháng kể cùng, bèn buổi đêm chạy trốn. Kháng muốn đuổi theo, lại lo Bộ Xiển đốc sức chặn nơi

yếu hại, dòm ngó bờ cõi, mà quân lại không đủ chia giữ, do đó chỉ đánh trống xua quân như muốn đuổi theo. Quân của Triệu sợ hãi, đầu cúi rạp rút chạy, Kháng sai quân khỏe đuổi theo, quân của Triệu thua vỡ, bọn Hồ đầu dẫn quân về Kháng lại hãm thành Tây Lăng, giết sạch họ hàng và các quan tướng của Xiển, lại xin tha cho mấy vạn người từ bọn ấy trở xuống. Đắp sửa thành lũy, rồi đến miền đông về Lạc Hương, mặt không có vẻ kiêu căng, khiêm nhường như thường, cho nên lòng quân sĩ vui mừng.

Tấn Dương thu viết: Kháng lập phạt Kiêu, Trát với Dương Hồ. Kháng từng tặng rượu cho Hồ, Hồ uống mà không nghi ngờ. Kháng có bệnh, Hồ lại gửi thuốc đến, Kháng cũng yên lòng mà uống. Người bấy giờ cho là Hoa Nguyên, Tử Phán⁽¹⁹⁾ sống lại ngày nay.

Hán Tấn Xuân thu viết : Dương Hồ đã theo về, tu sửa đức tin để vỗ về người Ngô. Lục Kháng thường báo cho tướng giữ biên rằng: “Bên ấy chăm sửa đức, bên ta hay gây ác, đây là không đánh mà tự phục vậy. Đều phải giữ biên, không được tìm lấy cái lợi nhỏ vậy”. Do đó vùng biên của Ngô, Tấn đều không xâm lấn các đô lương gạo, ruộng đất thừa, có trâu ngựa chạy rong thì báo rõ để cho dắt về. Người ở vùng sông Miện đi săn, người Ngô bắt được người Tấn đang bị thương, đều liền giúp chở về. Kháng từng mắc bệnh, xin thuốc với Hồ, Hồ làm thuốc trao cho Kháng, nói: “Đây là thuốc tốt, gần đây tự làm, chưa kịp uống, nhưng ông bệnh nặng, cho nên đưa đến”. Kháng nhận lấy mà uống, các tướng đều can ngăn, Kháng không đáp. Tôn Hạo nghe tin hai bên giao hảo, đem việc hỏi Kháng, Kháng nói: “Một ấp một thôn không thể không có một người tín nghĩa, huống chi là nước lớn? Nếu thần không làm thế thì không thể nêu rõ đức hạnh, vả lại Hồ không có ý làm thần bị thương vậy”. Có người cho là Hồ, Kháng làm mất lễ tiết của bấy tôi, hai người chê giễu người đó. Tập Tạc Xỉ nói: “Người có đạo lý thì được thiên hạ giúp đỡ, người có tín nghĩa thì được vạn người tôn trọng, dẫu nghiệp lớn đã vỡ nhưng tiếng nghĩa vang mãi, dẫu là kẻ gian xảo rong ruổi ở trên đường, quyền biến trùm khắp việc gấp, người thả sức ngang dọc, bọn kẻ nô nộc chặn thả, chưa có ai không dựa vào đó để lập công, chưa có ai bỏ cái đó mà dựng nghiệp được. Cho nên Tấn Văn Công rút lui thì người nước Nguyên vâng lệnh⁽²⁰⁾; Mục Tử vây nước Cỗ mà dốc sức dạy bảo⁽²¹⁾; Dã Phu bày kế thì người nước Bỉ theo về⁽²²⁾; Nhạc Nghị hoãn đánh thì tiếng cao còn mãi⁽²³⁾. Xem những người ấy khiến người khác tin phục, há chỉ dùng oai sức và lừa dối nhau mà được chẳng! Từ khi ba nhà lập thế chân vạn hơn bốn mươi năm nay, người Ngô không thể vượt sông Hoài, sông Miện mà đánh lấy Trung Quốc, người Trung Quốc cũng không thể qua sông Trường Giang để tranh lợi. Sức đều trí ngang, nhưng đạo lý không đủ để lật đổ nhau vậy. Giết người mà làm lợi ta, không bằng làm lợi ta mà không cần giết; dùng quân để làm hiệp người, không bằng ban đức để vỗ về dân. Kẻ thất phu còn không

dùng sức để bắt ép người, huống chi là một nước? Dùng sức để bắt ép vẫn không bằng dùng ân đức, mà huống chi là không bắt ép? Cho nên Dương Hổ dùng mưu sách hòa bình, lập phép tắc của năm quân, giúp người dân của mình, ban phát ân trạch, nêu cao tín nghĩa để vỗ về người Ngô mạnh, tỏ rõ nhân ái để sửa tục bạo, khiến cho dân chúng nghe theo chạy đến mà không cần đánh ở Giang Biểu. Cho nên đức rất tốt thì dân chúng công nhau đến theo, nước ngoài xung quanh nghe tiếng nghĩa mà giao kết. Nước Ngô tự bị thua là vì không được như thế vậy. Kháng thấy nước nhỏ vua bạo mà nhà Tấn lại có đức sáng, người làm việc tốt để vỗ về mình, mà mình lại không có cái phép tắc giữ nghiệp, trăm họ nhớ theo đức sáng của địch, trong nước không có nỗi lo bỏ vua, do đó giữ vững lòng dân, vỗ yên trong ngoài, dẹp bỏ nguy yếu, Kháng nắm quyền lớn trong nước, chẳng bằng tự thân giữ đạo lý để đòi nhang với nước địch. Khiến cho đức của mình cũng được như nước địch, do đó mà tiếng tốt vang vọng, lan truyền đến nước xung quanh, soi sáng đến phương xa, giữ đức ở trên gôi chiếu, mưu ý ở trong màn trướng, phá địch mà không cần dùng sức của quân sĩ, giữ nước mà không cần dựa vào cái vững của sông sâu núi cao, tín nghĩa trùm cả kẻ thù, lòng son hơn cả người xưa. Há đây là bày mưu gian trá mà gạt bỏ người hiền, giết thân mình để tạo danh tiếng, tham tiền của để làm giàu mình, lén ép lẫn người mà không cần phòng bị sao? Do đó mà luận, nếu giúp đời và giữ nước thì phải dốc hết tài đức; theo vận để cứu nguy là việc làm của kẻ tiểu nhân, mưu gian để lừa người ta là suy nghĩa của bọn nô bộc; ra oai để cầu yên là điều mà bậc sáng suốt cho là kém. Bậc quân tử hiền tài cứu đời lập phép tắc là vì bỏ cái ấy mà lấy cái kia vậy, cũng vì đạo lý của mình tốt đẹp vậy”.

Bái thêm chức Đô hộ. Nghe tin Vũ Xương Tả bộ đốc Tiết Oánh bị bắt vào ngục, Kháng dâng sớ nói: “Người tuân nghĩa là ngọc đẹp của nhà nước, vật quý của xã tắc, là người sửa nắn chính trị, sửa sạch bốn cửa vậy. Đại Tư nông Lâu Huyền, Tán kị Thường thị Vương Phiên, Thiếu phủ Lí Úc ngày trước đều người tuân nghĩa trên đời, là vật quý của một thời, đã nhận ân sủng, ung dung giữ chức, vậy mà đều bị giết chết, có người bị giết cả người nhà, có kẻ bị đày đến nơi hoảng vắng. Đại khái Chu lễ có nói đến lễ tha người hiền, nghĩa giúp người thiện, kinh Thư viết : ‘Giết người không có tội, không nên không theo phép tắc’. Vậy mà bọn Phiên chưa định tội trạng mà lại dùng hình phạt, mang lòng trung nghĩa mà thân bị tội chết, há chẳng đau xót sao! Vả lại hình phạt giết chết ấy nếu không biết rõ thì đốt cháy vớt trôi nổi trên bờ sông đi. Đây e rằng chẳng phải là phép cũ của Tiên vương cũng không phải là điều mà Phủ Hầu⁽²⁴⁾ răn giới vậy. Do đó trăm họ lo lắng, quân dân buồn rầu. Phiên, Úc đã chết, hối cũng chẳng kịp. Mong Bệ hạ tha cho bọn Huyền ra. Lại vừa rồi nghe nói Tiết Oánh đã bị bắt giữ. Cha Oánh là Tổng tấu biểu cho Tiên đế, lại giúp đỡ Văn Đế, lúc Oánh nổi nghiệp, nổi danh trong nước. Nay xét tội của Oánh, cũng nên tha cho. Thần e quan coi việc chưa làm rõ việc mà lại giết chóc thì làm mất lòng

trông mong của dân. Xin ban ân lớn, hãy tha tội của Oánh, thương xót đến tù ngục, dẹp bỏ hình pháp rườm rà, như vậy thì thiên hạ may lắm”!

Bấy giờ vẫn đi đầu động quân sĩ, trăm họ mỗi một, Kháng dâng sớ nói: “Thần nghe nói rằng kinh Dịch trọng ở việc theo thời, Tả truyện ưa ở việc xem biến, cho nên nhà Hạ mắc nhiều tội thì Ân Thang dùng quân, vua Trụ bạo ngược thì Chu Vũ Vương vung búa. Nếu không theo thời thì đài Ngọc Đài có nỗi lo vỡ lở, bến Mạnh Tân có quân phất cờ nổi dậy. Nay không lo làm nước giàu quân mạnh, không chăm chỉ làm ruộng, không làm cho nghiệp văn võ được thi triển, trăm quan không được tu sửa chức nghiệp, không xét rõ việc bãi truất và cất nhắc để khuyến khích kẻ sĩ, không xét kĩ hình pháp để tỏ ý khuyến khích việc ngăn ngừa tội lỗi, không dùng đức để dạy bảo các quan lại, lại không lấy lòng nhân để vỗ về trăm họ, không muốn thuận trời hợp vận mà cuốn thu thiên hạ, mà lại nghe theo các tướng ưa đánh dẹp, quân khốn khổ cùng, tổn phí vạn mỗi, quân sĩ yếu mệt. Quân giặc không suy kém mà quân ta lại bệnh tật vậy. Nay tranh ngôi Đế Vương, lại tìm cầu cái lợi nhỏ nhoi, đây là kế kém của tôi thần, không phải là mưu hay của nhà nước vậy. Ngày xưa hai nước Tề, Lỗ đánh ba trận, người nước Lỗ thắng mà không đánh nữa. Sao vậy? Là cái thế lớn nhỏ khác nhau vậy. Huống chi ngày nay quân ta đã thắng mà không sửa bù tổn hại chẳng? Vả lại dùng quân thì không còn dân, đây là tấm gương sáng thời xưa. Thật mong theo phép tắc mà tạm dừng nghỉ việc đánh dẹp để nuôi dưỡng sức dân, ngẩng yên xem lỗi sai của địch, thì không gì phải hối tiếc”.

Mùa xuân năm thứ hai, liễn bá Đại Tư mã, Kinh Châu Mục. Mùa hạ năm thứ ba, bệnh nặng, dâng sớ nói: “Tây Lăng, Kiến Bình là phen đậu của đất nước, đã ở cuối dòng, lại tiếp gần hai châu của địch. Nếu địch chèo thuyền thuận dòng, thuyền bè nghìn dặm, đến như sao rơi điện xẹt, chợt nhiên đi đến, lúc đó không thể cứu giúp các quận để cứu thế nghiêng lật vậy. Chỗ ấy là cái then chốt an nguy của xã tắc, không chỉ là cái hại nhỏ xâm lấn bờ cõi mà thôi. Cha thần là Tổn ngày xưa ở tại miên tây có cho rằng Tây Lăng là cửa ngõ phía tây của đất nước, dầu nói là dễ giữ nhưng cũng dễ mất. Nếu không giữ được thì không chỉ mất đi một quận mà còn khiến cho nước Ngô ta không có đất Kinh Châu nữa vậy. Nếu đất ấy nguy cấp thì nên dốc hết sức tranh lại. Thần giữ tại Tây Lăng, nối theo gót của Tổn, trước có xin ba vạn quân khỏe, nhưng quân đến thì lại tầm thường, lại chưa chịu sai đến. Từ lúc Bộ Xiển phản về sau, ngày càng tổn hại. Nay thần trông coi một dải đất dài nghìn dặm, chịu địch bốn phía, ngoài thì

chống giặc mạnh, trong thì võ về bọn người rợ, vậy mà quân sĩ trên dưới chỉ có mấy vạn người, lại mỗi một lâu ngày, khó để chống giặc. Kẻ ngu muội này cho rằng Nhà vua nhỏ dại, chưa nắm việc nước, nên tạm trao quyền cho Tể tướng, cất nhắc người hiền tài, không dùng quân mã đánh dẹp nữa để chăm chú vào việc trọng yếu. Lại nữa bọn hoạn quan Hoàng môn làm việc bạo ngược, dân chúng oán giận, chạy trốn lao dịch. Xin hạ chiếu giảm bớt, nhanh chóng bãi bỏ để tu sửa các chỗ chống địch, cấp cho thần đủ được tám vạn quân, dừng nghỉ việc đánh dẹp, làm rõ thưởng phạt, nếu vậy dẫu Hàn, Bạch sống lại cũng không đánh được vậy. Nếu không thêm quân, cách làm cũ không đổi, lại muốn làm xong việc lớn thì đây là nỗi lo sâu sắc của thần vậy. Nếu sau khi thần chết, xin chú ý phòng bị đến miền tây. Mong Bệ hạ xét kĩ lời thần thì thần chết cũng không mục”. Mùa thu bèn chết, con là Yến nói tự. Yến và em là Cảnh, Huy, Cờ, Vân chia nhau lĩnh quân của Kháng. Yến làm Tể tướng quân, Di Đạo Giám. Năm Thiên Khải thứ tư, quân Tấn đánh Ngô, Long tướng Tướng quân Vương Tuấn thuận dòng xuống miền đông, đến đâu thắng đó, đúng như nỗi lo của Kháng. Cảnh tự Sĩ Nhân, vì lấy công chúa mà được bá làm Kị Đô úy, phong Bì Lăng Hầu, đã lĩnh quân của Kháng, bá Thiên Tướng quân, Trung Hạ Đốc, dốc sức chăm học, viết sách có mấy chục chương.

Văn sĩ truyện viết: Mẹ Lục Cảnh là con gái của Trương Thặng, là cháu ngoại của Gia Cát Khác. Lúc Khác bị giết, mẹ Cảnh cũng bị đuổi. Cảnh thuở nhỏ được bà nội nuôi dưỡng, lúc bà nội mất, Cảnh đau lòng để tang ba năm.

Ngày nhâm tuất tháng hai, Yến bị quân của Vương Tuấn giết. Ngày quý Hợi, Cảnh cũng bị hại, bấy giờ ba mươi một tuổi. Vợ Cảnh là chị cả của Tôn Hạo, cùng với Cảnh là cháu ngoại của Trương Thặng vậy. Em Cảnh là Cờ, tự Sĩ Hành, Vân tự Sĩ Long.

Cờ Vân biệt truyện viết: Cuối năm Thái Khang thời nhà Tấn cùng vào Lạc Dương, gặp Tư không Trương Hoa, Hoa gặp lần đầu mà cho là lạ, nói: “Trong trận đánh Ngô, có lợi là bắt được hai người tài này đây”. Bèn nêu cao tiếng tăm, tiến cử với các công khanh. Thái phó Dương Tuấn mời Cờ làm Tể tửu, chuyển làm Thái tử Tể mã, Thượng thư Trước tác lang. Vân làm Lang trung lệnh của Ngô Vương, rất có tài làm việc, quan dân ghi công, lập đền thờ sống. Sau đó cùng làm quan to. Cờ vốn trong sạch, văn chương hay đẹp, đứng đầu thời ấy. Vân cũng giỏi viết văn, hay đẹp không bằng Cờ nhưng miệng lưỡi biện luận lại hơn. Bấy giờ triều đình nhiều việc, Cờ, Vân cùng liên kết với Thành Đô Vương là Dĩnh. Dĩnh dùng Cờ làm Bình Nguyên Tướng, Vân làm Thanh Hà Nội sử, rồi chuyển Vân làm Hữu Tư mã, rất được tin dùng. Không lâu thì gây hiềm

khích với Trường Sa Vương, bèn dấy binh đánh vào Lạc Dương, lấy Cơ làm Hậu Tướng quân, đem hai mươi vạn quân của bọn Vương Túy, Khiên Tú đi đánh, Sĩ Long lại viết bài văn Nam chinh phú để khen việc này. Cơ là người Ngô, lẻ loi ở trọ, sắp đặt làm việc ở bên các quan lại, nhiều người không phục. Cơ đánh trận thường không được lợi, chết vỡ quá nửa. Lúc đâu, hoạn quan là Mạnh Cửu là người mà được Dĩnh sủng ái, nhân đó nắm quyền, Vân nhiều lần kể rõ điểm kém của hắn nhưng Dĩnh không nghe, Cửu do đó mà ghét Vân. Em Cửu là Siêu cũng lĩnh quân chống Cơ, không vâng phép quân. Cơ dùng phép tắc ép buộc, Siêu bèn nói phao là Cơ muốn làm phản. Vừa lúc bọn Khiên Tú cũng gièm Cơ với Dĩnh, cho rằng Cơ mang hai lòng, Cửu lại nói xấu ở trong, Dĩnh tin theo, sai người bắt Cơ và bắt Vân cùng em là Đam, đều bị bắt giết. Anh em Cơ đã là người tài của miền Giang Nam, lại nổi danh ở Hoa Hạ, đều không có tội mà bị giết cả, thiên hạ thương tiếc họ. Văn chương của Cơ được người đời xem trọng, các bài văn mà Vân viết cũng đười truyền cho đời. Lúc trước, Khánh đánh thắng Bộ Xiển, giết cả trẻ con, người biết đạo lo lắng nói: “Đời sau tất gặp tai vạ”. Đến lúc Cơ bị giết, ba họ chẳng còn, Tôn Huệ gửi thư cho Chu Đản rằng: “Mã Viện chọn vua là điều mà người đời đều biết, vậy mà không ngờ ba Lục chọn giúp vua ác, thân diệt danh tồn, thật đáng thương xót”. Việc này cũng chép trong Tấn thư.

Bình rằng: Lưu Bị xưng hùng trong thiên hạ, một thời bị e sợ. Lục Tốn tuổi trẻ đang khỏe, oai danh chưa rõ, vậy mà đánh thắng Bị, không gì không thỏa chí. Ta đã khen mưu lược của Tốn, lại than cái tài biết dùng người của Quyền, cho nên làm nên việc lớn vậy. Đến khi Tốn trung thành kính xin, lo việc nước mà chết, đại khái là bày tội giỏi của xã tắc vậy. Kháng suy tính sáng suốt, đều có phong thái của cha, để tiếng đẹp cho đời, xem xét kĩ càng, có thể nói là người giỏi giữ nghiệp của người trước chẳng!

QUYỂN 14 - NGÔ CHỦ NGŨ TỬ TRUYỆN

Tôn Đăng, Tôn Lự, Tôn Hòa, Tôn Bá, Tôn Phấn

TÔN ĐĂNG TRUYỆN

Tôn Đăng tự Tử Cao, là con trai trưởng của Quyên. Năm Hoàng Sơ thứ hai nhà Ngụy, lấy Quyên làm Ngô Vương, Bái Đăng làm Đông trung lang tướng, phong tước Vạn hộ hầu, Đăng lại từ chối có bệnh không nhận. Năm ấy, Quyên lập Đăng làm Thái tử, cho tuyển chọn đặt chức Sur phó, lựa chọn và bổ nhiệm kẻ sĩ ưu tú, cho làm bằng hữu tân khách, vì thế bọn Gia Các Khác, Trương Hưu, Cố Đàm, Trần Biểu được tuyển vào cung, để hầu hạ và giảng Thi, Thư, còn theo Đăng ra ngoài săn bắn. Quyên muốn Đăng đọc Hán thư, hiểu biết thành thực các việc ở triều Hán, vì Trương Chiêu có sở trường căn bản về phép tắc, Quyên trình trọng nhờ Chiêu, lệnh cho Hưu theo Chiêu học tập, rồi về truyền thụ lại cho Đăng. Đăng đối đãi với liêu thuộc của mình rất giản dị, giảm thiểu lễ nghi, cùng với bọn Khác, Hưu hoặc ngồi chung xe mà đi, hoặc chung giường mà ngủ. Thái phó Trương Ôn nói với Quyên rằng: “Chức quan Trung thứ tử là rất thân gần mật thiết với Thái tử, phải khẩn thiết cầu giáo lấy kẻ thích hợp, và nên tuyển chọn bổ dụng người có đức cho đảm nhiệm chức trách.” Vì thế Quyên bèn dùng bọn Biểu làm Trung thứ tử. Về sau lại ra hạn định về lễ nghi của Trung thứ tử với Thái tử, là khi vào hầu phải mũ áo ngay ngắn chỉnh tề. Năm Hoàng Long nguyên niên, Quyên xưng tôn hiệu, lập Đăng là Hoàng thái tử, lấy Khác làm Tả phù, Hưu làm Hữu bật, Đàm làm Phụ chính, Biểu làm Dực chính đô úy, xưng là Tứ hữu, còn bọn Tạ Cảnh, Phạm Thận, Điều Huyền, Dương Hạnh đều làm tân khách, vì thế Đông cung có tiếng là nhiều kẻ sĩ.

Ngô lục chép: Thận tự Hiếu Kính, người quận Quảng Lăng, là tri kỷ thì hết lòng trung với quân vương, với bạn hữu thì ngay thẳng rộng lượng mà hiểu biết⁽²⁵⁾, người bấy giờ cho là cao đẹp. Thận soạn ra hai mươi thiên đàm luận, gọi là ‘Kiểu phi⁽²⁶⁾’. Sau làm Thị trung, rồi cho ra ngoài bổ nhiệm làm Vũ Xương tả bộ đốc, chinh đồn việc quân. Tôn Hạo dời đô, rất kiêng dè Thận, có chiếu rằng: “Công huân và đức hạnh của Thận đều tốt đẹp, trẫm căn cứ vào sự thân trọng của Thận, đưa lên ngôi vị Thượng công, để xứng đáng với ước vọng của mọi người.” Rồi lấy Thận làm Thái úy. Thận bởi oán hận vì được làm tướng muộn,

bền thác là mình già lão xin về. Quân sĩ lưu luyến Thận, cả dinh quân vì thế mà rơi nước mắt. Năm Phụng Hoàng thứ ba Thận chết, con là Diệu nổi tự. Huyền, là người quận Đan Dương, Hạnh là người quận Nam Dương.

Ngô thư chép: Hạnh bắt đầu làm Trung thứ tử, mới có hai mươi tuổi. Bấy giờ Đình úy giám là Ân Phồn giao kết với các hào kiệt, từ bọn Vệ tướng quân Toàn Tông trở đi đều dốc lòng cung kính đón tiếp, duy có Hạnh lúc tuyên chiếu được tiến dụng làm chức Lang ở Dự Chương là cự tuyệt không hợp tác, người bấy giờ lấy làm lạ. Nhưng sau này Phồn phản nghịch, mọi người mới phục Hạnh.

Giang biểu truyện chép: Đăng sai Thị trung là Hồ Tổng sáng tác bài ‘Tân hữu mục’ rằng: “Anh tài xuất chúng, siêu việt hơn người, là Gia Cát Khác. Hiểu rõ thời cơ, thấu lẽ nhiệm mầu, đây là Cố Đàm. Biện bác thông suốt, nói năng cô đọng, thì là Tạ Cảnh. Nghiên cứu đến cùng, bậc ngang Du Hạ⁽²⁷⁾, đó là Phạm Thận.” Hạnh bèn ngăm bác lại Tổng rằng: “Nguyên Tồn tài năng nhưng lơ đãng, Tể Hắc tinh tế nhưng tàn nhẫn, Thúc Phát giỏi biện bác nhưng phù phiếm, Hiếu Kính thâm thúy nhưng nhỏ mọn.” Những lời của Hạnh đều đầy đủ và rõ ý. Nhưng Hạnh rút cục vì lời nói ấy bị trách cứ, chẳng làm bằng hữu thân cận với bọn Khác. Về sau bốn người đều bại vong, người Ngô bảo rằng những lời Hạnh nói là có chứng cứ. Hạnh làm quan đến chức Thái thú Quế Dương, rồi chết.

Quyền dời đô về Kiến Nghiệp, trưng tập Thượng đại tướng quân Lục Tồn phụ giúp Đăng trấn thủ Vũ Xương, thống lĩnh công việc ở Cung phủ. Đăng mỗi lần đi săn bắn, hay đi theo đường nhỏ, thường tránh xa chỗ ruộng đất mầu mỡ, vì thế không xéo nát lúa của dân, đến lúc dừng chân nghỉ ngơi, lại chọn chỗ đất trống, việc làm chẳng muốn phiền nhiễu đến dân chúng như thế. Một lần Đăng lên ngựa xuất hành, chợt có một viên đạn bắn ra, tả hữu truy tìm xem ai bắn. Có một người đeo túi đạn bị hạch tội, mọi người cho là đúng người ấy đã bắn, người kia cãi không phục, những kẻ đi theo muốn đánh người ấy, Đăng không nghe, sai người đi tìm viên đạn đã bắn ra, so sánh với viên đạn của người kia thì không giống nhau, người kia liền được thả ra. Lại có lần cái khay đựng chén uống nước bằng vàng có hình con ngựa bị mất, Đăng biết được người chủ tâm làm việc ấy, là người ở bên cạnh mình, nhưng không nổi trừng phạt, chỉ gọi người ấy vào trách mắng, rồi phái người đưa người ấy về quê, lệnh cho người thân cận chớ được nói việc ấy ra. Sau khi em của Đăng là Lự chết, Quyền vì việc ấy mà giảm bớt ăn uống, Đăng ngày đêm gấp rút lên đường, đến Lại Hương, Quyền nghe tin, lập tức cho triệu kiến. Đăng thấy Quyền khóc lóc bi thương, bèn can rằng: “Lự ốm nặng không qua khỏi, đó là số mệnh vậy. Hiện nay đất phương bắc chưa thống nhất, bốn bề ngóng trông,

Bệ hạ đầu gánh vác trọng trách như trời bể, nên lo nghĩ cho con cháu, nhưng giảm bớt thái quan chăm lo việc ăn uống, là quá với lễ chế, thần trộm lấy làm lo sợ.” Quyên thu nhận lời ấy, khẩu phần ăn uống thêm lên. Ở lại hơn chục ngày, Quyên muốn phái Đổng quay về phương tây, Đổng tự thân cầu xin trình bày rằng, vì chia ly đã lâu mới về thăm hầu, với đạo làm con là có khiếm khuyết, lại bày tỏ rằng Lục Tốn là người chăm chỉ trung thành, không có chỗ nào là không theo phận sự của kẻ bề tôi, Quyên mới cho Đổng ở lại. Năm Gia Hòa tam niên, Quyên đi đánh Tân Thành, sai Đổng ở lại phòng giữ, thống quản công việc ở nhà. Năm ấy mùa màng thất thu, đạo tặc rất nhiều, Đổng bèn tuyên bố định ra pháp lệnh, để phòng giữ ngăn ngừa chúng, gian đạo bị dập tắt rất mau chóng.

Trước kia, mẫu thân của Đổng là thứ dân, Đổng thừa nhỏ nhận cái ơn nuôi dưỡng của Từ phu nhân, về sau Từ thị vì hay ghen bị phế truất bỏ rơi ở huyện Ngô, còn Bộ phu nhân lại rất được sủng ái. Bộ thị ban thưởng cho Đổng, Đổng không dám nhận, chỉ bái tạ mà thôi. Từ thị sai người đến, ban tặng cho Đổng y phục, Đổng nhất định tắm gội rồi mặc y phục ấy. Đổng sắp được bái làm Thái tử, dâng lời rằng: “Cái gốc có vững thì đạo lý mới sinh ra, muốn lập Thái tử, nên lập Hoàng hậu trước.” Quyên nói: “Mẫu thân của khanh hiện ở đâu?” Đổng thưa rằng: “Ở huyện Ngô.” Quyên lặng im không nói.

Ngô thư chép: Em của Đổng là Hòa được Quyên sủng ái, Đổng thân gần kính trọng, đối đãi với Hòa như anh trai, thường có lòng muốn nhường.

Đổng được lập⁽²⁸⁾ cả thảy hai mươi một năm, năm ba mươi ba tuổi chết. Lúc lâm chung, dâng thư rằng: “Thần vốn không có công trạng, bị bệnh tật chẳng trối, tự xét mình là kẻ hèn kém, vẫn sợ rằng bị chết bất ngờ. Thần chẳng tiếc thân mình, nghĩ đến việc phải vứt bỏ trách nhiệm phụng dưỡng, vùi thân dưới đất đen, mãi mãi chẳng còn được vâng mệnh ngóng trông ở chốn hoàng cung, tháng ngày lên triều hầu hạ, sống đã không có ích với quốc gia, chết lại để mối lo lắng thâm sâu cho Bệ hạ, vì thế trong lòng uất ức khó nói ra được. Thần nghe nói sống chết có mệnh, thọ yếu là bởi số trời, Chu Tấn, Nhan Hỷ⁽²⁹⁾ có tài trí cao, mà còn chết yếu, huống chi thần ngu dốt鄙陋, tuổi thọ so với những người ấy là quá rồi, lúc sống làm người nổi dơ của quốc gia, khi chết được hưởng phúc lộc vẻ vang, với thần là đã quá nhiều, cũng có gì phải tiếc hận đâu! Hiện nay đại sự chưa định, những kẻ bỏ trốn cướp bóc chưa dẹp được, muôn nước ngóng trông,

ký thác tính mệnh nơi Bệ hạ, ở chỗ nguy nan thì mong ngóng sự yên bình, ở chỗ loạn lạc thì ngẩng trông vào việc cai trị. Mong bệ hạ hãy quên đi cái chết của thần, dứt bỏ mối ân tình với kẻ hậu bối, sửa sang cái thuật của Hoàng Lão⁽³⁰⁾, dốc lòng bồi dưỡng thần khí, tăng thêm khẩu phần ăn uống, rộng lòng sáng suốt lo toan, để yên định cái nghiệp lớn đến vô cùng, thì thiên hạ may lắm, thần chết không có gì ân hận vậy. Hoàng tử Hòa thông minh nhân hiếu, đức hạnh cao quý trong sạch, nên sớm kiến lập, để tiếp nối sự trông ngóng của muôn dân. Gia Cát Khác có mưu lược tài năng uyên bác thấu triệt lý lẽ, có khí độ gánh vác trọng trách giúp đỡ thời thế. Trương Hưu, Cỗ Đàm, Tạ Cảnh, đều thông minh mau lẹ có hiểu biết và quyết đoán, ở trong nên ủy thác làm kẻ phúc tâm, ra ngoài có thể làm nanh vuốt. Phạm Thận, Hoa Dung cương cường tráng liệt, có phong độ của bậc quốc sỹ. Dương Biện nhanh nhẹn, có tài đối đáp đặc biệt. Điều Huyền rộng rãi hơn người, đạt đến cái chân tâm của đạo lý. Bùi Khâm thông suốt việc giấy má, văn chương hoa mỹ đủ để dùng. Tưởng Tu, Ngu Phiên, chí hướng tiết tháo phân minh. Hết thấy những bầy tôi ấy, có người thích hợp ở chốn triêu đường, có kẻ đảm nhiệm làm tướng soái, đều lão luyện việc đời, pháp lệnh sáng suốt thành thực, vững đạo nghĩa giữ chữ tín, những kẻ có chí ấy chẳng nên bỏ sót. Đây đây là những bầy tôi Bệ hạ tháng ngày soi xét, tuyển lựa bố trí làm quan ở chỗ thần, thần được cùng làm việc, đủ biết được phẩm hạnh và chí hướng của họ, nên bạo dạn bầy tỏ biểu văn này. Thần nhiều lần suy nghĩ rằng hiện nay bên ngoài có lắm mối lo toan, việc quân chưa ngừng nghỉ, phải khích lệ sáu quân, để mưu đồ tiến thủ. Quân đội lấy người làm số đông, mọi người cho tiền của là quý, thần trộm nghe nói các quận huyện rất hoang tàn, muôn dân đói rách tàn tạ, là mầm mống sinh ra gian loạn, vì thế cấm lệnh gia tăng, hình phạt thêm nặng nề. Thần nghe nói làm chính trị phải thuận theo dân, pháp luật quân lệnh theo thời cuộc phải biến đổi, thực rất nên phải cùng với văn võ đại thần phân biệt tường tận thích hợp, phải lựa chọn rộng rãi cái hay trong lời bàn của mọi người, nói lỏng hình phạt giảm bớt sưu thuế, trưng dụng lao dịch hợp lý, để thuận với lòng trông ngóng của dân. Lục Tốn là người trung cần giúp đời, đem thân lo lắng cho quốc gia, chính trực với việc công, có tiết tháo quên mình. Gia Cát Cẩn, Bộ Chấn, Chu Nhiên, Toàn Tông, Chu Cứ, Lã Đại, Ngô Sán, Hám Trạch, Nghiêm Tuấn, Trương Thừa, Tôn Di có lòng trung thành giúp quốc gia, thấu hiểu thể chế trị quốc. Hãy khiến cho họ bầy tỏ lên những điều

giản tiện thích hợp, trừ bỏ những phiên hà, quý mến che chở cho sĩ tốt, vỗ về trăm họ. Ngoài năm năm, trong vòng mười năm, người ở xa quy phục, kẻ ở gần dốc sức, binh khí không phải vấy máu, mà đại sự có thể định được vậy. Thần nghe nói ‘con chim sắp chết thì tiếng kêu bi ai, con người sắp chết thì lời nói phải’, cho nên những lời gan ruột trước lúc lâm chung của người ta, là lời nói răn đời, bậc quân tử cho đó là trung, hướng chi Đảng lại là kẻ thần tử, thì những lời này có thể là như thế đó chăng? Mong bệ hạ lưu tâm lắng nghe mà chọn lựa lấy điếu hay, thần dẫu hôm nay chết đi, cũng như còn đang sống vậy.” Sau khi Đảng chết rồi thì thư mới dâng lên, Quyên càng lấy làm thương cảm, nói lời mà sa nước mắt. Năm ấy, là năm Xích Ô tứ niên.

Tạ Cảnh thời ấy làm Thái thú Dự Chương, chẳng ngăn nổi xót thương, bỏ chức quan đến viếng tang, rồi bái lạy dâng biểu tុợ hặc tội mình. Quyên nói: “Người từng cùng với Thái tử làm việc, khác với các quan lại khác.” Rồi sai quan Trung sử úy lạo, xét cho phục chức lúc trước, phái quay về quận. Đảng được ban thụy là Tuyên thái tử.

Ngô thư chép: Ban đầu Đảng được an táng ở Câu Dung, bố trí người coi giữ lăng mộ, tuân thủ theo đúng phép tắc, sau ba năm cải táng ở Tương Lăng.

Con của Đảng là Phan và Hy, đều chết sớm, con thứ là Anh, được phong tước Ngô hầu. Năm Ngũ Phụng nguyên niên, Anh vì việc Đại tướng quân Tôn Tuấn chuyên quyền, mưu giết Tuấn, việc bị phát giác phải tự sát, nước bị trừ bỏ.

Ngô Lịch chép: Vì Tôn Hòa không có tội mà bị giết, mọi người đều mang lòng oán thán, trước đó Tư Mã Hoàn lo lắng nhân đó mới tập hợp quan lại tướng lĩnh, muốn cùng giết Tuấn lập Anh, việc lộ ra, đều bị giết, Anh quả thực không biết.

Tạ Cảnh tự Thúc Phát, là người quận Nam Dương huyện Uyển. Có công tích ở quận, được quan lại dân chúng khen ngợi, cho rằng đứng đầu là Cỗ Thiệu, thứ nữa tức là Cảnh. Được mấy năm thì chết khi đương chức.

QUYỂN 15 - HẠ TOÀN LÃ CHU CHUNG LY TRUYỆN

Hạ Tê, Toàn Tông, Lã Đại, Chu Phường, Chung Ly Mục

LÃ ĐẠI TRUYỆN

Lã Đại tự Định Công, người quận Quảng Lăng huyện Hải Lăng, Đại làm huyện lại trong quận, tránh loạn đến huyện Nam Độ. Tôn Quyên thống quản công việc, Đại đến thẳng mặc phủ⁽³¹⁾, được cho ra giữ chức Thừa ở huyện Ngô. Quyên đích thân phá kho tàng và nhà ngục, các trưởng lại huyện thừa đầu đến gặp, Đại theo phép tắc đến hỏi, rất đúng ý Quyên, nên được triệu đến tạm nhận chức Lục sự, sau cho ra ngoài bổ nhiệm làm trưởng huyện Dư Diêu, Đại chiêu mộ được hơn nghìn quân tinh nhuệ. Bọn giặc là Lã Cáp, Tần Lang ở năm huyện Đông Dã, quận Cối Kê làm loạn, Quyên dùng Đại làm Đốc quân Hiệu úy, cùng bọn tướng quân Trương Khâm đem binh đánh dẹp, sau bắt được bọn Cáp, Lang, năm huyện bình định, Đại được bái làm Chiêu tín trung lang tướng.

Ngô thư chép: Năm Kiến An thứ mười sáu, Đại đốc xuất bọn lang tướng là Doãn Di, đem hai nghìn binh sĩ sang phía tây dụ tên giặc ở Hán Trung là Trương Lỗ đến thành Hán Hưng, Lỗ nghi ngờ là đường đi bị cắt đứt, việc toan tính không thành, Quyền bèn triệu Đại trở về.

Năm Kiến An thứ hai mươi, Đại thống lĩnh bọn Tôn Mậu gồm mười tướng quân theo đi lấy ba quận ở Trường Sa. Các huyện lại ở bốn huyện An Thành, Du, Vĩnh Tân, Trà Lăng cùng vào thành Âm Sơn, tập hợp binh chúng chống cự Đại, Đại vây đánh, chúng mau chóng ra hàng, ba quận yên định ngay. Quyên lưu Đại lại trấn thủ Trường Sa. Trưởng huyện An Thành là Ngô Năng cùng bọn Trung lang tướng Viên Long lần lượt theo Quan Vũ, lại quay lại làm phản gây loạn. Năng chiếm cứ huyện Du, Long ở huyện Lễ Lăng. Quyên phái Hoàn Giang tướng quân là Lỗ Túc đánh huyện Du, Năng phá vây trốn chạy. Đại đánh huyện Lễ Lăng, sau càn tù và chém đầu Long, Đại được thăng làm Thái thú Lư Lăng.

Năm Diên Khang nguyên niên, Đại lên thay Bộ Chất làm Thứ sử Giao Châu. Lúc đến châu, tên đầu lĩnh của giặc ở Cao Lương là Tiền Bác xin hàng, Đại nhân đó thừa cơ, lấy Bác làm Cao Lương tây bộ Đô úy. Lại có

giặc người Di ở Uất Lâm tấn công vây quận huyện, Đại đánh dẹp phá chúng. Bấy giờ có tên giặc là Vương Kim ở huyện Trinh Dương quận Quế Dương tụ hợp quân chúng trên địa giới quận Nam Hải, cần đầu quân phản loạn gây hại, Quyên lại chiếu lệnh cho Đại đánh dẹp bọn ấy, bắt sống được Kim, giải đến kinh đô, chém đầu, còn bắt sống cả thầy hơn vạn người. Đại được thăng làm An Nam tướng quân, ban cho Giả tiết, phong tước Đô Hương hầu.

Thái thú Giao Chỉ là Sĩ Nhiếp chết, Quyên dùng con của Tiếp là Huy làm An Viễn tướng quân, lĩnh chức Thái thú Cửu Chân, lấy Hiệu úy Trần Thì lên thay Tiếp. Đại dâng biểu xin chia ba quận ở Hải Nam lập ra Giao Châu, lấy Tướng quân Đái Lương làm Thứ sử, chia bốn quận ở Hải Đông làm Quảng Châu, Đại tự mình làm Thứ sử. Rồi phái Lương và Thì vào phương nam, nhưng Huy không vâng lệnh, dấy binh đóng ở cửa biển để chống cự bọn Lương. Đại vì thế dâng sớ xin đánh dẹp Huy trị tội, đốc suất ba nghìn quân đêm ngày vượt biển. Có người bảo Đại rằng: “Huy mượn cái ân mấy đời, được người một châu phục tòng, không dễ mà xem thường”. Đại nói: “Nay Huy dẫu mang lòng toan tính phản nghịch, nhưng chưa liệu được là quân sĩ của ta kéo đến, nếu ta ngần ngại đem binh đến, đánh chỗ không phòng bị, việc phá chúng tất xong vậy. Trì hoãn mà không làm mau chóng, khiến cho giặc sinh lòng ngờ, sẽ vây quanh thành cố thủ, trăm họ người Man ở bảy quận, tụ hợp nhau hưởng ứng, dù có là bậc trí giả, ai có thể giết hết được bọn chúng?” Rồi đi, qua Hợp Phố, cùng với bọn Lương đầu tiến lên. Huy nghe tin Đại đến, quả nhiên kinh hãi cuống cuống, không biết chạy đâu, bèn thống suất sáu người anh em cỡi trâu rừng trực ra nghênh đón Đại. Đại chém hết bọn họ đưa đầu về kinh đô. Đại tướng của Huy là bọn Cam Lễ, Hoàn Trị thống suất quan dân tấn công Đại, Đại gắng sức đánh đại phá chúng, bởi có công Đại được tấn phong tước Phiên ngưu hầu. Vì thế giữ chức ở Quảng Châu, sau lại làm Thứ sử Giao Châu như cũ.

Đại đã bình định được Giao Châu, lại tiến lên đánh dẹp quận Cửu Chân, chém và bắt sống mấy vạn người. Lại phái quan Tòng sự xuôi nam tuyên bố phong hóa của nhà nước, truyền đến các bậc Vương của các nước Phù Nam, Lâm Ấp, Đường Minh ở ngoài biên, bọn họ đều phái sứ giả dâng cống vật. Quyên khen ngợi công lao ấy, bái Đại làm Trấn Nam tướng quân.

Năm Hoàng Long tam niên, vì đất phương nam yên định thanh bình, triều đình triệu Đại về đóng ở Âu Khâu quận Trường Sa.

Giao Quảng ký của Vương Ân chép: Nước Ngô sau khi đặt lại Quảng Châu, dùng người ở nam Dương là Đằng Tu làm Thứ sử. Có người nói với Tu là có con Hà Tu dài một trượng, Tu không tin, về sau người ấy có việc đến Đông Hải, lấy được một con Hà Tu dài bốn trượng bốn thước, gói lại mang về báo với Tu, Tu mới chịu phục người ấy.

Gặp lúc người Man người Di ở Vũ Lăng khuấy động, Đại và Thái thường là Phan Tuấn cùng đến đánh dẹp yên. Năm Gia Hòa thứ ba, Quyên ra lệnh cho Đại đốc xuất binh sĩ của Phan Chương, đóng ở Lục Khâu, sau dời đến Bồ Kỳ. Năm thứ tư, giặc ở Lư Lăng là Lý Hoàn, giặc ở Lô Hợp và huyện Đông Dã quận Cối Kê là Tùy Xuân, giặc ở Nam Hải là bọn La Lệ nhất thời cùng nổi dậy. Quyên lại hạ chiếu cho Đại đốc suất bọn Lưu Toàn, Đường Tư phân chia bộ hạ đánh dẹp, Xuân lập tức ra hàng, Đại bái Xuân làm Thiên tướng quân, sai lĩnh binh ấy, sau Xuân làm Liệt tướng, bọn Hoàn, Lệ đều bị chém đầu, đưa thủ cấp tới kinh đô. Quyên hạ chiếu cho Đại nói: “Lệ cây chỗ hiểm gây loạn, tự đưa mình đến chỗ bị bêu đầu; Hoàn hung ác gian狡 phản phúc, đã hàng rồi lại làm phản. Ta trước sau thảo phạt, nhiều năm không bắt được, chẳng phải là người có tài mưu lược, thì ai có thể bêu đầu chúng? Cái khí tiết trung vũ của người, vì thế càng sáng rõ. Kẻ ác đầu sỏ đã bị trừ, lớn nhỏ rung động mất hồn phách, những kẻ đồng loại nhỏ nhất của chúng, bị quét sạch như đám bụi. Từ nay về sau, quốc gia mãi mãi không phải lo lắng trông về phương nam, ba quận yên bình phẳng lặng, không còn cảnh tượng sợ hãi kinh hoàng, kẻ ác dân phải làm việc để cung cấp thuế khoá, người đáng được trọng dụng và khen ngợi. Việc khen thưởng chẳng để qua một tháng, đó là phép thường của quốc gia, chế độ ấy là thích hợp, người hãy tuân theo quốc điển.”

Phan Tuấn chết, Đại thay Tuấn kiêm quản việc văn thư ở Kinh Châu⁽³²⁾, cùng với Lục Tồn đều ở Vũ Xương, cho nên vẫn đốc trách ở Bồ Kỳ. Không lâu sau đó, Liêu Thức gây loạn, vây đánh thành ấp, các quận Linh Lăng, Thương Ngô, Uất Lâm dao động không yên, Đại tự dâng biểu rồi đi ngay, sao đêm còn sáng trên đường. Quyên phái sứ giả đuổi theo bái Đại làm Giao Châu mục, đồng thời phái chư tướng là bọn Đường Tư cưỡi ngựa trạm đi theo không dứt, đánh dẹp một năm thì phá được, chém Thức rồi sai phái mấy người ở đó vờ đặt bọn Phí Dương làm Thái thú Lâm Hạ, thu gom bè đảng của chúng, các quận huyện bình được cả, Đại lại quay về

Vũ Xương. Năm ấy Đại tuổi đã tám mươi, nhưng thể chất vẫn tinh táo cần mẫn, hết mình vì vương nghiệp. Phấn uy tướng quân Trương Thừa gửi thư cho Đại nói: “Xưa kia Đán, Thích⁽³³⁾ cùng giúp đỡ nhà Chu, làm ra khúc ca Nhị Nam, nay thì có túc hạ và Lục Tử⁽³⁴⁾ vậy. Vì lẽ trung cần thì cùng tiến lên, có công lao thì cùng khiêm nhường, công việc thì quyền biến mà thành, thay đổi thì hợp đạo lý, bậc quân tử ngợi khen cái đức ấy, kẻ tiểu nhân vui thích sự cao đẹp ấy. Thêm nữa là ngài có việc văn thư khó nhọc, tân khách suốt ngày, nghỉ ngơi chẳng quên công việc, nhọc nhằn chẳng nói là mỗi mệt. Lại biết nhảy múa trên lưng ngựa, chẳng cần kẹp chân mà bước xuống nhẹ nhàng, như thế túc hạ đã hơn Liêm Pha⁽³⁵⁾ rồi vậy. Ngài làm việc gì cũng quyết đoán. Theo Chu Dịch nói, về lễ thì cung kính, về đức thì là thịnh, túc hạ sao lại có được hết những điều cao đẹp như thế vậy!” Lục Tốn chết, Gia Cát Khác lên thay Tốn, Quyền bèn chia Vũ Xương làm hai bộ, Đại làm Đốc hữu bộ, từ Vũ Xương Thượng đến Bồ Kỳ. Lại thăng Đại lên chức Thượng Đại tướng quân, bá con của Đại là Khải làm Phó quân Hiệu úy, làm Giám binh ở Bồ Kỳ, Tôn Lượng lên tức vị, bá Đại làm Đại tư mã.

Đại đem thân thanh bạch phụng sự việc công, địa phương kể lại. Khi trước Đại ở Giao Châu, nhiều năm không đem tiền lương về nhà, vợ con đói rét. Quyền nghe nói than thở, liền trách quỳn thần rằng: “Lã Đại đem thân ra nơi vạn dặm, vì quốc gia chuyên cần với công việc, gia môn ở trong khốn khó, mà Cô không biết sớm. Các người là bầy tôi tai mắt của ta, họ đưa lời trách móc thì ta sao được yên?” Vì thế ban cho tiền bạc, gạo, vải vóc, lụa là, mỗi năm theo hạn định.

Ban đầu, người thân cận với Đại ở Ngô quận là Từ Nguyên, khẳng khái mà có tài năng và chí khí, Đại biết người ấy có thể thành đạt, đem tặng cho mũ áo, cùng nhau bàn luận, sau liền tiến cử đề bạt lên, làm quan đến chức Ngự sử. Nguyên bản tính trung trắg, ưa nói thẳng, Đại thì nói năng có cân nhắc được mất, Nguyên liền can ngăn, lại công khai bàn về việc ấy, có người đem kể với Đại, Đại than rằng: “Ta sở dĩ quý mến Đức Uyên là đi đầu ấy vậy.” Lúc Nguyên chết, Đại khóc lóc rất bi ai, nói: “Đức Uyên, Lã Đại này có một người bạn, nay bất hạnh, Đại làm sao còn nghe được lỗi lầm của mình nữa đây?” Kể bàn bạc khen lời ấy.

Năm Thái Bình nguyên niên, năm chín mươi sáu tuổi Đại chết, con Đại là Khải nối tự. Đại có di lệnh khi chôn cất mình dùng áo quan mộc, đội

khăn thừa mặc áo cộc, theo đúng phép tống táng, mọi việc đơn giản tiết kiệm, Khải đầu vâng mệnh theo lời.

CHUNG LY MỤC TRUYỆN

Chung Ly Mục tự Tử Cán, người huyện Sơn Âm quận Cối Kê, là cháu đời thứ bảy của Lỗ Tướng là Ý ⁽³⁶⁾ thời nhà Hán vậy.

Cối Kê diên lục chép: Cha Mục là Tự, làm Lâu thuyền Đô úy, anh là Nhân, làm Thượng kế lại, lúc trẻ cùng nổi tiếng với người cùng quận là Tạ Tán, người quận Ngô là Cốt Đàm. Thừa trẻ nhỏ Mục gọi là Trì Nột, Nhân thường bảo mọi người rằng: “Mục tốt hơn ta, không nên coi thường”. Người thời ấy đều cho là không đúng.

Thừa trẻ đến ở huyện Vĩnh Hưng, tự thân khẩn ruộng, trồng lúa hơn hai mươi mẫu. Lúc chín, có người dân trong huyện biết được đi đầu ấy, Mục nói: “Vốn là ruộng hoang, cho nên mở mang thôi”. Rồi đem lúa cho người trong huyện. Huyện trưởng nghe tin, gọi người dân ấy đến bắt vào ngục, muốn dùng hình phạt, Mục xin tha cho người đó, huyện trưởng nói: “Ông học theo Thặng Cung, tự làm việc nghĩa,

Tục Hán thư chép: Cung tự Thiệu Tử, người quận Lang Nha, từng trông trồng lúa tắc ở trong núi Mông Âm, lúc chín, mọi người đến biết được. Cung liền trao cho mọi người rồi bỏ đi, đó đó mà nổi danh, làm đến Tả trung lang tướng, Thị trung.

Ta là kẻ chăn dân, ⁽³⁷⁾ phải dùng pháp trị kẻ dưới, sao có thể bỏ phép công mà theo ý ông được”? Mục nói: “Chỗ ấy là ranh giới của quận, mong ngài chú ý, nên tạm đến đây xem qua. Nay nếu vì một ít lúa mà giết người dân của huyện ấy, làm sao yên lòng”? Rồi trả đồ dùng, quay về huyện Sơn Âm, huyện trưởng tự đến can ngăn, lại cời trói cho người dân ấy. Người dân ấy hổ thẹn, đem sáu mươi斛 gạo mà vợ con mình đã giã mà trả cho Mục, Mục đóng cửa không nhận. Người dân ấy chờ đến để ở bên đường, chẳng ai dám lấy. Do đó Mục nổi tiếng.

Từ Chúng ⁽³⁸⁾ bình rằng: “Mục làm theo phép tắc cao thượng. Có người hỏi rằng: ‘Như đi đầu mà Mục làm, bị người ta xâm phạm mà chẳng vướng bận, lại tha mà giúp người ta, mình đứng mà chẳng thu lấy lúa, lại nữa người ta trả lúa về mà chẳng nhận, đây chẳng phải gọi là nhân nhượng hay

sao’? Đáp rằng: ‘Lạ thay đi ầu mà mà ta nghe biết! Nguyên Hiễn (39) đến hỏi với Khổng Tử rằng: ‘Người không làm đi ầu gọi là ưa thẳng, kiêu căng, oán giận, tham muốn, có thể coi là người có lòng nhân không’? Khổng Tử nói: ‘Làm được như thế thì khó lắm, lòng nhân thì ta không thấy vậy. Ghét người không có lòng nhân, cốt ở tự mình làm đi ầu nhân mà thôi’. Nay người dân kia không làm được bốn đi ầu kia, lại cho rằng là lúa của mình, thế là rất không có lòng nhân vậy. Vậy mà Mục trao lúa cho người ấy, lại cứu tội của người ấy, thế là nhún nhường chẳng đúng chỗ, cứu chẳng đúng người, đấy không phải là ghét người không có lòng nhân vậy. Nếu không ghét người không có lòng nhân thì làm sao mà làm đi ầu nhân đây! Thương Ngô Kiêu (40) cưới vợ xinh đẹp, nhường cho anh mình; Vĩ Sinh (41) giữ tín, nước dâng tràn nhưng không chạy mà chết; Trục Cung (42) thẳng thắn, tố cha trộm dê, Thân Minh (43) vâng lệnh, dốc hết lòng trung với vua mà bắt cha mình. Trung, tín, thẳng thắn, nhún nhường là bốn đức hạnh, là đi ầu mà bậc thánh hiền quý trọng vậy. Nhưng không quý trọng cái nhún nhường của Thương Ngô Kiêu, vì đấy không phải là cái đạo nhún nhường vậy; không chọn cái tín của Vĩ Sinh, vì không phải là đạo tín vậy; không theo cái thẳng thắn của Trục Cung, vì không phải là cái gốc của đức thẳng thắn vậy; không khen lòng trung của Thân Minh, vì đấy không phải là lòng trung thật vậy. Nay Mục bị xâm phạm mà chẳng vờn bận, người ta trả về mà chẳng lấy, có thể cho là nạn vậy, chưa thể là nhân nhượng vậy. Thánh nhân lấy đức báo đức, lấy thẳng thắn báo oán, mà Mục muốn lấy đức báo oán, là sai vậy. Nếu bất đắc dĩ phải chọn ai trong hai người thì ta theo Khổng Tử”.

Năm Xích Ô thứ năm, từ chức Lang trung được bá làm Phụ nghĩa Đô úy giúp Thái tử, chuyển làm Nam Hải Thái thú.

***Côi Kê diễn lục chép:** Tướng giặc ở huyện Cao Lương là bọn Nhưng Nỗ cướp phá trăm họ, tàn hại quan dân, Mục qua quận đánh dẹp, trong một tuần đều hàng phục. Lại có tướng giặc ở huyện Yết Dương là bọn Tăng Hội có mấy nghìn người, trải hơn mười năm, triều đình phong tước Hầu tặng nghìn tấm gấm lụa, gửi thư chiêu dụ, nhưng chống lại không theo. Mục sai người vỗ về, bèn đều cúi đầu, tự đổi làm dân lành. Thủy Hưng Thái thú Dương Đạo gửi thư cho Thái thường Đảng Dân rằng: “Chung Li Tử Cán là người quen biết của ta ngày xưa, nay được gặp hẩn ở quận Nam Hải, ân uy trùm quân sĩ, trí dũng nổi rõ, lại có tiết tháo trong sạch, có phong thái của người xưa”. Người này được quý trọng như thế. Ở tại quận được bốn năm, vì bệnh mà bỏ chức.*

Chuyển làm Thặng tướng Trưởng sử, lại chuyển làm Tư trực, rồi chuyển làm Trung thư lệnh. Gặp lúc người miền núi ở ba quận Kiến An, Bà Dương, Tân Đô làm loạn, cho Mục ra làm Giám quân sứ giả, đánh dẹp chúng. Tướng giặc là bọn Hoàng Loạn, Thường Cự đưa quân bản bộ ra hàng, đem vào quân ngũ. Phong làm Tả Đình Hài, tước Việt kị Đô úy.

Năm Vĩnh An thứ sáu, nước Thục bị nhà Ngụy chiếm, người rợ ở vùng Ngũ Khê liền kề với nước Thục, bấy giờ bàn luận sợ rằng họ phản loạn, bèn lấy Mục làm Bình Ngụy Tướng quân, lĩnh chức Vũ Lăng Thái thú, đến tại quận. Nhà Ngụy sai quan Trưởng của huyện Hán Tiết là Quách Thuần đến thử giữ chức Vũ Lăng Thái thú, đem dân ở huyện Phù Lăng vào huyện Thiên Lăng của đất Thục, đóng đồn ở Xích Sa, chiêu dụ tù trưởng của người rợ, có kẻ nổi dậy theo Thuần, lại đến đánh huyện Dâu Dương, người trong quận sợ hãi. Mục hỏi quan lại ở triều đình rằng: “Tây Thục nghiêng lật, biên giới bị lấn, nên làm gì để chống lại”? Đầu đáp nói: “Nay hai huyện có núi hiểm, người rợ lại đem quân ngăn chặn, không nên đem quân đến làm kinh động, nếu kinh động thì người rợ tất liên kết với nhau. Nên để dần dần yên lặng, rồi sai quan lại đến dùng ân tín mà vỗ về”. Mục nói: “Không được. Bờ cõi bị vào lấn, dụ dỗ người dân, nên nhân lúc gốc rễ của địch chưa cắm sâu mà đến nhổ đi, đây là việc dập lửa cốt ở nhanh gấp vậy”. Bèn hạ lệnh quan quân ở ngoài nghiêm ngặt, bọn quan lại bàn luận chống lại lời của Mục đều phải theo phép quân. Phủ Di Tướng quân Cao Thượng khuyên Mục rằng: “Ngày xưa Phan Thái thường (44) lĩnh được năm vạn quân rồi mới đến đánh người rợ ở Ngũ Khê vậy. Bấy giờ liền hòa với họ Lưu, (45) người rợ theo giáo hóa, nhưng ngày nay không có cái giúp của các việc ngày xưa ấy, vả lại Quách Thuần đã chiếm Thiên Lăng, vậy mà phủ quân đem ba nghìn quân vào sâu, Thượng này chưa thấy được lợi vậy”. Mục nói: “Việc làm khác thường, cần gì theo phép xưa”? Liền đem quân bản bộ ngày đêm lên đường, men núi hiểm mà đi, trải dài hai nghìn dặm, theo đường trên biên ải, chém hơn trăm đầu cừ sục của dân ác mang lòng khác và mấy nghìn phe đảng của chúng, bọn Thuần tan chạy, vùng Ngũ Khê được bình. Chuyển làm Công An Đốc, Dương vũ Tướng quân, phong Đô Hương hầu, lại chuyển làm Nhu Tu Đốc.

Cốt Kê diễn lục chép: Mục ở tại Nhu Tu, ngầm mưu kế tiến đánh có thể được, nhưng không dám bày tỏ kế của mình, dự yến với quan Thị trung Đông Quán Lệnh là Chu Dục, cảm khái than thở. Dục cho là Mục hận vì kế mình không được làm, nhân đó bảo Mục rằng: “Các quan lại ở triều đình ngày nay chỉ ngồi giữ

chức cao, mà không ai có công sánh được với quân hầu, quân hầu lại không chịu ở dưới người ta, cho nên kẻ dòm ngó vẫn lấy làm buồn rầu, huống chi là đình hầu"! Mục cười mà đáp rằng: "Lời mà ông nói, chưa hợp ý ta vậy. Mã Viện ⁽⁴⁶⁾ có nói: 'Người ta nên lập công nhiều và nhận thưởng ít'. Huống chi ta lập công không đủ để ghi chép mà lại được ban thưởng quá mức, há cho là giận? Nhà nước không ai biết ý ta, ta lại thấy người ở triều đình bị hại, cho nên im ỉm không dám bày kế. Nếu triều đình không thể thì ta sẽ bày kế đến đánh để báo đền cái ân mà ta từng chịu nhận, không chỉ là tự giữ chức mà thôi. Ta than buồn là do ấy vậy". Dục lại nói: "Nhà nước biết đến quân hầu, nếu dùng cái tài của quân hầu thì không việc gì không thành. Kẻ ngu này sẽ tự bày kế tẩm lòng của quân hầu". Mục nói: "Vũ An Quân ⁽⁴⁷⁾ bảo Tần Vương ⁽⁴⁸⁾ rằng: 'Lập nghiệp không khó, tìm được người hiền mới khó; tìm được người hiền không khó, dùng người hiền mới khó; dùng người hiền không khó, tin dùng người hiền mới khó'. Vũ An Quân muốn giúp Tần Vương chiếm cả sáu nước, nhưng sợ trao việc mà không được tin dùng, cho nên nói ra lời ấy trước. Tần Vương đã hứa theo mà lại không tin dùng, rút cuộc làm lỡ cái nghiệp sắp thành, ban kiểm tự sát ở ấp Đỗ Bưu. Ngày nay dẫu nhà nước biết ta nhưng không bằng Tần Vương biết dùng Vũ An Quân, mà kẻ muốn hại ta lại còn hơn cả Phạm Thư. ⁽⁴⁹⁾ Vào thời Đại Hoàng Đế, ⁽⁵⁰⁾ Lục Thặng tướng ⁽⁵¹⁾ đánh quận Bà Dương, đem hai nghìn quân trao cho ta, Phan Thái thường đánh quận Vũ Lăng, ta lại được lĩnh ba nghìn quân, vậy mà ngày nay triều đình bàn luận viết ta ở đây, sai các tướng ở vùng bờ sông không được phát binh giúp nhau. Ta chịu ân nhà nước mà giúp đỡ, vậy mà ngày làm việc bình thường. Nếu ta không xét nghĩ đến cái việc nên làm thời nay mà có ý dưng kẻ, lúc ấy nếu được trao việc thì thế quân cũng chẳng đủ, rút cuộc sẽ có cái hại thua vớ, lúc ấy há không việc gì không thành sao"?

Lại bái làm Tiền Tướng quân, ban Giả tiết, lĩnh chức Vũ Lăng Thái thú. Chết ở sở quan. Nhà không có của thừa, quan dân nhớ ân. Con là Y nối tự, thay lĩnh quân.

Cốt Kê diễn lược chép: Con thứ của Mục là Thịnh, cũng có đức khiêm nhường, làm Thượng thư lang. Em là Tuân làm tướng lĩnh quân, bái Thiên tướng quân, giữ Tây Lăng, bàn luận hình thế địa lý với Giám quân sứ giả Đường Thịnh, bảo là các huyện Nghi Thành, Tín Lăng liên kê huyện Kiến Bình, nếu không đắp thành ở đấy trước thì quân định tất vào trước. Thịnh lấy bọn Thi Tích, Lưu Bình là tướng giỏi mưu lược, thường tuần tra ở đấy, có người nói là không nên đắp thành ở đấy, không theo kế của Tuân. Năm sau, quả nhiên quân Tấn sai tướng đến đắp thành ở Tín Lăng. Quân Tấn bình Ngô, Tuân lĩnh quân thủy, vào đánh chết trong trận.

HẠ TỀ TRUYỆN

Hạ Tề tự Công Miêu, người huyện Sơn Âm quận Cối Kê.

Tấn thư của Ngưu Dư chép: Họ Hạ vốn là họ Khánh. Bác ruột của Tề là Thuần, học đạo Nho có tiếng tăm, vào thời An Đế của nhà Hán làm Thị trung, Giang Hạ Thái thú, bỏ quan với người quận Giang Hạ là Hoàng Quỳnh, người quận Hán Trung là Dương Hậu cùng ngồi xe vua gọi. Tránh tên húy cha của An Đế là Hiếu Đức Hoàng Đế, đổi sang họ Hạ. Cha Tề là Phụ, làm Vĩnh Ninh Trưởng.

Thừa trẻ làm quan trong quận, giữ chức Diêm Trưởng. Có viên quan trong huyện là Tư Tông can rỡ làm việc ác, Tề muốn bắt trị tội hắn, quan Chủ bạ can ngăn rằng: “Tông là con nhà họ lớn trong huyện, lại được người Sơn Việt theo phục, nếu ngày nay bắt hắn, ngày sau giặc cướp tất đến”. Tề nghe xong thì cả giận, liền đứng dậy đi chém Tông. Phe đảng của Tông bèn tụ họp với nhau, có đến hơn nghìn người, đem quân đánh huyện. Tề đem quan dân mở cửa thành ra đánh, đại phá bọn chúng, rúng động cả vùng người Sơn Việt. Sau đó dân các huyện Thái Mạt, Phong Phổ làm phản, chuyển làm Thái Mạt Trưởng, giết kẻ ác, giúp người tốt, một tháng thì bình xong.

Năm Kiến An thứ nhất, Tôn Sách đến quận, ⁽⁵²⁾ xét Tề trúng Hiếu liêm. Bấy giờ Vương Lang trốn đến ở Đông Dã, Hài Quan Trưởng là Thương Thăng giúp Lang dấy binh. Sách sai Vĩnh Ninh Trưởng là Hàn Yến lĩnh chức Nam bộ Đô úy, ⁽⁵³⁾ đem quân đánh Thăng, lấy Tề làm Vĩnh Ninh Trưởng. Yến bị Thăng đánh thua, Tề lại thay Yến làm việc quan Đô úy. Thăng sợ oai danh của Tề, sai sứ đến thề ước, Tề nhân đó khuyên dụ, kể rõ họa phúc, Thăng bèn trao nạp ấn thao, ra trại xin hàng. Tướng giặc là bọn Trương Nhã, Chiêm Cương không muốn hàng theo Thăng hàng, cùng nhau giết Thăng, Nhã xưng là Vô thượng Tướng quân, Cương xưng là Cối Kê Thái thú. Giặc mạnh mà quân mình ít, chưa đủ để đánh, Tề dừng quân nghỉ ngơi. Nhã cùng con rể là Hà Hùng tranh thế mạnh hai bên, Tề sai người Sơn Việt nhân đó mà giao kết với họ, dẫn đến nghi ngờ, đem quân đánh

nhau. Tề lại đến đánh, một trận phá được Nhã, quân của Cường sợ hãi, dạt nhau ra hàng.

Đã bình huyện Hâu Quan, rồi các huyện Kiến An, Hán Hưng, Nam Bình lại phản, Tề đem quân đến Kiến An, lập phủ Đô úy, năm đó là năm thứ tám vậy. Quận phát năm nghìn quân của các huyện, đầu sai các quan huyện trưởng lĩnh lấy, đầu chịu sự trông coi của Tề Năm người bọn giặc là Hồng Minh, Hồng Tiến, Uyển Ngự, Ngô Miễn, Hoa Dương đầu lĩnh vạn hộ, đóng đồn liên tiếp ở huyện Hán Hưng, đem năm, sáu nghìn hộ ở huyện Ngô đóng đồn riêng ở huyện Đại Trạch, đem sáu nghìn hộ ở huyện Trâu Lâm đóng đồn riêng ở huyện Cái Trúc, lại cùng đến huyện Dư Can, Đọc âm là ‘can’. đem quân đánh huyện Hán Hưng, qua huyện Dư Can. Tề cho rằng quân giặc ít, vào sâu mà không nối tiếp, sợ bị đánh chặn, do đó sai Tùng Dương Trưởng là Đinh Phiên ở lại giữ huyện Dư Can. Phiên vốn ở bên thành của Tề lấy làm thẹn vì bị gọi vào đội ngũ, từ chối không chịu ở lại. Tề bèn chém Phiên, do đó trong quân run sợ, không ai không vâng mệnh. Rồi chia quân ở lại giữ, đến đánh bọn Minh, liên tiếp phá được bọn chúng. Chém được Minh ở trong trận, Miễn, Dương, Tiến, Ngự đầu ra hàng. Sang đánh huyện Cái Trúc, đem quân hướng đến huyện Đại Trạch, tướng giặc ở đấy ra hàng. Cả thấy đánh dẹp chém sáu nghìn đầu, tướng giặc bị bắt cả, lại lập ra huyện ấp, thu nạp được vạn quân, bái làm Bình đông Hiệu úy. Năm thứ mười, sang đánh huyện Thượng Nghiêu, chia huyện ấy lập ra huyện Kiến Bình.

Năm thứ mười ba, chuyển làm Uy vũ Trung lang tướng, đánh các huyện Y, Thiệp của quận Đan Dương. Bấy giờ, người bốn ấp Vũ Cường, Diệp Hương, Đông Dương, Phong Phố hàng trước, Tề dâng biểu xin lấy ấp Diệp Hương lập thành huyện Thủy Tân. Nhưng tướng giặc ở huyện Thiệp là Kim Kỳ đem vạn hộ đóng đồn ở núi Vạn Lặc, Mao Cam đem vạn hộ đóng đồn ở núi Ô Liêu, tướng giặc ở huyện Y là bọn Trần Bộc, Tổ Sơn đem hai vạn hộ đóng đồn ở núi Lâm Lịch. Núi Lâm Lịch bốn bề vách đá dựng đứng, cao đến mấy chục trượng, đường hẹp ngăn trở, không vừa đao khiên, giặc lên chỗ cao ném đá xuống, do đó không đánh lên được. Đóng quân nhiều ngày, quan tướng lo lắng. Tề tự đi xung quanh, xem xét địa hình, ngầm kén chọn quân khỏe mạnh, tạo ra lưới câu sắt, ém nấp ở chỗ hiểm mà quân giặc không phòng bị, lấy lưới câu móc mà men theo đường, buổi đêm ngấm sai trèo lên, lại bày treo nhiều dây xuống dưới, do đó đem

mấy trăm người trèo lên được, bốn bễbúa vây, lại cùng đánh trống thổi tù và, Tề lĩnh quân đợi giặc. Giặc buổi đêm nghe tiếng trống bốn bễ, bảo nhau là đại quân đã lên được hết, sợ hãi rối loạn, không biết làm gì, những kẻ giữ chỗ hiểm đều chạy về dựa vào quân mình. Đại quân nhân đó trèo lên trên, đại phá bọn Bộc, bọn còn lại đầu hàng phục, cả thảy chém bảy nghìn đầu.

***Bão Phác Tử chép:** Ngày xưa vua Ngô sai Hạ Tướng quân đánh giặc trên núi, bọn giặc có vật chống đỡ tốt, hễ lúc giao tranh, đao kiếm của quan quân không đâm chém được, cung nỏ tên đạn đều bị bật trở lại, do đó thường không được lợi. Hạ Tướng quân suy nghĩ hồi lâu, rồi nói: “Ta nghe nói mũi đao sắt cứng vẫn ngăn được, rắn có nọc độc vẫn chống được. Nếu không phải là vật có mũi nhọn, không phải là rắn có nọc độc thì không ngăn được. Địch ngăn được vũ khí của quân ta, chắc không thể ngăn được vũ khí không có mũi nhọn vậy”. Bèn làm nhiều cây gậy màu trắng cứng chắc, chọn năm nghìn quân khỏe mạnh trèo lên trước, đều nắm chặt gậy. Giặc trên núi cây vào vật ngăn chống tốt kia mà không lo phòng bị. Do đó quan quân cầm gậy trắng mà đánh đập, vật ngăn chống kia quả nhiên không còn đỡ được, giặc bị đánh giết đến vạn người.*

Tề lại dâng biểu xin chia huyện Thiệp lập ra các huyện Tân Định, Lê Dương, Hưu Dương, gồm cả huyện Y, huyện Thiệp, cả thảy là sáu huyện, (54) Quyên bèn chia đặt thành quận Tân Đô, lấy Tề làm Thái thú, lập phủ ở huyện Thủy Tân, bãi thêm chức Thiên tướng quân.

Năm thứ mười sáu, dân ở huyện Dư Hàng quận Ngô là Lang Trĩ hợp phe đảng nổi dậy, có đến mấy nghìn người, Tề lại ra đánh, liền chém được Trĩ, dâng biểu xin chia huyện Dư Hàng lập ra huyện Lâm Thủy.

***Ngô lục chép:** Nhà Tấn đổi tên thành huyện Lâm An.*

Ra lệnh về sở quan, lúc đang về quận, Quyên ra đón ở đường, bày voi tấu nhạc.

***Ngô thư chép:** Quyền bảo Tề rằng: “Ngày nay định yên thiên hạ, đóng đô ở Trung Quốc, khiến cho phương xa dâng vật quý, thú dữ cũng thần phục, không phải do ông thì ai đây”? Tề đáp rằng: “Điện hạ trở oai thần vũ đúng kì, mở mang nghiệp Vương, thần chỉ là may mắn gặp thời, được rong ruổi dưới gió bụi, giúp đỡ việc chưa làm, dùng sức của ưng chó, đây là mong muốn của thần vậy. Như phương xa dâng cống, thú dữ thần phục, là do ở đức thánh, không phải do cái tài của thần vậy”.*

Ban cỗ xe dùng đôi ngựa khỏe cho Tề, rời chỗ ngựa đến bên xe, sai Tề lên xe. Tề từ chối không dám lên, Quyên sai tả hữu đỡ Tề lên xe, sai dẫn

quan quân lính kị như lễ nghi ở quận. Quyên đứng từ xa mà cười rằng: “Mọi người nên gắng sức, nếu không làm việc góp công thì không được như thế”. Đi mấy trăm bước rồi quay lại.

Năm thứ mười tám, dân phía đông quận Dự Chương là bọn Bành Tài, Lí Ngọc, Vương Mai nổi dậy làm loạn, có đến mấy vạn người. Tề đến đánh dẹp chúng, giết kẻ đứng đầu, bọn còn lại đều hàng phục. Chọn kẻ khỏe mạnh vào làm lính, còn lại cho vào sổ hộ. Chuyển làm Phấn vũ Tướng quân.

Năm thứ hai mươi, theo Quyên đi đánh quận Hợp Phì. Bấy giờ quân trong thành ra đánh, Từ Thịnh bị thương làm rơi cây mâu. Tề xua quân đánh chặn, lấy được cây mâu mà Thịnh làm rơi.

Giang Biều truyện chép: Quyên đánh quận Hợp Phì rút về, bị Trương Liêu đánh úp ở phía bắc bờ sông, suýt bị giết chết. Bấy giờ Tề đem ba nghìn quân ở tại bờ nam đón Quyên. Quyên đã vào thuyền lớn, họp các tướng ăn yến, Tề quỳ xuống chiêu khóc lóc mà nói: “Vua là bậc chí tôn, nên thường cẩn thận. Gặp việc ngày nay, suýt bị võ lở, bây tôi sợ hãi như không còn thấy trời đất nữa. Mong lấy đó làm gương cả đời”. Quyên đến trước mặt mà lau nước mắt của Tề, nói: “Thẹn thay! Ta kính ghi nhớ trong lòng, không chỉ chép vào các sách mà thôi”.

Năm thứ hai mươi một, dân ở quận Bà Dương là Vưu Đột nhận ấn thao của Tào Công, dụ dân làm giặc, dân các huyện Lăng Dương, huyện Thủy An, huyện Kinh đều ứng theo với Đột. Tề cùng Lục Tốn đánh phá Đột, chém mấy nghìn đầu, bọn còn lại sợ phục, ba huyện của quận Đan Dương đều bình, thu được tám nghìn quân tinh nhuệ. Bái làm An đông Tướng quân, phong Sơn Âm Hầu, ra giữ ở miền trên sông Giang, trông coi miền Phù Châu lên đến huyện Hoãn.

Đầu năm Hoàng Sơ, nhà Ngụy sai Tào Hưu đến đánh, Tề vì đường xa mà đến sau, nhân đó đóng quân ở Tân Thị mà ngăn chống. Gặp lúc các quân ở Động Khẩu gặp gió giạt mà rơi xuống nước chìm đắm, chết đuối rất nhiều, tướng sĩ biến sắc, cậy vào việc Tề chưa qua sông, quân khỏe vẫn còn, do đó các tướng được nhờ vào thế của Tề.

Tính Tề hoa lệ, ưa làm việc quân, các đồ binh khí rất là đẹp đẽ, thuyền mà mình ngồi có khắc vẽ hoa văn màu đỏ, che lọng màu xanh, trùm màn gấm, các đồ can qua mâu kích đều vẽ hình đẹp, cung nỏ tên đạn đều làm bằng gỗ tốt, trùm bít các đồ lên trên đầu thuyền, nhìn từ xa như quả núi. Bọn Hưu e ngại, bèn dẫn quân về. Chuyển làm Hậu tướng quân, ban Giả tiết, lĩnh chức Từ Châu Mục.

Lúc trước, Tấn Tông làm Hí Khẩu Đốc, đem quân phản theo Ngụy, về làm Kì Xuân Thái thú, mưu đánh úp huyện An Lạc, bắt lấy quân dân. Do đó Quyên then giận, nhân lúc mới bãi binh, vào giữa mùa hạ tháng sáu mà ra chỗ không ngờ, hạ chiếu sai Tề đem bọn Mi Phương, Tiên Vu Đan đánh úp quận Kì Xuân, bèn bắt sống được Tông. Sau đó năm thứ tư thì chết, con là Đạt và em là Cảnh đều có tiếng tăm, là tướng giỏi vậy.

Cối Kê diễn lục chép: Cảnh làm Diệt tặc Hiệu úy, trị quân nghiêm ngặt mà có ân, binh khí sáng loáng, đứng đầu vào thời ấy, nhưng chết sớm. Đạt cũng có khí mạnh, nhưng nhiều lần làm trái, cho nên dẫu đánh dẹp có công mà không được ban chức tước, nhưng khinh tiền trọng nghĩa, tráng liệt hơn người. Con là Chât, làm đến Hồ nha Tướng quân. Con Cảnh là Thiệu, cũng có truyện chép.

TOÀN TÔNG TRUYỆN

Toàn Tông tự Tử Hoàng, người huyện Tiền Đường quận Ngô. Cha là Nhu, thời Linh Đế của nhà Hán cử Hiếu liêm, bá làm Thượng thư lang Hữu thăng. Vào thời loạn Đông Trác, bỏ quan về quê. Châu gọi làm Biệt giá Tông sự, hạ chiếu đến bá làm Cối Kê Đông bộ Đô úy. Vào thời Tôn Sách đến quận Ngô, Nhu đem quân theo phục trước, Sách cử Nhu làm Đan Dương Đô úy. Tôn Quyền làm Xa kỵ Tướng quân, lấy Nhu làm Trưởng sử, chuyển làm Quế Dương Thái thú. Nhu từng sai Tông đem mấy nghìn斛 gạo đến quận Ngô, cho được trao đổi. Tông đến, đều chia ra dùng, thuyền rằng mà về, Nhu cả giận, Tông cúi đầu nói: “Kẻ ngu này cho rằng việc trao đổi không phải là việc cần gấp, mà là kẻ sĩ đang có cái nạn treo ngược, cho nên mới chia ra cấp chẩn, không kịp bẩm báo”. Nhu bèn cho là lạ.

Từ Chúng bình rằng: “Theo đúng lễ nghĩa thì con thờ cha không cất của riêng, không được tự ý chia của mà cấp chẩn, là để kính trọng người trên vậy. Vậy mà trái lệnh chia của để mong nổi danh, đây chưa phải là dốc hết cái lễ của con đối với cha vậy”. Thần là Tùng Chi cho rằng: Tử Lộ hỏi rằng: “Nghe rồi làm được không”? Khổng Tử đáp rằng: “Có cha anh còn đây”. (55) Tông chia tiền của của cha, thực là không có đạo của người con, nhưng quân sĩ đang treo mạng sống, gặp nạn trong sớm tối, phải cân nhắc nặng nhẹ, cứu người là việc gấp trước, người này cũng như bọn Phùng Noãn mua nghĩa, Cấp Ẩm cứu chẩn (56) vậy. Nếu cho rằng Tông làm việc ấy để mong nổi danh thì e rằng là trái với ý thật của Tông.

Bấy giờ kẻ sĩ ở Trung Châu tránh loạn về phía nam, có mấy trăm người đến nương nhờ ở nhà Tông, Tông đem tiền trong nhà cứu giúp, cấp cho kẻ không có tiền, do đó nổi danh gần xa. Sau đó Quyền bá làm Phấn uy Hiệu úy, trao cho mấy nghìn quân, sai đi đánh người Sơn Việt. Nhân đó chiêu dụ, thu nạp hơn vạn quân tinh nhuệ, ra đóng đồn ở Ngưu Chử, chuyển làm Thiên tướng quân.

Năm Kiến An thứ hai mươi tư, tướng của Lưu Bị là Quan Vũ vây thành Phàn, Tương Dương, Tông dâng sớ bày kế đánh được Vũ, bấy giờ Quyền

đã mưu với Lữ Mông đánh úp Vũ, sợ việc lộ, cho nên giữ kín số biểu của Tông mà không đáp. Đến lúc bắt được Vũ, Quyên mở yến uống rượu ở Công An, ngoảnh bảo Tông rằng: “Lúc trước ông bày kế việc ấy, ta không đáp lại, nhưng nay đã thắng, xét thấy cũng có công của ông vậy”. Do đó phong Dương Hoa Đình Hầu.

Năm Hoàng Sơ thứ nhất, nhà Ngụy đem quân thuyền ra ở Động Khẩu, Quyên sai Lữ Phạm đem các tướng chống giữ, cái trại ngóng nhau, địch nhiều lần đem thuyền nhẹ đánh cướp, Tông thường mặc giáp cưỡi kiếm, canh gác không nghỉ. Chốc lát, địch đem mấy nghìn quân vào giữa sông, Tông đánh phá chúng, treo đầu Tướng quân Doãn Lô của địch. Chuyển Tông làm Tuy nam Tướng quân, tiến phong Tiễn Đường Hầu. Năm thứ tư, ban Giả tiết, lĩnh chức Cửu Giang Thái thú.

Năm thứ bảy, Quyên đến huyện Hoàn, sai Tông cùng Phụ quốc Tướng quân Lục Tốn đánh Tào Hưu, phá Hưu ở Thạch Đình. Bấy giờ dân ở các quận Đan Dương, Ngô, Cối [\(57\)](#) lại làm giặc cướp, đánh diệt ấp huyện, Quyên chia chỗ hiểm của ba quận ấy lập thành Đông An, lấy Tông làm Thái thú.

Ngô lục chép: Bấy giờ Tông trị ở Phú Xuân.

Đến nơi, nêu rõ thưởng phạt, vỗ về kẻ hàng phục, trong vòng mấy năm, thu được mấy vạn người. Quyên gọi Tông về Ngưu Chử, bỏ quận Đông An.

Giang Biều truyện chép: Tông về, đi qua huyện Tiễn Đường, sửa tế phần mộ tổ tiên, trùm trướng che lọng, rạng rỡ thôn ấp, mời gặp người quen cũ trong ấp, anh em họ hàng của Tông đều được ban tặng, có đến hàng nghìn hàng vạn tiền, thôn ấp cho là vinh dự.

Năm Hoàng Long thứ nhất, chuyển làm Vệ tướng quân, Tả hộ quân, Từ Châu Mục,

Ngô thư chép: Lúc trước, Tông là tướng dũng cảm, dẫu đánh địch gặp nạn nhưng vẫn cố gắng không chịu lùi bước. Đến lúc làm tướng sếp, oai danh thêm lừng, hễ lĩnh quân, thường bày kế sách, không mưu cái lợi nhỏ. Giang Biều truyện chép: Quyên sai con là Đăng đi đánh, đã xuất quân, đến ở huyện An Lạc, bày tôi chẳng ai dám can ngăn. Tông dâng biểu kín nói: “Xưa nay Thái tử chưa từng đi đánh vậy, theo phép xưa, đi đánh thì gọi là Phủ quân, ở lại thì gọi là Giám quốc. Ngày nay Thái tử ra đánh phía đông là trái với phép xưa vậy. Thân trộm nghĩ mà nghi ngờ”. Quyên liền nghe theo, sai Đăng rút quân về, mọi người bàn luận đều cho rằng Tông có khí tiết của bậc đại thần.

lấy công chúa.

Năm Gia Hòa thứ hai, lĩnh năm vạn quân bộ kỵ đánh huyện Lục An, dân huyện Lục An tan chạy, các tướng muốn chia quân đi bắt giữ. Tông nói: “Vào chỗ nguy để mong được lợi thì không được trọn vẹn, đấy không phải là thể diện của nhà nước vậy. Nay chia quân đi bắt dân, được và mất ngang nhau, há gọi là trọn vẹn sao? Nếu ra bắt được, vẫn không đủ để làm cho địch suy yếu và giúp được nhà nước vậy. Nếu có lằm lổ thì tổn hại không nhỏ, cùng bắt được và bị tội, lúc ấy Tông thà đem thân gánh lấy, chứ không dám mong lập công ấy để phụ lại nhà nước vậy”.

Năm Xích Ô thứ chín, chuyển làm Hữu đại Tư mã, Tả quân sư. Là người kính thuận, giỏi ở việc vâng theo phép tắc, chưa từng nói lời xằng tiện. Lúc trước, Quyển muốn vây đánh quận Châu Nhai và Di Châu, đầu hỏi Tông trước, Tông nói: “Dựa vào cái oai của triều đình thì đánh đâu mà chẳng thắng được? Nhưng phương xa xứ lạ, cách trở nơi góc biển, thủy thổ độc hại, từ xưa đã có việc quân vào dân đến, tất sinh bệnh tật, lây nhiễm lẫn nhau, người đến sợ chẳng về được, có thu được nhiều lợi đâu? Dem nhiều quân ở bờ sông để mong thu cái lợi của một vùng nhỏ, kẻ ngu này vẫn không yên lòng”. Quyển không nghe, dem quân đi hơn một năm, quân sĩ bệnh tật đến tám, chín phần mười, Quyển rất hối tiếc. Sau lại nói đến việc ấy, Tông đáp rằng: “Vào thời ấy, trong bày tôi có kẻ không can gián, thản nhiên cho rằng đấy là không có lòng trung”.

Tông đã được coi trọng, con em họ hàng đều được tôn quý, ban cho nghìn vàng, nhưng vẫn khiêm nhường đãi kẻ sĩ, vẻ mặt không kiêu căng. Năm thứ mười hai thì chết. Con là Dịch nối tự, sau đó nối nghiệp lĩnh binh, cứu Gia Cát Đản ở Thọ Xuân, ra thành hàng trước, nhà Ngụy cho làm Bình đông Tướng quân, phong Lâm Tương Hầu. Con của anh Dịch là bọn Y, Nghi, Tĩnh cũng hàng Ngụy, đều làm Quận thú, phong Liệt hầu.

Ngô thư chép: Con cả của Tông là Tự, thừa kế được biết tên, vâng lệnh triều đình, trao cho quân, dân dần chuyển làm Dương vũ Tướng quân, Nguru Chỉ Đốc. Tôn Lượng lên ngôi, chuyển làm Trấn bắc Tướng quân. Ở trận Đông Quan, Tự cùng Đinh Phụng bàn nghị nên dẫn quân ra trước để phá quân Ngụy, phong một người con làm Đình hầu. Chết vào năm bốn mươi bốn tuổi. Con thứ là Kí, khéo tội hùa theo Lỗ Vương là Bá mà ban chết. Con út là Ngô, là cháu ngoại của Tôn Quyền, phong Đô hương hầu.

CHU PHƯỜNG TRUYỆN

Chu Phường tự Tử Ngư, người huyện Dương Tiễn quận Ngô. Thừa trẻ ham học, cử Hiếu liêm, làm Ninh Quốc Trưởng, dời đến huyện Hoài An. Đại súy (58) ở huyện Tìên Đường là bọn Bành Thúc tụ tập làm cướp, lấy Phường làm Tìên Đường Hầu tướng, trong vòng một tháng, chém đầu Thúc và phe đảng của hắn, chuyển làm Đan Dương Tây bộ Đô úy. Giữa năm Hoàng Vũ, đại súy ở quận Bà Dương là Bành Ý làm loạn, đánh diệt thành ấp, lại lấy Phường làm Bà Dương Thái thú, cùng Hồ Tống gắng sức đánh dẹp, bèn bắt sống Ý, chở về Vũ Xương, bái thêm chức Chiêu nghĩa Hiệu úy. Hạ lệnh ngấm tìm các cừ súy họ hàng trong núi được quân bắc nghe biết, sai dụ dỗ Đại tư mã Dương Châu Mục của nhà Ngụy là Tào Hưu. Phường đáp e rằng cừ súy của dân ấy xấu xa không đáng tin dùng, nếu việc tiết lộ thì không dụ được Hưu, xin sai người thân cận mang thư kể bày đi đâu để dụ Hưu. (59)

Báo thư sai lầm. Hưu quả nhiên tin Phường, lĩnh mười vạn quân kị bộ, đồ xe nặng đầy đường, đến thẳng huyện Hoãn. Phường cũng hợp quân, theo Lục Tốn chặn đánh Hưu, quân của Hưu vỡ lở tan rã, bị bắt chém đến vạn người.

Lúc trước, vào lúc Phường lập kế, có quan lại vâng chiếu đến xét hỏi các việc, Phường bèn đến dưới cửa bộ quận, nhân đó cắt tóc xuống để tạ, do đó Hưu nghe tin, không còn nghi ngờ. Việc xong rút quân, Quyên mở hội các tướng vui vẻ dự yến, rót rượu, bảo Phường rằng: “Ông cắt tóc làm tin, lập thành việc lớn của ta, công danh của ông, đáng ghi vào tre lụa”. Bái thêm chức Tì tướng quân, ban tước Quan nội hầu.

Từ Chúng bình rằng: “Tôi thần lập công giữ tiết, dầu không phải một đường, nhưng dầu có chức phận vậy. Làm tướng cần can qua thì phải có nghĩa liều chết, giữ chí thì có cái nghĩa làm theo chức vụ, dầu chết cũng phải đúng việc, nghĩa chẳng vụng về Phường làm Quận thú, chức tại trị dân, vậy mà không được vua sai mà tự ý dụ địch, cắt xén râu tóc để mong

lập công danh. Dầu việc thành được ban tước nhưng không được quân tử khen hay”.

Tướng giặc là Đồng Tự cậy vào chỗ hiểm mà cướp bóc, các quận Dự Chương, Lâm Xuyên đều bị hấn gây hại.

Thần là Tùng Chi xét: Vào năm Thái Bình thứ hai thời Tôn Lượng mới lập quận Lâm Xuyên, bấy giờ chưa có quận Lâm Xuyên.

Ngô Xán, Đường Tự từng đem ba nghìn quân đánh dẹp, nhiều tháng không thắng được. Phưởng dâng biểu xin rút quân, nên tui lúc vừa hợp mà làm việc. Phưởng sai người đi dò xét, trao cho kế sách, dụ kẻ gian giết Tự. Em của Tự sợ hãi, đến Vũ Xương theo hàng Lục Tốn, xin ra ở tại đất bằng, tự đổi làm việc thiện, do đó mấy quận không còn nổi lo.

Phưởng ở tại quận mười ba năm thì chết. Thưởng thiện phạt ác, ban bố ân uy. Con là Xứ, cũng có tài năng văn võ, giữa năm Thiên Kỉ làm Đông Quán Lệnh, Vô Nạn Đốc.

***Tấn thư của Ngưu Dự chép:** Xứ vào nhà Tấn, làm Ngự sử Trung thặng, nhiều lần xét hỏi, không kiêng dè quan lớn. Tê Vạn Niên ⁽⁶⁰⁾ phản, lấy Xứ làm Kiến uy Tướng quân, đánh phía tây, quân ít không địch được, Xứ khẳng khái xông trận, gắng sức không lùi, bèn chết ở trong trận, truy tặng chức Bình tây Tướng quân. Con Xứ là Dương, Trát, đều có tài võ, buổi đầu trung hưng, ⁽⁶¹⁾ đều được tin dùng, các con em đều nắm chức cao, làm hào tộc ở Dương Châu, nhưng Trát hung hăng phóng túng, bị trăm họ ghét. Giữa năm Thái Ninh, Vương Đôn ⁽⁶²⁾ giết Trát, diệt cả họ.*

QUYỂN 16 - PHAN TUẤN LỤC KHẢ TRUYỆN

Phan Tuấn, Lục Khả

TRUYỆN PHAN TUẤN

Phan Tuấn tự Thặng Minh, người huyện Hán Thọ quận Vũ Lăng. Thời trẻ theo Tống Trọng Tử chịu học⁽⁶³⁾.

Ngô thư viết: Tuấn là người thông minh, hỏi đáp có lí lẽ, người huyện Sơn Dương là Vương Tang gặp mà quý trọng Tuấn. Do đó được biết tên, làm quan Công tào trong quận.

Chưa đầy ba mươi tuổi, Kinh Châu Mục là Lưu Biểu gọi đến làm Giang Hạ Tòng sự. Bấy giờ quan Sa Tiệp Trưởng tham ô không chịu sửa, Tuấn kể tội mà giết đi, cả quận chấn động. Sau làm Tương Hương Lệnh, trị dân rất có tiếng. Lưu Bị lĩnh Kinh Châu, lấy Tuấn làm Trị trung Tòng sự. Bị vào Thục, ở lại giúp việc tại Kinh Châu.

Tôn Quyền giết Quan Vũ, thu lấy Kinh Châu, bái Tuấn làm Phụ quân Trung lang tướng, trao cho quân sĩ.

Giang Biểu truyện viết: Quyền chiếm Kinh Châu, quan tướng đều theo về cả, nhưng riêng Tuấn cáo bệnh không gặp. Quyền sai người đến bên giường dùng kiệu đưa đi, Tuấn cúi mặt vào giường chiếu không chịu dậy, nước mắt đầm đìa, nức nở không tự yên được. Quyền vỗ về cùng nói chuyện, gọi tên chữ của Tuấn rằng: “Thặng Minh, ngày xưa có Quán Đình Phụ⁽⁶⁴⁾ là tù binh ấp Nhục mà Vũ Vương cho làm Quân sư; Bành Trọng Sảng⁽⁶⁵⁾ là tù binh nước Thân mà Văn Vương cho làm Lệnh doãn. Hai người ấy là người hiền thời trước ở đất Kinh của khanh vậy, lúc đầu đều bị bắt nhưng sau đó đều được chọn dùng, làm danh thần của nước Sở. Chỉ có khanh không cho là phải, chưa có ý chịu hàng, chọn cách khác lại với ý của người xưa chẳng”? Sai người thân cận lấy khăn tay lau mặt Tuấn, do đó Tuấn đứng dậy rụp xuống đất bái tạ. Liên cho làm Trị trung, các việc quân của Kinh Châu đều hỏi Tuấn. Quan Vũ Lăng Tòng sự là Phàn Trụ dụ dẫn người Di, mưu đem quận Vũ Lăng theo Lưu Bị, người ngoài tấu lên xin đem vạn quân đến đánh hấn. Quyền không nghe, gọi riêng Tuấn đến hỏi, Tuấn nói: “Đem năm nghìn quân đến, đủ để bắt được Trụ”. Quyền nói: “Khanh có khinh địch chẳng”? Tuấn nói: “Trụ là người gốc ở quận Nam Dương, lại hay làm bừa nói bậy mà không có tài biện luận. Thân biết được người ấy là vì Trụ từng bày hội yến với người trong châu, sắp đến giữa ngày, ăn không hết được, có hơn

mười người tự đứng dậy, đây cũng chỉ là khí tiết của bọn thấp kém thôi”. Quyền cười lớn mà theo lời Tuấn, liền sai Tuấn đem năm nghìn quân đến, quả nhiên phá chém được Trụ.

Chuyển làm Phấn uy Tướng quân, phong Thường Thiên Đình Hầu.

Ngô thư viết: Nhuế Huyền chết, Tuấn lĩnh hết quân của Huyền, đóng đồn ở Hạ Khẩu. Huyền tự Văn Biểu, người quận Đan Dương. Cha là Chỉ, tự Tuyên Tự, theo Tôn Kiên đánh dẹp có công, Kiên cử Chỉ làm Cửu Giang Thái thú, sau đó chuyển đến Ngô Quận, có tiếng tăm ở đấy. Anh Huyền là Lương, tự Văn Loan, theo Tôn Sách bình định miền Giang Đông, Sách cho làm Cối Kê Đông bộ Đô úy, lúc chết, Huyền lĩnh quân của Lương, bái Phấn vũ Trung lang tướng, xét công phong Lật Dương Hầu. Quyền giúp con là Đăng kén chọn gái hiền, bày tiệc đều khen cha Huyền là Chỉ, anh là Lương đều có đức nghĩa, tài cả văn vũ, nổi danh ba đời, cho nên bèn lấy con gái của Huyền làm vợ vậy. Năm Hoàng Vũ thứ năm thì chết, Quyền rất thương tiếc Huyền.

Quyền xưng tôn hiệu, bái làm Thiếu phủ, tiến phong Lưu Dương Hầu.

Giang Biều truyện viết: Quyền thích đi bắn chim, Tuấn can Quyền, Quyền nói: “Sau khi xa người, thường ít khi ra bắn chim, không còn nhiều như lúc trước nữa”. Tuấn nói: “Thiên hạ chưa định, việc công còn nhiều, bắn chim không phải là việc cần gấp, nếu dây cung đứt mũi tên gãy thì đều có thể gây hại, xin vì thân mà xếp dừng việc này”. Tuấn đi ra, thấy lông chim vẫn ở đấy, bèn tự tay vặt xé đi, do đó Quyền tự dừng, không còn bắn chim nữa.

Chuyển làm Thái thường. Người mọi rợ vùng Ngũ Khê⁽⁶⁶⁾ liên kết làm phản, Quyền ban Giả tiết cho Tuấn, đem các quân đi đánh. Người tin cậy tất thưởng, không được phạm phép cấm, chém đầu bắt sống đến mấy vạn người, từ đấy người rợ suy yếu, một vùng yên ổn.

Ngô thư viết : Phiếu kị Tướng quân Bộ Chắt đóng đồn ở Âu Khẩu, xin chiêu mộ người các quận để tăng quân. Quyền do đó hỏi Tuấn, Tuấn nói: “Tướng khỏe ở trong dân, ưa loạn gây hại, như Chắt lại có danh tiếng, ở đấy được yêu mến, không nên nghe theo”. Quyền theo lời. Trung lang tướng người quận Dự Chương là Từ Tông là kẻ sĩ có danh tiếng, từng đến kinh sư giao kết với Khổng Dung, nhưng là nhà Nho càn rỡ, cho bộ khúc phóng túng, không vâng phép cấm, giúp chúng làm nhà cao, Tuần bèn chém đi. Tuấn vâng phép cấm không e dè lời bàn riêng, đều đại loại như thế. Người theo hàng là Ân Phiên⁽⁶⁷⁾ vì có tài biện luận mà được hào kiệt thân gần, con Tuấn là Chúc cùng Chu Toàn cũng đi theo, đưa tặng tiền của hắn. Tuấn nghe tin cả giận, gửi thư mắng Chúc nói: “Ta chịu ân dày của nhà nước, có chí lấy cả mạng sống mà báo đền, các người ở tại kinh sư, đáng phải cung kính, thân người hiền theo kẻ tốt, sao lại kết bạn với bọn xin hàng, lại tặng tiền của cho chúng? Ta ở xa nghe tin, lòng giận mặt nóng, buồn bực suốt tuần nay. Thư đến, phải nhanh chịu đánh trăm gậy của sứ giả, lấy lại

tiền của đã tặng”. Người thời ấy đều cho là lạ, rồi Phiên quả đúng mưu phản bị giết, mọi người mới chịu phục.

Giang Biều truyện viết : *Bấy giờ anh vợ Tuấn người quận Linh Lăng là Trương Uyển làm Đại tướng quân của nước Thục, có người gièm Tuấn cho Vũ Lăng Thái thú Vệ Tinh, nói là Tuấn ngầm sai người qua lại với Uyển, muốn có kế tự dựa vào Uyển. Tinh đem việc này báo cho Quyền, Quyền nói: “Thằng Minh không phải như thế”. Liên đóng kín thư của Tinh để cho Tuấn biết, rồi gọi Tinh về, bãi chức quan.*

Lúc trước, Tuấn và Lục Tốn cùng đóng đồn ở Vũ Xương, trông coi việc quân, được làm chức cũ. Bấy giờ Hiệu úy Lữ Nhất nắm quyền làm bừa, tấu kể tội bọn Chung tướng Cỗ Ung, Tả tướng quân Chu Cứ, đều bị ngăn chặn. Hoàng môn Thị lang Tạ Hoàn gạn hỏi Nhất rằng: “Cỗ Công làm việc thế nào”? Nhất đáp: “Không được tốt”. Hoàn lại hỏi rằng: “Nếu người ấy bị bãi quan, ai thay người ấy được”? Nhất không đáp Hoàn, Hoàn lại nói: “Sao không dùng Phan Thái thường thay được”? Nhất hồi lâu đáp rằng: “Lời ông tin được vậy”. Hoàn khuyên nói: “Phan Thái thường luôn ganh chống với ông, chỉ vì đường xa mà không có cơ hội thôi. Nếu ngày nay Tuấn thay Cỗ Công, e rằng ngày sau lại gạt đẩy ông vậy”. Nhất cả sợ, bèn thôi bàn việc của Ung. Tuấn xin về châu, đến Kiến Nghiệp, muốn đốc sức can gián. Lúc đến, nghe tin Thái tử Đăng đã nhiều lần nói mà không được nghe theo, Tuấn bèn xin lệnh của trăm quan, muốn nhân đó mà cầm đao giết Nhất, muốn tự mình làm việc ấy, giúp nước trừ họa. Nhất ngầm nghe biết, xưng bệnh không đi, Tuấn hể đến gặp, không lúc nào không nói về cái gian hiểm của Nhất. Do đó Nhất càng ít được sủng ái, sau đó bèn bị giết. Quyền kể tội trách mình, nhân đó tạ lỗi với đại thần, lời này tại Tôn Quyền truyện.

Năm Xích Ô thứ hai, Tuấn chết, con là Chúc nối tự. Con gái Tuấn lấy Kiến Xương Hầu Tôn Lự.

Ngô thư viết: *Chức tự Văn Long, báii Kị Đô úy, sau đó thay cha lĩnh quân, chết sớm. Em Chúc là Bí, Quyền lấy con gái của chị là Trần Thị gả cho Bí, báii làm Tương Hương Lệnh.*

Tương Dương kí viết : *Người quận Tương Dương là Tập Ôn làm Kinh Châu Đại công bình. Đại công bình là chức Châu Đô đốc ngày nay vậy. Bí có tài biện luận hơn Ôn, hỏi nói: “Cha ta ngày trước nói quân hầu đáng làm quan Nghị chủ trong châu, nay đúng là như thế, sao quân hầu không xét trong châu ai sẽ lại thay được”? Ôn nói: “Không ai hơn được ông”. Sau đó Bí làm Thượng thư Bộc xạ, thay Ôn làm Đại công bình, rất được người trong châu khen ngợi.*

TRUYỆN LỤC KHẢI

Lục Khải tự Kính Phong, người huyện Ngô quận Ngô, là con trong họ của Thặng tướng Lục Tồn vậy. Đầu năm Hoàng Vũ làm Vĩnh Hưng, Chư Kị Trưởng, ở đấy có công tích, bái Kiến vũ Đô úy, lĩnh quân sĩ. Dẫu lĩnh quân sĩ nhưng tay không rời sách. Ura đọc sách Thái huy ⁽⁶⁸⁾, luận giải ý của sách đó, hễ bói là đúng. Giữa năm Xích Ô, làm Đàm Nhĩ Thái thú, đánh giặc ở Chu Nhai, bắt chém giặc có công, chuyển làm Kiến vũ Hiệu úy. Năm Ngũ Phụng thứ hai, đánh giặc trên núi là Trần Bí ở Linh Lăng, chém quân khỏe của Bí, bái Ba Khâu Đốc, Thiên Tướng quân, phong Đô Hương Hầu, chuyển làm Vũ Xương Hữu bộ đốc. Cùng với các tướng đến ở Thọ Xuân, rồi về, bái làm Đãng Ngụy, Tuy viễn Tướng quân. Tôn Hưu lên ngôi, bái Chinh bắc Tướng quân, ban Giả tiết, lĩnh chức Dự Châu Mục. Tôn Hạo lập, chuyển làm Trấn tây Đại Tướng quân, Đô đốc Ba Khâu, lĩnh chức Kinh Châu Mục, tiến phong Gia Hưng Hầu. Tôn Hạo hòa với nhà Tấn, sứ giả Đinh Trung từ miền bắc trở về, nói với Hạo là nên đánh úp huyện Dặc Dương, Khải can ngăn, lời nói tại Tôn Hạo truyền. Năm Bảo Định thứ nhất, chuyển làm Tả Thặng tướng.

Tính Hạo không thích người khác xem mình, bày tôi ở bên chẳng ai dám làm trái. Khải khuyên Hạo nói: “Vua tôi không có đạo quen biết nhau, nếu gặp lúc không may thì không biết mà đến giúp”. Hạo cho Khải tự xem mình.

Hạo dời đô đến Vũ Xương, trăm họ vùng Dương Châu ngược dòng cung cấp, cho là khổ sở, lại nữa chính trị yếu kém, dân chúng khổ cùng. Khải dâng sớ rằng:

“Thần nghe nói vua có đạo thì lấy điếu vui mà làm cho dân vui; vua không có đạo thì lấy điếu vui mà làm cho mình vui. Vua làm cho dân vui thì điếu vui được dài; vua làm cho mình vui thì không vui mà chết. Dân là gốc của đất nước vậy, phải nên chăm lo cái ăn của dân, yêu quý mạng sống của dân. Dân yên thì vua yên, dân vui thì vua vui. Từ năm trước đến nay,

cái oai của vua lớn hơn vua Kiệt, Trụ⁽⁶⁹⁾, cái trí của vua tối hơn bọn gian hùng, cái đức của vua thua cả bọn ác. Trời không giáng tai họa mà dân mất mạng, không làm gì mà kho tiền nhà nước trống không. Phạt kẻ không có tội, thưởng người chẳng có công, khiến cho vua có lỗi lầm sai trái, do đó trời giáng vạ lạ vậy. Vậy mà các quan công khanh nịnh nọt vua để xin được yêu thích, làm cho dân nghèo khổ để cầu giàu có, dẫn vua vào chỗ bất nghĩa, đẩy chính trị vào chỗ dâm dục. Thần vì thế mà đau lòng thay. Nay các nước gần kề cùng hòa thân, bốn cõi không có việc gì, là lúc nên ngừng lao dịch, nuôi quân sĩ, chứa đầy kho tàng để đợi thời cơ. Vậy mà lại làm ngược trái ý trời, quấy rối vạn dân, khiến cho dân không yên, lớn nhỏ đều kêu than. Đây không phải cách nuôi dân giữ nước vậy.

Thần nghe nói tốt xấu tại trời, giống có bóng tại hình, có âm vang tại tiếng kêu vậy. Hình động thì bóng động, hình dừng thì bóng dừng, đây là số phận có quan hệ, không phải cái tiến lùi của miệng nói vậy. Ngày xưa nhà Tần làm mất thiên hạ là vì thưởng ít mà phạt nhiều, chính trị sai lầm, sức dân cạn kiệt, trăm họ lo sợ, thiên hạ khổ sở, do đó mới có nỗi lo ‘ồ lật trứng vỡ’⁽⁷⁰⁾. Nhà Hán mạnh là vì kính người đức hạnh, tin người thật thà, nghe lời can gián, dùng người hiền tài, ban đức đến người vác củi, cúi xin tận nơi hang núi, mở rộng việc chọn dùng, xem xét người hiền tài để lập nên kế sách. Đây là chứng cứ rõ ràng thời xưa vậy.

Gần đây nhà Hán suy yếu, ba nhà liền lập thế chân vạc, họ Tào làm mất kỉ cương, nhà Tấn bèn có chính trị. Lại nữa Ích Châu hiểm trở, nhiều quân khỏe mạnh, nếu đóng cửa giữ chắc thì giữ được vạn đời, vậy mà họ Lưu nối theo cái sai lầm ngày xưa, thưởng phạt không đúng, ý vua ham xa xỉ, sức dân bị việc không cần gấp làm cho cạn kiệt, do đó bị nhà Tấn đánh, vua tôi bị bắt. Đây là việc ứng nghiệm rõ ràng trước mắt vậy.

Lí lẽ của thần u tối, văn chẳng có nghĩa, trí tuệ nông cạn, không mong được xem, chỉ mong Bệ hạ thương lấy thiên hạ thôi. Thần kính tấu những điếu mà tai mắt thần được nghe thấy, là những điếu làm cho trăm họ lo lắng, nhưng điếu làm cho chính trị sai loạn vậy. Mong Bệ hạ ngừng việc xây dựng, giảm lao dịch, nới lỏng sức dân, chớ làm việc sai ngược.

Lại nữa đất đai Vũ Xương, đúng là hiểm trở lại khô xấu, không phải là chỗ làm kinh đô giữ nước nuôi dân, thuyền neo đậu thì chìm lật, gò đồng thì gập gềnh, vả lại bọn trẻ con nói hát rằng: ‘Nước ở Kiến Nghiệp ngọt thay, đừng ăn cá ở Vũ Xương, về Kiến Nghiệp chết còn hơn, đừng đến ở

tại Vũ Xương'. Thần nghe nói sao Dực gây biến, sao Huỳnh hoặc giáng hạ, lời hát của bọn trẻ con sinh ra từ ý trời, mới đem việc ở yên so sánh với cái chết, đủ để thấy ý trời đã rõ, biết được việc mà dân cho là khổ vậy.

Thần nghe nói nhà nước không cất chứa thóc lúa ba năm là không phải nhà nước, mà ngày nay không cất chứa được một năm, đây là lỗi của bầy tôi vậy. Vậy mà các công khanh ở ngôi trên người khác, truy ân lộc cho con cháu, đã không có khí tiết báo đền, lại không có kế sách giúp nước, tiến cử những kẻ mưu lợi nhỏ cho nhà vua, để cầu sự yên thân mà gây họa cho trăm họ, đây là không giúp vua mưu tính vậy. Từ lúc theo Tôn Hoàng (71) lập nghĩa binh đến nay, đã bỏ việc trềng trọt, ở đây không còn chuyên chở, lại chia ra cha con một nhà phải lao dịch khác nhau, ăn tiêu ngày càng nhiều mà cất chứa ngày càng giảm, dân oán vì bị chia lìa, nước có nạn lưu tán, vậy mà chẳng ai thương xót. Sức dân khốn cùng, bán cả con nhỏ, tô thuế liên tiếp, ngày càng nhiều thêm, trường lại các huyện không xem xét gì thêm, lại nữa các Giám quan đã không yêu dân lại còn ra oai cậy thế, các huyện nhiễu động, rồi thành rườm rà, dân khổ hai trùng, tiền sức càng giảm, đây là không có ích lại tổn hại vậy. Mong Bệ hạ cho dân nghỉ ngơi, thương xót kẻ yếu lẻ để vỗ về lòng trăm họ. Đây như cá rùa được thoát khỏi ao nước độc, chim thú được thoát khỏi tấm lưới vây, dân bốn phương tất dất công nhau mà đến vậy. Như thế dân mới được bảo vệ, nước của Tiên vương mới được giữ còn vậy.

Thần nghe nói năm tiếng âm khiến cho tai người không thông, năm màu sắc khiến cho mắt người không sáng, cái ấy không có ích cho chính trị mà làm tổn hại đến người làm việc. Ngày xưa vào thời Tiên đế, gái đẹp trong cung và các cung nữ không đầy một trăm người, vậy mà gạo lúa được cất chứa, của cải có thừa. Sau khi Tiên đế băng, vua nhỏ lên ngôi, đổi thành xa xỉ, không theo lối cũ. Nghe nói cung nữ và kẻ ngỗ nhàn có đến mấy nghìn người, tính ra họ làm ra không đủ để làm tiền của cho nhà nước, vậy mà ngỗ ăn kho lúa, nhiều năm thay nhau, đây là không có ích. Mong Bệ hạ cho họ ra lấy chồng, ban cho người không có vợ. Như thế, trên ứng mệnh trời, dưới hợp ý dân, thiên hạ may lắm.

Thần nghe nói vua Ân Thang (72) chọn kẻ sĩ ở bọn mua bán, Tề Hoàn Công chọn kẻ sĩ ở bọn đánh xe, Chu Vũ Vương chọn kẻ sĩ ở bọn gánh củi, nhà Hán chọn kẻ sĩ ở bọn nô bộc. Vua hiền chủ sáng chọn kẻ sĩ vì người đó hiền, không vì người đó có thân phận thấp kém, cho nên công đức được

trần đây, ghi tên vào thẻ trúc dải lụa, không tìm người có sắc đẹp mà chỉ chọn lấy người tín phục, nói giỏi, hợp ý vậy. Thây được thấy các bầy tôi được sủng ái ngày nay, nắm chức không đúng người, dùng chẳng vừa tài năng, không thể giúp nước cứu đời, phe đảng lại giúp nhau, hại người trung hiên. Mong Bệ hạ giảm bớt quan lại văn võ, sai các quan phải chăm chỉ, các quan Đốc tướng Châu mục chống giữ ở ngoài, các quan Thượng thư công khanh phải tu sửa giáo hóa, trên giúp Bệ hạ, dưới đỡ dân chúng, phải dốc hết lòng trung, sửa đổi lỗi sai, vậy thì khúc ‘Khang tai’⁽⁷³⁾ được hát, hình pháp sai lầm được trừ. Mong Bệ hạ lắng nghe lời nói trung trinh của kẻ bầy tôi ngu kém này”.

Bấy giờ có tướng lớn trên điện là Hà Định gian xảo nịnh nọt, được vua tin dùng, Khải đối mặt mắng Định nói: “Ông trước sau không dốc lòng trung với vua, làm loạn chính trị, há là người được trọn vẹn sao! Sao lại chuyên làm việc gian xấu, vậy bần Thiên tử? Nên tự sửa lỗi, nếu không ông sẽ gặp tai họa khó lường đấy”. Định rất hận Khải, trong lòng muốn làm hại Khải, nhưng Khải rút cuộc không để ý tới, lòng vẫn nghĩ về nhà vua, tỏ nghĩa trên sắc mặt, các biểu sớ đều vì việc công mà không rườm rà, có ý trung thành.

Năm Kiến Hành thứ nhất, mắc bệnh, Hạo sai Trung thư lệnh Đồng Tri ầu đến hỏi đi ầu mà Khải muốn nói, Khải nói rằng: “Không nên tin dùng Hà Định, nên cho ra giữ chức bên ngoài, không nên cho nắm việc nước. Hề Hi là quan nhỏ, dựng lập ruộng ven bờ, muốn lập lại việc cũ của Nghiêm Mật, cũng không nên nghe theo. Diêu Tín, Lâu Huy ền, Hạ Thi ầu, Trương Đế, Quách Trác, Tiết Oánh, Đằng Tu cùng con em là Hỉ, Kháng, có người trong sạch chăm chỉ, có người tài năng cao siêu, đều là cốt cán của xã tắc, quan giỏi của nhà nước. Mong Bệ hạ coi trọng lời trung trinh, hỏi việc nơi họ, đều khiến cho họ dốc hết lòng trung, cứu giúp lúc nguy khó”. Rồi chết, bấy giờ bảy mươi hai tuổi.

Con là Y, lúc đầu làm Hoàng môn Thị lang, ra lĩnh bộ khúc, báí Thiên Tướng quân. Sau khi Khải chết, vào làm Thái tử Trung thứ tử. Hữu quốc sử Hoa Hạch tiến cử Y nói: “Tính Y vốn thẳng thắn, chí khí vững vàng, có tài thông lĩnh, dầu Lỗ Túc cũng không hơn được. Lúc nhận chiếu gọi về đi thẳng đến kinh sư theo đường Vũ Xương, từng không ngoảnh lại, đồ quân tư khí giới, chẳng lấy một cây, trong quân cứng cỏi, có khí tiết nhường ti ền

của. Hạ Khâu là chỗ hiểm yếu của giặc, nên chọn tướng giỏi để chống giữ chỗ ấy. Thần suy nghĩ kĩ, chẳng ai giỏi hơn Y”.

Lúc trước, Hạo thường ôm giận vì Khải nhiều lần tự ý nhìn mặt mình, lại thêm Hà Định gièm pha không phải một lần, đã làm bầy tôi quan trọng, khó lấy phép cấm ràng buộc được, lại nữa bấy giờ Lục Kháng làm Đại tướng ở biên giới, cho nên giữ ý nhẫn nhịn. Sau khi Kháng chết, bèn dời người nhà Khải đến ở quận Kiến An.

Có người nói tháng mười hai năm Bảo Định thứ nhất, Khải mưu với Đại Tư mã Đinh Phụng, Ngự sử Đại phu Đinh Cố, nhân lúc Hạo đến tông miếu, muốn phết Hạo mà lập con của Tôn Hưu. Bấy giờ Tả Tướng quân Lưu Bình đem quân đi trước, bèn nói ngầm với Bình, Bình chống lại không theo, nhưng thề không tiết lộ chuyện này, do đó mưu kế không thành. Thái sử lang Trần Miêu tấu với Hạo là trời lâu ngày không có mưa, khí gió thổi ngược, sắp có mưa ngầm, do đó Hạo lo sợ mà cảnh giác vậy.

Ngô lục viết: Lúc trước cúng tế ở tông miếu, chọn người Đại Tướng quân lĩnh ba nghìn quân làm quân vệ, Khải muốn dựa vào quân ấy để bắt Hạo, sai quan Tuyển tào bắm là nên dùng Đinh Phụng. Hạo chợt không muốn, nói: “Đổi chọn”. Khải sai theo lệnh, dẫn tam bộ, nhưng nên sai người lĩnh quân ấy. Hạo nói: “Dùng Lưu Bình”. Khải sai con là Y báo mưu cho Bình. Bình vốn hằm khích với Đinh Phụng, Y chưa kịp báo ý của Khải, Bình bảo Y nói: “Nghe nói có con heo hoang vào trại của Đinh Phụng, đấy là điềm xấu vậy”. Có vẻ mừng. Y bèn không dám nói, rồi về, nhân đó nói cho Khải biết, bèn dùng lại.

Ta⁽⁷⁴⁾ tổng hợp lời của những người đến từ miền Kinh, Dương thấy biểu mà Khải can Hạo có mười hai điếu, hỏi kĩ người Ngô, nhiều người nói là không nghe nói Khải có biểu ấy. Lại xét lời văn rất thẳng thắn, e rằng biểu ấy không được Hạo chịu nhận vậy. Có người cho rằng Khải giấu tờ biểu ở trong rương sách, chưa dám dâng lên. Lúc bệnh nặng, Hạo sai Đồng Triêu đến thăm hỏi, Khải muốn nói, nhân đó đem tờ biểu trao cho Đồng Triêu. Thật giả khó rõ, cho nên không chép vào sách, nhưng thích lời văn chỉ rõ việc sai lầm của Hạo, đủ để răn bảo đời sau, cho nên chép vào trong Lục Khải truyện vậy.

Hạo sai người thân cận là Triệu Khâm đọc chiếu lệnh đáp biểu trước của Khải rằng: “Ta nhỏ tuổi phải noi theo Tiên đế, sao lại không phải thế? Lời ông can gián là sai vậy. Lại nữa cung Kiến Nghiệp không có lợi, cho nên ta tránh chỗ ấy. Mà cung điện nhà cửa phía tây mục nát, mưu tính dời đô, sao lại không nên chuyển”? Khải dâng sớ nói:

“Thần xem Bệ hạ từ khi nắm việc đến nay, âm dương không hòa, ngũ tinh⁽⁷⁵⁾ trật quỹ, quan lại không trung, bọn gian giúp nhau, đây là Bệ hạ không noi theo chính trị của Tiên đế.

Giang Biều truyện chép biểu ấy của Khải nói rằng: “Thần cúi nhận chiếu lệnh, lòng dạ đau nhói. Sao ý Bệ hạ lại khó hiểu, rất không thông suốt đến vậy”!

Bạc Đế vương dựng nghiệp, vâng lệnh ở trời, sửa nghiệp tại đức, há tại cung điện sao? Vậy mà Bệ hạ không hỏi các công khanh, lại có ý làm nhanh, sáu quân bu ãn bã lìa tan. Nếu nghịch phạm trời đất thì trời đất giáng tai họa, bọn trẻ con hát lời báo trước vậy. Dẫu khiến cho Bệ hạ cả đời được yên ổn, nhưng trăm họ đau khổ, thống trị làm sao? Đây là một điếu không noi theo Tiên đế vậy.

Thần nghe nói nhà nước lấy người hiền làm gốc, ngày xưa nhà Hạ giết Long Phùng⁽⁷⁶⁾, nhà Ân có được Y Chi⁽⁷⁷⁾, đây là việc cũ rõ ràng thời xưa, làm tấm gương cho ngày nay. Trung thường thị Vương Phiên hiền thấu lí lẽ, trung trinh với triều đình, là người quan trọng của xã tắc, là Long Phùng của nước Ngô vậy. Vậy mà Bệ hạ giận người này nói lời khó nghe, ghét tính thẳng thắn của người này, chém bêu đầu ở trên điện, phanh thây vứt xương, khiến cho người trong nước đau lòng, có kẻ lo lắng, đầu cho là Phù Sai⁽⁷⁸⁾ của nước Ngô sống lại. Tiên đế kính người hiền, Bệ hạ lại trái ngược. Đây là hai điếu Bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy.

Thần nghe nói Tể tướng là cột chống của nhà nước, không thể không vững, cho nên có bọn Tiêu Hà, Tào Tham của nhà Hán, Tiên đế có bọn Cố Ung, Bộ Chất vậy. Vậy mà Vạn Úc là kẻ tài kém tầm thường, ngày xưa chỉ làm đầy tớ, một chốc được vào cung điện, người giỏi văn đã có đủ, người có chí đã có đầy, nhưng Bệ hạ lại thích cái tài kém của hắn, không bắt chước cái hay của người khác, cho hắn giữ ngôi cao quý hơn cả bậc bầy tôi cũ. Khiến cho người hiền tài nổi giận, kẻ sĩ hiểu biết quát mắng. Đây là ba điếu không noi theo Tiên đế vậy.

Tiên đế yêu dân hơn cả yêu con nhỏ, người dân không có vợ thì lấy vợ gả cho họ, thấy người mặc áo mỏng thì lấy gấm lụa cấp cho họ, người chết xương khô không ai nhặt thì lấy mà chôn cho họ. Vậy mà Bệ hạ ngược lại. Đây là bốn điếu không noi theo Tiên đế vậy.

Ngày xưa Kiệt, Trụ diệt bởi gái đẹp, U, Lệ⁽⁷⁹⁾ loạn vì vợ yêu, Tiên đế soi xét, cho đây là điếu răn thân mình, cho nên tả hữu không sắp đặt gái đẹp dâm dăng, hậu cung không chứa nhiều cung nữ. Nay trong cung có đến

mấy vạn người, không cho họ đi lấy chồn, ở ngoài lại có nhiều đàn ông góa bụa, ở trong đàn bà lại kêu than. Mưa gió ngược mùa, do đó mà nổi lên. Đây là năm đi đầu không noi theo Tiên đế vậy.

Tiên đế lo nghĩ vạn bề, vẫn còn sợ có sai lầm. Bệ hạ từ khi coi việc đến nay, vui chơi ở hậu cung, mê hoặc bởi đàn bà, lại khiến cho việc khác ngày càng nhiều, quan lại cất giấu kẻ gian. Đây là sáu đi đầu Bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy.

Tiên đế cao thượng chân thật, không mặc áo sắc sỡ, không ở cung điện cao lớn, đồ vật không chạm trổ tinh xảo, cho nên nước giàu dân đủ, kẻ gian không gây hại. Vậy mà Bệ hạ thu gom tiền của của châu quận, vắt kiệt sức dân, đất đai đen vàng mà cung điện đỏ chói. Đây là bảy đi đầu không noi theo Tiên đế vậy.

Tiên đế ngoài dựa vào bọn Cố, Lục, Chu, Trương⁽⁸⁰⁾, trong gần với bọn Hồ Tông, Tiết Tông, cho nên mọi việc rõ ràng, trong nước yên ổn. Ngày nay, ngoài không dùng những người ấy, trong cũng không có những người kia, bọn Trần Thanh, Tào Phụ là bọn quan tài kém như cái đấu, là bọn mà Tiên đế bỏ đi, vậy mà Bệ hạ lại tin dùng chúng. Đây là tám đi đầu Bệ hạ không noi theo Tiên đế vậy.

Tiên đế hễ mở hội gặp bày tôi, giảm bớt rượu nồng, bày tôi cả ngày không lo bị say mê, trăm quan bày tôi đều được bày kể đi đầu mà mình muốn nói. Vậy mà Bệ hạ bắt bày tôi phải uống để xem xét họ có kính trọng mình hay không, chỉ lo uống rượu không hết. Rượu là để giữ lễ, nếu uống quá thì làm hỏng đạo đức, đây không khác gì Thương Tân uống rượu thâu đêm. Đây là chín đi đầu không noi theo Tiên đế vậy.

Hoàn, Linh của nhà Hán ngày xưa gần gũi bọn hoạn quan, làm mất lòng dân. Ngày nay bọn Cao Thông, Chiêm Liêm, Dương Độ là bọn quan Hoàng môn nhỏ, vậy mà Bệ hạ ban tước cao cho chúng, cho quân nắm quyền. Nếu bến sông có nạn, đuốc lửa nổi lên thì tài năng của bọn Độ không thể ngăn được giặc là rõ ràng vậy. Đây là mười đi đầu không noi theo Tiên đế vậy.

Nay cung nữ chứa đầy, mà quan Hoàng môn còn chạy đến châu quận, chọn lấy con gái trong dân, có tiền thì tha, không có tiền thì bắt lấy, tiếng oán khắp đường, mẹ con chia lìa. Đây là mười một đi đầu không noi theo Tiên đế vậy.

Vào thời Tiên đế cũng nuôi con của các Vương hầu, nếu lấy mẹ nuôi vào chăm trong cung, thì người chồn đi lao dịch được ban cho tiền của,

cấp cho lương ăn, lúc ấy sai quay về, còn thấy yếu gầy nữa là. Nay thì không như thế, vợ chồng bị chia lìa, chồng thì lao dịch, con theo sau mà chết, nhà cửa trống không. Đây là mười hai điều không theo Tiên đế vậy.

Tiên đế than rằng: ‘Nước lấy dân làm gốc, dân lấy thức ăn làm đầu, làm nông là thứ hai, ba điều này ta vẫn canh cánh trong lòng’. Nay thì không như thế, việc làm nông trồng trọt đều bị bỏ. Đây là mười ba điều không noi theo Tiên đế vậy.

Tiên đế chọn kẻ sĩ, không vì người đó thấp hèn, dùng họ làm quan ở thôn ấp, sai phải làm việc, người được dùng không lo lắng, người chịu nhận chức cũng không làm bừa. Nay thì không như thế, bọn xa xỉ nắm chức, bọn kết bè đảng được tiến cử. Đây là mười bốn điều không noi theo Tiên đế vậy.

Những quân sĩ của Tiên đế, không bị bắt đi lao dịch khác, lệnh mùa xuân chỉ trồng trọt, mùa thu chỉ gặt lúa, nếu bên sông có việc thì sai đi đánh giặc. Quân sĩ ngày nay, bắt phải lao dịch nhiều, kho lúa không đủ dùng. Đây là mười lăm điều không noi theo Tiên đế vậy.

Thường để khuyến khích lập công, phạt để ngăn ngừa việc xấu, nếu thưởng phạt không đúng thì quân dân tan lạc. Nay tướng sĩ ven sông, chết không được phát tang, có công không được thưởng. Đây là mười sáu điều không noi theo Tiên đế vậy.

Ngày nay ở sở quan, đã bị rối ren, lại có quan tay sai, quấy rối ở trong, một người dân mà có mười viên quan, dân lấy gì để gánh vác? Ngày xưa vào thời Cảnh Đế⁽⁸¹⁾, người quận Giao Chỉ phản loạn, thực là do đây mà nổi dậy vậy. Đây là noi theo lỗi lầm của Cảnh Đế, mười bảy điều không noi theo Tiên đế vậy.

Quan Hiệu sự là kẻ thù của quan dân vậy. Cuối thời Tiên đế, dẫu có Lữ Nhất, Tiễn Khâm, nhưng đều bị giết sạch để tạ lỗi trăm họ. Nay lại lập thêm các quan Hiệu sự, phóng túng nói làm. Đây là mười tám điều không noi theo Tiên đế vậy.

Vào thời Tiên đế, người làm quan đều giữ chức được lâu, sau đó xét hỏi bãi truất. Nay các quan của châu huyện, kẻ giỏi chính trị chẳng có mấy, lại gọi đi chuyển đổi, đón mới bỏ cũ, dằng dặc trên đường, tham tiền hại dân, do đó càng xấu. Đây là mười chín điều không noi theo Tiên đế vậy.

Tiên đế hề xem tấu biểu trình bày đều chú ý suy xét, do đó nhà tù không có người bị oan, kẻ đáng chết không nói lời oán giận. Nay thì trái lại. Đây

là hai mươi đi đâu không noi theo Tiên đế vậy.

Nếu lời thần được chép lại thì cất ở phủ lớn; nếu có lời xằng bậy thì trị tội của thần. Mong Bệ hạ chú ý”.

Giang Biểu truyện viết: Hạo ngày càng bạo ngược, Khải biết Hạo sắp mất, dâng biểu nói: “Thần nghe nói không nên chứa đựng việc ác, không nên kéo dài lỗi lầm; việc ác chứa đựng, lỗi lầm kéo dài là nguồn gốc của tang loạn vậy. Cho nên người xưa sợ không nghe được lỗi lầm, bèn đặt cờ khuyến khích nói việc tốt, dựng trống khuyến nên can gián. Vũ Công⁽⁸²⁾ đã chín mươi tuổi còn nghe lời khuyên răn, cho nên kinh Thi khen đức tốt của Vũ Công, kẻ sĩ khen việc làm của Vũ Công vậy. Thần xét Bệ hạ không có nghĩa nghe lời khuyên răn, mà lại ngày càng chứa đựng việc ác. Thần thật là rất lo lắng, đây là điềm khời họa đến vậy. Cho nên thần bày tỏ qua việc quan trọng, dốc hết suy nghĩ. Bệ hạ nên coi xét mình mà lập lại lễ nghĩa, tu sửa đức hạnh, không nên gạt bỏ lời thần để nghe theo lời xa xỉ. Lời xa xỉ thì rất tình cảm nhưng ngày càng lừa dân; dân lừa tan thì trên không tin dưới, dưới lại nghi trên. Xương thịt chống nhau, cha con bỏ nhau. Thần dẫu ngu, không biết mệnh trời nhưng lấy tấm lòng mà xem xét thì thấy thua không quá hai mươi năm nữa vậy. Thần thường cảm giận những người làm mất nước như vua Kiệt của nhà Hạ, vua Trụ của nhà Ân, cũng mong Bệ hạ không nên khiến cho người đời sau lại cảm giận Bệ hạ vậy. Thần chịu ân của nhà nước, thờ qua ba đời vua, còn có tuổi thừa, đến thời Bệ hạ, không thể sửa tặc, chìm nổi với mọi người. Như bọn Tử Can, Ngũ Viên⁽⁸³⁾ vì trung trinh mà bị giết, vì thẳng thắn mà bị nghi, tự nói rằng đủ xong, không còn hận nữa, dẫu đem thân nơi chín suối cũng không phụ lại Tiên đế. Mong Bệ hạ nghĩ kĩ, mưu giữ xã tắc”. Lúc trước, Hạo bắt đầu dựng cung điện, Khải dâng biểu can gián, không nghe, Khải lại dâng biểu nói: “Thần nghe nói cung điện đang dựng thì ngày đêm không yên ổn, cho nên thường báo việc rối ren, các chỗ ở trong không được coi xét, than thở ở ấp, trông mong ngừng nghỉ. Lúc ăn tối, thần nhận chiếu rằng: ‘Lời mà ông can gián, thật là rất tốt, nhưng không hợp ý ấy, vì sao? Cung điện ấy không có lợi thì nên tránh đi, sao lại mượn cớ lao dịch vất vả mà ngồi mãi ở cung điện không có lợi được? Cha không được yên, con cũng lấy gì mà dựa?’ Thần nhận chiếu thư, cúi đọc một hồi, không chỉ đau nhói trong ngực mà còn nước mắt rơi như mưa vậy. Thần đã sáu mươi chín tuổi, bổng lộc đã nhiều, với thần đã là quá rồi, còn mong gì nữa? Nhưng vẫn chăm chỉ nhiều lần dâng biểu khó nghe là vì thần nghĩ rằng Đại Hoàng đế⁽⁸⁴⁾ lập nên dựng nghiệp, rất là vất vả, tóc trắng mọc ở mái tai, già cả còn mang giáp trụ. Thiên hạ mới yên, nhà vua băng sớm, từ bọn yên thân cho đến bọn hay nói không ai không than thở, như phát tang bà tổ của mình vậy. Vua nhỏ nối tự, trao quyền cho bầy tôi, quân sĩ nhiều năm đánh dẹp tổn kém, dân bị tổn hại điêu tàn. Gian thần nắm chính trị, nhà vua suy yếu. Nay giặc mạnh đang mưu đồ, Tây Châu nghiêng lạt, dân chúng

lẻ loi, phải nên nuôi dưỡng sức dân, gắng sức trồng trọt để phòng bị tai họa. Vả lại đời đô, nếu lỡ có việc quân, lúc đó quân sĩ lìa tan, châu quận nhiễu động, đang xây dựng to lớn mà phải kêu gọi bốn phương, đây không phải là cách giữ nước sửa trị vậy. Thần nghe nói người làm vua thì lấy đức để trừ tai họa, lấy nghĩa để sửa lỗi lầm. Cho nên vua Thang gặp lúc khô hạn, tự thân cầu đảo trong rừng rậm; sao Huỳnh hoặc ở ngôi giữa, Tống Cảnh Công lui khỏi cung điện, cho nên tai họa khô hạn được dẹp bỏ, sao xấu được chuyển dời. Nay dựng cung điện không có lợi, chỉ nên sửa thân mình mà giữ lễ nghĩa, xét cái đạo lớn của Thang, Tống mà thương xót cái khổ sở của dân chúng, sao lại lo lắng cung điện không yên, lo không trừ được tai họa? Bệ hạ không chịu tu đức mà lại xây sửa cung điện. Nếu không chịu tu đức, không lo sửa lỗi, dẫu đài Dao Đài của Ân Tân⁽⁸⁵⁾, cung A Phòng của Tân Hoàng⁽⁸⁶⁾ sao ngăn được việc diệt thân mất nước, phá vỡ tông miếu đây? Xây đất lớn, dựng đài cao, đã dẫn đến nước cạn, dân lại bị bệnh, đây là điều không phải nghi ngờ. Làm cho cha yên ổn mà khiến cho con không có chỗ dựa, đây là con bị cha chia rời, bây tôi bị Bệ hạ chia cách vậy. Bây tôi nếu chia rời, lúc đó dẫu nghĩ sâu xa, không bỏ nhà tranh, còn có ích gì nữa? Cho nên Đại Hoàng đế ở tại cung phía nam, tự cho là hơn cả cung A Phòng. Đại thần thời trước kia cho rằng cung điện nên làm cao lớn, oai vệ khác thường, nhưng Đại Hoàng đế nói: ‘Các người coi chừng, phải nên yêu lấy trăm họ, sao lại vui thú làm những việc không cần gấp’? Do đó bây tôi hổ thẹn, do đó bất đắc dĩ phải thu gom tiên của của các quận, tạm làm yên lòng dân, sắp đến lúc xây dựng nhưng do dự ba năm không làm. Vào thời lúc ấy, bọn cướp sợ oai, không dám lấn nước ta, đem quân lên phía bắc, lại về phía tây chặn ngang miền Mân, Hán, miền nam không có việc gì, đây là do khiêm nhường, không chịu xây dựng cung điện vậy. Huống chi Bệ hạ sinh vào lúc nguy khó, lại kém hơn đức của Đại Hoàng đế, không đáng lo nghĩ hay sao? Mong Bệ hạ chú ý, thần không dám nói bừa”.

Lục Dận tự Kính Tông, là em của Khải vậy. Lúc đầu làm Ngự sử, Thượng thư Tuyên tào lang, Thái tử Hòa nghe danh tiếng, lấy lễ đối đãi rất đặc biệt. Gặp lúc bọn Toàn Kí, Dương Lan xu nịnh theo Lỗ Vương Bá, tranh chia với Hòa, ngầm gièm vu nhau. Dận bị bắt vào ngục, trải qua đau đớn⁽⁸⁷⁾, rút cuộc không nói lời khác.

Ngô lục viết: Thái tử lo sợ bị phế bỏ, mà Lỗ Vương rất được trông chờ. Bấy giờ Quyền thấy Dương Lan gọi tả hữu đến bàn về tài năng của Bá, Lan kể rõ tài năng văn võ của Bá, nên cho làm người nối tự, do đó Quyền bèn hứa lập Bá, cho quan Cấp sự quỳ ở dưới giường nghe lệnh. Nghe tin ấy, đến báo cho Thái tử. Dận đang đến Vũ Xương, đến từ biệt Thái tử. Thái tử không gặp, rồi mặc áo thường đến nép dưới xe của Dận, cùng ngầm bàn việc, muốn sai Lục Tồn dâng biểu can gián. Sau đó Tồn dâng biểu can gián, Quyền ngờ Lan làm lộ việc ấy,

Lan từ chối không chịu nhận. Quyền sai Lan ra tìm hiểu nguyên nhân, Lan bẩm là chỉ có Dận đi về phía tây, tất người này nói ra. Lại sai người hỏi Tôn làm sao mà biết việc ấy, Tôn nói là do Dận nói. Bèn gọi Dận về xét hỏi, Dận giúp Thái tử giữ kín, nói: “Dương Lan nói cho thần biết việc ấy”. Bèn bắt cùng vào ngục. Lan không chịu được đau đớn, chịu nhận là mình nói. Lúc đầu Quyền ngờ Lan tiết lộ việc ấy, lúc Lan chịu nhận, cho là đúng thế, liền chém Lan.

Sau làm Hành Dương Đốc quân Đô úy. Năm Xích Ô thứ mười một, người rợ ở quận Giao Chỉ, Cửu Chân⁽⁸⁸⁾ đánh diệt thành ấp, Giao Châu nhiễu động. Lấy Dận làm Giao Châu Thứ sử, An nam Hiệu úy. Dận vào miền nam, dùng ân tín để dụ, ưa việc chiêu nạp, hơn ba nghìn người phe đảng của bọn cừ súy Hoàng Ngô ở huyện Cao Lương đầu ra hàng. Dẫn quân xuống phía nam, tuyên bố rất thật, đem tiền của để trao tặng. Hơn trăm tướng giặc, năm vạn người dân ở nơi sâu xa khó quản, chẳng ai không cúi đầu, do đó Giao Châu yên bình. Liền bái chức An nam Tướng quân. Lại đánh giặc ở huyện Kiến Lăng quận Thương Ngô, phá chúng, trước sau đem hơn tám nghìn quân để cấp vào quân đội.

Năm Vĩnh An thứ nhất, gọi về làm Tây Lăng Đốc, phong Đô Đình Hầu, sau lại chuyển làm Tả Hồ lâm. Trung thư chưng Hoa Hạch tiến cử Dận nói: “Tính Dận vốn thông đạt, tài lược trong sạch, xưa làm Tuyên tào, công lao đáng ghi. Trở về tại Giao Châu, ban bố ân đức của triêu đình, dân li tán nương dựa, góc biển yên ổn. Các quận Thương Ngô, Nam Hải trước đây mỗi năm có cái hại của gió chướng, gió mạnh bẻ gãy cây, thổi bay cát đá, khí lại nóng nực, chim bay không qua. Từ lúc Dận đến châu, khí gió ngừng nghỉ, khách buôn đi yên, dân không bệnh tật, ruộng vườn tươi tốt. Sở trị của châu gần biển, hằng đến mùa thu nước biển tràn đầy, Dận lại ngăn nước, dân được ăn ngon, ân đức bao trùm, cảm hóa thần người, lại dựa vào oai trời, thu nạp dân li tán. Đến lúc nhận chiếu thư gọi về, dân cảm ân ấy, bỏ cả đất đai, công gia dắt trẻ, vui lòng đi theo, dân không hai lòng. Không đặt quân vệ. Các tướng khác hợp quân đầu ra oai uy hiếp, chưa có ai như Dận chỉ dùng ân tín mà thôi. Nhận lệnh ở châu, được hơn mười năm, làm khách đất lạ, có nhiều vật đẹp, nhưng vợ trong nhà không bôi son phấn đeo ngọc châu, nhà không có các vật gắn ngà voi sừng tê chạm trổ. Bầy tôi ngày nay, khó được như thế. Nên ở kinh sư, giúp đỡ nhà vua để hát bài ‘Khang tai’ của thời Đường, Ngu. Ven sông việc nhỏ, không dùng hết tài, Hồ lâm, Tuyên tào, nhiều người đã giữ. Nếu gọi về kinh, cho làm chức cao, thì việc lớn tất sửa, công lao sáng rõ vậy. Dận chết, con là Thúc nối tự, làm Sài

Tang Đốc, Dương vũ Tướng quân. Năm Thiên Sách thứ nhất, cùng với anh họ là Y dời đến quận Kiến An. Năm Thiên Kỉ thứ hai, gọi về Kiến Nghiệp, làm Tướng quân, tước Hài.

Bình rằng: Phan Tuấn trong sạch quyết đoán, Lục Khải trung trinh thẳng thắn, đều có khí tiết cứng cỏi, có phong thái của bậc đại trượng phu. Dặn rửa thân coi việc, nổi tiếng ở miền nam, có thể nói là quan lại tài giỏi vậy.

QUYỂN 17 - THỊ NGHỊ HỒ TỔNG TRUYỆN

Thị Nghi, Hồ Tổng

THỊ NGHI TRUYỆN

Thị Nghi tự Tử Vũ, người quận Bắc Hải huyện Doanh Lăng. Nghi gốc họ Thị, ban đầu làm Huyện lại, sau ra làm quan ở quận, tướng ở quận là Khổng Dung trào lộng Nghi, nói “chữ Thị” giống “chữ Dân”, là không có gì cao hơn nổi, nên đổi thành “chữ Thị”, rồi đổi họ cho Nghi⁽⁸⁹⁾.

Từ Chúng bình rằng: Thời xưa đặt ra họ, hoặc lấy nơi sinh trưởng, hoặc lấy quan hiệu, hoặc lấy tên của tổ tiên, đều có ý nghĩa nhất định, để nêu rõ họ tộc. Cho nên nói đến đất đai và ban đặt cho họ, đây là phép tắc của tiên vương, lý do là để sáng tỏ cội nguồn trong cái thừa ban đầu, biểu chương công đức, con cháu chẳng quên được. Nay chia văn tách chữ, ngang ngược sinh ra kỳ huý, khiến cho Nghi phải đổi họ, quên gốc gác tổ tông, chẳng là xằng bậy sao! Khiến cho người ta thay họ, theo người ta đổi dòng tộc, là Dung đã có lỗi rồi, Nghi lại theo là không được vậy.

Về sau Nghi nương nhờ Lưu Do, tránh nạn ở Giang Đông. Dao thua quân, Nghi lại dời về Cối Kê.

Tôn Quyên kế thừa nắm đại nghiệp, ưa văn chương của Nghi nên cho vời. Nghi đến nhậm chức, được chuyên trách giữ việc cơ mật, bái làm Kỵ đô úy.

Lã Mông mưu đồ tập kích Quan Vũ, Quyên đem chuyện hỏi Nghi, Nghi khen kế ấy, khuyên Quyên nghe theo. Nghi theo đi đánh Vũ, được bái làm Trung nghĩa hiệu úy. Nghi bầy tỏ lời cảm tạ, Quyên xuống lệnh rằng: “Cô đầu chẳng phải là Triệu Giản, Khanh sao chẳng tự khuất mình làm Chu Xá được ru?”⁽⁹⁰⁾

Sau khi định Kinh Châu, Quyên đóng đô ở Vũ Xương, bái Nghi làm Bì tướng quân, sau phong tước Đô đình hầu, giữ chức Thị trung. Quyên muốn lần nữa trao cho Nghi binh quyền, Nghi tự thấy mình không có tài, cố từ không nhận. Năm Hoàng Vũ trung, Quyên phái Nghi đi huyện Hoàn tới chỗ tướng quân Lưu Thiệu, muốn dùng mẹo dụ lừa Tào Hưu. Hưu đến nơi, quân Ngô đại phá được, Nghi được thăng lên chức Thiên tướng quân, ở trong cửa khuyết thì coi xét việc của Thượng thư, bên ngoài thì bình trị tất

cả các quan lại, kiêm quản việc tố tụng, lại lệnh cho Nghi dạy dỗ các công tử học hành sách vở.

Đại giá dời về Đông⁽⁹¹⁾, Thái tử Đăng ở lại trấn thủ Vũ Xương, Quyên sai Nghi giúp đỡ Thái tử. Thái tử kính trọng Nghi, có việc thì hỏi Nghi trước, sau mới thi hành. Nghi được tấn phong tước Đô hương hầu. Về sau Nghi theo Thái tử về Kiến Nghiệp, lại được bái làm Thị trung, giữ việc chấp pháp, bình trị các quan lại, quản việc tố tụng như cũ. Diễn hiệu lang⁽⁹²⁾ là Lã Nhất vu không cố Thái thú Giang Hạ là Điều Gia phỉ báng quốc chính, Quyên giận, bắt Gia hạ ngục, thẩm vấn cho rõ ràng. Bấy giờ những người cùng ngỗ hết thấy sợ hãi ụy kỵ Nhất, đều nói là có nghe thấy việc đó, riêng Nghi nói là không nghe thấy gì. Vì thế bị cật vấn khốn khổ mấy ngày, chiếu chỉ chuyển xuống rất nghiêm khắc, qu ân thần vì việc đó mà khẹp nép. Nghi đáp rằng: “Nay đao cưa đã ở cổ của thần, thần sao dám vì Gia mà giấu diếm, đành tự chọn lấy cái chết, làm con quỷ bất trung! Song để biết rõ ràng phải có gốc rễ ngọn ngành mới được.” Nghi cứ sự thực đối đáp, lời lẽ chẳng hề dao động. Quyên bèn tha cho Nghi, Gia cũng được thoát.

Từ Chúng bình rằng: Thị Nghi là lữ khách ở miền khác đến, làm quan khách ở triều Ngô, gặp lời gièm pha trở trên, mà uy thế nghiêm trang quả cảm, đứng mực, ở thời khắc tính mệnh treo lơ lửng, nguy cơ tai vạ ở trước mắt, không nói theo kẻ khác để hại người, chẳng cầu thả tránh hoạ để tổn thương đạo nghĩa, có thể nói là kẻ sĩ trung dũng công chính⁽⁹³⁾, dẫu Kỳ Hê cứu Thúc Hưởng⁽⁹⁴⁾, Khánh Kỵ giúp Chu Vân⁽⁹⁵⁾, sao đã hơn được? Trung là không siểm nịnh vua, dũng là chẳng run sợ oai thế, công là không nghĩ cho riêng mình, chính là chẳng theo tà đảng, nhờ có bốn đức tính ấy, lại thêm văn tài sáng suốt, đầy đủ vẻ nhún nhường, hành vi hoà thuận, gánh vác công việc giúp nhĩ cung, giữ được thanh danh và sự ưu ái, chẳng cũng nên sao!

Thục tướng Gia Cát Lượng chết, Quyên rủ lòng với Tây châu⁽⁹⁶⁾, sai Nghi đi sứ Thục bày tỏ tình đồng minh hữu hảo bền vững. Nghi vâng mệnh đi sứ xưng ý chỉ, sau được bái làm Thượng thư bộc xạ.

Hai cung Nam, Lỗ mới lập⁽⁹⁷⁾, Nghi lấy chức phận trước đây giúp đỡ Lỗ Vương. Nghi hiềm rằng hai cung được đối xử gần ngang nhau, bèn dâng sớ rằng: “Thần thiết nghĩ Lỗ vương đức trời sinh trội hơn các bậc thường, kiêm tài văn võ, nay đang là lúc thích hợp, nên trấn áp bốn phương, làm phen dậu che chở cho quốc gia. Tuyên dương mỹ đức, làm rạng rỡ uy linh, ấy là quy hoạch tốt đẹp của quốc gia, bốn cõi đều trông ngóng. Chỉ vì

ngôn từ của thần hạn hẹp, chẳng thể bày tỏ được hết ý mình. Ngu thần cho là hai cung nên có hơn kém, phải có thứ tự trên dưới, để sáng tỏ cái gốc rễ của giáo hoá.” Thư dâng lên ba bốn lần. Nghi giúp việc tận trung, liên tục đưa lời can gián; làm việc trên cả mức chuyên cần, cung kính giúp đỡ người⁽⁹⁸⁾.

Nghi chẳng vun vén sản nghiệp, không nhận ân huệ bổng thí, phòng ốc nhà cửa tiền của chỉ đủ dùng. Láng giềng có người xây nhà lớn, Quyên ra ngoài trông thấy, hỏi rằng ai xây dựng ngôi nhà lớn đó, tả hữu thưa rằng: “Hình như là nhà của Thị Nghi.” Quyên nói: “Nghi là người cần kiệm, tất không phải vậy.” Hỏi ra quả nhiên là nhà khác. Nghi được hiểu và tin tưởng đến như thế.

Nghi chẳng mặc áo trơn, ăn uống chẳng phải cỗ bàn, cứu giúp cho người nghèo hèn khốn khổ, trong nhà không tích trữ gia súc. Quyên nghe chuyện, đến tận nhà Nghi, xin một bữa cơm rau, tự mình nếm thử, rồi hướng vào Nghi mà than thở, lập tức tăng bổng lộc thêm cho Nghi, lại cho thêm ruộng vườn. Nghi mấy lần nhún nhường từ chối, cho rằng ân huệ là mối lo.

Nghi luôn luôn tiến cử cho người, chưa từng nói đến sở đoản của người khác. Quyên thường trách Nghi vì đã không nói gì về việc ấy, là không biết phải trái, Nghi đáp rằng: “Thánh chủ ở trên, thần ở dưới giữ chức phận, sợ là còn chưa xứng, thật không dám nói những lời ngu dốt hẹp hòi, mạo phạm đến tai thánh thượng.”

Nghi thờ phụng quốc gia mấy chục năm, chưa từng có lỗi lầm. Lã Nhất mấy lần tâu bẩm về các văn võ đại thần, có người bị hỏi tội đến bốn lần, riêng Nghi không bao giờ bị bẩm bạch. Quyên than rằng: “Nếu người người đều tận tâm như Thị Nghi, sao phải dùng luật pháp làm gì?”

Lúc Nghi ốm nặng, di mệnh là dùng áo quan mộc⁽⁹⁹⁾, tẩm liệm dùng thường phục, cốt sao cho giản tiện, năm tám mươi một tuổi thì Nghi chết.

QUYỂN 18 - NGÔ PHẠM LỮ ĐÔN TRIỆU ĐẠT TRUYỆN

Ngô Phạm, Lưu Đôn, Triệu Đạt

TRUYỆN NGÔ PHẠM

Ngô Phạm tự Văn Tắc, người huyện Thượng Ngu quận Cối Kê. Vì hiểu thuật số, (100) biết phong khí (101) mà nổi tiếng ở quận. Cử hữu đạo, (102) gọi đến kinh đô, nhưng thời loạn không đi. Gặp lúc Tôn Quyên nổi dậy ở miền đông nam, Phạm trao thân theo giúp, hề có đi ền xấu, li ền đoán số mà báo việc, thuật số phần nhiều ứng nghiệm, bèn vì thế mà nổi tiếng.

Lúc đầu, Quyên ở tại quận Ngô, muốn đánh Hoàng Tổ. Phạm nói: “Năm nay ít có lợi, không bằng đến năm sau. Năm sau là năm mậu tí, Lưu Biểu chết thì đất Kinh Châu cũng mất”. Quyên vẫn đánh Tổ, rút cuộc chẳng thắng. Năm sau, lại phát quân, đi đến Tân Dương. Phạm xem phong khí, nhân đó lên thuy ền chúc mừng, khuyên đem quân đi nhanh, đến li ền phá Tổ, Tổ li ền buổi đêm chạy trốn. Quyên sợ không bắt được, Phạm nói: “Không lâu nữa tất bắt sống được Tổ”. Đến giữa canh năm, quả nhiên bắt được. Lưu Biểu đã chết, Kinh Châu bị chia cắt.

Đến năm nhâm thìn, Phạm lại bảm rằng: “Vào năm giáp ngọ, Lưu Bị sẽ lấy được Kinh Châu”. Sau đó Lữ Đại từ đất Thục về, gặp Bị ở thành Bạch Đế, nói là quân sĩ của Bị tan lạc, chết thương quá nửa, việc tất chẳng xong. Quyên lại hỏi Phạm, Phạm nói: “Lời mà thần nói là mệnh trời, nhưng lời mà Đại nói là việc người mà thôi”. Bị rút cuộc lấy được đất Thục.

Quyên cùng Lữ Mông mưu đánh Quan Vũ, bàn với bày tôi thân cận, nhiều người nói là không đánh được. Quyên lại hỏi Phạm, Phạm nói: “Đánh được”. Sau Vũ đến tại Mạch Thành, sai sứ xin hàng. Quyên hỏi Phạm rằng: “Nên cho hàng không”? Phạm nói: “Bên ấy có ý chạy, nói là hàng tất là dối thôi”. Quyên sai Phan Chương chặn đường đi của Vũ, quân dò thám về, nói là Vũ đã bỏ đi. Phạm nói: “Dẫu bỏ đi nhưng chẳng thoát được”. Hỏi lúc nào, đáp nói: “Giữa ngày hôm sau”. Quyên dựng đồng hồ nước để đợi xem. Đến giữa ngày không thấy tin, lại hỏi vì sao, Phạm nói: “Lúc này chưa đúng giữa ngày vậy”. Chốc lát, có gió thổi lay động màn

trưởng, Phạm vỗ tay nói: “Vũ đến rồi”. Lát sau, người ngoài xưng vạn tuế, truyền lời là bắt được Vũ.

Sau đó Quyên hòa thân với nhà Ngụy, Phạm nói: “Xét phong khí mà nói, bên ấy bên ngoài là đến, nhưng thật ra có mưu, nên phòng bị đi”. Lưu Bị đem quân nhiều đến ở Tây Lăng, Phạm nói: “Sau lại hòa thân”. Cuối cùng như lời Phạm. Lời đoán bói đúng nghiệm như thế.

Quyên lấy Phạm làm Kị đô úy, lĩnh chức Thái sử lệnh, ⁽¹⁰³⁾ Quyên nhiều lần theo học hỏi, muốn được bày dạy. Phạm giữ kín thuật ấy, không đem thuật mà bày nói cho Quyên. Do đó Quyên lấy làm tiếc.

Ngô lục chép: Phạm chỉ để trong lòng, cho là mình được coi trọng là vì biết thuật ấy, thuật mà mất thì thân cũng bị ruồng bỏ, cho nên không nói.

Trước đây, lúc Quyên làm Tướng quân, Phạm từng nói rằng miền Giang Nam có khí của bậc Đế vương, vào năm Hợi-tí tất có phúc lộc lớn. Quyên nói: “Nếu rút cuộc như lời này, sẽ phong ông làm tước Hầu”. Lúc lập làm Ngô Vương, bấy giờ Phạm hội yến, nói: “Ngày trước tại quận Ngô, từng nói việc này, Đại vương còn nhớ chăng”? Quyên nói: “Có nhớ”. Nhân đó gọi tả hữu, ban dải thao tước Hầu cho Phạm. Phạm biết Quyên muốn chối bỏ lời lúc trước, liềm xua tay không nhận. Lúc sau luận công ban phong, lấy Phạm làm Đô đình hầu. Chiếu lệnh sắp ban ra, Quyên ghét Phạm chỉ biết giữ thuật cho riêng mình, bèn trừ bỏ tước phong.

Phạm là người thẳng thắn, lại có phần tự kiêu, nhưng lại thân tình trước sau với bạn cũ. Vốn thân nhau với người cùng ấp là Ngụy Đằng. Đằng từng có tội, Quyên trách mắng rất nghiêm, lệnh ai dám can sẽ giết, Phạm bảo Đằng rằng: “Sẽ cùng chết với ông”. Đằng nói: “Chết mà không có ích, chết để làm gì”? Phạm nói: “Ta nghĩ gỡ được việc này, há ngẩng xem ông chết sao”? Bèn cắt tóc tự trói đến dưới cửa, sai lính hầu vào báo, lính hầu không dám, nói: “Ta vào tất chết, không dám nói”. Phạm nói: “Người có con không”? Đáp nói: “Có”. Phạm nói: “Nếu người vì Ngô Phạm ta mà chết, con người sẽ đưa cho ta nuôi”. Lính hầu nói: “Dạ”. Liềm cho vào cửa. Nói chưa xong, Quyên cả giận, muốn lấy kích để đâm. Lính hầu lùi lại đi ra, Phạm nhân đó xông vào, rập đầu chảy máu, nói mà khóc lóc. Hồi lâu, Quyên có ý tha, bèn tha tội Đằng. Đằng gặp Phạm tạ rằng: “Cha mẹ nuôi ta lớn được, nhưng không tha cho ta khỏi chết được. Bậc trưởng phu quen biết nhau, như ông là đủ rồi, há cần chi nhiều”!

Côi Kê diễn lục chép: *Đằng tự Chu Lâm, ông nội là Hà Nội Thái thú Lãng, tự Thiếu Anh, được xếp vào hàng ‘bát tuần’.* (104) *Đằng tính thẳng thắn, chẳng mấy hòa mục với ai, dẫu gặp khốn bức, cũng chẳng đổi tính. Lúc đầu cũng vì làm trái ý Sách mà suýt chết, may nhờ thái phi* (105) *cứu mới thoát, chép ở Phi tần truyện. Làm quan qua các chức Lệnh của ba huyện Lịch Dương, Bà Dương, Sơn Âm, rồi làm Bà Dương Thái thú.*

Năm Hoàng Vũ thứ năm, Phạm bệnh chết. Con cả chết trước, con út còn nhỏ, do đó nghiệp dứt. Quyền nghĩ nhớ Phạm, chọn những người biết được thuật số như Ngô Phạm, Triệu Đạt ở ba châu , phong tước Hầu thực ấp nghìn hộ, nhưng cuối cùng chẳng có ai.

Ngô lục chép: *Phạm biết trước ngày mình chết, bảo Quyền nói: “Bệ hạ đến ngày đó sẽ để tang Quân sư”. Quyền nói: “Ta không có Quân sư, sao mà để tang được”? Phạm nói: “Bệ hạ đem quân chống địch, nhờ thần nói trước rồi mới đi. Thần là Quân sư của bệ hạ vậy”. Đến ngày đó quả nhiên chết. Thần là Tùng Chi xét: Vào lúc Phạm chết, Quyền chưa xưng Đế, mà sách này xưng là bệ hạ, sai vậy.*

TRUYỆN LƯU ĐÔN

Lưu Đôn tự Tử Nhân, người quận Bình Nguyên. Gặp loạn tránh nạn, làm khách tại quận Lư Lăng, theo giúp Tôn Phụ. Vì biết thiên văn thuật số mà nổi danh ở miền nam. Hễ có nạn khô hạn, giặc cướp, đều đoán biết trước được, không gì là không đúng. Phụ lấy làm lạ, cho làm Quân sư, trong quân đều kính phục Đôn, khen là thần minh.

Giữa năm Kiến An, Tôn Quyền ở tại quận Dự Chương, bấy giờ có sao rơi, đến hỏi Đôn, Đôn nói: “Có họa tại quận Đan Dương”. Quyền nói: “Vì sao”? Đáp nói: “Khách lẩn cả chủ, đến ngày ấy sẽ nói rõ”. Bấy giờ, Biên Hùng làm loạn, đúng như lời Đôn.

Đôn đối với các thuật đều giỏi, giỏi rõ nhất là thuật thái âm, đều suy đoán từng việc, rất là kì diệu, soạn thành sách có hơn trăm thiên, nhà Nho nổi tiếng là Đìêu Huyền cũng khen là thần kì; nhưng Đôn cũng quý tiếc thuật của mình, không chịu dạy cho người khác, cho nên người đời chẳng ai biết rõ vậy.

TRUYỆN TRIỆU ĐẠT

Triệu Đạt là người quận Hà Nam. Thừa trử theo học quan Thị trung của nhà Hán là Đan Phủ, suy nghĩ sâu xa, nói là miền đông nam có khí của bậc Đế vương, nên đến tránh nạn được, do đó đem thân vượt sông. Xét thuật cửu cung nhất toán, [\(106\)](#) nghiên cứu cái tinh diệu của thuật ấy, cho nên biết tùy cơ mà ứng biến, đối đáp như thần, đến như tính xem có nạn châu chấu bay, đoán vật ẩn nấu, không gì là không đúng. Có người hỏi Đạt rằng: “Những con vật biết bay vốn không xét đoán được, ai biết được là đúng, đấy chỉ là nói bừa thôi”. Đạt sai người ấy lấy mấy hạt đậu nhỏ đặt ở trên chiếu, để ở vài chỗ trên đó, đến lúc đoán đúng người ấy mới tin thật. Từng qua nhà bạn cũ, bạn cũ mời Đạt ngồi ăn. Ăn xong, bảo Đạt rằng: “Kho ít rượu thiếu, lại không có món ngon, không làm vừa ý, được sao”? Đạt nhân đó lấy một cái đĩa trong mâm, lại khua ngang khua dọc ba lần, rồi nói: “Dưới vách phía đông nhà ông có một hộc rượu ngon, lại có ba cân thịt hươu, sao lại nói là không có”? Bấy giờ có người khách khác cũng ngồi, trong lòng biết ý của chủ nhà, chủ nhà then nói: “Ông giỏi đoán vật ẩn nấu thật không, muốn thử xem sao thôi, không ngờ hiệu nghiệm như thế”. Bèn đem rượu ra uống. Lại có thẻ tre, trên ấy chép mấy nghìn vạn chữ, cất giấu ở trong kho, nhờ Đạt tính xem. Đạt tính số đoán, nói: “Chỉ là có danh mà không có thật”. Sự tinh diệu của Đạt đại khái như thế.

Đạt quý tiếc thuật ấy, bọn Khám Trạch, Ân Lễ đều là nhà Nho hay kẻ sĩ giỏi, cúi mình nhún nhường theo học, nhưng Đạt giữ kín không nói ra. Thái sử thừa Công Tôn Đằng thừa trử theo học Đạt, chăm chỉ nhiều năm, Đạt hứa truyền dạy cho chỉ mấy năm thôi, lúc sắp nói ra nhưng rồi lại dừng. Ngày sau Đằng đem rượu ngon đến, xem sắc mặt, quỳ bái mà xin, Đạt nói: “Tổ tiên ta biết được thuật này, muốn mưu làm thầy của Đế vương, làm quan đến nay trải ba đời vua, nhưng không hơn chức Thái sử lang, thật là không muốn truyền dạy nữa. Vả lại thuật này thần kì, cộng đầu trừ đuôi, như thuật nhất toán, không thể cùng nói với ông. Nhưng thấy ông chăm

học không chán, nay sẽ truyền dạy cho ông”. Uống mấy chén rượu xong, Đạt đứng dậy lấy hai quyển sách giấy trắng, dày bằng ngón tay, Đạt nói: “Nên chép lại mà đọc nó thì tự hiểu được. Ta bỏ đã lâu, không còn xem nữa. Nay muốn bàn nghĩ riêng một lúc, mấy ngày sau đến nói cùng”. Đẳng theo hẹn lại đến, đến thì sách thuật đã mất rồi, kinh ngạc mà trách, Đạt nói: “Hôm qua con về đến, tất là do hán trộm lấy”. Bèn từ đó thôi học.

Lúc trước, Quyên đem quân đánh dẹp, hể lệnh sai Đạt bói đoán xem, đầu như Đạt nói. Quyên hỏi cách đoán, Đạt rút cuộc chẳng nói, do đó mà đối đãi càng bạc, chẳng cho bằng lòng.

Ngô thư chép: Lúc đầu, Quyên lên ngôi vị, sai Đạt đoán số của thiên tử sẽ được mấy năm. Đạt nói: “Cao Tổ lập được được mười hai năm, nay bệ hạ sẽ gấp đôi”. Quyên cả mừng, tả hữu đều hô: “Vạn tuê”. Đúng như lời Đạt.

Đạt thường cười bảo những người xem sao, phong khí, thuật số rằng: “Phải tính đoán ở trong màn trướng, không cần ra cửa mà vẫn biết mệnh trời, lại chẳng phải ngày đêm hứng sương gió để xem điếm khí, cũng chẳng khó hơn sao”! Ở trong nhà không đi đâu, tính toán đầu ứng nghiệm, lại than rằng: “Ta tính được ngày tháng năm hết mệnh, sắp đến rồi”. Vợ của Đạt nhiều lần biết Đạt đoán đúng, nghe nói thế thì khóc lóc. Đạt muốn xoa dịu ý vợ, rồi lại đoán nữa, nói: “Nếu đoán sai lần thì chưa đến lúc vậy”. Sau quả đúng chết thật. Quyên nghe nói Đạt có sách thuật, xin nhưng chẳng được, lại gọi con gái của Đạt đến hỏi, mở quan quách cũng chẳng có, thuật ấy bèn mất.

Ngô lục chép: Hoàng Tượng tự Hưu Minh, người huyện Giang Đô quận Quảng Lăng. Thừa nhỏ tập viết chữ. Bấy giờ có Trương Tử Tinh, Trần Lương Phủ cũng giỏi viết chữ. Phụ viết chữ nhỏ, Tinh viết chữ to, Tượng bèn chọn viết sách kết hợp giữa hai cách viết chữ ấy, rất là tinh diệu, những người viết chữ giỏi của Trung Quốc chẳng ai theo kịp. Nghiêm Vũ tự Tử Khanh, là cháu họ của Vệ úy Tuấn, (107) chơi cờ vây chẳng ai sáng bằng. Tống Thọ giỏi đoán mơ, mười chẳng sai một. Tào Bất Hưng giỏi vẽ tranh, Quyên sai vẽ bức bình phong, vẽ sai, bèn lấy bút chấm một nét, nhân đó liền vẽ hình con ruồi. Dâng lên vua xem, Quyên cho là như con ruồi thật, cử tay mà bắt. Người huyện Cô Thành là Trịnh Âu giỏi xem tướng người, cùng với Phạm, Đôn, Đạt là tám người, người đời khen là thần diệu, gọi là ‘bát tuyệt’ (108) vậy. Tấn dương thu chép: Nước Ngô có Cát Hành, tự Tư Chân, hiểu rõ thiên văn, lại có tài khéo, làm ra máy ‘hồn thiên’, đặt quả đất trong đó, lấy máy mà làm cho chuyển động, trời chuyển thì đất dừng, ở trên ứng với quỹ đạo.

***Bình rằng:** Ba người đối với thuật số đều giỏi vậy, suy nghĩ thần kì thay! Nhưng bậc quân tử để lòng ở chỗ thân mình, nên hợp với nơi xa nơi lớn, cho nên gọi là kẻ sĩ hiểu biết thì phải bỏ cái thuật ấy mà tìm lấy việc của bậc quân tử vậy.*

Tôn Thịnh nói: “Ôi, dựa vào thuật huyền hoặc chưa chắc đã đúng mà đoán xét việc mai sau, dẫu là Bì Táo-Tề Thận [\(109\)](#) còn sai sót nữa là, huống chi là cái thuật số thấp kém ấy? Sách sử nước Ngô chép rằng Đạt biết miền đông nam sẽ có khí của Đế vương cho nên nhanh chân vượt sông. Nhà Ngụy thay nhà Hán, nhận lệnh ở Trung Nguyên, vậy mà Đạt không xem biết trước cái mầm mống ấy mà lại trốn dạt đến miền Ngô-Việt. Lại không biết cái thấp kém của thuật số, cho nên bấy giờ bị đối đãi bạc bẽo, há lại hiểu rõ mệnh trời và biết xét điếm báo của bậc Đế vương sao? Ngày xưa vua hiên xem tượng của trời đất để vẽ nên hình của tám quẻ, cho nên liê lập thành cách bói cỏ thi, biến hóa hình tượng ở sáu hào, cho nên ba loại kinh Dịch dẫu khác nhưng ý nghĩa của quẻ vẫn là một, há có lập quẻ tính đếm để suy sâu xét xa, chú ý đoán bói mà biết được việc sắp xảy ra sao? Thói thường ưa lạ, nói bừa là thần kì. Như cái chẳng hai là cái mà Trọng Ni vứt bỏ. Cho nên quân tử chú ý ở điếu hay, không chọn ở thuật ấy. Thần là Tùng Chi cho rằng: Tôn Thịnh nói: “Quân tử chú ý ở điếu hay, không chọn ở thuật ấy”. Đây là có ý bàn xét người khác, không có ý mới vậy. Các lời chê khác thì đều không có lí. Vì sao? Từ lúc Trung Nguyên nhiễu loạn đến năm Kiến An, trong mấy chục năm, dân chúng chết cả, đến như có ít lúc yên ổn, cũng chỉ là một phần trăm thôi. Miền Giang Tả dẫu có binh đao nhưng không bằng cái khổ cực của Trung Quốc, đây há chẳng phải Đạt tính đến việc an nguy, biết được họa nhi ều ít, có lợi ở miền đông nam để giữ vẹn thân mình sao? Sao lại trách Đạt không biết nhà Ngụy sắp nổi lên, đi dạt vào miền Ngô-Việt! Như suy tính của Kinh Phòng, vẫn không tự thoát được tội chết, [\(110\)](#) huống chi Đạt dùng cái thuật ấy mà chỉ bị đối đãi bạc bẽo, trong thế hối tiếc mà thôi! Cái đạo thuật thời xưa, không chỉ có một, cái hay của xét đoán, há chỉ ở việc dùng sáu hào? Nếu hiểu được điếu cốt yếu thì dễ mà biết được vậy. Lập quẻ tính đếm, sao gọi là gở? Cái suy đoán của Đạt, hiểu thấu cái kì diệu để biết được cái sâu xa, nào then với người xưa! Vậy nên mượn Bì-Tề để chê Đạt, cho rằng Đạt là bậy bạ, thì chẳng phải là lời bàn đúng đắn vậy. Bão Phác Tử chép: Bấy giờ có người là Cát Tiên Công, hề uống rượu say lại thường vào nằm giữa khe nước trước cửa nhà người ta, hết ngày mới ra. Từng theo Ngô chủ đi đến Liệt Châu, lúc về gặp gió lớn, thuyền của trăm quan phần nhi ều bị chìm,

thuyền của Tiên Công cũng chìm đắm. Ngô chủ rất lo sợ. Hôm sau sai người móc tìm thuyền của Tiên Công, lại lên chỗ cao để nhìn xem. H ồi lâu, thấy Tiên Công đi bộ trên mặt nước đến, nhưng dầy áo không ướt, có vẻ uống rượu. Đã gặp mà nói rằng: “Hôm qua th ần theo h ầu thì Ngũ Tử Tư mời gặp, r ồi uống rượu hơi nhi ều, chênh mảng không tỉnh, nên mới thế”. Lại có người tên là Diêu Quang, biết thuật lửa, Ngô chủ tự đến thử h ắn, chất mấy nghìn bó cỏ, sai Quang ng ồi lên đó, lại lấy mấy nghìn bó cỏ trùm lên h ắn, r ồi thổi gió mà đốt. Cỏ cháy hết, cho rằng Quang tất đã hóa thành tro, nhưng Quang chui ra từ giữa tro, r ữ áo mà đứng dậy, c ần một quyển sách. Ngô chủ c ần sách ấy mà xem, không hiểu được gì. Lại chép: Ngô Cảnh Đế có bệnh, tìm th ầy mo xem, được một người. Cảnh Đế muốn thử người ấy, bèn giết một con ngỗng r ồi chôn ở trong vườn, treo màn nhỏ, đặt giường ghế, sai đàn bà đi guốc mặc áo đi trên ấy, r ồi sai th ầy mo xem, báo rằng: “Nếu nói được hình dạng của h ồn người đàn bà trong mộ ấy sẽ ban thưởng và tin theo ngay”. Suốt ngày thâu đêm không nói, Cảnh Đế cố hỏi người ấy, bèn nói: “Thực là không thấy có h ồn, chỉ thấy một con ngỗng trắng đứng ở trên mộ, th ần không b ầm ngay là vì ngờ rằng quý th ần biến hóa thành hình ấy, phải đợi nó biến thành hình thật mới định rõ. Nhưng nó lại không thay đổi, không biết vì sao cho nên không dám không đem sự thực để b ầm”. Cảnh Đế bèn ban thưởng hậu h ĩnh. Vậy thì con ngỗng chết r ồi cũng có h ồn vậy. Th ần tiên truyện của Cát H ồng chép: Có người tiên là Giới Tượng, tự Nguyên Tắc, người quận Cối Kê, hiểu các phương thuật. Ngô chủ nghe tin, gọi Tượng đến Vũ Xương, rất kính trọng h ắn, gọi là Giới Quân, giúp dựng nhà, cấp trướng ngự cho h ắn, trước sau ban tặng đến nghìn vàng, theo Tượng học thuật che thân. Thử về hậu cung, lúc ra khỏi cửa điện, chẳng ai nhìn thấy. Lại sai Tượng bày phép biến hóa, tr ồng rau dưa hoa quả, đầu mọc ra ăn được. Ngô chủ cùng luận rằng trong các loài cá thì loài nào đẹp nhất, Tượng nói: “Cá truy [\(111\)](#) là nhất”. Ngô chủ nói: “Luận về loài cá g ần đây thôi, loài ấy sống ở giữa biển, sao mà bắt được”? Tượng nói: “Bắt được vậy”. Li ền sai người đào một cái hồ vuông ở giữa sân điện, mức nước đổ đầy vào, xin được câu, Tượng làm m ồi câu, r ử dây câu ở trong hồ. Chốc lát, quả nhiên câu được cá truy. Ngô chủ cả mừng, hỏi Tượng rằng: “Ăn được không”? Tượng nói: “Cố vì bệ hạ mà lấy nó làm món thịt sống, sao dám không làm được món ăn được”? Bèn sai thuộc hạ làm thịt cá. Ngô chủ nói: “Nghe tin sứ Thục đến, nếu đem củ

khương [\(112\)](#) của đất Thục đến thì tốt quá, tiếc là bấy giờ không có nó”. Tượng nói: “Củ khương của đất Thục há không dễ có, xin sai sửa giả đến để mua về”. Ngô chủ sai một tả hữu, trao cho năm mươi xâu tiền. Tượng chép một lá bùa, bọc một cây gậy xanh ở trong, sai người đi phải nhắm cưỡi gậy, gậy dừng thì mùa củ khương, xong, lại nhắm mắt. Người ấy theo lời Tượng mà cưỡi gậy, chốc lát thì dừng, đã đến Thành Đô, không biết là chỗ nào, hỏi người, người ta nói là có bán ở trong chợ của đất Thục, bèn mua củ khương. Bấy giờ sứ Ngô là Trương Ôn đã đến đất Thục trước, rồi ở trong chợ biết nhau, rất kinh ngạc, rồi viết thư nhờ gửi về nhà mình. Người ấy mua củ khương xong, cầm thư vác củ khương, cưỡi gậy nhắm mắt, chốc lát là về đến nước Ngô, vừa lúc thuộc hạ làm món thịt xong. Thần là Tùng Chi cho rằng: Điêu là Cát Hồng chép có vẻ mê hoặc mọi người, thư văn của người này có phần truyền ở đời, cho nên chọn lấy mấy việc, chép nó vào cuối truyện này. Cái thuật của thần tiên cũng xét đoán được. Theo suy đoán của thần, nếu cho là mê hoặc mọi người thì đây gọi là ‘sâu trùng mùa hạ không biết đến băng giá’ [\(113\)](#) vậy.

[CHÚ THÍCH 12-18]

(1) Tam thự: chỉ ba dinh Ngũ quan, Tả, Hữu, mỗi dinh đều đặt quan Trung lang tướng để trông coi. Châu quận cử hiếu liêm để chọn người vào làm việc ở ba dinh ấy, người năm mươi tuổi trở lên thì cho vào dinh Ngũ quan, dưới thì cho vào hai dinh Tả, Hữu.

(2) Lờ bình nguyệt đán: cuối thời Hán, có danh sĩ Hứa Thiệu tự Tử Tương, người quận Nhữ Nam, mỗi khi đến đầu tháng (nguyệt đán) thì lại cùng người trong ấp là Lí Tĩnh bàn luận về đức hạnh của người khác, cho nên người miền Nhữ-Dĩnh (hai quận Nhữ Nam-Dĩnh Xuyên) gọi là lờ bình nguyệt đán.

(3) Việc giúp đỡ của Quách Thái: cuối thời Hán có danh sĩ là Quách Thái tự Lâm Tông, người quận Thái Nguyên, học rộng sách vở, có phẩm hạnh, giỏi bàn luận, quan phủ mời gọi nhưng không đến, đóng cửa dạy học, có đến nghìn học trò.

(4) Xóa lỗi chọn dùng: chỉ không màng lỗi lầm cũ mà vẫn chọn dùng.

(5) Hai cung tranh giành: chỉ cung Thái tử Tôn Hòa và cung Lỗ Vương là Tôn Bá tranh giành sự sủng ái của Tôn Quyền. Chu Cừ cùng bọn Gia Cát Khác, Cỗ Đàm, Đằng Dận ủng hộ Thái tử; bọn Toàn Tông, Tôn Hoằng lại hòa theo Lỗ Vương mưu phế trưởng lập thứ.

(6) Ngày xưa Tấn Hiến Công dùng Li Cơ thì Thân Sinh chẳng còn, Hán Vũ Đế tin Giang Sung thì Lệ thái tử chết oan: Thân Sinh là Thế tử của Tấn Hiến Công, sau khi Hiến Công sủng ái Li Cơ thì bị Li Cơ gièm pha mà lập con mình là Hê Tê làm Thế tử, do đó Thân Sinh trốn đến ấp Tân Thành rồi tự sát ở đấy. Lệ thái tử của Hán Vũ Đế là Lưu Cứ bị sủng thần của Vũ Đế là Giang Sung gièm pha, cũng tự sát.

(7) *Cung Tư Tử*: một cung do Hán Vũ Đế dựng ở huyện Hồ. Sau khi Lệ thái tử chết, Vũ Đế biết là oan, dựng cung ấy để ghi nhớ Lệ thái tử.

(8) *Người đàn bà ở huyện Cô Thành*: chỉ Trịnh Âu. Ngô lục chép rằng người huyện Cô Thành là Trịnh Âu giỏi xem tướng người, cùng với bọn Ngô Phạm, Lưu Đôn, Triệu Đạt là tám người, người đời khen là thần diệu, gọi là ‘bát tuyệt’ vậy.

(9) *Ứng long*: theo truyền thuyết, ứng long là loài rồng có cánh.

(10) *Quân của Tấn Văn Công thắng trận Thành Bộc*, mưu của Hoài Âm Hầu phá quân Triệu: tức thời Xuân thu, Tấn Văn Công đánh bại quân Sở ở Thành Bộc, xưng Bá chủ hầu. Thời Hán Sở tranh nhau, Hàn Tín đem quân dựa vào sông Bồi mà phá quân Triệu.

(11) *Nghĩa nhún nhường nhau của Tương Như, Khấu Tuân*: Lạn Tương Như là đại thần của nước Triệu thời Chiến quốc, giỏi biện luận mà được cất nhắc chức cao, Liêm Pha là tướng giỏi cũng ganh đua, Tương Như nhún nhường, do đó Liêm Pha cảm kích rồi hòa thuận. Khấu Tuân là tướng giỏi thời Hán Quang Vũ Đế, vì giết một tên lính mắc tội của Giả Phục mà Giả Phục mang hận hăm khích, nhưng Khấu Tuân vẫn giữ ý nhường nhịn, cuối cùng hai người hòa thuận với nhau.

(12) *Hoàn Vương*: tức Tôn Sách, được truy tặng là Trường Sa Hoàn Vương, cũng gọi là Hoàn Vương.

(13) *Miền Hà Vị*: tức miền sông Hoàng Hà và sông Vị, ý chỉ Trung Quốc.

(14) *Lữ Thượng*: tức Khương Tử Nha, làm quân sư cho Chu Vũ Vương đánh vua Trụ mà lập nên nhà Chu.

(15) *Hai cung*: chỉ cung của Thiên tử và cung Thái tử.

(16) *Sáu nước bị nước Tần mạnh chiếm lấy*, người Tây Sở ngoảnh mặt về phía bắc theo Hán Cao Tổ: thời Chiến quốc, sáu nước lớn Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Yên bị nước Tần chiếm lấy. Thời Hán Sở tranh nhau, Tây Sở Bá Vương là Hạng Vũ thua trận, mất nước vào Hán Cao Tổ là Lưu Bang.

(17) *Hung Nô chưa diệt, Khứ Bệnh bỏ nhà*; đạo nhà Hán chưa tốt, Giả Sinh thương khóc: Hoắc Khứ Bệnh là danh tướng thời Hán Vũ Đế, cùng Tướng quân Vệ Thanh đánh đuổi rợ Hung Nô chạy dài trên thảo nguyên có công, Vũ Đế muốn dựng nhà lớn cho Khứ Bệnh ở, Khứ Bệnh nói: “Hung Nô chưa diệt, chưa cần dựng nhà vậy”. Giả Sinh là nhà văn thời Hán Văn

Đế, lúc đầu làm Thái phó cho Trường Sa Vương, sau lại làm Thái phó cho Lương Hoài Vương, can gián Văn Đế không nghe, lúc Lương Hoài Vương chết, tự cho là mình chẳng được dùng nữa, tự buồn bực khóc lóc hơn một năm thì chết.

(18) Đường thư: tức chương Nghiêu điển trong sách Thượng thư nói về thời vua Nghiêu, họ Đào Đường.

(19) Hoa Nguyên, Tử Phán: thời Xuân thu, Hoa Nguyên là đại thần của nước Trịnh, Tử Phán là tướng của nước Sở. Quân Sở vây thành Thương Khâu của nước Trịnh bảy tháng, rất nguy cấp, vua Trịnh là Văn Công sai Hoa Nguyên sang xin hòa, buổi đêm lẻ vào doanh trại của quân Sở, gặp Tử Phán giao hẹn bãi binh.

(20) Tấn Văn Công rút lui thì người nước Nguyên vâng lệnh: thời Xuân thu, Tấn Văn Công đánh nước Nguyên, hạ lệnh nếu đánh ba ngày không thắng thì rút lui ba mươi dặm, bấy giờ nước Nguyên lương hết sức mỏi nhưng vẫn như lệnh mà rút lui, người nước Nguyên thấy Văn Công trọng tín nghĩa mà ra hàng.

(21) Mục Tử vây nước Cỗ mà đốc sức dạy bảo: Mục Tử tức Trung Hàng Mục Tử là tướng của Tấn, đi đánh nước Cỗ, có người nước Cỗ muốn dâng thành hàng, Mục Tử không chịu, cho rằng: “Tướng giữ thành không được hai lòng, phải đốc hết sức đánh chống chứ không được rút hàng. Nếu ta cho quân địch hàng thì chẳng khác nào dạy cho quân mình cũng như thế”. Bèn gọi tướng giữ thành ra đánh.

(22) Dã Phu bày kế thì người nước Bỉ theo về: Dã Phu tức Dã Âu Phu, là quan Đại phu của nước Lỗ. Tướng nước Lỗ là Thúc Cung đem quân vây nước Bỉ, không thắng, lại bị thua, đại thần là Quý Bình Tử giận, hạ lệnh nếu gặp người nước Bỉ thì bắt giam. Dã Phu nói: “Không nên. Nếu gặp người nước Bỉ, người rét thì cho áo, người đói thì cho cơm, giúp cả vua của họ, cấp cho người nghèo khó; như thế người nước Bỉ sẽ theo về, họ Nam tự diệt vậy”. Quý Bình Tử nghe theo, quả nhiên người nước Bỉ phản họ Nam mà theo hàng nước Lỗ.

(23) Nhạc Nghị hoãn đánh thì tiếng cao còn mãi: Nhạc Nghị là tướng nước Yên đem quân đi đánh nước Tê. Tướng nước Tê là Điền Đan giữ thành Tức Mặc dùng kế hoãn binh, sai người li gián Nhạc Nghị và vua

Yên, do đó vua Yên nghi ngờ mà gọi Nhạc Nghị về, bèn đại phá quân Yên, nổi tiếng chư hầu.

(24) *Phủ Hâu*: Phủ Hâu là đại thần của Chu Mặc Vương, bấy giờ nhà Chu suy yếu, chư hầu không thần phục, bèn bàn tấu lập hình pháp, ghi rõ ràng đầy đủ các điều mục.

(25) Nguyên văn câu này là ‘triên miên tam ích chi hữu’. Sách Luận ngữ có câu ‘ích giả tam hữu, hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn’; tức là bạn tốt có ba hạng là ngay thẳng, rộng lượng, hiểu biết nhiều. Tam dịch thoát.

(26) *Uốn nắn*, sửa lại những điều không đúng đắn.

(27) *Du Hạ* tức trở vào hai người Tử Du và Tử Hạ, là những đệ tử nổi danh của Khổng Tử.

(28) Khi Tào Phi xưng Đế, Tôn Quyền nhận Cửu tích, được bái làm Ngô vương, phong Đãng làm Vương thái tử. Sau này Quyền xưng Đế, Đãng chưa được lập làm Hoàng thái tử. Việc lập danh vị nói đến ở đây là nói chức Vương thái tử của Đãng vậy.

(29) Nhan Hồi là một trong mười hai đại đệ tử nổi danh của Khổng Tử, rất có tài trí, nhưng chết sớm; còn Chu Tấn, không rõ là ai?

(30) *Tức Hoàng Đế và Lão Tử*.

(31) *Mạc phủ* là nơi màn trướng của tướng quân.

(32) Kinh Châu là đất chiến thủ, tiếp giáp với Ngô và Thục, trông coi việc văn thư ở đó tức là trực tiếp thực thi các vấn đề đại sự của quốc gia liên quan đến lân bang, một việc rất hệ trọng, có ảnh hưởng lớn. Có thể thấy rằng Đại nắm giữ chức vụ cực kỳ quan trọng.

(33) Là Chu Công Đán và Thiệu Công Thích, hai đại thần phò tá giúp Chu Thành Vương dẹp nội loạn, yên định vương nghiệp.

(34) Là Lục Tốn?

(35) Liêm Pha là danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc, tám mươi tuổi vẫn lên ngựa ra trận, quân nước Tần kinh sợ.

(36) *Lỗ Tướng là Ý*: chỉ Chung Li Ý (钟离意) tự Tử A, người huyện Sơn Âm quận Côi Kê., vào thời Minh Đế của nhà Hán ra làm Lỗ Tướng.

(37) *Kẻ chặn dân*: thời xưa xem quan lại ở địa phương là cha mẹ của dân, dân như con đỏ, cần phải dẫn dắt, do đó gọi quan lại là ‘kẻ chặn dân’ vậy.

(38) *Từ Chúng*: Từ Chúng (徐众), còn có tên là Từ Huê (徐觿), người thời nhà Tấn, viết lời bình sách Tam quốc chí.

(39) *Nguyên Hiến*: Nguyên Hiến (原宪) tự Tử Tư, người nước Lỗ thời Xuân thu, là học trò của Khổng Tử.

(40) *Thương Ngô Kiêu*: theo sách Hoài Nam Tử (淮南子) thời Tây Hán chép có người là Thương Ngô Kiêu (苍梧绕), người thời Đông Hán là Cao Dụ (高诱) chú thích rằng: “Thương Ngô Kiêu là người cùng thời với Khổng Tử, lấy vợ đẹp lại nhường cho anh của mình”.

(41) *Vĩ Sinh*: theo sách Trang Tử (庄子) thời Chiến quốc chép: “Có người là Vĩ Sinh (尾生) hẹn với con gái ở dưới cầu, con gái không đến, nước sông tràn lên mà không bỏ đi, ôm cột cầu mà chết”.

(42) *Trực Cung*: theo sách Lữ thị Xuân thu (吕氏春秋) thời Tần chép: “Có người nước Sở là Trực Cung (直躬), cha mình trộm dê thì báo lên quan lại, quan lại bắt giữ muốn giết đi. Trực Cung xin chết thay cha. Lúc sắp giết, bảo với quan lại rằng: ‘Cha trộm dê mà con báo lên quan, cũng chẳng phải là người có tín sao? Cha bị giết mà thay cha, cũng chẳng phải là người có hiếu sao? Người có tín và hiếu mà lại bị giết, nước này sắp có kẻ không bị giết chẳng?’ Vua Sở nghe tin, bèn không giết. Khổng Tử nghe tin ấy, nói: ‘Lạ thay Trực Cung làm điều tín kia, người cha lại cũng được cái tiếng ấy’. Do đó cái tín của Trực Cung chẳng bằng không có tín”.

(43) *Thân Minh*: theo sách Thuyết uyển (说苑) thời Tây Hán chép: “Có kẻ sĩ là Thân Minh (申鸣) ở nhà mà nuôi dưỡng cha, có hiếu nổi tiếng ở nước Sở, nhà vua muốn bái làm Tướng quốc, Thân Minh từ chối không nhận, người cha nói: ‘Nhà vua muốn cho mi làm Tướng quốc, sao mi không nhận vậy?’ Thân Minh đáp nói: ‘Bỏ làm người con có hiếu của người cha để làm tôi trung của nhà vua, được sao?’ Người cha nói: ‘Nếu lập công ở nước, lập nghĩa ở nhà, mi vui thì ta chẳng buồn vậy. Ta muốn mi làm Tướng quốc’. Thân Minh nói: ‘Dạ’. Bèn vào triều đình, vua Sở cho làm Tướng quốc. Được ba năm, Bạch Công làm loạn, giết Tư mã Tử Kỳ, Thân Minh muốn đến liều chết cùng, người cha ngăn lại nói: ‘Bỏ cha mà chết, như thế được sao?’ Thân Minh nói: ‘Nghe nói người làm quan đem thân trao cho vua mà đem lộc trao cho người thân. Nay đã bỏ cha mà thờ vua, há không chết vì nạn ấy sao?’ Rồi từ tạ mà đi, nhân đó đem quân vây Bạch Công. Bạch Công bảo Thạch Khất nói: ‘Thân Minh là dũng sĩ trong

thiên hạ, nay đem quân vây ta, ta biết làm sao đây'? Thạch Khất nói: 'Thân Minh là là người con có hiếu của trong thiên hạ, nay nên đến bắt cha hẳn làm con tin, Thân Minh nghe tin tất đi đến, nhân đó mà khuyên dụ hẳn". Bạch Công nói: 'Hay'. Liền đến bắt người cha, cầm lấy mà chống Thân Minh, báo cho Thân Minh rằng: 'Ngài với ta, ta với ngài đều thờ nước Sở; nếu ngài không giúp ta thì cha ngài tất chết thôi'. Thân Minh khóc lóc mà đáp rằng: 'Lúc trước ta là người con có hiếu của cha, ngày nay ta là tôi trung của vua. Ta nghe nói rằng ăn lộc của người nào thì chết vì người đó, đã nhận lộc của vua phải dốc hết tài sức; nay ta đã không còn là người con có hiếu của cha nữa, mà là tôi trung của vua vậy. Ta làm gì để trọn vẹn'? Rồi cầm khiên gõ trống, đến giết Bạch Công, người cha cũng chết. Nhà vua thưởng cho nghìn cân vàng, Thân Minh nói: 'Ăn lộc của vua mà tránh nạn của vua, thế là không phải tôi trung vậy. Dựng lại nước của vua mà lại giết cha của mình, thế là không phải là người con có hiếu vậy. Hai tiếng ấy không cùng lập, làm không thể trọn cả hai. Nếu mà sống trên đời thì còn mặt mũi nào mà nhìn thiên hạ nữa'? Bèn tự sát".

(44) Phan Thái thường: chỉ Phan Tuấn (潘濬) tự Thặng Minh, thời Tôn Quyền làm quan Thái thường.

(45) Họ Lưu: chỉ cha con Lưu Bị, Lưu Thiện của đất Thục.

(46) Mã Viện: Mã Viện (马援) tự Văn Uyên, người huyện Mậu Lăng quận Phù Phong, thời vua Quang Vũ nhà Đông Hán đánh quận Giao Chỉ trở về, phong Tân Túc Hầu, thực ấp ba nghìn hộ, nhưng tự cho là lập công ít mà được thưởng nhiều.

(47) Vũ An Quân: chỉ Bạch Khởi (白起), người huyện Mi nước Tân thời Chiến quốc, thời Chiêu Vương của nước Tân được dùng làm tướng, đánh hãm các thành Yên, Dĩnh của nước Sở, được phong làm Vũ An Quân.

(48) Tân Vương: chỉ Chiêu Vương của nước Tân.

(49) Phạm Thư: Phạm Thư (范雎), người ấp Đại Lương của nước Ngụy, trốn sang nước Tân, được Chiêu Vương của nước Tân tin dùng làm Tướng quốc, giỏi ăn nói lí lẽ. Sau khi Bạch Khởi phá quân Triệu ở trận Trường Bình, muốn nhân đó mà đánh đến thành Hàm Đan của nước Triệu, nhưng Phạm Thư xui Chiêu Vương sai Bạch Khởi rút quân, bỏ lỡ thời cơ phá nước Triệu. Do đó Bạch Khởi hậm khích với Phạm Thư.

Phạm Thù lại gièm Bạch Khởi khiến cho Chiêu Vương ban kiếm cho Bạch Khởi phải tự sát.

(50) Đại Hoàng Đế: chỉ Tôn Quyền, được người Ngô tôn làm Đại Hoàng Đế.

(51) Lục Thặng tướng: chỉ Lục Tốn (陆逊) tự Bá Ngôn, thời Tôn Quyền làm Thặng tướng.

(52) Tôn Sách đến quận: ý nói Tôn Sách vượt sông sang phía đông chiếm lấy quận Côi Kê.

(53) Nam bộ Đô úy: ý chỉ Côi Kê Nam bộ Đô úy. Quan Đô úy trông coi việc quân của một quận. Bấy giờ quận Côi Kê rộng lớn, nhà Ngô chia thành hai bộ Đông và Nam, mỗi bộ do một quan Đô úy nắm việc quân.

(54) Sáu huyện: tức sáu huyện Thủy Tân, Tân Định, Lê Dương, Hưu Dương, Y, Thiệp, lập thành quận Tân Đô, trị ở huyện Thủy Tân.

(55) Tử Lộ hỏi rằng: “Nghe rồi làm ngay được không”? Khổng Tử đáp rằng: “Có cha anh còn đấy”.: theo sách Luận ngữ (论语) chép: “Tử Lộ hỏi rằng: ‘Nghe rồi làm được không’? Khổng Tử đáp nói: ‘Có cha anh còn đấy, sao lại nghe rồi là làm ngay được’”! Ý nói có cha anh thì không nên tự ý làm gì đó mà phải hỏi trước rồi làm.

(56) Phùng Noãn mua nghĩa, Cấp Ấm cứu chẵn: Phùng Noãn (冯暖) là một trong những tân khách của Mạnh Thường Quân của nước Tề thời Chiến quốc, Mạnh Thường Quân sai Phùng Noãn đi thu tiền nợ ở ấp Tiệt, nhưng Phùng Noãn đến đốt hết giấy ghi nợ rồi về, người dân đều khen ngợi, bảo Mạnh Thường Quân rằng: “Nhà ngài chắt đây vật báu, chó ngựa đây trong chuồng, gái đẹp đây phòng. Cái mà nhà ngài ít có là nghĩa mà thôi, ta giúp ngài mua nghĩa vậy”. Cấp Ấm (汲黯) là danh thần thời Vũ Đế của nhà Hán, gặp lúc quận Hà Nội bị cháy, vua sai Ấm đến xem, đi qua quận Hà Nam thấy cảnh khô hạn, hơn nghìn nhà nghèo đói, có người ăn thịt nhau, tự ý cầm cò tiệt sai mở kho thóc của quận Hà Nam để cứu chẵn dân nghèo, vua cho là hiền mà tha tội tự ý ra lệnh.

(57) Ngô, Côi: chỉ quận Ngô, quận Côi Kê.

(58) Đại súy: đại súy (大帅) hay còn gọi là cừ súy (渠帅), nghĩa là thủ lĩnh lớn, thường chỉ thủ lĩnh của người rợ miền núi. Bấy giờ chỉ thủ lĩnh của người Sơn Việt.

(59) Phường đắp e rằng cừ sứy của dân ấy xấu xa không đáng tin dùng, nếu việc tiết lộ thì không dụ được Hưu, xin sai người thân cận mang thư kể bảy điều để dụ Hưu: sau đoạn văn này có chép thư kể bảy điều gửi cho Tào Hưu và bức thư kín gửi về cho Tôn Quyền nhưng người dịch tạm bỏ qua không dịch.

(60) Tề Vạn Niên: Tề Vạn Niên (齐万年) là thủ lĩnh của người Đê ở Ung Châu thời Tây Tấn.

(61) Buổi đầu trung hưng: chỉ thời loạn tám vị Vương, nhà Tấn bị người rợ Hung Nô vào xâm lấn, nhà Tấn phải dời về miền Giang Nam lập nên nhà Đông Tấn.

(62) Vương Đôn: Vương Đôn (王敦), người quận Lang Nha, hành trạng chép trong Tấn thư - Vương Đôn truyện.

(63) Tống Trọng Tử: tức Tống Trung tự Trọng Tử, người quận Nam Dương, bấy giờ làm quan thuộc của Kinh Châu Mục là Lưu Biểu.

(64) Quán Đình Phụ: là người ấp Nhựợc thời Xuân thu, lúc vua Vũ Vương của nước Sở đánh ấp Nhựợc, bắt làm tù binh, sau dùng làm Quân sư.

(65) Bành Trọng Sảng: là người nước Thân thời Xuân thu, lúc vua Văn Vương của nước Sở đánh nước Thân, bắt làm tù binh, sau dùng làm Lệnh doãn.

(66) Người mọi rợ vùng Ngũ Khê: tức các dân tộc thiểu số ở vùng có ‘năm dòng suối’ ở quận Vũ Lăng. Theo Thủy kinh chú, quận Vũ Lăng có năm dòng suối là Hùng Khê, Mãn Khê, Dậu Khê, Vũ Khê, Thìn Khê.

(67) Ân Phiên: người Thanh Châu của nước Ngụy, sau đó hàng nước Ngô, lại phản Ngô, bị giết.

(68) Thái huyền: là một loại sách viết về vũ trụ, âm dương, khoa học huyền bí có từ thời Tây Hán, hay dùng để bói đoán.

(69) Kiệt, Trụ: Kiệt là vua cuối cùng của nhà Hạ. Trụ là vua cuối cùng của nhà Ân. Đều là vua tàn bạo.

(70) Ích Châu: ý nói nước Thục, bấy giờ người nước Ngô còn gọi là Tây Châu.

(71) Tôn Hoảng: đại thần của nước Ngô, thời Tôn Quyền làm Trung thư lệnh, được gửi con nhỏ, sau bị Gia Cát Khác giết.

(72) Ân Thang: tức vua Thang của nhà Ân.

(73) Khúc ‘Khang tai’: Thời vua Thuấn nhà Ngu, thiên hạ thái bình, Cao Dao hát khen là “Khang tai”! Do đó người đời sau gọi khúc “Khang tai” để nói về thời thái bình.

(74) Ta: tức Trần Thọ, người viết sách Tam quốc chí.

(75) Ngũ tinh: chỉ năm ngôi sao sáng trên bầu trời là sao Thủy ở phía bắc, sao Mộc ở phía đông,

sao Kim ở phía tây, sao Hỏa ở phía nam, sao Thổ ở giữa.

(76) Long Phùng: là quan giỏi thời vua Kiệt nhà Hạ, vì can gián vua Kiệt đừng ham rượu, gái đẹp mà bị giết.

(77) Y Chí: còn gọi là Y Doãn, viên quan giỏi giúp vua Thang nhà Ân diệt vua Kiệt nhà Hạ.

(78) Phù Sai: vua nước Ngô thời Xuân thu, tuy giỏi nhưng tính hung bạo, cuối cùng bị vua nước Việt là Câu Tiễn diệt, mất nước.

(79) U, Lệ: tức U Vương, Lệ Vương của nhà Chu.

(80) Cỗ, Lục, Chu, Trương: tức Cỗ Ung, Lục Tốn, Chu Hoàn, Trương Ôn, tướng giỏi của Tôn Quyền.

(81) Cảnh Đế: tức vua Cảnh Đế của nước Ngô là Tôn Hưu.

(82) Vũ Công: tức vua Vũ Công của nước Vệ thời Xuân thu.

(83) Tỉ Can, Ngũ Viên: Tỉ Can là con của vua Thái Đinh của nhà Ân, khuyên can vua Trụ mà bị giết. Ngũ Viên là người nước Sở, sau chạy sang nước Ngô làm quan Đại phu cho Phù Sai, can gián Phù Sai không nghe, ban kiếm cho tự vẫn.

(84) Đại Hoàng đế: ý nói Tôn Quyền.

(85) Ân Tân: tức vua Trụ của nhà Ân.

(86) Tân Hoàng: tức Thủy Hoàng Đế của nhà Tần.

(87) Trải qua đau đớn: ý nói trải qua hình phạt xét hỏi của quan coi ngục.

(88) Người rợ ở quận Giao Chỉ, Cửu Chân: ý nói đến Triệu Âu, người quận Cửu Chân, bấy giờ tụ quân nổi dậy chống quan lại nước Ngô ở Giao Châu.

(89) Chỗ này nghe chừng rắc rối, nguyên gốc họ của Nghi là Thị (nghĩa là chi nhánh, ngành họ, vốn thuộc bộ Thị), viết gần giống chữ Dân (nghĩa

là người dân, cũng thuộc bộ Thị), Khổng Dung đổi họ cho Nghi thành Thị (nghĩa là phải, chữ này thuộc bộ nhật, viết khác hẳn, song đọc vẫn giống như thế.)

(90) Đây là một điển tích hay. Triệu Giản Tử là đại thần nước Tấn, nổi tiếng thanh cao, uyên bác, có rất nhiều người theo ông. Chu Xá đến gặp, xin làm công việc rất lạ là ở bên cạnh ông để ghi chép các việc ông làm, nhưng là các việc sai sót, Triệu Giản Tử đồng ý. Sau một tháng, Chu Xá trình những việc ghi chép lên, Triệu Giản Tử nổi giận, nhưng nghĩ lại thấy cũng đúng, ông theo đó sửa mình, khắc phục được những cố tật, nên rất trọng Chu Xá. Sau khi Chu Xá mất, ông rất buồn. Một lần ông tổ chức tiệc rượu, mọi người xúm lại ca ngợi ông, ông buồn rầu nói: “Ngàn người vâng dạ, không bằng lời của một kẻ sĩ chân chính.”

(91) Tôn Quyền dời đô về Kiến Nghiệp ở phía Đông.

(92) Là chức quan chuyên thẩm tra văn thư của các quan lang. Đây là chức quan của riêng Đông Ngô vào thời Tam Quốc, tuy nhiên ngay trong Tam Quốc Chí, Trần Thọ cũng có bất đồng trong cách gọi chức danh này, ở Tôn Quyền truyện có câu: “Sơ, quyền tín nhậm giáo sự Lã Nhất”, chưa rõ là thế nào?

(93) Trung tín, dũng cảm, công minh, chính trực.

(94) Thúc Hạo tức Dương Thiệt Biệt, con của Dương Thiệt Chức, là người tài ở nước Tấn thời Xuân Thu, em Dương Thiệt Biệt là Dương Thiệt Hồ, thuộc phe đảng của Loạn Doanh. Tấn Bình Công đuổi Loạn Doanh, lòng bắt phe đảng, Dương Thiệt Hồ làm loạn, bị bắt, cả họ mắc tội. Kỳ Hê bấy giờ đã cáo lão về nghỉ hưu, nghe Dương Thiệt Biệt sắp bị hại, liền chống gậy từ nhà đến kinh đô cứu giúp, Dương Thiệt Biệt được thoát.

(95) Chu Vân là quan dưới thời Hán Thành Đế, có lần tấu rằng: “Nay đại thần, trên không phò chúa, dưới không giúp dân. Nếu được ban bảo kiếm, thần nguyện sẽ chém một kẻ nịnh thần để răn chúng”. Vua hỏi chém ai? Vân tâu: “An Xương hầu Trương Vũ”. Vua giận nói: “Tiểu thần phạm thượng, không thể tha được”. Sai lính bắt Vân, Vân trèo lên xà ngang cung điện, xà gãy. Vân kêu: “Thần mong được xé gan như Tỉ Can khi xưa là mãn nguyện, không biết Thánh Triều rồi sẽ ra sao?” Tả Tướng quân Khánh Kỵ bỏ mũ, rạp đầu kêu xin cho Vân, vua tha. Sau các quan đề nghị thay cây xà gãy, vua phán đừng thay, hãy sửa lại, để ghi nhớ hành động

quyết liệt của kẻ trung thân. Chuyện này sau thành điển tích ‘Xé gan bẻ cột.’

(96) *Chỉ Tây Thục.*

(97) *Bấy giờ là niên hiệu Xích Ô, năm thứ năm (242 Tây lịch), Tôn Quyền lập Thái tử là Tôn Hoà và Lỗ vương là Tôn Bá.*

(98) *Bấy giờ Tôn Quyền ưu ái Lỗ vương Tôn Bá, nên đôi xử với Bá cũng như Thái tử, Thị Nghi dù lúc ấy đang giúp Lỗ Vương, nhưng thấy đó là việc không thoả đáng, nên dâng sớ nhắc Quyền là nên đưa Tôn Bá đi xa để làm phen dậu cho quốc gia, và nói rõ là ngôi vị phải có hơn kém, có trên dưới, lại tận trung với Lỗ vương, đưa lời can gián. Thị Nghi thực là trung thân.*

(99) *Áo quan gỗ thường, không điêu khắc chạm trổ, tô vẽ hoa văn, như người bình thường.*

(100) *Thuật số: thuật bói toán dựa vào lí số, can-chi.*

(101) *Phong khí: thuật bói toán nhìn hướng gió thổi.*

(102) *Cử hữu đạo: cách tuyển chọn người tài ra làm quan thời xưa; hữu đạo là người có đạo đức theo khuôn phép của triều đình.*

(103) *Thái sử lệnh: còn gọi là Thái sử, chức quan trông coi việc xem thiên văn, tính toán lịch pháp và chép sử của triều đình.*

(104) *‘Bát tuấn’: chỉ tám người tài cuối thời Đông Hán là Lí Ứng, Tuân Dục, Đỗ Mật, Vương Sương, Lưu Hựu, Ngụy Lăng, Triệu Diễn, Chu Ngụ.*

(105) *Thái phi: Chỉ Ngô phu nhân, vợ của Tôn Kiên và là mẹ của Tôn Sách, Tôn Quyền.*

(106) *Thuật cửu cung nhất toán: tên phép tính thời xưa, lập thành chín ô (cung) như ruộng hình chữ nhật, số 5 ở giữa, cặp số 6,8 ở hai ô dưới, cặp số 2,4 ở hai ô trên, tương tự sắp xếp theo quy luật là cặp số còn lại 3,7 và 1,9. Ở đây liên quan đến bói toán, chắc còn kết hợp với bát quái, can-chi ứng với từng số.*

(107) *Vệ úy Tuấn: chỉ Vệ úy Nghiêm Tuấn, tự Man Tài, người quận Bành Thành, xem ở Ngô thư - Nghiêm Tuấn truyện.*

(108) *‘Bát tuyệt’: chỉ tám người tài hơn người của nước Ngô, như Ngô lục chép ở trên.*

(109) *Bì Táo-Tễ Thận: Bì Táo là quan Đại phu của nước Trịnh, Tễ Thận là quan Đại phu của nước Lỗ thời Xuân thu, đều là người có tài bói toán nổi tiếng.*

(110) *Như suy tính của Kinh Phòng, vẫn không tự thoát được tội chết: Kinh Phòng tự Quân Minh thời Tây Hán, giỏi bói Dịch, nhưng luận bàn khác với quan lại, cũng gây hềm khích, cuối cùng bị giam ngục rồi bị xử chém ở chợ.*

(111) *Cá truy: còn gọi là cá đôi, thường sống ở vùng ven biển nước lợ, thân tròn dài, vẩy màu bạc.*

(112) *Củ khương: khương, là một tên gọi khác củ gừng, vị cay, dùng để nêm trong nấu ăn, ngày xưa từng trồng ở đất Thục.*

(113) *‘Sâu trùng mùa hạ không biết đến băng giá’: sâu trùng ở mùa hạ không biết đến cái băng giá của mùa đông; ý chỉ những người hiểu biết nông cạn, như ếch ngồi đáy giếng, không biết cái rộng lớn bên ngoài.*

QUYỂN 19 - GIA CÁT ĐĂNG NHỊ TÔN BỘC DƯƠNG TRUYỆN

Gia Cát Khác, Đăng Dận, Tôn Tuấn, Tôn Lâm, Bộc Dương Hưng

GIA CÁT KHÁC TRUYỆN

Gia Cát Khác tự Nguyên Tồn, là con cả của Cầm vậy. Thuở nhỏ được biết tiếng.

***Giang Biều truyện viết:** Khác trẻ tuổi mà có tài năng, văn vẻ hay đẹp, biện luận ứng đáp, chẳng ai sánh kịp. Quyền gặp mà khen lạ, bảo Cầm rằng: “Lam Điền sinh ngọc⁽¹⁾, thật chẳng sai vậy”.*

***Ngô lục viết:** Khác cao bảy thước sáu tấc, râu ria thưa, mũi hếch trán rộng, miệng lớn tiếng to.*

Lúc thành người lớn được báii Kị Đô úy, giảng luận đạo học hầi bên Thái tử Đăng với bọn Cỗ Đàm, Trương Hưu, cùng làm bè bạn. Từ chức Trung thứ tử chuyển làm Tả phụ Đô úy.

Cha Khác là Cầm mặt dài như mặt con lừa, Tôn Quyền hội gặp bày tôi, sai người dắt một con lừa vào, thấy con lừa mặt dài, đề chữ ‘Gia Cát Tử Du’. Khác quỳ nói: “Xin cho viết thêm hai chữ”. Nhân đó nghe theo cho viết. Khác viết tiếp ở dưới là ‘chi lư’⁽²⁾. Người ng ẩi cười vui, lại ban con lừa cho Khác. Hôm sai lại gặp, Quyền hỏi Khác rằng: “Cha khanh so với chú⁽³⁾ khanh ai hi ền hơn”? Đáp nói: “Cha th ần hi ền hơn”. Quyền hỏi vì sao, đáp nói: “Cha th ần biết người mà mình theo giúp, chú th ần không biết, cho nên hi ền hơn”. Quyền lại cười vang, sai Khác mời rượu, đến trước mặt Trương Chiêu, Chiêu trước đã có vẻ say rượu, không chịu uống, nói: “Đấy không phải là cái lễ chăm người già vậy”. Quyền nói: “Khanh có thể làm cho Trương Công chịu phục lại phải uống nữa không”? Khác hỏi Chiêu rằng: “Ngày xưa Sư Thượng Phủ⁽⁴⁾ chín mươi tuổi còn c ầm cò mao lưỡi búa, vẫn chưa cho là già. Ngày nay có việc quân thì Tướng quân ở sau, có hội ăn uống thì Tướng quân ở trước, sao lại nói là không chăm người già”? Chiêu rút cuộc không từ chối, bèn uống hết chén rượu. Sau có sứ giả của nước Thục đến, bày tôi cùng hội gặp, Quyền bảo sứ giả rằng: “Đấy là Gia Cát Khác giỏi lại ưa cưỡi ngựa, khanh về báo Thặng tướng, tặng cho con ngựa tốt”. Khác nhân đó cảm tạ, Quyền nói: “Ngựa chưa đến

mà tạ là sao”? Khác đáp nói: “Nước Thục chỉ là cái chuồng ngựa ngoài cung của Bệ hạ, nay có chiếu ban ân, ngựa tất dắt đến, sao dám không tạ”? Sự lạnh lợi của Khác đầu đại khái như thế.

Khác biệt truyện viết: Quyền từng mời sứ giả của nước Thục là Phí Y ăn yến, hạ lệnh bày tiệc trước rằng: “Sứ giả đến, ngồi ăn chớ đứng dậy”. Y đến, Quyền đã ăn xong nhưng bày tiệc không đứng dậy. Y cười cợt họ rằng: “Chim phượng hoàng đến đậu, con kì lân còn phải thờ nấp, nhưng con lừa la không biết, cứ ngồi ăn như thế”. Khác đáp rằng: “Trồng cây ngô đông để đợi chim phượng hoàng, vậy mà có con chim én từ đâu bay đến đậu? Sao không bắn đuổi nó về chỗ cũ”? Vì dùng chén cơm, muốn làm bài phú về cây lúa mạch, Khác cũng tự xin làm bài phú về cây gai, đều khen là hay. Quyền từng hỏi Khác rằng: “Gần đây sao lại tự làm vui mà da thịt béo mồm”? Khác đáp nói: “Thần nghe nói làm cho nhà giàu có, khiến cho đức thâm thân, thần không dám tự làm vui, chỉ là tu thân mà thôi”. Lại hỏi rằng: “Khanh thấy Đằng Dân thế nào”? Khác đáp nói: “Lên điện coi việc thì thần không bằng Dân; bày kế đặt mưu thì Dân không bằng thần”. Khác từng dâng ngựa cho Quyền, cắt tai ngựa trước, Phạm Thận bấy giờ đang ngồi, cợt Khác nói: “Ngựa đầu là con thú lớn nhưng được trời sinh cho khí lạ. Nay cắt tai nó, há chẳng làm tổn hại đến lòng nhân sao”? Khác đáp nói: “Người mẹ đối với con gái có thể nói là ân tình sâu lắm, vậy mà xuyên tai đeo ngọc, có tổn thương đến lòng nhân sao? Thái tử từng cợt Khác rằng: “Gia Cát Nguyên Tồn ăn được phân ngựa”. Khác nói: “Thái tử ăn được trứng gà”. Quyền nói: “Người ta nói khanh ăn phân ngựa, khanh lại bảo người ta ăn trứng gà là sao”? Khác đáp nói: “Những thứ ấy xuất ra cùng chỗ⁽⁵⁾ vậy”. Quyền cười lớn.

Giang Biều truyện viết: Từng có con chim đầu trắng đậu ở trước điện, Quyền nói: “Đây là chim gì”? Khác nói: “Là chim ‘ông đầu trắng’ vậy”. Trương Chiêu tự thấy trong đám người ngồi thì mình là già nhất, ngờ rằng Khác lấy con chim ấy mà cợt mình, nhân đó nói: “Khác lừa Bệ hạ, chưa từng nghe nói có chim nào tên là ‘ông đầu trắng’, thử sai Khác tìm con chim ‘bà đầu trắng’ xem”. Khác nói: “Có con chim tên là ‘mẹ vệt’, chưa hẳn là có cặp đôi, thử sai Phụ Ngô Tướng quân⁽⁶⁾ tìm con chim tên là ‘bố vệt’ xem”. Chiêu không đáp được, người ngồi đều cười vui.

Quyền rất khen lạ, muốn đem việc để thử, sai làm Tiết độ. Quan Tiết độ trông coi lương thực của quân đội, sách vở rườm rà, không phải là việc Khác ưa vậy.

Giang Biều truyện viết: Quyền làm Ngô Vương, vừa đặt chức Tiết độ, sai trông coi lương thực của quân đội, không phải là theo phép chế của nhà Hán. Lúc đầu dùng Thị trung Thiên tướng quân Từ Tường, lúc Tường chết lại chọn dùng Khác. Gia Cát Lượng nghe tin Khác thay Tường, gửi thư cho Lục Tồn rằng:

“Anh ta tuổi già mà Khác còn trẻ dại, nay sai trông coi lương thực, mà lương thực là thứ cốt yếu của quân đội. Ta dẫu ở xa nhưng vẫn không yên. Mong túc hạ hãy bầm với bậc chí tôn xin chuyển việc khác đi”. Tồn đem việc ấy báo Quyền, liền chuyển cho Khác lĩnh quân.

Khác cho rằng quận Đan Dương hiểm yếu, dân lại phần nhiều cứng cỏi, dẫu lúc trước phát binh, chỉ dời được dân thường ngoài huyện mà thôi, còn lại ở nơi sâu xa, chẳng bắt hết được, thường tự xin ra đày làm quan, cho là ba năm thu tất được bốn vạn quân mang giáp. Mọi người bàn luận đầu cho rằng: “Địa thế Đan Dương hiểm trở, liền kề với bốn quận Ngô, Cối Kê, Tân Đô, Bà Dương, vòng quanh mấy nghìn dặm, hang núi liên tiếp, người dân ở nơi sâu tối, chưa từng vào thành ấp, còn các quan lại chỉ đầu đem quân ở nơi đồng ruộng, tự giữ ở ven rừng mà thôi. Kẻ trốn tránh đầu cùng ẩn náu ở đấy. Núi lại có nhiều đồng thiếc, tự đúc thành áo giáp, tục lại giỏi đánh trận, ưa thích dùng sức, người ở đất trèo núi lợi suối, băng đạp rừng gai như cá bơi đầm vực, vượn khỉ trèo cây vậy. Bấy giờ nơi ấy xa lánh, ra làm giặc cướp, hễ đem quân đánh dẹp họ lại ẩn náu, lúc đánh trận thì đến như ong, lúc thua thì như chim bay, từ thời trước đến nay không ràng buộc được vậy”. Đầu cho là khó. Cha Khác là Căn nghe tin, cũng cho rằng việc ấy khó thành, than nói: “Khác không giúp nhà ta rạng rỡ lại muốn làm cho nhà ta trở trụi vậy”. Khác gắng bày kể việc tất xong. Quyền bèn bái Khác làm Phủ Việt Tướng quân, lĩnh chức Đan Dương Thái thú, trao ba trăm quân kị cưỡi kích cứng. Bái xong, sai Khác sắm sửa đồ nghi trượng, đặt trống sáo, cho đem về nhà, bấy giờ ba mươi hai tuổi.

Khác đến phủ, liền gửi thư cho quan lại các thành của bốn quận, sai đầu tự giữ bờ cõi, sắp đặt đội ngũ, những người dân theo giáo hóa đầu lệnh ở yên. Lại chia sai các tướng đem quân chặn chỗ hiểm, chỉ đóng giữ rào lũy, không ra giao tranh, đợi thóc lúa của địch sắp chín thì tung quân ra gặt hái, khiến cho địch không còn lúa giống. Lúa cũ đã hết, ruộng mới lại không gặt, dân thường ở yên, địch không vào cướp được, do đó dân trên núi đói khổ, dần dần ra hàng. Khác bèn hạ lệnh lại rằng: “Người trên núi bỏ đi đầu ác theo giáo hóa, đầu nên về về, dời ra huyện ngoài, không được gây nghi ngờ, nếu có sẽ bắt giam”. Cửu Dương Trưởng là Hồ Kháng bắt được dân hàng là Chu Di, Di vốn là dân ác cũ, vì khổ cùng mà ra hàng, trong lòng mưu phản nghịch, Kháng bắt trói đến phủ. Khác thấy Kháng làm trái lệnh, liền chém để răn chúng, đem tình trạng báo lên. Dân nghe tin Kháng vì có tội bắt người mà bị giết, biết rằng quan lại chỉ muốn bọn mình ra hàng mà

thôi, do đó già trẻ dắt nhau mà ra, đến hẹn, số người ra hàng đầu như phép cũ. Khác tự thu lấy vạn người, còn lại cấp cho các tướng. Quyền khen công ấy, sai Thượng thư Bộc xạ Tiết Tống đến an ủi quân sĩ. Tống gửi thư cho bọn Khác trước rằng: “Người trong núi cậy chỗ hiểm, không thần phục đã nhiều đời, võ về thì như chuột rút đầu, đánh dẹp thì như sói dòm ngó. Hoàng đế giận dữ, sai tướng đi đánh, trong bày kế thần, ngoài tỏ khí mạnh. Quân không dùng đao, giáp không nhuộm máu mà kẻ ác treo đầu, bè đảng theo hàng, dẹp bằng rừng núi, thu mười vạn quân. Đứng không còn giặc cướp, ấp chẳng còn ác ngược. Đã quét bọn xấu, lại nạp vào quân, cây đại bụi rậm hóa thành cỏ tốt. Ma quái quỷ tà trở thành quân hổ. Dẫu thực là dựa vào uy nghi của nhà nước nhưng cũng do cái tín nghĩa của tướng sùyn mới dẫn đến như thế vậy. Dẫu kinh Thi khen công võ về kinh Dịch ngợi công chém đầu⁽⁷⁾, dẫu Phương, Thiệu của nhà Chu, Vệ, Hoắc của nhà Hán⁽⁸⁾, há đủ để bàn? Công hơn người xưa, huân quá thời trước. Vua trên mừng rỡ, ở xa xuýt xoa. Cảm cái phép cũ ‘tứ mẫu’⁽⁹⁾, nhớ cái thói xưa ‘âm chí’⁽¹⁰⁾, cho nên sai quan lại thân cận đến đón ban thưởng để nêu rõ công to, để tỏ ý an ủi”. Bái Khác làm Uy bắc Tướng quân, phong Đô Hương Hầu. Khác xin đem dân đến làm ruộng ở Lư Giang, Hoàn Khẩu, nhân đó đem quân đánh úp huyện Thục, bắt được dân ở đấy rồi về Lại sai người dò ngóng gần xa, xem xét nơi hiểm yếu, muốn đánh lấy Thọ Xuân, Quyền cho là không được.

Giữa năm Xích Ô, Tư Mã Tuyên Vương của nhà Ngụy mưu muốn đánh Khác, Quyền đang phát binh đến cứu, người bói khí gió cho là không lợi, do đó dời Khác đến đóng đồn ở Sài Tang. Gửi thư cho Thặng tướng Lục Tốn nói: “Dương Kính Thúc bàn luận thẳng thắn, cho rằng ngày nay người tài sạch nhẵn, kẻ giữ đức không có mấy ai, nên chọn lựa tả hữu, lại cho giúp đỡ, trên làm rõ việc nước, dưới sửa nắn lỗi sai. Lại nữa những kẻ tâm thường ưa vu vạ lẫn nhau, khiến cho trở thành thói quen, trong ngày càng tổn hại, do đó người tiến cử không được vui cười. Nghe nói thế mà than thở, thực là đúng vậy. Kẻ ngu này cho rằng bậc quân tử không phòng bị ở một người, học trò trong nhà họ Khổng có đến ba nghìn người, trong đó có bảy mươi hai người giỏi, đến như bảy mươi người bọn Tử Trương, Tử Lộ, Tử Cống là những kẻ có đức chỉ đứng sau bậc thánh mà vẫn có những chỗ kém, Sư thiên lệnh, Do thô lậu⁽¹¹⁾, không chịu an phận, hướng chỉ những kẻ sau bọn họ mà không có chỗ thiếu sao? Vả lại Trọng Ni không lấy việc

không phòng bị nhiều học trò mà cho làm bạn, không lấy chỗ kém của người ta mà bỏ chỗ mạnh của người ta vậy. Lại nữa ngày nay chọn kẻ sĩ, nên rộng rãi hơn thời xưa, vì sao? Ngày nay việc nhiều mà người giỏi lại ít, các quan lại của nhà nước thường phải làm việc vất vả mà chẳng chọn thêm người. Nếu khiến cho tính không gian ác, chí hay gắng sức thì mới thành công, làm tròn chức phận. Nếu với những việc nhỏ vừa hợp, không đủ để làm riêng, đâu nên tha thứ, không cần trách phạt. Vả lại kẻ sĩ thực không nên xét hỏi quá kĩ, quá kĩ thì người ấy đâu là hiền thánh vẫn có chỗ không trọn vẹn, huống chi là tằm thường vào đây? Cho nên nói lấy đao mà xem người thì khó, dùng người xem người thì dễ, như thế hiền ngu có thể biết. Từ cuối thời nhà Hán đến nay, kẻ sĩ của Trung Quốc như bọn Hứa Tử Tương⁽¹²⁾, chỉ lo mĩa mai nhau, có kẻ bị họa, vì đó mà có vậy, không phải vì có kẻ thù, chỉ là ngỗ giữ thân mà không dốc hết lễ nghĩa, không lấy lễ phải để trách người vậy. Đã không dốc hết lễ nghĩa thì người khác không phục. Lấy lễ phải để trách người thì người không chịu theo. Trong không phục đức ấy, ngoài không chịu lỗi ấy thì không thể không oán nhau. Một khi oán nhau thì kẻ tiểu nhân được chứa trong đó. Được chứa trong đó thì có lời đồn ‘ba lần truy đến’, lời gièm vu hại, giằng co tranh giành, dẫu sai người sáng suốt hay người thân cận của mình đến xét xử thì cũng khó mà quyết định được, huống chi là người đã có hiềm khích lại không sáng suốt đây? Cho nên Trương, Trần bị nạn đao máu, Tiêu, Chu không trọn tiếng tốt⁽¹³⁾, chỉ là do đấy mà thôi. Nếu không tha lỗi nhỏ mà vẫn xét nét trách phạt thì lâu dần dẫn đến oán giận trong nhà, lúc ấy cả nước không còn kẻ sĩ trọn đức vậy”. Khác biết Tồn vì công ấy mà hiềm mình, cho nên xét rõ lí lẽ mà khen ý tốt vậy. Gặp lúc Tồn chết, Khác chuyển làm Đại Tướng quân, Giả tiết, trú ở Vũ Xương, thay Tồn lĩnh việc Kinh Châu.

Lâu sau, Quyên không vui, mà Thái tử còn nhỏ, liền gọi Khác làm Đại Tướng quân, lĩnh chức Thái tử Thái phó, Trung thư lệnh Tôn Hoằng làm Thiếu phó. Quyên bệnh khốn, gọi Khác, Hoằng cùng Thái thường Đảng Dận, Tướng quân Lữ Cứ, Thị trung Tôn Tuấn đến trao việc sau này.

Ngô thư viết: “Quyên bệnh nặng, bàn việc trao gửi. Bấy giờ bấy tôi đều cùng chú ý đến Khác, lại nữa Tôn Tuấn nói Khác có tài chính trị, nên trao cho việc lớn. Quyên lại hiềm Khác cứng cỏi quá tất tự chuyên quyền, nhưng Tuấn lại cho rằng triều đình ngày nay chẳng ai bằng Khác, bèn cố giữ ý ấy, do đó liền gọi Khác đến. Sau đó dẫn bọn Khác đến bên chỗ nằm, nhận chiếu dưới giường, Quyên hạ chiếu rằng: “Ta bệnh nặng rồi, sợ không được gặp nhau nữa, các việc

đều giao cho các người”. Khác than thở khóc lóc nói: “Chúng thần đều nhận ân dày, sẽ vâng lệnh đến chết, mong Bệ hạ giữ yên tinh thần, giảm suy nghĩ, không cần lo lắng việc khác”. Quyền hạ chiếu cho các quan lại đem mọi việc giao cho Khác, được xét việc giết phạt trước rồi mới báo lên. Lại dựng phủ quán, đặt quân vệ, được nhận lễ nghi bái tạ của trăm quan, đều có phẩm trật. Còn các hình pháp không tiện lợi thì sắp xếp báo lên, Quyền liền nghe theo. Trong ngoài yên ổn, lòng người vui mừng.

Hôm sau, Quyên hoảng. Hoảng vốn không hợp với Khác, sợ bị Khác trị tội, nhân lúc Quyên chết muốn lén sửa chiếu mà trừ diệt Khác. Tuần đem việc ấy báo cho Khác, Khác mời Hoảng đến bàn việc, trong lúc ngỗ mà giết Hoảng. Lại mặc áo phát tang, gửi thư cho em là Công An Đốc là Dung rằng: “Hôm nay là ngày kỉ mùi mừng sáu tháng mười, Đại Hành Hoàng Đế⁽¹⁴⁾ rời khỏi vạn nước, bầy tôi lớn nhỏ chẳng ai không đau thương. Đến như anh em cha con ta cùng nhận ân lớn, không chỉ là bầy tôi tần thường cũng buồn bã, tim gan chia cắt mà thôi. Hoàng Thái tử đến ngày đính dậu lên ngôi vị, vui buồn cùng lúc, không biết làm sao. Thân ta chịu mệnh gửi gắm, giúp đỡ vua nhỏ, tự mình xét đoán, tài năng không rộng lớn mà phải chịu mệnh gửi gắm như Chu Công, lo làm nhục cái tiếng tể tướng giúp nhà Hán, sợ làm tổn cái sáng suốt Tiên đế gửi mệnh, cho nên thẹn thùng sợ hãi, lo nghĩ vạn bề. Vả lại dân ghét vua trên, động thì bị dò xét, thời này dễ sao? Nay dựa vào đáng dấp ngu tối mà được giữ chức Tể tướng, nạn nhiều mà trí ít, việc nặng mà mưu cạn, ai là rằng moi? Gần đây vào thời nhà Hán, Yên, Cái kết mưu, có sự biến của Thượng Quan⁽¹⁵⁾, ta đem thân làm quan lớn, dám vui mừng được sao? Lại còn em ở đấy chống nhau kèn cựa với giặc, ngày nay nên chinh đốn quân mã, khích lệ tướng sĩ, phòng bị hơn thường, phải nghĩ vào nơi vạn chết, không mong một sống để báo đền tri ân đình, không làm nhục tổ tiên của mi. Lại nữa các tướng phòng giữ các chỗ, vẫn sợ quân giặc nghe biết lỗi sai, dòm ngó lén cướp. Các quan lại ở biên giới cấp dưới đều phải ràng buộc, các tướng lĩnh bộ khúc không được tự ý trao cho quân sĩ, không được bỏ chỗ đến chịu tang. Dầu trong lòng đau buồn, nhưng vì nghĩa công mà quên lợi riêng, Bá Li đánh rợ Nhung vẫn phải làm trái lễ⁽¹⁶⁾, không chỉ là lỗi nhỏ. Lấy người thân mà giúp người ngoài là đi đầu rắn rờ ràng của người xưa vậy”. Khác liền được bái làm Thái phó. Do đó bỏ dò xét, bãi Hiệu quan, tha kẻ trốn tránh, giảm tô thuế, ban phát ân trạch, dân chẳng ai không vui. Khác hể ra vào, trăm họ ngoái cổ, nhìn xem hình dạng.

Lúc trước vào năm Hoàng Long thứ nhất, Quyên dời đô đến Kiến Nghiệp, đến năm thứ hai thì đắp đê Đông Hưng để ngăn nước hồ Sau lại đánh miền Hoài Nam, thua vì dùng thuyền ở đấy, do đó bỏ mà không sửa lại. Khác hẹn đến tháng mười năm Kiến Hưng thứ nhất hội quân ở Đông Hưng, lại đắp đê lớn, đắp hai tòa thành liền núi ở hai phía trái phải, đều đặt nghìn quân ở đấy, sai Toàn Doan, Lưu Lược giữ thành rồi dẫn quân đi về Nhà Ngụy thấy quân Ngô vào bờ cõi của mình, then vì bị lấn, sai bọn Đại tướng Hồ Tuân, Gia Cát Đản đem bảy vạn quân muốn vây đánh hai thành, mưu phá vỡ đê. Khác phát bốn vạn quân ngày đêm đến cứu. Bọn Tuân lệnh các quân làm cầu nổi vượt sông, bày trận ở trên đê, chia quân đánh hai thành. Thành ở chỗ cao, không đánh hạ được. Khác sai Tướng quân Lưu Tán, Lữ Cự, Đường Tư, Đinh Phụng làm Tiền bộ, bấy giờ tuyết lạnh, các tướng Ngụy đang uống rượu, thấy quân của bọn Tán ít lại cởi bỏ áo giáp, không cần mâu kích, chỉ đội mũ cần đao khiên, cởi trần đi dọc bờ đê, bèn cười lớn chê giễu, không lo chỉnh đốn quân sĩ. Quân Ngô lên bờ, lại gõ trống vang lừng, quân Ngụy kinh hãi tan chạy, tranh qua cầu nổi, cầu đứt gãy, tự rơi xuống nước, lại giẫm đạp nhau. Bọn An Lạc Thái thú Hoàn Gia cùng lúc bị chìm, chết đến mấy vạn người. Tướng đã phản trước đây là Hàn Tổng làm Tiền quân đốc của nhà Ngụy cũng bị chém. Bắt thu xe ngựa, trâu, lừa, la đến mấy nghìn con, đồ vũ khí chất đống, rồi rút quân về Tiến phong Khác làm Dương Đô Hầu, bái thêm chức Kinh Châu Mục, trông coi việc quân trong ngoài, ban một trăm cân vàng, hai trăm con ngựa, vạn thất gấm lụa.

Khác bèn có ý khinh địch, thắng trận vào tháng mười hai, đến mùa xuân năm sau lại muốn phát quân.

Hán Tấn Xuân thu viết: Khác sai Tư mã Lí Hành đến nước Thục khuyên Khương Duy cùng dậy binh, nói: “Người xưa có nói thánh nhân không thể tạo ra thời cơ, nhưng thời cơ đến cũng không nên làm mất. Ngày nay chính trị của nước địch rơi vào tay kẻ khác, trong ngoài nghi ngờ, quân thua ở ngoài mà dân oán ở trong, từ thời Tào Tháo đến nay, thế nguy vong của nước địch chưa có khi nào như ngày nay vậy. Nếu phát đại quân đánh chúng, cho quân Ngô đánh phía đông, quân Thục đánh phía tây. Nếu bên ấy cứu phía tây thì phía đông tất trống trải, coi trọng phía đông thì trống trải phía tây, đem quân khỏe mạnh đến đánh kẻ địch trống trải thì tất phá được vậy”. Duy nghe theo.

Các đại thần cho rằng mấy lần phát quân mỗi một, cùng nói lời can ngăn, Khác không nghe. Trung táng Đại phu Tưởng Diên vẫn cố giữ ý, bị

đuổi ra. Khác lại viết bài luận dụ ý mọi người rằng: “Trời không có hai Mặt trời, nước không có hai vua, xưa nay chưa có bậc làm vua nào mà không nghĩ việc thu gom thiên hạ và truyền lộc cho đời sau vậy. Ngày xưa vào thời Chiến quốc, chư hầu tự dựa vào quân mạnh đất rộng, cứu giúp lẫn nhau, như thế cũng đủ để truyền cho đời sau, chẳng ai gây nguy được. Tự cho là thỏa ý, sợ bị vất vả, khiến cho nước Tần ngày càng lớn mạnh, rồi đến chiếm cả các nước ấy. Đây là thế chắc chắn vậy. Gần đây Lưu Cảnh Thăng ở tại Kinh Châu có mười vạn quân, lương thực chất cao như núi, không chịu nhân lúc Tào Tháo còn yếu mà dốc sức tranh giành đi mà lại ngỗ xem hấn lớn mạnh lên chiếm diệt họ Viên. Sau khi dựng đô ở miền bắc, Tháo đem ba mươi vạn quân hướng đến Kinh Châu, bấy giờ đây là người khôn ngoan cũng không thể bày kế chống, do đó con nhỏ của Cảnh Thăng phải trối tay xin hàng, trở thành người tù. Hễ là nước địch muốn chiếm nhau thì thù hận muốn diệt nhau vậy. Có thù mà kéo dài nó thì họa không tại mình mà là tại người, không thể không nghĩ kỹ vậy. Ngày xưa Ngũ Tử Tư⁽¹⁷⁾ nói: ‘Nước Việt được mười năm sinh sôi, mười năm được dạy dỗ, nếu hơn hai mươi năm thì nước Ngô sẽ bị thành cái ao thôi’! Phù Sai tự cậy lớn mạnh, nghe nói thế mà coi thường, do đó giết Tử Tư mà không có ý phòng bị nước Việt, đến khi thua trận mới hối tiếc, há còn kịp không? Nước Việt nhỏ hơn nước Ngô mà vẫn là mối họa của nước Ngô, huống chi là nước lớn mạnh đây? Ngày xưa nước Tần chỉ có đất Quan Tây⁽¹⁸⁾ mà thôi mà vẫn chiếm được sáu nước, nay giặc đều có được đất chín châu xưa là Tần, Triệu, Hàn, Ngụy, Yên, Tề, đất gồm cả xứ có nhiều giáp ngựa, kẻ sĩ nhiều như rừng rậm. Ngày nay đem nhà Ngụy sánh với nước Tần thời xưa, đất đai rộng hơn gấp đôi, lấy nước Ngô và nước Thục sánh với sáu nước thời xưa lại không bằng một nửa. Nhưng ngày mà địch được bên ấy chỉ là vì quân sĩ bên ấy vừa sạch nhẵn hơn cả thời Tào Tháo và kẻ nổi nghiệp chưa được lớn mạnh cả vậy. Ngày nay là lúc giặc suy yếu chưa lớn lên, lại thêm Tư Mã Ý giết Vương Lăng trước, sau đó tự tổn hại, con còn nhỏ dại mà nắm giữ quyền lớn, đây là kẻ sĩ có mưu kế cũng chưa dùng được. Ngày nên nên đánh đi, là vận xấu của địch vậy. Thánh nhân gấp theo thời cơ, đúng là bảo về ngày nay vậy. Nếu thuận lòng người, giữ ý cầu yên, chỉ cậy vào cái hiểm của sông lớn để truyền cho đời sau, không bàn về cái trước sau của nhà Ngụy, lại đem việc ngày nay mà gửi cho đời sau, đây là đi đầu mà ta thường than thở vậy. Từ nay về sau phải chăm nuôi

dưỡng, ngày nay dân bên ấy năm tháng càng đông nhiều, nhưng vẫn còn yếu, chưa thể dùng được vậy. Nếu sau mấy chục năm nữa thì dân bên ấy tất nhiều mạnh gấp đôi ngày nay, mà nhà nước ta đang có quân mạnh thì lúc ấy sẽ trống trơn, chỉ có dùng quân ấy mới định được việc. Nếu không sớm dùng quân mạnh ấy, ng ỡ yên mà đợi già, lại sau mấy chục năm nữa sẽ tổn khoảng một nửa, lại thấy con em không đủ nói đến. Nếu quân địch đông thêm mà quân ta tổn một nửa thì dầu có Y, Quản giúp mưu cũng chẳng làm gì được. Nay có người không biết nghĩ kĩ thì hẳn là cho đấy là xa vời. Nhưng nhân lúc tai họa chưa đến mà suy xét trước đi, đấy là sửa nắm cái xa vời của mọi người vậy. Đến lúc nạn đến mới chau mày, dầu là người có trí cũng chẳng giúp được. Đấy cũng là cái nạn xưa nay, không chỉ một thời mà thôi. Ngày xưa vua Ngô cho rằng ý của Ngũ Viên là xa vời, cho nên nạn đến thì không cứu được. Lưu Cảnh Thăng không nghĩ đến việc mười năm sau, cho nên không truyền được lộc cho con cháu. Nay Khác không có cái tài của tôi thần giỏi mà nhận chức lớn của Tiêu, Hoắc⁽¹⁹⁾ ở Đại Ngô, trí giống mọi người, suy nghĩ chẳng sâu xa. Nếu không theo thời cơ ngày nay để giúp nước mở đất, ng ỡ đợi tuổi già, khiến cho giặc thù càng mạnh, lúc ấy muốn đâm cổ để tạ lỗi còn làm được không? Nay nghe nói mọi người vì trăm họ còn nghèo, muốn cho nghỉ ngơi, đấy là không biết lo nghĩ cái họa lớn mà lại yêu thích cái công nhỏ vậy. Ngày xưa Hán Cao Tổ may lắm mới có được đất Tam Tần⁽²⁰⁾, sao lại không đóng cửa giữ chỗ hiểm để tự vui vẻ, đừng ra đánh Sở để tránh thân bị thương tật, để cho giáp trụ sinh cháy rận, tướng sĩ khỏi bị khốn khổ, há lại chịu xông vào đao nhọn mà quên đi yên ổn sao? Nếu lo nghĩ lâu dài thì không trọn hai đường vậy! Ta hãy xem việc Kinh Hàm đem mưu tiến đánh để khuyên Công Tôn Thuật⁽²¹⁾, gần đây lại xem biểu của chú ruột bày kế tranh giành với quân giặc mà chưa từng than thở cảm khái vậy. Sớm tối trần trọc, lo nghĩ đến ngư thế, cho nên li ều bày tỏ ý ngu để mong đạt được hai, ba ý nguyện của người quân tử. Nếu một sớm chết đi, chí mưu không thành, cũng khiến cho người đời biết được nỗi lo của ta, được người đời sau suy nghĩ”. Mọi người đều muốn từ chối lời lẽ trong bài luận ấy của Khác nhưng chẳng ai dám nói.

Đan Dương Thái thú Niếp Hữu vốn thân thiện với Khác, gửi thư can ngăn Khác rằng: “Đại Hành Hoàng Đế vốn có kế ngăn chặn miền Quan Đông nhưng kế chưa kịp làm. Nay ông giúp dựng nghiệp lớn, tạo thành chí

của Tiên đế, giặc xa tự chịu phục, tướng sĩ cậy dựa uy đức, dân thân vâng mệnh, một sớm lập công khác thường, há không phải là nhờ phúc của xã tắc anh linh tông miếu chăng! Nay nên tạm đóng quân nuôi thế mạnh, đợi cơ hội mà phát động. Nhân có thế ấy mà muốn phát binh, thời cơ chưa đúng vậy. Vả lại nên tin nghe ý của nhiều người, nếu theo ý riêng thì sẽ không yên”. Khác đọc bài luận xong, viết thư đáp Hữu nói: “Túc hạ đâu có lí chắc chắn nhưng chưa thấy được vận lớn. Xét kĩ bài luận ấy, có thể làm cho hiểu rõ vậy”. Do đó làm trái ý mọi người, phát hai mươi vạn đại quân của châu quận, trăm họ nhiễu động, bắt đầu làm mất lòng người.

Ý Khác muốn điều oai đến miền Hoài Nam, bắt cướp người dân, nhưng các tướng có người can ngăn rằng: “Nay đem quân vào sâu, dân ở biên giới tất dạt nhau chạy xa, sợ rằng quân mệt mà lập công ít, không bằng chỉ vây Tân Thành, nếu Tân Thành khốn thì quân cứu tất đến, đến thì đánh chúng, có thể thắng lớn”. Khác theo kế ấy, đem quân về vây Tân Thành, vây đánh liên ngày, không hạ được thành. Quân sĩ mệt mỏi, nhân trời nóng mà uống nước, đái tháo nặng nề, mắc bệnh quá nửa, nằm chết đầy đất. Các tướng các trại cũng tự nói là mắc bệnh rất nhiều, Khác cho là dối, muốn chém họ, từ đấy chẳng ai dám nói. Khác trong lòng thì chẳng có kế gì, ngoài thì then vì không hạ được thành, buồn giận tỏ rõ ra mặt. Tướng quân Chu Dị có chỗ đúng sai, Khác giận, liền đoạt lấy quân sĩ của hắn. Đô úy Sái Lâm mấy lần bày kế, không lại không dùng, liền ruỗi ngựa trốn sang quân Ngụy. Nhà Ngụy biết quân sĩ mỗi mệt, liền đem quân đến cứu. Khác dẫn quân đi về. Quân sĩ bệnh tật, vượt qua đây đường, có kẻ đâm đầu xuống hang hổ, có kẻ lại bị bắt cướp, sống chết buồn giận, lớn nhỏ kêu than. Vậy mà Khác vẫn tỉnh bơ tự vui. Ra đóng quân ở bến sông một tháng, mưu lập đồn đi đến ở Tân Dương, hạ chiếu gọi về bên thông thả rút quân. Từ đấy quân dân thất vọng, tiếng oán thán nổi lên vậy.

Tháng tám mùa thu, quân về. Đem quân kéo theo đi vào phủ quán. Liền gọi Trung thư lệnh Tôn Mạc đến, lớn tiếng mắng rằng: “Các người sao dám tự tiện soạn chiếu”? Mạc sợ hãi mà nói ra, nhân đó xưng bệnh về nhà. Sau khi Khác đi đánh về, các quan lại sắp đặt trong phủ đều bị bãi, rồi chọn lại, coi xét thêm nghiêm ngặt, trách phạt nhiều người, người ta đứng xem, không ai không lo sợ. Lại thay đổi quân vệ, dùng người thân của mình, rồi lệnh sửa quân, muốn hướng đến miền Thanh Châu, Từ Châu.

Tôn Tuấn nhân lúc nhiều người dân oán giận, quân sĩ nghi ngờ, muốn phát biến bắt lấy Khác, bày mưu với Lượng, đặt mâm rượu mời Khác đến. Khác buổi đêm nằm nghỉ, tinh thần rối bời, cả đêm không ngủ. Trời sáng, muốn tắm rửa, ngửi thấy mùi nước tanh hôi, người hầu trao áo, áo quần cũng hôi. Khác lấy làm gở, muốn thay nước đổi áo mà vẫn hôi như lúc đầu, do đó lòng buồn bã không vui. Xong rồi đi ra, có con chó ngậm chặt lấy áo Khác, Khác nói: “Chó không muốn ta đi sao”? Lại ngửi, chốc lát lại đứng dậy, con chó lại ngậm chặt áo, Khác sai người đi theo đuổi chó, rồi lên xe.

Lúc trước, Khác sắp đánh miền Hoài Nam, có người con mất cha mẹ mặc áo tang vào trong cửa nhà Khác, người hầu bẩm báo, sai ra ngoài hỏi xem, người con ấy nói: “Không tự biết là đi vào”. Bấy giờ quân vệ trong ngoài cũng đều không thấy, mọi người đều cho là lạ. Sau khi đi đánh, có một cây cột chống ở chỗ mà Khác nghĩ bị gãy. Từ Tân Thành ra đến Đông Hưng, có cầu vồng trắng xuất hiện trên thuyền, trở về bãi lễ ở Trường Lăng, cầu vồng trắng lại vòng quanh xe.

Đến lúc sắp gặp, dừng xe ngoài cửa cung, Tuấn đã ém quân ở trong trướng, sợ Khác không chịu vào thì việc lộ, bèn tự ra gặp Khác nói: “Nếu thân thể của sứ quân không khỏe, hãy tự thông thả, Tuấn sẽ bẩm báo vua trên”. Muốn xét thử ý Khác. Khác đáp rằng: “Tự ta vào được”. Bọn Tán kị Thường thị Trương Ước, Chu Ân ngầm gửi thư cho Khác nói: “Ngày nay sắp đặt khác thường, ngờ có việc khác”. Khác xem thư rồi bỏ ra. Chưa ra khỏi cửa, gặp Thái thường Đổng Dận, Khác nói: “Bụng ta đau, không muốn vào”. Dận không biết là Tuấn có kế gian, bảo Khác nói: “Ông từ lúc đi đánh về chưa gặp, nay Nhà vua bày rượu mời ông, ông đã đến cửa, nên gấp sức đến”. Khác do dự rồi quay lại, đeo kiếm lên điện, tạ Lượng, về chỗ ngồi. Bày rượu, Khác ngờ vẫn chưa uống, Tuấn nhân đó nói: “Sứ quân mắc bệnh chưa khỏi, nên thường uống rượu thuốc, tự sẽ đỡ được”. Lòng Khác mới yên, uống riêng rượu mà mình mang theo.

Ngô lịch viết: Trương Ước, Chu Ân ngầm báo cho Khác, Khác đem việc này hỏi Đổng Dận, Dận khuyên Khác ra về, Khác nói: “Tuấn là đứa trẻ ranh thì làm được chi! Chỉ sợ là nhân lúc uống rượu mà hại người thôi”. Bèn đem rượu thuốc vào.

Tôn Thỉnh nói: “Khác thân thiết với Dận, bọn Ước báo tin, đây là việc lớn khác thường mới báo cho Dận biết, cùng mưu an nguy, nhưng tính Khác cứng cỏi, lại

vốn coi thường Tuấn, không tự ti, cho nên đi vào, há phải là do Dận khuyên vào mà dẫn đến bị họa sao? Ngô lịch chép đúng vậy”.

Uống mấy chén rượu, Lượng vào trong, Tuấn đứng dậy đi vào nhà xí, cởi áo dài, mặc áo ngắn, ra nói: “Có chiếu bắt Gia Cát Khác”!

Ngô lục viết: Tuấn đọc chiếu giương đao bắt Khác, Lượng đứng dậy nói: “Không phải ta ra lệnh! Không phải ta ra lệnh”! Vú nuôi dẫn Lượng vào trong.

Ngô lịch viết: Tuấn dẫn Lượng vào trước rồi mới đọc chiếu. So với truyện gốc thì giống nhau.

Thần là Tòng Chi cho rằng: Tuấn muốn đọc chiếu đúng như truyện gốc và Ngô lịch chép, không như lời mà Ngô lục chép vậy.

Khác kinh hoàng đứng dậy, chưa kịp rút kiếm ra thì đao của Tuấn đã xông tới. Trương Ước ở bên cạnh chém Tuấn, cắt thương tay trái, Tuấn lại vùng tay chém Ước, cắt đứt tay phải. Các quân võ vệ đều xông lên điện, Tuấn nói: “Kẻ bị bắt là Khác, nay đã chết”. Đầu sai bỏ đao, lại rửa nần đất uống rượu tiếp.

Sưu thần ký viết : Khác vào, đã bị giết, vợ Khác ở nhà, hỏi người hầu gái nói: “Mi sao lại có máu hôi”? Người hầu gái nói: “Không có”. Chốc lát thêm nồng nặc, lại hỏi người hầu gái rằng: “Con mắt mi nhìn xem, có gì khác thường”? Người hầu gái bỗng nhiên nhảy lên, đập đầu vào cột nhà, nắm tay nghiêng rằng mà nói rằng: “Gia Cát Công sẽ bị Tôn Tuấn giết”! Do đó lớn nhỏ biết Khác chết rồi, lúc ấy quan quân vừa đến.

Chí lâm viết: Lúc trước Quyền bệnh nặng, gọi Khác phụ chính. Sắp đến, Đại Tư mã Lữ Đại răn bảo Khác rằng: “Thời nay nhiều nạn, ông hãy làm việc phải suy nghĩ kĩ càng”. Khác đáp nói: “Ngày xưa Quý Văn Tử⁽²²⁾ ba lần nghĩ mới làm, Phu Tử⁽²³⁾ nói: ‘Nghĩ trước mới được’. Nay ông khuyên Khác nghĩ kĩ, làm rõ việc của Khác vậy”. Đại không đáp nữa, người bấy giờ đều cho là lời sai. Ngu Hi nói: “Trao gửi thiên hạ là việc rất lớn vậy, cho bấy tôi mượn oai của vua là việc rất khó vậy, có cả hai cái kia mà trông coi muôn việc, người gánh vác nổi xưa nay ít có vậy. Nếu không chọn nạp mưu của mọi người, không xét hỏi cả người nơi đông cỏ, không nhún nhường nghe lời người khác, ý chí không vững thì chẳng lập nên công danh, công lao chẳng rõ vậy. Huống chi Lữ Hâu Quốc⁽²⁴⁾ là bậc già cả, mưu nghĩ sâu xa, vẫn đem việc suy nghĩ kĩ càng mà răn bảo Khác, vậy mà lại đem việc chôi bỏ, đây là cái lỗi sót của Nguyên Tôn, mưu lược chẳng đủ vậy. Nếu theo cái lẽ suy nghĩ kín kẽ ấy, hỏi rộng các việc thời ấy, nghe lời hay gấp như sấm động, theo lời can ngăn nhanh như gió giật, há bị mất đầu ở triều đường, chết bởi tay của thằng ác ranh sao? Người đời khen cái tài đôi đáp của Khác, ý hay đáng xem, vậy mà chê cười Lữ Hâu Quốc không đáp được mà cho là thô lậu, không nghĩ đến cái trước sau của môi an nguy, đây là vui thích về

tươi đẹp của hoa nở mùa xuân mà quên đi vị ngon lành của quả chín mùa thu vậy. Ngày xưa người Ngụy đánh nước Thục, người Thục chống lại, chí vững tóc rủ, sáu quân rối loạn, quân mã mặc giáp, thư từ qua lại, Phí Y bấy giờ làm tướng đầu, nắm việc lớn của nước, vậy mà vẫn chơi cờ với Lai Mẫn, ý chẳng mấy may. Mẫn bảo riêng Y rằng: ‘Ông tất uy hiếp được giặc vậy’. Nói lời sáng suốt mưu định ở trong, vẻ mặt không lo lắng ở ngoài, Huống Trường Ninh⁽²⁵⁾ cho rằng đây là người quân tử lúc gặp việc vẫn lo sợ, chỉ bày mưu hay mới thành công. Vả lại Thục là nước nhỏ bé, lại đang chống địch mạnh, vậy mà vẫn mưu tính, chỉ đánh và giữ, sao lại có thừa ý kiêu căng, thần nhiên không lo lắng như thế? Là vì người ấy có tính rộng rãi, không xét nét cái nhỏ nhặt, rút cuộc bị kẻ hàng là Quách Tu⁽²⁶⁾ hại chết, há chẳng phải có điềm báo từ việc ấy mà rước họa ấy ư”? Ngày trước ta nghe nói việc Trường Ninh xem xét Văn Vĩ, ngày nay ta xem Nguyên Tôn làm trái ý của Lữ Hâu, hai việc ấy giống nhau, cho nên cùng chép vào, có thể làm tấm gương răn bảo người đời sau, mãi làm gương cho đời vậy.

Trước đây, trẻ con hát rằng: “Gia Cát Khác mặc áo cỏ tranh buộc đai câu lạc, sao lại chọn đến ở gò Thành Tử”. Gò Thành Tử là tiếng lóng của gò Thạch Tử vậy. Phía nam thành Kiến Nghiệp có một cái gò dài, tên là gò Thạch Tử, táng vào đấy vậy. Đai câu lạc là đai cỏ có thiêu gấn, người đời gọi là đai câu lạc. Quả nhiên Khác bị lấy cỏ tranh bọc thân và lấy đai cỏ buộc eo rồi táng ở gò ấy.

Ngô lục viết: Bấy giờ Khác năm mười một tuổi.

Con cả của Khác là Xước, làm Kị Đô úy, vì giao kết với Lỗ Vương, Quyên lệnh trao cho Khác, sai phải sửa lỗi, Khác bắt uống rượu độc chết. Con giữa là Tùng, làm Trường thủy Hiệu úy. Con út là Kiến, làm Bộ binh Hiệu úy. Nghe tin Khác bị giết, lấy xe chở mẹ mà chạy trốn. Tuấn sai Kị đốc Lưu Thặng đuổi chém Tùng ở Bạch Đô. Kiến vượt được sông, muốn chạy lên phía bắc vào nước Ngụy, đi được mấy chục dặm, bị quân đuổi bắt được. Cháu ngoại của Khác là bọn Đô hương hầu Trương Chấn và Thị trung Chu Ân đều bị giết ba họ.

Lúc trước, Tùng nhiều lần can ngăn Khác, Khác không nghe, thường lo bị mắc vạ. Lúc chết, người quận Lâm Hoài là Tang Quân dâng biểu xin nhặt thân táng Khác rằng: “Thần nghe nói sấm động điện xẹt không đầy một sớm, gió lớn thổi giạt ít khi suốt ngày, mà vẫn tiếp đó có mây mưa, nhân đó mà thấm ướt vạn vật, đây là cái oai của trời đất, không thể tỏ ra suốt ngày vậy. Cái giận của Đế vương cũng không nên quá sức hết ý. Thần là kẻ ngu liêu, không biết kiêng hủ, dám liêu với cái tội giết chóc để đón

gặp lúc mưa gió. Cúi nghĩ Thái phó Gia Cát Khác ngày trước nổi cái tráng liệt truyền lại của tổ tiên, các chú bác gặp buổi vận nhà Hán đã hết, chín châu lập thế chân vạc, chia thành ba miền, cùng tỏ sức lực, gây dựng cơ nghiệp. Truyền đến đời Khác, lớn lên giúp nhà nước, nuôi dưỡng giáo hóa, nổi tiếng là anh hoa, làm việc theo phép, ý phản không có, Tiên đế trao cho chức nặng của Y, Chu⁽²⁷⁾, gửi lại các việc trăm bề Tính Khác vốn cứng cỏi, kiêu căng lẩn lướt người khác, không thể kính giữ vật thần, vỗ yên trong nước, chỉ dấy quân mạnh, chưa một năm mà ba lần phát binh, quân dân tổn hại, kho tàng trống rỗng, chuyên quyền phép nước, tự ý đổi chuyển, mượn hình pháp để đi đầu động dân chúng, lớn nhỏ đều lo sợ. Thị trung Vũ vệ Tướng quân Đô Hương hầu cùng nhận chiếu gửi gắm của Tiên đế, thấy hấn ác nghịch ngày càng nhiều thêm, lo sợ tông miếu lay động, xã tắc nghiêng đổ, do đó tỏ rõ oai giận, chí ngút trời xanh, mưu kế hơn cả thần minh, trí dũng quá cả Kinh, Niếp, thân càn đao sắc, chém Khác ở triều đường, công vượt Chu Khư, huân quá Đông Mâu. Kẻ ác của nhà nước, một sớm bị diệt trừ, đem đầu thị chúng, sáu quân vui mừng, nhật nguyệt thêm sáng, gió bụi không bay, đấy thực là oai thần của tông miếu, người giỏi của nhà trời vậy. Nay đầu ba cha con Khác đã treo ở phố chợ, mấy vạn người đứng xem, tiếng máng thành gió. Hình phạt của nhà nước, không gì là không lừng lẫy, già cả trẻ nhỏ, không ai không thấy. Lòng người hơn cả vạn vật, hết vui thì sinh buồn, thấy Khác quý hiển, trên đời chẳng có hai, thân nắm chức cao trong vòng mấy năm, lại lại bị giết chóc không khác gì càn thú, người xem lại động lòng, không khỏi cảm thương! Vả lại người ta đã chết, nằm cùng đất đai, nên đào huyệt chôn cất, chẳng gây hại được nữa. Mong triều đình noi theo lẽ thường của trời đất, chẳng nên giận mãi, sai quan dân thôn ấp cũ của Khác, thu lấy áo của quân lính, ban cho quan tài rộng ba tấc. Ngày xưa Hạng Tịch vẫn được nhận đất chôn táng, Hàn Tín còn được ân thu liệm, đấy là tiếng tốt thần minh của Hán Cao Tổ vậy. Mong Bệ hạ học theo lòng nhân ái của Tam Hoàng, tỏ ý thương xót, khiến cho ân trạch của nhà nước ban đến cả tẩm xương khô chết chóc, phát ân không ngừng để nêu cao tiếng tăm đến phương xa, khuyến khích thiên hạ, há chẳng tốt lành sao! Ngày xưa Loan Bồ liêu mình liệm thân của Bành Việt⁽²⁸⁾, thần rất cảm khái, không muốn cầu xin Nhà vua để chuốc lấy cái tiếng phóng túng ấy, chỉ mong không bị giết là may lắm rồi. Nay thần không dám nói ra ý ngu để lay động ân trời, kính tự tay viết thư, liêu chết

bày tỏ, xin tri ầu đình xét kĩ”. Do đó Lượng, Tuấn cho quan lại cũ của Khác thu liệm thây, r ồi táng ở gò Thạch Tử.

Giang Biều truyện viết: Trong bấy tôi có người xin lập bia ghi công lao của Khác, Bác sĩ Thịnh Xung cho rằng không nên. Tôn Hữu nói: “Giữa mùa hạ xuất quân, quân sĩ hao tổn, không có công chút ít, không thể nói là có tài; chịu mệnh lớn gửi gắm mà chết bởi tay của thằng ranh, không thể coi là có trí. Lời Xung phải đấy”. Bèn thôi.

Lúc trước, Khác rút quân về, Niếp Hữu biết Khác sắp thua, gửi thư cho Đàng Dận rằng: “Người ta gặp buổi lớn mạnh còn nhỏ vớt được núi sông. Nếu một sớm suy yếu thì lòng người vạn mối, nói ra thì đau xót”. Sau khi Khác bị giết, Tôn Tuấn hi ền Hữu, muốn cho làm Uất Lâm Thái thú, Hữu lo lắng phát bệnh mà chết. Hữu tự Văn Đễ, người quận Dự Chương vậy.

Ngô lục viết: Hữu có tài ăn nói, thừa nhỏ làm quan trong huyện. Ngu Phiên bị đày đến Giao Châu, quan Huyện lệnh sai Hữu đưa tiễn, Phiên nói chuyện cùng mà cho là lạ, gửi thư cho Dự Chương Thái thú Tạ Phỉ, khuyên dùng làm Công tào. Huyện bấy giờ đã có quan Công tào, Phỉ thấy vậy, hỏi mọi người rằng: “Quan huyện là Niếp Hữu có gánh vác được việc không”? Đáp nói: “Người này chỉ là viên quan nhỏ trong huyện mà thôi, chỉ nên cho làm quan giúp việc”. Phỉ nói: “Người bàn cho rằng nên làm Công tào, các ông sao lại hi ềm”. Bèn cho làm Công tào, sai đến kinh, Gia Cát Khác kết bạn với Hữu. Bấy giờ người bàn là Cố Tử Mặc, Cố Tử Trực⁽²⁹⁾ không ai chịu mang chứa, Khác muốn đưa Hữu về nhà mình ở, do đó mà nổi danh. Sau đó làm tướng đi đánh quận Đam Nhĩ, trở về bái làm Đan Dương Thái thú, chết vào năm ba mươi ba tuổi.

ĐĂNG DẶN TRUYỆN

Đăng Dận tự Thặng Tự, người huyện Kịch quận Bắc Hải. Bác ruột là Đàm, cha là Trụ, là thông gia cùng châu huyện với Lưu Do, vì thời nhiều loạn mà vượt sông nương dựa Do. Tôn Quyên làm Xa kị Tướng quân, bá Đàm làm Hữu Tư mã, vì rộng lượng mà được khen, chết sớm, không có con nối dõi. Trụ giỏi văn thư, Quyên lấy lễ tân khách mà đối đãi, thư từ việc quân còn sơ sài, thường sai sửa chữa thêm bớt câu từ, cũng không may mệnh ngắn. Quyên làm Ngô Vương, ghi nhớ ân cũ, phong Dận làm Đô đình hầu. Thuở nhỏ có khí tiết, dáng vẻ đẹp đẽ.

Ngô thư viết: Dận năm mười hai tuổi cô lẻ một mình, biết tu thân sửa đức. Là người trong sạch, uy nghi đáng xem. Hễ vào ngày đầu năm châu mừng thì chỉnh trang, các đại thần nhìn thấy, chẳng ai không khen ngợi.

Lúc thành người lớn lấy công chúa. Năm ba mươi tuổi, rời nhà đi làm Đan Dương Thái thú, dời đến Ngô Quận, Cối Kê, ở đấy được khen.

Ngô thư viết: Dận dâng biểu bày kể việc nên làm, đến như các việc giúp dân, phân nhiều giúp đỡ. Quyên vì việc của Dận mà thêm thưởng cho công chúa, thường đến thăm hỏi. Dận hễ nghe lời kiện tụng, xét đoán tội trạng, nghe lời nói và xem sắc mặt, các việc rất có tình lí. Có người bị oan nói lời đau thương, đôi mắt người ấy mà khóc lóc.

Năm Thái Nguyên thứ nhất, Quyên ốm nặng, đến kinh, ở lại làm Thái thường, nhận chiếu lệnh phụ chính với bọn Gia Cát Khác. Tôn Lượng lên ngôi, bá thêm chức Vệ tướng quân.

Khác đem hết quân đánh Ngụy, Dận can ngăn Khác rằng: “Ông gặp lúc có tang, chịu mệnh gửi gắm của Y, Hoắc, vào thì vỗ yên tri ều đình, ra thì bề gây địch mạnh, danh tiếng lẫy lừng cả nước, thiên hạ chẳng ai không chấn động, lòng của trăm họ chỉ mong ngài dừng nghỉ. Nay bỗng nhiên sau cuộc đánh dẹp mọi mặt lại muốn đem quân ra đánh, dân mỗi sức mệt, nước kia lại phòng giữ trước. Nếu đánh thành mà không thắng, cũng chẳng thu được lợi gì thì vứt công lao trước kia mà chuốc lấy trách phạt sau này vậy. Không bằng xếp giáp dừng quân, xem kẽ hở mà phát động. Vả lại việc

quân là việc lớn, việc lụy đến dân, nếu dân không vui thì ông há được yên sao? Khác nói: “Mọi người đều nói là không nên, đều không biết tính kế, chỉ mong yên thân mà thôi, như ông lại cho là như vậy, ta còn mong vào ai? Bên kia Tào Phương u tối, chính trị rơi vào tay kẻ khác, dân chúng bên kia vốn đã có lòng chia lìa. Nay ta dựa vào cái giàu có của nhà nước, cậy vào cái oai thẳng trận, thì đến đánh sao chẳng thắng được”! Lấy Dận làm Đô hạ đốc, ở lại coi việc kinh đô. Dận sáng ngày tiếp đãi tân khách, buổi đêm xem xét văn thư, có khi đến hừng sáng vẫn không ngủ.

Ngô thư viết: Dận được tin dùng thêm trọng, tiếp đãi kẻ sĩ thêm chăm chỉ, các biểu tấu thư sớ đều tự xét ý, không giao cho kẻ dưới.

TÔN TẤN TRUYỆN

Tôn Tuấn tự Tử Viễn, là cháu của em Tôn Kiên là Tĩnh vậy. Tĩnh sinh Hạo. Hạo sinh Cung, làm Tấn kị Thị lang. Cung sinh Tuấn. Thuở nhỏ giỏi bắn cung cưỡi ngựa, cứng cỏi dũng cảm. Cuối thời Tôn Quyền, chuyển Vũ vệ Đô úy, làm Thị trung. Quyền sắp hoǎng, trao lệnh phụ chính, lĩnh chức Vũ vệ Tướng quân, trông coi quân cấm vệ, phong Đô hươg hầu. Sau khi giết Gia Cát Khác, chuyển làm Thặng tướng Đại Tướng quân, trông coi việc quân trong ngoài, Giả tiết, tiến phong Phú Xuân Hầu. Đàng Dận vì là bố vợ của con Khác là Tùng nên xin từ chức, Tuấn nói: “Tội của Cồn không gán cho Vũ⁽³⁰⁾ Đàng Hầu sao bị”? Tuấn, Dận dẫu trong lòng không hòa hợp nhưng ngoài mặt lại bao chứa, tiến phong Dận làm Cao Mật Hầu, cùng làm việc như trước.

Ngô lục viết: Bầy tôi dâng tấu cùng bầy Tuấn làm Thái úy, bàn bái Dận làm Tư đô. Bấy giờ có kẻ nịnh bợ Tuấn, cho rằng chính thống nên trao cho họ hàng của Nhà vua, nếu Dận làm Tư đô thì tiếng tăm đã nổi, lại thêm lòng người theo phục, không nên cho làm. Rồi dâng biểu lấy Tuấn làm Thặng tướng, lại không đặt quan Ngự sử Đại phu, kẻ sĩ đều thất vọng.

Tuấn vốn không có danh tiếng, kiêu ngạo hiểm ác, ưa dùng hình phạt, trăm họ im lặng. Lại gian dâm với cung nữ, tư thông với công chúa Lỗ Ban. Năm Ngũ Phụng thứ nhất, Ngô Hầu là Anh mưu giết Tuấn, việc phát lộ, Anh bị giết.

Năm thứ hai, tướng Ngụy là Quán Khâu Kiệm, Văn Khâm đem quân phản, đánh với quân Ngụy ở Lạc Gia. Tuấn đem Phiếu kị Tướng quân Lữ Cứ, Tả Tướng quân Lưu Tấn đánh úp thành Thọ Xuân, gặp lúc Khâm thua hàng, rút quân về

Ngô thư viết: Lưu Tấn tự Chính Minh, người huyện Trường Sơn quận Côi Kê. Thuở trẻ làm quan trong quận, đánh với tướng giặc Khăn vàng là Ngô Hoàn, tự tay chém được Hoàn. Một chân Tấn bị thương, bèn bị co quắp không đuổi thẳng được. Nhưng tính cứng mạnh, ưa đọc sách binh pháp và sách sử, thường đọc truyện về các tướng giỏi đánh trận thời xưa, hễ đọc xong lại than, nhân đó gọi

người thân cận đến bảo rằng: “Ngày nay thiên hạ nhiễu loạn, anh hùng cùng nổi dậy, xem qua các thời trước, người tâm thường không được phú quý, mà chân ta bị co quắp ở tại nhà cửa, sống chết cũng không khác. Nay muốn cắt bỏ chân ta, may ra không chết mà chân lại duỗi thẳng được, mong lại được dùng, nếu chết thì thôi vậy”. Người thân đều can ngăn. Chốc lát, Tán bèn lấy dao tự cắt gân chân, máu chảy đầm đìa, tắt thở hồi lâu. Sau đó người nhà kinh hãi, cũng đã thấy dậy, bèn duỗi thẳng được chân. Vết thương ngày càng lành, rồi đi bộ được. Lãng Thống nghe tin, xin cùng gặp nhau, rất khen là lạ, bèn dâng biểu tiến cử Tán, rút cuộc được dùng. Nhiều lần lập công, dân dân chuyển làm Đồn kị Hiệu úy. Bấy giờ chính trị thiếu sót, thường hay can gián, nói lời thẳng thắn mà không a dua, Quyền do đó mà e ngại. Gia Cát Khác đánh ở Đông Hưng, lấy Tán làm Tiên bộ, hợp đánh xông vào trận trước, đại phá quân Ngụy, chuyển làm Tả Tướng quân. Tôn Tuấn đánh miền Hoài Nam, trao Giả tiết cho Tán, bái Tả hộ quân. Chưa đến Thọ Xuân, trên đường phát bệnh, Tuấn sai Tán đem đồ xe nặng về trước. Tướng Ngụy là Tướng Ban đem bốn nghìn quân kị bộ đuổi theo Tán. Tán bệnh khốn, không thể điều trận, biết tất thua, bèn cởi ấn thao mũ lọng trao cho con em đưa về, nói: “Ta tự làm tướng, phá tướng chặt cò, chưa từng bị thua. Nay bệnh nặng quân mỏi, quân ít khó địch, các người mau về đi, nếu cùng chết thì không có ích gì cho nhà nước, chỉ riêng ta quyết đánh mà thôi”. Con em không chịu vâng lệnh, rút dao muốn chém Tán, nhưng lại đi. Lúc trước, Tán làm tướng, gặp địch thì hô to về phía địch trước, rồi hòa theo tiếng hô mà hát, tả hữu đều ứng theo, rồi mới đến đánh, đánh không trận nào không thắng. Lúc thua, than rằng: “Ta đánh có phép thường. Nay bệnh nặng như thế, là mệnh trời vậy”. Bèn bị hại, bấy giờ bảy mươi ba tuổi, quân sĩ đều thương xót. Hai con là Lược, Bình đều làm Đại tướng.

Năm đó, sứ giả của nước Thục đếm thăm, bọn Tướng quân Tôn Nghi, Tôn Thiệu, Tôn Di muốn nhân đó mà giết Tuấn. Việc lộ, bọn Nghi tự sát, mấy chục người khác và công chúa Lỗ Dục đều bị giết.

Tuấn muốn đắp thành ở Quảng Lăng, bầy tôi biết không đắp thành được, nhưng sợ không ai dám nói. Chỉ có Đằng Dận can ngăn, cũng không theo, do đó làm chẳng thành.

Năm sau đó, Văn Khâm khuyên Tuấn đánh Ngụy, Tuấn sai Khâm và Lữ Cự, Xa kị Tướng quân Lưu Toàn, Trấn nam Tướng quân Chu Dị, Tiễn tướng quân Đường Tư từ Giang Đô vào miền Hoài, Tứ đề mưu đánh miền Thanh, Từ. Tuấn cùng Dận đến Thạch Đầu, nhân đó đưa tiễn, lĩnh hơn trăm người đi theo vào trại của Cự. Cự giữ quân nghiêm ngặt, Tuấn sợ Cự, trong lòng đau đáu, buổi đêm nằm mơ bị Gia Cát Khác đánh, sợ hãi phát bệnh mà chết, bấy giờ ba mươi tám tuổi, đem việc sau này giao cho Sâm.

TÔN SÂM TRUYỆN

Tôn Sâm tự Tử Thông, là người cùng tổ với Tuấn. Cha Sâm là Xước làm An dân Đô úy. Sâm lúc đầu làm Thiên Tướng quân, lúc Tuấn chết, làm Thị trung Vũ vệ Tướng quân, lĩnh các việc quân trong ngoài, thay nắm việc triêu đình. Lữ Cự nghe tin ấy thì cả giận, cùng đề tên với các tướng lại tiến cử Đặng Dận làm Thặng tướng, Sâm lại cho Dận làm Đại Tư mã, thay Lữ Đại đóng giữ Vũ Xương. Cự dẫn quân về, sai người báo cho Dận, muốn cùng phết Sâm. Sâm nghe tin, sai anh họ là Hồ đem quân chặn Cự ở Giang Đô, lệnh Trung sứ sai bọn Văn Khâm, Lưu Toàn, Đường Tư hợp quân đánh Cự, sai Thị trung Tướng quân Hoa Dung, Trung thư thặng Đinh Yển lệnh Dận bắt Cự, cùng dụ ý Dận nên nhanh bỏ đi. Dận tự thấy họa đến, nhân đó bắt giữ Dung, Yển, đem quân tự giữ, gọi Diên quân Dương Sùng, Tướng quân Tôn Tư, báo việc Sâm gây loạn, ép bọn Dung viết thư về kể tội Sâm. Sâm không nghe, tấu nói Dận làm phản, phong tước cho Tướng quân Lưu Thặng, sai đem quân kị nhanh vây đánh Dận. Dận lại cướp bọn Dung đi, sai viết chiếu giả phát binh. Bọn Dung không nghe, Dận liền giết họ.

Văn sĩ truyện viết: Hoa Dung tự Đức Nhụy, người huyện Giang Đô quận Quảng Lăng. Ông nội tránh loạn ở dưới núi Nhị huyện Sơn Âm. Bấy giờ Hoàng Tượng cũng ẩn nấu ở huyện Sơn Âm, người quận Ngô là Trương Ôn đến chỗ Tượng theo học, muốn đến chỗ ấy. Có người bảo Ôn rằng: “Dưới núi Nhị có Hoa Đức Nhụy dẫu tuổi trẻ mà có đức cao chí lớn, đến học được”. Ôn bèn đến nhà Dung, sớm tối giảng luận. Chốc lâu, Ôn làm Tuyển bộ Thượng thư, bèn tiến cử Dung làm Thái tử Thúc tử, do đó được hiển đạt nổi danh. Con Dung là Tư, làm Hoàng môn lang, cùng bị hại với Dung. Con út là Đàm, có tài biện luận, thời nhà Tấn làm Bí thư giám.

Dận giữ vẻ mặt không đổi, cười nói như thường, có người khuyên Dận dẫn quân đến cửa Thương Long, tướng sĩ thấy Dận đi ra thì tất bỏ Sâm đến chỗ Dận vây. Bấy giờ đã nửa đêm, Dận đợi hẹn với Cự, lại khó đem quân vào cung, bèn hạ lệnh bộ khúc ở yên, nói là Lữ Hâu đã ở gần bên đường, do đó đầu vì Dận mà chết cả không có ai thoát được. Bấy giờ có

gió lớn, hừng sáng, Cự không đến, quân Sâm hội tụ, bèn giết Dận và mấy chục tướng sĩ, giết ba họ của Dận.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Tôn Sâm dẫu ác nghịch, nhưng vốn không có hiềm khích với Đằng Dận, nếu Dận tạm theo ý của Sâm, ra giữ Vũ Xương thì há bị cái họa giết chóc kia? Lúc ấy vẫn giữ được tốt lành. Vậy mà phạm lấn vào chỗ nguy, tự chuốc lấy di diệt. Thương thay!

Sâm chuyển làm Đại Tướng quân, Giả tiết, phong Vĩnh Ninh Hầu, dựa vào chức cao, nhiều lần vô lễ. Lúc trước, em họ của Tuấn là Lự từng cùng mưu giết Gia Cát Khác, Tuấn rất coi trọng, cho làm đến Hữu Tướng quân, Vô Nạn Đốc, trao cho ô lọng, coi việc ở các cung. Sâm đối đãi Lự bạc bẽo hơn thời Tuấn, do đó Lự giận, cùng Tướng quân Vương Đôn mưu giết Sâm. Sâm giết Đôn, Lự uống thuốc độc chết.

Đại tướng quân Gia Cát Đản của nhà Ngụy đem quân trong thành Thọ Xuân làm phản, giữ thành xin hàng. Vua Ngô sai bọn Văn Khâm, Đường Tư, Toàn Đoan, Toàn Dịch đem ba vạn quân cứu Đản. Trấn nam Tướng quân Vương Cơ của nhà Ngụy vây Đản, bọn Khâm phá vây vào thành. Nhà Ngụy tăng thêm hơn hai mươi vạn quân trong ngoài đến vây Đản. Chu Di đem ba vạn quân đóng giữ ở thành An Phong, giúp oai cho Văn Khâm. Duyệt Châu Thứ sử Trần Thái của nhà Ngụy chống Di ở Dương Uyên, Di thua chạy, bị Thái đuổi đánh, chết thương hai nghìn người. Do đó Sâm phát đại quân ra đóng đồn ở Hoạch Lí, lại sai Di đem bọn Tướng quân Đinh Phụng, Lê Phỉ dẫn năm vạn quân đánh quân Ngụy, để đồ xe nặng ở Đô Lục. Di đóng đồn ở Lê Tương, sai bọn Tướng quân Nhậm Độ, Trương Chấn chọn sáu nghìn quân dũng cảm đến phía tây đồn sáu dặm mà làm cầu nổi nhân buổi đêm vượt sông, dựng trại hình nửa mặt trăng, bị Giám quân Thạch Bao của nhà Ngụy đánh phá, liền rút quân về chỗ cao. Di lại làm rương xe đến vây thành Ngũ Mộc. Bao, Thái đánh Di, Di thua rút về, nhưng Thái Sơn Thái thú Hồ Liệt của nhà Ngụy lại đem năm nghìn quân mượn đường đánh úp Đô Lục, đốt sạch đồ lương thực của Di. Sâm trao ba vạn quân cho Di, sai liêu chết mà đánh, Di không theo, Sâm chém Di ở Hoạch Lí, lại sai em là Ân đến cứu, gặp lúc Đản thua trận bèn rút quân về. Sâm đã không cứu được Đản, lại làm tổn hại quân sĩ, tự giết tướng giỏi, chẳng ai không oán giận.

Sâm thấy Tôn Lượng bắt đầu tự thân nắm chính trị, nhiều chỗ xét hỏi, rất lo sợ. Về đến Kiến Nghiệp, xưng bệnh không chầu, dựng nhà ở phía nam cầu Chu Tước, sai em là Uy viễn Tướng quân Cự vào cung Thương

Long làm Túc vệ, em là Vũ vệ Tướng quân Ân, Thiên Tướng quân Cán, Trường thủy Hiệu úy Khải chia ra đóng giữ các trại, muốn để chuyên quyền tự giữ. Trong lòng Lượng hiềm Sâm, lại nghĩ Lỗ Dục bị giết không rõ tội, trách giận Hồ Lâm Đốc là Chu Hùng, em Hùng là Ngoại bộ đốc Chu Tồn theo giúp Tôn Tuấn, bèn sai Đinh Phụng giết Hùng ở Hồ Lâm, giết Tồn ở Kiến Nghiệp. Sâm vào can ngăn nhưng không nghe, Lượng lại cùng công chúa Lỗ Ban, Thái thường Toàn Thượng, Tướng quân Lưu Thặng bàn mưu giết Sâm. Vợ Lượng là con gái của chị họ Sâm vậy, đem mưu ấy báo cho Sâm. Sâm đem quân buổi đêm đánh úp Toàn Thượng, sai em là Ân giết Lưu Thặng ở ngoài cửa Thương Long, rồi vây cung.

Giang Biểu truyện viết: Lượng gọi con của Toàn Thượng là Hoàng môn Thị lang Kỉ ngầm mưu rằng: “Tôn Sâm chuyên quyền, khinh thường cả trăm. Ta đã hạ lệnh, sai người nhanh lên bờ cứu giúp bọn Đường Tư, lại ở lại trong hồ, không lên bờ một bước. Lại đổ lỗi cho Chu Dị, tự ý giết công thần, không dâng biểu lên trước. Dựng nhà ở phía nam cầu, không chịu vào châu. Đây là phóng túng, không biết sợ ai nữa, không nên để lâu. Nay theo phép mà bắt lấy hấn, cha khanh là Trung quân Đô đốc, sai chỉnh đốn quân sĩ nghiêm ngặt, trăm sẽ tự ra đến cầu, đem quân túc vệ hồ bên, hai mặt trái phải cùng lúc vây đánh hấn. Viết chiếu thư sai các bộ tướng của Sâm phải giải tán, không được phát động, lúc đó sẽ tự bắt được. Khanh đi ra chỉ nên giữ kín mà thôi. Khanh nên báo cho cha khanh, chớ báo cho mẹ khanh biết được, đàn bà đã không hiểu việc lớn, vả lại là chị họ của Sâm, không hèn mà tiết lộ, sẽ làm hỏng việc của trăm vậy”. Kỉ vâng chiếu, đến báo cho Thượng, Thượng không lo xa, báo cho mẹ Kỉ biết. Mẹ Kỉ liền sai người ngầm báo cho Sâm. Đêm đó Sâm phát binh phệ Lượng, vừa sáng, quân đã vây cung. Lượng cả giận, trèo lên ngựa, cầm roi đeo cung muốn ra, nói: “Ta là người nối nghiệp của Đại Hoàng Đế, giữ ngôi đã năm năm, ai dám không theo phục”? Thị trung cận thân và vú nuôi cùng giằng tay ngăn lại, bèn không ra được, khóc lóc ba ngày không ăn, mắng vợ mình rằng: “Cha người ngu dốt, làm hỏng việc lớn của ta rồi!” Lại gọi Kỉ đến, Kỉ nói: “Cha thân vâng chiếu mà không cẩn thận, làm hỏng việc của chúa thượng, thần không còn mặt mũi nào nhìn người khác nữa!” Rồi tự sát. Tôn Thịnh nói: “Tôn Lượng truyện chép Lượng thuở nhỏ thông minh, việc tất mưu với Kỉ trước mà không mưu với vợ trước là biết vậy. Giang Biểu truyện chép là việc tiết lộ là có nguyên nhân, như việc này là rõ rồi”.

Sai Quang lộc huân Mạnh Tông tuyên cáo việc phệ Lượng ở tông miếu, gọi bầy tôi đến bàn rằng: “Vua nhỏ xấu xa hôn loạn, không nên giữ ngôi cao, nay ở tông miếu báo cho Tiên đế việc phệ bỏ, các ông nếu không vâng ý hãy bàn bạc”. Đầu sợ hãi, nói: “Xin theo lệnh của Tướng quân”. Sâm sai

Trung thư lang Lí Sùng đoạt lấy ấn thao của Lượng, đem tội của Lượng ban bố khắp gần xa. Thượng thư Hoàn Di không chịu tin tội ấy, Sâm giận mà giết đi.

Hán Tấn Xuân thu viết: Di là em của Thượng thư lệnh Hoàn Giai vậy.

Ngô lục viết: Tấn Vũ Đế hỏi Tiết Oánh về các danh thần của nước Ngô, Oánh đáp khen Di có khí tiết trung trinh.

Diễn quân Thi Chính khuyên Sâm lập Lang Nha Vương là Hưu, Sâm nghe theo, sai Tông chính Khải tấu thư cho Hưu rằng: “Sâm có tài kém, được trao chức lớn, không giúp đỡ được Nhà vua. Từ tháng trước đến nay, nhều lần chọn lập, người thân cận là Lưu Thặng vui mừng tỏ ra mặt, phát con gái của quan dân, chọn người đẹp trong số đó đưa vào trong cung, lấy con em binh lính từ mười tám tuổi trở lên được hơn ba nghìn người, luyện tập ở trong vườn, suốt ngày qua đêm, lớn nhỏ hô gọi, chặt mâu kích trong kho hơn năm nghìn chiếc để làm đồ vui chơi. Chu Cự là bề tôi cũ của Tiên đế, con trai là Hùng, Tồn đầu nối nghiệp của cha, dốc hết lòng trung nghĩa, ngày xưa giết Chu công chúa, từ đấy bị Toàn công chúa ghét, Đế lại không xét rõ gốc ngọn mà giết Hùng, Tồn, can ngăn cũng chẳng nghe, bề tôi chẳng ai không than thở. Đế làm hơn ba trăm chiếc thuyền ở trong cung, lấy vàng bạc gắn vào, sai thày mo ngày đêm hát múa không dứt. Thái thường Toàn Thượng nhều đời nhận ân trên lại không giúp đỡ họ hàng tông thất, khiến cho bọn Toàn Đoan bỏ thành hàng Ngụy. Chức quan của Thượng rất trọng, lại không có một lời can ngăn Nhà vua, lại còn qua lại với kẻ địch, khiến cho nhà nước lung lay, thần sợ sẽ làm xã tắc nghiêng đổ, bèn xét theo phép cũ, tụ họp các Vương hầu, liền hẹn đến ngày hai mươi bảy tháng này bắt Thượng, chém Thặng, giáng Đế làm Cối Kê Vương, sai Khải vâng lệnh đến đón. Trăm quan ngưỡng trông, đợi ở bên đường”.

Sâm sai tướng quân Tôn Đàm đem Lượng đến nước⁽³¹⁾, đầy Thượng đến Linh Lăng, dời công chúa đến Dự Chương. Ý Sâm càng phóng túng, thường ép lấn dân chúng, rồi đốt miếu thờ Ngũ Tử Tư ở đầu cầu lớn, lại phá chùa Phù Đồ, ⁽³²⁾ chém người theo đạo. Hưu đã lên ngôi, xưng là bề tôi nơi đồng cỏ đến cửa khuyết dâng thư rằng: “Thần cúi mình tự xét, tài chẳng giúp được nước, vì làm tim bụng mà được nắm chức cao nhất của bậc bề tôi, tổn hại vua trên, tội lỗi rõ rệt, thiếu sót càng thêm, ngày đêm sợ hãi. Thần nghe nói trời cũng giúp người thành thật, tất cứu đỡ người có đức, cho nên U, Lệ⁽³³⁾ làm mất đức thì Chu Tuyên Vương⁽³⁴⁾ trung hưng,

Bệ hạ có đức thánh nên được nối nghiệp chính thống, được tôi hiền giúp đỡ, nêu cao tiếng đẹp. Dẫu thời vua Nghiêu cường thịnh vẫn tìm cầu Tắc, Tiết⁽³⁵⁾ giúp đỡ để nêu rõ đức sáng vậy. Người xưa có nói: ‘Nếu có tài thì làm quan, không có tài thì thôi’. Thần tài hèn sức kém, không có ích cho chính trị, kính dâng ấn thao tiết việt, lui về ruộng vườn để tránh con đường làm quan của người hiền”. Hưu dẫn đến an ủi, lại hạ chiếu rằng: “Trẫm không có đức, giữ ở phen đậu, kịp gặp thời mà được công khanh trăm quan đến đón, về nối giữ tông miếu. Trẫm thêm lo lắng, như lội vực sâu. Đại Tướng quân giữ lòng trung trinh, cứu nguy dẹp nạn, vỗ yên xã tắc, công huân hiển hách. Ngày xưa Hán Hiếu Tuyên lên ngôi, Hoắc Quang⁽³⁶⁾ được vinh hiển, khen đức thưởng công, đấy là lẽ thường xưa nay vậy. Nay lấy Đại tướng quân làm Thặng tướng, Kinh Châu Mục, thực ấp năm huyện”. Ân làm Ngự sử Đại phu, Vệ Tướng quân, Cự làm Hữu Tướng quân, đầu phong Huyện hầu. Cán làm Táp hiệu Tướng quân, phong Đình hầu, Khải cũng phong làm Đình hầu. Một nhà Sâm có năm người phong tước hầu, đầu nắm quân cấm vệ, quyên lấn cả vua, từ khi nước Ngô lập nước đến đấy chưa từng có vậy.

Sâm đem trâu rượu đến chỗ Hưu, Hưu không nhận, đem đến chỗ Tả Tướng quân Trương Bô; mời rượu, nói lời oán giận rằng: “Lúc trước vào thời phế vua nhỏ, nhiều lần khuyên ta tự làm lấy. Ta thấy Bệ hạ hiền minh cho nên đón về. Nếu Đế không có ta thì chẳng được lập, nay dâng lễ vật lại từ chối, đấy là coi ta không khác gì bây tôi tằm thường vậy, ta sẽ mưu đổi vua thôi”. Bô đem lời ấy báo cho Hưu, Hưu mang giận trong lòng, nhưng sợ có biến, nhiều lần ban thưởng, lại bái thêm Ân làm Thị trung, cùng Sâm coi xét văn thư. Có kẻ báo việc Sâm mang lòng oán giận vua trên mà muốn làm phản, Sâm bắt người ấy trao cho Sâm, Sâm giết người ấy, do đó thêm lo, nhân lúc Mạnh Tông xin ra đóng giữ Vũ Xương, Hưu hứa cho, đem hết hơn vạn quân tinh nhuệ trong các trại cho Tông, sai đầu luyện tập, đồ vũ khí trong kho tàng mà mình giữ đầu cấp cho dùng.

Ngô lịch viết: Sâm xin làm Trung thư lương lang, trông coi việc các quân Kinh Châu, người chủ việc tấu là không nên cho quan Trung thư ra ngoài, Hưu vẫn nghe lời Sâm, những thứ mà Sâm xin làm đều cấp cho cả.

Tướng quân Ngụy Mạc khuyên Hưu rằng: “Sâm ở ngoài tất có biến”. Vũ vệ sĩ là Thi Sóc lại báo nói: “Sâm có ý làm phản”. Hưu ngầm hỏi Trương Bô, Bô và Đinh Phụng mưu hèn giết Sâm.

Ngày đinh mão tháng mười hai năm Vĩnh An thứ nhất, trong thành Kiến Nghiệp có câu hát nói là sắp có biến, Sâm nghe tin, không vui. Buổi đêm có gió lớn thổi cây lá xào xạc, cát bụi mù mịt, Sâm thêm sợ. Vào ngày chạp mậu thìn, Sâm xưng bệnh. Hưu cố gọi đến, hơn mười bọn sứ giả đến mời, Sâm bất đắc dĩ, sắp vào, mọi người can ngăn, Sâm nói: “Nhà nước có phép thường, không thể chối. Nên phòng bị quân sĩ, sai người trong phủ nổi lửa, lúc đó thì mới được về nhanh”. Bèn vào, rồi có lửa nổi, Sâm xin ra, Hưu nói: “Quân ở ngoài giữ nhiều, không đáng phiền đến Thặng tướng vậy”. Lâm đứng dậy rồi chiếu, Phụng, Bối liếc mắt sai tả hữu bắt trói Sâm. Sâm rập đầu nói: “Xin đừng đi Giao Châu”. Hưu nói: “Sao khanh không đi Đằng Dận, Lữ Cứ”? Sâm lại nói: “Xin giáng làm nô lệ của quan lại”. Hưu nói: “Sao không lấy Dận, Cứ làm nô lệ”? Rồi chém Sâm, đem đầu Sâm báo cho quân sĩ rằng: “Những kẻ cùng mưu với Sâm đều được tha”. Do đó tha năm nghìn người. Khải cười thuyền muốn lên phía bắc hàng Ngụy, đuổi giết được, diệt ba họ. Phá quan quách của Tôn Tuấn, thu lấy ấn thao, chặt quan rồi chôn lại, vì đã giết bọn Lỗ Dục vậy.

Sâm chết lúc hai mươi tám tuổi. Hưu then vì là cùng họ với Tuấn, Sâm, liền xóa tên ra khỏi dòng họ, gọi họ là Cỗ Tuấn, Cỗ Sâm. Hưu lại hạ chiếu rằng: “Gia Cát Khác, Đằng Dận đại khái không có tội mà bị anh em Tuấn, Sâm giết hại, rất là đau lòng, mau cho táng lại, đều cúng tế cho họ.

hững người khác vì việc của Khác mà bị đày đến phương xa đều cho gọi về’.

BỘC DƯƠNG HƯNG TRUYỆN

Bộc Dương Hưng tự Tử Viễn, người quận Trần Lưu. Cha là Dật, cuối thời Hán tránh loạn đến miền Giang Đông, làm đến Trường Sa Thái thú.

Việc của Dật thấy trong Lục Mạo truyện.

Hưng thuở nhỏ có tiếng tăm, thời Tôn Quyền làm Thượng Ngu Lệnh, dần dần chuyển đến chức Thượng thư Tả tào, giữ chức Ngũ quan Trung lang tướng đi sứ đến nước Thục, chuyển làm Cối Kê Thái thú. Bấy giờ Lang Nha Vương là Hưu trú ở Cối Kê, Hưng thân thiện cùng liên kết. Lúc Hưu lên ngôi, gọi Hưng về làm Thái thường Vệ tướng quân, trông coi các việc quân trong nước, phong Ngoại Hoàng Hầu.

Năm Vĩnh An thứ ba, Đô úy Nghiêm Mật lập ruộng bên hồ ở quận Đan Dương, mở ruộng bên sông, hạ chiếu trăm quan bàn luận, đầu cho là tổn nhiều công mà ruộng lại khó thành, chỉ có Hưng cho là làm được. Bèn hội các quân dân đến làm, các đồ tổn phí không thể kể hết, quân sĩ bị chết, có kẻ bị giặc giết, trăm họ oán giận việc này.

Hưng chuyển làm Thặng tướng. Cùng với sủng thần là Tả tướng quân Trương Bồ bao che cho nhau, người trong nước thất vọng.

Tháng bảy năm thứ bảy, Hưu hoảng. Tả Diên quân Vạn Úc vốn thân thiện với Ô Trình Hầu là Tôn Hạo, bèn khuyên Hưng, Bồ, do đó Hưng, Bồ phế con cả của Hưu mà lập Hạo. Hạo đã lên ngôi, bái thêm Hưng làm Thị lang, lĩnh chức Thanh Châu Mục. Chốc lát Úc gièm Hưng, Bồ hối tiếc việc trước. Đầu tháng mười một vào chiều, Hạo nhân đó bắt giam Hưng, Bồ, đầy đi Quảng Châu, trên đường đuổi theo giết chết, diệt cả ba họ.

Bình rằng: Gia Cát Khác tài năng mưu lược, được người trong nước khen ngợi, nhưng kiêu căng lại hẹp hòi, Chu Công cũng chẳng khinh địch, huống chi là Khác? Kiêu căng thì lấn lướt người khác, có thể không thua sao? Nếu nghe theo lời thư mà Lục Tôn và em là Dung khuyên răn thì chẳng đến nỗi hối tiếc, còn lo gì tai vạ nữa đây? Đằng Dận tu sửa khí tiết của kẻ sĩ, làm theo phép tắc, do đó thời Tôn Tuấn vẫn giữ được tôn quý, nhưng đây là cái lí tất bị nguy hại vậy. Tuấn, Sâm ngang ngược ác nghiệt, vốn không đáng bàn luận. Bộc Dương

Hưng đem thân năm chức Tể tướng, không nghĩ giúp nước, chỉ kết hợp với Trương Bối, nghe lời của Vạn Úc, dẫn đến bị di diệt là phải thôi.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Lam Điền sinh ngọc*: Lam Điền là tên đất ở thuộc nước Tân thời xưa, nổi tiếng sản sinh ra ngọc đẹp. Ý nói cha hiền thì sinh con hiền.

(2) *‘Chi lư’*: Khác viết thêm hai chữ này thành câu “Gia Cát Tử Du chi lư”, nghĩa là “con lừa của Gia Cát Tử Du”.

(3) *Chú*: ý nói chú ruột của Khác là Gia Cát Lượng tự Khổng Minh, bấy giờ làm Thặng tướng của nước Thục.

(4) *Sư Thượng Phủ*: là danh hiệu của Lữ Thượng hay Khương Tử Nha.

(5) *Những thứ ấy xuất ra cùng chỗ*: ý nói phân ngựa và trứng gà cùng được xuất ra từ hậu môn cả.

(6) *Phụ Ngô Tướng quân*: tức Trương Chiêu tự Tử Bô, bấy giờ được Tôn Quyền bái làm Phụ Ngô Tướng quân.

(7) *Kinh Thi khen công võ về, kinh Dịch ngợi công chém đầu*: kinh Thi có câu viết : “Bắt được giặc xấu, võ về mà thả về”. Kinh Dịch có câu viết: “Vua đi đánh dẹp, chém đầu vua nước Hữu Gia, lại bắt được kẻ xấu, không có lỗi”. Ý nói khen ngợi công lao đánh dẹp.

(8) *Phương, Thiệu của nhà Chu, Vệ, Hoắc của nhà Hán*: Phương tức Phương Thúc (方叔), Thiệu tức Thiệu Hồ (召穆公), là hiền thần thời vua Tuyên Vương của nhà Chu, đánh dẹp rợ Hiểm Duẫn ở phía bắc và rợ Man Kinh ở phía nam. Vệ tức Vệ Thanh, Hoắc tức Hoắc Khứ Bệnh, là danh tướng thời vua Vũ Đế của nhà Hán, đánh dẹp rợ Hung Nô ở phía bắc.

(9) *‘Tứ mẫu’*: kinh Thi có bài hát Tứ mẫu nói về nỗi lòng nhớ về quê nhà của một viên quan đi võ về phương xa. Tả truyện có chép: “Tứ mẫu là bài hát mà vua hát để an ủi sứ giả vậy”. Ý nói an ủi người đi xa về.

(10) *‘Âm chí’*: ‘Âm chí’ là đem rượu ra uống. Tả truyện có chép: “Đi đánh trận thì cáo tế ở tông miếu. Lúc quay về thì đem rượu uống rồi ban tước, thưởng công, đây là lễ vậy”. Ý nói lễ mừng thắng trận.

(11) *Sư thiên lệnh, Do thô lậu: Sư tức Tử Trương, Do tức Tử Lộ là học trò giỏi của Khổng Tử, nhưng vẫn có chỗ kém, Khổng Tử xét rằng: “Sư thiên lệnh, Do thô lậu”.*

(12) *Hứa Tử Trương: tức Hứa Thiệu tự Tử Trương, người quận Hà Nam thời Đông Hán, từng bình luận Tào Tháo rằng: “Ông là gian thần thời bình, anh hùng thời loạn”.*

(13) *Trương, Trần bị nạn đao máu, Tiêu, Chu không trọn tiếng tốt: Trương, Trần là Trương Lương và Trần Bình, Tiêu, Chu là Tiêu Hà và Chu Bột. Theo sử sách, Lương, Trần đều trọn vẹn không chết vì binh đao, Tiêu, Chu cũng trọn vẹn cả, lời văn này khá lạ và khó hiểu.*

(14) *Đại Hành Hoàng Đế: chỉ Tôn Quyền.*

(15) *Yên, Cái kết mưu, có sự biến của Thượng Quan: Yên chỉ Yên Vương Lưu Đán (燕王刘旦), Cái chỉ Trưởng công chúa Ngạc Ấp (鄂邑长公主), Thượng Quan chỉ Thượng Quan Kiệt (上官桀). Sau khi Hán Vũ Đế chết, truyền ngôi cho con nhỏ mới sáu tuổi là Hán Chiêu Đế, nhưng Yên Vương là Lưu Đán cùng Trưởng công chúa Ngạc Ấp, Tả tướng quân Thượng Quan Kiệt mưu phản, mưu lộ, bọn Thượng Quan Kiệt bị bắt giết, Yên Vương và Trưởng công chúa cũng tự sát.*

(16) *Bá Li đánh rợ Nhung vẫn phải làm trái lễ: Bá Li là con cả của Chu Công Cơ Đán, là vua mở nước Lỗ, vào lúc tang Văn Vương, Bá Li vẫn làm trái lễ để tang thì không được đánh trận, nhưng Bá Li đánh dẹp rợ Nhung ở miền Từ Châu, giữ gìn nước Lỗ.*

(17) *Ngũ Tử Tư: tức Ngũ Viên tự Tử Tư, người nước Sở, trốn sang nước Ngô giúp vua Ngô là Phù Sai, khuyên đánh diệt nước Việt nhưng Phù Sai không nghe, cuối cùng nước Việt diệt nước Ngô.*

(18) *Đất Quan Tây: tức vùng đất phía tây cửa Hàm Cốc (函谷关), phía đông cửa Hàm Cốc là đất Quan Đông vậy.*

(19) *Tiêu, Hoắc: chỉ đại thần của nhà Hán là Tiêu Hà và Hoắc Quang.*

(20) *Đất Tam Tân: cuối thời Tân, Hạng Vũ đem quân chư hầu diệt nhà Tân, phong cho Lưu Bang làm Hán Vương, Chương Hàm làm Ung Vương, Tư Mã Hân làm Tái Vương, đều ở trên đất Tân cũ, do đó gọi là Tam Tân.*

(21) Kinh Hàm đem mưu tiến đánh để khuyên Công Tôn Thuật: đầu thời Đông Hán, Công Tôn Thuật chiếm giữ đất Thục xưng Đế, bái Kinh Hàm làm Kị Đô úy, thấy Quang Vũ Đế là Lưu Tú dẹp yên miền đông, khuyên Công Tôn Thuật đem quân đánh trước nhưng Thuật không nghe. Cuối cùng bị Lưu Tú diệt.

(22) Quý Văn Tử: là đại thần của nước Lỗ thời Xuân thu, giúp ba đời vua là Tuyên Công, Thành Công, Tương Công của nước Lỗ, tự mình xét việc, chăm chỉ tiết kiệm.

(23) Phu Tử: danh hiệu tôn kính của Khổng Khâu tự Trọng Ni, thường gọi là Khổng Tử.

(24) Lữ Hâu Quốc: chỉ Lữ Đại tự Hâu Quốc.

(25) Huống Trường Ninh: người nước Thục thời Tam quốc, không rõ hành trạng.

(26) Quách Tu: con gọi là Quách Tuân (郭循) tự Hiếu Tiên, người quận Tây Bình, làm Trung lang tướng của nhà Ngụy. Năm Diên Hi thứ mười ba (năm 250 Công nguyên), tướng Thục là Khương Duy đem quân ra Lũng Hữu, đánh cướp quận Tây Bình, bắt được Tu đem về. Tháng giêng năm Diên Hi thứ mười sáu, Tu cầm đao đâm chết Phí Vĩ trong hội yến.

(27) Y, Chu: tức Y Doãn của nhà Ân và Chu Công của nhà Chu.

(28) Loan Bồ liễu mình liêm thây của Bành Việt: cuối thời Tần và đầu thời Hán, Loan Bồ và Bành Việt thân thiện với nhau. Bành Việt bị Hán Cao Tổ nghi ngờ làm phản mà bị giết, treo đầu ở thành Lạc Dương, lại hạ lệnh rằng: “Ai dám thu liêm thì bắt ngay”. Loan Bồ không theo lệnh cấm, đến dưới thành quỳ khóc cúng tế dưới đầu Việt. Hán Cao Tổ muốn giết nhưng rồi lại tha cho.

(29) Cỗ Tử Mặc, Cỗ Tử Trục: tức con của Thặng tướng Cỗ Ung của nước Ngô là Cỗ Đàm tự Tự Mặc và Cỗ Thặng tự Tử Trục.

(30) Tội của Cỗn không gán cho Vũ: thời vua Thuấn có nạn nước lớn ngập tràn, vua Thuấn dùng Cỗn ngăn nước, mười năm không xong, bèn giết Cỗn mà dùng Vũ thay làm. Ý nói Khác bị giết thì Dận không bị tội lây.

(31) Đến nước: tức đến nước phong là quận Cối Kê.

(32) Phù Đồ: tức Phật Đà, phiên âm của từ ‘Buddha’ trong tiếng Phạn cổ, nghĩa là “đấng giác ngộ”, “người thông thái”...

(33) *U, Lệ: chỉ U Vương, Lệ Vương của nhà Chu, làm việc bạo ngược, dân ác.*

(34) *Chu Tuyên Vương: tức Tuyên Vương của nhà Chu, là con của Lệ Vương. Lệ Vương bạo ngược vô đạo, dân chúng nổi dậy, phải chạy về phía đông ở nhờ trên đất của người Hoài Di miền sông Hoài rồi chết ở đấy, Tuyên Vương lên thay, sửa sang chính trị, đuổi rợ Hiểm Doãn, Nhung, Địch ở phía bắc, dẹp rợ Man Kinh, Hoài Di ở phía nam.*

(35) *Tắc, Tiết: Tắc, Tiết là hai đại thần của vua Nghiêu. Tiết là tổ của nhà Thương.*

(36) *Hoắc Quang: tự Tử Mạnh, người quận Hà Đông thời Vũ Đế của nhà Hán, là em khác mẹ của danh tướng Hoắc Khứ Bệnh, vâng lệnh phụ chính Chiêu Đế, Chiêu Đế chết lại lập Tuyên Đế, nắm quyền cao trọng thời ấy.*

QUYỂN 20 - VƯƠNG LÂU HẠ VI HOA TRUYỆN

Vương Phồn, Lâu Huyền, Hạ Thiệu, Vi Chiêu, Hoa Hạch.

VƯƠNG PHỒN TRUYỆN

Vương Phiên tự Vĩnh Nguyên, người quận Lư Giang. Xem rộng biết nhiều, thông thạo đạo thuật. Lúc đầu làm Thượng thư lang, rồi bỏ quan. Tôn Hạo lên ngôi, cùng với Hạ Thiệu, Tiết Oánh, Ngu Dĩ làm Tấn kỵ thường thị, đều bá làm Phụ mã đô úy. Người đời bàn cho là hay. Sai đi sứ đến nước Thục, người Thục khen ngợi, về làm Hạ Khâu Giám quân.

Đầu thời Tôn Hạo, lại vào làm Thường thị, cùng chức với Vạn Úc. Úc có thân quen với Hạo, là kẻ tâm thường hẹp hòi, bảo là Phiên tự khinh mạn. Lại có viên Trung thư thừa Trần Thanh là sủng thần của Hạo cũng nhiều lần vu hãm Phiên. Phiên vốn tính ngay thẳng, không chịu theo mặt thuận ý họ, có lúc làm trái ý họ, do đó thêm bị ganh ghét.

Năm Cam Lộ thứ hai, Đinh Trung đi sứ đến nhà Tấn về, Hạo mở hội lớn gặp bày tiệc, Phiên say rượu ngã nép xuống, Hạo ngờ vực không vui, lấy xe đưa Phiên ra ngoài. Chốc lát lại xin quay lại, uống rượu cũng không tốt. Phiên tính có uy nghiêm, đi đứng tự ý, Hạo cả giận, quát tả hữu ở dưới điện chém Phiên; Vệ tướng quân Đằng Mục, Chinh tây tướng quân Lưu Bình xin tha nhưng không được.

Giang Biều truyện chép: Hạo tin nghe lời thầy mo, bảo là cung Kiến Nghiệp không tốt, bèn chuyển về phía tây đến Vũ Xương, vẫn có ý dè dặt, sợ bày tiệc không theo, bèn mở hội lớn, ban tặng cho quan tướng, hỏi Phiên rằng: “Bắt không cốt trúng đích, mà cốt ở sức có đều hay không, ý là thế nào”? Phiên suy nghĩ chưa đáp, Hạo liền ở dưới điện chém Phiên, ra ngoài lên núi, sai tướng thân cận đá đầu Phiên, bày trò hổ vồ sói nhảy cắn gặm đầu Phiên, đầu đều vỡ nát, muốn để ra oai, khiến cho mọi người không dám phạm. Ở đây chép không giống với truyện gốc. Ngô lục chép: Hạo hể ở hội, nhân lúc uống rượu liền sai cận thân cột giễu công khanh, lấy đó làm vui. Vạn Úc đã làm Tả thừa tướng, Phiên chê Úc rằng: “Cá lặn ở ao, ra khỏi nước thì quấy nhảy, vì sao? Vật đều có tính thường, không thể ở nơi khác chỗ của mình vậy. Úc xuất thân từ hang núi, thân dê da hổ, được nhận ân sủng hiển hách, nhảy qua ba chín thứ bậc; chó ngựa còn biết người nuôi mình, làm sao để báo ân dày đây”? Úc nói: “Ở đình của Đường-Ngu không có người tài được chọn xướng, ở cửa của Tào Phủ không

có con ngựa gầy yếu, (1) Phiên trên cột hãm người được chọn sáng suốt, dưới chê bai người cốt cán, do đó biết người này phần nhiều không biết cân nhắc vậy”. Thân là Tùng Chi xét truyện gốc chép là Đinh Trung đi sứ đến nhà Tấn về, Hạo mở hội lớn, ở trong hội giết Phiên, xét rằng Trung từ phương bắc về là vào mùa xuân năm ấy, bấy giờ Úc vẫn chưa làm Thừa tướng, đến mùa thu mới làm Thừa tướng vậy. Lời mà Ngô lục chép là không giống nhau như thế.

Thừa tướng Lục Khải dâng sớ nói: “Thường thị Vương Phi ền hiểu thấu lí lẽ, biết trời biết vật, trung với tri ều đình, là người quan trọng của xã tắc, là Long Phùng (2) của nhà Đại Ngô vậy. Ngày xưa thờ Cảnh Hoàng, (3) ở bên tả hữu can gián, Cảnh Hoàng khen ngợi, than là lời bàn hay lạ. Vậy mà bề hạ giận người này nói lời khó nghe, ghét tính thẳng thắn của người này, chém bêu đầu ở trên điện, phanh thây vứt xương, khiến cho người trong nước đau lòng, có kẻ lo lắng”. Lời lẽ xót Phi ền như thế.

Phi ền chết vào lúc ba mươi chín tuổi, Hạo đày người nhà Phi ền đến Quảng Châu. Hai em là Trứ, Diên đầu tò lòng ngay, vào lúc Quách Mã nổi dậy, không chịu để Mã dùng, bị hại.

LÂU HUYỀN TRUYỆN

Lâu Huyền tự Thặng Tiên, người huyện Kỳ nước Bái. Vào thời Tôn Hưu làm Giám nông ngự sử. Tôn Hạo lên ngôi, cùng với Vương Phiền, Quách Trác, Vạn Úc làm Tấn kị trung thường thị, ra làm Cối Kê Thái thú, lại vào làm Đại tư nông. Trước đây những người coi việc trong cung được tự chọn người thân cận làm việc, Úc dâng tấu xin lấy người thân quen làm việc, nên dùng người tốt, Hạo nhân đó hạ lệnh sai quan coi việc cầu tìm kẻ sĩ trong sạch để ứng chọn, bèn dùng Huyền làm Cung hạ trấn cấm trung hầu, chủ việc trong điện. Huyền theo cửu khanh đeo đao ở bên làm thị vệ, tự thân thống lĩnh mọi người, theo phép mà làm, đối đáp thẳng thắn, nhiều lần làm trái ý Hạo, dần dần bị oán trách. Sau có người vu cho Huyền gặp nhau với Hạ Thiệu, ở lại nói bên tai mà cười lớn, giấu cợt chính sự, bèn hạ chiếu xét hỏi, đầy đi Quảng Châu.

Đông quán lệnh Hoa Hạch dâng sớ nói: “Thần trộm nghĩ cái gốc của trị nước cũng như trị nhà. Người chủ làm ruộng đầu nên chọn người thật thà, lại nên lấy một người coi xét cả các việc, để làm phép tắc, do đó mọi việc mới thông. Luận ngữ chép: ‘Không cần làm gì mà thiên hạ yên ổn, vua Thuấn là người như vậy chăng! Chỉ là thông thả ngoảnh mặt về phía nam mà thôi’. Ý nói là dùng đúng người, cho nên thành thời mà tự yên vậy. Nay trong nước chưa định, thiên hạ nhiều việc, các việc không kể lớn nhỏ đều tự xem nghe, tự mình coi xét thì tổn hao tâm ý. Bệ hạ đã rủ ý xét việc xưa, tìm tòi đạo thuật, chăm chỉ học phép hay, nên tùy lúc mà xét, phải chọn lúc yên tĩnh để suy nghĩ, tìm lấy điều tốt, hợp với ý trời. Thần ngày đêm nghĩ ngợi, trong các quan lại coi việc cốt cán đủ để giao phó chẳng ai hơn được Lâu Huyền. Huyền trong sạch trung trinh vâng theo phép công, tài giỏi ở đời, mọi người phục khí tiết, chẳng ai tranh hơn được. Người trong sạch thì lòng yên lặng mà thẳng thắn, người trung trinh thì giữ đạo chính mà làm theo. Như tính của Huyền, trước sau đều giữ vững. Xin bệ hạ tha lỗi trước của Huyền, sai tự sửa mới, trao cho chức cao, đòi phải chuộc tội, sai phải

chọn người tùy tài mà dùng, lúc ấy cái sự thông thả của vua Thuấn chỉ gần nửa thôi”. Hạo ghét danh tiếng của Huyền, lại đày huyền và con là Cứ giao cho tướng ở quận Giao Chỉ là Trương Dịch, sai phải đánh trận mà chuộc tội, ngầm hạ lệnh riêng sai Dịch giết Huyền. Cứ đến Giao Chỉ, mắc bệnh chết. Một thân Huyền theo Dịch đánh giặc, cần đao lẫn lợi, gặp Dịch thì bái, Dịch không nỡ giết. Gặp lúc Dịch chết, Huyền liệm thầy Dịch, thấy trong đồ có chiếu lệnh, trở về liềm tự sát.

Giang Biều truyện chép: Hạo sai tướng là Trương Dịch ban thuốc độc cho Huyền, Dịch thấy Huyền là người hiền, không nỡ độc chiếu lệnh bắt uống thuốc độc, Huyền cũng ngầm biết được, bảo Dịch rằng: “Nếu báo cho Huyền biết sớm, Huyền há tiếc sao”. Liền uống thuốc độc mà chết. Thần là Tùng Chi cho rằng: Cái tính thanh cao của Huyền, chắc không vì an nguy mà đổi ý, vậy mà vô cớ ruồi ngựa sai Trương Dịch giết Huyền để làm bẩn khí tiết của người này. Lại nữa tai họa đã phát, há trăm lần bái mà thoát được sao? Lời mà Giang Biều truyện chép, về lí là đúng.

HẠ THIỆU CHUYỆN

Hạ Thiệu tự Hưng Bá, người huyện Sơn Âm quận Cối Kê.

Ngô lục chép: Thiệu là cháu của Hạ Tề, con của Hạ Cảnh.

Tôn Hưu lên ngôi, từ chức Trung lang làm Tấn kị thường thị, ra làm Ngô Quận Thái thú. Vào thời Tôn Hạo, vào làm Tả điện quân, chuyển làm Trung thư lệnh, lĩnh chức Thái tử thái phó.

Hạo hung bạo kiêu căng, chính sự ngày càng tệ, Thiệu dâng sớ can rằng:

“Vua hiên thời xưa ở trong chỗ sâu kín mà biết được cái tình của vạn vật, ở nơi cao thả tay mà biết rõ được chỗ ngoài tám cõi, đây là vì cái công dùng người hiên vậy. Bệ hạ vì có đức hay đẹp, nối thay nghiệp đế, nên tự thân sửa đạo, kính theo phép thường, dùng hiên nêu thiện để làm yên chính sự. Từ mấy năm trở lại đây, triêu chính lằm lổ, thật giả lẫn lộn, trên dưới xa cách, văn võ trống rỗng, ngoài không có cái vững của tướng tá già dặn, trong không có tôi thần sửa lỗi; bọn nịnh bợ vỗ cánh bay cao, gây loạn triêu đình, trộm lấy vinh lợi; mà kẻ trung lương lại bị đẩy ngã, kẻ có tín cũng bị hại. Cho nên kẻ sĩ ngay thẳng cũng phải vứt bỏ tiết tháo, tôi thần bên cạnh cũng phải a dua, dối theo ý vua, đâu muốn theo thời, người dân giữ lời lẽ sai trái, kẻ sĩ thò lời bèn giả dối, rút cuộc khiến cho trong sạch trở thành bẩn đục, kẻ trung thần phải ngậm miệng. Bệ hạ ở ngôi cao chín tầng, nấu trong cung trăm vòng, nói ra thì gió lướt, ban lệnh thì bóng theo; nếu tự sửa nắn bày tôi a dua, hằng ngày nghe lời thuận ý, chọn người hiên có tài thực, như vậy thì thiên hạ được yên vậy. Lòng thần không được yên, cho nên dám nói ra tấu lên.

Thần nghe nói rằng nước hưng thịnh thì vua vui nghe nói về cái lỗi của mình, nước loạn lạc thì vua thích nghe khen danh của mình; vua vui nghe nói về cái lỗi của mình thì cái lỗi ngày một trừ mà phúc đến, vua thích nghe khen danh của mình thì danh ngày một tổn mà họa đến. Cho nên người làm vua thời xưa nhún nhường để tìm người hiên, cúi mình để cầu người ta nói về cái lỗi của mình, nêu ngôi vị ở bánh xe, cần đuôi hổ làm răn mình. Đến

như bệ hạ, dùng hình pháp nghiêm ngặt để cấm lời nói thẳng, bỏ kẻ sĩ tốt lành để ngăn tội thân can gián, mê hoặc bởi tiếng khen ngợi, đắm chìm bởi lời của cận thần. Ngày xưa Cao Tông (4) nghĩ cách trị nước, nằm mộng gặp được người hiền, vậy mà bệ hạ chỉ mong quên, khinh thường mà bỏ họ. Thường thị Vương Phiền trung trình với vua, có tài làm phụ tá, chỉ vì say rượu mà bị dùng hình nặng. Gần đây Hồng lư Cát Hề là tội thân cũ của tiên đế, chỉ vì trái ý, nói lời trong lúc say, sau ba chén rượu tỏ lễ không kiêng húi, bệ hạ chợt nổi giận dùng dùng, cho là khinh mạn, lấy rượu nồng bắt uống, trúng độc mà chết. Từ đấy về sau, trong nước đau lòng, bấy tôi thất vọng, người làm quan xem việc lui về là may, người phủ đình coi việc bỏ ra là phúc, đấy chẳng phải là nêu rõ công lao, không phát triển đạo hóa vậy.

Lại còn Hà Định là đứa tiểu nhân xu nịnh, nô bộc thấp kém, thân chẳng có đức chút gì, không có cái tài của ứng khuyến, (5) vậy mà bệ hạ yêu cái tính xu nịnh của hắn, trao cho oai quyền, khiến cho Định cậy sủng mà phóng túng, tự ra oai gây phúc, nói bàn việc nước, gây rối lẽ trời, trên làm mờ cái sáng của nhật nguyệt, dưới chặn đường tiến thân của người quân tử; kẻ tiểu nhân xin vào thì bày kế gian mưu lợi, Định xằng bậy sắp đặt lao dịch, phát lính thú ở ven sông để đuổi bắt hươu nai, kết lưới ở gò núi, cất cò ở rừng sâu, đem hết thú ngoài đồng tụ hết ở trong vườn cung; trên không bày việc có ích, dưới có tổn phí hao hụt. Lại còn binh sĩ mệt mỏi vì chuyển chở, sức dân kiệt cạn vì đuổi bắt, già yếu đói rét, lớn nhỏ than oán. Thần trông xem thiên văn, từ năm trước đến nay âm dương lẫn lộn, bốn mùa đảo ngược, đất động nhật thực, giữa mùa hạ có sương muối, xét ở sách cũ, đấy đều là điềm khí âm lấn khí dương, kẻ tiểu nhân chuyên quyền mới thế. Thần từng xem sách truyện, xét rõ các việc, đấy là ứng điềm diệt vong, cho nên run rẩy. Ngày xưa Cao Tông tu thân để trừ cái điềm gở chim trĩ đậu trên tai đỉnh, Tống Cảnh Công sửa đức để đầy lùi cái biến của sao Huỳnh hoặc; (6) mong bệ hạ trên sợ cái điềm báo chê trách của trời cao, dưới xét cái đạo trừ họa của hai vị vua ấy, xem rộng cái công dùng người hiền của đời trước, tỉnh biết cái lỗi trao chức bừa bãi ở ngày nay, làm trong sạch triều đình, chọn dùng người tuấn nghĩa, vứt bỏ kẻ nịnh bợ, thu lại quyền bính, như thế người hiền được dùng lại, cất nhắc người tài đức, nghe ngóng lời nói thẳng, vâng theo mệnh trời, kính nhận nghiệp vua, vậy thì giáo hóa sáng rõ, người trong thiên hạ trông mong vậy.

Kinh truyện chép: ‘Vua của nước hưng thịnh thì xem dân như con đò, vua của nước sắp mất thì xem dân như cỏ rơm’. Ngày xưa bệ hạ ẩn ý sáng suốt, tỏ đức ở miền đông, có phong thái bậc thánh triết như rồng bay thẳng trời, khiến cho bốn cõi ngoài cõi, tám phương liếc mắt, nếu nêu cao giáo hóa thì tất chỉ thành trong sớm tối vậy. Nhưng từ khi lên ngôi đến nay, pháp lệnh rườm rà, tô thuế thêm nhiều, nội quan trong cung chia ra các châu quận bày đặt lao dịch, mưu cầu lợi riêng, trăm họ gặp phải cảnh hao tổn, dân đen mệt mỏi vì cái mong muốn không cùng, già trẻ đói rét, sắc mặt nhợt nhạt, mà quan lại ở đây lại lấn ép gây khó, hình pháp nghiêm nghiêm ngặt, làm cho dân khổ. Cho nên sức dân không gánh nổi, nhà cửa li tán, kêu tiếng than thở, cảm thương sụt sùi. Lại nữa lính thú ở ven sông, ở xa nên mở mang bờ cõi, ở gần phải giữ đất phòng nạn, nên được đãi hậu để đợi lúc có việc, vậy mà kêu gọi phát động, kéo đến tụ tập, áo chẳng vẹn cúc ống, ăn chẳng đủ sớm tối, ra thì đến chỗ nạn mũi chôn, vào thì chuốc nỗi buồn không vui. Do đó cha con bỏ nhau, kẻ làm phản nổi lên. Mong bệ hạ nói lòng tô thuế, cứu chần người nghèo cùng, giảm những việc không cần gấp, bớt xén hình phạt, vậy thì trong nước vui mừng, giáo hóa tràn khắp. Dân là gốc của nước, lương thực là mạng sống của dân vậy. Vậy mà nay nước không chứa lương thực đủ một năm, nhà không còn lương thực một tháng, lại còn những kẻ chỉ ngồi ăn trong hậu cung có đến hơn vạn người. Trong có cái oán li tán, ngoài có cái tổn phí hao mòn, khiến cho kho tàng trống rỗng đến nỗi không có dùng, quân dân đói đến nỗi phải bả cám.

Lại nữa giặc bắc đảo mắt, dòm ngó cái thịnh suy của nước ta, bệ hạ không cậy vào oai đức của mình mà chỉ dựa vào việc giặc không đến, trong nước thì khốn cùng mà khinh địch không cho đây là cái nạn, đây thực chẳng phải là kế sách cốt yếu để giữ tông miếu vậy. Ngày xưa Đại Hoàng Đế chăm chỉ làm việc, lập nghiệp ở cõi nam, cắt chiếm sông núi, mở đất vạn dặm, dầu gặp thời vận nhưng thực là do sức người vậy. Qua mấy lần nổi, đến thời bệ hạ, bệ hạ nên sùng kính đức hạnh để nêu rõ cái oanh liệt của đời trước, yêu dân nuôi quân, giữ vững phép cũ, há coi thường công lao của tổ tiên, sao nhãng việc giữ nghiệp lớn, quên việc những người còn chưa được cấp chần trong thiên hạ, quên cái sự biến hưng suy sao? Thần nghe nói rằng tốt xấu vô thường, lành dữ là do người, cái hiểm trở của sông dài không cậy được lâu, nếu ta không giữ thì địch chỉ cần một cái bè nhỏ là đi qua được vậy. Ngày xưa nhà Tần lập hiệu xưng Hoàng đế, giữ cái

hiềm của Hào-Hàm (7) mà không tu sửa đức hóa, pháp lệnh hà khắc, gây độc dân chúng, trung thần ngậm miệng, cho nên một người hô lớn thì xã tắc nghiêng lật. (8) Gần đây họ Lưu giữ cái vững của ba cửa quan, chặn cái hiềm của núi cao, có thể nói là thành vàng nhà đá, dựng nghiệp muôn đời, nhưng tin dùng những kẻ không phải người hiền, cho nên một sớm vỡ đổ, vua tôi trối cổ, (9) đều làm nô bộc. Đây là cái gương sáng cho đời nay, cái răn bảo ở trước mắt vậy. Mong bề hạ xa thì xét việc trước, gần thì soi sự biến đời nay, đắp nền giữ móng, sửa nắn giáo hóa, vậy thì cái thời thịnh của Thành-Khang (10) được nổi lên, cái lộc lớn của tổ thánh được phát rõ vậy”.

亲近

Sớ tấu lên, Hạo rất ghét Thiệu. Thiệu vâng phép công thẳng thần, người thân cận cũng phải e ngại, bèn cùng gièm pha rằng Thiệu cùng Lâu Huyên giấu cọt việc nước, đều bị trách hỏi, Huyên bị đày đi miền nam, Thiệu được tha mà làm chức khác. Sau đó Thiệu trúng gió độc, miệng không nói được, bỏ chức mấy tháng, Hạo ngờ Thiệu mượn cơ bệnh, bắt uống rượu vào, khảo xét nghìn lần, Thiệu đến chết không nói một lời, cuối cùng bị giết hại, người nhà bị đày đến quận Lâm Hải. Lại hạ chiếu sai giết con cháu của Huyên, bấy giờ là năm Thiên Sách thứ nhất, Thiệu vừa bốn mươi chín tuổi.

Con của Thiệu là Tuân, tự Ngạn Tiên.

Tấn thư của Ngụ Dị chép: Tuân vào lúc cha bị hại, bị đày đến bờ biên, kịp khi nước Ngô bình, về quê nhà. Tiết tháo thẳng thần, thừa nhỏ đã không tâm thường, nói làm việc gì tất theo lễ nghĩa; ham học thích nghe, giỏi ở đọc ‘tam lễ’; (11) cử tú tài, bái làm Dương Tiễn-Vũ Khang Lệnh. Cố Vinh, Lục Cơ, Lục Vân dâng biểu tiến cử Tuân rằng: “Cúi thấy viên Vũ Khang Lệnh thuộc quận Ngô Hưng là Hạ Tuân đức tính nông hậu, tài năng sâu xa, trong lòng trong sạch, tiết tháo cao đẹp, trải qua ba thành, phép lệnh nghiêm túc, coi giữ huyện nhỏ mà nêu danh nơi xa; xuất từ nước mới cho nên triều đình không biết đến, ở yên nơi ngoài, chỉ không tự mưu, năm tháng dây dưa, vẫn thờ ơ không tiến thủ, thực là khiến cho kẻ ngu kẻ khôn cũng tiếc nuôi. Bọn thần đều là kẻ tâm thường, được trao thêm chức, nhận được ân trạch, làm quan trong triều, nếu biết kẻ sĩ tài năng mà giữ miệng không nói thì sợ rằng đây là cái lỗi che lấp người hiền, cho nên không kìm nén cái ngu hèn, xin liêu chết tiến cử”. Lâu sau, gọi làm Thái tử xá nhân. Vào lúc Thạch Bãng (12) phá Dương Châu, Tuân cũng hợp quân, việc xong, đóng cửa không ra. Vào lúc Trần Mẫn (13) làm loạn, lấy Tuân làm Đan Dương Nội sử,

Tuần cũng xưng bệnh cố từ chối, Mẫn không dám ép. Bấy giờ nhà quyền thế ở Giang Đông không ai không nhận tước vị của Mẫn, riêng Tuần và người cùng quận là Chu Đản không treo vào lưới giặc. Sau đó báii làm Ngô Quốc Nội sử, không đến. Vào lúc Nguyên Hoàng Đế ⁽¹⁴⁾ còn làm Trần đông tướng quân, mời Tuần làm Quân tư mã; vào lúc Đế làm Tấn Vương, lấy Tuần làm Trung thư lệnh, cố nhường không nhận; chuyển làm Thái thường, lĩnh chức Thái tử thái phó. Bấy giờ triều đình mới dựng, làm gì liền bàn nghị, phép tắc tông miếu đều do Tuần sắp đặt, trong triều ngoài nội bàn tán cho là nhà Nho nổi tiếng một thời. Năm Thái Hưng thứ hai thì chết, thọ sáu mươi tuổi. Truy tặng chức Tư không, thụy là Mục. Các bài luận mà Tuần soạn đều truyền ở đời. Con là Thấp, làm Lâm Hải Thái thú.

[CHÚ THÍCH]

(1) Ở đình của Đường-Ngu không có người tài được chọn xằng, ở cửa của Tào Phủ không có con ngựa gây yếu: Đường-Ngu chỉ vua Nghiêu của nhà Đường và vua Nghiêu của nhà Đường thời xưa, giỏi chọn dùng quan lại, dựng nên thời thái bình. Tào Phủ là người đánh xe của Chu Mục Vương, giỏi nuôi ngựa, đánh Tề Yển Vương có công, phong tước ở Triệu Thành, trở thành ông tổ của họ Triệu.

(2) Long Phùng: là vị quan giỏi thời vua Kiệt của nhà Hạ, vì can gián vua Kiệt đừng ham rượu, gái đẹp mà bị giết.

(3) Cảnh Hoàng: tức Cảnh Đế của nhà Ngô là Tôn Hưu.

(4) Cao Tông: chỉ vua Vũ Đinh của nhà Ân, sau khi mất truy hiệu là Cao Tông.

(5) Cái dùng của ưng khuyển: thời xưa nhà vua đi săn thường dùng khuyển (chó) và chim ưng để đuổi bắt thú, do đó nói là ‘ưng khuyển’ để chỉ những người làm nanh vuốt phụ tá của nhà vua.

(6) Ngày xưa Cao Tông tu thân để trừ cái điềm gở chim trĩ đậu trên tai đỉnh, Tống Cảnh Công sửa đức để đẩy lùi cái biến của sao Huỳnh hoặc: Cao Tông là vua Vũ Đinh của nhà Ân, lúc tế Mặt trời chợt có một con chim trĩ bay đến đậu ở trên tai đỉnh (cái vạc), bầy tôi cho là quái gở, chính sự thiếu sót nên mới thế, bèn nói: “Xét thấy các vị vua hiền thời trước nếu gặp điềm gở thì phải sửa năm chính sự mới giải trừ được”. Tống Cảnh Công là chư hầu thời Xuân thu, vào năm thứ ba mươi bảy, sao Huỳnh hoặc chuyển vào vùng sao Tâm, bầy tôi có người nói: “Sao Huỳnh hoặc là điềm báo trời phạt, sao Tâm ứng vào phận nước Tống, họa sắp giáng vào ngài, nhưng có thể chuyển sang quan Tể tướng”. Cảnh Công không nỡ làm thế. Bầy tôi lại nói là có thể chuyển sang dân chúng, cũng không nỡ. Cuối cùng bầy tôi nói: “Trời cao mà rủ thấp, ngài có lòng như thế thì tất sao Huỳnh

hoặc cũng chuyển sang phận khác”. Quả nhiên đúng thế, mấy năm sau đó nước Tống không bị họa binh đao.

(7) *Hào-Hàm*: chỉ núi Hào và cửa Hàm Cốc, là những vùng then chốt của nhà Tần

(8) *Một người hô lớn thì xã tắc nghiêng lật*: chỉ thời nhà Tần vô đạo, thiên hạ khố sở, có một người dân phu là Trần Thắng nhân lúc bị bắt lao dịch mà dương tay kêu gọi nổi dậy, sau đó bọn Hạng Vũ, Lưu Bang cũng dấy binh phản nhà Tần, rút cuộc khiến cho nhà Tần sụp đổ.

(9) *Vua tôi trối cổ*: chỉ việc vua tôi nhà Hán phải nhường ngôi cho nhà Ngụy.

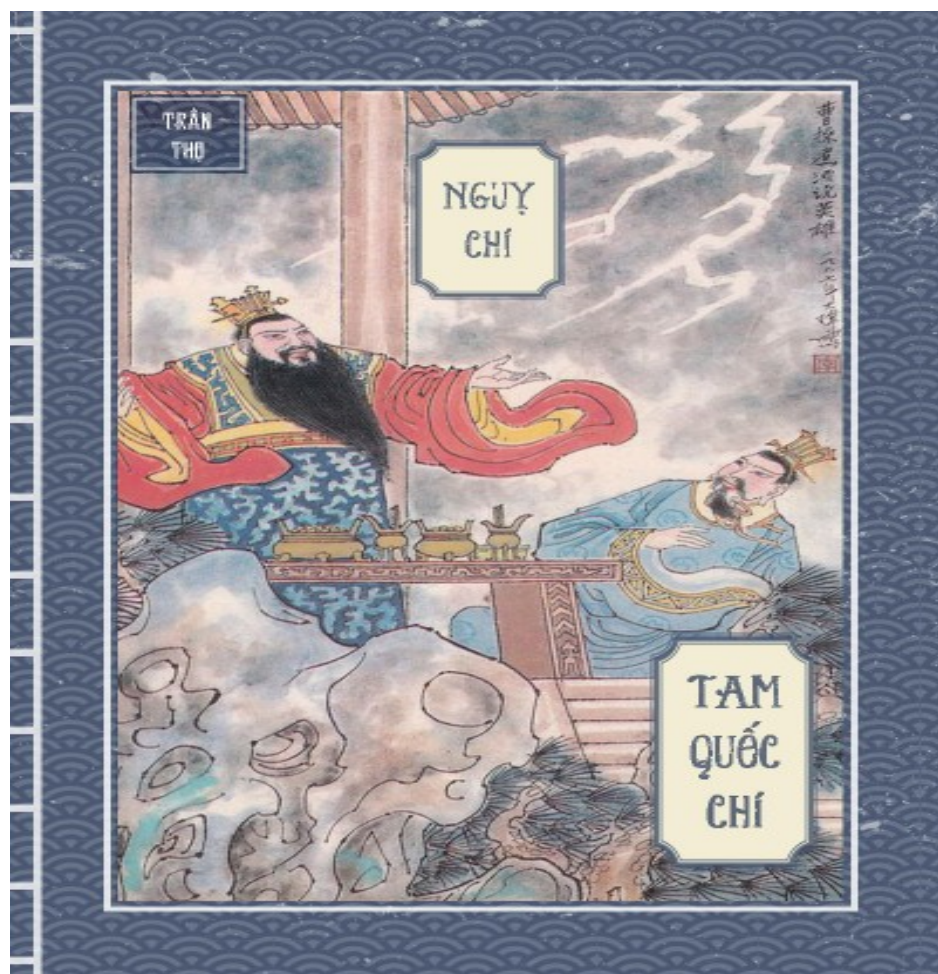
(10) *Thành-Khang*: chỉ Thành Vương và Khang Vương của nhà Chu, thời hai vị này thì nhà Chu cường thịnh.

(11) *‘Tam lễ’*: chỉ ba sách Chu lễ, Nghi lễ, Lễ kí.

(12) *Thạch Bạng*: là bộ tướng của thủ lĩnh người Man ở miền Kinh Châu là Trương Xương. Theo Tấn thư - Huệ Đế kỉ chép rằng: Mùa thu tháng bảy năm Thái An thứ hai, Thạch Bạng đánh cướp miền Dương Châu, Dương Châu Thứ sử Trần Huy đánh với Bạng, thua to, các quận võ cả. Người quận Lâm Hoài là Phong Vân cũng dấy binh theo Bạng. Tháng ba năm Vĩnh Nguyên thứ nhất bị Quảng Lăng Độ chi Trần Mẫn đánh bại.

(13) *Trần Mẫn*: là người quận Lư Giang, có tài cán, làm Quảng Lăng Độ chi, đánh phá bọn Thạch Bạng, Phong Vân có công, bái làm Quảng Lăng Tướng. Bấy giờ Trung Quốc rối loạn (loạn tám vị vương của nhà Tấn), bèn chiếm giữ huyện Lịch Dương, tự xưng Đô đốc trong coi việc quân ở miền Giang Đông.

(14) *Nguyên Hoàng Đế*: chỉ Nguyên Đế của nhà Đông Tấn, lúc người Ngũ Hồ vào lấn Trung Quốc, nhà Tấn chỉ giữ được miền Giang Nam mà thôi, tức nhà Đông Tấn.



GIỚI THIỆU

Tam quốc chí là một sử liệu chính thức và có căn cứ về thời đại Tam Quốc của Trung Quốc từ năm 189 đến năm 280, do Trần Thọ biên soạn vào thế kỉ thứ 3. Tác phẩm này hình thành từ các mẫu chuyện nhỏ kể về các nước Ngụy, Thục và Ngô của thời đại này, đồng thời là nền tảng cho cuốn tiểu thuyết lịch sử rất phổ biến là Tam quốc diễn nghĩa được viết vào thế kỉ 14.

Trần Thọ từng làm quan cho nhà Thục Hán, sau khi Thục Hán diệt vong đến Lạc Dương làm quan cho nhà Tây Tấn. Trần Thọ đã dựa vào các sử liệu cơ bản như Ngụy thư của Vương Thâm, Ngụy lược của Ngưu Hoán, Ngô thư của Vi Chiêu... để viết Tam quốc chí, thuật lại lịch sử Trung Quốc từ khởi nghĩa Khăn Vàng vào cuối thời Đông Hán đến khi Tây Tấn thống nhất Trung Quốc, tức từ năm Trung Bình thứ nhất đời Hán Linh Đế (184) đến năm Thái Khang thứ nhất đời Tấn Vũ Đế (280). Tam quốc chí được chia làm 4 phần gồm 66 quyển: Ngụy quốc chí 30 quyển, Thục quốc chí 15 quyển, Ngô quốc chí 20 quyển, ngoài ra còn có 1 quyển Tự lục (lời tựa) nhưng đến nay đã bị thất truyền. Lúc đầu ba tác phẩm Ngụy chí, Thục chí và Ngô chí tồn tại riêng rẽ, đến năm Hàm Bình thứ 6 thời Bắc Tống (1003) hợp nhất đổi tên thành Tam quốc chí.

Trần Thọ là quan nhà Tấn, do đó phải lấy triều đại đã nhường ngôi cho Tấn là Tào Ngụy làm chính thống.

Ngụy chí xếp các Hoàng đế nhà Ngụy vào bản kỷ, Tào Tháo tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi Hoàng đế nhưng cũng được xếp vào bản kỷ. Có 4 quyển bản kỷ là Vũ Đế kỷ (Tào Tháo), Văn Đế kỷ (Tào Phi), Minh Đế kỷ (Tào Duệ) và Tam Thiếu Đế kỷ (Tào Phương, Tào Mao và Tào Hoán). Các văn thư nói về việc các vua Ngụy xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đầu không chép (ngoại trừ chiếu nhường ngôi của Hán

Hiển Đế - Hán Hiến Đế thiện nhượng sách văn, các văn thư khác chỉ do Bùi Tùng Chi chú thích).

Thực chí xếp Lưu Bị vào liệt truyện tức Tiên chủ truyện (mặc dù Lưu Bị xưng đế), không gọi trực tiếp tên húy, khi chết dùng chữ bằng ngang địa vị với chữ t ồ. Các văn thư nói về việc Lưu Bị xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đầu chếp đầy đủ (có thể do tình lưu luyện với cố quốc). Hoàng đế thứ hai nhà Thục Hán là Lưu Thiện được xếp vào Hậu chủ truyện.

Ngô chí trong nguyên bản gọi thẳng tên húy các vua Đông Ngô như Tôn Quyền truyện, Tôn Lượng Tôn Hưu Tôn Hạo truyện; cách gọi hiện nay Ngô chủ truyện, Tam tự chủ truyện là do người đời sau sửa lại. Trong phần Ngô chủ truyện có chếp Nam giao tức Hoàng đế vị nói về việc Tôn Quyền tuyên bố xưng đế, còn văn thư đăng đàn tế cáo trời đất thì không chếp, chỉ có trong phần chú thích của Bùi Tùng Chi.

Đồng thời để tôn trọng sự thống trị của nhà Tấn, Tam quốc chí không viết liệt truyện về các nhân vật Tư Mã Ý, Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu (do được Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm truy đặt thụy hiệu). Ngoài ra, tác giả cũng lược bỏ nguyên nhân Tào Tháo xử tử nhân vật Khổng Dung.

Vào thời Đông Hán, sử học tiếp nhận ảnh hưởng từ trào lưu đơn giản hóa của kinh học nên xuất hiện trào lưu giản lược hóa các tài liệu lịch sử. Trong bối cảnh đó, đã xuất hiện Tam quốc chí của Trần Thọ với nội dung giản lược về thời đại Tam quốc. Sau khi Trần Thọ mất hơn trăm năm, nhiều sử liệu về thời Tam quốc xuất hiện, Tống Văn Đế thời Nam-Bắc triều thấy nội dung của Tam quốc chí quá sơ lược nên đã ra lệnh cho Bùi Tùng Chi chú thích. Bùi Tùng Chi đã tập hợp các sử liệu để bổ sung các phần mà Tam quốc chí không chếp hoặc chếp thiếu bằng 6 phương pháp:

1. Dẫn lời bàn luận của nhiều tác gia khác nhau để phân định phải trái.
2. Tham khảo ý kiến của nhiều tác gia khác nhau để xét chân giả, thực hư.
3. Sự việc trong các truyện đầu kể rõ mọi đầu đuôi, uẩn khúc.
4. Bổ sung các sự việc còn thiếu cho các truyện.
5. Kể rõ cuộc đời của các nhân vật trong các truyện.
6. Phụ thêm các nhân vật còn thiếu cho các truyện.

Theo thống kê của một số học giả, thì số tư liệu mà Bùi Tùng Chi dùng để chú giải Tam quốc chí là khoảng 240 loại, gấp 3 lần so với nguyên bản Tam quốc chí. Mã Niệm Tổ trong tác phẩm Thủy kinh chú đăng bát chủng cổ tịch dẫn dụng thư mục vị biên cho rằng số tư liệu mà Bùi Tùng Chi sử dụng là 203 loại. Hiện nay, theo thống kê bản hiệu đính Tam quốc chí tại Trung Hoa thư cục đã phát hiện phần chính văn của Trần Thọ có 366657 chữ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi có 320799 chữ. Tống Văn Đế đương thời gọi công việc chú thích của Bùi Tùng Chi là “bất hủ”. Các sử gia đời sau như Tư Mã Quang (thời Bắc Tống) khi biên soạn Tư trị thông giám đã tổng hợp các truyện ký trong Tam quốc chí của Trần Thọ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi để miêu tả trận chiến Xích Bích.

Bản Tam quốc chí do Bùi Tùng Chi chú thích là bản thông dụng nhất hiện nay, còn gọi là **Trần chí, Bùi chú**.

Không thể phủ nhận được rằng, những sự kiện lịch sử thời Tam Quốc cùng với các nhân vật của nó trở nên sống động, lưu truyền rộng rãi và có ảnh hưởng sâu đậm ở khu vực châu Á một phần là nhờ ở bộ tiểu thuyết Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung. Tuy nhiên cũng phải công nhận là thời đại Tam Quốc với những biến cố long trời lở đất giống như một cái bản lề, xoay chuyển xã hội Trung Quốc từ thịnh trị của đời Hán sang hỗn loạn của những Bát vương chi loạn, Ngũ Hồ loạn Hoa, Thập Lục quốc. Rất nhiều nguyên nhân của cả thịnh trị lẫn loạn lạc này để lại dấu vết trong thời đại Tam Quốc và được ghi lại trong Tam Quốc chí chú. Như vậy có thể nói Tam Quốc chí chú là một sử liệu hiếm hoi có cả sức cuốn hút lẫn giá trị khảo cứu cao.

QUYỂN 1 – VŨ ĐẾ KỶ

TÀO THÁO TRUYỆN

Thái Tổ Vũ Hoàng Đế người Tiêu Quận nước Bái. Họ Tào, húy Tháo, tự Mạnh Đức, vốn dòng dõi Tướng Quốc nhà Hán là Tào Tham.

Tào Man truyện chép: Thái Tổ có tên sơ sinh là Cát Lợi, tên khi bé là A Man. Ngụy Thư của Vương Trâm chép: (họ Tào) vốn gốc Hoàng Đế. Vào đời Cao Dương, người con của Lục Chung tên là An được ban họ Tào. Khi Châu Vũ Vương đánh Ân, bắt đầu triều Châu, phong cho Tào Hiệp đất Chu. Vào thời Xuân Thu, có tham dự minh hội⁽¹⁾, đến thời Chiến Quốc, bị nước Sở diệt. Con cháu ly tán, vài người dời nhà đến đất Bái. Khi Hán Cao Tổ nổi lên, Tào Tham nhờ công được phong Bình Dương Hầu, con cháu tập tước, vài lần bị diệt nhưng đều được tái lập cho đến ngày nay⁽²⁾ ngôi vị tại Dong thành.

Thời Hoàn Đế, Tào Đẳng được dùng làm Trung Thường Thị Đại Trường Thu, phong Phí Đình Hầu.

Tục Hán Thư của Tư-mã Bưu chép: cha Đẳng là Tiết, tự Nguyên Vĩ, có tiết hạnh nhiều người khen. Có lần người hàng xóm mất lợn giống như con lợn của Tiết. Hắn bèn đoạt lấy nhưng Tiết không giận. Sau đó, con lợn của hắn tự về nhà, người hàng xóm xấu hổ đem lợn trả và tạ Tiết, Tiết chỉ cười nhận lại lợn. Vì thế, được mọi người khen ngợi. Người con trưởng tự Bá Hưng, kế Trọng Hưng, rồi Thúc Hưng. Đẳng, tự Quý Hưng⁽³⁾, từ bé vào cung làm Hoàng Môn Lang. Năm đầu Vĩnh Ninh, Đẳng Thái Hậu xuống chiếu sai quan Hoàng Môn Lệnh tuyển trong số Hoàng Môn người nào tuổi tác, tính tình thích hợp để cùng học với Thái Tử. Qua đó, Đẳng được chọn. Thái Tử yêu thích Đẳng và thường ban Đẳng quà rượu hơn hẳn kẻ khác. Đến khi Thái Tử lên ngôi, tức Thuận Đế, cho Đẳng làm Tiểu Hoàng Môn, rồi thăng đến Trung Thường Thị Đại Trường Thu. Đẳng giữ chức này hơn 30 năm, trải 4 đời vua, trước nay chưa ai được vậy. Đẳng thích tiến cử hiền tài và không bôi nhọ ai. Trong số được Đẳng tiến cử, từ Trần Lưu có Ngu Phóng, Biện Thiệu, Nam Dương có Diên Cố, Trương Ôn, Hoàng Nông có Trương Hoán, Dĩnh Xuyên có Đường Khê, thấy đều cảm chức lớn. Đẳng cũng không vì thế khoe khoang. Sau, Thái-thứ Thục Quận gửi thư riêng cho Đẳng bị Thứ-sử Ích Châu Thứ sử Phùng Cảo bắt được. Cảo dâng biểu xin bãi chức Đẳng vì Đẳng có liên lạc với các quan bên ngoài. Hoàng Đế đáp: “Thư ấy từ bên ngoài gửi vào, có phải do Đẳng thảo đâu? Đẳng vô tội.” Nên biểu của

Cảo bị bỏ qua. Đẳng cũng không vì chuyện ấy kết thù oán, vẫn khen ngợi tiết hạnh Cảo như thường. Sau Cảo làm đến Tư Đồ, có nói với mọi người rằng: “Tôi được ngày hôm nay nhờ Tào Thường thị”. Những việc khác Đẳng làm cũng tương tự thế. Khi Hoàn đế lên ngôi, vì Đẳng là tôi tiên triều, lòng trung hiếu của Đẳng được tôn vinh, rồi phong làm Phái Đình Hầu. Năm Thái Hòa thứ 3⁽⁴⁾, truy tôn Đẳng làm Cao Hoàng Đế.

Con Đẳng là Tung nổi tiếng, làm đến Thái Úy, nhưng không ai biết nguồn tích của Tung ra sao⁽⁵⁾. Tung sinh ra Thái Tổ.

Tục Hán Thư: Tung tự Cự Cao, tính đôn hậu, ai cũng tường lòng trung hiếu. Ban đầu làm Tư Lệ Hiệu Úy, rồi Linh Đế thăng lên làm Đại Tư Nông, Đại Hồng Lô, rồi thay Thôi Liệt làm Thái Úy⁽⁶⁾. Hoàng Sơ năm đầu, truy tôn Tung làm Thái Hoàng Đế. Tào Man truyện của người Ngô và Thử Ngữ của Quách Ban cùng chép: Tung là con dòng họ Hạ Hầu và là em bố Hạ Hầu Đôn. Nên Thái Tổ và Đôn là anh em họ.

Thái Tổ khi bé tuy nhanh trí, nhưng ham chơi, lêu lổng, không màng đến sự nghiệp. Mọi người vì thế không cho Thái Tổ sẽ nên tích sự gì.

Tào Man truyện chép: Thái Tổ khi bé chỉ thích đua chó, săn chim, lêu lổng tới ngày, hay bị người chú đến mách bố. Thái Tổ bị răn trách. Sau nhân gặp người chú trên đường, giả lên cơn động kinh sùi bọt mép. Người chú hoảng hốt hỏi thăm. Thái Tổ đáp “Trúng phải gió độc rồi!”. Người chú vội vàng chạy đến báo với Tung. Tung kinh hãi, gọi Thái Tổ đến, thấy Thái Tổ vẫn bình thường. Tung hỏi: “Chú nói mày trúng gió. Có không?” Thái Tổ đáp: “Con có gì đâu. Chú không thích con, nên chỉ thấy những chuyện xấu”. Tung do vậy đâm ra nghi ngờ. Từ đó trở đi, Tung không tin những gì người chú nói về Thái Tổ nữa, Thái Tổ lại càng táo tợn hơn.

Duy có người nước Lương là Kiêu Huyền, người Nam Dương là Hà Ngung lại cho là khác. Huyền bảo Thái Tổ rằng: “Thiên Hạ sắp loạn to, không phải người có tài ‘mệnh thế’ tất không cứu được. Ông chính là người đó!”.

Ngụy Thư viết: Thái Úy Kiêu Huyền, vốn nổi tiếng biết coi người, cho Thái Tổ khác thường, nói: “Tôi biết hầu hết danh sĩ thiên hạ, nhưng chưa thấy ai được như ông! Ông ráng giữ lấy mình. Tôi già quá! Vợ con gởi gắm nơi ông đấy!” Thanh danh Thái Tổ nhờ đó càng nổi.

Tục Hán Thư viết: Huyền, tự Công Tổ, nghiêm minh và có tài lược, giỏi coi người.

Hán Ký của Trương Phan chép: Huyền khi ở ngôi cao trong ngoài tổ tư cách, khiêm nhường với kẻ dưới. Lại không vì quyền quý vương khanh mà kết thân. Vào năm Quảng Hòa Huyền làm Thái Úy, được một thời gian vì bệnh nên thôi,

được phong Thái Trung Đại Phu, rồi mất. Nhà nghèo không sản nghiệp, linh cửu không đồ ‘táng khí’ chôn theo. Người đương thời cho là danh thần.

Thế Ngữ chép: Huyền bảo Thái Tổ: “Ông vẫn ít người biết, nên làm quen với Hứa Tử Tương” Thái Tổ đến làm quen, Tử Tương chịu cho, nhờ vậy người ta biết tiếng.

Sách Di Đồng Tập Ngữ của Tôn Thịnh chép: Thái Tổ một lần lên vào nhà Trung Thường Thị Trương Nhưượng. Nhưượng cảm được, Thái Tổ bèn cầm thủ kích vẫn trưng ngoài sân rồi nhảy qua tường bỏ đi. Tài vũ Thái Tổ lại hơn hết mọi người, không ai hại được. Sách nào cũng biết, đặc biệt là binh thư. Gom gộp binh pháp mọi nhà viết lại rõ ràng — gọi là ‘Tiếp Yếu’, còn ghi chú cả 13 chương binh pháp của Tôn Tử, thấy đều còn truyền. Thường hỏi Hứa Tử Tương: “Tôi là người thế nào?” Tử Tương không đáp. Cố hỏi, Tử Tương rằng: “Thời bình người là năng thần, thời loạn người là gian hùng”. Thái Tổ cười to.

Năm hai mươi tuổi, được đề cử Hiếu Liêm, làm chức Ủy một bộ ở Bắc Lạc Dương, rồi đổi qua làm Huyện Lệnh Đốn Khâu.

Tào Man truyện: Ban đầu mới giữ chức Ủy, Thái Tổ sửa sang trị sự. Làm roi 5 màu, dựng hai bên cổng tất cả 10 cây. Ai phạm phải đi đâu cấm, bất kể có là cường hào, đều bị nọc ra đánh đến chết. Được vài tháng, hôm ấy người chú của Tiểu Hoàng Môn Kiến Thạc, sủng thần của vua Linh Đế, đi đêm bị bắt, Thái Tổ sai đập đến chết. Kinh Đô nhờ vậy yên ổn, không ai dám phạm luật. Bọn sủng thần do đó đều ghét, nhưng không ai làm gì được. bèn cùng nhau tiến cử cho đổi qua làm Huyện Lệnh ở Đốn Khâu.

Sau đó làm Nghị Lang.

Ngụy Thư chép: Chồng em họ Thái Tổ là cường hào Tống Kỳ bị giết, phạm thân thích đều bị giải quan. Sau, vì Thái Tổ giỏi cổ học, được mời ra làm Nghị Lang. Đại Tướng Quân Đậu Vũ cùng Thái Phó Trần Phiên mưu diệt hoạn quan, nhưng ngược lại cùng bị giết. Thái Tổ dâng thư nói: do Trần, Vũ cùng những người chính trực bị hãm hại, gian tà đây trêu, kẻ thiện bị chèn ép, lời lẽ thống thiết; nhưng Linh Đế không màng đến. Sau lại có chiếu truyền xuống cả 3 phủ, sắc rằng: Những ai lên tiếng đòi sửa sang chính trị của châu huyện đều bị coi là tung tin nhảm và đáng cách chức. Từ đó các quan Tam Công thích làm những việc sai quấy không còn là chuyện hiếm, hồi lộ lại càng thịnh hành. Lời oán về đám cường bạo đã không ai tâu lên, kẻ yếu ráng giữ mình lại đa phần bị hãm hại. Thái Tổ tức lắm. Nhằm năm nhiều chuyện thiên tai khác thường, bèn dâng thư can gián, giải thích (nguyên nhân thiên tai do) các quan Tam Công rất tâu lên những chuyện tránh đụng chạm đến bọn quý thích^(Z). Tâu lên, nhà vua ngộ ra, bèn bãi chức cả tam phủ, những người ‘tung tin nhảm’ được phong làm Nghị Lang. Nhưng từ đó về sau việc chính trị ngày càng loạn, cường bạo lộng hành

làm nhiều người bị hãm diệt. Thái Tổ biết mình không thay đổi được gì nên không tâu điều gì nữa.

Cuối thời Quảng Hòa, Hoàng Cân nổi dậy. Bèn được phong làm Kỵ Đô Úy, dẹp giặc ở Dĩnh Xuyên. Sau đổi làm Tế Nam Tướng. Nước này gồm 10 huyện, vì các quan Trưởng Sử đa phần dựa vào bọn quý thích, tham ô hối lộ lộng hành. Bèn tâu lên xin đuổi 8 người như thế. Lại cấm ngặt các hành vi tà vạy, bọn gian quỹ vì thế trốn đi, trong quận được yên ổn.

Ngụy Thư: Trưởng Sử nhận hối lộ, dựa vào thế quý thích, những quan Tướng trước không dám động đến. Nghe tin Thái Tổ đến, xin miễn chức cả đám, lớn nhỏ sợ hãi người, bọn gian quỹ bèn chạy sang quận khác. Việc chính trị nhờ thế củng cố, cả quận thanh bình. Trước đây, Thành Dương Cảnh Vương Lưu Chương có công lớn với nhà Hán, được phong quốc (Thành Dương) lập nhà tù, các quận khác của Thanh Châu đều bắt chước theo. Ở Tế Nam lại càng thịnh hành, xây đến hơn 600 nhà tù. Có tên thương gia giả chiếc kiệu ‘nhị thiên thạch’ cho chúng khuân trên đường, ca hát xênh xang, xa xỉ vô cùng, trong khi dân tình thì nghèo túng. Quan Trưởng Sử lại không dám cấm các hành vi như thế. Thái Tổ đến, lệnh phá hết các nhà tù, cấm tuyệt cả quan cả dân đến tế ở nhà tù. Đến khi nắm quyền chính, bèn diệt trừ nạn thờ cúng quỷ thần gian tà, việc thờ cúng huyền hoặc từ ấy mới dứt.

Ít lâu, được vời làm Thái Thú Đông-quận, nhưng không nhận, xưng bệnh về làng.

Ngụy Thư: Khi bọn quyền thần nắm triều chính, quý thích lộng hành. Thái Tổ không thể thay đổi tính nết che chở cho bọn này. Nhiều lần trái lệnh, sợ họa đến nhà, bèn lui gót giữ mình. Tuy làm Nghị Lang, nhưng thường cáo bệnh, xin về làng. Lại cho xây nhà ngoài thành, Xuân Hạ đọc sách, Thu Đông săn bắn, lấy thế làm vui

Được ít lâu, Thứ-sử Ký Châu Vương Phân, cùng Hứa Du người Nam Dương, Châu Tinh người Bái Quốc liên kết hào kiệt, mưu phết Linh Đế, lập Hợp Phì Hầu, tiết lộ với Thái Tổ nhưng Thái Tổ không theo. Việc sau cũng không thành.

Cửu Châu Xuân Thu của Tư-mã Bưu: Khi con Trần Phên là Dật cùng Thuật sĩ người Bình Nguyên là Tương Giai hội bàn với Phân, Giai nói: “Thiên văn (có điềm) bất lợi cho bọn Hoạn quan. Bọn Hoàng Môn, Thường Thị thấy sẽ bị diệt tộc”. Dật rất vừa lòng. Phân nói: “Nếu thế, tôi nguyện trừ bọn này”. Bèn cùng Du kết mưu. Khi Linh Đế muốn về thăm nhà cũ ở Hà Gian, Phân nhân đấy lập kế, gửi thư cho cướp Hắc Sơn bảo đánh cướp quận huyện để có dịp khởi binh. Bấy giờ ở phía Bắc xuất hiện làn khí đỏ trải suốt từ Đông sang Tây, quan Thái Sử tâu lên: “Đương có âm mưu, không nên bắt hành”. Vua bèn dừng lại, hạ

lệnh cho Phân bãi binh, sai gọi đến. Phân sợ, tự sát. Ngụy Thụ có thuật lời Thái Tổ cự Phân rằng: “Phế lập là chuyện bất tường cho cả thiên hạ. Người xưa phải nắm hết quyền bính trong tay, tính hết các lẽ nặng nhẹ, như Y Doãn, Hoắc Quang mới dám nghĩ đến chuyện đó. Y Doãn đã tỏ được lòng trung, lại có thể là Tể Tướng, trên hết các quan, nắm mọi đường tiến thoái — việc mới thành. Lại đến Hoắc Quang, nhận lời ủy thác gửi nước, ngồi ở ngôi tông thần. Bên trong nhờ có Thái Hậu nắm hết việc chính trị trọng yếu, bên ngoài lại có sự ủng hộ của các quan. Xương Ấp mới lên ngôi, chưa lấy được lòng quý thích, trong triều cũng không có ai ho he để có thể cùng bàn tính riêng. Nếu không gồm hết những yếu tố này, việc há đã thành. Nay các ông chỉ thấy những thành công đời xưa mà không nhận ra khó khăn hiện tại. Các ông thử tính xem, cộng tất cả các ông lại, có đông bằng ‘thất quốc’ không? Cái quý phái của Hợp Phì Hầu, liệu có bằng Ngô, Sở không⁽⁸⁾? Phàm làm chuyện phi thường, khắc kỷ dục vọng, sao các ông tránh được tai họa!”

Người Kim Thành là Biện Chương, Hàn Toại giết Thứ Sử, Thái Thú làm phản, đông đến hơn 10 vạn người. Thiên hạ tao động. Thái Tổ được vời làm Điện Quân Hiệu Úy. Rồi Linh Đế mất, Thái Tử lên ngôi. Đại Tướng Quân Hà Tiến cùng Viên Thiệu mưu diệt Hoạn quan, Thái Tổ không theo. Tiến muốn vời Đồng Trác, nhằm tạo thế uy hiếp Thái Hậu.

Ngụy Thụ: Tin đến tại, Thái Tổ cười rằng “Quan hoạn xưa nay có bao giờ không có. Chẳng qua gần đây các vua cho chúng nhiều quyền hành, ân huệ quá mới nên nổi. Muốn trị bọn này, cứ giết mấy tên đầu sỏ, chỉ cần một viên ngục quan là đủ, cần gì phải gọi đến các tướng bên ngoài! Bằng như muốn diệt sạch bọn này, việc thế nào cũng lộ ra, tôi nghĩ là sẽ thất bại”

Trác chưa đến, Tiến đã bị giết.

Trác đến rồi, bèn phế vua làm Hoàng Nông Vương và lập Hiến Đế, Kinh Đô đại loạn. Trác xin cho Thái Tổ làm Kiêu Kỵ Hiệu Úy, muốn dùng. Thái Tổ bèn đổi tên họ, bỏ trốn về Đông.

Ngụy Thụ: Thái Tổ ngầm Trác cuối cùng sẽ thất bại, không đến gặp mà trốn về quê nhà. Chạy được vài ngày, đến nhà quen cũ là Lữ Bá Xa tại Thành Cao. Xa không có nhà, con cháu và tân khách hợp mưu cướp đoạt cả ngựa và vật dụng. Thái Tổ cầm dao giết sạch cả nhà.

Theo Thế Ngữ: Thái Tổ ghé ngang, nhưng Bá Xa không có nhà, chỉ có 5 người con bèn chuẩn bị lễ ‘tân khách’. Thái Tổ đang trốn Đồng Trác, đâm ra nghi ngờ, đang đêm cầm kiếm giết 8 người.

Theo Tạp Ký của Tôn Thịnh: Thái Tổ nghe tiếng dao chặt thịt, nghĩ bọn này âm mưu hại mình, nên trong đêm giết người. Việc lỡ rồi không tỏ ra hối hận gì, nói: “Tôi thà phụ người, không để người phụ mình!”, rồi đi.

Trốn được ra ngoài quan ải, đến Trung Mâu, bị viên Đình-trưởng nghi ngờ, bắt giải lên huyện. Trong xóm có người biết mặt, xin giúp nên được thả.

Thế Ngữ: (Thái Tổ đến) Trung Mâu bị nghi là kẻ bỏ trốn, bắt giải lên huyện. Viên Duyệt vốn đã nhận được trát từ Trác, nhưng viên Công Tào biết lòng Thái Tổ, lại nghĩ đương khi loạn, không nên bắt kẻ hùng tuấn, bèn thả ra.

Rồi Trác giết Thái Hậu và Hoảng Nông Vương. Thái Tổ đến Trần Lưu, bán gia sản, mộ nghĩa binh đánh Trác. Mùa Đông, tháng chạp, bắt đầu khởi quân tại Kỷ Ngô. Đó là nhằm vào năm Trung Bình thứ 6.

Thế Ngữ: Vệ Tư là Hiếu Liêm của Trần Lưu đem gia tài ra giúp Thái Tổ mộ quân, mộ được 5000 người.

Mùa xuân Năm Sơ Bình nguyên niên tháng giêng, Hậu tướng quân Viên Thuật; Ký châu mục Hàn Phức;

Anh hùng ký chép rằng: Phức tự Văn Tiết, người ở quận Dĩnh Xuyên. Làm Ngự sử Trung thừa. Đồng Trác tiến cử làm Ký châu mục. Lúc bấy giờ ở Ký châu nhân dân giàu có, binh lương đầy đủ. Viên Thiệu đang ở Bột Hải, Phức sợ Thiệu dấy binh ở đây, liền phái mấy viên Tòng sự đến phòng giữ, không được manh động. Đông quận Thái thú Kiêu Mạo giả danh Tam công ở Kinh sư gửi thư cho các châu quận, kể ra tội ác của Trác, nói rằng “bị bức bách, không thể tự cứu nổi, ngóng đợi nghĩa binh, cứu quốc gia qua cơn hoạn nạn”. Phức được thư, họp đám Tòng sự của mình hỏi rằng: “Bây giờ ta nên cứu trợ Viên Thiệu, hay giúp đỡ Đồng Trác đây?”. Viên Trị trung Tòng sự là Lưu Tử Huệ nói: “Nay ta hưng binh là vì quốc gia, sao lại nói là vì Viên-Đồng!” Phức tự biết mình nói hớ nên hổ thẹn ra mặt. Tử Huệ lại nói: “Việc binh là chuyện hung hiểm, chớ nên cần đầu, nay hãy nghe ngóng ở các châu khác xem thế nào, chờ họ phát động trước, ta sẽ phụ họa với họ sau. Ký châu so với các châu khác cũng chẳng vì thế mà yếu đi vậy, người khác có công cũng không bảo là Ký châu không giúp đỡ vậy.” Phức theo lời ấy. Bèn gửi thư cho Thiệu, nói Trác là kẻ ác, mong bên ấy khởi binh. Dự châu thứ sử Khổng Du;

Anh hùng ký chép: Du tự là Công Tự, người ở quận Trần Lưu.

Sách Hán kỷ của Trương Phan chép lời Trịnh Thái thuyết Trác rằng: “Khổng Công Tự là kẻ chỉ thanh đàm cao luận⁽⁹⁾, mà hơi thở dật dờ như người sắp chết vậy.”

Duyệt châu Thứ sử Lưu Đại;

Đại là anh em với Lưu Do, chuyện này thấy chép ở Ngô chí.

Hà nội Thái thú Vương Khuông;

Anh hùng ký chép: “Khuông tự Công Tiết, người ở quận Thái Sơn. Vốn coi nhẹ tiền tài hay giúp đỡ người, dốc lòng làm việc nghĩa. Đại tướng quân Hà Tiến vờ vào làm Phù sứ, Khuông đang ở Từ Châu dẫn 500 quân cung thủ theo hướng Tây thẳng tới kinh sư. Đúng lúc Tiến chết, Khuông lại trở về quê. Khi khởi sự, được phong là Thái thú Hà Nội.

Sách Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Khuông thừa nhỏ chơi thân với Sái Ung. Đến năm bị quân của Trác đánh bại, bỏ chạy về Thái Sơn, tụ họp được mấy nghìn quân dũng mãnh, bèn cùng với Trương Mạc hợp binh. Khuông trước tiên giết chết Chấp kim ngô Hồ Mậu Ban. Đám thuộc hạ của Ban không đánh lại được hết sức phẫn nộ, bèn dựa vào thế lực của Thái tổ, hợp sức giết Khuông.

Bột hải Thái thú Viên Thiệu; Trần Lưu Thái thú Trương Mạc; Đông quận Thái thú Kiêu Mạo;

Anh hùng ký chép: Mạo tự Nguyên Vĩ, cùng dòng dõi với Kiêu Huyền. Trước làm Duyện châu Thứ sử, rất có ân uy.

Sơn dương Thái thú Viên Di;

Di tự Bá Nghiệp, Thiệu coi như anh. Làm chức lệnh ở Trường An. Trương Siêu ở Hà Gian từng tiến cử Di với Thái úy Chu Tuấn, khen Di là “Viên quan mẫu mực ở đời, mẫn cán mà độ lượng. Trung thực sáng suốt mà ngay thẳng, rộng lòng tha thứ; cai quản trăm họ, dân được phong túc, có tài nhìn vật biết được tên, nay được người ấy, người ở nơi xa sẽ theo về cả.” Điều này thấy ghi chép ở Siêu tập.

Anh hùng ký chép: Thiệu sau dùng Di làm Dương châu Thứ sử, bị Viên Thuật đánh bại.

Thái tổ khen “Đã cao tuổi vẫn miệt mài học tập, chỉ có ta và Viên Bá Nghiệp vậy.” Câu này thấy ghi ở sách Diễn luận của Văn Đế.

Tế bắc quốc tướng Bão Tín,

việc có Tín tham dự thấy nói ở Tả Huân truyện.

Bấy giờ đồng thời cùng khởi binh⁽¹⁰⁾, sĩ tốt mỗi đạo đầu có mấy vạn người, suy tôn Thiệu làm Minh chủ. Thái tổ làm Phấn Vũ tướng quân.

Tháng hai, Trác hay tin binh mã nổi dậy, bèn dời Thiên tử từ kinh đô đến Tràng An. Binh của Trác đóng ở Lạc Dương, đốt cháy cung thất. Bấy giờ Thiệu đóng binh ở Hà Nội, Mạc-Đại-Mạo-Di đóng quân ở Toan Tảo, Thuật đóng binh ở Nam Dương, Du đóng quân ở Dĩnh Xuyên, Phúc vẫn ở huyện Nghiệp. Binh lực của Trác rất mạnh, Bọn Thiệu chẳng ai dám tiến đánh trước. Thái tổ nói: “Chúng ta cất nghĩa binh giết kẻ bạo tàn, đại quân đã hội họp, chư quân sao còn phải hồ nghi nữa? Bọn Đồng Trác nghe tin ở

Sơn Đông khởi binh, ỷ vào vương thất làm trọng, chiếm cứ hai kinh⁽¹¹⁾ hiểm yếu, ngoảnh về phía Đông xem việc thiên hạ; dẫu chúng ta hành động vô đạo, chỉ bởi chúng gây ra hoạ vậy. Nay chúng thiêu rụi cung thất, bức thiên tử dời đô, hải nội chấn động, sĩ dân chẳng biết hướng về đâu, ấy là lúc trời hại chúng nó vậy. Đánh một trận mà yên định được thiên hạ, cơ hội chẳng nên bỏ lỡ vậy.”

Thái tổ dẫn binh về phía Tây, chiếm cứ Thành Cao. Mạo sai tướng của mình là Vệ Tư cầm một cánh quân đi theo Thái tổ. Đến sông Biện Hà ở Huỳnh Dương⁽¹²⁾, gặp tướng của Trác là Từ Vinh, đánh nhau gặp bất lợi, sĩ tốt chết và bị thương rất nhiều. Thái tổ bị trúng tên, con ngựa đang cưỡi bị thương, người em họ Thái tổ là Hông nhường ngựa của mình cho Thái tổ, đêm ấy Thái tổ trốn thoát được. Vinh thấy Thái tổ binh lực ít, nhưng đã đánh nhau trọn ngày, lại cho rằng Toan Tảo chưa thể đánh được, cũng dẫn binh quay về.

Thái tổ về đến Toan Tảo, thấy chư quân binh lực đông đến hơn chục vạn người, ngày ngày tụ họp uống rượu, chẳng có ý đồ tiến thủ gì. Thái tổ trách mắng bọn họ, nhân đó bày mưu rằng: “Chư quân hãy nghe kế của ta, để Bột Hải⁽¹³⁾ dẫn binh sỹ từ Hà Nội đến Mạnh Tân, các tướng ở Toan Tảo tiến lấy Thành Cao, chiếm cứ Ngao Thương, đóng giữ Hoàn Viên-Thái Cốc, chẹn hết chỗ hiểm yếu; phái Viên tướng quân⁽¹⁴⁾ xuất lĩnh quân đội ở Nam Dương và quân Đan-Tích⁽¹⁵⁾ tiến vào Vũ Quan, khiến Tam Phụ⁽¹⁶⁾ chấn động. Nay mọi người lại tường cao lũy sâu, không tiến đánh, khiến binh sỹ ngò vức, việc trong thiên hạ là thế, theo lẽ thuận đánh kẻ nghịch tặc, có thể yên định được vậy. Nay cất binh làm việc nghĩa, lại ôm mối ngò vức chẳng chịu tiến lên, thật mất cả lòng trông ngóng của thiên hạ, thiết tưởng ba quân đâu phải xấu hổ vậy!” Bọn Mạc chẳng chịu nghe kế ấy.

Thái tổ binh ít, bèn cùng với bọn Hạ Hầu Đôn đến Dương Châu mộ binh, Thứ sử Trần ôn, Đan dương Thái thú Chu Hân giúp cho số quân hơn bốn ngàn người. Thái tổ quay về đến Long Kháng⁽¹⁷⁾, số đông sỹ tốt làm phản.

Ngụy thư chép: Binh sỹ toan tính làm phản, đang đêm đốt trướng của Thái tổ, Thái tổ vung kiếm giết chết mấy chục người, đám còn lại đều bỏ chạy nháo nhào⁽¹⁸⁾, trốn khỏi quân doanh; đám quân sỹ không làm phản chỉ có 500 người.

Về đến Kiến Bình, lại thu được số binh lính hơn 1.000 người, bèn tiến lên đóng quân ở Hà Nội.

Lưu Đại cùng với Kiêu Mạo đánh nhau, Đại giết chết Mạo, lấy Vương Lăng lĩnh chức Đông quận Thái thú.

Viên Thiệu cùng với Hàn Phúc âm mưu lập U châu mục Lưu Ngu làm Hoàng đế, Thái tổ cự tuyệt việc ấy.

Ngụy thư chép lời Thái tổ đáp lại Viên Thiệu rằng: “Đồng Trác gây nên tội ác, sự tàn bạo vang bốn bể, chúng ta tụ hợp mọi người, hưng nghĩa binh, xa gần chẳng ai không hưởng ứng, ấy là việc nghĩa khiến thiên hạ cảm động vậy. Nay ấu chủ thơ đại, quyền hành ở cả trong tay gian thần, cũng chưa bằng Xương Ấp vong quốc vì biến loạn, một sớm làm việc phế lập⁽¹⁹⁾, ai sẽ là người vỗ yên thiên hạ đây? Các ông cứ ngoảnh về Bắc, ta xin hướng về Tây⁽²⁰⁾.”

Thiệu từng bắt được một cái ấn ngọc, ngẩng cạnh Thái tổ mở tay cho xem, Thái tổ bởi thế cứ cười thẩn.

Ngụy thư chép: Thái tổ cả cười nói: “Ta không nghe lời ông đâu.” Thiệu lại sai người đến thuyết Thái tổ rằng: “Nay Viên công thế thịnh binh cường, có hai con hùng tráng, là anh hào trong thiên hạ, ai có thể hơn được?” Thái tổ không đáp. Bởi thế cho là Thiệu không ngay thẳng, có mưu đồ diệt đi.

Năm thứ nhì, mùa Xuân, Thiệu, Phúc bèn lập Ngu lên làm Hoàng Đế, rốt cuộc Ngu cũng không dám nhận.

Tháng 4, mùa Hạ, Trác về đến Trảng An.

Tháng 7, mùa Thu, Viên Thiệu hiệp Hàn Phúc, chiếm lấy Ký Châu.

Giặc Hắc Sơn là Vu Độc, Bạch Nhiêu, Tuy Cỗ cùng bộ hạ hơn 10 vạn nổi dậy đánh phá Ngụy Quận, Đông Quận, Vương Lăng⁽²¹⁾ không chống cự nổi. Thái Tổ dẫn quân đến Đông Quận phá quân Bạch Nhiêu ở Bộc Dương. Viên Thiệu bèn dâng biểu xin Thái Tổ làm Đông Quận Thái Thú, giữ Đông Vũ Dương.

Năm thứ 3, mùa Xuân, nhân lúc Thái Tổ đóng quân ở Đốn Khâu, [Vu] Độc đánh Đông Vũ Dương. Thái Tổ bèn dẫn quân về phía tây tiến đánh thẳng vào căn cứ của Độc trên núi.

Ngụy Thư chép: Chư tướng cùng muốn kéo quân về cứu (Đông Vũ Dương). Thái Tổ nói: “Tôn Tẫn cứu Triệu bằng cách đánh Ngụy, Cảnh Yểm muốn chạy về Tây An lại đánh Lâm Truy. Nếu giặc nghe ta tiến về hướng tây mà lui, Vũ Dương tự giải vây; bằng không, ta dẹp sào quậy thì đám cướp này cũng không lấy được Vũ Dương.” Chúng bèn cùng đi.

Độc nghe tin, bỏ Vũ Dương quay về Thái Tổ đánh bắt Tuy Cỗ, sau lại đánh Ô Phù La người Hung Nô ở Nội Hoàng, đều thắng lớn.

Ngụy Thư chép: Ô Phù La là con Thiên Vu Nam Hung Nô. Vào giữa thời Trung Bình⁽²²⁾, cho Ô Phù La dẫn quân đến giúp nhà Hán. Nhằm lúc trong nước có loạn, Thiên Vu bị giết, Ô Phù La cùng binh chúng bèn ở lại Trung Quốc. Nhân lúc thiên hạ loạn lạc, bèn hợp với bọn cướp Bạch Ba của Tây Hà, phá được Thái Nguyên, Hà Nội, cướp phá các quận lân cận.

Tháng 4. mùa Hạ. Tư Đồ Vương Doãn cùng Lữ Bố giết Đồng Trác. Tướng của Trác là Lý Thôi, Quách Dĩ giết Doãn và đánh Bố. Bố thua, theo lối Vũ Quan bỏ chạy về phía Đông. Bọn Thôi chiếm hết việc triều chính.

Hơn trăm vạn quân Hoàng Cân của Thanh Châu tiến vào Duyện Châu, giết Nhiệm Thành Tướng Trịnh Toại. Lại tiến đến Đông Bình. Lưu Đại muốn đánh, Bào Tín can rằng: “Hiện tại giặc hơn trăm vạn, ai ai cũng khiếp đảm, sĩ tốt không có chí chiến đấu, không thể đối địch. Tôi thấy quân giặc có cả gia đình theo, lại không mang đồ tiếp tế, toàn phải dựa vào cướp bóc để sinh sống. Nay chỉ bằng nuôi sức quân sĩ, lo cố thủ từ trước. Giặc muốn giằng trận đánh nhau không được, đánh thành lại không đủ sức, thế ắt ly tán. Rồi ta tuyển quân tinh nhuệ, nhắm vào chỗ hiểm mà đánh thế nào cũng phá được.” Đại không nghe, cùng giặc đánh nhau, quả nhiên bị giết.

Thế Ngữ chép: Đại chết rồi, Trần Cung bèn bảo Thái Tổ: “Châu ngày nay không có chủ, mà vương mệnh lại đoạn tuyệt, Cung xin thuyết phục bọn người trong châu cho ông thế làm quan Mục. Rồi ta có thể dựa vào đó lấy thiên hạ, lập nghiệp bá vương.” Cung bèn nói với các quan Biệt Giả, Trị Trung rằng: “Ngày nay thiên hạ phân chia, Châu không có chủ. Tào Đông Quận có tài mệnh thế, nếu đón về làm quan Mục có để giúp dân được yên ổn.” Bào Tín và mọi người đồng ý.

Thế rồi, Tín cùng Vạn Tiềm cùng đến Đông Quận mời Thái Tổ làm Duyện Châu Mục. Rồi tiến quân đánh Khăn Vàng ở phía Đông Thọ Trương. Tín hết sức đánh nhau, đến chết, nhờ thế mới thắng.

Ngụy Thư chép: Thái Tổ dẫn hơn ngàn quân kỵ, bộ đến xem xét chiến trường, tiến vào trại giặc đánh nhau thất lợi, chết hơn trăm người bèn lui về. Giặc lại tiến quân. Khăn Vàng nổi lên đã lâu, cứ thắng luôn, binh lính tinh nhuệ, hung hãn. Thái Tổ chỉ còn ít binh lính cũ, lính mới chưa thao luyện, trong quân ai nấy đều hoảng sợ. Thái Tổ mặc giáp đội mũ sắt đích thân tuần tra tướng sĩ, khuyên nhủ, thưởng phạt công minh; quân chúng nhờ thế phấn chấn lên, theo lệnh tấn công, đẩy lùi quân giặc. Giặc bèn gửi thư cho Thái Tổ rằng: “Trước đây ở Tế Nam, ông hủy hoại đàn tế thần, đó là cùng đúng theo kinh sách của chúng tôi⁽²³⁾. Trước đây sáng suốt, thế mà ngày nay ông lại u mê. Sở Hán đã hết, nhà ‘Hoàng’

lên thay. Mệnh trời định thế, ông há có thể chỉ cây tài cán mà làm trái được sao?” Thái Tổ đọc xong, mắng nhiếc, khuyên hàng. Rồi đặt phục binh, ngày đêm hợp đánh, bắt được nhiều giặc. Giặc bèn bỏ chạy.

Rồi cho tìm thi thể (Bào) Tín nhưng không được bèn khắc hình hài Tín bằng gỗ, lập đàn khóc tế. Truy đuổi Hoàng Cân đến tận Tế Bắc, giặc túng quá xin hàng. Mùa Đông, thu hàng được hơn 30 vạn quân, nam nữ hơn trăm vạn người, lại chọn lấy những quân tinh nhuệ, gọi là Thanh Châu binh.

Viên Thuật cùng Viên Thiệu có hiềm khích, Thuật cầu viện Công-tôn Toàn, Toàn phái Lưu Bị đóng ở Cao Đường, Thiệu Kinh đóng ở Bình Nguyên, Đào Khiêm đóng ở Phát Cán, cùng bức Thiệu. Thái Tổ cùng Thiệu đánh, đều phá được⁽²⁴⁾.

Năm thứ 4, mùa Xuân, đóng quân ở Quyên Thành. Quan Mục Kinh Châu Lưu Biểu cắt đường tiếp vận của Thuật, Thuật dẫn binh đến Trần Lưu đóng ở Phong Khâu. Dư đảng Hắc Sơn và Ô Phù La cùng đến trợ tá. Thuật sai tướng là Lưu Trường đóng ở Khuông Đình. Thái Tổ đánh Trường, Thuật đến cứu. Đôi bên giáp trận, Thuật thua to, mới lui về giữ Phong Khâu. Sau bị vây, vòng vây chưa nổi, Thuật chạy về Tương Ấp, bị đuổi đến Thái Thọ, bị (Thái Tổ) mở đê cho nước ngập thành, lại chạy đến Ninh Lăng, lại bị đuổi, bèn chạy về Cửu Giang. Mùa Hạ. Thái Tổ lui quân về Định Đào⁽²⁵⁾.

Người Hạ Bì là Khuyết Tuyên tụ chúng hơn ngàn người tự xưng Thiên Tử, Từ Châu Mục Đào Khiêm khởi quân hợp tác, chiếm các huyện Hoa, Phí quận Thái Sơn và đánh Nhiệm Thành. Mùa Thu, Thái Tổ đánh Đào Khiêm, hạ hơn 10 thành. Khiêm giữ thành không dám ra.

Năm ấy, Tôn Sách theo lệnh Viên Thuật vượt sông (Trường Giang). Trong vài năm, Sách chiếm được Giang Đông.

Hưng Bình nguyên niên (194), mùa Xuân, Thái Tổ tự tiến đến Từ Châu. Trước đây, cha Thái Tổ là Tung sau khi từ quan lui về ở đất Tiêu⁽²⁶⁾. Đến lúc loạn Đồng Trác, (Tung) bèn đến quận Lang Da lánh nạn — lại bị Đào Khiêm hại. Do vậy, Thái Tổ quyết đánh báo thù.

Thế Ngữ chép: *Lúc Tung còn ở huyện Hoa, quận Thái Sơn, Thái Tổ lệnh Thái Thú Thái Sơn Ung Thiệu hộ tống về Duyện Châu. Quân Thiệu chưa đến. Đào Khiêm mật sai hơn ngàn quân kỵ đến bắt. Người nhà Tung đang đợi Thiệu, không phòng bị. Quân Khiêm đến, giết em Thái Tổ là Đức ngay tại cửa. Tung sợ,*

cho đục tường sau trốn đi, cho người thiếp ra trước. Người thiếp béo quá, chui không lọt. Tung bèn trốn vào nhà xí, rồi cuộc chết cùng người thiếp, cả nhà bị giết. Thiệu sợ, bỏ quan chạy đến với Viên Thiệu. Sau này khi Thái Tổ bình định Ký Châu thì Thiệu chết đã lâu.

Sách Ngô Thư của Vi Diệu chép: Thái Tổ cho đón Tung, đô tri trọng hơn trăm xe, Đào Khiêm sai Đô Úy Trương Khải dẫn hơn 200 kỵ binh hộ tống. Đến huyện Hoa, Phí ở Thái Sơn, Khải giết Tung cướp tài vật trốn về Hoài Nam. Thái Tổ đổ tội cho Đào Khiêm, cất quân đánh.

Mùa Hạ, sai Tuân Úc, Trình Dục thủ Quyên Thành, rồi kéo quân đánh Đào Khiêm, diệt được 5 thành, đất chiếm đến Đông Hải. Tiến quân đến Đàm⁽²⁷⁾, Khiêm phái Tào Báo, Lưu Bị dẫn binh ở phía Đông thành, muốn bắt Thái Tổ. Thái Tổ tấn công thắng lợi, lại đánh chiếm Tương Bôn. Đi đến đâu đánh giết hoang tàn đến đấy.

Tôn Thỉnh chép: Phạt kẻ có tội nhưng phải thương dân, đó là lỗi người xưa; tội ấy là nơi Khiêm mà tàn sát đến bộ thuộc thì thật là quá đáng.

Nhằm lúc Trương Mạc, Trần Cung đón Lữ Bố cùng làm phản, quận huyện đầu theo, duy Tuân Úc, Trình Dục giữ Quyên Thành, Phạm huyện, Đông A cố thủ. Thái Tổ bèn dẫn quân về Bồ kéo quân đánh Quyên Thành nhưng không hạ được, bèn kéo quân về phía tây đóng ở Bộc Dương. Thái Tổ nói: “Trong một ngày Bồ chiếm được cả một Châu, thế nhưng không biết giữ Đông Bình, cắt đường Cang Phụ, Thái Sơn chiếm lấy những nơi hiểm yếu ngăn ta, lại đóng đồn ở Bộc Dương, ta đủ biết hẳn chẳng có tài cán gì.”⁽²⁸⁾ Bèn tiến quân tấn công. Bồ dẫn binh ra đánh, dẫn đầu kỵ binh đánh vào quân Thanh Châu. Quân Thanh Châu bỏ chạy, trận quân cả loạn, lại chợt có lửa nổi lên, Thái Tổ té ngựa, bị bỏng bàn tay trái. Quan Tư Mã là Lâu Dị phải giúp Thái Tổ leo lại lên ngựa, rồi dẫn đi.

Sách Hiên Đế Xuân Thu của Viên Ung chép: Thái Tổ vây Bộc Dương, nhờ dòng họ lớn trong thành là họ Điền là phản gian, Thái Tổ vào được thành. Sai đốt cửa Đông, mới nghe trong thành không có ý làm phản. Đến lúc đánh nhau, bại trận. Vài tên quân kỵ của Bồ bắt được Thái Tổ nhưng không nhận ra, hỏi: “Tào Tháo ở đâu?” Thái Tổ đáp: “Hắn cưỡi ngựa vàng chạy kia kìa” Bọn kỵ binh bèn thả Thái Tổ đuổi theo người cưỡi ngựa vàng. Cửa thành cháy to, Thái Tổ băng lửa mà chạy.

Khi quân rút về chưa đến trại, vì các tướng chưa thấy mặt Thái Tổ, ai nấy đều sợ. Thái Tổ tự an ủi quân sĩ, lệnh sai dựng công cụ phá thành, rồi lại tấn công, cùng Bồ chống chọi nhau hơn trăm ngày. Nhằm nạn dịch châu châu, bách tính đầu đói, Bồ lương thảo cũng hết, bèn kéo quân đi.

Tháng 9, mùa Thu, Thái Tổ về lại Quyên Thành, Bố đến Thừa Thị, bị người trong huyện là Lý Tiến đánh bại, bèn kéo về phía Đông đóng đồn ở Sơn Dương. Khi ấy, Viên Thiệu sai sứ giả đến thuyết phục Thái Tổ, muốn cùng “liên hòa”⁽²⁹⁾. Thái Tổ vừa mất Duyệt Châu, lương thực cạn, muốn thuận ý. Trình Dục can ngăn, Thái Tổ nghe theo. Tháng 10, mùa Đông, Thái Tổ kéo đến Đông A.

Năm ấy một học lúa giá hơn 5 vạn tiền, người phải ăn thịt lẫn nhau, (Thái Tổ) bèn bãi việc tuyển mộ tân binh. Đào Khiêm mất, Lưu Bị lên thay.

Năm thứ nhì (195), mùa Xuân, đánh Định Đào. Thái Thú Tế Âm là Ngô Tư giữ Nam Thành, chưa bị phá. Lữ Bố đến, đánh chiếm lấy. Mùa Hạ, Bố phá Tiết Lan, Lý Phong đồn binh ở Cự Dã. Thái Tổ tiến đánh, Bố đến cứu Lan, Lan bại, Bố bỏ chạy, bọn Lan bị chém. Bố từ Đông Môn với Trần Cung dẫn hơn vạn quân đến muốn đánh nhau, khi ấy Thái Tổ binh ít, bèn phục binh, tung kỳ đánh thành linh nên thắng to.

Ngụy Thư chép: Khi ấy quân chúng đa phần lo gặt lúa, còn chưa đến ngàn quân giữ trại, phòng thủ yếu kém. Thái Tổ bèn sai phụ nữ đứng canh bên bờ thành theo dõi (địch) để biết đường chống đỡ. Phía tây trại là bờ đê lớn, phía nam là cánh rừng rậm. Bố nghi có phục binh, thuộc hạ lại nói: “Tào Tháo quỷ quyệt, chớ để lọt vào ổ phục kích của hắn.” Bèn dẫn quân về phía Nam hơn 10 dặm đóng đồn. Hôm sau Bố lại đến, Thái Tổ phục một nửa quân sau bờ đê, bày một nửa quân trước bờ đê. Bố tiến lên, lệnh khinh binh tiến đánh. Đồi bên giáp trận, phục binh từ sau bờ đê tiến ra, bộ, kỵ cùng đánh, thắng to, bắt được cả trống trận, đuổi quân Bố đến tận doanh trại mới lui.

Bố nhân đêm bỏ trốn, Thái Tổ bèn tấn công, chiếm được Định Đào, chia quân bình các huyện. Bố bỏ chạy về phía Đông, nương náu với Lưu Bị. Trương Mạc chạy theo Bố, sai em là Siêu bảo vệ gia quyến giữ Ung Khâu. Tháng 8 mùa Thu, vây Ung Khâu. Tháng 10 mùa Đông, Thiên Tử phong Thái Tổ làm Duyệt Châu Mục. Tháng 12, Ung Khâu vỡ, Siêu tự sát. Thái Tổ giết cả 3 họ nhà Mạc, Mạc chạy đến Viên Thuật cầu cứu, bị thuộc hạ giết. Duyệt Châu bình định, bèn quay về phía đông thôn tính đất Trần.

Năm ấy, Tràn An loạn Thiên Tử chạy về phía Đông, bại trận ở Tào Dương, vượt Hoàng Hà đến An Ấp.

Kiến An năm đầu, tháng giêng mùa Xuân, quân Thái Tổ đến Vũ Bình. Trần Tướng của Viên Thuật là Viên Tự đầu hàng.

Thái Tổ muốn đón Thiên Tử, chư tướng nghi ngại, riêng Tuân Úc, Trình Dục khuyến khích, bèn sai Tào Hông dẫn quân đi đón. Vệ Tướng Quân

Đồng Thừa cùng tướng của Viên Thuật là Trường Nô dựa thế hiểm chống cự. H ồng không tiến được.

Ở Nhữ Nam, Đinh Xuyên có bốn giặc Khăn vàng là lũ Hà Nghi, Lưu Tích, Hoàng Thiệu, Hà Mạn, binh chúng mỗi đám có đến mấy vạn, ban đầu hưởng ứng Viên Thuật, sau lại phụ giúp Tôn Kiên. Tháng hai, Thái tổ tiến quân đánh dẹp, chém chết bọn Tích-Thiệu, Nghi cùng binh sĩ ra hàng. Thiên tử bái Thái tổ làm Kiến Đức tướng quân, mùa hạ tháng sáu, lại thăng lên Trấn Đông tướng quân, phong cho làm Phí Đình hầu. Mùa thu tháng bảy, Dương Phụng-Hàn Tiêm đưa Thiên tử về Lạc Dương, Phụng ra đóng quân ở huyện Lương⁽³⁰⁾.

Hiên đế Xuân Thu chép: Thiên tử mới đến Lạc Dương, ở tạm trong nhà viên Thường thị là Triệu Trung ở phía tây thành. Sai Trương Dương sửa sang cung thất, đặt tên là Dương An điện, tháng tám, Đế dời đến đó ở.

Thái tổ đến Lạc Dương, phòng vệ Kinh đô, Tiêm bỏ trốn. Thiên tử ban cho Thái tổ được giả tiết việt⁽³¹⁾, Lục thượng thư sự.

Hiên đế kỷ chép: Lại lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy.

Bởi Lạc Dương bị tàn phá, Bọn Đồng Chiêu khuyên Thái tổ dời đô về đất Hứa. Tháng chín, xa giá ra lối Hoàn Viên đi về phía đông, lấy Thái tổ làm Đại tướng quân, phong là Vũ Bình hầu. Từ lúc Thiên tử bị dời phía Tây, triều đình ngày càng loạn, đến lúc ấy tông miếu xã tắc chế độ mới gây dựng lại.

Sách Hán kỷ của Trương Phan chép: Ban đầu, Thiên tử khốn cùng ở Tào Dương, muốn xuôi sông Hà chạy về Hà Đông. Quan Thị trung Thái sử lệnh là Vương Lập nói: “Từ mùa xuân năm ngoái sao Thái Bạch xâm phạm vào sao Trấn ở vị trí Ngưu Đầu, vượt quá dải Thiên tân, sao Huỳnh Hoắc lại đi ngược về địa phận Bắc Hà, chớ nên mạo phạm⁽³²⁾.” Bởi thế Thiên tử không vượt sông về Bắc nữa, mà theo lối Chỉ Quan đi về phía đông. Lập lại nói với quan Tông chánh là Lưu Ngải rằng: “Trước đây Thái Bạch đóng ở Thiên Quan, cùng với Huỳnh Hoắc gặp nhau; Kim-Hoả giao nhau, tượng trời ắt thay đổi. Vận Hán đã hết, ở đất Tấn-Ngụy hẳn sẽ có người nổi lên vậy.” Sau Lập lại mấy lần nói với Đế rằng: “Mệnh trời có lúc khứ tự⁽³³⁾, ngũ hành thịnh suy bất thường, thay Hoả là Thổ, kế thừa Hán chính là Ngụy vậy, người có thể yên thiên hạ, chính là Tào thị, thiết nghĩ nên uỷ thác cho Tào công gánh vác công việc.” Công nghe được lời ấy, sai người đến nói nhỏ với Lập rằng: “Ta biết ông trung với triều đình, nhưng đạo trời huyền diệu⁽³⁴⁾ lắm, ông chớ nên nhiều lời.”

Thiên tử dời về đông, Phụng từ huyện Lương đón muốn bắt lại, không kịp. Mùa đông tháng mười, Công đánh Phụng, Phụng chạy về phương Nam đến chỗ Viên Thuật, Công đánh doanh trại ở huyện Lương, lấy được. Thái tổ phong cho Viên Thiệu chức Thái úy⁽³⁵⁾, Thiệu xấu hổ vì ngôi thứ của mình ở dưới Công, không chịu nhận. Công bèn cố nài, nhượng chức Đại tướng quân của mình cho Thiệu. Thiên tử bái Công làm Tư không, hành Xa kỵ tướng quân⁽³⁶⁾. Năm ấy sai bọn Tảo Chi-Hàn Hạo cùng luận bàn, bắt đầu gây dựng việc đôn điền.

***Ngụy thư chép:** Từ lúc xảy ra chiến loạn, ruộng đất bỏ hoang, lương thực thiếu thốn. Chư quân nổi dậy khắp nơi, chẳng có ai tính việc lâu dài, đôi thì đi cướp bóc, no thì phung phí lương thực, lòng người ly tán⁽³⁷⁾, địch không đánh phá cũng tự tan vỡ chẳng thể thắng được. Viên Thiệu ở Hà Bắc, quân dân ngừng mặt ăn lá dâu. Viên Thuật ở Giang Hoài, lấy bồ liễu⁽³⁸⁾ để dùng. Người phải ăn thịt lẫn nhau, làng xóm tiêu điều. Công nói: “Cái thuật định quốc là, binh muốn mạnh cần có đủ lương, người Tân bởi thúc đẩy nghề nông mà thâu tóm được thiên hạ, Hiếu Vũ lấy việc khai khẩn đồn điền mà bình định được Tây Vực, đó là sớm ý thức được việc ấy vậy.” Ngay năm ấy Thái tổ chiêu mộ dân khai khẩn ở đất Hứa, thu được hơn trăm vạn斛 lương. Trong các châu quận đặt chức quan trông coi việc đồn điền, tích trữ lương thực tại chỗ. Khi chi phạt tứ phương, không phải khó nhọc về việc vận chuyển lương thảo, lại kiêm quản được việc diệt trừ đám đạo tặc, người trong thiên hạ được yên bình.*

Lã Bố tập kích Lưu Bị, chiếm Hạ Bi, Bị chạy lại chỗ Công. Trình Dục thuyết Công rằng: “Tôi xem Lưu Bị có hùng tài mà rất được lòng người, sau này chẳng chịu ở dưới người khác, chẳng bằng sớm liệu đi.” Công nói: “Nay đang là lúc thu dụng kẻ anh hùng, giết một người mà làm mất lòng thiên hạ, chẳng nên.”

Trương Tế từ Quan Trung chạy về Nam Dương. Tế chết, người cháu là Tú thống lĩnh số binh ấy. Năm thứ hai mùa xuân rằm tháng giêng, Công về đến Uyển thành. Trương Tú đến hàng, sau lấy làm hối, lại phản. Công tới đánh, thua trận, bị tên bắn trúng, con trưởng là Ngang, cháu con của em trai Công là An Dân bị hại.

***Ngụy thư chép:** Công cưỡi con ngựa có tên là Tuyết Ảnh⁽³⁹⁾, tên bắn trúng vẫn không dừng, bị thương ở má và chân, Công bị bắn vào cánh tay.*

***Sách Thế ngữ chép:** Ngang không cưỡi ngựa, dâng ngựa của mình cho Công, cho nên Công thoát, mà Ngang bị hại.*

Công dẫn binh về Vũ Âm, Tú dẫn quân kỵ lại đánh úp, Công tập kích đánh tan. Tú chạy đến đất Nhưỡng, cùng với Lưu Biểu hợp quân. Công bảo chư tướng rằng: “Ta cho bọn Trương Tú hàng, đã bỏ qua không giữ chúng làm con tin, mới để đến nỗi như thế. Ta đã hiểu được vì sao thất bại. Các khanh hãy lấy đó làm gương, từ nay về sau không để thất bại nào như thế nữa.” Rồi kéo quân về Hứa huyện.

***Sách Thê ngữ chép:** Theo phép cũ, khi Tam công nắm binh quyền vào triều kiến, đều phải bỏ kích bắt chéo tay ở đằng trước. Lúc trước, khi Công đánh Trương Tú, vào hầu Thiên tử, bấy giờ mới khôi phục phép ấy. Từ đó Công không vào triều kiến nữa.*

Viên Thuật muốn xưng đế ở Hoài Nam, sai người đến báo với Lã Bố. Bố bắt giữ sứ giả, gửi thư về triều. Thuật nổi giận, đánh Bố, bị Bố đánh tan. Mùa thu tháng chín, Thuật xâm phạm đất Trăn, Công đông chinh đánh Thuật. Thuật nghe tin Công đích thân đến, bỏ trại chạy, để các tướng của mình là Kiêu Nhuy, Lý Phong, Lương Cương, Nhạc Tự ở lại; Công đến, đánh tan bọn Nhuy, chém được cả. Thuật vượt sông Hoài. Công quay về Hứa huyện.

Công từ Vũ Âm trở về, các huyện Nam Dương-Chương Lăng lại làm phản vì Tú, Công sai Tào Hông đến đánh, bất lợi, phải lui về đất Diệp, đã mấy lần Tú-Biểu xâm phạm chỗ ấy. Mùa đông tháng mười một, Công thân nam chinh, đến Uyển thành.

***Ngụy thư chép:** Đến Dục Thuỷ, cúng tế vong hồn tướng sỹ⁽⁴⁰⁾, sụt sùi chảy nước mắt, sĩ chúng đều thương cảm.*

Tướng của Biểu là Đặng Tể chiếm cứ Hồ Dương. Công vây đánh phá được, bắt sống Tể, quân ở Hồ Dương theo hàng. Lại đánh Vũ Âm, cũng hạ được.

Năm Kiến An thứ ba mùa xuân rằm giáng giêng, Công về Hứa huyện, mới đặt ra chức Quân sư Tế tửu. Tháng ba, Công vây Trương Tú ở huyện Nhưỡng. Mùa hạ tháng năm, Lưu Biểu phái binh cứu Tú, định cắt đứt đường rút quân.

***Hiển đế Xuân Thu chép:** Phán quân của Viên Thiệu đến nói với Công rằng: “Điền Phong xui Thiệu tập kích đất Hứa, không chế Thiên Tử để ra lệnh cho chư hầu, bốn bề có thể trở tay mà lấy được.” Công bèn giải vây cho Tú.*

Công dẫn quân về, binh của Tú kéo lại, quân của Công không tiến được, doanh trại của giặc đóng chặn phía trước. Công gửi thư cho Tuân Úc nói: “Giặc đuổi theo ta, tuy mỗi ngày ta chỉ đi được mấy dặm, song ta đã có kế,

đến An Chúng, tất phá được Tú.” Đến An Chúng, Tú cùng với Biều hợp quân giữ chỗ hiểm, quân của Công trước sau đều thụ địch. Công bèn nhân đêm tối cho đào địa đạo, chuyển hết các đồ tri trọng qua, rồi đặt kỳ binh. Sáng hôm sau, giặc cho là Công đã bỏ trốn, đem hết quân đuổi theo. Công bèn tung kỳ binh và quân bộ kỵ giáp công, đại phá được. Mùa thu tháng bảy, Công về đất Hứa. Tuân Úc hỏi Công: “Khi trước mình công nói có đã kế sách phá tan quân giặc, sao biết như vậy?” Công nói: “Giặc chặn đường về của ta, giao chiến với quân ta ở nơi tử địa, vì thế ta biết chắc là thắng.”

Lữ Bố lại giúp Viên Thuật sai Cao Thuận đánh Lưu Bị, Công sai Hạ Hầu Đôn đến cứu, gặp bất lợi. Bị bị Thuận đánh bại. Tháng chín, Công đông chinh đánh Bố. Mùa đông tháng mười, chiếm Bành Thành giết rất nhiều dân ở đó, bắt sống tướng ở đấy là Hào Hải. Tiến quân đến Hạ Bi, Bố thân dẫn quân kỵ đón đánh. Công đánh tan quân ấy, bắt sống viên kiêu tướng là Thành Liêm. Đuổi đến chân thành, Bố sợ, muốn hàng. Bọn Trần Cung can ngăn, dâng kế cầu cứu Viên Thuật, khuyên Bố ra đánh, Bố lại thua, bèn vào thành cố thủ, Công không hạ được thành. Bấy giờ đánh nhau liên miên, sĩ tốt mỗi mệt, muốn quay về, Công dùng kế của Tuân Du-Quách Gia, khơi nước ở hai sông Tứ-Nghi tràn vào thành. Hơn một tháng, bọn tướng của Bố là Tống Hiến, Ngụy Tục bắt Trần Cung, mở cửa thành ra hàng, Bố-Cung bị bắt sống, đều bị giết cả. Ở Thái Sơn có bọn Tang Bá, Tôn Quan, Ngô Đôn, Duẩn Lễ, Xương Hi đều tụ tập binh chúng. Khi Bố phá Lưu Bị, bọn Bá đều theo Bố. Lúc Bố bại trận, bọn Bá đều bị bắt, Công thu hàng và hậu đãi, chia một phần đất đai ở hai châu Thanh, Từ kéo dài đến tận biển ủy thác cho bọn họ, lại chia các vùng Lang Nha, Đông Hải, Bắc Hải ra thành các quận Thành Dương, Lợi Thành, Xương Lự.

Khi trước, khi Công làm Duyệt châu mục, dùng Tất Kham ở Đông Bình làm Biệt giá. Trương Mạc làm phản, bắt hết mẹ già cùng với anh em vợ con Kham; Công nói với Kham, rằng: “Mẹ già khanh ở bên đấy, khanh có thể đi.” Kham dập đầu lạy quyết không hai lòng, Công khen ngợi, mà chảy nước mắt. Công trở ra, Kham trốn về. Đến khi Bố bị diệt, Kham bị bắt sống, chúng đều sợ cho Kham, Công nói: “Người có hiếu với cha mẹ như thế, há chẳng trung với vua ư! Ta cần những người như thế.” Bèn lấy Kham làm Lữ Tướng⁽⁴¹⁾.

Ngụy Thư chép: Viên Thiệu vốn có hiềm khích với cô Thái úy Dương Bửu, quan Đại trường thu Lương Thiệu, quan Thiệu phủ Khổng Dung, muốn Công kể tội họ

mà giết đi. Công nói: “Ngày nay thiên hạ tan lở chia lìa, anh hùng hào kiệt đều nổi dậy, đụng đến quân sự, ai cũng tấm tức trong bụng, đều tự lo cho bản thân mình, ấy là lúc kẻ trên người dưới ngờ vực lẫn nhau, dẫu người không đáng bị hiềm nghi, cũng sợ không được tin tưởng; ví như trừ bỏ những người này đi, thì ai không lo sợ nữa? Và lại những kẻ áo vải làm nên, ở thế gian bụi bặm này, kẻ cả những kẻ tâm thường có lắm nhược điểm, vẫn có thể tha thứ được! Xưa Cao Tổ tha tội cho Ứng Xỉ mà mọi người an lòng, ông đã quên rồi sao?” Thiệu bên ngoài cho lời ông là đúng, bên trong lại nghĩ khác, thâm oán vọng. Thân là Tùng Chi cho rằng Dương Bưu cũng từng vì Ngụy Vũ mà khôn cùng, suýt chết, Khổng Dung cuối cùng cũng chẳng tránh được bị tru diệt, sao lời nói lúc trước với việc làm sau này chẳng như nhau vậy! Biết chẳng phải là khó, khó là ở việc làm, tin chắc rằng như vậy.

Năm thứ tư mùa xuân tháng hai, Công về đến Xương Ấp. Tướng của Trương Dương là Dương Sữu giết Dương, Tuy Cố lại giết Sữu, đem lũ quân ấy theo Viên Thiệu, đóng quân ở Xa Khuyển. Mùa hạ tháng tư, tiến quân đến Hoàng Hà, sai Sứ Hoán-Tào Nhân vượt sông đánh Cố. Cố sai quan Trưởng sử cũ của Dương là Tiết Hông và Thái thú Hà Nội là Mâu Thượng chống giữ, còn mình thân dẫn binh về Bắc đón Thiệu cầu cứu giúp, cùng với Hoán-Nhân gặp nhau ở Khuyển Thành. Giao chiến, đại phá Cố. Công qua sông, vây Xa Khuyển. Hông-Thượng dẫn chúng ra hàng, được phong tước Liệt hầu⁽⁴²⁾, Công hời binh về Ngao Thương. Lấy Ngụy Chủng làm Thái thú Hà Nội, phó thác các việc ở Hà Bắc.

Khi trước, Công tiến cử Chủng làm Hiếu Liêm. Lúc Duyệt Châu làm phản, Công nói: “Chỉ có Ngụy Chủng là chẳng bỏ Cô vậy.” Đến khi hay tin Chủng bỏ trốn, Công giận nói: “Chủng chẳng thể trốn về nam đến đất Việt, trốn về bắc đến đất Hồ, ta chẳng để yên cho mày!” Khi hạ được Xa Khuyển, bắt sống được Chủng, Công nói: “Chỉ vì Chủng có tài nên dùng vậy!” Rồi cho cởi trói mà dùng người ấy.

Thời ấy Viên Thiệu đã thôn tính xong Công Tôn Toàn, kiêm quản đất đai bốn châu, binh lính hơn mười vạn, sắp tiến quân đánh Hứa huyện, chur tướng cho rằng chẳng thể địch nổi, Công nói: “Ta biết Thiệu là người chí lớn mà ít mưu, ngoài mặt mạnh bạo mà bé mật, hay ghen ghét người mà thiếu uy lực, đông quân mà tổ chức chỉ huy chẳng rõ ràng, tướng kiêu mà chính lệnh bất nhất, đất đai tuy rộng, lương thực dẫu phong túc, chỉ đủ để làm tế vật cho ta vậy.” Mùa thu tháng tám, Công tiến quân đến Lê Dương, sai bọn Tang Bá thâm nhập Thanh Châu, đánh phá đất Tề-Bắc Hải-Đông An, để Vu Cấm đóng binh ở mé trên Hoàng Hà. Tháng chín, Công về Hứa

huyện, chia binh giữ Quan Độ. Mùa đông tháng mười một, Trương Tú dẫn binh đến hàng, được phong là Liệt hầu. Tháng mười hai, Công đóng quân ở Quan Độ.

Viên Thuật từ lúc thua trận ở đất Trần, đã khốn quẫn. Viên Đàm từ Thanh Châu phái người đến đón Thuật. Thuật muốn vượt qua phía bắc Hạ Bi, Công sai Lưu Bị-Chu Linh đón bắt Thuật. Đúng lúc Thuật bị bệnh chết. Trình Dục-Quách Gia nghe tin Công phái Bị đi, bèn nói với Công rằng: “Không nên thả Lưu Bị.” Công hối, cho người đuổi theo không kịp. Lúc Bị còn chưa đi về Đông, đã ngầm cùng với bọn Đồng Thừa mưu phản, đến Hạ Bi, bèn giết Thứ sử Từ Châu là Xa Trụ, rồi cất binh đóng ở Bái huyện. Công sai Lưu Đại-Vương Trung đến đánh Bị, không thắng được.

***Hiển để xuân thu chép:** Bị bảo bọn Đại rằng: “Có sai cả trăm kẻ như chúng bay tới đây, không làm gì nổi ta; Tào Công có đích thân đến, chưa chắc đã làm gì.”*

***Ngụy Vũ cổ sự chép:** Đại tự Công Sơn, người nước Bái. Làm Tư không Trưởng sử theo đi chinh phạt có công, được phong tước Liệt hầu.*

***Ngụy lược chép:** Vương Trung, người ở Phù Phong, lúc trẻ là Đình trưởng⁽⁴³⁾. Loạn Tam Phụ, Trung đói quá phải ăn thịt người, rồi theo đoàn xe đi về phía Nam hướng tới Vũ Quan. Gặp lúc Lâu Tử Bá ở Kinh Châu phái người đi đón khách ở phương bắc; Trung không muốn đi theo, bèn thông suất những kẻ ngỗ ngược đánh bọn kia, cướp lấy số quân ấy, tụ họp được hơn ngàn người đến hàng Công. Được bái làm Trung lang tướng, theo đi đánh dẹp. Ngũ quan tướng⁽⁴⁴⁾ biết Trung từng ăn thịt người, mỗi khi xuất hành lại cho theo hầu cạnh giá, sai Bài thủ⁽⁴⁵⁾ xếp chõng đóng những đầu lâu của kẻ gian treo dưới cổ ngựa của Trung, lấy đó làm trò cười*

Thái thú Lư Giang là Lưu Huân dẫn quân đến hàng Công, Công phong làm Liệt hầu.

Năm thứ năm mùa xuân rằm tháng riêng, mưu của bọn Đồng Thừa bị tiết lộ, đều bị tru diệt. Công thân dẫn quân đông chinh Bị, chư tướng đều nói: “Kẻ cùng với Công tranh thiên hạ, là Viên Thiệu. Nay Thiệu sắp tới mà ta lại kéo quân về đông, nếu Thiệu thừa hư đánh úp phía sau ta, biết làm sao?” Công nói: “Kẻ như Lưu Bị, là nhân kiệt vậy, nay chẳng đánh đi, hẳn là mối họa về sau vậy. Viên Thiệu dẫu có chí lớn, nhưng lộ rõ vẻ trì trệ, hẳn sẽ chẳng động binh vậy.” Quách Gia cũng khuyên Công như vậy, Công bèn sang đông đánh Bị, phá được, bắt sống bộ tướng của Bị là Hạ Hầu Bác. Lưu Bị chạy đến chỗ Thiệu, vợ con bị Công bắt được cả. Tướng của Bị là Quan Vũ đóng binh ở Hạ Bi, Công lại tiến công Hạ Bi, Vũ hàng. Xương Hi

theo Bị làm phản, Công lại đánh phá được. Rồi Công trở về Quan Độ, rút cục Thiệu chẳng xuất binh.

Sách Ngụy thị xuân thu của Tôn Thịnh chép: Công nói với chư tướng rằng: “Lưu Bị, là kẻ nhân kiệt vậy, để cho sống sẽ là mối lo lắng cho quả nhân.”

Thần Tùng Chi cho rằng lời của sử quan ghi chép, đã tô vẽ thêm nhiều, vì những điều thuật lại lúc trước trái với sự thật vậy, tác giả sau này lại nảy ý cải biên đi, làm mất tính chân thực, chẳng là càng sai lạc đi nữa ư! Kể như Tôn Thịnh làm sách, đa phần dùng Tả thị⁽⁴⁶⁾ để thay đổi lời văn lúc trước, như thế hết sức sai lầm. Than ôi, học giả đời sau sẽ tin vào đâu đây? Vả lại Ngụy Vũ đương cố gắng khuyến khích người trong thiên hạ, mà dùng những kẻ nói năng sai nhảm, quả là điều làm lỗi đến lạ lùng.

Tháng hai, Thiệu phái Quách Đôn-Thuần Vu Quỳnh-Nhan Lương vây đánh Thái thú Đông Quận là Lưu Diên ở Bạch Mã, Thiệu dẫn binh đến Lê Dương, chuẩn bị vượt sông. Mùa hạ tháng tư, Công lên Bắc cứu Diên. Tuân Du khuyên Công rằng: “Nay quân ta ít chẳng thể đối địch, nếu chia bớt được thế lực của họ thì nên làm. Công hãy đến Diên Tân, làm ra vẻ dẫn binh vượt sông đánh vào hậu phương của họ, Thiệu tất quay sang phía tây cứu ứng, rồi sau ta đưa khinh binh tập kích Bạch Mã, đánh úp lúc họ không phòng bị, có thể bắt được Nhan Lương vậy.” Công theo kế ấy. Thiệu nghe tin quân bên kia vượt sông, lập tức chia binh kéo sang phía tây đối phó. Công bèn dẫn hết quân đội mau chóng hành quân đến Bạch Mã, chưa đến nơi, còn cách chừng hơn chục dặm, Lương cả kinh, tới đón đánh. Công sai Trương Liêu-Quan Vũ làm tiên phong, đánh tan, chém được Lương. Bạch Mã được giải vây, Công dời hết dân ở đó, dẫn họ men sông đi về phía Tây⁽⁴⁷⁾. Thiệu vì thế liền vượt sông đuổi theo quân của Công, đến phía nam Diên Tân. Công kìm binh đóng lại ở phía Nam sườn núi, sai người lên mặt lũy ngắm xem quân Viên, nói người ấy nói: “Có chừng năm sáu trăm quân kỵ.” Lát sau, lại bẩm rằng: “Quân kỵ khá đông, bộ binh thì chẳng thể đếm xuể.” Công nói: “Không phải báo lại nữa.” Rồi lệnh cho quân kỵ cỡi yên thả ngựa. Lúc ấy, xe chở đồ nặng từ Bạch Mã đang trên đường chuyển đến. Chư tướng cho rằng quân kỵ của địch quá nhiều, chẳng bằng quay về bảo vệ doanh trại. Tuân Du nói: “Đây là để nhử địch, sao lại bỏ đi!” Tướng kỵ binh của Thiệu là Văn Xú và Lưu Bị dẫn năm sáu nghìn quân kỵ trước sau ào tới. Chư tướng lại bẩm: “Hãy lên ngựa thôi.” Công nói: “Chưa cần.” Lát sau, kỵ binh kéo đến khá đông, chúng tranh nhau chạy tới chỗ các xe truy trọng. Công nói: “Lên ngựa được rồi.” Chúng mới cùng lên ngựa. Bấy

giờ quân kỵ của Công chẳng đến sáu trăm, xông thẳng vào đám địch mà đánh, phá tan địch, chém chết Xú. Lương-Xú đầu là danh tướng của Thiệu, hai phen giao chiến, đầu bị giết, quân Thiệu chấn động. Công kéo quân về Quan Độ. Thiệu tiến lên giữ Dương Vũ. Quan Vũ bỏ trốn theo Lưu Bị.

Tháng tám, Thiệu lập ba doanh trại ở phía trước, đắp gò đất làm nơi đóng binh lâu dài, đông tây kéo dài mấy chục dặm. Công cũng chia binh lập quân doanh đối địch, cùng giao chiến gập bất lợi.

Hán Tấn xuân thu của Vũ Tạc Xi⁽⁴⁸⁾ chép: Hứa Du khuyên Thiệu rằng: “Công không nên cùng với Tháo giao tranh vội. Hãy kíp chia binh để cầm chân họ, rồi theo lối khác đến nghênh đón Thiên tử, thì việc gây dựng cơ đồ sẽ xong vậy.” Thiệu không nghe, nói: “Ta đang muốn tiến quân vây hãm chúng.” Du giận.

Bấy giờ quân của Công chẳng đầy một vạn, bị thương đến hai ba phần mười.

Thần Tùng Chi cho rằng Ngụy Vũ lúc mới khởi binh, đã có năm ngàn quân, từ đây về sau bách chiến bách thắng, số mất mát chỉ hai ba phần mười mà thôi. Chỉ một lần phá giặc khải vàng, quân lính thu hàng hơn ba chục vạn, ngoài ra còn thôn tính đất đai, chẳng thể kể hết được; dẫu chinh chiến bị tổn thương, không thể nói ít ỏi như thế được. Sao có thể lập quân doanh chống giữ nhau, bẻ gãy mũi nhọn của địch mà quyết chiến. Bản kỷ nói rằng: “Quân Thiệu hơn chục vạn, đóng doanh trại đông tây kéo dài mấy chục dặm.” Ngụy Thái Tổ dẫu có tài biến trá khôn lường, mưu lược ở đời chẳng ai hơn được, mà chỉ có mấy nghìn binh, thì kháng cự làm sao đây? Nói về lý lẽ, thiết nghĩ là chẳng đúng. Thiệu đóng quân kéo dài mấy chục dặm, Công có thể chia doanh trại đối địch, thế thì binh kia chẳng thể quá ít được, đó là một. Thiệu nếu có quân đội đông gấp mười lần, về lý nên phải hết sức vây hãm, khiến cho đường xuất nhập bị cắt đứt, vậy mà Công vẫn sai bọn Từ Hoảng công kích các xe chở lương, Công lại thân xuất kích đánh bọn Thuần Vu Quỳnh, giương cao cờ kéo quân trở về, chùng như không có ai ngăn chặn, rõ ràng binh lực của Thiệu chẳng thể cầm giữ được, thế thì binh kia chẳng thể quá ít được, đó là hai. Các sách đều nói rằng Công chôn sống tám vạn quân của Thiệu, hoặc có chỗ nói là bảy vạn. Tám vạn người chạy tán mát, chẳng phải là tám nghìn người có thể trối được, mà đại binh của Thiệu đều chấp tay chịu chết, duyên cớ gì có thể chế ngự được họ? Thế thì binh kia chẳng thể quá ít được, đó là ba. Những điều ghi chép ở chỗ này thấy có chút lạ kỳ, không đúng với sự thật. Xét Chung Do truyện kể rằng: “Công cùng với Thiệu cầm giữ nhau, Do ở khu Tư lệ, đưa hơn hai nghìn con ngựa đến cấp thêm cho quân lính.” Bản kỷ cùng với Thế Ngữ đều nói rằng bấy giờ Công có hơn sáu trăm kỵ mã, ngựa của Do mang đến để làm chi?

Thiệu lại tiến binh đến Quan Độ, đắp núi đất, đào địa đạo. Công ở trong lũy cũng làm như vậy, để đối phó lại. Thiệu sai bắn tên vào doanh trại của Công, tên bay như mưa rào mùa hạ, quân của Công đi lại đều phải dùng thuẫn che thân, chúng sợ lắm. Bấy giờ Công thiếu lương, gửi thư cho Tuân Úc, bàn rằng muốn quay về Hứa huyện. Úc cho rằng: “Quân của Thiệu đều tụ tập ở Quan Độ, muốn cùng Công quyết thắng bại. Công lấy quân mỗi một chống giữ quân cường mạnh, nếu chẳng thể khắc chế họ, tất bị họ đè bẹp, đó là cơ hội lớn trong thiên hạ vậy. Vả lại Thiệu, chỉ như kẻ anh hùng áo vải mà thôi, có thể tụ tập người ta mà chẳng thể dùng. Với tài thần vũ minh triết của chúa công lại được mọi người thuận theo phù giúp, sao việc lại chẳng nên!” Công nghe theo.

Tôn Sách hay tin Công cùng với Thiệu cầm giữ nhau, mưu toan tập kích Hứa huyện, còn chưa khởi hành, thì bị thích khách ở đó giết.

Bọn hàng tặc ở Nhữ Nam là Lưu Tích làm phản hưởng ứng Thiệu, đánh cướp huyện Hứa. Thiệu sai Lưu Bị đến trợ giúp Tích, Công sai Tào Nhân đánh phá được Bị. Bị bỏ chạy, binh của Lưu Tích ở đấy bị đánh tan.

Viên Thiệu vận chuyển mấy ngàn xe lương tới, Công dùng kế của Tuân Du, sai Từ Hoảng-Sử Hoán đón đánh, đại phá quân ấy, đốt sạch các xe lương thảo. Công cùng với Thiệu cầm cự nhau mấy tháng liền, dẫu khi giao chiến liên tục chém được tướng địch, nhưng binh sĩ ít ỏi lương thảo cạn sạch, sĩ tốt mỗi một. Công bảo quan vận lương rằng: “Chừng mười lăm ngày nữa là ta phá được Thiệu, các người chẳng phải khó nhọc nữa.” Mùa đông tháng mười, Thiệu đi đầu các xe chuyển lương, sai năm người bọn Thuần Vu Quỳnh dẫn hơn vạn binh hộ tống, ban đêm nghỉ lại ở cách phía bắc doanh trại của Thiệu bốn chục dặm. Mưu thần của Thiệu là Hứa Du hám tiển, Thiệu không đáp ứng nổi, Du bèn bỏ đi, nhân đó khuyên Công đánh bọn Quỳnh. Tả hữu ngờ vực, Tuân Du-Giả Hủ khuyên Công nên đánh. Công bèn lưu Tào Hống giữ trại, thân dẫn năm ngàn quân bộ kỵ đi ngay trong đêm, đến sáng thì tới nơi. Bọn Quỳnh trông xa thấy binh của Công ít, liền ra ngoài cửa doanh bày trận. Công tiến đánh gấp, Quỳnh lui vào bảo vệ doanh trại, Công đánh mạnh. Thiệu phái kỵ binh tới cứu Quỳnh. Tả hữu có kẻ nói: “Quân kỵ của địch đã gần lắm rồi, xin chia binh chống cự.” Công giận nói: “Lúc giặc đến sau lưng ta, hãy bằm.” Sĩ tốt đều hết sức tử chiến, đánh tan bọn Quỳnh, chém được cả.

Tào Man truyện chép: Công nghe tin Du tới, đi chân không ra đón, vỗ tay cười nói: “Tử Viễn, khanh tới đây, việc của ta xong rồi vậy!” An tọa xong, Du bảo Công rằng: “Quân họ Viên cường thịnh, ngài còn chờ gì nữa? Nay lương thảo của ngài có được bao nhiêu?” Công nói: “Còn đủ dùng một năm.” Du cười: “E không được thế, ngài nói lại xem!” Công lại nói: “Có thể được nửa năm.” Du nói: “Túc hạ chẳng muốn phá họ Viên ư, sao chẳng nói thật lòng!” Công nói: “Trước là ta nói đùa thấy thôi. Kỳ thật lương chỉ đủ cho một tháng, biết làm sao đây?” Du nói: “Ngài binh cô giữ một chỗ lẻ loi, bên ngoài không quân cứu viện mà lương thảo cạn sạch, ấy là nguy cấp trong ngày vậy. Nay họ Viên đồ trụy trọng có hơn vạn xe, đóng ở Cố Thị-Ô Sào, quân canh giữ không đủ nghiêm ngặt; nay ta dùng khinh binh tập kích họ, đến vào lúc bất ngờ, đốt hết kho lương ấy, bất quá ba ngày, quân họ Viên tự bại vậy.” Công rất mừng, liền tuyển quân bộ kỵ tinh nhuệ, đều dùng cờ xí của quân Viên, người ngậm tăm ngựa buộc mõm, đi ngay lúc nửa đêm, sai mỗi người mang theo một bó củi, khi đi trên đường có người hỏi, chúng nói nhỏ rằng: “Viên công sợ Tào Tháo đánh cướp hậu quân, phái binh đến tăng cường phòng bị.” Quân kia nghe thế tin là thật, cho là việc đương nhiên. Khi đến nơi, quân của Công thiết lập vòng vây, nổi lửa đốt đội, trong doanh đại loạn. Quân Viên bị đánh tan tác, lương thảo của cả đều bị thiêu sạch, chém được thủ cấp bọn Đốc tướng là Lục Nguyên Tiến, Đốc quân kỵ Hàn Cử Tử, Lã Uy Hoàng, Triệu Duệ, cắt mũi tướng quân Thuần Vu Trọng Giản, nhưng Giản không chết, lại bắt được hơn một ngàn sĩ tốt, đều cắt lấy mũi, rồi cắt môi cắt lưỡi trâu ngựa, đem đến chỗ quân của Thiệu. Tư tướng sĩ họ Viên đều khiếp sợ. Ngay đêm ấy có người bắt lấy Trọng Giản, đưa đến chỗ Công, Công hỏi Giản rằng: “Sao đến nỗi thế này?” Trọng Giản đáp: “Việc thua thắng là bởi ý trời, sao còn phải hỏi han gì nữa?” Công tỏ ý không muốn giết. Hứa Du nói: “Ngày mai hấn soi gương, thế tất sẽ không bao giờ quên được nỗi nhục ngày hôm nay.” Công bèn đem giết đi.

Thiệu mới hay tin Công đánh Quỳnh, bảo với con trưởng là Đàm rằng: “Quân kia tới đánh bọn Quỳnh, ta đánh lấy doanh trại của chúng, bọn họ cố nhiên chẳng có chỗ về vậy.” Bèn sai Trương Cáp-Cao Lãm đánh Tào Hồng. Bọn Cáp nghe tin Quỳnh bị đánh tan, bèn đến hàng Công. Quân của Thiệu vì thế tan vỡ, Thiệu cùng với Đàm bỏ cả quân lính mà chạy, trốn qua sông Hoàng Hà. Quân của Công đuổi theo không kịp, bèn thu sạch các đồ trụy trọng, giày má và đồ trân quý, bắt lấy tù binh.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Công dâng lời lên bề trên rằng: “Đại tướng quân Nghiệp hầu Viên Thiệu trước kia cùng với Ký châu mục Hàn Phức ủng hộ lập nguyên Đại tư mã Lưu Ngu lên ngôi, khắc ấn thiên tử, phái nguyên trưởng huyện là Tất Du đến chỗ Ngu, giảng giải chuyện thiên mệnh. Thiệu lại gửi thư cho thần nói rằng: ‘Quyên Thành có thể đóng đô, nên gây dựng cơ sở.’ Lại thiện tiện đức

tên khắc ấn, những kẻ Hiếu Liêm và Kế Lại⁽⁴⁹⁾, đều quy về chỗ Thiệu cả. Em con chú của Thiệu là Tự làm Thái thú Tế Âm từng gửi thư cho Thiệu nói rằng: ‘Nay khắp bốn cõi nghiêng ngửa tang thương, thiên ý thực ở tại nhà ta, thần linh ứng nghiệm, đều ở nơi tôn huynh. Kẻ dưới của Nam huynh muốn Nam huynh tức vị, nhưng Nam huynh có nói, xét về niên kỷ thì Bắc huynh lớn, luận về địa vị thì Bắc huynh cũng hơn. Do đó muốn dâng ngọc tỷ, nào ngờ Tào Tháo chẹn đường⁽⁵⁰⁾.’ Tông tộc nhà Thiệu nổi đời chịu trọng ân của quốc gia, mà hung nghịch vô đạo đến mức như thế. Thần lập tức sửa soạn binh mã, cùng giao chiến ở Quan Độ, nhờ cậy thiên uy của thánh triều, chém được đầu bọn Đại tướng của Thiệu là Thuần Vu Quỳnh tám người, quân địch tan vỡ. Thiệu cùng với con là Đàm vứt bỏ khôi giáp mà chạy. Số đầu giặc bị chém đến hơn bảy vạn, đồ trụy trọng cùng tài vật thu được không đếm xuể.”

Công bắt được các thư từ trong doanh của Thiệu, có cả thư từ của bộ hạ ở đất Hứa cùng thư của những người ở trong quân, đều đem đốt bỏ cả. Các quận ở Ký Châu đa phần đều dâng thành ấp đầu hàng.

Nguy thị xuân thu chép: Công nói: “Đương lúc Thiệu cường mạnh, Cô còn chẳng thể tự bảo vệ mình, phương chi là chúng nhân!”

Khi trước, thời Hoàn Đế thấy có Hoàng tinh hiện ra ở địa phận đất Sở-Tống, người ở Liêu Đông là Ân Quỳnh giỏi nghề thiên văn, nói là sau năm mươi năm sẽ có bậc chân nhân nổi dậy ở giữa khoảng Lương-Bái, khí thế chẳng thể đương nổi. Đến lúc ấy vừa năm mươi năm, mà Công phá được Thiệu, thiên hạ chẳng ai đối địch được vậy.

Năm thứ sáu mùa hạ tháng tư, Công cất binh ở thượng lưu Hoàng Hà, đánh quân Thiệu ở Thương Đình, phá được. Thiệu quay về, thu thập sĩ tốt li tán, Công bình định các quận huyện làm phản. Tháng chín, Công về Hứa huyện. Lúc Thiệu còn chưa bị triệt phá, sai Lưu Bị đánh cướp ở Nhữ Nam, bọn giặc ở Nhữ Nam là Cung Đô hưởng ứng Bị. Công phái Sái Dương đánh Đô, gặp bất lợi, bị Đô đánh tan ở đấy. Công nam chinh Lưu Bị. Bị hay tin Công đến, chạy trốn đến chỗ Lưu Biểu, bọn Đô đầu tan vỡ.

Năm thứ bảy mùa xuân rằm tháng giêng, Công đóng quân ở Tiêu huyện, lệnh rằng: “Ta khởi nghĩa binh, vì thiên hạ trừ bạo loạn. Người dân ở cố hương của ta, trải qua cảnh chết chóc, ta đi lại hết ngày ở nơi đây, chẳng gặp được người quen nào, khiến ta thấy lòng mình quanh quẽ thê lương. Từ khi ta khởi binh đến nay, có những tướng sĩ vì chiến chinh ngã xuống không có người kế tự, phải tìm lấy kẻ thân thích làm người nối dõi, ta cấp cho đất đai ruộng rẫy, cấp cho trâu cày, đặt ra trường học để dạy dỗ họ.

Cho lập đền miếu, để họ được tế tự tìền nhân, h'ôn thiêng có linh, trăm năm về sau sao còn phải oán hận gì nữa!” Bèn sắm đồ lễ, khơi một con kênh ở phía bắc sông Tuy, sai người làm cỗ thái lao để tế Ki'âu Huy'ên. Rồi tiến quân đến Quan Độ.

Viên lệnh ở huyện Bao Thưởng chép lại bài văn tế như sau: “Nhớ Thái úy Ki'êu công, chí đức rạng ngời, rộng rãi với người có bụng bao dung. Người trong nước nhớ lời minh huấn, kẻ sĩ ngấm chính lệnh mưu sâu. Dù thân thể không còn hiển hiện, anh linh phảng phất vẫn còn. Bao la thay, rạng rỡ thay! Ta còn nhỏ tuổi, kịp được ngài dạy dỗ chu toàn⁽⁵¹⁾, ta thiên bẫm tẩm tối ương gàn, nhờ được bậc quân tử thu nạp bao dung. Mỗi khi ta tiến bộ, đều được ngài ngợi khen, như Trọng Ni thẹn mình không bằng được Nhan Uyên⁽⁵²⁾, hay Giả Phục từng xưng tụng Lý Sinh⁽⁵³⁾ ngày trước. Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, ta nhớ mãi lời ấy không quên. Lại nhớ lời ngài thông dong ước hẹn rằng: ‘Sau khi ngài chết, về lại lối xưa, không có con gà, chén rượu tưới đất, để tế lễ ta, xe qua ba bước, đau bụng chớ trách!’ Dẫu lúc bấy giờ là lời nói đùa, nếu chẳng phải tình thầy bạn chí thân, ai lại dùng lời ấy từ nhau? Nếu chẳng có lời ngài dặn dò, làm sao ta có thể tự sửa được những thiếu sót của ta? Tầm lòng thể thắm, nhớ lại việc xưa. Nay phụng mệnh đông chinh, đóng quân nơi làng cũ, ngoảnh nhìn về mảnh đất cũ mến yêu phương bắc, tâm tưởng hướng về nơi lăng mộ của ngài. Sắm sửa lễ bạc, mong ngài hưởng dụng!⁽⁵⁴⁾”

Thiệu từ sau khi bại quân, phát bệnh thổ huyết, đến mùa hạ tháng năm thì chết. Con nhỏ là Thượng lên thay, Đàm tự xưng là Xa kỵ tướng quân, đóng binh ở Lê Dương. Mùa thu tháng chín, Công đi đánh Đàm, giao chiến liên tục. Đàm-Thượng mấy lần bại trận phải lui binh, cố thủ.

Năm thứ tám mùa xuân tháng ba, Công đánh thành, quân họ Viên xuất chiến, Công tiến đánh, phá tan quân ấy, Đàm-Thượng nhân đêm tối bỏ chạy. Mùa hạ tháng tư, Công tiến quân đến Nghiệp huyện. Tháng năm trở về đất Hứa, lưu Giả Tín đóng binh ở Lê Dương.

Năm Kỷ Dậu, xuống lệnh rằng: “ Binh pháp Tư mã nói ‘Tướng quân tử tuy⁽⁵⁵⁾’,

Nguy thư nói rằng: tuy, là lui quân vậy.

đã tiến lên một thước, thì không lui về được một tấc. Khi xưa mẹ của Triệu Quát, xin không phải chịu tội với Quát⁽⁵⁶⁾. Thời xưa đã biết rằng kẻ làm tướng, mà quân bị phá ở bên ngoài, thì gia quyến chịu tội ở trong nước. Ta tự mình dẫn quân đi đánh dẹp các nơi, chỉ thưởng công mà không

phạt tội, là trái với pháp điển của quốc gia vậy. Nay có lệnh rằng nếu chư tướng xuất chinh, thua quân là đáng phải tội, thất lợi là miễn quan tước.”

Ngụy thư chép lại tờ lệnh năm Canh Thân rằng: “Kể bàn luận nói rằng người dụng binh dẫu có tài năng, đức hạnh chẳng đủ để kham nổi trách nhiệm tuyển chọn nhân tài trong quận quốc, lẽ ấy gọi là ‘có thể hợp đạo lý, chưa thể là quyền nghi được.’ Quán Trọng⁽⁵⁷⁾ *nói: ‘Khiến cho bậc hiền giả có tài được ăn lộc thì kẻ ấy phải là bậc tôn quý, cho kẻ sĩ dưng mãnh có công được ăn lộc thì kẻ ấy phải biết coi khinh cái chết, trong nước có được hai điều ấy thì thiên hạ trị.’ Ta chưa hề nghe thấy việc người không có tài, kẻ sĩ chẳng phải là dưng, đều được hưởng lộc, mà có thể lập công hưng vượng quốc gia vậy. Cho nên bậc minh quân chẳng phong quan cho kẻ bầy tôi không có công lao, chẳng thưởng cho quân sĩ không ra trận; thời bình trị chuộng đức hạnh, có việc thì thưởng công. Lời bàn luận ấy, tựa như lấy gậy mà chọc con hổ dữ vậy.”*

Mùa thu tháng bảy, lệnh rằng: “Từ khi tang loạn đến nay, đã mười lăm năm, những kẻ hậu sinh chẳng thấy được cái cảnh tượng nhân nghĩa lễ nhượng, ta rất lấy làm thương tâm. Nay lệnh cho các quận trong nước đều phải sửa sang trường học, những huyện có năm trăm hộ được đặt chức quan lo việc học hành, tuyển chọn những kẻ tài tuấn trong vùng làm người dạy dỗ học trò, sao cho đạo tiên vương chẳng vị phế bỏ, mà lại có ích cho thiên hạ.”

Tháng tám, Công đi đánh Lưu Biểu, quân tới Tây Bình. Công rời huyện Nghiệp đi về Nam, Đàm-Thượng tranh giành Ký Châu, Đàm bị Thượng đánh bại ở đó, chạy đến giữ huyện Bình Nguyên. Thượng vây đánh rất gấp, Đàm sai Tân Bì tới chỗ Công xin hàng cầu cứu. Chư tướng đều nghi ngờ, Tuân Du khuyên Công ưng cho, Công bèn dẫn quân về

Ngụy thư chép: Công nói rằng: “Ta đánh Lã Bố, Biểu chẳng vào cướp, chiến dịch Quan Độ, Biểu cũng chẳng cứu Viên Thiệu, ấy là tên giặc chỉ biết tự giữ mình, nên trừ diệt sau. Đàm-Thượng là lũ gian trá, nhân vì chúng tranh giành nhau. Bởi tưng thế Đàm mới trá hàng ta, chẳng qua thế cùng phải bó tay vậy, giả sử ta phá được Thượng, thu lấy đất đai ấy, cũng có lợi nhiều lắm.” Bèn hứa giúp Đàm.

Mùa đông tháng mười, Công về đến Lê Dương, cho con trai mình là Chính kết hôn với con gái Đàm.

Thân Tòng Chi xét: Thiệu chết đến lúc ấy, tính ra cũng chỉ hơn năm tháng mà thôi. Đàm dẫu về sau bị mất tước, chẳng vì Thiệu chịu tang ba năm, mà cưới gả con gái thi hành cát lễ⁽⁵⁸⁾, là trái lễ vậy. Ngụy Vũ hoặc vì quyền nghi mà nói lời ước hẹn; nay nói rằng kết hôn, chưa hẳn là năm ấy đã thành lễ vậy.

Thượng nghe tin Công về Bắc, bèn bỏ Bình Nguyên trở về huyện Nghiệp. Lã Khoáng-Lã Tường ở huyện Đông Bình làm phản Thượng, đóng quân ở Dương Bình, dẫn quân sĩ đến hàng Công, được phong làm Liệt hầu.

Nguy thư chép: Đàm được giải vây, ngầm lấy ẩn thụ Tướng quân đưa cho Khoáng. Khoáng nhận ẩn đưa cho Công, Công nói: “Ta cố nhiên biết Đàm có toan tính nhỏ mọn vậy. Ý chừng nếu ta đi đánh Thượng, trong thời gian ấy y sẽ cướp lấy dân tụ tập binh chúng, Thượng bị phá, y có thể được tự cường để thừa cơ làm khó ta vậy. Nhưng Thượng bị phá thì ta mạnh, có thể lấy đó làm khó ta được sao?”

Năm thứ chín mùa xuân rằm tháng giêng, Công vượt Hoàng Hà, ngăn nước sông chảy vào Bạch Câu để thông đường vận lương. Tháng hai, Thượng lại vây đánh Đàm, lưu Tô Do-Thẩm Phối giữ huyện Nghiệp. Công tiến quân đến Hoàn Thủy⁽⁵⁹⁾, Do ra hàng. Đến huyện Nghiệp, Công tiến đánh, đắp thổ sơn, đào địa đạo. Trưởng huyện Vũ An là Doãn Giai đóng binh ở Mao thành, để kiểm soát đường vận lương ở Thượng Đảng.

Mùa hạ tháng tư, Công để Tào Hông đánh huyện Nghiệp, Công thân cầm quân đánh Giai, phá xong lại trở về Tướng của Thượng là Tự Học giữ Hàm Đan, Công vây đánh lấy được.

Tự đọc là Thư, vùng Hà Sóc nay còn có họ này. Học, là con của Thư Thụ vậy.

Dịch Dương lệnh là Hàn Phạm, trưởng huyện Thiệp là Lương Kỳ đem cả huyện ra hàng, được ban tước Quan nội hầu.

Tháng năm, phá huỷ thổ sơn, địa đạo, đào hào xung quanh, khơi nước sông Chương rót vào trong thành; người trong thành chết đói quá nửa. Mùa thu tháng bảy, Thượng quay về cứu huyện Nghiệp, chư tướng đều cho rằng “Binh bên kia quay về, người người đều tử chiến, chẳng bằng nên né tránh họ.” Công nói: “Thượng theo đường lớn mà đến, nên phải tránh họ; nếu họ men theo phía tây núi mà tới, ta sẽ bắt được vậy.” Thượng quả nhiên men theo phía tây núi mà lại, tới Phũ thủy lập doanh trại.

Tào Man truyện chép: Công sai quân do thám mấy lần đi dò xét Thượng, chúng đều nói: “Dịch đi theo đường phía tây, đã ở Hàm Đan”. Công mừng lắm, hội chư tướng lại bảo: “Cô đã lấy được Ký Châu rồi, các người có biết vì sao chẳng?” Chúng đều nói: “Không biết.” Công nói: “Chẳng bao lâu nữa các người sẽ thấy việc này vậy.”

Ban đêm Thượng phái binh xâm phạm vòng vây, Công đón đánh phá tan, chúng phải bỏ chạy, Công bèn cho vây chặt doanh trại. Không hợp binh

được, Thượng sợ, bèn phái cố Thứ sử Dự Châu là Âm Quý cùng Trần Lâm đến xin hàng, Công không cho, vòng vây càng xiết chặt. Thượng bỏ trốn ngay trong đêm, tới giữ Kỳ Sơn, Công truy kích. Bọn tướng của Thượng là Mã Diên-Trương Ý lúc lâm trận đầu hàng, quân Thượng tan vỡ, Thượng chạy trốn vào Trung Sơn. Công thu được hết đồ trụy trọng, bắt được cả ấn thụ tiết việt của Thượng, sai bộ hạ của Thượng đã ra hàng đem ra cho người nhà Thượng xem, lòng người trong thành tan vỡ cả. Tháng tám, con của anh trai Thẩm Phối là Vinh đang đêm mở cửa thành Đông Môn rước quân ngoài vào. Phối đón đánh, thua trận, Phối bị bắt sống, đem chém, huyện Nghiệp bình định. Công thân đến tế ở mộ Thiệu, khóc rơi nước mắt; uỷ lạo vợ Thiệu, trả lại những bảo vật cho gia nhân Thiệu, lại ban tặng các đồ vải lụa bông mền, cấp cho lương thực.

Khi trước, Thiệu với Công cùng khởi binh, Thiệu hỏi Công rằng: “Nếu như việc chẳng xong, thì nên chiếm cứ mặt nào?” Công hỏi: “Ý của túc hạ thì sao?” Thiệu nói: “Ở phía nam ta giữ lấy Hoàng Hà, phía bắc ngăn các xứ Yên-Đại, kiêm gồm dân chúng Nhung-Địch, ngoảnh về nam để tranh thiên hạ, như vậy có thể nên việc chăng?” Công nói: “Ta dùng trí lực của người trong thiên hạ, lấy đạo lý chế ngự họ, chẳng chỗ nào là không ở được.”

Phó Tử chép: Thái Tổ nói rằng: “Thang-Vũ làm vua, há đều nhờ thế đất hay sao? Nếu nương cậy ở nơi hiểm trở kiên cố, tất chẳng thể thuận theo thời cơ mà biến hoá được vậy.”

Tôn Thịnh nói: Xưa kia bậc tiên vương thi hành thưởng phạt, theo đó mà trừng trị kẻ ác khuyến khích việc thiện, là gương sáng để răn dạy đời sau. Thiệu nhân lúc thế gian nguy biến, bèn nảy mưu đồ phản nghịch, trên bàn đến chuyện thần khí, dưới can thiệp vào cương kỷ quốc gia. Điều tang cư tang, là pháp chế thời xưa vậy, nhưng thương khóc trước mộ kẻ nghịch thân, ban ân vào gia thất kẻ tham tàn, theo đạo lý chính đáng, việc ấy là điên đảo vậy. Giấu oán hận trong lòng để làm thân với người, ấy là điều các bậc hiền trí xưa chê cười, khóc than nơi tang lễ người quen, tình nghĩa không thể giả dối, kẻ ác vi phạm đạo nghĩa, sao có thể than khóc được! Xưa Hán Cao sai làm khóc than cho họ Hạng, nay Ngụy Vũ lại theo cái sai lầm ấy, há chẳng phải là nghĩ thấu trăm điều mà hỏng mất một hay không?

Tháng chín, có lệnh rằng: “Hà Bắc mắc cái nạn họ Viên, nên lệnh cho năm nay không phải nộp thuế khoá nữa!” Lại trừng phạt nặng những kẻ cường hào ngang ngược, bách tính hoan hỉ vui mừng. Thiên tử để Công lĩnh chức Ký Châu mục, Công khiêm nhượng trả lại Duyện Châu.

Ngụy thư chép lại tờ lệnh của Công rằng: “Có nước thì có nhà, không lo có ít mà lo chẳng được đều, không lo nghèo túng mà lo chẳng được yên. Sự cai trị của họ Viên, khiến cho kẻ cường hào được chuyên quyền phóng túng, kẻ thân thích được nắm giữ đất đai; kẻ hạ dân bần hàn khiếp nhược, đòi đòi chịu nộp thuế khoá, phải bán mình vào nơi giàu có, chẳng bằng đồ vật để người ta sai khiến; tông tộc nhà Thẩm Phôi, là nơi tàng chứa những kẻ tội nhân, kẻ mắc nợ trốn chủ. Những muốn cho trăm họ phải nương cậy vào mình, giúp binh cường thịnh, há có thể được sao! Nay chỉ thu thuế ruộng một mẫu bốn thương, mỗi hộ chỉ bỏ ra hai xấp lụa, bông loại tốt hai cân mà thôi, kẻ khác chẳng được tiện tiện xướng lệnh. Giao cho thủ tướng trong quận quốc tra xét việc ấy, không để kẻ cho kẻ cường hào ở nơi ấy được thu nhật giấu giếm, mà những dân nghèo được tự quản việc thuế khoá của mình vậy.”

Lúc Công vây huyện Nghiệp, Đàm cướp lấy các xứ Cam Lăng, An Bình, Bột Hải, Hà Gian. Thượng bại, chạy về Trung Sơn. Đàm đánh Trung Sơn, Thượng chạy đến Cỗ An, Đàm thu lấy binh của Thượng. Công gửi thư cho Đàm, trách đã phụ ước, r ỡi tuyệt hôn, cho đưa con gái họ Viên về, sau mới tiến binh. Đàm sợ, Công liền đánh lấy Bình Nguyên, Đàm chạy tới giữ Nam Bì. Tháng mười hai, Công tới Bình Nguyên, bình định các huyện.

Năm thứ mười mùa xuân rằm tháng giêng, vây đánh Đàm, phá được, chém Đàm, tru diệt hết vợ con, Ký châu bình định.

Ngụy thư chép: Công vây đánh Đàm, từ sớm đến giữa trưa không phá được; Công bèn thân cầm dài thúc trống, sĩ tốt phấn chấn, bấy giờ mới phá được thành.

Công hạ lệnh rằng: “Những lễ hứa theo họ Viên làm đi đâu ác, cho phép hối cải và thay đổi.” Lệnh cho dân chúng không được báo thù riêng, cấm chỉ việc hậu táng, hết thầy phải theo phép nước. Tháng ấy, bọn Đại tướng của Viên Hi là Tiêu Xúc-Trương Nam làm phản đánh Hi-Thượng, Hi-Thượng chạy đến Tam Quận xứ Ô Hoàn. Bọn Xúc dâng cả huyện đầu hàng, được phong làm Liệt hầu. Ban đầu lúc Công mới đánh Đàm, dân bỏ trốn việc đào băng,

Thân Tòng Chi cho rằng lúc Công đánh Đàm, nước ở kênh ngòi đóng băng, Công sai dân đập băng để lưu thông thuyền bè, dân sợ việc sai dịch mới bỏ trốn.

Công lệnh gọi, chúng không chịu đến hàng. Được ít lâu, dân bỏ trốn lại đến tận cửa quan rạp đầu lay. Công bảo rằng: “Ta nghe nói chúng bay trái mệnh, giết chúng bay thì chỉ chém kẻ c ầu đầu, chúng bay nên trốn đi, đừng để quan lại bắt được.” Dân nhỏ nước mắt khóc r ỡi trốn đi; sau thoát được hết.

Mùa hạ tháng tư, bọn giặc ở Hắc Sơn là Trương Yên dẫn hơn vạn binh lính đến hàng, được phong làm Liệt hầu. Bọn người ở Cối An là Triệu Độc-Hắc Nô giết Thứ sử U châu và Thái thú Trác quận. Tam quận Ô Hoàn vây đánh Tiễn Vu Phụ ở Quánh Bình.

Tục Hán thư Quận quốc chí chép: Quánh Bình, là tên huyện, thuộc quận Ngự Dương.

Mùa thu tháng tám, Công đi đánh dẹp, chém bọn Độc, rồi qua sông Lô Hà cứu Quánh Bình, Ô Hoàn chạy trốn ra nơi đất hiểm.

Tháng chín, có lệnh rằng: “Kết đảng để mưu việc riêng, thánh nhân cực ghét. Ta nghe phong tục Ký Châu, cha con ở cùng một nơi mà bất đồng, thì bêu diều lẫn nhau. Xưa kia huynh trưởng của Trục Bất Nghi chết, người đời nói rằng ông ấy bức hiếp chị dâu; môn đệ của Ngũ Bá Ngự ba lần lấy vợ mà vợ đều bị chết, người ta bảo bố ông vụng trộm với con dâu; Vương Phụng thiện tiện quyền nghi, Cốc Vĩnh chê bai là dựa thế anh chồng, Vương Thương nói lời trung thực, Trương Khuông cho là lời nói dối lừa: Ấy đều là việc đổi trắng thay đen, dối trời lừa vua vậy. Nay ta muốn chỉnh đốn phong tục, mà bốn tục xấu kia chẳng bỏ đi được, ta lấy làm xấu hổ lắm.”⁽⁶⁰⁾ Mùa đông tháng mười, Công trở về huyện Nghiệp.

Khi trước, Viên Thiệu cho con rể là Cao Cán lĩnh chức Kinh Châu mục, Công hạ được huyện Nghiệp, Cán đầu hàng, Công cho làm Thứ sử. Cán nghe tin Công đi đánh dẹp Ô Hoàn, bèn làm phản ở trong châu, bắt giữ Thái thú Thượng Đảng, cử binh giữ ải Hồ Quan. Công sai Nhạc Tiến-Lý Diễn đánh Cán, Cán lui về giữ thành Hồ Quan. Năm thứ mười một mùa xuân rằm tháng giêng, Công thân đi đánh Cán. Cán hay tin ấy, bèn để biệt tướng của mình giữ thành, chạy vào xứ Hung Nô, cầu cứu Thiến Vu⁽⁶¹⁾, Thiến Vu không chịu cứu. Công vây Hồ Quan ba tháng, lấy được. Cán bèn chạy trốn đến Kinh Châu, bị Đô úy Thượng Lạc là Vương Diễm lòng bắt được đem chém đi.

Mùa thu tháng tám, Công đông chinh hải tặc là Quán Thừa, đến Thuần Vu, sai Nhạc Tiến-Lý Diễn đánh Thừa, Thừa bỏ chạy ra vùng hải đảo. Công cắt các vùng Tương Bí-Đàm-Thích ở Đông Hải nhập vào quận Lang Nha, xoá bỏ quận Xương Lự.

Ngụy thư chép lại tờ lệnh tháng mười năm Ất Hợi rằng: “Kẻ cai trị ở đời chế ngự chúng sinh, phải gây dựng giúp dân, răn bảo ngoài mặt cho họ biết sợ, Kinh Thi nói ‘Thuận theo mưu tính của ta, số đông không có gì phải hối hận’, ấy thật

là điều mà bậc quân thần khẩn khoản cầu mong vậy. Ta gánh vác trách nhiệm nặng nề, thường sợ bỏ qua mất lời trung, mấy năm gần đây, chẳng được nghe kẻ hay, sao ta có thể mở tiệc mừng mà chẳng kể đến cái xấu nữa ru? Từ nay về sau, những kẻ Duyệt phụ thuộc các chức Trị trung-Biệt giá, vào mỗi ngày rằm mọi người đều phải kể ra những lỗi lầm của mình, ta sẽ xem xét cho.”

Ba quận xứ Ô Hoàn thừa lúc thiên hạ loạn lạc, đánh phá U châu, cướp được số Hán dân đến hơn vạn hộ. Viên Thiệu cho lập tù trưởng xứ ấy làm Thi ần Vu, lại lấy con gái của gia nhân làm con mình, gả cho Thi ần Vu làm vợ. Thi ần Vu ở Liêu Tây là Đạp Đốn rất cường thịnh, được Thiệu hậu đãi, vì thế anh em Thượng đến quy hàng, mấy lần xâm nhập nơi đất hiểm gây họa. Công sắp sửa thân chinh đi tiêu phạt, cho đào một con kênh, từ Hồ Đà dẫn nước tới Cô Thủy, gọi là kênh Bình Lỗ; lại từ cửa Đê Hà đào một con kênh xuyên Lộ Hà, gọi là kênh Tuy ần Châu, để thông ra bể.

Năm thứ mười hai mùa xuân tháng hai, Công từ Thu ần Vu về huyện Nghiệp. Năm Đinh Dậu⁽⁶²⁾, có lệnh rằng: “Ta khởi nghĩa binh dẹp trừ bạo loạn, đến nay là mười chín năm, đánh đâu được đó, há có phải là công lao của mình ta đâu? Mà là công sức của các bậc hi ền sĩ đại phu vậy. Nay thiên hạ còn chưa yên định được cả, ta đang muốn cùng các bậc hi ền sĩ đại phu chung sức yên định thiên hạ; mà mình ta được hưởng công lao, ta sao có thể yên lòng? Nên gấp rút xét định công của những người ấy để tiến hành phong thưởng.” Bởi thế phong thưởng rất lớn cho hơn hai mươi công th ần, đều được làm Liệt h ầu. Những người khác cũng được theo thứ tự mà thụ phong, đến cả con côi của những người đã chết vì công việc, nặng nhẹ chẳng hề sơ sót.

Ngụy thư chép lại tờ lệnh của Công rằng: “Xưa Triệu Xa-Đậu Anh⁽⁶³⁾ làm tướng, được ban thưởng nghìn vàng, một sớm đem chia hết cho người, cho nên có thể lập được đại công, thế gian mãi còn lưu tiếng. Ta đọc truyện ấy, chưa từng không ái mộ những người đó. Nay ta cùng với chư tướng và sĩ đại phu cùng theo việc binh nhưng, may được cậy nhờ những bậc hi ền nhân chẳng ai tiếc mưu hay, quần sĩ chẳng ai tiếc sức lực, mạo hiểm vào xứ Di bình loạn, mà riêng ta được thưởng công to, hộ ấp ba vạn. Đoái nghĩ đến việc Đậu Anh vì nghĩa chia vàng, nay ta chia số thuế má được thưởng cho chư tướng bộ thuộc cùng các lĩnh thú cũ ở đất Trần-Thái, ấy là để báo đáp sự khó nhọc của mọi người, ta chẳng dám thiên tiện nhận ân huệ lớn. Còn con côi của những người ốm chết vì việc nước, nên lấy thuế má thóc lúa để chu cấp cho họ. Năm nào thịnh vượng sung túc, thuế má đã thu xong, tướng sĩ cùng với chúng nhân đều được hưởng chung.”

Công sắp bắc chinh ba quận xứ Ô Hoàn, chư tướng đều nói: “Viên Thượng, chỉ là thằng tù bỏ trốn mà thôi, Di Dịch⁽⁶⁴⁾ tham lam mà chẳng có tình thân, há có thể để cho Thượng sai khiến? Nay thâm nhập vào chinh phạt ở đất ấy, Lưu Bị ắt hẳn sẽ khuyên Lưu Biểu tập kích Hứa huyệt. Vạn nhất có biến, việc chẳng thể hối được.” Duy chỉ có Quách Gia liệu rằng Biểu tất chẳng thể tin Bị, khuyên Công bắc chinh. Mùa hạ tháng năm⁽⁶⁵⁾, đến Vô Chung. Mùa thu tháng bảy, có mưa lớn, đường ven biển không đi được, Diên Trù xin làm hướng đạo, Công theo lời. Rồi dẫn quân ra ải Lô Long, đường bên ngoài quan ải bị cắt đứt không thông. Công bèn cho đào núi lấp lũng kéo dài hơn năm trăm dặm, xuyên qua Bạch Đàn, vượt Bình Cương, lội qua sông Tiên Ti Đình, nhằm tới phía đông Liễu Thành. Còn cách hai trăm dặm, quân rợ biết được. Thượng-Hi và Đạp Đốn, cùng với bọn Thiên Vu ở Liêu Tây là Lâu Ban, Thiên vu ở Hữu Bắc Bình là Năng Thần Đễ dẫn mấy vạn quân kỵ đón đánh. Tháng tám, quân của Công lên núi Bạch Lang, cùng với quân rợ gặp nhau, bọn chúng rất đông. Xe chở đồ nặng của Công ở phía sau, áo giáp của quân lính thiếu thốn, tả hữu đều sợ hãi. Công trèo lên cao, trông xa thấy quân rợ hàng trận không tề chỉnh, bèn xua binh xuất kích, sai Trương Liêu làm tiên phong, quân rợ tan vỡ, Đạp Đốn cùng bộ hạ bị chém cả, lại thu hàng được hơn hai mươi vạn người Hán và Hồ. Thiên Vu Liêu Đông là Tắc Bộc Hoàn cùng với các hào mục ở Liêu Tây-Bắc Bình, đều bỏ người đồng tộc, cùng với Thượng-Hi chạy trốn qua Liêu Đông, binh lính của Thượng còn có mấy nghìn quân kỵ.

Trước đây, Thái thú Liêu Đông là Côn Tôn Khang cậy mình ở xa không quy phục. Lúc Công phá Ô Hoàn, có người khuyên Công nên chinh phạt, có thể bắt được anh em Thượng. Công nói: “Ta có cách khiến cho Khang chém đầu Thượng-Hi, chẳng phải đến binh sĩ vậy.” Tháng chín, Công dẫn binh từ Liễu Thành quay về, Khang lập tức chém bọn Thượng-Hi cùng Tắc Bộc Hoàn, đem thủ cấp đến chỗ Công. Chư tướng ngờ vực hỏi: “Công quay về mà Khang chém đầu Thượng-Hi mang tới, sao vậy?” Công nói: “Bên kia vốn sợ bọn Thượng, ta đánh gấp thì họ hợp sức chống, ta thông thả thì họ tàn sát lẫn nhau, ấy là cái thế tự nhiên vậy.” Tháng mười một về đến Dịch Thủy, Thiên Vu Phổ Phú Lô ở đại quận Ô Hoàn, Thiên Vu Na Lâu ở thượng quận Ô Hoàn dẫn các vương tôn đến chúc mừng.

Tào Man truyện chép: Bấy giờ trời rất lạnh lại hạn hán, suốt hai trăm dặm không có nước uống, quân lính lại thiếu lương, phải giết mấy nghìn con ngựa để

làm lương ăn, đào sâu xuống đất hơn ba mươi trượng mới có nước. Công về đến nơi, tìm gọi những người đã can gián mình lúc trước, mọi người chẳng ai biết có việc gì, người người đều sợ hãi. Công đều hậu thưởng cho, nói: “Cô đi lúc trước, thừa nguy để cầu may, dầu đắc thắng, cũng là trời giúp cho vậy. Lờ can gián của các người, ấy là kẻ vạn toàn, vì thế đáng được khen thưởng, sau này cứ nói chớ có e ngại gì cả.”

Năm thứ mười ba mùa xuân rằm tháng giêng, Công trở về huyện Nghiệp, cho đào ao Huyên Vũ để luyện tập thủy quân. Nhà Hán bãi chức quan Tam Công, đặt ra chức Thừa tướng, Ngự sử Đại phu. Mùa hạ tháng sáu, lấy Công làm Thừa tướng.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai quan Thái thường là Từ Câu trao cho ấn thụ. Ngự sử Đại phu không được quản ngôi Trung thừa, để một người giữ chức Trưởng sử.

Tiên hiền hành trạng chép: Câu tự Mạnh Bình (Mạnh Ngọc), người Quảng Lăng. Tuổi trẻ đã thông đạt đạo lý, gây dựng được khí sắc triều chính. Trải các chức lệnh ở ba quận Nhâm Thành-Nhữ Nam-Đông Hải, ở đâu đều làm phong khí nơi ấy được thay đổi. Câu bị nhà cầm quyền ở đây triệu gọi, lúc ấy Viên Thuật cướp phá ở đó. Thuật tiếm xưng, muốn trao cho Câu ngôi vị Thượng công, Câu nhất định không chịu khuất. Sau khi Thuật chết, Câu được ngọc tử của Thuật, đem về trả cho triều Hán, được bái làm Vệ úy Thái thường; Công làm Thừa tướng, nhượng ngôi vị ấy cho Câu.

Mùa thu tháng bảy, Công nam chinh Lưu Biếu. Tháng tám, Biếu chết, con là Tông lên thay, đóng ở Tương Dương, Lưu Bị đóng ở Phàn Thành. Tháng chín, Công đến Tân Dã, Tông bèn ra hàng, Bị chạy ra Hạ Khẩu. Công tiến quân đến Giang Lăng, hạ lệnh tha cho dân chúng và quan lại cấp thấp ở Kinh châu, cho phép hối cải và thay đổi. Rồi luận xét công lao những kẻ ở Kinh Châu theo hàng, phong tước hầi cho mười lăm người, để Đại tướng của Lưu Biếu là Văn Sính làm Thái thú Giang Hạ, sai thống lĩnh binh cũ. Lại dẫn dụ thu dùng được bọn danh sĩ ở Kinh Châu là Hàn Tung-Đặng Nghĩa.

Bài tự ở sách Tứ thế thư thế của Vệ Hằng chép: Người ở Thượng Cốc là Vương Thúc Trọng khéo viết chữ Lệ, là người đặt ra lối viết chữ Khải⁽⁶⁶⁾. Đến đời Linh Đế chuộng thư pháp, thế gian có nhiều người khéo viết, nhưng chữ viết của Sư Nghi Quan là đẹp nhất, ông rất kiêu ngạo về khả năng này, sau khi viết chữ, ông đều thiêu hủy bản nháp. Lương Hộc vì tham muốn sở hữu bản nháp nên tìm cách chuốc rượu Nghi Quan, sau khi ông ta say Hộc ăn cắp bản nháp, rồi chăm chỉ bắt chước thư pháp ấy, sau này Hộc làm quan đến Thượng thư bộ Tuyền⁽⁶⁷⁾. Lúc đó Công muốn làm Lạc Dương lệnh, Hộc lại phái Công làm Bắc

bộ úy. Sau Học nương nhờ Lưu Biểu. Khi Kinh châu bình định, Công ra sức tìm kiếm Học. Học sợ, tự trói mình đến cửa, Công phong làm Quân giá Tư mã, lo việc văn thư, để khuyến khích lối viết chữ giản, lấy công chuộc tội. Công thường treo chữ viết của Học trong doanh trướng, hoặc ghim trên tường vách để thưởng ngoạn, Công cho rằng phép viết chữ của Học còn cao hơn Nghi Quan. Học tự Mạnh Hoàng, người An Định. Những đề tự ở cung điện nhà Ngụy, đều do Học viết ra cả.

Dật sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật chép: Người ở Nhữ Nam là Vương Tuấn, tự là Tử Văn, thời trẻ được Phạm Bàng và Hứa Chương⁽⁶⁸⁾ biết đến, rất thân với người ở Nam Dương là Sâm Thuật. Công cho là kẻ áo vải, đặc biệt yêu mến Tuấn, Tuấn cũng xưng tụng Công có đủ tài để trị đời. Cho đến khi Viên Thiệu cùng với em là Thuật để tang mẫu thân, đem về an táng ở Nhữ Nam, Tuấn cùng với Công đến dự, hội họp ở đó có ba nghìn người. Công ở bên ngoài ngậm nói nhỏ với Tuấn rằng: “Thiên hạ sắp loạn, kẻ đâu sở gây loạn hẳn là hai kẻ này. Muốn cứu giúp thiên hạ, vì trăm họ mà thỉnh mệnh, chẳng tru diệt hai kẻ này trước đi, cái loạn ngày nay sẽ phát tác vậy.” Tuấn nói: “Như lời người nói, để cứu vớt thiên hạ, là người chứ còn ai nữa?” Hai người cùng cười. Tuấn là người có vẻ ngoài điềm tĩnh mà trong bụng sáng suốt, chẳng theo mệnh ra làm quan phủ ở châu quận. Công xa cho vờ, không chịu đến, lánh đời ở đất Vũ Lăng, hơn một trăm nhà đi theo Tuấn. Để dòi dỏ về Hứa huyện, lại cho với Tuấn làm Thượng thư, vẫn không chịu đến. Lưu Biểu thấy Thiệu mạnh, ngầm cùng với Thiệu thông đồng, Tuấn bảo Biểu rằng: “Tào công, là kẻ anh hùng trong thiên hạ vậy, tất sẽ gây dựng được bá nghiệp, theo được công nghiệp của Hoàn-Văn⁽⁶⁹⁾. Nay ông bỏ chỗ gần tìm chỗ xa, ví như một sớm có việc nguy cấp, mong kẻ ở nơi mạc bắc xa xôi đến cứu, chẳng cũng khó lắm sao!” Biểu không nghe. Năm Tuấn sáu mươi tư tuổi, được chết lành ở Vũ Lăng, Công nghe tin thương cảm lắm. Lúc bình định Kinh Châu, Công thân tới bờ sông viếng tang, đem cải táng ở Giang Lăng, dâng biểu xin cho là bậc tiên hiền.

Ích châu mục Lưu Chương ban đầu vâng mệnh trưng tập lính thú, phái binh cung cấp quân lương. Tháng mười hai, Tôn Quyền giúp Bì vây đánh Hợp Phì. Công từ Giang Lăng đi đánh Bì, đến Ba Khâu, phái Trương Hí đến cứu Hợp Phì. Quyền nghe tin Hí đến, bèn bỏ chạy.

Sách Dị đồng của Tôn Thịnh bình rằng: Xét Ngô chí, Lưu Bì phá quân của Công trước, rồi sau Quyền mới vây đánh Hợp Phì, mà chỗ này chép rằng Quyền đánh Hợp Phì trước, sau mới có việc ở Xích Bích. Hai sách bất đồng, Ngô chí chép đúng.

Công đến Xích Bích, cùng Bì giao chiến, gặp bất lợi. Lúc ấy trong quân có đại dịch, quân sĩ bị chết rất nhiều, Công bèn dẫn quân về Bì bèn chiếm lấy Kinh Châu⁽⁷⁰⁾ và các quận phía nam sông Trường Giang.

Sơn dương công tái ký chép: Chiến thuyền của Công bị thiêu đốt ở đó, Công bèn dẫn quân theo đường Hoa Dung trở về, gặp bùn lầy, đường không đi được, trời lại có gió lớn, Công sai tất cả binh lính gầy yếu phải vác cỏ lấp những chỗ lầy lội, quân kỵ mới đi qua được. Đám quân sĩ gầy yếu bị người ngựa giầy xéo, bị vùi lấp trong bùn lầy, chết rất nhiều. Quân đã qua được, Công rất mừng, chư tướng hỏi việc ấy, Công nói: “Lư Bị, xứng đáng là đôi thủ của ta, chỉ hiềm hành động hơi chậm chạp, nếu y phóng hoả sớm hơn một chút, chúng ta đã chết rồi vậy.” Bị có cũng có phóng hoả nhưng không kịp.

Năm thứ mười bốn mùa xuân tháng ba, đưa quân đến Tiêu huyện, đóng thuyền nhẹ, thao luyện thuỷ quân. Mùa thu tháng bảy, từ sông Qua tiến vào sông Hoài, ra Phì thuỷ, đóng quân ở Hợp Phì. Hai mươi ba ngày sau, có lệnh rằng: “Gần đây, quân ta mấy lần đi chinh phạt, hoặc gặp dịch bệnh, quân sĩ tử vong chẳng thể trở về gia thất oán hận xót thương, trăm họ lưu li, bậc nhân giả há vui được hay sao? ấy là bất đắc dĩ vậy. Nay lệnh cho gia thuộc người đã chết những ai không có sản nghiệp chẳng thể tự mưu sinh, quan huyện không được cắt lương, các trưởng lại phải chiêu cố phủ dụ, sao cho tỏ rõ được ý nguyện của ta.” Lại đặt các chức trưởng lại ở các quận huyện thuộc Dương Châu, cho trồng hoa thược dược xen lẫn ruộng cấy. Tháng mười hai, quân quay về Tiêu huyện.

Mùa xuân năm thứ mười lăm, hạ lệnh nói: “Từ xưa vua nhận mệnh và nghiệp trung hưng, có vua từng chưa cùng người hiền quân tử trị thiên hạ sao! Lúc có được người hiền, từng không ra khỏi cổng nhà, há không đến gặp nhau sao? Chỉ e người làm vua không tìm họ mà thôi. Nay thiên hạ chưa định, đây là buổi phải nhanh tìm người hiền. ‘Mạnh Công Xước giúp họ Triệu, họ Ngụy thì tỏ tài năng, không làm Đại phu của nước Đằng, nước Tiết’. Nếu xét chọn kẻ sĩ nhưng dùng sau, vậy thì Tề Hoàn Công lấy gì mà xưng Bá ở đời! Nay thiên hạ không có kẻ mặc áo thô mà mang ngọc và người ngẫ câu cá ở bến sông Vị sao? Lại không có kẻ hiếp chị dâu nhận vàng và chưa gặp Vô Tri sao? Các ông hãy giúp ta xét tìm những người trong bọn thấp hèn, nếu có tài thì chọn, ta có được thì tất dùng họ”. Mùa đông, làm đài Đổng Tước.

Ngụy Vũ cố sự chép lệnh ngày kỉ Hợi tháng mười hai của Công rằng: “Ta lúc đầu cử hiều liêm, thừa trở tự thấy mình không phải là kẻ sĩ nổi danh nơi hang núi, sợ bị người trong nước thấy cái ngu hèn của mình, muốn làm một chức Quận thú, ưa sửa nắn giáo hóa để lập tiếng tốt, khiến cho người đời biết rõ ta; cho nên ngày trước ở tại nước Tế Nam, bắt đầu trừ tàn diệt xấu, tuyển chọn công bằng, trái ý các quan Thường thị. Cho nên bị bọn cường hào giận, ta sợ

gây họa cho người nhà, do đó xưng bệnh về quê. Sau khi bỏ quan, tuổi vẫn đang trẻ, ngoảnh xem trong bọn cùng làm quan thì có kẻ tuổi đã năm mươi, còn chưa cho là già. Do vậy tự xét tính, từ khi đó trở về trước đã hai mươi năm, đời thiên hạ yên, mới cùng bọn cùng làm quan so sánh mà thôi. Cho nên bỏ về quê nhà, ở phía đông huyện Tiêu năm mươi dặm đắp ngôi nhà nhỏ, mùa xuân mùa hạ thì đọc sách, mùa đông mùa xuân thì săn bắn, tìm địa vị ở dưới đáy, muốn lấy nước bùn tự che thân, dứt ý qua lại với tân khách, nhưng không được như ý. Sau bị gọi làm Đô úy, chuyển làm Điện quân hiệu úy, muốn vì nhà nước mà đánh giặc lập công, mong được phong Hầu làm Chinh tây tướng quân, rồi đó đề chữ trên bia mộ là: ‘Mộ của Chinh tây tướng quân của nhà Hán là Tào Hâu’. Đây là chí của ta vậy. Nhưng lại gặp nạn Đồng Trác, bèn dấy nghĩa binh. Bấy giờ tụ quân được nhiều, nhưng thường tự giảm bớt, không muốn có nhiều; vì sao như thế? Là vì quân nhiều thì ý nhiều, nếu tranh với địch mạnh thì chỉ chuốc lấy mầm họa, cho nên đánh mấy nghìn trận ở sông Biện, sau đó về đến Dương Châu tuyển quân, cũng không quá ba nghìn người, đây là chí ta có hạn vậy. Sau lĩnh chức ở Duyện Châu, phá hàng hơn ba mươi vạn quân Khăn vàng. Lại gặp lúc Viên Thuật tiếm hiệu ở quận Cửu Giang, kẻ dưới đều xưng thần, đặt tên cửa là cửa Kiến Hiệu, áo mặc đều là loại của thiên tử, hai người vợ cùng tranh làm Hoàng hậu. Mưu chí đã định, có người khuyên Thuật lên ngôi Đế, bố cáo thiên hạ, đáp nói: ‘Tào Công vẫn còn, không nên’. Sau ta đánh bắt được bốn tướng của Thuật, bắt được nhiều người của Thuật, bèn khiến cho Thuật thua chạy tan vỡ, phát bệnh mà chết. Kịp lúc Viên Thiệu chiếm miền Hà Bắc, thế quân mạnh mẽ, ta tự biết sức, thực không địch nổi, nhưng nghĩ rằng nhảy vào chỗ chết là vì nước, vì nghĩa mà diệt thân, cũng đủ truyền danh tiếng cho người sau. May mà phá được Thiệu, treo đầu hai con của hắn. Lại nữa Lưu Biểu tự cho là họ hàng của nhà vua, mang giữ lòng gian, chợt tiến chợt lùi để xem sự biến, chiếm được bản châu, ta lại định được, cuối cùng bình thiên hạ. Thân làm Tể tướng, thế là tôn quý tốt cùng của tôi thân rồi, còn mong gì hơn. Nay ta nói lời này, như là tự đại, nhưng muốn nói hết, không gì né tránh. Nếu nhà nước không có ta, thì không biết sẽ có mấy người xưng Đế, mấy người xưng Vương? Có kẻ thấy ta thế mạnh, tính vốn không tin vào mệnh trời, ta sợ họ bàn riêng với nhau cho rằng ta có chí không khiêm tốn, mưu kế xằng bậy, ta thường đau đầu. Tề Hoàn, Tấn Văn lưu tiếng tốt đến nay là vì thế quân của họ rộng lớn mà vẫn tôn thờ nhà Chu vậy. Luận ngữ chép ‘Thiên hạ chia ba phần thì nhà Chu có đến hai phần trong đó, vậy mà còn thờ nhà Ân, thế thì đức của nhà Chu có thể nói là lớn lắm’. Đây là có thể lấy nước lớn mà thờ nước nhỏ vậy. Xưa kia Nhạc Nghị chạy đến nước Triệu, vua Triệu muốn cùng Nhạc Nghị đánh nước Yên, Nhạc Nghị cúi xuống mà khóc, đáp rằng: ‘Thần thờ Chiêu Vương, cũng thờ Đại vương; nếu thần có lỗi, xin đày đến nước khác, đến chết là cùng, vẫn không nỡ hại lây đến dân chúng của nước Triệu, huống chi người nô tị của nước Yên!’ Vào lúc Hô Hạo giết Mông Điềm, Điềm nói: ‘Từ thời tổ tiên ta cho đến đời con cháu, được ba đời vua Tần tin cậy;

nay thân lĩnh hơn ba mươi vạn quân, sức này đủ để làm phản, nhưng tự biết rằng chết mà giữ nghĩa, không dám làm nhục cái đạo của tổ tiên mà quên ân của Tiên vương vậy'. Ta hãy đọc sách về hai người này, chưa từng không thương cảm rơi lệ vậy. Từ ông nội ta cho đến ta, đều tự thân nhận chức trọng, có thể nói là được tin cậy vậy, cho đến con ta là anh em bọn Thực, Hoàn là hơn ba đời rồi. Ta không chỉ đối với với các ông mà nói thế, mà còn nói với vợ con, đều sai phải nhớ kỹ lời này. Ta bảo họ rằng: 'Đợi sau khi ta muôn tuổi, các người đều được xuất giá, mong hãy theo ý ta, khiến cho người khác đều biết'. Lời này của ta đều là từ gan ruột. Ta dốc lời thành thật từ gan ruột là vì thấy Chu Công có sách Đẳng kim để tự bày tỏ tấm lòng, cũng lo người khác không biết được nguyên nhân. Nhưng muốn ta giảm bớt quân sĩ và quyền bính mà ta nắm giữ, trả lại trước Vũ Bình Hầu quốc, thực là không được vậy. Vì sao? Là vì nếu ta bỏ binh quyền thì sẽ bị người khác gây họa. Ta chỉ vì nghĩ kế cho con cháu, lại nữa nếu ta thua thì nhà nước cũng sẽ nghiêng đổ, cho nên không được cầu cái danh hảo mà chuốc phải họa lớn. Đây là điều không nên làm vậy. Ngày trước triều đình phong trước Hầu cho ba người con của ta, ta cố nường không nhận, nay lại muốn nhận lấy, không phải là muốn được vinh hiển, chỉ là muốn để làm phen dậu giúp đỡ ở bên ngoài, định kế vẹn toàn vậy. Ta nghe nói Giới Thôi đẩy tránh trước phong của nước Tấn, Thân Tư trốn né ban thưởng của nước Sở, chưa từng không vớt sách mà than, lấy đó tự răn mình vậy. Nhận lệnh của nhà nước, cầm lưỡi rìu đi đánh dẹp, lấy yếu để thắng mạnh, dùng nhỏ mà bắt lớn; mưu mà ta nghĩ làm chẳng sai lầm, điều mà ta mưu, việc gì chẳng thành? Rút cuộc dẹp bằng thiên hạ, không làm nhục thân mình, có thể nói là trời giúp nhà Hán, không phải là sức của người vậy. Nhưng được phong cả bốn huyện, thực ấp vạn hộ, có đức gì mà được nhận! Nhưng bốn cõi chưa yên, không thể nường chức; còn như đất phong thì có thể nường. Nay dâng trả hai vạn hộ ở ba huyện Dương Hạ, Chá, Khổ, chỉ ăn lộc vạn hộ ở huyện Vũ Bình, tạm mong chia xẻ lời chê giễu, giảm bớt lời trách oán ta vậy".

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười sáu,

Ngụy thư chép: Ngày canh thìn, thiên tử hạ lệnh giảm năm nghìn hộ, chia một vạn năm nghìn hộ của ba huyện mà Công nường để phong cho ba người con, phong Thực làm Bình Nguyên Hầu, Cứ làm Phạm Dương Hầu, Báo làm Nghiêu Dương Hầu, đều có thực ấp năm nghìn hộ.

Thiên tử bái Thế tử của Công là Phi làm Ngũ quan trung lang tướng, đặt quan thuộc, làm Thừa tướng phó. Người quận Thái Nguyên là bọn Cao Diêu đem huyện Đại Lăng làm phản, sai Hạ Hài Uyên, Từ Hoảng vây phá chúng. Trương Lỗ chiếm Hán Trung; tháng ba, sai Chung Do đánh hấn. Công sai bọn Uyên ra quận Hà Đông hội quân với Do.

Bấy giờ các tướng ở miền Quan Trung ngờ Do muốn tự đánh úp, Mã Siêu bèn cùng bọn Hàn Toại, Dương Thu, Lí Kham, Thành Nghi làm phản. Sai Tào Nhân đánh chúng, bọn Siêu đóng quân ở Đông Quan, Công lệnh các tướng rằng: “Quân sĩ miền Quan Tây cứng mạnh, phải giữ chắc lũy, chớ đánh với chúng”. Tháng bảy mùa thu, Công đánh phương tây,

Ngụy thư chép: Người bàn phần nhiều nói: “Quân miền Quan Tây mạnh, tập mâu dài, nếu không chọn kĩ quân tiên phong thì không thể địch nổi”. Công bảo các tướng rằng: “Đánh là tại ta, không phải tại giặc. Giặc dẫu tập mâu dài, ta sắp làm cho chúng không đâm được, các ông chỉ đứng xem mà thôi”.

đối cửa quan với bọn Siêu mà đóng quân. Công gấp chống giữ, lại ngấm sai bọn Từ Hoảng, Chu Linh buổi đêm vượt bến Bồ Bản, chiếm phía tây sông mà lập trại. Công từ phía bắc Đông Quan vượt sông, chưa qua, Siêu cười thuyền đánh gấp. Hiệu úy Đinh Phỉ nhân đó thả trâu ngựa để dụ giặc, giặc đến lấy trâu ngựa, Công bèn vượt được,

Tào Man truyện chép: Công sắp qua sông, tiên quân vượt trước, bọn Siêu chột đến, Công vẫn ngồi ở ghềnh không đứng dậy. Bọn Trương Cáp thấy việc gấp, cùng dẫn Công vào thuyền, nước sông chảy xiết, lúc vượt, bị trôi bốn năm, dăm, quân kỵ của bọn Siêu đuổi bắt, tên bay như mưa. Các tướng thấy quân vỡ, không biết Công chỗ nào, đều sợ hãi, đến lúc gặp mới vui mừng, có kẻ rơi lệ. Công cười to nói: “Hôm nay suýt bị giặc nhỏ gây khốn”!

men sông để mở đường về phía nam. Giặc rút về giữa ở cửa sông Vị, Công bèn đặt nhiều nghi binh, lén lấy thuyền chở quân vào sông Vị, làm cầu nổi, buổi đêm chia quân làm trại ở phía bờ nam sông Vị. Giặc buổi đêm đến đánh trại, bèn ém quân đánh phá chúng. Bọn Siêu đóng quân ở phía nam sông Vị, sai sứ giả làm tin cắt đất từ sông bờ đến phía tây để xin hòa, Công không theo. Tháng chín, đem quân vượt sông Vị.

Tào Man truyện chép: Bấy giờ quân Công hễ vượt sông Vị thì liền bị quân kỵ của Siêu đến đánh, không lập được trại, đất lại nhiều cát, không đắp được lũy. Lâu Tử Bá khuyên Công rằng: “Nay trời lạnh, có thể lấy cát đắp thành, dẫn nước rót vào, có thể một đêm thì xong”. Công theo lời, bèn làm nhiều túi lụa để chứa nước, buổi đêm đem quân vượt sông đắp thành, thành vững, do đó quân của Công đều vượt sông Vị hết. Có người ngờ rằng bấy giờ đang tháng chín, nước chưa đóng băng.

Thần là Tòng Chi xét Ngụy thư chép: Công vào tháng chín đến Đông Quan, tháng nhuận thì lên phía bắc vượt sông, thì lúc đó là tháng sáu nhuận vậy, đến đây có thể có rét đậm chẳng!

Bọn Siêu nhiều lần dụ đánh, lại không ứng; cố xin cắt đất, xin đem con đến làm tin, Công dùng kế của Giả Hủ, vờ ưng theo. Hàn Toại xin cùng gặp nhau với Công. Công cử hiệu liêm cùng năm với Toại, lại cùng bằng tuổi với Toại, do đó ngựa nói chuyện, không màng đến việc quân. Chỉ nói về việc cũ ở kinh đô, vỗ tay vui cười. Đã xong, bọn Siêu hỏi Toại rằng: “Tào Công nói gì”? Toại nói: “Không có nói nói gì “. Bọn Siêu nghi Toại.

Ngụy thư chép: Hôm sau Công lại gặp nói chuyện với bọn Toại, các tướng nói: “Công nói chuyện với giặc, không nên coi thường, nên lấy gỗ làm ngựa để phòng bị”. Công cho là phải, tướng giặc gặp Công, đều lên ngựa mà bái, người Tân, người Hồ xem, trước sau chen chúc, Công cười bảo giặc rằng: “Các ngươi muốn xem Tào Công chăng? Cũng giống người vậy, không có bốn mắt hai miệng, chỉ có nhiều mưu trí thôi”! Người Hồ trước sau đến xem. Lại bày hơn năm nghìn quân kỵ giáp sắt làm mười nhóm liên nhau, khí thế hăng hái, giặc thêm sợ hãi.

Hôm khác, Công gửi thư cho Toại, nhiều chỗ xóa bỏ, nhìn như Toại sửa lại; bọn Siêu thêm nghi Toại. Công bèn hẹn ngày hội đánh, trước đem quân nhỏ dụ chúng, đánh hồi lâu, rồi tung quân kỵ mạnh kẹp đánh, đại phá chúng, chém bọn Thành Nghi, Lí Kham; bọn Toại, Siêu chạy đến Lương Châu; Dương Thu trốn đến quận An Định; miền Quan Trung bình. Các tướng hỏi Công rằng: ” Lúc đầu giặc giữ Đông Quan, đường phía bắc sông Vị để trống, sao không từ Hà Đông đánh quận Phùng Dục mà lại giữ Đông Quan, sao phải dài ngày vượt lên phía bắc, sao vậy”? Công nói: “Giặc giữ Đông Quan, nếu ta vào vùng phía đông sông, giặc tất đến giữ các bến sông, vậy thì phía tây sông không vượt được; ta đem nhiều quân đến Đông Quan, giặc tất đem quân về phía nam, như thế vùng phía tây sông để trống, cho nên hai tướng mới chiếm được phía tây sông; sau đó dẫn quân vượt sông lên phía bắc, giặc không tranh được phía tây sông với ta, là vì có quân của hai tướng ở đấy vậy. Bày xe liên tiếp làm rào, mở đường xuống phía nam,

Thần là Tùng Chi xét: Năm thứ hai thời Cao Tổ, đánh với quân Sở ở vùng Huỳnh Dương, Kinh Sách, đắp đường lồi nổi lên sông để đến lấy thóc ở Ngao Thương. Ứng Thiệu nói: “Sợ địch cướp xe đô, cho nên đắp bờ tường thấy như ngô phô”. Nay Ngụy Vũ Đế không đắp bờ tường, nhưng bày xe liên tiếp làm rào để ngăn hai bên.

đã tỏ thế không thắng được, lại tỏ vẻ yếu kém. Vượt sông Vị làm lũy chắc, giặc đến đánh cũng không ra, do đó làm cho quân giặc kiêu căng; cho nên giặc không lập lũy trại mà xin cắt đất. Ta thuận mà hứa theo. Theo ý

của chúng, khiến chúng yên lòng mà không phòng bị, nhân đó nuôi sức quân sĩ, một sớm đánh chúng, đấy gọi là sấm đánh không kịp bịt tai, dùng binh biến hóa, không chỉ một đường vậy”. Lúc đầu, giặc thường đem một cánh quân đến, Công liền có vẻ mừng. Sau khi giặc phá, các tướng hỏi nguyên nhân. Công đáp rằng: “Quan Trung xa xôi, nếu giặc đầu giữ chỗ hiểm, nếu đánh chúng thì không phải một hai năm thì không không định được. Nay đầu tụ đến, quân chúng tuy đông, nhưng chẳng theo phục nhau, quân không có chủ lớn, vậy nên một trận là diệt được, lập công nhận thưởng, do đó ta mừng”.

Tháng mười mùa đông, đem quân từ Trảng An lên phía bắc đánh Dương Thu, vây quận An Định. Thu hàng, phong lại chức tước, sai võ về dân chúng.

Ngụy lược chép: Dương Thu vào giữa năm Hoàng Sơ chuyển làm Thảo khấu tướng quân, vị Đặc tiến, phong Lâm Kinh Hâu, được trọn đời.

Tháng mười hai, từ An Định về để Hạ Hầu Uyên đóng quân ở Trảng An.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười bảy, Công về đất Nghiệp. Thiên tử lệnh Công bái không xưng tên, vào chầu không phải đi nhanh, đeo kiếm lên điện, như Tiêu Hà ngày trước. Quân còn lại của Mã Siêu là bọn Lương Hưng đóng quân ở huyện Lam Điền, sai Hạ Hầu Uyên đánh dẹp chúng. Cắt các huyện Thang Âm, Trì châu Ca, Lâm Lự của quận Hà Nội, các huyện Vệ Quốc, Đốn Khâu, Đông Vũ Dương, Phát Can của Đông Quận, các huyện Anh Đào, Khúc Chu, Nam Hoa của quận Cự Lộc, huyện Nhâm Thành của quận Quảng Bình, huyện Tương Quốc, Hàm Đan, Dịch Dương của đất Triệu nhập vào quận Ngụy.

Tháng mười mùa đông, Công đánh Tôn Quyên.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười tám, đem quân đến Nhu Tu, đánh phá trại phía tây sông của Quyên, bắt được Đô đốc Công Tôn Dương của Quyên, rồi dẫn quân về Hạ chiếu gộp nhập mười bốn châu, lập lại thành chín châu. Tháng tư mùa hạ, đến đất Nghiệp.

Ngày bính thân tháng năm, thiên tử sai Ngự sử đại phu Si Lự cầm cờ tiết phong Công làm Ngụy

ông,

Tục Hán thư chép: Lự tự Hồng Dự, người huyện Cao Bình quận Sơn Dương. Lúc nhỏ được Trịnh Huyền dạy bảo. Đầu năm Kiến An làm Thị trung.

Giang Biều truyện của Ngụ Phô viết: Hiên Đế từng gặp riêng Lự và Thiệu phủ Khổng Dung, hỏi Dung rằng: “Hồng Dự có tài gì”? Dung nói: “Nên bảo chính đạo, không nên trao quyền”. Lự cầm hốt nói: “Dung ngày xưa trông coi quận Bắc Hải, chính sự tan nát, dân chúng vỡ lở, quyền của Dung chỗ nào”? Rồi cùng Dung ganh đua hơn kém, dẫn đến không hòa. Công gửi thư hòa giải họ. Lự từ chức Quang lộc đại phu chuyển làm Đại phu.

chiếu nói: “Trẫm vì không có đức, lúc nhỏ gặp tai họa, chạy qua phương tây, dờn đến mi ền Đường, Vệ. Vào lúc bấy giờ, rồi như tơ vò vậy,

Công Dương truyện chép: “Ông rồi như tua cò” Hà Hưu nói: “Tua cò giống tơ vò. Nói sánh với tua cò, nói là bị kẻ dưới bắt đi đông đi tây”.

ít tề tông miếu, xã tắc không có chủ, bọn ác nhòm ngó, chia cắt Hoa Hạ, dân trong cả nước, trẫm không trị được, li ền muốn theo mệnh Cao Tổ mà muốn vùi xuống đất, trẫm sớm dậy tối ngủ, tim gan đau xót, nói: ‘Tổ ơi, cha ơi, các bậc tiên chính ơi,

Lệnh của Văn Hâu chép: “Cũng là tiên chính”.

Trịnh Huyền nói: “Tiên chính cũng là bây tôi thời trước. Nói về công khanh, Đại phu vậy”.

người nào giúp được thân trẫm’? Bèn mặc cho trời, gửi gắm Thừa tướng giữ gìn xã tắc ta, cứu giúp lúc gian khó, trẫm thật nhờ vào ông. Nay sắp trao điển lễ cho ông, ông nên kính nghe lệnh của trẫm. Xưa kia Đồng Trác vừa gây nạn nước, chư hầu bỏ vị để mưu giúp nhà vua,

Tả thị truyện chép: “Chư hầu bỏ vị để giúp vua”.

Phục Kiên nói: “Nói là chư hầu bỏ vị riêng của mình để giúp Nhà vua”.

ông lại đến giúp, bắt đầu dấy binh, dấy là lòng trung của ông đối với tri ều đình. Sau giặc Khăn vàng thay đổi lễ trời, lấn ba châu của ta, gây loạn đến dân đen, ông lại cất trừ chúng để dẹp yên mi ền đông của Hoa Hạ, đấy lại là công của ông. Hàn Tiêm, Dương Phụng chuyên quyền ra oai, ông lại đến đánh, dẹp bỏ nạn ấy, rồi dờn đô đến đất Hứa, đặt quan cúng tế, không trái phép cũ, trời đất quỷ thần do đó cũng giữ lễ phải, đấy cũng là công của ông. Viên Thuật tiếm nghịch, phóng túng ở mi ền Hoài Nam, sợ hãi uy của ông, ông bày mưu hay, trong trận Kì Dương, treo đầu Kì ầu Nhuy, oai trùm nam bắc, Thuật vì thế tan vỡ, đấy cũng là công của ông. Lại trở giáo đánh phương đông, Lữ Bố bị giết, quay xe đánh lại, Trương Dương gục chết, Khuê Cỗ chịu tội, Trương Tú cúi phục, đấy cũng là công của ông. Viên Thiệu làm loạn lễ trời, mưu đổi xã tắc, cậy quân của mình, oai lừng cả nước, vào lúc bấy giờ, quân vua nhỏ yếu, thiên hạ run sợ, chẳng ai vững

chí, ông lại càn cò tiết, sáng trùm Mặt trời, hăng hái lĩnh quân, dùng kế thần vũ, đến cùng bên Quan Độ, giết hết bọn xấu,

Kinh Thi chép: “Đến chỗ cùng trời, đến đông Mục Dã”.

Trịnh Huyền nói: “Giới là chỗ cùng”.

Hồng phạm viết: “Cần bị giết chết”.

nhà nước tránh khỏi nguy khốn, đấy cũng là công của ông. Dem quân vượt sông, dẹp yên bốn châu, Viên Đàm, Cao Cán đều phải treo đầu, giặc biển trốn chạy, giặc Hắc Sơn theo lệnh, đó cũng là công của ông. Người Ô Hoàn ở ba quân, gây loạn suốt hai đời, Viên Thượng dựa theo chúng, chiếm giữ cõi bắc, ông lại buộc ngựa kéo xe, một trận là diệt, đấy cũng là công của ông. Lưu Biểu phản nghịch, không nạp cống vật, đem quân đi đánh, uy phong lẫn lút, tám quận ở đất Bách Việt trối tay quỳ gối, đấy cũng là công của ông. Mã Siêu, Thành Nghi đều cùng giúp nhau, chiếm lấy vùng Hà, Đông, buông thả tự ý, ông lại tiêu trừ chúng ở phía nam sông Vị, dăng vạn cái tai, bèn định vùng biên, vỗ về người Nhung, Địch, đấy cũng là công của ông. Người Tiên Ti, Đinh Linh rong ruổi mà đến, người Tiên Vu, Bạch Ốc xin quan nhận chức, đấy cũng là công của ông. Ông có công định thiên hạ, thêm có đức sáng, tuôn ra khắp nước, làm đẹp phong tục, chăm dạy lễ giáo, cẩn thận xét ngục, quan lại không dám làm càn, dân không mang lòng ác; tôn thờ nhà vua, nối lại nước đã đứt, đức cũ công trước, không công không thưởng; dẫu Y Doãn lay động trời cao, Chu Công sáng khắp bốn cõi, cũng không được như thế. Trẫm nghe nói bậc vua thời trước đều nêu đức sáng, lấy đất phong để đền đáp, trao dân để phân phong, yêu thích phép cũ, sắm đủ vật lễ là để làm phen dậu của nhà vua, cứu giúp thời loạn. Vào thời Chu Thành Vương, Quản, Sái không yên, đánh kẻ gây nạn, thưởng người lập công, mới sai Thiệu Khang Công ban lộc cho Tề Thái Công, phía đông đến bờ biển, phía tây đến sông Hà, phía nam đến Mục Lăng, phía bắc đến đất Vô Lệ, bọn Ngũ hầu, Cửu bá, đều được đánh họ, ở đời nắm ngôi Thái sư, để trông coi miền đông; rồi đến thời Tương Vương, người nước Sở không theo cống chức, lại lệnh Tấn Văn Công lên làm Hầu bá, ban cho hai cỗ xe to, áo hồ, rìu búa, rượu nếp, cung tên, dấy lên ở miền Nam Dương, cả đời làm minh chủ. Nhà Chu ngày trước không võ lở, thực là nhờ vào hai vị ấy. Nay đức của ông sáng rõ, cúi mình thờ trẫm, vâng theo mệnh trời, dương mở uy liệt, nói rộng chín cõi, chẳng ai không phục,

Bàn Canh nói: “Vỗ về dân chúng”.

Trịnh Huyền nói: “Tuy, ư vậy, vỗ về dân chúng”.

Quân Thích nói: “Đến tại bờ biển nơi Mặt trời mọc, chẳng ai không phục”.

Suất là theo. Tỉ là sai khiến. Nơi xa bốn cõi, nơi mà Mặt trời chiếu đến, không ai không theo phép tắc và sai được.

công cao hơn cả Y, Chu, mà thường ít hơn Tề, Tấn, trăm rất hổ thẹn. Trăm là kẻ yếu kém, chịu nhận ngôi đứng đầu muôn dân, làm việc khó này như lội vực sâu, nếu ông không giúp, trăm không làm được. Nay đem các quận Hà Đông, Hà Nội, Ngụy Quận, Triệu Quốc, Trung Sơn, Thường Sơn, Cự Lộc, An Bình, Cam Lăng, Bình Nguyên của Kí Châu phong ông làm Ngụy Công. Ban cho ông đất đen, tặng ông cò trắng, đốt bó mai rùa, đắp dựng xã tắc. Xưa vào thời nhà Chu, Tất Công, Mao Công vào làm Ngự tá, Chu, Thiệu làm Sư bảo, ra làm Mục bá, coi việc trong ngoài, ông thực xứng như vậy, vẫn bái làm Thừa tướng lĩnh chức Kí Châu Mục như cũ. Lại ban thêm cho ông lễ ‘cửu tích’, ông hãy kính nghe lệnh trăm. Dừng ông sắp đặt phép tắc, dạy dân noi theo, sai yên chức nghiệp, không ai đổi chí. Ban cho ông cỗ xe lớn, một cỗ xe binh, hai con ngựa đực đen. Ông khuyến khích chức phận, nhà nông gắng cày,

Bàn Canh nói: “Bỏ nghề nông để yên, không gắng làm việc”.

Trịnh Huyền nói: “Hôn là gắng”.

thóc vải chất đầy, nghiệp lớn trời dấy, do đó ban ông áo miện cõn, giày đỏ. Ông chất phác khiêm nhường, dân đen làm theo, lớn nhỏ có lễ, trên dưới hòa thuận, cho nên ban ông khúc nhạc ‘hiên huyên’, điệu múa ‘lục dật’. Ông sửa nắn phong tục, truyền khắp bốn cõi, phương xa ngưỡng phục, Hoa Hạ sung túc, do đó ban ông ở nhà đỏ. Ông xét nghĩ sâu xa, biết Đế gặp nạn, trao chức cho người tài, dùng người hiền, đều cử bọn tốt, cho nên ban ông được lên thềm ‘nap bệ’. Ông nắm quyên binh, chính lệnh đúng đắn, tội dù nhỏ nhất, chẳng gì không chặn. Cho nên ban ông ba trăm quân hộ bên. Ông kính theo lẽ trời, nêu rõ hình pháp,

Lời “kiểu kiên thiên hình” xuất từ Quốc ngữ,

Vì Chiêu chú nói: “Kiểu là tế vậy, kiên là kính vậy, hình là pháp vậy”.

kẻ phạm pháp trái luật, chẳng ai không bị trừng phạt, cho nên ban ông một cái búa rìu. Ông như rồng bay hổ cuộn, nhìn rõ tám hướng, đánh dẹp phản nghịch, vỗ về bốn cõi, cho nên ban ông một cây cung đỏ, trăm mũi tên đỏ, mười cây cung đen, trăm mũi tên đen. Ông lấy sự cung kính làm tính, lòng hiếu kính làm đức, nghiêm minh thành thật, làm trăm cảm động,

cho nên ban ông một hũ rượu nếp, cùng muôi ngọc khuê. Nước Ngụy được đặt trăm quan công khanh dưới quan Thừa tướng, đều như chế độ chư hầu Vương thời đầu nhà Hán. Mong thay, kính theo lệnh trăm! Chăm lo dân của người, nêu lập công lao, giữ trọn đức sáng của người để nêu rõ mệnh lệnh của Cao Tổ ta”!

Lời viết trên này là của Thượng thư hữu thừa Phan Úc nhà Hậu Hán. Úc tự Nguyên Mậu, người huyện Trung Mậu quận Trần Lưu.

Ngụy thư chép lệnh của Công rằng: “Việc nhận cửu tích, dựng lập xã tắc, Chu Công là người như thế. Tám vị Vương khác họ của nhà Hán là người áo vải cùng nổi dậy với Cao Tổ, lập nên nghiệp vương, công của họ rất lớn, ta sao sánh được”?

Trước sau nhường ba lần, do đó bọn Trung quân sư Lục Thụ Đình Hâu là Tuân Du, Tiền quân sư Đông Vũ Đình Hâu là Chung Do, Tả quân sư Lương Mậu, Hữu quân sư Mao Giỏi, Bình lỗ tướng quân Hoa Hương Hâu là Lưu Huân, Kiến vũ tướng quân Thanh Uyển Hâu là Lưu Nhược, Phục ba tướng quân Cao An Hâu là Hạ Hâu Đôn, Dương vũ tướng quân Đô đình hầu là Vương Trung, Phấn uy tướng quân Đông Hương Hâu là Lưu Triễn, Kiến trung tướng quân Xương Hương Hâu là Tiên Vu Phụ, Phấn vũ tướng quân An Quốc Đình Hâu là Trình Dục, Thái trung đại phu Đô Hương Hâu là Giả Hủ, Quân sư tế tửu Thiên Thu Đình Hâu là Đồng Chiêu, Đô đình hầu Tiết Hồng, Nam Hương Đình Hâu là Đồng Mông, Quan nội hầu Vương Xán, Phó Tồn, Tế tửu Vương Tuyền, Viên Hoán, Vương Lang, Trương Thừa, Nhâm Phan, Đỗ Tập, Trung hộ quân Quốc Minh Đình Hâu là Tào Hồng, Trung lĩnh quân Vạn Tuế Đình Hâu là Hàn Hạo, Kiêu kỵ tướng quân An Bình Hâu là Tào Nhân, Lĩnh hộ quân tướng quân Vương Đồ, Trưởng sử Vạn Tiêm, Tạ Hoán, Viên Lộ tấu khuyên rằng: “Ngày xưa từ thời Tam đại, lấy đất phong cho bấy tôi, chịu mệnh trung hưng, ban thưởng cho phụ tá, đều khen công tưng đức, làm phiên dậu cho nhà nước. Vừa rồi thiên hạ vỡ lở, bọn anh hào nổi dậy, làm việc bạo ngược sa đọa. Minh công dẫn thân nhận lệnh để trừ nạn, giết hai họ Viên tiếm nghịch, diệt bọn giặc Khăn vàng làm loạn, giết sạch kẻ đứng đầu, gột rửa như bản, dãi dậu sương tuyết hơn hai mươi năm, từ khi có sách vở đến nay, chưa có ai lập công như thế. Xưa kia Chu Công nổi nghiệp của Văn Vương, Vũ Vương, do đó tạo nên nghiệp lớn, gột dậu nắm bút, trông coi chư hầu, trừ hại Thương, Yểm, không quá hai năm, Lữ Vọng nhân hình thế chiếm hai phần ba, dựa vào sức của tám trăm chư hầu, cầm cờ mao tiết việt, một lúc lướt rập, sau đó lập dựng xã tắc, thu đất lập nước. Tám con của Chu Công đều làm Hầu, Bá, dùng trâu trắng lông đỏ mà cúng tế trời đất, sắp đặt điển chương, đắp dựng cung phủ, vẻ vang lừng lẫy như thế. Rồi đến nhà Hán nổi lên, bấy tôi giúp sức, Trương Nhĩ, Ngô Nhuế, công của họ rất nhỏ nhưng cũng được mở đất xây thành, ngoảnh mặt phía nam xưng Vương. Đấy đều là vua sáng chúa giỏi ở trên, tôi hiền tế thánh giúp ở dưới, do đó có chính lệnh của Tam đại, phép

điền của nhà Hán. Nay sánh công thì Chu, Lữ nép bỏ, kể công thì Trương, Ngô ẩn nấu, bàn phép tắc thì trọng hơn Tê, Lỗ, nói về đất thì nhiều hơn Trương Sa; vậy thì tước phong của nước Ngụy phải được cái vẻ vang của lễ cử tích, hưởng chi còn có tặng thưởng ngày trước, vẫn được đeo ngọc mà mặc áo thô vậy. Vả lại các bọn Hầu, tướng được nhờ đế vương, cũng được thưởng công, đeo dây thao tím mặc áo màu vàng, có đến hàng trăm, cũng do đó mà truyền cho vạn đời, mà chỉ có mình công từ chối ngôi ngai cao, sẽ khiến cho kẻ dưới không tự yên lòng, trên trái lòng vui của nhà vua, dưới làm mất lòng mong mỏi của kẻ đội mũ đai, bỏ quên nghiệp lớn của người phụ tá, đây là việc nhỏ của kẻ tâm thường, là cái mà bọn Tuân Du rất sợ hãi”. Do đó Công hạ lệnh ra ngoài, nhưng chỉ nhận đất Ngụy Quận. Bọn Tuân Du lại nói: “Xét thấy vừa phong nước Ngụy, triều đình sinh lo, nên hỏi kẻ trăm quan, rồi mới hạ lệnh. Mà mình công trái ý của nhà vua lâu ngày như vậy là không phải là có lễ lớn. Nay đã kính nhận chiếu lệnh, theo lòng mong mỏi của dân chúng, lại muốn từ chối nhiều lần, nhưng chín nhận một, là như tước thưởng của nhà Hán không được ban phong, là điều mà bọn Du xin không được nghe theo vậy. Xưa Tê, Lỗ được phong, thu lấy miền đông, đất đai thu thuế có đến bốn trăm vạn nhà, nên to móng rộng, để lấy đó mà lập công, cho nên lập công giúp đỡ, dựng công phụ tá. Nay nước Ngụy dẫu có tiếng là mười quận, nhưng ít hơn thành Khúc Phụ, tính về số hộ, không bằng một nửa, để làm phiên dậu cho nhà vua, dựng cấm rào che, như vậy vẫn chưa đủ vậy. Vả lại nhà vua xét nhà Tân mất vì cái họa không có người giúp đỡ, trách cái nạn nhiễu loạn của ngày trước, chọn dùng trung hiền, đắp sửa nền móng, mong mình công kính theo lệnh vua, chớ do dự làm trái”. Công mới nhận lệnh.

Ngụy lược chép thư tạ của Công rằng: “Thần chịu ơn dày của Tiên đế, làm đến chức Lang, bản tính lười biếng nhưng mong vẹn toàn, không dám mong ngôi ngai cao, coi vẻ vang là thứ yếu. Gặp lúc Đồng Trác làm loạn, lẽ ra nên liều chết vì nạn nước, cho nên dám nhận lệnh dẫn thân, đi đâu lĩnh quân sĩ, bèn nắm được dịp may nghìn năm mới có, được sắp đặt quan thuộc. Vào thời hai họ Viên sôi sục xâm hại, bề hạ và thần cùng lo lắng, ngưỡng về kinh sư, đánh chống giặc mạnh, thường sợ vua tôi sa vào miệng hổ, thực là không tự nghĩ là giữ được đầu cổ. Cậy vào anh linh của tổ tiên, bọn xấu bị diệt trừ, khiến cho kẻ bày tôi hèn mọn được vang danh nơi ấy. Bề hạ ban thêm ân sủng, trao chức Thừa tướng, phong tước cấp lộc, nhiều lớn trọng hậu. Ước muốn lúc bình sinh thực là không dám mong thế. Miệng nói với lòng rằng được yêu thích là tự mình đợi bị phạt tội, chỉ muốn giữ tước Liệt hầu, truyền cho con cháu mà thôi, như thế tự gửi gắm cho đời, mãi không phải lo lắng. Không ngờ bề hạ dãi bày ý tốt, phong đất ban hưởng cho kẻ bày tôi hèn kém này, đất sánh với Tê, Lỗ, lễ ngang hàng phiên vương, nếu không phải tôi thân có công thì không được nhận lấy. Thần tấu lên bề hạ, không chịu nghe theo, mà bề hạ lại gấp hạ chiếu đến, thực là khiến cho thần cúi xuống ngẩng lên đều bị bức ép. Thần cúi tự xét mình đã nắm vị đại thần, mà làm ngôi Vương nữa thì thần không nên nhận, há dám tự ý? Ý của kẻ ngu này

là từ chôi, xin được giữ chức lúc đầu. Nay phải nhận đất đai, sắp đặt làm phen dậu, thần không dám trái lệnh, truyền cho đời sau; cha con thần cùng thế trọn đời, đem thân tan mạng hết để đền đáp ơn dày. Oai trời trước mặt, sợ hãi nhận chiếu”.

Tháng bảy mùa thu, bắt đầu dựng tông miếu xã tắc của nước Ngụy. Thiên tử hỏi ba con gái của Công làm quý nhân, người còn nhỏ phải đợi lớn lên ở nước Ngụy.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai sứ cầm cờ tiết theo Thái thường Đại tư nông An Dương Đình Hâu là Vương Ấp đem các đô ngọc, năm vạn thất lụa, lụa đen nhạt, lụa sồng đến đất Nghiệp làm lễ hỏi, năm người làm môi, đều lấy làm Nghị lang, làm việc Đại phu, một người làm Phó giới.

Tháng chín, xây đài Kim Hồ, đào kênh dẫn nước sông Chương vào rãnh Bạch Câu để thông vào sông. Tháng mười mùa đông, chia quận Ngụy làm bộ Đông, Tây, đặt quan Đô úy. Tháng mười một, bắt đầu đặt quan Thượng thư, Thị trung, Lục khanh.

Ngụy thị Xuân thu chép: Lấy Tuân Du làm Thượng thư lệnh, Lương Mậu làm Bộc xạ, Mao Gió, Thôi Diễm, Thường Lâm, Từ Dịch, Hà Quỳ làm Thượng thư, Vương Xán, Đỗ Tập, Vệ Kí, Hòa Trị làm Thị trung.

Mã Siêu tại huyện Hán Dương lại dựa vào người Khương, Hồ gây hại, vua của người Đê là Thiên Vạn làm phản theo Siêu, đóng quân ở huyện Hưng Quốc. Sai Hạ Hầu Uyên đánh chúng.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười chín, bắt đầu cày ruộng tịch điền. Người quận Nam An là Triệu Cù, người huyện Hán Dương là Doãn Phụng đánh Siêu, chém bêu đầu vợ con của Siêu, Siêu trốn đến Hán Trung. Hàn Toại chạy đến quận Kim Thành, vào làm bộ tướng của vua của người Đê là Thiên Vạn, đem hơn vạn quân kị Khương, Hồ đánh với Hạ Hầu Uyên, đánh phá được chúng, Toại chạy đến quận Tây Bình. Uyên cùng các tướng đánh huyện Hưng Quốc, làm cỏ huyện này. Bỏ các quận An Đông, Vĩnh Dương.

An Định Thái thú Quán Khâu Hưng sắp đến làm quan, Công răn nói: “Người Khương, Hồ qua lại với Trung Quốc, nên tự làm cho người ta đến theo, cẩn thận chớ khiến người ta bỏ đi. Có được người tốt thì khó, phải khuyên bảo người Khương, Hồ làm đi đầu xằng bậy nhân đó để mưu lợi, không nên tự ý làm trái thói tục của họ, nếu tự ý làm thì không có ích”. Hưng đến, sai Hiệu úy Phạm Lăng đến miền Khương Trung, Lăng quả

nhiên dạy người Khương, sai họ tự xin làm Thuộc quốc đô úy. Công nói: “Ta biết trước như thế, dầu chẳng phải thánh, nhưng phần lớn đúng thế”.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai quan Thái thường sự Đại tư nông An Đình Hâu là Vương Ấp cùng Tông chính Lưu Ngải đều cầm cờ tiết, năm người mỗi người, đem xe nghê lựa bó, cùng quan Cấp sự, Hoàng môn Thị lang, hai viên Dịch đình thừa, Trung thường thị đón hai quý nhân ở nước Ngụy. Ngày quý hội tháng hai, lại ở tông miếu của Ngụy Công trao ấn thao cho hai quý nhân. Ngày giáp tí, đến cửa Diên Thu thuộc cung của Ngụy Công, đón quý nhân lên xe. Ngụy Công sai Lang trung lệnh, Thiếu phủ, Bác sĩ, Ngự sử thừa Hoàng cứu lệnh, Thừa tướng duyệt thuộc theo hầu hộ tống quý nhân. Ngày quý dậu, hai quý nhân đến giữa đình Vị Thương, sai Thị trung Đan Tương Nhữ dẫn quân hộ bộ trước sau đi ngựa trạm đến đón. Ngày ất Hợi, hai quý nhân vào cung, Ngự sử đại phu, quan hai nghìn thạch đem các Đại phu, Nghị lang hội ở giữa điện, hai quan khanh và hai viên Thị trung, Trung lang của nước Ngụy cùng với các công khanh của nhà Hán lên điện dự yến.

Tháng ba, thiên tử sai Ngụy Công giữ ngôi trên các Vương, Hâu, đổi trao cho ấn vàng, thao đỏ, mũ dải dài.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai Tả trung lang tướng Dương Tuyên, Đình hầu Bùi Mậu cầm cờ tiến đến trao ấn thao cho Ngụy Công.

Tháng bảy mùa thu, Công đánh Tôn Quyên.

Cửu châu xuân thu chép: Tham quân Phó Cán can rằng: “Việc lớn trị thiên hạ có hai, đây là văn và võ; dùng võ thì ra uy trước, dùng văn thì tỏ đức trước, uy đức đủ để giúp nhau, do đó phép vua mới vững. Ngày trước thiên hạ loạn lạc, trên dưới trật bậc, mình công dùng võ mà dẹp trừ. Mười phần yên đến chín. Nay kẻ chưa theo lệnh vua là Ngô và Thục. Ngô có cái hiểm của sông dài, Thục có cái trở của núi cao, khó dùng uy mà ép phục được, chỉ dễ dùng đức mà mà võ về. Kẻ ngu này cho rằng nên cất giáp nghỉ quân, nuôi quân dưỡng dân, chia đất ban phong, luận công tặng thưởng, như thế thì trong ngoài vững lòng, khuyến khích lập công, thế thì thiên hạ sẽ biết phép tắc vậy. Rồi sau dân mở mang trường học để dạy bảo đức hạnh mà nuôi dưỡng người có tiết nghĩa. Công có uy vũ vang lừng bốn cõi, nếu sửa văn để mưu đô thì khắp dưới vòm trời, không ai không thần phục vậy. Nay đem mười vạn quân đóng ở bên sông lớn, nếu giặc dựa chỗ chắc nấp chỗ sâu, thì quân mã không thể trở hết sức lực, mưu lạ kì không có chỗ dùng được, lúc ấy làm mất uy lớn lại làm cho lòng địch không phục. Mong mình công nghĩ đến nghĩa Ngu Thuấn múa khiên kích, giữ uy nuôi đức, lấy đạo mà đánh thắng”. Công không theo, quân bèn chẳng lập công. Cán tự Ngạn Tài, người quận Bắc Địa, cuối cùng làm Thừa tướng thương tào thuộc. Có con là Huyền.

Lúc trước, người quận Lũng Tây là Tổng Kiến tự xưng là Hà Thủ Bình Hán Vương, tụ quân ở huyện Bao Hãn, đổi niên hiệu, đặt trăm quan, được hơn ba mươi năm. Sai Hạ Hài Uyên từ huyện Hưng Quốc đánh Tổng Kiến. Tháng mười mùa đông, làm cỏ huyện Bao Hãn, chém Kiến, miền Lương Châu được bình.

Tháng mười một, Hoàng hậu của nhà Hán là Phục Thị buổi đêm gửi thư cho cha là Đồn kị hiệu úy Hoàn, nói là Đế từ khi Đồng Trác bị giết đến nay có ý oán giận Công, lời rất xấu xa, nghe tin, phẫn Hoàng hậu bắt chết, anh em đều bị khép tội.

Tào Man truyện chép: Công sai Hoa Hâm đem quân vào cung bắt Hậu, Hậu đóng cửa nấu trong vách. Hâm phá cửa đập vách, bắt Hậu ra. Đế bấy giờ cùng ngồi với Ngự sử đại phu Sĩ Lự, Hậu bị bắt đi chân trần qua, cầm tay Đế nói: “Không được sống cùng sao”? Đế nói: “Ta cũng không biết tính mạng ra sao”. Đế bảo Lự nói: “Sĩ Công, thiên hạ há có việc như thế chẳng”? Bèn đem Hậu ra giết. Hoàn cùng họ hàng bị giết chết đến mấy trăm người.

Tháng mười hai, Công đến bến Mạnh Tân. Thiên tử sai Công đặt cờ mao đầu, cung điện treo dàn chuông khánh. Ngày ất mùi, lệnh rằng: “Kẻ sĩ có đức hạnh chưa hẳn được chọn dùng, kẻ sĩ được chọn dùng chưa hẳn đã có đức hạnh. Trần Bình há có đức hạnh, Tô Tần há giữ tín sao? Thế nhưng Trần Bình dựng nghiệp nhà Hán, Tô Tần giúp nước Yên yếu; do đó nói rằng, kẻ sĩ có cái tốt cái xấu, há bỏ được sao! Quan coi việc phải xét rõ ý này thì kẻ sĩ không bị ngăn chặn, quan lại không bỏ nghiệp vậy”. Lại lệnh rằng: “Hình pháp là tính mạng của trăm họ, vậy mà có quan coi ngục trong quân không cho là như thế; lại nắm giữ sinh mạng của ba quân, ta rất lo lắng. Nay phải chọn rõ kẻ thông hiểu lí lẽ, sai nắm việc hình pháp”. Do đó đặt quan Lí tào duyệt thuộc.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai mươi, thiên tử lập con gái giữa của Công làm Hoàng hậu. Cắt các quận Vân Trung, Định Tương, Ngũ Nguyên, Sóc Phương, mỗi quận cắt một huyện để lĩnh dân, hợp lại lập thành quận Tân Hưng.

Tháng ba, Công đến phương tây đánh Trương Lỗ, đến ải Trần Thương, sắp từ quận Vũ Đô vào đất của người Đê, người Đê chặn đường, bèn sai bọn Trương Cáp, Chu Linh đi trước đánh phá chúng. Tháng tư mùa hạ, Công từ Trần Thương đi ra Tản Quan, đến Hà Trì. Vua người của Đê đem hơn mười vạn quân mạnh dựa chỗ hiểm không phục; tháng năm, Công

đánh giết chúng. Các tướng ở quận Tây Bình, Kim Thành là bọn Khúc Diễn, Tưởng Thạch cùng chém đem đầu Toại đến.

Diễn lược chép: Toại tự Văn Ước, lúc trước cùng với người cùng quận là Biên Chương nổi danh ở miền tây. Chương làm Đốc quân tông sự. Toại nghe lệnh đến kinh sư, Hà Tiến vốn nghe tên tuổi, cùng gặp riêng, Toại khuyên Tiến nên bắt giết bọn hoạn quan, Tiến không nghe theo, bèn xin về. Lúc người Lương Châu là bọn Tống Dương, Bắc Cung Ngọc làm phản, bầu Chương, Toại làm chủ, Chương chốc lát bệnh chết, Toại bị bọn Dương bắt, Toại bất đắc dĩ bèn đem quân làm loạn, đã ba mươi hai năm, đến đây thì chết, thọ hơn bảy mươi tuổi.

Linh Đế kỉ của Lưu Ngải chép: Chương còn có tên là Doãn.

Tháng bảy mùa thu, Công đến ải Dương Bình. Trương Lỗ sai em là Vệ cùng tướng là bọn Dương Ngang dựa vào giữ Dương Bình, chặn ngang núi đắp thành hơn mười dặm, đánh mà không chiếm được, bèn dẫn quân về. Giặc thấy đại quân rút, quân phòng bị trở nản. Công lại ngầm sai bọn Giải Phiếu, Cao Tộ từ chỗ hiểm buổi đêm đánh úp, đại phá chúng, chém tướng chúng là Dương Nhâm, rồi đến đánh bọn Vệ, bọn Vệ buổi đêm chạy trốn. Lô tan chạy vào miền Ba Trung. Công đem quân vào huyện Nam Trịnh, thu hết vật báu, kho tàng của Lỗ.

Ngụy thư chép: Quân từ núi Vũ Đô đi nghìn dặm, trèo lên chỗ cao hiểm, quân sĩ mệt mỏi; Công do đó bày hội ăn lớn, quân chẳng ai không quên mệt.

Người vùng Ba, Hán đầu hàng. Lại lấy quận Hán Ninh nhập vào quận Hán Trung; chia các huyện An Dương, Tây Thành của quận Hán Trung lập ra quận Tây Thành, đặt quan Thái thú; chia huyện Tích, quận Thượng Dung, đặt quan Đô úy.

Tháng tám, Tôn Quyền vây Hợp Phì, bọn Trương Liêu, Lí Điển đánh phá Tôn Quyền.

Tháng chín, bảy họ lớn của quận Ba là vua người Di tên là Phác Hồ, viên ấp hầu của người Tung là Đổ Hoạch đem người Di, Tung ở quận Ba đến nội thuộc.

Tôn Thịnh nói: “Phác âm ‘phu’, Hoạch âm ‘hộ’”.

Do đó chia quận Ba, lấy Hồ làm Ba Đông Thái thú, Hoạch làm Ba Tây Thái thú, đầu phong Liệt hầu. Thiên tử lệnh Công thừa lệnh phân phong quan Thái thú, Tướng quốc của chư hầu.

Hán Ngụy xuân thu của Không Diễn chép: Thiên tử dùng Công coi xét ở ngoài, thường người có công, bái người nhanh nhẹn, lại lệnh Công được phân phong Mục thú, Tướng quốc của chư hầu, chiếu nói: “Việc lớn của quân đội là việc

thường phạt, khuyến thiện trừ ác, không nên để lâu, cho nên Tư mã pháp chép: ‘Thường không để lâu ngày’, muốn cho dân nhanh thấy được lợi của việc thiện vậy. Xưa vào thời trung hưng, Đặng Vũ vào cửa quan, thừa lệnh bái Quân tể tửu Lí Văn làm Hà Đông Thái thú, Lai Thiệp lại thừa lệnh phong Cao Tuấn làm Thông lộ tướng quân, xét truyện về những người ấy, đều không xin lệnh trước, xét rõ việc mà phong bái, đây là Thế Tổ thần minh, biết rõ tổn ích, đại khái là nêu bày uy phong mà ghi rõ công lớn vậy. Theo nghĩa Xuân thu, Đại phu ra khỏi nước, việc tự ý truyền lệnh, chỉ là tạm làm lợi xã tắc nhà nước mà thôi. Huống chi ông chuyên dùng lệnh của Tể bá, sửa trị chín cõi, dẹp yên Di, Hạ, lại đem quân ra nơi xa xôi, được thua chỉ trong chốc lát, nếu dùng thưởng để đợi chiếu lệnh thì làm lỡ việc, là cái mà trăm không nỡ làm. Từ nay về sau, lúc làm việc tuyển chọn, cho được ý bái phong, được khắc ấn chương ban lệnh, khiến cho người trung nghĩa được khen thưởng, ông chớ nghi ngờ”.

Tháng mười mùa đông, bắt đầu đặt danh hiệu của tước Hầu đến năm chức Đại phu, cùng tước Liệt hầu, Quan nội hầu lúc trước để thưởng người có công.

Ngụy thư chép: Đặt danh hiệu của tước Hầu có mười tám cấp, tước Quan trung hầu có mười bảy cấp, đều đeo ấn vàng thao tía; lại đặt tước Quan nội ngoại hầu có mười sáu cấp, đeo ấn đồng thao đen; năm chức Đại phu có mười lăm cấp, cũng đeo thao đen, đều không nhận tô thuế, cùng cấy cấy sáu bậc các Liệt hầu, Quan nội hầu trước kia.

Thần Tông Chi cho rằng: Việc phong hầu có lẽ có từ lúc này.

Tháng mười một, Lỗ từ miền Ba Trung đem quân còn lại đến hàng. Phong Lỗ và năm người con đều làm Liệt hầu. Lưu Bị đánh úp Lưu Chương, lấy Ích Châu, bèn chiếm miền Ba Trung; sai Trương Cáp đánh hấn.

Tháng mười hai, Công từ Nam Trịnh về, lưu Hạ Hầu Uyên giữ Hán Trung.

Lần đi này, Thị trung Vương Xán làm thơ năm tiếng để khen việc này nói: “Theo quân có vui khổ, hỏi rằng dựa vào gì? Dựa theo oai thần vũ, há để quân mệt lâu? Thừa tướng đánh Quan Hữu, lấy lòng mà trở oai, một trận diệt giặc xấu, lại áp phục Khương, Di, thu miền tây của giặc, dễ như cúi xuống nhặt, bày thưởng quá núi cao, rượu thịt tràn khe suối, trong quân đều no nê, người ngựa đều béo tốt, ngồi đi lại cười về, ra vào có cửa thừa. Mở đất ba nghìn dặm, qua lại nhanh như bay, múa hát vào thành Nghiệp, chiếm được chẳng sai đâu”!

Tháng hai mùa xuân năm thứ hai mươi một, Công về đất Nghiệp,

Ngụy thư chép: Ngày tân mùi, quan coi việc đem đô thái lao đến, cúng tế ở tông miếu, ngày giáp ngọ bắt đầu tế mùa xuân, lệnh nói: “Người bàn cho rằng lúc tế

tông miếu lên điện phải cời giày. Ta nhận mệnh phong, mang kiếm không cời giày mà lên điện. Nay có việc ở tông miếu mà cời giày là trọng Tiên công nhưng tiếm mệnh vua, kính phụ tổ nhưng khinh nhờn nhà vua, cho nên ta không dám cời dày lên điện vậy. Lại lúc tế thì tắm rửa, lấy tay tưới nước mà không rửa, rửa cho sạch là kính, chưa nghe nói đến lễ không rửa, lại có câu ‘Tế thần như thần đang ở đây’, cho nên ta tự mình lấy nước mà rửa vậy, lại cúi mình làm tế thần xong, kẻ dưới đều đứng dậy, chốc lát tấu nhạc cả buổi, có vẻ không mắc lỗi với liệt tổ, đợi tế không xong nhanh, cho nên ta ngồi đợi tấu nhạc tế thần xong mới đứng dậy. Nhận thịt tế thần, đem cho Thị trung, đây là cung kính không ăn hết, ngày xưa tự mình coi việc cúng tế, cho nên ta tự thân tế thần, đem hết mang về. Trọng Ni nói: ‘Dẫu trái ý mọi người nhưng ta theo lễ cúi đầu dưới từ đường’. Lời này thành thật thay”.

Ngày nhâm dần tháng ba, Công tự cày ruộng tịch điền.

Ngụy thư chép: Quan coi việc tấu nói: “Bốn mùa giảng võ cho nhà nông. Phép Hán luật Tân là ba mùa không giảng võ, chỉ có tháng mười là thử xe ngựa, đến phía nam cửa Trường Thủy, hội quân sĩ của năm trại mà bày bát trận tiên lui, gọi là ‘thặng chi’. Nay binh đao chưa xếp, quân dân vẫn tập, từ nay về sau, có thể không giảng võ khắp bốn mùa, nhưng đến ngày lập thu thì chọn ngày lành mà hội xe ngựa, gọi là luyện quân, trên hợp với lễ, dưới đúng phép của nhà Hán”. Hạ chiếu cho làm.

Tháng năm mùa hạ, thiên tử phong tước Ngụy Vương cho Công.

Hiển Đế truyện chép chiếu viết: “Đế vương từ xưa, dẫu hiệu xưng thay đổi nhau, các tước bậc không giống, đến như khen thưởng công lao, lập nên công đức, việc sáng dân chúng, truyền cho con cháu, họ khác cùng gần gũi, há có khác sao? Xưa thánh tổ ta chịu mệnh, dựng lập nền móng, tạo Khu Hạ ta, soi phép xưa nay, lập các bậc chức tước, phong hết sông núi để làm phen dậu, khiến họ khác được gần gũi, cùng chia đất đai, giữ nước mà làm vương, do đó giữ gìn được mệnh trời, yên ổn vạn dòng. Trải mấy đời được yên, vua tôi không rời. Thế Tổ trung hưng mà bấy giờ có khó có dễ, do đó giữ được mấy trăm năm, không phong tước cho chư hầu khác họ. Trẫm là kẻ không có đức, kế thừa nghiệp lớn, gặp lúc đất nước vỡ lở, bọn xấu gây hại, từ tây sang đông, cay đắng khổ sở. Thời bấy giờ, chỉ sợ chìm vào nơi gian khó thì làm nhục thánh đức của Tiên đế. Cậy anh linh của trời xanh, khiến ông giữ nghĩa giúp thân, oai động thần vũ, giữ trẫm nơi gian khó, giữ vững tông miếu, dân chúng Hoa Hạ giữ khí tiết, chẳng ai không chịu ơn. Ông chăm quá Tắc, Vũ, trung sánh Y, Chu, mà cúi mình tự khiêm nhường, giữ lễ cung kính, cho nên lúc trước mới phong ở nước Ngụy, ban cho ông tông miếu, sợ ông cho là trái mệnh, nghĩ rằng ông cố từ, cho nên mang chí âm thầm, phong ông làm Thượng công, muốn để thuận theo nghĩa lớn, chốc lát đợi thưởng lớn. Hàn Toại, Tống Kiến phía nam kết Ba, Thục, bọn phản nghịch tụ tập, mưu làm hại xã tắc, ông lại làm tướng, xông bay hổ vồ, treo đầu tướng giặc,

làm cỗ hang ở của chúng. Lại đến đánh phương tây, trong trận Âm Bình, tự mình mặc giáp trụ, vào sâu nơi hiểm trở, diệt trừ giặc bạo, cắt bỏ hung ác, dẹp bằng miền tây, cờ tinh dài vạn dặm, thanh giáo lan xa, làm yên Khu Hạ ta. Hơn hẳn cái thịnh của thời Đường Ngu, công lớn của thời Tam đại, thế mạnh của Văn, Vũ, sự giúp đỡ của Đán, Thích, cơ nghiệp của Nhị tổ, công giúp đỡ của bọn anh hào; ôi bậc vua thánh hiền, làm tròn trách nhiệm của mình vẫn ban đất đai để báo đáp công thân, há như trăm ít đức, dựa vào sự giúp đỡ của ông, mà khen thưởng không đủ, lấy gì để báo đáp thân mình, an ủi vạn cõi? Nay phong ông tước Ngự Vương, sai dùng cờ tiết làm việc quan Ngự sử Đại phu, Tông chính Lưu Ngải đem ấn chiếu phong xã tắc tông miếu, ban cho bạch mao, hổ vàng từ bậc một đến năm, gậy tre có một đến mười đốt. Ông nhận ngôi vương, được làm Thừa tướng, lĩnh chức Ký Châu Mục như cũ. Mong dâng lại ấn chiếu dây thiao Ngự Công. Kính theo lệnh trăm, thương yêu dân người, lập nên công lớn, để nêu mệnh tốt của tổ tông ta”. Ngự Vương dâng thư ba lần từ chối, hạ chiếu ba lần không cho. Lại tự tay viết chiếu nói: “Bậc đại thành lấy công đức làm cao đẹp, lấy trung hòa làm giáo huấn, cho nên dựng nghiệp mà tên tuổi lẫy lừng, khiến cho trăm đời được mong, dựng đạo lập nghĩa, khiến cho công lao nên bất chước, do đó công lao không cùng, tiếng tốt lan xa. Tắc, Khế mang cái thông minh của vua, Chu, Thiệu dựa cái trí lược của Văn, Vũ, dầu nắm chức thứ yếu, ngẩng than cúi nghĩ, họ há bằng ông sao? Trẫm nghĩ công của người xưa, cao đẹp như thế, xét ông có công trung cần, nhiều lớn như thế, cho nên thường đem búa chẻ phù chặt ngọc, bày lễ ban lệnh, thức ngủ trần trọc. Tự bỏ quên giữ văn lại không tu đức. Nay ông nhiều lần trái lệnh trăm, thành khẩn cố từ, đây không phải làm đẹp lòng trăm mà giáo huấn cho đời sau vậy. Nên đề chí nén tiết, chớ lại cố từ”.

Tứ thư thế tự chép: Lương Hộ thay Công làm Bắc bộ úy.

Tào Man truyện chép: Công được Thượng thư Hữu thừa Tư Mã Kiến Công tiến cử. Lúc Công làm vương, gọi Kiến Công đến đất Nghiệp, cùng ăn uống, bảo Kiến Công nói: “Ta ngày nay có nên làm quan Úy nữa không”? Kiến Công nói: “Xưa kia Đại vương được cử, chỉ nên làm Úy thôi”. Vương cười lớn. Kiến Công tên là Phòng, là cha của Tư Mã Tuyên Vương.

Thần Tùng Chi xét Tự truyện của Tư Mã Bưu chép rằng Kiến Công không làm Hữu thừa, ngờ là điều này không đúng, lại nữa Tấn thư của Vương Ấn chép rằng Triệu Vương tiếm lập, muốn tôn tổ làm Đế, Bác sĩ Mã Bình bàn khen Kinh Triệu phủ quân xưa tiến cử Ngụy Vũ Đế làm Bắc bộ úy, giặc không vào cõi, như thế là có lầm.

Thiên vu của người Ô Hoàn ở quận Đại là Phổ Phú Lư cùng hầu vương của mình đến chầu. Thiên tử sai con gái của Vương làm Công chúa, ban cho thực ấp. Tháng bảy mùa thu, Thiên vu của Nam Hung Nô là Hồ Trù Tuyên đem vương hầu của mình đến chầu, dùng lễ khách mà đãi, rồi lưu

lại nước Ngụy, sai Hữu hiên vương là Khứ Ti về coi nước mình. Tháng tám, lấy Đại lí Chung Do làm Tướng quốc.

Ngụy thư chép: Bắt đầu đặt chức Phụng thường Tông chính.

Tháng mười mùa đông, luyện binh,

Ngụy thư chép: Vương tự thân cầm trống vàng để lệnh tiến lui.

rồi đánh Tôn Quyên. Tháng mười một, đến huyện Tiêu.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai mươi hai, Vương đem quân đến Cư Sào, tháng hai, đem quân đến Hách Khê phía tây sông. Quyên đắp thành tại Nhu Tu chống giữ, bèn đánh ép Quyên, Quyên rút chạy. Tháng ba, Vương dẫn quân về để bọn Hạ Hài Đôn, Tào Nhân, Trương Liêu ở lại đóng quân ở Cư Sào.

Tháng tư mùa hạ, Thiên tử lệnh Vương bày cờ tinh, ra vào sai người dẹp đường. Tháng năm, làm cung Phán. Tháng sáu, lấy Quân sư Hoa Hâm làm Ngự sử Đại phu.

Ngụy thư chép: Bắt đầu đặt quan Vệ úy. Tháng tám mùa thu, lệnh nói: “Xưa Y Chí, Phó Thuyết xuất từ người hèn kém, Quản Trọng là giặc của Hoàn Công, đều dùng họ mà dựng nghiệp. Tiêu Hà, Tào Tham là chức quan huyện, Hàn Tín, Trần Bình mang tiếng nhục nhã, người ta đều cười họ, nhưng đều làm nên nghiệp vương, tiếng lưu nghìn năm. Ngô Khởi là tướng tham, giết vợ tự làm tin, đem vàng cầu quan, mẹ chết không về, nhưng tại nước Ngụy làm cho người Tân không dám ngó đến phương đông, tại nước Sở thì Tam Tấn không dám đánh phương nam. Nay thiên hạ không có người đức hạnh ở trong dân, và người dũng cảm quay mặt, gặp địch thì găng đánh; như bọn quan văn phạm tục, tài cao nhưng đổi chí khác, có kẻ nhận làm tướng giữ thành, mang tiếng nhục nhã, người ta cười đức hạnh của họ, có người không có nhân, không hiểu mà có thuật trị quốc dùng binh, tên họ phải được biết đến, chớ có làm mất”.

Tháng mười mùa đông, Thiên tử lệnh Vương đội mũ miện mười hai dải, ngồi xe vàng bạc, sáu ngựa kéo, đặt ngũ thời phó xa, dùng Ngũ quan Trung lang tướng Phi làm Thái tử của nước Ngụy.

Lưu Bị sai bọn Trương Phi, Mã Siêu, Ngô Lan đóng quân ở Hạ Biện; sai Tào Hồng chống chúng.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai mươi ba, Thái y lệnh của nhà Hán là Cát Bản cùng bọn Thiệu phủ Cảnh Kỉ, Tư trực Vi Hoảng làm phản, đánh đất Hứa, đốt doanh của Thừa tướng Trưởng sử Vương Tất,

Ngụy Vũ cố sự chép lệnh nói: “Trưởng sử Vương Tất là quan lại từ thời ta chiếm miền Kinh Cức, trung hậu chăm chỉ, lòng như sắt đá, là quan lại tốt của

nhà nước vậy; trải qua lâu ngày mà không được mời đến, bỏ ngựa kì kí mà không cưỡi, há lúc gấp gáp lại cầu mời sao? Cho nên vờ đến, cho làm chức vừa hợp, bái làm việc quan Trưởng sử như trước”.

Tất cùng Đinh Xuyên Điền nông Trung lang tướng Nghiêm Khuông đánh chém chúng.

Tam phụ quyết lục chú chép: Bấy giờ có người quận Kinh Triệu là Kim Y, tự Đức Y, tự cho là nhiều đời là bầy tôi của nhà Hán, từ ngày Nhật Đê đánh Mông Hà La, trung thành nổi rõ, khí tiết nhiều đời. Thấy nhà Hán sắp đổi, nói là cuối có thể dậy lên, lại nói là nên gắng gỏi, bèn cùng bọn Cảnh Kỉ, Vi Hoảng, Cát Bản, con Bản là Mạc, em Mạc là Mục kết mưu. Kỉ tự Quý Hành, lúc nhỏ có tiếng tốt, làm Thừa tướng duệ, Vương rất kính trọng, chuyển làm Thị trung, giữ Thiếu phủ. Mạc tự Văn Nhiên, Mạc tự Trung Nhiên, thấy Y khẳng khái có phong thái của Nhật Đê, lại gần gũi với Vương Tất, đó đó li gián họ, nếu giết được Tất, sẽ cậy thiên tử để đánh Ngụy Vương, phía nam giúp Lưu Bị. Bấy giờ thế Quan Vũ mạnh, mà Vương tại đất Nghiệp, để Tất coi binh xét việc ở đất Hứa. Bọn Văn Nhiên đem bọn người khác cùng hơn nghìn người trẻ của nhà mình buổi đêm đột cửa đánh Tất, Y sai người làm nội ứng, bắn tên trúng vai Tất. Tất không biết kẻ đánh là ai, vì vốn gần gũi với Y, chạy đến nhờ Y, buổi đêm gọi Đức Y, người nhà Y không biết là Tất, nói là bọn Văn Nhiên, đáp lại nói: “Vương Trưởng sử đã chết sao? Việc các người xong rồi!” Tất bèn đi đường khác chạy trốn. Có người nói: Tất muốn đến nhờ Y, người dưới trướng bảo Tất nói: “Nay việc rút cuộc biết ai đâu mà vào nhờ vậy”? Giúp Tất trốn đến phía nam thành. Vừa trời sáng, Tất vẫn sống, quân của bọn Văn Nhiên tản ra, cho nên thua. Hơn mười ngày sau, Tất rút cuộc bị thương mà chết.

Hiển Đế Xuân thu viết: Bắt được bọn Kỉ, Hoảng, đem chém chúng, Kỉ gọi tên Ngụy Vương nói: “Chỉ hận ta không tự mưu nghĩ, rút cuộc bị bọn trẻ con làm sai!” Hoảng cúi đầu tát má, cho đến lúc chết.

Sơn Dương Công tái kí chép: Vương nghe tin Vương Tất chết, giận lắm, gọi trăm quan của nhà Hán đến đất Nghiệp, lệnh rằng người dấp lửa đứng bên trái, người không dấp lửa đứng bên phải. Mọi người cho rằng người dấp lửa đều không có tội, đều ở bên trái; Vương cho rằng: “Người không dấp lửa là mới là người không giúp kẻ làm loạn, người dấp lửa mới là giặc”. Đều giết chúng.

Tào Hồng phá Ngô Lan, chém tướng của hắn là bọn Nhâm Quỳ. Tháng ba, Trương Phi, Mã Siêu chạy đến Hán Trung, người Đê ở huyện Âm Bình là Cường Đoan chém Ngô Lan, đem đầu đến.

Tháng tư mùa hạ, người Ô Hoàn ở các quận Đại, Thượng Cốc là bọn Vô Thần Đê phản, sai Yên Lăng Hầu là Chương đánh phá chúng.

Ngụy thư chép lệnh của Vương rằng: “Mùa đông năm ngoái trời có chướng lệ nhiều, dân có tang thương, quân dấy ở ngoài, người cày ruộng thiếu, ta rất

thương xót. Nay lệnh trai gái quan dân rằng: gái tuổi mười bảy trở lên mà chưa có chồng con, nếu mười hai tuổi trở xuống mà không có cha mẹ anh em, tay không làm được việc, chân không đi được, và người không có vợ con anh em của cải thì được cấp ăn cả đời. Trẻ nhỏ thì được nuôi đến mười hai tuổi thì thôi; người nghèo khổ không tự làm ăn được thì tùy miệng ăn mà cấp phát. Người già cả chờ nuôi dưỡng từ tuổi chín mười trở lên, nếu không làm việc được, nếu không làm việc thì ban cho một người giúp nuôi”.

Tháng chín, lệnh nói: “Việc táng thời xưa, đầu chọn đất cần cỗi. Ta xem miếu thờ Tây Môn Báo ở trên ở cánh đồng phía tây là Thọ Lăng, dựa vào chỗ cao làm nền, không cấm rào không trồng cây. Theo Chu lễ, quan Trùng nhân coi giữ đất của mộ vua, mộ chư hầu ở bên trái phải, hướng phía trước, mộ khanh đại phu ở bên sau, phép tắc của nhà Hán cũng gọi là Bối Lăng. Nay những công khanh đại thần liệt tướng có công, được táng theo bên Thọ Lăng, lấy chỗ rộng làm vành mộ, đủ để vừa nhau”.

Tháng bảy mùa thu, luyện binh, rồi đến phía tây đánh Lưu Bị. Tháng chín, đến Tràn An.

Tháng mười mùa đông, tướng giữ huyện Uyển là bọn Hưu Âm phản, bắt Nam Dương Thái thú, cướp chiếm quan dân, chiếm huyện Uyển. Lúc trước, Tào Nhân đánh Quan Vũ, đóng quân ở Phàn Thành, tháng đó sai Nhân vây huyện Uyển.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ tư, Nhân làm cỏ đất Uyển, chém Âm.

Tào Man truyện chép: Bấy giờ người quận Nam Dương khổ vì lao dịch, Âm do đó bắt Thái thú Đông Lí Bao, cùng quan dân làm phản, liên hòa với Quan Vũ. Nam Dương Công tào là Tông Tử Khanh khuyên Âm nói: “Túc hạ được lòng dân, làm việc lớn, gần xa chẳng ai không trông mong; nhưng bắt giữ tướng trong quận, mang tiếng phản nghịch lại vô ích, sao không thả ra. Ta với ông cùng gắng sức, nếu quân của Tào Công đến, quân của Quan Vũ cũng đến vậy”. Âm theo lời, liền thả quan Thái thú. Tử Khanh nhân buổi đêm trèo thành ra ngoài, rồi cùng Thái thú thu dân còn sót vây Âm, lúc quân của Tào Nhân đến, cùng diệt Âm.

Hưu Âm đánh với Lưu Bị ở Âm Bình, bị Bị giết. Tháng ba, Vương từ Tràn An ra Tà Cốc, đem quân thông thả đến gần Hán Trung, rồi đến Âm Bình. Bị dựa vào chỗ hiểm chống giữ.

Cửu châu xuân thu chép: Bấy giờ Vương muốn về, ra lệnh nói: “Gân gà”. Quan thuộc không biết nói gì. Chủ bạ Dương Tu lại tự sắm sửa hành trang, mọi người kinh ngạc hỏi Tu nói: “Sao lại biết được”? Tu nói: “Gân gà, vút nó đi thì

đáng tiếc, ăn nó không được, để sánh với đất Hán Trung, biết là Vương muốn về vậy”.

Tháng tư mùa hạ, dẫn quân về Tràng An.

Tháng bảy mùa thu, lấy phu nhân Biện thị làm Vương hậu. Sai Vu Cấm giúp Tào Nhân đánh Quan Vũ. Tháng tám, nước sông Hán tràn, vùi quân của Cấm, quân chìm, Vũ bắt Cấm, rồi vây Nhân. Sai Từ Hoàng cứu Nhân.

Tháng chín, Tướng quốc Chung Do vì Tây tào duệ Ngụy Phúng phản mà bị bãi chức.

Thế ngữ chép: *Phúng tự Tử Kinh, người nước Bái, có tài mê hoặc dân chúng, gây động đất Nghiệp, Chung Do do đó mời gọi. Đại quân chưa về, Phúng ngầm kết đồ đảng. Lại cùng Trường Lạc Vệ úy Trần Y mưu đánh úp đất Nghiệp. Chưa đến hẹn, Y sợ mà báo cho Thái tử, bèn giết Phúng, kẻ chịu tội chết đến mấy chục người.*

Gia giới của Vương Sưởng chép: *“Người huyện Tế Âm là Ngụy Phúng”. Mà đây chép là người nước Bái, không rõ.*

Tháng mười mùa đông, đem quân về Lạc Dương.

Tào Man truyện chép: *Vương sửa chữa lại sở Bắc bộ úy, lệnh phải lớn hơn lúc trước.*

Tôn Quyền sau sứ gửi thư, xin đánh Quan Vũ để tự chuộc tội. Vương từ Lạc Dương xuống phía nam đánh Quan Vũ. Chưa đến, Hoảng đánh Quan Vũ, phá Vũ, Vũ chạy, Nhân được giải vây. Vương đem quân đến Ma Bản.

Ngụy lược chép: *Tôn Quyền gửi thư xưng thần, khen ngợi mệnh trời, Vương đem thư của Quyền ra ngoài cho mọi người biết nói: “Thằng này muốn bắt ta ngồi trên miệng lò chảnh”! Thị trung Trần Quần, Thượng thư Hoàn Giai tấu nói: “Nhà Hán từ thời An Đế đến nay, chính sự gửi cho nhà Công, quốc thống mấy lần đứt, đến thời ngày nay, chỉ có tên gọi, một thước đất một người dân đều không phải của nhà Hán nữa, vận kì lâu ngày đã hết, lịch số cũng đã cùng, không chỉ đến ngày nay. Cho nên giữa thời Hoàn, Linh, những người mưu trí sáng suốt đều nói: ‘Nhà Hán đã hết, nhà Hoàng nổi lên’. Điện hạ ứng hẹn, thiên hạ mười phần mà có đến chín, theo giúp nhà Hán, dân chúng mong ngóng, xa gần khen ngợi, cho nên Tôn Quyền ở xa xưng thần, hợp với trời người, cùng nhau cất tiếng. Kẻ ngu này cho rằng nhà Ngụy, Hạ không từ chối ngôi vị, nhà Ân, Chu không tiếc nối thay, sợ trời biết mệnh, không có gì phải nhường nhau”.*

Ngụy thị xuân thu chép: *Hạ Hâu Đôn khuyên Vương nói: “Thiên hạ đều biết lộc nhà Hán đã hết, nhà khác đang nổi lên. Từ xưa đến nay, người trừ hại cho dân thì được trăm họ theo về, đấy là vua của dân vậy. Nay Điện hạ dùng binh hơn ba mươi năm, công đức sáng rõ với dân chúng, được thiên hạ nương dựa, theo mệnh trời thuận lòng dân, còn nghi gì nữa”! Vương nói: “Có câu nói: ‘Ở nhà*

ban chính đạo, đây cũng là chính đạo'. Nay mệnh trời tại ta, ta là Chu Văn Vương vậy".

Tào Man truyện và Thế ngữ đều chép Hoàn Giai khuyên Vương lên ngôi, Hạ Hầu Đôn cho rằng nên diệt Thục trước, Thục mất thì Ngô phục, nếu hai phương đã định thì sau đó theo vết xe của Thuần, Vũ. Vương nghe theo. Lúc Vương hoăng, Đôn tiếc lời trước, phát bệnh chết.

Tôn Thịnh bình rằng: "Hạ Hầu Đôn thật là làm nhục quan lại nhà Hán, xin nhận ấn cho nước Ngụy, Hoàn Giai thật thà, có khí tiết thẳng thắn;

xét truyện chép việc này, Thế ngữ chép nhầm vậy".

Tháng giêng mùa xuân năm thứ ba mươi lăm, đến Lạc Dương. Quyên chém Vũ, đem đầu đến.

Ngày canh tí, Vương băng ở Lạc Dương, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Thế ngữ chép: Thái Tổ từ Hán Trung đến Lạc Dương, dựng điện Kiến Thủy, cắt cây ở miếu Trạc Long thì máu cây chảy ra.

Tào Man truyện chép: Vương sai thợ gỗ là Tô Việt dờn cây lê đẹp, đào lên, gốc bị thương đều chảy máu. Việt bầm lên, Vương tự đến xem mà sợ hãi, cho là không phải điềm hay, trở về bèn sinh bệnh. Truyền lệnh lại rằng: "Thiên hạ còn chưa định yên, tạm không nên theo phép xưa. Táng xong phải đều bỏ áo tang. Các quân tướng đóng giữ đều không được rời khỏi doanh trại. Các quan lại đều theo chức phận. Liệm dùng áo thường mặc, không chứa vàng ngọc vật báu".

Thụy là Vũ Vương. Ngày丁卯 tháng hai, táng ở Cao Lăng.

Ngụy thư chép: "Thái Tổ tự thống lĩnh cả nước, diệt trừ bọn xấu, coi quân dùng binh, đại khái giống phép tắc của Tôn, Ngô, lại tùy việc mà bày kế lạ, lừa địch mà thắng, biến hóa như thần. Tự soạn sách binh pháp hơn mười vạn chữ, các tướng đánh dẹp đều đọc sách xét việc. Làm việc thì tự tay coi xét, kẻ vâng lệnh thì đánh thắng, kẻ làm trái phép thì bị thua. Đối trận với giặc, phong thái thông thả như chẳng muốn đánh, nhưng gặp đến thời cơ thì gắng sức thừa thắng, khí thế mạnh mẽ, cho nên dễ đánh là thắng. Giỏi biết nhìn người, khó ai che mắt, đánh Vu Cấm, Nhạc Tiến ở giữa trận, thu nạp Trương Liêu, Từ Hoảng trong đám thua chạy, họ đều giúp sức lập công, xếp vào hàng tướng giỏi; còn lại những kẻ xuất thân hèn kém mà cử làm Mục thú, không thể kể hết. Do đó lập nên nghiệp lớn, văn vũ đều đủ, cầm quân hơn ba mươi năm, tay không rời sách, ngày thì giảng sách võ, đêm thì đọc kinh truyện, trèo núi thì làm phú, làm thể thơ mới, mang theo đàn sáo, đều thành khúc nhạc. Tài sức hơn người, tự tay bắn chim bay, tự thân bắt thú dữ, từng một ngày ở huyện Nam Bì bắt được ba mươi sáu con chim trĩ. Lúc dựng cung thất, sửa chữa khí giới, chẳng cái gì không theo phép tắc, đều dốc hết suy nghĩ. Tính hay tiết kiệm, không ưa xa xỉ, người trong cung không mặc áo gấm thêu, người hầu không đi dày hai màu, dùng trướng đủ để che gió, rách thì may vá, đệm chiếu mềm mại, không thêu thêm viền. Đánh

thành chiếm ấp, thu được vật đẹp, thì đem ban hết cho người có công, thưởng cho người gắng sức, không tham nghìn vàng; nếu không có công mà mong ban thưởng, một tơ hào cũng không cho; bốn phương tiến dâng vật gì, đều cùng bày tôi chung hưởng. Thường theo phép tắc tông tang, mặc áo liệm thây, có chỗ phiền nhiễu mà không có ích, phong tục lại làm sai, do đó tự làm áo quan cho lúc chết, chỉ có bốn cái tráp mà thôi.

Phó Tử chép: Thái Tổ xót cái xa xỉ việc lấy chồng, do đó con gái của Công gả cho người khác

đều dùng màn đen, người hầu gái đi theo không quá mười người.

Bác vật chí của Trương Hoa chép: Thời Hán, người huyện An Bình là Thôi Viện, con của Viện là Thực, người quận Hoằng Nông là Trương Chi, em của Chi là Sưởng đều giỏi viết chữ thảo, mà Thái Tổ đứng sau họ. Hoàn Đàm, Thái Ung giỏi âm nhạc, người quận Phùng Dục là bọn Sơn Tử Đạo, Vương Cửu Chân, Quách Khải giỏi đánh cò vây, Thái Tổ đều sánh ngang họ. Lại thích phép ‘dưỡng tính’, cũng hiểu phương dược, mời dẫn kẻ sĩ biết phương thuật, người quận Lư Giang là Tả Từ, người huyện Tiêu là Hoa Đà, người huyện Cam Lăng là Cam Thủy, người huyện Dương Thành là Khích Kiệm chẳng ai không đến, lại quen ăn củ dã cát dài đến một thước, cũng được ít nhiều uống rượu trộm.

Phó Tử chép: Các Vương, Công cuối thời Hán phần nhiều bắt chước áo của nhà vua, buộc khăn lụa làm đẹp, do đó bọn Viên Thiệu, Thôi Báo dẫu là tướng súi mà đều đội khăn lụa. Ngụy Thái Tổ thấy thiên hạ đổ nát, tài vật thiếu thốn, bắt chước mũ da xura, cắt lụa gấm để làm mũ khắp, hợp với nghĩa giản dị theo thời nay, lấy màu để phân biệt sang hèn, đến nay vẫn dùng, có thể nói là hình dạng của q đô, tài vật thiếu thốn, bắt chước mũ da xura, giảm lụa gấm để làm mũ khắp, hợp với phong cách giản dị từng lúc, lấy màu để phân biệt sang hèn, đến nay vẫn dùng, có thể nói là hình dạng của quân dân không phải là hình dạng của vua quan vậy.

Tào Man truyện chép: Thái Tổ là người giản dị không trọng uy nghi, thích âm nhạc, ca kĩ ở bên cạnh, thường từ sáng đến tối. Áo mặc sờn bạc, thân tự đeo túi lớn để đựng vật nhỏ, khăn tay, có lúc đội mũ khắp để gặp tân khách, hễ nói chuyện với người khác thì đùa bỡn nói cười, đều không giấu diếm, lúc thì vui cười hớn hở, đến nỗi chạm đầu vào giữa bàn mân, món ăn dính vấy vào khăn đội, đại khái thoải mái như thế. Nhưng giữ phép tắc nghiêm túc, các tướng có người làm sai lệnh của mình thì theo hình pháp mà phạt tội, đến kẻ kẻ thù oán cũ cũng đều không đổi khác. Người bị tội giết, liền đôi mắt khóc thương nhưng cũng không được tha sống. Lúc trước, Viên Trung làm Bái Tướng, từng muốn dùng hình pháp trị tội Thái Tổ, người nước Bái là Hoàn Thiệu cũng coi thường Thái Tổ; lúc tại Duyệt Châu, người quận Trần Lưu là Biên Nhượng nói bàn có vẻ xúc phạm Thái Tổ, Thái Tổ bèn giết Nhượng, giết người nhà hắn, bọn Trung, Thiệu đều tránh nạn đến Giao Châu, Thái Tổ sai sứ giả đến chỗ Thái thú Sĩ Tiếp

bắt giết họ. Hoàn, Thiệu ra đầu thú, quỳ tạ ở giữa đình, Thái Tổ bảo nói: “Quỳ mà tha chết được sao”? Rồi giết họ. Thường đem quân đi, qua ruộng lúa mạch, lệnh nói: “Quân sĩ không được phá lúa mạch, kẻ phạm cấm thì tội chết”. Quân kỵ đều xuống ngựa, nắm lúa mạch để lời giữ nhau, do đó Thái Tổ cưỡi ngựa vào giữa ruộng lúa mạch, sai quan Chủ bạ bàn tội; Chủ bạ theo phép Xuân thu, không phạt lây vào người trên. Thái Tổ nói: “Lập hình pháp mà tự phạm vào, làm sao sai được kẻ dưới? Nhưng ta là tướng quân, không thể tự sát, xin tự phạt”. Do đó cầm kiếm cắt tóc vứt xuống đất. Lại có người thiếp yêu buổi ngày thường theo nằm nghỉ, dặn người thiếp rằng: “Chốc lát gọi ta dậy”. Người thiếp thấy Thái Tổ nghỉ yên, không gọi dậy, lúc tự dậy, liền đánh chết người thiếp đó. Thường đánh giặc, thóc gạo không đủ, bảo riêng Chủ bạ rằng: “Làm thế nào”? Chủ bạ nói: “Nên lấy học nhỏ mới đủ”. Thái Tổ nói: “Được”. Sau trong quân nói là Thái Tổ dối quân, Thái Tổ bảo quan Chủ bạ nói: “Phải mượn cái chết của ông để làm yên lòng quân, không thế thì việc chẳng xong”. Bèn chém Chủ bạ, đem đầu ra cho quân biết, nói: “Dùng học nhỏ, cướp gạo công, chém hẳn ở cửa quân”. Cái tàn ngược biến trá của Thái Tổ, đều đại loại như thế.

Bình rằng: Cuối thời Hán, thiên hạ đại loạn, anh hào cùng nổi dậy, mà Viên Thiệu như hổ vồ bốn châu, mạnh mẽ chẳng ai chống nổi. Thái Tổ tính kế bày mưu, đánh dẹp trong nước, tỏ phép hay của Thân, Thương, bày kế lạ của Hàn, Bạch, chọn dùng người hiền tùy vào tài năng, quyền biến ngang dọc, không hiềm thù cũ, rút cuộc nắm giữ mệnh vua, làm nên nghiệp lớn, riêng Thái Tổ có mưu lược sáng suốt hơn cả. Hoặc có thể nói là người khác thường, bậc hào kiệt hơn đời vậy.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Hội nghị chư hầu cùng phò nhà Châu, do Quản Trọng cố vấn cho Tề Hoàn Công khởi xướng.
- (2) Tức ngày cuốn Tào Man truyện được viết ra.
- (3) Quý nghĩa là cuối, Đằng là con út
- (4) Đời Minh Đế Tào Duệ - 299
- (5) Vì Đằng làm Hoạn quan từ bé, Tung phải là con nuôi.
- (6) Toàn chức quan to, chứng tỏ thế lực Đằng lớn lắm.
- (7) Quý thích chỉ chung đám cường hào, nhưng trong ngữ cảnh (sau loạn Đảng Cô) nói đến vây cánh của quan Hoạn và con cháu phe này.
- (8) Loạn “7 nước” đời Hán Cảnh Đế.
- (9) Bàn những lời cao luận suông.
- (10) Về các chức vụ ở trên thì có thể hiểu sơ bộ thế này. Thời nhà Hán có tất cả là 12 châu và khu Tư Lệ (kinh đô), mỗi châu do một viên thứ sử cầm đầu, chức Mục là chức mới đặt ra, quyền lực còn lớn hơn Thứ sử một chút. Còn các chức Thái thú là quản lý một quận (thuộc châu). Riêng chức tướng quốc cũng chỉ tương đương với quận mà thôi. Quốc ở đây hiểu như một đặc khu hành chính nhỏ.
- (11) Cư nhị Chu chi hiểm, nhị Chu là hai kinh đô của Tây và Đông Hán.
- (12) Trên bản đồ thì chỗ này ghi là Vinh Dương, có lẽ cũng đọc là Huỳnh.
- (13) Tức Viên Thiệu.
- (14) Tức Viên Thuật.
- (15) Không rõ là tên người hay địa danh (?)
- (16) Tức ba quận là Kinh Triệu (thủ phủ là Tràn An), quận Phù Phong phía bên phải Tràn An tức Hữu Phù Phong (thủ phủ là Hàm Dương) và

quận Phùng Dực ở bên trái Trảng An tức Tả Phùng Dực (trung tâm là Đại Lệ).

(17) Một địa danh ở gần Lạc Dương.

(18) Nguyên văn là ‘phi mỹ’, chạy lướt, chạy vội.

(19) Nguyên văn là ‘nhất đán cải dịch’, tức là một mai việc biến đổi. Ở đây Thiệu bàn việc lập

Lưu Ngu lên làm đế, tức là bàn chuyện phế lập vậy.

(20) Tào Tháo bày tỏ dứt khoát, bọn Thiệu cứ việc ngoảnh về Bắc (Lưu Ngu ở U châu), Tháo cứ hướng về Tây (Vua Hán lúc ấy ở Trảng An).

(21) Thái Thú Đông Quận do Lưu Đại đặt.

(22) Đòi Linh Đế.

(23) Nguyên văn: “kỳ đạo nãi dĩ trung Hoàng đại ất đông”. Hoàng đại ất có nghĩa là “Kinh Vàng”, tức kinh sách của Khăn Vàng.

(24) Đào Khiêm khi ấy trong vòng ảnh hưởng của Viên Thuật chứ không phải dưới quyền Công-tôn Toản. Đoạn này mập mờ để giải thích thêm sau.

(25) Trước đó trong liên minh đánh Đông Trác, Viên Thuật tiến quân theo ngã Kinh Châu đánh

Lạc Dương từ hướng Nam, đóng quân ở Lỗ Dương và tiến quân theo lối ải Hoàn Viên. Tướng của Viên Thuật là Tôn Kiên đánh thắng quân Đông Trác tiến vào Lạc Dương, nhưng vì các sứ quân không có chiến lược đồng bộ, phải lui quân về Dương Nhân (phía nam ải Hoàn Viên). Vì lý do nào đấy, Viên Thiệu xúi Châu Ngang bất ngờ cướp trại Tôn Kiên. Liên minh Quan Đông từ đấy tan vỡ. Đông Trác lại bổ nhiệm Lưu Biểu làm Thứ Sử Kinh Châu thay Vương Tường (vốn bị Tôn Kiên giết). Lưu Biểu đóng ở Tương Dương dần tụ được uy quyền riêng. Viên Thuật sai Tôn Kiên đánh Lưu Biểu, không ngờ Kiên bị giết, Viên Thuật cô thế bèn dẫn quân về phía Đông vào Duyện Châu, lại bị Tào Tháo đánh đuổi phải chạy về Dương Châu là thế.

(26) Quê hương họ Tào

(27) Đàm Thành, thủ phủ quận Đông Hải

(28) Câu này đúng hay không đúng, cũng đạt được mục đích là nâng lòng quân sĩ. Lữ Bố quân thế chỉ đủ giữ Bộc Dương, đến nổi thắng trận vẫn không truy đuổi được thì sao làm được những điều Tháo nói.

(29) Lúc này Tào Tháo và Viên Thiệu còn là đồng minh, Thiệu lại muốn “liên hòa” với Tháo là sao? Thật ra lúc này Tháo kiệt quệ, Thiệu muốn chiêu hàng, tức muốn kéo Tháo về làm tay chân dưới trướng mình.

(30) Khai Phong bây giờ.

(31) Tạm được dùng cờ tiết, búa tâm sét, có quân hồ bên mình, đây là những nghi thức rất cao quý của triều đình.

(32) Chỗ này nói đến thiên văn, sao Thái Bạch là sao Kim (Hôm, Mai), sao Huỳnh hoặc là sao Hoả, Ngựa-Đầu là cặp Ngưu Lang-Chức Nữ, bên Thiên Tân là chỗ đầu của chòm sao Thiên Nga, nằm trên dải Ngân Hà. Đây nói đến toàn những điều nghịch theo quan niệm của quan Thái sử xưa, ý nói điềm dữ.

(33) Mệnh trời có lúc đến có lúc đi.

(34) Nguyên văn là ‘thiên đạo thâm viễn’ tức là đạo trời sâu xa, dịch thoát.

(35) Có lẽ là Tào Tháo phải tâu lên Hiến để xin phong chức cho Thiệu. Ý tứ là giảm sự tức tối của Thiệu (binh lực mạnh hơn cả) vì việc mình đón Thiên tử, đó là cái đích nhắm của các chư hầu.

(36) Tháo rất cao tay nhường chức của mình cho Thiệu, tự giáng cấp của mình xuống mấy cấp thành Hành Xa kỵ tướng quân (chỉ coi việc của Xa kỵ tướng quân, thấp hơn Thiệu đến mấy bậc).

(37) Nguyên văn là ‘ngoã giải lưu li’ có nghĩa như gạch ngói tan tác.

(38) Bồ loa là cỏ bồ, ốc hến.

(39) Tuyệt ảnh tức là không bóng, nghĩa là ngựa chạy rất nhanh.

(40) Đám binh sỹ chết khi đánh nhau với Trương Tú khi trước.

(41) Tướng ở đất Lỗ.

(42) Tước hầu này không được cấp đất, chỉ có bổng lộc mà thôi.

(43) Đình trưởng tương đương chức Trưởng thôn.

(44) Là một chức quan.

(45) Là quân lính vác cờ, cầm chiêng trống, theo hầu bên xe ngựa.

(46) Tức là Tả Khâu Minh, tác giả sách Tả thị xuân thu nổi tiếng.

(47) Chỗ này cũng tương tự như Lưu Bị dẫn dân ở Tân Dã, Phàn Thành đi tránh quân Tào sau này. Trong số quân hùng thời Tam Quốc chỉ có Tào

Tháo và Lưu Bị biết lo nghĩ cho dân. Xem ra lời bàn của Tháo trong bữa rượu Thanh mai cũng không hẳn là lời vu vơ vậy.

(48) Chỗ này người dịch ngờ rằng nguyên tác chép lầm. Nguyên là chữ Vũ là hai chữ Tập ghép với nhau, mà chữ Vũ này không phải là chữ chỉ họ Vũ, vả lại chỉ thấy tác giả Tập Tạc Xỉ chứ chưa thấy Vũ Tạc Xỉ bao giờ.

(49) Kế lại là chức quan nhỏ ở châu quận chuyên lo về sổ bộ, văn thư.

(50) Viên Tự là người nhà họ Viên, là em của Thuật và Thiệu. Nam huynh ở đây là chỉ vào Viên Thuật (Thuật chiếm cứ vùng Hoài Nam), Bắc huynh là trở vào Viên Thiệu (Thiệu chiếm cứ vùng Hà Bắc). Tam Quốc diễn nghĩa nói rằng Thuật là em Thiệu, song theo gia pháp thì Thuật mới là anh (Thuật là con vợ đích tòng, Thiệu là con của nàng hầu), tuy nhiên về tuổi tác và địa vị thì Thiệu lớn hơn. Thuật từng lấy ngọc tử của Tôn Sách rồi xưng đế, sau khi cùng quần mớì định dâng ngọc tử cho Thiệu để nhường nhờ, bị Tháo sai Lưu Bị chặn đường, sau Thuật cùng quần phát bệnh chết.

(51) Nguyên văn câu này là ‘đãi thăng đường thất’. Theo sách Luận ngữ là câu ‘thăng đường nhập thất’, ‘thăng đường’ là học được cái cơ bản, ‘nhập thất là học được cái tinh túy’. Dịch thoát ý câu văn là ‘được ngài dạy dỗ chu toàn.’

(52) Nhan Uyên là trò giỏi của Khổng Tử, Khổng Tử vẫn thường khen Uyên, than rằng mình chẳng bằng được Uyên.

(53) Xưa, Lý Sinh cùng Giả Phục theo học kinh Thượng Thư, Giả Phục khen ngợi Lý Sinh hết lời, tiên đoán sau này Sinh sẽ là rường cột của quốc sau, quả nhiên ứng nghiệm.

(54) Kiều Huyền đây là người được nhắc đến từ đâu truyện, từng đoán rằng Tào Tháo sẽ là người yên định được thiên hạ. Tào Tháo về qua đất cũ, nhớ đến Kiều Huyền vào tế lễ, tỏ ý rằng nhờ những lời của Kiều Huyền mà ông cố gắng có được vinh quang như hiện tại.

(55) Tướng chết thì lui quân.

(56) Triệu Quát là con của Triệu Xa, tướng nước Triệu. Tân đánh Triệu, Liêm Pha là tướng Triệu cự Tân, Tân không thắng được, tướng Tân lập kế nói rằng người Tân chỉ sợ Triệu Quát chứ không sợ Pha, vua Tân lấy Quát thay Pha làm tướng, mẹ Quát can, vua Triệu không nghe, mẹ Quát xin rằng nếu Quát thua quân sẽ không phải chịu tội cùng với Quát, vua Triệu ưng, sau quả nhiên Quát bị tướng Tân là Bạch Khởi đánh tan, giết hết bốn

mười vạn quân Triệu, nước Triệu rung động, mẹ Quát đã có lời từ trước, không phải tội.

(57) *Quản Trọng là bày tôi của Tê Hoàn Công, danh tiếng lẫy lừng khắp Trung Hoa cổ đại thời Xuân Thu, giúp cho nước Tê cường mạnh, làm bá chủ hầu.*

(58) *Lễ tốt lành, hỉ sự.*

(59) *Tức sông An Dương, con sông này chảy từ vùng Sơn Tây xuyên qua vùng Hà Nam.*

(60) *Chỗ này nhắc đến rất nhiều điển tích cổ, ND chưa tra cứu được.*

(61) *Thiên Vu là vua xứ Hung Nô. Nguyên xứ Hung Nô có nhiều bộ lạc, mỗi bộ lạc đều có một vị Thiên Vu, Thiên Vu đại loại cũng chỉ là tù trưởng của một bộ lạc mà thôi.*

(62) *Nguyên văn chỗ này là chữ ‘Đinh tù’, mà chữ Đinh là chỉ Thiên Can theo lịch âm, vậy chữ ‘tù’ chả có nghĩa gì. Lại chiếu theo sự kiện xảy ra thì năm ấy phải là năm Đinh Dậu. Vậy nên tạm dịch là ‘Năm Đinh Dậu.’*

(63) *Triệu Xa là danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc, Đâu Anh là tướng giỏi thời Tây Hán, được vua ban thưởng cho của cải, đem chia hết cho quân sĩ, vì thế quân sĩ phấn khởi tin phục, sau ra sức đánh giặc lập nổi công to.*

(64) *Người Trung Quốc xưa ở vùng Hoa Hạ, gọi các dân tộc thiểu số ở bốn phía xung quanh là Bắc Địch, Tây Nhung, Đông Di, Nam Man.*

(65) *Nguyên văn câu này là “Hạ ngũ dụng”. Xem ra chữ ‘dụng’ ở đây chả có nghĩa gì, có lẽ nguyên bản chép sai, vì chữ dụng với chữ ‘nguyệt’ chỉ khác nhau có một nét bút. Vậy nên dịch theo câu văn là ‘Mùa hạ tháng năm’.*

(66) *Lệ và Khải là hai lối viết chữ Hán. Vương Thử Trọng là người đặt ra lối chữ Khải, chân phương, rõ ràng vuông vắn, là sự kết hợp của chữ Lệ và chữ Thảo.*

(67) *Bộ Tuyển là tiên thân của bộ Lại sau này, Bộ này chủ quản việc bổ nhiệm, bãi miễn, thăng*

giáng các quan lại trong toàn quốc.

(68) *Phạm Bàng và Hứa Chương là những danh sĩ nổi danh cuối thời Linh Đế.*

[\(69\)](#) *Hoàn Văn tức là Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công, đều làm bá các nước chư hầu đời Xuân Thu.*

[\(70\)](#) *Chỗ này nói Kinh Châu có lẽ là trị sở của Châu Kinh chứ không phải toàn bộ đất đai châu này.*

QUYỂN 3 - MINH ĐỂ KỶ

TÀO DUỆ TRUYỆN

Minh Hoàng Đế huý Duệ⁽¹⁾, tự Nguyên Trọng, là Thái Tử con của Văn Đế⁽²⁾. Thái Tổ⁽³⁾ lúc sinh thời rất yêu thương, thường gọi đến bên cạnh.

Ngụy Thư chép⁽⁴⁾: Đế sinh ra được hơn một năm đã có khí chất hơn người. Vũ Hoàng Đế⁽⁵⁾ lấy làm lạ, nói rằng: "Mày là căn bản ở đời thứ ba của ta đây." Mỗi lần hội họp bày yến tiệc trong triều đều cho Đế ngồi cùng hàng Thị Trung cận thần trong trướng. Đế học rộng biết nhiều, đặc biệt chăm chú vào việc sửa sang hình luật.

Năm mười lăm tuổi, được phong Vũ Đức Hầu. Đến năm Hoàng Sơ⁽⁶⁾ thứ hai làm Tể Công, năm Hoàng Sơ thứ ba làm Bình Nguyên Vương. Bởi vì mẹ bị giáng tội cho nên chưa được lập làm người kế thừa.

Ngụy Lược⁽⁷⁾ chép: Văn Đế thấy Quách Hậu không có con, ra chiếu sai chăm sóc nuôi dưỡng Đế. Đế vì mẹ không được chết lành, trong lòng rất bất bình, sau không bị bãi chức, liền cung kính mà thờ Quách Hậu, sớm tối thường luôn nường tựa thăm hỏi. Quách Hậu cũng thấy mình chẳng có con, bèn càng thêm từ ái. Văn Đế lúc đầu không yêu Đế, có ý muốn lấy người con của Từ Cơ là Kinh Triệu Vương làm người thừa kế, vì vậy rất lâu không lập Thái Tử.

Ngụy Mạt Truyền⁽⁸⁾ chép: Đế thường theo Văn Đế đi săn, (có lần) thấy mẹ con con hươu. Văn Đế bắn chết con hươu mẹ, sai Đế bắn hươu con. Đế không tuân lời nói: "Bê Hạ đã giết mẹ, thân không nhẫn tâm lại giết cả con." Rồi rơi lệ khóc. Văn Đế liền ném cung tên, lấy đó là điều cực thiện mà có ý lập làm người kế nghiệp.

Năm Hoàng Sơ thứ bảy, mùa hạ, tháng năm, Văn Đế bệnh nặng bèn lập Đế làm Hoàng Thái Tử. Đến ngày Đinh Ty thì lên ngôi hoàng đế, đại xá thiên hạ, tôn Hoàng Thái Hậu làm Thái Hoàng Thái Hậu, tôn Hoàng Hậu làm Hoàng Thái Hậu. Mọi thần tử đều được gia phong theo thứ bậc.

Thế Ngũ⁽⁹⁾ chép: Đế cùng kẻ sĩ trong triều vốn không có qua lại. Sau khi Đế kế vị, quần thần mong muốn được thấy phong thái. Được vài ngày, Đế chỉ tiếp kiến riêng Thị Trung Lưu Diệp, bàn luận hết cả ngày. Mọi người ở bên ngoài lắng

nghe. Đến khi Diệp ra hỏi: "Thế nào?" Diệp nói: "Hàng như Tân Thủy Hoàng, Hán Hiếu Vũ⁽¹⁰⁾ tài sợ rằng cũng không bằng được."

Sau khi Đế lên ngôi, truy thụy mẹ là Chân Thị Phu Nhân là Văn Chiêu Hoàng Hậu. Ngày Nhân Thìn, lập hoàng đệ là Nhụy làm Dương Bình Vương.

Tháng tám (năm ấy), Tôn Quyên đánh quận Giang Hạ. Thái Thú Văn Sính kiên cường phòng thủ. Triều đình bàn luận muốn phát quân cứu viện. Đế nói: "Quyên thạo thủy chiến, sở dĩ dám bỏ thuyền lên bộ tấn công, là chỉ trông mong đánh úp lúc không phòng bị mà thôi. Nay cùng với Sính giằng co, hình thế công thủ càng khó khăn hơn, cuối cùng chẳng dám ở lâu đâu." Trước hết sai Trị Thủ Thị Ngự Sử Tuân Vũ ra úy lạo quân dân biên giới. Vũ đến nơi, ở Giang Hạ dẫn quân sở tại cùng binh sĩ bộ kỵ đi theo hơn nghìn người lên núi đốt lửa. Quyên lui quân bỏ chạy.

Ngày Tân Ty (tháng ấy), lập Hoàng tử Duật làm Thanh Hà Vương. Bọn tướng Ngô là Gia Cát Cẩn, Trương Bá quấy phá Tương Dương. Phủ Quân Đại Tướng Quân Tư Mã Tuyên Vương⁽¹¹⁾ đánh dẹp phá được, chém đầu Bá. Chinh Đông Đại Tướng Quân Tào Hưu lại phá được cánh quân phụ (của Ngô) ở Tần Dương. Luận công ban thưởng các tướng theo thứ tự. Mùa đông, tháng mười, Thanh Hà Vương Duật băng. Tháng mười hai lấy Thái Úy Chung Dao làm Thái Phó, Chinh Đông Đại Tướng Quân Tào Hưu làm Đại Tư Mã, Trung Quân Đại Tướng Quân Tào Chân làm Đại Tướng Quân, Tư Đồ Hoa Hâm làm Thái Úy, Tư Không Vương Lăng làm Tư Đồ, Trấn Quân Đại Tướng Quân Trần Quân làm Tư Không, Phủ Quân Đại Tướng Quân Tư Mã Tuyên Vương làm Phiêu Kỵ Đại Tướng Quân.

Năm Thái Hòa⁽¹²⁾ nguyên niên, mùa xuân, tháng giêng, hợp tế Vũ Hoàng Đế và Trời ở đàn Giao, hợp tế Văn Hoàng Đế và thượng đế ở miếu tổ tông. Phân chia Giang Hạ Nam Bộ, đặt chức Đô Úy ở nam bộ Giang Hạ. Người ở Tây Bình là Khúc Anhs làm phản, giết chết quan Lệnh ở Lâm Khương và quan Trưởng ở Tây Đô. Sai tướng quân Hác Chiêu, Lộc Bân đánh dẹp chém được. Tháng hai năm ấy, ngày Tân Mùi, Đế cày ruộng tịch điền. Ngày Tân Ty, lập miếu thờ Văn Chiêu Hoàng Hậu ở Nghiệp Quận. Ngày Đinh Hợi, tế thần mặt trời ở Đông Giao. Mùa Hạ, tháng tư, ngày Ất Hợi, làm ra đồng tiền Ngũ Thu⁽¹³⁾. Ngày Giáp Thân bắt đầu kiến thiết tông miếu. Mùa thu, tháng tám tế mặt trăng ở Tây Giao. Mùa đông, tháng mười sửa soạn duyệt binh ở Đông Giao. Tháng mười một, lập Mao Thị làm

Hoàng Hậu. Gia phong cho đàn ông có chức tước tăng thiên hạ thêm hai cấp, lại ban gạo cho người goá vợ, kẻ goá chồng cô độc không thể tự nuôi sống. Tháng mười hai, phong thêm cho cha của Mao Hậu làm Liệt Hầu. Thái Thú Tân Thành là Mạnh Đạt làm phản. Ban chiếu sai Phiêu Kỵ Tướng Quân Tư Mã Tuyên Vương đi đánh dẹp.

Tam Phụ Lục Quyết⁽¹⁴⁾ chép: Bá Lang người Lương Châu, tiếng tăm chẳng được tốt lành. Sách ấy lại chú rằng: Bá Lang họ Mạnh tên Tha, người ở Phù Phong. Thời Linh Đế, Trung Thường Thị Trưng Nhượng một mình nắm giữ triều chính. Bọn Giám Nô của Nhượng quản lý việc nhà cho Nhượng. Tha đường công danh không thành đạt, bèn tận hết gia tài dứt lốt cho bọn Giám Nô này, cùng với chúng kết thân. Gia nghiệp lâu năm vì thế mà huy hoại hết. Bọn Giám Nô đều hổ thẹn, hỏi xem Tha muốn gì. Tha nói: "Chỉ muốn được các ngài bái chào thôi." Bọn Giám Nô chịu ơn Tha đã lâu, đều hứa đồng ý. Đương thời tân khách đến cầu kiến Nhượng xuống xe trước cổng thường đến hàng trăm, có khi đợi cả ngày chưa được qua cửa. Tha đến sau cùng. Bọn Giám Nô chờ lúc Tha đến, đều ra đón xe bái chào, đưa thẳng một mình xe Tha vào trong. Mọi người tất thấy đều giật mình, cho rằng Tha Thân thiết với Nhượng nên tranh nhau đem đồ trân bảo đến tặng cho Tha. Tha được những thứ ấy, đem hồi lộ Nhượng hết. Nhượng rất mừng. Tha lại tặng Nhượng một bầu rượu bồ đào, liền được bái làm Thứ Sử ở Lương Châu. Tha sinh ra Đạt, từ nhỏ đã vào Thục. Sự tích của Đạt ở Thục được chép trong Lưu Phong truyện.

Ngụy Lực chép: Vào năm Diên Khang⁽¹⁵⁾ nguyên niên, Đạt dẫn bộ thuộc hơn bốn nghìn nhà quy thuận Ngụy. Văn Đế lúc bấy giờ mới lên ngôi Ngụy Vương nhưng từ trước đã biết tiếng Đạt, nghe tin Đạt đến rất mừng, bèn sai trọng thần có kiến thức ra quan sát kiểm tra. Những người ấy trở về nói: "Có tài năng làm tướng hiệu" hoặc "Có khí chất bậc công khanh". Vương lại càng thêm kính trọng Đạt, viết thư nghênh đón Đạt rằng: "Gần với mặt trời cũng là có số mạng, chưa đủ để nói là đặc biệt hiển vinh. Sao lại thế? Xưa Y Chí bội Thương mà theo Chu, Bách Lý rời Ngụy mà đến Tần, Nhạc Nghị thương túi da⁽¹⁶⁾ mà thành xác ve, Vương Tuân⁽¹⁷⁾ biết phải trái mà xét đi về đều là những người hiểu rõ việc hưng phế mà cống hiển đúng nơi, phân biệt được lẽ tất nhiên của chuyện thành bại. Vì vậy nét đan thanh chép lại hình dung, sử chính đáng ghi lại sự nghiệp. Nghe nói khanh tư chất phong thái tài giỏi thuần hậu, khí chất độ lượng siêu việt trác tuyệt, có thể đảm đương xiển dương thời thế sáng tỏ, cất giữ tên tuổi trong sách vở truyền đời. Nay người chuyển biến hoàn toàn theo đường lối minh bạch mà về dong trong, sẽ được rất an lành vui vẻ. Lòng không cho là đủ hướng về góc tây, ấy là lưu luyện chốn cũ đó, nên mau hạ bút nổi lời văn, tỏ lòng vui vẻ thuận tòng. Xưa Ngụy Khanh⁽¹⁸⁾ sang Triệu, gặp gỡ hai lần đã được phong làm tướng, Trần Bình về Hán, một lần thân cận đã lên hàng tham mưu. Cô nay với

khanh tình còn quá người xưa vậy nên ban cho ngựa mã để tỏ lòng yêu thương.” Lại viết: “Nay trong nước thanh bình yên định, vạn nhà theo về một mối, ba mặt biên thủy không có khói bụi bốc lên, ngoài sân nhà chẳng vang tiếng chó sủa nghi ngờ, vì thế mà giềng lưới buông lơi, cấm chế nói lỏng, với tình thế không chút đề phòng, công việc bảo vệ chỉ là giả hoã, vốn không đảm đương nhờ cậy được. Khanh chọn lựa đến đây, tất minh bạch ý của Cô. Chớ có sai khiến gia nhân tạo ra hỗn loạn lên đường, làm cho người thân phải chấn động phân tán. Còn nếu khanh muốn gặp đến gặp ta, trước tiên hãy ổn định bộ khúc, giữ cho họ có chốn gác gác vững vàng rồi sau mới thông dong cưỡi ngựa sang đông.” Đạt đi đến Tiêu⁽²⁰⁾, lúc yết kiến thái độ vẫn nhã, tài năng biện bác hơn đời, mọi người không ai không chú ý. Lại thêm Vương rìi cung, cưỡi trên xe nhỏ ra đón, nắm tay vỗ lưng Đạt mà đùa rằng: “Khanh không phải thích khách của Lưu Bị chứ!” rồi cho ngồi cùng xe. Đạt được thăng làm Tán Kỵ Thường Thị, lĩnh chức Thái Thú ở Tân Thành, giao phó trách nhiệm mặt tây nam. Bấy giờ các quan có người cho rằng đối đãi như thế là quá, Đạt không thích hợp để uỷ thác công việc một phương. Vương nghe được nói: “Ta đảm bảo nó không có lòng nào khác. Lại ví như có thì chỉ tốn ít cung tên, hao tổn chút lòng trung mà thôi.” Đạt được Văn Đế ưu ái, lại thân thiết với Hoàn Giai và Hạ Hầu Thượng. Đến khi Văn Đế băng, Hoàn và Thượng cũng đã chết cả, Đạt tự nghĩ mình chỉ như khách trọ lâu ngày ở chốn biên cương, trong lòng cảm thấy không yên. Gia Cát Lượng nghe biết, muốn ngầm dụ dỗ Đạt, mấy lần gửi thư chiêu mộ. Đạt có viết thư báo đáp Lượng. Thái Thú Ngụy Hưng là Thân Nghi có hiềm khích với Đạt, mật dâng biểu tố cáo Đạt tư thông với Thục. Đế vẫn không tin. Tư Mã Tuyên Vương sai Tham Quân Lương Kỳ đến dò xét, lại khuyên Đạt nên vào châu. Đạt kinh hoảng sợ hãi, bèn làm phản

Can Bảo Tẩn Ký⁽²¹⁾ chép: Đạt lúc mới đến Tân Thành, lên đi Bạch Mã than rằng: “Lưu Phong, Thân Đàm giữ thành chắc nghìn nhà thế này mà dễ mất.”

Năm Thái Hoà thứ hai, mùa xuân, tháng giêng, Tuyên Vương công phá Tân Thành, chém chết Đạt đem đầu về

Ngụy Lựcch chép: Tuyên Vương chiêu dụ tướng của Đạt là Lý Phụ và cháu của Đạt là Đặng Hiên. Bọn Hiên mở cổng thành dẫn quân vào. Đạt bị vây mười sáu ngày thì bại, đầu bị đốt đem tro rắc trên bốn con đường lớn ở Lạc Dương.

Cắt các huyện Thượng Dong, Vũ Lăng, Vu của quân Tân Thành để lập quân Thương Dong, ban cho tên huyện như tên quận.

Đại tướng nước Thục là Gia Cát Lượng quấy phá ở biên giới. Kê lại thứ dân ba quân Thiên Thủy, Nam An, An Định làm phản phụ họa với Lượng.

Ngụy Thư chép: Lúc bấy giờ triều thần chưa biết đưa ra sách lược gì. Đế nói: “Lượng vẫn dựa vào núi non cách trở, nay lại tự đến, đã hợp với kế sách trong binh thư của bậc trí giả. Vả chẳng Lượng tham ba quận, chỉ biết tiến mà không

biết thoái, nay nhân cơ hội này tất sẽ phá được.” Bèn bố trí binh mã bộ kỵ năm vạn thống lĩnh ra chống Lượng.

Sai Đại Tướng Quân Tào Chân giám sát toàn bộ Quan Hữu, cùng nhau tiến binh. Hữ Tướng Quân Trương Cáp công kích Lượng ở Nhai Đình, đại thắng. Lượng thua trận bỏ chạy, ba quận được bình định. Ngày Tân Mùi, tổ chức ăn mừng ở Trường An.

Ngụy Lượng chép lộ bố thiên hạ cũng là công cáo ban xuống Ích Châu của Đế rằng: ”Lưu Bị bội ân, tự trốn vào Ba Thục. Gia Cát Lượng quên bỏ đất ông cha⁽²²⁾, vào hòa với bọn giặc còn sót lại, thần người cùng giận, để mang tiếng xấu làm hại chính mình. Lượng ngoài thì mong lập được tiếng làm Cô⁽²³⁾, trong thì mong riêng chiếm đoạt thực quyền. Anh em Lưu Thăng⁽²⁴⁾ chỉ ngồi mà giữ thành không. Vì thế Lợi Lang, Đặng Cừ, Cao Định, Thanh Khương không chỗ nào là không tan vỡ, cừu địch với Lượng. Mà Lượng mặc ngược áo cừu đi vác củi⁽²⁵⁾, da bên trong mòn hết thì lông cũng tiết, chặt chân cho vừa giày, đã khắc vào da lại hại đến xương. Nói ngược mà xưng luận thuyết, lại tự coi mình là bậc tài hoa. Mưu việc quân ở nơi đầy giếng, bước chân đi trong vết chân trâu. Từ khi trẫm lên nối ngôi, biên giới ba vùng cùng vô sự mà vẫn còn thương thiên hạ mấy lần gặp việc binh đao. Hơn nữa muốn săn sóc những người già ở trong bốn biển, nuôi lớn trẻ mồ côi mới được sinh ra. Trước đổi thay phong tục ở lễ nhạc, sau tính toán sức mạnh bằng khuyến nông. Tha cho Lượng làm hại ở cõi ngoài chưa lo liệu sửa trị tới. Nhưng Lượng mang cái suy nghĩ táo bạo dốt nát của Lý Hùng⁽²⁶⁾, không nghĩ đến lời khuyên đo lường Đức độ của Kinh Hàm⁽²⁷⁾, truy đuổi quan nhỏ dân đen, nhanh nhẩu ra cướp ở Kỳ Sơn. Vương sư vừa mới ra cứu thì giặc đã vỡ mật hết hơi. Mã Tắc, Cao Tường nhìn thấy đã thua trận bỏ chạy. Hồ tướng thần binh của trẫm đuổi quân bại trận, dẫm lên thây, lội qua máu. Lượng như đứa trẻ, khiếp sợ hùng sư. Quan ta mạnh mẽ tinh nhuệ, phấn chấn hăng hái, ai nấy một lòng muốn ruổi dài truy đuổi. Trẫm một mình thống lĩnh đất đai, nghĩ không ai không phải là thần tử của vương thất. Dù vương sư đã đến xír chỉ có cỏ gai mọc được cũng không muốn khiến cho đất đai nghìn hộ của trung tín lương thần phải chịu lâm than cùng phùng ngu tội tà vạ. Cho nên trước tiên bố cáo dạy bảo, để làm rõ thành ý của quốc gia khuyến khích mọi người dời đổi tâm tình, không cản trở việc đánh dẹp giặc dã trong nước. Binh tướng quan lại, kẻ sĩ thứ dân trong Thục bị Lượng áp bức bắt ép, cùng công khanh thụ chức đều nghe mà chịu bó tay.”

Mùa hạ, tháng tư, trở về cung ở Lạc Dương.

Ngụy Lượng chép: *Đương thời có lời đồn rằng Đế đã băng, các đại thần tùy giá đón Ung Khâu Vương Thục lập làm vua. Ở kinh sư từ Biện Thái Hậu đến các công khanh tất thấy đều sợ hãi. Đến khi Đế trở về, mọi người đều ngầm dò xét*

nét mặt Đế. Biện Thái Hậu vừa mừng vừa thương, muốn tìm người đầu tiên tung ra tin đồn. Đế nói: "Cả thiên hạ cùng nói, làm sao mà tìm được?"

Tha cho tội nhân không đáng tội chết chém trở xuống. Ngày Ất Ty, bàn luận công lao thảo phạt Lương, phong tước tăng ấp cho mọi người. Tháng năm, đại hạn. Tháng sáu, ban chiếu rằng: "Tôn kính đạo Nho, coi trọng sự học, ấy là cái gốc của vương hoá vậy. Tự làm nghiêng lệch các bậc Nho quan hoặc không có những người ấy, sẽ lấy ai làm rõ truyền rộng đạo thánh hiền? Nay sẽ tuyển chọn các bậc Bác Sĩ, Mậu Tài để giao trách nhiệm Thị Trung, Thường Thị. Lại sắc cho các quận trong nước lấy việc tiến cử người tài mà sửa sang việc học làm trọng." Mùa thu, tháng chín, Tào Hưu thống lĩnh chư quân tiến vào đất Hoàn, giao chiến với tướng Ngô là Lục Nghị⁽²⁸⁾ ở Thạch Đình, thất bại. Ngày Ất Dậu, lập Hoàng Tử Mục làm Phấn Dương Vương. Ngày Canh Tý, Đại Tư Mã Tào Hưu hoăng. Mùa đông, tháng mười, ban chiếu cho công khanh cận thần mỗi người phải đề cử một người lương tướng. Tháng mười một, Tư Đồ Vương Lăng hoăng. Tháng mười hai, Gia Cát Lượng vây Trăn Thương. Tào Chân sai bọn tướng quân Phí Diêu ra chống cự.

Ngụy Lượng chép: Trước lúc đó đã sai Tướng Quân Hác Chiêu xây thành Trăn Thương. Gặp lúc Lượng tới, vây Chiêu, nhưng không thể chiếm thành. Chiêu tự Bá Đạo, người Thái Nguyên, con người hùng tráng, từ nhỏ đã vào trong quân làm Bộ Khúc Đốc, mấy lần lập được chiến công nên được thăng vào hàng Táp Hào Tướng Quân. Về sau trấn thủ Hà Tây hơn mười năm, người Di sợ mà phục. Lượng vây Trăn Thương, sai người cùng làng với Chiêu là Cận Tường đứng ngoài thành thuyết phục. Chiêu ở trên thành đáp lời Tường rằng: "Điều mục luật pháp nước Ngụy, ông đã từng quen. Tôi là người thế nào, ông cũng đã biết. Tôi nhận ơn lớn của quốc gia mà lại coi trọng môn hộ. Ông có lời nào có thể nói được đây, mà dù ông có lời để nói thì tất chỉ có chết rồi tôi mới chịu nghe. Ông về nói cho Gia Cát Lượng biết, có thể mau đánh thành đi." Tường lấy lời Chiêu về báo với Lượng. Lượng lại sai Tường ra thuyết phục Chiêu lần nữa. Bảo rằng quân số không bằng, chưa vây chỗ trống rỗng thì đã tự thua. Chiêu bảo Tường rằng: "Lời tôi nói trước đây không thay đổi được. Tôi nhận ra ông nhưng mũi tên không không biết ông đâu." Tường bèn bỏ đi. Lượng tự nghĩ có quân tính đến hàng vạn mà Chiêu binh lực chỉ hơn nghìn, hơn nữa tính rằng quân ở phía đông đi cứu chưa thể mau chóng đến nơi được, bèn tiến binh đánh Chiêu. Lượng đưa xe nặng chở thang mây đến gần thành. Chiêu ở trên thành lấy tên lửa bắn xuống thang mây đón đánh. Thang cháy, người ở trên thang đều bị chết thiêu. Chiêu lại lấy dây buộc đá ném ra quăng vào xe nặng, xe gãy. Lượng bèn cho quân đứng trên Tỉnh Lan⁽²⁹⁾ cao trăm thước bắn vào trong thành, lấy đất

lấp hào, muốn trèo thẳng vào trong thành. Chiêu ở trong thành xây tường lớn để chặn. Lượng lại sai đào đất nền, muốn đi lên phía trong tường thành. Chiêu lại đào một đường hào cắt ngang ở trong để ngăn chặn. Hai bên ngày đêm công thủ hơn hai mươi hôm, Lượng không dùng được cách nào thì cứu binh đã tới nơi nên đành phải rút. Có chiếu khen Chiêu giỏi phòng thủ, ban cho tước Liệt Hầu. Đến khi Chiêu trở về, Đổng sai đưa đến gặp mặt mà khen ngợi. Vì thế lại bảo Trung Thụ Lệnh Tôn Tư rằng: "Quê hương khanh có người sáng khoái như ông này, làm tướng rục rĩ đến vậy, trẫm còn gì phải lo nữa. Chiêu mắc bệnh chết để lại di mệnh dạy con là Khải rằng: "Ta làm tướng mới biết tướng không thể làm. Ta mấy lần đào mộ người lấy gỗ làm chiến cụ cho nhà nước nên lại biết rằng hậu táng chẳng có ích gì cho người đã chết. Con nhất định phải liệm ta bằng quần áo bình thường. Vả chăng người sống còn có chỗ ở, người chết ở tại chỗ nào? Nay đưa mộ ta đi xa, đông tây nam bắc, tùy ở con cả đấy."

Con của anh Thái Thú Liêu Đông Công Tôn Cung là Uyên cướp đoạt địa vị của Cung. Nhân đó lấy Uyên làm Thái Thú Liêu Đông.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Duệ*: Trong các bản dịch *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của những dịch giả tiền bối Phan Kế Bính, Mộng Bình Sơn nhân vật này được gọi là Tào Tuấn, không rõ tại sao.

(2) *Văn Đế*: Tào Phi miếu hiệu là *Nguy Văn Đế*.

(3) *Thái Tổ*: Tào Tháo được truy tôn *Thái Tổ Vũ Hoàng Đế*.

(4) *Nguy Thư*: Do *Vương Thâm*, *Tuân Kỷ*, *Nguyễn Tịch* biên soạn, hoàn thành vào cuối thời Tào *Nguy*.

(5) *Vũ Hoàng Đế*: Tào Tháo.

(6) *Hoàng Sơ*: Niên hiệu của Tào Phi, bắt đầu từ năm 220 đến năm 226.

(7) *Nguy Lực*: Do *Ngư Hoạn* soạn.

(8) *Nguy Mạt Truyện*: Tác phẩm khuyết danh ghi chép sự kiện thời *Nguy*.

(9) *Thế Ngữ*: Là sách *Nguy Tấn Thế Ngữ* do *Quách Tấn Ban* soạn, chép sự tích danh nhân thời *Nguy Tấn*.

(10) *Hán Hiếu Vũ*: *Hán Vũ Đế*.

(11) *Tư Mã Tuyên Vương*: *Tư Mã Ý*.

(12) *Thái Hoà*: Niên hiệu của *Nguy Minh Đế Tào Duệ*, bắt đầu từ năm 227 đến năm 233.

(13) *Thù*: Đơn vị trọng lượng thời cổ, sáu *Thù* là một *Truy*, hai mươi tư *Thù* là một *Lượng*.

(14) *Tam Phụ Lục Quyết*: Là sách *Tam Chú Phụ Lục Quyết* do *Triệu Kỳ* soạn vào thời *Tam Quốc*.

(15) *Diên Khang*: Niên hiệu thứ sáu và cuối cùng của *Hán Hiên Đế*, từ tháng ba đến tháng bảy năm 220.

(16) *Túy da*: Nhạc nghị làm *Đại Tư Mã* dưới triều *Yên Chiêu Vương*, cầm quân đánh *Tê*. *Yên Chiêu Vương* chết. Con là *Yên Huệ Vương* lên ngôi,

mắc mưu phản gián của người Tề, thay Nhạc Nghị bằng tướng khác. Nhạc Nghị bỏ Yên theo Triệu. Yên Huệ Vương sợ nhạc nghị có tài lại biết rõ tình hình nước mình sẽ gây họa hại, viết thư trách. Nhạc Nghị trả lời có đoạn rằng: "...Thần nghe kẻ mở đầu tốt chưa chắc đã có kết quả tốt. Ngày xưa Ngũ Tử Tư nói được Hạp Lư nghe nên dấu chân vua Ngô đi xa đến tận thành Sính. Phù Sai thì không thể, cho xác ông ta vào cái túi da ngựa và thả trôi trên sông Giang. Vua Ngô không hiểu theo lời bàn của Tử Tư có thể lập được công, nên đem xác Tử Tư mà không hồi hận. Tử Tư không biết nhìn trước nhà vua không cùng bàn bạc với mình để đến nỗi vào sông Giang mà không được giải thoát. Thần khỏi tội, lập nên công trạng để làm sáng cái dấu vết của tiên vương, đó là cái kế cao nhất của thần. Mắc phải việc gièm pha, nhục nhã làm hỏng mất cái danh của tiên vương đó điều thần rất sợ. Đã chịu cái tội không thể lường được, may được lợi mà thoát khỏi, nhưng thần mang nặng ân nghĩa của tiên vương, thần tuy ở nước ngoài mà lòng vẫn không rời bỏ nước Yên."

(17) Vương Tuân: Bộ tướng của Ngỗi Hiêu, khuyên Ngỗi Hiêu không nên xưng đế sẽ gây chuyện đối đầu trực tiếp với Hán Quang Vũ.

(18) Ngu Khanh: Danh sĩ thời Chiến Quốc, người Hàm Đan, sau hai lần yết kiến quốc quân được bái làm Thượng Khanh.

(19) Trần Bình: Mưu sĩ của Hán Cao Tổ.

(20) Tiêu: Tiêu Quận quê gốc của Tào Tháo.

(21) Can Bảo Tấn Kỷ: Do Can Bảo người Giản Giới đời Tấn soạn.

(22) Quê gốc Gia Cát Lượng ở huyện Dương Đô, quận Lang Nha lúc bấy giờ thuộc quyền quản hạt của nước Ngụy.

(23) Ý nói Lượng muốn xưng vương cát cứ độc lập, khuynh loát triều đình Thục Hán.

(24) Lưu Thăng: Đây phải là anh em Lưu Thiện mới hợp lý.

(25) Mặc ngược áo cừu: Người xưa mặc áo lông thú thường xoay mặt lông ra ngoài. Vì vậy có thành ngữ "mặc ngược áo cừu đi vác củi" chỉ người ngu dốt làm việc bỏ gốc tìm ngọn.

(26) Lý Hùng: Tâm phúc của Công Tôn Thuật. Thuyết phục Thuật xưng đế ở Ba Thục đối chọi với Hán Quang Vũ. Lập luận của Hùng rất giống Long Trung Sách của Lượng.

(27) Kim Hàm: Giữ chức Kỵ Đô Uý dưới trướng Công Tôn Thuật, khuyên Thuật nghĩ đến đức độ của mình chưa đủ thì chưa nên nghĩ đến việc xưng đế.

(28) Lục Nghị: Lục Tồn.

QUYỂN 4 - TAM THIẾU ĐỂ KỶ

TÀO PHƯƠNG TRUYỆN

Tề Vương là Phương, tự Lan Khanh. Minh Đế không có con, bèn nuôi Vương và Tần Vương là Tuân; việc trong cung kín đáo, chẳng ai biết là do ai sinh ra.

Ngụy thị Xuân thu chép: Có người nói là con của Nhâm Thành Vương là Khải.

Năm Thanh Long thứ ba, lập làm Tề Vương.

Năm Cảnh Sơ thứ ba, tháng giêng đầu ngày đình hội, Minh Đế bệnh nặng, bèn lập làm Hoàng thái tử. Hôm đó, lên ngôi Hoàng đế, đại xá. Tôn Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu. Đại tướng quân Tào Sảng, Thái úy Tư Mã Tuyên Vương⁽¹⁾ phụ chính. Hạ chiếu nói: “Trẫm còn nhỏ dại, nối thay nghiệp lớn, đau buồn để tang, không coi được việc. Nay Đại tướng quân, Thái úy vâng theo chiếu lệnh, đến giúp đỡ trẫm, quan Tư đồ, Tư không, Trung tể, Nguyên phụ thống lĩnh trăm quan để giữ yên xã tắc, các người phải cùng công khanh đại phu đốc lòng đốc sức để nêu rõ ý trẫm. Còn các chỗ đang xây dựng cung điện, hạ chiếu sai đầu bãi bỏ, những nô tì của quan lại từ sáu mươi tuổi trở lên đều được thả cho ra làm dân thường”. Tháng hai, người Tây Vực đến dâng tặng vải chống lửa⁽²⁾, hạ chiếu sai Đại tướng quân, Thái úy mặc thử để nêu rõ cho trăm quan.

Địa vật chí chép: Nước Tư Diệt có núi lửa tại giữa biển phía nam, trên ấy có lửa trên bãi, mùa xuân mùa hạ tự cháy, mùa thu mùa đông tự tắt. Có cây mọc ở giữa ấy mà không héo, vỏ cây vẫn tươi, vào mùa thu mùa đông lửa tắt thì đều khô héo. Tục người nước này thường vào mùa đông thì lấy vỏ cây ấy để làm vải, màu hơi xanh đen; nếu có bụi bẩn bám vào thì ngâm vào nước lại sạch đẹp vậy.

Phó Tử chép: Vào thời Hoàn Đế của nhà Hán, Đại tướng quân Lương Ký lấy vải chống lửa làm áo cộc, thường lúc hội tân khách, Ký giương tay tranh chén rượu, làm rơi chén mà làm bẩn áo, vờ giận, cởi áo ra nói: “Đốt nó đi”. Áo bắt lửa, cháy sáng rực rỡ như đốt áo thường, vết bẩn mất và lửa tắt, áo lại rực rỡ tươi sáng như than lửa đỏ vậy.

Sưu thần ký chép: Tại gò núi Côn Lôn có núi lửa cháy, trên núi có cây cỏ chim thú, đều sống trên lửa cháy, do đó có vải chống lửa, nếu không phải làm từ vỏ

cây trên núi ấy thì cũng là từ lông của chim thú trên núi ấy vậy.

Trước đây vào thời nhà Hán, người Tây Vực tặng loại vải ấy, sau đó lâu ngày ngừng dứt, đến đầu thời nhà Ngụy, người thời ấy ngờ rằng không có loại vải ấy. Văn Đế cho rằng lửa cháy khốc liệt, không có vật gì sống nổi trong lửa, bèn viết bài luận nói rõ là không có việc ấy, gạt bỏ lời của bậc thức trí. Đến lúc Minh Đế lên ngôi, hạ chiếu cho Tam công nói: “Ngày xưa Tiên đế viết bài luận, lời văn đúng không sai, nay khắc lên bia đá ở ngoài cửa tông miếu và nhà Thái học, cùng đặt ngang với kinh khắc trên bia đá để mãi tỏ rõ cho người đời sau”. Đến đây sứ giả Tây Vực đến mà tặng vải chống lửa ấy, do đó đục bỏ bài luận ấy, cho nên thiên hạ chê cười.

Thần là Tùng Chi trước đây đi về phía tây đến Lạc Dương, qua xem vật cũ, thấy bia đá khắc bài luận tại nhà Thái học vẫn còn, nhưng ở ngoài cửa tông miếu thì không có. Hỏi những người già, họ nói rằng vào lúc trước nhà Tấn nhận ngôi, liền dùng lại tông miếu của nhà Ngụy, dời bia đá ấy sang nhà Thái học, không phải là dựng bia đá ở hai nơi vậy. Trộm nghĩ lời văn trên bia đá là không đúng.

Lại có Thần dị kinh của Đông Phương Sóc chép: *Tại ngoài cõi hoang miền nam có núi lửa, dài ba mươi dặm, rộng năm mươi dặm, trong ấy đều mọc cây không héo, ngày đêm lửa cháy, gặp gió lớn mà không bùng, gặp mưa to mà không tắt. Trong lửa có con chuột, nặng đến trăm cân, lông dài hơn hai thước, sọc lông nhỏ như tơ, dùng làm vải được. Loài ấy sống ở trong lửa, màu đỏ sẫm, lúc ra ngoài thì màu trắng, nếu lấy nước mà tưới lên thì chết ngay, vật lông của nó, dệt để làm vải.*

Ngày đình sưu, hạ chiếu rằng: “Thái úy đạo đức ngay thẳng, dốc lòng trung suốt ba đời, phía nam bắt Mạnh Đạt, phía tây phá giặc Thục, phía đông diệt Công Tôn Uyên, công trùm cả nước. Ngày xưa Chu Thành Vương lập ra quan Bảo phó, gần đây nhà Hán tỏ rõ ân sủng cho Đặng Vũ, đấy là để đề cao bậc tuấn nghĩa, tất được tôn sùng vậy. Nay lấy Thái úy làm Thái phó, Trì tiết, lĩnh binh trông coi việc quân như cũ”. Tháng ba, lấy Chinh đông Tướng quân Mãn Sùng làm Thái úy. Mùa hạ tháng sáu, đem quan dân huyện Đông Đạp quận Liêu Đông vượt biển đến định cư ở quận Tề lấy huyện Tung Thành cũ lập thành huyện Tân Đạp để dân ấy ở. Mùa thu tháng bảy, vua bắt đầu lên triều, nghe các công khanh tấu việc. Tháng tám, đại xá. Mùa đông tháng mười, lấy Trấn nam Tướng quân Hoàng Quyên làm Xa kị Tướng quân. Tháng mười hai, hạ chiếu nói: “Liệt Tổ Minh Hoàng Đế vào tháng giêng rời bỏ thiên hạ, khiến cho bấy tôi mãi nghĩ nhớ ngày đau buồn ấy, nay dùng lại lịch của nhà Hạ; dấu trái nghĩa thông lịch Tam thống⁽³⁾ của Tiên đế, nhưng lễ chế ấy cũng thay đổi từ lịch cũ vậy. Lại nữa lịch nhà Hạ đối với lịch số lại đúng với số trời, nay lấy

tháng kiến dầ làm tháng giêng năm Chính Thủy thứ nhất, lấy tháng kiến sữ làm tháng mười hai sau cùng”.

Năm Chính Thủy thứ nhất, mùa xuân tháng hai ngày ất sữ, bái Thị trung Trung thư giám Lưu Phóng, Thị trung Trung thư lệnh Tôn Tư làm Tả, Hữu Quang lộc Đại phu. Ngày bính tuất, đem dân của huyện Vãn, huyện Bắc Phong của quận Liêu Đông vượt biển chuyển đến các huyện Xương Quốc, Lâm Truy, Tây An của quận Tề, lập các huyện Tân Vãn, Nam Phong để dân ấy ở đấy.

*Từ mùa đông tháng mười hai năm ngoái đến tháng này không mưa. Ngày bính dầ, hạ chiếu sai quan coi ngục gấp xét xử công bằng cho người bị oan uông, phải cẩn thận xem xét, các công khanh quan lại nói lời thẳng dầ mưu hay, phải dốc hết lòng. Mùa hạ tháng tư, Xa kị Tướng quân Hoàng Quyền hoăng. Mùa thu tháng bảy, hạ chiếu nói: “**Kinh Dịch chép:** ‘Tồn trên ích dưới, giảm bớt ham muốn thì không tổn tiền của, không gây hại dân chúng’. Ngày nay trăm họ không no đủ mà phủ quan lại có nhiều vàng bạc vật lạ, dùng để làm gì? Nay đem năm mươi loại, hơn một nghìn tám trăm cân vàng bạc vật ấy ra hủy đúc để làm các đồ dùng cho quân sĩ”. Tháng tám, xa giá đi coi xét vụ trồng lúa ở Lạc Dương, đều ban phu cày trồng khỏe mạnh cho người cao tuổi.*

Năm thứ hai, mùa xuân tháng hai, Đế vừa học thông Luận ngữ, sai quan Thái thường đem cỗ thái lao tế Khổng Tử ở miếu Tích Ung, tế phối cùng Nhan Uyên. Mùa hạ tháng năm, tướng Ngô là bọn Chu Nhiên vây Phàn Thành quận Tương Dương, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương đem quân chống chúng. .

Tấn kỉ của Can Bảo chép: Tướng Ngô là Toàn Tông cướp Thục Bi, Chu Nhiên, Tôn Luân đem năm vạn quân vây Phàn Thành, Gia Cát Cẩn, Bộ Chắt cướp Tổ Trung; Tông đã thua chạy nhưng Phàn Thành bị vây gấp. Tuyên Vương nói: “Mười vạn dân chúng ở Tổ Trung cách tại phía nam sông, xao động không có chủ, Phàn Thành lại bị đánh, nhiều tháng không giải được vây, đây là việc nguy gấp vậy, xin tự đánh cứu”. Người bàn đều nói: “Giặc từ xa đến vây Phàn Thành mà không phá được, bị dề ở dưới thành vững, có cái thế tự vỡ, nên dùng kế lâu dài mà ngăn giặc”. Tuyên Vương nói: “Sách binh pháp có nói: ‘Có sức mà chỉ ngăn giữ địch, đây là tự trói buộc mình; không có sức mà ngăn giữ địch, đây là tự làm úp lật mình’. Nay bờ cõi dao động, lòng dân nghi hoặc, đây là nỗi lo lớn của xã tắc vậy”. Tháng sáu, đem các quân đánh miền nam, nhà vua đi xe ra tiền ở ngoài cửa thành Tân Dương. Tuyên Vương cho rằng miền nam nóng ẩm, không nên giữ lâu, sai quân kị nhẹ dụ địch, nhưng không đánh bừa. Do đó lại sai các quân nghỉ ngơi tắm rửa, chọn kẻ khỏe mạnh, buổi đêm đi trước, tự

thân rõ hiệu lệnh, tỏ ý dốc hết sức đánh. Bọn Nhiên nghe tin, bèn buổi đêm chạy trốn. Đuổi đến cửa Tam Châu, bắt giết rất nhiều.

Tháng sáu ngày tân sửu, rút quân. Ngày kỉ mao, lấy Chinh đông Tướng quân Vương Lăng làm Xa kị Tướng quân. Mùa đông tháng mười hai, quận Nam An động đất.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng giêng, đề ban áo rộng cho bầy tôi theo cấp bậc. Mùa hạ tháng tư ngày ất mao, lập Hoàng hậu Chân thị, đại xá. Đầu tháng năm, Mặt trời có chỗ khuyết⁽⁴⁾ trong chốc lát. Mùa thu tháng bảy, hạ chiếu cúng tế các vị Đại tư mã Tào Chân, Tào Hưu, Chinh nam Đại tướng quân Hạ Hân Thượng, Thái thường Hoàn Giai, Tư không Trần Quỳ, Thái phó Chung Do, Xa kị Tướng quân Trương Cáp, Tả tướng quân Từ Hoảng, Tỉn tướng quân Trương Liêu, Hữu tướng quân Nhạc Tiến, Thái úy Hoa Hâm, Tư đồ Vương Lang, Phiếu kị Tướng quân Tào Hông, Chinh tây Tướng quân Hạ Hân Uyên, Hậu tướng quân Chu Linh, Văn Sính, Chấp kim ngô Tang Bá, Phá lỗ Tướng quân Lí Diên, Lập nghĩa Tướng quân Bàng Đức, Vũ mãnh Hiệu úy Diên Vi ở miếu đình Thái Tổ. Mùa đông tháng mười hai, nữ vương của nước Oa là Tỉ Di Hô sai sứ dâng tặng.

Năm thứ năm, mùa xuân tháng hai, hạ chiếu sai Đại tướng quân Tào Sảng đem quân đánh Thục. Mùa hạ đầu tháng tư, Mặt trời có chỗ khuyết. Tháng năm ngày quý tị, giảng kinh Thượng thư thuộc xong, sai quan Thái thường lấy đồ thái lao tế Khổng Tử ở miếu Tích Ung, tế cùng Nhan Uyên; ban sách Đại truyện cho Đại tướng quân và người hầu giảng theo cấp bậc. Ngày bính ngọ, Đại tướng quân Tào Sảng dẫn quân về. Mùa thu tháng tám, Tào Vương là Tuân hoảng. Tháng chín, người Tiên Ti xin nội thuộc, đặt Liêu Đông thuộc quốc, lập huyện Xương Lê để người Tiên Ti ở đấy. Mùa đông tháng mười một ngày quý mao, hạ chiếu cúng tế Thượng thư Tuân Du ngày trước ở miếu đình Thái Tổ.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Lúc trước nhà Ngụy cúng tế mà không màng đến Tuân Úc, có lẽ là những năm cuối của người này có người bàn khác, lại vì chức vị không phải là đại thần của nhà Ngụy vậy. Đến như đề cao Trình Dục mà hạ thấp Quách Gia, đặt Chung Do trước mà sắp Tuân Du sau thì chưa rõ cái ý ấy. Từ Tha mưu phản thì Hứa Chử cảnh giác, rất là trung thành sánh với Nhật Đê thời xưa, vả lại ở trận Đồng Quan, nếu không có Chử giúp thì không thắng được, công lao của Chử hơn cả Diên Vi, nay tế Vi mà không màng đến Chử, đây lại có chỗ chưa đạt vậy.

Ngày kỉ dậu, đặt lại nước Tần thành quận Kinh Triệu. Tháng mười hai, Tư không Thôi Lâm hoẵng.

Năm thứ sáu, mùa xuân tháng hai ngày đinh mao, quận Nam An động đất. Ngày bính tí, lấy Phiếu kị Tướng quân Triệu Nghiễm làm Tư không; mùa hạ tháng sáu, Nghiễm hoẵng. Tháng sáu ngày đinh mao, lấy Thái thường Cao Nhu làm Tư không. Ngày quý tị, lấy Tả quang lộc Đại phu Lưu Phóng làm Phiếu kị Tướng quân, Hữu quang lộc Đại phu Tôn Tư làm Vệ tướng quân. Mùa đông tháng mười một, hợp tế ở miếu Thái Tổ, bắt đầu tế mười một tôi thần giúp vua mà ngày trước bàn luận. Tháng mười hai ngày tân mao, hạ chiếu sai các bậc học giả học thử Dịch truyện mà quan Tư đồ Vương Lang ngày trước soạn. Ngày ất hợi, hạ chiếu nói: “Hôm sau hội họp bày tôi, cho quan Thái phó được ng ỡ kiêu lên điện”.

Năm thứ bảy, mùa xuân tháng hai, U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiệm đánh nước Cao Câu Li. Mùa hạ tháng năm, đánh rợ Uế, Mạch, đầu phá chúng, mấy chục nước rợ Hàn, Na Khê đầu đem bộ lạc xin hàng. Mùa thu tháng tám ngày mậu thân, hạ chiếu nói: “Ta đến chợ thấy những kẻ bị bán làm nô tì cho quan lại, đầu bảy mười tuổi, có kẻ bị bệnh tật tàn tụy, đấy gọi là nỗi khổ cực của dân thường vậy. Lại nữa quan lại thấy họ sức kiệt mà bán họ lần nữa, tiến lùi chẳng được, nay sai hết về làm dân thường. Nếu có kẻ không tự mưu sống được thì quận huyện phải cấp phát cho họ”.

Thần là Tùng Chi xét: Đế vừa lên ngôi, có chiếu rằng: “Những nô tì của quan lại từ sáu mười tuổi trở lên đều được thả cho ra làm dân thường”. Đã có chiếu ấy, thì nên theo phép thường. Trong khoảng bảy, tám mười tuổi mà lại bán kẻ bảy mười tuổi, vả lại những nô tì bảy mười tuổi cùng người ốm yếu bệnh tật, đều không phải là người nên bán, vậy mà vẫn bán ở chợ, đấy đều là việc khó giải thích.

Ngày kỉ dậu, hạ chiếu nói: “Ta đáng đến ngày mười chín sẽ tự đi cúng tế, nhưng buổi chiều đi ra đã thấy đang sửa đường, gặp mưa mà vẫn sửa, lại sai dân phu làm. Ta thường nghĩ trăm họ sức ít mà làm nhiều, ngày đêm lo lắng. Đường đi chỉ nên hẹn lúc mà sửa thông, vậy mà ta nghe nói lại sai bắt cả già trẻ đi làm, làm việc nhiều lắm, vất vả lưu li, dẫn đến than oán. Ta há ng ỡ yên trên xe mà đi cúng tế ở tông miếu được chăng? Từ nay vềsau, xét rõ đổi việc này”. Tháng mười hai mùa đông, giảng Lễ kí xong, sai quan Thái thường lấy đồ thái lao tế Khổng Tử ở miếu Tích Ung, tế cùng Nhan Uyên.

Hán Tấn xuân thu của Tập Tạc Xỉ chép: Năm đó, tướng Ngô là Chu Nhiên vào Tổ Trung, bắt chém mấy nghìn người; hơn vạn nhà quan dân ở Tổ Trung vượt sông Miện. Tư Mã Tuyên Vương bảo Tào Sảng rằng: “Nếu sai quân về, giặc tất lại đến cướp, nên giữ quân ở lại”. Sảng nói: “Nay không lo giữ mé nam sông Miện mà chỉ giữ dân ở lại mé bắc sông Miện, đấy không phải là kế hay vậy”. Tuyên Vương nói: “Không đúng. Vật gì hễ đặt ở chỗ yên thì được yên, đặt ở chỗ nguy thì nguy, cho nên sách binh pháp nói: ‘Thành bại là do hình đất, an nguy là thế đất, hình thế đất là cái cốt yếu để phòng giữ, không thể không xét kĩ’. Nếu để cho hai vạn quân giặc chắn ngang sông Miện, hai vạn quân chống nhau với các quân ta ở phía nam sông Miện, một vạn quân lại đi cướp Tổ Trung thì quân sẽ làm gì để cứu”? Sảng không nghe, bèn sai về. Sau đó Nhiên đánh úp phá chỗ ấy. Viên Hoài nói với Sảng rằng: “Dân miền Ngô Sở yếu kém lại ít sức, bậc anh tài hiền năng không sinh ra ở chỗ ấy, sánh về sức thì không đủ để chống nhau với người Trung Quốc, nhưng từ đời trước đến nay vẫn thường gây hại cho Trung Quốc, đại khái là lấy Giang Hán làm ao, lấy thuyền chèo làm vũ khí, thấy lợi thì lên bờ cướp bóc, không lợi thì vào sông, đánh chúng thì đường xa, do đó Trung Quốc nhiều đời không đánh được họ vậy. Tôn Quyền từ mấy chục năm trước đến nay thường đánh cướp mé bắc sông Giang, luyện tập quân giáp, sửa sang phòng bị, nhiều lần ra đánh lén, dám đi xa khỏi sông, đến nơi đất bằng, đấy là điều mà người Trung Quốc từng nghe thấy vậy. Người dùng binh quý ở việc quân no chống quân đói, lấy quân nhàn thắng quân mỏi, đem quân không muốn đánh lâu, đi không muốn đến nơi xa, giữ thì chọn nơi vững, gắng sức thì thích mạnh. Ngày nay nên bỏ miền sông Hoài, sông Hán về phía nam, rút lui mà tránh giặc. Nếu giặc vào được miền giữa, đến gần biên giới thì theo điểm yếu của chúng mà dùng điểm mạnh của người Trung Quốc mà đánh vậy. Nếu giặc không dám đến thì biên giới được yên, không có nỗi lo bị cướp phá vậy. Khiến cho nước giàu quân mạnh, lòng người hợp nhất thì đánh được nước giặc không còn xa nữa vậy. Nay thành Tương Dương lẻ loi ở phía nam sông Hán, nếu giặc men sông Hán mà đi lên thì ta chặn ngang mà làm cho đường lối chẳng thông, lúc ấy một trận là thắng, không cần đánh mà giặc tự chịu phục, cho nên đặt quân ở đấy thì không ích cho nước, bỏ chỗ ấy cũng không bị lấn. Từ quận Giang Hạ về phía đông, các quận miền Hoài Nam, từ thời ba vị Tiên đế đến nay, có khi nào bỏ chỗ ấy mà khiến cho giặc dễ đến gần bờ cõi để cướp bóc chẳng? Nếu dời dân về miền Hoài Bắc, rời xa chỗ ấy thì dân chúng an vui, há bị kinh sợ sao”? Rút cuộc không dời.

Năm thứ tám, mùa xuân đầu tháng hai, Mặt trời có chỗ khuyết. Mùa hạ tháng năm, chia mười huyện phía bắc sông Phần của quận Hà Đông lập ra quận Bình Dương. Mùa thu tháng bảy, Thượng thư Hà Yên tấu rằng: “Người giỏi trị nước tất phải tu thân mình trước, người tu thân phải cẩn thận hành động. Hành động đúng thì thân mình đúng, thân mình đúng thì không sai khiến thì kẻ dưới tự làm đúng; hành động không đúng thì thân mình không đúng, thân

mình không đúng thì dẫu sai khiến thù kẻ dưới cũng không theo. Cho nên làm bậc quân tử, làm việc với người tất phải chọn người đúng đắn, coi xét phải nhìn rõ sự việc, bỏ tiếng nhạc dâm dật mà không nghe, xa kẻ nịnh nọt mà chẳng gần, do đó lòng ác không sinh thì đạo chính mới được mở rộng vậy. Vua kém thời suy, không biết lợi hại, rời xa quân tử, gần gũi tiểu nhân, trung thần bỏ đi, kẻ ác theo gần, loạn sinh nơi gần, như chuột trong vách; xét rõ sáng tối, lẽ ấy đúng đắn, cho nên bậc thánh hiền lắm lời cho là nỗi lo lớn nhất. Thuấn răn Vũ nói: ‘Gần lắm, gần lắm’!, ý nói cẩn thận chọn kẻ gần gũi vậy. Chu Công răn Thành Vương rằng: ‘Bạn sao, bạn sao’?, ý nói cẩn thận kết bạn với nhau vậy. Kinh Thi chép: ‘Một người có vui, triệu dân được nhờ’. Cho nên từ nay về sau, những người châu hầu ở điện lớn và dạo chơi nơi vườn sau đều là đại thần đi theo, nên nhân lúc ăn chơi mà xem nghĩ lời lẽ, xét hỏi chính trị, giảng dạy kinh nghĩa, làm phép tắc cho muôn đời”. Mùa đông tháng mười hai, Tán kị Thường thị Giám nghị Đại phu Khổng Nghệ tấu rằng: “Lẽ như cung điện của Thiên tử, có cái phép tắc phải mài giũa, không nên tô trát màu mè, do đó nên noi theo lẽ xưa. Nay thiên hạ đã yên, vua tôi phân rõ, Bệ hạ không nên lười nhác, nên tỏ lòng công bằng, xét rõ thưởng phạt để sai khiến trăm quan. Nên cắt bỏ việc cưỡi ngựa ở nơi vườn sau, ra ngoài phải ngồi kiệu cưỡi xe, đấy là cái phúc của thiên hạ, cũng là lòng mong mỏi của tôi thần vậy”. Yến, Nghệ đều vì chính trị thiếu sót nên dâng tấu can gián.

Năm thứ chín, mùa xuân tháng hai, bái chức Vệ tướng quân cho Trung thư lệnh Tôn Tư; ngày quý tị, bái chức Phiếu kị Tướng quân cho Trung thư giám Lưu Phóng. Tháng ba ngày giáp ngọ, bọn Tư đề Vệ Trần đầu từ chức, ban tước Hầu cho về nhà, bái vị Đặc tiến. Tháng tư, lấy Tư không Cao Nhu làm Tư đề, lấy Quang lộc Đại phu Từ Mạc làm Tư không, đầu cố từ không nhận. Mùa thu tháng chín, lấy Xa kị Tướng quân Vương Lăng làm Tư không. Mùa đông tháng mười, gió lớn nhổ cây xốc nhà.

Năm Gia Bình thứ nhất, mùa xuân tháng giêng ngày giáp ngọ, xa giá đến lăng Cao Bình.

Ngụy thế phả của Tôn Thịnh chép: Lăng Cao Bình tại núi Đại Thạch phía nam sông Lạc, cách thành Lạc Dương chín mươi dặm.

Thái phó Tư Mã Tuyên Vương tấu xin bái chức Đại tướng quân Tào Sảng, em Sảng là Trung lĩnh quân Hi, Vũ vệ tướng quân Huấn, Tán kị Thường thị Ngạn, ban tước Hầu cho về nhà. Ngày mậu tuất, quan coi việc tấu xin bắt Hoàng môn Trương Dương giao cho sở quan Đình úy, xét thật lời khai, vì cùng mưu với Sảng lại không theo phép tắc. Lại nữa bọn Thượng thư Đình Mật, Đặng Dương, Hà Yến, Tư lệ Hiệu úy Tất Chấp, Kinh Châu Thứ sử Lí Thắng, Đại tư nông Hoàn Phạm đầu mưu gian qua lại

với Sảng, giết ba họ. Chép tại Tào Sảng truyện. Ngày mậu ngọ, đại xá. Ngày đinh mùi, lấy Thái phó Tư Mã Tuyên Vương làm Thừa tướng, cố từ lại thôi.

Hán Ngụy xuân thu của Không Diễn chép: Hạ chiếu sai Thái thường Vương Túc lệnh báii Thái phó làm Thừa tướng, tăng ấp vạn hộ, bày tội tâu việc không được xưng tên, nên theo việc cũ của Hoắc Quang. Thái phó dâng thư từ chối rằng: “Thần vâng mệnh gửi gắm, lo nghĩ chức nặng, cậy nhờ oai trời, bề gãy hung gian, chuộc tội là may, công không đáng bàn. Lại nữa Tam công là bậc mà vua thánh xưa lập ra, chép rõ ở lễ thường. Đến như quan Thừa tướng, bắt đầu từ thời Tân Chính, nhà Hán noi theo, chẳng đổi thay nữa. Nay vị Tam công đều đủ, nếu báii cho xưng thần là trái với phép cũ, đổi phép tắc của bậc thánh nhân, noi theo con đường của nhà Tân nhà Hán. Dầu ở người khác, thần cũng phải đứng đắn, huống chi thân ngay nay lại không cố tranh giành, người bàn khắp bốn phương sẽ nói thần thế nào!” Gửi thư lên hơn mười lần, bèn hạ chiếu thôi, lại ban lễ cửu tích. Thái phó lại nói: “Thái Tổ có đức cao công to, được nhà Hán coi trọng, cho nên ban lễ cửu tích, đây là việc lạ qua các đời, không phải là điều mà vua tôi đời sau nên bàn vậy”. Lại cố từ không nhận.

Mùa hạ tháng tư ngày ất sửu, đổi niên hiệu. Ngày bính tí, Thái úy Tướng Tế hoẵng. Mùa đông tháng mười hai ngày tân mao, lấy Tư không Vương Lăng làm Thái úy. Ngày canh tí, lấy Tư lệ Hiệu úy Tôn Lễ làm Tư Không.

Năm thứ hai, mùa hạ tháng năm, lấy Chinh tây Tướng quân Quách Hoài làm Xa kị Tướng quân. Mùa đông tháng mười, lấy Đặc tiến Tôn Tư làm Phiếu kị Tướng quân. Tháng mười một, Tư không Tôn Lễ hoẵng. Tháng mười hai ngày giáp thìn, Đông Hải Vương là Lâm hoẵng. Ngày ất mùi, Chinh nam Tướng quân Vương Sưởng vượt sông Giang, đánh úp quân Ngô, phá chúng.

Năm thứ ba, mùa xuân tháng giêng, Kinh Châu Thứ sử Vương Cơ, Tân Thành Thái thú Trần Thái đánh quân Ngô, phá chúng, bắt hàng mấy nghìn người. Tháng hai, đặt huyện Di Lăng thuộc Nam Quận để đưa người hàng phục đến ở. Tháng ba, lấy Thượng thư lệnh Tư Mã Phu làm Tư không. Tháng tư ngày giáp thân, lấy Chinh nam Tướng quân Vương Sưởng làm Chinh nam Đại tướng quân. Ngày nhâm thìn, đại xá. Ngày mậu ngọ, nghe tin Thái úy Vương Lăng mưu phế Đế, muốn lập Sở Vương là Bưu, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương bèn sang đông đánh Lăng. Tháng năm ngày giáp dần, Lăng tự sát. Tháng sáu, ban Bưu tự sát. Mùa thu tháng bảy ngày nhâm tuất, Hoàng hậu Chân thị băng. Ngày tân mùi, lấy Tư không Tư Mã Phu làm Thái úy. Ngày mậu dần, Thái úy Tư Mã Tuyên Vương hoẵng, lấy Vệ

tướng quân Tư Mã Cảnh Vương⁽⁵⁾ làm Phủ quân Đại tướng quân, Lục thượng thư sự. Ngày ất mùi, táng Hoài Chân hậu ở lăng Thái Thanh. Ngày canh tí, Phiếu kị Tướng quân Tôn Tư hoẵng. Tháng mười một, quan coi việc tấu xin các công thần cúng tế ở miếu Thái Tổ, lại theo cấp bậc, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương tước cao, ở hàng nhất. Tháng mười hai, lấy Quang lộc huân Trịnh Xung làm Tư không.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng giêng ngày quý mao, lấy Phủ quân Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương làm Đại tướng quân làm Đại tướng quân. Tháng hai, lập Hoàng hậu Trương thị, đại xá. Mùa hạ tháng năm, thấy hai con cá ở trên kho vũ khí.

Hán Tấn xuân thu chép: Lúc trước, Tôn Quyền đắp đê Đông Hưng để ngăn nước hồ Sào. Sau đó đánh miền Hoài Nam, đê vỡ không sửa lại. Năm đó Gia Cát Khác đem quân đến bờ phải trái trên đê đắp ụ, hai bên đắp hai tòa thành, sai Toàn Doan, Lưu Lượng giữ thành rồi dẫn quân về. Gia Cát Đản nói với Tư Mã Cảnh Vương rằng: “Dẫn dắt người mà không để cho người dẫn dắt, đây là nói về bên ấy vậy. Nay nhân lúc bên ấy có rối loạn ở trong, sai Văn Thù đến gần Giang Lăng, sai Trọng Cung hướng đến Vũ Xương để ngăn giữ dòng trên của nước Ngô, sau đó chọn quân khỏe đánh hai thành, bên ấy tất đến cứu, lúc ấy mới đánh bắt lớn được”. Cảnh Vương nghe theo.

Mùa đông tháng mười một, hạ chiếu sai bọn Chinh nam Đại tướng quân Vương Sưởng, Chinh đông Tướng quân Hồ Tuân, Trấn nam Tướng quân Quán Khâu Kiệm đánh quân Ngô. Tháng mười hai, Đại tướng quân của nước Ngô là Gia Cát Khác đánh chống, đại phá quân ấy ở Đông Quan. Không lợi mà về.

Hán Tấn Xuân thu chép: Quán Khâu Kiệm, Vương Sưởng nghe tin quân phía đông thua, đều đốt trại mà chạy. Triều đình bàn muốn bãi giáng các tướng, Cảnh Vương nói: “Ta không nghe lời Công Hưu mới dẫn đến thế. Đây là lỗi của ta vậy, các tướng tội gì”? Đều tha cho. Bấy giờ Tư Mã Văn Vương làm Giám quân, lĩnh các quân, chỉ giảm tước của Văn Vương mà thôi. Năm đó, Ung Châu Thứ sử Trần Thái xin sai quan dân Tinh Châu đốc sức đánh rợ Hồ, Cảnh Vương nghe theo. Chưa tụ quân mà người hai quận Nhạn Môn, Tân Hưng cho rằng sắp đi đánh xa, bèn lo sợ mà làm phản. Cảnh Vương lại tạ lỗi triều đình rằng: “Là lỗi của ta, không phải tội của Huyền Bá”! Do đó người Ngụy vừa mừng vừa thẹn, mọi người nghĩ lời đáp ấy.

Tập Tục Xỉ nói: “Tư Mã Đại tướng quân đổ lỗi thua hai trận cho mình, vậy mà xóa lỗi lại nghiệp vững, có thể nói là có trí vậy. Khiến cho dân quên trận thua ấy lại cúi nghĩ lời đáp, dẫu muốn không theo mà làm được sao? Nếu mà giấu thua khen công, đổ lỗi cho mọi người, thường nắm công lao về mình mà giấu lỗi sai

thì trên dưới mất lòng, hiền ngu chán nản, lúc ấy Sở lại thua mà Tấn lại thắng vậy, lỗi càng nhiều vậy! Người làm chủ dân, nếu theo cái lí ấy mà trị nước thì triều đình không có yếu kém, thân mình chẳng mang xấu, dầu công mất nhưng vẫn nổi danh, quân thua mà vẫn thắng trận, dầu trăm trận thua mà vẫn đứng vững. Huống chi là nặng hơn”!

Năm thứ năm, mùa hạ tháng tư, đại xá. Tháng năm, Thái phó của nước Ngô là Gia Cát Khác vây huyện Tân Thành quận Hợp Phì, hạ chiếu sai Thái úy Tư Mã Phu chống lại.

Hán Tấn xuân thu chép: Bấy giờ Khương Duy cũng ra vây huyện Dịch Đạo. Tư Mã Cảnh Vương hỏi Ngu Tùng rằng: “Nay đông tây có việc, hai miền đều gấp, mà ý các tướng ngăn chặn, làm thế nào”? Tùng nói: “Ngày xưa Chu Á Phu giữ vững ở Xương Ấp mà quân Ngô Sở tự vỡ, việc có thể yếu mà mạnh, hoặc có thể mạnh mà yếu, không thể không xét kĩ. Nay Khác đem hết quân mạnh đi, đủ để gây ác, lại đóng giữ ở Tân Thành là muốn đánh một trận mà thôi. Nếu đánh thành không được, dù đánh chẳng xong, quân sĩ mỗi mệt, thế tất tự chạy, lúc ấy các tướng không cần đi thắng, đấy là cái lợi của ngài vậy. Khương Duy có quân mạnh mà cũng chỉ giữ quân ứng theo Khác, đang mong ăn lúa mạch của nước ta, không phải là giặc có cái rễ sâu vậy. Vả lại nếu ta dốc sức ở phía đông thì phía tây tất dễ trông, cho nên đến thắng chỗ ấy hơn. Nay nếu sai quân miền Quan Trung đi gấp mà đến, ra chỗ không ngờ thì giặc phải chạy vậy”. Cảnh Vương nói: “Hay”! Bèn sai Quách Hoài, Trần Thái đem hết quân miền Quan Trung đến giải vây huyện Dịch Đạo; lệnh bọn Quán Khâu Kiêm ém quân tự giữ, bỏ Tân Thành cho quân Ngô. Khương Duy nghe tin Hoài đem quân đến, lương quân mình thiếu, bèn rút về đóng ở quận Lũng Tây.

Mùa thu tháng bảy, Khác rút về

Bấy giờ Trương Đặc giữ Tân Thành.

Ngụy lược chép: Đặc tự Tử Sản, người Trác Quận. Lúc đầu làm Nha môn tướng, theo giúp Trần đông Tướng quân Gia Cát Đản, Đản không cho là tài vậy, muốn sai về làm Hộ quân. Gặp lúc Quán Khâu Kiêm đánh Đản, bèn sai Đặc đóng giữ huyện Tân Thành quận Hợp Phì. Đến lúc Gia Cát Khác vây thành, Đặc cùng bọn Tướng quân Nhạc Phương lĩnh ba quân có ba nghìn người, quan binh bệnh tật và bị chết quá nửa, mà Khác đắp ụ đất đánh gấp, thành sắp vỡ, khó giữ được. Đặc bèn bảo quân Ngô rằng: “Nay ta chẳng còn lòng dạ đánh nữa rồi. Nhưng theo phép tắc của quân Ngụy thì bị đánh hơn trăm ngày mà không có quân đến cứu, dầu hàng, người nhà không bị tội vậy. Từ khi gặp địch đến nay, đã hơn chín mươi ngày rồi. Trong thành này vốn có hơn bốn nghìn người, mà kẻ chết trận đã qua nửa, thành dầu vỡ nhưng còn có nửa không muốn hàng. Ta sẽ về bảo với chúng, kẻ tên chia kẻ thiện ác, sáng hôm sau sẽ đem tên đến, ta lại đem ấn thao để làm tin”. Bèn ném ấn thao của mình cho quân Ngô. Quân Ngô

nghe lời mà không dám nhận ân thao. Cũng chẳng đánh. Chốc lát, Đắc về, bèn buổi đêm lấy gỗ ván trong nhà để vá sửa các chỗ thiếu trên thành làm hai lớp. Hôm sau, bảo quân Ngô rằng: “Ta chỉ còn cách liều chết mà đánh thôi”! Quân Ngô cả giận, vào đánh thành, không hạ được, bèn dẫn về. Triều đình khen công, bái thêm chức Táp hiệu Tướng quân, phong Liệt hầu, lại chuyển làm An Phong Thái thú.

Tháng tám, hạ chiếu nói: “Trung lang tướng người quận Tây Bình là Quách Tu trước kia, giữ tiết tử đức, dốc lòng không đổi. Lúc đầu tướng Thục là Khương Duy cướp chiếm quận Tây Bình, thân bị bắt giữ. Năm ngoái Đại tướng quân Phí Y của giặc xua lĩnh quân sĩ, ngầm mưu đánh phá, đi qua Hán Thọ, mời gọi tân khách, Tu ở trong hội càn đao đâm Y, dũng hơn Nhiếp Chính⁽⁶⁾, công quá Giời Tử⁽⁷⁾, có thể nói là diệt thân lập nhân, bỏ sống lấy nghĩa vậy. Do đó truy tặng ban sủng để nêu rõ lòng trung nghĩa, ban lộc cho dòng dõi, cũng để khuyến khích mai sau. Nay truy phong Tu làm Trường Lạc Hương Hầu, thực ấp nghìn hộ, thụy là Uy Hầu, con được nối tước, bái thêm chức Phụng xa Đô úy, ban nghìn nén bạc, nghìn thất gấm để tỏ rõ ân sủng, truy ân mãi cho đời sau”.

Ngụy thị xuân thu chép: *Tu tự Hiếu Tiên, vốn có đức hạnh, nổi danh miền tây. Khương Duy bắt được Tu, Tu chẳng chịu phục. Lưu Thiện lấy làm Tả tướng quân, Tu muốn đâm Thiện nhưng không được ở gần gũi, thường nhân lúc chúc mừng mà đến bái châu, bị tả hữu của Thiện ngăn cấm, việc bèn chẳng xong, cho nên chỉ giết được Y vậy.*

Thân là Tòng Chi cho rằng: Những kẻ bỏ mạng sống mà giữ tiếng nghĩa tất phải có lí vậy. Có kẻ cảm ân nhớ đức, bỏ mạng chẳng tiếc, có kẻ vì mưu lợi hại mà gắng sức để hèn ỉn. Vậy mà chiếu này khen như Nhiếp Chính, Giời Tử, e rằng chẳng giống, chỉ là làm điều xằng bậy mà thôi. Nhà Ngụy đối với nước Thục, dẫu là nước địch nhưng không có mối thù Triệu Tương Tử giết Trí Bá, không có mối nguy của Yên Đan; vả lại Lưu Thiện là vua tâm thường, Phí Y là Tướng quốc bậc trung, sự còn mất của hai người kia vốn chẳng quan hệ đến sự hưng vong. Quách Tu tại nước Ngụy là đàn ông của miền tây, lúc đầu bị quân Thục bắt, đã không thể giữ tiết không chịu nhục, lại với nhà Ngụy chẳng có cái trách nhiệm bổng lộc, không phải gặp thời được vua sai khiến, cũng chẳng có có gì mà bỏ thân vì người khác. Về nghĩa chẳng đáng khen, về công cũng chẳng có, đây là: “Bể càn liêu mà rào vườn rau”, cho là xằng bậy để nói về việc này vậy.

Từ khi Đế lên ngôi cho đến năm đó, quận, quốc, huyện, ấp phần nhiều giảm bỏ, chốc lát lập lại, tính ra không thể kể hết.

Năm thứ sáu, mùa xuân tháng hai ngày kỉ sửu, Trấn đông Tướng quân Quán Khâu Kiệm dâng thư nói: “Ngày trước Gia Cát Khác vây huyện Tân

Thành quận Hợp Phì, trong thành sai tên quân là Lưu Chỉnh ra thành truyền tin tức, bị giặc bắt được, xét hỏi tin truyền, bảo Chỉnh rằng: ‘Gia Cát Công muốn giúp mi, mi nên nói rõ’. Chỉnh mắng rằng: ‘Chớ chết, thế đáng tin sao! Ta nếu chết tất làm quỷ của nước Ngụy, không cần cứu sống, đuổi cút mi đi vậy. Nếu muốn giết ta thì nhanh giết đi’. Rút cuộc chẳng nói lời khác. Lại sai tên quân là Trịnh Tượng ra thành truyền tin tức, có kẻ bảo với Khác, Khác sai quân kị men theo dấu vết, bèn bắt được Tượng đem về Bồn, năm người trói đầu Tượng lại, đem ra ngoài thành, sai bảo Tượng hô lớn rằng: ‘Đại quân đã về Lạc Dương, không bằng sớm hàng’. Tượng không theo lời ấy, lại hô lớn hướng vào trong thành rằng: “Đại quân ở gần ngoài vòng vây, tráng sĩ gắng sức”! Giặc lấy dao đâm miệng Tượng, khiến chẳng nói được, Tượng bèn hô lớn, khiến cho người trong thành nghe biết. Chỉnh, Tượng là tên quân mà giữ nghĩa lập tiết được như thế, con em nên được ban thưởng”. Hạ chiếu nói: “Ban tước cao để nêu rõ khen công to, thưởng lớn để sủng ái tráng sĩ. Chỉnh, Tượng vâng mệnh thông sứ, qua vòng vây kín, xông vào đao nhọn, quên thân giữ tín, không may bị bắt, vẫn giữ chí cứng cỏi, nêu rõ thế lớn của sáu quân, làm yên lòng quân giữ thành, gặp nạn chẳng sợ, dốc lòng truyền lệnh. Ngày xưa giải Dương bắt Sở⁽⁸⁾, dẫu chết chẳng đổi lòng, Lộ Trung đại phu của nước Tề⁽⁹⁾ lấy cái chết để thành nghiệp, ngày nay Chỉnh, Tượng, không đáng khen sao? Nay truy tặng Chỉnh, Tượng tước Quan nội hầu, đều bổ làm lính, sai con nối tước như việc bộ khúc chết thì lo liệu”.

Ngày canh tuất, bọn Trung thư lệnh Lí Phong cùng cha của Hoàng hậu là Quang lộc Đại phu Trương Tập mưu phế đổi đại thần, muốn lấy Thái thường Hạ Hầu Huyền làm Đại tướng quân. Việc lộ, những người liên quan đều bị kẻ tội giết. Ngày tân hợi, đại xá. Tháng ba, phế Hoàng hậu Trương thị. Mùa hạ tháng tư, lập Hoàng hậu Vương thị, đại xá. Tháng năm, phong cha của Hoàng hậu là Phụng xa Đô úy Vương Quỳ làm Quảng Minh Hương Hầu, bá Quang lộc Đại phu, vị Đặc tiến, phong vợ là Diên thị làm Tuyên Dương Hương Quân. Mùa thu tháng chín, Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương mưu muốn phế Đế, báo cho Hoàng thái hậu.

Thế ngữ và Ngụy thị xuân thu đều chép: Mùa thu ấy, Khương Duy cướp miền Lũng Hữu. Bấy giờ An đông Tướng quân Tư Mã Văn Vương⁽¹⁰⁾ giữ ở Hứa Xương, gọi về đánh Duy, đến kinh sư, Đế ở quán Bình Lạc để đón quân đi qua. Trung lĩnh quân Hứa Doãn cùng tả hữu cận thân mưu nhân lúc gọi Văn Vương về mà giết đi, dùng quân mình để đánh lui Đại tướng quân. Đã gửi chiếu thư ở

trước. Văn Vương vào, Đế đang ăn hạt giẻ, ca kỹ là bọn Vân Ngộ hát rằng: “Gà đầu xanh, gà đầu xanh”. Gà đầu xanh là con vịt vậy. Đế sợ không dám phát. Văn Vương dẫn quân vào thành, Cảnh Vương nhân đó mưu phết Đế.

Thần là Tùng Chi xét: Hạ Hâu Huyền truyện và Ngụy lược chép là mùa xuân năm đó Hứa Doãn liên quan với Lí Phong. Phong đã bị giết, liền giáng Doãn làm Trấn bắc Tướng quân, chưa bái, đem thu hết tài vật giao cho quan Đình úy, đầy đi quận Lạc Lãng, lại đuổi theo giết đi. Do đó mùa thu ấy Doãn không còn làm Trung lĩnh quân mà bày mưu kia.

Ngày giáp tuất, Thái hậu lệnh nói: “Hoàng đế là Phương tuổi đời đã lớn, không mưu vạ việc, say mê gái đẹp, chìm đắm nữ sắc, ngày càng càn rỡ, phóng túng bừa bãi; đón người nhà sáu cung giữ ở phòng trong, bỏ bậc luân lường, loạn tiết trai gái; hiếu thuận kém xấu, lỗi lầ thêm nặng, không đáng nối theo mệnh trời cúng tế tông miếu. Sai quan Thái úy Cao Nhu vâng chiếu, dùng lễ vật to lớn tế ở tông miếu, sai Phương về làm vua phiên ở đất Tề để nhường ngôi quý”.

Ngụy thư chép: Hôm đó, Cảnh Vương vâng lệnh của Hoàng thái hậu, hạ chiếu sai công khanh đại thần lên triều bàn nghị, bày tội biến sắc. Cảnh Vương rơi lệ nói: “Hoàng thái hậu lệnh như thế, các ngài há theo nhà vua sao”? Đều nói: “Ngày xưa Y Doãn đuổi Thái Giáp để yên nhà Ân, Hoắc Quang bỏ Xương Ấp để định nhà Hán⁽¹¹⁾, sắp đặt xã tắc để giúp bốn cõi, hai người ấy ở thời xưa, mình công là ở thời nay, việc của ngày nay, xin theo lệnh của mình công”. Cảnh Vương nói: “Các ngài trông chờ Sư này nhiều thế, Sư há né tránh sao”? Do đó bèn cùng với bày tôi gửi tấu ở cung Vĩnh Ninh rằng: “Giữ chức Thượng thư lệnh Thái úy Trưởng Xã Hâu thân là Phu, Đại tướng quân Vũ Dương Hâu thân là Sư, Tư đồ Vạn Tuế Đình Hâu thân là Nhu, Tư không Văn Dương Đình Hâu thân là Xung, Chinh tây An đông Tướng quân Tân Thành Hâu thân là Chiêu, Quang lộc Đại phu Quan nội hầu thân là Ung, Thái thường thân là Yến, Vệ úy Xương Ấp Hâu thân là Vĩ, Thái phó thân là Ngực, Đình úy Định Lăng Hâu thân là Phồn, Đại hồng lư thân là Chi, Đại tư nông thân là Tường, Thiếu phủ thân là Bao, Vĩnh Ninh Vệ úy thân là Trinh, Vĩnh Ninh Thái bộc thân là Hoàn, Đại trưởng thu thân là Mô, Tư lệ Hiệu úy Dĩnh Xương Hâu thân là Tăng, Hà Nam Doãn Lan Lăng Hâu thân là Túc, Thành môn Hiệu úy thân là Lự, Trung hộ quân Vĩnh An Hâu thân là Vọng, Vũ vệ Tướng quân An Thọ Hâu thân là Diễn, Trung kiên Tướng quân Bình Nguyên Hâu thân là Đức, Trung mâu Tướng quân Xương Vũ Đình Hâu thân là Dục, Đôn kị Hiệu úy Quan nội hầu thân là Cai, Bộ binh Hiệu úy Lâm Tấn Hâu thân là Kiến, Xạ thanh Hiệu úy An Dương Hương Hâu thân là Ôn, Việt kị Hiệu úy Tuy Dương Hâu thân là Sơ, Trường thủy Hiệu úy thân là Siêu, Thị trung thân là Tiểu Đông, thân là Nghĩ, thân là Phong, Bác Bình Hâu thân là Biếu, Thị trung Trung thư giám An Dương Đình Hâu thân là Đản,

Tán kị Thường thị thân là Khiết, thân là Nghi, Quan nội hầu thân là Chi, Thượng thư Bộ xạ Quang lộc Đại phu Cao Lạc Đình Hầu thân là Dục, Thượng thư Quan nội hầu thân là Quán, thân là Hổ, Trưởng Cáp Hương Hầu thân là Lượng, thân là Tấn, thân Khiên, Trung thư lệnh thân là Khang, Ngự sử Trung thừa thân là Kiêm, Bác sĩ thân là Phạm, thân là Tuấn cúi đầu nói: ‘Bọn thân nghe nói rằng Thiên tử là người bao bọc chúng vật, vỗ yên vạn nước, ngày xưa ba vị tổ⁽¹²⁾ oanh liệt, sáng trùm sáu cõi. Từ khi Hoàng đế lên ngôi, nối thay nghiệp lớn, tuổi đời đã lớn, nhưng chẳng mưu vạn việc, say mê gái đẹp, chìm đắm nữ sắc, bỏ bê học tập, vứt bỏ kẻ sĩ, hằng ngày cùng ca kĩ là bọn Quách Hoài, Viên Tín ở điện Kiến Thủy, Phù Dung cởi áo vui chơi, sai cùng bọn quan Bảo lâm⁽¹³⁾ gây loạn, tự đem cung nữ đứng xem. Lại ở trên quán Quảng Vọng, sai bọn Hoài, Tín ở dưới quán bày trò yêu phụ của người Liêu Đông, vui chơi quá mức, người đi trên đường liếc mắt, Đế ở trên quán lấy làm cười vui. Ở đài Lăng Vân sai bọn ca kĩ bày màn trướng, đưa gái đẹp trong cung ra, Đế lại đến ngồi xem, gọi Hoài, Tín sai vào trướng cùng uống rượu. Bọn Hoài, Tín bèn uống rượu, gái đẹp đều say, lộn xộn chẳng phân. Sai quan Bảo lâm là bọn Lí Hoa, Lưu Huân cùng bọn Hoài, Tín làm trò, lúc ấy Thanh Thương Lệnh là Lệnh Hồ Cảnh quát Hoa, Huân nói: ‘Cung nữ các người, tả hữu trên dưới đều có chức vị, sao lại làm thế?’ Hoa, Huân liền gièm vu Cảnh. Đế thường thích lấy roi đánh người, cho đó giận Cảnh, đánh Cảnh không tránh đánh đầu mắt, Cảnh bảo Đế rằng: ‘Tiên đế trị nhà rất nghiêm, nay Bệ hạ hằng ngày đem cung nữ vui chơi vô độ, lại cùng bọn ca kĩ làm trò cởi áo làm loạn, không nên để cho Hoàng thái hậu nghe biết. Cảnh không sợ chết, chỉ bày kế cho Bệ hạ thôi’. Đế nói: ‘Ta làm Thiên tử, không được tự ý sao? Thái hậu sao ngăn ta được!’ Sai lấy sắt nung đốt Cảnh, thân Cảnh bị bỏng. Sau khi Chân hậu băng, Đế lập Vương quý nhân làm Hoàng hậu. Thái hậu lại muốn tìm người ngoài giúp, Đế giận bảo bọn Cảnh rằng: ‘Nhà Ngụy trước sau lập Hoàng hậu, đều theo ý mình thích thôi, Thái hậu tất trái ý ta, biết ta sẽ vâng theo không vậy?’ Sau đó rút cuộc dãi Trương Hoàng hậu nhạt nhẽo. Thái hậu gặp lúc Cáp Dương Quân chết, Đế hằng ngày ở vườn sau, sai bọn ca kĩ hát nhạc làm vui, không ai đến can ngăn. Thanh Thương Thừa là Bàng Hi can Đế rằng: ‘Hoàng thái hậu là người rất có hiểu, nay gặp nỗi lo nhiều, nước loãng cũng chẳng nuốt được vào miệng, Bệ hạ nên đi đến an ủi, không nên làm trò vui ở đây’. Đế nói: ‘Ta tự ở đây, ai ngăn được ta sao?’ Do đó Hoàng thái hậu về cung phía bắc, giết Trương mĩ nhân và Ngu Uyển, khiến cho Đế oán giận, bảo bọn Cảnh rằng: ‘Thái hậu giết bừa người mà ta yêu thích, đây chẳng còn ân tình mẹ con nữa’. Đi đến chỗ cũ khóc lóc, sai người đi riêng vội đi thu liệm thây táng rất hậu, không cho Thái hậu biết việc ấy. Hễ thấy cung nữ trong hậu cung có sắc đẹp thì giữ lại giao cho Thanh Khương Lệnh, rồi Đế đến bụi tre ở vườn sau bày trò vui, hoặc cùng nội quan cầm tay cùng đi dạo. Hi bẩm rằng: ‘Nội quan không nên cùng cầm tay với vua như thế’. Đế giận, lại lấy roi

đánh Hi. Hằng ngày dạo chơi ở vườn sau, hễ có thư từ ở ngoài đưa vào, Đế không đọc xem, tả hữu nói: ‘Đưa ra’. Đế cũng chẳng muốn xem. Thái hậu sai Đế thường thử giảng học ở trên điện lớn, Đế không muốn, lại ép bắt đi, Đế bỏ ra; lúc Thái hậu đến hỏi, liền vờ sai quan Hoàng môn đáp rằng: ‘Đang học’. Bọn Cảnh, Hi sợ hãi, không dám can ngăn, lại cùng nịnh nọt. Đế buông thả bữa bãi, làm hỏng luân thường, loạn tiết trai gái, thuận hiếu càng kém, đức xấu thêm sâu. Bọn thần lo lắng thiên hạ nghiêng lật, xã tắc vỡ đổ, lúc ấy dẫu diệt thân bỏ mạng cũng chẳng đền hết tội. Nay Đế không nên nối theo mệnh trời, bọn thần xin noi theo việc cũ của Hoắc Quang, thu ấy ấn thao của Đế. Đế vốn là Tề Vương mà được nhận ngôi lớn, nên cho về làm vua phiên ở đất Tề. Sai quan Tư đồ thân là Nhu cầm cờ tiết cùng quan coi việc đem đồ thái lao tế cáo ở tông miếu. Bọn thần liền chết báo lên”. Tấu cho làm.

Hôm đó chuyển sang ở cung riêng, bấy giờ mới hai mươi ba tuổi. Sứ giả cầm cờ tiết đi hộ tống, dừng cung Tề Vương ở cửa Trùng Môn thuộc quận Hà Nội, phép chế đầu theo lễ của nước phiên.

Ngụy lược chép: Cảnh Vương sắp phở Đế, sai Quách Chi vào bẩm Thái hậu, Thái hậu ngồi đối mặt với Đế. Chi bảo Đế rằng: “Đại tướng quân muốn bỏ Bê hạ, lập Bành Thành Vương là Cứ”. Đế bèn đứng dậy bỏ ra. Thái hậu không vui, Chi nói: “Thái hậu có con mà không dạy dỗ được, nay ý Đại tướng quân đã quyết, lại xua quân ở ngoài phòng bị khác thường, chỉ chờ chiếu lệnh, còn nói gì nữa”! Thái hậu nói: “Ta muốn gặp Đại tướng quân, tự miệng ta nói”. Chi nói: “Sao lại gặp được? Chỉ nên nhanh lấy ấn thao đi”. Thái hậu chùng ý, bèn sai Nội quan bên cạnh đưa cho. Chi ra báo cho Cảnh Vương, Cảnh Vương rất mừng. Lại sai sứ giả trao ấn thao Tề Vương cho Đế, sắp đi đến cung phía tây. Đế vâng mệnh, bèn ngồi xe Tề Vương, từ biệt với Thái hậu, rơi lệ, bắt đầu từ điện Thái Cực ra phía nam, bấy giờ ra tiền có mấy chục người, Thái úy Tư Mã Phu chẳng tự kìm được buồn ngủi, người khác cũng đều rơi lệ. Sau khi Tề Vương ra, Cảnh Vương lại sai sứ giả hỏi ấn thao, Thái hậu nói: “Bành Thành Vương là chú út của ta vậy, nay đến lập, ta biết làm sao! Nên để Minh Hoàng Đế dứt người nối tự sao? Ta thấy Cao Quý Hương Công là cháu cả của Văn Hoàng Đế, con em của Minh Hoàng Đế, với lễ thì dòng út có cái nghĩa lớn của dòng lớn, nên bàn rõ ngay đi”. Cảnh Vương lại sai gọi bấy tôi, đem lệnh của Thái hậu báo cho biết, bèn định đón Cao Quý Hương Công. Bấy giờ quan Thái thường đã phát chiếu ra hai ngày, đợi ấn thao ở huyện Ôn. Việc đã định, lại hỏi ấn thao, Thái hậu nói: “Ta gặp Cao Quý Hương Công, thừa nhỏ đã biết, ngày nay ta rục muốn đem ấn thao trao cho người ấy”.

Ngày định sữ, lệnh nói: “Đông Hải Vương là Lâm, là con của Cao Tổ Văn Hoàng Đế. Trong các con của Lâm, có tình thân với nhà nước, Cao

Quý Hương Công là Mao có khí độ lớn lao, nay lấy làm người nối tự của Minh Hoàng Đế”.

Ngụy thư chép: Cảnh Vương lại cùng tấu với bấy tôi ở cung Vĩnh Ninh rằng: “Bọn thần nghe nói rằng đạo làm người là gần gũi người thân thì tôn kính tổ tiên, tôn kính tổ tiên thì tôn kính họ hàng. Theo lễ, nếu dòng cả không có người nối tự thì chọn người hiền của dòng thứ; làm dòng dõi cho người, làm con cho người vậy. Con của Đông Hải Định Vương là Cao Quý Hương Công, là cháu của Văn Hoàng Đế, nên được nối dòng lớn để nối tự làm dòng dõi của Liệt Tổ Minh Hoàng Đế. Cả nước được nhờ, muôn cõi may mắn! Bọn thần xin gọi ngài đến cung Lạc Dương”. Tấu cho làm. Sai bọn Trung hộ quân Vọng, Thái thường Hà Nam Doãn là Túc cầm cờ tiết cùng Thiếu phủ Bao, Thượng thư Lượng, Thị trung Biểu vâng lệnh đem xe đến đón Công ở Nguyên Thành.

Ngụy thế phả chép: Vào lúc nhà Tấn nhận ngôi, phong Tề Vương làm Thiệu Lăng Huyện Công. Năm Thái Thủy thứ mười thì hoẵng, bấy giờ bốn mươi ba tuổi, thụy là Lệ Công.

TÀO MAO TRUYỆN

Cao Quý Hương Công tên là Mao, tự Ngạn Sĩ, là cháu của Văn Đế, con của Đông Hải Định Vương là Lâm vậy.

Năm Chính Thủy thứ năm, được phong tước Cao Quý Hương Công ở huyện Đàm. Thừa nhỏ ham học, sớm khôn lớn. Vào lúc Tề Vương bị phế, công khanh bàn đón lập công. Tháng mười ngày kỉ sửu, công đến ở quán Huyên Vũ, bày tội tấu xin đến ở điện trước, công cho là chỗ cũ của Tiên đế, bèn tránh sang vách phía tây; bày tội lại xin theo phép lấy xe mà đón, công không nghe. Ngày canh dần, công vào đến thành Lạc Dương, bày tội đón bái ở phía nam cửa cung phía tây, công xuống kiệu muốn đáp bái lại, quan đón khách xin nói: “Theo lễ không cần bái đáp lại”. Công nói: “Ta là bày tội vậy”. Bèn đáp bái lại. Đến cửa dừng xe, xuống kiệu. Tả hữu nói: “Theo phép cũ thì ngồi kiệu mà vào”. Công nói: “Ta được Hoàng thái hậu gọi, chưa biết làm sao”! Bèn đi bộ đến sảnh phía đông của điện Thái Cực, gặp với Thái hậu. Hôm đó lên ngôi Hoàng đế ở điện trước Thái Cực, trăm quan đứng theo hàng đầu vui mừng.

Ngụy thị xuân thu chép: Công thông minh tài giỏi, đức hạnh sáng rõ. Bãi châu xong, Cảnh Vương hỏi người khác rằng: “Nhà vua là chúa thế nào”? Chung Hội đáp nói: “Vẫn như Trần Tư Vương, võ tựa Thái Tổ”. Cảnh Vương nói: “Nếu như lời khanh thì đây là phúc của xã tắc vậy”.

Hạ chiếu nói: “Ngày xưa ba vị tổ đức thánh võ thần, vâng mệnh trời mà nhận ngôi. Vào lúc Tề Vương nối vị, phóng túng vô độ, đức hạnh đảo ngược. Hoàng thái hậu mưu nghĩ xã tắc làm trọng, thu nạp mưu kế của quan Tể tướng, chọn người thay ngôi trống, trở mệnh lớn vào một mình ta. Ta thân còn nhỏ dại mà được đứng trên hàng Vương công, ngày đêm vẫn lo lắng, sợ không nổi giữ được phép lớn của tổ tiên, e không mở mang được sự nghiệp trung hưng, run run rẩy rẩy như sắp vào hang hổ. Nay bày tội công khanh làm kẻ giúp đỡ đôi tay, làm người vờn sức giữ vững bốn phương, đầu tích đức lập công, trung với nhà vua; nay xin nhờ vào bày tội có đức từ thời tổ tiên ngày trước, thân cận tả hữu, dùng để giữ gìn nhà vua,

giúp trăm còn non kém, cùng giúp coi việc. Trăm nghe nói cái đạo của nhà vua là đức phải ngang với trời đất, thấm nhuần khắp bốn cõi, phải dùng lòng nhân ái trước để phân rõ tốt xấu rồi mới ở trên truyền giáo hóa, ở dưới triệu dân nghe theo. Trăm dẫu không có đức, đường lớn còn mờ, nhưng vẫn mong nghĩ cùng được đi đến con đường ấy. Kinh Thư chẳng nói: ‘Yên dân phải ban ân, dân đen tất ghi nhớ’ sao”? Đại xá, đổi niên hiệu. Giảm xe kiệu áo quần, lệnh người của hậu cung phải theo phép tắc, lại bỏ các đồ vật hoa lệ tinh xảo không có ích và các thợ dệt, ca kĩ ở trong phủ Thượng phương.

Năm Chính Nguyên thứ nhất, mùa đông tháng mười ngày nhâm thìn, sai quan Thị trung cần cù tiết chia ra khắp bốn phương, xem xét phong tục, vỗ về quân dân, xét hỏi những kẻ bị oan uổng hoặc làm trái việc quan. Ngày quý tị, ban búa vàng cho Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương, vào châu không cần đi nhanh, tấu việc không xưng tên, được đeo kiếm lên điện. Ngày mậu tuất, rồng vàng hiện ở trong giếng ở đất Nghiệp. Ngày giáp thìn, sai quan coi việc bàn luận công lao của việc phế lập, phong tước, tăng ấp, bá quan, ban thưởng đều theo cấp bậc.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng giêng ngày ất sửu, Trấn đông Tướng quân Quán Khâu Kiệm, Dương Châu Thứ sử Văn Khâm phản. Ngày mậu tuất, Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương đánh chúng. Ngày quý mùi, Xa kỵ Tướng quân Quách Hoài hoảng. Tháng nhuận ngày kị hợi, phá Khâm ở huyện Lạc Gia. Khâm chạy trốn, bèn sang Ngô. Ngày giáp thìn, An Phong Hoài tân Đô úy chém Kiệm, chuyển đầu đến kinh đô.

***Thế ngữ chép:** Đại tướng quân đem Thiên tử đi đánh Kiệm, đến huyện Hạng; Kiệm đã bị phá, Thiên tử về trước.*

Thần là Tùng Chi xét các sách đều không thấy chép việc này. Đến lúc Gia Cát Đản phản, Tư Mã Văn Vương mới ép Thái hậu và Đế cùng đi mà thôi. Lúc trước phát chiếu dẫn việc hai vị tổ của nhà Hán và Minh Đế tự thân đi đánh để mà so sánh với lúc trước, biết rằng từ thời Minh Đế về sau mới có việc ấy vậy. Xét thấy Trương Phan, Ngu Phổ, Quách Ban đều là quan chép sử của nhà Tấn, riêng Phan, Ban xuất thân là trưởng quan, Phổ lại làm Bà Dương Nội sử. Phan soạn sách Hậu Hán kỉ, dẫu còn chưa xong nhưng thấy lời văn đáng xem. Phổ chép sách Giang Biểu truyện, xem qua cũng thấu suốt. Riêng Ban soạn Ngụy Tấn Thế ngữ lại thiếu sót chẳng theo phép tắc, là thô sơ nhất, vì bấy giờ việc lạ cho nên được ban hành ở đời. Bọn Can Bảo, Tôn Thịnh phần nhiều chọn lấy lời văn trong đấy để chép sách Tấn thư, do đó có sai sót như thế, các chỗ đều có sai lầm.

Ngày nhâm tí, lại hạ lệnh tha tội cho quân dân miền Hoài Nam bị Kiêm, Khâm dụ dỗ. Lấy Trấn nam Tướng quân Gia Cát Đản làm Trấn đông Đại tướng quân. Tư Mã Cảnh Vương hoẵng ở Hứa Xương. Tháng hai ngày đinh tị, lấy Vệ tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Đại tướng quân, Lục thượng thư sự.

Ngày giáp tí, bọn Đại tướng Tôn Tuấn của nước Ngô đem quân phao tin là có chực vạ đến Thọ Xuân, Gia Cát Đản đánh chống phá được chúng, chém Tả tướng quân Lưu Tán của nước Ngô, báo tin thắng trận đến kinh đô. Tháng ba, lập Hoàng hậu Biện thị, đại xá. Mùa hạ tháng tư ngày giáp dần, phong cha của Hoàng hậu là Biện Long làm Liệt hầu. Ngày giáp tuất, lấy Chinh nam Đại tướng quân Vương Sưởng làm Phiếu kỵ Tướng quân. Mùa thu tháng bảy, lấy Chinh đông Đại tướng quân Hồ Tuân làm Vệ tướng quân, Trấn đông Đại tướng quân Gia Cát Đản làm Chinh đông Đại tướng quân.

Tháng tám ngày tân hợi, Đại tướng quân Khương Duy của nước Thục ra cướp huyện Dịch Đạo, Ung Châu Thứ sử Vương Kinh đánh với Duy ở Thao Tây, Kinh thua to, về giữ thành Dịch Đạo. Ngày tân mùi, lấy Trường thủy Hiệu úy Đặng Ngải làm An tây Tướng quân, hợp sức với Chinh tây Tướng quân Trần Thái cùng chống Duy. Ngày mậu thìn, lại sai Thái úy Tư Mã Phu đi sau. Tháng chín ngày canh tí, nghe giảng kinh Thượng thư vừa xong, ban thưởng cho người giảng kinh là bọn Tư không Trịnh Xung, Thị trung Trịnh Tiểu Đổng đều theo cấp bậc. Ngày giáp thìn, Khương Duy rút về. Mùa đông tháng mười, hạ chiếu nói: “Trẫm vì đức mỏng, không ngăn chặn được giặc cướp mới khiến cho giặc Thục hung hăng vào biên thùy. Ở trận Thao Tây dẫn đến thua vỡ, tướng sĩ chết chóc kể đến hàng nghìn, có người bỏ mạng trên chiến trường, hồn oan chẳng về, có kẻ bị tay giặc bắt giữ, lưu lạc nơi xứ lạ, ta thật là thương xót, vì thế mà đau lòng. Nay sai các quan Điền nông, An phủ Di Hộ quân và quan lại quận ấy cứu giúp người nhà của tướng sĩ, không thu thuế lao dịch một năm; những người gắng sức chết trận đều theo phép cũ mà truy tặng, chớ có bỏ sót”.

Tháng mười một ngày giáp ngọ, thấy bốn quận miền Lũng Hữu và quận Kim Thành nhiều năm gặp địch, có kẻ trốn phản theo giặc, người thân thích còn ở lại quê cũ chẳng yên lòng, đều tha thứ cho. Ngày quý sửu, hạ chiếu nói: “Lúc trước ở trận phía tây sông Thao, tướng lại quân dân có kẻ chết ở trong trận, có người bị chìm dưới sông Thao, chẳng nhặt được

xương cốt, vớt ở đồng rẫy, ta vẫn đau xót. Nay báo cho Chinh tây, An tây
Tướng quân đầu sai quân bản bộ đến chỗ cũ cùng bờ sông thu nhặt thây
tang, liệm mà chôn cất để an ủi người con sống”.

Năm Cam Lộ thứ nhất, mùa xuân tháng giêng ngày tân sửu, rừng xanh
hiện trong giếng nước ở huyện Chỉ. Ngày ấy tị, Bái Vương là Lâm hoẵng.

Nguy thị xuân thu chép: Tháng hai ngày bính thìn, Đế bày tiệc mời bảy tôi ở
phía đông điện Thái Cực, cùng bọn Thị trung Tuân Nghi, Thượng thư Thôi Tán,
Viên Lượng, Chung Dục, Cấp sự trung Trung thư lệnh Ngu Tùng giảng giải điển
lễ, bàn nói về các việc hay của bậc Đế vương. Đế ngưỡng mộ vua Thiệu Khang
của nhà Hạ, nhân đó hỏi bọn Nghi rằng: “Vào thời nhà Hạ đã suy, sắp sửa nguy
diệt, Thiệu Khang thu tập dân Hạ, lập lại công của vua Vũ. Sau này Hán Cao Tổ
nổi dậy ở miền Lũng Thục, thống lĩnh hào kiệt, phá diệt Tần, Hạng, bao trùm cả
nước, hai vị vua ấy có thể nói là tài hạ mưu hay, là bậc hiền tài hơn đời vậy. Xét
công đức của họ, ai đáng đứng đầu”? Bọn Nghi đáp nói: “Người làm vua nhận
ngôi quý của thiên hạ là người được trời trao cho, phải là bậc thánh đức ứng
vận, rồi mới vâng mệnh dựng nghiệp. Đến như noi theo người xưa, trung hưng
nghiệp cũ, nguyên nhân tạo nên, khó dễ cũng khác nhau. Công đức của Thiệu
Khang dẫu hay đẹp nhưng chỉ là vị vua trung hưng cùng dòng như Thế Tổ thời
vậy. Còn như Cao Tổ, bọn thần cho là hơn”. Đế nói: “Đế vương thời xưa, công
đức ngôn hạnh đều có cao thấp, không hẳn người dựng nghiệp đều hay hơn,
người nối thay đều giỏi vậy. Thang, Vũ, Cao Tổ dẫu đều vâng mệnh trời, dùng
người thánh hiền, vâng theo chức phận. Thiệu Khang, Ân Tông là những vị vua
giỏi trung hưng, Hạ Khải, Chu Thành dựng thời văn thịnh, luận về đức hạnh, so
với Hán Cao Tổ thì ta thấy cái hay mà chưa nghe được việc tốt; vì gặp thời khác
nhau nên công danh cũng khác nhau mà thôi. Thiệu Khang sinh vào thời sau khi
diệt vong, bị giáng làm nô lệ của chư hầu, tránh nạn nơi núi cao, chỉ mong thoát
thân, vậy mà có thể ban đức mà tổ mưu, rút cuộc diệt được nước Quá, nước
Qua, dựng lại được cơ nghiệp của vua Vũ, tế nhà Hạ cùng trời xanh, không làm
mất vật cũ, nếu không phải nhân đức lớn lắm thì há lập được công ấy? Hán Cao
Tổ nhân thế cả nước vỡ lở, nắm lấy cơ hội một thời, trở bày trí lực để lập thành
công nghiệp, như việc động tĩnh lại phần nhiều làm trái phép của thánh nhân;
làm con thì mấy lần làm nguy hại cha mẹ, làm vua thì bắt trói tướng giỏi, làm
cha thì không bảo vệ được con; sau khi thân chết thì xã tắc nghiêng ngả, nếu gặp
thời khác vào thời của Thiệu Khang mà xét thì chưa hẳn đã dựng lại được cơ
nghiệp của vua Vũ vậy. Do đó mà nói, đáng lấy vua Thiệu Khang của nhà Hạ
đứng đầu mà Hán Cao Tổ đứng sau vậy”. Ngày đình tị hôm sau, giảng giải đã
xong, bọn Nghi, Lượng tâu bàn rằng: “Tam đại dựng nước, chia đất mà trị, cho
nên vào lúc suy kém không có thế cả nước vỡ lở, do đó ban đức mà vỗ về, khó
dùng sức mà ép buộc được. Kịp đến thời Chiến quốc, lớn bé xâm chiếm lẫn
nhau, bỏ đức hạnh mà dùng trí lực, cho nên nhà Tần kém đức mà dùng sức tranh

giành. Thiếu Khang vua giỏi ban nhân đức vậy. Hán Cao Tổ là bậc tài dùng trí lực vậy. Nhân và trí khác nhau, hai vua khác nhau. Thi, Thư kể về vua Trung Tông, Cao Tông của nhà Ân, xếp vào bậc đại nhĩ, công đức của Thiếu Khang hay đẹp hơn cả hai vị kia, là bậc đại nhĩ đã rõ ràng vậy. Thiếu Khang là hơn, đúng như ý vua”. Bọn Tán, Dục, Tùng tấu bàn rằng: “Thiếu Khang dấu tích đức chứa nhân nhưng trên nổi cái ân trạch truyền lại của vua Vũ, trong có sức đỡ của Ngu, Nhưng, ngoài có sức giúp của Mi, Nghệ. Lại nữa Hàn Trác siểm nịnh, không tích đức với dân; Kiêu, Ế chẳng hiền, bị trong ngoài ruồng bỏ, do đó mà có nước, cũng có nguyên nhân ấy. Đến như Hán Cao Tổ, nổi lên từ phạm áo vải, thống lĩnh quân dân ô hợp mà lập nên nghiệp Đế vương. Luận về đức thì Thiếu Khang hơn, bàn về công thì Cao Tổ hơn, nói về Thiếu Khang thì dễ mà bình về Cao Tổ lại khó”.

Mùa hạ tháng tư ngày canh tuất, ban áo mũ cốn miện, sau đó là giày đỏ cho Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương.

Ngày bính thìn, Đế đến nhà Thái học, hỏi các nhà Nho rằng: “Thánh nhân nghĩ đêm của thần minh, ngưỡng nhìn xem xét, bắt đầu lập ra tám quẻ, sau lại chồng lên lập thành sáu mươi tư quẻ, lập từng hào để đoán số, như ý nghĩa của nó, không gì không đầy đủ. Vậy mà nhà Hạ có kinh Liên sơn, nhà Ân có kinh Quy tàng, nhà Chu có kinh Chu dịch, các sách dịch kia có nguyên cớ làm sao”? Bác sĩ Thuần Vu Tuấn nghiên cứu về kinh dịch đáp rằng: “Bào Hi noi theo bản đồ của Toại Hoàng mà lập ra tám quẻ, Thần Nông suy thành sáu mươi tư quẻ, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn đều hiểu cái biến dịch của nó, Tam đại tùy thời mà bàn rõ lời bói các quẻ. Cho nên dịch là biến chuyển vậy, đặt tên là Liên sơn như khí sinh ở trong núi, nổi lên trời đất vậy; Quy tàng là vạn vật chẳng gì không nấu ở trong dịch vậy”. Đế lại nói: “Nếu đúng Bào Hi noi theo Toại Hoàng mà tạo ra kinh Dịch, có sao Khổng Tử không nói là Toại Nhân thị diệt thì Bào Hi thị lên thay”? Tuấn không đáp được. Đế lại hỏi rằng: “Khổng Tử chép lời thoán, tượng; Trịnh Huyền chép lời chú, dấu thánh hiền chẳng giống nhưng lời mà họ giải thích kinh nghĩa cùng là một vậy. Nay lời thoán, tượng không liên quan với lời văn của kinh mà lời chú lại liên quan, sao vậy”? Tuấn đáp nói: “Trịnh Huyền hợp lời thoán, tượng và lời văn của kinh, muốn khiến cho người học dễ tìm xét thôi vậy”. Đế nói: “Nếu Trịnh Huyền hợp lại, đối với người học thì tiện lợi, vậy thì Khổng Tử sao không hợp lại cho người học được dễ hơn”? Tuấn đáp nói: “Khổng Tử sợ lời văn của mình lẫn lộn với lời của Văn Vương, cho nên không hợp lại, thánh nhân không hợp lại là vì khiêm nhường vậy”. Đế nói: “Nếu thánh nhân không hợp lại là vì khiêm nhường, vậy thì chỉ riêng Trịnh Huyền không khiêm nhường sao”? Tuấn đáp nói: “Nghĩa của lời kinh sâu rộng, ý của thánh nhân xa kín, thần không thể hiểu rõ hết được”. Đế lại hỏi rằng: “Hệ từ chép: ‘Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn bỏ áo quần mà thiên hạ yên ổn’. Đây là vào thời Bào Hi, Thần

Nông không có áo quần vậy. Nhưng thánh nhân giáo hóa thiên hạ, sao lại khác lạ với thời ấy”? Tuấn đáp nói: “Vào thời Tam hoàng, người ít mà cầm thú nhiều, cho nên chỉ lấy lông da của cầm thú thì thiên hạ cũng đủ dùng. Đến thời Hoàng Đế, người đông mà cầm thú thưa, cho nên làm ra quần áo để hợp với thời buổi thay đổi vậy”. Đế lại hỏi: “Cần là trời, mà lại chọn các vật bằng kim loại, ngọc, ngựa già, vật nhỏ cùng một nhóm là sao”? Tuấn đáp nói: “Thánh nhân chọn lấy hình tượng, hoặc gần hoặc xa, gần thì chọn ở các vật, xa thì chọn ở trời đất”.

Giảng kinh Dịch xong, lại sai giảng kinh Thượng thư. Đế hỏi rằng: “Trịnh Huyền nói: ‘Theo phép cũ là theo đạo trời, ý nói phép tắc của vua Nghiêu giống với đạo trời vậy’. Vương Túc nói: ‘Vua Nghiêu xét kỹ phép cũ mà làm theo’. Hai người giải không giống nhau, người nào là đúng”? Bác sĩ Dữu Tuấn đáp nói: “Bậc nhà Nho ngày trước giải theo ý mình, đều có khác nhau, thần không đủ tài để phân định. Nhưng theo sách Hồng phạm chép: ‘Ba người tranh luận thì theo lời của hai người cùng ý’. Giả, Mã cùng Túc đều cho rằng: ‘Xét kỹ phép cũ’. Do đó theo sách Hồng phạm thì lời của Túc là hơn”. Đế nói: “Trọng Ni nói: ‘Riêng đạo trời là lớn, chỉ Nghiêu noi theo’. Nghiêu là bậc đại hiền noi theo đạo trời, xét kỹ phép cũ, mình chẳng phải thế vậy. Nay đọc sách giải nghĩa để làm rõ đức thánh, lại bỏ ý lớn mà khen ý nhỏ, đây há phải là ý của người soạn sách sao”? Tuấn đáp nói: “Thần học theo lời thầy, chưa hiểu ý lớn, đến như chọn lựa, xin theo ý của thánh nhân”. Sau đó giảng đến việc tứ nhạc tiến cử Cỗn, Đế lại hỏi rằng: “Bậc đại trượng phu thì đức hợp với trời đất, ý sáng sánh cùng nhật nguyệt, suy nghĩ không gì là không trọn vẹn, ý sáng không nơi nào không rõ. Vậy mà nay Vương Túc nói: ‘Ý của Nghiêu không hiểu rõ được Cỗn, cho nên chỉ dùng thử’. Như thế thánh nhân chưa sáng suốt hết thấy sao”? Tuấn đáp rằng: “Dẫu thánh nhân hiểu rộng nhưng vẫn có chỗ chưa thấu cả, cho nên Vũ nói: ‘Biết người là sáng suốt, riêng biết vua thì khó’. Nhưng cuối cùng vẫn đổi dùng bậc thánh hiền, tỏ rõ công tích, cũng trở thành thánh nhân vậy”. Đế nói: “Người biết được trước sau, đây là thánh nhân. Nếu không biết trước, sao đáng gọi là thánh nhân? Vũ nói: ‘Riêng biết vua thì khó’, nhưng cuối cùng vẫn đổi dùng bậc thánh hiền, có thể nói là biết người, cái mà thánh nhân khó biết, không phải là không nói hết. Trong kinh chép: ‘Biết người là sáng, có thể trao chức’. Nếu vua Nghiêu ngờ Cỗn, mà dùng thử chín năm, làm quan sai sót, sao đáng gọi là sáng suốt”? Tuấn đáp nói: “Thần đọc xem kinh truyện, thấy rằng thánh nhân dẫu làm việc cũng không thể không sai sót, cho nên vua Nghiêu sai sót mới có loạn ‘tứ hung’, Chu Công sai sót mới có loạn ‘nhị thúc’, Trọng Ni sai sót mới có việc của Tể Dư”. Đế nói: “Nghiêu thử dùng Cỗn, chín năm chẳng xong, nước sông tràn ngập, dân chúng chìm đắm. Đến như Trọng Ni sai sót mới có việc của Tể Dư, trong đức ngôn hạnh, nặng nhẹ không giống vậy. Còn như Chu Công có loạn của Quản, Thái, kinh Thượng thư cũng chép, đều là việc mà Bác sĩ thông hiểu vậy”. Tuấn đáp nói: “Đây đều là điều mà bậc thánh hiền thời trước nghi ngờ, thần học ít không xét kỹ được”. Rồi giảng đến việc “có người

góa vợ ở trong dân tên là Ngu Thuấn”, Đế hỏi rằng: “Vào thời vua Nghiêu, nước ngập gây hại, ‘tứ hung’ ở triều đình, đây là lúc nên nhanh chọn bậc hiền thánh để giúp dân vậy. Thuấn vào lúc đã lên ngôi vua, đức thánh chói sáng, nhưng lâu ngày trước kia không được chọn dùng, sao vậy”? Tuấn đáp rằng: “Nghiêu than thở tìm người hiền, muốn nhường ngôi của mình, tứ nhạc nói: ‘Nếu dùng người đức kém thì chỉ làm nhục ngôi vị’. Do đó Nghiêu sai tứ nhạc chọn tìm người quê mùa, sau đó tiến cử Thuấn. Nguồn gốc của việc tiến cử Thuấn thực là do từ Nghiêu, đây là thánh nhân muốn dân chúng dốc hết lòng vậy”. Đế nói: “Nghiêu đã nghe nói về Thuấn mà không dùng ngay, lại nữa bấy giờ trung thần cũng chẳng tiến cử, bèn sai người đi tìm kiếm trong thôn ấp rồi mới tiến cử, đây gọi là chẳng nhanh chóng dùng người hiền để giúp dân vậy”. Tuấn đáp rằng: “Thần kém cỏi không thể hiểu kịp được”.

Do đó lại sai giảng sách Lễ kí, Đế hỏi rằng: “Trong sách nói: ‘Vua trên lập đức, coi việc đền đáp là thứ yếu’. Trị nước sao lại có giáo hóa đầu khác, sao lại đầu sửa chính trị mà lo lập đức, làm mà chẳng cần báo đáp sao”? Bác sĩ Mã Chiếu đáp nói: “Vua trên lập đức là nói về thời Tam hoàng, Ngũ đế dùng đức mà dạy dân, đền báo là thứ yếu, đây là nói về thời Tam vương dùng lễ mà trị dân vậy”. Đế nói: “Hai thời ban bố giáo hóa dày mỏng không giống nhau, vua trên có chỗ hay đẹp sao? Thời thế khiến nên như thế chẳng”? Chiếu đáp rằng: “Thực là do thời có lợi cho nghiệp văn đức, cho nên giáo hóa có thời dày mỏng không giống vậy”.

Tấn chư công tán của Phó Sướng chép: Đế thường cùng bọn Trung hộ quân Tư Mã Vọng, Thị trung Vương Vương Thâm, Tán kị Thường thị Bùi Tú, Hoàng môn Thị lang Chung Hội ngồi bàn ở phía đông điện, cùng luận về văn nghệ. Đặt hiệu Tú là ‘Nho lâm trượng nhân’, Thâm là ‘Văn tịch tiên sinh’, Vọng, Hội cũng có hiệu. Tính Đế nóng vội, mời gọi là muốn đến nhanh. Bọn Tú làm quan trong cung, cho nên đến đúng lúc, còn Vọng ở ngoài, sai riêng quan Cấp sự đi xe nhẹ, đem năm lính hộ bọn, mỗi khi có hội họp, Vọng liền rong ruổi mà đến.

Tháng năm, đất Nghiệp và quận Thượng Cốc, thành Lạc Dương đều nói là có sương ngọt sa xuống. Mùa hạ tháng sáu ngày bính ngọ, đổi niên hiệu là Cam Lộ. Ngày ất sửu, rừng xanh hiện ở trong giếng ở vùng huyện Nguyên Thành. Mùa thu tháng bảy ngày kỉ mao, Vệ tướng quân Hồ Tuân hoẵng. Ngày quý mùi, An tây Tướng quân Đặng Ngải đại phá Đại tướng Khương Duy của nước Thục ở huyện Thượng Quy, hạ chiếu nói: “Quân chưa trở hết sức mà giặc xấu bị bẻ gãy, chém đầu bắt sống đến hàng vạn, gần đây thắng trận chẳng bằng trận này. Nay sai sứ giả ban thưởng cho tướng sĩ, mở hội yến lớn, ăn uống cả ngày để nêu rõ ý trăm”.

Tháng tám ngày canh ngọ, bái Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương thêm chức Đại đô đốc, tấu việc không nói tên, trao búa vàng. Ngày quý dậu, lấy Thái úy Tư Mã Phu làm Thái phó. Tháng chín, lấy Tư đồ Cao Nhu làm Thái úy. Mùa đông tháng mười, lấy Tư không Trịnh Xung làm Tư đồ, Thượng thư Bộc xạ Lô Dục làm Tư không.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng hai, rừng xanh hiện trong giếng ở huyện Ôn. Tháng ba, Tư không Lô Dục hoẵng.

Mùa hạ tháng tư ngày quý mão, hạ chiếu nói: “Quan dân huyện Cao Hiên quận Huyền Thố phản loạn, quan Huyện trưởng là Trịnh Chiếu bị giặc giết. Người dân trong huyện là Vương Giản vác công tang của Chiếu vào buổi sáng sao còn trên trời, đi xa đến sở phủ của châu, trung tiết đáng khen. Nay bái Giản làm Trung nghĩa Đô úy để tỏ rõ đức hạnh”.

Ngày giáp tí, lấy Chinh đông Đại tướng quân Gia Cát Đản làm Tư không.

Tháng năm ngày tân mùi, Đế đến miếu Tích Ung, mở hội sai bày tôi làm thơ phú. Bọn Thị trung Hòa Du, Thượng thư Trần Khiên làm thơ thô xấu, quan chủ việc tấu xin bãi chức, hạ chiếu nói: “Ta dẫu kém tối, vẫn ưa văn chương, nghe rộng thơ phú để biết được mất, nhưng lại còn rườm rà, lời lẽ thô kém. Nay tha cho bọn Du. Quan coi việc phải ra lệnh từ nay về sau, bày tôi đều phải học theo phép cũ, xét rõ kinh truyện, nên theo ý trẫm”.

Ngày ất hợi, Gia Cát Đản không chịu vâng mệnh, phát binh phản, giết Dương Châu Thứ sử Nhạc Sâm. Ngày bính tí, hạ lệnh tha tội cho quân dân quan tướng miền Hoài Nam bị Đản lừa dụ. Ngày đinh sửu, hạ chiếu nói: “Gia Cát Đản tạo việc hung loạn, khiến cho miền Dương Châu vỡ lạt. Ngày xưa Kinh Bối phản bội thì Hán Cao Tổ tự đi đánh, Ngòi Hiêu trái mệnh thì Hán Quang Vũ đến đánh miền tây, cho đến lúc Liệt Tổ Minh Hoàng đế tự thân đánh Ngô, Thục, đều là vì nêu cao thế lớn, tỏ rõ oai vũ vậy. Nay nên đem Hoàng thái hậu cùng trẫm tạm đi đánh giặc, nhanh phá giặc ác để dẹp yên miền đông”. Ngày kị mao, hạ chiếu nói: “Gia Cát Đản liên kết phản nghịch, ép bức người trung nghĩa, Bình khấu Tướng quân Lâm Vị Hưu là Bàng Hội, Kị đốc Thiên tướng quân Lộ Phiên cùng các tướng tả hữu phá cửa ra ngoài, trung tráng dũng liệt, nên đáng khen ngợi. Nay phong Hội tước Hương hầu, phong Phiên tước Đình hầu”.

Tháng sáu ngày ất tị, hạ chiếu nói: “Sứ trì tiết, Đô đốc các quân miền Hạ Khẩu, Trấn quân Tướng quân Sa Tiễn Hưu là Tôn Nhất của nước Ngô là

họ hàng của giặc, làm đến bậc Thượng tướng nhưng sợ oai trời biết phận mình, xét kĩ họa phúc, sửa lỗi đem binh đi xa theo về nước lớn, dẫu Vi Tử Bỏ nhà Ân, Nhạc Nghị trốn nước Yên cũng không hơn được. Nay lấy Nhất làm Thị trung, Xa kị Tướng quân, Giả tiết, Giao Châu Mục, Ngô Hầ, Khai phủ tịch chiêu Nghị đồng tam ti, theo lễ ‘bát mệnh’ đối với Hầ bá thời xưa mà ban cho mũ áo cốn miện, giày đỏ để tỏ rõ ý nường hậu”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Nhất sợ bị ép mà theo hàng, việc này không đáng khen, đây là người noi theo phép cũ, đại khái là muốn được nổi danh vậy. Vào thời bấy giờ, chưa thấu cái lí ngưỡng mộ phép xưa, chưa rõ cái phép tùy tài năng mà ban thưởng, đáng chỉ để đền cái tình theo hàng mà thôi. Đến như ban lễ ‘bát mệnh’ nường hậu, lễ ngang với bậc Tể tướng, cũng chẳng quá sao? Đối với việc chiêu dụ kẻ xa, cũng chẳng hợp lí vậy. Vì sao? Nếu khiến cho tướng lại bên ấy không có ý nghi hoặc, rút cuộc chẳng vui với ân sủng, sinh lòng phản bội, vì phần mà then, có cái nhục nào hơn? Nếu bên ấy lo họa sắp đến, nếu chẳng trốn thì chẳng thoát được, thì tất phải tránh cái chết để mong được sống, lúc ấy chẳng mong gì vào vinh lợi nữa. Vậy thì chức cao lộc dày mà làm gì? Đầu thời nhà Ngụy có Mạnh Đạt, Hoàng Quyền, vào thời nhà Tấn có Tôn Tú, Tôn Khải; Đạt, Quyền được ban tước, còn thấp hơn Nhất, Tú, Khải lại khác lễ, thật là khác lạ! Đến lúc bình Ngô xong lại bãi giáng mấy bậc, không cho quyền cao, đây há chẳng phải do cái lỗi sai lúc trước sao?

Ngày giáp tí, hạ chiếu nói: “Nay xa giá đến ở huyện Hạng, lệnh Đại tướng quân vâng mệnh phạt kẻ có tội, đi trước đến bến sông Hoài. Ngày xưa Tướng quốc Đại tư mã đánh dẹp đầu đem quan Thượng thư cùng đi, nay nên theo phép cũ”. Liền sai Tấn kị Thường thị Bùi Tú, Cấp sự Hoàng môn Thị lang Chung Hội đầu đi cùng Đại tướng quân. Mùa thu tháng tám, hạ chiếu nói: “Ngày xưa Yên Thích Vương mưu phản, bọn Hàn Nghị can gián mà chết, nhà Hán cất nhắc con của họ. Ngày nay Gia Cát Đản tạo việc hung loạn, Chủ bạ Tuyên Long, Bộ khúc đốc Tần Khiết giữ vững tiết nghĩa, cố vào can ngăn, bị Đản giết chết, đây gọi là chẳng có thân thích như Tỉ Can mà bị giết chóc vậy. Nay lấy con của Long, Khiết làm Kị đô úy, lại thêm ban thưởng, nêu rõ gần xa để đềiêng trung nghĩa”.

Tháng chín, đại xá. Mùa đông tháng mười hai, bọn Đại tướng Toàn Doan, Toàn Dịch của nước Ngô đem quân đến hàng.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương hãm thành Thọ Xuân, chém Gia Cát Đản. Tháng ba, hạ chiếu nói: “Ngày xưa thắng giặc thì thu nhật thủy mà đắp thành gò đồng là để phạt kẻ phản và nêu rõ võ công vậy. Giữa năm Nguyên Đĩnh thời Hán Hiếu Vũ, đổi

huyện Đông Hương thành huyện Văn Hỉ, huyện Tân Hương thành huyện Hoạch Gia là để ghi nhớ lúc nước Nam Việt bị diệt. Đại tướng quân tự thân lĩnh sáu quân, đóng giữ ở Khâu Đầu, trong trừu bọn xấu, ngoài phá giặc cướp, công trùm triệu dân, tiếng lừng bốn cõi. Chiếm đất của địch, nên có tên mới, nay đổi tên Khâu Đầu thành Vũ Khâu để nêu rõ oai vũ dẹp loạn, để đời sau không quên, cũng đắp hai gò đồng để tỏ nghĩa vậy”.

Mùa hạ tháng năm, bái Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Tướng quốc, phong Tấn Công, thực ấp tám quận, lại tặng lễ ‘cửu tích’, Văn Vương trước sau nhường chín lần lại thôi.

Tháng sáu ngày bính tí, hạ chiếu nói: “Ngày xưa bọn giặc trên núi ở quận Nam Dương gây rối, muốn bắt giữ Thái thú Đông Lí Bao làm con tin, quan Công tào là Ứng Dư tự thân giăng lại Bao, bèn thoát được nạn. Dư khốn cùng bỏ mạng, bỏ thân cứu chủ. Nay sai quan Tư đồ bái cháu của Dư là Luân làm quan, sai phải báo đền khí tiết”.

Sở quốc tiên hiền truyện chép: Dư tự Tử Chính, bản tính thẳng thắn, chí ưa nhân nghĩa. Năm Kiến An thứ hai mươi ba làm quan Công tào trong quận. Bấy giờ Ngô, Thục không phục, bờ cõi nhiễu loạn. Tướng giữ thành Uyển là Hâu Âm vỗ về dân trong núi, giữ thành làm phản. Dư cùng quan Thái thú Đông Lí Bao đang ở vào buổi rồi ren, chạy loạn mà ra. Âm liền sai quân kị đuổi bắt, cách thành mười dặm sắp đuổi kịp, giặc liền bắn Bao, tên bay hỗn loạn. Dư vươn thân phía trước để hứng mũi tên, bị thương bảy chỗ, nhân đó bảo bọn giặc đuổi theo rằng: “Hâu Âm cuồng trá, làm việc hung nghịch, đại quân sắp đến, sẽ bị đánh diệt. Các anh vốn là người tốt, chẳng có ý ác, hãy mau theo thiện, sao lại chịu để cho hấn sai khiến? Ta đem thân để thay chủ, đã bị thương nặng, nếu ta chết mà chủ được sống, chết cũng chẳng tiếc”. Rồi ngẩng mặt lên trời khóc lóc, máu lệ chứa chan. Giặc thấy người này trung nghĩa, liền tha cho Bao mà không giết. Sau khi giặc đi, Dư cũng bỏ mạng. Chinh nam Tướng quân Tào Nhân đánh dẹp Âm, kể công trạng của Dư, cùng lấy rượu rảy xuống đất mà cúng tế. Thái Tổ nghe tin, than thở hồi lâu, hạ lệnh Kinh Châu kể rõ tình cảnh của người nhà lên, ban cho nghìn hộ lúa. Bao sau đó làm quan Tư mã của Vu Cấm, được chép trong Ngụy lược - Du thuyết truyện.

Ngày tân mão, bàn luận công lao đánh dẹp miền Hoài Nam, phong tước ban thưởng đều theo cấp bậc.

Mùa thu tháng tám ngày giáp tuất, lấy Phiêu kị Tướng quân Vương Sưởng làm Tư không. Ngày bính dần, hạ chiếu nói: “Chăm sóc người già, nêu cao giáo hóa là nguyên nhân phong tục thời Tam đại truyền mãi không mất vậy. Phải có quan Tam lão, Ngũ canh để chăm lo kính thuận cho họ,

nghe lời răn dạy của họ mà chép vào sử xanh, lúc ấy thì sáu cõi mới liền nối, thiên hạ ngưỡng theo giáo hóa vậy. Nên xem xét người có đức hạnh để chọn làm quan ấy. Quan nội hầu Vương Tường tu nhân giữ nghĩa, thật thà nhã nhặn, Quan nội hầu Trịnh Tiểu Đông ôn hòa hiếu thuận, giữ lễ không đổi. Nay lấy Tường làm Tam lão, Tiểu Đông làm Ngũ canh”. Xa giá đem trăm quan đi, theo phép cũ.

Hán Tấn xuân thu chép: Đế xin hỏi với Tường, Tường đáp nói: “Thời xưa vua sáng thì sấm đủ lễ nhạc, lại tỏ rõ lòng thành thật, lòng thành thật tỏ rõ thì phát ra ở lời nói việc làm. Là người quân tử thì làm việc hợp với trời đất; trời cũng chẳng làm trái, hướng chi là đối với người”? Việc về Tường thấy chép ở Lữ Kiên truyện.

Tiểu Đông là cháu của Trịnh Huyền vậy. Huyền biệt truyện chép: Huyền có người con làm quan thuộc của Khổng Dung, cử Hiếu liêm. Vào lúc Dung bị vây, đi đến, bị giặc giết hại. Có con nhỏ đang trong bụng mẹ, vào năm đinh mão thì sinh; mà Huyền cũng sinh vào năm đinh mão cho nên đặt tên là Tiểu Đông.

Ngụy thị xuân thu chép: Tiểu Đông đến chỗ Tư Mã Văn Vương, Văn Vương có tờ sớ kín nhưng chưa che giấu. Vừa đi nhà xí về, bảo Tiểu Đông rằng: “Khanh thấy tờ sớ của ta không”? Đáp nói: “Không”. Văn Vương nghi ngờ mà bỏ rượu độc giết, bèn chết.

Trịnh Huyền chú Văn Vương thế tử chép: Quan Tam lão, Ngũ canh đều có một người, đều là người già đã đã từ quan về nghỉ vậy.

Chú Nhạc kí chép: Đều là người già hiểu biết ‘tam đức’, ‘ngũ sự’ vậy. Minh đường luận của Sái Ung chép: Chữ ‘canh’ đáng lẽ chép là chữ ‘suru’. Chữ ‘suru’ là chữ nói về bậc già cả, chữ này giống với chữ ‘canh’, người viết chữ chép nhầm thành chữ ‘canh’. Chữ ‘tẩu’ có chữ ‘nữ’ bên chữ ‘suru’, người ngày nay cũng cho là chữ ‘canh’, do đó biết rằng phải là chữ ‘suru’ vậy.

Thân là Tùng Chi cho rằng: Sái Ung nói rằng chữ ‘canh’ phải là chữ ‘suru’, thật là có lí, vậy mà các nhà Nho chẳng ai tin theo, chưa biết ai đúng.

Năm đó, r ồng xanh, r ồng vàng vẫn hiện trong giếng ở các huyện Đốn Khâu, Quán Quân, Dương Hạ.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng giêng, r ồng vàng hai lần hiện trong giếng ở đất huyện Ninh Lăng.

Hán Tấn xuân thu chép: Bấy giờ r ồng vẫn hiện, mọi người cho là điềm lành. Đế nói: “R ồng là đức của vua vậy. Trên chẳng hiện ở trời, dưới chẳng hiện ở ruộng mà lại nhiều lần hiện ở giếng, đây chẳng phải là điềm lành vậy”. Lại làm bài thơ Tiêm long để tự chê giễu, Tư Mã Văn Vương xem mà ghét Đế.

Mùa hạ tháng sáu, Tư không Vương Sưởng hoăng. Mùa thu tháng bảy, Trần Lưu Vương là Tuấn hoăng. Mùa đông tháng mười ngày bính dần,

chia quận Tân Thành lập lại quận Thượng Dung. Tháng mười một ngày quý mao, Xa kị Tướng quân Tôn Nhân bị người h ầu gái giết.

Năm thứ năm, mùa xuân đầu tháng giêng, Mặt trời có chỗ khuyết. Mùa hạ tháng tư, hạ chiếu quan coi việc theo phép cũ, lại bái Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Tướng quốc, phong Tấn Công, thêm lễ ‘cửu tích’.

Tháng năm ngày kị sửu, Cao Quý Hương Công chết, bảy giờ hai mươi tuổi.

Hán Tấn xuân thu chép: Đế thấy oai quyền ngày càng ròi, không kìm nổi giận. Bèn gọi Thị trung Vương Thâm, Thượng thư Vương Kinh, Tán kị Thường thị Vương Nghiệp đến bảo rằng: “Lòng dạ của Tư Mã Chiêu, người đi ngoài đường còn biết. Ta không thể ngồi mà chịu nhục nữa, ngày nay sẽ cùng các khanh tự ra đánh hắn”. Vương Kinh nói: “Ngày xưa Lỗ Chiêu Công không nhận được họ Quý mà thua chạy mất nước, bị thiên hạ chê cười. Nay quyền thế của họ ở trước cửa, cũng đã lâu ngày. Ở bốn phương và triều đình đều vì họ mà liều chết, không màng đến cái lí thuận hay nghịch, đây chẳng phải là do ở một ngày vậy. Vả lại quân vệ thiếu vắng, binh giáp yếu kém, Bệ hạ làm sao dùng được? Vả lại nếu một sớm như thế, chẳng phải muốn trừ bệnh mà bệnh càng nặng sao! Họa nạn khó lường, chỉ nên giữ điều lành thôi”. Đế bèn đem tám lệnh trong người ra ném xuống đất, nói: “Ta quyết làm rồi. Dẫu bị chết, há sợ gì? Huống chi không hẳn là tất chết”! Do đó vào bầm Thái hậu. Thâm, Nghiệp chạy trốn báo cho Văn Vương, Văn Vương sắp đặt phòng giữ. Đế bèn đem mấy trăm lính hầu gõ trống mà ra. Em họ của Văn Vương là Đôn kị Hiệu úy Trụ vào, gặp Đế ở cửa Chử Xa phía đông, tả hữu mừng Trụ, quân của Trụ bỏ chạy. Trung hộ quân Giả Sung lại chặn đánh Đế ở dưới cửa khuyết phía nam, Đế tự cầm kiếm. Quân muốn rút, Thái tử Xá nhân Thành Tế hỏi Sung rằng: “Việc gấp rồi, nên làm sao”? Sung nói: Nuôi chứa các người, làm ở ngày nay. Việc ở ngày nay, còn hỏi gì nữa”? Tế liền đến đâm Đế, mũi đao thấu qua lưng. Văn Vương nghe tin, cả kinh, tự lăn xuống đất nói: “Thiên hạ sẽ nói ta thế nào”! Thái phó Phu chạy đến, ôm thân Đế mà khóc rất thảm thương, nói: “Giết Bệ hạ là tội của thần vậy”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Sách của Tập Tạc Xỉ dẫu soạn sau cùng nhưng chép việc này có chỗ sai khác, cho nên dẫn lời của Tập trước để tỏ rõ cái khác khác với các sách còn lại ở sau.

Thế ngữ chép: Vương Thâm, Vương Nghiệp ruồi đi báo cho Văn Vương, vì Thượng thư Vương Kinh thẳng thắn chẳng nói ra, do đó Thâm, Nghiệp đến báo ý.

Tấn chư công tán chép: Thâm, Nghiệp sắp ra, gọi Vương Kinh. Kinh không theo, nói: “Các người tự làm đi”!

Tấn kị của Can Bảo chép: Thành Tế hỏi Giả Sung rằng: “Việc gấp rồi, làm thế nào”? Sung nói: “Công nuôi chứa các người là để làm việc ngày nay vậy. Còn

ngờ gì"! Tể nói: "Được". Bèn cầm kích đến đâm.

Ngụy thị xuân thu chép: Buổi đêm ngày mậu tí, Đế tự đem bọn Những tòng Bộc xạ Lí Chiêu, Hoàng môn Tòng quan Tiêu Bá xuống đài Lăng Vân, mặc giáp lĩnh quân, muốn nhân lúc hội họp mà tự ra đánh Văn Vương. Gặp lúc trời mưa, quan coi việc tâu xin lùi đến hôm sau, rồi gặp bọn Vương Kinh, đem tờ chiếu làm bằng lụa màu vàng trong người ra nói: "Ai sẽ chịu nhục, sai sẽ không chịu nhục vậy! Ngày nay sẽ quyết làm việc này". Vào bẩm Thái hậu, bèn cầm kiếm lên xe, lĩnh lính hầu trong cung Thương Đâu và lính túc vệ trong điện gỗ trống, ra từ cửa Vân Long. Giả Sung từ ngoài đi vào, quân của Đế tan vỡ nhưng Đế vẫn xưng là Thiên tử, cầm kiếm vung đánh, quân sĩ chẳng ai dám đến gần. Sung khích lệ tướng sĩ, em của Đốc kị Thành Tốt là Thành Tể cầm mâu đến đâm, Đế băng ở trong quân. Bấy giờ trời tối sầm, mưa to sầm sét.

Ngụy mạt truyện chép: Giả Sung gọi viên Đốc kị Thành Tể dưới trướng đến bảo rằng: "Nếu việc của họ Tư Mã thua vỡ thì các người còn được trọn vẹn không? Sao không ra đánh"! Hai anh em Tốt bèn đem quân dưới trướng đi ra, ngoảnh bảo rằng: "Nên giết không? Hay nên bắt"? Sung nói: "Giết đi". Quân giao tranh, Đế nói: "Bỏ giáo xuống"! Quân sĩ của Đại tướng quân đều bỏ giáo. Anh em Tể nhân đó đến đâm Đế, Đế ngã xuống xe.

Hoàng thái hậu lệnh nói: "Ta chẳng có đức, chẳng giúp được nhà. Ngày xưa đón lập con của Đông Hải Vương là Mao, cho làm người nối tự của Minh Đế, thấy hấn ưa văn chương thơ phú, mong có thể thành tài, nào ngờ tính tình bạo ngược, ngày càng thêm sâu. Ta nhiều lần trách mắng, hấn bèn sinh oán giận, bày lời ác xấu vô đạo để gièm vu ta, rút cuộc ngăn đứt hai cung. Lời mà hấn nói, không đáng nghe theo, chẳng được trời đất che chở vậy. Ta đã hạ lệnh ngầm sai Đại tướng quân là không nên cho hấn cúng tế tông miếu, đây là sợ xã tắc nghiêng lật, chết rồi chẳng còn mặt mũi mà gặp Tiên đế vậy. Đại tướng quân thấy hấn còn nhỏ, bảo là nên thay lòng theo thiên, ân cần kĩ càng. Nhưng thằng ấy vẫn ngang ngược, làm việc thêm xấu, lấy nỏ từ xa bắn vào cung của ta, ta đang chúc mừng thì trúng vào cổ, mũi tên rơi trước mặt. Ta bảo cho Đại tướng quân là không thể không phe hấn, trước sau nói mấy chục lần. Thằng ấy nghe tin, tự biết tội nặng, bèn mưu phản nghịch, hối lộ cho tả hữu của ta, khiến cho ta uống thuốc độc, lại ngầm bày rượu độc, cùng nhau bày kế. Việc bị phát lộ, liền muốn nhân hội họp mà đem quân vào cung phía tây để giết ta, ra bắt Đại tướng quân, gọi Thị trung Vương Thâm, Tán kị Thường thị Vương Nghiệp,

Thế ngữ chép: Nghiệp là người quận Quảng Lăng, sau này làm Trung hộ quân của nhà Tấn.

Thượng thư Vương Kinh đến, đem tờ chiếu bằng lụa màu vàng trong người ra cho họ xem, nói là hôm nay sẽ làm việc ấy. Ta bị nguy hại hơn cả trứng treo dây. Ta đã già góa, há tiếc mấy tuổi thừa nữa sao? Chỉ thương cho ý muốn của Tiên đế chẳng thành, xã tắc nghiêng lạt mà đau lòng vậy. Cậy vào oai linh của tổ tiên, Thâm, Nghiệp liền báo cho Đại tướng quân, do đó phòng giữ nghiêm ngặt trước. Nhưng thằng ấy lại đem tả hữu ra khỏi cửa Vân Long, gõ trống như sấm, tự thân cầm kiếm cùng tả hữu túc vệ xông vào trong trận, bị đao nhọn đâm chết. Thằng ấy đã làm việc trái nghịch bất đạo mà lại tự hãm vào họa lớn, cũng khiến cho ta đau lòng không nói nên lời. Ngày xưa Xương Ấp Vương của nhà Hán bị tội phết làm dân thường, nay thằng ấy cũng nên đem lễ dân thường mà táng hẳn. Nay báo cho người trong ngoài đều biết được việc làm của thằng ấy. Lại nữa Thượng thư Vương Kinh thấy việc ác nghịch mà không bẩm báo, nay bắt Kinh cùng người nhà đến sở quan Đình úy xét tội”.

Ngày canh dần, Thái phó Phu, Đại tướng quân Văn Vương, Thái úy Nhu, Tư đồ Xung cúi đầu nói: “Xét thấy mới đây Cao Quý Hương Công bạo ngược vô đạo, tự chuốc họa lớn, noi theo việc cũ xét tội Xương Ấp Vương của nhà Hán mà dùng lễ dân thường để táng. Bọn thần giữ chức mà không thể cứu trừ được loạn họa, không ngăn được gian nghịch, vâng lệnh mà lo lắng, ruột gan đau nhói. Theo nghĩa Xuân thu thì bậc làm vua không nên cho ra ngoài, mà kinh Thư lại nói: ‘Tương Vương ra ở tại nước Trịnh’, không thể thờ mẹ, cho nên bị phết ngôi vua vậy. Ngày nay Cao Quý Hương Công phóng túng vô độ, suýt làm đổ xã tắc, tự chuốc lấy vớ lạt, bị thần người ruồng bỏ, nay táng theo lễ dân thường, đấy thực phép cũ vậy. Nhưng bọn thần xét thấy Điện hạ rất là nhân từ, dẫu theo phép tắc nhưng vẫn nên thương xót. Lòng dạ bọn thần thật không nỡ làm thế. Cho rằng nên đem lễ bậc Vương mà táng”. Thái hậu nghe theo.

Hán Tấn xuân thu chép: Ngày đình mao, táng Cao Quý Hương Công ở bên bãi sông Trĩn cách phía tây bắc thành Lạc Dương ba mươi dặm. Đem mấy cỗ xe đi, không bày cờ thêu, trăm họ tụ nhau mà đứng xem, nói: “Đấy là Thiên tử lúc trước bị người ta giết vậy”. Có kẻ ôm mặt mà khóc, không nén được thương cảm.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Nếu chỉ đem mấy cỗ xe, không bày cờ thêu, sao lại là theo lễ bậc Vương mà táng được? Đấy đại khái là sai lầm, gọi là rất không đúng lễ nghi vậy.

Sai Sứ trì tiết, Trung hộ quân, Trung mâu Tướng quân Tư Mã Viêm lên phía bắc đón người nổi dậy của Thường Đạo Hương Công tên là Hoàng làm dòng dõi của Minh Đế. Ngày tân mao, bầy tôi tâu bẩm Thái hậu rằng: “Điện hạ đức thánh chói sáng, vỗ yên sáu cõi mà vẫn xưng ‘lệnh’ giống với nước phiên. Xin từ nay về sau các thư lệnh của Điện hạ đều xưng là ‘chê’, ‘chiếu’ như việc cũ thời trước”.

Ngày quý mao, Đại tướng quân cố từ chức Tướng quốc, tước Tấn Công, lễ ‘cử tịch’. Thái hậu hạ chiếu rằng: “Có công thì không giấu, đấy là phép lớn theo sách Chu dịch vậy. Cái hay của người tài là đi đâu mà bậc hiền thánh xưa ưa thích. Nay nghe theo lời ấy, hạ chiếu tỏ ra ngoài để nêu rõ cái đức khiêm nhường của ngài”.

Ngày mậu thân, Đại tướng quân Văn Vương dâng sớ nói: “Cao Quý Hương Công đem lĩnh quân sĩ đi theo xe, cần đao gươm hướng đến chỗ thần ở; thần sợ binh đao giao tiếp, liền sai tướng sĩ không được tự làm thương hại, nếu ai trái lệnh thì theo quân pháp mà xử. Em của Kị đốc Thành Tốt là Thái tử Xá nhân Tể tự ý xông vào trận làm hại công, bèn dẫn đến mất mạng; liền bắt Tể xử theo quân pháp. Thần nghe nói rằng tiết tháo của bầy tôi là dầu chết cũng chẳng hai lòng, giữ nghĩa thờ vua, không dám trốn nạn. Lúc trước việc xấu chợt đến, họa cùng phát dẫn, thần thực là dám dẫn thân đến chết, dầu thân bị giết vậy. Nhưng nghĩ nếu thân mình mất thì Hoàng thái hậu nguy nan, xã tắc nghiêng ngả. Thần lạm giữ quyền lớn, phận tại giúp nước, sợ rằng thân chết thì tội trạng càng nặng. Muốn noi theo cái quyền của Y, Chu để dẹp nạn của xã tắc, liền sai ngựa chạy nhanh báo lệnh, không được ép gần xe kiệu, nhưng Tể vội xông vào trận, dẫn đến biến loạn. Thần vẫn đau xót tiếc nuối, ruột gan rã rời, không biết có mảnh đất nào mà tự chui xuống? Xét theo luật kẻ phản nghịch vô đạo thì cha mẹ vợ con đều bị chém. Tể hung ác ngang ngược, phạm loạn phép cấm, tội chẳng dung tha. Liền sai quan Thị ngự sử bắt người nhà của Tể giao cho quan Đình úy, xét xử tội trạng”.

Ngụy thị xuân thu chép: Anh em Thành Tể không trị tội ngay, lúc bị cởi trần lên điện, nói lời khinh nhờn; (Đại tướng quân Văn Vương) liền tự lấy cung bắn, bèn chết.

Thái hậu hạ chiếu nói: “Trong năm loại tội, chẳng gì lớn bằng tội bất hiếu. Người có con bất hiếu, vẫn dạy mà trị tội. Thằng ấy há còn được làm vua của muôn người sao? Ta là đàn bà không đạt được nghĩa lớn ấy để cho

Tế không được sửa lỗi phản nghịch vậy. Nhưng ý Đại tướng quân rõ ràng, nói lời đau xót, cho nên nghe theo lời tấu. Nên bố cáo gần xa khiến cho đều được biết gốc ngọn”.

***Thế ngữ chép:** Lúc trước vào giữa năm Thanh Long, Thạch Bao bán sắt ở Trường An, được gặp Tư Mã Tuyên Vương, Tuyên Vương biết người này. Sau đó chọn làm Thượng thư lang, làm Thanh Châu Thứ sử, Trấn đông Tướng quân. Giữa năm Cam Lộ vào châu, sắp về, vào từ biệt Cao Quý Hương Công, ở lại cả ngày. Văn Vương sai người xin lệnh đi qua. Văn Vương hỏi Bao rằng: “Sao ở lại lâu”? Bao nói: “Là vì không phải người tâm thường vậy”. Hôm sau đi đến Huỳnh Dương, mấy ngày sau thì xảy ra biến loạn.*

Tháng sáu ngày quý sửu, hạ chiếu nói: “Thời xưa vua đặt tên chữ, khó phạm mà đổi tên. Ngày nay tên húy của Thường Đạo Hương Công rất khó tránh, tri ầu đình bàn bạc nên đổi sửa, tấu lên”.

TÀO HOÁN TRUYỆN

Trần Lưu Vương tên là Hoán⁽¹⁴⁾, tự Cảnh Minh, là cháu của Vũ Đế, con của Yên Vương là Vũ vậy.

Năm Cam Lộ thứ ba, phong Thường Đạo Hương Công ở huyện An Thứ. Cao Quý Hương Công chết, công khanh bàn đón lập công. Tháng sáu ngày giáp dần, vào đến Lạc Dương, gặp Hoàng thái hậu, hôm đó lên ngôi Hoàng đế ở điện trước Thái Cực, đại xá, đổi niên hiệu, ban tước và lụa gạo cho mọi người theo thứ bậc

Năm Cảnh Nguyên thứ nhất, mùa hạ tháng sáu ngày bính thìn, bái Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Tướng quốc, phong Tấn Công, tăng thực ấp hai quận, cùng thực ấp lúc trước là đầy mười quận, ban lễ ‘cửu tích’ như chiếu lệnh lúc trước; trong các con em những ai chưa phong Đình hầu thì ban cho nghìn vạn xâu tiền, vạn thất gấm, Văn Vương cố từ, lại thôi. Ngày kỉ mùi, phu nhân của Hán Hiến Đế ngày xưa là Tiết⁽¹⁵⁾ hoẵng, Đế đến tại vườn Hoa Lâm, sai sứ giả cầ n cò tiết truy thụy cho phu nhân là Hiến Mục Hoàng hậu. Lúc táng, đem xe áo theo như phép chế ngày trước của nhà Hán. Ngày quý hợi, lấy Thượng thư Hữu bộc xạ Vương Quán làm Tư không; mùa đông tháng mười, Quán hoẵng.

Tháng mười một, Yên Vương dâng biểu chúc mừng ngày đông chí, xưng thầ n.

Tháng mười hai ngày giáp thân, r ồng vàng hiện trong giếng ở huyện Hoa Âm. Ngày giáp ngọ, lấy Tư lệ Hiệu úy Vương Tường làm Tư không.

Năm thứ hai, mùa hạ đầu tháng năm, Mặt trời có chỗ khuyết. Mùa thu tháng bảy, người rợ Hàn, Uế, Mạch ở ngoài quận Lạc Lãng đầu đem thân thuộc đến châu cống. Tháng tám ngày mậu dần, Triệu Vương là Cán hoẵng. Ngày giáp dần, lại phong Đại tướng quân lĩnh tước Tấn Công, thêm chức Tướng quốc, sắm lễ ‘cửu tích’ như chiếu lúc trước; lại cố từ, bèn thôi.

Năm thứ ba, mùa xuân tháng hai, rừng xanh hiện trong giếng ở huyện Chỉ. Mùa hạ tháng tư, người quận Liêu Đông báo là vua của nước Túc Thận sai sứ giả phiên dịch vào cống, dâng ba mươi cây cung dài ba thước năm tấc, cây tên làm bằng gỗ cây hồ dài một thước tám tấc, ba trăm cây tên đá, hai mươi bộ áo giáp làm bằng xương da và sắt tạp, bốn trăm tấm da chồn. Mùa đông tháng mười, Đại tướng quân Khương Duy của nước Thục vào cướp miền Thao Dương, bị Trấn tây Tướng quân Đặng Ngải chống lại, phá Duy ở huyện Hải Hòa, Duy trốn chạy. Năm đó, hạ chiếu tể Quân sư tể tửu Quách Gia ngày xưa ở miếu đình Thái Tổ.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng hai, lại phong Đại tướng quân lĩnh tước, vị như chiếu lúc trước, lại cố từ bèn thôi.

Mùa hạ tháng năm, hạ chiếu nói: “Thục là nước bé tí, đất hẹp dân ít, vậy mà Khương Duy ngỗ ngược đi đầu dùng quân dân nước ấy, chưa từng bỏ chí; năm ngoái sau khi phá được quân giặc, nay vẫn trỗi trọt ở Đạp Trung, cắt xén rợ Khương, lao dịch không nghỉ, dân chẳng chịu nổi. Đánh yếu phá kém là cách hay của việc quân, dắt người mà không bị người dắt là phép đầu của nhà binh vậy. Kẻ mà người Thục dựa cậy là chỉ có Duy mà thôi, nhân lúc hấn rời xa khỏi hang ổ mà đem quân đánh thì dễ. Nay sai Chinh tây Tướng quân Đặng Ngải đốc lĩnh các quân đến các xứ Cam Tùng, Đạp Trung để bắt lấy Duy, sai Ung Châu Thứ sử Gia Cát Tự đốc lĩnh các quân đến các xứ Vũ Đô, Cao Lâu, đầu đuôi đánh dẹp. Nếu bắt Duy thì nên cùng đi hai phía đông tây, tất quét dẹp được đất Ba Thục vậy”. Lại sai Trấn tây Tướng quân Chung Hội theo đường Lạc Cốc đi đánh Thục.

Mùa thu tháng chín, Thái úy Cao Nhu hoẵng. Mùa đông tháng mười ngày giáp dần, lại lệnh Đại tướng quân nhận tước vị như chiếu lúc trước. Ngày quý mão, lập Hoàng hậu Biện thị. Tháng mười một, đại xá.

Từ khi Đặng Ngải, Chung Hội đem quân đánh Thục, đến đâu thắng đó. Tháng ấy, vua Thục là Lưu Thiện đến chỗ Ngải hàng, đất Ba Thục đầu bình. Tháng mười hai ngày canh tuất, lấy Tư đồ Trịnh Xung làm Thái bảo. Ngày nhâm tí, chia Ích Châu lập ra Lương Châu. Ngày quý sửu, tha tội cho quân dân Ích Châu, lại miễn nửa tô thuế trong năm năm.

Ngày ất mão, lấy Chinh tây Tướng quân Đặng Ngải làm Thái úy, Trấn tây Tướng quân Chung Hội làm Tư đồ. Hoàng thái hậu băng.

Năm Hàm Hi thứ nhất, mùa xuân tháng giêng ngày nhâm tuất, đem xe cũ đến bắt Đặng Ngải. Ngày giáp tị, đi đến Trường An. Ngày nhâm thân,

sai sứ giả đem tiên ngọc tể ở núi Hoa Sơn. Tháng ấy, Chung Hội phản ở đất Thục, bị quân sĩ đánh; Đặng Ngải cũng bị giết. Tháng hai ngày tân mao, tha tội cho quân sĩ ở Ích Châu. Ngày canh thân, táng Minh Nguyên hoàng hậu. Tháng ba ngày đinh sửu, lấy Tư không Vương Tường làm Thái úy, Chinh bắc Tướng quân Hà Tăng làm Tư đồ, Thượng thư Tả bộc xạ Tuân Nghi làm Tư không. Ngày kỉ mao, phong tước Vương cho Tấn Công, thực ấp mười quận, cùng lúc trước là hai mươi quận.

Ngày đinh hợi, phong Lưu Thiện làm An Lạc Công. Mùa hạ tháng năm ngày canh thân, Tướng quốc Tấn Vương tấu xin đặt lại tước ‘ngũ đẳng’. Ngày giáp tuất, đổi niên hiệu. Ngày quý mùi, truy phong Vũ Dương Tuyên Văn Hầu làm Tấn Tuyên Vương, Vũ Dương Trung Vũ Hầu làm Tấn Cảnh Vương. Tháng sáu, Trấn tây Tướng quân Vệ Quán dâng tấu nói quân Ung Châu ở huyện Thành Đô thu được một cái ấn ngọc bích, có khắc chữ ‘thành tín’, noi theo nghĩa ‘tặng cây lúa’ của Chu Thành Vương⁽¹⁶⁾, đem cho trăm quan xem, rồi cất ở phủ Tướng quốc.

Tôn Thịnh nói: “Ngày xưa Công Tôn Thuật tự thấy nổi lên ở Thành Đô, bèn đặt hiệu là Thành. Hai chữ trên cái ấn ngọc có lẽ là do Thuật khắc vậy”.

Lúc đầu, từ lúc sau khi bình Thục, giặc Ngô đóng đồn ép gần Vĩnh An, bèn sai các quân miền Kinh, Dự hai đầu đến cứu. Tháng bảy, giặc đầu rút lui. Tháng tám ngày canh dần, sai Trung phủ quân Tư Mã Viêm giúp làm việc Tướng quốc, theo nghĩa phong tước Lỗ Công cho dòng dõi⁽¹⁷⁾.

Ngày quý tị, hạ chiếu nói: “Tên phản nghịch là Chung Hội ngày trước liên kết phản loạn, tụ tập kêu gọi tướng sĩ, dùng oai quân cướp phá, bắt đầu bày mưu gian, nói lời ngang ngược, ép bức quân sĩ, đầu sai bàn nghị, trong bọn quân lính chẳng ai không sợ hãi. bấy giờ Tướng quốc Tả tư mã Hạ Hầu Hòa, Kị sĩ tào thuộc Chu Phủ đi sứ tại Thành Đô, Trung lĩnh quân Tư mã Giả Phụ, Lang trung Dương Tú đầu bàn việc quân của Hội; nhưng Hòa, Tú, Phủ đều giữ tiết chẳng phục, chống lời ác của Hội, gặp nạn không lùi, lời lẽ trung liệt. Phụ bảo tướng rời Hội là Vương Khởi rằng: ‘Hội gian nghịch hung bạo, muốn giết hết tướng sĩ’, lại nói: ‘Tướng quốc đã đem ba mươi vạn sang tây đánh Hội’, muốn để phô trương thanh thế, kích động lòng quân. Khởi ra, đem lời Phụ mà tuyên cáo cho các quân, do đó tướng sĩ thêm mang lòng hăng hái. Ban tặng vinh sủng là để nêu rõ kẻ trung nghĩa vậy. Nay phong Hoà, Phụ tước Hương hầu, Tú, Phủ tước Quan nội hầu.

Khởi tuyên truyền lời của Phụ, cáo lệnh tướng sĩ, nên được thưởng lớn. Nay lấy Khởi làm Bộ khúc tướng”.

Ngày quý mao, lấy Vệ tướng quân Tư Mã Vọng làm Phiếu kị Tướng quân. Tháng chín ngày mậu ngọ, lấy Trung phủ quân Tư Mã Viêm làm Phủ quân Đại tướng quân.

Ngày tân mùi, hạ chiếu nói: “Giặc Ngô chính trị bạo ngược, tô thuế chẳng cùng. Tôn Hưu sai sứ là Đặng Cầu đến lệnh Giao Chỉ Thái thu điếu động dân trong quận ấy, phát để làm lính. Do đó tướng Ngô là Lữ Hưng nhân lòng dân oán giận, lại thừa cơ quân ta đã dẹp bằng Ba Thục, liền liên kết hào kiệt, giết trừ bọn Cầu, xua đuổi quan Thái thú, trưởng lại, vỗ vể quân dân để đợi lệnh của nhà nước. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam nghe tin Hưng bỏ nghịch theo thuận, cũng dốc lòng ứng theo, hợp sức với Hưng. Hưng gửi thư đến các châu quận miền nam, tỏ bày kế lớn, đem quân đến quận Hợp Phố, báo rõ họa phúc; sai bọn Đô úy Đường Phổ đến huyện Tiến Thặng, dâng thư cho Nam Trung Đô hộ quân Hoắc Dặc tự bày tỏ. Lại nữa quan lại quận Giao Chỉ đầu dâng tấu nói là ‘Hưng gây dựng sự nghiệp, lớn nhỏ đều vâng mệnh. Trong quận có giặc trên núi, dẫn ra vào các quận nhưng đều sợ kế lạ của Hưng, đều có ý rời bỏ. Nay tùy thời mà làm, chọn Hưng đốc lĩnh các quân của quận Giao Chỉ, Thượng đại tướng quân, An Định Huyện Hầu, xin ban tặng khen thưởng để vỗ về miền biên giới’. Lại có lòng thành thật, tỏ rõ ở lời nói. Ngày xưa Nghi Phủ theo nước Lỗ, được kinh Xuân thu khen hay; Đậu Dung theo nhà Hán, được đãi lễ lớn. Nay oai nước lừng xa, vỗ về sáu cõi, đang cất nhắc xử lạ, thống nhất bốn miền. Hưng ngoảnh đầu theo giáo hóa, đem quân cúi phục, dốc nghĩa nơi vạn dặm, sẽ đến bái chức, ban cho vinh sủng, phong tước vị cao. Nếu khiến cho Hưng vui mừng cảm kích thì người phương xa nghe tin ấy tất càng hăng hái. Nay lấy Hưng làm Sứ trì tiết, đốc lĩnh các quân của Giao Châu, Nam trung Đại tướng quân, phong An Định Huyện Hầu, được tùy lúc thích hợp mà làm việc, làm trước tâu sau”. Chiếu lệnh chưa đến thì Hưng đã bị kẻ dưới giết.

Mùa đông tháng mười ngày đinh Hợi, hạ chiếu nói: “Ngày xưa vua hiên chúa sáng đẹp loạn giúp đời, định công phong thưởng, văn võ khác hàng nhưng cùng chung oanh liệt. Cho nên có vua chỉ múa khiên để dạy dỗ kẻ không phục, có vua chỉ bày quân lữ để uy hiếp kẻ bạo ngược. Còn như việc yêu dân giữ nước, ban ân chúng dân, phải tu sửa văn giáo trước, tỏ rõ phép

tắc, bất đắc dĩ mới dùng binh, đây là đi đầu giống nhau của bậc có đức dày vậy. Lúc trước võ yên Hoa Hạ, nay không rảnh rồi, bèn khiến cho giặc gây gỗ nhiều đời. May nhờ oai linh của tổ tiên, tể phụ trung vũ, trùm khắp bốn phương, dẹp định miền Dung, Thục mà chẳng cần đánh lâu, một trận là thắng. Mới rồi miền Giang Biểu suy kém, chính trị tối tăm. Nay miền Ba Hán đã định, khiến cho bên ấy lẻ loi không có cứu giúp, các miền Giao, Kinh, Dương, Việt lướt theo hướng về Nay tướng ngự ở quận Giao Chỉ là Lữ Hưng đã lĩnh ba quận, ở nơi vạn dặm mà theo lệnh; hầu tướng ở quận Vũ Lăng là bọn Tương Nghiêm liên kết năm huyện xin làm tôi thần; dân miền núi ở các quận Dự Chương, Lư Lăng đều dấy binh phản Ngô, lấy danh là Trợ bắc Tướng quân. Lại còn Tôn Hưu bệnh chết, ngôi vua chuyển đổi, trong nước phản nghịch, đâu có lòng riêng. Tướng ngự là Thi Tích, là danh thần của giặc vẫn nghi ngờ mà tự chán ghét, bị kẻ khác ghét hiềm. Quân phản thân rồi, chẳng ai có chí vững, từ xưa đến nay chưa có đi đến nguy diệt như thế. Nếu sáu quân rần rộ, sang nam vượt Giang, Hán thì miền Ngô Cối tất công già dất trẻ để đón quân ta, đây là cái lí chắc chắn vậy. Nhưng phát động quân lớn vẫn có tổn hao, chỉ nên dụ cáo oai đức, tỏ rõ nhân tín, báo cho biết cái lợi của việc theo phục hòa thuận. Ngày xưa Tướng quốc Tham quân Từ Thiệu, Thủy tào duệ Tôn Úc ở tại Thọ Xuân đều bị quân ta bắt giữ. Thiệu vốn là quan Nam Lăng Đốc của ngự, tài năng cứng cỏi, Úc vốn là họ hàng của Tôn Quyên, trung lương được khen. Nay sai Thiệu về miền nam, lấy Úc làm phó để nêu rõ lệnh vua, đâu đem việc thực mà khuyên dụ người Ngô, tuyên cáo khắp chốn. Nếu bên ấy hiểu biết thì không cần tổn kế đánh dẹp, đây là kế hơn cả, là phép cũ thời xưa vậy. Nay lấy Thiệu làm Tán kị Thường thị, bái Phụng xa Đô úy, phong Đô đình hầu; lấy Úc làm Cấp sự Hoàng môn thị lang, ban tước Quan nội hầu. Những người nhà trai gái và vợ ban cho bọn Thiệu ở đây, đâu cho tự đi theo để nêu rõ ân đức của nhà nước, không cần sai về để tỏ lòng thành tín”.

Ngày mậu ngọ, sai Phủ quân Đại tướng quân Tân Hương Hầu là Viêm làm Thế tử của Tấn Vương. Năm đó, bãi quan Đồn đi đến để cân bằng việc lao dịch, các quan Điện nông đều được làm Thái thú, quan Đô úy đều được làm Lệnh trưởng; chiêu mộ người Thục dời vào Trung Quốc, cấp cho thóc lúa dùng trong hai năm, lại miễn thuế hai mươi năm. Các huyện An Du, Phúc Lộc đều nói có cây lúa tốt mọc.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng hai ngày giáp thìn, người huyện Câu Nhẫn bắt được rùa thần đến dâng, đem vào ở phủ Tướng quốc. Ngày canh tuất, vì lính hồ bôn là Trương Tu ngày xưa ở tại Thành Đô ruổi ngựa đến các trại cáo dụ Chung Hội phản nghịch, dẫn đến bỏ mạng, bèn ban cho em Tu là Kỳ lĩnh tước Quan nội hầu. Mùa hạ tháng tư, huyện Nam Thâm Trạch nói là có sương ngọt sa xuống. Nước Ngô sai sứ là Kỉ Trắc, Hoàng Cầ đến xin hòa.

Tháng năm, hạ chiếu nói: “Tướng quốc Tấn Vương bày đặt mưu thần, đức bọc bốn cõi, võ công lẫy lừng thì oai trùm xứ lạ, lan truyền giáo hóa thì các nước bên cạnh chẳng rời bỏ. Võ về miền Giang Biều, vẫn nghĩ giúp đỡ, bỏ võ chuộng nhân, nêu bảo oai đức. Văn đức truyền đến đâu thì đầu ngưỡng theo hướng về, sai sứ dâng nạp để tỏ rõ ý thuận, đem vật báu đồ lạ đến mà tỏ lòng vui mừng. Vậy mà Vương vẫn khiêm nhường như thế, đâu sai trả về, chẳng phải là vì võ về mà khiến cho người ta theo phục, mà là theo một lòng thành thật vậy. Nay các đồ mà Tôn Hạo dâng đến mà Vương chớ về thì đâu đem đến chỗ vương để hợp với phép cũ”. Vương cố từ lại thôi. Lại sai Tấn Vương đội mũ miện có mười hai dải, dùng cờ tinh của Thiên tử, ra thì có quân phòng vệ, vào thì sai quân dẹp đường, ngõ xe nạm vàng bạc, có sáu con ngựa kéo, sắm năm cỗ xe đi bảo vệ, đặt cờ mao cờ xí, tám đội nhạc múa, treo chuông khánh ở trong cung. Lại phong phi của vương làm Vương hậu, Thế tử làm Thái tử, các con trai, con gái, cháu của vương đều được ban tước như phép cũ. Ngày quý mùi, đại xá. Mùa thu tháng tám ngày tân mao, Tướng quốc Tấn Vương hoẵng. Ngày nhâm thìn, Thái tử Viêm của Tấn Vương được phong nối tước, trông coi trăm quan, sắm sửa chiếu lệnh, đều như lúc cũ. Tháng đó, huyện Tương Vũ tâu có người lớn hiện, cao hơn ba trượng, vết dân dài ba thước hai tấc, tóc trắng, mặc áo cộc vàng, khăn vàng, cầm gậy, gọi người dân là Vương Thủy đến bảo rằng: “Thời nay yên bình”. Tháng chín ngày ất mùi, đại xá. Ngày mậu ngọ, lấy Tư đồ Hà Tăng làm Thừa tướng của Tấn Vương. Ngày quý hợi, lấy Phiêu kỵ Tướng quân Tư Mã Vọng làm Tư đồ, Chinh đông Đại tướng quân Thạch Bao làm Phiêu kỵ Tướng quân, Chinh nam tướng quân Trần Khiên làm Xa kỵ Tướng quân. Ngày ất hợi, táng Tấn Văn Vương. Tháng nhuận ngày canh thìn, các nước Khang Cư, Đại Uyển sai sứ đến dâng ngựa tốt, đem vào phủ Tướng quốc để tỏ rõ công lao võ về vạ nước phương xa.

Tháng mười hai ngày nhâm thìn, lộc trời mãi dứt, lịch số chuyển sang nhà Tấn. Hạ chiếu công khanh bày tôi sắm bày lễ nghi đắp đàn ở chỗ ngoài phía nam thành, sai sứ giả dâng ấn thao của Hoàng đế, truyền ngôi cho Vương nối tự của nhà Tấn, theo như việc cũ của nhà Hán truyền ngôi cho nhà Ngụy. Ngày giáp tí, sai sứ giả đem chiếu đến. Bèn đổi phong ở huyện Kim Dung, rồi lại dựng quán ở đất Nghiệp, bấy giờ hai mươi tuổi.

***Ngụy thế phả chép:** Phong Đế làm Trần Lưu Vương. Đến năm Đại An thứ nhất, vào lúc năm mươi tám tuổi thì băng, thụy là Nguyên Hoàng Đế.*

***Bình rằng:** Ngày xưa vì thiên hạ lập người nối tự, chỉ có người hiền mới được lập. Đời sau nối ngôi, lập con cả để thay; nếu con cả không được nối ngôi thì nên chọn người có đức sáng trong họ hàng gần gũi như thời Văn, Tuyên của nhà Hán vậy, đây là phép chuẩn thường không đổi. Vậy mà Minh Hoàng Đế không theo phép ấy, chỉ theo tình ý riêng, nuôi nấng trẻ con, trao cho ngôi cao, chẳng có người đỡ giúp, tất làm loạn họ tộc, rút cuộc Tào Sảng bị giết, Tề Vương nối ngôi. Cao Quý Hương Công thông minh sớm lớn, ưa hỏi kinh truyện, đại khái cũng có phong thái của Văn Đế vậy, nhưng vội vàng phóng túng, tự dấn vào họa lớn. Trần Lưu Vương cung kính ngoảnh mặt về phía nam để cho tể phụ coi việc, làm theo phép cũ, nhường mà truyền ngôi, bèn được phong ở nước lớn, được nhà Tấn xem như khách, sánh với Sơn Dương⁽¹⁸⁾ lại còn được ban sủng vậy.*

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Tư Mã Tuyên Vương: chỉ Tư Mã Ý, được phong làm Tuyên Vương. Các sách thời Tấn kị húy cho nên gọi là Tư Mã Tuyên Vương.*
- (2) *Vải chống lửa: vải chống lửa tức vải không bị lửa đốt cháy rụi, xuất từ miền Tây Vực. Theo Liệt Tử chép: Thời Mục Vương của nhà Chu đánh rợ Tây Nhung, rợ Tây Nhung cũng dâng vải này.*
- (3) *Lịch Tam thống: chỉ lịch dùng qua ba đời nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu thời xưa.*
- (4) *Mặt trời có chỗ khuyết: tức hiện tượng nhật thực, Mặt trăng che lấp một phần hay toàn phần của Mặt trời.*
- (5) *Tư Mã Cảnh Vương: chỉ Tư Mã Sư, được phong làm Cảnh Vương. Các sách thời Tấn kị húy cho nên gọi là Tư Mã Cảnh Vương.*
- (6) *Nhiếp Chính: Nhiếp Chính, người ấp Chủ nước Hàn thời Chiến quốc, là hiệp khách nổi tiếng. Có chép ở Sử kí - Thích khách liệt truyện.*
- (7) *Giới Tử: Giới Tử tức Phó Giới Tử, người quận Bắc Địa thời Tây Hán. Theo Hán thư - Phó Giới Tử truyện chép: Vào thời Vũ Đế, các nước ở Tây Vực là Quy Từ, Lâu Lan giúp người Hung Nô giết sứ giả của nhà Hán, đến giữa năm Nguyên Phong, sai Giới Tử đi sứ đến các nước ấy, trách mắng họ, chịu nhận lỗi, lại đem quan quân giết sứ giả của người Hung Nô đang trên đường từ nước Ô Tôn. Về báo việc được bái làm Trung lang. Lân sau, xin đi giết vua các nước ấy, rồi đem quân sĩ cùng vàng bạc, gấm lụa đến, vào uống rượu cùng vua của nước Lâu Lan, nhân lúc say rượu, đâm chết vua của nước ấy, đem đầu về cửa khuyết. Do đó được Vũ Đế phong tước Hầu, thực ấp bảy trăm hộ.*
- (8) *Giải Dương bắt Sở: chỉ việc thời Hán Cảnh Đế có loạn bảy nước miền Ngô Sở, sai Thái úy Chu Á Phu đi đánh dẹp, giải vây vùng Dương Châu, phá quân của vua nước Sở vậy.*
- (9) *Lộ Trung đại phu của nước Tề: Lộ Trung đại phu, họ Lộ, làm Trung đại phu của Tề Vương. Theo Sử kí - Tề Trác Huệ Vương thế gia chép: Bấy giờ Ngô Vương là Lưu Tị, Sở Vương là Lưu Mậu làm phản kéo quân về phía tây,*

vua các nước Giao Tây, Giao Đông, Truy Xuyên, Tề Nam đều ứng theo, riêng Tề Vương giữ thành không theo, quân ba nước Giao Tây, Giao Đông, Truy Xuyên vây thành, Tề Vương sai Lộ Trung đại phu báo cho Thiên tử, Thiên tử bảo là: “Cố giữ thành, quân ta đã phá được quân Ngô, Sở rồi”. Bèn về báo cho Tề Vương, vòng vây gấp, không vào thành được, tướng của ba nước cùng thề ước với Lộ Trung đại phu nói: “Nếu nói quân Hán bị phá, nước Tề nên theo ba nước thì không bị giết”. Nhưng đến dưới thành, Lộ Trung đại phu từ xa thấy Tề Vương, bèn nói: “Quân Hán đã phát trăm vạn quân, sai Thái úy Chu Á Phu đã phá quân Ngô Sở, đang dẫn quân đến cứu nước Tề, nên giữ vững đừng hàng”! Tướng của ba nước bèn giết Lộ Trung đại phu.

(10) *Tư Mã Văn Vương: chỉ Tư Mã Chiêu từng được phong làm Văn Vương. Các sách thời Tấn kị húy cho nên gọi là Tư Mã Văn Vương.*

(11) *Y Doãn đuổi Thái Giáp để yên nhà Ân, Hoắc Quang bỏ Xương Ấp để định nhà Hán: Y Doãn giúp nhà Ân, sau khi vua Thang chết, cháu nội là Thái Giáp nối ngôi nhưng yếu kém, Y Doãn bèn đày Thái Giáp đến ấp Đông cho tự sửa mình, ba năm sau lại đón về làm vua. Hoắc Quang là đại thần của Chiêu Đế của nhà Hán, Chiêu Đế chết, lập Xương Ấp Vương lên thay, Xương Ấp dâm loạn, lại phế đi mà lập Tuyên Đế.*

(12) *Ba vị tổ: chỉ Thái Tổ là Tào Tháo, Văn Đế là Tào Phi, Minh Đế là Tào Duệ.*

(13) *Bảo lâm: Bảo lâm là chức nữ quan trông coi các cung nữ trong cung.*

(14) *Trần Lưu Vương tên là Hoán: tức Thường Đạo Hương Công tên là Hoàng, đổi tên là Hoán, sau khi truyền ngôi cho nhà Tấn, được phong làm Trần Lưu Vương.*

(15) *Phu nhân của Hán Hiến Đế ngày xưa là Tiết: chỉ con gái của Thái Tổ Tào Tháo là Tào Tiết, từ thời Tháo làm Thừa tướng, gả Tiết cho Hiến Đế của nhà Hán.*

(16) *Nghĩa ‘tặng cây lúa’ của Chu Thành Vương: vào thời Chu Thành Vương có cây lúa lạ mọc lên ở bờ ruộng, hợp thành một bó, cho rằng lúa tốt biểu thị thiên hạ yên ổn, là do đức của Chu Công dẫn đến vậy. Do đó Chu Thành Vương đem tặng cho Chu Công.*

(17) *Nghĩa phong tước Lỗ Công cho dòng dõi: Chu Công là em của Vũ Vương của nhà Chu. Vào lúc giúp Vũ Vương đánh vua Trụ, được phong*

làm Lỗ Công nhưng chưa đến nước. Sau này phụ chính cho Thành Vương, bái con của Chu Công làm Lỗ Vương.

(18) Sơn Dương: chỉ vua Hiến Đế của nhà Hán, sau khi truyền ngôi cho nhà Ngụy, được phong làm Sơn Dương Công.

QUYỂN 5 – HẬU PHI TRUYỆN

*Vũ Tuyên Biện Hoàng hậu, Văn Chiêu Chân Hoàng hậu, Văn Đức
Quách Hoàng hậu, Minh Diệu Mao Hoàng hậu, Minh Nguyên
Quách Hoàng hậu.*

HẬU PHI TRUYỆN

Kinh Dịch chép: “Trai giữ vị ở ngoài, gái giữ vị ở trong; trai-gái giữ vị là nghĩa lớn của trời đất vậy”. Những bậc vua hiền ngày xưa, chẳng ai không định rõ phép tắc trông coi Hậu phi, thuận theo đức của trời đất, cho nên hai vị phi tần gả đến bên Quy⁽¹⁾ thì đạo của nhà Ngu được thịnh, Nhâm-Tự kết theo họ Cơ⁽²⁾ thì nhà Chu yên ổn, việc hưng phế được mất, đều bởi nguyên nhân ấy. Kinh Xuân thư chép rằng thiên tử được lấy mười hai vợ, chư hầu được lấy chín vợ, xét về tình lý, đây là phép tắc chẳng đổi vậy. Nhưng đời cuối phóng túng, mặc ý xa xỉ, khiến cho trai-gái kết oán, nhiều động khí hòa, riêng sắc đẹp được tôn sùng, không chuộng tính hiền thực, cho nên giáo hoá đổ nát mà phép tắc huỷ hoại, há chẳng tiếc sao! Than ôi, bậc có nước có nhà, nên lấy đó làm tấm gương lâu dài vậy!

Theo phép chế của nhà Hán, bà nội của Đế gọi là Thái hoàng thái hậu, mẹ của Đế gọi là Hoàng thái hậu, phi của Đế gọi là Hoàng hậu, ngoài ra ở nội cung có hơn mười bốn bậc. Nhà Ngụy dựa theo pháp chế nhà Hán, danh hiệu của mẫu hậu, đều như phép cũ, từ phu nhân xuống dưới, mỗi đời lại có thêm bớt. Thái Tổ dựng nước, bắt đầu mệnh đặt ra Vương hậu, dưới có năm bậc: có Phu nhân, có Chiêu nghi, có Tiệp dư, có Dung hoa, có Mĩ nhân. Văn Đế thêm Quý tần, Thục viện, Tu dung, Thuận thành, Lương nhân. Minh Đế tăng thêm Thục phi, Chiêu hoa, Tu nghi; bỏ chức Thuận thành. Giữa năm Thái Hoà mới lập lại Phu nhân, tăng ngôi vị ở trên bậc Thục phi. Từ bậc Phu nhân trở xuống có cả thảy mười hai bậc: Quý tần, Phu nhân, ngôi vị đứng sau Hoàng hậu, tước không ai sánh được; ngôi Thục phi ngang quan Tướng quốc, tước sánh Vương chư hầu; Thục viện ngang quan Ngự sử đại phu, bằng tước Huyện công; Chiêu nghi ngang tước Huyện hầu; Chiêu hoa ngang tước Hương hầu; Tu dung ngang tước Đình hầu; Tu nghi ngang tước Quan nội hầu; Tiệp dư ngang quan ‘bổng hai nghìn thạch’; Dung hoa ngang quan “bổng hai nghìn thạch”; Mĩ nhân sánh ngang quan ‘có bổng hai nghìn thạch’; Lương nhân ngang quan ‘bổng nghìn thạch’.

Vũ Tuyên Biện hoàng hậu, người huyện Khai Dương quận Lang Da, là mẹ của Văn Đế vậy. Vốn là con nhà ca xướng,

Ngụy thư chép: Hậu sinh vào ngày kị tị tháng mười hai năm Diên Hi thứ ba (năm 161 Công nguyên) thời nhà Hán ở huyện Bạch Đình quận Tê, khi sinh ra có đám khí màu vàng che mái nhà cả ngày. Cha của Hậu là Kính Hầu thấy lấy làm lạ, đem việc này hỏi thầy bói là Vương Đán, Đán nói: “Đây là điềm lành vậy.”

năm hai mươi tuổi, Thái Tổ ở huyện Tiêu lấy làm thiếp. Sau đó theo Thái Tổ đến Lạc Dương. Kịp lúc Đông Trác làm loạn, Thái Tổ ẩn nấu sang miền đông tránh nạn. Viên Thuật truyền tin xấu về Thái Tổ, bấy giờ tả hữu đến Lạc Dương của Thái Tổ đều muốn quay về Hậu ngăn họ lại nói: “Việc lành dữ của Tào Công chưa biết được, hôm nay về nhà, nếu ngày mai lại đến thì còn mặt mũi nào gặp lại nhau nữa? Nếu đúng là họa đến, chết cùng khổ chi!” Bèn nghe lời Hậu. Thái Tổ nghe chuyện liền khen Hậu. Đầu năm Kiến An, Đình phu nhân bị phế, liền lấy Hậu làm vợ cả. Những người con không có mẹ, Thái Tổ đều cho Hậu nuôi dưỡng.

Ngụy lược chép: Thái Tổ lúc đâu lấy Đình phu nhân, lại có Lưu phu nhân sinh ra Tử Tu và Thanh Hà trưởng công chúa⁽³⁾. Lưu thị chết sớm, Đình thị nuôi dưỡng Tử Tu. Sau khi Tử Tu chết ở huyện Nhữong⁽⁴⁾, Đình thị thường nói: “Ông làm chết con ta, không nghĩ ngợi ư?” Rồi khóc lóc không kìm nén được. Thái Tổ giận phu nhân, đuổi về nhà, muốn phu nhân phải nhún mình. Về sau Thái Tổ đến gặp phu nhân, phu nhân đang dệt vải, người ngoài truyền tin rằng: “Công đến”. Phu nhân vẫn đập khung cửi như cũ. Thái Tổ đến nơi, vỗ lưng phu nhân nói: “Theo ta cùng lên xe về thôi!” Phu nhân chẳng ngoảnh lại, cũng không đáp. Thái Tổ lùi ra, đứng ở ngoài cửa, lại nói: “Không còn gì nữa sao!” Cũng không đáp, Thái Tổ nói: “Đã quyết thật rồi!” Bèn cùng dứt tình, Thái Tổ muốn người nhà giả chồng cho phu nhân, người nhà không dám. Khi trước, Đình phu nhân đã làm vợ chính, có thêm Tử Tu, Đình thị xem mẹ con Hậu chẳng ra gì. Đến lúc Hậu lên làm vợ cả, chẳng nghĩ đến cái xấu cũ, nhân lúc Thái Tổ ra ngoài, thường bốn mùa sai người cấp tiên của, lại đi riêng đón phu nhân, mời vào ngồi ở ghế giữa còn mình ở dưới, đón đến đưa đi như việc ngày xưa. Đình thị tạ rằng: “Người bỏ đi như ta, phu nhân sao xem như thường được vậy?” Về sau Đình thị mất, Hậu xin Thái Tổ liệm táng, hứa theo, rồi táng ở phía nam thành huyện Hứa. Sau này Thái Tổ bệnh nặng, tự nghĩ chẳng khỏi, than rằng: “Ta trước sau làm việc theo ý mình, trong lòng chưa từng có gì đáng trách. Nhưng nếu chết rồi mà có linh, Tử Tu nếu có hỏi rằng: ‘Mẹ ta ở đâu?’ Ta nói sao để đáp lời đây”!

Ngụy thư chép: Hậu tính tiết kiệm, chẳng chuộng hoa lệ, không dùng châu ngọc gấm thêu, đồ dùng đều sơn đen. Thái Tổ từng thu được mấy viên ngọc đẹp, cho

Hậu tự chọn lấy một viên, Hậu chọn lấy một viên hạng trung, Thái Tổ hỏi nguyên cớ, đáp rằng: “Lấy vật hạng trên là tham, lấy vật hạng dưới là dôi, cho nên lấy vật hạng trung vậy”.

Văn Đế làm Thái tử, quan trưởng tả hữu mừng Hậu rằng: “Tướng quân được bái làm Thái tử, thiên hạ chẳng ai không vui mừng, Hậu nên dốc hết kho tàng ban thưởng.” Hậu nói: “Vương tự cho là Phi tuổi lớn, cho nên lập người nối tự, ta chỉ thoát khỏi cái lỗi không dạy dỗ được là may lắm rồi, sao lại nên thưởng lớn cho mọi người đây!” Quan trưởng quay về đem nói hết với Thái Tổ: Thái tổ mừng nói: “Giận không biến sắc, mừng chẳng thất tiết, việc ấy rất khó làm vậy”.

Năm (Kiến An) thứ hai mươi bốn, (năm 219 Công nguyên) bái làm Vương hậu, sách rằng: “Phu nhân Biện thị, nuôi nấng các con, có đức của bậc mẫu nghi. Nay bái vị Vương hậu, các Thái tử chư hầu đứng quanh, các quan chúc thọ, các tử tội ở trong nước được giảm tội một bậc”. Năm (Kiến An) thứ hai mươi lăm, (năm 220 Công nguyên) Thái Tổ băng, Văn Đế lên ngôi Vương, tôn Hậu làm Vương thái hậu, lúc lên ngôi Đế, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh Thọ Cung.

Ngụy thư chép: Hậu vì đồ dùng chẳng đủ, giảm bớt thức ăn, các đồ vật vàng bạc tài vật đều bỏ đi. Đông A Vương là Thực, là con út của Thái hậu, Hậu yêu mến nhất. Về sau Thực phạm pháp, bị quan coi việc tấu lên, Văn Đế sai con của em trai Thái hậu là Phụng xa đô úy Biện Lan cùng công khanh bẩm với Thái hậu, Thái hậu nói: “Ta không ngờ thằng ấy lại làm ra như thế, mi về nói với Đế, chẳng nên vì ta mà cố tình phá hỏng phép nước”. Lúc tự đến gặp Đế, cũng chẳng nói xin tha.

Thần là Tùng Chi xét: Văn Đế nằm mơ mình mài đồng tiên, muốn xóa chữ trên tiên nhưng nó lại càng sáng, đem ra hỏi Chu Tuyên. Tuyên đáp rằng: “Ấy là việc nhà của bệ hạ, dù ý muốn như vậy, nhưng Thái hậu không nghe.” Thế thì Thái hậu có ý rồi, chẳng đúng như lời nói mà sách này chép vậy.

Ngụy thư lại chép: Thái hậu hễ theo quân đi đánh, thấy các bậc tuổi cao đầu bạc, liền dừng xe gọi hỏi, ban cho vải lụa, đôi mắt nhỏ lệ nói: “Ta hận rằng cha mẹ ta chẳng còn bên ta lúc này.” Thái hậu hễ gặp người thân bên ngoài, chẳng dùng đồ trang sức, thường nói: “Ta ở chỗ phải tiết kiệm, chớ nên mong ta ban thưởng cho, chỉ nghĩ là đủ rồi. Nhà ngoại lấy làm lạ cho rằng ta đôi đũa họ quá bạc bẽo, nhưng ta tự có phép thưởng ấy rồi. Ta thờ Vũ Đế bốn, năm mươi năm nay, làm việc tiết kiệm lâu ngày, chẳng tự biến thành xa xỉ được, ai phạm vào tội đã cấm, ta sẽ tăng thêm tội trạng lên một bậc nữa, chớ mong ban tặng tiền gạo.” Đế dựng nhà cho người em của Thái hậu là Biện Bình, dựng nhà xong, Thái hậu đến nhà mời người thân thích bên ngoài, làm cỗ ở dưới bếp, không có đồ ăn

ngọn khác. Tả hữu của Thái hậu ăn cơm rau, không có thịt cá. Hậu tiết kiệm như thế.

Minh Đế lên ngôi, tôn Thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Giữa năm Hoàng Sơ, Văn Đế muốn truy phong cho cha mẹ của Thái hậu, Thượng thư Trần Quên tấu rằng: “Bệ hạ lấy thánh đức ứng thời vận nhận mệnh trời, dựng nghiệp thay pháp, phải làm khuôn mẫu lâu dài cho đời sau. Xét các lời văn trong sách cũ, không có phép tắc nào cho đàn bà được nhận tước chia đất. Theo phép thường, đàn bà theo theo tước của chồng. Nhà Tần làm trái với phép thường, nhà Hán cũng theo phép đó, chẳng phải là phép cũ của của bậc Đế vương ngày xưa vậy”. Đế nói: “Lời bàn này là đúng, việc ấy chớ có thi hành. Hãy soạn chiếu lệnh cất giấu vào nơi đài gác, làm khuôn mẫu mãi mãi cho đời sau”. Đến mùa xuân năm Thái Hòa thứ tư, (năm 230 Công nguyên) Minh Đế mới truy thụy cho ông nội của Thái hậu là Quảng là Khai Dương Cung Hầu, cha là Viễn hiệu là Kính Hầu, bà nội của Thái hậu là Chu thị được phong làm Dương Đô Quân và Cung Hầu phu nhân, đều tặng ấn thao. Tháng năm năm ấy, Hậu băng. Tháng bảy, hợp táng ở Cao Lăng.

Khi trước, em trai của Thái hậu là Bình vì có công được phong làm Đô hương hầu, năm Hoàng Sơ thứ bảy được tiến phong làm Khai Dương Hầu, thực ấp hai trăm hộ, bái Chiêu liệt tướng quân.

Ngụy lược chép: *Lúc đâu, người em trai của Biện Hậu là Bình, vào năm Kiến An được làm Biệt bộ tư mã, sau thường đối mặt Thái Tổ nói lời oán thán, Thái Tổ đáp rằng: “Được làm em vợ của ta, chẳng phải là nhiều rồi sao?” Về sau lại muốn Thái Tổ cấp cho tiền lụa, Thái Tổ lại nói: “Những gì mi trộm được, chẳng phải đủ rồi sao?” Cho nên đến lúc Thái Tổ băng, chức quan của Bình không đổi, tiền cũng chẳng thêm.*

Bình chết, con là Lan nối tự. Lan thời trẻ có tài học, làm Phụng xa đô úy, Du kích tướng quân, bái thêm chức Tán kỵ thường thị.

Ngụy lược chép: *Lan dâng một bài phú khen Thái tử có đức đẹp, Thái tử bảo rằng: “Phú, là phụ giúp cho những lời nói và sự việc, tụng, là hình dung về cái đức cao đẹp tràn đầy, cho nên tác giả không dùng những câu từ sáo rỗng, kẻ nhận nó tất phải xứng đáng thực sự. Bài phú này của Lan, há ta được thế thật sao? Trước kia Ngô Khâu Thọ Vương làm phú về Bảo đỉnh, bọn học trò của Hà Vũ ngợi ca, bởi thế mới ban cho vàng bạc, việc Lan nói tuy ta không tin, nhưng về nghĩa cũng đủ để khen. Nay ban cho một cái đầu trâu.” Bởi thế sau này cũng được kính trọng thân thiết.*

Lan chết, con là Huy nối tự.

Ngụy lược chép: Vào thời Minh Đế, Lan thấy bên ngoài có hai điều khó, mà Đế lưu ý đến cung thất, nên thường nhân việc đó đi theo hầu hạ, mấy lần tha thiết can gián. Đế tuy không theo lời, nhưng cũng vui lòng với lời khẩn khoản thành thật ấy. Về sau Lan khổ về rượu mắc bệnh giải khát, lúc ấy Đế tin nữ đông cốt dùng nước phép chữa bệnh, sai người mang nước ban cho Lan, Lan không chịu uống. Đế hạ chiếu hỏi Lan có ý gì? Lan nói trị bệnh của mình phải dùng phương thuốc, sao lại tin vào đông cốt như thế? Đế biến sắc, nhưng Lan rút cuộc không chịu phục. Sau cơn khát nặng dần cho đến chết. Bởi thế người đương thời thấy Lan hay nói thẳng, bảo rằng vì đã trách lỗi Đế trước mặt nên Lan phải tự sát, nhưng thật là chẳng đúng.

Lại chia tước của Bình, phong em của Lan là Lâm làm Liệt hầu, làm đến Bộ binh hiệu úy. Con của Lan là Long có con gái làm Hoàng hậu của Cao Quý Hương Công, Long vì là cha của Hậu mà được làm Quang lộc đại phu, vị Đặc tiến, phong Tuy Dương Hương Hầu, vợ của Long là Vương thị làm Hiền Dương Hương Quân. Truy phong cho vợ trước của Long là Lưu thị làm Thuận Dương Hương Quân, tức mẹ ruột của Hậu vậy. Con gái của Lâm lại làm Hoàng hậu của Trần Lưu Vương, lúc ấy Lâm đã chết, phong cho vợ của Lâm là Lưu thị làm Quảng Dương Hương Quân.

Văn Chiêu Chân Hoàng hậu, người huyện Vô Cực quận Trung Sơn, là mẹ của Minh Đế, hậu duệ của quan Thái bảo Chân Hàm thời nhà Hán, nhà nhiều đời làm quan ăn lộc hai nghìn thạch. Cha là Dật, làm Thượng Sái Lệnh. Năm Hậu lên ba tuổi thì mất cha.

Ngụy thư chép: Dật lấy người quận Thường Sơn là Trương thị, sinh ba con trai năm con gái: con trai cả là Dự, chết sớm; con thứ là Nghiễm, cử hiều liêm, làm Đại tướng quân duyện, Khúc Lương Trưởng; con thứ nữa là Nghiêu, cử hiều liêm; con gái cả là Khương, con gái thứ nữa là Thoát, rồi đến Đạo, đến Vinh, con út là Hậu. Hậu sinh vào ngày đình dậu tháng mười hai năm Quang Hòa thứ năm thời nhà Hán. Hễ ngủ say, người trong nhà thấy phảng phất như có người trùm cái áo ngọc lên người Hậu, thường cùng lấy làm lạ. Dật chết, ban hiệu là Mộ, họ hàng nội ngoại càng cho là lạ. Về sau, thầy tướng là Lưu Lương xem tướng Hậu và các con, Lương chỉ vào Hậu nói: “Người con gái này quý hiển chẳng nói hết được.” Hậu từ nhỏ đến lớn, không thích đùa bỡn. Năm lên tám tuổi, ở ngoài nhà có kẻ đứng trên ngựa diễn trò, người nhà và các chị gái lên lầu ngắm xem, riêng Hậu không đi. Các chị lấy làm lạ mới hỏi, Hậu đáp rằng: “Đó há phải điều mà con gái xem sao?” Năm Hậu chín tuổi, thích viết chữ, nhìn chữ liền biết, nhiều lần dùng nghiên bút của các anh, các anh bảo Hậu rằng: “Mi nên tập việc của con gái. Đụng vào sách vở học tập, muốn làm Bác sĩ nữ chẳng?” Hậu đáp rằng: “Nghe nói các vị đàn bà thời xưa, không có ai không học những việc thành bại của đời trước, lấy đó để răn mình. Chẳng biết chữ, làm sao biết

được việc ấy”. Về sau thiên hạ binh loạn, thêm cảnh thiếu đói, trăm họ đều bán vật báu châu ngọc vàng bạc, bấy giờ nhà Hậu cất trữ rất nhiều lúa, cũng có mua thứ đó.

Năm Hậu hơn mười tuổi, bẩm mẹ rằng: “Nay đang thời loạn mà lại mua nhiều vật báu, làm kẻ thất phu thì vô tội, người đeo ngọc là có tội. Lại nữa tả hữu đâu đó thiếu, chẳng bằng đem lúa phát chẩn cho họ hàng làng xóm, để mở mang ân huệ.” Cả nhà khen hay, liền theo lời Hậu.

Nguy lược chép: Năm Hậu mười bốn tuổi, anh giữa là Nghiễm mất, để tang qua kì, thờ chị dâu rất cung kính, chăm chỉ các việc, chăm sóc con của Nghiễm, thương yêu hết mực. Mẹ của Hậu bản tính nghiêm khắc, đôi đũa các nàng dâu như đao thường, Hậu mấy lần can mẹ rằng: “Anh con không may chết sớm, chị dâu còn ít tuổi mà vẫn giữ tiết, ngoảnh có một đứa con, theo nghĩa lớn mà nói, việc đôi đũa phải như nàng dâu, yêu mến nên coi như con gái.” Mẹ cảm lời Hậu mà rơi lệ, liền sai Hậu và chị dâu cùng ở, ngủ nghỉ đứng ngồi cùng theo nhau, tình cảm càng thân thiết.

Giữa năm Kiến An, Viên Thiệu cho con giữa là Hi lấy Hậu. Hi ra quản U Châu, Hậu ở lại chăm sóc mẹ chồng. Kịp lúc Kí Châu bình, Văn Đế thu nạp Hậu ở huyện Nghiệp, Hậu được sủng ái, sinh ra Minh Đế và Đông Hương công chúa.

Nguy lược chép: Hi ra quản U Châu, Hậu ở lại chăm sóc mẹ chồng. Kịp lúc thành Nghiệp bị phá, vợ của Thiệu và Hậu cùng ngồi ở trên nhà lớn. Văn Đế vào nhà Thiệu, thấy vợ của Thiệu và Hậu, Hậu sợ, nép đầu trên đầu gối mẹ chồng, vợ của Thiệu tự trói hai tay. Văn Đế bảo rằng: “Lưu phu nhân sao lại làm như thế? Để cho người đàn bà mới ngẩng đầu lên!” Người mẹ bèn nâng mặt Hậu ngẩng lên, Văn Đế tới xem, thấy vẻ mặt phi phàm, khen ngợi Hậu. Thái Tổ nghe được ý ấy, bèn cho đón lấy.

Thế ngữ chép: Thái Tổ hạ huyện Nghiệp, Văn Đế vào phủ của Viên Thượng trước, thấy có người đàn bà tóc xoã mặt lấm, đứng khóc bên cạnh vợ của Thiệu là Lưu hậu, Văn Đế hỏi về người ấy, Lưu thị đáp rằng: “Là vợ của Hi”. Rồi ngoảnh sang vén búi tóc, lấy khăn lau mặt cho, vẻ mặt tuyệt trần. Việc đã qua, Lưu thị bảo Hậu rằng: “Chẳng lo chết nữa rồi!” Rồi được nạp, sủng ái.

Nguy thư chép: Hậu càng được sủng ái lại càng tự khiêm tốn, ở hậu cung có ai được sủng ái thì Hậu lại khuyến khích, người không được sủng ái thì Hậu an ủi, hễ nhân lúc nhàn rỗi, thường khuyên Đế, nói “Ngày xưa Hoàng Đế con cháu đầy đàn, đó là bởi vợ lẽ đông đảo, mới có được cái lộc ấy vậy. Xin tìm rộng ở bậc Thục viên để có nhiều dòng dõi tự”. Ý Đế khen lời ấy. Về sau Đế muốn đuổi Nhâm thị, Hậu xin với Đế rằng: “Nhâm thị đã là họ lớn ở quê nhà, đức độ sắc đẹp bọn thiếp chẳng bằng được, sao lại đuổi đi”? Đế nói: “Nhâm thị tin hẹp hòi, chẳng hoà thuận, trước sau giận ta không chỉ một lần, thế nên đuổi đi thôi.” Hậu

roi lệ cố xin rằng: “Thiếp nhận cái ân tri ngộ, điều mà mọi người đều biết, hẳn sẽ cho rằng Nhâm thị bị đuổi là do thiếp vậy. Sợ rằng người trên bị chê cợt là vì tình riêng, kẻ dưới mắc cái tội vì được sủng ái, xin hãy lưu ý cho!” Đế không nghe, bèn đuổi ra. Tháng bảy năm thứ mười sáu, Thái Tổ đi đánh miền Quan Trung, Vũ Tuyên Hoàng hậu đi theo, lưu lại ở bến Mạnh Tân, Đế ở lại giữ huyện Nghiệp. Bấy giờ Vũ Tuyên Hoàng hậu thân thể có chút không khỏe, Hậu không đến thăm hỏi được, lo lắng, đêm ngày khóc lóc; tả hữu ruồi ngựa đến hỏi rồi về báo, Hậu vẫn chưa tin, nói: “Phu nhân ở nhà, bệnh cũ hễ phát thì qua nhiều ngày. Nay bảo là bệnh đỡ, sao mau vậy? Đó là muốn an ủi ý ta thôi!” Vẫn lo lắng. Sau khi nhận được thư của Vũ Tuyên Hoàng hậu gửi về, nói là bệnh đã khỏi lại, Hậu mới vui vẻ. Tháng giêng năm thứ mười bảy, đại quân về huyện Nghiệp, Hậu vào hầu Vũ Tuyên Hoàng hậu, từ xa thấy người ngồi trong màn thì mừng rỡ, tả hữu cảm động. Vũ Tuyên Hoàng hậu thấy Hậu như thế, cũng khóc, liền bảo Hậu rằng: “Cô vợ mới nói là bệnh ta nặng như lúc trước sao? Ta chỉ bệnh nhẹ chút thôi, hơn chục ngày là khỏi, không tin hãy coi sắc mặt ta!” Rồi than rằng: “Đấy mới thực là nàng dâu hiếu thuận vậy!” Năm thứ hai mươi một, Thái Tổ đánh miền đông, Vũ Tuyên Hoàng hậu, Văn Đế cùng Minh Đế, Đông Hương công chúa đều đi theo, bấy giờ Hậu bị bệnh ở lại huyện Nghiệp. Tháng chín năm thứ hai mươi hai, đại quân về, tả hữu hầu bên Vũ Tuyên Hoàng hậu thấy vẻ mặt của Hậu rất đầy đặn, lấy làm lạ hỏi Hậu rằng: “Hậu chia biệt với hai con đã lâu, cái tình với con cái, không nghĩ đến sao, nhưng vẻ mặt của Hậu lại càng đầy đặn, sao vậy?” Hậu cười đáp chúng rằng: “Bọn chúng đi theo phu nhân, ta háam lo sao!” Hậu sáng suốt lấy lễ tự giữ như thế.

Tháng giêng năm Diên Khang thứ nhất, (năm 220 Công nguyên) Văn Đế lên ngôi Vương; tháng sáu, đánh miền nam, Hậu ở lại huyện Nghiệp. Tháng mười năm Hoàng Sơ thứ nhất, (năm 220 Công nguyên) Đế lên ngôi. Sau khi lên ngôi, Sơn Dương Công dâng hai người con gái cho nhà Ngụy; Quách Hậu, Lý quý nhân, Âm quý nhân đều được sủng ái, Hậu càng thất ý, có lời oán. Đế cả giận, tháng sáu năm thứ hai, sai sứ giả bắt Hậu phải chết, táng ở huyện Nghiệp.

Ngụy thư chép: Con coi việc tâu xin dựng cung Trường Thu, Đế có ấn thư đón Hậu, chiếu đến tại phủ, Hậu dâng biểu rằng: “Thiếp nghe nói các triều đại trước hưng thịnh, được hưởng nước lâu dài, truyền lộc cho dòng dõi, không gì là không do từ Hậu phi. Cho nên phải xét tuyển kỹ người ấy, để sửa dựng chính giáo ở bên trong. Bệ hạ mới lên ngôi, thực là nên tiến cử người hiền thực để thống quản sáu cung. Thiếp tự thấy mình ngu lậu, chẳng gánh vác nổi việc cúng tế, lại thêm bệnh tật, sao dám giữ ngôi vị ấy.” Ấn thư ba lần gửi đến nhưng Hậu ba lần từ chối, lời lẽ khẩn thiết. Bấy giờ tiết trời nóng nực, Đế muốn đợi sang thu trời mát mẻ lại đón Hậu. Vừa lúc Hậu bị ốm nặng, ngày đình mao tháng sáu

mùa hạ, băng ở huyện Nghiệp. Đế đau xót than thở, sách tặng ấn thao Hoàng hậu.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Theo nghĩa Xuân thu, trong nhà có việc ác lớn thì tránh, có việc ác nhỏ thì không chép. Việc Văn Đế không lập Chân thị, lại còn giết hại, đã có xét rõ. Người chép sử nhà Ngụy nếu cho đó là việc ác lớn thì nên giấu đi mà không chép, nếu cho đó là việc ác nhỏ thì chẳng nên dùng lời văn giả dối, vậy mà dùng lời văn rỗng tuếch đến như thế, khác với những điều mà ta thấy ở sử cũ. Do đó mà nói, sách khen điều hay của các vị Hoàng hậu Biện thị, Chân thị đều khó mà xét được sự thật. Họ Trần gạt bỏ, chọn việc đáng tin vậy.

Minh Đế lên ngôi, quan coi việc tấu xin truy thụy cho Hậu, Đế sai Tư không Vương Lăng cầm cờ tiết đem sách mệnh làm cổ thái lao cúng tế ở lăng, lại dựng lập miếu riêng.

Ngụy thư chép bản tấu của Tam công rằng: “Cái đạo của hiếu kính là dốc lòng với người thân, do đó bốn cõi theo giáo hoá, trời đất cũng xét rõ, đấy gọi là người sinh ra thì phải dốc sức nuôi dưỡng họ, chết thì phải làm cho linh hồn được vẻ vang, khen tụng để tỏ hết đức cao đẹp, nêu lên tên tuổi rạng rỡ. Nay bệ hạ có đức sáng của bậc thánh nhân, nối thay nghiệp lớn, lòng hiếu ngời ngời, thấu cả thần minh, gặp cảnh đau buồn, thường vẫn khiêm nhường. Tiên đế dờn táng ở lăng gò, lễ nghi đã sắm, còn với Tiên hậu, thụy chưa vẻ vang. Cúi nghĩ Tiên hậu khiêm cung chiếu sáng cả chỗ u tối, phẩm hạnh sáng tỏ đến mức không cần nói mà giáo hoá lan truyền khắp nước, đức xứng với những lời khen ở bài Nhị nam⁽⁵⁾, cho nên mới được thần linh báo điềm lành, đòi đòi làm Hậu của nhà Đại Ngụy. Dù đã sớm đi xa, sau vạn năm nữa, vẫn mãi rạng rỡ, công lao của Hậu không nêu mà còn. Xét phép đặt thụy: thông đạt sáng suốt gọi là ‘Chiêu’, đức sáng có công cũng gọi là ‘Chiêu’. ‘Chiêu’ là sáng nhất, sáng mãi không mờ vậy. Nên tôn hiệu là Văn Chiêu Hoàng hậu”. Tháng ấy, Tam công lại tấu: “Từ đời xưa tổ tiên của nhà Chu là Hậu Tắc, lại dựng miếu riêng để tế Khương Nguyên. Ngày nay Văn Chiêu Hoàng hậu là Hoàng hậu của muôn đời, đức thánh đạo hay, há đếm được chẳng! Hậu coi việc tế tự của nhà vua, lại dốc lòng khiêm cung, cố từ ngôi cao, đến lúc hóa thân mà chẳng có miếu thờ để hưởng lễ, đấy chẳng phải là báo đền đức cao, tỏ rõ đạo hiếu kính vậy. Xét theo phép cổ, nên theo như Chu lễ, lập riêng miếu thờ cho Hậu”. Đều được cho làm.

Tháng ba năm Thái Hòa thứ nhất, (năm 227 Công nguyên) lấy một nghìn hộ dân ở làng An Thành huyện Ngụy Xương quận Trung Sơn để truy phong cho Dật, thụy là Kính Hài. Cháu cả là Tượng nối tước. Tháng tư, mới dựng tông miếu, đào đất được cái ấn ngọc, vuông một tấc chín phân, có khắc chữ là “Thiên tử thương nhớ mẹ hi ền”. Minh Đế vì thế động lòng, lấy cổ thái lao tế ở miếu. Lại thường nằm mơ gặp Hậu, do đó phân rõ cao thấp những người thân thích bên họ ngoại đầu theo thứ bậc, ban thưởng

đến hàng vạn; lấy Tượng làm Hồ bôn trung lang tướng. Tháng ấy, mẹ của Hậu mất, Đế mặc áo tang đến viếng, trăm quan đứng quanh. Tháng mười một năm thứ tư, vì lăng cũ của Hậu ở chỗ thấp, Đế sai Tượng làm Thái úy cậ̀m cờ tiết đến huyện Nghiệp, bặ́m cáo hậu thộ̀(6); tháng mười hai, đổi táng ở lăng Triêu Dương. Tượng về, chuyển làm Tấn kị thường thị. Mùa xuân năm Thanh Long thứ hai, (năm 234 Công nguyên) truy thụy cho anh của Hậu là Nghiễm làm An Thành hương Mục Hầu. Mùa hạ, giặc Ngô cướp Dương Châu, lấy Tượng làm Phục ba tướng quân, Trì tiết, coi xét các tướng đánh miền đông, về lại làm Xạ thanh hiệu úy. Năm thứ ba thì chết, truy tặng chức Vệ tướng quân, đổi phong ở huyện Ngụy Xương, thụy là Trinh Hầu; con là Sướng nối tự. Lại phong cho em của Sướng là Ôn, Vĩ, Diễm đều làm Liệt hầu. Năm thứ tư, đổi phong tước cũ của Dật, Nghiễm đều là Ngụy Xương Hầu, thụy như cũ. Phong vợ cả của Nghiễm là Lưu thị là Đông Hương Quân, lại truy phong cho vợ cả của Dật là Trương thị là An Hỉ Quân.

Mùa hạ năm Cảnh Sơ thứ nhất, (năm 237 Công nguyên) quan coi việc bàn định bảy miếu. Mùa đông, lại tấu rằng: “Đế vương dựng nghiệp, đã có vua vâng mệnh trời, lại có Hậu phi hiền thực hợp với thần linh, do đó tạo thời hưng thịnh để thành nghiệp lớn. Xưa kia họ Cao Tân bói biết rằng con của bốn người phi đều có được thiên hạ, thế rồi Đế Chí, Đào Đường, Thương, Chu thay nhau(7). Người nhà Chu truy tôn Hậu Tắc, thờ cùng trời cao, xét kĩ nguồn gốc của nhà vua, vốn có từ Khương Nguyên, lập riêng cung miếu, đời dâng tế, Chu lễ chép rằng: ‘Tấu nhạc có phép tắc, ca hát có vần điệu, múa như sóng cuộn, để dâng lên bà tổ’. Nhà thơ ca tụng việc ấy rằng: ‘Dân chúng thừa trước là từ bà Khương Nguyên’. Ấy là nói đến cái gốc của phép vua, gốc của sinh dân. Lại chép: ‘Miếu thờ thanh tĩnh, rộng rộng cao cao, Khương Nguyên hiển hách, đức chẳng che mờ’. Kinh Thi, kinh Lễ khen cái thịnh của họ Cơ, lời lẽ hay đẹp như thế. Đại Ngụy ứng vận, nối theo nhà Ngu, vẫn tôn sùng phép vua, ba đời nối hưng, kể số miếu thờ sánh với nhà Chu. Ngày nay Vũ Tuyên Hoàng hậu, Văn Đức Hoàng hậu đều được thờ cúng đến muôn đời, còn như Văn Chiêu Hoàng hậu nhận đằm lành của thần linh, nuôi dưỡng vua hiền, cứu giúp dân lành, đức trùm đất trời, mở mang dòng dõi, là gốc mà đạo hóa hưng thịnh vậy. Nên dựng miếu thờ cũng như miếu lớn thờ Khương Nguyên vậy. Thế mà chưa nêu lên được phép tắc bất hủ, sợ là cái nghĩa luận công báo đức, vạn đời có thiếu sót, đây là không phải nêu rõ cái đạo hiếu cho đời sau vậy. Miếu của Văn Chiêu đáng được đời đời dâng tế tấu nhạc, giống như miếu tổ, soạn sách lễ mãi không mục để truyền phong tục thánh thiện”. Vì thế lời bàn định về bảy miếu đều được khắc vào sách vàng, cất ở rương vàng.

Đế nghĩ đến họ ngoại không thôi. Sướng còn nhỏ, cuối năm Cảnh Sơ, lấy Sướng làm Xạ thanh hiệu úy, thêm chức Tấn kị thường thị, lại dựng riêng một toà nhà lớn, xa giá tự đến thăm nhà. Lại nữa ở vườn sau ngôi nhà ấy dựng miếu thờ mẹ của Tượng, gọi cái làng có miếu thờ ấy là làng Vị Dương, để tưởng nhớ đến họ ngoại. Tháng giêng năm Gia Bình thứ ba, (năm 251 Công nguyên) Sướng chết, truy tặng chức Xa kị tướng quân, thụy là Cung Hài; con là Thiệu nối tự. Năm Thái Hoà thứ sáu, (năm 232 Công nguyên) con gái yêu của Minh Đế là Thục chết, truy phong thụy cho Thục là Bình Nguyên Ý công chúa, cho lập miếu thờ. Dem người cháu họ đã chết của Hậu là Hoàng cùng hợp táng, truy phong cho Hoàng tước Liệt hầu, lấy em họ của phu nhân Quách thị là Đức làm con nối tự, nối dòng dõi họ Chân, phong Đức làm Bình Nguyên Hài, nối tước của công chúa.

Tôn Thỉnh nói: “Về lễ, đàn bà đã không có phép tể phong tước, huống chi là trẻ con, vậy mà phong cho ấp lớn sao? Đức từ họ khác thì thay nối họ khác, chẳng có công lao không phải thân thích mà cho nối tước của mẹ mình, đây là trái tình sai phép, như thế quá lắm vậy. Trần Quần đâu nói lời chống đối, Dương Phụ nêu việc cũng thế, nhưng đều chẳng nêu được đến tận cùng cái lễ của bậc vua thời xưa, chẳng tỏ được phép tể phong ấp nối tước, chẳng có lời trung trinh, cũng là thiếu sót vậy! Kinh Thi chép: ‘Sư doãn⁽⁸⁾ hiển hách, dân đều trông vào’. Giữ chức Tể tướng mà qua loa vậy sao!”

Tấn chư công tán chép: Đức tự Ngạn Tôn. Tư Mã Cảnh Vương làm phụ chính, gả con gái cho Đức. Vợ chết sớm, Văn Vương lại gả con gái cho Đức làm vợ cả, tức Kinh Triệu trưởng công chúa vậy. Hai vị Cảnh Vương-Văn Vương muốn tự liên kết với Quách Hậu, cho nên cho kết hôn nhiều. Đức đâu có tài học nhưng cung kính hoà mục. Chân Ôn tự Trọng Thư, cùng Quách Kiến và bọn Đức đều là họ hàng của Hậu, vì thế mà được sủng ái. Đầu năm Hàm Hi, phong Quách Kiến làm Lâm Vị huyện công, Đức làm Quảng An huyện công, thực ấp đều là một nghìn tám trăm hộ. Ôn vốn phong tước Hầu, bái làm Phụ quốc đại tướng quân, thêm chức Thị trung, lĩnh chức Xạ thanh hiệu úy; Đức làm Trấn quân Đại tướng quân. Năm Thái Thủy thứ nhất, nhà Tấn nhận ngôi trời, bái thêm cho ba người Kiến, Đức, Ôn vị Đặc tiến. Đức là người thật thà, lại là anh rể của Thế Tổ, vì thế được quý hiển ở đời. Đức tuổi già đổi sang làm quan Tông chính, chuyển làm Thị trung. Giữa năm Thái Khang, Đại tư mã Tê Vương là Du phải đi xa làm phiên vương, Đức và Tả vệ tướng quân Vương Tể cùng can gián, người bấy giờ đều khen họ. Thế Tổ vì thế trọng Đức, do đó cử Đức làm Đại hồng lư, bái thêm chức Thị trung, Quang lộc đại phu, rồi bệnh mất, tặng chức Trung quân đại tướng quân, Khai phủ, Thị trung như cũ, thụy là Cung Công, con là Hỉ nối tự. Hỉ là trong sạch có đức đẹp, làm qua chức Trung thư lang, Hữu vệ

tướng quân, Thị trung, vị đến chức Phụ quốc đại tướng quân, bái thêm chức Tán kị thường thị. Hỉ thân thiện với thân thích của nhà vua, nhưng qua sự biến của Triệu Vương là Luân và Tề Vương là Quýnh, không tham dự hội mưu, cũng do mình tài kém, nhưng cũng vì lạng im mà bị bãi quan.

Giữa năm Thanh Long, lại phong cho con của anh họ Hậu là Nghị và ba người em của Tượng đều được Liệt hầu. Nghị nhiều lần dâng sớ bày tỏ chính sự lúc bấy giờ, làm đến chức Việt kị hiệu úy. Giữa năm Gia Bình, lại phong cho hai người con của Sướng làm Liệt hầu. Cháu gái của anh Nghiễm của Hậu làm Hoàng hậu của Tề Vương; cha của Hậu đã mất, phong cho mẹ của Hậu làm Quảng Lạc Hương Quân.

Văn Đức Quách Hoàng hậu, người huyện Quảng Tông quận An Bình. Tổ tiên nhiều đời làm trưởng lại.

Ngụy thư chép: Cha là Vĩnh, làm đến Nam Quận Thái thú, thụy là Kính Hầu. Mẹ là Đồng thị, tức Đường Dương Quân, sinh ba con trai hai con gái: con trai cả là Phù, làm Cao Đường Lệnh; con gái thứ là Dục; con gái thứ nữa là Hậu; em trai của hậu là Đô, em trai là Thành. Hậu sinh vào ngày ất mao tháng ba năm Trung Bình thứ nhất thời nhà Hán, sinh ra có tướng khác thường.

Hậu thừa trẻ thì cha là Vĩnh cho là lạ, nói: “Đây là vua của đám đàn bà vậy”. Bèn lấy tên ‘Nữ Vương’ làm tên tự. Sớm mất cha mẹ, tang loạn li tán, vào ở nhà của Đồng Đê Hầu. Vào thời Thái Tổ làm Ngụy Công, được vào Đông cung. Hậu có trí xảo, nhiều lần có bày kế sách. Văn Đế được nối tự, Hậu có mưu vậy. Thái tử lên ngôi Vương, Hậu làm phu nhân; kịp lúc lên ngôi Đế, làm quý phi. Cái chết của Chân Hậu là do Hậu được sủng ái vậy. Năm Hoàng Sơ thứ ba, (năm 222 Công nguyên) sắp lên ngôi Hậu, Văn Đế muốn lập làm Hậu, Trung lang Sạn Tiêm dâng sớ nói: “Vào thời xưa bậc Đế vương thống trị thiên hạ, không chỉ nhờ bên ngoài giúp, mà cũng cậy bên trong đỡ, yên hay loạn do từ đó, thịnh hay suy cũng bắt nguồn từ đây. Cho nên Tây Lăng⁽⁹⁾ kết hôn Hoàng Đế, Anh-Nga đến bên Quy, đều vì hiền minh mà lưu tiếng thom thời trước. Kiệt bị đày đến Nam Sào, họa từ Mạt Hỉ; Trụ bày hình cột đầu để làm vui lòng Đát Kỷ. Cho nên bậc thánh triết cẩn thận lập vợ cả, phải chọn nhà quyền quý thời trước, lựa người hiền thực để trông coi sáu cung, cúng tế tông miếu, dạy bảo lễ giáo. Kinh Dịch chép: ‘Đạo nhà chính thì thiên hạ định’. Đây là phép hay của bậc Đế vương thời trước, nêu gương cho trong và ngoài vậy. Kinh Xuân thư chép tông nhân Hấn Hạ nói rằng: ‘Không dùng lễ lập nàng hầu làm phu nhân’. Tề Hoàn Công thế lệnh ở Quỳ Khâu cũng nói: ‘Không lấy nàng hầu làm vợ’. Nay hậu cung được sủng ái, thường theo xe ngựa; nếu vì được yêu mà lên ngôi Hậu, khiến kẻ thấp hèn thành tôn quý, thì thần sợ rằng đời sau ‘dưới lẫn trên suy’, mở dẫn vô phép, loạn từ trên nổi lên vậy”. Văn Đế không nghe, bèn lập làm Hoàng hậu.

Ngụy thư chép: Hậu dâng biểu tạ rằng: “Thiếp không có tiết nhún nhường của Hoàng-Anh, lại chẳng có cái đạo sửa trị của Khương-Nhâm, thực là không đáng để trao ngôi cao trông coi các phu nhân, gánh việc lớn ở hậu cung”. Hậu tự ở Đông cung, đến lúc lên ngôi vị, dầu có quý sủng nhưng ý càng cung kính, chăm sóc Vĩnh Thọ Cung, nổi tiếng có hiếu. Bấy giờ những quý nhân khác cũng được sủng ái, Hậu dạy bảo khích lệ họ. Các quý nhân ở hậu cung có lúc mắc lỗi lầm, thường xét kỹ họ, nếu đáng trách phạt thì liền kể rõ gốc ngọn cho Đế biết, Đế có lúc vì thế cả giận, lại vì họ mà cúi đầu xin tha tội, cho nên sáu cung không oán. Tính tiết kiệm, không ưa âm nhạc, thường ngưỡng mộ cách làm người của Minh Đức Mã Hoàng hậu thời nhà Hán.

Hậu sớm mất anh em, lấy anh họ là Biều nối thay nghiệp của Vĩnh, bái làm Phụng xa đô úy. Người thân bên họ ngoại của Hậu là Lưu Bùi kết hôn với người nước khác, Hậu nghe tin, răn rằng: “Những người thân thích lấy vợ, nên chọn người ngang hàng với quê quán nhà cửa, không được cậy thế mà bắt ép người khác kết hôn”. Con của chị Hậu là Mạnh Vũ về quê nhà lấy vợ bé, Hậu ngăn lại. Bèn lệnh các nhà rằng: “Ngày nay đàn bà ít, phải gả cho tướng sĩ, không được nhân cơ hội mà lấy làm vợ bé. Nên đâu tự cẩn thận, không được làm sai”.

Ngụy thư chép: Hậu thường răn bảo Biều, bọn Biều nói: “Người thân thích của nhà Hán ít kẻ tự trợn vện, đều do kiêu căng, nay ta không nên cẩn thận sao”!

Năm (Hoàng Sơ) thứ năm, (năm 224 Công nguyên) Đế đánh miền đông, Hậu lưu lại tại đài Vĩnh Thủy thành Hứa Xương. Bấy giờ mưa dầm hơn trăm ngày, nhiều thành lâu bị đổ, quan coi việc tấu xin dời chuyển. Hậu nói: “Ngày xưa Sở Chiêu Vương ra chơi, Trình Khương lưu lại ở Tiệm Đài, nước sông dâng, sứ giả đến đón mà không có tín phù, bèn không đi mà chết chìm. Nay Đế ở nơi xa, ta chưa có cái nạn ấy mà lại dời chuyển, sao được”? Bầy tôi chẳng ai dám nói nữa. Năm thứ sáu, Đế lại sang đông đánh Ngô, đến quận Quảng Lăng, Hậu lưu lại ở Tiêu cung; bấy giờ Biều ở lại bảo vệ, muốn ngăn nước bắt cá. Hậu nói: “Nước để thông đường vận chuyển, lại đang thiếu cây gỗ, bọn nô bộc không ở trước mắt, lại muốn lấy riêng tre gỗ của công để ngăn mương rạch. Nay làm Phụng xa còn chưa xong, há bắt cá được sao”?

Minh Đế lên ngôi, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh An Cung. Năm Thái Hòa thứ tư, (năm 230 Công nguyên) chiếu phong Biều làm An Dương Đình Hài, lại ban tước Hương hầu, tăng ấp cả năm trăm hộ lúc trước, chuyển làm Trung lữ tướng quân. Lấy con của Biều là Tường làm Kị đô úy. Năm đó, Đế truy thụy cha của Thái hậu là Vĩnh làm An Dương

hương Kính Hài, mẹ là Đồng thị làm Đô Hương Quân. Chuyên Biểu làm Chiêu đức tướng quân, ban thao tía vàng, vị Đặc tiến; bá con thứ hai của Biểu là Huấn làm Kị đô úy. Kịp lúc mẹ của Mạnh Vũ chết, muốn táng rộ, dựng miếu thờ, Thái hậu ngăn lại, nói: “Từ thời tang loạn đến nay, phần mộ không đâu không bị đào bới, đều là do táng rộ vậy. Lăng Thụ Dương nên lấy làm phép chuẩn”. Mùa xuân năm Thanh Long thứ ba, (năm 235 Công nguyên) Hậu băng ở Hứa Xương, dựng lăng theo chế lệnh; ngày canh dần tháng ba, táng ở phía tây lăng Thụ Dương.

Ngụy lược chép: Minh Đế đã thay lập, suy xét cái chết của Chân Hậu, cho nên Thái hậu lo lắng mà băng. Vào lúc Chân Hậu sắp mất, đem Đế gửi cho Lí phu nhân. Kịp lúc Thái hậu băng, Lí phu nhân bèn nói là Chân Hậu bị vu họa, không được thu liệm, xén tóc trùm mặt, Đế đau xót rơi lệ, sai liệm táng Thái hậu, đều như việc cũ của Chân Hậu.

Hán Tấn xuân thu chép: Lúc trước Chân Hậu bị giết là do Quách Hậu được sủng ái, đến lúc liệm, sai xén tóc trùm mặt, lấy vỏ trấu nhét vào miệng, rồi lập Quách Hậu, sai nuôi Minh Đế. Minh Đế biết, lòng thường mang hận, nhiều lần khóc hỏi cái chết của Chân Hậu. Quách Hậu nói: “Tiên đế tự bắt giết, sao lại trách hỏi ta? Vả lại mi là người con, đáng căm thù người cha đã mất, vì mẹ cũ mà giết uống mẫu hậu sao”? Minh Đế giận, bèn ép giết Hậu, sai người liệm như việc cũ của Chân Hậu.

Ngụy thư chép sách lệnh điều ai rằng: “Nghĩ về ngày nhâm thân tháng ba năm Thanh Long thứ ba, Hoàng thái hậu tể cung bắt đâu được liệm, đem táng ở lãnh phía tây lăng Thụ Dương. Kể làm con chịu tang Hoàng đế là Duệ cầm sách thư đưa tiễn tổ tiên, tự mình cúng tế, gõ đầu dấm ngực, kêu khóc ngẩng than, đau vì linh hồn bay về trời, buồn theo xe trên đường, ánh ‘tam quang’ cũng che lấp, đưa hậu về nơi suối vàng yên nghỉ. Than ôi thương thay! Ngày xưa hai vị phi gả cho họ Ngụy vì thế mà phép vua sáng rõ, ba người mẹ gả cho nhà Chu thì nêu cao tiếng tốt, đã nhận nhiều phúc lành, lại hưởng lộc lâu dài. Thương ôi mẹ hiền, sửa dựng giáo hóa, rồng bay cực đỉnh, hóa hợp thánh hoàng, không lo tuổi đời, bệnh nặng thân băng. Con nhỏ xót xa, côi cút tự buồn, hồn dẫu rời xa, ngẫm nghĩ nhớ mong! Than ôi thương thay”!

Đế phong Biểu làm Quan Tân Hài, tăng năm trăm hộ, gôm cả nghìn hộ lúc trước. Chuyên Biểu làm Phụ mã đô úy. Năm thứ tư, xét đổi phong Vĩnh làm Quan Tân Hài, vợ là Đồng thị làm Đường Dương Quân. Truy phong thụy anh của hậu là Phù làm Lương Lí đình Đái Hài; Đô làm Vũ Thành đình Hiếu Hài; Thành làm Tân Nhạc đình Định Hài, đều sai sứ giả đem sách lệnh đến, dùng đồ thái lao cúng tế. Biểu hoăng, con là Tường nối tự,

lại chia tước của Biều phong cho em của Tường là Thuật làm Liệt hầu. Tường hoẵng, con là Chiêu nối tự.

Minh Trác Mao Hoàng hậu, người quận Hà Nội. Giữa năm Hoàng Sơ được tuyển vào Đông cung, bấy giờ Minh Đế làm Bình Nguyên Vương, tiến dâng được sủng ái, ra vào cùng ng ồi xe kiệu. Kịp lúc lên ngôi Đế, lấy làm quý phi. Năm Thái Hòa thứ nhất, lập làm Hoàng hậu. Cha của Hậu là Gia, bái làm Kị đô úy, em của Hậu là Tăng, bái làm Lang trung.

Trước đây, Minh Đế làm Vương, mới lấy người quận Hà Nội là Ngu thị làm phi, lúc Đế lên ngôi, Ngu thị không được lập làm Hậu, Thái hoàng hậu là Biện Thái hậu vỗ v ề Ngu thị, Ngu thị nói: “Họ Tào ưa tự lập kẻ thấp hèn, không có ai có nghĩa mà được chọn vậy. Nhưng Hậu coi việc ở trong, vua nghe chính sự ở ngoài, cái đạo ấy dựa vào nhau mà thành; nếu không sửa nắn được thì chưa có ai được trọn vẹn cả. Cũng vì thế mà mất nước diệt tự thôi”! Ngu thị bèn bị đ ổi v ề Nghiệp cung. Bái Gia làm Phụng xạ đô úy, bái Tăng làm Kị đô úy, ban sủng hậu h ĩnh. Chốc lát, phong Gia làm Bác Bình Đình Hầu, chuyển làm Quang lộc đại phu, chuyển Tăng làm Phụ mã đô úy. Gia vốn là thợ làm xe, chợt được tôn quý, Minh Đế sai bày tiệc hội người nhà ăn yến, dáng vẻ cử chỉ của họ rất thô kệch, nói li ền tự bảo là ‘Hầu thân’, người thấy cho là đáng cười.

Tôn Thịnh nói: “Bạc Đế vương thời xưa đều phải tìm vợ hiền để nêu cao đức tốt, nắn phép vua như trong bài Quan thư⁽¹⁰⁾, sửa phong tục như ở bài Lân chí⁽¹¹⁾. Kịp đến thời ba vị vua cuối, làm loạn nối tự, nghĩa tình chìm đắm, quyền rơi vào kẻ được sủng ái, quý và hèn không phân rõ, dưới lẫn trên suy, hưng suy thịnh phế, đều do ở đó. Nhà Ngụy từ thời Vũ Vương cho đến thời Liệt Tổ⁽¹²⁾, lập ba Hoàng hậu đều xuất thân từ nhà hèn kém; gốc đã thấp kém, sao mà lâu dài được? Kinh Thi chép: ‘Vải thừa vải mỏng, gió thổi lạnh ghê’⁽¹³⁾. Là nói về việc ấy chẳng”!

Sau lại bái Gia vị Đặc tiến, bái Tăng chuyển làm Tán kị thị lang. Năm Thanh Long thứ ba, Gia hoẵng, truy tặng chức Quang lộc đại phu, đổi phong An Quốc Hầu, tăng ấp năm trăm hộ, g ồm cả nghìn hộ lúc trước, thụy là Tiết Hầu. Năm thứ tư, truy phong mẹ của Hậu là Hạ thị làm Dã Vương Quân.

Vào lúc Đế sủng ái Quách Nguyên hậu, càng ít sủng ái Hậu. Năm Cảnh Sơ thứ nhất, (năm 237 Công nguyên) Đế chơi ở vườn sau, gọi từ bậc Tài nhân trở lên dự yến bày nhạc, Nguyên Hậu nói: “Nên mời Hoàng hậu”. Đế

không nghe, bèn cấm tả hữu, sai không được nói ra. Hậu biết được, hôm sau Đế gặp Hậu, Hậu nói: “Hôm qua ăn chơi ở vườn bắc có vui không”? Đế cho là tả hữu tiết lộ việc này, giết mất hơn mười người, lại bắt Hậu phải chết, nhưng vẫn ban thụy, táng ở Mẫn Lăng. Chuyển Tăng làm Tấn kị thường thị, sau lại chuyển làm Vũ lâm hōi bōn trung lang tướng, Nguyên Vũ điền nông.

Minh Nguyên Quách Hoàng hậu, người quận Tây Bình, nhà nhiều đời là hào tộc ở miền Hà Hữu. Giữa năm Hoàng Sơ, bản quận phản loạn, bèn bắt vào cung. Minh Đế lên ngôi, rất được sủng ái, bái làm phu nhân. Chú ruột là Lập làm Kị đô úy, chú họ là Chi làm Hōi bōn trung lang tướng. Đế bệnh nặng, bèn lập làm Hoàng hậu. Tề Vương lên ngôi, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh Ninh Cung, truy phong thụy cha của Thái hậu là Mẫn làm Tây đô Định Hầu, lấy con của Lập là Kiến thay tước ấy. Phong mẹ của Thái hậu là Đỗ thị làm Cáp Dương Quân. Chuyển Chi làm Tấn kị thường thị, Trường thủy hiệu úy,

***Ngụy lược chép:** Trong những người họ Quách, Chi là người thẳng thắn nhất. Lúc trước tự có công khác mà được phong Hầu.*

chuyển Lập làm Tuyên đức tướng quân, đầu phong Liệt hầu. Anh của Kiến là Đức ra chăm sóc Chân thị. Đức và Kiến đều làm Trấn hộ tướng quân, đầu phong Liệt hầu, cùng nắm quân Túc vệ. Gặp lúc ba vị vua nhỏ đại⁽¹⁴⁾, tể tướng nắm quyền, tranh cướp quyền lớn, đều bẩm báo với Thái hậu trước rồi mới làm việc. Vào lúc bọn Quán Khâu Kiệm, Chung Hội làm loạn, đầu mượn lệnh của Hậu để làm lời lẽ vậy. Tháng mười hai năm Cảnh Nguyên thứ tư (năm 263 Công nguyên) thì băng; tháng hai năm thứ năm, táng ở phía tây lăng Cao Bình.

***Tấn thư công tán chép:** Kiến tự Thúc Thủy, có tài năng mà cứng cỏi, giữa năm Thái Thủy thì bệnh hoẵng; con là Hōi nōi tự, làm Cáp sự trung.*

Bình rằng: Người nhà của Hậu phi nhà Ngụy, đầu nói là tôn quý nhưng không có cơ hội nắm quyền như thời nhà Hán suy kém, do tể tướng chuyên quyền cả. Soi xét phép cũ, như thế là tốt rồi. Lại nhớ lời bàn của Trần Quân, lời luận của Sạn Tiềm cũng đủ để làm tấm gương cho các vị vua, truyền phép tắc cho đời sau vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) Hai vị phi tần gả cho họ Quy: chỉ hai con gái của vua Nghiêu là Nga Hoàng và Nữ Anh gả cho vua Thuấn họ Ngụ ở bên Quy.

(2) Nhâm-Tự kết theo họ Cơ: Nhâm tức Thái Nhâm, con gái của họ Chí Nhâm, Tây Bá là Cơ Quý Lịch lấy làm phi, sinh ra Chu Văn Vương; Tự tức Thái Tự, con gái của họ Hữu Sơn, Chu Văn Vương lấy làm phi, sinh ra Chu Vũ Vương.

(3) Tử Tu và Thanh Hà trưởng công chúa: Tử Tu tức Tào Ngang tự Tử Tu cùng với Thanh Hà trưởng công chúa là anh em cùng cha mẹ là Vũ Đế Tào Tháo và Lưu phu nhân. Thanh Hà trưởng công chúa không rõ tên, gả cho Hạ Hầu Mậu.

(4) Tử Tu chết ở huyện Nhưống: theo Vũ Đế kể, Tử Tu chết trận ở thành huyện Uyển.

(5) Nhị nam: chỉ hai bài thơ Chu nam và Thiệu nam trong kinh Thi.

(6) Hậu thổ: chỉ thần đất.

(7) Xưa kia họ Cao Tân bói biết rằng con của bốn người phi đều có được thiên hạ, thế rồi Đế Chí, Đào Đường, Thương, Chu thay nhau: Đế Khốc họ Cao Tân bói cho con của bốn người vợ rằng: vợ cả là bà Khương Nguyên sinh ra Hậu Tắc là tổ của nhà Chu; vợ thứ hai là bà Giản Địch sinh ra Tiệt, là tổ của nhà Thương; vợ thứ ba là bà Trần Phong sinh ra Đế Nghiêu nhà Đào Đường; vợ thứ tư là bà Tu Tí, sinh ra Đế Chí.

(8) Sư doãn: chỉ quan Tể tướng, còn gọi là Sư phó, Thái sư.

(9) Tây Lăng: chỉ bà Luy Tổ, là con gái của họ Tây Lăng, gả cho Hoàng Đế.

(10) Quan thư: một bài thơ trong kinh Thi.

(11) Lân chỉ: một bài thơ trong kinh Thi.

(12) Liệt Tổ: chỉ Ngụy Minh Đế, thụy là Liệt Tổ Minh Hoàng Đế.

(13) Kinh Thi chép: ‘Vải thừa vải mỏng, gió thổi lạnh ghê’: ý nói vợ kẻ hèn kém thì nhà cũng suy kém như vải thừa thì gió thổi vào thì lạnh.

(14) Ba vị vua nhỏ dại: chỉ ba vị vua cuối của nhà Ngụy là Tào Phương, Tào Mao, Tào Hoán.

QUYỂN 6 - ĐỒNG NHỊ VIÊN LƯU TRUYỆN

Đồng Trác, Lý Thôi, Quách Dĩ, Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Biểu.

ĐỒNG TRÁC TRUYỆN

Đồng Trác tự Trọng Đình, người quận Lũng Tây huyện Lâm Thao.

Anh hùng ký chép: Cha Trác là Quân Nhã, làm chức quan nhỏ là Huyện úy ở huyện Luân Thị quận Dĩnh Xuyên. Có ba người con trai: Con trưởng là Tử Trác, tự Mạnh Cao, chết sớm; con thứ là Trác; em Trác là Mân tự Thúc Đình

Trác thuở nhỏ thích làm hiệp khách, thường du ngoạn ở Khương Trung, kết giao với hết thảy những kẻ hào kiệt ở đó. Sau này Trác về cày ruộng, mà những kẻ hào kiệt vẫn đến chơi, Trác dẫn về cùng, giết trâu cày cùng nhau ăn uống vui vẻ. Bọn hào kiệt cảm cái tình ấy, quay về thu gom, được hơn nghìn đấu súc vật các loại đem tặng Trác.

Ngô thư chép: Quận triệu Trác đến làm Lại, sai giám sát đám đạo tặc. Rợ Hồ thường kéo ra cướp bóc, nhiều lần bắt bớ dân lành, Thứ sử Lương châu quyết định vời Trác đến cho làm Tông sự, sai lĩnh quân kỵ lùng bắt thảo phạt chúng, đại phá giặc, chém được mấy nghìn tên. Thứ sử Tinh châu là Đoàn Quynh tiến cử Trác vào công phủ, Tư đồ Viên Ngỗi vời Trác đến làm Duyện.

Năm cuối đời Hoàn Đế nhà Hán, vì Trác là con nhà lành ở sáu quận Lương Châu nên được cử làm Vũ Lâm lang. Trác có vũ lực, sức khoẻ ít ai bì, hai vai đeo hai túi tên, bắn cung cả hai tay. Được làm Quân tư mã, theo Trung lang tướng Trương Hoán chinh chiến ở Tinh châu có công, được bái làm Lang trung, ban cho chín nghìn xấp lụa, Trác đem chia hết cả cho quân sĩ. Rồi được thăng làm Quảng Vũ lệnh, Bắc bộ Đô úy Thục quận, Mậu kỵ Hiệu úy Tây Vực, rồi bị bãi chức. Sau lại được vời đến bái làm Thứ sử Tinh châu, Thái thú Hà Đông, rồi thăng làm Trung lang tướng, đánh dẹp Hoàng Cân, thua quân đáng tội.

Anh hùng ký chép: Trác mấy lần đánh dẹp người Khương-Hồ, trước sau hơn trăm trận.

Bọn Hàn Toại khởi sự ở Lương Châu, Trác được phục chức Trung Lang tướng, chống cự Toại ở phía Tây. Ở Vọng Viên Hiệp Bắc, Trác bị mấy vạn người Khương-Hồ vây hãm, lương thực thiếu thốn. Trác vội làm ra vẻ muốn bắt cá, cho đắp một cái đập để ngăn nước lại thành cái ao, khiến

nước đọng đầy mấy chục dặm, lại lảng lạng lần theo đập đất ấy vượt qua quân bên kia rồi tháo đập nước. Lúc quân Khương Hồ hay tin liền đuổi theo, nước quá sâu, không qua được. Bấy giờ sáu cánh quân ở trên Lũng Tây, thì năm cánh quân bại trận, mình quân của Trác được toàn vẹn trở về, đóng ở Phù Phong. Trác được bái làm Tiền tướng quân, phong tước Hương hầu, rồi được vời về làm Tinh châu mục.

Linh Đế kỷ chép: Năm Trung bình thứ năm, cho vời Trác vào làm Thiếu phủ, sắc mệnh cho quan lại tướng sĩ trong quân doanh của Trác đều thuộc quyền Tả tướng quân Hoàng Phủ Tung, đến làm việc ở dinh sở. Trác dâng lời rằng: “Lương châu nhiễu loạn, kinh nghệ⁽¹⁾ chưa bị diệt, ấy là lúc kẻ bầy tôi phải gắng hết sức mình để báo đền. Nay quan binh đang hăng hái, mến ân nghĩa nghĩ cách mà báo đáp, mọi người đều nín giữ xe của thần lại, bày tỏ những lời khẩn khoản xót xa, thần chưa thể lập tức lên đường. Thần xin được tạm coi việc Hành Tiên tướng quân, hết lòng yên ủi sĩ tốt, gắng sức ra trận.” Năm thứ sáu, lấy Trác làm Tinh châu mục, lại mệnh cho quan binh làm thuộc hạ Hoàng Phủ Tung. Trác lại dâng lời: “Thần chấp chưởng việc binh nhưng đã mười năm, sĩ tốt lớn nhỏ, quen nhau đã lâu, quyến luyến cái ân nuôi dạy của thần, một mai có mệnh, thần nguyện vì quốc gia mà gắng sức, nay xin được làm tướng ở trong châu, ra sức ở nơi biên thùy.” Trác lại trái chiếu mệnh, vừa đúng lúc Hà Tiến triệu Trác về.

Linh Đế băng hà, Thiếu Đế lên tức vị. Đại tướng quân Hà Tiến cùng với Tư lệ Hiệu úy Viên Thiệu mưu tru diệt bọn yêm hoạn, Thái hậu không nghe. Tiến bèn cho triệu Trác sai dẫn binh tới kinh sư, lại mật lệnh cho quan Thượng thư rằng: “Bọn Trung thường thị Trương Nhượng trộm cầu được ân sủng, gây loạn làm vẩn đục khắp bốn cõi. Xưa kia Triệu Uởng phát động quân đội ở Tấn Dương, để đánh đuổi kẻ ác ở cạnh quân vương. Thần xin được khua triêng gióng trống kéo đến Lạc Dương, lập tức đánh dẹp bọn Nhượng.” Ý Thiệu muốn lấy việc đó để uy hiếp bức bách Thái hậu. Song Trác chưa đến nơi, Tiến đã chết.

Tục Hán thư chép: Tiến tự Toại Cao, người Nam Dương, là anh em khác mẹ với Thái hậu. Tiến vốn là con nhà đồ tể, cha là Chân, sau khi Chân chết, Tiến đem em gái cậy nhờ Hoàng môn được vào chốn dịch đình, được ân sủng, năm Quang Hoà thứ ba được lập làm Hoàng hậu, Tiến bởi thế được quý hiển. Năm Trung bình nguyên niên, Hoàng cân nổi dậy, triều đình bái Tiến làm Đại tướng quân.

Diễn lược chép lại bài biểu của Trác rằng: “Thần cúi xuống nghĩ rằng thiên hạ sở dĩ có kẻ ngỗ nghịch không ngừng, đều là do bọn Hoàng môn Thường thị Trương Nhượng khinh mạn đạo trời, thao túng vương mệnh, cha con anh em hần đều chiếm châu giữ quận, mọi thư tín ra khỏi cửa, bạc vàng gửi đến, mấy

trăm vạn mảnh đất màu mỡ ở các quận ở kinh kỳ đều thuộc về bọn Nhưượng, khiến cho oán khí bốc cao, yêu tặc bùng lên. Thân trước đây phụng chiếu đánh dẹp Vu Phu La, tướng sĩ đói khát, chẳng thể vượt sông, chúng đều nói muốn đến kinh sư trước tiên tru diệt bọn yêm hoạn để trừ cái hại cho dân, sau tới nơi phú quý cầu lấy của cải. Thân tuy cơ an uỷ phũ dụ, mãi mới được yên. Thân nghe nói muốn nước ngừng sôi, chẳng gì bằng đập lửa rút củi, ung nhọt vỡ dù đau, còn hơn nuôi nó trong bắp thịt, lúc chết đuối mới gọi thuyền, hối sao cho kịp.”

Bọn Trung Thường thị Đoàn Khuê đoạt lấy Đế dẫn chạy ra bến đò Tiêu Bình, Trác liễn dẫn binh đi đón Đế ở Bắc Mang, rấ hấ giá về cung.

Hán ký của Trương Phan chép: Đế bị bọn Hoàng môn cướp đi vào ngày Canh Ngọ tháng tám, phải đi bộ ra Cốc môn, rồi chạy tới thượng lưu Hoàng Hà. Bọn Hoàng môn phải lao đầu xuống sông chết cả. Bấy giờ Đế được mười bốn tuổi, Trần Lưu Vương mới chín tuổi, anh em đi bộ một mình trong đêm lân về cung, đến tờ mờ sáng, cứ theo ánh đom đóm mà đi, qua mấy dặm, được một nhà dân dùng xe chở đi. Nỗi cay đắng kể sao cho hết, các công khanh thuộc hạ và Trác cùng đón được Đế ở dưới sườn núi Bắc Mang.

Hiên Đế xuân thu chép: Trước đó có câu đồng dao rằng: “Hầu chẳng ra hầu, vương chẳng ra vương, nghìn xe vạn kỵ chạy ra Bắc Mang”. Trác bấy giờ vừa mới đến, đóng quân ở Dương Uyển. Nghe nói Đế đang về, bèn dẫn binh sĩ đi đón Đế.

Diễn lược chép: Đế trông xa thấy quân của Trác thì chảy nước mắt. Các quan bảo Trác rằng: “Có chiếu lui binh.” Trác nói: “Các quan là đại thần của quốc gia, chẳng thể phù giúp được vương thất, đến nỗi khiến cho quốc gia phải chao đảo ngã nghiêng, sao lại có chuyện lui binh được!” Bèn cùng kéo hết cả vào trong thành.

Hiên đế kỷ chép: Trác và Đế nói chuyện, Đế chẳng nói được câu nào, Trác bèn đổi sang nói chuyện với Trần Lưu Vương, hỏi hoạ loạn do đâu mà nổi lên; Vương đáp, từ đời xưa đến giờ, chẳng có điều gì là còn mất cả. Trác cả mừng, bèn có ý phế lập.

Anh hùng ký chép: Trung bộ huyện Hà Nam là Mẫn Công giúp Đế cùng Trần Lưu Vương thượng lộ đến trấn Lạc Xá thì dừng lại. Đế một mình một ngựa, Trần Lưu Vương cùng với Công ngồi chung một ngựa, từ trấn Lạc Xá đi về phía Nam. Công khanh trăm quan phụng đón ở dưới sườn núi Bắc Mang, cố Thái úy Thôi Liệt đi trước dẫn đường. Trác dẫn mấy nghìn quân bộ kỵ đến nghênh đón, Liệt cho người ra bắt tránh đi, Trác chửi Liệt rằng: “Ta đi sớm tới ba trăm dặm đến đây, sao nói rằng tránh ra, ta chẳng thể chặt được đầu ngươi hay sao?” Rồi tiến lên diện kiến Đế nói rằng: “Bệ hạ đã lệnh cho bọn Thường thị tiêu hoàng môn tác loạn như vậy, phải nhận lấy cái hoạ bại vong, mỗi lo ấy chẳng nhỏ đâu?” Lại đi tới chỗ Trần Lưu Vương, nói: “Ta là Đồng Trác đây, để ta bế xuống nào.” Bèn bế vương từ trong lòng Công.

Anh hùng ký lại chép: Một bản khác ghi rằng Vương không cho Trác bễ, Trác và vương một người một ngựa mà đi.

Bấy giờ em của Tiến là Xa kỵ tướng quân Hà Miêu đã bị quân sĩ của Tiến giết, thuộc hạ của Tiến và Miêu không biết theo ai, đầu đến cả chỗ Trác.

Anh hùng ký nói rằng: Miêu, là anh cùng mẹ với Thái hậu, mẹ Miêu trước kia xuất giá lấy con trai họ Chu. Tướng thuộc hạ của Tiến là Ngô Khuông, tổ cáo là Miêu cùng với Tiến không đồng tâm, lại ngờ là Miêu cùng với hoạn quan có âm mưu thông đồng, bèn ra lệnh trong quân rằng: “Kẻ giết Đại tướng quân, chính là Xa kỵ vậy.” Rồi dẫn binh cùng với em của Trác là Mân chung sức vây đánh giết chết Miêu ở dưới cửa khuyết Chu tước.

Trác lại sai Lã Bố giết chết Chấp kim ngô Đinh Nguyên, thu g ãm binh sĩ ấy, cho nên binh quy ền ở kinh đô chỉ ở tay Trác.

Cửu châu xuân thu chép: Trác mới vào Lạc Dương, quân bộ kỵ chẳng quá ba nghìn người, tự hiềm rằng binh ít ỏi, chẳng khiến cho xa gần phục; được chừng bốn năm ngày, Trác bèn cứ đến đêm thì sai binh ra khỏi cửa thành, sáng hôm sau lại xếp thành hàng trận g ã trông đi vào, báo với mọi người rằng “binh phía tây lại vào đến Lạc Trung”. Mọi người chẳng hề hay biết, cho rằng không thể thắng nổi binh của Trác.

Trước đó, Tiến phái Kỵ đô úy ở Thái Sơn là Bảo Tín đi mộ binh ở các vùng phụ cận, vừa về đến nơi, Tín báo Thiệu rằng: “Trác nắm giữ đám binh mạnh, có chí khác, nay ta chẳng sớm lo toan đi, sau này sẽ khó kiềm chế được; Lúc Trác mới đến đây hãy còn mỗi một, ta tập kích có thể bắt được.” Thiệu sợ Trác, không dám phát động binh lính, Tín bèn quay về quê.

Đạo ấy đã lâu trời không mưa, Đế xuống chiếu bãi miễn chức Tư không của Lưu Hoảng cho Trác lên thay, không lâu lại thăng Trác làm Thái úy, ban cho Giả tiết việt và quân hồ bôn. Sau Trác phế Đế làm Hoảng Nông vương. Lại cho tìm giết Vương và Hà thái hậu. Lập con nhỏ của Linh đế là Trần Lưu Vương, đó là Hán Hiến Đế.

Hiến đế kỷ chép: Trác mưu toan phế Đế, hội quần thần ở chôn triều đường, bàn rằng: “Trên hết là đạo trời đất, thứ đến đạo quân thần, đó gọi là trị. Nay hoàng đế ảm nhược, chẳng thể phụng thừa tông miếu, làm chủ thiên hạ được. Ta muốn chiếu theo việc của Y-Hoắc ngày trước⁽²⁾, lập Trần Lưu Vương, ý ấy thế nào?” Thượng thư Lư Thực nói: “Xét kinh Thượng thư khi Thái Giáp lên ngôi đã bắt mình, Y Doãn mới đuổi ra Đông Cung. Xương Ấp lên ngôi vương có hai mươi bảy ngày, mắc hơn nghìn tội, cho nên Hoắc Quang mới phế bỏ đi. Nay Kim

thượng đang còn trẻ tuổi, hành vi chưa có gì sơ suất, chẳng thể so với việc ngày trước được.” Trác giận, rời khỏi chỗ ngồi, muốn giết Thực, quan Thị Trung là Sái Ung khuyên giải, Thực được thoát. Tháng chín ngày Giáp Tuất, Trác lại mở đại hội quần thần nói: “Hà thái hậu bức bách Vĩnh lạc thái hậu⁽³⁾, khiến người lo lắng mà chết, làm rối loạn cái lễ mẹ chồng nàng dâu, không có đức hiếu thuận. Thiên tử còn thơ ấu, yếu mềm chẳng thể làm vua. Xưa kia Y Doãn đuổi Thái Giáp, Hoắc Quang phế Xương Ấp, việc đã nêu rõ trong điển tịch, mọi người cho rằng thế là đúng. Nay Thái hậu nên như Thái Giáp, Hoàng đế nên như Xương Ấp. Trần Lưu vương là bậc nhân hiếu, nên lập tức tôn lên làm Hoàng đế.”

Hiển đế khởi cừ chú chép lại tờ sách mệnh ấy rằng: “Đức Hiếu Linh hoàng đế chẳng thọ lâu dài ở ngôi cao tông, sớm lìa bỏ thần dân. Hoàng đế lên nối nghiệp cha, hải nội nghiêng mắt ngóng trông, nhưng Đế thiên tư khinh bạc, uy nghi chẳng kính cẩn, lúc cư tang lười biếng khinh nhờn, ác đức đã rõ, nét xấu vang danh, tổn nhục thân khí, vậy hẳn tông miếu. Hoàng thái hậu không đáng bậc mẫu nghi, thống quản làm chính sự rối loạn. Việc Vĩnh Lạc thái hậu đột ngột băng hà, mọi người còn ngờ hoặc. Đạo tam cương, giềng mối trời đất, đã bị khiếm khuyết, đó là tội lớn vậy. Trần Lưu Vương tên Hiệp, thánh đức cao đẹp lạ thường, khuôn phép đúng mực, rộng lòng với kẻ dưới thẳng thắn với người trên, có dáng vẻ của vua Nghiêu; cư tang xót thương, nói năng chính đáng; còn nhỏ mà rất có khí phách, thành ý đủ đầy. Danh thơm tiếng tốt, thiên hạ nơi nơi đều biết rõ, xứng đáng kế thừa hồng nghiệp, làm rạng rỡ truyền thống vạn đời, có thể lên kế thừa tông miếu. Nay phế Đế làm Hoàng Nông Vương. Hoàng thái hậu phải trao trả quyền chính.” Thượng thư đọc sách mệnh xong, quần thần chẳng ai nói năng gì, Thượng thư Đinh Cung nói: “Trời gây họa cho nhà Hán, tang tóc loạn lạc ngày càng nhiều. Xưa kia Sái Trọng phế Hốt lập Đột⁽⁴⁾, việc quyền biến ấy thời Xuân Thu đã có. Nay các đại thần cân nhắc nên vì xã tắc, thực hợp lòng trời thuận ý người, xin hô vạn tuế.” Trác thấy Thái hậu bị phế, cho công khanh lôi xuống dưới cũi bỏ y phục, đến lúc chết, Thái hậu chỉ mặc áo trắng mà thôi.

Trác được phong là Tướng quốc, tước My hầu, khi vào triều lay không phải xưng danh, được mang kiếm lên thượng điện, tiếp đó lại phong mẹ Trác làm Trì dương quân, thiện tiện bày trí quan nha, phủ thừa. Trác lĩnh binh kéo đến, đúng lúc hoàng thất đại loạn, được chuyên quyền phế lập, nắm giữ quốc khố giáp binh, những đồ quốc gia trân bảo, uy chấn thiên hạ. Trác sinh tính tàn nhẫn bất nhân, dùng đến nghiêm hình bức hiếp mọi người, những ai nhếch mắt lườm nguýt hay có hiềm khích tất bị báo thù, mọi người chẳng ai đứng ra gánh đỡ.

Nguy thư chép: Trác đòi hỏi không cùng, nói với tân khách rằng: “Ta làm tướng, quý hiển không thể hơn được.”

Anh hùng ký chép: Trác đang muốn ra oai, lúc quan Thị ngự sử thấy long tông nhiều nhường đến chỗ Trác bầm bạch, không cỏi bỏ kiếm ra, Trác bèn đứng ngay dậy đánh rồi giết đi, kinh sư chấn động. Trác cho đào áo quan của Hà Miêu, vớt thi thể ra ngoài, bầm xác vứt bỏ ở ven đường. Lại bắt mẹ Miêu là Vũ Dương quân đem giết đi, vứt thi thể vào trong vườn thú Chỉ Lạc, chẳng ai dám thu nhặt.

Trác từng phái quân đến Dương thành. Bấy giờ vừa đến ngày xā tháng hai⁽⁵⁾, dân các nơi kéo về miếu thổ địa, tất cả nam nhân đều bị lính của Trác bắt đem ra chặt đầu, đóng lên xe trâu, lại cho chở hết phụ nữ cùng với tài vật về, đem các đầu bị chặt ấy buộc ở cang và trục xe, các xe nối cang nhau quay về Lạc Dương, kêu rằng đánh giặc đại thắng, mọi người hô vang vạn tuế. Rồi cho mở cổng thành, thiêu đốt hết các đầu ấy, đem phụ nữ cho binh lính làm tì thiếp. Đến như việc gian loạn với cung nhân công chúa Trác cũng làm. Sự hung nghịch đến mức như thế.

Ban đầu, Trác tin dùng bọn Thượng thư Chu Bí, Thành môn Hiệu úy Ngũ Quỳnh, trọng dụng tiến cử bọn Hàn Phúc, Lưu Đại, Khổng Trụ, Trương Tư, Trương Mạc cho họ ra ngoài làm tướng cai quản các châu quận. Nhưng khi bọn Phúc đến nhận chức, đều tập hợp binh tướng để đánh lại Trác. Trác nghe tin, cho rằng bọn Bí, Quỳnh nhất ý thông đồng nhau có ý đồ hại mình, đầu đem ra chém đi

Anh hùng ký chép: Bí tự Trọng Viễn, người ở Võ Uy. Quỳnh tự Đức Du, người ở Nhữ Nam .

Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Ngũ Phu tự Đức Du, còn trẻ đã có khí tiết lớn lao, làm Môn hạ Thư tá ở quận. Viên trưởng ấp của Phu có tội, quan Thái thú sai Phu tới truyền mệnh, ra lệnh cho bọn thủ hạ là Đốc bưu bắt lấy. Phu không chịu vâng mệnh, nằm phục xuống đất ngẩng mặt lên can rằng: “Vua dù không ra vua, bây tôi không thể không là bây tôi được, mình phủ sao lại bắt cho Phu phải vâng lời, để ra lệnh cho người ngoài đến bắt ấp trưởng của mình được? Xin hãy trao việc ấy cho người khác.” Thái thú ngạc nhiên nhưng chấp thuận lời ấy. Về sau Đại tướng quân Hà Tiến cho vời Phu vào làm Đông tào chúc, ít lâu lại thăng làm Thị trung, Hà Nam doãn, Việt kỵ Hiệu úy. Đồng Trác gây loạn, trăm quan run sợ. Phu mặc chiếc áo giáp nhỏ, lúc vào triều giấu bội đao trong mình đến gặp Trác, muốn dò xét để thừa dịp đâm chết Trác. Lúc nói chuyện xong Phu cáo từ ra về, Trác đưa ra đến giữa cửa nách, Phu nhân đó rút đao đâm Trác. Trác rất khỏe, lùi lại không bị trúng đao, lập tức bắt lấy Phu. Trác hỏi: “Người muốn làm phản sao?” Phu kêu to rằng: “Mày chẳng phải là vua của tao, tao không phải bây tôi của mày, sao nói là làm phản? Mày làm loạn nước cướp quyền của chủ, tội ác ngập đầu, hôm nay là ngày ta chết, cho nên đến giết thẳng gian tặc đi

vậy, hận là chẳng xé xác được mày ở chốn triều đường để tạ thiên hạ.” Trác bèn giết Phu.

Tạ Thừa chép Phu sinh ở bản quận, thì là ở cùng chỗ với Quỳnh, mà xem ra cái việc chết lại khác với cái chết của Phu, chẳng biết Phu là tên khác của Quỳnh, hay Ngũ Phu là một người khác? Điều ấy chưa được rõ ràng vậy⁽⁶⁾.

TRUYỆN VIÊN THUẬT

Viên Thuật tự Công Lộ, là con của Tư không Phùng, em họ của Thiệu vậy. Vì hào hiệp mà nổi tiếng. Cử hiếu liêm, bá làm Lang trung, làm qua các chức ở trong ngoài, sau đó làm Chiết xung hiệu úy, Hồ bôn trung lang tướng. Vào lúc Đồng Trác muốn phế đế, lấy Thuật làm Hậu tướng quân; Thuật cũng sợ cái họa từ Trác, chạy ra quận Nam Dương. Kịp lúc Trường Sa Thái thú Tôn Kiên giết Nam Dương Thái thú Trương Tư, Thuật chiếm được quận ấy. Nam Dương có mấy trăm vạn dân hộ, nhưng Thuật xa xỉ phóng túng, trưng thu vô độ, trăm hộ bị khổ. Rồi gây hiềm với Thiệu, lại không bằng lòng với Lưu Biểu mà liên kết với Công Tôn Toàn ở phía bắc; Thiệu cũng không hòa với Toàn mà liên kết với Lưu Biểu ở phía nam. Anh em họ trắc trở, bỏ gầy theo xa như thế.

Ngô thư chép: Bấy giờ người bàn cho là Linh Đế vô đạo khiến cho thiên hạ phản loạn, vua nhỏ trẻ dại, bị tắc thần dựng lập, lại không biết là do bà mẹ nào sinh ra. U châu mục là Lưu Ngu vốn có đức trọng, bọn Thiệu muốn lập Ngu để làm yên thời cuộc, sai người báo cho Thuật. Thuật thấy nhà Hán suy kém, ngầm mang chí khác, cho nên ngoài mặt mượn lời bàn của mọi người để chống lại ý của Thiệu. Thiệu lại gửi thư cho Thuật rằng: “Trước đây cùng với Hàn Văn Ước mưu dựng đạo lâu dài, muốn cả nước được thấy lại bậc chúa trung hưng. Nay miên tây mượn tiếng là có vua nhỏ nhưng không phải là dòng dõi chính thống, công khanh trở xuống đều hòa theo Trác, sao đáng tin được! Chỉ cần sai quân đến đóng giữ nơi quan ải, tất khiến cho chúng đều tự chết khốn ở miên tây thôi. Ta lập vua mới ở miên đông, mới mong thái bình, sao còn ngờ chi! Lại nữa người nhà bị giết, há chẳng nên nghĩ đến mối thù của Ngũ Tử Tư mà ngoảnh mặt về phía bắc (Z) sao? Trái mệnh trời là không hay, mong hãy nghĩ kỹ”. Thuật đáp nói: “Vua nhỏ thông minh, có khí chất của Chu Thành Vương. Tên giặc Trác nhân buổi nguy loạn mà ép buộc trăm quan, đây là mối nguy nhỏ của nhà Hán mà thôi. Nay loạn vẫn chưa dứt mà lại dấy loạn nữa? Lại nói là ‘không phải là dòng dõi chính thống’, há chẳng xằng bậy sao! Từ thời tổ tiên đến nay, dẫu thời loạn nổi nhau nhưng vẫn lấy trung nghĩa làm đầu. Thái phó nhân từ rộng lượng, dẫu biết giặc Trác tất gây họa hại nhưng vì tổ tín nghĩa mà không nỡ bỏ đi vậy. Người nhà bị diệt, chết chóc lưu li, ta may được người gần xa đến cứu giúp, nếu

không nhân lúc này, trên đánh giặc ác, dưới báo thù nhà mà lại mưu việc ấy, là điều không nên vậy. Lại nói: ‘Người nhà bị giết, nên ngoảnh mặt về phía bắc’, đây là việc mà Trác làm, há vì nhà nước sao? Mệnh vua là trời vậy, không nên thù trời, huống chi là mệnh vua đây! Ta chỉ giữ lòng son, có chí diệt Trác, không biết ý khác”.

Dẫn quân vào quận Trậ̀n Lưu; Thái Tổ cùng Thiệu hợp sức đánh, đại phá quân của Thuật, Thuật đem quân còn sót chạy đến quận Cửu Giang, giết Dương Châu Thứ sử Trậ̀n Ôn, lĩnh châu ấy;

Thần là Tùng Chi xét: Anh hùng kí chép: “Trậ̀n Ôn tự Nguyên Đễ, người quận Nhữ Nam. Lúc trước làm Dương châu Thứ sử, tự bệnh chết. Viên Thiệu sai Viên Di lĩnh châu, nhưng thua chạy đến nước Bái, bị quân sĩ giết. Viên Thuật lại dùng Trậ̀n Vũ làm Dương châu Thứ sử. Vũ tự Công Vĩ, người quận Hạ Bì. Vũ đã lĩnh châu thì Thuật thua ở Phong Khâu, xuống phía nam đến huyện Thọ Xuân; Vũ chống Thuật mà không thu nạp. Thuật lui về giữ huyện Âm Lăng, rồi hợp quân đánh Vũ, Vũ sợ chạy về Hạ Bì”. Như thế thì Ôn không bị Thuật giết, không giống với truyện gốc.

lấy bọn Trương Huân-Kiêu Nhụy làm Đại tướng quân. Lí Thôi vào Trậ̀ng An, muốn kết Thuật làm ngoại viện, lấy Thuật làm Tả tướng quân, phong Dương Trạch Hậ̀i, Giả tiết, sai Thái phó Mã Nhật Đê nhân đi tuậ̀n mà bái phong; Thuật đoạt cờ tiết của Nhật Đê, giữ lại không cho đi.

Tam phụ quyết lược chú chép: Nhật Đê tự Ông Thúc, là con trong họ của Mã Dung. Thừa trẻ chăm theo nghiệp của Dung, vì có tài học mà được tiến cử, cùng bọn Dương Bưu-Lô Thực-Sái Ung làm Diễn hiệu trung thư, làm đến vị Cửu khanh, bèn nắm vị Tam công. Hiễn Đễ xuân thu chép: Thuật đến chỗ Nhật Đê mượn cờ tiết để xem, nhân đó cướp không trả, chuẩn bị hơn nghìn người trong quân, sai đốc thúc mọi người. Nhật Đê bảo Thuật rằng: “Các vị tổ tiên nhà khanh đời trước mời gọi kẻ sĩ như thế sao mà thúc dục như thế? Cho là quan lại của phủ quan sẽ đến sao!” Xin Thuật cho đi, nhưng Thuật giữ lại không thả; bèn cho là làm mất cờ tiết mà mang nhục, căm giận mà chết.

Bấy giờ có Bái Tướng người quận Hạ Bì là Trậ̀n Khuê, là con em của Thái úy Cậ̀u trước kia vậy. Thuật cùng với Khuê là con cháu của Tam công, thừa trẻ có giao du, gửi thư cho Khuê rằng: “Ngày xưa nhà Trậ̀n làm lỗ chính sự, do đó anh hùng trong thiên hạ tranh giành mà chiếm lấy, kẻ đủ cả trí dũng rút cuộc được theo phục. Nay việc đời nhiều loạn, lại có thể vỡ lở vậy, thực là buổi bậc anh tài ra tay cứu vớt. Ta thân quen với túc hạ, há chịu làm tả hữu cho họ sao? Nếu làm việc lớn, ông thực là tim bụng của ta vậy”. Bấy giờ con giữa của Khuê là Ứng ở tại Hạ Bì, Thuật liền bắt Ứng làm con tin, mưu muốn Khuê theo về Khuê đáp thư nói: “Ngày xưa thời

vua cuối của nhà Tần, phóng túng hung bạo, gây hại thiên hạ, truyền độc dân đen, kẻ dưới không chịu nổi, cho nên vỡ lở. Nay đây là thời cuối nhưng chưa có cái loạn hà khắc mà mất nước của nhà Tần vậy. Tào tướng quân thiên vũ hợp thời, dựng lại hình pháp, sắp dẹp bằng hung nghịch, quét sạch cả nước, đúng có đi ền ứng vậy. Ta cho là tức hạ nên gắng sức cùng lòng, giúp đỡ nhà Hán. Vậy mà ng ầm mưu không theo, chỉ là tự thân chuốc họa thôi, há chẳng đau lòng sao! Nếu mê l ần mà biết chuyển ý thì vẫn tránh được. Ta vốn là người quen cũ cho nên nói hết sự tình, đây nghịch với tai nhưng như có tình cốt nhục. Còn nếu muốn ta riêng ý hòa theo thì đầu chết cũng không làm vậy”.

Mùa đông năm Hưng Bình thứ hai, (năm 195 Công nguyên) thiên tử thua ở Tào Dương. Thuật hội quan thuộc bảo rằng: “Nay họ Lưu suy yếu, cả nước loạn lạc. Nhà ta bốn đời làm Công phụ, được trăm họ theo về ứng mệnh trời thuận ý dân, các khanh có ý thế nào”? Mọi người chẳng ai dám đáp. Chủ bạ Diêm Tượng bước lên nói: “Ngày xưa nhà Chu từ thời Hậu Tắc đến thời Văn Vương, tích đức chứa công, thiên hạ chia ba phần mà có hai phần, nhưng vẫn thờ nhà Ân. Nhà mình công đầu nhiều đời rạng rỡ nhưng chưa có cái thịnh của nhà Chu. Nhà Hán đây suy nhưng chưa có việc bạo ngược như vua Trụ của nhà Ân vậy”. Thuật im ỉm không vui; theo lời đi ền báo của người quận Hà Nội là Trương Phủ, bèn tiếm hiệu,

***Diễn lược chép:** Thuật vì họ Viên xuất từ họ Trần, mà họ Trần lại là dòng dõi của vua Thuấn, cho là hành thổ thay hành hỏa, là ứng vận nôl thay. Lại thấy có lời sấm rằng: “Thay nhà Hán là Đồ Cao vậy”. Tự cho là tên tự ứng với chữ ấy, bèn đặt hiệu xưng là họ Trọng.*

lấy Cửu Giang Thái thú làm Hoài Nam Doãn, đặt công khanh, cúng tế ở ngoài phía nam bắc thành, rất là xa xỉ. Hậu cung có mấy trăm người đều mặc gấm lụa, thức ăn ngon dư thừa,

***Cửu châu xuân thu chép:** Con gái của Tư lệ Phùng Phương là người đẹp trong nước, tránh loạn đến Dương châu, Thuật lên thành thấy mà vui lòng, bèn lấy làm vợ, rất sủng ái. Các vợ ganh sủng của thị, bảo thị rằng: “Tướng quân thích người có chí tiết, nên lúc nào cũng khóc lóc buồn rầu, tất được kính trọng lâu dài”. Phùng thị cho là phải, sau đó gặp Thuật liền rơi lệ, Thuật cho là có ý chí, thêm thương thị. Các bà vợ khác nhân đó cùng thắt cổ giết thị, treo ở cột nhà xí. Thuật cho thị không vừa ý mà chết, bèn liệm táng rất hậu.*

mà quân sĩ đói rét, miền Giang-Hoài trống rỗng, người dân ăn thịt nhau. Trước kia Thuật bị Lữ Bố phá, sau lại bị Thái Tổ đánh bại, bỏ bộ khúc của

mình là bọn Lôi Bạc-Trần Lan ở núi Tì ền, lại bị họ chống lại, lo sợ không biết làm thế nào. Mưu trao hiệu để cho Thiệu, muốn đến Thanh châu theo Viên Đàm, trên đường bệnh chết.

Ngụy thư chép: Thuật trao hiệu để cho Thiệu nói: “Nhà Hán làm mất thiên hạ lâu rồi, thiên tử bị bắt ép, chính sự vào tay nhà khác. Bọn anh hùng tranh đua, chia cắt đất đai, đẩy chẳng khác gì thế bảy nước cuối thời nhà Chu, rút cuộc bị kẻ mạnh chiếm lấy vậy. Lại nữa họ Viên ta vâng mệnh đáng được làm vua, điềm báo hiện rõ. Nay ông nắm cả bốn châu, (8) có trăm vạn dân hộ, bàn về sức mạnh thì chẳng ai sánh được, luận về đức thì chẳng ai cao bằng. Tào Tháo muốn cứu suy giúp yếu, há cứu nổi lại được mệnh đã diệt sao”? Thiệu ngầm cho là đúng. Ngô thư chép: Thuật đã bị bọn Lôi Bạc chống lại, ở lại ba ngày, quân sĩ hết lương, bèn về đến Giang Đình, cách Thọ Xuân tám mươi dặm. Hối thuộc hạ, còn có ba mươi đầu lúa mạch. Bấy giờ trời nóng, muốn có tương mật, lại không có mật. Ngồi trên giường lâu, than thở hồi lâu, lại quát lớn rằng: “Viên Thuật mà đến nỗi này sao”! Do đó đảo ngã xuống giường, thổ ra hơn đấu máu mà chết.

Vợ con dựa vào quan thuộc cũ của Thuật là Lư Giang Thái thú Lưu Huân; kịp lúc Tôn Sách phá Huân, bèn bị bắt giữ; con gái của Thuật vào cung của Tôn Quyền, con trai là Diệu được bái làm Lang trung. Con gái của Diệu lại gả cho con trai của Quyền là Phấn.

TRUYỆN VIÊN THIỆU

Viên Thiệu tự Bản Sơ, người huyện Nhữ Dương quận Nhữ Nam. Ông tổ là An, làm quan Tư đồ của nhà Hán. Từ đời An đến bốn đời sau đều nắm vị Tam công, do đó thế nghiêng thiên hạ.

Hán thư của Hoa Kiêu chép: An tự Thiệu Công, ham học lại có oai danh. Vào thời Minh Đế làm Sở quận Thái thú, trị tội của Sở Vương, tự xét xử hơn bốn trăm nhà, đều được cứu giúp, An bèn trở thành danh thần. Vào thời Chương Đế làm đến quan Tư đồ, sinh Thực quận Thái thú là Kinh. Em của Kinh là Xưởng làm Tư không. Con của Kinh là Thang, làm Thái úy. Thang có bốn con trai: con cả là Bình, em của Bình là Thành, làm Tả trung lang tướng, đều chết sớm; em của Thành là Phùng, em của Phùng là Ngôi, đều giữ vị Tam công. Ngụy thư chép: Từ đời An về sau đều rộng lượng thương yêu mọi người, không có kén chọn; tân khách vào nhà mình, không kể hiên ngu đều được như ý mình, cho nên được thiên hạ theo về. Thiệu là con thứ của Phùng, và là anh khác mẹ của Thuật, ra làm con nối dõi của Thành. Anh hùng kí chép: Thành tự Văn Khai, khỏe mạnh có khí hiệp, bọn quý thích cường hào từ Đại tướng quân Lương Ký trở xuống đều kết bạn với Thành, nói ra thì không gì không theo. Cho nên người kinh sư làm câu ngạn là: “Việc chẳng tày, hỏi Văn Khai”.

Thiệu có dáng vẻ oai phong, biết nhún nhường kẻ sĩ, cho nên nhiều kẻ sĩ nường về, Thái Tổ thừa trẻ cũng giao du với Thiệu. Từ chức Đại tướng quân duệ làm Thị ngự sử,

Anh hùng kí chép: Thiệu sinh thì vừa lúc cha chết, hai người chú thương Thiệu. Thừa trẻ cho làm Lang, đến tuổi ‘nhược quán’ thì cử làm Bộc Dương Trưởng, có tiếng tốt. Gặp lúc mẹ mất, để tang xong, lại nghĩ để tang cha, ở tại nhà mồ cả thấy sáu năm. Lễ tang xong, ẩn cư ở Lạc Dương, không tùy tiện qua lại với tân khách, nếu không phải là kẻ nổi danh cả nước thì không gặp nhau. Lại ưa du hiệp, làm bạn rong ruổi với bọn Trương Mạnh Trác, Hà Bá Câu, Ngô Tử Khanh, Hứa Tử Viễn, Ngũ Đức Du. Không vâng lệnh quan gọi. Trung thường thị Triệu Trung bảo các Hoàng môn rằng: “Viên Bản Sơ ngồi nơi hay đẹp, vậy mà không vâng lệnh gọi lại nuôi dưỡng kẻ đáng tội chết, không biết thằng này muốn làm điều gì đây”? Chú ruột của Thiệu là Ngôi nghe tin, trách mắng Thiệu nói: “Mi sẽ phá nhà ta thôi”! Do đó Thiệu bèn đến vâng lệnh của Đại tướng quân.

Thần là Tùng Chi xét: Ngụy thư chép: “Thiệu là con thứ của Phùng, ra làm dòng dõi cho bác ruột là Thành”. Như lời mà sách này chép thì như đúng là con mà Thành sinh. Người ta để tang người sinh ra mình, Lễ kí thì không có chép, huống chi là con nuôi mà lại làm lễ như thế? Hai sách chép không rõ ai đúng.

dần dần chuyển làm Trung quân hiệu úy, làm đến Tư lệ hiệu úy.

Linh Đế băng, anh của Thái hậu là Đại tướng quân Hà Tiến cùng Thiệu mưu đánh bọn hoạn quan,

Tục Hán thư chép: Thiệu sai khách là Trương Tân khuyên Tiến rằng: “Bọn quan Hoàng môn-Thường thị nắm quyền lâu ngày, lại nữa Vĩnh Lạc Thái hậu cùng bọn Thường thị chuyên qua lại mưu lợi, tướng quân nên chinh đốn thiên hạ, trừ hại giúp đất nước”. Tiến cho là phải, bèn kết mưu với Thiệu.

Thái hậu không theo. Tiến bèn gọi Đồng Trác, muốn để ép Thái hậu. Bọn quan Thường thị-Hoàng môn nghe tin, đều đến chỗ Tiến tạ tội, xin vâng theo sắp đặt. Bấy giờ Thiệu khuyên Tiến nên nhân đó mà quyết làm đi, nhưng đến ba lần mà Tiến không nghe, sai Thiệu lệnh những quan võ có mưu lược coi xét bọn hoạn quan. Lại sai em của Thiệu là Hồ bôn trung lang tướng Thuật chọn hai trăm quân hồ bôn ôn hòa vào trong cung, thay các quan Hoàng môn cầm quân giữ nhà cửa. Bọn Trung thường thị Đoàn Khuê giả truyền lệnh của Thái hậu, gọi Tiến vào bàn nghị, rồi giết Tiến, trong cung bèn loạn.

Cửu châu xuân thu chép: Lúc trước Thiệu khuyên Tiến rằng: “Hoàng môn-Thường thị nhiều đời lớn mạnh, oai trùm cả nước, khi trước Đậu Vũ muốn giết chúng mà trái lại bị chúng hại, chỉ là vì nhân lời nói bị tiết lộ mà đem quân của năm doanh gây biến vậy. Quân của năm doanh sinh trưởng ở kinh sư, sợ phục người trong cung, vậy mà họ Đậu trái lại dùng sức mạnh của họ, rút cuộc họ phản chạy theo bọn Hoàng môn, cho nên tự chuốc lấy thua diệt. Nay tướng quân dựa vào sự tôn quý của cậu vua, hai phủ đều nắm quân khỏe, quan tướng bộ khúc của mình đều là kẻ sĩ anh hùng, vui lòng dốc hết sức, việc ở trong lòng bàn tay, cũng là trời cho gặp thời vậy. Nay vì thiên hạ mà trừ diệt tham ô, công lao hiển hách, lưu danh đời sau, dẫu Thân Bá của nhà Chu há đủ để sánh được? Nay nhà vua ở điện trước, tướng quân nên mượn chiếu thư mà lĩnh quân giữ gìn, nhưng chớ vào cung”. Tiến nghe lời ấy, sau lại nghỉ ngơi; Thiệu sợ Tiến đổi ý, ép Tiếp nói: “Nay giao kết đã xong, hình thế đã lộ, tướng quân sao lại không sớm quyết đi? Việc dùng thì sinh biến, họa sẽ đến sau đây”! Tiến không theo, rút cuộc thua bại.

Thuật đem quân hồ bôn đốt cửa Thanh Tỏa ở điện Gia Đức thuộc nam cung, muốn để ép bọn Khuê chạy ra; bọn Khuê không ra, bắt đế và em của đế là Trần Lưu Vương chạy đến bến Tiểu Bình. Thiệu bèn chém viên Tư lệ

hiệu úy là Hứa Tương mà bọn hoạn quan sắp đặt, rồi xua quân bắt bọn hoạn quan, không kể lớn bé đều giết cả. Có kẻ không có râu mà bắt lần sắp giết, đến lúc tự cởi lộ thân thể mới được tha. Hoạn quan có kẻ tự giữ làm việc thiện mà vẫn bị họa. Thiệu bừa bãi như thế, đến hơn hai nghìn người bị giết. Gặp đuổi bọn Khuê, bọn Khuê đều nhảy xuống sông mà chết. Để được về cung.

Đồng Trác gọi Thiệu, bàn muốn phế đế, lập Trần Lưu Vương. Bấy giờ chú ruột của Thiệu là Ngôi làm Thái phó, Thiệu bèn giả hứa theo, nói: “Việc lớn này nên ra bàn với Thái phó”. Trác nói: “Tông thất họ Lưu không đáng để lập lại”. Thiệu không đáp, cầm đao vái chào rồi đi.

***Hiển Đế xuân thu chép:** Trác muốn phế đế, bảo Thiệu rằng: “Hoàng đế tôi tắm, không phải là vua của nước có vạn cỗ xe. Trần Lưu Vương vẫn hơn, nay ta muốn lập hắn. Người ta đã ít khôn thì lớn lên vẫn ngu, cũng biết được ra sao, chỉ biết tạm như thế; Khanh không thấy Linh Đế sao? Nghĩ đến thế cũng khiến cho người ta tiếc giận”! Thiệu nói: “Nhà Hán trị thiên hạ hơn bốn trăm năm, ân trạch thấm nhuần, triệu dân theo phục đã lâu. Nay đế dẫu nhỏ dại nhưng chưa có điều không tốt truyền ra thiên hạ. Ngài muốn phế truất lập thứ, sợ rằng mọi người không theo lời ngài vậy”. Trác bảo Thiệu nói: “Trẻ con! Việc của thiên hạ há chẳng do ta quyết? Nay ta làm việc, ai dám không theo? Người bảo sức của Đồng Trác ta không mạnh sao”! Thiệu nói: “Kẻ mạnh trong thiên hạ, há chỉ có Đồng Công”? Rồi dẫn đao ngang chào mà đi ra. Thân là Tùng Chi cho rằng: Bấy giờ Thiệu chưa gây hiềm khích với Trác nên mới bàn mưu với Trác. Nếu chỉ vì bàn nghị không cùng ý mà bị mắng là ‘trẻ con’, lại cầm đao vái chào đi ra? Lại nữa lúc Thiệu đáp lại, rất là ngang bướng, vậy mà Trác há nhẫn nhịn mà không gây hại sao? Vả lại như lời ấy của Thiệu, tiên đã chẳng chính đáng, lùi lại trái với đạo khiêm tốn, lại tỏ rõ ý hào sảng để chạm vào răng nhọn của hổ rống, nếu có chí lập công nghiệp thì lí nào như thế? Như lời chép này, rất là xằng bậy vậy.*

Thiệu đã ra, rồi trốn đến Kí châu. Bọn Thị trung Chu Bí, Thành môn hiệu úy Ngũ Quỳnh, Nghị lang Hà Ngung đều là kẻ sĩ nổi danh, Trác tin họ nhưng họ ngầm giúp Thiệu, bèn khuyên Trác rằng: “Phế lập là việc lớn, không phải là việc người thường bàn đến. Thiệu không biết việc lớn, sợ hãi mà chạy ra, đấy là chẳng có chí khác vậy. Nay nếu vội bắt hắn thì hắn tất gây biến. Họ Viên tạo ân bốn đời, quan lại tân khách quen biết có khắp ở thiên hạ, nếu họ thu hào kết để tụ dân chúng thì anh hùng nhân đó mà nổi lên, lúc ấy ngài chẳng có miền Sơn Đông nữa. Không bằng tha cho hắn, bái làm một viên Quận thú, vậy thì Thiệu mừng vì được tha tội, tất chẳng lo

nữ”. Trác cho là phải, bèn bái Thiệu làm Bột Hải Thái thú, phong làm Kháng hương hầu.

Thiệu liền dấy binh ở quận Bột Hải, sắp đến đánh Trác. Chép tại Vũ Đê kỉ. Thiệu tự hiệu làm Xa kị tướng quân, chủ mình, ⁽⁹⁾ cùng Kí châu mục là Hàn Phúc lập U châu mục là Lưu Ngu làm đế, sai sứ giả đem thư đến chỗ Ngu, Ngu không dám nhận. Sau đó Phúc đem quân đến huyện An Bình, bị Công Tôn Toàn đánh bại. Toàn bèn dẫn quân vào Kí châu, mượn danh là đánh Trác, nhưng trong là muốn đánh úp Phúc, do đó Phúc mang lòng không tự yên.

***Anh hùng kí chép:** Phùng Kỉ khuyên Thiệu rằng: “Tướng quân làm việc lớn mà phải trông người ta cấp lương, nếu không chiếm một châu thì không tự giữ được”. Thiệu đáp nói: “Kí châu quân mạnh, quân ta lại đói thiếu, nếu chẳng đánh được thì chẳng còn chỗ đứng”. Kỉ nói: “Nên qua lại với Công Tôn Toàn, sai hấn xuống phía nam đánh lấy Kí châu. Công Tôn Toàn đến thì Phúc tất sợ, nhân đó nói lợi hại, bày kế họa phúc, Phúc tất trao nhường. Ở vào lúc ấy, tất chiếm được chức”. Thiệu theo lời ấy, vừa lúc Toàn đến.*

Gặp lúc Trác sang phía tây vào cửa quan, ⁽¹⁰⁾ Thiệu đem quân về Diên Tân, nhân lúc Phúc kinh hoảng, bèn sai người quận Trần Lưu là Cao Cán, người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Kham đến khuyên Phúc rằng: “Công Tôn Toàn thừa thắng xuống phía nam mà các quận ứng theo hấn; Viên Xa kị dẫn quân về hướng đông, không biết được ý ngài ra sao? Trộm nghĩ đây là mối nguy của tướng quân”. Phúc nói: “Phải làm thế nào”? Kham nói: “Công Tôn Toàn dẫn quân Yên-Đại, khí mạnh của hấn khó mà chống nổi. Họ Viên là hào kiệt một thời, tất chẳng chịu đứng dưới tướng quân. Kí châu là nơi của cải đầy nhều của thiên hạ, nếu hai kẻ kia hợp sức đem quân đánh đến ở dưới thành, lúc ấy chỉ đứng đợi nguy vong vậy. Họ Viên là người quen của tướng quân, lại là đồng minh. Nay bọn ta muốn bày kế giúp tướng quân, chẳng bằng đem Kí châu nhường cho họ Viên. Họ Viên được Kí châu thì Toàn không tranh được với họ Viên nữa, họ Viên tất khen đức của tướng quân. Kí châu vào tay người thân quen, lúc ấy tướng quân có tiếng là nhường người hiền, thân mình cũng yên vững như núi Thái Sơn vậy. Mong tướng quân chớ nghi”! Phúc vốn khiếp sợ, bèn theo kế ấy. Trưởng sử Cảnh Vũ, Biệt giá Mẫn Thuần, Trị trung Lí Lịch can Phúc rằng: “Kí châu đâu là nơi biên giới, nhưng có trăm vạn quân mặc giáp, thóc đủ cấp mười năm. Viên Thiệu quân cùng thế lẻ, trông vào ta cung cấp, như trẻ con ở trên lòng bàn tay, nếu ngăn dứt mớm bú mà đứng lên giết đi cũng

được, sao lại muốn đem cả châu này trao cho hấn”? Phức nói: “Ta là quan thuộc cũ của họ Viên, vả lại tài không bằng Bản Sơ, lượng đức mình mà nhường người, đây là đi đầu mà người xưa quý trọng, các ông sao còn ngăn trở”? Tông sự Triệu Phù-Trình Hoán xin đem quân chống Thiệu, Phức lại không nghe. Rồi nhường cho Thiệu,

***Cửu châu xuân thu chép:** Phức sai Bộ đốc tông sự Triệu Phù-Trình Hoán đem vạn cây nổ cứng đi đóng đồn ở bờ bắc sông Hoàng Hà; bọn Phù nghe tin Phức muốn đem Kí châu cho Thiệu, bèn từ bến Mạnh Tân đi nhanh xuống phía đông. Bấy giờ Thiệu còn ở cửa sông Thanh thuộc huyện Triều Ca, bọn Phù từ phía sau đến, đem mấy trăm chiếc thuyền, hơn vạn quân, buổi đêm diều binh gõ trống đi qua trại của Thiệu, Thiệu rất ghét họ. Bọn Phù đến, bảo Phức rằng: “Viên Bản Sơ quân chẳng còn một đầu lương, đều đã tan rã, đâu có Trương Dương-Ư Phù La mới theo nhưng chưa chịu giúp sức, không đáng đối địch vậy. Bọn Tông sự ta xin tự đem quân chống hấn, trong vòng một tuần tất phá vỡ được hấn; tướng quân chỉ cần vào phòng nằm cao gối thôi, sao phải lo sợ”? Phức không theo, bèn nhường chức, ra ở tại nhà cũ của Triệu Trung, sai con đem ấn thao Kí châu mục đến Lê Dương cho Thiệu.*

Thiệu bèn lĩnh chức Kí châu mục.

Tông sự Thư Viện Thư, đọc là ‘tư’. khuyên Thiệu rằng: “Tướng quân vào tuổi nhược quán vào chầu, đến nay nêu danh khắp cả nước; kịp đến buổi phế lập thì tỏ rõ trung nghĩa; một ngựa chạy ra thì Đồng Trác lo sợ; vượt sông Hoàng Hà lên phía bắc thì quận Bột Hải cúi đầu; dấy quân của một quận mà nắm được binh của Kí châu, oai lừng miên bắc sông Hoàng Hà, danh lừng ở thiên hạ. Dẫu giặc Khăn vàng gây loạn, giặc Hắc Sơn bạo ngược nhưng nếu xua quân về phía đông thì Thanh châu tất định; lại về đánh giặc Hắc Sơn thì Trương Yển cũng diệt được; rồi dẫn quân lên phía bắc, Công Tôn Toản chắc thua; uy hiếp rợ Nhung-Địch thì người Hung Nô tất theo. Lúc ấy bao trùm miên bắc sông Hoàng Hà, hợp lấy đất của bốn châu, thu nạp bọn anh hùng, phát trăm vạn quân sĩ mà đón nhà vua ở tây kinh, dựng lại tông miếu ở Lạc Dương, hiệu lệnh thiên hạ để đánh kẻ chưa phục; lấy đó mà tranh giành, ai còn chống nổi? Như thế đến mấy năm, lập công không khó”. Thiệu mừng nói: “Đây là ý ta vậy”. Liền cử Viện làm Giám quân, Phấn uy tướng quân.

***Hiên Đế kỉ chép:** Thư Viện là người quận Quảng Bình. Thừa trẻ có chí lớn, nhiều mưu lược; làm Biệt giá trong châu, cử mậu tài, làm quan Lệnh qua ba huyện, lại làm Biệt giá của Hàn Phức, cử bá làm Kị đô úy. Viên Thiệu lấy được*

Kí châu, lại gọi đến. Anh hùng kí chép: Bấy giờ là vào năm Sơ Bình, mà Thiệu tự Bản Sơ, tự cho là năm hợp với tên tự của mình, tất dẹp trừ được họa loạn vậy.

Trác sai Chấp kim ngô Hồ Mậu Ban, Tướng tác đại tượng Ngô Tu đem chiếu thư dụ Thiệu, Thiệu sai Hà Nội Thái thú Vương Khuông giết họ.

Hán mạt danh sử lược chép: Ban tự Quý Bì, người quận Thái Sơn. Thừa trẻ cùng với tám kẻ là người huyện Sơn Âm là Độ Thượng, người huyện Đông Bình là Trương Mạc đều khinh tiên trọng nghĩa, cứu giúp kẻ sĩ, người đời gọi là ‘bát trừ’. Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Ban là em rể của Vương Khuông. Đồng Trác sai Ban đem chiếu thư đến quận Hà Nội khuyên cởi bỏ nghĩa quân. Khuông vâng lệnh của Viên Thiệu, bắt Ban vào ngục, muốn giết Ban để răn chúng. Ban gửi thư cho Khuông nói: “Từ xưa đến nay, chưa có chư hầu nước nhỏ đem quân hướng đến kinh sư. Lưu Hưống truyện chép: ‘Đánh chuột còn sợ hồng đồ’. Huống chi Trác ở trong cung cấm, lấy thiên tử làm tấm che; vua nhỏ ở trong cung mà nên đánh sao? Ta với Thái phó Mã Công, Thái bộc Triệu Kì, Thiếu phủ Âm Tu đều nhận chiếu lệnh. Các quận miền Quan Đông đều thực là ghét Trác nhưng vẫn phải vâng phép vua, không nên làm nhục. Vậy mà tức hạ lại bắt ta vào ngục, muốn để tế cờ, đây là việc làm của kẻ rất hung bạo vô đạo vậy. Ta với Đồng Trác nào có thân thích chi để cùng gây xấu mà tức hạ mở lời hổ sói, tuôn xả nọc rắn, ghét Trác mà giận sang ta, sao lại tàn khốc như thế! Chết là điều mà người khó tránh, chỉ nhục vì bị thẳng cuồng gây hại. Nếu người chết có linh, sẽ tố cáo tức hạ với trời xanh vậy. Ôi, hôn nhân là then chốt của họa phúc, hôm nay đã rõ là thế. Trước kia một lòng, hôm nay gây thù. Kẻ sắp chết này có hai người con, là cháu rể của ông, sau khi thân ta chết đi, chớ cho chúng đến bên xác cốt của ta”. Khuông nhận được thư, ôm hai con của Ban mà khóc. Ban bèn chết ở trong ngục. Ban từng gặp Thái Sơn Thái thú và hà bá, [\(11\)](#) việc này chép tại sách Suu thân kí, lời văn nhiều nên không chép ở đây.

Trác nghe tin Thiệu có được miền Quan Đông, bèn giết hết họ hàng của Thiệu là bọn Thái phó Viên Ngôi; lúc bấy giờ, nhiều kẻ hào hiệp theo Thiệu, đều muốn vì Thiệu mà báo thù ấy; châu quận nổi dậy, chẳng ai không mượn danh của Thiệu; Phức lo sợ, từ chỗ Thiệu bỏ đi, đến nương dựa Trương Mạc.

Anh hùng kí chép: Thiệu lấy người quận Hà Nội là Chu Hán làm Đô quan tòng sự. Lúc trước Hán bị Phức không giữ lễ, cho nên mang lòng oán hận, bèn có muốn mời đón Thiệu, tự phát binh trong thành quách giữ nhà Phức, xách đao lên phòng, Phức chạy lên lầu, bắt được con lớn của Phức, đánh gãy hai chân; Thiệu cũng bèn bắt Hán, giết đi. Phức vẫn lo sợ, cho nên từ chỗ Thiệu mà bỏ đi.

Sau đó Thiệu sai sứ đến chỗ Mạc, có việc bàn nghị, nói bên tai với Mạc; Phức đang ngồi ở trên, cho là bị họ mưu hại, không lâu sau đó đi đến nhà

xí mà tự sát.

Anh hùng kí chép: Công Tôn Toản đánh giặc Khăn vàng ở Thanh châu, đại phá chúng, về đóng quân ở huyện Quảng Tông, thay đổi quan Thú-lệnh, bọn quan lại ở Kí Châu không ai không trông mong ứng theo, mở cửa đón nghênh. Thiệu tự đến đánh Toản, gặp đánh ở phía nam Giới Kiều hai mươi dặm. Quân bộ của Toản có hơn ba vạn người bày trận hình vuông, quân kỵ ở hai bên, tả hữu đều có hơn năm nghìn quân kỵ; quân ‘bach mã nghĩa tòng’ ⁽¹²⁾ làm trung quân, cũng chia làm hai cánh, tả sang hữu, hữu sang tả, cờ xí mũ giáp sáng rực trời đất. Thiệu sai Khúc Nghĩa đem tám trăm quân làm tiên phong, lấy nghìn cây nổ cứng lướt theo, Thiệu tự dẫn mấy vạn quân bộ bày trận ở sau. Nghĩa lâu ngày ở Lương châu, hiểu quen cách đánh trận của người Khương, quân sĩ đều kiêu dũng. Toản thấy quân địch ít, liền xua quân kỵ muốn vào dày xéo; quân của Nghĩa đều nép dưới khiên không động, chưa đến mấy chục bước thì cùng lúc đều đứng dậy, tung bụi hô lớn, đi lên xông xáo, lúc ấy nổ lớn cũng bắn, trúng liền tắt ngấm, vào trận chém hơn nghìn thủ cấp là quân của viên Kí châu Thứ sử Nghiêm Cương mà Toản sắp đặt; quân của Toản tan vỡ, bộ kỵ bỏ chạy, không còn về trại được. Nghĩa đuổi đến Giới Kiều, hậu quân của Toản quay lại đánh ở trên cầu, Nghĩa lại phá chúng, rồi đến trại của Toản, nhổ phá cửa trại, quân còn lại trong trại đều tan chạy. Thiệu ở phía sau, chưa đến cầu mấy chục dặm, xuống ngựa cỡi yên, thấy Toản đã vỡ, không thêm phòng bị, chỉ đặt mấy chục cây nổ cứng ở dưới trướng, hơn trăm quân cầm kích lớn đi theo. Chợt có hơn hai nghìn quân kỵ của Toản chạy đến, liền vây Thiệu mấy vòng, tên bắn như mưa; Biệt giá tòng sự Điền Phong đỡ Thiệu muốn lui vào tường trống, Thiệu cỡi mũ trụ ném xuống đất nói: “Đại trượng phu nên đánh đến chết, vậy mà vào giữa tường vách, há cũng sống được”? Nổ cứng lại bắn loạn, giết thương rất nhiều. Quân kỵ của Toản không biết đấy là Thiệu, cũng từ từ rút lui; kịp lúc Khúc Nghĩa đến đón, bèn tan chạy. Toản hề đánh với địch thường cưỡi ngựa trắng, đã đuổi theo là khó thoát, nhiều lần bắt được giặc mạnh, giặc tự bảo nhau rằng: “Nên tránh quân cưỡi ngựa trắng”. Vì quân địch kiêu dè, bèn chọn mấy nghìn con ngựa trắng, lựa quân cưỡi ngựa bắn tên, gọi là quân ‘bach mã nghĩa tòng’. Có người nói rằng những người rợ Hồ khỏe mạnh thường cưỡi ngựa trắng, Toản có mấy nghìn quân kỵ khỏe, phân nhiều cưỡi ngựa trắng, cho nên gọi thế. Thiệu đã phá Toản, dẫn quân xuống phía nam đến bến Bạc Lạc; đang cùng hội họp với các tướng tân khách, nghe tin quân ở quận Ngụy làm phản, cùng với giặc Hắc Sơn là bọn Vu Độc đánh thành Nghiệp, giết chết Thái thú Lật Thành, Giặc có hơn mười đội, có đến mấy vạn quân, tụ hội ở trong thành Nghiệp. Những tân khách đang ngồi có người nhà ở thành Nghiệp đều sợ hãi thất sắc, có kẻ đứng dậy kêu khóc, Thiệu vẻ mặt không đổi, vẫn tự yên. Có tên giặc là Đào Thăng vốn là viên quan nhỏ ở huyện Nội Hoàng, có ý tốt, đem riêng quân bản bộ qua thành phía tây đi vào, đóng giữ cửa châu, không cho quân giặc khác đi vào, lấy xe chở

người nhà của Thiệu và các đô mã áo ở trong châu, tự mình hộ vệ, đưa đến huyện Xích Khâu mới về. Thiệu đến, bèn đóng quân ở Xích Khâu, lấy Đào Thăng làm Kiến nghĩa trung lang tướng. Lại dẫn quân vào hang Thương Nham ở núi Lộc Tràng thuộc huyện Triều Ca để đánh Vu Độc, vây đánh năm ngày, phá hẳn, chém Độc và viên Kí châu mục mà triều đình ở Trảng An sắp đặt là Hồ Thọ. Rồi men theo núi đi lên phía bắc, đánh phá bọn giặc Tả phát trượng bát, đều chém chúng. Lại đánh bọn giặc Lưu Thạch-Thanh ngưu giác-Hoàng long-Tả hiệu-Quách Đại Hiền-Lí Đại Mục-Vu Đễ Căn, đều giết cả đồn lũy, kẻ chạy trốn mới thoát, chém mấy vạn thủ cấp. Thiệu lại về đóng quân ở thành Nghiệp. Năm Sơ Bình thứ tư, thiên tử sai Thái phó Mã Nhật Đê, Thái bộc Triệu Kỳ hòa giải miền Quan Đông. Kỳ đi riêng đến miền bắc sông Hoàng Hà, Thiệu ra đón ở ngoài trăm dặm, vâng nhận lệnh vua. Kỳ ở trại của Thiệu, gửi thư báo cho Toản, Toản sai sứ gửi thư cho Thiệu rằng: “Triệu Thái bộc lấy đức của Chu Thiệu, nhận lệnh sang đông, tuyên dương ân trạch, tỏ ý hòa mục, sáng như vén mây thấy mặt trời, còn gì vui như thế? Ngày xưa Giả Phục-Khâu Tuân cũng tranh quân sĩ, muốn gây hại nhau, gặp ý rộng lượng của vua Quang Vũ, tự cùng bái gặp, cùng kiệu cùng đi, người thời ấy cho là vinh. Ta tự xét là kẻ nơi biên giới, được hòa cùng với tướng quân là điều phúc. Đây thực là lòng chú ý của tướng quân, là điều may của Toản vậy”. Khúc Nghĩa sau đó cạy công mà kêu căng, Thiệu bèn giết đi.

Trước đây, thiên tử được lập vốn không phải là ý của Thiệu; lúc ở tại miền Hà Đông, Thiệu sai người quận Dĩnh Xuyên là Quách Đồ đi sứ. Đồ về khuyên Thiệu đón thiên tử đóng đô ở thành Nghiệp, Thiệu không nghe.

Hiển Đế truyện chép: Thư Viện khuyên Thiệu rằng: “Nhà tướng quân nhiều đời làm tướng quốc, trung nghĩa giúp đời. Nay triều đình chao đảo, tông miếu vỡ đổ. Xem châu quận, ngoài mượn việc dấy nghĩa binh, trong đánh diệt nhau, chưa có ai có ý cứu dân. Vả lại ngày thành châu mới định, nên đón nhà vua đến dựng đô ở thành Nghiệp, kẹp thiên tử mà lệnh chư hầu, nuôi quân mã để đánh kẻ không phục; lúc đấy còn ai chống được”? Thiệu mừng, muốn nghe theo. Quách Đồ-Thuần Vu Quỳnh nói: “Nhà Hán suy bại đã lâu ngày rồi, nay nếu dựng lại, cũng chẳng khó sao? Lại nữa ngày nay anh hùng chiếm lấy châu quận, trăm họ dao động, đấy gọi là nhà Tần làm mất con hươu, kẻ bắt được trước tất làm vua. Nếu đón thiên tử để tự thân cận thì có việc thì phải dâng biểu, phải vâng lệnh thì quyền ít, nếu trái ý thì chống lệnh; đấy chẳng phải là kẻ hay”. Viện nói: “Nay đón triều đình là rất có nghĩa, lại là kế lớn hợp với thời vậy. Nếu không sớm làm đi thì tất có người làm trước. Nắm quyền chớ để mất cơ hội, lập công cốt tại nhanh nhạy, tướng quân hãy làm đi”! Thiệu không làm được. Xét sách này nói là kế của Thư Viện, đấy là trái với truyện gốc.

Kịp lúc Thái Tổ đón thiên tử đóng đô ở đất Hứa, thu đất Hà Nam, miền Quan Trung đều theo phục; Thiệu tiếc, muốn sai Thái Tổ dời thiên tử đóng

đô ở huyện Quyên Thành để tự thân cận, Thái Tổ chống lại. Thiên tử lấy Thiệu làm Thái úy, phong tước Nghiệp Hầu;

Hiển Đế xuân thu chép: Thiệu nhục vì thứ bậc ở dưới Thái Tổ, giận nói: “Tào Tháo mấy lần suýt chết, ta liền cứu mới sống. Nay lại phản ân, kẹp thiên tử để sai ta chẳng”! Thái Tổ nghe tin, liền đem chức Đại tướng quân nhường cho Thiệu.

Thiệu nhường tước Hầu không nhận. Chốc lát, Thiệu đánh phá Toản ở thành Dịch, thu quân của Toản.

Diễn lược chép: Từ đây Thiệu ít dâng công cho thiên tử, sai riêng Chủ bạ Cảnh Bao bầm kín rằng: “Vận hỏa suy kiệt, họ Viên là dòng dõi của vận thổ, [\(13\)](#) nên theo ý trời”. Thiệu vì Bao bầm kín việc này cho quan thuộc trong phủ quân. Người bàn đều cho là Bao xằng bậy, đáng giết; Thiệu bèn giết Bao để tự giải thích. Cửu châu xuân thu chép: Thiệu mời gọi người quận Bắc Hải là Trịnh Huyền mà không có lễ, Triệu Dung nghe tin, nói: “Người hiền là người quân tử mong gặp. Người làm vua còn không dám làm mất ý vui của vạn dân, huống chi là đối với quân tử đây? Nếu làm mất ý mong của quân tử thì khó mà có được quân tử vậy”. Anh hùng kí chép bài hát Đồng Trác ca, lời rằng: “Đức hạnh không sót thiếu, biến cố khó xem thường, Trịnh Khang Thành uống rượu mà ngã xuống đất tắt thở, Quách Cảnh Đồ cũng mất mạng ở vườn dâu”. Như lời văn này thì Huyền không bị bệnh mà chết. Các sách khác không thấy chép, cho nên chép bài này ra đây.

Lấy con cả là Đàm ra làm Thanh châu Thứ sử, Thư Viện can Thiệu rằng: “Tất gây mầm họa”. Thiệu không nghe, nói: “Ta muốn sai các con đều giữ một châu vậy”.

Cửu châu xuân thu chép lời can gián của Thư Viện rằng: “Người đời nói rằng một con thỏ chạy trên đường mà vạn người đuổi bắt, nếu một người bắt được nó thì những người tranh bắt đều dừng lại, đã phân định vậy. Và lại tuổi thọ do ở hiềm năng, đức hạnh do ở bói đoán, đây là phép cũ vậy. Mong trên nghĩ lời răn thành bại của đời trước, dưới xét cái nghĩa bắt thỏ phân định”. Thiệu nói: “Ta muốn sai bốn đứa con đều giữ lấy một châu để xem tài của chúng”. Viện lui ra, nói: “Họa bắt ngu ồn từ đây sao”! Đàm mới đến Thanh châu, làm Đô đốc, chưa làm Thứ sử; châu ấy từ sông Hoàng Hà về phía tây, đại khái chỉ đến chỗ không quá quận Bình Nguyên mà thôi. Bèn lên phía bắc diệt Điền Khải, sang phía đông đánh Khổng Dung, giều binh đến bờ biển. Bấy giờ trăm họ không có ai làm chủ, mừng rỡ đi theo. Nhưng tin dùng bọn tiểu nhân, ưa nghe lời ngon ngọt, xa xỉ phóng túng, không biết rằng việc tròng lúa vất vả. Hoa Ngạn-Khổng Thuận

là bọn tiểu nhân gian nịnh mà tin dùng làm tim bụng; bọn Vương Tu chỉ làm quan nhỏ mà thôi. Nhưng lại biết đối đãi tân khách, kính trọng kẻ sĩ. Sai em vợ lĩnh quân ở trong, để cho cướp bóc, ngoài chốn phố chợ còn cướp lấy ở chốn đồng ruộng; sai riêng hai tướng quân mộ binh ở các huyện, kẻ hối lộ thì được tha, không thì bị lấy. Nhiều người nghèo yếu, đến nỗi phải chui nấp trong đồng gò, bèn xua quân bắt trời như bắt càn thú. Ấp có vạn hộ dân mà chép vào sổ bạ không đầy mấy trăm hộ, thu thuế nạp tô không đến một phần ba. Sai gọi người hiền, nếu họ không đến hay không đến hẹn quân dịch mà ở yên nơi thôn ấp cũng không bị phạt tội thêm.

Lại lấy con giũa là Hi làm U châu Thứ sử, con rể là Cao Cán làm Tinh châu Thứ sử. Thiệu có mấy chục vạn quân, lấy Thẩm Phối-Phùng Kỉ coi việc quân, Điền Phong-Tuân Kham-Hứa Du làm mưu sĩ, Nhan Lương-Văn Sữu làm tướng sủy, chọn mười vạn quân, một vạn quân kị khỏe, mưu đánh đất Hứa.

Thế ngữ chép: Thiệu có năm vạn quân bộ, tám nghìn quân kị. Tôn Thịnh bình rằng: “Xét Ngụy Vũ Đế bảo Thôi Diễm rằng: ‘Vừa xét sổ hộ của châu này, có thể thu đến ba mươi vạn quân’. Do đó mà suy, riêng quân của Kỉ châu đã như thế, huống chi cả U châu-Tinh châu và Thanh châu đây? Thiệu phát đại binh, tất gom hết quân mà dùng, phải đến mười vạn quân vậy”. Hiến Đế truyện chép: Thiệu muốn đem quân đánh miền nam, Thư Viện-Điền Phong can rằng: “Phát quân nhiều năm, trăm hộ mỗi một, kho tàng không chứa, tô thuế càng nhiều, đây là nỗi lo sâu nặng của nhà nước vậy. Nên sai người báo tin vui cho thiên tử trước, rồi chăm chỉ trông trọt mà cho dân nghỉ ngơi, nếu chẳng làm được thì dâng biểu tâu họ Tào chặn đường thờ vua của ta rồi mới tiến quân đến Lê Dương, dân dân chiếm miền Hà Nam, làm thêm thuyền bè, sửa sang khí giới, chia sai quân kị khỏe đi đánh lấy nơi biên giới, khiến cho nên ấy không được yên mà ta lại được ổn. Như thế trong ba năm thì ngồi mà định được vậy”. Thẩm Phối-Quách Đồ nói: “Theo phép dùng binh, ‘thập vạn ngũ công’ (14) thì mới đánh địch được. Nay dựa vào thần vũ của mình công, xua quân mạnh của miền Hà Bắc để đánh họ Tào thì dễ như trở bàn tay. Nay không lấy thì sau khó đánh được”. Viện nói: “Cứu nạn dẹp bạo gọi là quân nghĩa; cậy đông dựa mạnh, gọi là quân kiêu. Quân nghĩa thì không ai địch, quân kiêu tất diệt trước. Họ Tào đón thiên tử đóng đô ở đất Hứa; nay ta phát quân xuống phía nam, về nghĩa là trái. Vả lại kẻ hay hơn cả là không tại ở hiếp yếu. Họ Tào đã đặt pháp lệnh, quân sĩ thành thạo, không phải như Công Tôn Toản ngồi chịu vây đầu. Nay bỏ kế vẹn toàn mà dấy quân không có danh nghĩa, thân trộm lo cho mình công”? Bọn Đồ nói: “Vũ Vương đánh Trụ, không gọi là không có nghĩa, huống chi đem quân đánh họ Tào

mà gọi là không có danh nghĩa sao? Vả lại mình công tử sức thần võ, tướng sĩ hăng hái, người ta tự theo, vậy mà không sớm hợp thời định nghiệp lớn, đây là ý làm vậy. Nếu trời cho mà không lấy thì chỉ chước lấy họa, đây là nguyên nhân vua Việt làm bá vương mà Ngô mất nước vậy. Kế của quan Giám quân chỉ như giữ lấy tù ngục mà không phải là cái quyền biến của người biết thời cơ”. Thiệu nghe theo. Bọn Đồ nhân đó gièm Viện với Thiệu rằng: “Viện coi xét trong ngoài, oai lừng ba quân. Nếu bên ấy cường thịnh thì lấy gì mà ngăn được? Tôi không nắm quyền ngang với vua thì hưng, vua nắm quyền ngang tôi thì vong, đây là điều mà sách Hoàng thạch kị vậy. Vả lại nắm quân ở ngoài thì không nên coi việc ở trong”. Thiệu nghi ngờ, bèn chia quan chủ việc quân làm ba vị Đô đốc, sai Viện và Quách Đồ-Thuần Vu Quỳnh đều nắm một cánh quân, rồi hợp mà xuống đánh miền nam.

Lúc trước, Thái Tổ sai Lưu Bị đến Từ châu chống Viên Thuật; kịp lúc Thuật chết, Bị giết Thứ sử Xa Trụ, dẫn quân đóng đồn ở nước Bái. Thiệu sai quân kị giúp Bị. Thái Tổ sai Lưu Đại- Vương Trung đánh Bị, không thắng. Năm Kiến An thứ năm, (năm 200 Công nguyên) Thái Tổ tự sang phía đông đánh Bị. Điên Phong khuyên Thiệu đánh úp mặt sau của Thái Tổ nhưng Thiệu vì con bệnh mà không theo; Phong ném gậy xuống đất nói: “Đây là thời cơ khó gặp, vì con nhỏ bệnh mà làm mất cơ hội, tiếc thay”! Thái Tổ đến, đánh phá Bị, Bị sang chỗ Thiệu.

Ngụy thị xuân thu chép văn của Thiệu hịch gọi châu quận rằng: “Thường nghe vua sáng mưu cứu nguy để dẹp loạn, tôi trung mưu trừ nạn để lập quyền. Ngày xưa nhà Tần cường bạo mà vua lại yếu kém, Triệu Cao nắm quyền, chuyên chế triều đình, tự gây oai phúc, rút cuộc có mối họa ở cung Vọng Di, để tiếng xấu nhục đến nay. Kịp đến thời Lữ Hậu-Lộc-Sản chuyên chính, nắm giữ quyền lệnh, coi xét hình pháp, lấn trên hiếp dưới, người cả nước đau lòng. Do đó Giáng Hài-Chu Hư tỏ oai trở giận, diệt trừ nghịch loạn, tôn lập Thái Tông, thế nên mới nêu dậy đạo hóa, sáng rõ ràng rõ; đây là tấm gương sáng của bậc đại thần lập quyền vậy. Ngày nay Tư không Tào Tháo, ông nội là Đằng vốn làm Trung thường thị, cùng với bọn Tả Quán-Từ Hoàng gây tai nghiệt, phóng túng hung ác, tàn ngược dân chúng. Cha là Tung, xin làm con nuôi, nhân đó mua chức, xe vàng bánh ngọc chở tiền vào nhà bọn quyền quý, cướp vị Tam công, đảo lộn triều đình. Tháo nổi tính xấu, không có đức lành, cậy mạnh hiếp yếu, ưa loạn gây họa. Khi trước mặc phủ (15) thống lĩnh bọn anh hùng quét trừ bọn hung nghịch, kể đó gặp buổi Đông Trác hiếp quan hại nước, do đó vùng kiếm gươm trống, phát lệnh ở miền đông, thu nạp bọn anh hùng, bỏ xấu chọn dùng. (16) Cho

nên cùng bày mưu với Tháo, cho rằng hấn có tài ứng khuyến, nên dùng làm nanh vuốt. Thế nhưng hấn lại ngu dốt nghĩ kém, khinh thường hiệu lệnh, dẫn đến thua võ, nhiều lần mất quân. Mặc phủ liễn lại chia quân khỏe bù đắp sửa sắm cho hấn, cử làm Đông Quận Thái thú, Duyện châu Thứ sử, cho mặc da hổ, cho lĩnh quân mạnh, trao gửi quyền oai, mong rằng sẽ thắng quân Tần một trận. Vậy mà Tháo lại thừa cơ giày xéo, phóng túng hung bạo, giết chóc dân chúng, tàn hại người hiền. Cửu Giang Thái thú Biên Nhung trước kia là bậc anh tài hơn đời, nổi danh thiên hạ, vì nói thẳng cứng cỏi, bàn chẳng a dua, thế mà thân bị giết treo đầu, vợ con cũng bị họa di diệt. Từ đấy kẻ sĩ tức giận, dân oán càng nhiều, một người giương tay thì cả châu ứng lời, cho nên Tháo bị người Từ châu đánh phá, bị Lữ Bố đoạt lấy đất, vất vương ở miền đông, không có chỗ đứng chân. Mặc phủ nghĩ đến cái nghĩa gốc mạch cành yếu, lại không khép hấn vào bọn phản loạn, cho nên lại trao cờ cấp quân, ra lệnh đánh dẹp, gõ trống vang lừng, quân Bố thua võ, cứu hấn khỏi cái họa chết người, lập lại chức quan cho hấn; đây là mặc phủ không có đức với dân ở Duyện châu mà lại có công giúp Tháo vậy. Sau kịp lúc nhà vua về lại miền đông, bọn giặc gây loạn. Bấy giờ Kí châu đang có việc ở biên ải phía bắc, ta chưa ra khỏi châu được, cho nên sai Tòng sự trung lang Từ Huân đến dụ lệnh Tháo, sai phải đắp sửa tông miếu, giúp đỡ vua nhỏ. Nhưng hấn lại tự ý chuyên quyền, ép vua dời đô, ức hiếp trăm quan, làm loạn kỉ cương, ngỗ trên tam đài, nắm giữ chính sự, phong tước tùy ý, xử phạt tùy miệng. Kẻ mà mình thích thì cho năm họ rạng rỡ, kẻ mà mình ghét thì bắt ba họ diệt cả. Bọn nào dám bàn luận thì bị giết trước mặt, bọn nào bàn nghị để trong lòng thì bị giết ngầm ngấm, do đó người đi đường chỉ liếc mắt, trăm quan ngậm miệng, các quan Thượng thư đến châu hội, công khanh làm quan chỉ có chỗ đứng mà thôi. Thái úy Dương Bưu từng nắm vị Tam công, chức cao cả nước, do đó Tháo ganh hiềm, khép cho tội lỗi, kéo ra đánh đập, đủ năm hình phạt, tự ý càn rỡ, không theo phép tắc. Lại nữa Nghị lang Triệu Ngạn, nói thẳng can gián, lời bàn đáng làm, cho nên triều đình nghe theo, vui lòng ban thưởng, nhưng Tháo muốn cướp đoạt quyền bính, cấm ngăn bàn nghị, liễn bắt giết đi, không cần báo lên. Lại nữa Lương Hiếu Vương là em ruột của tiên đế, lăng mộ tôn quý, từng bách trên đó còn phải kính nghiêm, thế mà Tháo tự đem quan tướng quân sĩ đến đào bới, phá quan lộ thây, cướp lấy vàng ngọc, khiến cho triều đình rơi lệ, quân dân đau xót. Lại nữa đặt quan Phát

khâu trung lang tướng, Mô kim hiệu úy, (17) qua đầu bời đó, không xương cốt nào không phơi lộ. Thân tự nắm vị Tam công mà lại làm việc bạo ngược, phá dân hại nước, tuôn độc thối người như thế. Lại thêm chính sự phiền hà, (18) bày cách ngăn ngừa, như giăng lưới chặn đường, đào hố ngăn lối, giương tay thì mắc lưới, động chân thì vướng bẫy, cho nên miền Duyên-Dự không có dân yên vui, miền kinh đô có tiếng oán than thở. Xem qua sách vở xưa nay chép về những bày tôi vô đạo tàn ngược, như Tháo là quá lắm. Mặc phủ đang phạt tội kẻ gian ngoài cõi, chưa kịp dạy hấn, có ý rộng lượng, mong hãy sửa lỗi. Thế nhưng Tháo mang lòng lang sói, ngầm mưu gây họa, lại muốn bẻ gãy cột trụ, làm cho nhà Hán suy yếu, diệt trừ người trung lương, chuyên làm việc kiêu hùng. Năm ngoái ta giống trống lên miền bắc đánh Công Tôn Toàn, ngăn quân hung nghịch, chống giữ một năm; Tháo nhân lúc quân ta chưa phá được giặc, ngầm gửi thư qua lại, muốn mượn cớ giúp quân ta để đến đánh úp, cho nên dẫn quân đến sông Hoàng Hà. Đang chèo thuyền sang bờ bắc thì gặp lúc người đi đường tiết lộ, lúc ấy Toàn cũng bị diệt, cho nên mũi nhọn cùn nhụt, mưu kế không thành. Hấn giữ Ngao Thương, dựa sông Hoàng Hà làm chỗ vững, lại muốn lấy cánh tay bộ ngựa để chặn bánh xe lớn. Mặc phủ vâng oai linh của nhà Hán, chiếu rọi vũ trụ, mang trăm vạn cây kích dài, phát tướng khỏe như Trung Hoàng-Dục-Hoạch, (19) tỏ thế nỏ cứng cung bền, từ Tinh châu qua núi Thái Hàng, từ Thanh châu vượt sông Tế-Lũy, đại quân bời sông Hoàng Hà đến đánh trước, từ Kinh châu xuống thành Uyển-Diệp mà đánh mặt sau, sấm động hồ vồ, cùng đến hang giặc như phóng lửa bùng để đốt cỏ khô, mức nước biển lớn mà dập than cháy, có gì chẳng tiêu diệt được đây? Ngày nay nhà Hán suy yếu, kỉ cương đứt gãy. Tháo đem trăm vạn quân khỏe vây giữ cung cấm, ngoài xưng là bảo vệ, nhưng trong thực là bắt giữ. Ta sợ hấn gây họa tiềm nghịch từ đó mà ra. Đây là buổi trung thối phải gan óc lấy đất, là thời tráng sĩ nên lập công vậy. Chẳng đáng gặng sao"! Đây là lời văn của Trầ n Lâ m.

Thiệu đem quân đến Lê Dương, sai Nhan Lương đánh Lưu Diên ở huyện Bạch Mã. Thư Viện lại can Thiệu rằng: “Lương tính nóng vội, dầu kiêu dũng nhưng không nên dùng một mình”. Thiệu không nghe. Thái Tổ cứu Diên, đánh với Lương, phá chém Lương.

Hiển Đế truyện chép: Thiệu sắp đi đánh, Thư Viện họp họ hàng của mình, chia của cải để cho họ, nói: “Quyền còn thì oai không nơi nào không đến, quyền mất

thì không giữ được một tấm thân. Thương thay”! Em là Tông nói: “Quân mã của Tào Công khó địch được quân ta, anh sao lại sợ”! Viện nói: “Dựa vào cái mưu sáng của Tào Duyệt châu, lại kẹp thiên tử để làm thế riêng, quân ta dẫu đã thắng Công Tôn Toản nhưng quân thực là yếu kém, lại nữa tướng kiêu chủ căng thì quân thua bại, là do ở đấy. Dương Hùng có nói: ‘Sáu nước ngu si, giúp họ Doanh diệt họ Cơ’, là nói về ngày nay vậy”.

Thiệu vượt sông Hoàng Hà, đóng lũy ở phía nam Diên Tân, sai Lưu Bị Văn Sứ dụ đánh, Thái Tổ đánh phá chúng, chém Sứ; đánh nữa, bắt được đại tướng của Thiệu, quân của Thiệu cả kinh.

Hiển Đế truyện chép: *Thiệu sắp vượt sông, Thư Viện can rằng: “Thắng thua biến hóa, không thể không rõ. Nay nên đóng đồn ở bến Diên Tân, lại chia quân đến Quan Độ. Nếu thắng được thì trở về không muộn. Nếu đánh gặp khó thì quân chẳng về được”. Thiệu không nghe. Viện sắp vượt sông, than rằng: “Trên thì tỏ chí lớn, dưới thì ham lập công, sông Hoàng Hà mệnh mông, ta không quay về được chẳng”! Bèn lấy cờ bệnh từ chối, Thiệu giận, liền cắt quân bản bộ của Viện trao cho Quách Đồ.*

Thái Tổ về Quan Độ. Thư Viện lại nói: “Quân bắc dẫu đông nhưng không khỏe mạnh bằng quân nam; nhưng quân nam lương thiếu ít mà đỡ dùng lại không bằng quân bắc; quân nam lợi lờ đánh nhanh, quân bắc lợi ở đánh lâu. Nên thông thả chờ đợi để ngày tháng dây dưa”. Thiệu không theo, các đội liên tiếp tiến lên, đến gần Quan Độ, gặp đánh, quân của Thái Tổ không được lợi, rút về giữ lũy. Thiệu làm khiên lớn, đắp gò đất, bắn tên vào trong lũy, quân trong lũy đều che khiên, quân Thái Tổ cả sợ. Thái Tổ bèn làm xe bắn đá, bắn lần của Thiệu, đầu phá được, quân của Thiệu gọi là ‘xe sấm sét’.

Ngụy thị xuân thu chép: *Vì thời xưa có bắn đá, lại nữa kinh truyện có chép: “Quái động thì đánh trống”. Giải thích rằng: “Quái là bắn đá vậy”. Do đó làm xe bắn đá.*

Thiệu đào hào hầm đất, muốn đánh úp trại của Thái Tổ. Thái Tổ liền dựng lũy dài ở trong để chống lại, lại sai quân mạnh đánh úp xe vận lương của Thiệu, đại phá chúng, đốt sạch lương thóc. Thái Tổ chống nhau với Thiệu lâu ngày, trăm họ thiếu đói, nhiều người phản theo Thiệu, quân sĩ thiếu lương. Kịp lúc Thiệu sai bọn Thuần Vu Quỳnh đem hơn vạn quân lên phía bắc chở lương, Thư Viện khuyên Thiệu rằng: “Nên sai tướng là Trương Kỳ đi riêng làm một đội để chặn Tào Công đi cướp”. Thiệu lại không theo. Quỳnh đóng quân ở Ô Sào, cách chỗ quân của Thiệu bốn mươi dặm. Thái Tổ bèn để Tào Hề ở lại giữ, buổi đêm tự đem năm nghìn quân bộ kỵ lên

đi đến đánh Quỳnh; Thiệu sai quân kị cứu Quỳnh, nhưng thua chạy. Thái Tổ phá bọn Quỳnh, chém hết chúng. Thái Tổ về, chưa đến trại, tướng của Thiệu là bọn Cao Lãm-Trương Cáp đem quân bản bộ đến hàng. Quân của Thiệu vỡ lở, Thiệu cùng Đàm cưỡi ngựa rút qua sông. Quân còn lại giả hàng, Thái Tổ chôn sống hết chúng.

Hán kỉ của Trương Phan chép: *Giết quân của Thiệu cả thấy tám vạn người.*

Thư Viện không kịp qua sông, bị quân bắt được, đưa đến chỗ Thái Tổ.

Hiển Đế truyện chép: *Viện kêu to rằng: “Viện này không hàng, để quân địch bắt thôi”. Thái Tổ có quen với Viện, đón bảo Viện rằng: “Thân phận khác biệt, cho nên ngăn cách. Không ngờ hôm nay lại bắt nhau thế này”! Viện đáp nói: “Kể châu không có sách lược mà chuốc lấy thua vỡ. Viện trí lực đều khôn nên mới bị bắt vậy”. Thái Tổ nói: “Bản Sơ không có mưu, không dùng kế của ông. Nay tang loạn nhiều năm, nhà nước chưa yên, ta nên cùng cứu giúp”. Viện nói: “Chú ruột, mẹ, em treo mạng ở nhà họ Viên. Nếu được ngài mở ân, dẫu chết cũng là phúc”. Thái Tổ than rằng: “Ta sớm có được ông thì thiên hạ chẳng đáng lo”.*

Thái Tổ đãi hậu Viện, sau lại mưu về chỗ họ Viên, bị giết.

Lúc trước, Thiệu xuống phía nam, Đìên Phong khuyên Thiệu rằng: “Tào Công giỏi dùng binh, biến hóa không lường. Quân dẫu ít nhưng không nên khinh thường. Không bằng chống giữ lâu ngày. Tướng quân dựa vào cái vững của sông núi, nắm quân của bốn châu, ngoài kết anh hùng, trong sửa việc nông, rồi kén chọn quân tinh nhuệ, chia làm quân lạ, chọn chỗ hờ mà ra đánh để lấy miền Hà Nam, cứu hữu thì đánh bên tả, cứu tả thì đánh bên hữu, khiến cho quân địch mệt mỏi vì rong ruổi, dân không được ở yên; lúc ấy ta chưa mệt mà địch đã khốn, chưa đến hai năm thì có thể ng ồi mà đánh thắng vậy. Nay bỏ kế chắc thắng mà lại quyết được thua ở một trận, nếu chẳng như ý thì hối chẳng kịp nữa”. Thiệu không theo. Phong cố can, Thiệu giận lắm, cho là ngăn trở quân sĩ, bắt trói lại. Quân của Thiệu đã thua, có người bảo Phong rằng: “Ông tất được coi trọng”. Phong nói: “Nếu quân có lợi thì ta được sống. Nay quân thua, ta tất chết thôi”. Thiệu về, bảo tả hữu nói: “Ta không nghe lời Đìên Phong, quả nhiên bị chê cười”. Bèn giết Phong.

Tiên hiền hành trạng chép: *Phong tự Nguyên Hạo, người quận Cự Lộc, có kẻ nói là người quận Bột Hải. Phong bản tính kiết hiệt, quyền biến nhiều mưu. Thừa trẻ mất người thân, để tang rất đau buồn. Kì tang dẫu qua nhưng vẫn không cười. Học rộng biết nhiều, nổi danh trong châu. Lúc đâu được mời đến phủ Thái úy, cử mậu tài, chuyển làm Thị ngự sử. Bọn hoạn quan chuyên quyền, kẻ anh hiền bị hại, Phong bèn bỏ quan về nhà. Kịp lúc Viên Thiệu khởi nghĩa, nói lời*

nhún nhường tặng tiền nhiều để mời Phong đến, Phong vì nhà vua nhiều nạn, có chí cứu giúp, liền vâng lệnh của Thiệu, cho làm Biệt giá. Khuyên Thiệu đón thiên tử, Thiệu không nghe, sau Thiệu dùng mưu của Phong mà dẹp Công Tôn Toản. Phùng Kỉ ngại tính thẳng thắn của Phong, nhiều lần gièm Phong với Thiệu, Thiệu bèn ngờ Phong. Vào lúc quân của Thiệu thua, vỡ lở trốn về phương bắc, quân sĩ mất cả, quân đều đâm ngực mà khóc nói: “Nếu để Điền Phong ở đây thì không đến nỗi thế này”. Thiệu bảo Phùng Kỉ nói: “Người Kí châu nghe tin quân ta thua đều đang giận ta, riêng Điền Biệt giá lúc trước can ngăn ta, không giống với mọi người, nếu ta gặp hắn cũng thẹn”. Kỉ lại nói: “Phong nghe tin tướng quân rút về, liền vỗ tay cười lớn, vui vì lời mình đúng”. Do đó Thiệu có ý giết Phong. Trước đây, Thái Tổ nghe nói Phong không theo quân, mừng nói: “Thiệu tất thua thôi”. Kịp lúc Thiệu chạy trốn, lại nói: “Nếu mà Thiệu dùng kế của Điền Biệt giá thì còn chưa biết thế nào”! Tôn Thịnh nói: “Ta xem mưu của Điền Phong-Thư Viện, dẫu là Lương-Bình há hơn được thế? Cho nên vua quý phải người tài, tôi phải chọn vua; vua dùng người trung lương thì nghiệp bá vương mới lập được. Tôi thờ vua ngu tối thì chỉ chuốc họa nguy vong. Được mất vinh nhục thường do ở đây. Phong biết Thiệu sắp thua, thua thì mình tất chết, vui lòng xông vào miệng hổ để tỏ hết lòng trung, tráng sĩ đối với việc ấy, chẳng nghĩ thân mình được sống vậy. Đối với bày tôi của chủ hầu, về nghĩa thì có thể bỏ đi hoặc theo về, huống chi là Phong không phải là bày tôi thân cận của Thiệu đây! Kinh Thi chép: ‘Ta từ bỏ người, đến chỗ yên vui’, ý nói bỏ nơi loạn là cũng phải đạo vậy”.

Thiệu ngoài thì rộng rãi, có khí độ, vui buồn không lộ ra mặt nhưng trong lại nghi kỵ, đố kỵ đại loại như thế.

Nhiều thành ấp ở Kí châu làm phản, Thiệu lại đánh dẹp được. Từ sau khi quân thua bèn sinh bệnh. Năm (Kiến An) thứ bảy, (năm 202 Công nguyên) lo lắng mà chết.

Thiệu sủng ái con nhỏ là Thượng, có vẻ đẹp, muốn lấy làm nối tự mà chưa nói ra.

Diễn lược chép: Đàm là con cả lại có ân huệ, Thượng là con út mà có dáng đẹp. Vợ của Thiệu là Lưu thị yêu Thượng, nhiều lần khen tài của Thượng, Thiệu cũng khen dáng vẻ của Thượng, muốn cho nối dõi, chưa kịp nói ra thì Thiệu chết. Lưu thị tính ganh嫉, Thiệu chết, thân liệm chưa xong thì năm người thiếp được Thiệu sủng ái đã bị Lưu thị giết cả. Cho là người chết cũng biết, sẽ lại gặp Thiệu ở dưới đất, liền cắt tóc bôi mực lên mặt để hủy dáng vẻ của họ. Thượng lại giết sạch người nhà của những người đã chết kia.

Thẩm Phối-Phùng Kỉ tranh quyền với Tân Bình-Quách Đồ, Phối-Kỉ kết với Thượng, Bình-Đồ kết với Đàm. Mọi người vì Đàm là con cả, muốn lập Đàm. Bọn Phối sợ Đàm lập thì bọn Bình sẽ hại mình, bèn theo ý cũ của

Thiệu, rồi lấy Thượng thay vị của Thiệu. Đàm đến, không được lập, tự hiệu làm Xa kị tướng quân. Do đó Đàm-Thượng hiềm khích. Thái Tổ lên phía bắc đánh Đàm-Thượng. Đàm dẫn quân đến Lê Dương; Thượng cấp cho Đàm ít quân, lại sai Phùng Kỉ đến chỗ Đàm; Đàm xin thêm quân, bọn Phối bàn không cho, Đàm giận, giết Kỉ.

***Anh hùng kí chép:** Kỉ tự Nguyên Đò. Trước đây, Thiệu bỏ Đồng Trác chạy ra, cùng với Hứa Du và Kỉ đến Kí châu. Thiệu vì Kỉ thông đạt có kế sách, rất tin dùng Kỉ, cùng Kỉ dấy binh. Sau đó lại dùng Thẩm Phôi, Phôi không hòa với Kỉ. Có kẻ gièm Phôi với Thiệu, Thiệu hỏi Kỉ, Kỉ nói: “Phôi bản tính cứng cỏi, có khí tiết của người xưa, không nên nghi ngờ hắn”. Thiệu nói: “Ông chẳng ghét hắn sao”? Kỉ đáp nói: “Ngày trước tranh giành là vì tình riêng, nay thân nói là vì việc nước”. Thiệu khen lời, rút cuộc không bỏ Phôi. Do đó Phôi càng thân thiện với Thiệu.*

Thái Tổ vượt sông Hoàng Hà đánh Đàm, Đàm gấp báo cho Thượng. Thượng muốn chia quân cứu Đàm, nhưng sợ Đàm chiếm lấy quân của mình, bèn sai Thẩm Phôi giữ thành Nghiệp, còn Thượng tự đem quân giúp Đàm, chống nhau với Thái Tổ ở Lê Dương. Từ tháng hai đến tháng chín, (năm Kiến An thứ tám) đánh lớn ở dưới thành, Đàm-Thượng thua chạy vào giữ thành. Thái Tổ lại vây thành, Đàm-Thượng bèn buổi đêm chạy trốn. Đuổi đến thành Nghiệp, thu gặt lúa mạch ở đấy, lại phá thành Âm An, rồi dẫn quân về đất Hứa. Kịp lúc Thái Tổ xuống phía nam đánh Kinh châu, dẫn quân đến quận Tây Bình; Đàm-Thượng bèn phát quân đánh nhau, Đàm thua trốn đến quận Bình Nguyên. Thượng gấp đánh Đàm, Đàm sai Tân Bì đến chỗ Thái Tổ xin cứu, Thái Tổ bèn về cứu Đàm; Tháng mười, (năm Kiến An thứ tám) Thái Tổ đến Lê Dương.

***Ngụy thị xuân thu chép thư của Lưu Biểu gửi Đàm rằng:** “Trời xanh giáng họa, họa nạn nhiều đây. Tiên công mất đi khiến cho người khắp bốn cõi đau lòng. Kịp lúc con hiền nối dõi, mọi người trông mong, đều muốn tỏ rõ tài sức để thờ mình chủ; dẫu đến lúc mất vẫn còn mong như thế. Sao lại để ruồi xanh bay ở cán cò, vì vu lượn qua hai trại, khiến cho đùi tay chia làm hai phần, lưng bụng cắt làm thân khác! Ngày xưa từ thời Tam vương-Ngũ bá đến thời Chiến quốc, cha con giết nhau, đã có thế ấy. Nhưng nếu muốn lập thành nghiệp vương, hoặc muốn định công bá, hoặc muốn làm rạng rỡ tổ tiên, hoặc muốn giữ gìn dòng dõi thì chưa có ai bỏ người thân mà chia cắt gốc rễ của mình, mà chỉ chăm chỉ lập công, truyền lộc cho đời sau vậy. Như Tề Tương Công trả thù mối thù của chín đời, Sĩ Cáo lập nên công của Tuân Yển, cho nên kinh Xuân thu khen nghĩa của họ, bậc quân tử quý cái tín của họ. Bá Du đã oán với vua Tề không bằng tiên công oán Tháo vậy; Tuyên Tử nối nghiệp không bằng ngài nối nghiệp vậy. Vả lại*

quân tử tránh nạn thì không đến đất địch, há quên cái oán của thái công mà bỏ đi cái tình của người thân, làm gương cho vạn đời, để lại nỗi nhục của đông đông mình sao! Em ngài ở Kí châu kiên cố đã thế rồi; ngài nên nhẫn chí nhịn nhục để làm việc giúp nước; dầu bị phu nhân ghét cũng không bằng Trịnh Trang Công bị Khương thị ghét. Anh em ngài hiềm khích cũng không bằng Trọng Hoa hiềm ganh với Tượng vậy. Thế mà Trịnh Trang Công vẫn có buổi bày nhạc ở hãm đất, Tượng được phong ở ấp Hữu Tị. Mong hãy vứt bỏ oán trước, nghĩ kĩ nghĩ cũ, lập lại tình anh em như xưa”. Lại gửi thư cho Thượng rằng: “Ta biết loạn do ở Tân-Quách, gây họa cho anh em, nhớ việc cũ của Át Bá-Thực Thâm quên cái nghĩa để tang chếp trong bài Thường khang mà gây loạn can qua, thầy phời máu chảy, ta đọc đến đây mà ghen ngào, dầu còn mà như mất vậy. Ngày xưa Hiên Viên đánh trận ở cánh đồng Trác Lộc; Chu Vũ Vương phát quân đánh ở ấp Thương-Yểm, đều là vì trừ diệt tai hại mà dựng nghiệp vương, không phải là tranh mạnh yếu, chẳng phải là tỏ lòng vui giận vậy. Cho nên dầu diệt người thân mà vẫn không cho là lo, giết anh em mà không tổn nghĩa. Nay hai ngài mới nổi nghiệp lớn, noi theo phép cũ, tiền thì có nỗi lo nghiêng đổ của nhà nước, lùi thì có mối thù oán giận của tiên công, phải nên làm việc giữ nghĩa, cứu giúp nhà nước. Vì sao? Kim-mộc-thổ-thủy-hỏa lấy cứng mềm giúp nhau, rồi mới được hòa hợp, cho dân lấy dùng. Nay anh ngài ở Thanh châu bản tính nóng nảy, lâm lẫn phải trái. Ngài khí độ rộng rãi, khoan dung có thừa, nên lấy lớn giúp bé, lấy tốt giúp kém, nên diệt trừ Tào Tháo trước để rửa mối hận của tiên công; sau khi việc này xong mới ban kế phải trái, cũng chẳng hay hơn sao! Nếu suy nghĩa sâu xa, nhún mình giữ lễ, nên xua quân ruổi dài cùng giúp nhà vua; nếu mê lâm không sửa, trái mà không đổi thì rợ Hồ còn có lời trách hỏi, huống chi là đông minh? Lúc ấy ai còn gắng sức giúp ngài đánh dẹp đây? Đây là Hàn Lô-Đông Quách ⁽²⁰⁾ tự gây khốn mà bị người làm ruộng bắt được vậy. Nhảy nhót đứng trông, mong được nghe tin hòa mục. Nếu là lành thì họ Viên sẽ hưng vong với nhà Hán chẳng? Nếu là xấu thì đông minh mãi không còn đứng trông vậy”. Đàm-Thượng không nghe. Hán Tấn xuân thu chép thư Thâm Phôi gửi Đàm rằng: “Theo nghĩa kinh Xuân thu, vua của một nước chết với xã tắc, trung thân chết vì mệnh vua. Nếu có mưu gây loạn tông miếu, phá vỡ nhà nước thì đã có kỉ cương phép vua, dầu thân sơ đều xử như nhau vậy. Cho nên Chu Công rơi lệ mà xử ngục Quản-Sái, Quý Hữu nước nở mà chuốc độc cho chú mình. Vì sao? Nghĩa nặng người nhẹ, đây là việc bất đắc dĩ vậy. Ngày xưa Vệ Linh Công bỏ Khoái Hội mà lập Khoái Triếp là vì Khoái Hội vô đạo, vào ấp Thích để soán ngôi, do đó Vệ Linh Công đánh hấn.

Xuân thu truyện chép: ‘Theo nghĩa của Thạch Mạn Cô cũng chống lại được Khoái Hội’. Cho nên Khoái Hội rút cuộc bị phạt tội phản nghịch mà Thạch Mạn Cô có tiếng là trung thân. Cha con còn thế, huống chi là anh em đây? Ngày xưa tiên công phở bỏ tướng quân là vì lấy người hiền thay anh, lập tướng quân ta

làm người nô tỳ, trên cáo tổ tiên, dưới chép vào sách, tiên công gọi tướng quân là cháu, tướng quân cũng gọi tiên công là chú, người gần xa trong nước, ai chẳng biết việc này? Vả lại tiên công đã qua đời, tướng quân ta tạm để tang ở nhà cỏ, mà tướng quân cũng trai giới ở phòng mình, thân phận ra vào đều đã rõ ràng. Bấy giờ nghịch thân là Phùng Kỉ xằng bậy vẽ rắn thêm chân, nói lời siểm nịnh, gây loạn tình thân, do đó tướng quân tỏ nỗi giận đùng đùng, đánh không mấy chốc thì tướng quân cũng vâng mệnh theo ý, bày thêm hình phạt. Từ đó về sau, ung nhọt bị phá, cốt nhục không có chút gây hiềm, những bầy tôi từng nghi ngờ đều giữ được toàn mạng sống. Cho nên rợ Hồ mạnh bạo cũng kén tướng giỏi, sửa sang binh khí, lựa chọn quân sĩ, dốc hết tiền của trong kho tàng, vét sạch lương lực trong bờ cõi để cung cấp cho tướng quân mà không đòi hỏi gì cả. Vua tôi hòa thuận cùng dưới cờ trống, đánh như nhận bay, thuế đến cho chủ, dẫu kho tàng nghiêng lật, tàn hại dân chúng nhưng trên dưới gắng chịu, không dám nói là khổ. Sao thế? Nghĩ đến tấm lòng son trung thành, dốc kế sách còn để trong bụng ngực, như răng môi, trực xe không mong được thưởng. Bảo là vì tướng quân mà cùng lòng hợp ý, cong thẳng một thể, tất sẽ trở oai tử thế, chống giặc giữ nhà. Thế mà kẻ hung ác siểm nịnh, vu vạ không cùng, dụ dỗ lợi lộc, đến nỗi khiến cho tướng quân chốc lát đổi ý, quên lòng nhân hiếu thuận, nghe mưu của bọn sói lang, gièm lời phỉ lập của tiên công, trái ngôi vị lúc để tang mới đây, phản lễ của phép tắc, không xét khí tiết thuận nghịch, mưu đổi chủ của Kỉ châu, muốn làm người nô tỳ nghiệp của tiên công. Rồi phát quân cướp bóc, phá thành giết quan, thây phơi đây đông, dân ngã đây nội, có kẻ phải cắt tóc rách da, chặt đứt tay chân, oán thán nỉ non ở cõi âm, đau đớn kêu gào ở bụi gai. Lại còn mưu đánh thành Nghiệp, hứa tặng tiền của đàn ba cho người Tân-Hồ, hẹn cùng chia đất. Có kẻ nghe nói tướng quân cáo lệnh quan quân rằng: ‘Ta còn có mẹ già, chỉ muốn cho bà ấy được thân thể trọn vẹn mà thôi’. Nghe nói đến đây, chẳng ai không kinh ngạc thất sắc, đau lòng rơi lệ, khiến cho thái phu nhân cũng buồn rầu cảm giận ở phòng buồng, chủ tớ quan quân trong châu ta nằm nghỉ cũng than thở, không có chỗ đặt tay chân; nghĩ rằng nếu muốn lặng im suy nghĩ để nghe mưu nắm việc thì sợ trái với khí tiết chết vì mệnh vua trong kinh Xuân thu, gây thêm nỗi lo không cùng của thái phu nhân, tổn cơ nghiệp nhiều đời của tiên công. Vả lại ba quân hăng hái, mọi người đều mang oán, tướng quân ta bắt đắc dĩ mới đánh trận ở huyện Quán Đào. Bấy giờ ngoài là chống nạn, trong thực là chịu tội, đã không được tha mà lại đều tố hai ba ý, vào trận thì phản loạn. Tướng quân ta tiến lùi đều không có công, đầu đuôi gặp địch, bèn dẫn quân bỏ trốn, không dám từ biệt. Cũng vì tướng quân tỏ lòng nhân của người thân, ban cái ân dừng đuổi cho nên vướng vào vũng lầy, không có chỗ nương thân. Thú khốn thì tất đấu, dốc hết sức mình, mà quân sĩ của tướng quân tan vỡ thua vỡ, đây không phải là do sức người, mà còn là ý trời vậy. Từ đó lại mong tướng quân đổi ý sửa tính, cúi mình giữ lễ, lập lại tình thân anh em như xưa; vậy mà vẫn tự ý oán giận, đánh phá nhà cửa, đứng lên nhảy nhót, liên kết giặc ngoài,

thổi gió vào lửa, tăng thêm độc hại, khói lửa mù mịt, máu chảy nghìn dặm, nghiêng thành nguy dân, gây thêm oán hờn; dầu muốn chẳng đánh, há được ngừng sao! Cho nên bèn dẫn quân sang miền đông, giữ gìn bờ cõi, dầu đến gần lũy nhưng chưa lấn đất đai, chỉ đứng trông chờ tình, than mãi không thôi! Bọn Phối là bày tôi của tiên công, vâng theo lệnh phứt lập. Vậy mà bọn Đồ hại nước loạn nhà, phải phạt theo phép thường. Cho nên phát quân của châu nhỏ này để dẹp trừ cái bệnh của tướng quân. Nếu mà trời có ý giúp, sớm tỏ rõ hình phạt thì tướng quân ta cúi mình kêu gọi ở trên bàn tay của tướng quân, bọn Phối cũng cởi trần lộ thân mà chịu phạt lấy rìu chém. Nếu chẳng sửa lỗi, có ý hại nước, không treo đầu Đồ thì quân ta chẳng dừng. Mong tướng quân nghĩ kỹ việc nên làm để được theo về”. Diễn lược chép: Đàm nhận được thư mà thở dài, lên thành mà khóc. Nhưng đã bị Quách Đồ ép, cũng đem quân nhiều lần đánh đấu, rút cuộc đánh không nghỉ.

Thượng nghe tin Thái Tổ lên phía bắc, bèn bỏ quận Bình Nguyên mà về thành Nghiệp, tướng của Thượng là Lữ Khoáng-Lữ Tường phản theo Thái Tổ. Đàm lại ngầm khấn ấn tướng quân trao cho Khoáng-Tường. Thái Tổ biết Đàm dối, bèn giả hôn để làm hấn yên lòng, rồi dẫn quân về Thượng sai Thẩm Phối-Tô Do giữ thành Nghiệp, lại đánh Đàm ở quận Bình Nguyên. Thái Tổ tiến quân đi đánh thành Nghiệp, đến sông Hoàn cách thành Nghiệp năm mươi dặm; Do muốn làm nội ứng, mưu lộ, đánh với Phối ở trong thành, thua chạy ra theo Thái Tổ. Thái Tổ bèn đến đánh thành, đào hầm đất, Phối cũng dựng lũy ở trong để chống lại. Tướng của Phối là Phùng Lễ mở toang cửa thành, cho hơn ba trăm quân của Thái Tổ vào, Phối biết được, từ trên thành lấy đá to ném phá cửa lũy trong thành; lúc cửa lũy đóng lại, những người đi vào đầu bị giết chết. Thái Tổ lại vây thành, đắp lũy xung quanh dài bốn mươi dặm, đào rãnh nước, tỏ ý như vượt qua. Phối thấy mà cười việc ấy, không ra tranh lợi. Thái Tổ một đêm đào rãnh nước, sâu rộng hai trượng, dẫn nước sông Chương chảy vào thành; từ tháng năm đến tháng tám, người trong thành chết đói quá nửa. Thượng nghe tin thành Nghiệp nguy cấp, đem hơn vạn quân về cứu thành, men theo vùng núi phía tây mà đến, sang phía đông đến đình Dương Bình, cách thành Nghiệp bảy mươi dặm, đến gần sông Phũ, đốt lửa lên để cho người trong thành biết, người trong thành cũng đốt lửa để đáp lại. Phối đem quân ra phía bắc thành, muốn cùng Thượng phá vòng vây. Thái Tổ đón đánh Phối, Phối thua rút về, Thượng cũng thua chạy, dựa vào sông Khúc Chương để dựng trại, Thái Tổ bèn vây trại ấy; chưa gặp, Thượng sợ, sai Âm Quỳ-Trần Lâm ra xin hàng, Thái Tổ không nghe. Thượng chạy về

cửa Lam Khâu; Thái Tổ lại gấp đến vây Thượng, tướng của Thượng là bọn Mã Diên vừa vào trận liền xin hàng, quân của Thượng tan vỡ, Thượng trốn đến quận Trung Sơn. Thái Tổ thu hết đồ xe nặng, lấy được ấn thao, tiết việt và đồ áo của Thượng đem cho người nhà của Thượng biết, do đó người trong thành vỡ lở. Con anh của Phối là Vinh giữ cửa đông thành, buổi đêm mở cửa cho quân của Thái Tổ vào, đánh với Phối ở trong thành, bắt sống Phối. Phối nói lời tráng liệt, cuối cùng chẳng chịu phục, người xem chẳng ai không than thở, bèn chém Phối.

Tiên hiền hành trạng chép: Phối tự Chính Nam, người quận Ngụy. Thừa trể trung liệt khảng khái, có khí tiết không thể đổi. Viên Thiệu lĩnh Kí châu, tin dùng làm tim bụng, cho làm Trị trung biệt giá, coi quản phủ trưởng. Trước đây, Đàm bỏ đi, đều gọi người nhà của Tân Bì-Quách Đồ đi theo nhưng riêng người nhà của Tân Bì không chịu đi. Kịp lúc con anh của Phối mở cửa thành đón quân ngoài vào, bấy giờ Phối ở trên lầu tại góc đông nam thành, nhìn thấy quân của Thái Tổ vào, giận Tân-Quách phá hỏng Kí châu, bèn sai người đi nhanh đến nhà ngục trong thành Nghiệp, bắt giết người nhà của Trọng Trị. Bấy giờ Tân Bì ở trong quân, nghe tin cửa thành mở, chạy nhanh đến nhà ngục, muốn cứu người nhà của anh mình, nhưng người nhà của anh đã chết. Hôm đó bắt sống Phối, đem đến dưới trướng, bọn Tân Bì chặn lại lấy roi ngựa đánh vào đầu Phối, mắng Phối rằng: “Thằng nô kia, hôm nay mi chết chắc rồi!” Phối ngoảnh lại nói: “Bọn chó! Cũng vì bọn mi phá Kí châu, ta hận không giết được bọn mi vậy! Vả lại bọn mi hôm nay giết được ta sao!” Chốc lát, Tào Công dẫn vào gặp, bảo Phối rằng: “Có biết ai mở cửa thành của khanh không?” Phối nói: “Không biết được”. Nói: “Từ cháu khanh là Vinh vậy”. Phối nói: “Thằng nhỏ kia không đáng được dùng nên mới thế!” Tào Công lại bảo rằng: “Khi trước ta đến vây thành, sao lại nổ bắn nhiều thế?” Phối nói: “Chỉ hận còn ít!” Tào Công nói: “Khanh trung với cha con họ Viên, cũng là không được không như thế”. Có ý muốn cho hắn sống. Phối đã không chịu phục, lại nữa bọn Tân Bì kêu khóc không thôi, bèn giết Phối. Trước đây, người Kí châu là Trương Tử Khiêm hàng trước, vốn không hòa với Phối, cười bảo Phối rằng: “Chính Nam, khanh sao bằng được ta?” Phối lớn tiếng nói: “Mi là tên giặc phản hàng, Thảm Phối là tôi trung, dẫu chết nhưng há sống như mi sao!” Sắp chịu chết, quát bọn lính cầm giữ sai phải để đầu hướng về phía bắc, nói: “Chủ ta ở miền bắc”. Sơn Âm Công tái kí của Nhạc Tư và Hiến Đế xuân thu của Viên Diệp đều chép: Quân của Thái Tổ vào thành. Thảm Phối đánh ở trong cửa, đã thua, trốn ở trong giếng, bắt được Phối ở giếng. Thân là Tùng Chi cho rằng: Phối là tráng sĩ một thời, là tôi chịu chết của họ Viên, há vào ngày vận cùng mà trốn mình ở trong giếng? Việc này khó tin, nhưng kể ra cũng dễ như thế. Không biết bọn Tư-Diệp là người thế nào, chưa phân biệt được đúng sai mà lại khinh thường viết bút mực, xằng bậy

bày ra điều quái lạ để chép vào sách mình. Cách chép như thế, đây là nói gièm mà không chịu nghe nhìn, khiến cho người đời sau nghi ngờ. Đây là việc có lỗi với sách vở, là điều mà kẻ soạn sách không nên làm vậy.

Cao Cán đem cả dân Kí châu hàng, lại lấy Cán làm Thứ sử.

Vào lúc Thái Tổ vây thành Nghiệp thì Đàm cướp lấy các nơi Cam Lăng-An Bình-Bột Hải-Hà Gian, đánh Thượng ở Trung Sơn. Thượng chạy đến huyện Cố An theo Hi; Đàm thu hết quân của Thượng. Thái Tổ đến đánh Đàm, Đàm bèn đánh lấy quận Bình Nguyên, chiếm huyện Nam Bì, tự đóng trại ở huyện Long Thấu. Tháng mười hai, (năm Kiến An thứ chín) Thái Tổ đem quân đến cửa trại của Đàm, Đàm không ra, buổi đêm lẻn trốn đến Nam Bì, rồi đến quận Thanh Hà mà đóng trại. Tháng giêng năm (Kiến An) thứ mười, (năm 205 Công nguyên) Thái Tổ đánh lấy trại, chém bọn Đàm và Đô Hi-Thượng bị tướng của mình là Tiêu Xúc-Trương Nam đánh, trốn đến chỗ người Ô Hoàn ở quận Liêu Tây. Xúc tự hiệu làm U châu Thứ sử, thống lĩnh các quan Lệnh trưởng-Thái thú của các quận phản họ Viên theo họ Tào, bày mấy vạn quân, giết ngựa trắng để thề, lệnh rằng: “Kẻ trái lệnh thì chém”! Mọi người chẳng ai dám nói, đều lấy máu uống thề. Đến chỗ Biệt giá Hàn Hành, Hành nói: “Ta nhận ân dày của cha con họ Viên, nay sắp phá diệt, nếu có trí mà chẳng cứu được, có dũng mà không chết cùng, thì về nghĩa là sai vậy. Nếu ngoảnh mặt về phía bắc theo họ Tào thì ta chẳng làm được”. Mọi người ngẩng đầu vì Hành mà thất sắc. Xúc nói: “Đã làm việc lớn thì nên giữ nghĩa lớn, việc thành hay không chẳng phải do ở một người, nên theo ý của Hành để khuyến khích việc thờ chủ”. Cao Cán phản, bắt Thượng Đảng Thái thú, đem binh giữ cửa Hồ Khẩu; Thái Tổ sai Nhạc Tiến-Lí Diễn đánh hấn, không thắng. Tháng mười một, Thái Tổ đánh Cán, Cán bèn giữ tướng của mình là Hạ Chiêu-Đặng Thăng giữ thành, rồi tự đến chỗ Thiển vu của của người Hung Nô xin cứu, không được, một mình cùng mấy quân kỵ chạy trốn, muốn xuống phía nam đến Kinh châu; Thượng Lạc Đô úy bắt chém Cán.

Diễn lược chép: *Thượng Lạc Đô úy Vương Diễm bắt được Cao Cán, xét công phong Hầu; vợ của Diễm khóc ở trong phòng, cho là Diễm giàu có rồi sẽ lấy thế thiếp mà bỏ sống ái mình vậy.*

Năm (Kiến An) thứ mười hai, (năm 207 Công nguyên) Thái Tổ đến quận Liêu Tây đánh người Ô Hoàn. Thượng-Hi cùng người Ô Hoàn đem quân đón đánh, thua chạy đến quận Liêu Đông, bị Công Tôn Khang dụ bắt chém, đem đầu đến.

Diễn lược chép: *Thượng là người có sức khỏe, muốn đoạt lấy quân của Khang, mưu với Hi rằng: “Nay đến đây, Khang tất gặp nhau. Ta muốn cùng anh bắt lấy hắn. Có được quận Liêu Đông vẫn tự mở rộng được vậy”. Khang cũng tự mưu nói: “Nay không bắt Hi-Thượng thì không biết nói gì với nhà nước”. Bèn đặt quân tinh nhuệ ở trong chuồng ngựa, rồi mời Hi-Thượng. Hi-Thượng vào, quân phục của Khang xõ ra, đều bắt trói bọn Thượng, cho ngồi đất bằng. Thượng lạnh, xin ngồi chiếu, Hi nói: “Đâu sợ sắp rồi đến chỗ vạn dặm rồi, xin chiếu chi nữa”! Bèn chém đầu. Đàm tự Hiễn Tư. Hi tự Hiễn Dịch. Thượng tự Hiễn Phủ. Ngô thư chép: Thượng có em trai tên là Mãi, cùng với Thượng chạy đến Liêu Đông. Tào Man truyện chép: Mãi là em của anh Thượng. Chưa rõ.*

Thái Tổ khen khí tiết của Hàn Hành, nhiều lần mời mà không đến, chết ở nhà.

Tiên hiền hành trạng chép: *Hành tự Tử Bội, người quận Đại. Trong sạch lại nhã nhặn. Thừa trẻ mất cha mẹ, kính thuận anh chị, họ hàng khen là hiếu để.*

TRUYỆN LƯU BIỂU

Lưu Biều tự Cảnh Thăng, người huyện Cao Bình quận Sơn Dương. Thừa trẻ nổi danh, gọi là ‘bát tuần’.

Hán kị của Trương Phan chép: Biều với người cùng quận là bọn Trương Ân, Tiết Úc, Vương Phỏng, Tuyên Tĩnh, Công Tự Cung, Điền Lâm gọi là ‘bát giao’, hoặc gọi là ‘bát cô’. Hán mạt danh sĩ lục chép: Biều với người quận Nhữ Nam là Trần Tường tự Trọng Lân, Phạm Bàng tự Mạnh Bác, người nước Lỗ là Khổng Dục tự Thế Nguyên, người quận Bột Hải là Phạm Khang tự Trọng Chân, người quận Sơn Dương là Đàn Phu tự Văn Hữu, Trương Kiệm tự Nguyên Tiết, người quận Nam Dương là Sâm Chí tự Công Hiếu gọi là ‘bát hữu’. Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Biều theo học người cùng quận là Vương Sướng. Sướng làm Nam Dương Thái thú, có đức tiết kiệm. Bấy giờ Biều mười bảy tuổi, can gián rằng: “Xa xỉ không lẫn người trên, tiết kiệm không ép kẻ dưới, đấy là đạo trung dung, cho nên Cừ Bá Ngọc then vì riêng mình được khen là bậc quân tử. Nếu phủ quân không ngoảnh xem lời dạy sáng suốt của Khổng Tử mà lại ngưỡng mộ tiết tháo thấp kém của Di-Tề thì không lấy gì rạng rỡ với đời được!” Sướng đáp rằng: “Ít có người bỏ tiết kiệm vậy; vả lại để nắn sửa phong tục”.

Biều thân cao hơn tám thước, dáng vẻ hùng vĩ. Từ chức Đại tướng quân duệ làm Bắc quân trung hầu. Linh Đế băng, thay Vương Duệ làm Kinh châu Thứ sử. Bấy giờ quân miền Sơn Đông nổi dậy, Biều cũng hợp quân binh ở Tương Dương.

Chiến lược của Tư Mã Bưu chép: Vào buổi Lưu Biều vừa làm Kinh châu mục, hào tộc ở miền Giang Nam lớn mạnh, Viên Thuật đóng đồn ở Lỗ Dương, chiếm hết quân của quận Nam Dương. Người quận Ngô là Tô Đại làm Trường Sa Thái thú, Bôi Vũ làm Hoa Dung Trưởng, đều phát quân làm loạn. Biều vừa đến, một ngựa vào Nghi Thành, lại mưu tính với người huyện Trung Lô là Khoái Lương-Khoái Việt, người quận Tương Dương là Sái Mạo. Biều nói: “Hào tộc rất mạnh, mà dân lại không theo, Viên Thuật nhân đó mà đánh, nay họa sắp đến rồi! Ta muốn hịch gọi quân nhưng sợ không tụ, phải làm thế nào”? Lương nói: “Dân không theo là vì chưa đủ lòng nhân vậy. Theo mà không trị được là vì tín nghĩa không đủ vậy. Nếu có lập đạo nhân nghĩa thì trăm họ đi theo như nước chảy

xuống chỗ thấp, lúc ấy còn lo chi trăm họ không theo mà phải hỏi kẻ sách phát binh đây”? Biều ngoảnh hỏi Việt, Việt nói: “Trị bình phải làm việc nhân nghĩa trước, trị loạn phải tỏ rõ quyền mưu trước. Quân không cốt nhiều, cốt ở lòng người vậy. Viên Thuật dũng cảm mà không quyết đoán, Tô Đại-Bôi Vũ đều là kẻ vô dũng, không đáng lo. Bọn hào tộc phần nhiều tham bạo, bị kẻ dưới căm ghét. Có kẻ mà Việt vốn nuôi dưỡng, sai đem lợi để dụ, tất đem dân đến; lúc ấy ngài chỉ giết kẻ vô đạo, vỗ về mà dùng họ thì người cả châu sẽ có ý yên lòng. Lại nghe nói ngài có đức lớn thì sẽ dấy công mà đến vậy. Quân hội dân tụ, rồi xuống miền nam lấy thành Giang Lăng, lên phía bắc giữ thành Tương Dương, vậy thì truyền hịch mà vỗ yên tám quận Kinh châu. ⁽²¹⁾ Bọn Thuật dẫn đến cũng không làm chi được vậy”. Biều nói: “Lời của Tư Như như lời bàn của Ung Quý. Kế của Dị Độ như mưu của Cữu Phạm vậy”. Rồi cho Việt sai người dụ bọn hào tộc, có năm mươi lăm người đến, đều chém chúng. Đánh úp bắt lấy quân của chúng, có kẻ liền nhận làm bộ khúc. Riêng hào tộc ở quận Giang Hạ là bọn Trương Hồ-Trần Sinh đem quân giữ quận Tương Dương; Biều lại sai Việt cùng Bàng Quý đi một ngựa đến dụ hàng chúng, rút cuộc miền Giang Nam đều bình.

Vào lúc Viên Thuật ở tại Nam Dương, liên hợp với Tôn Kiên muốn đánh lấy châu của Biều, sai Kiên đánh Biều. Kiên bị trúng tên lạc mà chết, quân thua, rút cuộc Thuật không thắng được Biều. Lí Thôi-Quách Dĩ vào Tràng An, muốn kết Biều làm ngoại viện, bèn lấy Biều làm Trấn nam tướng quân, Kinh châu mục, phong tước Thành Vũ Hầu, Giả tiết. Thiên tử đóng đô ở đất Hứa; Biều dẫn sai sứ giả cống nạp nhưng liên kết với Viên Thiệu ở miền bắc. Trị trung Đặng Hi can ngăn Biều, Biều không nghe,

Hán Tấn xuân thu chép: Biều đáp Hi rằng: “Trong không bỏ cống nạp, ngoài không phản mình chủ, đây là đạt nghĩa với thiên hạ vậy. Sao quan Trị trung lại cho là lạ”?

Hi bèn lấy có bệnh mà lui về không làm quan thời Biều. Trương Tể dẫn quân vào cõi Kinh châu, đánh thành Nhữong, bị trúng tên lạc mà chết, quan thuộc ở Kinh châu đều chúc mừng, Biều nói: “Tể vì khốn cùng mà đến đây, tướng giữ thành vô lễ mới dẫn đến giao tranh, đây không phải là ý ta. Nay ta chỉ nhận lời thương tiếc chứ không nhận lời chúc mừng”. Liền sai người thu nạp quân của Tể, mọi người nghe tin đều mừng, bèn theo phục. Trường Sa Thái thú Trương Tiện phản Biều,

Anh hùng kí chép: Trương Tiện là người quận Nam Dương. Lúc đầu làm quan Trưởng ở các quận Linh Lăng-Quế Dương Trưởng, rất được lòng người miền Giang-Tương, nhưng tính cứng cỏi không hòa thuận. Biều đối đãi người này bạc bẽo, rất không giữ lễ. Do đó Tiện mang lòng oán, bèn phản lại Biều.

Biểu vây hấn nhiều năm không thắng. Kịp lúc Tiễn chết, người quận Trường Sa lại lập con của hấn là Dịch; Biểu lại đánh bắt Dịch, xuống phía nam thu miền Linh-Quế, (22) lên miền bắc chiếm miền sông Hán, có đất vuông mấy nghìn dặm, hơn mười vạn quân mặc giáp.

***Anh hùng kí chép:** Bọn giặc trong châu đã hết, Biểu bèn mở lập quan lại dạy học, cầu tìm nhà Nho, sai bọn Kỳ Vô Khai-Tổng Trung soạn sách Ngũ kinh chương cú, còn gọi là sách Hậu định.*

Thái Tổ đang chống nhau với Viên Thiệu ở Quan Độ; Thiệu sai người xin giúp, Biểu hứa theo mà không đến, cũng không giúp Thái Tổ, muốn giữ miền Giang-Hán để xem sự biến của thiên hạ. Tông sự trung lang Hàn Tung, Biệt giá Lưu Tiên khuyên Biểu rằng: “Nay hào kiệt tranh giành, hai kẻ mạnh chống nhau, kẻ mạnh trong thiên hạ cũng có tướng quân. Nếu tướng quân muốn muốn tranh thắng thì nên thừa lúc bọn họ mệt mỏi mà đánh cũng được vậy; nếu không tranh thì chọn lựa quân bản bộ, lúc ấy tướng quân nắm mười vạn quân, ngẩng yên mà đứng xem cũng được. Nếu trông người hiên mà không giúp được, xin hòa mà cũng không xong, hai kẻ kia tất đều oán tướng quân, tướng quân chẳng còn đứng giữa được nữa. Tào Công là người sáng suốt, người hiên tài trong thiên hạ đều theo về, thế chắc thắng được Viên Thiệu, sau đó dẫn quân hướng đến miền Giang-Hán, sợ rằng tướng quân không chống được vậy. Cho nên bày kế giúp tướng quân, không bằng đem cả châu theo phục Tào Công, Tào Công tất trọng đức của tướng quân; sẽ hưởng phúc lộc lâu dài, truyền cho dòng dõi; đây là kế vạn toàn vậy”. Viên đại tướng của Biểu là Khoái Việt cũng khuyên Biểu, Biểu do dự, bèn sai Tung đến chỗ Thái Tổ để xem thật giả. Tung về kể rõ oai đức của Thái Tổ, khuyên Biểu sai con vào làm tin. Biểu ngờ Tung phản nói giúp Thái Tổ, cả giận, muốn giết Tung, xét hỏi người đi theo Tung, biết Tung không có ý khác mới tha.

***Phó Tử chép:** Lúc trước Biểu bảo Tung rằng: “Nay thiên hạ đại loạn, chưa biết lúc nào yên. Tào Công giữ thiên tử đóng đô ở đất Hứa, ông hãy giúp ta đi xem xét”. Tung đáp nói: “Thánh nhân hiếu tiết, thứ đó là giữ tiết. Tung chỉ biết giữ tiết vậy. Đã thờ chủ là giúp chủ, tôi chủ đã định danh thì giữ danh đến chết; nay trao mệnh làm tin, vâng lệnh của ngài, dẫu nhảy vào lửa bỏng thì chết cũng không từ. Tung xem thấy Tào Công là người rất sáng suốt, tất giúp được thiên hạ. Tướng quân nên trên thuận thiên tử, dưới nên phục Tào Công, tất được hưởng lợi đến trăm đời, đất Sở thực là cũng được nhờ; sai Tung đi cũng đáng. Nay chưa bày sẵn kế, Tung đi sứ đến kinh sư, nếu thiên tử trao một chức quan cho Tung thì Tung là tôi thần của thiên tử và chỉ là quan thuộc cũ của tướng*

quân mà thôi. Ở cạnh vua thì giúp vua, vậy thì Tung vâng lệnh của thiên tử; về nghĩa không được chết vì tướng quân vậy. Mong tướng quân nghĩ kĩ, chớ phụ Tung”. Biểu bèn sai đi, đúng như Tung nói, thiên tử bái Tung làm Thị trung, chuyển làm Linh Lăng Thái thú, khi trở về khen đức của triều đình và Tào Công. Biểu cho là Tung mang lòng khác, hội gặp mấy trăm quan thuộc, bày quân gặp Tung, nổi giận, cầm cò tiệt muốn chém Tung, mắng rằng: “Hàn Tung dám mang lòng khác chẳng”! Mọi người đều sợ, muốn sai Tung tạ lỗi. Tung không tạ, bảo Biểu rằng: “Tướng quân phụ Tung chứ Tung không phụ tướng quân”! Nói rõ lời trước. Biểu giận không thôi. Vợ Biểu là Sái thị can ngăn nói: “Hàn Tung là người trọng vọng của đất Sở; vả lại hấn nói lời thẳng thắn, nếu giết hấn thì không biết nói lẽ ra sao”. Biểu bèn không giết mà chỉ bắt giam.

Biểu dấu vẻ ngoài nho nhã nhưng long nhiều nghi kỵ, đâu đại loại như thế.

Lưu Bì đến chỗ Biểu, Biểu hậu đãi hấn nhưng không dùng được.

Hán Tấn xuân thu chép: Vào lúc Thái Tổ mới đánh Liễu Thành; Lưu Bì khuyên Biểu đánh úp đất Hứa nhưng Biểu không theo. Kịp lúc Thái Tổ về, Biểu bảo Bì rằng: “Ta không nghe lời ông cho nên làm mất cơ hội lớn này”. Bì nói: “Nay thiên hạ chia cắt, can qua nhiều ngày, cơ hội xảy đến, há có cuối cùng sao? Nếu trao cho dòng dõi được thì việc ấy cũng không đáng tiếc”.

Năm Kiến An thứ mười ba, (năm 208 Công nguyên) Thái Tổ đánh Biểu, chưa đến nơi thì Biểu bệnh chết.

Trước đây, Biểu và vợ sủng ái con út là Tông, muốn cho nối tự, Tông lại có Sái Mạo-Trương Doãn giúp làm phe đảng, Biểu cho con cả là Kỳ ra làm Giang Hạ Thái thú, mọi người bèn cử Tông làm người nối tự. Kỳ và Tông bèn gây hiềm khích.

Diễn lược chép: Biểu bệnh tật, Kỳ về thăm bệnh. Kỳ tính hiếu dễ, Mạo-Doãn sợ Kỳ gặp Biểu thì cha con thương nhau sẽ có lời trao gửi, bảo Kỳ rằng: “Tướng quân sai ngài đến vỗ về quận Giang Hạ, làm phen dậu phía đông, gánh việc rất nặng; nay bỏ quân mà đến tất bị trách giận; tấm lòng thương cha sẽ làm cho cha thêm bệnh, đây không phải là hiếu kính vậy”. Bèn ngăn ở cửa nhà, không vào gặp được; Kỳ rơi lệ mà đi ra.

Việt-Tung và Đông tào duyệt Phó Tồn khuyên Tông theo Thái Tổ; Tông nói: “Nay ta cùng các ông giữ cả đất Sở, giữ nghiệp của tiên công để xem thiên hạ, sao lại không được thế”? Tồn đáp nói: “Thuận nghịch có thế lớn, mạnh yếu có thế sẵn; là bầy tôi mà chống nhà vua là nghịch vậy. Lấy đất Sở mới lập mà chống nhà nước, thế này chẳng đáng vậy; giúp Lưu Bì mà địch Tào Công lại chẳng đáng; ba đi đâu ấy đều kém. Nếu muốn chống mũi

nhọn của quân nhà vua, đây là thế tất vong. Tướng quân tự nghĩ so với Lưu Bị thế nào”? Tông nói: “Ta không bằng hần”. Tồn nói: “Nếu giúp Lưu Bị cũng không ngăn được Tào Công thì dầu giữ đất Sở cũng không đủ để tự yên vậy; nếu giúp Lưu Bị đủ để ngăn Tào Công thì Bị cũng không chịu đứng dưới tướng quân vậy. Mong tướng quân chớ nghi. Thái Tổ đem quân đến Tương Dương, Tông đem châu hàng, Bị chạy đến Hạ Khẩu.

Phó Tử chép: Tồn tự Công Đế, học nhiều hiểu rộng, có tài nhìn người. Phủ Tam công gọi, bái làm Thượng thư lang, sau đó làm khách ở Kinh châu, có công khuyên dụ Lưu Tông, ban tước Quan nội hầu. Vào thời Văn Đế, bái làm Thị trung, giữa năm Thái Hòa thì chết. Tồn ở tại Kinh châu, xem rằng Bàng Thống là anh hùng một nửa, bàn là Bùi Tiêm sẽ nêu rõ đức lành; rút cuộc Thống theo Lưu Bị, được sung đãi sau Gia Cát Lượng; Tiêm làm đến Thượng thư lệnh, đều có tiếng tăm. Đến thời nhà Ngụy, có Ngụy Phúng nổi tiếng tài trí, Tồn bảo là hần tất phản, rút cuộc như lời Tồn. Con em của Tồn là Hổ, có truyện chép riêng. Hán Tấn xuân thu chép: Vương Uy khuyên Lưu Tông rằng: “Tào Tháo có tướng quân đã hàng, Lưu Bị đã chạy, tất trễ nải không phòng bị, khinh thường mà tiến lên; nếu cấp mấy nghìn quân khỏe cho Uy, chặn đánh ở chỗ hiểm thì bắt được Tháo vậy. Bắt được Tháo thì oai lừng thiên hạ, ngồi mà vô chộp. Trung Nguyên dầu rộng nhưng lướt dài mà định, không chỉ lập được một công thắng trận và giữ gìn được hôm nay mà thôi. Đây là cơ hội khó gặp, không nên để lỡ”. Tông không nghe. Sưu thân kí chép: Đầu năm Kiến An, trẻ con ở Kinh châu hát rằng: “Trong năm thứ tám-thứ chín thì bắt đầu suy, đến năm thứ mười ba thì chẳng còn chi”!. Ý nói là từ năm Trung Bình về sau thì riêng Kinh châu được trọn vẹn, đến thời Lưu Biểu làm châu mục, dân được yên vui, đến năm Kiến An thứ tám-thứ chín thì bắt đầu suy. Bắt đầu suy là chỉ buổi vợ của Lưu Biểu chết, các tướng đều loạn vỡ vậy. Năm thứ mười ba thì chẳng còn chi là nói Biểu chết, nhân đó thua vỡ vậy. Bấy giờ ở huyện Hoa Dung có một người con gái chọt kêu gào nói: “Kinh châu sắp có tang lớn”. Lời nói mê lâm, quan huyện cho là nói bậy, bắt vào ngục hơn một tháng, ở trong ngục lại chọt khóc nói: “Hôm nay Lưu châu mục chết”. Huyện Hoa Dung cách sở châu mấy trăm dặm, liền sai người ngựa đi xem sao, thì đúng Biểu chết, quan huyện bèn thả ra. Rồi lại hát ngâm rằng: “Không ngờ Lí Lập là người tôn quý”. Sau đó không lâu, Thái Tổ bình Kinh châu, lấy người quận Trác là Lí Lập, tự Kiến Hiên làm Kinh châu Thứ sử.

Thái Tổ lấy Tông làm Thanh châu Thứ sử, phong tước Liệt hầu.

Vũ Đế cố sự chép lệnh rằng: “Đất Sở có cái hiểm của sông núi miền Giang-Hán, ngang bằng với đất Tần, mà Kinh châu là đất cũ. Lưu Trấn nam dùng dân ở đất ấy lâu rồi. Sau khi thân mất, các con lại tranh giành, dầu khó giữ trọn nhưng vẫn kéo dài. Thanh châu Thứ sử là Tông ý chí cao khiết, trí tuệ sâu rộng, khinh vinh trọng nghĩa, lợi mỏng đức dày, coi

thường cơ nghiệp vạn dặm, lơ là binh sĩ ba quân, dốc tấm thân trung chính, giữ danh dự tiếng tốt, trên nêu rõ tiếng cao của tiên công, dưới nắm chặt lộc lớn không mục; dẫu Bào Vĩnh bỏ Tinh châu, Đâu Dung rời năm quận cũng chưa đáng để sánh vậy. Dẫu phong tước Liệt hầu ở một châu cũng tiếc vinh sủng ấy chưa xứng cho người này; mà lại gửi sớ xin về châu cũ. Chức quan Giám dẫu quý nhưng bổng lộc chưa nhiều. Nay nghe theo lời xin, bái Tông làm Giám nghị đại phu, Tham đồng quân sự”.

Phong tước Hầu cho mười lăm người bọn Khoái Việt. Việt làm Quang lộc huân;

Phó Tử chép: Việt là dòng dõi của Khoái Thông vậy. Mưu sâu trí đầy, kiệt kiệt có oai hùng. Đại tướng quân Hà Tiến nghe danh mà gọi làm Đông tào duệ. Việt khuyên Tiến giết bọn hoạn quan, Tiến do dự không quyết. Việt biết Tiến tất thua, xin ra làm Nhữ Dương Lệnh, giúp Lưu Biểu đánh dẹp trong châu, Biểu được lớn mạnh. Hạ chiếu bái làm Chương Lăng Thái thú, phong tước Phán đình hầu. Kinh châu bình, Thái Tổ gửi thư cho Tuân Úc rằng: “Không mừng có Kinh châu, chỉ mừng có Khoái Dị Độ thôi”. Năm Kiến An thứ mười chín thì chết. Sắp chết, gửi thư cho Thái Tổ, trao gửi người nhà. Thái Tổ báo thư rằng: “Chết mà lại sống, sống mà chẳng thẹn. Ta ít cử ai, chỉ làm nhiều thôi. Hôn mà có linh, cũng sẽ nghe lời này của ta”.

Tung làm Đại hồng lư;

Tiên hiền hành trạng chép: Tung tự Đức Cao, người huyện Nghĩa Dương. Thừa trẻ ham học, nghèo mà chẳng đổi tiết. Biết đời sắp loạn, không vâng lệnh của Tam công, cùng mấy người bạn cùng quận ẩn cư ở trong núi phía tây huyện Lịch. Kịp lúc giặc Khăn vàng nổi lên, Tung tránh nạn đến miền nam, Lưu Biểu cho làm Biệt giá, chuyển làm Tòng sự trung lang. Biểu ra ngoài thành cúng tế trời đất, Tung can ngăn mà không nghe, bèn có ý làm trái. Đi sứ đến đất Hứa, việc chép tại lời chú ở trước. Vào lúc Kinh châu bình, Tung bệnh tật, đến tại sở quan nhận ấn thao Đại hồng lư.

Hi làm Thị trung; Hi là người quận Chương Lăng.

Tiên làm Thượng thư lệnh; những người còn lại đều làm đến quan to.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Tiên tự Thủy Tông, học rộng nhớ lâu, ưa học đạo Hoàng Lão, thuộc lòng sách vở của nhà Hán. Làm Biệt giá của Lưu Biểu, đem thư đến đất Hứa, gặp Thái Tổ. Bấy giờ tân khách đều hội, Thái Tổ hỏi Tiên rằng: “Lưu châu mục sao lại cúng tế ở ngoài thành”? Tiên đáp nói: “Lưu châu mục lấy tiếng là bụng ngực của nhà Hán, nắm vị mục bá mà gặp buổi phép vua chưa yên, bọn xấu chặn đường, muốn châu dâng lụa ngọc mà không đến được, gửi biểu sớ mà chẳng tới được nhà vua, cho nên cúng tế trời đất, nêu rõ lòng thành”. Thái Tổ nói: “Bọn xấu là ai”? Tiên nói: “Dối mắt đều thấy”. Thái Tổ

nói: “Nay ta có kẻ sĩ hùm gấu, mười vạn bộ kị, vâng lệnh đánh dẹp, ai dám không phục”? Tiên nói: “Nhà Hán suy kém, dân chúng tiêu tụy, đã không có kẻ sĩ trung nghĩa giúp đỡ thiên tử vỗ yên bốn cõi khiến cho vạn nước phục đức mà lại đem quân giết chóc, nói là chẳng ai bằng mình, đây chỉ là bọn Xi Vưu-Trí Bá xuất hiện ngày nay vậy”. Thái Tổ im ỉm, bái Tiên làm Vũ Lăng Thái thú. Vào lúc Kinh châu bình, Tiên mới vào làm Thượng thư của nhà Hán, sau lại làm Thượng thư lệnh của nước Ngụy. Con rể người cùng quận của Tiên là Chu Bất Nghi, tự Nguyên Trực, người huyện Linh Lăng. Tiên hiền truyện chép: Thừa bé Bất Nghi có tài lạ, thông minh nhanh nhẹn, Thái Tổ muốn gả con gái cho, Bất Nghi không dám nhận. Thái Tổ sợ ái con là Thương Thư, sớm có tài trí, bảo là sánh được với Bất Nghi. Kịp lúc Thương Thư chết, ý Thái Tổ kị Bất Nghi, muốn giết đi. Văn Đế can ngăn cho là không nên. Thái Tổ nói: “Người này không phải là người mà mi ngăn chặn được”. Bèn sai thích khách đi giết. Văn chương chí của Chí Ngu chép: Bất Nghi chết vào lúc mười bảy tuổi, soạn bốn bài văn luận. Thế ngữ chép: Sau khi Biều chết hơn tám mươi năm, đến giữa năm Thái Khang thời nhà Tấn, người ta đào mộ của Biều, thấy hình người Biều và vợ như lúc sống, mùi trà lan mấy dặm.

Bình rằng: Đồng Trác lang sói tàn ác, bạo ngược bất nhân, từ khi có sách chép đến nay gần như chưa có ai như thế.

Anh hùng kí chép: Ngày xưa có người lớn xuất hiện ở huyện Lâm Thao thì đức người đông; Trác sinh ở huyện Lâm Thao thì người đông võ; (23) đời có Trác thì xảy ra đại loạn, sau đại loạn thì Trác thân diệt, nguyên nhân như thế đó.

Viên Thuật xa xỉ phóng túng, không đáng vinh hiển mà tự nắm lấy.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Kiệt-Trụ vô đạo, Tần-Mỗ (24) bạo ngược, đầu trải qua nhiều năm rồi việc ác mới rõ ràng. Đồng Trác tự nắm quyền bính, làm việc hỏng tổn, kể bằng ngày tháng, chưa đến ba năm mà họa chất cao như núi, độc tuôn bốn cõi. Cái tính tàn ngược của hắn đến sói lang cũng không bằng. Chép rằng: “Từ khi có sách chép đến nay gần như chưa có ai như thế”, lời này là đúng. Nhưng đã bình rằng: “Tàn ác” mà lại nói “Bất nhân”, tàn ác, bất nhân, lời này là nặng nề Viên Thuật không có công chút ít gì, chẳng có đức lành tí tẹo nào mà xằng bậy ở thời ấy, tự ý tôn lập, khiến cho nghĩa sĩ than thở, thần người cùng khinh ghét. Dẫu có cung kính tiết kiệm thì cũng không tránh khỏi võ lật vậy. Thế mà chỉ bình rằng: “Xa xỉ không đáng” thì không đủ để thấy cái tính xấu của hắn.

Viên Thiệu-Lưu Biều đầu có oai danh khí độ, nổi tiếng trên đời. Biều nhảy nhót ở miền nam sông Hán; Thiệu bay võ ở miền bắc sông Hoàng Hà, nhưng đầu ngoài thì rộng rãi mà trong thì nghi kị, ưa mưu kế mà không

quyết đoán, có người tài mà chẳng dùng được, thấy người hiền mà chẳng nạp được, phê trướng lập thứ, bỏ lễ mà yêu sủng, dẫn đến dòng dõi tranh giành, xã tắc nghiêng lật; đấy chẳng phải là không may vậy. Ngày xưa Hạng Vũ làm trái mưu của Phạm Tăng mà vùi lấp nghiệp vương; nay Thiệu giết Diên Phong, còn lẫm hơn Vũ vậy!

[CHÚ THÍCH]

(1) Kinh nghệ tức là cá voi và cá kình, những con cá lớn rất mạnh mẽ ở ngoài biển xa. Ý Trác muốn nói là những kẻ cầm đầu nổi dậy ở phương xa chưa diệt được.

(2) Y Doãn và Hoắc Quang đều là những đại hiền thần đời Thương Chu, nổi danh trong lịch sử Trung Hoa.

(3) Trở việc Đông thái hậu bị Hà thái hậu bức chết.

(4) Ngày xuân tháng hai còn gọi là ngày xuân xã, theo tục lệ xưa Trung Hoa là ngày Mậu sau ngày lập xuân năm ngày. Mùa thu cũng có ngày thu xã, tức là ngày Mậu sau ngày lập thu năm ngày.

(5) Việc này xảy ra ở nước Trịnh, thời Xuân Thu.

(6) Chỗ này Bùi Tùng Chi trích dẫn một việc xảy ra vào cùng thời gian, ở hai cuốn sách khác nhau, về hai cái chết rất khác nhau của cái người có tên tự là Đức Du, ở cùng quê, một người có tên là Ngũ Phu, một người có tên là Ngũ Quỳnh, và không hiểu được đó là một người hay là hai người khác nhau.

(7) Nên nghĩ đến mối thù của Ngũ Tử Tư mà ngoảnh mặt về phía bắc: ý nói chủ của Thuật là Thái phó Viên Ngôi bị Đông Trác giết hại, Thiệu khuyên Thuật nên báo thù, ngoảnh mặt về phía bắc theo mình để đánh Đông Trác.

(8) Bốn châu: chỉ bốn châu mà Viên Thiệu chiếm lấy là: U châu, Kí châu, Tinh châu, Thanh châu.

(9) Chủ mình: chỉ việc đứng đầu hội thề. Bấy giờ hào kiệt của miền Sơn Đông hội thề để đánh Đông Trác, tôn Thiệu làm chủ mình.

(10) Trác sang phía tây vào cửa quan: chỉ việc Trác dời đô từ Lạc Dương sang phía tây vào cửa quan Hàm Cốc mà đến thành Tràn An.

(11) Hà bá: chỉ thần sông.

(12) Quân 'bạch mã nghĩa tòng': tức quân theo nghĩa cưỡi ngựa trắng.

(13) Vận hỏa suy kiệt, họ Viên là dòng dõi của vận thổ: ý nói nhà Hán của họ Lưu thuộc vận hỏa đã suy kiệt, họ Viên thuộc vận thổ sẽ nối thay.

(14) ‘Thập vây ngũ công’: ý nói theo binh pháp thì quân nhiều hơn địch mười lần mới vây, nhiều hơn địch năm lần mới đánh.

(15) Mạc phủ: chỉ phủ trưởng của Viên Thiệu. Lúc đầu Thiệu tự hiệu làm Xa kị tướng quân, chủ minh, lập ra phủ trưởng để thống lĩnh quân hào kiệt của miền Sơn Đông đi đánh董卓.

(16) Bỏ xấu chọn dùng: ý nói thời loạn cần dùng người, dẫu người xấu thì cũng gạt bỏ tiếng xấu cũ của người đó mà chọn dùng.

(17) Phát khâu trung lang tướng, Mô kim hiệu úy: là những chức quan do Tào Tháo đặt ra, coi việc đào mộ cổ để lấy vàng bạc châu báu ở trong mộ.

(18) Chính sự phiến hà: chỉ chính sự rườm rà, khắc bạo.

(19) Trung Hoàng-Dục-Hoạch: Trung Hoàng là Trung Hoàng Bá, Dục là Hạ Dục, Hoạch là Ô Hoạch, đều là những dũng sĩ thời cổ, có sức khỏe hơn người.

(20) Hàn Lô-Đông Quách: Hàn Lô tức Hàn Tử Lô, là một con chó nổi tiếng khỏe mạnh; Đông Quách là Đông Quách Thuân, là con thỏ nổi tiếng khôn ngoan. Theo Chiến quốc sách kể câu chuyện rằng: Hàn Lô đuổi Đông Quách ba vòng quanh, năm lần trèo lên núi, hai con ra sức chạy, cuối cùng đều mệt mỏi mà chết ở dưới núi. Lúc đó có người làm ruộng thấy mà bắt được mà không khó khọc gì. Ý nói hai bên đều mệt thì bên thứ ba được lợi vậy.

(21) Tám quận Kinh châu: vào thời Lưu Biểu làm Kinh châu Thứ sử, Kinh châu gồm tám quận là: Nam Quận, Nam Dương, Giang Hạ, Chương Lăng, Trường Sa, Vũ Lăng, Quế Dương, Linh Lăng.

(22) Miền Linh-Quế: chỉ hai quận Linh Lăng và Quế Dương.

(23) Ngày xưa có người lớn xuất hiện ở huyện Lâm Thao thì đúc người đồng; Trác sinh ở huyện Lâm Thao thì người đồng vỡ: Hán thư - Ngũ hành chí chép: Vào năm thứ hai mươi sáu (năm 221 Trước công nguyên) thời Tần Thủy Hoàng, có mười hai ‘người lớn’ cao năm trượng, chân rộng sáu thước, mặc áo Di-Địch, xuất hiện ở huyện Lâm Thao, cho nên Tần Thủy Hoàng phá binh khí để đúc thành tượng mười hai người lớn kia, đặt ở thành Hàm Dương. Quan trung kí chép:董卓 phá mười tượng người đồng, chỉ còn lại hai tượng.

[\(24\)](#) *Tân-Mãng: Tân là nhà Tân, Mãng là Vương Mãng, chính trị thời nhà Tân và Vương Mãng đều bạo ngược rườm rà.*

QUYỂN 7 - LÃ BỐ (TRƯƠNG MẠC, TRẦN ĐĂNG), TANG HỒNG TRUYỆN

Lã Bố, (Trương Mạc, Trần Đăng) Tang Hồng

LÃ BỐ TRUYỆN

Lã Bố tự Phụng Tiên, người quận Ngũ Nguyên huyện Cửu Nguyên. Bởi vũ dũng có sức khoẻ nên được làm Cấp sự⁽¹⁾ ở Tỉnh Châu. Thứ sử Đinh Nguyên làm Kỵ Đô úy, đóng quân ở Hà Nội, dùng Bố làm Chủ bộ, lấy tình thân mà đối đãi.

Anh hùng ký chép: Nguyên tự Kiến Dương⁽²⁾. Vốn xuất thân nơi nghèo khó, là người thô lậu, có vũ dũng, khéo cưỡi ngựa bắn cung. Lúc làm Lại ở huyện Nam, khi đi công cán chẳng từ chối việc khó nhọc, có tinh thần cảnh giác và ứng biến nhanh, khi đuổi theo quân cường khấu, thường xông lên trước. Ít đọc sách, thiếu khả năng làm Lại.

Linh Đế băng hà, Nguyên dẫn binh đến Lạc Dương. Cùng Hà Tiến mưu tính diệt bọn hoàng môn, được bái làm Chấp kim ngô. Tiến chết, Đồng Trác vào kinh đô, định làm loạn, muốn giết Nguyên, tiêu diệt hết binh lính. Trác thấy Bố được Nguyên tin tưởng, bèn dụ Bố sai giết Nguyên. Bố bèn chém Nguyên đem đầu đến chỗ Trác, Trác lấy Bố làm Kỵ Đô úy, rất yêu mến tin tưởng, ước thế làm cha con.

Bố giỏi việc cung ngựa, sức vóc hơn người, có danh hiệu là Phi tướng. Ít lâu được thăng làm Trung lang tướng, tước Đô Đình hầu. Trác tự biết mình vô lễ với người, sợ họ mưu hại mình, khi đi đứng thường lấy Bố làm hộ vệ. Nhưng Trác tính tình cố chấp mà nóng nảy, lúc cáu giận chẳng nghĩ đến nguy hiểm, có lần thất ý vì một việc nhỏ, tiện tay rút cây kích ném Bố. Bố có sức khoẻ đánh gạt cây kích đi, ngoảnh về phía Trác tạ lỗi, Trác cũng có ý nguôi giận. Tuy vậy Bố vẫn ngấm oán Trác. Trác thường sai Bố trấn giữ trong cửa nách, Bố và thị tì của Trác tư thông, sợ việc bị phát giác, trong lòng bất an.

Kinh Thi viết: “Không có sức không gan góc, mà có chức tước là loạn ngôi thứ.⁽³⁾” Chú: “Quyền, là sức vậy”.

Trước đây, Tư đồ Vương Doãn nhân vì Bố là người cùng châu quận lại rất tráng kiện, nên đãi Bố rất hậu. Về sau Bố đến chỗ Doãn, dãi bày việc

Trác có lần định giết mình. Bấy giờ Doãn và quan Phó xạ Tôn Thuy đang ngẩn bàn mưu tru diệt Trác, nên yêu cầu Bõ làm nội ứng. Bõ nói: “Nhưng có cái tình cha con thì ta phải làm thế nào!” Doãn nói: “Ngài là họ Lã, vốn chẳng phải là cốt nhục. Nay vừa lo cái chết chẳng xong, sao bảo là có tình cha con?” Bõ bèn nghe theo, tự tay cầm dao đâm chết Trác. Việc đã nói ở Đồng Trác truyện. Doãn cho Trác làm Phấn vũ tướng quân, cho Giả tiết, Nghi bĩ tam ti⁽⁴⁾, tước Ôn hầu, cùng nắm quyền chi đầu chính. Bõ từ sau khi giết Trác, căm ghét người ở Lương châu, người Lương châu đều oán giận. Bởi thế bọn Lý Thôi bèn liên kết kéo về vây đánh Trường An. Bõ không chống nổi, bọn Thôi liền kéo vào Trường An. Trác chết được sáu tuần, Bõ cũng thất bại. Bõ bèn dẫn mấy trăm quân kỵ chạy ra Vũ Quan, muốn đến chỗ Viên Thuật.

***Anh hùng ký chép:** Quách Dĩ ở phía bắc thành. Bõ mở rộng cửa thành, dẫn binh tới chỗ Dĩ, nói: “Người hãy tạm lui binh, chỉ mình ta và người quyết thắng phụ”. Dĩ và Bõ bèn đơn đả độc đấu, Bõ dùng mâu đâm trúng người Dĩ, quân kỵ của Dĩ ở phía sau liền tiến ra cứu Dĩ, Dĩ và Bõ hai bên đều bãi binh.*

***Thần Tùng Chi xét Anh hùng ký chép:** Các sách nói, Bõ giết Trác vào ngày hai mươi ba tháng tư, ngày mồng một tháng sáu thua chạy, mùa ấy lại không có tháng nhuận, vậy chẳng thể đến sáu tuần được.*

Bõ tự nghĩ mình đã giết Trác là báo thù được cho Thuật, muốn tỏ cái ơn ấy ra. Thuật ghét Bõ là kẻ phản phúc, cự tuyệt không thu dụng. Bõ về bắc đến chỗ Thiệu, Thiệu cùng Bõ đánh Trương Yến ở Thường Sơn. Yến có hơn vạn tinh binh, mấy nghìn quân kỵ. Bõ có con ngựa hay gọi là Xích Thố.

***Tào Man truyện chép:** Người bấy giờ có câu rằng: “Người thì có Lã Bõ, ngựa thì có Xích Thố.”*

Bõ thường cùng cùng bọn tướng thân cận là Thành Liêm-Ngụy Việt xung phong hãm trận, sau phá được quân của Yến. Nhưng lúc xin cấp thêm binh, tướng sĩ lại hay cướp bóc, Thiệu sợ mà ghét. Bõ biết được ý ấy, tới gặp Thiệu xin đi. Thiệu sợ Bõ quay lại hại mình, bèn phái tráng sĩ nhân đêm tối đến giết Bõ, không xong. Việc bại lộ, Bõ chạy về Hà Nội, cùng Trương Dương hợp binh.

***Anh hùng ký chép:** Bõ tự nghĩ mình có công với họ Viên, kiêu căng khinh mạn chư tướng bộ hạ của Thiệu, cho rằng chỉ tạm giữ chức, không đủ quý hiển. Bõ xin về Lạc huyện, Thiệu giả vờ cho Bõ lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy. Bê ngoài nói là đang sắp xếp, trong bụng muốn giết chết Bõ. Sáng hôm sau lên đường, Thiệu phái ba chục giáp sĩ đi theo, nói là đưa tiễn Bõ. Bõ ở trong góc trường, vờ sai*

người ở trong trướng gây đàn tranh. Quân của Thiệu nằm nghỉ, Bõ không biết làm sao lại ra khỏi trướng, mà binh kia không phát giác được. Nửa đêm binh lính xông lên, đến chém loạn vào giường của Bõ, cho là Bõ đã chết. Sáng hôm sau, Thiệu tra hỏi, mới biết Bõ vẫn còn sống, bèn đóng cửa thành lại. Bõ liền bỏ đi.

Thiệu lệnh cho binh lính đuổi theo, chúng đều sợ Bõ, chẳng ai dám tiếp cận.

Anh hùng ký chép: Dương cùng chư tướng thuộc hạ, đều vâng mệnh Thôi-Dĩ cho yết bảng để tìm Bõ, mưu toan giết đi. Bõ nghe tin, báo với Dương rằng: “Bõ ta, và ngài là người cùng châu. Ngài giết Bõ, là ngài kém. Chẳng bằng đem bán Bõ, có thể được Dĩ-Thôi ban cho tước hậu.” Dương vì thế ngoài mặt hứa với Thôi-Dĩ, trong bụng lại thật tình bảo hộ Bõ. Dĩ-Thôi lo lắng, bèn đổi ý xuống đại chiếu thư, phong cho Bõ làm Thái thú Dĩnh Xuyên⁽⁵⁾.

[CHÚ THÍCH]

(1) Theo một số tài liệu liên quan thì Lã Bố khi đó làm sai dịch, chuyên việc tuyển mộ lính thú ở Tinh Châu.

(2) Nguyên văn câu này là ‘Nguyên tử Kiến Dương’, chữ ‘tử’ có nghĩa là con cái, gốc gác; chữ ‘tự’ có nghĩa là tên tự, hai chữ này viết chỉ khác nhau một nét, có thể bản gốc viết lầm chữ này?

(3) Vô quyền vô dũng, chức vị loạn giai. Chữ ‘quyền’ ở đây là quyền cước, là cái nắm tay.

(4) Tức là cho nghi trượng, gần được như ngôi Tam công.

(5) Không hiểu vì sao truyện về Lã Bố lại dừng ở đây, khi những tình tiết về nhân vật này vẫn còn dài?

QUYỂN 8 - NHỊ CÔNG TÔN ĐÀO TÚ TRƯỞNG TRUYỆN

*Công Tôn Toàn, Đào Khiêm, Trương Dương, Công Tôn Độ,
Trương Yên, Trương Tú, Trương Lỗ*

CÔNG TÔN ĐỘ TRUYỆN

Công Tôn Độ tự Thăng Tể, vốn là người huyện Tương Bình quận Liêu Đông. Cha Độ là Diên, tránh quan (1) mà đến ở quận Huyên Thố, dùng Độ làm quan của quận ấy. Bấy giờ con của Huyên Thố Thái thú Công Tôn Vực là Báo, mới mười tám tuổi, chết sớm. Độ thuở nhỏ có tên là Báo (2), lại cùng tuổi với con của Vực, Vực gặp mà yêu quý Độ, sai thầy đến dạy học, giúp cưới vợ cho. Sau cử Hữu đạo (3), bái làm Thượng thư lang, dần chuyển làm Kí Châu Thứ sử, nói lời sai trái mà bị bãi chức. Người cùng quận là Từ Vinh làm Trung lang tướng của Đồng Trác, tiến cử Độ làm Liêu Đông Thái thú. Độ vốn là quan nhỏ của quận Huyên Thố, bị người quận Liêu Đông coi thường. Lúc đầu, người của thuộc quốc (4) là Công Tôn Chiêu làm Tương Bình Lệnh, gọi con Độ là Khang làm Ngũ Trưởng. Độ đến nhận chức, bắt Chiêu, đánh chết ở chợ Tương Bình. Thỗ hào họ lớn trong quận là bọn Diên Thiêu không có ân giao kết, đầu dùng hình pháp mà giết hết hơn trăm nhà, trong quận rung động. Đến phía đông đánh nước Cao Câu Li, đến phía tây đánh người Ô Hoàn, uy lừng ngoài nước. Năm Sơ Bình thứ nhất, Độ biết Trung Quốc rối loạn, bảo với quan thân cận là bọn Liễu Nghị, Dương Nghị nói: “Lộc nhà Hán sắp hết, nay cùng các ông mưu làm Vương thôi”.

Ngụy thư viết: “Độ nói với bọn Nghị, Nghị rằng: ‘Có sách bói nói Tôn Đãng đáng làm Thiên tử, Thái thú họ Công Tôn, tự Thăng Tể, Thăng là Đãng vậy’”.

Bấy giờ ở xã Diên Lí thuộc huyện Tương Bình có khối đá lớn, dờn hơn một trượng, dưới có ba khối đá nhỏ làm chân. Có người bảo Độ nói: “Đây là điềm đã mữ (5) thời Hán Tuyên Đế, mà tên ấp giống với tên tiên quân. Xã là đất đai, ý nói đáng có đất đai, mà ba chân là phụ tá vậy”. Độ thêm vui. Hà Nội Thái thú Lí Mẫn ngày trước là người có tiếng trong quận, ghét việc mà Độ làm, sợ bị Hại, bèn đem người nhà chạy vào biển. Độ cả giận, đào mộ cha của hắn, xẻ quan đốt thây, giết họ hàng của hắn.

Tấn Dương thu viết: “Con Mẫn đến cứu Mẫn, ra cửa ải, qua hai mươi năm không lấy vợ. Người trong chùa là Từ Mạc trách hấn nói: ‘Bất hiếu chẳng gì lớn bằng không có người nối dõi, sao lại suốt đời không lấy vợ vậy!’ Bèn lấy vợ, sinh con là Dận rồi đuổi vợ đi, thường dùng lễ chịu tang, không thôi lo buồn, được mấy năm thì chết. Dận sinh ra không biết cha mẹ là ai, đến lúc biết, ăn rau chịu tang người thân cũng ba năm. Vì không biết ông nội còn hay mất, cũng tự mình cúng tế. Do đó mà có tiếng tằm, làm quan đến chức Tư đồ”.

Thần là Tùng Chi xét: Truyện gốc nói Mẫn đem người nhà vào biển, mà đây lại nói Mẫn lạc nhau với con, chưa rõ nguyên nhân.

Chia quận Liêu Đông lập ra quận Liêu Tây, quận Trung Liêu, đặt chức Thái thú. Vượt biển lấy các huyện quận Đông Lai, đặt chức Doanh Châu Thứ sử. Tự lập làm Liêu Đông Hầu, Bình Châu Mục, truy phong cha là Diên làm Kiến Nghĩa Hầu. Lập miếu thờ hai vị tổ của nhà Hán⁽⁶⁾, thừa lệnh đắp đàn tế ở phía nam thành Tương Bình, cúng tế trời đất, cày ruộng tịch điền⁽⁷⁾, luyện binh, cưỡi xe màn loan, dùng chín cờ xí, lập quân kỳ mao đầu, vũ lâm. Thái Tổ xét bái Độ làm Vũ uy Tướng quân, phong Vĩnh Ninh Hương Hầu, Độ nói: “Ta làm chủ quận Liêu Đông, sao lại là huyện Vĩnh Ninh”! Giấu ẩn thao ở kho vũ khí. Độ chết, con là Khang thay tước, lấy tước Vĩnh Ninh Hầu phong cho em là Cung. Năm đó là năm Kiến An thứ chín.

Năm thứ mười hai, Thái Tổ đánh người Ô Hoàn của ba quận, ⁽⁸⁾ làm cỏ Liễu Thành. Bọn Viên Thượng trốn đến Liêu Đông, Khang chém đem đầu Thượng đem đến. Lờn này tại Vũ Đế kỉ. Phong Khang làm Tương Bình Hầu, bái làm Tả Tướng quân. Khang chết, con là bọn Hoảng, Uyên còn nhỏ, quân sĩ lập Cung làm Liêu Đông Thái thú. Văn Đế lên ngôi, sai sứ đến bái Cung làm Xa kị Tướng quân, Giả tiết, phong Bình Quách Hầu, truy tặng Khang làm Đại Tư mã.

Trước đây, Cung mắc bệnh suy sụp trở thành người yếm⁽⁹⁾, gầy yếu không coi được việc. Năm Thái Hóa thứ hai, Uyên ép đoạt chức của Cung. Minh Đế lên ngôi, bái Uyên làm Dương liệt Tướng quân, Liêu Đông Thái thú. Uyên sai sứ xuống phía nam giao kết với Tôn Quyên, trao đổi hàng hóa.

Ngô thư chép Uyên dâng biểu gửi Quyên nói: “Phần trộm nghĩ rằng mình gặp buổi trời đất quay ngược, mắc phải vận không hay; con đường đến chỗ Nhà vua chưa yên, nghiêng ngả rối loạn. Từ thời tiên nhân đến nay, thờ qua Hán, Ngụy, nhân theo cơ hội, giúp nước giữ tiết cho nên đời sau được thay chức

tước, giữ nơi biên giới, nhưng vẫn biết rằng phù lệnh chưa có chỗ theo về. Thường cảm kích ân dày, nhiều lần sai sứ đi, lại nghĩ rằng bấy tôi không được giao kết với kẻ ngoài cõi, cho nên có ý giữ chắc, ngăn chặn sứ giả lúc trước. Về nghĩa dẫu là không có tín ước nhưng há dám quên ân lớn của nhà nước sao! Bệ hạ vỗ về giữ nước nhỏ này, trước sau sai bọn Bùi Hiệu úy, Cát Đô úy đến, nhận được chiếu lệnh ấy, thấy chiếu chỉ nồng hậu, lại thêm ý tốt, phân biệt sáng tỏ, tự thân xét rõ, lời ấy vẫn vang vọng bên tai. Thần ngày thì ngâm đọc, đêm thì ngủ mộng, suốt đời ghi nhớ lấy, tự thấy chí mình không biết đủ. Thờ nay nhiều loạn, trời đất tắc nghẽn, can quan không ngừng, dân chúng lìa tan. Ngẩng xem mệnh trời mà ngậm ngùi, đứng riêng một góc mà trông mong bậc Thiên tử. Nay nhà Ngụy không giữ được ý tốt, không khen tặng dòng dõi của công thần, lại sai người gièm vu người có chí tốt, nghe lời sai trái của U Châu Thứ sử, Đông Lai Thái thú, rồi phát quân trong châu đánh phá quận của thần. Đây là thần không phản Ngụy, mà là Ngụy cắt đứt thần vậy. Thần nghe nói rằng bấy tôi có cái nghĩa phục và bỏ, như Điền Nhiêu rời nước Tề, Nhạc Nghị bỏ nước Triệu⁽¹⁰⁾, đây là vì không được thờ vua, cho nên chỉ giúp vua có đạo thôi; Trần Bình, Cảnh Huống, cũng vì thấy thời loạn mà theo về nhà Hán, chăm chỉ giúp vua. Cúi xét thấy đức của Bệ hạ không có hai trên đời, đời nay ít có, cho nên người ta tự kính ngưỡng mà theo về, người phương xa ngưỡng trông nơi hiểm trở như nhìn chỗ gần gũi vậy. Thực mong Bệ hạ bày mưu thần mà lập nên nghiệp lớn, sửa soạn thế mạnh của sáu quân, thu lấy đất Hà, đất Lạc⁽¹¹⁾, làm vua thánh thay ngôi. Vậy thì thiên hạ may lắm"! Ngụy lược viết: "Nhà nước biết Uyên có hai lòng, lại sợ quan dân quận Liêu Đông bị Uyên lừa dối, bèn hạ chiếu đến Liêu Đông, nhân đó bảo họ nói: 'Báo cho quan lại, tướng súy, dân chúng của quận Huyền Thố, quận Liêu Đông được biết rằng: Giặc phản Tôn Quyền gặp lúc loạn lạc, cậy vào công lao của tiên nhân cướp chiếm châu quận, trở thành bọn xấu, tự giữ miền Giang Biểu, bôi bẩn gây bệnh. Trẫm mong hấn biết sửa đổi, cho nên cắt đất phong Vương, sai phải ngoảnh mặt về phía nam xưng thần⁽¹²⁾, bái đến chức Thượng tướng, lấy lễ cửu tích mà đối đãi. Quyền tự chấp tay, hướng bắc cúi đầu, được sủng ái của bấy tôi, được vinh hoa của phiên thần, chưa có ai được như Quyền vậy. Vậy mà mang lòng chó sói, ra lệnh gây nạn, rút cuộc phản nghịch quên ân phản chủ, lừa trời dối thần, lại dám tiếm hiệu. Cậy vào cái hiểm trở của miền Giang Biểu, quân Nhà vua chưa đến đánh được. Từ đó đến nay, sai thuyền đi xa, vượt qua biển lớn, thu nhiều tài vật, dụ dỗ dân biên giới. Dân biên giới không biết cho nên giao kết với hấn. Từ bậc trưởng lại trở xuống, chẳng ai chịu dưng. Lại sai sứ là bọn Chu Hạ đưa trăm chiếc thuyền, dọc ngang nơi bờ biển, buôn bán tập nập. Đã không ngăn cấm, lại cho tặng ngựa khỏe, lại sai Túc Thụ theo Hạ kết thân. Ấp có mười nhà vẫn có người trung tín, người vui vua vào chỗ xấu, đây là điều mà sách Xuân thu ghi chép. Nay các quận Liêu Đông, Huyền Thố

vàng theo nhà nước, những người đeo dải xanh dây đỏ có đến hàng trăm hàng nghìn người, đội khăn lụa rủ dải tua, đều đeo ấn thao, vậy mà không nói lời giúp đỡ bày kế tốt. Rùa ngọc vỡ trong hộp, hổ tê ra khỏi rương⁽¹³⁾, đây là lỗi của ai vậy? Nhà nước vì các ông mà hổ thẹn thay! Xưa Hồ Đột có nói: ‘Cha dạy con làm phụ tá, thì lấy gì mà thờ vua? Phải dốc hết sức, xong rồi mới thôi’. Mà nay lại hòa theo mưu xấu, đi theo kẻ gian, há chỉ có cái giáo hóa của cha anh không được rõ, mà không phải vì cái việc làm của con em mà thôi sao! Như cỏ dại hại lúa, theo gió mà đốt lửa, thì cây củ đều bị cháy, há được lợi riêng sao? Vả lại việc này rõ là dễ thấy, không phải soi vào việc được thua của thời xưa mà sách truyền ghi chép. Miên Giang Nam, miên Hải Bắc⁽¹⁴⁾ có cái hiểm của đất đai dài vạn dặm, vua tôi miên Liêu Đông không có cái hại đáng lo lắng, lợi thì có chỗ không lợi, quý thì có chỗ không quý, đây là tự chán ghét chỗ yên vui mà tìm lấy cái họa diệt vong, viết tiết tháo trung tiết mà coi trọng cái tiếng phản nghịch vậy. Quân trưởng của người Man Mạch vẫn biết yêu lễ nghĩa, lấy đó mà thờ vua, mà cũng khó làm sao! Vả lại Túc Thư không có tội, bị ép sai vào Ngô, nhận lệnh làm sứ giả không có nghĩa, từ biệt với người nhà trước, khóc lóc mà đi. Rồi đến ngày bọn Chu Hạ chết, chôn cất ở núi Thành Sơn, Thư dẫu thoát chết nhưng hồn bay phách lạc. Cái gì bức ép mới dẫn đến như thế? Nay trung thần liệt tướng đều căm giận quận Liêu Đông làm trái đạo thờ vua, đều muốn cưỡi thuyền vượt qua biển Bột Hải, hẹn nhau xông xáo. Trẫm là cha mẹ của thiên hạ, nghĩ rằng thiên hạ mới định, đã không muốn gây can qua mỗi một, lội sông đi xa, hao tổn ở đây, lại buồn lo bọn dân đen nơi biên giới vẫn mê muội như thế, cho nên sai bọn Trung lang Vệ Thận, Thiệu Mạc đem chiếu thư đến bảo cho biết trước. Nếu làm kẻ trung lương, làm đui tay thì nên giữ tiết tháo để giúp vua, chống ác theo thiện để lập công lớn, vậy thì phúc nào to hơn? Nếu lo sợ mình từng làm việc ác nghịch dơ bẩn mà không dám nói ra, mang lòng sợ hãi và những người khác từng cùng sứ giặc qua lại thì đều tha thứ cho, cho các người sửa đổi”.

Quyền sai bọn Trương Di, Hứa Yến đem vàng ngọc châu bảo đến tặng, lập Uyên làm Yên Vương. Uyên cũng sợ Quyền ở xa không dựa cậy được, lại tham tài vật, dụ dỗ sứ giả, đều chém đem đầu bọn Di, Yến đến dâng,

Ngụy lược chép biểu của Uyên nói: “Thần trước kia sai Hiệu úy Túc Thư, Lang trung lệnh Tôn Tông dùng lời hay lẽ hậu đến để dụ giặc Ngô. May nhờ đạo trời giáng phúc giúp Đại Ngụy, khiến cho bọn giặc sai lầm u mê, làm trái lời bàn của bầy tôi, không nghe lời can gián mà lại tin theo lời thần, sai thuyền đi xa, đem nhiều quân sĩ, đến đây báii phong. Thần đã bắt gọn, được như ý mình, dẫu lo có tội, nhưng tự thấy vẫn may lắm. Quân giặc vốn có vạn người, thêm bọn Thư, Tông có bảy, tám nghìn người nữa đi đến bến Đạp⁽¹⁵⁾. Bọn sứ giả là Trương Di, Hứa Yến cùng bọn Trung lang tướng Vạn Thái, Hiệu úy Bùi Tiềm của bọn

ngụy⁽¹⁶⁾. đem hơn bốn trăm quan quân đem chiếu thư cùng tài vật đến quận của thần. Bọn Thái, Tiêm đi riêng đem tài vật đến tặng, muốn nhân đó mua ngựa. Tư tướng quân Hạ Đạt, Ngũ Tư lĩnh quân còn lại ở trên thuyền. Thần vốn muốn nhân lúc trời lạnh mà bắt lấy bọn Di nhưng quân sĩ của Di rất đông, chúng thấy thần không chịu theo lệnh của Ngô bèn có ý nghi ngờ. Thần sợ chúng gây loạn trước, muốn sống mà liêu thân, cho nên thân liền cho quân đến vây lại, chém đầu bọn Di, Yến, Thái, Tiêm. Bọn quan lại dẫn quân đông đi theo, đều là quân sĩ nhỏ bé, xông đông xáo tây, không được như ý, đều cúi đầu xin hàng, cho nên thần không nỡ giết chết, liền nhận làm tù binh, cho vào đội ngũ ra nơi biên giới. Lại sai riêng bọn Hàn Khởi đem ba quân đi nhanh đến bến Đạp, sai bọn Trưởng sử Liễu Viễn bày lễ chủ khách để dụ bọn Đạt, Tư; ba quân ẩn nấp để đợi ở dưới, lại đem đàn ngựa cùng tài vật đến muốn mua bán. Bọn Đạt, Tư nghi ngờ không xuống thuyền, sai năm, sáu người mua bán xuống trước, muốn trao mua. Bọn Khởi đánh trống vang lừng, tên bay tán loạn, đánh chém hơn ba trăm thủ cấp, kẻ bị thương rơi xuống nước mà chết chìm đến hơn hai trăm người, những kẻ còn lại phân tán vào hang núi, phải đến hàng hoặc trốn nấu đói rét mà chết, không tại trong số đó. Thu được ấn bạc, ấn đồng, binh khí, hàng hóa, không thể kể hết. Lại kính sai Tây tào duệ Công Tôn Hành đem chở các đồ cờ tiết, ấn thao, phù lệnh, cửu tích, tài vật của giặc Quyền cùng thủ cấp, ấn thao, cờ tiết của bọn Di đến dâng. Lại nói: “Túc Thư, Tôn Tổng trước đây đi sứ đến Ngô, giặc Quyền hỏi các việc lớn nhỏ trong nhà thần, bọn Thư, Tổng nói thần có ba con, con là Tu cho ở em thân. Quyền dám gian xảo, lại tự tiện báii phong. Nay kính đem ấn thao, phù lệnh đến dâng lên. Thần dẫu không có phong thái người xưa biết rửa tai, sợ bị giặc Quyền bôi trát dơ bẩn, nay dẫu đã theo ý trời mà đánh hấn, nhưng vẫn còn giận”. Lại nói: “Cha thần là Khang, lúc trước giết sứ giả của Quyền, gây kết thù oán. Nay lại lừa dối, sai sứ đến dụ, khiến cho Quyền xiêu lòng, nước rộng lộ kiệt, sứ giả đi xa, sai quan lớn đến ở ngàn dặm, sắm sửa lễ nghi uy động cả phương nam. Quyền lại đối đãi Thư, Tông rộng rãi ân cần, vua tôi trên dưới đều vui vẻ tận tình. Vậy mà thần khiến cho bốn sứ giả bị giết, treo đầu ở chốn vạn dặm, quân sĩ tan vỡ, chết gục chỗ bờ nước, hổ thẹn vượn xa, đau nhục ngút trời. Cái xót giận của Quyền còn khắc vào xương thịt. Nếu trời làm yếu nghiệp của hấn, khiến cho hấn tổn hại, Quyền sẽ đau lòng phát ra mà chết. Nếu số vận chưa hết, hấn tất gây độc, lâu ngày tất làm việc cướp hại. Các đồn trại miền Từ Châu cùng các quận Thành Dương tiếp gần với nhau, nếu năm sau có quân thuyền của hấn đến cửa biển, nếu có tin tức, hãy nhanh báo cho thần, thần sẽ phòng bị”. Lại nói: “Nhà thần chịu ân, vừa sâu vừa nặng, từ lúc thần thay coi làm việc đến nay, nhiều năm được yêu quý, được đối đãi đặc biệt không kể hết, chức phận phải rong ruổi, nên đem hết sức đến chết mới thôi. Vậy mà thần ngu dốt, mưu kế mờ昧, không bắt sống được giặc để rồi dẫn đến bị nghi ngờ. Sớ biểu trước đây nói rõ thể cuộc ngày nay, thực là thần muốn dẹp trừ quân giặc,

khiến cho chúng tự cắt đứt, cũng thật là không dám phản lại cái ân của nhiều đời mà nương theo bọn giặc vậy. Vậy mà bị người ta ghét, lại thêm bị vu gièm, giả gây việc quân, rút cuộc khiến cho thân bị nghi ngờ như việc có hổ giữa chợ, khiến cho thay ân đổi sủng, gây phát oán giận, dẫn đến chìm đắm, lâu ngày lo lắng. May nhờ ân dày, lại được khen thêm, khiến cho thân được sửa lỗi, cởi bỏ được nỗi lo, như oai trời sâu xa, không bị xử sai, sớm được rửa bỏ, xóa bỏ nỗi ngực trước kia, nhân đó mà tự sáng tỏ, lập được công nhỏ này. Thần đã vui vì việc xong, lại được tự trông coi, buồn vì việc trước, như việc xấu này, vẫn để lại nỗi sợ, chưa dám tự yên. Mong Bệ hạ kính theo lòng nhân giữ trọn vạn vật ngày xuân, dẹp bỏ hiềm nghi, vứt ném ý xét nét, xét việc nay mà làm rõ việc trước, xét tâm lòng của thân, khiến cho thân mãi được ôm bọc, được giữ chức phận đến lúc xuống chín suối”. Lại nói: “Thần được nhận vinh hoa, ân tình chưa trả, mà lại có tội lỗi, tự lấy làm tiếc giận, tội đáng giết chết làm răn bảo cho mọi người. Làm sai phép thường, giả kết thân với Ngô, cũng là vì cùng khốn, chưa lập công chuộc tội mà oai trời đã giáng hình phạt đến, sợ rằng mãi bị vùi lấp không được tẩy rửa. Cho nên dám tự sửa lỗi hơn một năm trước, sai sứ đến dụ Ngô, biết chúng tất đến, Quyền đến xin ở quận, năm tháng thêm dài, trước không nói ra một lời ứng đáp, nay Quyền sai sứ đến tất không nghi ngờ, cho nên đánh một trận là được như ý muốn, quan thuộc quân sĩ, tụ tập đầy đủ, hàng hóa đem đến, nghiêng nước xiêu ngói, dẫn đến bị bắt, tan lìa diệt vong có đến hơn nghìn người, từ đó họa trừ không quay lại. Đây thực là bể mũi nhọn sắc bén của bọn gian, phá cái mạnh kiêu ngạo của giặc ác, tỏ rõ cho thiên hạ biết, phá tổn cơ nghiệp của chúng, đủ để làm chúng hổ thẹn vậy”.

do đó Minh Đế bái Uyên làm Đại Tư mã, phong Lạc Lãng Công, Trì tiết, lĩnh quận như trước.

Ngụy danh thần tấu chép biểu của Trung lĩnh quân Hạ Hâu Hiến nói: “Công Tôn Uyên năm xưa dám trái lệnh vua, bỏ đứt cống nạp, thực là mang hai lòng. Lại cậy chỗ hiểm trở mới theo Tôn Quyền. Do đó ngỗ ngược, buông thả ở ngoài cõi. Túc Thụ tự thân đến xem kho phủ quân sĩ của giặc Quyền, biết chúng yếu kém không đủ để nương dựa, cho nên quyết ý chém sứ giả của giặc mà thôi. Lại nữa người Cao Câu Li, người Uế Mạch gây thù với Uyên, cướp bóc với nhau. Nay ngoài thì mất chỗ dựa với Ngô, trong thì bị người Hồ cướp bóc, trong lòng biết nhà nước có thể đi theo đường bộ, không thể không lo lắng được. Nhân lúc này, nên sai sứ giả đến kể rõ họa phúc. Phụng xa Đô úy Tông Hoàng vào thời Vũ Hoàng Đế bắt đầu nhận đi sứ, mở thông đường lối. Văn Hoàng Đế lên ngôi, muốn thông sứ giả, sai Hoàng đem vợ con về quê quán, ban cho xe, ngựa, bốn trăm thất lụa. Hoàng đã nhận ân, xin chết vì nước, không có ý quay về, xin giữ vợ con ở lại, tự thân nhận đi sứ. Công Tôn Khang bèn xưng phiên thân. Vì Hoàng có ý nhận đi sứ, ban tước Quan Nội Hầu. Tính Hoàng cứng cỏi, dốc lòng vì nước, ngày đêm chăm chỉ, nghĩ tự lập công. Vốn là con cháu nhà quan, thuở

nhỏ học hỏi, hiểu rộng sách truyện, phần nhiều thông suốt, miệng nói nhanh nhẹn, lời lẽ không tầm thường, nói rõ lợi hại, đủ để lay động ý người khác, rõ ràng để xét việc, tài đủ để làm việc, lời đủ để được tin. Nếu theo kế ấy, dẫu Lịch Sinh khuyên Tê Vương hàng, Lục Giả khuyên Úy Đà phục cũng không hơn được thế. Muốn đi đường xa, không bằng thả ngựa kì kí ⁽¹⁷⁾ ra; muốn chữa bệnh mình, không bằng mời Biển Thước đến. Mong xét ý ngu này”.

Sứ giả đến, Uyên bày binh giáp làm thế trận, ra gặp sứ giả, lại nhiều lần sai tân khách trong nước nói lời xấu.

Ngô thư viết: “Ngụy sai sứ giả là Phó Dung, Nhiếp Quỳ đến bái Uyên làm Lạc Lăng Công. Kế lại của Uyên từ Lạc Dương về, bảo Uyên nói: ‘Sứ giả là Tả Tuấn Bá, đều chọn kẻ dũng mãnh, không phải người thường’. Uyên do đó nghi ngờ. Dung, Quỳ đến, trú trong nhà học. Uyên đem quân bộ kỵ vây họ trước, rồi vào nhận phong. Dung, Quỳ cả kinh, do đó về Lạc Dương báo tình trạng”.

Năm Cảnh Sơ thứ nhất⁽¹⁸⁾, lại sai bọn U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiệm đem ấn thư đến gọi Uyên. Uyên bèn phát binh, làm phản ở thành Liêu Toại, đánh với bọn Kiệm. Bọn Kiệm không được lợi mà về Uyên bèn tự lập làm Yên Vương, đặt trăm quan hữu tư. Sai sứ giả cầ ần cò tiết, mượn ấn Thi ần vu⁽¹⁹⁾ của người Tiên Ti mà phong bái dân biên giới, dụ gọi người Tiên Ti vào xâm nhiễu miền bắc.

Ngụy thư viết: “Uyên biết cuộc biến ấy không chỉ do từ Kiệm, bèn phòng bị. Sai sứ đến tạ lỗi Ngô, tự xưng Yên Vương, xin làm nước giúp nhau. Nhưng vẫn sai quan thuộc tự bày tỏ với Ngụy nói: ‘Bọn thần bảy trăm tám mươi chín người là bọn Đại Tư mã Trương sử Quách Hân, Tham quân Liễu Phổ nói: Nhận chiếu thư ngày kỉ mao tháng bảy năm nay, cúi đọc kính cẩn mà hồn phách tán lạc, không biết tính mạng của đáng viết bỏ ở đâu! Bọn Hân cúi thân tự nghĩ mình là kẻ nhỏ bé sâu kiến, không được dùng đến, may gặp cơ hội ngàn năm, được nhận ân đức tươi đẹp của tổ tiên Công Tôn Uyên đến nay, ân trạch thâm đậm, vinh hoa dồi dào. Dẫu mình không có công một tác một thước mà vẫn nhận được đây nhiều; bèn được khen ngợi, viết tên lên phủ quan, lại đều là kẻ chậm chạp mà được nương dựa vào rồng ngựa, được đeo thao xanh dải tím, bay lướt tầng mây, cảm kích ân mà báo đền, dẫu chết cũng không lùi bước. Bọn thần nghe nói rằng vua sáng ở trên phải nghe lời thẳng chọn lời hay, bây tôi ở dưới không được giấu diếm, cho nên bọn thần xin tự bày tỏ, liều chết để giải oan. Quận tại biên giới, xa xôi khó phục, ba châu trước kia chuyển chở tổn phí, đến để cung cấp đồ dùng thêm nhiều, làm Trung Quốc hao tổn. Nhưng vẫn hiên ngang giữ gìn biên giới, đuo ốt lửa⁽²⁰⁾ vẫn trông nhau, văn thư vẫn qua lại, buổi ngày vẫn đóng cửa thành, trên đường không có người đi, binh lính của châu quận vẫn phải tản ra lao dịch, Vậy mà ông nội của Uyên là Độ mới đến nhận chức ở quận, tiếp

nhận chỗ hoang tàn, mở ánh sáng của Mặt trời Mặt trăng, bày mưu thần vũ, tụ tập dân ô hợp, quét đất mà dựng nghiệp, oai lừng lấy cả dân khác, đức trạch bao bọc cả muôn vật. Đất Liêu Đông không bị phá hoại, thực là cậy vào Độ vậy. Khổng Tử nói: ‘Nếu không có *Quản Trọng*⁽²¹⁾ thì ta phải búi tóc cài vạt áo bên trái rồi’. Nếu không có Độ thì quận sớm đã thành gò hoang và dân chúng đã bị bắt đi hết rồi vậy. Truyền lại phong tục, còn mãi không mất. Độ đã hoăng mất, quan dân cảm mến, vui chọn con là Khang lên, tôn mà vâng theo Khang. Khang thay dựng công to, dựng mãnh có mưu lược hay, văn sáng võ mạnh, nhân đức bao bọc biên giới; lại có lòng hướng về nhà vua, cung kính thành thật giúp nước dẹp loạn, tranh giành lập công, công to việc lớn đều ở phủ Vương. Độ, Khang gặp lúc Vũ Hoàng Đế sáng suốt, cùng bày kế hay, giúp đỡ nhà Hán, cúi mình thân phục, cung kính thờ Ngụy. Đây là quận nhỏ mà công lớn, sợ mà kính phục, lại ngưỡng mộ phong thái cao đẹp, trông mong đức tốt vậy. Vũ Hoàng Đế cũng xiêu lòng tiếp nhận, đối đãi không tệ, công lao không kể to nhỏ, nhưng thường không bị quên. Lại lệnh cho Khang nói: ‘Đất đai của miền Hải Bắc cắt cho phủ quân, con cháu đời sau đều được có nó’. Trời cao đất dày thực là ban đức âm. Bọn thần lớn nhỏ đều vui lòng ở dưới, vâng lệnh cẩn thận, không dám làm trái. Uyên sinh ra vốn có dáng vẻ đẹp đẽ, thưở nhỏ chịu dạy bảo hiểu thuận, học văn luyện võ, trung thành ngay thẳng; dân chúng kính ngưỡng, chẳng ai không yêu. Uyên kính theo tổ tiên, trông coi muôn dân, lấy lễ mà dựng nước, lập dựng giáo hóa, thấy việc trước mắt, ràng buộc phương xa, giữ nghĩa giúp vua, xem chỗ nguy như chỗ yên, người đời khen là kẻ trung lương, không làm xấu tên tuổi. Tôn Quyền mộ nghĩa ấy, nước không xa hơn vạn dặm, nhiều năm sai sứ đến, muốn tự giúp đỡ, dẫu đã bị giết hết, nhưng cũng không ghi nhớ oán cũ, vẫn qua lại lữ lượt, xin được gần gũi. Uyên giữ tiết vốn có không mưu lợi riêng, giữ chí vững như đá, lại càng chắc chắn. Nhưng vẫn sợ lòng son chưa được giữ rõ, lại dùng lời lẽ nhún nhường đến bày tỏ, dụ sứ giả của Quyền đến, treo đầu cắt tai chúng để tỏ rõ không có hai lòng với nhà vua vậy. Ngô dẫu ở phương xa, nhưng lợi ở đường thủy, dương buồm là đến, không gì ngăn cách nhưng Uyên không nghĩ về mối thù sâu cũ, vẫn ghi nhớ tiết tháo của bấy tôi, cắt đứt cái vui của giặc Ngô mạnh, tỏ rõ ý thờ Ngụy, có thần minh soi sáng, trời cao làm chứng. Bệ hạ soi sáng tốt đẹp, công võ đầy đủ, hiệu lệnh rộng rãi, yêu quý hơn cả Tề, Lỗ, ban xuống bấy tôi, đều được nhận phúc lớn. Thật là dựa ân trời ban, phải nên trọn vẹn trước sau, dốc hết sức đời tay, để giữ mãi tước lộc. Vậy mà không ngờ một sớm lại bị phá vỡ, Mong có ý an ủi, nghĩ về công trước kia mà lo buồn không thôi, đau đầu vì bị rũ bỏ, khiến cho cả quận kêu than, vỗ ngực khóc chảy máu. Những kẻ mà ba quân đánh dẹp là người Man, Di, Nhung, *Địch*⁽²²⁾, kẻ kiêu ngạo không phục, do đó mới dùng võ, chưa từng nghe nói kẻ giữ nghĩa mà lại bị đánh giết vậy. Theo phép tắc của bậc vua hiền thì ở cõi hoang phục có chỗ không theo chức phận, thì tu văn sửa đức, nếu lại không đến thì mới đánh dẹp. Uyên có lòng

cung kính, cẩn thận giữ chức, chăm làm thờ vua, có thể nói là gắng gỏi vậy. Đốc hết trung tiết mà lại bị họa hại, hát khúc Tiểu biện, viết tập Li tao⁽²³⁾, đều là do đó vậy. Có kẻ nịnh nọt, nói lời ngon ngọt, vẫn nên xét rõ, chỉ sợ không biết người tốt; lời gièm giống lời thẳng, làm mê loạn vua hiền, phải xem lời văn thế nào, khiến cho biết được nguyên nhân của nó. Nếu vua tin là có tội thì cũng nên có tam hữu⁽²⁴⁾, xét công mà giảm phạt, nên bàn bạc đến tám lần. Vậy mà ngầm đem quân đến đánh úp, đại quân lén đến, vung đao ruỗi ngựa, vào đánh đất Liêu Đông. Dẫu là chó ngựa còn sợ chết, huống chi là người! Do đó quan dân liều chết, chống lại quân của nhà vua. Uyên dẫu bị oan uổng, đang bị họa hại nhưng vẫn cậy vào ân dày, trong lòng buồn bã cho rằng tất do gian thần sắp đặt, tự ý ngang ngược, lại bảo bọn thần nói: ‘Năm Kiến Quang thứ nhất thời Hán An Đế, Liêu Đông thuộc quốc Đô úy Bàng Phấn nhận chiếu thư ngày ất mùi tháng ba có lệnh là bắt lấy U Châu Thứ sử Phùng Hoán, Huyền Thố Thái thú Diêu Quang. Nhưng thực ra không có chiếu thư ngày ất mùi ấy, bèn sai Thị Ngự sử U Châu Mục xét hỏi gian thần làm trái. Nay quan Thứ sử gièm vu tự ý làm trái lệnh sao?’ Bọn thần bàn cho rằng: ‘Thứ sử dấy binh, thiên hạ nhiễu động, đây không phải tự ý mà là có chiếu lệnh’. Uyên lại ngẩng mặt than thở, tự làm khổ thân không có tội. Nghĩ kĩ rằng đất đai nuôi người cũng là vì có cái công to của tổ tiên, lại muốn vớt mũi cởi thao, chạy trốn vào rừng núi. Bọn thần nín lại, thề theo đến chết, đóng giữ cửa phủ, không nghe theo ý của Uyên. Nhưng bọn dũng sĩ của bảy trại, người Man Di của năm bộ lạc đều mong được ăn no, không cùng lòng mưu tính, dương tay hô lớn, mở cửa trốn ra. Dân cày ngoài thành đều vớt cuốc cày, chặt củi làm gậy, sửa bàn làm khiên, chạy nhanh đến cứu nạn, quân đội đã thành, dẫu nhảy vào nước sôi lửa bỏng, chết không cần sống. Uyên dẫu bị vớt bỏ, dẫu oán nhưng không giận, liền lệnh cho quân không được làm bừa, rồi tự tay viết thư báo lên, lời lẽ rất tha thiết. Nhưng quan quân hăng hái, không thể giải tán, đều đánh hết mình, đến chết không tiếc. Uyên sợ quan quân không theo mệnh lệnh, bèn tự thân đi đôn đốc, tự đến phân giải, chỉ làm thế mới ngăn được. Cũng vì cái ân cho một bát cơm thì bốn người xin chết vì người cho cơm, huống chi nhiều đời nhà Uyên vốn có tín ước với trăm họ, ân lớn với lòng dân. Từ lúc Tiên Đế mới dấy binh kịp đến Bệ hạ, ban cho Uyên ân sủng, vì Uyên công to đức dày, hết lòng khen ngợi, Uyên nói lời lẽ tốt đẹp đến ở triều đình, dẫu là trẻ con sắp mặc áo đi giày cũng nhắm đọc văn hay, mở miệng là đọc được. Như chôn rồi đào lên, đây là điều mà người xưa lấy làm thẹn. Tiểu Bạch, Trùng Nhĩ⁽²⁵⁾ là chư hầu thời suy loạn mà vẫn ngưỡng mộ tín ước để làm nên nghiệp Bá. Kinh Thi khen Văn Vương làm cho muôn nước tin phục, sách Luận ngữ khen Trọng Ni bỏ ăn mà giữ tín. Giữ tín là tu đức, cũng quan trọng lắm vậy. Nay Ngô, Thục cùng xưng Đế, lập ra thế chân vạc, thiên hạ đông đưa, chưa nổi làm một, bọn thần thường vì Bệ hạ mà lo việc ấy. Uyên giữ cái vững của thành vàng, nắm lấy dân chúng hòa mục, nước giàu quân mạnh, có thể lấy đó mà dùng. Nguyên đốc lòng

vì nước, dầu chết giữ đạo hay, đem hết trung nghĩa để làm phen dậu của chín châu. Ngày nay hai tên giặc dòm ngó, chưa biết khi nào định, mà không phòng bị, mà nếu Uyên bị hại, hiếp yếu tránh mạnh là không phải là cái đạo của bậc Vương vậy. Bọn thần dầu ngu hèn cũng trộm nghĩ đây là nỗi hổ thẹn. Nếu không có trời thì cái tốt xấu của quân thần, vẫn chưa biết được; nếu nói có trời cũng đáng lo vậy! Bọn thần nghe nói rằng làm tôi trong nhà, hai đời thì làm chủ trong nhà, ba đời thì làm vua trong nhà. Bọn thần sinh ở cõi biên giới, xuất thân ở giữa chốn xa xôi, không được nhà Ngụy giúp nhều, suốt đời lệ thuộc vào họ Công Tôn, nguyện đền áo cái ân sinh sôi và ban tặng ấy. Xưa Khoái Thông nói thẳng, Hán Cao Tổ tha tội; Trịnh Đam nói lời kính thuận, Tấn Văn Công tha chết. Bọn thần ngu dốt, không có tiết tháo lớn những cũng giữ ý nói thẳng, tỏ rõ tim gan, lời nói trái tai rộng lớn⁽²⁶⁾, tội đáng muôn chết. Chỉ mong Bệ hạ mở ý vỗ về, xét rõ lời gièm vu, khiến cho bọn thần ở nơi xa mãi được giữ gìn”.

Mùa xuân năm thứ hai, sai Thái úy Tư Mã Tuyên Vương đánh Uyên. Tháng sáu, quân đến Liêu Đông.

Hán Tấn Xuân thu viết: “Công Tôn Uyên tự lập, xưng niên hiệu là năm Chiêu Hán thứ nhất. Nghe tin quân Ngụy đến đánh, lại xưng thần với Ngô, xin quân đánh phía bắc để tự cứu. Người Ngô muốn giết sứ giả của Uyên, Dương Bát nói: ‘Không nên, đây là tỏ cái giận của kẻ thất phu mà tổn cái kế của bậc Bá Vương vậy. Không bằng nhân đó mà vỗ về hắn, sai quân tình nhuệ ngầm đến xem thành bại. Nếu Ngụy đánh Uyên không thắng thì quân ta đi xa đến cũng tỏ được ân kết với người ngoài, nghĩa trùm cả vạn dặm, nếu quân mãi không giải, đầu đuôi ngăn cách thì ta đánh quận bên cạnh của chúng, cướp nhanh rồi về, cũng đủ để tỏ ý phạt của trời, lại rửa được nỗi nhục lúc trước’. Quyền nói: ‘Hay’. Bèn sai quân đi ra. Bảo sứ giả của Uyên nói: ‘Xin đợi hồi sau, đang phải viết thư, sẽ cùng nhau gần gũi, cùng chung còn mất, dầu ngăn cách với Trung Nguyên, nhưng ta cũng vui lòng’. Lại nói: ‘Chỗ mà Tư Mã Ý đến không ở lại được, sẽ lo xa vì các người vậy’.

Uyên sai tướng là bọn Ti Hành, Dương Tộ đem mấy vạn quân bộ kỵ đóng ở thành Liêu Toại, đắp lũy vây quanh hơn hai mươi dặm. Quân Tuyên Vương đến, Uyên sai Hành đón đánh. Tuyên Vương sai tướng là bọn Hồ Tôn đánh phá chúng. Tuyên Vương lệnh đào lũy, dẫn quân về phía đông nam, bị nguy cấp ở phía đông bắc, liền đi nhanh về huyện Tương Bình. Bọn Hành sợ thành Tương Bình không giữ được, nhân buổi đêm chạy trốn. Các quân đi đến núi Thủ, Uyên lại sai bọn Hành đem liều chết mà đánh, lại đánh, đại phá chúng, rồi đem quân đến dưới thành, làm lũy vây quanh. Gặp mưa dầm hơn hai mươi ngày, sông Liêu dâng cao, đưa thuyền từ cửa sông Liêu đến thẳng dưới thành. Mưa tạnh, đắp đất làm gò, sửa khiên làm máy

bắn đá mà bắn vào trong thành. Uyên nguy khốn, lương hết, người ăn thịt nhau, người chết rất nhiều. Bọn Tướng quân Dương Tộ hàng. Buổi đêm ngày bính dần tháng tám, có sao băng dài đến mấy chục trượng từ phía đông bắc núi Thử rơi xuống phía đông nam thành Tương Bình. Ngày nhâm ngọ, quân Uyên vỡ, cùng con là Tu đem mấy trăm quân kị phá vây chạy về phía đông nam, đại quân nhanh đánh chúng, đến chỗ mà sao băng rơi xuống, chém cha con Uyên. Thành phá, chém mấy nghìn bọn Tướng quốc trở xuống, đem đầu Uyên đến Lạc Dương. Các quận Liêu Đông, Đái Phương, Lạc Lãng, Huyền Thố đều bình.

Trước đây, nhà Uyên có điếm gở, có con chó đội mũ quần áo đỏ chạy lên nhà, lại lúc đun bếp nấu chết một đứa trẻ con trong nãi. Chợ phía đông bắc thành Tương Bình mọc ra miếng thịt, dài tròn đến mấy thước, có đầu mắt mũi miệng, không có tay chân mà dao động được. Thầy bói nói: “Có hình mà không thành thân, có thân mà không có tiếng, nước này sắp diệt vong”. Từ năm Trung Bình thứ sáu Độ bắt đầu đến Liêu Đông kịp đến Uyên là ba đời, cả thầy năm mươi năm thì diệt.

Ngụy lược viết: “Lúc đầu anh Uyên là Hoảng làm con nuôi của Cung ở tại Lạc Dương, nghe nói Uyên cướp lấy chức của Cung, nói là Uyên không giữ được đến cùng, nhiều lần dâng biểu, muốn xin nhà nước đánh Uyên. Đế vì Uyên đã nắm quyền, cho nên nhân đó mà vỗ về thôi. Lúc Uyên phản, bèn dùng hình pháp bắt trói Hoảng. Hoảng có lời nói lúc trước, dẫu may không bị tội chết, nhưng trong là tình máu thịt, biết Uyên phá thì đến lượt mình. Đầu Uyên đến, Hoảng tự xét tất chết, cùng con mình ôm nhau khóc lóc. Bấy giờ nhà vua muốn cho họ sống, nhưng quan Hữu tư cho là không nên, bèn giết họ”.

ĐÀO KHIÊM TRUYỆN

Đào Khiêm tự Cung Tổ, người quận Đan Dương.

Ngô thư viết: “Cha Khiêm trước làm Dư Diêu Trưởng. Khiêm thuở nhỏ cô⁽²⁷⁾, bất đâu không chịu gò bó ở trong huyện. Năm mười bốn tuổi, vẫn buộc lụa làm khăn, cưỡi ngựa tre mà chơi, trẻ con trong ấp đều đi theo. Thương Ngô Thái thú Cam Công ngày trước là người cùng quận ra đường gặp Khiêm, thấy dáng vẻ ấy mà cho là lạ rồi kêu lại, dừng xe nói chuyện, rất vui, nhân đó hứa gả con gái cho. Phu nhân của Cam Công nghe tin, giận nói: ‘Thiếp nghe nói đưa trẻ nhà họ Đào vui chơi không ngừng, sao lại hứa gả con gái cho hắn’? Cam Công nói: ‘Hắn có dáng vẻ kì lạ, lớn lên tất làm được công lớn’. Bèn gả con gái cho”.

Thuở nhỏ ham học, làm học trò, nhận lời châu gọi, cử Mậu tài⁽²⁸⁾, làm Lư Lệnh,

Ngô thư viết: “Tính Khiêm thẳng thắn, có tiết tháo cao đẹp, thuở nhỏ xét Hiếu liêm⁽²⁹⁾, bái làm Thượng thư lang, làm Thư Lệnh, Quận thú⁽³⁰⁾. Trương Bàn là người bậc trên cùng quận, làm bạn với cha Khiêm, muốn nhận Khiêm làm người thân nhưng Khiêm xấu hổ vì chịu cúi thân, cùng quân sĩ về thành, nhân đó lấy việc công mà đến gặp, có lỗi bái quan, nhưng Bàn thường cho mời riêng vào gặp, cùng Khiêm ăn yến, có người ngăn không cho ở lại. Thường cùng múa⁽³¹⁾ với Khiêm, Khiêm không đứng dậy, cố ép Khiêm, lúc múa lại không chuyển. Bàn nói: ‘Không chuyển được sao’? Đáp nói: ‘Không chuyển được, chuyển thì hơn người’. Do đó không vui, rút cuộc hiềm khích. Khiêm làm quan trong sạch, không bị xét hỏi, tể sao Linh, có được năm trăm tiền, muốn đem dẫu đi. Khiêm trao lại chức rồi bỏ đi”.

chuyển làm U Châu Thứ sử, gọi về bái làm Nghị lang, làm Tham quân sự của Xa kị Tướng quân Trương Ôn, đến miền tây đánh Hàn Toại.

Ngô thư viết: “Gặp lúc người Khương miền tây cướp biên, Hoàng Phủ Tung làm Chinh tây Tướng quân, dâng biểu xin cấp cho tướng võ. Gọi bái Khiêm làm Dương vũ Đô úy cùng Tung đánh người Khương, đại phá chúng. Sau có Biên Chương, Hà Toại làm loạn, Tư không Trương Ôn nhận lệnh đánh dẹp; lại xin Khiêm làm Tham quân sự, đôi đũa rất hậu nhưng Khiêm coi thường cách làm việc của Ôn, trong lòng không phục. Đến lúc quân rút về, trăm quan mở hội lớn,

Ôn cùng Khiêm uống rượu, người của Khiêm làm nhục Ôn. Ôn giận, đầy Khiêm đến ở biên giới. Có kẻ khuyên Ôn nói: ‘Đào Cung Tổ vốn vì có mưu lược mà được ông kính trọng, một sớm uống rượu mắc lỗi, không được tha thứ, đầy đến chỗ bắt mao, đức dày không trọn, kẻ sĩ trong bốn phương há còn chỗ trông mong! Không bằng giải oán bỏ giận, lập lại phận trước, do đó đức tốt mới truyền xa’. Ôn khen lời ấy, bèn sai người đến đưa Khiêm về. Khiêm đến, có người lại bảo Khiêm nói: ‘Túc hạ khinh thường Tam công, tội do mình làm, nay được tha miễn, chẳng ai có đức dày hơn thế; nên dùng lời nhún nhường để tạ lỗi’. Khiêm nói: ‘Được’. Lại bảo Ôn nói: ‘Đào Cung Tổ nay tự xét kỹ lỗi mình. Ta lỗi với Thiên tử xong sẽ đến cửa nhà ông. Ôn theo ý đó để an ủi Khiêm’. Bấy giờ Ôn ở cửa cung gặp Khiêm, Khiêm ngẩng nói: ‘Khiêm tự tạ lỗi với triều đình, há vì ông sao?’ Ôn nói: ‘Tật xấu của Cung Tổ vẫn chưa bỏ chăng?’ Bèn bày rượu mời Khiêm, đãi Khiêm như trước”.

Gặp lúc quân Khăn vàng⁽³²⁾ Từ Châu nổi dậy, lấy Khiêm làm Từ Châu Thứ sử, đánh quân Khăn vàng, đánh đuổi chúng. Thời loạn Đông Trác, châu quận dậy binh, Thiên tử đóng đô ở Trường An, bốn phương cắt đứt, Khiêm sai sứ đi lên đến cống nạp, chuyển làm An đông Tướng quân, Từ Châu Mục, phong Lật Dương Hầu. Bấy giờ trăm họ vùng Từ Châu giàu có, thóc lúa đầy đủ, nhiều dân phiêu dạt theo đến đó. Nhưng Khiêm lại làm trái đạo dùng người; Quảng Lăng Thái thú Triệu Dục người quận Lang Nha là danh sĩ của Từ Châu, vì thẳng thắn mà bị đuổi;

Hậu Hán thư của Tạ Thừa viết: “Lúc Dục ba mươi tuổi, mẹ có bệnh, trải qua ba tháng, Dục buồn rầu tiêu tụy, đến nỗi không chớp mắt, cầm thóc ra đốt, cầu đảo khóc ra máu, người làng khen là hiếu. Đến chỗ kẻ sĩ ở ẩn người huyện Đông Hoàn là Kì Quán Quân xin đọc sách Công Dương truyện, học hết các nghề. Qua nhiều năm ẩn chí, không nhìn ra khỏi ruộng vườn, người thân người xa ít khi gặp mặt. Bấy giờ vào thăm hỏi cha mẹ, chốc lại lại về. Cao thượng ngay thẳng, giữ lễ mà lập thân, cung kính trong sạch, chẳng ai bằng chí ấy; làm việc tốt để giáo hóa, trừ việc ác để sửa tục. Châu quân mời gọi, thường xưng bệnh không theo. Tướng quốc Đan Mô, Trần Tôn cùng gọi, cũng không đến; có người cả giận, nhưng rút cuộc cũng không đổi ý. Cử làm Hiếu liêm, làm Cử Trưởng, tuyên dương ngũ giáo, sửa chữa chính trị. Gặp lúc giặc Khăn vàng làm loạn, cưỡi cưỡi cả năm quận, châu huyện phát binh, do đó sửa soạn trước. Từ Châu Thứ sử Ba Kì xét công hàng đầu, đáng được thưởng thêm. Dục xét cho là thẹn trả chức về nhà. Từ Châu Mục Đào Khiêm bắt đầu gọi làm Biệt giá Tông sự, xưng bệnh trốn tránh. Khiêm nhiều lần sai Dương Châu Tông sự Phạm Tuyên người quận Cối Kê đến gọi, Dục giữ ý không chuyển; môn dùng hình phạt để ra oai, sau đó mới đến. Cử làm Mậu tài, chuyển làm Quảng Lăng Thái thú. Bọn

giặc Trách Dung từ Lâm Hoài bị đánh, chạy vào đất quận, Dục đem quân đánh chống, thua vỡ bị giết”.

bọn Tào Hoành là kẻ tiểu nhân gian ác mà Khiêm lại tin dùng. Hình pháp không yên, nhiều người hiên lương bị hại, do đó dân loạn. Người huyện Hạ Bì là Khuyết Nghi tự xưng Thiên tử, lúc đầu Khiêm cùng chúng liên hợp cướp bóc, sau bèn giết Nghi, thu lấy quân của hắn.

Năm Sơ Bình thứ tư⁽³³⁾, Thái Tổ đánh Khiêm, đánh lấy hơn mười thành, đến đánh lớn ở Bành Thành. Quân Khiêm thua chạy, chết đến mấy vạn quân, nước sông Tứ vì thế mà không chảy được. Khiêm lui về giữ huyện Đàm. Thái Tổ vì lương thiếu mà dẫn quân về

Ngô thư viết: “Cha Tào Công bị giết ở quận Thái Sơn, đổ lỗi cho Khiêm. Muốn đánh Khiêm nhưng sợ cái mạnh của Khiêm, bèn ra lệnh châu quận bãi binh một lúc. Chiêu nói: ‘Nay trong nước rối loạn, châu quận đầy binh, quân dân mệt mỏi, nạn giặc chưa thôi, tướng lại có kẻ không tốt, nhân đó đánh bắt, ức hiếp dân đen, nhiều người bị hại; tiếng đồn lan xa, rúng động thành ấp, trong tường vách sợ bị gây bạo, kẻ hiền lành trở thành bọn xấu, đây có khác gì lấy củi đập cháy, quạt lửa ngăn nước sôi đâu! Nay dân bốn phương lưu tán, gửi thân xức lạ, phơi xương trắng nơi đồng núi, bỏ con trẻ nơi rãnh ao, ngoảnh về quê cũ mà than thở, hướng về đồng ruộng mà khóc lóc, đói rét khôn khó, cũng đã nhiều lắm rồi! Dẫu tiếc cái sai lầm trước đây, lo nghĩ giáo hóa ở ngày nay, nhưng liên tiếp đều binh, chữa mũi nhọn nơi đồng bằng, sợ nếu một sớm cởi bỏ, đến chiêu lại gặp giặc, do đó chia quân đóng đồn, muốn dùng mà không dám bỏ vậy. Nay hạ chiếu đến, các chỗ bãi quân giáp, sai trở về trồng trọt, chỉ giữ các quan chức ở lại để cung cấp cho sở quan, tỏ rõ an ủi gần xa, đều khiến nghe biết’. Khiêm nhận thư, bèn dâng thư nói: ‘Thần nghe nói vỡ về kẻ phương xa, không dùng đức không làm được; dẹp nạn trừ loạn, không dùng binh không giúp được. Cho nên đồng Trác Lộc, Phấn Tuyên, Tam Miêu có quân của Ngũ Đế⁽³⁴⁾, có trận đánh các nước Hồ, Quỷ Phương, Thương, Yểm của bậc Vương⁽³⁵⁾, vào thời xa xưa, chưa có ai không dương oai để dẹp loạn, dùng võ để ngăn bạo vậy. Thần trước đây vì giặc Khăn vàng làm loạn, chịu mệnh ruổi dài, không kịp nghỉ ngơi. Dẫu có lệnh răn giới, cậy vào uy linh, kính theo ý trời, hễ đánh là thắng, nhưng giặc ác đông đảo, lại không sợ chết, cha anh ngã mất, con em lại nổi, gây binh nhiều năm, đến nay còn hại. Nếu vâng mệnh cởi giáp, nước yếu tự hỏng, bỏ võ bị là giúp loạn, làm tổn uy mà lợi cho giặc. Nếu ngày nay bãi binh, ngày sau nạn tất đến, trên vốn là vâng mệnh giao phó của triều đình, nhưng dưới lại làm cho bọn xấu thêm sinh sôi qua ngày tháng, đây không phải là việc cứu giúp kẻ yếu ngăn chặn kẻ xấu vậy. Thần dẫu ngu dốt, lòng rộng rãi không rõ, nhưng mang ơn lo nghĩ báo đền, không nỡ làm thế. Liên lĩnh bộ khúc, ra lệnh phòng bị. Ra cắt trừ giặc, chỉ tỏ rõ sức, ban bố ân đức, vâng theo chức phận, đã lập công nhỏ để chuộc tội lỗi’.

Lại nói: ‘Hoa Hạ sôi sục, đến nay chưa ngừng, bao mao⁽³⁶⁾ chẳng vào, cống nạp thiếu ít, ngủ dậy lo lắng, không có ngày yên. Nghĩ rằng phải đến cống nạp, lễ vật được thông, rồi mới rút đao cỡi giáp, đây là ý muốn của thần vậy. Thần trước đây phát trăm vạn học thóc đã vùi dưới nước sông, nay lại sai quân chở đến’. Tào Công nhận được thư dâng, biết không bãi binh, bèn đến đánh ở Bành Thành, giết nhiều dân chúng. Khiêm đem quân đến đánh, Thanh Châu Thứ sử Điền Khải cũng đưa quân cứu Khiêm. Công dẫn quân về”.

Thần là Tùng Chi xét: Thời ấy Thiên tử ở tại Trường An, Tào Công còn chưa nắm chính trị. Chiêu thư bãi binh, không phải do họ Tào ban ra.

Năm Hưng Bình thứ nhất⁽³⁷⁾, lại đánh miền đông, lấy được các huyện của quận Lang Nha, Đông Hải. Khiêm sợ, muốn chạy về quận Đan Dương. Gặp lúc Trương Mạo phản đón Lữ Bố, Thái Tổ về đánh Bố. Năm đó, Khiêm bệnh chết.

Ngô thư viết: “Khiêm chết lúc sau mười ba tuổi, bọn Trương Chiêu làm văn điệu cho Khiêm nói: ‘Tốt thay sứ quân, ⁽³⁸⁾ ông hầu Tướng quân⁽³⁹⁾, tỏ rõ đức dày, giỏi võ giỏi văn, tính vốn thẳng thắn. Coi Thư và Lư⁽⁴⁰⁾, thân ái với dân; trông U và Từ⁽⁴¹⁾, để lại cam đường⁽⁴²⁾. Dạy dỗ Di, Mạch⁽⁴³⁾, nhờ ông mới lành. Giặc cướp ngu xuẩn, không ông chẳng yên. Được vua ngợi khen, ban cho tước mệnh, làm Mục làm Hầu, mở đất Lật Dương. Rồi làm Thượng tướng, nhận hiệu An đông, trừ nạn dẹp loạn, xã tắc tôn sùng. Tuổi thọ không dài, bổng chốc đã hoẵng, kẻ yếu mất dựa, dân biết khốn cùng. Chưa được tuần ngày, năm quận vỡ tan, người ta buồn đau, còn ai ngóng trông? Nghĩ theo chẳng kịp, ngẩng than khoảng không. Than ôi thương thay’!

Hai con của Khiêm là Thương, Ứng đều không làm quan”.

TRƯƠNG DƯƠNG TRUYỆN

Trương Dương tự Trĩ Thúc, người quận Vân Trung. Vì có vũ dũng mà cấp cho Tinh Châu, làm Vũ mãnh Tông sự. Cuối thời Linh Đế, thiên hạ loạn, Đế lấy quan Tiều Hoàng môn Cảnh Thạc mà mình sủng ái làm Tây viên Thượng quân Hiệu úy, đóng quân ở kinh đô, muốn để ngăn chống bốn phương, mời bọn hào kiệt trong thiên hạ làm tì tướng. Thái Tổ cùng bọn Viên Thiệu đều làm Hiệu úy, thuộc vào Thạc.

Linh Đế kỉ viết: “Lấy Hồ bôn Trung lang tướng Viên Thiệu làm Trung quân Hiệu úy; Đồn kị Hiệu úy Bao Hồng làm Hạ quân Hiệu úy; Nghị lang Tào Tháo làm Diên quân Hiệu úy; Triệu Dung, Phùng Chi làm Trạo quân Hiệu úy; Hạ Mâu, Thuần Vu Quỳnh làm Tả hữu Hiệu úy”.

Tinh Châu Thứ sử Đinh Nguyên sai Dương đem quân đến chỗ Thạc, làm Giả Tư mã. Linh Đế băng, Thạc bị Hà Tiến giết. Dương lại được Tiến sai khiến, về châu cũ mộ quân, được hơn nghìn người, nhân đó ở lại quận Thượng Đảng, đánh giặc trên núi. Tiến thua, Đồng Trác làm loạn, Dương bèn sai thuộc tướng đánh Thượng Đảng Thái thú ở cửa Hồ Quan, không thắng, liền cướp lấy các huyện, quân đến mấy nghìn người. Quân miền Sơn Đông⁽⁴⁴⁾ nổi dậy, muốn đánh Trác. Viên Thiệu đến Hà Nội, Dương hợp quân với Thiệu, lại cùng Thiệu vu của người Hung Nô là Ư Phù La đóng đồn ở sông Chương. Thiệu vu muốn phản, Thiệu, Dương không theo. Thiệu vu bắt Dương cùng bỏ đi, Thiệu sai tướng là Cúc Nghĩa đuổi đánh ở phía nam huyện Nghiệp, phá chúng. Thiệu vu lại bắt Dương đến Lê Dương, đánh phá quân của Độ liêu Tướng quân Cảnh Chỉ, quân lại hăng, Trác lấy Dương làm Kiến nghĩa Tướng quân, Hà Nội Thái thú. Thiên tử đến ở tại quận Hà Đông, Dương đem quân đến huyện An Ấp, bái làm An quốc Tướng quân, phong làm Tấn Dương Hầu. Dương muốn đón Thiên tử về Lạc Dương, các tướng không nghe; Dương về huyện Dã Vương. Năm Kiến An thứ nhất, Dương Phụng, Đồng Thừa, Hàn Tiêm ép Thiên tử về kinh cũ⁽⁴⁵⁾, lương thiếu. Dương đem lương đón ở trên đường, bèn đến Lạc

Dương, bảo các tướng nói: “Nay Thiên tử làm việc cùng thiên hạ, may có Công khanh đại thần, Dương mới ngăn được nạn bên ngoài, sao lại coi việc ở kinh đô”? Bèn về Dã Vương, liêu bái làm Đại Tư mã.

Anh hùng kí viết: “*Tính Dương nhân hòa, không dùng uy phạt. Kẻ dưới mưu phản, phát lộ, đối mặt mà khóc lóc, liên tha không hỏi*”.

Dương vốn thân với Lữ Bố. Thái Tổ đến vây Bố, Dương muốn cứu hấn, không được, bèn đem quân đến ở huyện Đông Thị làm thế cứu giúp từ xa. Tướng của Dương là Dương Sữu giết Dương để theo về Thái Tổ. Tướng của Dương là Khuê Cỗ lại giết Sữu, lĩnh hết quân của Sữu, muốn lên phía bắc hợp với Viên Thiệu. Thái Tổ sai Sữ Hoán chặn đánh, phá quân Cỗ ở thành Khuyển, chém Cỗ, thu hết quân ấy vậy.

Diễn lược viết: “*Cỗ tự Bạch Thố, đã giết Dương Sữu, đem quân đóng đồn ở huyện Xạ Khuyển. Bấy giờ có người khuyên rằng Cỗ nói: ‘Tên chữ của Tướng quân là Thố mà tên huyện ấy là Khuyển, thử gặp chó thì tất kinh hãi, nên nhanh dời đi’. Cỗ không nghe, bèn chết trận*”.

TRƯƠNG YÊN TRUYỆN

Trương Yên, người huyện Chân Định quận Thường Sơn. Vốn họ Trữ. Quân Khăn vàng nổi dậy, Yên tụ họp người trẻ làm bọn cướp, đánh phá ở giữa vùng đân núi, lại về Chân Định, có đến hơn vạn người. Người huyện Bắc Lăng là Trương Ngưu Giác cũng dấy binh, tự xưng là Tướng quân Tông sự, hợp với Yên. Yên tôn Ngưu Giác làm sứ, cùng đánh huyện Anh Đào, Ngưu Giác bị tên lạc đâm trúng, bị thương sắp chết, sai quân theo Yên, lệnh nói: “Phải lấy Yên làm sứ”. Ngưu Giác chết, quân theo Yên, do đó đổi thành họ Trương. Yên dũng mãnh nhanh nhẹn hơn người, cho nên trong quân gọi là ‘Yên bay’. Sau đó quân sĩ thêm đông, bọn cướp vùng quận Thường Sơn, Triệu Quận, Trung Sơn, Thượng Đảng, Hà Nội đầu qua lại, bọn sứ nhỏ của chúng là Tôn Khinh, Vệ Đương đầu đem quân của mình theo Yên, có đến trăm vạn người, hiệu là Hắc Sơn. Linh Đế không dẹp được, các quận phía bắc sông Hà bị chúng gây hại. Yên sai người đến kinh đô xin hàng, bái Yên làm Bình nan Trung lang tướng.

Cửu châu Xuân thu viết: “Lúc Trương Giác làm phản, bọn giặc Hắc Sơn, Bạch Ba, Hoàng Long, Tá Hiệu, Ngưu Giác, Ngũ Lộc, Đê Căn, Khổ Từ. Lưu Thạch, Bình Hán, Đại Hồng, Tư Lệ, Duyên Thành, La Thị, Lôi Công, Phù Vân, Phi Yên, Bạch Tước, Dương Phượng, Vu Độc đều dấy binh, kẻ lớn thì hai, ba vạn người, kẻ nhỏ thì không dưới vài nghìn người. Linh Đế không đánh được, bèn sai sứ giả đến bái Dương Phượng làm Hắc Sơn Hiệu úy, lĩnh hết bọn giặc của các núi, được cử Hiếu liêm, Kế lại. Sau lại thêm đông, không thể kể hết”.

Diễn lược viết: “Bọn tướng sứ của giặc Khăn vàng, Hắc Sơn vốn là những kẻ không đội mũ lông, tự gọi tên nhau, nói người cưỡi ngựa trắng là Trương Bạch Kị, nói người nhanh nhẹn là Trương Phi Yên., nói kẻ nói tiếng lớn là Trương Lôi Công, còn người râu rậm thì tự xưng là Vu Đê Căn, người mắt to tự xưng là Lí Đại Mục”.

Hán kỉ của Trương Phan viết: “Lại có ba bộ là Tá hiệu, Quách Đại điền, Tá ti trượng bát”.

Sau đó, Đồng Trác dời Thiên tử đến Trường An, quân thiên hạ nhiều lần nổi dậy, Yên bèn đem quân mình liên kết với bọn hào kiệt. Viên Thiệu

tranh Kí Châu với Công Tôn Toàn, Yến sai tướng là bọn Đỗ Trường giúp Toàn, đánh với Thiệu, bị Thiệu đánh thua, quân sĩ dần dần là tan. Thái Tổ đến định Kí Châu, Yến sai sứ đến xin giúp quân của Nhà vua, bái làm Bình bắc Tướng quân, đem quân đến huyện Nghiệp, phong làm An Quốc Đình Hầu, thực ấp năm trăm hộ. Yến hoẵng, con là Phương thay. Phương hoẵng, con là Dung thay.

Tấn Huệ Đế khởi cư chú của Lục Khải viết: “Môn hạ Thông sự Lệnh sử Trương Lâm là cháu mấy đời của Phi Yến. Lâm cùng Triệu Vương là Luân làm loạn, chưa đến một năm, làm đến Thượng thư lệnh, Vệ Tướng quân, phong tước Quận Công. Rồi bị Luân giết”.

TRƯƠNG TÚ TRUYỆN

Trương Tú, người huyện Tô Lệ quận Vũ Uy, là con trong họ của Phiếu kị Tướng quân Tể vậy. Bọn Biên Chương, Hàn Toại làm loạn ở Lương Châu, người quận Kim Thành là Cúc Thắng đánh úp giết Tô Lệ Trưởng là Lưu Tuấn. Tú làm quan trong huyện ấy, ngầm đợi giết Thắng, người trong quân khen là có nghĩa. Rồi gọi họp bọn tuổi trẻ làm hào kiệt trong ấp. Đồng Trác thua, Tể cùng bọn Lí Thôi đánh Lữ Bố, trả thù cho Trác. Lời này tại truyện Đồng Trác. Tú theo Tể, vì có công mà dần dần chuyển làm Kiến trung Tướng quân, phong Tuyên Uy Hầu. Tể đóng đồn ở quận Hoảng Nông, quân sĩ đói khổ, xuống phía nam đánh huyện Nhưỡng, bị tên lạc đâm chết. Tú lĩnh quân của Tể, đóng đồn ở huyện Uyển, hợp với Lưu Biểu. Thái Tổ đánh miền nam, bọn Tú đem quân hàng. Thái Tổ lấy vợ của Tể, Tú hận việc này. Thái Tổ nghe nói Tú không vui. Ngầm bày kế giết Tú. Kế lộ, Tú ngầm đánh úp Thái Tổ. Quân Thái Tổ thua, hai con⁽⁴⁶⁾ chết. Tú về giữ huyện Nhưỡng.

Phó Tử viết: “Tú có người thân là Hồ Xa Nhi, dũng mãnh đứng đầu quân. Thái Tổ thích sự dũng mãnh ấy, tự tay tặng cho vàng. Tú nghe tin liền ngờ Thái Tổ muốn dùng tá hữu giết mình, bèn phản”.

Ngô thư viết: “Tú hàng, dùng kế của Giả Hủ, xin dời quân đến chỗ đường cao, đường đi qua giữa trại của Thái Tổ. Tú lại nói: ‘Xe ít mà nặng, xin được sai quân đều mặc giáp’. Thái Tổ tin Tú, đều nghe theo. Tú bèn sửa quân vào trại, đánh Thái Tổ. Thái Tổ không phòng bị, cho nên thua”.

Năm đó Thái Tổ đánh Tú, không thắng. Thái Tổ chống Viên Thiệu ở Quan Độ, Tú theo kế của Giả Hủ, lại đem quân hàng. Lời này tại truyện Giả Hủ. Tú đến, Thái Tổ cầm tay Tú cùng vui ăn yến, cho con trai là Quân lấy con gái của Tú, bái làm Dương vũ Tướng quân. Ở trận Quan Độ, Tú gắng đánh có công, chuyển làm Phá Khương Tướng quân. Đi theo phá Viên Đàm ở Nam Bì, lại tăng thực ấp lên hai nghìn hộ. Bây giờ hộ khẩu trong thiên hạ giảm sút, mười giảm còn một, các tướng được phong chưa

có ai được nghìn hộ, mà chỉ có Tú nhi ầu. Theo đi đánh người Ô Hoàn ở Liễu Thành, chưa đến, hoảng, thụy là Định H ầu.

Nguy lược viết: “Ngũ quan tướng⁽⁴⁷⁾ nhiều lần nhân đó xin gặp, nổi giận nói: ‘Ông giết anh ta, còn đem mặt nào mà nhìn người ta nữa’! Lòng Tú không tự yên, bèn tự sát.

Con là Tuy ền thay, có tội mưu phản với Nguy Phúng, giết, nước bỏ.

TRƯƠNG LỖ TRUYỀN

Trương Lỗ tự Công Kì, người huyện Phong nước Bái. Ông nội là Lăng, làm khách ở quận Thục, học đạo ở trong núi Hộc Minh, viết thành sách đạo để mê hoặc trăm họ, người theo học đạo phải đem năm đấu gạo, cho nên người đời gọi là ‘giặc gạo’. Lăng chết, con là Hành truyền đạo của Lăng. Hành chết, Lỗ lại truyền đạo ấy. Ích Châu Mục là Lưu Yên lấy Lỗ làm Đốc nghĩa Tư mã, cùng Biệt giá Tư mã Trương Tu đem quân đánh Hán Trung Thái thú Tô Cố, Lỗ bèn đánh úp giết Tu, lấy quân của Tu. Yên chết, con là Chương thay lập, thấy Lỗ không theo, giết hết người nhà của mẹ Lỗ. Lỗ bèn ở tại Hán Trung, lấy đạo quỷ để dạy dân, tự xưng là ‘Sư quân’. Người đến theo học Lỗ, lúc đầu đầu đặt tên là ‘Quỷ tốt’, truyền đạo ấy cho người tin mình, gọi là ‘Tế tửu’, đều được lĩnh quân, nhiều kẻ làm Duyên đầu Đại Tế tửu. Đầu dạy thành tín không được lừa dối, người có bệnh phải tự nói ra lỗi của mình, đại khái giống với quân Khăn vàng. Các ‘Tế tửu’ đều làm nhà nghĩa giống trạm dịch của ngày nay. Lại đặt cơm thịt nghĩa treo ở nhà nghĩa, người đi đường thu lấy dùng đủ; nếu nhiều quá, đạo quỷ liền khiến người đó mắc bệnh. Kẻ phạm pháp thì ba lần tha, sau có lỗi mới xử phạt. Không đặt ra Trưởng lại, đều lấy ‘tế tửu’ trông coi, dân yên ổn lại vui vẻ. Chiếm giữ miền Ba, Hán⁽⁴⁸⁾ gần ba mươi năm.

Diễn lược viết: “Giữa năm Hi Bình, giặc quái nổi dậy, quan Tam phụ⁽⁴⁹⁾ có Lạc Diêu. Giữa năm Quang Hòa, phương đông có Trương Giác, quận Hán Trung có Trương Tu. Lạc Diêu dạy dân biết làm phép ‘ẩn thân’, Giác dạy đạo ‘thái bình’, Tu dạy đạo ‘năm đấu gạo’. Đạo ‘thái bình’ là thầy đạo cầm gậy chín đốt làm phép chúc, dạy người bệnh gõ đầu mà suy nghĩ lỗi lầm, nhân đó đem nước bùa cho uống, người bị bệnh trợn ngày mà tự khỏi thì nói người ấy tin đạo, có người không khỏi thì nói là không tin đạo. Đạo của Tu đại khái giống với đạo của Giác, lại có thêm ‘nhà lạng’, sai người bệnh ở trong đó mà suy nghĩ lỗi lầm của mình. Lại sai người làm ‘Gian lệnh Tế tửu’. Tế tửu coi việc dùng năm nghìn chữ của Lão Tử, sai đều tập đọc, gọi là ‘Gian lệnh’. Lập ra ‘Quỷ lại’, làm chủ việc xin cầu đảo cho người bệnh. Cách cầu đảo là, là viết họ tên của người bệnh

lên giấy, nói rõ tội lỗi, làm ra ba bản, một bản trong đó ném lên trời, rớt trên núi, một bản chôn dưới đất, một bản bỏ chìm dưới sông, gọi là chữ viết tay của ba quan. Sai người nhà của người bệnh đem ra năm đấu gạo để trả, cho nên gọi là giặc năm đấu gạo. Thực là không có ích cho chữa bệnh, nhưng là say mê, mà dân thường ngu dốt, thay nhau thờ nó. Sau đó Giác bị giết, Tu cũng chết. Lúc Lỗ ở tại Hán Trung, nhân có dân tin mà truyền đạo của Tu, lại sửa thêm đạo ấy. Thầy đạo làm ‘nhà nghĩa’, lấy gạo thịt đặt ở trong ấy mà núp chân người đi đường; lại dạy cách tự ẩn thân, có kẻ mắc lỗi nhỏ, nếu đi đường được trăm bước thì tha tội; lại dựa vào nguyệt lệnh⁽⁵⁰⁾, mùa xuân mùa hạ thì cấm giết, lại cấm uống rượu. Người ở trọ đi lại ở đất ấy, không ai dám không theo”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Trương Tu phải là Trương Hành, nếu không phải là cái sai của Diễn lược thì là cái lầm của truyện này.

Cuối thời Hán, sức chẳng đánh được, bèn ban ân báỉ Lỗ làm Trấn dân Trung lang tướng, lĩnh chức Hán Trung Thái thú, dâng cống mà thôi. Dân rong quận có kẻ lấy được cái ấn ngọc, bầy tời muốn tôn Lỗ làm Hán Trung Vương. Viên Công tào của Lỗ là Diêm Phổ người quận Ba Tây can Lỗ nói: “Dân vùng Hán Xuyên có đến mười vạn nhà, của nhi ầu đất tốt, bốn mặt hiểm vững; trên giúp Thiên tử thì được như Hoàn, Văn⁽⁵¹⁾ thứ nữa cũng được như Đậu Dung⁽⁵²⁾ cũng chẳng làm mất vinh hoa. Nay nếu thừa lệnh sắp đặt, cái chân bị chặt, chẳng trở ngại cho sự thịnh vượng sao? Xin đừng xưng Vương, chớ lại chước họa trước đấy”! Lỗ nghe theo. Hàn Toại, Mã Siêu làm loạn, hàng vạn nhà dân của miền Quan Tây⁽⁵³⁾ từ hang Tí Ngọ trốn đến đấy.

Năm Kiến An thứ hai mươi⁽⁵⁴⁾, Thái Tổ lại từ cửa Tán Quan ra quận Vũ Đô đánh Lỗ, đến cửa Dương Bình. Lỗ muốn đem cả quận Hán Trung hàng, em Lỗ là Vệ không chịu, đem mấy vạn quân giữ cửa cố giữ. Thái Tổ đánh phá Vệ, r ẫ vào đất Thục.

Ngụy danh thần tấu chép biểu của Đồng Chiêu nói: “Vũ Hoàng Đế nghe lời bàn của Lương Châu Tòng sự và những kẻ hàng trong quận Hán Trung nói rằng Trương Lỗ dễ đánh, mặt núi nam bắc dưới thành Dương Bình xa nhau, không nên giữ. Tin cho là đúng. Lúc đặt chân đến, không như lời mà mình nghe nói, mới than rằng: ‘Người khác suy đoán, chẳng bằng ý người ta’. Đánh các đ ền trên núi Dương Bình, đã không lấy được ngay, mà quân sĩ chết thương rất nhi ầu. Ý của Vũ Hoàng Đế chán nản, lại muốn sai quân chặn núi r ẫ về, sai Đại Tướng quân Hạ H ầu Đôn, Tướng quân Hứa Chử gọi quân trên núi rút về Gặp lúc ti ền quân chưa về, buổi đêm tối tăm, vào

nhằm trại giặc, giặc lại tan chạy. Bọn Thị trung Tân Bì, Lưu Diệp ở sau quân, bảo bọn Đôn, Chử nói: ‘Quan quân đã chiếm được đồn hiểm của giặc, giặc đã tan chạy’. Vẫn chưa tin theo. Đôn đi xem trước, rồi về báo cho Vũ Hoàng Đế, tiến quân đến đánh dẹp, may mà thắng được. Việc gần đây là việc mà quan quân biết”. Lại có biểu của Dương Kị nói: “Vũ Hoàng Đế bắt đầu đánh Trương Lỗ, đem mười vạn quân đi, tự thân đến xem, bày đặt kế sách, nhân đó gặt lúa của dân để làm lương cho quân. Trương Vệ đến giữ, không đủ để nói đến. Đất hiểm để giữ, đâu có quân mạnh tướng khỏe nhưng khó dùng được. Đối trận ba ngày, muốn đem quân về, nói: ‘Ta dùng quân ba mươi năm, một sớm chống giữ với người ta, thế nào?’ Kế ấy đã định, trời ban lộc cho Đại Ngụy, quân giữa của Lỗ tự vỡ, nhân đó bình đất ấy”.

Thế ngũ viết: “Lỗ sai Ngũ quan duệ đến xin hàng, em là Vệ lên núi đắp thành Dương Bình để chống, quân của Nhà vua không lên được. Lỗ chạy đến Ba Trung. Lương quân hết, Thái Tổ sắp về Tây tào duệ Quách Kham người Đông Quận nói: ‘Không nên. Lỗ đã hàng, giữ sứ giả ở lại không về Vệ đâu không cùng ý, nhưng cũng đánh được. Xua quân vào sâu, đã đi phải thắng, lui sẽ khó thoát’. Thái Tổ do dự. Buổi đêm có mấy nghìn con nai hoang bỗng nhiên xông vào làm vỡ trại Vệ, quân cả kinh, buổi đêm bọn Dương Tộ gặp nhằm với quân Vệ, bọn Tộ bèn thôi tù và đánh trống tụ quân. Vệ sợ, cho rằng đại quân bị đánh lén, bèn hàng”.

Lỗ nghe tin thành Dương Bình đã vỡ, muốn cúi đầu xin hàng, Phổ lại nói: “Nay bị ép đến, công tất nhỏ; không bằng nhờ vào Đỗ Quán⁽⁵⁵⁾ đến chỗ của Phác Hồ⁽⁵⁶⁾ chống nhau, rồi mới trao thân, công tất lớn”. Do đó bèn đến miền núi phương nam mà vào giữa đất Ba. Tả hữu muốn đốt hết kho lúa vật bảo, Lỗ nói: “Ta vốn muốn theo về nhà nước, nhưng ý chưa được. Nay lại chạy tránh mũi nhọn là không có ý xấu vậy. Kho lúa vật bảo nên để cho nhà nước”. Bèn đóng kín rồi đi. Thái Tổ vào Nam Trịnh, rất khen Lỗ. Lại vì Lỗ vốn có ý tốt, sai người khuyên dụ. Lỗ đem hết người nhà ra hàng, Thái Tổ đón bái Lỗ làm Trấn nam Tướng quân, dùng lễ khách mà đối đãi, phong Lãng Trung Hầu, thực ấp có vạn hộ. Phong năm con của Lỗ và bọn Diêm Phổ đều làm Liệt hầu.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Trương Lỗ đâu có ý tốt, nhưng bị thua rồi mới hàng, nay lại sủng ái phong cho vạn hộ, năm con đều làm Liệt hầu, thế là quá rồi.

Tập Tạc Xỉ nói: “Lỗ muốn xưng Vương, nhưng Diêm Phỗ can ngăn mới thôi, nay phong Phỗ làm Liệt hầu. Thường phạt là để ngăn chặn cái xấu và khuyến khích cái tốt vậy. Nếu việc ấy để làm làm rõ được muôn vật thì không cần xét gần xa hay sáng tối rồi. Nay Diêm Phỗ can Lỗ chớ xưng Vương, mà Thái Tổ truy phong Phỗ, người đời sau ai không nhớ theo! Chặn đâu nguồn thì dòng cuối tự ngừng. Điều này nói về việc đó vậy! Nếu lại không làm rõ như thế mà lại coi trọng công lao sáng chói, tặng thưởng hậu hĩnh cho kẻ sĩ chết trận thì dân ham lợi vào lúc có loạn, tục lại tranh nhau đánh giết, lúc đó can qua không ngừng vậy. Thái Tổ phong như thế, có thể nói là biết được cái gốc của thưởng phạt, dẫu Thang, Vũ⁽⁵⁷⁾ ở tình huống ấy, cũng không hơn được”.

Ngụy lược viết: “Giữa năm Hoàng Sơ, tặng tước ấp cho Phỗ, đúng với lễ nghi. Hơn mười năm sau bệnh chết”. Tấn thư viết: “Tây Nhung Tư mã Diêm Toàn là cháu của Phỗ vậy”.

Cho con là Bành Tổ lấy con gái của Lỗ. Lỗ hoăng, thụy là Nguyên Hầu. Con là Phú thay.

Ngụy lược viết: “Lưu Hùng Minh là người huyện Lam Điền. Thuở nhỏ làm nghề hái thuốc săn bắn, thường ở dưới núi Phục Xa, hễ đến sớm tối, đi lại giữ sương mây, vì biết đạo không lầm, mà người thời ấy nói rằng Hùng Minh biết làm ra sương mây. Quách, Lí làm loạn, nhiều người theo Hùng Minh. Giữa năm Kiến An, nương dựa châu quận, châu quận tiến cử làm Tiểu tướng. Bọn Mã Siêu phản, không chịu theo, Siêu phá Hùng Minh. Sau lại đến chỗ Thái Tổ, Thái Tổ cầm tay mà nói: ‘Ta đang vào cửa ải, nằm mộng gặp người thần, là khanh chăng!’ Bèn đãi hậu hĩnh, tiến cử làm Tướng quân, sai khiến đón đồ đảng của Hùng Minh. Đồ đảng không muốn hàng, bèn cướp để phản, bọn trốn tránh đều đến nương dựa, có đến mấy nghìn quân, chiếm giữ cửa đường ải Vũ Quan. Thái Tổ sai Hạ Hầu Uyên đánh phá chúng, Hùng Minh chạy về phía nam đến Hán Trung. Hán Trung phá, khôn cùng không có chỗ chạy, mới lại ra hàng. Thái Tổ nắm râu Hùng Minh nói: ‘Giặc già, bắt được người thật rồi!’ Trao lại chức, dời đến quận Bột Hải. Bấy giờ lại có Trình Ngân, Hầu Tuyền, Lí Kham đều là người quận Hà Nội, vào thời loạn năm Hưng Bình đều có hơn nghìn nhà dân. Năm Kiến An thứ mười sáu, cùng hợp với Mã Siêu. Siêu thua chạy, Kham chết giữa trận, Ngân, Tuyền về phía nam vào Hán Trung, đến chỗ Thái Tổ hàng, đều trao lại chức”.

Bình nói: Công Tôn Toàn giữ thành, ng ăi đợi diệt vong. Độ tàn bạo không có tiết tháo, Uyên thay nghiệp mà gánh họa, đây là gốc rễ làm con cháu đổ vỡ vậy. Đào Khiêm thời loạn lo bu ồm mà chết. Trương Dương cúi đầu làm bầy tôi, đầu chiếm giữ châu quận, chẳng qua cũng là kẻ thất phu, vốn không có gì để bàn vậy. Yến, Tú, Lỗ rời bọn cướp, làm Liệt hầu, bỏ vứt nguy vong, giữ được miếu thờ, thì như thế cũng tốt hơn r ấ.

TRƯƠNG TÚ TRUYỆN

Trương Tú, người quận Võ Uy huyện Tô Lệ, là cháu của Phiêu kỵ tướng quân Trương Tế. Biên Chương-Hàn Toại làm loạn ở Lương châu, người ở Kim Thành là Khúc Thắng đánh úp giết trưởng huyện Tô Lệ là Lưu Tuyên. Tú làm Huyện lại, rình lúc sơ hở giết Thắng, người trong quận cho là người nghĩa hiệp. Về sau Tú chiêu mộ tập hợp những người trẻ tuổi, làm hào kiệt ở trong ấp. Đồng Trác bại vong, Tế cùng bọn Lý Thôi đánh Lã Bố, vì Trác báo thù. Đã nói ở Đồng Trác truyện. Tú đi theo Tế, làm Quân công, ít lâu được thăng làm Kiến trung tướng quân, tước Tuyên Uy hầu. Tế đóng quân ở Hoảng Nông, sĩ tốt đói quá, xuôi nam đánh đất Nhữong, bị trúng tên chết. Tú lĩnh quân ấy, đóng ở huyện Uyển, cùng với Lưu Biểu hợp binh. Thái tổ nam chinh, quân đến Dục Thủy, bọn Tú đem binh ra hàng. Thái tổ thu nạp vợ Tế, Tú hận vì việc ấy. Thái tổ nghe nói Tú không hài lòng, bí mật tính kế giết Tú. Mưu kế bị lộ, Tú ngầm tập kích Thái tổ. Thái tổ thua quân, hai con bị chết⁽⁵⁸⁾. Tú lui về giữ đất Nhữong, Thái tổ vây đánh gần một năm, không đánh nổi.

***Phó tử chép:** Tú có người thân là Hồ Xa Nhi, dũng mãnh đứng đầu trong quân. Thái tổ yêu mến những kẻ mạnh tợn như thế, tự tay lấy vàng bạc cấp cho họ. Tú nghe nói bèn ngờ rằng Thái tổ muốn nhân việc ấy cho tả hữu đâm chết mình, liền phản.*

***Ngô thư chép:** Tú ra hàng, dùng kế của Giả Hủ, xin dõn quân của mình vào trung quân, khu vực ấy là do Thái tổ đóng giữ. Tú lại nói: “Xe cộ của ta thiếu mà nặng nề, xin hãy bắt binh sĩ đều phải mặc áo giáp.” Thái tổ tin tưởng Tú, đều nghe theo. Tù liền sai binh sĩ chuẩn bị hành trang tiến vào trại, đánh úp Thái tổ. Thái tổ chẳng phòng bị gì, cho nên bị thất bại.*

Thái tổ cự Viên Thiệu ở Quan Độ, Tú theo kế của Giả Hủ, lại đem mọi người tới hàng. Đã nói ở Giả Hủ truyện. Tú đến nơi, Thái tổ cần tay Tú, cùng vui vẻ yến tiệc, cho con là Quân lấy con gái Tú, bái Tú làm Dương vũ tướng quân. Chiến dịch Quan Độ, Tú ra sức chiến đấu có công, được thăng làm Phá Khương tướng quân. Theo đi đánh Viên Đàm ở Nam Bì, lại được

tăng thực ấp cả thầy là hai nghìn hộ. Thời ấy, số hộ khẩu trong thiên hạ giảm sút, mười nhà chỉ còn có một, các tướng được phong thường không đầy một nghìn hộ, mà riêng một mình Tú được nhiều. Tú theo đi đánh Ô Hoàn ở Liễu thành, chưa đến nơi thì chết, được ban thụy hiệu là Định hầu.

Nguy lược chép: Ngũ quan tướng⁽⁵⁹⁾ mấy lần nhân vì Tú xin gặp, nổi giận nói: “Người giết anh trai ta, làm sao ta kiên trì nhẫn nại nhìn vào mặt người được đây!” Tú trong lòng bất an, bèn tự sát.

Con Tú là Tuyên nổi tự, bị buộc tội cùng với Ngụy Phúng mưu phản bị tru diệt, đất phong bị tước bỏ.

CÔNG TÔN TOẢN TRUYỆN

Công Tôn Toản tự Bá Khuê, người huyện Lệnh Chi quận Liêu Tây. Lệnh âm lang định phiên. Chi âm kì nhi phiên. Làm Môn hạ Thư tá trong quận. Có dáng vẻ đẹp, tiếng nói lớn, Hầu Thái thú kính trọng, gả con gái cho Toản, Diễm lược viết: “Tính Toản nhanh nhẹn, hễ bàn việc gì không chịu nói trước, thường tổng kết các việc lại sau cùng, không có chỗ sai sót, quan Thái thú khen tài của Toản”.

Sai đến nhà Lư Thực ở Trác Quận đọc sách kinh, rồi làm quan trong quận ấy. Lưu Thái thú làm việc mắc lỗi bị gọi đến phủ Đình úy, Toản làm người đánh xe, tự thân chăm sóc. Đến lúc Lưu Thái thú dời đến quận Nhật Nam, Toản sắm sửa gạo thịt, ở tại huyện Bắc Mang cúng tế người trước, nâng chén rượu chúc nói: “Trước làm người con, nay làm bầy tôi, nay đến quận Nhật Nam. Quận Nhật Nam khí chướng, chỉ sợ không về được, nay cùng người quen từ biệt ở đây”. Lại bái lạy rùm rập rồi đứng dậy, bấy giờ người ta thấy vậy chẳng ai không than thở. Lưu lại được tha về Toản vì cử Hiếu liêm mà làm quan Lang, bái làm Liêu Đông thuộc quốc Trưởng sử. Thường dẫn mấy chục quân kỵ đi ra biên giới, thấy mấy trăm quân kỵ người Tiên Ti, (60) Toản bèn lùi về giữa ngôi đình trống, hẹn quân kỵ đi theo nói: “Nay nếu không xông ra tất chết hết vậy”. Toản liền tự cưỡi mâu, đao có hai lưỡi nhảy ra đâm quân Hồ, (61) giết chết mấy chục người, cũng giết được nửa quân kỵ đi theo trong bọn chúng, bèn thoát được. Người Tiên Ti sợ hãi, sau không dám vào lại biên giới. Chuyển làm Trác Lệnh. Giữa năm Quang Hòa, giặc vùng Lương Châu nổi dậy, phát ba nghìn quân đột kỵ của vùng U Châu, lấy Toản làm Đô đốc trông coi, sai đem quân đi. Quân đến giữa huyện Kế, người quận Ngư Dương là Trương Thuần dụ người Ô Hoàn (62) ở quận Liêu Tây là bọn Khâu Lực Cư làm phản, cướp bóc giữa huyện Kế, tự xưng Tướng quân,

Cửu châu Xuân thu viết: “Thuần tự hiệu Di thiên Tướng quân, An Định Vương”. bắt quan dân, đánh các thành của quận Hữu Bắc Bình, thuộc quốc

Liêu Đông, chỗ đi qua đầu phá hoại. Toàn dẫn bộ tướng đuổi đánh bọn Thuần có công, chuyển làm Kị Đô úy. Người Ô Hoàn của thuộc quốc là Tham Chí Vương đem dân chúng đến chỗ Toàn hàng. Chuyển làm Trung lang tướng, phong Đô Đình Hầu, đến đóng đồn ở thuộc quốc, đánh phá nhau với người Hồ năm, sáu năm. Bọn Khâu Lực Cư cướp bóc bốn châu Thanh, Từ, U, Kí, bốn quận bị gây hại nhưng Toàn không ngăn được.

Triều đình bàn bạc thấy người quận Đông Hải là Tông chính Lưu Bá An vốn có đức nghĩa, trước làm U Châu Thứ sử, ân tín sáng rõ, người Nhung Dịch nương dựa, nếu được sai đến chỗ về thì không cần đem quân đánh mà định được, bèn lấy Lưu Ngu làm U Châu Mục.

Ngô thư viết: “Ngu là dòng dõi của Cung Vương quận Đông Hải. Gặp thời nhiễu loạn, lại đang lúc vua rời xa, làm quan ở huyện làm Hộ tào lại. Có tài tu thân coi việc, gọi làm quan của quận, cử Hiếu liêm làm quan Lang, làm đến U Châu Thứ sử, chuyển làm Cam Lâm Tướng, rất được lòng người Nhung Dịch ở miền đông. Sau có bệnh xin về nhà, thường cúi mình ăn thân, vui vẻ cùng bạn bè phe nhóm trong châu huyện cứu giúp người không có tiền của, không vì chức vị mà tự phân biệt, người làng xóm đều cùng theo về. Bấy giờ người làng xóm có kẻ kiện tụng, không đến phủ quan, tự đến nhờ Ngu phân giải; Ngu lấy tình lý mà xét xử, người lớn bé đều kính trọng, không cho là tiếc. Từng có kẻ bị mất trâu mà màu lông thân thể giống nhau với trâu của Ngu, nhân đó cho là của mình, Ngu bèn đem cho kẻ đó; sau đó người chủ trâu kia tìm được trâu của mình mới đem trả tạ lỗi. Gặp lúc nước Cam Lăng bị loạn, quan dân chọn làm Cam Lăng Tướng. Nước Cam Lăng được dẹp yên. Gọi đến bá làm Thượng thư lệnh, Quang lộc huân, lại vì là họ hàng của vua mà có lễ nghi, đổi làm Tông chính”. Anh hùng kí viết: “Ngu làm Bác Bình Lệnh, xét việc công bằng, ngay thẳng cao thượng, trong huyện không có giặc cướp, không gây tai hại. Bấy giờ huyện bên gần cõi có châu châu gây hại, lan đến huyện Bác Bình, bay qua nhưng chẳng vào ruộng”. Ngụy thư viết: “Ngu ở tại U Châu, tiết kiệm trong sạch, lấy lễ nghĩa mà dạy dân. Thời Linh Đế, cung phía nam bị đổ, những quan lại của các châu quận đều đem tiền đến giúp sửa cung, có kẻ đem đến một vạn một nghìn tiền, có kẻ có đến hai nghìn, hai vạn tiền. Nhà giàu lấy tiền riêng mà góp giúp, có kẻ đem tiền của dân mà sắm sửa đóng góp, những kẻ nghèo mà trong sạch thì không có đem góp, có kẻ phải tự sát. Linh Đế thấy Ngu trong sạch, hạ lệnh tha cho không cần góp tiền”.

Ngu đến, sai sứ đến giữa người Hồ, nói rõ lợi hại, sai đòi chém đem đầu Thuần đến. Bọn Khâu Lực Cư nghe tin Ngu đến, vui mừng, đầu sai người đến xưng tự thần phục. Toàn lo Ngu lập công bèn ngầm sai người giết chết sứ giả của người Hồ. Người Hồ biết được, ngầm đến báo cho Ngu biết. Ngu dâng sớ xin bãi các quân đang đóng ở, vẫn giữ Toàn đem vạn quân kỵ bộ đóng ở quận Hữu Bắc Bình. Thuần liền bỏ vợ con, chạy vào chỗ của người Tiên Ti, bị môn khách là Vương Chính giết, đem đầu đến chỗ Ngu. Phong Chính làm Liệt Hầu. Ngu vì công liền được bái làm Thái úy, phong làm Tương Phần Hầu.

Anh hùng kí viết: “Ngu nhường chức Thái úy, nhân đó tiến cử Vệ úy Triệu Mô, Ích Châu Mục Lưu Yên, Dự Châu Mục Hoàng Uyển, Nam Dương Thái thú Dương Độc, đầu dùng làm Công”. Gặp lúc Đồng Trác đến Lạc Dương, chuyển Ngu làm Đại Tư mã, bái Toàn làm Phấn vũ Tướng quân, phong làm Kế Hầu.

Quân nghĩa miền Quân Đông nổi dậy, Trác bèn cướp Đế đến miền tây, mời Ngu làm Thái phó, đường lối chặn cách, tín lệnh không đến được. Viên Thiệu, Hàn Phức bàn cho rằng vua nhỏ bị gian thần ngăn chặn, thiên hạ không có lòng theo về Ngu là họ hàng nhà vua có tiếng tăm, dân chúng trông mong, bèn tôn Ngu làm Đế. Sai sứ đến báo cho Ngu, Ngu rút cuộc không chịu nhận. Bọn Thiệu lại khuyên Ngu lĩnh chức Thượng thư, thừa lệnh phong bái, Ngu lại không nghe, nhưng vẫn liên hòa với bọn Thiệu.

Cửu châu Xuân thu viết: “Bọn Thiệu, Phức sai Lạc Lăng Thái thú Trương Kỳ người huyện Cam Lâm trước kia đem lời bàn đến chỗ Ngu, sai phải xưng hiệu. Ngu lớn tiếng mắng Kỳ nói: ‘Người dám nói lời này ra sao! Cái đạo trung hiếu đã không thông. Ta nhận ân nước, thiên hạ nhiều làm mà chưa được nhận lệnh để trừ bỏ nỗi xỉ nhục nhà nước, mong có các kẻ sĩ trung liệt của các châu quận đầu hợp sức về phía tây, đón nghênh vua nhỏ, vậy mà dám tự tiện bày mưu phản nghịch, dám chuốc nợ bản cho trung thần chẳng!’”. Ngô thư viết: “Phức gửi thư cho Viên Thuật nói rằng Đế không phải là con của Linh Đế, muốn noi theo việc cũ của Giàng, Quán (63) giết bỏ vua nhỏ, đón lập Đại Vương; khen Ngu có công đức sửa trị, vùng Hoa Hạ không có hai người như thế, họ hàng nhà vua đầu chẳng ai sánh bằng. Lại nói: ‘Xưa Quang Vũ Đế là dòng dõi đời thứ năm của Định Vương, làm Đại Tư mã trông coi miền Hà Bắc, bọn Cảnh Yểm, Phùng Dị đầu khuyên nên lên ngôi vị, rút cuộc thay Cảnh Thủy Đế. Nay Lưu Công là

dòng dõi của Cung Vương, cũng trải qua năm đời, lấy Đại Tư mã trông coi miền U Châu, việc này cũng giống với Quang Vũ Đế”. Bấy giờ có bốn ngôi sao hội ở sao Cơ, sao Vĩ, Phúc nói đây là điềm báo trước có người thần sắp dựng nghiệp ở tại đất Yên. Lại nói rằng có người đàn ông quận Tế Âm lấy được cái ấn ngọc, trên đó có khắc chữ rằng: ‘Ngu làm Thiên tử’. Lại thấy hai Mặt trời xuất hiện ở tại quận Đại, cho rằng Ngu nên thay ngôi. Thiệu lại gửi thư riêng cho Thuật. Bấy giờ Thuật trong lòng có ý không thần phục, cho rằng nhà nước có vua lớn tuổi sẽ không có lợi, bên ngoài mặt mượn cớ là việc công để đáp chống lại ý ấy. Thiệu cũng sai người báo riêng cho Ngu biết, Ngu cho rằng nước có chính thống, là bây tôi không nên nói lời ấy, cố từ chối không theo; lại muốn mưu trốn vào chỗ người Hung Nô để tự cắt đứt, bọn Thiệu mới thôi. Do đó Ngu làm theo chức phận, càng thêm cung kính; các đồ cống nạp mà người Hồ, người Khương đem đến nhưng vì đường lối không thông, bên đầu chuyển chở đến ở kinh sư”.

Con Ngu là Hòa làm Thị trung ở tại Trường An. Thiên tử muốn về miền đông, sai Hòa lừa trốn Trác, ngấm ra khỏi cửa Vũ Quan đến chỗ Ngu, sai Ngu đem quân đến đón. Hòa đi thẳng đến chỗ Viên Thuật, nói rõ ý của Thiên tử. Thuật cho rằng Ngu có thể vin dựa có lợi, liền giữ Hòa lại không cho đi, hứa sẽ đem quân cùng đi đến miền tây, lệnh Hòa gửi thư cho Ngu. Ngu nhận được thư của Hòa, bèn sai mấy nghìn quân kỵ đến chỗ Hòa. Toàn biết Thuật có chí khác, không muốn sai quân đi, can ngăn Ngu, Ngu không nghe. Toàn sợ Thuật nghe tin mà giận mình, bèn sai em họ của mình là Việt đem nghìn quân kỵ đến chỗ Thuật để tự kết thân, lại ngấm xui Thuật bắt giữ Hòa, cướp quân của hắn. Do đó Ngu, Toàn thêm hiềm khích. Hòa trốn Thuật đến miền bắc, lại bị Thiệu giữ lại.

Bấy giờ Thuật sai Tôn Kiên đóng đồn ở Dương Thành chống Trác, Thiệu sai Chu Ngang đánh lấy đất ấy. Thuật sai Việt cùng Kiên đánh Ngang, không thắng, Việt bị tên lạc đâm trúng mà chết. Toàn giận nói: “Em ta chết, họa này do ở Thiệu”. Bèn đem quân ra đóng ở bên sông Bàn Hà, sắp đến trả thù Thiệu. Thiệu sợ, lấy ấn thao Bật Hải Thái thú của mình đeo trao cho em họ là Phạm, sai đến quận, muốn dựa giúp nhau. Phạm bèn đem quân Bật Hải giúp Toàn, phá quân Khăn vàng vùng Thanh Châu, Từ Châu, thế quân thêm mạnh; đem quân đến Giới Kì châu.

Diễn lược chép biểu của Toàn kế tội lỗi của Thệu nói: “Thần nghe nói từ thời Hoàng Hi (64) đến nay bắt đầu có việc vua trên tội dưới, đem giáo hóa để dạy dân, dùng hình pháp để ngăn cấm cái ác. Nay Xa kị Tướng quân Viên Thiệu mượn có vết xe ngày trước, cướp đoạt chức của người khác, có ý gây loạn, làm việc nhơ bẩn. Trước làm Tư lệ Hiệu úy, gặp lúc nhà nước vỡ lở, Thái hậu thừa lệnh, họ hà phụ chính, Thiệu lại chuyên làm việc xấu, không làm việc ngay thẳng, rồi sai Đinh Nguyên đốt cháy bến Mạnh Tân, mời gọi Đồng Trác đến, tạo thành cái gốc của họa loạn. Đây là tội thứ nhất của Thiệu vậy. Trác đã vào Lạc Dương thì vua bị bắt làm tin, Thiệu lại không quyết đoán để giúp vua trên, mà lại bỏ mất tiết tháo, rút chạy bỏ trốn, làm nhục tước mệnh, phản vua bất trung, đây là tội thứ hai của Thiệu vậy. Thiệu làm Bộc Hải Thái thú, kén chọn quân mã, lúc đánh Đồng Trác, không báo cho vua trên, mà sai sứ đến cửa nhà quan Thái phó, khiến cho mẹ con của Thái bộc một sớm mà chết, vậy là bất nhân bất hiếu, đây là tội thứ ba của Thiệu vậy. Thiệu đã dấy binh, trải qua ba năm, không cứu nạn nước, tự tiện đặt phong, lại nhiều lần chuyển lương thảo không kịp lúc, cướp bắt làm giàu, thu lấy tiền của, trăm họ kêu than, chẳng ai không giận, đây là tội thứ bốn của Thiệu vậy. Hàn Phúc bức ép, lập ra ngôi rỗng, làm trái ân chiếu, khắc vàng chạm ấn ngọc, hể gửi văn thư, đựng kín trong túi đen, viết nói: ‘Một tờ chiếu thư, ấn của Kháng Hương Hầu’. Kháng khẫu lãng phiên. Xưa vừa gặp loạn, rồi lại lên ngôi, nay cái mà Thiệu làm, vẫn như lúc trước, đây là tội thứ năm của Thiệu vậy. Thiệu sai Thôi Cự Nghiệp ngóng xem trăng sao, đưa tiền hối lộ, cùng nhau ăn uống, hẹn kì hội hợp, đánh cướp quận huyện, đây há phải là việc mà bậc đại thần nên làm sao? Đây là tội thứ sáu của Thiệu vậy. Thiệu cùng Hồ nha Đô úy Lưu Huân trước cùng dấy binh, Huân vẫn tự chuộc lỗi, lại hàng phục Trương Dương, vậy mà vì cái giận nhỏ mà gây hại cho Huân, tin dùng lời nịnh bợ, giết hại người có công, đây là tội thứ bảy của Thiệu vậy.

Thiệu lại dùng Thượng Cốc Thái thú Cao Yên, Cam Lăng Tướng Diêu Cống ngày trước, đòi hỏi tiền của họ, tiền không góp đủ, hai đều bị lấy mạng, đây là tội thứ tám của Thiệu vậy. Theo nghĩa của sách Xuân thu, con phải quý mẹ, mẹ Thiệu thân làm vợ lẽ, Thiệu thực là hèn kém, không đáng làm dòng dõi của người ta, về nghĩa là không hợp, vậy mà lại giữ chức cao vị to, làm xấu tước Vương, chuộc nhục họ Viên, đây là tội thứ chín của Thiệu vậy. Lại nữa Trường Sa Thái thú Tôn Kiên ngày trước lĩnh chức Dự

Châu Thứ sử, xua đuổi Đồng Trác, tẩy rửa lăng miếu, công chẳng ai lớn bằng; vậy mà Thiệu sai Chu Ngang cướp lấy chức của người ta, cắt đứt đường vận lương của Kiên, sai không được vào, khiến cho Trác không bị giết, đấy là tội thứ mười của Thiệu vậy. Thần lại thường nhận được thư của Hậu Tướng quân Viên Thuật, nói rằng Thiệu không phải là anh em của Thuật. Tội lỗi của Thiệu, dầu tre của núi Nam cũng không ghi hết. Xưa nhà Chu của họ Cơ suy kém, Thiên tử dời đô, chư hầu phản loạn, do đó Tề Hoàn Công lập hội thề Kha Đình, Tấn Văn Công mở hội ở Tiễn Thổ, đánh Kinh Sở để tỏ tinh hoa, phạt Tào, Vệ để kể rõ tội vô lễ của họ. Thần dầu hèn kém, tiếng tăm không bằng người hiên thời trước, nhưng chịu nhận ân đức của triều đình, gánh vác việc lớn, chức vụ ở tại chốn can qua, nhận lệnh đánh kẻ có tội, sẽ cùng các tướng đem quân của châu quận đánh bọn Thiệu. Nếu việc thắng lợi, kẻ có tội bị phạt, nối tiếp cái trung thành của Hoàn Công, Văn Công, tình thế đánh trận thế nào xin trước sau báo lên”. Bèn đến đến đánh với Thiệu, Thiệu không thắng. Lấy Nghiêm Cương làm Kí Châu Mục, Điền Khải làm Thanh Châu Mục, Đan Kinh làm Duyện Châu Mục, đặt các quận huyện. Thiệu đem quân đến huyện Quảng Xuyên, lệnh tướng là Cúc Nghĩa lên trước đánh với Toàn, bắt sống Cương. Quân Toàn thua chạy đến quận Bột Hải, cùng Phạm về huyện Kế, ở phía đông nam thành lớn đắp thành nhỏ, gần nhau với Ngu, càng căm giận nhau.

Ngu sợ Toàn gây loạn, bèn đem quân đánh úp Toàn. Ngu bị Toàn đánh thua, chạy ra huyện Cư Dung. Toàn đánh chiếm huyện Cư Dung, bắt sống Ngu, đem Ngu về huyện Kế. Lúc Trác chết, Thiên tử sai sứ giả là Đoàn Huấn đến tặng thực ấp cho Ngu, sai trông coi sáu châu; Toàn chuyển làm Tiền Tướng quân, phong làm Dịch Hầu. Toàn vu cho Ngu muốn xưng tôn hiệu, ép Huấn chém Ngu.

Ngụy thị Xuân thu viết: “Trước đây, Lưu Ngu liên hòa với người Nhung Địch, Toàn cho rằng người Hồ Di khó ngăn chặn, nhân lúc chúng không thần phục mà đánh, nay thưởng thêm tiền, tất càng thêm coi thường nhà Hán, được tiếng tăm một thời mà để lại nỗi lo lắng lâu dài. Do đó cái mà Ngu ban thưởng thì Toàn liền cướp lấy. Ngu nhiều lần xin gặp, Toàn xưng bệnh không đến. Đến lúc thua trận, Ngu muốn đánh Toàn, báo cho Đông Tào duyện Ngụy Du người quận Hữu Bắc Bình. Du nói: ‘Nay thiên hạ dẫn dắt theo về chỗ ông. Mưu thần là móng vuốt, không thể không có. Toàn có tài cả văn vũ đủ để nương ựa, dầu có ít lỗi xấu nhưng cũng nên dung chứa

hắn'. Bèn thôi. Một năm sau, Du bệnh chết. Ngu lại bàn với quan thuộc, ngầm lệnh đem quân đánh úp Toản. Bộ tướng của Toản phân tán ở ngoài, Toản sợ thua, đào cửa đông thành muốn chạy. Quân của Ngu không có đội ngũ lại không luyện tập đánh trận, lại yêu dân chúng, bèn ra lệnh không được đốt phá. Do đó Toản bèn đốt lửa, nhân đó đem quân tinh nhuệ xông xáo, quân của Ngu tan vỡ, chạy đến thành Cư Dung. Toản đến đem người nhà để về, giết hại người trong châu phủ, bọn kẻ sĩ đội mũ tài giỏi đều bị giết hết". Diễn lược viết: "Toản phớt Ngu ở cớ mà khẩn rằng: 'Nếu là người ứng mệnh trời thì ngày nay có mưa xuống cứu người'. Bấy giờ đang giữa mùa hạ, cả ngày không mưa, bèn giết Ngu". Anh hùng kí viết: "Lúc Ngu bị giết, Thường Sơn Tướng là Tôn Cẩn, quan Duyện là bọn Trương Dật, Trương Toản cảm kích lòng trung nghĩa của Ngu, cùng nhau đến chỗ Ngu, liên mồm mắng Toản, sau đó cùng chết". Toản cử Huấn làm U Châu Thứ sử. Toản bèn kiêu ngạo, làm việc lỗi quên việc hay, phần nhiều gây hại.

Anh hùng kí viết: "Toản lĩnh hết trong ngoài, trong bọn con em đang tuổi đội mũ có kẻ tuấn tú bèn sai đến đất khốn khó, có người hỏi nguyên nhân, đáp nói: 'Nay để cho con em trong nhà đang tuổi đội mũ và bọn kẻ sĩ tài giỏi được giàu có thì đều phải tự mình làm lấy công việc, không cần người khác ban tặng vậy'. Những kẻ buông thả được yêu quý phần nhiều là những kẻ yếu kém, như ba người bọn thầy bói số là Lưu Vĩ Đài, người bán lụa là Lí Di Tử, nhà buôn là Lạc Hà Dương, cùng họ thì làm anh em, tự gọi mình là Bá, gọi ba người là Trọng, Thúc, Quý, giàu có đều đến hàng ức tỉên, hoặc lấy con gái của họ mà gả cho con trai của mình, thường khen bọn Khúc Chu, Quán Anh để thề".

Tòng sự của Ngu là bọn Tiên Vu Phụ, Tề Chu, Kị Đô úy Tiên Vu Ngân là người quận Ngự Dương đem quân của châu muốn trả thù Toản, lấy người nước Yên là Diêm Nhu vốn có ân tín, cùng tôn Nhu làm Ô Hoàn Tư mã. Nhu chiêu dụ người Ô Hoàn, người Tiên Ti, thu được mấy vạn người Hồ, người Hán, đánh nhau với bộ tướng của Toản là Trâu Đan ở phía bắc huyện Lộ, đại phá được, chém Đan. Viên Thiệu lại sai Cúc Nghĩa và con của Ngu là Hòa đem quân cùng Phụ hợp đánh Toản. Quân Toản nhiều lần thua, bèn chạy về huyện Dịch giữ chắc.

Anh hùng kí viết: "Trước đó có câu hát của bọn trẻ con rằng: 'Cõi phía nam nước Yên, vùng phía bắc nước Triệu, miền giữa không lớn bằng đá

mài, chỉ có ở giữa đó mới tránh loạn được’. Toàn lấy quân ở huyện Dịch mà chống đỡ, lại đắp thành giữ vững. Bộ tướng khác của Toàn bị địch vây, không cứu được. Nói với bộ tướng ấy rằng: ‘Cứu một người, khiến cho sau này các tướng chỉ dựa vào quân cứu mà không gắng sức đánh; nay không cứu chỗ ấy thì sau này các tướng sẽ ghi nhớ phải tự gắng sức’. Do đó lúc Viên Thiệu bắt đầu đánh miền bắc, các trại ở đất miền nam của Toàn tự lo chống giữ không thể giữ vững, lại biết Toàn sẽ không đến cứu, cho nên các tướng có kẻ tự giết thuộc hạ của mình, hoặc có người bị quân Thiệu phá, khiến cho quân Thiệu đánh thẳng đến cửa mình”. Thần là Tùng Chi cho rằng: Lời mà bọn trẻ con hát không có gì là không ứng nghiệm; đến như lời văn này, tựa như không có chỗ sai, như lời văn hát, có lẽ là Toàn trước sau cố giữ huyện Dịch, không nghĩ mưu xa. Mà Toàn nhân cái uy phá quân Khăn vàng, ý chí vươn xa, bèn đặt Thứ sử của ba châu, mưu diệt họ Viên, do đó mà thua vậy. Đắp lũy bao quanh mười vòng, ở trong lũy đắp thành, đầu cao năm, sáu trượng, làm lâu ở trên đó; giữa lũy đắp thành, có thành cao mười trượng, tự ở đó, chứa ba trăm vạn斛 lúa. Anh hùng kí viết: “Các tướng của Toàn ai ai cũng làm lâu cao, có đến nghìn cái lâu. Toàn làm cửa sắt, trú ở trên lâu, rời xa tả hữu, để vợ lẽ hầu bên trao dẫn văn thư”.

Toàn nói: “Người xưa nói việc thiên hạ nên vấy cờ mà yên định, ngày nay xem ra không bằng ta xét việc, không bằng dùng binh đi, chăm làm ruộng cấy chứa thóc lúa thôi. Theo binh pháp thì trăm tòa lâu đã không đánh được, nay ta có lâu cao nghìn tầng, ăn hết thóc lúa ở đây cũng đủ biết hết việc thiên hạ rồi”. Muốn dựa vào đấy để làm quân Thiệu mỗi một. Thiệu sai tướng đánh chỗ ấy, nhiều năm không thắng được.

Hán Tấn Xuân thu viết: “Viên Thiệu gửi thư cho Toàn nói: ‘Ta với túc hạ đã có ước thề trước kia, tự mình thề đẹp loạn, thân ái hơn cả Di, Thúc, chức phận rõ như màu xanh màu đỏ, gọi là sức kéo cùng bánh xe, cùng gót chân như Tề, Tấn, nên cời ấn bỏ dây thào, lấy miền bắc nối vào miền nam, chia sẻ màu mỡ để cùng làm việc, đấy không phải là thể hiện tấm lòng son đỏ của ta chăng? Há để túc hạ vứt nghĩa lớn của kẻ sĩ mà chuốc lấy vết chân của tai vạ? Dừng mà nghĩ lại, đã gây oán dễ, ngầm sai quân mã cướp bóc Dự Châu. Lúc trước nghe nói quân mã ở tại miền nam, tự thân đánh trận, sợ bị tên lạc đâm trúng, đao loạn dọc ngang, đắp thêm cái họa của túc hạ, lại tăng thêm cái lỗi của ta vậy. Cho nên gửi thư tha thiết,

mong đã sửa lỗi. Vậy mà túc hạ vẫn tự buông thả, ra oai lừa dối, nói là có thể thu được lưới trời, diệt được bọn anh hùng, do đó khiến cho em họ mất mạng ở chốn can qua. Lời ấy vẫn còn văng vẳng bên tai. Mà túc hạ từng không đánh cái gốc của tai họa, xét lỗi của mình, tạm muốn tỏ cái giận không cùng của mình mà không nghĩ đến cái ranh giới của nghịch thuận, giữ oán mà gây hại cho dân, hại lây đến cả thân ta. Lại ruỗi ngựa căng cung đến đánh đất đai của ta, giết hại dân chúng, xương trắng phanh phoi. Ta thật bất đắc dĩ phải dàn trận ở Giới Ki ầu. Bấy giờ thế quân của túc hạ lũy lừng, ngựa khỏe hí vang, mà quân ta vừa hợp lại, khí giới không bén, khỏe yếu lẫn lộn, quân ít ý nhiều, may nhờ trời giúp, đánh nhỏ mà thắng lớn, bèn rút chạy lên miền bắc, nhân đó đắp lũy chứa thóc, đẩy chẳng phải oai trời giúp đỡ, tỏ rõ đức dày có lẽ nghi sao? Chí của túc hạ còn chưa thỏa, lại mưu lập lại chút tro tàn, đem cái sâu hại của mình để đốt cháy quận Bột Hải. Ta lại không được yên, phải sai quân đến sông Long. Dem quân dụ trước, đại quân chưa qua sông mà gan mật túc hạ đã tan rã, không đánh mà thua, quân sĩ rối loạn, tướng sĩ cùng trốn. Đấy lại là việc làm của túc hạ khiến cho ta mắc lỗi vậy. Từ đó về sau, oán ghét thêm sâu, không dừng được mối hận, mới dẫn đến chât thây thành gò, đầu cổ đầy đồng, ta thương xót cho kẻ không có tội, chưa từng không cảm khái rơi nước mắt vậy. Từ khi nhận được thư của túc hạ, ý tứ nhún nhường, có lời sửa lỗi trước lo việc sau này. Ta đã vui vì được kết thân trở lại, vả lại thương cho triệu dân không được yên, hẳn thường dẫn quân xuôi phía nam cũng kính theo ý thư.

Một lúc không hay mà văn vũ hịch chưa từng không qua lại. Ta do đó mà đau lòng nhức óc, không được yên thân. Như việc chọn tướng của ba quân, dùng được các tướng, nên ra lệnh lạnh lùng như sương giá, vui vẻ như trời mưa, thì việc tốt xấu được mất có thể yên lòng mà nghĩ xem. Vậy mà túc hạ giữ hai ba ý, mưu tính mạnh yếu, gấp gáp thì cúi thân, thông dong thì buông thả, làm thì không có đầu mối, nói không có chứng lí, là kẻ sĩ mà làm như thế sao! Do đó đã giết hại kẻ già yếu, cỡi U Châu cảm giận, quân sĩ phản loạn mà người thân rời bỏ, lẻ loi không có phe đảng. Lại nữa người Ô Hoàn, người Uế Mạch đều là cùng châu của túc hạ, họ khác tục với ta, đầu hăng hái cứng cỏi, tranh làm tiên phong cho ta; lại có người Tiên Ti khắp tây đông, nhắc gót đến nương dựa ta. Đấy chẳng phải đức của ta có thể vẫy gọi họ, là túc hạ đuổi hợp đến chỗ ta sao? Nay đang lúc nguy khó, ở

chỗ hiểm của can quan, vậy mà trong thì làm trái lời thề đồng minh, ngoài thì làm mất lòng của người Nhung Địch, dấy binh trong châu, muốn làm Bá một vùng, tai họa đã ở trước cửa, cũng chẳng khó sao! Trước lấy quân cứng khỏe của núi tây mà đem đi đánh dẹp, hội quân thừa của Cúc Nghĩa, chỉ là quân sợ đánh mà trốn lệnh mà thôi, cho nên dừng đại quân, chia quân càn quét, quân này là quân đi trước của ta thôi vậy, lại ở Giời Kì lâu nhỡ cò phá lũy, dấy quân đi trước chống địch thôi vậy. Mới nghe nói tức hạ khắc vàng đeo thao đỏ, tự xưng là nguyên súy, phải càng thêm hăng hái để trả nỗi nhục của Mạnh Minh, ⁽⁶⁵⁾ cho nên chiến sĩ dẫn lĩnh, nghẽn cổ mà nhìn cò tình, sao lại ẩn hình dấu bóng, lặng yên không động để đợi bị tiêu diệt, cùng nhau tham tiếc? Như có chí muốn bình thiên hạ, lập công ít có trên đời, sai khiến quân sĩ, sửa sắm quân mã, mà không đánh kẻ phản, không thu kẻ phục, uy phong đầu võ, lấy gì lập công? Nay kinh cũ đã lấy lại, lưới trời vừa vá, kẻ có tội đã chết, kẻ trung liệt coi việc, vùng Hoa Hạ sửa sang, mong ở việc hòa thân, sắp bỏ can quan, thả tán trâu ngựa, vậy mà tức hạ còn giữ một đất cón con, giữ cái mái nhà giữa quân, vui lòng để lại tiếng xấu võ mực, làm mất cái đức đẹp lâu dài? Hăng hái mà mưu tính như thế không phải là kế hay vậy. Nay cởi bỏ thù hận, sửa lại kết thân. Như lời hèn này, mong trời cao nghe được’. Toàn không đáp, lại thêm phòng bị. Bảo Quan Tĩnh nói: ‘Ngay nay thiên hạ tranh giành, rõ là không có ai giữ nhau nhiều năm được dưới thành của ta đâu. Viên Bản Sơ muốn như ta sao!’”.

Năm Kiến An thứ tư, ⁽⁶⁶⁾ Thiệu đem hết quân vây Toàn. Toàn sai con xin cứu với giặc núi Hắc Sơn, lại muốn tự đem quân kị xông thẳng ra ngoài, dựa vào núi phía tây nam, thu lấy quân của núi Hắc Sơn, quân cứng khỏe ở Kí Châu, chặn ngang đường sau của Thiệu. Trưởng sử Quan Tĩnh khuyên Toàn nói: “Nay tướng sĩ của Tướng quân đã như đất lở vỡ vụn, những kẻ còn chống giữ nhau được, trông lại chỉ thấy người già yếu ở đấy, cũng vì Tướng quân là chủ thôi. Tướng quân giữ vững lâu ngày, Viên Thiệu tất phải tự lui; sau khi tự lui, quân của bốn phương tất thu lại được. Nay nếu Tướng quân bỏ chỗ này mà đi, quân không còn chỗ giữ thì đất Dịch nguy cấp chỉ ng ẩ đợi nữa mà thôi. Tướng quân làm mất gốc rễ, lẻ loi nơi đ ồng cỏ, sao thành công được”! Toại bèn thôi không ra.

Anh hùng kí viết: “Quan Tĩnh tự Sĩ Khởi, người quận Thái Nguyên. Vốn là quan lại khắc nghiệt, nịnh nọt mà không có mưu lớn, rất được Toàn

tin yêu”. Quân cứu đến, muốn trong ngoài đánh Thiệu. Sai người gửi thư cho con, hẹn đem quân đến, đốt lửa làm hiệu.

Diễn lược viết: “Toản sai Hành nhân là Văn Tắc đem thư đến báo cho con là Độc nói: ‘Muru của họ Viên giống như quỷ thần, trống kèn kêu ở giữa đất thì bắc thang treo lên lầu ta. ngày cùng tháng tận, không được yên ổn. Ngươi nên phá quân Trương Yên trước, sau đó đem quân kị đến nhanh, quân đến phải đốt lửa hiệu lên phía bắc, lúc đó ta từ trong đánh ra. Nếu không, sau khi ta chết, thiên hạ rộng lớn, người muốn tìm đất yên chân, còn có được sao!’”. Hiến Đế Xuân thu viết: “Toản nằm mơ thấy thành Kê vỡ, biết tất thua, bèn nguyền sai người gửi thư cho Độc. Quân dò rình của Thiệu lấy được, sai Trần Lâm đổi thư viết: ‘Nghe nói thời xưa vào lúc nhà Chu suy, thầy phơi máu chảy, cho rằng là không hay, há đúng ngày nay thân ta đang ở buổi ấy sao!’”. Lời khác trong đó giống với lời mà Diễn lược chép. Quân dò rình của Thiệu lấy được thư ấy, theo như hẹn đốt lửa. Toản cho là quân cứu đến, bèn ra sắp đánh. Thiệu đặt quân phục, đánh phá quân Toản, lại về giữ. Thiệu đào đường hầm, đục phá lầu thành, dần dần vào thành giữa. Anh hùng kí viết: “Viên Thiệu chia bộ tướng đào đất làm đường, đào hang xuyên dưới lầu thành của Toản, Toản dần dần đưa gỗ đến đóng cọc, cắm chân hơn nửa, lại đốt cột mà Toản đóng, lầu liền nghiêng đổ”.

Toản tự biết sẽ thua, giết hết vợ con của mình rồi tự sát. Hán Tấn Xuân thu viết: “Quan Tĩnh nói: ‘Ta nghe nói quân tử vùi thân vào chỗ nguy, phải cùng gánh nạn, há chỉ sống một mình sao!’ Bèn ruỗi ngựa xông vào quân Thiệu mà chết. Thiệu đem hết đầu họ đến đất Hứa”.

Tiên Vu Phụ đem quân mình vâng mệnh vua. Lấy Phụ làm Kiến trung Tướng quân, trông coi sáu quận của U Châu. Thái Tổ chống nhau với Viên Thiệu ở Quan Độ, Diêm Nhu sai sứ đến chỗ Thái Tổ nhận việc, chuyển làm Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Mà Phụ tự đến chỗ Thái Tổ, bái làm Tá độ liêu Tướng quân, phong Đình Hầu, sai về giữ gìn châu cũ.

Ngụy lược viết: “Phụ theo Thái Tổ đến ở Quan Độ. Viên Thiệu thua chạy, Thái Tổ mừng, ngoảnh bảo Phụ nói: ‘Nếu năm trước Bản Sơ đưa đầu Công Tôn Toản đến, ta tự thấy giết mình, mà nay đánh thắng hắn, đây là ý trời, cũng là sức của hai ba ông’”. Thái Tổ phá huyện Nam Bì, Nhu đem bộ khúc cùng ngựa khỏe của người Tiên Ti đến cấp cho quân, theo đi đánh người Ô Hoàn ở ba quận, có công phong làm Quan Nội Hầu.

Ngụy lược viết: “Thái Tổ rất yêu Diêm Nhu, thường bảo Nhu nói: ‘Ta xem khanh như con, cũng muốn khanh xem ta như cha vậy’. Nhu do đó tự gửi thân ở các quan tướng, coi như anh em”. Phụ cũng đem quân mình đi theo. Văn Đế lên ngôi, bái Phụ làm Hồ nha Tướng quân, Nhu làm Độ liêu Tướng quân, đều tiến phong làm Huyện hầu, [\(67\)](#) chức Đặc tiến. [\(68\)](#)

[CHÚ THÍCH]

(1) *Tránh quan: tránh sự đuổi bắt của quan lại hoặc tránh làm quan ở kinh sư mà xin đi làm quan ở nơi xa để tránh loạn họa.*

(2) *Độ thuở nhỏ có tên là Báo: thuở nhỏ tên là Báo, sau đổi tên là Độ. Chỗ này có vẻ khó hiểu.*

(3) *Cử Hữu đạo: tiến cử người có đạo đức tốt lành ra làm quan.*

(4) *Thuộc quốc: các nước nhỏ phụ thuộc quận Liêu Đông.*

(5) *Đá mũ : phiến đá lớn nằm trên ba phiến đá nhỏ giống hình người đội mũ.*

(6) *Hai vị tổ của nhà Hán: Cao Tổ Lưu Bang lập nên nhà Tây Hán và Quang Vũ Lưu Tú trung hưng lập nên nhà Đông Hán.*

(7) *Ruộng tịch điền: là ruộng của Đế Vương hoặc vua chư hầu. Vào mùa xuân đầu năm vua tự mình cày cấy để khuyến khích người dân chăm làm nông.*

(8) *Người Ô Hoàn của ba quận: người Ô Hoàn thuộc ba quận biên giới phía đông bắc thời Hán, gồm quận Liêu Đông, quận Liêu Tây và quận Hữu Bắc Bình.*

(9) *Người yếm: người không còn khả năng sinh con.*

(10) *Điền Nhiêu rời nước Tề, Nhạc Nghị bỏ nước Triệu: Điền Nhiêu là một người tài giỏi của nước Lỗ thời Xuân thu, không được Lỗ Ai Công dùng, bèn bỏ sang nước Yên làm đến Tư tướng quốc nắm triều chính, giúp nước Yên giàu có yên bình. Nhạc Nghị của nước Triệu thời Chiến quốc, giỏi dùng binh. Triệu Cũ Linh Vương gặp nạn, bỏ sang nước Yên, cùng quân các nước Triệu, Sở, Hàn, Ngụy, Yên đánh bại quân Tề, nổi tiếng khắp chư hầu.*

(11) *Đất Hà, đất Lạc: vùng đất ven sông Hoàng Hà và sông Lạc là trung tâm của Trung Quốc*

(12) Ngoảnh mặt về phía nam xưng thần: Đế Vương Trung Quốc thời xưa lúc lên triều đình bàn bạc cùng bày tôi đều ngoảnh mặt về phía nam. Trung Quốc ở phía bắc bán cầu, Mặt trời hơi chệch về phía nam, thói quen ngoảnh mặt về phía nam là đón ánh nắng Mặt trời.

(13) Rùa ngọc vỡ trong hộp, hổ tê ra khỏi rương: ý nói tai họa từ trong phát ra, nuôi ong tay áo.

(14) Miền Giang Nam, miền Hải Bắc: Miền Giang Nam là miền phía nam sông Trường Giang, là đất Đông Ngô mà Tôn Quyền chiếm giữ. Miền Hải Bắc là miền phía bắc biển Bột Hải, là đất Liêu Đông mà Công Tôn Uyên chiếm giữ

(15) Bến Đạp.: là bến sông ở miền Liêu Đông, nơi thuyền bè qua lại trao đổi hàng hoá.

(16) Ngụy: không phải chính thống. Chính quyền Tào Ngụy xem Thục, Ngô là ngụy.

(17) Ngựa kì kí: ngựa khoẻ mỗi ngày có thể chạy nghìn dặm.

(18) Năm Cảnh Sơ thứ nhất: năm 237 Công nguyên thời Ngụy Minh Đế.

(19) Thiên vu: tên gọi chung của vua Tiên Ti, Ô Hoàn, Hung Nô thời xưa.

(20) Đuốc lửa : là đuốc lửa ở các chòi canh hoặc trại quân nơi biên giới để báo hiệu khi có địch đến đánh.

(21) Quản Trọng : Quản Trọng là Tướng quốc của Tề Hoàn Công thời Xuân thu, giúp nước Tề lớn mạnh đánh dẹp người Sơn Nhung phía bắc, giữ vững phong tục của Trung Quốc.

(22) Man, Di, Nhung, Địch: Theo Lễ kí: phía nam Trung Quốc gọi là người Man, phía đông gọi là người Di, phía tây gọi là người Nhung, phía bắc gọi là người Địch. Ý nói người ở bốn phương ngoài Trung Quốc.

(23) Khúc hát Tiểu biện, bài thơ Li tao: Tiểu biện là tên bài hát trong kinh Thi nói về một đứa trẻ than oán trời đất vì bị cha xưa đuổi. Li tao là bài thơ của Khuất Nguyên thời Chiến quốc, nói về nỗi lòng buồn bực của Khuất Nguyên về chính trị yếu kém của nước Sở thời bấy giờ mà bị lưu đày ở miền Kinh Tương.

(24) : là phép xử án có từ thời nhà Chu. Có ba tình huống được tha thứ tội lỗi.

(25) *Tiểu Bạch, Trùng Nhĩ* : Tiểu Bạch là Tê Hoàn Công, Trùng Nhĩ là Tấn Văn Công đều là chư hầu nổi tiếng thời Xuân thu.

(26) *Rồng lân*: con rồng và con lân là biểu tượng của Đế Vương thời xưa

(27) *Cô*: thuở nhỏ mất cha mẹ.

(28) *Mậu tài*: tức Tú tài, một hình thức chọn người tài làm ra làm quan có từ thời Hán.

(29) *Hiếu liêm*: một hình thức chọn người hiếu thuận và ngay thẳng ra làm quan có từ thời Hán.

(30) *Quận thú*: tức quan Thái thú đứng đầu quận.

(31) *Múa*: thời Hán có lễ nghi múa giao lưu. Lúc ăn yến, chủ yến múa rồi khách mời múa lại.

(32) *Quân Khăn vàng*: quân nổi dậy đội khăn vàng cuối thời Hán.

(33) *Năm Sơ Bình thứ tư*: tức năm 193 Công nguyên thời Hán Hiến Đế.

(34) *Ngũ Đế*: năm vị Đế thời cổ. Ý nói Hiên Viên đánh Xi Vưu ở đông Trác Lộc, đánh Du Vong ở đông Phán Tuyên. Vua Thuấn đánh Tam Miêu ở vùng hồ Động Đình, hồ Bà Dương.

(35) *Bạc Vương*: ý nói vua Vũ Đinh của nhà Ân đánh Quỷ Phương, và các vua của nhà Chu đánh vua Trụ nhà Ân và các nước Yêm, Hổ.

(36) *Bao mao*: cỏ tinh mao bỏ vào cái bao để cúng tế.

(37) *Năm Hưng Bình thứ nhất*: tức năm 194 Công nguyên thời Hán Hiến Đế.

(38) *Sứ quân*: tên gọi tôn kính với người đứng đầu châu quận, ý chỉ Từ Châu Thứ sử Đào Khiêm.

(39) *Tướng quân*: tướng cầm quân, ý chỉ Xa kị Tướng quân Trương Ôn.

(40) *Thư và Lư*: hai huyện Thư và huyện Lư là nơi Khiêm làm quan Lệnh.

(41) *U và Tì* : hai châu U Châu và Tì Châu là nơi Khiêm làm quan Mục và Thứ sử.

(42) *Cam đường*: là cây cam đường. Xưa Thiệu Bá thời Chu xử tội ở dưới cây cam đường, đều đầu vào đấy, người đời sau ghi nhớ, ý chỉ ân đức của quan lại đối với dân.

(43) *Di, Mịch*: Di là tên gọi chỉ người phương đông và người ngoài Trung Quốc. Mịch là tên gọi một nhóm người phía đông bắc Trung Quốc.

- (44) *Miền Sơn Đông: tức miền phía đông của núi Thái Hàng.*
- (45) *Kinh cũ: tức thành Lạc Dương.*
- (46) *Hai con: tức con trai cả là Tào Ngang và con của chú là Tào An Dân.*
- (47) *Ngũ quan tướng: tức Tào Phi lúc chưa lên ngôi được bái làm Ngũ quan Trung lang tướng, nói gọi là Ngũ quan tướng.*
- (48) *Miền Ba, Hán: tức quận Ba và quận Hán Trung.*
- (49) *Tam phụ: là ba viên quan trông coi vùng xung quanh của kinh đô.*
- (50) *Nguyệt lệnh: tức lịch ghi chép từng đặc điểm khí hậu, muôn vật trong từng tháng.*
- (51) *Hoàn, Văn: Hoàn là Tê Hoàn Công, Văn là Tấn Văn Công, đều là nổi tiếng chư hầu thời Xuân thu.*
- (52) *Đậu Dung: bày tôi nhà Đông Hán. Thời loạn Vương Mãng, chiếm giữ miền phía tây sông Hoàng Hà, sau đó theo về Hán Quang Vũ Đế.*
- (53) *Miền Quan Tây: miền phía tây của cửa Hàm Cốc.*
- (54) *Năm Kiến An thứ hai mươi: tức năm 215 Công nguyên thời Hán Hiến Đế.*
- (55) *Đỗ Quán: Đỗ Quán là thủ lĩnh của người Khương.*
- (56) *Phác Hồ: là thủ lĩnh của người Khương.*
- (57) *Thang, Vũ: Thang là Thành Thang của nhà Ân; Vũ là Vũ Vương của nhà Chu.*
- (58) *Chỗ này có lẽ Trần Thọ chép nhầm? Trận này Tào Tháo chết một con trưởng là Tào Ngang và cháu là Tào An Dân.*
- (59) *Tức là Tào Phi, lúc chưa được lập làm Thái tử, Tào Phi nhận chức ấy.*
- (60) *Người Tiên Ti: một nhóm người miền bắc Trung Quốc thời xưa.*
- (61) *Người Hồ: tên gọi chung của người di mục thảo nguyên miền bắc Trung Quốc thời xưa.*
- (62) *Người Ô Hoàn: một nhóm người miền bắc Trung Quốc thời xưa.*
- (63) *Giáng, Quán: Giáng là Giáng Hâu Chu Bột, Anh là Quán Anh hai bày tôi thời Hán diệt họ Lữ đón Đại Vương lên ngôi.*
- (64) *Hoàng Hi: họ Phục Hi thời cổ.*

(65) *Mạnh Minh: tức Mạnh Minh Thị, tướng của nước Tân thời Xuân thu, nhiều lần thua quân Tấn, rồi quyết chí đánh thắng quân Tấn, rửa nỗi nhục thua trận.*

(66) *Năm Kiến An thứ tư: tức năm 199 Công nguyên, thời Hán Hiến Đế.*

(67) *Huyện hầu: tước hầu có thực ấp một huyện.*

(68) *Đặc tiến: chức quan thời Hán, trao cho người có địa vị đặc biệt trong các Liệt hầu, chức dưới hàng Tam công.*

QUYỂN 9 - CHỦ HẠ HẦU TÀO TRUYỆN

*Hạ Hầu Đôn, Hạ Hầu Uyên, Tào Nhân, Tào Hồng, Tào Hưu, Tào
Chân, Hạ Hầu Thượng*

HẠ HẦU ĐÔN TRUYỆN

Hạ Hầ Đôn tự Nguyên Nhượng, người Tiêu huyện nước Bái, là con cháu dòng dõi của Hạ Hầ Anh⁽¹⁾. Năm mười bốn tuổi, theo học thầy, có người làm nhục thầy, Đôn giết kẻ ấy, bởi thế có tiếng là người cứng cỏi. Lúc Thái Tổ mới khởi sự, Đôn thường làm Tỳ tướng, theo đi chinh phạt. Khi Thái Tổ làm Hành Phấn vũ tướng quân, lấy Đôn làm Tư mã, được giữ riêng một cánh quân ở đóng Bạch Mã, sau được thăng làm Chiết xung Hiệu uý, lĩnh chức Thái thú Đông Quận.

Thái Tổ đi đánh Đào Khiêm, lưu Đôn trấn thủ Bộc Dương. Trương Mạc làm phản nghênh đón Lã Bố, gia quyến Thái Tổ ở Quyên Thành, Đôn đem số ít quân vận tư trang nhẹ tới đó, vừa hay gặp Bố, cùng giao chiến. Bố lui về vào thành Bộc Dương, tập kích quân chở đồ truy trọng của Đôn. R ồi phái tướng đến trá hàng, chung sức bắt giữ Đôn, đòi của cải, trung quân của Đôn kinh hoàng chấn động. Tướng của Đôn là Hàn Hạo lập tức thống suất số binh lính trong doanh trại của Đôn, triệu quan lại cùng chư tướng đến, bắt thuộc hạ đầu phải mặc nguyên áo giáp không được kinh động, các doanh trại mới được yên. Sau đó Hạo đến dinh sở của Đôn, thét gọi kẻ bắt con tin ra chất vấn rằng: “Bọn hung nghịch chúng bay, dám bắt giữ bức hiếp Đại tướng quân, có còn muốn sống nữa chăng! Ta vâng mệnh đi đánh dẹp bọn phản tặc, có thể đảm nhiệm công việc của một vị tướng quân, đâu có buông tha cho chúng mày được?” R ồi khóc hỏi Đôn rằng: “Ta nên thực thi quốc pháp thế nào đây?” Xong lập tức triệu binh sĩ tới đánh bọn bắt con tin. Bọn chúng sợ hãi vội vã rạp đầu xuống, nói “Tôi chỉ muốn xin lấy ít đồ tư trang r ồi bỏ đi thôi!” Hạo trách mắng mấy đứa, đầu đem chém cả. Đôn được thoát, Thái tổ nghe chuyện, bảo Hạo rằng: “Khanh làm thế là để khuôn phép cho vạn đời vậy.” R ồi xuống lệnh, từ nay về sau kẻ nào bắt giữ con tin, mọi người phải hợp sức mà đánh, không phải hỏi han gì. Bởi thế việc bắt bớ con tin dứt tuyệt hẳn.

[Tôn Thịnh nói: Xét Quang Vũ bản kỷ, năm Kiến Vũ thứ chín, bọn cướp bắt mẹ và em của Âm quý nhân, quan lại vì không tiếp cận được bọn cướp bắt con tin, bọn cướp bèn giết con tin. Thế thì cái việc hợp sức đánh bọn cướp, là phép từ xưa vậy. Từ đời Thuận đế, An đế đã bỏ phép ấy, chính giáo trị trệ hủ bại, bọn bắt con tin chẳng kiêng kỵ gì bậc vương công, mà Hữu ti cũng chẳng ai tuân theo phép nước, Hạo mới khôi phục lại việc chém bọn ấy, cho nên Ngụy Vũ mới khen ngợi.]

Thái tổ từ Từ Châu về, Đôn đi theo đánh Lã Bố, bị lạc tên bắn trúng, bị thương ở mắt trái.

[Nguy lược chép: Bấy giờ Hạ Hầu Uyên và Uyên và Đôn đều làm tướng quân, trong quân gọi Đôn là manh Hạ Hầu⁽²⁾. Đôn ghét bọn ấy, cứ soi gương là tức giận, lập tức đập gương xuống đất.]

Đôn được lĩnh chức Thái thú Trăn Lưu, Tể Âm, gia thêm chức Kiến vũ tướng quân, phong tước Cao An hương hầu. Bấy giờ trời đại hạn, nạn hoàng trùng⁽³⁾ nổi lên, Đôn liền cho chặn sông Thái Thọ làm thành hồ chứa, tự thân đi vác đất, làm gương cho tướng sĩ, khuyến khích trồng lúa, dân được nhờ cái lợi ấy. Sau Đôn được chuyển sang giữ chức Hà Nam doãn. Thái tổ bình Hà Bắc, Đôn làm Đại tướng quân⁽⁴⁾ dẫn quân ở phía sau. Phá xong huyện Nghiệp, Đôn được thăng làm Phục Ba tướng quân, cai quản Hà Nam như trước, cho được tùy cơ ứng biến xử lý công việc, không phải câu nệ khuôn phép.

Năm Kiến An thứ mười hai, Thái tổ xem xét công lao trước sau của Đôn, tăng thêm thực ấp cho Đôn một ngàn tám trăm hộ, cộng cả trước đây là hai nghìn năm trăm hộ. Năm thứ hai mươi mốt, lúc theo đi đánh Tôn Quyền ở Hợp Phì, Thái tổ sai Đôn đốc xuất hai mươi sáu đội quân, đóng ở Cư Sào. Đôn được Thái tổ tặng cho một đội kỹ nhạc ca xướng, có lệnh rằng: “Ngụy Giáng vì cái công hoà với rợ Nhung, mà còn được nhận một đội nhạc Kim Thạch⁽⁵⁾, huống chi là là tướng quân của ta!”. Năm thứ hai mươi bốn, Thái tổ đóng quân ở Ma Pha⁽⁶⁾, triệu Đôn đến cho ngồi cùng xe, tỏ ra đặc biệt coi trọng, được ra vào tận chỗ Thái tổ nằm, chư tướng chẳng có ai sánh được. Đôn được bái làm Tiển tướng quân, đốc trách chư quân từ Thọ Xuân trở về, cho dời đến đóng binh ở Triệu Lăng.

[Nguy thư chép: Bấy giờ chư tướng đều nhận chức quan của Ngụy, riêng mình Đôn là quan của nhà Hán, Đôn bèn dâng sớ trần tình rằng mình chẳng thích hợp với cái lễ của kẻ không phải là thân tử nhà Ngụy. Thái tổ nói: “Ta nghe nói Thái thượng là tấm gương của kẻ bày tôi, chúng ta đều giữ chức phận thân tử. Làm

thần tử của chúa thượng, là bậc cao quý, chức quan mỗn mọn của nhà Ngụy, sao đủ để người phải khuất thân nhĩ?” Đôn cố xin, Thái tổ bèn bái Đôn làm Tiên tướng quân⁽⁷⁾.]

Đôn tuy ở trong quân lữ, vẫn đi đón thầy về dạy dỗ. Bản tính Đôn thanh bạch cần kiệm, những của cải dư thừa thường đem chia cho mọi người, không đủ thì lấy ở cửa quan, chẳng vun vén sản nghiệp riêng. Khi chết được ban thụy là Trung hầu. Con của Đôn là Sung nối tự, lúc Đế đoái nghĩ đến công lao của Đôn, muốn cho tất cả con cháu của Đôn nhận tước hầu, chia cho Đôn thực ấp một ngàn hộ, ban cho bảy con và hai cháu của Đôn đều được làm Quan nội hầu. Em của Đôn là Liêm cùng với một người con của Đôn là Mậu lúc trước đã được phong là Liệt hầu. Khi trước, Thái tổ đem con gái mình gả cho Mậu, tức là Thanh Hà công chúa vậy. Mậu trải các chức vụ Thị trung thượng thư, An Đông Trấn Tây tướng quân, được ban Giả tiết.

[Ngụy lược chép: Mậu tự Tử Lâm, là con thứ của Đôn. Văn Đế lúc còn nhỏ chơi thân với Mậu, khi tức vị, cho Mậu làm An Tây tướng quân, được cầm cờ tiết, nối chức Hạ Hầu Uyên làm Đô đốc Quan Trung. Mậu vốn không có vũ lược, nhưng khéo chơi bời. Đến năm Thái Hoà thứ hai, Minh đế Tây chinh, có người bẩm bạch chuyện về Mậu, Đế triệu gọi Mậu về triều làm Thượng thư. Thời Mậu ở Quan Trung, có nuôi rất nhiều ca kỹ nàng hầu, công chúa bởi thế bất hoà với Mậu. Sau này các em của Mậu không lễ phép, Mậu mấy lần quở trách nghiêm ngặt, mấy người em sợ bị trừng trị, bèn cùng vu hãm Mậu tội phỉ báng, khiến công chúa phải tấu lên, lập tức có chiếu bắt Mậu. Đế có ý muốn giết đi, đem ra hỏi quan Trường Thủy Hiệu úy quận Kinh Triệu là Đoạn Mặc, Mặc cho rằng “đấy hẳn là công chúa Thanh Hà và Mậu bất hoà, nên mới nảy ra lời gièm pha vu vạ, hy vọng là Bệ hạ chẳng nên tìm thêm sự thật nữa. Vả lại Phục Ba⁽⁸⁾ có công cùng với tiên đế yên định thiên hạ, việc này nên nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ.” Đế hiểu ra, nói: “Ta cũng cho là thế.” Rồi phát chiếu tra hỏi kẻ làm tờ biểu cho công chúa, quả nhiên là do các em của Mậu là Tử Tang và Tử Giang vu vạ.]

Sung chết, con Sung là Dị nối tự, Dị chết, con là Thiệu nối tự.

[Tấn Dương thu chép: Năm Thái Thủy nhị niên, Cao An hương hầu là Hạ Hầu Tá chết, Tá là cháu của Đôn vậy, tuyệt tự. Chiếu viết: “Đôn, là nguyên công của nhà Ngụy⁽⁹⁾, công lao được ghi vào tre lụa. Xưa kia Đình Kiên⁽¹⁰⁾ không có người kế tự, còn có người thương cảm ông ấy, hướng chi trăm vâng mệnh trời lên ngôi ở nước Ngụy, mà có thể quên được công thần của mình ru? Nên chọn người họ hàng của Thiệu gần gũi với Đôn mà phong tước cho họ.]

Hàn Hạo, là người quận Hà Nội. Người ở nước Bái là Sử Hoán cùng với Hạo đều hiển danh là trung dũng. Hạo làm đến chức Trung hộ quân, Hoán làm đến chức Trung lĩnh quân, đều được cai quản quân cấm binh, phong làm Liệt hầu.

[Ngụy thư chép: Hàn Hạo tự Nguyên Tự. Thời Hán mạt binh lính nổi dậy, các huyện ở gần rừng núi, có nhiều giặc cướp, Hạo tụ tập quân lính phòng giữ trong huyện. Thái thú Vương Khuông cho Hạo làm Tòng sự, đem binh đi cự Đổng Trác ở Minh Tân. Thời ấy cậu của Hạo là Đỗ Dương làm Hà Âm lệnh, bị Trác bắt giữ, sai đi chiêu dụ Hạo, Hạo không theo. Viên Thuật nghe chuyện ấy, khen Hạo, cho làm Kỵ Đô úy. Hạ Hầu Đôn nghe tiếng Hạo, xin được cùng tương kiến, rất lấy làm lạ, cho lĩnh binh theo đi chinh phạt. Bấy giờ có cuộc họp lớn nghị bàn chuyện hơn thiệt, Hạo cho rằng phải gấp rút làm đôn điền. Thái tổ khen ngợi, thăng Hạo lên làm Hộ quân. Thái tổ muốn đi đánh Liễu Thành, Lĩnh quân Sử Hoán cho rằng thâm nhập vào nơi xa xôi, không phải là kế vẹn toàn, muốn cùng với Hạo cùng đưa lời can. Hạo nói: “Nay ta binh thế cường thịnh, uy danh vang động bốn bể, giao chiến là thắng, đánh là lấy được, chẳng đâu là không đến được, không làm như thế thì việc trừ tai họa trong thiên hạ, sẽ là mối lo sau này. Vả lại Công là bậc thần vũ, khi hành động kế sách không hề sai sót, ta với ông là trung quân của chúa, không nên ngăn trở mọi người.” Rồi theo đi phá Liễu Thành, được đổi chức quan là Trung hộ quân, đặt ra chức Trưởng sử, Tư Mã. Lại theo đi đánh Trương Lỗ, Lỗ ra hàng. Kẻ bàn luận thấy Hạo trí dũng mưu lược đủ để phủ dụ người ở biên ải, muốn lưu lại làm Đô đốc chư quân, trấn thủ Hán Trung. Thái tổ nói: “Ta sao có thể không có Hộ quân được?” Rồi cho cùng theo về. Hạo thân gần và được tin tưởng như thế. Lúc Hạo chết, Thái tổ rất thương xót. Hạo không có con nối, Thái tổ cho con nuôi của Hạo là Vinh được nối tự.]

[Sử Hoán tự Công Hưu, lúc trẻ tự mình làm việc nghĩa hiệp, rất có hùng khí. Lúc Thái tổ mới nổi dậy, cho làm tân khách đi theo, rồi làm Trung quân Hiệu úy, theo đi chinh phạt, thường giám sát chư tướng, rất thân tín, sau chuyển sang làm Trung lĩnh quân. Năm Kiến An thứ mười bốn chết.

Con Hoán là Tĩnh nối tự.]

HẠ HẦU UYÊN TRUYỆN

Hạ Hầu Uyên tự Diệu Tài, là em họ Đôn. Thời Thái tổ còn ở nhà, từng vướng vào chuyện quan sự ở huyện, Uyên nhận trọng tội thay cho, Thái tổ tính kế cứu Uyên, Uyên được thoát tội.

Nguy lược chép: Bấy giờ vùng Duyện, Dự đại loạn, Uyên vì túng thiếu, đem bỏ đứa con trai nhỏ của mình, mà nuôi nấng đứa con gái nhỏ cô cút của người em đã chết⁽¹¹⁾.

Thái tổ khởi binh, lấy Uyên làm Biệt bộ tư mã, Kỵ đô úy đi theo bên mình, sau thăng làm Thái thú Trần Lưu, Đinh Xuyên. Lúc Thái tổ và Viên Thiệu giao chiến ở Quan Độ, Uyên làm Hành Đốc quân Hiệu úy. Thiệu bị phá, Thái tổ sai Uyên đôn đốc việc quân lương ở các châu Duyện, Dự, Từ; Thời ấy quân lương thiếu thốn, Uyên đem quân lương tiếp tế, binh lính nhờ đó mà phấn chấn lên được. Xương Hi làm phản, Thái tổ phái Vu Cấm đến đánh, chưa thắng được, Thái tổ lại phái Uyên và Cấm cùng hợp sức, sau đánh được Hi, thu hàng hơn một chục nghìn binh, Hi đến chỗ Cấm đầu hàng. Uyên quay về, được bái làm Diên quân Hiệu úy.

Nguy thư chép: Uyên làm tướng, tức tốc xông vào nơi gian khó, thường ra chỗ địch không phòng bị, cho nên trong quân có câu rằng: “Diên quân Hiệu úy Hạ Hầu Uyên, ba ngày đi năm trăm dặm, sáu ngày đi ngàn dặm.”

Giặc Hoàng Cân ở Tế Nam, Lạc An là bọn Từ Hoà, Tư Mã Câu tấn công thành trì, giết hại trưởng lại, Uyên dẫn quân lính ở các quận Thái Sơn, Tề, Bình Nguyên ra đánh, đại phá giặc, chém Hoà, bình định các huyện, thu lấy lương thảo ở các huyện ấy để cấp cho quân sĩ. Năm Kiến An thứ mười bốn, Thái tổ lấy Uyên làm Hành lĩnh quân. Thái tổ đi đánh Tôn Quyền trở về, sai Uyên đốc xuất chư tướng đánh kẻ làm phản ở Lưu Giang là Lô Tự, Tự bị phá, Uyên lại làm Hành chinh tây Hộ quân, đốc xuất Từ Hoảng đánh giặc ở Thái Nguyên, tấn công hạ được hơn hai mươi nghìn lũy, chém đầu lĩnh của giặc là Thương Diệu, giết sạch quân ở trong thành. Rồi theo đi đánh bọn Hàn Toại, tác chiến ở Vị Nam, lại đốc xuất Chu Linh bình định

Du Mi, Khiên Đê. Lại cùng với Thái tổ hội quân ở An Định, Dương Thu quy hàng.

Năm thứ mười bảy, Thái tổ quay về huyện Nghiệp, dùng Uyên làm Hộ quân tướng quân, thống suất bọn Chu Linh, Lộ Chiêu đóng quân ở Trường An, đánh phá sơn tặc là Lưu Hùng, thu hàng quân đội của Hùng. Lại vây dư đảng của của Toại, Siêu là bọn Lương Hưng ở huyện Hộ, dẹp xong, chém Hưng, được phong tước Bắc Xương đình hầu. Mã Siêu vây Thứ sử Lương Châu là Vi Khang ở huyện Ký, Uyên tới cứu Khang, chưa đến nơi, Khang đã thua trận. Uyên còn cách Ký huyện hơn hai trăm dặm, Siêu đến nghênh chiến, quân của Uyên bất lợi. Khiên Đê làm phản, Uyên dẫn quân quay về.

Năm thứ mười chín, bọn Triệu Cù, Doãn Phụng mưu tính đánh Siêu, Khương Tự khởi binh ở Lỗ Thành để hưởng ứng. Bọn Cù quỷ quyệt lừa Siêu, khiến Siêu xuất binh đánh Tự, rồi ở hậu phương giết sạch vợ con Siêu. Siêu vội chạy vào Hán Trung, rồi quay lại vây Kỳ Sơn. Bọn Tự cáo cấp cầu cứu Uyên, chư tướng nghị bàn nên đợi Thái tổ tiết chế. Uyên nói: “Công ở huyện Nghiệp, đi rồi quay về là bốn ngàn dặm, nhận được hồi báo, bọn Tự tất đã bại, chẳng bằng ta đánh gấp đi.” Rồi hành quân, sai Trương Cáp đốc xuất năm nghìn quân bộ kỵ ở phía trước, theo đường hẻm Trần Thương tiến vào, Uyên tự mình đốc lương ở phía sau. Cáp đến gần Vị Thủy, Siêu dẫn mấy nghìn quân Đê, Khương đón đánh Cáp. Chưa giao chiến, Siêu bỏ chạy, Cáp tiến quân thu lấy khí giới của quân Siêu. Uyên đến nơi, các huyện đều đã ra hàng. Hàn Toại ở Hiên Thân, Uyên quay ra tập kích Toại, Toại bỏ chạy. Uyên thu lấy quân lương của Toại, rồi truy kích đến tận thành Lược Dương, còn cách Toại hơn hai mươi dặm, chư tướng muốn tấn công, có người nói rằng nên tấn công rợ Đê ở Hưng Quốc. Uyên cho rằng binh của Toại tinh nhuệ, thành Hưng Quốc bền vững, đánh không thể lấy ngay được, chẳng bằng đánh các tộc Khương ở Trường Li. Những người Khương ở Trường Li đa phần ở trong quân của Toại, tất sẽ quay về cứu gia tộc mình. Nếu Toại để người Khương độc thủ thì cô thế, đi cứu Trường Li thì quan binh phải giao chiến ở ngoài đồng, như thế hẳn ta có thể bắt sống được. Uyên bèn lưu bộ tướng giữ đồn truy trọng, đem khinh binh bộ kỵ đến Trường Li, tấn công đốt doanh trại của rợ Khương, chém và bắt sống được rất nhiều địch. Những người Khương ở trong quân của Toại, đều quay về bộ lạc. Toại quả nhiên đến cứu Trường Li, cùng với quân của Uyên đối trận. Chư tướng thấy quân của Toại đông, sợ lắm,

muốn làm hào lũy liên kết các doanh trại rồi mới giao chiến. Uyên nói: “Quân ta di chuyển cả ngàn dặm, nay lại làm công sự, thì sĩ chúng sẽ mỗi mệt, chẳng thể giữ được lâu. Giặc tuy đông, cũng dễ đối phó thôi.” Bèn thúc trống xuất binh, đại phá quân của Toại, đoạt được cờ chỉ huy của địch, rồi quay về Lạc Dương, tiến quân vây Hưng Quốc. Đê vương là Thiên Vạn chạy trốn đến chỗ Mã Siêu, dư đảng tộc Khương ra hàng. Uyên quay sang đánh các huyện Cao Bình, Đột Các, binh sĩ các nơi ấy đều bỏ chạy tán loạn, Uyên thu được lương thảo trâu ngựa của họ. Uyên được ban Giả tiết.

Khi trước, Tống Kiến ở Phu Hãn nhân lúc Lương Châu loạn lạc, tự xưng là Hà thủ bình Hán vương. Thái tổ sai Uyên thống suất chư tướng thảo phạt Kiến. Uyên đến nơi, vây Phu Hãn, hơn một tháng hạ được, chém Kiến và các quan lại từ Thừa tướng trở xuống. Uyên biệt phái bọn Trương Cáp đi bình định Hà Quan, qua Hoàng Hà xâm nhập Tiểu Hoàng Trung, các tộc Khương ở Hà Tây ra hàng cả, vùng Lũng Hữu bình định. Thái tổ xuống lệnh rằng: “Tống Kiến tác loạn hung nghịch hơn ba mươi năm, Uyên một lần cất binh mà diệt được, là hổ bộ ở vùng Quan Hữu, đi đến đâu không có ai là đối thủ. Trọng Ni có câu rằng: ‘Ta chẳng so sánh với người được⁽¹²⁾.’” Năm thứ hai mươi, tăng thêm thực ấp cho Uyên ba trăm hộ, gồm cả lúc trước là tám trăm hộ. Sau Uyên quay về đánh rợ Khương, Đê ở Vũ Đô, Hạ Biện, thu được hơn vạn hộ lương của người Đê. Thái tổ Tây chinh Trương Lỗ, bọn Uyên dẫn chư tướng, vương hầu ở Lương Châu đến chúc hạ, cùng với Thái tổ hội họp ở Hưu Đình. Thái tổ mỗi lần hội kiến các vua người Khương, Hô lại lấy Uyên ra dọa họ. Khi Lỗ ra hàng, Hán Trung bình định, Thái tổ cho Uyên giữ chức Hành Đô hộ tướng quân, thống suất bọn Trương Cáp, Từ Hoảng bình định Ba Quận. Thái tổ về huyện Nghiệp, lưu Uyên trấn thủ Hán Trung, lại bái Uyên làm Chinh tây tướng quân. Năm thứ hai mươi ba, Lưu Bị đóng quân ở ải Dương Bình, Uyên thống suất chư tướng chống cự Bị, cần giữ nhau liên năm. Năm thứ hai mươi bốn tháng giêng, Bị trong đêm nổi lửa quanh công sự phòng ngự của Uyên⁽¹³⁾. Uyên sai Trương Cáp che chắn vòng vây ở phía Đông, tự mình dẫn khinh binh chống đỡ ở phía Nam. Bị quay sang khiêu chiến Cáp, quân của Cáp bất lợi. Uyên phân một nửa binh của mình tương trợ Cáp, vì bị Lưu Bị tập kích, Uyên ra giao chiến bị chết. Uyên được ban thụy hiệu là Mẫn hầu.

Trước đó, Uyên dù mấy lần chiến thắng, Thái tổ thường răn rằng: “Làm tướng thì phải có lúc khiếp sợ, chẳng thể chỉ cậy vào cái dũng. Tướng phải

lấy dũng làm gốc, hành sự phải dùng trí mưu; chỉ biết dùng cái dũng, thì địch nổi một kẻ thất phu mà thôi.”

Vợ của Uyên, là em vợ Thái tổ. Con trưởng của Uyên là Hành, lấy con gái của em trai Thái tổ là Hải Dương Ai hầu, ân sủng cực trọng. Hành được tập tước, sau đổi phong tước An Ninh đình hầu. Năm Hoàng Sơ trung, ban tước cho con thứ của Uyên là Bá, năm Thái Hoà trung, ban cho bốn em của Bá, đều được nhận tước Quan nội hầu. Bá, năm Chính Thuỷ trung làm Thảo thực hộ quân Hữu tướng quân, được tấn phong tước Bác Xương đình hầu, vốn nhận sự hậu đãi của Tào Sảng. Nghe tin Sảng bị tru diệt, Bá nghi ngờ, bỏ trốn vào Thục. Vì Uyên là cựu huân⁽¹⁴⁾ nên xá tội cho con của Bá, dời đến ở quận Lạc Lăng.

Nguy lược chép: Bá tự Trọng Quyền. Uyên vì bị người Thục giết hại, nên Bá thường nghiêng răng căm giận, có ý muốn báo thù Thục. Năm Hoàng Sơ trung Bá làm Thiên tướng quân. Chiến dịch Tỵ Ngọ, Bá được gọi đến làm tiên phong, tiến vào vòng vây ở Hưng Thế, hạ trại ở Khúc Cốc Trung. Người Thục trông xa biết đó là Bá, coi thường phát binh tấn công. Bá thủ chiến ở trong trại, chờ quân cứu đến, rồi sau được giải vây. Về sau Bá làm Hữu tướng quân, đóng quân ở Lũng Tây, ở đó nuôi dưỡng sĩ tốt, hoà với rợ Nhung, được họ vui vẻ giúp đỡ. Đến năm Chính Thuỷ trung, Bá thay Hạ Hầu Nho làm Chinh thực hộ quân, thống suất thuộc hạ đi đánh phương Tây. Bấy giờ Chinh tây tướng quân Hạ Hầu Huyền, đôi với Bá là chú cháu, nhưng Huyền với Tào Sảng là em bên họ ngoại. Lúc Tư mã Tuyên vương giết Tào Sảng, bèn cho triệu gọi Huyền, Huyền đi về Đông. Bá nghe tin Tào Sảng bị giết mà Huyền lại bị trưng tập, cho rằng hoạ tất tới với mình, trong lòng đã lo sợ; lại vì trước đây Bá và Thứ sử Ung Châu là Quách Hoài bất hoà, nhưng Hoài được thay Huyền làm Chinh tây, Bá càng thấy bất an, nên chạy trốn vào Thục. Rảo bước xuôi Nam tới Âm Bình thì lạc đường, vào tận Cốc Trung, lương hết, giết ngựa ăn rồi đi bộ, bàn chân bị tróc thịt, nằm dưới phiến đá, cầu cạnh người đi đường chỉ lối, song không ai mách cho. Người Thục hay tin, bèn sai người đến nghênh đón Bá. Ngày trước, năm Kiến An thứ năm, thời người em họ của Bá được mười ba, mười bốn tuổi, ở bản quận, đi ra ngoài kiếm củi, bị Trương Phi bắt được. Phi biết người ấy là con gái nhà lương thiện, bèn lấy làm vợ, sinh được một người con gái, làm Hoàng hậu của Lưu Thiện. Cho nên lúc Uyên mới mất, vợ của Phi xin an táng cho Uyên. Lúc Bá vào Thục, Thiện cùng tương kiến, vui vẻ bảo rằng: “Phụ thân của khanh bị hại trong lúc hành quân thôi, không phải là tự tay tiên nhân⁽¹⁵⁾ của ta đâm chết đâu.” Rồi trở vào đưa con nhỏ của mình bảo Bá rằng: “Đây là cháu ngoại của họ Hạ Hầu đấy.” Bá được ban tước rất hậu.

Em của Bá là Uy, làm quan đến Thứ sử Duyện châu.

Thế ngữ chép: Uy tự Quý Quyền, dốc lòng làm việc nghĩa. Trái chức Thứ sử ở hai châu Kinh, Dự, rất quý hiển. Con là Tuấn, làm Thứ sử Tĩnh Châu. Con thứ là Trang, làm Thái thú Hoài Nam. Con của Trang là Trạ, tự là Hiếu Nhã, uyên bác về văn chương, làm quan đến Nam Dương tướng, Tán kỵ thường thị. Trang, là anh rể của Cảnh Dương hoàng hậu nhà Tấn. Bởi thế cả nhà được thịnh vượng một thời.

Em Uy là Huệ, làm Thái thú Lạc An.

Văn chương tự lục chép: Huệ tự Trĩ Quyền, lúc ấu thơ vì tài học được xưng tụng, khéo chấp nối tấu chương. Trải qua chức Tán kỵ hoàng môn thị lang, cùng với Chung Dục⁽¹⁶⁾ mấy lần biện bác, việc được nhiều người biết. Huệ được thăng làm Yên tướng⁽¹⁷⁾, Thái thú Lạc An.

Em Huệ là Hoà, làm Hà Nam doãn.

Thế Ngữ chép: Hoà tự Nghĩa Quyền, biện bác rành mạch, có tài thảo luận. Trải các chức Hà Nam doãn, Thái thường. Con thứ ba của Uyển là Xứng, con thứ năm là Vinh.

Theo Tôn Trạ vi kỳ tự chép: “Xứng tự Thúc Quyền. Từ lúc còn là đứa trẻ ranh đã thích tập hợp bọn trẻ con, tự mình làm thủ lĩnh, đùa bỡn làm trò quân lữ bày chiến trận, đứa nào kháng cự liền dùng roi nghiêm trị, bọn chúng chẳng đứa nào dám phản kháng. Uyên ngầm cho nó là lạ, cho nó đọc Hạng Vũ truyện và binh thư, nó không chịu, nói: ‘Tài năng thì tự có được thôi, sao có thể học người khác được?’ Năm Xứng mười sáu tuổi, Uyên với nó đi săn, thấy một con hổ đang chạy, Xứng ruổi ngựa đuổi theo, cấm không nổi, nó bắn một mũi tên mà con hổ ngã. Tiếng đến tai Thái tổ, Thái tổ cầm tay nó mừng rỡ nói: ‘Ta dùng được mày rồi.’ Hoà cùng với Văn Đế giao du từ khi áo vải, mỗi khi yến hội, khí thế lấn át cử tọa, kẻ biện sĩ chẳng thể khuất phục được. Những người cao danh đương thế đa phần tự nguyện theo. Năm mười tám tuổi Huệ chết. Em của Xứng là Vinh, tự Ấu Quyền. Thuở ấu thơ đã thông tuệ, bảy tuổi có thể chấp nối văn tự, đọc sách ngày mỗi nghìn chữ, liếc mắt qua lập tức nhớ được ngay. Văn Đế nghe tiếng cho mời Vinh đến. Tân khách có hơn trăm người, mọi người viết danh thiệp, các danh thiệp ghi quê quán và danh tính của họ, người đời gọi đó là ‘tước lí thứ’, khách bảo cho Vinh biết, Vinh liếc mắt một lần, nói được hết tên tuổi và danh tính của họ, chẳng sai trật một người nào. Đế rất lấy làm lạ. Trận thua quân ở Hán Trung, Vinh mới mười ba tuổi, tả hữu kéo Vinh chạy trốn, Vinh không chịu, nói: ‘Vua đang ở chỗ gian khó, sao lại trốn cái chết được!’ Rồi vùng kiếm chiến đấu, sau chết trong trận.”

Hành chết, con là Tích nối tự, làm Hồ bôn trung lang tướng. Tích chết, con là Bao nối tự.

TÀO NHÂN TRUYỆN

Tào Nhân tự Tử Hiếu, là em họ của Thái tổ vậy.

[Nguy thư chép: Tổ phụ của Nhân là Bao, làm Thái tú Dĩnh Xuyên. Cha là Sỉ, làm Thị trung, Trường Thủy hiệu úy.]

Nhân thời trẻ thích cung ngựa, săn bắn. Sau khi hào kiệt các nơi nổi dậy, Nhân cũng ngần tụ tập với những người trẻ tuổi, được hơn nghìn người, đi khắp vùng Hoài, Tứ, sau đi theo Thái tổ làm Biệt bộ Tư mã, Hành Lễ phong Hiệu úy. Thái tổ phá viên Thuật, Nhân chém được khá nhiều giặc. Rồi theo đi đánh Từ Châu, Nhân thường đốc xuất kỵ binh, làm quân tiên phong. Được biệt phái đi đánh tướng của Đào Khiêm là Lã Do, phá được, quay về cùng với đại quân họp ở Bành Thành, đại phá quân của Khiêm. Sau theo đi đánh các huyện Phí, Hoa, Tức Mặc, Khai Dương, Khiêm phái biệt tướng đến cứu các huyện, Nhân dùng kỵ binh đánh phá được. Thái tổ đi đánh Lã Bố, Nhân được biệt phái đi đánh Câu Dương, hạ được thành, bắt sống tướng của Bố là Lưu Hà. Thái tổ bình định Hoàng Cân, nghênh đón Thiên tử định đô ở huyện Hứa, Nhân mấy lần lập công, được bái làm Thái thú Quảng Dương. Thái tổ quý trọng sự dũng lược của Nhân, không để giữ ở quận, cho làm Nghị lang đốc quân kỵ⁽¹⁸⁾. Thái tổ đi đánh Trương Tú, Nhân được biệt phái đi đánh chiếm huyện Bàng, bắt sống được hơn ba nghìn dân nam nữ huyện ấy. Quân của Thái tổ quay về, bị Tú truy đuổi, quân bất lợi, sĩ tốt mất chí khí, Nhân động viên khích lệ khiến tướng sĩ rất phấn chấn, Thái tổ khen ngợi Nhân, sau phá được Tú.

Thái tổ cùng Viên Thiệu cầm giữ nhau ở Quan Độ đã lâu, Thiệu phái Lưu Bị đánh chiếm các huyện Thủy Ấn, Cừong, dân chúng các huyện nổi dậy hưởng ứng Bị. Từ huyện Hứa về phía Nam, quan dân bất an, Thái tổ rất lo lắng. Nhân nói: “Phương nam thấy đại quân ta đang có nguy cấp trước mắt, về tình thế chẳng thể cứu ứng được nơi này, Lưu Bị đem binh mạnh áp sát, họ phản bội lại là đương nhiên. Song Bị mới thống lĩnh binh của Thiệu, chưa thể dùng bọn họ ngay được, đánh là có thể phá được vậy.”

Thái tổ khen lời ấy, bèn sai Nhân dẫn quân kỵ đánh Bì, quân Bì tan vỡ phải bỏ chạy, Nhân thu lại được hết các huyện làm phản rồi quay về Thiệu phái biệt tướng là Hàn Tuân cướp bóc cắt đứt Tây lộ, Nhân tập kích Tuân ở núi Kê Lạc, đại phá Tuân. Bởi thế Thiệu không dám chia quân ra nơi đó nữa. Nhân lại cùng bọn Sử Hoán cướp xe tải lương của Thiệu, thiêu sạch lương thảo.

Hà Bắc đã định, Nhân theo đi vây Hồ Quan. Thái tổ xuống lệnh rằng: “Lấy được thành trì, ta cho khanh được diệt hết địch quân.” Liền một tháng trời không hạ được. Nhân nói với Thái tổ rằng: “Vây thành phải để cho họ lối thoát, thế nên phải mở cho họ đường sống. Nay Công tuyên cáo họ phải chết cả, người ta sẽ cố giữ. Vả lại thành vững mà lương nhiều, đánh thì sĩ tốt thương vong, giữ thì đằng dai lâu ngày; bây giờ dõn binh dưới chân toà thành vững, đánh bắt cái kẻ tử thủ, chẳng phải là kẻ hay vậy.” Thái tổ theo lời, thành ra hàng. Vì thế lúc biên xét công lao trước sau của Nhân, phong cho Nhân tước Đô đình hầu.

Lúc theo đi bình Kinh Châu, Thái tổ cho nhân làm Hành Chinh nam tướng quân, lưu lại đóng quân ở Giang Lăng, cự tướng Ngô là Chu Du. Du dẫn mấy vạn người đến đánh, mấy nghìn quân tiên phong vừa đến, Nhân trèo lên thành trông ra, lập tức tuyển ba trăm người, phái bộ tướng là Ngưu Kim đón đánh. Giặc đông, quân của Kim ít, vì thế bị vây hãm. Quan Trưởng sử là Trần Kiêu cùng ở trên thành, trông xa thấy bọn Kim sắp nguy cấp, tả hữu đều thất sắc. Nhân chí khí rất phẫn nộ, bảo tả hữu mang ngựa đến, bọn Kiêu cùng níu giữ Nhân lại. Rồi bảo Nhân rằng: “Giặc đông thế thịnh, chẳng thể đương nổi. Ví như bỏ mất mất mấy trăm người có gì là cay đắng, mà tướng quân phải đem thân đến đó!” Nhân không chịu, rồi mặc áo giáp lên ngựa, dẫn mấy chục quân kỵ mang cờ chỉ huy ra khỏi thành. Còn cách quân giặc hơn trăm bước, gần sát chiến hào, bọn Kiêu cho rằng Nhân phải chống giữ bên hào, tạo hình thế ứng cứu Kim, song Nhân lại vượt qua hào tiến thẳng về phía trước, xông vào vòng vây của địch, bọn Kim được giải thoát. Số binh sĩ còn lại chưa ra được, Nhân bèn quay trở lại đột phá, đưa hết binh của Kim ra, giết được mấy chục người, quân giặc phải lui về. Bọn Kiêu mới thấy Nhân ra, đều sợ hãi, lúc thấy Nhân trở về, bèn than rằng: “Tướng quân thật là người nhà trời vậy!” Ba quân đều phục cái dũng của Nhân. Thái tổ càng khen ngợi Nhân hơn, đổi phong cho Nhân tước An Bình đình hầu.

Thái tổ đánh dẹp Mã Siêu, lấy Nhân làm Hành An tây tướng quân, đốc xuất chư tướng cự thủ ở Đông Quan, phá Mã Siêu ở Vị Nam. Tô Bá, Diên Ngân làm phản, Thái tổ lấy Nhân làm Hành Kiêu kỵ tướng quân, đốc đốc bảy cánh quân đánh dẹp bọn Ngân, phá được. Lại lấy Nhân làm Hành Chinh nam tướng quân, ban cho Giả tiết, đóng quân ở Phàn Thành, trấn giữ Kinh Châu. Hâu Âm làm phản ở Phàn Thành, mấy nghìn người cướp bóc dân chúng ở huyện Bàng, Nhân thống suất chư quân đánh phá Âm, chém đầu Âm, rồi quay lại đóng quân ở Phàn Thành, Nhân lập tức được bá làm Chinh nam tướng quân. Quan Vũ đánh Phàn Thành, bấy giờ nước sông Hán mênh mông, bảy cánh quân của bọn Vu Cấm bị chìm đắm, Cấm hàng Vũ. Nhân có mấy nghìn nhân mã giữ thành, một số đoạn tường thành mỏng bị nước tràn ngập. Vũ cưỡi thuyền đến sát thành, vây chặt mấy vòng, liên lạc trong ngoài bị cắt đứt, lương thực sắp hết, cứu binh không đến. Nhân khích lệ tướng sĩ, thề giữ đến chết, tướng sĩ đều cảm động không ai hai lòng. Từ Hoảng đến cứu, nước cũng đã giảm chút ít, Hoảng từ phía ngoài tập kích Vũ, Nhân được dịp ra khỏi vòng vây. Vũ phải lui binh.

Nhân thời còn trẻ không sửa đổi hạnh kiểm, khi trưởng thành làm tướng, nghiêm chỉnh vâng theo pháp lệnh, thường đặt đi đâu lệnh cho tả hữu, chiếu theo đó mà làm việc. Yên Lăng hầu là Chương bắc chinh ô Hoàn, Văn Đế ở Đông cung, viết thư răn bảo Chương rằng: “Làm tướng vâng theo phép nước, chẳng phải là giống như Chinh nam⁽¹⁹⁾ đó sao?” Lúc lên tức vương vị, bá Nhân làm Xa kỵ tướng quân, đốc đốc các việc quân sự ở các châu Kinh, Dương, Ích, được tấn phong tước Trân hầu, thêm thực ấp hai nghìn hộ, gồm cả trước đó là ba nghìn năm trăm hộ. Lại truy tặng cho cha của Nhân là Sí thụy là Trân mục hầu, để cho mười nhà canh giữ mộ. Sau cho triệu Nhân về đóng ở huyện Uyển.

Tôn Quyền phái tướng là Trân Thiệu đánh lấy Tương Dương, triều đình hạ chiếu cho Nhân đánh dẹp. Nhân cùng với Từ Hoảng công phá Thiệu, rồi tiến vào Tương Dương, sai tướng quân Cao Thiên Đẳng dời dân chúng nương nấu ở phía nam sông Hán về bắc sông Hán, Văn Đế phái sứ giả đến lập tức bá Nhân làm Đại tướng quân. Lại hạ chiếu cho Nhân dời đến đóng quân ở Lâm Dĩnh, thăng làm Đại tư mã, cho thống lĩnh chư quân giữ Ô Giang, rồi về đóng quân ở Hợp Phì. Năm Hoàng Sơ thứ tư chết, được ban thụy hiệu là Trung hầu.

[Ngụy thư chép: Bấy giờ Nhân được năm mươi sáu tuổi.]

[Phó Tử nói: Cái dũng Tào Đại tư mã, Bôn, Dục⁽²⁰⁾ chẳng hơn được. Trương Liêu cũng được kể vào hàng ấy.]

Con của Nhân là Thái nổi tự, làm quan đến chức Trấn đông tướng quân, được ban Giả tiết, rồi chuyển phong tước Ninh Lăng hầu. Thái chết, con là Sơ nổi tự. Lại phân phong cho em của Thái là Giai và Phạm, đều làm Liệt hầu, còn Ngưu Kim làm quan đến chức Hậu tướng quân.

Em của Nhân là Thuần, ban đầu làm Nghị lang tham dự việc quân giúp Tư Không.

[Anh hùng ký chép: Thuần tự Tử Hoà. Năm mười bốn tuổi cha mất, cùng với người anh sinh đôi là Nhân ở riêng. Thuần nối nghiệp cha, giàu có nhiều tiền của, đây đó người hầu có mấy trăm, Thuần ra kỷ cương quản lý nghiêm khắc, chẳng mất đạo lý, người làng đều cho là có tài. Thuần thích học văn, kính ái kẻ sĩ có học, học sĩ nhiều người theo về, bởi thế xa gần đều xưng tụng. Năm mười tám tuổi, làm Hoàng môn thị lang. Năm hai mươi tuổi, theo Thái tổ đến Tương Ấp mộ binh, sau thường theo đi chinh chiến.]

Thuần đốc xuất quân kỵ hồ báo theo đi vây Nam Bì. Viên Đàm ra đánh, sĩ tốt chết rất nhiều. Thái tổ định đình chỉ tấn công, Thuần nói: “Nay đi nghìn dặm đánh địch, tiến chẳng thể thắng được, lui tất mất uy thế; vả lại quân cô lập thâm nhập đất địch, khó c ãn giữ được lâu. Bên kia thắng mà kiêu căng, ta bại mà cảnh giác, lấy cái cảnh giác đối phó với cái kiêu căng, hẳn có thể thắng được.” Thái tổ khen lời ấy, liền gấp rút đánh, Đàm bại trận. Thuần chỉ huy quân kỵ thủ hạ chém được thủ cấp của Đàm. Lúc bắc chinh ba quận, quân bộ kỵ của Thuần bắt được Thiệu Vu⁽²¹⁾ là Đạp Đốn. Vì có công lao trước sau, Nhân được phong tước Cao Lăng đình hầu, hưởng thực ấp ba trăm hộ. Khi theo đi đánh Kinh Châu, truy đuổi Lưu Bị ở Trường Bản, bắt được xe truy trọng và hai con gái của Bị, thu gom được binh tốt tàn mạt của Bị. Lại tiến đến thu hàng Giang Lăng, rồi theo về Tiều huyện. Năm Kiến An thứ mười lăm chết. Văn Đế lên tức vị, truy thụy cho Thuần là Uy hầu.

[Ngụy thư chép: Quân kỵ hồ báo do Thuần đốc xuất, đều là những kẻ kiêu dũng trong thiên hạ, hoặc là lấy từ chỗ trăm người bù bổ vào, Thái tổ cho là khó chọn được người thông lĩnh. Thuần được tuyển làm người đốc trách, vỗ về phủ dụ rất được lòng người. Lúc xong việc, hữu ti bẩm bạch tuyển người thay thế, Thái tổ nói: “Thuần được chọn rồi, sao có thể chọn lại được! Ta không tin Đốc quân của mình sao?” Rồi không tuyển lại.]

Con Thuần là Diễn nối tự, làm quan đến chức Lĩnh quân tướng quân, năm Chính Nguyên trung được tấn phong tước Bình Lạc hương hầu. Diễn chết, con là Lượng nối tự.

TÀO CHÂN TRUYỆN

Tào Chân tự Tử Đan, là con cháu trong họ tộc của Thái tổ. Thái tổ khởi binh, cha của Chân là Thiệu chiêu mộ binh lính, bị châu quận giết hại.

Nguy lược chép: Chân gốc họ Tân, được họ Tào nuôi dưỡng. Có người nói rằng cha của Chân là Bá Nam ngày trước có giao hiếu với Thái tổ. Năm Hưng Bình mạt, bè lũ bộ đảng của Viên Thuật đánh cướp nhà Thái tổ, Thái tổ chạy ra, bị bọn cướp đuổi theo, liền trốn vào nhà họ Tân, Bá Nam mở cửa chứa chấp. Bọn cướp hỏi Thái tổ ở đâu, đáp rằng: “Chính là ta đây.” Liền bị hại. Vì thế Thái tổ nghĩ đến công lao, cho Chân đổi sang họ của mình.

Nguy thư chép: Thiệu vì rất một lòng trung thành mà có tài trí, được Thái tổ tin tưởng thân gần. Năm Sơ Bình trung, Thái tổ hưng nghĩa binh, Thiệu chiêu mộ binh lính, theo Thái tổ đi khắp nơi. Bấy giờ Thứ sử Dự Châu là Hoàng Uyển muốn hại Thái tổ, Thái tổ tránh được nhưng riêng Thiệu bị hại

Thái tổ thương Chân mồ côi sớm, đem về nuôi dưỡng cùng với các con mình, cho ở cùng với Văn Đế. Chân có lần đi săn, bị con hổ đuổi, Chân ngoảnh lại bắn hổ, nghe tiếng dây cung thì hổ đã ngã ngựa. Thái tổ khen Chân là bậc chí dũng, sai nắm quân kỵ hổ báo. Chân đánh dẹp giặc Linh Khâu, hạ được, được phong tước Linh Thọ đình hầu⁽²²⁾. Sau lấy Chân làm Thiên tướng quân dẫn binh tập kích biệt tướng của Lưu Bị ở Hạ Biện, phá được, Chân được bái làm Trung kiên tướng quân. Chân theo đến Trường An, lĩnh chức Trung lĩnh quân. Bấy giờ, Hạ Hầu Uyên chết ở Dương Bình, Thái tổ lo lắng. Lập tức dùng Chân làm Chinh Thục hộ quân, đốc xuất bọn Từ Hoảng đánh phá Biệt tướng của Lưu Bị là Cao Tường ở Dương Bình. Thái tổ thân đến Hán Trung, triệt quân trở về, sai Chân đến Vũ Đô nghênh đón bọn Tào Hống về đóng đồn ở Trần Thương. Văn Đế tức vương vị, lấy Chân làm Trấn tây tướng quân, ban cho Giả tiết, đô đốc các việc quân sự ở hai châu Ung, Lương. Xét công lao trước sau, tấn phong Chân làm Đông hương hầu.

Bọn Trương Tiến làm phản ở Tửu Tuyên, Chân phái Phí Diệu đến đánh dẹp phá xong, chém được bọn Tiến. Năm Hoàng Sơ thứ ba về kinh đô,

dùng Chân làm Thượng quân Đại tướng quân, thống lĩnh các việc quân sự trong ngoài, ban cho Giả tiết việt. Chân cùng với bọn Hạ Hầu Thượng đi đánh Tôn Quyền, đánh đồn Ngưu Chử, phá được. Chân được đối phong làm Trung quân Đại tướng quân, gia thêm chức Cấp sự trung. Năm Hoàng Sơ thứ bảy, Văn Đế ốm nặng, Chân cùng với bọn Trần Quên, Tư mã Tuyên vương nhận di chiếu phụ chính. Minh Đế lên tức vị, tấn phong Chân làm Thiệu Lăng hầu, thăng lên làm Đại tướng quân.

Thần Tùg Chi xét: Cha của Chân tên Thiệu. Phong cho tước Thiệu Lăng hầu, nếu chẳng phải là sách chép lầm, thì là việc chẳng thể nào luận nổi.

Gia Cát Lượng vây Kỳ Sơn, ba quận Nam An, Thiên Thuỷ, An Định làm phản hưởng ứng Lượng. Đế phái Chân đốc chư quân đóng ở huyện Mi, phái Trương Cáp đánh tướng của Lượng là Mã Tắc, đại phá Tắc. Bọn Dương Diêu ở An Định bức hiếp quan lại dân chúng chiếm cứ thành một tháng trời, Chân tiến quân vây thành. Diêu bảo mọi người rằng: “Đại tướng quân tự đến, ta xin hàng sớm cho xong.” Bèn tự trói mình ra thành. Ba quận đều bình. Chân thấy Lượng đã bị trừng trị ở Kỳ Sơn, lần ra xuất quân thất theo lối Trần Thương, bèn sai tướng quân Hác Chiêu, Vương Sanh⁽²³⁾ thủ giữ Trần Thương, tu sửa thành ấy. Mùa xuân năm sau, quả nhiên Lượng vây Trần Thương, vì đã có phòng bị nên địch không thể thắng nổi. Chân được tăng thực ấp, cộng cả lúc trước là hai nghìn chín trăm hộ. Năm thứ tư, Chân được triệu về Lạc Dương, thăng chức Đại tư mã, cho được mang kiếm lên thượng điện, vào triều không phải rào bước. Chân cho rằng “Thực liên tục xuất quân xâm phạm biên cảnh, nên lập tức thảo phạt. Cho mấy đạo quân cùng tiến vào, có thể thắng được.” Đế theo kế ấy. Chân đem binh tiến sang Tây đánh dẹp, Đế thân đến tiễn đưa. Chân vào tháng tám xuất phát từ Trường An, theo đường Tỳ Ngộ ở phía Nam tiến vào. Tư Mã Tuyên vương ngược sông Hán, hẹn hội quân ở Nam Trịnh. Chư quân hoặc từ đường Tà Cốc, hoặc từ Vũ Uy tiến vào. Gặp lúc mưa dầm hơn ba mươi ngày, ngờ rằng đường sạn đạo bị đứt tuyệt, có chiếu cho Chân kéo quân về.

Chân thời trẻ cùng với người trong họ là Tào Tuân, người làng là Chu Tán đều thờ Thái tổ. Tuân, Tán chết sớm, Chân thương xót họ, xin chia thực ấp của mình phong cho con của Tuân và Tán. Có chiếu rằng: “Quan Đại tư mã trước đây là Thúc Hưởng nhân từ phủ dụ con cô, nhất định chia phần cho Án Bình theo ước hẹn ngày trước⁽²⁴⁾. Bậc quân tử phải là người

cao thượng, trăm đồng ý chia thực ấp của Chân cho con của Tuân và Tán, ban cho trước Quan nội hầu, mỗi người được phân một trăm hộ.” Chân mỗi khi xuất chinh, cùng tướng sĩ chung lao khổ, đồ ban thưởng trong quân không đủ, Chân liền đem gia tài ra chia cho quân sĩ, sĩ tốt đều nguyện theo mệnh. Chân bị bệnh quay về Lạc Dương, Đế thân hành đến tận nhà thăm bệnh. Chân chết, được ban thụy hiệu là Nguyên hầu. Con Chân là Sảng nối tự. Đế đoái nghĩ đến công lao của Chân, xuống chiếu rằng: “Đại tư mã hành vi trung trinh tiết tháo, phò tá chính sự cho nhị tôn⁽²⁵⁾, trong chẳng cậy ân sủng của kẻ thân thích, ngoài chẳng kiêu căng với kẻ sĩ nghèo hèn, có thể gọi là người có tài giữ vững được địa vị, có công mà khiêm nhường, ấy là đức tốt vậy. Vì thế phong cho tất cả năm con của Chân là Hi, Huấn, Tắc, Ngạn, Ngai đều được làm Liệt hầu.” Khi trước Văn Đế chia thực ấp của Chân hai trăm hộ, ban cho em của Chân là Bân là Liệt hầu.

[CHÚ THÍCH]

(1) Là võ tướng, công thần của Hán Cao Tổ.

(2) Hạ H'ầu mù.

(3) Châu châu phá hại mùa màng.

(4) Đây không phải là hàm Đại tướng quân của tri'ều đình, chỉ là Đại tướng c'ần một cánh quân do Tào Tháo phong cho.

(5) Rợ Nhung quấy rối biên ải nước Tấn, Ngụy Giáng làm tướng, ký hoà ước với rợ Nhung, hai bên không xâm phạm bờ cõi của nhau, vua Tấn thưởng cho Ngụy Giáng một đội quân nhạc.

(6) Trong nguyên tác chữ Hán, chỗ này, sau chữ 'Thái tổ đóng quân', Trần Thọ có thêm mấy chữ 'kích phá Lã Bố quân', để trong dấu ngoặc tròn, chẳng hiểu hàm ý ra sao, có phải chẳng là những quân sĩ này là đám quân sĩ tham gia khi đánh Lã Bố ngày trước? Xin không dịch vì thấy chẳng có nghĩa gì.

(7) Chỗ này, thực ý của Đôn là muốn làm quan nhà Ngụy để bày tỏ lòng trung với Tào Tháo mà thôi, xem ra Đôn thật sự là kẻ t'âm thường.

(8) Đôn từng giữ chức Phục Ba tướng quân.

(9) Nguyên công tức là công thần đời đầu tiên, khai quốc công thần.

(10) Không biết tích này là thế nào?

(11) *Thiên hạ đại loạn, mất mùa đói kém, Uyên đem vứt bỏ con mình, để có đủ lương thực nuôi con cô của người em, nghĩa khí ít người bằng.*

(12) *Trọng Ni tức thầy Khổng Tử. Khổng Tử được Nhan Hôi, khen Hôi rằng mình chẳng bằng Nhan Hôi được, Tào Tháo khen như thế là tán tụng cái tài của Uyên vậy.*

(13) *Câu này nguyên văn là 'Bị dạ thiêu vi lộc giác'. Cái chữ 'lộc giác' nghĩa đen là cái sừng hươu, có thể tạm hiểu là, ngày xưa, khi lập doanh*

trại, người ta dùng cây gỗ vót nhọn cắm xuống đất để cản trở quân địch tấn công.

(14) *Cựu huân tức là cựu thần có công lao.*

(15) *Tiền nhân tức là cách gọi kính trọng người cha đã chết của mình.*

(16) *Chung Dục, là con Chung Do, anh Chung Hội.*

(17) *Tướng ở đất Yên, tướng ở đây là kiểu như chức Thừa tướng.*

(18) Thiên tử phong cho Nhân chức quận thú, Tào Tháo quý tài của Nhân, nghĩ rằng để làm quận thú thì lãng phí tài năng.

(19) Tào Nhân làm Chinh Nam tướng quân, làm việc theo pháp lệnh, Tào Phi khuyên Tào Chương rất nên làm giống như Tào Nhân.

(20) Mạnh Bôn, Hạ Dục, đều là những dũng tướng nổi danh thời Xuân Thu.

(21) *Thiên vu là chúa một bộ tộc Hung Nô.*

(22) Không biết giặc Linh Khâu là giặc gì? Ít thấy Tam Quốc nhắc đến tên thứ giặc này. Hay là bọn giặc trú ở gò Khâu, vì sau khi đánh hạ quân giặc, Chân được phong tước Linh Thọ đình hầu?

(23) Trần Thọ bắt nhất trong ghi chép hoặc lầm lẫn tên người, hay người chép sách chép lầm, theo nhiều sử liệu ghi chép về đoạn này thì viên tướng ở Trần Thương với Hác Chiêu chính là Vương Song.

(24) Thúc Hưởng là quan đại phu nước Tấn; Án Bình tức Án Bình Trọng, là quan đại phu nước Tề, không hiểu sự tích này ra sao?

(25) Tào Tháo, Tào Phi.

QUYỂN 10 - TUÂN ÚC TUÂN DU GIẢ HỦ TRUYỆN

Tuân Úc, Tuân Du, Giả Hủ

TUÂN ÚC TRUYỆN

Tuân Úc tự Văn Nhược, người quận Dĩnh Xuyên huyện Dĩnh Âm. Tổ phụ là Thục, tự Quý Hoà, làm Lãng Lãng lệnh. Thời nhà Hán khoảng những năm đời Thuận-Hoàn, nổi danh đương thời. Có tám người con, hiệu là Bát Long. Cha Úc là Cỗn, làm tướng ở Tế Nam. Chú là Sảng, làm Tư không.

Tục Hán thư chép: Thục có tài cao, Vương Sướng-Lý Ứng đều coi là thầy, là hầu tướng ở Lãng Lãng, có danh hiệu là Thần Quân.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Thục học rộng cao siêu khôn lường, cùng với Lý Cỗ-Lý Ứng có cùng chí hướng kết giao thân thiết, đề bạt Lý Chiêu làm tiểu lại, là bạn người chú của Vua là Độ từ thuở ấu thơ, được Hiến lương phương chính cho vờ đến, xét hỏi đến các việc cấp thiết về Lương thị, rồi bổ nhiệm ra ngoài làm hầu tướng ở Lãng Lãng, chết khi làm quan. Có tám người con là: Kiêm, Cỗn, Tĩnh, Đảo, Sâm, Sảng, Túc, Phu. Sảng tự Từ Minh, lúc nhỏ đã hiếu học, năm mười hai tuổi, lâu thông kinh Xuân Thu-Luận Ngữ, rất thích nghiên ngắm kinh sách điển cổ, chẳng chịu vâng mệnh làm quan, đến tận năm ba mươi tuổi. Đồng Trác nắm chính sự, lại cho vờ Sảng, Sảng định bỏ trốn, quan địa phương liền giữ lại. Chiêu xuống đến quận, lập tức bái làm Bình Nguyên tướng. Khi đi đến Uyển Lãng, lại cho người đuổi theo bái làm Quang Lộc huân. Coi xét việc được ba ngày, có sách mệnh bái làm Tư Không. Sảng phát lên từ kẻ áo vải, sau chín mươi lăm ngày mà ngôi vị đến chức Tam công. Trước đây Thục ở phía tây làng Hào, huyện lệnh Uyển Khang nói rằng ngày xưa họ Cao Dương có tám người con tài giỏi, nên gọi làng ấy là làng Cao Dương. Tĩnh tự Thúc Từ, cũng là người rất có đức, danh vọng gần như Sảng, chung thân đi ở ẩn.

Dặt sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật kể: Có người hỏi Hứa Tử Tương, rằng Tĩnh với Sảng ai hiền hơn? Tử Tương nói: “Hai người đều là ngọc báu vậy, Từ Minh sáng rọi ở ngoài, Thúc Từ thâm nhuận ở bên trong.”

Thời Úc còn niên thiếu, Hà Ngung ở Nam Dương cho là người khác thường, nói rằng: “Đây là người có tài vương tá vậy.”

Diễn lược chép: Trung thường thị Đường Hành muốn đem con gái người vợ cả phó thác cho người ở Nhữ Nam là Công Minh, Công Minh không lấy, mới

chuyển qua cho Úc. Cha Úc là Cồn hâm mộ gia thế Hành, cho Úc lấy người ấy làm vợ. Úc bàn luận và chê việc ấy.

Thần Tùng Chi xét: Hán kỷ nói rằng Đường Hành chết năm Diên Hi thứ bảy thời Hoàn Đế, tính ra Úc lúc đó mới có hai tuổi, tất cái ngày hôn sự của Úc, Hành chết đã lâu rồi. Nói rằng Cồn hâm mộ gia thế Hành là chẳng đúng vậy. Thần Tùng Chi lại cho rằng Cồn là một người trong Bát Long, tất chẳng thể cầu thả được, mà có gì bức bách nhau đâu, sao nói rằng Úc hâm mộ gia thế Đằng vậy? Xưa kia Trịnh Hốt khước từ Tề hầu bị khuyên trách, Tuấn Sinh cự tuyệt Hoắc hầu được ngợi khen, trách ở chỗ đánh mất nước viện trợ, khen ở chỗ biết lo xa, đã không có cái hại từ việc đoạn tuyệt thâm giao, cho nên mỗi bên cứ theo chí mình mà làm. Đến chuyện yêm thụ lộng hành, bốn bề nín thở; Tả Quán-Đường Hành, cái sống cái chết ở miệng. Thế nên bấy giờ ngạn ngữ có câu rằng “Tả hồi thiên, Đường độc toạ”, là nói đến cái uy quyền tuyệt đối có một không hai vậy. Thuận theo thì lục thân an lành, ngỗ ngược tất đại họa đến ngay; thật là lấy sinh tồn đổi diệt vong, đội sỉ nhục để mong một ngày an toàn. Xưa Tể tướng Hủ gả con gái cho họ Vương, không hề tổn hại đến tiết tháo thanh cao, Cồn chấp thuận cuộc hôn nhân ấy, có hại gì đâu!

Năm Vĩnh Hán nguyên niên, Úc được tiến cử làm Hiếu Liêm, bái làm Thủ cung lệnh. Đồng Trác làm loạn, tìm người ra ngoài bổ nhiệm làm lại. Phong cho Úc làm Kháng Phụ lệnh, Úc liề^u bỏ quan về quê, bảo với các vị phụ lão rằng: “Dĩnh Xuyên, là đất tứ bề thụ địch, khi thiên hạ có biến, thường là chỗ binh đao tranh giành, nên kíp bỏ mà đi, không ở lại lâu được.” Người trong làng đa phần nhớ đất cũ còn do dự, gặp lúc người đồng quận là Ký châu mục Hàn Phức sai quân kỵ đến đón Úc, tuyệt chẳng có ai đi theo, một mình Úc dẫn người trong họ đến Ký Châu. Nhưng Viên Thiệu đã cướp được ngôi vị của Phức, lấy lễ thượng tôn đối đãi Úc. Em trai Úc là Kham cùng người đồng quận là Tân Bình-Quách Đ^ođ^o đầu nhậm chức ở chỗ Thiệu. Úc liệu rằng Thiệu sau này chẳng thể thành đại sự, thời ấy Thái Tổ làm Phấn vũ Tướng quân, ở Đông Quận, năm Sơ Bình thứ hai, Úc bỏ Thiệu theo Thái Tổ. Thái Tổ rất hài lòng nói: “Người là Tử Phòng của ta vậy.” Liề^u lấy làm Tư mã, năm ấy Úc hai mươi chín tuổi. Bấy giờ, Đồng Trác oai lấn thiên hạ, Thái Tổ đem việc ấy hỏi Úc, Úc nói: “Trác bạo ngược quá lắm, ắt hẳn sau sẽ loạn, không thể giúp y được.” Trác sai bọn Lý Thôi ra khỏi cửa Đông, cướp giết suốt dọc đường, đến tận Dĩnh Xuyên-Trần Lưu mới quay về. Những người làng của Úc ở lại khi trước đa phần bị cướp bóc giết hại.

Năm sau, Thái Tổ lĩnh chức Duyện châu mục, sau làm Trấn đông Tướng quân, Úc thường làm Tư mã đi theo. Năm Hưng Bình nguyên niên, Thái Tổ đi đánh Đào Khiêm, Úc ở lại gánh vác công việc. Lúc Trương Mạc-Trần Cung cướp lấy Duyện châu tạo phản, ngầ nghênh đón Lã Bố. Bố đến nơi, Mạc bèn sai Lưu Dực đến bảo Úc rằng: “Lã tướng quân lại giúp Tào sử quân đánh Đào Khiêm, nên mau chóng cung cấp lương thực cho quân lính.” Chúng đều nghi hoặc. Úc đoán Mạc làm loạn, lập tức chỉnh đốn quân binh cắt đặt sẵn sàng, rồi cho người đi gấp đến triệu Thái thú Đông quận là Hạ Hầu Đôn, mà các thành ở Duyện châu đều hưởng ứng Lã Bố. Thời ấy tất cả quân của Thái Tổ đang đánh Đào Khiêm, binh giữ nhà ít ỏi, mà tướng lĩnh quan lại đa phần cùng với Mạc-Cung thông mưu. Đôn đến, ngay đêm ấy giết những kẻ mưu phản liên mấy chục người, bụng chúng mới yên. Thứ sử Dự Châu là Quách Cống dẫn binh chúng mấy vạn người đến dưới thành, có người nói Cống cùng với Lã Bố đồng mưu, chúng đều sợ. Cống xin gặp Úc, Úc muốn đi. Bọn Đôn nói: “Tướng quân, cả châu chī còn chỗ này yên ổn, đi tất nguy, không nên.” Úc nói: “Cống cùng với bọn Mạc, chẳng phải có kết giao từ trước vậy, nay họ thốt nhiên đến, mưu kế hẫ chưa định; nhân lúc họ chưa định kế ta đến thuyết họ, dù họ chẳng để ta sử dụng, cũng có thể khiến họ ở trung lập, nếu ta nghi ngờ họ trước, họ sẽ tức giận mà định kế vậy.” Cống thấy Úc không có ý sợ hãi, mới bảo rằng Quyên thành chưa bị vây đánh, rồi dẫn binh quay về Úc lại cùng Trình Dục bày kế, sai người đi thuyết Phạm huyện và Đông A, sau giữ toàn vẹn được ba thành, để đợi Thái Tổ. Thái Tổ từ Từ Châu quay về đánh Lã Bố ở Bộc Dương, Bố chạy về phía đông. Năm thứ hai mùa hạ, Thái Tổ đóng quân ở Thừa Thi, năm ấy đói lớn, người phải ăn thịt lẫn nhau.

Đào Khiêm chết, Thái Tổ muốn đoạt lấy Từ Châu, toan quay về dẹp Bố. Úc nói: “Xưa Cao Tổ giữ Quan Trung, Quang Vũ chiếm cứ Hà Nội, đều là rễ sâu bần gốc để khắc chế thiên hạ, tiến đủ để thắng địch, lui đủ để giữ vững, cho nên dầu có nguy khốn bại trận mà về sau nên đại nghiệp. Tướng quân vốn lấy Duyện châu để khởi sự, khó nhọc bình định đất Sơn Đông, trăm họ chẳng ai không quy tâm bội phục. Vả lại vùng Hà-Tế, là yếu địa trong thiên hạ, nay tuy hoang tàn tan lổ, cũng đủ yên ổn để tự giữ mình, nơi ấy cũng là Quan Trung-Hà Nội của tướng quân vậy, chẳng thể bỏ mà không bình định trước vậy. Nay hãy phá Lý Phong-Tiết Lan, nếu chia binh về đông đánh Trần Cung, Cung tất chẳng dám ngoảnh về tây, ta nhân lúc

địch sơ hở đưa binh đến thu lấy lúa mạch đã chín, tiết kiệm lương ăn tích trữ thóc gạo, một lần cử sự mà Bõ có thể phá được vậy. Bõ đã bị phá, về sau liên kết với Dương châu ở phía Nam, cùng đánh Viên Thuật, chiếm lấy vùng Hoài-Tứ. Nếu bỏ Bõ mà sang đông, lưu nhiều binh ở lại thì chẳng đủ binh để dùng, lưu ít binh ở lại tất toàn dân phải giữ thành, chẳng có người kiểm củi cắt cỏ. Bõ thừa hư đến cướp, dân tâm nguy khốn, chỉ có Quyên thành, Phạm huyện, Vệ huyện có thể an toàn, ngoài ra chẳng thể tự giữ được, thế là không có Duyện châu nữa vậy. Nếu Từ châu không bình định được, tướng quân sẽ về đâu? Vả lại Đào Khiêm đầu đã chết, Từ châu cũng không dễ gì mất được. Bên kia thua trận năm trước bị trừng trị, vì sợ hãi mà cầu kết với nhau, trong ngoài kết hợp. Nay phương đông đã vào mùa thu lúa mạch, ắt hẳn họ sẽ chắc thành bền lũy để đợi tướng quân, tướng quân đánh chẳng hạ được thành, đánh cướp mà không có lương thảo, bất quá chừng mười ngày, tất mười vạn quân chưa bị đánh mà tự nguy khốn vậy. Trước kia đánh Từ châu, quân uy hình phạt rất nặng, con em họ nhớ đến cái nhục của cha anh, tất người ta sẽ cố tự thủ, không có ý hàng, nên có thể phá được họ, nhưng chẳng thể lấy được cả Từ châu vậy. Làm cái việc ấy là bỏ chỗ này đi lấy chỗ kia, đem cái lớn đổi lấy cái nhỏ, đem yên đổi lấy nguy vậy, cái thế quyên biến nhất thời, không lo đến gốc chẳng thể bền chắc được. Nay ba phương chẳng ai là không tư lợi, xin tướng quân nghĩ kỹ cho.” Thái tổ mới thôi. Thu lúa mạch xong, lại cùng với Bõ giao chiến, lại chia binh đi bình định các huyện. Bõ thua trận bỏ chạy, Duyện châu mới bình được.

Thần Tòng Chi cho rằng vào thời ấy Từ châu chưa bình định, người Duyện châu lại làm phản, mà nói rằng binh chúng đông mười vạn, đầu chỉ là lời bàn ước phỏng, song ở chiến dịch Quan Độ, chẳng đã kể rằng binh không đủ một vạn đấy thôi.

Tào Man truyện kể rằng: Bối kinh sư gặp loạn Đồng Trác, nhân dân phiêu dạt về đông, đa phần nương náu ở quanh vùng Bành Thành. Gặp lúc Thái tổ đến, chôn sống giết chóc mấy vạn nam nữ ở cửa sông Tứ, khiến nước chẳng chảy được. Đào Khiêm thống suất mọi người ở đấy đóng giữ Vũ Nguyên, Thái tổ không tiến được. Bèn dẫn quân theo phía nam sông Tứ tấn công các huyện Thủ Lự-Tuy Lãng-Hạ Khâu, đều đánh giết sạch cả; đến con gà con chó cũng diệt hết, nơi thôn ấp không còn bóng người qua lại.

TUÂN DU TRUYỆN

Tuân Du tự Công Đạt, là cháu của Úc. Tổ phụ là Đàm, là Thái thú Quảng Lăng.

Tuân thị gia truyện⁽¹⁾ chép: Đàm tự Nguyên Trí. Anh là Dục, tự Bá Tu.

Hán kỷ của Trương Phan khen Dục, Đàm đều có tài hơn người. Dục cùng với bọn Lý Ứng, Vương Sướng, Đổ Mật có danh hiệu là Bát tuần, ngôi vị đến Bái tướng. Cha của Du là Di, làm Tòng sự trong châu. Di với Úc là anh em con chú con bác ba đời.

Du mồ côi từ nhỏ. Khi Đàm chết, có kẻ lại cũ là Trương Quyên xin coi giữ mộ phần của Đàm. Năm Du mười ba tuổi, hoài nghi việc ấy, bảo với người chú là Cù rằng: “Kẻ lại ấy có sắc diện phi thường, ngờ rằng là kẻ gian tà!” Cù ngộ ra, bèn tìm cách tra hỏi, quả nhiên là tên giết người bỏ trốn. Bởi thế lấy làm lạ về Du.

Ngụy thư chép: Năm Du được bảy, tám tuổi, Cù từng say rượu, hiểu lầm Du; về sau Du ra ngoài rong chơi, thường lánh mặt không muốn cùng với Cù tương kiến. Sau này Cù nghe chuyện ấy, mới kinh sợ vì Du sớm hiểu biết đến như thế.

Tuân thị gia truyện chép: Con của Cù là Kỳ, tự Bá Kỳ, cùng với người chú họ là Âm đều nổi danh. Những lời Kỳ cùng với Khổng Dung luận về nhục hình⁽²⁾, lời Âm cùng với Khổng Dung luận về những điều hơn kém của thánh nhân, đều chép ở Dung tập⁽³⁾. Kỳ làm quan đến Thái thú Tế Âm; Âm về sau được vời làm Hữu đạo, rồi làm đến chức Thừa tướng Tế tửu.

Hà Tiến cần quyền chính, cho vời những người có danh ở trong nước ra làm quan như bọn Tuân Du được hơn hai mươi người. Du đến nơi, được bái làm Hoàng môn Thị lang. Loạn Đồng Trác, binh Quan Đông nổi dậy, Trác dời đô về Trường An. Du cùng với bọn Nghị lang là Trịnh Thái, Hà Ngung, Thị trung là Chung Tập, Việt kỵ Hiệu úy là Ngũ Quỳnh bàn tính rằng: “Đồng Trác vô đạo, còn hơn cả Kiệt, Trụ⁽⁴⁾, thiên hạ đâu oán hận, đâu rằng có binh mạnh, thật ra chỉ là kẻ thất phu mà thôi. Nay chúng ta trực tiếp đâm chết y để tạ tội với trăm họ, rồi sau đó chiếm cứ vùng Hào, Hàm⁽⁵⁾, phù tá quân vương, lấy đó để hiệu triệu thiên hạ, ấy là việc làm của

Hoàn, Văn⁽⁶⁾ vậy.” Việc sắp nên thì bị phát giác, Ngung, Du bị bắt hạ ngục, Ngung lo sợ tự sát. Còn Du vẫn nói năng ăn uống tự nhiên, khi Trác chết, Du được thoát.

Nguy thư nói rằng Du sai người đến thuyết phục Trác nên được thoát, điều ấy với bốn truyện bất đồng.

Hán ký của Trương Phan chép: Ngung tự Bá Câu, thời trẻ cùng với bọn Quách Thái, Giả Bưu du học ở Lạc Dương, bọn Thái đều thích phong cách của Ngung. Ngung nổi danh ở nhà Thái học, vì thế các danh thần ở trong triều là bọn Thái phó Trần Phồn, Tư lệ Lý Ứng đều rất muốn giao kết với Ngung. Lúc tai họa bè đảng nổ ra, Ngung cũng có tên trong danh sách, bởi thế phải đổi danh tính trốn tránh ở vùng Nhữ Nam, giao kết với các hào kiệt ở đất ấy. Ngung đã cho Thái tô là người kỳ lạ, lại nhận biết được Tuân Úc, Viên Thiệu rất hâm mộ Ngung, giúp cho chạy trốn đến chỗ bạn bè. Bấy giờ sĩ đại phu trong thiên hạ đa phần gặp cái họa bè đảng, mỗi năm Ngung một mình tới Lạc Dương vài ba bận, cùng với Thiệu mưu tính, cứu giúp những kẻ sĩ cùng quần thoát khỏi họa hoạn. Nhưng Viên Thuật cũng là kẻ hào hiệp, cùng với Thiệu tranh dành danh vọng. Ngung chưa lần nào đến chỗ Thuật, Thuật rất căm giận Ngung.

Hán mạt danh sĩ lục chép: Thuật từng ngồi với mọi người kể ra ba tội của Ngung, rằng: “Vương Đức Di trước đây là người hiểu biết, tài tuấn lão luyện, danh vọng đức độ thanh cao, mà Bá Câu xem thường ông ấy, đó là một tội. Hứa Tử Viễn là kẻ hung dân, tính hạnh bất thuần, mà Bá Câu thân gần với hắn, đó là hai tội. Quách, Giả là bọn nghèo hèn khốn khổ, không có tiền nông sản nghiệp gì, mà Bá Câu cưỡi ngựa béo, mặc áo cừu nhẹ, sáng choang ở trên đường, đó là ba tội vậy⁽⁷⁾.” Đào Khâu Hồng⁽⁸⁾ nói: “Vương Đức Di là người đại hiền nhưng ít khi cứu giúp người ta, Hứa Tử Viễn dẫu bất thuần nhưng lần lộn cứu người trong hoạn loạn chẳng chút chậm chân. Bá Câu tiến cử việc thiện thì lấy Đức Di làm đầu, nói đến việc cứu giúp người ta thì cho Tử Viễn là nhất. Vả lại Bá Câu từng vì Ngu Vĩ Cao mà tự tay báo cừu, làm việc nghĩa mà thanh danh rung động⁽⁹⁾. Mà kẻ thù gia tài cự vạn, ngựa hay trăm con, lại muốn sai Bá Câu mang trâu ốm, ngựa còi, nằm phục kích nơi đạo lộ, như thế khác nào vạch trần ngực ra mà đón ngọn dao sắc của kẻ thù vậy.” Thuật vẫn có ý bất bình. Sau cùng với người ở Nam Dương là Tôn Thừa gặp nhau ở dưới cửa khuyết, Thuật nổi giận nói: “Hà Bá Câu, là kẻ ác đức, ta phải giết nó đi.” Thừa nói: “Hà sinh là kẻ sĩ anh tuấn, tức hạ khéo đãi ngộ hắn, sẽ được nổi danh là biết dùng kẻ sĩ trong thiên hạ.” Thuật mới thôi. Về sau lệnh cấm họp bè đảng được cởi bỏ, Ngung được vờ vào phủ làm Tư không. Mỗi khi thuộc hạ ở Tam phủ⁽¹⁰⁾ họp bàn, sách lược mưu kế của Ngung đều hơn người khác, kẻ bàn luận đều tự cho là mình không bằng được. Ngung được thăng làm Bắc quân Trung hậu, Đồng Trác lấy làm Trưởng sử. Sau này Tuân Úc làm Thượng thư lệnh, phái người đi đưa tang

thúc phụ mình là Tư không Sảng, cho đặt thi thể Ngung vào đó, đem táng bên cạnh mộ Sảng.

Du bỏ chức quan về quê, lại được vời vào Công phủ, tiến cử làm Cao đệ, rồi đổi ra làm Nhâm Thành tướng, Du không chịu đi nhậm chức. Nhân vì thấy đất Thục Hán hiểm trở mà yên ổn, nhân dân phong thịnh, Du bèn xin làm Thái thú Thục Quận, bởi đường đất cách tuyệt không đến được, mới lưu trú lại đất Kinh Châu.

Thái tổ đón Thiên tử về huyện Hứa, gửi thư cho Du rằng: “Hiện nay thiên hạ đại loạn, ấy là lúc bậc trí sĩ phải lao tâm vậy, mà người lại vào Thục Hán ngóng đợi thiên hạ có biến, chẳng là bỏ phí mất thời gian hay sao?” Lập tức cho triệu Du tới làm Thái thú Nhữ Nam, rồi về triều làm Thượng thư. Thái tổ nghe nói Du là người có danh vọng, cùng nhau nói chuyện rất hợp ý, bảo với Tuân Úc, Chung Do rằng: “Công Đạt, là người phi thường vậy, ta có được ông ấy để cùng bàn kế sách, việc thiên hạ có gì phải lo nữa đây!” Rồi lấy Du làm Quân sư. Năm Kiến An thứ ba, theo Thái tổ đi đánh Trương Tú. Du nói với Thái tổ rằng: “Tú liên hoà với Lưu Biểu, hai kẻ nương dựa vào nhau tự cho mình là cường mạnh, mà quân đội của Tú trông đợi vào lương thảo của Biểu, Biểu không thể cung cấp nổi, thế tất phải chia lìa nhau. Chi bằng ta dụng kế hoãn binh chờ đợi, có thể dụ dỗ chúng mà yên được vậy; nếu ta đánh gấp, thế tất chúng phải cứu giúp lẫn nhau.” Thái tổ không nghe, rồi tiến binh đến đất Nhữ Nam, giao chiến với Tú. Tú nguy cấp, Biểu quả nhiên đến cứu. Việc quân gặp bất lợi. Thái tổ bảo Du rằng: “Ta chẳng nghe lời người mới đến nổi thế này.” Lại sắp đặt kỳ binh giao chiến tiếp, đại phá được quân của Tú.

Năm ấy, Thái tổ từ huyện Uyển đi đánh Lã Bố, đến Hạ Bi, Bố thua trận lui về cố thủ, Thái tổ vây đánh không thắng nổi, giao chiến liên miên, sĩ tốt mỏi mệt, Thái tổ muốn dẫn quân về

Nguy thư chép: *Kẻ bàn luận nói rằng Biểu, Tú còn ở phía sau mà quay về đánh Lã Bố, thì sẽ rất nguy hiểm. Du cho rằng Biểu, Tú mới bị phá, thế tất chẳng dám vọng động. Bố là kẻ kiêu mãnh, lại nương cậy vào Viên Thuật, nếu để hắn tung hoành ở vùng Hoài, Tứ, bọn hào kiệt tất hưởng ứng hắn. Nay thừa lúc hắn mới làm phản, mọi người chưa cùng một bụng, đến đánh có thể phá được. Thái tổ nói: “Hay.” Lập tức hành quân, Bố bị Lưu Bị đánh bại, bọn Tang Bá liền hưởng ứng Thái tổ.*

Du cùng Quách Gia thuyết Thái tổ rằng: “Lã Bố là kẻ hữu dũng vô mưu, nay giao chiến ba trận đều thua cả, nhuệ khí đã suy rồi vậy. Ba quân lấy

tướng soái làm đầu não, tướng đã suy thì quân thì quân không có ý chí phấn đấu. Trần Cung có trí mưu nhưng chậm chạp, nay chí khí của Bồ chưa hồi phục, mưu kế của Cung chưa định, ta tiến đánh gấp, có thể bắt được Bồ vậy.” Thái tổ bèn khơi nước sông Nghi, sông Tứ rót vào thành, thành tan lở, bắt sống được Bồ.

Sau theo đi cứu Lưu Diên ở Bạch Mã, Du hoạch định kế sách chém Nhan Lương. Chuyện đã nói ở Vũ kỳ. Thái tổ lấy được thành Bạch Mã rồi quay về, đưa các xe truy trọng men sông Hoàng Hà về phía Tây. Viên Thiệu vượt Hoàng Hà truy kích, thốt nhiên gặp Thái tổ. Chư tướng đều kinh hoảng, khuyên Thái tổ quay về bảo vệ doanh trại, Du nói: “Đây là cơ hội để bắt địch, sao lại bỏ đi nhỉ!” Thái tổ liếc nhìn Du cười. Rồi đem đồ truy trọng ra nhử bọn giặc, giặc tranh nhau chạy đến lấy, vỡ trận. Thái tổ liền tung quân bộ kỵ ra đánh, đại phá được giặc, chém được tướng quân kỵ của địch là Văn Xú, Thái tổ sau cùng với Thiệu cầm cự nhau ở Quan Độ. Lương nuôi quân sắp hết, Du nói với Thái tổ rằng: “Thiệu cho vận lương sớm tối đến đây, tướng của Thiệu là Hàn (Tuân Thái) dũng mãnh nhưng khinh địch, ta đánh có thể phá được vậy.” Thái tổ hỏi: “Có thể sai ai đi được?” Du đáp: “Tử Hoảng có thể đi được.”

Thần Tùng Chi xem mọi thư tịch, Hàn (Tuân Thái) hoặc chép là Hàn Mãnh, hoặc gọi là Hàn Nhưộc, chưa rõ người đấy là ai

Thái tổ lập tức sai Hoảng cùng Sử Hoán đón đánh phá tan quân giặc, thiêu huỷ đồ truy trọng của địch. Vừa hay gặp Hứa Du đến hàng, nói rằng Thiệu phái bọn Thuần Vu Quỳnh dẫn hơn vạn binh đến tiếp ứng cho quân vận lương, tướng kiêu căng quân sĩ biếng nhác, có thể chặn đánh được. Mọi người đều nghi ngờ. Duy có Du và Giả Hủ khuyến khích Thái tổ. Thái tổ bèn lưu Du và Tào Hống ở lại phòng giữ. Thái tổ thân chinh dẫn quân đi phá địch, chém hết được bọn Quỳnh. Tướng của Thiệu là Trương Cáp, Cao Lãm thiêu huỷ thuyền bè xe cộ đến hàng, Thiệu rút cục phải vứt bỏ quân đội chạy trốn. Trương Cáp đến hàng, Hống nghi ngờ không dám tiếp nhận, Du bảo Hống rằng: “Mưu kế của Cáp chẳng được dùng, mới phần nô mà tới hàng, ngài còn nghi ngờ gì nữa?” Hống bèn thu nhận Cáp.

Năm thứ bảy, Du theo đi đánh Viên Đàm, Viên Thượng ở Lê Dương. Năm sau, Thái tổ đi chinh phạt Lưu Biểu, Đàm và Thượng tranh đoạt Ký Châu. Đàm phái Tân Bì tới xin hàng cầu cứu, Thái tổ định đồng ý, đem việc ấy ra hỏi thuộc hạ. Thuộc hạ đa phần cho rằng Biểu cường mạnh, nên

đánh dẹp trước đi, Đàm, Thượng chẳng đáng phải lo lắng. Du nói: “Giờ đang là lúc thiên hạ có nhiều việc, mà Lưu Biểu nghĩ yên giữ lấy vùng Giang, Hán, như thế có thể biết được y không có chí khí tiến thủ bốn phương vậy. Họ Viên chiếm giữ đất đai bốn châu, binh sĩ mặc giáp chực vạn, Thiệu lấy khoan hoà hậu đãi mọi người thu được nhân tâm, ví thử hai con của Thiệu hoà mục với nhau giữ lấy Nghiệp Thành, thì việc thiên hạ khó mà yên ngay được. Nay anh em họ ghét nhau, thế hẳn là cả hai chẳng thể vẹn toàn được. Nếu như để cho họ hợp sức với nhau làm một, binh lực của họ hợp lại thì chúng ta khó mà mưu đồ được. Nhân lúc họ loạn ta đánh lấy, việc thiên hạ có thể định được vậy, cơ hội này không thể để lỡ được.” Thái tổ nói: “Hay.” Vì thế mới đồng ý hoà với Đàm, rồi quay về đánh tan Thượng. Sau này Đàm làm phản, Du theo Thái tổ đi chém Đàm ở Nam Bì. Ký châu bình định, Thái tổ dâng biểu lên Hoàng đế khen ngợi Du rằng: “Quân sư Tuân Du, phụ tá thần tử thuở ban đầu, không lần chinh chiến nào không đi theo, công lao thắng địch trước nay, đều là mưu của Du vậy.” Đế liền phong Du làm Lăng Thụ đình hầu. Năm thứ mười hai, Đế hạ lệnh xét công lao khi trước để tiến hành phong thưởng, Thái tổ nói: “Người trung trinh chính trực có kế sách bí mật, phủ dụ kẻ trong người ngoài, ấy là Văn Nhượng⁽¹¹⁾. Công Đạt là người thứ hai vậy.” Đế tặng thêm thực ấp cho Du bốn trăm hộ, cộng cả trước đó là bảy trăm hộ, thăng chức Du lên Trung quân sư. Nước Ngụy mới kiến lập, lấy Du làm Thượng thư lệnh.

Ngụy thư chép: Thái tổ từ Liễu Thành trở về, đi qua nhà Du, kể lại những mưu kế và công lao trước nay của Du, rằng: “Ngày mà thiên hạ được an định rồi, Cô nguyên sẽ cùng với các bậc hiền sĩ đại phu cùng chung hưởng yên vui. Xưa kia Cao tổ cho Trương Tử Phòng được tự chọn lấy ba vạn hộ làm thực ấp⁽¹²⁾, nay Cô cũng muốn ban cho người được tự chọn đất phong của mình.

Du là người rất kín đáo lại khéo phòng hoạ hoạn, từ khi theo Thái tổ đi chinh phạt, thường ở trong màn trướng bày mưu tính kế, người đương thời kể cả con em của Du tuyệt chẳng ai biết hai người bàn tính những gì.

Ngụy thư chép: Con trai của cô ruột Du là Tân Thao từng hỏi Du về việc Du khuyên Thái tổ lấy Ký Châu. Du nói: “Tá Trĩ⁽¹³⁾ vì Viên Đàm mà xin hàng, vương sư vì vậy mà bình định được đất ấy, ta có biết gì đâu?” Từ đấy Thao cùng họ hàng nội ngoại chẳng ai dám lần nữa hỏi Du về việc quân quốc đại sự nữa.

Thái tổ thường khen Du rằng: “Công Đạt ngoài mặt tỏ ra là mình ngu dốt mà bên trong có nhiều mưu kế, vẻ ngoài hèn nhát mà trong tâm dũng mãnh, bên ngoài tỏ vẻ yếu đuối mà trong bụng cương cường, chẳng hề khoa

trương, không khoe công lao, bậc trí nhân mới có thể sánh cùng, người ngu chẳng thể nào theo kịp được, dẫu Nhan Tử, Ninh Vũ⁽¹⁴⁾ cũng không sao hơn được vậy.” Thời Văn Đế thời còn làm Đông cung Thái tử, Thái tổ bảo rằng: “Tuân Công Đạt, chính là người đáng bậc sư biểu, mà phải hết lòng kính lễ người ấy.” Du có lần bị ốm, Thế tử đến thăm bệnh, một mình quỳ lạy trước giường, Du được kính trọng khác thường đến như thế. Du và Chung Do có quan hệ thân thiết, Do nói: “Ta mỗi khi có hành động gì khó, nghĩ đi nghĩ lại, tự nhận thấy mình không có cách gì làm nổi; đem ra bàn tính với Công Đạt, lập tức thu được những ý kiến khác thường.” Trước sau Công Đạt vạch ra mười hai kế sách lạ kỳ, chỉ có mình Do biết được. Do biên soạn thành sách, còn chưa xong, thì chết, cho nên người đời chẳng ai thấy được những kế sách kỳ lạ ấy

Thần Tùng Chi xét: Sau khi Du mất mười sáu năm, Chung Do mới chết, chép lại những kế sách lạ của Du, nào có khó gì? mà tuổi đến tám mươi rồi, còn nói là chưa soạn xong, khiến cho kỳ mưu kế sách tông chính của Du chẳng được truyền lại ở đời, đáng tiếc thay!

Du theo Thái tổ đi đánh Tôn Quyên, mất ở giữa đường. Thái tổ mỗi khi nhắc đến Du lại rơi nước mắt.

Ngụy thư viết: Bấy giờ là năm Kiến An thứ mười chín, Du được năm mươi tám tuổi. Xét về tuổi tác thì Du hơn Úc sáu tuổi.

Ngụy thư chép lại lời của Thái tổ rằng: “Cô cùng với Tuân Công Đạt tuổi rong hơn hai mươi năm trời, tuyệt đối không hề thấy có chút lỗi lầm nào.” Lại nói: “Tuân Công Đạt thực sự là hiền nhân vậy, có thể nói là đã ‘đạt đến mức ôn lương cung kiệm nhường được’⁽¹⁵⁾.” Khổng tử từng khen rằng ‘Án Bình Trọng⁽¹⁶⁾ khéo giao kết với người khác, ta kính trọng ông ấy đã lâu’. Công Đạt gần được như người ấy vậy.

Phó Tử nói: Có người hỏi ta về các bậc quân tử đại hiền gần đây, ta đáp rằng: “Tuân lệnh quân là bậc nhân đức, Tuân quân sư là bậc trí mưu⁽¹⁷⁾, những người ấy có thể gọi là bậc quân tử đại hiền gần đây vậy. Tuân lệnh quân lấy nhân để lập đức, sáng suốt tiến cử hiền tài, khi thi hành không hề siểm nịnh ai, mưu việc thì tùy cơ ứng biến. Mạnh Kha nói rằng ‘Cứ năm trăm năm lại có bậc vương giả nổi lên, khi ấy tất sinh ra bậc danh tiếng giúp đời’, người ấy là Tuân lệnh quân đó chẳng⁽¹⁸⁾! Thái tổ từng khen ‘Tuân lệnh quân tiến việc thiện, chưa tiến cử được không chịu thôi, Tuân quân sư trừ ác, chưa trừ bỏ xong không chịu dừng’.

Con trưởng Du là Tập, có phong độ của Du, chết sớm. Con thứ Du là Thích nối tự, không có con, tuyệt tự. Năm Hoàng Sơ trung, phong cho cháu của Du là Tôn Bưu làm Lăng thụ Đình hầu, hưởng thực ấp ba trăm hộ, sau chuyển phong làm Khâu Dương đình hầu. Năm Chính Thủy trung, truy thụy hiệu cho Du là Kính hầu.

GIẢ HỦ TRUYỆN

Giả Hủ tự Văn Hoà, người quận Vũ Uy huyện Cô Tang. Thuở nhỏ người đời chẳng ai biết đến, chỉ người ở Hán Dương là Diêm Trung cho là người khác thường, nói rằng Hủ có cái tài lạ của Lương-Bình⁽¹⁹⁾.

Đến kỳ xét Hiếu liêm Hủ được làm chức Lang, vì bị ốm nặng bèn từ quan, quay về phía tây tới đất Khiên, trên đường đi gặp lúc rợ Đê làm phản, mấy chục người đi cùng đều bị bắt giữ ở đó. Hủ nói: “Ta là của cháu ngoại Đoàn công, mày đem giấu ta đi, gia đình ta tất đem tiền chuộc đến cho mày.” Bấy giờ Thái úy Đoàn Quýnh, trước đó ít lâu là tướng ở biên ải, uy chân tây thổ, Giả Hủ mượn danh để dọa rợ Đê. Rợ Đê quả nhiên không dám hại, cho người đưa đi, những người khác đều chết cả. Hủ quả thật chẳng phải là cháu ngoại của Đoàn, quyền biến để xong việc, hết thầy đại loại như thế.

Đồng Trác vào Lạc Dương, Hủ được lấy làm Thái úy duyện r ồi Bình tây Đô úy, lại thăng lên làm Thảo lộ Hiệu úy. Con rể của Trác là Trung lang tướng Ngưu Phụ đóng quân ở Thiểm tây, Hủ ở đó giúp việc quân. Trác bại vong, Phụ cũng chết, mọi người rất sợ hãi, bọn Hiệu úy Lý Thôi-Quách Dĩ-Trương Tế muốn giải tán, sắp sửa quay về quê. Hủ nói: “Nghe nói người trong thành Trường An bàn định muốn giết hết người Lương Châu, mà các ông bỏ mọi người ra đi một mình, thì một người đình trưởng cũng có thể bắt được các ông vậy. Chẳng bằng thống lĩnh mọi người ở phương tây, thu nhật binh sĩ ở đó, vây đánh Tràng An, vì Đồng công mà báo hận, may mà nên việc, phụng sự quốc gia để chinh phạt thiên hạ, nếu chẳng xong việc, bỏ chạy cũng chưa muộn vậy.” Chúng cho là phải. Thôi bèn ở phía tây đánh Trường An. Việc này có ở truyện về Trác.

Thần là Tùng Chi cho rằng trong truyện có lời khen ngợi rằng: “Hành động nhân nghĩa, lợi khắp thiên hạ!” Đương nhiên là lời nói bất nhân, tác dụng tương phản. Nhân nghĩa, công đức rất khó thực hiện mà mầm loạn dễ thành, do đó mỗi họa một khi đã phát động thì gây hại trăm đời vậy. Vào lúc đó kẻ cầm đầu phát động họa loạn đã ra tay thì rất khó chế phục. Chiến loạn tứ phương, quốc

gia phân liệt, tai ương xuất hiện liên tục. Bang quốc có nguy cơ bị diệt vong, lê dân chịu muôn điều oan khốc. Há chẳng vì lời nói suông của Giả Hủ chăng? Tội ác của Hủ, không gì to hơn! Những trận động loạn từ xưa đến nay, chưa từng thảm liệt như loạn Đồng Trác vậy!

Về sau Hủ Tả Phùng Dục, bọn Thôi định xét công cho tước hầu, Hủ nói: “Cái kế cứu mệnh ấy, có chi đáng kể!” Rồi cố từ không nhận. Chúng lại cho làm Thượng thư Bộc xạ, Hủ nói: “Thượng thư Bộc xạ, là chức trưởng trong quân, thiên hạ đều mong mỏi, tiếng tăm của Hủ chẳng đủ nặng, không thể khiến người ta phục. Thả kẻ ám muội như Hủ vào chốn vinh lợi, sao mà ra quốc triều được!” Chúng bèn đổi bái Hủ làm Thượng thư, giữ việc tuyển cử, Hủ nhiều lần giúp đỡ cho, bọn Thôi vừa quý mến mà không sợ.

Hiển Đế kỷ chép: Quách Dĩ-Phàn Trù cùng với Thôi lia bỏ nhau, mấy lần muốn đánh nhau. Hủ liền lấy đạo lý trách cứ, chúng đều nghe lời Hủ.

Ngụy thư chép: Hủ giữ việc tuyển cử, nhiều lần chọn người trước đây có danh tiếng cho làm lệnh phó, kẻ bàn luận việc ấy đều khen Hủ.

Lúc mẹ mất Hủ từ quan, được bái làm Quang lộc đại phu. Bọn Thôi-Dĩ đánh nhau ở trong thành Tràn An.

Hiển Đế kỷ chép: Bọn Thôi cùng với Hủ bàn định, đón Thiên tử vào trong doanh trại. Hủ nói: “Không nên. Bức hiếp Thiên tử, là việc phi nghĩa vậy.” Thôi không nghe. Trương Tú bảo Hủ rằng: “Chốn ấy chẳng nên ở lâu, sai ngài chẳng bỏ đi?” Hủ nói: “Ta đã nhận quốc ân, nghĩa chẳng thể phản bội. Ngài hãy tự đi, ta chẳng thể đi vậy.”

Thôi lại mời Hủ làm Tuyên Nghĩa tướng quân.

Hiển Đế kỷ chép: Lúc bấy giờ Thôi triệu mấy nghìn người Khương-Hồ tới, trước tiên lấy lụa màu của vua cấp cho chúng, lại hứa ban cho đàn bà con gái ở trong cung, muốn sai chúng đánh Quách Dĩ. Người Khương-Hồ liền kéo lại chọc tường nhòm vào cửa của nhà vua, nói: “Thiên tử ở trong đó sao! Lý tướng quân hứa cho ta cung nhân mỹ nữ, nay đều ở đây ư?” Đấy lo lắm, sai Hủ tính kế giúp cho. Hủ bèn ngầm gọi các đầu lĩnh người Khương-Hồ đến cho ăn uống, hứa sẽ phong tước lớn, vì thế chúng đều bỏ đi. Bởi thế mà thế lực của Thôi suy yếu đi.

Bọn Thôi lại dàn hoà, Thiên tử thoát được ra ngoài, đại thần theo giúp đỡ, ấy là nhờ vào công sức của Hủ.

Hiển Đế kỷ chép: Thiên tử đã về phía đông, nhưng Lý Thôi lại đuổi theo, vương sư đỡ nát. Quan Tư đồ là Triệu Ôn, Thái thường Vương Vĩ, Vệ úy Chu Trung, Tư lệ Vinh Thiệu đều làm Thôi không vừa ý, Thôi muốn giết đi. Hủ bảo Thôi rằng: “Đấy đều là những đại thần của Thiên tử, sao ngài lại muốn hại họ?” Thôi mới dừng việc ấy.

Thiên tử đi rồi, Hủ dâng trầu rượu. Bấy giờ tướng quân Đoàn Ỗi đóng ở Hoa Âm, Ỗi với Hủ là người đồng quận, Hủ bỏ Thôi đi theo Ỗi.

Diễn lược nói lúc bấy giờ Ỗi ở Hoa Âm, làm ruộng, chẳng phải là giặc cướp. Thiên tử về đông, Ỗi đón ở trên đường dâng cống chu cấp quà cáp.

Hiên Đế ký chép: Sau này Đế lấy Ỗi làm Đại hồng lư Quang lộc đại phu, năm Kiến An thứ mười bốn, được chết lành.

Hủ có tiếng là người trong sạch, quân lính của Ỗi rất ngưỡng vọng. Ỗi trong bụng sợ bị Hủ đoạt quyền, mà bề ngoài lại cung phụng Hủ lễ nghĩa rất đầy đủ, Hủ càng thấy bất an hơn.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Truyện nhà họ Tuân.
- (2) Những hình phạt phạm đến da thịt người ta.
- (3) Dung tập là những sách vở, thư từ do Khổng Dung làm ra, người đời sau thống kê, ghi chép lại, gom thành một tập sách.
- (4) Vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương đều là những vị vua tàn bạo nổi danh trong lịch sử Trung Hoa.
- (5) Tức là núi Hào và cửa Hàm Cốc.
- (6) Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công, những người làm bá chủ chư hầu đời Xuân Thu.
- (7) Vương Đức Di không rõ là ai? Còn Hứa Tử Viễn tức Hứa Du, người hiền kế đốt lương ở Ô Sào trong trận Quan Độ giúp Tào Tháo đánh bại Thiệu; Quách, Giả ở đây là chỉ Quách Thái, Giả Bưu, là những người bạn học với Hà Ngung. Viên Thuật ở đây cho rằng mấy người ấy là bạn học, nhưng Quách, Giả nghèo túng đói rét, còn Ngung lại ăn no mặc ấm không san sẻ với bạn bè, đó là tội.
- (8) Đào Khâu Hồng, tự Tử Lâm, người Bình Nguyên rất giỏi biện bác, nổi danh cùng với Khổng Dung ở Bắc Hải, Trầ Lưu ở Biên Nhung.
- (9) Người bạn của Ngung là Ngu Vĩ Cao có thù cha chưa báo được, Ngung đến thăm, Vĩ Cao khóc lóc kể sự tình. Ngung cảm nghĩa khí, vì Vĩ Cao báo thù, tự tay giết kẻ kia, đem đầu đến tế trước mộ cha của Vĩ Cao.
- (10) Tức là ba phủ, Tư Không, Tư Đồ, Tư Mã.
- (11) Là Tuân Úc vậy.
- (12) Hán Cao tổ đánh thắng Hạng Vũ, cho phép đệ nhất mưu sĩ của mình là Trương Lương tự chọn lấy ba ngàn hộ làm thực ấp. Trương Lương không nhận, bỏ đi ở ẩn.

(13) Tá Trĩ là tên tự của Tân Bì, bản Tam quốc diễn nghĩa của cụ Phan Kế Bính dịch tên nhân vật này là Tân Tỷ.

(14) Nhan Tử là Nhan H ỏi, một trong mười hai đại đệ tử của Khổng Tử, nổi tiếng là bậc tài hoa; còn Ninh Vũ, chưa rõ là ai.

(15) Có đủ các đức tính tốt đẹp, đó là ôn hoà, thu ần hậu, khiêm cung, c ần kiệm, nhún nhường.

(16) Bình Trọng là tên tự của Án Anh. Án Anh là tể tướng nổi danh nước Tề thời Chiến Quốc, nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa với rất nhiều điển tích hay, một trong số đó là câu chuyện Hai quả đào giết ba dũng sĩ.

(17) Tuân lệnh quân là trở vào Tuân Úc, Tuân quân sư là trở vào Tuân Du. Úc lo việc tri ều chính, hết lòng tìm kiếm đềbạt những kẻ hi ền tài phụng sự quốc gia; Du theo đi tòng chinh, vạch mưu định kế, quyết thắng kẻ địch, đều là hi ền tài rường cột của đất nước.

(18) Mạnh Kha tức là thầy Mạnh Tử, từng đưa ra chứng lý rằng: Từ đời Nghiêu, Thuấn đến vua Thành Thang nhà Thương là trên năm trăm năm; từ Thành Thang đến vua Văn Vương nhà Chu là trên năm trăm năm; Từ Văn Vương đến thầy Khổng Tử lại chừng năm trăm năm. Thế tức là cứ trong khoảng năm trăm năm thế gian lại sinh ra bậc hi ền tài.

(19) Trương Lương, Trần Bình, đều là những mưu sĩ nổi danh của Hán Cao Tổ.

QUYỂN 12 - THÔI MAO TỬ HÀ HÌNH BẢO TỬ MÃ TRUYỆN

*Thôi Diễm, Mao Giới, Từ Dịch, Hà Quỳ, Hình Ngung, Bảo Huân,
Tư Mã Chi*

MAO GIỚI TRUYỆN

Mao Giới tự Hiếu Tiên, người quận Trầ Lưu huyện Bình Khâu. Thời trẻ làm huyện lại, vì thanh liêm công chính nên được ngợi khen. Lúc đi tránh loạn ở Kinh Châu, chưa đến nơi, nghe nói Lưu Biểu chính lệnh không nghiêm, bèn qua huyện Lỗ Dương. Thái tổ đến Duyện châu, cho vời Giới đến làm Trị trung tòng sự. Giới nói với Thái tổ rằng: “Nay thiên hạ tan lở chia lìa, quốc chủ bị di dời, sinh dân bỏ nghiệp, mất mùa đói kém lưu vong, Công gia⁽¹⁾ không năm nào có của tích trữ, trăm họ không có chí an cư, khó mà giữ được lâu. Nay Viên Thiệu, Lưu Biểu, tuy sĩ dân đông đảo cường thịnh, đều không lo tính đường xa, chưa gây dựng được cái gốc rễ nền móng vậy. Kẻ dấy binh có chính nghĩa thì thắng, giữ được địa vị bởi có tài lực, nên phụng mệnh thiên tử để ra lệnh cho kẻ không làm thần tử, chấn chỉnh việc canh tác lương thực, tích trữ quân nhu của cải, như thế thì cái nghiệp bá vương có thể thành vậy.” Thái tổ cung kính thu nhận lời ấy, chuyển Giới làm Mạc phủ Công tào.

Thái tổ làm Tư không Thừa tướng, Giới từng làm Đông tào duyện, cùng với Thôi Diễm đều chủ trì việc tuyển cử. Những người được họ tuyển cử, đều là kẻ sĩ trong sạch chính trực, còn dù là kẻ có danh lớn mà phẩm hạnh không đoan chính giữ bốn phận, nhất định không được tiến cử. Diễm lấy sự cần kiệm để mọi người noi theo, bởi thế kẻ sĩ trong thiên hạ tuyệt chẳng ai không lấy tiết tháo và liêm khiết để tự cố gắng, dẫu là kẻ bầy tôi địa vị tôn quý được ân sủng, thì xe ngựa y phục chẳng dám vượt khuôn phép. Thái tổ than rằng: “Dùng người như thế, khiến cho người trong thiên hạ tự sửa mình, ta sao làm được như vậy!” Lúc Văn đế làm Ngũ quan tướng, đích thân đến chỗ Giới, phó thác thân quyền của mình nhờ Giới giúp. Giới đáp rằng: “Lão thần nhờ năng lực giữ chức phận, may mắn được miễn trách tội, nay lại nói giúp để thăng quan cho người ta là có lỗi, thế nên thần chẳng dám vâng mệnh.” Đại quân về huyện Nghiệp, kẻ bàn luận muốn hợp nhất cơ cấu hành chính⁽²⁾. Giới xin yết kiến nói không nên thi hành, người

bấy giờ đầu sợ Giới, đầu muốn giảm bớt chức Đông tào. Bèn cùng bẩm bạch rằng: “Từ trước đây chức Tây tào là trên, chức Đông tào là dưới, nên giảm bớt Đông tào.” Thái tổ hiểu rõ nội tình, xuống lệnh rằng: “Mặt trời mọc ở phương đông, mặt trăng tròn đầy ở phương đông, phàm khi người ta nói đến phương vị, cũng lại nói đến phương đông trước, vì sao lại triệt tiêu chức Đông tào?” Bèn giảm bớt chức Tây tào. Khi trước, Thái tổ bình Liễu Thành, ban phát các đồ vật lấy được ở đó, đặc biệt đem tấm bình phong sắc trắng không thuê thùa và ghế tựa bằng gỗ mộc không chạm khắc ban cho Giới, nói: “Ngài có phong độ của cổ nhân, cho nên ta ban cho ngài vật dụng của cổ nhân.” Giới giữ ngôi vị quý hiển, thường mặc áo vải ăn cơm rau, vỗ về nuôi nấng con côi của anh rất hậu, những đồ được ban thưởng đem phát chẩn giúp đỡ người nghèo khó trong họ tộc, trong nhà không có đồ đạc của cải dư thừa. Giới được thăng làm Quân sư. Nước Ngụy mới kiến lập, Giới làm Thượng thư bộc xạ, lại chủ trì việc tuyển cử.

***Tiên hiền hành trạng chép:** Giới chính trực thành thực, công bằng liêm chính, ở ngôi quan trong sạch kính cẩn. Lúc chủ trì việc tuyển cử, đề bạt người thanh liêm thật thà, bài xích kẻ phù phiếm rỗng tuếch và giả dối, tiến cử người khiêm tốn đức hạnh, dè dặt kẻ a dua bè đảng. Các trưởng quan cai trị dân mà công tích chẳng rõ ràng nhưng của riêng giàu có đủ đầy, thì đều bị cách truất phế bỏ đình chỉ chức vụ, rất lâu sau không được tuyển dụng. Vì thế bốn bề tập hợp về, tuyệt chẳng có ai không cố gắng rèn phẩm hạnh. Thậm chí có Trưởng quan về nhà, mặt mũi lấm lem y phục xộc xệch, thường đi xe nhỏ xấu không che trướng. Quan lại cấp thấp vào phủ, mặc triều phục của lính bộ binh. Người người bắt chước nhau về sự thanh liêm, ăn cơm chan với nước sôi, nhà nhà noi gương nhau về tiết tháo, dùng nước rửa giặt giải mũ, người tôn quý thì không lụy vào việc dơ bẩn, kẻ bần tiện tuyệt không tìm cách gian dối về tiền của, quan lại thanh liêm ở trên, tục dân rộng rãi ở dưới, dân chúng đến nay còn khen ngợi Giới.*

Bấy giờ ngôi Thái tử chưa định, nhưng Lâm Tri hầu Thục được sủng ái, Giới ngằn can rằng: “Gần đây Viên Thiệu vì đích thứ bất phân, dòng tộc bị chết nước bị diệt. Phế lập là việc lớn, đó chẳng phải là việc làm thích hợp.” Lúc qu ân th ần hội họp, Giới đứng lên thay áo, Thái tổ trở mắt nhìn r ồi hiểu ý nói: “Thời xưa bảo kẻ làm việc này là người giữ chức quan Ti trực⁽³⁾ của quốc gia, thế là Chu Xương⁽⁴⁾ của ta vậy.”

Thôi Diễm đã chết, Giới trong bụng không hài lòng. Sau có kẻ mách việc của Giới nói: “Giới ra ngoài gặp một kẻ tạo phản bị thích chữ vào mặt, vợ con người ấy bị tất cả bị bắt làm nô tì ở nhà quan, Giới nói rằng: ‘Khiến cho trời không mưa là việc đó vậy’.” Thái tổ cả giận, bắt Giới giao cho nhà

ngục. Quan Đại lý là Chung Do cất vấn Giới rằng: “Các bậc đế vương từ xưa là thánh minh, cứ kẻ có tội là liên lụy đến vợ con. Kinh Thượng thư nói rằng: ‘ Binh sĩ ở bên trái xe binh nếu như không dùng cung tên bắn giết quân địch, binh sĩ ở bên hữu xe binh nếu như không dùng giáo mác đâm giết địch nhân, sẽ bị giết đến cả vợ con⁽⁵⁾.’ Kẻ giữ chức Tư khấu, sẽ bắt bớ tới gia thuộc, con trai phải vào chỗ tội nhân làm đũa ở, con gái phải vào nơi giã gạo thổi cơm. Theo pháp luật nhà Hán, tất cả vợ con của tội nhân phải làm nô tì, bị thịch chữ vào mặt. Phép của nhà Hán cho thi hành hình phạt thịch chữ bôi mực vào mặt, là bảo tồn pháp điển thời cổ đại. Nay kẻ ấy đúng thực là nô tì vì tổ tiên có tội, dẫu trải trăm đời, còn bị thịch chữ vào mặt làm sai dịch ở phủ quan, thứ nhất là để khoan thứ cho sinh mệnh của dân lành, thứ hai là để tha thứ cho các lỗi lầm của kẻ có tội. Thế thì vì sao lại chống lại với ý của thần minh, mà vờ đại hạn đến được? Xét theo lẽ thường, chính sự hà khắc thì thiên khí lạnh lẽo, chính sự hoà hoãn thì thiên khí ấm nóng, chính sự khoan hoà thì dương khí cực thịnh, đó là lý do sinh ra hạn hán⁽⁶⁾. Ngài nói ra lời ấy, thì cho rằng hình pháp là hà khắc, hay là khoan hoà vậy? Nếu là hà khắc thì đang là lúc có mưa dầm, vì sao lúc này trái lại có hạn hán? Vua Thành Thang là bậc thánh ở đời, mà đồng ruộng có lúc cỏ không mọc, Chu Tuyên là vị vua giỏi, có lúc gặp đại hạn tai ác⁽⁷⁾. Đại hạn kéo đến, đã ba mươi năm nay, mà quy lỗi cho việc có hình phạt thịch chữ vào mặt, là vì việc cai trị chăng? Người nước Vệ đánh nước Hình, hưng binh mà có mưa, tội ác không có gì là chứng nghiệm cả, lấy gì để ứng lòng trời? Ngài đưa lời trách chê phỉ báng, lưu truyền chốn dân gian, tiếng tăm không hay, truyền đến tai thánh thượng. Lời ngài nói ra ấy, vè tình thế chẳng phải là nói một mình, lúc ngài gặp người bị khắc chữ vào mặt, tất cả là có mấy người thấy? Kẻ nô tì bị khắc chữ vào mặt kia, ngài có quen biết họ chăng? Ngài gặp họ vì duyên cớ gì, mà đưa lời cảm thán đối với họ? Lúc ấy vì ai mà ngài nói lời cảm thán? Kẻ nghe được lời ngài cảm thán đáp lời thế nào? Hôm ấy là ngày tháng nào? Ở chỗ nào? Việc đã phát lộ, ngài không được giấu diếm lừa dối, hãy kể đủ sự thực để đối chứng với cáo trạng⁽⁸⁾.” Giới nói: “Thần nghe nói Tiêu Sinh phải tự tử, vì bị khốn với Thạch Hiên⁽⁹⁾; Giả Tử bị đuổi ra ngoài cõi, vì Giáng, Quán dèm pha⁽¹⁰⁾; Bạch Khởi được ban kiếm phải tự sát ở Đỗ Bưu⁽¹¹⁾; Triêu Thác bị giết ở Đông Thị⁽¹²⁾; Ngũ Viên tuyệt mệnh ở Ngô Đô⁽¹³⁾. Đối với mấy người ấy, hoặc bị người trước đổ ky, hoặc bị người sau làm hại. Thần từ thời trẻ giữ

chức tuyền cử, chuyên cần với chức quan, giữ chức vụ cơ mật thiết yếu, nắm đại quyền sắp xếp nhân sự. Người ta đem việc riêng phó thác cho thần, thần không vì quyền thế mà không còn tiết tháo, người vì có oan ức nói với thần, không vì việc nhỏ mà không suy xét rõ ràng. Nhân tình thì háms lợi, ta dùng pháp luật cấm chỉ, hành vi háms lợi bị cấm chỉ, thì kẻ có quyền thế phá hoại phép tắc. Sinh ra việc đổi trắng thay đen, nói rằng thần làm ra lời báng bổ triêu đình, người nói thần báng bổ triêu đình, thế tất chẳng phải vì nguyên nhân gì khác. Trước kia Vương Thúc, Trần Sinh tranh giành quyền chính ở chốn vương đình, Phạm Tuyên Tử xử trí công bằng⁽¹⁴⁾. Đã yêu cầu cả hai người đưa ra chứng cứ, phải trái đều thích hợp, đúng sai có đủ, kinh Xuân Thu khen ngợi việc ấy, vì thế chép lại. Thần chẳng nói ra lời ấy, không có thời gian và nhân chứng gì. Nói rằng thần nói lời ấy, tất phải có chứng cứ. Xin hãy lấy lời tranh biện của Tuyên Tử, mà tìm lấy Vương Thúc để đối chất. Nếu thần mà có lời quanh co, ngay trong ngày xin lập tức chịu hình, lúc xử hình là khi ban tặng; ban kiếm đến, ấy là cái ân huệ được ban thưởng. Xin được can trọng để đối đáp cáo trạng.” Bấy giờ Hoàn Giai, Hoà Hiệp dâng lời cứu Giới. Giới cuối cùng bị cách chức, chết ở nhà.

Tôn Thịnh nói: Ngụy Vũ vì dùng hình mà mất chính vậy. Dịch nói “Việc tố tụng hình ngục phải sáng suốt”, truyện nói “Đề bạt người chính trực phế bỏ kẻ ác”, việc tố tụng hình ngục sáng suốt thì trong nước không có dân oán, đối xử với kẻ gian người ngay thích đáng thì dân chúng không có ai không phục, không trừng trị kẻ sàm ngôn nói lời phù phiếm, thì lời dèm pha ton hót như nước ngấm dầm, có thể sửa sang được bốn bề, thì chỉ có sự trong sạch và sáng sửa mà thôi. Xưa kia Hán Cao hạ ngục Tiêu Hà, khi tha ra lại tin dùng, Giới một lần bị trách tội, vĩnh viễn bị ruồng bỏ, sự độ lượng của hai vị nhân chủ, há chẳng khác nhau sao⁽¹⁵⁾!

Thái tổ ban cho áo quan, tiển, lụa, phong cho con của Giới là Cơ làm Lang trung.

TƯ MÃ CHI TRUYỆN

Tư Mã Chi tự Tử Hoa, người quận Hà Nội huyện Ôn. Thời trẻ là học trò, đi tránh loạn ở Kinh Châu, thốt nhiên gặp bọn giặc ở núi Lỗ Dương, những kẻ đi cùng đều bỏ người già yếu mà chạy, Chi còn một mình ở lại che chở cho mẹ già. Giặc đến nơi, chĩa mũi dao nhọn vào người, Chi lay rập đầu nói: “Mẹ già tôi, chỉ còn nhờ ở các ông!” Giặc nói: “Kẻ này là hiếu tử vậy, ta giết là bất nghĩa.” Vì thế thoát bị hại, Chi lấy xe hươu đẩy mẹ đi. Ở phương nam hơn chục năm, tự mình cày ruộng giữ khí tiết.

Thái tổ bình Kinh Châu, cho Chi làm trưởng huyện Gian. Bấy giờ thiên hạ mới gầy dựng, nhiều kẻ không vâng theo vương pháp. Lưu Tiết là Chủ bộ ở quận, đại tộc cũ, là kẻ hào kiệt hiệp khách, có hơn nghìn tân khách, ra ngoài thì làm đạo tặc, về quận lại nhiều loạn sở trị. Được ít lâu, Chi phái khách của Tiết là bọn Vương Đồng tông binh, quan duyện sứ ngăn cản bẩm: “Nhà Tiết trước nay chưa từng cung cấp kẻ lao dịch nào, nếu đến lúc có kẻ trốn tránh, tất làm đình trệ công việc.” Chi không nghe, gửi thư cho Tiết nói: “Ngài là Đại tông(1), hơn nữa lại là chân tay của quận, nhưng tân khách thường không giúp việc lao dịch, đã có nhiều người oán vọng, ngờ là tiếng tăm sẽ truyền lên trên. Nay tôi sai bọn Đồng tông binh, mong ngài phát lệnh phái họ đi đúng lúc.” Quân binh đã tập hợp ở quận, nhưng Tiết che giấu đồng bọn, nhân đó ra lệnh cho Đốc bưu nói dối là đi đầu động quân binh đi làm nhạc khí, quan Duyện sử cùng khốn, xin đi thay Đồng. Chi bèn truyền hịch đến Tế Nam, trình bày đầy đủ tội của Tiết. Thái thú Hác Quang vốn kính trọng và tin tưởng Chi, lập tức dùng Tiết thay Đồng tông binh. Dân Thanh châu gọi Chi là người “cho Chủ bộ đi tông binh.” Chi được thăng làm Quảng Bình lệnh. Chinh lỗ tướng quân Lưu Huân, vì được quý hiển nhận ân sủng mà kiêu căng ngang tàng, Chi lại là tướng cũ ở quận, tân khách đệ tử trong địa giới mấy lần phạm pháp. Huân gửi thư cho Chi, không ghi rõ danh tính, nhưng phó thác công việc nhờ vả nhiều người ở đấy, Chi không đáp thư của Huân, nhất nhất đều xử theo phép. Về sau

Huân vì không tuân phép tắc bị kẻ tội r ồi giết, những kẻ giao du với Huân đều bị bắt tội, nên Chi vì thế được khen ngợi.

Nguy lược chép: Huân tự Tử Đài, người quận Lang Nha. Năm Trung Bình mạt, làm trưởng huyện Kiến Bình nước Bái, cùng với Thái tổ là bạn cũ. Sau làm Thái thú Lư Giang, vì bị Tôn Sách đánh phá, tự quy phục Thái tổ, được phong tước Liệt hầu, sau làm Tấn ngũ nghị trung. Anh của Huân làm Thứ sử Dự Châu, bị bệnh chết. Con của anh trai là Uy, lại lên thay làm chức ấy. Huân vì cậy là cùng với Thái tổ có giao hảo cũ, ngày càng kiêu căng ngạo mạn, mấy lần phạm pháp, lại phỉ báng người ta. Vì có người ở địa phương bẩm bạch nỗi oan, Huân bị bắt tội, uy danh quan tước đều mất hết.

Chi được thăng làm Đại lí chính. Có người lấy trộm tấm lụa sổng của quan phủ đem giấu ở nóc nhà xí công cộng, viên lại ngờ là nữ thợ dệt lấy, liền bắt giao cho nhà ngục. Chi nói: “Kẻ thi hành hình phạt mà nhầm lẫn, thì cái nhầm lẫn ấy là hà khắc và tàn bạo. Nay hãy có tang vật trước r ồi sau tra hỏi để lấy cung, như thế chẳng hơn là đánh đòn người ta, sợ là người ta không có tội mà bị phạt vậy. Kẻ không có tội vì bị phạt mà nhận, thì chẳng thể lấy đó để phán quyết tội trạng được. Vả lại đơn giản thì người ta dễ theo, là sự giáo hoá lớn nhất với người ta. Chẳng bỏ qua kẻ có tội, là cách để trị lý người đời vậy. Nay ta tha thứ cho kẻ hiềm nghi, là dùng sự rộng rãi để người ta phục tùng đạo nghĩa, chẳng cũng nên sao!” Thái tổ theo lời bàn ấy.

Chi lần lượt làm Thái thú các huyện Cam Lăng, Bái, Dương Bình, ở đâu cũng có thành tích. Năm Hoàng Sơ trung, được v ề tri ều làm Hà Nam doãn, đề nèn kẻ mạnh nâng đỡ kẻ yếu, kẻ có việc riêng cầu kiến thì không làm. Gặp lúc có người trong sở quan định đem việc nhờ vả Chi, song không dám nói ra, lại nhờ bác vợ của Chi là Đồng Chiêu. Chiêu cũng sợ Chi, chẳng đưa lời. Chi truy ền dạy qu ần hạ rằng: “Bậc quân vương có thể đặt ra pháp lệnh, cũng chẳng thể khiến cho quan lại nhất định không vi phạm được. Quan lại có thể vi phạm giáo lệnh, nhưng chẳng thể để cho quân vương nhất định không biết. Quân vương đặt ra pháp lệnh mà vi phạm, thì là bậc quân vương kém cỏi; quan lại phạm giáo lệnh mà bậc quân vương biết, thì là cái hoạ quan lại vậy. Quân vương kém cỏi ở trên, cái hoạ quan lại ở dưới, đó là nguyên do việc chính sự chẳng có đạo lý. Thế nên hai bên đều phải cố gắng vậy!” Vì thế quan lại dưới trướng của Chi tuyệt chẳng có ai không gắng gỏi. Môn hạ của viên Tu ần hành tòng nghi ngờ người nhà phạm tội ăn trộm cái trâm, can phạm nói là không đúng, Tào duệ bắt kẻ

ấy vào ngục. Chi dạy rằng: “Phàm là đồ vật giống nhau thì khó phân biệt, bởi nó chẳng phải là vật điêu khắc trang trí, lại ít khi làm cho người ta bị mê hoặc. Nếu quả thật người ấy phạm tội, Tuân hành sao nữa quá tiếc một cái trâm, mà coi rẻ cái tình thương đồng loại thế ru! Nên thôi đi, chớ thăm vấn người ta nữa.”

Minh đế lên tức vị, ban cho Chi tước Quan nội hầu. Được ít lâu, nhũ mẫu của Đặc tiến Tào Hồng làm việc xấu, cùng với kẻ hầu của Lâm Phần công chúa đi tế tự thần linh ở Vô Giản, bị hạ ngục.

Thần Tù Chi xét: Vô Giản, là tên núi, ở phía đông bắc Lạc Dương

Biện Thái hậu phái Hoàng môn đến phủ quan truyề¹n lệnh, Chi không tiếp lệnh, lập tức ra lệnh cho cai ngục ở Lạc Dương tra khảo hai người đến chết, rồi dâng sớ rằng: “Phàm là phán xử tử hình tội phạm, đều phải trước tiên dâng biểu tấu rồi đợi tin báo lại. Trước đây có chế thư cấm tuyệt việc tế tự gian tà để đoan chính phong tục, nay kẻ phạm tội đang đợi yêu hình(2), lời cung khai mới định, quan Hoàng môn là Ngô Đạt đến chỗ thần, truyề¹n lệnh của Thái hoàng thái hậu. Thần chẳng dám thông qua, sợ có kẻ cứu hộ, vội vã truyề¹n tin lên thánh thượng, như thế là bất đắc dĩ, vì phải bảo hộ cho phạm nhân. Bởi sự việc chẳng kết thúc sớm được, ấy là cái tội của thần, thế nên thần mạo phạm quy tắc chế độ thông thường, lập tức ra lệnh cho quan huyện tra khảo tội nhân đến chết, vì thiện tiện thi hành hình phạt giết người, thần kính cẩn đợi thánh thượng trừng trị.” Đế tự tay phê đáp thư rằng: “Ta coi biểu tấu, đã rõ được chân tâm của khanh, là muốn vâng theo chiếu thư, lấy sự quyề²n biến mà hành sự, thực đúng đắn vậy. Như thế là khanh vâng theo thành ý chiếu thư, sao lại phải tạ tội nữa? Sau này Hoàng môn quan có qua, chớ được tiếp kiến.” Chi giữ chức quan mười một năm, mấy lần nghị bàn về những điều bất tiện của quy tắc và pháp chế. Ở giữa chốn công khanh, cứ chiếu đạo lý mà thi hành. Gặp lúc các vương vào chầu, Chi cùng với người khác ở kinh đô giao kết, bị bãi chức quan.

Về sau Chi nhận chức Đại tư nông. Trước đó các thuộc hạ của Điền nông cùng quan lại và thứ dân làm hỗn loạn việc buôn bán để mưu sinh, cầu lấy cái lợi. Chi tấu rằng: “Phương pháp cai trị của bậc đế vương, là chuộng cái nghiệp cơ bản mà đè nén nghề buôn, chuyên chú nghề nông trọng thị lương thực. Theo vương chế thì: ‘Không có của cải tích trữ ba năm, quốc gia không phải là quốc gia vậy.’ Quản tử khu ngôn(3) cho rằng

tích lũy lương thực là việc cần kíp. Hiện nay hai kẻ địch(4) chưa bị diệt, việc quân không ngừng nghỉ, cái thiết yếu của quốc gia, chỉ ở lương thực và lụa vậy. Vũ hoàng đế đặc biệt đặt ra chức quan coi đôn điền, chuyên chú vào việc nông tang. Năm Kiến An trung, kho đụn trong thiên hạ sung túc đầy tràn, trăm họ nhà nhà giàu có đủ đầy. Từ năm Hoàng Sơ đến nay, nghe nói các Điền nông tự mưu sinh, đầu mưu tính cho thuộc hạ của mình, thật không phải là đi đâu thích hợp với đại thể quốc gia vậy. Bậc đế vương lấy bốn bề làm nhà, đó là lý do mà kinh truyện nói rằng: ‘Trăm họ chẳng giàu có, đức vua giàu có với ai!’ Giàu có là ở ruộng đất, ở cái chỗ chẳng mất thiên thời mà dùng hết được cái sức của đất. Nay thương lữ kinh doanh mưu cầu cái lợi, tuy có được cái lợi gấp bội một cách rõ ràng, nhưng về đại kế nhất thống, đó là cái tổn thất không lường được, chẳng bằng khai khẩn thêm một mẫu ruộng để thu thêm lợi. Người nông dân theo việc cấy cấy, từ tháng giêng gieo trồng, bừa đất làm cỏ hái lá dâu, gắng sức đốt lửa khai hoang gieo mạ, phát cỏ san đất trồng lúa, tháng mười mới xong. Rồi sửa sang kho đụn, làm xe đòn, chuyển nộp tô thuế, sửa sang đường đất cầu cống, dùng bùn trát kín ngăn phòng ốc, thế là hết một năm, không có ngày nào chẳng làm việc nhà nông vậy. Nay các quan Điền nông đầu nói ‘Người ở lại làm ruộng kẻ ra ngoài buôn bán là cái kế căn bản của nghề nông, thu dụng được hết các lực lượng, tình thế không thể không làm như vậy. Vừa chẳng để hoang phế ruộng vườn, mà chúng ta không dư thừa lực lượng.’ Thần ngu muội cho rằng chẳng nên dùng lại việc buôn bán tạp nham làm nhiễu loạn nông nghiệp, chuyên chú vào việc nông tang là đi đâu cốt yếu, đó là cái kế làm lợi cho quốc gia vậy.” Minh đế nghe theo.

Mỗi khi quan trên cho triệu kiến hỏi han, Chi thường hội kiến với Duyệt sử trước, để phán đoán nguyên do và ý tứ của quan trên, cứ theo hiện trạng mà đối đáp kín kẽ, đầu như những đi đâu đã tính lúc trước. Chi bản tính thành thật chính trực, chẳng kiêu căng khoe khoang phẩm giá. Lúc cùng với tân khách đàm luận, có lần chẳng vừa ý, liền đối diện phê bình cái kém của họ, rồi lui về không nói gì khác nữa. Chi chết khi đương chức, trong nhà không có tài sản thừa, những người nhận chức Hà Nam doãn từ khi nước Ngụy kiến lập đến nay chưa có ai bằng được Chi.

Chi chết, con là Kỳ nối tự, từ chức Hà Nam thừa chuyển sang chức Đình úy chính, rồi thăng làm Trần Lưu tướng. Ở quận Lương có kẻ bị bắt làm tù phạm giam trong ngục, có rất nhiều người liên quan án đó, mấy năm

không xử được. Có chiếu thư dời nhà ngục đến vùng thuộc huyện của Kỳ, huyện xin Kỳ chuẩn bị hình cụ ở trong nhà ngục. Kỳ nói: “Nay tù phạm có mấy chục, đã cung từ xảo trá khó lường, vả lại đã quá mỗi một về độc hình, tình trạng ấy dễ hiểu vậy. Há nên để chúng ở mãi trong nhà ngục nữa!” Lúc Kỳ đến nhà tù, cật vấn xong xuôi, tuyệt chẳng ai dám giấu diếm man trá gì, một buổi mà xử xong, vì thế được thăng vượt cấp làm Đình úy. Thời ấy Đại tướng quân Tào Sảng chuyên quyền, bọn Thượng thư Hà Yến, Đặng Dương làm vây cánh phụ tá. Người ở Nam Dương là Khuê Thái từng dùng ngôn từ ngỗ ngược biểu thị ý kiến, bị bắt trói giam ở chỗ Đình úy. Dương thăm vấn tù phạm, sắp buộc Thái vào trọng hình. Kỳ trách Dương rằng: “Người là đại thần cơ mật trọng yếu, phò tá cho vương thất, đã chẳng thể giúp đỡ giáo hoá để hình thành đức chính, sánh với cái cao đẹp của cô nhân, mà lại buông thả lòng căm phẫn theo ý riêng của mình, xử oan cho người vô tội. Khiến cho trăm họ ghê sợ trong lòng, chẳng phải là thế sao?” Dương vì thế hổ thẹn giận dữ mà lui về Kỳ e sợ rằng về sau sẽ bị bắt tội, liệ̀n xưng có bệnh từ quan. Ở nhà chưa đến một năm thì chết, năm ấy ba mươi lăm tuổi. Con là Triệu nối tự.

Triệu, năm Thái Khang thời nhà Tấn làm Thứ sử Ký châu, Thượng thư, thấy nói ở Bách quan chí (Bách quan danh).

[CHÚ THÍCH]

(1) Công gia ở đây là nói ‘nhà của Minh công’, tức nói đến vùng Dự Châu nơi Tào Tháo đang cai quản.

(2) Nguyên văn câu này là ‘nghị sở tịnh tỉnh’, chữ ‘tĩnh’ ở đây là danh từ, chỉ một cơ cấu hành chính thời cổ, lúc đó Mao Giới làm Đông tào duyện, Thôi Diễm là Tây tào duyện, mọi người bàn định muốn hợp nhất hai chức này, tức là giảm đi một cơ quan hành chính.

(3) Cầm đầu việc can gián vì lợi ích quốc gia.

(4) Chu Văn Vương Cơ Xương, người đặt nền móng cho Vũ Vương lập nên nhà Chu, Chu Xương từng can gián vua Trụ nhà Ân.

(5) Nguyên văn cả câu này là ‘Tả bất cộng tả, hữu bất cộng hữu, dư tắc nô lục nữ.’ Theo phép xưa, khi ra trận xe binh đi trước, quân bên tả cầm cung nỏ, quân bên hữu cầm giáo mác dài, khi xung phong, bên tả bắn tên, bên hữu đâm chém kẻ địch. Câu này quá khó, xin tạm hiểu nghĩa mà dịch như vậy.

(6) Câu này có nguồn gốc từ kinh Thượng thư, đại ý nói rằng chính trị hà khắc thì trời đất lạnh lẽo, chính trị khoan hoãn thì đất trời ấm nóng, dương khí cực thịnh. Chung Do đưa lí luận này để nói rằng việc lời nói về hình pháp nặng nhẹ kia theo lý là chẳng đúng, ngầm có ý như kết tội Mao Giới.

(7) Thành Thang là vua sáng nghiệp nhà Thương, là đấng minh quân, Chu Tuyên vương là vị vua giỏi thời nhà Chu, dưới thời cai trị của hai vua này đều từng bị những đợt hạn hán nặng nề. Chung Do đưa ra lập luận này để chứng minh rằng hình pháp nặng hay nhẹ chẳng liên quan gì đến chuyện nặng hạn cả.

(8) Rút cục là bảy câu hỏi của Chung Do với Mao Giới thực chất là lời mớm cung, chỉ đường cho Giới thoát tội. Thực chất thì Mao Giới, Thôi Diễm và Chung Do là những người bạn rất tốt với nhau.

(9) Tiêu sinh tức Tiêu Vọng Chi, cháu sáu đời của Tiêu Hà, sống ở nửa cuối thời Tây Hán, người quận Đông Hải huyện Lan Lăng, sau chuyển về ở Đồ Lăng. Ông là đại thần dưới hai triều vua Tuyên Đế và Nguyên Đế, nổi danh là Kinh học gia. Vì không hợp với Đại tướng quân Hoắc Quang nên không được trọng dụng. Sau khi Hoắc Quang chết một thời gian, ông được thay chức của Bính Cát làm Ngự sử đại phu. Hoắc thị mắc tội bị diệt tộc, ông càng được trọng dụng. Lúc Hung Nô làm loạn, ông can gián vua, chủ hoà. Để xuất chinh, thắng trận, ông bị giáng chức làm Thái tử Thái phó. Tuyên Đế lên ngôi, ông lại được trọng dụng, nắm quyền lớn trong triều, làm đến chức Thừa tướng. Ông xung khắc với bọn hoạn quan, bị hai tên hoạn quan là Hoàng Cung và Thạch Hiển bức hại, vu cáo ông là ‘xưng tụng người thuộc bè đảng, gièm pha tố cáo đại thần, huỷ hoại tình thân, có ý chuyên quyền.’ Ông bị bắt, hạ ngục, sau phải uống thuốc độc tự vẫn, lúc ấy sáu mươi tuổi.

(10) Giả tử tức Giả Nghị, sống vào đầu thời Tây Hán, người Lạc Dương, là chính luận gia, văn học gia, nổi danh từ năm mười tám tuổi, được Ngô Công tiến cử, năm hai mươi tuổi làm Bác Sĩ, chưa đầy một năm được đặc cách thăng làm Thái trung đại phu. Ông đề xuất cải cách chính trị, kế thừa pháp chế thời Tần, nhưng phế bỏ các bại tục, cách tân chế độ, bị các đại thần là Giáng hầu Chu Bột, Dĩnh Âm hầu Quán Anh, Đông Dương hầu Trương Tương Như, Ngự sử đại phu Phùng Kính căm ghét. Năm hai mươi ba tuổi, ông bị biếm chức làm Thái phó cho Trường Sa Vương. Sau bị triệu về Trường An làm Thái phó cho Lương Hoài Vương. Lương Hoài Vương bị ngã ngựa chết, ông lo lắng thành bệnh, năm ba mươi ba tuổi chết.

(11) Bạch Khởi là danh tướng của Tần Chiêu Vương, công lao trùm cả nước Tần, đánh Triệu thắng trận ở Trường Bình, giết Triệu Quát chôn sống bốn mươi vạn quân Triệu, đã kiến nghị vây đánh Hàm Đan, Thừa tướng là Phạm Thù ghen ghét với Khởi can vua Tần, vua Tần không nghe kế của Khởi. Sau nước Triệu dùng Liêm Pha làm tướng, đánh lại nước Tần, tướng Tần là Vương Lăng không đánh được. Vua Tần cử Khởi làm đại tướng ra trận, Khởi từ chối cho rằng lúc ấy không thể đánh được nữa, vua Tần cố ép, Khởi nhất định từ chối, vua Tần giận, cử Vương Hạp làm tướng, bị thua, Khởi nói với tân khách là ‘đã biết trước như thế mà’, Phạm Thù nhân đó gièm pha Khởi với vua Tần, vua Tần nổi giận, tước

quan lộc và thực ấp của Khởi, đẩy ra Âm Mật, khi đến Đỗ Bưu, vua Tân ban cho kiếm tự sát mà chết.

(12) Triều Thác là người thời Tây Hán, quê ở quận Dĩnh Xuyên, sống vào đời vua Hán Văn Đế. Ông có văn tài xuất chúng, từng nhận các chức vụ là Thái tử xá nhân, Bác sĩ, Thái tử gia lệnh, được Thái tử là Lưu Khải tôn xưng là ‘túi khôn’. Thời Hán Cảnh Đế, ông làm Ngự sử đại phu, từng nhiều lần chủ trương tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương, giảm thế lực của chư hầu đại phương, trọng nghề nông, quý thóc lúa. Nhân vì cái loạn thất quốc, ông bị giết bằng hình phạt chém ngang lưng ở Đông Thị, Tây An. Truyện về ông thấy ở các thiên sách trong Hán thư là ‘Hoá thực chí’, ‘Viên Áng, Triều Thác truyện’.

(13) Ngũ Viên tức Ngũ Tử Tư, người nước Sở cuối thời Xuân Thu, văn võ toàn tài, cha là Ngũ Xa có tiếng chính trực, bị Sở Bình Vương giết, ông trốn qua nước Ngô, giúp Thế tử Quang lên ngôi, tức vua Hạp Lư. Sau khi góp công xây dựng nước Ngô thành cường quốc, ông đem quân về diệt nước Sở, đào mả Sở Bình Vương, dùng roi đồng đánh mấy trăm cái vào thi thể Sở Bình vương khiến xương tan thịt nát. Hạp Lư chết, Phù Sai lên thay, tin dùng gian thần Bá Hi, không trọng dụng Ngũ Viên, lại tha cho vua Việt là Câu Tiễn. Nước Việt hùng mạnh, Phù Sai cứ vui chơi với người đẹp là Tây Thi, quên cả chính sự. Ngũ Viên can gián nhiều lần, làm Phù Sai giận, liền ban cho Ngũ Viên thanh kiếm, Ngũ Viên tự sát ở Ngô Đô. Sau này nước Ngô bị vua nước Việt là Câu Tiễn diệt, Phù Sai phải tự vẫn.

(14) Vương Thúc, Trần Sinh, Phạm Tuyên Tử là bảy tôi của Chu Linh Vương (Cổ Tiết Tâm) nhà Chu thời Xuân Thu, ND chưa tra cứu được điển tích này.

(15) Tiêu Hà là công thần bậc nhất của Lưu Bang, sau khi kiến lập nhà Hán, Lưu Bang giết các công thần, Tiêu Hà vốn là vị quan thanh liêm đầu triều, Lưu Bang rất nghi kỵ. Có người khuyên Lưu Bang nên tỏ ra tham lam để làm hại đến thanh danh liêm khiết của mình để Hán vương yên lòng, Tiêu Hà không nghe. Có lần Tiêu Hà đã đề đạt nguyện vọng của dân lên Lưu Bang về việc dùng đất hoang trong vườn thượng uyển để khai khẩn, trồng lúa. Lưu Bang nghe nói tức giận, cho rằng Tiêu Hà ăn hối lộ của dân nên mới nghĩ ra việc phá vườn thượng uyển, bèn ra lệnh bắt giam ông, sau được các quan ngăn lại, Tiêu Hà được tha. Sau khi Lưu Bang chết, Tiêu Hà phục vụ con của Lưu Bang, được thăng tước Hầu. Ở đây

Tôn Thịnh so sánh Hán Vương và Ngụy Vũ, có ý mỉa mai Ngụy Vũ là thiếu chính đạo và hẹp hòi.

QUYỂN 13 - CHUNG DO HOA HÂM VƯƠNG LÃNG TRUYỆN

Chung Do, Hoa Hâm, Vương Lãng

CHUNG DO TRUYỆN

Chung Do tự Nguyên Thường, người huyện Trường Xã quận Dĩnh Xuyên vậy. [1] Từng cùng cha họ là Du cùng đến Lạc Dương, trên đường được người giúp, nói: “Đứa trẻ này có tướng quý, nhưng bị khổ vì nước, phải gắng cận thận”! Đi chưa đến mười dặm, qua cầu, ngựa sợ, rơi xuống nước suýt chết. Du ngẫm lời người giúp lúc trước, càng quý Do, lại cung cấp tiền của, sai phải chăm học. Cử làm Hiếu liêm. [2] Bỏ làm Thượng thư lang, Âm Lăng Lệnh, lấy cớ bệnh xin bỏ. Từ chối Tam phủ, làm Đình úy chính, Hoàng môn Thị lang. Bảy giờ, Hán Đế ở tại kinh sư miên tây, bọn Lí Thôi, Quách Dĩ làm loạn trong thành Trường An, cắt đứt với miên Quan Đông. Thái Tổ lĩnh chức Duyệt Châu Mục, bắt đầu sai sứ dâng thư. [3] Bọn Thôi, Dĩ cho rằng người miên Quan Đông muốn tự lập Thiên tử, nay Tào Tháo đâu có lệnh sai, không phải là thật vậy. Bèn giữ sứ giả của Thái Tổ lại, chống lại ý ấy. Do khuyên bọn Thôi, Dĩ nói: “Nay anh hùng đang cùng nổi dậy, đâu ra lệnh chuyên chế, chỉ có Tào Duyệt Châu là có lòng với nhà vua, mà làm trái ý tốt của người ta thì không phải là đi đầu mà người muốn đến giúp trông mong vậy”. Bọn Thôi, Dĩ theo lời Do, báo đáp nể hậu, do đó lệnh sai của Thái Tổ mới được thông. Thái Tổ đã nhiều lần nghe Tuân Úc khen Do, lại nghe nói Do khuyên bọn Thôi, Dĩ như thế, càng thêm nghĩ đến. Sau đó Thôi hiệp Thiên tử, Do và Thượng thư Hàn Bân cùng mưu tính. Thiên tử ra khỏi Trường An, Do có công vậy. Bấy giờ làm Ngự sử Trung thừa, chuyển làm Thị trung Thượng thư Bộc xạ, lại xét công trước phong làm Đông Vũ Đình Hầu.

[1] Tiên hiên hành trạng viết: “Chung Hạo tự Quý Minh, hiên lành cẩn thận, học rộng luật thư, dạy hơn nghìn học trò, làm quan Công tào trong quận. Bảy giờ Thái Khâu Trưởng là Trần Thực làm Tây Môn Đình trưởng, chỉ có Hạo rất kính trọng. Thực ít hơn Hạo mười bảy tuổi, thường dùng lễ đối đãi người cùng chức phận. Lúc từ quan ở phủ công, sắp đi, Thái thú hỏi nói: ‘Ai thay được ông?’ Hạo nói: ‘Ông phủ muốn có được người mình

chọn thì Tây Môn Đình trưởng là dùng được'. Thực nói: 'Ông Chung thường không có ý xét cử người khác, không biết sao chỉ biết ta'? Hạo làm Tư đồ duyện, có việc công đi ra, trên đường gặp bùn lầy, người dẫn đường ghét Hạo cưỡi cạnh, bỏ cách xa xe công, Hạo gắng tựa vào đòn xe nói: 'Ngày nay quan Tư đồ chỉ làm một mình mà thôi'! Trở về lên gác, rung chuông cũng không giúp, bèn lệnh hợp các quan thuộc, Hạo dương tay cũng không ngoảnh theo. Bấy giờ các quan thuộc trong phủ đầu hạch tội mình xin ra ngoài, Hạo làm Tây tào duyện, liền mở cửa phủ bố cáo cho bọn đã ra ngoài hiểu nói: 'Kẻ dưới không thể nói thẳng với vua thì như quan Tư lệ coi việc này mực mà làm mất lễ với quan Tể tướng, lại không được tin dùng, các ông cả đời còn dùng ở chỗ nào nữa'? Các quan thuộc do đó đều thôi. Đô quan đến phủ Tây tào duyện, hỏi qua việc bỏ phủ, Hạo mời Đô quan ra gặp các quan thuộc để cho họ hiểu, mới thôi. Trước sau chín lần từ chối ba phủ, gọi chuyển làm Nam Hương, Lâm Lư Trưởng, không đến nhận chức. Bấy giờ những kẻ quan trước đây trong quận được người trong nước theo về, có Thương Ngô Thái thú người Định Lăng là Trần Trĩ Thúc, Lê Dương Lệnh người Dĩnh Âm là Tuân Thực và Hạo. Thiệu phủ Lí Ứng thường trọng ba người này, nói: 'Ông Tuân trong sạch hiểu biết nhưng khó làm nên, chỉ có ông Trần, ông Chung đức cao là có thể làm thay'. Cô của Ứng là vợ của em Hạo, sinh con là Cận, cùng tuổi với Ứng, đầu có tiếng tăm. Cận lại ham học theo người xưa, có đức hạnh nhún nhường. Thuở còn nhỏ bé, cha Ứng là Thái úy Du nói: 'Cận giống tính con nhà ta, nước có đạo thì không bỏ, nước không có đạo thì bị hình pháp bãi bỏ vậy'. Lại đem em gái của Ứng gả cho Cận. Cận từ chối làm quan trong châu, chưa từng chịu đến nhận chức. Ứng bảo Cận nói: 'Mạnh Kha cho rằng người ta không ưa làm đi đâu ác là không phải trong lòng người ta, đấy không phải người vậy. Vả lại người ta há thường không có trắng đen sao'! Cận từng đem lời Ứng nói với Hạo, Hạo nói: "Cha của Nguyên Lễ đang giữ chức, các quan lớn đang mạnh, cháu của Hàn Công do đó mà được nhờ vậy. Quốc Vũ Tử ưa mời người có lỗi, cho rằng đấy là gốc của oán thù, ngày nay tựa như thời ấy! Giữ thân giữ nhà là đạo của người vậy'. Cận chết sớm, Ứng dẫu lập được công lao, chức chỉ đến hàng Khanh tá, mà rút cuộc gặp họa tổn thân. Hạo lúc sáu mươi tuổi thì chết tại nhà. Hai con Hạo là Địch, Phu, đều giữ người nhà không làm quan. Do là cháu của Địch vậy".

[2] Hậu Hán thư của Tạ Thừa viết: “Người quận Nam Dương là Âm Tu làm Dĩnh Xuyên Thái thú, lấy người hiền chọn kẻ giỏi làm việc, chọn Ngũ quan duyệt Trương Trọng là người thẳng thắn, xét Công tào Chung Do, Chủ bạ Tuân Úc, Chủ kí duyệt Trương Lễ, Phú tào duyệt Đỗ Hữu, Hiếu liêm Tuân Du, Kế lại Quách Đò làm quan để làm rạng rỡ triều đình”.

[3] Thế ngữ viết: “Thái Tổ sai Tòng sự Vương Tất đến xin Thiên tử ban lệnh”.

Bấy giờ các tướng miền Quan Trung là bọn Mã Đằng, Hàn Toại đem quân mạnh tranh với nhau. Thái Tổ đang theo việc ở miền Sơn Đông, cho rằng miền Quan Hữu đáng lo. Bèn dâng biểu cử Do làm Thị trung giữ chức Tư lệ Hiệu úy, cần cù tiết trọng coi các quân miền Quan Trung, giao cho Do việc sau này, sai riêng không phải gò bó theo phép chế. Do đến Trường An, gửi thư cho bọn Đằng, Toại, kể rõ họa phúc, bọn Đằng, Toại đều sai con vào hầu. Thái Tổ ở tại Quan Độ chống nhau với Viên Thiệu, Do đem hơn hai nghìn con ngựa cấp cho quân. Thái Tổ gửi thư cho Do nói: “Lấy được ngựa mà ông gửi đến, rất hợp lúc nguy cấp. Miền Quan Hữu yên ổn, triều đình không phải ngoảnh về mối lo ở miền tây là công của túc hạ vậy. Xưa Tiêu Hà giữ vững miền Quan Trung, lương đủ cấp quân, cũng chỉ như người”. Sau đó Thiệu vu của Hung Nô làm loạn ở Bình Dương, Do đem các quân vây hấn, chưa thắng; mà quan mà Viên Thượn đặt là Hà Đông Thái thú Quách Viện lại đến quận Hà Đông, quân rất đông. Các tướng bàn muốn bỏ chỗ này đi, Do nói: “Họ Viên đang mạnh, mà Viên đến thì người miền Quan Trung tất ngấm qua lại với hấn, nay họ chưa phản hết cũng vì uy danh của ta thôi. Nếu bỏ chỗ này đi thì tỏ rõ cái yếu trước họ, thì dân chỗ này ai chẳng cướp đoạt? Nếu ta muốn về, đến được nữa sao! Đây là chưa đánh mà thua trước vậy. Vả lại Viện cứng rắn ham thắng, tất dễ cho quân ta, nếu vượt sông Phần làm trại, đến chỗ hấn chưa vượt sông mà đánh, có thể thắng lớn vậy”. Trương Kí khuyên Mã Đằng hội đánh Viện, Đằng sai con là Siêu đem quân tinh nhuệ đón đánh. Viện đến, quả nhiên coi thường vượt sông Phần, quân can ngăn, không theo. Vượt sông chưa quá nửa, Siêu đánh, đại phá quân Viện, [4] chém Viện, bắt Thiệu vu hàng. Lời tại truyện Trương Kí. Sau đó người quận Hà Đông là Vệ Cỗ làm loạn, cùng bọn Trương Thịnh, Trương Diễm và Cao Hàn đều cướp bóc, Do lại đem các tướng đánh phá chúng. [5] Từ lúc Thiên tử dời đến phương tây, người Lạc Dương ít ỏi, Do dời dân miền Quan Trung đến, lại thu nạp bọn trốn

tránh phản loạn để đưa vào, trong mấy năm nhà dân dần dần đông đủ. Thái Tổ đánh miền Quan Trung, lấy được đờ dưng, cử Do làm Ti ền quân sư.

[4] Chiến lược của Tư Mã Bưu viết: “Viên Thượng sai Cao Hàn, Quách Viên đem mấy vạn quân đến, cùng Thi ền vu Hung Nô cướp quận Hà Đông, sai sứ đến mưu cùng bọn Mã Đằng, Hàn Toại liên hòa, bọn Đằng ngầm hứa theo, Phó Hàn khuyên Đằng nói: ‘Người xưa có nói rằng: Người thuận đạo thì lành, trái đức thì chết. Tào Công theo lệnh Thiên tử đánh kẻ bạo loạn, hình pháp rõ ràng, nhà nước sửa trị, trên dưới nghe lệnh, có nghĩa tất thưởng, không có nghĩa tất phạt, có thể nói là người thuận đạo vậy. Họ Viên làm trái lệnh vua, xua rợ H ồ vào lấn Trung Quốc, dẫu rộng rãi nhưng lắm nghi ngờ, có lòng nhân mà không quyết đoán, quân dẫu mạnh mà làm mất lòng thiên hạ, có thể nói là kẻ trái đức vậy. Nay Tướng quân đã thờ người có đạo, nếu không đem hết sức mình, ngầm trông hai bên, muốn ng ỡ xem được thua, ta sợ rằng được thua đã định thì bị lời trách tội, Tướng quân là người bị trách tội trước vậy’. Do đó Đằng sợ. Hàn nói: ‘Người có trí thì chuyển họa thành phúc. Nay Tào Công tranh với Viên Thiệu, mà Cao Hàn, Quách Viên chỉ giữ được quận Hà Đông, Tào Công dẫu có kế vạn toàn cũng không thể ngăn được quận Hà Đông không bị nguy cấp vậy. Tướng quân nên dẫn quân đánh Viên, trong ngoài đánh hấn, thế quân ta tất nổi. Tướng quân đánh một trận là cắt đứt cánh tay của họ Viên, giải nguy cho một vùng. Tào Công tất kính trọng Tướng quân, công lao của Tướng quân dẫu thẻ trúc dài lụa cũng không thể chép hết. Xin Tướng quân xét lời này’! Đằng nói: ‘Xin theo lời dạy’. Do đó sai con là Siêu đem hơn vạn quân tinh nhuệ, lại đem quân của bọn Toại cùng Do hội đánh bọn Viên, đại phá quân Viên”.

[5] Ngụy lược viết: “Chiếu gọi Hà Đông Thái thú Vương Ấp, Ấp vì thiên hạ chưa định, lòng không muốn được gọi đến, mà quan dân cũng vương vấn Ấp, bọn quan thuộc trong quận là Vệ Cố cùng Trung lang tướng Phạm Tiên đều đến chỗ Do c ầu xin cho Ấp. Lại có chiếu đã bái Đỗ Kỳ làm Thái thú, Kỳ đã vào quận. Do không nghe lời bọn Tiên, dục Ấp trao ấn phù. Ấp đeo ấn thao, đi tắt từ miền Hà Bắc đến đất Hứa mà về. Bấy giờ Do ở tại Lạc Dương, tự cho rằng uy cấm bị mất phép trông coi, bèn dâng thư tự hạch tội mình nói: ‘Thần lúc trước dâng thư nói là Trấn bắc Tướng quân lĩnh chức Hà Đông Thái thú tước An Dương Đình Hầu Vương Ấp ngày trước khéo bác bỏ việc thống trị, làm trái việc công, việc

nên hạch tội, xét rõ đúng sai. Nhận chiếu thư đòi hỏi. Đã xét đúng tội rồi, lại được tha thứ. Thần lại nói rằng quan dân lớn nhỏ đều ngoảnh mặt trông mong, nói là Ấp nên về chống Thái thú Đỗ Kỳ, nay lại đều hối tiếc, cùng đón Kỳ nhận chức. Xét kỹ lời văn, thần cho là sáo rỗng, được mời cất nhắc vào hầu gần vua, xét thao phép tắc là nên kính nhận chức vụ, trông coi miền xa. Đã không có đức thẳng để ban ơn cho muôn dân, lại không có uy cao để xét kẻ không cung kính, sứ giả đến mà Ấp làm trái chiếu thư, quan thuộc trong quận là Vệ Cỗ bức ép quan dân, dùng lời kêu kiện, rải khắp đường trạm, làm mất lễ nghi, không theo lệnh vua. Nay dầu đã hối tiếc nhưng tiếng xấu còn lưu, đây đều là vì Do dùng hình pháp không nghiêm. Thần lại bệnh tật, qua năm trước sau, sức khỏe càng yếu, không làm hết sức mà hưởng lộc dày, ngày dài nhận chức, tội rõ đáng phạt. Xét kỹ Thị trung giữ chức Tư lệ Hiệu úy, tước Đông Vũ Đình Hầu thần là Chung Do, may nhờ ân lớn, dùng cái tài nhỏ lẻ mà vẫn được cất nhắc, theo làm người gần gũi, mang lệnh trông coi. Biết rõ chiếu thư lo lắng các trưởng lại làm việc yếu kém, vậy mà xét kẻ dưới không đúng tội, bệnh lâu ngày lắng đọng, chức phận hư hỏng, hình pháp không làm. Ấp dầu trái việc, nên theo hình pháp đúng đắn, đã gửi văn thư hạch tội không hợp lí, dẫn đến làm cho Ấp phải đi xa đến cửa khuyết. Làm lỡ lệnh vua, làm hại đến nanh vuốt. Mà Cỗ bức ép quan dân, chống Kỳ hơn tháng. Nay đã hối tiếc, phạm pháp làm lỡ chính sự, trong cõi giận dữ, tội cũng vì Do dùng hình pháp tối tăm. Lại nữa Do bệnh lâu, không đáng giữ chức này nữa, không phải Do là đại thần nên làm chức này. Do khinh thường phép tắc, không sợ chiếu lệnh, không cùng lòng với nhà nước, làm bậy tôi không dộc lòng trung, không sợ hãi cái gì, thật là không cung kính. Lại không vâng theo chiếu thư, vâng chiếu lại không cẩn thận. Lại che lấp sự sáng suốt của các quan thuộc cấp dưới. Liền đem văn thư theo lời bàn của Công tào Tòng sự Mã Thích đến, xin bỏ mũ đi chân trần, nép mình chịu tội'. Hạ chiếu không nghe”.

Nước Ngụy mới dựng, làm Đại lí, chuyển làm Tướng quốc. Văn Đế ở tại Đông Cung, ban cho ngũ thực cho Do, khắc chữ lên đó là: “Lấy lòng ở Ngụy, làm tôi giúp Hán, ấy Chung Tướng quốc, thực là tim bụng, ngày đêm cung kính, chẳng khi nào yên, làm thầy trăm quan, khuôn mẫu phép tắc”. [6] Được mấy năm, vì liên lụy với việc Tây tào duệ Ngụy Phúng mưu phản, hạ chiếu bãi quan. [7] Văn Đế lên ngôi Vương, lại làm Đại lí. Đến lúc lên ngôi vị, đổi làm Đình úy, tiến phong Sùng Cao Hương Hầu.

Chuyển làm Thái úy. Bấy giờ cùng Tư đồ Hoa Hâm, Tư không Vương Lăng đều là danh thần đời trước. Văn Đế bãi chầu, bảo tả hữu nói: “Ba ông này là người lớn của một thời, người đời sau khó mà theo kịp vậy”! [8] Minh Đế lên ngôi vị, tiến phong làm Định Lăng Hầu, tặng thêm ấp có năm trăm năm trăm hộ, cùng một nghìn tám trăm hộ trước kia, chuyển làm Thái phó. Do có bệnh đầu gối, đứng bái không tiện. Bấy giờ Hoa Hâm cũng tuổi cao bệnh tật, chầu gặp đầu dùng xe kiệu chở, quân hồ bên khiêng lên điện rồi ngồi. Từ đó Tam công có bệnh bèn theo việc cũ này.

[6] Ngụy lược viết: “Do làm Tướng quốc, đem khuôn đúc đỉnh chỗ ngũ thực cho Thái tử đúc nên, chỗ thành, Thái tử gửi thư cho Do nói: ‘Xưa có ba cái vạc của Hoàng Đế, có chín vật bảo của nhà Chu, đều lấy một cái đựng món ăn, năm món ăn sao ngon bằng chỗ này? Nấu chín món ăn trong cái vạc là để cúng tế Thượng Đế, để nuôi bậc thánh hiền, làm rõ đức xin phúc, không phải vì cái đẹp của nó. Cho nên không phải là người hiền thì không ai làm được; cho nên không có vật này thì chẳng ai có đức dày. Cái chỗ đẹp thời nay, lại càng thêm đẹp. Thi Thần nhà Chu, Khảo Phụ của nước Tống, Khổng Khôi của nước Vệ, Ngụy Khảo của nước Tấn, đây là bốn bề tôi đều có công đức được khắc trên chuông vạc. Nay giữ việc coi xét nước Đại Ngụy để truy ân giáo hóa thánh hiền, đức hạnh lớn lớn, nước ấy đầy nhều. Thực là đi đầu mà quan Thái thường nên ghi lại, là cái chén đựng đồ tế nên khắc lên. Cho nên khắc chữ lên đây, ghi lại ở miệng chỗ để khen ngợi cái tốt đẹp, khiến cho không mục”. Thần Tùng Chi xét Hán thư Giao tự chí viết: “Thời Hiếu Tuyên Đế, người huyện Mĩ Dương đào được cái vạc, Kinh Triệu Doãn Trương Xưởng dâng lời bàn nói: ‘Xét vạc có khắc văn nói là: ‘Vương lệnh cho Thi thần làm quan ở Tuân Ấp này. ban cờ chuông, qua ngọc, áo thêu cho người. Thi thần chấp tay cúi đầu nói: ‘Dám không theo Thiên tử để tỏ rõ lệnh tốt sao’. Đây là cái mà nhà Chu khen tặng cho đại thần, con cháu của đại thần khắc ghi công lao của tổ tiên, cất nó ở miếu quan vậy’”. Văn khắc Khảo Phụ thấy ở Tả thị truyện, văn khắc Khổng Khôi thấy ở Lễ kí, việc này rõ nên không chép. Quốc ngữ viết: “Trận đánh thắng nước Lô ngày xưa, quân Tần đến mưu đánh bại người Tấn, Ngụy Khảo đem thân mình đuổi quân Tần ở ấp Phụ Thị, tự thân ngăn được Đỗ Hỷ; công lao được khắc ghi trên chuông của Cảnh Công, đến ngày nay không truy ân cho dòng dõi, con cháu không thể không hưng vậy”. Đây là bốn người mà Thái tử nói đến. Ngụy lược viết: “Sau

Thái Tổ đánh quận Hán Trung, Thái tử ở tại bến Mạnh Tân, nghe nói Do có ngọc quyết, muốn lấy để nói can ngăn Tào Công. Ngâm sai sai Lâm Truy Hầu sai người đến khuyên Do. Do liền đưa ngọc quyết đến. Thái tử gửi thư cho Do nói: ‘Ngọc để sánh với đức của quân tử, cho người làm thơ thêm đẹp. Ngọc thù cực của nước Tấn, ngọc hưng phan của nước Lỗ, ngọc kết lục của Tống, ngọc hòa phác của nước Sở, giá hơn nghìn vàng, quý trọng như đô thành, có tiếng từ xưa, còn tiếng đến mai sau. Cho nên ngọc thù cực có ở nước Tấn thì bắt được vua hai nước Ngụy, Quắc; ngọc hòa bích vào nước Tần thì Tương Như giữ khí tiết. Trộm thấy sách ngọc đúng là ngọc đẹp trắng như cắt mỡ, ngọc đen thì như sơn bóng, ngọc đỏ thì như mào gà, màu vàng thì như lúa chín. Lại nghe nói về ngọc, nhưng chưa thấy hình. Dầu đức không phải quân tử, nghĩa không bằng người làm thơ, đức hạnh núi cao là chỗ ngưỡng mộ. Nhưng bốn vật bảo ở xa, từ thời Tần, Hán chưa nghe nói có cái tốt. Cho nên tìm nó nhiều năm, chưa gặp được cái thật, muốn có riêng nhưng không được, đói khát chẳng màng. Gần đây được người quận Nam Dương là Tông Huệ Thúc nói ông trước đây có ngọc quyết. Nghe nói mà mừng rỡ, cười cùng vỗ tay. Nay tự gửi thư đến nói, sợ lời nói chưa xét, cho nên lệnh em trong phủ là Tử Kiến nhờ Tuân Trọng Mậu đưa thư này đến cõi biên. Lại không nỡ lấy, được thấy thư đến, liền từ đất Nghiệp cưỡi ngựa đến. Ngọc quyết vừa đến, bùng đặt vào cái tráp, sáng rõ lóa mắt. Thẹn vì thân mình thô lậu mà được thấy vật bảo hiếm có trên đời, không phải đi sứ một lần, không mất cái giá đi khắp các thành vậy, đã thấy được Chương Đài của Tần Chiêu Vương, lại không tiếc vì dùng lời nói dối mà lấy được, vật đẹp thêm nhiều, dám không nhận lấy!’ Do đáp thư nói: ‘Ngày trước kính nhận chức cùng được ban ngọc quyết, nay đã già cả, vẫn biết vật cũ. Tên nó là phù thái, tất về chỗ của nó. Cho rằng nắm việc có vật bảo này, cho nên bị coi thường, dùng chưa dâng nạp. May có ý muốn đeo, thực là vui mừng. Vào thời họ Hòa ngày xưa, ân cần trung hậu, cho nên Do đợi lệnh, vẫn mang lòng thẹn’.

[7] Ngụy lược viết: “Tôn Quyên xưng thần, chém đưa đầu Quan Vũ đến, Thái tử gửi thư cho Do, Do đáp thư nói: ‘Người cùng quận với thần là Tư không Tuân Sảng ngày trước nói rằng người ta nên theo tình lí, người yêu ta thế mà yêu được! Người ghét ta thế mà ghét! Nghĩ về Tôn Quyên, lại đã tốt đẹp’. Thái tử lại gửi thư nói: ‘Được thư, biết miền nam có việc vui. Đến như lời bàn hay của Tuân Công về cái tốt đẹp của Tôn Quyên,

cần thư mà cười vui, không thể rời tay. Nếu Quyên lại sáng suốt, nên dùng lời bàn nguyệt đán của Hứa Thiệu để bắt bí. Quyên dạo chơi hai nước, trông mong vào Tuân, Hứa cũng đã đủ rồi”.

[8] Dị lâm của họ Lục viết: “Do có lúc mấy tháng không hội chầu, ý nghĩ khác thường, có người hỏi nguyên nhân, nói: ‘Thường có người đàn bà đến, xinh đẹp khác thường’. Người hỏi nói: ‘Tất là vật quý, nên giết đi’. Sau người đàn bà lại đến, không như trước nữa, đứng ở ngoài cửa. Do hỏi vì sao, nói: ‘Ông có ý giết ta’. Do nói: ‘Không đâu’. Lại ân cần mời, mới vào. Ý Do tiếc, có lòng không nỡ giết, nhưng vẫn đánh người đàn bà ấy thương ở đùi. Người đàn bà liền đi ra, lấy bông mền lau máu suốt đường. Ngày sau sai người đi tìm dấu vết, đến một ngôi mộ lớn, trong cây có một người đàn bà đẹp, hình dáng như người sống, mặc áo lụa trắng, áo cánh gấm đỏ, bị thương ở đùi trái, lấy bông trong áo cánh lau máu. Chú ta là Thanh Hà Thái thú nói như thế. Thanh Hà là họ Lục nói vậy”.

Trước đây, Thái Tổ hạ lệnh sai bàn kẻ bị tội chết nên xử cắt xẻo không. Do cho rằng: “Xử tội xẻo thịt thời xưa, thánh nhân đã nói, nên dùng trở lại để thay cho tội chết”. Người bàn cho rằng không phải là cái đạo làm cho dân vui, bèn thôi. Đến lúc Văn Đế ban thưởng bày tội, chiếu nói: “Đại lý muốn lập lại tội xẻo thịt, đây thật là hình pháp của thánh nhân. Các công khanh nên cùng bàn xem”. Bàn chưa xong, vừa lúc có việc quân, lại thôi. Giữa năm Thái Hòa, Do dâng sớ nói: “Đại Ngụy nhận lệnh, nối dõi Ngu, Hạ. Hiếu Văn Đế thay hình pháp, không hợp đạo xưa. Tiên Đế đức cao cho nên được trời giúp, dựng nên điển chế, chỉ thông suốt một phần. Cho nên đời sau vẫn nên sửa mới, nghĩ lập phép xưa, thành phép thời nay. Nhiều năm dùng quân, vẫn chưa được dùng. Bệ hạ suy nghĩ ý của hai Tiên đế, chỉ chém chân để có thể cấm làm ác, ghét bắt người không có tội phải chết, khiến cho luật hình được làm rõ, cùng bày tội bàn bạc. Trước đây người đáng chặt chân phải là bị xét vào tội chết, nên lập lại tội này. Kinh Thư viết: ‘Hoàng Đế xét hỏi dân chúng, người góa bụa xét tội người Miêu’. Đây là nói vua Nghiêu nên đánh dẹp Xi Vưu, cái tội của người Miêu, trước đã được người bàn trong dân chúng xét hỏi vậy. Như việc bắt vào ngục thời nay, đến hỏi các quan Tam hòa, Cửu cực, bày tội, muôn dân, đều nói dùng hình pháp thời Hiếu Cảnh Đế, kẻ có tội phải nên vút ở chợ, muốn chém chân phải thì ưng cho. Kẻ bị tội thích chữ, cắt mũi, chém chân trái, thiến, cũng như hình pháp của thời Hiếu Văn Đế, tội nhẹ thì cắt tóc, đánh

đòn. Kẻ phạm pháp thường từ hai mươi tuổi đến bốn, năm mươi tuổi, đầu chém chân của chúng thì vẫn được nuôi sống. Nay người phạm pháp trong thiên hạ ít hơn thời Hiếu Văn Đế, tính ra mỗi năm cả thảy có ba nghìn người. Trương Thương bỏ xử xẻo thịt cho nên mỗi năm phải giết đến vạn người. Thần muốn lập lại tội xẻo thịt để mỗi năm cứu sống ba nghìn người. Tử Cống hỏi rằng có thể giúp dân thế nào để được gọi là có lòng nhân? Khổng Tử nói: ‘Sao phải chỉ ở lòng nhân, vậy cũng là thánh sao, như vua Nghiêu, vua Thuấn vẫn có chỗ kém đấy’! Lại nói: ‘Lòng nhân xa sao? Ta muốn lòng nhân, lòng nhân đến vậy’. Nếu làm theo lòng nhân, dân sẽ yên mãi”. Thư tấu xong, hạ chiếu nói: “Thái phó học rộng tài cao, dốc lòng coi việc, lại xét hình pháp sâu xa. Việc lớn này, nên cùng công khanh trăm quan bàn bạc”. Tư đồ Vương Lãng bàn cho rằng: “Do muốn dễ giảm các tội chết để tăng thêm hình phạt chặt đứt chân, đấy là nghĩ nằm mà dựng lên, hóa thay chết thành người sống vậy. Theo ý ngu của thần, vẫn chưa hợp ý nhỏ khác. Năm cách xử tội đã ghi vào hình luật, tự nó có cách giảm một bậc tội chết rồi, không xử chết thì giảm. Dùng được đã lâu, không đợi phải mượn búa đục xa xôi ở hình pháp xẻo thịt, sau đó có các bậc tội vậy. Người có lòng nhân thời trước không nỡ dùng cách xử xẻo thịt đau đớn, cho nên bỏ mà không dùng. Từng dùng đến nay, đã qua mấy trăm năm. Nay lại dùng nó, sợ rằng giảm hình pháp chưa thành văn trong mắt muôn dân thì lời xét hỏi về tội xẻo thịt đã lan ra trước rồi, đấy không phải là cách kêu gọi người xa đến vậy. Nay xét cái mà Do muốn giảm bớt tội chết, khiến cho giảm tội chết bằng các tội cắt tóc, chặt chân, e rằng là dễ dãi, quay lại với nhiều năm soạn lập. Trong dầu có ân cho sống thay chết không kể hết, nhưng ngoài không có tiếng chặt chân thay cho tiếng gào sợ thôi”. Hơn trăm người bàn, phần nhiều giống với Lãng. Đế cho là Ngô, Thục chưa bình, lại thôi. [9]

[9] Viên Hoàn nói: “Lòng dân vui cả thì không thể vẹn cả, đấy là vật dùng có lợi thì treo ở ngoài mà lòng ham muốn động ở trong vậy. Cho nên có hành động tranh giành đến lấy, mong tìm việc dễ dãi. Đến lấy không thôi, không đủ được lòng ham muốn, là cái lòng tìm cầu may mắn sinh ra thế. Mong tìm cái không may, không phải là cái mà người ta muốn, là cái tính gian trá giận dữ gây nên vậy. Các bậc Đế Vương ngày trước biết như thế, nếu muốn dẹp cái xấu, có người phải dùng đức hóa trước để dạy bảo lòng chúng; nếu lòng chúng không đổi thì mới dùng hình phạt. Kinh Thư

viết: ‘Trăm họ không thân, năm đức không được kính, người phải giữ chức Tư đồ để sửa sang năm lễ nghi. Người Man Di phạm người Hạ, làm ác gây oán, người phải làm kẻ sĩ, dùng năm loại hình phạt’. Vậy thì có đức, đặt hình phạt, xem xét mà dùng được. Thời Tam đại thay nhau, nghĩa đã rõ rồi. Chu lễ viết: ‘Kẻ bị thích chữ thì sai giữ cửa, kẻ bị cắt mũi thì giữ ải, kẻ bị thiến thì giữ trong cung, kẻ bị chặt chân thì giữ vườn’. Phép dùng xử xẻo thịt có thể bàn vậy. Tuân Khanh cũng nói rằng kẻ giết người thì xử chết, kẻ làm thương người thì xử phạt. Là phép giống nhau Đế Vương xưa nay, chưa biết nó có thời nào. Kẻ giết người thì xử chết, mà kẻ giết nhau thì không, tội chết có thể phạt không giết, không thể khiến cho thiên hạ không giết vậy. Kẻ làm thương người thì phạt, kẻ làm hại muôn vật không ngừng, là đáng tội thích chữ, cắt mũi, nếu sợ thì không phạt, nếu thả ra mà không đổi thì bắt xử chết. Cho nên làm ra hình pháp ở tại vùng thay đổi được. Lễ giáo thì không phải, làm rõ thiện ác, cho nên có ý ngầm khuyến khích, cốt ở việc chưa giết vậy; làm rõ cái nhục nhã là để khiến cho lòng chúng thấy thẹn, trị tội cốt ở việc chưa làm bị thương vậy. Cho nên lỗi nhỏ thì không cần ghi vào, tội nhẹ thì không cần xử phạt. Kẻ bị xét tội chết là không thể dùng giáo hóa được nữa, cho nên dẫn giết một người sống, xử phạt một người nhưng là trừ cái hại của thiên hạ, há có tổn hại sao! Nếu theo cái đạo này thì phong hóa mới dần dần tốt được, hình phạt mới dần dần ít, lí lẽ đúng thế. Nếu không thay được ý của chúng lại dùng hình phạt, dân làm mất tiết nghĩa, rơi vào vòng hình lưới phạt, làm cho đời yên ổn, há làm được sao? Vua Thành, Khang của nhà Chu há dựa vào hình pháp ba nghìn chữ mà làm đẹp cái hình pháp lắm lần sao? Cho nên đức hóa dần dần đỡ vỡ, dẫn đến như thế cũng có nguyên nhân vậy. Đầu thời Hán bỏ cái xấu của hình phạt tàn khốc, dùng hình pháp nói lỏng, các công khanh đại phu được cùng nhau nói chửi cái lỗi của người khác. Văn Đế lên ngôi, lại thêm hình phạt thích mực đen. Trương Vũ nhận hối lộ, ban vàng để làm hấn biết thẹn; Ngô Vương không thần phục, dùng lễ để răn bảo cái lỗi của hấn. Cho nên quan dân vui vẻ theo nghiệp của mình, phong hóa chất phác, dứt hình ngục bốn trăm năm. Những kẻ sau khi được tha chết, không quá năm năm, đã cởi gông cùm, lại được người đời bàn khen. Cho nên dân không cho làm ác là thẹn thì nhiều dối cướp, do đó bọn phạm cấm càng nhiều mà loạn lại không dẹp được vậy. Nếu kẻ nào bỏ lễ giáo, phạt đúng tội đó, làm sai một đi đâu cũng bị đao chém, bị diệt thân không được sống đến già, người xung quanh vẫn chửi rủa kẻ đó, huống chi là người cùng làng ấp? Huống

chi là triêu đình? Nếu thế thì bọn Túc Sa, Triệu Cao không làm được đi đầu ác của chúng vậy. Người xưa xét lời nói, xem việc làm mà kể rõ thiện ác. Vậy thì phép tắc của quân tử là dùng hình phạt xử chết đã có từ lâu rồi. Nếu chẳng may lỗi lần thì tám lần bàn mới tha thứ vậy. Như nỗi oan của Biện Hòa, Thái sử Tư Mã Thiên là do hình pháp lỗi lần dẫn đến vậy. Nếu bỏ đạo ấy thì không bỏ được hình phạt nặng nề, huống chi là hình phạt xẻo thịt? Hán thư viết: ‘Phạt chém chân trái và giết chết phải tự báo trước, quan lại phạm tội nhận hối lộ, giữ của công mà trộm lấy nó thì đầu vứt ở chợ’. Đây là Ban Cố nói về kẻ đáng sống mà chuốc lấy cái chết vậy. Nay không nỡ làm cái thảm khốc của việc khắc chém, lại làm yên dịu cái đau đớn của việc giết chóc, đây là việc sửa trị trước tiên nên làm, cũng là cái mà nhà nước nên thay đổi vậy”.

Năm Thái Hòa thứ tư, Do hoẵng. Đế mặc áo trắng đến điếu, đặt thụy là Thành Hài. [10] Con là Dục thay. Trước đây, Văn Đế phân ấp hộ cho Dục, phong em Dục là Diễn và con là Thiệu, cháu là Dự làm Liệt hầu.

[10] Ngụy thư viết: “Quan Hữu ti bàn đặt thụy, cho rằng Do trước kia làm Đình úy, giảng giải hình pháp, làm rõ nghi ngờ, dân không than oán, như Vu, Trương ở thời Hán vậy. Chiếu nói: ‘Thái phó công cao đức dày, làm đến Sư, Bảo, bàn nên tặng thụy, thường dựa vào đây trước, đức sánh với Đình úy Vu, Trương’. Bèn tặng thụy là Thành Hài”.

Dục tự Trĩ Thúc. Mười bốn tuổi làm Tấn kị Thị lang, nói cười nhanh nhẹn, có phong độ của cha. Đầu năm Thái Hòa, Thừa tướng của Thục là Gia Cát Lượng vây huyện Kỳ Sơn. Minh Đế muốn đánh phương tây, Dục dâng sớ nói: “Bày kế cốt ở chỗ triêu đình, đánh trận cốt ở chỗ màn trướng, không nên hạ thấp cái oai trên của cung điện mà cố ham thắng ở ngoài chỗ nghìn dặm, xe vua nên giữ gìn ở Trung Quốc để làm thế oai cứu giúp bốn phương. Nay đại quân đánh phương tây, dẫu có cái oai gấp đôi, nhưng cái tổn phí của miền Quan Trung không phải chỉ có một phần. Vả lại đang buổi nắng to mà đem quân đi, người đi thêm mệt, thực không phải là lúc bậc tôn quý ngồi xe đi vậy”. Chuyển làm Hoàng môn Thị lang. Bấy giờ dựng cung thất lớn ở Lạc Dương, xe vua lại đến ở thành Hứa Xương, thiên hạ phải về chầu ở thành Hứa Xương. Mà thành Hứa Xương chật hẹp, bèn dựng điện da len ở phía nam thành, sắp đặt đủ các phòng liên tiếp, dân mệt vì lao dịch. Do can, cho rằng: “Nước cạn cũng có lúc, kho tàng trống rỗng, nếu đâu như thế, phải chờ năm đầy đủ”. Lại dâng sớ nói: “Nên lập lại việc mở

mang đất hoang miền Quan Nội, khiến cho dân được gắng sức làm nông”. Việc bèn được làm. Giữa năm Chính Thủy, làm Tán kị Thị lang Thường thị. Đại Tướng quân Tào Sảng lúc giữa mùa hạ đem quân đánh Thục, quân Thục chống giữ, quân không đi được. Sảng đang muốn thêm quân, Do gửi thư nói: “Trộm nghĩ rằng, bày kế ở triều đình thì không cần đến tên đạn; quân của Đế vương đi mà không cần đánh. Cho nên dùng can qua để chinh phục người Miêu, lui chân về để gthu nạp tướng giặc, không nên phải như Ngô Hán đến ở cửa Giang Quan, đuổi Hàn Tín ở đáy Tỉnh Hình vậy. Thấy được thì đi, biết khó thì lui là phép tắc thời xưa. Mong ông hiểu rõ”! Sảng không có công mà về Sau vì trái ý Sảng, chuyển chức Thị trung, ra làm Ngụy Quận Thái thú. Sảng đã bị giết, vào làm Ngự sử Trung thừa, Thị trung Đình úy. Mặc cho cha, vua đã chết thì con, tôi vẫn được nói lời chê bai, được nối làm tước Hầu thì vợ của mình không được lấy chồng nữa, đây là việc mà Do làm trước vậy.

Giữa năm Chính Nguyên, Vô Khâu Kiệm, Văn Khâm phản, Dục cần cờ tiết đến miền Dương Châu, Dục Châu ban bố chiếu lệnh, khuyên dụ quân dân, trở về làm Thượng thư. Gia Cát Đản phản, Đại Tướng quân Tư Mã Văn Vương bàn tự đến huyện Thọ Xuân đánh Đản. Gặp lúc Đại tướng của Ngô là Tôn Nhất đem quân đến hàng, có kẻ cho rằng: “Nước Ngô mới có người phản, tất không thể đem quân đi. Quân miền đông đã nhiều, nên xét hỏi kĩ”. Dục cho rằng: “Bàn việc đánh địch, nên lấy ta mà xét người. Nay Đản đem đất Hoài Nam dâng cho nước Ngô, mà quân mà Tôn Nhất dẫn đi không đến nghìn người, nay không quá ba trăm người. Quân mà nước Ngô làm mãi không có bao nhiêu. Nếu chưa giải vây cho huyện Thọ Xuân thì trong nước Ngô chuyển thành yên, không nên không đi vậy”. Đại Tướng quân nói: “Hay”. Bèn đem Dục đi. [11] Đất Hoài Nam đã bình, làm Thanh Châu Thứ sử, thêm chức Hậu Tướng quân, chuyển làm Đô đốc Từ Châu chư quân sự, Giả tiết, lại chuyển làm Đô đốc Kinh Châu. Năm Cảnh Nguyên thứ tư, hoẵng, truy tặng chức Xa kị Tướng quân, thụy là Huệ Hầu. Con là Tuấn thay. Em Dục là Hội, tự có truyện viết.

[11] Thần Tông Chi cho rằng Gia Cát Đản đem đất Hoài Nam dâng cho Ngô, Tôn Nhất đem ba trăm người đến hàng Ngụy, nói là Ngô có phản, lời này không có lí. Lời bàn của Dục, há đủ hay sao!

HOA HÂM TRUYỆN

Hoa Hâm tự Tử Ngư, người huyện Cao Đường quận Bình Nguyên. Cao Đường là nơi đô hội nổi tiếng của đất Tề, các đờmũ áo không có cái gì là không có trong chợ. Hâm làm quan, xong việc công lại ra phủ về nhà đóng cửa lại. Bàn luận giữ công bằng, không làm tổn thương người khác. [12] Người cùng quận là Đào Khâu Hông cũng được người đời biết đến, tự cho rằng mình sáng suốt hơn Hâm. Bấy giờ Vương Phân cùng bọn hào kiệt mưu bỏ Hiến Đế. Lời này chép tại Vũ Đế kỉ. [13] Phân ngầm gọi Hâm, Hông cùng đặt kế, Hông muốn đi, Hâm ngăn Hông nói: “Bỏ hay lập là việc lớn, là cái mà Y, Hoắc cho là khó làm. Vả lại tính Phân mềm yếu không được mạnh mẽ, việc này tất chẳng xong mà họa sẽ ập đến họ hàng. Ông đừng nên đến”! Hông nghe lời Hâm mà thôi. Sau này Phân quả đúng thua, Hông mới chịu phục. Cử làm Hiếu liêm, làm chức Lang trung, có bệnh, bỏ chức. Linh Đế băng, Hà Tiến phụ chính, gọi người quận Hà Nam là Trịnh Thái, người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du và bọn Hâm đến. Hâm đến, làm Thượng thư lang. Đồng Trác dời Thiên tử đến ở Trường An, Hâm xin ra làm Hạ Khuê Lệnh, có bệnh lại không đi, bèn từ huyện Lam Điền đến quận Nam Dương. [14] Bấy giờ Viên Thuật ở tại đất Nhượng, giữ Hâm lại. Hâm khuyên Thuật đem quân đánh Trác, Thuật không nghe theo. Hâm muốn bỏ đi, gặp lúc Thiên tử sai Thái phó Mã Nhật Đê đi về vùng Quan Đông, Nhật Đê cho Hâm làm quan Duyệt. Đi về miền đông đến Từ Châu, rồi hạ chiếu bái Hâm làm Dự Chương Thái thú, làm việc trong sạch không phiền nhiễu, quan dân cảm kích mà yêu mến Hâm. [15] Tôn Sách lấy đất Giang Đông, Hâm biết Sách giỏi dùng binh, bèn buộc khăn chờ đón. Sách cho Hâm là bậc trên, dùng lễ khách trên đãi Hâm. [16] Sau đó Sách chết. Thái Tổ ở tại Quan Độ, dâng biểu xin Thiên tử gọi Hâm. Tôn Quyền không muốn sai đi, Hâm bảo Quyền nói: “Tướng quân nhận lệnh vua, mới giao kết với Tào Công, chức phận chưa vững, sai kẻ hèn này đến để tỏ rõ lòng thành của Tướng quân, há không có ích sao? Nay giữ

kẻ hèn này lại rồi rã, đấy là giữa một vật không dùng được, không phải là kế hay của Tướng quân vậy”! Quyên ưng, bèn sai Hâm đi. Bọn bạn bè, tân khách tiễn Hâm đến hơn nghìn người, tặng cho mấy trăm lạng tiển, Hâm đều không cầm lấy của ai, ngậm đầu ghi nhớ, đến lúc sắp đi, đều tặ các vật lại, bảo các tân khách nói: “Ta vốn không từ chối lòng thành của các ông, mà nhận lại nhiều. Nghĩ rằng ngẩng xe một mình đi xa sẽ mang lấy tội lấy nhiều ngọc, mong tân khách nghĩ kĩ”. Mọi người đều giữ vật mà mình tặng lại mà phục đức của Hâm.

[12] Ngụy lược viết: “Hâm cùng người quận Bắc Hải là Bính Nguyên, Quản Ninh đều du học, ba người thân nhau, bấy giờ người đời gọi ba người là ‘một con rồng’, Hâm là đầu rồng, Nguyên là bụng rồng, Ninh là đuôi rồng”. Thận là Tùng Chi cho rằng: Bính Căn Cử có tiếng tốt đạo hay, không phải thẹn với Hoa Công, Quản Ấu An lại có đức ở ẩn, lại e rằng không đáng là đuôi rồng. Ngụy lược viết như thế, chưa phải là đúng trước sau vậy.

[13] Ngụy thư viết là Phấn có tiếng cao ở thiên hạ.

[14] Hoa kiệu phả tự viết: “Hâm thuở trẻ có đức cao tiếng tốt. Tránh loạn kinh tây, cùng kẻ chung chí hướng là sáu người bạn Trịnh Thái, lén đi ra khỏi cửa Vũ Quan, trên đường gặp một ông già đi một mình, xin cùng đi, đều thương cảm ưng cho. Chỉ có Hâm nói: ‘Không nên. Nay đang ở trong lúc nguy hiểm, họa phúc hoạn hại không chỉ có một. Không quen mà nhận người ta, không biết người ta thế nào. Nếu đã nhận người ta, nhớ có lúc tiến hoặc lui, bỏ người ta được sao’. Mọi người không nỡ, rút cuộc cùng đi. Ông già ấy đi trên đường rơi xuống giếng, đều muốn bỏ người này. Hâm lại nói: ‘Đã cùng đi rồi, nếu bỏ người ta là bất nghĩa’. Cùng nhau đem người này lên rồi mới chia tay. Mọi người đều khen ngợi Hâm”.

[15] Ngụy lược viết: “Dương Châu Thứ sử Lưu Do chết, dân trong châu muốn bầu Hâm làm chủ. Hâm cho là vì thời thế mà tự ý ra lệnh là không hợp đạo của bậc tôi. Dân giữ ý nhiều tháng, cố ý bắt làm, nhưng cũng không theo”.

[16] Ngô lịch của Hồ Xung viết: “Tôn Sách đánh quận Dự Chương, sai Ngưu Phiên dụ Hâm trước. Hâm đáp nói: ‘Hâm ở lâu tại miền Giang Biều, thường muốn về miền bắc; nay Tôn Cối Kê đến, tại lại được đi vậy’. Phiên về báo Sách, Sách bèn đem quân đến. Hâm đội khăn vải đón Sách, Sách bảo Hâm nói: ‘Ông phủ đức lành tiếng cao, xa gần đều nghe; Sách tuổi thơ

dại, nên dùng lễ của bậc con em'. Bèn cúi bái Hâm". Hoa kiều phải tự viết: "Tôn Sách lấy được Dương Châu, quân đông đến gần quận Dự Chương, cả quận sợ hãi. Quan thuộc xin ra ngoài thành đón, Hâm nói: 'Không được'. Sách bèn đến, lại xin đem quân ra, lại không nghe. Vừa lúc Sách đến, cả phủ đều làm gác, xin đi tránh Sách. Lại cười nói: 'Nay tự đem quân đến, sao lại vội tránh'? Chốc lát, thuộc hạ báo nói: 'Tôn Tướng quân đến'. Xin gặp, bèn đến cùng ngồi với Hâm, nói chuyện hồi lâu đến đêm mới đi. Kẻ sĩ nghe nói đều thở dài và lòng mới tự yên vậy. Sách bèn giữ lễ con em, dùng lễ khách trên. Bấy giờ kẻ sĩ, đại phu tránh loạn đến tại miền Giang Nam rất đông, đều đến dưới chỗ Hâm, người người trông mong. Hễ Sách hội họp, người ngồi trên chẳng ai dám nói ra trước, Hâm bấy giờ đứng dậy thay áo, rồi bàn luận sôi nổi. Hâm uống rượu tốt, đến hơn một thạch mà không say, mọi người dòm xét, thường thấy Hâm sửa mũ áo là cho là lạ, người Giang Nam gọi Hâm là 'ông Hoa ngồi một mình'". Giang Biểu truyện của Ngưu Phổ viết: "Tôn Sách ở tại huyện Tiêu Khâu, sai Ngưu Phiên dụ Hâm. Phiên đã đi, Hâm mời Công tào Lưu Nhất vào bàn. Nhất khuyên Hâm giữ ở thành, sai người đem hịch đón quân. Hâm nói: 'Ta đâu là được Lưu Thứ sử sắp đặt, tin dùng, vẫn là quan cần phù tiết vậy. Nay theo lời ông, sợ rằng lúc chết vẫn còn bị trách tội'. Nhất nói: 'Vương Cảnh Hưng đã được nhà Hán dùng, vả lại thời nay quân dân Cối Kê đông mạnh, vẫn được tha thứ, ông phủ còn lo gì'? Do đó buổi đêm viết hịch đón, sáng sớm ra thành, sai quan lại đến đón. Sách bèn đem quân đến, gặp nhau với Hâm, dùng lễ khách trên mà đãi, dùng lễ bạn bè mà tiếp". Tôn Thịnh nói: Ôi cách làm việc hay là nên xét lời hẹn tối hay rõ trước để định chức phận, thời xấu thì bao bọc để giữ thân mình, thời tốt thì làm việc nghĩa để đạt cái đạo của mình. Hâm đã không bị giết, không tỏ rõ phong thái rời xa, lại làm mất cái tiết tháo trung thành của bậc tôi, cho nên lòng ngả theo lời của bọn Nho xấu, giao kết với bọn xằng bậy, bị một thằng trẻ con cướp chức, làm giảm tiết tháo ở thời ấy. Xưa Hứa, Thái mất chức vị, không được liệt làm chư hầu; việc của Châu Công, Thục Lai xưa, đến nay người đất Lỗ vẫn cho là nhục nhã. Huống chi là Hâm, lỗi nào lớn hơn!

Hâm đến, bái làm Nghị lang, tham mưu việc quân cho quan Tư không, vào làm Thượng thư, chuyển làm Thị trung, thay Tuân Úc làm Thượng thư lệnh. Thái Tổ đánh Tôn Quyền, cho Hâm làm Quân sư. Nước Ngụy đã dựng, làm Ngự sử Đại phu. Văn Đế lên ngôi Vương, bái làm Tướng quốc,

phong An Lạc Hương Hải. Lúc lên ngôi Đế, đổi làm Tư đồ [16] Hâm vốn tính khắc khổ, bổng lộc được ban tặng đều đem cấp cho bạn cũ, họ hàng, trong nhà không chứa đủ một thạch, một đảm gạo. Công khanh thường đều được ban thì cho vào miệng ăn, chỉ có Hâm đem ra cho người khác. Đế than thở. [17] Hạ chiếu nói: “Quan Tư đồ là bậc già cả của nhà nước, là người trông coi các đi đầu hòa âm dương. Nay các quan lớn ăn món ngon, mà quan Tư đồ ăn món nhạt, thật không còn gì nói”. Ban riêng cho áo của vua, cùng làm quần áo cho vợ con trai gái của Hâm. [18] Tam phủ bàn rằng: “Cử làm Hiếu liêm, cốt ở đức hạnh, không bó buộc ở việc thử kinh truyện”. Hâm cho rằng: “Từ thời nhiễu loạn đế nay, sáu cõi đồ võ, nay đang lúc dựng lại để sửa lại đạo lí. Kẻ làm trái phép chế dẫn đến thịnh thành suy. Nay nghe nói cử Hiếu liêm không dùng cách thử kinh truyện, sợ rằng nghề học do đó mà bị bỏ. Nếu có kẻ tài lạ, nên gọi đến dùng. Chỉ lo không có người như thế, lo gì không tìm được người như thế”? Đế theo lời này.

[16] Ngụy thư viết: “Văn Đế nhận ngôi, Hâm lên đàn cùng bàn, nhận ấn thao của Hoàng đế để làm xong lễ nhận lệnh”. Hoa kiều phả tự viết: “Văn Đế nhận ngôi, bấy tôi từ bậc Tam công trở xuống đều nhận tước vị; Hâm bấy giờ tỏ sắc mặt trái ngược, chuyển làm Tư đồ mà không thêm tước vị. Ngụy Văn Đế lâu ngày không vui, đem việc này hỏi Thượng thư lệnh Trần Quân nói: ‘Ta theo mệnh trời nhận ngôi, trăm quan bấy tôi chẳng ai không vui mừng, lộ vẻ trên mặt, vậy mà Tướng quốc và ông không vui, sao thế’? Quân đứng dậy rồi chiếu quỳ lạy nói: ‘Thần cùng Tướng quốc từng thờ nhà Hán, lòng dầu vui mừng, nếu tỏ ra mặt thì cũng sợ Bệ hạ tặng đúng tước vị lại bị ghét vậy’. Đế cả mừng, bèn thêm kính trọng”.

[17] Tôn Thịnh nói: “Thịnh nghe nói thưởng dùng vật tốt, phạt nên dùng oai, phải cốt ở người chủ, quyên binh nên rộng thứ, gốc từ người làm vua. Tử Lộ biểu riêng, Trọng Ni đập vỡ bát ăn; họ Diên làm cướp, sách Xuân thu chê cười. Trở thành lời khen hay chê ấy, đã đúng rõ nghĩa vậy. Kẻ bị phạt tội thì hình pháp chờ sẵn, nhà được ban tặng thì vật ban tặng được ban cho, nếu có thương xót thì cũng không nên đổi đãi lệch lạc. Hâm giữ phận đầu tay, cùng chức quan đứng đầu thì nên nói rõ với triêu đình để biểu dương lộc trời, vậy mà yên lặng nhận ban tặng, chỉ mình làm quân tử, đã phạm vào đi đầu cấm của việc ban phúc, lại trái với cái nghĩa của việc phải từ chối, có thể nói đấy là cái lòng nhân của kẻ thất phu, không phải là đạo

thắng vậy”. Ngụy thư viết: “Tĩnh Hâm tỉ mỉ, làm việc cẩn thận, thường cho rằng bấy tôi khi bàn việc, các việc như can gián phải hợp đạo mới quý, lúc có lời bàn cũng không dám nói rõ ra, cho nên việc của Hâm phần nhiều không được chép”. Hoa kiêu phả tự viết: “Hâm thờ ơ với tìền của, các vật được ban tặng trước sau dầu các quan được ban tặng cũng không ai sánh kịp, nhưng cuối cùng không có tìền của dư thừa. Trần Quỳ thường than nói: ‘Như Hoa Công có thể nói là thông thoáng mà không tốt, trong sạch mà ngay thẳng vậy’”. Phó Tử nói: “‘Dám hỏi quân tử của thời nay là ai’? Đáp nói: ‘Viên Lang trung tích đức tiết kiệm, Hoa Thái úy tích đức giữ thuận, theo kịp được cái trí của họ nhưng không theo kịp sự trong sạch của họ vậy. Đem lòng trung thờ vua, lấy lòng nhân giúp kẻ dưới, Án Anh, Hành Phỉ lấy gì hơn được’”?

[18] Ngụy thư viết: “Lại ban cho năm mươi nô tì”.

Giữa năm Hoàng Sơ, hạ chiếu công khanh cử người quân tử đức hạnh, Hâm cử Quản Ninh, Đế dùng xe đến đón về Minh Đế lên ngôi, tiến phong Bác Bình Hầu, thêm ấp năm trăm hộ cùng một nghìn ba trăm hộ lúc trước, lại bái làm Thái úy. [19] Hâm xưng bệnh xin lui, nhường chức cho Ninh. Đế không nghe. Sắp đến hội chầu, bèn sai Tán kị Thường thị Mậu Tập đem chiếu dụ đến nói: “Trẫm vừa coi xét việc, mỗi ngày có vạn việc, sợ rằng xét đoán không rõ. Nhờ vào bấy tôi có đức, giúp đỡ cho trẫm, mà ông thường xưng bệnh từ chức. Vua xét chủ chọn, không chỉ ở lúc hội chầu, trao vinh bỏ lộc, không xét đến chức vị, là cái mà người xưa có rồi. Xem thấy Chu Công, Y Doãn thì không như thế. Giữ tiết trong sạch, người ta thường làm thế, không mong ông làm thế. Ông nên gắng đến hội chầu để ban ân cho một người. Sẽ đặt mấy cái chiếu, lệnh trăm quan đến ngồi để đợi ông đến, sau đó trẫm mới ngồi”. Lại hạ chiếu cho Tập nói: “Đợi Hâm dậy rồi mới về”. Hâm bất đắc dĩ phải dậy.

[19] Liệt dị truyện viết: “Thời Hâm còn đi học, từng ở trọ ngoài nhà người ta. Vợ của chủ nhà buổi đêm sinh con. Chốc lát, có hai viên quan đến cửa, lại thay nhau gõ cửa, bảo nhau nói: ‘Công ở đây’. Chờ đợi hồi lâu, một viên quan nói: ‘Sở sách phải ch, sao lại đứng đây’? Bèn đi đến hỏi Hâm, cùng đi vào. Cũng cùng ra, cùng nói: ‘Nên cho mấy tuổi’? Một người nói: ‘Cho ba tuổi’. Ngày sau, Hâm đi. Sau đó muốn xét lại việc này, đến ba năm, bèn đến xem tin tức của đứa bé, quả đã chết. Hâm lại tự biết mình làm Công”. Thần là Tùng Chi cho rằng: Xét sách Tấn Dương thu cũng nói

về việc Ngụy Thư thuở nhỏ có ở trọ cũng như thế. Cho rằng về lý không có hai người đầu có việc này, cũng vì người bảo nhau không giống nhau. Sao tin Liệt dị truyện?

Giữa năm Thái Hòa, sai Tào Chân từ hang Tí Ngộ đi đánh Thục, xe vua về phía đông đến Hứa Xương. Hâm dâng sớ nói: “Thời binh loạn đến nay, trải qua hai đời. Đại Ngụy theo trời nhận lệnh, Bệ hạ có đức cao rộng rãi, nên mở rộng cơ nghiệp một thời, nối theo vết tích của Tam vương. Nay dẫu có hai tên giặc dựa vào chỗ hiểm mà chống lệnh, nhưng giáo hóa ngày càng sửa tốt thì người phương xa trông mong, sẽ công dụ nhau mà đến. Binh bất đắc dĩ mới dùng, nên dừng lại mà đi đầu động tùy lúc. Thần thực mong Bệ hạ dốc lòng sửa đạo việc trước, đánh dẹp là việc sau. Vả lại nghìn dặm vận lương, không phải là cái lợi của việc dùng binh; vào sâu chỗ hiểm, không chỉ có cái công đánh trận. Nghe nói việc kêu gọi lao dịch năm nay có phần làm lỡ việc cày cấy. Người trị nước lấy dân làm nền, dân lấy việc cày cấy làm gốc. Nếu Trung Quốc không có nỗi lo đói rét, trăm họ không có lòng rời đất đai, thì thiên hạ may lắm, cái xấu của hai kẻ địch có thể ngửi mà đợi vậy. Thần nắm chức Tể tướng, bệnh già lâu ngày, mệnh chóc ngựa sắp hết, sợ không còn được bái gặp dưới ô lọng, không dám không dốc hết lòng của bầy tôi, mong Bệ hạ xét kỹ”. Đế báo nói: “Ông nghĩ kỹ sâu xa cho nhà nước, trăm rất khen ngợi. Giặc dựa vào sông núi, hai vị tổ tiên khó nhọc ở đời trước vẫn không đánh dẹp được, trăm há dám tự cao, quyết diệt được giặc sao! Các tướng cho rằng không thể lấy được trong một chốc, không phải vì tự làm khó giặc, đấy là đem quân để dò xét cái xấu của giặc thôi. Nếu thời cơ chưa đến thì đem quân lính về, cũng để soi xét việc trước, là đi đầu răn dạy mà trăm kính theo không quên”. Bấy giờ mùa thu mưa to, hạ chiếu Chân dẫn quân về Năm Thái Hòa thứ năm, Hâm hoảng, thụy là Kính Hầu. [20] Con là Biểu thay. Trước đây, Văn Đế phân ấp hộ cho Hâm, phong em Hâm là Tập làm Liệt hầu. Biểu giữa năm Hàm Hi làm Thượng Thư. [21]

[20] Ngụy thư viết: “Hâm bấy giờ bảy mươi lăm tuổi”.

[21] Hoa kiệu phả tự viết: “Hâm có ba người con. Biểu tự Vĩ Dung, hơn hai mươi tuổi làm Tán kị Thị lang. Bấy giờ các quan Lang cùng bàn việc Thượng thư. Việc Thượng thư đến, có chỗ không thuận, cho nên bỏ sót không xem, đến lúc người đưa thư đi, liền vào bàn bạc sâu xa. Chỉ có Biểu không cho là đúng, việc đến có chỗ không thuận, liền cùng Thượng thư

bàn hết các ý, người chủ việc cố giữ ý mình, bất đắc dĩ sau đó cùng dâng tấu bàn bạc. Bọn Tư không Trần Thái, Trần Quên do đó khen Biều. Làm quan cho nhà Tấn, trải qua các chức Thái tử Thiếu phó, Thái thường. Xưng bệnh về nghỉ, bái làm Quang lộc Đại phu. Tính thanh đạm, thường lo đạo lý của thiên hạ suy kém. Bọn Tư đồ Lí Dận, Tư lệ Vương Mật, Vương Hoảng thường khen nói: ‘Như người này, không thể quý trọng được, không thể coi thường được, không thể gần gũi được, không thể xa lánh được’. Con giữa là Bác, làm qua chức Nội sử của ba huyện, làm việc có tiếng tăm. Con út là Chu, làm Hoàng môn Thị lang, Thường Sơn Thái thú, học rộng có văn vẻ. Tuổi trung niên mắc bệnh, chết tại nhà. Biều có ba người con. Con cả là Dục, tự Trưởng Tuấn”. Tấn chử công tán viết: “Dục có văn vẻ, làm qua các chức Thượng thư lệnh, Thái tử Thiếu phó, truy tặng chử Quang lộc Đại phu Khai phủ. Kiêu tự Thúc Tuấn, có học giỏi, soạn sách Hậu Hán thư, người đời khen là quan tốt. Làm Bí thư giám, Thượng thư. Đạm tự Huyên Tuấn, được biết tên tuổi nhất, làm Hà Nam Doãn. Dục có ba người con. Côn tự Kính Luân, trong sạch tiết kiệm, làm Thượng thư. Hội tự Kính Thúc. Người đời khen ngợi Hội ngay thẳng. Hằng tự Kính Tắc, thông suốt sánh với Côn, làm Thượng thư; Hội làm Hà Nam Doãn; Hằng làm Tả Quang lộc Đại phu Khai phủ; con Đạm là Dật, tự Ngạn Hạ, có tài chí ở thời ấy, làm Giang Châu Thứ sử”.

VƯƠNG LĂNG TRUYỆN

Vương Lăng tự Cảnh Hưng, người quận Đông Hải. Vì học thông kinh truyện được bái làm Lang trung, làm chức Tri Khâu Trưởng. Thầy là Thái úy Dương Tứ, Tứ hoăng, bỏ việc quan đến chịu tang. Cử làm Hiếu liêm, tránh phủ của Tam Công, không đến. Từ Châu Thứ sử Đào Khiêm xét Lăng làm Mậu tài. Bấy giờ Hán Đế ở tại Trường An, quân Quan Đông nổi dậy, Lăng làm quan Trị trung của Khiêm, cùng bọn Biệt giá Triệu Hiến khuyên Khiêm nói: “Nghĩa của sách Xuân thu là giúp chư hầu chẳng bằng giúp nhà vua. Nay Thiên tử qua ở kinh tây, nên sai sứ giả đến nghe lệnh của nhà vua”. Khiêm bèn sai Hiến đem thư đến Trường An. Thiên tử khen ý ấy, bái Khiêm làm An đông Tể tướng, lấy Hiến làm Quảng Lăng Thái thú, Lăng làm Cối Kê Thái thú. [22] Tôn Sách qua sông Giang chiếm đất. Quan Công tào của Lăng là Ngưu Phiên cho rằng sức mình không chống được, không bằng tránh đi. Lăng tự cho thân mình là quan của nhà Hán, nên giữ thành ấp, bèn đem quân đánh với Sách, thua vỡ, vượt biển đến huyện Đông Dã. Sách lại đuổi đánh, đại phá quân Lăng. Lăng bèn đến chỗ Sách. Sách cho là người nho nhã, nhún nhường mà không làm hại. [23] Dầu rơi vào cảnh khốn khó, sớm chẳng mong đến tối, lại thu nạp người thân, bạn bè, chia của nhiều cất cho kẻ ít, làm việc nghĩa rất sáng rõ.

[22] Lăng gia truyện viết: “Quận Cối Kê trước đây tể Tần Thủy Hoàng, đeo gỗ làm tượng, cùng đặt trong miếu với Hạ Vũ. Lăng đến làm quan, cho rằng là vua không có đức, không nên được tể, do đó bỏ tể. Ở tại quận bốn năm, có ân với dân”.

[23] Hiến Đế Xuân thu viết: “Tôn Sách đem quân đến đất Mân Việt đánh Lăng. Lăng lên thuyền vượt biển, muốn chạy đến Giao Châu, bị quân đuổi riết, bèn đến chỗ quân để hàng. Sách lệnh sứ giả báo cho Lăng nói: ‘Hỏi giặc phản Cối Kê Thái thú Vương Lăng trước đây rằng: Lăng nhận ơn nhà nước làm quan, sao lại không làm việc đền đáp ân đức mà lại đem quân ngăn chặn? Đại quân đánh dẹp, đến trừ bọn xấu, vậy mà không tự

giúp đỡ, lại tụ đảng quân, đóng giữ trong quận. Quân ta đi đánh, lại không thuận theo. Đuổi bắt lại hàng, có lẽ giả lừa để giữ vẹn đầu cổ, người phải đến nếu không đem hết tình trạng báo lên'. Lãng nói là thân bị bắt giữ, đáp sứ giả nói: 'Lãng vì tài lẻ, làm lỡ ân vua, nhận chức không nường, gây nên tội trối. Trước bị đánh dẹp, sợ chết nên tránh. Nhân đây sửa quân, gửi mạng qua ngày. Đại quân theo đuổi, sợ hãi đến hàng. Người theo bệnh tật, chết mất gần hết. Đi cùng mẹ già, cưỡi một thuyền nhỏ. Tên lạc vừa bắn, bỏ thuyền chịu bắt, cúi đầu trăn tự chui vào ở nơi trận đánh. Lãng sợ hãi không thôi, tự xưng là kẻ giặc hàng. Trước đây mê lẩn, vừa then vừa sợ. Lãng ngu dốt hèn kém, sợ oai tự hãi. Lại không ngay thẳng, không sớm theo về Cho nên bị phá vỡ, sau đó trao mạng làm kẻ lệ thuộc. Thân mang tội lớn, chết vẫn còn tội. Lấy dây buộc cổ, xỏ chân vào gông, gào thét thành lời, báo khắp đông tây'".

Thái Tổ gửi thư gọi, Lãng từ huyện Khúc A men theo sông mà đi, nhiều năm mới đến. [24] Bái làm Giám nghị Đại phu, tham dự việc quân của quan Tư không. [25] Nước Ngụy vừa dựng, làm Quân tể tửu, lĩnh chức Ngụy Quận Thái thú, chuyển làm Thiệu phủ, Phụng thường, Đại lí. Làm việc khoan thứ, hình phạt giảm nhẹ. Chung Do xét rõ hình pháp lúc ấy, đều được khen là giỏi xét ngục. [26]

[24] Lãng được gọi mà chưa đến. Khổng Dung gửi thư cho Lãng nói: "Đường đời ngăn trở, tình người cắt đứt, nhớ mong ân lớn. Trước thấy biểu thư, biết được bắt chước vết tích Thành Thang, Vũ Vương kể tội mình, tự ném mình nơi miếu ông như hình phạt của Cỗn, xem chưa xong hết, nước mắt đầm đìa. Vua trên nhân từ rộng rãi, quý người có đức, tha thứ người mắc lỗi, Tào Công phụ chính, người hiền được đứng vững. Gửi thư cho thuộc hạ, ân cần nể hân. Biết ông chèo thuyền vượt biển, đậu tại Quảng Lăng, không ngờ gấu vàng xông khỏi vực Vũ. Cười nói có lúc, hãy yêu thân mình". Hán Tấn Xuân thu viết: "Tôn Sách vừa bắt được Lãng, nhún nhường Lãng. Sai Trương Chiêu hỏi riêng Lãng, Lãng thề không chịu cúi, Sách giận nhưng không dám làm hải, giữ lại tại Khúc A. Năm Kiến An thứ ba, Thái Tổ gửi thư gọi Lãng về, Sách sai Lãng đi. Thái Tổ hỏi nói: 'Tôn Sách lấy gì để có được như thế'? Lãng nói: 'Sách dũng cảm đứng đầu trên đời, có hùng tài chí lớn. Trương Tử Bối là người mong mỏi của dân, ngoảnh mặt về phía bắc làm Tướng quốc. Chu Công Cẩn là hào kiệt của vùng Giang Hoài, dương tay mà làm Tướng quân của Sách. Một khi thành

công, cái mà hấn mưu tính không nhỏ, cuối cùng trở thành giặc lớn của thiên hạ, không chỉ là bọn trộm cướp mà thôi”.

[25] Lã gia truyện viết: “Lã thuở nhỏ kết bạn với danh sĩ nước Bái là Lưu Dương. Dương làm Cử Lệnh, ba mươi tuổi thì chết, cho nên người đời sau ít nghe nói. Trước đây, Dương vì nhà Hán suy yếu, biết Thái Tổ có hùng tài, sợ liên lụy cho nhà Hán, ý muốn trừ Thái Tổ nhưng việc chẳng xong. Đến lúc Thái Tổ lên ngôi quý, tìm người nối dõi của Dương rất gấp, con của Dương sợ hãi, không có chỗ náu. Họ hàng của Dương dẫu nhiều nhưng chẳng ai dám giấu. Lã bèn nhận nuôi nhiều năm, đến lúc từ Cối Kê về lại nhiều giải thích. Thái Tổ lâu ngày bèn tha cho. Người nhà của Dương do đó được trọn vẹn”.

[26] Ngụy lược viết: “Thái Tổ hỏi mọi người, cợt Lã nói: ‘Không bắt được ông xưa kia ở tại Cối Kê cắt lúa mà ăn’. Lã ngẩng mặt mà than nói: ‘Làm được thật khó!’ Thái Tổ hỏi: ‘Là sao’? Lã nói: ‘Như Lã ngày trước, không nhún mà nhún; như mình công ngày nay, có thể nhún mà không nhún vậy’. Thái Tổ vì Tôn Quyên xưng thần bèn hỏi Lã, Lã đáp nói: ‘Tôn Quyên trước đây gửi thư vờ cúi mình xin đánh giặc để chuộc lỗi cũ, sau lại xưng thần là để tỏ rõ mình không có hai lòng. Nha thú cúi gối, ton hót làm vui, tất đem ngọc châu, vàng bạc, vật lạ đến. Tình thấy ở lời nói, chuộc lỗi thấy ở việc làm. Nếu vùng Tam Giang Ngũ Hồ được nước Ngụy thống trị, dân miền Tây Ngô Đông Việt trở thành dân của nhà nước. Nếu miền Yên, Dĩnh đã nhỏ, cử Kinh Môn tự mở, thu lấy miền Ba, Thục thì hình thế đã thành thì được nghỉ ngơi vui vẻ sẽ theo nhau đến dền dập vậy. Có ngày nhận lệnh, vỗ tay khen ngợi. Cái giấu trong tình, lời nói không thể tỏ ra được”.

Văn Đế lên ngôi Vương, chuyển làm Ngự sử Đại phu, phong An Lã Đình Hầu. Dân số dạy dân giảm hình phạt nói: “Dấy binh đến nay hơn ba mươi năm, bốn cõi nghiêng ngả, vạn nước mệt mỏi. Nhờ vào tiên vương tiêu trừ giặc mạnh, giúp đỡ kẻ yếu lẻ, bèn khiến cho Hoa Hạ lại có ruộng mới. Tụ tập triệu dân theo về nước Ngụy, khiến cho trong cõi biên giới mà gà gáy chó sủa cũng vang khắp bốn cõi, dân chúng hớn hở, vui được thời yên ổn. Nay giặc phương xa chưa phục, trận can qua chưa thôi, nên lệnh bù đắp để vỗ về người phương xa, chọn nhiều quan lại tốt để truy ân bá ân đức, bờ ruộng phải sửa, bốn dân hăng hái sẽ vượt qua thời xưa mà làm giàu có thời nay. Kinh Dịch chép phép tắc, kinh Thư chép hình pháp, một

người có việc tốt thì triệu dân được vui, đấy là nói về hình pháp cẩn thận vậy. Xưa Tào Tượng quốc cho rằng hình ngục là dùng tạm, là quan coi ngục rộng rãi vậy. Người bị ngục có được cái tình của họ thì kẻ trong tù không bị chết oan; đình tráng được gắng sức làm ruộng thì dân không bị mất mùa đói kém; người già bệnh được trông vào kho lẫm thì không có kẻ bị chết đói; cưới hỏi chọn lúc thì trai gái không cái giận chờ đợi; nuôi thai trọn vẹn thì người mang chưa không lo bị thương; học trò được học thì bọn trẻ con không lo không được dạy; tráng đình mà không bị lao dịch thì trẻ con không có cái lo bỏ nhà; người tóc bạc không đi lính thì người già không lo bị mỏi mệt. Thuốc hay để chữa bệnh, nói lỏng lao dịch để dân vui vẻ theo nghề nghiệp, dùng hình oai để ngăn bọn cứng đầu, dùng ân đức để giúp kẻ yếu, cấp phát để giúp người nghèo. Sau mười năm người đến tuổi cài trâm tất đầy ngũ. Sau hai mươi năm người đến tuổi đi lính tất đầy đòng vậy”.

Lúc Văn Đế lên ngôi, đổi làm Tư không, tiến phong Lạc Bình Hương Hầu. [27] Bấy giờ Đế hay ra đi săn, có hôm đến chiều tối mới về cung. Lãng dâng sớ nói: “Chỗ của vua ở thì ngoài có quân bảo vệ xung quanh, trong thì có cửa cấm liên tiếp, sắp đi thì sắp đặt quân rồi mới ra cung, đề phòng trước sau rồi mới xuống thềm, bày cửa vòng rồi mới lên kiệu, dẹp đường rồi mới dẫn đi, che trùm rồi mới kéo xe, có chỗ nghỉ yên rồi mới dừng xe, đấy đầu là để tỏ rõ sự tôn nghiêm, làm việc cẩn thận, kính theo giáo hóa vậy. Gần đây xe vua đi rồi bắt hổ, xé bóng mới đi, đến chiều mới về, đấy là làm trái phép thường của việc đề phòng, không phải là sự cẩn thận của bậc Đế vương có vạn cỗ xe vậy”. Đế bảo nói: “Xem sớ, dấu Ngụy Giáng nói lời trong chương Ngụ châm để ngầm can Tấn Trác Công, Tương Như kể việc thú dữ để khuyên Hán Vũ Đế vẫn chưa đủ để sánh. Nay đang lúc hai tên giặc chưa trừ, tướng súy đánh chỗ xa, cho nên vào chỗ đòng ruộng để tập luyện võ bị. Đến như lời răn bảo đến tối mới về, trăm đã hạ chiếu quan Hữu tư làm theo”. [28]

[27] Ngụy danh thần tấu chép tấu giảm bớt của Lãng nói: “Có chiếu hỏi cái được và mất là nói về việc ở kinh đông vậy. Như việc cúng tế ở Phần Dương, Vân Dương thuộc kinh tây đã có năm trăm trong một nghìn người, tế ở đài Thông Thiên, vào cung A Phòng phải trai giới trăm ngày, nuôi vật tế năm năm, phải có ba nghìn con trâu, có bảy nghìn thanh ngọc; lấy gấm để thêu chiếu tế, chọn gái trẻ để múa hát; rót rượu phải ba qua ba giờ mới

xong, phải có ba nghìn bốn trăm người hát nhạc chuẩn bị ở sau, số người đẹp trong cung phải có gần nghìn người, các con em học sĩ sâu rộng phải có hơn bảy nghìn người; trong chuồng phải có hơn sáu vạn con ngựa kéo xe, ngoài đồng thì có ba vạn người chăn ba vạn con ngựa và mỗi người chăn mười con; có sáu trăm quan Chấp kim ngô cưỡi ngựa, lính chạy bộ theo sau; quan Thái thường đi theo nghìn cỗ xe, quan Thái quan được ban cho sáu nghìn nô tì; có ba nghìn quan trị dân trong thành Trường An, trong bốn quan được cấp bổng hai nghìn thạch gạo thì có hai mươi lăm quan xử tội xét phạt. Cho vào coi việc, uy nghi lắm liệt, truyền lộc đến ba đời, là quá cả lễ nghi. Nguyên nhân xa xỉ là đại khái phần nhiều bắt chước nhà Tần. Đã trái với gốc chân thật kính cẩn, lại tô vẽ lên các thứ giản dị, lại làm mất vẻ cái chất vốn có mà làm tổn văn phong, tránh cái hay mà theo cái ham muốn riêng. Nay là thời rục rờ hưng thịnh, nên noi theo thời vua Nghiêu, vua Thuấn, giảm bớt các việc xa xỉ mà làm tiết kiệm, bỏ các hiệu lệnh rườm rà, làm rõ hình pháp cẩn thận, nên đáng mong chờ chẳng? Như việc tế bằng vật thái lao một ngày ở tông miếu, các quận đầu lập ra phép cúng tế ở tông miếu, các bọn quan Thừa tướng, Ngự sử, Đại phu cùng quan thuộc đầu phải như thế, đã nhiều lần đổi vào trước thời Ai Đế, Bình Đế rồi, đã không làm từ sau thời Quang Vũ Đế. Thần xét kĩ cái mà nên sửa trong tấu văn, tế trời đất cho đến tế Ngũ Đế, Lục tông, tông miếu, xã tắc, đã noi theo các nước thời trước. Như tế trời đất thì quét đất mà tế, còn lại thì đầu lập đàn và làm rào xung quanh. Nhà Minh Đường là chỗ để tế Thượng Đế, đài Linh Đài là chỗ để xem thiên văn, vườn Tích Ung là để sửa âm nhạc, nhà Thái Học là để tụ tập học sĩ, miếu Cao Môi là để xin đi yên lành, lại là chỗ để xem xét công việc, biểu dương giáo hóa. Xét dân thời xưa, các việc tế lễ chúc mừng đầu làm ở phía nam của nước, đầu làm cột nhà cao như nhà Hạ, đủ để làm lễ bắn tên cúng tế, nhìn khắp cảnh vật. Tế tại bảy chỗ ngoài thành đầu trọng ở chất phác nhưng vẫn đầu có cửa miếu đứng ngẩng, đủ để tránh mưa gió. Hãy nên bãi quân năm đầy đủ để dân sửa việc chính trị. Thời xưa quân của năm doanh, quân Hồ bôn, quân Vũ lâm cho đến các quân Vệ binh cùng tụ họp, đầu gần vạn người, trong đó có kẻ là con em lười biếng của nhà buôn, có người lại là người đầu độn của nhà cày ruộng; đầu có chỗ được tự ý ra lệnh, không cần giảng quân trận, đã không luyện tập những đi đầu sơ qua, lại ít ganh đua, đầu là có tên tuổi nhưng thực là không xứng, khó để đề phòng những lúc nguy cấp. Có tin nguy cấp rồi sau mới mộ quân, quân đi rồi mới chở lương, hoặc là

quân đã đóng đồn lâu ngày mà không làm việc trờng trọt, không sửa khí giới, không có cất chứa, nếu một vùng có việc nguy cấp thì ba mặt đều nhiễu loạn, đấy cũng là cái mất gần đây của nhà Hán và là việc có thể xét thấy được vậy. Ngày nay Chư Hạ đã yên mà vùng Ba Thục vẫn ở ngoài bản đồ. Dẫu chưa được tan trận và cởi giáp, buộc ngựa mà xếp quân, nên làm cho nhiều năm được mùa, đem quân gửi vào làm việc cày cấy. Quan quân lớn nhỏ đều chăm chỉ trờng trọt, dùng thì lập làng ấp ở đồng rộng, đi thì lập đội ngũ ở sáu quân, giảm bớt lao dịch nặng nề, tăng thêm áo cơm. Kinh Dịch nói: ‘Dùng khen thưởng để sai dân thì dân quên mệt; dùng khen thưởng để sai dân đi vào chỗ khó khăn thì dân quên cái chết’ là nói về ngày nay vậy. Cất chứa lương thực, nuôi dưỡng thế lực, tuy nơi chỗ sáng sửa mà không đi đầu quân nhưng người Man cõi ngoài tất cúi đầu đến cầu xin được sai khiến vậy. Nếu có hiệu quả chúng sợ oai thì không đánh mà định được thì còn hơn là đem quân đánh nhau mà lại lập được uy danh, vừa tiếp mũi đao mà đã lập công ở phương xa vậy. Nếu bọn gian ác không đổi, vẫn mê lần không theo, vẫn muốn gây ác cho dân thì đợi Đại Ngụy ra lệnh báo cho quân đã được nuôi biết rồi mới thông thả đem quân hát trước múa sau mà đánh dẹp, xông vào bọn giặc càn ngược cây giáo bỏ mũi tên chịu hàng như chặt cành khô củi mục, không đủ để làm sao”!

[28] Vương Lăng tập chép vào thời Lăng làm Đại lý dăng số khen Chủ bạ Trương Đẳng người Triệu Quận nói: “Xưa làm Chủ bạ của huyện ấy, gặp giặc Hắc Sơn vây quận, Đẳng cùng huyện trưởng là Vương Tuấn đem bảy mươi hai quan quân đi nhanh đến cứu, đánh nhau với giặc, quan quân tan chạy, Tuấn sắp bị hại, Đẳng bèn lấy tay ngăn một tên giặc để giữ mạng Tuấn. Lại có quan Thú trưởng là Hạ Dật, bị quan Đốc bưu xử oan, Đẳng tự mình xét xử, giải oan tội của Dật. Có nghĩa giúp hai người kia, nên khen thưởng hơn”. Thái Tổ vì có nhiều việc gấp, chưa rồi cất nhắc. Đến đầu năm Hoàng Sơ, Lăng lại cùng Thái úy Chung Do thay nhau tiến cử, đều nói Đẳng làm việc chăm chỉ. Hạ chiếu nói: ‘Đẳng có lòng trung nghĩa rõ ràng, làm việc chăm chỉ. Chức vị dẫu nhỏ nhưng làm việc ngay thẳng. Mời đến cùng ăn với trăm phải là những quan lại này. Nay lấy Đẳng làm Thái quan lệnh’”.

Trước đây vào cuối năm Kiến An, Tôn Quyền bắt đầu sai sứ đến xưng thần, lại đem quân đánh với Lưu Bị. Hạ chiếu bàn: “Có nên đem quân giúp Ngô đánh lấy Thục không”? Lăng bàn nói: “Quân của Thiên tử ở tại vùng

núi Hoa, núi Đại, thực nên ngẩng chỗ sáng mà chiếu oai trời, không động như núi. Nếu sai Quyên tự mình chống nhau với giặc Thục, đánh nhau lâu ngày, trí sức ngang nhau, quân không đánh nhanh, lúc đó đem quân để giúp thế oai rồi mới nên chọn tướng giữ chỗ trọng yếu, đánh vào chỗ yếu của giặc, chọn lúc mới đi đầu quân, chọn đất rồi mới đi thì một trận là không có lo gì khác. Nay quân của Quyên chưa động thì đem quân giúp Ngô không bằng gọi họ trước. Vả lại nước mưa đang nhiều, không phải là lúc đi đầu quân đem đi”. Đế theo kế này. Giữa năm Hoàng Sơ, chim bồ nông đậu ở đầm Linh Chi, hạ chiếu Công khanh tiến cử người quân tử đức hạnh. Lãng cử Quang lộc Đại phu Dương Bưu, rồi xưng bệnh, nhường chức cho Bưu. Đế bèn cho Bưu sắp đặt quan quân, chức đến bậc Tam công. Hạ chiếu nói: “Trẫm tìm người hiền với ông mà chưa được, ông lại bỗng nhiên xưng bệnh, không đi thì không tìm người hiền được, lại làm mất con đường tiến thân của người hiền, tăng thêm việc ngả theo Tam công. Không những thế lại có kẻ ở chỗ Tam công nói lời không tốt, làm trái với đạo quân tử vậy! Ông chớ có từ chối nữa”! Lãng bèn dậy.

Tôn Quyên muốn sai con là Đăng vào hầu, lại không đến. Bấy giờ xe vua dời đến thành Hứa Xương, đóng quân làm ruộng, muốn đem quân đánh phía đông. Lãng dâng sớ nói: “Xưa người Nam Việt giữ tính thiện, Anh Tề vào hầu, trở thành người nối dõi, trở về làm vua của nước mình, người Khang Cư kiêu ngạo, tính chẳng nhún nhường, quan Đô hộ tấu bàn cho rằng nên sai con đến hầu để bỏ cái không có lễ nghi. Vả lại cái họa của Ngô Vương Tị là có mầm từ việc sai con vào hầu, Ngôi Hiêu làm phản cũng không ngoài trông con mình. Vừa rồi nghe nói Quyên có nói sai con đến mà chưa đến. Nay sáu quân phòng nghiêm, thần e rằng người kia không theo chiếu chỉ, nay làm nhà nước giận việc ở lại của Đăng, cho nên vì việc này mà dấy quân. Dem quân đi thì Đăng mới đến, đấy là cách đi đầu động lớn nhất, là cách gọi đến nhỏ nhất, vẫn chưa đủ để cho là hay. Nếu bên ấy kiêu ngạo, quyết không có ý đem con vào hầu thì sợ rằng bên ấy bàn bạc chưa thông, đầu đang lo lắng. Thần ngu cho rằng nên lệnh gọi các tướng về để sai giữ các trại của từng người. Ngoài thì tỏ rõ oai phong, trong thì mở rộng việc trù trọt, làm cho chắc chắn như núi, lặng lẽ như ao sâu, thế vững không lay được, kế hay không thể đoán được”. Bấy giờ Đế đã phát quân rồi đem đi, con của Quyên không đến, xe vua đến sông Giang rồi về [29]

[29] Ngụy thư viết: “Xe vua đã về, hạ chiếu Tam công nói: “Ba đời làm tướng là đi đầu mà nhà có đạo không kị. Dùng quân bừa bãi, thời trước đã có gương răn. Huống chi năm nay nước cạn, quân dân tổn hao, lại có việc nhiều ở trước mắt, lao dịch hơn ngày trước, đến không diệt được giặc, lui về không an ủi dân. Nhà dột ở trên, người dưới biết được, vẫn mê lần không tỉnh ngộ, đây là thế mất đạo không con xa nữa, là có lỗi mà không sửa, nói thế chẳng sai vậy. Nay nên nghỉ ngơi, đứng vững như núi cao, ẩn giấu như chín vực sâu, dẹp trừ vứt bỏ ở ngoài cõi. Xe vua nay hẹn đến giữa tuần tháng này đến đất Tiêu, các quân của đất Hoài, đất Hán đều phải quay về, không đến tháng chạp phải về phía tây”.

Minh Đế lên ngôi, tiến phong Lan Lăng Hầu, thêm năm trăm ấp, cùng một nghìn hai trăm ấp trước đây. Sai đến đất Nghiệp xem xét lăng của Văn Chiêu Hoàng hậu, thấy trăm họ có kẻ không được no đủ. Bấy giờ đang xây dựng cung điện, Lăng dâng sớ nói: “Từ khi Bệ hạ lên ngôi đến nay, thường hạ chiếu ban ân, trăm họ chẳng ai không hơn hở. Thần cúi nhận lệnh đi lên phía bắc, qua lại trên đường, nghe nói dân phải lao dịch, những người nên được tha bỏ và giảm bớt lao dịch rất nhiều. Mong Bệ hạ sáng chiếu luôn ghi nhớ để mưu tính ngăn giặc. Xưa Đại Vũ sắp muốn dẹp trừ cái họa lớn của thiên hạ, cho nên trước tiên làm cung điện nhỏ, tiết kiệm cơm áo, do đó có hết chín châu, giúp đỡ năm cõi. Câu Tiễn muốn mở rộng đất Ngự Nhi, [30] giết Phù Sai ở thành Cô Tô, cũng vì bó buộc thân mình cùng người nhà, tiết kiệm tiền nhà để giúp nước, do đó bao bọc cả miền Ngũ Hồ, cuốn tròn miền Tam Giang, ra oai với Trung Quốc, làm bá với Hoa Hạ. Văn Đế, Cảnh Đế của nhà Hán cũng muốn mở mang nghiệp lớn của tổ tiên, tăng thêm công trạng, cho nên giảm bớt xây đài trăm vàng, tiết kiệm may áo lụa dày, trong thì giảm Thái quan và không nhận đồ cống nạp, ngoài thì bớt lao dịch và chăm lo việc cày cấy, cho nên người đời được yên ổn, ít phải dùng hình phạt. Vũ Đế có thể phát dương thế quân, chiếm đất ngoài nước, thực là nhờ vào cái đầy đủ cát chứa của tổ tiên, cho nên mới lập nên công lớn. Hoắc Khứ Bệnh là tướng tài bậc trung, vẫn vì Hung Nô chưa diệt, không xây nhà cửa, tỏ rõ nỗi về người xa giúp kẻ gần, lo việc ngoài và giảm việc trong. Từ đầu thời Hán cho đến thời trung hưng, đâu là sau khi nghỉ ngơi can qua rồi mới xây cung Phượng Khuyết lo lớn, biểu dương công đức. Nay đang ở trước điện Kiến Thủy đủ để bày hội chầu, sau cung Sùng Hoa đủ để sắp đặt nội quan, các vườn Hoa Lâm, đầm Thiên Uyển đủ để mở

dạo chơi, nếu hãy làm nên các cửa ngoài cung cũng đủ để người phương xa đến hội chầu, sửa thành ao cũng đủ để ngăn vượt qua, tạo thành chỗ hiểm của đất nước, còn các việc khác hãy đợi đến năm đầy đủ. Phải chăm chỉ trồng trọt cày cấy, lo việc tập luyện võ bị thì nước không có cái lo lâu dài, dân chúng nghỉ ngơi, dân khỏe quân mạnh, quân giặc không thần phục, chưa đủ để bắt buộc, chưa có được vậy”. Chuyển làm Tư đồ.

[30] Ngự Nhi là tên đất biên giới của nước Ngô.

Bấy giờ thường mất Hoàng tử, mà người ở hậu cung quán xá lại ít. Lãng dưng sớ nói: “Xưa Chu Văn Vương mười lăm tuổi sinh ra Vũ Vương, rồi sinh được mười người con để mở rộng dòng dõi của họ Cơ. Vũ Vương đã già mới sinh ra Thành Vương, do đó Thành Vương có ít anh em. Hai bậc Vương kia đều có đức thánh, không làm việc lỗi, còn như con cháu của họ thì không được nhiều. Có lẽ nuôi dưỡng có sớm muộn, sinh đẻ có ít nhiều vậy. Bệ hạ đã có đức sánh với hai vị thánh ấy, vào thời Xuân thu Văn Vương nuôi Vũ Vương, mà con là Phát chưa cử lên ở phòng kín của chốn hậu cung, các phiên vương chưa sinh ra ở phòng rộng chốn dịch đình. Ví như Thành Vương vẫn chưa là muộn, ví như Bá Ấp thì vẫn không là sớm. Theo lẽ nhà Chu có hai mươi nội quan ở trong cung, nhưng các kinh truyện thường nói là đều có không quá hai mươi người. Đến vào thời Tần, thời Hán, đều có đến hàng trăm, hàng nghìn người rồi. Dẫu có thêm vào thì bấy giờ vợ mang bầu cũng rất ít, rõ ràng gốc của ‘trăm con trai’ thực là một ý, không những ở tại việc rộng vậy. Lão thần kính cẩn mong nhà nước phải làm có được như hai lăm người con của Hiên Viên, nếu không cũng phải có như mười con của Chu Văn Vương, coi đó là đi đầu lo nghĩ. Vả lại con nhỏ thường được trùm chăn ấm áp, ấm áp thì không được hợp cho thân thể yếu ớt, do đó khó giữ gìn, lại dễ bị ho cảm. Nếu thường khiến cho con nhỏ mặc áo mỏng, không mặc áo quá dày thì tất làm cho thân thể vững như vàng đá, thì tuổi thọ lâu như núi Nam Sơn vậy”. Đế bèn nói: “Lời lẽ trung trinh thẳng thắn, chứa tình yêu sâu xa. Ông đã nghĩ ngợi lo lắng, lại tự tay cầm bút viết, tỏ rõ âm đức, trầm vui vẻ không kể hết. Con nối dõi trăm chưa lập, do đó ông lo lắng, nói lời rất khẩn thiết, thật là hợp lẽ”. Lãng viết sách Dịch, Xuân thu, Hiếu kinh, Chu quan truyện, Tấu nghị kí luận, đều truyền cho đời. [31] Năm Thái Hòa thứ hai hoẵng, thụ là Thành H hầu. Còn là Túc thay. Trước đây, Văn Đế phân ấp hộ cho Lãng, phong một người con làm Liệt hầu, nhưng Lãng xin phong cho con của anh là Tường.

[31] Ngụy lược viết: “Lăng vốn tên là Nghiêm, sau đổi tên là Lăng”. Ngụy thư viết: “Lăng có tài cao học rộng mà tính nghiêm túc khảng khái, có uy nghi, nhún nhường tiết kiệm, từ cưới hỏi đến nghi lễ không nhận lễ vật gì. Thường mĩa mai người đời thích khoe tên tuổi mà không cứu giúp người nghèo hèn, cho nên dùng ti ền của trước tiên là cấp chẩn”.

Túc tự Tử Ung. Mười tám tuổi theo Tống Trung đọc sách Thái huy ền, rồi lại chú giải sách ấy. [32] Giữa năm Hoàng Sơ làm Tán kị Hoàng môn Thị lang. Năm Thái Hòa thứ ba, cho làm Tán kị Thường thị. Năm thứ tư, Đại Tư mã Tào Chân đánh Thục, Túc dâng sớ nói: “Sách trước có chép rằng: ‘Cấp lương nghìn dặm, lính có vẻ đói, hái củi nấu ăn, quân không đủ no’. Đây là nói lúc hành quân trên đường bằng vậy. Lại hướng chỉ là vào sâu nơi hiểm trở, đục đường mà đi, thì vất vả phải đến trăm lần. Nay lại có thêm mưa dầm, dốc núi gập ghềnh, quân vội mà không lên được, lương xa mà khó chở, thực là cái kị lớn của lúc hành quân vậy. Nghe nói Tào Chân đem quân đi đã hơn một tháng mà đi vừa nửa hang núi, dân phu sửa đường, quân sĩ cùng sửa. Đây là giặc gặp thế ản nập để đợi quân mỏi mệt, là cái sợ của nhà binh vậy. Nói về thời trước thì có Vũ Vương đánh Trụ, ra cửa ải rồi lại về bàn về thời nay thì có Vũ Đế, Văn Đế đánh Tôn Quy ền, đến sông Giang không qua được. Đây há không phải là người biết rõ quy ền biến, thuận trời, biết thời sao! Triệu dân vì biết Hoàng thượng vì mưa dầm khó đi, dừng mà nghỉ ngơi, ngày sau có việc, rồi mới dùng họ, đây gọi là dùng an ủi để sai dân vào chỗ khó khăn, dân quên cái chết vậy”. Do đó bèn bãi binh. Lại dâng sớ nói: “Nên theo lễ cũ, phát tang vì đại thần, dâng quả ở tông miếu”. Việc đâu được làm. Lại dâng sớ bày việc sửa chính trị nói: “Trừ chức quan không có việc làm, giảm bổng lộc của chức quan làm việc không nhanh nhẹn, dùng cái phí tổn của cấp lương, thu các chức quan nhàn rỗi; khiến cho quan lại phải có nhiệm vụ, làm đúng việc của mình, làm việc mới được nhận bổng lộc, muốn có lộc phải gắng sức làm, đây là phép thường thời xưa, ngày nay nên làm theo. Quan ít mà lộc dày thì ti ền phí của công ít, chỉ làm quan được khuyến khích, đâu phát huy tài sức, chẳng ai dựa dẫm nhau. Xét lời tấu mà nói, lấy công để thử, xem họ có tài hay không, đâu xét ở trong lòng của Đế. Cho nên thời Đường, Ngu đặt quan phân chức, ra lệnh Công khanh đâu theo đúng việc của mình rồi mới chọn người giỏi làm quan Nạp ngôn, nay còn chép trong sách Thượng thư, đây là để dè dặt và thu nhận lệnh của Đế mà thôi. Thời Hạ, Ân không thể rõ hết.

Chương Cam thệ viết: ‘Người coi sáu việc’, đây là nói Lục khanh cũng là người coi việc. Quan chức của nhà Chu thì đầy đủ rồi, năm ngày đợi chầu, các Công khanh Đại phu đều đến, quan Tư sĩ xét chức vị của họ. Ghi chép về họ nói: ‘Ngồi mà bàn việc, gọi là Vương công; đứng mà làm, gọi là Sĩ Đại phu’. Đến đầu thời Hán, dựa theo thời trước, Công khanh đều tự mình lên chầu bàn việc, cho nên Cao Tổ tự thân thu nạp Chu Xương phản loạn, Vũ Đế có thể nghe Cáp Âm dâng tấu. Tuyên Đế sai Công khanh năm ngày chầu một lần, Thành Đế bắt đầu đặt năm quan Thượng thư. Từ đó suy kém, lễ chầu bèn bỏ sót. Nên lập lại lễ nghi năm ngày đợi chầu, khiến cho Công khanh, Thượng thư đều để ra công việc. Khiến cho lễ đã bỏ được lập lại, tỏ rõ nghiệp thánh, đây thực gọi là tiếng đẹp mà tốt lành vậy”.

[32] Cha Túc là Lãng gửi thư cho Hứa Tĩnh nói: “Túc sinh ở quận Cối Kê”.

Giữa năm Thanh Long, Sơn Âm Công hoẵng, là vua Hán vậy. Túc dâng sớ nói: “Xưa nhà Đường nhường ngôi cho nhà Ngu, nhà Ngu nhường ngôi cho nhà Hạ, đầu để tang ba năm rồi mới lên ngôi Thiên tử. Do đó hiệu Đế không xấu, lễ vua vẫn còn. Nay Sơn Âm Công kính nhận mệnh trời, thuận theo lòng mong mỏi của dân, truy lên ngôi cho nhà Đại Ngụy, lui giữ ngôi khách. Công vâng lệnh nhà Ngụy, không dám không dốc hết lòng. Nhà Ngụy đối đãi Công kính trọng nhưng không thần phục. Nay đến lúc hoẵng, theo phép mặc áo liệm phải có các đồ xe ngựa chở đi, đầu giống với bậc Vương, cho nên người gần xa trông mong, cho là tốt đẹp. Vả lại nhà Hán dùng hiệu của Đế hoàng, hiệu là Hoàng đế, có tên gọi khác là Đế, không có tên gọi khác là Hoàng, vậy thì Hoàng là tên gọi có vẻ khinh thường vậy. Cho nên vào thời Cao Tổ, mỗi đất không có hai Vương, cha của Cao Tổ vẫn sống mà vẫn gọi là Hoàng, nói rõ không phải là cái kị của hai Vương. Huống chi ngày nay để tặng hiệu lúc chết, nên gọi là Hoàng để ghép với tên thụy”. Minh Đế không ưng gọi là Hoàng, bèn truy tặng thụy là Hán Hiếu Hiến Hoàng Đế. [33]

[33] Tôn Thịnh nói: “Người hóa hợp với thần gọi là Hoàng, người đức hợp với trời gọi là Đế. Cho nên Tam Hoàng đặt hiệu, Ngũ Đế nối theo. Vậy thì xưng gọi là Hoàng là cao đẹp hơn Đế vậy. Túc cho là khinh thường, cũng chẳng lầm sao”! Thần là Tùng Cho cho rằng: Thời xa xưa nói là Hoàng Hoàng Hậu Đế, sau đó nói về Tam, Ngũ, Tiên Hoàng Hậu Đế, đúng như lời Thịnh. Nhưng các vị Đế của nhà Hán, đều tôn cha là Hoàng,

nhưng thực là tôn quý nhưng không có ngôi vị thực, ngôi cao mà không có dân, nếu sánh với ngôi Đế, há chẳng phải là coi thường sao! Nhà Ngụy noi theo lễ của nhà Hán, tên hiệu không đổi. Hiếu Hiến Đế băng, há không xét kĩ lễ nghi thời xưa? Lời mà Túc nói có lẽ là theo phép chế nhà Hán mà nói thôi. Nói Túc là lãn, là cợt nhà Hán, không phải là trách Túc vậy.

Sau đó Túc làm Thường thị, lĩnh chức Bí thư giám, kiêm chức Sùng văn quan Tể tửu. Giữa năm Cảnh Sơ, xây nhiều cung điện, dân bỏ việc cày cấy, chẳng theo tín ước, giết chóc vợi vãi. Túc dâng sớ nói: “Đại Ngụy nhận ngôi cao của trăm Vương, dân sống chẳng mấy, can qua chưa dừng, nay đúng là lúc nên cho dân nghỉ ngơi để làm yên lòng gần xa vậy. Việc cất chứa và cho dân nghỉ ngơi là cốt ở việc giảm lao dịch và chăm trờng trọt. Nay cung điện chưa thành, công nghiệp chưa xong, mở phát vận chuyển, thay nhau cung ứng, cho nên đình phu mệt mỏi vì gắng sức làm, người cày cấy rời khỏi ruộng đồng, người trờng lúa ít ỏi, người ăn lúa lại nhiều, lúa cũ đã hết, lúa mới lại chẳng có, đấy là cái họa lớn của nhà nước, không phải là kế lớn của việc dự bị vậy. Nay có ba, bốn vạn người làm thì điện Cửu Long đủ để yên thân, trong đó đủ để đặt sáu cung. Điện Hiến Dương lại sắp dựng xong, chỉ có điện Thái Cực về phía trước là việc còn lớn, nay lại đang buổi rét đậm. Mong Bệ hạ ban ân đức, hạ chiếu hiên, thương xót cái khó nhọc của dân phu, nghĩ đến việc không được cung cấp của triệu dân, làm cho quân sĩ được ăn nhờ vào kho lúa, không phải dùng lúc gấp gáp, chọn ra đình tráng, lựa giữ vạn người, lệnh hẹn một kì mà thay nhau, đâu biết lúc nghỉ có ngày thì chẳng ai không vui lòng làm việc, khó nhọc cũng không oán vậy. Tính ra một năm có ba trăm sáu mươi vạn phu, cũng không cho là ít. Những việc đáng phải một năm làm xong, phải gần ba năm. Chia sai người còn lại, khiến cho họ đều cày cấy, đấy là lễ không ép đến đường cùng vậy. Kho có thóc dư, dân có sức thừa; lấy đó để xây dựng, công nào chẳng xong? Lấy đó giáo hóa, giáo hóa nào chẳng nên? Giữ tín với dân là đi đầu quý lớn của nhà nước vậy. Trọng Ni nói: ‘Từ xưa đâu có cái chết, dân không tin thì không xong’. Một nước Tấn nhỏ, một Trùng Nhĩ còn con, muốn dùng dân của mình, trước phải giữ tín, cho nên dân nguyện giúp đỡ, tin tưởng mà theo về, có thể đánh một trận mà làm Bá, đến nay vẫn được khen. Trước đây xe vua đang đến Lạc Dương, phát dân làm doanh, quan Hữu tư lệnh làm doanh xong thì bãi. Đã xong, lại tiện sai dân làm, không lệnh như hẹn. Đấy là quan Hữu tư ham cái lợi trước mắt

mà không lo nghĩ cho thể diện của nhà nước vậy. Thần ngu cho rằng từ nay về sau, dẫu là sai khiến dân, phải tỏ rõ lệnh, khiến cho đúng hẹn. Nếu có việc đến nữa, vẫn phải sai lại thì không được lỗi tìn. Còn các hình phạt mà Bệ hạ tự xử đoán, đâu là quan có tội, kẻ đáng chết vậy. Nhưng dân chúng không biết, dấy gọi là vội vã vậy. Cho nên mong Bệ hạ hạ lệnh đó cho quan lại mà làm rõ tội của họ, cân nhắc tội chết của họ, khiến cho không có vết nhơ ở cung cấm và không có nỗi nghi ngờ ở gần xa. Vả lại mạng người là rất quý, sinh thì khó mà giết thì dễ, khí hết thì không sống được, cho nên bậc thánh hiền quý mạng người. Mạnh Kha nói: ‘Giết một người không có tội để lấy thiên hạ là việc người có lòng nhân không làm’. Thờ Hân có kẻ phạm vào xe ngựa của nhà vua khiến cho mọi người sợ hãi, Đình úy Trương Thích Chi tâu xét tội phạt trả tìền, Văn Đế cho là cách xét tội ấy quái lạ dễ dãi, nhưng Thích Chi nói: ‘Đang lúc này, Nhà vua sai giết kẻ đó là xong. Nay giao cho Đình úy. Đình úy là cái cân bằng của thiên hạ. Nếu chỉ để lệch một bên, mà thiên hạ dùng hình pháp đâu là cân nhắc nặng nhẹ, thì dân có chỗ nào để đặt chân tay?’ Thần cho rằng làm mất lẽ phải không phải là cái mà bậc trung thần nên bày tỏ vậy. Đình úy là quan của Thiên tử, vẫn không nên làm mất cân bằng, vậy mà thân của Thiên tử, há lại để sai lầm sao? Cái trọng ấy là vì mình, nhưng lại coi thường vua, dấy là rất bất trung vậy. Chu Công nói: ‘Thiên tử không bừa; nói thì có sách sử chép lại, người thợ đọc lại, kẻ sĩ nói lại’. Nói mà không bừa, hướng chỉ là làm? Cho nên lời nói của Thích Chi không nên không xét, đi đầu răn của Chu Công không nên không theo”. Lại nói: “Các loài chim thú không dùng được, các đồ tổn phí của người lao dịch, rơm lúa, đâu nên bãi bỏ”.

Đế từng hỏi nói: “Thờ Hân Hoàn Đế, Bạch Mã Lệnh là Lí Vân dâng thư nói: ‘Đế là lẽ phải vậy. Nhưng Đế không muốn lẽ phải’ Nay sao không chết được”? Túc đáp nói: “Đấy chỉ là nói tiết tháo nghịch hay thuận. Ý gốc của nó là đâu muốn dốc hết lòng, mong sửa vá đất nước. Vả lại cái uy của Đế hơn cả sấm sét, giết một kẻ thất phu không khác giết một con kiến, lấy gì để tỏ rõ là nghe theo lời nói thẳng, mở rộng ân đức ra thiên hạ? Cho nên thần cho rằng giết kẻ đó không phải là đúng vậy”. Đế lại hỏi nói: “Nguyên nhân Tư Mã Thiên bị hình phạt là trong lòng có ý oán giận, viết Sử kí không chê bai Hiếu Vũ Đế, khiến cho người ta phải nghiêng rãnh?”. Đáp nói: “Tư Mã Thiên chép sử, không chép cái đẹp trông rỗng, không che dấu cái xấu. Lưu Hưởng, Dương Hùng kính phục Tư Mã Thiên giỏi viết lách,

khen là có cái tài của viên quan tốt, gọi là chép thật. Hán Vũ Đế nghe nói Tư Mã Thiên chép Sử kí, lấy quyển Hiếu Cảnh bản kĩ và bản kĩ về mình để xem, do đó cả giận, đeo mà vứt đi. Đến nay hai Bản kĩ ấy không còn chép thật nữa. Sau lại gặp việc của Lí Lăng mới bắt Thiên vào ngục thiên. Đây là người ta oán giận Vũ Đế, mà không oán giận Thái sử Tư Mã Thiên vậy”.

Năm Chính Thủy thứ nhất, ra làm Quảng Bình Thái thú. Có việc lại gọi về bái làm Nghị lang. Chỗc lát, làm Thị trung, chuyển làm Thái thường. Bấy giờ Đại Tướng quân Tào Sảng chuyên quyền, tin dùng bọn Hà Yến, Đặng Dương. Túc cùng Thái úy Trường Tề, Tư nông Hoàn Phạm bàn về chính trị thời này, Túc nghiêm mặt nói: “Bọn này là bọn Hoàng Cung, Thạch Hiễn, lại nói lời gian dối”! Sảng nghe nói, răn bảo bọn Hà Yến nói: “Nay nên cùng cẩn thận! Công khanh đã sánh các ông là kẻ xấu thời nay rồi”. Vì bị bắt lỗi ở tông miếu mà bãi chức. Sau làm Quang lộc huân. Bấy giờ có hai con cá dài một thước tự ở nhà kho chứa khí giới, quan Hữu tư cho là điềm lành. Túc nói: “Cá sống ở vực mà nhảy lên nhà kho, các loài có vậy mất chỗ ở vậy. Tướng ngoài biên sắp có biến loạn bỏ áo giáp chẳng”? Sau đó quả đúng có trận thua miền Quan Đông. Dời đến làm Hà Nam Doãn. Năm Gia Bình thứ sáu, giữ cờ tiết, kiêm chức Thái thường, vâng lệnh hộ xe vua, đón Cao Quý Hương Công ở Nguyên Thành. Năm đó có khí trắng rợp trời, Đại Tướng quân Tư Mã Cảnh Vương hỏi nguyên nhân với Túc, Túc đáp nói: “Đây là cờ của Xi Vưu vậy, miền đông nam có loạn chẳng? Ông nên tu thân để làm yên trăm họ thì thiên hạ vui vẻ theo về người có đức, kẻ gây loạn tất diệt vậy”. Mùa xuân năm sau, Trấn đông Tướng quân Vô Khâu Kiêm, Dương Châu Thứ sử Văn Khâm phản, Cảnh Vương hỏi Túc nói: “Hoắc Quang cảm kích lời nói của Hạ Hầu Thắng, bắt đầu trọng kẻ sĩ học đạo Nho, có vẻ tốt vậy. Giữ nước yên vua, kẻ sách ở đó sao”? Túc nói: “Xưa Quan Vũ đem quân của Kinh Châu bức hàng Vu Cấm ở bến sông Hán, bèn có chí lên phía bắc tranh thiên hạ. Sau đó Tôn Quyền đánh úp bắt được tướng sĩ người nhà của Quan Vũ, quân sĩ của Vũ một sớm tan vỡ. Nay cha mẹ vợ con của tướng sĩ vùng Hoài Nam đều ở tại Trung Châu, nếu nhanh đem quân giữ gìn, khiến cho chúng không đi được thì tất có cái thế vỡ lở của Quan Vũ vậy”. Cảnh Vương nghe theo, bèn phá Kiêm, Khâm. Sau chuyển làm Trung lĩnh quân, thêm chức Tán kị Thường thị, tăng thêm ba trăm hộ, cùng hai nghìn hai trăm hộ trước. Năm Cam Lộ thứ nhất hoẵng, học trò đến điều tang đến mấy trăm người. Truy tặng chức

Vệ Tướng quân, thụy là Cảnh Hải. Con là Uẩn thay. Uẩn hoảng, không có con trai, nước đứt. Năm Cảnh Nguyên thứ tư, phong con của Túc là Tuân làm Lan Lăng Hải. Giữa năm Hàm Hi, lập ra năm thứ bậc, vì Túc công lớn ở triều trước, đổi phong Tuân làm Thừa Tử. [34]

[34] Thế ngữ viết: “Tuân tự Lương Đại, có hiểu biết, tại triều đình ngay thẳng. Làm qua các chức Hà Nam Doãn, Thị trung, chỗ nào cũng được khen. Lại có lòng vì việc công, có tiết tháo kính cẩn. Lịch Lệnh là Viên Nghị lấy ngựa khỏe tặng, biết Nghị tham tiền, không nhận. Nghị cuối cùng vì tham tiền mà vỡ nghiệp. Lập đạo học của hai nhà, tôn sùng năm sách kinh, đều do Tuân dựng nên. Chết vào lúc hơn bốn mươi tuổi, tặng chức Xa kỵ Tướng quân. Con gái của Túc gả cho Tư Mã Văn Vương, tức Văn Minh Hoàng hậu, sinh ra Tấn Vũ Đế, Tề Hiến Vương Du”. Tấn chú công tán viết: “Anh em Tuân có tám người. Những người thành đạt có: Kiền tự Cung Tổ, có công lao được khen, làm đến Thượng thư. Em là Khải tự Quân Phu, thuở nhỏ có tài sức nhưng không tiết kiệm, kết giao với Vệ úy Thạch Sùng, đều xa xỉ có tiếng trên đời, cuối cùng làm Hậu Tướng quân. Con của Kiền là Khang, Long làm quan cũng thành đạt, được người đời sau kính trọng”.

Trước đây, Túc thích cái học của họ Giả, họ Mã mà không ưa cái học của họ Trịnh, chọn tự các sách khác nhau mà giải thích các sách Thượng thư, Thi, Luận ngữ, Tam lễ, Tả thị và soạn định Dịch truyện của cha là Lăng viết, đều đặt ở nhà học. Các sách mà Túc viết bàn về điển chế, giao tế, tông miếu, úy kị, khinh trọng, cả thảy hơn trăm chương. Bấy giờ người huyện Lạc An là Tôn Thúc Nhiên [35] chịu học ở nhà của Trịnh Huyền, người đời khen là bậc Nho lớn của miền đông. Gọi làm Bí thư giám, không đến. Túc tự luận chứng của thánh nhân để hỏi vặn Huyền, Thúc Nhiên bèn bác bỏ mà giải thích cho Túc hiểu, cùng viết Chu dịch, Xuân thu liệt, ba truyện Mao thi, Lễ kí, Xuân thu, các chú giải Quốc ngữ, Nhĩ nhã, lại có sách chú giải hơn mười chương. Từ thời đầu nhà Ngụy gọi kẻ sĩ người quận Đôn Hoàng là Chu Sinh Liệt, [36] bọn Đại Tư nông người quận Hoàng Nông là Đồng Ngộ thời Minh Đế cũng thay nhau chú giải kinh truyện, đều truyền cho đời. [37]

[35] Thần Tông Chi xét: Thúc Nhiên giống tên của Tấn Vũ Đế, cho nên chỉ nói tên chữ.

[36] Thần Tùng Chi xét: Người này họ Chu Sinh, tên Liệt. Luận ngữ tập giải của Hà Yến có nói các chú gi ải khác của Liệt thấy ở sách Trung kinh b ả thời Tấn Vũ Đế.

[37] Ng ự l ợc vi ết: “Ng ộ t ự Quý Tr ực, t ính ch ất ph ác mà hi ếu h ọc. Gi ữa năm Hưng Bình, vùng Quan Trung nhi ều loạn, cùng anh là Quý Trung nương d ựa T ướng quân Đoàn Ỗi, chọn lúa vác đi bán, lại th ường mang giữ sách kinh, lúc r ời thì t ập đ ọc. Anh Ng ộ c ười nh ưng Ng ộ không đ ổi. Đ ến đ ầu năm Kiến An, r ường m ối vừa l ập lại, quận cử làm Hi ếu li êm, r ồi chuy ển làm Hoàng m ôn thị lang. B ấy gi ờ Hán Đ ế giao ch ính tr ị cho Thái T ổ, Ng ộ ngày đ êm h ầu gi ảng, đ ược Thiên t ử tin y êu. Đ ến năm th ứ hai m ười hai, tr ăm quan trong đ ất H ứa làm trái ch ế l ệnh, Ng ộ d ẫu không cùng m ưu nh ưng v ẫn bị ch ọn đ ến đ ất Nghi ệp, chuy ển làm quan nh ững t án. Th ường theo Thái T ổ đ ánh ph ương tây, đi đ ường từ b ến Mạnh Tân qua m ộ của Hoàng N ông V ương. Thái T ổ do dự mu ốn vào th ăm, ngo ảnh h ỏi t ả h ữu, t ả h ữu ch ẳng đ áp, Ng ộ b èn đ ेम chương Vi ệt sách ra gi ảng n ói: ‘Nghĩa của sách Xuân thu là vua của m ột n ước lên ng ôi ch ưa đ ược m ột năm mà ch ết thì ch ưa th ành vua. Hoàng N ông V ương lên ng ôi đ ã ng ắ, lại bị b ầy t ôi b ạo ng ược ng ắ ch ế, bị gi áng đ ến n ước phi ền, không n ên đ ến th ăm’. Thái T ổ b èn qua. Gi ữa năm Hoàng Sơ, ra làm Quận thú. Th ời Minh Đ ế, vào làm Thị trung, Đ ại T ư n ông. Đ ược m ấy năm thì b ệnh ch ết. Tr ước đ ây, Ng ộ th ích đ ọc sách Lão Tử, vi ết chú gi ải sách Lão Tử. Lại th ích đ ọc T ả thị tr uyện, lại ch ép b ằng m ực đ ỏ đ ể ph ân bi ệt cái kh ắc. Ng ười đ ời có k ẻ theo h ọc, Ng ộ không ch ịu d ạy mà n ói: ‘Nay ph ải đ ọc tr ăm chương tr ước’. Lại n ói: ‘Đ ọc tr ăm chương sách thì t ự th ấy nghĩa của nó’. Ng ười theo h ọc n ói: ‘Khó n ổi không có nhi ều ngày’. Ng ộ n ói: ‘N ên ch ọn lúc tam dư’. Có ng ười h ỏi ý của tam dư, Ng ộ n ói: ‘M ùa đ ông h ằng năm có ngày r ời, bu ổi đ êm h ằng ngày có gi ờ r ời, lúc m ưa d ầm có gi ờ r ời v ậy’. Do đ ó ít h ọc trò theo h ọc Ng ộ, không có ai đ ược truy ền cho ch ữ m ực đ ỏ”. Th ế ng ữ vi ết: “Con của Ng ộ là Tuy, làm đ ến Bí thư gi ám, cũng có tài h ọc. Công th ần của T ề V ương Quýnh là Đ ồng Ng ải, t ức con của Tuy v ậy”. Ng ự l ợc cho rằng b ảy ng ười b ọn Ng ộ và Giả H ồng, Hàm Đ ạn Thu ần, Ti ết Hạ, Ng ôi Hi, Nhạc Tr ường là nhà Nho, l ời đ ề t ựa n ói: “Từ đ ầu năm Sơ Bình đ ến cu ối năm Kiến An, thiên hạ v ỡ l ở, lòng ng ười l ìa tan, r ường m ối đ ã suy, đ ạo Nho càng suy hơn. Đ ến từ sau năm Hoàng Sơ th ứ nh ất, vua m ới l ập lại, bắt đ ầu x óa t ẩy b ụi b ẩn của đ ạo h ọc, đ ắp v ả cái t ồn khuy ết của bia đá, s ắm s ửa

quan chép sách trong hàng quan Bác sĩ, dựa vào lịch giáp ất của nhà Hán để xem xét. Báo rõ cho châu quận biết, người muốn theo học đều sai đến nhà Thái học. Nhà Thái học bắt đầu mở, có hàng trăm học trò, đến giữa năm Thái Hòa, năm Thanh Long, trong ngoài nhiều việc, lòng người tránh đến. Dẫu tính không giải thích cái đạo học nhưng nhiều người xin đến nhà Thái học. Bọn học trò đến nhà Thái học có đến hàng nghìn người, mà tài học của bọn Bác sĩ đều là sơ sài, không có gì dạy học trò. Học trò vốn cũng bị gọi đi lao dịch, lại không thể học tập. Đông đến xuân qua, hàng năm như thế. Lại dẫu có kẻ giỏi nhưng ở trong đài gác rất cao, lại thêm không nghĩ đến nghĩa lớn, mà hỏi cách viết chữ chấm mực sơ qua mà thôi, trăm người học cùng mà người hiểu biết chưa đến mười người. Do đó kẻ sĩ có chí học bèn ngày càng suy kém, mà kẻ học tìm cái hư rộng đều hòa theo nhau. Giữa năm Chính Thủy có chiếu bàn ở đài Viên Khâu, mời gọi học sĩ. Bấy giờ quan Lang cùng quan Tư đồ lĩnh hơn hai vạn quan lại, dẫu đã chia ra nhưng gặp ở kinh sư chỉ còn gần vạn người, mà người đem sách và bàn bạc không có mấy người. Lại bấy giờ các quan Công khanh trở xuống trong triều đình có hơn bốn trăm người, trong đó người biết cần bút viết chưa đến mười người, phần nhiều theo nhau ăn no rồi lui về Ô hô! Nghề học rơi rụng lại đến nước ấy. Cho nên trong lòng thường canh cánh quý trọng mấy vị ấy, ở các chỗ ngoài vùng hoang phục mà vẫn giữ chí thật thà vậy”. Giả Hông tự Thúc Nghiệp, người huyện Tân Phong quận Kinh Triệu. Ham học có tài, mà đặc biệt giỏi đọc Xuân thu Tả truyện. Đầu năm Kiến An, làm quan ở quận, cử làm Kế dụyện, theo lời châu gọi. Bấy giờ trong châu các quan từ hàng Tham quân trở xuống có hơn trăm người, chỉ có Hông cùng người quận Phùng Dục là Nghiêm Bao là có tài học cao nhất. Hông qua làm quan Lệnh của ba huyện, chỗ đến liền dỡ bỏ chuồng ngựa, tự thân dạy học trò. Sau đó Mã Siêu phản, Siêu bắt được Hông, đem đến huyện Hoa Âm, sai viết hịch bố cáo. Hông bất đắc dĩ phải viết hịch. Tư đồ Chung Do ở tại miền đông, biết lời hịch này, nói: ‘Đấy là Giả Hông viết vậy’. Sau Siêu thua chạy, Thái Tổ mời Hông làm Quân mưu dụyện. Vẫn vì trước đây giúp Siêu viết hịch bố cáo cho nên không theo về. Cuối cùng mới ra làm Âm Tuyền Trưởng. Giữa năm Diên Khang, chuyển làm Tướng quốc của Bạch Mã Vương. Uả nói cười đùa. Vương Bưu cũng yêu thích văn học, thường kính trọng Hông hơn cả Tam khanh. Được mấy năm thì bệnh chết, chết lúc hơn năm mươi tuổi. Người đời tiếc Hông không làm quan có lương đến hai nghìn thạch. Và Nghiêm Bao cũng làm quan qua hai

huyện, giữa năm Hoàng Sơ, vì có tài cao mà được làm Bí thư thừa, nhiều lần tấu văn phứ, Văn Đế cho là lạ. Ra làm Tây Bình Thái thú, chết lúc làm quan. Tiết Hạ tự Tuyên Thanh, người quận Thiên Thủy. Học rộng có tài. Quận Thiên Thủy trước đây có bốn họ là Khương, Diêm, Nhậm, Triệu thường được bầu chọn ở trong quận, mà Hạ là con nhà họ lẻ, không chịu giáng phục. Bốn họ muốn cùng trị tội Hạ, Hạ bèn trốn tránh, đi về phía đông đến kinh sư. Thái Tổ vốn biết tiếng Hạ, gặp đái Hạ rất có lễ. Sau bốn họ lại sai người bắt Hạ về, đi qua quận Dĩnh Xuyên, bắt lấy trói vào ngục. Bấy giờ Thái Tổ đã ở tại Kí Châu, nghe nói Hạ bị quận ấy bắt làm tin, vỗ tay nói: ‘Hạ không có tội. Bọn trẻ con vùng Hán Dương chắc muốn giết hấn thôi’! Bèn báo cho quận Dĩnh Xuyên sai phải thả Hạ ra, gọi đến làm Quân mưu duệ. Văn Đế lại khen tài của Hạ, giữa năm Hoàng Sơ làm Bí thư thừa. Đế hể cùng Hạ bàn luận sách truyện, chưa từng không hết ngày vậy. Đế gọi mà không nói tên, chỉ gọi là Tiết Quân. Nhà của Hạ rất nghèo, Đế lại thấy áo Hạ mỏng, cởi áo bào mà mình mặc ban cho Hạ. Sau đó Chinh đông Tướng quân Tào Hưu đến chầu, bấy giờ Đế đang cùng Hạ bàn luận, mà ở ngoài phòng Hưu đã đến, Đế dẫn vào. Ngồi yên, Đế ngoảnh nhìn Hạ mà nói với Hưu nói: “Ông này là Bí thư thừa Tiết Tuyên Thanh người quận Thiên Thủy, nên cùng nói chuyện”. Hạ được đái như thế. Rồi muốn dùng Hạ, gặp lúc Văn Đế băng. Đến giữa năm Thái Hòa, từng vì việc công mà dời Lan Đài. Lan Đài là đài tự làm vậy, là sở của Bí thư thừa, nói là Hạ không thể dời vậy, nếu dời thì bị tội. Hạ báo nói: “Lan Đài là đài ở ngoài, Bí thư là gác trong, đài và gác là một vậy, sao lại không dời cho nhau được”? Lan Đài dời mà không có cách gì bắt bẻ được. Từ đó về sau, bèn cho là thường. Mấy năm sau bệnh chết, lệnh con của Hạ không về quận Thiên Thủy. Ngôi Hi tự Tử Nha, người quận Kinh Triệu. Thuở nhỏ ham học. Giữa năm Sơ Bình, Tam phụ loạn, Hi đến phía nam làm khách ở Kinh Châu, không vì nhiều loạn, mang giữ sách kinh, hể lúc rồi chọn lúa thì đem ra tập đọc. Thái Tổ định Kinh Châu, gọi làm Quân mưu duệ. Giữa năm Hoàng Sơ, làm Lang trung của Tiêu Vương. Vương vốn nghe nói Hi là nhà Nho, thường để lòng theo học. Hi cũng cung kính để dạy Vương, do đó được ban tặng hậu. Xưng bệnh về, bái làm Lang trung. Hơn tám mươi tuổi, xưng già về nhà, người đến học Hi rất đông. Hi đã rõ kinh, lại giỏi xem sao, thường ngưỡng xem thiên văn, than thở bảo Ngự Hoạn nói: “Can quan trong thiên hạ vẫn còn chưa dứt như thế sao”? Hoạn lại thường theo hỏi Tả thị truyện, Hi đáp nói: “Muốn biết cái tinh vi chẳng gì bằng đọc kinh

Dịch, phép tắc của người đời chẳng gì bằng đọc kinh Lễ, biết nhiều cây cỏ sông núi chẳng gì bằng đọc kinh Thi, sách Tả thì chẳng qua là sách đánh nhau thôi, không đủ gọi là ý hay”. Hoạn nhân đó theo hỏi kinh Thi, Hi giảng nghĩa của bốn nhà Tề, Hàn, Lỗ, Mao, không ràng buộc với câu văn, có chỗ như đọc qua. Lại soạn ra phần chú giải các kinh có mấy chục vạn chữ; chưa kịp sửa chữa thì bị điếc, mấy năm sau bệnh chết vậy. Việc về Hàm Đan Thuần chép tại truyện Vương Xán, việc về Tô Lâm chép tại truyện Lưu Thiệu, Cao Đường Long, việc về Nhạc Tường chép tại truyện Đỗ Kỳ. Ngự Hoạn nói: “Việc học vốn do ở người, tựa như nhuộm màu xanh vào tơ trắng sao! Cho nên dầu là Trọng Ni vẫn nói: ‘Ta không phải sống mà biết hết được’. Huống chi là bọn có phẩm hạnh tàm thường! Và lại người đời có kẻ không quý ở việc học cũng vì có người thấy nói ‘nhằm đọc ba trăm kinh Thi nhưng không đối đáp được ở bốn phương’ vậy. Ta cho rằng đấy là hạng dưới thôi, không đáng bằng sách Trung dung trở lên, là những sách vốn có chất hay, lại thêm có văn nữa! Mấy người hiền ngày nay, ta cũng biết qua vậy. Xét tài làm việc của họ, thực là không có nhiều. Nhưng giữ việc học không ngừng thì trên được Đế Vương khen, dưới là nhà Nho nổi tiếng của nhà nước, đấy không phải là do học sao? Do đó thấy rằng, việc học là lâu dài há có ngừng nghỉ sao”?

Bàn nói: Chung Do thông đạt lí lẽ, Hoa Hâm trong sạch đức thuần, Vương Lăng văn học dĩnh dào, thực đều là bậc anh hoa của một thời vậy. Nhà Ngụy vừa lập, bắt đầu từ ba vị này mới hưng thịnh đấy! Vương Túc thẳng thắn nghe nhiều, có thể kế thừa cha! [38]

[38] Lưu Thực cho rằng: Túc thẳng thắn thời kẻ trên mà ưa kẻ dưới nịnh bợ mình, đấy là một cái trái ngược. Tính thích vinh quý mà không tìm cái tùy tiện, đấy là hai cái trái ngược. Tham tiếc tài vật mà tu thân không nhớt bẩn, đấy là ba cái trái ngược.

QUYỂN 14 - TRÌNH QUÁCH ĐỒNG LƯU TƯỜNG LƯU TRUYỆN

*Trình Dục, Quách Gia, Đồng Chiêu, Lưu Diệp, Tường Tế, Lưu
Phóng*

LƯU DIỆP TRUYỆN

Lưu Diệp (Hoa) tự Tử Dương, người ở huyện Hoài Nam quận Thành Đức. Là dòng dõi Lăng Vương đời Hán Vũ Đế. Cha là Phổ, mẹ là Tu, sinh được Hoán và Diệp. Năm Hoán lên chín tuổi, Diệp được bảy tuổi, thì mẹ ốm nặng. Lúc lâm chung, troi trắng lại với Hoán và Diệp rằng: “Người hầu của cha các người, hay nói lời sàm nịnh làm hại đến tính mệnh. Sau khi ta chết, sợ rằng trong nhà có loạn mất. Mai sau chúng mày có thể trừ bỏ nó đi, thì ta ắt không phải hối hận vậy.”

Năm Diệp được 13 tuổi, bảo với anh là Hoán rằng: “Lúc mẹ mất đã có lời dẫn dạy, rất nên nghe theo.” Hoán nói: “Sao có thể làm vậy.” Diệp liền vào nhà lấy dao giết chết người hầu nọ, rồi đi thẳng tới bái lạy trước mộ mẫu thân. Khi đại giá của Phổ trở về, người nhà đem chuyện bẩm với Phổ. Phổ giận, sai người đuổi theo Diệp. Diệp về nhà lạy tạ rằng: “Lúc mất mẫu thân đã có lời dẫn dạy, đã vâng mệnh mà chẳng hỏi ý của cha cứ tự tiện thi hành, xin được chịu phạt” Phổ trong lòng lấy làm lạ, bèn không trách cứ gì nữa. Hứa Thiệu ở Nhữ Nam có tiếng là biết người, đang tránh loạn ở đất Dương Châu, khen rằng Diệp là người có tài giúp đời.

Kẻ sĩ ở Dương Châu đa phần là những kẻ ít có lòng hào hiệp mà lại giáo quyệt, như bọn Trịnh Bảo, Trương Đa, Hứa Kiền đều là hạng người ấy. Bảo rất kiêu căng mà quả quyết, tài lực quá người thường, khắp vùng ấy đều kinh sợ. Bảo tính độc xuất cả trăm họ người Việt ⁽¹⁾ đến Giang Biều, nhân thấy Diệp có danh tiếng là bậc cao môn, muốn cưỡng bức Diệp đến để bàn định mưu ấy. Diệp bất giờ mới hơn hai mươi tuổi, trong lòng lấy làm lo lắng, lại chưa có nơi để nương cậy. Gặp lúc Thái tổ sai sứ đến Dương châu, hỏi xét nhân tài xứ ấy. Diệp lại diện kiến, bàn luận chuyện thế sự, lưu lại ở đó mấy ngày. Bảo quả nhiên đem mấy trăm người dắt trâu khiêng rượu đến dò xét ý tứ sứ giả, Diệp lệnh cho tiểu đồng cùng với người nhà ngồi đợi ở ngoài cửa, cho bày sẵn cơm rượu; cùng với Bảo ở trong nhà yên ẩm. Lại ngầm chọn những người khỏe mạnh, định lấy tiếng

ném chén làm hiệu để chém Bảo. Bảo vốn không ham rượu, lại rất tinh ý, không thể ném chén làm hiệu được. Diệp liền tự rút bội đao (2) chém chết Bảo, cắt lấy thủ cấp rồi bảo với đám quân đi theo, rằng: “Thái tổ đã có lệnh, ai dám động thủ, cũng xử đồng tội với Bảo.” Chúng đều kinh hoảng, chạy trốn về quân doanh. Trong doanh trại của Bảo có đến mấy ngàn tinh binh, Diệp sợ chúng làm loạn, bèn cưỡi ngựa của Bảo, đem theo mấy đứa tiểu đồng, đến thẳng doanh trại của Bảo, gọi mấy người đứng đầu đến, bảo rõ những điều họa phúc, chúng đều khấn đầu mở cửa trại đón Diệp. Diệp phủ dụ yên ủi đầu vào đây, tất cả đều bội phục, tiến cử Diệp lên làm chủ soái.

Diệp thấy Hán thất đã suy vi, chỉ riêng đám binh thuộc của mình, chẳng giúp được gì về binh lực, bèn đem đám thuộc hạ ấy theo về với Thái thú Lư Giang là Lưu Huân. Huân lấy làm lạ về việc ấy, Diệp nói: “Bảo không tuân theo phép nước, mọi người tố cáo rằng Bảo chỉ lấy việc cướp bóc làm lợi, kẻ hèn này vốn vô tư, chỉ muốn chỉnh đốn lại vương pháp, nhân vì có lòng oán giận đã lâu, việc chỉ có như thế mà thôi”.

Bấy giờ Huân nắm giữ binh cường ở khắp vùng Giang Hoài. Tôn Sách ghét lắm, nhưng lại tỏ vẻ nhún nhường sai sứ đến tặng cho vàng lụa rất hậu, còn gửi thư cho Huân thuyết rằng: “Bọn tông dân ở Thượng Liễu, đã mấy lần lừa dối hạ quốc, tôi hận việc ấy đã mấy năm nay. Muốn đến đánh, nhưng đường đất chẳng tiện, có ý nhờ nước lớn đánh dẹp nơi ấy. Thượng Liễu là vùng rất giàu có, lấy được đất ấy có thể khiến trong nước thêm giàu có vậy, xin được xuất binh làm ngoại viện.” Huân tin lời, lại được Sách tặng cho vàng bạc vải lụa, rất lấy làm vui thích. Người khắp trong ngoài đều đến mừng, chỉ riêng có Diệp là không. Huân hỏi việc ấy thế nào, Diệp đáp rằng: “Đất Thượng Liễu tuy nhỏ, nhưng thành trì rất kiên cố vững chắc, đánh khó mà lay chuyển, chẳng thể trong vòng một tuần (3) mà lấy ngay được, như thế ắt binh ở ngoài mệt mỏi, mà trong nước lại hư tổn. Ví như Sách thừa cơ tập kích ta, tất hậu phương chẳng thể giữ được. Tướng quân đã tiến vào đất địch, chẳng thể quay về ngay. Nếu tướng quân xuất binh, họa ắt đến ngay đó.” Huân không nghe. Rồi hưng binh đánh Thượng Liễu, Sách quả nhiên tập kích phía sau, Huân cùng đường, liền bỏ chạy đến chỗ Thái tổ.

Thái tổ đến Thọ Xuân, bấy giờ ở vùng biên cảnh đất Lư Giang có bọn sơn tặc là Trần Sách, quân lính đông đến mấy vạn người, cậy hiểm mà giữ.

Trước đây Thái tổ sai thiên tướng đến đánh dẹp, không thắng được. Thái tổ hỏi thuộc hạ xem có thể đánh được không, chúng đều thưa rằng: “Núi cao chót vót, vực sâu hiểm trở, là những nơi dễ giữ mà khó đánh; dầu có đánh thắng thì cái được chẳng đủ bù cái mất, lấy được chỗ ấy cũng chẳng có ích gì.” Diệp nói: “Bọn Sách chỉ là lũ giặc cỏ, nhân lúc loạn lạc mà chiếm cứ nơi hiểm trở, ương ngạnh không chịu khuất phục, nếu không phải người có tước mệnh đủ để thị uy khó mà thu phục được. Ngày trước bởi thiên tướng binh lực ít, mà Trung Quốc còn chưa được yên, cho nên Sách dám nung nấu ở nơi hiểm mà cố thủ. Nay thiên hạ đã tạm yên ổn, phủ dụ là việc sau, trừ địch là việc phải làm gấp. Kẻ sợ chết thường chạy theo mỗi lợi, kẻ ngu dốt cũng làm như vậy. Xưa Quảng Vũ quân giúp Hàn Tín vạch kế sách, ấy là uy danh đã đủ để trước hư trương thanh thế sau mới đánh dẹp mà thu phục được nước lân bang. Huống chi với đức lớn của mình công, đánh dẹp phía Đông thì phía Tây kinh sợ, đại binh đến nơi, lệnh truyền ra chỉ trong ngày, quân doanh chỉ cần mở cửa là quân địch tự tan vỡ.” Thái tổ cười nói: “Lời khanh nói cũng giống với ý của ta vậy!”. Rồi sai mãnh tướng đi trước, đại quân theo sau, đến nơi đánh ngay được Sách, quả đúng như đi đầu Diệp đã tính. Thái tổ quay về lấy Diệp làm Tư không Thương tào duyện.

Phó Tử chép: Thái tổ cho triệu gọi Diệp cùng với Trương Tế, Hồ Chật ... tất cả là năm người, đều là danh sỹ ở Dương Châu tới. Qua mỗi nơi xá đình (4) mấy người ấy lại bàn chuyện, chưa từng bỏ sót buổi nào, đều bàn những chuyện quan trọng cả; bên trong nhắc đến chuyện các bậc tiên hiền ở nước mình (5), việc chống giặc giữ đất, việc tiến lui trong lúc hành quân thế nào, bên ngoài liệu địch mà biến hoá, liệu lường hình thế quân địch thật giả ra sao, học thuật chiến tranh thế nào, sớm tối thao thao bất tận. Duy có Diệp một mình nằm trong xe, thuỷ chung không nói một lời. Tế lấy làm lạ bèn hỏi Diệp, Diệp đáp rằng: “Đối với bậc minh chủ chẳng phải là người không thông thạo những việc ấy, cái sự sáng suốt có thể học mà được hay sao?” Lúc diện kiến Thái tổ, Thái tổ quả nhiên hỏi đến những bậc tiên hiền ở Dương Châu, hình thế giặc giã trong cõi. Bốn người kia tranh nhau thưa, lần lượt nói những điều đã bàn lúc trước, lại kiến giải đúng như thế, Thái tổ với mỗi người đều rất hài lòng, còn Diệp trước sau vẫn không nói lời nào cả. Bốn người kia đều cười. Sau cùng thấy Thái tổ thôi không hỏi gì nữa, Diệp bèn ví von những lời xa xôi để Thái tổ động tâm, Thái tổ hiểu ngay được ý tứ. Diệp nói đến ba lần. Thái tổ có vẻ thích thú với những lời nói xa xôi nên mới hỏi đến Diệp về các việc cần sự suy xét tinh tế, mỗi lời Diệp đáp đều thấy ở đó sự khéo léo, chẳng phải là những lời tạp nhạp lúc ngồi bàn

chuyện phiếm. Thái tổ dò xét kỹ càng hết cả, rồi mới đi nghỉ, cho dùng bốn người kia làm lệnh, riêng Diệp thì lấy làm tâm phúc tin dùng; mỗi khi có việc, thường hỏi đến Diệp, có lúc một đêm gọi đến Diệp tới cả chục lần.

Thái tổ đánh Trương Lỗ, chuyển Diệp sang làm Chủ bộ. Lúc đến được Hán Trung, gặp núi cao khó vượt, quân lương lại thiếu thốn. Thái tổ nói: “Xứ này quả là nơi hiểm ác của quốc gia, sao có thể đánh lấy được đây? Quân ta lương thảo không đủ, chẳng bằng nên mau chóng lui binh.” Muốn dẫn quân quay về, lệnh cho Diệp đốc suất hậu quân, sai các đạo quân lần lượt rút lui. Diệp tính rằng Lỗ có thể đánh được, lại thấy đường vận lương không thông, dẫu bỏ đi, quân lính chẳng thể toàn vẹn được hết cả, liền thưa rõ ý ấy với Thái tổ rồi bẩm rằng: “Chẳng bằng ta đánh đến cùng.” Thái tổ bèn tiến binh, sai quân lính bắn cung loạn xạ vào doanh trại của Lỗ. Lỗ bỏ chạy, Hán Trung bình định ⁽⁶⁾.

Diệp lại tiến lên nói rằng: “Khi trước Minh công chỉ có 5.000 bộ tốt, mà bắt giết Đồng Trác, phá Bắc phá Viên Thiệu, phía Nam dẹp Lưu Biểu, thu được chín châu trăm quận, tám hướng mười phương, uy chấn thiên hạ, người ở cõi ngoài phải kinh sợ. Nay lại lấy được Hán Trung, người Thục nghe tiếng gió mà kinh hoàng, sợ đến vỡ mật, quân ta thuận thế tiến lên, xứ Thục có thể truyềnhịch mà định được. Lưu Bị vốn là bậc nhân kiệt trên đời, dùng mưu mẹo cướp lấy đất Thục, mới được ít ngày, người Thục còn chưa phục. Ta mới phá xong Hán Trung, lòng người Thục rung động, thế lực ắt suy giảm. Minh công là bậc sáng suốt, nhân lúc này hãy thuận thế dẫn binh đánh dần lên không thể không thành công. Nếu chúng ta trì hoãn ít bữa, Gia Cát Lượng sáng suốt giúp việc trị quốc, Quan Vũ-Trương Phi dũng trù ba quân làm tướng, lòng dân xứ Thục đã yên, chiếm lấy nơi hiểm giữ chắc chỗ trọng yếu, lúc ấy sẽ chẳng thể đánh lấy được nữa vậy. Việc hôm nay không làm, ắt để mối lo về sau vậy.” Thái tổ không nghe, dẫn đại quân quay về.

Phó Tử chép rằng: “Bảy ngày sau, có người Thục đến hàng thưa rằng: “Người trong đất Thục một ngày mấy chục lần kinh sợ. Lưu Bị dẫu đã chém một số người mà vẫn không thể dẹp yên được.” Thái tổ mới gọi Diệp vào hỏi rằng: “Nay còn có thể đánh được chăng?” Diệp thưa: “Nay xứ Thục đã tạm yên, chưa thể đánh được.”

Diệp từ Hán Trung trở về, được làm Hành quân Trưởng sử, kiêm đốc trách quân đội. Năm Diên Khang nguyên niên, Thục tướng Mạnh Đạt dẫn binh đến hàng. Đạt có phong tư tài mạo, Văn Đế rất yêu mến, lấy Đạt làm

Thái thú Tân Thành, thêm chức Tán kỵ Thường thị. Diệp cho rằng “Đạt vốn không có lòng lo việc chu toàn, chỉ cậy tài hay thuật giỏi, hẳn chẳng biết đến việc cảm kích ân huệ mà lo việc nghĩa. Tân Thành tiếp giáp với hai xứ Ngô-Thục, ví như có biến, sẽ là mối lo cho quốc gia vậy.” Văn Đế thuỷ chung không chịu đổi ý, kết cục về sau Đạt làm phản gây hại cho nước.

***Phó Tử chép:** Khi trước, lúc Thái tổ còn sống, Ngụy Phúng là người có danh vọng lớn, tứ bậc khanh tướng đến người dưới đều khuynh tâm giao kết. Sau khi Mạnh Đạt bỏ Lưu Bị theo về với Văn Đế, mọi người bàn luận phần nhiều xưng tụng rằng hai người ấy liệu việc sánh được với Nhạc Nghị thuở trước. Diệp một lần diện kiến Phúng, Đạt rồi bảo mọi người rằng Đạt ắt sẽ làm phản, rút cục quả như lời ấy.*

Năm Hoàng Sơ nguyên niên, lấy Diệp làm Thị trung, ban cho tước Quan nội hầu. Đế xuống chiếu hỏi quần thần xem liệu Lưu Bị có vì Quan Vũ mà xuất binh báo thù nước Ngô chẳng. Mọi người bàn luận đều nói rằng: “Thục là tiểu quốc, danh tướng chỉ có mỗi Vũ, Vũ chết quân tan, người trong nước lo sợ, tất không dám xuất quân báo thù.” Riêng Diệp nói rằng: “Nước Thục tuy nhỏ hẹp, nếu Bị muốn dấy binh lực mạnh để đánh, thế tất sẽ dùng nhiều quân binh để lấy số đông bù lại. Vả lại Quan Vũ cùng với Bị, nghĩa là quân thần, ân tình còn hơn cả anh em (7); Vũ chết đi Bị chẳng thể không hưng binh báo thù, cái tình chung thuỷ ấy chẳng thể nào chia cắt nổi.” Về sau Bị quả nhiên xuất binh đánh Ngô. Ngô mang cả nước theo về Ngụy, phái sứ giả đến xưng thần. Triều thần đều đến chúc mừng, duy chỉ có Diệp cho rằng: “Nước Ngô cách biệt bởi Giang-Hán giữ lấy cõi ngoài, vốn không có lòng thần phục đã lâu. Bệ hạ tuy đức sánh được với Hữu Ngu, nhưng mới chỉ khiến họ sợ, mà cái tình chưa đủ để cảm động đến họ. Kẻ gặp lúc khó mới chịu thần phục người, ắt chẳng phải là thật bụng vậy. Thế tất bên kia đang bị bên ngoài bức bách mà bên trong khốn quẫn, mới phải phái sứ giả đến đây, ấy cũng là bởi vì cái thế đã cùng, mới phải làm như thế. Người ta nói rằng ‘một ngày thả địch, tai hoạ mấy đời’, chẳng nên không suy xét kỹ càng vậy.”

Bị thua quân lui về Ngô không chịu sai người đưa lễ vật đến, Đế muốn hưng binh thảo phạt, Diệp cho rằng “Họ mới đắc chí, trên dưới một lòng, lại cách trở sông hồ, khó mà đánh được.” Đế không nghe.

***Phó Tử chép:** Tôn Quyền sai sứ đến xin hàng, Đế nhân thế hỏi Diệp. Diệp thưa rằng: “Quyền vô có đâu hàng, ắt trong nước có việc nguy cấp. Năm trước*

Quyền tập kích giết chết Quan Vũ, lấy mất bốn quận Kinh Châu, Bị căm giận, ắt hưng đại binh đến đánh. Bên ngoài có kẻ địch mạnh, nội bộ tất bất an, lại sợ Trung Quốc nhân cơ hội này đến đánh, nên mới cúi mình đến xin hàng, một là mong rằng Trung Quốc đừng khởi binh, hai là bày tỏ với Bị rằng họ có Trung Quốc là ngoại viện, khiến cho kẻ địch mạnh kia phải nghi ngờ. Quyền vốn khéo việc dùng binh, biết cơ mưu quyền biến, thế tất chẳng ở bên ngoài lẽ ấy. Nay thiên hạ chia ba, Trung Quốc mười phần ta đã có tám. Ngô-Thục mỗi phe giữ lấy một châu, cậy vào núi cao sông lớn mà cố thủ, gặp nguy cấp thì cứu giúp lẫn nhau, ấy là cái lợi của tiểu quốc vậy. Lúc này họ lại đánh lẫn nhau, đấy là trời làm họ mất nước. Chúng ta nên khởi đại binh, vượt sông lớn tập kích vào nước họ. Thục đánh ở bên ngoài, ta đánh bên trong, nước Ngô bất quá chỉ độ mười ngày sẽ mất. Ngô mất rồi tất Thục cô thế. Ví bằng chúng ta chỉ lấy được nửa nước Ngô, Thục cũng chẳng thể bền lâu được, huống hồ Thục chỉ lấy được nơi biên ngoại, ta lấy được cả vùng đất ở phía trong!” (8) Đế nói: “Người ta đã xưng thần chịu hàng mà ta lại đánh họ, tất sẽ ngăn trở lòng muốn hàng của thiên hạ sau này, họ tất lấy thế làm sợ hãi, việc ấy chẳng nên làm! Chẳng bằng cô nhận cho Ngô hàng, nhân đó tập kích phía sau quân Thục thì hơn?” Diệp thừa: “Thục ở xa mà Ngô ở gần, nếu Thục hay tin Trung Quốc đến đánh, họ tất rút quân về, chẳng thể khác được. Nay Bị đang thịnh nộ, cố sức hưng binh đánh Ngô, nếu hay tin ta cũng phạt Ngô, tính rằng Ngô ắt phải mất, tất sẽ hoan hỉ tiến binh cùng với ta tranh giành đất đai nước Ngô, hẳn không dè dặt bỏ nổi tức giận mà cứu giúp Ngô, cái thế tất nhiên phải xảy ra như vậy.” Đế không nghe, cứ nhận cho Ngô hàng, rồi bái Quyền làm Ngô vương. Diệp lại tiến lên nói: “Chớ nên. Tiên đế xưa chinh phạt, lấy được tám phần thiên hạ, uy chấn hải nội, Bệ hạ vâng mệnh trời lên ngôi, về đức hợp với lẽ trời đất, tiếng thơm lan toả bốn phương, việc ấy hiển nhiên là thật, nào phải kẻ hèn thần này nói lời xưng tụng đâu. Quyền dẫu có hùng tài, thời Hán mạt cũng chỉ làm chức Phiêu kỵ Tướng quân Nam Xương hầu mà thôi, chức quan nhỏ thì thế yếu. Làm kẻ sĩ dân thì trong bụng vẫn còn ứ ỹ kỳ Trung Quốc chúng ta, không dám cưỡng lại hòng toan mưu việc lớn. Thế mà vì bất đắc dĩ mới chịu nhận hàng, lại ban cho tước vương, phong thập vạn hộ hầu (9), thiết nghĩ Bệ hạ chẳng thể ban cho y tước vương được. Bởi kẻ ở ngôi vương, chỉ ở dưới thiên tử một bậc, phẩm trật lễ phục gần như nhau. Nếu như Quyền chỉ có tước hầu, hẳn sĩ dân Giang Nam với Quyền chưa thể có được cái nghĩa quân thần. Nay ta tin lời trá hàng, phong cho chức lớn, ở ngôi vị tôn hào, nghĩa quân thần của họ đã định, ấy chính là giúp hỗ thêm cánh vậy. Quyền đã nhận ngôi vương, sau này đánh được quân Thục, bên ngoài vẫn tỏ ra thần phục Trung Quốc, để cho người trong nước đều biết thế, còn bên trong họ lại không tuân mệnh Bệ hạ khiến Bệ hạ phải tức giận. Bệ hạ đừng đừng nổi giận, tất sẽ hưng binh đến đánh, bấy giờ họ mới bố cáo với dân chúng ở đấy rằng: ‘Ta đem lòng thờ phụng Trung Quốc, chẳng phải vì yêu đồ

trân quý của họ trọng vọng ngôi cao mà họ ban cho, vẫn định kỳ tiến cống đều đặn, chẳng dám làm mất cái lễ của kẻ bầy tôi, nay họ vô cớ tới đánh, tất muốn diệt nước ta, bắt hết con trai con gái nước ta về bên ấy làm kẻ hầu người hạ.’ Người dân nước Ngô không thể không tin những lời ấy. Họ đã tin lời thì sẽ cảm kích và oán giận, trên dưới một lòng, sự hăng hái sẽ nhân lên gấp bội phần vậy.” Đế vẫn không nghe. Tức thì bái Quyền làm Ngô vương. Về sau Quyền cùng với Lục Tồn bàn định đánh cho Lưu Bị đại bại, giết chết binh lính Thục hơn tám vạn người (10), Bị bỏ chạy thoát thân. Quyền bên ngoài tỏ vẻ nhún nhường hơn, mà bên trong lại tỏ ý bất thuận, quả như lời Diệp đã nói.

Năm Hoàng Sơ thứ năm, Đế muốn đánh quân Ngô ở Nghiễm Lăng nơi cửa sông Tứ, lệnh cho chư quân ở hai châu Kinh-Dương cùng tiến. Lại hội cả qu ân thần, hỏi: “Quyền sẽ tự dẫn binh đến chăng?” Chúng đều nói: “Bệ hạ thân chinh, Quyền lo sợ cuống quýt, tất sẽ cất quân nghiêng nước đến ứng phó. Lại không dám uỷ thác đại quân cho kẻ dưới, thế tất sẽ phải thân chinh đem quân đến.” Diệp nói: “Họ cho rằng Bệ hạ đem muôn vạn chiến thuyền đến, ắt sẽ phải vượt qua sông hồ nơi ấy, ắt hẳn họ sẽ kìm binh một chỗ đón đợi chúng ta, chưa chắc đã chịu tiến lui gì.” Đại giá (11) đi được nửa đường thì đóng lại mấy ngày, Quyền quả nhiên không đến, Đế bèn ban sư. Nói rằng: “Khanh liệu việc đúng lắm. Ta đang nghĩ cách diệt hai kẻ địch kia, chẳng thể chỉ biết đến mình mà thôi.”

Minh đế lên tức vị, Diệp được tiến tước làm Đông Đình hầu, ăn lộc 300 hộ. Chiếu viết rằng: “Tôn kính tổ tiên, ấy là làm tròn đạo hiếu; nhớ về cội nguồn để cung kính đối với người sau, ấy là tuân theo mệnh dạy của người xưa. Như Thành Thang-Văn-Vũ thuở trước gây dựng nên nhà Thương-nhà Chu, lấy Thi-Thư làm nghĩa, truy tôn Tắc, Tiết (12) ca tụng Hữu Ngu - Khương Nguyên (13), làm sáng tỏ đức lớn còn truyền lại đến ngày nay, ấy là chịu mệnh để hưng vượng đạo xưa. Vương thất nhà Ngụy ta vâng theo mệnh trời, đã phát tích từ Cao hoàng đế, Thái hoàng đế (14), mà công lao của Vũ hoàng đế, Văn hoàng đế thật cao vời. Trước kia Cao hoàng đế hoà mục với người, nhún nhường sửa đức, hành động sáng suốt, thế nên được trời đất cho hưởng phúc lớn, khi mất vẫn để lại cái vẻ vang cho con cháu về sau. Sáng suốt là ở chỗ nhìn xa, sao cho tiếng khen còn truyền mãi, chẳng phải là luận việc trọn đạo hiếu để coi trọng cội nguồn vậy. Nay lệnh cho công khanh ở dưới, cùng bàn bạc về thuy hiệu.”

Diệp bàn rằng: “Thánh đế nhún nhường hiếu thảo muốn tỏ rõ sự sùng kính với tổ tiên, ấy là lòng thành thực chẳng phải cân nhắc làm gì. Nhưng

thân sơ có mấy lồi, xa gần cũng có mấy bậc, sự kính lễ phải có kỷ cương, thế nên tư tình phải rõ ràng, sao cho khuôn phép đã hình thành, là khuôn mẫu cho vạn đời sau vậy. Chu vương sở dĩ truy tôn thượng tổ là Hậu Tắc, bởi đã có công phò tá họ Đường (15), tên tuổi đã được ghi vào điển cố. Đến khi Hán thị mới lên, lấy việc truy thụy hiệu là nghĩa, chẳng qua là vì cha mình mà thôi. Bên trên so với nhà Chu, thì Đại Ngụy ta phát tích từ Cao Hoàng ngày trước; dưới bàn đến Hán thị, thì việc truy thụy hiệu ấy là kính lễ chẳng đến được tổ tiên. Thế nên cần phải đổi thay để lập ra khuôn phép, giờ đây chính là lúc nêu tỏ đạo nghĩa vậy. Lòng trung hiếu Bệ hạ đã nêu, sự chí thành thì không có gì là quá, lời đã nói ra sở dĩ phải cân trọng bởi đó là lễ chế (16) vậy. Đã lấy việc truy tôn là nghĩa, nên bắt đầu từ Cao hoàng để vậy.” Thượng thư Vệ Trấn cùng với Diệp bàn luận, việc ấy được thi hành.

Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Uyên cướp ngôi của chú (17), chuyên quyền tự lập, phái sứ giả đến dâng biểu trạng. Diệp thấy họ Công Tôn từ thời Hán mạt vẫn giữ riêng một cõi, nối đời làm quan tướng, bởi đến được chỗ đó thì đường thủy cách bể, đường bộ cách núi non, mà rợ Hồ ở nơi xa xôi rất khó khống chế, vả lại họ đã giao tiếp với Quyên rất lâu ngày. Nay ví bằng không diệt đi, sau này tất sẽ sinh họa. Nếu như đem hai đạo binh vượt nơi hiểm trở, tiến hành thảo phạt, là việc rất khó làm. Chẳng bằng nhân lúc Uyên mới tự lập, có nhiều bè đảng thù nghịch, thừa lúc họ không đề ý, mang số ít quân binh đến, bày tiệc khen thưởng và chiêu mộ quân binh làm tay chân, như thế có thể chẳng cần khó nhọc mà định được cả. Sau này Uyên làm phản bị giết.

Diệp ở triều đình, rất ít giao tiếp với mọi người. Có người hỏi việc ấy, Diệp nói: “Ngụy thất cho tôi ở ngôi thượng tôn, bậc trí giả cần biết mệnh, để kẻ tục nhân khỏi ngờ vực. Lúc nhà Hán còn tôi chỉ là kẻ hèn mọn (18), đến khi nhà Ngụy lên cho tôi là tâm phúc, ít người được bằng vai với mình, không nên đánh mất mình đi vậy.”

Năm Thái Hoà thứ sáu, lúc Diệp bị ốm được bái làm Thái trung Đại phu. Một thời gian sau, được làm Đại hồng lư, ở ngôi vị ấy được hai năm thì tự nhường cho người khác, lại làm Thái trung Đại phu cho đến lúc chết. Được ban thụy hiệu là Cảnh hân. Con là Nhật nối tự.

Phó Tử chép: Diệp phụng sự Minh hoàng đế, rất được coi trọng. Để tính chuyện đem quân đánh Thục, triều thần trong ngoài đều nói ‘không nên’. Diệp cùng với

Đế bàn định, nói rằng ‘nên đánh’; khi ra nói việc ấy với triều thần, lại nói rằng ‘không nên đánh’. Diệp là người kín đáo, mỗi lời nói ra đều có sự cân nhắc cả.

Trung lĩnh quân Dương Kỳ, được Đế lấy làm bề tôi thân cận, cũng rất kính trọng Diệp, kiên định chủ trương không nên đánh Thục, lúc Diệp ở trong cung ra, Kỳ hỏi Diệp, Diệp giảng giải cái ý không nên đánh. Sau Kỳ theo hầu bên giá, Đế bàn đến chuyện đánh Thục, Kỳ liền can gián. Đế nói: “Khanh là thư sinh, sao biết được việc binh!” Kỳ nhún nhường tạ rằng: “Thần xuất thân là hạng nho sinh hèn mạt, Bệ hạ đã quá rõ, song việc hợp sức với quần thần ở trong, gây dựng sáu quân cho chúa thượng, thần quả có lòng, chẳng dám không nói hết lời. Thần nói quả chẳng đủ để Bệ hạ tin, song Thị trung Lưu Diệp trước từng bàn mưu với thần, thường nói rằng Thục không nên đánh.” Đế nói: “Diệp nói với ta rằng Thục có thể đánh được kia mà.” Kỳ nói: “Nên gọi Diệp đến để đối chất.” Liền hạ chiếu triệu Diệp đến, Đế hỏi Diệp, Diệp thảy chung không chịu nói. Sau thấy còn có một mình, Diệp trách Đế rằng: “Đánh nước người, đó là mưu lớn, khi thần bàn tính việc lớn với Đại vương, vẫn thường sợ rằng lúc mộng寐 mà tiết lộ việc ấy ra ngoài thần sẽ mắc tội lớn, sao dám nói với người khác việc ấy. Dụng binh, là việc trá nguy, việc binh lúc chưa làm, chẳng phải kín đáo ru. Bệ hạ đã để lộ rõ việc ấy, thần sợ rằng địch quốc đã hay tin rồi vậy.” Đế liền tạ lỗi với Diệp, Diệp ra ngoài, trách Kỳ rằng: “Kẻ đi câu định bắt được con cá lớn, tất phải buông dây cho nó chạy, không biết đợi để giữ lấy nó về sau, ắt chẳng thể bắt được nó. Người chủ xướng cần vững vàng, cũng như tính chuyện bắt con cá lớn! Ta tin rằng người là bầy tôi thẳng thắn, song mưu việc chưa đủ để khiến người khác nghe, chẳng thể không suy nghĩ chín chắn vậy.” Kỳ cũng tạ lỗi với Diệp. Đại khái Diệp có thể liệu tính mọi việc chu toàn như vậy.

Có kẻ nói xấu Diệp với Đế rằng: “Diệp chẳng hết lời trung, chỉ khéo dò xét ý của chúa thượng để nói trước cho hợp ý mà thôi. Bệ hạ thử cùng ngồi nói chuyện với Diệp, cứ lật lại ý của Diệp mà cật vấn, nếu như Bệ hạ nói những ý đó là trái, nhất định Diệp sẽ lựa lời cho hợp với thánh ý. Lại mỗi lần đều hỏi những việc giống nhau, Diệp chẳng có chủ ý riêng ắt không bỏ đi vậy.” Đế đem lời ấy ra chứng nghiệm, Diệp quả quyết bày tỏ đúng ý riêng của mình, Đế cứ theo thế mà làm. Diệp liền phát cuồng lên, bỏ ra khỏi Đại hồng lư, lo lắng muốn chết. Đế đến thăm nói: “Lời xảo trá chẳng bằng lời nói thực vụng về, ta tin người rồi.”

Diệp là người có mưu kế quyền biến sáng suốt, lúc nhàn tản thì làm việc đức nghĩa, khi có việc lấy sự trung tín làm đầu, các bậc hiền tài cổ xưa cũng không hơn được. Một bụng tài trí, mà chẳng tranh giành với kẻ sĩ cùng thời, bên trong không mở lòng mình với người trên, bên ngoài một mối với tục nhân, lúc chết vẫn chẳng thấy được thiên hạ an bình, há chẳng thương thay! [\(19\)](#)

Con nhỏ của Diệp là Đào, cũng có tài cao mà bạc mệnh, làm quan đến chức Bình Nguyên Thái

Thú.

Vương Bật truyện chép rằng: Người ở Hoài Nam là Lưu Đào, khéo bàn luận chuyện thiên hạ, lúc đương thời làm Sở thôi [\(20\)](#).

***Phó Tử chép:** Đào tên tự là Quý Dã, được khen là người khéo, có tài biện bác. Vào thời Tào Sảng nắm quyền đã được tuyển vào Bộ Lang, có người đồ đệ của Đặng Dương được khen là có tài Y, Lã. Lúc bấy giờ người ấy có ý đến Thanh Vân, bảo với một người tên là Huyền rằng: “Trọng Ni chẳng phải là thánh. Làm sao biết được như thế? Bởi vì bậc trí giả mưu toan việc nước; mà phần lớn người trong thiên hạ là những kẻ mê muội, mọi việc đều nằm cả trong lòng bàn tay, thế mà chẳng thể có được thiên hạ.” Huyền rất ngờ lời ấy, không chịu phục mới căn vặn lại. Người ấy bảo Huyền rằng: “Muốn có thiên hạ thì về tư chất, phải biết biến đổi vô thường. Nay như thế xem ra ông ấy cũng chỉ là kẻ khanh tướng khốn cùng mà thôi!” Sảng thất bại, người ấy lui về làng ở, sau đến tạ rằng lời nói ấy là quá.*

Sách Tấn kỷ của Kiền Bảo chép rằng: Quán Khâu Kiệm nổi dậy, Đại tướng quân hỏi Đào việc ấy, Đào đáp rằng mình không đoán biết được. Đại tướng quân giận nói: “Khanh bình sinh cùng với ta bàn luận chuyện thiên hạ, đến hôm nay có việc lại chẳng hết lòng ư?” Bèn đuổi ra ngoài làm Bình nguyên Thái thú, rồi sai người đuổi theo giết chết.

TRÌNH DỤC TRUYỆN

Trình Dục tự Trọng Đức, người Đông quận huyện Đông A. Minh cao tám thước ba tấc, có bộ râu rất đẹp. Lúc Hoàng Cân nổi dậy, viên Huyện thừa là Vương Độ làm phản hưởng ứng giặc, thiêu đốt kho lương. Huyện lệnh treo tường thành bỏ trốn, quan lại và dân chúng già trẻ nhăm hướng Đông chạy về núi Cù Khâu. Dục sai người dò xét Độ, thấy bọn Độ lấy được toà thành trống rỗng không thể giữ nổi, đã ra khỏi thành đi về phía Tây năm sáu chục dặm rồi dừng lại đóng binh ở đó. Dục bảo một người có danh tiếng trong huyện là Tiết Phòng rằng: “Nay bọn Độ chiếm được thành mà chẳng giữ lấy, cứ xem tình thế thì biết, bất quá chúng chỉ cướp bóc tài vật, chứ chẳng có giáp bần khí giới sắc chú tâm đánh giữ vậy. Nay sao bọn ta không thống suất mọi người quay về thành mà cố thủ? Vả lại tường thành cao mà dầy, lương thực rất nhiều, lúc này nếu tìm được huyện lệnh về, cùng nhau giữ chắc, Độ hẳn chẳng thể ở lâu, đánh có thể phá được vậy.” Bọn Phòng cho là đúng. Nhưng đám lại dân không nghe theo, nói: “Giặc ở phía Tây, chúng ta chỉ ở phía Đông được thôi.” Dục bảo bọn Phòng: “Đám ngu dân chẳng thể bàn việc được.” Rồi ngầm phái mấy người cưỡi ngựa cần cò đi về phía đông Thượng Sơn, lệnh cho bọn Phòng đứng ở đằng xa, kêu lớn rằng: “Giặc đã đến”, rồi xuống núi nhanh chân chạy chạy vào thành, đám dân chúng vội vàng chạy theo, sau tìm được huyện lệnh về, bèn cùng nhau giữ thành. Bọn Độ kéo đến đánh thành, không hạ được, liền bỏ đi. Dục thống suất dân chúng mở cửa thành đuổi đánh rất gấp, bọn Độ tan vỡ bỏ chạy. Đông A vì thế được bảo toàn.

Năm Sơ Bình trung, Thứ sử Duyện châu là Lưu Đại cho vời Dục, Dục không đáp ứng. Thời ấy Đại cùng với Viên Thiệu và Công Tôn Toản liên hoà, Thiệu lệnh cho vợ con đến ở chỗ Đại, Toản cũng phái Tông sự là Phạm Phương đưa kỵ binh đến giúp Đại. Về sau Thiệu và Toản có hiềm khích. Toản đánh phá quân Thiệu, rồi phái sứ giả đến mách với Đại, xui đuổi vợ con Thiệu về, cùng với Thiệu tuyệt giao. Lại lệnh riêng cho Phạm

Phương rằng: “Nếu như Đại không đuổi gia quyến Thiệu, người cứ dẫn quân kỵ về Ta dẹp xong Thiệu, sẽ đem thêm binh đến chỗ Đại.” Đại nghị bàn suốt ngày không quyết được, quan Biệt giá là Vương Úc bạch với Đại: “Trình Dục là người có mưu kế, có thể quyết đoán được đại sự.” Đại bèn cho triệu kiến Dục, hỏi kế, Dục nói: “Nếu bỏ sự viện trợ ở gần của Thiệu mà cầu lấy sự cứu giúp ở xa của Toàn, cũng ví như cầu người ở nước Việt đi cứu người chết chìm ngoài bể vậy. Người như Công Tôn Toàn, chẳng phải là đối thủ của Viên Thiệu vậy. Nay dẫu phá được quân của Thiệu, nhưng sau cùng sẽ bị Thiệu bắt được. Nếu bám lấy cái quyền thế nhất thời mà chẳng lo mưu tính xa xôi, tướng quân sau cùng sẽ thất bại.” Đại nghe theo. Phạm Phương dẫn quân kỵ đi, chưa đến nơi, Toàn đã bị Thiệu đánh tan tành. Đại dâng biểu xin cho Dục làm Kỵ đô úy, Dục xưng có bệnh từ chối.

Lưu Đại bị quân Hoàng Cân giết hại. Thái tổ đến Duyện châu, cho vời Dục. Dục muốn đi ngay, có người làng hỏi rằng: “Sao ý ngài trước sau lại trái ngược nhau vậy!” Dục cười không đáp lời. Thái tổ cùng Dục nói chuyện riêng, rất vui lòng, cho Dục giữ chức Thọ Trương lệnh. Thái tổ đi đánh Từ châu, sai Dục cùng Tuân Úc giữ Quyên Thành. Bọn Trương Mạc làm phản nghênh đón Lã Bố, các quận huyện hưởng ứng, chỉ có Quyên Thành, Phạm huyện, Đông A là không lay động. Hàng quân của Lã Bố, nói là Trần Cung tự dẫn binh đến lấy Đông A, lại phái Phiếm Nghi đến lấy Phạm huyện, dân chúng đều sợ hãi. Úc bảo Dục rằng: “Nay Duyện châu làm phản, chỉ còn có ba thành này. Bọn Cung đem trọng binh đến, nếu không đoàn kết nhân tâm, ba thành này tất nổi loạn. Ngài, là người được dân chúng ngưỡng vọng, nên quay về giải thích cho họ, có thể được vậy!” Dục bèn quay về đi qua Phạm huyện, nói với huyện lệnh là Cận Doãn rằng: “Nghe nói Lã Bố bắt giam mẹ, em trai và vợ con ngài, nếu thực là kẻ hiếu tử thì chẳng thể yên tâm được! Nay thiên hạ đại loạn, kẻ anh hùng đều nổi dậy, tất phải có kẻ kỳ tài hơn đời, mới có thể dẹp loạn trong thiên hạ, bậc trí giả như thế cần phân biệt cho rõ ràng vậy. Được minh chủ thì thịnh, mất minh chủ thì bại vong. Trần Cung làm phản đón Lã Bố mà cả trăm thành đều hưởng ứng, tựa như quy thuận, nhưng ngài hãy xem, Bố sao bằng người ta được! Kẻ như Bố, thô lỗ mà thiếu tình thân, cương gàn mà vô lễ, là kẻ anh hùng thất phu mà thôi. Bọn Cung mượn thế lực ấy mà tụ họp, chẳng thể giúp ngài được. Binh dẫu đông, rút cục không nên việc. Tào

sứ quân trí mưu hơn đời ai sánh kịp, ngờ là trời đã ban cho ta! Ngài tất giữ được Phạm huyện, ta phòng thủ Đông A, thì cái công của Diên Đan có thể lập được vậy⁽²¹⁾. Có ai lìa bỏ lòng trung tín theo kẻ ác mà mẫu tử được đờng vong bao giờ? Chỉ có ngài mới lo toan tường tận được thôi!” Doãn chảy nước mắt nói: “Chẳng dám hai lòng.” Lúc ấy Phiếm Nghi đã ở trong huyện, Doãn bèn tiếp kiến Nghi, đặt phục binh đâm chết Nghi, rồi quay về chỉnh trang binh lính phòng thủ.

Từ Chúng bình rằng: Doãn và Tào công, chưa nên nghĩa quân thân. Mẹ, là người chí thân vậy, cái nghĩa kia nên bỏ. Xưa kia mẹ Vương Lăng bị Hạng Vũ bắt, người mẹ cho rằng Cao tổ tất lấy được thiên hạ, nên tự sát để bênh cái chí của Lăng⁽²²⁾. Trong lòng sáng suốt không có gì ràng buộc, rồi sau mới thành sự tích người chết vì tiết tháo. Công tử Khai Phương nước Vệ làm quan ở Tề, lâu năm chẳng về nước, Quản Trọng cho là chẳng có tình thân, chỉ biết yêu vua, không thể cho làm tướng⁽²³⁾. Thế nên tìm kẻ trung thân tất phải là kẻ hiếu tử trong nhà, Doãn nên cứu lấy người chí thân trước đã. Mẹ Từ Thứ bị Tào công bắt được, Lưu Bị liền sai Thứ quay về, Dục vì thiên hạ phải thứ lỗi cho cái tình của người con vậy. Tào công cũng nên trách phạt Doãn vậy.

Dục lại phái quân biệt kỵ chặn bến Thương Bình, Trăn Cung đến, không qua sông được. Dục đến Đông A, Đông A lệnh là Tảo Chi đã đốc suất khuyến khích dân, giữ chắc huyện thành kháng cự. Lại có quan Tòng sự ở Duyện châu là Tiết Để cùng Dục hợp mưu, bảo toàn được ba thành, để đợi Thái tổ. Thái tổ về, nắm tay Dục nói: “Không có tâm lực của tiên sinh, ta đã không còn nơi để về rồi.” Rồi dâng biểu tiến cử Dục làm Đông Bình tướng, đóng ở Phạm huyện.

Nguy thư chép: Dục thời trẻ tường mộng trèo lên Thái Sơn, hai tay bưng mặt trời. Dục tự nghĩ lấy làm lạ, đem nói với Tuân Úc. Đến lúc Duyện châu làm phản, nhờ Dục giữ vẹn được ba thành. Vì thế Úc đem chuyện Dục nằm mộng bạch với Thái tổ. Thái tổ nói: “Khanh đáng là người tâm phúc nhất của ta.” Dục vốn có tên là Lạp, Thái tổ bèn thêm cho chữ ‘thượng’ ở bên trên, đổi tên thành Dục vậy⁽²⁴⁾.

Thái tổ cùng Lã Bố giao chiến ở Bộc Dương, mấy lần gặp bất lợi. Nạn hoàng trùng⁽²⁵⁾ nổi lên, hai bên đều dẫn quân về. Lúc ấy Thiệu sai người đến nói với Thái tổ muốn cùng liên hoà, định mời Thái tổ dời gia quyến đến cư trú ở huyện Nghiệp. Thái tổ mới mất Duyện châu, quân lương hết nhẵn, bèn nghe theo. Lúc đó Dục đi sứ vừa mới về liền vào yết kiến, nhân đó nói rằng: “Tôi trộm nghe nói tướng quân muốn đưa gia quyến sang

huyện Nghiệp, cùng với Thiệu liên hoà, có thực thế chẳng?” Thái tổ nói: “Đúng thế.” Dục nói: “Cái ý của tướng quân tôi nghĩ đến mà sợ, không như thế thì sao lại suy tính chẳng thấu đáo như vậy! Viên Thiệu chiếm cứ đất Yên-Triệu, có tâm địa thâm gằm thiên hạ, mà trí lực chưa đủ để nên việc. Tướng quân tự liệu mình có thể ở dưới người ta chẳng? Tướng quân có uy như rồng như hổ, có thể làm cái việc của Hàn-Bành chẳng(26)? Nay Duyệt châu tuy hoang tàn, chỉ còn có ba thành. Nhưng quân sĩ có thể chiến đấu, chẳng dưới vạn người. Tướng quân là bậc thần vũ, có Văn Nhượng, có Dục này, thu lấy mà dùng, cái nghiệp bá vương có thể thành được vậy. Xin tướng quân hãy nghĩ kỹ lại xem!” Thái tổ bèn thôi.

Nguy lược chép lại lời khuyên của Thiệu với Thái tổ rằng: “Khi xưa Điền Hoành, là thế tộc ở nước Tê, anh em có ba người từng làm vương, chiếm cứ đất đai nghìn dặm, nắm giữ trăm vạn chúng dân, cùng với chư hầu đều ngoảnh mặt về nam xưng Cô. Cao tổ đã thu được thiên hạ, mà Hoành cố ý không hàng. Đương lúc bấy giờ, Hoành há có thể làm trái với lương tâm sao!” Thái tổ nói: “Phải rồi. Ta tin rằng kẻ trượng phu như thế sao chịu nhục được.” Dục nói: “Dục này ngu ngốc, chẳng biết nói ngọt, vẫn cho rằng cái chí của tướng quân, chẳng bằng được Điền Hoành. Điền Hoành, chỉ là một tráng sĩ nước Tê thôi, còn xấu hổ vì làm bày tôi của Cao tổ. Nay nghe nói tướng quân muốn đưa gia quyến đến huyện Nghiệp, sắp ngoảnh mặt về Bắc mà thờ Viên Thiệu. Người thông minh thần vũ như tướng quân, mà lại chẳng xấu hổ vì là kẻ dưới của Thiệu, tôi trộm vì tướng quân mà xấu hổ vậy.” Những lời sau này cùng với bốn truyện cũng tựa tựa vậy.

QUÁCH GIA TRUYỆN

Quách Gia tự Phụng Hiếu, người huyện Dương Dịch quận Dĩnh Xuyên.**Phó Tử chép:** “Gia từ thừa nhỏ đã có tâm nhìn xa. Thời Hán mạt thiên hạ nhiễu loạn. Lúc hai mươi tuổi mai danh ẩn tích, bí mật kết giao với những người tuấn kiệt, không giao tiếp với tục nhân, cho nên phần lớn những người cùng thời chẳng mấy ai biết đến, chỉ có những bậc thức giả mới biết được. Năm Gia hai mươi một tuổi, được vời vào phủ Tư đồ.

Khi trước, Gia đi về Bắc yết kiến Viên Thiệu, thời gian sau có nói với mưu thần của Thiệu là Tân Bình, Quách Đồ rằng: “Bậc trí giả nên chọn chúa mà thờ, sao cho trăm lần mưu việc là trăm lần toàn vẹn mà lại có thể gây dựng được công danh. Viên công đồ muốn bắt chước Chu Công nhún mình cầu kẻ sỹ, mà lại chẳng biết dụng nhân tài. Đòi hỏi nhiều nhưng lại ít chú trọng đến cái thiết yếu, có mưu hay mà không quyết, muốn cùng chung sức để cứu giúp đại nạn cho thiên hạ, yên định bá nghiệp, khó lắm thay!” Rồi bỏ đi.

Trước đó, người ở Dĩnh Xuyên là Hí Chí Tài, là mưu sỹ trù hoạch mọi kế sách dưới trướng, Thái tổ rất tin dùng, song chết sớm. Thái tổ gửi thư cho Tuân Úc nói rằng: “Từ lúc Chí Tài chết đi, ta chẳng có ai để bàn tính mọi việc nữa. Nhữ Nam, Dĩnh Xuyên là nơi có nhiều bậc kỳ sỹ, liệu có ai có thể cùng bàn định những việc ấy cùng ta nhỉ?” Úc tiến cử Gia. Thái tổ cho triệu kiến, luận bàn chuyện thiên hạ. Thái tổ nói: “Kẻ khiến ta thành đại nghiệp, ắt hẳn là người này đây.” Khi Gia trở ra, cũng vui mừng nói: “Đúng là chân chúa của ta vậy”. Thái tổ dâng biểu lên cho Gia làm Tư không Quân tế tửu⁽²⁷⁾.

Phó Tử chép: Thái tổ bảo Gia rằng: “Bản Sơ giữ Ký Châu nhân dân đông đúc, Thanh Châu-Tĩnh Châu cũng gồm vào đó, đất rộng binh cường, người theo giúp cũng chẳng phải là những kẻ kém cỏi. Ta muốn đánh dẹp, e rằng binh lực chẳng thể đối địch, biết làm sao đây?” Gia thưa: “Ngày trước Lưu Bang, Hạng Võ về quân lực chẳng thể đối địch nhau, mình công hấn đã biết. Hán Cao Tổ chỉ nhờ trí mưu mà thắng; Hạng Võ tuy mạnh, rút cục vẫn bị đánh bại. Cứ như ý Gia tôi

tính thì, Thiệu có 10 điều bại, mình công có 10 điều thắng, binh Thiệu tuy mạnh, nhưng cũng không đáng ngại. Đó là:

Thiệu ưa lễ nghi phiền phức rườm rà; mình công lại thuận theo lẽ tự nhiên, ấy là thắng về đạo là lẽ thứ nhất.

Thiệu hành động trái lẽ; mình công thuận theo lẽ phải để chỉ huy thiên hạ, thế là thắng về nghĩa là lẽ thứ hai.

Thời Hán mạt chính sự trể nải vì khoan nhu, Thiệu lại lấy khoan hoà mà trị, thế nên chẳng thay đổi được gì; mình công cương quyết lấy sự nghiêm ngặt mà ràng buộc đưa người ta vào khuôn phép, thế là thắng về trị là lẽ thứ ba.

Thiệu bề ngoài thì khoan hoà song bên trong lại nghi kỵ, dùng người mà trong lòng đầy ngờ vực, chỉ tin dùng con em thân thích; mình công bề ngoài giản dị dễ gần mà bên trong thì sáng suốt khéo léo, dùng người thì không chút ngờ vực, chỉ cần có tài là được dùng, chẳng kể gì đến thân sơ, ấy là thắng về độ là lẽ thứ tư.

Thiệu nhiều mưu kế mà thiếu quyết đoán, thường dễ lỡ mất cơ hội; mình công thì cứ có kế sách hay là thi hành, ứng biến đến vô cùng, đó là thắng về mưu là lẽ thứ năm.

Thiệu nường cây vào gia thế và địa vị, thích bàn bạc những chuyện cao siêu để thu lấy lời khen, khiến những kẻ sĩ thích nói những lời tán tụng suông theo về rất đông; mình công lấy sự chí tâm đãi người, cứ theo lẽ chân thực mà thi hành, không làm những việc phô trương, lấy sự cần kiệm làm gương cho kẻ dưới, đối với người có công thì không hề bủn xỉn, khiến cho những kẻ sĩ trung chính có tâm nhìn xa và thực tài ở khắp nơi tin tưởng đến dưới cờ, ấy là thắng về đức là lẽ thứ sáu.

Thiệu nhìn thấy người khác cơ hàn, vẻ thương xót lộ ra nét mặt, nhưng nếu như chẳng nhìn thấy, thì cũng chẳng hề nghĩ đến, đó chính là lòng nhân của đàn bà; mình công thì đối với những việc nhỏ trước mắt, có lúc bỏ qua, nhưng khi gặp việc lớn, lại lo liệu chu đáo được hết cả⁽²⁸⁾, ban ân huệ cho người ta, còn quá cả kỳ vọng, dẫu có việc không nhìn thấy, nhưng vẫn suy tính được chu toàn, chẳng hề thiếu sót, đó là thắng về nhân là lẽ thứ bảy.

Đại thần của Thiệu tranh giành quyền bính, những lời sàm nịnh mê hoặc không dứt; mình công dùng đạo lý cai quản thuộc hạ, lời dèm pha ton hót không nghe, đó là thắng về minh là lẽ thứ tám.

Thiệu chẳng biết phân biệt phải trái; mình công đối với người chân chính thì dùng lễ đãi ngộ, với người bất chính thì dùng phép để trị, ấy là thắng về văn là lẽ thứ chín.

Thiệu thích phô trương thanh thế, không hiểu điều cốt yếu của binh cơ; mình công lấy ít thắng nhiều, dụng binh như thần, quân nhân được nường nhờ, mà địch nhân phải sợ hãi, ấy là thắng về võ là lẽ thứ mười.”

Thái tổ cười nói: “Cứ như lời Khanh nói, cô sao được như vậy.” Gia lại thưa: “Thiệu đang đánh Công Tôn Toàn ở phía Bắc, ta có thể nhân cơ hội này để viễn chinh, tiến sang Đông đánh Lã Bố. Không đánh Lã Bố trước, nếu như Thiệu đến đánh cướp, Bố sẽ dẫn binh chi viện, ấy sẽ là mối nguy hại vô cùng.” Thái tổ nói: “Đúng vậy.”

Rồi đem quân đánh Lã Bố, đánh ba trận đầu phá được, Bố lui binh cố thủ. Bấy giờ sĩ tốt đã mỏi mệt lắm, Thái tổ muốn dẫn quân quay về, Gia khuyên Thái tổ nên đánh gấp, nhân thế bắt được Bố. Lời lẽ như đã chép ở *Tuân Du truyện*.

Phó Tử chép: Thái tổ muốn dẫn quân quay về, Gia nói rằng: “Xưa kia Hạng Tịch⁽²⁹⁾ đánh nhau hơn bảy mươi trận, chưa từng thua một trận nào, một ngày thất thế mà thân chết nước mất, ấy là hữu dũng vô mưu vậy. Nay Bố thua trận liên tiếp, khí suy lực kiệt, trong ngoài thất thủ. Mà uy lực của Bố chẳng bằng được Hạng Võ, song nổi khốn quẫn lại trầm trọng hơn nhiều, nếu chúng ta thừa thắng tấn công, thế tất có thể bắt được Bố”. Thái tổ nói: “Hay”.

Ngụy thư chép: Lưu Bị thua trận đến nương nhờ, Thái tổ lấy làm Dự châu mục. Có người báo Thái tổ rằng: “Bị có tư thế kiêu hùng, nay không sớm trừ đi, tất di họa về sau”. Thái tổ đem việc ấy hỏi Gia, Gia thưa: “Không nên. Minh công cầm kiếm nghĩa khởi binh, vì trăm họ trừ quân cường bạo, nêu cao tín nghĩa để chiêu dụ tuần kiệt, còn lo rằng người thiên hạ chưa tìm đến. Nay Bị có danh tiếng là kẻ anh hùng, nhân vì khốn cùng mới theo về mà lại muốn giết đi, thế là mang tiếng hại người hiền, tất những kẻ trí sĩ trong thiên hạ sẽ lấy thế làm gương, còn ai tìm đến nữa, minh công sẽ cùng ai yên định thiên hạ? Dứt được mối lo một người, mà tuyệt lòng mong ngóng khắp bốn bề, cái lẽ an nguy là thế, chẳng thể không xét kỹ được!” Thái tổ cười nói: “Khanh nói thật đúng ý ta vậy”.

Phó Tử chép: Khi trước, Lưu Bị đến hàng, Thái tổ lấy lễ thượng khách đối đãi, cho làm Dự châu mục. Gia nói với Thái tổ rằng: “Bị có hùng tài mà rất được lòng người. Trương Phi-Quan Vũ, đều là những kẻ có sức địch muôn người, mà sẵn lòng chết vì Bị. Gia tôi xét thấy rằng, sau này Bị tất không chịu ở dưới người khác, toan tính trong lòng y khó có thể lường được vậy. Cổ nhân có câu ‘Một ngày thả địch, hậu họa muôn đời’. Nên sớm lo liệu trước đi”. Bấy giờ, Thái tổ vâng mệnh Thiên tử sai khiến thiên hạ, đang muốn chiêu dụ những kẻ anh hùng nêu cao tín nghĩa, không chịu dùng mưu của Gia. Đến lúc Thái tổ sai Bị đi đánh Viên Thuật, Gia cùng với Trình Dục vội đến nắm lấy cương ngựa can Thái tổ rằng: “Thả Bị, ấy là mối họa lớn vậy!” Khi ấy Bị đã đi xa rồi, sau này cất binh làm phản. Thái tổ hận rằng đã không nghe lời Gia lúc trước.

Xét những điều Ngụy thư chép về việc ấy, cùng với những lời Phó Tử chép ở đây thấy trái ngược nhau vậy.

Tôn Sách chiếm được đất đai ngàn dặm, thu tóm hết cả xứ Giang Đông, nghe tin Thái tổ cùng với Viên Thiệu đương cầm giữ nhau ở Quan Độ, muốn qua sông vượt Giang Bắc tập kích vào Hứa Đô. Quân sỹ của Thái tổ hay tin đều lấy làm kinh sợ. Gia suy đoán rằng: “Tôn Sách mới bình định được Giang Đông, những kẻ bị Sách giết đầu là những bậc anh hùng hào kiệt, mà dưới trướng họ có nhiều người sẵn sàng lấy cái chết để báo thù cho chủ. Thế mà Sách lại rất coi thường không chịu phòng bị. Dầu dưới tay Sách có trăm vạn quân, cũng chẳng khác gì một mình đi giữa Trung nguyên. Ví như có kẻ thích khách mai phục đánh lén, cũng chỉ là một người đánh một người. Thế nên tôi cho rằng, Sách tất sẽ chết bởi tay của một kẻ thất phu mà thôi.” Sách ở Giang Đông chưa được bao lâu, quả nhiên bị môn khách của Hứa Công giết chết.

***Phó Tử chép:** Thái tổ muốn mau chóng đánh dẹp Lưu Bị, lại sợ rằng nếu xuất quân, bị Viên Thiệu tập kích phía sau, tiến lên thì khó đánh được mà lui thì gặp bất lợi. Việc này đã chép ở Vũ đế kỷ. Thái tổ còn ngờ, đem ý ấy hỏi Gia. Gia khuyên Thái tổ rằng: “Thiệu vốn chậm chạp mà đa nghi, có đến cũng chẳng thể nhanh chóng được. Bị mới cất binh, nhân tâm chưa phục, nếu đánh gấp ắt sẽ khắc chế được. Cái lẽ được mất là vậy, chớ nên bỏ lỡ.” Thái tổ nói: “Hay.” Rồi Đông chinh đánh Lưu Bị. Bị thua trận chạy sang chỗ Viên Thiệu, Thiệu quả nhiên không xuất binh.*

Thần Tùng Chi xét Vũ đế kỷ thấy rằng, việc quyết kế đánh Bị, đều bởi Thái tổ tự quyết định. Nói rằng Thái tổ dùng kế của Gia, thế là chẳng đúng. Lại xét truyện này nói rằng Gia liệu được Tôn Sách coi rẻ tính mạng mình, ắt sẽ chết vì tay kẻ thất phu, rõ ràng là sáng suốt liệu việc. Nhưng đó cũng không hẳn là bậc thượng trí, bởi Gia chẳng biết chắc rằng Sách sẽ chết vào năm nào. Nay Tôn Sách chết đúng vào năm định tập kích vào Hứa Đô, ấy cũng chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên vậy.

Sau Thái tổ phá được Viên Thiệu, Thiệu chết, Thái tổ lại đuổi đánh Đàm-Thượng ở Lê Dương, thắng liền mấy trận. Chư tướng muốn thừa thắng tấn công, Gia nói: “Viên Thiệu vốn rất yêu quý hai đứa con này, không quyết được nên lập đứa nào. Lại có Quách Đễ, Phùng Kỳ là mưu thần giúp hai người, thế tất hai bên sẽ giao đấu với nhau, rồi đường ai nấy đi. Ta mà đánh gấp, ắt họ sẽ cùng hợp sức chống giữ, còn nếu ta trì hoãn tấn công thì họ sẽ tranh giành kèn cựa lẫn nhau. Chẳng bằng ta quay về Nam nhằm hướng Kinh Châu làm bộ đánh Lưu Biểu, đợi nội bộ họ sinh biến; họ đã có biến rồi ta sẽ xuất kích sau, như thế có thể chỉ một trận là đánh được.” Thái tổ nói: “Hay.” Bèn quay về đánh phương Nam. Quân đi

đến Tây Bình, Đàm-Thượng quả nhiên tranh giành Ký Châu. Đàm bị quân của Thượng đánh bại, chạy về giữ đất Bình Nguyên, sai Tân Bì đến xin hàng. Thái tổ liền quay lại cứu giúp, nhân đó yên định được Nghiệp Thành. Sau Thái tổ lại đánh dẹp Đàm ở Nam Bì, bình định được Ký Châu. Thái tổ phong cho Gia làm Vị dương Đình hầu.

Phó Tử chép: Hà Bắc đã bình, Thái tổ nhiều lần cho triệu gọi các bậc danh sỹ có tên tuổi ở các châu Thanh-Ký-U-Tĩnh đến, lấy họ làm các chức Duyện coi sóc việc ở vùng đó. Ấy đều là mưu lược của Gia vậy.

Khi Thái tổ đuổi đánh Viên Thượng đến ba quận ở xứ Ô Hoàn, chư tướng môn hạ đều sợ rằng Lưu Biểu sẽ sai Lưu Bị tập kích Hứa Xương đánh Thái tổ, Gia nói: “Minh công tuy uy chấn thiên hạ, song rợ Hồ ở ở nơi xa xôi, ắt chẳng có sự đề phòng. Ta nhân lúc họ không phòng bị, bất ngờ công kích, có thể phá tan được. Vả lại Viên Thiệu vốn có ân huệ với người Di, lại để cho anh em Thượng sống ở đó. Mà nay bách tính ở bốn châu⁽³⁰⁾ chỉ vì sợ uy của ta mà theo, chứ ân đức của chúng ta chưa rủ đến họ, nếu chúng ta quay về đánh phương Nam, Thượng sẽ dựa vào sự giúp đỡ của người Ô Hoàn, kêu gọi những kẻ tội trung sẵn sàng chết vì chủ, một khi người Hồ nổi dậy, người Di cũng hưởng ứng theo, khiến cho Đạp Đốn⁽³¹⁾ cũng nảy sinh mưu toan dòm dò, sợ rằng đất Ký châu, Thanh châu không còn là của chúng ta nữa. Còn như Biểu, chỉ ngửa bàn chuyện suông với khách mà thôi, tự biết rằng chẳng đủ tài để dùng Bị, nếu trọng dụng ắt sợ rằng không thể chế ngự được Bị, nếu dùng Bị vào việc nhỏ ắt Bị không chịu làm, thế dẫu có bỏ trống nước mà đi chinh phạt nơi xa, mình công cũng không cần gì phải lo lắng cả.” Thái tổ bèn nghe theo.

Đến đất Dịch, Gia nói rằng: “Việc binh quý ở chỗ thần tốc. Nay đi xa ngàn dặm đánh người ta, thế mà lại mang theo nhiều đồ quá nặng nề khó mà đi nhanh được, vả lại để cho quân kia biết được, tất có phòng bị; chi bằng bỏ hết những xe chở nặng ở lại, kén chọn khinh binh cùng người hướng đạo để mau chóng tiến quân, bất ngờ đánh úp là hơn.” Thái tổ nghe theo ngầm tiến binh vượt Lô Long Tắc, nhằm thẳng đến sào huyệt của chúa Thiệu Vu. Binh rợ nghe tin Thái tổ đến, sợ hãi cuống quýt cả lên hợp nhau lại ứng chiến. Thái tổ phá được quân ấy, chém chết Đạp Đốn cùng đám thủ hạ. Thượng cùng với anh trai là Hy chạy trốn sang đất Liêu Đông.

Gia học văn tinh thông lại có mưu lược, thấu hiểu sự việc. Thái tổ nói: “Duy chỉ có Phụng Hiếu biết được ý của cô.” Năm Gia 38 tuổi, ở Liễu

Thành trở về bị ốm nặng, Thái tổ hỏi thăm bệnh tình. Lúc Gia chết, Thái tổ đến viếng tang, rất thương cảm, bảo bọn Tuân Du rằng: “Các người tuổi tác đều suýt soát với cô, chỉ có Phụng Hiếu là nhỏ tuổi nhất. Ta tính rằng việc thiên hạ định xong, sẽ giao phó việc sau cho, thế mà đang lúc tráng niên rõ rõ lại chết sớm, chẳng hay đó là số mệnh đã định hay sao!” Bèn viết biểu rằng: “Quân sư Tể tửu Quách Gia, từ lúc theo thần đi chinh phạt, đến nay đã được mười một năm. Mỗi khi có việc, liệu địch ứng biến. Có lúc kế sách của thần còn chưa định, Gia đã quyết ý xong rồi. Việc bình định thiên hạ, công của Gia rất cao. Nay Gia bất hạnh đoản thọ, sự nghiệp chưa trọn. Nhớ đến công lao của Gia, thật chẳng thể quên. Nên tăng thêm thực ấp cho Gia từ 800 hộ trước đây lên 1.000 hộ.”

Ngụy thư chép lại tờ biểu của Thái tổ viết: “Thần nghe rằng việc khen kẻ trung kính người hiền, không hẳn ấy là người thân, nghĩ đến công lao của người ta mà khen thưởng, ấy là ân điển để lại cho đời sau. Như việc Công Tôn Thúc nước Sở, về vang đến đời con cháu; như Sâm Bành dù đã chết, tước lộc đến tận ngành chi thứ. Quân sư Tể tửu Quách Gia, là bậc uyên bác trung lương trình thực, thấu tình đạt lý. Mỗi khi có việc, một lời nói ra ở chốn doanh đình⁽³²⁾, đủ để giải quyết mọi việc, kế sách chẳng hề sai sót. Từ ngày theo trong quân ngũ, nay đã được mười một năm, đi thì cùng xe, ngồi cùng chung chiếu, ở phía Đông bắt sống Lã Bố, ở phía Tây lấy được Tuy Cố, chém được thủ cấp Viên Đàm, yên định Sóc thố⁽³³⁾ đất rộng dân đông, lại vượt qua nơi đất hiểm, bình định xong xứ Ô Hoàn, oai danh rung động cả đất Liêu Đông, tiêu diệt cả Viên Thượn. Dẫu đó là nhờ thiên uy của Bệ hạ, nhưng ở đất Dịch làm chỉ huy, đến lúc lâm địch, truyền lệnh răn bảo ba quân, đủ để đánh được kẻ hung nghịch, đó thực sự là công lao của Gia vậy. Đang lúc chuẩn bị biểu dương công lao, song Gia đoản mệnh mà chết sớm. Người trên ở nơi triều đường thương tiếc mà truy điệu bậc lương thần, kẻ dưới tiếc hận phải để tang cho người tài đã khuất. Nay nên truy tặng cho Gia, tăng thêm lộc đủ 1.000 hộ, khen tặng người đã chết, cũng là để cô suý cho người sau vậy.”

Ban cho Gia thụy hiệu là Trinh hầu. Con là Dịch nối tự. Dịch tự là Bá Ích.. Sách Ngụy thư khen rằng Dịch thông minh thấu tỏ đạo lý.

Sau này lúc Thái tổ chinh phạt Kinh Châu trở về, đến Ba Khâu gặp bệnh dịch, thụyên bề bị đốt cả, than thở rằng: “Nếu Quách Phụng Hiếu còn sống, chẳng thể khiến cô đến nông nỗi này.”

Phó Tử chép: Thái tổ khóc mà rằng: “Thương thay Phụng Hiếu! Đau đớn thay Phụng Hiếu! Tiếc thay Phụng Hiếu!”

Lúc trước, Trần Quên nói với Thái tổ rằng Gia không chịu sửa đổi hạnh kiểm, mấy lần chê bai Gia ngay ở chốn triều đường, Gia không để ý mà vẫn hành sự tự nhiên theo ý mình, Thái tổ càng quý trọng Gia hơn, khiến cho Quên phải thuận theo, rồi sau cũng rất hài lòng với Gia.

Phó Tử chép: Thái tổ gửi thư cho Tuân Úc, nhớ đến Quách Gia thương cảm nói: “Quách Phụng Hiếu tuổi chưa đến 40, cùng lo việc với ta đã mười một năm, vượt mọi trở ngại gian lao, cùng chung lo lắng. Lại là người rất thấu hiểu lý lẽ, biết rõ thế sự khiến mọi việc không bị ngưng trệ, ta muốn phó thác việc hậu sự cho, đâu ngờ chết sớm, khiến ta đau xót thương cảm khôn cùng. Nay ta dâng biểu lên trên xin tăng thêm thực ấp cho con cháu Gia đủ 1.000 hộ, ấy là để giúp thêm cho người đã chết, mong sao lòng đoái niệm ấy cảm kích sâu sắc đến người khác. Vả lại Phụng Hiếu là người hiểu cô hơn ai hết; Người trong thiên hạ hiểu được nhau cũng chẳng có nhiều, vì thế lại khiến ta đau tiếc hơn nữa. Sao mà đau tiếc đến vậy được!” Lại gửi cho Úc một bức thư nữa rằng: “Ta nhớ tiếc Phụng Hiếu, chẳng thể quên được. Người ấy hiểu biết việc binh nhung, hơn hẳn mọi người. Có nhiều người lo lắng rằng phương Nam đương có bệnh dịch, thường nói rằng: ‘Ta đến phương Nam, tất chẳng sống để trở về’. Nhưng Gia cùng với ta bàn định kế sách, Gia cho rằng nên định Kinh châu trước. Thế là chẳng những chỉ biết đến kế sách mà còn trung hậu nữa, luôn muốn lập công lao, chẳng kể gì đến tính mệnh. Việc ấy người ta sao có thể quên được, làm sao ta có thể quên người đã khuất được.”

Con Gia là Dịch là Thái tử Văn học, chết sớm. Con là Thâm nối tự. Thâm chết, con là Liệp kế tự.

Sách Thế ngữ chép: Gia là cháu Sưởng, Sưởng tự là Thái Trung, có tài cán, làm Tán kỵ Thường thị.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Người Việt ở đất Giang, Triết, Mân, Việt.
- (2) Thanh đao quý đeo ở bên mình.
- (3) Một tuần xưa ở Trung Quốc là 10 ngày.
- (4) Ngày xưa, quãng đường quân đi một ngày hoặc một đêm (chừng 30 dặm) gọi là xá. Như thế tức là ý rằng cứ 30 dặm lại có một trạm nghỉ để đưa đón khách. Bọn Diệp đi một ngày lại đến một nhà trạm nghỉ qua đêm.
- (5) Nguyên văn là ‘tiên hiền quốc ấp’. Những người này ở Dương Châu, quốc ấp ở đây là những bậc hiền tài đời trước ở đất Dương Châu vậy.
- (6) Đoạn này rất khác với những điều chép trong Vũ đế kỷ, Trương Lỗ truyện.
- (7) Nguyên văn là ‘ân do phụ tử’ nghĩa là ‘ân tình hơn cả cha con’, xét thấy Vũ với Bị tình là anh em kết nghĩa nên dịch là ‘ân tình còn hơn cả anh em’, như thế hợp nghĩa hơn.
- (8) Cái trong, ngoài mà Diệp nói ở đây tỏ ý rằng Thục lấy được đất giáp với Thục, Ngô lấy được vùng đất gần Kinh đô nước Ngô, nơi ấy là hạ lưu Trường Giang, đất đai trù phú hơn, giàu có hơn.
- (9) Ăn lộc mười vạn hộ.
- (10) Chỗ này có vẻ hơi phóng đại lên, vì theo nhiều đoạn liên quan đến các nhân vật khác được kể trong sách này đều nói số quân Thục chinh phạt Ngô không có đến 8 vạn người.
- (11) Vua xuất hành gọi là giá, có đại giá và pháp giá. Đại giá tức là vua đi ra ngoài có nhiều xe theo hầu, pháp giá là có ít xe theo hầu.
- (12) Tắc là Hậu Tắc, bấy tôi vua Thuấn, Tiết là bấy tôi vua Thuấn, thủy tổ của nhà Thương.
- (13) Khương Nguyên là mẹ của ông Hậu Tắc.

(14) Minh đế Tào Duệ muốn nhắc đến tổ phụ mình. Cao Hoàng đế, Thái Hoàng đế là Tào Đằng, Tào Tung.

(15) Vua Nghiêu có họ là Đào Đường, Tắc trước giúp vua Nghiêu, sau này là bày tôi rất nổi tiếng của vua Thuấn.

(16) Lễ chế là điển lễ của vua, cần phải xem xét cẩn trọng.

(17) Công Tôn Khang chết đi lập em là Công Tôn Cung kế vị, Công Tôn Uyên khi ấy còn nhỏ.

(18) Đến năm Thái Hoà thứ hai, đời Minh đế nhà Ngụy, Uyên giết chú mình cướp ngôi tự lập.

(19) Một đời lo việc nước, gian khổ giữ cho mình, chết vẫn không thấy thiên hạ yên bình, Bùi Tùng Chi bình chú Tam Quốc dành lời cảm thán cho Lưu Diệp vậy.

(20) Không rõ là chức gì.

(21) Tướng nước Yên là Nhạc Nghị đánh Tê, hạ được bảy mươi hai thành, chỉ còn có hai thành Lâm Tri và Tức Mặc là giữ được, sau Điền Đan lập kế đánh đuổi được quân Yên lấy lại nước Tê.

(22) Vương Lăng là tướng của Hán Cao tổ, Cao tổ tranh thiên hạ với Hạng Vũ, Vũ bắt mẹ của Lăng để Lăng thoái chí ra hàng, mẹ Lăng tự vẫn để con trung với Hán, sau này việc làm của mẹ Lăng được lưu danh thiên cổ.

(23) Công tử Khai Phương là người nước Vệ, sang làm quan ở Tê, mấy chục năm không về, Quan Trọng cho là người không có tình thân, quyết không dùng làm tướng.

(24) Chữ Dục vốn là do chữ Lập và chữ Nhật xếp chồng lên nhau mà thành.

(25) Nạn châu chấu phá hoại mùa màng.

(26) Tức Hàn Tín và Bành Việt, đều theo về với Hán Cao tổ chống lại Hạng Vũ. Sau này Cao tổ thống nhất thiên hạ, lần lượt giết hai người này.

(27) Chức Quân sư tế tửu ở phủ Tư không.

(28) Nguyên văn: dĩ tứ hải tiếp, nghĩa là nghĩ xa khắp bốn bể, dịch thoát ý.

(29) Hạng Võ.

(30) *Chỉ bốn châu xứ Bắc Hà.*

(31) *Đạp Đốn tức là thủ lĩnh quân Ô Hoàn.*

(32) *Nơi bàn bạc việc quân ở doanh trại chốn sa trường.*

(33) *Trở đất Bắc Hà của Thiệu.*

QUYỂN 15 - LƯU TƯ MÃ LƯƠNG TRƯỞNG ÔN GIẢ TRUYỆN

*Lưu Phúc, Tư Mã Lãng, Lương Tập, Trương Ký, Ôn Khôi, Giả
Quỳ*

TRUYỆN LƯU PHÚC

Lưu Phúc tự Nguyên Đình, người ấp Tương nước Bái. Tránh loạn đến Dương Châu, đầu năm Kiến An, khuyên dụ tướng của Viên Thuật là Thích Kí, Tần Dực đem quân cùng đến chỗ Thái Tổ. Thái Tổ vui mừng, quan Tư đồ⁽¹⁾ gọi làm quan Duyệt. Sau có viên Lư Giang Thái thú Lí Thuật mà Tôn Sách sắp đặt đánh giết Dương Châu Thứ sử Nghiêm Tượng; người quận Lư Giang là bọn Mai Càn, Lôi Tự, Trần Lan tụ tập mấy vạn người tại vùng Giang Hoài, phá hại quận huyện; Thái Tổ đang có cái nạn của Viên Thiệu, sai Phúc coi việc ở miền đông nam, bèn cho làm Dương Châu Thứ sử.

Phúc đã nhận lệnh, đi một ngựa vào sửa thành trống Hợp Phì, lập làm sở trị của châu, vỗ về bọn Tự ở phía nam, đầu an ủi chúng, thay nhau cống nạp. Trong mấy năm, ban bố ân tín, trăm họ vui vì việc của Phúc, dân phiêu tán tràn núi vượt sông đến theo về đến hàng vạn người. Do đó tụ tập học trò, dựng trường học, mở đồn làm ruộng, đắp sửa bờ đê Thước Bi cùng các bờ đê Như Bi, Thất Môn, Ngô Đường để rót nước vào ruộng lúa, do đó quan dân được cất chứa. Lại đắp thành lũy cao, chất nhiều gỗ đá, lại kết hàng nghìn vạn tấm rơm cỏ, chứa thêm mấy nghìn học đầu cá để phòng bị chiến đấu.

Năm Kiến An thứ mười ba thì chết. Tôn Quyền đem mười vạn quân vây đánh thành Hợp Phì hơn trăm ngày, bấy giờ trời mưa liên miên, thành sắp lở, do đó lấy rơm cỏ mà che lấp, đuổi đêm lại đốt đầu cá sáng quắc cả ngoài thành để xem giặc đánh thế nào mà phòng bị, giặc vì thế mà thua chạy. Quân dân Dương Châu thêm ghi nhớ ân của Phúc, cho rằng đầu Đông An Vu giữ đất Tấn Dương cũng không hơn được vậy. Còn cái lợi của bờ đê, đến nay vẫn dùng.

Con Phúc là Tĩnh, giữa năm Hoàng Sơ làm Hoàng môn Thị lang, chuyển làm Lư Giang Thái thú, hạ chiếu nói: “Cha khanh xưa giúp châu ấy, nay khanh lại đến coi quận này, có thể nói là đã gánh lại vác⁽²⁾ vậy”. Chuyển về Hà Nội, đổi làm Thượng thư, ban tước Quan Nội Hầu, lại ra làm Hà Nam

Doãn. Tán kị Thường thị Ứng Cừ gửi thư khen Tĩnh nói: “Vào tri châu thì giúp bày kế sách, ra ngoài thì gánh việc biên thùy. Ngày dài tháng rộng nghĩ thuật giúp dân, bọn rợ phiên dũ tợn cũng phải bỏ ý dòm ngó. Cúng tế năm vị thần⁽³⁾, dứt được cái hại của nước lụt lửa cháy. Đờ dưng trờng trọt đủ cả, không cái thiếu đói của năm mất mùa. Cái cái dưng của tơ tằm, rơm cỏ, không có cái lo lắng về mưa ngập, điếm lành hện đến. Không có quan lại những nhiều. Người góa bụa cô đơn được cấp chẵn đầy đủ. Lại thêm suy nghĩ sáng suốt kín kẽ, coi trọng pháp luật mà không uốn gổ; có lòng cùng vâng theo lệnh vua, các nơi xa trăm dặm rủ lòng trông mong. Dấu Triệu, Trương, ba Vương⁽⁴⁾ giúp vua ngày xưa cũng không đủ sánh vậ”. Tĩnh làm việc đại khái như thế. Lúc đầu việc làm dấu có rắc rối, nhưng rút cuộc lại có lợi cho trăm họ, có phong thái của Phức. Vì có tang mẹ mà bỏ chức, sau làm Đại Tư nông Vệ úy. Tiến phong Quảng Lục Đình Hầu, thực ấp ba trăm hộ. Dâng sớ bày tỏ cái gốc của đạo Nho rằng: “Việc học là phép tắc của việc dẹp loạn, là đạo lớn của thánh nhân vậ. Từ năm Hoàng Sơ đến nay, tôn lập đạo học hơn đã hơn hai mươi năm, vậ mà ít có người thành công, đại khái là do quan Bác sĩ⁽⁵⁾ coi nhẹ việc chọn lựa, học trò chỉ lo tránh việc lao dịch, các con em nhà cao lại không biết xấu hổ cho đức hạnh của mình, cho nên không có người học. Dấu có tiếng là tôn đạo học mà không có người tôn đạo học, dấu có đạo ấy mà không có ai hiểu được cái đạo ấy. Vậ nên chọn quan Bác sĩ có khí tiết cao thượng, dùng người có đức hạnh mà làm tấm gương, cho dạy dỗ người khác, trông coi việc dạy dỗ con em của công khanh. Dựa theo phép cũ, sai các con cháu của các quan lại có bổng lộc từ hai nghìn thạch trở lên, đủ từ mười lăm tuổi đầu phải vào trường học. Làm rõ thế nào là vinh hay nhục, bày cách cất nhắc và phế truất; những người kính đạo tu hạnh thì cất nhắc để tôn đức; những kẻ phá đạo hủy nghiệp thì phế truất để trừ ác; nêu việc thiện mà không dạy được thì khuyên bảo, không cấm xa hoa cầu cạnh thì đạo sẽ bị bỏ ngừng vậ. Mở mang đạo lớn để vỗ về kẻ chưa thần phục, khiến cho sáu cõi ngưỡng theo, người phương xa đến chầu, đấy là cái đạo của thánh nhân, cái gốc của chính trị vậ”. Sau lại chuyển làm Trấn bắc Tướng quân, ban Giả tiết, trông coi việc quân miển Hà Bắc. Tĩnh cho rằng: “Phép hay thường gặp, chẳng gì hay hơn phòng bị, khiến cho người rợ chia rẽ”. Bèn mở rộng việc phòng bị biên giới, đóng giữ nơi hiểm yếu. Lại sửa gò cao, đào kênh dài, đắp đê lớn, dẫn nước rót tưới vào phía nam bắc của huyện

Kế; khiến cho việc trồng lúa được dễ dàng, người biên giới được nhờ cái lợi ấy. Năm Gia Bình thứ sáu thì hoẵng, truy tặng chức Chinh bắc Tướng quân, tiến phong Kiến Thành Hương Hầu, thụy là Cảnh Hầu. Con là Hi nối tự.

Tấn Dương thu viết: Lưu Hoảng tự Thúc Hòa, là em của Hi vậy. Hoảng cùng tuổi với Tấn Thế Tổ, ở cùng làng, vì có ân bạn cũ mà thường được rạng rỡ. Từ thời Tĩnh đến đời Hoảng, không làm giảm danh tiếng trên đời, lại có tài chính trị. Cuối thời nhà Tây Tấn, Hoảng làm Xa kị Đại Tướng quân Khai phủ, Kinh Châu Thứ sử, ban Giả tiết, trông coi việc quân của các châu Kinh, Giao, Quảng, phong Tân Thành Quận Công. Lúc ở tại miên Giang Hán, gặp buổi tông thất của Nhà vua gặp nhiều nạn, bèn được lệnh trông coi một vùng, đốc hết tài chí. Cảm hóa thuộc hạ, khuyến khích lễ nghĩa, giảm bớt hình phạt, chăm chỉ cấy cày. Hễ có việc quân, tự tay viết hịch trao cho quận huyện, ung dung chậm rãi, cho nên chẳng ai không cảm phục, rong ruổi ngược xuôi, đều nói: “Thấy một bức thư của Lưu Công, người hiền đã mười phần đã nghe theo rồi”. Bấy giờ Nhà vua ở tại Trường An, lệnh Hoảng được chọn dùng quan lại. Gọi kẻ sĩ quận Vũ Lăng là Ngũ Triều có đức hạnh cao thượng coi việc, Nha môn tướng Bì Sơ có công ở miên Giang Hán, Hoảng dâng thư tiến cử Triều làm Linh Lăng Thái thú, Sơ làm Tương Dương Thái thú. Hạ chiếu cho rằng Tương Dương là quận lớn, mà tiếng tăm của Sơ lại thấp kém, lấy con rể của Hoảng là Hạ Hầu Trắc làm Tương Dương Thái thú. Hoảng nói: “Người trông coi thiên hạ nên cùng lòng với thiên hạ, người trông coi một nước nên cùng gắng sức với một nước. Ta trông coi mười quận của Kinh Châu, há có mười con rể mới trông coi được sao”? Bèn dâng biểu nói rằng: “Trắc là con rể, theo phép cũ không được coi xét việc này, mà Sơ có công, nên được tin dùng”. Hạ chiếu nghe theo, dân thêm phục cách làm ấy. Quảng Hán Thái thú Tân Nhiễm thấy Thiên tử yếu kém, bốn phương rối loạn, đến theo bày kế phản nghịch cho Hoảng, Hoảng giận mà chém đi, người thời ấy chẳng ai không khen ngợi. Tấn chur công tán viết: Bấy giờ thiên hạ đều loạn, nhưng Kinh Châu vẫn yên ổn. Hoảng có chí như Lưu Cảnh Thăng giữ gìn miên Giang Hán, không theo dựa Thái phó Tư Mã Việt, Việt rất kính nể Hoảng. Sau đó Hoảng bệnh chết. Con là Phan, làm Bắc trung lang tướng.

TRUYỆN TƯ MÃ LANG

Tư Mã Lang tự Bá Đạt, người huyện Ôn quận Hà Nội.

Lời tựa của Tư Mã Bưu viết: Ông nội Lang là Tuấn, tự Nguyên Dị, học rộng ra việc xưa, tài giỏi lại rộng lượng. Thân dài tám thước ba tấc, buộc dây eo đến mười vòng, dáng vẻ hùng vĩ, khác với mọi người, người làng họ hàng đều nường dựa vậy. Làm đến Thái thú Dĩnh Xuyên. Cha là Phòng, tự Kiến Công, tính thật thà thẳng thắn, dẫu ở nơi xa lánh nhưng uy nghi không đổi. Ưa đọc truyện các danh thần trong Hán thư, có viết lời bàn đến mấy vạn chữ, làm quan ở châu quận, trải các chức Lạc Dương Lệnh, Kinh Triệu Doãn, vì tuổi già mà chuyển làm Kị Đô úy, nuôi chí nơi thôn ấp, tự giữ nhà cửa. Các con dẫu đã thành người lớn nhưng không sai đi thì không dám đi, không sai ngồi thì không dám ngồi, không chỉ tay gọi đến hỏi thì không dám nói, giữa cha con nghiêm túc đến như thế. Năm bảy mươi một tuổi thì chết, tức năm Kiến An thứ hai mươi tư. Có tám con trai. Lang là lớn nhất, thứ là Tuyên Hoàng Đế của nhà Tấn vậy.

Năm chín tuổi, có người khách nói thẳng tên chữ của cha Lang, Lang nói: “Coi khinh người thân của người khác là không kính người thân của mình vậy”. Người khách tạ lỗi. Năm mười hai tuổi, thi kinh làm Đổng tử lang, người coi thi vì thân thể mình to lớn, ngờ Lang nhỏ tuổi, gạn hỏi, Lang nói: “Anh em nội ngoại của Lang nhiều đời đều to lớn, Lang dẫu nhỏ yếu nhưng không có ý nhìn lên cao, nếu nói dối tuổi nhỏ để cầu tiếng sớm thành danh, đấy không phải là chí của ta vậy”. Người coi thi cho là lạ. Sau đó quân miên Quan Đông nổi dậy, người nhà của Thứ sử Kí Châu Lí Thiệu ngày trước ở tại huyện Dã Vương, gần núi hiểm, muốn dời đến ở huyện Ôn. Lang khuyên Thiệu nói: “Như rằng với moi, há chỉ có nước Ngụy với nước Quắc⁽⁶⁾, còn có huyện Ôn và huyện Dã Vương; nay bỏ chỗ ấy mà đến ở đây, đấy là mong tránh cái nạn một sớm mà thôi. Vả lại ông là người có danh vọng của nhà nước, nay giặc chưa đến mà dời đi trước, các huyện ven núi tất kinh hãi, đấy là cái gốc làm dao động lòng dân và mời bọn gian làm loạn, nên lo cho người trong quận”. Thiệu không nghe theo. Quả nhiên dân ven núi làm loạn, có kẻ dời vào thành, có người cướp bóc.

Bấy giờ Đồng Trác chuyển Thiên tử đóng đô ở Trường An, Trác nhân đó ở lại tại Lạc Dương. Cha Lang là Phòng làm Tri thư Ngự sử, muốn dời về phía tây, vì bốn phương rối loạn, bèn sai Lang đem người nhà về huyện cũ. Có người nói Lang muốn chạy trốn, bắt đem đến chỗ Trác, Trác bảo Lang nói: “Người cùng tuổi với đứa con đã chết của ta, sao lại làm trái nhau quá thế”? Lang nhân đó nói: “Minh công có đức cao trên đời, gặp thời loạn lạc, xóa trừ bọn xấu, cất nhắc hiền sĩ, nếu ngày nay dốc lòng suy nghĩ sẽ phục hưng chính trị vậy. Uy đức đã lớn, công lao đã rõ, nhưng binh nạn ngày càng nổi lên, châu quận sôi sục, ở vùng ngoài thành, dân chẳng an nghiệp, vứt bỏ cửa cải, chạy trốn ầm nập, dầu ngăn cấm bốn ải, tăng thêm hình phạt, cũng không yên ổn, đây là nguyên nhân Lang dời về quê vậy. Mong minh công soi xét việc cũ, ban phát ân trạch, như vậy sẽ rạng danh cùng với nhật nguyệt, dầu Y, Chu⁽⁷⁾ cũng không hơn được vậy”. Trác nói: “Ta cũng biết rồi, khanh nói có lý”!

Thần là Tùng Chi xét: Lời đáp của Lang chỉ là kể khen công đức của Trác, không phải khuyên răn mà thôi. Trác không tự xét kỹ mà lại nói: “Ta cũng biết rồi, khanh nói có lý”! Lời khách và chủ như là không không đối đáp nhau vậy.

Lang biết Trác tất thua, sợ bị giữ lại, liền đem tiển của để hối lộ những người coi việc của Trác, xin về quê nhà. Lại bảo người già cả rằng: “Đồng Trác ác nghiệt, bị thiên hạ ghét, nay là lúc trung thần nghĩa sĩ chuẩn bị nổi dậy. Quận này liền kề nhau với kinh đô, phía đông Lạc Dương có huyện Thành Cao, phía bắc là sông lớn, nếu người dấy binh trong thiên hạ chưa tiến được tất dừng lại ở đây. Đây là đất tranh chiếm chưa năm xẻ bốn, khó mà ở yên, không bằng nhân lúc đường đi còn thông mà đem họ hàng đi về phía đông đến ở huyện Lê Dương. Ở Lê Dương có quân đồn đóng, là quê nhà vợ của Triệu Uy Tôn, làm chức Giám doanh Yết giả, lĩnh quân mã, đủ để làm chủ. Nếu sau này có biến, thông thả đứng xem cũng chưa muộn”. Người già cả vương vấn chỗ cũ, chẳng ai nghe theo, chỉ có người cùng huyện là Triệu Tư cùng đem người nhà với Lang đến đây. Mấy tháng sau, các châu quận miền Quan Đông dấy binh đến mấy chục vạn người, đầu tụ ở Huỳnh Dương và Hà Nội. Các tướng không cùng thống nhất, thả quân ra cướp bóc, dân chúng chết đến gần nửa. Lâu sau, quân miền Quan Đông tan rã, Thái Tổ chống với Lữ Bố ở Bộc Dương, Lang bèn đem người nhà về huyện Ôn. Năm đó đói to, người dân ăn thịt nhau, Lang cứu chẩn họ hàng, dạy bảo các em, không vì thời loạn mà bỏ nghiệp.

Năm ba mươi hai tuổi, Thái Tổ gọi đến làm Tư không Duyệt thuộc, cho làm Thành Cao Lệnh, lại vì mắc bệnh mà bỏ chức, chuyển làm Đường Dương Trưởng. Lang làm quan khoan hòa, không dùng roi gậy mà dân không phạm cấm. Lúc trước, có người dân dõng vào trong kinh đô, sau huyện lại sai làm thuy ền, người dân sợ Lang không làm nổi, bèn cùng nhau góp tiền riêng về giúp Lang, Lang được yêu mến như thế. Chuyển làm Nguyên Thành Lệnh, vào làm Thừa tướng Chủ bạ. Lang cho rằng thế của thiên hạ võ lữ là do từ thời nhà Tần bỏ chế độ năm bậc tước, mà quận huyện lại không gom góp chuẩn bị luyện tập chiến đấu. Nay dẫu chưa lập lại được năm bậc tước nhưng có thể sai châu quận cùng sắp đặt quân sĩ, ngoài phòng bị người rợ, trong uy hiếp kẻ không nghe lệnh, đây là kế hơn cả. Lại cho rằng nên lập lại phép ‘tĩnh đi ền’⁽⁸⁾. Ngày xưa dân đều nổi đời có ruộng, nay vì thời loạn mà cướp đoạt ruộng ấy, như thế đến nay. Nay nhân lúc sau cơn loạn lạc, dân chúng tản mát, ruộng đất không có chủ, đều làm thành ruộng công, nên mượn cơ hội này mà lập lại phép ấy. Lời bàn này dẫu không được làm theo nhưng châu quận được lĩnh quân là do ý của Lang vậy. Chuyển làm Thứ sử Duyệt Châu, ban hành đạo chính, trăm họ khen ngợi. Dẫu ở trong quân đội nhưng thường mặc áo cũ ăn cơm thô, tiết kiệm để làm gương cho kẻ dưới. U ả bàn luận sách kinh việc người, người cùng làng là bọn Lí Dịch có tiếng tăm nổi rõ, Lang thường nhún nhường đứng dưới họ. Sau bọn Dịch thua bại, người đời mới chịu phục Lang. Chung Do, Vương Xán bàn luận rằng: “Không có thánh nhân thì không thể dẫn đến thái bình”. Lang cho rằng: “Bọn Y, Nhan⁽⁹⁾ dẫu không phải là thánh nhân nhưng được nhiều đời sau truy ền tụng, vẫn dẫn đến thái bình”.

Nguy thur viết: Văn Đế khen lời bàn của Lang, sai Bí thư ghi lại lời ấy.

Tôn Thịnh nói: “Do đã không có ý hay, Lang cũng chẳng có ý đẹp vậy. Ngày xưa vua Thang dùng Y Doãn thì người bất nhân phải xa rời. Kinh Dịch nói: ‘Thầy họ Nhan là người đại hiền chẳng! Chưa từng không biết cái không tốt, biết rồi chưa từng làm trái’. Theo đó mà nói, thánh nhân so với người đại hiền, đức hạnh như nhau, ý chí giống nhau, giúp đời dạy đạo, lí lẽ chẳng khác, dẫn đến thái bình, há đợi nhiều đời sao? Người giỏi giúp nước được trăm năm, cũng có thể bỏ ác vứt xấu. Lại nói: ‘Không học theo người hiền xưa thì không thể giỏi được’. Bàn về việc nhiều đời trước, phải như thế chẳng! Như người đại hiền ngày nay, vẫn noi theo vậy”.

Năm Kiến An thứ hai mươi hai, cùng bọn Hạ H ầu Đôn, Tang Bá đánh Ngô. Đến Cư Sào, quân sĩ mắc bệnh dịch lớn, Lang tự đi xem xét, cấp phát

thuốc chữa, bị bệnh chết, bấy giờ bốn mươi bảy tuổi. Truyền lệnh lại phải lấy bằng áo vải khăn lụa, áo thường mà liệm, người trong châu ghi nhớ.

Ngụy thư viết: Lang sắp chết, bảo tướng sĩ nói: “Thứ sử ta nhận ân dày của nhà nước, coi việc ngoài nơi vạn dặm, chưa báo được công nhỏ mà mắc phải bệnh dịch này, đã không tự cứu được mình, lại phụ lại ân của nhà nước. Sau khi thân chết, phải lấy áo vải khăn lụa, áo thường mà liệm, chớ làm trái ý ta”.

Minh Đế lên ngôi, phong con Lang là Di làm Xương Vũ Đình Hầu, thực ấp trăm hộ. Em Lang là Phu lại lấy con là Vọng làm dòng dõi của Lang. Di hoăng, con Vọng là H ồng nối tự.

Tấn thư công tán viết: Vọng tự Tử Sơ, là con cả của Phu. Có tài học, sớm nổi tiếng. Giữa năm Hàm Hi làm đến Tư đô, vào thời nhà Tấn phong làm Nghĩa Dương Vương, chuyển làm Thái úy, Đại Tư mã. Bấy giờ Phu làm Thừa tướng, cha con ở ngôi cao trọng, từ thời giữa đến nay chưa từng có. H ồng tự Không Nghiệp, được phong làm Hà Gian Vương.

Lúc trước Triệu Tư cùng dời đi với Lang, làm quan đến Thái thường, là kẻ sĩ giỏi thời ấy.

Tư tự Quân Sơ, con là Phong, tự Tử Trọng, thời Tấn làm Phiếu kị Tướng quân, phong Đông Bình Lăng Công, đều được chép trong Bách quan danh chí.

TRUYỆN LƯƠNG TẬP

Lương Tập tự Tử Ngu, người huyện Chá quận Trầ, làm quan Cương kị⁽¹⁰⁾ trong quận. Thái Tổ làm Tư không, gọi đến làm Chương Trưởng, chuyển qua các chức Thặng Chi, Hải Tây, Hạ Bì Lệnh, chỗ trị có tiếng tăm. Về làm Tây tào Lệnh sử, lại chuyển làm Tây tào thuộc. Tinh Châu vừa theo về Tập làm Biệt bộ Tư mã, lĩnh chức Tinh Châu Thứ sử. Bấy giờ sau cuộc nổi loạn của Cao Hàn, người Hồ Địch vào cõi, ngang ngược bướng bỉnh, quan dân lại trốn theo làm phản, vào ở trong bộ lạc của chúng, các nhà đầu lĩnh binh gây việc cướp hại, lại ganh chống lẫn nhau, đóng giữ các nơi. Tập đến nhận chức, vỗ về chiêu nạp, đầu lấy lễ kêu gọi bọn cường hào, lại tiến cử họ, sai đến phủ quan; bọn cường hào đã hết, sau đó lấy bọn đình tráng làm quân ‘nghĩa tòng’⁽¹¹⁾; lại nhân đó phát đại quân đi đánh dẹp, chia ra làm dũng sĩ. Sau khi đại quân đã đi, rồi trước sau dời người nhà của họ đến đất Nghiệp, cả thấy mấy vạn người; những kẻ không nghe lệnh thì đem quân đến đánh, chém mấy nghìn đầu, kẻ hàng phục đến vạn người. Thiển vu kính thuận, các phiên vương đầu cúi đầu, bọn bộ khúc phải theo chức vụ, cùng ghi tên vào sổ hộ. Do đó biên giới yên ổn, trăm họ ra đồng, chăm chỉ trồng trọt, vâng theo phép cấm. Lại chọn kẻ sĩ, đầu là bọn nổi tiếng ở trên đời, lời nói tại truyện về Thường Lâm. Thái Tổ vui mừng, ban tước Quan nội hầu, lại bái chức như cũ. Bậc già cả khen ngợi, cho rằng từ trước đến nay chưa có ai làm Thứ sử tốt bằng Tập.

Năm Kiến An thứ mười tám, gộp Tinh Châu vào Kí Châu, lại bái làm Nghị lang, Tây bộ Đô đốc Tòng sự, coi việc Kí Châu, tổng lĩnh bộ khúc cũ. Lại sai người đến quận Thượng Đảng lấy gỗ lớn đem về làm cung điện ở đất Nghiệp. Tập xin đặt hai người nắm chức Đôn điên Đô úy, đầu lĩnh sáu trăm người cày, trồng trọt cây túc⁽¹²⁾, đậu ở bên đường để cấp các đồ dùng cho người và trâu. Sau đó Thiển vu vào châu, miền tây bắc không có lo lắng, đây là công của Tập vậy.

Nguy lược viết: Quan Đại phu của người Tiên Ti là Dục Diên thường gây lo lắng cho người trong châu, lại một sớm đem hơn năm nghìn quân kỵ trong bộ lạc của mình đến chỗ Tập, xin được mua bán, Tập nghĩ nếu không nghe theo thì sợ hấn giận, nếu nghe theo cho hấn vào châu lại sợ hấn cướp bóc, rồi bèn hứa theo cho hấn đến và hẹn mua bán ở trong thành trông. Lại lệnh cho quận huyện, từ quan Trị trung trở xuống phải đến đó. Mua bán chưa xong, quan trông coi việc mua bán bắt trói một thằng người Hồ. Quân kỵ của Diên đều kinh ngạc, bèn lên ngựa giương cung vây Tập đến mấy vòng, quan dân lo sợ không biết làm sao. Tập liền thông thả gọi quan trông coi việc mua bán lại, hỏi vì sao bắt trói người Hồ thì đúng là người Hồ xâm phạm người khác. Tập lại sai người dịch tiếng đến gọi Diên, Diên đến, Tập trách Diên nói: “Người Hồ các người tự phạm phép cấm, quan lại không xâm lấn các người, các người sao lại sai quân kỵ gây kinh sợ vậy”? Bèn chém Diên, bọn người Hồ còn lại vỡ mật không dám động. Từ đó không còn cướp bóc. Đến năm thứ hai mươi hai, Thái Tổ đánh lấy Hán Trung, các quân về đến Trường An, nhân đó giữ viên Đô đốc quận Thái Nguyên kiêm phiên vương của người Ô Hoàn là Lỗ Tích ở lại, sai đóng quân ở Trì Dương để phòng giữ huyện Lô Thủy. Tích có người vợ yêu ở tại Tấn Dương. Tích đã nhớ vợ, lại sợ không được quay về, bèn đem năm trăm quân kỵ của bộ lạc mình làm phản chạy về Tinh Châu, giữ số quân kỵ còn lại ở giữa hang núi, rồi một mình cưỡi ngựa vào thành Tấn Dương, cướp lấy vợ yêu. Đã ra thành, người trong châu quận biết được, nhưng quan dân lại sợ cái tài bắn tên của Tích, không dám đuổi theo. Tập bèn sai Tòng sự Trương Cảnh chọn người Tiên Ti đuổi theo Tích. Tích cỡi vợ trên ngựa, bọn quân kỵ theo nhau cũng rút lui, chưa kịp hội với quân mình, liền bị người Tiên Ti bắn chết. Lúc đầu Thái Tổ nghe tin Tích làm phản, sợ hấn gây loạn ở miền bắc; kịp lúc nghe tin đã giết hấn, rất mừng, cho rằng đây là kế sách trước sau của Tập, phong làm Quan nội hầu.

Văn Đế lên ngôi, đặt lại Tinh Châu, phục chức Thứ sử, tiến phong Thân Môn Đình Hầu, phụng ấp có trăm hộ, coi việc thường được thiên hạ khen. Năm Thái Hòa thứ hai, gọi về bá làm Đại Tư nông. Tập ở tại châu hơn hai mươi năm nhưng ăn ở nghèo khổ, không có ngọc báu vật đẹp, Minh Đế khen là lạ, đối đáp rất hậu. Năm thứ tư thì hoẵng, con là Thi nổi tự.

Trước đây, người huyện Tế Âm là Vương Tư cùng làm Tây tào Lệnh sử với Tập. Tư vào ngày trực báo việc, làm trái ý Thái Tổ. Thái Tổ cả giận, gọi quan chủ việc đến, muốn xử tội nặng. Bấy giờ Tư ra ngoài, Tập thay đến ứng đáp, sau khi đã bị bắt giữ, Tư bèn đi nhanh về tự kể tội của mình, tội đáng phải chết. Thái Tổ than Tập không nói cho mình, Tư tự biết tội lỗi, nói: “Sao lại có hai nghĩa sĩ trong quân ta chẳng”?

Thân là Tùng Chi cho rằng: Tập với Vương Tư chỉ là cùng làm quan mà thôi, không có tình thân cốt nhục, chẳng có nghĩa ‘đâm cổ’, vậy mà đem thân đỡ thay

Tư, chịu nhận cái họa không lường. Thái Tổ cho là có nghĩa, chẳng phải là làm trái phép tắc của bậc thánh triết thời xưa sao! Thái sử Thiên nói: “Có cái chết nặng như núi Thái, có cái nhẹ như lông hồng”, cho nên quân tử không sống ầu, cũng chẳng chết bừa. Nếu Tư không tự gây tội thì chủ chẳng giận, đây gọi là tự sát ở rãnh nước mà chẳng ai biết vậy. Tập thà chết vì nghĩa, há đúng vậy sao!

Sau đó cùng lúc cử làm Thứ sử, Tư làm Dự Châu Thứ sử. Tư cũng là quan lại tài năng nhưng khắc nghiệt không biết toàn cuộc, làm đến bậc cửu khanh, phong Liệt hầu.

Ngụy lược - Hà lại truyện viết: Tư và Tiết Đễ, Khích Gia cùng theo lời gọi, làm quan bậc nhỏ. Trong ba người, Đễ hơi biết đạo Nho, ở chỗ làm quan nổi tiếng là tiết kiệm. Gia với Tư làm việc cũng giống như thế. Văn Đế hạ chiếu nói: “Tiết Đễ là quan lại biết rộng, Vương Tư, Khích Gia là quan lại trong sạch, đều ban tước Quan nội hầu để báo đền công của các vị”. Tư là người rườm rà nhưng thông thuộc văn thư, kính hiên trọng sĩ, dốc lòng mưu việc, cũng vì thế mà nổi tiếng. Giữa năm Chính Thủy làm Đại Tư nông, tuổi già mắt mờ, nổi giận vô cớ, quan thuộc ngao ngán chẳng biết vì sao. Tính lại ít tin cậy, bấy giờ có cha của viên quan thuộc bệnh nặng, ở gần ngoài phủ quan, tự xin nghỉ tạm. Tư ngờ là không thật, phát câu nói: “Trên đời có người nhớ vợ muốn về quê mà nói dối là mẹ bị bệnh, chẳng lẽ là như thế”! Bèn không cho nghỉ. Ngày sau cha của quan thuộc chết, Tư cũng chẳng tiếc nuôi. Người này khắc nghiệt đại loại như thế. Tư lại có tính nóng nảy, từng cầm bút viết chữ, có con ruồi đậu trên cán bút, xua đi lại bay lại, cứ như thế ba lần. Tư giận dữ, tự đứng dậy bắt con ruồi nhưng không được, liền lấy bút ném xuống đất, dẫm nát bút. Bấy giờ có người quận Đan Dương là Thi Úy, người quận Lỗ là Nghê Nghi, người quận Nam Dương là Hồ Nghiệp cũng làm Thứ sử, Quận thú, người thời ấy gọi là quan lại khắc nghiệt. Lại có người huyện Cao Dương là Lưu Loại, trải qua các chức mục thú, nổi tiếng ác nghiệt, nhưng chăm chỉ làm việc, không bị bỏ chức. Giữa năm Gia Bình làm Hoảng Nông Thái thú, có hơn hai trăm quan thuộc, không cho nghỉ ngơi, chuyên sai làm những việc không cần thiết. Mắc lỗi không kể nặng hay nhẹ, liền nắm lấy đầu họ, lại dùng gậy đánh túi bụi, lôi ra kéo vào, cứ như thế đến mấy lần. Lại sai người bới đất tìm tiên, ở trong phố phủ đều có hang hố. Lại bề ngoài mượn cớ là tiết kiệm, hễ đi ra liền hạ lệnh quan Đốc bưu không được sai quan thuộc làm sai lễ kính, lại ngầm biết những kẻ không đến chào hỏi liền trong lúc phát giận mà đánh thương họ. Tính lại ít tin cậy, hễ sai quan to đi liền sai quan nhỏ đi theo xem xét, ban ngày thường tự ở giữa vách tường lén xem bọn ngồi tù, buổi đêm lại sai người dò xét các quan thuộc, cũng không cho là đủ tin, lại sai lính hầu và nô tì tự xét hỏi lẫn nhau. Từng đi xem xét, nghỉ tại nhà dân. Nhà dân có hai con chó đuổi một con heo, con heo sợ chạy, chui đầu vào bờ rào, kêu thê hồi lâu. Loại cho là quan lại ở ngoài tự ý ăn uống, không xem xét nữa, liền sai lính hầu kéo Ngũ quan duyệt Tôn Bật đi vào, nắm đầu mà trách. Bật nói

sự thật, Loại tự hồ then không nói rõ được, nhân đó mượn có hỏi sang việc khác. Có người dân là Doãn Xương, đã gần trăm tuổi, nghe tin Loại đi ra, sắp đi qua chỗ mình, bảo cháu nhỏ rằng: “Đỡ ta đón phủ quân, ta muốn bày tỏ ân đức”. Cháu nhỏ đỡ Xương ở bên trái đường, Loại nhìn thấy, quát đứa nhỏ nói: “Đỡ người sắp chết ấy mà đòi gặp ta sao”? Loại đối đãi người khác không có lễ độ, đều đại khái như thế. Tục cũ, dân giễu cợt quan trường có ba điều không chịu, gọi là ‘chuyển’, ‘bỏ’, ‘chết’ vậy. Loại ở tại Hoàng Nông, quan dân lo sợ, bèn đề chữ ở cửa phủ rằng: “Lưu phủ quân có ba điều không chịu”. Loại dẫu nghe nói nhưng không chịu tự sửa đổi. Sau đó An đông Tướng quân Tư Mã Văn Vương đánh miền tây, đi qua Hoàng Nông, người Hoàng Nông nói là Loại già cả không nên giữ chức mục thú nữa, bèn gọi về làm Ngũ quan Trung lang tướng.

TRUYỆN TRƯỞNG KÝ

Trưởng Ký tự Đức Dung, người huyện Cao Lăng quận Phùng Dục. Năm mười sáu tuổi làm chức quan nhỏ trong quận.

Nguy lược viết: Nhà Ký đơn lẻ, nhưng là người có uy nghi. Thuở nhỏ có luyện viết qua tấu sớ, làm một chức quan nhỏ ở trong quận, vì thế nhà được giàu có. Tự nghĩ nhà nghèo, cho rằng không biết lấy gì để thành công, bèn thường gắng sức viết chữ và bản tấu, chờ các quan lớn có thiếu sót thì liền trao cho họ, do đó mà được biết đến vậy.

Sau làm qua các chức, cử Hiếu liêm, không đến nhận chức. Thái Tổ làm Tư không, gọi nhưng không đến. Cử Mậu tài, bái làm Tân Phong Lệnh, là quan coi việc tốt nhất trong các huyện Tam phụ. Viên Thượng chống Thái Tổ ở Lê Dương, sai quan lại mà mình đặt là Hà Đông Thái thú Quách Viện, Tinh Châu Thứ sử Cao Hàn cùng Thi ền vu của người Hung Nô đánh lấy huyện Bình Dương, sai sứ giả về phía tây liên kết với các tướng miền Quan Trung. Tư lệ Hiệu úy Chung Do sai Ký dụ bọn Tướng quân Mã Đằng, Ký nói rõ lợi hại, bọn Đằng nghe theo. Đằng sai con là Siêu đem hơn vạn quân cùng Chung Do hợp đánh Hàn, Viện, đại phá chúng, chém đầu Viện. Hàn và Thi ền vu đầu hàng. Sau đó Hàn đem quân Tinh Châu làm phản. Người quận Hà Nội là Trương Thịnh đem hơn vạn quân chẳng theo ai, cướp bóc giữa vùng núi Hào, sông Mẫn, người quận Hà Đông là bọn Vệ Cỗ, Trương Nông, Trương Diễm đầu đem quân đến theo hấn. Thái Tổ lấy Ký làm Nghị lang, giúp việc quân cho Do, sai về phía tây gọi các tướng là bọn Mã Đằng đầu dẫn quân hợp đánh bọn Thịnh, phá chúng. Chém đầu Cỗ, Diễm; Hàn trốn đến Kinh Châu. Phong Ký làm Vũ Thủy Đình Hâu. Thái Tổ sắp đánh Kinh Châu, nhưng bọn Đằng chia nhau chiếm miền Quan Trung. Thái Tổ lại sai Ký đi dụ bọn Đằng, sai phải bỏ bộ khúc mà thần phục. Đằng đã hứa theo nhưng lại do dự, Ký sợ gây biến, bèn sai các huyện sắm đủ lương thực, đem hai nghìn thạch lương ra ngoài thành trao cho quân. Đằng bất đắc dĩ phải về phía đông. Thái Tổ cho Đằng làm Vệ úy, con là Siêu làm Tướng quân, lĩnh quân của mình. Sau đó Siêu làm phản, Ký

theo Thái Tổ phá Siêu ở Hoa Âm, đến phía tây định mi ền Quan Hữu. Lấy Kí làm Kinh Triệu Doãn, chiêu tập dân li tán, dựng lại thôn ấp, trăm họ nhớ ơn Kí. Nước Ngụy đã lập, làm Thượng thư, ra làm Ung Châu Thứ sử. Thái Tổ bảo Kí nói: “Cho ông về châu cũ, có thể nói là ‘mặc áo gấm đi vào ban ngày’ vậy”. Theo đi đánh Trương Lỗ, đi riêng từ Tản Quan vào đánh người Đê phản loạn, gặt lúa mạch⁽¹³⁾ của chúng để cấp lương cho quân. Lỗ hàng, Kí khuyên Thái Tổ dời mấy vạn hộ dân quận Hán Trung đến ở tại Trường An và các huyện Tam phụ. Sau đó cùng Tào H ồng phá Ngô Lan ở Hạ Biện, lại cùng Hạ H ầu Uyên đánh Tống Kiến, đi riêng đánh các huyện Lâm Thao, Dịch Đạo, bình được các huyện này. Bấy giờ Thái Tổ dời dân đến ở mi ền Hà Bắc, dân quận Lũng Tây, Thiên Thủy, Nam An cùng nhau lo sợ, thấp thỏm không yên, Kí dùng người của ba quân làm quan tướng đi xem xét, sai làm nhà cửa, đào rãnh nước, lòng người bèn yên. Thái Tổ muốn rút quân rời Hán Trung, sợ Lưu Bị lên phía bắc vỗ về người Đê quận Vũ Đô để uy hiếp mi ền Quan Trung, hỏi Kí, Kí nói: “Nên khuyên họ lên phía bắc đến chỗ nhiều lúa gạo để tránh giặc, ai đến trước sẽ thưởng lớn, kẻ đến trước được lợi thì kẻ sau tất nghe theo”. Thái Tổ theo kế ấy, bèn tự đến Hán Trung dẫn dắt các cánh quân, sai Kí đến Vũ Đô, dời hơn năm vạn người Đê đến ở tại quận Phù Phong, Thiên Thủy.

Tam phụ quyết lược chú viết: Kí thuở còn trẻ nhỏ được viên Công tào trong quận là Du Ân xem xét mà khen lạ, dẫn Kí qua nhà, Kí vâng theo. Ân về trước, sai người nhà sắm sửa đồ ăn đãi khách. Lúc Kí đến, vợ Ân cười rằng: “Ông đã làm chẳng! Trương Đức Dung là đứa trẻ nhỏ dại, sao lại coi là khách vậy”? Ân nói: “Nàng đừng cho là lạ, hấn là người tài của vùng này vậy”. Ân bèn cùng Kí bàn luận kế sách của bậc Bá vương. Ân xong, đem con là Sở gửi gắm cho Kí; Kí từ chối không nhận, Ân cố gửi gắm nhưng Kí đã được Ân dốc lòng trông mong, khó làm trái ý Ân, bèn nghe theo. Lúc trước Ân có hiềm khích với Tư lệ Hiệu úy Hồ Chấn, Chấn vu không giết Ân. Ân chết vừa hơn một tháng, Chấn cũng mắc bệnh nặng, tự nói với mình rằng: “Đáng tội, đáng tội, đây là Du Công tào hiện quỷ về báo thù”. Do đó bèn chết. Bấy giờ người mi ền Quan Trung khen rằng: “Sống có cái sáng suốt của người thông minh, chết có cái hồn phách của vị thần linh”. Con Ân là Sở, tự Trọng Doãn, làm Bồ Bản Lệnh. Lúc Thái Tổ bình Quan Trung, quận Hán Hưng thiếu quan, Thái Tổ đem việc này hỏi Kí, Kí khen Sở có tài cả văn võ, bèn dùng làm Hán Hưng Thái thú. Sau chuyển làm Lũng Tây Thái thú. Ngụy lược viết: Sở là người khảng khái, làm qua các chức mục thú, chỗ làm quan đều dùng ân đức để trị, không ưa hình phạt. Giữa năm Thái Hòa, Gia Cát Lượng ra mi ền Lũng Hữu, quan dân rối loạn. Các quan Thiên Thủy, Nam An Thái thú đều bỏ quận về phía đông, chỉ riêng Sở giữ quận Lũng Tây, kêu gọi

quan dân, bảo họ nói: “Thái thú ta không có ân đức, nay quân Thục đến, quan dân các quận đều đã ứng theo chúng, đây là buổi các ông được lập công mà được tặng giàu có vậy. Thái thú là người giữ quận cho nhà nước, về nghĩa đáng nên chết cùng quận, các ông hãy lấy đầu Thái thú ta mà chống giữ”. Quan dân đều khóc lóc, nói: “Xin cùng sống chết với ngài phủ quân, không có hai lòng”. Sở lại nói: “Nếu các ông không muốn, ta bày một kế cho các ông. Nay người hai quận phía đông đã bỏ đi, tất sẽ có giặc đến, nhưng nên cùng giữ vững. Nếu nhà nước phát binh đến cứu, giặc tất bỏ đi, đây là giữ nghĩa một quận mà người được khen tặng vậy. Nếu quan quân không đến cứu, quân Thục đánh càng gấp, lúc đó các người hãy bắt Thái thú ta đến hàng cũng chưa muộn vậy”. Quan dân bèn giữ thành. Nhưng người quận Nam An giúp quân Thục đến quận Lũng Tây. Sở nghe tin giặc đến, liền sai Trương sử Mã Ngung ra cửa thành bày trận, rồi tự treo lên lầu thành dụ tướng Thục nói: “Các ông có thể chặn đường Lũng Hữu, khiến cho quân miên đông không qua được, trong vòng một tháng thì quan dân Lũng Tây không đánh mà tự chịu phục; nếu các ông không chặn được thì tự mệt mỏi mà thôi”. Sai Ngung gõ trống xua quân đánh, quân Thục bèn rút. Hơn mười ngày sau, quan quân đến Lũng Tây, Gia Cát Lượng thua chạy. Người quận Nam An, Thiên Thủy đều vì theo Lượng mà bị phá vỡ, hai Thái thú đều bị xử tội nặng, mà Sở có công được phong làm Liệt hầu, các quan thuộc Trương sử đều được tặng thưởng. Để khen chính trị của Sở, hạ chiếu gọi vào châu, dẫn lên điện. Sở là người thấp bé mà tiếng nói vang, từ lúc làm quan đến nay, mới đầu không lễ nghi của triều đình, lúc vâng lệnh lên thêm, không biết nghi lễ thế nào, Để liền sai Thị trung dẫn lên, gọi rằng: “Lũng Tây Thái thú lên điện”! Sở đáp là: “Dạ”, nhưng lại nói to là: “Ừ”. Để ngoảnh nhìn mà cười, rồi an ủi Sở. Bãi hội, tự xin ở lại làm Túc vệ, liền bãi làm Phụ mã Đô úy. Sở không có học thức nhưng tính ưa âm nhạc, thích rong chơi. Lại nuôi những thầy hát, thầy đánh đàn cầm, đàn tranh, thầy thổi sáo, hễ đi đâu lại đem họ đi theo. Tại sở quan thường đồ xúc xắc, ném quả bầu, đùa giỡn làm vui. Mấy năm sau lại ra làm Bắc Địa Thái thú, hơn bảy mươi tuổi thì chết.

Bấy giờ, người quận Vũ Uy là Nhan Tuấn, người quận Trương Dịch là Hòa Loan, người quận Tửu Tuy nhiên là Hoàng Hoa, người quận Tây Bình là Cúc Diễn cùng đem quân trong quận làm phản, tự gọi là Tướng quân, lại đánh chống lẫn nhau. Tuấn sai sứ giả đem mẹ và con đến chỗ Thái Tổ làm tin, xin giúp. Thái Tổ hỏi Kí, Kí nói: “Bọn Tuấn ngoài mượn oai của nhà nước, trong mang ý gây loạn, đợi thế lực vững vàng rồi tất làm phản thôi. Nay đang hướng việc vào đất Thục, nên để cho hai bên còn mà đánh nhau, như Biện Trang Tử đi bắt hổ⁽¹⁴⁾, đứng xem mà thu lợi vậy”. Thái Tổ nói: “Hay”. Hơn một năm, Loan bèn giết Tuấn. Người quận Vũ Uy là Vương

Bí lại giết Loan. Bấy giờ không đặt Lương Châu, từ các huyện Tam phụ đến miền tây đều thuộc Ung Châu.

Văn Đế lên ngôi, vừa lập Lương Châu, lấy An Định Thái thú Trâu Kì làm Thứ sử. Người quận Trương Dịch là Trương Tiến bắt giữ Quận thú đem quân chống Kì, bọn Hoàng Hoa, Cúc Diễn đều đuổi Thái thú cũ, đem quân ứng theo hắn. Kì đem quân giúp oai thế cho Hộ Khương Hiệu úy Tô Tắc, cho nên Tắc vì thế mà lập công. Tiến phong Kì làm Đô Hương Hầu. Người Hồ huyện Lô Thủy thuộc Lương Châu là bọn Y Kiện Kì Thiếp, Trì Nguyên Đa làm phản, miền Hà Tây lo lắng. Đế cũng lo, nói: “Không phải Kì thì chẳng bình được Lương Châu”. Liền gọi Trâu Kì về lấy Kì đến thay. Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Giả Phục⁽¹⁵⁾ xin đánh giặc Yển⁽¹⁶⁾, vua Quang Vũ cười rằng: ‘Chấp kim ngô đánh giặc Yển, Ta còn lo gì’? Khanh có mưu lược hơn người, nay là lúc như thế. Cho Khanh được tùy việc mà làm, không cần xin lệnh trước”. Sai bọn Hộ quân Hạ Hầu Nho, Tướng quân Phí Diêu đi theo sau. Kì đến Kim Thành, muốn vượt sông, các tướng giữ ý cho rằng: “Quân ít đường hiểm, không nên vào sâu”. Kì nói: “Đường dẫn hiểm nhưng không có cái ngăn trở của núi cao, vả lại người Di Dịch rời rạc, không có kế dùng xe để đi, nay Vũ Uy nguy cấp, phải đến nhanh mới được”. Bèn vượt sông. Hơn bảy nghìn quân kỵ của giặc chống giữ ở cửa Chiêm Ân, Kì phao tin là đem quân theo lối Chiêm Ân, lại ngấm từ bên Thục Thứ ra đến Vũ Uy. Người Hồ cho là thần, dẫn quân về Hiển Mĩ. Kì đã chiếm Vũ Uy, Diêu cũng đến, nhưng bọn Nho vẫn chưa đến. Kì vỗ về tướng sĩ, muốn tiến quân đánh người Hồ, các tướng đều nói: “Quân sĩ mỗi một, quân giặc cũng nhọn, khó cùng giao tranh”. Kì nói: “Nay quân ta không thấy lương thực đến, phải trông dựa vào lương ăn của địch. Nếu giặc thấy quân ta hợp binh, tất lui vào giữ núi thẳm, đuổi theo thì đường hiểm khôn cùng, rút quân về thì giặc đi ra cướp phá. Như thế quân không được lợi, đây gọi là: ‘Một ngày tha địch, lo đến mấy đời’ vậy”. Rồi đem quân đến Hiển Mĩ, mấy nghìn quân kỵ người Hồ nhân gió lớn muốn phóng lửa đốt trại, tướng sĩ đều sợ. Kì buổi đêm đặt ba nghìn quân tinh nhuệ ẩn nấp, sai Tham quân Thành Công Anh đem hơn nghìn quân kỵ ra dụ đánh, sai phải rút về phía nam, quả nhiên người Hồ tranh nhau đuổi theo, liền phát quân chặn ở sau, đều đuổi đến đánh, đại phá giặc, chém đầu bắt sống đến mấy vạn người.

Ngụy lược viết: Thành Công Anh là người quận Kim Thành. Cuối năm Trung Bình theo làm người tim bụng của Hàn Ước. Giữa năm Kiến An, Ước thua chạy theo đường Hoa Âm, về Hoàng Trung, bộ khúc tan rã, chỉ còn Anh đi theo. **Diễn lược viết:** Hàn Toại ở tại Hoàng Trung, con rể là Diêm Hành muốn giết Toại để hàng, nhân buổi đêm đánh Toại, không thắng. Toại than thở rằng: “Bậc trượng phu nguy khốn, họa từ con rể chẳng”? Bảo Anh nói: “Nay người thân làm phản, quân sĩ càng ít, nên đi từ Khương Trung về phía tây nam đến đất Thục thôi”. Anh nói: “Dấy binh mấy chục năm, nay dẫu thua vớ, sao lại bỏ nhà mình mà đến nương dựa vào người khác được”? Toại nói: “Ta tuổi già rồi, ông muốn làm gì”? Anh nói: “Tào Công không thể đi xa đến, chỉ có họ Hạ Hầu thôi. Nhưng quân của họ Hạ Hầu cũng không đủ để đuổi được ta, lại không thể ở lâu; nên nghỉ ngơi ở Khương Trung để đợi họ rút đi. Kêu gọi người Địch, vỗ về người Khương, Hồ, cũng có thể làm nên được việc vậy”. Toại theo kế ấy. Bấy giờ trai gái đi theo còn mấy nghìn người. Toại vốn có ân với người Khương, người Khương bèn giúp đỡ Toại. Lúc Hạ Hầu Uyên về, sai Diêm Hành ở lại phía sau. Bèn tụ mấy vạn quân người Khương, Hồ đến đánh Hành. Hành sắp chạy, vừa lúc đó thì Toại chết, Anh đến hàng Thái Tổ. Thái Tổ gặp Anh rất mừng, cho làm Quân sư, phong Liệt hầu. Đi theo săn bắn, có ba con hươu chạy phía trước, Tào Công sai Anh bắn chúng, ba phát trúng cả ba, đều sau tiếng cung liền ngã xuống. Tào Công vỗ tay khen rằng: “Chỉ vì Hàn Văn Ước mà dốc hết lòng, nhưng không thể dốc hết lòng vì ta chẳng”? Anh bèn xuống ngựa quỳ nói: “Không dám lừa mình công, nếu chủ cũ của Anh vẫn còn thì thân không đến đây vậy”. Lại khóc lóc nức nở. Tào Công khen lòng thành với người cũ của Anh, bèn lại kính trọng. Vào năm Diên Khanh, Hoàng Sơ, người quận Hà Tây có kẻ mưu phản, hạ chiếu sai Anh giúp quan quân Lương Châu bình miền Lũng Hữu, lúc ấy bệnh chết.

Diễn lược viết: Diêm Hành là người quận Kim Thành, sau lấy tên là Diễm, tự Ngạn Minh, thừa trể có tiếng tăm, lúc đầu làm một viên tướng nhỏ, đi theo Hàn Ước. Đầu năm Kiến An, Ước đánh chống nhau với Mã Đằng. Con Đằng là Siêu cũng có tiếng tăm. Hành từng đi giết Siêu nhưng mâu gây, nhân đó lấy mâu gây đâm cổ Siêu, suýt giết được Siêu. Đến năm thứ mười bốn, được Ước sai đến chỗ Thái Tổ. Thái Tổ đãi hậu, cho làm Kiên Vi Thái thú. Hành nhân đó xin cho cha mình vào làm Túc vệ, rồi đi về phía tây gặp Ước, truyền lệnh của Thái Tổ rằng: “Kính tạ Văn Ước: Lúc khanh mới dấy binh, là vì bị bức ép, ta cũng biết rõ vậy. Nên đến sớm, cùng giúp đỡ nhà nước”. Hành nhân đó khuyên Ước nói: “Hành cũng làm Tướng quân, dấy binh đã hơn ba mươi năm rồi, quân dân mệt mỏi, chỗ này lại hẹp, nên sớm đến nương dựa. Cho nên lúc trước tại đất Nghiệp tự xin đem cha già đến ở kinh sư, xin khuyên Tướng quân cũng nên sai một người con đến để tỏ rõ lòng son”. Ước nói: “Nên đứng xem xét mấy trong mấy năm nữa”? Sau bèn sai con đi, cùng cha Hành về phía đông. Vừa lúc Ước đến phía tây đánh Trương Mãnh, để Hành ở lại giữ trại cũ, nhưng bọn Mã Siêu

hợp mưu làm phản, cử Ước làm Đô đốc. Lúc Ước về, Siêu bảo Ước nói: “Lúc trước Chung Tư lệ dùng Siêu để bắt Tướng quân, người miền Quan Đông không tin là đúng như vậy. Nay Siêu mất cha, xem Tướng quân như cha. Tướng quân cũng đã mất con, xem Siêu như con”. Hành can Ước, không nôm hợp mưu với Siêu. Ước bảo Hành nói: “Nay các tướng không mưu mà giống ý, đây là số trời”. Bèn về phía đông đến Hoa Âm. Lúc Thái Tổ ngồi trên ngựa nói chuyện với Ước, Hành đi ở sau, Thái Tổ nhìn bảo Hành rằng: “Đang nghĩ làm người con có hiếu sao”? Lúc bọn Siêu thua chạy, Hành theo Ước về Kim Thành. Thái Tổ nghe tin Hành có ý trước, nên chỉ giết con cháu của Ước tại kinh sư. Lại tự tay viết thư gửi Hành rằng: “Xem việc mà Văn Ước làm khiến người ta chê cười. Ta trước sau gửi thư, không không gì không khuyên răn. Như thế mà con nỡ làm sao! Cha Khanh can ngăn, tự được yên ổn vậy. Dẫu vậy trong chốn ngục tù, không phải là chỗ nuôi người thân, vả lại quan lại cũng không thể nuôi người già được lâu vậy”. Ước nghe tin cha Hành ở lại, lại sắp cùng bị hại, để lấy lòng Hành, bèn gắng đem con gái út gả cho Hành, Hành bất đắc dĩ phải lấy. Thái Tổ quả nhiên ngờ Hành. Lúc Ước sai riêng Hành coi quận Tây Bình, bèn đem bộ khúc của mình đánh chống với Ước. Hành không thắng, liền đem người nhà về phía đông đến chỗ Thái Tổ. Thái Tổ bái làm Liệt hầu.

Đế rất mừng, hạ chiếu nói: “Khanh qua sông lợi hiểm, lấy quân mỗi đánh giặc nhàn, lấy quân ít thắng quân nhiều, công lao hơn Nam Trọng⁽¹⁷⁾, chăm chỉ hơn Cát Phủ⁽¹⁸⁾. Công lao này không chỉ phá quân Hồ, mà còn khiến cho miền Hà Hữu mãi yên, ta không còn lo lắng ngoảnh về phía tây nữa”. Chuyển phong làm Tây Hương Hầu, tăng ấp hai trăm hộ, cùng bốn trăm hộ trước đấy.

Người huyện Tử Tuyên là Tô Hành làm phản, cùng tù trưởng người Khương là Lân Đái và hơn vạn quân kị người Hồ ở Đình Linh đánh các huyện biên giới. Kí cùng Hạ Hầu Nho đánh phá chúng, Hành và bọn Lân Đái đầu hàng. Bèn dâng sớ xin cùng Nho sửa chữa thành, đắp lũy ngăn, đặt đài lửa, gác canh để phòng bị người Hồ.

Ngụy lược viết: Nho tự Tuấn Lâm, là em họ của Hạ Hầu Thượng. Lúc đầu làm Kiêu kị Tư mã của Yên Lăng Hầu Chương. Tuyên Vương làm Chinh nam Tướng quân, đô đốc việc quân Kinh Châu, Dự Châu. Năm Chính Thủy thứ hai, Chu Nhiên vây thành Phàn, tướng giữ thành là bọn Ất Tu xin cứu rất gấp, Nho đến đóng đồn ở Đặng Tái, vì quân ít nên không dám tiến, chỉ gõ trống thổi kèn, đặt quân dẫn đường đi trước, cách Nhiên sáu, bảy dặm, chỉ diễu oai rồi về, bọn Tu đứng thấy từ xa, nhiều lần cũng như thế. Hơn một tháng, vừa lúc Thái phó đến, bèn cùng tiến, bọn Nhiên chạy. Người thời ấy nói Nhu khiếp sợ, có người cho là lấy quân ít tỏ vẻ là quân nhiều, được tiếng là đến cứu. Nho như thế vẫn được gọi về, cho làm Thái bộc.

Người Khương miềm tây sợ, đem hơn hai vạn người đến hàng. Sau đó người quận Tây Bình là Cúc Quang giết Quận thú của mình, các tướng muốn đánh chúng, Kí nói: “Chỉ có bọn Quang làm phản, người trong quận không hẳn là cùng phản hết. Nếu tự ý đem quân đến đánh, quan dân và người Khương, Hồ tất cho là nhà nước không phân biệt đúng sai, tất sẽ cùng chống giữ nhau, đấy là hồ mọc thêm cánh vậy. Bọn Quang muốn lấy người Khương, Hồ làm quân giúp, nay nên sai người Khương, Hồ đánh phá chúng trước, lại thưởng nhiều cho họ, người nào bắt được giặc đầu ban thưởng. Ngoài ngăn chặn thế của chúng, trong chia rẽ người của chúng, tất không cần đánh mà định được”. Rồi phát lệnh khuyên dụ người Khương, người bị bọn Quang lừa dối thì tha cho; ai chém đem đầu tướng giặc đến thì được phong thưởng. Do đó bộ khúc của Quang chém đem đầu Quang đến, bọn còn lại đầu được ở yên như cũ.

Kí trông coi hai châu hơn mười năm, ân đức nổi rõ, những người được Kí tiến cử như người quận Phù Phong là Bàn Diên, người quận Thiên Thủy là Dương Phụ, người huyện An Định là Hồ Tôn, người quận Tử Tuyên là Bàn Dục, người quận Đôn Hoàng là Trương Cung, Chu Sinh Liệt, rút cuộc đầu có danh tiếng.

Nguy lược viết: Lúc trước, Kí làm chức quan nhỏ trong quận, viên Công tào Từ Anh từng tự đánh Kí ba mươi roi. Anh tự Bá Tế, là người thuộc họ lớn ở quận Phù Dung, đầu năm Kiến An làm Bồ Bản Lệnh. Tính Anh kiêu ngạo, tự thấy dòng họ mình hơn Kí, có tiếng tăm đứng đầu ở thôn ấp, do đó làm nhục Kí, dấu biết Kí quý hiên, nhưng rút cuộc không chịu cầu cạnh với Kí. Kí dấu đạt chí, cũng không vướng bận việc cũ, vẫn muốn thân với Anh. Từng nhân lúc say mà gần gũi Anh, Anh cố ý chống không chịu. Anh do đó bèn không được chọn dùng nữa. Cho nên người thời ấy khen Kí không chấp oán cũ, cũng khen Anh thẳng thắn không chịu cúi mình.

Năm Hoàng Sơ thứ tư thì hoẵng. Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Tuân Hoàn Tử⁽¹⁹⁾ lập công ở đất Dịch, Tấn Hài đem ấp nghìn nhà phong cho; Phùng Dị⁽²⁰⁾ dốc sức giúp nhà Hán, vua Quang Vũ phong tước cho hai con của Dị. Cho nên Lương Châu Thứ sử Trương Kí giỏi trị dân nuôi quân, khiến cho người Khương theo về, có thể nói là quan giỏi của nhà nước. Không may mất đi, trăm rất thương tiếc. Nay ban tước Quan nội hầu cũ cho con nhỏ là Ông”. Minh Đế lên ngôi, tặng thụy là Túc Hài, con là Tập nối tự.

Tập làm Trung thư lang, dần chuyển làm Đông Hoàn Thái thú. Giữa năm Gia Bình, con gái làm Hoàng hậu, gọi về bá làm Quang lộc Đại phu, vị

Đặc tiến, phong vợ là Hường làm An Thành Hương Quân. Tập cùng mưu với Trung thư lệnh Lí Phong, bị giết. Lời nói tại Hạ Hầu Huyền truyện.

Diễn lược viết: Tập tự Kính Trọng, giữa năm Thái Hòa làm Ôn Lệnh, có tiếng là tài năng. Gặp lúc Gia Cát Lượng ra đánh, Tập dâng kế hay, hạ chiếu đến hỏi Trung thư lệnh Tôn Tư, Tư cho là có mưu lược, bèn gọi đến bá làm Kị Đô úy, sai đi đánh quân Thục. Quân rút, vào làm Thượng thư lang, vì làm quan giỏi mà được Minh Đế biết đến. Đế cho rằng tài năng của Tập gánh vác được nhiều việc, thử gọi thầy xem tướng đến xem tướng Tập. Thầy xem tướng nói: “Làm không quá chức hai nghìn thạch”. Đế nói: “Sao lại tài như thế mà chỉ làm đến chức hai nghìn thạch”? Lúc tại quận Đông Hoàn, lĩnh mấy nghìn quân sĩ. Tính Tập tham tiền của lại tiếc quyền thế, một ngày vì con gái bị gọi đi rời khỏi quận, về ngồi trong phủ xá, lo lắng cuống cuống. Nhiều lần giúp nhà nước bày mưu kế đánh Ngô, Thục, lại từng đáp Tư Mã Đại Tướng quân⁽²¹⁾ cho rằng Gia Cát Khác dẫn thắng được ở biên giới, nhưng bị giết không lâu nữa. Đại Tướng quân hỏi vì sao, Tập nói: “Oai lẫn cả chủ, công trùm một nước, muốn không chết mà được chăng”? Đến lúc Khác từ Hợp Phì về, người Ngô quả nhiên giết Khác. Đại Tướng quân nghe tin Khác chết, bảo mọi người rằng: “Gia Cát Khác có nhiều kẻ phản thay! Gần đây Trương Kính Trọng bàn luận về Khác, cho rằng tất bị giết. Nay quả nhiên đúng thế. Cái trí của Kính Trọng là hơn Khác vậy”. Tập thông gia với Lí Phong, lại ở gần bên với nhau. Bây giờ Phong có ý phản, con Tập là Mạc đến gặp Phong, có chỗ bàn mưu. Lúc Phong bị bắt, việc liên lụy với Tập, bèn bắt đem đến chỗ quan Đình úy, ban chết trong ngục, các con Tập đều bị giết. Cháu Tập là Ân, giữa năm Vĩnh Ninh thời Tấn làm Lương Châu Thứ sử, xem ở Tấn thư.

TRUYỆN ÔN KHÔI

Ôn Khôi tự Mạn Cơ, người huyện Kì quận Thái Nguyên. Cha là Thứ, làm Trác Quận Thái thú, chết, Khôi bấy giờ mười lăm tuổi, đem tang trở về quê nhà. Nhà có nhiều tiền của, Khôi nói: “Nay thời loạn, giàu để làm gì”? Một sớm chia ra hết, cấp cho họ hàng. Người trong châu khen là cao thượng, sánh với Tuân Việt⁽²²⁾. Cử Hiếu liêm, làm Lãm Khâu Trưởng, Quảng Xuyên Lệnh, Bành Thành Tướng, Lỗ Tướng, làm quan ở đâu cũng được khen. Vào làm Thừa tướng Chủ bạ, ra làm Dương Châu Thứ sử. Thái Tổ nói: “Rất muốn cho khanh ở nơi gần gũi, nhưng cho rằng không bằng cho khanh làm việc lớn của châu ấy. Cho nên kinh Thư viết: ‘Người đầu tay giỏi thay! Làm các việc tốt thay’! Như thế há không nên cho Trương Tế làm Trị trung sao”? Bấy giờ Tế được làm Đan Dương Thái thú, bèn sai Tế về làm việc ở châu, lại bảo bọn Trương Liêu, Nhạc Tiến rằng: “Dương Châu Thứ sử hiểu thấu việc quân, động tĩnh thế nào phải cùng bàn luận”.

Năm Kiến An thứ hai mươi tư, Tôn Quyền đánh Hợp Phì. Bấy giờ đầu đóng đồn ở các châu, Khôi bảo Duyệt Châu Thứ sử Bùi Tiềm rằng: “Vùng này dầu có giặc nhưng không đáng lo, chỉ sợ Chinh nam⁽²³⁾ đang có biến. Nay nước sông lên cao mà Tử Hiếu để quân ở đấy, không có phòng bị từ xa. Quan Vũ kêu hùng, được lợi mà đến, tất sẽ gây hại”. Do đó có việc ở thành Phàn. Hạ chiếu gọi bọn Tiềm và Duyệt Châu Thứ sử Lữ Công dẫn quân đi, nhưng bọn Tiềm chậm trễ. Khôi ngầm bảo Tiềm nói: “Việc gấp ở Tương Dương tất được báo lên vậy. Triều đình không vội sai tỵ quận là vì không muốn làm cho quân ở phương xa dao động. Một hai ngày nữa tất có thư kín thúc dục các ông lên đường, bọn Trương Liêu lại sắp nhận lệnh. Bọn Liêu vốn biết ý của Ngụy Vương, sau khi nhận lệnh tất đến trước, các ông tất chịu trách phạt vậy”! Tiềm nghe lời ấy, để đồ nặng ở lại, rồi sầm sứa đồ nhẹ đi ngay, quả nhiên có lệnh thúc dục. Bọn Liêu đầu vâng theo lệnh gọi, đúng như lời mà Khôi nói.

Văn Đế lên ngôi, lấy Khôi làm Thị trung, ra làm Ngự Quận Thái thú. Được mấy năm, chuyển làm Lương Châu Thứ sử, Trì tiết, lĩnh chức Hộ Khương Hiệu úy. Trên đường đi mắc bệnh chết, bấy giờ bốn mươi lăm tuổi. Hạ chiếu nói: “Khôi có khí chất của cột đá⁽²⁴⁾, theo giúp Tiên đế⁽²⁵⁾, công lao nổi rõ. Lúc trăm lên nắm việc, lại trung với nhà vua, vậy nên cho nắm việc nơi vạn dặm, sai đi coi việc của một vùng. Vậy mà việc chưa xong, trăm rất thương tiếc”! Ban tước Quan nội hầu cho con Khôi là Sinh. Sinh chết sớm, tước mất.

Sau khi Khôi chết, người quận Nhữ Nam là Mạnh Kiến làm Lương Châu Thứ sử, có tiếng tăm, làm đến Chinh đông Tướng quân.

Ngụy lược viết: Kiến tự Công Uy, thừa nhỏ cùng du học với Gia Cát Lượng. Sau đó Lượng ra Kỳ Sơn, đáp thư Tư Mã Tuyên Vương, sai Đỗ Tử Tật⁽²⁶⁾ truyền ý thăm hỏi Công Uy vậy.

TRUYỆN GIẢ QUỲ

Giả Quỳ tự Lương Đạo, người huyện Tương Lăng quận Hà Đông. Từ thời trẻ nhỏ, chơi đùa thường sắp đặt đội ngũ, ông nội là Tập cho là lạ, nói: “Người lớn lên tất làm tướng sủy”. Bèn truyền miệng cho mấy vạn chữ trong sách binh pháp.

Ngụy lược viết: Nhà Quỳ là họ lớn, thuở nhỏ thì cô, nhà nghèo, mùa đông thường không có quần mặc, qua ở nhờ nhà anh vợ là Liễu Phu, chưa đến trời sáng, mặc quần của Phu mà đi, cho nên người thời ấy cho là người cởi mở.

Lúc đầu làm quan trong quận, giữ chức Giáng Ấp Trưởng. Quách Viện đánh quận Hà Đông, các thành ấp đi qua đầu chiếm được, Quỳ giữ vững, Viện đánh không thắng được, bèn gọi Thi ền vu⁽²⁷⁾ đem quân đến cùng đánh gấp. Thành sắp vỡ, người già cả trong thành huyện Giáng giao ước với Viện là không được làm hại Quỳ. Lúc người thành huyện Giáng đã tan vỡ, Viện nghe danh tiếng của Quỳ, muốn dùng làm tướng, đem quân ép buộc Quỳ, Quỳ không chịu theo. Tả hữu dẫn Quỳ đến ép cúi đầu, Quỳ mắng chúng rằng: “Há làm trưởng lại của nhà nước mà lại cúi đầu trước quân giặc”? Viện giận, muốn chém Quỳ. Quan dân thành Giáng nghe tin sắp giết Quỳ, đầu lên thành gọi rằng: “Chớ được giết người hi ền của bọn ta, nếu không thì bọn ta cùng chết”? Tả hữu khen Quỳ, nhiều người xin tha Quỳ, do đó được tha.

Ngụy lược viết: Viện bắt được Quỳ, Quỳ không chịu lạy, bảo Viện nói: “Vương phủ quân⁽²⁸⁾ coi quận nhiều năm, không biết túc hạ là người nào nữa”? Viện giận nói: “Ta phải nhanh chém người”. Các tướng che chở, bèn bắt giam ở Hồ Quan, đóng cũi trong hố đất, lấy bánh xe trùm lên, sai người giữ vững. Sắp muốn giết đi, Quỳ ở trong hố đất bảo người giữ cũi rằng: “Trong này không có tráng sĩ sao mà lại khiến cho nghĩa sĩ phải chết ở trong này vậy”? Bấy giờ có người tên là Chúc Công Đạo, không phải là người quen với Quỳ, nhưng vừa lúc nghe lời ấy, thương cảm Quỳ vì thắng thần mà bị mang vạ, bèn buổi đêm lên đến dẫn ra, bẻ gông cho thoát, không nói họ tên của mình.

Lúc trước, Quỳ qua huyện Bì Chi, nói: “Người nào chiếm được đất này trước thì thắng”. Lúc bị vây gấp, biết khó thoát, bèn sai người lén ra đem ấn thao về quận, lại nói: “Mau chiếm huyện Bì Chi”. Viện đã thu được quân của huyện Giáng, muốn tiến quân. Quỳ sợ Viện chiếm Bì Chi trước, liền bày kế khác để lung lạc mưu sĩ của Viện là Chúc Áo, do đó Viện ở lại bảy ngày. Người trong quận theo lời Quỳ cho nên không bị thua.

Tôn Tư biệt truyện viết: Tư được cử làm viên Kế lại của quận Hà Đông, đến đất Hứa, tiến cử ở phủ Thừa tướng rằng: “Quỳ tại Giáng Ấp, khuyến khích quan dân không giao tranh với giặc Quách Viện, sức kiệt mà thua, bị giặc bắt giữ, nhưng giữ chí thẳng, từ chối không cúi phục; nói lời trung với dân chúng, ngày nay nổi tiếng là trung liệt, dẫn những người nắm chức cao, tóc thẳng thời xưa cũng không hơn được. Người này tài cả văn võ, nên chọn dùng người này”.

Ngụy lược viết: Sau khi Quách Viện thua, Quỳ mới biết người đã thả mình ra là Chúc Công Đạo. Công Đạo là người quận Hà Nam. Sau đó làm việc mắc lỗi, tội đáng chịu phạt. Quỳ xin giúp, sức chẳng giúp thoát nhưng được giảm tội vậy.

Sau cử Mậu tài, làm Mẫn Trì Lệnh. Cao Hàn làm phản, Trương Diễm muốn đem quân đến ứng theo. Quỳ không biết mưu ấy, đến gặp Diễm. Nghe tin nổi loạn, muốn về nhưng sợ bị bắt, bèn bày kế cho Diễm như là người cùng mưu, Diễm tin theo. Bấy giờ sở trị của huyện ở thành Lễ, thành lũy không vững, Quỳ đem quân của Diễm sửa thành. Những người muốn làm loạn đâu không giấu mưu của mình, cho nên Quỳ bắt giết hết chúng. Rồi sửa thành chống Diễm. Diễm thua, Quỳ vì có tang ông nội mà bỏ chức, quan Tư đồ gọi đến làm Duyệt thuộc, bái làm Nghị lang, Tham Tư lệ quân sự. Thái Tổ đánh Mã Siêu, đến quận Hoảng Nông, nói: “Đây là chỗ trọng yếu của miền tây”. Cho Quỳ làm Hoảng Nông Thái thú. Gọi đến hỏi mưu kế, rất vui mừng, bảo tả hữu nói: “Nếu những quan lại có bổng hai nghìn thạch đều như Quỳ, ta còn lo gì”? Sau đó phát binh, Quỳ ngờ quan Đôn đi ầm Đô úy che giấu dân trốn tránh. Quan Đô úy cho rằng mình không thuộc quận, nói lời không thuận. Quỳ giận, bắt giữ, mắng kể tội, đánh gãy chân hắn, rồi tha tội. Nhưng lòng Thái Tổ vẫn khen Quỳ, cho làm Thừa tướng Chủ bạ.

Ngụy lược viết: Thái Tổ muốn đánh Ngô nhưng gặp lúc mưa dầm lớn, ba quân phân nhiều không muốn đi. Thái Tổ biết như thế, sợ ngoài có người can ngăn, bèn hạ lệnh rằng: “Nay ta cảnh giác nghiêm ngặt, chưa biết làm gì, ai can ngăn thì giết chết”. Quỳ nghe lệnh, bảo người cùng làm quan là ba viên Chủ bạ nói: “Nay thật là không nên nói ra, nhưng lệnh như thế, không thể không can ngăn”. Bèn bày lời can ngăn cho ba người biết, ba người bất đắc dĩ phải cùng đề tên,

vào bầm việc. Thái Tổ giận, bắt giữ bọn Quỳ. Sắp đem vào ngục, nắm lấy người báo ý, Quỳ liền nói: “Ta có ý báo”. Rồi chạy đến nhà ngục. Quan coi ngục biết Quỳ làm Chủ bạ, không vội đóng gông. Bảo quan coi ngục nói: “Mau đóng gông ta. Nếu không người tôn quý lại nghi ngờ ta là người gần gũi mà xin ông hoãn chậm. Nay sắp sai người đến dò xét ta đây”. Quỳ đeo gông vừa xong, đúng lúc Thái Tổ sai người trong nhà đến nhà ngục xem xét Quỳ. Rồi lại hạ lệnh nói: “Quỳ không có ý xấu, nay cho phục chức cũ”. Lúc đầu, Quỳ làm học trò, đọc qua những truyện nói về người có nghĩa lớn, chọn lấy những gương đáng học. Ưa đọc Xuân thu Tả truyện nhất, đến lúc làm mục thú, thường tự tay đọc sách ấy, mỗi tháng thường đọc một thiên. Lúc trước Quỳ ở tại Hoảng Nông, tranh việc công với quan Điển nông Hiệu úy, không được lẽ, bèn phát giận mọc khối u, sau bệnh ngày càng nặng, tự báo muốn xin sai thầy thuốc cắt đi. Thái Tổ tiếc lòng trung của Quỳ, sợ Quỳ không sống được, hạ lệnh nói: “Báo cho quan Chủ bạ biết, ta nghe nói mười người cắt khối u thì có đến chín người chết”. Quỳ vẫn theo ý mình, nhưng khối u ngày càng lớn. Quỳ vốn có tên là Cù, sau đổi tên là Quỳ.

Thái Tổ đánh Lưu Bị, sai Quỳ đến hang Tà Cốc xem hình thế trước, trên đường gặp quan Thủy hành Đô úy đang chở mấy chục xe người tù, Quỳ vì việc quân gấp, liền xử tội chết một người, còn lại đều thả a. Thái Tổ khen việc này, bái làm Giám nghị Đại phu, nắm giữ việc quân với Hạ Hầu Thượng. Thái Tổ băng ở Lạc Dương, Quỳ coi việc tang.

Nguy lược viết: Bấy giờ Thái tử ở tại đất Nghiệp, Yên Lăng Hầu chưa đến, quan dân có vẻ khổ vì lao dịch, lại có bệnh dịch, do đó trong quân náo động. Bấy tôi sợ thiên hạ có biến, không muốn phát tang. Quỳ bàn rằng không nên giữ kín, bèn phát tang, lệnh người trong ngoài vào viếng, viếng xong, đều phải về chỗ cũ không được nhao động. Mà quân Thanh Châu tự ý đánh trống dẫn nhau đi về. Mọi người cho là nên ngăn cấm chúng, kẻ không nghe thì đến đánh. Quỳ cho rằng: “Nay tang lớn vẫn còn chờ táng, Vương nối tự chưa lập, nên nhân lúc này mà vỗ về chúng”. Bèn tự viết hịch văn, báo cho quan lại địa phương cấp lương thực cho họ.

Bấy giờ Yên Lăng Hầu Chương làm Việt kị Tướng quân, từ Trường An đến viếng tang, hỏi ẩn thao của Tiên vương ở đâu. Quỳ nghiêm mặt nói: “Thái tử ở tại đất Nghiệp, nước có người nối nghiệp. Ẩn thao của Tiên vương, không phải là cái mà quân hầu nên hỏi vậy”. Bèn đưa quan tang về đất Nghiệp.

Văn Đế lên ngôi Vương, thấy mấy vạn hộ của đất Nghiệp ở dưới kinh đô, phần nhiều không vâng phép cấm, bèn lấy Quỳ làm Nghiệp Lệnh. Hơn một tháng, chuyển làm Ngụy Quận Thái thú.

Ngụy lược viết: Lúc trước, quan thuộc của Ngụy Quận gặp lúc việc quan có phần gấp rút, lúc nghe tin Quỳ sắp đến quận, đều rời phủ quan đến ngoài cửa phủ quận. Lúc chuyển thư đến, Quỳ ra cửa, lại các quan thuộc của quận đều đứng ngoài cửa, gặp Quỳ ở dưới xe, Quỳ chấp tay nói: “Đến sở trị để xem nên làm sao”!

Đại quân ra đánh, lại làm Thừa tướng Chủ bạ Tế tửu. Quỳ từng bị người khác kể tội, Vương nói: “Thúc Hướng có công, dòng dõi mười đời sau mắc lỗi còn được tha, huống chi Quỳ có công đức mà thân vẫn còn”? Đi theo đến Lê Dương, trong quân có kẻ vượt sông lộn xộn, Quỳ chém người đó, bèn nghiêm chỉnh. Đến huyện Tiêu, lấy Quỳ làm Dự Châu Thứ sử.

Ngụy lược viết: Quỳ làm Dự Châu Thứ sử. Tiến lên nói: “Thần giữ việc ở triều đình, ra vào sáu năm, triều đình vừa mở mà thân phải ra ngoài. Mong Điện hạ nghĩ kế cho triệu dân, chớ làm trái lòng trông mong của thiên hạ”.

Bấy giờ thiên hạ mới lập lại, châu quận phần nhiều chưa được nắn sửa. Quỳ nói: “Châu vốn lấy quan Ngự sử ra xem xét các quận, dựa vào sáu điều của chiếu lệnh mà xem xét trưởng lại có bổn hai nghìn thạch trở xuống, cho nên họ đều nói là mình có tài xem xét người tài năng, không nói là mình không có đức kinh thuận nhân ái trong sạch vậy. Nay trưởng lại coi thường phép cấm, giặc cướp làm bừa, trong châu biết nhưng không ngăn được, thiên hạ làm sao mà ngay thẳng được”? Quan Binh tào Tông sự được Thứ sử cũ cho về nghỉ, Quỳ đến nhận chức mấy tháng mới quay lại; xét hỏi trưởng lại có bổn hai nghìn thạch trở xuống phóng túng không vâng phép cấm, đều dâng tấu tha cho họ. Đế nói: “Quỳ là quan Thứ sử thật vậy”. Bức cáo thiên hạ, nên học theo phép tắc của Dự Châu. Ban tước Quan nội hầu.

Phía nam Dự Châu tiếp với đất Ngô, Quỳ dò xét rõ, luyện binh giáp, sắp đặt thế trận phòng bị, do đó giặc không dám lấn. Ngoài sửa quân đội, trong coi việc dân, ngăn sông Yên, sông Nhữ, làm ao chứa nước mới, lại xẻ núi khơi dẫn nước suối, làm ao nhỏ ở Dặc Dương, lại đào thông kênh vận chuyển dài hơn hai trăm dặm, gọi là ‘kênh Giả Hâu’ vậy. Giữa năm Hoàng Sơ, cùng với các tướng đánh Ngô, phá quân Lữ Phạm ở Động Phố, tiến phong Dương Lí Đình Hâu, thêm chức Kiến uy Tướng quân. Minh Đế lên ngôi, tăng ấp hai trăm hộ, cùng bốn trăm hộ trước đây. Bấy giờ Tôn Quyên ở tại Đông Quan, sắp đến phía nam Dự Châu, cách sông hơn bốn trăm dặm, hễ đem quân ra cướp, đến phía tây từ Giang Hạ ra, đến phía đông Lư Giang phát. Nhà nước đánh dẹp, cũng theo đường sông Hoài,

sông Miện. Bảy giờ quân của châu ở tại các quận Dĩnh Xuyên, Nhữ Nam, Dặc Dương chỉ giữ đất mà thôi. Quyên không có nỗi lo miên bắc, lúc đông tây có việc gấp, đem quân cứu nhau, cho nên thường ít thua. Quy cho rằng nên đi thẳng đến gần sông Giang, nếu Quyên tự giữ thì hai miên không có quân cứu; nếu hai miên không có quân cứu thì lấy được Đông Quan. Bèn chuyển đến đóng quân ở Liêu Khâu, bày đặt kế đánh giữ, Đế khen là hay.

Tướng Ngô là Trương Yển, Vương Sùng đem quân hàng. Năm Thái Hòa thứ hai, Đế sai Quỳ lĩnh bốn cánh quân của bọn Tiễn Tướng quân Mãn Sủng, Đông Hoàn Thái thú Hồ Chắt, từ Tây Dương đến thẳng Đông Quan; Tào Hưu đến huyện Hoãn, Tư Mã Tuyên Vương đến Giang Lăng. Quỳ đến núi Ngũ Tướng, Hưu lại nói là giặc có kẻ đến xin hàng, xin vào sâu giúp chúng. Hạ chiếu sai Tuyên Vương đóng quân lại, Quỳ về phía đông cùng đi với Hưu. Quỳ nghĩ giặc không phòng bị Quan Đông mà sẽ đem quân đến huyện Hoãn; Hưu vào sâu đánh với giặc, liệ̀n thua. Quỳ bèn sắp đặt các tướng, thủy bộ cùng đi, đi được hai trăm dặm, bắt sống được giặc, chúng nói là Hưu thua trận, Quyên sai quân chặn ở Giáp Thạch. Các tướng không biết làm sao, có người muốn đợi hậu quân. Quỳ nói: “Quân Hưu thua ở ngoài, đường nghề ở trong, đi không đánh được, lui về chẳng xong, thế trận an nguy, không kịp qua ngày. Giặc vì biết quân ta không có hậu quân, cho nên đến đây; nay đi nhanh, ra chỗ không ngờ, đấy gọi là đánh trước để phá lòng giặc vậy. Giặc thấy quân ta tất chạy. Nếu đợi hậu quân, giặc đã chặn chỗ hiểm, lúc đó quân mạnh còn ích gì!” Bèn hợp quân các đường cùng đi, đặt nhiều cờ trống làm nghi binh, giặc thấy quân của Quỳ, bèn rút. Quỳ chiếm Giáp Thạch, đem lương quân cấp cho Hưu, quân của Hưu lại hăng. Lúc đầu, Quỳ không hợp với Hưu. Giữa năm Hoàng Sơ, Văn Đế trao Giả tiết cho Quỳ, Hưu nói: “Tính Quỳ cứng cỏi, vốn dễ lấn áp các tướng, không nên cho làm Đô đốc”. Đế bèn thôi. Lúc thua ở Giáp Thạch, đã gọi Quỳ về, cho nên quân của Hưu không được cứu vậy.

***Ngụy lược viết:** Hưu giận Quỳ đi chậm, bèn trách mắng Quỳ, rồi sai Chủ bạ lệnh cho Dự Châu Thứ sử đến thu nhật khí giới. Tính Quỳ thẳng thắn, bảo Hưu nói: “Ta giúp nhà nước làm Dự Châu Thứ sử, không thể đi giúp thu nhật khí giới”. Bèn dẫn quân về. Rồi cùng Hưu thay nhau dâng biểu, triều đình dẫu biết Quỳ thẳng thắn, nhưng vẫn nghĩ Hưu là tông thất được tin dùng, hai người không có gì sai vậy.*

***Ngụy thư viết:** Hưu vẫn giữ ý trước, muốn đến lúc sau kể tội Quỳ, Quỳ cũng không nói, người thời ấy càng thêm khen Quỳ.*

Tập Tạc Xỉ nói: “Là người hiền tài, ngoài thì chịu nhún, trong tự hạ thấp, cái tiếng ganh tị, do đâu mà có vậy? Người có tiếng ganh tị, tất tranh cãi với người khác, tự mình có ý tranh được thua vậy. Nếu vì tình riêng mà hại nước diệt dân, người ấy dẫu nghiêng lật, có ích gì với ta? Với ta dẫu không có ích, theo ý người ấy làm gì? Do đó nói rằng, đây là ý thấp kém thôi. Nay chịu nỗi giận riêng lại gánh nỗi lo ấy, xông xáo nguy khốn mà trừ được tai hại, lập nên công lớn với vua hiền, ban ân cho trăm họ, thân vào gần cạnh với Thiên tử, có nghĩa làm lòng kẻ địch hổ thẹn, dẫu hùm sói vẫn còn không biết báo thù, huống chi là với Tào Hưu sao? Vậy thì cứu cái nạn ấy là giúp đỡ cho mình, không vướng bận oán cũ, cũng là làm cho người ta chịu phục, nghĩa công đã thành, lợi riêng cũng xong, có thể nói là giỏi vậy. Đối với bọn không biết giúp đỡ, không phải do đó mà giúp đỡ được, chưa có được như vậy”.

Lúc bệnh nặng, bảo tả hữu nói: “Nhận ân dày của nhà nước, chỉ hận không chém được Tôn Quyên để xuống gặp Tiên đế. Việc tang không được làm có chỗ rườm rà”. Hoảng, thụy là Túc Hài.

Ngụy thư viết: *Bấy giờ Quỳ năm mười lăm tuổi.*

Con là Sung nối tự. Quan dân Dự Châu nhớ ơn Quỳ, khắc đá mà dựng miếu thờ. Giữa năm Thanh Long, Đế đánh phía đông, đi xe vào tế Quỳ, hạ chiếu nói: “Buổi chiều qua huyện Hạng, thấy tượng đá Giả Quỳ, nghĩ mà thương xót. Người xưa có nói: ‘Lo gì không lập được công danh, chỉ sợ tuổi thọ không được dài mà thôi’. Quỳ có tiếng trung liệt, chết vẫn được ghi nhớ, có thể nói là chết mà thân không mục vậy. Nay báo cho thiên hạ biết để khuyến khích mai sau”.

Ngụy lược viết: *Năm Cam Lộ thứ hai, Nhà vua đánh miền đông, đóng quân ở huyện Hạng, lại vào dưới miếu thờ Quỳ, hạ chiếu nói: “Quỳ chết còn để lại đức, nhiều đời được thờ. Được nghe tiếng trung, trăm rất khen ngợi. Ngày xưa Tiên đế đánh miền đông, cũng đến ở đây, tự ban ân đức, khen ý đẹp của Quỳ, trong lòng bồi hồi, càng thêm cảm khái! Cái nghĩa trọng người hiền là phải nhớ cở phần mộ của họ, sửa sang nhà cửa của họ, quét dọn miếu thờ của họ, có chỗ hoen mục thì phải đắp vá lại”.*

Sung vào giữa năm Hàm Hi làm Trung hộ quân.

Tấn thư công tán viết: *Sung tự Công Lư, giữa năm Cam Lộ làm Đại Tướng quân Trưởng sử. Lúc loạn Cao Quý Hương Công, Tư Mã Văn Vương dựa vào Sung mà được thoát. Là bây tôi có công đầu của nhà Tấn, làm đến Thừa tướng, phong Lỗ Công, thụy là Vũ Công.*

Ngụy lược liệt truyện xếp ba người Quỳ và Lí Phu, Dương Phái làm một quyển, nay xếp hai người Phu, Phái kế sau Quỳ vậy. Phu tự Tử Hiên, người quận Cự Lộc. Giữ năm Hưng Bình, người trong quận đói khổ. Bấy giờ Phu là học trò,

đang trồng rau giới, muốn lấy đó làm kế sinh sống. Có người đòi lấy, cũng không cho một cây, cũng không tự ăn, cho nên người thời ấy khen là có ý tốt. Sau đó làm quan. Giữa năm Kiến An, Viên Thượng chiếm Kí Châu, lấy Phu làm Chủ bạ, sau Thượng tranh giành với anh mình là Đàm, Thượng đem quân đến Bình Nguyên, giữ Biệt giá Thẩm Phôi ở lại giữ thành Nghiệp, Phu đi theo Thượng. Lúc Thái Tổ vây thành Nghiệp, Thượng muốn về cứu thành Nghiệp, đi chưa đến, Thượng ngờ trong thành Nghiệp ít quân phòng giữ, lại muốn sai Phôi phải biết động tĩnh ở ngoài, bàn với Phu nên làm sao. Phu đáp Thượng nói: “Nay sai tiểu nhân đến, sợ không đủ để biết việc trong ngoài, lại lo không thể làm được. Phu xin tự đến giữ”. Thượng hỏi Phu rằng: “Nên làm thế nào”? Phu nói: “Nghe nói thành Nghiệp rất vững, nhiều người đều biết, ta cho rằng chỉ cần dùng ba quân kị là đủ rồi”. Thượng theo kế ấy. Phu tự chọn ba người tin cậy, không nói đi đâu, đều sai phải sắm lương khô, không được cầm khí khởi, đều cấp cho ngựa khỏe. Rồi từ biệt Thượng đến phía nam, đi qua đâu lại dừng ở trạm dịch. Lúc đến Lương Kì, sai người đi theo chặt lấy ba mươi cây gậy, đeo buộc bên ngựa, tự đội khăn bình thượng, dẫn ba quân kị, sắp tới đến dưới thành Nghiệp. Bấy giờ Đại Tướng quân dẫu có lệnh cấm nhưng có nhiều người thả trâu ăn cỏ, cho nên Phu nhân buổi đêm đi vào, đánh một hồi trống, tự xưng là Đô đốc, qua vòng vây phía bắc, men theo về phía đông, lại từ phía đông đi vòng quanh, lại men theo về phía nam, mỗi bước đi đều trách mắng tướng sĩ giữ vây, tùy tội nặng nhẹ mà xử phạt. Rồi đến trước doanh trại của Thái Tổ, đi thẳng về phía nam, từ góc vây phía nam đi về phía tây, đến cửa ngăn, lại trách mắng người giữ vây, bắt trói người ấy. Nhân đó phá vòng vây, đi nhanh đến dưới thành, gọi người trên thành, người trên thành dùng dây kéo lên, Phu được vào. Bọn Phôi cả mừng, gõ trống xưng: “Vạn tuế”. Người giữ vây kể tình trạng, Thái Tổ cười nói: “Người này không chỉ vào được mà thôi, lại còn ra được nữa”. Phu làm xong lại muốn về, nhưng nghĩ ngoài thành tất vây gấp, không thể đi liều, bèn sai người đi theo nên quay về nhanh, lại ngầm mưu kế, bảo Phôi nói: “Trong thành ít lương, không nên dùng người già yếu vậy, không bằng đuổi ta ngoài để tiết kiệm lương thực”. Phôi theo kế này, bèn nhân buổi đêm giảm bớt mấy nghìn người, đều sai cầm cờ trắng, từ ba cửa thành cùng ra hàng. Lại sai người người đốt lửa, Phu không lâu lại đem người đi theo mặc áo người hàng, theo bọn buổi đêm đi ra. Bấy giờ tướng sĩ giữ vây, nghe tin trong thành ra hàng cả, lửa sáng rùng rục. Chỉ cùng đứng xem lửa cháy, không chịu xem vòng vây. Phu ra cửa bắc, rồi từ góc tây bắc phá vây mà thoát ra được. Đến sáng, Thái Tổ nghe tin Phu đã thoát ra, vỗ tay cười nói: “Đúng như lời ta vậy”. Phu về gặp Thượng, Thượng rất vui mừng. Lúc Thượng không cứu được thành Nghiệp, thua chạy đến Trung Sơn, mà Viên Đàm lại đuổi đánh Thượng, Thượng chạy. Phu và Thượng lạc nhau, bèn đến gặp Đàm, lại làm Chủ bạ của Đàm, về phía đông đến Bình Nguyên. Thái Tổ đến đánh Đàm, Đàm chết trận. Phu trao thành, người trong thành hàng cả. Thượng lo loạn chưa yên. Phu nắm quyền muốn đến gặp

Thái Tổ, bèn cưỡi ngựa đến cửa phủ, nói là Chủ bạ của Kí Châu là Lí Phu muốn bàn việc kín. Thái Tổ gặp Phu, Phu rạp đầu tạ. Thái Tổ hỏi muốn bàn việc gì, Phu nói: “Nay người trong thành khỏe yếu đánh nhau, lòng đều không yên, Phu cho rằng nên sai những người mới hàng vào làm tin để tuyên bố pháp lệnh”. Tào Công bảo Phu nói: “Ông nên về tuyên bố cho họ biết”. Phu quỳ xin bày mưu, Tào Công nói: “Theo ý ông mà tuyên bố”. Phu về vào thành, truyền lệnh rằng: “Phải đều ở yên, không được xâm lấn nhau”. Trong thành được yên, lại ra báo tin. Tào Công thấy Phu là người tài giỏi dùng được. Nhưng bị gièm pha, cho làm quan nhàn rồi. Lại ra làm Giải Trưởng, nổi tiếng là nghiêm túc. Dân làm đến Tư lệ Hiệu úy, bảy giờ hơn bảy mươi tuổi rồi, nhưng tinh thần không yếu, mưu lược không kém hơn trước. Cuối cùng làm Bình Dương Thái thú. Phu vốn là họ Phùng, sau đổi thành họ Lí. Dương Phái tự Khổng Cừ, người huyện Vạn Niên quận Phùng Dực. Giữa năm Sơ Bình làm Công phủ Lệnh sử, vì giỏi viết văn nên cho làm Tân Trịnh Trưởng. Cuối năm Hưng Bình, người dân phần lớn đói khổ, Phái sai dân cất chứa thêm quả dâu khô, thu lấy đậu tười, lấy phần thừa để cấp cho người không đủ ăn, cứ như thế chứa được hơn nghìn斛, cất giấu ở kho nhỏ. Lúc Thái Tổ làm Duyện Châu Thứ sử, đi về phía tây đón Thiên tử, đem theo hơn nghìn quân đều không có lương ăn, qua Tân Trịnh, Phái đến gặp, liền cấp cho quả dâu khô. Thái Tổ rất mừng. Lúc Thái Tổ phụ chính, chuyển Phái làm Trưởng Xã Lệnh. Bảy giờ tân khách của Tào Hồng ở trong huyện, sai gọi nhưng không chịu vâng lệnh, Phái đánh gãy chân họ trước, rồi đem giết. Do đó Thái Tổ cho là có năng lực, chuyển làm Cửu Giang, Đông Bình, Lạc An Thái thú, đều có công tích. Sau có tội tranh giành với quan Đốc quân, bị phạt xén tóc năm năm. Chịu phạt chưa xong, gặp lúc Thái Tổ đi đánh đến huyện Tiêu, nghe nói người huyện Nghiệp có vẻ không vâng phép cấm, liền lệnh chọn người làm Nghiệp Lệnh, nên chọn người nghiêm túc như Dương Phái, do đó Phái trong số đó được làm Nghiệp Lệnh. Đã nhận chức, Thái Tổ gặp Phái, hỏi rằng: “Làm gì để trị huyện Nghiệp”? Phái nói: “Đốc hết lòng sức, ban bố phép cấm”. Thái Tổ nói: “Tốt”. Ngạo bảo mọi người đang ngồi rằng: “Các ông nên sợ phép cấm”. Ban cho mười người giúp việc, trăm thất gấm để khuyến khích Phái, lại để báo đền vì Phái đã cấp cho quả dâu khô vậy. Phái đi ngay, chưa đến huyện Nghiệp, lúc đó quý tộc trong quân là bọn Tào Hồng, Lưu Huân sợ tiếng oai của Phái, sai người nhà đi nhanh báo cho con em biết, sai phải tự vâng lệnh. Phái làm Nghiệp Lệnh được mấy năm, vì có công nên được chuyển làm Hộ Khương Đô úy. Năm thứ mười sáu, Mã Siêu làm phản, sáu quân đi về phía tây đánh dẹp, Phái theo quân, trông coi việc vượt bến Mạnh Tân. Thái Tổ đã qua bờ nam, quân còn lại chưa qua hết, nhưng quan hoàng môn trong đó qua trước, quên đưa xe đi, lại đi riêng về phía bắc lấy xe, quan lại đi theo xin lấy thuyền nhỏ, lại muốn một mình vượt sông trước, quan lại kêu không chịu, quan Hoàng môn tranh cãi với quan lại, Phái hỏi quan Hoàng môn rằng: “Có lỗi không?” Quan Hoàng môn nói: “Không có lỗi”. Phái giận nói: “Sao biết người không muốn bỏ

trốn ?” Rồi sai người nắm lấy đầu quan Hoàng môn, cầm gậy muốn đánh, nhưng giằng co chạy thoát được, áo khăn đều rách toạc, tự báo với Thái Tổ. Thái Tổ nói: “Người không chết là may rồi”. Do đó tiếng oai thêm lừng. Lúc Quan Trung bị phá, thay Trương Kí lĩnh chức Kinh Triệu Doãn. Giữa năm Hoàng Sơ, chọn dùng đạo Nho, mà Phái vốn có tài mà được dùng, bèn làm Nghị lang, về nhàn rỗi ở quê nhà. Phái trước sau làm các chức giữ thành, không làm việc tự ý mưu riêng, lại không chịu cầu cạnh người tôn quý, cho nên sau khi từ quan về nghỉ, nhà không có cửa thừa. Chữa bệnh ở nhà, thả hết đứa ở ra, cũng không có nô tì. Sau chọn lấy hai khoảnh ruộng hoang ở huyện Tích Dương quận Hà Nam, dựng một ngôi nhà nhỏ, sống ở trong đấy, vợ con bị đói rét. Lúc Phái bệnh chết, người làng họ hàng anh bạn bè và quan dân giúp chôn táng.

Bình rằng: Từ cuối thời nhà Hán về sau, quan Thứ sử trông coi các quận, thu thuế ở ngoài, không như thời xưa chỉ xem xét các quận mà thôi. Thái Tổ dựng nên, cuối cùng lập nên nhà Ngụy, đấy đều là người được khen ngợi có danh tiếng vậy. Lại đều thâu đạt việc công, cho nên sửa soạn được nơi dậm dậm, truyền lại cho đời sau vậy.

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Quan Tư đồ*: chỉ Vương Doãn, bấy giờ làm Tư đồ của Hán Hiến Đế.
- (2) *Đã gánh lại vác*: ý nói hai cha con Lưu Phúc, Lưu Tĩnh thay nhau gánh vác việc quan ở miền Dương Châu.
- (3) *Năm vị thần*: tức năm vị thần trông coi ngũ hành là mộc, hỏa, kim, thủy, thổ.
- (4) *Triệu, Trương, ba Vương*: Triệu, Trương là Triệu Quang Hán và Trương Xưởng, ba Vương là Vương Tôn, Vương Chương, Vương Tuấn, đều là những quan lại có tài chính trị thời Hán.
- (5) *Bác sĩ*: chức quan trông coi việc dạy học thời Hán, Tam quốc.
- (6) *Nước Ngưu với nước Quắc*: nước Ngưu và nước Quắc là hai nước nhỏ thời Xuân thu, có địa thế hiểm yếu, cùng bảo vệ nhau. Vua nước Tấn là Hiến Công mượn đường của nước Ngưu để diệt nước Quắc, rồi diệt nốt nước Ngưu.
- (7) *Y, Chu*: tức Y Doãn và Chu Công. Y Doãn giúp vua Thang nhà Thương diệt nhà Hạ. Chu Công phụ chính cho Thành Vương của nhà Chu.
- (8) *Phép ‘tĩnh điền’*: phép chia ruộng đất thời xưa, chia thành chín khoảnh như hình chữ tĩnh, khoảnh giữa là ruộng công, tám khoảnh xung quanh là ruộng riêng.
- (9) *Nhan*: tức Nhan Uyên, một học trò giỏi của Khổng Tử.
- (10) *Cương kỉ*: tên gọi chung cho những quan lại cấp cao trong châu quận thời Hán, Tam quốc.
- (11) *Quân ‘nghĩa tòng’*: quân theo nghĩa.
- (12) *Cây túc*: là một loài cây lương thực, còn gọi là cây lúa tắc hoặc cây kê, giống cây lúa nước, hạt nhỏ, hợp ở vùng ôn đới, đất khô.
- (13) *Lúa mạch*: một loài cây lương thực, còn gọi là lúa mì, hợp với đất khô, vùng ôn đới.

(14) *Biện Trang Tử đi bắt hổ: Biện Trang Tử là quan Đại phu của nước Lỗ, có sức khỏe. Có hai con hổ đang sắp ăn thịt một con trâu, tranh cắn lẫn nhau, con nhỏ bị chết, con lớn bị thương. Biện Trang Tử đi theo con lớn bị thương mà bắt, cuối cùng bắt được cả hai con hổ.*

(15) *Giả Phục: tự Quân Văn, người quận Nam Dương. Thời vua Quang Vũ được bái làm Chấp kim ngô, đi đánh Yên Vương là Doãn Tôn và các tướng ở miền nam chưa thần phục.*

(16) *Giặc Yên: tức Doãn Tôn, thời vua Cảnh Thủy được phong làm Yên Vương, trông coi huyện Yên thuộc quận Dĩnh Xuyên.*

(17) *Nam Trọng: là tướng sủng thời Văn Vương của nhà Chu, đem quân lên miền bắc đắp thành đánh dẹp người Nhung.*

(18) *Cát Phủ: là quan giỏi thời Tuyên Vương của nhà Chu, từng đem quân đánh người rợ Hiểm Duẩn ở phía bắc.*

(19) *Tuân Hoàn Tử: là tướng giỏi của nước Tấn thời Xuân thu.*

(20) *Phùng Di: là tướng giỏi của vua Quang Vũ nhà Hán.*

(21) *Tư Mã Đại Tướng quân: tức Tư Mã Chiêu, bấy giờ làm Đại Tướng quân của nước Ngụy.*

(22) *Tuân Việt: tự Thần Trọng, người quận Thái Nguyên thời Tây Hán, từng chia tiền của cấp phát cho họ hàng.*

(23) *Chinh nam: tức Chinh nam Tướng quân Tào Nhân, tự Tử Hiếu, em họ của Tào Tháo, bấy giờ đóng quân ở Tương Dương.*

(24) *Cột đá: ý nói người có chức cao của nhà nước, như cột chống giữ cho nhà nước được vững vàng.*

(25) *Tiên đế: tức Ngụy Vũ Đế Tào Tháo.*

(26) *Đỗ Tử Tự: tức Đỗ Tập tự Tử Tự, người huyện Định Lăng quận Dĩnh Xuyên, xem ở Tam quốc chí - Ngụy thư - Đỗ Tập truyện.*

(27) *Thiên vu: tức vua của người Hung Nô là Hô Trù Tuyên, bấy giờ đóng đô ở Bình Dương.*

(28) *Vương phủ quân: tức Hà Đông Thái thú Vương Ấp.*

QUYỂN 16 - NHÂM TÔ ĐỒ TRỊNH THƯƠNG TRUYỆN

Nhâm Tuấn, Tô Tắc, Đỗ Kỳ, Trịnh Hôn, Thương Từ

TRUYỆN ĐỒ KỲ

Đồ Kỳ tự Bá Hài, người huyện Đồ Lăng quận Kinh Triệu.

Phó Tử chép: Kỳ là dòng dõi của Ngự sử Đại phu Đồ Diên Niên thời nhà Hán⁽¹⁾. Cha của Diên Niên là Chu, từ quận Nam Dương dời đến huyện Mậu Lăng, đến thời Diên Niên lại chuyển đến huyện Đồ Lăng, con cháu nối theo ở đó.

Thủa nhỏ cô, bị mẹ kế làm khổ, nhưng vẫn giữ đạo hiếu mà nổi tiếng. Năm hai mươi tuổi, làm quan Công tào trong quận, giữ chức Trịnh Huyện Lệnh. Trong huyện có mấy trăm người tù, Kỳ tự thân đến ngục, cân nhắc nặng nhẹ, thả ra hết mà sai khiến, dẫu chưa đúng cả nhưng người trong quận khen Kỳ tuổi trẻ mà có ý rộng lượng vậy. Cử Hiếu liêm, bái làm Hán Trung Phủ thừa.

Gặp lúc thiên hạ loạn, bèn bỏ quan làm khách ở Kinh Châu, đến giữa năm Kiến An lại về Tuân Úc tiến cử Kỳ cho Thái Tổ,

Phó Tử chép: Kỳ từ Kinh Châu về quê, sau đó đến đất Hứa, gặp Thị trung Cảnh Kỉ, nói chuyện cả đêm. Thượng thư lệnh Tuân Úc ở phòng bên với Kỉ, buổi đêm nghe Kỳ nói, khen lạ, đến sáng sai người báo Kỉ nói: “Có kẻ sĩ hay mà không tiến cử, lấy gì mà coi việc”? Rồi gặp Kỳ, thân Kỳ như người quen biết cũ, liền tiến cử Kỳ với triều đình.

Thái Tổ lấy Kỳ làm Tư không Tư trực, chuyển làm Hộ Khương Hiệu úy, Sứ trì tiết, lĩnh chức Tây Bình Thái thú.

Ngụy lược chép: Thủa trẻ Kỳ có chí lớn. Ở tại Kinh Châu vài năm, sau khi mẹ kế chết, thấy vùng Tam phụ thông suốt, đem tang mẹ kế về phía bắc, trên đường đi bị giặc bắt cướp, mọi người bỏ chạy, chỉ Quỳ không chạy, giặc xét cướp, Kỳ xin giặc nói: “Các người muốn lấy tiền mà thôi. Nay ta không có tiền, xét cướp ta làm gì được”? Giặc bèn thôi. Kỳ đến quê nhà, Kinh Triệu Doãn người quận Hà Đông là Trương Thì, có quen biết Kỳ, cho làm Công tào. Từng hiềm vì Kỳ rộng rãi, không chú ý giúp làm các việc, nói là người này xuềnh xoàng, không hợp làm Công tào. Kỳ nói kín rằng: “Không hợp làm Công tào, nhưng hợp làm Hà Đông Thái thú vậy”.

Thái Tổ đã định miên Hà Bắc, mà Cao Cán lại lĩnh quân Tinh Châu làm phản. Bấy giờ Hà Đông Thái thú Vương Ấp bị gọi về, người quận Hà

Đông là Vệ Cỗ, Phạm Tiên ngoài mặt thì lấy danh xin ý của Ấp, nhưng trong lòng thì thực là thông mưu với Cán. Thái Tổ bảo Tuân Úc rằng: “Các tướng miền Quan Tây cậy vào chỗ hiểm và quân mã, tất sẽ gây loạn. Vươn ra cướp miền Hào, Mẫn⁽²⁾, phía nam qua lại với Lưu Biều, nếu bọn Cỗ nhân thế ấy thì ta sợ chúng gây hại lớn, quận Hà Đông có sông bao núi bọc, bốn bề nhiều biển, là chỗ trọng yếu của thiên hạ thời nay vậy. Ông hãy giúp ta cử người như bọn Tiêu Hà, Khấu Tuân để giữ đất ấy”. Úc nói: “Đỗ Kì là người ấy vậy”.

Phó Tử chép: Úc khen Kì có dũng đủ để trừ nạn lớn, có trí có thể ứng biến, người này nên được dùng thử.

Do đó liền bái Kì làm Hà Đông Thái thú. Bọn Cỗ sai mấy nghìn quân chặn ở bờ sông huyện Thiểm, Kì đến không qua được, Thái Tổ sai Hạ Hầu Đôn đánh chỗ ấy. Chưa đến, có người báo Kì rằng: “Nên lĩnh đại quân đi ngay”. Kì nói: “Quận Hà Đông có ba vạn hộ không phải đều muốn làm loạn. Nay quan quân đuổi đánh gấp, đây là muốn làm việc tốt nhưng không có chủ, tất sợ mà nghe theo Cỗ. Khi đó bọn Cỗ được thế, tất liều chết mà đánh. Nếu đánh không thắng chúng thì bốn bề ứng theo chúng, cái thế biến của thiên hạ chưa dừng được vậy; nếu đánh thắng chúng thì cũng chỉ trừ được dân của một quận mà thôi. Vả lại bọn Cỗ chưa rõ ý cắt đứt mệnh vua, ngoài mặt thì lấy danh là xin ý của chủ cũ, tất không hại chủ mới. Ta nên đi xe đến thẳng, ra chỗ chúng không ngờ tới. Cỗ là người nhiều mưu kế mà không quyết đoán, tất bị ta lừa. Ta được ở quận một tháng, đem kế mà vỗ về chúng, cũng đủ vậy”. Bèn vờ đi đường theo lối qua bến Đậu

Tân. Đậu, đọc là ‘đậu’.

Ngụy lược chép: Lúc trước, thừa trể Kì lẫn ép nhau với Vệ Cỗ, Cỗ từng coi khinh Kì. Kì từng đánh cờ và tranh nước cờ với Cỗ, Kì từng bảo Cỗ rằng: “Trọng Kiên, ta sắp làm quan của quận Hà Đông vậy”. Cỗ vén áo mắng Kì. Đến lúc Kì nhận chức, mà Cỗ làm quan Công tào trong quận. Trương Thì ngày trước làm quan ở quận Kinh Triệu, Kì đón quan Tư lệ, hội với Thì ở Hoa Âm. Lúc Thì, Kì gặp nhau, theo phép tắc đều đi ngang. Thì than rằng: “Ngày trước làm Công tào, ngày nay lại làm Quận thú rồi!” Phạm Tiên muốn giết Kì để ra oai với quân.

Phó Tử chép: Tiên nói: “Đã muốn làm hổ mà lại ghét ăn thịt người, đây chẳng phải là làm hổ vậy. Nay không giết, tất để nổi lo về sau”.

Lại xem Kì đi lại, chém hơn ba mươi người từ quan Chủ bạ trở xuống ở dưới cửa thành, Kì vẫn cử động tự nhiên. Do đó Cỗ nói: “Giết hấn chẳng

tổn hại gì, chỉ có để tiếng xấu; vả lại quyền ngăn chế ở tay ta rồi”. Bèn vâng lập Kì làm Thái thú. Kì bảo Vệ Cỗ, Phạm Tiên rằng: “Vệ, Phạm là họ nổi tiếng của quận Hà Đông, ta trông vào họ mà thôi. Nhưng trên dưới có phép tắc, cùng chung thành bại, nên cùng bàn bạc việc lớn”. Lấy Cỗ làm Đô đốc, làm việc Quận thừa, giữ chức Công tào; có hơn ba nghìn quan quân tướng lĩnh, đầu cho Phạm Tiên trông coi. Do đó bọn Cỗ mừng, dẫu vâng giúp Kì, nhưng không chú ý. Cỗ muốn phát đại quân, Kì lo lắng, khuyên Cỗ rằng: “Muốn làm việc khác thường, không nên làm động lòng người. Nay phát đại quân, lòng người tất loạn, không bằng thông thả để chiêu mộ quân sĩ”. Cỗ cho là phải, nghe theo, rồi ra lệnh kêu gọi, mấy chục ngày sau mới yên, trong các tướng có nhiều người vâng theo nhưng ít người sai quân đến, lại vào bảo bọn Cỗ rằng: “Lòng người hướng về nhà, các quan tướng trong quận nên sai về nghỉ ngơi, mau hoãn kêu gọi họ để tránh bị họa”. Bọn Cỗ ghét việc làm trái ý mọi người, lại nghe theo. Do đó người tốt ở ngoài ngấm giúp thân mình, kẻ ác tàn sát, đầu về nhà mình, quân sĩ lìa tan. Gặp lúc giặc Bạch kị⁽³⁾ đánh huyện Đông Hoàn, Cao Cán vào huyện Hoạch Trạch, người các huyện của quận Thượng Đảng giết trưởng lại, người quận Hoàng Nông bắt giữ quan Thái thú, bọn Cỗ ngấm đi đầu binh sắp đến. Kì biết người các huyện theo mình, nhân đó đi ra, đem riêng mấy chục quân kị, đến chỗ hẻo lánh chống giữ, quan dân đầu đem người trong thành ra giúp Kì, gần mấy chục ngày thu được hơn bốn nghìn người. Bọn Cỗ cùng với Cán, Thịnh đánh Kì, không thắng, lại cướp các huyện, cũng không được. Vừa lúc đại quân đến⁽⁴⁾, Cán, Thịnh thua, bọn Cỗ bị giết, phe đảng còn lại đầu cho thả ra, sai về làm nghiệp cũ.

Bấy giờ, quận huyện trong thiên hạ đều bị đổ vỡ, quận Hà Đông được định sớm nhất, ít tổn hại. Kì trị quận, ưa dùng ân huệ, không gây khó với dân. Có người dân từng kiện tụng, có kẻ đến báo, Kì tự gặp kẻ rõ nghĩa lớn, sai về nhà suy nghĩ việc ấy, nếu chưa suy nghĩ hết ý nghĩa thì lại đến phủ hỏi. Các bậc già cả trong thôn ấp tự trách tha lẫn nhau nói: “Có ông như thế, sao lại không vâng giáo hóa”? Từ đấy ít có kiện tụng. Hạ lệnh các huyện, cử người con có hiếu, đàn bà trinh tiết, người cháu kính thuận, tha cho lao dịch, tùy lúc mà an ủi họ. Lại sai dân nuôi trâu cái, ngựa cái, cho đến các loài heo con, gà, lợn, chó, đều có phép tắc. Trăm họ chăm chỉ, nhà nhà no đủ. Kì lại nói: “Dân đã giàu đủ thì không thể không giảng dạy”. Do

đó suốt tháng sửa giáp giảng võ, lại dựng nhà học, tự thân cầm sách giảng dạy, do đó trong quận sửa hóa.

Ngụy lược chép: Kẻ sĩ học rộng là Nhạc Tường, do Kì dạy mà nổi danh. Đến nay quận Hà Đông có nhiều nhà Nho là do từ Kì vậy.

Hàn Toại, Mã Siêu làm phản, trong quận Hoằng Nông, Phùng Dực có nhiều người đem quân trong huyện ấp để ứng theo chúng. Quận Hà Đông dẫu liền kề với giặc nhưng dân không có lòng khác. Thái Tổ sang miền tây đánh dẹp đến huyện Bồ Bản, cách sông Vị đối trận với giặc, lương thực cho quân đều trông vào quận Hà Đông. Đến lúc giặc bị phá, còn chứa được hơn hai mươi vạn斛. Thái Tổ hạ lệnh rằng: “Hà Đông Thái thú Đỗ Kì, Khổng Tử từng nói rằng: ‘Đối với vua Vũ, ta chẳng có gì bàn nữa vậy’⁽⁵⁾. Nay tặng lộc hai nghìn thạch”. Thái Tổ đánh quận Hán Trung, sai năm nghìn người vận lương, người vận lương tự khích lệ nhau rằng: “Người ta sống có một lần chết, không nên phụ phũ quân của chúng ta”. Rút cuộc chẳng một người bỏ trốn, Kì được lòng người như thế.

Đỗ thị Tân thư chép: Bình lỗ Tướng quân Lưu Huân được Thái Tổ tin dùng, quý hiển lừng triều đình, từng đến chỗ Kì xin quả táo lớn, Kì lấy việc khác từ chối. Sau đó Huân bị tội, Thái Tổ lấy được thư của Huân, than rằng: “Đỗ Kì có thể gọi là người ‘không a dua theo kẻ quyền thế’ vậy”. Khen đức sáng của Kì, hạ lệnh châu quận, nói: “Ngày xưa Trọng Ni đối với Nhan Tử, hễ nói không thể không than, khen đã đạt dào tình cảm, lại như con ngựa khỏe đầu đàn ngựa. Nay ta cũng mong mọi người ngưỡng núi cao, trông đường lớn vậy”.

Nước Ngụy đã dựng, lấy Kì làm Thượng thư. Việc yên, lại có lệnh rằng: “Ngày xưa Tiêu Hà định miền Quan Trung, Khấu Tuân bình quận Hà Nội, khanh có cái công ấy, từng muốn trao chức quan can gián cho khanh, nhưng xét thấy quận Hà Đông là quận đuôi tay của nước ta, là chỗ giàu có, đủ để ngăn chế thiên hạ, cho nên phiến khanh ở lại giữ lấy quận ấy”. Kì ở tại quận Hà Đông mười sáu năm, thường là quan giỏi đứng đầu thiên hạ.

Văn Đế lên ngôi Vương, ban tước Quan nội hầu, gọi về làm Thượng thư. Đến lúc lên ngôi, tiến phong Phong Lạc Đình Hầu, thực ấp trăm hộ,

Ngụy lược chép: Lúc trước Kì ở tại quận, nhận thư bắt gọi đàn bà. Bấy giờ tại quận khác có nơi cho tự lấy chồng lần nữa, dựa vào thư mà bắt chở đi, do đó tiếng kêu khóc vang rộ đường đi. Kì chỉ bắt chở kẻ góa, cho nên ít người bị chở đi; đến lúc Triệu Nghiễm thay Kì thì bắt chở nhiều người đi. Văn Đế hỏi Kì rằng: “Lúc trước sao ít người bị chở đi, nay sao lại nhiều”? Kì đáp nói: “Người mà bị thân chở đi lúc trước đều là vợ của người chồng đã mất, nay Nghiễm chở vợ của người chồng còn sống vậy”. Đế và tả hữu nhìn nhau mà mặt biến sắc.

giữ chức Tư lệ Hiệu úy. Đế đánh nước Ngô, lấy Kì làm Thượng thư Bộc xạ, ở lại coi việc. Sau đó Đế đến Hứa Xương, Kì cũng ở lại giữ. Vâng chiếu làm thuy ền 1 ầu cho vua, thử thuy ền ở sông Đào, gặp gió chìm chết. Đế vì thế rơi nước mắt.

Nguy thị Xuân thu chép: Lúc trước, Kì từng gặp một đứa trẻ bảo Kì rằng: “Thân Tư mệnh⁽⁶⁾ sai ta đến gọi ngài”. Kì cố xin đứa trẻ, đứa trẻ nói: “Nay sẽ giúp ngài tìm chọn người nối thay”. Nói xong, chợt không thấy nữa. Đến đây là hai mươi năm rồi, Kì mới nói ra. Hôm ấy thì chết, bấy giờ sáu mươi hai tuổi.

Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Minh chăm làm việc quan mà chết dưới sông, Tắc chăm trông lúa mà chết trên núi.

Vì Chiêu chú giải sách Quốc ngữ có dẫn Mao thi truyện chép: Minh là cháu đời thứ sáu của Tiệt⁽⁷⁾ vậy, làm chức quan trông coi về sông nước thời nhà Hạ, chăm làm việc quan mà chết ở dưới sông. Tắc là Khi⁽⁸⁾ của nhà Chu vậy, chăm chỉ trông lúa, chết ở trên núi bên sông Hắc.

Thượng thư Bộc xạ Đỗ Kì ngày trước thử thuy ền ở bến Mạnh Tân, bèn bị chìm đắm, thật là trung vậy. Trẫm rất thương xót”. Truy tặng chức Thái bộc, thuy là Đái H ầu. Con là Thứ nối tự.

Phó tử chép: Kì thân thiện với Thái bộc Lí Khôi, An Lạc Thái thú Quách Trí. Con Khôi là Phong giao kết với bọn anh hào, có tài trí nổi danh thiên hạ. Con Trí là Xung trong có tài cán mà ngoài chẳng có phong thái, người trong châu chẳng khen. Kì làm Thượng thư Bộc xạ, hai người đều đem con cháu đến gặp Kì. Rồi về, Kì than rằng: “Hiếu Ý⁽⁹⁾ không có con, không chỉ không có con mà thôi, mà còn không có nhà nữa. Quân Muru⁽¹⁰⁾ là không chết vậy, con đủ để nối nghiệp được”. Người thời ấy đều cho rằng Kì xét lầm. Nhưng sau khi Khôi chết, Phong làm Trung thư lệnh, cha con anh em đều bị giết, Xung làm Đại Quận Thái thú, rút cuộc nối được nghiệp của cha; người đời lúc ấy mới phục tâu biết nhìn người của Kì. Nguy lược chép tên cha của Lí Phong là Nghĩ, so với sách này không giống, có lẽ tên Nghĩ là tên khác của Khôi vậy.

Thứ tự Vụ Bá, giữa năm Thái Hòa làm Tán kị Hoàng môn Thị lang.

Đỗ thị Tân thư chép: Thừa trẻ Thứ cùng với người quận Phùng Dực là Lí Phong cùng nối nghiệp của cha, lại cùng thân thiện. Đến lúc thành người lớn, Phong có gắng tu sửa đức hạnh để mong được nổi tiếng, mà Thứ lại xông xênh thẳng thắn, khác biệt với Phong. Phong bèn nổi tiếng một thời, bọn kẻ sĩ ở kinh đô phần nhiều đến chơi với Phong. Nhưng có người quyền quý rằng danh tiếng của Phong quá xa so với thực tế, lại cho rằng Thứ mặc áo sơ đeo ngọc vậy. Do đó mà không Phong ưa thích. Thứ cũng cho là tự nhiên, không gắng tu hạnh để theo thời. Phong đã làm cao ở triều đình, mà Thứ vẫn ở nhà tự vui. Minh Đế

thấy Thứ là con của đại thần, gọi đến bái làm Tán kị Thị lang. Được mấy tháng, chuyển làm Hoàng môn Thị lang.

Thứ lấy thành thật làm tính, không trau chuốt vẻ ngoài, thừa nhỏ không được nổi tiếng. Đến lúc vào triều đình, cũng không giao kết riêng, dốc lòng làm việc công. Hễ có việc được mất, thường dẫn phép tắc để nói thẳng, do đó được Thị trung Tân Bì kính trọng.

Bấy giờ từ bậc công khanh trở xuống bàn luận việc tồn ích, Thứ cho rằng: “Quan Thứ sử thời xưa đã vâng theo sáu điều⁽¹¹⁾, giữ tiếng trong sạch, nêu rõ uy phong. Ngày nay chớ cho lĩnh quân để chuyên chú vào việc trị dân”.

Ra làm Hoàng Nông Thái thú, được mấy năm lại chuyển làm Triệu Tướng,

***Nguy lược chép:** Thứ ở tại quận Hoàng Nông, khoan hòa có đức độ. Đến lúc chuyển, lấy Mạnh Khang thay Thứ làm Hoàng Nông Thái thú. Khang tự Công Hưu, người quận An Bình. Giữa năm Hoàng Sơ, vì có quan hệ họ ngoại với Quách Hậu, do đó được ban bái lễ thân thích, bèn chuyển làm Tán kị Thị lang. Bấy giờ, quan Tán kị đều là người có đạo Nho anh tài mà được chọn, mà riêng Khang vì là họ hàng mà được ở trong đó, cho nên người thời ấy đều cùng coi thường Khang, gọi là A Cừu. Khang vốn không có tài cán, nhân lúc chờ đợi làm quan, chuyên đọc rộng sách truyện, sau đó bèn có người xét hỏi, văn nghĩa hay đẹp lại trọng yếu, mọi người liên mới vừa lòng. Giữa năm Chính Thủy, ta làm Hoàng Nông Thái thú, lĩnh chức Điển nông Hiệu úy. Khang đến làm quan, trong sạch theo phép, khen kẻ thiện nhưng lại thương kẻ không có năng lực, giảm bớt tù ngục, theo điều mà dân muốn, nhân đó mà lợi cho dân. Quận lĩnh hơn hai trăm quan lại, bèn giảm cho về nghỉ, thường có bốn người thì sai một người về. Việc không ứ đọng, lúc ra xét án đều răn bảo quan Đốc bưu phải công bằng, không được cho quan thuộc sai người dò xét, sửa nắn lễ kính. Lại không muốn làm phiền nhiều quan dân, thường răn bảo quan quân, khi đi đều cầm liêm, đến đâu cũng cắt cỏ cho ngựa, không ngừng chuyển chỗ, chắt đây dưới cây, lại đem người đi theo thường không quá mười người. Quận liên đường đi, các tân khách đi qua, nếu không theo phép chung thì không được cấp phát; nếu là người quen cũ thì cho, tự dẫn vào nhà. Khang mới được bái quan, mọi người đều biết Khang có chí khí, nhưng cho rằng chưa từng làm chức mục thú, e rằng không trở được tài năng vậy. Nhưng tài năng công tích trị dân lại được như thế, quan dân đều khen ngợi. Cuối năm Gia Bình, từ chức Bột Hải Thái thú được gọi về làm Trung thư lệnh, sau lại chuyển làm Trung thư giám.*

vì bệnh mà bỏ chức.

Đỗ thị Tân thư chép: Thứ bèn về kinh sư, lập một cái lũy bên suối ở huyện Nghi Dương, nhân đó đắp thêm cao, người lớn nhỏ đều ở đấy. Vào lúc Minh Đế băng, nhiều người vì Thứ mà nói giúp.

Rời nhà làm Hà Đông Thái thú, hơn một năm, chuyển làm Hoài Bắc Đô đốc Hộ quân, lại vì bệnh mà bỏ. Thứ ở đấy, làm việc sơ qua mà thôi, gieo rắc ân huệ, rất được lòng trăm họ vui mừng, nhưng không bằng Kì. Vực chốc, bái làm Ngự sử Trung thừa. Thứ tại triêu đình, vì không được hòa hợp với người thời ấy, cho nên thường làm quan ở ngoài. Lại ra làm U Châu Thứ sử, thêm chức Kiến uy Tướng quân, Sứ trì tiết, Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Bấy giờ Chinh bắc Tướng quân Trình Hỉ đóng đồn ở thành Kế, bọn Thượng thư Viên Khản khuyên Thứ rằng: “Trình Giáp Bá⁽¹²⁾ làm quan từ thời Tiên đế, chức cao hơn Điền Quốc Nhượng ở Thanh Châu⁽¹³⁾. Ngày nay làm việc với tước hạ, cùng đóng đồn ở một thành, nên đổi chú ý đối đãi người ấy”. Nhưng Thứ không chú ý đến. Đến làm quan chưa được lâu, có thủ lĩnh của người Tiên Ti đi vào mà không qua quan ải, đem mấy chục quân kỵ đến thẳng phủ châu, người trong phủ châu chém một đứa con nhỏ đi theo của người đó, không dâng biểu tấu lên. Do đó Hỉ kể tội Thứ, giao cho quan Đình úy, đáng tội chết, nhưng vì cha là Kì chăm chỉ làm việc mà chết dưới sông, tha cho làm dân thường, đày đến quận Chương Vũ, bấy giờ là năm Gia Bình thứ nhất. Thứ làm theo ý mình, dẫu trung trinh nhưng không biết phòng họa, rút cuộc dẫn đến nỗi ấy.

Lúc trước, Thứ từ Triệu Quận quay về, người quận Trần Lưu là Nguyễn Vũ cũng từ chức Thanh Hà Thái thú được gọi về, cùng tự bắt sở quan Đình úy, bảo Thứ nói: “Xét thấy ngài có tài giúp được phép vua nhưng lại không chịu cố gắng, có chí làm được quan lớn mà lại không chịu thuận kẻ trên, tài học hiểu được việc xưa nay nhưng ý chẳng chuyên nhất, đấy gọi là có tài ấy mà không dùng được cái tài ấy. Nay nhân lúc nhàn rồi, nên thử nghĩ sâu xa, lập nên một học thuyết”. Ở tại quận Chương Vũ, bèn chép sách Thễ luận có tám chương.

Đỗ thị Tân thư chép: Cho rằng phép lớn của người ta, chẳng gì lớn bằng đạo vua tôi; gốc rễ của việc lập thân, chẳng gì lớn bằng biết ăn nói và tu đức; giúp vua trị dân, chẳng gì bằng vâng phép đúng; trừ nạn bỏ hại, chẳng gì hay bằng dùng binh. Lẽ là sao? Lẽ là thể diện của vạn vật, nếu vạn vật đều có được thể diện thì không gì là không hay, cho nên gọi tên sách là Thễ luận. Lại chép một thiên Hưng tính luận, đại khái là giúp cho thân mình vậy.

Năm thứ tư, chết ở chỗ mà mình bị đày.

Năm Cam Lộ thứ hai, người quận Hà Đông là Nhạc Tường đã hơn chín mươi tuổi, dâng thư khen công tích của Kì, triều đình cảm kích, hạ chiếu phong con Thứ là Dự làm Phong Lạc Đình Hầu, thực ấp trăm hộ.

Ngụy lược chép: Nhạc Tường tự Văn Tái. Thừa kế ham học. Đầu năm Kiến An, Tường nghe nói Công xa Tư mã lệnh người Nam Quận là Tạ Cai giỏi đọc sách Tả thị truyện, bèn đi bộ từ quận Nam Dương đến gặp Cai học qua các điều cốt yếu, ngày nay có đến bảy mươi hai việc trong sách Tả thị Nhạc thị là do Tường soạn vậy. Học xong lại về quê cũ. Bấy giờ Đỗ Kì làm Thái thú, cũng rất ham học, cho Tường làm quan Văn học Tế tửu, sai đi giảng dạy, do đó nghiệp học của quận Hà Đông nổi rõ. Đến giữa năm Hoàng Sơ, gọi về làm Bác sĩ. Bấy giờ mới dựng nhà Thái học, có hơn mười vị Bác sĩ, phần nhiều tài học thấp kém, lại không thành thạo, không quen giảng giải, dẫn vào cho có người mà thôi. Riêng có Tường thạo cả các môn, có người khó dạy hoặc không dạy được nhưng Tường không tỏ vẻ chán ghét, lấy gậy vẽ trên đất, giảng rõ cho họ, đến nỗi quên ăn quên ngủ, do đó được nổi danh khắp xa gần. Tường học tinh thông, lại giỏi suy xét tính đếm, riêng được nhận lệnh cùng quan Thái sử chế định lịch pháp. Giữa năm Thái Hòa, chuyển làm Kị Đô úy. Tường học giỏi nhưng ít tài trị dân, cho nên qua ba đời vua đều không ra làm quan mục thú. Đến giữa năm Chính Thủy, vì tuổi già mà nghỉ về ở nhà, họ hàng trong nước theo về học trò có đến mấy nghìn người.

Các số biểu tấu nghị biện bác của Thứ đầu đáng xem, có chọn các việc cần thiết với đời chép vào trong truyện⁽¹⁴⁾.

Đỗ thị Tân thư chép: Em Thứ là Lí, tự Vụ Trọng. Thừa nhỏ mà xem học tinh thông, Kì lấy làm lạ, cho nên đặt tên là Lí, được hai mươi một tuổi thì chết. Em là Khoan, tự Vụ Thúc, trong sạch tĩnh lặng, thông minh lại ưa việc xưa. Vì là con nhà danh thần, thừa nhỏ lớn lên ở kinh sư, nhưng dốc chí học rộng, hơn hẳn người đời, có ý muốn xét rõ các việc huyền bí, do đó mà nổi danh, nhiều kẻ sĩ làm quan đến giao kết. Cử Hiếu liêm, làm Lang trung, được bốn mươi hai tuổi thì chết. Với ý nghĩa của kinh truyện, đều chép bài biện bác, nhưng chép soạn chưa xong, chỉ có phần chú giải san định Lễ kí và Xuân thu Tả thị truyện đã xong, đến nay còn truyền cho đời. Dự tự Nguyên Khải, là con rể của Tư Mã Tuyên Vương. Tấu thư của Vương Ân khen Dự có mưu trí sâu rộng, giỏi ở việc trị loạn, thường nói: “Người tu đức thì không ai theo kịp, người mong lập công lập danh chỉ là thứ sau vậy”. Xem qua các sách, nói rằng nghĩa trong sách Công dương truyện, Cốc lương truyện chỉ là lời biện bác dối trá. Lại cho rằng nhà Nho đời trước đã chưa nghiên cứu rõ ý Tả Khâu Minh trong Tả thị truyện, lại làm cho hai truyện thêm rối. Lại thêm bớt lời lẽ, chép lời chú giải Xuân thu Tả thị truyện, lại xét qua các nhà, gọi tên sách là Thích liệt. Lại chép sách Minh hội đồ, Xuân thu trường lịch, tạo thành một phái học riêng, đến lúc già mới xong.

Thượng thư lang Chí Ngu rất coi trọng phái học ấy, nói: “Tả Khâu Minh vốn chép truyện thời Xuân thu, nhưng sách Tả truyện bèn tự được lưu truyền riêng biệt; Thích liệt vốn là truyện tự đặt, nhưng ý mới mẻ sánh được với Tả truyện, cho nên cũng được lưu truyền riêng biệt”. Dự có công lớn với nhà Tấn, làm đến chức Chinh nam Đại tướng quân, Khai phủ, phong Dương Dương Hầu, thực ấp tám nghìn hộ. Con là Tích, tự Thế Hổ, làm Thượng thư Tả thừa. Tấn chú công tán chép: Hổ có tài năng. Anh họ Dự là Bân, tự Thế Tương, cũng có tài năng, làm Hoàng môn lang, bị Triệu Vương là Luân giết oan. Con Hổ là Nghệ, tự Hồng Trị. Thừa trẻ có tiếng tăm, làm Đan Dương Thừa, chết sớm. Nguyễn Vũ cũng là người có tài năng rộng lớn vậy. Xét Nguyễn thị phả chép: Cha Vũ là Kham, tự Sĩ Tín, được mời gọi nhưng chẳng đến, chép sách Tam lễ đồ truyền cho đời.

Đỗ thị Tân thư chép: Vũ tự Văn Nghiệp, rộng rãi thông tuệ, là kẻ sĩ nhã nhặn, chỉ làm đến Thanh Hà Thái thú. Em Vũ là Bình, tự Thúc Văn, làm Hà Nam Doãn. Tinh thông thuật chữa bệnh, chép một sách về thuốc. Con Bình là Thản, tự Hoằng Thư, thời nhà Tấn làm Thái tử Thiếu bảo, Bình đông Tước quân. Em Thản là Kha, tự Sĩ Độ. Duyệt Châu kí của Tuân Xước chép: Thản ra làm mục thú, lúc chết, anh thứ đáng được thay tước, nhưng cha ưa Kha hơn, nói lời truyền cho, bèn nhận tước phong. Bấy giờ còn nhỏ bé, không thể từ chối, đến lúc lớn lên mới hối tiếc, bèn buộc khăn mà ở nhà, sau đó có ra làm quan nhưng chưa từng cởi khăn vậy. Tính thật thà nhã nhặn, ưa lễ nghĩa không làm trái, dốc ý đọc kinh truyện, nổi tiếng học rộng. Chọn làm Bộc Dương Vương Văn học, chuyển làm Lĩnh quân Trưởng sử, chết ở sở quan. Bấy giờ Vương Diễn làm Lĩnh quân, khóc Kha rất thảm thiết.

TRUYỆN TRỊNH HỒN

Trịnh Hồn tự Văn Công, người huyện Khai Phong quận Hà Nam. Ông tổ là Chúng, cha Chúng là Hưng, đầu là nhà Nho có tiếng.

Tục Hán thư chép: Hưng tự Công Công, làm Giám nghị Đại phu. Chúng tự Tử Sư, làm Đại Tư nông.

Anh Hồn là Thái, cùng bọn Tuân Du mưu giết Đồng Trác, làm Dương Châu Thứ sử, chết.

Hán sử của Trương Phan chép: Thái tự Công Nghiệp. Thừa trể có tài lược, nhiều mưu kế, biết thiên hạ sắp loạn, bèn ngầm giao kết hào kiệt. Nhà giàu tiền của, có bốn trăm khoảnh ruộng mà thường không đủ ăn⁽¹⁵⁾, nổi danh miền Sơn Đông. Cử Hiếu liêm, ba phủ⁽¹⁶⁾ mời, xe công⁽¹⁷⁾ đến gọi, đều không đến. Vào lúc Hà Tiến phụ chính, gọi dùng kẻ sĩ nổi tiếng, lấy Thái làm Thượng thư Thị lang, thêm chức Phụng xạ Đô úy. Tiến sắp giết bọn quan Hoàng môn,⁽¹⁸⁾ muốn gọi Đồng Trác về giúp, Thái bảo Tiến rằng: “Đồng Trác cường bạo ít nghĩa, chỉ không muốn đủ, nếu mượn hắn giúp triều đình, trao cho việc lớn, đây là khiến cho hắn thỏa lòng làm hại triều đình vậy. Lấy oai đức của mình công, dựa vào chức cao của quan A hành⁽¹⁹⁾, tự ý xét việc, giết kẻ có tội, thực là không cần đợi Trác giúp đỡ vậy. Vả lại việc có biến, tâm gương không xa”. Lại bày kể việc quan trọng thời ấy, Tiến không nghe theo, bèn bỏ chức mà đi. Bảo người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du rằng: “Hà Công không dễ phụ chính được vậy”. Sau đó Tiến bị hại, quả nhiên Trác chuyên quyền, phế vua. Quân nghĩa miền Quan Đông nổi dậy, Trác mở hội nghị phát đại quân, quan lại đều sợ Trác, chẳng ai dám làm trái. Thái sợ thế mạnh của Trác, lo càng khó ngăn, bèn nói: “Trị nước tại đức, không tại dùng quân”. Trác không vui nói: “Nếu thế, quân không có ích sao”? Mọi người chẳng ai không biến sắc mặt, vì Thái mà run rẩy. Thái bèn giả nói lí đáp rằng: “Không phải là không có ích, vì miền Sơn Đông không đáng để phát binh vậy. Ngày nay người miền Sơn Đông bàn nhau muốn dậy binh, châu quận liên kết với nhau, dân chúng kéo theo, chẳng ai không nổi lên vậy. Nhưng Trung Quốc từ thời vua Quang Vũ đến nay, không còn nghe được tiếng gà gáy chó sủa, trăm họ lâu ngày quên đánh trận. Trọng Ni⁽²⁰⁾ có nói: ‘Đừng dạy dân đánh trận, dạy đánh trận là dạy cho dân bỏ chạy vậy’. Dẫu quân đông nhưng không thể gây hại, đây là một điều. Minh công nổi lên ở miền tây, thừa trể làm tướng của nhà

nước, quen thuộc việc quân, nhiều lần xông trận, nổi danh thời nay; lấy đó mà uy hiếp dân chúng, dân chúng tất theo phục, đây là hai điều. Viên Bản Sở⁽²¹⁾ là con em nhà công khanh, sinh ở kinh sư, thân như đàn bà; Trương Mạnh Trác⁽²²⁾ làm quan trưởng ở huyện Đông Bình, ngôi chẳng vững vàng; Khổng Công Tự⁽²³⁾ bàn luận hay tốt, chỉ biết nói suông, không có tài giúp quân, không có sức dãi dàu sương gió; nếu xông vào đao nhọn, quyết tranh thắng bại, đều không phải là đối địch của mình công, đây là ba điều. Xét quân sĩ miền Sơn Đông, không có kẻ sức kìm được ngựa căng được dây cung, không có kẻ dũng cảm như Mạnh Bôn⁽²⁴⁾, không có kẻ khỏe sánh với Khánh Kị⁽²⁵⁾, không có kẻ có cái tín ở trận thành Liêu⁽²⁶⁾, không có kẻ bày kế sách như Lương, Bình⁽²⁷⁾; chẳng dùng được quân mạnh, chẳng lập công được, đây là bốn điều. Lại như quân ấy, chẳng bầu chọn nhau, ngôi vị không lập, đều dựa vào quân đông, người người nhốn nháo, đến xem thành bại, không chịu cùng lòng hợp sức, đi đứng lộn xộn, đây là năm điều. Các quận miền Quan Tây, phía bắc liền quận Thượng Đảng, Phùng Dục, Phù Phong, An Định, từ xưa đến nay, nhiều lần đánh với rợ Hồ, trai gái đều quen cầm kích nắm mâu, kéo cung lắp tên, nếu dùng quân khỏe ấy để đánh quân dân bỏ quên việc đánh trận của miền Sơn Đông, cũng như xua bầy dê vào hổ sói, quân ấy tất thắng, đây là sáu điều. Vả lại quân mạnh trong thiên hạ, ngày nay đều không hơn được quân của miền Tinh, Lương, Hung Nô, Đồ Các, Hoàng Trung, Nghĩa Tông, tám bộ rợ Khương miền tây, đều là quân mà trăm họ sợ phục, mà mình công lấy họ làm nanh vuốt thì kẻ dũng mãnh còn run sợ, huống chi là kẻ yếu đuối đây! Đây là bảy điều. Lại nữa tướng sếp của mình công đều là người tim bụng, lĩnh quân lâu ngày, từ thời đánh trận Tam Nguyên, Giáp Khẩu đến nay, ân tín sáng rõ, kẻ trung thành có thể dùng ở nơi xa, người mưu trí có thể sai đi làm sứ giả, lấy đó mà đánh quân lộn xộn ô hợp của miền Quan Đông, thực là chẳng ngang nhau. Đây là tám điều. Nếu bên ấy đánh thì có ba điều thua: Đem quân loạn đánh quân trị là thua, đem quân tà đánh quân chính là thua, đem quân nghịch đánh quân thuận là thua. Ngày nay mình nấn sửa việc nước, diệt trừ hoạn quan ác nghịch, giúp đỡ kẻ trung nghĩa; lấy ba điều đức ấy để chống với ba điều thua ấy, vâng lệnh đánh kẻ có tội, còn ai dám chống? Đây là chín điều. Miền đông có Trịnh Khang Thành⁽²⁸⁾, học rộng xưa nay, do đó bọn nhà Nho đến tụ tập; người quận Bắc Hải là Bính Căn Cử⁽²⁹⁾, trong sạch thẳng thắn, là tấm gương của kẻ sĩ. Nếu các tướng bên ấy noi theo kế sách của hai người ấy, xét rõ cái thế yếu mạnh, các nước Yên, Triệu, Tề, Lương không phải là không mạnh nhưng cuối cùng bị nhà Tần diệt, bảy nước Ngô, Sở⁽³⁰⁾ không phải là không có quân đông nhưng dám qua đất Huỳnh Dương, huống chi ngày nay mình công có đức chính rõ ràng, có kẻ làm đầu tay giúp đỡ, vậy mà bên kia muốn làm loạn để tìm lấy cái tiếng bất nghĩa, tất không khen ngợi nhau, không bày mưu ác. Đây là mười điều. Nếu chọn nghe mười việc ấy thì không có việc đem

quân để làm kinh động thiên hạ, khiến cho dân chúng không bị nạn binh đao, không phải tụ tập. Nếu bỏ đức mà chỉ dựa vào quân đội, đây là khinh cái oai trọng vậy”. Trác bèn vui, lấy Thái làm Tướng quân, lĩnh các quân đánh miền Quan Đông. Có kẻ bảo Trác rằng: “Trịnh Thái mưu lược hơn người, lại có ý muốn kết mưu với người miền Sơn Đông, nay trao quân mã cho hắn, lại cho đến chỗ phe đảng của hắn, sợ rằng gây lo lắng cho mình công”. Trác lại thu quân mã của Thái, giữ lại làm Nghị lang. Sau lại mưu với Vương Doãn giết Trác, Thái chạy từ cửa Vũ Quan mà thoát được, quay về miền đông. Sau đó Tướng quân Viên Thuật lấy làm Dương Châu Thứ sử, chưa đến sở quan, trên đường chết, bấy giờ bốn mươi một tuổi.

Hồn đem con nhỏ của Thái là Mậu tránh nạn đến miền Hoài Nam, được Viên Thuật lấy lễ khách đãi rất hậu. Hồn biết Thuật tất thua. Bấy giờ Hoa Hâm làm Dự Chương Thái thú, vốn thân thiện với Thái, Hồn bèn vượt sông đến nương dựa Hâm. Thái Tổ nghe nói Hồn tu đức, gọi về làm Duyện thuộc, lại chuyển làm Hạ Sái Trưởng, Thiệu Lăng Lệnh. Bấy giờ thiên hạ chưa định, dân đi đâu飄飄 tán, không lo trồng trọt; sinh con không biết làm gì mà sinh sống, do đó đâu không đủ nạp thuế. Hồn ở đấy thu lấy các đồ sản bắt, bắt phải trồng trọt, lại mở màn ruộng lúa, theo cách gieo hạt. Lúc đâu dân sợ bị tội, sau đó dần dần được đầy đủ, không ai không no đủ; sinh con trai gái, phần nhiều đặt tên chữ là Trịnh. Gọi về làm Thặng tướng Duyện thuộc, chuyển làm Tả Phùng Dực.

Bấy giờ bọn Lương Hưng⁽³¹⁾ bắt hơn năm nghìn người dân làm giặc cướp, các huyện không chống được, đều lo sợ, ở nhờ trong quận. Người bàn đầu cho rằng nên dời đến chỗ hiểm, Hồn nói: “Bọn Hưng cướp phá, gây hại nơi núi hiểm. Dẫu có kẻ đi theo nhưng đại khái là bị bắt ép mà thôi. Ngày nay nên mở rộng đường lối, ban bố ân tín. Nếu vào chỗ hiểm tự giữ, đấy là tỏ cái yếu kém vậy”. Bèn thu tập quan dân, sửa thành quách, làm các phòng giữ. Rồi phát quân đuổi giặc, làm rõ thưởng phạt, cùng nhau giao hẹn, các đi đâu giao hẹn, bảy phần mười là ban thưởng. Do đó trăm họ vui mừng, đều tự muốn đi bắt giặc, bắt được nhiều đàn bà, tiển của. Bọn giặc có kẻ mất vợ con, đều về xin hàng. Hồn trách phạt người bắt lấy đàn bà của họ rồi trả vợ con về cho chúng, do đó giặc tự cướp giết lẫn nhau, phe đảng tan vỡ. Lại sai quan dân có kẻ đáng tin, chia ra các hang núi chiêu dụ, do đó giặc theo nhau ra hàng, lại sai quan lại của các huyện đều đem về huyện mình để an tập chúng. Bọn Hưng sợ, đem người còn lại tụ ở Phu Thành. Thái Tổ sai Hạ Hài Uyên đến giúp quận huyện đánh chúng, Hồn

lãnh quan dân đi trước, chém được Hưng cùng phe đảng của hắn. Lại có giặc là bọn Cận Phú, bắt đem Hạ Dương Trưởng, Thiệu Lăng Lệnh cùng quan dân vào núi hiểm, Hồn lại đánh phá bọn Phú, bắt lại quan trưởng của hai huyện ấy, lấy các đồ mà bọn giặc cướp được đem về. Vừa lúc có người là Triệu Thanh Long giết Tả Nội Sử là Trình Hưu, Hồn nghe tin, sai tráng sĩ đến chém bêu đầu hắn. Trước sau có hơn bốn nghìn nhà theo phục. Do đó bọn giặc trong núi đầu bình, dân yên ổn làm việc. Chuyển làm Thượng Đẳng Thái thú.

Thái Tổ đánh quận Hán Trung, lấy Hồn làm Kinh Triệu Doãn. Hồn thấy trăm họ mới tụ tập, lập phép dời chỗ ở, sai kẻ mặc áo dày đuôi cùng nhóm với người áo mỏng, người tin cậy đi cùng với người già cả, sai chăm chỉ trồng trọt, nêu rõ phép cấm, vạch rõ kẻ gian. Do đó dân yên ổn trồng trọt, giặc cướp cũng ngừng nghỉ. Lúc đại quân vào Hán Trung, việc chuyển chở lương thực cho quân là quan trọng nhất. Lại sai dân làm ruộng ở Hán Trung, không ai bỏ trốn. Thái Tổ thêm khen ngợi, lại gọi về làm Thặng tướng Duyện thuộc. Văn Đế lên ngôi, làm Thị ngự sử, bái thêm Phụ mã Đô úy, chuyển làm hai chức Bình Dương Thái thú, Bái Quận Thái thú. Quận ấy ẩm thấp, nước ngập lụt, trăm họ đói thiếu. Hồn ở tại giữa hai huyện Tiêu, Tương, đào kênh rạch, mở ruộng nước, người trong quận đều cho là không tiện, Hồn nói: “Địa thế thấp trũng, nên khơi dòng nước, mưu cái lợi nuôi cá trồng lúa làm kế lâu dài, đây là cái gốc làm dân no đủ vậy”. Rồi tự thân lãnh quan dân, tạo lập công việc, trong một mùa đông đều làm xong. Năm đó được mùa to, ruộng lúa đều tăng, thường nạp tô thuế, dân được cái lợi ấy, khắc bia đá khen công, gọi là ‘Trịnh Bi’⁽³²⁾. Chuyển làm Sơn Dương Thái thú, Ngụy Quận Thái thú, cách trị như cũ. Lại thấy trăm họ trong quận khổ vì thiếu cây gỗ, lại dạy dân trồng cây du⁽³³⁾ làm rào, cùng trồng thêm năm loại quả⁽³⁴⁾, cây du đều mọc thành bờ rào, năm loại quả sum suê. Vào đất Ngụy Quận, thôn ấp ngay ngắn như một, dân có được đồ dùng đầy đủ. Minh Đế nghe tin, hạ chiếu khen ngợi, bỗ cáo thiên hạ, chuyển làm Tướng tác Đại tượng. Hồn trong sạch làm việc công, vợ con không tránh khỏi cảnh đói rét. Lúc chết, lấy con là Sùng làm Lang trung.

Tấn Dương thu chép: Con Thái là Mậu, tự Lâm Thúc. Thái thân thiện với Hoa Hâm, Tuân Du. Lúc gặp Mậu, nói: “Trịnh Công Nghiệp chẳng mất dòng dõi vậy”. Lúc đầu làm Lâm Truy Hâu Văn học, dần dần chuyển làm Quang lộc Đại phu. Năm Thái Thủy thứ bảy, lấy Mậu làm Tư không, cố từ chối không nhận, chết ở nhà. Con là Mặc, tự Tư Huyền. Tấn chur công tán chép: Mặc nối giữ nghiệp

nhà, vì thật thà mà được khen, làm đến Thái thường. Em Mặc là Chât, Thư, Hủ, đều làm quan. Con Mặc là Câu, thẳng thắn có hiểu biết, làm Thượng thư Hữu bộc xạ, Lĩnh tuyển. Em Câu là Dự, làm Thượng thư.

TRUYỆN THƯƠNG TỪ

Thương Từ tự Hiếu Nhân, người quận Hoài Nam. Lúc đầu làm quan trong quận. Giữa năm Kiến An, Thái Tổ chiêu dân đóng đồn làm ruộng ở quận Hoài Nam, lấy Từ làm Tuy tập Đô úy. Cuối năm Hoàng Sơ, làm Trường An Lệnh, trong sạch có tài, quan dân sợ mà yêu Từ. Giữa năm Thái Hòa, chuyển làm Đôn Hoàng Thái thú, quận ở tại miền tây, gặp thời loạn mà ngăn cách, hai mươi năm không có quan Thái thú, các họ lớn xưng hùng, bèn lấy đó làm tục. Các quan Thái thú trước kia là bọn Doãn Phụng cũng chỉ theo tục cũ mà thôi, không có sửa đổi. Từ đến, ràng buộc kẻ quyền thế, cứu giúp kẻ nghèo khó, rất có lý lẽ. Các họ lớn cũ có nhiều ruộng đất thừa mà dân thường lại không có đất cày bừa; Từ theo số người mà giảm thuế, dần dần khiến cho họ được trông trọt trên đất của mình. Trước đây việc kiện tụng tù ngục ở các huyện rất nhiều mà các quan huyện không xử được, phần nhiều dãn động; Từ tự mình xem xét, cân nhắc nặng nhẹ, nếu không đáng tội chết thì phạt đánh đòn, mỗi năm chỉ có không quá mười người bị xử phạt. Lại nữa thường ngày người Hồ ở Tây Vực⁽³⁵⁾ muốn đến dâng nạp, mà bọn cường hào nhiều lần ngăn chặn, lại lấy làm của riêng, lừa dối lẫn áp, phần nhiều không được rõ ràng. Do đó người Hồ oán giận, Từ đầu vỗ về họ, những người muốn đến Lạc Dương đầu cho đi qua quận, những người muốn ở lại quận, sai quan lại xét công bằng, thường đem tiền của đến sở xin gặp và cùng trao đổi, sai quan dân hộ tổng trên đường, do đó người Hồ vui mừng khen ân đức của Từ. Được mấy năm thì chết ở sở quan, quan dân thương cảm như có tang người thân, vẽ hình của Từ để nhớ hình dáng. Lúc người Hồ ở Tây Vực nghe tin Từ chết, đầu cùng tụ hội ở dưới sở quan Mậu kị Hiệu úy và Trưởng lại để phát tang, có người còn lấy dao rạch lên mặt để nêu rõ lòng thành, lại lập miếu thờ cùng cúng tế Từ.

Ngụy lược chép: Người quận Thiên Thủy là Vương Thiên nổi thay Từ, dấu nơi theo vết cũ nhưng không bằng được vậy. Sau đó người quận Kim Thành là Triệu Cơ thay Thiên, lại không bằng Thiên. Đến giữa năm Gia Bình, người huyện An

Định là Hoàng Phủ Long thay Cơ làm Thái thú. Lúc trước, người quận Đôn Hoàng rất không biết cách làm ruộng, thường dẫn nước vào ngập úng, làm cho rất ướt thối rồi mới cày. Lại không hiểu rõ cách cày bừa, chỉ dẫn nước vào rồi trông, công sức của người trâu đã phí mà thu gặt lúa lại ít. Long đến, dạy họ cách cày bừa, lại dạy cách dẫn nước, do đó vụ mùa đầy đủ, giảm được hơn nửa công sức mà gặt lúa được hơn gấp năm lần. Lại nữa tục của người quận Đôn Hoàng là đàn bà mặc váy, buộc dây như ruột dê, dùng một tấm vải. Long lại cấm mặc mà sửa lại, nhưng sửa lại quá mức. Do đó người quận Đôn Hoàng cho rằng Long nghiêm nghị cứng cỏi không bằng Từ, còn như chăm chỉ ban ân, mưu lợi cho dân thì cũng chỉ đứng sau Từ.

Từ thời Thái Tổ cho đến năm Hàm Hi, Ngụy Quận Thái thú người nước Trần là Ngô Quán, Thanh Hà Thái thú người huyện Lạc An là Nhâm Úc, Kinh Triệu Thái thú người quận Tế Bắc là Nhan Phỉ, Hoàng Nông Thái thú người quận Thái Nguyên là Lệnh Hồ Thiệu, Tế Nam Tướng người nước Lỗ là Khổng Nghệ, có kẻ thương xót tù ngục, có kẻ chăm chỉ ban ân, có kẻ giữ thân trong sạch, có kẻ vạch rõ kẻ gian, đều là quan lại ăn lộc hai nghìn thạch⁽³⁶⁾ tài giỏi.

Hành trạng của Quán, Úc không được thấy.

Ngụy lược chép: Nhan Phỉ tử Văn Lâm, có tài học. Thặng tướng gọi làm Thái tử Tể mã. Đầu năm Hoàng Sơ, chuyển làm Hoàng môn Thị lang, sau đó làm Kinh Triệu Thái thú. Lúc trước, dân quận Kinh Triệu từ sau khi Mã Siêu bị phá, nhiều người dân không chuyên việc trồng trọt, lại qua mấy vị quan ăn lộc hai nghìn thạch đến, chỉ lo việc trước mắt, không lo giúp dân bày kế lâu dài. Phỉ đến làm quan, liền sai các huyện thuộc sửa sang bờ ruộng, trồng cây dâu. Bấy giờ nhiều người dân không có xe, trâu, Phỉ lại dạy dân nhân lúc nhàn rỗi mà đi chặt cây gỗ, sai chuyển đến cho thợ đẽo làm xe. Lại dạy người dân không có trâu, sai nuôi heo chó rồi bán để mua trâu. Lúc đầu dân cho là rườm rà, nhưng trong một vài năm, nhà nhà đều có xe đi, trâu lớn. Lại dựng trường học, chọn dùng quan dân muốn đọc sách, tha cho lao dịch. Lại nữa ở trong phủ mở vườn rau, sai quan lại lúc nhàn rỗi thì vun xới. Lại dạy dân lúc chuyển tô thuế, lấy hai bó rơm đều đặt ở chỗ thuận tiện trên xe trâu, vào mùa đông băng giá thì đốt bó rơm để làm mực viết. Do đó giáo hóa trở dậy, quan chẳng lấn dân, dân cũng chẳng cầu quan. Quận Kinh Triệu liền tiếp với các quận Phùng Dục, Phù Phong, đường đi của hai quận đã xấu trở, ruộng đất lại cỏ mọc hoang, người dân đói rét, nhưng ở quận Kinh Triệu lại ngay ngắn sáng sủa, giàu đủ thường đứng đầu vùng Ung Châu. Phỉ lại giữ thân trong sạch, chỉ trông vào tiền lương mà thôi, do đó quan dân sợ Phỉ bị chuyển đi vậy. Đến giữa năm Thanh Long, Tư Mã Tuyên Vương lập chợ quân⁽³⁷⁾ ở Trường An, nhưng quan lại trong quân nhiều lần xâm lấn dân trong huyện, Phỉ đem việc báo cho Tuyên Vương. Tuyên Vương bèn cả giận gọi

quan trông coi chợ quân đến, sai đánh một trăm gậy ở trước mặt Phỉ. Bấy giờ Trường An Diễn nông cùng ngồi với Phỉ, cho rằng Phỉ nên tạ ân, bèn tự đùn đẩy Phỉ. Phỉ không chịu tạ, hồi lâu mới nói: “Phỉ đứng xem mình công làm quan ở địa phương, lại muốn nấn nỉ quân dân, tất không được bao che vậy. Vậy mà quan Diễn nông tự ý đùn đẩy, muốn sai Phỉ tạ mình công, đây là không phải ý của mình công vậy”. Tuyên Vương bèn trị nghiêm quan quân. Từ đó về sau, trại quân, quận huyện đều dẫu vào đây. Mấy năm sau, chuyển làm Bình Nguyên Thái thú, quan dân khóc lóc chặn đường, xe không đi được, chậm chạp trễ nải, hơn mười năm mới ra được khỏi quận, đi về phía đông đến núi Hào thì mắc bệnh nặng. Lòng của Phỉ vốn vương vấn quận Kinh Triệu, người nhà đi theo thấy Phỉ bệnh nặng, khuyên Phỉ rằng: “Bình Nguyên nên tự cố gắng giữ sức”. Phỉ nói: “Ý ta không muốn đến Bình Nguyên, các người gọi ta, sao lại không nói là Kinh Triệu vậy”? Rồi chết, đưa tang về Bình Nguyên. Người quận Kinh Triệu nghe tin, đều tự khóc lóc, lập bia ghi công, đến nay vẫn khen Phỉ. Lệnh Hồ Thiệu tự Khổng Thúc. Cha làm quan thời nhà Hán, làm Ô Hoàn Hiệu úy. Đầu năm Kiến An, họ Viên ở tại Kí Châu, Thiệu bỏ quận cũ đem người nhà đến huyện Nghiệp. Năm thứ chín, lại ra đến ấp Mao Thành huyện Vũ An. Gặp lúc Thái Tổ phá huyện Nghiệp, thấy áo mũ của Thiệu mà nghi ngờ, hỏi rõ tổ tiên mà biết được cha của Thiệu, bèn cởi trói, cho làm Quân mưu duyên. Vẫn làm tể thú⁽³⁸⁾. Sau lại chuyển làm Thặng tướng Chủ bạ, ra làm Hoàng Nông Thái thú. Ở đây trong sạch như băng tuyết, vợ con ít khi được đến phủ quan; làm việc thiện mà dạy, khoan thứ mà đối đãi, không ưa bắt giam, chẳng ghen ghét kẻ dưới. Bấy giờ, trong quận không có người hiểu kinh truyện, bèn hỏi qua các quan, có người muốn đi xa tìm thầy, liền sai đi, lệnh đến quận Hà Đông gặp Nhạc Tường học kinh truyện, hiểu rõ mới về, nhân đó lập trường học. Do đó việc học ở quận Hoàng Nông dậy lên. Đến đầu năm Hoàng Sơ, gọi về làm Vũ lâm lang, chuyển làm Hồ bồn Trung lang tướng, được ba năm thì bệnh chết. Lúc trước, có người trong họ của Thiệu là Ngu, vào thời còn mặc áo trắng thường có chí lớn, mọi người bảo là Ngu tất làm cho họ Lệnh Hồ được vinh dự, nhưng riêng Thiệu lại cho rằng: “Tính Ngu phóng túng, không lo tu đức mà lại muốn làm cao, tất diệt họ ta”. Ngu nghe được lời Thiệu, trong lòng không vui. Đến lúc Thiệu làm Hồ bồn Trung lang tướng, mà Ngu đã làm qua nhiều chức quan, ở đây có danh tiếng. Ngu gặp Thiệu, nhân đó ung dung nói đến việc cũ, nói khích Thiệu rằng: “Lúc trước nghe nói đại nhân bảo rằng Ngu không có ích, ngày nay gặp Ngu lại nói thế nào”? Thiệu nhìn kĩ mà không đáp. Nhưng bảo riêng với vợ con mình rằng: “Xem chừng tính hắn vẫn như cũ. Ta xem thấy được, rút cuộc tất thua diệt. Nhưng không biết ta còn sống lâu để ngăn ngừa được không? Chỉ nhờ vào các người vậy”! Sau khi Thiệu chết, hơn mười năm sau, Ngu làm Duyên Châu Thứ sử, quả nhiên mưu phẫn lập với Vương Lăng, người nhà bị di diệt. Con Thiệu là Hoa, bấy giờ làm Hoàng Nông Quận thừa, vì là họ hàng xa nên không bị khép

tội. Xét Khổng thị phải chép: Khổng Nghệ tự Nguyên Tuấn, là dòng dõi của Khổng Tử vậy. Ông nội là Trù, tự Nguyên Cử, làm Trần Tướng. Vào thời Hoàn Đế của nhà Hán dựng miếu thờ Lão Tử ở ấp Lại huyện Khổ, vẽ hình Khổng Tử trên vách; Trù làm Trần Tướng, dựng bia Khổng Tử ở trước tranh, nay vẫn còn. Tổ tiên của Nghệ đều làm quan ăn lộc hai nghìn thạch, Nghệ làm Tấn kị Thường thị, dâng sớ can gián, lời nói tại Tam thiếu đế kỉ. Làm đến chức Đại hồng lư. Con là Tuấn, tự Sĩ Tín, thời nhà Tấn làm Bình đông Tướng quân Vệ úy.

Bình rằng: Nhâm Tuấn lúc trước dấy quân nghĩa để theo về Thái Tổ, mở đất tròng lúa, kho tàng thêm đầy, lập nên công lao vậy. Tô Tắc ra oai để dẹp loạn, đã có cái tài của việc trị dân, lại thần thần ngang ngang, tráng liệt đáng khen. Đỗ Kỳ khoan hòa coi việc, ban ân cho dân. Trịnh Hồn, Thương Từ có cách giúp đỡ trăm họ. Trông xem đều là các quan Thái thú tài giỏi của nhà Ngụy đấy! Thứ thường nêu rõ việc chính trị thời ấy, luận biện kinh truyện, đại khái đáng xem vậy.

TÔ TẮC TRUYỆN

Tô Tắc tự Văn Sư, người quận Phù Phong huyện Vũ Công. Thời trẻ vì có học vấn và phẩm hạnh nên có tiếng tăm, được đề cử Hiếu liêm và Mậu tài, công phủ cho vời, đều không tới. Sau bắt đầu làm Thái thú Tुरू Tuy ền, rồi chuyển đến An Định, Vũ Đô, ở đâu cũng có uy danh.

Ngụy thư chép: Tắc là người cương trực, ghét kẻ ác, thường muốn bắt chước làm người như Cấ Ặm⁽³⁹⁾.

Ngụy lược chép: Tắc trước đó mang họ Trữ, năm Hưng Bình trung, Tam Phụ có loạn, đói khát cô cùng, đi tránh nạn ở đất bắc. Làm khách trọ ở An Định, nương nhờ kẻ nhà giàu là Sư Lượng. Lượng đãi ngộ Tắc không xứng, Tắc búi ngui than rằng: “Cái thời thiên hạ yên định, sẽ chẳng còn lâu nữa, tất ta về làm chức quận thú, sẽ nhún mình tiếp đãi bọn học trò.” Về sau Tắc cùng với bọn Cát Mậu ở Phùng Dực trốn ở trong núi Thái Bạch phía nam quận. Lúc Tắc ra làm Thái thú An Định, thì bọn Sư Lượng đều muốn chạy trốn, Tắc nghe tin, sớm sai người đến phân tích rõ ràng, và dùng lễ báo đáp lại Lượng.

Thái tổ chinh phạt Trương Lỗ, đi qua quận ấy, gặp Tắc rất hài lòng, sai Tắc làm quân hướng đạo. Lỗ bị phá, Tắc phủ dụ yên định được các rợ Đê ở Hạ Biện, thông đường đi Hà Tây, được chuyển sang làm Thái thú Kim Thành. Bấy giờ sau cơn tang loạn, dân chúng lưu li tan tác đói khát cùng cực, số hộ khẩu hao tổn, Tắc vỗ v ề rất cẩn trọng. Bên ngoài chiêu mộ phủ dụ rợ Khương Hồ, thu được trâu và dê của họ, nuôi dưỡng kẻ b ần cùng người già lão, trong vòng tuần trăng, dân lưu tán đều quay v ề, thu được mấy nghìn nhà. Tắc bèn ban rõ lệnh cấm, kẻ nào phạm phải lập tức giết ngay, người theo lệnh tất có thưởng. Tắc tự mình dạy dân cấy tr ờng, năm ấy mùa màng bội thu, bởi thế người theo v ề nương cấy ngày một đông. Lý Việt ở Lũng tây làm phản, Tắc thống suất người Khương Hồ vây đánh Việt, Việt lập tức xin quy phục. Thái tổ băng hà, người ở Tây Bình là Khúc Diễn làm phản, xưng là Hộ Khương hiệu úy. Tắc thống suất quân binh thảo phạt, Diễn sợ, xin hàng. Văn Đế vì cái công ấy, gia thêm cho Tắc chức Hộ Khương hiệu úy, ban cho tước Quan nội hầu.

Ngụy danh thần tấu chép tờ lệnh của Văn Đế hỏi Thứ sử Ung châu là Trương Ký rằng: “Tô Tắc trước đây đảm nhiệm chức vụ Thái thú Kim Thành một thời gian ngắn, đã có công võ về bình trị dân Di, nghe nói lại xuất quân sang tây yên định vùng sông Hoàng, gây dựng thanh thế cho Hà Tây, ta rất khen ngợi. Cái công lao của Tắc, có thể ban thêm tước vị và thực ấp được hay chăng? Phong tước là việc quan trọng, cho nên ta đem ra hỏi khanh. Khanh hãy bí mật trình bày ý của mình, và chớ có tuyên bố lộ tin tức ra bên ngoài.” Ký đáp rằng: “Quận Kim Thành, trước đây bị Hàn Toại giết chóc áp bức, người bị chết kẻ lưu vong, hoặc chạy trốn sang chỗ Nhung Địch, hoặc bị hãm hại trong vòng cướp bóc, số hộ còn lại chẳng đầy năm trăm. Tắc đến nhận chức, bên trong phủ dụ chỗ điêu tàn, bên ngoài tụ họp kẻ ly tán, đến nay số hộ đã có hơn nghìn. Lại có các chủng tộc rợ Khương ở Lương Thiêu, trước đây giúp Toại cùng làm ác, sau khi Toại chết gục, đã vượt ra khỏi thành lũy. Tắc trước sau chiêu dụ võ yên, hơn ba nghìn bộ lạc theo đến quận, Tắc đều cấp chăn tở ân uy, phát huy được hiệu dụng của chức quan. Bọn Khúc Diễn ở Tây Bình khởi xướng tạo gian mưu, Tắc lại xuất quân, soi xét chỗ yếu hại của chúng, Diễn lập tức theo mệnh đưa người đến làm con tin, giặc Lương phá sạch. Tắc đã có công lao cứu giúp dân, lại có tài hoà Nhung Địch, hết sức tiết tháo trung trinh. Gặp được bậc chân chúa thánh minh, kẻ có công lao tất được biên chép lại. Nếu Tắc được ban thêm tước ấp, thực đủ để khuyến khích kẻ trung thần, đã hết lòng gắng sức vì phong tục vậy.”

Về sau Diễn lại câu kết với các quận lân bang làm loạn, Trương Tiến ở Trương Dịch bắt Thái thú Đỗ Thông, Hoàng Hoa ở Tửu Tuy ền không vâng lệnh Thái thú Tân Cơ, Tiến và Hoa đều tự xưng là Thái thú để hưởng ứng quân phản loạn. Lại có ba tộc người Hồ ở Vũ Uy cùng hợp nhau vào cướp bóc, giao thông bị cắt đứt. Thái thú Vũ Uy là Quán Khâu Hưng cáo cấp với Tắc. Bấy giờ các hào kiệt ở Ung, Lương đều nổi lên cướp bóc ở xứ Khương Hồ theo bọn Tiến, người trong quận đều cho rằng Tiến mạnh chẳng thể đương nổi. Lại thêm tướng quân Hác Chiêu, Ngụy Bình trước đây đều đóng đồn ở Kim Thành, cũng nhận chiếu đánh giặc nhưng không sang phía tây được. Tắc bèn triệu kiến các quan lại đứng đầu trong quận và bọn Hác Chiêu cùng với các đầu lĩnh người Khương Hồ bàn tính rằng: “Nay giặc tuy đông đảo, nhưng đều mới tập hợp, hoặc bị cưỡng bức phải theo, vị tất đã đồng lòng; ta nhân sơ hở mà đánh chúng, người thiện kẻ ác

tất chia lìa nhau, chia lìa thì tất quy phục ta, ta thêm quân mà bên kia hao tổn vậy. Khi quân ta đã thật đông, thì khí thế lực tăng gấp bội, ta thống suất quân tiến lên đánh dẹp, phá chúng tất xong vậy. Nếu đợi đại quân đến, cần giữ nhau lâu ngày, người thiện không quy phục ta, tất hợp tác với kẻ ác, thiện ác đã kết hợp, hình thế khó mà bỗng chốc chia lìa. Dẫu đã có chiếu mệnh, ta làm trái mà hợp lẽ quyên biến, chuyên quyên cũng có thể được vậy.” Vì thế bọn Chiêu nghe theo, bèn phát binh cứu Vũ Uy, thu hàng ba tộc người Hồ ở đó, rồi cùng với Hưng đánh Tiến ở Trương Dịch. Diên nghe tin, đem ba nghìn quân bộ kỵ nghênh đón Tắc, Từ lại đến giúp quân đội, nhưng thật ra muốn làm kế quyên biến. Tắc dụ dỗ cùng tương kiến, nhân đó chém hấn, rồi ra quát mắng quân lính, đảng giặc đều tan chạy. Tắc bèn cùng với chư quân vây Trương Dịch, phá được, chém Tiến và dư đảng của hấn, chúng đều ra hàng. Diên thua quân, Hoa sợ, buông thả những kẻ bị bắt và xin hàng, Hà Tây bình định. Tắc liền quay về Kim Thành. Được tiến phong tước Đô đình hầu, hưởng thực ấp ba trăm hộ.

Tắc được trưng triệu về bái làm Thị trung, cùng với Đồng Chiêu là đồng liêu. Chiêu từng gối đầu lên đầu gối Tắc mà ngủ, Tắc đẩy đầu Chiêu ra, nói: “Đầu gối của Tô Tắc, chẳng phải nịnh cái đầu của người ta vậy.” Khi trước, Tắc cùng với Lâm Tri hầu là Thực nghe nói Ngụy thị thay nhà Hán, đều phanh áo ra đau lòng mà khóc, Văn đế nghe nói Thực như thế, nhưng không nghe nói đến Tắc. Khi đế ở Lạc Dương, từng ung dung nói rằng: “Ta ứng vận trời mà thụ thiện, nhưng nghe nói có kẻ khóc lóc, sao vậy?” Tắc cho là mình bị hỏi, râu ria đều vểnh cả lên, toan dùng chính luận để đối đáp. Quan Thị trung là Phó Tồn bấm móng tay vào Tắc nói: “Chẳng phải là nói ngài vậy.” Vì thế Tắc liền dừng lại.

Nguy lược chép: Theo lễ xưa, quan Thị trung là kẻ thân cận được coi xét việc sinh hoạt hàng ngày của vua, cho nên tục gọi là ‘Chấp hử tử’. Ban đầu có người đồng quận với Tắc là Cát Mậu, bấy giờ làm ra làm huyện lệnh huyện Phủ Lịch, được thăng làm Nhữn tán. Mậu gặp Tắc, giễu cợt rằng: “Đường tiên thủ của sĩ đồ chẳng phải dừng lại ở chức Chấp hử tử.” Tắc cười nói: “Ta chẳng thể bắt chước người cung kính thông thả ruồi xe hươu được vậy.” Khi trước, Tắc ở Kim Thành, nghe nói Hán đế truyền ngôi vị, cho là vua đã băng hà, bèn phát tang; sau nghe nói vua còn sống, bởi vì không xét được rõ ràng, mới có ý lặng yên. Lâm Tri hầu Thực tự thương cảm là có lỗi với ý muốn của Tiên đế, cũng oán giận cảm kích mà khóc. Sau này Văn đế xuất du, nghĩ lại hận Lâm Tri, cho nên bảo tả hữu rằng: “Nhân tâm không hoà, nên lúc ta lên ngôi, trong thiên hạ có kẻ khóc to.” Lúc ấy kẻ bấy tôi đi theo biết được lời Đế nói, có người phát

ngôn ra, nên Tắc cho là nói mình. Tắc muốn xuống ngựa tạ lỗi. Thị trung Phó Tồn trở mắt nhìn Tắc, Tắc bèn tình ngộ.

Một đoạn dưới chưa thể dịch nổi (có bác nào giúp được chăng?)

孙盛曰：夫士不事其所非，不非其所^{❖❖}，趣舍出处，而岂徒哉！则既策名新[❖]

^{❖❖}，委质异代，而方怀二心生忿，欲奋爽言，岂大雅君子去就之分哉？诗云[❖]

[❖]“士也罔极，二三其德。”士之二三^{❖❖❖}犹丧妃偶，况人臣乎？

Văn đế hỏi Tắc rằng: “Trước kia người phá Tửu Tuyên, Trương Dịch, thông sứ với Tây Vực, quận Đôn Hoàng dâng biểu một viên ngọc châu lớn dài một tấc, người có thể xin thêm được không?” Tắc đáp rằng: “Nếu bệ hạ làm cho giáo hoá thấm khắp Trung Quốc, ân đức truyền tới nơi sa mạc, dù chẳng cầu thì châu báu cũng tự đến, chẳng đáng quý lắm sao.” Đế lặng yên. Về sau Tắc theo Đế đi săn, chốt chuồng thú bị mở ra, mất một con hươu, Đế cả giận, ngẩng trên hồ sàng⁽⁴⁰⁾ rút đao ra, cho bắt hết bọn đốc lại, sắp đem chém chúng. Tắc khấn đầu nói: “Thần nghe rằng bậc thánh vương đời xưa chẳng vì cần thú mà hại người ta, nay bệ hạ đang hưng thịnh cái giáo hoá của Đường Nghiêu⁽⁴¹⁾, mà vì việc săn bắn làm vui mà sát hại nhiều quan lại, ngu thần cho rằng không nên. Thần bạo dạn lấy cái chết để cầu xin!” Đế nói: “Khanh, là kẻ bày tôi thẳng thắn vậy.” Rồi xá tội hết cho bọn ấy. Nhưng vì thế mà bị Đế kiêng sợ. Năm Hoàng Sơ thứ tư, Tắc bị giáng chức làm Đông Bình tướng. Chưa đến nhận chức, bị bệnh chết ở trên đường, được ban thụy là Cương hầu. Con Tắc là Di nối tự, không có con nối, em là Du được tập tước. Du, năm Hàm Hi trung làm quan Thượng thư.

Du tự Hưu Dự, từng trải qua chức vị Thái thường Quang lộc đại phu, thấy nói ở Tấn bách danh quan. Sơn Đào khái sự⁽⁴²⁾ khen Du là người thực sự trung hậu và có trí mưu.

Thần Tùng Chi xét con của Du là Thiệu, tự Thế Tự, làm thầy của Ngô vương. Vợ của Thạch Sùng⁽⁴³⁾, là con gái của anh trai Thiệu. Thiệu có thơ ở Kim Cốc tập. Em của Thiệu là Thận, làm tả Vệ tướng quân.

NHÂM TUẤN TRUYỆN

Nhâm Tuấn tự Bá Đạt, người quận Hà Nam huyện Trung Mâu. Thời Hán mạt nhiễu loạn, xứ Quan Đông đầu chấn động. Trung Mâu lệnh là Dương Nguyên lo lắng sợ hãi, muốn bỏ chức quan mà chạy. Tuấn thuyết Nguyên rằng: “Đồng Trác là kẻ đầu sỏ làm loạn, thiên hạ tuyệt chẳng ai dám nhìn thẳng, nhưng chưa có ai nổi dậy trước, không phải là họ không có lòng, mà về hình thế là chưa dám đó thôi. Minh phủ nếu có thể khởi xướng việc này, tất có người hoà nhịp vậy.” Nguyên nói: “Phải tính thế nào?” Tuấn nói: “Nay vùng Quan Đông có hơn mười huyện, có thể lấy được số binh chẳng ít hơn vạn người, nếu quyên nghị làm công việc của Hà Nam doãn, tổng hợp hết các lực lượng mà dùng, không ai không giúp ta vậy.” Nguyên theo kế ấy, lấy Tuấn làm Chủ bộ. Tuấn bèn vì Nguyên dâng biểu xin tạm làm công việc của phủ doãn, sai các huyện giữ vững, rồi phát binh. Vừa đúng lúc Thái tổ khởi sự ở Quan Đông, vào địa giới Trung Mâu, mọi người chẳng biết theo ai, Tuấn một mình cùng với người đồng quận là Trương Phấn nghị bàn, đem cả quận quy phục với Thái tổ. Tuấn lại thu nhất riêng mấy trăm người trong tông tộc cùng gia binh của tân khách, xin theo Thái tổ. Thái tổ rất hài lòng, dâng biểu xin cho Tuấn làm Kỵ đô úy, đem em họ gả cho Tuấn, rất thân mật và tín nhiệm.

Thái tổ mỗi khi chinh phạt, Tuấn thường ở lại để chu cấp cho quân đội. Thời ấy hạn hán mất mùa, lương ăn cho quân chẳng đủ, Vũ Lâm giám là Tảo Chi người Dĩnh Xuyên kiến nghị lập đồn điền, Thái tổ dùng Tuấn làm Diên nông Trung lang tướng, chiêu mộ bách tính tụ tập làm ruộng ở Hứa Hạ, được trăm vạn斛 lúa, các quận trong nước lần lượt đặt chức Diên quan⁽⁴⁴⁾, trong mấy năm ở địa phương thóc lúa chất chồng, kho dựn đều đầy tràn. Chiến dịch Quan Độ, Thái tổ sai Tuấn chủ trì vận chuyển quân dụng khí giới lương thảo. Giặc mấy lần cướp bóc cắt đứt đường vận lương, vì thế Tuấn lệnh cứ một nghìn xe là một bộ, mười đạo cùng tiến song song, lại bày trận nhiều tầng lớp để bảo vệ lương thực, giặc không

dám tiếp cận. Quân lương được đủ đầy, việc bắt đầu ở Tảo Chi mà thành công ở Tuấn.

[Ngụy vũ cố sự chép lại tờ lệnh rằng: “Cố Thái thú Trần Lưu là Tảo Chi, thiên tính trung thực tài năng. Ban đầu cùng dấy nghĩa binh, đi đánh dẹp khắp nơi. Sau Viên Thiệu ở Ký châu, cũng thích Chi, muốn có được ông ta. Chi thác thân nương cậy vào ta đã lâu, ta sai lĩnh chức Đông A lệnh. Loạn Lã Bố, Duyệt Châu đều làm phản, duy có huyện Phạm và Đông A còn vẹn toàn, bởi chi dùng binh lính hết sức giữ thành. Sau này đại quân thiếu lương, được Đông A dùng kế, đó là cái công của Chi vậy. Đến lúc phá Hoàng Cân yên định huyện Hứa, lấy được cơ nghiệp của giặc. Chi gánh vác việc gây dựng kiến lập đồn điền, bấy giờ kẻ nghị bàn đều nói nên tính trâu thu thóc, luật lệ ruộng đất đã định. Sau khi thi hành, Chi bẫm bạch rằng cho thuê trâu và thu thóc, số thu lớn mà lương thực chẳng tăng, lúc có lũ lụt hạn hán thiên tai lại giảm, rất không tiện lợi. Lại đưa ra ngôn luận, Cô cũng cho rằng nên như cũ, thu được nhiều chẳng nên thay đổi lại. Chi cũng giữ ý mình, Cô chẳng biết theo ai, sai Chi cùng với Tuấn lệnh quân ⁽⁴⁵⁾ nghị bàn việc ấy. Bấy giờ cố quân Tế tửu Hâu Thanh nói: ‘Luật lệ lấy quan trâu, để tính quan điền. Như lời Chi bàn, với quan thì tiện, với khách thì bất tiện.’ Thanh nói rộng dài, để lung lạc Lệnh quân. Chi cũng tự tin, cứ đúng kế hoạch mà bẫm bạch, giữ phương pháp phân ruộng. Cô liền cho là đúng, sai Chi làm Đồn điền Đô úy, thi hành việc thiết lập điền nghiệp. Đến lúc mùa màng thì thu hoạch lớn, sau này nhân vì có ruộng lớn, đồ quân dụng được phong túc, từ đó diệt sạch bè lũ phản nghịch, yên định thiên hạ, để hưng thịnh vương thất. Chi gây dựng kỳ công, bất hạnh chết sớm, truy tặng cho một quận, còn chưa xứng với công lao. Nay ta suy nghĩ nhiều về việc ấy, Chi nên được thụ phong, để dãi dai đến nay, đó là lỗi lầm của Cô vậy. Con của Chi ở trong, nên gia phong cho quan tước, để tế tự Chi khiến cho việc ấy không hủ nát.]

[Văn sĩ truyện chép: Chi vốn họ Cức, vì tiên nhân đi tránh loạn, mới đổi thành họ Tảo. Cháu của Chi là Cức, tự Đạo Ngạn, thời nhà Tấn làm Thứ sử Ký châu. Con của Cức là Tung, tự là Đài Sản, làm Tấn kỵ Thường thị. Đều có tài danh, biên soạn ra nhiều sách vở. Anh của Tung là Diển, tự Huyền Phương, làm Thái thú Tương Dương, cũng là người có văn tài.]

Thái tổ thấy công lớn của Tuấn, bèn dâng biểu phong Tuấn làm Đô đình hầu, thực ấp ba trăm hộ, lại thăng làm Trường Thủy hiệu úy.

Tuấn khoan hậu có độ lượng mà hiếu sự tình, mỗi lần bày tỏ sự việc, Thái tổ phần nhiều cho là phải. Vào giữa lúc mất mùa, Tuấn đi thu thập con côi bị bỏ rơi của bằng hữu về, những kẻ bần khổn trong ngoài họ hàng, chu cấp tiếp giúp cho, tín nghĩa được người đời xưng tụng. Năm Kiến An thứ chín thì chết, Thái tổ sa nước mắt rất lâu. Con Tuấn là Tiên nối tự. Tiên chết, không có con, nước bị trừ bỏ. Văn Đế truy xét công lao của bày

tôi, ban cho Tuấn thuy là Thành h ầu. Lại người con giữa của Tuấn là Lãm làm Quan nội h ầu.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Ngự sử Đại phu Đỗ Diên Niên* thời nhà Hán: chỉ Đỗ Diên Niên tự Ấu Công, người quận Nam Dương, thời Chiêu Đế nhà Hán làm Ngự sử Đại phu. Tính khoan hòa, cẩn thận.

(2) *Miền Hào, Mẫn*: miền giữa chỗ có núi Hào và đầm Mẫn.

(3) *Giặc Bạch kị*: chỉ tướng giặc ở núi Hắc là Trương Bạch Kị.

(4) *Đại quân đến*: chỉ đại quân của Hạ Hâu Đôn đến đánh.

(5) *Hà Đông Thái thú Đỗ Kỳ, Khổng Tử* từng nói rằng: ‘Đối với vua Vũ, ta chẳng có gì bàn nữa vậy’.: ý nói công lao của Đỗ Kỳ đã rõ không có gì bàn nữa như vua Vũ thời xưa có công trị thủy vậy.

(6) *Thần Tư mệnh*: Tư mệnh, theo truyền thuyết xưa là thần coi việc sống hay chết của con người.

(7) *Tiết*: Tiết là bày tôi của vua Thuấn, từng giúp Vũ trị thủy có công, được phong ở ấp Thương, là tổ tiên của nhà Thương. Minh là cháu đời thứ sáu của Tiết.

(8) *Khí*: Khí còn gọi là Tắc hoặc Hậu Tắc, là bày tôi của vua Thuấn, có công dạy dân trồng trọt, được phong ở ấp Thai, là tổ tiên của nhà Chu.

(9) *Hiếu Ý*: chỉ Lí Khôi tự Hiếu Ý.

(10) *Quân Mưu*: chỉ Quách Trí tự Quân Mưu.

(11) *Quan Thứ sử* thời xưa đã vâng theo sáu điều: thời Vũ Đế nhà Hán, lập mười ba châu, mỗi châu đặt một quan Thứ sử để trông coi, hạ chiếu kể sáu điều rằng: “Điều một, đối với cường hào quý tộc mà giữ ruộng đất trái phép, lấy mạnh hiếp yếu, nên lấy đông chế ít. Điều hai, đối với quan lại có bổng hai nghìn thạch (chỉ quan Thái thú đứng đầu quận) không vâng chiếu lệnh, nên theo phép chế, trị tội kẻ xén công lợi thu riêng, dựa vào chiếu lệnh mà tìm lợi, xâm lấn trăm họ, tụ tập làm việc xấu. Điều ba, trị tội quan lại có bổng hai nghìn thạch mà không xét rõ hình án, tự tiện giết

người, giận thì dùng hình, vui thì ban thưởng, phiên nhiều hà khắc, ép bức dân chúng, bị trăm họ ghét bỏ, núi lở đá vỡ, tổ đình ngoa xấu. Điều bốn, trị tội quan lại có bổng hai nghìn thạch mà chọn lựa không công bằng, ưa kẻ a dua, bỏ hiên sủng ác. Điều năm, trị tội con em của quan lại có bổng hai nghìn thạch cậy dựa quyền thế, xin làm việc riêng. Điều sáu, trị tội quan lại có bổng hai nghìn thạch mà trái việc công, hùa theo cường hào, qua lại hối lộ, tổn hại phép lệnh”.

(12) *Trình Giáp Bá: chỉ Trình Hỉ tự Giáp Bá.*

(13) *Điền Quốc Nhượng ở Thanh Châu: chỉ Điền Dự tự Quốc Nhượng, bấy giờ trông coi các quân ở Thanh Châu.*

(14) *Chọn các việc cần thiết với đời chép vào trong truyện: trong truyện có chép hai bài sớ của Đỗ Thước, nhưng người dịch lược bỏ không dịch.*

(15) *Nhà giàu tiền của, có bốn trăm khoảnh ruộng mà thường không đủ ăn: ý nói nhà giàu tiền, có bốn trăm khoảnh ruộng của nhưng giao kết hào kiệt, ban phát cung cấp, cho nên thường không đủ ăn.*

(16) *Ba phủ: Ba phủ chỉ ba phủ của quan Thái úy, Tư đô, Tư không.*

(17) *Xe công: Xe công chỉ xe ngựa của nhà vua đi đón người khác về kinh sư làm quan.*

(18) *Hoàng môn: Hoàng môn chỉ hoạn quan ở trong cung. Bấy giờ thời Linh Đế nhà Hán, bọn hoạn quan chuyên quyền làm bậy, do đó Tướng quân Hà Tiến mưu giết bọn này.*

(19) *A hành: A hành chỉ chức Tể tướng đứng đầu trăm quan.*

(20) *Trọng Ni: tức Khổng Khâu tự Trọng Ni, chỉ Khổng Tử.*

(21) *Viên Bản Sơ: tức Viên Thiệu tự Bản Sơ.*

(22) *Trương Mạnh Trác: tức Trương Mạc tự Mạnh Trác.*

(23) *Khổng Công Tự: tức Khổng Trụ tự Công Tự.*

(24) *Mạnh Bôn: Mạnh Bôn là dũng sĩ nước Tề thời Chiến quốc, có sức khỏe hơn người*

(25) *Khánh Kị: Khánh Kị là con của vua Ngô là Liêu thời Xuân thu, sức khỏe hơn người.*

(26) *Cái tín ở trận thành Liêu: theo Chiến quốc sách chép rằng: “Lúc trước, tướng nước Yên đánh thành Liêu, có người gièm vu, tướng nước Yên sợ bị giết, bèn giữ vững thành Liêu, không dám về nước. Điền Đan*

đánh thành ấy hơn một năm, nhiều quân sĩ bị chết, nhưng không hạ được thành Liêu. Lỗ Liên bèn viết một bức thư buộc vào mũi tên rồi bắn vào trong thành, khuyên tướng nước Yên rút quân, tướng nước Yên tin phục, rút quân mà về, giải vây nước Tề.

(27) *Lương, Bình*: chỉ Trương Lương, Trần Bình là mưu thần giúp Hán Cao Tổ dựng nghiệp.

(28) *Trịnh Khang Thành*: tức Trịnh Huyền tự Khanh Thành.

(29) *Bính Căn Củ*: tức Bính Nguyên tự Căn Củ.

(30) *Bảy nước Ngô, Sở*: chỉ bảy nước chư hầu thời vua Cảnh Đế của nhà Hán là Ngô, Sở (楚), Triệu, Tề Nam, Truy Xuyên, Giao Tây, Giao Đông. Năm thứ ba thời vua Cảnh Đế, vua Ngô là Lưu Tị mưu phản, liên kết với vua các nước Sở, Triệu, Tề Nam, Truy Xuyên, Giao Tây, Giao Đông ở phía đông, phát hai mươi vạn quân vượt sông Hoài đi về phía tây, lại liên kết với người Hung Nô ở phía bắc, người Đông Việt ở phía nam. Cảnh Đế sai Thái úy Chu Á Phu đi đánh, đóng quân ở Huỳnh Dương, tạm xem động tĩnh, rồi sai chặn đường vận lương của quân Ngô, Sở, cuối cùng phá được, người Đông Việt giết vua Ngô là Lưu Tị, vua sáu nước kia phải tự sát, bảy nước đều bình.

(31) *Lương Hưng*: Lương Hưng là tướng súy miên Quan Trung, từng liên kết với Mã Siêu, Hàn Toại chống Tào Tháo.

(32) *‘Trịnh Bi’*: Trịnh Bi nghĩa là ao do Trịnh Hôn đào.

(33) *Cây du*: du là một loài cây cao lớn, gỗ chắc, thường mọc ở vùng có khí hậu ôn hòa như ở miền bắc Trung Quốc, Triều Tiên.

(34) *Năm loại quả*: thời xưa chỉ năm loại cây quả thường được trồng ở miền bắc Trung Quốc là đào, hạnh, mận, táo, giẻ.

(35) *Tây Vực*: chỉ vùng đất phía tây Trung Quốc, thuộc vùng Tân Cương, Trung Á ngày nay vậy.

(36) *Quan lại ăn lộc hai nghìn thạch*: chỉ quan Thái thú, hằng năm được cấp bổng hai nghìn thạch lúa.

(37) *Chợ quân*: chỉ chợ mua bán trong quân đội, do quân đội lập ra để mua bán và trao đổi hàng hóa với dân thường.

(38) *Tể thú*: chỉ quan lại ở địa phương thời xưa như quan Thái thú, Thứ sử.

(39) *Cấp Âm tự Trường Nhự, người quận Bộc Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam), là danh thần đầu thời Tây Hán, xuất thân từ gia tộc thuộc hàng danh môn, bảy đời làm công khanh đại phu, bản thân từng trải nhiều chức vụ, như Thái tử tể mã, Yết giả, Huỳnh Dương lệnh, Thái thú Đông Hải, sau dự vào hàng Cửu Khanh; là người nghĩa hiệp nổi tiếng, nhân dân rất quý mến.*

(40) *Hồ sàng là dụng cụ giống như cái ghế xích đu vừa nằm vừa ngồi, có thể gấp lại được.*

(41) *Thời thịnh trị của vua Nghiêu, vua Thuấn.*

(42) *Sơn Đào, tự Cự Nguyên, là một người trong Trúc Lâm thất hiền, người thời Tây Tấn, quê ở quận Hà Nội huyện Hoài, rất giỏi học thuyết Lão, Trang, giao du với Kê Khang, Nguyễn Tịch. Khi Tư Mã Ý và Tào Sảng tranh quyền, ông giấu mình không tham gia vào vụ việc. Tư Mã Ý chấp chính, cử ông làm Tú tài, Lang Trung, rồi thăng làm Thượng thư bộ Lang. Thời Tư Mã Viêm, làm Đại hồng lư, rồi Thị trung, Lại bộ Thượng thư, Thái tử Thiếu phó, tả Bộc xạ. Rất có tài bình luận, nên được người đời gọi là ‘Sơn Đào khải sự’.*

(43) *Thạch Sùng, tự Quý Luân, làm văn học gia thời nhà Tấn, nổi tiếng là người đẹp trai, thời nhỏ có tên là Tê Nô. Năm Nguyên Khang nguyên niên, làm chức Thứ sử Kinh châu, giàu có không ai lường được. Năm Vĩnh Khang nguyên niên, bị vu là đồng đảng của Tư Mã Doãn, bị giết, gia sản bị tịch thu. Lại có một sách khác nói rằng Sùng trải các chức Thái phó, Chinh lỗ tướng quân, Giám quân Từ Châu, trấn thủ Hạ Bi, rồi làm Vệ úy, Sùng siểm nịnh tên quý thích là Giả Mật. Lúc Giả Mật bị bãi miễn chức quan, Sùng cũng bị bãi chức, của cải mất hết.*

(44) *Quan coi việc trông trọt.*

(45) *Tức Tuân Úc, xem quyển 10 (Tuân Du truyện)*

QUYỂN 17 - TRƯỜNG NHẠC VU TRƯỜNG TỬ TRUYỆN

Trường Liêu, Nhạc Tiến, Vu Cầm, Trường Cáp, Từ Hoảng

NHẠC TIẾN TRUYỆN

Nhạc Tiến tự Văn Khiêm, là người huyện Dương Bình nước Vệ. Dáng vóc thấp bé, rất có đờm lược, đi theo Thái tổ làm Trưởng hạ lại⁽¹⁾. Thái Tổ phái Tiến về bản quận mộ binh, được hơn một nghìn người, lúc trở về được làm Quân giả Tư mã, Hãm trận Đô úy⁽²⁾. Từng theo đánh Lã Bố ở Bộc Dương, Trương Siêu ở Ung Khâu, Kìêu Lông ở đất Khổ, đầu xông pha lên phía trước lập được công lao, được phong làm Quảng Xương Đình hầu. Lại theo đi đánh Trương Tú ở An Chúng, vây Lã Bố ở Hạ Bi, đánh Tuy Cỗ ở Xạ Khuyển, tấn công Lưu Bị ở đất Bái, được bái làm Thảo khấu Hiệu úy. Rồi qua sông Hoàng Hà vây đánh Hoạch Gia, khi trở về lại theo đánh Viên Thiệu ở Quan Độ, gắng sức chiến đấu, chém được tướng của Thiệu là Thuần Vu Quỳnh. Lúc đi theo đánh Đàm-Thượng ở Lê Dương, chém được Đại tướng của bọn họ là Nghiêm Kính, được làm Du kích Tướng quân. Rồi được biệt phái đi đánh Hoàng Cân, phá được, yên định quận Nhạc An. Đi theo vây huyện Nghiệp, huyện Nghiệp đã định, lại theo đi đánh Viên Đàm ở Nam Bì, xông pha lên trước, xâm nhập cửa Đông của quân Đàm. Đàm bại, Tiến lại được biệt phái đi đánh Hung Nô, lại phá được.

Năm Kiến An thứ mười một, Thái tổ dâng biểu lên Hán Hiến đế, khen Tiến cùng với Vu Cấm, Trương Liêu rằng: “Võ lực trùm đời, mưu lược đủ cả, tư chất trung hậu tính tình thuần nhất, biết giữ tiết nghĩa, mỗi khi lâm trận, thường làm tiên phong, ráng sức xông vào nơi gian khó, không chỗ kiên cố nào không hạ được, tự thân thúc trống, tay chẳng được nghỉ ngơi. Mỗi khi được sai phái đi chinh chiến, thống lĩnh toàn quân, vỗ về ba quân được thuận hoà, vâng mệnh không phạm tội, giờ đương là lúc dẹp địch cần phải cương quyết, không thể để sót công lao. Nay theo phép nước luận công xét thưởng, nên ban cho họ ân huệ vẻ vang.” Liền đó, Cấm được làm Hồ Uy; Tiến được làm Chiết Xung; Liêu được làm Đãng khấu Tướng quân.

Tiến được biệt phái đi chinh phạt Cao Cán, theo đạo lộ phía bắc xâm nhập Thượng Đảng, rồi đi vòng ra phía sau bọn Cán. Bọn Cán về giữ Hộ Quan, Tiến đánh liên tục chém được nhiều địch. Cán cố sức giữ không hạ được, sau Thái Tổ phải thân đến đánh, mới hạ được.

Thái Tổ đi đánh Quân Thù, binh xa đến nơi, Thái Tổ sai Tiến cùng Lý Diễn công kích. Thù thua to bỏ chạy, trốn đến hải đảo, vùng ven biển mới yên, còn Kinh Châu chưa chịu phục, Thái Tổ sai Tiến đóng quân ở Dương Dịch. Sau Tiến đi theo bình Kinh Châu, đóng quân ở Tương Dương, đánh bọn Quan Vũ-Tô Phi, bọn ấy đều phải chạy cả, người Man Di ở vùng sơn cốc các quận thuộc Nam Quận đều đến chỗ Tiến xin hàng. Tiến lại đánh dẹp trưởng huyện Lâm Tự là Đỗ Phổ, trưởng huyện Tinh Dương là Lương Đại của Lưu Bị, đều đại phá được cả. Sau đi theo đánh Tôn Quyền, được ban Giải tiết.

Thái Tổ quay về, lưu Tiến cùng với Trương Liêu-Lý Diễn đóng quân ở Hợp Phì, được tăng ấp năm trăm hộ, cộng với lúc trước cả thảy là hai nghìn hộ. Bởi Tiến mấy lần lập công, được thêm năm trăm hộ nữa, phong cho một con trai tước Liệt hầu; Tiến được thăng lên làm Hữu tướng quân.

Năm Kiến An thứ hai mươi ba chết, ban cho thụy hiệu là Uy hầu. Con Tiến là Lâm nối tự, Lâm là người quả quyết, có phong độ của cha mình, làm quan đến Thứ sử Dương Châu. Gia Cát Đản làm phản, ngầm đánh úp giết Lâm, Đế hạ chiếu truy điệu rất thương tiếc, truy tặng cho chức Vệ Úy, ban thụy hiệu là Mẫn hầu. Con Lâm là Triệu nối tự.

TRƯƠNG CÁP TRUYỆN

Trương Cáp tự Tuấn Nghệ, người quận Hà Gian huyện Mạo. Thời Hán mạt ra ứng mộ đánh dẹp Hoàng Cân, làm Quân tư mã, là thuộc hạ của Hàn Phức. Phức bại, Cáp dẫn binh quy hàng Viên Thiệu. Thiệu lấy Cáp làm Hiệu úy, sai chống cự Công Tôn Toản. Toản bị phá, phần nhiều là công lao của Cáp, Cáp được thăng làm Ninh quốc Trung lang tướng.

Thái Tổ cùng với Viên Thiệu cự nhau ở Quan Độ,

Hán Tán xuân thu chép: Cáp thuyết Thiệu rằng: “Chúa công tuy liên tục thắng, nhưng chớ cùng với Tào công chiến đấu, nên mật sai quân khinh kỵ đánh úp tuyệt đường ở phía nam, tất quân kia tự bại vậy.” Thiệu không theo kế ấy.

Thiệu sai tướng là bọn Thuần Vu Quỳnh đồn đốc việc vận lương ở Ô Sào, Thái tổ tự mình tới đánh gấp. Cáp khuyên Thiệu rằng: “ Binh của Tào công tinh nhuệ, hẳn sẽ đánh tan bọn Quỳnh; bọn Quỳnh bị phá, tất việc của tướng quân phải bỏ đi vậy, nên cấp tốc dẫn binh đến cứu ngay.” Quách Đôn nói: “Kế của Cáp không hay. Chẳng bằng đánh vào bản doanh của họ, thế tất họ phải quay về, thế là chẳng cần cứu mà tự giải vây được vậy.” Cáp nói: “Tào công doanh trại kiên cố, có đánh hẳn cũng chẳng lấy được, nếu như bọn Quỳnh bị bắt, lũ thuộc hạ chúng ta cũng bị bắt hết cả.” Thiệu chỉ phái quân khinh kỵ đi cứu Quỳnh, mà để trọng binh đánh doanh trại Thái Tổ, không hạ được. Thái Tổ quả nhiên phá được bọn Quỳnh, quân của Thiệu tan vỡ. Đôn hồ thẹn, lại dèm pha Cáp rằng: “Cáp mừng vì quân ta bại, lời nói không khiêm tốn.” Cáp sợ, bèn quy hàng Thái Tổ.

Thần Tùg Chi xét Vũ đế kỷ cùng Viên Thiệu truyện đều nói rằng Viên Thiệu sai Trương Cáp-Cao Lãm đánh doanh trại Thái Tổ, bọn Cáp nghe tin Thuần Vu Quỳnh bị phá, bèn đến hàng, sĩ chúng của Thiệu đại hội sau đó. Thế tất là bọn Cáp ra hàng sau đó quân Thiệu tan vỡ. Đến như truyện này, nói là quân Thiệu hội họp trước, sợ lời dèm của Quách Đôn, rồi sau mới quy hàng Thái Tổ, ấy là ba truyện có lầm lẫn bất đồng vậy.

Thái Tổ được Cáp rất mừng, bảo rằng: “Xưa Tử Tư chẳng sớm tỉnh ngộ, bởi thế khiến thân bị nguy, há được như Vi Tử bỏ nhà Ân, Hàn Tín quy

nhà Hán đó sao?” Rồi bái Cáp làm Thiên tướng quân, phong tước Đô Đình hầu.

Cáp được trao năm binh sĩ, theo đánh huyện Nghiệp, lấy được. Lại theo đánh Viên Đàm ở Bột Hải, riêng cầm quân vây Ung Nô, đại phá được. Rồi theo đánh Liễu Thành, cùng với Trương Liêu đầu được làm tiên phong, bởi có công được thăng làm Bình định tướng quân. Lại biệt phái đi đánh Đông Lai, dẹp Quán Thừa, lại cùng Trương Liêu đánh dẹp bọn Trần Lan-Mai Thành, phá được. Rồi theo phá Mã Siêu-Hàn Toại ở Vị Nam. Vây huyện An Định, thu hàng Dương Thu. Cùng với Hạ Hầu Uyên đánh dẹp phu tặc Lương Hưng cùng rợ Đê ở Vũ Đô. Lại phá được Mã Siêu, bình Tống Kiến.

Thái Tổ chinh phạt Trương Lỗ, trước tiên sai Cáp đốc suất ba quân đánh dẹp Đê Vương ở Hưng Hoà là Đậu Mậu. Thái Tổ tới Tấn Quan vào Hán Trung, lại sai Trương Cáp đốc suất năm nghìn bộ tốt đi trước mở đường. Tới Dương Bình, Lỗ hàng, Thái Tổ quay về, lưu Cáp cùng với bọn Hạ Hầu Uyên trấn thủ Hán Trung, cự Lưu Bị. Cáp đốc suất ba quân, thu hàng hai quận Ba Đông-Ba Tây, dời dân ở đó vào Hán Trung. Tiến quân đến Đãng Cừ, bị tướng của Bị là Trương Phi chống cự ở đó, phải rút về Nam Trịnh. Cáp được bái làm Đãng khấu tướng quân.

Lưu Bị đóng quân ở Dương Bình, Cáp đóng quân ở Quảng Thạch. Bị có hơn vạn quân tinh nhuệ, chia làm mười lộ, nhân đêm tối gấp rút tấn công Cáp. Cáp đốc suất thân binh đánh lộn, Bị không thể thắng nổi. Sau đấy Bị tới lưng Tâu Mã đốt đô ấp ở vùng ngoại vi, Uyên tới cứu hoả, đi được nửa đường gặp quân của Bị, giao chiến, binh khí ngắn phải đánh gùn. Uyên bị giết, Cáp quay về Dương Bình.

Nguy lược chép: Uyên tuy làm Đô đốc, Lưu Bị sợ Cáp mà coi thường Uyên. Lúc giết Uyên, Bị nói: “Kẻ ấy đáng được làm đầu sỏ, dùng người như thế sao làm gì được ta!”

Đang lúc bấy giờ, nguyên soái mới mất, sợ Bị thừa cơ đánh, ba quân đều thất sắc. Tư mã của Uyên là Quách Hoài bèn lệnh cho chúng rằng: “Trương tướng quân, là danh tướng quốc gia, Lưu Bị phải kiêng sợ; hôm nay việc nguy cấp, phi Trương tướng quân chẳng ai có thể vỗ yên được.” Bèn suy tôn Cáp lên làm chủ trong quân. Cáp nhận trách nhiệm, ém binh giữ yên trận địa, chư tướng đều vâng theo sự đi đầu dụng của Cáp, bụng chúng mới yên. Thái Tổ đến Trường An, phái sứ giả đến ban cho Cáp phù

tiết. Thái Tổ thân đến Hán Trung, Lưu Bị giữ trên núi cao không dám đánh. Thái Tổ rút lui toàn quân khỏi Hán Trung, Cáp quay về đóng binh ở Trầ
Thương.

Văn Đế lên tức vương vị, lấy Cáp làm Tả tướng quân, tiến tước Đô
Hương hầu. Khi lên ngôi Đế, tiến phong Cáp là Mạo hầu⁽³⁾. Rồi hạ chiếu
cho Cáp và Tào Chân đánh rợ Hồ ở Lô Thủy thuộc An Định cùng rợ
Khương ở phía Đông, cho triệu Cáp và Tào Chân cùng vào chầu ở cung
điện Hứa Xương, phái Cáp về nam cùng Hạ Hầu Thượng đánh Giang
Lăng. Cáp đốc xuất chư quân vượt sông, chiếm cồn cát ở trên sông lập
doanh lũy.

Minh Đế lên tức vị, phái Cáp về nam đóng ở Kinh Châu, cùng Tư mã
Tuyên Vương đánh biệt tướng của Tôn Quyền là bọn Lưu A, truy đuổi đến
Kỳ Khẩu, giao chiến, phá được.

Gia Cát Lượng ra Kỳ Sơn. Triều đình đặc tiến tước vị cho Cáp, phái tới
đốc xuất chư quân, chống cự tướng của Lượng là Mã Tắc ở Nhai Đình.
Tắc cậy hiểm ở phía nam núi, không xuống đóng thành lũy. Cáp cắt đứt
đường cấp nước, công kích, đại phá được. Các quận Nam An-Thiên Thủy-
An Định làm phản hưởng ứng Lượng, Cáp đều đánh phá bình được cả.
Chiếu viết rằng: “Tên giặc là Lượng dụng quân sĩ Ba Thục, quân binh như
cọp gấm hổ rống. Tướng quân đến chỗ binh giặc cứng mạnh vào chốn đao
gươm, thắng được kẻ địch ở nơi ấy, trẫm rất ngợi khen. Nay ban thêm cho
thực ấp một nghìn hộ, cộng cả trước đây là bốn nghìn ba trăm hộ.”

Tư Mã Tuyên Vương nắm giữ thủy quân ở Kinh Châu, muốn theo sông
Miện tới Trường Giang đánh Ngô, triều đình hạ chiếu cho Cáp đốc chư
quân ở Quan Trung tới nhận mệnh đi đầu dụng. Tới Kinh Châu, lúc ấy là
mùa đông nước cạn, thuyền lớn không đi được, bèn quay về đóng quân ở
Phương Thành.

Gia Cát Lượng lại ra quân, tấn công Trầ
Thương rất gấp, Đế sai ngựa
trạm tới triệu Cáp về kinh đô. Đế thân giá lâm thành Hà Nam, bày tiệc
rượu tiễn đưa Cáp, phái ba vạn quân sĩ ở các miền nam bắc giao cho Cáp,
lại chia quân Vũ vệ-Hổ sơn đi theo bảo vệ Cáp, nhân đó hỏi Cáp rằng: “Khi
tướng quân đến nơi, Lượng đã lấy được Trầ
Thương hay chưa!” Cáp biết
Lượng ít quân không có lương thực, chẳng thể đánh lâu, thưa rằng: “Bỉ
thần chưa tới nơi, Lượng đã chạy rồi vậy; Tính ra thì lương thảo của
Lượng chẳng còn đủ đến mười ngày.” Cáp tiến quân đêm ngày đến Nam

Trịnh, Lượng đã lui binh. Triều đình lại hạ chiếu lệnh cho Cáp về kinh đô, bái làm Chinh tây Xa kỵ tướng quân.

Cáp là người hiểu biết quyên biến, khéo việc bày binh bố trận, liệu địa hình chiến cuộc, không kể gì không tỏ, từ Gia Cát Lượng trở đi đều phải kiêng sợ. Cáp tuy là võ tướng mà yêu thích những bậc nho sĩ, từng tiến cử người đồng hương là Ti Trạ làm Kinh Minh Hành Tu, chiếu viết rằng: “Xưa Tuân Tể làm tướng, tấu xin lập ra Ngũ kinh đại phu, ở trong quân doanh, cho các nho sinh tấu nhạc ném thẻ vào hồ. Nay tướng quân bên ngoài thống quản quân lữ, bên trong an định quốc triều. Trẫm khen ngợi ý chí của tướng quân, nay cất nhắc Trạ lên làm Bác sĩ.”

Gia Cát Lượng lại ra Kỳ Sơn, triều đình chiếu mệnh cho Cáp đốc xuất chư tướng ở phía Tây đến Lược Dương, Lượng quay về giữ Kỳ Sơn, Cáp đuổi theo đến Mộc Môn, cùng với quân của Lượng giao chiến, bị loạn tên bắn trúng đầu gối, chết, được ban thụy hiệu là Tráng hầu.

Ngụy lược viết: Quân Lượng lui về, Tư Mã Tuyên Vương sai Cáp đuổi theo, Cáp nói: “Quân pháp dạy, vây thành tất phải mở lối thoát cho giặc, quân địch chạy chớ nên đuổi theo”. Tuyên vương không nghe. Cáp bất đắc dĩ, phải tiến binh. Vì quân Thục bố trí mai phục trên núi cao, cung nỏ bắn loạn xạ, Cáp bị trúng tên vào bắp đùi.”

Con Cáp là Hùng nối tự. Cáp trước sau chinh phạt có công, Minh Đế chia ấp cho Cáp, phong cho bốn con của Cáp làm Liệt hầu. Bốn người con nhỏ khác được ban tước Quan nội hầu.

TRƯƠNG LIÊU TRUYỆN

Trương Liêu tự Văn Viễn, người huyện Mã Ấp quận Nhạn Môn. Nguyên gốc họ Niếp, vì trốn tránh kẻ thù mới phải đổi họ. Thời trẻ Liêu làm quận lại⁽⁴⁾. Thời Hán mạt, Tinh châu Thứ sử là Đinh Nguyên nhân thấy Liêu có võ công hơn người, bèn cho vời đến làm Tòng sự, lại sai cầm quân tới kinh đô. Hà Tiến phái Liêu đến Hà Bắc mộ binh, được hơn một ngàn người. Lúc quay về, Tiến đã bại trận, Liêu đem số binh ấy theo về Đông Trác. Trác thua trận, Liêu lại đem quân theo Lã Bố, được thăng lên làm Kỵ Đô úy⁽⁵⁾. Bố vì bị Lý Thôi đánh bại⁽⁶⁾, Liêu theo Bố nhằm hướng Đông chạy đến Từ châu, được lĩnh chức Lữ tướng⁽⁷⁾, năm ấy Liêu 28 tuổi.

Thái tổ phá Lã Bố ở Hạ Phì, Liêu dẫn mọi người ra hàng, được bái làm Trung lang tướng⁽⁸⁾, ban cho tước Quan nội hầu. Liêu mấy lần lập chiến công, được thăng lên làm Bì tướng quân. Viên Thiệu bị phá, Liêu được biệt phái tới yên định các huyện ở đất Lỗ. Lại cùng với Hạ Hầu Uyên vây Xương Hy ở Đông Hải, vây mấy tháng thì hết lương, đã bàn việc dẫn quân về, Liêu bảo Uyên rằng: “Mấy hôm nay, mỗi lần đi xét vòng vây, thường thấy Hi chăm chú nhìn theo tôi. Lại thấy tên bắn ra ít đi, như thế hẳn Hi có ý do dự, nên chẳng cố sức đánh nhau. Liêu này muốn đến nói chuyện riêng với y, hoặc giả có thể dụ được chăng?” Bèn sai người đến bảo Hi rằng: “Chúa công có mệnh, sai Liêu đến truyền bảo.” Hy quả nhiên xuống cùng với Liêu nói chuyện, Liêu bèn thuyết: “Thái tổ là bậc thần vũ, người ở bốn phương đều mến đức, sớm biết quy phục sẽ được hậu thưởng.” Hi mới đồng ý ra hàng. Liêu lại một mình trèo lên núi Tam Công, vào nhà Xương Hi, lạy vợ con Hi. Hi rất mừng, theo đến chỗ Thái Tổ. Thái Tổ sai Hi trở về lại trách Liêu rằng: “Thế chẳng phải là khuôn phép của bậc đại tướng vậy.” Liêu tạ rằng: “Uy tín của Minh công sáng rõ bốn bề, Liêu đã vâng theo thánh chỉ, Hi tất chẳng dám làm hại Liêu vậy.”

Liêu theo Thái Tổ đánh Viên Đàm-Viên Thượng ở Lê Dương, có công, được làm Hành Trung kiên Tướng quân. Rồi theo đi đánh Thượng ở huyện

Nghiệp, Thượng hết sức cố thủ không sao hạ được, Thái tổ về Hứa huyện, sai Liêu cùng với Nhạc Tiến đánh lấy thành Âm An, dời dân ở đó tới phía nam Hoàng Hà.

Thái tổ lại vây đánh huyện Nghiệp, huyện Nghiệp bị phá, Liêu được biệt phái đến Triệu Quốc-Thường Sơn, chiêu hàng bọn sơn tặc ở ven núi cùng Tôn Khinh ở Hắc Sơn. Rồi tới đánh Viên Đàm, phá được Đàm, lại được phái đi Hải Tân, phá được giặc ở Liêu Đông là bọn Liễu Nghị. Khi về huyện Nghiệp, Thái Tổ thân ra đón Liêu, dắt lên ngựa cùng xe, rồi lấy Liêu làm Đãng khấu Tướng quân.

Liêu được biệt phái đi đánh Kinh Châu, bình định các huyện ở Giang Hạ, rồi về đóng quân ở Lâm Dĩnh, được phong làm Đô Đình hầu. Lại theo đánh Viên Thượng ở Liễu Thành, thốt nhiên gặp quân Hồ Lỗ, Liêu khuyên Thái Tổ đánh gấp, chí khí rất phấn khích, Thái Tổ thấy Liêu hăng hái, vì thế trao cờ chỉ huy cho Liêu. Liêu liền tiến đánh, đại phá địch, chém chết vua Hung Nô là Đạp Đốn.

***Phó Tử chép:** Thái Tổ dẫn quân đánh Liễu Thành, Liêu can rằng: “Hứa Xương, là nơi đô hội của Thiên tử. Nay Thiên tử ở Hứa Đô, chúa công Bắc chinh nơi xa, ví như Lưu Biểu phái Lưu Bị tập kích Hứa Đô, nắm lấy Thiên tử hiệu lệnh bốn phương, vị thế của chúa công sẽ mất.” Thái Tổ bàn rằng Biểu ắt không dùng được Bị, rồi cứ đi.*

Bấy giờ chưa định được Kinh Châu, Thái Tổ sai Liêu đóng binh ở Trường Xã. Lúc sắp đi, trong quân có người mưu phản, trong đêm lửa bốc cháy tứ tung, toàn quân rối loạn. Liêu bảo tả hữu rằng: “Chớ nên kinh động. Đây không phải là toàn doanh trại đâu làm phản, tất có kẻ gây loạn đó thôi, ắt muốn làm rối loạn nhân tâm vậy.” Bèn lệnh cho trong quân, kẻ nào không làm phản phải ngồi yên. Liêu thân dẫn mấy chục quân lính, đứng giữa hàng quân. Chốc lát đã ổn định được, lập tức bắt được kẻ thủ mưu đem giết đi.

Trần Lan-Mai Thành kích động rợ Đê ở sáu huyện làm phản, Thái Tổ phái bọn Vu Cấm-Tang Bá đến đánh Thành, Liêu thúc Trương Cáp-Ngưu Cái tới đánh Lan. Thành vòng hàng Cấm, Cấm trở về Thành bèn dẫn binh đến chỗ Lan, quay vào Tìên Sơn. Trong vùng Tìên Sơn có núi Thiên Trụ, dốc cao hơn hai mươi dặm, đường hẹp lại hiểm trở, chỉ có mỗi cách đi bộ lên, bọn Lan giữ ở trên sườn núi. Liêu muốn tiến binh, chur tướng nói: “Bình ta ít mà đường núi lại hiểm trở, khó mà thâm nhập được.” Liêu nói: “Đây là lúc một sống một chết, phải người dũng mãnh mới tiến lên được.”

Rồi tiến đến chân núi hạ đóng doanh trại, vây đánh, chém được thủ cấp Lan-Thành, bắt sống được hết bộ hạ. Thái Tổ luận công của chư tướng, nói: “Trèo lên thiên sơn, xông pha vào nơi hiểm trở, dẹp được Lan và Thành, là công lao của Đãng khấu vậy.” Rồi tặng thực ấp cho Liêu, ban cho Giả tiết.

Thái Tổ đi chinh phạt Tôn Quyên trở về, sai Liêu cùng với bọn Nhạc Tiến-Lý Diễn cầm bảy ngàn binh đóng ở Hợp Phì. Thái Tổ đi đánh Trương Lỗ, giao cho Hộ quân Tiết Đề mang đến cho Liêu đến một phong thư dán kín viết: “Giặc đến hãy mở.” Được ít lâu, Quyên đốc xuất mười vạn quân đến vây Hợp Phì, chúng bèn cùng mở thư ra xem, thấy dạy rằng: “Nếu như Tôn Quyên đến, Hai tướng quân Trương-Lý ra đánh; Nhạc tướng quân giữ thành, chớ có tham chiến.” Chư tướng đều nghi ngại. Liêu nói: “Chúa công viễn chinh ở bên ngoài, đợi cứu binh đến, bên kia hẳn đã đánh tan chúng ta, cứ theo như ý chỉ ở thư này thì bên kia chưa kịp hợp binh để đánh ta, ta hãy bẻ gãy thế mạnh của họ, để an lòng quân, rồi sau mới có thể giữ được. Cái cơ thành bại, chính ở một trận này đây, chư quân sao còn phải hồ nghi nữa?” Lý Diễn cũng đồng ý với Liêu. Vì thế Liêu trong đêm tuyển mộ quân cảm tử đem theo, được tám trăm người, cho giết trâu thết đãi tướng sĩ, chờ hôm sau đại chiến. Mới sáng ra, Liêu mặc giáp càn kích, xông lên phía trước hãm trận, giết chết mấy chục mạng, chém được hai tướng, miệng hô lớn danh tự, vọt vào trong lũy, đến dưới cờ chỉ huy của Quyên. Quyên kinh hoảng, quân lính chẳng hiểu thế nào, bỏ chạy lên gò đất cao, dùng trường kích tự thủ. Liêu quát gọi Quyên xuống đánh nhau, Quyên không dám xuống, nhưng trông xa thấy binh tướng của Liêu ít, bèn xúm lại vây quanh Liêu đến mấy tầng. Liêu chỉ huy quân tả xung hữu đột giữa trùng vây, đánh thẳng về phía trước, vòng vây mở ra, Liêu dẫn mấy chục thủ hạ thoát ra được, một số binh sĩ còn ở trong kêu to lên rằng: “Tướng quân bỏ chúng tôi ư!” Liêu quay lại đột phá vòng vây, đến cứu bọn chúng. Quân mã của Quyên đều dạt cả ra, không ai dám đương. Đánh nhau từ sớm đến tận giữa trưa, người Ngô mất vía, Liêu quay về thủ thành, bụng chúng bấy giờ mới an, chư tướng đều khâm phục. Quyên giữ ở Hợp Phì hơn chục ngày, không lấy được thành, bèn dẫn quân lui về Liêu đốc xuất ba quân truy kích, suýt nữa bắt được Quyên. Thái Tổ rất ca ngợi Liêu, phong cho Lâm Chinh đông tướng quân.

***Tôn Thịnh chép:** Dối trá cố nhiên là cái đạo của kẻ dùng binh, chính kỳ đắp đôi, nếu như đã sai tướng xuất chinh, phải trao thực quyền, hoặc nhờ vào cái thế đầu*

đuôi tương ứng, hay dựa vào cái thế ỷ giốc, nếu tướng soái bất hòa, tức là đánh mất tác dụng của tướng soái vậy. Đến như việc thủ giữ Hợp Phì, binh yếu lại không tiếp viện, nếu dùng người dũng mãnh làm tướng tất hiểu chiến gây họa, dùng người nhút nhát tất trong lòng sợ hãi khó giữ thành. Thế mà bên kia đông bên ta ít, tất kẻ địch mang lòng coi thường, trễ nải; lấy quân quyết tử bất ngờ đánh cái quân bê trễ, là thế tất thắng vậy; thắng rồi mới thủ, thế tất vững bền. Cho nên Ngụy Vũ⁽⁹⁾ đã chọn tướng lĩnh tính tình tâm chí khác nhau, giao cho mật thư, dạy họ sử dụng cẩn trọng và đúng lúc, việc đến đem ra ứng phó, đúng hợp với phù ước⁽¹⁰⁾. Khéo lắm thay!

Năm Kiến An thứ hai mươi một, Thái Tổ lại đi đánh Tôn Quyền, đến Hợp Phì, tuần hành đến nơi chiến trường xưa của Liêu, than thở h ồi lâu. Rồi thêm binh cho Liêu, lưu nhiều quân ở lại, dời đến đóng ở Cư Sào.

Quan Vũ vây Tào Nhân ở Phàn Thành, lúc ấy Tôn Quyền thần phục, Thái tổ cho vời Liêu cùng ba quân đầu quay về cứu Tào Nhân. Liêu chưa đến, Từ Hoảng đã phá được Quan Vũ, Nhân được giải vây. Liêu cùng Thái Tổ hẹn hợp quân ở Ma Pha. Quân của Liêu đến, Thái Tổ cưỡi xe ra uý lạo, Liêu về đóng quân ở Trần Quận. Văn Đế lên tức vương vị, chuyển Liêu làm Ti ền tướng quân. Phong cho anh Liêu là Phiếm cùng một người con của Liêu làm Liệt h ầu.

Ngụy thư chép: Vương ban cho Liêu bảy ngàn tấm lụa, bảy vạn học lúa.

Tôn Quyền lại làm phản, Vương sai Liêu quay về đóng binh ở Hợp Phì, lại thăng cho Liêu tước Đô hương h ầu. Rồi cấp cho mẹ Liêu một chiếc xe, đến lúc bình mã đưa gia quyến Liêu đến hợp mặt, Vương ra sắc mệnh đưa mẹ Liêu tới, lại cho người ra nghênh đón. Chư quân tướng lại ở đó đầu xúm vào lạy ở bên đường, xem chừng vinh dự lắm.

Văn Đế lên ngôi, phong Liêu làm Tấn Dương h ầu, tăng cho thực ấp một ngàn hộ, cộng cả lúc trước là hai ngàn hộ.

Năm Hoàng Sơ thứ hai, Liêu về ch ầu ở cung Lạc Dương, Văn Đế cho người đưa Liêu đến hội kiến ở trước điện, đích thân hỏi han việc phá Ngô. Sau Đế than thở với người ở xung quanh rằng: “Người ấy cũng như Triệu Hồ⁽¹¹⁾ ngày xưa vậy.” Rồi dựng nhà cho Liêu, lại đặc cách xây lầu cho mẹ Liêu ở, những binh sĩ được Liêu ứng mộ đi đánh Ngô, đều được phong là quân hổ bôn.

Tôn Quyền xưng th ần. Liêu quay về đóng binh ở Ung Khâu, bị ốm. Đế sai Thị trung Lưu Diệp cùng qua thái y đến xem bệnh, quân hổ bôn hỏi thăm tin tức, chen chúc ở trên đường. Bệnh chưa khỏi, Đế cho người đón

Liêu tới hành cung, xa giá tới thăm, Đế cầm tay Liêu, cho ngự y tới săn sóc, hàng ngày trưởng quan đưa đồ ăn của vua tới. Bệnh bớt được một chút, Liêu lại về nơi đóng quân.

Tôn Quyền lại làm phản, Đế sai Liêu ngă thủy ền, cùng với Tào Hưu đến Hải Lăng, tới Đại Giang. Quyền rất sợ hãi, sắc mệnh cho các tướng rằng: “Trương Liêu dù có bệnh, cũng chẳng thể đổi đầu vậy, nên cẩn thận!” Năm ấy, Liêu cùng chư tướng đánh bại tướng của Quyền là Lã Phạm. Liêu bị bệnh nặng, rồi chết ở Giang Đô. Đế sa nước mắt, ban cho thụy hiệu là Cương hầu. Con Liêu là Hồ nối tự.

Năm thứ sáu, Đế nhớ đến công lao của Liêu-Điền ở Hợp Phì, hạ chiếu rằng: “Chiến dịch Hợp Phì, Liêu-Điền dùng tám trăm bộ tốt, đánh tan mười vạn quân địch, tự cố dùng binh, chưa ai được như vậy. Kẻ địch đến nay vẫn còn mất vía, nên nói rằng họ là nhanh vượt của quốc gia vậy.” Vì thế cho Liêu-Điền đều được ăn thực ấp tám trăm hộ, ban cho một con trai tước Quan nội hầu.”

Hồ được làm Thiên tướng quân, chết. Con là Thống nối tự.

TỪ HOẢNG TRUYỆN

Từ Hoảng tự Công Minh, người quận Hà Đông huyện Dương, từng làm Quận lại, theo Xa kỵ tướng quân Dương Phụng đánh dẹp giặc có công, được bái làm Kỵ Đô úy. Lý Thôi-Quách Dĩ làm loạn ở Trường An, Hoảng thuyết Phụng, lệnh cho người đưa thiên tử về Lạc Dương, Phụng theo kế ấy. Thiên tử qua sông Hoàng Hà tới An Ấp, phong Hoảng làm Đô Đình hầu. Lúc đến Lạc Dương, Hàn Tiêm-Đồng Thừa hàng ngày tranh đấu, Hoảng thuyết Phụng nên quy hàng Thái Tổ; Phụng muốn nghe theo, sau lại hối. Thái Tổ đánh Phụng ở huyện Lương, Hoảng bèn quy hàng Thái Tổ.

Thái Tổ trao binh quyền cho Hoảng, sai đánh bọn giặc ở huyện Quyển và huyện Nguyên Vũ, phá được, được bái làm Bì tướng quân. Rồi theo đi đánh Lã Bố, thu hàng tướng của Bố là bọn Triệu Thứ-Lý Trâu. Cùng với Sử Hoán chém được Tuy Cỗ ở Hà Nội. Lại theo đi đánh Lưu Bị, rồi theo đi phá Nhan Lương, vây đánh Bạch Mã, tiến đến Diên Tân, đánh tan Văn Xú, được bái làm Thiên tướng quân. Rồi giúp Tào Hống đánh cường tặc là Chúc Tí ở Thủy Ấn, phá được, lại cùng với Sử Hoán đánh quân vận lương của Viên Thiệu ở Cối Thị, có công rất lớn, được phong là Đô đình hầu.

Thái tổ vây huyện Nghiệp, phá Hàm Đan, Dịch Dương lệnh là Hàn Phạm vờ dâng thành hàng rồi lại chống cự, Thái Tổ sai Hoảng tấn công. Hoảng đến, buộc thư vào tên bắn vào trong thành, bày tỏ chuyện được mất. Phạm hối, Hoảng tức thì thu hàng. Xong đến nói với Thái Tổ rằng: “Hai người họ Viên⁽¹²⁾ chưa phá được, các thành chưa bị hạ còn nghiêng tai mà nghe ngóng, hôm nay diệt sạch người Dịch Dương, hôm sau bọn họ đều tử thủ, sợ rằng Hà Bắc không yên định ngay được. Xin chúa công nhận cho thành Dịch Dương đầu hàng để các thành khác biết được, tất chẳng còn ai không theo gió mà quy thuận.” Thái Tổ khen lời ấy.

Hoảng được biệt phái đánh Mao Thành, liền cho đặt phục binh ngầm đánh úp, phá được ba đồn binh. Rồi theo phá Viên Đàm ở Nam Bì, đánh bọn phản tặc ở Bình Nguyên, thắng được. Lại theo đi chinh phạt Đạp Đốn,

được bái làm Hoàng dã tướng quân. Hoảng lại theo đi đánh Kinh Châu, riêng cậ̀n quân đóng ở Phàn Thành, đánh dẹp giặc ở các huyện Trung Lư-Lâm Tự-Nghi Thành. Lại cùng với Mán Sủng đánh Quan Vũ ở Hán Tân, giúp Tào Nhân đánh Chu Du ở Giang Lăng.

Năm thứ mười lăm, đánh dẹp quân làm phản ở Thái Nguyên, vây Đại Lăng, lấy được, chém đầu lĩnh của giặc là Thương Diệu.

Hàn Toại-Mã Siêu làm phản ở vùng Quan Hữu, Thái Tổ sai Hoảng đóng binh ở Phần Âm để phủ dụ xứ Hà Đông, ban cho thịt bò và rượu, lệnh dâng lên mộ của tịên nhân. Thái Tổ đến Đông Quan, sợ không sang sông được, cho triệu Hoảng đến hỏi, Hoảng nói: “ Binh của mình công ở cả đây, mà giặc chẳng phục một cánh quân giữ B ồ Phản, rõ là chúng vô mưu vậy. Ta nên qua bên B ồ Phản, sắp xếp quân trước, để cắt đứt đường về, giặc có thể bắt được.” Thái Tổ nói: “ Hay.” Rồi sai Hoảng lấy bốn nghìn quân bộ kỵ vượt sông. Đào hào còn chưa xong, trong đêm tên giặc là Lương Hưng dẫn hơn năm nghìn quân bộ kỵ tới vây đánh Hoảng, Hoảng đánh chúng bỏ chạy, quân Thái Tổ qua được sông. Vì thế phá được bọn Mã Siêu, Thái Tổ lại sai Hoảng giúp Hạ Hầu Uyên bình định rợ Đê ở Du Mi-Khiên Chư, cùng với Thái Tổ hội quân ở An Định. Thái Tổ về huyện Nghiệp, sai Hoảng cùng với Hạ Hầu Uyên bình định dư đảng giặc ở huyện Phu và huyện Hạ Dương, chém Lương Hưng, thu hàng hơn ba nghìn nhà. Sau lại theo Thái Tổ đánh Trương Lỗ. Thái Tổ biệt phái Hoảng đến đánh dẹp rợ Đê ở vùng núi Độc-Cừ Di, đầu thu hàng được. Hoảng được thăng là Bình khấu tướng quân. Sau Hoảng giải vây cho tướng quân Trương Thuận. Lại đánh hơn ba chục đ̣ền binh của bọn giặc là Trần Phúc, đầu phá được.

Thái Tổ về huyện Nghiệp, lưu Hoảng cùng Hạ Hầu Uyên cự Lưu Bị ở Dương Bình. Bị sai bọn Trần Thức lập hơn mười doanh trại cắt đứt đường Mã Minh Các, Hoảng chia quân đánh phá, giặc tự gieo mình xuống sơn cốc, chết rất nhiều. Thái Tổ được tin, rất mừng, ban cho Hoảng được cậ̀n Giả tiết, khen rằng: “Đạo lộ ấy, là nơi hiểm yếu của Hán Trung như yết hầu vậy. Lưu Bị muốn cắt đứt đường thông trong ngoài, để thủ giữ Hán Trung. Tướng quân một lần vọng động, phá kế của địch, thật là khéo lắm vậy.”

Thái Tổ thân đến Dương Bình, rút toàn quân khỏi Hán Trung. Lại sai Hoảng trợ giúp Tào Nhân đánh Quan Vũ, đóng binh ở Uyển Thành. Gặp lúc sông Hán nước lên to, bọn Vu Cấm bị chìm. Vũ vây Nhân ở Phàn

Thành, lại vây tướng quân Lã Thường ở Tương Dương. Quân sĩ của Hoảng đa phần là tân binh, khó tranh phong cùng với Quan Vũ, bèn tiến đến Dương Lăng Pha đóng quân.

Thái Tổ trở về, phái tướng quân Từ Thương-Lã Kiến đến chỗ Hoảng, lệnh rằng: “Phải đợi binh mã đến đủ, rồi cùng tiến.” Quân giặc đóng ở Yên thành. Hoảng đến nơi, giả vờ đào hào xung quanh, ý chừng muốn cắt đứt hậu quân của địch, giặc đốt đống cỏ chạy. Hoảng lấy được Yên thành, hai mặt quân doanh nối liền nhau, Hoảng tiến về phía trước, bọn giặc kéo lại vây vùng Tam Trượng. Còn chưa đánh, Thái Tổ trước sau sai bọn Ân Thục-Chu Cái đem hai mươi doanh quân⁽¹³⁾ đến chỗ Hoảng. Giặc đóng trại ở Vi Đầu, lại chia quân đóng đống ở Tứ Trủng. Hoảng đánh tiếng là tấn công vào trại Vi Đầu, nhưng ngầm tấn công Tứ Trủng. Vũ thấy trại Tứ Trủng sắp vỡ, thân dẫn năm nghìn quân bộ kỵ ra đánh, Hoảng đánh lại, địch chạy lui, Hoảng đuổi theo phá vòng vây, đánh tan quân địch, giặc lao đầu xuống sông Miện mà chết. Thái Tổ khen rằng: “Giặc đào hào kín mít rải chông chà mười phần trăm trọng, tướng quân hết sức đánh thu được toàn thắng, lại phá vòng vây của địch, chém được nhiều đầu giặc. Ta dụng binh ba hơn mười năm, cũng có nghe đến cái khéo dùng binh của người xưa, mà chưa thấy có ai xông thẳng vào vòng vây của địch như vậy. Vả lại vòng vây ở Phàn Thành-Tương Dương, còn hơn vòng vây ở Thành Cử-Tức Mặc, công lao của tướng quân, còn hơn cả Tôn Vũ-Nhương Tử.”

Hoảng chinh đốn quân quay về Ma Pha, Thái Tổ nghênh đón Hoảng cách đó bảy dặm, bày tiệc rượu mở đại hội. Thái Tổ nâng chén mời Hoảng, lại yên ủi rằng: “Giữ vẹn được Phàn Thành-Tương Dương, là công lao của tướng quân vậy.” Bấy giờ chư quân đều tụ tập ở đó, Thái Tổ đi lần lượt các doanh trại, sĩ tốt đều li tán hàng trận, mà quân doanh của Hoảng chỉnh tề, tướng sĩ xấp hàng bất động. Thái Tổ khen rằng: “Từ tướng quân có thể nói là có phong độ của Chu Á Phu vậy.”

Văn Đế lên tức vương vị, lấy Hoảng làm Hữu tướng quân, tiến phong tước Lục Hương hầu. Lúc lên ngôi Đế, tiến phong Hoảng tước Dương hầu. Đế Hoảng cùng với Hạ Hầu Thượng đánh Lưu Bị ở Thượng Dung, phá được. Lại lấy Hoảng trấn thủ Dương Bình, đổi phong tước Dương Bình hầu. Minh Đế lên tức vị, sai Hoảng cự tướng Ngô là Gia Cát Cẩn ở Tương Dương. Tăng thực ấp cho Hoảng hai trăm hộ, cộng cả số trước đây

là ba ngàn một trăm hộ. Sau bị bệnh nặng, di mệnh rằng khi mất chỉ dùng thường phục an táng.

Hoảng có tính tiết tiện giản dị mà cẩn thận, khi dẫn quân đi thường cho người dò xét ở đằng xa, lúc trước đánh không thắng, lúc sau lại gắng đánh tiếp, truy đuổi quân địch giành thắng lợi, quân sĩ chẳng được nhàn hạ ng ồi ăn. Hoảng thường than rằng: “Cổ nhân thường lo chẳng gặp được đáng mình quân, nay ta may mắn gặp được, phải lấy việc lập công để báo đáp, đâu vì danh dự cá nhân!” Hoảng trọn đời chẳng chịu nhún mình giao kết cùng người khác.

Năm Thái Hoà nguyên niên Hoảng chết, được ban thụy hiệu là Tráng hầu. Con Hoảng là Cái nối tự. Cái chết, con là Phách nối tự. Minh Đế chia ấp riêng cho Hoảng, phong hai người cháu của Hoảng làm Liệt hầu.

Khi trước, người ở Thanh Hà là Chu Linh là tướng của Viên Thiệu. Thái Tổ đi đánh Đào Khiêm, Thiệu sai Linh đốc xuất ba doanh quân trợ giúp Thái Tổ, đánh nhau lập được công. Thiệu gọi các tướng ấy bãi binh quay về, Linh nói: “Linh này xét người đã nhiều, không thấy ai được như Tào công, người ấy mới là minh chủ vậy. Nay đã gặp, sao lại bỏ?” R ồi ở lại không chịu về. Tướng sĩ ở đấy ái mộ Linh, đều theo Linh ở lại. Sau này Linh là tướng giỏi của Thái Tổ, tiếng tăm kém Hoảng một chút, làm quan đến Hậu tướng quân, được phong Cao Đường Đình hầu.

Sách Cửu châu xuân thu chép: Khi trước, người ở Thanh Hà là Quý Ung làm phản Viên Thiệu ở đất Du theo hàng Công Tôn Toản, Toản phái binh bảo vệ Ung. Thiệu sai Linh đánh Toản. Gia quyến Linh ở trong thành, Toản mang mẹ và em Linh đặt trên mặt thành, kêu gọi dụ dỗ Linh. Linh hướng vào thành chảy nước mắt khóc không ra tiếng nói: “Kẻ trượng phu đã bỏ thân mình theo người ta, há lại nghĩ đến gia đình ư!” Rồi hết sức đánh lấy được thành, bắt sống được Ung nhưng gia quyến đều chết cả.

Ngụy thư chép: Linh tự Văn Bác. Thái Tổ bình Kinh Châu, sai Linh dẫn năm nghìn tân binh và một nghìn quân kỵ trấn thủ phía nam huyện Hứa. Thái Tổ răn rằng: “Tân binh ở Ký Châu, chốn nên đối xử nghiêm ngặt, không lâu sẽ tề chỉnh, dù ý còn tam tức. Khanh trước đây có tiếng là uy nghiêm, nên khéo dùng đạo lý khoan hoà, chẳng được như thế tất có biến.” Linh đến Dương Địch, Trung lang tướng Trình Ngang quả nhiên làm phản, Linh lập tức chém Ngang, báo rõ tội trạng. Thái Tổ tự tay viết thư cho Linh rằng: “Ở trong quân vốn là chỗ nguy hiểm, bên ngoài phải đối phó với địch quốc, bên trong phòng gian mưu sinh biến khó lường. Xưa kia Đặng Vũ chia quân cùng Quang Vũ hành quân về Tây, gặp cái hoạ Tông Hâm-Phùng Âm, về sau chỉ đem được hai

mười bốn quân kỵ về Lạc Dương, uy vũ há vì thế mà giảm bớt? Lại gửi thư khân cầu người có lòng trắc ẩn, sợ rằng làm quá sẽ đem đến nhiều điều tai hại hơn, vị tất đã như lời nói.” Văn Đế lên tức vị, phong cho Linh tước Du hầu, tăng thêm thực ấp. Chiêu viết: “Tướng quân phò giúp Tiên đế, giữ việc bình nhiều năm, uy quá Phương-Thiệu, công vượt Giáng-Quán. Việc hay đã ghi, khen sao cho đủ? Trẫm vâng mệnh trời, làm vua bốn bể, tướng quân công cao, là bấy tôi xã tắc, được cùng trẫm hưởng phúc chung vui, mãi đến muôn đời. Nay phong cho người làm Du hầu. Nhưng được phú quý mà chẳng về cố hương, cũng như mặc áo gấm đi đêm vậy. Bằng như người có chí nguyện ở nơi nào khác, chớ có nói khó là được.” Linh tạ rằng: “Là Cao Đường, thần xin ở chỗ đó.” Vì thế Linh được đổi phong làm Cao Đường hầu, khi chết, được ban thụy hiệu là Uy hầu

Bình rằng: Thái Tổ gây dựng công nghiệp, mà lương tướng lúc đương thời, có năm người đứng đầu. Vu Cấm rất cương nghị trịnh trọng, nhưng chẳng được vẹn toàn. Trương Cáp vì khéo quyên biến được người đời khen, Nhạc Tiến vì kiêu dũng quả cảm mà nổi danh, mà ta xem việc làm của mấy người ấy, không xứng với danh vọng. Ngờ rằng những ghi chép còn bỏ sót, không như Trương Liêu-Từ Hoảng rất đầy đủ rõ ràng vậy.

VU CẨM TRUYỆN

Vu Cẩm tự Văn Tắc, là người quận Thái Sơn huyện Cự Bình. Hoàng Cân nổi dậy, Bão Tín chiêu tập binh lính, Cẩm đi theo. Khi Thái Tổ cai quản Duyện Châu, Cẩm cùng thuộc hạ đầu đến theo, được làm Đô Bá, thuộc quy ền tướng quân Vương Lăng. Lăng thấy Cẩm kỳ lạ, tiến cử rằng tài của Cẩm gánh vác được việc Đại tướng quân. Thái Tổ triệu kiến và nói chuyện riêng, rồi bái làm Quân tư mã, sai dẫn binh đến Từ Châu, đánh huyện Quảng Uy, lấy được, được bái làm Hãm trận Đô úy. Lại theo đi đánh Lã Bố ở Bộc Dương, cầm riêng quân đánh tan hai doanh trại của Bồ ở Thành Nam, lại biệt phái dẫn quân đi đánh Cao Nhã ở Tu Xương. Sau theo đi đánh Thọ Trương-Định Đào-Li Hò, vây Trương Siêu ở Ung Khâu, đầu đánh lấy được cả. Lại theo đi đánh dư đảng Hoàng Cân là bọn Lưu Tích-Hoàng Thiệu, đóng quân ở Bản Lương, bọn Thiệu đang đêm tập kích vào doanh trại của Thái Tổ, Cẩm chỉ huy quân đánh tan bọn giặc, chém được bọn Thiệu, thu hàng hết được quân lính. Cẩm được thăng làm Bình lỗ Hiệu úy. Rồi tới vây Kiều Nhụy ở đất Khổ, chém được bọn Nhụy cả thầy bốn tướng.

Cẩm lại theo đến Uyển thành, thu hàng Trương Tú. Tú lại làm phản, Thái Tổ tham chiến bất lợi, quân bại, lui về Vũ Âm. Bấy giờ lòng quân rối loạn, hết thầy đầu oán trách Thái Tổ, Cẩm một mình dẫn theo mấy trăm người, vừa đánh vừa lui, dẫu tử thương cũng không lìa bỏ nhau. Quân giặc từ từ đuổi theo, Cẩm thông thả chĩnh đốn đội ngũ, đánh trống mà lui. Chưa đến chỗ Thái Tổ, thấy ở trên đường có hơn chục người bị thương trằn tru ồng bỏ chạy, Cẩm hỏi nguyên do, họ đáp: “Vì bị binh Thanh Châu cướp bóc.” Nguyên trước đây, Hoàng Cân hàng, gọi là binh Thanh Châu, Thái Tổ tha cho, vì thế mới dám nhân cơ hội làm giặc cướp. Cẩm nổi giận, hạ lệnh cho mọi người rằng: “Binh Thanh Châu đã về làm thuộc hạ Tào Công, mà còn quay lại làm giặc ư!” Bèn cho đánh bắt, hạch tội. Binh Thanh Châu vội chạy đến chỗ Thái Tổ tố cáo. Cẩm về đến nơi, trước tiên cho lập doanh

luỹ, không vào yết kiến Thái Tổ ngay. Có người hỏi Cấm: “Bình Thanh Châu đã tố cáo ngài, ngài nên mau chóng đến chỗ chúa công biện bạch đi.” Cấm nói: “Nay kẻ địch đã ở phía sau, sắp đuổi đến không chừng, chẳng sớm phòng bị, lấy gì đánh địch? Vả lại chúa công thông minh, lời gièm pha tố cáo sao lọt được?” Rồi cứ thông thả đào hào an định doanh lũy xong, mới vào bái yết, bày giải rõ sự tình. Thái Tổ hài lòng, bảo Cấm rằng: “Việc nguy nan ở Vị Thủy, ta thì vội vã, tướng quân ở chỗ loạn lạc lại có thể chỉnh tề, đánh kẻ tàn bạo bên doanh lũy, làm việc có thứ tự chẳng bị động, dấu danh tướng ngày xưa, đâu đã hơn được!” Vì thế ghi công trước sau cho Cấm cả, phong Cấm làm Ích Thọ Đình hầu.

Cấm lại theo đi đánh Trương Tú ở đất Nhưỡng, cầm giữ Lã Bố ở Hạ Bi, rồi biệt phái cùng với Sử Hoán-Tào Nhân đi vây đánh Tuy Cố ở Xạ Khuyển, đánh tan bọn giặc chém được Cố.

Thái Tổ mới đi đánh Viên Thiệu, binh Thiệu đông, Cấm tình nguyện làm tiên phong. Thái Tổ cho là hùng tráng, bèn chia cho hai ngàn bộ tốt, sai Cấm làm tướng, giữ Diên Tân để cự Viên Thiệu, Thái Tổ dẫn quân về Quan Độ.

Lưu Bị chiếm lấy Từ Châu làm phản, Thái Tổ đông chinh Bị. Thiệu tấn công Cấm, Cấm giữ chặt, Thiệu không đánh được. Cấm lại cùng bọn Nhạc Tiến dẫn năm ngàn quân bộ kỵ, đánh vào biệt doanh của Thiệu, theo phía tây nam Diên Tân men sông đến hai huyện Cấp và Hoạch Gia, đốt rụi hơn ba chục đồn trại, mỗi người đều chém và bắt được mấy nghìn người, thu hàng tướng của Thiệu là bọn Hà Mậu-Vương Ma hơn hai chục người. Thái Tổ lại sai Cấm cầm riêng cánh quân đóng ở Nguyên Vũ, đánh vào biệt doanh của Thiệu ở bến Đỗ Thị, phá được. Cấm được thăng làm Bì tướng quân, sau theo về Quan Độ.

Thái Tổ cùng với Thiệu doanh lũy liên kè, mới đắp toà thổ sơn⁽¹⁴⁾ cùng đối trận. Quân của Thiệu bắn vào trong doanh trại của Thái Tổ, sĩ tốt bị thương rất nhiều, quân ở trong kinh hãi. Cấm đốc quân giữ thổ sơn, hết sức chiến đấu, chí khí càng phấn chấn. Thiệu bị phá, Cấm được thăng làm Thiên tướng quân.

Ký Châu bình định. Xương Hi lại làm phản, Thái Tổ phái Cấm đến chinh phạt. Cấm gấp rút tấn công Hi; Hi cùng với Cấm là người quen cũ, đến chỗ Cấm xin hàng. Chư tướng đều cho rằng Hi đã hàng, nên đưa ngay đến chỗ Thái Tổ, Cấm nói: “Chư quân không biết thường lệnh của chúa

công sao! Bị vây mới ra hàng chẳng tha được. Kẻ đã vâng mệnh cứ theo phép mà làm, ta phải cân nhắc việc ở trên vậy. Hi tuy là người quyen cũ, Cấm có thể thất tiết sao!” Rồi tự đến tham dự hành quyết Hi, sa nước mắt mà chém.” Bấy giờ xe quân của Thái Tổ tới, hay được tin ấy mới than rằng: “Hi hàng chẳng đến chỗ ta lại hàng Cấm, há chẳng phải là số mệnh sao!” Lại càng tôn trọng Cấm hơn.

Thần Tùng Chi cho rằng bị vây mới ra hàng, phép dẫu chẳng tha; bắt giam mà đưa đi, là chưa làm trái mệnh. Cấm từng chẳng vì Hi là bạn cũ vạn nhất mới cầu xin, mà mặc lòng giết người quen, bỏ qua lời bàn của chúng nhân, sau bị bắt mà hàng, chết thêm tiếng xấu, thích đáng làm sao.

Đông Hải đã bình, Cấm được bá làm Hồ oai tướng quân. Sau Cấm cùng với Tang Bá tấn công Mai Thành, bọn Trương Liêu-Trương Cáp đến đánh dẹp Trần Lan. Cấm đến nơi, Thành dẫn binh lính hơn ba ngàn người ra hàng. Đã hàng xong lại phản, bọn chúng chạy đến chỗ Lan. Bọn Liêu cùng với Lan cấn giữ nhau, quân lương thiếu thốn, Cấm vận lương đến xe trước sau chen chúc, Liêu mới chém được Lan-Thành. Cấm được tăng thêm thực ấp hai trăm hộ, cộng cả trước đây là hai ngàn hộ. Bấy giờ Cấm cùng với Trương Liêu-Nhạc Tiến-Trương Cáp-Từ Hoảng đều là danh tướng, Thái Tổ mỗi khi chinh phạt, đều lúc đi cho làm quân tiên phong, quay về cho đi đoạn hậu; mà Cấm trị quân rất nghiêm chỉnh, lấy được tài vật của địch, vô tư đem nộp, bởi thế được ban thưởng rất hậu. Nhưng bởi lấy phép chế ngự kẻ dưới, nên rất không được lòng quân sĩ.

Thái Tổ thường hận Chu Linh, muốn tước quyền ở quân doanh. Bởi Cấm có uy lớn, Thái Tổ sai Cấm dẫn mấy chục quân kỵ, mang lệnh thư, đến thẳng doanh trại của Linh đoạt lấy quân đội, Linh cùng với bộ tướng chẳng ai dám động đây; Thái Tổ cho Linh làm bộ hạ dưới trướng Cấm, chúng đều kinh hãi bội phục, mới thấy Cấm đáng sợ như thế nào. Cấm được thăng lên làm Tả tướng quân, ban cho Giả tiết việt, được chia thêm thực ấp năm trăm hộ, phong cho một con trai là Liệt hầu.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Thái Tổ ở Trường An, sai Tào Nhân đánh Quan Vũ ở Phàn Thành, lại phái Cấm giúp đỡ Nhân. Mùa thu, có mưa lớn, Hán thủy mệnh mông, đất bằng nước cao mấy trượng, bảy cánh quân của bọn Cấm đều chìm ngấm. Cấm cùng với chư tướng trèo lên cao trông ra ngọn nước, không có chỗ trốn tránh, Vũ cưỡi thuyền lớn tới đánh bọn Cấm, Cấm bèn hàng, chỉ có Bàng Đức chẳng chịu thất tiết phải chết. Thái Tổ hay tin ấy, thương cảm than thở mãi, nói: “Ta biết Cấm đã ba

mười năm, sao ngờ lúc lâm nguy gặp nạn, lại chẳng được như Bàng Đức ư!” Lúc Tôn Quyền cần giữ Vũ, bắt hết được binh sĩ, Cấm lại bị bắt về Ngô. Văn Đế lên ngôi, Quyền xưng thần, sai người đem trả Cấm về Đẽ sai dẫn Cấm đến gặp, thấy râu tóc bạc trắng, hình dung tiều tụy, dập đầu chảy nước mắt khóc. Đế uỷ lạo hiểu dụ rằng cũng như việc của Tuân Lâm Phụ-Mạnh Minh⁽¹⁵⁾, rồi phong Cấm làm An Viễn tướng quân.

Ngụy thư chép lại bài chế rằng: “Xưa Tuân Lâm Phụ thua bại ở đất Bật, Mạnh Minh mất quân ở đất Hào, Tân-Tân chẳng hề bỏ, cho phục hồi trước vị. Về sau Tân lấy được đất địch, Tân làm bá ở Tây Nhung, tiểu quốc mỏng mỏng, còn làm được như thế, huống chi nước vạn thạch không được thế sao? Việc thua quân ở Phàn Thành, là thuy bại đến, chẳng phải lỗi đánh trận, nay phục hồi tất cả chức quan của Cấm.”

Lại phái đi sứ Ngô, trước tiên lệnh đi lên Bắc đến huyện Nghiệp yết kiến Cao Lăng⁽¹⁶⁾. Đẽ sai người sớm vẽ ở trên tường lăng mộ bức hoạ Quan Vũ thắng trận, Bàng Đức phản nộ, Cấm trong bộ dạng hàng phục. Cấm xem rồi, hổ thẹn mang lòng tức giận phát bệnh mà chết. Con Cấm là Khuê nổi tự được phong Ích Thọ Đình hầu. Cấm được ban thụy hiệu là Lệ hầu.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Một chức quan nhỏ kiểu như Đội trưởng vệ binh.
- (2) Giữ quyền của Tư mã, cũng là một chức quan nhỏ trong doanh trại. Đô úy nguyên là chức quan, còn hai chữ Hãm trận kia không hiểu là phẩm hàm kiểu gì.
- (3) Huyện Mạo quê hương Cáp, như vậy tước của Cáp lúc này đã là Huyện hầu.
- (4) Quận lại là chức quan nhỏ giúp việc ở trong quận, kiểu như thư lại (văn thư), đề lại (chỉ huy mấy anh dân phòng, cò đở)... đại loại như vậy.
- (5) Đô úy là một chức quan võ nói chung, Kỳ đô úy là riêng chỉ huy đám quân kỳ (mã).
- (6) Việc này xảy ra ngay sau khi Lã Bố giết董卓 Trác, rồi Bố bị quân Lương châu do Lý Thôi, Quách Ty càn đầu đánh cho đại bại phải bỏ chạy.
- (7) Chức này có lẽ chỉ là một chức võ tướng trong quân, không biết rõ là quyền hạn thế nào.
- (8) Chức Trung lang tướng này về quan hàm thì cao hơn chức Hiệu úy, Đô úy một chút, thấp hơn chức tướng quân.
- (9) Túc Tào Tháo.
- (10) Đúng như lệnh ở trong thư thì thắng trận.
- (11) Có sách nói là Triệu Mục Công.
- (12) Đàm và Thượng.
- (13) Mỗi doanh quân là năm trăm binh sĩ, như thế tức là một vạn binh.
- (14) Núi đất.
- (15) Hai người này là dũng tướng của hai nước Tân, Tấn thời Xuân Thu, đi đánh trận bị thua, vẫn được dùng, sau này lập nên công trạng hiển hách.

[\(16\)](#) *Tào Tháo chết, Tào Phi lên thay, lúc xưng đế, an táng cha ở Cao Lăng.*

QUYỂN 18 - NHỊ LÝ TANG VĂN LÃ HỨA ĐIỂN NHỊ BÀNG DIÊM TRUYỆN

*Lý Diễn, Lý Thông, Tang Bá, Tôn Quan, Văn Sính, Lã Kiên, Hứa
Chữ, Diễn Vi, Bàng Đức, Bàng Dục, Diêm Ôn*

BÀNG ĐỨC TRUYỆN

Bàng Đức tự Lệnh Minh, người quận Nam An huyện Hoàn Đạo. Thời trẻ làm lại ở châu quận, chức Tòng sự. Năm Sơ Bình trung, theo Mã Đằng đánh dẹp các tộc Khương-Đê làm phản. Mấy lần lập được chiến công, ít lâu được thăng lên chức Hiệu úy. Năm Kiến An trung, Thái tổ đánh dẹp Đàm-Thượng ở Lê Dương, Đàm phái bọn Quách Viên-Cao Cán cướp lấy vùng Hà Đông, Thái tổ sai Chung Do đốc suất các chư tướng ở Quan Trung đánh dẹp bọn ấy. Đức đi theo con của Đằng là Siêu chống cự Viên-Cán ở Bình Dương, Đức làm tiên phong, tiến đánh Viên-Cán, đại phá quân địch, đích thân chém đầu Viên.

Nguy lược chép: Đức chém được một thủ cấp, không biết đó là Viên. Sau khi tan cuộc chiến, chúng nhân đều nói Viên đã chết mà không tìm được thủ cấp. Viên, là cháu ngoại của Chung Do. Về sau Đức từ từ bỏ cái túi xuống thì bên trong có một cái đầu rơi ra, Do nhìn thấy cái đầu ấy liền khóc. Đức tạ lỗi với Do, Do nói: “Viên tuy là cháu ta, nhưng là kẻ quốc tặc. Khanh hà có gì mà tạ ta?”

Đức được bá làm Trung lang tướng, tước Đô đình hầu. Sau này Trương Bạch Kỳ làm phản ở Hoàng Nông, Đức lại theo Đằng đi chinh phạt, phá Bạch Kỳ ở vùng Lưỡng Hào. Mỗi khi xuất chiến, thường xung phong hăm trận đánh lui quân địch, dũng khí trùm ba quân. Sau Đằng được vời về làm Vệ Úy, Đức ở lại làm thuộc hạ của Siêu. Thái tổ phá Siêu ở Vị Nam, Đức theo Siêu trốn vào vùng Hán Dương, giữ Ký thành. Sau lại theo Siêu chạy vào Hán Trung, nương nhờ Trương Lỗ. Thái tổ bình định Hán Trung, Đức theo chúng nhân ra hàng. Thái tổ thấy Đức kiêu dũng, lập tức bá làm Nghĩa tướng quân, phong tước Quan Môn Đình hầu, ăn lộc ba trăm hộ.

Bọn Hầu Âm-Vệ Khai làm phản ở huyện Uyển, Đức dẫn quân bản bộ hợp với Tào Nhân cùng vây đánh huyện Uyển, chém Âm-Khai, rồi xuôi Nam đóng quân ở Phàn thành, đánh Quan Vũ. Các tướng ở Phàn thành thấy anh họ của Đức ở Hán Trung, đều nghi ngờ.

Nguy lược chép: Anh họ của Đức tên Nhu, bấy giờ ở đất Thục.

Đức thường nói rằng: “Ta đã chịu quốc ân, v ề nghĩa phải lấy cái chết để báo đáp. Ta muốn thân chinh đi đánh Quan Vũ. Năm nay nếu ta không giết được Vũ, tất Vũ sẽ giết ta.” Sau thân chinh cùng với Quan Vũ giao chiến, bắn trúng vào trán Vũ. Bấy giờ Đức thường cưỡi ngựa trắng, quân của Vũ gọi Đức là Bạch mã tướng quân, mọi người đều kiêng sợ. Nhân sai Đức đóng quân cách phía bắc Phàn Thành mười dặm, gặp lúc trời đổ mưa lớn hơn mười ngày, nước sông Hán mênh mông, dưới chân Phàn Thành đất bằng sâu năm sáu trượng, Đức cùng chư tướng tránh nước ngập ở trên đê. Vũ cưỡi thuyền đến đánh, lính ở trên thuyền lớn bốn bề cùng bắn tên lên trên đê. Đức không mặc áo giáp che tên, nhưng tên không bắn trúng. Tướng quân Đồng Hành và bộ tướng là Đồng Siêu muốn hàng, đều bị Đức chém chết. Giao chiến từ sáng sớm đến quá trưa, Vũ càng đánh mạnh, tên hết nhẵn, lại dùng đoản binh đánh tiếp. Đức bảo Đốc tướng là Thành Hà rằng: “Ta nghe bậc lương tướng chẳng sợ cái chết để cầu thả thoát thân, kẻ sĩ cứng cỏi chẳng huỷ danh tiết để cầu sống, hôm nay, là ngày ta chết đây.” Rồi càng đánh càng hăng, khí thế càng mạnh mẽ, nhưng nước dần dâng cao, tướng sĩ đều ra hàng. Đức cùng một viên tướng cần cù chỉ huy, là hai người khoẻ nhất, cùng giương cung đặt tên, cưỡi một chiếc thuyền nhỏ định quay về doanh trại của Nhân. Nước lớn thuyền bị lật, cung tên rơi mất, chỉ đành bám vào chiếc thuyền trôi trong làn nước, lúc bị Vũ bắt được, Đức đứng thẳng không chịu quỳ. Vũ bảo rằng: “Anh người ở Hán Trung, ta muốn dùng người làm tướng, sao chẳng sớm hàng đi?” Đức chửi Vũ rằng: “Thằng ranh con, sao dám bảo ta hàng! Ngụy vương có trăm vạn giáp binh, uy chấn thiên hạ. Lưu Bị nhà mày chỉ là kẻ tầm thường thôi, há có thể địch nổi sao! Ta thà làm con ma ở nước Ngụy, chẳng thêm làm tướng của lũ nghịch tặc vậy.” Sau cùng Đức bị Quan Vũ giết hại. Thái tổ nghe tin rất đau xót, khóc rỏ nước mắt, rồi phong cho hai con làm Liệt hầu. Văn đế lên tức vương vị, liền sai người tới mộ Bàng Đức ban cho thụy hiệu, có chiếu sách rằng: “Trước kia Tiên Chấn bị giết mất đầu, Vương Trục đâm cổ tự vẫn, bỏ thân tuấn tiết, đời xưa đã ngợi khen⁽¹⁾. Nghĩ rằng sự quả cảm cương nghị của quân hầu đã sáng rõ, việc vong thân vì quốc nạn đã thành danh, nổi tiếng đương thời, nghĩa cao sánh với ti ền nhân, quả nhân thương xót lắm, nay ban cho thụy là Tráng hầu⁽²⁾.” Lại ban cho bốn người bọn Hội⁽³⁾ tước Quan nội hầu, đều được thực ấp trăm hộ. Hội có

phong độ dũng liệt của cha, làm quan đến chức Trung uý tướng quân, tước Liệt hầu.

***Thục ký của Vương Ân chép:** Chung Hội bình Thục, đem theo một đội quan nhạc, rước thi hài Đức về an táng ở huyện Nghiệp, trong mộ đầy đủ thân thủ như lúc sinh tiền.*

Thân Tùng Chi xét rằng Đức chết ở Phàn thành, Văn đế lên tức vị, lại phái sứ giả đến chỗ mộ của Đức, thì thi thể của Đức chẳng thể ở Thục được. Thế thì cái thuyết của Vương Ân là hão huyền vậy.

ĐIÊN VI TRUYỆN

Diễn Vi, người quận Trần Lưu huyện Di Ngô (4). Tướng mạo khôi ngô, sức lực hơn người, có chí lớn và khí tiết, thường hành hiệp trượng nghĩa. Lưu thị ở Tương ấp (5) có thù oán với Lý Vĩnh ở Tuy Dương (6), nhờ Vi báo thù giúp. Trước Vĩnh từng làm huyện trưởng huyện Phú Xuân (7), canh cổng rất nghiêm ngặt. Vi ng ẫ xe mang gà rượu tới, giả làm khách, cửa mở ra, đem theo chủy thủ vào giết Vĩnh, còn giết cả vợ y, sau đó từ từ đi ra, lấy đôi kích trên xe, bỏ đi. Gần nơi Vĩnh ở, tất cả đầu vô cùng sợ hãi. Người đuổi theo có mấy trăm, đầu không dám đến gần. Đi được bốn năm dặm, gặp được đồng bạn, nhờ thế không phải đánh nhau nữa mà thoát được đi. Qua việc này hào kiệt khắp nơi đầu biết tiếng.

Giữa năm Sơ Bình (8), Trang Mạc dấy binh khởi nghĩa, Vi theo làm lính, ở dưới trướng của Tư mã Triệu Sùng. Cờ trong nha môn vừa dài vừa to, không ai nâng lên được, Vi một tay nhấc lên, Sùng kinh ngạc vì sức mạnh đó. Sau này đi theo Hạ Hầu Đôn, mấy lần chém đầu giặc lập công, được phong làm Tư mã. Thái Tổ thảo phạt Lữ Bố ở Bộc Dương (9). Bố có một nhánh quân khác đồn trú ở phía tây Bộc Dương, cách Bộc Dương chừng bốn năm mươi dặm, Thái Tổ nhân đêm đánh úp, đến khi trời sáng thì phá được. Chưa kịp trở về, gặp cứu binh của Bố phái tới, ba mặt vây công. Lúc đó Bố đích thân dẫn quân đến đánh, từ sáng sớm cho tới lúc mặt trời lặn, đánh nhau mấy chục lần, giằng co quyết liệt. Thái Tổ chiêu mộ người xông lên hãm trận, Vi dẫn đầu, đem theo mấy chục người ứng mộ, tất cả đầu mặc hai lớp giáp nặng, vút bỏ thuẫn, chỉ cầm trường mâu trường kích. Lúc đó phía tây lại khẩn cấp, Vi lao vào, cung nỏ của giặc bắn bừa ra, tên bay tới như mưa, Vi coi như không thấy, bảo với mấy người thủ hạ của mình rằng: “Khi nào giặc còn cách mười bước thì bảo ta.” Mấy thủ hạ nói: “Mười bước r ẫ.” Vi lại nói: “Năm bước thì gọi.” Mọi người đầu sợ, vội vã nói: “Địch đến r ẫ!” Vi tay cầm hơn mười chiếc kích, hô lớn mà lao lên, những người ngăn cản đầu không ai không bị đánh ngã. Quân của Bố

cuối cùng cũng lui, lúc đó trời cũng vừa tối. Thái Tổ bèn dẫn quân về. Sau chuyện này được phong làm Đô úy, làm tả hữu bên cạnh Thái Tổ. Vì mang theo thân binh mấy trăm người, thường xuyên đi vòng quanh đại trướng. Vì khỏe mạnh giỏi võ, các tướng sĩ dưới quyền cũng đều là được tuyển lựa, mỗi lần chiến đấu thường đi đầu hãm trận. Vì thế được thăng làm Hiệu úy. Tính tình trung thành cẩn thận, thường hầu hạ bên Thái Tổ cả ngày, đêm ngủ ở trướng bên cạnh, hiếm khi về nhà riêng. Thích uống rượu, tửu lượng hơn người, mỗi lần được tham gia yến tiệc đều ăn mạnh uống khỏe, bên cạnh phải có mấy người cung ứng không ngừng mới đủ, Thái Tổ cho là tráng sĩ. Vì thích dùng những loại vũ khí như song kích lớn và trường đao, trong quân đều thường nói với nhau rằng: “Tráng sĩ dưới trướng có Diễn quân, nâng đôi song kích tám mươi cân.”

Thái Tổ chinh thảo Kinh Châu, đến Uyển thành [\(10\)](#), Trương Tú tới đầu hàng. Thái Tổ vô cùng mừng rỡ, khoản đãi Tú và các tướng soái, bày tiệc rượu thịnh soạn. Khi Thái Tổ mời rượu, Vì cầm búa lớn đứng sau, lưỡi búa dài tới cả thước, Thái Tổ tới trước mặt ai, Vì liền giơ búa nhìn chăm chăm vào người đó. Tiệc rượu tàn, Tú và các tướng soái vẫn không dám ngẩng lên nhìn. Mười mấy ngày sau Tú làm phản, đánh úp doanh trại của Thái Tổ, Thái Tổ xuất chiến bất lợi, được khinh kỵ dẫn đi. Vì đứng đánh ở giữa cửa, giặc không thể vào trong, chỉ có thể chia ra theo các cửa khác mà vào. Lúc đó bên Vì còn có hơn mười người, đều liều mình tử chiến, không ai không phải là một địch mười. Giặc ở trước sau đều đến khá nhiều, Vì dùng trường kích đánh phải đánh trái, đâm vào một cái, mười mấy người liền đổ gục. Người bên cạnh đã tử thương gần hết, Vì cũng bị mấy chục vết thương, vẫn dùng binh khí ngăn tiếp chiến, vật lộn với quân địch. Vì kẹp chết hai tên giặc, giặc không dám tiến đến nữa. Vì lại lao lên phía trước đánh giết quân giặc, giết được mấy người, vết thương nặng thêm, cuối cùng trợn trừng mắt mắng lớn rồi chết. Lúc này giặc mới dám tiến đến phía trước, cắt lấy đầu Vì, đưa cho nhau xem, còn tranh nhau tới gần xem thân thể Vì. Thái Tổ lui đến Vũ Âm [\(11\)](#), nghe tin Vì chết, rơi nước mắt, chiêu mộ dũng sĩ nhân lúc địch không phòng bị lấy xác Vì về phát tang cho Vì. Thái Tổ còn đích thân đến trước linh cửu bái tế, phái người đưa linh cửu về Tương ấp chôn, phong con là Mãn làm Lang trung. Mỗi lần xa giá đi qua thường dừng lại bái tế. Thái Tổ nhớ đến Vì, phong Mãn

làm Tư mã, cho ở bên cạnh mình. Văn Đế kế thừa vương vị, phong Mãn làm Đô úy, ban cho tước Quan nội hầu.

HỨA CHỦ TRUYỆN

Hứa Chủ tự Trọng Khang, người huyện Tiểu nước Tiểu ⁽¹²⁾. Người cao hơn tám thước, eo rộng mười vi ⁽¹³⁾, dung mạo hùng vĩ, dũng lực hơn người. Cuối đời Hán, tụ tập thiếu niên và người trong tông tộc mấy ngàn nhà, cùng xây thành vững chống giặc cỏ. Khi hơn vạn quân giặc của Cát Pha ở Nhữ Nam ⁽¹⁴⁾ tới đánh thành của Chủ, Chủ ít người không địch nổi, sức lực cạn kiệt. Tên cũng dùng hết, bèn lệnh cho nam nữ trong thành đi tìm những hòn đá to bằng cái đầu chày vè đặt ở bốn góc. Chủ lấy đá ném ra, kẻ bị trúng đầu chết ngay. Giặc không dám tiến nữa. Chủ thiếu lương, bèn giàn hòa với giặc, lấy bò đổi lấy lương thực của giặc, giặc tới lấy bò đi, bò lại chạy trở về Chủ lao ra trước trận, một tay kéo ngược đuôi bò đi hơn trăm bước. Giặc đầu sợ hãi, không dám lấy bò mà rút đi luôn. Từ đó giặc ở các vùng Hoài ⁽¹⁵⁾, Nhữ ⁽¹⁶⁾, Trĩ ⁽¹⁷⁾, Lương ⁽¹⁸⁾ đều nghe danh mà sợ hãi.

Khi Thái Tổ đi đánh Hoài, Nhữ, Chủ dẫn quân đi theo Thái Tổ. Thái Tổ thấy Chủ khỏe mạnh liền nói: “Người thực là Phàn Khoái ⁽¹⁹⁾ của ta.” Lập tức phong làm Đô úy, cho làm phụ tá. Các hiệp khách đi theo Chủ cùng đều được phong làm Hồ sĩ. Từng theo đi đánh Trương Tú, đi đâu, chém được hơn vạn thủ cấp, được thăng lên làm Hiệu úy. Từng theo đi đánh Viên Thiệu ở Quan Độ ⁽²⁰⁾. Lúc đó, bọn Từ Tha thường theo hầu (Thái Tổ) có ý làm phản, thấy Chủ thường ở bên hầu hạ, sợ không dám phát. Đợi đến ngày nghỉ của Chủ, chúng giấu đao vào ngực mà đi vào. Chủ về đến nhà thì trong lòng cảm thấy kinh sợ, lập tức quay lại hầu hạ. Bọn Tha không biết, vào trước thấy Chủ thì đầu rất kinh ngạc, sắc mặt biến đổi, Chủ phát giác ra, lập tức giết chết bọn Tha. Từ đó Thái Tổ liền coi như thân tín, ra vào cùng đi, không rời nửa bước. Từng vây đất Nghiệp, lập được công lao, được ban tước quan Nội hầu. Từng theo đánh Hàn Toại, Mã Siêu ở Đông Quan ⁽²¹⁾. Thái Tổ sắp vượt sông lên phía bắc, đến bờ sông, binh qua trước, một mình cùng Chủ và hơn trăm Hồ sĩ lưu lại bờ nam đoạn hậu.

Siêu dẫn hơn vạn quân bộ kỵ, lao thẳng tới quân của Thái Tổ, tên bắn tới như mưa. Chử nói với Thái Tổ : “Giặc đến nhiều, giờ quân đã qua sông hết, nên đi!” Giặc đánh gấp, quân sĩ tranh nhau qua sông, thuyền nặng sắp chìm. Chử chém kẻ bám vào thuyền, tay trái đưa cái yên ngựa lên che cho Thái Tổ. Người chèo thuyền bị trúng tên chết, Chử lấy tay phải đẩy thuyền, nhờ đó mới qua sông được. Ngày đó, nếu không có Chử thì đã nguy hiểm rồi. Sau này Thái Tổ và Toại, Siêu hội đàm riêng, tả hữu đều không được đi theo, duy chỉ mang Chử. Siêu cậy sức mạnh, muốn lao lên trước đánh Thái Tổ, nghe tiếng Chử khỏe, nghi từng kia là Chử, bèn hỏi Thái Tổ: “Hổ Hài của ngài có ở đây chăng?” Thái Tổ chỉ vào Chử, Chử bèn trợn trừng mắt nhìn Siêu. Siêu không dám động, hai bên lại trở về trại của mình. Mấy ngày sau chiến đấu, đại phá bọn Siêu, Chử chém được nhiều thủ cấp, được phong làm Võ vệ trung lang tướng. Danh hiệu Võ Vệ chính là có được từ đây. Trong quân thấy Chử sức mạnh như hổ mà lại chất phác, liền gọi là Hổ Si; bởi vì Siêu từng hỏi Hổ Hài, cho đến giờ khi thiên hạ gọi đến danh hiệu này, đều cho rằng đó là tên của Chử.

Chử tính tình cẩn trọng tuân thủ pháp luật, không thích nói nhiều. Tào Nhân từ Kinh Châu tới triều yết, Thái Tổ chưa ra, đi vào thì gặp Chử ở ngoài điện. Nhân gọi Chử ngồi xuống nói chuyện. Chử nói: “Vương sắp ra rồi.” Lập tức đi vào trong điện, Nhân rất cảm hận. Có người trách cứ Chử: “Chinh Nam⁽²²⁾ là tông thất trọng thần, ông ấy chịu hạ mình gọi ngài, sao ngài lại từ chối?” Chử nói: “Ông ấy tuy là vừa là trọng thần vừa là người thân của Vương, nhưng lại thủ ở bên ngoài. Chử là nội thần, nói chuyện trước đông người thì được, sao có thể nói chuyện riêng?” Thái Tổ nghe vậy thì càng thêm yêu mến, thăng làm Trung kiên tướng quân. Thái Tổ băng hà, Chử khóc ra cả máu. Văn Đế lên ngôi, tiến phong Vạn tuế đình hầu, thăng làm Võ vệ tướng quân, đô đốc trung quân túc vệ cấm binh, cực kỳ sủng ái. Trước đây, những người đi theo Chử được phong làm Hổ sĩ, Thái Tổ cho rằng đều là tráng sĩ, phong hết làm tướng, sau này có tới mấy chục người lập công được thăng làm tướng quân và được phong hầu, được phong làm Đô úy, Hiệu úy có hơn trăm người, đều là kiếm khách. Minh Đế lên ngôi, (Chử) được thăng làm Mưu hương hầu, thưởng cho bảy trăm hộ làm ấp phong, lại phong cho một người con của Chử làm quan Nội hầu. Chử chết, được ban thụy hiệu Tráng hầu. Con là Nghĩa kế thừa chức vị. Anh Chử là Định, cũng lập được quân công và được phong là Chấn uy tướng quân, đô

đốc quân Hồ Bôn. Năm Thái Hòa⁽²³⁾, vua nghĩ đến lòng trung hiếu của Chử, hạ chiếu biểu dương, lại phong cho hai người con và cháu của Chử tước quan Nội hầu. Đầu năm Thái Thủy⁽²⁴⁾, Nghi bị Chung Hội giết, con là Tông kế chức.

LÝ THÔNG TRUYỆN

Lý Thông tự Văn Đạt, người quận Giang Hạ huyện Bình Xuân.

Nguy lược chép: Thông có tiểu tự là Văn Ưc.

Thông có tiếng là hào hiệp ở vùng Giang-Nhữ⁽²⁵⁾. Cùng với người trong quận là Trần Cung cùng khởi binh ở Lăng Lăng, dân chúng đều quy phục. Bấy giờ có người tên là Chu Trục, bộ thuộc có hơn hai nghìn nhà, đối với Cung-Thông ngoài mặt thì hoà mục mà trong bụng lại đối địch. Thông có ý đồ giết Trục nhưng Cung lại ngần ngại. Thông biết Cung không dứt khoát, bèn một mình định kế, hẹn gặp Trục, mời uống rượu rồi giết Trục. Chúng nhân nhiều loạn, Thông dẫn Cung đi tru diệt bè đảng của chúng, thu tóm hết quân ở các doanh trại. Về sau em vợ Cung là Trần Cáp, giết Cung chiếm lấy binh ấy. Thông đánh tan quân của Cáp, chém đầu Cáp để tế trước mộ Cung. Lại bắt sống đại soái quân Hoàng Cân là Ngô Bá rồi thu hàng đám thuộc hạ ấy. Gặp năm mất mùa lớn, Thông dốc hết gia tài để cứu giúp mọi người, cùng với quân sĩ chia cả cám bã, tranh nhau dùng, bởi thế đạo tặc chẳng dám xâm phạm.

Năm Kiến An sơ, Thông đem binh đến chỗ Thái tổ ở Hứa huyện. Thái tổ bái Thông làm Chấn uy Trung lang tướng, đóng binh ở phía tây địa giới Nhữ Nam. Thái tổ đánh Trương Tú, Lưu Biểu phái binh đến trợ giúp Tú, quân Thái tổ gặp bất lợi. Thông dẫn binh đi thâm đêm đến chỗ Thái tổ, Thái tổ được quân ấy lại đánh tiếp, Thông xông xáo lên trước, đại phá quân Tú. Nhân đó được bái làm Bì tướng quân, phong tước Kiến công hầu. Thái tổ chia Nhữ Nam thành hai huyện, lấy Thông làm Đô úy huyện Dương An.

Bác vợ của Thông phạm pháp, trưởng huyện lăng Lăng là Triệu Nghiễm bắt lấy trưng trị, khép tội tử hình. Bấy giờ quyên sinh quyên sát do mục thú⁽²⁶⁾ quyết định, vợ con Thông gào khóc xin cứu mạng, Thông nói: “Nay ta cùng với Tào công chung sức, về nghĩa thì chẳng thể vì việc riêng mà phế bỏ việc công được.” Lại khen Nghiễm chấp pháp đúng đắn không a dua bè phái, bèn cùng kết làm thân giao.

Thái tổ cùng Viên Thiệu đang cự nhau ở Quan Độ. Thiệu phái sứ giả đến phong cho Thông làm Chinh nam tướng quân, Lưu Biểu cũng ngầm chiêu dụ, Thông đầu cự tuyệt. Thuộc hạ thân thích của Thông khóc nói: “Nay chúng ta trở trời một mình ở chỗ nguy, đã mất sự viện trợ lớn, không thể đứng mà đợi được, chẳng bằng theo ngay Thiệu.” Thông vỗ gươm mắng chúng rằng: “Tào công là bậc minh triết, tất yên định được thiên hạ. Thiệu tuy cường thịnh, nhưng dùng người không chính đáng, kết cục sẽ bị bắt sống thôi. Ta có chết cũng không hai lòng.” Lập tức chém sứ của Thiệu, đem ấn thụ đến chỗ Thái tổ. Lại đánh quân giặc ở trong quận là bọn Cù Cung-Giang Cung-Trần Thành, đều phá tan quân địch, chém thủ cấp đưa đi. Sau bình định được đất Hoài-Nhữ. Được đổi phong tước Đô đình hầu, bá làm Thái thú Nhữ Nam .

Thời ấy bọn giặc là Trương Xích có hơn năm nghìn nhà tụ họp ở Đào Sơn, Thông vây đánh phá được.

Lưu Bị và Chu Du vây Tào Nhân ở Giang Lăng, biệt phái Quan Vũ cắt đứt đường lên bắc. Thông dẫn binh đánh Vũ, lại xuống ngựa nhờ hết công chà⁽²⁷⁾ xông vào vòng vây, vừa đánh vừa tiến lên, nghênh đón quân của Nhân, dũng mãnh đứng đầu chư tướng.

Thông bị ốm chết ở trên đường, bấy giờ mới có bốn mươi hai tuổi. Được truy tặng thực ấp hai trăm hộ, g ồm cả trước đó là bốn trăm hộ. Văn đế lên ngôi, ban cho thụy hiệu là Cương hầu. Chiếu viết: “Trước kia gặp cái nạn Viên Thiệu, từ đất Hứa, đất Thái⁽²⁸⁾ về Nam, người người đều có dị tâm. Thông giữ nghĩa chẳng chút dao động, khiến những kẻ hai lòng phải phục tùng, trầm rất ngợi khen. Song bất hạnh mà chết sớm, con là Cơ dù đã được tập tước⁽²⁹⁾, vẫn chưa đủ đền đáp công lao. Anh của Cơ là Tự, trước đóng quân ở Phàn thành, vừa lập được công. Cả đời dốc lòng lao khó, nay cho Cơ làm Phụng nghĩa Trung lang tướng, Tự làm Bình lý Trung lang tướng, cho hưởng ân huệ khác thường.”

Tấn thư của Vương Ân chép: Con Tự là Bình, tự Huyền Trụ, có tài trí, thời bấy giờ rất quý hiếm, làm quan đến chức Thứ sử Tân châu. Bình thường được nói chuyện với Tư Mã Văn Vương, nhân đó răn bảo người nhà rằng: “Có lần ta đang ngồi hầu ở chỗ Tiên đế, thì có ba vị trưởng lại đến cầu kiến. Ta toan từ tạ lui ra, bề trên bảo: ‘Làm trưởng quan phải trong sạch, phải cẩn thận, phải chuyên cần, tu được ba điều ấy, sao phải lo chẳng cai trị được dân?’ Rồi họ đều được thụ chiếu. Họ đã ra ngoài rồi, bề trên ngoảnh sang chỗ bọn ta nói: ‘Điều ta vừa dạy các người thấy có chính đáng không?’ Đám người hầu ngồi đó, chẳng

ai không tán dương. Bê trên lại hỏi rằng: ‘Ăn hản không đúng lắm, ở chỗ ba điều ấy thì điều nào trước tiên.’ Có kẻ nói rằng: ‘Trong sạch cố nhiên là gốc rễ.’ Ngài lại quay sang hỏi đến ta, ta thưa rằng: ‘Cái đạo của sự trong sạch cẩn thận, là nhờ tu dưỡng mà có được, đó là cái bất đắc dĩ, cẩn thận phải đứng đầu. Kẻ trong sạch không hản đã cẩn thận, kẻ cẩn thận tất là trong sạch, cũng như bậc nhân giả hản có dũng khí, kẻ có dũng khí chưa hản đã có lòng nhân, thế nên Dịch nói bao quát mà không sai lầm, cái chiều để nằm phải dùng bằng lá cọ trắng, đều là cẩn thận đến cùng cực vậy.’ Bê trên nói: ‘Lời khanh nói rất lọt tai. Người có thể kể ra xem gần đây có ai là người cẩn thận chăng?’ Mọi người đều chưa biết đối đáp ra sao, ta bèn nói rằng cố Thái úy Tuân Cảnh Thiển, Thượng thư Đồng Trọng Liên, Bộc xạ Vương Công Trọng⁽³⁰⁾ đều có thể nói là những người cẩn thận. Bê trên nói: ‘Những bậc nhân giả ấy, sớm tôi khiêm cung ôn hoà, coi việc thì kính cẩn, cũng đều là những người cẩn thận cả. Nhưng người cẩn thận trong thiên hạ, ta nghĩ là chỉ có Nguyễn Tự Tông⁽³¹⁾ vậy! Mỗi lời của người ấy, toàn đề cập đến những điều huyền bí xa xôi, mà chưa từng bình luận về việc đương thời, hay xét đến các nhân vật, chân thực thì có thể bảo là cẩn thận đến cùng cực vậy.’ Ta thường nghĩ đến những lời ấy, cũng đủ thấy đó là những lời răn bảo sáng suốt. Phàm con người ta hành sự, niên thiếu thì lập thân, chẳng thể cẩn thận được, chớ coi rẻ chuyện luận nhân, chớ khinh thường chuyện nói về công việc, như thế thì hồi hận sao có lí do để sinh ra, hoạ hoạn không thể từ đâu mà đến được vậy.” Con Bình là Trọng, tự Mậu Tăng. Thuở nhỏ nổi danh, từng làm Lại ở Bộ lang, Thái thú Bình Dương.

Tấn chư công tán chép: Trọng vì trong sạch được Chúa thượng khen. Tướng quốc Triệu Vương Luân thấy Trọng được ngưỡng vọng mới lấy làm Hữu tư mã. Trọng thấy Luân có tướng làm loạn, từ chối có bệnh không nhận chức. Luân bức bách không thôi, Trọng bèn không chịu đi lại, đến nỗi đỡ bệnh, phải cho người đỡ dậy nhận thụ phong, mấy ngày sau chết, được phong tặng chức Tán kỵ thường thị. Trọng có hai em, Thượng tự Mậu Trọng, Cử tự Mậu Ước, năm Vĩnh Gia trung đều làm Điển quận; Cử làm đến chức Thứ sử Giang Châu. Con Trọng là Thức, tự Cảnh Tắc, làm quan đến chức Thị trung.

VĂN SÍNH TRUYỆN

Văn Sính tự Trọng Nghiệp, người quận Nam Dương huyện Uyển, là đại tướng của Lưu Biểu, được sai chống giữ phương Bắc. Biểu chết, con là Tông kế nghiệp. Thái tổ đi đánh Kinh châu, Tông dâng cả châu ra hàng, gọi Sính đến với mình, Sính nói: “Sính này chẳng có tài giữ vẹn toàn châu quận, chỉ là kẻ đang chờ bắt tội mà thôi.” Thái tổ qua sông Hán, Sính bèn đến thẳng chỗ Thái tổ, Thái tổ hỏi rằng: “Sao người đến chậm thế?” Sính nói: “Ngày trước Sính chẳng thể giúp được Lưu Kinh châu phụng sự quốc gia, Lưu Kinh châu tuy đã mất, Sính vẫn còn giữ đất Hán Xuyên, là để bảo toàn địa giới, sống chẳng phụ lại con côi thơ dại, chết không thẹn với người ở dưới đất, nhưng mưu tính bất thành, để đến nỗi như thế này. Thật đau lòng hổ thẹn, không mặt mũi nào mà đến sớm được.” Rồi sụt sùi chảy nước mắt. Thái tổ lấy làm thương cảm bèn nói: “Trọng Nghiệp, người thật là trung thần vậy.” Sau lấy lễ mà đối đãi. Lại trao trả Sính binh Quyên, sai cùng với Tào Thuần đuổi đánh Lưu Bị ở Trường Bản. Thái tổ muốn yên định Kinh châu, song quận Giang Hạ tiếp giáp với đất Ngô, lòng dân chưa yên định, bèn cho Sính làm Thái thú Giang Hạ, sai coi giữ quân phương Bắc, uỷ thác các việc nơi biên cảnh, ban cho tước Quan nội hầu.

Tôn Thịnh nói: Phụng dưỡng cha mẹ hay thờ vua, cái đạo trung hiếu chỉ có một mà thôi. Tang Bá thuở nhỏ được khen là hiếu thuận cứng cỏi, Văn Sính trung thành mà rơi lệ, thế nên Ngụy Vũ chỉ một lần gặp mặt, đã uỷ thác việc quân chính cho hai người, chẳng phải là trong nháy mắt đã thấy được cái hùng tráng vũ dũng của họ hay sao?

Sính cùng với Nhạc Tiến đánh Quan Vũ ở Tân Khẩu, có công, được tấn phong tước Diên Thọ Đình hầu, thêm chức Thảo nghịch tướng quân. Lại đánh quân truy trọng của Vũ ở Hán Tân, thiêu đốt thuyền lương ở Kinh châu. Văn Đế lên ngôi, thăng cho Sính tước Trường An Hương hầu, ban cho Giả tiết. Lại giúp Hạ Hầu Thượng vây Giang Lăng, Thượng sai Sính cầm riêng một cánh quân đóng ở Miện Khẩu, chống giữ Thạch Phạm, Sính tự gánh vác một đội quân, ngăn giặc lập công, được thăng làm Hậu tướng

quân, tước Tân Dã hầu. Tôn Quyền thân chinh đem năm vạn quân đến vây Sính ở Thạch Dương rất gấp, Sính giữ vững không manh động, Quyền đóng giữ hơn hai mươi ngày phải lui về Sính truy kích đánh tan quân địch. Vì thế được tăng thêm thực ấp năm trăm hộ, gồm cả trước đây là một nghìn chín trăm hộ.

***Ngụy lược chép:** Tôn Quyền từng thân chinh dẫn năm vạn sĩ tốt kéo đến. Thời ấy đang có mưa lớn, tường rào trong thành sụt lở, dân chúng còn tản mát ở ngoài đông, không kịp tu sửa. Sính nghe tin Quyền đến, không biết tính sao, bèn nghĩ chẳng bằng cứ ngâm lặng im để quân địch ngờ sợ. Rồi lệnh cho người ở trong thành không ai được đến gặp, lại tự nằm ở trong nhà không dậy. Quyền quả nhiên nghi ngờ, nói nhỏ với đám thuộc hạ rằng: “Phương bắc có kẻ trung thần như thế, cho nên mới uỷ thác cho giữ quận này, nay thấy ta đến mà chẳng hành động, nếu chẳng có mưu đồ gì, hẳn là họ đã có quân ngoại viện.” Bèn không dám đánh mà bỏ đi. Ngụy lược nói như thế, là trái với bốn truyện⁽³²⁾ vậy.*

Sính ở Giang Hạ mấy chục năm, rất có ân uy, danh chấn địch quốc, quân giặc không dám xâm phạm. Triều đình chia thực ấp của Sính và phong cho con của Sính là Đại làm Liệt hầu⁽³³⁾, lại ban cho cháu họ của Sính là Hậu tước Quan nội hầu. Sính chết, được ban thụy là Tráng hầu. Đại chết trước Sính, con nuôi của Sính là Hưu nối tự. Hưu chết, con là Vũ nối tự.

Năm Gia Bình trung, người ở Tiêu Quận là Hoàn Ngu làm Thái thú Giang Hạ, thanh bạch cần kiệm rất có ân uy, danh tiếng cũng gần được như Sính.

TANG BÁ TRUYỆN

Tang Bá tự Tuyên Cao, người quận Thái Sơn huyện Hoa. Cha là Giới, làm phó cai ngục ở huyện, quan Thái thú sở tại muốn giết người theo ý riêng, Giới giữ phép không theo. Thái thú cả giận, lệnh cho người bắt Giới đến phủ nha, lúc ấy có hơn trăm người đưa tiễn. Bá năm ấy mười tám tuổi, dẫn mấy chục người khách men lối tắt trong núi Bì Tây muốn cướp cha lại, những người đi theo Giới chẳng ai không cảm động, nhân đó Bá cùng cha trốn nạn ra Đông Hải, bởi thế Bá nổi danh là hùng tráng và dũng liệt.

Quân Hoàng Cân nổi dậy, Bá theo Đào Khiêm đánh phá giặc, được bái làm Kỵ đô úy. Rồi thu nhất binh sĩ ở Từ Châu, cùng với bọn Tôn Quan-Ngô Đôn-Doãn Lễ tập hợp quân lính, Bá làm thống lĩnh, đóng binh ở Khai Dương. Thái tổ đi đánh Lã Bố, bọn Bá dẫn binh đến tương trợ Bố. Đến lúc Bố bị bắt, Bá bỏ trốn. Thái tổ cho yết bảng tìm bằng được Bá, lúc gặp mặt rất hài lòng, sai Bá đi chiêu hàng bọn Ngô Đôn-Doãn Lễ-Tôn Quan và anh của Quan là Khang, chúng đều đến chỗ Thái tổ. Thái tổ lấy Bá là Lang Nha tướng, Đôn làm Thái thú Lợi Thành, Lễ làm Thái thú Đông Hoàn, Quan làm Thái thú Bắc Hải, Khang làm Thái thú Thành Dương, cắt hai châu Thanh-Từ, uỷ thác các việc ở đó cho Bá.

Thái tổ tới ở Duyện châu, dùng Từ Hấp-Mao Huy làm tướng. Đến khi Duyện châu có loạn, Hấp-Huy đều làm phản. Về sau Duyện Châu yên định, Hấp-Huy bỏ trốn đến hàng Bá. Thái tổ bảo đến kêu với Lưu Bị⁽³⁴⁾, lại sai người bảo Bá đưa hai kẻ có tội đến. Bá nói với Bị rằng: “Bá này nếu như có thể tự quyết định được, thì đã chẳng phải làm thế này. Bá chịu cái ơn sinh toàn của chủ công, chẳng dám trái mệnh. Nhưng ngài là bậc vương bá có thể trình bày rõ được đạo nghĩa, xin tướng quân hãy giúp cho vài lời.” Bị đem lời của Bá bạch với Thái tổ, Thái tổ than thở, bảo Bá rằng: “Đây là việc làm của cô nhân mà người có thể làm được, Cô tha thứ cho người.” Rồi lại cho cả Hấp và Huy làm Quận thú.

Thời Thái tổ đương cùng Viên Thiệu chống giữ nhau, Bá mấy lần đưa tinh binh xâm nhập Thanh châu, nên Thái tổ được chuyên chú vào việc chống Thiệu, chẳng phải nghĩ đến việc ở phương Đông. Thái tổ phá Viên Đàm ở Nam Bì, bọn Bá họp mặt chúc tụng. Bá nhân đó xin phái con em cùng cha anh chur tướng đưa gia quyến đến huyện Nghiệp. Thái tổ nói: “Lòng trung hiếu của các ông, há cứ phải ở chỗ này! Xưa kia Tiêu Hà phái mười hai đệ tử vào hầi, mà Cao tổ chẳng cự tuyệt, Cảnh Thuần đốt nhà khiêng áo quan đi theo, mà Quang Vũ chẳng đón nhận, ta phải làm gì để người đời ý đây!”

Đông châu nhiễu loạn, bọn Bá tuyển nghĩa binh đánh dẹp, Hải Đại ở Thanh Định, Đại Yên ở Công Mạc, đều được phong là Liệt hầu. Bá được phong làm Đô đình hầu, thêm chức Uy lễ tướng quân. Lại cùng với Vu Cấm đi đánh dẹp Xương Hi, cùng Hạ Hầu Uyên đánh dẹp dư đảng giặc Hoàng Cân ở Từ châu, có công, được thăng chức Thứ sử Từ châu.

Người ở nước Bái là Vũ Chu làm Hạ Bi lệnh, Bá kính trọng Chu khác thường, thân đến tận lệnh xá. Người đứng đầu bộ Tòng sự làm việc không có khuôn phép, Chu biết được lỗi ấy, liền bắt đem ra xét tội, Bá càng quý trọng Chu hơn.

Bá theo đi đánh Tôn Quyền, xông lên phía trước, lại xâm nhập Sào Hồ, tấn công Cư Sào, đánh được. Trương Liêu đi đánh Trần Lan, Bá được biệt phái đến đất Hoán, đánh tướng Ngô là Hàn Đương, khiến Quyền không cứu được Lan. Đương phái binh đón đánh Bá, Bá tham chiến ở Phùng Long, Đương lại phái binh đón đánh Bá ở Giáp Thạch, Bá lại tham chiến phá tan quân ấy. rồi lui về đóng quân ở huyện Thư. Quyền phái mấy vạn quân đến đóng ở Thư hầu, chia binh đi cứu Lan, binh kia nghe tin quân của Bá đang ở huyện Thư, liền trốn về Bá đuổi theo ngay trong đêm, gần sáng, đuổi được hơn trăm dặm, chặn đánh phía trước đang quân giặc. Giặc quần bách, không lên được thuyền, ngã xuống sông rất nhiều. Bởi thế quân giặc không cứu được Lan, Liêu mới phá được bọn ấy.

Bá lại theo đi đánh Tôn Quyền ở Nhu Tu hầu, cùng với Trương Liêu làm tiên phong, lúc hành quân gặp mưa rào, đại quân chưa tiến kịp, nước sông dâng cao, thuyền địch tiến lên được một chút, tướng sĩ đều bất an. Liêu muốn bỏ về, Bá ngăn lại nói: “Công Minh ở Lợi Độn, sao đành lòng bỏ bọn ta được?” Hôm sau quả nhiên có lệnh. Liêu đến, kể việc ấy với Thái tổ. Thái tổ khen ngợi Bá, bái làm Dương uy tướng quân, ban cho Giả

tiết. Về sau Quyên xin hàng, Thái tổ quay về, lưu Bá cùng bọn Hạ Hầu Đôn đóng quân ở Cư Sào.

Văn đế lên tức vương vị, thăng Bá làm Trấn đông tướng quân, tiến tước Vũ An Hương hầu, đô đốc các việc quân sự ở Thanh châu. Đến khi lên ngôi đế, tiến phong Bá làm Khai Dương hầu, lại đổi phong tước Lương Thành hầu. Cùng với Tào Hưu đi đánh giặc Ngô, phá Lã Phạm ở Động Phổ, được vời về làm Chấp kim ngô, ngôi vị Đặc tiến⁽³⁵⁾. Mỗi khi có việc quân, Đế thường hỏi ý Bá.

Ngụy lược chép: Bá có một tên là Nô khấu. Tôn Quan tên là Anh tử. Ngô Đôn là Ẩm nô. Doãn Lễ là Lô nhi⁽³⁶⁾. Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Bá sai một cánh quân đóng ở Lạc huyện. Lúc Thái tổ mất, quân Thanh châu nơi dinh sở của Bá đóng, cho rằng thiên hạ sắp loạn, cùng nhau thúc trống bỏ đi. Văn đế lên tức vị, lấy Tào Hưu làm Đô đốc Thanh-Từ, Bá bảo Hưu rằng: “Quốc gia chưa hề theo lời Bá! Nếu như Bá có vạn quân bộ kỵ, hẳn có thể hoành hành ở Giang Biểu.” Hưu nói lời ấy với Đế, Đế ngờ là quân của Bá trước đây bỏ đi, nay xem chừng đã lớn mạnh mới tỏ ý như thế! Bèn đi tuần thú phía Đông, nhân lúc Bá về triều liền tước đoạt binh quyền của Bá.

Minh đế lên tức vị, tăng thực ấp cho Bá thêm năm trăm hộ, cộng cả lúc trước là ba nghìn năm trăm hộ. Chết, được ban thụy hiệu là Uy hầu. Con là Ngải nối tự.

Ngụy thư chép: Ngải lúc nhỏ được khen là giỏi nhạc lý, làm Hoàng môn lang, từng giữ chức Quận thú.

Ngải làm quan đến chức Thứ sử Thanh châu, Thiếu phủ. Ngải chết, được ban thụy là Cung hầu. Con là Quyên nối tự. Bá trước sau nhiều công lao, có ba người con được phong làm Liệt hầu, một người được ban tước Quan nội hầu.

Một con của Bá là Tuấn, tự Thái Bá, thời nhà Tấn làm Tấn kỵ thường thị, được biết đến ở Bách quan danh thời Vũ đế. Bách quan danh này, chẳng biết ai soạn ra, đều có đề mục, có khen vua Thuấn là “tài đỉnh đều sớ, thức tán thì nghi.*”

Còn Tôn Quan cũng làm quan đến chức Thứ sử Thanh châu, được ban Giả tiết, theo Thái tổ đi đánh Tôn Quyên, khi chiến đấu bị thương, chết. Con là Dục nối tự, cũng làm đến chức Thứ sử Thanh châu.

Ngụy thư chép: Tôn Quan tự Trọng Thai, người quận Thái Sơn. Cùng nổi dậy với Tào Bá, đánh dẹp Hoàng cân, được bái làm Kỵ đô úy. Thái tổ phá Lã Bố, sai Bá đi chiêu hàng anh em Quan, đều được đãi ngộ rất hậu. Quan cùng với Bá đều đi chinh phạt, Quan thường xông lên trước, đi chinh chiến bình định đảng tặc ở Thanh-Từ, công lao cũng như Bá, được phong là Lữ Đô Đình hầu. Tôn

Khang cũng có công được phong làm Liệt hầu. Quan cùng với Thái tổ gặp gỡ ở Nam Bì, rồi đưa con em tới nhập cư ở huyện Nghiệp, Quan được bái làm Thiên tướng quân, lại thăng làm Thứ sử Thanh châu. Theo đi đánh Tôn Quyền ở Nhu Tu khẩu, được ban Giải tiết. Lúc vây đánh Quyền, vì trúng tên, bị thương ở chân trái, cố sức chiến đấu không nghĩ đến vết thương, Thái tổ an ủi nói: “Tướng quân bị thương rất nặng, mà mãnh khí lại càng phấn chấn, chẳng phải là người vì nước yêu thân sao?” Được chuyển làm Chấn uy tướng quân, vết thương quá nặng, sau chết.

[CHÚ THÍCH]

- (1) Tiên Chấn là nguyên soái nước Tấn, ra trận bị giặc bắt, không hàng, giặc cắt lấy đầu; Vương Trục là tướng nước Tề, đi đánh trận, bị giặc bắt, không chịu hàng, đâm cổ tự vẫn. Hai người đều nổi danh, được đời sau ca ngợi.
- (2) Tráng là mạnh mẽ vậy.
- (3) Túc Bàng Hội.
- (4): Phía tây nam huyện Ninh Lăng tỉnh Hà Nam ngày nay.
- (5): Phía tây huyện Tuy tỉnh Hà Nam nay.
- (6): Phía nam huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam nay.
- (7): Huyện Phú Dương tỉnh Triết Giang ngày nay.
- (8): Niên hiệu của Hán Hiến Đế.
- (9): Phía nam huyện Bộc Dương tỉnh Hà Bắc ngày nay.
- (10): Thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay.
- (11): Phía tây bắc huyện Tất Dương tỉnh Hà Nam ngày nay.
- (12) Huyện Tiêu đất Tiếu: Huyện Bạc tỉnh An Huy ngày nay.
- (13) Vi: Đơn vị đo độ dài, một vi bằng độ dài của vòng khép kín khi hai ngón tay trở và ngón tay cái khép vào nhau.
- (14) Phía đông nam huyện Nhữ Nam tỉnh Hà Nam ngày nay.
- (15) Hoài: Phía nam huyện Nam Lăng tỉnh An Huy ngày nay.
- (16) Nhữ: Huyện Nhữ Thành tỉnh Hồ Nam ngày nay.
- (17) Trăn: Phía đông huyện Khai Phong tỉnh Hà Nam, phía bắc huyện Bạc tỉnh An Huy ngày nay.
- (18) Lương: Phía nam huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây ngày nay.
- (19) Phàn Khoái: Danh tướng của Hán Cao Tổ.

- (20) *Quan Độ: Phía đông bắc huyện Trung Mậu tỉnh Hà Nam ngày nay.*
- (21) *Đồng Quan: Phía đông nam huyện Đồng Quan tỉnh Thiểm Tây ngày nay.*
- (22) *Chinh Nam: Tào Nhân được phong Chinh Nam tướng quân.*
- (23) *Thái Hòa: Niên hiệu của Ngụy Minh Đế.*
- (24) *Thái Thủy: Niên hiệu của Tấn Vũ Đế.*
- (25) *Quanh vùng Trường Giang và Nhữ Nam .*
- (26) *Châu mục, quận thú.*
- (27) *Nguyên văn ‘hạ mã bạt lộc giác’, nghĩa đen là xuống ngựa nhổ sừng hươu, tạm luận nghĩa mà dịch.*
- (28) *Tức Hứa Xương và đất thuộc nước Thái thời chư hầu nhà Chu .*
- (29) *Con được thừa kế nối theo tước của cha.*
- (30) *Không biết là những người nào?*
- (31) *Cũng không biết là ai?*
- (32) *Là Văn Sính truyện do Trần Thọ chép.*
- (33) *Chức hầu không gắn liền với địa danh.*
- (34) *Khi ấy Lưu Bị đang nương nhờ Tào Tháo.*
- (35) *Đây không phải là một chức quan chính thức, chỉ phong cho những người có địa vị đặc biệt, ở trong triều chỉ dưới ngôi Tam công.*
- (36) *Không biết đoạn mà Ngụy lược chép tên mấy người ấy nên cắt nghĩa thế nào, đành tạm hiểu như đây là những biệt danh mà người đương thời đặt cho bốn người ấy, là quân kẻ cướp, là thằng nhãi, là gã mặt đen, là thằng bé đen đúa. Có lẽ là đặt tên theo dáng vóc, nét mặt, hàm ý chê bai.*

QUYỂN 19 - NHÂM THÀNH TRẦN TIÊU VƯƠNG TRUYỆN

Tào Chương, Tào Thực, Tào Hùng

TRUYỆN NHÂM THÀNH UY VƯƠNG TÀO CHƯƠNG

Nhâm Thành Uy Vương là Chương, tự Tử Văn. Thừa trẻ giỏi cưỡi ngựa bắn tên, sức khỏe hơn người, tự tay bắt thú dữ, không ngại hiểm trở. Nhiều lần theo đi đánh dẹp, ý chí khảng khái. Thái Tổ từng ngoảnh bảo rằng: “Mi không lo đọc sách theo đạo hóa, mà lại cưỡi ngựa trận đánh kiếm, đấy chỉ là cái việc của một tên lính, sao đủ để tôn quý”! Bất Chương đọc Thi, Thư, Chương bảo tả hữu rằng: “Trượng phu phải như Vệ, Hoắc⁽¹⁾, đem mười vạn quân kị rong ruổi trên sa mạc, đuổi rợ Nhung, Địch, lập công dựng tiếng vậy, sao chỉ làm kẻ đọc sách thôi”? Thái Tổ từng hỏi đi đâu mà các con thích làm, sai đâu nói rõ chí của mình, Chương nói: “Thích làm tướng”. Thái Tổ nói: “Làm tướng thế nào”? Đáp rằng: “Mặc giáp càn giáo, gặp nạn không lùi, đi đâu quân sĩ, thưởng tất theo, phạt tất tin”. Thái Tổ cười rộ. Năm Kiến An thứ hai mươi một, phong Yên Lăng Hầu.

Năm thứ hai mươi ba, người Ô Hoàn ở Đại Quận làm phản, lấy Chương làm Bắc trung lang tướng, làm Kiêu kị Tướng quân. Sắp đi, Thái Tổ răn Chương nói: “Ở nhà là cha con, nhận việc là vua tôi, làm việc vâng theo phép tắc, người phải răn giới lấy”! Chương lên đánh miền bắc, vào đất Trác Quận, rợ Hồ phản đem mấy nghìn quân kị vừa đến. Bấy giờ quân mã chưa tụ xong, chỉ mới có nhìn quân bộ, mấy trăm quân kị, bèn dùng kế của Diên Dự, cố giữ chỗ yếu hại, giặc lại tan chạy. Chương đuổi theo, tự thân xông đánh, bắn quân kị của rợ Hồ, hễ căng dây cung là kẻ đó ngã xuống, trước sau chông lên nhau. Đánh hơn nửa ngày, trên áo giáp của Chương cắm mấy mũi tên, ý chí thêm hăng, nhân thắng mà đuổi về phía bắc, đến ở huyện Tang Can,

Thần là Tùng Chi xét: Huyện Tang Can thuộc Đại Quận.

nay giặc bắc đã chiếm được, gọi là đô thành Tác Can. cách Đại Quận hơn hai trăm dặm. Các tướng, quan Trưởng sử đều cho rằng vừa vào phương xa, quân mã mệt mỏi, lại vâng phép lệnh, không được đi quá Đại Quận, không nên vào sâu, trái lệnh khinh địch, Chương nói: “Dem quân đi

đánh, có lợi ở trước, sao phải theo phép lệnh? Vả lại rợ Hồ chạy chưa xa, đuổi theo chắc phá được chúng. Nếu đuổi tha cho địch thì không phải là tướng giỏi vậy”. Rồi lên ngựa, lệnh trong quân rằng: “Kẻ nào chậm sẽ chém”. Một ngày một đêm đuổi kịp giặc, đánh phá được chúng, chém đầu bắt sống đến mấy vạn người. Chương bèn ban thưởng lớn cho tướng sĩ, tướng sĩ không ai không vui mừng. Bấy giờ đại súy của người Tiên Ti là Kha Ti Năng đem mấy vạn quân kị đứng xem yếu mạnh, thấy Chương gắng đánh, đến đâu phá đó, bèn xin hàng phục. Phương bắc đều bình. Bấy giờ Thái Tổ ở tại Trường An, gọi Chương đi về đến ở đấy. Chương từ Đại Quận qua đất Nghiệp, Thái tử⁽²⁾ bảo Chương rằng: “Khanh mới lập công, nay đến phía tây gặp cha, nên đừng cho là mình tự lập công, đối đáp như là không đủ vậy”. Chương đến, theo lời Thái tử, kể công cho các tướng. Thái Tổ mừng, cầm râu của Chương nói: “Thằng râu vàng mới lạ làm sao”!

Nguy lược chép: Thái Tổ ở tại Hán Trung, lúc ấy Lưu Bị đóng quân ở trên núi, sai Lưu Phong xuống dụ đánh. Thái Tổ mắng rằng: “Thằng con nhà bán dế kia lại sai thằng con nuôi chống ông hấn chằng⁽³⁾! Đợi ta gọi thằng râu vàng đến, sai đánh chúng”. Bèn gọi Chương. Chương ngày đêm đi đường, sang phía tây đến Trường An nhưng Thái Tổ đã rút, lại từ Hán Trung mà về. Râu của Chương màu vàng, cho nên gọi như thế.

Thái Tổ về miền đông, lấy Chương làm Việt kị Tướng quân, ở lại Trường An. Thái Tổ đến Lạc Dương, bị bệnh, sai người gọi Chương, chưa đến, Thái Tổ băng.

Nguy lược chép: Chương đến, bảo Lâm Truy Hâu là Thực rằng: “Tiên vương gọi ta đến, muốn lập mi vậy”. Thực nói: “Không phải. Không thấy gương anh em họ Viên⁽⁴⁾ sao”!

Văn Đế lên ngôi Vương, Chương cùng chư hầu đến nước.

Nguy lược chép: Thái tử nối lập, đã táng⁽⁵⁾, sai Chương đến nước. Lúc đầu, Chương tự cho là được Tiên vương dùng có công, do đó bèn mong được trao dùng, nhưng nghe tin sắp bị phân phong, ý rất không vui, không đợi lệnh mà đi trước. Bấy giờ vì huyện Yên Lăng cần cõi, sai trị ở Trung Mâu. Lúc Văn Đế nhận ngôi, nhân đó phong làm Trung Mâu Vương. Sau đó xe lớn đến Hứa Xương, chư hầu lớn nhỏ ở miền bắc đều sợ oai nghiêm của Chương, hễ qua Trung Mâu, không dám không đi nhanh.

Hạ chiếu nói: “Đạo lí của Tiên vương là ban thưởng cho người thân, cùng phong lập anh em, mở nước lập nhà, do đó mới sinh sôi dòng dõi, ngăn nạn ngựa họa. Lúc trước Chương vâng mệnh đánh phía bắc, dẹp yên

miền Sóc Phương⁽⁶⁾, công lao to lớn. Tăng ấp năm nghìn hộ, cùng một vạn hộ trước đây”. Năm Hoàng Sơ thứ hai, phong tước Công. Năm thứ ba, lập làm Nhâm Thành Vương. Năm thứ tư, chầu ở kinh đô, mắc bệnh hoǎng ở nhà nghỉ, tặng thụy là Uy.

Nguy thị Xuân thu chép: Lúc trước, Chương hỏi ẩn thao, muốn có chí khác, cho nên đến châu mà không vào gặp ngay. Chương oán giận mà hoǎng.

Lúc táng, ban cho xe loan, cờ r ờng⁽⁷⁾, năm trăm lính hồ bôn đi tiễn, như việc cũ của Đông Bình Vương của nhà Hán⁽⁸⁾. Con là Khải, chuyển phong ở Trung Mâu. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Nhâm Thành. Năm Thái Hòa thứ sáu, lại đổi phong ở nước Nhâm Thành, ăn lộc hai nghìn năm trăm hộ của năm huyện. Năm Thanh Long thứ ba, Khải mắc tội sai riêng quan thuộc đến chỗ quan Trung thượng phương⁽⁹⁾ làm đồ vật cấm, trừ lộc hai nghìn hộ. Năm Chính Thủy thứ bảy, đổi phong ở huyện Tế Nam, lộc ba nghìn hộ. Đầu năm Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, liên tiếp tăng ấp, cả thảy bốn nghìn bốn trăm hộ.

Đầu năm Thái Thủy, Khải làm Sùng hóa Thiếu phủ, xem ở Bách quan danh chí.

TRUYỆN TRẦN TƯ VƯƠNG TÀO THỰC - TÀO HÙNG

Trần Tư Vương là Thực, tự Tử Kiến. Năm hơn mười tuổi thuộc lầu kinh Thi, Luận ngữ và biết làm phú có mấy chục vạn chữ, giỏi viết văn. Thái Tổ từng xem lời văn của Thực, bảo Thực rằng: “Mi mượn người khác viết giúp chẳng”? Thực quỳ gối nói: “Nói ra nên luận, bút hạ thành văn, cúi mặt xét xem, sao lại người giúp”? Bấy giờ đài Đồng Tước ở đất Nghiệp vừa dựng xong, Thái Tổ đem hết các con lên đài, đều sai làm phú. Thực cần bút viết xong, đáng xem, Thái Tổ rất khen lạ.

Ngụy kĩ của Âm Đàm chép bài phú của Thực rằng:

*“Theo cha hiền mà vui chơi chừ,
Lên đài lâu thỏa lòng vui.
Xem cảnh rộng mở phủ lớn chừ,
Là đài mà đức thánh tạo.
Dựng lập cửa cao chót vót chừ,
Hai cửa cổng chọc trời xanh.
Đứng giữa trời nhìn cảnh đẹp chừ,
Gác cao nổi lên cõi tây.
Xem nước sông Chương chảy dài chừ,
Rót qua vườn quả ngọt ngào.
Đón gió xuân thổi mát rượi chừ,
Nghe chim hót tiếng bi thương.
Mây trời vãn vũ quanh ta chừ,
Lòng ta muốn đã đạt được.
Nêu nhân hóa khắp vũ trụ chừ,
Kính sự hết thủy cung kính.
Nghĩ Hoàn, Văn ⁽¹⁰⁾ dựng thời thịnh chừ,
Há bằng bậc thánh minh này!
Tốt thay! Đẹp thay!
Ân trạch truyền xa.
Mong giúp nhà vua ta chừ,*

*Đẹp yên bốn cõi.
Cùng quy luật của trời đất chừ,
Sáng như mặt trời mặt trăng.
Mãi tôn quý mà chẳng hết chừ,
Tuổi thọ sánh với đông vương⁽¹¹⁾” ...
Thái Tổ rất khen lạ.*

Tính giản dị, không trọng uy nghi. Không ưa xe ngựa áo quần hoa lệ. Hễ được gọi đến hỏi han, ứng lời mà đối đáp, do đó rất được sủng ái. Năm Kiến An thứ mười sáu, phong Bình Nguyên Hầu. Năm thứ mười chín, chuyển phong Lâm Truy Hầu. Thái Tổ đánh Tôn Quyên, sai Thục ở lại giữ đất Nghiệp, răn Thục rằng: “Ngày xưa ta làm Đốn Khâu Lệnh, vừa hai mươi ba tuổi. Nghĩ việc mà ta làm thời ấy, đến nay chẳng có gì hối tiếc. Ngày nay mi cũng hai mươi ba tuổi rồi, không nên gắng sức ư”! Thục đã có tài mà được đãi sủng, lại có bọn Đinh Nghi, Đinh Dục, Dương Tu giúp làm vây cánh. Thái Tổ do dự, mấy lần muốn lập làm Thái tử. Nhưng Thục theo tính mình mà làm, không tự gắng sức, uống rượu không giảm. Văn Đế dùng thuật để ngăn chế Thục, tự nắn sửa mình, do đó người trong cung giúp đỡ, đều rất vừa lòng, bèn được định lập làm người nối tự. Năm thứ hai mươi hai, ban thêm thực ấp năm nghìn hộ, cả thực ấp lúc trước là vạn hộ. Thục từng ngửa xe đi giữa đường, mở cửa Tư Mã mà ra, Thái Tổ cả giận⁽¹²⁾, quan Công xa lệnh bị xét tội chết, do đó càng thêm ngăn cấm chư hầu, rồi ngày càng ít sủng ái Thục.

Nguy Vũ cố sự chép lệnh rằng: “Lúc trước ta bảo rằng: “Trong các người con thì Tử Kiến là người cuối cùng có thể nắm việc lớn”. Lại lệnh rằng: “Từ khi Lâm Truy Hầu là Thục đi riêng ra, mở cửa Tư Mã đến cửa Kim Môn, khiến cho ta có con mắt khác nhìn về người con này vậy”. Lại lệnh rằng: “Quan trưởng sử và người dưới trưởng của chư hầu có biết ra chọn lập chư hầu là có ý gì không? Từ khi Tử Kiến đi riêng mở cửa Tư Mã mà ra, ta chẳng còn tin cậy vào chư hầu nữa. E rằng ta nuông chiều thì chư hầu lại tự ý làm riêng, cho nên sửa nắn vậy. Đấy chẳng phải là khiến cho các người mãi làm tim bụng của ta sao”!

Thái Tổ đã suy nghĩ đến sự biến trước sau, thấy Dương Tu có vẻ tài lược, lại là cháu ngoại của họ Viên, do đó kể tội mà giết Tu. Trong lòng Thục càng không tự yên.

Diễn lược chép: Dương Tu tự Đức Tổ, là con của Thái úy Bưu⁽¹³⁾ vậy. Tính khiêm nhường mà tài rộng. Giữa năm Kiến An, cử Hiếu liêm, bái làm Lang trung, Thừa tướng⁽¹⁴⁾ cử làm Thương tào thuộc Chủ bạ. Bấy giờ, nhiều việc

quân trong nước, Tu biết cả trong ngoài, làm đều vừa ý, từ Thái tử của nhà Ngụy trở xuống đều tranh nhau giao du. Lại bấy giờ Lâm Truy Hâu là Thực vì tài lớn mà được sủng ái, cũng có ý dựa vào Tu, nhiều lần gửi thư cho Tu, thư rằng: “Nhiều ngày không gặp, nhớ ngài mà khổ sở; chỉ muốn cùng gặp vậy. Kẻ hèn này thừa trẻ đã ưa thơ phú, trải đến đến nay đã hai mươi lăm năm rồi, nhưng người viết thơ phú đời nay gọi là có ít ỏi vậy. Ngày xưa Trọng Tuyên bước riêng ở miền nam sông Hán, Khổng Chương dương cánh ở miền bắc sông Hà, Vĩ Trưởng nổi danh ở miền Thanh Châu, Công Cán lấy lòng ở miền bờ biển, Đức Liên phát tích ở đất Đại Ngụy, tức hạ ngạo nghệ ở miền kinh sư⁽¹⁵⁾. Vào thời bấy giờ, người người cho là nắm ngọc châu của rắn thần⁽¹⁶⁾, nhà nhà cho là ôm ngọc đẹp ở núi Kinh⁽¹⁷⁾ vậy. Do đó bậc Vương ta bày lưới trời để bắt lấy, trùm tám sọt để chụp thu, đến nay đã thu cả về nước ta rồi. Như mấy người kia, vẫn chưa thể bay cao hút gót, một bước nghìn dặm vậy. Như cái tài của Khổng Chương, chẳng giỏi thơ phú, vậy mà nhiều lần tự cho là giống phong cách của Tư Mã Trường Khanh⁽¹⁸⁾ ví như vẽ hổ không thành lại vẽ thành chó vậy. Lúc trước ta gửi thư giễu cợt hần, nhưng hần gửi thư đáp lại cho rằng kẻ hèn này khen ngợi lời văn của hần. Như việc Chung Kỳ không nghe tâm tiếng đàn⁽¹⁹⁾, đến nay vẫn được khen. Ta cũng không dám khen ngợi bừa bãi, vì sợ người đời sau chê cười ta vậy. Nếu người đời bàn tán thì không thể không nghĩ. Kẻ hèn này thường ưa người khác bàn xét lời văn của mình; có kẻ cho là không hay thì liền sửa đổi. Ngày xưa Đinh Kính Lễ từng làm bài văn nhỏ, muốn kẻ hèn này sửa chữa, kẻ hèn này tự thấy tài năng không hơn được người ta, cho nên từ chối không sửa. Kính Lễ nói: ‘Ngài có chỗ nghi ngờ chẳng! Ý hay đẹp của bài văn, ta tự biết được, người đời sau có ai biết được lời văn của ta sao?’ Ta thường khen lời nói đúng ấy, lại cho là lời bàn hay đẹp. Ngày xưa lời văn của Ni Phủ⁽²⁰⁾ được người đời sửa chữa; đến như kinh Xuân thu thì bọn Du, Hạ⁽²¹⁾ không sửa một chữ. Xem thế mà nói là không có lỗi lầm, đây là điều mà ta chưa thấy qua vậy. Có vẻ đẹp của Nam Uy⁽²²⁾, mới biết bàn luận về người đẹp; có cái sắc của kiếm Long uyên⁽²³⁾ mới bàn được về chặt chém. Cái tài của Lưu Quý Tự không theo kịp những người kia nhưng lại ưa ngâm viết văn chương, suy xét đúng sai. Ngày xưa Điền Ba⁽²⁴⁾ chê cười Ngũ Đế, kẻ tội Tam Vương, mả mai Ngũ Bá ở ấp Tắc Hạ, một sớm mà khiến cho nghìn người chịu phục, nhưng Lỗ Liên⁽²⁵⁾ nói một lời mà khiến cho Điền Ba rút thân ngâm miệng. Lời lẽ của Lưu Quý Tự không bằng Điền Ba. Lỗ Trọng Liên của ngày nay cũng chẳng khó tìm, đáng không than thở sao! Người ta đều có điều mà mình ưa thích, mùi thơm của hoa lan chỉ tôn huệ là thứ mà người đời thích, nhưng lại có người đuổi theo người có mùi hôi; các bài hát Hàm trì, Lục anh⁽²⁶⁾ mà bài hát mà mọi người thích, nhưng Mặc Địch lại có bài luận biết không thích những bài hát ấy; há cùng

giống nhau! Xưa nay thơ phú mà kẻ hèn này thừa trẻ viết nên đều cho người khác đọc qua. Trong nhà ngoài phố bàn tán, tất có chỗ đáng xem. Như bài hát của kẻ đánh xe cũng có lời hay đẹp, lời văn của kẻ thất phu cũng không dễ mà coi thường vậy. Thơ phú của ta ít nói đạo lý, cho nên không đủ để nêu cao nghĩa lớn, soi sáng đời sau vậy. Ngày xưa Dương Tử Vân⁽²⁷⁾ chỉ là bày tôi cầm kích của thời trước mà vẫn nói rằng: ‘Người lớn không làm việc ấy’. Ta dẫu đức mỏng, chỉ làm phiên thân, vẫn mong được gắng sức giúp nhà nước, ban ân cho dân, lập nghiệp cho muôn đời, truyền lại công vàng đá, há chỉ theo công nghiệp bút nghiên, lấy việc viết văn để làm người quân tử sao? Nếu chí ta không thành, đạo ta chẳng lập, cũng muốn chọn chép lời văn của quan lại, biện luận cái được cái mất của phong tục thời nay, tỏ nỗi lòng nhân nghĩa, lập thành học thuyết của một nhà, dẫu không cất giữ được ở trong núi cao thì cũng trao cho người cùng yêu thích, bàn luận đến khi đầu bạc, há chỉ bàn luận ở thời nay sao! Ta nói lời này ra chẳng then, mong ngài hiểu cho ta vậy. Sáng mai gặp nhau, trong thư chẳng tỏ hết nỗi lòng”. Tu đáp rằng: “Không hầu mấy ngày mà dài tựa mấy năm, há chỉ chịu nhận ân trạch thăm hỏi, khiến cho ta ngưỡng mộ tình sâu mà thôi đâu! Kẻ hèn này xin nói rõ ý mình, như việc ngâm đọc ngược xuôi, dẫu bàn về Nhã, Tung⁽²⁸⁾ cũng không hơn được ngài vậy. Như bọn Trọng Tuyên vang danh ở miền Giang Biểu, họ Trần rong ruổi ở miền Kí Châu, Từ, Lưu nổi rõ ở miền Thanh, Dự, Ứng Sinh phát tích ở nước Ngụy, họ đều đứng như thế. Còn như Tu đây, chỉ được nghe qua, đức hạnh không rõ, mắt chỉ liếc xem qua văn truyện, sao dám ngao nghể mà nhìn người ta? Cúi nghĩ quân hầu thừa trẻ lớn lên trong nhà quyền quý, là thân thể của Đán, Phát⁽²⁹⁾, có cái giáo hóa thánh thiện. Người gần xa trông xem kẻ hèn này đều cho là có thể nêu cao đức lành, chiếu rõ nghiệp lớn mà thôi, không cho là xem qua kinh truyện, chú ý ở văn chương vậy. Nay lại nhận được thư bày kể của ngài, chỉ mới đọc qua mà khiến cho người xem giật mình mà dụi mắt, người nghe cúi đầu mà vĩnh tai; nếu không phải là người thông thái rộng rãi, vâng theo tự nhiên thì ai có thể nói lên được những lời như thế? Lại từng tự mình nắm việc cầm bút giữ sách, có chỗ chép soạn, thành thạo ý nghĩa trong lòng, múa tay là thành văn, lại thêm không vì thế mà ít chăm chú suy nghĩ. Trọng Ni như mặt trời mặt trăng, không ai hơn được vậy. Tu ngưỡng mộ ngài gần như cũng thế. Cho nên đôi đáp mà từ chối, làm bài Thử phú qua ngày mà không dâng lên, là vì thấy vẻ đẹp của Tây Thi lại then cho vẻ mặt của mình vậy. Cúi nghĩ kẻ hèn này làm việc không biết lẽ đúng đắn, then thùng cúi nhận ban tặng, chỉ bày giúp sửa nắn thôi. Kinh Xuân thu viết xong, chẳng ai tăng giảm, còn như sách Lễ thị Xuân thu, Hoài Nam Tử, mỗi chữ đáng nghìn vàng, nhưng vẫn bị người đời truyền ngoa, người ngoài chợ cùng nắm tay sửa lại, đấy là vì bậc thánh hiền nổi bật, cho nên khác hẳn với kẻ tầm thường vậy. Các thơ phú của thời nay và thơ phú của thời xưa không ai bằng Khổng Tử, nhưng phong cách không khác vậy. Tu như Tử Vân, già không hiểu

việc, chỉ chép một sách, vẫn tiếc vì ít viết. Như thế, bọn Trọng Sơn, Chu Đán⁽³⁰⁾ đều có lỗi lầm sao! Quân hầu quên gương sáng của bậc thánh hiền, nói ra lời sai của kẻ tầm thường, kẻ hèn này trộm cho là chưa sâu xa vậy. Nếu là không quên cái nghĩa lớn giúp nước, truyền tiếng tăm với nghìn năm, khắc công lên chuông khánh, ghi tên vào tre lụa, đây là do tính nhả nhận bao chứa vậy, há ngăn cản với văn chương được sao? Kẻ hèn này nhận được ân trạch của ngài, chỉ mong đuổi mù ngâm đọc được thơ phú mà thôi. Dám quên ban ân mà nhục Trang Tử! Còn như Quý Tự nhỏ nhất, sao đáng nói tới”. Họ qua lại với nhau, rất nhiều lần như thế. Sau đó Thực vì phóng túng mà bị ruồng bỏ, nhưng Thực vẫn không ngừng giao kết với Tu, Tu cũng không dám tự dứt. Đến mùa thu năm thứ hai mươi tư, Tào Công vì Tu trước sau nói lời tiết lộ, giao kết chur hầu, bèn bắt giết Tu. Tu sắp chết, bảo người quen cũ rằng: “Ta bị bắt giết vẫn còn muộn vậy”. Ý nói cho là bị tội vì giao kết với Tào Thực vậy. Sau khi Tu chết trăm ngày thì Thái Tổ hoảng, lập Thái tử, bèn có thiên hạ. Lúc trước, Tu lấy thanh kiếm của Vương Bưu dâng cho Thái tử, Thái tử thường đeo kiếm ấy. Đến lúc lên ngôi cao, ở tại Lạc Dương, ung dung ra khỏi cung, xét nghĩ Tu mắc lỗi nhỏ, vượt kiếm ấy, ngừng xe ngoảnh bảo tả hữu nói: “Đây là thanh kiếm mà ngày xưa Dương Đức Tổ lấy của Vương Bưu vậy. Ngày nay Bưu ở đâu”? Liền gọi Bưu đến gặp, ban lúa gấm cho Bưu.

Văn chương chí của Chí Ngu chép: Tên của Lưu Quý Tự là Tu, là con của Lưu Biểu, làm đến Đông An Thái thú. Viết thơ, phú, tụng có sáu thiên.

Thần là Tùng Chi xét: Lữ thị Xuân thu chép: “Có người có mùi hôi, anh em vợ con của người ấy đều chẳng ai ở cùng, người ấy tự khổ sở mà đến ở trên bờ sông. Người trên bờ sông thích lại thích mùi hôi ấy, ngày đêm đi theo người ấy mà không rời được”. Đây là lời Thực nói: “Đuổi theo người có mùi hôi” vậy. Việc về Điền Ba chép trong Lỗ Liên Tử, cũng thấy ở Hoàng lã, lời văn nhiều cho nên không chép ra đây.

Thế ngữ chép: Vào năm Tu hai mươi lăm tuổi, vì là nhà quyền quý lại có tài năng cho nên được Thái Tổ coi trọng, cùng anh em Đình Nghi đều muốn giúp Thực làm người nối tự. Thái tử lo lắng, lấy xe chở cái rương hồng chuyển đến mưu tính với Triều Ca Trưởng là Ngô Chât. Tu đem việc ấy bẩm lên Thái Tổ, chưa kịp xét hỏi. Thái tử sợ, báo cho Chât, Chât nói: “Lo gì? Ngày sau lại đem rương đặt trong xe kéo đi để khiến cho hấn nghi hoặc, Tu tất thêm bẩm lên, bẩm lên tất suy nghĩ, nếu xét không đúng thì bên ấy bị trách tội vậy”. Thái tử nghe theo, quả nhiên Tu bẩm lên, nhưng không có người trên xe, do đó Thái Tổ nghi ngờ Tu. Tu với Giả Quỳ, Vương Lăng cùng làm Chủ bạ, lại được Thực kết bạn. Hễ sắp đến gặp Thực, lo việc có lỗi, xét nghĩ ý của Thái Tổ, làm sẵn bài văn dạy đáp có hơn mười điều để khuyên kẻ dưới, dạy xong thì đối đáp. Lời dạy chép xong, lời đáp đã vào, Thái Tổ thấy lạ cái nhanh nhẹn ấy, xét hỏi bắt tiết lộ. Thái Tổ sai Thái tử và Thực đều qua một cửa ở thành Nghiệp, nhưng ngầm hạ lệnh

không cho ai được qua cửa để xem việc mà Tu làm. Thế tử đến cửa thành, không ra được mà về. Tu khuyên Thực trước rằng: “Nếu quân hầu không ra qua cửa thành thì quân hầu được nhân ngôi vua, nên chém tướng giữ thành”. Thực nghe theo. Cho nên Tu bèn bị kẻ tội giao kết mà ban chết. Con Tu là Hiêu, con Hiêu là Hoài, đều nổi danh vào thời nhà Tấn. Hiêu vào đầu năm Thái Thủy làm Điện quân Tướng quân, dộc lòng dạ làm việc, chết sớm. Hoài tự Thủy Khâu, cuối thời Huệ Đế làm Kế Châu Thứ sử.

Kế Châu kế của Tuân Xước chép: Hoài thấy phép vua chẳng sửa, bèn buông thả uống rượu, không chú ý làm việc quan, vui chơi qua ngày mà thôi. Thành Đô Vương biết Hoài không sửa mình, nhưng vẫn cho rằng Hoài là kẻ sĩ giỏi, tiếc mà không trách, gọi đến làm Quân mưu Tế tửu. Rồi phủ về nhà, chưa lâu liền Quan Đông bàn nghị muốn lấy Hoài sửa năm các việc để tỏ ý chuộng đức kính hiền. Việc chưa làm được thì chết. Con Hoài là Kiêu, tự Quốc Ngạn, Mao tự Sĩ Ngạn, đều là kẻ anh hào đời sau. Hoài thân thiện với Bùi Ngôi, Nhạc Quảng, sai Hoài đến gặp họ. Tính Ngôi thẳng thắn, thích phong thái cao thượng của Kiêu, bảo Hoài rằng: “Kiêu tất làm đến công khanh, còn Mao lại kém hơn vậy”. Tính Quảng trong sạch, ưa cái tính tiết kiệm của Mao, bảo Hoài rằng: “Kiêu tự làm đến công khanh, nhưng Mao tinh thông hơn”. Hoài than rằng: “Cái hay đẹp của hai con ta là cái hay đẹp của Bùi, Nhạc vậy”. Người bình cho rằng Kiêu dẫu là cao thượng nhưng tiết kiệm không bằng Mao, nói rộng là thế. Phó Sướng nói: “Kiêu giống Hoài mà thô sơ”. Em Kiêu là Tuấn, tự Huệ Ngạn, trong sạch hơn cả. Kiêu, Mao đều làm quan có bổng hai nghìn thạch. Tuấn làm Thái phó duyện.

Năm thứ hai mươi tư, Tào Nhân bị Quan Vũ vây, Thái Tổ lấy Thực làm Nam trung lang tướng, giữ chức Chinh lỗ Tướng quân, muốn sai đến cứu Nhân, gọi đến để răn bảo. Thực say rượu không vâng lệnh được, do đó hối hận mà bãi chức.

Ngụy thị Xuân thu chép: Thực sắp đi, Thái tử mời Thực ăn uống, ép cho Thực say rượu. Ngụy Vương gọi Thực, Thực không tự nhận được mệnh lệnh, cho nên Ngụy Vương giận Thực vậy.

Văn Đế lên ngôi Vương, giết Đinh Nghi, Đinh Dục và con trai của họ.

Ngụy lược chép: Đinh Nghi tự Chính Lễ, người quận Bái. Cha là Xung, vốn thân thiện với Thái Tổ, bấy giờ thường cùng ngồi xe đi theo. Thấy nhà nước chưa định, bèn gửi thư cho Thái Tổ rằng: “Thửa trước túc hạ thường bảo rằng mình có chí giúp nước, ngày nay là lúc giúp rồi”. Bấy giờ Trương Dương vừa về quận Hà Nội, Thái Tổ nhận được thư ấy, bèn dẫn quân đón Thiên tử đi về phía đông đến đất Hứa, lấy Xung làm Tư lệ Hiệu úy. Sau đó mấy lần qua chỗ các tướng ăn uống, uống rượu ngon chẳng nghĩ, chấy ruột mà chết. Thái Tổ thấy Xung lúc trước khuyên bảo mình, thường khen đức của Xung. Nghe nói Nghi là kẻ sĩ có tài, dẫu chưa gặp nhưng muốn gả con gái yêu cho Nghi, đem việc hỏi

Ngũ quan tướng. Ngũ quan tướng nói: “Vẻ mặt của con gái xinh đẹp mà mắt của Nghi lại xấu xí, chỉ e con gái yêu không vừa lòng vậy. Thân cho rằng không bằng gả cho con của Phục ba Tướng quân⁽³¹⁾ là Mậu”. Thái Tổ nghe theo. Rồi gọi Nghi làm Duyệt thuộc, đến cùng bàn luận, khen tài năng của Nghi, nói: “Đình Duyệt thuộc là kẻ sĩ giỏi vậy, nếu đúng hai mắt của người ấy mù lòa thì ta vẫn gả con gái cho, huống cho chỉ là chột? Là con ta làm ta lâm rồi”. Bấy giờ Nghi cũng hận vì không được lấy công chúa, liền thân thiện với Lâm Truy Hâu, nhiều lần khen tài lạ của Lâm Truy Hâu. Thái Tổ đã có ý muốn lập Thực, mà Nghi lại cùng khen ngợi Thực. Đến lúc Thái tử lập, muốn trị tội Nghi, chuyển Nghi làm Hữu thích gian duyệt, muốn Nghi tự xét tội mình mà Nghi không làm được, bèn gặp Trung lĩnh quân Hạ Hâu Thượng cúi đầu xin giúp, Thượng khóc lóc mà chẳng giúp được. Sau đó bèn nhân có việc khác mà bắt vào ngục, giết Nghi. Dực tự Kính Lễ, là em của Nghi vậy. Văn sĩ truyện chép: Thừa trử Dực có tài năng, học rộng biết nhiều. Lúc trước được mời đến phủ công, giữa năm Kiến An làm Hoàng môn Thị lang. Dực từng ung dung bảo Thái Tổ rằng: “Lâm Truy Hâu bản tính nhân hiếu, rộng rãi tự nhiên, lại thông minh hiểu biết, chẳng ai kịp bằng. Lại còn học rộng sâu xa, văn chương hơn người, là bậc quân tử hiền tài thời nay, không kể già trẻ đều muốn giao du với ngài và vì ngài mà chết, thật là người mà trời trao phúc nhà Đại Ngụy, khiến cho bổng lộc giữ mãi không hết vậy”. Muốn để khuyên bảo Thái Tổ. Thái Tổ đáp nói: “Thực là người ta thích, há đợi khanh nói ra? Ta muốn lập hẳn làm người nối tự, thế nào”? Dực nói: “Việc này là nguyên nhân khiến cho nhà nước hưng suy, là nguyên nhân khiến cho thiên hạ còn mất, là việc mà kẻ ngu hèn này không dám bàn đến. Dực nghe nói biết tôi chẳng ai bằng vua; biết con chẳng ai bằng cha. Đến như vua không kể sáng tối, cha không kể hiền ngu, lại thường biết được tôi, con của mình chẳng? Có lẽ là do biết được không chỉ một việc một vật, biết hết không phải chỉ một sớm một tối. Huống chi mình công thử ngài mà dùng lời của bậc thánh, tin ngài mà trao việc của người con. Ngày nay nêu rõ lệnh sáng suốt, nói lời tốt lành, có thể nói là trên ứng mệnh trời, dưới hợp lòng người, được việc ở chốc lát, trải qua đến muôn đời vậy. Dực không e bị chết bởi rìu búa, dám nói hết lời”. Thái Tổ khen lời ấy.

Thực và chư hầu cùng đến nước. Năm Hoàng Sơ thứ hai, Giám quốc yết giả là Quán Quân xin đến gặp, về tấu rằng: “Thực say rượu khinh mạn, đánh hiếp sứ giả”. Quan coi việc xin trị tội ấy, Đế vì Thái hậu can ngăn, bèn giáng phong làm An Hương Hầu. Ngụy thư chép chiếu rằng: “Thực là em cùng mẹ của trẫm. Trẫm đối với thiên hạ không chỗ nào không bao bọc, huống chi là Thực? Nể tình cốt nhục, tha mà không giết, đổi phong cho Thực”. Năm đó đổi phong làm Quyên Thành Hầu. Năm thứ ba, lập làm Quyên Thành Vương, thực ấp hai nghìn năm trăm hộ.

Năm thứ tư, chuyển phong làm Ung Khâu Vương. Năm đó, chầu ở kinh sư.

Năm thứ sáu, Đế đánh miền đông, trở về qua Ung Khâu, đến cung của Thực, ban thêm năm trăm hộ.

Năm Thái Hòa thứ nhất, chuyển phong làm Tuân Nghi Vương. Năm thứ hai, lại về Ung Khâu.

Năm thứ ba, chuyển phong làm Đông A Vương. Mùa đông năm đó, hạ chiếu sai các Vương hẹn đến chầu vào tháng giêng năm thứ sáu. Tháng hai năm đó, lấy bốn huyện của quận Trần phong Thực làm Trần Vương, thực ấp ba nghìn năm trăm hộ. Thực thường muốn được gọi đến bàn luận chính trị thời ấy, mong cầu dùng thử, nhưng cuối cùng chẳng được. Đã về buồn bã tuyệt vọng. Theo phép chế thời ấy, đối đãi với nước phiên đã ép bức, lại nữa bọn quan thuộc đều là kẻ buôn bán kém tài, chỉ cấp cho quân sĩ già yếu, lớn cũng chẳng hơn hai trăm người. Lại vì Thực lúc trước có lỗi, các việc đều bị cắt giảm, trong khoảng mười một năm mà ba lần chuyển phong, thường lo lắng không vui, bèn phát bệnh chết, bấy giờ bốn mươi một tuổi.

Thực thường gảy đàn ca hát, có lời rằng:

“Than ôi thân phiêu dạt,

Ở đời sao cô độc!

Rời xa nơi gốc gác,

Ngày đêm chẳng thành thoi.

Đông tây qua chín lối,

Nam bắc vượt bảy bờ.

Bỗng gặp cơn gió nổi,

hồi ta vào cõi mây.

Vừa lên đến trời cao,

Lại rơi xuống vực sâu.

Gió cuồng kéo ta dậy,

Lại vào cánh đồng này.

Đằng nam rồi mé bắc,

Sang đông lại sang tây.

Dây dưa biết dựa đâu?

Sắp chết mà sống lại.

Trôi nổi khắp tám đằm,

Liên miên qua năm núi.

*Rong ruổi chẳng ở yên,
Ai biết ta vất vả?
Muốn làm cây trong rừng,
Mùa thu cháy theo bãi.
Cháy tàn há chẳng đau?
Chỉ mong rễ liền gốc”.*

Tôn Thịnh nói: “Lạ thay cho cái cách phong kiến của nhà Ngụy! Chẳng theo phép của Tiên vương, không xét cái thuật giữ phen dậu, làm trái phong tục hòa mục, phản lại cái nghĩa giữ nước. Theo cách phong kiến vào thời đầu của nhà Hán, có chỗ quyền thế ngang với vua trên, dẫu nói là không phải phép nhưng thời thế phải như thế vậy. Như chư hầu của nhà Ngụy lại hèn kém tựa kẻ thất phu, như việc phạt tội bầy nước, cũng đã sửa năm được lỗi lầm vậy. Vả lại nhà Ngụy thay nhà Hán vốn không phải là do tích đức, phong tục đã kém, sáu cõi chưa liên mà chặt bẻ cành nhánh, trao quyền cho họ khác, thế như cây mục, nguy như ổ mìn, chẳng lâu thì đứt, đấy chẳng phải do trời diệt vậy. Theo phép ngũ đẳng⁽³²⁾, đấy là phép vạn đời chẳng đổi. Sáu đời hưng vong⁽³³⁾. Tào Quýnh⁽³⁴⁾ bàn đã rõ rồi”.

Truyền lệnh lại sai táng sơ qua. Lấy con nhỏ là Chí làm chủ giữ nhà, muốn lập Chí vậy.

Lúc trước, Thực trèo lên núi Ngự, đến huyện Đông A, thở dài có ý chết ở đấy, bèn đào làm mộ. Con là Chí nổi tự, chuyển phong làm Tế Bắc Vương. Giữa năm Cảnh Sơ hạ chiếu rằng: “Ngày trước Trần Tư Vương dẫu có lỗi lầm nhưng tự thân cận thân làm việc để bù đắp lỗi trước. Vả lại từ thừa trẻ đến lúc mất, sách vở không rời khỏi tay, thật là tài năng khó tìm vậy. Các sổ biểu vào giữa năm Hoàng Sơ mà từ công khanh trở xuống bàn nghị với ba phủ Thượng thư, Bí thư, Trung thư, Đại h ồng lư từng kể tội Thực đều đã xóa bỏ. Soạn chép thơ, phú, tụng, minh, tạp luận mà Thực trước sau viết nên cả thảy mấy trăm thiên, giúp cất giữ ở trong ngoài”. Chí được tăng thêm ấp, cả lúc trước là chín trăm chín mươi hộ.

Chí biệt truyện chép: Chí tự Doãn Cung, ham học lại có tài. Vào thời Vũ Đế của nhà Tấn làm Trung phủ quân, đón Thường Đạo Hương Công ở đất Nghiệp, buổi đêm Chí gặp nhau với Đế, cùng nói chuyện với Đế từ chiều đến sáng mai, rất coi trọng Chí. Đến lúc nhận ngôi, đổi phong làm Quyên Thành Công. Hạ chiếu lấy Chí làm Nhạc Bình Thái thú, làm quan qua ở các quận Chương Vũ, Triệu Quận, chuyển làm Tấn kị Thường thị, Quốc tử Bác sĩ, sau lại chuyển làm Bác sĩ Tế tửu. Đến lúc Tề Vương là Du sắp đến làm phiên thần, trọng lễ theo phép của quan lại mà ban thưởng, Chí than rằng: “Há có người tài như thế, thân thích như thế mà không được sửa trị giáo hóa, mà lại cho ra ngoài cõi xa sao”? Lại bày kể đề

khuyên can, lời lẽ rất khẩn thiết. Để cả giận, bãi chức của Chí. Sau lại làm Tán kị Thường thị. Chí gặp lúc mẹ mất, chịu tang hết kì, do đó mắc bệnh, vui giận khác thường, năm Thái Khang thứ chín thì chết, thụy là Định Công.

Tiêu Hoài Vương là Hùng, hoẵng sớm. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy phong hiệu là Tiêu Hoài Công. Năm Thái Hòa thứ ba, lại truy phong tước Vương. Năm Thanh Long thứ hai, con là Ai Vương là Bình nối tự, thực ấp hai nghìn năm trăm hộ. Năm thứ sáu thì hoẵng, không có con, nước trừ.

Bình rằng: Nhâm Thành Vương võ nghệ tráng mãnh, có khí chất của tướng sủy. Trần Tư Vương văn chương hay đẹp, đủ để truyền lại cho đời sau, nhưng không biết giữ gìn phòng xa, dẫn đến bị hãm ganh. Kinh truyện chép: “Nước Sở cũng làm mất rồi, mà nước Tề cũng không có được”, lời ấy nói đúng về hai người chăng!

Ngư Hoạn nói: “Ngạn ngữ có nói: ‘Nghèo mà chẳng tiết kiệm, hèn mà chẳng khiêm nhường’, đây chẳng phải tính người vốn thế, mà là do thời thế khiến nên như vậy. Cái thế rõ ràng ấy, thật chẳng sai vậy. Nếu mà Thái Tổ ngăn ngừa bọn Thực, vào thời xưa ấy thường khen là hiên, thì sao lại có ý trông đợi được? Chương vẫn mang hận, vẫn không biết làm sao. Còn đối với Thực, sao lại chuốc nạn mà khiến cho Dương Tu vì giao du mà bị hại, Đinh Nghi mong ý mà nhà diệt? Thương thay! Ta hãy đọc xem văn chương của Thực, ý nghĩa có thần. Từ đây mà xét, tấm lòng dao động của Thái Tổ cũng có cái hay vậy”⁽³⁵⁾.

[CHÚ THÍCH]

(1) Vệ, Hoắc: chỉ Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, thời Vũ Đế nhà Hán làm tướng đánh đuổi rợ Hung Nô chạy dài về phía tây.

(2) Thái tử: chỉ Tào Phi là con cả của Thái Tổ Tào Tháo, bấy giờ làm Thái tử.

(3) Thằng con nhà bán dế kia lại sai thằng con nuôi chống ông hấn chẳng!: chỉ con nhà bán dế là Lưu Bị sai con nuôi là Lưu Phong đánh chống Tào Tháo.

(4) Gương anh em họ Viên: chỉ việc ba anh em Viên Đàm, Viên Hi, Viên Thượng, sau khi cha là Viên Thiệu chết thì ba anh em tranh quyền đánh lẫn nhau, cuối cùng bị Tào Tháo phá diệt.

(5) Đã táng: chỉ đã táng Tào Tháo.

(6) Sóc Phương: chỉ miền bắc Trung Quốc thời xưa, thời nhà Hán từng lập ra bộ Sóc Phương để trông coi người Hung Nô.

(7) Xe loan, cò rồng: xe loan chỉ xe có gắn chuông nhỏ, cò rồng chỉ cò thêu hình rồng, thường dùng cho nhà vua.

(8) Đông Bình Vương của nhà Hán: chỉ Lưu Vũ là con thứ ba của vua Tuyên Đế nhà Hán, được phong làm Đông Bình Vương.

(9) Trung thượng phương: Trung thượng phương là chức quan có từ thời Hán, coi việc làm ra các đồ dùng trong cung điện.

(10) Hoàn, Văn: chỉ Hoàn Công của nước Tề, Văn Công của nước Tấn thời Xuân thu, dựng nên nghiệp bá.

(11) Đông vương: chỉ Đông Vương Công, theo truyền thuyết là thần đứng đầu các vị tiên nam, thần còn lại là Tây Vương Mẫu đứng đầu các vị tiên nữ.

(12) Thực từng ngồi xe đi giữa đường, mở cửa Tư Mã mà ra, Thái Tổ cả giận: cửa Tư Mã là cửa ngoài cung của nhà vua, canh phòng rất nghiêm

ngặt, Thực tự ý mở cửa ra, do đó Tháo giận vậy.

(13) Thái úy Bưu: chỉ Dương Bưu tự Văn Tiên, người quận Hoằng Nông, làm Thái úy vào thời vua Hiến Đế của nhà Hán.

(14) Thừa tướng: chỉ Tào Tháo, bấy giờ làm Thừa tướng.

(15) Ngày xưa Trọng Tuyên bước riêng ở miền nam sông Hán, Khổng Chương dương cánh ở miền bắc sông Hà, Vĩ Trường nổi danh ở miền Thanh Châu, Công Cán lấy lòng ở miền bờ biển, Đức Liên phát tích ở đất Đại Ngụy, tức hạ ngạo nghễ ở miền kinh sư.: Vương Xán tự Trọng Tuyên, người quận Sơn Âm, cuối thời Hán loạn lạc chạy đến Kinh Châu ở phía nam sông Hán nương nhờ Lưu Biểu. Trần Lâm tự Khổng Chương, người quận Quảng Lăng, sau khi Hà Tiến bị giết, chạy đến Kí Châu ở miền sông Hoàng Hà theo Viên Thiệu. Từ Cán tự Vĩ Trường, người quận Bắc Hải, thời Hán loạn, giữ ở Thanh Châu. Lưu Trinh tự Công Cán, người quận Đông Bình. Ứng Sướng tự Đức Liên, người quận Nhữ Nam. Dương Tu tự Đức Tổ, người quận Hoằng Nông. Đều là những người giỏi văn chương vào thời Hán, Tam quốc.

(16) Ngọc châu của rắn thần: theo truyền thuyết, vào thời Xuân thu, Tùy Hâu thấy một con rắn bị thương, liền lấy thuốc chữa cho nó, sau đó con rắn ấy từ giữa sông ngậm một viên ngọc lớn bơi lên đến ơn. Thường sánh người tài năng như ngọc châu của rắn thần vậy.

(17) Ngọc đẹp ở núi Kinh: chỉ ngọc của Biện Hòa người nước Sở thời Xuân thu phát hiện được ở núi Kinh.

(18) Tư Mã Trường Khanh: chỉ Tư Mã Tương Như tự Trường Khanh, người Thục Quận thời Vũ Đế nhà Hán, giỏi làm thơ, phú.

(19) Chung Kỳ không nghe lâm tiếng đàn: Chung Kỳ, còn gọi là Chung Tử Kỳ, người nước Sở thời Xuân thu, tương truyền có một người giỏi âm nhạc là Bá Nha gảy đàn ở bên bờ sông, Chung Kỳ nghe được, nói: “Tiếng đàn cao vời như núi cao, lại cuộn cuộn như nước chảy”. Bá Nha cho là Chung Kỳ hiểu tiếng đàn của mình mình.

(20) Ni Phủ: chỉ Khổng Tử.

(21) Du, Hạ: chỉ Tử Du, Tử Hạ, là hai học trò của Khổng Tử.

(22) Nam Uy: Nam Uy, còn gọi là Nam Chi Uy, là người con gái xinh đẹp của nước Tấn thời Xuân thu, vua Văn Công của lấy được Nam Uy, ba ngày không nghe chính trị.

(23) *Kiểm Long uyên: Long uyên là tên của một trong năm thanh kiếm báu do Âu Dã Tử thời Xuân thu đúc.*

(24) *Điền Ba: Điền Ba là người giỏi biện luận, người nước Tề thời Chiến quốc, tương truyền biện luận ở ấp Trở Khâu, nghị bàn ở ấp Tắc Hạ, một ngày thuyết phục mười người.*

(25) *Lỗ Liên: Lỗ Liên, còn gọi là Lỗ Trọng Liên, Lỗ Liên Tử người nước Tề thời Chiến quốc, giỏi biện luận.*

(26) *Hàm trì, Lục anh: Hàm trì, Lục anh là tên hai khúc nhạc thời xưa, tương truyền do Đế Chuyên Húc soạn nên.*

(27) *Dương Tử Vân: chỉ Dương Hùng ()*

(28) *Nhã, Tụng: Nhã, Tụng là hai chủ đề trong kinh Thi.*

(29) *Đán, Phát: Đán chỉ Cơ Đán là Chu Công, Phát chỉ Cơ Phát là Vũ Vương của nhà Chu, là con của Văn Vương.*

(30) *Trọng Sơn, Chu Đán: Trọng Sơn chỉ Trọng Sơn Phủ vốn là nhà nông, sau được tiến cử vào triều làm Tể tướng cho vua Tuyên Vương của nhà Chu. Chu Đán chỉ Chu Công.*

(31) *Phục ba Tướng quân: chỉ Hạ Hầu Đôn tự Nguyên Nhung, từng được bái làm Phục ba Tướng quân.*

(32) *Ngũ đẳng: chỉ năm bậc tước là Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.*

(33) *Sáu đời hưng vong: chỉ nhà Ngụy thời Tào Tháo đến đời Tào Phi, Tào Duệ, Tào Phương,*

Tào Mao, Tào Hoán là sáu đời. Hưng từ thời Tào Tháo mà vong vào thời Tào Hoán vậy.

(34) *Tào Quýnh: Tào Quýnh tự Nguyên Thủ, là con của Ngụy Minh Đế Tào Duệ, từng viết bài luận về sự hưng vong của sáu đời nhà Ngụy.*

(35) *Ta hãy đọc xem văn chương của Thực, ý nghĩa có thần. Từ đấy mà xét, tấm lòng dao động của Thái Tổ cũng có cái hay vậy”.: Ý nói văn chương của Thực có thần, đáng xem. Thái Tổ sủng ái, muốn lập làm Thái tử, sau dao động mà ruồng bỏ, sau lại bị Văn Đế hiềm ganh, o đó Thực sinh lòng buồn bã, từ đấy chăm chú thơ phú, ít màng chính trị. Cũng vì thế mà mới có Tào Thực văn chương hay đẹp, tình cảm sâu sắc chẳng!*

QUYỂN 20 - VŨ VĂN THỂ VƯƠNG CÔNG TRUYỆN

PHẦN 1

Tào Ngang, Tào Thước, Tào Xung, Tào Cứ, Tào Vũ, Tào Lâm, Tào Cỗn, Tào Huyền, Tào Tuấn, Tào Củ, Tào Cán, Tào Thượng, Tào Bưu, Tào Cấn, Tào Thừa, Tào Chính, Tào Kinh, Tào Quân, Tào Các, Tào Huy, Tào Mậu, Tào Hiệp, Tào Nhụy, Tào Giám, Tào Lâm, Tào Lễ, Tào Ung, Tào Cống, Tào Nghiễm

Vũ Hoàng Đế có hai mươi lăm con trai: Biện Hoàng hậu sinh Văn Hoàng Đế, Nhâm Thành Uy Vương là Chương, Trần Tư Vương là Thực, Tiêu Hoài Vương là Hùng; Lưu phu nhân sinh Phong Mẫn Vương là Ngang, Tương Thương Vương là Thước; Hoài phu nhân sinh Đặng Ai Vương là Xung, Bành Thành Vương là Cứ, Yên Vương là Vũ; Đỗ phu nhân sinh Bái Mục Vương là Lâm, Trung Sơn Cung Vương là Cỗn; Tần phu nhân sinh Tể Dương Hoài Vương là Huyền, Trần Lưu Cung Vương là Tuấn, Doãn phu nhân sinh Phạm Dương Mẫn Vương là Củ; Vương chiêu nghi sinh Triệu Vương là Cán; Tôn cơ sinh Lâm Ấp Thương công tử là Thượng, Sở Vương là Bưu, Cương Thương công tử là Cấn; Lí cơ sinh Cốc Thành Thương công tử là Thặng, Mi Đái Công tử là Chính, Linh Thương công tử là Kinh; Chu cơ sinh Phàn An Công là Quân; Lưu cơ sinh Quảng Tông Thương công tử là Cứ; Tống cơ sinh Đông Bình Linh Vương là Huy; Triệu cơ sinh Lạc Lăng Vương là Mậu.

Phong Mẫn Vương là Ngang, tự Tử Tu. Tuổi ‘nhược quán’⁽¹⁾ cử hiệu liên, theo Thái Tổ đánh miền nam, bị Trương Tú hại. Không có con. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy phong thụy là Phong Trác Công. Năm thứ ba, lấy con của Phàn An Công là Quân tên là Uyển làm dòng dõi của Ngang, phong Trung Đô Công; năm đó chuyển phong con cả tên là Công. Năm thứ năm, truy tặng Ngang hiệu là Phong Trác Vương. Năm Thái Hòa thứ ba, đổi thụy Ngang là Mẫn Vương. Năm Gia Bình thứ sáu, lấy Uyển nối tước Ngang làm Phong Vương. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, cùng hai nghìn bảy trăm hộ lúc trước. Uyển hoăng, thụy là Cung Vương. Con là Liêm nối tự.

Tương Thương Vương là Thước, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ ba, truy phong thụy. Năm Thanh Long thứ nhất, con là Mẫn Vương tên là Tiễn nối tự; năm đó hoẵng. Năm thứ hai, con là Hoài Vương tên là Yên nối tự, thực ấp hai nghìn năm trăm hộ. Năm thứ tư, hoẵng, không có con. Nước trù. Năm Chính Nguyên thứ hai, lấy con của Lạc Lăng Vương là Mậu là Dương Đô Hương Công tên là Tùng nối dõi của Thước.

Đặng Ai Vương là Xung, tự Thương Thư. Thừa bé thông minh tốt vờ, sinh được năm sáu tuổi đã trí tuệ, có cái trí như của người lớn. Bấy giờ Tôn Quyên từng cỡi voi lớn, Thái Tổ muốn biết cân nặng của nó, hỏi với bầy tôi, đều chẳng ai bày được cách cân. Xung nói: “Đặt voi lên thuyền lớn, rồi khắc chỗ mà mực nước đến, đem vật khác để thay vào thì sẽ biết được vậy”. Thái Tổ cả mừng, liền cho làm ngay. Bấy giờ quân lính nhiều việc, dùng hình rất nghiêm. Yên ngựa của Thái Tổ ở kho bị chuột gặm, quan coi kho sợ tất chết, bàn muốn trói đầu chịu tội, vẫn lo không thoát được. Xung bảo rằng: “Đợi ba ngày nữa rồi mới tự bằm”. Do đó Xung lấy dao cắt áo cộc làm như chuột gặm, rồi tỏ vẻ thất ý, mặt có vẻ buồn, Thái Tổ hỏi sao, Xung đáp rằng: “Người đòi cho là áo bị chuột gặm thì chủ áo không được tốt. Nay áo cộc bị gặm, cho lên lo buồn”. Thái Tổ nói: “Đấy là nói bậy thôi, không sao cả vậy”. Chốc lát thì quan coi kho bằm việc cái yên bị gặm, Thái Tổ cười rằng: “Cái áo trẻ con ở bên còn bị gặm, huống chi là cái yên treo trên cột đây”? Rồi không hỏi nữa. Xung nhân ái hiểu biết, đều đại loại như thế. Hễ ai phải tội chết mà được Xung bày lý lẽ biện luận thì nhờ đó mà được cứu, trước sau có mấy chục người.

Nguy thư chép: Xung hề gặp kẻ bị phạt, liền xét kĩ có oan uổng không mà nói lí lẽ. Đến như những quan lại chăm chỉ có lỗi lầm mà bị tội, thường bày bằm Thái Tổ, nên khoan thứ cho họ. Tính ưa xem xét lại nhân ái, đáng vẻ đẹp đẽ, có khác với mọi người, cho nên rất được sủng ái.

Thân là Tùng Chi cho rằng: Câu nói một ý là “Đáng vẻ đẹp đẽ” mà chia ra nói làm ba lần, cũng là một lỗi chép văn sai vậy.

Thái Tổ nhiều lần đối với bầy tôi mà khen ngợi, có ý muốn truyền vị cho. Năm mười ba tuổi, vào năm Kiến An thứ mười ba thì bệnh chết. Thái Tổ tự đến thăm chăm. Lúc mất, rất buồn. Văn Đế an ủi Thái Tổ, Thái Tổ nói: “Đấy là đi đâu không may của ta, lại là đi đâu may của bọn mi vậy”.

Tôn Thịnh nói: “Theo nghĩa Xuân thu, lập con trưởng làm người nối tự không kể hiền hay không. Xung dẫu còn sống cũng không nên lập, huống chi

đã chết mà nói ra lời ấy? Kinh Thi chép: ‘Chớ nói dễ dãi’. Ngụy Vũ Đế nói thế là dễ dãi vậy”.

Nói mà rơi lệ, đem hợp táng với con gái đã mất của Chân thị, tặng ấn thao Kị đô úy, sai con của Uyển Hâu là Cứ tên là Tông nối dõi Xung. Năm thứ hai mươi hai, phong Tông làm Đặng Hâu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy tặng thụy Xung là Đặng Ai Hâu, lại thêm hiệu là Công.

Ngụy thư chép lệnh rằng: “Vào ngày bính ngọ tháng tám năm Hoàng Sơ thứ hai, Hoàng đế nói: Nhớ Đặng Ai Hâu người là Xung, ngày xưa trời cao truyền tính đẹp, tặng cái tài thông đạt cho thân người, thành danh ở tuổi trẻ; đáng được hưởng lộc lâu dài, thọ đến trọn đời. Sao lại không may, giữa đời mệnh yếu! Trăm ngôi trời, trị cả bốn cõi, phong tặng người thân để làm phen dậu của nhà nước, nghĩ người không kịp hưởng vinh hiển, lại nữa lễ táng chưa đủ. Trong lòng thương cảm, đau buồn xót xa. Nay chuyển táng ở Cao Lăng, sai Sứ trí tiết kiêm Yết giả bộc xạ Lang trung Trần Thặng đến truy tặng hiệu là Đặng Công, lấy đồ thái lao cúng tế. Hôn mà có linh, hãy nhận vinh sủng. Than ôi thương thay”!

Ngụy lược chép: Văn Đế thường nói: “Anh ta hiếu liêm, tự biết phận mình. Nếu Thương Thư còn sống thì ta cũng không có thiên hạ”!

Năm thứ ba, thêm tước cho Tông, chuyển phong làm Quán Quân Công. Năm thứ tư, chuyển phong Kỉ Thị Công. Năm Thái Hòa thứ năm, thêm hiệu Xung là Đặng Ai Vương. Năm Cảnh Sơ thứ nhất, Tông bị khép tội ở phủ Thượng phương làm vật cấm, trừ ba trăm hộ, giảm tước làm Đô hương hầu. Năm thứ ba, lại làm Kỉ Thị Công. Năm Chính Thủy thứ bảy, chuyển phong làm Bình Dương Công. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, cùng một nghìn chín trăm hộ lúc trước.

Bành Thành Vương là Cứ, năm Kiến An thứ mười sáu được phong làm Phạm Dương Hâu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong làm Uyển Hâu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Chương Lăng Vương; năm đó chuyển phong làm Nghĩa Dương Vương. Văn Đế vì miềm nam ẩm thấp, lại vì Hoài thái phi là người quận Bành Thành, bèn chuyển phong làm Bành Thành Vương; lại chuyển phong Tể Âm Vương. Năm thứ năm, chiếu nói: “Đế vương ngày xưa phân phong, tùy thời mà định. Hán Cao Tổ tăng quận mà nhà Tần đặt, đến thời Quang Vũ Đế vì thiên hạ tổn giảm bèn cắt bớt quận huyện. Đến nay cũng thế, ích chẳng gì hơn. Nay đổi phong các Vương, đều làm Huyện vương”. Cứ được đổi phong ở huyện Định Đào. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong các Vương hầu, đều lấy quận làm nước, Cứ lại chuyển phong ở quận Bành Thành.

Năm Cảnh Sơ thứ nhất, Cự bị khép tội sai người người đến phủ Thượng phương làm vật cấm, cắt bớt hai nghìn hộ.

Ngụy thư chép chiếu thư rằng: “Chiếu lệnh Bành Thành Vương: Quan coi việc tấu nói Vương sai Tư mã Đồng Hòa đem ngọc châu đến phủ Thượng phương trong kinh sư, làm nhiều vật cấm, qua lại với Công quan, ra vào phủ quan, chuyển dời vô độ, khinh lệnh trái phép, dùng luật trời buộc. Trẫm lấy làm ngạc nhiên, trong lòng không yên. Vương ở ngôi trọng của thân thích, nắm vị của phiên thân, điển tịch hằng ngày bày ở trước, sách đọc không nghỉ ở bên; lại vốn tính nhã nhặn trong sạch, cung kính thận trọng, làm việc tu đạo, chăm chỉ không nhác, há quên tu thân thuận ý, quên xét kỹ thiếu sót sao? Nếu có lỗi nhỏ, hoặc bị tiểu nhân gièm pha, sao lại không biết được mà để lâm lỗi như thế? Kinh Thư chép: ‘Thánh nhân không lo suy nghĩ cũng sẽ thành kẻ cường, kẻ cường lo suy nghĩ cũng thành được thánh nhân’. Người xưa răn bảo mà đến như thế, cho nên quân tử suy nghĩ không ngừng về đạo hóa sâu xa vậy. Thường nghĩ là vì tu đức mà bỏ thì đức sáng vậy; mở ý là vì ghen mà thông suốt thì ý yên vậy; giữ hạnh là vì lỗi mà sửa thì hạnh trọn vậy; ba điều ấy là điều mà Vương nên có. Nay hạ chiếu quan coi việc tha cho Vương, cắt một huyện, hai nghìn hộ để nêu rõ phép tắc ra oai và phạt lỗi. Ngày xưa Hi-Văn soạn kinh Dịch⁽²⁾, chép lời hay đẹp, Trọng Ni luận đức hạnh, nói là có lỗi thì sửa được. Vương nên sửa đức, nêu rõ nghĩa lớn, kính theo chớ biếng”.

Năm thứ ba, trả lại hộ ấp bị cắt. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn sáu trăm hộ lúc trước.

Yên Vương là Vũ, tự Bành Tổ. Năm Kiến An thứ mười sáu, phong Đô hương hầu. Năm thứ hai mươi hai, đổi phong Lỗ Dương Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Hạ Bì Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Đan Phủ. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong làm Yên Vương. Minh Đế thừa nhỏ ở cùng với Vũ, thường yêu mến Vũ. Đến lúc lên ngôi, ban sủng khác với các Vương hầu. Năm Thanh Long thứ ba, mời vào chầu. Năm Cảnh Nguyên thứ nhất, về huyện Nghiệp. Mùa hạ năm thứ hai, lại mời đến kinh đô. Tháng mười hai mùa đông, Minh Đế bệnh nặng, bái Vũ làm Đại tướng quân, trao cho việc sau. Nhận mệnh được bốn ngày, Vũ cố từ chối; ý Đế cũng đổi, bèn bãi chức của Vũ. Mùa hạ năm thứ ba, về huyện Nghiệp. Giữa năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả năm nghìn năm trăm hộ trước kia. Thường Đạo Hương Công tên là Hoán là con của Vũ, vào nối dòng cả.

Bái Mục Vương là Lâm, năm Kiến An thứ mười sáu được phong làm Nghiêu Dương Hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong ở huyện Tiêu.

Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Tiêu Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Tiêu. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Quyên Thành. Năm Thái Hòa thứ sáu, chuyển phong ở nước Bái. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn bảy trăm hộ lúc trước. Lâm hoǎng, con là Vĩ nối tự.

Xét Kê thị phả chép: Vợ của Kê Khang là con gái của con Lâm vậy.

Trung Sơn Cung Vương là Cồn, năm Kiến An thứ hai mươi một được phong Bình Hương Hầu. Thừa trẻ ham học, hơn mười tuổi biết làm văn. Hễ đọc sách, quan Văn học tả hữu thường sợ vì chăm chỉ mà sinh bệnh, nhiều lần can ngăn. Nhưng tính vốn thích, không bỏ được vậy. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong làm Đông Hương Hầu, năm đó lại đổi phong làm Phí Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ ba, tiến tước làm Công, quan thuộc đầu mừng, Cồn nói: “Ta sinh ở cung sâu không biết cái gian khổ của việc trờng trọt, lại phần nhiều kiêu ngạo. Các khanh đã chúc mừng ta, nên giúp sửa lỗi sót nữa”. Hễ anh em chơi vui, riêng Cồn suy đọc kinh điển, quan Văn học phòng phụ nói với nhau rằng: “Ta vâng lệnh xét hành động của ngài, có lỗi phải tấu, có việc tốt cũng nên bẩm lên, không được giấu cái tốt vậy”. Bèn cùng tấu khen tính tốt của Cồn. Cồn nghe tin, rất lo lắng, trách lỗi quan Văn học rằng: “Tu thân tự giữ là đức của người thường, vậy mà các ông lại bẩm lên, đấy là tang thêm lỗi của ta vậy. Vả lại nếu có tốt thì lo gì không được nghe biết mà lại cùng làm như thế? Đấy chẳng phải giúp ích cho ta vậy”. Người này cẩn thận như thế. Năm thứ ba, làm Bắc Hải Vương; năm đó, rờng vàng hiện ở sông Chương phía tây huyện Nghiệp, Cồn dâng thư khen ngợi. Hạ chiếu ban mười cân vàng ròng, chiếu nói: “Ngày xưa Đường Thúc dâng lúa, Đông Bình hiến tưng⁽³⁾, đấy đều là cốt nhục khen nhau để nêu rõ tình thân. Vương thông suốt tịch điển, xét kĩ đạo hóa, văn nhã sáng sửa, trẫm rất khen ngợi. Vương nên cẩn thận dưỡng đức để trọn tiếng tốt”. Năm thứ tư, đổi phong làm Phí Vương. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Bộc Dương; năm Thái Hòa thứ hai đến nước, vẫn tiết kiệm, hạ lệnh thê thiếp thêu dệt vải lụa, tập làm việc trong nhà. Mùa đông năm thứ năm, vào chầu. Năm thứ sáu, đổi phong ở quận Trung Sơn.

Trước đây, Cồn đến chầu, phạm cấm ở kinh đô. Năm Thanh Long thứ nhất, quan coi việc tấu hạch tội Cồn. Chiếu nói: “Vương vốn thận trọng, chợt nhiên đến đây, nên lấy phép thân thích mà bàn việc”. Quan voi việc cố gàn, bèn hạ chiếu bớt hai huyện, bảy trăm năm mươi hộ.

Ngụy lược chép chiếu thư rằng: “Chế chiếu cho Trung Sơn Vương: Quan coi việc tâu nói Vương vừa đến châu, phạm cấm giao du ở kinh sư; trẫm nghĩ cái ân thân thích, bỏ lời bàn của quan lại, nhưng phép tắc là cùng với thiên hạ, không được bãi bỏ. Nay cắt hai huyện bảy trăm năm mươi hộ của Vương. Nên tu thân lập lễ, xứng lòng nhân của thánh nhân, sớm lỗi chiếu sửa là đức của quân tử. Vương nên kính theo, chớ có gây lỗi nữa”.

Cồn lo lắng, răn bảo quan thuộc thêm nghiêm; Đế khen ý ấy. Năm thứ hai, trả lại huyện bị cắt. Mùa thu năm thứ ba, Cồn bị bệnh tật, chiếu sai Thái y xem bệnh, lính hồ bôn trong điện mang chiếu thư đến, ban món ăn ngon lạ, lại sai thái phi, Bái Vương là Lâm cùng đêm thăm bệnh. Cồn bệnh nặng, hạ lệnh quan thuộc rằng: “Ta đức mỏng sủng ít, mệnh lớn sắp hết. Ta đã ra tiết kiệm, mà triều đình soạn lệnh xét hỏi, làm phép tắc của thiên hạ. Vào ngày ta tắt thở, tự liệm và táng, việc hãy theo chiếu thư. Ngày xưa Đại phu của nước Vệ là Cừ Viện táng ở Nghiệp Dương, ta xem mộ ấy thường mong theo ý này, muốn mượn hồn thiêng để che răng tóc, dựng phần mộ của ta, phải đến theo đó. Về lễ, con trai không chết trong tay đàn bà. Nên nhanh làm xong sảng đường”. Sảng làm xong, đặt tên là sảng Toại Chí, ôm bệnh lên kiệu đến ở đấy. Lại lệnh Thế tử rằng: “Mi tuổi nhỏ, chưa được biết tiếng, nếu sớm làm chư hầu thì chỉ biết vui mà không biết khổ, tất tỏ lỗi kiêu căng vậy. Nên dựa vào đại thần, lấy lễ đối đãi họ. Nếu không phải là đại thần, gặp người già cũng phải đáp bái. Kính cần thờ anh, thân ái giúp em; nếu anh em có đức không tốt thì phải quỳ gối can gián. Nếu can gián không được thì khóc lóc mà khuyên; khuyên mà không đổi thì bầm với mẹ. Nếu vẫn không sửa thì phải tấu lên, xin từ tước phong. So với giữ sủng mà chước họa, không bằng nghèo hèn mà trọn thân vậy. Đấy cũng gọi là tội lỗi lớn, nếu lỗi nhỏ việc nhỏ, nên che giấu lại. Xét mi còn nhỏ, nên cần thận tu thân, trung trinh để giúp triều đình, hiếu kính để thờ thái phi. Ở trong phòng khuê thì vâng lệnh với thái phi; ở ngoài cửa nhà phải vâng lời Bái Vương; ý chớ lười biếng để làm yên lòng ta”. Năm đó hoẵng. Hạ chiếu Bái Vương là Lâm ở lại táng, sai Đại hòng lục cầm cò tiết đến coi việc tang, quan Tông chính tế điệu, tặng thưởng rất hậu. Soạn văn chương cả thảy hơn hai vạn chữ, tài không bằng Trần Tư Vương nhưng ham làm văn sánh được cùng. Con là Phu nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn bốn trăm hộ lúc trước.

Tế Dương Hoài Vương là Huyên, năm Kiến An thứ mười sáu được phong làm Tây Hương Hầu, chết sớm, không có con. Năm thứ hai mươi,

lấy con của Bái Vương là Lâm tên là Tán nhận tước ấp của Huyên, hoẵng sớm, không có con. Văn Đế lại lấy em của Tán là Nhất nối dõi Huyên. Năm Hoàng Sơ thứ hai, đổi phong làm Tể Dương Hầu. Năm thứ tư, tiến tước làm Công. Năm Thái Hòa thứ tư, truy tiến tước cho Huyên, thụy là Hoài Công. Năm thứ sáu, lại tiến hiệu là Hoài Vương, truy thụy Tán là Tây Hương Ai Hầu. Nhất hoẵng, thụy là Trác Công, con là Hằng nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả một nghìn chín trăm hộ lúc trước.

Trần Lưu Cung Vương là Tuấn, tự Tử An. Năm Kiến An thứ hai mươi một, phong Mi Hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong ở huyện Tương Ấp. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Trần Lưu Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Tương Ấp. Năm Thái Hòa thứ sáu, chuyển phong ở quận Trần Lưu. Năm Cam Lộ thứ tư, hoẵng. Con là Áo nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn bảy trăm hộ lúc trước.

Phạm Dương Mẫn Vương là Củ, chết sớm, không có con. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, lấy con của Phan An Công là Quân tên là Mẫn nối dõi Củ, phong Lâm Tân Hầu. Năm Cảnh Sơ thứ ba truy phong thụy Củ là Phạm Dương Mẫn Công. Năm thứ năm, đổi phong Mẫn làm Phạm Dương Vương. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Câu Dương. Năm Thái Hòa thứ sáu, truy tiến hiệu Củ là Phạm Dương Mẫn Vương, đổi phong Mẫn làm Lang Da Vương. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn bốn trăm hộ lúc trước. Mẫn hoẵng, thụy là Nguyên Vương, con là Hồn nối tự.

Triệu Vương là Cán, năm Kiến An thứ hai mươi được phong Cao Bình Đình Hầu. Năm thứ hai mươi hai phong Lại Đình Hầu; năm đó đổi phong làm Hoàng Nông Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước, chuyển phong làm Yên Công.

Ngụy lược chép: Cán còn có tên là Lương. Lương vốn là con của người thiếp là Trần thị, Lương sinh thì Trần thị chết, Thái Tổ sai Vương phu nhân nuôi Lương. Lương năm tuổi thì Thái Tổ bệnh nặng, truyền lệnh lại bảo Thái tử rằng: “Thằng bé ấy ba tuổi mất mẹ, năm tuổi mất cha, gửi cho mi vậy”. Do đó Thái tử thân thiết hơn các em. Lương thưa nhỏ thường gọi Văn Đế là A Ông, Đế bảo Lương rằng: “Ta là anh mi vậy”. Văn Đế lại thương Lương như thế, thường lại rơi lệ. Thân là Tùng Chi xét: Truyện này cho rằng mẹ quý hay hèn là thứ yếu, không kể tuổi của anh em, cho nên Sở Vương là Bưu tuổi dẫu lớn nhưng truyện chép ở

sau Cán. Lại xét Chu Kiến Bình truyện, biết rằng Bưu hơn Cán hai mươi tuổi.

Năm thứ ba, làm Hà Gian Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Lạc Thành. Năm thứ bảy, chuyển phong ở quận Cự Lộc. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong làm Triệu Vương. Mẹ Cán được Thái Tổ sủng ái, kịp lúc Văn Đế làm người nô lệ, mẹ Cán có công giúp. Văn Đế sắp băng, có chiếu truyền lại, cho nên Minh Đế thường ban thêm ân. Năm Thanh Long thứ hai, qua lại riêng với tân khách, bị quan coi việc tấu xét, ban ấn thư cho Cán để khuyên răn, nói: “**Kinh Dịch chép:** ‘Mở nước lập nhà, chớ dùng tiểu nhân’; kinh Thi chép lời răn rằng: ‘Xe lớn, bụi bẩn’⁽⁴⁾. Từ buổi Thái Tổ vâng lệnh dựng nghiệp, xét rõ nguồn gốc của thịnh loạn, soi lí lẽ của được mất, mới đầu phong chư hầu, lấy lời rất thận trọng để dạy bảo, chọn kẻ sĩ đoan chính để giúp, thường khen lời răn của Mã Viện⁽⁵⁾, trọng điều cấm chư hầu giao du với tân khách, không khiến cho tốt xấu cùng nhau. Há vì thế mà bạc bẽo với anh em sao? Chỉ muốn con em không có lỗi sai sót, dân chúng không bị nạn họa hại mà thôi. Cao Tổ lên ngôi, cẩn thận vạn bề, xét soạn lệnh chư hầu không được vào châu. Trẫm cảm nhà thơ làm bài Thường lệ, khen ý của bài Thái thực, cũng soạn lời chiếu rằng: ‘Nếu có chiếu thì đến kinh đô’. Cho nên lệnh các Vương hầu giữ lễ châu gặp. Vậy mà Sở-Trung Sơn⁽⁶⁾ phạm điều cấm giao du, Triệu Tông-Đái Tiệp đều phải chịu tội vạ. Gần đây Đông Bình Vương lại sai quan thuộc đánh quan lại của huyện Thọ Trương, bị quan coi việc tấu xét, trẫm phải cắt huyện. Quan coi việc tấu là bọn Tào Toàn, Vương Kiêu cậy mình là họ hàng tông thất, tụ hội ở nhà Vương, có khi không đúng lúc, đều làm trái lệnh cấm. Trẫm nghĩ Vương vốn có tính kính thuận, lại nhận lệnh truyền lại của Tiên đế, muốn chuộng ân lễ kéo dài đến đời sau, huống chi chỉ có ở đời Vương sao? Vả lại không là thánh nhân, ai mà không có lỗi? Đã hạ chiếu quan coi việc tha cho lỗi của Vương. Người xưa có nói: ‘Quân tử thận trọng đối với điều mà mình chưa được xem, sợ hãi đối với việc mà mình chưa được nghe. Không thấy ở chỗ ẩn, không rõ ở chỗ tối. Cho nên quân tử thận trọng ở hành động’. Chú học theo kinh điển của thánh nhân, lại đã nhận lệnh truyền của Tiên đế, phải run run rẩy kính vâng ngôi vị, làm đẹp ý trẫm”. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả năm nghìn hộ lúc trước. Lâm Ấp Thương Công tử là Thượng, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Sở Vương là Bưu, tự Chu Hồ. Năm Kiến An thứ hai mươi mốt, phong Thọ Xuân Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước, chuyển phong làm Nhữ Dương Công. Năm thứ ba, phong Đặc Dương Vương; năm đó chuyển phong làm Ngô Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Thọ Xuân. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Bạch Mã. Mùa đông năm Thái Hòa thứ năm, chầu ở kinh đô. Năm thứ sáu, chuyển phong ở quận Sở. Lúc trước, Bưu đến chầu, phạm cấm; năm Thanh Long thứ nhất, bị quan coi việc tấu

hạch, hạ chiếu cất ba huyện, một nghìn năm trăm hộ. Năm Gia Bình thứ nhất, Duyệt Châu Thứ sử Lệnh Hồ Ngu cùng Thái úy Vương Lăng mưu đón Bưu đến đóng đô ở Hứa Xương, chép tại Vương Lăng truyện. Bèn sai Thái phó cùng Ngự sử đại phu đến nước xem xét, bắt những người liên quan với nhau. Đình úy xin gọi Bưu về trị tội. Do đó noi theo việc cũ của Yên Vương là Đán thời nhà Hán⁽⁷⁾, sai Đình úy Đại hòng lư mang cờ tiết đến trao ấn thư trách hỏi Bưu, sai phải tự xử.

Hán Ngụy xuân thu của Khổng Diễn chép chiếu thư rằng: “Đế vương thời xưa phong thưởng không hiềm thù hận, phạt tội không nể thân thích, đây là nghĩa rất công bằng vậy. Cho nên Chu Công rọi lệ xử tội của hai người chú, Hiếu Vũ đau xót mà xét tội ngục của Chiêu Bình⁽⁸⁾, đây là phép thưởng xưa nay vậy. Nghĩ Vương là người rất thân cận của nhà nước, làm phen dậu ở ngoài, vậy mà không chịu vâng phép vua làm gương cho tông thất, mà lại mưu với kẻ gian tà, lại kết thông mưu nghịch với Thái úy Vương Lăng, Duyệt Châu Thứ sử Lệnh Hồ Ngu, muốn lấy xã tắc, có ý phản bội, không có lòng trung hiếu. Tông miếu có linh, Vương còn mặt mũi nào mà nhìn Tiên đế? Trẫm xét kĩ Vương tự giã vào tội vạ, đã biết ý của Vương, rất lấy làm kinh ngạc. Quan coi viện tấu Vương đáng phải bắt đến sở quan Đại lí, nhưng trẫm theo nghĩa xét xử tông thất, không nỡ bắt Vương bỏ ở chợ, cho nên sai sứ giả đem thư, Vương tự gây tội, chẳng phải do kia khác, việc cũ của Yên Thích cũng đủ để xem. Vương hãy tự xử đi!”

Bưu bèn tự sát. Vợ cùng các con đều tha làm dân thường, chuyển đến quận Bình Nguyên. Quan thuộc trở xuống và Giám quốc yết giả của Bưu bị khép tội biết việc mà không có nghĩa khuyên giúp, đều bắt giết. Nước trừ lập thành quận Hoài Nam. Năm Chính Nguyên thứ nhất, hạ chiếu rằng: “Sở Vương là Bưu phản quốc theo gian, thân chết con bỏ, dẫu tự chuốc lấy nhưng vẫn nên thương xót. Ngậm bản giấu bệnh là cái đạo thương người thân vậy. Nay phong Thế tử của Bưu là Gia làm Thường Sơn Chân Định Vương”. Năm Cảnh Nguyên thứ nhất, tăng ấp, gộp cả hai nghìn năm trăm hộ lúc trước.

Thân là Tùng Chi xét: Gia vào nhà Tấn, phong làm Cao Ấp Công. Giữa năm Nguyên Khang, cùng với Thạch Sùng làm Quốc tử bác sĩ. Sau đó Gia làm Đông Hoãn Thái thú, Sùng làm Chinh lỗ tướng quân, coi xét việc quân ở miền Thanh-Từ, đóng đồn ở Hạ Bì; Gia gửi thơ cho Sùng rằng:

“Văn võ dùng đúng lúc, đã tài lại sáng suốt.

Đây là Thạch tiên sinh, hào kiệt của nhà nước.

Vào thì hầu cạnh vua, ra thì lên chín bậc.

Oai trùm miền Thanh-Từ, đức võ miền Ngô-Việt.

*Ngày xưa can đông liêu, tình hơn cả Lỗ-Vệ. Chia li hơn mười năm, nghĩ kỹ lòng
gắn kết.*

Mong ngài giữ lòng thành, nóng lạnh đừng chuyển tiết”.

Sùng đáp rằng:

“Xưa thường gặp tiên sinh, cùng chơi giữa mây xanh,

Dốc lòng dạy Thái tử, đạo hóa đã tốt lành.

Cùng tiếng chẳng khác âm, cho nên được vinh sủng.

Há chỉ có hữu hảo, giữ phận đến cuối cùng.

Khổng chẳng chê Đông Di, Lão hướng về Tây Nhung.

Tiêu dao ở góc biển, cũng giữ được dòng Vương.

Việc đời chẳng ngó ngang, mong chi làm Chu Công.

Tĩnh lặng mà sâu xa, cho nên vẻ ung dung”.

*Tấn thư của Vương Ân chép số của Lại bộ thị lang Lí Trọng rằng: “Tông thất
nhà Ngụy thần phục là nhờ ân huệ của triều đình còn. Đông Hoàn Thái thú Tào
Gia có tài văn học dấu không bằng Chí-Ông⁽⁹⁾ nhưng tính cách trong sạch tốt
đẹp lại hơn; lại đã trải hai quận. Thần cho là nên tiến cử dòng dõi của triều
trước, nên lấy Gia làm Viên ngoại tán kị thị lang”.*

Cương Thương công tử là Cầ, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Cốc Thành Thương công tử là Thặng, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Mi Đái công tử là Chỉnh, làm dòng dõi của chú ruột là Lang trung Thiệu. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, phong Mi Hầ. Năm thứ hai mươi ba, hoẵng. Không có con. Năm Hoàng Sơ thứ hai truy phong tước, thụy là Đái Công. Lấy con của Bành Thành Vương là Cứ tên là Phạm nối dõi Chỉnh. Năm thứ ba, phong Bình Thị Hầ. Năm thứ tư, phong ở huyện Thành Vũ. Năm Thái Hòa thứ ba, tiến tước làm Công. Năm Thanh Long thứ ba, hoẵng, thụy là Trác Công, không có con. Năm thứ tư, hạ chiếu lấy em Phạm là Đông An Hương Công tên là Xiển làm Đái Công, nối dõi Chỉnh. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả một nghìn tám trăm hộ lúc trước.

Linh Thương công tử là Kinh, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Phàn An Công là Quân, làm dòng dõi của chú ruột là Kế Cung Công tên là Bân. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, phong Phàn Hầ. Năm thứ hai mươi tư, hoẵng. Con là Kháng nối tự. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy tiến

tước Công, thụy là An Công. Năm thứ ba, chuyển phong Kháng làm Kế Công. Năm thứ tư, chuyển phong làm Đôn Lưu Công. Năm Cảnh Sơ thứ nhất, hoăng, thụy là Định Công. Con là Kham nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả một nghìn chín trăm hộ lúc trước.

Quảng Tông Thương công tử là Cức, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Đông Bình Linh Vương là Huy, làm dòng dõi của chú là Lãng Lãng Ai Hâu tên là Ngọc. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, phong Lịch Thành Hâu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Lư Giang Vương. Năm thứ tư, chuyển phong làm Thộ Trương Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Thộ Trương. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở huyện Đông Bình. Năm Thanh Long thứ hai, Huy sai quan thuộc đánh quan lại của huyện Thộ Trương, bị quan coi việc tâu hạch, hạ chiếu cắt một huyện, năm trăm hộ; năm đó trả lại huyện bị cắt. Năm Chính Thủy thứ ba, hoăng. Con là Ông nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên- Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn bốn trăm hộ lúc trước.

Thân là Tùng Chi xét: Ông vào nhà Tấn, phong làm Lãm Khâu Công. Trong tông thất của nhà Ngụy, nổi danh sau Quyên Thành Công⁽¹⁰⁾. Đến năm Thái Thủy thứ hai, Ông sai Thế tử là Côn mang biểu đến châu. Hạ chiếu rằng: “Ông giữ đức tu đạo, là người tài của nhà Ngụy; nay Côn từ xa đến, trao cho ấn thao Thế tử, bái thêm làm Kị đô úy, ban một cái áo, mười vạn tiền, các đồ khác đủ dùng”. Ông soạn sách Giải hàn thực tán phương, cùng các sách mà Hoàng Phủ Mật soạn đều truyền ở đời.

Lạc Lãng Vương là Mậu, năm Kiến An thứ hai mươi hai được phong làm Vạn Tuế Đình Hâu. Năm thứ hai mươi ba, đổi phong làm Bình Dư Hâu. Năm Hoàng Sơ thứ ba, tiến tước, chuyển phong làm Thặng Chi Công. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Trung Khâu. Mậu tính ngang bướng, thửa nhỏ không được Thái Tổ sủng ái. Kịp đến thời Văn Đế, riêng không phong Vương. Năm Thái Hòa thứ nhất, chuyển phong làm Liễu Thành Công; năm đó phong Vương. Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Tượng rất ngỗ ngược, nhưng Đại Thuấn vẫn cho làm Hâu ở ấp Hữu Bí⁽¹¹⁾. Gần đây Hoài Nam-Phụ Lăng của nhà Hán đều là tôi phản con nghịch mà có người vẫn được dựng lại nước⁽¹²⁾, hoặc đến đời con thì được phong đất. Họ Hữu Ngu phong đất ở thời xa xưa, các vua Văn-Minh-Chương của nhà Hán chỉ mới trước đây thôi, họ đều chăm tỏ nghĩa với người thân thích vậy. Liễu

Thành Công là Mậu thừa nhỏ không chăm lễ giáo, lớn lên không lo tu đạo. Tiên đế cho rằng người xưa phong tước chư hầu đều trao cho người hiền, trong những người họ Cơ ngày xưa không hẳn là đều được phong Hầu, cho nên riêng Mậu không được phong Vương. Thái hoàng thái hậu⁽¹³⁾ nhiều lần đã nói xin. Nghe nói Mậu vừa rồi biết hối lỗi trước đây, muốn tu thiện sau này. Quân tử đối với người thì tiến cử không hề lầm lỗi trước vậy. Nay phong Mậu làm Liễu Thành Vương để an ủi Thái hoàng thái hậu ở chín tuổi”. Năm thứ sáu, chuyển phong làm Khúc Dương Vương. Năm Chính Thủy thứ ba, Đông Bình Linh Vương hoẵng, Mậu xưng bệnh đau họng, không chịu phát tang, ăn ở ra vào tự nhiên. Quan coi việc tấu xin trừ đất phong, hạ chiếu cắt một huyện, năm trăm hộ. Năm thứ năm, chuyển phong ở huyện Lạc Lăng, hạ chiếu rằng phụng ấp của Mậu ít mà các con lại nhiều, trả lại huyện bị cắt, lại tăng bảy trăm hộ. Giữa năm Gia Bình-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả năm nghìn hộ lúc trước.

PHẦN 2

Văn Hoàng Đế có chín con trai: Chân thị Hoàng hậu sinh Minh Đế; Lí quý nhân sinh Tấn Ai Vương là Hiệp; Phan thực viện sinh Bắc Hải Trác Vương là Nhụy; Chu thực viện sinh Đông Vũ Dương Hoài Vương là Giám; Cừu chiêu nghi sinh Đông Hải Định Vương là Lâm; Từ cơ sinh Nguyên Thành Ai Vương là Lễ; Tô cơ sinh Hàm Đan Hoài Vương là Ung; Trương cơ sinh Thanh Hà Trác Vương là Cống; Tống cơ sinh Quảng Bình Ai Vương là Nghiễm.

Tấn Ai Vương là Hiệp, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy là Kinh Thương Công. Năm Thanh Long thứ hai, lại truy đổi thụy hiệu. Năm thứ ba, con là Thương Vương tên là Tần nối tự. Năm Cảnh Sơ thứ ba, tăng năm trăm hộ, gộp cả ba nghìn hộ lúc trước. Năm Chính Thủy thứ chín, hoăng, không có con. Nước trù.

Bắc Hải Trác Vương là Nhụy, năm Hoàng Sơ thứ bảy Minh Đế lên ngôi, lập làm Bình Dương Huyện Vương. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở quận Bắc Hải. Năm Thanh Long thứ nhất, hoăng. Năm thứ hai, lấy con của Lang Da Vương tên là Tấn làm dòng dõi của Nhụy, phong Xương Hương Công. Năm Cảnh Sơ thứ hai, lập làm Nhiều An Vương. Năm Chính Thủy thứ bảy, chuyển phong ở huyện Văn An. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn năm trăm hộ lúc trước.

Đông Vũ Dương Hoài Vương là Giám, năm Hoàng Sơ thứ sáu được phong; năm đó hoăng. Năm Thanh Long thứ ba, ban thụy. Không có con. Nước trù.

Đông Hải Định Vương là Lâm, năm Hoàng Sơ thứ ba phong làm Hà Đông Vương. Năm thứ sáu, đổi phong ở huyện Quán Đào. Minh Đế lên ngôi, theo ý truyền lại của Tiên đế, sủng ái Lâm hơn các chư hầu khác, nhưng Lâm tính thô bạo, ở trong phòng the, các tì thiếp phần nhiều bị tàn hại. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở quận Đông Hải. Năm Gia Bình thứ nhất, hoăng. Con là Khải nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh

Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả sáu nghìn hai trăm hộ lúc trước. Cao Quý Hương Công tên là Mao là con của Lâm vậy, vào nối dòng cả.

Nguyên Thành Ai Vương là Lễ, năm Hoàng Sơ thứ hai được phong làm Tần Công, lấy quận Kinh Triệu làm nước. Năm thứ ba, đổi phong làm Nguyên Thành Vương. Năm Thái Hòa thứ ba, hoăng. Năm thứ năm, lấy con của Nhâm Thành Vương là Khải tên là Đế nối dõi Lễ. Năm thứ sáu, đổi phong làm Lương Vương. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn năm trăm hộ lúc trước.

Hàm Đan Hoài Vương là Ung, năm Hoàng Sơ thứ hai được phong làm Hoài Nam Công, lấy quận Cửu Giang làm nước. Năm thứ ba, tiến làm Hoài Nam Vương. Năm thứ tư, đổi phong ở quận Trầ. Năm thứ sáu, đổi phong ở huyện Hàm Đan. Năm Thái Hòa thứ ba, hoăng. Năm thứ năm, lấy con của Nhâm Thành Vương là Khải tên là Ôn nối dõi Ung. Năm thứ sáu, đổi phong ở huyện Lỗ Dương. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn bốn trăm hộ lúc trước.

Thanh Hà Trác Vương là Cống, năm Hoàng Sơ thứ ba được phong. Năm thứ tư, hoăng, không có con. Nước trừ.

Quảng Bình Ai Vương là Nghiễm, năm Hoàng Sơ thứ ba được phong. Năm thứ tư, hoăng, không có con. Nước trừ.

Bình rằng: Vương hầu của nhà Ngụy dẫu đã có danh là có tước ấp mà không có xã tắc thực, lại ngăn cấm xa cách, giống với tù ngục; vị hiệu chẳng định, lớn nhỏ thay đổi hằng năm; cái ân cốt nhục đã dở, cái nghĩa anh em lại bỏ. Lập phép tắc xấu tệ nên dẫn đến như thế chẳng!

Viên Tử nói: “Nhà Ngụy nổi dậy nối sau thời đại loạn, dân chúng giảm tổn, không noi theo được phép cũ. Do đó phân phong vương chư hầu, đều sai đến ở nước, chỉ có danh hão mà không có thực. Vương hầu chỉ có hơn trăm quân già để giữ gìn nước mình. Dẫu có hiệu Vương hầu nhưng chỉ ngang kẻ thất phu. Cách trở ở ngoài cõi nghìn dặm, không có lễ châu gập, nước bên không có phép hội họp. Chư hầu đi sứ không được quá ba mươi dặm, lại sắp đặt quan Phòng phụ giám quốc để dò xét họ. Vương hầu đều mong làm kẻ áo vải mà cũng chẳng được. Đã trái với nghĩa lấy tông thất làm phân dậu, lại phá hỏng cái ân họ hàng cốt nhục”.

Ngụy thị xuân thu chép thư của tông thất là Tào Quýnh dâng rằng: “Thần nghe nói bậc Đế vương thời xưa phải phong cho người cùng họ để tỏ rõ thân thích, phải lập người khác họ để nêu rõ người hiên, cho nên kinh truyện chép: ‘Phong thưởng người thân, gần gũi người hiên’; kinh Thư chép: ‘Nêu rõ đức

cao để thân họ hàng; kinh Thi chép: ‘Có đức thì yên, họ hàng làm thành’. Do đó mà xét, nếu không có người hiền thì không lập được công, không có họ hàng thì không được giúp đỡ. Nếu theo cái đạo chỉ gần gũi người thân thì dân dân cũng suy yếu, nếu theo cái đạo chỉ chọn dùng người hiền thì sẽ bị cướp đoạt. Bậc thánh hiền thời xưa biết như thế cho nên tìm cầu rộng rãi cả người thân cả kẻ xa mà cùng dùng họ; gần thì có cái vững của tông thất làm phen dậu, xa thì có cái giúp của người hiền làm phụ tá, thời thịnh thì cùng với họ coi việc, thời suy thì cùng với họ giữ đất, lúc yên thì cùng với họ hưởng phúc, lúc nguy thì cùng với họ chung họa. Do đó mới có được nhà nước, giữ được xã tắc, lịch số lâu dài, gốc cành trăm đời vậy. Nay phép gần người hiền của nhà Ngụy dẫu rõ nhưng đạo gần người thân chưa đủ. Kinh Thi chẳng chép: ‘Tích linh ở đông, anh em cứu nạn’⁽¹⁴⁾ sao? Do đó mà nói, nêu rõ anh em cứu nhau ở lúc tang loạn, cùng lòng ở giữa buổi họa phúc, dẫu có khi tranh giành nhưng không quên cái việc chống người ngoài bức hiếp. Vì sao? Vì cùng hoạn nạn vậy. Nay thì không thế, hoặc dùng nhưng không coi trọng, hoặc bỏ mà không dùng, một sớm biên giới báo việc, đóng cửa chống lại, đôi tay không giúp, tim bụng không giữ. Thần trộm nghĩ như thế, ngủ không yên giấc, mưu tổ lòng son, dâng lên cử khuyết. Xin soạn tập những điều mà thần nghe, luận bàn thành bại, luận rằng:

Ngày xưa nhà Hạ-Thương-Chu trải qua mấy chục đời, vậy mà nhà Tân chỉ hai đời là mất. Sao thế? Vua của ba nhà cùng với chư hầu trị dân, cho nên chư hầu cùng coi việc. Vua của nhà Tân chỉ trị dân của mình, cho nên nguy khốn mà chẳng ai cứu. Nhà nào cùng vui với dân thì người khác tất cùng lo nỗi lo của mình; cùng yên với dân thì người khác tất cứu cái nạn của mình vậy. Đế vương thời xưa biết trị riêng thì không lâu dài được, cho nên cùng trị với người ta; biết giữ riêng thì không giữ vững được, cho nên cùng giữ với người vậy. Chọn người thân kẻ xa mà dùng cả hai, coi cả khác giống mà cùng lập. Cho nên nặng nhẹ đủ để đôi nhau, thân xa đủ để giữ nhau, con đường cướp chiếm bị nghẽn, tính phản nghịch không sinh. Đến lúc suy kém, Hoàn-Văn⁽¹⁵⁾ dùng lễ; nước Sở không cống túi cỏ thì vua Tề đánh nước Sở. Vua Tống không phục nhà Chu thì vua Tấn đánh vua của họ. Phép vua chùng mà lại căng, chư hầu kiêu ngạo mà phải nghiêm túc. Sau thời hai vị vua ấy, dân dân suy bại. Nước Ngô-Sở cậy sông Giang, dựa thành lớn, dẫu ý mong chín đỉnh⁽¹⁶⁾ nhưng vẫn lo sợ họ Cơ, tính gian võ ở trong bụng, mưu nghịch tiêu ở miệng lưỡi; đây há chẳng phải vì (nhà Chu) coi trọng tông thất, tin dùng người hiền, cành lá sum suê, gốc rễ được vững sao? Từ đó về sau, quay sang đánh nhau; nước Ngô bị nước Việt chiếm, nước Tấn chia làm ba⁽¹⁷⁾, nước Lỗ bị nước Sở diệt, nước Trịnh gộp vào nước Hàn; trải đến thời Chiến quốc, họ Cơ bèn suy, riêng vua Yên-Vệ vẫn còn, nhưng đều nhỏ yếu; vì bá chủ miền tây là nước Tân mạnh, phía nam hiếp Tề-Sở, cho nên lo sợ diệt vong, không rồi cứu nhau. Đến thời vua là Noãn, dẫu giáng làm dân thường nhưng cành

nhánh giữ nhau, dẫu ngồi ở ngôi hão như trong nước không có chủ mà vẫn được hơn bốn mươi năm. Nước Tân ngồi ở đất thẳng thẽ, dùng phép tắc trá quyết, đánh dẹp miền Quan Đông, ăn nuốt chín cõi, đến thời Thủy Hoàng bèn định ngôi trời. Ngày dài như thế, dùng sức thế kia, há chẳng phải vì cái đạo rễ sâu gốc bền thì không nhờ được sao? Kinh Dịch chép: ‘Nguy nan đã trù, treo ở cây dâu’. Đức của nhà Chu có thể nói là như thế. Nhà Tân thấy cái nạn của nhà Chu, cho là nhỏ yếu sẽ bị cướp, cho nên bỏ tước ngũ đẳng⁽¹⁸⁾, đặt quan lại ở quận huyện, bỏ dạy lễ nhạc, dùng hình hà khắc; con em không một tắc thước đất phong, công thần không một mảnh đất cắm dùi, trong không có họ hàng để giúp đỡ, ngoài không có chư hầu để làm phen dậu, ý lòng không gần gũi thân thích, ân trạch không ban cho anh em; lại còn cắt xén đuôi cổ, chỉ dùng tim bụng, cưỡi thuyền vượt biển mà còn vớt tay chèo; người đứng xem mà đau lòng; vậy mà Thủy Hoàng điềm nhiên tự cho là có cái vững của miền Quan Trung, có thành vàng nghìn dặm, cho là con cháu có cái rạng rỡ của Đế vương vạn đời; há chẳng lâm sao! Bấy giờ Thuần Vu Việt⁽¹⁹⁾ can rằng: ‘Thần nghe nói vua của nhà Ân-Chu phong con em công thần có hơn nghìn thành. Nay bệ hạ làm vua của bốn cõi mà con em như thất phu, nếu chợt có bọn tôi thân như Đền Thờ⁽²⁰⁾ và bọn ‘lục khanh’⁽²¹⁾ mà không có ai giúp đỡ thì lấy gì cứu nhau? Thần chưa nghe nói việc mà không theo phép xưa mà được lâu dài vậy’. Thủy Hoàng nghe lời lệch lạc của Lí Tư mà bỏ lời bàn ấy, kịp đến ngày thân chết, chẳng cứu vớt được nữa, gửi thiên hạ vào tay của của thất phu, trao việc phế lập vào miệng của gian thần, khiến cho bọn Triệu Cao giết chóc tông thất. Hồ Hợi thừa nhỏ đã quen cái thói hà khắc, lớn lên nối nghiệp của cha, không đổi thay đổi được phép tắc, không sủng ái anh em, mà lại bắt chước Thân-Thương⁽²²⁾, nghe mưu Triệu Cao; tự ở cung cấm, giao việc cho bọn siểm nịnh, thân mật ở cung Vọng Di, dẫu xin làm kẻ dân đen còn được nữa sao? Rút cuộc quận huyện vỡ tan, dân chúng phản loạn, bọn Thắng-Quảng⁽²³⁾ nổi lên ở trước, lũ Lưu-Hạng⁽²⁴⁾ nổi theo ở sau. Nếu Thủy Hoàng nghe kế của Thuần Vu Việt, bỏ lời bàn của Lí Tư mà chia cắt đất đai phong cho con em, noi theo phép tắc của ba nhà, trả đền công lao của tôi thân, khiến cho kẻ sĩ biết vua trên, dân chúng có chúa tể, anh em giúp nhau, đầu đuôi cứu được, dẫu là con cháu có lỗi hỏng đạo hạnh, nhưng thời ấy không có người hiền như Thang-Vũ⁽²⁵⁾; mưu gian chưa phát thì thân đã chết gục, lũ Lưu-Hạng nhỏ nhoi kia há còn bắt tay nhau được sao? Do đó Hán Cao Tổ giương thanh kiếm ba thước mà xua dân chúng ô hợp, trong khoảng năm năm bèn lập nên nghiệp Đế. Từ thừa mở nước đến nay, lập công tạo thế chưa có ai dễ như nhà Hán vậy. Chặt cây rễ sâu thì khó dùng sức, bẻ cây khô mục thì dễ ra sức, đây là lí lẽ đương nhiên vậy. Nhà Hán xét cái sai của nhà Tân, phong cho con em, kịp lúc họ Lữ chuyên quyền, mưu phế nhà Hán, nhưng thiên hạ không dao động, trăm họ chẳng thay lòng là vì chư hầu lớn mạnh như bàn đá vững

chắc, cũng là vì Đông Mâu-Chu Hư⁽²⁶⁾ vâng mệnh ở trong, Tề-Đại-Ngô-Sở⁽²⁷⁾ làm phen dậu ở ngoài vậy. Nếu Hán Cao Tổ nối theo cái phép tắc của nhà Tần mất thì thiên hạ đã truyền không phải của nhà Hán vậy. Nhưng Cao Tổ phân phong, quyền vị hơn cả phép cũ, kẻ lớn thì chiếm châu cắt quận, kẻ nhỏ thì có mấy chục thành trì; trên dưới không biết, quyền ngang nhà vua, cho nên có cái loạn của bảy nước. Giả Nghị nói: ‘Chư hầu lớn mạnh, lâu ngày sẽ gây loạn. Muốn thiên hạ yên ổn, chẳng bằng phong nhiều chư hầu mà giảm bớt sức của họ, khiến cho thế của cả nước như cánh tay của thân thể, như ngón tay của cánh tay, vậy thì thiên hạ chẳng còn lòng phản bội, vua trên chẳng phải nghĩ mưu đánh dẹp’. Văn Đế không nghe. Đến thời Hiếu Cảnh, chỉ dùng kế của Triều Thô⁽²⁸⁾, cắt xén chư hầu, khiến cho người thân oán giận, kẻ xa lo lắng, do đó Ngô-Sở bầy mưu, năm nước theo gió⁽²⁹⁾. Bắt đầu từ thời Cao Đế, kịp đến thời Văn-Cảnh⁽³⁰⁾ mắc nạn, là do phép tắc hơi lỏng lẻo, không được nghiêm ngặt vậy. Đấy gọi là ngọn lớn thì tắt gãy, đuôi lớn thì khó vẫy. Đuôi cùng với thân vẫn có lúc không vẫy được, huống chi là đuôi không thuộc thân, nó mà vẫy được sao? Vũ Đế theo kế của Chủ Phụ⁽³¹⁾, hạ lệnh ban ân, từ đó về sau, nước Tề chia làm bảy, nước Triệu phân làm sáu, nước Hoài Nam cắt làm ba, nước Lương-Đại xẻ làm năm, bèn bị lấn ép, con cháu suy yếu, chỉ thu tô thuế cơm áo, không được nắm chính sự, hoặc bị giảm vàng bỏ phong, hoặc vì không có nối dõi mà bỏ tước. Đến thời Thành Đế, họ Vương nắm quyền⁽³²⁾. Lưu Hưống can rằng: ‘Thần nghe nói tông thất là cành nhánh của nhà nước; cành nhánh rụng thì gốc rễ không còn được che chắn. Ngày nay người cùng họ bị xua đuổi, họ ngoại chuyên quyền, rũ bỏ tông thất, họ hàng suy yếu, đấy chẳng phải là giữ gìn xã tắc, dựng vững dòng dõi của nhà nước vậy’. Lời nói khẩn thiết, nhiều chỗ trích dẫn, Thành Đế dẫu buồn than thở nhưng không nghe theo. Đến thời Ai-Bình⁽³³⁾, họ khác nắm quyền, mượn việc của Chu Công mà làm cái loạn của Điền Thường, ngồi cao mà nắm ngôi trời, một sớm thì có được bốn cõi, Vương hầu tông thất của nhà Hán bỏ ấn cưỡi thao, dâng cống xã tắc, còn sợ không được làm tôi thần, hoặc thì cho là hợp mệnh, khen tụng ân đức của Mãng, há chẳng xót sao! Do đó mà nói, nếu chẳng có tông thất trung hiếu ở thời Huệ-Văn⁽³⁴⁾ dẫu có phản nghịch ở buổi Ai-Bình thì quyền suy thế yếu, không thể định được vậy. Cậy vào cái tài hơn đời của Quang Vũ Hoàng Đế, bắt Vương Mãng đã xong, nối lại dòng dõi của nhà Hán ở lúc đã dứt, đấy há chẳng phải là công của tông thất sao? Vậy mà vẫn không xét cái phép sai của nhà Tần, không theo phép cũ của nhà Chu, không đi theo đường lối phân phong, lại mong chờ ở điều may mắn không cùng. Đến thời Hoàn-Linh⁽³⁵⁾, hoạn quan nắm quyền, trong không có tôi thần liêu chết cứu nạn, ngoài không có chư hầu cùng lo việc nước, vua lẻ loi ở trên, tôi phóng túng ở dưới, gốc ngọn không cứu được nhau, đầu đuôi không qua lại được. Do đó thiên hạ vỡ lở, kẻ gian tranh giành, tông miếu cháy thành

tro than, cung thất hóa thành bụi cỏ. Vua ngồi ở trên chín cỗi mà thân không được yên ổn, thương thay! Thái Tổ Vũ Hoàng Đế của nhà Ngụy ta tỏ đức thánh minh, gồm cả tài lược văn võ, then vì phép vua cắt đứt, thương vì nhà Hán nghiêng lật, cho nên rồng bay ở Tiêu-Bái, phượng vũ ở Duyệt-Dự, quét trừ hung nghịch, cắt diệt kinh nghê, ngưỡng nhìn vua ở tây kinh⁽³⁶⁾ định đô ở ấp Dĩnh⁽³⁷⁾, đức cảm trời đất, nghĩa động thần người. Nhà Hán vâng mệnh trời, trao ngôi cho nhà Đại Ngụy. Nhà Đại Ngụy nổi lên đến nay đã hai mươi tư năm rồi, xem cái được mất của năm nhà mà không dùng được kế hay, thấy cái nghiêng lật của xe trước mà không đổi xết xe; con em Vương hầu nắm ngôi hão, chỉ có dân không dùng được, tông thất tránh vào thôn ấp, không được bàn chính sự của nhà nước, quyền ngang thất phu, thế như dân thường; trong không không có cái vững khó lay của rễ sâu, ngoài không có cái giúp bàn đá của họ hàng, đây chẳng phải là để giữ yên xã tắc, mưu nghiệp cho vạn đời vậy. Vả lại Châu mục, Quận thú ngày nay là phương bá thời xưa mà đều có đất đai nghìn dặm, có nhà có mấy người coi cả việc quân lữ, có kẻ anh em cùng nắm việc; vậy mà con em tông thất từng chưa có một người tham dự ở trong đó để tự giữ chống lẫn nhau, đây chẳng phải làm cứng thân yếu cành, phòng ngừa nạn chột đến vậy. Ngày nay dùng người hiền, hoặc chọn làm chủ của quận lớn, hoặc làm tướng của quân mạnh, vậy mà tông thất có người tài văn chỉ làm chủ của huyện nhỏ, người có tài võ chỉ đặt trên trăm người. Nếu kẻ sĩ có đức cao thì tất để ý ở trong xe lớn, người có tài năng then vì cùng bậc với bọn không cùng hàng. Đây chẳng phải là lẽ chọn người tài và khen thưởng tông thất vậy. Suốt cạn thì sông khô, rễ mục thì lá héo; cành rậm thì che rễ; lá rụng thì thân lẻ vậy. Cho nên có câu rằng: ‘Con sâu có trăm cái chân thì đến chết vẫn không nát’. Đây là đông để giúp vậy. Lời ấy dẫu nhỏ nhưng sánh ý lại lớn. Vả lại tường cao không phải chốc lát mà dựng xong, tiếng nổi không phải một sớm mà có, đều phải dần dần mới thành, dựng có phép thường. Ví như trồng cây, lâu ngày thì gốc rễ của nó cắm sâu, cành lá của nó sum suê, nếu có dòi từ giữ rìng núi đến trông ở dưới cửa cung, dẫu lấy đất đen để vun đắp, lấy nắng xuân để tỏa ấm, vẫn không cứu được khô héo, nói chi đến làm cho sum suê đây? Cây vẫn có thân thích, đất vẫn có dân chúng, dựng lập không lâu thì khinh dưới lẫn trên, thời bình yên vẫn sợ bị bội phản, huống chi là lúc nguy cấp đây? Cho nên bậc Đế vương hiền thánh dẫu yên mà vẫn không nghĩ để ngừa nạn vậy, được mà vẫn phòng bị để tránh mất vậy. Cho nên gió lớn chột thổi đến mà không lo bị gãy nhỏ, thiên hạ có biến mà không sợ nguy khốn vậy”.

Quýnh là dòng dõi của Trung thường thị Thúc Hưng, là bác họ của Thiệu Đế vậy. Bấy giờ thiên tử nhỏ dại, Quýnh mong dùng lời bàn này để khuyên dụ Tào Sảng, nhưng Sảng không nghe theo.

[CHÚ THÍCH]

(1) Tuổi ‘nhược quán’: thời Hán-Nguy, trẻ con đến tuổi hai mươi thì bắt đầu đội mũ để tỏ là người trưởng thành gọi là tuổi ‘nhược quán’.

(2) Ngày xưa Hi-Văn soạn kinh Dịch: Hi chỉ Phục Hi, Văn chỉ Chu Văn Vương. Theo truyền thuyết Phục Hi tạo ra hình vẽ tám quẻ của kinh Dịch, còn Chu Văn Vương soạn lời diễn giải từng quẻ.

(3) Ngày xưa Đường Thúc dâng lúa, Đông Bình hiến tưng: Đường Thúc là chú của Chu Thành Vương, ở ấp Đường có cây lúa tốt mọc bên đê dâng cho nhà Chu, cho là vì đức của Chu Công nên mới thế. Đông Bình chỉ Đông Bình Vương là Lưu Thương của nhà Hán, dâng bài tưng khen đức của Quang Vũ Đế, rất được khen ngợi.

(4) Kinh Thi chép lời răn rằng: ‘Xe lớn, bụi bẩn’: trọn câu chép là: ‘Đừng đem xe lớn đến chỗ bụi bẩn’. Ý nói đừng đem xe lớn đến đón kẻ tiểu nhân.

(5) Lời răn của Mã Viện: chỉ việc tướng của nhà Hán là Mã Viện răn bảo cháu họ không được kết giao với tân khách khinh bạc mà nên học theo người thân trọng tiết kiệm.

(6) Sở-Trung Sơn:Sở chỉ Sở Vương là Bưu, Trung Sơn chỉ Trung Sơn Cung Vương là Cỗn, đều vì phạm cấm giao du ở kinh đô mà bị tấu hạch, cắt giảm hộ ấp, quan lại giao du là bọn Triệu Tông, Đái Tiệp cũng bị khép tội.

(7) Việc cũ của Yên Vương là Đán thời nhà Hán: chỉ việc sau khi Hán Chiêu Đế lên ngôi, Yên Vương là Lưu Đán mưu phản, phải tự sát.

(8) Chu Công rơi lệ xử tội của hai người chú, Hiếu Vũ đau xót mà xét tội ngục của Chiêu Bình: Chu Thành Vương nối ngôi, Chu Công phụ chính, hai người chú của Thành Vương là Sái Thúc và Quản Thúc làm phản, Chu Công đánh bại họ, giết Sái Quản Thúc và đầy Sái Thúc. Thời Hán Vũ Đế,

con của Long Lự công chúa là Chiêu Bình Quân hung bạo, giết cả vú nuôi của mẹ, bị bắt giam ngục, theo phép tắc mà xử tội chết.

(9) *Chí-Ông*: Chí chỉ Tào Chí là con của Trần Tư Vương là Tào Thực, xem ở phần chú Trần Tư Vương truyện; Ông chỉ Tào Ông là con của Đông Bình Vương là Tào Huy, xem ở phần Đông Bình Linh Vương truyện.

(10) *Quyên Thành Công*: chỉ Tào Chí là con của Trần Tư Vương là Tào Thực, sau khi nhà Tấn lập, phong làm Quyên Thành Công.

(11) Ngày xưa Tượng rất ngỗ ngược, nhưng Đại Thuấn vẫn cho làm Hâu ở ấp Hữu Bí: Tượng là em của Thuấn, tính ngang ngược từng mưu giết Thuấn, sau khi Thuấn nối thay vua Nghiêu vẫn phong cho ở ấp Hữu Bí. Cũng vì tình anh em nên mới thế.

(12) Gân đây Hoài Nam-Phụ Lãng của nhà Hán đều là tội phản con nghịch mà có người vẫn được dựng lại nước: Hoài Nam chỉ Hoài Nam Vương là Lưu Trường, là con út của Hán Cao Tổ, vào thời Hán Văn Đế nhiều lần không theo phép tắc nhưng Văn Đế tha cho không giết, sau khi chết thì Văn Đế lại phong cho con là Lưu An làm Phụ Lãng Hâu rồi phong làm Hoài Nam Vương.

(13) *Thái hoàng thái hậu*: chỉ Biện thị, là vợ cả của Ngụy Thái Tổ là Tào Tháo, mẹ của Ngụy Văn Đế là Tào Phi, bà nội của Ngụy Minh Đế là Tào Duệ vậy. Bấy giờ Ngụy Minh Đế tôn Biện thị là Thái hoàng thái hậu.

(14) **Kinh Thi chẳng chép**: ‘Tích linh ở đông, anh em cứu nạn’: tích linh là một loài chim thường sống ở ven nước bắt cá nhỏ. Ý nói vốn quen ở ven nước mà lại ở trên đông thì không quen, phải kêu đông loại cứu nạn. Mượn ý này nói anh em giúp nhau trong lúc hoạn nạn vậy.

(15) *Hoàn-Văn*: chỉ Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công thời Xuân thu, đều là thân thích của nhà Chu.

(16) *Chín đỉnh*: tương truyền vua Hạ Vũ dùng vàng đúc thành chín cái đỉnh (còn gọi là vạc) có khắc hình vẽ sông núi của chín châu, truyền qua nhà Thương rồi truyền cho nhà Chu. Kịp lúc nhà Chu suy mà nước Sở mạnh lên, có cầu chín đỉnh nhưng không được.

(17) *Nước Tấn chia làm ba*: chỉ cuối thời Xuân thu, nước Tấn chia làm nước Hàn, Triệu, Ngụy.

(18) *Ngũ đẳng*: chỉ năm tước Công, Hâu, Bá, Tử, Nam.

(19) *Thuần Vu Việt*: thời Chiến quốc làm Bác sĩ của nước Tề, sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước được làm Bộc xạ, khuyên Thủy Hoàng bỏ chế độ quận huyện mà theo chế độ phân phong chư hầu như thời nhà Chu, nhưng bị Thừa tướng Lí Tư phản bác, rồi bị bãi quan về quê, lại can gián Thủy Hoàng đừng đốt sách chôn Nho mà bị giết.

(20) *Điền Thường*: là đại thần của nước Tề thời Xuân thu, giết Tề Giản Công mà lập Tề Bình Công, tự làm Tư tướng quốc, thu quyền bính vào họ Điền.

(21) *Bọn ‘lục khanh’*: chỉ sáu đại thần của nước Tấn thời Xuân thu là họ Phạm, họ Trung Hàng, họ Trí, họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy tranh giành lẫn nhau, cuối cùng chỉ có ba họ là Hàn, Triệu, Ngụy còn, chia nước Tấn làm ba nước.

(22) *Thân-Thương*: Thân chỉ Thân Bất Hại, Thương chỉ Thương Ưởng, theo thuyết pháp gia, cho rằng thống trị đất nước phải coi trọng hình pháp, đây là phép tắc chủ yếu của nhà Tần.

(23) *Thắng-Quảng*: chỉ Trần Thắng và Ngô Quảng.

(24) *Lưu-Hạng*: chỉ Lưu Bang (tức Hán Cao Tổ) và Hạng Vũ.

(25) *Thang-Vũ*: chỉ vua Thang của nhà Ân và vua Vũ Vương của nhà Chu.

(26) *Đông Mâu-Chu Hư*: Đông Mâu chỉ Đông Mâu Hâu là Lưu Chương, Chu Hư chỉ Chu Hư Hâu là Lưu Hưng, đều là tông thất của nhà Hán giữ gìn ở thành Tráng An, khi họ Lữ chuyên quyền bèn chống đối, rút cuộc cùng các đại thần là Trần Bình, Chu Bột đánh bại được họ Lữ, giữ nghiệp của họ Lưu.

(27) *Tề-Đại-Ngô-Sở*: sau khi Hán Cao Tổ dựng nhà Hán, phong Vương cho các con và anh em. Phong em là Lưu Giao làm Sở Vương; phong cháu họ là Lưu Tị làm Ngô Vương; phong con là Lưu Hằng làm Đại Vương, con là Lưu Phì làm Tề Vương.

(28) *Triều Thố*: người quận Dĩnh Xuyên, thời Hán Cảnh Đế thế lực của chư hầu rất lớn, bèn bày kế sách trừ bỏ chư hầu để ngừa mưu phản, cho rằng từ từ trừ bỏ không bằng nhanh chóng trừ bỏ chư hầu.

(29) *Ngô-Sở bày mưu, năm nước theo gió*: thời Hán Cảnh Đế, các chư hầu mưu phản, khởi từ Ngô Vương là Lưu Tị và Sở Vương là Lưu Mâu rồi

liên kết với năm vị khác là Triệu Vương, Giao Tây Vương, Giao Đông Vương, Truy Xuyên Vương, Tể Nam Vương chia đường hướng về phía tây đến thành Tràng An.

(30) *Văn-Cảnh: chỉ vua Văn Đế và Cảnh Đế của nhà Hán.*

(31) *Chủ Phụ: tức Phủ Phụ Yển, người quận Lâm Truy, vào thời Hán Vũ Đế bày kế chia nhỏ ấp phong của chư hầu để giảm bớt thế lực của họ.*

(32) *Họ Vương nắm quyền: chỉ thân thích họ ngoại là Vương Mãng soán ngôi vị.*

(33) *Ai-Bình: chỉ vua Ai Đế và Bình Đế của nhà Hán.*

(34) *Huệ-Văn: chỉ vua Huệ Đế và Văn Đế của nhà Hán.*

(35) *Hoàn-Linh: chỉ vua Hoàn Đế và Linh Đế của nhà Hán.*

(36) *Tây kinh: chỉ thành Tràng An ở phía tây là kinh đô cũ nhà Hán, đối với thành Lạc Dương là kinh đô phía đông.*

(37) *Định đô ở ấp Dĩnh: Tào Tháo đón Hán Hiến Đế đóng đô ở Hứa Xương thuộc quận Dĩnh Xuyên, ở bên sông Dĩnh, cho nên gọi thế.*

QUYỂN 22 - HOÀN NHỊ TRẦN TỬ VỆ LƯ TRUYỆN

Hoàn Giai, Trần Quân, Trần Thái, Từ Tuyên, Vệ Trăn, Lư Dục.

TRẦN THÁI TRUYỆN

Thái tự là Huy ền Bá. Năm Thanh Long trung, được làm Tán kỵ Thị lang. Năm Chính Thủy trung lại được đổi sang làm Kích tướng quân, Tinh châu thứ sử, gia thêm Chấn uy tướng quân, được c ần cò tiết, lĩnh chức hộ Hung Nô Trung lang tướng, Thái lấy sự nhu thuận đối xử với người Di ở đấy, rất có ân uy. Có bậc quý nhân ở đất Kinh Ấp gửi biểu Thái rất nhiều tiền bạc của cải, bởi thế lúc mua nô tì, Thái treo hết những của cải ấy ở trên vách, không hề đụng đến, khi được vời về làm Thượng thư, Thái lại đem hết những của cải đó mang trả lại người ấy.

Năm Gia Bình sơ, Thái được cử thay Quách Hoài làm Ung châu thứ sử, gia thêm Phấn uy tướng quân. Thục đại tướng quân Khương Duy xuất binh men lối Khúc sơn đắp hai toà thành, sai Nha môn tướng là Câu An, Lý Hâm cố thủ ở đó, lại hẹn rợ Khương Hồ ước thệ cùng vào cướp bóc các quận quanh đó.

Chinh tây tướng quân Quách Hoài cùng với Thái bàn kế chống giữ. Thái nói: “Khúc thành tuy vững chắc, nhưng đường từ Thục đến đó xa xôi hiểm trở, việc vận lương tất chậm trễ. Quân rợ Khương sợ Duy khó khăn việc lao dịch, ắt chưa dễ giúp đỡ hết lòng. Nay ta cần vây hãm quân ấy, có thể không cần phải hết sức phá thành; dẫu họ có quân cứu viện, nhưng đường núi hiểm trở, đâu dễ hành binh như trên đất bằng được”. Hoài bèn theo kế của Thái, sai Thái lĩnh binh vây đánh quân Thục. Hộ quân Từ Chất, Nam An thái thú Đặng Ngải cùng tiến binh vây hãm Khúc thành, cắt đứt đường lấy nước. Bọn Câu An phải ra đánh, Ngải không ứng chiến, quân Thục khốn quẫn, bốc tuyết nấu ăn cho qua ngày tháng chờ cứu viện.

Duy quả nhiên dẫn quân đến cứu giúp, tiến binh ra hướng Ngưu đầu sơn, cùng với Thái đối trận. Thái nói với chư tướng rằng: “ Binh pháp quý ở chỗ không cần đánh mà khuất phục được địch. Nay ta chặn đường ở Ngưu đầu sơn, Duy không có đường tiến, sẽ bị ta cần giữ ở đây.” Rồi lệnh cho các tướng cố sức giữ chắc thành lũy không được giao chiến, lại

phái sứ đến bẩm với Hoài, muốn từ phía Nam vượt qua Bạch Thủy, men sông tiến về hướng Đông, đề nghị Hoài đến thẳng Ngưu Đầu sơn, cắt đứt đường về của quân Thục, có thể bắt được Duy, như thế chẳng cần lo đến bọn Câu An nữa. Hoài khen kế ấy, dẫn ba quân đến Thao Thủy. Duy kinh hãi, phải bỏ chạy. Bọn Câu An cô thế, bèn ra hàng.

Hoài chết, Thái được cử lên thay làm Chinh tây tướng quân, được ban giả tiết, kiêm quản mọi việc quân sự ở Ung, Lương. Năm sau, Ung châu thứ sử Vương Kinh bẩm với Thái rằng, Khương Duy và Hạ Hầu Bá sắp chia quân làm ba đạo nhằm các hướng Kỳ Sơn, Thạch Doanh, Kim Thành, xin tiến binh làm vây cánh, điều quân ở Lương châu tiến đến Bào Hãn đánh vào quân Thục để giảm áp lực cho quân ở Kỳ Sơn. Thái liệu thế địch thấy không thể đương nổi cả ba đường, vả lại chia rẽ binh lực là việc rất không hay, mà quân Lương châu lại chưa ra khỏi cũi, liền bảo Kinh rằng: “Cần phải xét kỹ việc này, để định rõ phương lược, lại phải từ hai phía Đông Tây hợp binh lại mà tiến mới được”.

Bấy giờ Duy dẫn mấy vạn quân tiến đến Bào Hãn, nhằm hướng Dịch Đạo. Thái lệnh cho Vương Kinh tiến lên đóng quân ở Dịch Đạo, đợi quân các nơi đến đủ, sẽ tùy cơ đánh giữ. Còn Thái tiến quân đến Trần Thương. Kinh lại thống lĩnh ba quân tiến đến Cỗ Quan cùng với địch đánh nhau ở đó, gặp bất lợi, Kinh vội chạy về Thao Thủy. Thái thấy Kinh không chiếm đóng Dịch Đạo, sợ có biến, bèn sai đóng năm dinh quân ngay trước trận, Thái đốc ba quân đóng ở phía sau. Kinh cùng Duy đại chiến ở Thao Thủy, bị thua lớn, mới dẫn hơn vạn quân lui về giữ thành Dịch Đạo, binh sĩ còn lại đều thua chạy tan tác cả. Duy thừa thắng vây hãm Dịch Đạo. Thái đóng quân ở Thượng Nhai, chia binh đóng giữ nơi hiểm yếu, sớm tối canh giữ nghiêm ngặt. Đặng Ngải, Hồ Phấn, Vương Bí cũng đến nơi, Thái liền cùng với Ngải, Bí chia quân làm ba đạo, tiến đến Lũng Tây.

Ngải cho rằng “Vương Kinh cậy quân mạnh giao chiến nên bị thua lớn ở phía Tây, nay kẻ địch đông mà sỹ khí đang hăng, lại đang thừa thắng nên quân ta khó mà đương nổi, quân lính của ta vốn là quân ô hợp, nếu bị thua thêm một trận nữa, ắt tướng sỹ đều mất vía cả, mà vùng Lũng Hữu sẽ nguy mất. Cổ nhân có câu rằng: ‘Bị rắn độc cắn vào tay, tráng sỹ phải cắt bỏ cánh tay mình’. Tôn Tử lại nói: ‘Việc binh có lúc không cần đánh, đất đai có lúc chẳng cần phải giữ.’ Chính là bỏ cái nhỏ để bảo toàn lấy cái lớn vậy. Nay Lũng Hữu gặp nguy hiểm, cái hại còn hơn cả độc xà, Dịch Đạo bị vây hãm,

chẳng cần phải cố giữ. Khương Duy tiến binh, ta hãy tạm tránh mũi nhọn của địch. Lại chọn giữ những nơi hiểm yếu, chờ kẻ địch mệt mỏi, rồi sau mới tiến binh cứu, kẻ ấy mới là hay vậy.”

Thái nói: “Khương Duy cất tinh binh thâm nhập, chính là muốn cùng với ta tranh chiến, cần đánh một trận mà được lợi. Vương Kinh nếu cậy thành cao hào sâu cố thủ, sẽ bề gãy được nhuệ khí của địch. Nay lại cùng giao chiến, khiến cho quân địch đắc kế, đại phá quân của Vương Kinh, lại vây hãm Địch Đạo. Nếu như Duy thắng được sẽ điều võ dương oai, tiến binh về phía Đông, chiếm giữ Lịch Dương là nơi chứa lương của ta, thu nhặt hàng binh, liên kết với rợ Khương-Hồ, ngoảnh về Đông tranh tranh chiếm vùng Quan-Lũng, truyềnhịch ra bốn quận, như thế thì quân ta sẽ bị rầy rà to. Mà Duy thừa thắng tiến binh, thành cao cũng bị hạ, nhuệ khí đã mất, có hết sức cũng khó mà giữ được, cái thế đánh giữ khác nhau, khách chủ bất đồng là vậy. Binh thư nói rằng: ‘Sửa cái thuyền, ba tháng thì xong, làm cái mái chèo lại mất quá ba tháng thì vứt đi cả’. Ta tin rằng quân kia ở xa mới tới, Duy sẽ dùng mưu mẹo trí trá để cướp lương thảo. Quân địch ở xa đến chỉ đóng tạm ở đó ít bữa, lương thực ắt không mang đủ, như vậy theo ý ta thì bây giờ cần phải gấp rút tiến lên phá địch, nếu bảo rằng nóng nảy vội vàng mà không theo, tự nhiên bỏ phí mất thời cơ. Thao Thuỷ hình thế như cái dải áo, bọn Duy đang ở sâu phía trong, nay quân ta đóng ở trên cao, chỉ cần dàn binh ở núi Hạng Lĩnh, thì chẳng cần đánh quân kia ắt phải bỏ chạy. Quân địch đến chớ nên buông thả, quân ta bị vây không thể chờ lâu, sao người có thể nói như thế được?”

Rồi ngầm tiến quân đến núi Hạng Lĩnh, ngay trong đêm đến phía Đông Nam thành Địch Đạo đóng quân trên đỉnh núi, sai đốt lửa làm hiệu, ngày thì thúc trống. Tướng sĩ trong thành Địch Đạo thấy quân cứu viện đã đến, đều lấy làm phấn chấn. Thục tướng Khương Duy cho rằng cứu binh còn đang tụ tập bèn phát động tấn công, sĩ tốt nghe tin địch đến, ngờ rằng đóng quân lại ắt có biến, trên dưới đều kinh hoảng. Thái bèn dẫn quân tiến binh đến Lũng Tây, nhân thấy sơn đạo hiểm trở, dờ dặt địch tất đặt phục binh ở đó. Vì thế Thái liền rẽ về con đường phía Nam, quả nhiên Duy đặt quân mai phục binh ở đó đã ba ngày.

Bởi việc hành quân được suôn sẻ, sĩ tốt tiến được xuống phía Nam. Duy thấy thế liền vượt núi đuổi theo, Thái cùng Duy giao chiến, Duy gặp bất lợi phải lui binh. Quân Lương Châu cũng vừa tới phía nam Kim Thành

chiếm giữ nơi sườn núi. Thái mật hẹn với Kinh, cùng tiến binh ra đường lớn, Duy hay được tin ấy, bèn bỏ chạy, tướng sĩ trong thành Dịch Đạo được giải vây. Kinh than rằng: “Lương thảo trong thành còn chẳng đủ dùng mười ngày, sắp sửa chẳng giữ được nơi then chốt, phải bỏ thành mà chạy, làm mất đi một châu quận của quốc gia rồi”. Thái uỷ lạo tướng sĩ, cho ba quân lần lượt kéo về, lại đổi quân khác trấn giữ thành trì, sửa sang chiến lũy, rồi lui binh đóng giữ Thượng Nhai.

Lúc trước, Thái nghe tin Kinh bị vây hãm, quân binh tướng sĩ ở đấy đồng lòng, cố sức bảo vệ thành, Duy cùng sĩ tốt đánh phá hết sức nguy cấp. Thái dâng biểu về triều rồi hoả tốc đêm ngày hành binh đến đó. Trong triều chúng tướng bàn rằng nếu Kinh bỏ chạy về phía Bắc, thành sẽ không thể giữ nổi, Duy ví bằng cắt đứt đường đi Lương châu, hiệu triệu dân Di ở bốn quận, chiếm cứ chỗ hiểm vùng Quan – Lũng, không những sẽ tan mất cánh quân của Vương Kinh mà Lũng Hữu cũng bị uy hiếp nặng. Nên đợi đại binh ở bốn phương tụ tập đầy đủ, rồi kéo đến đánh dẹp. Đại tướng quân Tư mã Văn vương cho rằng: “Xưa Gia Cát Lượng thường tiến ra đó, mà đến chết chẳng làm được việc ấy. Mưu việc lớn ở phương xa, ắt Duy chẳng thể không gắng hết sức. Vả lại trong thành không chứa sẵn lương thảo mà sĩ tốt ở đó bị vây, lương thiếu lại đang nguy cấp, phải nhanh chóng Tây chinh để cứu giúp, đó là thượng sách”.

Một mình Thái trông coi việc một phương, thường hay phô trương thanh thế để trấn áp thiên hạ, ít khi thân bày công việc lên bề trên, dấu đường đất đi lại bất quá chỉ chừng 600 dặm. Tư mã Văn vương nói riêng với Tuân Ý rằng: “Huyền Bá thâm trầm dũng mãnh mà quyết đoán, gánh vác việc nặng nhọc ở một phương, cứu tướng bị vây hãm trong thành, mà chẳng xin thêm binh, lại hiểm khi thân bày việc lên bề trên, ắt hẳn đủ tài dẹp địch. Những bậc Đô đốc Đại tướng, cũng chẳng hơn được nào!”

Sau này Thái được vời về làm Thượng thư hữu Phó xạ, Diễn tuyền cử (1), gia thêm Thị trung Quang lộc đại phu. Đại tướng nước Ngô là Tôn Tuấn xâm phạm vùng Hoài Tứ. Triều đình lấy Thái làm Trấn quân tướng quân, ban cho Giả tiết đô đốc mọi việc quân sự ở Hoài Bắc, lại xuống chiếu cho phép Thái được đi điều động toàn bộ quân lính ở Từ Châu. Tuấn lui binh, ba quân kéo về, Thái được chuyển làm tả Phó xạ. Gia Cát Đản dấy loạn ở Thọ Xuân, Tư mã Văn vương đốc xuất sáu lộ quân đóng ở Khâu Đầu, Thái được xếp đứng đầu một lộ. Tư mã Cảnh vương, Văn

vương đầu chơi thân với Thái, cả Vũ Cai ở đất Bái cũng thân thiện với Thái. Văn Vương hỏi Cai rằng: “Huỳnh Bá sao bằng cha ông ấy là Tư không được?” Cai nói: “Hiếu hết lẽ sách Nhĩ Nhã thì sướng ý, có thể khiến thiên hạ dốc lòng theo mình, chẳng phải thế sao; mình thống kiêm quản ngôi cao, lập công lập sự, còn hơn thế nữa.” Thái trước sau nhờ công lao mà được ăn lộc thêm hai vạn sáu ngàn hộ, con em thì một người được làm Đình hầu, hai người được làm quan nội hầu. Năm Cảnh Nguyên nguyên niên chết, được truy tặng chức Tư không, thụy hiệu là Mục hầu.

Tấn Ký của Kiên Bảo chép rằng: Cao Quý hương công bị giết (2), Tư mã Văn vương hội triều thân bàn việc. Trần Thái không chịu đến, Vương sai cậu là Tuân Khải triệu gọi. Khải đến, Thái nói: “Người ta vẫn bàn rằng, Thái tôi so được với cậu, nay xem ra cậu chẳng bằng Thái này được vậy”. Con em nội ngoại Thái đều bị bức đến cả, mọi người đều phục xuống rửa nước mắt. Vương đợi một lát rồi bảo rằng: “Huỳnh Bá, Khanh xem ta nên xử thế nào?” Đáp rằng: “Nên giết Giả Sung để tạ lỗi với thiên hạ.” Văn Vương nói: “Ta nghĩ nên giảm xuống một bậc”. Thái nói: “Thái tôi chỉ biết nghĩ đến bậc ấy, chứ chẳng biết thứ bậc nào nữa cả”. Văn vương không chịu đổi ý.

Nguy thị Xuân thu chép: Đế đã băng hà, Thái phó Tư Mã Phu, Thượng thư Hữu phó xạ Trần Thái gối đầu vào đùi thi thệ của Đế, khóc lóc rất bi thương. Bấy giờ Đại tướng quân vào đến trong cung, Thái thấy thế rất đau lòng, Đại tướng quân cũng đứng sánh vai với Thái mà khóc, rồi nói rằng: “Huỳnh Bá, việc này ta nên xử thế nào?” Thái nói: “Chỉ có giết Giả Sung, mới có thể tạ lỗi với thiên hạ một chút.” Hồi lâu Đại tướng quân mới nói: “Khanh hãy nghĩ mà đổi xuống cho người khác”. Thái nói: “Há nên để cho Thái nói thêm lời nữa”. Rồi thổ huyết mà chết.

Con Thái là Tuân nối tự, Tuân chết, không có con. Em Tuân là Ôn nối tước. Năm Hàm Hi trung mới lập được chức Ngũ đẳng, bởi Thái có công lao với triều đình, mới đổi phong tước cho con của Ôn là Thận.

TRẦN KIỀU TRUYỆN

Trần Kiều tự Quý Bất, người quận Quảng Lăng huyện Đông Dương. Lúc đi tránh loạn ở Giang Đông đến Đông Thành, từ chối theo mệnh của Tôn Sách và Viên Thuật, quay về bản quận. Thái thú Trần Đăng mời làm Công tào, sai Kiều đến huyện Hứa, bảo rằng: “Người ở huyện Hứa luận bàn, bình phẩm về ta không được tốt lắm; tức hạ hã vì ta đến đó xem xét, rồi quay về chỉ giáo cho ta biết.” Kiều đi rồi quay về nói: “Tôi nghe ngôn luận xa gần, hầu hết nói rằng mình phủ kiêu căng tự đại.” Đăng nói: “Nói đến gia môn hòa mục, đức hạnh vẹn toàn, ta kính trọng anh em Trần Nguyên Phương; nói tới sự băng thanh ngọc khiết, khuôn phép lễ nghĩa, ta kính trọng Hoa Tử Ngư; nói về sự hiểu biết chính trực, ghét cái ác như thù, ta kính trọng Triệu Nguyên Đạt; nói về nghe rộng nhớ dai, tài hoa lỗi lạc, ta kính trọng Khổng Văn Cử; nói tới anh hùng kiệt xuất, có mưu lược bá vương, ta kính trọng Lưu Huyền Đức⁽³⁾. Ta tôn kính người khác như thế, sao ta lại là người kiêu ngạo được! Ngoài ra những việc nhỏ nhặt tầm thường ta đối xử với các vị, vậy có biên chép hết cả lại mà đánh giá được hay chăng?” Đăng nhã nhặn ý tứ đến như thế, mà đối với Kiều lại rất đổi kính trọng.

Vì quận trị bị Tôn Quyền pháí Khuông Kỳ vây hãm, Đăng ra lệnh cho Kiều cầu cứu với Thái tổ. Kiều thuyết Thái tổ rằng: “Bỉ quận tuy nhỏ, nhưng về hình thế đối với quốc gia là trọng yếu, nếu ngài ra ân cứu viện, lấy nơi đó làm phen dậu, thì mưu đồ của người Ngô sẽ dứt, vùng Từ Châu được yên ổn lâu dài, thanh danh uy vũ chấn động nơi xa, sự nhân ái được lưu truyền, những kẻ chưa phục tùng quốc gia, theo gió kéo đến mà nương tựa, rồi tôn sùng đức hạnh nuôi dưỡng uy thế, đó là sự nghiệp của bậc bá vương vậy.” Thái tổ cho Kiều là bậc kỳ tài, muốn lưu lại. Kiều từ chối nói: “Bản quốc có mối nguy treo ngược, tôi chạy vội đến cáo cấp, dù cho không học đòi được Thân Tư, há dám quên cái nghĩa của Hoàng Diễn được chăng⁽⁴⁾?”

Sách Tân tự của Lưu Hưởng chép: Tề Hoàn công cầu hôn với nước Vệ, nước Vệ không nghe, mà gả con cho nước Hứa. Nước Vệ bị nước Địch đánh, Hoàn công không cứu. Thi thể của Vệ Ý công bị người nước Địch ăn mất, duy có buồng gan là còn. Ý công có người bày tội là Hoàng Diễn, vừa mới đi sứ trở về, hủy hoại thân mình ở chỗ buồng gan nói: “Vua ở bên trong, thì bày tội ở bên ngoài.” Rồi mổ bụng mình bỏ buồng gan vào trong bụng mà chết. Tề Hoàn công nói: “Nước Vệ có bày tội như thế mà còn bị diệt, quả nhân không có được người như vậy, chết không biết ngày nào đây!” Bèn cứu nước Vệ, yên định ngôi quân vương nước ấy.

Thái tổ bèn phái quân tới cứu. Quân Ngô đã lui về, Đổng đặt rất nhiều quân mai phục, ngầm dẫn binh đuổi theo, đại phá chúng.

Thái tổ cho vời Kiêu làm Tư không duyên thuộc, phong cho làm Tương lệnh, Chinh nam Trường sử⁽⁵⁾, Thái thú Bành Thành, Lạc lăng, Tây bộ đô úy Ngụy Quận. Có người dân ở Khúc Chu vì cha bị bệnh, dùng trâu để cầu cúng, huyện kết tội phải chém ở giữa chợ⁽⁶⁾. Kiêu nói: “Người ấy là hiếu tử vậy.” Bèn dâng biểu xin tha người ấy. Kiêu được thăng làm Thái thú Ngụy Quận. Bấy giờ trong nhà giam có mấy nghìn người, bị giam giữ đến mấy năm trời, Kiêu cho rằng pháp chế của nhà Chu có ba điển, pháp luật của nhà Hán có ba chương, nay tham cái đạo lý nặng nề, mà giam giữ tù phạm lâu là tai họa, có thể nói là sai lầm vậy. Kiêu tự mình xem xét hết tội trạng của phạm nhân, trong một lúc bàn bạc rồi quyết định. Đại quân đông chinh, Kiêu về tri châu làm Thừa tướng trưởng sử. Quân quay về, Kiêu lại làm Thái thú Ngụy Quận, rồi chuyển sang làm Tây tào duyên.

Kiêu theo đi đánh Hán Trung, rồi quay về tri châu làm Thượng thư. Đi chưa đến huyện Nghiệp, Thái tổ băng ở Lạc Dương, quở trách câu nệ đạo thường, cho rằng Thái tử lên tức vị, phải đợi chiếu mệnh. Kiêu nói: “Vương mất ở bên ngoài, thiên hạ sợ hãi. Thái tử nên nén đau thương lên tức vị, để ủy lạo và ràng buộc lòng trông ngóng xa gần. Vả lại các con của đại vương ở ngay bên cạnh, ví như người này người kia sinh biến, thì xã tắc nguy mất.” Rồi lập tức bố trí quan viên và bày biện đủ lễ nghi, xong xuôi hết trong ngày. Hôm sau, dùng lệnh của Vương hậu⁽⁷⁾, sách mệnh cho Thái tử lên tức vị, đại xá thiên hạ. Văn Đế nói: “Trần Quý Bật vào lúc quan trọng khẩn yếu, mưu lược sáng suốt hơn người, đích thực là kẻ tuấn kiệt một thời vậy.” Đế đăng cơ, chuyển Kiêu sang tạm nhận chức Lại bộ, phong tước Cao Lăng đình hầu, thăng làm Thượng thư lệnh.

Minh đế lên tức vị, Kiêu được tiến tước Đông hương hầu, hưởng thực ấp sáu trăm hộ. Có lần xa giá thốt nhiên đến cửa Thượng thư, Kiêu quỳ xuống hỏi Đế rằng: “Bệ hạ đến đây là mong muốn đi đâu vậy?” Đế nói: “Ta muốn đến xem người coi xét văn thư mà thôi.” Kiêu nói: “Việc đây là chức phận của thần, chẳng phải là thứ Bệ hạ nên xem. Nếu thần không xứng với chức phận đó, thì xin Bệ hạ hãy phế truất thần. Bệ hạ nên về đi thôi.” Minh Đế rất xấu hổ, lên xe ra về Kiêu thành thực và chính trực đến như thế.

Thế Ngữ chép: Lưu Diệp lúc trước diện kiến Đế, nhân đó dèm pha Kiêu là chuyên quyền. Kiêu sợ, đem hỏi con trưởng là Bản, Bản không biết làm thế nào. Con thứ là Khiên nói: “Chủ thượng là bậc thánh minh thông đạt sự lý, đại nhân là bậc đại thần, nay nếu không hợp nhau, bất quá chẳng làm tước công nữa.” Một ngày sau, Đế cho triệu kiến Kiêu, Kiêu lại hỏi hai con, Khiên nói: “Bệ hạ có ý người, cho nên mới gặp đại nhân vậy.” Kiêu gặp Đế, cuối ngày, Đế nói: “Lưu Diệp tố cáo người, trẫm có cho xem xét người; trong lòng trẫm đã rõ rồi.” Rồi đem năm nậm rượu bằng vàng trao cho Kiêu, Kiêu từ chối. Đế hỏi: “Người cho là ân huệ quá ít chăng? Người đã biết tâm lòng của trẫm, song vợ con người chưa biết được nguyên do vậy.” Đế lo lắng cho xã tắc, hỏi Kiêu: “Tư Mã Công là kẻ trung chính, có thể nói là kẻ bày tôi giỏi của xã tắc được chăng?” Kiêu nói: “Ý là chỗ triều đình trông vào; việc xã tắc, thì chưa biết được.”

Kiêu được gia thêm chức Quang lộc đại phu, rồi thăng làm Tư đồ Năm Cảnh Sơ nguyên niên thì chết, được ban thụy là Trinh hầu.

Nguy thị Xuân Thu chép: Kiêu vốn là con của họ Lưu, sinh ra bởi người cậu hôn phối với người trong dòng tộc. Từ Tuyên thường chê bai việc ấy, lúc nghị sự ở triều đình cho đó là thiếu sót. Thái tổ tiếc Kiêu là người tài trí độ lượng, muốn giữ toàn vẹn cho Kiêu, bèn hạ lệnh rằng: “Từ khi tang loạn đến nay, phong tục và giáo hoá điêu bạc, lời bàn luận báng bổ, khó mà dùng để chê bai được. Chuyện từ năm Kiến An thứ năm về trước, nhất thiết chớ có bàn luận. Đem chuyện từ giai đoạn trước mà luận bàn phỉ báng, sẽ vì tội đó mà trị tội.”

Con của Kiêu là Bản nối tự, trải các chức Quận thú, Cửu khanh. Ở đâu cũng giữ kỷ cương, được khen ngợi là có cương lĩnh, có thể khiến cho quần hạ hết lòng. Có tài làm thống soái, không quen với việc nhỏ, chẳng đọc sách về pháp luật mà được Đình úy khen ngợi, hơn hẳn bọn Tư Mã Kỳ, tinh luyện về đạo lý văn vẻ. Sau được thăng làm Trấn bắc tướng quân, được ban Giả tiết đô đốc các việc quân sự ở Hà Bắc. Rồi chết, con là Sán nối tự. Em của Bản là Khiên, năm Hàm Hi trung là Xa kỵ tướng quân.

Xét Tấn thư chép: Khiên tự Hưu Uyên, là công thần sáng nghiệp nhà Tấn, ngôi vị đến Thái phó, được phong làm Cao Bình quận công.

Khi trước, Kiều làm Công tào ở quận, đi sứ qua địa giới huyện Thái Sơn. Thái thú Thái Sơn người Đông Quận là Tiết Đễ, kết làm thân hữu. Lúc đùa dỡn bảo Kiều rằng: “Làm quận lại mà giao du với quan Nhị thiên thạch, được vua của nước láng giềng khuất thân theo làm bầy thần đi du ngoạn, chẳng cũng đúng sao?” Đễ sau làm Thái thú Ngụy Quận, rồi làm Thượng thư lệnh, ngôi vị đầu kém hơn so với Kiều.

***Thế Ngữ chép:** Đễ tự Hiếu Uy. Năm hai mươi hai tuổi, làm Tòng sự ở Duyện châu, rồi làm Thái thú Thái Sơn. Khi trước, Thái tổ bình định Ký Châu, lấy Đễ và người ở Đông Bình là Vương Quốc làm tả hữu Trưởng sử, sau làm đến chức Trung lĩnh quân, đều hết sức trung trinh chuyên cần với công việc, là quan lại tiêu biểu ở đời.*

TRẦN QUÂN TRUYỆN

Trần Quân tự Trường Văn, người quận Dĩnh Xuyên huyện Hứa Xương. Tổ phụ là Thật, cha là Kỷ, chú là Kham, đều là những người nổi tiếng.

Thật tự Trọng Cung, Kỷ tự Nguyên Phương, Kham tự Quý Phương.

Ngụy thư chép: *Đương thời, Thật là vị quan có đức, Kỷ-Kham đều có danh vọng lớn ở đời. Thật làm trưởng huyện Thái Khâu, gặp tai họa bè đảng, đi ẩn cư ở Kinh Sơn, xa gần coi là bậc tông sư⁽⁸⁾. Linh đế băng hà, Hà tiến làm phụ chính, tiến dụng kẻ sĩ trong thiên hạ, cho vời Thật, muốn lấy làm Tham quân, vì Thật già cả bệnh tật, quyết không khuất tiết theo lệnh, Kham làm Tư không duyệt, chết sớm. Kỷ làm quan trải các chức Bình Nguyên tướng, Thị trung, Đại hồng lư, soạn được mấy chục thiên sách, người đời gọi Kỷ là Trần tử⁽⁹⁾. Thật mất rồi, Tư không Tuân Sảng, Thái phó lệnh Hàn Dung đều để tang ba năm, bắt con cháu phải theo lễ. Ở bốn phương có mấy nghìn cỗ xe đến viếng, bọn Quách Thái ở Thái Nguyên chẳng ai không đến dự.*

Phó tử chép: *Thật mất, người khắp thiên hạ đến phúng điếu, lúc an táng Thật có ba nghìn người dự, lại có mấy trăm người mặc áo xô gai để tang.*

Tiên hiền hành trạng chép: *Đại tướng quân Hà Tiến phái thuộc hạ đến phúng viếng, đặt cho thụy hiệu là Văn Phạm tiên sinh. Vì thế, Thật, Kỷ đều nổi tiếng là bậc cao danh, mà Kham cũng được dự vào đó, người đời gọi họ làm Tam quân. Mỗi khi quan phủ hạ lệnh trưng triệu, tất cả ba người đều đến cùng lúc, lễ vật của công khanh, đại phu chất thành đống, bọn thừa, duyệt lần lượt qua lại ba nhà⁽¹⁰⁾. Trăm họ ở Dự châu đều vẽ hình Thật, Kỷ, Kham treo ở trong nhà.*

Lúc Quân còn nhỏ, Thật thường cho rằng Quân là người kỳ dị, bảo với các vị phụ lão ở trong họ rằng: “Thằng nhỏ ấy tất làm rạng rỡ tổ tông nhà ta.” Khổng Dung ở nước Lỗ kiêu ngạo là có tài cao, ở vào giữa độ tuổi của Kỷ và Quân, trước đây cùng với Kỷ là bạn hữu, về sau kết giao cùng với Quân, lại được Kỷ bái phong, vì thế nổi danh. Khi Lưu Bị đến Dự châu, cho vời Quân đến làm Biệt giá. Lúc Đào Khiêm bị bệnh chết, Từ châu nghênh đón Bị, Bị muốn qua đó, Quân thuyết Bị rằng: “Viên Thuật còn đang mạnh, nay ta về Đông, tất phải giao chiến với họ. Lã Bố nếu như tập kích ở phía sau tướng quân, tướng quân đâu có được Từ châu, đại nghiệp

tất không thành được.” Bị sau cứ đi, cùng Viên Thuật giao chiến. Bớ quả nhiên tập kích Hạ Bi, phái binh đến giúp Thuật, đại phá quân của Bị, Bị hận đã không dùng lời của Qu ần. Qu ần được tiến cử Mậu tài, rồi đổi làm Chá lệnh⁽¹¹⁾, không chịu đi, theo Kỷ đến lánh nạn ở Từ châu. Vừa lúc Lã Bố bị phá, Thái tổ cho vời Qu ần tới làm Tư không Tây tào duyên chúc. Bấy giờ có người tiến cử Vương Mâu ở Lạc An, Chu Quỳ ở Hạ Bi, Thái tổ cho vời họ đến. Qu ần yêu cầu chỉ cho họ làm giáo chúc⁽¹²⁾, cho rằng Mâu, Quỳ đức xấu, Thái tổ không nghe. Về sau Mâu, Quỳ phạm tội trộm cướp bị giết, Thái tổ bèn tạ lỗi với Qu ần. Qu ần tiến cử người ở Quảng Lăng là Trần Kiêu, người ở Đan Dương là Đái Kiền, Thái tổ đều dùng họ. Sau này người Ngô làm phản, Kiền vì trung nghĩa tử nạn, Kiêu về sau là danh thần, người đòi cho là Qu ần biết xét người. Qu ần được đổi làm chúc lệnh ở các huyện Tiêu, Tấn, Trường Bình, lúc cha mất Qu ần bỏ chúc quan. Về sau vì Tư không duyên đề cử cao đệ, Qu ần được làm Trì thư Thị ngự sử, rồi chuyển sang làm tham mưu việc quân cho Thừa tướng. Nguy quốc kiến lập, Qu ần được thăng làm Ngự sử Trung thừa.

Thời ấy Thái tổ thương nghị việc khôi phục lại nhục hình, từng xuống lệnh rằng: “Làm sao có được người tài thấu hiểu chuyện cổ kim mà thông tỏ được cái đạo lý quy ền biến của bậc quân tử, để có thể giúp ta quyết định việc này đây! Trước đây Trần Hồng Lư⁽¹³⁾ cho rằng tử hình là cái cách ban ơn nhân đạo nhất, chính là nói về việc ấy vậy. Ngự sử Trung thừa có thể bày tỏ rõ cái nghị luận của phụ thân khanh được chăng?” Qu ần thưa rằng: “Cha thần là Kỷ cho rằng nhà Hán loại bỏ nhục hình mà tăng hình phạt đánh roi, vốn xuất phát từ sự trắc ẩn nhân tâm nhưng số người chết lại nhiều thêm, việc đó nếu về danh nghĩa thì là nhẹ mà thực chất lại là nặng vậy. Danh nghĩa nhẹ thì dễ phạm tội, thực chất nặng thì hại đến dân. Thư Kinh viết: ‘Chỉ có kính sợ ngũ hình, mới thành tam đức⁽¹⁴⁾.’ Dịch đặt ra các phép, xẻo mũi, chặt cẳng, cắt ngón chân, là dùng để phụ giúp việc chính trị, giáo dục người dân, trừng trị kẻ xấu khiến người phạm tội giảm đi. Và lại giết người đ ền mạng, là hợp với phép xưa; đến như kẻ làm hại người ta, hoặc tàn huỷ thân thể họ mà chỉ cắt râu tóc của kẻ ấy, là trái với đạo lý ấy vậy. Nếu dùng lại hình phạt thời xưa, khiến cho kẻ phạm tội dâm phải vào tù⁽¹⁵⁾, kẻ phạm tội trộm cắp phải bị chặt chân, như thế thì vĩnh viễn không có kẻ dâm ô phóng đảng, đào tường khoét ngạch làm chuyện gian tà vậy. Trong ba nghìn thứ tội, dẫu chưa thể trừ bỏ hết, nếu người ta

ngĩ đến mấy hình phạt ấy, thì đó chính là mối lo lắng của họ vậy, ta nên sớm cho thi hành. Theo pháp luật của nhà Hán thì giết người chưa hẳn là tội chết, lòng nhân thế là chưa đúng mức, nên ngoài cái tội chết, ta có thể dùng hình. Như thế, thì dùng hình là giúp cho người ta được sống, đủ để thay cho cái chết vậy. Nay dùng phép đánh roi để chết thay cho hình phạt không chết người, ấy là trọng thân thể mà coi thường tính mệnh của người ta vậy.” Bấy giờ Chung Do cùng với Trần Qu ần bàn định cùng ý kiến, Vương Lăng cùng với những người khác cho rằng việc ấy chưa thể thi hành. Thái tổ rất khen lời của Do và Qu ần, song lấy cớ việc quân chưa dứt được, để bàn định thêm, cho nên việc đó tạm dừng.

Qu ần được chuyển sang làm Thị trung, lĩnh chức Thừa tướng Đông Tây tào duyên⁽¹⁶⁾. Ở chốn tri ều đường, cứ việc hợp đạo lý thì làm⁽¹⁷⁾, rất quý trọng danh nghĩa, chẳng làm việc trái đạo với người. Thôi Văn đế còn ở ngôi Đông cung, rất kính trọng tài năng của Qu ần, lấy lễ bạn hữu mà tiếp đãi, thường khen rằng: “Từ khi ta có H ỗ, các học trò ngày càng thân thiết với ta⁽¹⁸⁾.”

Tào Phi tức vương vị⁽¹⁹⁾, phong Qu ần làm Xương Vũ đình hầu, rồi chuyển sang làm Thượng thư. Việc định ra cử phẩm pháp điển cho người làm quan, đó là ý kiến của Qu ần vậy. Lúc Tào Phi lên ngôi, Qu ần được thăng làm Thượng thư Bộc xạ, gia thêm chức Thị trung, rồi đổi làm Thượng thư lệnh, tiến tước Dĩnh hương hầu. Để đi đánh Tôn Quyền, đến Quảng Lăng, sai Qu ần lĩnh chức Trung lĩnh quân. Để quay về ban cho Qu ần Giả tiết, đô đốc thủy quân. Lúc về Hứa Xương, lấy Qu ần làm Trấn quân Đại tướng quân, lĩnh Trung hộ quân, Lục thượng thư sự. Để ốm nặng, Qu ần cùng với bọn Tào Chân, Tư mã Tuyên vương đều nhận di chiếu làm phụ chính. Minh đế lên tức vị, tiến phong Qu ần làm Dĩnh Âm hầu, tăng thực ấp lên năm trăm hộ, cộng cả lúc trước là một nghìn ba trăm hộ, cùng với Chinh đông Đại tướng quân Tào Hưu, Trung quân Đại tướng quân Tào Chân, Phủ quân Đại tướng quân Tư mã Tuyên vương đều được mở phủ riêng. Ít lâu sau, được làm Tư không, giữ chức Lục thượng thư sự như trước.

Thời ấy, Đế mới bắt đầu gánh vác chính sự, Qu ần dâng sớ rằng: “Kinh Thi chép ‘Lấy gương của Văn vương làm khuôn mẫu, muôn dân thấy mà tin theo⁽²⁰⁾’; Lại nói ‘Hãy làm gương cho vợ của mình, rồi đến anh em, cho đến khắp cả nước nhà⁽²¹⁾.’ Đạo lý từ đó mới g ần gũi, mà người trong thiên

hạ được cảm hoá dần. Từ khi tang loạn đến nay, gương đạo giáo mác chưa ngừng nghỉ, trăm họ không biết đến cội rễ của vương giáo, sợ hãi loạn lạc thái quá. Bệ hạ nhận lấy ngôi cao nhà Ngụy, gánh vác cơ nghiệp của nhi tử⁽²²⁾, thiên hạ hi vọng thời trị đã đến, chỉ nên dùng đức để cảm hoá người ta, ban ơn thương xót đến lê dân, thì trăm vạn dân may lắm. Nếu thần can ý như mọi người, để thị phi lẫn lộn, ấy là đại hoạ cho quốc gia vậy. Mà để quần thần chẳng hoà mục thì sẽ sinh ra đảng thù, có đảng thù thì vô có huỷ hoại sự yên vui, sự yên vui bị huỷ hoại thì chân thật giả dối mất đi thật, chẳng thể không phòng bị kỹ lưỡng, lấy đó để dứt tuyệt mầm mống việc ấy.”

Năm Thái Hoà trung, Tào Chân dâng biểu muốn theo mấy đường phạt Thục, từ Tà Cốc tiến vào. Quần cho rằng “Ngày trước Thái tử đến Dương Bình tấn công Trương Lỗ, thu được nhiều lúa, đậu để bổ sung quân lương, Lỗ chưa hạ được mà lương thực đã thiếu thốn. Nay đã không xét nguyên do ấy, vả lại Tà Cốc hiểm trở, khó bề tiến lui, việc vận chuyển tất sẽ bị giặc cướp đánh chặn, nếu để nhiều binh để giữ nơi trọng yếu, tất sẽ hao tổn quân sĩ, chẳng thể không suy tính kỹ được.” Để theo lời bàn của Quần. Chân lại dâng biểu xin từ Tỵ Ngộ tiến quân. Quần lại bày tỏ rằng hướng ấy ra quân rất bất tiện, cho rằng việc quân cần phải dụng kế. Để hạ chiếu để Quần nghị bàn cùng với Chân, Chân được toại nguyện xuất quân. Bấy giờ là lúc mưa dầm liên miên, Quần lại cho rằng nên hạ chiếu gọi Chân về, Để nghe theo.

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Coi xét việc tiến cử.*
- (2) *Tào Mao bị Tư mã Chiêu giết.*
- (3) *Tức là Trần Kỳ (chú của Trần Quân); Hoa Hâm; Triệu Dục (danh sĩ Từ Châu, có nói đến ở Đào Khiêm truyện); Khổng Dung; và Lưu Bị.*
- (4) *Nước nhà bị nguy khốn, Thân Bao Tư cầu viện nước Tân, khóc bảy ngày liền ở trước sân, vua Tân phát binh cứu viện, Thân Bao Tư mới chịu trở về; còn về Hoàng Diễn, phần chú của Bùi Tùng Chi đã nói rõ.*
- (5) *Tức là quan Trưởng sử của Chinh nam tướng quân Tào Nhân.*
- (6) *Thời xưa đặc biệt chú trọng nông nghiệp, trâu cày là vật nuôi rất quan trọng với nghề nông. Vô cớ giết trâu, dùng để cúng tế là tội rất nặng.*
- (7) *Tức Biện thái hậu.*
- (8) *Giai đoạn lịch sử này có nguyên nhân là vì hoạn quan lộng hành, giới trí thức đa phần ủng hộ ngoại thích diệt trừ hoạn quan, việc bại lộ nên rất nhiều trí thức thanh lưu bị bắt, giết, bị cấm đoán, lịch sử gọi sự kiện này là tai hoạ bè đảng. Trần Thật là trí thức, tránh hoạ bè đảng nên phải lánh đi ở ẩn, vì tài năng khác thường, được người ta gọi là ‘tông sư’, bậc thầy.*
- (9) *Người đời khen ngợi Kỳ, coi Kỳ như những người soạn các trước tác, đưa ra luận thuyết, nổi tiếng ở đời như Trang tử, Lão tử, Phó tử... Tức là đánh giá Trần Kỳ rất cao vậy.*
- (10) *Nguyên văn đoạn này là ‘mỗi tế phủ tịch mệnh, suất giai đông thì, cao nhận thành quần, thừa duyệt giao chí’. Hai chữ ‘tịch mệnh’ theo zdic giảng là ‘trung triệu, nhận mệnh’; hai chữ ‘suất giai’ thì được giảng là ‘tất cả đều’, hai chữ ‘cao nhận’ được giảng là ‘lễ vật của quan khanh, đại phu’. Theo sách Chu lễ, Xuân Quan - Đại Tông Bá thì quan khanh dùng lễ vật là con dê con, đại phu dùng lễ vật là chim nhận. Xin dịch thoát ý cả câu như trên.*

(11) Chức lệnh ở huyện Chá.

(12) Chức quan nhỏ, chỉ lo việc dạy học.

(13) Trần Hồng Lư tức là Trần Kỷ, cha Trần Quân, từng làm chức Đại Hồng Lư nên được gọi một cách kính trọng là Trần Hồng Lư.

(14) Ngũ hình là năm thứ hình phạt nặng thời cổ, mỗi loại lại chia ra nhiều cấp bậc khác nhau; tam đức là ba đức tính tốt của người ta.

(15) Tàm thất là cái nhà ngục để thiến người, kẻ bị thiến phải ở buồng kín như buồng tằm nên gọi là tàm thất.

(16) Cai quản việc ở cả Đông tào duyên và Tây tào duyên của phủ Thừa tướng.

(17) Câu này xuất xứ từ sách Luận Ngữ, nguyên cả câu trong Luận Ngữ là: ‘Tử viết: Quân tử chi ư thiên hạ dã, vô thích dã, vô mặc dã, nghĩa chi dĩ tị.’ Có nghĩa là ‘Bậc quân tử với việc đời, không

có gì là không có ý làm, không có gì là không có ý bỏ, cứ hợp nghĩa là làm.’

(18) Nguyên văn: ‘Tự ngô hữu Hôi, môn nhân nhật dĩ thân’, đây vốn là câu nói của Khổng tử khen trò giỏi của mình là Nhan Hôi. Tào Phi nói câu ấy cũng là có ngụ ý rằng ‘từ khi mình có Trần Quân, thì người thân thiết với mình ngày càng nhiều’.

(19) Lên nối ngôi vương của Tào Tháo.

(20) Đây là một câu trong Kinh Thi. Nguyên văn trong sách là ‘Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương, vạn bang tác phụ’, có nghĩa là ‘Trời ở trên cao, không mùi không vị, tấm gương của Văn Vương là khuôn mẫu, muôn dân thấy mà tin.’. Chữ ‘hình’ ở đây được giải nghĩa như là ‘nêu gương, tấm gương’.

(21) Đây cũng là một câu lấy từ kinh Thi. Nguyên văn là: ‘Văn Vương hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, dĩ ngự ư gia bang’. Chữ ‘quả thê’ là chữ mà Văn Vương gọi vợ mình, sau này các vua chúa hay xưng là quả nhân, có lẽ lấy ý từ đây. Câu này hiểu là ‘Văn Vương làm gương cho vợ của mình, rồi đến anh em, cho đến khắp cả nước nhà’.

(22) Tào Phi, Tào Tháo.

QUYỂN 24 - HÀN THÔI CAO TÔN VƯƠNG TRUYỆN

Hàn Kỳ, Thôi Lâm, Cao Nhu, Tôn Lễ, Vương Quán

TÔN LỄ TRUYỆN

Tôn Lễ tự Đức Đạt, người Trác quận huyện Dung Thành. Thái tổ bình định U châu, cho triệu Lễ làm Tư không quân mưu duyện. Lúc mới xảy tang loạn, Lễ cùng với mẹ lạc nhau, người đồng quận là Mã Đài tìm được mẹ của Lễ, Lễ đem cả gia tài chu cấp cho Đài. Về sau Đài phạm tội bị xử tử hình, Lễ ngậm chỉ dẫn cho Đài vượt ngục rồi ra đầu thú, xong việc, Đài nói: “Thần theo đạo nghĩa không thể bỏ trốn.” Rồi đến ngay chỗ quan Thứ gian Chủ bộ là Ôn Khôi nhận tội. Khôi khen ngợi, bạch rõ với Thái tổ, Thái tổ hạ lệnh giảm tội cho cả hai người xuống một bậc.

Sau Lễ được đổi sang chức Quận thừa ở Hà Gian, rồi thăng làm Đô úy Huỳnh Dương. Bọn đạo tặc ở Sơn Trung có mấy trăm tên, giữ vững nơi đất hiểm, làm hại dân chúng; triều đình bèn cho Lễ làm Lỗ tướng⁽¹⁾. Lễ đến nhậm chức, mở kho lương, phát chẩn cho dân, tuyển mộ quân binh, chiêu nạp kẻ ra hàng, khiến bọn đạo tặc bị chia rẽ, vùng ấy lập tức yên bình. Lễ lần lượt làm Thái thú các quận Sơn Dương, Bình Nguyên, Bình Xương, Lang Nha. Rồi theo Đại tư mã Tào Hưu đi đánh Ngô ở Giáp Thạch, Lễ đưa lời can gián cho rằng không nên vào sâu trong đất địch, Hưu không nghe nên bại trận. Lễ được thăng làm Thái thú Dương Bình, sau về triều làm Thượng thư.

Minh đế đang sửa sang cung thất, nhưng thời tiết không thuận, thiên hạ thiếu lương thực. Lễ cố can ngăn, việc sai dịch được bãi bỏ, có chiếu rằng: “Cung kính thu nhận lời nói thẳng, sẽ khiến cho dân chúng làm theo.” Bấy giờ Lý Huệ làm Giám tác, lại tấu xin đợi một tháng, việc xây dựng sẽ xong hẳn. Lễ đi đến công trường, không dâng chiếu lại lần nữa, phao lên rằng có chiếu giải tán dân, Đế lạ về ý ấy nhưng không trách tội.

Đế đi săn ở núi Đại Thạch, có con hổ vọt đến bên xe, Lễ liền quăng roi nhảy xuống ngựa, định vung kiếm phạt con hổ, Đế chiếu lệnh cho Lễ lên ngựa. Lúc Minh đế sắp băng hà, lấy Tào Sảng làm Đại tướng quân, nên Sảng được tin tưởng, ở bên giường nhận di chiếu, bái Lễ làm Trưởng sử

cho Đại tướng quân, thêm chức Tán kỵ thường thị. Lễ thành thật chính trực, Sảng chẳng thấy tiện, mới dùng Sảng làm Thứ sử Dương châu, thêm chức Phục ba tướng quân, ban cho tước Quan nội hầu. Đại tướng quân nước Ngô là Toàn Tông thống suất mấy vạn binh lính đến xâm lấn cướp bóc, bấy giờ binh lính ở trong châu đang kỳ nghỉ, ở đó không có bao nhiêu. Lễ thân dẫn vệ binh đến ngăn chúng, giao chiến ở Thước Pha, từ sáng đến chiều tối, tướng sĩ tử thương quá nửa. Lễ xông pha giẫm đạp đao gươm, ngựa bị mấy vết thương, tay vẫn cầm dài trống, hăng hái chẳng đoái hoài đến thân mình, bọn giặc phải lui. Có chiếu thư uỷ lạo, ban cho bảy trăm xấp lụa. Lễ vì những quân sĩ bị chết bày cỗ tế tự khóc lóc, thương gào xé ruột, lấy hết số lụa giao cho gia quyến người chết, không lấy chút gì cho mình.

Lễ được vời về triều bái làm Thiếu phủ, sau ra ngoài làm Thứ sử Kinh châu, rồi thăng làm Ký châu mục. Thái phó Tư Mã Tuyên Vương bảo Lễ rằng: “Nay có việc tranh chấp địa giới giữa Thanh Hà và Bình Nguyên đã tám năm, trải qua hai đời Thứ sử, không thể giải quyết được tranh chấp; việc của Ngụ, Nhuế đợi đến Văn Vương mới xong⁽²⁾, người nên khéo léo giải quyết sao cho phân minh rõ ràng.” Lễ nói: “Việc kiện tụng đất đai thì có chứng cứ là khu mộ địa để chứng nghiệm, xét xử thì lấy chính kiến của các vị bô lão già cả, mà người già thì chẳng thể dùng roi đánh đập, lại nữa là khu mộ địa hoặc là đã di chuyển tới nơi cao ráo phẳng phiu, hoặc là bị dời đi vì cừu thù. Như những điếu nghe được hiện nay, dù là Cao Đào⁽³⁾ cũng còn khó giải quyết. Nếu muốn làm cho không có kiện tụng, nên dùng địa đồ trước đây của Liệt tổ⁽⁴⁾ thời phong đất ở Bình Nguyên mà quyết định. Hà tất phải suy tìm điển cố thời xưa, để thêm chương từ kiện tụng? Trước kia Thành Vương lấy lá ngô đồng đùa bốn Thúc Ngụ⁽⁵⁾, Chu công liễn phong đất cho Thúc Ngụ. Nay địa đồ tàng trữ ở thiên phủ, căn bản có thể nghĩ một chỗ mà quyết đoán, há phải đợi chờ người đến tận châu quận ấy phân xử sao?” Tuyên vương nói: “Phải đấy. Nên phân chia theo địa đồ.” Lễ đến nơi, án theo địa đồ chia các vùng thuộc huyện Bình Nguyên. Nhưng Tào Sảng tin lời của người ở Thanh Hà, hạ chiếu thư rằng: “Địa đồ chẳng nên dùng, nên tham chiếu những điểm khác biệt.” Lễ dâng sớ rằng: “Quản Trọng giúp đỡ kẻ làm bá, khí độ của ông ấy lại nhỏ, mà còn có thể tước đoạt Biền Ấp của họ Bá, mà khiến cho không ai có lời oán thán. Thần nhận trách nhiệm làm Mục bá⁽⁶⁾, vâng lệnh thánh triều mình xét địa đồ,

chúng nghiệm làm rõ bờ cõi địa giới, địa giới huyết Thập lấy sông Vương Ông làm mốc; còn huyện Phụ lấy Mã Đan Hậu để thăm hạch, huyện Trá lấy sông Minh Độc làm mốc. Ví như không có kiện tụng, ngờ là phủ quan lẩn lẩn. Thần trộm nghe được rằng lời của số đông thì nấu chảy được vàng, khiến đá nổi gỗ chìm, ba người nói dối thì lời như hổ dữ, từ mẫu quăng thoi⁽⁷⁾. Nay hai quận tranh bờ cõi đã tám năm, một sớm quyết xong, duyên do từ việc phân tích rõ bức địa đồ, mới có thể tìm xét mà đính chính được. Quận Bình Nguyên ở giữa hai con sông, theo hướng đông đi lên, ở giữa có đê Tước, đê Tước ở phía tây nam huyện Cao Đường, vùng đất tranh chấp ở phía tây bắc Cao Đường, cách xa hơn hai mươi dặm, như thế có thể khiến người ta thở dài sa nước mắt. Phân tích rõ địa đồ mà tấu lên thì huyện Phụ không vâng chiếu lệnh, thế là thần hèn nhất vô dụng chẳng làm nổi chức trách của mình, thần còn mặt mũi nào hưởng tước lộc hư hao đây.” Xong lập tức mặc áo đi giầy, gióng xe đợi triều đình bãi chức. Sáng thấy bản tấu của Lễ, cả giận. Bèn hặc tội Lễ có ý oán vọng, kết tội phạt năm năm. Ở nhà hết hạn phạt, chúng nhân đa phần vì Lễ đưa lời xin, triều đình phong cho Lễ làm Thành môn hiệu úy.

Bấy giờ vua Hung Nô là Lưu Tịch có binh lính thuộc hạ cường thịnh, còn người Tiên Ti mấy lần vào cướp ở biên giới, triều đình bèn dùng Lễ làm Thứ sử Tinh Châu, gia thêm chức Chấn vũ tướng quân, cho cưỡi cờ tiết, hộ Hung Nô trung lang tướng. Lễ qua gặp Thái phó Tư Mã Tuyên Vương, sắc mặt có ý giận dữ mà không nói. Tuyên Vương hỏi: “Người được Tinh Châu, còn chê bai gì? Hay tức giận về việc phân chia địa giới mà mất danh phận chẳng? Nay sắp chia biệt đi xa, sao chẳng vui mừng?” Lễ nói: “Minh công sao nói ra cái điều vụn vặt quái gở vậy! Lễ dẫu bất đức, há vì chức vị hay việc đã qua mà có ý giận sao? Ta vốn cho là Minh công noi được vết chân Y, Lễ⁽⁸⁾, không phò Ngụy thất, trên báo sự phò thác của Minh đế, dưới gây dựng công huân cho vạn đời. Nay xã tắc sắp nguy nan, thiên hạ binh biến, Lễ này vì thế mà không vui vậy.” Liền đó chảy nước mắt ròng ròng. Tuyên Vương nói: “Ngài hãy thôi khóc, nên tạm nhẫn nhịn cái không thể nhẫn vậy.” Sáng về sau bị giết, Lễ về triều làm Tư lệ hiệu úy, trước sau coi xét việc ở bảy quận trong năm châu, đều có uy tín. Lễ được thăng làm Tư không, phong tước Đại Lợi đình hầu, thực ấp trăm hộ. Lễ thời ấy cùng người đồng quận là Lô Dục cùng một bọn, nhưng tình cảm hay có bất hoà. Hai người dù đắp đổi vẫn dài, nhưng danh vị tựa tựa

như nhau. Năm Gia Bình nguyên niên Lễ chết, được ban thụy là Cảnh h`ài.
Cháu là Nguyên nối tự.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Tướng quốc nước Lỗ.*

(2) *Nước Ngưu và nước Nhuế là chư hầu ở phía Tây nhà Thương thời vua Trụ, vì biên giới ở Địch Dã sinh ra tranh chấp, họ tới xin Văn Vương phân định. Văn Vương mời họ tới nước Chu, thấy dân chúng và trăm quan sống theo lễ nghĩa, trên kính dưới hoà, nhường nhịn giúp đỡ nhau, hai vua Ngưu, Nhuế đều xấu hổ, nói với nhau rằng: “Tiểu nhân như chúng ta, sao dám lên diện diện kiến bậc quân tử để nhờ phân xử?”. Hai người không gặp Văn Vương nữa, đã đều chủ động nhường vùng đất vốn đang tranh giành nhau ấy cho nhau, thế là vùng đất đó bị để không, người đời sau gọi đó là “Nhàn điền” hay là “Nhàn nguyên”. Chư hầu xung quanh nghe chuyện ấy, kéo nhau tới xin quy thuận nhà Chu, thế là thiên hạ ba phần, nhà Chu có hai phần.”*

(3) *Là đại thần của vua Nghiêu, một trong năm bầy tôi giỏi nhất.*

(4) *Tức là Tào Tháo.*

(5) *Chu Thành Vương thời nhỏ cùng em trai là Thúc Ngưu chơi ở vườn sau hoàng cung, Thành Vương cắt chiếc lá ngô đông thành hình viên ngọc, đưa cho em, nói: “Anh dùng cái này phong cho em là chư hầu.” Chu Công biết chuyện, xin Thành Vương chọn ngày tốt phong Thúc Ngưu làm chư hầu. Thành Vương cười nói: “Chỉ là đùa thôi.” Chu Công nói: “Thiên tử không thể nói đùa, vì đã nói gì, sử quan ghi lại lời ấy, đại thần truyền bá điếu ấy.” Thành Vương bèn phong đất Đường cho Thúc Ngưu. Đó là câu chuyện “Tiễn đông phong đệ” nổi tiếng trong cổ sử Trung Hoa.*

(6) *Tôn Lễ là Ký châu mục, toàn quyền cai quản cả văn và võ ở Ký châu, nên nhận mình là làm chức Mục bá.*

(7) *Chỗ này Tôn Lễ có ý nói rằng lời nói của nhiều người thì có sức mạnh của tin đồn, thị phi điên đảo, có thể làm người ta tin rằng đá nổi*

được mà gổ thì chìm, ba người nói dối thì có sức mạnh như hổ dữ, đến bà mẹ của người hiền như Tăng Sâm cũng tin là con trai bà giết người.

(8) Y Doãn, đại thần nhà Thương; Lã Vọng, đại thần nhà Chu.

QUYỂN 25 - TÂN BÌ DƯƠNG PHỤ CAO ĐƯỜNG LONG TRUYỆN

Tân Bì, Dương Phụ, Cao Đường Long

DƯƠNG PHỤ TRUYỆN

Dương Phụ tự Nghĩa Sơn. Người huyện Kí quận Thiên Thủy. Ngụy lược viết: “Phụ thuở nhỏ với người cùng quận là Y Phụng tự Thứ Hội, Triệu Ngang tự Vĩ Chương đều nổi tiếng, Vĩ Chương, Thứ Hội và Phụ đều làm Lương Châu Tòng sự”. Làm Lương Châu Tòng sự được Châu mục là Vi Doan sai đến đất Hứa, bái làm An Định Trưởng sử. Phụ về, các tướng vùng Quan Hữu hỏi Viên, Tào xem ai thắng thua, Phụ nói: “Viên Công khoan hòa mà không quyết đoán, có mưu mà không nhanh nhẹn; không quyết đoán thì không có uy, không nhanh nhẹn thì làm lỡ việc sau này, nay dẫu mạnh nhưng rút cuộc không làm nên được việc lớn. Tào Công có hùng tài mưu xa, nhanh nhẹn không do dự, hình pháp chắc chắn mà quân mạnh, dùng được người ở ngoài, người mà được dùng thì dốc hết sức, là người làm nên việc lớn được”. Trưởng sử là chức mà Phụ không thích, bèn bỏ quan. Rồi Doan gọi làm Thái bộc, con Phụ là Khang thay làm Thứ sử, bái Phụ làm Biệt giá. Xét làm Hiếu liêm, gọi đến phủ Thừa tướng, châu cử làm Tham quân sự.

Mã Siêu thua trận ở bờ nam sông Vị, chạy đến giữ các đất của người Khương. Thái Tổ đuổi đến huyện An Định, lại có Tô Bá phản ở Hà Gian, sắp dẫn quân về miền đông. Phụ bấy giờ nhận đi sứ, báo với Thái Tổ nói: “Siêu có cái dũng của Hàn Tín, Anh Bố, rất được lòng người Khương, người Hồ, miền tây đều kính sợ hắn. Nếu đại quân về, không nhanh phòng bị thì các quận miền Lũng Thượng nhà nước không lấy được nữa”. Thái Tổ cho là phải, nhưng quân về vội vã, phòng bị không chắc chắn. Siêu đem cừ súy của người Khương đến đánh các quận huyện miền Lũng Thượng, các quận huyện miền Lũng Thượng đều hướng theo Siêu, chỉ có thành huyện Kí là vâng lệnh của châu quận là giữ vững. Siêu thu hết quân của miền Lũng Hữu, mà Trương Lỗ lại sai Đại tướng Dương Ngang đến giúp Siêu, đem hơn vạn quân đến đánh thành. Phụ lĩnh hơn nghìn quân là kẻ sĩ đại phu và em em họ hàng, sai em họ là Nhạc ở trên thành làm trại yển

nguyệt, (1) đón đánh với Siêu, từ tháng giêng đến tháng tám chống giữ mà quân cứu không đến. Châu sai Biệt giá Diễm Ôn men theo sông ngấm ra xin cứu, bị Siêu giết, do đó Thử sử, Thái thú biến sắc mặt, bắt đầu có ý hàng Siêu. Phụ khóc lóc can nói: “Bọn Phụ đem anh em họ hàng vì nghĩa mà đến giúp nhau, có chết cũng không hai lòng; cái tiết tháo của Diễm Ôn cũng không chắc hơn thế. Bỏ cái công sắp thành, vì cái tiếng là không có nghĩa, Phụ đâu chết cũng xin giữ”. Lại kêu khóc. Thử sử, Thái thú rút cuộc sai người xin hòa, mở cửa thành đón Siêu. Siêu vào, bắt Nhạc ở huyện Kí, sai Dương Ngang giết Thử sử, Thái thú.

Phụ trong lòng có chí trả thù Siêu, nhưng không gặp lúc tiện. Chốc lát, Phụ mượn có tang vợ xin đi táng, anh họ ngoại vợ của Phụ là Tự đóng đồn ở thành huyện Lịch. Phụ lúc nhỏ lớn lên ở nhà Tự, lúc gặp mẹ Tự và Tự, kể việc trong huyện Kí lúc trước, than thở rất là đau xót. Tự nói: “Làm gì bây giờ”? Phụ nói: “Giữ thành không được, chủ mất mà không chết được, há còn mặt mũi nào mà ngược nhìn ở thiên hạ nữa! Mã Siêu trái cha phản vua, giết bừa tướng của châu, há chỉ là nỗi lo của Phụ, mà còn là nỗi nhục của kẻ sĩ đại phu của một châu. Chủ giữ quân nắm lệnh mà không có lòng đánh giặc, đây là nguyên nhân sử sách có chép việc Triệu Thuần giết vua vậy. Siêu mạnh nhưng không có nghĩa, nhiều lỗi, dễ đánh hấn thôi”. Mẹ Tự cho phải, lệnh Tự theo Phụ tính kế. Tính kế xong, ngoài cùng người làng là Khương Ân, Triệu Ngang, Y Phụng, Diêu Quỳnh, Khổng Tín, người quận Vũ Đô là Lí Tuấn, Vương Linh kết mưu, giao hẹn đánh Siêu, sai em họ là Mô đến huyện Kí báo với Nhạc, cùng liên kết với người huyện An Định là Lương Khoan, người huyện Nam An là bọn Triệu Cù, Bàng Cung. Hẹn thề đã rõ, tháng chín năm thứ mười bảy, cùng Tự dấy binh ở thành huyện Tín. Siêu nghe tin bọn Phụ dấy binh, tự đi ra. Rồi bọn Cù, Khoan cởi trói cho Nhạc, đóng cửa thành huyện Kí, đánh vợ con của Siêu. Siêu đánh úp thành huyện Lịch, bắt được mẹ Tự. Mẹ Tự mắng Siêu nói: “Người là con nghịch phản cha, giặc ác giết chủ, trời đất há chứa người được lâu, sao không chết sớm đi, còn có mặt mũi nào nhìn người ta nữa”? Siêu giận, giết mẹ Tự. Phụ đánh với Siêu, thân bị năm vết thương, anh em họ hàng chết đến bảy người. Siêu bèn chạy về phía nam đến chỗ Trương Lỗ.

Lũng Hữu Bình xong, Thái Tổ phong tước hầu cho mười một người có công đánh Siêu. Ban Phụ tước Quan Nội Hầu. Phụ nhường nói: “Phụ lúc

chủ còn mà không có công cứu nạn, lúc chủ mất mà không có tiết tháo chết theo, về nghĩa là đáng trách, về pháp là đáng phạt; Siêu lại không chết, không đáng nhận lấy tước lộc”. Thái Tổ bảo nói: “Ông và bọn người hiên cùng lập nên công lớn, người miên tây bàn khen là hay, Tử Cống chối thưởng thì Trọng Ni cho là ngăn việc tốt ⁽²⁾. Ông nên mở lòng nhận lấy mệnh lệnh của nhà nước. Còn mẹ của Khương Tự khuyên tự dấy binh sớm, trí sáng như thế, dầu là vợ của Dương Xưởng cũng không hơn được. Hiên thay! Hiên thay! Sử sách ghi chép, tất không rơi xuống đất”.

⁽³⁾*Liệt nữ truyện của Hoàng Phủ Mật viết: “Mẹ của Khương Tự là mẹ của Khương Bá Biễn.* ⁽⁴⁾

Giữa năm Kiến An, Mã Siêu đánh huyện Kí, giết Lương Châu Thứ sử Vi Khang, người trong châu thương xót, chẳng ai không căm giận. Tự làm Phủ Di Tướng quân, đem quân đóng đồn ở huyện Lịch. Con cô của Tự là Dương Phụ trước làm Tòng sự của Khang, cùng hơn mười người khác đều lệ thuộc vào Siêu, ngầm mưu với nhau để trả thù cho Khang, chưa có cơ hội. Gặp lúc vợ Phụ chết, xin Siêu về phía tây thăm hỏi, nhân đó qua huyện Lịch, thăm mẹ Tự, kể việc Khang bị hại và cái nạn trong huyện Kí, đối mặt mà khóc h ồi lâu. Cả nhà Khương Tự xót xa, mẹ Tự nói: ‘Ôi! Bá Biễn, Vi sứ quân gặp nạn, há chỉ là cái nhục của một châu, mà cũng là trách nhiệm của người, há chỉ có Nghĩa Sơn thôi sao? Người không báo cho ta, việc để lâu tất sinh biến. Người ta ai không chết? Chết vì nước là cái chết lớn của người trung nghĩa vậy. Nay việc đã gấp, ta tự vì người mà gánh vác lấy, không vì tấm thân đàn bà tuổi già này’. Do đó lệnh Tự cùng Phụ bàn mưu, ưng theo, chia sai người đi báo cho người làng xóm là Y Phụng, Triệu Ngang cùng người huyện An Định là bọn Lương Khoan được biết, sai Tự đem quân phản Siêu trước, Siêu giận, liền tự đến đánh Tự, bọn Khoan nhân đó theo sau đóng cửa thành. Ước đã xong, Tự bèn đem quân vào huyện Tín, bọn Ngang, Phụng giữ huyện Kì Sơn. Siêu nghe tin, bèn tự ra đánh Tự, bọn Khoan theo sau đóng cửa thành huyện Kí, Siêu không chiếm được, liền qua huyện Tín, Tự giữ huyện Tín. Siêu do đó đi đến huyện Lịch, người trong huyện Lịch thấy Siêu đến, cho là quân Tự về Lại truyền nhau là Siêu đã bỏ chạy đến quận Hán Trung, cho nên huyện Lịch không phòng bị. Lúc Siêu vào huyện Lịch, bắt mẹ Tự, mẹ Tự giận mắng Siêu. Siêu bị mắng thì cả giận, liền giết mẹ Tự và con Tự, đốt thành r ồi đi. Bọn Phụ kể tình trạng, Thái Tổ rất khen họ, tự ra lệnh khen ngợi. Lời như truyện gốc”. Th ần Tùng

Chi xét: Mật nói Phụ là con cô của Tự, mà truyện gốc nói Tự là anh họ ngoại của Phụ, so với trong ngoài tên ngày nay là không giống. Mật nói nói về vợ của Triệu Ngang rằng: “Vợ của Triệu Ngang tên là Dị, tức vợ của Ích Châu Thứ sử Triệu Vĩ Chương ⁽⁵⁾ người quận Thiên Thủy, là con gái họ Vương. Ngang làm Khương Đạo Lệnh. Để Dị ở tại miền tây. Gặp lúc người cùng quận là Lương Song phản, đánh phá huyện Tây Thành, giết hai con trai của Dị. Con gái Dị là Anh, mới sáu tuổi, ở một mình với Dị ở trong thành. Dị thấy hai con trai đã chết, lại sợ bị Song đến giết, dẫn đao muốn tự sát, ngoảnh nhìn Anh mà than nói: ‘Thân ta chết ở đây, người nương dựa vào ai! Ta nghe nói Tây Thi mặc áo không sạch thì người ta bịt mũi, huống chi đáng vẻ ta không bằng Tây Thi’? Bèn lấy phân trong nhà xí bôi lên vải gai mà mặc, ăn ít để cho người gầy đi, từ mùa xuân đến mùa đông đều như thế. Song hòa với châu quận, Dị do đó mà thoát được nạn. Ngang sai quan đến đón Dị, chưa đến ba mươi dặm, dừng lại bảo Anh nói: ‘Đàn bà không có phù tín và bảo phó ⁽⁶⁾ thì không ra phòng trong. Chiêu Khương chìm sông, ⁽⁷⁾ Bá Cơ cháy lửa, ⁽⁸⁾ hễ đọc truyện về họ lòng ta cho đó là tráng. Nay ta gặp loạn mà không chết đi, còn muốn được gặp lại các cô sao? Ta tạm sống không chết là vì thương người thôi. Nay phủ quan đã gầy, ta phải bỏ người mà chết đây’. Bèn nuốt thuốc độc mà chết. Bấy giờ vừa có thang thuốc tốt giải thuốc độc, vén miệng cho thuốc vào, hồi lâu lại tỉnh. Giữa năm Kiến An, Ngang chuyển làm Tham quân sự, dời đến ở huyện Kí. Gặp lúc Mã Siêu đánh huyện Kí, Dị tự thân mang bao tên, giúp Ngang phòng giữ, lại đem hết vòng ngọc, áo thêu mà mình đeo mặc để thưởng cho quân sĩ. Lúc Siêu đánh gấp, trong thành đói khổ, Thứ sử Vi Khang vốn là người nhân hậu, thương quân dân bị tàn hại, muốn hòa với Siêu. Ngang can nhưng không nghe, về bảo với Dị, Dị nói: ‘Chủ có bày tôi tranh bàn, đại phu có cái nghĩa giữ lợi; giữ lợi là không sai. Biết sao được quân cứu không đến miền Quan Lũng? Nên cùng gắng sức để lập công to, giữ vẹn tiết tháo đến chết, không nên theo hòa’. Vừa lúc Ngang quay lại thì Khang đã hòa với Siêu. Siêu bèn trái ước giết Khang, lại bắt Ngang, bắt con đầu của Ngang là Nguyệt làm tin ở huyện Nam Trịnh. Muốn đòi Ngang dốc sức giúp mình, nhưng lòng chưa tin lắm. Vợ Siêu là Dương nghe nói Dị có tiết hạnh, xin cùng vui chơi suốt ngày. Dị muốn Ngang được Siêu tin để giúp mưu của mình, bảo Dương nói: ‘Xưa Quản Trọng vào nước Tề, lập nên công khắp chín cõi; Do Dư theo nước Tấn, do đó

Mục Công làm Bá. Nay lúc xã tắc mới định, trị loạn cốt ở được lòng người, quân mã của Lương Châu có thể tranh mạnh với Trung Hạ, không nên không xét rõ'. Dương rất cảm kích, cho là có lòng trung hơn mình, bèn cùng Dị kết mưu với nhau. Ngang được Siêu tin, lập công lại tránh được họa, cũng vì có công của Dị vậy. Đến lúc Ngang cùng bọn Dương Phụ kết mưu đánh Siêu, báo cho Dị nói: 'Ta mưu như thế, việc tất trọn vẹn, còn Nguyệt thì sao'? Dị lớn tiếng đáp nói: 'Đem thân vì trung nghĩa, rửa nỗi nhục lớn cho chủ cha, vui thân mình còn chẳng cho là trọng, huống chi là một đứa con? Như bọn Hạng Thác, Nhan Uyên, há sống trăm tuổi, nhưng nghĩa lớn vẫn còn'. Ngang nói: 'Được'. Bèn mở cửa thành đuổi Siêu, Siêu chạy đến quận Hán Trung, theo Trương Lỗ lại đem quân về. Dị lại cùng Ngang giữ huyện Kì Sơn, bị Siêu vây. Ba mươi ngày thì quân cứu đến mới giải vây. Siêu bèn giết con của Dị là Nguyệt. Từ lúc gặp nạn ở thành huyện Kì đến lúc đến ở huyện Kì Sơn, Ngang nhiều lần lập công lạ, Dị có tham gia.

Thái Tổ đánh quận Hán Trung, lấy Phụ làm Ích Châu Thứ sử. Về, bái làm Kim Thành Thái thú, chưa đi, chuyển làm Vũ Đô Thái thú. Quận gần đất Thục Hán, Phụ xin noi theo việc cũ của Cung Toại, ⁽⁹⁾vỗ về quận ấy mà thôi. Lúc Lưu Bị sai bọn Trương Phi, Mã Siêu từ đường huyện Thục đến huyện Hạ Biện thì hơn vạn người thuộc bảy bộ lạc của bọn Lô Định người Đê phản theo bọn Siêu. Thái Tổ sai Đô hộ Tào Hề chống bọn Siêu, bọn Siêu rút về Hề bày rượu mở hội lớn, sai con gái hát mặc áo lụa mịn, đẹp trống, người ngồi đều cười. Phụ lớn tiếng trách Hề nói: "Trai gái phân biệt là lễ tiết của nhà nước, sao lại có gái cởi trần thân thể ở giữa chốn đông người! Dẫu Kiệt, Trụ làm loạn cũng không hơn thế". Bèn giơ áo đi ra. Hề đứng dậy bỏ hát nhạc, xin Phụ vào ngồi, vẻ mặt nghiêm túc.

Đến lúc Lưu Bị lấy quận Hán Trung đến gần huyện Hạ Biện, Thái Tổ thấy quận Vũ Đô xa lẽ, muốn dời đi nhưng sợ quan dân vương vấn đất đai. Phụ có uy tín rõ ràng, trước sau dời hơn vạn hộ dân, người Đê đến ở quận Kinh Triệu, quận Phù Phong, quận Thiên Thủy, dời quận đến huyện Hề Lí, trăm họ cũng đi theo. Làm việc chỉ làm căn bản mà thôi, không nỡ ép kẻ dưới. Văn Đế hỏi bọn Thị trung Hoa Hâm rằng: "Vũ Đô Thái thú là người thế nào"? Đầu khen Phụ có tiết tháo của quan giúp đỡ. Chưa kịp dùng thì Đế hoẵng. Ở tại quận hơn mười năm, gọi về bái làm Thành môn Hiệu úy.

Phụ thường thấy Minh Đế đội mũ gấm, mặc áo lụa mỏng nửa tay áo, Phụ hỏi Đế nói: “Áo này là áo gì trong lễ nghi vậy”? Đế im ỉm không đáp, từ đó không mặc áo thường để gặp Phụ.

Chuyên làm Tương tác Đại tượng. (10) Bấy giờ mới sửa cung điện, phát gái đẹp cho vào ở nhà sau, nhiều lần ra vào săn bắt. Mùa thu, có sấm sét mưa to, giết nhiều chim tước. Phụ dâng sớ nói: “Thần nghe nói rằng vua sáng ở trên, bày tôi dốc hết lời bàn bạc ở dưới. Vua Nghiêu, vua Thuấn có đức thánh, chẳng cần lời can lẽ; vua Đại Vũ chăm chỉ nhưng làm cung điện nhỏ; vua Thành Thang gặp hạn, đổi lỗi cho mình; Chu Văn Vương lập phép tắc cho vợ cả để trông coi trong nhà; Hán Văn Đế làm việc tiết kiệm, thân mặc áo đen; đấy đều là bậc có thể làm rõ hiệu lệnh, mưu truyên lộc cho con cháu vậy. Cúi mong Bệ hạ nhận lấy nghiệp lớn của Vũ Đế mở mang, giữ lấy công to của Văn Hoàng Đế thu được, nên nghĩ đến chính trị hay đẹp của các bậc Đế Vương thời xưa gây dựng, xem rõ cái chính trị xấu xa của mấy đời cuối buông thả. Gọi là chính trị hay đẹp cốt ở tiết kiệm, coi trọng sức dân; gọi là chính trị xấu xa, đó là lòng muốn buông thả, theo cảm xúc mà phát ra vậy. Mong Bệ hạ xét kỹ đời đầu vì sao lại sáng rõ, đến đời cuối vì sao lại suy kém, dẫn đến bị tiêu diệt, gần đây thì xem ở cuộc biến loạn cuối thời Hán cũng đủ làm cho lòng người lo sợ mà đề phòng rồi. Nếu trước đây Hoàn Đế, Linh Đế không bỏ phép tắc của Cao Tổ, không bỏ cái tiết kiệm của Văn Đế, Cảnh Đế thì Thái Tổ đâu có sức thần, có thể thi thố tài năng của mình được sao? Mà Bệ hạ do đâu mà có được ngôi quý ấy? Nay Ngô, Thục chưa định, quân sĩ ở ngoài, mong Bệ hạ làm thì nghĩ ba lần, tính kỹ rồi mới làm, ra vào phải cẩn thận, lấy việc xưa mà soi xét việc ngày nay. Lời này dầu nhẹ nhàng, nhưng quan hệ trọng đại đến được mất. Gần đây trời mưa, lại có sấm sét dữ dội khác thường, giết nhiều chim tước. Trời đất thần minh xem Đế Vương như con, nếu chính trị không hay thì bị phạt vạ. Tu thân nghĩ kỹ là cái mà thánh nhân ghi nhớ. Mong Bệ hạ lo nghĩ đến giấc bên ngoài không có hình, cẩn thận với cái điếm báo mở đầu đang nảy mầm, noi theo Hán Hiếu Văn thả người đẹp của Huệ Đế, lệnh họ tự lấy chồng; những cô gái nhỏ mới chửa về, ở xa không cần sai đến, nên lo cho đời sau. Các chỗ nên sửa chính trị, làm việc tiết kiệm. Kinh Thư viết: ‘Chín họ đã yên, hòa hợp muôn nước’. Việc nên như thế, để theo đạo thẳng, mưu tính hay tốt, giảm bớt tổn phí. Ngô, Thục đã định mới trên yên dưới vui, chín họ sáng rõ. Như thế về sau, tổ tiên vui lòng, vua Nghiêu, vua

Thuấn còn lo gì nữa? Nay nên tỏ tín với thiên hạ để làm yên lòng dân chúng, để vỗ về phượng xa”. Bấy giờ Ung Khâu Vương Thục (11) giận vì không được nói đến, nước phiên đến châu, pháp cấm nghiêm ngặt, cho nên Phụ lại bày tỏ nghĩa của chín họ. Hạ chiếu nói: “Nghe được số biểu, kể rõ các bậc vua thánh chủ sáng thời xưa để chê bai chính trị u tối ngày nay, lời lẽ rất khẩn thiết, thật thà trong sáng. Lui nghĩ sửa sai, theo việc tốt chữa cái xấu, rất là đầy đủ. Xem nghĩ lời trung, trăm rất khen ngợi”.

Sau chuyển làm Thiệu phủ. Bấy giờ Đại Tư mã Tào Chân đánh Thục, gặp mưa không đi được. Phụ dâng sớ nói: “Xưa Văn Vương có đi đêm báo của quả đỗ mà vẫn lúc xế chiều không ăn nghỉ; Vũ Vương có đi đêm cá trắng nhảy lên thuyền thì bày tôi biến sắc mặt. Mà lúc làm có đi đêm lành, vẫn còn lo sợ, huống chi ngày nay có tai vạ mà không sợ việc đánh trận sao? Nay Ngô, Thục chưa bình mà trời thường giáng tai biến, Bệ hạ nên nên nghĩ kĩ để có kế hay ứng đáp, nghĩ ở bên chiếu, lấy đức để vỗ về phượng xa, lấy tiết kiệm để an ủi trong nước. Gần đây các quân mới đi, lại có cái hại trời mưa, thêm có núi hiểm, đã lâu ngày rồi. Chuyển chở khó nhọc, gánh vác khổ sở, phí tổn rất nhiều, nếu không nối liền đường vận lương tất làm trái mưu trước. Truyện viết: ‘Thấy lợi thì đi, biết khó thì lui, đấy là phép hay của việc dùng binh vậy’. Sai chuyển sáu quân vào chỗ khốn khó ở giữa hang núi, đi không đánh được, lui lại chẳng xong, đấy không phải là cái đạo cần quân vậy. Xưa Vũ Vương đem quân về nhà Ân bèn bị diệt, đấy là biết cơ trời vậy. Nay mùa mất dân đói, nên hạ chiếu bớt ăn ngon, giảm mặc áo đẹp, đừng vứt bỏ các vật quý ngọc bảo. Xưa Thiệu Tín Thần làm Thiệu phủ ở thời không có việc mà vẫn tấu xin vứt bỏ món ăn ngon; nay các quân không có lương dùng đủ, càng nên tiết kiệm”. Để liền hạ chiếu sai các quân về.

Sau có chiếu bàn về chính trị không có lợi cho dân, Phụ bàn cho rằng: “Chính trị cốt ở dùng người hiền, dựng nước cốt ở chăm cày cấy. Nếu bỏ người hiền mà dùng người vì thân quen, đấy là rất bỏ bê chính trị vậy. Mở rộng cung điện, làm lầu đài cao, ngăn trở nghiệp dân, đấy là rất tổn hại việc cày cấy vậy. Trăm thợ không được cần đồng nghề, lại thay làm đồ xa xỉ để hợp ý vua, đấy là rất làm hại bản thân vậy. Khổng Tử nói: ‘Chính trị tàn ác hơn cả thú dữ’. Nay giữ quan lại tầm thường, coi chính trị không lo sửa bản thân, bừa bãi phiền nhiễu, đấy là rất làm loạn dân vậy. Việc gấp của ngày nay là nên bỏ bốn cái ‘rất’ kia, cùng hạ chiếu cho công khanh, quận

quốc cử kẻ sĩ hiên lương ngay thẳng chất phác mà chọn dùng họ, đấy cũng là một cách tìm người hiên vậy”.

Phụ lại dâng sớ muốn giảm các cung nữ không được sủng ái, lại hạ chiếu cho quan lại trong cung vua hỏi xem số cung nữ trong hậu cung. Quan lại giữ phép cũ, đáp nói: “Cung cấm kín đáo, không nên để lộ ra”. Phụ giận, đánh một viên quan một trăm đòn, mắng hấn nói: “Nhà nước không kín đáo với các quan Cừu khanh, (12) lại kín đáo với các quan nhỏ sao”? Đế nghe nói mà càng kính trọng Phụ.

Phụ lại dâng sớ muốn giảm các cung nữ không được sủng ái, lại hạ chiếu cho quan lại trong cung vua hỏi xem số cung nữ trong hậu cung. Quan lại giữ phép cũ, đáp nói: “Cung cấm kín đáo, không nên để lộ ra”. Phụ giận, đánh một viên quan một trăm đòn, mắng hấn nói: “Nhà nước không kín đáo với các quan Cừu khanh, lại kín đáo với các quan nhỏ sao”? Đế nghe nói mà càng kính trọng Phụ.

Đế vừa làm cung ở đất Hứa, lại xây dựng cung điện quán gác ở thành Lạc Dương. Phụ dâng sớ nói: “Vua Nghiêu ưa nhà cỏ tranh mà muốn nước được ở yên, vua Hạ Vũ làm cung điện nhỏ mà thiên hạ được vui nghiệp; cho đến nhà Ân, nhà Chu cũng làm miếu thờ cao ba thước, chỉ đủ trải chín cái chiếu tre mà thôi. Vua sáng chủ hiên thời xưa chưa có ai làm cung điện cao đẹp để làm tổn hại tiền sức của trăm họ vậy. Vua Kiệt làm nhà bằng ngọc, hiên bằng ngà voi, vua Trụ làm cung Khoảnh, (13) đài Lộc (14) mà vùi xã tắc của mình; Sở Linh Vương vì đắp đài Chương Hoa mà thân bị tai họa; Tần Thủy Hoàng làm cung A Phòng mà gây vạ cho con của mình, thiên hạ phản lại, chỉ hai đời là diệt. Ôi, không nghĩ đến sức của muôn dân, mà chỉ theo ham muốn của tai mắt mình, chưa có ai không bị diệt cả. Bệ hạ nên lấy vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Hạ Vũ, vua Thang, Văn Vương, Vũ Vương làm phép tắc, vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân, Sở Linh Vương, Tần Thủy Hoàng làm răn giới. Bậc vua ở trên, phải có đức dày. Cần thận giữ ngôi vị để vâng mệnh tổ tiên, nghiệp lớn lòng rộng phải sợ có ngày làm mất. Ngày đêm chẳng nghĩ, không lo giúp dân mà lại tự rồi rãi tự buông thả, chỉ lo xây dựng cung điện xa xỉ, đấy tất chuốc họa nguy vong lật đổ. Kinh Dịch viết: ‘Xây nhà cao, làm cửa rộng, nhìn qua cửa, chẳng thấy người đâu’. Người làm vua xem thiên hạ là nhà, cho rằng cái họa của việc xây nhà cao là dẫn đến nhà cửa không có người vậy. Nay hai tên giặc đang liên hợp, mưu làm nguy xã tắc, quân có mười vạn xông xáo đông tây, biên

giới không yên một ngày; người cày cấy bỏ nghiệp, dân có vẻ đói. Bệ hạ không cho đấy là nỗi lo, lại xây dựng cung điện không có lúc ngừng. Nếu nước mất mà thần có thể còn thì thần lại không nói ra; Thần Tùng Chi cho rằng: Cái đạo trung nhất là quên mình để nói lí. Cho nên sửa chữa lỗi sai, không nghĩ cho mình. Mà sớ Phụ nói: ‘Nếu nước mất mà thần có thể còn thì thần lại không nói ra’. Đây là quyết ý vì mình, há lại vì nước sao? Như lời này, há không làm tổn hại đến cái nghĩa nói thẳng, không phải là một chỗ kém của tờ sớ sao! Vua làm đầu đình, thần làm đùi tay, cùng thân còn mất, cùng chung được mất. Hiếu kinh viết: ‘Thiên tử có bảy bảy tội tranh bàn bạc, dầu là không có đạo lí cũng không làm mất thiên hạ’. Thần dầu yếu kém, dám quên cái nghĩa tranh bàn luận sao? Lời không tha thiết thì không đủ để Bệ hạ cảm kích. Nếu Bệ hạ không xét lời thần, sợ rằng lộc to lớn của tô tiên sẽ rơi xuống đất. Nếu mình thần chết đi mà giúp được một cái ấy thì một ngày chết cũng như một năm sống. Kinh xin sắm quan quách, tắm rửa, cúi đờ tội chết”. Tấu lên, Thiên tử cảm kích lòng trung ấy, tự tay viết chiếu. Hễ triều đình hội bàn, Phụ thường thẳng thắn cho là giúp thiên hạ là trách nhiệm của mình. Nhiều lần bàn can, Đế không nghe, bèn thường xin nhường chức, không cho. Lúc chết, nhà không có của thừa, cháu là Báo thay.

...

Bàn nói: Tân Bì, Dương Phụ ngay thẳng sáng suốt, can gián quên thân, có phong thái sánh với Cặp Âm [\(15\)](#) vậy...

TÂN BÌ TRUYỆN

Tân Bì (16) tự Tá Trị, người huyện Dương Trạch (17) quận Dĩnh Xuyên. Tổ tiên của Bì vào giữa năm Kiến Vũ từ quận Lũng Tây dời đến miền đông. Bì theo anh là Bình đi theo Viên Thiệu. Thái Tổ làm Tư không, gọi Bì, Bì không đến nghe lệnh được. Đến lúc Viên Thạo đánh anh là Đàm ở quận Bình Nguyên, Đàm sai Bì đến chỗ Thái Tổ xin hòa.

Anh hùng kí viết: “Đàm, Thạo đánh ở cửa ngoài, quân Đàm thua chạy về miền bắc. Quách Đôn khuyên Đàm nói: ‘Nay Tướng quân nước nhỏ binh ít, lương hết thế yếu, Hiễn Phủ (18) đến đánh, lâu ngày khó mà chống nổi. Kẻ ngu này cho rằng nên gọi Tào Công đến đánh Hiễn Phủ. Tào Công đến, tất đánh đất Nghiệp trước, Hiễn Phủ phải về cứu. Tướng quân dẫn quân về phía tây, từ đất Nghiệp lên phía bắc đâu có thể đánh lấy được. Nếu quân của Hiễn Phủ phá, quân của hấn chạy trốn, thì có thể thu lấy để chống Tào Công. Tào Công từ xa lại ở trợ, lương thảo không liền, tất tự bỏ chạy. Nếu đến lúc đó, từ nước Triệu lên phía bắc đâu bị ta chiếm lấy, cũng đủ để chống với Tào Công vậy. Nếu không thì không xong’. Đàm lúc đầu không nghe, sau lại nghe theo. Hối Đôn nói: ‘Sai ai đi’? Đôn đáp nói: ‘Tân Tá Trị đi được’. Đàm bèn sai Bì đến chỗ Thái Tổ”.

Thái Tổ sắp đánh Kinh Châu, đến ở quận Tây Bình. Bì gặp Thái Tổ báo ý của Đàm. Thái Tổ cả mừng. Một ngày sau, lại muốn bình Kinh Châu trước, khiến cho Đàm, Thạo tự đánh nhau. Ngày sau bày rượu, Bì nhìn mặt Thái Tổ, biết có đổi, nói với Quách Gia. Gia nói với Thái Tổ, Thái Tổ bảo Bì nói: “Đàm đáng tin không? Thạo chắc thắng được không”? Bì đáp nói: “Minh công không cần hỏi tin hay giả vậy, chỉ nên bàn về thế lực của họ thôi. Họ Viên vốn là anh em đánh nhau, không phải người khác xen được vào giữa họ mà là thiên hạ có thể định được ở tại mình vậy. Nay một sớm xin cứu với minh công, xem thế là biết được. Hiễn Phủ thấy Hiễn Tư (19)

khốn mà không đánh lấy được, sức hấn đã kiệt rồi. Quân sĩ bị thua ở ngoài, mưu sĩ bị giết ở trong, anh em hiềm nghi, nước chia thành hai; nhiều năm đánh nhau, lại giáp trụ sinh chấy rận, có thêm châu châu, đói kém vừa đến, nước không có

kho lúa, đi không mang lương, họa đến từ trên trời, khôn đến từ dưới người, dân dẫu là kẻ ngu dốt cũng đều biết đất đai vỡ lở, đây là lúc trời diệt Thương vậy. Binh pháp có nói: ‘Cố thành đá ao lầy trăm vạn quân mặc giáp mà không có lương thì không giữ được’. Nay đến đánh đất Nghiệp, nếu Thương không về cứu, tức không tự giữ được. Về cứu, tức Đạm chặn ở sau. Đem cái uy của mình công để chống kẻ địch khôn cùng, phá quan giặc mỗi một, không cần gió giạt mạnh để cuốn lá mùa thu vậy. Trời đem Viên Thương cho mình công, mình công không lấy mà đánh Kinh Châu. Kinh Châu đầy đủ, nước không có loạn. Trọng Hôi có nói: ‘Nhân loạn mà đánh nước sắp mất’. Nay đang lúc hai Viên (20) không lo việc xa mà bên trong tự đánh nhau, có thể nói là loạn vậy; người ở không có ăn, người đi không có lương, có thể nói là sắp mất vậy. Buổi sớm không mưu lúc tối, mạng dân chẳng sống yên, mà chẳng vỡ vụn, muốn đợi đến năm khác; nếu năm khác được mùa, lại tự biết sắp mất mà tu sửa đức hạnh, làm mất cái cốt yếu của việc dùng binh. Nay nhân lúc Đạm xin cứu mà vỡ vụn hẳn, lợi nào lớn hơn? Vả lại giặc của bốn phương, chẳng ai lớn hơn giặc vùng Hà Bắc; nếu vùng Hà Bắc bình thì sáu quân thịnh mà thiên hạ rúng động vậy”. Thái Tổ nói: “Hay”. Bèn hứa hòa với Đạm, đến ở huyện Lê Dương. Năm sau đánh đất Nghiệp, chiếm lấy được, bái Bì làm Nghị lang.

Lâu sau, Thái Tổ sai Đô hộ Tào Hồng bình huyện Hạ Biện, sai Bì cùng Tào Hưu đi theo, lệnh nói: “Xưa Cao Tổ tham tiền ham gái mà bọn Trương Lương, Trần Bình uốn nắn cái lỗi của Cao Tổ. Nay Tá Trị, Văn Liệt là người giỏi không được coi thường vậy. Quân về, làm Thừa tướng Trương sử.

Văn Đế lên ngôi, chuyển làm Thị trung, ban tước Quan Nội Hầu. Bấy giờ bàn đổi chính sóc (21). Bì cho rằng: “Nhà Ngụy nối dòng của vua Thuấn, vua Vũ, thuận trời theo dân; đến như vua Thang, vua Vũ (22) lấy can qua mà định thiên hạ còn đổi chính sóc. Khổng Tử nói: ‘Lịch của nhà Hạ’. Tả thị truyện viết: ‘Lịch nhà Hạ đúng với lịch của trời’. Sao phải làm trái nhau”. Đế mừng mà nghe theo.

Đế muốn dời mười vạn hộ nhà kẻ sĩ vùng Kí Châu đến ở vùng Hà Nam. Bấy giờ có châu châu liên tiếp, dân đói, bầy tôi cho là không nên, nhưng ý Đế rất quyết. Bì và bầy tôi cùng xin gặp, Đế biết họ muốn can, nghiêm mặt để gặp họ, chẳng ai dám nói. Bì nói: “Vệ hạ muốn dời nhà kẻ sĩ, kẻ này thế nào”? Đế nói: “Khanh bảo ta dời là sai sao”? Bì nói: “Đúng cho là sai vậy”. Đế nói: “Ta không thể cùng khanh bàn bạc”. Bì nói: “Bệ hạ không cho thần là kẻ không có tài, cho làm tả hữu, ở bên làm quan bày mưu, há lại không cùng thần bàn việc được sao! Lời mà thần nói không phải là vì việc riêng, mà là lo nghĩ cho xã tắc vậy, sao lại giận thần”? Đế không đáp, dậy vào trong; Tỉ đi theo mà dẫn vạt áo của Đế, Đế lại giơ áo không quay lại, rất lâu sau mới ra, nói: “Tá Trị, sao khanh đợi ta lâu vậy”? Bì nói: “Nay dời là làm mất lòng dân, lại không có gì được”. Đế bèn dời một nửa trong số đó. Từng theo Đế đi bắn chim trĩ, Đế nói: “Bắn chim trĩ vui thay”!

Bì nói: “Đôi với Bệ hạ thì rất vui, đôi với bày tôi thì rất khó”. Đế ngẫm ngẫm, sau đó bèn ít ra đi sẵn.

Thượng Đại Tướng quân Tào Chân đánh Chu Nhiên ở Giang Lăng, Bì làm Quân sư. Về, phong Quảng Bình Đình Hầu. Đế muốn đem đại quân đánh Ngô, Bì can nói: “Dân vùng Ngô, Sở, trắc trở mà khó trị, đạo hưng thì phục sau, đạo suy thì phản trước, từ xưa đã có rồi, không phải đến nay. Nay Bệ hạ đã có Trung Nguyên, những kẻ không thần phục, há được lâu sao? Xưa Úy Đà xưng Đế, Tử Dương tiếm hiệu, năm tháng chẳng mấy, có kẻ thần phục có kẻ bị diệt. Vì sao? Đạo trái ngược thì không yên lâu mà đức lớn thì không có chỗ nào là không phục vậy. Nay thiên hạ mới định, đất rộng dân thưa. Mưu tính nơi triều đình rồi mới đem quân đi, khi vào trận còn sợ, huống chi mưu tính nơi triều đình lại ít mà muốn dùng quân thì thần thực chưa thấy được cái lợi. Tiên đế thường đem quân mạnh, đến sông Giang mà quay về. Nay sáu quân không mạnh hơn trước, nếu lại theo việc cũ, đấy không dễ vậy. Tính kế ngày nay, chẳng bằng sửa kế nuôi dân của Phạm Lãi, học kế hay của Quản Trọng, theo kế đóng quân làm ruộng của Triệu Doãn Quốc, làm rõ chính sách vỗ về phương xa của Trọng Ni; trong vòng mười năm, khỏe mạnh chưa già, tuổi trẻ hăng hái, triệu dân biết nghĩa, tướng sĩ dũng mãnh, rồi mới dùng quân, thì sai đi không cần cân nhắc vậy”. Đế nói: “Như ý khanh, lại đem giặc cho con cháu sao”? Bì đáp nói: “Xưa Chu Văn Vương đem vua Trụ cho Vũ Vương, đấy là biết thời vậy. Nếu thời chưa được, nên dừng đi chẳng”? Đế cuối cùng đánh Ngô, đến sông Giang mà về.

Minh Đế lên ngôi, tiến phong Dĩnh Hương Hầu, thực ấp ba trăm hộ. Bấy giờ Trung thư giám Lưu Phóng, Trung thư lệnh Tôn Tư được vua tin dùng, xử đoán chính trị, đại thần chẳng ai không kết giao, nhưng Bì không cùng qua lại. Con Bì là Xưởng can nói: “Nay Lưu, Tôn xét việc, mọi người đều hòa theo, đại nhân nên tỏ ý nhún nhường, ngồi cùng hòa hợp; nếu không tất có lời chê bai”. Bì nghiêm mặt nói: “Vua trên dầu chưa gọi là sáng suốt nhưng không u tối. Ta lập thân tự có gốc ngọn. Nếu không cùng yên với Lưu, Tôn, chẳng qua cũng khiến ta không làm đến bậc Tam công mà thôi, có gì nguy hại đâu? Há là đại trượng phu muốn làm Tam công mà làm hỏng tiết tháo cao đẹp sao”. Cùng theo quan Bộc xạ đều cầm biểu nói: “Thượng thư Bộc xạ Vương Tư là quan cũ chăm chỉ, nhưng sự trung thành và mưu kế không bằng Bì, Bì nên thay Tư”. Đế cho là có ý chê bai bọn Phóng, Tư, bọn Phóng, Tư đáp nói: “Bệ hạ dùng Tư, đấy là muốn lấy được tài năng của hắn, không quý ở tiếng tăm sáo rỗng vậy. Bì đúng là tốt đẹp nhưng tính cứng cỏi mà chuyên chú, nay thánh thượng nên xét kỹ vậy”. Cuối cùng không dùng. Ra làm Vệ úy.

Đế đang sửa cung điện, trăm họ khổ sở, Bì dâng sớ nói: “Nghe trộm rằng Gia Cát Lượng giảng vũ luyện quân, mà Tôn Quyền lại mua ngựa ở Liêu Đông, xét ý của chúng, có lẽ muốn giúp đỡ nhau. Phòng bị thì không lo gì, đấy là kế hay của thời trước. Vậy mà nay dựng cung điện lớn, lại thêm nhiều năm lúa

gạo không thu gặt được. Kinh Thi viết: ‘Dân đã khổ sở, nên cho yên vui, ban ân Trung Quốc, vỗ về bốn phương’. Mong Bệ hạ nghĩ kế cho xã tắc”. Đế báo nói: “Hai tên giặc chưa diệt mà sửa cung thất, đây là lúc kẻ can thẳng lập danh. Như đô của Đế Vương phải để dân cùng xây dựng, khiến cho đời sau không cần phải xây lại, đây là bất chước kế lớn của Tiêu Hà giúp nhà Hán vậy. Nay khanh là bầy tôi trọng yếu của nhà Ngụy, cũng nên tỏ ý nghe theo”. Đế lại muốn san bằng đồng cỏ miền bắc, lệnh ở trên đó làm đài quán, muốn làm bến Mạnh Tân. Bì can nói: “Tính của trời đất là cao cao thấp thấp, nay lại muốn làm trái, đã sai lý lẽ, lại tổn phí sức người, dân không gánh nổi. Vả lại chín sông chảy xiết, nước lớn gây hại, vậy mà đều dẹp bằng gò đồng, lấy gì mà ngăn được”? Đế mới thôi.

Ngụy lược viết: “Gia Cát Lượng vây Kỳ Sơn, không thắng, dẫn quân về Trương Cáp đuổi theo, bị trúng tên lạc mà chết. Đế tiếc Cáp, lên triều mà than nói: ‘Thực chưa bình mà Cáp chết, các tướng còn ai như thế!’. Tư không Trần Qu ần nói: ‘Cáp thực là tướng giỏi, là người mà nhà nước nương dựa vậy’. Ý của Bì cho rằng Cáp dẫu đáng tiếc, nhưng đã chết, không nên làm kém ý chí của vua mà tỏ cái không mạnh ra bên ngoài. Bèn chống Qu ần nói: ‘Trần Công sao lại nói thế! Vào cuối năm Kiến An, thiên hạ không thể một ngày không có Vũ Hoàng Đế, đến lúc trao việc nước, mà Văn Đế nhận lệnh, vào năm Hoàng Sơ, cũng là không thể không có Văn Hoàng Đế, đến lúc trao gửi thiên hạ, mà Bệ hạ lên ngôi. Nay cái mà trong nước thiếu, há chỉ có Trương Cáp thôi?’. Trần Qu ần nói: ‘Cũng đúng như lời Tân Bì. Đế cười nói: ‘Trần Công có thể nói là giỏi ứng đáp’. Th ần là Tùng Chi cho rằng: Xét người cốt ở đạo lý của người, giữ ước nên dựa vào điếu ấy, cho nên quân tử đối với lời nói của mình thì không có chỗ nào nói vội vã mà thôi vậy. Bì muốn mở rộng ý vua, nên cất nhắc như bọn Trương Liêu, sao lại vì cái chết của một tướng mà đem tổ tông ra nói ví được? Lời mà không nói, chẳng gì sai bằng lời ấy, tiến thì trái với mọi người, lui thì như nịnh hót, Tá Trị một thân ngay thẳng, không nên như thế. Ngụy lược viết đã khó tin, họ Tập lại theo đó mà chép vào, trộm nghĩ người này bị vu không không ít điếu.

Năm Thanh Long thứ hai, Gia Cát Lượng đem quân ra bờ nam sông Vị. Lúc đầu, Đại Tướng quân Tư Mã Tuyên Vương ⁽²³⁾ mấy lần xin đánh với Lượng, nhưng Minh Đế cuối cùng không nghe. Năm đó sợ không cầm được, bèn dùng Bì làm Đại Tướng quân Quân sư, sai cầm cờ tiết; sáu quân đều kính theo Bì sai khiến, chẳng ai dám trái.

Ngụy lược viết: “Tuyên Vương nhiều lần muốn ra đánh, Bì cấm không nghe. Tuyên Vương dẫu có thể theo ý mình, nhưng thường chịu theo

Bì”. Lượng chết, lại về làm Vệ úy. Hoảng, thụ là Túc Hầ. Con là Xưởng thay, giữa năm Hàm Hi làm Hà Nội Thái thú.

Thế ngữ viết: “Xưởng tự Thái Ung, làm đến Vệ úy. Con gái của Bì là Hiến Anh, gả cho Thái thường Dương Đàm người quận Thái Sơn”. Cháu ngoại là Hạ Hầ Kham viết truyện về Hiến Anh nói: “Hiến Anh thông minh có tài năng. Trước đây Văn Đế cùng Trần Tư Vương tranh làm Thái tử, rồi đến lúc Văn Đế được lập, ôm cổ Bì mà mừng nói: ‘Tân Quân biết ta vui không?’ Bì báo cho Hiến Anh, Hiến Anh than nói: ‘Thái tử là người thay vua làm chủ xã tắc tông miếu vậy. Thay vua không thể không gầy gù, làm chủ nước không thể không sợ, nên gầy gù mà vui mừng, lấy gì được dài lâu? Nhà Ngụy há không tốt sao!’ Em Xưởng làm Tham quân của Đại Tướng quân Tào Sảng. Tư Mã Tuyên Vương sắp giết Sảng, do đó Sảng đi ra, đóng cửa thành. Đại Tướng quân Tư Mã Lỗ Chi đem quân trong phủ của Sảng phá cửa chặt then, ra thành báo cho Sảng biết, đến gọi Xưởng cùng bỏ ra. Xưởng sợ, hỏi Hiến Anh nói: ‘Thiên tử ở ngoài, Thái phó đóng cửa thành, người ta nói sắp có việc không có lợi cho nhà nước, việc này nên làm thế nào?’ Hiến Anh nói: ‘Thiên hạ có kẻ không biết được, nhưng theo ta xét thấy Thái phó chỉ là không thể không làm thế! Minh Hoàng hậu sắp băng, cầm tay Thái phó, giao việc sau này cho Thái phó, lời này vẫn còn vang bên tai của bấy tôi trong triều. Vả lại Tào Sảng cùng Thái phó đều được nhận lệnh gửi gắm, vậy mà chỉ quen chuyên quyền, làm việc ngạo mạn, với nhà vua thì không có lòng trung, với người ta thì không ngay thẳng. Lần đem quân này chẳng qua là để giết Tào Sảng thôi’. Xưởng nói: ‘Vậy thì việc xong chẳng?’ Hiến Anh nói: ‘Chỉ e không đợi được! Cái tài của Sảng không sánh được với Thái phó’. Xưởng nói: ‘Vậy thì Xưởng không nên đi ra chẳng?’ Hiến Anh nói: ‘Sao lại không ra được. Giữ chức phận là nghĩa lớn của người. Hễ người ta khó khăn vẫn có kẻ cứu giúp; vì người ta cần roi mà bỏ mất việc của mình là không hay, không nên vậy. Vả lại vì người mà chết, vì người mà nhận, là chức phận của người thân cận vậy, nên theo mọi người mà thôi’. Xưởng bèn ra. Tuyên Vương quả đúng giết Sảng. Sau khi việc xong, Xưởng than nói: ‘Ta không có mưu bằng chị, lại không có nghĩa bằng’. Đến lúc Chung Hội làm Trấn tây Tướng quân, Hiến Anh bảo con thứ là Dương Hổ nói: ‘Chung Sĩ Quý sao lại đến phương tây?’ Hổ nói: ‘Sắp đến diệt Thục vậy’. Hiến Anh nói: ‘Hội làm việc tùy tiện, không có đạo coi việc lâu dài ở chỗ khác, ta e là hấn có

chí khác'. Hổ nói: 'Mẹ út chớ nói nhieu'. Sau đó Hội xin con là Tú làm Tham quân, Hiến Anh lo nói: 'Ngày trước thấy Chung Hội đi ra, ta đã lo cho nhà nước. Ngày nay nạn đến nhà ta, đây là việc lớn của nhà nước, tất không ngăn được vậy'. Tú cố xin Tư Mã Văn Vương, Văn Vương không nghe. Hiến Anh bảo Tú nói: 'Đi rồi phải đề phòng mới được! Quân tử thời xưa vào phải giữ đạo hiếu với người thân, ra phải giữ tiết tháo với nhà nước, về chức phận phải nghĩ đến việc mà mình trông coi, về nghĩa phải nghĩ đến cái mà mình làm, chỉ cần không để lại lo lắng cho cha mẹ mà thôi. Giữa chốn quân đội, nên làm người giúp đỡ, há chỉ có lòng nhân từ sao! Người phải cẩn thận'! Tú cuối cùng vì vậy mà giữ toàn thân. Hiến Anh thọ đến bảy mươi chín tuổi, năm Thái Thủy thứ năm chết".

[CHÚ THÍCH]

Cao Đường Long: nhân vật này không mấy tiếng tăm, chỉ có viết số biểu dài cho nên dịch giả tạm không dịch. Mời các vị

(1) Trại yển nguyệt (偃月营): là trại hình nửa Mặt trăng.

(2) Ngăn việc tốt: ý nói khiến cho người khác không làm việc tốt mà nhận thưởng.

(3) Không rơi xuống đất: ý nói tên tuổi không mất đi, còn lưu trong sách sử.

(4) Khương Bá Biễn: tức Khương Tự tự Bá Biễn.

(5) Triệu Vĩ Chương: tức Triệu Ngang tự Vĩ Chương.

(6) Phù tín và bảo phó: Phù tín là tiết lệnh làm tin của Đế vương hoặc tướng lại; bảo phó là vú nuôi, thời xưa thường ở trong cung nuôi dưỡng trẻ con hoặc chăm sóc người vợ của quan lại, Đế vương.

(7) Chiêu Khương chìm sông: vợ của Sở Chiêu Vương là người con gái của Tê Hâu, họ Khương cho nên gọi là Chiêu Khương (昭姜). Sở Chiêu Vương đi chơi đế Chiêu Khương ở lại trên đài Tiềm rồi đi. Chợt nghe nói nước sông sắp dâng bèn sai sứ giả đến đón nhưng không có phù tín, Chiêu Khương cho rằng muốn mời phu nhân phải có phù tín làm chứng, do đó không chịu đi, nước lớn dâng lên làm đài vỡ đổ, bị nước cuốn trôi mà chết.

(8) Bá Cơ cháy lửa: vợ của Tống Cộng Công là con gái của Lỗ Tuyên Công, tên là Bá Cơ (伯姬), sống rất thọ. Vào thời Tống Cảnh Công, vào buổi đêm cung điện có lửa cháy, người trong cung muốn cứu Bá Cơ ra, nhưng Bá Cơ cho là không có bảo phó đến cùng thì không chịu ra, do đó chịu chết cháy ở trong cung.

(9) Cung Toại: bấy tôi thời Hán Tuyên Đế. Bấy giờ quận Bột Hải mất mùa, trộm giặc nổi lên, quan lại không cấp chẩn. Nhà vua lo lắng, bàn bạc chọn Toại làm Bột Hải Thái thú, Toại đến vỗ về yên quận ấy.

(10) *Tương tác Đại tượng: chức quan trông coi việc xây dựng cung điện.*

(11) *Ung Khâu Vương Thực: tức Tào Thực tự Tử Kiến, coi trai thứ của Tào Tháo, phong làm Ung Khâu Vương.*

(12) *Cửu khanh: quan đứng đầu chín phủ của triều đình, nắm giữ công việc quan trọng, mỗi thời lại khác nhau. Thời Hán là: Thái thường, Quang lộc huân, Vệ úy, Đình úy, Thái phó, Đại Hồng lư, Tông chính, Đại Tư nông, Thiếu phủ.*

(13) *Cung Khoảnh (倾宫): cung điện cao lớn, đứng trên điện nhìn xuống mà choáng ngợp muốn ngã xuống.*

(14) *Đài Lộc (鹿台): cái đài xưa do vua Trụ của nhà Thương xây, đem các vật lạ, châu bảo cất chứa ở đây.*

(15) *Cấp Âm: bảy tôi thời Hán Vũ Đế, nổi tiếng thẳng thắn can gián.*

(16) *Chữ bì (毗), bản dịch Tam quốc diễn nghĩa của Phan Kế Bính đọc là tỉ. Theo Đường vận đọc âm là ‘bàng chi thiết’, tức đọc là ‘bì’, nên đọc là ‘bì’.*

(17) *Chữ trạch (翟), một âm đọc nữa là ‘địch’, thông với chữ địch (狄) chỉ người thiểu số phương bắc Trung Quốc thời xưa.*

(18) *Hiển Phủ tức Viên Thượng tự Hiển Phủ.*

(19) *Hiển Tư tức Viên Đàm tự Hiển Tư.*

(20) *Hai Viên tức Viên Đàm và Viên Thượng.*

(21) *Chính sóc (正朔) là ngày đầu trong một năm. Ý nói Ngụy Văn Đế đổi chính sóc như thời nhà Hạ.*

(22) *Vua Vũ tức Vũ Vương của nhà Chu.*

(23) *Tư Mã Tuyên Vương tức Tư Mã Ý, thời nhà Ngụy có công lớn nên được phong làm Tuyên Vương, do đó gọi là Tư Mã Tuyên Vương.*

QUYỂN 26 - MÃN ĐIỀN KHIÊN QUÁCH TRUYỆN

Mãn Sủng, Điền Dự, Khiên Chiêu, Quách Hoài

TRUYỆN MÃN SÙNG

Mãn Sùng tự Bá Ninh, người huyện Xương Ấp quận Sơn Dương. Mười tám tuổi làm Đốc bưu trong quận. Bấy giờ người trong quận là bọn Lí Sóc đầu đem bộ khúc đi làm hại đến dân thường, Thái thú sai Sùng xét trị chúng. Bọn Sóc nhận tội, không cướp bóc nữa. Giữ chức Cao Bình Lệnh, người trong huyện là Trương Bao làm Đốc Bưu của quận, tại chức tham lam, làm nhiều loạn việc quan, Sùng nhân lúc hấn đang ở nhà nghỉ, đem quan quân ra bắt hấn, tránh mắng lỗi mà hấn phạm phải, liền hôm đó xét hỏi, rồi bỏ quan về quê.

Thái Tổ đến Duyện Châu, gọi làm Tòng sự. Đến lúc làm Đại tướng quân, chuyển làm Tây tào thuộc, làm Hứa Lệnh. Bấy giờ Tào Hề là họ hàng thân cận, có tâm khách ở ngoài nhiều lần phạm pháp, Sùng bèn bắt trị tội chúng. Hề gửi thư xin Sùng, Sùng không nghe. Hề báo cho Thái Tổ, Thái Tổ gọi người coi việc ở huyện Hứa đến. Sùng biết Thái Tổ muốn tha, liền nhanh giết bọn ấy. Thái Tổ mừng nói: “Việc này không đáng như thế chẳng”? Thái úy Dương Bưu trước đây bị bắt giam vào tù trong huyện, bọn Thượng thư lệnh Tuân Úc, Thiếu phủ Khổng Dung đầu khuyên Sùng nói: “Chỉ nên dùng lời, chớ dùng hình bức”. Sùng đầu không đáp một người nào, xét hỏi đúng theo hình pháp. Mấy ngày sau, xin gặp Thái Tổ, nói với Thái Tổ rằng: “Dương Bưu bị xét hỏi mà không có lời cãi khác. Kẻ đáng giết thì phải nêu rõ tội của kẻ đó trước, nhưng người này nổi tiếng trong nước, nếu không làm rõ tội trạng tất làm mất lòng trông mong của dân chúng, làm cho mình công nuôi tiếc”. Thái Tổ liền hôm đó thả Bưu ra. Lúc đầu, bọn Úc, Dung nghe nói Sùng dùng hình bức Bưu, đầu giận, đến lúc Bưu được tha lại khen Sùng.

Thân là Tòng Chi cho rằng: Dương Công ở nhà tu đức, thân là danh thần, đầu có lúc phóng túng lỗi lầm thì vẫn nên khoan thứ, hướng chi dùng hình pháp nặng nề mà lại xét hỏi được vậy? Nếu về lí đáng xét hỏi thì hai vị Tuân, Khổng há lại tùy tiện cùng nhau xin khoan thứ sao? Sùng làm việc ấy là có tấm lòng của quan

lại tàn khốc vậy. Dẫu sau đó được khen, nhưng sao cỏi bỏ được tiếng xấu tàn khốc lúc trước?

Bấy giờ Viên Thiệu nổi mạnh ở phía bắc sông Hà⁽¹⁾, mà quận Nhữ Nam là quận gốc của Thiệu, bọn tân khách bạn bè rải khắp các huyện, đem quân tự giữ, Thái Tổ vì vậy mà lo lắng, lấy Sủng làm Nhữ Nam Thái thú. Sủng chiêu mộ được năm trăm người thân phục, đem quân đánh chiếm hơn hai mươi đồn, dụ bọn cừ súy chưa hàng trong số bọn chúng, giết hơn mười người ở trên ghế, một lúc đầu yên. Thu được hai vạn hộ dân, hai nghìn quân, sai đến làm ruộng.

Năm Kiến An thứ mười ba, theo Thái Tổ đánh Kinh Châu. Đại quân về, giữ Sủng ở lại làm Phấn uy Tướng quân, đóng quân ở huyện Dương Dương. Tôn Quyền nhiều lần quấy nhiễu miền đông, lại gọi Sủng về làm Nhữ Nam Thái thú, ban tước Quan Nội Hầu. Quan Vũ vây thành Tương Dương, Sủng giúp Chinh nam Tướng quân Tào Nhân đóng quân ở Phàn Thành chống Vũ, mà quân của bọn Tả Tướng quân Vu Cấm vì mưa dầm lâu ngày nước sông dâng cao, bị Vũ diệt. Vũ đánh Phàn Thành gấp, Phàn Thành bị ngập nước, các chỗ vỡ lở, quân sĩ đều mất sắc mặt. Có người báo Nhân nói: “Ngày nay nguy khốn, không có sức giúp. Nên nhân lúc Vũ vây chưa gấp, buổi đêm chèo thuyền nhẹ mà chạy, dẫu mất thành nhưng vẫn còn thân”. Sủng nói: “Nước sông chảy xiết nhưng sẽ không lâu. Nghe nói Vũ đã sai tướng khác đóng quân ở dưới huyện Giáp, từ huyện Hứa về phía nam, trăm họ rối loạn, mà Vũ không dám đến đuổi là vì sợ quân ta chặn mặt sau của hắn thôi. Nay nếu bỏ trốn thì vùng sông Hồng về phía nam không còn thuộc nhà nước nữa; ông nên giữ đợi”. Nhân nói: “Hay”. Sủng bèn giết ngựa trắng, thề ước cùng quân sĩ. Vừa lúc bọn Từ Hoảng đến cứu, Sủng gắng đánh có công, Vũ bèn rút. Tiến phong An Dương Đình Hải. Văn Đế lên ngôi Vương, chuyển làm Dương vũ Tướng quân. Có công phá quân Ngô ở Giang Lăng, lại bái làm Phục ba Tướng quân, đóng quân ở Tân Dã. Đại quân đánh phương nam, đến hồ Tinh, Sủng đem các quân đi trước, đối trận cách sông với giặc. Sủng răn các tướng nói: “Đêm nay gió rất mạnh, giặc tất đến đốt quân ta, nên phòng bị chúng”. Các quân đều cảnh giác. Nửa đêm, giặc quả đúng sai mười cánh quân lẻ buổi đêm đến đốt lửa. Sủng ém quân đánh phá giặc, tiến phong Nam Hương Hải. Năm Hoàng Sơ thứ ba, ban tiết việt cho Sủng. Năm thứ năm, bái làm Tiễn Tướng quân. Minh Đế lên ngôi Đế, tiến phong Xương Ấp Hải. Năm Thái

Hòa thứ hai, lĩnh chức Dự Châu Thứ sử. Mùa xuân năm thứ ba, người huyện Giăng nói là Ngô phòng giữ nghiêm ngặt, nói phao là muốn đến phía bắc sông Giang săn bắn, Tôn Quyên muốn tự đi. Sùng tính Quyên tất đánh úp huyện Tây Dương, bèn phòng bị chỗ ấy, Quyên nghe tin, rút về Mùa thu, sai Tào Hưu từ phía nam Lư Giang vào Hợp Phì, sai Sùng đến Hạ Khâu. Sùng dâng sớ nói: “Tào Hưu dẫu sáng suốt nhưng ít khi dùng binh, nay con đường mà Hưu đi dựa lưng vào hồ, lại bên cạnh sông, dễ đi mà khó rút, đây là đất lõm của cánh quân ấy. Nếu vào cửa Vô Cường, nên phòng bị cẩn thận”. Biểu của Sùng chưa đến, Hưu đã vào sâu. Giặc quả đúng từ cửa Vô Cường cắt đứt hang Giáp Thạch, chặn đường về của Hưu. Hưu đánh không được lợi, rút chạy. Vừa lúc bọn Chu Linh từ phía sau đến chặn đường, gặp nhau với giặc, giặc kinh hãi rút chạy, quân của Hưu mới về được. Năm đó Hưu hoẵng, Sùng từ chức Tiền Tướng quân thay Hưu trông coi việc quân của các quận Dương Châu. Quân dân quận Nhữ Nam luyện tiệc, lớn nhỏ dắt nhau đi theo trên đường, không ngăn cấm được. Quân hộ vệ dâng biểu lên muốn giết kẻ đứng đầu trong bọn ấy. Hạ chiếu sai Sùng đem nghìn quân thân cận đi theo, quân còn lại một tên cũng không hỏi tới. Năm thứ tư, bái Sùng làm Chinh đông Tướng quân. Mùa đông năm đó, Tôn Quyên phao tin muốn đến Hợp Phì, Sùng lệnh gọi các quân Duyện Châu, Dự Châu đều tụ tập. Giặc bèn dần dần lui về, hạ chiếu bãi binh. Sùng cho rằng nay giặc phát binh lớn mà lại rút, đây không phải là ý gốc vậy, tất muốn giả rút để cho quân ta bãi rồi quay lại thừa cơ lúc trống trải, đánh lúc quân ta không phòng bị vậy, do đó lệnh không bãi binh. Hơn mười ngày sau, Quyên quả nhiên quay lại, đến thành Hợp Phì, không thắng mà về. Năm sau đó, tướng Ngô là Tôn Bố sai người đến Dương Châu xin hàng, nói rằng: “Đường xa không tự thân đến được, xin đem quân đến đón”. Thứ sử Vương Lăng tin thư của Bố, xin quân mã đón Bố. Sùng cho là tất giả, không cho quân, lại sai Lăng viết thư gửi nói: “Biết được phải trái, muốn tránh họa đón thuận, bỏ ngược bạo theo chính đạo, thật đáng khen ngợi. Nay muốn sai quân đến đón, nhưng vì quân ít thì không đủ để phòng bị, quân nhiều thì việc tất truyền xa. Vả lại giữ kín kế trước để ý muốn được làm xong, tùy lúc mà làm cho vừa hợp”. Gặp lúc Sùng nhận thư phải về chầu, răn bảo quan Trưởng sử ở lại nói: “Nếu Lăng muốn đến đón, không được cho quân”. Lăng sau đó nhiều lần xin quân không được, bèn tự sai một Đô đốc đem bảy trăm quân kỵ bộ đến đón Bố. Bố nhân buổi đêm lên đánh, quan Đô đốc đầu chạy, chết hại quá nửa. Lúc trước, Sùng

làm việc không hợp với Lãng, bề đẳng của Lãng gièm pha Sùng già bệnh lần lần, cho nên Minh Đế mới gọi Sùng về. Đã đến, thấy chí khí cứng cỏi, bèn sai quay lại.

***Thế ngữ viết:** Vương Lãng dâng biểu nói Sùng tuổi già lại ham rượu, không nên coi việc nơi xa. Đế muốn gọi Sùng về, Cấp sự trung là Quách Mưu nói: “Sùng làm Nhữ Nam Thái thú, Dự Châu Thứ sử hơn hai mươi năm có công to lớn. Đến lúc giữ Hoài Nam, người Ngô sợ Sùng. Nếu không đúng như biểu của Lãng, đây là bị gièm vậy. Cũng nên lệnh về châu, hỏi việc ở địa phương để xem xét”. Đế nghe theo. Sùng đã đến, vào gặp, uống đến một thạch rượu mà không say. Đế vỗ về Sùng, sai quay lại.*

Sùng nhiều lần dâng biểu xin ở lại, hạ chiếu lệnh nói: “Xưa Liêm Pha ăn khỏe, Mã Viện ngủ yên⁽²⁾, nay ông chưa già mà tự nói là đã già, sao lại làm trái với Liêm, Mã vậy? Lòng trung của người giữ yên được biên giới, đây là cái ân cho Trung Quốc vậy”.

Năm sau, tướng Ngô là Lục Tốn đến Lư Giang, người bàn cho là nên nhanh đến phòng bị. Sùng nói: “Lư Giang dẫu nhỏ nhưng tướng khỏe binh mạnh, giữ được lâu dài. Lại nữa giặc bỏ thuyền cách hai trăm dặm đến đây, phía sau để trống, vẫn muốn dụ quân ta, nay nên nhân lúc này mà đi đánh, chỉ e chạy không kịp được thôi”. Dem quân đến cửa Dương Nghi, giặc nghe tin đại quân xuống phía đông, liền nhân buổi đêm chạy trốn. Bấy giờ Quyên có kế đánh lại. Năm Thanh Long thứ nhất, Sùng dâng sớ nói: “Phía nam thành Hợp Phì liền với sông hồ, phía bắc xa thành Thọ Xuân, nếu giặc đến vây chỗ ấy, nên dựa vào sông mà chống giữ; nếu quân đến cứu, phải phá sau lưng giặc rồi mới giải được vây. Giặc đến rất dễ, mà quân ta đến cứu lại rất khó, nên đem quân vào trong thành, phía tây thành ba mươi dặm có chỗ hiểm nên dựa được, lại đắp thành để giữ vững, đây là dẫn giặc vào đất bằng mà chặn đường về của chúng vậy, kế ấy là hay hơn”. Hộ quân Tưởng Tế bàn cho rằng: “Đã tỏ vẻ yếu trước thiên hạ, lại đứng xem giặc đốt lửa mà phá thành, đây là chưa đánh mà tự thua vậy. Còn hơn như thế, bị cướp bóc không kể hết, tất phải về phía bắc sông Hoài mà giữ thôi”. Đế chưa theo. Sùng dâng biểu dõng dạc nói: “Tôn Tử nói: ‘Dùng binh phải lừa dối’. Cho nên có sức mà tỏ vẻ yếu không sức. Lấy lợi để làm địch kiêu căng, tự mình tỏ vẻ sợ hãi. Đây là tỏ vẻ ngoài như thế mà không phải như thế vậy. Lại nói: “Người giỏi dẫn dụ địch, phải tỏ vẻ ngoài”. Nay giặc chưa đến mà dời rút vào thành, đây gọi là tỏ vẻ ngoài để dụ địch vậy. Dẫn giặc rời sông, chọn lúc lợi mà đánh, ở ngoài đánh được thì ở trong tất

được giúp vậy”. Thượng thư Triệu Tư cho rằng kế của Sùng là hay, bèn hạ chiếu nghe theo. Năm đó, Quyên tự đi, muốn vây thành mới, vì chỗ ấy xa sông, đợi hai mươi ngày không dám xuống thuyền. Sùng bảo các tướng nói: “Quyên thấy ta dờn thành, trong quân tất có kẻ nói lời kiêu ngạo, nay phát quân lớn đến muốn đánh một trận mà lập công, dẫu không dám đến, nhưng tất đem quân lên bờ để diễu oai mạnh”. Bèn ngầm sai sáu nghìn quân bộ kỵ nấp phục ở ngoài thành Hợp Phì để đợi giặc. Quyên quả đúng đem quân lên bờ diễu oai, quân sĩ nấp phục của Sùng cùng xông ra đánh, chém mấy trăm thủ cấp, có kẻ rơi xuống nước chết. Năm sau, Quyên tự đem mười vạn quân đến Tân Thành của thành Hợp Phì. Sùng đi nhanh đến cứu, chiêu mộ mấy chục tráng sĩ, chặt gỗ thông làm đuốc, lấy dầu bôi lên, từ đầu nguồn gió phóng lửa, đốt chiến cụ của giặc, bắn chết con em của Quyên là Tôn Thái. Do đó giặc rút về Mùa xuân năm thứ ba, Quyên sai mấy nghìn nhà quân làm ruộng ở phía bắc sông. Đến tháng tám, Sùng cho rằng lúa ruộng sắp chín, trai gái ra đồng, quân phòng vệ của giặc có kẻ rời thành mấy trăm dặm, đánh lén được vậy. Sai Trưởng sử đem ba quân men theo phía đông sông mà xuống, đánh phá các trại, đốt cháy thóc lúa rồi về Hạ chiểu khen Sùng, nhân đó đem hết các đồ thu được của giặc thưởng cho tướng sĩ.

Năm Cảnh Sơ thứ hai, thấy Sùng tuổi già bèn gọi về chuyển làm Thái úy. Sùng không vun vén tiển của, trong nhà không có cửa thừa. Hạ chiểu nói: “Ông coi việc quân ở ngoài, dốc lòng nghĩ việc công, có phong thái của Hành Phủ, Sái Tôn⁽³⁾. Ban cho mười khoảnh ruộng, năm trăm học gạo, hai mươi vạn đồng tiền, để biểu dương tiết tháo trung thành tiết kiệm”. Sùng trước sau được tặng ấp, cả thảy có chín nghìn sáu trăm hộ, phong hai người con cháu làm Đình hầu. Năm Chính Thủy thứ ba thì hoẵng, thụy là Cảnh Hầu. Con là Vĩ nối tự. Vĩ có đức hạnh mà nổi tiếng, làm quan đến chức Vệ úy.

***Thế ngữ viết:** Vĩ tự Công Hoành, có phong thái của Sùng, hai mươi tư tuổi làm Đại Tướng quân duyện. Vào thời nạn Cao Quý Hương Công⁽⁴⁾, theo chức phận giữ cửa cung điện của Nhà vua, em của Tư Mã Văn Vương là An Dương Đình Hầu tên là Hàn muốn vào. Vợ của Hàn là em gái của Vĩ vậy. Trường Vũ bảo Hàn nói: “Cửa ấy gần, Công sắp đến, không có người vào, nên theo cửa phía đông”. Hàn bèn nghe theo. Văn Vương hỏi Hàn vào sao chậm vậy, Hàn nói nguyên nhân. Tham quân Vương Tiễn không vào được, giận lắm. Rồi Tiễn vì tả hữu của Văn Vương là Khải Vương, Mãn Duyện chặn cửa không cho người vào*

trong, bị xét tội. Ở trận Thọ Xuân, Vĩ theo Văn Vương đến đất Hứa, bị bệnh không đi, cho con đi theo, xin về nhà chữa bệnh, việc xong lại theo về, do đó bị Văn Vương giận. Bắt Trường Vũ xét hỏi đánh đến chết, Vĩ được tha, giáng làm dân thường. Bấy giờ người đời cho là oan uổng. Con em của Vĩ là Phấn, giữa năm Nguyên Khang thời nhà Tấn làm đến chức Thượng thư lệnh, Tư lệ Hiệu úy. Sủng, Vĩ, Trường Vũ, Phấn đều có thân cao tám thước. Kí Châu kí của Tuân Xước viết: Tính Phấn điềm tĩnh, tiết kiệm. Tấn chư công tán viết: Tính Phấn rộng rãi nhã nhặn, có phong thái của Sủng vậy.

TRUYỆN ĐIỀN DỰ

Điền Dự tự Quốc Nhượng, người huyện Ung Nô quận Ngự Dương. Lúc Lưu Bị đến nương nhờ Công Tôn Toản thì Dự còn nhỏ tuổi, tự gửi thân nơi Bị, Bị rất coi trọng. Lúc Bị làm Dự Châu Thứ sử, Dự vì mẹ già mà xin về, Bị khốc lóc cùng chia tay, nói: “Chỉ hận không được cùng ông làm nên nghiệp lớn”.

Công Tôn Toản sai Dự làm Đông Châu Lệnh, tướng của Toản là Vương Mân phản Toản, giúp Viên Thiệu đem hơn vạn quân đến đánh. Quân sợ, muốn hàng, Dự lên mặt thành bảo Mân nói: “Ông được họ Công Tôn coi trọng mà lại bỏ đi, trong lòng chắc là bất đắc dĩ thôi; vậy mà nay lại làm giặc, biết ông là kẻ làm loạn rồi. Người có trí nòng cạm như cái bình nhỏ mà vẫn biết giữ lòng trung không đổi, ta đã nhận lệnh, sao người đánh gấp vậy”? Mân then mà rút quân. Toản dẫu biết Dự có mưu lược nhưng lại không dùng vậy. Toản thua, rồi Tiên Vu Phụ được người trong quận bầu chọn, coi việc quan Thái thú, vốn khen tài Dự, dùng làm Trưởng sử. Bấy giờ hào kiệt cùng nổi dậy, Phụ chẳng biết theo về ai, Dự bảo Phụ nói: “Người cuối cùng định được thiên hạ tất là họ Tào vậy, nên nhanh theo về thì sau này không rước họa”. Phụ theo kế của Dự, bèn được phong thưởng. Thái Tổ gọi Dự đến làm Thừa tướng Quân mưu duyện, làm Dĩnh Âm, Lang Lăng Lệnh, chuyển làm Dặc Dương Thái thú, các chỗ đến nhậm chức đều được sửa trị.

Yên Lăng Hào Chương⁽⁵⁾ đánh Đại Quận, lấy Dự làm Tướng. Đem quân đến phía bắc huyện Dịch, giặc ém quân kị chặn đánh, quân sĩ rối loạn, chẳng biết làm sao, Dự dựa vào thế đất, đem quân về lập thế trận vòng tròn, đặt cung nỏ dày đặc ở trong trận, làm nghi binh để che giấu chỗ kém của mình. Quân Hào không tiến được, tan chạy. Đuổi đánh, đại phá chúng, cuối cùng đi đến bình Đại Quận, đều là kế của Dự vậy.

Chuyển làm Nam Dương Thái thú. Lúc trước, người trong quận là Hào Âm phản, tụ tập mấy nghìn người trong núi làm bọn cướp, gây hại lớn cho

quận. Thái thú lúc trước bắt được phe đảng và hơn năm trăm người của chúng, dâng tấu xin xử tội chết, Dục đến gặp hết bọn tội tù, an ủi, mở con đường tự sửa mới cho chúng, cùng lúc cởi trói ra mà sai khiến. Bọn tội tù đều cúi đầu, xin tự chuộc tội, liệ̀n tự bảo nhau, bọn cướp một sớm đầu tan rã, trong quận được yên ổn. Dem việc tấu lên, Thái Tổ khen Dục.

Đầu thời Văn Đế, người Địch miền bắc cường mạnh, xâm nhiễu biên ải phía bắc, bèn sai Dục lĩnh chức Trì tiết Hộ Ô Hoàn Hiệu úy, Khiên Chiêu, Giải Tuấn cùng làm Hộ Tiên Ti Hiệu úy. Từ huyện Cao Liễu đến phía đông, từ chỗ của người Uế Mạch về phía tây, mấy chục bộ lạc Tỉ Năng, Di Gia, Tổ Lợi người Tiên Ti cắt đất chiếm giữ, đều có chia ranh giới, lại cùng thề ước, đều không muốn đem ngựa trao đổi với Trung Quốc. Dục cho rằng người Di Địch hợp làm một thì không phải là đi đầu lợi của Trung Quốc, bèn li gián chúng trước, khiến cho chúng tự thù ghét, đánh giết lẫn nhau. Bộ lạc Tổ Lợi làm trái lời thề, đem nghìn con ngựa trao cho quan quân, bị bộ lạc Tỉ Năng đánh, xin cứu với Dục. Dục lo chúng tự hợp lại với nhau, sẽ gây hại nhiều thêm, bèn cứu kẻ thiện, đánh kẻ ác, tỏ ân tín với người Địch, tự đem quân tinh nhuệ đi sâu vào trại giặc, người Hồ đông nhiều, đem quân vây trước sau, chặn ngang đường về Dục bèn tiến quân, lập đồn trại cách giặc hơn mười dặm, tự nhiều phân trâu ngựa khô lại mà đốt, rồi từ đường khác dẫn quân đi. Người Hồ thấy khói lửa không dứt, cho rằng Dục vẫn ở đó, bèn bỏ đi, được mấy chục dặm mới biết, lại đuổi theo Dục đến Mã Thành, vây đến mười vòng, Dục phòng giữ nghiêm ngặt, sai quan Tư mã dựng cờ tinh, đánh trống, đem quân bộ kỵ ra từ cửa nam, người Hồ đều dõng mắt đến đuổi theo. Dục đem quân tinh nhuệ ra từ cửa bắc, đánh trống hò reo mà ra, hai đầu cùng ập đến, ra chỗ giặc không ngờ, quân giặc rối loạn, đều tự dẫn dắt ngựa mà chạy, đuổi đánh đến hơn hai mươi dặm, thấy chết đầy đất. Lại có vua của người Ô Hoàn là Cốt Tiên ương ngành không thần phục, do đó Dục ra biên ải xem xét, tự đem hơn trăm quân kỵ thuộc hạ vào trại, Tiên đón bái, bèn sai tả hữu chém Tiên, kể rõ tội lỗi của hắn để ban lệnh cho quân dân, quân dân đều sợ hãi không dám động dấy, lại lấy em của Tiên thay Tiên. Từ đấy, người Hồ vỡ mật, oai lừng sa mạc. Bọn giặc trên núi là Cao Ngải có mấy nghìn người cướp bóc, gây hại ở miền U, Kí, do đó Dục dụ bộ lạc Tổ Lợi người Tiên Ti chém Ngải, đưa đầu đến kinh đô, phong Dục làm Trường Lạc Đình Hầu. Làm Hộ Ô Hoàn Hiệu úy được chín năm, ngăn ngừa người Di Địch, thường bề gãy ra mà

chiếm lấy, chia rẽ bọn cường mạnh. Như những kẻ trốn tránh gian xảo giúp người H ồ tính kế gây việc không có lợi cho quan quân, Dự đầu quấy phá chia rẽ, khiến cho mưu ác xấu của chúng không thành, những bộ lạc tụ họp không được yên ổn. Việc còn chưa xong, mà bè đảng của U Châu Thứ sử Vương Hùng muốn Hùng lĩnh chức Ô Hoàn Hiệu úy, phá kế của quấy biên của Dự⁽⁶⁾, gây khó cho nhà nước, bèn chuyển Dự làm Nhữ Nam Thái thú, thêm chức Diên Di Tướng quân.

Cuối năm Thái Hòa, Công Tôn Uyên đem quận Liêu Đông phản, Đế muốn đánh Uyên nhưng khó chọn người, Trung lĩnh quân Dương Kị cử Dự nên dùng.

Thân là Tùng Chi xét: Kị tự Hưu Tiên, người huyện Huỳnh Dương, việc này thấy ở truyện Lưu Diệp. Con Kị là Triệu, làm Kinh Châu Thứ sử thời Tấn. Khải sự của Sơn Đào khen Triệu có tài năng. Con Triệu là Đàm, tự Đạo Nguyên, con thứ là Hâm, tự Công Tự, con Đàm là Úc, tự Trường Văn, con thứ là Kinh, tự Trọng Vũ, đều thấy ở trong Phan Nhạc tập.

Bèn sai Dự giữ chức cũ, đô đốc các quân của vùng Thanh Châu, c ần cò tiết đến đánh Uyên. Gặp lúc giặc Ngô sai sứ đến liên kết với Uyên. Đế cho là giặc đông nhiều, lại đã vượt biển, hạ chiếu Dự phải bãi binh. Dự tính thuyền giặc sẽ quay về cuối năm gió to, tất sợ trôi dạt, mà đi về phía đông lại không có bờ, phải đến Thành Sơn. Thành Sơn không phải là chỗ chứa thuyền, phải men theo bờ biển, xem xét thế đất và các núi đảo, ngăn chặn nơi hiểm yếu, bày binh đóng giữ. Dự tự vào Thành Sơn, trèo lên đài Hán Vũ mà trông. Giặc về, quả đúng gặp gió to, thuyền đều va vào núi đá chìm nghỉm, sóng xô ngập bờ, không có chiếc thuyền nào được thoát, rút cuộc bắt hết quân giặc. Lúc đầu, các tướng đầu cưỡi Dự đợi giặc ở chỗ trống vắng, đến lúc giặc phá, mới chịu cùng mưu tính, xin vào biển vớt lấy thuyền trôi, Dự sợ giặc thế cùng li ều chết mà đánh, đầu không nghe. Lúc trước, Dự làm Thái thú, đô đốc các quân của Thanh Châu, Thanh Châu Thứ sử Trình Nhất trong lòng không phục, lúc có việc quân, nhiều lần làm sai lầm. Nhất biết Đế thích ngọc châu, bèn ngầm dâng biểu nói: “Dự dẫu có công đánh trận nhưng hiệu lệnh buông trễ, bắt được đồ khí giới vàng ngọc rất nhiều mà lại chia ra, đầu không nạp vào sở quan”. Do đó không được xét công.

Sau đó, Tôn Quyền đem mười vạn quân đánh Tân Thành, Chinh đông Tướng quân Mãn Sủng muốn đem các quân đến cứu. Dự nói: “Giặc phát hết quân lớn, không những tìm lấy cái lợi nhỏ mà còn muốn đánh Tân

Thành để dụ đại quân ta đến đánh thôi. Nên nghe theo đến đánh, bẻ gãy khí mạnh của giặc, không cần tranh thắng với giặc, nếu thành không vỡ, giặc tất rút về, sau khi rút về mới đuổi đánh mới thắng lớn được vậy. Nếu giặc biết kế ấy, tất không đánh thành, như thế cũng phải tự rút chạy. Nếu tiến binh ngay, tất trúng kế giặc. Lại nữa, đại quân chọn hướng đi phải khiến cho giặc khó biết, không để giặc tự mưu tính trước”. Dự liề n tấ u lên, Thiên tử theo kế ấy. Đúng là giặc rút chạy. Sau đó quân Ngô lại đến cướp, Dự đến chống chúng, giặc lại rút. Các quân buổi đêm kinh hãi, nói: “Giặc lại đến”! Dự nằm không dậy, lệnh ba quân rằng: “Ai dám đánh thì chém”. Chốc lát, rút cuộc không có giặc đến.

Cuối năm Cảnh Sơ, tăng ba trăm hộ ấp, cùng năm trăm hộ trước. Đầu năm Chính Thủy, chuyển làm Sứ trì tiết, Hộ Hung Nô Trung lang tướng, thêm chức Chấn uy Tướng quân, lĩnh chức Tinh Châu Thứ sử. Người Hồ ngoài biên giới nghe uy danh của Dự, cùng nhau đến cống nạp. Biên giới yên tĩnh, trăm hộ nhờ ơn ấy. Gọi về làm Vệ úy, thường xin nhường chức, Thái bảo Tư Mã Tuyên Vương cho rằng Dự cứng cỏi, hạ chiếu dụ không nghe. Dự gửi thư đáp nói: “Qua bảy mươi tuổi mà vẫn nhậm chức, ví như chuông kêu h ẫ i kết, lại đi đêm không được nghỉ, đây là kẻ có tội vậy”. Lại cố xưng bệnh nặng, r ẫ i bái làm Thái trung Đại phu, ăn lộc quan Khanh. Tám mươi hai tuổi thì hoẵng. Con là Bành Tổ nối tự.

Ngụy lược viết: Dự từ quan về nhà, trú ở huyện Ngụy. Gặp lúc quận Nhữ Nam sai Kiện Bộ đi đánh phương bắc, cảm kích ân đức của Dự, qua bái tạ Dự. Dự bèn giết gà nấu cơm, đi tiễn đến đầu bờ ruộng, bảo Kiện Bộ nói: “Ta đã già, người vất vả qua đây mà ta không có gì giúp, vất vả không”? Kiện Bộ thương cái nghèo khổ của Dự, khóc lóc mà đi, trở về được quan dân khen ngợi. Người quận Nhữ Nam góp mấy nghìn đồng tiền, sai người đến tặng Dự, Dự chẳng lấy một đồ gì. Gặp lúc bệnh chết, răn vợ con mình nói: “Phải táng ta ở bên cạnh mộ Tây Môn Báo”⁽⁷⁾. Vợ gạn hỏi nói: “Tây Môn Báo là người thần thời xưa, sao lại phải táng bên người này”? Dự nói: “Việc mà Báo làm giống ngang với ta vậy, cho nên lúc chết vẫn có linh, tất làm bạn với ta”. Vợ con nghe theo. Người quận Nhữ Nam nghe tin Dự chết, búi ngùi, rồi vẽ tranh hình Dự, lại làm bia khắc công.

Dự trong sạch tiết kiệm, có ban thưởng đều chia cho tướng sĩ. Mỗi khi người Hồ, người Địch tặng riêng, đều cất vào sở quan, không giấu ở nhà riêng; nhà thường nghèo túng. Dẫu là người khác, đều khen tiết tháo cao đẹp của Dự.

Ngụy lược viết: Bọn Tỗ Lợi người Tiên Ti nhiều lần đến làm khách, nhiều lần đem trâu ngựa đến tặng Dữ; Dữ chuyển hết vào sở quan. Người Hồ cho rằng các vật tặng Dữ lúc trước rất quý báu, nhưng không bằng đem tặng vàng, bèn ngầm đem ba mươi cân vàng đến, bảo Dữ rằng: “Nguyện làm tả hữu, ta muốn có cái đạo của tả hữu”. Dữ nghe theo, người Hồ nhân đó quỳ bái, nói: “Ta thấy ông nghèo, cho nên trước sau tặng trâu ngựa cho ông, ông lại cho vào sở quan, nay ngầm đem vàng dâng cho ông, nên lấy làm tiên của trong nhà mình”. Dữ đưa túi ra nhận lấy, đôi đáp ý tốt ấy. Sau khi người Hồ đi, đều đem hết ra ngoài, lấy việc này tấu lên. Do đó hạ chiếu khen Dữ nói: “Ngày xưa Ngụy Giáng⁽⁸⁾ vỗ về để thu nạp người Khương, ngày nay khanh nâng túi để nhận vàng của người Địch, trẫm rất khen ngợi”. Lại liền ban cho năm trăm thất lụa. Dữ được ban, chia một nửa cất trong nhà mình, sau đó người Hồ lại đến, đem một nửa tặng cho họ.

Năm Gia Bình thứ sáu, hạ chiếu khen thưởng, ban tiền gạo cho nhà Dữ. Lời này tại truyện Từ Mạc.

TRUYỆN KHIÊN CHIÊU

Khiên Chiêu tự Tử Kinh, người huyện Quan Tân quận An Bình. Năm hơn mười tuổi, đến nhà người cùng huyện là Nhạc Ân theo học. Sau đó Ân làm Trưởng sử của Xa kị Tướng quân Hà Miêu, Chiêu đi theo làm lính. Đến thời kinh đô loạn, Miêu, Ân bị hại, Chiêu và học trò của Ân là bọn Sử Lộ xông vào nơi đao nhọn, cùng tấn liệm thầy Ân, chở về quê chôn táng, trên đường đi bị cướp bóc, bọn Lộ đầu tan chạy cả, bọn cướp muốn phá quách lấy đỉnh, Chiêu rơi nước mắt xin tha. Bọn cướp khen là có nghĩa, bèn tha bỏ đi. Do đó mà nổi tiếng.

Kí Châu Mục là Viên Thiệu mời làm Đốc quân Tòng sự, trông coi quân đột kị Ô Hoàn. Người nhà của Thiệu trái lệnh, Chiêu chém trước rồi báo sau, Thiệu cho là lạ mà không phạt tội vậy. Thiệu chết, lại thờ con Thiệu là Thượng. Năm Kiến An thứ chín, Thái Tổ vây huyện Nghiệp. Thượng sai Chiêu đến Thượng Đảng, coi việc chở lương quân. Chưa về, Thượng thua chạy đến Trung Sơn. Bấy giờ anh họ bên ngoài của Thượng là Cao Hàn làm Tinh Châu Thứ sử, Chiêu cho rằng bên trái Tinh Châu có cái hiểm của núi Hằng Sơn, bên phải có cái vững của sông lớn, có năm vạn quân mặc giáp, phía bắc liên với người Hồ mạnh, khuyên Hàn đón Thượng, dựa vào đất Tinh Châu mà xem sự biến, nhưng Hàn không nghe, lại muốn hại Chiêu. Chiêu nghe tin, đi lên mà bỏ trốn, đường nghẽn không theo kịp Thượng, bèn đi về phía đông đến chỗ Thái Tổ. Lúc Thái Tổ lĩnh cả Kí Châu, cho làm Tòng sự.

Thái Tổ sắp đánh Viên Đàm, nhưng người Ô Hoàn huyện Liễu Thành muốn đem quân kị giúp Đàm. Thái Tổ cho rằng Chiêu từng trông coi quân Ô Hoàn, bèn sai đến Liễu Thành. Đến nơi, vừa lúc Tiểu Vương Nghiêm đang đem năm nghìn quân kị đến tặng Đàm. Lại có Liêu Đông Thái thú Công Tôn Khanh tự xưng Bình Châu Mục, sai sứ giả là Hàn Trung đem ấn Thiển vu ban cho Tiểu Vương, Tiểu Vương tụ họp bầy tôi, Trung cũng ngồi trong hội. Tiểu Vương hỏi Chiêu nói: “Lúc trước Viên Công nhận

lệnh của Thiên tử, phong ta làm Thi ân vu; nay Tào Công lại nói sẽ báo cho Thiên tử, phong ta làm Thi ân vu thật; sứ giả quận Liêu Đông lại cần ẩn thao đến. Như thế, ai mới là chính”? Chiêu đáp nói: “Ngày trước Viên Công thừa lệnh, được tự ý bãi phong, nhưng bên trong là trái lệnh, cho nên Thiên tử sai Tào Công đến đánh, nói là sẽ báo cho Thiên tử, phong làm Thi ân vu thật, là đúng vậy. Liêu Đông là quận dưới, há được tự ý phong bãi sao”? Trung nói: “Liêu Đông ta tại phía đông của biển lớn, có trăm vạn quân, lại có các đồ dùng của người Phù Dư, Uế Mạch; xét thế ngày nay, kẻ mạnh làm chủ, há chỉ Tào Tháo làm được sao”? Chiêu cười Trung nói: “Tào Công kính thuận sách suốt, giúp đỡ Thiên tử, đánh đổ kẻ phản, vỗ về kẻ phục, vỗ yên bốn cõi, vua tôi nhà ngươi ngang bướng, nay dựa vào nơi xa hiểm, làm trái lệnh vua, muốn tự tiện phong bãi, coi thường Thiên tử, sắp diệt vong đến nơi, há dám kiêu căng lấn lướt bậc người trên sao”? Liền nắm đầu Trung ghì xuống nền nhà, rút đao muốn chém đi. Tiểu Vương sợ hãi, đi nhanh ôm lấy Chiêu để xin tha cho Trung, tả hữu đều biến sắc mặt, Chiêu mới về chỗ ngồi, nói rõ thành bại, họa phúc giúp bọn Tiểu Vương, đầu xuống chiếu quỳ bái, kính theo lệnh vua, lại biện bác sứ giả Liêu Đông, bãi quân kị của họ.

Thái Tổ diệt Đàm ở Nam Bì, cho Khiên làm Quân mưu dụyện, theo đi đánh người Ô Hoàn, đến Liễu Thành, bái làm Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Về huyện Nghiệp, sứ giả Liêu Đông đem đầu Viên Thượng đến, treo đầu ở chợ ngựa, Chiêu nhìn mà thương cảm, đến tế dưới đầu, Thái Tổ khen là có nghĩa, cử làm Mậu tài. Đi theo bình Hán Trung, giữ Chiêu lại làm Trung hộ quân. Việc bỏ, về huyện Nghiệp, bái Bình lỗ Hiệu úy, Tướng quân, trong coi việc quân của các quận Từ Châu, Thanh Châu, đánh giặc Đông Lai, chém cừ sủng của chúng, miền đông yên ổn.

Văn Đế lên ngôi, bái Chiêu làm Sứ trì tiết, Hộ Tiên Ti Hiệu úy, đóng quân ở Xương Bình. Bấy giờ dân chúng nơi biên giới lưu tán nơi đầm núi, lại có kẻ phản trốn trong chỗ người Tiên Ti, mỗi chỗ có đến hàng nghìn người, Chiêu ban bố ân tín, chiêu dụ họ hàng phục, bọn Kiến nghĩa Trung lang tướng Công Tôn Tập đem lĩnh bộ khúc đến đầu nghe lệnh, sai về quận cũ. Lại vỗ về mấy chục vạn người Tiên Ti của bộ lạc Tối Lợi, Di Gia, đều lệnh phải ở yên nơi biên ải.

Đại quân muốn đánh Ngô, gọi Chiêu về lúc đến, lại bãi binh, bái làm Hữu Trung lang tướng, ra làm Nhạn Môn Thái thú. Quận này tại biên giới,

dầu có phòng bị dò xét nhưng bị cướp bóc không thôi, Chiêu bèn dạy dân đánh trận, lại dâng biểu lập lại việc thu tô thuế hơn năm trăm nhà người Ô Hoàn, sai phải sửa sắm yên ngựa, đi ra dò ngóng. Hễ giặc đến xâm phạm biên ải thì đem quân chặn đánh, kẻ đến liền bị đánh phá, do đó khí thế của dân nơi biên giới ngày càng hăng hái, nơi đồng hoang không còn lo sợ nữa. Lại gài người vào li gián, khiến cho giặc tự nghi ngờ nhau. Bọn Đại phu Bộ Độ Căn, Tiết Quy Nê của người Tiên Ti gây hiềm khích với Tỉ Năng, đem hơn ba vạn nhà của bộ lạc mình đến quận nương dựa, hạ lệnh quay về đánh Tỉ Năng, giết em của Tỉ Năng là Tư La Hâu, đến lúc bọn phản phản người Ô Hoàn là Quy Nghĩa Hâu Vương Đồng, Vương Kí, kết thù oán với nhau, do đó Chiêu tự ra, đem theo bọn Tiết Quy Nê đánh Tỉ Năng ở quận cũ Vân Trung, đại phá Tỉ Năng. Chiêu qua lại với hơn mười vạn nhà của bọn Phụ Đầu người Tiên Ti ở phía tây sông Hà, sửa đắp thành quán ở huyện cũ Hình Bắc, đặt quân đồn đóng để ngăn chặn trong ngoài, người Di lớn nhỏ chẳng ai không theo về, bọn trốn phản dầu là gần gũi cũng không dám giấu giếm, đâu bắt hết chỗ đến. Do đó ngoài đồng bình yên, giặc cướp ngừng nghỉ. Chiêu lại chọn lựa người có tài năng, đưa đến trường học dạy cho, sai trở về tự dạy bảo nhau, trong vòng mấy năm, nhiều trường học được dựng lên. Sở trị của quận ở huyện Quảng Vũ, các giếng nước khô khan, dân đều gánh thùng đi xa mà múc lấy nước, qua lại đến bảy dặm, Chiêu dò xét thế đất, dựa vào mạch của gò núi mà đục bờ đào kênh, dẫn nước vào trong thành, dân được nhờ cái lợi ấy.

Minh Đế lên ngôi, ban tước Quan nội hầu. Năm Thái Hòa thứ hai, Hộ Ô Hoàn Hiệu úy Điền Dụ ra biên ải, bị Kha Tỉ Năng vây ở thành cũ Mã Ấp, hạ chiếu sai Chiêu đến cứu, Chiêu liền sửa binh mã, muốn nhanh đến cứu Dụ. Người Tinh Châu dựa theo phép thường để ngăn Chiêu, Chiêu cho là tướng cần cù tiết bị vây, không nên cố chấp theo phép quan, tự đem quân đi ngay. Lại cùng gửi hịch đến, kể rõ thế trận, nói là nên đến phía tây bắc bắt lấy nhà giặc rồi mới đi về phía đông, hợp lại đánh giặc. Hịch đến, quân Dụ hăng hái, lại đem một tờ hịch đến dụ gọi giặc, giặc liền sợ hãi, phe đảng tan rã. Đem quân đến huyện Bình Thành cũ, giặc lại tan chạy. Tỉ Năng thu nhặt quân lại, đến phía bắc biên ải Bình Châu, Chiêu bèn đi lên đến đánh, chém nhiều đầu giặc. Chiêu cho rằng giặc Thục là Gia Cát Lượng nhiều lần ra đánh, mà Tỉ Năng lại giáo hoạt, có thể qua lại với nhau, bèn dâng biểu xin phòng bị, người bàn cho là huyện ở xa, chưa ai tin vậy.

Gặp lúc Lượng ra tại Kỳ Sơn, quả đúng sai sứ đến liên kết với Tỉ Nãng. Tỉ Nãng đến Thạch Thành quận Bắc Địa cũ, đầu đuôi qua lại nhau. Đế bèn hạ chiếu gọi Chiêu, sai tùy theo tình thế thích hợp mà đánh giặc. Bấy giờ Tỉ Nãng đã về phía nam sa mạc, Chiêu bàn với Thứ sử Tất Chấp nói: “Giặc Hô dôi chuyển vô thường, nếu đem quân đuổi xa thì rút về không theo kịp. Nếu muốn đánh lên lại gặp khe núi hiểm trở, vận chuyển lương thực lại vất vả, nên sai quân giữ hai cửa ải Tân Hưng, Nhạn Môn, ra đóng quân ở Hình Bắc, ngoài thì vỗ về, trong thì cho quân làm ruộng, cất chứa lương thực, đợi đến thu đông ngựa béo thì hợp binh của châu quận, thừa lúc giặc khó khăn mà đánh dẹp, đánh tất thắng lớn. Chưa kịp thi hành, bị bệnh chết. Chiêu ở tại quân mười hai năm, oai phong lừng cỏi xa. Cái tài thống trị dân biên giới chỉ đứng sau Điền Dục, trăm họ nhớ ơn Chiêu. Lại có người quận Ngư Dương là Phó Dung cũng có tiếng tăm ở quận Nhạn Môn, nổi nghiệp sau Chiêu, có công lao ở Liêu Đông vậy.

Con Chiêu là Gia nối tự. Con thứ là Hoảng, cũng dũng mãnh có phong thái của Chiêu, làm Lũng Tây Thái thú, theo Đặng Ngải đánh Thục có công, giữa năm Hàm Hi làm Chấn uy Tướng quân. Gia là người cùng mẹ với Tư đồ Lí Dận của nhà Tấn, chết sớm.

***Xét Tấn thư viết:** Hoảng sau này làm Dương Châu, Lương Châu Thứ sử, cứng cỏi mà chết vì việc nước ở biên giới. Con Gia là Tú, tự Thành Thúc.*

***Kí Châu Kí của Tuân Xước viết:** Tú có tài năng, tính lại hào hiệp, tuổi trẻ đã có tiếng tốt, vào giữa năm Thái Khang được bọn Vệ Quán, Thôi Hồng, Thạch Sùng tiến cử, từ chức Tân An Lệnh Bác sĩ làm Tư không Tòng sự Trung lang, khinh ghét nhau với cậu của Đế là Hoàng môn Thị lang Vương Khải. Khải sai Tư lệ Tuân Khải lệnh Đô quan tâu vu không Tú buổi đêm thông dâm với vợ của Cao Bình Quốc Thúc sĩ Điền Hưng. Tú liền dâng biểu kể rõ nguyên nhân mình bị vu không, nói rằng Khải làm việc như vậy, lời lẽ rất hay đẹp. Bấy giờ dầu có nhiều bày tỏ chứng minh, nhưng tiếng tăm của Tú do đó cũng bị tổn hại. Sau đó Trương Hoa xin làm Trưởng sử, dần dần làm đến Thượng thư. Hà Gian Vương lấy Tú làm Bình bắc Tướng quân, Giả tiết, bị hại tại quận Phùng Dục. Người đời khen thơ phú của Tú, tiếc tài cán của Tú.*

TRUYỆN QUÁCH HOÀI

Quách Hoài tự Bá Tể, người huyện Dương Khúc quận Thái Nguyên.

Xét Quách thị phả viết: Ông tổ của Hoài là Toàn, làm Đại Tư nông; cha là Ôn, làm Nhạn Môn Thái thú.

Giữa năm Kiến An cử Hiếu liêm, cho làm Bình Nguyên Phủ thừa. Lúc Văn Đế làm Ngũ quan tướng, làm Môn hạ Tặc tào⁽⁹⁾, lại chuyển làm Thừa tướng Binh tào nghị Lệnh sử, theo đi đánh Hán Trung. Thái Tổ về, giữ Chinh tây Tướng quân Hạ Hầu Uyên ở lại chống Lưu Bị, lấy Hoài làm Tư mã của Uyên. Uyên đánh với Bị, bấy giờ Hoài mắc bệnh không đi. Uyên bị hại, trong quân rối loạn, Hoài thu gom quân sĩ tản mát, bầy Đãng khấu Tướng quân Trương Cáp làm tướng quân, các trại mới yên. Ngày hôm sau, Bị muốn vượt sông Hán đến đánh. Các tướng bàn rằng quân mình ít khó địch, vả lại Bị đang thừa thắng, bèn muốn dựa vào sông bày trận để chống. Hoài nói: “Đây là tỏ cái yếu và không đủ sức để chống địch, kế sai vậy. Không bằng rời xa sông bày trận, dụ địch đi đến, nửa quân qua sông rồi quay lại đánh, mới phá được Bị”. Bày trận xong, Bị nghi ngờ, không vượt sông, Hoài bèn giữ vững, tỏ ý không muốn rút quân về. Kế tình trạng báo lên, Thái Tổ khen kế ấy, ban Giả tiết cho Cáp, lại lấy Hoài làm Tư mã. Văn Đế lên ngôi Vương, ban tước Quan nội hầu, chuyển làm Trấn tây Tướng quân, lại giữ chức Chinh Khương Hộ quân, giúp Tả Tướng quân Trương Cáp, Quán quân Tướng quân Dương Thu đánh giặc núi là bọn người Hồ làm phản ở Trịnh Cam, Lô Thủy, đầu phá bình chúng. Quan Trung mới định, dân được yên ổn làm việc.

Năm Hoàng Sơ thứ nhất, vâng lệnh về chúc mừng Văn Đế lên ngôi, mà trên đường bị bệnh, cho nên gần xa phải chờ đợi. Lúc bầy tôi dự hội vui vẻ, Đế nghiêm mặt trách Hoài nói: “Ngày xưa vua Vũ hội chư hầu ở Đồi Sơn, Phòng Phong đến muộn, bị xử tội chết. Nay thiên hạ cùng đến chúc mừng mà khanh đến muộn nhất, sao vậy”? Hoài đáp nói: “Thần nghe nói Ngũ Đế lấy đức để dạy dỗ dân, chính sự của nhà Hạ Hậu⁽¹⁰⁾ suy kém mới

dùng hình phạt. Nay thần gặp được thời Đường Ngu⁽¹¹⁾, cho nên tự biết rằng được tha tội chết của Phòng Phong vậy”. Để khen lời này, cho làm Ung Châu Thứ sử, phong Xạ Dương Đình Hải. Giữ chức năm năm, cừ súy người Khương huyện An Định là Tích Phiếm làm phản, đánh phá bắt hàng hần. Hễ người Khương, người Hồ đến hàng, Hoài liền sai người thăm hỏi người thân, bao nhiêu trai gái, năm tuổi già trẻ của họ trước; cho nên lúc gặp, nói một hai điếu ấy cho họ nghe, hỏi han cặn kẽ, họ đều khen là thần minh.

Năm Thái Hòa thứ hai, Thừa tướng Thục là Gia Cát Lượng ra Kỳ Sơn, sai Tướng quân Mã Tắc đến Nhai Đình, sai Cao Tường đóng quân ở thành Liệt Liễu. Trương Cáp đánh Tắc, Hoài đánh trại của Tường, đều phá được. Lại phá thủ lĩnh người Khương quận Lũng Tây là Đường Phiếm ở Bào Hãn, bái thêm chức Kiến uy Tướng quân. Năm thứ năm, quân Thục lại ra Lỗ Thành, bấy giờ miền Lũng Hữu không có lúa, mọi người bàn muốn chở lương từ miền Quan Trung đến, Hoài lấy ân uy vỗ về người Khương, Hồ, khiến cho họ đem lúa ra, giúp việc chuyển chở được yên, lương quân đủ dùng, chuyển làm Dương vũ Tướng quân. Năm Thanh Long thứ hai, Gia Cát Lượng ra hang Tà Cốc, lại làm ruộng ở vùng Lan Khanh, bấy giờ Tư Mã Tuyên Vương đóng quân ở bờ nam sông Vị; Hoài tính Lượng tất tranh bãi Bắc Nguyên, nên chiếm lấy trước, nhiều người bàn là không nên. Hoài nói: “Nếu Lượng vượt sông Vị lên bãi, đóng quân liên tiếp ở Bắc Sơn, chặn ngang đường Lũng Đạo, vỗ về người Di, đây không phải là điếu lợi của nhà nước vậy”. Tuyên Vương khen lời ấy, Hoài bèn đóng quân ở bãi Bắc Nguyên, đắp lũy chưa xong, đại quân Thục đã kéo đến, Hoài đón đánh chúng. Mấy ngày sau, Lượng đem nhiều quân đi về phía tây, các tướng đều cho rằng Lượng muốn đánh lũy phía tây, riêng Hoài cho rằng Lượng tỏ vẻ đến phía tây, muốn khiến cho quan quân kéo đến ứng cứu chỗ ấy, tất muốn đánh bờ bắc sông mà thôi. Buổi đêm ấy, quả đúng Lượng đánh bờ bắc sông, nhưng có phòng bị nên không lên bờ được.

Năm Chính Thủy thứ nhất, tướng Thục là Khương Duy ra Lũng Tây. Hoài liền tiến quân, đuổi đến Cường Trung, Duy rút chạy, bèn đánh người Khương là bọn Mê Dương, vỗ về hơn ba nghìn người Đê ở huyện Nhu, dời đến mở mang miền Quan Trung. Chuyển làm Tả Tướng quân. Người Hồ theo đạo Hưu Đê⁽¹²⁾ ở Lương Châu là bọn Lương Nguyên Bích đem hơn hai nghìn nhà của bộ lạc mình đến nương nhờ ở Ung Châu, Hoài tấu

xin sai họ đến ở tại ấp An Bình của huyện An Định, làm dân giữ biên ải, sau nhân đó đặt chức Tây Châu Đô úy. Chuyển làm Tiền Tướng quân, trông coi châu như cũ.

Năm thứ năm, Hạ Hầu Huyên đánh Thục, Hoài đem các quân làm tiên phong. Hoài tính thế không được lợi, liền rút quân về, cho nên không bị thua to. Về ban Giả tiết cho Hoài. Năm thứ tám, người Khương ở Lũng Tây, Nam An, Kim Thành, Tây Bình là bọn Nga Hà, Thiều Qua, Nga Già liên kết với nhau làm phản, vây đánh thành ấp, phía nam mời gọi quân Thục, thủ lĩnh người Hồ ở Lương Châu là Trị Vô Đái cùng ứng theo chúng. Tháo Thục Hộ quân Hạ Hầu Bá đem các quân đóng trại ở Vi Sí. Hoài đem quân vừa đến Dịch Đạo, các tướng bàn rằng nên đánh chiếm Bào Hãn trước, trong dịp người Khương ác, ngoài bề gây mưu của giặc. Hoài tính Duy tất đến đánh Bá, bèn vào Phong Trung, về phía nam để đón Bá. Quả đúng Duy đánh Vi Sí, kịp lúc quân của Hoài vừa đến, Duy rút về Đến đánh người Khương phản loạn, chém Nga Hà, Thiều Qua, hơn vạn nhà hàng phục. Năm thứ chín, bọn Già Tắc đóng quân ở thành cũ Hà Quan, Bạch Thổ, dựa vào sông để chống quan quân. Hoài vào đến đầu nguồn, ngầm đem quân xuôi xuống chiếm thành Bạch Thổ, đánh, đại phá chúng. Trị Vô Đái vây Vũ Uy, để người nhà ở tại Tây Hải. Hoài đem quân hãm Tây Hải, muốn bắt lấy người nhà của hắn, vừa gặp Trị Vô Đái quay về, đánh với nhau ở phía bắc huyện Long Di, phá đuổi hắn. Sai đem hết giặc ác đến ở tại phía tây núi Thạch Đầu, đang trên đường đi thì dừng lại, ngăn chặn sứ giả của Nhà vua, Hoài quay về đánh, đại phá chúng. Khương Duy ra Thạch Doanh, từ Cường Xuyên đi về phía tây đón Trị Vô Đái, để Âm Bình Thái thú Liêu Hóa đắp thành ở núi Thành Trùng, thu nạp quân Khương bị phá về giữ ở đấy. Hoài muốn chia quân đi đánh lấy. Các tướng cho rằng quân của Duy đến phía tây liên kết với người Hồ mạnh, mà quân của Hóa lại giữ chỗ hiểm, nếu chia quân giữ hai bên, thế quân sẽ bị yếu, đi không ngăn được Duy, lui không chống được Hóa, là kế sai vậy, không bằng hợp lại cùng đi về phía tây, nhân lúc người Hồ, Thục chưa liên kết, ngăn chặn trong ngoài của chúng, đây là phá thế giao kết của giặc vậy. Hoài nói: “Nay đến đánh lấy quân của Hóa, ra chỗ giặc không ngờ, Duy tất hoảng sợ lại cứu. Nếu Duy tự đến, đủ để dẹp được quân của Hóa, lại khiến cho Duy chạy đi vất vả. Như thế quân ta không cần phải đi xa về phía tây mà thế giao kết với người Hồ của giặc tự phá, là kế một lần đánh mà ven

toàn hai việc”. Rồi sai riêng bọn Hạ Hầu Bá đuổi Duy ở Đạp Trung, Hoài tự đem các quân đến đánh bọn Hóa. Duy quả nhiên đi nhanh về cứu Hóa, đầu như kế của Hoài. Tiến phong Đô Hương Hầu.

Năm Gia Bình thứ nhất, chuyển làm Chinh tây Tướng quân, đồ đốc việc quân của miền Ung, Lương. Năm đó, cùng bày kế với Ung Châu Thứ sử Trần Thái, bắt hàng bọn Nha môn tướng Câu An của Thục ở Sí Thượng. Năm thứ hai, hạ chiếu nói: “Xưa có trận Hán Xuyên, gần như bị nghiêng lật. Hoài xông vào nơi nguy khốn để cứu nạn, ghi công vào Vương phủ⁽¹³⁾. Ở tại Quan Hữu hơn ba mươi năm, ngoài đánh dẹp giặc cướp, trong vỗ về người Di. Từ đó đến nay, đập tan Liêu Hóa, bắt giữ Câu An, công lao sáng rõ, trẫm rất khen ngợi. Nay lấy Hoài làm Xa kỵ Tướng quân, Nghi đồng Tam ti, Trì tiết, Đồ đốc như cũ”. Tiến phong Dương Khúc Hầu, thực ấp có hai nghìn bảy trăm tám mươi hộ, chia ba trăm hộ phong một người con làm Đình Hầu.

Thế ngữ viết: Vợ Hoài là em gái Vương Lăng. Lăng bị giết, em gái phải bị tội theo, quan Ngự sử đến bắt, quan Đốc tướng cùng mấy nghìn cừu súy người Khương, Hồ rạp đầu xin Hoài dâng biểu xin giữ vợ ở lại, Hoài không nghe. Vợ bị bắt đi trên đường, chẳng ai không khóc lóc, người người níu tay, muốn cướp giữ lại. Năm con của Hoài rạp đầu chảy máu xin Hoài, Hoài không nỡ đứng nhìn, bèn sai tả hữu theo vợ. Do đó mấy nghìn quân kỵ đuổi theo, mấy ngày sau mới đưa về. Hoài gửi thư cho Tư Mã Tuyên Vương nói: “Năm người con thương mẹ, chẳng ai tiếc thân mình; nếu không còn mẹ thì không còn năm người con, cũng không còn Hoài nữa. Nay liền đuổi theo đem về, nếu chẳng hợp với luật pháp thì đáng bị xử phạt tội, sẽ đến hầu đợi phạt tội”. Thư đến, Tuyên Vương cũng tha cho.

Năm Chính Nguyên thứ hai, hoẵng, truy tặng chức Đại Tướng quân, thụy là Trinh Hầu. Con là Thống nối tự. Thống làm đến Kinh Châu Thứ sử, hoẵng, con là Chính nối tự. Giữa năm Hàm Hi, lập ra năm bậc tước⁽¹⁴⁾, vì Hoài có công với triều trước, đổi phong làm Phấn Dương Tử.

Tấn thư công tán viết: Em Hoài là Phôi, tự Trọng Nam, có tiếng tăm, làm đến Thành Dương Thái thú. Bùi Tú, Giả Sung đều làm rể của Phôi. Con là Triễn, tự Thái Thư, có chí khí tài năng, làm qua các chức có công lao sáng rõ, cuối cùng làm Thái phó. Em thứ là Dự, tự Thái Ninh, làm Tướng quốc Tham quân, cũng nổi tiếng, chết sớm. Con gái gả cho Vương Diễn. Em Phôi là Trấn, tự Quý Nam, làm Yết giả Bộc xạ. Con Trấn là Dịch, tự Thái Nghiệp. Khải sự của Sơn Đào khen Dịch trong sạch cao thượng, làm qua các chức Ung Châu Thứ sử, Thượng thư.

Bình nói: Mãn Sủng thẳng thắng cứng cỏi, dững mà có mưu. Điên Dự giữ thân trong sạch, mưu lược sáng suốt. Khiên Chiêu mạnh mẽ giữ nghĩa, uy phong hiện rõ. Quách Hoài bày kế tinh tường, bao trùm miền Tầm, Ung. Nhưng Dự làm quan chỉ ở châu nhỏ, Chiêu cuối cùng làm chức Quận thú, chưa dùng hết tài của họ vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) Sông Hà: tức sông Hoàng Hà.

(2) Liêm Pha ăn khỏe, Mã Viện ngồi yên: Liêm Pha là tướng nước Triệu thời Chiến quốc, vua Triệu muốn dùng làm tướng chống quân Tần, vì lo Liêm Pha tuổi già nên sai sứ đến thử xem, Liêm Pha bèn ăn một đấu gạo, mười cân thịt trong một bữa, rồi mặc áo giáp lên ngựa chạy mấy vòng để tỏ rõ còn khỏe mạnh. Mã Viện là tướng nhà Hán, người Man ở Ngũ Khê làm loạn, Mã Viện bấy giờ đã già nhưng vẫn xin đi đánh, vua Hán sai thử, bèn lấy ngồi yên ngựa nắm cương mà cười để tỏ rõ mình còn khỏe mạnh. Đều là những tướng già ham đánh trận lập công thời xưa.

(3) Hành Phủ, Sái Tôn: Hành Phủ tức Quý Văn Tử, đại thần nước Lỗ thời Xuân thu, cẩn thận tiết kiệm. Sái Tôn là đại tướng thời Hán, lập nhiều công lao, cẩn thận tiết kiệm, nhà không có cửa thừa.

(4) Cao Quý Hương Công: tức Tào Mao, bấy giờ Tư Mã Văn Vương nắm chính sự, Tào Mao mưu diệt thế lực của họ Tư Mã, việc lộ, bị giết.

(5) Yên Lăng Hầu Chương: tức Tào Chương, con thứ của Tào Tháo, được phong tước Yên Lăng Hầu.

(6) Kế của quấy biên của Dự: là kế li gián, quấy rối sự liên kết của người Hồ của Điền Dự.

(7) Tây Môn Báo: người nước Ngụy thời Chiến quốc, có tài năng chính trị.

(8) Ngụy Giáng: người nước Tấn thời Xuân thu, đề ra chủ trương hòa thân với người Sơn Nhung phía bắc.

(9) Môn hạ Tặc tào: chức quan đặt ra từ thời Tây Hán, đến thời Tam quốc vẫn dùng, trông coi bọn giặc cướp.

(10) Hạ Hậ: chỉ vua Vũ lập ra nhà Hạ, còn gọi là họ Hạ Hậ.

(11) Đường Ngu: Đường tức Đào Đường, họ vua Nghiêu; Ngu tức Hữu Ngu, họ của vua Thuấn. Thời Đường Ngu là thời thiên hạ yên ổn.

(12) Đạo Hữu Đồ: sách xưa nói là đạo Phù Đồ, tức đạo Phật.

(13) Ghi công vào Vương phủ: ý nói ghi công vào sử sách trong phủ của Nhà vua.

(14) Năm bậc tước: tức năm bậc tước là Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

QUYỂN 28 - VƯƠNG VÔ KHÂU GIA CÁT ĐẶNG CHUNG TRUYỆN

*Vương Lăng, Vô Khâu Kiệm, Gia Cát Đản, Đường Tư, Đặng
Ngải, Chung Hội*

CHUNG HỘI LIỆT TRUYỆN

Chung Hội tự Sĩ Quý, người ở quận Dĩnh Xuyên huyện Trường Xã, là con út của quan Thái phó Chung Do. Vốn thông minh lanh lợi từ thừa nhỏ.

Hội vi kỳ mẫu truyện viết: “Phu nhân Trương thị, tự Xương B ồ, là con một họ lớn ở Thái Nguyên, Thái phó Định Lăng là Thành H ầu lấy làm vợ. Phu nhân mất cả cha mẹ từ nhỏ, đến ở với gia đình Thành H ầu, tu thân đứng đắn, đi đâu trái lễ không theo, người trên kẻ dưới đều khen ngợi. Có người quý thiếp là Tôn thị, chuyên quyền lấn áp vợ cả, có ý muốn hại người hi ền, mấy lần mĩa mai gièm pha không được. Tôn thị biện bác xảo trá, ngôn từ giảo hoạt biến không thành có, khiến mọi người chẳng ai thương. Đến khi có mang, tật ghen ghét đố kỵ còn hơn nữa, mới để thuốc vào đồ ăn, phu nhân bị trúng độc, ăn xong thổ hết ra, say lừ đừ đến mấy ngày. Có người nói rằng: ‘Sao chẳng nói việc ấy với tướng công?’ Đáp rằng: ‘Vợ lẽ tác quái, phá gia nguy quốc, xưa nay vẫn lấy đó làm tấm gương răn dạy. Ví như tướng công tin ta, trong các người ai biết rõ việc này? Kẻ kia trong bụng đã liệu được ta, rằng ta ắt hẳn sẽ nói ra, chắc chắn sẽ làm việc ấy trước ta; việc do kẻ kia nói ra, yên lặng mà xem chẳng khoái ý ư!’ Bèn phao tin rằng bị ốm không biết gì cả. Tôn thị quả nhiên nói với Thành H ầu rằng: ‘Thiếp mong sẽ có con trai, vì thế mới uống thuốc để sinh con trai, có kẻ để thuốc vào đồ ăn bảo rằng ấy là thuốc độc!’ Thành H ầu nói: ‘Uống thuốc sinh con trai là việc tốt, kẻ để thuốc vào đồ ăn là làm việc ám muội, chẳng có tính người vậy!’ Bèn tra hỏi người h ầu, Tôn thị bởi lộ chuyện đắc tội bị đuổi ra ngoài. Thành H ầu hỏi phu nhân sao chẳng nói gì, phu nhân mới nói rõ việc ấy, Thành H ầu cả kinh, lại càng quý mến hơn. Năm Hoàng sơ thứ sáu, sinh được Hội, ân tình càng sâu nặng. Bởi Thành H ầu đã đuổi Tôn thị, mới lấy phu nhân thay vào ngôi chính thất của Giả thị.

Trung hộ quân Tưởng Tế từng luận xét rằng: “Cứ xem con mắt, đủ để biết người”. Năm Hội 5 tuổi, Do sai Hội đến h ầu Tế, Tế thấy Hội rất kinh

ngạc, nói: “Thật là người phi thường vậy.” Đến lúc Hội 30 tuổi, kiêm tài kỹ nghệ, mà học văn uyên bác lịch duyệt thông tỏ đi đâu lý, lại chuyên cần học tập suốt đêm ngày, bởi thế được thiên hạ khen ngợi. Năm Chính thủy trung, được lấy làm Bí thư lang, rồi đổi làm Thượng thư Trung thư thị lang.

Sách Thê Ngữ chép: Tư mã Cảnh vương sai Trung thư lệnh Ngu Tùng làm tờ biểu, lúc trình lên lại không vừa ý, mới sai Tùng sửa lại. Để sửa theo ý Cảnh vương lúc bấy giờ, Tùng nghĩ hết lẽ cũng không sao làm nổi, trong bụng lo lắng, lộ ra nét mặt. Hội thấy Tùng có vẻ ưu tư, liền hỏi, Tùng cứ tình thật nói ra. Hội coi xem việc ấy, rồi sửa có 5 chữ. Tùng vui lòng ưng theo, đem trình Cảnh Vương, Vương nói: “Chẳng phải là người làm nổi, ai đã làm việc đó?” Tùng thưa: “Là Chung Hội. Thần cũng đã muốn sớm bẩm việc này, bởi Hội hỏi thần rồi thẳng thắn giúp cho, thần chẳng dám tham lam nhận lấy cái tài ấy”. Vương nói: “Ra thế, người này cần phải dùng vào việc lớn, có thể sai khiến được về sau đây.” Hội hỏi Tùng xem Vương có thuận theo không, Tùng nói: “Ngài học rộng uyên thâm, hiểu cùng mọi lẽ, chẳng chỗ nào không thấu đáo.” Hội bèn bỏ hết tân khách, nghĩ ngợi 10 ngày, mới sớm vào hầu, đến trống canh hai mới trở ra. Sau này, Vương có lần vỗ tay than rằng: “Ấy mới thật là người có tài vương tá vậy!”

Tùng tự Thúc Mậu, người ở Trần Lưu, là cháu ngoại của Cửu Giang thái thú Biên Nhung. Tùng thuở nhỏ cũng có tài danh, Tư mã Tuyên vương đi chinh chiến ở Liêu Đông, Tuyên vương sai Tùng làm tờ hịch, lúc phá được giặc, cất nhắc lên làm Lộ Bố. Tùng theo về Tuyên vương cho vời đến làm chức Duyệt, năm ấy Tùng 24 tuổi, sau lại thăng lên làm Trung thư lang, rồi làm đến chức Thái thú. Con Tùng là Tuấn, tự Hiên Hoảng, đời Tấn làm đến chức Đình Uý.

Thần Tùng Chi thấy Chung Hội danh là con nhà công hầu, lời ngợi khen rõ ràng từ rất sớm, trẻ tuổi đã được vào triều, trải ngôi vị quý hiển, Cảnh vương đứng đầu trăm quan, sao chẳng biết rõ, lại vì Ngu Tùng dâng biểu rồi sau mới nhờ đó mà biết đến hay sao? Ví thử việc lúc trước chẳng biết ai giúp, chỉ thấy năm chữ kia mà lại đoán rằng có thể dùng người ấy vào việc lớn, dẫn đến bậc thánh nhân cũng còn do dự, huống chi là Cảnh vương vậy?

Cao quý Hương công lên tức vị, Hội được ban tước Quan nội hầu.

Quán Khâu Kiêm dấy loạn, Đại tướng quân Tư mã Cảnh vương đông chinh, Hội theo trong quân, trông coi việc cơ mật, Vệ tướng quân Tư mã Văn vương cần đại quân đi sau. Cảnh vương chết ở Hứa Xương, Văn

Vương cần đầu sáu lộ quân, Hội định mưu kế nơi màn trướng. Bấy giờ ở trên sai Thượng thư Phó Hồ đem sắc lệnh tới Đông Nam huyện Tân Định, yêu cầu Vệ tướng quân đóng binh tại Hứa Xương để chi viện trong ngoài, lệnh cho Hồ xuất lĩnh chư quân quay về Hội cùng với Hồ bàn mưu, sai Hồ dâng biểu lên chúa thượng, rồi với Vệ tướng quân cùng khởi hành, lui về đến phía Nam sông Lạc đóng binh ở đó. Bởi thế triều đình phải bái Văn Vương làm Đại tướng quân, cần quyền phụ chính, Hội được thăng lên làm Hoàng môn Thị lang, tấn phong Đông vũ Đình hầu, được ăn lộc 300 hộ.

Năm Cam Lộ thứ hai, triều đình cho gọi Gia Cát Đản từ Thọ Xuân về triều làm Tư không, bấy giờ Hội đang chịu tang tại gia, liền gửi thư bạch với Văn Vương rằng Đản ắt hẳn không chịu phụng mệnh. Văn Vương bởi việc đã cho thi hành, không chịu đổi lại.

Kỳ mẫu truyện chép rằng: “Phu nhân tính tình nhân ái mà nghiêm cẩn, chỉ lấy đi đâu sáng suốt dạy con, Hội dẫu còn bé, vẫn khuyên bảo rất ân cần. Năm Hội bốn tuổi đã dạy những đi đâu hiểu thuận trong kinh sách, bảy tuổi cho đọc sách Luận Ngữ, lúc tám tuổi dạy đọc Kinh Thi, khi mười tuổi dạy xem Kinh Thương thư, mười một tuổi học Kinh Dịch, mười hai tuổi đọc các sách Xuân thu Tả truyện-Quốc Ngữ, mười ba tuổi đọc Kinh Lễ-Lễ Ký, mười bốn tuổi đọc sách của Thành Hầu soạn ra, mười lăm tuổi cho vào nhà Thái học để được học hỏi những lời văn lạ cùng những đi đâu giáo huấn ở khắp bốn phương. Lại bảo với Hội rằng: ‘Học nhiều một lúc ắt mỗi mệt, mỗi mệt sẽ sinh lười biếng; ta sợ mầy sẽ lười biếng, nên giáo huấn mầy dần dần, nay mầy có thể tự học được rồi vậy.’

Hội rất thích đọc thư tịch, đã đọc hết Kinh thư, đặc biệt thích các sách Kinh Dịch, Lão tử, mỗi khi đọc kỹ đoạn Dịch mà đức Khổng Tử đã luận rằng: (nghe) tiếng chim kêu trong bóng râm, bậc quân tử khó nhọc mà nhún nhường, lễ vật dâng dùng cỏ trắng, chẳng nên ra khỏi cửa vườn, thường khiến Hội phải đọc đi đọc lại, nghĩ rằng: Dịch có hơn 300 hào, Trọng Ni giảng giải như thế, ấy là lấy sự nhún nhường để răn mình phải cẩn thận, đó là đi đâu then chốt ban đầu, đã làm phải đến được chỗ cốt yếu, vinh thân chính từ đó mà ra, theo được đường lối ấy là đã vượt người ta, đủ để làm bậc quân tử vậy’.

Năm Chính Thủy thứ tám, Hội làm Thượng thư lang, phu nhân cần tay Hội dạy rằng: ‘Mầy mới 20 tuổi đã được xếp hàng vào chầu, con người ta không biết thế nào cho đủ, phải cố suy xét kỹ để răn mình!’ Khi ấy Đại

tướng quân Tào Sảng nắm quyền triều chính, suốt ngày đắm chìm trong men rượu, anh trai Hội là Dục làm Thị Trung vừa đi ăn yến về, nói việc ấy ra. Phu nhân bảo: ‘Tiếng nhạc vui mà nghe mãi, như thế khó được lâu bền. Ở ngôi cao mà không kiêu, biết kiềm chế cẩn thận, sau này mới không phải lo việc nguy nan. Nay xa xỉ quá độ lấn áp kẻ trên như thế, chẳng phải là con đường giữ ngôi phú quý lâu dài’.

Năm Gia Bình nguyên niên, xa giá đến Cao Bình lăng, Hội làm Trung thư lang, cũng đi theo. Tướng quốc truyền cho Văn hầu khởi binh, mọi người lo sợ, mà phu nhân vẫn tự nhiên như không. Trung thư lệnh Lưu Phóng, Thị lang Vệ Quán, Hạ Hầu Hoà đang ở đó đều lấy làm lạ hỏi rằng: ‘Phu nhân cùng với con ở giữa chỗ nguy nan, sao lại không lo lắng gì cả?’ Đáp rằng: ‘Đại tướng quân xa xỉ vô độ, ta thường ngờ rằng sẽ chẳng được an lành. Thái phó vì nghĩa chẳng để quốc gia gặp nguy nan, ắt hẳn vì Đại tướng quân mà khởi binh vậy. Ta ở cạnh vua sao phải lo lắng? Vả nghe tướng quân ra ngoài không mang theo nhiều quân, như thế chắc chắn không đánh nhau lâu được.’ Quả đúng như lời ấy, chúng đều khen là sáng suốt.

Hội coi việc cơ mật hơn chục năm, tham dự vào việc chính sự. Phu nhân nói rằng: ‘Khi trước con nhỏ của Phạm thị là Triệu Giản Tử bày kế đánh các nước để phù nhà Chu, việc ấy được lòng dân, có thể nói là khéo vậy. Nhưng bởi bà mẹ nhân việc ấy làm nhiều điều dối trá, nên hỏng cơ nghiệp vì việc mọn, vì thế chẳng thể tồn tại được lâu dài. Đã hiểu biết đến lẽ sâu xa, thì đâu cần người bên cạnh phải nói ra, ta thường vui vì biết lẽ làm người. Mày giữ lòng chính trực, thì ta khỏi phải lo lắng vậy. Những muốn mày tu chí dần dần để giúp ích cho đời, chẳng nhọc với các bậc tiều nhân. Người ta thường nói rằng mọi sự đều theo lẽ tự nhiên, chỉ cốt gắng sức làm việc không mỏi mệt, bị người khác đè nén cũng cho là việc nhỏ. Dẫu tiếp kẻ hèn mọn, cũng phải nói lời thủ tín. Biết giữ lấy lẽ phải, cần minh bạch rõ ràng’. Hỏi rằng: ‘Thế không phải là tàm thường ư?’ Đáp: ‘Quân tử liệu việc, đầu là gom nhặt cái nhỏ thành đại sự, xem việc thiện nhỏ vô ích mà chẳng làm, ấy mới là tiều nhân vậy. Muốn tất cả mọi người phải tôn trọng và ngưỡng mộ mình, ta cho rằng chẳng phải là hay’.

Hội từ lúc nhỏ, y phục bất quá chỉ một màu, luôn làm việc nhà, tự biết cần kiệm. Biết việc phải quấy, ở chốn giầu sang mà nhún nhường. Hội trước sau được ban vàng lụa kẻ mấy trăm vạn, đều bỏ vào kho chung của

gia đình để chi dụng, một chút cũng không lấy. Năm phu nhân 59 tuổi, nhằm năm Cam Lộ thứ hai tháng hai bị bạo bệnh chết. Khi an táng, thiên tử tự tay thảo chiếu, sai Đại tướng quân Cao Đô Hầu phúng tặng rất hậu, mọi việc tang lễ bất kể lớn nhỏ, đều chu cấp cho cả. Lại yêu cầu phu nhân của các bậc Công hầu, vợ các vương hầu, thê thiếp, đều phải gọi phu nhân là bậc mệnh phụ. Chiếu theo việc Thành Phong-Định Tự thời Xuân Thu, nên trọng điển lễ, không được gọi thẳng tên ra, mọi người đều phải gọi là Thành Hầu mệnh phụ. Việc chôn cất đã xong, lại theo phép xưa, đưa tặng đồ tế lễ.”

Đến khi Đản làm phản, xa giá đóng ở Hạng Thành, Văn Vương đến Thọ Xuân, Hội lại đi theo.

Lúc trước, Đại tướng nước Ngô là Toàn Tông, được Tôn Quyên gả con gái cho nên nắm ngôi trọng thần, Con Tông là Dịch, cùng với bọn Toàn Doan, Toàn Phiên, Toàn Tập đều tiến binh lại để cứu Đản. Con của anh trai Dịch là Toàn Huy, Toàn Nghi đều ở lại Kiến Nghiệp, người trong nhà tranh giành kiện tụng nhau, dấy dúi mẹ già cùng bộ khúc mấy chục nhà vượt Trường Giang, đến theo hàng Văn Vương. Hội lập kế sách, bí mật giúp Nghi, Huy soạn một bức thư, sai Huy, Nghi cho người thân tín mang vào thành cho bọn Dịch, nói rằng chúa Ngô rất tức giận vì bọn Dịch không lấy nổi Thọ Xuân, đang muốn tru lục toàn gia tướng sĩ, chỉ bằng nên bỏ trốn. Bọn Dịch rất kinh hãi, bèn mở cửa thành phía Đông ra hàng, đều được phong thưởng rất hậu, bởi thế lòng người trong thành đều li tán cả. Thọ Xuân phá được, phần nhiều ở mưu của Hội, do vậy mà sự yêu mến của Chiêu với Hội ngày càng lớn, người bấy giờ đều gọi Hội là Trương Tử Phòng.

Quân lui về, thăng Hội làm Thái phó, Hội cố từ không nhận. Lại lấy Hội làm Trung lang ở phủ Đại tướng quân cai quản công việc, Hội dốc lòng gánh vác mọi sự. Bởi có công đánh dẹp Gia Cát Đản, Hội được tiến tước Trân hầu, lại nhún nhường không chịu nhận. Chiếu viết rằng: “Hội giữ việc binh cơ, cùng tham dự vào kế sách, liệu địch chế thắng, có mưu lược mà nên công, được ân sủng lại nhún nhường, thành khẩn chối từ, chí bất khả đoạt. Người có công lại chẳng bận lòng, cổ nhân cũng phải lấy làm kính trọng, thật đáng khen ngợi.” Rồi thăng Hội lên làm Tư mã Thái úy. Dẫu Hội ở bên ngoài, thường vẫn giúp việc chính sự. Bọn Kê Khang bị giết, cũng đều là mưu của Hội cả.

Văn vương nhân vì Thục Đại tướng tướng quân Khương Duy luôn quấy nhiễu biên thủy, liệu rằng nước nhỏ dân nghèo, quân lực kiệt quệ, muốn cử đại binh đồ Thục. Chỉ có Hội cho rằng Thục có thể lấy được, đã sớm trù liệu địa hình, khảo luận thế sự.

Năm Cảnh Nguyên tam niên, mùa Đông, lấy Hội làm Trấn tây tướng quân, ban cho Giả tiết, đô đốc các việc quân sự ở Quan Trung. Văn vương ban sắc lệnh cho các châu Thanh, Từ, Duyện, Dự, Kinh, Dương đều phải chuẩn bị thuyền bè, lại hạ lệnh cho Đường Tư đóng các chiến thuyền cực lớn, bên ngoài làm bộ sẽ đánh nước Ngô.

Năm Cảnh Nguyên thứ tư, mùa Thu, hạ chiếu sai Đặng Ngải, Gia Cát Tự đều thống lĩnh chư quân ba vạn người, Ngải đến Cam Tùng, Đạp Trung càn chân Duy, Tự tiến đến Vũ Nhai chặn đầu cầu cắt đứt đường về của Duy.

Hội thống lĩnh hơn chục vạn quân, chia đường theo lối Tà Cốc, Lạc Cốc xâm nhập. Trước tiên sai Nha môn tướng Hứa Nghi đi trước mở đường, Hội dẫn quân theo phía sau, tới Kiêu Xuyên, ngựa của Hội bị sa xuống hố, liền chém chết Nghi. Hứa Nghi là con trai Hứa Trử, có công với vương thất, tuy vậy vẫn không được tha. Ba quân nghe thấy thế, chẳng ai không kinh sợ. Thục lệnh cho ba quân giữ chắc thành trì, không được ra ứng chiến, lại lui về hai thành Hán, Lạc cố thủ.

Nguy Hưng thái thú Lưu Khâm tiến đến Ngộ Cốc, chư quân mấy đạo cùng tiến, đến Hán Trung. Giám quân nước Thục là Vương Hàm giữ Lạc Thành, Hộ quân Trương Bân giữ Hán Thành, binh mã đều có 5.000 người. Hội sai Hộ quân Tuân Khải, Tiền tướng quân Lý Phụ mỗi người lĩnh một vạn quân, Khải vây hãm Hán Thành, Phụ vây Lạc Thành. Hội tiến theo lối tắt, tiến tới phía Tây cửa Dương An, sai người đến tế mộ Gia Cát Lượng. Lại sai Hộ quân Hồ Liệt tiến lên, công phá cửa quan, lấy được kho lương.

Khương Duy từ Đạp Trung quay về, đến Âm Bình, tập hợp quân sỹ, chạy tới cửa quan. Tới nơi, nghe tin cửa quan đã bị phá, liền lui binh về Bạch Thủy, cùng với Thục tướng Trương Dực, Liêu Hoá hợp binh giữ chặt cửa Kiếm Các chống cự Hội.

Hội gửi hịch cho tướng sỹ và dân chúng nước Thục rằng: “Từ khi nhà Hán suy vi, quốc gia tan vỡ, muôn dân lìa than, kỷ cương đứt mối. Thái tổ Vũ Hoàng đế thân võ thánh minh, ra tay dẹp loạn, cứu vớt sinh linh, gây dựng lại Hoa Hạ. Cao Tổ Văn Hoàng đế ứng mệnh trời thuận lòng người,

nhận mệnh lên ngôi đế. Liệt tổ Minh Hoàng đế sáng suốt lấy quốc gia làm trọng, kế thừa h ồng nghiệp. Nhưng giang sơn biên ngoại, bỏ đường chính theo lối tục, chiếm đất thu dân không theo v ề vương hoá, vì thế ba tiên vương vẫn mang lòng di hận. Nay chủ thượng thánh đức cao v ời, nối đức lớn của tiên nhân, dốc hết lòng trung giúp chúa, có công với vương thất, bày ra khuôn phép mà nghĩ đến việc ban ơn huệ với cư dân chốn biên thùy để giúp đỡ muôn bang, cảm hoá trăm họ người man khiến họ phải cung kính tri ầu cống.

Tiếc cho Ba Thục, chẳng vì muôn dân, xót thương cho trăm họ nơi ấy, phải nhọc nhằn lao dịch không ngừng. Ta chịu mệnh c ần sáu quân, kính mệnh trời đánh dẹp, quân mã Chinh Tây, Ung Châu, Trấn Tây năm đạo cùng tiến. Việc hành quân từ xưa, vốn lấy nhân làm gốc, lấy nghĩa để trị; Bậc vương giả c ần quân, dẫn quân đi không c ần phải đánh; Đời nhà Ngu, Thuấn Vũ chỉ múa ki ều thích ⁽¹⁾ mà thu phục được người Miêu, Chu Vũ vương ban phát của cải, mở kho lương, dựng biểu văn để nêu tỏ việc nghĩa. Nay ta vâng mệnh trên đi đánh dẹp phương Tây, thống suất việc binh nhung, bố cáo hịch văn này để nêu cao đạo nghĩa, lấy việc cứu giúp trăm họ mà truy ền mệnh, chẳng muốn dùng võ lực để đánh đến cùng, mong chỉ một ngày nên chính đạo, bày tỏ mấy lời báo rõ sự an nguy, mong các người nghe rõ đi ầu ta nói.

Tiên chủ ở Ích châu là bậc anh kiệt trên đời, sớm hưng binh nơi thảo dã, bị vấp ngã khốn cùng ở Từ-Ký, phải chịu mệnh làm tay chân của Lã Bố-Viên Thiệu, được Thái tổ giang tay cứu vớt, giúp cho ở ngôi tôn quý. Song giữa đường chia lìa, bởi không cùng chí hướng, sau này Gia Cát Khổng Minh luôn mưu toan lấy đất Tần Xuyên, Khương Bá Ước thường tiến ra Lũng Hữu, khuấy động vùng biên cảnh nước ta, ngấm ngấm nhiễu loạn các tộc Đê-Khương, nhưng quốc gia đang có nhiều việc, chưa rảnh rỗi hội họp chư quân đi chinh phạt. Nay vùng biên cảnh đã thanh bình, bên trong không có việc, bây giờ chính là lúc phải dụng sức, muôn binh trông về một hướng, mà Ba Thục chỉ có một châu, lại phải chia binh chống giữ, nghĩ rằng khó ngăn nổi muôn quân thiên hạ.

Kể từ trận Đoạn Cốc-H ầu Hà bại binh thua lớn, nguyên khí bị tổn thương, không còn có thể dàn trận công nhiên đối địch. Lại từ bấy đến nay, trong nước chưa năm nào được yên ổn, khiến cho kẻ chinh chiến ở nơi xa mỗi một, khó có thể yên ỷ được lòng dân. Những đi ầu ấy h ầu hết các bậc

hiền tài đâu biết rõ vậy. Những việc Thục tướng bị cầm giữ ở đất Tần, Công Tôn Thuật (2) mất đầu về tay Hán, chín châu nổi loạn, giang sơn một họ. Các việc ấy những bậc hiền tài đâu đã nghe vậy. Người sáng suốt biết được cái nguy lúc nó chưa thành hình, bậc trí giả tính được cái họa khi nó chưa xảy ra, ấy là việc Vi Tử bở nhà Thương, làm tân khách ở nhà Chu, Trần Bình phản Hạng Vũ, lập công cho nhà Hán. Há như thế chẳng thái bình vô sự hay sao, nhận bổng lộc chẳng chính đáng hay sao?

Nay quốc triều ân đức lớn lao như trời bể, ta vì đức lớn mà giúp chúa mở lòng khoan thứ, người sớm quy thuận sẽ được ra ơn, kẻ ngoan cố phải giết bỏ, người tốt thì được sống, kẻ ác ắt phải chết. Khi trước Ngô tướng là Tôn Nhất dẫn binh đến nương nhờ, nhận ngôi vị Thượng ti, phẩm trật khác thường. Văn Khâm-Đường Tư làm hại lớn cho nước, phản chúa làm kẻ cừ địch, lúc quay về vẫn được giữ việc binh nhung. Tư bị bức bách khốn cùng phải theo về, hai con Khâm quy hàng, đều được làm tướng quân, phong hầu cả; Tư còn được dự nghe việc quốc sự. Bọn Nhất đã khốn cùng phải theo mệnh, còn được ban ân sủng, hưởng chi những bậc hiền tài Ba Thục biết được cơ hội mà theo về. Tin rằng mọi người có thể lấy đó làm tấm gương soi rõ việc mất còn, bậc cao đạo nghĩ xa xôi, hãy nên theo lối xưa Vi Tử, thác thân theo con đường của Trần Bình, tất được hưởng phúc như cổ nhân, ấy là điều đáng mừng cho con cháu, bách tính sỹ dân, nghiệp cũ được yên, kẻ làm ruộng chẳng lo mất ruộng, kẻ làm quan chẳng sợ mất ngôi, dứt bỏ mối nguy như trứng chong, được mãi mãi yên lành hưởng phúc, há chẳng tốt đẹp hay sao! Còn như những kẻ sớm khuya rình rập, u mê lầm lạc chẳng chịu hối cải, khi đại binh tiến đến, ngọc đá nát tan, dầu có hối hận, cũng không kịp nữa. Lợi hại bày tỏ đã rõ ràng, các người hãy tự tìm lấy phúc cho mình, mấy lời tuyên ra, khắp nơi đâu đã biết.”

Đặng Ngải đuổi theo Khương Duy đến Âm Bình, kén chọn tinh binh, muốn theo lối Đức Dương Đình xâm nhập Giang Du, tiến về phía đông Đam Đạo đến thẳng Miên Trúc, sẽ nhanh chóng đến Thành Đô, đề nghị Gia Cát Tự cùng đi. Tự vốn dĩ đã nhận việc đón chặn Khương Duy, cho rằng đi về phía Tây không phải là chiếu mệnh ban đầu, bèn tiến quân lên phía trước nhằm hướng Bạch Thủy, hợp quân cùng với Hội. Hội sai Tướng quân Diên Chương từ Kiếm Các đi về phía Tây, nhằm thẳng hướng Giang Du. Đi chưa được trăm dặm, Chương phá được phục binh Thục ở Tam Giáo, Ngải liền thúc Chương tiến lên. Chương dẫn quân ruổi dài về phía

trước. Quân của Hội và Tự đóng ở Kiếm Các, Hội muốn riêng nắm quyền quân chính, mật tâu lên trên rằng Tự hèn nhát không chịu tiến quân, bắt nhốt Tự vào xe tù đưa về⁽³⁾. Quân lính đều thuộc quyền Hội, Hội tấn công Kiếm Các, không đánh được, phải lui binh, quân Thục cậy hiểm yếu chống giữ.

Ngải đến được Miên Trúc, đại chiến ở đây, chém được Gia Cát Chiêm. Bọn Duy hay tin Chiêm thua trận, liền khởi hết ba quân nhằm hướng Đông tiến về Ba quận. Hội bèn tiến quân đến Phù Thành, sai Hồ Liệt, Diên Tục, Bàng Hội cùng đuổi theo Duy. Ngải tiến quân về Thành Đô, Lưu Thiện đến tận chỗ Ngải xin hàng, phái sứ giả đến hạ sắc lệnh cho bọn Duy phải hàng Hội. Duy đến Thê huyện thuộc Quảng Hán, lệnh cho binh sỹ đều phải buông khí giới, theo thứ tự đi đến trạm quân của Hồ Liệt, lại theo con đường phía Đông đến hàng Hội.

Hội tâu lên bề trên rằng: “Bọn địch Khương Duy, Liêu Hoá, Trương Dực, Đồng Quyết tránh cái chết trốn chạy, muốn đến Thành Đô. Thần lập tức sai Tư mã Hạ Hầu Hàm, Hộ quân Hồ Liệt vượt qua Kiếm Các, tiến ra Tân Đô, Đại Độ cắt đứt đường ở phía trước, lại cử Tham quân Viên Thanh Sam, tướng quân Cầu An đuổi theo ở phía sau, Tham quân Hoàng Phủ Khải, Tướng quân Vương Mãi từ phía nam Phù Thành tiến ra phía tả, thần đóng ở Phù Thành tạo thế đông tây tương hổ lẫn nhau. Bọn Duy còn nắm giữ quân kỵ bộ đến bốn năm vạn người, giáp dầy binh sắc, chiếm giữ những nơi hiểm yếu ở đất Xuyên, trong vòng mấy trăm dặm đều đuổi nối tiếp nhau, chúng nương tựa vào đây, hướng cả về Tây. Thần đã sắc mệnh cho bọn Hàm, Khải sai chia binh đóng giữ các nơi, chăng lưới ở Quảng Hán, chặn đường chạy trốn ở phía Nam, cắt đường phía Tây đi Thành Đô, tuyệt lối xông về phương Bắc, bốn mặt tụ lại, đều đuổi cùng tiến, mọi đường chạy đều đã bị cắt đứt, địch muốn trốn cũng không có đất. Thần lại chính tay viết thư đến dụ, mở con đường sống, bọn địch bị bức bách khôn khổ, mệnh cùng số tận, phải cởi giáp quăng đao, cúi mặt ra hàng, ản thụ⁽⁴⁾ kẻ hàng mấy vạn, cửa cái đờ đùng chập cao như núi.

Khi xưa Thuấn Vũ chỉ múa kiêu thích⁽⁵⁾, mà người Miêu chịu phục tùng; Đi chinh phạt mà không phải đánh, thì thịnh nghiệp đế vương. Lấy được trọn vẹn nước địch là tối thượng, phá tan nước địch là thứ yếu; lấy được vẹn toàn quân đội của giặc là tối thượng, đánh tan quân địch là thứ yếu, dụng binh phải có phép tắc rõ ràng.

Bệ hạ (6) là bậc thánh đức, theo kịp những bậc vua hiền thuở trước, người phụ chính (7) sáng suốt trung trinh, sáng ngang với Chu Công Đán thừa xưa, mở đạo hiếu sinh, nên đánh dẹp kẻ có tội mà chẳng sát phạt, khác hẳn lẽ thường, với kẻ không chịu phục tùng thì dạy dỗ kịp thời, binh khí không cần vấy máu, khiến người ở xa vạn dặm đều phải ngợi ca, chín châu liền một cõi. Thần phụng thánh ý tuyên chiếu mệnh, nêu cao ân điển, tạm bỏ việc phu phen, khiến nhà nhà được yên vui, đi đâu hoà thuế khoá, khiến việc sưu dịch được nói lỏng, thuận đức lễ để thu lấy rộng rãi lời khen, cũng là đường lối đổi thay thói tục, mà trăm họ hớn hởi, người người mừng vui, sau lại thêm phần chấn, vênhhĩa chẳng phải là trái lẽ.”

Hội lại cấm sỹ chúng không được cướp bóc ở trong cõi, muốn thừa hư dẫn dụ mọi người, lại làm nơi đón tiếp tướng sỹ xứ Thục, cùng với Duy tình nghĩa thăm thiết vô cùng.

Sách Thế Ngữ chép: Hạ Hầu Bá chạy vào Thục, Thục chúa hỏi: “Tư mã công có ý thế nào?” Phách thưa: “Việc đương thu xếp việc trong nhà, chưa lo gì đến việc ngoài.” Hỏi: “Tuấn sỹ ở kinh sư có ai?” Đáp rằng: “Có Chung Sỹ Quý, người ấy quản việc triều chính, là người mà Ngô-Thục phải lo lắng vậy.”

Hán Tấn Xuân Thu chép: Khi trước, Hạ Hầu Bá hàng Thục, Khương Duy hỏi Bá rằng: “Tư Mã Ý nắm việc nước ở bên ấy, liệu có ý chinh phạt nơi nào chăng?” Phách đáp: “Kẻ kia đương mưu gây dựng việc gia môn, chưa kịp lo việc bên ngoài. Có Chung Sỹ Quý là bậc trí giả, tuổi đã còn trẻ, sau này sẽ làm Ngô-Thục phải lo lắng, nhưng nếu chẳng có người phi thường cũng chẳng thể dùng được vậy.” Sau đấy 15 năm Hội quả nhiên diệt Thục.

Xét lời Tập Tạc Xỉ nói về việc ấy, cũng chẳng khác những gì đã ghi chép lại, việc chọn dùng lời ở Thế Ngữ để phụ thêm vào ý vậy.

Tháng 12, chiếu viết rằng: “Hội đến đất giặc bẻ gãy địch quân, tiến lên không sợ địch mạnh, giam hãm thành trì, giăng lưới bủa vây. Khiến hào kiệt xứ Thục phải cúi mặt đầu hàng, mưu kế không thiếu sót đi đâu gì, cất binh không cần bỏ nhiều công sức. Làm việc đây mưu toan, đi không cần phải đánh, một lần đánh toàn thắng, cõi ấy phải quy hàng. Bày kế định phương Tây, khiến đất biên ngoại được thanh bình. Nay lấy Hội là Tư đồ, tiến phong Huyện hầu, tăng thực ấp vạn hộ. Phong cho hai con làm Đình hầu, đều được hưởng thực ấp một ngàn hộ.”

Hội trong lòng có chí khác, nhân chuyện Đặng Ngải thừa chế chuyên quyền, mới mặt bạch lên trên rằng Ngải có ý làm phản, sách Thế Ngữ chép rằng: Hội tìm người khéo viết, ở Kiếm Các đòi Ngải chương biểu trình bày

mọi việc, rồi thay đổi những lời ấy, thành những lời kiêu căng trái lẽ, hơn nữa lại tự khoe khoang công trạng. Lại huỷ những thư từ của Văn Vương rồi đáp, tự làm nên mối ngờ của Văn Vương về việc ấy. Vương liền hạ chiếu thư sai bắt Ngải nhốt vào tù xa. Từ mã Văn Vương sợ Ngải có thể không theo mệnh, sắc mệnh cho Hội tiến binh vào Thành Đô, Giám quân Vệ Quán đi ở phía trước Hội, lấy thủ bút của Văn Vương tuyên lệnh bảo rõ với quân của Ngải, quân của Ngải đều buông bỏ khí giới, Quán liền bắt Ngải nhốt vào xe tù.

Hội vốn chỉ kiêng dè có Ngải, Ngải đã bị cầm tù nên Hội rất thoả chí, một mình thống lĩnh đại quân, uy danh vang động phương Tây. Bởi Hội công danh cái thế, tự nghĩ chẳng thể dưới người khác, hơn nữa tướng khoẻ binh mạnh đều ở trong tay, bèn mưu phản. Muốn sai Khương Duy cùng các tướng Thục tiến binh ra Tà Cốc, Hội tự cầm đại quân theo ở phía sau. Khi đến Tràn An, sẽ hạ lệnh cho kỵ binh tiến theo đường bộ, bộ binh theo đường thuỷ xuôi dòng sông Vị tiến đến, chừng 5 ngày sẽ đến Mạnh Tân, cùng với quân kỵ hợp binh ở Lạc Dương, một sớm có thể yên định thiên hạ.

Hội nhận được thư của Văn Vương nói rằng: “Ta sợ rằng Đặng Ngải nghi ngờ không theo mệnh, nay sai Trung Hộ quân Giả Sung cầm vạn quân kỵ bộ theo lối tắt đến Tà Cốc, đóng binh ở Lạc Thành, ta thân cầm 10 vạn quân đóng ở Tràn An, sẽ tương kiến một ngày gần đây”. Hội được thư, lấy làm kinh sợ gọi tả hữu đến nói nhỏ rằng: “Chỉ bắt Đặng Ngải, tướng quốc biết chỉ mình ta làm là đủ; nay cầm đại quân lại, tất đã biết ta có ý khác, nên phải nhanh chóng khởi binh. Việc nếu thành, ta có thể được cả thiên hạ; nếu việc chẳng nên, lui về giữ Thục Hán, cũng đủ làm Lưu Bị rồi. Ta từ ngày ở Hoài Nam tới đây, vạch kế sách không sai sót, bốn bề đều đã biết cả. Ta muốn chủ trì việc yên định như thế, được chăng!”

Hội lấy ngày hôm sau là rằm tháng giêng năm Cảnh Nguyên thứ năm, mời tất cả các quan tướng từ Hộ quân, Quận thú, Nha môn kỵ đốc trở lên cùng với các quan lại cũ nước Thục, làm lễ phát tang Thái hậu ở triều đường nước Thục. Nói thác ra rằng Thái hậu có di chiếu, sai Hội khởi binh phế bỏ Văn Vương, bảo với hết thảy mọi người nghe đó, rồi sai mọi người bàn định, xong xuôi cùng biên tên và ký vào đó, lại đổi hết những tướng thân tín của mình cho thống lĩnh chư quân. Sau khi thỉnh ý bá quan, Hội bắt các tướng đều phải ở lại trong cung, cửa thành cung môn đều khoá hết cả,

cho binh lính canh giữ nghiêm ngặt. Bộ hạ dưới trướng của Hội là Khâu Kiến vốn là gia thuộc cũ của Hồ Liệt, được Liệt tiến cử với Văn vương, Hội xin cho đi theo bên mình, rất lấy làm quý mến. Kiến thương Liệt bị buộc tội, bầm với Hội, nên cho một thân binh được ra vào trong cung để mang đồ ăn thức uống cho các tướng, các nha môn theo phép đầu do một người ấy mà thôi.

Liệt ngầm bảo với người thân binh nói giúp cho con mình ở ngoài được biết rằng: “Khâu Kiến mật nói với ta rằng các tướng bị giữ ở trong cung sẽ bị giết hết, Hội đã sai đào một cái hố lớn, để sẵn những vồ cùng gậy lớn ở đó. Lại gọi mấy nghìn binh ở ngoài vào trong cung, tra vấn mọi người, bắt làm phản, người nào không theo sẽ dùng vồ đập chết quăng xuống hố.” Ở các nha môn thân binh cũng đều nói lại như thế, trong một đêm mọi người truyền nhau tin ấy, khắp nơi sinh biến hết cả. Có người bảo Hội rằng: “Nên giết hết những người từ Nha môn kỵ ốc trở lên.” Hội do dự chưa quyết.

Đến trưa ngày mười tám, quân binh của Liệt gõ trống ầm ỹ ngoài cửa cung, quân binh các nơi chẳng hẹn mà đầu khua trống náo loạn ở bên ngoài, không cần thúc giục đầu tới hết cả, tranh nhau xông lên trước hướng đến cổng thành. Bấy giờ Khương Duy đang phân phát những gậy lớn cho quân sỹ, có người thưa rằng ở bên ngoài có tiếng la rầm rĩ, lại có cả lửa cháy, chốc lát, lại nói rằng có nhiều binh sỹ đang chạy đến cửa thành. Hội cả kinh, bảo Duy rằng: “Binh sỹ kéo lại hẳn có ý muốn làm việc ác, làm sao bây giờ?” Duy nói: “Chỉ còn cách đánh mà thôi.” Hội liền sai lấy binh khí định giết hết các Nha môn Quận thú, mọi người ở trong cung lấy những chốt lớn để chống giữ các cửa, quân binh ra sức phá cửa, không phá được. Vụt chốc, quân ở ngoài cửa cung bắc thang trèo lên thành, có kẻ châm lửa đốt cháy mấy nhà trong cung, bọn sâu kiến ⁽⁸⁾ bên trong náo loạn hết cả lên, tên bắn ra xối xả như mưa rào, các Nha môn Quận thú đều phải dõ mái leo lên nóc nhà trốn ra ngoài, được binh tốt cứu thoát. Khương Duy dẫn Hội cùng tả hữu xông pha đánh giết, tự tay giết được năm sáu người, quân sỹ đánh nhau lộn bậy chém được Duy, rồi tranh nhau chạy đến giết Hội. Bấy giờ Hội mới có bốn mươi tuổi, tướng sỹ đánh nhau loạn xạ chết mất mấy trăm người.

Lúc trước, Ngải làm Thái úy, Hội làm Tư đồ, đều được càn cò tiết, đô đốc chư quân như nhau, đều chưa được thụ phong mà đã chết. Anh trai

Hội là Dục, chết vào mùa Đông năm Cảnh Nguyên thứ tư, Hội thủy chung vẫn chưa biết mà hỏi đến. Con trai của anh Hội là Ung, cũng chết theo cùng với Hội, Hội lại nhận nuôi dưỡng mấy con nữa của anh mình là Nghị và Tuấn, bởi Hội làm phản, nên bọn ấy bị bắt hạ ngục, đương nằm chờ bị mang ra giết.

Tư mã Văn Vương dâng biểu lên Thiên tử, Thiên tử hạ chiếu rằng: “Tổ phụ bọn Tuấn là Do có công to, nối nhau ba đời, ngôi vị cực cao đến chức Thái ti (9), giúp chúa lập nhiều công lao, hưởng lộc miếu đình. Cha là Dục, đã trải các chức vụ trong ngoài, làm việc có tài năng dành được nhiều thành tích. Xưa kia nước Sở trị tội Tử Văn, mà chẳng giết chết Đấu thị để có người nối dõi. Nhà Tấn chép lại việc Thành Tuyên có lòng trung, nên còn dùng Triệu thị về sau. Bọn Hội, Ung có tội, mà đem diệt hết dòng dõi Diêu, Dục, ta rất lấy làm xót thương! Huynh đệ Tuấn riêng một người được tha thứ, được giữ quan tước như cũ. Chỉ có Nghị và Ung phải chịu tội chết.

Có người nói: Dục từng mật bẩm với Tư mã Văn Vương, nói rằng Hội cậy tài khó gánh được trách nhiệm lớn lao, chẳng nên chuyên dụng, vì thế mới rộng lòng tha thứ cho Tuấn. Hán Tấn Xuân Thu chép rằng: Văn vương khen lời ấy sáng suốt mà tỏ rõ lòng trung, cười bảo Dục rằng: “Theo như lời khanh nói, hẳn chẳng thể dùng đến cả người trong họ nữa hay sao!”

Khi trước, Văn vương muốn sai Hội đánh Thục, Tây tào chúc Thiệu Đễ vào yết kiến vương, nói rằng: “Nay sai Chung Hội đốc xuất hơn chục vạn quân đánh Thục, Ngu thần cho rằng không nên để Hội một mình gánh vác việc lớn, chẳng bằng sai thêm mấy người cùng đi.” Văn vương cười nói: “Ta há lại chẳng biết hay sao? Nước Thục làm thiên hạ khốn khổ, khiến người dân chẳng được yên nghỉ, nay ta dẹp được là việc đã nắm chắc trong lòng bàn tay, mà chúng nhân đều nói là Thục không thể dẹp được. Người mà trong lòng nhút nhát ngờ sợ trí dũng suy kiệt, trí dũng suy kiệt mà miễn cưỡng sai khiến, đi cũng sẽ bị địch càn giữ mà thôi. Chỉ có Chung Hội cùng đồng ý kiến, nay sai Hội phạt Thục, tất sẽ diệt xong Thục. Sau khi Thục bị diệt, tựa như đi đầu khanh nghĩ đến, sao ta cần phải lo lắng gì? Phàm đã thua quân thì tướng chẳng thể nói dũng, quốc gia bại vong thì đại phu chẳng thể nghĩ khôn, ruột gan đã tan nát (10) cố gắng sao được đây. Thục đã bị phá, dân còn sót lại tất kinh sợ, chẳng đủ để mưu toan việc; tướng sỹ Trung Quốc cũng đều nghĩ đến chuyện quay về, chẳng bằng lòng

giúp Hội. Ví bằng làm việc xấu, là tự rước lấy hoạ diệt tộc vậy. Khanh chẳng nên lo nghĩ như thế, người cũng chớ có để ai nghe được việc này nhé.”

Đến khi Hội bạch rằng Đặng Ngải không tuân theo phép nước, Văn Vương mới dẫn binh về phía Tây, Để lại nói: “Chung Hội làm thống soái, năm sáu lần vu tội cho Đặng Ngải, chỉ nên ra sắc mệnh cho Hội bắt Ngải, mình công chẳng cần phải thân chinh làm gì.” Văn Vương nói: “Khanh quên lời khanh đã nói lúc trước rồi sao, mà bảo rằng ta chẳng nên đi nhỉ? Dù có như vậy, việc ấy cũng chẳng nên tuyên bố rộng rãi. Ta những muốn lấy tín nghĩa đãi người, những người chẳng phụ ta, ta há nên sinh lòng kia khác trước họ! Một ngày gần đây, Giả hộ quân [\(11\)](#) đã hỏi ta rằng: ‘Minh công chẳng nghi ngờ Chung Hội sao?’ Ta đáp rằng: ‘Nếu ta sai người đi, ta cũng nghi ngờ người hay sao?’ Giả Sung cũng không thay đổi được lời ta đã nói. Khi ta tới Tràng An, tự khắc người sẽ biết cả.” Khi quân đến Tràng An, Hội quả nhiên đã chết, đầu đúng như kế sách đã vạch lúc trước.

ĐẶNG NGẢI TRUYỆN

Đặng Ngải tự Sĩ Tái, người huyện Cức Dương quận Nghĩa Dương. Mồ côi cha từ nhỏ, lúc Thái tổ đánh Kinh Châu, Ngải chạy đến Nhữ Nam, tự làm ruộng nuôi thân. Năm 12 tuổi, Ngải theo mẹ đến Dĩnh Xuyên, có đọc một tấm văn bia cổ trên cái gò lớn, có câu rằng: “Văn tự có khuôn phép, ấy là hành vi của kẻ sỹ vậy”, (văn vi thế phạm, hành vi sỹ tắc) Ngải rất thích thú bèn lấy danh là Phạm, tự là Sĩ Tắc. Về sau họ hàng đều dùng tên ấy, việc đổi danh là vậy. Lúc Ngải làm Đô úy học sỹ, bởi tật nói lắp, không được cất nhắc lên làm cán tá (12), chỉ giữ chức trông coi đám nông dân cấy cấy phạt cỏ. Có ông lão làm Đề lại là người đồng quận thương Ngải gia cảnh bần hàn, chu cấp cho rất hậu, Ngải cũng chẳng chịu cảm tạ. Mỗi khi đi đâu nhìn thấy núi cao đầm rộng, Ngải thường lấy tay đo vẽ chia thành bờ lũy lập quân doanh, người bấy giờ thấy thế đều cười chế nhạo. Sau này Ngải được làm chức Diên nông cương kỷ, rồi làm Thượng kế lại, bởi thế mới được tham kiến Thái úy Tư mã Tuyên Vương. Tuyên Vương lấy làm lạ, cho vời đến làm duýen (13), sau lại đổi cho làm Thượng thư lang.

Sách Thế ngữ chép: Lúc còn trẻ Đặng Ngải làm người giúp việc cho quan Diên Nông coi sóc việc chăn dân cùng với Thạch Bao khi ấy mới chừng 12, 13 tuổi. Bấy giờ quan Yết giả ở Dương Dịch là Quách Huyền Tín, có con là Quách Đản Nguyên được Vũ Đế dùng làm Giám quân. Vào giữa những năm Kiến An, bởi con nhỏ là Cát khởi binh làm loạn ở Hứa Đô, Huyền Tín phải chịu hình tại gia, vì thế Diên nông Tư mã mới cần tìm một người đánh xe, Ngải-Bao được chọn làm việc ấy, đánh xe đi được chừng hơn 10 dặm, thấy thành thực lắm, tỏ ý hài lòng, mới cho cả hai người cùng đi theo để giúp việc. Ngải sau này làm Diên nông Công tào, phụng mệnh đến chỗ Tuyên Vương, vì thế mới được Tuyên Vương biết đến, rồi sau này mới được cất nhắc lên.

Thời bấy giờ mùa màng tốt tươi, các loại sâu có hại chẳng có, tri ều đình phái Ngải đi qua đất Trầ-Hạ về phía Đông đến Thọ Xuân. Ngải coi xem rồi nói: “Đất đai ở đây rất tốt mà thiếu nước, không tận dụng hết được địa

lợi, nên cho đào một con kênh lớn, để dẫn nước về tưới tiêu cho đồng ruộng, như thế có thể tăng thêm được lương để nuôi quân, lại có thể lưu thông được theo đường thủy đạo”. Bèn đem việc khai sông ra bàn bạc với các quan và xin chỉ dụ về việc ấy. Lại dâng biểu rằng: “Xưa kia vì phá giặc Hoàng cân, nên mới lập ra đồn điền, tích trữ lương thực ở Hứa Đô hồng không chế bốn phương. Nay tam phương đã định, việc binh lương chính là ở xứ Hoài Nam, mỗi khi cất đại quân chinh phạt ở nơi xa, quân sỹ vận chuyển binh lương chiếm đến quá nửa, công sức hao phí ước vạn, cần phải lấy rất nhiều quân dịch. Hai xứ Trần - Thái ở giữa thiên hạ, là đất tốt để cày cấy lấy lương thực nuôi quân, lại xét rằng xung quanh vùng Hứa Xương đều là ruộng cấy, cần phải khai thông thủy đạo để có thể xuôi được về Đông. Nay lệnh cho các xứ Hoài Bắc lấy 2 vạn lính thú, Hoài Nam 3 vạn lính, cứ hết 12 tháng quân dịch thì được nghỉ ngơi, luôn luôn phải có 4 vạn người, vừa cấy cấy vừa tham gia khai thủy đạo. Đường thủy thông được thì mùa màng thu nhiều gấp ba lần lúc trước, tính trừ hết các phí tổn, mỗi năm thu về được hơn 500 vạn斛 lương để nuôi quân. Lấy số thừa ra ấy để tính việc nước Ngô, lo gì chẳng thắng được.” Tuyên Vương khen hay, liền cho thi hành việc ấy. Năm Chính Thủy thứ hai, cho khai rộng thủy đạo, mỗi khi các xứ phía Đông và Nam có việc, lại cất đại quân, cưỡi thuyền xuôi dòng mà xuống, khắp vùng Giang Hoài, nhờ có lương thực tích trữ ấy mà phấn chấn lên được, ấy là Ngải có sở kiến vậy.

Đến khi Ngải tham gia việc quân ở phía Tây, được thăng làm Nam An thái thú. Năm Gia Bình nguyên niên, cùng với Chinh Tây tướng quân Quách Hoài chống cự Thục tướng Khương Duy. Duy lui binh, Hoài muốn theo hướng Tây đánh vào đất của rợ Khương. Ngải nói: “Giặc lui về chưa xa, sợ rằng sẽ quay trở lại, ta nên chia quân chống giữ để phòng bị đánh bất ngờ”. Hoài bèn để Ngải đóng quân ở phía bắc Bạch thủy. Ba ngày sau, Duy sai Liêu Hoá tới đánh vào phía nam quân doanh của Ngải ở Bạch thủy. Ngải bảo với chư tướng rằng: “Binh sỹ của Duy nay mới quay lại, quân ta ít hơn địch, thế mà họ lại không vượt sông hoặc bắc cầu. Ấy là Duy sai Hoá cầm giữ ta ở đây, để ta không dám lui về. Duy ắt sẽ dẫn quân từ phía Đông lại để đánh úp lấy Thao Thành của ta vậy.” Thao Thành ở phía bờ Bắc sông, cách nơi Ngải đóng binh chừng 60 dặm. Ngay đêm ấy, Ngải ngầm thúc binh theo lối tắt đến đó, Duy quả nhiên vượt sông, còn Ngải đến được Thao Thành trước chống giữ ở đấy, nên mới giữ được. Bởi công ấy

mà Ngải được ban tước Quan nội hầu, thăng làm Thảo khấu tướng quân, sau lại đổi làm Thành Dương thái thú.

Lúc bấy giờ ở Tinh châu có Hữu hiền vương Lưu Báo gây việc can qua, Ngải tâu lên bề trên rằng: “Nhưng Dịch (14) là loại sài lang, chẳng thể lấy nghĩa mà thân gần được, khi mạnh họ tất xâm lấn gây hại, khi yếu sẽ nhờ vả nương tựa, từ trước tới nay giống Hiểm Duẩn (15) vốn là quân thảo khấu, Hán Cao tổ xưa đã phải xây thành để cự chúng. Mỗi khi quân Hung Nô cường thịnh, lại gây mối lo ghê gớm. Bởi lẽ Hiền Vu (16) ở ngoài biên trấn, không thuận theo thể chế của vương triều. Cần dẫn dụ họ đến tận cùng, khiến họ phải theo về Như thế sẽ khiến người Khương Di quên mất gốc gác, hợp tan vô chủ. Được vậy thì Thiển Vu sẽ thuộc về Trung Quốc, vạn dặm nơi xa đều phục tùng vương pháp cả. Nay giúp cho Thiển Vu được tôn kính, đất biên ngoại ắt sợ uy mà dần dần phải coi trọng, như thế ắt quân Hồ Lỗ chẳng thể không kính hãi được. Thần nghe thấy tin Lưu Báo muốn chống đối với rợ Hồ, có thể sẽ tổn hại đến cả hai bên, làm chia rẽ hình thế trước đây. Vứt bỏ hết công quả rõ ràng của triều triều, con cháu chẳng thể kế nghiệp, thiết nghĩ nên ban cho họ danh hiệu cao quý hơn nữa, khiến họ ở yên Nhận Môn quan. Chia rẽ địch quốc sẽ khiến họ bị suy yếu đi, đó là duy trì được công lao cũ, ấy mới là kế giữ vững biên cương lâu dài vậy.” Lại bày kế rằng: “Người dân Khương Hồ cũng như dân bản quốc, nên thay đổi cách đối xử với họ, khiến cho dân ấy biết trọng giáo hoá liêm sỉ, ắt sẽ dứt bỏ được đạo gian tà vậy”. Đại tướng quân Tư mã Cảnh vương mới lên giúp việc chính sự, rất khen ngợi và dùng kế sách ấy.

Khi Ngải được đổi chức làm Nhữ Nam thái thú, rất muốn tìm kiếm viên Đê lại đã hậu đãi mình lúc trước, thì người ấy chết đã lâu rồi, Ngải sai kẻ lại dưới quyền làm lễ cúng tế, lại cung phụng mẹ già người ấy và giúp cho con trai ông lão được làm chức lại. Ngải ở đó, cho khai khẩn ruộng hoang, quân dân vùng ấy đều phấn chấn.

Gia Cát Khác vây Hợp Phì-Tân Thành, không đánh được, phải lui về. Ngải nói với Cảnh vương rằng: “Tôn Quyên đã chết, Đại thần chưa đủ sức phụ chính, người Ngô vốn là danh tông đại tộc, mỗi người đều có đội quân riêng, nhờ cậy vào binh ấy mà tạo thế lực, đủ để sai dụng. Khác mới nắm việc quốc chính, mà bên trong không có người chủ trương, chẳng nghĩ đến việc phủ dụ người trên, giúp đỡ kẻ dưới để gây dựng căn cơ, lại ganh đua với bên ngoài, ngược đãi bá tánh, vắt kiệt sức dân, dốc sức đánh thành

cướp đất, người chết kẻ hàng mấy vạn, rước lấy hoạ vào thân, ấy là Khác tự gây hoạ cho mình vậy. Xưa Tử Tư-Ngô Khởi-Thương Ưởng-Nhạc Nghị đều biết dốc lòng thờ chúa, thế mà lúc chủ chết vẫn phải vong thân. Huống chi Khác tài chẳng được như bốn người ấy, lại chẳng biết nghĩ đến hoạ lớn, việc vong bại có thể ng ỡ mà đợi được vậy”. Khác về nước, quả nhiên bị giết.

Ngải được đổi làm Duyệt châu thứ sử, thêm chức Chấn uy tướng quân. Ngải dâng biểu lên bề trên rằng: “Quốc gia có biến, nghĩ rằng kẻ đi cày phải biết lo lắng, quốc phú ắt binh cường, binh cường ắt chiến thắng. Như thế thì người dân, chính là gốc của sự thành bại vậy. Đức Khổng Tử nói rằng: ‘Lương đủ nuôi quân, quân đủ để bảo vệ dân’ như thế thì lương thực chính là mối lo đầu tiên của binh gia vậy. Nếu như người trên không biết khuyến khích, ắt kẻ dưới chẳng khéo lo toan. Nay nếu xét công mà khen thưởng, sẽ khiến cho dân tích trữ được nhiều lương thực mà giàu có, ắt việc rong chơi sẽ dứt, sự phù phiếm sẽ phải tuyệt đường vậy”.

Cao Quý hương công [\(17\)](#) lên tức vị, Ngải được tiến phong làm Nghi thành Đình hầu. Vô Kỳ Kiệm (Khâu Kiệm) dấy loạn, sai lính mang thư tới chỗ Ngải, khiến binh sĩ xôn xao, Ngải chém sứ giả, thúc quân tiến lên, trước tiên đến thành Nhạc Gia, cho bắc cầu để vượt sông. Tư mã Cảnh vương đến, đóng quân ở đó. Văn Khâm sau bị đại quân đánh bại ở Hạng Thành, Ngải đuổi theo đến tận Khâu Đài. Khâm chạy sang Ngô. Đại tướng quân nước Ngô là Tôn Tuấn đốc xuất hơn chục vạn quân, vượt Đại Giang, Trấn Đông tướng quân Gia Cát Đản sai Ngải đóng quân ở Phì Dương, Ngải sớm liệu thế địch, xét thấy đất ấy chẳng phải nơi trọng yếu, liền dời đến đóng quân ở Phụ Đình, sai Thái thú Thái Sơn là Gia Cát Tự đến Lê Tương đánh địch, địch phải bỏ chạy. Năm ấy Ngải được bái làm Trường thủy Thái úy. Bởi có công lao trong việc phá được Văn Khâm, Ngải được tiến phong làm Thành Hương hầu, hành An Tây tướng quân [\(18\)](#). Triều đình sai đến giúp Ung Châu thứ sử Vương Kinh đang bị vây hãm ở Dịch Đạo, Khương Duy phải lui binh về đóng ở Chung Đô, triều đình lại lấy Ngải làm An Tây tướng quân, ban cho Giả Tiết, lĩnh chức Đông Khương Thái Úy.

Bấy giờ đa phần đều bàn rằng Duy binh lực đã kiệt, không thể ra quân được nữa. Ngải nói rằng: “Ta thua trận ở Thao Tây, tổn hại không phải nhỏ,

quân tan tành chết, kho đụn rỗng không, trăm họ li tán, quốc gia nguy nan. Nay xét kỹ thì thấy rằng, họ vẫn ở thế thắng, ta kỳ thực đang ở thế thua, đó là lẽ thứ nhất. Bên kia quân tướng luyện tập cùng nhau đã lâu, ngũ binh bèn sắc, bên ta đổi tướng thay binh liên tục, khí tượng chưa thuần thực, ấy là lẽ thứ hai. Họ đi thuyền, ta đi bộ, sự khó nhọc nhàn nhả khác nhau, là lẽ thứ ba. Các xứ Địch Đạo, Lũng Tây, Nam An, Kỳ Sơn đều là đất chiến thủ, bên kia chỉ cần tiến ra một mặt, ta phải chia binh giữ cả bốn phía, ấy là lẽ thứ tư. Địch ra các xứ Nam An, Lũng Tây, có sẵn thóc gạo của người Khương mà ăn, nếu ra Kỳ Sơn, có cả nghìn thửa lúa mạch vừa chín tới, lấy lương đó để mà chi dụng, ấy là năm lẽ. Kẻ địch tất sáng suốt tất tính được như thế, ắt sẽ lại ra nữa vậy.” Không bao lâu, Duy quả nhiên lại tiến ra Kỳ Sơn, nghe tin Ngải đã có phòng bị rồi, bèn đi tắt theo lối Đồng Đình tới Nam An, Ngải đóng binh chống giữ ở Vũ Thành Sơn. Duy đấu quân với Ngải tranh chiếm nơi đất hiểm, không hạ được, ngay đêm ấy, Duy vượt sông Vị hướng về Đông, men núi tiến đến Thượng Nhai, Ngải đại chiến với Duy ở Đoạn Cốc, thắng lớn ở đấy.

Năm Cam Lộ nguyên niên, triều đình gửi chiếu khen Ngải rằng: “Nghịch tặc Khương Duy cậy tài ngông cuồng liên năm đánh phá, khiến người Di bị quấy nhiễu, đất phương Tây chẳng được yên bình. Ngải trù liệu lo toan giữ được nơi ấy, trung dũng hơn người, chém được mười tướng địch, dâng hơn nghìn đầu giặc; khiến oai danh bản quốc chấn động khắp xứ Ba Thục, tiếng tăm vang dậy khắp từ Đại Giang đến vùng Mân Triết. Nay lấy Ngải làm Trấn Tây tướng quân, đô đốc nắm giữ việc quân sự ở Lũng Hữu, tiến phong tước là Đãng hầu. Cho được ăn lộc 500 hộ, ban cho con Ngải là Trung tước Đình hầu”.

Năm Cam Lộ thứ hai, Ngải chống đánh Khương Duy ở Trường Thành, Duy phải lui binh. Ngải lại được đổi làm Chinh Tây tướng quân, trước sau được ban thêm sáu ấp ăn lộc 6.600 hộ. Năm Cảnh Nguyên thứ ba, Ngải lại phá được Duy ở thành Hầu Hà, Duy lui về giữ Đạp Trung.

Mùa thu năm Cảnh Nguyên thứ tư, triều đình xuống chiếu lệnh cho ba quân phạt Thục, Đại tướng quân Tư mã Văn vương nhận chỉ dụ đi đầu tiết mọi mặt, Chiêu sai Ngải cầm giữ quân của Duy; Ung châu thứ sử Gia Cát Tự đón bắt Duy. Ngải phái Thiên Thủy thái thú Vương Kỳ đánh trực diện vào doanh lũy của Duy, Lũng Tây thái thú Khiêm Hoàng đón lõng Duy ở mặt trước, còn Kim Thành thái thú Dương Hân tiến thẳng đến Cam Tùng.

Duy nghe tin đại quân của Chung Hội đã xâm nhập vào Hán Trung, mới dẫn quân lui về giữ. Bọn Hân gấp rút đuổi theo Duy đến Xuyên khẩu, đại chiến ở đấy, Duy thua trận bỏ chạy. Lại nghe đồn rằng quân Ung Châu đã đóng giữ chiếm đầu cầu, Duy mới theo cửa Hàm Cốc tiến thẳng về Bắc, có ý tiến ra lấy Ung Châu. Gia Cát Tự thấy thế, vội vã lui về 30 dặm. Duy tiến về Bắc được 30 dặm, nghe tin Tự đã lui quân, liền quay lại, vượt qua bên kia cầu Âm Bình, Tự đuổi theo đánh Duy, hết ngày vẫn không đuổi kịp. Duy kéo quân về phía Đông, lui giữ cửa Kiếm Các. Chung Hội tấn công Duy không sao thắng được.

Ngải dâng biểu lên bệ trên rằng: “Nay quân giặc đã bị bẻ gãy, nên nhân cơ hội này, dẫn quân theo lối Âm Bình men đường hẻm vượt qua Đức Dương Đình tiến tới Phù Thành, nơi đó cách Kiếm Các về phía Tây chừng 100 dặm, tiến về Thành Đô cũng có 300 dặm. Kỳ binh của ta đã đóng ở đó, quân địch đang giữ ở Kiếm Các tất phải lui về cứu Phù Thành, ắt Hội sẽ rộng đường mà tiến; bằng như quân ở Kiếm Các chẳng lui về, ắt quân giữ ở Phù Thành sẽ đơn độc. Ở binh pháp, thiên Quân Chí có nói rằng: ‘Công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý’. Nay nên giấu kín ngay việc ấy, phá địch ắt chỉ có như thế thôi vậy.”

Mùa Đông tháng 10, Ngải từ Âm Bình tiến sâu vào đất không dấu chân người đến hơn 700 dặm, đào núi mở đường, xây cầu bắc ván. Núi cao vực sâu, tận cùng gian hiểm, lại còn lương thực mang theo chẳng đủ dùng, mỗi nguy nan luôn rình rập. Ngải quăn quắt khắp mình, lăn từ trên cao xuống. Tướng sĩ đều vin cây bám chặt vào vách núi, dính liền nhau như xâu cá, cứ thế mà tiến. Khi Ngải tiến quân đến Giang Du, Thục tướng là Mã Mạo ra hàng. Vệ tướng quân nhà Thục là Gia Cát Chiêm từ Phù Thành lui về Miên Trúc, bày trận đợi Ngải ở đó. Ngải phái con yêu là Đình hầu Đặng Trung tiến ra mé hữu, Tư mã Sư Toàn tiến ra mé tả đón đánh Chiêm. Trung, Toàn đánh nhau không được lợi, đều phải lui binh về, bầm với Ngải rằng: “Giặc chưa thể đánh được trong lúc này”. Ngải nổi giận mắng: “Cái lẽ được mất đã rõ ràng rồi, chỉ một lần này là xong việc, sao không biết gắng hết sức?” Lại quát mắng bọn Trung-Toàn, muốn chém. Trung-Toàn vội quay lại đánh tiếp, phá được quân Thục, chém chết Chiêm và quan Thượng thư Trương Tuân ⁽¹⁹⁾ cắt lấy đầu, rồi tiến quân đến lấy Lạc Thành. Lưu Thiện phái sứ giả đem dâng nộp tử thi Hoàng đế cho Ngải và xin hàng.

Ngải đến Thành Đô, Thiện đem Thái tử và các vương hầu cùng quần thần hơn sáu chục người cúi mặt khiêng áo quan đến quân môn chịu tội, Ngải cởi trói dỡ dây, lại sai đốt bỏ áo quan, nhận cho hàng. Rồi kiểm xét danh sách các tướng sĩ trong cung, không bỏ sót người nào, vỗ về kẻ ra hàng, cho giữ nguyên công việc như trước, vì thế người Thục đều yên bụng cả.

Ngải riêng ý chiếu theo việc của Đặng Vũ ngày trước, thừa mệnh phong cho Thiện chức Hành Phiêu kỵ tướng quân, cho Thái tử giữ chức Phụng xạ, các vương hầu được ban chức Phụ mã Đô úy. Quần thần nước Thục tùy theo thứ bậc cao thấp đều được cho làm quan cả, hoặc nhận các chức tước phụ thuộc trong quân doanh của Ngải. Ngải lại lấy Sư Toản làm Ích châu thứ sử, Lũng Tây thái thú Khiêm Hoàng đốc xuất các quận ở Thục trung. Lại sai đắp một đài lớn ở Miên Trúc làm sở quan, nhằm ca tụng chiến công của mình. Những binh sĩ bị chết vì việc nước, kể cả Thục binh đều được mai táng như nhau cả. Ngải có ý khoe công của mình, bảo với các đại phu nước Thục rằng: “Các người may gặp được ta, mới có được ngày hôm nay vậy, ví bằng gặp phải bọn tướng khác, ắt là chết cả rồi”. Lại nói: “Khương Duy tự cho chỉ có mình là anh hùng, cùng với ta tương tranh, giờ đã cố cùng rồi vậy”. Bậc thức giả đều cười chê lời ấy.

Tháng 12, chiếu gửi Ngải viết rằng: “Ngải diều võ trở oai, thâm nhập vào sâu nơi phủ đình, chém tướng cướp cờ, mạnh như kinh nghệ [\(20\)](#), khiến cho chúa tiếm hiệu phải kê đầu giờ cổ chịu hàng, một sớm bình định được hết cả. Trong lúc binh không đầy đủ, đánh chẳng trọn ngày, thế mà như cuốn chiếu xua mây, dẹp yên Ba Thục. Dẫu Bạch Khởi phá cường Sở, Hàn Tín đánh quân Triệu dũng mãnh, Ngô Hân lấy Tử Dương, Á Chu diệt thất quốc, tính công mà luận xét, cũng chẳng thể hơn được công quả ấy. Vậy phong cho Ngải làm Thái úy, tăng thêm lộc hai vạn hộ nữa, phong cho hai con được làm Đình hầu, đều được ăn lộc một ấp có ngàn hộ.

Viên Tử viết: Gia Cát Lượng, dùng người cẩn trọng, dụng binh bất ngờ, ấy là biết nước nhỏ dân ít khó có thể giữ được lâu dài. Nay quốc gia một lần cất quân diệt được nước Thục, chinh phạt nên công, cũng chưa phải dụng binh thần tốc như vậy. Mà Đặng Ngải dùng có vạn người thâm nhập Giang Du đến cùng gian hiểm, còn Chung Hội dụng 20 vạn quân lại bị chặn ở cửa Kiếm Các mà chẳng tiến được, ba quân tướng sĩ sắp thiếu ăn, Ngải tuy thắng trận khắc địch, khiến Lưu Thiện trong mấy ngày phải ra hàng, mà hai tướng ấy ra đi đều khó bề quay lại được. Nên công nghiệp như thế là nguy hiểm vậy. Quốc gia lúc trước lấy

quân ở Thọ Xuân để sai khiến, sau này diệt được nước Thục nên công, trăm họ nghèo khó mà rương đầy rỗng không. Ôi việc nước nhỏ phải lo lắng, ở chỗ gây dựng để tự bảo tồn, nước lớn phải lo toan, ở chỗ thắng địch mà kiệt lực, thành công là việc về sau, biết lo sợ mà phòng bị là việc lúc bấy giờ vậy.

Ngải gửi thư cho Tư mã Văn vương nói rằng: “Việc binh trước hết là phô trương thanh thế sau mới đến việc thực, nay nhân lúc mới bình được Thục nên thừa thế đồ nước Ngô, người Ngô tất rung động kinh hoàng, thế cuốn chiếu là như vậy. Nhưng cất đại quân thiết nghĩ nên để sau này, bởi tướng sĩ mới lao khó nhọc mệt, không nên dùng ngay, hãy tạm hoãn việc ấy lại; nên để hai vạn quân ở lại Lũng Hữu, cùng hai vạn quân Thục, để nấu muối khai mỏ, làm các binh cụ yếu dụng, cho đóng thuyền bè, chuẩn bị sẵn sàng để xuôi dòng mà xuống, rồi sau sai sứ đến nói rõ lợi hại, người Ngôắt phải quy phục, có thể không cần phải đánh mà cũng bình định được vậy. Nay nên hậu đãi Lưu Thiện lấy đó để như Tôn Hưu, yên kẻ sỹ cùng muôn dân để thu lấy bụng người ở xa, nhược bằng đưa ngay Thiện về kinh đô, người Ngô thấy thế,ắt chẳng yên bụng mà đổi tâm chuyển ý. Nên quyên biển mà cho Lưu Thiện ở lại Thục, đợi đến mùa đông năm sau sẽ tính, như thế người Ngô cũng yên lòng. Nay hãy tạm phong cho Lưu Thiện làm Phù phong vương, cho của cải để nuôi đầy tớ, ban cho tả hữu để hầu hạ bên mình. Cho đất riêng để ở như Đồng Trác ở My Ổ khi trước, cho làm cung xá tá túc. Con cái được ở ngôi công hầu, ăn lộc một quận trong huyện, để sáng tỏ ân sủng của quốc gia. Mở rộng cửa nơi Quảng Lăng, Thành Dương nhằm hậu đãi người Ngô, tất họ sẽ phục uy mệnh đức,ắt trông xa theo gió mà quy hàng cả”.

Văn Vương liền sai Giám quân Vệ Quán báo Ngải rằng: “Làm việc nên bẩm báo rõ, chẳng nên tự ý thi hành.” Ngải mới nặng lời rằng: “Ta vâng mệnh đi chinh phạt, phụng chỉ nhận kế sách, kẻ đầu sỏ đã phải phục tùng; rất nên được thừa chế mà hành xử, có thể sẽ an lòng kẻ mới theo về, thế mới là hợp lẽ quyên biển. Nay cả nước Thục đã theo vương mệnh, đất đai kéo đến tận Nam Hải, phía Đông tiếp giáp với Ngô Hội, nên sớm vỗ yên. Ví như đợi quốc mệnh, theo đạo lý thông thường, sẽ phải dây dưa ngày tháng. Kinh Xuân Thu có câu rằng, quan đại phu ra ngoài cõi, nếu có thể yên xã tắc, làm lợi cho quốc gia, thì chuyên quyên cũng được. Nay nước Ngô chưa thần phục; thế tất liên kết với Thục, chẳng nên câu nệ đạo thường đánh mất cơ hội. Theo binh pháp, tiến không cầu danh, lui không

tránh tội, Ngải này tuy không bằng được người xưa, nhưng chẳng thể nhún mình để thiệt cho nước vậy.”

Bọn Chung Hội, Hồ Liệt, Sư Toản đầu thừa rằng Ngải có ý phản nghịch, cố tình làm trái. Chiêu liễn gửi thư sai bắt Ngải nhốt vào xe tù.

Nguy thị Xuân Thu chép: Ngải ngửa mặt lên trời than rằng: “Ngải này là bậc trung thần, cũng có lúc như thế này ư! Bạch Khởi xưa phải ăn năn, cũng như ta ngày nay vậy.”

Cha con Ngải đã bị bắt tội, Chung Hội vào Thành Đô, trước hết cho áp tải Ngải về kinh, rồi sau đấy loạn. Lúc Hội chết, tướng sĩ trong doanh của Ngải đuổi theo thả Ngải ra khỏi xe tù, rồi đón về Vệ Quán sai Điền Tục đến giết Ngải, gặp ở phía Tây thành Miên Trúc, chém được. Con Ngải là Trung cũng chết cùng với cha, người con khác ở Lạc Dương cũng bị giết, vợ Ngải cùng cháu đích tôn bị đẩy đi tận xứ Tây Vực.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Khi trước Ngải xuống đến Giang Du, nhân vì Điền Tục không chịu tiến binh, Ngải muốn chém, may được tha tội. Đến khi Quán sai Tục giết Ngải, mới bảo rằng: “Ta để người báo thù cái nhục ở Giang Du lúc trước”. Đỗ Dự nói với mọi người rằng: “Bá Ngọc kia chẳng đã được thoát tội rồi đấy sao! Thân làm danh sĩ, ngôi vị quá cao, đã chẳng biết làm việc ân đức, lại không biết ngăn kẻ dưới để làm điều ngay thẳng, ấy là tiểu nhân mượn khí độ người quân tử mà thôi, sao có thể gán vác việc mai sau?” Quán nghe thế, chẳng đợi xa giá tới nơi đã vội vàng tạ lỗi.

Sách Thế ngữ viết: Sư Toản cũng bị chết cùng với Ngải ngày hôm ấy. Toản nóng nảy mà thiếu ân, chết không toàn thân.

Lúc trước, Ngải đương phạt Thục, mộng thấy mình ngồi trên đỉnh núi mà lại thấy nước chảy, mới đem hỏi Điển lỗ Hộ quân là Viên Thiệu. Thiệu nói rằng: “Kinh Dịch có quẻ rằng, trên núi có nước chảy là Kiền. Quẻ Kiền nói rằng: ‘lợi về mặt Tây Nam, bất lợi về mặt Đông Bắc’. Khổng Tử giảng rằng: “Quẻ Kiền lợi mặt Tây Nam, nghĩa là đi thì có công; Bất lợi ở mặt Đông Bắc, nghĩa là đến đó là đường cùng.” E rằng đi chuyến này tất đánh được Thục, nhưng sợ chẳng trở về được nữa!” Ngải nghe nói rất không vui, tâm trạng buồn ngủi.

Sách Ký châu ký sự của Tuân Xước chép rằng: Thiệu bắt đầu từ chức cán lại, rồi làm đến tận chức Vệ úy. Con trưởng là Hàn, làm Thái thú Hà Đông. Con thứ là Sưởng, làm Đại tư nông. Con út là Thiển, tự là Quân Ấu, tính tình khoan hậu mà có khí phách, có tiếng lúc bấy giờ, từng làm Ký châu Thứ sử, sau Thái tử lấy làm túc vệ luôn mang theo bên mình. Con Hàn là Du, tự Thế Đô, thanh bạch kiên trinh mà cao khiết, có tài bàn xét nghị luận, cùng với Công Tôn Long đàm luận

về đạo lý. Lúc còn nhỏ đã nổi danh, được vời vào phủ Thái úy, làm đến chức Thị trung trung thư lệnh, sau đổi làm chức Giám ti.

Thần Tòng Chi xét rằng: Thoán từ quẻ Kiển (21) nói rằng: “Kiển lợi về mặt Tây Nam, đi phải đúng chính đạo”, không nói rằng: “có công”; dưới lại nói rằng: “Gặp được đại nhân giúp cho mới có lợi, đi thì có công vậy”.

Năm Thái thủy nguyên niên, Tấn thất lên ngôi đế, chiếu viết rằng: “Xưa Thái úy Vương Lăng mưu phế Tề vương, mà Vương sau cùng chẳng đủ sức giữ ngôi vị. Chinh Tây tướng quân Đặng Ngải, kiêu căng cậy công mà thất tiết, trọng tội rõ ràng. Đã bị chiếu thư bắt tội, tước bỏ quân quyền, phải bó tay chịu chết, ấy là bởi muốn sinh lòng làm việc ác, mà việc chẳng thành. Nay đại xá xoá bỏ tội trạng, nhược bằng tử tôn không còn nữa sẽ phải tìm người trong họ để tạo lập về sau, lệnh cho phải làm lễ tế tự không để dòng tộc bị tuyệt diệt”.

Năm Thái Thủy thứ ba, quan Nghị lang dâng sớ lên bệ trên nói rõ việc làm của Ngải rằng: “Ngải mang lòng trung nghĩa mà lại phải gánh tội phản nghịch, có công bình định Ba Thục mà lại bị tru diệt, thần lấy làm thương tiếc lắm. Thương thay, nói rằng Ngải làm phản ư! Ngải vốn tính cương cường nóng nảy, coi rẻ kẻ mạo phạm mà nhã nhặn với người phạm tục, không hoà mình với đồng僚, vì thế khiến người ta chẳng hài lòng. Thần mạo muội nói rằng Ngải chẳng phải làm phản vậy. Xưa Khương Duy đánh phá tan tành ở Lũng Hữu, Ngải sửa sang việc phòng bị, khiến lương đủ binh cường. Gặp năm hung hạn, Ngải chia thóc lúa cho dân, thân mặc áo thô, tay cày cấy cuốc, làm gương cho tướng sỹ. Khiến cho trên dưới đều cảm kích, chẳng ai dám không tận lực. Ngải nắm quyền trấn thủ biên cương, thống lĩnh mấy vạn binh, mà không ngã lòng vì gian khó nhọc nhằn, kẻ sỹ dân đi lao dịch, chẳng câu chấp lễ trung cần, đã mấy ai được như vậy? Việc chiến trận ở Lạc Môn, Đoạn Cốc, lấy ít địch nhiều, mà phá tan được cường địch. Tiên đế biết việc ấy càng tin tưởng, mới uỷ thác cho Ngải kế sách, trao cho việc lớn. Ngải vâng mệnh quên thân, thúc ngựa ruổi xe, xông pha nơi tử địa, dũng khí xung mây, sỹ chúng thừa thế xông lên, khiến vua tôi Lưu Thiện phải cúi mặt, trói tay quỳ gối xin hàng. Ngải công trạng đã thành, danh ấy đáng ghi vào tre lụa, lưu truyền đến vạn đời. Ông già 70 tuổi, sao còn muốn làm phản đây! Tin rằng Ngải chịu ơn mẹ già dưỡng dục chu đáo, tâm ấy chẳng nên ngờ, tuy có lỗi thừa chế (*), nhưng là quyền biến để an xã tắc; dẫu trái đạo thường, nhưng hợp nghĩa xưa, nếu

suy cho cùng mà định tội, thật chẳng nên vậy. Chung Hội vốn ghen ghét uy danh của Ngải, mới dựng lên chuyện ấy. Khiến kẻ trung mà bị giết, tín mà bị nghi ngờ, đầu phải treo trên lưng ngựa, con cái đầu bị giết thảm, ai nhìn thấy cũng phải cúi đầu, tai nghe thấy đầu buông lời than thở. Bệ hạ mới lên ngôi, nên mở lòng đại lượng, cởi bỏ mọi nỗi hiềm kỵ, chẳng nên câu nệ việc trước. Xưa dân Tần thương Bạch Khởi vô tội mà chết, người Ngô thương Tử Tư bị oan khuất mà khóc, đầu lập đền thờ. Nay người trong thiên hạ vì Ngải mà thương tâm oán giận, cũng giống như vậy. Thần coi Ngải chết chẳng toàn thân, thân thể vứt bỏ nơi bãi cỏ, nên cho thu nhặt để an táng, trả lại tất cả ruộng vườn. Lấy việc bình Thục làm công lao, cho cháu chắt được nối nghiệp cha ông, sai đóng áo quan mà ban cho thuy hiệu, khiến người chết không còn oán hận. Xá tội cho một oan hồn ở dưới hoàng tuyền, lấy được tín nghĩa nơi hậu thế, táng cho một người đã chết mà thu lấy lòng ái mộ của thiên hạ, chôn cất một linh hồn khiến thiên hạ thấy nghĩa mà theo về, mà người vợ góa của Ngải cũng vui lòng, ấy là việc rất nên vậy.”

Năm Thái thủy thứ chín, chiếu rằng: “Ngải có công huân, chịu tội mà chẳng bỏ trốn, mà con cháu bị bắt làm dân thường, trầm vẫn lấy làm thương xót. Nay lấy cháu đích tôn là Lãng làm Lang trung”.

Thời Ngải ở phía Tây, đã cho sửa sang nơi đất hiểm, xây cất thành quách thôn xóm. Năm Thái Thủy trung, người Khương dấy loạn lớn, giết chết quan Thứ sử ở đấy, xứ Lương châu bị chia cắt. Riêng dân chúng ở những nơi Ngải xây cất thành quách khi trước, thôn xóm đều được yên bình cả.

Sách Thế ngữ chép: Năm Hàm Ninh trung, triều đình lấy Tích xạ tướng quân Phàn Chấn giữ cửa ngõ phía Tây cự người Nhung, Chấn từ chối, Vũ Đế hỏi Chấn vì sao lại không đi, Chấn tấu trình rằng bởi cháu của Đặng Ngải phạt Thục khi trước bấy giờ đang làm môn hạ dưới trướng ở đó, Đế bèn hỏi về Ngải, Chấn cho rằng Ngải là bậc trung thân, nói rồi nước mắt chảy giàn giụa. Bởi khi trước đã lấy cháu Ngải là Lãng làm lệnh ở huyện Đan Thủy, vì thế liền đổi Lãng đến làm lệnh ở đất Định Lãng. Một người cháu khác của Ngải là Thiên Thu bấy giờ cũng là người có danh vọng, được Quang lộc đại phu Vương Nhung lấy làm Duyệt. Năm Vĩnh Gia trung, Lãng được cử làm Tân Đô thái thú, chưa kịp đến nhậm chức thì ở Tương Dương xảy ra hoả hoạn lớn, Lãng cùng mẹ già, vợ con bị chết cháy, chỉ có hai con là Thao và Hành thoát nạn. Thiên Thu đã chết trước đó, hai người con của Thu cũng bị chết cháy.

Người cùng làng với Ngải thời ở Nam Dương là Chu Thái, cũng lập nên công nghiệp rõ ràng, rất khéo việc dụng binh, làm quan đến chức Chinh Lỗ tướng quân, được ban Giả tiết, kiêm quản mọi việc quân sự, làm Đô Đốc Giang Nam. Năm Cảnh Nguyên thứ hai chết, được truy tặng chức Vệ tướng quân, thụy hiệu là Tráng hầu.

Sách Thử Ngã chép: Khi trước, Thứ sử Kinh châu là Bùi Tiêm lấy Thái làm Tòng sự, Tư mã Tuyên vương đang trấn giữ Uyển thành, Tiêm mấy lần sai Thái đến chỗ Tuyên Vương, bởi thế Tuyên vương mới biết đến Thái. Đến lúc đánh Mạnh Đạt, Thái lại làm hướng đạo, Vương mới cho gọi Thái. Thái từng phải để trùng tang bố, mẹ và ông, liên chín năm cư tang, Tuyên Vương cho giữ lại một chức quan còn khuyết để chờ bổ nhiệm cho Thái, bổ nhiệm được 36 ngày, lại cất Thái lên làm Thái thú Tân thành. Tuyên Vương thường ví Thái với Hội, khiến Thượng thư Chung Do đùa Thái rằng: “Người rũ áo vải lên nhận việc nơi tể phủ, có 36 ngày mà nắm quyền chỉ huy, cai quản binh mã trong quận; ta xin làm đứa nhỏ theo hầu bên xe, để một lần rong ngựa cho người được chăng?” Thái nói: “Nếu được như thế còn gì hơn nữa. Nhưng ngài là bậc công hầu, chí ít cũng lựa chọn người văn nhã, có gì mà theo viên lại, chỉ như con khỉ cưỡi trâu mà thôi, sao mà chậm chạp vậy!” Hết thấy tân khách đều cười rộ. Sau này Thái chuyển qua các chức Thứ sử Duyện châu, Dự châu, công việc ở những nơi đó đều được trù liệu chu đáo cả.

TRUYỆN QUÁN KHÂU

Quán Khâu Kiệm tự Trọng Cung, người huyện Văn Hỉ quận Hà Đông. Cha là Hưng, giữa năm Hoàng Sơ làm Vũ Uy Thái thú, đánh dẹp kẻ phản, vỗ về kẻ phục, mở thông miền Hà Hữu⁽²²⁾, nổi tiếng sau Kim Thành Thái thú Tô Tắc. Đánh giặc là Trương Tiến và đánh người Hồ phản có công, phong Cao Dương Hương Hầu.

《Ngụy danh thân tấu》 chép biểu của Ung Châu Thứ sử Trương Kí nói: “Miền Hà Hữu xa xôi, nhiễu loạn đã lâu, quận Vũ Uy là đường lối cổ họng của các quận, lại thêm người rợ ở lẫn, nhiều lần có nạn binh đao. Từ khi Thái thú Quán Khâu Hưng đến làm quan, trong an ủi quan dân, ngoài vỗ về Khương, Hồ, khiến cho họ theo phục, làm quan có tài. Hoàng Hoa, Trương Tiến vừa mưu làm loạn, lay động cả hữu, chí Hưng trung liệt, gặp nạn không lùi, vì các quan tướng người rợ mà bày rõ họa phúc, nghe nói thì khóc lóc. Bấy giờ vạn người trai gái đều mang lòng cảm kích, bỏ ý gây loạn, thề ước vâng lệnh. Rồi đem quân mạnh đến thẳng Trương Dịch, giúp cứu được Thái thú Đỗ Thông, Tây Hải Thái thú Trương Mục. Quan dân hai huyện Phiên Hòa, Li Kiên quận Trương Dịch và người rợ trong quận bỏ kẻ ác mà đến theo Hưng, Hưng đều vỗ yên, sai dân chăm chỉ làm ruộng. Hưng hề đi qua đâu, đều dốc hết tâm sức, thực là quan giỏi của nhà nước vậy. Điện hạ lên ngôi, lo nghĩ vạn bề. Nếu có việc hay xấu nhỏ, cũng có ban thưởng, thần vâng theo ý chỉ, bày kể việc này”.

Vào làm Tướng tác Đại tượng, Kiệm nối tước của cha, làm Bình Nguyên Hầu Văn học. Minh Đế lên ngôi, làm Thượng thư lang, chuyển làm Vũ lâm giám. Vì là bạn của Đông cung⁽²³⁾ nên rất được sủng ái. Ra làm Lạc Dương Điện nông. Bấy giờ lấy người cày ruộng đi dựng cung điện, Kiệm dâng sớ nói: “Thần ngu dốt cho rằng việc thiên hạ gấp diệt trừ là hai tên giặc, việc cần trước là cơm áo. Nếu hai tên giặc không diệt, quân dân lại đói rét, dầu cung điện to đẹp cũng chẳng ích gì vậy”. Chuyển làm Kinh Châu Thứ sử.

Giữa năm Thanh Long, Đế mưu đánh quận Liêu Đông, vì Kiệm có mưu lược, chuyển làm U Châu Thứ sử, thêm chức Độ Liêu Tướng quân, Sứ trì tiết, Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Đem các quân U Châu đến Tương Bình, đóng

đều ở Liêu Toại. Bọn Thiền vu Ô Hoàn ở quận Hữu Bắc Bình là Khấu Lâu Quách, Đô đốc Ô Hoàn ở quận Liêu Tây là Suất Chúng Vương Hộ Lưu ngày trước theo Viên Thượng đến Liêu Đông liền đem hơn năm nghìn người đến hàng. Khấu Lâu Quách sai em là bọn A La Bàn đến cửa khuyết chầu cống, phong hơn hai mươi tù trưởng của họ làm Hầu, Vương, ban các đồ xe ngựa, lụa gấm. Công Tôn Uyên đón đánh với Kiêm, không được lợi, dẫn quân về Năm sau, Đế sai Thái úy Tư Mã Tuyên Vương lĩnh mấy vạn người trung quân cùng bọn Kiêm đánh Uyên, bình Liêu Đông. Vì Kiêm có công nên được tiến phong An Ấp Hầu, thực ấp ba nghìn chín trăm hộ.

Giữa năm Chính Thủy, Kiêm thấy người Cao Câu Ly nhiều lần xâm lấn, lĩnh các quân có vạn bộ kỵ ra quận Huyền Thố, theo các đường đánh chúng. Vua Cao Câu Ly là Cung lĩnh hai vạn kỵ bộ, đem quân đến trên sông Phất Lưu, đánh lớn ở cửa Lương Khâu, Lương, đọc là ‘khát’. Cung thua chạy liên tiếp. Kiêm bèn buộc ngựa dừng xe để lên Hoàn Đô, phá kinh đô của nước Câu Ly, bắt chém đến mấy nghìn thủ cấp. Quan Phái giả của nước Câu Ly tên là Đắc Lai nhiều lần can gián Cung,

Thần là Tùng Chi xét: 《Đông Di truyện》 viết: ‘Phái giả’ là tên chức quan của nước Câu Ly.

nhưng Cung không theo lời. Đắc Lai than rằng: “Đừng xem nước này sắp mọc cỏ lau”. Rồi không ăn mà chết, cả nước khen là hiền. Kiêm sai các quân không bới mộ, không chặt cây bên mộ, bắt được vợ con của hắn, đều cho thả ra. Cung một mình đem vợ con chạy trốn, Kiêm dẫn quân về Năm thứ sáu, lại đi đánh, Cung bèn đến Mãi Câu. Kiêm sai Huyền Thố Thái thú Vương Kì đuổi theo,

《Thế ngữ》 viết: Kì tự Khổng Thạc, người quận Đông Lai, giữa năm Vĩnh Gia thời nhà Tấn có tên giặc Vương Di là cháu của Kì vậy.

qua nước Ốc Trở hơn nghìn dặm, đến đất phía nam của nước Túc Thận, khắc bia đá ghi công, san núi ở Hoàn Đô, khắc chữ ở thành Bất Nại. Bắt giết và thu nạp hơn tám nghìn người, luận công ban thưởng, hơn tám trăm người được phong Hầu. Đào núi dẫn nước, dân được nhờ cái lợi ấy.

Chuyển làm Tả Tướng quân, Giả tiết, trông coi các quân Dự Châu, lĩnh chức Dự Châu Thứ sử, lại chuyển làm Trấn nam Tướng quân. Gia Cát Đản đánh ở Đông Quan, không lợi, bèn sai Đản, Kiêm thay nhau. Đản làm Trấn nam Tướng quân, trông coi các quân Dự Châu, Kiêm làm Trấn đông Tướng quân, trông coi các quân Dương Châu. Thái phó của nước Ngô là

Gia Cát Khác vây Tân Thành ở Hợp Phì, Kiêm cùng Văn Khâm chống lại, Thái úy Tư Mã Phu đem trung quân đến phía đông giải vây, Khác rút về.

Trước đây, Kiêm thân thiện với bọn Hạ Hầu Huyền, Lí Phong. Dương Châu Thứ sử Tiền Tướng quân Văn Khâm là người cùng ấp của Tào Sảng vậy, dũng mãnh cứng cỏi, nhiều trận lập công, bắt nhiều quân địch, hạ chiếu ban thưởng mà nhiều lần không thấy đến, do đó ngày càng oán giận. Kiêm bày kế đối đãi Khâm hậu hĩnh, kết thân vui vẻ, Khâm cũng cảm kích, dốc lòng không đổi.

Tháng giêng năm Chính Nguyên thứ hai, có sao chổi dài mấy chục trượng rực trời ở phía tây bắc, nổi lên từ đất Ngô, Sở. Kiêm, Khâm mừng, cho là điềm lành, bèn giả viết chiếu của Thái hậu, kể tội Đại Tướng quân Tư Mã Cảnh Vương, gửi thư đến các châu quận, dấy binh làm phản. Ép buộc các tướng đóng đồn cùng quan dân lớn nhỏ của miền Hoài Nam đầu vào thành Thọ Xuân, dựng đồn ở phía tây thành, mở hội thề uống máu dấy binh, chia người già yếu giữ thành, Kiêm, Khâm tự đem năm, sáu vạn quân vượt sông Hoài đi về phía tây đến huyện Hạng. Kiêm giữ vững, Khâm ở ngoài đem quân đi tuần tra.

Kiêm, Khâm viết biểu rằng: “Tướng quốc Ý⁽²⁴⁾ ngày trước giúp đỡ nhà Ngụy, giữ lòng trung trinh, cho nên Liệt Tổ Minh Hoàng Đế trao việc giữ gìn. Ý dốc sức hết lòng, vỗ yên Hoa Hạ. Lại nữa Tề Vương⁽²⁵⁾ thông minh, không có đức xấu, bèn chăm chỉ gắng sức giúp vua, thiên hạ được nhờ. Ý muốn đánh hai tên giặc⁽²⁶⁾ để dẹp yên Trung Quốc, bắt đầu chia lương quân, chọn ngày cùng dấy binh, chưa xong thì hoǎng. Tề Vương thấy Ý có công lớn giúp vua, cho nên sai Sư nổi thay tước của Ý, trao cho việc lớn. Vậy mà Sư nhiều năm giữ chức, không có tật lại giả bệnh, ngồi nắm quân lớn, không có lễ phép của tôi thân, trăm quan cho là sai, kẻ sĩ chê cười hắt, thiên hạ đều đều biết, đây là một tội. Ý bày kế đánh giặc, tổn nhiều lương quân, đã có hẹn ngày. Sư là đại thần, nên trừ nạn nước, lại là người con nên nổi nghiệp cha. Tiếng khóc chưa dứt mà lại ngừng bãi, làm tôi bất trung, làm con bất hiếu, đây là hai tội. Giặc rút qua Đông Quan, ngồi tự sai quân, ba phía cùng đi, quân võ công mất, nhiều năm quân mạnh, một sớm mà hết, vò dãn giặc đến, thiên hạ nhiễu động, chết chóc lìa tan, đây là ba tội. Giặc đem hết cả nước, kêu có năm mươi vạn, hướng về Thọ Xuân, mưu đến Lạc Dương, gặp lúc Thái úy Phu⁽²⁷⁾ bày kế với bày tôi, bèn ngăn ngăn nơi hiểm yếu, không cùng giao tranh, giữ vững Tân Thành. Tướng sĩ miền Hoài Nam xông vào đao nhọn, ngày đêm tự giữ, vất vả trăm ngày, người chết đầy đất, từ khi nhà Ngụy dấy binh đến nay, gặp nạn rất nhiều mà cũng không hơn thế. Vậy mà Sư mặc ý phóng túng, không luận ban thưởng, tự mình chuyên quyền, không cho ghi

công, đây là bốn tội. Bọn Trung thư lệnh Lí Phong ngày trước thấy Sư không có lễ tiết của tôi thân, muốn bàn phết hấn. Sư biết thì mời Phong đến, buổi đêm bắt giết, chử thầy chôn quan. Bọn Phong là đại thân, là tim bụng của Đế Vương, vậy mà tự ý lập hình tàn khốc, chết mà không có tội, Sư không có ý giúp vua, đây là năm tội. Ý thường khen ngợi Tề Vương tự giữ lễ của người làm vua, vua tôi đã lập nghĩa. Từ lúc đó đến nay đã mười lăm năm, vừa nắm lại chính trị, dùng người tài năng, hạ chiếu sai quân vệ không được ra ngoài làm bừa. Sư tự biết mình xấu xa, thần người không ai giúp, do đó phết vua, lại gán thêm tội. Phu là chú của Sư, tính rất nhân hòa, đưa tiễn Tề Vương còn thương cảm không thôi. Bây tôi đều giận mà Sư vẫn nở làm, không nghĩ đến nghĩa lớn, đây là sáu tội. Quang lộc Đại phu Trương Tập ngày trước không có tội mà bị giết, giết cả vợ con, rồi lại phết Hoàng hậu, ép bức bậc chí tôn, đùn đẩy sai khiến, bấy giờ thương khóc, chẳng ai không đau lòng; vậy mà Sư khen hay, tự mình vui vẻ, đây là bảy tội. Bệ hạ lên ngôi, thông minh thần vũ, làm việc hay đẹp, muốn tự tiết kiệm, thiên hạ nghe biết, chẳng ai không vui mừng. Vậy mà Sư không tự sửa lỗi, không lập lại lễ tiết của tôi thân, vẫn lo chiêu binh chọn quân, phá vỡ cung điện, sắp đặt quân vệ. Bệ hạ mới lên ngôi mà không châu đợi. Bệ hạ muốn tự đến nhà Sư để hỏi thăm bệnh lại từ chối không cho, không theo phép tắc, đây là tám tội. Gần đây Lĩnh quân Hứa Doãn sắp làm Trấn bắc Tướng quân, đem tiền phủ cấp cho, vậy mà Sư dâng tấu xin bãi chức, dẫu cho đi đây, nhưng trên đường bỏ đói cho chết, thiên hạ nghe tin, chẳng ai không thương khóc, đây là chín tội. Quân giữ ba miền, một sớm thiếu vắng, chọn nhiều quân mạnh, cho làm quân vệ, năm doanh lĩnh quân, thiếu mà không thêm, chử nhiều khí giới tự đây ở doanh của mình, thiên hạ nghe tin, lòng người giận oán, kêu than đây đường, trong nước nghi ngờ, đây là mười tội. Rút nhiều quân phòng giữ về để xét chọn dùng, để làm bốn phía trống rỗng, muốn tự ý chuyên quyền mặc sức phóng túng. Chọn người lập đồn làm ruộng, lại thêm thưởng tặng, dựa quân gây ác, làm loạn phép cũ. Tự hợp các vương hầu phiên thuộc để làm phen dậu, lại muốn giết hết họ, một sớm dấy quân phết vua. Thiên hạ gặp ác lâu ngày, khiến cho mắt sừng không nhìn thấy, đây là mười một tội. Cha anh bọn thân đều đi theo Thái Tổ Vũ Hoàng Đế đánh dẹp kẻ hung bạo, lập nên công lớn, cùng Cao Tổ Văn Hoàng Đế chịu nhận ngôi nhà Hán, mở nước dựng nhà, vẫn mong được lưu danh như Nghiêu, Thuấn vậy. Thân cùng bọn An phong Hộ quân Trịnh Dực, Lư Giang Hộ quân Lữ Tuyên, Thái thú Trương Hưu, Hoài Nam Thái thú Đinh Tôn, Đốc thủ Hợp Phì Hộ quân Vương Hưu bàn mưu, đều cho rằng nhiều đợi chịu ân, nghìn năm gió bụi, vẫn dốc hết sức để lập công giữ trọn xã tắc cho vua. Nghĩa ấy nếu thành, dẫu đốt cả vợ con, nuốt bùn bôi thân, chết cũng không tiếc vậy. Xét tội của Sư, nên phạt tội nặng để nêu rõ tội ác. Theo nghĩa 《Xuân thu》, một đời làm việc tốt thì một đời được tha. Ý có công lớn, trong nước đều nhớ, dựa theo phép cũ, phết Sư thì phong Hầu cho em, em là Chiêu, trung trinh sáng suốt, vui thân kẻ sĩ, có khí độ của quân tử trên đời, trung thành giúp nước, không giống với Sư. Bọn thân rạp

đầu tiên cử, nên dùng người thay Sư giúp dẫn Nhà vua. Thái úy Phu, cẩn thận trung hiếu, nên được ban sủng, cho làm Bảo phó⁽²⁸⁾. Hộ quân Tán kị Thường thị Vọng, gắng giúp việc công, làm quan tài năng, người xa đón xem, có công hộ vệ, nên cho làm Trung lĩnh quân. Theo nghĩa 《Xuân thu》, vì nghĩa lớn mà diệt người thân, cho nên Chu Công giết em, Thạch Thác bầm con, Quý Hữu hại anh, giúp nước trên hết, giữ họ hàng là thứ dưới. Giết Cỗ dùng Vũ⁽²⁹⁾ là phép cũ của thánh nhân, được xưa nay khen ngợi. Xin Bệ hạ nghe lời tấu của bọn thần, triều đình xét kĩ. Thần nói đúng đạo, nếu Sư nhường chức cho người hiền, bãi binh ngừng giữ như phép cũ của thời Tam Hoàng thì thiên hạ cùng hợp. Nếu Sư dựa vào quyền thế không tự rút lui thì bọn thần đem tướng thuộc hạ, ngày đêm cùng đi, tự lệnh đến đánh. Bọn thần ngày nay dâng tấu, chỉ mong cho Đại Ngụy còn mãi, cho Bệ hạ được làm vua thật, cắt đứt cái họa diệt vong, trăm họ an toàn, sáu cõi hợp một, khiến cho trung thần liệt sĩ không thẹn với Tam Hoàng, Ngũ Đế vậy. Thần sợ một khi dấy binh thì thiên hạ nhiễu loạn, cho nên thần bày việc lên, gửi thư đến Tam công cùng các quan Diển nông châu quận, đều vỗ về quân dân các nơi ấy, không được làm bừa, cẩn thận để báo tin. Mong Bệ hạ nuôi dưỡng chí lớn, xét rõ nguy hại. Sư chuyên quyền tạo thế, phóng túng thưởng phạt, nghe tin bọn thần dấy binh, tất hạ chiếu ngăn chặn các cửa ải bên sông, khiến cho thư tấu không gửi đến được, tự ý điều động, sai người tìm bắt. Đây là chiếu thư của Sư mà không phải là chiếu thư của Bệ hạ, ở đó đều không được vâng theo vậy. Bọn thần ở xa, sợ tấu biểu đều không được gửi đến, liền tạm thời thưởng phạt, tùy lúc mà làm việc, chốc lát sẽ dâng biểu lên”.

Đại Tướng quân đem quân trong ngoài đánh Kiêm, sai riêng Gia Cát Đản đem các quân Dự Châu từ bến An Phong hướng đến Thọ Xuân, Chinh đông Tướng quân Hồ Tôn đem các quân Thanh Châu, Từ Châu ra đến miền Tiêu, Tống, ngăn chặn đường về của Kiêm. Đại Tướng quân đóng đồn ở Nhữ Dương, sai Giám quân Vương Cơ đem các quân tiên phong chiếm miền nam Dĩnh Xuyên để đợi Kiêm. Sai các quân đều giữ lũy không được ra đánh. Kiêm, Khâm đến không đánh được, rút thì sợ Thọ Xuân bị đánh úp không về được, kế cùng không biết làm thế nào. Nhà tướng sĩ miền Hoài Nam đầu tại miền bắc, lòng người lìa tan, theo nhau xin hàng, chỉ có người dân vừa mới theo về ở Hoài Nam là theo lệnh. Đại Tướng quân sai Duyệt Châu Thứ sử Đặng Ngải đem hơn vạn quân của quận Thái Sơn đến Lạc Gia, tỏ vẻ yếu kém để dụ Khâm, Đại Tướng quân ngầm đi từ huyện Chu đến. Khâm không biết, quả nhiên buổi đêm đến muốn đánh úp bọn Ngải, vừa sáng, thấy quân mã của Đại Tướng quân đông, bèn rút về

《*Ngụy thị Xuân thu*》 viết: Con giữa của Khâm là Thục, còn có tên là Ương. Tuổi còn nhỏ nhưng sức khỏe hơn người, bảo Khâm rằng: “Lúc giặc chưa ổn

nên đánh chúng mới phá được”. Do đó chia làm hai đội, đuổi đêm đến đánh. Thục đem tráng sĩ đến trước, gọi lớn Đại Tướng quân, trong quân chấn động. Khâm ở sau không đáp. Vừa sáng, Thục rút, Khâm cũng dẫn quân về.

《**Ngục mạt truyện**》 viết: Trong điện có người họ Y, tự Đại Mục, thuở nhỏ làm nô của nhà họ Tào, thường hầu ở bên vua, Đại Tướng quân muốn đi cùng. Đại mục biết một mắt Đại Tướng quân đã lồi ra, bầm rằng: “Văn Khâm vốn là người tim bụng của mình công, chỉ bị người ta mê hoặc mà thôi, lại là người cùng thôn ấp của Thiên tử. Đại Mục ngày trước được Văn Khâm tin cậy, xin được đến khuyên dụ hấn, sai kết thân lại với mình công”. Đại Tướng quân nghe theo sai Đại Mục một mình đến, cưỡi ngựa lớn, mặc áo giáp, tìm Văn Khâm cùng nhau nói chuyện. Trong lòng Đại Mục muốn giúp họ Tào, nói khời rằng: “Quân hầu sao lại khờ sở không chịu nhịn được mấy ngày vậy”? Muốn khiến cho Khâm hiểu ý mình. Khâm vẫn không biết, lại còn lớn tiếng mắng Đại Mục nói: “Mi là người nhà của Tiên đế, không nghĩ cách đền ân mà lại giúp Tư Mã Sư làm phản; không nghĩ đến Thiên tử, trời chẳng tha mi”? Bèn lấp tên giương cung muốn bắn Đại Mục, Đại Mục khóc lóc nói: “Việc lớn hỏng rồi, hay cho còn tự gắng sức”.

Đại Tướng quân xua quân kị khỏe đuổi đánh, đại phá Khâm, Khâm chạy trốn. Hôm ấy, Kiêm nghe tin Khâm thua trận, sợ hãi buổi đêm cũng chạy, quân vỡ. Kịp đến huyện Thận, quân sĩ tả hữu dấn dấn bỏ Kiêm mà đi, Kiêm một mình cùng em út là Tú và cháu là Trọng nấp ở trong bãi cỏ ven sông. Dân của An Phong tân Đô úy Trương Thuộc liền bắn chết Kiêm, chuyển đầu về kinh đô. Thuộc được phong Hài. Tú, Trọng chạy vào nước Ngô. Các tướng sĩ bị Kiêm, Khâm ép bức đều hàng cả.

Khâm gửi thư cho Quách Hoài nói: “Đại Tướng quân Chiêu Bá và Thái phó⁽³⁰⁾ cùng nhận mệnh vua, gọi đến giòng nẩy tay, trao gửi thiên hạ, đây là điều mà người gần xa đều biết. Sau lại vì thế lợi bèn dứt lòng thờ vua, cho nên họ hàng của mình đều là bọn anh tuấn một đời cũng vì thế mà đau lòng. Sao thế, sao thế? Công hầu cậy có ân gần gũi Tư Mã Công, nghĩa như vàng đá, nhưng vào thời bấy giờ bị mắc bệnh nặng cho nên chỗ không gánh vác được. Vương Thái úy⁽³¹⁾ ghét sự chuyên quyền của Thái phó, ngầm muốn dấy binh, việc chẳng thành công, lại bị giết cả, gây hại đến Sở Vương⁽³²⁾, nghĩ thật là tiếc giận. Thái phó đã mất, nhưng con là Sư thay nối nghiệp cha, bạo ngược phóng túng, ngày càng nhiều thêm, đuổi vua giết Hậu, giết hại tôi trung, mang chứa lòng ác, rồi lại giết vua. Việc ấy còn nỡ làm thì việc gì không nỡ làm đây? Khâm lấy có là tôi cũ, thờ vua có nghĩa, mang giữ lòng trung, quên ăn quên ngủ, không gì hồi tiếc vậy. Lúc Quán Khâu Tử Bang⁽³³⁾ tự gửi thư cho cha, khuyên nên Công hầu, dốc hết trung nghĩa thờ vua, tóc trắng dựng đứng thật như Thái Công. Mong nghĩ về miền đông, bóng hình giúp nhau. Ngày ấy nghe tin, không gì cảm kích bằng! Cho nên

nghe đến bệnh tật của vợ con, liền cùng Quán Khâu Trấn đông Tướng quân dấy hơn ba vạn nghĩa binh, đi về phía tây đến kinh sư, muốn giúp đỡ Nhà vua, tẩy trừ kẻ gian nghịch, kiễng chân về phía tây, không được nghe tiếng vọng, dẫn người Lỗ trông Cao Tử⁽³⁴⁾ cũng không đủ sánh vậy. Làm việc nhân không từ chối, huống chi là cứu nạn cho vua, vì thấy đường đi xa trở cho nên chưa hẹn đúng mà thôi. Cùng thuyền cùng vượt sông, cùng nhận an nguy, đã vướng họa hại, không lời gì giải bỏ được, tự Công hầu biết rõ vậy. Cùng thờ họ Tào, tin cậy nhà Ngụy, đến người đi đường đều biết như vậy. Như kẻ sĩ ở triều đình, mưu lợi sống tạm, tráng sĩ bị coi khinh, Công hầu bị xem thường, bọn nhà buôn cũng không nỡ làm vậy, huống chi là kẻ sĩ làm quan đây? Quân đã đến huyện Hạng, ta hẹn đến ngày mười sáu tháng nhuận sẽ tiến quân đi riêng, đến ở thành Lạc Gia đánh Sư. Nếu quân của Sư lúc ấy bị vỡ lở, sẽ bị chặt giáo, không còn lập lại thế, rồi ruổi dài đến thẳng kinh sư vậy. Nhưng chuyển lời đến trước, Quán Khâu Tướng quân còn chưa hiểu rõ, lại nói là ta bị lâm, các quân do đó mà tan vỡ. Quán Khâu Tướng quân chạy về, rồi dân cởi giải, nhưng không kịp nữa. Ta phải về huyện Hạng, lại gặp mười hai tên quân của bọn Vương Cơ, tìm gặp Quán Khâu Tướng quân, đem quân đánh Sư, liền đánh phá được, đến đâu thắng đấy, bị chặn ở sau không nổi tiếp sao? Quân lẻ lộn xộn, chẳng còn chỗ tiến lùi, bèn về giữ Thọ Xuân, lại bỏ Thọ Xuân, toàn quân lìa tan, chẳng còn kể gì, chỉ còn biết theo về nước Ngô, mượn quân xin lương, bắt chước Ngũ Viên⁽³⁵⁾ mà thôi. Nếu không theo về, nếu còn dốc lòng, trả thù cho vua, mãi thờ cúng ân sủng của họ Tào, đấy cũng cái mà nước lớn ghi nhớ vậy. Há Công hầu không khiến cho Trình Anh, Xử Cữu⁽³⁶⁾ bị tiếng xấu ở thời xưa, mà khiến cho riêng Đại Ngụy không còn kẻ sĩ trung nghĩa chẳng? Nay nước Đại Ngô vâng theo nghĩa lớn, thương cảm sâu sắc. Vẫn nghe đến giúp đỡ nước lên kẻ, có chung một thế, muốn cùng dấy binh, làm móng vuốt cho Trung Quốc, không muốn giúp cho riêng mình mà thôi. Công hầu hẳn muốn mang lòng bụng cùng dấy binh, mở rộng thế lớn, chỉ sợ quân lính miền Tân Xuyên không thể nổi dậy riêng lẻ vậy. Kế của ngày nay, nên cúi mình theo người, trao thân theo nhà Hán⁽³⁷⁾, đông tây cùng nổi dậy mới có thể đánh thắng quân của Sư vậy. Mong xét kỹ lời này, nếu kế ngu này làm được, nên sai quân đất Hán chiếm giữ chỗ hiểm, khiến cho sáu cõi lướt theo để được cùng ban thưởng như Chu, Thiệu, nghĩ kế cho con cháu. Đấy cũng không phải là việc dễ, nhưng đại trượng phu nên ở vào thời nhiễu loạn để được tỏ rõ lòng trung. Đang mong tin lành”. Bấy giờ Quách Hoài đã chết, Khâm còn chưa biết cho nên viết thư này.

《Thế ngữ》 viết: Quán Khâu Kiệm bị giết, bắt phe đảng hơn bảy trăm người, sai Thị ngự sử Đỗ Hữu xét tội, chỉ kể tội mười người đứng đầu, còn lại đều thả ra. Hữu tự Quý Tử, người Đông Quận, làm quan Kí Châu Thứ sử, Hà Nam Doãn của nhà Tấn. Con là Mặc, tự Thế Huyền, làm qua chức Lại bộ lang, Vệ úy.

Con Kiệm là Điện, làm Trị thư thị Ngự sử, lúc trước biết Kiệm mưu sắp nổi dậy, tự mình đem người nhà chạy trốn trên núi Linh Sơn huyện Tân An. Sai quân đi riêng đánh hạ được, giết ba họ của Kiệm.

《**Thế ngữ**》 viết: Điện tự Tử Bang, có tiếng ở kinh kì. Lúc Tề Vương bị phế, Điện bảo Kiệm nói: “Đại nhân gánh vác việc lớn ở đất rợ, nước nghiêng lật mà vẫn vui vẻ tự giữ, chịu bị người bốn biển chê trách sao”? Kiệm cho là phải. Đại Tướng quân ghét Kiệm giúp người khác vậy. Lúc Kiệm dấy binh, xét hỏi những người ở đây, nói là không theo người không làm được vậy. Kiệm mới dấy binh, sai bốn con là bọn Tông vào nước Ngô. Giữa năm Thái Khang, nước Ngô bình, anh em Tông đều về Trung Quốc. Tông tự Tử Nhân, có phong thái của Kiệm, làm đến chức Linh Lăng Thái thú. Con Tông là Áo, làm Ba Đông Giám quân, Ích Châu Thứ sử. Tập Tạc Xỉ nói: “Quán Khâu Kiệm cảm kích mệnh lệnh của Minh Đế cho nên dấy binh ấy. Người quân tử cho rằng việc của Quán Khâu Kiệm không thành nhưng đáng gọi là tôi trung. Dốc hết khí tiết mà giữ nghĩa là do mình vậy, thành hay bại là do thời vậy. Nếu mình không gặp thời, sao mà thành công được đây? Quên mình mà không tự cho là như thế, dấy vốn gọi là trung vậy. Người xưa có nói: ‘Chết mà lại sống, sống thì chẳng thẹn’. Như Quán Khâu Kiệm có thể nói là không thẹn vậy”.

Khâm trốn vào nước Ngô, vua Ngô lấy Khâm làm Đô hộ, Giả tiết, Trấn bắc Tướng quân, U Châu Mục, Tiêu Hài.

Khâm dâng biểu hàng Ngô nói: “Chịu mệnh không may, thường giúp nước Ngụy, hai lần bị trời ngăn chặn. Dầu nép bên góc đô vẫn tự biết không có đường đến vậy. Tư Mã Sư tội ác đầy trời, phế bỏ hai vua, dẫu Tân, Quý, Cao, Mãng⁽³⁸⁾, tội ác cũng không đủ sánh. Khâm nhiều đời chịu ân của nhà Ngụy, cái tình quạ mớm, mang chứa trong lòng, cái nghĩa ba vị, vẫn hẹn báo đáp. Khâm cùng bọn Quán Khâu Kiệm, Quách Hoài cùng dấy nghĩa binh, sắp cùng đánh Sư, tẩy trừ hung ác, thực là thần còn lo lắng vì ngu dốt. Mưu trí nông cạn, khí tiết không vững, đi không có chỗ dựa, thực là đau lòng. Trộm nghĩ không thể giúp đỡ bản triều nhưng vẫn mang lòng ngưỡng trông, không chỗ tự đặt. Liều theo phép xưa, gửi thân theo về, dựa vào oai trời, được nhờ gì chẳng? Nếu một ngày chết đi cũng không hối tiếc. Liều dẫn tướng sĩ theo về giáo hóa, tạm xin được sống, không biết nói gì hơn. Kính dâng ấn thao Sứ trì tiết, Tiên Tướng quân, Sơn Tang Hầu mà nhà Ngụy trao. Dâng biểu hô thẹn, chịu nhận tội chết”. 《**Ngụy thư**》 viết: Khâm tự Trọng Nhược, người Tiêu Quận. Cha là Tắc, giữa năm Kiến An làm Kị tướng, có sức khỏe. Khâm thuở trẻ đã có tiếng là con nhà tướng, có tài võ được khen. Ngụy Phúng làm phản, Khâm bị khép tội nói chuyện qua lại với Phúng, lúc bắt vào ngục, bị đánh mấy trăm roi, sắp chết, Thái Tổ vì Tắc mà tha cho. Giữa năm Thái Hòa làm Ngự doanh Hiệu đốc, ra làm Nha môn tướng. Tính Khâm cứng cỏi không có lễ phép,

ở đây nghênh ngang phạm quan trên, không vâng phép cấm, liền bị trách phạt, Minh Đế giáng chức. Sau lại cho làm Hoài Nam Nha môn tướng, chuyển làm Lư Giang Thái thú, Ứng dương Tướng quân. Vương Lăng tâu kẻ Khâm tham bạo, không nên cho về biên giới, xin bãi quan trị tội, do đó gọi Khâm về. Tào Sảng thấy Khâm là người cùng thôn ấp, đôi đũa hậu hĩnh, không nghĩ đến việc cũ của Khâm, lại sai về Lư Giang, bái thêm chức Quán quân Tướng quân, ban sủng hơn trước. Khâm do đó thêm kiêu ngạo, ưa tự đánh dẹp, cậy mình vũ dũng hơn người, bèn ngày càng có tiếng hã ở ba quân. Sau khi Tào Sảng bị giết, bái Khâm làm Tiên Tướng quân để Khâm yên lòng, sau lại thay Gia Cát Đản làm Dương Châu Thứ sử. Từ khi Tào Sảng bị giết, Khâm thường sợ trong lòng, ghét nhau với Gia Cát Đản, không cùng mưu tính. Lúc Đản bỏ quân, Quán Khâu Kiệm đến, bèn ngầm cùng kết mưu. Thua trận chạy, ngày đêm đi gấp, quân đuổi theo không kịp, bèn vào được nước Ngô, được Tôn Tuấn đãi hậu. Khâm dẫu tại nước khác cũng không biết cúi mình dưới người, từ bọn Lữ Cữ, Chu Dị đến các Đại tướng đều ghét bỏ Khâm, chỉ có Tuấn là thường giúp đỡ Khâm.

TRUYỆN GIA CÁT ĐẢN

Gia Cát Đản tự Công Hưu, người huyện Dương Đô quận Lang Nha, là dòng dõi của Gia Cát Phong⁽³⁹⁾ vậy. Lúc đầu vì làm Thượng thư lang mà được bái làm Huỳnh Dương Lệnh.

《*Ngụy thị Xuân thu*》 viết: Đản làm Lang, cùng Bộc xạ Đổ Kì chèo thuyền trên sông Đào, gặp gió lật chìm, Đản cũng cùng bị đắm. Lính hồ bên bờ sông cứu Đản, Đản nói: “Cứu Đổ Hâu trước đi”. Đản trôi vào bờ, chết rồi sống lại.

Vào làm Lại bộ lang, có người trao gửi người thân, liền xét rõ lời ấy mà cho dùng, sau làm việc sai trái, liền bị bàn xét lỗi đúng sai mà khen phạt, từ đấy quan lại chẳng ai không cẩn thận tiến cử. Dần dần chuyển làm Ngự sử Trung thặng Thượng thư, kết thân với bọn Hạ Hâu Huyền, Đặng Dương, nổi tiếng ở triều đình, người kinh đô cho là phải. Có người bàn nói Đản, Dương làm việc xa xỉ, chỉ có danh hảo, dần dần không nên dùng lâu. Minh Đế ghét việc này, bãi chức Đản.

《*Thế ngữ*》 viết: Bấy giờ kể sĩ anh tuấn thời ấy là bọn Tán kị Thường thị Hạ Hâu Huyền, Thượng thư Gia Cát Đản, Đặng Dương cùng qua lại với nhau, cho rằng bốn người bọn Huyền là ‘tứ thông’⁽⁴⁰⁾, tám người bọn Đản là ‘bát đạt’⁽⁴¹⁾, ba người là con của Trung thư giám Lưu Phóng là Hi, con của Tôn Tư là Mật, con của Lại bộ Thượng thư Vệ Trăn là Liệt đều không bằng được, nhưng vì dựa vào vị thế của cha mà xếp ba người vào bọn, cả thấy mười lăm người. Để thấy họ xa xỉ lâu ngày, đều bãi quan ngăn cấm.

Gặp lúc Đế băng, đầu năm Chính Thủy bọn Huyền còn làm quan, lại lấy Đản làm Ngự sử Trung thặng Thượng thư, ra làm Dương Châu Thứ sử, thêm chức Chiêu vũ Tướng quân.

Lúc Vương Lăng ngầm mưu phản, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương ngầm đem quân đánh miền đông, lấy Đản làm Trấn đông Tướng quân, Giả tiết, trông coi các quân Dương Châu, phong Sơn Dương Đình Hâu. Gia Cát Khác đem quân đến Đông Quan, sai Đản đem các quân đánh Khác, đánh với nhau, không lợi. Về chuyển làm Trấn nam Tướng quân.

Sau đó Quán Khâu Kiệm, Văn Khâm phản, sai sứ giả đến chỗ Đản, kêu gọi quân quân Dự Châu. Đản chém sứ giả của chúng, cáo thị thiên hạ, cho biết bọn Kiệm, Khâm hung nghịch. Đại Tướng quân Tư Mã Cảnh Vương đánh miền đông, sai Đản đem các quân Dự Châu vượt bến An Phong hướng đến Thọ Xuân. Lúc Kiệm, Khâm bị phá, Đản đến Thọ Xuân trước. Hơn mười vạn người trong thành Thọ Xuân nghe tin Kiệm, Khâm thua, sợ bị giết, đầu phá cửa thành ra ngoài, tản mát nơi đầ núi, có người chạy trốn vào nước Ngô. Vì Đản lâu ngày ở tại miền Hoài Nam, bèn lại cho làm Trấn đông Tướng quân, Nghi đồng Tam ti, trông coi Dương Châu. Đại tướng Ngô là bọn Tôn Tuấn, Lữ Cứ, Lưu Tán nghe tin miền Hoài Nam loạn, vừa lúc Văn Khâm đến, bèn đem quân tướng đến thẳng Thọ Xuân; bấy giờ các quân của Đản đã đến, không đánh được thành, liền rút. Đản sai Tướng quân Tưởng Ban đuổi đánh chúng, chém Tán, gửi đầu về thu lấy ấn thao, tiến phong Cao Bình Hầu, thực ấp ba nghìn năm trăm hộ, chuyển làm Chinh đông Tướng quân.

Đản đã thân thiết với bọn Huyền, Dương, lại nữa bọn Vương Lăng, Quán Khâu Kiệm thay nhau bị giết sạch, sợ hãi không yên, dộc hết kho tàng cấp chân để gắn kết lòng người, nuôi dưỡng mấy nghìn người thân cùng bọn hiệp khách làm kẻ sĩ li lâu chết.

《*Ngụy lược*》 *viết*: Đản ban thưởng quá mức, có kẻ phạm cấm đáng chết cũng phá lệ mà tha cho được sống.

Mùa đông năm Cam Lộ thứ nhất, giặc Ngô muốn đến Từ Yết đánh bộ tướng của Đản là Mã Túc để đọ i Đản, rồi lại xin mười vạn quân giữ Thọ Xuân, lại xin quận Lâm Hoài đắp thành để phòng giữ giặc cướp, trong lòng muốn giữ lấy miền Hoài Nam. Triêu đình ngầm biết Đản có ý nghi ngờ, nhưng vì Đản là tôi cũ, muốn gọi về để ngăn ngừa. Tháng năm năm thứ hai, gọi về làm Tư không, Đản nhận chiếu thư, thêm sợ, bèn làm phản. Gọi họp các tướng, tự ra đánh Dương Châu Thứ sử Nhạc Sâm, giết Sâm.

《*Thế ngữ*》 *viết*: Tư Mã Văn Vương đã nắm việc triều đình, Trưởng sử Giả Sung cho rằng nên sai giúp đỡ về bốn phương, do đó sai Sung đến Thọ Xuân. Sung về báo Văn Vương rằng: “Đản lại về Dương Châu, có oai danh, lòng dân theo về. Nay gọi về, tất không đến, đấy là họa nhỏ việc nhỏ; không gọi về, việc gấp họa lớn vậy”. Bèn bái làm Tư không. Thư đến, Đản nói: “Ta làm Công khanh đáng được đứng sau Văn Vương, nay lại làm Tư không sao! Không sai sứ giả mà mang thư đi nhanh, lại sai đem quân cho Nhạc Sâm, đấy tất là việc mà Sâm làm”. Liền đem mấy trăm tá hữu đến thành Dương Châu, người Dương

Châu muốn đóng cửa, Đản quát rằng: “Người không phải là quan thuộc cũ của ta chẳng”! Đi vào, Sâm chạy lên lầu, liền chém Sâm.

《**Ngụy mạt truyện**》 **viết:** Giả Sung gặp nhau với Đản, nói chuyện việc thời ấy, nhân đó bảo Đản nói: “Những người hiền ở Lạc Dương đều muốn nối ngôi, đây là điều mà ông biết vậy. Ông cho là thế nào”? Đản nghiêm mặt nói: “Người không phải là con của Giả Dục Châu⁽⁴²⁾ chẳng? Nối đòi nhận ân của nhà Ngụy, sao lại phản nước, muốn đem nhà Ngụy trao cho người khác thế? Ta không nỡ nghe thế. Nếu Lạc Dương có nạn, ta đành liều chết thôi”. Sung im lặng. Đản đã bị gọi về, mời các Nha môn tướng đến bày rượu hội yến, gọi các quân của Nha môn tướng đến, đều ban cho uống rượu, bảo mọi người rằng: “Lúc trước lập nghìn quân mang giáp vừa xong, muốn đem đi đánh giặc. Nay sắp về Lạc Dương, không được dùng nữa, nay tạm đem ra, sẽ cùng mọi người đi vui chơi, chốc lát lại về; các ông tạm dừng”. Liền đánh trống sai bảy trăm người đi ra. Nhạc Sâm nghe tin, đóng cửa thành. Đản đi qua cửa nam truyền lệnh nói: “Sắp về Lạc Dương, tạm đi vui chơi, thành Dương Châu sao lại đóng cửa phòng giữ”? Đi đến cửa đông, cửa đông lại đóng, lại sai quân trèo thành phá cửa, người phủ chạy cả, thuận chiều gió phóng lửa, đốt kho phủ của châu, bèn giết Sâm. Đản dâng biểu nói: “Thần nhận việc nặng nề của nhà nước, trông coi quân sĩ ở miền đông, Dương Châu Thứ sử Nhạc Sâm lừa dối, nói là thần qua lại với giặc Ngô, lại nói là nhận chiếu thư nên thay chức của thần, không có phép tắc lâu rồi. Thần chịu mệnh vua, đem cái chết mà báo đền, rút cuộc không có lòng khác. Giận Sâm bất trung, liền đem bảy trăm quân kị bộ đến ngày sáu tháng này đánh Sâm, liền hôm đó chém đầu, treo đầu trên ngựa chuyển đến. Nếu triều đình xét rõ thì thần là tôi của nhà Ngụy; nếu không xét rõ thì thần là tôi của nước Ngô. Không kìm nổi tức giận đã lâu, kính dâng biểu bày tỏ ý ngu, đau xót khóc ra máu, nước mắt sụt sùi, không biết làm sao, xin triều đình xét lòng thành của thần”. Thần là Tòng Chi cho rằng: Lời mà Ngụy mạt truyện viết đều là thô tục. Ngờ rằng Đản dâng biểu kể lên không đến nỗi như thế.

Thu hơn mười vạn quan quân đóng đồn làm ruộng ở các quận huyện miền Hoài Nam và Hoài Bắc, bốn, năm vạn quân Dương Châu vừa nương dựa, chưa thóc đủ dùng một năm, đóng thành tự giữ. Sai Trưởng sử Ngô Cương đem con nhỏ là Tịnh đến Ngô xin giúp.

《**Thế ngữ**》 **viết:** Cuối năm Hoàng Sơ, người Ngô đào mộ của Trường Sa Vương Ngô Nhuế⁽⁴³⁾, đem gạch trong mộ đến Lâm Tương xây miếu thờ Tôn Kiên. Về mặt Nhuế như lúc sống, áo quần không mục. Sau có thầy xem tướng gặp Ngô Cương nói: “Ông giống gì với Trường Sa Vương Ngô Nhuế, hay là cháu nhỏ thôi”? Cương kinh ngạc nói: “Là tổ tiên vậy, ông sao lại biết được”? Người đó nói nguyên nhân, Cương nói: “Nên táng lại chẳng”? Đáp nói: “Mau

táng lại đi”. Từ năm Nhuế chết đến lúc đào mộ đã hơn bốn trăm năm, Cương là cháu đời thứ mười sáu của Nhuế vậy.

Người Ngô rất mừng, sai tướng là bọn Toàn Dịch, Toàn Đoan, Đường Tư, Vương Tộ đem ba vạn quân ngầm cùng với Văn Khâm đến cứu Đản. Lấy Đản làm Tả Đô hộ, Giả tiết, Đại Tư đồ, Phiếu kị Tướng quân, Thanh Châu Mục, Thọ Xuân Hầu. Bấy giờ Trần nam Tướng quân Vương Cơ vừa đến, đem các quân vây Thọ Xuân, không thắng. Bọn Tư, Khâm từ phía đông bắc thành men theo núi đến chỗ hiểm, liền đem quân phá vây vào thành.

Tháng sáu, Nhà vua đánh miên đông, đến huyện Hạng. Đại Tướng quân Tư Mã Văn Vương đem hai mươi sáu vạn quân trong ngoài đến miên sông Hoài đánh chúng. Đại Tướng quân đóng đồn ở Khâu Đầu, sai Cơ cùng bọn An đông Tướng quân Trần Khiên hợp vây bốn mặt, tròn ngoài nhiều lớp, đắp lũy rất cao, lại sai bọn Giám quân Thạch Bao, Duyệt Châu Thứ sử Trần Thái chọn quân khỏe làm quân đi tuần tra phòng bị giặc ở ngoài vào cướp. Bọn Khâm mấy lần ra phá vây, đón đánh đuổi chúng. Tướng Ngô là Chu Dị lại đem đại quân đến đón bọn Đản, vượt sông Lê Tương, bọn Trần Thái cùng đón đánh, thường bẻ gãy thế mạnh của chúng. Tôn Sâm thấy Dị không tiến được, giận mà giết Dị. Trong thành lương càng thiếu, quân cứu ở ngoài lại không đến, quân không biết nhờ ai. Tướng quân Trương Ban, Tiêu Di đầu là người nanh vuốt bày mưu cho Đản bèn bỏ Đản trèo thành ra theo Đại Tướng quân.

《Hán Tấn Xuân thu》 viết: Trương Ban, Tiêu Di nói với Gia Cát Đản rằng: “Bọn Chu Dị đem đại quân đến mà không tiến được, Tôn Sâm giết Dị mà về Giang Đông, ngoài mượn tiếng là phát binh nhưng trong thực là ngồi mà xem thành bại, ý họ muốn về đã rõ vậy. Nay nên nhân lúc lòng quân còn vững, quân sĩ dùng được, dốc sức liều chết đánh vào một phía, dầu không thắng cả được nhưng vẫn có chỗ vẹn toàn”. Văn Khâm nói: “Người Giang Đông dựa vào oai thắng trận lâu rồi, chưa có cái nạn ở miên bắc. Huống chi ngày nay ông đem hơn mười vạn quân theo về, mà Khâm và bọn Toàn Đoan đều cùng ở nơi đất chết, cha con anh em ở cả tại Giang Đông, nếu Tôn Sâm không muốn cứu, vua trên cùng họ hàng há chịu nghe theo sao? Vả lại Trung Quốc không năm nào không có việc quân, quân dân đều mệt mỏi, nay chống ta một năm, sức lực đã khôn, chỉ mưu nghĩ đường sống, sắp có sinh biến, xét việc cũ mà chuẩn bị việc ngày nay thì có thể tính ngày mà đợi vậy”. Ban, Di cố khuyên Đản, Khâm giận, rồi Đản muốn giết Ban. Hai người sợ, lại biết Đản tất thua, đến tháng mười một bèn cùng dắt nhau ra hàng.

Đại Tướng quân lại sau vèli gián, đem việc này khuyên bọn Toàn Doan, bọn Doan bèn đem mấy nghìn quân mở cửa ra ngoài. Người trong thành sợ hãi, không biết làm gì.

Tháng giêng năm thứ ba, bọn Đản, Khâm, Tư làm chiến cụ lớn, năm sáu ngày đêm phá vòng vây ở phía nam, muốn quyết đánh mà ra.

《Hán Tấn Xuân thu》 viết: Văn Khâm nói: “Tướng Ban, Tiêu Di nói rằng quân ta không ra mà chạy thoát được, Toàn Doan, Toàn Dịch lại đem quân ra hàng, đây là lúc địch không phòng bị, nên ra đánh thôi”. Đản và bọn Đường Tư cho là phải, bèn cùng đem hết quân ra đánh.

Các quân ở trên vòng vây đến chỗ cao để bắn tên lửa ném tảng đá đốt phá chiến cụ của chúng, tên nổ cùng tảng đá bay như mưa rơi, người chết trùm đất, máu chảy đầy lũy. Lại về vào thành, trong thành lương sắp hết, mấy vạn người ra hàng. Khâm muốn xua hết người miên bắc ra ngoài, giảm ăn, cùng người Ngô giữ vững, Đản không nghe, do đó tranh cãi. Khâm vốn có hiềm khích với Đản, dẫu cùng mưu kế nhưng việc gấp thì ngờ nhau. Khâm gặp Đản bày kế, Đản bèn giết Khâm. Con Khâm là Ương và Hồ lĩnh quân ở trong thành nhỏ, nghe tin Khâm chết, đem quân đi nhanh đến xem, quân không theo lệnh. Ương, Hồ chạy riêng, trèo thành ra ngoài theo về Đại Tướng quân. Quan tướng xin giết họ, Đại Tướng quân hạ lệnh rằng: “Tội của Khâm không đáng giết, con hắn đáng ra phải giết nhưng Ương, Hồ vì thế cùng mà theo hàng, vả lại thành chưa phá, giết họ là làm cho lòng người trong thành thêm vững vậy”. Bèn tha Ương, Hồ, sai đem mấy trăm quân kị đi quanh thành, kêu gọi người trong thành rằng: “Con của Văn Khâm còn không bị giết, người khác sợ gì”? Cho Ương, Hồ làm Tướng quân, ban tước Quan Nội Hầu. Trong thành vừa mừng vừa lo, lại ngày càng đói khổ, trí lực của bọn Đản, Tư đã cùng. Đại Tướng quân lại tự đến vòng vây, phát quân bốn phía, cùng lúc đánh trống trèo lên thành, người trong thành không dám động. Đản vội vàng một mình cưỡi ngựa đem người dưới cờ phá cửa thành nhỏ ra ngoài. Quân bản bộ của quan Tư mã Hồ Phấn của Đại Tướng quân đón đánh, chém Đản, chuyển đầu đến, giết ba họ. Mấy trăm người dưới cờ của Đản không chịu hàng bị bắt chém, đầu nói: “Vì Gia Cát Công mà chết cũng không tiếc”. Đản được lòng người như thế.

《Tấn kỉ》 của Can Bảo viết: Mấy trăm người bị trói tay xếp thành hàng, hễ chém người nào liền khuyên hàng, đến hết nhưng chẳng đổi ý, người thời ấy

sánh họ với Đền Hoành⁽⁴⁴⁾. Tướng Ngô là Vu Thuyền nói: “Đại trượng phu chịu mệnh của vua, đem quân cứu người, đã không thắng được, lại trối tay hàng địch, ta chẳng làm vậy”. Liền cởi mũ xông vào trận mà chết.

Đường Tư, Vương Tộ và các bộ tướng đều trối tay hàng, quân Ngô có đến vạn người, đồ vũ khí nhiều chất thành đống.

Lúc đầu vây Thọ Xuân, nhiều người bàn muốn đánh nhanh đi, Đại Tướng quân cho rằng: “Thành vững lại quân đông, đánh gấp tất sức mỏi, nếu lại có giặc ngoài, trong ngoài cùng gặp địch, đấy là nguy vậy. Nay ba tên giặc phản tự nhau ở trong thành lẻ, đấy là trời giúp ta sai chúng cùng bị giết, ta nên dùng kế vẹn toàn mà bắt trối chúng, có thể ngẩng mà chống vậy”. Đản làm phản từ tháng năm năm thứ hai đến tháng hai năm thứ ba thì bị phá diệt. Sáu quân bỏ giáp, hào sâu lũy cao mà Đản tự khốn, rút cuộc không đánh nhiều mà thắng.

《Tấn kỉ》 của Can Bảo viết: Lúc trước, thành Thọ Xuân mỗi năm mưa to, nước sông Hoài dâng lên tràn ngập thành ấp, cho nên Văn Vương đắp lũy vây, Đản cười việc ấy nói: “Lũy ấy không cần đánh mà tự vỡ vậy”. Lúc Đại Tướng quân đánh, lại nhiều năm khô hạn. Thành đã hãm, ngày đó mưa to, lũy vây đều vỡ. Con Đản là Tịnh, tự Trọng Tư, sau khi Ngô bình thì theo nhà Tấn. Con Tĩnh là Khôi, tự Đạo Minh, làm đến Thượng thư lệnh, truy tặng chức Tả quang lộc Đại phu Khai phủ.

Lúc phá Thọ Xuân, người bàn lại cho rằng người miền Hoài Nam vẫn hay phản nghịch, người nhà của quân Ngô ở tại Giang Nam, không nên tha, nên chôn sống hết chúng. Đại Tướng quân cho rằng: “Người xưa dùng binh, giữ vững đất nước là trên hết, chỉ giết kẻ đầu sỏ gây ác mà thôi. Nếu quân Ngô được thả về thì được dịp tỏ rõ cái rộng lượng của Trung Quốc vậy”. Bèn không giết người nào, chia họ ra tại ba quận miền Tam Hà để ở yên.

Đường Tư vốn là người quận Lợi Thành. Giữa năm Hoàng Sơ, người quận Lợi Thành phản, giết Thái thú Từ Cơ, bầu Tư làm chủ. Văn Đế sai các quân đến đánh phá Tư, Tư chạy vào biển, rồi trốn đến Ngô, làm đến chức Tả Tướng quân, phong tước Hầu, ban Giả tiết. Đản, Khâm bị giết, Tư cũng bị bắt sống, ba tên giặc phản đều bắt được, thiên hạ vui mừng.

Phó Tử nói: “Tổng Kiến giết trâu cầu đảo, cuối cùng tự phá diệt. Văn Khâm hằng ngày cúng tế thờ trời, bị người khác chém. Vợ chồng Gia Cát Đản tự hợp thầy mo, cúng tế xin phúc, bị phơi thây ở miền Hoài Nam, đấy là việc mà thiên hạ cùng thấy, đủ để soi rõ vậy”.

Bái Tư làm An viễn Tướng quân, các bộ tướng khác đều ban chức vị, người Ngô theo phục. Người Giang Đông cảm kích, đều không giết người nhà của Tư. Các quân dân quan tướng miền Hoài Nam bị Đản bắt ép, chỉ giết kẻ đứng đầu, còn lại đều tha. Nghe nói Ương, Hồ thu liệm thân Khâm, cấp cho xe ngựa, đến táng ở mộ cũ.

Tập Tạc Xỉ nói: “Từ đây thiên hạ sợ oai nhớ đức vậy. Người quân tử nói Tư Mã Đại Tướng quân ở trận ấy có thể nói là giỏi dùng đức mà đánh vậy. Người dựng nghiệp tài lạ, đều có chỗ giỏi, nhưng không được giỏi hết cả. Cho nên bậc anh hùng rất thận vũ bị diệt bởi không có lòng nhân, kẻ có nghĩa giữ nước lại thua vì nhu nhược. Nay một trận mà phá được ba kẻ phản, bắt được nhiều quân Ngô, thu cuốn miền Hoài Nam, bắt trời mười vạn người, có thể nói là tráng vậy. Vậy mà không trọn vẹn, gạt bỏ công của Vương Cơ, ban huệ cho người Ngô, kết tình với nước khác, cho Ương táng Khâm, quên hèn khích ngày trước, không bắt lỗi quân của Đản, khiến cho kẻ sĩ Dương Châu mang thẹn, công cao mà người dân vui theo nghiệp, nghiệp lớn mà địch nhớ đức, oai võ đã lan rộng, tài văn lại thấm sâu, xem đạo ấy của ông, thiên hạ có ai sánh được ông đây”? Gạt công của Vương Cơ, lời nói tại 《Vương Cơ truyện》. Ương còn có tên là Thục. 《Tấn thư công tán》 viết: Sau đó Thục làm Tướng quân, phá giặc ở Lương Châu, tiếng nổi thiên hạ. Giữa năm Thái Khang làm Đông Di Hiệu úy, Giả tiết. Đang làm quan, vào từ biệt Vũ Đế, Đế gặp mà ghét Thục, mượn việc khác mà bãi chức Thục. Đông An Công Do là cháu ngoại của Gia Cát Đản muốn giết Thục, nhân lúc giết Dương Tuấn, gièm Thục mưu phản, bèn giết ba họ.

VƯƠNG LĂNG TRUYỆN

Vương Lăng tự Ngạn Vân, người quận Thái Nguyên huyện Kỳ. Chú ruột là Doãn, làm quan Tư Đồn nhà Hán, từng tru diệt Đồng Trác. Bọn tướng của Trác là Lý Thôi, Quách Dĩ vì Trác báo cừu, vào Trường An, giết Doãn, giết sạch gia quyến. Lăng cùng với anh là Thần, bấy giờ còn ít tuổi, trèo thành chạy thoát, bỏ trốn về quê. Lăng được tiến cử làm Hiếu liêm, làm trưởng huyện Phát Kiền, ít lâu sau được thăng làm Thái thú Trung Sơn, tại chức được một thời gian, Thái Tổ cho vời Lăng về làm Thừa tướng duyện chúc.

Ngụy lược chép: Lăng làm Trưởng huyện, lỡ mắc tội, phải chịu hình phạt cắt tóc năm năm, đi quét rác ở trên đường. Lúc xe của Thái Tổ qua đó, hỏi Lăng mắc tội gì, tả hữu đem tội trạng thưa lại. Thái Tổ nói: “Con của ông ấy cũng là con của sư huynh ta⁽⁴⁵⁾, có tội thì bị buộc tội cũng là công bằng thôi.” Rồi cho viên Chủ giả tuyển Lăng làm Kiêu kỵ chủ bộ.

Văn Đế lên ngôi, bái Lăng làm Tấn kỵ thường thị, rồi cho ra ngoài làm Thứ sử Duyện Châu, cùng với bọn Trương Liêu đến Quảng Lăng đánh dẹp Tôn Quyền. Sắp đến đại giang, ban đêm có gió lớn, bọn tướng Ngô là Lã Phạm bơi thuyền đến bờ Bắc. Lăng cùng chư tướng đón đánh, lòng bắt chém đầu bọn giặc, bắt được thuyền địch, có công, Lăng được phong làm Nghi Thành đình hầu, gia thêm chức Kiến vũ tướng quân, chuyển về Thanh Châu. Lúc bấy giờ ở Hải Tân vì mới sau cơn tang loạn, luật pháp chưa nghiêm chỉnh. Lăng ban bố chính giáo để thi hành, thường thiện phạt ác, rất có kỷ cương, được bách tính ngợi khen, chẳng kể hết lời. Sau Lăng theo Tào Hưu đi đánh Ngô, cùng với quân giặc gặp nhau ở Giáp Thạch, quân của Hưu thất lợi, Lăng ra sức chiến đấu phá vỡ vòng vây, Hưu được thoát nạn. Lăng vẫn bị chuyển đi làm Thứ sử Dương Châu, Dự Châu, Lăng ở đâu đâu khiến cho quân dân ở đó được vui lòng. Lúc Lăng mới đến Dự Châu, cho treo biển biểu dương con cháu của các bậc tiên hiên, cầu lấy những kẻ sĩ chưa được hiển danh, mọi việc đều có khuôn phép, ý nghĩa rất cao đẹp. Trước đó, Lăng cùng với Tư Mã Lăng, Giả Quỳ là bạn hữu, lúc đến Duyện, Dự, Lăng kế thừa được công tích của bọn họ. Năm Chính Thủy

sơ, Lãng làm Chinh đông tướng quân, được ban Giả tiết đô đốc các việc quân sự ở Dương Châu. Năm thứ hai, đại tướng nước Ngô là Toàn Tông đem mấy vạn quân vào cướp phá Thước Pha, Lãng thống suất chư quân đón đánh, cùng với giặc tranh chiếm con đê, hết sức giao chiến liên tiếp nhiều ngày, quân giặc rút lui. Lãng được tấn phong tước Nam Hương hầu, hưởng thực ấp một ngàn ba trăm năm mươi hộ, thăng chức Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti.

Bấy giờ cháu ngoại của Lãng là Lệnh Hồ Ngu vì có tài năng được làm Thứ sử Duyện Châu, đóng trị sở ở Bình A. Các cậu của Ngu đều giữ binh quyền, chuyên trách công việc ở Hoài Nam. Lãng đã được thăng làm Tư Không. Tư Mã Tuyên Vương giết xong Tào Sảng, tiến cử Lãng làm Thái úy, ban cho Giả tiết việt. Lãng, Ngu bí mật cùng tính kế, nói rằng Tề vương⁽⁴⁶⁾ chẳng qua vì được thiên vị, Sở vương Bưu lớn tuổi mà có tài, muốn nghênh đón lập Bưu đóng đô ở Hứa Xương. Năm Gia Bình nguyên niên tháng chín, Ngu phái tướng là Trương Thúc đến Bạch Mã, cùng với Bưu qua lại thăm hỏi nhau⁽⁴⁷⁾. Lãng lại phái xá nhân là Lao Tinh đến Lạc Dương, nói chuyện với con mình là Quảng. Quảng nói: “Phế lập là chuyện đại sự, chớ gây họa cho tổ tiên.”

Hán Tấn Xuân Thu chép: Lãng, Ngu bàn mưu, vì đế còn nhỏ bị áp chế bởi cường thân, chẳng kham nổi cương vị làm chúa, Sở vương Bưu lớn tuổi mà có tài, muốn đón về lập làm đế, để hưng Tào thị. Lãng sai người đến báo với Quảng, Quảng nói: “Phàm làm chuyện đại sự, phải ứng theo nhân tình. Nay Tào Sảng kêu xa mất lòng dân, Hà Bình Thúc rỗng tuếch mà chẳng sửa mình, Tất, Hoàn, Đặng, Dương dù gồm đủ có danh vọng, song hết thấy đều ganh đua với đời⁽⁴⁸⁾. Thêm nữa là thay đổi phép tắc triều đình, thì phải cân nhắc cải biến chính lệnh, dù giữ được ngôi cao mà kẻ làm việc ở dưới chẳng tiếp nhận nổi, dân quen với lối cũ, mọi người chẳng ai theo. Dẫu cho thế lực có nghiêng bốn bề, danh tiếng chấn động thiên hạ, cùng một ngày chém giết, các danh sĩ giảm đi một nửa, mà bách tính yên lặng, tuyệt chẳng có ai ngờ vực hay xót thương, ấy là mất lòng dân vậy. Nay chí nguyện của Ý dẫu khó lường, song làm việc chưa có gì sai trái, mà đề bạt dùng kẻ hiền năng, mở mang gây dựng điều tốt cho mình, trước tiên là sửa sang chính lệnh triều đình, xứng với thỉnh cầu của chúng nhân. Sảng đối với việc đó thì cho là xấu, mà bên kia chẳng ai không mong thay đổi, sớm tôi làm việc cẩn trọng, chuyên cần gắng sức chẳng lười biếng, lấy thương dân làm đầu. Cha con anh em ông ấy, đều nắm giữ binh quyền trọng yếu, chưa dễ vong bại được” Lãng không theo.

[Thần Tù Chi cho rằng những lời giống như thế, sử sách thời trước đâu không chép lại, mà xuất hiện ở Tập thị. Vả lại đặt ra những lời về khuôn phép thể chế chẳng giống như sự tích, ngờ là đâu do Tạc Xỉ tự tạo ra vậy⁽⁴⁹⁾.]

Tháng mười một năm ấy, Ngu lại phái Thúc đến chỗ Bưu, còn chưa quay về, vừa lúc Ngu bị ốm chết.

Ngụy thư chép: Ngu tự Công Trì, vốn có tên là Tuấn, năm Hoàng Sơ trung, làm Hoà nhung hộ quân. Quan hiệu úy ở quận ô Hoàn là Đoàn Dự đánh dẹp rợ Hồ lập công, song có lỗi nhỏ trái là lệnh điều động, Ngu lấy phép tắc bó buộc Dự. Để giận, bắt trói Ngu, bãi miễn chức quan trị tội, chiếu viết “Tuấn gì mà ngu dốt vậy!” Bởi thế mới có cái tên ấy⁽⁵⁰⁾. Năm Chính Thủy trung, Ngu được làm Trưởng sử cho Tào Sảng, sau ra ngoài làm Thứ sử Duyện Châu.

Ngụy lược chép: Ngu nghe nói Sở Vương Bưu có trí dũng. Ngày trước ở Đông quận có kẻ nói xằng bậy rằng: “Có con ngựa bạch ở Hoàng Hà biến thành Yêu mã, ban đêm đi qua chỗ quan coi ngựa ở ven sông hí vang, các con ngựa khác đều hưởng ứng, sáng hôm sau thấy ở bờ sông có dấu vết, lớn như cái hộc, kéo dài mấy dặm, rồi quay về chui xuống dòng sông.” Lại có lời đồn dao rằng: “Ngựa bạch vốn ở xứ người, nay rong ruổi xuống tây nam, ai cưỡi được nó, thì là Chu hỷ kỵ.” Vì Sở vương tiểu tự là Chu Hồ, cho nên Ngu và Vương Lăng có âm mưu lập Sở vương⁽⁵¹⁾. Ngu bèn phái người chuyển ý đến Vương, nói “Sứ quân⁽⁵²⁾ gửi ý tới Vương, việc trong thiên hạ chẳng thể biết được, xin Vương hãy tự quan tâm đến bản thân mình!” Bưu cũng ngầm hiểu ý ấy, đáp lời rằng “Người bảo với sứ quân, là ta biết hậu ý của sứ quân rồi.”

Năm thứ hai, sao Huỳnh hoặc phạm vào Nam đầu, Lăng bảo: “Ở giữa chòm Nam đầu có ngôi sao, là đang có việc quý hiển bất ngờ vậy.”

Ngụy lược chép: Lăng nghe nói có người dân ở Đông Bình là Hạo Tường hiểu thiên văn, cho gọi người đến hỏi Tường. Tường ngờ là Lăng ngầm có ý riêng tây, muốn làm Lăng hài lòng, không nói rằng nước Ngô đang có tang sự, mà nói việc ở địa phận Hoài Nam nước Sở, nay Ngô, Sở là cùng một quẻ, đang là lúc vượng khí hưng thịnh. Cho nên kế của Lăng mới định.

Năm thứ ba mùa xuân, giặc Ngô phong tỏa đường thủy. Lăng muốn nhân đó cử sự, bèn nghiêm lệnh chinh đồn ba quân, dâng biểu xin ra đánh dẹp giặc; có chiếu chỉ trả lời là triều đình không đồng ý. Âm mưu của Lăng quá lớn, liền phái tướng quân Dương Hoàng đem việc phế lập bảo với Thứ sử Duyện châu là Hoàng Hoa, Hoa và Hoàng liên danh đem chuyện bẩm với Thái phó Tư Mã Tuyên Vương. Tuyên Vương đem trung quân xuôi đường thủy đánh Lăng, trước tiên xuống lệnh xá tội cho Lăng, lại gọi quan

Thượng thư Quảng Đông, sai viết thư dụ Lãng, đại quân âm thầm tiến đến Bách Xích uy bức Lãng. Lãng tự biết thế cùng, bèn cưỡi một chiếc thuyền nhỏ ra nghênh đón Tuyên Vương, phái phó quan là Vương Úc đến tạ tội, mang theo ấn thụ, tiết việt. Quân đến Khâu Đầu, Lãng tự trói mình ở trên sông. Tuyên Vương thừa chiếu phái quan Chủ bộ cưỡi trói cho kẻ làm phản đã phục tùng, rồi diện kiến Lãng, ủy lạo, trao trả ấn thụ, tiết việt, phái sáu trăm quân bộ kỵ đưa Lãng về kinh đô. Lãng đến huyện Hạng, uống thuốc độc mà chết.

Ngụy lược chép bức thư của Lãng gửi Thái phó rằng: “Chợt nghe được tin thần quân bí mật tiến phát, giờ Tỵ đã ở Bách Xích, dầu biết số mệnh mình cùng tận, vẫn đợi ngai để được tương kiến, thân thủ có phân li, cũng chẳng lấy thế làm ân hận, trước sau đã sai phái sứ giả gửi thư đi, mà chưa có tin báo về, nhón gót chân trông về tây, không rõ vì sao. Hôm qua sau khi kẻ hèn này phái người đưa thư đi, đã lập tức cưỡi thuyền tới nghênh đón, nghỉ đêm ở Khâu Đầu, sớm nay tiến phát từ Phồ Khẩu, kính nhận cáo thư xá tội, lại được gia ân thêm hai mươi ba ngày nữa, rồi liên tiếp nhận được thư tía, dạy bảo khuyên răn cho hiểu rõ, kẻ này nghe mệnh mà kinh ngạc, cõi lòng tan nát, chẳng biết nên tự xử mình ở chỗ nào? Kẻ hèn này lâu nay làm nhục đến ân huệ của triều đình, thường được tin dùng mà không công hiệu, cho thống quân binh nhưng, đi chinh phạt nhất thống miền đông, việc làm có chỗ khiếm khuyết, lúc cốt yếu lại vi phạm phép tắc, mắc tội hay thay đổi⁽⁵³⁾, vợ con ở cùng huyện, không có chỗ để trông mong vậy. Chẳng ngờ trời che đất chở được nhận thánh ân, vượt quá vói cái ân huệ là bảo toàn mệnh sống, còn được thấy nhật nguyệt. Ngờ rằng vì lời của bọn tiểu nhân của đứa cháu ngoại đã chết là Lệnh Hồ Ngu, mà kẻ hèn này lập tức bị oan ức, khiến cho chẳng được nói rõ hết sự tình. Điều người ta đã biết, có thần minh chứng giám, ấy là việc sai trái không tổ tường, đến nay thốt nhiên bùng phát ra ngoài, kẻ hèn này biết rằng đó là tội bị giết bêu đầu. Ôi, sinh ra ta là cha mẹ, cứu sống ta là người vậy.” Lại viết thêm: “Thân này bị hãm vào hình tội, được tha thứ cho việc làm xằng bậy. Nay phái phó quan đưa ấn thụ sang, lát sau xin đến, sẽ làm như chiếu thư tự trói mình theo mệnh. Dù tước hạ thiên vị cho ta, nhưng phép tắc của nhà nước có phân biệt.” Khi đến nơi, làm đúng như thư đã viết. Thái phó sai người cởi trói cho Lãng. Lãng đã được tha, thêm nữa cạy vào giao tình cũ, không còn nghi ngờ gì, bèn cưỡi một chiếc thuyền nhỏ ra tự thú với Thái phó. Thái phó sai người chặn Lãng lại, cấm thuyền ở giữa sông, còn cách hơn mười trượng. Lãng biết mình bị coi là người ngoài, bèn ở đằng xa bảo Thái phó rằng: “Khanh trực tiếp viết thư cho người triệu ta, ta há dám không đến chăng? Sao còn phải dẫn quân đến đây nữa!” Thái phó nói: “Vì khanh viết thư không nhận là mình có lỗi nên như vậy thôi.” Lãng nói: “Khanh phụ ta!” Thái phó nói: “Ta thà phụ khanh, chứ chẳng thể phụ quốc gia được.” Bèn sai người hộ tống

Lăng về phương tây. Lăng tự biết mình tội nặng, dò tìm cái đình đóng quan tài, để xem xét ý tứ của Thái phó, thấy Thái phó đã cung cấp đủ. Lăng đến huyện Hạng, đang đêm gọi phó quan thuộc hạ rồi vĩnh biệt rằng: “Ta tuổi gần đến tám mươi, thân danh đều bị diệt sao!” Rồi tự sát.

Tấn ký của Can Bảo chép: Lăng đến huyện Hạng, thấy đền thờ của Giả Quỳ ở bên sông, Lăng kêu to rằng: “Giả Lương Đạo, Vương Lăng hết mực trung thành với xã tắc nhà Ngụy, chỉ có thân mình mới biết được tấm lòng của Lăng thôi.” Tháng tám năm ấy, Thái phó có bệnh, mộng thấy Lăng và Quỳ khắp mình lở loét, rất căm ghét bọn ấy, sau chết.

Tuyên Vương bèn đến Thọ Xuân. Bọn Trương Thức đầu ra tự thú, Vương bèn tra xét đến cùng việc ấy. Bưu được ban cho tự xử, chư tướng liên quan tất cả đều bị tru di tam tộc.

Triều đình bàn luận hết thảy cho rằng theo nghĩa lý của kinh Xuân Thu, Thôi Trữ, Trịnh Quy ở nước Tề tội còn hơn cả mức truy lục, bị phá quan tài phơi bày thi thể, tội trạng chép vào điển tịch⁽⁵⁴⁾. Cái tội của Lăng và Ngụy nên xét theo như phép cũ. Đế bèn cho đào bới mộ của Lăng và Ngụy, phá quan tài, phơi thi thể ở gần chỗ chợ búa ba ngày, thiêu hủy ấn thụ và triều phục của hai người, rồi vùi thân xuống đất.

Lại tiến cử ban cho Hoảng, Hoa tước vị là Hương hầu. Quảng có chí hướng ưa chuộng việc học hành, lúc chết mới ngoài bốn mươi tuổi.

(Hết Vương Lăng truyện)

[CHÚ THÍCH]

(1) *Kiêu - là cái mộc che tên, Thích - là cái búa. Tích xưa kể rằng, rợ Miêu không phục vua Nghiêu, tướng đi đánh dẹp, không đánh được. Vua Nghiêu cho múa kiêu thích thị oai ở cung đình, bảy ngày sau rợ Miêu đến hàng phục.*

(2) *Công Tôn Thuật là người cuối thời Tây Hán, sau loạn Vương Mãng, Thuật chiếm cứ đất Thục xưng đế, thủ phủ đóng ở Thành Đô. Quang Vũ Đế khôi phục nhà Hán, chiêu dụ, Thuật cự tuyệt rồi bị Quang Vũ Đế bắt giết. Trước sau Thuật xưng đế được 12 năm.*

(3) *Có lẽ Hội lấy lý do Tự không chịu đi cùng Ngải nên bắt tội đưa về Ngụy để mình được chuyên quyền.*

(4) *Ấn thụ là con dấu và dây thao đỏ, chỉ đám tướng lĩnh quân binh đến hàng, phải nộp ấn tín, dây đai.*

(5) *Kiêu thích: Xem chú thích ở trên.*

(6) *Trở Tào Mao.*

(7) *Trở Tư Mã Chiêu, cũng ngâm khoe công mình.*

(8) *Quân sỹ của Hội.*

(9) *Thai tức là sao Tam Thai, theo sách Thiên văn nói thì ngôi sao ấy như ngôi Tam Công vậy. Ý ở đây nói dòng dõi nhà Hội ba đời là Tam công*

(10) *Nguyên văn là ‘tâm đảm dĩ phá’, dịch thoát.*

(11) *Giả Sung, bấy giờ làm Hộ quân.*

(12) *Cán tá: Giúp việc.*

(13) *Duyện: Tức là người phụ tá chuyên giúp việc.*

(14) *Nhung Địch là những bộ tộc Rợ ở phía Bắc và Tây Bắc vùng Hoa Hạ.*

(15) *Hiểm Duẩn là chỉ các tộc người rợ phương Bắc.*

(16) *Hiên Vu tức là vua tộc Hung Nô, cũng là một bộ tộc lớn phương Bắc, sau này là Mông Cổ.*

(17) *Tức Tào Mao.*

(18) *Hành tức là trông coi việc.*

(19) *Trương Tuân là con Trương Bào, cháu Trương Phi.*

(20) *Kinh nghệ tức là cá voi cá kình.*

(21) *Nguyên văn lời thoán trong Kinh dịch về quẻ Kiển là ‘lợi Tây Nam, bất lợi Đông Bắc, lợi kiến đại nhân, trinh cát’. Tức là Đi về Tây Nam thì lợi, đi về Đông Bắc sẽ bất lợi. Gặp đại nhân giúp mới được lợi, bên giữa chính đạo thì mới tốt. Ở đây cụ Bùi Tùng lý giải rõ quẻ Kiển khác với lời mà cụ Trần Thọ dẫn qua lời nhân vật Viên Thiệu nói về quẻ Kiển với Đặng Ngải.*

(22) *Miền Hà Hữu: tức vùng đất phía tây sông Hoàng Hà. Sông Hoàng Hà có chỗ chảy từ phía nam lên phía bắc, phía tây sông gọi là vùng Hà Tây, hoặc vùng Hà Hữu.*

(23) *Đông cung: thời xưa Thái tử ở cung phía đông cho nên Thái tử cũng gọi là ‘Đông cung’. Ý nói lúc Ngụy Minh Đế còn làm Thái tử rất gần gũi với Kiệm.*

(24) *Tướng quốc Ý: tức Thái phó Tư Mã Ý.*

(25) *Tê Vương: tức Tào Phương.*

(26) *Hai tên giặc: chỉ hai nước Ngô và Thục*

(27) *Thái úy Phu: tức Thái úy Tư Mã Phu.*

(28) *Bảo phó: tức tên gọi chung cho chức quan dạy dỗ con em quý tộc trong cung.*

(29) *Giết Cỗn dùng Vũ: thời vua Thuấn, nước sông tràn ngập, vua Thuấn sai Cỗn đi trị thủy, mười năm không xong, giết Cỗn, dùng con Cỗn là Vũ thay đi trị thủy, bèn xong, tức vua Vũ của nhà Hạ.*

(30) *Đại Tướng quân Chiêu Bá và Thái phó: tức Đại Tướng quân Tào Sảng, tước Chiêu Bá và Thái phó Tư Mã Ý. Bấy giờ được Ngụy Minh Đế trao gửi con nhỏ là Tào Phương.*

(31) *Vương Thái úy: tức Thái úy Vương Lăng.*

(32) *Sở Vương: tức Tào Bưu, con thứ của Tào Tháo.*

(33) Quán Khâu Tử Bang: tức Quán Khâu Điện, tự Tử Bang, con của Quán Khâu Kiệm

(34) Người Lỗ trông Cao Tử: Cao Tử là Cao Hê, lúc nước Lỗ nhiều loạn không yên, Tề Hoàn Công sai Cao Tử sang giúp nước Lỗ dẹp loạn, do đó người nước Lỗ nhớ ơn, vẫn trông mong Cao Tử.

(35) Ngũ Viên: tức Ngũ Tử Tư, người nước Sở, cha là Ngũ Xa bị giết, bèn trốn sang nước Ngô.

(36) Trình Anh, Xử Cữu: Trình Anh là bạn của Đại phu nước Tấn là Triệu Thuấn và con của Triệu Thuấn là Triệu Sóc. Xử Cữu cũng là tân khách của Triệu Thuấn. Vào thời Tấn Cảnh Công, Đại phu Đồ Ngạn Cỗ giết Triệu Thuấn, diệt cả họ hàng. Hai người Trình Anh, Xử Cữu cùng mưu đem con nhỏ của Triệu Sóc ẩn nấp tránh nạn ở trong núi, do đó mà họ Triệu vẫn còn người nối dõi.

(37) Nhà Hán: ý chỉ nước Thục.

(38) Tân, Quý, Cao, Mãng: Tân là vua Kiệt cuối thời nhà Hạ, Quý là vua Trụ cuối thời nhà Ân, Cao tức Cao Hạo Lữ Trĩ đầu thời nhà Tây Hán, Mãng là Vương Mãng cuối thời nhà Tây Hán, đều là những người bạo ngược, làm loạn chính trị thời xưa.

(39) Gia Cát Phong: người huyện Gia quận Lang Nha, thời Hán Nguyên Đế làm Tư lệ Hiệu úy, tính thẳng thắn không xu nịnh.

(40) ‘Tứ thông’: tức ‘bốn người thông minh’, chỉ bốn người là bọn Hạ Hầu Huyền.

(41) ‘Bát đạt’: tức ‘tám người thông đạt’, chỉ tám người là bọn Gia Cát Đản.

(42) Giả Dục Châu: tức Giả Quỳ, thời Ngụy Văn Đế làm Dục Châu Thứ sử, cho nên gọi là Giả Dục Châu.

(43) Trường Sa Vương Ngô Nhuế: tức Ngô Nhuế, thời Tân làm Bà Dương Lệnh, rất được lòng dân ở vùng hồ Bà Dương và sông Trường Giang. Lúc chư hầu nổi dậy chống nhà Tân, đem người Bách Việt giúp chư hầu, Hán Cao Tổ xét công phong làm Trường Sa Vương, đóng đô ở thành Lâm Tương.

(44) Điền Hoành: là dòng dõi quý tộc nước Tề cuối thời Chiến quốc, cuối thời Tân, cùng anh em Điền Đam, Điền Vinh nổi dậy chống nhà Tân. Sau

khi Lưu Bang thống nhất chư hầu, Hoàn không chịu theo nhà Hán, tự sát, hơn năm trăm tráng sĩ thuộc hạ cũng tự sát theo.

(45) Vương Lăng là con của Vương Doãn, Tào Tháo trước đây ở triều đình cũng có quen biết Vương Doãn, nên mới nói là con của Vương Doãn thì cũng như con của anh (thầy) mình.

(46) Túc Tào Phương, được nối ngôi đế của Tào Duệ (Tuấn).

(47) Chứng cứ không thực sự rõ ràng, song theo luật pháp nước Ngụy thì chư hầu không được đi lại thăm hỏi nhau, chỉ được ở đất phong của mình, nói có tội thì cũng đúng.

(48) Hà Yến, tự Thúc Bình, cháu của Hà Tiến, đại tướng quân thời Hán Thiếu đế; Đặng Dương, tự Huyền Mậu, dòng dõi Đặng Vũ thời Hán Quang đế Lưu Tú; Đinh Bạt tự Nghiên Tĩnh; Tất Phạm tự Chiêu Tiên; Hoàn Phạm tự Nguyên Tắc, mấy người này là bộ hạ của Tào Sảng.

(49) Tập thị tức là sách của họ Tập, tức Tập Tạc Xỉ. Ông này còn là tác giả cuốn sách nổi tiếng là Tương Dương kỳ cựu ký. Bùi Tùng Chi chú giải Tam quốc chí, ngờ là những điều này không thấy ghi trong các sử sách trước đó, những điều ghi chép không đúng với sự tích, đó là do Tập Tạc Xỉ bịa đặt ra.

(50) Tuấn tức là sâu xa, Ngu tức là ngu dốt. Đế xỉ vả Lệnh Hồ Tuấn làm việc ngu dốt. Theo Ngụy thư dẫn thì cái tên Lệnh Hồ Ngu có xuất xứ như vậy.

(51) Sở Vương Tào Bưu được ở đất phong tại huyện Bạch Mã, phía tây nam huyện Bạch Mã là kinh đô Lạc Dương, nói ngựa bạch (Bạch mã) rong ruổi xuống tây nam tức là ám chỉ rằng Tào Bưu vào làm chủ Lạc Dương.

(52) Sứ quân ở đây là trở vào Lệnh Hồ Ngu, Ngu làm Thứ sử Duyện châu nên được gọi là Sứ quân.

(53) Câu này nguyên văn là ‘tội tại tam bách’. Hai chữ tam bách trở sự thay đổi, nguyên là khi xưa sách Mao Thi có ba trăm mười một thiên, sáu thiên bị mất, còn lại ba trăm linh năm thiên, người sau chỉ nói rằng Mao thi có ba trăm (tam bách) thiên, vì có mấy thiên bị thay đổi. Về sau hai chữ ‘tam b

(54) Trịnh Quy, chưa rõ là ai; còn Thôi Trĩ, là quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, có tội giết vua, sau khi chết, bị phá quan tài phơi thây

ngoài chợ, tôi bị chép vào thư tịch của nước nhà. Kinh Xuân Thu chép việc ấy.

QUYỂN 29 - PHƯƠNG KỸ TRUYỆN

Hoa Đà, Đỗ Quỳ, Chu Kiến Bình, Chu Tuyên, Quấn Lộ

TRUYỆN HOA ĐÀ

Hoa Đà tự Nguyên Hóa, người huyện Tiêu nước Bái, còn có tên là Phu.

Thân là Tùng Chi xét: Chữ ‘phu’ cổ giống nhau với chữ ‘chuyên’, nhiều người viết chữ không phân biệt được. Mà Đà tự Nguyên Hóa thì tên của Đà phải là Phu vậy.

Du học ở Từ Châu, thuộc lâu mấy quyển kinh. Bái Tướng là Trần Khuê cử Hiếu liêm, Thái úy Hoàng Uyển mời, đầu không đến. Hiếu thuật dưỡng tính⁽¹⁾, người bấy giờ cho rằng Đà sống trăm tuổi mà dáng vẻ vẫn khỏe mạnh. Lại giỏi làm thuốc, cách trị bệnh của Đà là dùng thang⁽²⁾ thuốc không trộn hơn vài loại thuốc, phân tích trong đầu, không cần tự tay tính đếm, nấu sôi rồi cho uống, nói rõ công hiệu và cấm kị khi dùng thuốc, uống xong sẽ khỏi. Nếu phải cứu⁽³⁾ thì không quá một hai chỗ, mỗi chỗ không quá bảy, tám tráng⁽⁴⁾, bệnh cũng trừ được. Nếu phải châm⁽⁵⁾ thì không quá một hai chỗ, lúc châm nói: “Cảm ứng kéo đến chỗ đấy, nếu đến, nói ta biết”. Người bệnh nói: “Đã đến”. Mới liềm nhổ châm, bệnh cũng chữa khỏi. Nếu mẩn bệnh tụ ở trong, là chỗ mà thuốc châm không đến được thì phải mổ xẻ, lại cho người bệnh uống bột ‘ma phát tán’⁽⁶⁾, chốc lát người bệnh lại như ngủ say không biết cái gì, nhân đó mổ xẻ. Nếu bệnh ở trong ruột, lại mổ ruột mà tẩy rửa rồi khâu bụng mà bôi cao⁽⁷⁾ lên bụng; bốn, năm ngày say sẽ khỏi, không đau, người bệnh cũng không tự thức dậy được, trong vòng một tháng liền khỏe lại vậy.

Phu nhân⁽⁸⁾ của Cam Lăng Tướng ngày trước có thai sáu tháng, bụng đau không yên, Đà xem mạch⁽⁹⁾, nói: “Thai đã chết rồi”. Sai người dùng tay sờ để biết ở chỗ nào, nếu ở bên trái là con trai, ở bên phải là con gái. Người ta nói: “Ở bên trái”. Do đó làm thang thuốc cho uống, quả đúng sinh ra một con trai, rồi khỏi.

Huyện lại⁽¹⁰⁾ là Doãn Thế khổ vì tứ chi⁽¹¹⁾ mỗi mệ, trong miệng khô, không muốn nghe tiếng người, tiểu tiện⁽¹²⁾ không lợi. Đà nói: “Thử ăn

món ăn nóng, nếu mồ hôi ra thì sống; nếu không có mồ hôi ra thì ba ngày sau sẽ chết”. Liền ăn món ăn nóng nhưng không có mồ hôi ra, Đà nói: “Tạng khí⁽¹³⁾ đã hết ở trong, nếu kêu khóc sẽ chết”. Đúng như Đà nói.

Phủ lại⁽¹⁴⁾ là Nghê Tằm, Lí Diên cùng đến, đầu đau đầu, nóng thân, bị đau giống nhau. Đà nói: “Tằm phải tháo dạ, Diên phải phát mồ hôi.”. Có người hỏi sao lạ vậy, Đà nói: “Tằm bị bệnh ở ngoài thân, Diên bị bệnh trong thân, cho nên trị phải khác”. Liền đầu cho thuốc, ngày sau cùng khỏe dậy.

Người huyện Diêm Độc là Nghiêm Hân và mấy người cùng đến đợi Đà, vừa đến, Đà bảo Hân nói: “Trong người ông khỏe không”? Hân nói: “Vẫn như thường”. Đà nói: “Ông có bệnh nặng thấy ở mặt, không nên uống nhiều rượu”. Ngồi xong đi về đi được mấy dặm, Hân bỗng đau đầu hoa mắt rơi xuống xe, người ta chở đưa về nhà, giữa đêm thì chết.

Viên Đốc bưu ngày trước là Đốn Tử Hiến mắc bệnh đã khỏi, đến chỗ Đà xem mạch, nói: “Vẫn yếu, chưa khỏe lại, chớ làm việc vất vả, giao hợp tất chết. Nếu sắp chết phải lè lưỡi ra mấy tấc”. Vợ hắn nghe tin hắn bệnh khỏi, đem theo hoãn trăm người nhà đến xem, giữa đêm giao hợp, trong vòng ba ngày sau phát bệnh, đầu như Đà nói.

Viên Đốc bưu là Từ Nghị mắc bệnh, Đà đến xem bệnh. Nghị bảo Đà nói: “Hôm trước sai Y tào lại Lưu Tổ châm vị quản⁽¹⁵⁾ xong, lại càng ho khan, muốn nằm mà chẳng yên”. Đà nói: “Châm không đúng vị quản, châm nhầm phải gan vậy. Nay nên ăn ít, nếu không năm ngày sau không cứu được”. Rút cuộc như Đà nói.

Người huyện Sơn Dương là Trần Thúc Sơn có con trai nhỏ hai tuổi bị bệnh, lúc tiểu tiện thường khóc, càng ngày thêm khốn. Hỏi Đà, Đà nói: “Mẹ nó lúc mang thai có chứa khí âm, trong vú lạnh rỗng, do đó con bị nhiễm khí lạnh của mẹ, cho nên khiến cho bệnh không khỏi ngay được”. Đà cho bốn viên ‘vật nữ uyển hoàn’⁽¹⁶⁾, uống mười ngày liền khỏi.

Phu nhân của Bành Thành⁽¹⁷⁾ buổi đêm đi nhà xí bị con bọ cắn vào tay, rên rỉ không thôi. Đà làm thang thuốc ấm gấm sôi, ngâm tay vào trong đó, cuối cùng được khỏe, nhưng vẫn sai người thân nhiều lần nấu thang thuốc làm cho tay ấm, một sớm liền khỏi.

Quân lại⁽¹⁸⁾ là Mai Bình bị bệnh, bỏ quan về nhà, nhà ở quận Quảng Lăng nhưng đi chưa đến hai trăm dặm, sai người thân dừng lại. Chốc lát,

Đà tình cờ đến chỗ của chủ nhân, chủ nhân⁽¹⁹⁾ sai Đà xem bệnh cho Bình, Đà bảo Bình nói: “Nếu ông gặp ta sớm thì bệnh không thể đến thế này. Nay bệnh đã nặng, đi v ề nhanh mới gặp được người nhà, năm ngày sau tất chết”. Li ền đi v ề như lời mà Đà nói.

Đà đi đường, thấy một người bị bệnh nghẽn họng, ăn uống mà không tháo dạ⁽²⁰⁾ được, người nhà đang dùng xe muốn chở đến chỗ thầy thuốc. Đà nghe tiếng người bệnh rên rỉ, dùng xe đến xem, bảo người bệnh nói: “Vừa đi qua bên đường có một chum giấm tỏi lớn, đến lấy ba thăng mà uống, bệnh tất tự khỏi”. Li ền theo lời Đà, đứng thối ra một con trùng⁽²¹⁾, r ồi treo bên xe, muốn đến báo cho Đà. Đà vẫn chưa v ề, con nhỏ đang chơi ngoài cửa, ngẩng mặt lên nhìn, tự bảo nhau nói: “Người này giống với người bệnh bên xe đã gặp cha ta”. Người bệnh đi vào ng ối, thấy trên vách nhà phía bắc có treo mấy chục con trùng.

Lại có một viên Quận thú⁽²²⁾ mắc bệnh, Đà cho rằng phải làm cho người này phát giận mới khỏi, bèn nhận nhiều tiền của của người này mà không chữa trị, không lâu lại bỏ đi, để thư lại mắng người này. Quận thú quả đúng cả giận, sai người đuổi bắt giết Đà. Con của Quận thú biết được, sai thuộc quan không đuổi nữa. Quận thú đã quá tức giận, thối mấy thăng máu đen mà tự khỏi.

Lại có một Sĩ đại phu⁽²³⁾ không khỏe, Đà nói: “Ông bệnh nặng, nên mổ bụng ra lấy m ầm bệnh. Nhưng ông thọ cũng không quá mười năm nữa, bệnh không giết được ông. Nếu ử bệnh mười năm nữa, tuổi thọ cũng hết, không bằng để ta mổ xẻ”. Sĩ đại phu không chịu đau bệnh, muốn phải trừ đau. Đà bèn ra tay, bệnh đau d ần đỡ, được mười năm thì chết.

Quảng Lăng Thái thú Trần Đăng mắc bệnh, trong ngực nhức nhối, mặt đỏ, không ăn. Đà xem mạch nói: “Trong dạ dày của Phủ quân⁽²⁴⁾ có mấy thăng con trùng sắp gây thành ung nhọt, là do ăn thịt sống gây ra vậy”. Li ền làm hai thăng thang thuốc, cho uống một thăng trước r ồi d ần d ần cho uống hết. Uống xong, thối ra hơn ba thăng con trùng, đầu đỏ mà đầu cử động, nửa thân như mang cá sống, bệnh đau lại khỏi. Đà nói: “Bệnh này sau ba năm lại phát, nếu gặp thầy thuốc giỏi mới cứu giúp được”. Đến kì quả đúng phát bệnh, bấy giờ Đà không ở đó, như lời Đà mà chết.

Thái Tổ nghe nói li ền gọi Đà, Đà thường ở bên tả hữu. Thái Tổ khổ vì đầu trúng gió, hễ phát bệnh thì tim loạn, mắt hoa, Đà châm huyết cách⁽²⁵⁾,

châm đến đâu đỡ đến đó.

Đà biệt truyện viết: “Cố người mắc bệnh hai chân què không đi được, ngồi kiêu đến chỗ Đà, Đà từ xa thấy, nói: ‘Ta đã châm cứu làm thuốc nhiều rồi, không cần phải xem mạch’. Liên sai người cởi áo, cứu mấy chục chỗ trên lưng, mỗi chỗ cách nhau một tấc, có chỗ năm tấc, lộn xộn không giống nhau. Nói là mỗi cứu đều có mùi trảng, cứu xong thì khỏe liền đi được. Sau lại cứu ở gần gáy một tấc, các chỗ trên dưới ngay ngắn thẳng đều như hình sợi kẻ vậy”.

Vợ của Lí Tướng quân bệnh nặng, gọi Đà xem mạch, nói: “Sinh non mà thai không ra được”. Tướng quân nói: “Nghe nói là sinh non nhưng thai đã ra rồi”. Đà nói: “Xem mạch, thai chưa ra vậy”. Tướng quân cho là không đúng. Đà bỏ đi, người vợ có vẻ đỡ chút ít. Hơn trăm ngày sau lại phát bệnh, lại gọi Đà, Đà nói: “Lúc trước xem mạch có thai. Lúc trước đáng sinh hai con, một con ra trước, máu ra rất nhiều, con sau không sinh kịp. Mẹ không tự biết, người bên cạnh cũng chẳng hay, không đón ra, bèn không sinh được. Thai chết, mạch máu không về được, tất khô cục ở gáy, cho nên khiến cho nhiều lần đau gáy. Nay làm cho thang thuốc cùng châm một chỗ, cái thai chết ấy tất ra”. Cho uống thang thuốc rồi châm, người vợ đau đớn như muốn sinh. Đà nói: “Cái thai chết này lâu ngày đã khô, không tự ra được, phải sai người móc ra”. Quả đúng có một cái thai con trai chết, tay chân đầy đủ, màu đen, dài đến một thước.

Kĩ thuật cao siêu của Đà đại loại như thế. Nhưng vốn là kẻ sĩ mà lấy việc làm thuốc lập nghiệp, ý thường tự hời, sau Thái Tổ nắm chính sự, bị bệnh thêm nặng, sai Đà đến xem. Đà nói: “Bệnh này khó chữa, chăm lo chữa trị, có thể kéo dài năm tháng”. Đà xa nhà lâu ngày có ý về, nhân đó nói: “Nay nhận được thư nhà, đang muốn xin về”. Đến nhà, lại lấy cớ vợ bệnh mà từ chối, nhiều lần hẹn mà không quay lại. Thái Tổ gửi thư gọi, lại sai quận huyện đi đầu lệnh. Đà cậy vào tài năng mà khinh ghét việc hầu hạ, vẫn không lên đường. Thái Tổ cả giận, sai người đến xem xét. Nếu vợ bệnh thật thì ban cho bốn mươi học đậu, tha cho tội hoãn lâu ngày; nếu có lừa dối thì bắt chở đến. Do đó chở đến đất Hứa giam vào ngục. Xét hỏi mà nhận tội. Tuân Úc xin nói: “Đà có thuật giỏi, cứu được mạng người, nên tha cho hẳn”. Thái Tổ nói: “Không lo, thiên hạ ngày nay không có bọn chuột này chăng”? Rồi xét hỏi Đà đến chết, Đà sắp chết, lấy một quyển sách trao cho quan coi ngục, nói: “Nó có thể cứu người”. Quan coi ngục sợ phạm pháp không nhận, Đà cũng không ép, lấy lửa đốt sách. Sau khi Đà chết, bệnh đau đầu của Thái Tổ chưa khỏi, Thái Tổ nói: “Đà có thể trị khỏi

bệnh này, nhưng hẳn là kẻ tiểu nhân có ý kéo dài bệnh để được trọng được dùng nhiều, nếu ta không giết kẻ này, cuối cùng hẳn cũng không giúp ta cắt trừ cái gốc rễ của bệnh”. Sau đó con yêu là Thương Thư mắc bệnh, Thái Tổ than nói: “Ta giết bừa Hoa Đà, khiến cho con nhỏ bị chết vậy”.

Trước đây, Quân lại là Lí Thành khổ vì ho khan, ngày đêm không ngủ được, có lúc thổ ra máu mủ, đến hỏi Đà. Đà nói: “Ông bị bệnh trúng độc trong ruột, đây là nguyên nhân gây ho; không phải từ phổi vậy. Nay cho ông hai tiêng thuốc tán, nếu thổ ra hơn ha thăng máu mủ thì ngừng uống, tự chăm sóc, một tháng có thể đỡ vừa, phải tự giữ gìn, một năm sẽ khỏi. Sau mười tám năm sẽ có một lần phát lại, lại uống thuốc tán này, cũng khỏe lại được. Nếu không dùng thuốc này, sẽ phải chết”. Lại cho hai tiêng thuốc tán nữa, Thành lấy thuốc rã đi. Năm, sáu năm sau, trong người thân có người mắc bệnh giống Thành, bảo Thành nói: “Ông nay khỏe mạnh, ta sắp chết, sao lại nỡ không nhanh cho ta uống thuốc ấy mà lại giấu đi,

Thần là Tùng Chi xét: Tiếng cổ, nói giấu là khư.

để đợi đi đâu không lành? Hãy cho ta mượn dùng trước, ta khỏi rồi sẽ vì ông mà đến chỗ Hoa Đà xin thêm thuốc”. Thành cho người đó. Rồi đến huyện Tiêu, vừa lúc Đà bị bắt, vội vàng không chịu đi xin. Mười tám năm sau, bệnh của Thành lại phát, không có thuốc chữa, do đó mà chết.

Đà biệt truyện viết: “Có người vào giữa năm Thanh Long gặp Sơn Dương Thái thú người quận Quảng Lăng là Lưu Cảnh Tông, Cảnh Tông nói là giữa năm Trung Bình mấy lần gặp Hoa Đà, cách trị bệnh của Đà là dùng tay bắt mạch, hiệu nghiệm như thần, người quận Lang Nha là Lưu Huân làm Hà Nội Thái thú có con gái gần hai mươi tuổi, trên đầu gối chân trái có vết thương, có vết mà không đau. Vết thương lành mấy chục ngày sau lại phát, cứ như thế bảy, tám năm, đón Đà đến xem, Đà nói: ‘Nó dễ trị thôi. Phải lấy được bã gạo, một con chó lông vàng, hai con ngựa khỏe đến đây’. Lấy dây thừng buộc cổ chó, xua ngựa chạy kéo chó đi, ngựa chạy hết cỡ, tính ra ngựa chạy được hơn ba mươi dặm, nhưng khó không đi được, lại sai người đi bộ dẫn đi, tính ra đến năm mươi dặm. Lại lấy thuốc cho người con gái đó uống, người con gái liền nằm ngủ không biết gì nữa, rồi lấy dao lớn cắt phần trước của chân ở sau gần bụng chó, lấy chỗ mà mình cắt hướng vào vết thương, chỉ cách hai, ba tấc. Dùng lại chốc lát, nếu có con trùng từ vết thương chảy ra lại lấy cái dùi sắt đâm ngang xuyên đầu trùng. Trùng ở trong da vậy động hồi lâu, chốc lát không động nữa, lại kéo ra, dài đến ba thước, thân giống rắn, chỉ có chỗ mắt mà không có con người, lại có vẩy ngược. Lấy cao tán bôi vào vết thương, sau bảy ngày liền khỏi. Lại có người mắc bệnh đau đầu, đầu không cử động được, mắt cũng không nhìn được, đã nhiều năm rồi. Đà sai cởi hết áo rồi treo người ngược lại, khiến cho đầu cách

mặt đất một hai tấc, lấy vải thấm nước lau rửa thân thể, lau quanh người, đợi xem các mạch, đều lộ ra năm màu, Đà sai mấy học trò lấy dao sắc rạch mạch, máu năm màu chảy ra hết, chỉ thấy máu màu đỏ, rồi cho người xuống, lấy cao xoa khắp bụng, mồ hôi ra quanh người, lấy bột ‘đình lịch khuyển huyết tán’⁽²⁶⁾ cho uống, bèn khởi. Lại có một người đàn bà mắc bệnh nhiều năm, người ta gọi là người bệnh nóng lạnh. Giữa tháng mười một mùa đông, Đà sai người bệnh ngồi trong máng đá, giữa buổi sáng rót nước lạnh chảy vào máng, nói là phải rót nước đủ trăm lần. Mới bảy, tám lần rót, vừa lúc người bệnh run rẩy sắp chết, người rót nước sợ hãi, muốn dừng. Đà lệnh phải rót đủ. Sắp đến lần rót thứ tám mươi, khí nói lại bay ra, cao vùn vụt đến hai, ba thước. Rót đủ trăm lần, Đà lại sai người đốt lửa sưởi ấm giường, cho nằm xuống, hơi lâu sau mồ hôi chảy ra, xoa bột, mồ hôi khô ráo mới khởi. Lại có người bệnh nửa trong bụng rất đau, trong hơn mười ngày, tóc mai rơi rụng, Đà nói: ‘Đây là do lá lách bị vỡ nửa rồi, phải mổ bụng chữa trị vậy’. Cho uống thuốc nằm ngủ, mổ bụng ra xem, quả đúng lá lách đã bị vỡ nát hơn nửa. Lấy dao cắt ra, xẻo bỏ thịt thối, lấy cao bôi vào vết thương, lấy thuốc cho uống, trăm ngày sau khỏe lại”.

Người huyện Quảng Lăng là Ngô Phổ, người huyện Bành Thành là Phàn A đều theo học Đà. Phổ dựa theo thuật trị bệnh của Đà, cứu chữa được nhiều người. Đà bảo Phổ nói: “Thân người phải được lao động, nhưng không nên quá sức. Lao động thì cốc khí⁽²⁷⁾ được tan hóa, mạch máu được chảy suốt, bệnh không sinh được, tựa như then cửa không mục vậy. Cho nên người tiên thời xưa bày ra cách luyện tập như con gấu nghển cổ, con cú quay đầu, kéo dẫn thân eo, hoạt động các đốt xương để được khỏi già. Ta có một thuật gọi là ‘trò diễn của năm loài vật’, một là hổ, hai là hươu, ba là gấu, bốn là vượn, năm chim, cũng để trừ bệnh, lại làm lợi cho bàn chân, nay truyền lại cho người. Nếu trong người không khỏe thì diễn trò của một con vật ấy, đến khi mồ hôi thấm đẫm ra thì bôi phấn lên, lúc đó thân thể sẽ khỏe khoắn, trong bụng cũng muốn ăn”.

Phổ làm theo trò ấy, sống đến hơn chín mươi tuổi, tai mắt sáng suốt, răng xương chắc chắn. A giỏi thuật châm, bọn thầy thuốc đều nói rằng trong phần lưng và bụng ngực không được châm bừa, chỉ châm không quá bốn phân, nhưng A lại châm vào lưng sâu đến một, hai tấc, có khi châm vào huyết cự khuyết⁽²⁸⁾ nơi bụng ngực sâu đến năm, sáu tấc, mà bệnh liền đều khởi. A theo Đà xin thuốc có thể giúp ích cho người, Đà lấy bột ‘tất điệp tán’⁽²⁹⁾, bột ‘thanh niêm tán’⁽³⁰⁾ cho A. Một thăng bột ‘tất điệp tán’, mười bốn lạng bột ‘thanh niêm tán’, lấy đó mà trộn, nói rằng uống nhiều có thể diệt trùng, làm lợi cho ngũ tạng⁽³¹⁾, thân thể nhanh nhẹn, khiến cho

tóc đầu không trắng. A theo lời ấy, thọ hơn trăm tuổi. Tất diệt có ở nhiều chỗ, thanh niên có ở ấp Phong, nước Bái, huyện Bành Thành và huyện Trì lâu Ca thôi.

Đà biệt truyện viết: “Thanh niên còn có tên là ‘địa tiết’, lại có tên là ‘hoàng chi’, chủ trị ngũ tạng, làm lợi tinh khí⁽³²⁾. Vốn có từ người đi lâm vào núi, được người tiên cho uống, về báo cho Đà. Đà cho là hay, liền bảo với A, A lại giữ kín. Người gần đây thấy A sống lâu mà khí lực khỏe mạnh thì lấy làm lạ, bèn đòi A cho uống, tìm cách chuốc rượu say rồi bày nói ra. Thế là thuốc được dùng, nhiều người được uống, đều có công hiệu lớn”.

Văn Đế luận bàn việc bọn Khích Kiệm viết: “Người quận Dĩnh Xuyên là Khích Kiệm có tài bỏ ăn gạo, chỉ ăn phục linh⁽³³⁾. Người huyện Cam Lăng là Cam Thủy cũng giỏi vận khí, già mà có dáng trẻ. Người quận Lư Giang là Tả Từ biết thuật phác đạo⁽³⁴⁾. Đều làm quân lại. Trước đây, Kiệm đi đến, mua phục linh lại càng thêm nhiều. Nghị lang người huyện An Bình là Lí Đàm học bỏ ăn gạo, ăn phục linh ấy, uống nước lạnh, tháo dạ lợi nhưng nguy hiểm mất mạng. Sau khi Thủy đến, mọi người không ai là không ngưỡng mặt trông mong, kêu gọi xin học. Quân mưu Tể tửu người quận Hoảng Nông là Đồng Phân học theo nhưng làm sai cách, khí tắc không thông, lâu sau mới thông. Tả Từ đến, lại liền trao dạy thuật phác đạo, người đến phủ là Nghiêm Tuấn, đến theo hỏi học. Người bị thiên hoạn thực là không thể học thuật ấy vậy, người ta đua đòi mới đến như thế. Giữa năm Quang Hòa, Bắc Hải Vương là Hòa Bình cũng ưa học đạo thuật, tự muốn thành tiên. Người quận Tể Nam là Tôn Ung thuở nhỏ cũng học Hòa Bình, theo đến kinh sư. Gặp lúc Hòa Bình bệnh chết, Ung nhân đó táng Hòa Bình ở huyện Đông Đào, lấy được hơn trăm quyển sách, mấy túi thuốc đều táng theo Hòa Bình. Sau đó học trò là Hạ Vinh nói là thầy Hòa Bình đã mục rữa. Ung đến nay vẫn tiếc vì không lấy được sách quý thuốc tiên. Lưu Hướng⁽³⁵⁾ bị lời văn của sách Bảo kê⁽³⁶⁾ mê hoặc, Quân Du⁽³⁷⁾ bị lời nói của Tử Chính⁽³⁸⁾ cảm dụ. Người mê lâm thời xưa, há chỉ có một người thôi!”.

Đông A Vương⁽³⁹⁾ làm bài Từ đạo luận viết: “Người đời có phương sĩ⁽⁴⁰⁾, bậc Vương ta gọi họ đến xem hết, huyện Cầm Lăng có Cam Thủy, quận Lư Giang có Tả Từ, huyện Dương Thành có Khích Kiệm. Thủy có tài vận khí đạo dẫn, Từ hiểu thuật phòng trung⁽⁴¹⁾, Kiệm giỏi bỏ ăn gạo, đều nói là sống đến ba trăm tuổi. Cuối cùng mời hợp vào cả ở nước Ngụy, thực là sợ rằng bọn người này bày trò gian xảo để lừa dối người, làm việc yêu tà để mê hoặc dân, há lại muốn thấy thần tiên ở Doanh Châu⁽⁴²⁾ mà cầu yên ở biển đảo, bỏ xe vàng mà ngồi kiệu mây⁽⁴³⁾, vút sáu con ngựa ki⁽⁴⁴⁾ mà cưỡi rồng bay sao? Từ Nhà vua và Thái tử cho đến các anh em đều cho là đáng cười, không tin được vậy. Nhưng bọn Thủy biết Nhà vua đôi đũa chúng chỉ một lúc, không cấp bỗng nhiên cho quan lại,

không thưởng thêm cho người không có công, biển đảo khó mà đi đến được, sáu phát⁽⁴⁵⁾ khó mà đeo được, rút cuộc không dám dâng câu trống rỗng, không dám gửi lời văn khác thường nữa. Ta từng thử Khích Kiệm bỏ ăn gạo trăm ngày, tự thân cùng hấn ngủ nghỉ, chỉ được đi lại trong nhà thoải mái thôi. Phu nhân của hấn không ăn bảy ngày thì chết nhưng Kiệm vẫn như thường. Mà lại không bị tổn tuổi thọ, có thể tránh bệnh mà không sợ bị đói khát vậy. Tả Từ giỏi tu thuật phòng trong, dầu sai lầm nhỏ thôi cũng mất mạng rồi, nếu tự thân không có chí trong trắng lắm thì chẳng ai làm được. Cam Thủy già mà có dáng trẻ, các thuật sĩ⁽⁴⁶⁾ đều cùng theo học hấn. Nhưng Thủy nói nhiều làm ít, lại hay nói lời quái lạ. Ta thường gọi đến làm tả hữu, chỉ nói chuyện với hấn, hỏi việc mà hấn làm, nói lời mềm mỏng để dụ dỗ hấn, dùng lời đẹp để dạy bảo hấn, Thủy bảo ta nói: ‘Thầy ta vốn là họ Hàn, tự Thế Hùng, ta từng cùng thầy luyện vàng ở biển Nam Hải, trước sau được mấy chục vạn cân, có ném mấy vạn cân vàng xuống biển’. Lại nói: ‘Vào thời Chư Lương⁽⁴⁷⁾, người Hồ miên tây đến cống len thorn, đai buộc eo, đao cắt ngọc, bảy giờ tiếc vì không lấy’. Lại nói: ‘Có nước ở phía tây của nước Xa Sư⁽⁴⁸⁾, có đứa trẻ sinh ra thì trên bàn tay lộ ra lá lách, muốn ăn ít mà chạy lại nhanh’. Lại nói: ‘Bắt lấy một đôi cá chép dài năm tấc trộn nấu cùng với thuốc, cho vào trong cao nấu sôi, có con cá chép vẩy đuôi mở mang, bơi lặn chìm nổi tựa như ở vực nước, một con cá chép trong đó đã chín thì ăn được’. Bảy giờ ta hỏi nói: ‘Ta thử làm theo được không?’ Thủy nói: “Thuốc này cách xa đây hơn vạn dặm, chỉ có ở biên giới; Thủy không tự đi nên không có được vậy’. Lời nói không cùng⁽⁴⁹⁾ như thế, còn nhiều nữa khó mà chép hết, cho nên tạm chép những chuyện lạ nhất trong đó ra đây. Thủy mà gặp được Tân Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế thì lại như bọn Từ Thị, Loan Đại⁽⁵⁰⁾ vậy”.

TRUYỆN ĐỒ QUỲ

Đồ Quỳ tự Công Lương, người quận Hà Nam. Vì biết âm nhạc nên được làm Nhã nhạc lang⁽⁵¹⁾. Năm Trung Bình thứ năm⁽⁵²⁾, mắc bệnh mà bỏ quan. Châu, quận, quan Tư đồ bỏ lễ, lại vì thời loạn nên tránh đến Kinh Châu. Kinh Châu Mục là Lưu Biều sai Quỳ cùng Mạnh Diệu giúp vua Hán làm nhã nhạc⁽⁵³⁾, nhạc làm xong, Biều muốn đặt ở sân đình tấu xem, Quỳ can nói: “Nay Tướng quân không có lệnh làm nhạc giúp Thiên tử mà đem ra bày ra ở sân đình, chẳng phải không nên sao”! Biều nghe lời này mà dừng lại. Sau con Biều là Tông hàng Thái Tổ, Thái Tổ lấy Quỳ làm Quân mưu Tế tửu, tham dự việc của quan Thái nhạc lệnh⁽⁵⁴⁾, nhân đó sai làm ra nhã nhạc.

Quỳ giỏi chung luật⁽⁵⁵⁾, sáng suốt hơn người, tám âm tơ tre⁽⁵⁶⁾, không gì không giỏi, chỉ có múa hát không giỏi lắm. Bấy giờ Tán lang Đặng Tĩnh, Y Tề giỏi ngâm nhã nhạc, thầy hát là Y Hồ hát được khúc hát lúc cúng tế tông miếu, thầy múa là Phùng Túc, Phục Dưỡng hiểu biết các điệu múa thời trước, Quỳ tổng hợp các tinh hoa, xét sâu các sách, chọn lấy các việc cũ, giảng dạy học tập, làm đủ các nhạc khí⁽⁵⁷⁾, soạn lại âm nhạc thời trước, đầu bắt đầu từ Quỳ vậy.

Giữa năm Hoàng Sơ, làm Thái nhạc lệnh, Hiệp luật Đô úy⁽⁵⁸⁾. Thợ đúc chuông thời Hán là Sài Ngọc có tài khéo léo, đầu chế tạo nhiều đồ trong các loại nhạc khí, cũng là người tôn quý được biết tên tuổi. Quỳ sai Ngọc đúc chuông đồng, tiếng trong và đục của tiếng chuông đầu không đúng phép tắc, nhiều lần phải hủy đi làm lại. Ngọc rất chán ghét, nói là Quỳ chỉ theo ý riêng, có vẻ chống đối Quỳ. Quỳ, Ngọc bèn cùng nhau bảo với Thái Tổ, Thái Tổ lấy chuông mà Ngọc đúc ra thử, tiếng vang lẫn lộn, bèn biết Quỳ là đúng mà Ngọc là xằng vạy, do đó giáng tội cho Ngọc và các con, đầu sai làm người nuôi ngựa. Văn Đế yêu đãi Ngọc, lại từng sai Quỳ cùng bọn Tả Nguyên thổi sáo gảy đàn trong lúc tiếp tân khách, Quỳ có vẻ khó chịu, do đó ý Đế không vui. Sau nhân có việc khác mà ép buộc Quỳ, sai

bọn Nguyên đến học, Quỳ tự nói là người học nhạc phải trong sạch, làm quan phải ngay thẳng, ý vẫn không thỏa, bèn xin bãi quan về nghỉ.

Học trò người quận Hà Nam là Thiệu Đăng, Trương Thái, Tang Phúc đều làm đến chức Thái nhạc thừa, người quận Hạ Bì là Trần Hàng làm Tư luật Trung lang tướng. Từ bọn Tả Diên Niên đều có âm nhạc hay, đều giỏi âm nhạc của họ Trịnh, nhưng ưa nhạc cổ chính thống thì chẳng ai bằng Quỳ.

Bấy giờ có người quận Phù Phong là Mã Quân, khéo léo hơn người. Phó Huyền làm bài tựa nói rằng: “Mã tiên sinh⁽⁵⁹⁾ là người khéo léo trong thiên hạ, thuở nhỏ thì vui vẻ, không tự biết mình khéo léo vậy. Vào thời ấy, không nói đến cái khéo léo của mình thì người đời há không biết được sao? Làm Bác sĩ, nhà cửa nghèo hèn, lại nghĩ cách sửa đổi khung dệt vải, không nói mà người đời biết được cái khéo léo của mình. Khung dệt vải cũ thì cứ năm mươi lần đan lại năm mươi lần dệt, tiên sinh ghét việc này tốn công phí buổi, bèn đổi thành mười hai lần dệt. Hoa văn tinh tế biến đổi theo ý muốn của người dệt, vẫn tạo thành hình tự nhiên, không cùng như âm dương. Nói chuyện với người dệt vải lại không nói ra được, lại há có thể nói được hiệu nghiệm sao? Tiên sinh làm Cấp sự trung⁽⁶⁰⁾, cùng Thường thị Cao Đường Long, Kiêu kị Tướng quân Tần Lang tranh luận ở triều đình, nói về xe chỉ nam⁽⁶¹⁾, hai người⁽⁶²⁾ cho rằng thời xưa không có xe chỉ nam, đấy là cái sai của sách vở. Tiên sinh nói: ‘Thời cổ có nó, thời nay chưa nghĩ ra thôi, sao lại cho nó là xa vời’. Hai người cười tiên sinh nói: “Tên tiên sinh là Quân, tự Đức Hành. Quân⁽⁶³⁾ là khuôn làm gốm mà hành⁽⁶⁴⁾ là vật dùng để xác định vật nặng hay nhẹ, không có gì không dùng khuôn mà xác định vật nặng hay nhẹ không đúng sao!’ Tiên sinh nói: ‘Tranh luận sáo rỗng, không bằng thử làm sẽ biết thôi’. Do đó hai người bèn đến báo cho Minh Đế, hạ chiếu tiên sinh làm, rồi làm thành xe chỉ nam. Đấy là một cái lạ vậy, lại không nói ra được vậy. Từ đó thiên hạ phục cái khéo léo của tiên sinh. Ở tại kinh đô, trong thành có đất có thể dùng làm vườn, lo không có nước để tưới vườn, bèn làm xe chở, sai bọn trẻ con kéo xe, mà nước lại từ rót xuống, vào rồi lại ra, cái khéo léo hơn người như thế. Đấy là hai cái lạ vậy. Sau này có người dâng đồ có kỹ thuật rồi tạp hơn, nhưng đặt ra nhưng không động được. Đế đem hỏi tiên sinh nói: “Động được không”? Đáp nói: ‘Động được’. Đế nói: ‘Làm nó khéo hơn được không’. Đáp nói: ‘Khéo hơn được’. Vâng lệnh làm nó, lấy gỗ lớn đeo

đồ, làm thành hình như bánh xe, đặt trên đất bằng, dưới làm phần dẫn nước, trên đeo tượng người con gái múa hát, lại có tượng người gõ đánh trống thổ sáo; làm núi lớn, làm tượng người gõ cầ quả cầ, vung kiếm, xếp thành hàng dài, ra vào tự nhiên; lại có tượng gỗ trăm quan xử án, cối giã gạo, gà chọi, biến ảo trăm mối. Đây là ba cái lạ vậy. Tiên sinh thấy nổi bắn tên liên tiếp của Gia Cát Lượng, nói: ‘Khéo thì khéo rồi, nhưng chưa tốt cả’. Nói rằng có thể làm bắn tên thêm năm lần. Lại lo rằng lúc bắn đá thì quân địch ở trên lầu treo da trâu ướt, nếu bắn trúng thì lại rơi xuống, đá không thể bắn liên đến được. Muốn làm một cái bánh xe, treo mấy chục viên đá lên, dùng phép tắc lấy máy khua bánh xe để treo đá bắn bay vào thành địch, khiến cho bắn từ đầu đến cuối được đến nhanh. Từng lấy bánh xe tre treo mấy chục viên gạch đá để thử, bắn xa được mấy trăm bước. Có Bùi Tử là kẻ sĩ ở kinh đô, hiểu biết sâu rộng, nghe nói mà cười nhạo tiên sinh. Lại đến hỏi tiên sinh, tiên sinh ngâm miệng không đáp. Bùi Tử tự cho rằng đã bắt khó được chỗ yếu của tiên sinh, lại cười nhạo không thôi. Phó Tử bảo Bùi Tử nói: ‘Cái mà ông giỏi là lời nói, cái mà ông kém là khéo léo vậy. Cái mà Mã tiên sinh giỏi là khéo léo, cái kém là lời nói vậy. Lấy cái mà ông giỏi để tranh với cái mà người ấy kém, thì người ấy không thể không phục ông. Lấy cái mà ông kém để hỏi vặn cái mà người ấy giỏi thì tất có chỗ không giải được. Kỹ thuật là việc khéo léo trong thiên hạ, cái mà ông không giải được hỏi vặn người ấy không thôi, đây là tranh cãi với nhau, tất tự xa rời vậy. Đây là trong lòng cho là sai mà ngoài miệng cho chịu phục, đây là nguyên nhân họ Mã không đáp vậy’. Phó Tử gặp An Hương Hầu, nói đến lời bàn của Bùi Tử, An Hương Hầu lại nói giống với Bùi Tử. Phó Tử nói: ‘Thánh nhân dùng người chọn vật, dùng người không theo một phép tắc nào cả; có người có vẻ thần mà dùng, có người vì khéo nói mà dùng, có người giỏi việc mà dùng. Có người có vẻ thần mà dùng, đây là người không nói nhưng trong lòng thành thật đã tỏ ra rồi, có đức hành như Nhan Uyên⁽⁶⁵⁾ vậy. Người khéo nói mà chọn, là người khéo bàn chuyện đúng sai, lời nói như Tể Ngã, Tử Cống⁽⁶⁶⁾ vậy. Người vì được việc mà dùng, giỏi chính trị như Nhiễm Hữu, Quý Lộ⁽⁶⁷⁾, giỏi văn học như Tử Du, Tử Hạ⁽⁶⁸⁾ vậy. Dẫu là thánh nhân biết rõ muôn vật, nếu có chỗ dùng, tất phải thử trước. Do đó lấy việc chính trị để thử Nhiễm Hữu, Quý Lộ, lấy việc văn học để thử Tử Du, Tử Hạ vậy. Bọn Tử Du, Tử Hạ còn phải thế, huống chi là người từ họ về sau! Sao vậy? Đạo lý treo lủng, không thể dùng

lời mà nói hết. cốt ở việc làm thôi, nói thì khó rõ mà thử làm thì dễ biết vậy. Như cái mà họ Mã muốn làm đầu là những vật tinh xảo của nhà nước, đồ cốt yếu của quân sĩ vậy. Hao phí gỗ mười trượng, làm mệt sức của hai người, không cần nhiều buổi mà biết được đúng sai. Như việc hỏi vặn việc dễ làm và dùng lời khinh rẻ để châm chọc tài lạ của người khác, đấy cũng như việc tự cho mình đã biết gánh vác việc thiên hạ, không đổi đạo lí của mình để ngẩng trên muôn vật khó hiểu hết, do đó mà tự vứt bỏ vậy. Cái mà họ Mã làm, dựa theo sự biến ảo mà làm nên, vậy thì lời nói lúc trước đầu là không đúng. Lời ấy không đúng mà không dùng người ấy, đấy là cái khéo léo trên đời không có chỗ được dùng vậy. Người cùng được yêu thì ghen ghét nhau, người cùng làm việc thì làm hại nhau, người trong cuộc không tránh khỏi được. Cho nên quân tử không dùng người để hại người, tất lấy việc thử xét làm cân đo; nếu bỏ cân đo mà không dùng thì đấy là ngọc đẹp bị gièm vu là đá xấu, đấy là nguyên nhân Kinh Hòa ôm ngọc mà khóc⁽⁶⁹⁾ vậy'. Do đó An Hương Hầu hiểu ra, rồi nói với Vũ An Hầu, Vũ An Hầu coi thường tiên sinh, không dùng thử. Đấy là việc dễ thử, lại nữa tiếng tăm khéo léo của họ Mã đã có rồi, mà vẫn coi thường không xét, huống chi là cái tài sâu xa, viên ngọc không tên đây? Vậy thì để quân tử đời sau soi xét thôi! Cái khéo léo của Mã tiên sinh, đầu Công Du Ban, Mặc Dịch, Vương Nhĩ⁽⁷⁰⁾ thời xưa, Trương Bình Tử⁽⁷¹⁾ thời Hán gần đây cũng không hơn được vậy. Công Du Ban, Mặc Dịch đầu được dùng ở thời trước, lại có ích cho đời. Bình Tử đầu là Thị trung, Mã Tiên sinh đầu là quan Cấp sự trung, nhưng đầu không được làm Công quan, sự khéo léo không được giúp ích cho đời. Dùng người không đúng với cái tài năng của người ấy, tài giỏi không được dùng thử, thật đáng tiếc thay". Bùi Tử là Bùi Tú. An Hương Hầu là Tào Tiễn. Vũ An Hầu là Tào Sảng.

TRUYỆN CHU KIẾN BÌNH

Chu Kiến Bình, người nước Bái. Giỏi xem tướng, ở vùng thôn ấp, hiệu nghiệm không chỉ có một lần. Thái Tổ làm Ngụy Công, nghe nói vậy, gọi đến làm quan Lang⁽⁷²⁾. Văn Đế làm Ngũ quan tướng, khách ng ồi trong hội có hơn ba mươi người, Văn Đế hỏi tuổi thọ của mình, lại sai xem tướng bọn khách. Kiến Bình nói: “Tướng quân đáng thọ đến tám mươi tuổi, đến lúc bốn mươi tuổi có một mối nguy nhỏ, mong hãy cẩn thận giữ gìn”. Bảo Hạ Hài Uy nói: “Ông đến bốn mươi chín tuổi làm Châu mục⁽⁷³⁾ nhưng phải có mối nguy, nếu qua được nguy, có thể thọ đến bảy mươi tuổi, làm đến bậc Công phụ⁽⁷⁴⁾. Bảo Ứng Cừ nói: “Ông sáu mươi hai tuổi làm đến bậc Thường bá⁽⁷⁵⁾, nhưng có mối nguy, trước đó một năm một mình thấy một con chó trắng nhưng người bên cạnh không thấy”. Bảo Tào Bưu nói: “Ông giữ nước phiên, đến năm năm mươi bảy tuổi sẽ có mối nguy vì việc binh, nên đề phòng trước”.

Trước đây, người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du, Chung Do thân thiện với nhau. Du mất trước, con còn nhỏ. Do trông coi nhà cửa của Du, muốn lấy vợ của Du. Gửi thư cho người khác nói: “Ta với Công Đạt⁽⁷⁶⁾ từng cùng sai Chu Kiến Bình xem tướng, Kiến Bình nói: ‘Tuân Quân dẫu nhỏ hơn, nhưng phải đem việc sau này giao cho Chung Quân’. Ta bấy giờ cột hấn nói: ‘Chỉ nên gả A Vụ⁽⁷⁷⁾ cho người thôi’. Nào ngờ thằng ấy⁽⁷⁸⁾ lại chết mất sớm, lời nói đùa trở thành thật vậy! Nay muốn lấy A Vụ, để cho ở yên. Nghĩ ngợi lời đúng của Kiến Bình, dẫu Đường Cử, Hứa Phụ⁽⁷⁹⁾ lấy gì hơn được”!

Năm Hoàng Sơ thứ bảy⁽⁸⁰⁾ thời Văn Đế, vừa bốn mươi tuổi, bệnh khốn, bảo tả hữu nói: “Lời mà Kiến Bình nói là thọ tám mươi tuổi, đấy là qua loa, ta phải chết r ồi”. Chốc lát, đúng là băng. Hạ Hài Uy làm Duyện Châu Thứ sử, năm bốn chín tuổi, vào đầu tuần tháng mười hai bị bệnh, nhớ đến lời Kiến Bình, tự cho là tất chết, chuẩn bị làm lệnh truyền lại và các đ

tổng táng, đầu sai làm đầy đủ. Đến cuối tuần lại đỡ, rồi dần khỏe lại, xế chiều ngày thứ ba mươi, sai Kỉ cương đại lại⁽⁸¹⁾ bày rượu, nói: “Cái bệnh đau của ta dần dần đỡ, hôm sau gà gáy sẽ sang năm mươi tuổi, lời răn giới của Kiến Bình, tất sai thật rồi”. Sau khi Uy bái khách, hoa mắt bệnh phát, nửa đêm bèn chết. Cừ đến sáu mươi một tuổi làm Thị trung, đi vào trong phủ, chợt thấy một con chó trắng, hỏi với mọi người, đều nói không thấy. Do đó nhiều lần mở hội, cùng đi chơi xem nơi ruộng vườn, ăn uống làm vui, qua được một năm, sáu mươi ba tuổi thì chết. Tào Bưu được phong làm Sở Vương, đến năm năm mươi bảy tuổi, bị kết tội thông mưu với Vương Lăng, ban cho chết. Như nói về bọn này, không gì là không như Kiến Bình nói. Không rõ hết được, cho nên ghi chép sơ qua mấy việc trên. Chỉ có xem tướng về Tư không Vương Sưởng, Chinh bắc Tướng quân Trình Nhất, Trung lĩnh quân Vương Túc là có sai lầm mà thôi. Túc đến sáu mươi hai tuổi bệnh nặng, bọn thầy thuốc đều cho là không khỏi. Phu nhân của Túc dùng lời cố hỏi, Túc nói: “Kiến Bình xem tướng nói ta thọ hơn bảy mươi tuổi, làm đến bậc Tam công⁽⁸²⁾ nay đầu chưa đến, còn lo gì chẳng”! Rồi Túc bèn chết.

Kiến Bình lại giỏi xem tướng cho ngựa. Văn Đế sắp đi, lấy ngựa ở ngoài vào, Kiến Bình trên đường gặp ngựa, bảo nói: “Tướng của con ngựa này, ngày nay tất chết”. Đế sắp cưỡi ngựa, ngựa ghét mùi thơm trên áo, hí lộn cắn vào đầu gối của Đế, Đế cả giận, bèn liềm giết ngựa. Giữa năm Hoàng Sơ thì Kiến Bình chết.

Chu Tuyên tự Khổng Hòa, người huyện An Lạc. Làm quan trong quận. Thái thú Dương Phái năm mơ có người nói: “Ngày mừng một tháng tám Tào Công sẽ đến, tất đem gậy cho ông, cho uống rượu thuốc”. Sai Tuyên bói xem. Bấy giờ giặc Khăn vàng nổi dậy, Tuyên đáp nói: “Gậy để người yếu tựa dậy, thuốc để trị bệnh cho người, ngày mừng một tháng tám, tất trừ diệt giặc”. Đến kì, giặc đúng bị phá.

Sau này người quận Đông Bình là Lưu Trinh năm mơ thấy một con rắn mọc bốn chân, đào hang ở trong nhà, sai Tuyên bói xem, Tuyên nói: “Đây là năm mơ vì việc nước, không phải vì việc nhà ông. Là đi ếm giết con gái và kẻ làm giặc”. Chốc lát, bọn giặc đàn bà là Trịnh, Khương bèn cùng bị đánh dẹp, con rắn là đi ếm về đàn bà, bốn chân không phải là ngu ần gốc của rắn vậy.

Văn Đế hỏi Tuyên nói: “Ta nằm mơ có hai viên ngói trên cung điện rơi xuống đất hóa thành một đôi chim uyên ương⁽⁸³⁾ đây là điềm gì”? Tuyên đáp nói: “Chốn cung sau sắp có kẻ giết nhau”. Đế nói: “Ta lừa khanh thôi”? Tuyên đáp nói: “Nằm mơ là điềm báo vậy, tạm theo hình trong giấc mơ mà nói, lại bói được tốt xấu”. Nói chưa xong thì quan Hoàng môn lệnh tấu rằng cung nhân⁽⁸⁴⁾ giết nhau. Không lâu, Đế lại hỏi nói: “Ta tối qua nằm mơ thấy một luồng khí xanh từ đất bốc lên trời”. Tuyên đáp nói: “Thiên hạ sắp có một người con gái tôn quý bị chết oan”. Bấy giờ, Đế đã sai sứ giả ban ấn thư cho Chân Hậu⁽⁸⁵⁾ nghe Tuyên nói mà hối hận, sai người đuổi theo sứ giả không kịp. Đế lại hỏi nói: “Ta nằm mơ mài xóa chữ trên đờng tiềm, muốn sai vớt mất nhưng sáng hơn, đây là điềm gì”? Tuyên im lặng không đáp. Đế gắng hỏi, Tuyên đáp nói: “Đây là việc nhà của Bệ hạ, dầu điềm này như thế nhưng Thái hậu không theo, cho nên chữ sắp mất mà tự sáng thôi”. Bấy giờ Đế muốn trị tội của em là Thực, bị Thái hậu ép, nhưng vẫn giảm tước. Lấy Tuyên làm Trung lang, thuộc quan Thái sử.

Từng có người hỏi Tuyên rằng: “Ta hôm qua nằm mơ thấy chó rơm⁽⁸⁶⁾ ông bói thế nào”? Tuyên đáp nói: “Ông muốn có món ăn ngon thôi”? Chốc lát, đi ra, quả đúng gặp món ngon. Sau lại hỏi Tuyên nói: “Hôm qua cũng nằm mơ thấy chó rơm, là sao”? Tuyên nói: “Ông sắp bị rơi xuống xe gãy chân, nên cẩn thận đề phòng”. Chốc lát, đúng như Tuyên nói. Sau lại hỏi Tuyên: “Tối qua lại nằm mơ thấy chó rơm, là sao”? Tuyên nói: “Nhà ông bị lửa cháy, nên nhanh giữ gìn”. Chốc lát bên có lửa cháy. Bảo Tuyên nói: “Trước sau là ba lần đều không mơ như vậy, sao bói lại đều đúng thế”? Tuyên đáp nói: “Đây là thần minh báo cho ông thôi, cho nên không khác với giấc mơ thật”. Lại hỏi Tuyên nói: “Ba lần mơ thấy chó rơm mà ông bói khác nhau, sao vậy”? Tuyên nói: “Chó rơm là vật tế thần, cho nên giấc mơ đầu của ông đúng điềm báo có thức ăn vậy. Cúng tế đã xong thì chó rơm bị xe nghiêng qua, cho nên giấc mơ giữa đúng điềm báo rơi xuống xe gãy chân vậy. Sau khi chó rơm đã bị xe nghiêng qua, tất chở đi để đốt, cho nên giấc mơ sau đúng điềm báo lửa cháy vậy”. Tuyên bói giấc mơ, đại loại như thế, mười việc đúng đến tám, chín việc, người đời sánh với cái tài xem tướng của Kiến Bình. Các lần bói khác không chép ra đây. Cuối thời Minh Đế thì chết.

TRUYỆN QUẢN LỘ

Quản Lộ tự Công Minh, người quận Bình Nguyên. Dáng vẻ xấu xí, không có uy nghi lại thích uống rượu, không chơi với người có chí khác, cho nên nhiều người yêu nhưng không kính vậy.

Lộ biệt truyện viết: Lộ năm tám, chín tuổi lại thích ngưỡng xem thiên văn, gặp người nào liền hỏi tên sao, đêm không chịu ngủ. Cha mẹ thường cấm Lộ nhưng không ngăn được. Tự nói: “Tuổi ta dẫu nhỏ, nhưng trong mắt thích xem thiên văn”. Thường nói: “Gà nhà chim đồng vẫn còn biết mùa tiết, huống chi là người”? Cùng chơi với bọn trẻ xung quanh ở giữa bãi đất, liền vẽ hình vòm trời cùng Mặt trời, Mặt trăng, vì sao trên mặt đất. Hễ đôi đáp bàn việc, đều nói những việc không tầm thường, những kẻ học vụng không bắt bẻ được, đều biết Lộ đang có tài lạ. Lúc thành người lớn, quả đúng hiểu rõ cái đạo lý của Chu dịch, thiên văn, phong giác, bói đoán, xem tướng, không gì không tinh thông. Tính vốn rộng rãi, được nhiều người ưa, ghét mà không thù, yêu mà không khen, thường muốn lấy đức báo oán. Thường nói: “Trung, hiếu, tín, nghĩa là gốc rễ của con người, không thể không xem trọng; trong sạch, thẳng thắn chỉ là vẻ ngoài hào rỗng của kẻ sĩ, không đủ để xem trọng”. Tự nói: “Ít người biết ta thì ta thích, há ngăn được dòng sông Giang, sông Hán, ngăn được việc nước chảy làm mòn đá sao? Cùng Quý Chủ vui vẻ luận đạo, không muốn ngồi cùng thuyền với người đánh cá, đây là chí của ta vậy”. Lộ thờ cha mẹ có hiếu, thật thà với anh em, tin yêu bạn bè, đều tỏ rõ lòng nhân hòa, cả đời không có chỗ thiếu sót. Kẻ sĩ bình luận, kẻ già cũng chịu phục. Cha làm Túc Khâu Trưởng thuộc quận Lang Nha, bấy giờ mười lăm tuổi, đi đến phủ quan đọc sách. Lúc đầu đọc kinh Thi, Luận ngữ và sách Dịch, lại hiểu sâu viết bút, lời lẽ rõ ràng. Bấy giờ trong trường học có hơn bốn trăm học trò trong nước và phương xa đều phục tài của Lộ. Lang Nha Thái thú Đan Tử Xuân nhã nhận có tài, nghe nói Lộ là người tài của một trường, muốn được gặp, cha Lộ liền sai Lộ đến báo. Hội lớn có hơn trăm tân khách, người ngồi trong hội là những kẻ sĩ giỏi ăn nói, Lộ hỏi Tử Xuân nói: “Phủ quân là kẻ sĩ nổi tiếng, lại có vẻ tôn quý, Lộ còn tuổi nhỏ, mặt chưa cứng cõi, nếu muốn nhìn nhau, sợ mất phách vía, xin uống ba thăng rượu ngon trước, rồi mới nói chuyện”. Tử Xuân cả mừng, bèn rót ba thăng rượu ngon, sai Lộ uống một mình. Sau khi uống rượu xong, hỏi Tử Xuân nói: “Nay muốn đối đáp với Lộ, giống kẻ sĩ ngồi bốn phía của phủ quân chăng”? Tử Xuân nói: “Ta

muốn tự mình cầm cò đánh trống ngang nhau với người”. Lộ nói: “Lúc đầu đọc kinh Thi, Luận ngữ, sách Dịch, sức học nông cạn, chưa dẫn giải được cái đạo thánh nhân, chưa bày được việc của thời Tân, thời Hán, chỉ muốn bàn về việc quỷ thần, kim mộc thủy hỏa thổ thôi”. Tử Xuân nói: “Đây là những đạo lí khó nhất, mà người cho là dễ sao”? Do đó bắt đầu bàn luận rôm rả, lại bàn qua thuật số âm dương, lời lẽ như cánh hoa trôi, như cành lá mọc, dẫn ít sách vở của thánh nhân nhưng chọn nhiều việc thực của thiên nhiên. Tử Xuân và bọn kẻ sĩ cùng bắt bẻ, lời lẽ sắc bén, nhưng Lộ đối đáp từng người một, nói đều có khác. Từ sáng đến tối, không kịp ăn uống. Tử Xuân bảo mọi người nói: “Người này tuổi nhỏ mà có tài lớn, nghe lời bàn của hần, thật giống bài phú Thiên tử đi săn của họ Tư Mã, thế nhưng có khí hùng tráng cao lớn, chất anh hào tốt đẹp, tất biết rõ được cái biến hóa của thế đất hình trời, không chỉ giỏi lí lẽ thôi đâu”. Do đó lững lầy ở Từ Châu, gọi là thần đồng.

Cha làm Lợi Tào Trưởng, dân huyện Lợi Tào là ba anh em Quách Ân đầu mắc bệnh què chân, sai Lộ bói cò thi xem nguyên nhân. Lộ nói: “Trong quẻ có cho biết mộ gốc của nhà ông, trong mộ có quỷ nữ, không phải là bá mẫu của ông, thì là thúc mẫu vậy. Thời xưa đói khổ, lúc ấy tham lợi mấy thăng gạo mà xô đẩy người ấy xuống giếng, kêu cứu the the, rồi đẩy một tảng đá lớn xuống làm vỡ đầu người ta, quỷ nữ đau oán, tự kêu với trời”. Do đó Ân khóc lóc nhận tội.

Lộ biệt truyện viết: Dân huyện Lợi Tào là Quách Ân tự Nghĩa Bác, có tài học, giỏi đọc sách Chu dịch, giải nghĩa sách Xuân thu, lại biết xem thiên văn. Lộ đến chỗ Nghĩa Bác đọc sách Dịch, trong mấy chục ngày bèn hiểu rõ được, lí lẽ hơn cả thầy. Do đó bói cò thi lập quẻ, suy nghĩ sâu xa, bói xem việc tang ma, giàu nghèo, chết mất, bệnh tật của bọn học trò trong trường học, vốn không sai khác, chẳng ai không kinh ngạc, gọi là người thần vậy. Lại theo Nghĩa Bác học xem thiên văn, trong vòng ba mươi ngày thâu đêm không ngủ, bảo Nghĩa Bác nói: “Ông chỉ nói được những chỗ sơ qua thôi, đến như những việc vận hội, tai họa, tự có trời bảo cho ta biết”. Học chưa được một năm, Nghĩa Bác lại phải theo Lộ hỏi các đạo lí quan trọng của kinh Dịch và thiên văn. Nghĩa Bác hể nghe lời Lộ nói, chưa từng không cảm khái chịu phục, tự nói: “Lúc trông nghe lời bàn phải của ông, quên cả bệnh nặng của ta, sáng tối không thể đuổi kịp được ông, có lẽ càng xa hơn”! Bác Nghĩa bày lễ chủ khách, chỉ mời Lộ, nói hết cay đắng, tự nói: “Ba người anh em ta bị bệnh què chân, không biết vì sao? Thử giúp ta lập quẻ, để biết được từ đâu. Nếu có tai họa gì, thì đạo trời cũng tha cho người, nay ta cầu phúc với thần minh là vì không được thần minh yêu quý vậy. Nếu anh em ta gặp may thì như được sống lại”. Lộ liền lập quẻ, biết rằng chẳng lành. Đến chiều tối, nhân đó nghỉ lại, đến giữa đêm, bảo Nghĩa Bác rằng: “Ta đã bói được rồi”. Nói xong việc ấy, Nghĩa Bác buồn rầu khóc ướt áo, nói: “Cuối thời nhà

Hán, đúng có việc ấy. Ông không nói với ta là vì ngại. Ta không nói được là vì lẽ. Anh em ta quê chân đã hơn ba mươi năm, chân như có cây gai, không thể chữa được, chỉ mong con cháu không bị thôi”. Lộ nói rằng hành hỏa không dứt, hành thủy không thừa, không lan đến đời sau.

Vợ của Lưu Phụng Lâm người huyện Quảng Bình mắc bệnh nặng, đã mua quan quách. Bấy giờ là tháng giêng, sai Lộ bói, nói: “Mất lúc giữa buổi vào ngày tân mao tháng tám”. Lâm nói là không đúng, rồi vợ dần dần, đến mùa thu lại phát bệnh, đúng như Lộ nói.

Lộ biệt truyện viết: *Bào Tử Xuân làm Liệt Nhân Lệnh, có tài sáng suốt, gặp nhau với Lộ, nói: “Nghe nói ông giúp Lưu Phụng Lâm bói xem ngày mất của vợ, hay sâu như thế, thử bàn ý nghĩa của nó không”? Lộ nói ý của hào tượng, bàn nghĩa của biến hóa, như khuôn tròn khuôn vuông, không gì không hợp. Tử Xuân tự nói: “Ta thuở nhỏ thích bàn về Dịch, lại ưa bói cổ thi, có thể nói là thằng mù muốn nhìn trắng đen, kẻ điếc muốn nghe trong đục, vất vả mà không được gì. Sau khi nghe ông nói, tự biết được thân mình, thật là kẻ ngu mê”.*

Lộ đến gặp An Bình Thái thú Vương Cơ, Cơ sai Lộ lập quẻ, Lộ nói: “Sắp có người vợ lẽ sinh một bé trai, rồi xuống đất lại chạy vào trong bếp mà chết. Lại trên giường sắp có một con rắn lớn ngậm cái bút, người lớn nhỏ cùng đứng xem, chốc lát lại bỏ đi. Lại có một con quạ bay vào trong nhà, cùng đánh với con én, con én chết, con quạ bay đi. Đây là ba việc lạ”. Cơ cả sợ, hỏi lành dữ của việc ấy. Lộ nói: “Chỉ là ở phòng khách do ông ở xa lâu ngày, bọn quỷ si mi, vọng lượng gây việc lạ này. Trẻ con sinh ra lại chạy, nhưng không tự chạy được, chỉ là con yêu quỷ Tống Vô Kỵ đem đứa trẻ vào bếp vậy. Con rắn lớn ngậm cái bút, chỉ là viên Thư tá già vậy. Con quạ đánh với con én, chỉ là viên Linh hạ vậy. Nay trong quẻ thấy tượng mà không thấy cái xấu, biết rằng không có điềm yêu quỷ gây xấu, không phải tự lo lắng”. Sau đúng là không có hại.

Lộ biệt truyện viết: *Cơ và Lộ cùng bàn Dịch, trong mấy ngày, đều cho là vui mừng, bảo Lộ nói: “Cùng nghe biết ông giỏi bói mai rùa, cùng bàn cái hay đẹp của nó, ông có tài lạ trên đời, đáng ghi vào thẻ tre dài lụa vậy”. Lộ giúp Cơ lập quẻ, biết là không có việc xấu, nhân đó bảo Cơ nói: “Cái vạc của Cao Tông thời xưa, không phải là cái mà chìm trĩu đầu, sân đình của nhà Ân, không phải là chỗ mà cây mọc, vậy mà quạ hoang đến đầu, Vũ Đình là Cao Tông, lúa dâu liền mọc, là điềm Thái Mậu hưng khởi vậy. Biết rằng ba việc dấu không phải là điềm lành, nhưng cũng mong phủ quân yên thân tu đức, rộng rãi sáng suốt, chớ vì nghĩ về quỷ gian mà bôi xấu cho tính chân thật”.*

Bấy giờ đàn bà nhà Tín Đô Lệnh kinh hãi, lại thay nhau mắc bệnh tật, sai Lộ bói cỏ thi. Lộ nói: “Góc tây nhà phía bắc của ông có hai cái cây đàn ông chết, một cây cầu mâu, một cây cầu cung tên, đầu ở trong vách, chân ở ngoài vách. Cây cầu mâu thì đâm vào đầu, cho nên đầu đau nặng không cử động được; cây cầu cung tên thì bắn vào bụng ngực, cho nên trong tim ngực đau nhức không ăn uống được. Ngày thì bay dạt, đêm thì gây bệnh cho người, cho nên làm cho đàn bà kinh hãi vậy”. Do đó đào lên dờn xương cốt đi, người trong nhà đầu khỏi.

Lộ biệt truyện viết: Vương Cơ liên sai Tín Đô Lệnh đào trong nhà mình, đào đất sâu tám thước, quả có hai quan tài, trong một quan tài có mâu, trong một quan tài có cung sừng và cây tên, cây tên đã lâu ngày, gỗ đều mục nát, chỉ có mũi sắt và sừng còn thôi. Lúc dờn xương cốt, rời thành mười dặm mà chôn, bèn không bị bệnh nữa. Cơ nói: “Ta thuở nhỏ ham đọc kinh Dịch, nhưng trễ nhác đã lâu, không ngờ cái số của thân mình lại kì diệu như thế”. Lại theo Lộ học Dịch, bàn thêm thiên văn. Lộ hề lập mở tượng biến hóa, giải thích chiêm lành dữ, chưa từng không kĩ càng chu đáo, nói hết ý nghĩa của nó. Cơ nói: “Lúc đầu nghe ông nói, làm sao biết được ý nghĩa thường là rối rắm, đây là tự trời giúp cho, không phải tự người biết được vậy”. Do đó cất sách Chu dịch, thôi suy nghĩ, không theo học bói mai rùa, cỏ thi nữa. Người làng ấp của Lộ là Nãi Thái Nguyên hỏi Lộ rằng: “Ông ngày trước giúp Vương phủ quân bàn việc lạ, nói viên Thụ tá già là con rắn, tên Linh hạ già là con quạ, đây vốn đều là người, sao lại hóa thành kẻ hèn được? Chỉ thấy ở hào tượng, sao ông lại biết ý ấy”? Lộ nói: “Nếu không có tính gốc và đạo trời, sao lại vì trái hào tượng mà dùng người tìm bụng vậy? Cái biến hóa của muôn vật là không có hình thường, cái đổi lạ của người là không có thân thường, hoặc lớn thành bé, hoặc bé thành lớn, vốn là không có tốt hay xấu. Cái biến hóa của muôn vật là cái đạo thường có vậy. Cho nên Hạ Cỗn là cha của Thiên tử, Triệu Vương Như Ý là con của Hán Cao Tổ, vậy mà Cỗn hóa thành gấu vàng, Như Ý hóa thành chó đen, họ đều là giữ ngôi rất tôn quý mà biến thành loài mồm đen. Huống chi con rắn hợp ở ngôi thìn tị, con quạ đậu ở giữa Mặt trời, đây là hình rõ trong các vật đen tối, như ánh sáng giữa ban ngày. Như Thụ tá, Linh hạ đều là cái thân nhỏ mọn hóa thành con rắn, con quạ, cũng chẳng quá đâu”.

Người huyện Thanh Hà là Vương Kinh bỏ quan về nhà, gặp nhau với Lộ. Kinh nói: “Gần đây có một việc lạ, lòng rất không vui, muốn phiền ông lập quẻ giúp”. Quẻ thành, Lộ nói: “Hào tốt, không phải là lạ. Ông buổi đêm ở trước cửa phòng có một tia sáng như cái chén én bay vào trong người ông, có tiếng râm ran, trong lòng không yên, cởi áo ngáp ngừng, vậy gọi đàn bà đến tìm kiếm tia sáng thừa”. Kinh cười to nói: “Đúng như ông

nói”. Lộ nói: “Hào tốt, là điềm chuyên quan vật, ứng nghiệm may lắm”. Chốt sau, Kinh làm Giang Hạ Thái thú.

Lộ biệt truyện viết: Kinh muốn sai Lộ bói mai rùa, nhưng có lời nghi ngờ, Lộ cười mà trách Kinh nói: “Quân hầu là người thành đạt trong châu, sao lại nói lời hèn mọn! Xưa Tư Mã Quý Chủ có nói rằng người bói mai rùa phải học theo thói thường của trời đất, noi theo phép tắc của bốn mùa, thuận theo nhân nghĩa. Phục Hi lập tám quẻ, Chu Văn Vương lập ba trăm tám mươi tư hào thì thiên hạ được trị. Có kẻ mắc bệnh thì chữa khỏi, có kẻ sắp chết thì cứu sống, có kẻ mắc họa thì giúp tránh, việc làm thì phải xong, cưới vợ hỏi thiếp thì giúp sinh con nhiều, há chỉ vì mấy nghìn đồng tiền sao? Lấy đó mà suy, đây mới là việc quan trọng. Nếu đạo sáng thì người thánh hiền không từ bỏ, huống chi ta là kẻ tiểu nhân, ta dám cho là khó làm sao!” Ngạn Vĩ chấp tay tạ lỗi với Lộ nói: “Lời trước là đùa thôi”. Do đó Lộ bèn lập quẻ, lời bói đều ứng nghiệm. Kinh hể hân về Lộ, cho rằng Lộ là thần của rồng mây, người biết giữ lòng yên ổn, biết giao tiếp với quỷ thần, không chỉ có tài tổng hợp mà thôi.

Lộ lại đến nhà Quách Ân, có con chim câu bay đến đậu trên cột, kêu rất bu ồn. Lộ nói: “Sắp có ông già từ phương đông đến, mang theo một đầu lợn, một bầu rượu, chủ nhà dẫu vui, nhưng có việc liên quan đến con nhỏ”. Ngày sau đúng có khách, như Lộ bói. Ân sai khách bót uống rượu, kiêng thịt, cẩn thận với đồ nóng, lại bắt gà nấu thịt, mũi tên từ giữa cây bay nhanh trúng vào tay của con nhỏ mới vài tuổi, máu chảy vung vãi.

Lộ biệt truyện viết: Nghĩa Bác sau khi theo Lộ học bói tiếng kêu của chim, Lộ nói: “Ông dẫu ham học đạo, tài năng đã ít, lại không giỏi âm luật, e rằng khó làm thầy được”. Lộ giảng về cái biến hóa của gió bốn phương, trong số năm tiếng âm, dựa theo âm luật lấy tiếng của các loài chim là tiếng thương, lấy sáu giáp là đầu môi của ngày mùa, trái ngược đan xen, ra vào không cùng. Nghĩa Bác yên lặng nghĩ sâu, trải qua mấy ngày, rút cuộc chẳng học được gì. Nghĩa Bác nói: “Tài chẳng hơn gì, khó mà nghĩ bói điềm báo ở thứ này”. Bèn thôi.

Lộ đến nhà An Đức Lệnh là Lưu Trường Nhân, có con chim khách bay đến trên cửa nhà mà kêu. Lộ nói: “Chim khách kêu ở phía đông bắc có điềm báo người vợ tối nay giết chồn, mượn có chồn mình vướng víu với người nhà phía tây, đợi không quá ngày vào lúc mặt trời lặn, người báo tin tất đến vậy”. Đến lúc, đúng có dân huyện Đông Ngũ từ phía đông bắc đến báo, có người đàn bà bên cạnh giết chồn mình, nói dối là chồn mình có hiềm khích với người nhà phía tây, đến giết chồn mình.

Lộ biệt truyện viết: Người quận Bột Hải là Lưu Trường Nhân có tài biện luận, lúc đầu dẫu nghe nói Lộ hiểu được tiếng chim kêu, sau thường gặp Lộ hỏi nói: “Âm tiếng của người sống gọi là nói, âm tiếng của chim thú gọi là kêu, cho nên

người nói thì biết được thần thái, chim thú kêu thì biết được tên hèn, sao lại cho rằng tiếng chim kêu là lời nói, làm loạn cái khác nhau mà thần mình sắp đặt vậy? Khổng Tử nói ‘người ta không cùng bày với chim thú’, làm rõ cái hèn mọn của chim thú rồi vậy”. Lộ đáp nói: “Trời dẫu có hình tượng lớn nhưng không tự nói ra được, cho nên sao dòi ở trên, thần mình chuyển ở dưới, bày điềm báo cho mây gió để tỏ rõ điềm báo tai vạ, đặt chim thú để giao tiếp với thần mình. Kể tỏ rõ tai vạ tất có lúc chìm lúc nổi, kể giao tiếp với thần mình tất có điềm ứng của tiếng cung tiếng thương, cho nên Tống Tương Công mất đức thì có điềm báo sáu con chim cốc cùng chết, Bá Cơ sắp bị cháy thì có điềm con chim kêu báo trước tai họa, bốn nước chưa cháy mà gió nóng đã nổi dậy, chim đỏ đến trong ngày, gậy vạ xảy ra tại miên Kinh Sở. Đây là con vật mà trời cao sai đi báo tin, là dấu môi rõ ràng của tự nhiên. Xét âm luật thì âm tiếng có tiếng của gỗ, tìm bói về việc người thì việc lành dữ không sai. Ngày xưa tổ tiên của nhà Tần có công mà được phong, ở thành Cát Lư nghe âm tiếng chim kêu, được chép tại sách Xuân thu, những việc này đều là có thật trong sách vở, không phải là lời hão của bậc thánh hiền. Nhà Thương sắp nổi lên, cũng có điềm báo từ một quả trứng của chim én. Văn Vương nhận ngôi, có điềm con chim đỏ ngậm sách, đây là điềm lành của thánh nhân, lộc tốt của nhà Chu, sao lại là hèn mọn được? Nghe tiếng chim kêu, thần mình ở tại sao Thuần hỏa, điều lành báo ở tám quẻ, tự nó không tự nói ra được, nhưng vẫn biết được việc sống chết của Tử Lộ vậy”. Trương Nhân nói: “Ông nói dẫu nhiều, hay mà không thật, ta chưa dám tin”. Chốc lát có hiệu nghiệm của tiếng chim khách kêu, Trương Nhân mới chịu phục.

Lộ đến chỗ của người huyện Liệt Nhân là Điền nông Vương Hoàng Trục, có gió lốc cao đến hơn ba thước, từ hướng thân thổi đến, cuộn xoáy vòng quanh, dừng rồi lại thổi, rồi lâu mới thôi. Trục do đó hỏi Lộ, Lộ nói: “Phía đông sắp có quan coi ngựa đến, sợ rằng có điềm báo cha khóc con, vậy sao”? Ngày sau có quan từ huyện Giao Đông đến, con Trục quả đúng chết. Trục hỏi nguyên nhân, Lộ nói: “Ngày ấy là ngày ất mão, lại ứng với con trượng. Gỗ rụng ở hướng thân, sao Đầu ở hướng thân, mà thân phá dần là đi ếm ứng chết tang vậy. Thêm nữa ngày đến giờ ngọ mà gió lại nổi thì ứng với đi ếm về con ngựa. Quẻ li là văn chương, ứng với quan lại. Thân mùi là hổ, hổ là đại nhân, thì ứng với đi ếm người cha vậy”. Có con chim trĩ trống bay đến, đậu trên đầu cột chuông trong nhà Trục, Trục rất lấy làm không yên, sai Lộ lập quẻ, Lộ nói: “Đến tháng năm tất nhận chức”. Bấy giờ là tháng ba, đến kì, Trục quả đúng làm Bộ Hải Thái thú.

Lộ biệt truyện viết: Lộ lại nói: “Gió thổi theo từng lúc, hào ứng với tượng, bấy giờ thân mới sai sứ đi, tượng là hình dạng của lúc ấy, cũng chỉ là một lúc, không đủ xem là điềm nạn”. Vương Hoàng Trục cũng là người có học thức, có thuật đạo, nhưng đều không giỏi. Hỏi Lộ rằng: “Gió thổi thay đổi, là như thế chăng”?

Lộ nói: “Đấy chỉ là gió thổi nhẹ, sao đủ xem là tai vạ? Nếu mà các vì sao không sáng thì các vị thần làm loạn, gió tám phương thổi to, khí mạnh bay giạt, núi lở đá rơi, cây cỏ gãy ngã, bụi bay vụn dậm, nhìn chẳng thấy trời, chim thú trốn nấp, triệu dân kinh sợ, do đó sai bộn như Tử Thận, trèo lên đài cao, ngóng khí gió, xét tai họa, đoán ngày ứng, rồi mới biết nghĩ sâu về cõi xa xăm, gió lạ như thế mới đáng sợ”.

Quán Đào Lệnh là Gia Cát Nguyên chuyển làm Tân Hưng Thái thú, Lộ đến tống tiễn Nguyên, tân khách cùng dự hội. Nguyên tự đứng dậy lấy trứng én, tổ ong, con nhện để trong hộp, sai đoán mở. Quẻ thành, Lộ nói: “Vật thứ nhất, chứa khí r ễ đổi, dựa vào hiên nhà, thành hình trống mái, dương cánh duỗi bay, đấy là trứng én vậy. Vật thứ hai, nhà cửa đảo ngược, cánh cửa lăm nhều, chứa tinh nuôi độc, mùa thu mới hóa, đấy là tổ ong vậy. Vật thứ ba, chân dài lập cập, nhả tơ thành lưới, giăng mạngi tìm ăn, chi ều tối mới lợi, đấy là con nhện vậy”. Mọi người ng ẫ ầu kinh ngạc.

Lộ biệt truyện viết: Gia Cát Nguyên tự Cảnh Xuân, cũng là một kẻ sĩ có học thức. Ưa bói đoán, nhiều lần đoán mở với Lộ, nhưng không bằng Lộ. Cảnh Xuân muốn phân chia cao thấp với Lộ, nhân lúc Lộ đến tiễn mình, có rất nhiều khách giỏi bàn chuyện ở đấy. Mọi người nghe nói Lộ gọi bói mai rùa, xem thiên văn, nhưng không biết Lộ có tài cao lạ, do đó cùng bàn về nguồn gốc các sách vở nổi tiếng của thánh nhân, lại kể về đêm báo Ngũ Đế, Tam Vương nhận ngôi. Lộ giải thích sâu xa cho Cảnh Xuân, rồi mở ra trận đánh, có ý làm cho không vững, ẩn náu nơi trống trải để đợi đến đánh. Cuối cùng Cảnh Xuân chạy về phía bắc, quân sĩ thua vỡ, tự nói rằng mình thấy Lộ ở dưới cờ tinh, mà thành lũy đã đổ. Quân muốn đánh của Lộ ở dưới gỗ trống thổi tù và, treo thang mây, bắn cung nổ hỗn loạn, tụ tập cờ ngà . Sau đó trèo lên thành ra oai, mở cửa ra đánh. Ở trên bàn về Ngũ Đế trôi chảy như sông Giang sông Hán, dưới nói đến Tam Vương rộn ràng như bay như vũ, bọn anh tài của Lộ như hoa mùa xuân cùng nở, người đánh trận của Lộ như gió mùa thu thổi lá. Người nghe ngơ ngác, không hiểu nghĩa gì, người nói im tiếng, chẳng ai không phục, dẫu Bạch Khởi chôn sống quân Triệu, Hạng Vũ ngăn nước sông Tuy, chẳng gì hơn thế. Bấy giờ khách đều muốn trối tay ngậm ngọc, xin buộc tay ở dưới trống quân. Lộ vẫn đứng chỉ huy ở trên gò, chưa chịu hứa cho. Đến hôm sau, vào lúc chia tay, rồi mới có ý muốn đầu cuối. Lúc ấy có tám, chín người là kẻ sĩ tuấn kiệt trong nước vậy. Thái Nguyên Tài ở trong nhóm bạn ấy là có tài năng nhất, ở giữa nhóm bạn ấy nói: “Vốn nghe nói ông vẽ chó sao lại là rồng”? Lộ nói: “Dương ẫn chưa đổi, không phải là cái mà các ông biết, há chỉ có chó mới được nghe tiếng rồng chăng”? Cảnh Xuân nói: “Nay sắp chia xa, biết lúc nào gặp? Lại được cùng một lần đoán mở nữa”? Lộ đoán đã đều đúng, Cảnh Xuân cười to, nói: “Ông giúp ta nói ý của quẻ, khiến lòng ta mới chịu phục”. Lộ bèn mở hào giải nghĩa, phân bố hình

tượng, lời nói sâu xa mà thuận hợp, kì diệu không thể nói hết. Cảnh Xuân cùng bọn khách sau khi nghe nói chẳng ai không khen hay, còn vui hơn cả lúc đoán mở. Cảnh Xuân chia tay với Lộ, lấy hai việc để răn bảo Lộ, nói: “Tính ông ham rượu, dẫu uống được nhiều, nhưng không nên nữa, phải giảm bớt đi. Ông có tài như kính sáng, người soi đều là kì diệu, xem thiên văn dẫu là giỏi, nhưng họa như lửa ngầm, không thể không cẩn thận. Dựa vào cái tài lạ của ông, có thể dạo khắp dải sông ngân, không lo không được giàu có”. Lộ nói: “Không uống hết rượu được thì không trở tài hết được, ta muốn lấy rượu làm lễ nghi, xem tài năng là dốt nát, còn lo gì nữa”?

Có người anh họ của Lộ là Hiếu Quốc, ở tại huyện Xích Khâu, Lộ đến theo người ấy, hội với hai người khách. Sau khi khách đi, Lộ bảo Hiếu Quốc nói: “Giữa trán và tai miệng của hai người ấy đều có khí xấu, tai và mắt đến, như hai cái hèn không có mộ,

Lộ biệt truyện viết: Lộ lại nói: “Mùi nồng độc hại, thần thái tối tăm, lấy hổ làm quách, đổi làm xe tang”.

hèn bay vào sông, xương về ở nhà, ít lúc nữa sẽ cùng chết vậy”. Mấy chục ngày sau, hai người uống rượu say, buổi đêm cùng ngủ ở xe, trâu sợ đi đường mà rơi xuống sông Chương, đều bị chết đuối.

Lúc bấy giờ, ở làng ấp của Lộ, nhà không cần đóng cửa ngoài, không có kẻ trộm cắp nhau, Thanh Hà Thái thú Hoa Biểu gọi Lộ làm Văn học huyện. Người huyện An Bình là Triệu Khổng Diệu tiến cử Lộ với Kí Châu Thứ sử Bùi Huy nói: “Lộ rộng rãi hòa nhã, không hiềm với người đời, ngẩng xem thiên văn thì tài như Cam Công, Thạch Thân, cúi nhìn Chu dịch thì sâu xa như Quý Chủ. Nay sứ quân đang muốn rửa lòng nơi đồng cỏ, chú ý chốn đầm sâu, Lộ lại ứng đi ềnh nhu hòa, gặp lúc được làm vậy cánh vậy”. Do đó Huy gọi làm Văn học Tòng sự, dẫn đến gặp nhau, cả mừng mà kết bạn. Dời nhà đến quận Cự Lộc, chuyển làm Trị trung Biệt giá.

Vừa vâng lời châu gọi, cùng ngủ ở xe với em là Quý Nho đến phía tây huyện Vũ Thành, tự gieo quẻ đoán tốt xấu, bảo Nho nói: “Sắp thấy ba con cáo ở trong thành cũ, đến đấy mới rõ”. Đi đến góc thành cũ phía tây sông, đúng là thấy ba con cáo cùng ngủ ở bên thành, anh em đều mừng. Năm Chính Thủy thứ chín, cử Tú tài.

Lộ biệt truyện viết: Lộ được Hoa Thanh Hà gọi, làm Bắc huyện Văn học, lúc ấy bạn bè chẳng ai không ngưỡng mộ. Người huyện An Bình là Triệu Khổng Diệu sáng suốt có học thức, có tình bạn Quán, Bão với Lộ, bèn từ huyện Phát Can đến ở giữa trường quận gặp nhau với Lộ, nói: “Trong bụng anh rộng rãi, thời xưa

người chết người xưa đã mất chỉ bằng nửa của anh, người ở thời nay chẳng ai sánh kịp anh, nay sắp bỏ chỗ thấp mà bay cao, lượn lờ trên trời xanh, có mây ở đó không? Nghe tin về anh, khiến ta ăn không ngon miệng. Bùi sứ quân của Kí Châu tài giỏi trong sáng, giải thích sâu xa, thường bàn về kinh Dịch và đạo Lão, Trang chưa từng không chăm chú bằng Nghiêm, Cù vậy. Lại xem ý ta tha thiết, cũng là người tin cậy nhau. Nay sắp rời đi, vì anh mà bày tỏ lòng thành cảm hồ chẻ đá”. Lộ nói: “Ta không phải là con rồng nơi vực sâu, sao làm Mặt trời ban ngày, Mặt trăng buổi đêm được? Nếu anh quạt được gió đông, thổi mây buổi sớm thì chí ta không chổi”. Do đó bèn đến Kí Châu gặp Bùi sứ quân. Sứ quân nói: “Cái mặt của ta sao lại gầy sút vậy”? Khổng Diệu nói: “Trong người không có bệnh vì uống thuốc đá, nhưng thấy trong quận Thanh Hà có một con ngựa kì kị, sau nhiều năm bị bó buộc ở chuồng đã chạy cách xa Vương Lang, Bá Nhạc một trăm tám mươi dặm, nhưng không được ruỗi trên đỉnh trời, rong giữa gió bụi”. Sứ quân nói: “Ngựa kì kị nay ở đâu vậy”? Khổng Diệu nói: “Người quận Bình Nguyên là Quản Lộ tự Công Minh, vừa ba mươi sáu tuổi, rộng rãi nhã nhặn, không hiềm với người đời, có thể nói là bậc anh hùng trong bọn kẻ sĩ. Ngưỡng xem thiên văn thì tinh thông như Cam Công, Thạch Thân, cúi đọc Chu Dịch thì nghĩ sâu như Quý Chủ. Đạo chơi học thuật đạo, đoán ý thần không có chỗ cùng, có thể nói là bậc anh tài trong bọn kẻ sĩ. Ôm ngọc núi Kinh, mang châu đêm sáng, vậy mà chỉ được quận Thanh Hà cho làm Bắc huỳnh Văn học, có thể nói là đau lòng đau đầu vậy. Sứ quân đang muốn để lòng nơi vực sâu, thả ý nơi cõi lặng, muốn khiến cho bậc chủ hiền không coi việc một mình, người tài không bị ứ lâu, gió mạnh được thổi xa, chẳng ai không cúi rạp, vậy nên khiến cho Lộ được ứng hợp với âm nhu, gặp thời được tin dùng, tất dương cao giáo hóa, vang vọng khắp chín cõi”. Bùi sứ quân nghe nói thì cảm khái nói: “Có như thế sao! Dẫu tại châu lớn nhưng chưa được thấy người cái tài lạ cỡ bỏ nổi buồn rầu, ta có ý về kinh sư, muốn cùng bàn về thuật đạo thôi, huống chi giữa chốn đông ruộng có người tài kì lạ như thế? Nếu vì thế mà chọn dùng, chẳng phải là làm cho ngựa kì kị lại thành ngựa quèn, ngọc núi Kinh trở thành đá thường sao”? Liên viết hịch gọi Lộ đến làm Văn học Tòng sự. Lúc gặp nhau, nói chuyện cả ngày, không biết chán mệt. Bấy giờ trời nóng, dời giường đến dưới cây trước sân, lại đến lúc gà gáy báo sáng rồi mới đứng dậy. Lần gặp sau, chuyển làm Cự Lộc Tòng sự. Lần gặp thứ ba, chuyển làm Thị trung, lần gặp thứ tư, chuyển làm Biệt giá. Đến tháng mười, cử làm Tú tài. Lộ từ chối Bùi sứ quân, sứ quân nói: “Hai vị Thượng thư họ Hà, họ Đặng dẫu có tài năng giúp nước nhưng không giỏi về đạo lí của muôn vật. Hà Thượng thư có ý nghĩ kĩ càng, lời nói khéo léo, e rằng một sọt lông cũng chú ý đến, ông nên cẩn thận! Ông tự nói không thể giải thích chín việc của đạo Dịch, họ tất đến hỏi xem. Nếu đến Lạc Dương, nên hiểu rõ cái đạo lí ấy”. Lộ nói: “Nếu Hà Thượng thư khéo léo, lấy cái tài ấy mà gây khó, chỉ lộ vẻ bề ngoài, chưa vào trong lòng ý vậy. Nếu vào lòng ý thì ta phải nhìn thiên văn, xét âm dương, khảo cái huyền ảo, nghĩ đến

cùng cỡi thân cỡi người, rồi mới xem đến cái đạo không cùng, không dễ nói kỹ hết. Như muốn phân chia đạo Lão Trang mà hỏi đến hào, tượng, wa biện bác xét nét mà nói lời văn vẻ, sáo rỗng, đây chỉ là cái khéo đọi bắt tĩa, không có cái tài xét nét từng sợi lông đâu. Nếu chín việc của ta đều rất phải, thì không cần phải lo xa. Nếu hỏi về âm dương, cái này ta giỏi đã lâu. Sau khi Lộ đi, đâu năm sẽ có gió nổi, gió nổi tất bẻ gãy cây gỗ. Nếu phát từ hướng càn, tất có oai trời, họ không đủ cùng nói chuyện”.

Ngày hai mươi tám tháng mười hai, Lại bộ Thượng thư Hà Yển gọi Lộ, mà Đặng Dương cũng ở chỗ Yển, Yển bảo Lộ nói: “Nghe nói ông gieo quẻ rất thần kì, thử giúp ta gieo một quẻ, có làm đến ngôi Tam công không”? Lộ hỏi: “Nhiều lần nằm mơ thấy con ru ồi xanh có mấy chục cái đầu bay đến đậu trên mũi, xua chúng mà không chịu bay đi, có đi ền gì không”? Lộ nói: “Chim cú bay là chim hèn dưới vòm trời, đến khi nó đến trên cành cây ăn quả dâu thì kêu tiếng hay làm người ta cảm động, huống chi lòng Lộ chẳng phải là cây cỏ, dám không dốc hết lòng trung? Xưa nguyên khảo giúp đỡ Trọng Hoa, ban ân hòa thuận, Chu Công che chở Thành Vương, ng ồi mà đọi sáng, cho nên sáng rõ khắp sáu cõi, muôn nước đều yên. Đây là đi ền ứng đạo được sửa ngay, không phải do bói đoán làm rõ vậy. Nay quân hầu giữ chức nặng như núi lớn, thế như sấm điện, mà người trông mong thì ít, kẻ sợ oai thì nhiều, e rằng không phải là lòng nhân cận thận có nhiều phúc lành. Lại nữa mũi là quẻ cấn, đây là núi giữa trời,

Thân là Tùng Chi xét: Sách xem tướng nói rằng chỗ của mũi là giữa trời, mũi có tượng núi, cho nên nói là “núi giữa trời” vậy.

dầu cao mà không đỡ, đây mới giữ tôn quý được lâu dài vậy. Nay ru ồi xanh xấu xí bay đến đậu ở đó. Ở chỗ cao là đỉnh đầu, kẻ ngang ngược thì dễ ngã chết, không thể không nghĩ đến cái số hại lớn, kì hạn của thịnh và suy. Cho nên núi ở giữa đất gọi là khiêm, sấm ở trên trời gọi là tráng; khiêm thì tồn nhiều thêm ít, tráng thì không có lẽ không làm được. Chưa bị tổn thân thì không sáng lớn, không làm thì không bị thương hại. Mong quân hầu trên nghĩ về cái hay của sáu hào Văn Vương, dưới xét cái nghĩa của duyên tượng Ni Phủ, sau đó mong làm ngôi Tam công, mới đuổi được ru ồi xanh”. Dương nói: “Đây là lời tâm thường của ông trẻ”. Lộ đáp nói: “Ông trẻ nhưng thấy được người không trẻ, kẻ nói lời tâm thường thì thấy được kẻ không nói”. Yển nói: “Năm sau sẽ lại gặp nhau”.

Lộ biệt truyện viết: Lộ được Hà Yển gọi, rồi cùng bàn chín việc của Dịch, chín việc đều rõ. Yển nói: “Ông bàn về âm dương, trên đời này không có hai người”. Bấy giờ Đặng Dương cùng ngồi với Yển. Dương nói: “Ông có thể nói là giỏi

đạo Dịch, mà ta sơ sài không hiểu kịp ý nghĩa trong đạo Dịch, vì sao thế”? Lộ lựa lời đáp nói: “Người giỏi đạo Dịch thì không bàn về đạo Dịch”. Yên ngậm cười mà khen Lộ rằng: “Có thể nói là chọn lời mà nói không làm buồn lòng người khác”. Nhân đó xin Lộ lập quẻ. Lộ đã dẫn gương cũ để răn, Yên tạ Lộ nói: “Biết được bao nhiêu về sự thần kì của đạo Dịch đâu? Người xưa đã cho là khó; quẻ sơ qua mà tỏ rõ được sự thật, người nay cũng cho là khó biết. Nay ông một mặt mà biết hết hai cái đạo khó ấy, có thể nói là đức sáng lâu dài. Kinh Thi chẳng nói là ‘trong lòng đã khắc ghi thì ngày nào cho quên’ sao”!

Lộ về nhà quê, đem lời ấy để nói cho người cậu, người cậu mừng Lộ nói xằng quá. Lộ nói: “Nói với người chết, còn sợ gì sao”? Người cậu cả giận, nói là Lộ xằng bậy. Đầu năm, phía tây bắc nổi gió to, bụi bay đầy trời, hơn mười ngày sau, nghe tin Yên, Dương đầu bị giết, sau đó người cậu mới phục.

Lộ biệt truyện viết: Cậu là Hạ Đại phu hỏi Lộ rằng: “Ngày trước gặp họ Hà, họ Đặng, đã thấy có khí xấu chưa vậy”? Lộ nói: “Cùng gặp với người mang họa, sau đó biết thân mình giao loạn; giống nhau với người lành, lại biết bậc thánh hiền tìm cái thần kì. Bước đi của họ Đặng thì gân không bó được xương, mạch không giữ được thịt, ngồi đứng nghiêng đảo như không có chân tay, gọi quỷ xiêu. Lúc họ Hà hỏi han thì hồn không giữ xác, mặt không có màu tươi, tinh thần vật vờ, dáng như cây khô, tướng ấy gọi là quỷ tối. Cho nên quỷ xiêu thì dễ bị gió thổi, quỷ tối thì dễ bị lửa đốt, đây là điềm báo tự nhiên, không che được vậy”. Sau Lộ vì thế mà được yên, Bùi sứ quân hỏi rằng: “Hà Bình Thúc là người tài một thời, sự thật thế nào”? Lộ nói: “Cái tài của người ấy như nước trong hộp thùng, thấy được thì trong, không thấy được thì đục. Lòng muốn biết rộng, nhưng chí không ở tại cái học không cùng, như thế chẳng thành người tài được. Muốn lấy nước trong hộp thùng để tìm cái hiểu biết có hình to như quả núi, thì không tìm hiểu hình được, vậy thì trí do đó mà mê hoặc. Cho nên bàn về đạo Lão Trang khéo léo mà sáo rỗng, nói về đạo Dịch thì đẹp mà giả dối; sáo rỗng thì đạo rỗng, giả dối thì lòng rỗng; được tài cao thì nông cạn mà dòng đứt, được tài vừa thì dối ý mà cô lẻ, Lộ cho rằng đây chỉ là cái tài vừa nhỏ thôi”. Bùi sứ quân nói: “Đúng như ông nói. Ta mấy lần bàn đạo Lão Trang cùng đạo Dịch với Bình Thúc, thường thấy lời lẽ của hắn có tình diệu, không bắt bẻ được. Lại nữa người thời nay hòa theo, đều tin phục hắn, ta càng thêm không rõ. Nay gặp nhau được nghe lời phải, mới được hiểu rõ”.

Lúc trước Lộ qua chỗ Ngụy Quận Thái thú Chung Do, cùng bèn về đạo Dịch, Lộ nhân đó nói: “Bói biết được ngày sinh ngày chết của ông”. Do sai bói ngày tháng sinh của mình, như Lộ nói không sai khác. Do rất kinh ngạc, nói: “Ông đáng sợ thật. Chết phớ mặc cho trời, không phớ mặc cho ông”. Bèn không bói nữa. Do hỏi Lộ rằng: “Thiên hạ sắp yên ổn không”?

Lộ nói: “Nay bốn phương chín cõi nổi vận, đại nhân được lợi, thần minh dựng lập, đạo vua sáng rõ, lo gì không yên”? Do chưa hiểu lời Lộ, không lâu, bọn Tào Sảng bị giết, mới biết được vậy.

Lộ biệt truyện viết: *Ngụy Quận Thái thú Chung Do, trong sạch tài giỏi, hỏi hơn hai mươi việc về kinh Dịch, tự cho rằng câu hỏi rất sâu sắc. Lộ lựa lời mà đôi đáp, nói chẳng ngưng tắc, phân chia hào tượng, nghĩa đều thần kì. Do bèn tạ Lộ, Lộ bói biết ngày sinh của Do, Do kinh ngạc nói: “Thánh nhân hiểu biết thần minh, liên nối với muôn vật, sao lại sáng rõ như thế”? Lộ nói: “Cõi người và cõi thần cùng biến hóa, cùng một đường sống chết, thái cực mênh mông, về cuối lại về đầu. Văn Vương tồn thọ vẫn không cho là lo, Trọng Ni chống gậy vẫn không cho là sợ. Gieo quẻ đoán bói, nên xét hết ý”. Do nói: “Sống là việc lành, chết là việc xấu, vui buồn phân biệt, ta chẳng giúp được gì, đành phó mặc cho trời thôi”. Thạch Bao làm Điền nông của huyện Nghiệp, gặp nhau với Lộ, hỏi nói: “Nghe nói người làng ông là Trạch Văn Diêu biết thuật ẩn thân, việc ấy tin được chăng”? Lộ nói: “Đấy chỉ là thuật số âm dương che dấu thôi, nếu có thuật ấy thì bốn ngọn núi lớn cũng che được, sông biển cũng giấu xong. Huống gì là thân người bầy thú. Trong cõi biến hóa, tán sương mây để che thân, bày kim thủy để xóa dấu vết, biết thuật vừa đủ, không đủ xem là khó”. Bao nói: “Muốn được thấy cái thần kì của nó, ông hãy bàn về thuật số này được không”? Lộ nói: “Vật không trong sạch thì không phải là thân, thuật số không tinh tế thì không phải là đạo thuật, cho nên vật trong sạch là nơi mà thân tụ hội, thuật tinh tế là đạo mà người có trí hiểu biết, thần minh tụ hội rất ít, có thể dùng tấm lòng mà hiểu thấu, khó để nói thành lời được. Cho nên Lỗ Ban không nói được về tay mình, chu li không nói được về mắt mình. Lời nói không khó, Khổng Tử nói ‘sách không nói hết’, là lời kĩ vậy, ‘nói không hết ý’, là ý sâu vậy, đấy đều là nói về cái thần kì. Để ta nêu qua loa để làm chứng: Mặt trời buổi ngày thì mọc lên trời, chuyển qua vạn dặm, không vật gì không được chiếu sáng, đến lúc lặn xuống đất, còn ánh sáng lửa than, rồi không thấy được. Đêm mười lăm trăng tròn, trong sáng như đuốc đêm, có thể nhìn xa, lúc trăng giữa buổi ngày, sáng không bằng gương. Nay kể ẩn Mặt trời Mặt trăng tất có phép âm dương, số của âm dương thông với muôn vật, chim thú còn biến hoá, huống chi là người! Biết số thì diệu, biết thần thì tinh, không chỉ đúng nghiệm với người sống, người chết cũng có điềm báo. Cho nên Đỗ Bá ngồi trên khí lửa để rèn chí, Bành Sinh ngâm vào nước để lập hình. Người sống ra được cũng vào được, người chết hiện được cũng ẩn được, đấy là khí thần của vật, hoá thành hồn bay, người và quỷ cảm ứng nhau, số âm dương khiến nên như thế”. Bao nói: “Mắt thấy số âm dương, nhưng không hơn ông, sao ông không ẩn thân”? Lộ nói: “Chim đỗ nơi gò đồng, thích nơi cao ráo của nó, không muốn như cá bơi nơi sông Giang, sông Hán; cá ở đầm ao, vui chỗ ẩm ướt của nó, không đòi lên chỗ chim lướt gió; vì tính khác mà thân không giống vậy. Thật thà giữ thân để làm rõ đạo thuật, nắn thẳng mình để gần lẽ phải,*

*biết đạo mà không cho là lạ, biết thuật mà không cho là kì, ngày đêm ngắm xét
cái thần kì của thuật*

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Thuật dưỡng tính: thuật tu dưỡng tâm tính.*
- (2) *Thang: thuốc nấu với nước cho sôi rồi uống.*
- (3) *Cứu: là một phương pháp trị bệnh dùng lá ngải làm thành nén hoặc cuộn rồi đốt hơ vào huyết trên người.*
- (4) *Tráng: mỗi lần đốt ngải để cứu là một tráng.*
- (5) *Châm: là phương pháp trị bệnh dùng kim chích vào huyết trên người.*
- (6) *Bột ‘ma phát tán’: là một loại thuốc bột do Hoa Đà pha chế dùng để gây mê.*
- (7) *Cao: tức thuốc mỡ dùng để bôi lên vết thương.*
- (8) *Phu nhân: tên gọi tôn trọng đối với vợ của quan lại hoặc quý tộc.*
- (9) *Mạch: máu chảy trong các mạch, ý nói nhịp đập của tim đẩy máu đi khắp thân thể.*
- (10) *Huyện lại: quan lại của huyện.*
- (11) *Tứ chi: chỉ hai tay và hai chân.*
- (12) *Tiểu tiện: hoạt động của khí bỏ chất bã ra khỏi cơ thể, tức đại.*
- (13) *Tạng khí: khí trong ngũ tạng.*
- (14) *Phủ lại: quan lại trong phủ quan.*
- (15) *Vị quản: ống dẫn vào dạ dày.*
- (16) *Viên ‘vật nữ uyển hoàn’: một loại thuốc viên của Hoa Đà*
- (17) *Phu nhân của Bành Thành: vợ của quan lại của huyện Bành Thành.*
- (18) *Quân lại: quan lại làm việc trong quân đội.*
- (19) *Chủ nhân: người thay chủ trông coi việc nhà.*
- (20) *Tháo dạ: tức đại tiện, khí chất bã khỏi cơ thể qua hậu môn.*

(21) Con trùng: chỉ con vật thân dài như hình con rắn. Có lẽ chỉ con giun, con sán.

(22) Quận thú: tức quan Thái thú đứng đầu quận.

(23) Sĩ đại phu: chỉ người có chức vị quan tước hoặc người đọc sách có tiếng tăm.

(24) Phủ quân: tên gọi tôn trọng đối với quan Thái thú đứng đầu quận, hoặc Tể tướng quốc của một quận.

(25) Huyết cách: huyệt ở đốt thứ bảy trên xương sống, ở giữa ngực và bụng.

(26) Bột ‘đình lịch khuyến huyệt tán’: một loại thuốc bột do Hoa Đà chế ra.

(27) Cốc khí: khí trong dạ dày.

(28) Huyết cự khuyết: huyệt trên phần bụng, gần phần ngực.

(29) Bột ‘tất diệp tán’: một loại thuốc bột làm từ lá cây sơn.

(30) Bột ‘thanh niêm tán’: một loại thuốc bột, có lẽ có màu xanh.

(31) Ngũ tạng: tức năm bộ phận trong bụng là: tim, gan, phổi, lá lách, thận.

(32) Tinh khí: khí gốc trong người.

(33) Phục linh: một loại nấm mọc trên gốc cây.

(34) Thuật phác đạo: thuật dưỡng sinh.

(35) Lưu Hưởng: tự Tử Chính, học giả thời Tây Hán.

(36) Bảo kê: chỉ sách ‘Bảo kê vạn tất thuật’ mà Lưu Hưởng từng sửa chữa.

(37) Quân Du: có lẽ chỉ Trương Kham tự Quân Du, một nho sĩ thời Đông Hán.

(38) Tử Chính: có lẽ chỉ Lưu Hưởng.

(39) Đông A Vương: tức Tào Thực, được phong làm Đông A Vương.

(40) Phương sĩ: người luyện thuốc muốn để thành tiên.

(41) Thuật phòng trung: thuật dưỡng sinh giữ khí.

(42) Doanh Châu: chỉ các đảo ngoài biển phía đông, tương truyền phương sĩ là Từ Phúc thời Tần trốn đến đây.

- (43) *Kiệu mây: thần tiên lấy mây làm xe kiệu.*
- (44) *Ngựa kí: ngựa khỏe dùng để kéo xe.*
- (45) *Phất: áo của quan lại và quý tộc có hoa văn.*
- (46) *Thuật sĩ: chỉ chung những người có kĩ thuật nào đó như thầy thuốc, thầy bói, nhà Nho, nhà luyện đan...*
- (47) *Thời Chư Lương: không rõ.*
- (48) *Nước Xa Sư: một nước ở phía tây Trung Quốc thời xưa.*
- (49) *Không cùng: ý nói lí lẽ xa vời, không có thực.*
- (50) *Từ Thị, Loan Đại: Từ Thị còn gọi là Từ Phúc là một phương sĩ thời Tân Thủy Hoàng, đi tìm thuốc trường sinh rồi trốn ra Doanh Châu. Loan Đại phương sĩ thời Hán Vũ Đế, bày chuyện thần tiên để mê hoặc Vũ Đế, cuối cùng bị Vũ Đế giết.*
- (51) *Nhã nhạc lang: chức quan trông coi về âm nhạc trong cung.*
- (52) *Năm Trung Bình thứ năm: tức năm 188 Công nguyên thời Hán Linh Đế.*
- (53) *Nhã nhạc: âm nhạc dùng trong nghi lễ chúc mừng hoặc trong hội yến và cúng tế trời đất.*
- (54) *Thái nhạc lệnh: chức quan trông coi việc sắp đặt âm nhạc của nhà nước.*
- (55) *Chung luật: phép tắc âm nhạc của chuông.*
- (56) *Tám âm tơ tre: chỉ tám loại âm thanh phát ra từ đàn và sáo làm bằng tám vật liệu là tơ, tre, vàng, đá, vỏ quả bầu, da thú, gỗ, đất.*
- (57) *Nhạc khí: dụng cụ dùng để phát ra âm nhạc.*
- (58) *Hiệp luật Đô úy: chức quan có từ thời Hán trông coi về âm nhạc.*
- (59) *Tiên sinh: tên gọi tôn trong đối với người có học thức thời xưa.*
- (60) *Cấp sự trung: chức quan có từ thời Tần, thường ở bên Nhà vua, tham mưu các công việc.*
- (61) *Xe chỉ nam: xe chỉ về hướng nam, tương truyền do Chu Công làm ra.*
- (62) *Hai người: chỉ Thường thị Cao Đường Long, Kiêu kị Tướng quân Tân Lang*

(63) *Quân*: là tên của Mã Quân, nghĩa gốc là cái bàn xoay để làm đồ gốm.

(64) *Hành*: là tên chữ của Mã Quân, nghĩa gốc là cái cân để cân đo nặng nhẹ của vật.

(65) *Nhan Uyên*: là người nước Lỗ thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có đức hạnh.

(66) *Tễ Ngã, Tử Cống*: *Tễ Ngã, Tử Cống* đều là người nước Lỗ thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có tài biện bác.

(67) *Nhiễm Hữu, Quý Lộ*: *Nhiễm Hữu, Quý Lộ* đều là người nước Lỗ thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có tài chính trị

(68) *Tử Du, Tử Hạ*: *Tử Du* là người nước Ngô, *Tử Hạ* là người nước Tấn thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có tài văn học.

(69) *Kinh Hòa ôm ngọc mà khóc*: chỉ *Biện Hòa* người nước Sở (còn gọi là nước Kinh) nhặt được một viên ngọc dưới núi Kinh, đem dâng cho Sở Vũ Vương, hai lần dâng đều bị cho là ngọc giả, bị phạt tội chặt cả hai chân. Lúc Sở Thành Vương lên ngôi, *Biện Hòa* ôm ngọc đến dưới núi Kinh mà khóc. Thành Vương nghe tin, sai người đến xem thì đúng là ngọc đẹp thật.

(70) *Công Du Ban, Mặc Dịch, Vương Nhĩ*: *Công Du Ban* là người nước Lỗ thời Xuân thu, còn gọi là *Lỗ Ban*, là một thợ mộc giỏi nổi tiếng chư hầu. *Mặc Dịch* là người nước Lỗ thời Xuân thu, tức *Mặc Tử*, được xem là ông tổ của phái Mặc gia. *Vương Nhĩ* là một người thợ giỏi thời xưa, không rõ thời nào, có lẽ trước thời Hán.

(71) *Trương Bình Tử*: tức *Trương Hành tự Bình Tử*, người thời Đông Hán, là nhà thiên văn học giỏi.

(72) *Lang*: tức quan *Thị lang*, thường coi việc sách vở trong cung, phủ.

(73) *Châu mục*: tức quan *Thứ sử* đứng đầu một châu. Cuối thời Hán loạn lạc, *Châu mục* nắm hết việc binh của một châu.

(74) *Công phụ*: Chỉ *Tam công* và *Tứ phụ*, giống *Thừa tướng*.

(75) *Thường bá*: chức quan trông coi một vùng.

(76) *Công Đạt*: tức *Tuân Du tự Công Đạt*.

(77) *A Vụ*: tức tên vợ của *Tuân Du*

(78) *Thằng ấy*: tiếng gọi gần gũi mà *Chung Do* nói về *Tuân Du*.

(79) *Đường Cử, Hứa Phụ: Đường Cử là người nước Lương thời Chiến quốc, Hứa Phụ là người đàn bà thời Tần, đều là người giỏi xem tướng.*

(80) *Năm Hoàng Sơ thứ bảy: tức năm 226 Công nguyên thời Ngụy Văn Đế.*

(81) *Kỉ cương đại lại: có lẽ nói về quan lại nhỏ của quận huyện.*

(82) *Tam công: thời Tam quốc chỉ ba vị quan là Tư đồ, Tư không, Thái úy.*

(83) *Chim uyên ương: tức một loài chim thường bơi trên mặt ao hồ, dáng giống con vịt nhưng nhỏ, con trống gọi là uyên, con mái gọi ương, thường bơi thành đôi.*

(84) *Cung nhân: vợ của vua hoặc người hầu gái trong cung.*

(85) *Chân Hậu: tức Chân Mật, nổi tiếng xinh đẹp vùng Kí Châu, lúc đầu là vợ của Viên Hi, sau thành vợ của Ngụy Văn Đế, bị Quách Hậu gièm pha, bắt phải tự sát. Ngụy Minh Đế lên ngôi truy phong làm Hoàng hậu.*

(86) *Chó rơm: tức con chó giả được đan bằng rơm cỏ, dùng để cúng tế tông miếu thời xưa.*

QUYỂN 30 - Ô HOÀN TIÊN TI ĐÔNG DI TRUYỆN

*Ô Hoàn, Tiên Ti, Phù Dư, Cao Câu Ly, Ốc Trở, Ấp Lâu, Uế, Hàn,
Nụy*

TRUYỆN VỀ CÁC TỘC NGƯỜI Ô HOÀN TIÊN TÌ

Kinh Thư chép: “Man Di lấn Hạ”, **kinh Thi chép:** “Hiểm Duẩn⁽¹⁾ ngang ngược”, đã từ lâu họ là cái hại của Trung Quốc vậy. Từ thời Tần, Hán đến nay, người Hung Nô lâu ngày gây hại ở biên giới. Hiếu Vũ Đế dẫn ngoài theo đuổi ‘tứ Di’, phía đông bình hai nước Việt⁽²⁾, Triều Tiên, phía tây đánh nước Nhị Sư, Đại Uyển, mở đường đến các nước Cung, Tạc, Dạ Lang, nhưng các nước ấy đều ở tại ngoài cõi hoang vắng, không gây hại nặng nhẹ cho Trung Quốc. Vậy mà người Hung Nô lại gây ép bức lớn nhất đối với Hoa Hạ, quân kị của rợ Hồ xuống lấn phía nam thì ba nơi biên giới đều bị địch, do đó thường sai các tướng Vệ, Hoắc đi sâu vào miền bắc mà đánh, đuổi Thiên vu đến nơi tận cùng, cướp lấy đất sinh sôi của chúng. Sau đó bèn giữ biên ải xưng thần, ngày càng suy yếu. Giữa năm Kiến An, Hồ Hàn Tuyên làm Thiên vu của Nam Hung Nô⁽³⁾ vào châu, bèn ở lại làm nội thị, sai Hữu hiền vương⁽⁴⁾ võ về nước ấy, từ đấy người Hung Nô cúi phục hơn đầu thời nhà Hán. Nhưng người Ô Hoàn, Tiên Tì lại dân dân lớn mạnh, cũng nhân đó gây loạn vào cuối thời nhà Hán. Vừa lúc Trung Quốc có nhiều việc mà không rồi ra ngoài đánh dẹp, cho nên tự ý xuống phía nam chiếm đất của nhà Hán, cướp phá thành ấp, giết cướp người dân, miền biên giới phía bắc bị gây khốn. Kịp lúc Viên Thiệu chiếm cả miền Hà Bắc, bèn võ về người Ô Hoàn ở ba quận⁽⁵⁾, ban ân sủng cho những cừu sủng lớn mà thu lấy quân kị tinh nhuệ cứng khỏe của họ. Sau đó Thượng, Hi lại trốn đến chỗ Đạp Đốn. Đạp Đốn là kẻ kiêu căng, những cừu sủng miền biên giới đều sánh hẵn với Mặc Đốn, cạy vào nơi xa trở, dám thu nhận kẻ trốn tránh để xưng hùng ở đất rợ. Thái Tổ ngầm sai quân lên phía bắc đánh dẹp, ra chỗ họ không ngờ, một trận là định được, do đó người Di Địch chịu phục, oai lừng cõi bắc. Rồi dẫn người Ô Hoàn đi theo đánh dẹp, từ đó dân biên giới được yên ổn. Sau đó cừu sủng của người Tiên Tì là Kha Tỉ Năng lại ép phục bọn rợ, thu hết đất cũ của người Hung Nô, từ quận Vân Trung, Ngũ Nguyên về phía đông đến sông Liêu đều thành đất của người Tiên Tì; nhiều lần lấn cướp biên ải, miền U, Tinh bị khổ; Đêên Dực vị vây ở Mã Ấp, Tất Chập bị thua ở Hình Bắc. Giữa năm Thanh Long, Đế bèn nghe lời của Dương Hùng, sai kiếm khách đi đâm giết cừu sủng của họ. Rồi đó bộ lạc chia rẽ, đánh lẫn phá nhau, kẻ mạnh thì trốn xa, kẻ yếu thì xin hàng. Do đó biên thùy lại yên, miền biên ải ít việc, dẫu có lúc cướp bóc nhưng không còn gây rối loạn được nữa.

Người Ô Hoàn, Tiên Ti là rợ Đông Hồ⁽⁶⁾ mà người xưa nói đến vậy. Tập tục, việc thời trước đều đã ghi chép ở sách sử của nhà Hán rồi, cho nên chỉ kể những việc cuối thời Hán đầu thời Ngụy đến nay để chép bù những việc xảy ra của ‘tứ Di’ vậy.

Ngụy lược chép: Ô Hoàn là rợ Đông Hồ vậy. Đầu thời Hán, vua Hung Nô là Mặc Đôn diệt nước ấy, những người còn sót lại giữ núi Tiên Ti, nhân đó đặt tên ấy. Tục giở cưỡi ngựa bắn tên, men theo các bãi cỏ ven sông mà chăn thả, không ở một chỗ lâu dài, lấy lán rạp làm nhà, đều để cửa về phía đông. Ngày ngày săn bắt cầm thú, ăn thịt uống sữa, lấy lông da làm áo. Không kể sang hèn già trẻ, tính khí đều hung bạo, giận thì giết cả cha anh, nhưng lại không giết mẹ của mình, lấy mẹ làm dòng họ, cha anh cũng lấy mẹ làm dòng giống, cho nên không phạm hại vậy. Thường bầu kẻ dũng mãnh dũng cảm mà thi đấu để chọn làm cừu sù, các ấp lạc đều có ‘tiểu sù’, không được nổi thay. Cứ mấy trăm lạc lại tự lập thành một bộ, nếu cừu sù kêu gọi thì khắc gỗ làm tin để truyền lệnh cho ấp lạc, không có chữ viết nhưng người trong bộ chẳng ai dám trái lệnh. Họ tộc không có phép thường, lấy tên gọi của cừu sù khỏe mạnh làm họ. Dưới bậc cừu sù đều tự coi việc chăn nuôi, không phải tự lao dịch. Phép cưới hỏi thì đều thông dâm với nhau trước, rồi bắt cướp đàn bà con gái đi, hoặc trăm ngày, có khi nửa năm, rồi mới sai người mai mối đem trâu ngựa dê đến để làm lễ cưới hỏi. Chàng rể theo vợ về nhà, gặp nhà vợ mà chẳng có phép trên dưới, chỉ đứng mà bái, lại không tự bái lạy cha mẹ của mình. Làm lao dịch hai năm cho nhà vợ, lúc ấy nhà vợ mới cho đem con gái về nhà rể, các tiên vật nhà ở đều để lại nhà vợ. Do đó tục của họ là theo kế của đàn bà, đến lúc đánh trận thì được tự quyết. Không kể cha con trai gái đều ngồi xổm đối mặt nhau, cắt hết tóc để cho nhẹ nhõm. Đàn bà đến lúc lấy chồng mới để tóc dài, chia ra mà búi, cài trâm cong làm bằng vàng ngọc giống mũ đeo lục lạc của người Trung Quốc vậy. Cha anh chết thì lấy lấy mẹ và chị dâu của mình; nếu không lấy chị dâu thì đem họ của mình gả cho chú bác, lúc chú bác chết lại về nhà chồng cũ. Tục biết lúc cầm thú sinh nở để phân biệt bốn mùa, lúc trông trọt thường dùng tiếng kêu của chim ‘bồ cốc’ để canh chừng. Đất hợp với lúa tẻ xanh, cỏ đông tường, cỏ đông tường như cỏ bông, quả như cây quỳ, đến tháng mười thì chín. Làm được rượu trắng, biết làm hèm rượu. Gạo ăn thường trồng vào Trung Quốc. Cừu sù biết làm cung yên yên lạc, rèn vàng sắt để làm binh khí. Biết khắc da thú để làm hoa văn, dệt sợi len. Có bệnh cũng biết ngải cứu, hoặc đốt nóng đá mà tự chườm vào người, đốt nóng đất mà nằm lên, hoặc tùy vào chỗ đau bệnh mà lấy đao rạch mạch mà tiết máu ra, rồi cầu cúng thần trời đất sông núi. Không biết uống thang thuốc, châm huyết. Người tôn quý chết thì liệm thây bỏ vào quan, vừa chết thì khóc, lúc táng thì múa hát đi tiễn. Đem con chó béo ra, buộc dây lục lạc để kéo đi; lại lấy ngựa cưỡi, áo quần, trang sức của người chết đều đốt mà táng theo. Lấy riêng một con chó gây ra tế, ý nói là sai đưa linh hồn người chết về ở núi Xích Sơn.

Núi Xích Sơn tại phía tây bắc quận Liêu Đông mấy nghìn dặm, như người Trung Quốc cho rằng chết thì linh hồn về ở núi Thái Sơn vậy. Đến ngày táng, buổi đêm họp họ hàng bè bạn cùng ngồi, dắt các con ngựa, chó ra theo vị thứ, có kẻ khóc, có kẻ hát, ném thịt cho chó ăn. Sai hai người ngâm văn điệu, ý muốn cho linh hồn người chết được đi thẳng qua chỗ hiểm trở, không bị ma quỷ ngăn chặn để đến được núi Xích Sơn, sau đó lại giết ngựa, chó, quần áo, tiền vật rồi đốt. Kính quỷ thần, thờ trời đất, Mặt trăng, Mặt trời, sao sáng, sông núi lớn cùng những vị cừu sủy khỏe mạnh thời trước, cũng lấy trâu dê để cúng tế, xong rồi đều đốt đi. Lúc ăn uống phải cúng tế trước. Phép tắc của họ là làm trái lời cừu sủy thì giết chết; trộm cắp cũng không tránh khỏi tội chết. Đánh giết lẫn nhau, các bộ lạc tự báo thù nhau, nếu báo thù nhau không dứt thì đến chỗ cừu sủy xin xét xử, kẻ có tội thì đem trâu ngựa của mình để đền mạng của người chết, lúc ấy mới dứt. Nhưng tự giết cha anh của mình lại không bị xét tội. Những kẻ trốn tránh bị cừu sủy đuổi bắt thì các ấp lạc không được thu nhận, đều xua đuổi đến chỗ hoang vắng, tại đấy không có núi, có bãi cát, dòng nước, cây cỏ, nhiều rắn hổ mang. Người Tiên Ti ở tại phía tây nam của nước Đinh Linh, phía đông bắc của nước Ô Tôn, do đó mà bị khốn cùng. Từ lúc trước sau khi bị người Hung Nô đánh phá, dân chúng suy yếu, lại chịu phục vào người Hung Nô, thường mỗi năm chuyển trâu, ngựa, dê đến dâng, nếu quá hẹn mà không dâng đủ thì liền bị bắt vợ con. Đến thời Thiên vu Nhất Diên Đề của Hung Nô, người Ô Hoàn lại mạnh lên, đào bới mộ của Thiên vu của Hung Nô để báo thù cái thẹn từng bị Mặc Đốn đánh phá. Thiên vu Nhất Diên Đề cả giận, phát hai vạn quân kỵ đến đánh người Ô Hoàn. Đại tướng quân Hoắc Quang nghe tin, sai Độ Liêu Tướng quân Phạm Minh Hữu đem ba vạn quân kỵ ra quận Liêu Đông đuổi đánh người Hung Nô, vừa lúc Minh Hữu đến thì người Hung Nô đã bỏ đi. Người Ô Hoàn mới bị họa binh đao của người Hung Nô, nhân sự suy yếu ấy mà đến đánh người Ô Hoàn, chém hơn sáu nghìn thủ cấp, chém được đầu ba cừu sủy của họ đem về. Sau lại nhiều lần lần biên ải, Minh Hữu liền đánh phá chúng. Đến cuối thời Vương Mãng, cùng với người Hung Nô vào cướp. Vào lúc Quang Vũ Đế định thiên hạ, sai Phục ba Tướng quân Mã Viện đem ba nghìn quân kỵ từ cửa Ngũ Nguyên ra biên ải đánh chúng, không được lợi, bị giết mất hơn bốn nghìn con ngựa. Từ đấy người Ô Hoàn bèn mạnh, đánh cướp người Hung Nô, người Hung Nô phải dời lùi nghìn dặm, phía nam sa mạc bèn trở thành đất trống. Năm Kiến Vũ thứ hai mươi lăm, cừu sủy của người Ô Hoàn là bọn Hách Đán đem hơn chín nghìn người đến cửa khuyết, bèn phong hơn tám mươi cừu sủy của họ làm Vương, Hầu, sai ở lại trong biên ải, chia ra ở tại các xứ Liêu Đông thuộc quốc, quận Liêu Tây, quận Hữu Bắc Bình, quận Ngự Dương, quận Quảng Dương, quận Thượng Cốc, quận Đại, quận Nhạn Môn, quận Thái Nguyên, quận Sóc Phương, kêu gọi người của bộ lạc đến, cấp cho cơm áo, đặt quan Hiệu úy để trông coi, do đó trở thành người phòng giữ của nhà Hán, sai ra đánh người Hung Nô, Tiên Ti. Đến giữa năm Vĩnh Bình, cừu sủy của người Ô Hoàn ở quận Ngự Dương là Khâm Chí Bôn lĩnh bộ lạc làm

phản, người Tiên Ti lại gây hại; Liêu Đông Thái thú Sái Dung đánh giết Chí Bôn, rồi phá quân ấy. Đến thời An Đế, Suất Chúng Vương của người Ô Hoàn ở các quận Ngự Dương, Hữu Bắc Bình, Nhạn Môn là bọn Vô Hà lại cùng hợp sức với người Tiên Ti, Hung Nô đánh cướp các quận Đại, Thượng Cốc, Trắc Quận, Ngũ Nguyên; bèn lấy Đại tư nông Hà Hi làm Xạ kị Tướng quân, đem năm doanh quân tả hữu vũ lâm, phát hai vạn quân ở các doanh Lê Dương của bảy quận đi đánh chúng. Do đó người Hung Nô hàng phục, người Tiên Ti, Ô Hoàn đều chạy ra ngoài biên ải. Từ đấy về sau, người Ô Hoàn dần dần lại theo phục, bái cừ súy của họ là Nhung Mạt Ngô làm Đô úy. Đến thời Thuận Đế, Nhung Mạt Ngô đem các Vương, Hầu là bọn Đốt Quy, Khứ Diên theo Ô Hoàn Hiệu úy Cảnh Diệp ra biên ải đánh người Tiên Ti, có công, trở về đều được phong làm Suất Chúng Vương, ban lụa bố.

Cuối thời Hán, cừ súy của người Ô Hoàn tại quận Liêu Tây là Khâu Lực Cự có hơn năm nghìn lạc, cừ súy của người Ô Hoàn tại quận Thượng Cốc là Nan Lâu có hơn chín nghìn lạc, đều xưng Vương; còn cừ súy của người Ô Hoàn tại Liêu Đông thuộc quốc là Tô Bộc Diên có hơn nghìn lạc lại tự xưng là Tiểu Vương, cừ súy của người Ô Hoàn tại quận Hữu Bắc Bình là Ô Diên có hơn tám trăm lạc, tự xưng là Hãn Lô Vương, đều là kẻ trí mưu dũng mãnh. Trung Sơn Thái thú Trương Thuần làm phản, theo vào quân của Khâu Lực Cự, tự xưng là Di Thiên An Định Vương, làm nguyên súy của người Ô Hoàn tại ba quận, cướp bóc bốn châu Thanh, Từ, U, Kí, giết cướp quan dân. Cuối thời Linh Đế, lấy Lưu Ngu làm Châu mục, chiêu mộ rợ Hồ chém đầu Thuần, do đó các châu miền bắc mới yên. Sau đó Khâu Lực Cự chết, con là Lâu Ban còn nhỏ tuổi, con trong họ là Đạp Đốn có vũ lược, thay lập, thống lĩnh các bộ lạc của ba quận, quân đều theo phép lệnh của hắn. Viên Thiệu đánh Công Tôn Toàn nhiều lần mà không thắng, Đạp Đốn sai sứ đến chỗ Thiệu xin hòa cầu thân, giúp Thiệu đánh Toàn, phá được Toàn. Thiệu tự ý ban ấn thao Tiểu Vương, Hãn Lô Vương cho bọn Đạp Đốn, đều lấy làm Thiệu vu.

Anh hùng kí chép: Thiệu sai sứ đến bái ba vị vua của người Ô Hoàn làm Thiệu vu, đều được cưỡi xe êm, treo lọng hoa, dựng cờ mao, đi xe màu vàng, cầm cờ tiết bên trái. Hạ lệnh rằng: “Sứ trì tiết, Đại tướng quân, đô đốc việc quân miền U, Thanh, Tinh, lĩnh Kí Châu Mục, Nguyễn Hương Hầu là Thiệu, thừa lệnh hạ chiếu sai Suất Chúng Vương ở Liêu Đông thuộc quốc là Ban Hạ, Suất Chúng Vương của người Ô Hoàn ở quận Liêu Tây là Đạp Đốn, Suất Chúng Vương ở quận Hữu Bắc Bình là Hãn Lô Duy rằng: Tổ tiên các người mộ nghĩa giữ thiện, theo phục nơi biên ải, phía bắc ngăn rợ Hiểm Duẩn, phía đông chống rợ Uế Mạch, nối đời giữ ở biên thùy, làm phen dậu của trăm họ, dầu có lúc phạm lẫn

bờ cõi, cho nên sai tướng đi đánh chặn trị tội, cũng có lúc không theo phục nhưng hồi tiếc sửa lỗi, so với các dân rợ ngoài cõi khác thì thông minh hơn cả. Lúc đầu lấy cừ súy của nghìn người, cừ súy của trăm người để thay nhau thông lĩnh, dốc hết lòng dạ, tỏ rõ công lao với nhà nước, dần dần được phong tước Vương, Hầu. Từ thời nhà vua ta mắc nhiều việc, Công Tôn Toản gây nạn, đem cái sức của dân ít đất vắng để dôi trời lẫn chủ, do đó người ở trong bốn cõi đều cảm can qua để giữ xã tắc. Ba vị vua các người dốc lòng ở nơi biên giới, ghét kẻ gian, lo việc nước, dấn thân làm vây cánh của quân Hán, thực là rất trung hiếu, được triều đình khen ngợi. Vậy nhưng rắn dài hồ lớn vẫn lúc nhúc đây đường, do đó quan tước chiếu phong chưa được ban đến. Nếu kẻ có công mà không được thưởng thì người giúp đỡ lười biếng vậy. Nay sai Yết giả Dương Lâm đem ấn thao xe áo Thiên vu đến để an ủi các người. Các người đều phải vỗ yên các bộ lạc, kính theo giáo hóa, chớ được gây ra nạn hại. Cho các người nối đời nhận tước vị, làm vua của các bộ lạc. Bên ấy có lỗi sai thì không che giấu, là không trừ bỏ bổng lộc của các người vậy. Nên dẹp nạn mà lập công, chẳng đáng cố gắng sao! Vẫn cho làm Thiên vu của người Ô Hoàn, thông lĩnh bộ lạc. Thiên vu tả hữu vâng phép lệnh, những việc khác đều như cũ”.

Sau đó Lâu Ban lớn lên, Tiều Vương lĩnh bộ lạc bầy Lâu Ban làm Thiên vu, chọn Đạp Đốn làm Vương. Đạp Đốn lại bày nhiều kế sách. Người quận Quảng Dương là Diêm Nhu thừa nhỏ trốn vào vào giữa người Ô Hoàn, Tiên Ti, được các bộ lạc tin theo. Nhu bèn lĩnh quân Tiên Ti giết Ô Hoàn Hiệu úy Hình Cử để thay chức ấy, Thiệu nhân đó ban sủng để vỗ yên miền biên giới phía bắc. Sau đó Viên Thượng thua trận trốn đến chỗ Đạp Đốn, cậy vào thế của hắn, lại mưu đánh Kí Châu. Gặp lúc Thái Tổ bình miền Hà Bắc, Nhu lĩnh người Tiên Ti, Ô Hoàn theo phục, nhân đó bèn lấy Nhu làm Hiệu úy, vẫn cần cù tiết của nhà Hán, trị ở huyện Quảng Ninh như cũ. Năm Kiến An thứ mười một, Thái Tổ tự đi đánh Đạp Đốn ở Liễu Thành, ngần đem quân đi đường khác, chưa đến hơn trăm dặm, giặc phát hiện. Thượng cùng Đạp Đốn đem quân đón đánh ở Phàm Thành, quân mã rất đông. Thái Tổ trèo lên chỗ cao để nhìn trận giặc, lúc ấy quân ở Liễu Thành chưa đến, thấy quân ấy ít động, bèn đánh phá được quân ấy, lại vào trận chém đầu Đạp Đốn, người chết đầy bãi. Bọn Tốn Phụ Hoàn, Lâu Ban, Ô Diên chạy đến quận Liêu Đông, người quận Liêu Đông chém hết chúng, đem đầu đến dâng. Bọn còn lại đầu đến hàng. Hơn vạn lạc Ô Hoàn ở Tinh Châu mà Nhu lĩnh đầu dòi hết đến ở tại Trung Quốc, đem quân sĩ của bọn cừ súy Vương, hầu của họ cùng đi theo đánh dẹp. Do đó người Ô Hoàn của ba quận trở thành quân kị nổi danh trong thiên hạ.

Nguy lược chép: Năm Cảnh Sơ thứ nhất, mùa thu, sai U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiêm đem quân sĩ đánh quận Liêu Đông. Thiên vu của người Ô Hoàn ở quận Hữu Bắc Bình là Khâu Lâu Quách, viên Đô đốc Suất Chúng Vương của người Ô Hoàn tại ở quận Liêu Tây là Hộ Lưu Diệp ngày xưa theo Viên Thượng trốn đến quận Liêu Tây, nghe tin quân của Kiêm đến, bèn lĩnh hơn năm nghìn quân ra hàng. Khâu Lâu Quách sai em là bọn A La Bàn đến cửa khuyết châu công, phong hơn ba mươi cừ súy của họ làm Vương, ban cho xe ngựa, gấm vóc đều theo thứ bậc.

Bộ Độ Căn của người Tiên Ti đã lập,

Nguy thư chép: Tiên Ti cũng là nhóm còn lại của rợ Đông Hồ, giữ riêng ở núi Tiên Ti, nhân đó lấy hiệu ấy. Tiếng nói phong tục giống người Ô Hoàn. Đất ấy phía đông liền sông Liêu, phía tây đến Tây Thành. Thường đến cuối mùa xuân thì tụ hội, hát nhạc ở bên sông, cưới vợ gả chồng, cắt tóc ăn uống. Thú vật khắc với Trung Quốc, có ngựa hoang, dê sừng lớn, trâu đoan. Lấy sừng của trâu đoan làm cung, người đời gọi là cung giác đoan. Lại có chồn, nạc, chuột nhỏ, da lông mềm mại, cho nên thiên hạ cho là lông tốt. Người Tiên Ti từ khi bị Mặc Đôn đánh phá, trốn xa ở ngoài biên ải quận Liêu Đông mà không tranh hơn với các nước, do đó danh tiếng chưa truyền đến nhà Hán, nhưng gần nhau với Ô Hoàn. Đến thời Quang Vũ Đế, Thiên vu của hai miền nam bắc lại đánh phá nhau, người Hung Nô tổn hao mà Tiên Ti lại mạnh. Năm Kiến Vũ thứ ba mươi, cừ súy của người Tiên Ti là Ư Cừu Bôn đem quân dân đến cửa khuyết châu công, phong Ư Cừu Bôn làm Vương. Giữa năm Vĩnh Bình, Sái Dung làm Liêu Đông Thái thú, dụ dỗ người Tiên Ti, sai chém đầu người Ô Hoàn phản bội là bọn Khâm Chí Bôn, do đó cừ súy của người Tiên Ti từ các quận Đôn Hoàng, Tỉu Tuyền về phía đông đều đến quận Liêu Đông nhận ban thưởng, hai châu Thanh, Tỉu cấp cho tiền, năm đó lấy hai ức bảy nghìn vạn tiền để thưởng. Vào thời Hòa Đế, Đại đô hộ Hiệu úy Ngôi của người Tiên Ti đem quân bản bộ theo Ô Hoàn Hiệu úy Nhâm Thượng đánh kẻ làm phản, phong Hiệu úy Ngôi làm Suất Chúng Vương. Giữa năm Diên Bình thời Thương Đế, người Tiên Ti lại về phía đông vào biên ải, giết Ngự Dương Thái thú Trương Hiễn. Vào thời An Đế, cừ súy của người Tiên Ti là Yên Lệ Dương vào châu, nhà Hán ban cho ấn thao Tiên Ti Vương, xe ngựa mui đỏ, đến ở dưới sở trị của Ô Hoàn Hiệu úy. Mở chợ trao đổi với rợ Hồ, đắp sở quan ở hai bộ nam bắc, nhận con tin của hai mươi bộ lạc. Từ đó lúc hàng lúc phản, có lúc lại đánh phá nhau với người Hung Nô, Ô Hoàn. Cuối thời An Đế, phát hơn hai vạn quân bộ kỵ ở biên giới ra đóng đồn ở nơi trọng yếu. Sau đó có tám nghìn quân kỵ đánh quận Đại và ải Mã Thành vào giết trưởng lại, nhà Hán sai Độ Liêu Tướng quân Đặng Tuân, Trung lang tướng Mã Tục ra biên ải đuổi đánh phá được chúng. Cừ súy của người Tiên Ti là bọn Ô Luân, Kì Chí Kiện đem hơn bảy nghìn người đến chỗ Tuân xin hàng, phong Ô Luân làm Vương, Kì Chí Kiện làm Hầu, ban tặng lụa mìn. Sau khi Tuân đi, Kì

Chí Kiện lại phản, vây Ô Hoàn Hiệu úy ở Mã Thành, Độ liêu Tướng quân Cảnh Quỳ và quan U Châu Thứ sử đến cứu giải vây. Khi Chí Kiện mạnh lên, xua lĩnh mấy vạn quân kỵ đi theo mấy đường vào biên ải, đến huyện Ninh Mạch, đánh Thiên vu của nam Hung Nô, giết Tả Áo Kiện Nhật Trục Vương. Vào thời Thuận Đế, lại vào biên ải, giết Đại Quận Thái thú. Nhà Hán sai quân tại doanh Lê Dương đóng đồn ở quận Trung Sơn, đem quân tại các quận biên giới đóng đồn ở dưới cửa ải, sai quan Nỗ sư lệnh của năm doanh dạy đánh trận bắn tên, Thiên vu của Nam Hung Nô cũng đem hơn vạn quân kỵ đến giúp quân Hán đánh lùi quân giặc. Sau đó Ô Hoàn Hiệu úy Cảnh Diệp đem Suất Chúng Vương ra biên ải đánh người Tiên Ti, chém nhiều đầu giặc, do đó hơn ba vạn lạc Tiên Ti đến quận Liêu Đông xin hàng. Sau khi người Hung Nô và Thiên vu của Bắc Hung Nô chạy trốn, hơn mười vạn bộ lạc Hung Nô còn lại đến ở lẫn tại quận Liêu Đông, đều tự hiệu là quân Tiên Ti. Đâu Lộc Hâu theo quân Hung Nô được ba năm, vợ hắt ở nhà, có con. Đâu Lộc Hâu về, ngờ mà muốn giết vợ. Vợ nói: “Ta từng đi ngày nghe tiếng sấm sét, ngẩng lên trời xem thì luồng điện xẹt vào trong miêng, nhân đó mà nuốt, rồi có thai, được mười tháng thì sinh, đứa con này chắc có kỳ lạ, nên nuôi hắt lớn”. Đâu Lộc Hâu vốn không tin. Vợ bèn khuyên bảo, lại lấy đem nuôi, hiệu là Đàn Thạch Hòe, lớn lên thì dũng mãnh, mưu trí hơn người. Vào lúc mười bốn, mười lăm tuổi, cừ sù của bộ khác là Bộc Bôn Ấp cướp lấy trâu dê của nhà họ ngoại mình, Đàn Thạch Hòe sai quân kỵ đuổi đánh, đến đâu thì đó không địch nổi, lấy hết các con vật bị mất đem về. Do đó bộ lạc sợ phục, liền đặt phép cấm, phép phân biệt đúng sai, chẳng ai dám phạm, bèn được bầu làm cừ sù. Đàn Thạch Hòe đã lập, lại dựng đình ở trên sông Xuyết Cừu bên núi Đàn Hãn tại phía bắc thành Cao Liễn hơn ba mươi dặm, các cừ sù của các bộ lạc đông tây đều theo phục, quân mã rất đông, bèn phía nam cướp biên giới của nhà Hán, phía bắc chống người Đinh Linh, phía đông đánh lui người Phù Dư, phía tây đánh người Ô Tôn, chiếm cả đất cũ của người Hung Nô, đông tây hơn một vạn hai nghìn dặm, nam bắc hơn bảy nghìn dặm, bao trùm sông núi, rãnh nước, mở muối rất rộng. Nhà Hán lo lắng, vào thời Hoàn Đế sai Hung Nô Trung lang tướng Trương Hoán đánh hắt, không thắng. Lại bèn sai sứ giả đem ấn thao đến, phong Đàn Thạch Hòe làm Vương, muốn cùng hòa thân. Đàn Thạch Hòe chống lại không chịu nhận, lại càng cướp bóc thêm. Rồi chia đất của mình thành ba bộ giữa, đông, tây: từ quận Hữu Bắc Bình về phía đông đến quận Liêu Đông, kê đến nước Phù Dư, Uế Mạch là bộ đông, có hơn hai mươi ấp, cừ sù của bộ ấy là Di Gia, Khuyết Cơ, Tổ Lợi, Hòe Đâu; từ quận Hữu Bắc Bình về phía tây đến quận Thượng Cốc là bộ giữa, có hơn mười ấp, cừ sù của bộ ấy là bọn Kha Tô, Khuyết Cơ, Mộ Dung, làm đại sù; từ quận Thượng Cốc về phía tây đến quận Đôn Hoàng, phía tây tiếp nước Ô Tôn là bộ tây, có hơn hai mươi ấp, cừ sù của bộ ấy là bọn Trí Kiện Lạc La, Nhật Luật Suy Diễn, Yến Lệ Du, đều làm cừ sù, đều thần thuộc vào Đàn Thạch Hòe. Đến thời Linh Đế, cướp bóc hai châu U, Tinh; các quận biên giới không năm năm không bị gây hại. Năm Gia Bình thứ

sáu, sai Hộ Ô Hoàn Hiệu úy Hạ Dục, Phá Tiên Ti Trung lang tướng Điền Yên, Hung Nô Trung lang tướng Tang Mân cùng Thiên vu của Nam Hung Nô ra ải Nhạn Môn, ba đường cùng đi, qua hơn hai nghìn dặm đánh chúng. Đàn Thạch Hòe đem quân sĩ đón đánh, bọn Mân thua chạy, quân mã quay về chỗ còn một phần mười mà thôi. Do đó người Tiên Ti ngày càng đông, sẵn bắn chĩa thả không đủ để ăn. Sau đó Đàn Thạch Hòe lại ngăn nước sông Ô Hâu Tân, mở rộng mấy trăm dặm, ngăn nước không cho chảy, trong nước có cá nhưng không bắt được. Nghe nói người nước Hãn giỏi bắt cá, do đó Đàn Thạch Hòe sang đông đánh nước Hãn, bắt được hơn nghìn nhà, dời đến trên sông Ô Hâu Tân, sai bắt cá để cấp thức ăn. Đến ngày nay, trên sông Ô Hâu Tân còn có mấy trăm hộ người nước Hãn. Đàn Thạch Hòe vào năm bốn mươi lăm tuổi thì chết, con là Hòa Liên thay lập, tài lực của Hòa Liên không bằng cha, lại tham dâm, dẹp bỏ phép tắc, hơn nửa quân sĩ phản loạn. Những năm cuối thời Linh Đế thường ra cướp bóc, đánh quận Bắc Địa, dân thường của quận Bắc Địa có kẻ giỏi bắn tên bắn trúng Hòa Liên, Hòa Liên bèn chết. Con là Khiên Mạn còn nhỏ, con của anh là Khôi đầu thay lập. Sau khi Khôi Đầu đã lập, Khiên Mạn lớn lên, tranh đất với Khôi Đầu, quân sĩ bèn tan loạn. Khôi Đầu chết, em là Bộ Độ Căn thay lập. Từ sau khi Đàn Thạch Hòe chết, các cừu sục bèn nổi dậy thay nhau mà lập.

quân ngày càng suy yếu, anh giỡn là Phù La Hàn cũng lĩnh mấy vạn quân mà làm cừu sục. Giữa năm Kiến An, Thái Tổ định U Châu, Bộ Độ Căn cùng bọn Kha Tỉ Năng nhờ Ô Hoàn Hiệu úy Diêm Nhu đến dâng cống. Sau đó người Ô Hoàn ở Đại Quận là bọn Năng Thần Đê làm phản, xin theo về Phù La Hàn, Phù La Hàn đem hơn vạn quân kị đón chúng. Đến huyện Tang Can, bọn Đê bàn nghị cho rằng phép cấm của Phù La Hàn lỏng lẻo, sợ không giúp được, lại sau người gọi Kha Tỉ Năng. Tỉ Năng liền đem hơn vạn quân kị đến đón, cùng lập hội thề Tỉ Năng lại giết Phù La Hàn ở trong hội, con của Phù La Hàn là Tiết Quy Nê cùng quân bản bộ đầu theo về Tỉ Năng. Tỉ Năng tự thấy mình giết cha của Quy Nê, bèn đổi đãi Quy Nê rất nồng hậu. Từ đấy Bộ Độ Căn giận Tỉ Năng. Vào lúc Văn Đế lên ngôi, bá Diên Dục làm Ô Hoàn Hiệu úy, Trì tiết, Hộ Tiên Ti, đóng đồn ở Xương Bình. Bộ Độ Căn sai sứ dâng ngựa, Đế bèn báỉ hấn làm Vương. Sau đó nhiều lần đánh phá nhau với Kha Tỉ Năng, dân chúng của Bộ Độ Căn ngày càng suy giảm, bèn đem hơn vạn lạc về giữ ở quận Thái Nguyên, quận Nhạn Môn. Bộ Độ Căn lại sai người gọi Tiết Quy Nê rằng: “Cha mi bị Tỉ Năng giết chết, đã không nghĩ báo thù mà lại theo nhà hấn. Nay hấn dẫn đãi hậu mi, đấy là kẻ muốn giết mi đấy. Không bằng về theo ta, ta với mi là người thân ruột thịt, há theo kẻ thù”? Do đó Tiết Quy Nê đem bộ lạc của mình trốn về chỗ Bộ Độ Căn, Tỉ Năng đuổi theo nhưng không kịp. Đến

năm Hoàng Sơ thứ năm, Bộ Độ Căn đến cửa khuyết cống nạp, ban thưởng hậu hĩnh, từ đấy dốc lòng giữ biên ải, không còn cướp hại nhưng bộ lạc của Kha Tỉ Năng ngày càng lớn mạnh. Minh Đế lên ngôi, theo đuổi việc hòa thân với người Nhung Địch để ngừng đánh dẹp, chỉ ràng buộc lỏng lẻo hai bộ lạc ấy mà thôi. Đến năm Thanh Long thứ nhất, Tỉ Năng dụ Bộ Độ Căn liên kết hòa thân, do đó Bộ Độ Căn đem Tiệt Quy Nê cùng bộ lạc đến theo Tỉ Năng, lại đánh phá Tinh Châu, giết cướp quan dân. Đế sai Phiếu kị Tướng quân Tần Lang đánh chúng, Quy Nê bèn phản Tỉ Năng, đem bộ lạc đến hàng, phong làm Quy Nghĩa Vương, ban cho màn trướng, lông công, trống sáo, trú ở Tinh Châu như cũ. Bộ Độ Căn bèn bị Tỉ Năng giết chết.

Kha Tỉ Năng vốn là thủ lĩnh của bộ lạc nhỏ người Tiên Ti, nhưng dũng mãnh, vượt vớ phép tắc, không tham ti ền của, mọi người b ầu làm cừ s úy. Bộ lạc ấy gần biên ải, từ thời Viên Thiệu chiếm miền Hà Bắc, người Trung Quốc trốn tránh phần lớn theo về h ắn, bày cho h ắn làm binh khí khôi giáp, lại học viết chữ, do đó h ắn chăm chỉ dạy quân dân, học theo Trung Quốc, ra vào săn bắn, dựng lập cờ trướng, lấy tiếng trống làm lệnh tiến lùi. Giữa năm Kiến An, nhờ Diêm Nhu đến dâng cống. Thái Tổ sang tây đánh miền Quan Trung, vừa lúc Điền Ngân làm phản ở giữa miền sông Hoàng Hà, do đó Tỉ Năng đem hơn ba vạn quân kị theo Diêm Nhu đánh Ngân. Sau đó người Ô Hoàn ở Đại Quận làm phản, Tỉ Năng lại giúp chúng cướp hại; Thái Tổ lấy Yên Lăng Hầu là Chương làm Phiếu kị Tướng quân, lên bắc mà đánh, đại phá chúng. Tỉ Năng chạy khỏi biên ải, sau đó lại đến cống nạp. Đầu năm Diên Khang, Tỉ Năng sai sứ dâng ngựa, Văn Đế cũng phong Tỉ Năng làm Phụ Nghĩa Vương. Năm Hoàng Sơ thứ hai, Tỉ Năng đem hơn năm trăm nhà người Ngụy ở tại trong người Tiên Ti về trú ở Đại Quận. Năm sau, Tỉ Năng lĩnh các cừ s úy lớn nhỏ của bộ lạc mình, đem hơn ba nghìn quân kị người Ô Hoàn ở Đại Quận của bọn Tu Vũ Lô, xua hơn bảy nghìn con trâu ngựa đến trao đổi, lại sai hơn nghìn nhà người Ngụy đến trú ở quận Thượng Cốc. Sau tranh giành với cừ s úy của người Tiên Ti ở phía đông là Tổ Lợi và ba bộ lạc của Bộ Độ Căn, lại đánh phá lẫn nhau. Điền Dự sai phải hòa thuận, không được xâm lấn nhau. Năm thứ năm, Tỉ Năng lại đánh Tổ Lợi, do đó Dự đem quân kị nhẹ đi thẳng đến chặn phía sau. Tỉ Năng sai ti ểu s úy là Tỏa Nô đi riêng chống Dự, Dự đến đánh, đuổi phá được, do đó Tỉ Năng sinh lòng nghi ngờ, bèn gửi thư cho Phụ quốc Tướng quân Tiên Vu Phụ rằng: “Người Di Địch không biết chữ viết, lúc trước

Hiệu úy Diêm Nhu tiến cử ta lên Thiên tử. Ta gây thù với Tổ Lợi, năm ngoái đánh phá hấn, nhưng Điên Hiệu úy lại giúp Tổ Lợi. Ta vào trận sai Tòa Nô đánh chặn, nghe tin Điên Hiệu úy đến thì liền dẫn quân rút lui. Bộ Độ Căn nhiều lần cướp bóc, lại giết mất em ta, vậy mà vu cho ta cướp bóc. Ta là người Di Địch đâu không biết lễ nghĩa nhưng anh em con cháu ta lại nhận ấn thao của Thiên tử, trâu ngựa còn biết cỏ bên sông tươi tốt mà gặm, huống chi ta là người có tấm lòng! Tướng quân nên xét rõ lòng ta báo lên Thiên tử"! Phụ nhận thư rồi gửi lên, Đế lại sai Dự vũ về an ủi hấn. Bộ lạc của Tỉ Năng lại lớn mạnh, thống lĩnh hơn mười vạn quân kỵ. Hễ cướp lấy được tiền của liền chia đều cho mọi người, một cái trước mắt cũng chẳng lấy riêng, cho nên được lòng quân sĩ, cừ súy của các bộ lạc đều sợ phục hấn, nhưng vẫn không bằng Đàn Thạch Hề vậy.

Năm Thái Hòa thứ hai, Dự sai người phiên dịch là Hạ Xá đến chỗ con rể của Kha Tỉ Năng là Uất Trúc Kiện, Xá bị Kiện giết. Mùa thu năm ấy, Dự đem người Tiên Ti ở phía tây là bọn Bồ Đầu, Tiết Quy Nê ra cửa ải đánh Uất Kiện Bộ, đại phá hấn. Về đến Mã Thành, Tỉ Năng tự đem ba vạn quân kỵ vây Dự trong bảy ngày. Thượng Cốc Thái thú Diên Chí là em của Nhu vậy, vốn được người Tiên Ti tin theo, Chí liền đến khuyên dụ, liền giải vây bỏ đi. Sau đó U Châu Thứ sử Vương Hùng lĩnh chức Hiệu úy, dùng ân tín mà vỗ về Tỉ Năng nhiều lần đến cửa ải, vào châu quận cống nạp. Đến năm Thanh Long thứ nhất, Tỉ Năng dụ nạp Bộ Độ Căn, sai hấn phản ở Tinh Châu, cùng kết thân với hấn, lại tự xua vạn quân kỵ đón quân của hấn ở Hình Bắc. Tinh Châu Thứ sử Tất Chấp sai bọn Tướng quân Tô Thượng, Đồng Bật đánh chúng, Tỉ Năng sai con đem quân kỵ đến đánh với bọn Thượng ở Lô Phiền, vào trận giết Thượng, Bật. Đến giữa năm thứ ba, Hùng sai dũng sĩ là Hàn Long đâm chết Tỉ Năng, người Tiên Ti lại lập em của hấn.

Tổ Lợi, Di Gia, Khuyết Cơ đều làm cừ súy ở ngoài biên ải các quận Liêu Tây, Hữu Bắc Bình, Ngự Dương, nhưng vì đường lối xa xôi nên không gây hại nơi biên giới, nhưng dân chúng của họ phần nhiều lại theo Tỉ Năng. Giữa năm Kiến An, nhờ Diêm Nhu dâng cống, thông chợ, Thái Tổ đều tiến phong làm Vương. Khuyết Cơ chết, lại lập con hấn là Sa Mạt Hấn làm Thân Hán Vương. Đầu năm Diên Khang, lại đầu sai sứ dâng ngựa. Văn Đế phong Tổ Lợi, Di Gia làm Quy Nghĩa Vương. Tổ Lợi lại

đánh phá nhau với Kha Tỉ Năng. Năm Thái Hòa thứ hai, Tõ Lợi chết. Con còn nhỏ, lấy em là Thành Luật Quy làm Vương, thay lĩnh dân chúng.

TRUYỆN VỀ CÁC DÂN TỘC SÔNG PHÍA ĐÔNG

Kinh Thư chép: “Phía đông tới bờ biển, phía tây đến tại Lưu Sa”⁽⁷⁾. Theo phép phân chia chín cõi thì có thể biết mà chép vậy. Nhưng ở ngoài miên nơi xa lánh, phải trải dài mà đến, không có vết chân xe đến được, chưa có ai biết được phong tục của các nước lạ. Từ thời nhà Ngu đến thời nhà Chu, người Tây Nhung đến dâng ngọc trắng, người Đông Di có nước Túc Thận đến cống, đều cách nhiều đời mới đến, cũng vì xa xôi nên như thế. Đến lúc nhà Hán sai Trương Khiên đi sứ Tây Vực, đến cùng nguồn của sông Hoàng Hà, đi qua các nước, bèn đặt chức Đô hộ để trông coi xứ ấy, sau đó những việc về Tây Vực đều còn, cho nên quan chép sử đã chép rõ được vậy. Nhà Ngụy nổi dậy, người Tây Vực hầu không đến cả nhưng các nước lớn như Quy Từ, Vu Trí, Khang Cư, Ô Tôn, Sơ Cân, Nguyệt Chi, Thiện Thiện, Xa Sư không năm nào không đến châu cống, đại khái cũng như việc cũ thời nhà Hán. Lại còn Công Tôn Uyên cậy vào ba đời tổ tiên chiếm lấy miên Liêu Đông, Thiên tử cho là hấn ngăn bờ cõi, bèn giao cho các việc giao tiếp với các nước ở ngoài biển, do đó ngăn cách Đông Di, không qua lại được với Hoa Hạ. Giữa năm Cảnh Sơ, đại phá quân sĩ, đánh Uyên, lại ngầm đem quân vượt biển, thu lấy các quận Lạc Lãng, Đái Phương, từ đó miên ngoài biển yên ổn, người Đông Di chịu phục. Sau đó nước Cao Câu Li phản bội, lại sai quân mạnh đến đánh, đuổi đến chốn cùng, qua các xứ Ô Hoàn, Hoàn Đô, qua nước Ốc Trử, giẫm vào đỉnh của nước Túc Thận, phía đông đến biển lớn. Người già nói rằng có người mất lạ ở gần chỗ mà Mặt trời mọc, rồi đi xung quanh các nước, chọn chép phong tục của các nước, lớn nhỏ khác biệt, đều có tiên gọi, có thể chép rõ. Dẫu là nước Di Địch nhưng vẫn biết giữ gìn lễ nghi cúng tế. Một khi Trung Quốc bỏ lễ nghi thì tìm ở ‘tứ di’, cũng đúng. Cho nên chép các nước theo thứ tự, nêu rõ giống khác để bù điều mà sử sách ngày trước chưa chép.

Nước Phù Dư tại phía bắc trường thành, cách quận Huyên Thố nghìn dặm, phía nam tiếp với nước Cao Câu Li, phía đông tiếp với nước Ấp Lâu, phía tây tiếp đất Tiên Ti, phía bắc có sông Nhựt, đất rộng khoảng hai nghìn dặm. Có tám vạn hộ, dân tụ thành thôn ấp, có cung thất, kho tàng, nhà ngục. Nhiêu gò núi, đầm rộng, là đất bằng phẳng nhất so với các nước Đông Di khác. Đất đai hợp với ngũ cốc⁽⁸⁾, không mọc ngũ quả⁽⁹⁾. Người

nước này to khỏe, tính cứng cỏi nòng hậu, không ưa cướp bóc. Nước này có vua, đầu đặt tên quan lại theo tên lục súc⁽¹⁰⁾, có quan Mã gia, Ngưu gia, Trư gia, Cẩu gia, Đại sứ, Đại sứ giả, Sứ giả. Thôn ấp có người giàu, các nhà dưới quyên đều là nô bộc. Các quan lại chia ra làm chủ các miển, quan lớn thì làm chủ nghìn nhà, quan nhỏ thì làm chủ mấy trăm nhà. Ăn uống đều dùng mâm chén, những lúc hội họp, phong tước, nhận tước, đều nhường nhau lên xuống. Hẹn vào tháng giêng thì tế trời, người trong nước tụ hội, suốt ngày ăn uống múa hát, đặt tên là ‘nghe nh cô’, do đó phá nhà giam, cởi trói tù ngục. Ở nước này người ta ưa mặc áo màu trắng, vải trắng làm tay áo lớn, áo choàng, quần khố, đi dày da. Ra khỏi nước thì ưa mặc gấm lụa len dạ, quan lớn thì mặc áo lông cáo, lông khỉ đen, chần đen, lấy vàng bạc gắn lên mũ. Người phiên dịch đều quỳ, tay dựa vào gối mà nói. Dùng hình pháp nghiêm ngặt, kẻ nào giết người thì tội chết, thu người nhà làm nô tì. Nếu cướp trộm thì trộm một thì đần mười. Nếu trai gái gian dâm, đàn bà hay ghen thì đều bị giết. Rất ghét kẻ hay ghen tị, đã giết rồi còn ném lên núi phía nam của nước này mặc cho thối rữa. Muốn được lấy vợ thì chuyển trâu ngựa mà trao cho. Anh chết thì em lấy chị dâu, giống tục với người Hung Nô. Người nước này giỏi chăn nuôi, xuất ngựa tốt, ngọc đỏ, chần khỉ, ngọc trai; ngọc trai to như quả táo chua. Lấy cung, tên, đao, mâu làm binh khí, nhà nhà đều có áo giáp. Người già của nước này tự nói rằng dân mình trốn tránh đến đây từ thời xưa. Đắp thành lũy đều hình tròn, có chỗ tựa như nhà ngục. Người đi đường ngày đêm không kể già trẻ đều hát, suốt ngày tiếng hát không dứt. Có việc quân thì cũng tế trời, giết trâu xem móng chân để đoán tốt xấu, móng chân nứt nẻ là xấu, móng chân lành lặn là tốt. Có giặc thì các ‘gia’⁽¹¹⁾ cũng tự đánh trận, người các nhà đều mang đồ ăn uống mà cấp cho các ‘gia’. Nếu chết thì vào các tháng mùa hạ dùng băng mà táng, giết người để táng theo, lớn thì mấy trăm người. Táng trọng hậu, có quách mà chẳng có quan.

Ngụy lược chép: Tục nước này táng trong năm tháng, để lâu cho là vinh hạnh. Cúng tế người chết có khi sơ sài có khi kỹ càng. Chủ tang không muốn nhanh mà người khác lại ép thì thường tranh luận cho rằng đây là giữ tiết tháo. Lúc để tang, trai gái đều mặc áo trắng, đàn bà lấy áo vải che mặt, bỏ vòng đeo, đại khái cũng hơi giống người Trung Quốc.

Nước Phù Dư vốn thuộc quận Huyên Thố. Cuối thời Hán, Công Tôn Độ xưng hùng ở miển đông ven biển, lấn phục người Di ngoài cõi, do đó vua Phù Dư là Úy Cừu Đài liền thân phục vào quận Liêu Đông. Bấy giờ các

nước Cao Câu Li, Tiên Ti lớn mạnh, Đột thấy nước Phù Dư ở giữa hai nước giặc ấy, bèn đem con gái trong họ gả cho vua Phù Dư. Úy Cừu Đài chết, Giản Vị Cư lập, không có con cả, có con vợ thứ là Ma Dư. Vị Cư chết, các ‘gia’ cùng lập Ma Dư. Con anh của quan ‘Nguru gia’ mượn tiếng của Vị Cư mà tự làm Đại sứ, khinh ti tiện của ưa bố thí, người trong nước đều dựa theo, hằng năm sai sứ giả đến kinh đô⁽¹²⁾ dâng cống. Giữa năm Chính Thủy, U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiệm đánh nước Cao Câu Li, sai Huyền Thố Thái thú Vương Kì đến nước Phù Dư, Vị Cư sai các quan ‘gia’ ra ngoài thành đón, cấp cho lương quân. Nguru gia Quý Phủ có hai lòng, Vị Cư giết cha con Quý Phủ, thu hết ti tiện của, sai sứ nhét lấy đem vào sở quan. Theo tục của nước Phù Dư, gặp lúc nước khô hạn thì không thu thuế, nếu ngũ cốc không chín thì đều đổ lỗi cho vua, có kẻ nói là nên đổi ngôi vua, có kẻ nói là nên giết vua. Ma Dư chết, con là Y Lự mới sáu tuổi, được lập làm vua. Vào thời Hán, vua Phù Dư táng dùng rương ngọc, thường sắm sẵn để ở quận Huyền Thố, lúc vua chết thì đón lấy mà táng. Công Tôn Uyên bị giết, ở kho quận Huyền Thố còn có một cái rương ngọc. Ngày nay kho tàng của nước Phù Dư có mấy tấm ngọc bích, ngọc khuê, ngọc toàn, nhiều đời cho là vật báu, người già cả nói là vật ban cho tổ tiên vậy.

Ngụy lược chép: Nước này giàu có, từ đời trước đến nay chưa từng bị phá hoại.

Ấn của vua nước này khắc chữ ‘ấn của Uế Vương’. nước này có thành cũ là thành Uế, có lẽ vốn là đất của rợ Uế Mạch, mà vua Phù Dư ở trong ấy, lại tự gọi là ‘người Vong’, hoặc là giống thê.

Ngụy lược chép: Sách cũ có chép rằng ngày xưa phương bắc có người nước Cao Li, người hầu gái của vua nước ấy có thai, vua muốn giết đi, người hầu gái nói: “Có luồng khí như quả trứng gà bay xuống, cho nên ta có thai”. Sau đó sinh con, vu vút con ở trong chuồng heo, heo đến bú mớm cho, lại dời đến chuồng ngựa, ngựa lại thở hít cho, không chết. Vua ngờ là con của trời, bèn sau mẹ thu lấy mà nuôi, đặt tên là Đông Minh, thường sai chăn ngựa. Đông Minh giỏi bắn cung, vua sợ hấn đoạt lấy nước mình, muốn giết đi. Đông Minh chạy về phía nam đến sông Thi Yểm, giương cung bắn xuống nước, thế là cá rùa nổi lên làm thành cầu, Đông Minh vượt xong, cá rùa lại giải tán, quân đuổi theo không qua được. Đông Minh nhân đó làm vua ở nước Phù Dư.

Cao Câu Li tại phía đông quận Liêu Đông nghìn dặm, phía nam tiếp với nước Triêu Tiên, Uế Mạch, phía đông tiếp với nước Ốc Trử, phía bắc tiếp

với nước Phù Dư. Đóng đô ở dưới Hoàn Đô, đất vuông khoảng hai nghìn dặm; có ba vạn hộ. Nhiều đằm núi hang hốc lớn, không đủ làm đầy bụng miệng⁽¹³⁾, do đó tục nước này tiết kiệm, ưa dựng cung thất, ở bên trái phải của nhà mình ở có dựng một ngôi miếu lớn để tế quỷ thần, lại tế sao linh, xã tắc⁽¹⁴⁾. Người nước này hung hăng, giỏi cướp bóc. Nước này có vua, quan lại có ‘Tương gia’, ‘Đối lô’, ‘Phái giả’, ‘Cổ sồ gia’, ‘Chủ bạ’, ‘Ưu đài thừa’, ‘Sứ giả’, ‘Tạo y tiên nhân’, lớn nhỏ đều có cấp bậc. Người Đông Di lúc trước cho rằng họ là một chủng khác của người Phù Dư, các việc tiếng nói phần nhiều giống với người Phù Dư nhưng tính tình và áo quần có khác. Vốn có năm bộ, có bộ Quyên Nô, Tuyệt Nô, Thuận Nô, Quán Nô, Quế Lâu. Lúc đầu bộ Quyên Nô làm vua, sau đó suy yếu, ngày nay bộ Quế Nô nổi lập. Thời Hán ban cho ca kĩ, trống sáo, thường đến quận Huyên Thố nhận khăn mũ quần áo của triều đình ban phát, sai vua Cao Câu Li làm chủ hộ tịch của mình. Sau lại kiêu ngạo, không còn đến quận, đắp tòa thành nhỏ ở phía đông, đặt khăn mũ quần áo của triều đình ở đấy, hằng năm thì đến lấy. Ngày nay người Hồ vẫn gọi thành ấy là ‘Trách câu lâu’. Từ ‘câu lâu’ có nghĩa là ‘tòa thành’ trong tiếng Cao Câu Li vậy. Cách sắp đặt quan lại: có quan ‘Đối lô’ thì không đặt quan ‘Phái giả’, có quan ‘Phái giả’ thì không đặt quan ‘Đối lô’. Họ hàng của vua, quan lớn thì đều gọi là ‘Cổ sồ gia’, cũng được dựng tông miếu, tế sao linh, xã tắc. Bộ Tuyệt Nô nhiều đời có hôn nhân với vua, cũng ban hiệu là ‘Cổ sồ gia’. Các quan lớn cũng được đặt chức ‘Sứ giả’, ‘Tạo y tiên nhân’, phải đề tên lên cho vua xem. Còn như bầy tôi là khanh đại phu thì cùng ngỗ nẫm, cùng được cùng hàng với ‘Sứ giả’, ‘Tạo y tiên nhân’ của nhà vua. Trong nước này, nhà quan lớn không làm ruộng, kẻ chỉ ngỗ mà ăn có hơn vạn người, những nhà dưới phải gánh gạo, cá, muối từ xa đến cung cấp. Dân nước này ưa múa hát, trai gái các thôn ấp trong nước ngày đêm tụ nhóm, cùng nhau hát đờ. Không có kho tàng lớn, nhà nhà đều tự có kho nhỏ, gọi tên là ‘phù kinh’. Người nước này sạch sẽ vui vẻ, ưa cất giấu rượu, quý báu chỉ bó một chân, khác với người Phù Dư, đi bộ mà như chạy. Đến tháng mười thì tế trời, người trong nước tụ hội, gọi là hội ‘đông minh’. Lúc hội họp, đều tự mặc áo gấm vàng bạc gấm lụa. Quan lớn chủ tế đều đội khăn, chỉ đội khăn mà không có gấm vật khác, quan nhỏ chủ tế thì đội khăn ‘chiết phong’⁽¹⁵⁾, hình như mũ ‘biện’. Phía đông nước này có cái hồ lớn, gọi là ‘toại huyết’⁽¹⁶⁾. Tháng mười thì người trong nước tụ hội, đón thần chồi về phía đông của nước ấy

mà tể, đặt chòi gỗ ở chỗ ghề thuyền. Không có nhà ngục, kẻ có tội thì các ‘gia’ bàn nghị, tội nặng thì giết, thu lấy vợ con làm nô tì. Tục nước này cưới hỏi, đã bàn bạc xong thì nhà gái làm một gian nhà nhỏ ở sau gian nhà lớn, gọi là ‘nhà rể’, chàng rể đến tối thì đến ngoài nhà gái, tự nói là đến đón dâu, xin được đem dâu về nhà, cứ như thế nói ba lần, cha mẹ nhà gái nghe theo mới dõng đem dâu về trong gian nhà nhỏ, bên cạnh đặt tiển lụa, đến lúc sinh con đã lớn khôn mới đem vợ về nhà. Tục nước này say mê, trai gái đã thành vợ chồng rồi li hôn làm áo cho lúc mất. Táng hậu, dùng vàng bạc tiển của chôn hết theo người chết, chắt đá làm nấm mộ, trồng tùng bách xung quanh. Ngựa của nước này đầu nhỏ, nhưng leo núi nhanh. Người nước này có sức khỏe, luyện tập chiến đấu, nước Ốc Trử, Đông Uế đầu thần phục. Lại có người ‘tiểu thủy Mạch’. Vào lúc người Cao Câu Li dựng nước từng dựa vào đất của người ‘tiểu thủy Mạch’ mà ở; phía bắc huyện Tây An Bình có con sông nhỏ, chảy về phía nam đổ vào biển, một nhóm người khác của người Cao Câu Li dựa vào con sông ấy mà dựng nước, nhân đó đặt tên là ‘tiểu thủy Mạch’, xuất cung tốt, gọi là ‘cung Mạch’ vậy.

Vào đầu thời Vương Mãng, đi đầu quân của nước Cao Câu Li để đánh rợ Hồ, nhưng không muốn đi, ép bắt họ đi, do đó đầu trốn ra biên ải làm giặc cướp. Liêu Tây Đại doãn Điền Đan đuổi đánh chúng, bị giết chết. Châu quận đổ lỗi cho vua Cao Câu Li là Đào, nhưng Nghiêm Ưu tấu rằng: “Người Mạch phạm pháp, tội chẳng do từ Đào, tạm nên vỗ về Nay hấn bị khép tội lớn, sợ hấn tất phản”. Mãng không nghe, sai Ưu đánh Đào. Ưu dụ hện vua Cao Câu Li là Đào đến mà chém đi, chuyển chỗ đầu Đào đến Trường An. Mãng cả mừng, bố cáo thiên hạ, lại đổi tên Cao Câu Li là ‘Hạ Câu Li’. Thời bấy giờ là nước phong tước Hầu. Năm thứ tám thời Quang Vũ Đế của nhà Hán, vua Cao Câu Li sai sứ chầu cống, bắt đầu được xưng Vương.

Đến giữa thời Thương, An⁽¹⁷⁾, vua Cao Câu Li là Cung nhiều lần cướp quận Liêu Đông, lại vào cướp quận Huyền Thố. Liêu Đông Thái thú, Sái Phong, Huyền Thố Thái thú Diêu Quang thấy Cung gây hại cho hai quận, bèn dấy binh đánh Cung. Cung giả hàng xin hòa, do đó quân của hai quận không đánh. Cung ngầm sai quân đánh quận Huyền Thố, đốt huyện Hầu Thành, vào thành Liêu Toại, giết quan dân. Sau đó Cung lại vào lấn quận Liêu Đông, Sái Phong lại đem quân đuổi đánh Cung, quân thua mà chết.

Cung chết, con là Bá Cỗ lập. Giữa thời Thuận, Hoàn⁽¹⁸⁾, lại vào lấn quận Liêu Đông, cướp các huyện Tân An, Cư Hương, lại đánh huyện Tây An Bình, giết Đái Phương Lệnh ở trên đường, cướp được vợ con của Lạc Lãng Thái thú. Năm Kiến Ninh thứ hai thời Linh Đế, Huyên Thố Thái thú Cảnh Lâm đánh nước ấy, bắt chém được mấy trăm đầu giặc, Bá Cỗ xin hàng, nội thuộc vào quận Liêu Đông. Giữa năm Gia Bình, Bá Cỗ xin nội thuộc vào quận Huyên Thố. Vào thời Công Tôn Độ xưng hùng miền đông ven biển, Bá Cỗ sai bọn ‘gia’ Ưu Cư, Chủ bạ Nhiên Nhân giúp Độ đánh giặc ở núi Phú Sơn, phá được chúng.

Bá Cỗ chết, có hai con trai, con cả là Bạt Kì, con út là Y Di Mô. Bạt Kì chẳng giỏi, người trong nước lại lập Y Di Mô làm vua. Từ thời Bá Cỗ về sau nhiều lần cướp quận Liêu Đông, lại thu nhận hơn năm trăm nhà rợ Hồ trốn tránh đến ở. Giữa năm Kiến An, Công Tôn Độ đem quân ra đánh phá được nước ấy, đốt cháy thôn ấp. Bạt Kì oán vì là anh mà chẳng được lập, cùng hơn ba vạn người và các quan tướng của bộ Quyên Nô đến chỗ Khang xin hàng, sai về đóng quân ở sông Phất Lưu. Rợ Hồ ở nhờ cũng phản Y Di Mô, do đó Y Di Mô lại lập nước mới, đây là nước ngày nay Cao Câu Li ngày nay vậy. Bạt Kì bèn đến quận Liêu Đông, có con ở lại nước Cao Câu Li, nay là quan ‘Cỗ sồ gia’ Bạt Vị Cư vậy. Sau đó lại đánh quận Huyên Thố, quận Huyên Thố cùng quận Liêu Đông hợp sức đánh, đại phá quân nước ấy.

Y Di Mô không có con, thông dâm với người của bộ Quán Nô, sinh con là Vị Cung. Y Di Mô chết, lập Vị Cung làm vua. Nay vua Cao Câu Li là Cung vậy. Vì ông nội tên là Cung, sinh mà đã sáng mắt, người trong nước ghét Cung, lúc lớn lên, quả nhiên hung ngược, nhiều lần cướp bóc, nước bị tàn phá. Nay vua sinh ra đã bò dưới đất, cũng trợn mắt nhìn người. Người Cao Câu Li cho là tướng người tựa như ông nội, cho nên đặt tên là Vị Cung. Vị Cung có sức khỏe, cưỡi ngựa nhanh, săn bắn giỏi. Năm Cảnh Sơ thứ hai, Thái úy Tư Mã Tuyên Vương đem quân đánh Công Tôn Uyên, Cung sai Chủ bạ Đại Gia đem mấy nghìn người đến giúp quân. Năm Chính Thủy thứ hai, Cung cướp huyện Tây An Bình. Năm thứ năm, bị U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiêm đánh phá. Chép tại Quán Khâu Kiêm truyện.

Đông Ốc Trở tại phía đông núi lớn Cái Mã của nước Cao Câu Li, gần biển lớn mà ở. Thế đất hẹp ở phía đông bắc mà rộng rãi ở phía tây nam, dài khoảng nghìn dặm, phía bắc tiếp với nước Ấp Lâu, Phù Dư, phía nam

tiếp với nước Uế Mạch. Có năm nghìn hộ, không có quân trưởng lớn, nổi đời ở thôn ấp đầu có cừ súy. Tiếng nói đại khái giống người Cao Câu Li, chỉ khác chút ít. Đầu thời Hán, kẻ trốn tránh người nước Yên là Vệ Mãn làm vua Triêu Tiên, bấy giờ nước Ốc Trử cũng thần phục theo. Năm Nguyên Phong thứ hai thời Vũ Đế của nhà Hán, đánh nước Triêu Tiên, giết cháu của Mãn là Hữu Cừ, chia nước ấy lập thành bốn quận⁽¹⁹⁾, lấy thành Ốc Trử lập ra quận Huyền Thố. Sau lại bị người Di Mạch xâm lấn, dời quận đến phía tây bắc nước Cao Câu Li, nay gọi là phủ cũ của quận Huyền Thố vậy. Nước Ốc Trử lại thuộc vào quận Lạc Lãng. Nhà Hán thấy đất đai xa rộng, ở tại phía đông núi lớn Đan Đan, bèn chia đặt quan Đông bộ Đô úy, trị ở thành Bất Nại, trông coi bảy huyện ở phía đông núi. Bấy giờ nước Ốc Trử cũng đều lập thành huyện. Năm thứ sáu thời Quang Vũ Đế của nhà Hán, bớt các quận biên giới, đó đó quan Đông bộ Đô úy bị bãi. Sau đó đều lấy cừ súy trong các huyện ấy phong làm Huyện hầu, các huyện Bất Nại, Hoa Lệ, Ốc Trử đều nước phong tước Hầu. Người Di Địch lại đánh phá lẫn nhau, riêng Bất Nại Hầu đến nay vẫn đặt các quan Công tào, Chủ bạ, đều là người Uế làm quan ấy. Các cừ súy của thôn ấp ở nước Ốc Trử đều tự xưng là ‘tam lão’, đây là pháp tắc của quận huyện vậy. Nước nhỏ thì bị ép vào giữa nước lớn, rút cuộc thần thuộc nước Cao Câu Li. Người Cao Câu Li lại đặt quan lớn trong đấy làm sứ giả, sai chọn thủ lĩnh, lại sai quan Đại gia coi xét việc thu tô thuế, vải Mạch, cá, muối, các vật trong biển, gánh từ nơi vạn dặm mà đem đến, lại chở gái đẹp đến làm nô tì, xem họ như nô bộc.

Đất đai nước ấy màu mỡ, dựa vào núi hướng ra biển, hợp với ngũ cốc, giỏi làm ruộng. Tính người thẳng thắn cứng cỏi, ít đi xe ngựa, giỏi cầm mâu đánh bộ. Ăn uống, chỗ ở, quân áo, lễ tiết có giống người Cao Câu Li. Ngụy lược chép: Phép tắc cưới hỏi ở nước ấy là con gái đến mười tuổi đã được hứa gả. Nhà rể đến đón về, nuôi lớn thì trở thành vợ. Đến lúc lớn, lại về nhà gái. Nhà gái đòi tiền, đem tiền xong mới cho về lại nhà rể. Phép táng thì làm quách bằng gỗ lớn, dài hơn mười trượng, mở một đầu làm mộ. Người vừa chết thì đều táng trước, đợi lúc thân rửa, da thịt mất hết mới lấy xương đem vào quách, cả nhà đều cùng một quách, đẽo gỗ như hình người sống, mấy người táng chết theo. Lại có cái hũ sứ, đặt gạo ở trong, treo hũ ấy ở bên quách.

Quán Khâu Kiêm đánh nước Cao Câu Li, vua Cao Câu Li là Cung trốn đến nước Ốc Trử, bèn đem quân đến đánh. Các thôn ấp ở Ốc Trử đều bị phá, bắt chém hơn mấy trăm đầu giặc, Cung lại trốn đến đất Bắc Ốc Trử.

Bắc Ốc Trở còn có tên là Trí Câu Lôu, cách Nam Ốc Trở hơn tám trăm dặm, phong tục nam bắc đều giống nhau, tiếp với nước Ấp Lôu. Người Ấp Lôu ưa cưỡi thuyền đi cướp bóc, người Bắc Ốc Trở sợ họ; vào mùa hạ thường ở trong hang sâu trên vách núi mà giữ gìn, đến mùa đông băng đóng thuyền không đi được lại xuống ở tại thôn ấp. Vương Kỳ sai quân đi riêng đuổi đánh Cung, đến cùng phía đông. Hỏi người già nước ấy rằng: “Miền đông ven biển này có người khác không”? Người già nói là người trong nước từng cưỡi thuyền đi bắt cá, gặp gió thổi mấy chục ngày, dạt về phía đông đến một hòn đảo, trên ấy có người, tiếng nói không hiểu nhau, phong tục thì thường đến tháng bảy lại lấy con gái trinh ném xuống biển. Lại nói là có một nước cũng ở tại giữa biển, chỉ có gái mà chẳng có trai. Lại nói là lấy được một cái áo vải, từ giữa biển trôi đến, thân áo như áo của người Trung Quốc, hai tay áo dài ba thước. Lại nói là lấy được một con thuyền vỡ theo sóng mà trôi vào bên bờ biển, trên thuyền có một người mà giữa cổ lại có mặt, bắt sống được người đó, nói chuyện chẳng hiểu được nhau, rồi không ăn mà chết. Đất ấy đều ở giữa biển phía đông của nước Ốc Trở.

Nước Ấp Lôu tại phía đông bắc nước Phù Dư hơn nghìn dặm, kề bờ biển lớn, phía nam tiếp với nước Bắc Ốc Trở, chưa biết phía bắc nước ấy đến tận chỗ nào. Đất đai nhiều núi hiểm, dáng người như người Phù Dư, tiếng nói lại không giống với người Phù Dư, Cao Câu Ly. Có ngũ cốc, trâu, ngựa, vải gai. Người phần nhiều khỏe mạnh. Không có quân trưởng lớn, thôn ấp đều có cừu súy. Ở giữa rừng núi, thường đào hang mà ở. Nhà lớn sâu đến chín tầng, cho rằng càng sâu càng tốt. Khí hậu lạnh, khác với nước Phù Dư. Phong tục ưa nuôi heo, ăn thịt heo, lấy da làm áo. Mùa đông lấy mỡ heo bôi lên người, dày đến mấy phân để chống gió lạnh. Mùa hạ thì cởi trần, lấy một thước vải quấn trước sau để che thân thể. Người nước này không sạch sẽ, làm nhà xí ở chính giữa, dân vây quanh mà ở. Cây cung dài bốn thước, chắc như gỗ, cây tên làm bằng gỗ cây họ, dài một thước tám tấc, lấy đá xanh làm mũi tên, tức nước Túc Thận thời xưa vậy. Giỏi bắn tên, người bắn tất trúng. Mũi tên tẩm độc, người trúng đều chết. Xuất ngọc đỏ, chôn tốt, nay gọi là chôn Ấp Lôu vậy. Từ thời Hán đến nay, thuộc vào nước Phù Dư, người Phù Dư đòi tô thuế rất nặng, cho nên giữa năm Hoàng Sơ làm phản lại. Người Phù Dư mấy lần đánh, nhưng người Ấp Lôu dẫu ít nhưng ở tại núi hiểm, người xung quanh đều sợ cung tên của họ, rút cuộc

chẳng phục được. Người nước này lại cưỡi thuyền đi cướp bóc, nước bên cạnh cũng lo lắng. Người Đông Di ăn uống đầu dùng mâm chén, riêng Ấp Lôu thì không, phong tục rất không có kỉ cương như vậy.

Nước Uế phía nam tiếp với nước Thần Hàn, phía bắc tiếp với nước Cao Câu Li, Ốc Trử, phía đông liền bờ biển lớn, nay phía đông của đất Triêu Tiên đều là đất của nước ấy vậy. Hai vạn hộ. Ngày xưa Cơ Tử đã đến Triêu Tiên, chép ra tám điều giáo hóa để dạy dân ấy, do đó nhà không đóng cửa mà dân cũng không bị cướp. Hơn bốn mươi đời sau, vua Triêu Tiên là Chuẩn tiếm hiệu xưng Vương. Bọn Trần Thắng nổi dậy, thiên hạ phản nhà Tần, do đó mấy vạn người dân các nước Yên, Tề, Triệu tránh loạn mà đến đất Triêu Tiên. Người nước Yên là Vệ Mãn bèn búi tóc mặc áo của người Di, lại đến làm vua ở nước ấy. Vũ Đế của nhà Hán đánh diệt nước Triêu Tiên, chia nước ấy lập thành bốn quận. Từ đó về sau, người Hồ, người Hán phân biệt. Không có quân trưởng lớn, từ thời Hán đến nay, quan lại có chúa ấp được phong tước Hầu, quan ‘Tam lão’ trông coi các nhà dưới. Người già cả của nước ấy tự bảo rằng dân mình cùng chủng với người Cao Câu Li. Tính người thật thà, biết hổ thẹn, không phục người Cao Câu Li. Tiếng nói, phong tục đại khái giống với người Cao Câu Li, nhưng quần áo có khác. Trai gái đều mặc áo có cúc, con trai tán bạc thành tấm rộng mấy thước để làm trang sức. Từ núi lớn Đan Đan đến phía tây thuộc quận Lạc Lãng, bảy huyện từ núi đến phía đông thì do quan Đô úy trông coi, đều lấy người Uế làm dân hộ. Sau đó bỏ quan Đô úy, phong tước Hầu cho cừ súy của dân ấy, nay người Uế ở thành Bất Nại đều là chủng người ấy. Cuối thời Hán lại thuộc vào nước Cao Câu Li. Phong tục coi trọng sông núi, sông núi đều có bộ phận, không được tự ý dẫm chân vào. Người cùng họ không lấy nhau. Nhiều kị hủ, nếu bệnh tật chết chóc đều ném vứt ở nhà cũ, rồi làm nhà mới. Có vải gai, tầm dâu để làm gấm. Hiểu cách xem sao, biết trước được năm nào đầy đủ hoặc thiếu thốn. Không dùng ngọc làm vật báu. Thường đến tháng mười thì tế trời, ngày đêm uống rượu múa hát, đặt tên là ‘vũ thiên’. Lại tế hổ cho là thần. Nếu thôn ấp đánh lẫn nhau liền đòi phạt trâu ngựa, nhân khẩu, gọi tên là ‘trách họa’. Kẻ giết người thì đền mạng. Ít cướp bóc. Làm cây mâu dài ba trượng, có cây phải dùng mấy người cùng nắm để đánh trên bộ. Cây cung làm bằng gỗ đàn của quận Lạc Lãng là xuất từ đất của người Uế. Biển xuất ra da cá, đất này có nhiều báo

lông vằn, lại xuất ngựa ‘quả hạ’, vào thời Hiến Đế của nhà Hán từng dâng ngựa ấy.

Thần là Tùng Chi xét: Ngựa ‘quả hạ’ cao ba thước, cưỡi ngựa này mà đến dưới cây quả thì không đi, cho nên gọi là ngựa ‘quả hạ’. Thấy chép trong Bắc vật chí, Ngụy đô phú.

Năm Chính Thủy thứ sáu, Lạc Lãng Thái thú Lưu Mậu, Đái Phương Thái thú Cung Tuân lĩnh dân Đông Uế thuộc vào nước Cao Câu Li, lại đem quân đánh người Uế, bọn Bất Nại Hầu đem cả ấp xin hàng. Năm thứ tám, đến cửa khuyết châu cống, hạ chiếu bái làm Bất Nại Vương. Làm nhà ở lẫn trong dân, bốn mùa đến quận châu gặp. Hai quận sai người đưa xe đi đòi tô thuế, cung cấp lao dịch, đãi như dân thường.

TRUYỆN VỀ CÁC DÂN TỘC SÔNG PHÍA ĐÔNG (TIẾP)

Nước Hàn tại phía nam quận Đái Phương, đông tây lấy biển làm giới hạn, phía nam tiếp với nước Oa, đất rộng bốn nghìn dặm. Có ba chủng, một là Mã Hàn, hai là Thần Hàn, ba là Biện Hàn.

Thần Hàn là nước Hàn thời xưa vậy. Mã Hàn ở tại phía tây, Dân nước này tụ thành thôn ấp, trờng trọt, biết tầm dâu, làm vải gấm. Đầu có cù sáy, lớn thì tự gọi là ‘Thần trí’, thứ nữa là ‘Ấp tá’, tản mát ở giữa sông núi, không có thành quách. Có nước Viên Tương, nước Mâu Thủy, nước Tang Ngoại, nước Tiểu Thạch Sách, nước Đại Thạch Sách, nước Ưu Hưu Mâu Trác, nước Thần Phần Cô, nước Bách Tế, nước Tộc Lô Bất Tư, nước Nhật Hoa, nước Cổ Đản Giả, nước Cổ Li, nước Nộ Lam, nước Nguyệt Chi, nước Tư Li Mâu Lô, nước Sách Vị Can, nước Cổ Viên, nước Mạc Lô, nước Ti Li, nước Chiêm Li Ti, nước Thần Hấn, nước Chi Xâm, nước Cầu Lô, nước Ti Di, nước Giám Hề Ti Li, nước Cổ Bồ, nước Trí Lợi Cúc, nước Nhiễm Lộ, nước Nghê Lâm, nước Tứ Lô, nước Nội Ti Li, nước Cảm Hề, nước Vạn Lô, nước Tích Ti Li, nước Cửu Tư Ô Đán, nước Nhất Li, nước Bất Di, nước Chi Bán, nước Cầu Sách, nước Tiệp Lô, nước Mâu Lô Ti Li, nước Thần Tô Đồ, nước Bá Lô, nước Cổ Lạp, nước Giám Sách Bán, nước Thần Vân Tư, nước Như Lai Ti Li, nước Sở Sơn Đồ Ti Li, nước Nhất Nan, nước Cầu Hề, nước Bất Vân, nước Bất Tư Phần Tà, nước Viên Trì, nước Càn Mã, nước Sở Li, cả thảy hơn năm mươi nước. Nước lớn thì có hơn vạn nhà, nước nhỏ thì có mấy nghìn nhà, cả thảy là hơn mười vạn nhà. Thần Vương ⁽²⁰⁾ trị ở nước Nguyệt Chi. ‘Thần trí’ đặt hiệu là Hoắc Gia Ưu Hô Thần Vân Khiển Chi Báo An Tà Địch Chi Phần Thần Li Nghê Bất Liệt Câu Tà Tân Chi Liêm. Quan lại có ‘Nguy suất thiện’, ‘Ấp quân’, ‘Quy nghĩa hâu’, ‘Trung lang tướng’, ‘Đô úy’, ‘Bá trưởng’.

Vua là Chuẩn đã tiếm hiệu xưng Vương, bị kẻ trốn tránh người nước Yên là Vệ Mãn đánh lấy,

Ngụy lược chép: Ngày xưa dòng dõi của Cơ Tử làm vua Triều Tiên, thấy nhà Chu suy, nước Yên tự xưng Vương muốn sang đông chiếm đất, do đó vua Triều Tiên cũng tự xưng làm Vương, muốn dấy binh đón đánh quân Yên để tôn nhà Chu. Quan Đại phu tên là Lễ can ngăn, mới thôi. Sai Lễ sang tây khuyên vua Yên, vua Yên dừng mà không đánh. Sau đó con cháu kiêu ngược, vua Yên bèn sai tướng là Tân Khai đánh biên giới phía tây của nước ấy, chiếm đất hơn hai nghìn dặm, đến bên Mãn Phiên làm ranh giới, do đó nước Triều Tiên bèn suy. Đến lúc nhà Tần chiếm cả thiên hạ, sai Mông Điem đắp trường thành, đến quận Liêu Đông. Bấy giờ vua Triều Tiên là Phủ lập, sợ quân Tần đánh úp, bèn xin thần phục nhà Tần nhưng không chịu châu gáp. Phủ chết, con là Chuẩn lập, được hơn hai mươi năm thì vừa lúc Trần, Hạng⁽²¹⁾ nổi dậy, thiên hạ loạn, dân Yên, Tê, Triệu sâu khổ, dân dân trốn đến chỗ Chuẩn, Chuẩn bèn đặt họ ở tại biên giới phía tây. Đến lúc nhà Hán phong Lô Oản làm Yên Vương, Triều Tiên cách nước Yên ở sông Phôi. Đến lúc Oản phản, vào đất Hung Nô, vừa lúc người nước Yên là Vệ Mãn trốn tránh, mặc áo Hồ, sang đông vượt sông Phôi đến chỗ Chuẩn hàng, xin Chuẩn cho ở tại biên giới phía tây, do đó người trốn tránh Trung Quốc làm phen dậu của nước Triều Tiên. Chuẩn tin dùng Mãn, bái làm Bác sĩ, ban cho ngọc khuê, phong ấp rộng trăm dặm, sai giữ biên giới. Mãn bèn dụ người trốn tránh, quân ngày càng đông, rồi sai người lừa báo cho Chuẩn, nói là mười cánh quân Hán sắp đến, xin vào làm Túc vệ, do đó về đánh Chuẩn. Chuẩn đánh với Mãn, không địch được.

đem tả hữu cung nhân chạy vào biển, trú ở đất Hàn, tự hiệu là Hàn Vương.

Ngụy lược chép: Con và người thân của Chuẩn ở tại nước ấy, nhân đó đổi họ là Hàn. Chuẩn làm vua ở giữa đất ấy, không qua lại với nước Triều Tiên.

Sau đó diệt vong, ngày nay người Hàn vẫn có người cúng tế Chuẩn. Vào thời Hán thuộc quận Lạc Lãng, bốn mùa chầu gáp.

Ngụy lược chép: Lúc đầu vào lúc Hữu Cừ chưa bị phá, Thừa tướng của nước Triều Tiên là Lịch Khê Khanh can ngăn Hữu Cừ nhưng không nghe, bèn sang đông đến nước Hàn, bấy giờ dân đi theo ra ở đến hơn hai nghìn nhà, cũng không qua lại cống nạp với nước Triều Tiên. Đến những năm Địa Hoàng thời Vương Mãng, có người là Liêm Tư Trác làm cửu súy của nước Thần Hàn, nghe nói Lạc Lãng đất đai đẹp, người dân vui vẻ, muốn trốn đến hàng. Vừa ra khỏi thôn ấp, thấy một chàng trai đang đuổi bắt chim trĩ ở trong ruộng, tiếng nói của anh ta không phải tiếng Hàn. Hỏi anh ta, anh ta đáp: “Ta là người Hán, tên là Hộ Lai, bọn ta có một nghìn năm trăm người chặt cây trong thôn, bị người Hàn đánh bắt được, đều cắt tóc làm nô, đã ba năm rồi”. Trác nói: “Ta sắp đến hàng quận Lạc Lãng của nhà Hán; các người muốn đi không”? Hộ Lai nói: “Được”. Trác nhân đó đem Hộ Lai ra đến huyện Hàm Tư, quan huyện báo cho quận, quận

liên lấy Trác làm người phiên dịch, lại từ huyện Sâm Trung cưỡi thuyền lớn vào đất Thần Hàn, đón lấy Hộ Lai, bọn đi theo chỉ được nghìn người, năm trăm người trong số đó đã chết. Bấy giờ Trác bèn bảo người Thần Hàn rằng: “Các người mau trả năm trăm người kia, nếu không thì quận Lạc Lãng sẽ đem vạn quân cưỡi thuyền đến đánh các người”. Người Thần Hàn nói: “Năm trăm người kia đã chết, bọn ta sẽ đến đền bù vậy”. Bèn đem một vạn năm nghìn người Thần Hàn, một vạn năm nghìn thất vãi Biện Hàn để đền, Trác thu lấy rồi về. Quận khen Trác có công nghĩa, ban cho khăn mũ, ruộng vườn, con cháu mấy đời sau đến năm Diên Quang thứ tư thời An Đế lại bị tước bỏ.

Cuối thời Hoàn, Linh⁽²²⁾ người Hàn, Uế lớn mạnh, quận huyện không ngăn được, dân chúng phần nhiều trốn vào nước Hàn. Giữa năm Kiến An, Công Tôn Khang chia đất từ huyện Đồn Hữu đến cõi hoang phía nam mà lập ra quận Đái Phương, sai bọn Công Tôn Mô, Trương Xưởng thu tập dân lưu tán, đem quân đánh người Hàn, Uế, do đó dân ấy ra hàng, từ đó người Oa, Hàn bèn thần thuộc vào quận Đái Phương. Giữa năm Cảnh Sơ, Minh Đế ngầm sai Đái Phương Thái thú Lưu Hân, Lạc Lãng Thái thú Tiên Vu Tự vượt biển bình hai quận, ban ấn thao cho ‘Áp quân’, ‘Thần trí’ các ấp của nước Hàn, sau đó ban cho ‘Áp trưởng’. Phong tục ưa mặc áo đội mũ, các nhà đến quận chầu gặp đầu mặc áo mũ, tự đeo ấn thao mặc áo mũ đến hơn nghìn người. Bộ tòng sự là Ngô Lâm thấy quận Lạc Lãng vốn trông coi cả nước Hàn, bèn chia cắt tám nước của người Hàn nhập vào quận Lạc Lãng, quan lại dịch tiếng có giống khác, ‘Thần trí’ khích động dân Hàn oán giận, đánh trại Kì Li của quận Đái Phương. Bấy giờ Thái thú Cung Tuân, Lạc Lãng Thái thú Lưu Mậu đem quân đánh người Hàn, Tuân chết trận, quân của hai quận bèn phá nước Hàn.

Phong tục ít kỉ cương, nước dầu có chủ súy nhưng ở lẫn trong thôn ấp, không thể ngăn chế lẫn nhau, không có lễ quỳ bái. Nhà ở làm vách đất mái cỏ, hình như nấm mồ, làm cửa ở trên, cả nhà cùng ở trong ấy, không phân biệt già trẻ trai gái. Phép táng có quách nhưng không có quan, không biết cưỡi trâu ngựa, trâu ngựa chết đầy trên đường. Lấy ngọc trai làm vật báu, hoặc lấy áo làm bằng lông chim trĩ làm trang sức, hoặc đeo ngọc ở cổ, đeo vòng tai, không lấy vàng bạc găm lụa làm vật quý. Tính người cứng cỏi, đầu trần lộ chòm, mặc áo choàng, chân đi giày dép da. Trong nước có thành quách mà nhà quan sai đắp, những kẻ khỏe mạnh trẻ tuổi đều đục da thịt, lấy dây lớn khâu qua, lại lấy cái kim gỗ dài khoảng một trượng để khâu qua, suốt ngày hô hoán trở sức, không cho là đau, mà lại còn khuyến khích

làm, lại cho rằng thế là khỏe. Thường đến cuối tháng năm thì cày trồng xong, bèn tế quỷ thần, tụ hội múa hát, ngày đêm uống rượu không nghỉ. Lúc múa, mấy chục người cùng nối theo nhau, dẫm đất cúi ngửa, tay chân ứng nhịp, tiết tấu có lúc tựa múa chuông. Tháng mười thì việc cấy trồng xong, lại cúng tế uống rượu múa hát như trước. Tin thờ quỷ thần, trong mỗi nước đều lập một người chủ tế thần trời, gọi là ‘thiên quân’. Lại nữa các nước đều có ấp riêng gọi là ‘tô đờ’. Dựng một cây gỗ lớn, treo chuông trống lên đấy để thờ quỷ thần. Những người trốn tránh đến chỗ ấy đều không cho quay về Ua làm giặc, lập nghĩa ‘tô đờ’, có chỗ giống đạo Phù Đổng⁽²³⁾ nhưng việc làm thiện ác có khác. Phía bắc gần các quận huyện⁽²⁴⁾ lại hiểu biết lễ tục, nơi xa xôi lại như bọn tù ngục nô tì tụ tập. Không có các vật báu khác. Cầm thú cây cỏ đại khái giống với Trung Quốc. Xuất cây giẻ lớn, lớn như cây lê. Lại xuất gà đuôi nhỏ, đuôi đều dài hơn năm thước. Dân ông nước này đều xăm mình. Lại có người Hồ của chân quận ở tại trên đảo lớn giữa biển tây của nước Mã Hàn, người này hơi thấp bé, tiếng nói không giống với người Hàn, đầu tóc đều giống người Tiên Ti nhưng áo lại khác, ưa nuôi trâu và heo. Mặc áo phắn trên mà không che dưới thân, qua loa như cởi trần. Cưới thuyền qua lại mua bán giữa nước Hàn.

Thần Hàn tại phía đông Mã Hàn, người già cả truyền đời tự nói rằng dân mình là người trốn tránh việc lao dịch của nhà Tần mà đến nước Hàn, người Mã Hàn cắt đất phía đông mà trao cho. Có thành rào. Tiếng nói không giống với người Mã Hàn, gọi nước là ‘bang’, gọi cung là ‘hồ’, gọi giặc là ‘khấu’, uống rượu gọi là ‘hành thương’, có giống người Tần, không chỉ giống tiếng nói của người Yên, Tề mà thôi. Gọi người quận Lạc Lãng là ‘a tàn’; người phương đông gọi người ta là ‘a’, tức gọi người quận Lạc Lãng vốn là ‘kẻ rời rạc’ vậy. Nay có người lại gọi họ là người Thần Hàn. Lúc đầu có sáu nước, dần dần chia thành mười hai nước.

Biện Hàn cũng có mười hai nước, lại có các ấp nhỏ khác, đều có cừ súy, lớn thì gọi là ‘Thần trí’, nhỏ hơn là ‘Sát hễ’, thứ nữa là ‘Ấp tá’. Có nước Dĩ Đế, nước Bất Tư, nước Biện Thần Di Li Di Đống, nước Biện Thần Tiếp Đổng, nước Cần Kì, nước Nan Di Li Di Đống, nước Biện Thần Cổ Tư Di Đống, nước Biện Thần Cổ Thuần Thị, nước Nhiễm Hề, nước Biện Thần Bán Lộ, nước Biện Nhạc Nô, nước Biện Quân Di, nước Biện Thần Di Ô Tà Mã, nước Như Trạm, nước Biện Thần Cam Lộ, nước Lô Lộ, nước Châu Tiên, nước Biện Thần Cầu Tà, nước Biện Thần Tâu Tào Mã, nước

Biện Thần An Tà, nước Biện Thần Độc Lô, nước Tư Lô, nước Ưu Do. Biện Hàn, Thần Hàn hợp lại là hai mươi tư nước, nước lớn thì có bốn, năm nghìn nhà, nước nhỏ thì có sáu, bảy trăm nhà, cả thảy bốn, năm vạn hộ. Trong đó có mười hai nước thuộc Thần Vương. Thần Vương thường dùng người Mã Hàn làm vua, nối đời thay nhau. Thần Vương không được tự lập làm Vương.

Ngụy lược chép: Rõ ràng Thần Vương là dân lưu tán vậy, cho nên bị người Mã Hàn ngăn chế.

Đất đai màu mỡ, hợp ngũ cốc và lúa nước, biết dâu tằm, làm vải mịn, cưỡi xe trâu ngựa. Lễ tục cưới hỏi, trai gái có chia biệt. Lấy lông chim lớn để táng theo người chết, ý là muốn cho người chết được bay cao.

Ngụy lược chép: Người nước này làm nhà lấy nhiều cây gỗ xếp liên, có giống nhà ngục vậy.

Nước này có sắt, người Hàn, Uế, Oa đều đến thu lấy. Đồ trao đổi mua bán đều dùng sắt, như Trung Quốc dùng tiền, lại lấy sắt cung cấp cho hai quận. Tục ưa múa hát uống rượu. Có đàn tì, hình giống đàn trúc, gảy thì cũng có âm khúc. Sinh con liền lấy đá ép đầu trẻ, muốn cho đầu nhỏ. Nay người Thần Hàn đầu đầu nhỏ. Trai gái giống người Oa, cũng xăm mình. Giỏi đánh trên bộ, binh khí giống với người Mã Hàn. Phong tục lúc đi mà gặp nhau thì đầu nhường đường.

Người Biện Hàn ở lẫn với người Thần Hàn, cũng có thành quách. Áo quần, nhà ở cũng giống với người Thần Hàn. Tiếng nói luật tục cũng giống nhau nhưng cúng tế quỷ thần có khác. Nhà bếp đều đặt ở phía tây nhà. Nước Độc Lô tiếp với người Oa. Mười hai nước cũng có vua, dáng người đầu to lớn, áo quần sạch đẹp, để tóc dài. Cũng làm khăn rộng bằng vải mịn. Phép tắc rất nghiêm ngặt.

Người Oa tại giữa biển lớn phía đông nam của quận Đái Phương, dựa vào núi đảo mà lập nước ấp. Lúc trước có hơn trăm nước, vào thời Hán có nước đến châu gặp, ngày nay chỉ có ba mươi nước sai sứ giả qua lại. Từ châu quận đến nước Oa phải men theo bờ vượt biển mà đi, qua nước Hàn, sang đông sang sang nam, đến nước Cầu Tà Hàn ở bờ bắc, qua hơn bảy nghìn dặm, lại bắt đầu vượt một vùng biển, đi hơn nghìn dặm đến thì nước Đối Mã. Quan lớn của họ gọi là 'Ti câu', phó là 'Ti nô mẫu li'. Ở nơi đảo xa, đất rộng hơn bốn trăm dặm, đất đai hiểm trở, nhiều rừng sâu, đường lối nhỏ bé gấp ghe. Có hơn nghìn hộ, không có ruộng tốt, ăn vật biển mà

sống, cưới thuyền đi lại nam bắc trao đổi. Lại về phía nam qua một vùng biển dài hơn nghìn dặm, gọi là ‘biển rộng’, đến một nước lớn, quan lại cũng gọi là ‘Ti câu’, phó là ‘Ti nô mẫu li’. Đất rộng ba trăm dặm, nhiều rừng rậm tre gỗ, có khoảng ba nghìn nhà, đều có ruộng đất, nhưng làm ruộng vẫn không đủ ăn, cũng qua lại nam bắc trao đổi. Lại qua một vùng biển nữa, hơn nghìn dặm thì đến nước Mạt Lô, có hơn bốn nghìn nhà, ở gần núi biển, cây cỏ sum suê, đi lại chẳng thấy người. Ưa bắt sò cá, nước chẳng kể sâu nông, đều ngụp lặn mà bắt lấy. Đi bộ về phía đông năm năm trăm dặm thì đến nước Y Đô, quan lại gọi là ‘Nhĩ chi’, phó là ‘Tiết mô cô’, ‘Bính cừ cô’. Có hơn nghìn nhà, nhiều đời có vua, đều thần thuộc vào nước Nữ Vương, quan lại của châu quận qua đây thường trú ở đấy. Đi về phía đông nam trăm dặm thì đến nước Nô, quan lại gọi là ‘Hủy mã cô’, phó là ‘Ti nô mẫu li’, có hơn hai vạn nhà. Đi về phía đông trăm dặm thì đến nước Bất Nhĩ, quan lại gọi là ‘Đa mô’, phó là ‘Ti nô mẫu li’ có hơn nghìn nhà. Phía nam đi đường thủy hai mươi ngày thì đến nước Đầu Mã, quan lại gọi là ‘Di di’, phó là ‘Di di na lợi’, có khoảng hơn năm vạn nhà. Phía nam đi đường thủy mười ngày, đi đường bộ một tháng thì đến nước Tà Mã Nhất, là kinh đô của nước Nữ Vương vậy. Quan lại có ‘Y chi mã’, thứ là ‘Di mã thăng’, thứ là ‘Di mã hoạch chi’, thứ nữa là ‘Nô khuê đề’, có khoảng hơn bảy vạn hộ. Từ nước Nữ Vương lên phía bắc, số hộ nhà và đường lối không chép qua được, các nước bên cạnh còn lại thì xa lánh, không được biết rõ. Lại có nước Tư Mã, lại có nước Dĩ Bách Chi, lại có nước Y Tà, lại có nước Đô Chi, lại có nước Di Nô, lại có nước Hảo Cổ, lại có nước Bất Hô, lại có nước Thư Nô, lại có nước Đối Tô, lại có nước Tô Nô, lại có nước Hô Ấp, lại có nước Hoa Tô Nô, lại có nước Quỷ, lại có nước Vi Ngô, lại có nước Quỷ Nô, lại có nước Tà Mã, lại có nước Cung Thần, lại có nước Ba Lợi, lại có nước Chi Duy, lại có nước Ô Nô, lại có nước Nô, đấy là các nước xa nhất của nước Nữ Vương vậy. Phía nam có nước Cầu Nô, đàn ông làm vua, quan lại có ‘Cầu cổ trí ti câu’, không thần thuộc nước Nữ Vương. Từ châu quận đi hơn một vạn hai nghìn dặm mới đến nước Nữ Vương.

Đàn ông không kể lớn bé đều vẽ mặt xăm mình. Từ xưa đến nay, sứ giả của họ đến Trung Quốc đều tự xưng là ‘Đại phu’. Con của vua Thiệu Khang nhà Hạ Hậu⁽²⁵⁾ được phong ở đất Cối Kê, cắt tóc xăm mình để tránh cái hại của giao long⁽²⁶⁾. Nay người Oa ven sông ngụp lặn bắt cá hến,

xăm mình cũng là để ngăn cá lớn dưới nước, sau đó dần dần để trang sức. Các nước xăm mình đều khác nhau, có nước xăm bên trái, có nước xăm bên phải, hoặc hình lớn hoặc hình nhỏ, sang hèn đều có khác. Xét vị trí của nước ấy thì ứng tại phía đông của huyện Đông Dã quận Cối Kê vậy. Tục nước này không dâm dật, con trai đều để chỏm, lấy vải gấm quấn đầu. Mặc áo khăn ngang, nhưng bó buộc liền nhau, qua loa không may vá. Đàn bà búi tóc bó chỏm, làm áo như áo cộc, xuyên lỗ ở giữa, xỏ đầu mà mặc. Trồng lúa nếp, gai sọt, dâu tằm, cây sọt. Xuất sọt gai mịn, gấm mềm. Đất này không có trâu, ngựa, hổ, báo, dê, chim khách. Quân dùng mâu, khiên, cung gỗ. Cung gỗ dưới ngắn trên dài, lấy tre nửa hoặc sắt thép, xung thú làm mũi tên, không giống với người quận Đàm Nhĩ, Chu Nhai. Khí hậu nước Oa ấm áp, mùa đông mưa hạ thì ăn rau sống, đầu đi chân trần. Có nhà ở, cha mẹ anh em ngồi năm khác chỗ, lấy nước sơn đỏ son bôi lên thân như người Trung Quốc dùng sơn phấn vậy. Ăn uống dùng chén đĩa, lấy tay bốc mà ăn. Lúc chết, táng dùng quách mà không có quan, đắp đất làm nấm mồ. Vừa chết thì để tang hơn mười ngày, lúc ấy không ăn thịt, chủ tang khóc lóc, người khác lại múa hát uống rượu. Đã táng xong, cả nhà lại xuống giữa sông tắm rửa để cho sạch sẽ.

Có người qua lại vượt biển đến Trung Quốc, thường sai một người không được chải đầu, không được bắt chấy rận, quần áo dơ bẩn, không được ăn thịt, không được gần gũi đàn bà như người để tang vậy, gọi là ‘Trì suy’. Nếu người đi yên lành thì cấp tiền của cho người nhà; nếu người đi bệnh tật, bị nạn hại thì muốn giết người đó, gọi là ‘Trì suy bất cần’. Xuất ngọc trai, ngọc xanh. Núi ở đây có quặng đất đỏ, có cây là cây nam, cây thữ, cây dự chương, cây nhự lịch, cây đầu cương, cây ô hiệu, cây phong hương, có cây tre nhỏ, cành đào. Có cây khương, cây quất, cây tiêu, cây nhượng hà, không biết mùi vị ra sao. Có vượn khỉ, chim trĩ đen. Phong tục làm việc đi lại liền bàn luận, đốt xương thú mà bói để đoán tốt xấu, báo cho người muốn bói trước, cách bố như bói mai rùa, xem vết cháy để đoán điếm. Lúc hội họp thì cùng ngồi, cha con trai gái không phân biệt. Tính người ưa uống rượu,

Nguy lược chép: Tục nước này không biết năm tháng mùa tiết, chỉ biết mùa xuân thì trồng trọt, mùa thu thì gặt hái mà ghi năm tháng.

gặp quan lớn đáng kính thì chỉ chấp tay để thay cho quỳ bái. Người nước này sống lâu, có kẻ đến trăm tuổi, hoặc tám, chín mươi tuổi. Phong tục thì

quan lớn của nhà nước đầu có bốn, năm vợ, nhà dưới chỉ có hai, ba vợ. Đàn bà không dâm dật, không ghen tị. Không trộm cướp, ít tranh tụng. Người phạm pháp, nhẹ thì bắt thu vợ con, nặng thì giết cả nhà. Còn họ hàng cao thấp đầu có thứ bậc, đủ để thân phục nhau, thu tô thuế. Có nước Đễ Các, nước này có chợ, có lúc trao đổi có lúc không, sai quan lớn người Oa coi xét. Từ nước Nữ Vương lên phía bắc, đặt riêng một quan lớn để xem xét các nước, các nước đầu e sợ viên quan ấy. Thường trị ở nước Y Đô, ở trong nước giống quan Thứ sử vậy. Vua sai sứ đến kinh đô, quận Đái Phương, các nước Hàn. Đến lúc châu quận sai sứ đến nước Oa, đầu đến bờ biển truyền báo, đem thư từ và các vật ban tặng đến Nữ vương, không được sai lạc. Nếu nhà dưới gặp với quan lớn trên đường thì nhường bước vào bãi cỏ ven đường. Lúc truyền lời tấu việc, hoặc ng ẩng xồm hoặc quỳ bái, hai tay chống xuống đất để tỏ ý cung kính. Đối đáp thì nói là ‘ôi’, ý như vừa lòng vậy.

Nước này vốn cũng lấy đàn ông làm vua, lập được bảy, tám mươi năm thì nước Oa loạn, đánh dẹp nhau nhiều năm, bèn lập một người con gái làm vua, tên là Tì Di Hô, thờ đạo quỷ, có thể mê hoặc dân chúng, tuổi đã già lớn mà không lấy chồng, có em trai giúp trị nước. Từ khi làm vua đến nay ít có người thấy. Lấy nghìn người hầu gái để tự hộ vệ, chỉ có một người đàn ông được hầu cấp ăn uống, truyền lời ra vào. Chỗ ở có cung thất lầu quán, thành rào rất chặt chẽ, thường có người cầm binh khí phòng giữ.

Từ nước Nữ Vương vượt biển hơn nghìn dặm lại có nước khác, đều thuộc người Oa. Lại có nước Chu Nho tại phía nam, người chỉ cao ba, bốn thước, cách nước Nữ Vương hơn bốn nghìn dặm. Lại có nước Khỏa, nước Hắc Xỉ cũng tại phía đông nam, đi thuyền một năm thì đến được. Thử hỏi về đất Oa, nói là cách trở ở trên bãi đảo giữa biển lớn, hoặc cách hoặc liền, vòng quanh khoảng hơn năm nghìn dặm.

Năm Cảnh Sơ thứ hai, tháng sáu, Nữ vương của nước Oa sai bọn Đại phu Nan Thăng Mễ đến châu quận, xin được dâng cống cho Thiên tử, Thái thú Lưu Hạ sai quan tướng chở đến kinh đô. Tháng mười một năm ấy, hạ chiếu đáp Nữ vương của nước Oa rằng: “Hạ chiếu cho người thân nhà Ngụy là nữ vương của nước Oa là Tì Di Hô biết rằng: Đái Phương Thái thú Lưu Hạ đã sai sứ đến nhận bốn người con trai, sáu người con gái, hai trượng hai thất vải gấm mà Đại phu Nan Thăng Mễ, Đô Thị Ngưu Lợi của các người đến dâng. Các người ở nơi xa xôi mà vẫn sai sứ dâng cống, đấy

là lòng trung hiếu của các người vậy. Ta rất cảm kích các người. Nay cho các người làm nữ vương của nước Oa thân với nhà Ngụy, ban cho ấn vàng thao đồ, đóng gói lại giao cho Đái Phương Thái thú cấp cho các người. Các người phải vỗ vờ dòng giống, khuyên bảo hiếu thuận. Sứ giả các người là Nan Thăng Mễ, Ngưu Lợi vượt đường xa, đi lại vất vả, nay lấy Nan Thăng Mễ làm Suất thiện Trung lang tướng, Ngưu Lợi làm Suất thiện Hiệu úy, ban cho ấn bạc thao xanh, đem đồ ban tặng quay về. Nay lấy năm thất gấm giao long giáng địa,

Thần là Tùng Chi cho rằng: ‘Địa’ phải là ‘đê’, vua Văn Đế của nhà Hán mặc áo đen gọi là ‘dặc đê’ vậy. Chữ này không theo quy tắc, nếu không phải là cái sai của nhà Ngụy thì cũng là người viết chữ nhầm lẫn vậy.

mười tấm len giáng địa trứ túc, năm thất vải đỏ, năm thất xanh sẫm để báo đáp vật mà các người cống. Lại ban riêng ba thất cá mễ, năm tấm len ban hoa, năm mươi thất lụa trắng, tám lạng vàng, hai cái đao dài năm thước, trăm tấm gương đồng, năm mươi cân ngọc trai, quặng chì, đều bọc lại giao cho Nan Thăng Mễ, Ngưu Lợi đem về dùng. Phải đem hết ra cho người trong nước các người được biết, tỏ rõ ý nhà nước thương các người. Do đó coi trọng ban vật tốt cho các người vậy”.

Năm Chính Thủy thứ nhất, Thái thú Cung Tuân sai bọn Kiến trung Hiệu úy Thê Tuấn mang chiếu thư ấn thao đến nước Oa, bái gặp vua của nước Oa, lại hạ chiếu ban cho vàng, lụa, gấm len, đao, gương, lá rau, vua của nước Oa nhân đó sai sứ dâng biểu báo đáp tạ ân. Năm thứ tư, vua Oa lại sai tám người bọn Đại phu Y Thanh Kỳ, Dịch Tà Cầu dâng tặng người sống, gấm Oa, vải mịn xanh, áo gấm, gỗ đỏ, con phụ, cung tên ngắn. Bọn Dịch Tà Cầu đều nhận ấn thao Suất thiện Trung lang tướng. Năm thứ sáu, hạ chiếu ban khăn vàng cho bọn Nan Thăng Mễ của nước Oa, giao cho châu quận cung cấp. Năm thứ tám, Thái thú Vương Kỳ đến làm quan. Nữ vương của nước Oa là Tì Di Hô vốn không hòa thuận với vua nam của nước Cầu Nô là Tì Di Cung Hô, sai bọn Oa Đái Tư, Ô Việt đến châu quận nói rõ tình trạng đánh phá lẫn nhau của nước mình. Sai bọn Tái tào Duyệt lại Trương Chính nhân đó đem chiếu thư, cờ vàng đến, sai bảo Nan Thăng Mễ làm hịch cáo dụ chúng. Tì Di Hô đã chết, làm mộ lớn, rộng hơn trăm bước, hơn một trăm nô tì bị táng theo. Lại lập đàn ông làm vua, người trong nước không chịu, bèn đánh giết nhau, bấy giờ giết hơn nghìn người. Lại lập người con gái trong họ của Tì Di Hô là Nhất Dư làm vua, trong nước mới yên. Bọn Chính đem thư hịch dụ Nhất Dư, Nhất Dư sai hai mươi người

bọn Đại phu Suất thiện Trung lang tướng Dịch Tà Cầu hộ tống bọn Chính quay về, nhân đó lên bờ, dâng ba mươi người trai gái, cống năm nghìn viên ngọc trai trắng, hai tấm ngọc xâu lỗ màu xanh, hai mươi tư thất gấm sọc văn.

Bình rằng: Sử kí, Hán thư chép về Tri châu Tiên, hai nước Việt, Đông kinh ghi chép về Tây Khương. Thời nhà Ngụy, người Hung Nô đã suy, lại có Ô Hoàn, Tiên Ti và cả Đông Di sai sứ qua lại, cho nên ghi chép các việc, đấy là việc thường vậy!

Ngụy lược - Tây Nhung truyện chép: Người Đê có vua đã từ lâu rồi. Từ thời nhà Hán mở Ích Châu, đặt quận Vũ Đô, xếp dân ấy ở đấy, chia ra ở giữa hang núi, hoặc tại huyện Phúc Lộc, hoặc tại vùng sông Khiên, hoặc tại hai bên tả hữu núi Lũng. Dân ấy không chỉ có một chủng, tự xưng là dòng dõi của Bàn Hồ⁽²⁷⁾, hoặc gọi là Thanh Đê, hoặc gọi là Bạch Đê, hoặc gọi là Nhiêm Đê, đấy đại khái là dân rợ đến ở tại Trung Quốc, người ta liền dựa theo màu áo mà đặt tên vậy. Dân ấy tự gọi nhau là Hạp Trĩ, đều có Vương, Hầu, phần nhiều chịu Trung Quốc phong bá. Gần đây vào giữa năm Kiến An, vua người Đê ở huyện Hưng Quốc là A Quý, vua Đê ở huyện Bạch Hạng là Thiên Vạn đều có hơn vạn bộ lạc. Đến năm thứ mười sáu, theo Mã Siêu phản. Sau khi Siêu bị phá, A Quý bị Hạ Hầu Uyên đánh diệt, Thiên Vạn sang phía tây nam vào đất Thục, bộ lạc của hắn không chịu đi, đều hàng. Nhà nước chia dời họ trước sau ở hai đầu, cho ở tại quận Phù Phong, huyện Mĩ Dương, là hai bộ mà An Di, Phủ Di hộ quân trông coi vậy. Quan Thái thú lại chia ra ở tại quận Thiên Thủy, quận Nam An, là Quảng Ngụy Thái thú ngày nay vậy. Phong tục tiếng nói không giống với người Trung Quốc, giống với người Khương và người Hồ, đều tự có họ như họ của người Trung Quốc. Quần áo ưa màu xanh sẫm. Tục biết dệt vải, giỏi làm ruộng, chăn nuôi heo, trâu, ngựa, lừa, la. Đàn bà lấy chồng mặc váy áo lộ, cách trang sức thì giống người Khương, váy áo để lộ lại giống áo choàng của người Trung Quốc. Dân này kết tóc. Nhiều người biết tiếng Trung Quốc vì ở lẫn với người Trung Quốc vậy, lúc về giữa bộ lạc thì tự nói tiếng Đê. Phép cưới hỏi có giống với người Khương, có lẽ là dân Tây Nhung tại đất Nhai, Kí, Hoàn thời xưa vậy. Nay đều thuộc vào châu quận nhưng dân ấy tự có Vương, Hầu ở tại trong bộ lạc. Lại nữa đất quận Vũ Đô hai bên tả hữu đường lối bằng phẳng, cũng có hơn vạn bộ lạc. Người Ti Lô gốc là người Hung Nô, người Hung Nô gọi nô ti là 'ti'. Lúc trước vào năm Kiến Vũ, người Hung Nô suy yếu, phân chia nô ti của mình, trốn náu tại quận Kim Thành, quận Vũ Uy, vùng sông Hắc ở phía bắc quận Tỉu Tuyên, phía đông tây miền Tây Hà, chăn nuôi heo ở bãi cỏ ven sông, thường cướp bóc miền Lương Châu, do đó bộ lạc càng đông, có đến mấy vạn, không giống với người Tiên Ti ở phía đông vậy. Dân này không chỉ có một chủng, có người Đại Hồ, có người Đình Linh, cũng có dân ở lẫn với người

Khương, vốn là nô tì trốn tránh vậy. Vào giữa thời Hán, Ngụy, cừ súy của họ có Đàn Chá, sau khi chết thì cừ súy trong bộ ở tại phía nam gần quận Quảng Ngụy, huyện Linh Cư có Thốc Khôi Lai nhiều lần làm phản, bị người miền Lương Châu giết. Nay có Thiệu Đề khi hàng lúc phản, hoặc bỏ trốn, thường gây hại trên đường ở miền tây. Giữa núi phía nam vùng Tây Vực, quận Đôn Hoàng, từ nước Nhi Khương về phía tây đến đỉnh Thông Lĩnh mấy nghìn dặm có chủng khác ở nước Nguyệt Chi là người Thông Sài Khương, Bạch Mã Khương, Hoàng Ngưu Khương, đều có tù trưởng, phía bắc tiếp với các nước, không biết đường lối rộng hẹp ra sao. Nghe nói người Hoàng Ngưu Khương lại có nhánh chủng, đàn bà mang thai sáu tháng thì sinh, phía nam kê với người Bạch Mã Khương. Các nước Tây Vực, đầu thời nhà Hán mở đường đến đây, có ba mươi sáu nước, sau đó chia thành hơn năm mươi nước. Từ năm Kiến Vũ về sau lại đánh chiếm lẫn nhau, đến nay có hai mươi nước. Từ cửa Ngọc Môn quận Đôn Hoàng vào miền Tây Vực, xưa có hai con đường, nay có ba con đường. Từ phía tây cửa Ngọc Môn mà ra, qua nước Nhi Khương mà sang phía tây, qua đỉnh Thông Lĩnh, vượt núi Huyền Độ, vào nước Đại Nguyệt Chi, là con đường phía nam. Từ phía tây cửa Ngọc Môn mà ra, phát từ giếng Đô Hộ, vòng qua đầu bắc bãi Tam Lũng, qua kho Cư Lô, từ giếng Sa Tây sang phía đông bắc, qua gò Long Đồi đến nước Lâu Lan cũ, chuyển sang phía tây đến nước Quy Từ mà đến đỉnh Thông Lĩnh, là con đường giữa. Từ phía tây bắc cửa Ngọc Môn mà ra, qua hang Hành Khanh, tránh bãi Tam Lũng và gò Long Đồi, từ phía bắc đường Ngũ Thuyền mà đi, đến sở trị của Thành kị Hiệu úy ở nước Xa Sư là huyện Cao Xương, lại chuyển về phía tây đi con đường giữa mà đến nước Quy Từ, là con đường mới mở. Những vật xuất từ miền Tây Vực thì sử cũ đã có chép đủ rõ, cho nên nay chỉ chép qua. Từ con đường phía nam đi về phía tây, có nước Thục Chí, Tiểu Uyển, Tinh Tuyết, Lâu Lan đều thuộc vào nước Thiên Thiện vậy. Nước Nhung Lô, nước Hãn Di, nước Cừ Lặc, nước Huyệt Sơn, nước Bì Sơn đều thuộc vào nước Trí. Nước Kế Tân, nước Đại Hạ, nước Cao Phụ, nước Thiên Trúc đều thuộc vào nước Đại Nguyệt Chi. Nước Lâm Nghệ, theo kinh Phù Đồ chép rằng vua của nước ấy sinh Phù Đồ. Phù Đồ là Thái tử vậy. Cha là Tiết Đầu Tà, mẹ là Mạc Da. Phù Đồ mặc áo màu vàng, tóc xanh như tơ xanh, vú có lông xanh, môi đỏ như đông. Lúc đầu Mạc Da nằm mơ gặp con voi trắng mà có thai, lúc sinh, từ nách trái mẹ mà chui ra, sinh ra đã kết tóc, xuống đất đã biết đi bảy bước. Nước ấy tại giữa thành Thiên Trúc. Trong thành Thiên Trúc lại có người thần, tên là Sa Luật. Ngày xưa vào năm Nguyên Thọ thứ nhất thời Hán Ai Đế, Bác sĩ Đệ tử Cảnh Lô tiếp nhận kinh Phù Đồ từ lời truyền miệng của sứ giả nước Nguyệt Chi là Y Tôn, nói: “Người truyền được đạo này là người này vậy”. Kinh Phù Đồ chép có chép về Bồ tát, Tang môn, Bá văn, Sơ văn, Bạch sơ văn, Tì khưu, Thân môn, đều là hiệu của học trò vậy. Kinh Phù Đồ cũng chép là kinh này đem ra vào cùng với kinh Lão Tử của Trung Quốc, có lẽ cho rằng Lão Tử đi về phía tây ra khỏi cửa ải, qua nước Thiên Trúc của miền Tây Vực mà dạy người Hồ. Phù Đồ đặt hiệu riêng

cho học trò, cả thầy có hai mươi tám người, ở đây không thể chép rõ, cho nên nói qua như thế. Nước Xa Li còn có tên là Lễ Duy Đặc, còn có tên là Bái Lệ Vương, tại phía đông nam nước Thiên Trúc hơn ba nghìn dặm, đất này nóng nực ẩm ướt, vua nước này trị ở thành Sa Kỳ, có mấy chục thành khác, người dân yếu đuối, bị người Nguyệt Chi, Thiên Trúc đánh phục. Đất ấy đông tây nam bắc rộng mấy nghìn dặm, người dân trai gái đều cao một trượng hoặc tám thước, cưỡi voi, đứng trong bao che để đánh, ngày nay bị người Nguyệt Chi bắt nạp thuế lao dịch. Nước Bàn Việt còn có tên là Hán Việt Vương, tại phía đông nam nước Thiên Trúc mấy nghìn dặm, gần nhau với miền Ích Châu, người nước này nhỏ ngang với người Trung Quốc, nhà buôn đất Thục thường đến đây. Từ con đường phía nam mà sang phương tây, về phía đông nam thì đó tận cùng rồi. Từ con đường giữa đi về phía tây, có nước Úy Lê, nước Ngụy Tu, nước Sơn Vương, đều thuộc vào nước Yên Kỳ; nước Cô Mặc, nước Ôn Túc, nước Úy Đầu đều thuộc vào nước Quy Từ; nước Trinh Trung, nước Sa Xa, nước Kiệt Thạch, nước Cừ Sa, nước Tây Dạ, nước Y Nại, nước Mãn Lê, nước Úc Khổ, nước Du Linh, nước Tồn Độc, nước Hưu Tu, nước Cầm đều thuộc vào nước Sơ Lặc. Từ đây về phía tây, có nước Đại Uyển, nước An Túc, nước Điều Chi, nước Ô Dặc. Nước Ô Dặc còn có tên là nước Bài Đặc, đây là nước thứ tư ở phía tây, có nước này không thêm bớt gì cả. Người đời trước lầm lẫn cho rằng nước Điều Chi tại phía tây nước Đại Tân, nay xét rõ thật là tại phía đông. Người đời trước lại nhầm lẫn cho rằng nước Điều Chi bị nước An Túc bức ép, ngày nay lại bắt nước An Túc thần phục, hiệu là 'cối tây An Túc'. Người đời trước lại nhầm lẫn cho rằng sông Nhực tại phía tây nước Điều Chi, nay xét rõ sông Nhực tại phía tây nước Đại Tân. Người đời trước lại nhầm lẫn cho rằng từ nước Điều Chi đi về phía tây hơn hai mươi ngày thì đến chỗ mà Mặt trời lặn, nay xét lại cho rằng phía tây nước Đại Tân mới là chỗ mà Mặt trời lặn. Nước Đại Tân còn gọi là Lê Gian, tại phía tây biển lớn ở phía tây nước An Túc, Điều Chi, từ thành An Cốc của nước An Túc đi thuyền thì thẳng đến nước Hải Tây, nếu gặp gió thuận thì hai tháng sẽ đến, nếu gặp gió ngược thì một năm, nếu không có gió thì mất ba năm. Nước ấy tại phía tây biển cho nên gọi là nước Hải Tây vậy. Có sông chảy từ nước ấy, phía tây nước ấy lại có biển lớn. Nước Hải Tây có thành Trì Tán, từ miền nam nước ấy đi thẳng lên phía bắc thì đến thành Ô Đan, về phía tây nam lại vượt một con sông, cưỡi thuyền một ngày mới qua được. Về phía tây nam lại vượt một con sông nữa, cũng một ngày mới qua được. Cả thầy có ba kinh đô lớn, tức từ thành An Cốc đi bộ lên phía bắc đến phía bắc nước, lại đi thẳng về phía tây đến phía tây nước, lại đi thẳng về phía nam đến thành Ô Trì Tán, qua một con sông, cưỡi thuyền một ngày mới qua được. Đi vòng quanh biển, cả thầy sáu ngày mới qua được biển lớn mới đến được nước ấy. Nước ấy có cả thầy hơn bốn trăm thành ấp nhỏ, đông tây nam bắc rộng mấy nghìn dặm. Vua của nước ấy trị ở gần vùng bờ sông bờ biển, lấy đá làm thành quách. Đất đai mọc tùng, bách, hòe, tẻ, tre, cỏ lau, dương liễu, ngô đông, nhiều loài cỏ. Dân

làm ruộng trồng ngũ cốc, chăn nuôi có ngựa, la, lừa, lạc đà, tầm dâu. Tục người nước này ưa huyền ảo, trong miệng thổi ra lửa, tự trối rồi tự cỏi, nhảy lộn mười hai vòng rất khéo léo. Nước này không có vua thường lập, nếu trong nước có tai họa thì liền lập người hiền khác lên làm vua mà bãi bỏ vua cũ, vua cũ cũng không dám oán. Người nước này cao lớn thẳng thắn như người Trung Quốc, thường muốn sai sứ qua lại với Trung Quốc, nhưng bị người nước An Tức mưu thu lợi cho nên không qua được. Người nước này biết chữ Hồ. Theo phép chế, cung thất công tư đều làm nhà nhiều tầng, dựng cờ gỗ trống, ngồi xe nhỏ treo lọng trắng, có đặt trạm dịch như Trung Quốc. Từ nước An Tức qua biển lớn lên phía bắc thì đến nước ấy, người dân tụ cư, cứ mười dặm lại có một ngôi đình, ba mươi dặm lại có một tòa trạm, do đó chẳng có giặc cướp, chỉ có hổ dữ, sư tử gây hại, nếu đi đường mà không hợp thành nhóm thì không được qua. Nước ấy đặt mấy chục vua nhỏ, những vua nhỏ này trị ở tòa thành rộng mấy trăm dặm, có cung thất văn thư. Vua này có năm cung, mỗi cung cách nhau mười dặm, vua này mỗi sớm thì đến một cung để nghe tấu việc, đến chiều tối lại nghỉ, hôm sau lại đến một cung khác, cứ năm ngày là xong một vòng. Đặt ba mươi sáu viên tướng; hễ bàn việc, dầu có một viên tướng không đến thì cũng không bàn việc. Vua đi ra thường sai người đi theo cầm một cái túi da, có người tấu việc thì chép lời mà bỏ vào túi, về cung lại mở ra xem xét. Lấy thủy tinh làm cột cung và các vật. Làm cung tên. Có nhiều nước nhỏ khác, gọi là nước Trạch Tấn, nước Lư Phân, nước Thư Lan, nước Hiên Đốc, nước Dĩ Phục, nước Vu La, các nước nhỏ còn lại rất nhiều, không thể chép rõ hết được. Nước này xuất vải mịn. Làm tiền vàng bạc, mỗi đồng tiền vàng ngang mười đồng tiền bạc. Có dệt thành vải mịn, nói là dùng lông của dê, gọi là vải Hải Tây. Lục súc của nước này đều xuất lông, có người nói là không chỉ dùng lông dê mà thôi, cũng dùng vỏ cây hoặc sợ kén tầm mà làm, dệt thành đồ thảm lông, chiếu lông, màn len đều bền, màu sắc lại sáng hơn đồ mà các nước phía đông biển làm. Lại thường mua tơ lụa của Trung Quốc, xẻ ra mà làm lụa Hồ, cho nên thường mua bán với các nước An Tức ở trên biển. Nước biển mặn không uống được, cho nên người qua lại ít đến nước này. Trong núi xuất đá ngọc có chín màu, một là màu xanh, hai là màu đỏ, ba là màu vàng, bốn là màu trắng, năm là màu đen, sáu là màu lục, bảy là màu tía, tám là màu hồng, chín là màu sẫm. Ngày nay trong núi Y Ngô có đá chín màu, tức loại đá ấy. Vào năm Dương Gia thứ ba, vua của nước Sơ Cân là Thân Bàn dâng một hòn đá xanh, một dải vàng Hải Tây. Ngày nay lại có sách Tây Vực cự đồ chép: Các nước Kế Tân, Điều Chi xuất đá lạ, là một loại đá ngọc vậy. Nước Đại Tân có nhiều vàng, bạc, đồng, sắt, chì, thiếc, rùa thần, ngựa trắng, lông đỏ, hải kê tê, đôi môi, gấu đen, con li đỏ, chuột trị độc, sò lớn, xà cừ, mã não, vàng ròng, thúy tước, cuống lông chim, ngà voi, ngọc khắc phù, ngọc trai sáng, ngọc trai sáng vào đêm, ngọc trai trắng, hổ phách, san hô, ngọc lưu li có mười màu đỏ, trắng, lục, vàng, xanh, sẫm, hồng, tía, ngọc cầu lân, lang can, thủy tinh, mai côi, hùng

hoàng, thư hoàng, ngọc bích, ngọc năm màu, thảm lông mười màu vàng, trắng đen, lục, tía, hồng, sẫm, biếc, bạc, vàng sánh, chiếu lông năm màu, chiếu lông có năm màu chín màu trên dưới, gấm thêu vàng, lụa màu tạp, vải dất vàng, vải Phi Trì, vải Phát Lục, vải Phi Trì Cừ, vải chống lửa, vải A La Đắc, vải Ba Tắc, vải Độ Đại, vải Ôn Túc, vải đào năm màu, màn thêu vàng giáng địa, màn đầu năm màu, nhất vi mộc, nhị tô hợp, địch đề, mê mê, đầu nạp, bạch phụ tử, huân lục, vàng sẫm, vân giao, mười hai loại gỗ cây cỏ thơm. Đường vào nước Đại Tân đã từ phía bắc biển đi bộ đã thông, lại men theo biển mà xuống phía nam mà trao đổi với các nước rợ ở ngoài bảy quận Giao Chỉ, lại có đường sông thông với quận Ích Châu, quận Vĩnh Xương, cho nên quận Vĩnh Xương xuất vật lạ. Người thời trước nói là chỉ có đường thủy mà không có đường bộ. Nay biết qua như thế, còn số hộ dân không thể biết rõ vậy. Từ đỉnh Thông Lĩnh về phía, nước Đại Tân là lớn nhất, đặt các nước nhỏ có vua rất nhiều, cho nên chỉ chép những nước lớn phụ thuộc vào nước ấy mà thôi. Nước Trạch Tán thuộc nước Đại Tân, trị ở vùng giữa côi, phía bắc đến nước Lư Phân, đi đường thủy nửa năm, nếu gặp gió mạnh thì một tháng sẽ đến, là nước gần nhất với thành An Cốc của nước An Túc, về phía tây nam đến kinh đô của nước Đại Tân, không biết mấy dặm. Nước Lư Phân thuộc nước Đại Tân, sở trị cách kinh đô của nước Đại Tân hai nghìn dặm. Từ phía tây thành của nước Lư Phân đến nước Đại Tân phải vượt biển bằng qua hai trăm ba mươi dặm, đi đường biển về phía tây nam, rồi qua biển đi thẳng về phía tây. Nước Thư Lan thuộc nước Đại Tân, từ nước Tư Đào thẳng về phía nam vượt sông, lại đi thẳng về phía tây mà đến nước Thư Lan chỉ ba nghìn dặm. Đi đường từ phía nam sông, rồi đi về phía tây, từ nước Thư Lan đi thẳng về phía tây đến nước Dĩ Phục chỉ sáu trăm dặm. Con đường phía nam đến ở nước Dĩ Phục, lại đi về phía tây nam đến nước Hiên Đốc. Từ nước Thư Lan, Dĩ Phục đi thẳng về phía nam lại có một bãi đá, phía nam bãi đá có biển lớn, xuất san hô, ngọc trai. Ở phía nam nước Thư Lan, Dĩ Phục, Tư Tân A Man có một dãy núi, trải từ đông sang tây. Ở phía đông của nước Đại Tân, Hải Tây đều có một dãy núi, đều trải từ nam sang bắc. Nước Hiên Đốc thuộc nước Đại Tân, trị tại phía đông bắc cách nước Dĩ Phục sáu trăm dặm. Nước Dĩ Phục thuộc nước Đại Tân, trị ở phía đông bắc cách nước Vu La ba trăm bốn mươi dặm vượt biển. Nước Vu La thuộc nước Đại Tân, trị tại phía đông bắc nước Dĩ Phục, vượt sông, từ phía đông bắc nước Vu La lại vượt sông, đến phía đông bắc nước Tư La lại vượt sông. Nước Tư La thuộc nước An Túc, tiếp với nước Đại Tân vậy. Phía tây nước Đại Tân có sông Hải, phía tây sông Hải có sông Hà, từ phía tây nam sông Hà đi về phía bắc có một trái núi lớn, phía tây núi có sông Xích, phía tây sông Xích có núi Bạch Vương, núi Bạch Vương có gò Tây Vương Mẫu, phía tây gò Tây Vương Mẫu có bãi Tu Lưu, phía tây bãi Tu Lưu có nước Đại Hạ, nước Kiên Sa, nước Chúc Dao, nước Nguyệt Chi, phía tây bốn nước này có sông Hắc, người ta nói rằng đây là chỗ tận cùng của miền tây rồi. Từ con đường mới đi về phía tây, đến nước Đông Thư Di, nước Tây Thư Di, nước Đan

Hoàn, nước Tất Lục, nước Bồ Lục, nước Ô Tham, đều thuộc vào các nước phía sau của nước Xa Sư. Vua trị ở thành Lại. Nhà Ngụy bái vua nước ấy là Nhất Đa Táp làm Thủ Ngụy Thị trung, hiệu là Đại đô úy, nhận ấn Ngụy Vương. Sang phía tây bắc thì đến nước Ô Tôn, Khang Cư, nước này chẳng thêm bớt. Nước Bắc Ô Y Biệt tại phía bắc nước Khang Cư; lại có nước Liễu; lại có nước Nham; lại có nước Yểm Sái, một tên nữa là nước A Lan, đều giống phong tục với nước Khang Cư, phía tây tiếp với miền đông nam nước Đại Tân, tiếp với nước Khang Cư. Nước này nhiều chồn đẹp, chăn nuôi thả nơi bãi cỏ ven sông, gần đầm lớn, lúc trước thuộc vào nước Khang Cư, ngày nay không thuộc vào. Nước Hồ Đắc tại phía bắc đỉnh Thông Lĩnh, ở phía bắc nước Ô Tôn, phía đông bắc nước Khang Cư, có hơn vạn quân khỏe, đi chăn thả, xuất ngựa tốt, có chồn. Nước Kiên Côn tại phía tây bắc nước Khang Cư, có ba vạn quân khỏe, đi chăn thả, cũng có nhiều chồn, có ngựa tốt. Nước Đình Linh tại phía bắc nước Khang Cư, có sáu vạn quân khỏe, đi chăn thả, xuất da chuột tốt, da chột đông trắng, da chột đông xanh. Đây là ba nước lớn, nước Kiên Côn ở giữa, đều cách sông Tập bên triều đình Thiên vua của người Hung Nô bảy nghìn dặm, phía nam cách nước Xa Sư năm nghìn dặm, phía tây nam cách nước Khang Cư ba nghìn dặm, phía tây cách sở trị của vua nước Khang Cư tám nghìn dặm. Có người cho rằng nước Đình Linh ấy là nước Đình Linh phía bắc đất Hung Nô, nhưng nước Đình Linh bắc tại phía tây nước Ô Tôn có lẽ là chủng khác của họ vậy. Lại phía bắc đất Hung Nô có nước Hôn Dũ, có nước Khuất Xạ, có nước Đình Linh, có nước Cách Côn, có nước Tân Lê, như thế rõ ràng phía nam của miền bắc tự có nước Đình Linh, không chỉ phía tây nước Ô Tôn mới có nước Đình Linh vậy. Người già cả của nước Ô Tôn nói rằng nước Đình Linh phía bắc có nước Mã Hinh, tiếng nói của người nước này như tiếng chim nhạn, từ đâu gôi trở lên thân đâu thì giống người, từ đâu gôi trở xuống thì mọc lông như vó ngựa chân ngựa, không cưỡi ngựa nhưng chạy nhanh như ngựa, người nước này khỏe mạnh đánh trận giỏi. Nước Đoản Nhân tại phía tây bắc nước Khang Cư, trai gái đều cao chỉ ba thước, dân chúng rất đông, cách các nước Yểm Sái rất xa. Bạc già cả của nước Khang Cư nói rằng thường có nhà buôn đến nước ấy, cách nước Khang Cư khoảng hơn vạn dặm. Ngưu Hoạn luận rằng: “Người đời cho rằng cá ở ao nhà không biết đến cái rộng lớn của sông biển, vật trôi nổi chẳng biết khí hậu của bốn mùa, là sao thế? Chỉ vì chỗ mà các vật ấy sinh sống nhỏ hẹp vậy. Ngày nay ta xem qua các nước Đại Tân là những nước rợ ở ngoài mà vẫn còn rộng lớn bao trùm như thế, huống chi là cái mà Trâu Diễn suy đoán, điều mà kinh Dịch, kinh Thái huyền đo lường đây! Đây là ép mình tại vũng nước của vết chân trâu, lại chẳng có cái tuổi thọ của Bành Tổ cho nên không mượn được gió lành để thoải đi chơi, không ngồi được ngựa tốt để ruồi đi xem, chỉ là liếc nhìn tam thân⁽²⁸⁾ mà suy đoán về tám cõi vậy”.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Hiểm Duẫn*: Hiểm Duẫn, còn chép là Huân Dục, tương truyền thời xưa bị Hoàng Đế xua đuổi về phía bắc. Vào thời Tây Chu dân dân lớn mạnh từng uy hiếp Trung Quốc. Thời Xuân thu gọi là Nhung, Địch, chỉ dân du mục miền bắc.

(2) *Hai nước Việt*: chỉ hai nước Nam Việt và Mân Việt thời nhà Hán, bị Vũ Đế sai quân đánh diệt, xem ở Hán thư - Lữ Lương Việt truyện.

(3) *Nam Hung Nô*: từ sau khi bị hai tướng Hoắc, Vệ thời Tây Hán đánh phá, người Hung Nô ngày càng suy yếu. Đến thời Quang Vũ Đế thời Đông Hán, cừu sủng của người Hung Nô phân chia thành hai miền nam bắc. Bắc Hung Nô chạy về phía bắc và phía tây, còn Nam Hung Nô thần phục vào nhà Hán.

(4) *Hữu hiền vương*: Hữu hiền vương là chức quan lớn của Thiên vu của người Hung Nô, xem ở Sử kí - Hung Nô liệt truyện.

(5) *Người Ô Hoàn ở ba quận*: chỉ người Ô Hoàn ở ba quận Liêu Tây, Liêu Đông, Hữu Bắc Bình. Ba quận này ở biên giới phía đông bắc Trung Quốc, kẻ đất người Ô Hoàn, người Ô Hoàn cũng đến sinh sống ở ba quận ấy.

(6) *Đông Hồ*: người Trung Quốc xưa gọi những bộ lạc du mục miền bắc như Hung Nô, Tiên Ti, Ô Hoàn, Đỉnh Linh là Hồ, những bộ lạc ở phía đông như Ô Hoàn, Tiên Ti thì gọi là Đông Hồ.

(7) *Lưu Sa*: chỉ bãi đất bồi của ven sông xuôi.

(8) *Ngũ cốc*: tức năm loại lúa hạt, thời xưa các sách chép khác nhau; Trịnh Huyền chú Chu lễ cho rằng ngũ cốc là cây gai, lúa nếp, lúa tẻ, lúa mạch, hạt đậu. Triệu Kỳ chú Sở từ cho rằng ngũ cốc là lúa nước, lúa nếp, lúa tẻ, lúa mạch, hạt đậu.

(9) *Ngũ quả*: thời xưa chỉ năm loại cây quả là đào, hạnh, táo, giẻ.

(10) *Lục súc: thời xưa chỉ sáu con vật được con người chăn nuôi là ngựa, trâu, dê, heo, chó, gà.*

(11) *Các ‘gia’: chỉ các quan theo tên lục súc như Mã gia, Ngưu gia, Trư gia, Cẩu gia.*

(12) *Kinh đô: chỉ thành Trường An, Lạc Dương.*

(13) *Không đủ làm đầy bụng miệng: ý nói thiếu đói, không no đủ.*

(14) *Sao linh, xã tắc: sao linh, còn gọi là sao thiên điền, sao long được xem là biểu tượng của thần của nghề nông. Xã tắc chỉ thần đất và thần lúa.*

(15) *Mỹ ‘chiết phong’: một loại mũ của người Cao Câu Li, giống mũ biện, không rõ hình dạng.*

(16) *‘Toại huyệt’: chỉ cái hố lớn tự nhiên hay được đào, có lẽ là có nguồn gốc từ lối sống trong hang động và đào hầm để tránh gió lạnh thời xưa.*

(17) *Thương, An: chỉ Thương Đế, An Đế của nhà Hán.*

(18) *Thuận, Hoàn: chỉ Thuận Đế, Hoàn Đế của nhà Hán.*

(19) *Bốn quận: chỉ bốn quận sau khi nhà Hán diệt nước Triệu Tiên lập ra là Huyền Thố, quận Lạc Lãng, quận Lâm Đôn, quận Chân Phiên.*

(20) *Thần Vương: tức của vua của các nước Hàn. Bấy giờ có ba nhóm lớn là Thần Hàn, Mã Hàn, Biện Hàn, nhóm Thần Hàn là lớn hơn cả, thủ lĩnh của Thần Hàn làm vua lớn.*

(21) *Trần, Hạng: chỉ Trần Thắng, Hạng Vũ cuối thời Tần.*

(22) *Hoàn, Linh: chỉ Hoàn Đế, Linh Đế của nhà Hán.*

(23) *Phù Đồ: tức Phật Đà, phiên âm của từ ‘Buddha’ trong tiếng Phạn cổ, nghĩa là ‘đấng giác ngộ’.*

(24) *Quận huyện: chỉ quận Lạc Lãng, Đái Phương, tiếp với các nước Hàn.*

(25) *Con của vua Thiệu Khang nhà Hạ Hạo: theo sách Ngô Việt xuân thu của Triệu Diệp thời Đông Hán chép: vua Thiệu Khang phong cho con thứ là Ư Việt, hiệu là Vô Dư ở núi Côi Kê để trông coi việc cúng tế vua Vũ.*

(26) *Giao long: chỉ cá sấu và các con cá to ở sông nước.*

(27) *Bàn Hồ: Bàn Hồ, theo Hậu Hán thư - Nam Man liệt truyện chép rằng: Vào thời Cao Tân thị (vua Khố) có giặc Khuyển Nhung gây hại, đánh dẹp không được, bèn mời gọi thiên hạ, nếu ai chém được đầu giặc thì*

ban cho nghìn vàng, thực ấp vạn hộ, lại gả con gái út cho. Bấy giờ có một con chó nuôi lông năm màu tên là Bàn Hồ ngậm đầu giặc đem về dưới cửa khuyết, vua cả mừng, bèn phong thưởng, gả con gái như đã hứa. Bàn Hồ cống con gái của vua vào núi Nam Sơn, dừng lại ở trong hang đá, là nơi hiểm vắng, dấu chân người không đến được, về sau sinh mười hai người con, sáu trai, sáu gái, tự lấy nhau, trở thành tổ tiên của người Man Di phía nam. Do đó nhiều bộ lạc miền núi Ngũ Khê, Ích Châu xem Bàn Hồ là tổ tiên vậy.

(28) Tam thần: chỉ Mặt trời, Mặt trăng và sao, thiên văn nói chung.